

Biên soạn: Thích Hạnh Thành

**TỪ ĐIỂN TÁC PHẨM
KINH – LUẬT – LUẬN
PHẬT HỌC VIỆT NAM**

PL. 2565 – DL. 2021

LỜI NÓI ĐẦU

Đạo Phật xuất hiện tại Ấn Độ vào khoảng thế kỷ thứ VII Tr. TL, do Đức Phật Thích-ca Mâu-ni khai sáng. Trải qua 45 năm truyền bá chân lý giải thoát tối hậu, những giáo lý Ngài đã tuyên thuyết được gọi là Kinh, những gì đã chế định trong sinh hoạt tu tập, hoàng hóa của Tăng Ni được gọi là Giới-luật. Tương truyền, Đức Phật thường dùng ngôn ngữ Pàli để thuyết giảng. Sau khi Đức Thế Tôn nhập Niết-bàn, chư vị Tồ sư đã phân biệt, chỉnh lí hoặc giải thích để chỉ rõ yếu nghĩa của Kinh điển thì gọi là Luận. Từ đó, Kinh-Luật-Luận là Tam tạng Thánh điển của Phật giáo được truyền thừa ban đầu qua hình thức khẩu truyền và lưu truyền qua ba lần Kết tập Kinh điển tại Ấn Độ. Đến khoảng thế kỷ thứ I Tr. TL, Đại Hội Kết tập Kinh điển lần thứ IV được tổ chức tại Tích Lan, Tam tạng lần đầu tiên được viết trên lá Bối, đây là những văn bản Kinh điển nguyên thủy và lưu truyền đến ngày nay.

Tại Việt Nam, Phật giáo đã du nhập vào đến nay có hơn 2.000 năm. Thời bấy giờ, trong hoàn cảnh lịch sử của đất nước bị đô hộ hơn một ngàn năm bởi các triều đại phong kiến phương Bắc-Trung Quốc. Vì thế, Phật giáo Việt Nam bị ảnh hưởng gần như hoàn toàn của Phật giáo Trung Quốc, tất nhiên Kinh điển sử dụng cũng đều là Đại tạng Kinh chữ Hán. Đến thời kỳ Phật giáo nước nhà hưng thịnh, nhà Lý đã khởi sự việc khắc mộc bản, rồi sang thời nhà Trần vào năm Tân Hợi (1311), Vua Trần Anh Tông ban chiếu sắc cho Tôn giả Pháp Loa và Thiền sư Bảo Sái phụng hành thực hiện công trình khắc bản gỗ Đại tạng Kinh, nhưng đó vẫn là Kinh luật chữ Hán. Mãi cho đến thời kỳ Pháp thuộc (1867-1945), người Việt buộc phải sử dụng tiếng Việt La-tinh hóa, từ đó cho đến những thập niên 50, 60, các cao Tăng Việt Nam như HT. Khánh Anh (1895-1961), HT. Trí Tịnh (1917-2014), HT. Hành Trụ (1904-1984), HT. Trí Quang (1923-2019), HT. Thanh Từ, HT. Trí Nghiêm (1911-2003), HT. Thiện Siêu (1921-2001),... và các Cư sĩ, dịch giả như Tâm Minh-Lê Đình Thám (1897-1969), Thiều Chửu-Nguyễn Hữu Kha (1902-1954), Tuệ Nhuận-Văn Quang Thùy (1887-1967), Hồng Tai-Đoàn Trung Còn (1908-1988),... mới quyết định phiên dịch Kinh điển từ Hán cổ ra tiếng Việt La-tinh để truyền bá Phật pháp được rộng rãi trong quần chúng nhân dân. Như vậy, Phật giáo Việt Nam có khoảng thời gian mười sáu, mười bảy thế kỷ hầu hết sử dụng Kinh điển chữ Hán, từ thời kỳ du nhập cho đến giai đoạn dịch Kinh điển ra Việt ngữ, đó là khoảng thời gian mà hàng hậu tấn chúng ta phải suy ngẫm và kinh nghiệm.

Lúc ban đầu, tại các lớp gia giáo của sơn môn, Phật học đường chư vị giáo thọ đa phần căn cứ vào nguyên bản Kinh văn chữ Hán rồi dịch ra tiếng Việt, sau đó mới có những văn bản viết tay (cảo bản), không bao lâu thì chính thức thực hiện in ấn và xuất bản. Những tác phẩm Kinh Luật được dịch sang tiếng Việt La-tinh và xuất bản đầu tiên hiện nay chưa được xác định niên đại và văn bản có còn lưu trữ hay không? Theo chỗ chúng tôi sưu tra, biên soạn thì quyển *Kinh A-di-đà – Hồng Danh – Vu Lan* do Hội Nam Kỳ Nghiên cứu Phật học ấn hành vào năm 1934, là một trong những tác phẩm Kinh được xuất bản rất sớm, bản này hiện được Thư viện Huệ Quang-Trung tâm Dịch thuật Hán Nôm Huệ Quang (Tp. Hồ Chí Minh) bảo quản tại phòng lưu trữ.

Và cũng trong quá trình biên soạn, đã đi nhiều nơi, tôi nhận thấy chỉ có khoảng bốn, năm Thư viện lớn của Phật giáo tại Tp. Hồ Chí Minh là còn bảo quản, lưu trữ khá tốt những Kinh luận dịch ra tiếng Việt La-tinh trong thời kỳ đầu, ngoài ra thì nhiều phòng Kinh sách, cả đến một số không nhỏ Thư viện của chùa cũng không còn việc bảo lưu những ấn bản pháp bảo xa xưa đó. Một khi lưu trữ đã không có, thì việc tìm kiếm các văn bản liên quan đến thống kê, tra cứu về Kinh sách Việt ngữ cũ lại càng khó khăn vô vàn. Thực trạng này, những Học giả, giới nghiên cứu Phật giáo sẽ gặp nhiều trở ngại trong việc nghiên cứu về các ấn phẩm cũ của Kinh điển chữ Việt La-tinh. Từ đó, tôi khởi lên ý nghĩ cần phải có một quyển sách mô tả sơ lược về các tác phẩm Kinh điển dịch ra Việt ngữ, một phần giúp cho việc thống kê, tra cứu, một phần có tác dụng bảo lưu tên tuổi tác phẩm. Thế là, những ý nghĩ trên khiến cho tôi thực hiện công trình biên soạn này phải mất hơn hai năm. Lúc đầu, khi biên soạn ở dăm ba Thư viện tôi chỉ định làm quyển Mục lục, nhưng dần dần về sau số lượng tác phẩm tăng lên nhiều đến tầm vóc quy mô nên người biên soạn quyết định lấy tên là *Từ điển Tác Phẩm Kinh Luật Luận Phật Học Việt Nam*, vì xét thấy những Từ điển cùng loại như “*Từ Điển về Từ Điển*”, có khổ 13 x 19cm, có 281 trang, bìa mềm; “*Từ điển-Sách Công cụ chữ Hán của Việt Nam và Trung Quốc*”, khổ 14.5 x 20.5cm, có 309, bìa mềm, vẫn gọi là Từ điển.

Tác giả mong rằng *Từ điển Tác Phẩm Kinh Luật Luận Phật Học Việt Nam* này sẽ góp phần giúp cho những ai muốn tìm hiểu sơ lược, con số thống kê, phân loại, tra cứu nhanh các tác phẩm Kinh luận Việt ngữ đã xuất bản được tiện lợi hơn.

Trong quá trình biên soạn Từ điển này, tác giả rất may mắn được Thầy Không Hạnh quản thủ Thư viện Huệ Quang cho tiếp cận, biên soạn tại phòng lưu trữ Kinh sách của Thư viện và các nhân viên làm việc tại đây đã ân cần hỗ trợ, cung cấp cho văn bản thống kê một số Kinh sách Việt ngữ; quý Sư cô làm việc tại Thư viện Viện Nghiên cứu PHVN cũng tận tình giúp đỡ. Nhân đây chúng tôi xin được chân thành tri ân sâu sắc đến quý vị.

Về phần người biên soạn, đây là cả tâm thành kính Pháp bảo. Nhưng do kiến thức và khả năng của tác giả có hạn nên Từ điển này khó tránh khỏi những vụng về, sơ suất. Chúng tôi rất mong các bậc thiện tri thức, quý độc giả cao minh chỉ giáo để lần tái bản Từ điển này được hoàn hảo hơn.

Núi Dinh, ngày 27 – 6 – 2021 (Tân Sửu)

Sa-môn Thích Hạnh Thành
Cần bút

THẺ LỆ CHUNG

I. NỘI DUNG

Từ điển này chỉ biên soạn những tác phẩm Kinh-Luật-Luận do chư Tôn đức Tăng Ni, dịch giả, học giả, giới tri thức Phật giáo dịch, chú giải, giảng giải,... sang Việt ngữ. Từ điển đã biên soạn hầu như tất cả những tác phẩm Kinh-Luật-Luận được dịch ra chữ Quốc ngữ đã có mặt ở Việt Nam từ khởi thủy cho đến hiện nay. Có thể, một trong những tác phẩm Kinh điển được dịch ra Việt ngữ và xuất bản sớm nhất đó là vào năm 1934, *Kinh A-di-đà – Hồng Danh – Vu Lan* do Hội Nam kỳ Nghiên cứu Phật học ấn hành, và chúng tôi biên soạn các tác phẩm được xuất bản hoặc tái bản cho đến năm 2021, như *Kinh Vô Lượng Thọ Như Lai* do HT. Thích Trí Tịnh dịch (tái bản), Nxb Đà Nẵng. Đồng thời, chúng tôi cũng có đối chiếu với *Mục lục Đại Tạng Kinh Tiếng Việt* do Nguyễn Minh Tiến biên soạn, để cập nhật tất cả những Kinh luận trong Đại Tạng Kinh đã được dịch sang Việt ngữ và xuất bản.

Những Kinh-Luật-Luận được biên soạn trong Từ điển này đại đa số đều là tác phẩm dưới dạng sách, có một số Kinh luận được dịch và đăng trên các trang Website Phật giáo, chúng tôi cũng đã biên soạn vào đây cho tác phẩm được đầy đủ hơn. Còn lại, hầu hết tất cả các Kinh-Luật-Luận trên Website thì tác giả biên soạn để vào phần Phụ lục.

Về cơ quan xuất bản, những tác phẩm trước năm 1981 thì ghi rõ: Nhà xuất bản, Nhà in, Hệ phái, Chùa và Giấy phép xuất bản (nếu có); từ sau năm 1981 thì tác giả chỉ ghi một cơ quan pháp lý cho phép xuất bản như Thành hội Phật giáo, Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam hay Nhà xuất bản. Và về việc chú thích, năm sinh và viên tịch của chư Tôn đức, dịch giả thì chúng tôi căn cứ vào bộ *Tiểu sử Danh Tăng Việt Nam thế kỷ XX*, 3 tập, do Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam thực hiện, Tỳ-kheo Thích Đồng Bồn chủ biên.

Trong phạm vi giới hạn cũng như khả năng cho phép của tác giả, Từ điển này chỉ biên soạn, xác nhận về tính lịch sử hiện hữu tồn tại của tác phẩm, còn về giá trị nội dung, tiêu chuẩn đúng tinh thần của Tam tạng Kinh điển Phật giáo, thì xin để dành cho các nhà nghiên cứu Kinh tạng, những công trình nghiên cứu chuyên môn về Tam tạng Thánh điển Phật giáo.

Kết cấu của Từ điển này gồm có 4 phần:

1. *Tác phẩm Kinh điển*: Trên 1.130 tác phẩm, bao gồm các loại:

- Kinh dịch (chánh văn): Kinh Trường Bộ, Kinh Trung Bộ, Kinh Tăng Chi Bộ, Kinh Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm, Kinh Dược Sư, Kinh Duy-ma-cật, Kinh Đại Bát Niết-bàn,...
- Kinh dịch và giảng giải: Kinh Diệu Pháp Liên Hoa giảng giải, Kinh Duy-ma-cật giảng giải, Bát-nhã Tâm Kinh giảng giải, Kinh Pháp Bảo Đàn giảng giải, Kinh Thủ Lăng Nghiêm giảng giải,...
- Giới Kinh, Bồ-tát Giải Kinh, Kinh Mười giới và các Oai nghi của Sa-di, Kinh Phạm Võng Bồ-tát Giới, Kinh Ưu-bà-tắc Giới, Tỳ-kheo Giới Kinh,...
- Kinh luận: Luận Kinh Kim Cương Bát-nhã Ba-la-mật, Luận Kinh Thập Địa, Luận Kinh Vô Lượng Thọ, Luận về Kinh Đại Trang Nghiêm,...

- Chú giải Kinh: Chú giải Kinh Pháp Cú, Chú giải Bốn Sanh Kinh, Chú giải Kinh Di Giáo, Chú giải Kinh Phạm Võng...
- Lược giải Kinh: Lược giải Kinh A-di-đà, Lược giải Kinh Duy-ma, Lược giải Kinh Hoa Nghiêm, Lược giải Kinh Địa Tạng,...
- Nghiên cứu Kinh: Nghiên cứu Kinh Hoa Nghiêm, Nghiên cứu Kinh Lăng-già, Nghiên cứu Kinh Pháp Hoa,...
- Đại cương Kinh: Đại cương Kinh Hoa Nghiêm, Đại cương Kinh Tạp A-hàm, Đại cương Kinh Tăng nhất A-hàm,...
- Tác phẩm Kinh điển văn vần và thi hóa: Có 40 tác phẩm, tiêu biểu như: Kinh Vu Lan và Báo hiếu, Hội Hoa Đàm – Kinh Hiền, Qua Suối Mây Hồng – Kinh Ngọc, Lời vàng Vi diệu, Kinh Tụng điển ca tuyển tập, Trường ca Kinh Sa-môn quả,...

2. *Tác phẩm Luật*: Có trên 240 tác phẩm, bao gồm các loại:

- Giới luật dịch (chánh văn): Giới bản Tỳ-kheo, Bồ-tát giới, Tứ Phần Luật, Luật Ma-ha Tăng kỳ, Tứ Phần Tỳ-kheo Ni giới bốn, Thức-xoa-ma-na Ni giới bốn,...
- Căn bản Giới luật: Căn bản Thuyết Nhất thiết Hữu bộ Bách nhất Yết-ma, Căn bản Thuyết Nhất thiết Hữu bộ Tỳ-nại-da tạp sự, Căn bản Giới Bồ-tát của Phật giáo Tây Tạng,...
- Giới Luật lược giải: Sa-di Luật giải, Sa-di Luật nghi yếu lược, Luật Tứ phần Bốn giới Tỳ-kheo Ni lược ký,...
- Giới Luật thiết yếu: Trùng Trị Tỳ-ni sự nghĩa tập yếu, Tỳ-ni Nhật dụng thiết yếu, Yết-ma yếu chỉ, Giới Luật học cương yếu, Luật học Tinh yếu,...

3. *Tác phẩm Luận*: Trên 330 tác phẩm, bao gồm các thể loại:

- Luận dịch (chánh văn): Luận Đại Trí độ, Luận Du-già-sư-địa, Luận Thành Duy thức, Luận Trung quán,...
- Luận dịch và giảng giải: Luận Đại thừa Khởi tín giảng giải, Trung Luận giảng giải, Thắng Pháp Tập yếu luận hậu sơ giải, Triệu Luận lược giải,...
- Luận (Phật giáo Nam truyền): Bộ Nguyên chất ngữ-Bộ Nhân chế định, Bộ Ngữ tông, Bộ Pháp tụ, Bộ Phân tích, Bộ Song đối – Tạng Vô Tỷ Pháp,...
- Luận Đại thừa: Luận Đại thừa Khởi tín, Luận Đại thừa Trăm pháp Minh môn, Luận bản Nhiếp Đại thừa, Luận Thành Duy Thức, Luận Đại thừa tập Bồ-tát học,...
- Luận sử: Việt Nam Phật giáo Sử Luận, Ấn Độ Phật giáo Sử Luận,...

4. *Phụ lục*: Có 6 phần, I. Những tác phẩm Kinh-Luật-Luận trên các trang Website Phật giáo; II. Ngữ lục; III. Từ điển (Phật học Việt Nam), IV. Mục lục Dịch giả-soạn giả của tác phẩm, V. Bảng Tra cứu phân loại tác phẩm, VI. Mục lục Nhà in-Nhà xuất bản tiêu biểu

II. CÁCH TRÌNH BÀY:

Các mục từ trong những phần Tác phẩm Kinh, Tác phẩm Luật, Tác phẩm Luận được xếp theo mẫu tự tiếng Việt: A, (Ă, Â), B, C, CH, D, (Đ), E, Ê, G, H, I, K, KH, L, M, N, NG, NGH, NH, O, (Ô, Ơ), P, Q, R, T, TH, TR, U, (U), V, X, Y.

Trong mỗi mục từ tác phẩm được trình bày như sau:

- Tên tác phẩm (Kinh, Luật, Luận)
- Tác giả, dịch giả, soạn giả, người giảng giải

- Nhà xuất bản, năm xuất bản, số tập, khổ sách, số lượng trang, bìa
- Sơ lược nội dung tác phẩm
- Năm tái bản (nếu có)

III. CHỮ VIẾT TẮT:

- B: Bài
- C: Chương
- DL: Dương lịch
- ĐCTTĐTK: Đại Chánh Tân Tu Đại Tạng Kinh
- GHPGVN: Giáo hội Phật giáo Việt Nam
- GHPGVNTN: Giáo hội Phật giáo Việt Nam Thống Nhất
- HT: Hòa thượng
- K: Kinh
- Ks: Kinh số (trong Đại Chánh tạng hay Tục tạng)
- Nxb: Nhà xuất bản
- P: Phẩm
- PL: Phật lịch
- PT: Phật tử
- Q: Quyển
- S: Số (trong Đại Chánh tạng hay Tục tạng)
- T (24): Tập 24 (T. 24) trong Đại Chánh tạng
- T: Tiết
- THPG: Thành hội Phật giáo
- TK: Tỳ-kheo
- TN: Thích nữ
- Tp. HCM: Thành phố Hồ Chí Minh
- TT: Thượng tọa
- (tt): Tiếp theo
- X (62): Tập 62 (X.62) trong Tục tạng.

MỤC LỤC

Lời nói đầu
Thẻ lệ chung
Lời Tri ân của Tác giả
Mục lục

I. Tác phẩm Kinh điển
Những tác phẩm Kinh điển Dẫn văn vần và Thi hóa
II. Tác phẩm Giới Luật
III. Tác phẩm Luận

Phụ lục:

I. Những tác phẩm Kinh-Luật-Luận trên các trang Website Phật giáo
1. Tác phẩm Kinh
2. Tác phẩm Luật
3. Tác phẩm Luận
II. Ngũ lục
III. Từ điển (Phật học Việt Nam)
IV. Mục lục Dịch giả-Soạn giả của tác phẩm
V. Bảng Tra cứu phân loại tác phẩm
VI. Mục lục Nhà in-Nhà xuất bản tiêu biểu

LỜI TRI ÂN CỦA TÁC GIẢ

Tác giả xin chân thành tri ân chư Đại đức Tăng, Ni và nhân viên làm việc ở các Thư viện Phật giáo tại Tp. Hồ Chí Minh:

1. Thư viện Huệ Quang-Trung tâm Dịch thuật Hán Nôm Huệ Quang
2. Thư viện Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam
3. Thư viện Chùa Huệ Nghiêm-Giới Đài Viện Huệ Nghiêm
4. Thư viện Chùa Xá Lợi
5. Thư viện Chùa Bửu Quang (Hệ Phái Phật giáo Nam tông)
6. Thư viện Xá-Lợi-Phất tại Pháp viện Minh Đăng Quang (Hệ phái Khất sĩ)
7. Thư viện Tịnh xá Trung Tâm (Hệ phái Khất sĩ)
8. Thư viện Chùa Già Lam
9. Thư viện Chùa Vạn Đức
10. Thư viện Tp. Bà Rịa (tỉnh BRVT)
11. Tàng Kinh Các tại Tịnh viện Bát Nhã (thị xã Phú Mỹ, tỉnh BRVT)

Và các trang Website Phật giáo: thuvienhoasen.org, thuvienphatgiao.com, thuvienhuequang.vn, phatphapungdung.com, hoavouu.com, vnbet.vn, daitangkinh.org, phatgiaonguyenthuy.com, quangduc.com, phaptangpgvn.net,... các Phòng Phát hành Kinh sách: Văn Thành (Tp. HCM), Ngọc Linh (Tp. HCM), chùa Phổ Quang (quận Tân Bình), Thanh Duy (quận Thủ Đức), chùa Vĩnh Nghiêm (Tp. HCM), Ni viện Thiện Hòa (tỉnh BRVT), Thiền viện Thường Chiếu (tỉnh Đồng Nai), Tuệ Giác (Cô Lợi - Đại Tòng Lâm, tỉnh BRVT),... đã tận tình, tạo mọi điều kiện cho chúng tôi trong quá trình biên soạn được tiếp cận tất cả các Kinh sách hiện có tại Thư viện cũng như các Phòng Phát hành Kinh sách, để hôm nay *Từ điển Tác Phẩm Kinh-Luật-Luận Phật Học Việt Nam* ra đời. Một lần nữa, tác giả vô cùng niệm ân, cảm tạ sâu sắc đến toàn thể quý vị.

Tác giả
Sa-môn Thích Hạnh Thành

I. TÁC PHẨM KINH ĐIỂN

A

1. A-DI-ĐÀ PHÁP ĐÀ-LA-NI KINH

Biên dịch:

Sa-môn Thích Quảng Trí – Huyền Thanh

Nxb Tôn Giáo – 2009

Kinh có khổ 14.5 x 20.5cm, dày 204 trang. Nội dung gồm có: 1. Thay lời tựa, 2. Kinh A-di-đà Cổ Âm thanh vương Đà-la-ni (No. 370), 3. Vô lượng thọ Như Lai quán hạnh Cúng dường Nghi quỹ (No. 930), 4. Kinh Kim Cương đỉnh – Pháp tu hành Quán Tự Tại vương Như Lai (No. 931), 5. Kinh Kim Cương đỉnh – Pháp tu hành Du-già Quán Tự Tại vương Như Lai (No. 932), 6. Cử Phẩm Vãng sanh A-di-đà Tam-ma-địa Tập Đà-la-ni Kinh (No. 933), 7. Phật nói Kinh Vô lượng Công đức Đà-la-ni (No. 934), 8. Cự lạc Nguyên văn (No. 935), 9. Kinh Đại thừa Vô lượng thọ (No. 936), 10. Phật nói Đại thừa Thánh Vô lượng thọ Quyết định Quang minh vương Như Lai Đà-la-ni (No. 937), 11. Cam Lộ Đà-la-ni (No. 1317), 12. Phật nói Kinh A-di-đà Bí mật Căn bản Thần chú (TTK, No. 205), 13. Mười hai lễ (TTK, No. 57), 14. Thập Cam lộ Đà-la-ni, 15. A-di-đà Phật Chân ngôn.

2. A-DI-ĐÀ THÔNG TÁN SỚ

Biên soạn: *Khuy Cơ*

Viết dịch: *Thích Thọ Phước*

Nội dung gồm có 3 quyển: *Q.I*, 1. Trình bày khái quát về nhân duyên Phật nói Kinh, 2. Phân biệt kỹ về tông chỉ, 3. Trình

bày Thể và Dụng của bộ Kinh, 4. Người dịch và thời gian dịch, 5. Bàn về Đôn-Tiêm, 6. Chính thức đi vào giải thích văn Kinh: Thời gian thuyết pháp, Chủ thuyết giáo, Địa điểm giáo hóa, Đối tượng làm căn cơ, Khen ngợi tài đức, Nêu tên; Chú thích; *Q.II*, *Phần chính tông*, Đ.1 Trình bày về nguồn gốc cõi Tịnh, - Nói cụ thể về cõi Tịnh, - Cây cối được trang sức bằng bốn thứ báu, - Những hồ nước được trang trí bằng các loại báu, - Trong không trung vang rền tiếng nhạc, - Trên đất trải đầy vàng, - Mưa hoa khắp trời, - Mọi người đi đến các nước, - Các loại chim ngậm pháp mâu, - Gió thổi ra tiếng nhạc; Nói về đặc điểm của thân Phật, Đặc điểm của đức hóa chủ, Giải thích những thắc mắc về tên gọi của Phật, Giải thích ý nghĩa tên A-di-đà, Trình bày đặc điểm của thánh chúng, Hai chúng tiểu và đại tính đếm không hết, Hai chúng cũ và mới, nhân hạnh khác nhau, Khuyến sinh về nước kia, Lợi ích của việc khuyến vãng sanh, Từ đây trở xuống là phần hai: Trình bày về nhân duyên khác nhau của cõi Cự lạc, Ngăn người có chút ít căn lành; Chú thích; *Q.III*, - Nói nhiều nhân, - Chúng Thánh đến đón rước, - Chúng sinh vãng sinh, - Tóm lại lời khuyến khích vãng sinh, - Dẫn chư Phật để chứng minh, - Trình bày lời tự khen, - Dẫn chư Phật để chứng minh, - Đầu tiên đức Phật kể về phương Đông, - Trình bày số lượng nhiều ít và hiện tướng chứng minh, - Dẫn lời để chứng minh, - Trình bày về phương Nam, - Trình bày về phương Tây, - Trình bày về thế giới phương Bắc, - Dẫn chứng về phương Dưới, - Trình bày các đức Phật ở phương Trên, - Giải thích tên Kinh, - Giải thích nghi vấn, - Giải thích chung, - Tóm lại và khuyến khích, - Ba đời phát nguyện, Phát

tâm cầu vãng sanh, - Trình bày lợi ích của việc vãng sanh, - Vị trí ở ba cõi, - Khuyến khích sinh về cõi nước kia, Đức Phật kia khen ngợi đều là việc hiem có, - Đoạn văn này thuộc phần thứ nhất, - Khen ngợi hạnh hóa độ ở thế giới như uest, - Giải thích danh từ, - Nêu ra bản chất, - Tam đối trị, - Phê lập, - Ngạc nhiên về việc thành Phật, Nói pháp huyền bí, - Đức Phật tự trình bày những việc khó làm, - Hạnh khó tu, - Trình bày việc khó chứng, - Trình bày pháp khó tin, - *Phần Lưu thông*; Chú thích. (<https://phatphapungdung.com>, *Pháp bảo, Kinh tạng Bắc truyền, Bộ Kinh sơ - Tịnh độ tông*)

3. A-HÀM BỘ THƯỢNG

Ban Phiên dịch Pháp Tạng Phật giáo Việt Nam

Quyển I, No. 5 Kinh Phật Bát Nê-hoàn (Quyển thượng và Quyển hạ); No. 6 Kinh Phật Bát Nê-hoàn (Quyển thượng và Quyển hạ); No. 14 Phật nói Kinh Con người do Dục sanh; No. 15 Kinh Đế-thích sử vấn; No. 16 Kinh Thi-ca-la-việt lay 6 phương; No. 17 Kinh Thiện Sanh tử; No. 18 Kinh Công đức Tin Phật; No. 19 Phật nói Kinh Đại Tam-ma-nhã; No. 20 Kinh Phật Giáo hóa Phạm chí A-bạt; No. 21 Phật nói Kinh Phạm Võng 62 tà kiến; No. 22 Kinh Tích chí quả; No. 27 Phật nói Kinh Thất tri; No. 28 Phật nói Kinh Viên sanh thọ; No. 29 Phật nói Kinh Dục nước Biển; No. 30 Phật nói Kinh Tát-bát-đa Tô-lý-du-nại-dã; No. 31 Phật nói Kinh Nhất thiết Lưu nhiếp Thủ nhân; No. 32 Phật nói Kinh Tứ đế; No. 33 Phật nói Kinh Nước Sông Hằng; No. 34 Phật nói Kinh Pháp hải; No. 35 Phật nói Kinh Tám đức của Biển; No. 36 Phật nói Kinh Bốn Tượng ý Trí; No. 37 Phật nói Kinh Duyên bốn Trí; 38. Phật nói Kinh Luân vương Thất bảo; No. 39 Phật nói Kinh Đánh Sanh vương

Cổ sự; No. 40 Phật nói Kinh Vua Văn-khiet-đà. (*phaptangpgvn.net, Pháp tạng*)

4. A-HÀM, MƯA PHÁP CHUYÊN HÓA PHIÊN NÃO (Trọn bộ 2 tập)

Giảng giải: *Thích nữ Giới Hương*

Nxb Hồng Đức – 2016 (Tái bản lần thứ 3)

Tập I, tác phẩm này có 4 chương: - Lời giới thiệu, - Lời Đầu, C.1 Sự hình thành và cấu trúc của A-hàm và Nikaya; C.2 Ý nghĩa A-hàm; C.3 Những lời Phật dạy trong Trường A-hàm; C.4 Những lời Phật dạy trong Trung A-hàm; *Tập II*, gồm có 4 chương: C.1 Những lời Phật dạy trong Tập A-hàm; C.2 Những lời Phật dạy trong Tăng Nhất A-hàm; C.3 Những chủ đề chung trong A-hàm; C.4 Kết luận.

Tác phẩm này đã xuất bản năm 2014, Nxb Hồng Đức (Trọn bộ 2 tập), khổ 14.5 x 20.5cm, dày khoảng 1900 trang, bìa mềm, có tay gấp.

B

5. BA KINH TỊNH ĐỘ

Việt dịch: *Thích Thiện Thông*

Nxb Phương Đông – 2009

Kinh có khổ 14.5 x 20.5cm, dày 270 trang, bìa mềm, chữ tựa màu trắng, có hình Đức Phật A-di-đà và Thánh chúng. Nội dung gồm có 3 Kinh: Lời tựa, Nghi thức tụng Kinh, *Kinh Phật thuyết Vô lượng thọ Phật*, Hán dịch: Sa-môn Khang Tăng Khải, Quyển thượng-Quiển hạ; *Kinh Quán Phật Vô lượng thọ*, Hán dịch: Tam tạng Pháp sư Cương-lương-gia-xá; *Đức Phật nói Kinh A-di-đà*, Hán dịch: Tam tạng Pháp sư Cưu-ma-la-thập; Khóa lễ Tịnh độ, Duyên khởi,... Phục nguyện, Tam Quy y.

6. BA KINH TỊNH ĐỘ - Kinh Tạng

Dịch nghĩa: *HT. Pháp sư Thích Quảng Liên*

Nxb Tôn Giáo, PL. 2550 – DL. 2006

Kinh có khổ 14 x 20cm, dày 109 trang, bìa mềm. Nội dung gồm có 3 Kinh chính: Lời giới thiệu, Nghi thức tụng Kinh (Dâng hương,...), Bài Khai Kinh, Kinh Vô Lượng Thọ, Kinh Vô Lượng Thọ Như Lai, Kinh A-Di-Đà; Tâm Kinh Bát-nhã Ba-la-mật-đa.

7. BẢN DUYÊN BỘ HẠ

Ban Phiên dịch Pháp Tạng Phật giáo Việt Nam

Quyển IV, No. 194 Những Kinh do Tỳ-kheo sáng lập (quyển Thượng, Trung và Hạ); No. 195 Phật nói Kinh Thập Nhị du; No. 196 Kinh Trung bốn khởi (quyển Thượng và Hạ); No. 197 Phật nói Kinh Hưng khởi thịnh (quyển Thượng và Hạ);

No. 199 Kinh Năm trăm đệ tử nói về Bốn khởi; No. 203 Kinh Tạng bảo tạng (Tập 1A, 1B; Tập 2A, 2B; Tập 3, 4, 5, 6, 7; 8A, 8B; 10). (*phaptangpgvn.net, Pháp tạng*)

8. BẢO TÍCH BỘ

Ban Phiên dịch Pháp Tạng Phật giáo Việt Nam

Bảo Tích Bộ Thượng, Quyển XI: No. 314 Kinh Phật thuyết Đại thừa Thập pháp; No. 315 Kinh Phật thuyết Phổ môn phẩm; Bảo Tích Bộ Hạ, Quyển XII: No. 321 Phật nói Kinh Tôn giả Hộ Quốc hỏi về Đại thừa (Tập I, II, III và IV); No. 328 Kinh Phật nói về Tu Lại; No. 361 Kinh Phật thuyết Vô lượng thanh tịnh Bình đẳng giác (Tập I, II, III và IV); No. 362 Kinh Phật thuyết A-di-đà (Quyển thượng và Quyển hạ); No. 375 Kinh Đại Bát Niết-bàn (36 Tập, từ Tập I đến Tập XXXVI); No. 384 Kinh Bồ-tát Tùng Đâu-thuật Thiên giáng Thần Mẫu thai thuyết quảng phổ - Kinh Bồ-tát xứ thai (Tập I và Tập III, Tập IV, Tập V, Tập VI, Tập VII); No. 329 Kinh Phật nói về Tu Lại; No. 330 Kinh Phật nói về sự tu hành của Bồ-tát; No. 331 Kinh Phật thuyết Vô úy Thọ sở vấn Đại thừa; No. 332 Kinh Phật thuyết Ưu-điền vương; No. 333 Kinh Phật thuyết Đại thừa Nhật Tử vương sở vấn; No. 340 Kinh Văn-thù-sur-lợi nói về cảnh giới Bất tư nghi của Phật, No. 349 Kinh Bồ-tát Di-lặc hỏi Đức Phật về bốn nguyện; No. 352 Phật thuyết Kinh Đại Ca-diếp hỏi chánh pháp Đại thừa Bảo tích; No. 363 Kinh Đại thừa Vô lượng thọ trang nghiêm.

(*phaptangpgvn.net, Pháp tạng*)

9. BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA TÂM KINH

Dịch và chú giải:

HT. Thích Trí Thủ (1909-1984)

Tác phẩm này gồm có: - Lời giới thiệu, - Tâm Kinh Bát-nhã phiên âm, - Tâm Kinh Bát-nhã dịch nghĩa, - Tâm Kinh Bát-nhã Ba-la-mật-đa chú giải: Dẫn nhập, Giải thích đề Kinh; Giải thích nội dung: A. Tự phần, B. Chánh tôn, I. Nguyên lý bất nhị giữa uẩn và không, II. Chứng minh bằng lý luận triết học, III. Hiện thực bằng hành trì thực tế; C. Lưu thông: 1. Tán thán công đức của Bát-nhã, 2. Diệu dụng của Bát-nhã; Tâm Kinh Bát-nhã Ba-la-mật-đa (văn bản): Dẫn nhập, Chú thích. (<https://thuvienhoasen.org>, *Kinh Sanskrit/Hán tạng*)

10. BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA TÂM KINH

Việt dịch: *Chánh Trí – Mai Thọ Truyền*
Nhà in Hòa Chánh (Sài Gòn) – 1962
Kinh có 90 trang, bìa mềm. Nội dung gồm có 3 chương: Cùng một tác giả, Sách tham khảo, Lời nói đầu, Nguyên văn *Ma-ha Bát-nhã Ba-la-mật-đa Tâm Kinh*, Dịch nghĩa, C.I Tên Kinh và ý nghĩa, C.II Nội dung, C.III Tổng kết.
Xem: Bát-nhã Tâm Kinh Việt giải (cùng dịch giả)

11. BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA TÂM KINH diễn giải

Nguyên tác: *Thích Nhất Hạnh*
Biên soạn: *Peter Levitt*
Chuyên ngữ: *N.T. Lê Trung Hưng*
Lá Bối xuất bản
Kinh có 74 trang. Nội dung gồm có: Lời giới thiệu, Đôi nét về tác giả, Ma-ha Bát-nhã Ba-la-mật-đa Tâm Kinh (phiên âm), Bát-nhã Tâm Kinh (dịch nghĩa); Tương duyên, Không cái gì?, Con đường giải thoát, Tánh không muôn năm, Chúc mừng ngày kế tục, Hoa hồng và rác, Mặt trăng luôn luôn là mặt trăng, Phật được tạo bởi

những thành tố không Phật, Tự do, Tát-bà-ha. *Hành Thiền yếu chỉ*.

12. BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA TÂM KINH lược giải

Lược giải: *Thích Duy Lực (1923-2000)*
Dịch giả: *Chánh Ngọc*
PL. 2518 – DL. 1974. Kinh có 78 trang, bìa mềm, nền trắng, chữ tựa màu đỏ, có viền khung hoa văn. Nội dung gồm có: *Bát-nhã Ba-la-mật-đa Tâm Kinh lược giải*, I. Giải thích đề Kinh, II. Giải thích nội văn; Đường lối Thực hành tham Tổ sư Thiền; Cơ bản Thực hành Tổ sư Thiền; Phật pháp với Thiền tông.
Tác phẩm này về sau được Từ Ân Thiền Đường (Santa Ana-Hoa Kỳ) tái bản.

13. BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA TÂM KINH lược giảng

Lược giảng: *HT. Thích Tuyên Hóa*
Việt dịch: *Tỳ-kheo Thích Hằng Đạt*
Tác phẩm Kinh này gồm có: Bát-nhã Ba-la-mật-đa Tâm Kinh, Biệt giải văn nghĩa 1, 2, 3 và 4 (trong mỗi phần có Phiên âm, dịch nghĩa và giảng). (<https://thuvienhoasen.org>)

14. BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA TÂM KINH – Phi Đàm Tụng Giải

Giảng thuật: *HT. Tuyên Hóa*
Tổng Hội Phật Giáo Pháp Giới – Vạn Phật Thánh Thành (Mỹ Quốc) xuất bản – 2008
Sách dày hơn 204 trang. Nội dung gồm có 2 phần: Kệ khai Kinh; Kinh văn, Hoa văn, Anh văn, Hán văn & Dịch nghĩa; *Phần I. Giải thích tổng quát*: 1. Đề mục Kinh, 2. Người phiên dịch; *Phần II. Biệt giải văn nghĩa*, Quán Tự Tại Bồ-tát, Chiếu kiến ngũ uẩn giai không, Xá-lợi tử, Sắc bất dị không... không tức thị sắc, Thọ tướng

hành thức,... bất tăng bất giảm, Vô trí diệt vô đắc, Dĩ vô sở đắc cố,... tâm vô quái ngại, Cố tri Bát-nhã ba-la... chân thiết bất hư, Cố thuyết Bát-nhã... Bồ-đề tát-bà-ha; Sơ lược về Hòa thượng Tuyên Hóa; Giới thiệu Kinh sách.

15. BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA TÂM KINH Thích Yếu

Soạn thuật: *Bồ-tát Sa-di Trí Húc (1599-1655)*

Việt dịch (2019) và chú thích: *Quảng Minh*

Tác phẩm Kinh này có 15 (PDF), nội dung có Bát-nhã Ba-la-mật-đa Tâm Kinh dịch giải với 33 chú thích. (<https://thuvienhoasen.org>, *Kinh Sanskrit/Hán tạng*)

16. BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA TÂM KINH Thiêm Túc

Hán dịch: *Tam tạng Pháp sư Huyền Trang (602-664)*

Việt dịch và chú thích (2019): *Quảng Minh*

Tác phẩm này gồm có 2 phần chính: *I. Giải thích đề mục*, 1. Giải thích đề Kinh, Giải thích tên người dịch; *II. Giải thích Kinh văn*, 1. Hiện thuyết Bát-nhã (a. Người năng tu, b. Pháp sở tu, c. Địa vị tu chứng), 2. Chánh tông pháp Không: a. Nói rõ Uân không, b. Hiện Không đức (Biệt thích), c. Y pháp tu chứng, d. Kết tán công năng; Mật thuyết Bát-nhã; Phụ lục: 1. Lời tựa Tâm Kinh thêm túc, 2. Tâm Kinh thêm túc khoa văn, 3. Lời tựa tái bản lưu thông sách Tâm Kinh thêm túc (1930). (<https://thuvienhoasen.org>, *Kinh Sanskrit/Hán tạng*)

17. BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA TÂM KINH U Tán

Prajñāpāramitā-Hṛdaya-Sūtra-vyākhyāna
A Comprehensive Commentary on the
Prajñāpāramitā Heart Sūtra
(Taisho Volume 33, Number 1710)

Biên soạn: *Đại sư Khuy Cơ*

Việt dịch và chú giải: *Quảng Minh*

Tác phẩm này có 2 quyển Thượng và Hạ, dày 177 trang, nội dung gồm có: - Dẫn nhập (2019), - Bát-nhã Ba-la-mật-đa Tâm Kinh: dịch âm, dịch nghĩa; Bát-nhã Ba-la-mật-đa Tâm Kinh u tán. (<https://thuvienhoasen.org>, *Kinh Sanskrit/Hán tạng*)

18. BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT KINH Trục Chỉ Đề Cương

Giáo án Trường Cao cấp Phật học

Biên soạn: *Thích Từ Thông*

Nxb Tp. Hồ Chí Minh – 1999

Kinh có khổ 14.5 x 20.5cm, dày 175 trang, bìa mềm. Toàn bộ tác phẩm này gồm có 34 đề mục: - Lời nói đầu; 1. Bối cảnh thời pháp Bát-nhã Ba-la-mật-đa; 2. Vấn đề cơ bản của một Bồ-tát phải làm; 3. Vấn đề hàng phục tâm mình; 4. Phát tâm Vô thượng Chánh đẳng chánh giác phải trụ tâm như thế nào? 5. Thế nào là một đức tin có giá trị? 6. Vấn đề thành Phật và thuyết pháp của một Như Lai; 7. Đệ tử Phật phải làm gì để có được phước đức nhiều? 8. Vấn đề chứng đắc trong Đạo Phật, người Phật tử phải hiểu như thế nào? 9. Làm thế nào để trang nghiêm cho mình một cõi Phật? 10. Người đệ tử Phật phải làm gì để có được phước đức nhiều? 11. Bát-nhã Ba-la-mật-đa là một thứ Kinh ưu việt; 12. Phải hiểu rõ ý Phật và đúng như pháp mà thọ trì, phước đức mới nhiều; 13. Ly nhất thiết chư tướng cách nào để được gọi là chư Phật? 14. Sự lợi ích của người thọ trì đọc tụng và xiển dương giáo lý Bát-nhã Ba-la-mật; 15. Bát-nhã Ba-la-mật với vấn đề nghiệp chướng; 16. Tột cùng chân lý

ngã pháp đều không; 17. Qua sự nhận thức của Phật nhãn thì tất cả là một và một là tất cả; 18. Vấn đề phước đức hành giả phải hiểu như thế nào? 19. Phải chiêm ngưỡng thế nào mới đích thực chiêm ngưỡng Như Lai; 20. Năng sở song vong, nêu nói Như Lai có thuyết pháp là phỉ báng Phật; 21. Vô thượng Chánh đẳng chánh giác không là quả vị chứng đắc của Như Lai; 22. Giá trị của Bát-nhã Ba-la-mật vượt ngoài tỷ lệ thông thường; 23. Với Bát-nhã Ba-la-mật, năng sở song vong; 24. Phải chiêm ngưỡng cách nào mới đích thực thấy Như Lai? 25. Sắc thân 32 tướng với Như Lai bất tức bất ly; 26. Lý vô ngã thể nhập như Pháp nhãn vô sanh người đó phước đức rất nhiều; 27. Phải hiểu thế nào về một Như Lai? 28. Vi trần và thế giới chỉ là hai mặt của một thực thể tồn tại khách quan; 29. Phải hiểu như thế nào về tứ tướng của Như Lai; 30. Như như bất động là đạt đạo điểm của Bát-nhã Ba-la-mật; 31. Vấn đề sắc tâm qua cái nhìn của Bát-nhã Ba-la-mật; 32. Mười hai nhập, Mười tám giới vẫn là pháp Duyên sinh Y tha khởi; 33. Pháp Tứ đế, Thập Nhị nhơn duyên chỉ là phương lược dĩ độc trị độc của Như Lai; 34. Bát-nhã Ba-la-mật là duyên nhơn của Vô thượng Chánh đẳng chánh giác. Phụ lục: a. Bát-nhã Ba-la-mật một trong những tư tưởng giáo lý của Đại thừa Phật giáo Việt Nam; b. Quả Vô thượng Chánh đẳng chánh giác của Như Lai chỉ là kết quả của quá trình cải tạo, xây dựng và sống dung, sống hợp với chân lý.

Tác phẩm này được Huỳnh Mai Tịnh Thất (Sài Gòn) ấn hành năm 1988.

19. BÁT-NHÃ TÂM KINH

Chú giải: *Thích Trí Độ*

Chứng minh Ngài Tăng Cang Tây Thiên Hội Việt Nam Phật Học xuất bản – 1949

Nhà in Viên Đệ (Huế), Kiểm duyệt số 198 ngày 11-5-49.

Kinh có 42 trang, bìa mềm. Nội dung gồm có Lời giới thiệu và *Tâm Kinh giảng nghĩa*.

20. BÁT-NHÃ TÂM KINH Chú Giải

Dịch và Chú giải: *Thích Thái Hòa*

Nxb Hồng Đức – 2019

Toàn bộ tác phẩm Kinh này gồm có 9 chương: - Ngõ; C.I Nẻo vào tuệ không, C.II Lý do Kinh Bát-nhã xuất hiện, C.III Các tụng bản Bát-nhã, C.IV Giải thích đề Kinh, C.V Tựa phần, C.VI Chánh tông phần, C.VII Lưu thông phần, C.VIII Bát-nhã và tình yêu, C.IX Vài nét lịch sử phát triển;

Phụ lục: Prajñāpāramitāhṛdayasūtram, Bản Việt dịch từ Phạn văn, Thư mục Tham khảo, Ngữ vựng, Các tác phẩm của tác giả đã xuất bản.

21. BÁT-NHÃ TÂM KINH dịch nghĩa và lược giải

Dịch-giải: *Thích Thiện Hoa*

Hương Đạo xuất bản-In lần thứ nhất năm 1965

Kinh có 69 trang, bìa mềm. Nội dung gồm có: *Kinh Đại Bát-nhã toát yếu*, Hán dịch: Tam tạng Pháp sư Huyền Trang, Nguyên văn (bản dịch thứ nhất), (bản dịch thứ hai), Lược giải, Phần Duyên khởi, Phần Chánh tôn (ở hai phần Duyên khởi và Chánh tôn có: chánh văn, lược giải, và giải danh từ).

22. BÁT-NHÃ TÂM KINH Giảng Giải

Giảng giải: *HT. Thích Thanh Từ*

Nxb Tp. Hồ Chí Minh – 1998

Kinh có khổ 13 x 19cm, có 42 trang, bìa mềm. Nội dung Kinh gồm có 3 phần: 1.

Giảng đề kinh, 2. Giảng văn kinh, 3. Kết thúc.

Kinh này được tái bản nhiều lần: Năm 1974, Tu viện Chân Không (Vũng Tàu) ấn hành, Giấy phép số 1537/BDVCH/KSALP/TP, ngày 10-4-174; năm 1998, Nxb Tp. Hồ Chí Minh; năm 2001, Nxb Tôn Giáo, với nhan đề là “Tâm Kinh Bát-nhã”; năm 2006, 2009, Nxb Tôn Giáo.

23. BÁT-NHÃ TÂM KINH giảng giải

Giảng giải: *Zen Master HT. Thích Thanh Từ*

Translated by Tuệ Ân, Edited by Thuần Bạch & Fran Mary.

Giáo án giảng dạy Phật pháp tại Thiền viện Diệu Nhân (Buddhist Meditation Association Inc). Toàn bộ giáo án có 10 bài (song ngữ Anh-Việt): 1. Nguồn gốc kinh Bát-nhã, 2. Kinh Bát-nhã, 3. (Sắc uẩn, thọ uẩn, tưởng uẩn); Bài 4. (Hành uẩn, thức uẩn, truyện Một quân nhân); 5. Kinh văn, giảng (1. Lý thuyết, 2. Thực tập sống với cái không); 6 và 7: Kinh văn, giảng và giải thích (12 nhân duyên: - Các ý nghĩa: 12 nhân duyên, vô minh, quán chiếu Hành nghiệp, quán chiếu Thức, quán chiếu Ái, Thủ, Hữu và Sanh tử; Thầy hét phương, Trong nhà dưỡng lão, Tiếng hét của Ryuhō; Tứ diệu đế, Bát chánh đạo, Sự chết, Đất trời sụp đổ); 8. Kinh văn, giảng (Phật ở đâu?); 9. Kinh văn, giảng (truyện: cây kiếm giấy, cơn bão, tinh tế vô cùng); 10. Kinh văn, giảng (truyện: Kinh nhất tự của Đại Giác, Kinh vô tự của Phật Quang, Vẽ chân tánh, Hoa cúc trắng ngàn).

24. BÁT-NHÃ TÂM KINH Lược Giảng – THE HEART SUTRA

Lược giảng: *Thích Phước Tiến*
Nxb Hồng Đức – 2014

Sách có khổ 13 x 19cm, dày hơn 235 trang. Nội dung gồm có 4 phần: Lời nói đầu, *Phần A. Tổng luận*, I. Khái lược về sự ra đời của văn học Bát-nhã, II. Tổng hợp các bản văn Kinh Bát-nhã, 1. Tâm Kinh lược bản Phạm văn, 2. Bản phiên âm Latin, 3. Các bản dịch Hán văn, 3.1 Bản Hán dịch của Tam tạng Pháp sư Huyền Trang, 3.2 Bản Hán dịch của ngài Tam tạng Pháp sư Cưu-ma-la-thập, 4. Bản dịch Anh ngữ, 5. Bản phiên âm Hán-Việt (theo bản Hán dịch của ngài Huyền Trang), 6. Bản dịch Việt ngữ; *Phần B. Tìm hiểu tựa đề Bát-nhã Tâm Kinh và một số thuật ngữ quan trọng*, I. Nhận thức tổng quát, II. Bát-nhã Tâm Kinh là gì, III. Các thuật ngữ quan trọng trong Bát-nhã Tâm Kinh, 1. Quán Tự Tại, 2. Bát-nhã, 3. Ba-la-mật, 4. Không, 5. Ngũ Uẩn (5.1 Sắc Uẩn, 5.2 Thọ Uẩn, 5.3 Tưởng Uẩn, 5.4 Hành Uẩn, 5.5 Thức Uẩn), 6. Thập Bát giới, 7. Xá-lợi-tử, 8. Niết-bàn, 9. A-nậu-đa-la Tam-miệu-tam Bồ-đề; *Phần C. Phân tích Kinh văn*, I. Dẫn nhập, II. Giảng Kinh, 1. Thực tính của Năm Uẩn là Không tính, 2. Tính bất nhị giữa Không và Sắc, 3. Tính tương đối của các pháp, 4. Phá chấp bằng các phủ định từ Vô (Không), 5. Bát-nhã là mẹ của ba đời chư Phật, 6. Năng lực tối thượng của Bát-nhã; *Phần D. Kết luận*;

Preface, *Part A. Recapitulation*, I. Summary of the birth of the Prajna literature, II. Synthesis of the Heart Sutra texts, 1. Summary of the Heart Sutra in Sanskrit, 2. Latin transcription, 3. Chinese versions, 3.1 Chinese versions by Venerable Xuanzang, 3.2 Chinese versions by Venerable Kumarajiva, 4. English version, 5. A Chinese-Vietnamese version, 6. Vietnamese version; *Part B. Learning about the title of the Heart Sutra and some of its important terms*, I. General awareness, II. What is the Heart Sutra? III.

Important terms in the Heart Sutra, 1. Avalokitesvara, 2. Prajna, 3. Transcendental perfection, 4. Emptiness, 5. Five Aggregates (5.1 Form, 5.2 Feelings, 5.3 Conceptions, 5.4 Actions, 5.5 Consciousnesses), 6. Realms of sense/ Eighteen Precepts, 7. Sàriputta, 8. Nibbana/Nirvāna, 9. Supreme and Perfect Enlightenment; *Part C. Sutra Analysis*, I. Introduction, II. Preaching Sutra, 1. Real nature of the Five Aggregates is Emptiness, 2. Uniqueness between Emptiness and Form, 3. Relativity of Dharmas, 4. Eradicating the attachments by the negatives of “Emptiness”, 5. Prajna-pàramitā is the mother of the Buddhas’ three lives, 6. Supreme capacity of Prajna; *Part D. Conclusion*.

25. BÁT-NHÃ TÂM KINH Thiên Giải

Tác giả: *Đương Đạo*

Nxb Văn hóa Sài Gòn – 2010

Tác phẩm Kinh này gồm có: Dẫn nhập; Ma-ha Bát-nhã Ba-la-mật-đa Tâm Kinh, Hành giải (Ma-ha Bát-nhã Ba-la-mật-đa Tâm Kinh).

26. BÁT-NHÃ TÂM KINH Việt Giải

Giảng giải: *Chánh Trí-Mai Thọ Truyền (1905-1973)*

Nxb Tôn Giáo – 2014

Kinh có khổ 14.5 x 20.5cm, có 97 trang, bìa mềm. Tác phẩm này gồm có 3 chương: Lời nói đầu; C.1 Tên Kinh và ý nghĩa, C.2 Nội dung, C.3 Tổng kết.

Tác phẩm này đã xuất bản năm 2011, Nxb Tôn Giáo.

27. BÁT-NHÃ TRỰC GIẢI

Trực giải: *Thiền sư Minh Chánh*

Soạn dịch: *Nhóm Thiền sinh Thiền viện Thường Chiếu*

THPG Tp. Hồ Chí Minh, PL. 2539 – DL. 1995

Sách có khổ 14 x 20cm, có 316 trang, bìa mềm. Toàn bộ tác phẩm này gồm có 4 phần chính. Lời đầu sách, Tựa khắc kinh, Lời dẫn tựa, Tựa. *Phần I*, Trực giải: Kế đánh lễ cầu gia hộ, Giải thích văn kinh (chánh văn); *Phần II*, Kế tụng: 1. Mười tám cương lĩnh, 2. Tín, giải, hạnh, chứng, 3. Hai mươi thiên kệ hậu bát, 4. Giải thích kệ Bát-nhã, 5. Kệ sáu căn, bảy đại; *Phần III*, Phụ lục: - Lạc đạo ca, - Đàn kinh (trích lục); *Phần cuối*, Hán văn.

28. BÁT KHÔNG QUYỂN SÁCH ĐÀ-LA-NI

TỰ TẠI VƯƠNG CHÚ KINH

Mật Tạng bộ 3, No. 1097

Hán dịch: *Tam tạng Bảo Tư Duy*

Việt dịch: *Sa-môn Thích Quảng Trí*

Sưu tập Phạn chú: *Huyền Thanh*

Tác phẩm có 27 trang (PDF), nội dung gồm 3 quyển, 16 phần (P): *Quyển thượng*, P.I Thành tựu Tôn giả nói Bát Không Thần chú Công đức; P.II Thành tựu Thọ trì Cúng dường Thần chú; P.III Thành tựu thấy Quán Tự Tại Bồ-tát pháp; P.IV Thành tựu Pháp vẽ Tranh tượng; P.V Thành tựu Sứ giả hay thành các việc; *Quyển trung*, P.VI Thành tựu khu sách Đồng bộc Sứ giả; P.VII Pháp Thành tựu Bình Cát tường; P.VIII Thành tựu Sách sử La-sát đồng tử; P.IX Thành tựu Khiến tử thi lấy Phục tàng; P.X Thành tựu vào Phòng khuê nữ; P.XI Thành tựu Nhãn dược; P.XII Thành tựu Trừ bệnh Quỷ dựa; *Quyển hạ*, P.XIII Thành tựu Pháp vào đàn; P.XIV Thành tựu Điều phục các Rồng được Tự tại; P.XV Thành tựu Pháp nhìn thấy Bát Không Quyển Sách vương; P.XVI Thành tựu Pháp nhìn thấy Như Lai. (www.tuvien.com, *Tủ sách Phật học/ Mật tông*)

29. BẾN BỜ TUỆ GIÁC (KINH MA-HA BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT)

(Trọn bộ 3 tập)

Việt dịch: *HT. Thích Trí Tịnh (1917-2014)*

Giảng giải: *Sa-môn Giác Toàn*

Nxb Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh, PL. 2557 – DL. 2014

Sách có khổ 16 x 24cm, tổng cộng 3 tập dày 2.003 trang, bìa mềm, chữ tựa có 3 màu: cam, vàng và trắng, có tay gấp, có hộp đựng cả bộ. Toàn bộ tác phẩm này có 30 quyển, 90 phẩm.

Tập I, dày 665 trang, có 7 quyển, 25 phẩm (P) *Kinh Ma-ha Bát-nhã Ba-la-mật*: 1.P. Tự, 2.P. Phụng bát, 3.P. Tu tập đứng, 4.P. Vãng sanh, 5.P. Tán thán Ba-la-mật, 6.P. Tướng lữ, 7.P. Tam giả, 8.P. Khuyến học, 9.P. Tập tán, 10.P. Hành tướng, 11.P. Áo học, 12.P. Cú nghĩa, 13.P. Kim cang, 14.P. Đoạn chư kiên, 15.P. Phú-lâu-na, 16.P. Thừa Đại thừa, 17.P. Trang nghiêm, 18.P. Vấn thừa, 19.P. Quảng thừa, 20.P. Phát thú, 21.P. Xuất đạo, 22.P. Thắng xuất, 23.P. Đẳng không, 24.P. Hội tông và 25.P. Thập vô.

Tập II, dày 665 trang, có 11 quyển (từ quyển 8 – 18), 31 phẩm (P. 26 – 56): 26.P. Vô sanh, 27.P. Thiên vương, 28.P. Áo nhơn thính pháp, 29.P. Tán hóa, 30.P. Tam thán, 31.P. Diệt tránh, 32.P. Bửu pháp đại minh, 33.P. Thuật thành, 34.P. Khuyến trì, 35.P. Khiển trừ ma đạo, 36.P. Tôn đạo, 37.P. Xá-lợi, 38.P. Pháp thí, 39.P. Tương tự, 40.P. Tùy hỷ, 41.P. Chiếu minh, 42.P. Tín hỷ, 43.P. Thán tịnh, 44.P. Vô tác, 45.P. Khấp ca ngợi trăm Ba-la-mật, 46.P. Kinh nhĩ văn trì, 47.P. Ma sự, 48.P. Lương bất hòa hiệp hóa, 49.P. Phật mẫu, 50.P. Vấn tướng, 51.P. Thành biện, 52.P. Thí dụ, 53.P. Thiện tri thức, 54.P. Xu hướng nhất thiết trí, 55.P. Đại như, 56.P. Bất thối chuyển.

Tập III, dày 673 trang, có 12 quyển (từ quyển 19 – 30), 36 phẩm (P. 56 – 90): 56.P. Kiên cố, 57.P. Thân áo, 58.P. Mộng hành, 59.P. Hằng già đề bà, 60.P. Học không bất chứng, 61.P. Mộng trung bất chứng, 62.P. Ma sầu, 63.P. Đẳng học, 64.P. Tùy hỷ, 65.P. Hư không, 66.P. Chúc luy, 67.P. Bất khả tận, 68.P. Lục độ tương nhiếp, 69.P. Đại phương tiện, 70.P. Tam tuệ, 71.P. Đạo thọ, 72.P. Bồ-tát hạnh, 73.P. Chứng thiện căn, 74.P. Biện học, 75.P. Tam thứ đệ hành, 76.P. Nhứt niệm, 77.P. Lục dụ, 78.P. Tứ nhiếp, 79.P. Thiện đạt, 80.P. Thật tế, 81.P. Cụ túc, 82.P. Tịnh Phật quốc, 83.P. Quyết định, 84.P. Tứ đế, 85.P. Thất dụ, 86.P. Bình đẳng, 87.P. Như hóa, 88.P. Tát-bà-ba-luân, 89.P. Đàm-vô-kiệt, 90.P. Chúc luy.

30. BI HOA KINH – KINH HOA SEN TỬ BI

(*Karuna-Pundarika Sutra*)

Hán dịch: *Đàm Vô Sám*

Việt dịch: *Thích nữ Tâm Thường*

PL. 2542 – DL. 1998

Kinh dày có 392 trang, bìa mềm. Kết cấu Kinh gồm 10 quyển, 6 phẩm như sau: - Lời nói đầu; Q.I, P.1 Chuyển pháp luân, P.2 Đà-la-ni; Q.II, P.3 Bồ thí lớn (Phần 1); Q.III, P.3 Bồ thí lớn (Phần 2), P.4 Nguồn gốc các Bồ-tát được thọ ký (Phần 1); Q.IV, P.4 Nguồn gốc các Bồ-tát được thọ ký (Phần 2); Q.V, P.4 Nguồn gốc các Bồ-tát được thọ ký (Phần 3); Q.VI, P.4 Nguồn gốc các Bồ-tát được thọ ký (Phần 4); Q.VII, P.4 Nguồn gốc các Bồ-tát được thọ ký (Phần 5); Q.VIII, P.4 Nguồn gốc các Bồ-tát được thọ ký (Phần 6), P.5 Bồ thí Ba-la-mật (Phần 1); Q.IX, P.5 Bồ thí Ba-la-mật (Phần 2); Q.X, P.5 Bồ thí Ba-la-mật (Phần 3), P.6 Môn nhập Định-Tam-muội.

(*Bản Kinh lưu tại Thư viện Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam tại Tp. Hồ Chí Minh, Mã sách: Vie 7039*)

31. BÌNH GIẢNG KINH MÂU-NI

Bình giảng: *Thích Nhất Hạnh*

Phiên tả: *Chân Giác Lưu*

Mùa An cư Kiết Đông năm 2009. Tác phẩm Bình giảng Kinh này gồm có 15 bài kệ do đức Phật thuyết về một vị Mâu-ni đúng nghĩa chân chánh. (<https://thuvienhoasen.org>, *Kinh/Giảng giải Kinh*)

32. BỒ-ĐỀ TRÀNG SỞ THUYẾT NHẤT TỰ ĐÁNH LUÂN VƯƠNG KINH

Mật Tạng bộ 2 – No. 950

Hán dịch: *Tam tạng Sa-môn Bất Không*

Việt dịch: *Sa-môn Thích Quảng Trí*

Phục hồi Phạm chú (2014): *Huyền Thanh*

Toàn bộ tác phẩm Kinh này gồm có 5 quyển, 13 phẩm: Q.I, P.1 Tựa, P.2 Hiện bày đại oai đức của chân ngôn; Q.II, P.3 Nghi quỹ vẽ tượng, P.4 Hành, P.5 Nghi quỹ, P.6 Phân biệt tướng bí mật; Q.III, P.7 Mật pháp thành tựu, P.8 Mật ấn; Q.IV, P.8 Mật ấn (chi khác), P.9 Các pháp thành tựu, P.10 Thế thành tựu; Q.V, P.11 Vô năng thắng gia trì, P.12 Chứng học pháp, P.13 Hộ ma. (www.quangduc.com, *Kinh*)

33. BỒ-TÁT GIẢI KINH

Việt dịch: *Đoàn Trung Còn (1908-1988)*

Phật học Thư xã xuất bản (in lần đầu-1953)

Sở Thông Tin Nam Việt cho phép số 197, ngày 4-3-1953

Kinh dày 152 trang, bìa mềm, nền trắng, chữ tựa màu đen, chữ Hán màu đỏ, có hình Bồ-tát một tay chống tích trượng và một cầm cái chuông. Nội dung gồm có: Phần đầu là *Bồ-tát Giải Kinh*, nguyên văn

chữ Hán, dịch âm; Phần sau là Bồ-tát Giải, dịch nghĩa, có Mười giải trọng: 1. Giết, 2. Trộm, 3. Dâm, 4. Nói bậy (láo), 5. Mua rượu, 6. Nói điều lỗi của tứ chúng, 7. Khen mình và chê kẻ khác, 8. Keo lặn lại còn nhục mạ, 9. Lòng hờn giận chẳng chịu ăn năn, 10. Gièm chê Tam bảo; và Bốn mươi tám Giải khinh: 1. Chẳng kính thầy bạn, 2. Uống rượu, 3. Ăn thịt, 4. Ăn năm món cay, 5. Chẳng bảo sám hối, 6. Chẳng cung cấp thỉnh pháp, 7. Trễ nhắc chẳng tới nghe pháp, 8. Trái Đại theo Tiểu, 9. Chẳng thăm bệnh, 10. Chứa đồ giết chúng sanh, 11. Quốc sứ, 12. Buôn bán, 13. Nói xấu, 14. Phóng lửa đốt cháy, 15. Dạy sai, 16. Vì lợi thuyết ngược, 17. Cây thế xin xỏ, 18. Không hiểu mà làm thầy, 19. Hai lưỡi, 20. Chẳng làm việc phóng cứu, 21. Hờn đánh trả thù, 22. Kiêu mạn chẳng thỉnh pháp, 23. Kiêu mạn thuyết quây, 24. Chẳng tập học Phật, 25. Chẳng khéo hòa chúng, 26. Riêng lợi thọ dưỡng, 27. Nhận thỉnh riêng cho mình, 28. Thỉnh Tăng riêng, 29. Dùng tà mạng nuôi sống mình, 30. Chẳng kính ngày giờ tốt, 31. Chẳng làm việc cứu chuộc, 32. Việc tổn hại chúng sanh, 33. Làm nghề quấy chơi xem, 34. Tạm nhớ Tiểu thừa, 35. Chẳng phát nguyện, 36. Chẳng phát thế, 37. Xông pha nơi nguy nan mà du hành, 38. Trái thứ tự cao thấp, 39. Chẳng tu phước-huệ, 40. Lựa chọn người thọ giải, 41. Vì lợi làm thầy, 42. Thuyết giải với người dữ, 43. Không hổ thẹn mà thọ bố-thí, 44. Chẳng cúng dường Kinh điển, 45. Chẳng giáo hóa chúng sanh, 46. Thuyết pháp chẳng theo như phép, 47. Hạn chế trái phép, 48. Pháp pháp (cuối một số trang có chú thích).

34. BỒ-TÁT TẠI GIA, BỒ-TÁT XUẤT GIA

KINH DUY-MA-CẬT Giảng Luận

Giảng luận: *Nhất Hạnh*

Nxb Lá Bối – 2002

Toàn bộ tác phẩm này gồm có 5 chương:

C.1 Đạo Bụt sau thời đức Thế Tôn nhập diệt: - Giáo đoàn Thanh văn và chủ nghĩa xuất gia, - Sự xuất hiện của Kinh Đại thừa, - Tiến trình cuộc vận động chống đối tinh thần Thanh văn; *C.2 Kinh Úc Già trưởng giả:* - Tóm tắt ý Kinh, - Kiến giải Kinh, - Phương cách hành trì của Bồ-tát tại gia, - Nếp sống của một Bồ-tát xuất gia, - Nếp sống tại gia, hành trì giới xuất gia, - Kết thúc; *C.3 Kinh Duy-ma-cật:* - Vài nét về Kinh, - Các nhân vật trong Kinh, - Kiến giải Kinh, 1.P Phật quốc, 2.P Phương tiện, 3.P Đệ tử (các thầy: Mục-kiền-liên, Ca-diếp, Tu-bồ-đề, Phú-lâu-na, Ma-ha Ca-chiên-diên, A-na-luật, Ưu-ba-ly, La-hầu-la, A-nan), 4.P Bồ-tát (Đồng tử Quang Nghiêm, Bồ-tát Trì Thế, Bồ-tát Thiện Đức), 5.P Văn-thù-sư-lợi, 6.P Bất tư nghị, 7.P Quán chúng sanh, 8.P Phật đạo, 9.P Pháp môn không hai, 10.P Phật Hương Tích, 11.P Hạnh của Bồ-tát, 12.P Thấy Bụt A-súc, 13.P Pháp Cúng dường, 14.P Chúc lụy; *C.4 Phần kết:* - Tinh hoa của Kinh Duy-ma, - Đọc và hiểu Kinh Duy-ma; *C.5 Chỉ mục và đối chiếu Việt-Phạn.*

35. BỘ A-HÀM – TRƯỜNG A-HÀM – 2 Tập, Đại Tạng Kinh Việt Nam

Học Viện Phật Giáo Việt Nam

Việt dịch: *Tuệ Sỹ*

Nxb Tôn Giáo – 2007

Kinh có khổ 19 x 27cm, 2 tập dày 1.932 trang (Tập I, dày 943 trang; Tập II, dày 989 trang), bìa cứng, có bìa bao, chữ tựa màu xanh dương và màu đen.

Xem: Trường A-hàm (3 cuốn), do Tuệ Sỹ dịch và chú.

36. BỘ BẢN DUYÊN – 8 Tập

Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh, từ tập 10 – 17

Hội Văn hóa Giáo dục Linh Sơn Đài Bắc
xuất bản – 2000

Bộ Bản Duyên I, Tập 10, từ số 152 - 157, có các Kinh số: số 152, - Kinh Lục độ tập, có 8 quyển: Q. 1, 2 và 3, Chương Bồ thí độ vô cực; Q.4. Chương Giới độ vô cực; Q.5. Chương nhẫn nhục độ vô cực; Q.6. Chương tinh tấn độ vô cực; Q.7. Chương Thiền định độ vô cực; Q.8. Chương Minh độ vô cực; số 153, - Phật thuyết Kinh Bồ-tát Bản duyên, có 3 quyển, Thượng, Trung và Hạ; số 154, - Phật nói Kinh sinh, có 5 quyển; số 155, - Kinh Bồ-tát Bản hạnh, có 3 quyển, Thượng, Trung và Hạ; số 156, - Kinh Đại phương tiện Phật báo ân, có 7 quyển; số 157, - Kinh Bi hoa, có 10 quyển.

Bộ Bản Duyên II, Tập 11, từ số 158 – 185, có các Kinh số: số 158, - Kinh Đại thừa Đại bi Phân-đà-lợi, có 8 quyển, 28 phẩm: Q.1, P.1 Chuyển Pháp luân, Q.2, P.4 Khuyên bố thí, Q.3, P.6 Vua Ly Tránh được thọ ký, Q.4, P.10 Mười ngàn người được thọ ký, Q.5, P.16 Đại sư lập nguyện, Q.6, P.19 Cảm ứng, Q.7, P.22 Trang nghiêm, Q.8 P.28 Bồ-tát vân tập; số 159, - Kinh Đại thừa Bản sinh Tâm địa quán, có 8 quyển, 10 phẩm: Q.1, P.1 Tựa, Q.2, P.2 Báo ân, Q.3, P.2 Báo ân (tt), Q.4, P.3 Yếm xả, Q.5, P.4 Vô cầu tánh, Q.6, P.6 Ly thế gian, Q.7, P.8 Ba-la-mật-đa, Q.8, P.10 Quán tâm; số 161, - Kinh Trường thọ vương; số 162, - Kinh Kim sắc vương; - số 163, - Kinh Nhân duyên của vua Diệu Sắc; số 164, - Kinh vua Sư Tử Tô-đà-bà không ăn thịt; số 165, - Kinh Nhân duyên của vua Đánh Sanh, có 6 quyển; số 166, - Kinh Bồ-tát Bồ-tát Nguyệt Quang; số 167 – 168, - Kinh Thái tử Mộ Phách; số 169, - Kinh Bồ-tát Nguyệt Minh; số 170, - Kinh Thái tử Đức Quang; số 171, - Kinh Thái tử Tu-đại-noa; số 172, - Kinh Nhân duyên xây tháp Bồ-tát hiến thân cho hổ đói; số 173, - Kinh Nhân duyên của Thái tử

Phước Lực, có 4 quyển; số 174, - Kinh Bồ-tát Thiêm Tử; số 175, - Kinh Thiêm Tử, có 3 bản; số 176, - Kinh Sư tử Nguyệt bản sinh; số 177, - Kinh Đại ý; - số 178, - Kinh Tiền thế Tam chuyển; số 179, - Kinh Ngân nữ sắc; số 180, - Kinh Đức Phật khát thực trong đời quá khứ; số 181, - Kinh Cứu sắc lộc; số 182, - Kinh Lộc mẫu; số 183, - Kinh Nhân duyên tiền thân Nhất Thiết Trí Quang Minh Từ Tâm không ăn thịt; số 184, - Kinh Tu hành bản khởi, có 2 quyển: Thượng-Hạ; số 185, - Kinh Bản khởi Thái tử hiện điềm lành, có 2 quyển: Thượng-Hạ.

Bộ Bản Duyên III, Tập 12, từ số 185 – 190, có các Kinh số: số 186, - Kinh Phổ Diệu, có 8 quyển, 30 phẩm; Q.1, P.1 Bàn về giáng thân, P.2 Thuyết pháp môn, P.3 Hiện hình voi, Q.2, P.4 Giáng thân ở trong thai, P.5 Kinh sắp sanh ứng hiện 32 điềm lành, Q.3, P.6 Vào miếu trời, P.7 Thị hiện học chữ, P.8 Ngồi dưới gốc cây xem cày ruộng, P.9 Vua Bạch Tịnh chọn vợ cho Thái tử, P.10 Thi tài nghệ, P.11 Bốn lần dạo xem, Q.4, P.12 Xuất gia, P.13 Bảo Xa-nặc thắng ngựa, Q.5, P.14 Ba môn học khác, P.16 Rộng Ca-lâm, P.17 Vời ma, Q.6, P.18 Hàng phục ma quân, P.19 Thiền tư hành đạo, P.20 Chư thiên chúc mừng Phật thành đạo, Q.7, P.21 Quán sát cây, P.22 Thương nhân dâng bánh, P.23 Phạm thiên khuyến thỉnh Phật thuyết pháp, P.24 Câu lân, Q.8, P.25 Mười tám phép quyền biến, P.26 Phật đến nước Ma-kiệt-đà, P.27 Giáo hóa Xá-lợi-phất, P.28 Ưu-đà-gia, P.29 Khen ngợi Phật, P.30 Chúc lụy; số 187, - Kinh Phương quảng Đại trang nghiêm (tên khác kinh Thần thông Du hý), có 12 quyển, 27 phẩm: Q.1, P.1 Mở đầu, P.2 Cung trời Đâu-suất, P.3 Chủng tộc thù thắng, P.4 Pháp môn, Q.2, P.5 Giáng sinh, P.6 Ở trong thai mẹ, Q.3, P.7 Đản sanh, Q.4, P.8 Viếng đền thờ chư thiên, P.9 Các

vật dụng quý báu dùng trang sức, P.10 Chỉ rõ về các thứ kinh sách chữ nghĩa, P.11 Xem công việc nhà nông, P.12 Hiện rõ tài nghệ, Q.5, P.13 Âm nhạc phát khởi giác ngộ, P.14 Cảm mộng, Q.6, P.15 Xuất gia, Q.7, P.16 Vua Tần-bà-sa-la khuyên Bồ-tát nhận lợi dưỡng thế gian, P.17 Tu khổ hạnh, P.18 Đến sông Ni-liên, Q.8, P.19 Đến Bồ-đề tràng, P.20 Trang nghiêm Bồ-đề tràng, Q.9, P.21 Hàng phục chúng ma, P.22 Thành bậc Chánh giác, Q.10, P.23 Ca ngợi, P.24 Thương nhân đợc Phật thọ ký, P.25 Đại Phạm thiên khuyến thỉnh, Q.11, P.26 Chuyển pháp luân, Q.12, P.26 Chuyển pháp luân (tt), P.27 Giao phó dặn dò; số 188, - Kinh Di xuất Bồ-tát Bản khởi; số 189, - Kinh Nhân quả trong đời Quá khứ và Hiện tại, có 4 quyển; số 190, Kinh Phật bản hạnh tập, có 60 quyển, 60 phẩm: Q.1 – Q.3, P.1 Phát tâm cúng dường, Q.4, P.2 Quyết định thọ ký, Q.5, P.3 Dòng vua thời Hiền kiếp, Q.6, P.4 Thác sanh cung trời Đâu-suất, Q.7, P.5 Giáng sinh vương cung, P.6 Đản sanh dưới cây Vô ưu, Q.8, P.6 Đản sanh dưới cây Vô ưu (tt), Q.9, P.7 Từ Vương hoa trở về thành, P.8 Tướng sư xem tướng, Q.10, P.8 Tướng sư xem tướng (tt), P.9 Tiên A-tư-đà hỏi điềm lành, Q.11, P.10 Di mẫu nuôi Thái tử, P.11 Tập học kỹ nghệ, Q.12, P.12 Du ngoạn, P.13 Tranh tài kết hôn, Q.13, P.13 Tranh tài kết hôn (tt), Q.14, P.14 Thường phục đợc vợ, P.15 Tiếng kêu gọi lìa bỏ năm dục trên hư không, P.16 Thái tử dạo chơi gặp người già.

Bộ Bản Duyên IV, Tập 13, từ số 190 – 191, - Kinh Phật bản hạnh tập (tt), Q.15, P.17 Tịnh Phạn thấy điềm mộng, P.18 Đọc đường thấy người bệnh, P.19 Trên đường gặp thầy người chết, P.20 Da-du-đà-la thấy điềm mộng, Q.16, P.21 Bồ Vương cung xuất gia, Q.17, P.21 Bồ Vương cung xuất gia (tt), P.22 Xuống tóc nhuộm y,

Q.18, P.22 Xuống tóc nhuộm y (tt), P.23 Xa-nặc và ngựa trở về cung, Q.19 – 20, P.23 Xa-nặc và ngựa trở về cung (tt), P.24 Quan sát các ngoại đạo, P.25 Sứ giả của nhà vua đi tìm Thái tử, Q.21, P.25 Sứ giả của nhà vua đi tìm Thái tử (tt), Q.22, P.26 Bồ-tát hỏi đạo Tiên A-la-la, P.27 Đáp lời hỏi con của La-ma, P.28 Khuyên hưởng thọ dục lạc thế gian, Q.23 – 24, P.28 Khuyên hưởng thọ dục lạc thế gian (tt), P.29 Tinh tấn tu khổ hạnh, Q.25, P.29 Tinh tấn tu khổ hạnh (tt), P.30 Hương về cây Bồ-đề, Q.26 – 27, P.30 Hương về cây Bồ-đề (tt), P.31 Ma vương khùng bố Bồ-tát, Q.28 – 29, P.31 Ma vương khùng bố Bồ-tát (tt), P.32 Bồ-tát thu phục ma vương, Q.30, P.32 Bồ-tát thu phục ma vương (tt), P.33 Bồ-tát thành Phật, Q.31, P.34 Trong quá khứ ma vương tranh với Bồ-tát, P.35 Hai thương gia cúng Phật, Q.32, P.35 Hai thương gia cúng Phật (tt), P.36 Phạm thiên khuyến thỉnh, Q.33, P.36 Phạm thiên khuyến thỉnh (tt), P.37 Chuyển diệu pháp luân, Q.34, P.37 Chuyển diệu pháp luân (tt), P.38 Lý do đặt tên Da-du-đà-la, Q.35, P.38 Lý do đặt tên Da-du-đà-la (tt), Q.36, P.39 Nhân duyên đời trước của Da-du-đà-la, Q.37, P.40 Phú-lâu-na xuất gia, P.41 Na-la-đà xuất gia, Q.38, P.41 Na-la-đà xuất gia (tt), Q.39, P.42 Ta-tỳ-la xuất gia, P.43 Giáo hóa binh tướng, Q.40, P.43 Giáo hóa binh tướng (tt), P.44 Ba anh em Ca-diếp, Q.41 – 42, P.44 Ba anh em Ca-diếp (tt), P.45 Ưu-ba-tư-na, Q.43, P.45 Ưu-ba-tư-na (tt), Q.44 – 45, P.46 Hiến cúng rừng tre, P.47 Nhân duyên của Đại Ca-diếp, Q.46 – 47, P.47 Nhân duyên của Đại Ca-diếp (tt), P.48 Nhân duyên vợ chồng Bạt-đà-la, P.49 Nhân duyên Xá-lợi-phất và Mục-kiền-liên, Q.48, P.49 Nhân duyên Xá-lợi-phất và Mục-kiền-liên (tt), Q.49, P.50 Nhân duyên 500 Tỳ-kheo, P.51 Đoạn trừ niệm bất tín với

việc làm của người, P.52 Nghi thức thuyết pháp, Q.50, P.52 Nghi thức thuyết pháp (tt), P.53 Bồn sinh của Phật Thi-khí, Q.51, P.53 Bồn sinh của Phật Thi-khí (tt), Q.52, P.54 Nhân duyên Ưu-đà-di, Q.53, P.54 Nhân duyên Ưu-đà-di (tt), P.55 Nhân duyên Ưu-ba-ly, Q.54 – 55, P.55 Nhân duyên Ưu-ba-ly (tt), P.56 Nhân duyên La-hầu-la, Q.56, P.56 Nhân duyên La-hầu-la (tt), P.57 Nhân duyên Nan-đà xuất gia, Q.57, P.57 Nhân duyên Nan-đà xuất gia (tt), P.58 Nhân duyên của Bà-đề-lợi-ca, Q.58 – 59, P.58 Nhân duyên của Bà-đề-lợi-ca (tt), P.59 Ma-ni-lâu-đà, Q.60, P.59 Ma-ni-lâu-đà (tt), P.60. Nhân duyên của A-nan; số 191, - Kinh Chúng Hứa-ma-đế, có 13 quyển.

Bộ Bản Duyên V, Tập 14, từ số 192 – 198, có các Kinh số: số 192, - Kinh Phật sở hành tán, có 5 quyển, 28 phẩm: Q.1, P.1 Giáng sinh, P.2 Ngự trong cung, P.3 Chán đời khổ hoạn, P.4 Dứt bỏ tham dục, P.5 Xuất thành, Q.2, P.6 Xa-nặc trở về, P.7 Vào rừng khổ hạnh, P.8 Toàn cung sầu thương, P.9 Tìm kiếm Thái tử, Q.3, P.10 Vua Bình Sa đến viếng Thái tử, P.11 Thái tử đáp lời vua Bình Sa, P.12 A-la-lam-uất-đầu-lam, P.13 Phá ma, P.14 Duy tam Bồ-đề, P.15 Chuyển pháp luân, Q.4, P.16 Vua Bình Sa và các đệ tử, P.17 Đại đệ tử xuất gia, P.18 Hóa độ Cấp Cô Độc, P.19 Cha con gặp nhau, P.20 Đức Phật nhận tịnh xá Kỳ Hoàn, P.21 Thử tài điều phục voi say, P.22 Nàng Am-ma-la gặp Đức Phật, Q.5, P.23 Thần lực trụ thọ, P.24 Từ biệt ly xa, P.25 Niết-bàn, P.26 Đại bát Niết-bàn, P.27 Tán thán Niết-bàn, P.28 Phân chia Xá-lợi; số 193, - Phật Bồn hạnh Kinh, có 7 quyển, 31 phẩm: Q.1, P.1 Nhân duyên, P.2 Khen ngợi Như Lai, P.3 Giáng thai, P.4 Đức Phật đản sanh, P.5 Phạm chí xem tướng, P.6 A-di phá vỡ ngò vực, P.7 Nhập dự luận, Q.2, P.8 Cùng chúng thể nữ du cư,

P.9 Biểu hiện lo sợ, P.10 Dưới bóng cây Diêm-phù-đề, P.11 Xuất gia đê, P.12 Xa-nặc, P.13 Vua Bình Sa thừa hỏi, Q.3, P.14 Thuyết pháp cho vua Bình Sa, P.15 Không đồng ý A-lan, P.16 Hàng ma, Q.4, P.17 Chuyển pháp luân, P.17 Độ năm Tỳ-kheo, P.18 Độ Bảo Xung, P.19 Quảng độ, P.20 Hiện đại thần thông, Q.5, P.21 Phật lên cung trời Đao Lợi vì mẫu thân, P.22 Nhớ xưa, P.23 Đi đến Duy-da-ly, P.24 Tán thán Phật Định Quang, P.25 Hàng voi, P.26 Ma khuyên xả thọ mạng, Q.6, P.27 Điều Đạt vào địa ngục, P.28 Hiện nữ bộ lực, Q.7, P.29 Đại diệt, P.30 Thân vô vi, P.31 Tám vua chia Xá-lợi; số 194, - Kinh do Lăng-già-la-sát tập thành, có 3 quyển; số 195, - Kinh Thập nhị du; số 196, - Kinh Trung bản khởi, có 2 quyển Thượng-Hạ, 15 phẩm: P.1 Chuyển pháp luân, P.2 Biến hiện, P.3 Hóa độ Ca-diếp, P.4 Độ vua Bình Sa, P.5 Xá-lợi-phất và Đại Mục-kiền-liên đến học đạo, P.6 Trở về bản quốc, P.7 Tu-đạt, P.8 Nhân duyên Cai dùng trai giới, P.9 Cù-đàm-di đến xin Đức Phật xuất gia làm Tỳ-kheo Ni, P.10 Độ vua Ba-tư-nặc, P.11 Tự yêu thương bản thân, P.12 Đại Ca-diếp mới đến học đạo, P.13 Độ Nại Nữ, P.14 Ni-kiền vấn nghi, P.15 Đức Phật ăn lúa ngựa; số 197, - Kinh Phật nói về Hưng khởi hạnh, có 2 quyển Thượng-Hạ, có 10 mục (1. Nhân duyên đời trước của nàng Tôn-đà-lợi, 2. Nhân duyên đời trước của nàng Xa-di-bạt, 4. Nhân duyên các khớp xương bị đau, 5. Nhân duyên đời trước của việc đau lưng, 6. Nhân duyên bị cây giáo đâm vào chân, 7. Nhân duyên Đề-bà-đạt-đa xô đá, 8. Nhân duyên Bà-la-môn nữ Tiên-chiên-sa hủy báng Phật, 9. Nhân duyên đời trước phải ăn lúa ngựa, 10. Nhân duyên đời trước của sự khổ hạnh); số 198, - Kinh Nghĩa túc, có 2 quyển Thượng-Hạ, có 16 mục (1. Vua Kiệt tham, 2. Vua Ưu-điền, 3.

Tu-đà-lợi, 4. Phạm chí Ma-kiệt, 5. Vua Kính diện, 6. Già trẻ đều chết, 7. Di-lặc thừa hỏi, 8. Phạm chí dũng từ, 9. Ma Nhân-đề-nữ, 10. Dị học giác phi, 11. Phạm chí mãnh quán, 12. Phạm chí pháp quán, 13. Phạm chí Đâu-lặc, 14. Liên Hoa Sắc Tỳ-kheo Ni, P.15 Cha con cùng hội, 16. Vua Duy-lâu-lặc).

Bộ Bản Duyên VI, Tập 15, từ số 199 – 202, số 199, Năm trăm vị đệ tử Đức Phật nói về Bốn khởi, có 30 phẩm: P.1 Đại Ca-diếp, P.2 Xá-lợi-phất, P.3 Ma-ha Mục-kiền-liên, P.4 Luân-đề-đà, P.5 Tu-man, P.6 Luân Luân, P.7 Phàm Kỳ, P.8 Tân-đầu-lô, P.9 Hóa Kiệt, P.10 Nan-đà, P.11 Dạ-da, P.12 Thi-lợi, P.13 Bạt-câu-lô, P.14 Ma-ha Trở, P.15 Ưu-vi Ca-diếp, P.16 Cada, P.17 Thọ-đề-cù, P.18 Lại-tra-hòa-la, P.19 Hóa-đề, P.20 Thiên thừa Ca-diếp, P.21 Châu-lợi-bàn-đặc, P.22 Đề-hồ thí, P.23 A-na-luật, P.24 Di-ca-phất, P.25 La Vân, P.26 Nan-đề, P.27 Bạt-đề, P.28 La-bàn-bạt-đề, P.29 Ma-đầu Luật-chí, P.30 Thế Tôn; số 200, - Kinh một truyện nhân duyên, có 10 quyển: Q.1, 1. Ba-la-môn Mãn Hiền thỉnh Phật từ xa, 2. Nàng Danh Xung thỉnh Phật, 3. Gã Nan-đà lừa biếng gặp Phật, 4. 500 người đi buôn ra biển tìm châu báu, 5. Chàng Tu-ma nghèo khổ cúng dường Phật một ít chỉ, 6. Trưởng giả Bà-trì-gia bị bệnh nặng, 7. Người giữ ao của vua rải hoa cúng Phật, 8. Hai vị Phạm chí tranh cãi về Như Lai, 9. Phật nói pháp và xuất gia cho 2 vị vua, 10. Trưởng giả làm vua 7 ngày, Q.2, 11. Người lái đò thỉnh Phật qua sông, 12. Vua Quán Đảnh thỉnh Phật, 13. Pháp Hộ thỉnh Phật tắm rửa, 14. Đức Phật cứu giúp dân chúng mắc bệnh, 15. Trời Đế-thích cúng dường Đức Phật, 16. Phật hiện thân trời Đế-thích để hóa độ Bà-la-môn, 17. Thần Càn-thác-bà trởi nhạc khen Phật, 18. Chàng Như Nguyệt sắp bị hành hình xin Phật xuất

gia, 19 Vua Tần-bà-sa-la thỉnh Phật, 20. Trời Đế-thích biến hóa vườn trúc Ca-lan-đà, Q.3, 21. Vương tử Hóa sinh chứng thành Bích-chi Phật, 22. Một đứa trẻ rải hoa cúng dường Phật, 23. Một phụ nữ rải vật báu cúng dường Đức Phật, 24. Bà lão Thiện Ái tham lam bòn sên, 25. Trưởng giả Hàm Hương thỉnh Phật, 26. Người lái đò đưa Đức Phật và chúng Tăng qua sông, 27. Người tó gái xoa hương chiên-đàn lên chân Phật, 28. Người nghèo Bạt-đề bố thí củi cho Phật, 29. Về việc trời nhạc cúng dường được chứng thành Bích-chi Phật, 30. Tên cướp ác nô lệ, Q.4, 31. Vua Liên Hoa bỏ thân làm loài xích ngư, 32. Vua Phạm Dự bố thí thóc gạo cho Bà-la-môn, 33. Vua Thi-tỳ khoét mắt mình bố thí cho chim đại bàng, 34. Vua Thiện Diện cầu pháp, 35. Thái tử con vua Phạm Ma cầu pháp, 36. Người Bà-la-môn đòi nợ Phật, 37. Đức Phật sắp nhập Niết-bàn hóa độ 500 vị lực sĩ, 38. Thỏ đầu đàn nướng mình cúng dường tiên nhân, 39. Nói về con của vua Pháp Hộ bị mẹ giết hại, 40. Tên cướp Lôu-đà, Q.5, 41. Bà-phú-na-kỳ bị đọa vào ngạ quỷ, 42. Vợ trưởng giả Hiền Thiện bị đọa vào loài ngạ quỷ, 43. Do ác kiến không bố thí nước nên đọa vào loài ngạ quỷ, 44. Bàn-đà-la bị đọa làm ngạ quỷ thân thể hôi thối, 45. Mục-kiền-liên vào thành gập 500 ngạ quỷ, 46. Mẹ chàng Ưu-đa-la bị đọa vào loài ngạ quỷ, 47. Ngạ quỷ sinh ra đã bị mù, 48. Trưởng giả Nhã-đạt-đa vì tham lam nên bị đọa vào loài ngạ quỷ, 49. Ngạ quỷ tự ăn thịt 500 ngạ quỷ con do nó sinh ra, 50. Chàng Diêm-ba-la giống ngạ quỷ, Q.6, 51. Trưởng giả Hiền Diện vì tham lam bòn sên mà bị đọa làm rắn độc, 52. Chàng Nguyệt Quang sinh lên cõi trời, 53. Hái hoa cúng dường Đức Phật được sinh lên cõi trời, 54. Nàng Công Đức Ý cúng dường tháp được sinh lên cõi trời, 55. Tu Đạt cõi voi đi khuyến hóa, 56. Chim Anh

Vũ đầu đàn thỉnh Phật, 57. Vua sai sứ giả thỉnh Phật, sứ giả qua đời được sinh lên trời, 58. Phật hóa độ con trâu được sinh lên cõi trời, 59. Hai vị Phạm chí thọ trai pháp, 60. Năm trăm con chim nhận nghe Phật nói pháp, Q.7, 61. Cậu bé thân màu vàng ròng, 62. Cậu bé thân có mùi hương Chiên-đàn, 63. Tỳ-kheo Uy Đức, 64. Tỳ-kheo Đại Lực, 65. Tỳ-kheo được người cung kính, 66. Vị Tỳ-kheo trên đầu có lông báu, 67. Vị Tỳ-kheo có giọng tiếng hay, 68. Một trăm đứa bé cùng sinh ra đời một lúc, 69. Vị Tỳ-kheo trên đầu có hạt châu, 70. Treo phướng cúng dường tháp Phật, Q.8, 71. Tỳ-kheo Ni Bảo Châu lúc sinh ra có ánh sáng chiếu khắp trong thành, 72. Tỳ-kheo Ni Thiện Ái lúc sinh ra tự nhiên có các thức ăn uống, 73. Tỳ-kheo Ni Bạch Tịnh khi sinh ra đời đã có áo, 74. Tỳ-kheo Ni Tu-mạn có tài biện luận, 75. Cô gái múa trở thành Tỳ-kheo Ni, 76. Tỳ-kheo Ni Ca-thi khi sinh ra đã mặc Ca-sa, 77. Tỳ-kheo Ni trên trán có vòng trân châu, 78. Tỳ-kheo Ni Sai Ma ra đời mà hai vị vua hòa giải với nhau, 79. Nàng công chúa xấu xí con vua Ba-tư-nặc, 80. Về tên trộm, Q.9, 81. Người dẫn đầu đoàn người đi buôn tên Hải Sanh, 82. Người khi sinh ra đã mặc áo Tu-mạn hoa, 83. Tỳ-kheo Bảo Thủ Hoa, 84. Vị Tỳ-kheo thông suốt ba tạng, 85. Da-xà-mật-đa, 86. Tỳ-kheo hóa sinh, 87. Tỳ-kheo Chúng Bảo trang nghiêm, 88. Vua Kế Tân Ninh, 89. Vua Bạt-đề thích làm Tỳ-kheo, 90. Phật độ vương tử Hộ Quốc xuất gia, Q.10, 91. Chàng Tu-bồ-đề có tâm độc ác, 92. Vị Tỳ-kheo trưởng giả ở trong thai mẹ 60 năm ác, 93. Vị Tỳ-kheo cụt tay, 94. Tỳ-kheo Lê Quân Chi, 95. Tỳ-kheo sinh tử khổ, 96. Trưởng giả thân thể bị ghẻ lở, 97. Vị Tỳ-kheo xấu xí, 98. Tỳ-kheo Hằng-già-đạt, 99. Phạm Chí Trường Trảo, 100. Tỳ-kheo Tôn-đà-lợi khôî ngô tuần tú; số 201, - Đại

Trang Nghiêm Kinh Luận, có 15 quyển; số 202, - Kinh Hiền Ngu, có 13 quyển, 60 phẩm. Q.1, P.1 Phạm thiên thỉnh pháp, Q.2, P.8 Nàng Kim Cương con gái vua Ba-tư-nặc, Q.3, P.15 Cú-đà bố thí thân, Q.4, P.22 Ưu-bà-di Ma-ha-tư-na, Q.5, P.24 Sa-di giữ giới tự sát, Q.6, P.31 Vua Nguyệt Quang bố thí đầu, Q.7, P.36 Đại kiếp Tân ninh, Q.8, P.39 Nhân duyên Cái sự, Q.9, P.41 Trời Tịnh Cư thỉnh Phật tắm, Q.10, P.45 A-nan tổng trì, Q.11, P.52 Vô Nãi, Q.12, P.54 Ma-đầu-la Thế-chất, con của ông sư Chất, Q.13, P.60 Năm trăm chim nhận nghe Phật pháp được sinh cõi trời.

Bộ Bản Duyên VII, Tập 16, từ số 203 – 211, số 203, - Kinh Tạp bảo tạng, có 9 quyển. Q.1, 1. Thập Xa vương, 2. Vương tử dùng thịt của mình để cứu cha mẹ, 3. Nhân duyên chim Anh Vũ cúng dường cha mẹ mù, 4. Khí lão quốc, 5. Đức Phật ở trên cõi trời Đạo Lợi Phật thuyết pháp cho mẹ là bà Ma-da, 6. Ngày xưa mẹ ngài là bà Ca-đán-già-la, 7. Từ Đồng nữ, 8. Phu nhân Liên Hoa, 9. Phu nhân Lộc Nữ, Q.2, 10 Con voi trắng sáu ngà, 11. Con thỏ tự thiêu thân để cúng dường vị đại tiên, 12. Con khỉ thiện và con khỉ ác, 13. Phật dùng nước trí tuệ diệt trừ ba thứ lửa, 14. Con trưởng giả và vị thiên thần nước Ba-la-nại cảm hóa nhà vua thực hành hiếu hạnh, 15. Con Bạch Hương tượng của quốc vương Ca-thi nuôi, 16. Nước Ba-la-nại em khuyên anh bỏ ác, 17. Vợ của Phạm-ma-đạt vì đổ ky, 18. Tỳ-kheo Đà-phiếu bị hủy báng, 19. Ly Việt bị hủy báng, 20. Người con gái xấu xí tên là Lạc Đề, 21. Người con tên Thiện Quang, 22. Hai anh em vương tử bị đuổi ra khỏi nước, 23. Vợ của trưởng giả Tu Đạt cúng dường Phật, 24. Tỳ-kheo Sa-la-na bị vua ác sinh làm khổ não, 25. Nội quan chuộc lại con trâu, 26. Nội quan ranh Đạo lý; Q.3, 27. Hai anh

em đồng xuất gia, 28. Cừu-già-ly hủy báng ngài Xá-lợi-phất, 29. Bài kệ của Long vương, 30. Đề-bà-đạt-đa muốn làm Phật bị thương, 31. Chim Công mạng, 32. Bạch Nga vương, 33. Con rùa lớn, 34. Hai phụ tướng sàm tấu, 35. Sơn Kê vương, 36. Chim Cát lợi, 37. Vị Tiên già, 38. Hai khách buôn, 39. Tám vị trời lần lượt hội pháp, Q.4, 40. Người nghèo cúng bánh bằng bột lúa tiểu mạch, 41. Cô gái nghèo cúng hai đồng tiền, 42. Người nghệ sĩ tên Kế-na ở nước Càn-đà-vệ, 43. Hai vợ chồng Kế-di-la tự bán mình, 44. Sa-di cứu bày kiến khỏi bị nước, 45. Vua nước Càn-đà-vệ nhờ sửa chùa tháp cũ, 46. Tỳ-kheo tu bồ liễu hồng vách chùa được sống lâu, 47. Con của trưởng giả thấy Phật cầu được trường thọ, 48. Con của trưởng giả làm thuê thiết hội, 49. Phất-na cúng Phật một bát cơm, 50. Đại Ái Đạo cúng Đức Phật y bằng vàng, Q.5, 51. Thiên nữ dùng tràng hoa cúng dường tháp, 52. Thiên nữ dùng hoa sen cúng dường tháp, 53. Thiên nữ thọ trì tám trai giới được sinh về cõi trời, 54. Thiên nữ nhờ đốt đèn cúng dường, 55. Người nữ đang cỡi xe thấy Phật hoan hỷ tránh đường, 56. Thiên nữ dùng hoa rải trên Phật, 57. Xá-lợi-phất Ma-đề cúng dường tháp của Phật, 58. Vợ chồng trưởng giả xây cất chùa tháp, 59. Vợ chồng trưởng giả tín tâm kính lễ Đức Phật, 60. Cô gái đạo Bà-la-môn học đệ tử của Đức Phật, 61. Cô gái nghèo cúng tám dạ cho trưởng giả Tu-đạt, 62. Cô gái của trưởng giả không tin Tam Bảo, 63. Cô gái quét dọn thấy Phật sinh tâm hoan hỷ, 64. Trưởng giả làm nhà thỉnh Phật cúng dường, 65. Người phụ nữ lấy nước mía cúng dường, 66. Cô gái dùng hương xoa lên chân Đức Phật, 67. Nữ tỳ của trưởng giả Tu-đạt quy y Tam Bảo, 68. Cô gái nghèo xin thức ăn nơi Phật, 69. Nữ tỳ của trưởng giả đem cơm cho chủ, 70. Trưởng

giả xây cất giảng đường cúng dường Đức Phật, 71. Trưởng giả thấy vua xây tháp, 72. Khách buôn xây nhà cúng dường Đức Phật, Q.6, 73. Đê Thích hỏi việc, 74. Đức Phật độ A-nhã Kiều-trần-như, 75. Sai Ma bị bệnh mắt, quy y Tam Bảo được nhãn tịnh, 76. Bảy loại pháp bố thí, 77. Vua nước Ca-bộ lúc trời hạn hán tắm Phật, 78. Trưởng giả thỉnh Xá-lợi-phất và Ma-ha-la, Q.7, 79. Bà-la-môn dùng ngọc như ý cúng dường Đức Phật, 80. Thập lực Ca-diếp dùng lời chân thật, 81. Ma vương Ba-tuần muốn đến nhiễu hại Đức Phật, 82. Đức Phật nói về tai họa của lợi dưỡng, 83. Tên giặc sắp bị giết từ xa trông thấy Đức Phật, 84. Người sa lưới pháp luật bị chặt tay chân, 85. Trưởng giả lấy nước mật tốt cúng dường, 86. Vua Ba-tu-nặc sai người đi thỉnh Phật, 87. Vua Ba-tu-nặc khuyến hóa quyên góp, 88. Người anh thường khuyên người em phụng tu Tam Bảo, 89. Người cha nghe con đảnh đạo vui, 90. Người con bị cha bắt buộc xuất gia, 91. La-hán Kỳ-dạ-đa đuổi ác long ra biển, 92. Hai Tỳ-kheo thấy tôn giả Kỳ-dạ-đa, 93. Nước Nguyệt Thị thấy tôn giả Kỳ-dạ-đa, 94. Vua nước Nguyệt Thị kết bạn thân với ba vị quan quan trí tuệ, 95. Vợ chồng phụ tướng nước Câu-thi-di ác tâm với Đức Phật, 96. Nan-đà em của Đức Phật bị Đức Phật bắt buộc xuất gia, 97. Đại lực sĩ cảm hóa nhóm giặc ở đồng hoang, 98. Phụ tướng nghe pháp nên ly dục, 99. Ni-kiền tử nhảy vào đồng lửa được Phật cứu độ, Q.8, 100. Năm trăm con chim ưng trắng nghe pháp, 101. Đề-bà-đạt-đa thả voi say tên Hộ Tài muốn hại Phật, Q.9, 102. Ca-chiên-diên giải thích tám giấc mộng của vua ác sinh, 103. Con mèo vàng, 104. Vua ác sinh được 500 cái bát, 105. Người cầu vị trời Tỳ-ma mong được giàu lớn, 106. Quỷ tử mẫu mắt con, 107. Thiên tự chủ, 108. Thờ thần cây, 109. Cô gái nhàm chán

dục xuất gia, 110. Đứa con bất hiếu nhận quả báo, 111. Luận nghị giữa vua Nan-đà cùng với Na-già-tu-na, 112. Người vợ bất hiếu muốn hại mẹ chồng, 113. Vua nước Ba-la-nại nghe tiếng kêu trong gò mả, 114. Tỳ-kheo già được bốn quả, 115. Cô gái chí thành được đạo quả, 116. Vua Ưu-đà-tiên, 117. La-hầu-la, 118. Bà-la-môn già nói dối, 119. Vợ của Bà-la-môn muốn hại mẹ chồng, 120. Con chim kêu và con quạ báo oán, 121. Nô tỳ và con dê đực chiến đấu; số 204, - Kinh Tạp Thí dụ; số 205, - Kinh Tạp Thí dụ, có 2 quyển Thượng-Hạ; số 206, - Kinh Cưu Tạp Thí dụ, có 2 quyển Thượng-Hạ; số 207, - Kinh Tạp Thí dụ; số 208, - Chúng Kinh tuyển tập thí dụ, có 2 quyển; số 209, - Kinh Bách dụ, có 4 quyển; số 210, - Kinh Pháp cú, có 2 quyển Thượng-Hạ; số 211, - Kinh Pháp cú Thí dụ, có 4 quyển.

Bộ Bản Duyên VIII, Tập 17, từ số 212 – 219, số 212, - Kinh Xuất diệu, có 30 quyển. Từ Q.1 – Q.3, P.1 Vô thường; Q.4, P.2 Dục; Q.5, P.3 Ái; Q.6, P.4 Không buông lung; Q.7, P.5 Buông lung; Q.8, P.6 Niệm; Q.9, P.7 Giới; Q.10, P.8 Học; Q.11, P.9 Phỉ báng; Q.12, P.11 Tín; Q.13, P.12 Sa-môn; Q.14, P.13 Đạo; Q.15, P.14 Lợi dưỡng; Q.16 P.15 Phần nộ; Q.17, P.16 Duy niệm; Q.18, P.17 Tạp; Q.19, P.18 Hoa; Q.20, P.21 Giận dữ; Q.21, P.22 Như Lai; Q.22, P.25 Nói rộng; Q.23, P.27 Nê-hoàn; Q.24, P.28 Quán; Q.25, P.29 Kinh; Q.26, P.30 Song yếu; Q.27, P.31 Lạc; Q.28, P.32 Tâm ý; Q.29, P.33 Sa-môn; Q.30, P.34 Phạm chí; số 213, - Pháp Tập yếu tụng Kinh, có 4 quyển, 30 phẩm; 214, - Kinh Chó dữ; số 215, - Kinh Thí dụ bày trâu; số 216, - Kinh Chuyện cá lớn; số 217, - Kinh Thí dụ; số 218, - Kinh Vua quán đánh; số 219, - Kinh thầy thuốc. (<https://daitangkinh.org>)

37. BỘ BẢO TÍCH – 5 Tập

Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh, từ tập 42 - 46

Hội Văn hóa Giáo dục Linh Sơn Đài Bắc xuất bản – 2000

Tập 42, *Kinh Đại Bảo Tích I*, từ Q.1-Q.40, Phần (P).1 Ba Luật nghi; Q.4-Q.5, P.2 Vô thượng Đà-la-ni Vô biên trang nghiêm; Q.6, P.2 Xuất Đà-la-ni Vô biên trang nghiêm; Q.7, P.2 Thanh tịnh Đà-la-ni Vô biên trang nghiêm; từ Q.8-Q.14, P.3 Mật tích Kim Cang lực sĩ; Q.15-Q.16, P.4 Thiên tử Tịnh Cư; Q.17-Q.18, P.5 Như Lai vô lượng thọ; Q.19, P.6 Thọ ký trang nghiêm -Như Lai bất động; Q.20, P.6 Chúng Bồ-tát-Như Lai bất động; từ Q.21-Q.25, P.7 Mặc áo giáp trang nghiêm; Q.26-Q.27, P.8 Pháp giới thể tánh vô phân biệt; Q.28, P.9 Đại thừa thập pháp; Q.29, P.10 Văn-thù-sư-lợi Phổ Môn; từ Q.30-Q.34, P.11 Xuất hiện quang minh; từ Q.35-Q.40, P.12 Bồ-tát tạng.

Tập 43, *Kinh Đại Bảo Tích II*, từ Q.41-Q.54, P.12 Bồ-tát tạng; Q.55, P.13 Phật vì A-nan nói về sự nhập thai; Q.56-Q.57, P.14 Phật nói nhập thai tạng; từ Q.58-Q.60, P.15 Thọ ký Văn-thù-sư-lợi; từ Q.61-Q.76, P.16 Bồ-tát thấy thật; từ Q.77-Q.78, P.17 Phú-lâu-na; Q.79, P.17 Phú-lâu-na Đại bi; Q.80-Q.81, P.18 Bồ-tát Quốc Hộ; Q.82, P.19 Trưởng giả Úc-già; Q.83-Q.84, P.20 Vô tận phục tạng; Q.85, P.21 Thọ ký cho nhà thuật Bạt-đà-la; Q.86-Q.87, P.22 Đại thần biến; Q.88-Q.89, P.23 Ma-ha Ca-diếp; Q.90, P.24 Ưu-ba-ly.

Tập 44, *Kinh Đại Bảo Tích III*, từ số 310 – 312; số 310, Q.91-Q.92, P.25 Phát thắng chí lạc; Q.93-Q.94, P.26 Bồ-tát Thiện Tỷ; Q.95, P.27 Bồ-tát Thiện Thuận; Q.96, P.28 Trưởng giả Dũng Mãnh Thọ; Q.97, P.29 Vua Ưu-đà-diên; Q.98, P.30 Đồng nữ Diêu Tuệ, P.31 Ưu-bà-di Hằng-hà

Thượng; Q.99, P.32 Bồ-tát Vô Úy Đức; Q.100, P.33 (1. Bồ-tát Vô Cấu thí ứng hiện, 2. Thanh văn, 3. Bồ-tát hạnh, 4. Bồ-tát); Q.101, P.34 Bồ-tát Công Đức Bảo Hoa Phu, P.35 Thiên tử Thiện Đức; từ Q.102-Q.105, P.36 Thiên tử Thiện Trụ Ý; Q.106, P.37 Vương tử A-xà-thế, P.38 Đại thừa Phương tiện; Q.107-Q.108, P.38 Đại thừa Phương tiện (tt); Q.109, P.39 Trưởng giả Hiện Hộ; Q.110, P.39 Trưởng giả Hiện Hộ (tt); Q.111, P.40 Tịnh Tín đồng nữ, P.41 Bồ-tát Di-lặc hỏi tám pháp, P.42 Bồ-tát Di-lặc hỏi những điểm nghi; Q.112, P.43 Bồ-tát Phổ Minh; Q.113, P.44 Bảo Lượng tụ (1. Tứ Sa-môn, 2. Tỳ-kheo, 3. Sa-môn Chiên-đà-la, 4. Doanh tự Tỳ-kheo); Q.114, P.44 (5. Tỳ-kheo A-lan-nhã, 6. Tỳ-kheo khát thực, 7. Phấn tảo y Tỳ-kheo); Q.115, P.45 Bồ-tát Văn Tận Tuệ, P.46 Văn-thù-sư-lợi thuyết Bát-nhã; Q.116, P.46 Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi thuyết Bát-nhã (tt); Q.117-Q.118, P.47 Bồ-tát Bảo Kế; Q.119, P.48 Thắng Man phu nhân; Q.120, P.49 Tiên nhân quảng bác; số 311, - Kinh Đại phương quảng Tam giới, có 3 quyển; số 312, - Kinh Đại thừa Bí mật chẳng nghĩ bàn của Như Lai, có 20 quyển, 25 phẩm: Q.1-Q.2, P.1 Thân mật của Bồ-tát; Q.3, P.2 Mật ngữ của Bồ-tát; Q.4, P.3 Mật tâm của Bồ-tát, P.4 Bồ-tát Chấn Hống Âm Thanh đến hội, P.5 Trì Quốc Luận vương đi trước; Q.5, P.5 Trì Quốc Luận vương đi trước (tt); Q.6, P.6 Bồ-đề đạo; Q.7, P.7 Mật thân chẳng nghĩ bàn của Như Lai, P.8 Mật ngữ chẳng nghĩ bàn của Như Lai; Q.9, P.8 Mật ngữ chẳng nghĩ bàn của Như Lai (tt), P.10 Tán thán công đức của Bồ-tát Kim Cang Thủ Đại bí mật chủ, P.11 Bồ-tát khổ hạnh siêu xuất thù thắng-mượn duyên thọ thực; Q.10, P.12 Bồ-tát đến Bồ-đề đạo tràng; Q.11, P.13 Hàng ma; Q.12, P.14 Chuyên pháp luân, P.15 Đối tượng duyên; Q.13, P.15

Đôi tượng duyên (tt), P.16 Thọ ký Đại bí Mật chủ Bồ-tát Kim Cang Thủ; Q.14, P.16 Thọ ký Đại bí Mật chủ Bồ-tát Kim Cang Thủ (tt); P.17 Không có hai ngôn thuyết, Q.15, P.18 Vào thành lớn Khoáng Dã thọ thực; Q.16-Q.17, P.19 Hộ thế, P.20 Khứ lai; Q.18, P.21 Bồ-tát Dũng Lực đi trước; Q.19, P.22 Vua A-xà-thế hỏi đáp, P.23 Thiên tử Hiền vương, P.24 Nói thí dụ khen ngợi công đức Tổng trì vô tận; Q.20, P.24 Nói thí dụ khen ngợi công đức Tổng trì vô tận, P.25 Chúc luy Chánh pháp.

Tập 45, Kinh Đại Bảo Tích IV, từ số 313 – 320; số 313, - Kinh A-súc Phật quốc, 2 quyển Thượng-Hạ, 5 phẩm: P.1 Phát ý thọ tuệ, P.2 Hỷ lạc toàn thiện của cõi Phật A-súc, P.3 Sự thành tựu sở học của chúng đệ tử, P.4 Sự thành tựu sở học của chư Bồ-tát, P.5 Đức Phật Bát Nê-hoàn; số 314, - Kinh Đại thừa Thập pháp; số 315, - Kinh Phổ Môn phẩm; số 316, - Kinh Đại thừa Bồ-tát tạng chánh pháp, có 40 quyển, 11 phẩm: từ Q.1-Q.4, P.1 Trưởng giả Hiền Hộ; Q.5, P.2 Dạ-xoa vô số; Q.6, P.3 Bồ-tát quán sát; Q.7, P.3 Bồ-tát quán sát (tt), P.4 Như Lai chẳng thể nghĩ bàn; từ Q.8-Q.16, P.4 Như Lai chẳng thể nghĩ bàn (tt), P.5 Từ Bi Hỷ Xả; Q.17, P.5 Từ Bi Hỷ Xả (tt), P.6 Bồ thí Ba-la-mật-đa; Q.18, P.6 Bồ thí Ba-la-mật-đa (tt), P.7 Trì giới Ba-la-mật-đa; Q.19, P.7 Trì giới Ba-la-mật-đa; từ Q.20-Q.24, P.7 Trì giới Ba-la-mật-đa (tt), P.8 Nhẫn nhục Ba-la-mật-đa; Q.25, P.8 Nhẫn nhục Ba-la-mật-đa (tt); từ Q.26-Q.31, P.9 Tinh tấn Ba-la-mật-đa, P.10 Thiền định Ba-la-mật-đa; Q.32-Q.33, P.10 Thiền định Ba-la-mật-đa (tt), P.11 Tuệ thù thắng Ba-la-mật-đa; từ Q.34-Q.40, P.11 Tuệ thù thắng Ba-la-mật-đa (tt); số 317, - Kinh Bào thai; số 318, - Kinh Văn-thù-sư-lợi Phật độ nghiêm tịnh, 2 quyển Thượng-Hạ; số 319, - Đại thánh Văn-thù-sư-lợi Bồ-tát Phật sát công đức trang nghiêm

Kinh, có 3 quyển Thượng, Trung và Hạ; số 320, - Phụ tử hợp tập Kinh, có 20 quyển, 27 phẩm: Q.1-Q.2, P.1 Vua Tịnh Phạn mới phát lòng tin, P.2 Vua đến chỗ Phật; Q.3, P.3 Vua Tịnh Phạn đến đánh lễ Đức Như Lai, P.4 Thọ ký A-tu-la vương; Q.4, P.5 Bản hạnh của Như Lai, P.6 Thọ ký Ca-lâu-la vương; Q.5, P.7 Thọ ký Long nữ, P.8 Thọ ký Long vương; Q.6, P.9 Thọ ký Cru-bàn-trà vương, P.10 Thọ ký Càn-thác-bà vương, P.11 Thọ ký Dược xoa vương; Q.7, P.12 Thọ ký Khẩn-na-la vương, P.13 Thọ ký Bảo Anh Lạc thiên; Q.8, P.14 Thọ ký Bốn đại thiên vương, P.15 Thọ ký Tam thập tam thiên, P.16 Thọ ký Diệm-ma thiên thiên; Q.9, P.17 Thọ ký Đồ sử đa thiên, P.18 Thọ ký Lạc biến hóa thiên, P.19 Thọ ký Tha hóa tự tại thiên; Q.10, P.20 Thọ ký Đại Phạm thiên vương, P.21 Thọ ký Quang Âm thiên; Q.11, P.22 Thọ ký Biến tịnh thiên, P.23 Thọ ký Quảng Quả thiên; Q.12, P.23 Thọ ký Quảng Quả thiên (tt); Q.13-Q.14, P.24 Tịnh Cư thiên tử nói kệ khen; Q.15, P.25 Thọ ký Thọ ký ngoại đạo Bà-la-môn; từ Q.16-Q.18, P.26 Sự sai khác của lục giới; Q.19, P.27 Vua Tịnh Phạn tin hiểu; Q.20, P.27 Vua Tịnh Phạn tin hiểu (tt).

Tập 46, Kinh Đại Bảo Tích V, từ số 321 – 373; số 321, - Kinh Hộ quốc Tôn giả sở vấn Đại thừa, có 4 quyển; số 322, - Kinh Pháp kính; số 323, - Kinh Úc-ca-la-việt văn Bồ-tát hành, có 8 phẩm: P.1 Thượng sĩ, P.2-3 Giới y dược, P.4-5 Chỗ không thanh tịnh, P.6-7 Lễ tháp tri túc, P.8 Ở nơi vắng vẻ; số 324, - Kinh Huyền sĩ Nhân Hiền; số 325, - Kinh Quyết định Tỳ-ni; số 326, - Kinh Tam thập ngũ Phật danh lễ sám văn; số 327, - Kinh Phát giác Tịnh tâm, có 2 quyển Thượng-Hạ; số 328-329, - Kinh Tu lại; số 330, - Kinh Bồ-tát tu hành; số 331, - Kinh Vô úy thọ sở vấn Đại thừa, có 3 quyển Thượng, Trung và Hạ; số 332,

- Kinh Ưu-điền vương; số 333, - Kinh Đại thừa Nhật tử vương sở vấn; số 334- 335, - Kinh Tu-ma-đề Bồ-tát; số 336, - Kinh Tu-ma-đề; số 337, - Kinh A-xà-thế vương nữ A-thuật-đạt Bồ-tát; số 338, - Kinh Ly cầu Thí nữ; số 339, - Kinh Đắc Vô cầu thí nữ; số 340, - Kinh Văn-thù-sư-lợi sở thuyết bát tư nghi Phật cảnh giới, có 2 quyển Thượng-Hạ; số 341, - Kinh Thánh Thiện trụ ý thiên tử sở vấn, có 3 quyển Thượng, Trung và Hạ; số 342, - Kinh Như huyễn Tam-muội, có 2 quyển Thượng-Hạ; số 343, - Kinh Thái tử Loát Hộ; số 344, - Kinh Thái tử Hòa Hưu; số 345, - Kinh Tuệ Thượng Bồ-tát vấn Đại thừa quyền, có 2 quyển Thượng-Hạ; số 346, - Kinh Đại phương quảng Thiện xảo phương tiện, có 4 quyển; số 347, - Kinh Đại thừa Hiền thức, có 2 quyển Thượng-Hạ; số 348, - Kinh Đại thừa Phương đẳng yếu tuệ; số 349, - Kinh Di Bồ-tát sở vấn bản nguyện; số 350, - Kinh Di nhật Ma-ni bảo; số 351, - Kinh Ma-ha diễm Bảo Nghiêm; số 352, - Kinh Đại Ca-diếp vấn Đại Bảo tích chánh pháp, có 5 quyển; số 353, - Kinh Thắng-man được thọ ký; số 354, - Kinh Tỳ-da-sa vấn, có 2 quyển Thượng-Hạ; số 355, - Kinh Nhập pháp giới thể tánh; số 356, - Kinh Bảo tích tam-muội Văn-thù-sư-lợi Bồ-tát vấn pháp thân; số 357, - Kinh Như Lai trang nghiêm trí tuệ quang minh nhập nhất thiết Phật cảnh giới, có 2 quyển Thượng-Hạ; số 358, - Kinh Độ nhất thiết chư Phật cảnh giới trí nghiêm; số 359, - Kinh Đại thừa nhập chư Phật cảnh giới trí quang minh trang nghiêm, có 5 quyển; số 360, - Kinh Vô lượng thọ, có 2 quyển Thượng-Hạ; số 361, - Kinh Vô lượng thanh tịnh bình đẳng giác, có 4 quyển; số 362, - Kinh A-di-đà, có 2 quyển Thượng-Hạ; số 363, - Kinh Đại thừa Vô lượng thọ trang nghiêm, có 3 quyển Thượng, Trung và Hạ; số 364, - Kinh Đại A-di-đà, có 2

quyển Thượng-Hạ; số 365, - Kinh Quán vô lượng thọ Phật; số 366, - Kinh A-di-đà; số 367, - Kinh Xung tán Tịnh độ Phật nhiếp thọ; số 368, - Thân chú bặt nhất thiết nghiệp chướng căn bản đác sinh Tịnh độ (trích từ Kinh Tiểu vô lượng thọ); số 370, - Kinh A-di-đà cổ âm thanh vương Đà-la-ni; số 371, - Kinh Quán Thế Âm Bồ-tát, Đắc Đại Thế Bồ-tát thọ ký; số 372, - Kinh Như huyễn tam-ma-địa vô lượng ân pháp môn, có 3 quyển Thượng, Trung và Hạ; số 373, - Kệ Hậu xuất A-di-đà Phật. (<https://daitangkinh.org>)

38. BỘ ĐẠI TẬP – 4 Tập

Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh, từ tập 50 – 53

Hội Văn hóa Giáo dục Linh Sơn Đài Bắc xuất bản – 2000

Tập 50, *Kinh Đại phương đẳng Đại tập I*, có 48 quyển, 15 phẩm: Q.1, P.1 Anh lạc, P.2 Bồ-tát Đà-la-ni Tự tại vương; từ Q.2-Q.4, P.2 Bồ-tát Đà-la-ni Tự tại vương (tt); Q.5-Q.6, P.3 Bảo nữ; Q.7, P.4 Bồ-tát Bất Thuần; từ Q.8-Q.11, P.5 Bồ-tát Hải Tuệ; Q.12, P.6 Bồ-tát Vô ngôn; Q.13, P.7 Bồ-tát Bất Khả Thuyết; từ Q.14-Q.18, P.8 Bồ-tát Hư Không Tạng; Q.19, P.9 Bảo Tràng (1. Khở não của ma vương, 2. Tích xưa, 3. Điều phục ma); Q.20, P.9 Bảo Tràng (4. Thần túc tam-muội, 5. Nêu tướng); Q.21, P.9 Bảo Tràng (6. Đà-la-ni, 7. Hộ trì, 8. Thọ ký, 9. Hạnh bi, 10. Hộ pháp, 11. Thiên vương Hộ pháp, 12. Quỷ Khoáng giả, 13. Trở về nơi gốc); Q.22, P.10 Hư Không Mục (1. Thanh văn); Q.23, P.10 (2. Thế gian, 3. Di-lặc, 4. Tâm vô lượng, 5. Tịnh mục); Q.24, P.10 (6. Thánh mục, 7. Pháp Bích-chi Phật, 8. Trí Vô ngại của Phật, 9. Hộ pháp, 10. Đại chúng); Q.25-Q.26, P.11 Bồ-tát Bảo Kế; từ Q.27-Q.30, P.12 Bồ-tát Vô Tận Ý; Q.31, P.13 Nhật mật (1. Hộ pháp, 2. Bồ-tát khắp nơi tập

hợp); Q.32, P.13 (2. Bồ-tát khắp nơi tập hợp (tt), 3. Phân biệt nói về dục, 4. Phân biệt); Q.33, P.13 (4. Phân biệt); Q.34, P.14 Nhật tạng (1. Hộ trì chánh pháp); Q.35, P.14 (2. Đà-la-ni); Q.36, P.14 (2. Đà-la-ni); Q.37, P.14 (3. Bồ-tát sứ giả); Q.38, P.14 (4. Định); Q.39, P.14 (5. Tích tập nghiệp ác); Q.40, P.14 (6. Hộ trì, 7. Phật hiện thân thông); Q.41-Q.42, P.14 (8. Tinh tú); Q.43, P.14 (9. Đưa xứ giả, 10. Tam-muội niệm Phật, 11. Lên đỉnh Tu-di); Q.44, P.14 (12. Tam quy cứu rông); Q.45, P.14 (13. Bảo vệ pháp); Q.46, P.15 Nguyệt tạng (1. Chủ thân Nguyệt Tràng); Q.47, P.15 (2. Ma vương Ba-tuần đi đến chỗ Phật, 3. Chúng A-tu-la đến chỗ Phật); Q.48, P.15 (4. Nói về sự việc đời trước của các vị đệ tử Phật, 5. Chân đế Đệ nhất nghĩa).

Tập 51, Kinh Đại phương đẳng Đại tập II, từ số 397 – 401; số 397 (tt), Q.49, P.15 Nguyệt tạng (6. Khiến cho ma vương kính tin vui vẻ, 7. Hết thầy chư quỷ thần cùng đến chúng hội); Q.50, P.15 (8. Chúng quỷ thần xấu ác có được lòng kính tin); Q.51, P.15 (8. Chúng quỷ thần xấu ác có được lòng kính tin (tt), 9. Các vị thiên thần hộ trì); Q.52, P.15 (10. Chúng ma có được lòng kính tin, 11. Thiên vương Đề-đâu-lại-trá hộ trì, 12. Thiên vương Tỳ-lâu-lặc-xoa, 13. Thiên vương Tỳ-lâu-bác-xoa, 14. Thiên vương Tỳ Sa-môn); Q.53, P.15 (15. Luân chú hộ trì); Q.54, P.15 (16. Nhẫn nhục); Q.55, P.15 (17. Phân công đầy đủ về việc hộ trì chánh pháp nơi cõi Diêm-phù-đề); Q.56, P.15 (18. Các tinh tú thâm tóm hộ trì các quốc độ, 19. Tạo lập chùa tháp, 20. Pháp diệt tận); Q.57, P.16 Tu-di Tạng (1. Thanh văn đánh lễ tất cả chư Phật mười phương, 2. Thiên của Bồ-tát, 3. Diệt trừ mưa gió chẳng phải thời); Q.58, P.16 (4. Đà-la-ni); Q.59, P.17 Bồ-tát nơi mười phương; Q.60, P.17 Bồ-tát nơi mười

phương (tt); số 398, - Kinh Đại bi, có 8 quyển, 28 phẩm: Q.1, P.1 Bồ-tát trang nghiêm pháp hội, P.2 Tán thán pháp hội); Q.2, P.3 Pháp môn Vô cái, P.4 Trang nghiêm pháp bản, P.5 Tám hào quang; Q.3, P.3 Đại bi, P.7 Giáo hóa, P.8 Đạo tuệ, P.9 Kiếp số, P.10 Hạnh nghiệp; Q.4, P.11 Biết ba đời, P.12 Trí hiểu chúng sanh, P.13 Chủng loại chúng sanh, P.14 Căn bản, P.15 Thần túc, P.16 Nhất tâm định ý; Q.5, P.17 Biết bản hạnh của chúng sanh, P.18 Thấu rõ, P.19 Chấm dứt lậu hoặc, P.20 Bốn Vô úy, P.21 Mười tám pháp bất cộng; Q.6, P.21 Mười tám pháp bất cộng (tt), P.22 Đạo Như Lai; Q.7, P.23 Tám Tổng trì; Q.8, P.24 Quá khứ, P.25 Tuệ nghiệp, P.26 Bồ-tát Trí Tích, P.27 Tán thán, P.28 Phó chúc; số 399, - Kinh Bảo nữ Sở vấn, có 4 quyển, 13 phẩm: Q.1, P.1 Vấn tuệ; Q.2, P.2 Ba mươi hai báu phát tâm, P.3 Thông tỏ, P.4 Vấn Bảo nữ, P.5 Tám lực, P.6 Mười loại lực, P.7 Bốn điều không sợ; Q.3, P.8 Mười tám pháp bất cộng; Q.4, P.9 Ba mươi hai tướng, P.10 Hành pháp, P.11 Không thoái chuyển, P.12 Đại thừa, P.13 Chúc lụy; số 400, - Kinh Những điều Bồ-tát Hải Ý hỏi về pháp môn Tịnh ấn, có 18 quyển; số 401, - Kinh Đồng tử Vô ngôn.

Tập 52, Kinh Đại phương đẳng Đại tập III, từ số 402 – 411; số 402, - Kinh Bảo Tinh Đà-la-ni, có 10 quyển, 13 phẩm: Q.1, P.1 Hàng phục ma; Q.2, P.2 Bản sự; Q.3, P.3 Ma vương quy phục; Q.4, P.3 Ma vương quy phục (tt), P.4 Đại tập; Q.5, P.5 Tướng; Q.6, P.6 Đà-la-ni; Q.7, P.6 Đà-la-ni, P.7 Nhiếp thọ diệu pháp, P.8 Thọ ký; Q.8, P.8 Thọ ký (tt), P.9 Từ mẫn, P.10 Ứng hộ; Q.9, P.11 Hộ chánh pháp; Q.10, P.12 Tra-bạc-câu, P.13 Các Đức Phật trở về nước; số 403, - Kinh A-soa-mạt Bồ-tát, có 7 quyển; số 404, - Kinh Đại tập Những điều Bồ-tát Hư Không Tạng hỏi Phật, có 8

quyển; số 405, - Kinh Hư Không Tạng Bồ-tát; số 406, - Kinh Hư Không Tạng Bồ-tát thần chú; số 408, - Kinh Hư Không Tạng Bồ-tát, có 2 quyển Thượng-Hạ; số 409, - Kinh Quán Hư Không Tạng Bồ-tát; số 410, - Kinh Đại phương quảng Thập luân, có 8 quyển, 15 phẩm: Q.1, P.1 Mở đầu; Q.2, P.2 Chư thiên nữ hỏi về bốn đại, P.3 Phát vấn bản nghiệp đoạn kết; Q.3, P.4 Dụ Quán đảnh, P.5 Tướng luân; Q.4, P.5 Chiên-đà-la hiện trí tướng, P.6 Sát-lợi Chiên-đà-la hiện trí tướng; Q.5, P.7 Các tướng lành; Q.6, P.8 Sát-lợi y chỉ luân tướng; Q.7, P.9 Xa lìa sự ganh ghét, P.10 Bồ thí, P.11 Trì giới, P.12 Nhẫn nhục; Q.8, P.13 Tinh tấn, P.14 Thiền định, P.15 Trí tuệ; số 411, - Kinh Đại thừa Đại tập Địa tạng Thập luân, có 10 quyển, 8 phẩm: Q.1, P.1 Tựa; Q.2, P.2 Thập luân; Q.3-Q.5, P.3 Vô y hành; Q.5-Q.7, P.4 Hữu y hành, P.5 Sám hối; Q.8-Q.9, P.6 Thiệp nghiệp đạo, P.7 Phước điền tướng; Q.10, P.7 Phước điền tướng (tt), P.8 Hoạch Ích chúc lụy.

Tập 53, Kinh Đại phương đẳng Đại tập IV, từ số 412 – 424; số 412, - Kinh Địa Tạng Bồ-tát bản nguyện, có 2 quyển Thượng-Hạ, 13 phẩm: Quyển Thượng, P.1 Thần thông tại cung trời Đao Lợi, P.2 Phân thân hóa quy tụ lại, P.3 Quán sát nghiệp duyên của chúng sinh, P.4 Sự cảm ứng nghiệp của người Diêm-phù-đề, P.5 Danh xưng địa ngục, P.6 Thế Tôn tuyên dương; Quyển Hạ, P.7 Lợi ích cho người còn kẻ mất, P.8 Vua tôi Diêm-la xưng tụng, P.9 Xưng tụng danh hiệu chư Phật, P.10 So sánh duyên công đức bồ thí, P.11 Thần đất hộ trì bồ thí, P.12 Lợi ích của sự thấy nghe, P.13 Thế Tôn phú chúc cho trời người; số 413, - Một trăm ngàn bài tụng của Kinh Đại tập Khen ngợi Bồ-tát Địa tạng khi hỏi Đức Phật về pháp thân; số 414, - Kinh Bồ-tát Tam-muội niệm Phật,

có 5 quyển, 16 phẩm: Q.1, P.1 Mở đầu, P.2 Bản sự của Bồ-tát Bất Không Kiến; Q.2, P.3 Thần thông, P.4 Thần thông của Di-lặc, P.5 Khen âm thanh biện tài của Đức Phật; Q.3, P.5 Khen âm thanh biện tài của Đức Phật (tt), P.6 Khen công đức của Như Lai, P.7 Thần lực chứng chánh thuyết của Như Lai, P.8 Bồ-tát Bất Không Kiến khuyến thỉnh; Q.4, P.9 Tán thán tướng tam-muội, P.10 Chánh quán, P.11 Vua Vi Mật; Q.5, P.12 Ba pháp, P.13 Khuyến trí, P.14 Bản hạnh của Bồ-tát, P.15 Chánh niệm, P.16 Đại chúng phụng trì; số 415, - Kinh Đại tập Đại phương đẳng Bồ-tát Tam-muội niệm Phật, có 10 quyển, 15 phẩm: Q.1, P.1 Mở đầu, P.2 Bản sự của Bất Không Kiến; Q.2, P.2 Bản sự của Bất Không Kiến (tt); Q.3, P.3 Thần biến; Q.4, P.3 Thần biến (tt), P.4 Thần thông của Di-lặc Bồ-tát, P.5 Khen ngợi âm thanh vi diệu biện tài thù thắng của Phật; Q.5, P.5 Khen ngợi âm thanh vi diệu biện tài thù thắng của Phật (tt), P.6 Khen ngợi công đức của Như Lai; Q.6, P.7 Phật hiện thần thông, P.8 Thưa hỏi rộng về việc thấy nhiều Đức Phật; Q.7, P.9 Khen tướng tam-muội, P.10 Chánh quán; Q.8, P.11 Suy nghĩ về tam-muội, P.12 Hiện ra mỉm cười, P.13 Thần thông; Q.9, P.13 Thần thông (tt), P.14 Nói về tu tập tam-muội; Q.10, P.14 Nói về tu tập tam-muội (tt), P.15 Bản hạnh của Bồ-tát; số 416, - Kinh Đại phương đẳng Đại tập Hiền Hộ, có 5 quyển, 17 phẩm: Q.1, P.1 Suy nghĩ; Q.2, P.1 Suy nghĩ (tt), P.2 Thực hành tam-muội, P.3 Thấy Phật, P.4 Niềm tin ngay thẳng, P.5 Thọ trì, P.6 Quan sát; Q.3, P.6 Quan sát (tt), P.7 Đầy đủ giới hạnh; Q.4, P.8 Ca ngợi công đức, P.9 Đem lợi ích cho người, P.10 Đầy đủ năm pháp, P.11 Thọ ký, P.12 Thâm diệu; Q.5, P.13 Mười pháp trong tam-muội hiện tiền, P.14 Công đức của pháp Bất cộng, P.15 Tùy hỷ công đức,

P.16 Giác ngộ, P.17 Dẫn dò phó thác; số 417, - Kinh Ban-chu Tam-muội; số 419, - Kinh Bạt-pha Bồ-tát; số 420, - Kinh Bồ-tát Tự Tại vương, quyền Thượng; số 421, - Kinh Bồ-tát Phần Tấn vương hồi Phật, quyền Thượng; số 422, - Kinh Đại tập Ví dụ vương, quyền Thượng; số 423, - Kinh Tăng-già-tra; số 424, - Kinh Chánh pháp Đại tập hội. (<https://daitangkinh.org>)

39. BỘ HOA NGHIÊM – 6 Tập

Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh, từ tập 36 – 41

Hội Văn hóa Giáo dục Linh Sơn Đài Bắc xuất bản – 2000

Tập 36, *Hoa Nghiêm I*, số 274, - Kinh Tế chú Phương đẳng học; số 275, - Kinh Đại thừa Phương quảng Tổng trì; số 276, - Kinh Vô lượng nghĩa, có 3 phẩm: P.1 Đức hạnh, P.2 Thuyết pháp, P.3 Mười công đức; số 277, - Kinh Quán Phổ Hiền Bồ-tát hành pháp; - số 278, - Kinh Đại phương quảng Phật Hoa nghiêm, Q.1-Q.2, P.1 Mắt thanh tịnh của thế gian, P.2 Phật Lô-xá-na; Q.3-Q.4, P.2 Phật Lô-xá-na (tt), P.3 Danh hiệu Như Lai, P.4 Bốn Thánh đế; Q.5, P.4 Bốn Thánh đế (tt), P.5 Quang minh giác ngộ Như Lai, P.6 Bồ-tát thuyết minh câu hỏi; Q.6, P.7 Tịnh hạnh, P.8 Bồ-tát Hiền Thủ; Q.7, P.8 Bồ-tát Hiền Thủ (tt), P.9 Phật lên đỉnh núi Tu Di, P.10 Bồ-tát vân tập nói kệ ở điện Diệu Thắng; Q.8, P.10 Bồ-tát vân tập nói kệ ở điện Diệu Thắng (tt), P.11 Mười trụ của Bồ-tát, P.12 Phạm hạnh; Q.9, P.13 Công đức Bồ-tát mới phát tâm; Q.10, P.14 Thuyết minh về pháp, P.15 Phật tự lên cung trời Dạ-ma, P.16 Cung trời Dạ-ma Bồ-tát nói kệ; Q.11, P.17 Mười hạnh Bồ-tát công đức Hoa Tự; Q.12, P.17 Mười hạnh Bồ-tát công đức Hoa Tự (tt); Q.13, P.19 Như Lai đèn tắt cả điện báu ở cung trời Đâu-suất; Q.14, P.20 Tại thiên cung Đâu-suất các Bồ-tát tập hợp

khen ngợi Đức Phật, P.21 Mười hồi hương của Bồ-tát Kim Cang Tràng; từ Q.15-Q.22, P.21 Mười hồi hương của Bồ-tát Kim Cang Tràng (tt); từ Q.23-Q.27, P.22 Mười Địa.

Tập 37, *Hoa Nghiêm II*, Q.28, P.23 Mười Minh, P.24 Mười Nhân; Q.29, P. 25 Bồ-tát Tâm Vương hỏi về A-tăng-kỳ, P.26 Tuổi thọ, Bồ-tát Tâm Vương hỏi về A-tăng-kỳ, P.27 Trụ xứ của Bồ-tát; Q.30, P.28 Pháp chẳng thể nghĩ bàn của Đức Phật; Q.31, P.28 Pháp chẳng thể nghĩ bàn của Đức Phật (tt); Q.32, P.29 Biến tướng của Đức Như Lai, P.30 Công đức sáng chói ở tướng nhỏ của Phật; Q.33, P.31 Hạnh Bồ-tát Phổ Hiền, P.32 Bảo vương Như Lai tánh khởi; Q.34-Q.35, P.32 Bảo vương Như Lai tánh khởi (tt); Q.36, P.32 Bảo vương Như Lai tánh khởi (tt), P.33 Xa lìa thế gian; từ Q.37-Q.43, P.33 Xa lìa thế gian (tt); từ Q.44-Q.60, P.34 Nhập pháp giới.

Tập 38, *Hoa Nghiêm III*, từ Q.1-Q.5, P.1 Thế chủ Diệu Nghiêm; Q.6, P.2 Như Lai hiện tướng; Q.7, P.3 Tam-muội Phổ Hiền, P.4 Thế giới thành tựu; từ Q.8-Q.10, P.5 Thế giới Hoa tạng; Q.11, P.6 Tỳ-lô-giá-na Phật; Q.12, P.7 Danh hiệu Như Lai, P.8 Bốn Thánh đế; Q.13, P.9 Quang Minh giác, P.10 Bồ-tát vân minh; Q.14, P.11 Tịnh hạnh, P.12 Hiền Thủ; Q.15, P.12 Hiền Thủ; Q.16, P.13 Lên đỉnh núi Tu-di, P.14 Kệ tán nơi đỉnh núi Tu-di, P.15 Thập trụ; Q.17, P.16 Phạm hạnh, P.17 Công đức của Bồ-tát mới phát tâm; Q.18, P.18 Minh pháp; Q.19, P.19 Lên thiên cung Dạ-ma, P.20 Kệ tán trong cung Dạ-ma, P.21 Thập hạnh; Q.21, P.22 Mười tạng Vô tận; Q.22, P.23 Lên thiên cung Đâu-suất, P.24 Kệ tán nơi cõi Đâu-suất, P.25 Thập Hồi hương; từ Q.26-Q.33, P.25 Thập Hồi hương (tt); từ Q.34-39, P.26 Thập địa; từ Q.40-Q.43, P.27 Thập định;

Q.44, P.28 Phẩm thông, P.29 Thập nhân; Q.45, P.30 A-tăng-kỳ, P.31 Thọ lượng.

Tập 39, Hoa Nghiêm IV, số 279, Q.46, P.32 Trụ xứ của chư Bồ-tát, P.33 Pháp bát tu nghi của Phật; Q.47, P.33 Pháp bát tu nghi của Phật; Q.48, P.34 Như Lai thập thân tướng hải, P.35 Như Lai tùy hảo quang minh công đức; Q.49, P.36 Hạnh Phổ Hiền; từ Q.50-Q.52, P.37 Như Lai xuất hiện; từ Q.53-Q.59, P.38 Ly thế gian; từ Q.60-Q.80, P.39 Nhập pháp giới; số 280, - Kinh Đâu-sa; số 281, - Kinh Bản nghiệp của Bồ-tát; số 282, - Kinh các Bồ-tát cầu học bản nghiệp; số 283, - Kinh Bồ-tát Thập trụ hành đạo phẩm; số 284, - Kinh Mười trụ của Bồ-tát; số 285, - Kinh Dẫn đủ tất cả trí đức, có 5 quyển: Q.1, P.1 Trụ diệt dự sơ phát ý; Q.2, P.3 Trụ hưng quang; Q.3, P.5 Trụ nan thắng; Q.4, P.7 Trụ huyền diệu; Q.5, P.10 Trụ pháp vũ.

Tập 40, Hoa Nghiêm V, số 286, - Kinh Thập trụ, có 4 quyển, 10 phẩm: Q.1, P.1 Địa hoan hỷ, P.2 Địa ly; Q.2, P.3 Địa minh, P.4 Địa điểm, P.5 Địa nan thắng; Q.3, P.6 Địa hiện tiền, P.7 Địa viễn thành, P.8 Địa bất động; Q.4, P.9 Địa diệu thiện, P.10 Địa cực hỷ; số 287, - Kinh Thập Địa, có 9 quyển, 10 phẩm: Q.1, P.1 Địa cực hỷ; Q.2, P.1 Địa cực hỷ (tt), P.2 Địa ly cầu; Q.3, P.3 Địa phát quang, P.4 Địa diệm tuệ; Q.4, P.5 Địa nan thắng, P.6 Địa hiện tiền; Q.5, P.6 Địa hiện tiền, P.7 Địa viên hành; Q.6, P.8 Địa bất động; Q.7, P.9 Địa thiện tuệ; Q.8, P.10 Địa pháp vân; Q.9, P.10 Địa pháp vân; số 288, - Kinh Bồ-tát Đẳng Mục hỏi về tam-muội, có 3 quyển Thượng, Trung và Hạ, 13 phẩm: P.1 Sự cảm ứng lớn lao, P.2 Bồ-tát Đẳng Mục nói về hành định, P.3 Bồ-tát Đẳng Mục nói về thân thông biến hóa, P.4 Bồ-tát Đẳng Mục nói về sự huyền hóa, P.5 Bồ-tát Đẳng Mục nói về sự an lạc trong định của Bồ-tát, P.6 Bồ-tát Đẳng Mục nói về trí tuệ phương tiện

nơi phát đại định, P.7 Bồ-tát Đẳng Mục nói về vô lượng như, P.8 Trí tuệ phương tiện thanh tịnh, P.9 Bồ-tát Đẳng Mục nói về sự hưng khởi hiển lộ, P.10 Bồ-tát Đẳng Mục bày biện sự biến hóa ngoại thân, P.11 Dùng đại tuệ phân biệt thân hành là không, P.12 Bồ-tát Đẳng Mục nêu rõ đại phương tiện, P.13 Bồ-tát Đẳng Mục nói về Long vương Duyệt Lạc; số 289, - Kinh Làm rõ công đức vô biên cõi Phật; số 290, - Kinh So lường công đức tất cả cõi Phật; số 291, - Kinh Như Lai hưng hiển, có 4 quyển; số 492, - Kinh Độ thế phẩm, có 6 quyển; số 293, từ Q.1-Q.22, P. Nhập bát tu nghi giải thoát cảnh giới Phổ Hiền hạnh nguyện.

Tập 41, Hoa Nghiêm VI, số 293, từ Q.23-Q.40, P. Nhập bát tu nghi giải thoát cảnh giới Phổ Hiền hạnh nguyện; số 294, - Kinh La-ma-già, có 3 quyển Thượng, Trung và Hạ; số 295, - Kinh Nhập pháp giới Hoa nghiêm; số 296, - Kinh Văn-thù-sư-lợi phát nguyện; số 297, - Kinh Bồ-tát Phổ Hiền hạnh nguyện tán; số 298, - Kinh Đại phương quảng Phổ Hiền sở thuyết; số 299, - Kinh Đại phương quảng Tổng trì Bảo quang minh, có 5 quyển; số 300, - Kinh Đại phương quảng Phật Hoa nghiêm nói về cảnh giới không thể nghĩ bàn của Phật; số 301, - Kinh Đại phương quảng Như Lai bát tu nghi cảnh giới; số 302, - Kinh Độ chư Phật cảnh giới trí quang nghiêm; số 303, - Kinh Đại phương quảng Phật Hoa nghiêm vào cảnh giới đức trí không thể nghĩ bàn của Như Lai; số 304, - Kinh Đại phương quảng nhập Như Lai trí đức bát tu nghi; số 305, - Kinh Tín lực nhập ấn pháp môn, có 5 quyển; số 306, Kinh Tu từ; số 307, - Kinh Trang nghiêm tâm Bồ-đề; số 308, - Kinh Đại phương quảng Bồ-tát Thập địa; số 309, - Kinh Tối Thắng vân Bồ-tát Thập trụ trừ câu đoạn kết, có 10 quyển, 33 phẩm: Q.1, P.1 Hướng dẫn, P.2

Ở lại để hóa độ, P.3 Quán không, P.4 Sắc nhập; Q.2, P.5 Thấu triệt không, P.6 Căn môn, P.7 Quảng thọ; Q.3, P.8 Đồng chân, P.9 Định ý; Q.4, P.10 Thành đạo, P.11 Diệt tâm; Q.5, P.12 Thần túc, P.13 Cung kính, P.14 Dũng mãnh; Q.6, P.15 Phân thân, P.16 Thân nhập lại, P.17 Tài biện luận, P.18 Phương tiện bằng trí tuệ; Q.7, P.19 Giáo hóa chúng sanh, P.20 Ba đạo diệt độ, P.21 Thừa vô tướng; Q.8, P.22 Đẳng từ, P.23 Pháp giới; Q.9, P.24 Đạo trí, P.25 Thân khẩu ý; Q.10, P.26 Trong mộng thành đạo, P.27 Bồ-tát chứng đắc, P.28 Giải tuệ, P.29 Tam độc, P.30 Hỏi về Niết-bàn, P.31 Bốn phạm đường, P.32 Phạm thiên thỉnh cầu, P.33 Phó chúc cho Phạm thiên. (<https://daitangkinh.org>)

40. BỘ KINH LIÊN KẾT (Quyển II, III, IV, V)

Samyutta Nikàya – Tương Ưng Kinh Bộ

Viết dịch: *Lê Kim Kha*

Nxb Hồng Đức – 2018.

Kinh có khổ 18.2 x 25.7cm, 4 quyển dày 2.090 trang, bìa mềm, nền vàng, chữ đen, có hộp đựng 4 quyển (Q.II – Q.V).

Quyển II - Quyển Nhân-Duyên, dày 388 trang. Nội dung sơ lược gồm có 10 chương (từ C.12 đến C.21): Về Bản dịch, C.12, Liên kết Nhân-Duyên, Nhóm I. Nhóm các vị Phật, Nhóm II. Nhóm Dưỡng chất, Nhóm III. Nhóm “Mười năng lực”, Nhóm IV. Nhóm Tỳ-kheo Kalàra từ giai cấp chiến sĩ, Nhóm V. Nhóm Gia chủ, Nhóm VI. Nhóm Khổ (hay cây), Nhóm VII. Nhóm Lớn, Nhóm VIII. Nhóm các tu sĩ và Bà-la-môn, Nhóm IX. Nhóm Gộp lại; C.13 Liên kết Sự Đột Phá,...; C.14 Liên kết Các Yếu Tố, Nhóm I. Nhóm Sự đa dạng, Nhóm II. “Nhóm Thứ hai”, Nhóm III. Nhóm “Đường nghiệp”, Nhóm IV. “Nhóm Thứ tư”; C.15 Liên kết Vô Thủy,

Nhóm I. “Nhóm thứ nhất”, Nhóm II. “Nhóm thứ hai”; C.16 Liên kết Ca-diếp,...; C.17 Liên kết Lợi-Danh, Nhóm I. “Nhóm thứ nhất”, Nhóm II. “Nhóm thứ hai”, Nhóm III. “Nhóm thứ ba”, Nhóm IV. “Nhóm thứ tư”; C.18 Liên kết Ràhula, Nhóm I. “Nhóm thứ nhất”, Nhóm II. “Nhóm thứ hai”; C.19 Liên kết Lakkhana, Nhóm I. “Nhóm thứ nhất”, Nhóm II. “Nhóm thứ hai”; C.20 Liên kết Ví Dụ,...; C.21 Liên kết Các Tỳ-kheo,...; Bảng Viết tắt, Chú thích.

Quyển III – Quyển Năm Uẩn, dày 418 trang. Nội dung sơ lược gồm có: Về Bản dịch; C.22 Liên kết Năm Uẩn; *Phần I. “Năm mươi Kinh gốc”*, Nhóm I. Nhóm Nakulapità, Nhóm II. Nhóm “Vô thường”, Nhóm III. Nhóm “Gánh nặng”, Nhóm IV. Nhóm “Không phải là của ta”, Nhóm V. Nhóm “Chính mình là hòn đảo”; *Phần II. “Năm mươi Kinh giữa”*, Nhóm I. Nhóm Nakulapità, Nhóm II. Nhóm “A-la-hán”, Nhóm III. “Nhóm đang bị nhai nuốt”, Nhóm IV. Nhóm “Các trưởng lão”, Nhóm V. Nhóm “Hoa”; *Phần III. “Năm mươi Kinh cuối”*, Nhóm I. Nhóm “Các phần”, Nhóm II. Nhóm “Người thuyết pháp”, Nhóm III. Nhóm “Vô minh”, Nhóm IV. Nhóm “Than cháy đỏ”, Nhóm V. Nhóm “Cách nhìn”; C.23 Liên kết Radha, Nhóm I. Nhóm “Ma vương thứ nhất”, Nhóm III. Nhóm “Yêu cầu”, Nhóm IV. Nhóm “Ngồi bên cạnh”; C.24 Liên kết Cách Nhìn, Nhóm I. Nhóm “Nhập lưu”, Nhóm II. Nhóm “Thuyết lại vòng hai”, Nhóm III. Nhóm “Thuyết lại vòng ba”, Nhóm IV. Nhóm “Thuyết lại vòng bốn”; C.25 Liên kết Nhập Vào,...; C.26 Liên kết Sinh;... C.27 Liên kết Ô Nhiễm,...; C.28 Liên kết Xá-lợi-phát...; C.29 Liên kết Ròng Naga...; C.30 Liên kết Chim Thần,...; C.31 Liên kết Càn-thát-bà,...; C.32 Liên kết Thiên Thần Mây,...; C.33 Liên kết

Vacchagotta,...; C.34 Liên kết Thiên Định,...; Bảng Viết tắt, Chú thích.

Quyển IV – Quyển Sáu Cơ Sở Cảm Nhận, dày 516 trang. Nội dung sơ lược gồm có: Về Bản dịch; C.35 Liên kết Sáu Cơ Sở Cảm Nhận, *Phần I. “Năm mươi Kinh gốc”*, Nhóm I. Nhóm “Vô thường”, Nhóm II. Nhóm “Các cặp”, Nhóm III. Nhóm “Tất cả”, IV. Nhóm “Phải bị sanh”, Nhóm V. Nhóm “Tất cả vô thường”; *Phần II. “Năm mươi Kinh thứ hai”*, Nhóm I. Nhóm “Vô minh”, Nhóm II. Nhóm Migajala, Nhóm III. Nhóm “Bệnh”, Nhóm IV. Nhóm Channa, Nhóm V. Nhóm “Nhóm sáu”; *Phần III. “Năm mươi Kinh thứ ba”*, Nhóm I. Nhóm “An toàn khỏi sự trôi buộc”, Nhóm II. Nhóm “Thế giới và năm dây dục lạc”, Nhóm III. Nhóm “Gia chủ”, Nhóm IV. Nhóm Devadaha, Nhóm V. Nhóm “mới & cũ”; *Phần IV. “Năm mươi Kinh thứ tư”*, Nhóm I. Nhóm “Tiêu diệt sự thích thú”, Nhóm II. Nhóm “Sáu mươi Kinh tóm lược & lặp lại”, Nhóm III. Nhóm “Đại dương”, Nhóm IV. Nhóm “Rắn độc”; C.36 Liên kết Cảm Giác, Nhóm I. Nhóm “Có thi kệ”, Nhóm II. Nhóm “Một mình”, Nhóm III. Nhóm “Chủ đề một trăm lẻ tám”; C.37 Liên kết Phụ Nữ, Nhóm I. Nhóm “Kinh tóm lược thứ nhất”, Nhóm II. Nhóm “Kinh tóm lược thứ hai”, Nhóm III. Nhóm “Những sức mạnh”; C.38 Liên kết Jambukhàdakasa,...; C.39 Liên kết Sàmandaka,... C.40 Liên kết Mục-kiền-liên...; C.41 Liên kết Citta; C.42 Liên kết Trưởng thôn,...; C.43 Liên kết Vô Vi, Nhóm I. Nhóm thứ nhất, Nhóm II. Nhóm thứ hai; C.44 Liên kết Không Được Tuyên Bố;... Bảng Viết tắt, Chú thích.

Quyển V – Quyển Lớn, dày 768 trang. Nội dung sơ lược gồm có: Về Bản dịch; C.45 Liên kết Con Đường (Đạo), Nhóm I.

Nhóm “Vô minh”..., Nhóm II. Nhóm “An trú”, Nhóm III. Nhóm “Sai lạc”, Nhóm IV. Nhóm “Sự tu tập”, Nhóm V. Nhóm “Những du sĩ khác đạo”, Nhóm VI. Nhóm “Mặt trời” tóm lược & Lặp lại, Nhóm VII. Nhóm “Một pháp” thứ nhất tóm lược & Lặp lại, Nhóm VIII. Nhóm “Một pháp” thứ hai tóm lược & Lặp lại, Nhóm IX. Nhóm Sông Hằng thứ nhất tóm lược & Lặp lại, Nhóm X. Nhóm Sông Hằng thứ hai tóm lược & Lặp lại, Nhóm XI. Nhóm Sông Hằng thứ ba tóm lược & Lặp lại, Nhóm XII. Nhóm Sông Hằng thứ tư tóm lược & Lặp lại, Nhóm XIII. Nhóm “Chuyên cần”, Nhóm XIV. Nhóm “Việc làm khó nhọc”, Nhóm XV. Nhóm “Tìm kiếm”, Nhóm XVI. Nhóm “Những dòng lũ”; C.46 Liên kết Các yếu tố Giác ngộ, Nhóm I. Nhóm “Núi”, Nhóm II. Nhóm “Bệnh”, Nhóm III. Nhóm “Udayi”, Nhóm IV. Nhóm “Chướng ngại”, Nhóm V. Nhóm Chuyển Luân Vương, Nhóm VI. Nhóm “Thảo luận”, Nhóm VII. Nhóm “Thở vào – thở ra”, Nhóm VIII. Nhóm “Sự chấm dứt”, Nhóm IX. Nhóm Sông Hằng tóm lược & Lặp lại, Nhóm X. Nhóm “Chuyên cần”, Nhóm XI. Nhóm “Việc làm khó nhọc”, Nhóm XII. Nhóm “Tìm kiếm”, Nhóm XIII. Nhóm “Những dòng lũ”, Nhóm XIV. Nhóm Sông Hằng tóm lược & Lặp lại, Nhóm XV. Nhóm “Chuyên cần”, Nhóm XVI. Nhóm “Việc làm khó nhọc”, Nhóm XVII. Nhóm “Tìm kiếm”, Nhóm XVIII. Nhóm “Những dòng lũ”; C.47 Liên kết Các nền tảng Chánh niệm, Nhóm I. Nhóm “Ambapàli”, Nhóm II. Nhóm “Alanda”, Nhóm III. Nhóm “Giới hạnh và Tồn tại”, Nhóm IV. Nhóm “chưa từng nghe”, Nhóm V. Nhóm “Bất tử”, Nhóm VI. Nhóm Sông Hằng tóm lược & Lặp lại, Nhóm VII. Nhóm “Chuyên cần”, Nhóm VIII. Nhóm “Việc làm khó nhọc”, Nhóm IX. Nhóm “Tìm kiếm”, Nhóm X. Nhóm “Những

dòng lữ”; C.48 Liên kết Các căn, Nhóm I. Nhóm “Bản Kinh ngắn gọn”, Nhóm II. Nhóm “yếu hơn”, Nhóm III. Nhóm “Sáu căn”, Nhóm IV. Nhóm “Căn sướng”, Nhóm V. Nhóm “Già”, Nhóm VI. Nhóm “Hang heo rừng”, Nhóm VII. Nhóm “Hộ dẫn tới Giác ngộ”, Nhóm VIII. Nhóm Sông Hằng tóm lược & Lặp lại, Nhóm IX. Nhóm “Chuyên cần”, Nhóm X. Nhóm “Việc làm khó nhọc”, Nhóm XI. Nhóm “Tìm kiếm”, Nhóm XII. Nhóm “Những dòng lữ”, Nhóm XIII. Nhóm Sông Hằng tóm lược & Lặp lại, Nhóm XIV. Nhóm “Chuyên cần”, Nhóm XV. Nhóm “Việc làm khó nhọc”, Nhóm XVI. Nhóm “Tìm kiếm”, Nhóm XVII. Nhóm “Những dòng lữ”; C.49 Liên kết Nỗ lực đúng đắn, Nhóm I. Nhóm Sông Hằng tóm lược & Lặp lại, Nhóm II. Nhóm “Chuyên cần”, Nhóm III. Nhóm “Việc làm khó nhọc”, Nhóm IV. Nhóm “Tìm kiếm”, Nhóm V. Nhóm “Những dòng lữ”; C.50 Liên kết Năng lực, Nhóm I. Nhóm Sông Hằng tóm lược & Lặp lại, Nhóm II. Nhóm “Chuyên cần”, Nhóm III. Nhóm “Việc làm khó nhọc”, Nhóm IV. Nhóm “Tìm kiếm”, Nhóm V. Nhóm “Những dòng lữ”, Nhóm VI. Nhóm Sông Hằng tóm lược & Lặp lại, Nhóm VII. Nhóm “Chuyên cần”, Nhóm VIII. Nhóm “Việc làm khó nhọc”, Nhóm IX. Nhóm “Tìm kiếm”, Nhóm X. Nhóm “Những dòng lữ”; C.51 Liên kết Cơ sở Thần thông, Nhóm I. Nhóm “Đền Càbàla”, Nhóm II. Nhóm “Rung chuyển lâu dài”, Nhóm III. Nhóm “Hòn sắt”, Nhóm IV. Nhóm Sông Hằng tóm lược & Lặp lại, Nhóm V. Nhóm “Chuyên cần”, Nhóm VI. Nhóm “Việc làm khó nhọc”, Nhóm VII. Nhóm “Tìm kiếm”, Nhóm VIII. Nhóm “Những dòng lữ”; C.52 Liên kết A-nậu-lâu-đà, Nhóm I. Nhóm “Một mình”, Nhóm II. Nhóm “Một ngàn”; C.53 Liên kết Thiên định, Nhóm I. Nhóm Sông

Hằng tóm lược & Lặp lại, Nhóm II. Nhóm “Chuyên cần”, Nhóm III. Nhóm “Việc làm khó nhọc”, Nhóm IV. Nhóm “Tìm kiếm”, Nhóm V. Nhóm “Những dòng lữ”; C.54 Liên kết Hơi thở vô-ra, Nhóm I. Nhóm “Một giáo pháp”, Nhóm II. Nhóm “Ananda”; C.55 Liên kết Nhập-lưu, Nhóm I. Nhóm “Cổng tre”, Nhóm II. Nhóm “Tịnh xá Hoàng gia” (một ngàn), Nhóm III. Nhóm “Sarakàni”, Nhóm IV. Nhóm “Những dòng phước đức”, Nhóm V. Nhóm “Những dòng Phước đức-có thi kệ”, Nhóm VI. Nhóm “Người có trí”, Nhóm VII. Nhóm “Đại trí”; C.56 Liên kết Bốn Diệu đế, Nhóm I. Nhóm Định tâm, Nhóm II. Nhóm “Chuyển dịch Bánh xe giáo pháp”, Nhóm III. Nhóm “Kotigàma”, Nhóm IV. Nhóm “Rừng Simapà”, Nhóm V. Nhóm “Vực núi”, Nhóm VI. Nhóm “Sự đột phá”, Nhóm VII. Nhóm Gạo sống thứ nhất & Lặp lại, Nhóm VIII. Nhóm Gạo sống thứ hai & Lặp lại, Nhóm IX. Nhóm Gạo sống thứ ba & Lặp lại, Nhóm X. Nhóm Gạo sống thứ ba & Lặp lại, Nhóm XI. Nhóm Năm đến & Lặp lại...; Bảng Viết tắt, Chú thích.

41. BỘ KINH SỚ – 28 Tập

Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh, từ tập 115 – 142

Hội Văn hóa Giáo dục Linh Sơn Đài Bắc xuất bản – 2000

Tập 115, Số 1693, - Chú Kinh Nhân Bản dục sanh; số 1694, - Chú Kinh Âm tri nhập, có 2 quyển Thượng-Hạ; số 1695, - Thuật tán về Phần lý thú Bát-nhã của Kinh đại Bát-nhã Ba-la-mật-đa, có 3 quyển; số 1696, - Đại Phẩm Du ý; số 1697, - Đại Tuệ độ Kinh tông yếu; số 1698, - Kim Cang Bát-nhã Kinh sớ; số 1699, - Kim Cang Bát-nhã Kinh sớ, có 4 quyển; số 1700, - Kinh Kim Cang Bát-nhã tán thuật, có 2 quyển Thượng-Hạ; số 1701, - Kim

Cang Bát-nhã Kinh số luận Toàn yếu, có 2 quyển Thượng-Hạ; số 1702, - Kim Cang Kinh Toàn yếu San định ký, có 7 quyển; số 1703, - Kim Cang Bát-nhã La-mật Kinh chú giải; số 1704, - Lược số Kinh Kim Cang Bát-nhã Ba-la-mật-đa, có 2 quyển Thượng-Hạ.

Tập 116, Số 1705, - Sớ Kinh Nhân vương Hộ quốc Bát-nhã, có 5 quyển; số 1706, - Nhân vương Hộ quốc Bát-nhã Kinh số Thần bảo ký, có 4 quyển; số 1707, - Sớ Kinh Nhân vương Bát-nhã, có 6 quyển; số 1708, - Nhân vương Kinh số, có 3 quyển: Q. Thượng, Phật thuyết Nhân vương Hộ quốc Bát-nhã Ba-la-mật Kinh; Q. Trung, P. Giáo hóa, P. Nhi đế; Q. Hạ, P. Hộ quốc, P. Tán hoa, P. Thọ trì, P. Chúc lụy; số 1709, - Nhân vương Hộ quốc Bát-nhã Ba-la-mật-đa Kinh số, có 3 quyển Thượng, Trung và Hạ.

Tập 117, Số 1710, - Bát-nhã Ba-la-mật-đa Tâm Kinh U tán, có 2 quyển Thượng-Hạ; số 1711, - Chú giải Kinh Bát-nhã Ba-la-mật-đa; số 1712, - Sớ lược Bát-nhã Ba-la-mật-đa Tâm Kinh; số 1713, - Bát-nhã Tâm Kinh lược số Liên châu ký, có 2 quyển Thượng-Hạ; số 1714, - Chú giải Tâm Kinh Bát-nhã Ba-la-mật-đa; số 1715, - Pháp Hoa Kinh nghĩa ký, có 8 quyển, 27 phẩm; số 1716, - Diệu Pháp Liên hoa Kinh Huyền nghĩa, có 10 quyển, Q.1-Q.2.

Tập 118, Số 1716, - Diệu Pháp Liên hoa Kinh Huyền nghĩa (tt), từ Q.3-Q.10; số 1717, - Pháp Hoa Huyền nghĩa Thích thêm, có 20 quyển.

Tập 119, Số 1718, - Văn cú Kinh Diệu pháp Liên hoa, có 10 quyển, 28 phẩm; số 1719, - Pháp Hoa văn cú ký, có 10 quyển, từ Q.1-Q.5.

Tập 120, Số 1718, - Văn cú Kinh Diệu pháp Liên hoa (tt), từ Q.6-Q.10; số 1720, - Pháp Hoa Huyền luận, có 10 quyển; số

1721, - Pháp Hoa Nghĩa số, có 12 quyển, 28 phẩm (từ Q.1-Q.4).

Tập 121, Số 1721, - Pháp Hoa Nghĩa số (tt), từ Q.5-Q.12; số 1722, - Pháp Hoa Du Ý; số 1723, - Huyền Tán Kinh Diệu pháp Liên hoa, có 10 quyển (từ Q.1-Q.5).

Tập 122, Số 1723, - Huyền Tán Kinh Diệu pháp Liên hoa (tt), từ Q.6-Q.10; số 1724, - Pháp Hoa Huyền tán Nghĩa quyết; số 1725, - Pháp Hoa tông yếu; số 1726, - Quán Âm Huyền nghĩa, có 2 quyển Thượng-Hạ; số 1727, - Quán Âm Huyền nghĩa ký, có 4 quyển; số 1728, - Quán Âm Nghĩa số, có 2 quyển Thượng-Hạ; số 1729, - Quán Âm Nghĩa số ký, có 4 quyển; số 1730, - Kinh Tam-muội Kim Cương luận, có 3 quyển Thượng, Trung và Hạ.

Tập 123, Số 1731, - Hoa Nghiêm Du Ý; số 1732, - Đại phương quảng Phật Hoa Nghiêm Kinh - Suru huyền Phân tề Thông trí Phương quĩ, có 5 quyển: Q.1, Thế gian tịnh nhãn, Lô-giá-na Phật, Như Lai danh hiệu, Tứ đế-Quang minh giác, Minh mạng, Thanh tịnh-Hiền thủ; Q.2, Phật thăng Tu-di đảnh, Thập trú-Thập hạnh, Phát tâm Công đức-Minh pháp, Phật thăng Dạ-ma thiên Tự Tại Bồ-tát thuyết kệ, Công đức Hoa tụ Bồ-tát Thập hạnh, Bồ-tát Thập Vô tận tạng, Phật thăng Đâu-suất thiên cung Nhất thiết bảo điện, Đâu-suất thiên cung Bồ-tát vân tập tán Phật, Kim Cang Tràng Bồ-tát hồi hương; Q.3-Q.4, Thập Địa; Q.4, Thập Minh, Thập Nhẫn, Thọ mạng-Bồ-tát trú xứ, Phật Tiểu tướng quang minh Công đức-Phổ Hiền Bồ-tát hạnh, Bảo Vương Như Lai tánh khởi, Lý thế gian; Q.5, Nhập Pháp giới; số 1733, - Hoa Nghiêm Kinh thám Huyền ký, có 20 quyển (từ Q.1-Q.8).

Tập 124, Số 1733, - Hoa Nghiêm Kinh thám Huyền ký (tt), từ Q.9-Q.20; số 1734, - Hoa Nghiêm Kinh văn nghĩa Cương mục

San hành (1); số 1734, - Hoa Nghiêm Kinh văn nghĩa Cương mục (2).

Tập 125, Số 1735, - Đại Phương quảng Phật Hoa Nghiêm Kinh số, có 60 quyển, tập 125, từ Q.1-Q.30.

Tập 126, Số 1735, - Đại Phương quảng Phật Hoa Nghiêm Kinh số (tt), có 60 quyển, tập 126, từ Q.31-Q.60.

Tập 127, số 1736, - Đại Phương quảng Phật Hoa Nghiêm Kinh Tùy số Diễn nghĩa sao, có tất cả 90 quyển, tập 127, từ Q.1-Q.33.

Tập 128, số 1736, - Đại Phương quảng Phật Hoa Nghiêm Kinh Tùy số Diễn nghĩa sao (tt), có tất cả 90 quyển, tập 128, từ Q.34-Q.66.

Tập 129, số 1736, - Đại Phương quảng Phật Hoa Nghiêm Kinh Tùy số Diễn nghĩa sao (tt), có tất cả 90 quyển, tập 129, từ Q.67-Q.90; số 1737, - Đại Hoa Nghiêm Kinh lược sách; số 1738, - Giải thích kệ Chín lần Bảy nơi Kinh Hoa Nghiêm; số 1739, - Tân Hoa Nghiêm Kinh luận, có 40 quyển, tập 129, từ Q.1-Q.10.

Tập 130, Số 1739, - Tân Hoa Nghiêm Kinh luận, có 40 quyển, tập 130, từ Q.11-Q.40; số 1740, - Đại Phương quảng Phật Hoa Nghiêm Kinh; số 1741, - Lược Tích tân Hoa Nghiêm Kinh Tu hành Thứ đệ Quyết nghị luận, có 4 quyển; số 1742, - Đại Phương quảng Phật Hoa Nghiêm Kinh Nguyên hành Quán môn Cốt mục; số 1743, - Huyền Nghĩa Kinh Hoa Nghiêm.

Tập 131, Số 1744, - Thắng-man Bảo quật, có 3 quyển Thượng, Trung và Hạ; số 1745, - Phật thuyết Kinh Vô lượng thọ Nghĩa số, có 2 quyển Thượng-Hạ; số 1746, - Kinh Vô lượng Thọ Nghĩa số; số 1747, - Kinh Vô lượng Thọ tông yếu; số 1748, - Kinh Vô lượng Thọ Liên nghĩa Thuật văn tán, có 3 quyển Thượng, Trung và Hạ; số 1749, - Kinh Quán Vô lượng Thọ Nghĩa số; số 1750, - Phật thuyết Kinh

Quán Vô lượng Thọ Phật số; số 1751, - Kinh Quán Vô lượng Thọ Phật số Diệu tông sao, có 6 quyển; số 1752, - Quán Vô lượng Thọ Kinh nghĩa số; số 1753, - Phật thuyết Kinh Quán Vô lượng Thọ Phật số, có 4 quyển.

Tập 132, Số 1754, - Kinh Quán Vô lượng Thọ Phật nghĩa số, có 3 quyển Thượng, Trung và Hạ; số 1755, - Kinh A-di-đà Nghĩa ký; số 1756, - Kinh A-di-đà Nghĩa thuật; số 1757, - Kinh A-di-đà số; số 1758, - A-di-đà Kinh Thông tán số, có 3 quyển Thượng, Trung và Hạ; số 1759, - Phật thuyết A-di-đà Kinh số; số 1760, - Phật thuyết A-di-đà Kinh số và Lời tựa; số 1761, - Phật thuyết A-di-đà Kinh nghĩa số; số 1762, - Phật thuyết A-di-đà Kinh yếu giải; số 1763, - Đại bát Niết-bàn Kinh Tập giải, có 71 quyển, tập 132, từ Q.1-Q.40.

Tập 133, Số 1763, - Đại bát Niết-bàn Kinh Tập giải (tt), có 71 quyển, tập 133, từ Q.41-Q.71; số 1764, - Đại bát Niết-bàn Kinh Nghĩa ký, có 10 quyển, tập 133, từ Q.1-Q.3.

Tập 134, Số 1764, - Đại bát Niết-bàn Kinh Nghĩa ký (tt), có 9 quyển, tập 134, từ Q.4-Q.10.

Tập 135, Số 1765, - Đại bát Niết-bàn Kinh Huyền nghĩa, có 2 quyển Thượng-Hạ; số 1766, - Niết-bàn Huyền nghĩa Phát nguyện Cơ yếu, có 4 quyển; số 1767, - Đại bát Niết-bàn Kinh số, có 33 quyển: Q.1-Q.2, Kinh Niết-bàn bản Nam; Q.3-Q.5, Thuận-đà; Q.5-Q.6, Ai thán; Q.7-Q.8, Trường thọ; Q.8, Kim Cang thân, Danh tự Công đức; Q.9, Bốn tướng; Q.10, Tứ y; Q.11, Tà chánh, Tứ đế, Tứ đảo, Như Lai tánh; Q.12, Văn tự, Điều dụ, Nguyệt dụ, Bồ-tát; Q.13, Nhất thiết đại chúng sở vấn, Hiện bệnh, Thánh hạnh; Q.14-Q.16, Thánh hạnh; Q.17-Q.19, Phạm hạnh; Q.21, Anh Nhi hạnh; Q.22-Q.23, Đức vương; Q.23-Q.27, Sư tử hống; Q.28-Q.31, Ca-diếp; Q.32-

Q.33, Kiều Trần Như; số 1768, - Niết-bàn Kinh Du ý; số 1769, - Niết-bàn Tông yếu.

Tập 136, Số 1770, - Bản Nguyên Dục Sư Kinh Cổ tích, có 2 quyển Thượng-Hạ; số 1771, - Di-lặc Kinh Du ý; số 1772, - Quán Di-lặc Bồ-tát Thượng sanh Đâu-suất Thiên Kinh tán, có 2 quyển Thượng-Hạ; số 1773, - Di-lặc Thượng sinh Kinh tông yếu; số 1774, - Lời sớ về Ba Kinh Di-lặc, Kinh Thượng sinh Liễu giản ký; số 1775, - Chú giải Kinh Duy-ma-cật, có 10 quyển; số 1776, - Duy-ma Kinh Nghĩa ký, có 4 quyển.

Tập 137, Số 1777, - Duy-ma Kinh Huyền sớ, có 6 quyển; số 1778, - Duy-ma Kinh Lược sớ, có 11 quyển; số 1779, - Duy-ma Kinh Lược sớ Thùy dụ ký, có 10 quyển, tập 137, từ Q.1-Q.5.

Tập 138, Số 1779, - Duy-ma Kinh Lược sớ Thùy dụ ký, có 10 quyển, tập 138, từ Q.6-Q.10; số 1780, - Tịnh Danh Huyền luận, có 8 quyển; số 1781, - Duy-ma-cật Kinh Nghĩa sớ, có 6 quyển; số 1782, - Thuyết Vô câu xung Kinh sớ, có 6 quyển.

Tập 139, Số 1783, - Kim Quang minh Kinh Huyền nghĩa, có 2 quyển Thượng-Hạ; số 1784, - Kinh Kim Quang minh Huyền nghĩa Thập di ký, có 6 quyển; số 1785, - Kinh Kim Quang minh Văn cú, có 6 quyển; số 1786, - Kinh Kim Quang minh Văn cú ký, có 6 quyển; số 1787, - Kinh Kim Quang minh sớ; số 1788, - Kim Quang minh Tội thắng vương Kinh sớ, có 6 quyển: Q.1; Q.2, Như Lai thọ lượng, Q.2-Q.3, Phân biệt tam thân; Q.3, Mộng kiến sám hối; Q.4, Diệt nghiệp chương.

Tập 140, Số 1788, - Kim Quang minh Tội thắng vương Kinh sớ (tt): Q.4, Tịnh địa Đà-la-ni, Liên hoa dụ tán, Kim thắng Đà-la-ni, Trùng hiễn Không tánh, Y không mẫn nguyện; Q.5, Tứ Thiên vương Quán sát nhân thiên, Tứ Thiên vương Hộ quốc, Vô nhiễm trước Đà-la-ni, Đại Biện tài

Thiên nữ, Đại Cát tường Thiên nữ, Đại Cát tường Thiên nữ tăng trưởng tài vật, Kiên Lao địa thần, Tăng Thận Da-dược-xoa Đại tướng thứ 19, Vương pháp Chánh luận; Q.6, Thiên sanh vương, Chư thiên Dục-xoa hộ trì, Thọ ký, Trừ bệnh, Trưởng giả tử Lưu Thủy, Xả thân, Thập phương Bồ-tát tán thán, Diệu Trang Bồ-tát tán thán, Bồ-đề Thọ thần tán thán, Đại biện tài Thiên nữ tán thán, Phó chúc; số 1789, - Lãng-già A-bạt-đa-la Bảo Kinh chú giải, có 4 quyển: từ Q.1-Q.4, Nhất thiết Phật ngữ Tâm; số 1790, - Nhập Lãng-già Tâm huyền nghĩa; số 1791, - Chú Đại thừa Nhập Lãng-già Kinh, có 10 quyển; số 1792, - Phật thuyết Vu Lan bồn Kinh sớ, có 2 quyển; số 1793, - Ôn Thất Kinh nghĩa ký; số 1794, - Lược ghi về Phật giáo Phía Tây truyền đến Huyền hóa ứng vận; số 1794, - Kinh Phật thuyết Tứ thập nhị Chương.

Tập 141, Số 1795, - Kinh Đại Phương quảng Viên giác Tu-đa-la Liễu nghĩa Lược sớ; số 1795, - Lược sớ chú Kinh Đại Phương quảng Viên giác Tu-đa-la Liễu nghĩa Lược sớ, có 2 quyển Thượng-Hạ; số 1796, - Đại Tỳ-lô-giá-na thành Phật Kinh sớ, có 20 quyển: Q.1-Q.3, Nhập môn Chân ngôn trụ Tâm; Q.3, Nhập Mạn-đồ-la Cụ duyên Chân ngôn; Q.4-Q.5, Nhập Mạn-đồ-la Cụ duyên Chân ngôn; từ Q.6-Q.9, Nhập Mạn-đồ-la Cụ duyên; Q.9, Túc chương thứ ba; Q.10, Phổ thông Chân ngôn tạng, Thành tựu thế gian, Tật-địa xuất hiện; Q.12, Tật-địa xuất hiện (tt), Thành tựu Tật-địa, Chuyển tự Luân Mạn-đồ-la hạnh; Q.13, Chuyển tự Luân Mạn-đồ-la hạnh (tt), Mật ấn; Q.14, Mật ấn (tt), Tự luân, Bí mật Mạn-đồ-la; Q.15-Q.16, Bí mật Mạn-đồ-la (tt), Nhập Bí mật Mạn-đồ-la, Nhập vị Bí mật Mạn-đồ-la; Q.17, Bí mật Bát ấn; Trì minh Cấm giới, A-xà-lê, Chân thật trí-Bố tự; Q.18, Bồ-tát giới-

Phẩm thọ Phương tiện Học xứ phẩm, Thọ Phương tiện Học xứ, Bách tự sinh-Bách tự quả Tương ưng; Q.19, Bách tự Vị thành, Bách tự thành tựu trì tụng, Bách tự Chân ngôn pháp, Tánh Bồ-đề, Tam Tam-muội-da hạnh, Như Lai hộ ma; Q.20, Thế xuất thế Pháp hộ ma, Bốn tôn Tam-muội, Vô tướng Tam-muội, Thế xuất thế gian trì tụng-Chúc lụy; số 1797, - Đại Tỳ-lô-già-na Kinh Cúng dường Thứ đệ Pháp sư, có 2 quyển, 5 phẩm: Q. Thượng, Tăng ích Thủ hộ Thanh tịnh hạnh; Q. Hạ, Cúng dường nghi thức, Trì tụng pháp tắc, Chân ngôn sự nghiệp.

Tập 142, Số 1798, - Kim Cương đánh Kinh Đại Du-già Bí mật Tâm địa Pháp môn nghĩa quyết; số 1799, - Kinh Thủ Lăng Nghiêm Nghĩa sơ chú, có 10 quyển; số 1800, - Thỉnh Quán Âm Kinh sơ; số 1801, - Thỉnh Quán Âm Kinh sơ Xiển nghĩa sao, có 4 quyển; số 1802, - Thập Nhất diện Thần chú Tâm Kinh nghĩa sơ; số 1803, - Phật Đánh Tôn thắng Đà-la-ni Kinh Giáo tích nghĩa ký, có 2 quyển Thượng-Hạ. (<https://daitangkinh.org>)

42. BỘ KINH SỚ - Tịnh Độ Tông

Bộ Kinh sớ này gồm có: Kinh A-di-đà (văn vần), A-di-đà Thông Tán sớ, An Lạc tập, Bài kệ Ca ngợi Đức Phật A-di-đà, Bảo vương Tam-muội Niệm Phật Trục chỉ, Du Tâm An lạc Đạo, Giải thích Kinh Quán Vô lượng thọ Phật, Giảng thích Tinh yếu Kinh A-di-đà, Kệ chú Kinh Vô lượng thọ Ưu-bà-đề-xá Nguyên sanh, Kệ lễ Tán sáu thời, Lược luận về nghĩa An lạc Tịnh độ, Phương pháp Niệm Phật, Những Nghi vấn về Pháp môn Tịnh độ, Quán niệm A-di-đà Phật Tướng hải Tam-muội Công đức Pháp môn, Tây phương Yếu quyết Thích nghi Thông quy, Tịnh độ Cảnh quán Yếu môn, Kinh Quán Vô lượng thọ Phật, Kinh Xưng tán Tịnh độ Phật Nhiếp thọ, Kinh Vô

lượng thọ Phật, Kinh Quán Thế Âm Bồ-tát Thọ ký, Kinh Phật thuyết Vô lượng Thanh tịnh Bình đẳng giác, Kinh Đại thừa Vô lượng thọ Trang nghiêm, Kinh A-di-đà, Kinh A-di-đà Tam-da Phật Tát-lâu Phật-đàn Quá độ Nhơn đạo, Kinh A-di-đà Cổ âm thanh Vương Đà-la-ni, Thích Tịnh độ Quán nghi luận, Tây Phương Hiệp Luận, Niệm Phật Tam-muội Bảo vương luận, Luận về Tịnh độ Sanh-Vô sanh, Luận Tịnh độ, Luận Tịnh độ Thập nghi, Luận Kinh Vô lượng thọ. (<https://phatphapungdung.com>)

43. BỘ KINH TẬP – 14 Tập

Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh, từ tập 54 – 69

Hội Văn hóa Giáo dục Linh Sơn Đài Bắc xuất bản – 2000

Tập 54, *Kinh tập I*, từ số 425 – 440; số 425, - Kinh Hiền kiếp, có 8 quyển, 24 phẩm: Q.1, P.1 Hỏi về pháp Tam-muội, P.2 Nói về việc thực hành Tam-muội, P.3 Nêu bốn sự việc của Bồ-tát, P.4 Nói về bậc Pháp sư, P.5 Nói về cúng dường bằng pháp thí; Q.2, P.6 Nói về các Pháp độ vô cực, P.7 Nói về sự tu tập thực hiện các Pháp độ vô cực, P.8 Nói về tính chất vượt mọi biên vực; Q.3, P.9 Nói về sự lãnh hội giữ gìn, P.10 Nói về thần thông, P.11 Nói về ba mươi hai tướng; Q.4, P.12 Nói về tùy thời, P.13 Nói về ba mươi bảy phẩm trợ đạo; Q.5, P.14 Nói về độ vô cực an nhiên tịch tĩnh, P.15 Nói về mười thứ trí lực, P.16 Nói về Bốn Vô sở úy, P.17 Nói về Mười tám pháp Bất cộng, P.18 Nói về phương tiện; Q.6, P.19 Nói về Tám bậc, P.20 Nói về danh hiệu một ngàn Phật; Q.7, P.21 Sự hưng lập của một ngàn vị Phật; Q.8, P.22 Nói về sự phát tâm tu tập của một ngàn vị Phật, P.23 Ca ngợi về các việc xưa, P.24 Giao phó dặn dò; số 426, - Kinh Thiên Phật nhân duyên; số 427, - Kinh Bát

Cát tường thân chú; số 428, - Kinh Bát dương thân chú; số 429, - Kinh Bát bộ Phật danh; số 430, - Kinh Tám điều an lành; số 431, - Kinh Danh hiệu tám đức Phật; số 432, - Kinh Mười điều An lành; số 433, - Kinh Bảo võng; số 434, - Kinh Khen ngợi công đức của chư Phật, có 3 quyển Thượng, Trung và Hạ; số 435, - Kinh Diệt trừ tội tằm trong mười phương; số 436, - Kinh Thọ trì danh hiệu bảy Đức Phật sinh ra công đức; số 437, - Kinh Đại thừa Bảo Nguyệt đồng tử vấn pháp; số 438, - Kinh Đại thừa phương quảng Phật quan, có 2 quyển Thượng-Hạ; số 439, - Kinh Phật thuyết về chư Phật; số 440, - Kinh Phật danh, có 12 quyển.

Tập 55, Kinh tập II, từ số 441 – 467; số 441, - Kinh Phật danh, có 30 quyển; số 442, - Kinh Thập phương thiên ngũ bách Phật danh; số 443, - Kinh Ngũ thiên Ngũ bách Phật danh Thần chú Trừ chướng diệt tội, có 8 quyển; số 444, - Kinh Bách Phật danh; số 445, - Kinh Bất tư nghi công đức chư Phật sở hộ niệm, có 2 quyển Thượng-Hạ; số 446, - Kinh Duyên khởi Tam kiếp Tam thiên Phật; số 447, - Kinh Hiện tại Hiền kiếp Thiên Phật danh; số 448, - Kinh Vị lai Tinh tú kiếp thiên Phật danh; số 449, - Kinh Dược Sư Như Lai bản nguyện; số 450, - Kinh Dược Sư Lưu ly Quang Như Lai bản nguyện Công đức; số 451, - Kinh Dược Sư Lưu ly Quang thất Phật bản nguyện Công đức, có 2 quyển Thượng-Hạ; số 452, - Kinh Quán Di-lặc Bồ-tát Thượng sanh Đâu-suất thiên; số 453, - Kinh Quán Di-lặc Bồ-tát hạ sanh; số 454, - Kinh Di-lặc hạ sanh; số 455, - Kinh Di-lặc hạ sanh Thành Phật; số 456, - Kinh Di-lặc thành Phật; số 457, - Kinh Di-lặc lai thời; số 458, - Kinh Văn-thù-sư-lợi hỏi về Trí tuệ siêu việt của Bồ-tát; số 459, - Kinh Văn-thù hồi lỗi; số 460, - Kinh Văn-thù-sư-lợi tịnh luật, có 4 phẩm: P.1 Nghĩa Chân đế,

P.2 Thánh đế, P.3 Giải luật, P.4 Đạo môn; số 461, - Kinh Văn-thù-sư-lợi hiện Bảo tạng, có 2 quyển Thượng và Hạ; số 462, - Kinh Đại phương quảng Bảo kiếp, có 3 quyển Thượng, Trung và Hạ; số 463, - Kinh Văn-thù-sư-lợi vào Niết-bàn; số 464, - Kinh Văn-thù-sư-lợi vấn Bồ-đề; số 465, - Kinh Già-da sơn đánh; số 466, - Kinh Tịnh xá Tượng Đầu; số 467, - Kinh Đại thừa Già-da sơn đánh.

Tập 56, Kinh tập III, từ số 468 – 489; số 468, - Kinh Văn-thù-sư-lợi vấn, có 2 quyển, 17 phẩm: Quyển Thượng, P.1 Tựa, P.2-3 Bồ-tát giới, P.4 Vô ngã, P.5 Niết-bàn, P.6-7 Bát-nhã Ba-la-mật hữu dư khí, P.8-9 Đi lại Trung đạo Bát-nhã Ba-la-mật, P.10-11 Giới thế gian, Giới xuất thế gian, P.12-13 Giới thượng xuất thế gian, Bồ-tát thọ giới, P.14 Tự mẫu; Quyển Hạ, P.15 Phân biệt bộ, P.16 Tựa vấn, P.17 Chúc lụy; số 469, - Kinh Văn-thù vấn Tự mẫu; số 470, - Kinh Văn-thù-sư-lợi tuần hành; số 471, - Kinh Văn-thù-sư-lợi hành; số 472, - Kinh Đại thừa Thiện kiến Biến hóa Văn-thù-sư-lợi vấn pháp; số 473, - Kinh Diệu Cát Tường Bồ-tát sở vấn Đại thừa pháp loa; số 474, - Kinh Duy-ma-cật, có 2 quyển Thượng-Hạ, 14 phẩm: Quyển Thượng, P.1 Phật quốc, P.2 Thiện quyền, P.3 Đệ tử, P.4 Bồ-tát, P.5 Đàm luận, P.6 Bất tư nghi; Quyển Hạ, P.7 Quán nhân vật, P.8 Chứng tánh và Như Lai, P.9 Nhập vào bất nhị, P.10 Phật Hương tích, P.11 Việc làm của Bồ-tát, P.12 Thấy Phật A-súc, P.13-14 Cúng dường Phật, ký thác Di-lặc; số 475, - Kinh Duy-ma-cật sở thuyết: P.1-2 Tịnh độ, P.3 Đệ tử, P.4 Bồ-tát, P.5 Thăm bệnh, P.6-7 Bất khả tư nghi-Quan sát chúng sinh, P.8-9 Đường đi của Phật-Hội nhập pháp môn Bất nhị, P.10-11 Nhìn Phật bất động-Hiến cúng bằng pháp; số 476, - Kinh Thuyết Vô câu xưng, có 6 quyển, 13 phẩm: Q.1, P.1 Tựa, P.2 Hiện

bày phương tiện thiện xảo bất khả tư nghì, P.3 Thanh văn, P.4 Bồ-tát; Q.3, P.5 Thăm bệnh, P.6 Bất tư nghì; Q.4, P.7 Hữu tình, P.8 Bồ-đề phần, P.9 Pháp môn Bất nhị; Q.5, P.10 Phật Hương đài, P.11 Bồ-tát hạnh; Q.6, P.12 Quán Như Lai, P.13 Cúng dường pháp, Chúc lụy; số 477, - Kinh Đại phương đẳng Đảnh vương; số 478, - Kinh Đại thừa Đảnh vương; số 479, - Kinh Đồng tử Thiện Tư, có 2 quyển Thượng-Hạ; số 480, - Kinh Nguyệt Thượng nữ, có 2 quyển Thượng-Hạ; số 481, - Kinh Bồ-tát Trì Nhân, có 4 quyển, 14 phẩm: Q.1, P.1 Bốn pháp, P.2 Phật diệu tuệ siêu vương, P.3-4 Vua Trì thí-Mười tám chủng tánh, P.5-6 Hiểu rõ về ba cõi, P.7 Mười hai nhân duyên; Q.3, P.8 Ba mươi bảy phẩm; Q.4, P.9-10 Thế gian và xuất thế gian-Hữu vi và vô vi, P.11-12 Bồ-tát Bảo Quang-Bản sự, P.13-14 Nhóm Bạt-đà-hòa, Chúc lụy; số 482, - Kinh Trì thế; số 483, - Kinh Tam-mạn-đà Bạt-đà-la Bồ-tát; số 484, - Kinh Bồ-tát Bất tư nghì quang sở thuyết; số 485, - Kinh Vô sở hữu Bồ-tát; số 486, - Kinh Bồ-tát Sư tử trang nghiêm vương thỉnh vấn; số 487, - Kinh Bồ-tát Ly Cấu Tuệ hỏi về cách thức lễ Phật; số 488, - Kinh Bảo Thọ Bồ-tát Bồ-đề hạnh; số 489, - Kinh Trừ cái chướng Bồ-tát sở vấn.

Tập 57, Kinh tập IV, từ số 490 – 584; số 490, - Kinh Tám vị Đại Bồ-tát; số 491, - Kinh Sáu Bồ-tát cũng nên trì tụng; số 492, - Kinh A-nan hỏi sự cát hung việc thờ Phật; số 493, - Kinh A-nan Tứ sự; số 494, - Kinh A-nan thất mộng; số 495, - Kinh A-nan Phân biệt; số 496, - Kinh Đại Ca-diếp bản; số 497, - Kinh Ma-ha Ca-diếp độ bản mẫu; số 498, - Kinh Sơ phần thuyết, có 2 quyển Thượng-Hạ; số 499, - Kinh A-chi-la Ca-diếp tự hóa tác khổ; số 500, - Kinh La Vân nhần nhục; số 501, - Kinh Tỳ-kheo Sa Hạt công đức; số 502, - Kinh Phật vị niên thiếu Tỳ-kheo thuyết Chánh sự; số 503, -

Kinh Tỳ-kheo Tỳ nữ ô danh dục tự sát; số 504, - Kinh Tỳ-kheo Thính thí; số 505, - Kinh Tùy Dững tôn giả; số 506, - Kinh Kiên-đà quốc vương; số 507, - Kinh Vị Sinh Oán; số 508, - Kinh A-xà-thế vương ngũ nghịch; số 509, - Kinh A-xà-thế được Thọ ký; số 510, - Kinh Thái Hoa Vi vương Thượng Phật thọ quyết hiệu Diệu Hoa; số 511, - Kinh Bình-sa vương ngũ nguyện; số 512, - Kinh Tịnh Phạm vương bát Niết-bàn; số 513, - Kinh Lưu Ly vương; số 514, - Kinh Giác vương; số 515, Kinh Như Lai thị giáo Thắng Quân vương; số 516, - Kinh Thắng quân vương sở vấn; số 517, - Kinh Lạt-ma vương; số 518, - Kinh Chiên-đà-việt quốc vương; số 519, - Kinh Ma-đạt quốc vương; số 520, - Kinh Tát-la quốc; số 521, - Kinh Phạm-ma-nan quốc vương; số 522, - Kinh Phổ Đạt vương; số 523, - Kinh Ngũ vương; số 524, - Kinh Phật vị Ưu-điền vương thuyết vương pháp chánh luận; số 525, - Kinh Trưởng giả tử Áo nảo Tam xứ; số 526, - Kinh Trưởng giả Tử Chê; số 527, - Kinh Thệ đồng tử; số 528, - Kinh Bồ-tát thệ; số 529, - Kinh A-cuu-lưu; số 530, - Kinh Tu-ma-đề trưởng giả; số 531, - Kinh trưởng giả Âm Duyệt; số 532, - Kinh Bồ-tát Sinh Địa; số 533, - Kinh Tư-ha-muội; số 534, - Kinh Nguyệt Quang đồng tử; số 535, - Kinh Thân nhật; số 536, - Kinh Thân nhật Nhi bản; số 537, - Kinh Việt-nan; số 538, - Kinh Ha-điều A-na-hàm; số 539, - Kinh Lô Chí trưởng giả nhân duyên; số 540, - Kinh Thọ Đề-già; số 541, - Kinh Phật Tăng đại; số 542, - Kinh Da-kỳ; số 543, - Kinh Cự Lực trưởng giả sở vấn Đại thừa, có 3 quyển Thượng, Trung và Hạ; số 544, - Kinh Biện ý trưởng giả tử sở vấn; số 545, - Kinh Đức Hộ trưởng giả, có 2 quyển Thượng-Hạ; số 546, - Kinh Đồng tử Kim Diệu; số 547, - Kinh trưởng giả Đại Hoa Nghiêm hỏi Phật về sức Na-la-diên; số 548, - Kinh Đồng tử

Kim Quang vương; số 549, - Kinh Nhân duyên Quang Minh đồng tử, có 4 quyển; số 550, - Kinh Kim Sắc đồng tử Nhân duyên, có 12 quyển; số 551, - Kinh Nữ Ma-đăng; số 552, - Kinh Ma-đăng nữ giải hình trong sáu việc; số 553, - Kinh Nhân duyên Nại-nữ và Kỳ-vực; số 554, - Kinh Nại-nữ và Kỳ-bà; số 555, - Kinh Ngũ mẫu tử; số 556, - Kinh Thất Nữ; số 557, - Kinh Long Thí nữ; số 558, - Kinh Long Thí Bồ-tát bản khởi; số 559, - Kinh Lão nữ nhân; số 560, - Kinh Lão mẫu nữ Lục Anh; số 561, - Kinh Lão mẫu; số 562, - Kinh Vô Cấu hiền nữ; số 563, - Kinh Bé gái trong bụng mẹ nghe kinh; số 564, - Kinh Chuyển thân nữ; số 565, - Kinh Thuận quyền phương tiện, có 4 phẩm: P.1 Pháp Sa-môn, P.2 Chứng ngộ chân lý, P.3 Khất thực, P.4 Tên gọi giả; số 566, - Kinh Lạc Anh lạc Trang nghiêm Phương tiện; số 567, - Kinh Phạm chí nữ Thủ ý; số 568, - Kinh Hữu Đức nữ sở vấn Đại thừa; số 569, - Kinh Tâm minh; số 570, - Kinh Hiền Thủ; số 571, - Kinh Phụ nhân ngộ cô; số 572, - Kinh Vợ trưởng giả Pháp Chí; số 573, - Kinh Thọ ký Sai-ma-bà-đê; số 574, - Kinh Nữ kiên cô; số 575, - Kinh Đại phương đẳng Tu-đa-la vương; số 576, Kinh Chuyển hữu; số 577, Kinh Đại thừa lưu chuyển chư hữu; số 578, - Kinh Ưu-bà-di Vô Cấu vấn; số 579, - Kinh Ưu-bà-di Tịnh hạnh Pháp môn, có 2 quyển Thượng-Hạ, 3 phẩm: P.1 Tu hành, P.2 Tu học, P.3 Diêm lành; số 580, - Kinh Trưởng giả nữ Yêm-đê-già Sư tử hồng liễu nghĩa; số 581, - Kinh Bát sư; số 582, - Kinh Tôn-đa-da trí; số 583, - Kinh Hắc Thị Phạm chí; số 584, - Kinh Trường Trảo Phạm chí thỉnh vấn.

Tập 58, Kinh tập V, từ số 585 – 605; số 585, - Kinh Trì Tâm Phạm thiên sở vấn, có 4 quyển, 18 phẩm: Q.1, P.1 Ánh sáng của Bồ-tát Minh Võng, P.2 Bốn pháp, P.3

Phân biệt lời nói pháp, P.4 Hiểu rõ các pháp; Q.2, P.5 Nêu vấn nạn, P.6 Thưa hỏi, P.7 Đàm luận; Q.3, P.8 Luận tịch, P.9 Lục hạnh, P.10 Chí nguyện Đại thừa, P.11 Hành đạo, P.12-13 Khen ngợi-Khen ngợi công đức, P.14 Đăng hạnh; Q.4, P.15 Thọ ký thiên tử hiện bất thoái chuyển, P.16 Kiến lập pháp, P.17-18 Chư thiên khen ngợi-Chúc lụy; số 586, - Kinh Tư Ích Phạm thiên sở vấn, có 3 quyển, 18 phẩm: Q.1, P.1 Tựa, P.2 Bốn hạnh, P.3 Phân biệt, P.4 Hiểu rõ các pháp; Q.2, P.4 Hiểu rõ các pháp (tt), P.5 Nêu vấn nạn, P.6 Vấn đàm; Q.3, P.7 Đàm luận, P.8 Luận tịch, P.9 Lục hạnh, P.10 Chí Đại thừa, P.11 Hành đạo, P.12-13 Xung tán-Ca ngợi công đức, P.14 Đăng hạnh, P.15 Thọ ký thiên tử Bất thoái chuyển, P.16 Kiến lập pháp, P.17-18 Chư thiên tán thán-Chúc lụy; số 587, - Kinh Thắng tư duy Phạm thiên sở vấn, có 6 quyển; số 588, - Phật thuyết Tu chân Thiên tử Kinh, có 4 quyển, 10 phẩm: Q.1, P.1 Thưa hỏi về bốn việc; Q.2, P.2 Đáp về nghĩa pháp, P.3 Nói về pháp thuần thực, P.4 Nói về Thanh văn; Q.3, P.5 Nói về vô úy, P.6 An trụ nơi đạo, P.7 Hạnh Bồ-tát, P.8 Phân biệt; Q.4, P.9 Kệ tán, P.10 Nói về các thứ đạo; số 589, - Phật thuyết Ma nghịch Kinh; số 590, - Phật thuyết Tứ thiên vương Kinh; số 591, - Kinh Thương chủ Thiên tử sở vấn; số 592, - Kinh Thiên thỉnh vấn; số 593, - Kinh Phật vì Thiên tử Thắng Quang thuyết Vương pháp; số 594, - Thuyết đại Tự tại Thiên tử Nhân đại Kinh; số 595, - Kinh Ta-miệt-năng Pháp Thiên tử thọ Tam quy y khỏi sanh ác đạo; số 596, - Thiên vương Thái tử Tích-la Kinh; số 597, - Kinh Long vương Huynh đệ; số 598, - Hải Long vương Kinh, có 4 quyển, 20 phẩm: Q.1, P.1 Hạnh, P.2-3 Phân biệt, P.4 Vô tận tạng; Q.2, P.5 Tổng trì, P.6 Tổng trì thân, P.7 Tổng trì môn, P.8-9 Phân biệt danh; Q.3, P.10 Thính

Phật, P.11 Mười Đức sáu Độ, P.12 A-tu-la Yền Cư được thọ ký, P.13 Vua rồng Vô Phần được thọ ký, P.14 Nữ Bảo Cầm được thọ ký, P.15 Trời Đế thích; Q.4, P.16 Kim Sí Điều, P.17 Xá-lợi, P.19 Không tịnh, P.20 Chúc lụy thọ trì; số 599, - Kinh Phật vì Hải Long vương thuyết Pháp ấn; số 600, - Kinh Thập thiện Nghiệp đạo; số 601, - Kinh Phật vì Ta-già-la Long vương sở thuyết Đại thừa; số 602, - Kinh Đại An Ban thủ ý, có 2 quyển Thượng-Hạ; số 603, - Kinh Âm trì nhập, có 2 quyển Thượng-Hạ; số 605, - Kinh Thiên hành pháp tướng.

Tập 59, Kinh tập VI, từ số 606 – 625; số 606, - Kinh Con đường Tu hành, có 6 quyển, 30 phẩm: Q.1, P.1 Tập tán, P.2-3 Góc năm Âm, P.4-5 Phân biệt năm Âm; Q.2, P.6-7 Từ, Trừ sợ hãi, P.8 Phân biệt hành tướng; Q.3, P.9 Khuyến ý, P.10-11 Lìa điên đảo, Hiểu rõ thức ăn, P.12-16 Phục thắng các căn-Nhẫn nhục, P.17-18 Nghĩ về đời trước-Biết tâm niệm người, P.19 Địa ngục; Q.4, P.20 Khuyến duyệt, P.21 Hành không; Q.5, P.22 Thần túc, P.23 Số túc; Q.6, P.24 Quán, P.25 Học địa, P.26-27 Bậc Vô học-Vô học, P.28 Tu hành của ba bậc đệ tử, P.29-30 Duyên Giác; số 607, - Kinh Đạo địa, có 7 chương (C): C.1-3, Xét về loại-Biết năm âm Tuệ-Tùy thuộc hoàn toàn vào ứng tướng; C.4-5, Năm âm Phân biệt liên chận đứng được năm loại thành bại; C.6-7, Hạnh thần túc-Năm mươi lăm thứ quán; số 608, - Kinh Tiểu đạo địa; số 609, - Kinh Thiên yếu; số 610, - Kinh Quán chương cú trong thân; số 611, - Kinh Quán pháp; số 612, - Kinh Quán thân; số 613, - Kinh Pháp thiên Bí yếu, có 3 quyển Thượng, Trung và Hạ; số 614, - Kinh Tọa thiên Tam-muội, có 2 quyển Thượng-Hạ; số 615, - Kinh Bồ-tát Ha Sắc dục pháp; số 616, - Thiên pháp yếu giải, có 2 quyển Thượng-Hạ; số 617, - Tu

Duy lược yếu; số 618, - Kinh Thiên Đạt-ma-đa-la; số 619, - Ngũ môn Thiên Kinh yếu dụng pháp; số 620, - Pháp Bí yếu trị bệnh thiên, có 2 quyển Thượng-Hạ; số 621, - Kinh Phật ấn Tam-muội; số 622, - Kinh Tự thệ Tam-muội; số 623, - Kinh Như Lai độc chứng Tự thệ Tam-muội, có 3 quyển Thượng, Trung và Hạ; số 624, - Kinh Thuần Chân-đà-la sở vấn Như Lai tam-muội, có 3 quyển Thượng, Trung và Hạ; số 625, - Kinh Đại Thọ Khẩn-na-la vương sở vấn, có 3 quyển.

Tập 60, Kinh tập VII, từ số 626 – 639; số 626, - Kinh A-xà-thế vương, có 2 quyển Thượng-Hạ; số 627, - Kinh Văn-thù-sư-lợi phổ siêu tam-muội, có 3 quyển Thượng, Trung và Hạ, 13 phẩm: Quyển Thượng, P.1 Chánh sĩ, P.2 Hóa Phật, P.3 Cử bát; Quyển Trung, P.4 Đồng ấu, P.5 Không tôi ta, P.6 Tổng trì, P.7-8 Tam tạng-Bất thoái chuyển luân, P.9 Biển Đông; Quyển Hạ, P.10 Quyết nghị, P.11 Tâm bản tịnh, P.12-13 Nguyệt Thủ thọ quyết-Chúc lụy; số 628, - Kinh Vị Tăng hữu Chánh pháp, có 6 quyển; số 629, - Kinh Phóng bát; số 630, - Kinh Thành cụ quang minh định ý; số 631, - Kinh Pháp luật tam-muội; số 632, - Kinh Tuệ ấn tam-muội; số 633, - Như Lai ấn trí Kinh; số 634, - Đại thừa Trí ấn Kinh, có 5 quyển; số 635, - Kinh Hoàng đạo quảng hiển Tam-muội, có 4 quyển, 12 phẩm: Q.1, P.1 Được Trí Tâm rộng lớn, P.2 Thanh tịnh đạo, P.3 Đạo vô tập; Q.2, P.4 Thỉnh Như Lai, P.5 Hạnh vô dục; Q.3, P.6 Lòng tin gặp pháp, P.7 Chuyển bánh xe pháp, P.8 Giải quyết các nghi quyết; Q.4, P.9 Pháp Nhẫn không khởi, P.10 Các Pháp yếu, P.11 Thọ phong báu, P.12 Chúc lụy Pháp tạng; số 636, - Kinh Vô cực Bảo Tam-muội, có 2 quyển Thượng-Hạ; số 637, - Kinh Bảo Như Lai Tam-muội, có 2 quyển Thượng-Hạ; số 638, - Kinh Siêu nhật minh Tam-muội, có 2 quyển Thượng-

Hạ; số 639, - Kinh Nguyệt đấng Tam-muội, có 5 quyển.

Tập 61, Kinh tập VIII, từ số 639 – 656; số 639, - Kinh Nguyệt đấng Tam-muội (tt), từ Q.6-Q.10; số 640-641, - Kinh Nguyệt đấng Tam-muội (tt); số 642, - Kinh Thủ Lăng Nghiêm Tam-muội, có 2 quyển Thượng-Hạ; số 643, - Quán Phật Tam-muội hải Kinh, có 10 quyển, 12 phẩm: Q.1, P.1 Sáu Ví dụ, P.2 Trình bày Quán địa, P.3 Quán tướng; Q.2-Q.4, P.3 Quán tướng (tt); Q.5, P.4 Quán Phật tâm; Q.6, P.5 Quán Bốn tâm vô lượng, P.6 Quán Bốn oai nghi; Q.7, P.6 Quán Bốn oai nghi (tt); Q.8, P.7 Quán Mã vương tàng; Q.9, P.8-9 Bản hạnh-Quán tượng; Q.10, P.10-11 Niệm bảy Đức Phật-Niệm mười phương Phật, P.12 Quán mật hạnh của Đức Phật; số 644, - Kinh Kim cang Tam-muội Bản tánh Thanh tịnh bất hoại biến diệt; số 645, - Kinh Bất tất định Nhập định Nhập ân; số 646, - Kinh Nhập định Bất định ân; số 647, - Kinh Lục Trang nghiêm Tam-muội, có 3 quyển Thượng, Trung và Hạ; số 648, - Kinh Tịch chiếu Thần biến Tam-ma-địa; số 649, - Kinh Quan sát chư Pháp hạnh, có 4 quyển, 3 phẩm: Q.1, P.1 Hạnh Phương tiện khéo Vô biên; Q.2, P.2 Siêng năng đời trước; Q.3, P.2 Siêng năng đời trước (tt); Q.3-Q.4, P.3 Thọ ký; số 650, - Kinh chư Pháp vô hành, có 2 quyển Thượng-Hạ; số 651, - Kinh Các pháp vốn Không, có 2 quyển Thượng-Hạ; số 652, - Kinh Đại thừa Tùy chuyển tuyên thuyết chư Pháp, có 3 quyển Thượng, Trung và Hạ; số 653, - Kinh Phật tạng, có 3 quyển, 17 phẩm: Q.1, P.1 Thật tướng của các Pháp, P.2-3 Niệm Phật-Niệm Pháp, P.4 Niệm Tăng, P.5 Tịnh giới; Q.2, P.5 Tịnh giới (tt), P.6 Pháp Thanh tịnh, P.7 Thời xa xưa; Q.3, P.8 Kiến tịnh, P.9 Liễu giới, P.17 Chúc lụy; số 654, - Nhập Vô phân

biệt Pháp môn Kinh; số 655, - Kinh Thắng nghĩa Không.

Tập 62, Kinh tập IX, từ số 656 – 657; số 656, - Kinh Bồ-tát Anh Lạc, có 14 quyển, 45 phẩm: Q.1, P.1 Nêu bày khắp chốn, P.2 Nói về pháp thức Định, P.3 Trang nghiêm cây Bồ-đề; Q.2, P.4 Long vương tắm Thái tử, P.5 Nói về các pháp môn Anh Lạc; Q.3, P.6 Cảnh giới của Thức, P.7 Chư Phật khuyến trợ, P.8 Như Lai; Q.4, P.9 Âm hưởng, P.10-11 Nhân duyên, P.12-13 Bốn Thánh đế; Q.5, P.14-15 Chúng sinh và Phật-Nói về gốc ngọn, P.16-17 Chẳng phải có Thức-Không thức; Q.6, P.18 Đạt đến vô lượng; Q.7, P.19 Hành hóa thuận hợp, P.20 Ánh hào quang, P.21 Vô tướng; Q.8, P.22 Không còn dấy Thức vương chấp, P.23 Nhận sự khuyến hành của Tôn giả Ca-diếp, P.24 Pháp Hữu hành; Q.9, P.25-26 Thọ nhận-Dứt hết tham chấp vương mắc, P.27-28 Trí Thanh tịnh dứt trừ cấu nhiễm-không gián đoạn; Q.10, P.29 Hiền thánh tập hợp đông đủ, P.30 Ba đường ba Thừa; Q.11, P.31 Cúng dường Xá-lợi, P.32 Thí dụ, P.33 Pháp tướng ba đời, P.34 Thanh tịnh; Q.12, P.35-36 Thích-đề Hoàn-nhân hỏi Phật-Gốc của mọi nẻo hành hóa; Q.13, P.37-38 Lãnh hội chánh pháp-Thiên tử cõi trời Tịnh Cư hỏi pháp; Q.14, P.39 Pháp giới trong mười phương, P.40-41 Mười trí-Thuận hợp thời, P.42-43 Mười pháp chẳng thể nghĩ bàn-Vô ngã, P.44 Các Thừa-vô ngã, P.45 Ba cõi-vô ngã; số 657, - Kinh Phật thuyết Hoa Thủ, có 9 quyển, 35 phẩm: Q.1, P.1 Mở đầu, P.2-3 Nói về thân lực-Bồ-tát Vông Minh, P.4-5 Nói về tướng Như-sự bất tín; Q.2, P.6-7 Nói về niệm xứ-Bồ-tát phát tâm tức chuyển pháp luân, P.8-9 Thể hiện sự biến hóa-Điều lực của Như Lai, P.10-11 Nói về Công đức-Nói về Phát tâm; Q.3, P.12 Nói về Bồ-tát Vô Ưu, P.13 Trung thuyết, P.14 Tổng tướng; Q.4, P.15 Thể

giới thượng Thanh tịnh, P.16 Tung rải hoa cúng dường; Q.5, P.17 Thế giới chúng tướng, P.18 Các phương khác; Q.6, P.19 Các pháp Tam-muội, P.20 Cầu pháp, P.21-22 Ca ngợi Công đức-Chứng nghiệm tâm Bồ-tát-cầu pháp; Q.7, P.23 Vương tử Đắc Niệm, P.24-25 Chánh kiến-Ca ngợi chỉ giáo, P.26 Nói về sự hủy hoại tâm Bồ-tát; Q.8, P.27 Nói về nhiều thứ pháp, P.28-29 Các thứ pháp thâm diệu-Nói về sự nghịch thuận; Q.9, P.30 Không thoái chuyển, P.31 Cầu pháp, P.32-33 Ca ngợi chúng hội-Thượng kiên đức, P.34 Pháp môn, P.35 Dặn dò giao phó.

Tập 63, Kinh tập X, từ số 658 – 665; số 658, - Kinh Bảo Vân, có 7 quyển; số 659, - Kinh Đại thừa Bảo Vân, có 7 quyển, 7 phẩm: Q.1, P.1 Tựa, P.2 Mười Ba-la-mật; Q.2, P.2 Mười Ba-la-mật (tt); Q.3, P.3 Bình đẳng; Q.4, P.4 Đà-la-ni; Q.5, P.5 An lạc hạnh; Q.6, P.6 Nhị đế; Q.7, P.7 Bảo tích; số 660, - Kinh Bảo Vũ, có 10 quyển; số 661, - Kinh Đại thừa Bách phước tướng; số 662, - Kinh Đại thừa Bách phước Trang nghiêm tướng; số 663, - Kinh Kim Quang Minh, có 2 quyển, 10 phẩm: Q.1, P.1 Tựa, P.2-3 Thọ lượng-Sám hối, P.4 Tán thán, P.5 Không; Q.2, P.6 Tứ thiên vương, P.7-9 Đại Biện thiên, P.10-11 Quý thần Tán chỉ-Chánh luận, P.12-13 Thiện tập-Quý thần, P.14-15 Thọ ký-Trừ bệnh, P.16-17 Trưởng giả Lưu Thủy-Xả thân, P.18-19 Tán thán-Chúc lụy; số 664, - Kinh Kim Quang Minh Hợp bộ, có 8 quyển, 24 phẩm: Q.1, P.1 Tựa, P.2 Thọ mạng vô lượng, P.3 Phân biệt về ba thân; Q.2, P.4 Sám hối, P.5 Nghiệp chướng diệt; Q.3, P.6 Đà-la-ni Tồi tịnh địa; Q.4, P.7 Tán thán, P.8 Không, P.9 Y không mãn nguyện; Q.5, P.10 Tứ Thiên vương; Q.6, P.11-12 Ngân chủ Đà-la-ni-Đại Biện thiên, P.13-14 Công Đức thiên-Kiên Lao Địa thần, P.15-16 Tán Chỉ quý thần-Chánh

luận; Q.7, P.17 Thiện tập, P.18 Quý thần, P.19-20 Thọ ký-Trừ bệnh, P.21 Con ông Trưởng giả Lưu Thủy; Q.8, P.22 Xả bỏ thân mạng, P.23 Tán Phật, P.24 Phú chúc; số 665, - Kinh Kim Quang Minh Tồi Thắng Vương, có 10 quyển, 31 phẩm: Q.1, P.1 Tựa, P.2 Tuổi thọ của Như Lai; Q.2, P.3 Phân biệt ba thân, P.4 Mơ thấy trống vàng sám hối; Q.3, P.5 Diệt nghiệp chướng; Q.4, P.6 Đà-la-ni Tồi tịnh địa; Q.5, P.7 Liên hoa dụ tán, P.8-9 Đà-la-ni Kim thắng-Trùng hiền không tính, P.10 Y không mãn nguyện-Trùng hiền không tính, P.11 Tứ Thiên vương quán sát nhân thiên; Q.6, P.12 Tứ Thiên vương Hộ quốc; Q.7, P.13-14 Đà-la-ni vô nhiễm trước-Như ý bảo châu, P.15 Thiên nữ Đại Biện tài; Q.8, P.15 Thiên nữ Đại Biện tài (tt), P.16-17 Thiên nữ Đại Cát tường-Tăng trưởng tài vật, P.18-19 Địa thần Kiên Lao-Đại tướng Dược-xoa Thận-nhĩ-đa, P.20 Chánh luận Vương pháp; Q.9, P.21 Vua Thiện Sinh, P.22 Chư thiên Dược-xoa Hộ trì, P.23-24 Thọ ký-Trừ bệnh, P.25 Trưởng giả Lưu Thủy; Q.10 P.26 Xả bỏ thân mạng, P.27-28 Bồ-tát được mười phương tán thán-Bồ-tát Diệu Trang khen ngợi, P.29-31 Thần cây Bồ-đề khen ngợi-Thiên nữ Đại Biện tài khen ngợi, Phú chúc.

Tập 64, Kinh tập XI, từ số 666 – 673; số 666, - Kinh Đại phương đẳng Như Lai tạng; số 668, - Kinh Không tăng không giảm; số 669, - Kinh Vô thượng y, có 2 quyển, 7 phẩm: Quyền Thượng, P.1 Sự suy lường công đức, P.2 Như Lai giới, P.3 Bồ-đề; Quyền Hạ, P.4 Công đức của Như Lai, P.5-7 Việc của Như Lai-khen ngợi-Chúc lụy; số 670, - Kinh Lăng-già A-bạt-đa-la Bảo, có 4 quyển, 4 phẩm: P.1-4 Nhất thiết Phật ngữ tâm; số 671, - Kinh Nhập Lăng-già, có 10 quyển, 18 phẩm: Q.1, P.1 Thỉnh Phật, P.2 Vấn đáp; Q.2, P.3 Tập hợp tất cả pháp Phật; Q.3, P.3 Tập hợp tất cả

pháp Phật (tt); Q.4, P.3 Tập hợp tất cả pháp Phật (tt); Q.5, P.4 Phật tâm; Q.6, P.5 Lô-ca-da-đa, P.6-7 Niết-bàn-Pháp thân; Q.7, P.8-9 Vô thường-Nhập đạo, P.10-11 Thừa hỏi Như Lai là thường hay vô thường-Phật tánh, P.12-13 Năm pháp môn-Hằng-hà-sa; Q.8, P.14-15 Sát-na, P.16-17 Ngăn ăn thịt-Đà-la-ni; Q.9-Q.10, P.18 Tổng trì; số 672, - Kinh Đại thừa nhập Lăng-già, có 7 quyển, 10 phẩm: Q.1, P.1 La-ba-na vương thỉnh pháp, P.2 Sự tập hợp tất cả các pháp; Q.3, P.2 Sự tập hợp tất cả các pháp (tt); Q.4, P.3 Vô thường; Q.5, P.3 Vô thường (tt), P.4-5 Hiện chứng-Tính chất thường và vô thường của Như Lai, P.6 Sát-na; Q.6, P.7 Sự biến hóa, P.8 Không ăn thịt, P.9-10 Đà-la-ni, Kệ tụng; Q.7, P.10 Kệ tụng; số 673, - Kinh Đại thừa Đồng tánh, có 2 quyển Thượng-Hạ. (<https://daitangkinh.org>)

Tập 65, Kinh tập XII, từ số 674 – 720; số 674, - Kinh Chứng khế Đại thừa, có 2 quyển Thượng-Hạ; số 675, - Kinh Thâm mật Giải thoát, có 5 quyển, 11 phẩm: Q.1, P.1-2 Tựa Quy mạng Đức Phật Thích-ca Mâu-ni, P.3-4 Thánh giả Đàm-vô-kiệt thừa hỏi, P.5-6 Tuệ Mạng Tu-bồ-đề thừa hỏi-Thánh giả Bồ-tát Quảng Tuệ thừa hỏi; Q.2, P.7 Thánh giả Bồ-tát Công Đức Lâm thừa hỏi, P.8 Thánh giả Bồ-tát thành tựu Đệ nhất nghĩa thừa hỏi; Q.3, P.9 Thánh giả Bồ-tát Công Đức Lâm thừa hỏi; Q.4, P.9 Thánh giả Bồ-tát Di-lặc thừa hỏi, P.10 Thánh giả Bồ-tát Quán thế Tự Tại thừa hỏi; Q.5, P.10 Thánh giả Bồ-tát Quán thế Tự Tại thừa hỏi (tt); số 676, - Kinh Giải Thâm mật, có 5 quyển, 8 phẩm: Q.1, P.1-3 Mở đầu-Thắng nghĩa-Tâm thức; từ Q.2, P.4 Tự tánh-Vô tánh; từ Q.3, P.6 Du-già; Q.4, P.7 Đại độ; Q.5, P.8 Phật sự; số 677, - Kinh Giải tiết, có 4 phẩm: P.1 Bất khả ngôn vô nhị, P.2 Vượt hơn cảnh giới giác quán, P.3 Quán Nhất dị, P.4 Nhất vị; số

678, - Kinh Tương tục giải thoát Đại Ba-la-mật Liễu nghĩa; số 679, - Kinh Tương tục Giải thoát Như Lai sở tác Tùy thuận xứ Liễu nghĩa; số 680, - Kinh Phật địa; số 681, - Kinh Đại thừa Mật nghiêm, có 3 quyển, 8 phẩm: Quyển Thượng, P.1 Hội Mật nghiêm, P.2 Diệu thân sinh; Quyển Trung, P.2 Diệu thân sinh (tt), Nhập mật nghiêm sinh thân vi diệu, P.3-4 Thai sinh-Hiến thị tự tác, P.5-6 Phân biệt quán hành-Kiến lập A-lại-da; Quyển Hạ, P.7-8 Cảnh giới tự thức, A-lại-da vi mật; số 682, - Kinh Đại thừa Mật nghiêm, có 3 quyển, 8 phẩm: Quyển Thượng, P.1 Đạo tràng Mật nghiêm, P.2 Nhập mật nghiêm sinh thân vi diệu; Quyển Trung, P.2 Nhập mật nghiêm sinh thân vi diệu (tt), P.3-4 Sinh thai tạng-Cảnh giới tự tác, P.5-6 Biện quán hạnh-Hướng vào A-lại-da; Quyển Hạ, P.7-8 Cảnh giới ngã thức-A-lại-da chính là mật nghiêm; số 683, - Kinh Chư đức Phước điền; số 684, - Kinh Ân Cha mẹ khó báo đáp; số 685, - Kinh Vu Lan bồn; số 686, - Kinh Báo ân Phụ mẫu; số 687, - Kinh Hiếu tử; số 688, - Kinh Vị Tăng-hữu; số 689, - Kinh Thâm Hy hữu; số 690, - Kinh Hy hữu giáo lượng Công đức; số 691, - Kinh Tối vô tỷ; số 692, - Kinh Tạo hình tượng Phật; số 693, - Kinh Tạo lập hình tượng phước báo; số 694, - Kinh Đại thừa Tạo tượng Công đức, có 2 quyển Thượng-Hạ; số 695, - Kinh Quán tẩy Phật hình tượng; số 696, - Kinh Ma-ha Sát-đầu quán Phật hình tượng; số 697, - Kinh Dục tượng Công đức; số 698, - Kinh Dục Phật công đức; số 699, - Kinh Tạo tháp Công đức; số 700, - Kinh Công đức nhiều bên phải tháp Phật; số 701, - Kinh Ôn thất Tẩy dục chúng Tăng-Xây nhà tắm cúng Tăng; số 702, - Kinh Thí đặng Công đức; số 703, - Kinh Đặng chỉ Nhân duyên; số 704, - Kinh Lôu các chánh pháp Cam-lộ cổ; số 705, - Kinh Bồ thí; số 706, - Kinh Ngũ đại

thí; số 707, - Kinh Xuất gia Công đức; số 708, - Kinh Liễu bản sanh tử-Rõ nguồn gốc sanh tử; số 709, - Kinh Đạo Vu-Nói về cây lúa, cây khoai; số 710, - Kinh Từ Thị Bồ-tát sở thuyết Đại thừa Duyên sinh Đạo cán dụ; số 711, - Kinh Đại thừa Xá-lê-sá Đam-ma; số 712, - Kinh Đại thừa Đại Vu; số 713, - Kinh Bối Đa Hạ tư duy Thập nhị Nhân duyên; số 714, - Kinh Duyên khởi Thánh đạo; số 715, - Kinh Cự Thành dụ; số 716, - Kinh Duyên sanh sơ thắng phần Pháp bản, có 2 quyển Thượng-Hạ; số 717, - Kinh Phân biệt Duyên khởi sơ thắng Pháp môn, có 2 quyển Thượng-Hạ; số 718, - Kinh Phân biệt Duyên sinh; số 719, - Kinh Thập nhị Nhân duyên sinh Tường thụ, có 2 quyển Thượng-Hạ; số 720, - Kinh Vô minh La-sát tập, có 3 quyển Thượng, Trung và Hạ.

Tập 66, Kinh tập XIII, số 721, - Kinh Chánh pháp Niệm xứ, từ Q.1-Q.50, 6 phẩm: Q.1-Q.2, P.1 Mười con đường thiện nghiệp; Q.3-Q.5, P.2 Sinh tử; từ Q.6-Q.15, P.3 Địa ngục; Q.16-Q.17, P.4 Ngạ quỷ; từ Q.18-Q.21, P.5 Súc sinh; Q.22-Q.24, P.6 Tứ thiên vương; từ Q.25-Q.35, P.6 Tam thập Tam thiên; từ Q.36-Q.50, P.6 Quán thiên, Dạ-ma thiên.

Tập 67, Kinh tập XIV, số 721, - Kinh Chánh pháp Niệm xứ (tt), từ Q.50-Q.64, P.6 Quán thiên, Dạ-ma thiên; từ Q.65-Q.70, P.7 Thân niệm xứ; số 722, Kinh Điều pháp Thánh niệm xứ, có 8 quyển; số 723, - Kinh Phân biệt nghiệp báo lược; số 724, - Kinh Tội nghiệp báo ứng Giáo hóa địa ngục; số 725, - Kinh Lục Đạo Già-đà; số 726, - Kinh Lục thú Luân hồi; số 727, - Kinh Thập bát thiện Nghiệp đạo; số 728, - Kinh Chư pháp Tập yếu, có 10 quyển, 36 phẩm: Q.1, P.1-2 Diệt trừ phiền não-Thuyết pháp, P.3-4 Nhàm chán nhân-Xa lia bất thiện, P.5 Vô thường; Q.2, P.5 Vô thường (tt), P.6 Không phóng dật; Q.3, P.6

Không phóng dật (tt), P.7 Chê trách năm dục; Q.4, P.7-8 Chê trách năm dục-Lìa ái, P.9-10 Lìa tà hạnh-Lìa tội lỗi của rượu; Q.5, P.11 Đồi trị tâm; Q.6, P.13 Phước nghiệp, chẳng phải phước nghiệp, P.14-15 Chỉ dạy chúng sinh-Thuyết minh về tội; Q.7, P.15 Thuyết minh về tội, P.15-16 Thuyết minh về tội-Địa ngục, P.17-19 Ngạ quỷ-Súc sinh-Nghiệp báo đói khát; Q.8, P.20-21 Trừ bỏ biếng nhác-Từ bi với hữu tình, P.22-23 Bồ thí-Trì giới; P.24-27 Nhẫn nhục-Tinh tấn-Thiền định-Thắng tuệ; Q.9, P.28-29 Tịch tịnh-Thánh đạo, P.30 Giáo giới Tỳ-kheo, P.31 Phước hạnh; Q.10, P.32 Sinh thiên, P.33-34 Điều lạc-Thiện trí thức, P.35-36 Vua cai trị nước-Khen ngợi công đức.

Tập 68, Kinh tập XV, từ số 729 – 804; số 729, - Phật thuyết Phân biệt Thiện ác sở khởi Kinh; số 730, - Phật thuyết Xứ xứ Kinh; số 731, - Phật thuyết Thập bát Nê-lê Kinh; số 732, - Phật thuyết Mạ Ý Kinh; số 733, - Phật thuyết Kiên Ý Kinh; số 734, - Phật thuyết Quý vắn Mục-liên Kinh; số 735, - Phật thuyết Tứ nguyện Kinh; số 736, - Phật thuyết Tứ tự Xâm Kinh; số 737, - Kinh Sở dục Trí hoạn; số 738, - Phật thuyết Phân biệt Kinh; số 739, - Phật thuyết Mạn pháp Kinh; số 740, - Kinh Át-đa-hòa-đa-kỳ Kinh; số 741, - Kinh Ngũ khổ Chương cú; số 742, - Phật thuyết Tự ái Kinh; số 743, - Phật thuyết Trung tâm Kinh; số 744, - Phật thuyết Trừ khủng Tai hoạn Kinh; số 745, - Phật thuyết Tạt tạng Kinh; số 746, - Kinh Quỷ báo ứng; số 747 (a), - Phật thuyết Tội phước Báo ứng Kinh; số 747 (b), - Phật thuyết Luân chuyển Ngũ đạo Tội phước Báo ứng Kinh; số 748, - Phật thuyết Hộ Tịnh Kinh; số 749, - Phật thuyết Nhân duyên Tăng hộ Tịnh Kinh; số 750, - Kinh Sa-di-la; số 751-752, - Phật thuyết Ngũ võ Phán phục Kinh; số 753, - Kinh Thập nhị Phẩm Sinh

tử; số 754, - Phật thuyết Vị Tăng-hữu Nhân duyên Kinh, có 2 quyển Thượng-Hạ; số 755, - Phật thuyết Tịnh ý Ưu-bà-tắc Sở vấn Kinh; số 756, - Phật thuyết Bát vô hạ Hữu hạ Kinh; số 757, - Phật thuyết Thân Hao hỷ Thụ Kinh, có 3 quyển Thượng, Trung và Hạ; số 758, - Phật thuyết Chư hành hữu Vi Kinh; số 759, - Phật thuyết Giáo lượng Thọ mạng Kinh; số 760, - Kinh Duy nhật Tạp nan; số 761, - Phật thuyết Pháp tập Kinh, có 6 quyển; số 762, - Phật thuyết Quyết định nghĩa Kinh; số 763, - Phật thuyết Pháp thừa nghĩa Quyết định Kinh, có 3 quyển Thượng, Trung và Hạ; số 764, - Phật thuyết Pháp tập Danh số Kinh; số 765, - Kinh Bản sự, có 7 quyển, 3 phẩm: Q.1-Q.2, P.1 Một pháp; Q.3-Q.5, P.2 Hai pháp; Q.6-Q.7, P.3 Ba pháp; số 766, - Phật thuyết Pháp thân Kinh; số 767, - Phật thuyết Tam phẩm Đệ tử Kinh; số 768, - Kinh Tam Tuệ; số 769, - Phật thuyết Tứ bồi Kinh; số 770, - Phật thuyết Tứ Bất khả đắc Kinh; số 771, - Kinh Tứ phẩm học Pháp; số 772, - Kinh Đại thừa Tứ pháp; số 773, - Phật thuyết Bồ-tát Tu hành Tứ pháp Kinh; số 774, Kinh Đại thừa Tứ pháp; số 775, - Phật thuyết Tứ Vô sở úy Kinh; số 776, - Phật thuyết Tứ Phẩm pháp môn Kinh; số 777, - Phật thuyết Hiền giả Ngũ phước đức Kinh; số 778, - Phật thuyết Bồ-tát Nội tập Lục Ba-la-mật Kinh; số 779, - Phật thuyết Bát Đại Nhân giác Kinh; số 780, - Phật thuyết Thập Lục Kinh; số 781, - Phật thuyết Phật Thập Lục Kinh; số 782, - Phật thuyết Thập Hiệu Kinh; số 783, - Phật thuyết Thập nhị Đầu-đà Kinh; số 784, - Kinh Tứ Thập nhị chương; số 785, - Kinh Đắc Đạo Thê đăng tích trượng; số 786, - Phật thuyết Mộc Hoạn tử Kinh; số 787, - Kinh Mạn-thù-thất-lợi chú tạng Trung giáo lượng số châu Công đức; số 788, - Phật thuyết Giáo lượng số châu Công đức Kinh; số 789, -

Kinh Kim Cang Đánh Du-già niệm châu; số 790, - Phật thuyết Bột Kinh sao; số 791, - Phật thuyết Xuất gia duyên Kinh; số 792, - Phật thuyết Pháp thọ trần Kinh; số 793, - Phật thuyết Phật y Kinh; số 794, - Phật thuyết Thời - phi thời Kinh; số 795, - Phật Trị thân Kinh; số 796, - Phật thuyết Kiến chánh Kinh; số 797, - Phật thuyết Bàn cùng Lão Công Kinh; số 798, - Phật thuyết Tấn học Kinh; số 799, - Phật thuyết Lược Giáo giới Kinh; số 800, - Phật thuyết Vô thượng Xứ Kinh; số 801, - Phật thuyết Vô thường Kinh; số 802, - Phật thuyết Tín giải Trí lực Kinh; số 803, - Phật thuyết Thanh tịnh Tâm Kinh; số 804, - Phật thuyết Giải ưu Kinh.

Tập 69, Kinh tập XVI, từ số 805 – 847; số 805, - Phật thuyết Chiên-đàn Thọ Kinh; số 806, - Phật thuyết Khổ thọ Kinh; số 807, - Phật thuyết Nội tạng Bách bảo Kinh; số 808, - Phật thuyết Độc Tử Kinh; số 809, - Phật thuyết Nhũ Quang Phật Kinh; số 810, - Kinh Chư Phật yếu tập, có 2 quyển Thượng-Hạ; số 811, - Phật thuyết Quyết định Tổng trì Kinh; số 812, - Bồ-tát hành Ngũ thập duyên Kinh; số 813, - Phật thuyết Vô hy vọng Kinh; số 814, - Phật thuyết Tượng Dịch Kinh; số 815, - Phật lên trời Đạo Lợi thuyết pháp cho Thân mẫu, có 3 quyển Thượng, Trung và Hạ; số 816, - Phật thuyết Đạo thần túc Vô cực biến hóa Kinh, có 4 quyển; số 817, - Phật thuyết Đại tịnh Pháp môn Kinh; số 818, - Kinh Đại Trang nghiêm Pháp môn, có 2 quyển Thượng-Hạ; số 819, - Phật thuyết Pháp thường trụ Kinh; số 820, - Phật thuyết Diễn Đạo tục Nghiệp Kinh; số 821, - Kinh Đại phương quảng Như Lai Bí mật tạng, có 2 quyển Thượng-Hạ; số 822, - Phật thuyết Chư pháp Dũng Vương Kinh; số 823, - Phật thuyết Nhất thiết Pháp Cao vương Kinh; số 824, - Kinh Chư pháp Tồi thượng vương; số 825, - Kinh Thâm thâm

Đại Hồi hương; số 826, - Kinh Đệ tử Chết rồi sống lại; số 827, - Kinh Người cày ruộng lười biếng; số 828, - Kinh Vô tự Bảo khiếp; số 829, - Đại thừa Ly văn tự Phổ Quang minh tạng; số 830, - Kinh Đại thừa Biến chiếu Quang minh tạng Vô tự Pháp môn; số 831, - Kinh Bán Phật; số 832, - Kinh Phật ngữ; số 833, - Kinh Đệ nhất nghĩa Pháp tạng; số 834, - Kinh Đại Oai đấng quang Tiên nhân vấn nghi; số 835, - Kinh Như Lai Sư tử hống; số 836, - Kinh Đại phương quảng Sư tử hống; số 837, - Phật thuyết Xuất sanh Bồ-đề Tâm Kinh; số 838, - Phật thuyết Phát Bồ-đề tâm phá chư ma Kinh, có 2 quyển Thượng-Hạ; số 839, - Kinh Chiêm Sát Thiện ác Nghiệp báo, có 2 quyển Thượng-Hạ; số 840, - Kinh Xung tán Đại thừa Công đức; số 841, - Kinh Diệu pháp Quyết định Nghiệp chướng; số 842, - Kinh Đại phương quảng Viên giác Tu-đa-la Liễu nghĩa; số 843, - Kinh Đại thừa Bát tu nghi Thần thông Cảnh giới, có 3 quyển Thượng, Trung và Hạ; số 844, - Phật thuyết Đại phương quảng Vị Tăng-hữu Kinh-Phẩm Phương tiện thiện xảo; số 845, - Phật thuyết Tôn-na Kinh; số 846, - Kinh Ngoại đạo vấn Thánh Đại thừa Pháp Vô ngã nghĩa; số 847, - Đại thừa Tu hành Bồ-tát Hạnh môn chư Kinh yếu tập, có 3 quyển Thượng, Trung và Hạ.

Bộ Mật tông, Kinh Thủ Lăng Nghiêm I, tập 70

Tập 70, số 945, - Kinh Thủ Lăng Nghiêm, 1. Đề mục, 2. Gạn hỏi cái Tâm, 3. Chỉ rõ tánh thấy, 4. Chỉ rõ tánh Thấy không sinh không diệt, 5. Phật nêu ra tánh thấy ra ngoài các nghĩa Thị và Phi thị, 6. Phá những thuyết Nhân duyên Tự nhiên để bày tỏ sự thật nhận thấy Tánh thấy, 7. Chỉ ra cái nhận thức sai lầm để bày tỏ thể Tánh Chân thật, 8-9. Tóm thâu bốn Khoa và bảy

Đại về Như Lai tạng để phát khởi chỗ Chân ngộ, 10. Chỉ rõ sự tiếp tục giả dối sinh ra và các đại không ngăn ngại lẫn nhau, 11. Chỉ Tánh diệu minh hợp về Như Lai tạng rời cả hai nghĩa Phi và Tức, 12. Chỉ mê vọng không có nhân hết mê tức là Bồ-đề, 13. Lại phá xích Nhân duyên Tự nhiên và trách chỉ biết nghe nhiều, 14. Chỉ nghĩa Quyết định, 15. Đánh chuông thật nghiệm Tánh thường, 16. Nêu ra cái căn đề chỉ chỗ mê-Nương chỗ ngộ mà viên tu, 17. Cột khăn để chỉ đầu nút, 18. Chỉ cởi nút trước sau, 19. Gạn hỏi Đại chúng về viên thông, 20. Nhân A-nan xin cứu độ đời vị lai Phật tóm nêu ra ba nghĩa Quyết định-Rộng để lại khuôn pháp tu hành, 21. Gạn hỏi đại chúng về viên thông, 22. Chỉ đích pháp viên tu, 23. Phật khai thị về Mật giáo thâm giúp cho những người tu hành, 24. Khai thị về những pháp tắc lập đạo tràng tu trì, 25. Tuyên nói Tâm chú rộng khai thị những lợi ích, 26-27. Khai thị những vị trí tu chứng trước sau, 28. Hỏi về những tập khí vốn sinh khởi ra sáu nẻo, 29. Hỏi về bác không có Nhân quả bị sa mãi vào địa ngục và về Nghiệp chung Nghiệp riêng, 30. Khai thị về phân trong và phần ngoài của chúng sanh, 31. Chỉ ra Mười tập nhân và Sáu nẻo giao báo, 32. Tu nhân riêng biệt thành quả hư vọng, 33-34. Các cõi trời sai khác, 35. Khai thị chỗ hư vọng của bảy loài để khuyến khích tu hành Chánh pháp, 36-37. Phân biệt các âm ma, 38. Chỉ rõ thứ lớp tiêu diệt các Âm và giới hạn phạm vi các Âm, 39. Được phước hơn cả, Tiêu tội hơn cả, Trừ ma hơn cả, Phần lưu thông, 40. Kinh Thiên thủ Thiên nhân Quán Thế Âm Bồ-tát quảng đại viên mãn vô ngại Đại bi Tâm Đà-la-ni, 41. Bộ Mật giáo-Giới thiệu phần bộ Mật giáo, 42. Về sự mở mang của Mật giáo-Từ khi phát khởi đến đời Tùy, 43. Dâm dục là Đạo (trích trong Hoa Vũ tập 4 của Đại sư Ấn

Thuận, 1906-2005).
(<https://daitangkinh.org>)

44. BỘ NIẾT-BÀN – 3 Tập

Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh, từ tập 47 – 49

Hội Văn hóa Giáo dục Linh Sơn Đài Bắc
xuất bản – 2000

Tập 47, *Kinh Đại bát Niết-bàn I*, số 374, có 40 quyển, 13 phẩm: từ Q.1-Q.3, P.1 Thọ mạng; Q.3 P.2 Kim Cang thân, P.3 Danh tự công đức; Q.4, P.4 Thọ mạng, P.4 Như Lai tánh; từ Q.5-Q.10, P.4 Như Lai tánh (tt), P.5 Những điều đại chúng hỏi Phật; Q.11, P.6 Hiện bệnh, P.7 Thánh hạnh; từ Q.12-Q.14, P.7 Thánh hạnh; từ Q.15-Q.20, P.8 Phạm hạnh, P.9 Anh nhi hạnh; từ Q.21-Q.26, P.10 Bồ-tát Quang minh biến chiếu Cao quý Đức vương; từ Q.27-Q.32, P.11 Bồ-tát Sư tử hồng; từ Q.33-Q.40, P.12 Bồ-tát Ca-diếp.

Tập 48, *Kinh Đại bát Niết-bàn II*, số 375, có 36 quyển, 25 phẩm: Q.1, P.1 Tựa; Q.2, P.2 Thuận-đà, P.3 Ai tán; Q.3, P.4 Trường thọ, P.5 Thân Kim cương, P.6 Danh tự công đức; Q.4, P.7 Bốn tướng; Q.5, P.7 Bốn tướng (tt); Q.6, P.8 Bốn y; Q.7, P.9 Tà chánh, P.10 Tứ đế, P.11 Bốn điên đảo; Q.8, P.12 Như Lai tánh, P.13 Văn tự, P.14 Điều dụ; Q.9, P.15 Nguyệt dụ, P.16 Bồ-tát; Q.10, P.17 Nhất thiết đại chúng sở vấn, P.18 Hiện bệnh; Q.11-Q.13, P.19 Thánh hạnh; từ Q.14-Q.18, P.20 Phạm hạnh, P.21 Anh nhi hạnh; từ Q.19-Q.24, P.22 Bồ-tát Quang minh Biến chiếu Cao quý Đức vương; từ Q.25-Q.30, P.23 Bồ-tát Sư tử hồng; từ Q.31-Q.34, P.24 Bồ-tát Ca-diếp; Q.35-Q.36, P.25 Kiền Trần Như.

Tập 49, *Kinh Đại bát Niết-bàn III*, từ số 376 – 396; số 376, - Kinh Đại bát Nê-hoàn, có 6 quyển, 18 phẩm: Q.1, P.1 Tựa, P.3 Bồ-tát đại thân, P.4 Trưởng giả Thuận-

đà; Q.2, P.4 Xót xa than thở, P.5 Sống lâu, P.6 Thân Kim cương, P.7 Thọ trì; Q.3, P.8 Bốn pháp; Q.4, P.9 Bốn hạng người để nương tựa, P.10 Phân biệt tà chánh; Q.5, P.11 Bốn đế, P.12 Bốn thứ điên đảo, P.13 Như Lai tánh, P.14 Văn tự, P.15 Lấy chim làm thí dụ, P.16 Lấy mặt trăng làm thí dụ; Q.6, P.17 Hỏi về Bồ-tát, P.18 Vui theo; số 377, - Kinh Đại bát Niết-bàn hậu phần, có 2 quyển Thượng-Hạ, 4 phẩm: P.1 Lời răn dạy của Đức Phật để lại, P.2 Sự trở về nguồn phải làm tròn, P.3 Cơ cảm trà-tỳ, P.4 Thân mình đức Thánh thấm nhuần rộng lớn; số 378, - Kinh Phương đẳng bát Nê-hoàn, có 2 quyển, 9 phẩm: Quyển Thượng, P.1 Khóc thương, P.2 Bốn đồng tử hiện sinh, P.3 Bốn đồng tử; Quyển Hạ, P.4 Chúc lụy, P.5 Độ địa ngục, P.6 Hiện các Đức Phật, P.7 Nước Phật thanh tịnh, P.8 Thiên Bồ-tát, P.9 Như Lai hóa thuyết pháp; số 379, - Kinh Tứ Đồng tử Tam-muội, có 3 quyển Thượng, Trung và Hạ; số 380, - Kinh Đại bi, có 5 quyển, 14 phẩm: Q.1, P.1 Phạm thiên, P.2 Thương chủ, P.3 Đế-thích; Q.2, P.4 La-hầu-la, P.5 Ca-diếp, P.6 Giữ gìn, P.7 Xá-lợi; Q.3, P.8 Lễ bái, P.9 Thiện căn, P.10 Phước đức, P.11 Trồng căn lành; Q.4, P.12 Dùng các thí dụ để phó chúc chánh pháp; Q.5, P.13 Trồng căn lành, P.14 Hỏi-đáp; số 381, - Kinh Đẳng tập chủng đức Tam-muội, có 3 quyển Thượng, Trung và Hạ; số 382, - Kinh Tập nhất thiết phước đức Tam-muội, có 3 quyển Thượng, Trung và Hạ; số 383, - Kinh Ma-ha Ma-da, có 2 quyển Thượng-Hạ; số 384, - Kinh Bồ-tát Tùng đầu thuật thiên giáng thần Mẫu thai thuyết quảng phổ, có 7 quyển, 38 phẩm: Q.1, P.1 Thiên cung, P.2 Du bộ, P.3 Thánh đế; Q.2, P.4 Phật thọ, P.5 Tam thế đẳng; Q.3, P.6 Tưởng vô tướng, P.7 Trụ bất trụ, P.8 Bát chủng thân, P.9 Toàn thân Xá-lợi, P.10 Thường vô thường; Q.4, P.11 Tùy hỷ,

P.12 Ngũ đạo tâm thức, P.13 Chư Phật hành tề vô sai biệt, P.14 Hành định bất định; Q.5, P.15 Chúng sanh nhậm lục đạo, P.16 Chuyển pháp luân, P.17 Năm thân thông, P.18 Thức trụ xứ, P.19 Thiện quyền; Q.6, P.20 Vô minh, P.21 Khổ hạnh, P.22 Tứ đạo hòa hợp, P.23 Ý, P.24 Định ý, P.25 Quang ảnh; Q.7, P.26 Phá tà kiến, P.27 Văn-thù thân biến hóa, P.28 Bát Hiền Thánh trai giới, P.29 Năm lạc, P.30 Khẩn-đà-la, P.31 Hương ẩm thân, P.32 Địa thần, P.33 Người, P.34 Hành, P.35 Pháp trụ, P.36 Phụ bản hình, P.37 Xây tháp, P.38 Xuất kinh; số 385, - Kinh Trung ẩm, có 2 quyển, 12 phẩm: Quyển Thượng, P.1 Năm thế nguyện rộng lớn của Như Lai, P.2 Đức Như Lai Diệu giác đưa các Bồ-tát vào trung ẩm để giáo hóa, P.3 Đức Như Lai Diệu giác nhập trung ẩm phần thân, P.4 Bồ-tát Hiện Hộ hỏi việc, P.5 Đạo thọ; Quyển Hạ, P.6 Thần túc, P.7 Phá lưới ái, P.8 Ba đời bình đẳng, P.9 Không sinh diệt, P.10 Giáo hóa không và vô hình, P.11 Hữu sắc và vô sắc, P.12 Hoan hỷ; số 386, - Kinh Liên Hoa diện, có 2 quyển Thượng-Hạ; số 387, - Kinh Đại phương đẳng Vô tướng, có 6 quyển: Q.1-Q.2, Đại Vân nói về đại chúng; Q.3 Đại Vân nói về Đà-la-ni; Q.4 Đại Vân-Như Lai Niết-bàn; Q.5-Q.6 Đại Vân-Tăng trưởng; số 388, - Kinh Đại Vân Vô tướng; số 389, - Kinh Phật thù bát Niết-bàn lược thuyết giáo giới (Kinh Phật di giáo); số 390, - Kinh Phật lâm Niết-bàn ký pháp trụ; số 391, - Kinh Bát Nê-hoàn hậu quán lập; số 392, - Kinh Phật diệt độ hậu quán liệm táng tông; số 393, - Kinh Ca-diếp phó Phật bát Niết-bàn; số 394, - Kinh Phật nhập Niết-bàn Mật tích Kim cang lực sĩ ai luyện; số 395, - Kinh Đương lai biến; số 396, - Kinh Pháp diệt tận. (<https://daitangkinh.org>)

45. BỘ PHÁP HOA – 2 Tập

Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh, từ tập 34 – 35

Hội Văn hóa Giáo dục Linh Sơn Đài Bắc xuất bản – 2000

Tập 34, số 262, - Kinh Diệu Pháp Liên Hoa do Tam tạng Pháp sư Cru-ma-la-thập dịch, có 7 quyển, 28 phẩm; số 263, - Kinh Chánh Pháp Hoa do Tam tạng Pháp sư Trúc Pháp Hộ dịch, có 10 quyển, 26 phẩm; số 624, - Kinh Thiêm phẩm Diệu Pháp Liên Hoa do Tam tạng Xà-na-quật-đa và Cấp-đa dịch, có 7 quyển, 26 phẩm.

Tập 35, gồm có các Kinh số: số 265, - Kinh Tát-đàm Phân-đà-lợi; số 266, - Kinh Phật thuyết A-duy-việt Trí già, có 3 quyển Thượng, Trung và Hạ, 18 phẩm: P.1 Pháp luân không thôi chuyển, P.2 Giữ vững lòng tin, P.3 Phụng trì chánh pháp, P.4 Tám bậc, P.5 Nẻo đạo, P.6 Vãng lai, P.7 Không trở lại, P.8 Không vướng mắc, P.9 Thanh văn, P.10 Duyên giác, P.11 Nói về quả, P.12 Hàng phục chúng ma, P.13 Như Lai, P.14 Dẫn dắt giáo hóa, P.15 Bậc Sư tử nữ, P.16 Ca ngợi Pháp sư, P.17 Nói về bài giảng Kinh này, P.18 Giao phó dặn dò; số 267, - Kinh Pháp luân không thoái chuyển, có 4 quyển, 9 phẩm: P.1 Tựa, P.2 Tín và hành, P.3 Thanh văn Bích-chi Phật, P.4 Nêu rõ hành tướng hai thừa, P.5 Dứt trừ các tướng, P.6 Hàng phục các ma, P.7 Thọ ký, P.8 Nhận rõ, P.9 An dưỡng quốc; số 268, - Kinh Phật thuyết Quảng bác nghiêm tịnh Bát thôi chuyển luân, có 6 quyển; số 269, - Kinh Pháp Hoa Tam-muội; số 270, - Kinh Đại pháp cổ, có 2 quyển Thượng-Hạ; số 271, - Kinh Bồ-tát hành Phương tiện cảnh giới thần thông biến hóa, có 3 quyển Thượng, Trung và Hạ; - số 272, - Kinh Đại Tát-già Ni-kiền tử sở thuyết, có 10 quyển, 12 phẩm: P.1 Tựa, P.2 Vấn nghi, P.3 Nhất thừa, P.4 Đến chỗ vua Nghiêm Sí, P.5 Vương luận, P.6 Thỉnh thọ trai, P.7 Hỏi về tội lỗi, P.8 Công đức không lỗi làm

của Như Lai, P.9 Đến gặp Như Lai, P.10 Thuyết pháp, P.11 Thọ ký, P.12 Công đức của Tín Thọ Trì Kinh; số 273, - Kinh Kim Cang Tam-muội, có 8 phẩm. (<https://daitangkinh.org>)

46. BỘ THÍCH KINH LUẬN

Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh, từ tập 83 – 88

Hội Văn hóa Giáo dục Linh Sơn Đài Bắc xuất bản – 2000

Tập 83, *Kinh Luận 1, Tứ A Hàm mộ sao giải, từ số 1505-1509*

Số 1505, - Tựa, Tứ A Hàm mộ sao giải, có 9 quyển; 1506, - Luận Tam pháp đội, có 3 quyển Thượng, Trung và Hạ; 1507, - Luận Phân biệt Công đức, có 5 quyển; 1508, - Kinh A Hàm Khẩu giải Thập nhị Nhân duyên; 1509, - Luận Đại Trí độ, có: 1. Giải thích duyên khởi, 2. Giải thích Như Thị Ngã Văn Nhất thời, 3. Giải thích về tổng quát Như Thị Ngã Văn; các Giải thích về: Bà-già-bà, trú thành Vương Xá, Đại Tỳ-kheo Tăng, Bốn chúng, Bồ-tát, Ma-ha-tát-đoà, Công đức của Bồ-tát, Mười dụ, Ý vô ngại, Nguyên thế giới của Phật, Nguyên phóng quang, Nguyên Bồ-tát mười phương đến, Nhân duyên Xá-lợi-phất, Đàn Ba-la-mật, Tán thán đàn Ba-la-mật, Tướng của đàn Ba-la-mật, Đàn Ba-la-mật pháp thí, Thi-la Ba-la-mật, Tướng của Thi-la (giới), Tán thán nghĩa Thi-la, Sằn-đề Ba-la-mật pháp nhân, Tỳ-lê-da (tinh tấn) Ba-la-mật, Tướng của tinh tấn Ba-la-mật, Thiên Ba-la-mật, Phẩm Bát-nhã Ba-la-mật, Tướng Bát-nhã, 37 Phẩm Trợ đạo, Phẩm Ba Tam-muội, Bốn Vô lượng tâm, Tám bội xả, Chín tướng, Tám niệm, Mười tướng, Mười một trí, Mười lực, Bốn việc không sợ.

Tập 84, *Kinh Luận 2, Đại Trí Độ luận (tt)*
Số 1509, - Đại Trí Độ luận, các giải thích về: Mười tám pháp không chung, Đại từ

đại bi, Sáu thần thông, Tâm tùy hỷ-bồ thí, Hồi hướng, Thiện căn cúng dường, Chư Phật xung tán tên Bồ-tát, Mười tám Không, Bốn duyên, Đến bờ kia, Thấy thế giới chư Phật, Tín trì không có ba độc, Phẩm 2-Báo ứng, Phẩm 3-Tập tương ưng (3 phần), Phẩm 4-Vãng sanh (3 phần), Phẩm 5-Tán thán cứu độ, Phẩm 6-Tướng lười, Phẩm 7-Ba giả, Phẩm 8-Khuyến học; Giải thích các Phẩm (P) 9-Tập tán (2 phần), P.10 Hành tướng, P.11 Huyền học, P.12 Cú nghĩa, P.13 Ma-ha-tát, P.14 Đoạn kiến, P.15 Phú-lâu-na, P.16 Thừa thừa (cưỡi xe), P.17 Trang nghiêm, P.18 Đại thừa (2 phần), P.19 Bốn Niệm xứ, P.20 Phát thú (2 phần), P.21 Xuất đạo, P.22 Thắng xuất, P.23 Hàm thụ, P.24 Hội tông, P.25 Mười vô, P.26 Vô sanh, P.27 Thiên vương, P.28 Người nhân nghe pháp, P.29 Rải hoa, P.30 Tán thán 3 lần, P.31 Diệt trừ tranh chấp, P.32 So sánh tháp báu, P.33 Thuật thành, P.34 Khuyến trì, P.35 Phạm chí, P.36 Tôn Đạo, P.37 Xá-lợi, P.38 Mười thiện.

Tập 85, *Kinh Luận 3, Đại Trí Độ luận (tt)*
Giải thích các phẩm: P.39 Tùy hỷ, P.40 Chiếu sáng, P.41 Tin tưởng chê bai, P.42 Tán thán thanh tịnh, P.43 Vô tác thật tướng (thanh tịnh), P.44 Vô các Ba-la-mật, P.45 Tán thán tín hạnh, P.46 Việc ma, P.47 Hai bên không hòa hợp, P.48 Phật mẫu, P.49 Hỏi về tướng, P.50 Việc lớn sanh khởi, P.51 Thí dụ, P.52 Thiện tri thức, P.53 Đi đến Nhất thiết trí, P.54 Đại Như, P.55 Chẳng Thoái chuyển, P.56 Chuyển-Bất thoái chuyển, P.57 Tim đèn, P.58 Trong mộng nhập Tam-muội, P.59 Hằng Bà-đề-bà, P.60 Học không-Không thủ chứng, P.61 Trong mộng không chứng, P.62 Cùng học, P.63 Bình đẳng học, P.64 Nguyên vui mừng, P.65 Khen ngợi, P.66 Chúc lụy, P.67 Phương tiện Vô tận, P.68 Sáu độ thu nhiếp nhau, P.69 Đại

Phương tiện, P.70 Ba Tuệ, P.71 Đạo thọ, P.72 Hạnh Bồ-tát, P.73 Gieo trồng Thiện căn, P.74 Học khắp, P.75-76 Thứ lớp học, P.77 Sáu dụ, P.78 Bốn Nhiếp, P.79 Khéo Thông suốt, P.80 Thật tế, P.81 Chiếu sáng, P.82 Làm thanh tịnh cõi Phật, P.83 Chắc chắn, P.84 Bốn Đế, P.85 Bảy Thí dụ, P.86 Bình đẳng.

Tập 86, Kinh Luận 4, Đại Trí Độ luận (tt)
Giải thích các phẩm trong Đại Trí Độ luận: P.87 Niết-bàn như hóa, P.88 Tát-đa-ba luân, P.89 Đàm-vô-kiệt, P.90 Chúc luy;
- Luận Kim Cang Bát-nhã, có 2 quyển Thượng-Hạ; - Luận Kim Cang Bát-nhã, có 3 quyển Thượng, Trung và Hạ (biệt bản); - Luận Kinh Kim Cang Bát-nhã Ba-la-mật, có 3 quyển Thượng, Trung và Hạ; - Luận Kim Cang Tiên, có 10 quyển; - Kinh Thích Năng đoạn Kim cang Bát-nhã Ba-la-mật-đa, có 3 quyển Thượng, Trung và Hạ; - Luận tụng Năng đoạn Kim cương Bát-nhã Ba-la-mật-đa Kinh; - Luận Kinh Kim cang Bát-nhã Ba-la-mật-đa Phá thủ trước Bất hoại Giả danh, có 2 quyển Thượng-Hạ; - Luận Thánh Phật mẫu Bát-nhã Ba-la-mật-đa Cứu tụng nghĩa, có 2 quyển Thượng-Hạ; - Luận Thích Phật mẫu Bát-nhã Ba-la-mật-đa Viên tập yếu nghĩa, có 4 quyển; - Luận Phật mẫu Bát-nhã Ba-la-mật-đa Viên tập Yếu nghĩa.

Tập 87, Kinh Luận 5, Diệu Pháp Liên Hoa
- Kinh Diệu Pháp Liên Hoa Ưu-ba-xá-đề, có 2 quyển Thượng-Hạ; - Diệu Pháp Liên Hoa Kinh Ưu-ba-xá-đề; - Luận Thập Trụ Tỳ-bà-sa, có 17 quyển; - Luận Thập Địa Kinh, có 12 quyển; - Luận Kinh Đại Bảo Tích, có 4 quyển; - Kinh Vô lượng thọ Ưu-ba-xá-đề Nguyệt sanh kệ.

Tập 88, Kinh Luận 6, Di-lặc Bồ-tát sở vấn kinh

- Luận Di-lặc Bồ-tát sở vấn Kinh, có 9 quyển; - Ghi nhận về việc phiên dịch Kinh Bửu Kế Tứ pháp Ưu-ba-đề-xá; - Bảo kế

Kinh Tứ pháp Ưu-ba-đề-xá; - Luận Niết-bàn; - Luận Niết-bàn Kinh Bốn hữu Kim vô kệ; - Luận Di giáo Kinh; - Luận Phật Địa Kinh, có 7 quyển; - Văn-thù-sur-lợi Bồ-tát Vấn Bồ-đề Kinh luận, có 2 quyển Thượng-Hạ; - Thắng Tư duy Phạm thiên sở vấn Kinh luận, có 4 quyển; - Kinh Chuyển Pháp luân Ưu-ba-đề-xá; - Kinh Tam Cú túc Ưu-ba-đề-xá; - Kinh Đại thừa Tứ pháp Thích. (<https://daitangkinh.org>)

47. BỐN KINH CỦA PHẬT TỔ

Giảng giải: HT. Thích Huyền Vi (1926-2005)

PL. 2542 – DL. 1998

Toàn bộ tác phẩm này có 327 trang (PDF), gồm 4 Kinh: - Lời đầu; I. Lược giải Kinh Bát đại nhân giác (Phần đầu, Phần hai và Phần cuối); II. Giảng giải Kinh Bốn mươi hai chương; III. Giảng giải Kinh Di giáo (Phần tựa, Phần chánh tôn và Phần lưu thông); IV. Đức Phật nói Kinh Nghiệp báo sai khác (Ý nghĩa rộng lớn của Nghiệp, Phạm lệt, Phụ trang). (www.quangduc.com, *Kinh*)

48. BỐN MƯƠI HAI BÀI PHẬT NÓI – PHẬT ĐỂ LỜI DẠY

Viết dịch: Tỳ-kheo Quê Mùa

In tại Ấn quán Thanh Mậu (Gia Định)

Kinh có 115 trang, bìa mềm. Nội dung gồm có 3 Kinh: Lời bày tỏ, *Kinh Phật nói Bốn mươi hai bài*, giải nghĩa; Hán dịch và giải, Sa-môn Thích Trí Húc, hiệu Ngẫu Ích; *Kinh Phật để Lời dạy* (Kinh Di Giáo), giải nghĩa, Hán dịch và giải, Sa-môn Thích Trí Húc, hiệu Ngẫu Ích; Lời sau; *Kinh Tám điều Tỉnh biết của Đại nhơn* (Giải nghĩa sơ lược), Hán dịch: Sa-môn An Thế Cao.

(*Bản lưu tại Thư viện Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam tại Tp. Hồ Chí Minh; Mã sách: Vie 2119*)

49. BỔN MÔN PHÁP HOA KINH

Biên soạn: HT. Thích Trí Quảng

THPG Tp. Hồ Chí Minh ấn hành, PL. 2540 – DL. 1996

Kinh có 93 trang, bìa mềm, nền trắng, chữ tựa màu vàng. Nội dung gồm có: Phần đầu là Nghi thức tụng niệm Bổn môn Pháp Hoa Kinh, - *Kinh Diệu Pháp Liên Hoa* – Phẩm Tựa thứ nhất, - Phẩm Pháp sư thứ mười, - Phẩm Tùng địa dũng xuất thứ mười lăm, - Phẩm Như Lai Thọ lượng thứ mười sáu, - Phẩm Phân biệt công đức thứ mười bảy, - Phẩm Phổ môn thứ hai mươi lăm, - Phẩm Phổ Hiền Bồ-tát khuyến phát thứ hai mươi tám; Kinh Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm – Phẩm nhập bát tư nghi giải thoát cảnh giới Phổ Hiền hạnh nguyện kệ, - Kinh Bát Đại Nhân Giác.

Bản Kinh này được tái bản nhiều lần: Năm 1992, THPG Tp. Hồ Chí Minh ấn hành; năm 1998, Nxb Tp. Hồ Chí Minh; năm 2006, 2008, 2009, Nxb Tôn Giáo.

50. BỔN MÔN PHÁP HOA – SÁM HỎI HỒNG DANH – KINH A-DI-ĐÀ – KINH DƯỢC SƯ

HT. Thích Trí Quảng

Nxb Tôn Giáo, PL. 2552 – DL. 2008

Kinh có khổ 10 x 15.5cm, có 159 trang, bìa mềm. Nội dung gồm có: *Bổn Môn Pháp Hoa Kinh*, Nguyễn hương, Tấn Phật, Lễ Phật, Sám hối, Phát nguyện, Kinh Diệu Pháp Liên Hoa (Xem: Bổn môn Pháp Hoa Kinh), Sám Pháp Hoa, Hồi hướng, Phục nguyện, Tam quy; Pháp Hoa Thủ hộ Thần chú; *Sám Hối Hồng Danh*, Nguyễn hương, Tấn Phật, Lễ Phật, Hồi hướng, Tam quy; *Kinh A-di-đà*, Nguyễn hương, Tấn Phật, Lễ Phật, Tấn Dương chi, Nam mô Đại bi Hội thượng Phật Bồ-tát, Tiêu tai kiết tường thần chú, Tấn hương, Khai Kinh, Phật thuyết A-di-đà Kinh, Vãng sanh

Quyết định Chơn ngôn, Niệm Phật, Sám Nhứt Tâm, Hồi hướng, Tam quy; *Kinh Dược Sư*, Nguyễn hương, Tấn Phật, Lễ Phật, Tấn Dương chi, Nam mô Đại bi Hội thượng Phật Bồ-tát, Tiêu tai kiết tường thần chú, Tấn hương, Khai Kinh, Kinh Dược Sư Lưu Ly Quang Như Lai Bổn Nguyễn Công Đức; Dược Sư Quán Đảnh Chơn Ngôn, Tam quy.

51. BỔN SANH – JĀTAKAPĀLI (BỘ 3 Tập), Tạng Kinh – Tiểu Bộ

Tam Tạng Song Ngữ Pali – Việt, Tập 32

Phụ trách phiên dịch: *Tỳ-khuru Indacanda (Trương Đình Dũng)*

Buddhist Cultural Centre,

125 Anderson Road, Nedimala, Dehiwala-Sri Lanka

Printed by: Ajith Printers (Pvt) Ltd,

342, Old Kesbewa Road, Ratanapitiya, Borelesgamuwa, Sri Lanka.

Sách có khổ lớn (20.5 x 29cm), bìa cứng màu đỏ, chữ mạ vàng.

Tập I, ấn hành PL. 2560 – DL. 2016, dày hơn 532 trang, nội dung gồm có: Lời tựa-Sinhala và Việt ngữ, Văn bản của Bộ Tôn giáo-Anh và Việt ngữ, Thành phần nhân sự, Lược đồ Tam tạng, Lời giới thiệu, Các chữ viết tắt, Mẫu tự Pali – Sinhala; *Bổn Sanh*: I. Nhóm Một Kệ ngôn (có 15 phẩm, với 150 chuyện Bổn sanh, 1-150), 1.P Không Lỗi lầm, 2.P Giới, 3.P Sơn dương, 4.P Tổ chim con, 5.P Mong mỗi sự tân hóa, 6.P Hy vọng, 7.P Người nữ, 8.P Cây Varana, 9.P Chúng tôi đã uống, 10.P Đã được thoa, 11.P Hơn một trăm người, 12.P Thiên hoa, 13.P Cỏ ống Kusa, 14.P Không tiếp nhận, 15.P Con tắc kè; II. Nhóm Hai Kệ ngôn (có 10 phẩm, với 95 chuyện Bổn sanh, 151-250), 1.P Cứng rắn, 2.P Thân thiết, 3.P Pháp tốt lành, 4.P Không thể sánh bằng, 5.P Quan Tế tự Ruhaka, 6.P Việc ấy không rắn chắc, 7.P Đám cỏ

Birana, 8.P Y Ca-sa, 9.P Đồi giày, 10.P Chó rừng; III. Nhóm Ba Kệ ngôn (có 5 phẩm, 50 chuyện Bản sanh, 251-300), 1.P Tư duy, 2.P Hoa sen, 3.P Khu rừng, 4.P Chính giữa, 5.P Cái hũ; IV. Nhóm Bốn Kệ ngôn (có 5 phẩm, với 50 chuyện Bản sanh, 301-350), 1.P Hầy mở ra, 2.P Cây Pucimanda, 3.P Kể phá hoại cốc liêu, 4.P Kokàlika, 5.P Tiểu Kunàla; V. Nhóm Năm Kệ ngôn (có 3 phẩm, với 25 chuyện Bản sanh, 351-375), 1.P Bông tai ngọc ma-ni, 2.P Màu da và dáng vóc, 3.P Một nửa; VI. Nhóm Sáu Kệ ngôn (có 2 phẩm, với 20 chuyện Bản sanh, 376-395), 1.P Gã chèo đò, 2.P Senaka; Nhóm Bảy Kệ ngôn (có 2 phẩm, với 21 chuyện Bản sanh, 396-416), 1.P Kukku, 2.P Gandhàra; VIII. Nhóm Tám Kệ ngôn (có 1 phẩm, 10 chuyện Bản sanh, 417-426), P. Bà Kaccàni; IX. Nhóm Chín Kệ ngôn (có 12 chuyện Bản sanh 427-438); X. Nhóm Mười Kệ ngôn (có 16 chuyện Bản sanh, 439-454); XI. Nhóm Mười Một Kệ ngôn (có 9 chuyện Bản sanh, 455-463); XII. Nhóm Mười Hai Kệ ngôn (có 10 chuyện Bản sanh, 464-473); XIII. Nhóm Mười Ba Kệ ngôn (có 10 chuyện Bản sanh, 474-483); XIV. Nhóm Linh tinh (có 13 chuyện Bản sanh, 484-496); Phụ lục, Thư mục câu kệ Pàli, Thư mục danh từ riêng, Thư mục từ đặc biệt.

Tập II, ấn hành PL. 2561 – DL. 2017, dày hơn 412 trang, nội dung gồm có: Lời tựa-Sinhala và Việt ngữ, Văn bản của Bộ Tôn giáo-Anh và Việt ngữ, Thành phần nhân sự, Lược đồ Tam tạng, Lời giới thiệu, Các chữ viết tắt, Mẫu tự Pali – Sinhala; *Bổn Sanh*: XV. Nhóm Hai mươi Kệ ngôn (có 14 chuyện Bản sanh, 497-510); XVI. Nhóm Ba mươi Kệ ngôn (có 10 chuyện Bản sanh, 511-520); XVII. Nhóm Bốn mươi Kệ ngôn (có 5 chuyện Bản sanh, 521-525); XVIII. Nhóm Năm mươi Kệ

ngôn (có 3 chuyện Bản sanh, 526-528); XIX. Nhóm Sáu mươi Kệ ngôn (có 2 chuyện Bản sanh, 529-530); XX. Nhóm Bảy mươi Kệ ngôn (có 2 chuyện Bản sanh, 531-532); XXI. Nhóm Tám mươi Kệ ngôn (có 5 chuyện Bản sanh, 533-537); Thư mục câu kệ Pàli, Thư mục danh từ riêng, Thư mục từ đặc biệt.

Tập III, ấn hành PL. 2561 – DL. 2017, dày hơn 480 trang, nội dung gồm có: Lời tựa-Sinhala và Việt ngữ, Văn bản của Bộ Tôn giáo-Anh và Việt ngữ, Thành phần nhân sự, Lược đồ Tam tạng, Lời giới thiệu, Các chữ viết tắt, Mẫu tự Pali – Sinhala; *Bổn Sanh*: XXI. Nhóm Lớn (có 10 chuyện Bản sanh, 538-547); Thư mục câu kệ Pàli, Thư mục danh từ riêng, Thư mục từ đặc biệt.

52. BỔN SỰ KINH

ĐCTTĐTK, Quyển 17 thuộc Kinh tập, Quyển thứ 14

Việt dịch: *Thích Như Điển*

Hán dịch: *Tam tạng Pháp sư Huyền Trang (602-664)*

Việt dịch (2002): *Thích Như Điển*

Toàn bộ tác phẩm Kinh này có 136 trang (PDF), gồm 7 quyển: Q.I, P.1 Pháp (Phần một); Q.II, P.1 Pháp (Phần hai); Q.III, P.2 Pháp (Phần một); Q.IV, P.2 Pháp (Phần hai); Q.V, P.2 (Phần ba); Q.VI, P.2 Pháp (Phần một); Q.VII, P.3 Pháp (Phần hai). (www.quangduc.com, *Kinh*)

C

53. CẨM NANG HỌC PHẬT, Tặng Kinh – Tiểu Bộ

Tam Tặng Song Ngữ Pàli – Việt, Tập 43
Phụ trách phiên dịch: *Tỳ-khuru Indacanda*
(*Trương Đình Dũng*)
PL. 2563 – DL. 2019

Buddhist Cultural Centre,
125 Anderson Road, Nedimala, Dehiwala-
Sri Lanka

Printed by: BCC Printing Press (Pvt) Ltd,
140/4, Anderson Road, Nedimala,
Dehiwala.

Sách có khổ lớn (20.5 x 29cm), bìa cứng
màu đỏ, chữ mạ vàng.

Nội dung gồm có: Lời tựa-Sinhala và Việt ngữ, Văn bản của Bộ Tôn giáo-Anh và Việt ngữ, Thành phần nhân sự, Lược đồ Tam tặng, Lời giới thiệu, Các chữ viết tắt, Mẫu tự Pali – Sinhala, Cẩm Nang Học Phật (Văn bản Pali và văn bản tiếng Việt): Phần Tổng hợp, Phần Tóm lược, Phần Diễn giải; Phần Diễn giải trực tiếp: 1. Phân tích cách truyền đạt bằng sự chỉ bảo, 2. Phân tích cách truyền đạt bằng sự tìm hiểu, 3. Phân tích cách truyền đạt bằng sự kết nối, 4. Phân tích cách truyền đạt bằng nền tảng, 5. Phân tích cách truyền đạt bằng tương trạng, 6. Phân tích cách truyền đạt bằng bốn sự đàn trện, 7. Phân tích cách truyền đạt bằng sự xoay vần, 8. Phân tích cách truyền đạt bằng sự phân tích, 9. Phân tích cách truyền đạt bằng sự đảo ngược, 10. Phân tích cách truyền đạt bằng từ đồng nghĩa, 11. Phân tích cách truyền đạt bằng

sự mô tả, 12. Phân tích cách truyền đạt bằng sự liệt kê, 13. Phân tích cách truyền đạt bằng sự làm rõ, 14. Phân tích cách truyền đạt bằng sự xác định, 15. Phân tích cách truyền đạt bằng sự thiết yếu, 16. Phân tích cách truyền đạt bằng sự xếp loại; 1. Sự phối hợp cách truyền đạt bằng sự chỉ bảo, 2. Sự phối hợp cách truyền đạt bằng sự tìm hiểu, 3. Sự phối hợp cách truyền đạt bằng sự kết nối, 4. Sự phối hợp cách truyền đạt bằng nền tảng, 5. Sự phối hợp cách truyền đạt bằng tương trạng, 6. Sự phối hợp cách truyền đạt bằng bốn sự đàn trện, 7. Sự phối hợp cách truyền đạt bằng sự xoay vần, 8. Sự phối hợp cách truyền đạt bằng sự phân tích, 9. Sự phối hợp cách truyền đạt bằng sự đảo ngược, 10. Sự phối hợp cách truyền đạt bằng từ đồng nghĩa, 11. Sự phối hợp cách truyền đạt bằng sự mô tả, 12. Sự phối hợp cách truyền đạt bằng sự liệt kê, 13. Sự phối hợp cách truyền đạt bằng sự làm rõ, 14. Sự phối hợp cách truyền đạt bằng sự xác định, 15. Sự phối hợp cách truyền đạt bằng sự thiết yếu, 16. Sự phối hợp cách truyền đạt bằng sự xếp loại; Nguồn phát khởi phương pháp, Sự hình thành giáo pháp; Phần Phụ chú, Thư mục câu kệ Pàli, Thư mục danh từ riêng, Thư mục từ đặc biệt.

54. Cương Yếu KINH PHÁP HOA

Tác giả: *HT. Thích Trí Quảng*

Nxb Tôn Giáo – 2008

Nội dung gồm có: Lời tựa, Lịch sử Kinh Pháp Hoa, Ý nghĩa Kinh Đại thừa Vô lượng nghĩa, Ý nghĩa Phẩm Tựa, Ý nghĩa Phương tiện và chân thật, Ý nghĩa Thí dụ, Ý nghĩa Thí dụ 1. Ba xe và nhà lửa trong phẩm Thí dụ thứ ba, Ý nghĩa Thí dụ 2. Cùng tử trong phẩm Tín giải thứ tư, Ý nghĩa Thí dụ 3. Ba cỏ hai cây trong phẩm Dược thảo dụ thứ năm, Ý nghĩa Thí dụ 4. Người làm đồ gốm trong phẩm Dược thảo

dụ thứ năm, Ý nghĩa Thí dụ 5. Người mù thuở nhỏ trong phẩm Dược thảo dụ thứ năm, Ý nghĩa Thí dụ 6. Hóa thành trong phẩm Hóa thành dụ thứ bảy, Ý nghĩa Thí dụ 7. Hạt châu trong áo (Hệ châu dụ) trong phẩm Ngũ bá đệ tử thứ tám, Ý nghĩa Thí dụ 8. Viên minh châu trên đỉnh đầu (Kế châu) trong phẩm An lạc hạnh thứ 14, Ý nghĩa Thí dụ 9. Lương y trong phẩm Như Lai thọ lượng thứ mười sáu, Ý nghĩa phẩm Pháp sư, Ý nghĩa phẩm An lạc hạnh, Ý nghĩa phẩm Bò-tát Tùng địa dũng xuất, Ý nghĩa phẩm Như Lai thọ lượng, Ý nghĩa phẩm Phân Biệt công đức và Pháp sư Công đức, Bò-tát hạnh: Dược Vương, Diệu Âm, Quan Âm, Diệu Trang Nghiêm và Phổ Hiền.

55. Chú giải BỒN SANH KINH – ATTHAKATHĀJĀTAKA

Theravāda – Đạo Phật Thích Ca

Dịch giả: *Tỳ-khuru Hộ Tông (1893-1981)*

In tại Nhà in Hiệp Hưng – Sài Gòn, Giấy phép số 1290/Xb 19/8/1957 - PL. 2501. Toàn bộ tác phẩm có 34 trang, bìa mềm. Nội dung gồm có: - Lời nói đầu, - Mười pháp không yên tâm đáng sợ; Nói rõ về 10 Nguyên nhân (đáng lo sợ); - Tích người không làm tội nữa; - Tích Brahmacharya; Sau cùng là Bảng Cải chánh.

56. Chú giải CHUYỆN CHƯ THIÊN (Vimānavatthu-Atthakathā)

Kinh Tạng – Sutta Pitaka

Bản Pāli ngữ: *Ācariya Dhammapāla*

Bản dịch Anh ngữ: *Peter Masefield*

Bản dịch Việt ngữ: *Tỳ-khuru Siêu Minh*

Nxb Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh, PL. 2551 – DL. 2007

Sách có khổ 14.5 x 20.5cm, dày hơn 929 trang.

Nội dung tác phẩm gồm có 7 phẩm: Lời nói đầu, Lời giới thiệu của dịch giả, Chư

viết tắt; Giải thích ý nghĩa nội tại tập Chú giải Chuyện Chư Thiên, Khởi đầu chuyện kể Chuyện chư Thiên; Phụ nữ Thiên cung; *P.I Phẩm Tọa sàng*, 1. Chú giải chuyện kể Thiên cung có tọa sàng, 2. Chú giải Thiên cung có tọa sàng thứ hai, 3. Chú giải Thiên cung có tọa sàng thứ ba, 4. Chú giải Thiên cung có tọa sàng thứ tư, 5. Chú giải Thiên cung con Voi, 6. Chú giải Thiên cung có chiếc Thuyền, 7. Chú giải Thiên cung có chiếc Thuyền thứ hai, 8. Chú giải Thiên cung có chiếc Thuyền thứ ba, 9. Chú giải Thiên cung có ngọn đèn, 10. Chú giải Thiên cung do Cúng Mè, 11. Chú giải Thiên cung của Người vợ chung thủy, 12. Chú giải Thiên cung của Người vợ chung thủy thứ hai, 13. Chú giải Thiên cung của Con Dâu, 14. Chú giải Thiên cung của Con dâu thứ hai, 15. Chú giải Thiên cung của nàng Uttarā, 16. Chú giải Thiên cung của nàng Sirimā, 17. Chú giải Thiên cung của Kesakārī; *P.II Phẩm Cittalatā*: 1. Chú giải Thiên cung của nữ tỳ, 2. Chú giải Thiên cung của nàng Lakhumā, 3. Chú giải Thiên cung của Người Cúng dường Cơm cháy, 4. Chú giải Thiên cung của nàng Candālī, 5. Chú giải Thiên cung của Phu nhân Khả ái, 6. Chú giải Thiên cung của nàng Sonadinnā, 7. Chú giải Thiên cung của nàng Uposathā, 8-9. Chú giải Thiên cung của nàng Niddī và nàng Suniddā, 10. Chú giải Thiên cung của Nữ thí chủ, 11. Chú giải Thiên cung của Nữ thí chủ thứ hai; *P.III Phẩm Pāricchattaka*, 1. Chú giải Thiên cung Huy hoàng, 2. Chú giải Thiên cung do Cúng Mía, 3. Chú giải Thiên cung có Sàng tọa, 4. Chú giải Thiên cung của Latā, 5. Chú giải Thiên cung của nàng Guttīlā, 6. Chú giải chuyện kể Thiên cung Rực rỡ, 7. Chú giải Thiên cung của nàng Sesavatī, 8. Chú giải Thiên cung của nàng Malīlikā, 9. Chú giải Thiên cung của nàng Visālakkhī, 10. Chú giải Thiên cung

Pàricchattaka; *P.IV Phẩm Đồ sấm*: 1. Chuyện kể Thiên cung Đồ sấm, 2. Chuyện kể Thiên cung Sáng chói, 3. Chuyện kể Thiên cung Con Voi, 4. Chuyện kể Thiên cung Alomà, 5. Chuyện kể Thiên cung của Người Cúng cháo gạo, 6. Chú giải Thiên cung Tịnh xá, 7. Chú giải Thiên cung Bốn nữ nhân, 8. Chú giải Thiên cung Vườn Xoài, 9. Chú giải Thiên cung Hoàng Kim, 10. Chú giải Thiên cung do Cúng Mía, 11. Chú giải Thiên cung do Đánh Lê, 12. Chú giải Thiên cung Rajjumàlà; *Chuyện Chư Thiên Nam Giới, P.V Phẩm Đại xa*: 1. Chú giải Thiên cung Tiên Nhái, 2. Chú giải Thiên cung của nàng Revatì, 3. Chú giải Thiên cung Chattamàna, 4. Chú giải Thiên cung của Người Cúng cháo cua, 5. Chú giải Thiên cung Người Giữ cửa, 6. Thiên cung do Công đức Thiện sự, 7. Thiên cung thứ hai do Công đức Thiện sự, 8. Chú giải Thiên cung do Cúng đường Cây kim mà có, 9. Thiên cung thứ hai do Cúng đường Cây kim mà có, 10. Chú giải Thiên cung Con voi, 11. Chú giải Thiên cung Con voi thứ hai, 12. Chú giải Thiên cung Con voi thứ ba, 13. Thiên cung có Cổ xe nhỏ, 14. Thiên cung có Cổ xe lớn; *P.VI Phẩm Pàyasi*: 1. Chú giải Thiên cung của Gia chủ, 2. Chú giải Thiên cung của Gia chủ thứ hai, 3. Chú giải Thiên cung của Người Cúng trái cây, 4. Chú giải Thiên cung của Người Cúng nơi cư trú, 5. Chú giải Thiên cung của Người Cúng nơi cư trú thứ hai, 6. Chú giải Thiên cung của Người cúng Sa-môn khát thực, 7. Chú giải Thiên cung của Người Giữ lúa mạch, 8. Chú giải Thiên cung của Thiên tử Đeo vòng tai, 9. Chú giải Thiên cung của Thiên tử Đeo vòng tai thứ hai, 10. Chú giải Thiên cung của Uttara; *P.VII Phẩm Sunikkhita*: 1. Chú giải Thiên cung Cittalata, 2. Chú giải Thiên cung Nandana, 3. Chú giải Thiên cung có Trụ ngọc bích,

4. Chú giải Thiên cung bằng vàng, 5. Chú giải Thiên cung Vườn Xoài, 6. Chú giải Thiên cung của Người Chăn bò, 7. Chú giải Thiên cung Kanthaka, 8. Chú giải Thiên cung có muôn vàng màu sắc, 9. Chú giải Thiên cung của Thiên tử đeo vòng tai sáng chói, 10. Chú giải Thiên cung của Serissaka, 11. Chú giải Thiên cung Sunikkhita; Nhận định Tổng kết.

57. Chú giải KINH DI GIÁO (Di chúc của Đức Phật)

Bản Pali: *Acariya buddhaghosathere*

Bản dịch Anh ngữ: *Yang Gyu An*

Bản dịch Việt ngữ: *Tỳ-khuru Siêu Minh*

Nxb Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh – 2008.

Tác phẩm Chú giải Kinh này có 304 trang, nội dung gồm 6 chương: - Lời nói đầu; C.I, 1. Chú giải nhập đề, 2. Chú giải về những điều kiện tạo hạnh phúc trong vương quốc, 3. Chú giải điều kiện xã hội chư vị Tỳ-kheo được nhận, 4. Chú giải những hiểm nguy do hành vi bất thiện đem lại, 5. Chú giải về công việc kiến thiết thành Pataliputta; C.II, 1. Chú giải về Tứ diệu đế, 2. Chú giải về được đi đến giác ngộ không tái phạm nữa, 3. Chú giải gương Chánh pháp, 4. Chú giải về tình tiết dâm nữ Ambapali, 5. Chú giải về nhập kết hạ tại ngôi làng Beluva; C.III, 1. Chú giải về đoạn gồm những lời gợi ý, 2. Chú giải về tình tiết Ma vương đưa ra yêu cầu, 3. Chú giải về từ bỏ sanh mệnh, 4. Chú giải cuộc động đất lớn, 5. Chú giải về tám Tăng đoàn, 6. Chú giải tám thẳng xứ, 7. Chú giải tám môi giải thoát; C.IV, 1. Chú giải cái nhìn từ biệt của Voi chúa, 2. Chú giải về bốn điều đại liên quan, 3. Chú giải về đoạn Kinh người thợ bạc Cunda, 4. Chú giải về việc lấy nước; 5. Chú giải về giao thoại Malla Pukkusa; C.V, 1. Chú giải về hai cây Sala song thọ, 2. Chú giải về bốn cõi dành cho cảm thọ, 3. Chú giải về

chuyện kể những câu hỏi của Trưởng lão Ananda, 4. Chú giải về những người đáng trung bày trong bảo tháp, 5. Chú giải những phẩm chất tuyệt vời nơi Trưởng lão Ananda, 6. Chú giải giáo pháp về Kinh Mahasudassana, 7. Chú giải về lời thần dân Mallas chào hỏi Đức Phật, 8. Chú giải câu chuyện kể về hành giả Subbadha; C.VI, 1. Chú giải về lời dạy cuối cùng của vị Như Lai, 2. Chú giải chuyện kể Vô dư Niết-bàn, 3. Chú giải về việc tôn kính Xá-lợi của Đức Phật, 4. Chú giải đoạn kể về Trưởng lão Mahakassapa, 5. Chú giải về việc phân phát xá-lợi của Đức Phật, 6. Chú giải về việc kính lễ bảo tháp trung bày xá-lợi của Đức Phật.

58. Chú giải KINH ĐẠI DUYÊN

Pàli dịch: *Bhikkhu Bodhi*

Việt dịch: *Tỳ-kheo Giác Lộc*

Nxb Tôn Giáo, PL. 2554 – DL. 2010

Sách có khổ 14 x 20cm, dày hơn 224 trang. Nội dung gồm có: Về tác giả, Lời người dịch, Lời nói đầu, Các Kinh điển sử dụng, Bảng kê các chữ tắt; Phần Giới thiệu, Phần I: Mahànidàna Sutta; Phần II, Chú giải Mahànidàna Sutta, 1. Đoạn sơ dẫn, 2. Lời tán dương Ananda, 3. Sự sâu sắc của lý Duyên khởi, 4. Lời ngăn chặn Ananda, 5. Lý Duyên khởi, 6. Những sự diễn tả về Ngã, 7. Những sự không diễn tả về Ngã, 8. Những sự suy tưởng về Ngã, 9. Bảy Thức trú, 10. Tám Giải thoát; Phụ lục: Các duyên hệ và lý Duyên khởi; Biểu đồ 1, Những giải thích tiêu chuẩn và Mahànidàna về lý Duyên khởi; Biểu đồ 2, Bảy Thức trú và hai Xứ; Từ vựng Pàli – Việt.

59. Chú Giải KINH LƯỚI TRỜI ĐẠI PHẠM

– **Phẩm Tâm Địa Của Bồ-tát** - Kết hợp Chú giải

(PHẠM VĨNG KINH – Bồ-tát Tâm Địa Phẩm – Hiệp chú)

Giới Đài Viện Huệ Nghiêm

Hán dịch: *Tam tạng Pháp sư Cưu-ma-la-thập (Kumarajiva, 344-413)*

Chú giải: *Bồ-tát Sa-di Trí Húc*

Hiệu đính: *Bồ-tát Tỳ-kheo Đạo Phương*

Việt dịch: *Bồ-tát Tỳ-kheo Phước Nghĩa*

Nxb Hồng Đức – 2015. Kinh có khổ 14.5 x 20.5cm, dày hơn 787 trang.

Nội dung gồm có 6 quyển: Lời người dịch, Nhân duyên Phát khởi, Thể lệ chung; Q.I Nói về thời gian-địa điểm, Chính thức liệt nêu ra 40 pháp môn, Nói rõ về Mười Tâm phát thú, 1. Tâm bố thí, 2. Tâm trì giới, 3. Tâm nhẫn nhục, 4. Tâm tinh tấn, 5. Tâm thiền định, 6. Tâm tuệ, 7. Tâm nguyện, 8. Tâm hộ trì (Tâm lực), 9. Tâm hỷ (Tâm phương tiện), 10. Tâm đỉnh đầu (Tâm trí); Nói rõ về Mười Tâm Trưởng dưỡng, 1. Tâm từ (tâm ban vui), 2. Tâm bi (tâm cứu khổ), 3. Tâm hỷ (tâm vui mừng), 4. Tâm xả (tâm buông xả), 5. Tâm bố thí, 6. Tâm ái ngữ (tâm nói lời hòa ái), 7. Tâm lợi hành (tâm làm lợi ích), 8. Tâm đồng sự (tâm làm việc chung), 9. Tâm định, 10. Tâm tuệ; Q.II Nói rõ về Mười Tâm Kim Cương, 1. Tâm tin tưởng, 2. Tâm ghi nhớ, 3. Tâm hồi hướng (tâm sâu xa), 4. Tâm thấu hiểu, 5. Tâm ngay thẳng (tâm chánh trực), 6. Tâm không lui sụt, 7. Tâm Đại thừa, 8. Tâm vô tướng, 9. Tâm tuệ, 10. Tâm bất hoại; Nói rõ về Mười Địa, 1. Địa bình đẳng, 2. Địa tuệ thiện hành, 3. Địa ánh sáng, 4. Địa tuệ ngọn lửa, 5. Địa tuệ chiếu soi, 6. Địa hoa ánh sáng, 7. Địa đầy đủ, 8. Địa Phật rỗng, 9. Địa trang nghiêm hoa Phật, 10. Địa nhập cảnh giới Phật, Phật Lô-xá-na dẫn dò truyền bá rộng khắp; Q.III Phật Thích-ca tuyên nói lại Giới Bồ-tát, Tụng việc Phật Lô-xá-na đầu tiên trao truyền, Tụng việc Phật Thích-ca lại trao truyền lại, Nói thẳng việc ở dưới

cội Bồ-đề; GIỚI NẶNG (có 10 giới), 1. Giết hại chúng sanh, 2. Trộm cướp, từ Q.IV đến Q.VI, nói về 10 Giới nặng và 48 Giới nhẹ; Kệ tán, Lời bạt I, Lời bạt II, Phụ lục Phần Chánh văn của Kinh Lưới Trời Đại Phạm.

Xem: (10 Giới nặng và 48 Giới nhẹ) của Kinh Phạm Võng Bồ-tát Giới

60. Chú giải KINH NHÂN QUẢ 3 ĐỜI

Chú giải: *Đạt-ma Phổ Giác*

Nxb Hồng Đức – 2014

Sách có khổ A5, có 62 trang. Nội dung gồm có: 1. Kinh Nhân Quả 3 đời, 2. Nhân quả là chân lý sống, 3. Hiếu kính cha mẹ là nền tảng đạo đức, 4. Bồ thí cúng dường được quả báo giàu sang, 5. Tham lam-bỏn sẻn quả báo nghèo hèn, 6. Pháp thí thù thắng hơn các sự bố thí, 7. Sống đúng đạo nghĩa làm người, 8. Phá hoại sự sống người và vật, 9. Phá hoại hạnh phúc gia đình người khác, 10. Sáu căn không đầy đủ, 11. Phỉ báng người tu hành chân chánh, 12. Quả báo sự lường gạt, 13. Quả báo làm khổ chúng sinh, 14. Quả báo của việc làm ác, 15. Quả báo của sự chấp ngã, 16. Quả báo của sự lừa đảo-giết hại, 17. Kệ hồi hướng công đức.

61. Chú giải KINH PHẠM VÕNG – BRAHMAJALA SUTTA

Dịch từ nguyên bản tiếng Anh: THE DISCOURSE ON THE ALL EMBRACING NET OF VIEWS by Bhikkhu BODHI

Dịch giả: *Tỳ-kheo Giác Lộ*

Pháp Bảo Tự, PL. 2543 – DL. 2000

Tác phẩm Chú giải Kinh này gồm có: Lời người dịch, Lời tựa; *Kinh Phạm Võng*; Phần Chú giải: Chủ thuyết Thường kiến, Chủ thuyết Thường kiến phiến diện, Những lý thuyết về thế giới hữu biên và vô biên, Những lý thuyết về ngục biện vô

tận, Những lý thuyết về sự sinh khởi ngẫu nhiên, Những lý thuyết về Tướng bất tử, Những lý thuyết về Vô tướng bất tử, Những lý thuyết về Phi tướng phi phi tướng bất tử, Chủ thuyết Đoạn kiến, Những lý thuyết về Niết-bàn hiện tại, Sự luân chuyển của các duyên và sự giải thoát do duyên xúc, Sự chấm dứt luân chuyển; Phần tóm lược Kinh Phạm Võng; Tài liệu tham khảo. (<https://thuvienhoasen.org>, *Kinh-Giảng giải Kinh*)

62. Chú giải KINH PHÁP CÚ – 4 Quyển

Dịch giả: *Trưởng lão Thiên sư Pháp Minh*

Tác phẩm Chú giải Kinh này có 4 quyển:

Quyển I, THPG Tp. Hồ Chí Minh – 1997, dày 478 trang. Nội dung gồm: *I. P. Song đối*, 1. Trưởng lão Hộ Nhân, 2. Cậu Kim Hoàn, 3. Trưởng lão Đề-xá, 4. Người sanh làm nữ Dạ-xoa, 5. Các Tỳ-kheo ở Kosambi, 6. Tiểu hắc và Đại hắc, 7. Devadatta được y quý, 8. Ông Tân-nhã-di không đầu Phật, 9. Đại đức Nanda, 10. Đồ tể Thuần-đà, 11. Thiên Nam sùng đạo, 12. Devadatta phản Phật, 13. Nàng Tố Tâm nương tử, 14. Hai vị Tỳ-kheo bạn; *II. P. Chuyên niệm*, 1. Hoàng hậu Ô-nhi-ly, 2. Chàng Công-bá-cò-xá, 3. Trưởng lão Tiểu Bàn-đặc, 4. Cái tết thác loạn, 5. Trưởng lão Ma-ha Ca-diếp, 6. Hai vị Tỳ-kheo bạn, 7. Đức Ngọc Hoàng Đế Thích, 8. Vị Tỳ-kheo Quán lửa rừng, 9. Đại đức Đề-xá ở thị xã; *Quyển I này được tái bản năm 2011, Nxb Tôn Giáo.*

Quyển II, Nxb Tp. Hồ Chí Minh – 1999, dày 963 trang. Nội dung như sau: *III. P. Tâm*, 1. Đại đức Mê-kỳ-da, 2. Tỳ-kheo Thủy-lưu-thôn, 3. Tỳ-kheo Bất mãn, 4. Tỳ-kheo Hộ Tăng Diệt, 5. Đại đức Phục Tôn, 6. Chư Tỳ-kheo quán tự ngã, 7. Đề-xá, 8. Nan-đà, 9. Đại đức Tu-lộ-da; *IV. P.*

Hoa, Chư Tỳ-kheo đàm luận về Địa đại, 2. Tỳ-kheo quán bào ảnh, 3. Lưu Ly vương, 4. Nàng sư phụ, 5. Bá hộ Khan-nang, 6. Tu sĩ ngoại đạo Tiểu Diệp, 7. Than-nam Tản-thủ, 8. Bà đại thí chủ thiện chí, 9. Đại đức A-nan, 10. Đại đức Ma-ha Ca-diếp, 11. Đại đức Cồ-diệt, 12. Oán trách thí; *V. P. Nghi*, 1. Trai nghèo có vợ đẹp, 2. Đệ tử của Đại đức Ma-ha Ca-diếp, 3. Trưởng giả A-nab, 4. Người điếm móc túi, 5. Đại đức Ưu-bà-di, 6. Nhóm Tỳ-kheo Bạt-đề, 7. Thiên Giác, 8. Người nông phu mắc cạn, 9. Ông hàng hoa hảo ý, 10. Nữ Thánh Thanh Liên Sắc, 11. Ngoại đạo Hào Cầu, 12. Ngạ quỷ mình rắn, 13. Ngạ quỷ búa đập đầu, 14. Đại đức Thiện Pháp, 15. Đại đức Đề-xá; *VI. P. Hiền trí*, 1. Đại đức L Đà, 2. Nhóm ác Tăng, 3. Đại đức Sa-nặc, 4. Đại đức Ma-ha Kiếp-tân-na, 5. Sa-di Trí giả, 6. Đại đức Bạt-đà, 7. Mẹ công chúa Cà-na, 8. Năm trăm vị Tỳ-kheo, 9. Đại đức Hợp pháp, 10. Nghe thuyết pháp, 11. Khách Tăng Kiền-tát-la;

Quyển III, Nxb Tp. Hồ Chí Minh – 2000, dày 455 trang. Nội dung gồm: *VII. P. A-la-hán*, 1. Ngự y Kỳ bá, 2. Trưởng lão Ma-ha Ca-diếp, 3. Trưởng lão Bê-lát-thá-xi-xô, 4. Trưởng lão A-nậu-lâu-đà, 5. Trưởng lão Ma-ha Ca-chiên-diên, 6. Trưởng lão Xá-lợi, 7. Trưởng lão Đề-xá, 8. Trưởng lão Xá-lợi-phát, 9. Trưởng lão Ly-bà-đa, 10. Phụ nữ gheo Thiên sư; *VIII. P. Ngàn*, 1. Đạo phủ thủ nanh đồng, 2. Trưởng lão Ba-hy-dá, 3. Tỳ-kheo Ni tóc quăn, 4. Bà-la-môn hỏi pháp vô ích, 5. Bà-la-môn cậu của Trưởng lão Xá-lợi-phát, 6. Bà-la-môn cháu của Xá-lợi-phát, 7. Bà-la-môn bạn của Xá-lợi-phát, 8. Cậu bé Ích thọ, 9. Sa-di đòn xóc, 10. Trưởng lão Kiền-trần-như gốc cây, 11. Trưởng lão Xà-nô, 12. Nàng Sa-đọa, 13. Nàng Kiền-đàm, 14. Tỳ-kheo Ni Đa-tử; *IX. P. Ác*, 1. Bà-la-môn một áo, 2. Trưởng lão Xây-dá-xá-ká, 3. Thiên nữ

Côm rang, 4. Ông Cấp Cô Độc đuổi thiên nữ, 5. Tỳ-kheo khinh giới nhỏ, 6. Bá hộ chần mềo, 7. Phú thương tranh hiểm lộ, 8. Thọ săn Kê Hữu, 9. Thọ săn Kê Hữu, 10. Thọ săn gặp Thiên sư, 11. Trưởng lão Đề-xá, 12. Ba nhóm Tỳ-kheo, 13. Vua Thiện Giác; *X. P. Đạo Trọng*, 1. Nhóm lục sư hành hung, 2. Nhóm lục sư đe dọa, 3. Lũ trẻ đập rắn, 4. Trưởng lão Kon-đá-tha-ná, 5. Bát quan trai của phụ nữ, 6. Ngạ quỷ mình trần, 7. Trưởng lão Mục-kiền-liên Niết-bàn, 8. Tỳ-kheo nhiều vật dụng, 9. Đại thần Sa-tá-tí, 10. Trưởng lão khổ rách, 11. Sa-di hạnh phúc; *XI. P. Lão*, 1. Bạn bà thiện chí say, 2. Nàng Xí-rí-na, 3. Trưởng lão Ni-út-tá-ra bị té, 4. Nhóm Tăng thượng mạn, 5. Tỳ-kheo Ni Sắc-nan-đà, 6. Hoàng hậu Mạt-ly, 7. Trưởng lão Lô-uru-đà-di lẩn quẩn, 8. Phật thành đạo, 9. Đại phú phá sản; *XII. P. Tự ngã*, 1. Bò-đề vương tử, 2. Thích tử Ú-pá-nan-đá, 3. Trưởng lão Đề-xá tinh tấn thiên, 4. Mẹ của Trưởng lão Ca-diếp đồng tử, 5. Thiện nam Ma-ha-ka-lá, 6. Devadatta, 7. Cố ý chia rẽ Tăng, 8. Trưởng lão Ka-lá, 9. Thiện nam Tiểu Ka-lá, 10. Trưởng lão Tư Lợi;

Quyển II và III tái bản năm 2012, Nxb Tôn Giáo.

Quyển IV, Nxb Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh – 2013, khổ 14.5 x 20.5cm, dày 637 trang. Nội dung gồm có: *XX. P. Chánh đạo*, 1. Năm trăm Tỳ-kheo luận đạo, 2. Năm trăm Tỳ-kheo quán vô thường, 3. Quán khổ não, 4. Quán phi ngã, 5. Đại đức Tissa Nôn-tu, 6. Ngạ quỷ heo, 7. Đại đức Pothila, 8. Các đại đức già, 9. Đệ tử đại đức Sariputta, 10. Đại phú thương, 11. Nàng Kisa Gotami, 12. Nàng Patacara; *XXI. P. Tọa lục*, 1. Hạnh nghiệp của Đức Phật, 2. Thiếu nữ ăn trứng gà, 3. Chuyện Tỳ-kheo xứ Bhaddiya, 4. Trưởng lão Lakuntaka Bhaddiya, 5. Con trai ông Darusakatika, 6. Tỳ-kheo Vajiputta, 7.

Trưởng giả Citta, 8. Nàng Culasubhadda, 9. Trưởng lão Ekavihari; *XXII. P. Cảnh khổ*, 1. Nữ ngoại giáo Sundari, 2. Chuyện khổ nhân, 3. Tích chur Tỳ-kheo trú gần sông Vaggumuda, 4. Thanh niên Khemaka, 5. Tỳ-kheo Đa ngôn, 6. Chuyện nữ nhân hờn ghen, 7. Chuyện Tăng khách, 8. Chuyện Nigantha, 9. Môn đồ ngoại giáo; *XXIII. P. Voi*, 1. Chuyện Bạc đạo sư, 2. Chuyện Một Tăng sĩ, 3. Bà-la-môn lão niên, 4. Quốc vương Pasenadi Kosala, 5. Sa-di Sanu, 6. Thớt tượng Paveraka, 7. Chuyện chur Tỳ-kheo, 8. Chuyện Ma vương; *XXIV. P. Ái dục*, 1. Tích con cá Kapila, 2. Chuyện con heo nái, 3. Chuyện vị Tỳ-kheo hoàn tục, 4. Chuyện khám đường, 5. Hoàng hậu Khema, 6. Công tử Uggasena, 7. Hiền trí Culadhanuggaha, 8. Chuyện Ma vương, 9. Du sĩ Upaka, 10. Đức Thiên vương Đế thích, 11. Vị trưởng giả không con, 12. Thiên tử Ankura; *XXV. P. Tỳ-kheo*, 1. Năm vị Tỳ-kheo, 2. Vị Tỳ-kheo giết hạc, 3. Tỳ-kheo Kokalika, 4. Trưởng lão Dhammarama, 5. Hai vị Tỳ-kheo nghịch gặp nhau, 6. Bà-la-môn Pancaggadayaka, 7. Nhiều vị Tỳ-kheo, 8. Chuyện 500 vị Tỳ-kheo, 9. Trưởng lão Santakaya, 10. Trưởng lão Nangalakuta, 11. Trưởng lão Vakkali, 12. Sadi Sumana; *XXVI. P. Bà-la-môn*, 1. Vị Bà-la-môn nhiều đức tin, 2. Nhiều vị Tỳ-kheo, 3. Chuyện Ma vương, 4. Một vị Bà-la-môn, 5. Trưởng lão Ananda, 6. Chuyện Một người xuất gia, 7. Trưởng lão Sariputta, 8. Trưởng lão Ni Maha Pajapatigotami, 9. Chuyện Trưởng lão Sariputta, 10. Chuyện Bà-la-môn Jatila, 11. Bà-la-môn Kuhaka, 12. Nàng Kisagotami, 13. Chuyện vị Bà-la-môn, 14. Ngài Uggasena, 15. chuyện hai vị Bà-la-môn, 16. Bà-la-môn Akkosaka Bharadvaja, 18. Trưởng lão Ni Uppalavanna, 19. Chuyện một vị Bà-la-môn, 20. Trưởng lão Ni Khema, 21.

Trưởng lão Tissa ngụ trong núi, 22. Chuyện nhiều vị Tỳ-kheo, 23. Các Sa-di, 24. Trưởng lão Mahapanthaka, 25. Trưởng lão Pilindavaccha, 26. Chuyện một vị Tỳ-kheo, 27. Trưởng lão Sariputta, 28. Trưởng lão Moggallana, 29. Trưởng lão Revata, 30. Trưởng lão Candabha, 31. Trưởng lão Sivali, 32. Trưởng lão Sundarasamudda, 33. Trưởng lão Jotika, 34. Chuyện Trưởng lão Jatila, 35-36. Chuyện vị Tỳ-kheo khiêu vũ, 37. Trưởng lão Vangisa, 38. Trưởng lão Ni Dhammadinna, 39. Trưởng lão Angulimala, 40. Bà-la-môn Devahita. (<https://thuvienhoasen.org>, Kinh)

Tác phẩm này tái bản năm 2013 (Trọn bộ 4 quyển), Nxb Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh, khổ 14.5 x 20.5cm, bìa mềm, có tay gấp.

63. Chú giải KINH PHÁP CÚ – 5 Quyển

DHAMMAPÀDA – ATTHAKATHÀ

Việt dịch: *Tỳ-khưu Minh Đạt (Su Chí Tâm)*

Nxb Hồng Đức: 2019 – 2020. Sách có khổ 14.5 x 20.5cm.

Quyển 1, Phẩm Song Đối (Yamaka Vagga), xuất bản năm 2018, dày hơn 789 trang. Nội dung gồm có 1 phẩm, 14 chuyện: Lời nói đầu, Mẫu tự Pali và cách phát âm, Kế khởi đầu của tác phẩm; *Phẩm Song đối*, 1. Chuyện về trưởng lão Cakkhupàla, 2. Chuyện về Matthakundali, 3. Chuyện về trưởng lão Tissa, 4. Chuyện về nữ Dạ-xoa Kàlaya, 5. Chuyện về thành Kosabi, 6. Chuyện về trưởng lão Mahàkàla, 7. Chuyện về Devadatta, 8. Chuyện về trưởng lão Sàriputta, 9. Chuyện về trưởng lão Nanda, 10. Chuyện về đồ tể Cunda, 11. Chuyện về cận sự nam Dhammika, 12. Chuyện về Devadatta, 13. Chuyện về Sumanàdevi, 14. Chuyện về hai vị Tỳ-kheo bằng hữu.

Quyển 2, xuất bản năm 2018, dày 809 trang. Nội dung gồm có 2 phẩm, 18 câu chuyện: Lời nói đầu, Mẫu câu đơn giản trong văn phạm Pàli; *Phẩm Không để đuôi*: 1. Câu chuyện Sàmvativatthu, 2. Câu chuyện bá hộ Kumbhaghosaka, 3. Câu chuyện trưởng lão Cùlapanthaka, 4. Câu chuyện sự huyền não dành cho người ngu, 5. Câu chuyện trưởng lão Mahākassapa, 6. Câu chuyện hai người bạn để đuôi và không để đuôi, 7. Câu chuyện về Magha, 8. Câu chuyện về một vị Tỳ-kheo khác, 9. Câu chuyện trưởng lão Tissa ở thị trấn; *Phẩm Tâm*: 1. Câu chuyện về trưởng lão Meghiya, 2. Câu chuyện về một vị Tỳ-kheo khác, 3. Câu chuyện về một vị Tỳ-kheo khác, 4. Câu chuyện về cháu của trưởng lão Sangharakkhita, 5. Câu chuyện của trưởng lão Cittahattha, 6. Câu chuyện về năm trăm vị Tỳ-kheo, 7. Câu chuyện về trưởng lão Tissa có thân thể hôi thối, 8. Câu chuyện về người chăn bò Nanda, 9. Câu chuyện trưởng lão Soreyya, Bảng phụ lục về cách chia danh từ; Mục lục.

Quyển 3, xuất bản năm 2019, dày hơn 957 trang, nội dung gồm có 2 phẩm, 27 câu chuyện: Lời nói đầu, *Phẩm Hoa*, 1. Câu chuyện: Năm trăm Tỳ-kheo bận rộn đàm luận về địa đại, 2. Câu chuyện: Trưởng lão với đề mục nghiệp xứ ảo ảnh, 3. Câu chuyện: Vitatubha, 4. Câu chuyện: Về thiếu nữ tôn vinh chồng, 5. Câu chuyện: Trưởng giả Kosiya keo kiệt, 6. Câu chuyện: Ngoại đạo Paveyya, 7. Câu chuyện: Cận sự nam Chattapani, 8. Câu chuyện: Nàng Visakha, 9. Câu chuyện: Về câu hỏi của Trưởng lão Ananda, 10. Câu chuyện: Cúng dường vật thực đến Trưởng lão Mahakassapa, 11. Câu chuyện: Trưởng lão Godhika viên tịch, 12. Câu chuyện: Về Garahadinna; *Phẩm Phu nhân*: 1. Câu chuyện: Về một chàng thanh niên, 2. Câu

chuyện: Về người đệ tử đồng trú cùng trưởng lão Mahakassapa, 3. Câu chuyện: Về trưởng giả Ananda, 4. Câu chuyện: Về tên trộm chuyên móc túi, 5. Câu chuyện: Về trưởng lão Udayi, 6. Câu chuyện: Về nhóm 30 Tỳ-kheo ở Paveyyaka, 7. Câu chuyện: Về chàng cùi Suppabuddha, 8. Câu chuyện: Về người nông dân, 9. Câu chuyện: Về người thợ làm tràng hoa Sumana, 10. Câu chuyện: Về trưởng lão Ni Uppalavanna, 11. Câu chuyện: Về trưởng lão Jambuka, 12. Câu chuyện: Về ngạ quỷ Rắn, 13. Câu chuyện: Về ngạ quỷ 60 cái búa, 14. Câu chuyện: Về gia chủ Citta, 15. Câu chuyện: Về Sadi Tissa cư ngụ trong rừng.

Quyển 4, xuất bản năm 2019, dày hơn 866 trang, nội dung gồm 3 phẩm, 35 câu chuyện: Lời nói đầu, *Phẩm Hiền trí*: 1. Câu chuyện về trưởng lão Raddha, 2. Câu chuyện về nhóm môn đệ của Assajipunabbasu, 3. Câu chuyện về trưởng lão Channa, 4. Câu chuyện về trưởng lão Mahappina, 5. Câu chuyện về trưởng lão Bhaddiya lùn, 7. Câu chuyện về mẹ của nàng Kàna, 8. Câu chuyện về năm trăm vị Tỳ-kheo, 9. Câu chuyện về trưởng lão Dhammika, 10. Câu chuyện về việc lắng nghe pháp, 11. Câu chuyện về năm trăm vị khách Tăng; *Phẩm A-la-hán*: 1. Câu chuyện về câu hỏi Jivaka, 2. Câu chuyện về trưởng lão Mahākassapa, 3. Câu chuyện về trưởng lão Belatthasisa, 4. Câu chuyện về trưởng lão Anuruddha, 5. Câu chuyện về trưởng lão Mahākaccàyana, 6. Câu chuyện về trưởng lão Sàriputta, 7. Câu chuyện về vị sadi đệ tử của trưởng lão Tissa ngụ ở Kosambi, 8. Câu chuyện về trưởng lão Sàriputta, 9. Câu chuyện về trưởng lão Revata trong khu rừng keo, 10. Câu chuyện về một người phụ nữ khác; *Phẩm Ngàn*: 1. Câu chuyện về người đao phủ có bộ râu màu đồng, 2. Câu chuyện về

trưởng lão Bàhiya đắp y vỏ cây, 3. Câu chuyện về trưởng lão Ni tóc xoắn, 4. Câu chuyện về câu hỏi vô nghĩa của một vị Bà-la-môn, 5. Câu chuyện về người Bà-la-môn cậu của trưởng lão Sàriputta, 6. Câu chuyện về cháu trai của trưởng lão Sàriputta, 7. Câu chuyện về Bà-la-môn bạn của trưởng lão Sàriputta, 8. Câu chuyện về đứa trẻ được tặng tuổi thọ, 9. Câu chuyện về sadi Samkicca, 10. Câu chuyện về trưởng lão Kondanna tợ gốc cây, 11. Câu chuyện về trưởng lão Sappadàsa, 12. Câu chuyện về Tỳ-kheo Ni Patàcàrà, 13. Câu chuyện về nàng Gothamì gây yếu, 14. Câu chuyện về Tỳ-kheo Ni vốn có nhiều con.

Quyển 5, xuất bản năm 2020, dày hơn 866 trang. Nội dung gồm 4 phẩm, 42 câu chuyện: *Lời nói đầu, Phẩm Ác*: 1. Câu chuyện về Ba-la-môn Cùlekasàtaka, 2. Câu chuyện về trưởng lão Seyyasaka, 3. Câu chuyện về thiên nữ Làja, 4. Câu chuyện về trưởng giả Anàthapindika, 5. Câu chuyện vị Tỳ-kheo không tiết chế vật dụng tùy thân, 6. Câu chuyện về trưởng giả người có đôi chân mèo, 7. Câu chuyện về người lái buôn nhiều tài sản, 8. Câu chuyện về người thợ săn Kukkutamita, 9. Câu chuyện về người thợ săn Koka và đàn chó, 10. Câu chuyện về trưởng lão Tissa, 11. Câu chuyện về ba nhóm người Tayojanavatthu, 12. Câu chuyện về Đức vua Suppabuddha; *Phẩm Hình phạt*: 1. Câu chuyện về nhóm Tỳ-kheo lục sư (1), 2. Câu chuyện về nhóm Tỳ-kheo lục sư (2), 3. Câu chuyện về đàn trẻ con, 4. Câu chuyện về trưởng lão Kondadhàna, 5. Câu chuyện về những người phụ nữ thợ Bát quan trai, 6. Câu chuyện về ngựa quý Trăn, 7. Câu chuyện về trưởng lão Mahàmoggallàna, 8. Câu chuyện về vị Tỳ-kheo có nhiều vật dụng, 9. Câu chuyện về quan đại thần Santati, 10. Câu chuyện về

trưởng lão y củ rách, 11. Câu chuyện về Sadi Sukha; *Phẩm Già lão*: 1. Câu chuyện về những người bạn gái của bà Visàkhà, 2. Câu chuyện về nàng Sirimà, 3. Câu chuyện về trưởng lão Ni, 4. Câu chuyện về nhóm Tỳ-kheo có nhiều tự mãn, 5. Câu chuyện về trưởng lão Ni Rùpanandà, 6. Câu chuyện về hoàng hậu Mallikà, 7. Câu chuyện về trưởng lão Làludàya, 8. Câu chuyện về âm hứng ngữ, 9. Câu chuyện về con trai một trưởng giả có đại tài sản; *Phẩm Tự ngã*: 1. Câu chuyện về vương tử Bodhi, 2. Câu chuyện về trưởng lão Upananda, 3. Câu chuyện về trưởng lão Tissa, 4. Câu chuyện về trưởng lão Ni mẹ của Kumàrakassapa, 5. Câu chuyện về cận sự nam Mahàkàla, 6. Câu chuyện về Devadatta, 7. Câu chuyện về sự cố gắng chia rẽ Tăng chúng, 8. Câu chuyện về trưởng lão Kàla, 9. Câu chuyện về cận sự nam Cùlakàla, 10. Câu chuyện về trưởng lão Attadattha.

64. Chú giải KINH PHẬT THUYẾT ĐẠI THỪA VÔ LƯỢNG THỌ TRANG NGHIÊM THANH TỊNH BÌNH ĐẲNG GIÁC

Chú giải: *Hoàng Niệm Tổ*

Việt dịch: *Như Hòa*

Nxb Phương Đông – 2002. Kinh có khổ 15 x 21cm, dày 1068 trang, bìa cứng. Toàn bộ tác phẩm Chú giải Kinh này gồm có 4 quyển, 48 phẩm. Phần đầu là Đôi lời bày tỏ, Lời giới thiệu; *Quyển I*, Lời nói đầu, Khái yếu (- Giáo khởi nhân duyên, - Thể tánh của Kinh, - Tông thú của Kinh này, - Phương tiện lực dụng, - Các căn khí được Kinh này hóa độ, - Tạng giáo sở nhiếp, - Bộ loại sai biệt, - Dịch, hội, hiệu, thích, - Tổng thích Kinh đề); Phần giải thích Kinh nghĩa: Tự phần, Thông tự, P.1. Pháp hội Thánh chúng, P.2. Đức tuân Phổ Hiền, Biệt tự, P.3. Đại giáo duyên khởi;

Quyển II, Chánh tông phần: P.4. Pháp tạng nhân địa, P.5. Chí tâm tinh tấn, P.6. Phát đại thệ nguyện, P.7. Ất thành chánh giác, P.8. Tích công lũy đức, P.9. Viên mãn thành tựu, P.10. Đề phát nguyện thành Phật; *Quyển III*, P.11. Quốc giới nghiêm tịnh, P.12. Quang minh chiếu khắp, P.13. Thọ chúng vô lượng, P.14. Cây báu khắp cõi nước, P.15. Bồ-đề đạo tràng, P.16. Nhà, viện, lầu, quán, P.17. Công đức của ao, P.18. Siêu thế hy hữu, P.19. Thọ dụng đầy đủ, P.20. Gió đức mưa hoa, P.21. Hoa sen báu và quang minh Phật, P.22. Quyết chứng cực quả, P.23. Mười phương Phật ngợi khen, P.24. Ba bậc vãng sanh, P.25. Chánh nhân vãng sanh, P.26. Lễ cúng thỉnh pháp, P.27. Khen ngợi Phật đức, P.28. Đại sĩ thần quang, P.29. Nguyện lực hồng thâm; *Quyển IV*, P.30. Bồ-tát tu trì, P.31. Chơn thật công đức, P.32. Thọ lạc vô cực, P.33. Khuyến dụ sách tấn, P.34. Tâm được khai minh, P.35. Trước thế ác khổ, P.36. Trùng trùng hồi miễn, P.37. Như kẻ nghèo được của báu, P.38. Lễ Phật hiện quang, P.39. Ngài Từ Thị thuật lại những điều mình thấy, P.40. Biên địa nghi thành, P.41. Hoặc tận kiến Phật, P.42. Bồ-tát vãng sanh; *Lưu thông phần*: P.43. Chẳng phải là Tiểu thừa, P.44. Thọ ký Bồ-đề, P.45. Riêng lưu lại Kinh này, P.46. Siêng tu giữ vững, P.47. Phước huệ mới được nghe, P.48. Nghe Kinh được lợi ích. Lời sau cùng, Phụ lục 1 và 2, Lược sử Ngài U Khê.

Tác phẩm Chú giải Kinh này được tái bản nhiều lần: Năm PL. 2548 – DL. 2004; năm 2009, Tịnh Tông Học hội Los Angeles Amida Society ấn tống.

65. Chú Giải LỊCH SỬ CHƯ PHẬT

Nguyên tác: *Buddhavamsa*

Bản Pali ngữ: *Buddhatta Thera*; Anh ngữ: *LB. Horner*

Việt dịch: *Tỳ-kheo Siêu Minh*

Nxb Tôn Giáo, PL. 2551 – DL. 2007

Sách có khổ 14 x 20cm, dày hơn 847 trang. Nội dung gồm có: Lời giới thiệu, I. Nguồn tư liệu các tập Chú giải, II. Chức năng một tập Chú giải, III. Một số phương pháp Chú giải, 1. Những trích dẫn Kinh điển, 2. Những cách giải thích khác, 3. Những liệt kê, 4. Những lần “Liệt kê”, 5. Một Chương sách phụ, 6. Nhiều nghĩa Đa dạng; Nhập đề, Ngũ pháp, Trùng âm, Những người sanh cùng thời với nhau, Một số đặc tính khác, Viết tắt, Viết tắt tên tiếng Anh, Xuất xứ Phật tông, Chú giải về Tiền thân, I. Chú giải về địa điểm du hành Châu báu, II.A Chú giải Bồ-tát Sumedha, II.B Chú giải Đức Phật Dipankara, III. Chú giải Đức Phật Kondanna, IV. Chú giải Đức Phật Mangala, V. Chú giải Phật Tổ Sumana, VI. Chú giải Đức Phật Tổ Revata, VII. Chú giải Đức Phật Tổ Sobhita, VIII. Chú giải Đức Phật Tổ Anomadassin, IX. Chú giải Phật Tổ Paduma, X. Chú giải Đức Phật Tổ Nārada, XI. Chú giải Đức Phật Tổ Padumuttara, XII. Chú giải Đức Phật Tổ Sumedha, XIII. Chú giải Đức Phật Tổ Sujāta, XIV. Chú giải Đức Phật Tổ Piyadassin, XV. Chú giải Đức Phật Tổ Atthadassin, XVI. Chú giải Phật Tổ Dhammadassin, XVII. Chú giải Phật Tổ Siddhattha, XVIII. Chú giải Đức Phật Tổ Tissa, XIX. Chú giải Phật Tổ Phussa, XX. Chú giải Đức Phật Tổ Vipassin, XXI. Chú giải Đức Phật Tổ Sikhin, XXII. Chú giải Đức Phật Tổ Vessabhū, XXIII. Chú giải Đức Phật Tổ Kakusandha, XXIV. Chú giải Đức Phật Tổ Konagamana, XXV. Chú giải Đức Phật Tổ Kassapa, XXVI. Chú giải Đức Phật Cô-đàm, Dẫn giải về những khác nơi chư Phật.

66. Chú giải NGẠ QUỶ SỰ

Anh ngữ: *Peter Masefield*
Việt dịch: *Tỳ-kheo Minh Huệ*
PL. 2540 – DL. 1996

Sách dày hơn 558 trang. Nội dung gồm có 4 chương: Lời giới thiệu, Giải thích ý nghĩa bên trong, Chú giải về những câu chuyện Nga quý; *C.I Xà phẩm (Uragavagga)*: 1. Phước điền quý sự, 2. Trùng quý sự, 3. Xú khẩu quý sự, 4. Tích chuyện cái bánh đồ chơi, 5. Hộ ngoại quý sự, 6. Thực ngũ nhĩ quý sự, 7. Thực thất nhĩ quý sự, 8. Ngưu quý sự, 9. Đại chức vật sự quý sự, 10. Ngốc đầu quý sự, 11. Tượng quý sự, 12. Xà quý sự; *C.II Uát-ba-lợi phẩm (Ubbarivagga)*: 1. Ly luân hồi quý sự, 2. Xá-lợi-phất mẫu quý sự, 3. Mẫu quý sự, 4. Nan-đà quý sự, 5. Nhĩ-hoàn nữ quý sự, 6. Hắc quý sự, 7. Tài hộ quý sự, 8. Tiểu thương quý sự, 9. Quý sự về (Ankura), 10. Uát-đa-la mẫu quý sự, 11. Tư nga quý sự, 12. Vô nhĩ khuyến cầu quý sự, 13. Uát-ba-lợi quý sự; *C.III Tiểu phẩm (Culavagga)*: 1. Bất đáng quý sự, 2. Quý sự về Sànuvāsi, 3. Tạo xa quý sự, 4. Mạt quý sự, 5. Tiểu nhĩ quý sự, 6. Sê-rí-ni quý sự, 7. Liệp-lộc quý sự, 8. Đệ nhĩ Liệp-lộc quý sự, 9. Trá-khi nga quý sự, 10. Giới bất kinh thấp quý sự; *C.IV Đại phẩm*: 1. Âm-bá-sắc-khá-rá quý sự, 2. Sê-rít-sá-ká quý sự, 3. Nan-đà quý sự, 4. Rê-vát-tí quý sự, 5. Cam-giá quý sự, 6. Tiểu nhĩ quý sự, 7. Vương nhĩ quý sự, 8. Phần thực quý sự, 9. Thực phần quý sự, 10. Quân tập quý sự, 11. Hoa tử quý sự, 12. Âm ba quý sự, 13. Mộc-trục quý sự, 14. Súc tài quý sự, 15. Thương tử quý sự, 16. Quý sự về sáu chục ngàn cái búa; Kết luận.

**67. Chú giải PHẬT TỰ THUYẾT (I, II)
– Kinh Tạng (Sutta Pitaka)**

**(Paramatthadīpanī nāma
Udānattakathā)**

Bản Tiếng Pāli: *Acariya Dhammapāla*

Bản Anh ngữ: *Peter Masefield*

Việt dịch: *Tỳ-kheo Siêu Minh*

Nxb Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh – 2007

Sách có khổ 14.5 x 20.5cm, bìa cứng màu đen, chữ vàng, có hộp, tổng cộng 2 tập dày hơn 1.568 trang.

Tập I, dày hơn 762 trang. Nội dung gồm có 3 chương: Lời giới thiệu, Bản tường trình khởi đầu công trình biên soạn; *C.I, Giác ngộ*: 1. Giác ngộ (1), 2. Giác ngộ (2), 3. Giác ngộ (3), 4. Gốc cây đa, 5. Các vị trưởng lão, 6. Trưởng lão Đại Ca-diếp (Kassapa), 7. Tại Pāvā, 8. Sangāmaji, 9. Các vị ân sĩ búi tóc, 10. Ngài Bāhiya; *C.II, Mucalinda*: 1. Mucalinda, 2. Vị vua, 3. Vói cây gậy, 4. Lòng kính trọng, 5. Vói một Phật tử, 6. Mang thai, 7. Con trai độc nhất, 8. Suppavāsā, 9. Visākhā, 10. Bhaddiya con trai của ngài Kāligodhā; *C.III, Nanda*: 1. Nghiệp, 2. Nanda, 3. Yasoja, 4. Sāriputta, 5. Kolita, 6. Pilinda, 7. Kassapa, 8. Cửa bố thí, 9. Nghề thủ công, 10. Nhờ thế gian.

Tập II, dày hơn 806 trang. Nội dung gồm có 5 chương: *C.IV Meghiya*, 1. Meghiya, 2. Bị phân tâm (phóng dật), 3. Người chăn bò, 4. Dưới ánh trăng rằm, 5. Vói Long vương, 6. Pindola, 7. Sāriputta, 8. Sundari, 9. Upasena Vangantaputta, 10. Sāriputta; *C.V Sona*, 1. Người yêu quý, 2. Sanh mệnh ngắn ngủi, 3. Bệnh nhân phong, 4. Các chàng thanh niên, 5. Uposatha trai giới (ngày tụng giới), 6. Sona, 7. Revata, 8. Chia rẽ, 9. Điều giễu cợt, 10. Cùlapanthaka, *C.VI Người mù bẩm sinh*, 1. Thọ mệnh, 2. Để tóc rối, 3. Quán xét lại, 4. Quan điểm (1), 5. Quan điểm (2), 6. Những quan điểm (3), 7. Subhūti, 8. Cô gái làng chơi, 9. Ở trên và quá khứ, 10. Họ khởi sanh; *C.VII Tiểu phẩm*, 1. Bhaddiya

(1), 2. Bhaddiya (2), 3. Chấp thủ (1), 4. Chấp thủ (2), 5. Người lùn, 6. Diệt trừ ái dục, 7. Diệt trừ những hý tướng nữa, 8. Kaccàna, 9. Cái giếng, 10. Udena (Ưu-điền vương); *C.VIII Dân làng Pàtali*, 1. Nibbàna (1), 2. Níp-bàn (2), 3. Níp-bàn (3), 4. Níp-bàn (4), 5. Cunda, 6. Dân làng Pàtali, 7. Chúng sanh trên lộ trình, 8. Visàkhà, 9. Dabba (1), 10. Dabba (2); Nhận định kết thúc.

68. Chú giải PHẬT THUYẾT NHƯ VẬY – Kinh Tạng (Sutta Pitaka)

(The Itivuttaka-atthakathà) – 2 Tập

Bản Pàli ngữ: *Dhammapàla Mahàthera*

Bản Anh ngữ: *Peter Masefield*

Việt dịch: *Tỳ-khuru Siêu Minh*

Nxb Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh, PL. 2557 – DL. 2013

Sách có khổ 14.5 x 20.5cm, 2 tập dày hơn 994 trang, bìa mềm, nền màu đen, chữ tựa màu trắng.

Tập I, dày 521 trang. Nội dung gồm có: Lời dịch giả, Lời nói đầu, Những từ viết tắt, Các bản văn, Từ điển, Từ viết tắt, Sách tham khảo, Bài tường trình nguồn gốc biên soạn tác phẩm này, Bình luận về nguồn tư liệu; *Diễn giải chương xử lý một pháp*: C.I, 1. Kinh (K) Tham dục, 2. K. Sân hận, 3. K. Si mê, 4. K. Phẫn nộ, 5. K. Gièm pha, 6. K. Kiêu mạn, 7. K. Thắng tri-liễu tri tất cả, 8. K. Thắng tri-liễu tri kiêu mạn, 9. K. Thắng tri-liễu tri tham, 10. K. Thắng tri-liễu tri sân; C.II, 11. K. Thắng tri-liễu tri si, 12. K. Thắng tri-liễu tri phẫn nộ, 13. K. Thắng tri-liễu tri gièm pha, 14. K. Vô minh Triền cái, 15. K. Ái kiết sử, 16. K. Hữu học thứ nhất, 17. K. Vị Hữu học thứ hai, 18. K. Phá hòa hợp nơi Tăng đoàn, 19. K. Hòa hợp trong chúng Tăng, 20. K. Tâm ác ý; C.III, 21. K. Tâm thiện ý, 22. K. Đứng sợ thực hiện Phước nghiệp, 23. K. Cả hai mục tiêu, 24. K.

Đồng xương, 25. K. Nói lời vọng ngữ, 26. K. Bồ thí, 27. K. Chuyển tải Từ tâm nơi chúng sanh; *Diễn giải chương xử lý hai pháp*: 28. K. Trú xứ bất an (phiền toái), 29. K. Trú xứ an lạc, 30. K. Dẫn đến giày vò (Dẫn đến đau khổ), 31. K. Không dẫn đến giày vò đau khổ, 32. K. Giới đức thứ nhất, 33. K. Giới đức thứ hai, 34. K. Nhiệt tâm, 35. K. Không lừa dối thứ nhất, 36. K. Không lừa dối thứ hai, 37. K. Tình trạng lạc hỷ; C.II, 38. K. Tư duy, 39. K. Giáo pháp, 40. K. Minh kiến, 41. K. Thối đọa trí tuệ, 42. K. Các Pháp trắng, 43. K. Không sanh, 44. K. Niết-bàn giới, 45. K. Viễn ly, 46. K. Những lợi do tu học đem lại, 47. K. Cảnh giác, 48. K. Rơi vào đọa xứ, 49. K. Tà kiến;

Tập II, dày 473 trang. Nội dung gồm có: *Diễn giải chương xử lý ba pháp*: C.I, 50. K. Các căn (gốc rễ), 51. K. Giới, 52. K. Cảm thọ thứ nhất, 53. K. Cảm thọ thứ hai, 54. K. Tầm cầu thứ nhất, 55. K. Tầm cầu thứ hai, 56-57. K. Cặp lậu hoặc, 58. K. Tham ái, 59. K. Cõi ác ma; C.II, 60. K. Các căn phước nghiệp, 61. K. Đôi mắt, 62. K. Các căn, 63. K. Ba thời gian, 64. K. Các ác hành, 65. K. Các thiện hành, 66. K. Các Thanh tịnh, 67. K. Các thâm lặng, 68. K. Tham dục thứ nhất, 69. K. Tham dục thứ hai; C.III, 70. K. Tà kiến, 71. K. Chánh kiến, 72. K. Xuất ly, 73. K. An tịnh hơn, 74. K. Các con trai, 75. K. Hạng người như hạn hán, 76. K. Hy vọng được hạnh phúc (lạc), 77. K. Mỏng giòn, 78. K. Giao thân chung dòng tùy theo giới, 79. K. Thối thất (sa ngã); C.IV, 80. K. Tâm bất thiện, 81. K. Cung kính, 82. K. Có tiếng chư Thiên vang vọng, 83. K. Năm tướng báo trước, 84. K. Hạnh phúc cho nhiều người, 85. K. Sống tùy quán bất tịnh, 86. K. Hành trì tùy đúng pháp, 87. K. Khiến ta thành mù quáng, 88. K. Ba nội uế, 89. K. Devadatta; C.V, 90. K. Tín thành tối

thượng, 91. K. Chánh mệnh, 92. K. Viên áo tăng-già-lê, 93. K. Lừa, 94. K. Quán sát, 95. K. Các pháp dục lạc sanh khởi, 96. K. Do dục ách trói buộc, 97. K. Có giới tốt lành, 98. K. Vật thí, 99. K. Tam minh (Phê-đà); *Diễn giải chương xử lý bốn pháp*: C.I, 100. K. Bà-la-môn Chánh pháp và Tế tự, 101. K. Dễ chứng đắc, 102. K. Triệt phá các lậu hoặc [149], 103. K. Sa-môn và Bà-la-môn, 104. K. Chứng đầy đủ giới, 105. K. Tham ái sanh khởi, 106. K. Ngang bằng với Phạm thiên, 107. K. Đem lại lợi ích to lớn, 108. K. Về sự lừa đảo-dối trá, 109. K. Bị dòng sông cuốn trôi [779], 110. K. Đang di chuyển đó đây, 111. K. Chứng giới đức, 112. K. Thế giới; Những nhận định kết luận.

69. Chú Giải TÂM KINH BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA

Chú giải: *Pháp sư Ấn Thuận (1906-2005)*

Việt dịch: *HT. Thích Tâm Trí*

Nxb Hồng Đức – 2018. Kinh có khổ 14 x 20cm, có 70 trang, bìa mềm.

Tác phẩm chú giải Kinh này có 3 phần, nội dung gồm: Lời giới thiệu, I. Giải đề Kinh, II. Giải thích đề Kinh, III. Giải thích chính văn.

70. Chú Giải TIÊU TỤNG – KHUDDAKAPÀTHA ATTHAKATHÀ Kinh Tạng (Sutta Pitaka)

Bản Pàli ngữ: *Bhadantacariya Buddhaghosa*

Bản Anh ngữ: *Nànamoli*

Bản Việt ngữ: *Tỳ-kheo Siêu Minh*

Nxb Tôn Giáo, PL. 2550 – DL. 2006

Sách có khổ 14 x 20cm, dày 582 trang. Nội dung gồm 8 chương: C.I. Nhập đề, Tam quy y (Saranattaya); C.II Thập giới (Dasasikkhapada); C.III Ba mươi hai thể (Davattimsàkàrà); C.IV Nam tử hỏi đạo (Kumarapanha); C.V Kinh điềm lành

(Mangala Sutta); C.VI Kinh Châu báu (Ratana Sutta); C.VII Kinh Ngoài bức tường; C.VIII Kinh Bảo tạng, Kinh Từ tâm, Lời bạt; Tái bút.

71. Chú Giải TRƯỜNG LÃO NI KỆ (Paramàtthadìpani Therigàthà – Atthakathà)

Bản tiếng Pali: *Acàriya Dhàmmapàla*

Anh ngữ: *William Pruitt*

Việt ngữ: *Tỳ-kheo Siêu Minh*

Nxb Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh – 2008

Sách có khổ 14.5 x 20.5cm, dày hơn 649 trang. Nội dung gồm có: Lời giới thiệu, Các từ Viết tắt; C.I, *P.1 Tập Một kệ*, 1. Chú giải bài kệ Trường lão Ni Vô danh, 2. Chú giải bài kệ Trường lão Ni Muttà, 3. Chú giải bài kệ Trường lão Ni Punnà, 4. Chú giải bài kệ Trường lão Ni Tissà, 5-10. Chú giải những bài kệ chư vị Trường lão Ni khác, 11. Chú giải bài kệ Trường lão Ni Muttà khác, 12. Chú giải bài kệ Trường lão Ni Dhammadinnà, 13. Chú giải bài kệ Trường lão Ni Visàkhà, 14. Chú giải bài kệ Trường lão Ni Sumanà, 15. Chú giải bài kệ Trường lão Ni Uttarà, 16. Chú giải bài kệ Trường lão Ni Sumanà là người xuất gia vào lúc tuổi già, 17. Chú giải bài kệ Trường lão Ni Dhammà, 18. Chú giải bài kệ Trường lão Ni Sanghà; *P.2 Tập Hai kệ*, 1. Chú giải bài kệ Trường lão Ni Abhirùpanandà, 2. Chú giải bài kệ Trường lão Ni Jentà, 3. Chú giải bài kệ Trường lão Ni Sumangalamàtà, 4. Chú giải bài kệ Trường lão Ni Addhakàsi, 5. Chú giải bài kệ Trường lão Ni Città, 6. Chú giải bài kệ Trường lão Ni Mettikà, 7. Chú giải bài kệ Trường lão Ni Mittà, 8. Chú giải bài kệ Trường lão Ni Abhayamàtà, 9. Chú giải bài kệ Trường lão Ni Abhayà, 10. Chú giải bài kệ Trường lão Ni Sàmà; *P.3 Tập Ba kệ*, 1. Chú giải bài kệ Trường lão Ni Sàmà khác, 2. Chú giải bài kệ Trường lão Ni

Uttamà, 3. Chú giải bài kệ Trưởng lão Ni Uttamà khác, 4. Chú giải bài kệ Trưởng lão Ni Dantikà, 5. Chú giải bài kệ Trưởng lão Ni Ubbiri, 6. Chú giải bài kệ Trưởng lão Ni Sukkà, 7. Chú giải bài kệ Trưởng lão Ni Selà, 8. Chú giải bài kệ Trưởng lão Ni Somà; *P.4 Tập Bốn kệ*, 1. Chú giải bài kệ Trưởng lão Ni Bhaddà Kàpilànì; *P.5 Tập Năm kệ*, 1. Chú giải bài kệ Trưởng lão Ni Vô danh, 2. Chú giải bài kệ Trưởng lão Ni Vimalà, 3. Chú giải bài kệ Trưởng lão Ni Sihà, 4. Chú giải bài kệ Trưởng lão Ni Sundarì Nandà, 5. Chú giải bài kệ Trưởng lão Ni Nanduttarà, 6. Chú giải bài kệ Trưởng lão Ni Mittakàlì, 7. Chú giải bài kệ Trưởng lão Ni Sakulà, 8. Chú giải bài kệ Trưởng lão Ni Sonà, 9. Chú giải bài kệ Trưởng lão Ni Bhaddà Kundalakesà, 10. Chú giải bài kệ Trưởng lão Ni Patàcàrà, 11. Chú giải đoạn kệ thuộc nhóm ba mươi Trưởng lão Ni, 12. Chú giải bài kệ Trưởng lão Ni Cunda; *P.6 Tập Sáu kệ*, 1. Chú giải đoạn kệ của 500 Trưởng lão Ni là các bà mẹ, 2. Chú giải đoạn kệ Trưởng lão Ni Vàsiththì, 3. Chú giải đoạn kệ Trưởng lão Ni Khemà, 4. Chú giải đoạn kệ Trưởng lão Ni Sujàta, 5. Chú giải đoạn kệ Trưởng lão Ni Anopamà, 6. Chú giải đoạn kệ Trưởng lão Ni Mahà Pajàpatì Gotamì, 7. Chú giải đoạn kệ Trưởng lão Ni Guttà, 8. Chú giải đoạn kệ Trưởng lão Ni Vijayà; *P.7 Tập Bảy kệ*, 1. Chú giải đoạn kệ Trưởng lão Ni Uttarà, 2. Chú giải đoạn kệ Trưởng lão Ni Cālā, 3. Chú giải đoạn kệ Trưởng lão Ni Upacālā; *P.8 Tập Tám kệ*, 1. Chú giải đoạn kệ Trưởng lão Ni Sisupacālā; *P.9 Tập Chín kệ*, 1. Chú giải đoạn kệ Trưởng lão Ni Vaddha Mata; *P.10 Tập Mười một kệ*, 1. Chú giải đoạn kệ Trưởng lão Ni Kisa Gotamì; *P.11 Tập Mười hai kệ*, 1. Chú giải đoạn kệ Trưởng lão Ni Uppalavannā, *P.12 Tập Hai mươi kệ*, 1. Chú giải đoạn kệ Trưởng lão Ni

Ambapālì, 2. Chú giải đoạn kệ Trưởng lão Ni Rohinì, 3. Chú giải đoạn kệ Trưởng lão Ni Cāpā, 4. Chú giải đoạn kệ Trưởng lão Ni Sundarì, 5. Chú giải đoạn kệ Trưởng lão Ni Subha con gái kệ Kim hoàn; *P.14 Tập Ba mươi kệ*, 1. Chú giải đoạn kệ Trưởng lão Ni Subhā Jivakambavanikā; *P.15 Tập Bốn mươi kệ*, 1. Chú giải đoạn kệ Trưởng lão Ni Isidāsì; *P.16 Đại Phẩm kệ*, 1. Chú giải Trưởng lão Ni kệ Sumedhā; Kết luận.

72. CHỦ YẾU KINH LĂNG NGHIÊM

HT. Thích Huyền Vi

PL. 2554 – DL. 2010

Kinh dày 551 trang, bìa cứng, nền đen, chữ tựa màu vàng, có hình vòng tròn.

Nội dung gồm có 10 quyển: Lời nói đầu, Phụ đề Toàn bộ Phật giáo, Tóm lược Kinh Thủ Lăng Nghiêm, Chủ yếu Kinh Thủ Lăng Nghiêm, Đại hội Thủ Lăng Nghiêm, Quyển thứ nhất. Biểu đồ 2 lần gạn hỏi tâm; Quyển thứ hai. Biểu đồ Tịnh-Uế có không đều do tâm hiện; Quyển thứ ba,...đến Quyển thứ bảy, Biểu đồ Tổng kết 12 loại sinh; Quyển thứ tám. Biểu đồ thứ lớp 10 quả vị trong 2 vị, Biểu đồ Giác tế Nhập giao gọi là Đẳng giác, Biểu đồ 3 sự tăng tiến thành tựu 55 vị thù thắng; Quyển thứ chín. Biểu đồ thọ ẩm dứt sạch trải qua 60 Thánh vị; Quyển thứ mười. Biểu đồ 3 Tự tính sinh, khởi, hoàn, diệt; Sơ lược Tiểu sử Hòa thượng Thích Huyền Vi.

73. CHUẨN-ĐỀ PHẬT MẪU ĐÀ-LA-NI KINH

Viết dịch: *Huyền Thanh*

Nxb Tôn Giáo – 2009

Nội dung gồm có: I. Danh tự, II. Trú xứ, III. Tôn tượng, IV. Chân ngôn, V. Ân khế, VI. Ý nghĩa pháp vẽ tượng Chuẩn-đề Phật Mẫu; Phật thuyết Thất-câu-đề Phật Mẫu

Chuẩn-đề Đại minh Đà-la-ni Kinh; Phật thuyết Thất-câu-đề Phật Mẫu Chuẩn-đề Đại minh Đà-la-ni Niệm tụng Pháp; Thất-câu-đề Phật Mẫu Sở thuyết Chuẩn-đề Đà-la-ni Kinh; Thất-câu-đề Chuẩn-đề Đà-la-ni Niệm tụng Nghi quỹ; Phật thuyết Thất-câu-đề Phật Mẫu Đại Chuẩn-đề Đà-la-ni Kinh; Thất-câu-đề Phật Mẫu Tâm Đại Chuẩn-đề Đà-la-ni Pháp Thất-câu-đề Độc bộ Pháp; Phật thuyết Trì minh tạng Du-già Đại giáo Tôn-na Bò-tát Đại minh Thành tựu Nghi quỹ Kinh; Q.I, Phần thứ nhất, Phần thứ hai; Q.II; Q.III Phần thứ ba, Phần thứ tư, Phần thứ năm, Phần thứ sáu; Q.IV, Chuẩn-đề Tam-muội Hành pháp, I. Khuyến tu, II. Thọ giới phát tâm, III. Hành nhân với hạn kỳ ngày, thời số, IV. Pháp tu chính, V. Trì minh nghiệm tướng, Đại Chuẩn-đề Bò-tát Phần Tu-tất-địa Sám hối huyền văn.

74. CHUYỆN PHÁP LUÂN (Kinh Chuyện Pháp Luân)

Nyanatiloka Maha Thera

Soạn dịch: *Huyền Văn Niệm*

THPG Tp. Hồ Chí Minh ấn hành, PL. 2539 – DL. 1995

Kinh có khổ 14 x 20cm, dày 268 trang, bìa mềm. Nội dung gồm có: Đại đức Nyanatiloka, Phi lộ, Nhận định của Nhà Phật học A. Foucher, Dhammacakkappvattana-suttàrambho: Bồ cáo Kinh Chuyện Pháp Luân, *Chuyện Pháp Luân*, gồm Tứ Thánh đế: Khổ, Nguyên nhân của Khổ (Khổ tập), Sự chấm dứt khổ (Diệt Thánh đế) và Chân lý cao siêu về Con đường diệt khổ (Đạo Thánh đế).

75. CHUYỆN NGẠ QUỸ - PETAVATTHULALI

Tam tạng Song ngữ Pali – Việt (Tạng Kinh – Tiểu Bộ)

Dịch giả: *Tỳ-kheo Indacanda (Trương Đình Dũng)*

Nxb Tôn Giáo, PL. 2556 – DL. 2012

Tác phẩm Kinh này có 227 trang, bìa mềm. Nội dung gồm 4 phẩm: Lời giới thiệu, Các chữ viết tắt, Mẫu tự Pali – Sinhala, Văn bản Pali và văn bản tiếng Việt, Các bản dịch của Tỳ-kheo Indacanda, Phương danh Thí chủ; *I. Urugavaggo – Phẩm Rắn*, 1. Chuyện ngạ quỹ ví như cánh đồng, 2. Chuyện ngạ quỹ mỡm heo, 3. Chuyện ngạ quỹ miệng thối, 4. Chuyện ngạ quỹ hình nộm bằng bột, 5. Chuyện ngạ quỹ ở bên kia vách tường, 6. Chuyện ngạ quỹ ăn năm đứa con trai, 7. Chuyện ngạ quỹ ăn 7 đứa con trai, 8. Chuyện ngạ quỹ bò đực, 9. Chuyện ngạ quỹ và người chủ thợ dệt, 10. Chuyện ngạ quỹ sói đầu, 11. Chuyện ngạ quỹ rắn; *II. Ubbarivaggo – Phẩm Ubbari*, 1. Chuyện ngạ quỹ Sanramocaka, 2. Chuyện ngạ quỹ Mẹ của Trưởng lão Sariputta, 3. Chuyện ngạ quỹ Matta, 4. Chuyện ngạ quỹ Nanda, 5. Chuyện ngạ quỹ Mattakundali, 6. Chuyện ngạ quỹ của Kanha, 7. Chuyện ngạ quỹ Dhanapala, 8. Chuyện ngạ quỹ Cullasetthi, 9. Chuyện ngạ quỹ Arikura, 10. Chuyện ngạ quỹ mẹ của Uttara, 11. Chuyện ngạ quỹ ở hồ Kannamunda, 13. Chuyện ngạ quỹ Ubbari; *III. Culavaggo – Tiểu phẩm*, 1. Chuyện ngạ quỹ không làm (mặt) nước bị vỡ ra, 2. Chuyện ngạ quỹ ở núi Sanuvasi, 3. Chuyện ngạ quỹ ở hồ Rathakara, 4. Chuyện ngạ quỹ vỏ trấu, 5. Chuyện ngạ quỹ về đứa bé trai, 6. Chuyện ngạ quỹ Erini, 7. Chuyện ngạ quỹ người thợ săn thú (1), 8. Chuyện ngạ quỹ người thợ săn thú (2), 9. Chuyện ngạ quỹ có sự quyết đoán sai quấy, 10. Chuyện ngạ quỹ do chê bai Xá-lợi; *IV. Mahavaggo – Đại phẩm*, 1. Chuyện ngạ quỹ ở Ambasakkhara, 2. Chuyện ngạ quỹ Serissaka, 3. Chuyện ngạ quỹ Nandaka, 4.

Chuyện naga quý Revati, 5. Chuyện naga quý Mía, 6. Chuyện naga quý hai người thanh niên, 7. Chuyện naga quý con trai của đức vua, 8. Chuyện naga quý ăn phân, 9. Chuyện nữ naga quý ăn phân, 10. Chuyện nhóm naga quý, 11. Chuyện naga quý ở Pataliputta, 12. Chuyện naga quý ở hồ sen, 13. Chuyện naga quý ở cây xoài, 14. Chuyện naga quý gom góp của cải, 15. Chuyện naga quý các con trai nhà triệu phú, 16. Chuyện naga quý với sáu mươi ngàn quả búa tạ.

76. CHƯ KINH CẦU SIÊU

Soạn giả: *Thích Tâm Dung*

Trụ trì chùa Long Hoa (Sài Gòn) xuất bản và ấn tống, PL. 2515 – DL. 1971

Kinh dày hơn 221 trang, bìa mềm, có hình đánh hương và hoa văn chìm, chữ màu đen. Nội dung gồm có: Lời nói đầu, A. Phần Nghi lễ, 1. Lễ Tam bảo, Hiến hương, Tán Phật, Cửu bái, Sám hối (có 2 bài) và Tán Lô hương, 2. Kinh Di-đà, 3. Hồng danh Bửu sám, 4. Bốn mươi tám nguyện của Đức Di-đà, 5. Bát-nhã, 6. Sám hối Hồi hướng, 7. Kinh Lăng-nghiêm chương Niệm Phật, 8. Phát nguyện có 4 bài (B): B.1 Sám Thập phương, B.2 Sám Nhất tâm, B.3 Pháp nguyện Cầu siêu, B.4 Sám Khê thủ, 9. Hồi hướng, 10. Phục nguyện (có 3 bài); B. Phần Nghi lễ, 1. Nguyện hương, Kỳ nguyện (có 2 bài), Tán Pháp vương và Lễ Tam bảo, 2. Tán Lô hương, Dương chi, Đại Bi và khai Kinh, 3. Kinh Vu Lan, 4. Kinh Báo ân Phụ mẫu, 5. Bát-nhã, chú Vãng sanh và Niệm Phật, 6. Sám Vu Lan, 7. Sám Nhớ ơn cha mẹ, 8. Sám Phát nguyện, 9. Hồi hướng và Phục nguyện; C. Khoa Cúng chúc thực: 1. Cầu Phật Di-đà triệu thỉnh hồn về, 2. Con cháu cùng Tổ Tiên, 3. Con cúng cha mẹ, 4. Chồng-vợ cúng cho nhau, 5. Cha mẹ cúng con cháu, 6. Vong linh An tọa Sái tịnh, 7. Thán Vô

thường, 8. Niệm Phật-Tứ Thánh-Vãng sinh...; D. Phóng sinh văn; Đ. Khoa Mông sơn Thí thực (cúng cháo).

77. CHƯ KINH HIỂN MẬT

Biên dịch: *Sa-môn Thích Quảng Trí – Huyền Thanh*

Nxb Hồng Đức – 2013

Kinh có khổ 20 x 29cm, dày 300 trang. Nội dung gồm có: 1. Thay lời tựa, 2. Phật nói Kinh A-di-đà Bí mật thần chú (TTK, No. 205), 3. Phật nói Kinh Quán vô lượng thọ Phật (ĐTK, No. 365), 4. Kinh Bản nguyện Công đức của Lưu ly Quang Như Lai (ĐTK, No. 450), 5. Quán Thế Âm Bồ-tát Phổ Môn phẩm (ĐTK, No. 262), 6. Phật nói Kinh Diên mệnh Địa Tạng Bồ-tát, 7. Phật nói Kinh Di-lặc hạ sanh thành Phật (ĐTK, No. 454), 8. Thiện Tài đồng tử Cầu đạo Giải thoát, 9. Đại Phật đánh Như Lai Phóng quang Tát-đát-đa Bát-đát-ra đại thần lực Đô nhiếp Nhất thiết Chú vương Đà-la-ni Kinh (ĐTK, No. 947), 10. Phổ Hiền Hạnh nguyện (Gia Hưng ĐTK, No. BO44), 11. Cát Tường thiên nữ, 12. Phật nói Kinh 12 danh hiệu của Đại Cát Tường thiên nữ (ĐTK, No. 1252), 13. Phật nói Kinh 12 danh hiệu của Đại Cát Tường thiên nữ (ĐTK, No. 1252BIS), 14. Đại Cát Tường thiên nữ 12 khế 108 danh Vô cầu Đại thừa Kinh (ĐTK, No. 1253), 15. Phật nói Kinh Đại Cát Tường Đà-la-ni (ĐTK, No. 1381), 16. Công đức Thiên pháp, 17. Mật chú Viên nhân Vãng sinh tập (ĐTK, No. 1956), 18. Kinh Con đường của Mười Nghiệp tốt lành (ĐTK, No. 600), 19. Tây Phương Phát nguyện văn (Liên Trì Đại sư), 19. Mục lục.

78. CHƯ KINH NHẬT TỤNG

PL. 2515 – DL. 1971

In tại Nhà in Việt Liên (Sài Gòn), Giấy phép số 1605 của HĐKD ngày 26-6-1964.

Kinh dày 163 trang, bìa mềm, nền trắng, chữ tựa màu đỏ, có hình Bồ-tát Quán Thế Âm đứng trên tòa sen ở giữa biển lớn.

Nội dung gồm có: Phần đầu là (Nghĩ thức tụng Kinh): Hương tán, Tụng chú,... Khai Kinh kệ, Phật thuyết A-di-đà Kinh, Sám hối văn, Lăng-nghiêm Thế Chí Bồ-tát Niệm Phật chương, Kinh Sám nguyện, Sám nguyện Tịnh độ, Kinh Dược Sư, Kinh Pháp Hoa – Phẩm Phổ môn, Niệm Phật được mười Công đức, Văn Phóng sinh.

79. CHƯ KINH NHẬT TỤNG

Tổ đình Vĩnh Nghiêm (Tp. Hồ Chí Minh)
Nxb Tôn Giáo, PL. 2550 – DL. 2006
Kinh có khổ 14.3 x 20.3cm, có 493 trang.
Toàn bộ tác phẩm này gồm có: Khóa lễ Kinh A-di-đà (tối), Nghi thức tụng niệm (sáng: Đại bi, Thập chú, Phật thuyết Vô thường kinh, Bát Đại Nhân Giác kinh), Nghi thức (trưa: Kinh Tứ thập bát nguyện), Khóa lễ kinh Phổ Môn, Khóa lễ kinh Dược Sư, Khóa lễ Sám nguyện, Nghi thức lễ tụng kinh Pháp Hoa, Nghi thức Sám hối, Khóa lễ kinh Bát Đại Nhân Giác, Khóa lễ kinh Vu Lan, Nghi thức niệm thực, Nghi tán lễ Phật thống nhất, Phép thỉnh chuông, Văn thí thực, Cảnh sách niệm Phật (Kệ đánh mộc bản buổi sáng, Tịnh nghiệp đường cảnh sách, Lão đường cảnh sách, Chúng chức cảnh sách, Kệ đánh mộc bản buổi chiều, Thảo Đường Hòa thượng truy tổ cảnh sách, Bệnh đường cảnh sách, Lâm thụy tuyên vô thường kệ niệm Phật), Nghi thức lễ thành hôn trước cửa Phật, Nghi thức cầu an cầu siêu đảo bệnh, Các bài thần chú cần thiết, Văn hồi hương, Văn đảo bệnh, cầu siêu, Văn phóng sinh, Khoa cúng tiếp linh, Khoa chúc thực, Phật tử tại gia, Những ngày trai, Các ngày đàn Phật và Bồ-tát.

Tác phẩm Kinh này được Ban Hoằng pháp Miền Vĩnh Nghiêm ấn hành PL. 2510 –

DL. 1966 với tựa đề là Nghi Thức Chư Kinh Nhật Tụng.

80. CHƯ KINH NHẬT TỤNG

Nxb Tôn Giáo, PL. 2559 – DL. 2015

Kinh có khổ 15.5 x 23cm, dày hơn 481 trang, bìa cứng.

Tác phẩm Kinh này gồm có: 1. Khóa lễ Kinh A-di-đà, 2. Khóa lễ Sám nguyện, 3. Khóa lễ Kinh Phổ môn, 4. Khóa lễ Đại bi Sám pháp, 5. Kinh Dược Sư, 6. Kinh Địa Tạng, 7. Kinh Ngũ Bách Danh, 8. Kinh Kim Cương; Phụ lục: a. Nghi thức hiến cúng Phật, b. Văn Thí thực, c. Các Bài văn, d. Khuyến tu Tịnh độ, e. Nghi thức niệm Phật hằng ngày, f. Các kệ chú thường dùng.

81. CHƯ KINH NHẬT TỤNG (Chùa Từ Thọ)

Biên soạn: ĐĐ. Thích Hạnh Phú

Nxb Tôn Giáo, PL. 2555 – DL. 2011

Kinh có khổ 15 x 23cm, dày hơn 529 trang, bìa cứng, chữ tựa màu trắng, phần dưới có hình hoa sen. Nội dung gồm có: Nghi thức Khóa sáng, Nghi thức Khóa tối, Khóa lễ Kinh Phổ Môn, Khóa lễ Kinh Dược Sư, Khóa lễ Kinh Dược Sư Thất Phật, Khóa lễ Kinh Dược Sư Sám Pháp, Khóa lễ Kinh Vu Lan Báo Hiếu, Khóa lễ Phật đản-Tổ đình Vĩnh Nghiêm, Khóa lễ Sám nguyện Tịnh độ; Phụ lục: Nghi thức Niệm thực, Nghi Cúng Phật, Nghi thức Thí thực Mông Sơn, Nghi thức Thỉnh chuông U minh, Nghi thức Cảnh sách Niệm Phật, Văn Phóng sanh.

82. CHƯ KINH TẬP YẾU

Dịch và giải: Thích Duy Lực (1923-2000)

THPG Tp. Hồ Chí Minh ấn hành PL. 2537 – DL. 1993

Kinh có khổ 14 x 20cm, dày 572 trang, bìa mềm. Toàn bộ *Chư kinh tập yếu* gồm có 8

bộ kinh và 1 luận: Kinh Kim Cang, Bát-nhã Ba-la-mật-đa Tâm Kinh lược giải, Yếu chỉ Diệu Pháp Liên Hoa Kinh và Yếu chỉ Đại Phương quảng Phật Hoa Nghiêm Kinh, Kinh Pháp Bảo Đàn, Duy-Ma-Cật Sở thuyết Kinh, Kinh Viên Giác, Bát-Nhã Tâm Kinh, Triệu Luận.

Kinh Kim Cang và Duy-Ma-Cật Sở thuyết Kinh do HT. Duy Lực dịch sang Việt ngữ từ nguyên bản Hán của Tam tạng Pháp sư Cưu-ma-la-thập (Kumàrajiva, 344-413); *Yếu chỉ Đại Phương quảng Phật Hoa Nghiêm Kinh* do Thiên sư Duy Tắc lược giảng, HT. Duy Lực dịch và biên soạn; *Kinh Pháp Bảo Đàn* do Lục tổ Huệ Năng (638-713) giảng và ngài Pháp Hải ghi lại; *Kinh Viên Giác* do Sa-môn Phật-đà-đa-la dịch từ Phạn sang Hán, Ngài Duy Lực dịch sang Việt ngữ và lược giải. *Triệu Luận* là tác phẩm của cao Tăng Tăng Triệu (384-414) người Trung Hoa. Luận này gồm 9 đoạn vấn nạn, 10 đoạn diễn tả, mượn “Hữu Danh” thay cho vấn nạn, mượn “Vô Danh” thay cho giải đáp, để hiển bày chánh lý của “Vô Danh”.

Tác phẩm Kinh này năm 1997 được THPG Tp. Hồ Chí Minh ấn hành.

83. CHƯ KINH TẬP YẾU

Việt dịch: Đoàn Trung Còn (1908-1988)

Nxb Tôn Giáo – 2016

Kinh có khổ 14.5 x 20.5cm, dày 447 trang, bìa mềm. Nội dung gồm có: Lời nói đầu, 1. Phật thuyết A-di-đà Kinh, Hán văn, Chú âm và Dịch nghĩa; 2. Diệu Pháp Liên Hoa Kinh – Quán Thế Âm Bồ-tát Phổ Môn Phẩm, Hán văn, Chú âm và Dịch nghĩa; 3. Kinh Dược Sư Lưu ly Quang Như Lai Bản nguyện Công Đức, Hán văn, Chú âm và Dịch nghĩa; 4. Kim Cang Bát-nhã Ba-la-mật-đa Kinh, Hán văn, Chú âm và Dịch nghĩa; 5. Đại Thừa Vô Lượng Nghĩa Kinh, 6. Tứ Thập Nhị Chương Kinh, Hán văn,

Chú âm và Dịch nghĩa; 7. Phật Di Giáo Kinh, Hán văn, Chú âm và Dịch nghĩa.

Tác phẩm này đã được Phật Học Tông Thư ấn hành năm 1970, Kiểm duyệt số 3150 BTT/PHNT ngày 28-7-1970, dày 363 trang, bìa mềm; tái bản, Nxb Tôn Giáo, Dịch và Chú giải: Đoàn Trung Còn và Nguyễn Minh Tiến, Hiệu đính Hán văn: Nguyễn Minh Hiền.

84. CHƯ KINH THƯỜNG TỤNG

Miền Vĩnh Nghiêm – Chi Vĩnh Nghiêm Phước Hòa

(tái bản nguyên bản của Hội Việt Nam Phật giáo)

In tại Nhà in Trường Sơn (Sài Gòn), Giấy phép số 1677/BTT/BC3/ XB ngày 5-5-1965. Kinh dày 366 trang, bìa mềm, chữ tựa màu nâu đỏ, có hình tượng Bồ-tát Quán Thế Âm Thiên thủ thiên nhãn.

Nội dung gồm có: Khải bạch, Nghi thức; Khóa tụng chính thức của Hội Việt Nam Phật giáo (Thời gian 30 phút), Tổng tác, 1. Kinh lễ Tam bảo, 2. Dâng hương, 3. Tán Phật, 4. Lễ cử bái, 5. Sám hối, 6. Khai Kinh, 7. Tụng Kinh Bát-nhã, 8. Tụng Kinh sám hối Hồi hương văn, 9. Niệm Phật, 10. Tuyên sớ, 11. Phát nguyện, 12. Tự quy; Khóa tụng Cầu an Kinh Phả Môn (Thời gian 1 giờ 15 phút); Khóa tụng Cầu an Kinh Dược Sư (Thời gian 1 giờ); Khóa lễ Cầu siêu Kinh A-di-đà (Thời gian 1 giờ 20 phút); Khóa lễ Kim Cương (Thời gian 1 giờ 10 phút); Khóa lễ Sám nguyện Tịnh Độ (Thời gian 1 giờ 40 phút). (nghi thức của các Khóa lễ giống với Khóa tụng Chính thức, chỉ có khác nhau ở phần tụng Kinh tùy theo Khóa lễ nào thì tụng Kinh của Khóa lễ đó)

D

85. DÀN Ý KINH TRUNG BỘ & Tóm tắt KINH TRƯỜNG BỘ

Biên soạn: *Thích Minh Châu (1918-2012)*
Nxb Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh – 2011
Sách có khổ 13 x 19cm, dày 439 trang, bìa mềm. Nội dung gồm có: *Phần I. Dàn ý Kinh Trung Bộ* (Majjhima Nikàya), có 152 Kinh (từ K.1 Kinh Pháp môn Căn bản đến K.152 Kinh Căn Tu tập); *Phần II. Tóm tắt Kinh Trường Bộ* (Dìgha Nikàya), có 34 Kinh (từ K.1 Kinh Phạm Võng đến K.34 Kinh Thập Thượng).

Xem: *Kinh Trung Bộ (I, II, III)* và *Kinh Trường Bộ (I – II)*, HT. Thích Minh Châu dịch.

86. DI-ĐÀ HỢP GIẢI (A-di-đà Kinh hợp giải)

Hợp dịch: *Như Hòa*
Nxb Tôn Giáo, PL. 2550 – DL. 2006
Sách có khổ 14 x 20cm, có 487 trang. Toàn bộ tác phẩm này gồm có: Lời trần tình, 1. Giáo khởi nhân duyên, 2. Hiện thể, 3. Hiện minh tông thú, 4. Phương tiện lực dụng, 5. Tạng giáo sở nhiếp, 6. Căn tánh sở bị, 7. Bộ loại sai biệt, 8. Dịch truyền cảm thông, 9. Tổng thích đề kinh, 10. Chánh thích kinh văn. Phụ lục: A-di-đà Chân ngôn.

87. DI GIÁO KINH (Kinh Lời Dạy Cuối Cùng)

Phật Thùý Bát Niết-bàn Lược Thuyết Giáo Giới Kinh

Diệc danh: Phật Di Giáo Kinh (âm – nghĩa)

Hán dịch: *Tam tạng Pháp sư Cưu-ma-la-thập (Kumàrajiva, 344-413)*

Việt dịch và chú giải: *Đoàn Trung Còn và Nguyễn Minh Tiến*

Hiệu đính: *Nguyễn Minh Hiền*

Nxb Tôn Giáo – 2017. Kinh có khổ 16 x 24cm, có 51 trang, bìa mềm, nền đỏ, viền khung màu vàng, chữ tựa màu vàng và trắng, có hình hoa sen chính giữa. Nội dung gồm có: Nghi thức khai Kinh, Phần dịch âm; Phần dịch nghĩa, *Kinh Lời Dạy Cuối Cùng* (Sắc chỉ của vua Đường Thái Tông về việc thực hành Kinh này), 1. Tựa Kinh, 2. Giữ Giới luật, (Phần Chánh tông), 3. Chế tâm, 4. Ăn uống có tiết độ, 5. Đừng tham ngủ nhiều, 6. Không nóng giận, 7. Đừng kiêu mạn, 8. Trừ tâm siểm khúc, 9. Ít ham muốn, 10. Biết đủ, 11. Xa lìa, 12. Tinh tấn, 13. Không mất chánh niệm, 14. Thiên định, 15. Trí tuệ, 16. Không nói đùa, 17. Tự gắng sức, 18. Dứt lòng nghi, 19. Chúng sanh được độ thoát, 20. Pháp thân còn mãi, (Phần Lưu thông). (cuối trang có phần chú thích)

Tác phẩm Kinh này đã xuất bản năm 2010, Nxb Tôn Giáo.

88. DI GIÁO TAM KINH

Minh – Cổ Ngô Ngẫu Ích Thích Trí Húc thuật

Dịch và chú thích: *Tỳ-kheo Liên Hạnh – Thích Thiện Huệ*

Nxb Tôn Giáo – 2006

Tác phẩm Kinh này có 282 trang, nội dung gồm: Lời tựa, Ngẫu Ích Đại sư truyện, Kinh Tứ Thập Nhị Chương, Bành Tế Thanh lược truyện, Kinh Bát Đại Nhân Giác, An Thế Cao lược truyện, Kinh Di Giáo, Lời bạt, Cưu-ma-la-thập lược truyện.

89. DI-LẠC ĐỘ THỂ CHƠN KINH

Việt dịch: *Vũ Xuân Tăng*

In tại Nhà in Thạnh Mậu (Gia Định), PL. 2514 – DL. 1951

Kinh có 67 trang, bìa mềm. Nội dung gồm có: Phật Di-lặc, *Kinh Di-lặc*, Một quyển, Phiên âm, dịch nghĩa; *Kinh Di-lặc Độ thế*, Phiên âm-dịch nghĩa, Bài Tán hương, Tán khai Kinh, P.1 Di-lặc Thọ ký, P.2 Thịnh Phật hạ sanh, P.3 Dẫn dò đức Ngọc Phật, P.4 Tảo duyệt tà thân, P.5 Đức Ngọc Phật thịnh vãn, P.6 Ngọc Phật công đức; Kế Thâu Kinh.

90. DI-LẶC KINH (Thượng Sanh-Hạ Sanh)

Việt dịch: *Đoàn Trung Còn*

Phật Học Tông Thư xuất bản (in kỳ nhì)

Kinh có 70 trang, bìa mềm. Nội dung gồm có: Kinh văn chữ Hán và dịch âm, *Quán Di-lặc Thượng sanh Đâu-suất Kinh*, Hán dịch: Tư cừ Kinh Thịnh (đời nhà Tống), phần sau là dịch nghĩa, cuối trang có chú thích; *Di-lặc Hạ sanh Thành Phật Kinh*, Hán dịch: Tam tạng Pháp sư Nghĩa Tịnh, gồm Kinh văn chữ Hán, dịch âm và dịch nghĩa.

Tác phẩm này được Phật Học Tông Thư xuất bản lần đầu năm 1950.

91. Diệu Lý KINH PHÁP HOA

HT. Thích Huyền Vi (1926-2005)

Nxb Tôn Giáo, PL. 2554 – DL. 2010

Sách có khổ 14.5 x 20.5cm, dày 387 trang, bìa mềm, nền đen, chữ màu vàng.

Nội dung gồm có: Giới thiệu Kinh Pháp Hoa, Chuẩn đích Kinh Pháp Hoa, Lược giảng và Diệu lý Kinh Pháp Hoa, và 28 Phẩm Kinh; sau cùng là Sơ lược Tiểu sử HT. Thích Huyền Vi, Cùng một soạn giả/dịch giả, Ấn tống, Mục lục.

Xem: (28 phẩm) Kinh Diệu Pháp Liên Hoa

92. Diệu Nghĩa KINH PHÁP HOA

Giảng giải: *Thích Nhật Quang*

Nxb Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh – 2010

Kinh có khổ 14.5 x 20.5cm, dày 431 trang, bìa mềm, chữ tựa màu trắng và đen, có hình vẽ tranh thiên nhiên cảnh biển và núi ở trên có ngôi chùa; bìa sau vẫn là tranh thiên nhiên và đoạn văn trích từ Lời đầu sách. Nội dung gồm có: Lời đầu sách, Giảng lược đề cương kinh Pháp Hoa, Lời dẫn tựa, Tựa tông chỉ đề cương kinh Diệu Pháp Liên Hoa, Tông chỉ đề cương kinh Diệu Pháp Liên Hoa, các Phẩm: Phương tiện, Thí dụ, Tín giải, Thọ ký, Dược thảo dụ, Hóa thành dụ, Ngũ bá đệ tử thọ ký, Thọ học vô học nhân ký, Pháp sư, Hiện bảo tháp, Đề-bà-đạt-đa, Trì, An lạc hạnh, Tùng địa dũng xuất, Như Lai thọ lượng, Phân biệt công đức, Tùy hỷ công đức, Pháp sư công đức, Thường Bất Khinh Bồ-tát, Như Lai thần lực, Chúc lụy, Dược vương Bồ-tát bốn sự, Diệu Âm Bồ-tát, Quan Thế Âm Bồ-tát phổ môn, Đà-la-ni, Diệu Trang Nghiêm vương bản sự, Phổ Hiền Bồ-tát khuyến phát.

93. DIỆU PHÁP LIÊN HOA KINH SADDHARMA-PUNDARIKA-SUTRA (Le Lotus De La Bonne Loi)

Việt dịch: *Đoàn Trung Còn (1908-1988)*

Phật học Thư xã xuất bản – 1969 (in kỳ ba)

Kinh dày 257 trang, bìa mềm, chữ tựa màu đen, có hình Đức Phật ngồi trên tòa sen, tay kiết ấn. Kết cấu tác phẩm gồm có 7 quyển, 28 phẩm: Q.I, P.1 Bài Tựa, P.2 Phương tiện; Q.II, P.3 Thí dụ, P.4 Giải về sức Tin; Q.III, P.5 Những Cây dược thảo, P.6 Thọ ký, P.7 Bài Thí dụ về cảnh thành thị biến hóa; Q.IV, P.8 Phật Thọ ký cho năm trăm Tỳ-kheo, P.9 Phật Thọ ký cho A-nan, La-hầu-la và hai ngàn thầy tu, P.10 Vị Pháp sư, P.11 Cái Bảo tháp, P.12 Đề-bà-đạt-đa, P.13 Thọ trì-Giảng giải Pháp

Hoa; Q.V, P.14 Cách Hành đạo Ôn hòa-An lạc, P.15 Chư Bồ-tát xuất hiện, P.16 Đòi của Phật, P.17 Phân biệt Công đức; Q.VI, P.18 Công đức người nghe pháp mà vui, P.19 Công đức vị Pháp sư, P.20 Thường Bất Khinh Bồ-tát, P.21 Lực thần của Phật, P.22 Cuộc chúc truyền cái Pháp, P.23 Sự tu hành tướng đạo thưở trước của Dược Vương Bồ-tát; Q.VII, P.24 Diệu Âm Bồ-tát, P.25 Quán Thế Âm Bồ-tát (Phổ môn), P.26 Những câu Thần chú, P.27 Sự tu hành tướng đạo của vua Diệu Trang Nghiêm thưở trước, P.28 Phổ Hiền Bồ-tát.
Tác phẩm Diệu Pháp Liên Hoa Kinh – 2 cuốn đã xuất bản năm 1936, N^o 11 Cuốn nhứt, có 153 trang, bìa mềm, tựa chữ âm Hán-Việt, chữ Sanskrit, chữ Hán và chữ Pháp, chữ tựa màu đen, từ Q.1 đến Q.4, đến P.8; N^o 11 Cuốn nhì, có 144 trang, bìa mềm, chữ tựa màu đen, tt. Q.4 đến Q.7, và P.28.

94. DIỆU PHÁP LIÊN HOA KINH Phiên Âm

Hán dịch: *Tam tạng Pháp sư Cưu-ma-la-thập*

Phiên âm Hán-Việt: *Thích Thanh Kiểm*

Ban Hoằng Pháp chùa Vĩnh Nghiêm ấn hành, PL. 2514 – DL. 1970

Kinh dày 582 trang, bìa mềm, nền trắng, chữ tựa màu đỏ, có hình bánh xe Pháp luân. Nội dung gồm có: Nghi thức Lễ tụng khai Kinh Pháp Hoa, Tụng Phẩm đệ nhất, Phương tiện Phẩm đệ nhị, Thí dụ Phẩm đệ tam, Tín giải Phẩm đệ tứ, Dược thảo dụ Phẩm đệ ngũ, Thụ ký Phẩm đệ lục, Hóa thành dụ Phẩm đệ thất, Ngũ bách đệ tử Thụ ký Phẩm đệ bát, Thụ học vô học nhân ký Phẩm đệ cửu, Pháp sư Phẩm đệ thập, Hiện bảo tháp Phẩm đệ thập nhất, Đề-bà-đạt-đa Phẩm đệ thập nhị, Trì Phẩm đệ thập tam, An lạc hạnh Phẩm đệ thập tứ, Tòng địa dũng xuất Phẩm đệ thập ngũ, Như Lai

Thọ lượng Phẩm đệ thập lục, Phân biệt Công đức Phẩm đệ thập thất, Tùy hỷ Công đức Phẩm đệ thập bát, Pháp sư Công đức Phẩm đệ thập cửu, Thường Bất Khinh Bồ-tát Phẩm đệ nhị thập, Như Lai thần lực Phẩm đệ nhị thập nhất, Chúc lụy Phẩm đệ nhị thập nhị, Dược vương Bồ-tát bản sự Phẩm đệ nhị thập tam, Diệu Âm Bồ-tát Phẩm đệ nhị thập tứ, Quán Thế Âm Bồ-tát Phổ môn Phẩm đệ nhị thập ngũ, Đà-la-ni Phẩm đệ nhị thập lục, Diệu Trang Nghiêm vương bản sự Phẩm đệ nhị thập thất, Phổ Hiền Bồ-tát khuyến phát Phẩm đệ nhị thập bát; Phần kết Kinh, Bát-nhã Ba-la-mật-đa Tâm Kinh, Tụng Kinh Sám hối – Hồi hướng văn, Bảo Tháp kệ, Văn Hồi hướng, Văn Đảo mệnh, Văn cầu siêu, Lễ tạ, Tam Tự Quy y.

95. DIỆU PHÁP LIÊN HOA KINH QUÁN THẾ ÂM BỒ-TÁT PHỔ MÔN PHẨM

Lược giảng: *HT. Tuyên Hóa (1918-1995)*

Phiên dịch và xuất bản: Buddhist Text Translation Society – Trường Đại Học Pháp Giới – Vạn Phật Thánh Thành.

Việt ngữ - In lần thứ nhất 2001

Sách dày 321 trang. Nội dung gồm có: Tám Quy luật của Viện Phiên dịch Kinh điển, Kệ khai Kinh, *Kinh Diệu Pháp Liên Hoa – Phẩm Phổ Môn*; Phẩm Phổ Môn – Phần lược giảng; Sơ lược Tiểu sử Hòa thượng Tuyên Hóa, Mười tám Đại nguyện, Kệ Hồi hướng.

Tác phẩm này tái bản năm 2004, Nxb Tôn Giáo.

96. DIỆU PHÁP LIÊN HOA KINH – Trọn bộ

Diễn Ra Quốc Âm toàn bộ

Việt dịch: *Sa-môn Trìng Ngô - Minh Kính (Trương Văn Đón)*

Thanh Sơn Tự (Hạt Châu Đốc-Quận Tri Tôn) – 1938

Kinh dày 365 trang, bìa mềm. Nội dung gồm có 7 quyển, 28 phẩm: Cáo bạch, Bài Tán lư hương, (tụng chú,...), Khai Kinh kệ, Kính nghe, *Kinh Diệu Pháp Liên Hoa*, Hán dịch: Tam tạng Pháp sư Cưu-ma-la-thập, Q.I, P.1 Lời tựa, P.2 Về Phẩm Phương tiện; Q.II, P.3 Nói về Thí dụ, P.4 Tính giải; Q.III, P.5 Nói về Phẩm Dược thảo, P.6 Phật Thọ ký, P.7 Nói cái Hóa thành lời Thí dụ; Q.IV P.8 Phật Thọ ký cho năm trăm người đệ tử, P.9 Phẩm Thọ ký bực Hữu học cùng người Vô học, P.10 Phẩm Pháp sư, P.11 Kiên Bửu tháp, P.12 Nói sự tích ông Đề-bà-đạt-đa, P.13 Hộ trì; Q.V, P.14 Về Phẩm An lạc hạnh, P.15 Nói từ Dưới đất vọt lên, P.16 Đức Như Lai Thọ lượng, P.17 Phân biệt việc Công đức; Q.VI, P.18 Phẩm Tùy hỷ Công đức, P.19 Pháp sư Công, P.20 Về sự tích ông Thường Bất Khinh Bồ-tát, P.21 Thần lực Đức Như Lai, P.22 Đức Thế Tôn Phú chúc, P.23 Sự tích nhà ông Dược Vương Bồ-tát; Q.VII, P.24 Phẩm Diệu Âm Bồ-tát, P.25 Quan Thế Âm Bồ-tát về Phẩm Phổ môn, P.26 Đà-la-ni, P.27 Phẩm Diệu Trang Nghiêm Vương, P.28 Phẩm Phổ Hiền Bồ-tát khuyến phát; Tán (Lời khen).

97. DUY-MA-CẬT CHƠN KINH

Việt dịch: *HT. Thiền sư Minh Trục (1895-1976)*

Nxb Tôn Giáo – 2002

Kinh có khổ 14.5 x 20.5cm, dày 167 trang, bìa mềm.

Nội dung gồm có 14 phẩm: Duy-ma-cật Kinh tán (Lời khen Kinh Duy-ma-cật), Thiền đạo ca, Lời tựa; Duy-ma-cật Sở thuyết Kinh, P.1 Nói về Phật quốc, P.2 Nói về Phương tiện, P.3 Nói về Đệ tử, P.4 Nói về Bồ-tát, P.5 Nói về Văn-thù-sư-lợi đi thăm bệnh, P.6 Nói về Pháp bất tư nghi (Pháp huyền vi không thể nghĩ bàn được), P.7 Nói về Pháp Quán tưởng Chúng sanh

(Xem thân tứ đại-ngũ uẩn của chúng sanh), P.8 Nói về Phật đạo, P.9 Nói về Pháp nhập Bất nhị Pháp môn (Là vào pháp môn mâu nhiệm có một chẳng hai), P.10 Nói về Hương tích Phật, P.11 Nói về các Hạnh đức của Bồ-tát, P.12 Nói về sự thấy Phật A-súc, P.13 Nói về Pháp cúng dường, P.14 Nói về Việc phó thác Chánh pháp; Lời dặn, Then chốt của Kinh Bát-nhã.

Tác phẩm này đã được Thiền Tịnh Đạo Tràng-Phật Bửu Tự (Sài Gòn) xuất bản từ năm 1951.

98. DUY-MA-CẬT KINH

Việt dịch: *Đoàn Trung Còn*

Phật học Tông thư - In kỳ đầu năm 1971

Kinh dày 339 trang, bìa mềm. Kết cấu Kinh gồm có 2 quyển, 14 phẩm. Phần đầu là Hương tán, Tịnh khẩu nghiệp Chơn ngôn, Tịnh Tam nghiệp Chơn ngôn, An Thổ địa Chơn ngôn, Phổ Cúng dường Chơn ngôn, Khai Kinh kệ, *Duy-ma-cật Sở thuyết Kinh*, gồm 14 phẩm (trong mỗi phẩm có: Nguyên bản chữ Hán, Phiên âm Hán-Việt, dịch sang Việt ngữ và Chú giải).

Xem: (14 phẩm) Kinh Duy-ma-cật

99. DUY-MA-CẬT sở thuyết (VIMALAKÌRTINIRDESA-SÛTRA)

Việt dịch và chú: *Tuệ Sỹ*

Nxb Hồng Đức – 2017

Sách có khổ 13.5 x 20.5cm, có 310 trang (tái bản lần 2), bìa mềm, có tay gấp, nền màu tím, tựa chữ Việt, chữ Phạn và chữ Hán (có màu đỏ và trắng), có hình vẽ ngài Duy-ma-cật (bán thân), có hộp đựng (cùng quyển Huyền thoại Duy-ma-cật). Tác phẩm này gồm có 14 phẩm chính. Phần đầu là - Tiểu dẫn lịch sử truyền dịch (Các bản Hán dịch, Việt dịch), - Thư mục (Các bản Hán dịch, Các bản sơ giải căn bản), - Tựa của Tăng Triệu; Chương (C) Giới

thiệu: - Nhân cách và huyền thoại, - Ý nghĩa nhân cách và ý nghĩa lịch sử, - Cơ sở tư tưởng, - Thực tiễn hành đạo. C.1. Quốc độ Phật, C.2. Phương tiện quyền xảo, C.3. Chúng đệ tử, C.4. Bồ-tát, C.5. Văn-thù-sư-lợi thăm bệnh, C.6. Bất tư nghi, C.7. Quán chúng sinh, C.8. Phật đạo, C.9. Pháp môn bất nhị, C.10. Phật Hương tích, C.11. Bồ-tát hành, C.12. Thấy Phật A-súc, C.13. Cúng dường chính pháp, C.14. Chúc lụy. Sách dẫn.

Kinh này được xuất bản từ năm 2011, Nxb Phương Đông.

100. DUY-MA-CẬT SỞ THUYẾT KINH

Dịch giả: *Thích Huệ Hưng (1917-1990)*

THPG Tp. Hồ Chí Minh ấn hành, PL. 2537 – DL. 1993

Kinh có khổ 14 x 20cm, có 237 trang, bìa mềm, nền màu cam, chữ tựa màu đỏ, có tay gấp. Tác phẩm *Duy-ma-cật sở thuyết kinh* gồm có 14 phẩm chính. Phần đầu, Lời giới thiệu, Lời nói đầu; Các phẩm: 1. Phật quốc, 2. Phương tiện, 3. Đệ tử, 4. Bồ-tát, 5. Văn-thù-sư-lợi, 6. Bất tư nghi, 7. Quán chúng sanh, 8. Phật đạo, 9. vào “Pháp môn không hai”, 10. Phật hương tích, 11. Hạnh Bồ-tát, 12. thấy Phật A Súc, 13. Pháp cúng dường, 14. Chúc lụy. Phần Chú thích.

Kinh này được xuất bản nhiều lần: Năm PL. 2518, Liên Hoa Tịnh thất (Mỹ Tho) ấn hành, với tựa: Kinh Duy-ma-cật; năm 2013 (tái bản lần thứ 4), Nxb Tôn Giáo.

101. DUY-MA-CẬT SỞ THUYẾT KINH

Hán dịch: *Tam tạng Pháp sư Cưu-ma-la-thập (Kumàrajiva, 344-413)*

Việt dịch: *Tỳ-kheo Thích Duy Lực (1923-2000)*

Từ Ân Thiên đường Santa Ana, Hoa Kỳ xuất bản 1991. Tác phẩm này gồm có: Lời dịch giả và 14 phẩm Kinh.

Xem: (14 phẩm) Duy-ma-cật Sở thuyết Kinh

102. DUY-MA-CẬT SỞ THUYẾT KINH

Trực Chỉ Đề Cương - Tập I và II

(Giáo án Trung Cao cấp Phật học)

Dịch giả: *Pháp sư Thích Từ Thông*

Nxb Tôn Giáo – 2000

Toàn bộ tác phẩm Kinh này có 14 chương, phân làm 2 tập. *Tập 1*, - Lời tựa (1991), - Phạm lụy; C.1 Cõi nước Phật (Phải làm gì để xây dựng một cõi Phật?), C.2 Phương tiện (Giáo lý phương tiện và việc làm phương tiện), C.3 Thanh văn (Vấn đề thiên, Vấn đề thuyết pháp, Vấn đề khát thực, Lại vấn đề khát thực, Lại vấn đề thuyết pháp, Thuyết pháp yếu, Vấn đề thiên nhân, Giảng luật, Vấn đề xuất gia, Như Lai bệnh), C.4 Bồ-tát (Vấn đề thọ ký, Vấn đề đạo tràng, Pháp vui vô tận, Hội đại thí), C.5 Văn-thù Bồ-tát thăm bệnh; *Tập 2*, Lời tựa, C.6 Bất tư nghi, C.7 Quán chúng sanh, C.8 Con đường Phật, C.9 Chứng nhập pháp môn không hai, C.10 Phật Hương Tích, C.11 Việc làm của Bồ-tát, C.12 Thấy Vô Động Như Lai, thế giới Diệu Hỷ, C.13 Cúng dường pháp, C.14 Chúc lụy.

Kinh này được tái bản nhiều lần: Năm 1992, Huỳnh Mai Tịnh Thất (Sài Gòn) ấn hành; năm 2011, Nxb Tôn Giáo.

103. DUY THỨC TAM TỰ KINH – DUY THỨC GIẢNG LƯỢC

– PHẬT GIÁO TAM TỰ KINH

Giám định: *Pháp sư Thái Hư (1890-1947)*

Trước tác và giảng: *Đường Đại Viên*

Việt dịch: *Thích Minh Chánh*

Tài liệu học tập Trường Phật học Đồng Nai

Sách có khổ 14.5 x 20cm, có 164 trang, bìa mềm. Toàn bộ tác phẩm này gồm có: Lời nói đầu, Bài tựa, Tựa, Đôi lời của tác giả; *Duy thức Tam tự Kinh* (có: Hán văn, phiên âm): Tâm vương, Tâm sở, Thức phần, Thức biến, Tứ duyên, Tam lượng, Tam cảnh, Tam tự tánh, Tam vô tánh, Sở y kinh luận, Tây Trúc sáng tông, Chấn đản thừa truyền, Kết khuyến tu học; *Duy Thức tam tự Kinh* (phần nghĩa); *Duy Thức tam tự Kinh thích luận*; *Phật giáo Tam tự Kinh* (Hán văn, phiên âm, phần dịch nghĩa và thích nghĩa).

104. DƯỢC SƯ KINH SÁM

Viết dịch: *Trí Quang (1923-2019)*

Nxb Tp. Hồ Chí Minh, PL. 2538 – DL. 1994

Kinh có khổ 13 x 19cm, dày 295 trang, bìa mềm, có hình Bồ-tát Quán Thế Âm đứng, chữ tựa màu đen. Nội dung Kinh này gồm có: Tiểu dẫn, Lời đề khóa tụng Kinh Dược Sư của Ngọc Lâm Quốc sư, *Kinh Dược Sư* (Chánh văn), Sám Dược Sư, Cuốn trước, Cuốn giữa, Cuốn sau; Lược giải Kinh Dược Sư (có Mục lục riêng). (*Bản lưu tại Thư viện Học viện PGVN Tp. Hồ Chí Minh, Ký hiệu: KSTG009431*)

Tác phẩm này đã in lần thứ nhất năm PL. 2518 – DL. 1974, với tựa “Dược Sư Kinh & Sám, Việt – Hoa, Trí Quang dịch giải, dày hơn 600 trang, bìa mềm; năm PL. 2559 – DL. 2015 tái bản, với tựa Kinh Dược Sư, Nxb Tôn Giáo, khổ 14.5 x 20.5cm, dày 271 trang, bìa cứng, có bìa bao, chữ tựa màu vàng.

105. DƯỢC SƯ LƯU LY QUANG NHƯ-LAI BỔN NGUYỆN CÔNG ĐỨC KINH

Viết dịch: *Thích Nguyệt Quang*

In tại nhà In Thạnh Mậu – Gia Định, PL. 2513 – DL. 1950

Kinh có 85 trang, bìa mềm. Nội dung gồm có: Kinh lời tựa, Nhơn duyên dịch Kinh Dược Sư, *Dược Sư Lưu Ly Quang Như-Lai Bổn Nguyện Công Đức Kinh*, Phần dịch âm, Phần dịch nghĩa, Phần Giải thích và Chú thích.

106. DƯỢC SƯ PHÁP ĐÀ-LA-NI KINH

Biên dịch: *Sa-môn Thích Quảng Trí – Huyền Thanh*

Nxb Tôn Giáo – 2009

Kinh có khổ 14.5 x 20.5cm, dày hơn 337 trang. Nội dung gồm có: 1. Dẫn nhập, 2. Tôn tượng của Đức Phật Dược Sư và các quyến thuộc, 3. Dược Sư Lưu Ly Quang Tiêu trừ Tai nạn niệm tụng Nghi quỹ (No. 922), 4. Dược Sư Như Lai Quán hạnh Nghi quỹ pháp (No. 923), 5. Dược Sư Như Lai Niệm tụng Nghi quỹ (No. 924A), 6. Dược Sư Như Lai Niệm tụng Nghi quỹ (No. 924B), 7. Dược Sư Như Lai Nghi quỹ Nhất cụ (No. 924C), 8. Dược Sư Lưu Ly Quang Thất Phật Bổn nguyện Công đức Kinh Niệm tụng Nghi quỹ (No. 925), Quyển thượng, Quyển hạ; 9. Dược Sư Lưu Ly Quang Thất Phật Bổn nguyện Công đức Kinh Niệm tụng Nghi quỹ (No. 926), 10. Dược Sư Thất Phật Cúng dường Nghi quỹ Như ý Vương Kinh (No. 927), 11. Dược Sư Thất Phật Cúng dường Nghi quỹ Kinh bản tựa khắc lại (No. 928), 12. Biểu tượng của cõi tịnh Thổ Tịnh Lưu Ly (No. 929), 13. Thiên nhãn Thần thông pháp.

Đ

107. ĐẠI BÁO PHỤ MẪU ÂN TRỌNG KINH

Hán dịch: *Tam tạng Pháp sư Cưu-ma-la-thập* (Kumarajiva, 344-413)

Việt dịch: *Đa văn Bất-sô Thanh Tùng*

Linh Quang Tịnh xá (Khánh Hội) ấn tống, PL. 2516 – DL. 1972

Kinh có 64 trang, bìa mềm. Nội dung gồm có: Mấy lời nói đầu; Khai Kinh kệ, *Phật nói Kinh Đại báo Phụ mẫu Ân trọng* (dịch nghĩa); Phật thuyết Đại báo Phụ mẫu Ân trọng Kinh (dịch âm), Tam tự Quy y.

(*Bản Kinh lưu tại Thư viện Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam tại Tp. Hồ Chí Minh; Mã sách: Vie 2142*)

108. Đại Báo Tích DIỆU HUỆ ĐỒNG NỮ KINH

Hán dịch: *Bồ-đề Lưu-chi*

Dịch và giảng: *Thích Thiện Huệ*

Nxb Tôn Giáo – 2006. Kinh có khổ 14 x 20cm, dày 208 trang, bìa mềm.

Nội dung gồm có: Lời giới thiệu, Đại báo tích Diệu Huệ Đồng Nữ Kinh – Chính văn; Giảng: A. Đại Báo Tích Kinh và Dịch giả, B. Giải nghĩa đề Kinh, Duyên khởi, Chính tông, Lưu thông phần; Phụ lục: Phật pháp là gì? Trương Trùng Cơ.

109. ĐẠI BÁT NIẾT-BÀN KINH (2 Tập)

Hán dịch: *Tam tạng Pháp sư Đàm Vô Sám* (385-433)

Việt dịch: *Đoàn Trung Còn* (1908-1988)

Phật học Tông thư (Sài Gòn) xuất bản.

Kinh có khổ 16 x 24cm, tổng cộng 2 tập dày 971 trang, bìa mềm.

Tập nhứt, xuất bản 1974, Giấy phép số 1.458/74/BDVCH/KSALP/T.P, ngày 8-4-1974. Tập này có 448 trang, bìa mềm, có 5 quyển (Q. 1-5). Quyển 1 và 2, Phẩm Thọ mạng; Quyển 3, Phẩm 1. Thọ mạng, Phẩm 2. Thân Kim cang, Phẩm 3. Công đức của danh tự; Quyển 4 và 5, Phẩm 4. Như Lai tánh. (ở mỗi phẩm phần đầu là Kinh văn chữ Hán và dịch âm, phần sau dịch nghĩa)

Tập nhì, xuất bản năm 1975, Giấy phép số 911/75 BDVCH/ NBCSHNT/ ALP.T.P/ ngày 12-4-1975. Tập nhì dày 523 trang, bìa mềm, nền trắng, chữ tựa màu đen và tựa chữ Hán màu đỏ, có hình đức Phật nhập Niết-bàn, có 6 quyển (Q. 6-11). Quyển 6 - 10, Phẩm 4. Như Lai tánh; Quyển 11, Phẩm 5. Tất cả đại chúng hỏi Phật, Phẩm 6. Thị hiện bệnh, Phẩm 7. Thánh hạnh. (ở mỗi phẩm phần đầu là Kinh văn chữ Hán và dịch âm, phần sau dịch nghĩa), Cuối sách có Giải thích (từ ngữ).

110. ĐẠI BÁT NIẾT-BÀN KINH Huyền Nghĩa

Biên soạn: *Sa-môn Quán Đảnh*

Việt dịch: *Thích Đạt-ma Viên Diệu*

Nxb Tôn Giáo – 2012. Sách có khổ 13 x 19cm, dày hơn 98 trang, bìa mềm.

Nội dung gồm có 2 quyển: Tiểu sử Sa-môn Quán Đảnh; Đại Bát Niết-bàn Kinh huyền nghĩa, Quyển thượng: I. Giải thích danh, II. Giải thích Thể của Niết-bàn; Quyển hạ: III. Làm sáng tỏ Tông của Niết-bàn, IV. Giải thích Dụng của Niết-bàn, V. Giải thích Tướng của Niết-bàn.

111. ĐẠI BÁT NIẾT-BÀN KINH Trục Chỉ Đề Cương – 2 Tập

Giáo án Cao đẳng Phật học

Biên dịch: *Pháp sư Thích Từ Thông*

Nxb Tôn Giáo – 2013

Toàn bộ Kinh này gồm có 23 phẩm, phân thành 2 tập. *Tập 1*, gồm có 17 phẩm: - Tiểu dẫn; P.1 Tựa, P.2 Thuần-đà, P.3 Ai thán, P.4 Trường thọ, P.5 Kim Cang thân, P.6 Danh tự công đức, P.7 Tứ tướng, P.8 Tứ y, P.9 Tà chánh, P.10 Tứ Thánh đế, P.11 Tứ đảo, P.12 Như Lai tánh, P.13 Văn tự, P.14 Điều dụ, P.15 Nguyệt dụ, P.16 Bồ-tát, P.17 Đại chúng sở vấn. *Tập 2*, có 6 phẩm: P.18 Hiện bệnh, P.19 Thánh hạnh (A, B), P.20 Phạm hạnh (A, B, C, D), P.21 Anh nhi hạnh, P.22 Quang minh Biến chiếu Cao quý đức vương Bồ-tát (A, B, C, D), P.23 Sư tử hồng Bồ-tát; Mục lục.

112. Đại cương KINH DIỆU PHÁP LIÊN HOA (SADDHARMAPUNDARIKASUTRA M)

Biên soạn: *Thích Khế Đạo*

Nxb Tôn Giáo – 2013

Kinh có khổ 14.5 x 20.5cm, dày hơn 296 trang, bìa mềm. Nội dung gồm có: Lời tựa, I. Tổng quan Phật giáo, 1. Sự hình thành Phật giáo nguyên thủy, 1.1 Phương diện thời gian, 1.2 Phương diện tư tưởng, 1.3 Phương diện hình thức sinh hoạt; 2. Sự hình thành Phật giáo bộ phái, 2.1 Phương diện thời gian, 2.2 Phương diện lập trường tư tưởng, 2.3 Phương diện hình thức sinh hoạt; 3. Sự hình thành Phật giáo Đại thừa, 3.1 Phương diện thời gian, 3.2 Phương diện lập trường tư tưởng, 3.3 Phương diện hình thức sinh hoạt, 3.4 Những Kinh xuất hiện buổi đầu của Đại thừa; II. Lịch sử truyền dịch Kinh Pháp Hoa, 1. Nguyên tác bằng Sanskrit, 2. Pháp Hoa trong quá trình chuyên ngữ, 3. Các bản chú giải của Kinh Pháp Hoa; III. Văn thể & sự hình thành Kinh Pháp Hoa, 1. Hình thức của thể loại Trùng tụng, 2. Hình thức của thể loại Trường hàng, 3. Hiện tượng bổ sung & phát triển phần Trường hàng, 4. Hiện

tượng các phẩm mới được thêm vào, 5. Hiện tượng kết hợp ngôn ngữ Prakrit & Sanskrit; IV. Những đặc tính của Kinh Pháp Hoa, 1. Tính cách thông tục, đại chúng & thực tiễn, 2. Khả năng dung hợp tiếp nhận các truyền thống Phật giáo, 3. Sự hội tụ tất cả tư tưởng uyên áo của Phật giáo Đại thừa, 3.1 Tư tưởng Không tính của Kinh Bát-nhã, 3.2 Tư tưởng Duyên khởi của Kinh Hoa Nghiêm, 3.3 Tư tưởng Giải thoát bất tư nghì của Kinh Duy-ma, 4. Kinh được trình bày dưới hình thức kịch nghệ; V. Bí quyết của Kinh Diệu Pháp Liên Hoa, 1. Nhận diện Tích môn, Bản môn & Hạnh môn, 2. Phải hiểu nghĩa lý mà không nô lệ văn tự; VI. Tư tưởng căn bản của Kinh Pháp Hoa, 1. Tất cả chúng sanh đều có khả năng thành Phật, 2. Tư tưởng Phật thân thường trú, 3. Quan điểm Tam hội quy Nhất (Phẩm Phương tiện); VII. Ý nghĩa Diệu Pháp Liên Hoa, 1. Ý nghĩa về “diệu pháp” trong Kinh Pháp Hoa, 2. Ý nghĩa “Liên hoa” trong văn hóa Phật giáo; VIII. Phân tích nội dung Kinh Pháp Hoa, 1. Giới thiệu khái quát tư tưởng Kinh Pháp Hoa, 1.1 Bối cảnh Kinh Pháp Hoa được thuyết giảng, 1.2 Chủ đích chính của phẩm này; 2. Phân tích nội dung tư tưởng Kinh, 2.1 Pháp hoa trên bình diện hiện tượng, 2.1.1 Nội dung phẩm Phương tiện, 2.1.2 Nội dung phẩm Thí dụ, 2.1.3 Nội dung phẩm Tín giải, 2.1.4 Nội dung phẩm Dược Thảo dụ, 2.1.5 Nội dung phẩm Thọ ký, 2.1.6 Nội dung phẩm Hóa thành dụ, 2.1.7 Nội dung phẩm Thọ ký 500 đệ tử, 2.1.8 Thọ ký cho hàng Hữu học Vô học, 2.1.9 Nội dung phẩm Devadatta, 2.1.10 Nội dung phẩm Trì, 2.1.11 Nội dung phẩm An lạc hạnh, 2.1.12 Nội dung phẩm Pháp sư; 2.2 Kinh Pháp Hoa trên phương diện bản thể, 2.2.1 Nội dung phẩm Hiện bảo tháp, 2.2.2 Nội dung phẩm Tùng địa dũng xuất, 2.2.3 Nội dung phẩm Như

Lai thọ lượng, 2.2.4 Nội dung phẩm Như Lai thân lực, 2.2.5 Nội dung phẩm Chúc lữ; 2.3 Kinh Pháp Hoa trên phương diện diệu dụng, 2.3.1 Nội dung phẩm Bồ-tát Thường Bất Khinh, 2.3.2 Nội dung phẩm Dược Vương bốn sự, 2.3.3 Nội dung phẩm Bồ-tát Diệu Âm, 2.3.4 Nội dung phẩm Phổ môn, 2.3.5 Nội dung phẩm Đà-la-ni, 2.3.6 Nội dung phẩm Diệu Trang Nghiêm vương, 2.3.7 Nội dung phẩm Phổ Hiền khuyến phát; 3. Công năng & lợi ích của Kinh Pháp Hoa, 3.1 Nội dung phẩm Phân biệt Công đức, 3.2 Nội dung phẩm Tùy hỷ Công đức, 3.3 Nội dung phẩm Pháp sư.

113. Đại cương KINH HOA NGHIÊM, Tập 1

Biên soạn: *Thích Hằng Trường*

Nxb Tôn Giáo – 2003

Kinh có khổ 14.5 x 20.5cm, có 326 trang, bìa mềm, chữ tựa màu đỏ, có tay gấp. Tác phẩm Đại cương kinh này gồm có 5 chương chính. Lời ngõ; C.I *Căn bản*: Mở đầu, Ý nghĩa chữ Kinh, Ý nghĩa của pháp giới, Ý nghĩa tên kinh, Truyền thuyết về bản kinh, Ba bản dịch chính, Tông chỉ và thú hướng, Kinh được thuyết như thế nào? Nói về người thuyết pháp: Phật, Đại ý của kinh Hoa Nghiêm, Kinh Hoa Nghiêm được giảng ở đâu? Chín hội; C.II *Bồ-tát và Bồ-tát đạo*: Mở đầu, Bồ-tát là ai? Bồ-tát ở đâu? Gương tu hành, Nội dung chủ yếu của Bồ-tát đạo, Phát Bồ-đề tâm, Lý tưởng của Bồ-tát, Đại tâm chúng sanh, Gieo duyên lành, Câu chuyện về đức cha Damien, Sửa đổi cái nhìn, Phương tiện để tu, Chiều hướng tu, tới vô ngã, Bản đồ Bồ-tát đạo, Trước khi lên đường; C.III *Hội đạo tràng Bồ-đề*: Mở đầu, Hành trình chín bước, Hội này gồm có phẩm nào? Hàm ý về nơi thuyết pháp, Ý nghĩa của tên hội, Giới thiệu ba bước tu, Bước tu đầu tiên,

Bước tu thứ nhì, 18 pháp Bất cộng, Bốn đức vô úy, Mười thứ trí lực, Thập thân, Hội chủ: Đức Phổ Hiền, Bước tu thứ ba, Những bước kế tiếp; C.IV *Mở rộng giáo pháp*: Mở đầu, Sự giới hạn của giác quan, Tác hại của cái nhìn sai, Tác hại của bản ngã, Khu vực không tạo ra điểm mù, Phóng quang, các Hào quang: giữa răng, giữa mày (1), từ lòng bàn chân, ở đầu ngón chân, nơi bắp chân, nơi đầu gối, giữa mày (2), giữa mày và cửa miệng, giữa mày (3), từ đỉnh đầu, Khai mở hào quang của tự tánh; C.V *Trở về căn bản*: Mở đầu, Sáu căn, Tâm, Thức thứ bảy, Thức thứ tám, Nhân và quả, Chết đi - sống lại, Sinh tử và giải thoát, Chuyển thức thành trí, Kết chương, Lời cuối. Phụ lục: Hội và Phẩm, Hội hướng công đức.

114. Đại cương KINH HOA THỦ

Viết dịch và chú thích: *Thích Thiện Nhơn*

Nxb Tôn Giáo, PL. 2559 – DL. 2015

Sách có khổ 14.5 x 20.5cm, dày 270 trang. Nội dung gồm có 35 phẩm: Lời nói đầu, Tiểu sử Dịch giả; P.1 Tựa, P.2 Thần lực, P.3 Bồ-tát Võng Minh, P.4 Như Tướng, P.5 Bất tín, P.6 Niệm xứ, P.7 Phát Tâm tức chuyển Pháp luân, P.8 Biến hiện, P.9 Thần lực Như Lai, P.10 Côn đức, P.11 Phát Tâm, P.12 Vô ưu, P.13 Trung thuyết, P.14 Tổng tướng, P.15 Thượng Thanh tịnh, P.16 Tán hoa, P.17 Chúng tướng, P.18 Các phương, P.19 Tam-muội, P.20 Cầu pháp, P.21 Tán thán Công đức, P.22 Kiểm nghiệm Công hạnh, P.23 Đắc niệm, P.24 Chánh kiến, P.25 Khen ngợi Giáo pháp, P.26 Hủy hoại Chánh pháp, P.27 Các thứ Tạp nhiễm, P.28 Các thứ Tâm vi diệu của Bồ-tát, P.29 Thuận-nghịch Chánh pháp, P.30 Bất thối hạnh, P.31 Vị pháp, P.32 Thán Hội chúng, P.33 Thượng Kiên đức, P.34 Pháp môn, P.35 Chúc lụy (Di chúc).

115. Đại cương KINH TẬP A-HÀM

Biên soạn: *Thích Thiện Nhơn*

Lưu hành nội bộ, PL. 2539 – DL. 1995

Sách có khổ 14.5 x 20cm, có 177 trang, bìa mềm. Đại cương Kinh Tập A-hàm gồm có 3 phần chính, với 27 kinh. I. *Phần tổng quát*; II. *Phần trích giảng*: 1.K. Vô thường, 2.K. Chủng tử, 3.K. Ngũ chuyển, 4.K. Thất niệm xứ, 5.K. Pháp ấn, 6.K. Tam giáo hóa, 7.K. Đại không, 8.K. Pháp giới, 9.K. Đệ nhất nghĩa Không, 10.K. Tam tướng, 11.K. 44 Trí, 12.K. 77 Trí, 13.K. Ưu-đàn-na, 14.K. Chỉ quán, 15.K. Tam thọ, 16.K. Tứ thanh tịnh, 17.K. Ca-ma, 18.K. Thiên tử, 19.K. 3 Căn, 20.K. 5 Căn, 21.K. Tứ nhiếp pháp, 22.K. Bát chánh đạo, 23.K. Thiên định, 24.K. Tam học, 25.K. Ma-ha-nam, 26.K. Hằng hà, 27.K. Ương-cù-lợi-ma-la; *Phần tổng luận*.

116. Đại cương KINH TĂNG NHẤT A-HÀM

Biên soạn: *Thích Thiện Nhơn*

Lưu hành nội bộ, PL. 2538 – DL. 1994

Sách có khổ 14 x 20cm, có 260 trang, bìa mềm. Tác phẩm này gồm có: Lời nói đầu, Phần tổng quát, Phần trích giảng, có 27 phẩm (P): 1.P. Tựa, 2.P. Thập niệm, 3.P. Quảng diễn, 4.P. Lợi dưỡng, 5.P. An ban, 6.P. Tàm quý, 7.P. Khuyến thỉnh, 8.P. Thiện tri thức, 9.P. Địa chủ, 10.P. Cao tràng, 11.P. Tứ đế, 12.P. Tứ ý đoạn, 13.P. Đẳng phú Tứ đế, 14.P. Khổ lạc, 15.P. Tu-đà, 16.P. Tăng thượng, 17.P. Ngũ vương, 18.P. Lục trọng, 19.P. Lục, 20.P. Mạc úy, 21.P. Mã huyết Thiên tử vấn chính, 22.P. Kiết cầm, 23.P. Thiện ác, 24.P. Thập bát thiện, 25.P. Phóng ngư, 26.P. Lễ Tam bảo, 27.P. Đại Ái Đạo bát Niết-bàn. Phần Phụ lục: Bảng đối chiếu.

117. Đại cương KINH TRUNG A-HÀM

Biên soạn: *Thích Thiện Nhơn*

Lưu hành nội bộ, PL. 2538 – DL. 1994

Sách có khổ 14.5 x 20.5cm, có 243 trang, bìa mềm. Toàn bộ *Đại cương Kinh* này được phân thành 4 phần, 34 phẩm. Lời nói đầu, A. Phần tổng quát, B. Phần trích giảng, các kinh: 1.K. Thiện pháp, 2.K. Ví dụ về cái thành, 3.K. Ví dụ cô xe, 4.K. Lậu tận, 5.K. Ví dụ hạt muối, 6.K. Độ, 7.K. Ca-di-ni, 8.K. Phân biệt Thánh đế, 9.K. Cung kính, 10.K. Vì các Tỳ-kheo nói, 11.K. Nói về nguồn gốc, 12.K. Bát niệm, 13.K. Tịnh bất động đạo, 14.K. Cù-đam-di, 15.K. Sa-môn Nhị thập ức, 16.K. Phước điền, 17.K. Thiện sanh, 18.Ví dụ dấu chân voi, 19.K. Man-nhàn-đề, 20.K. Bà-la-bà đường, 21.K. Phân biệt lục giới, 22.K. A-nan thuyết, 23. Trích giảng bài kệ Bạt-địa-la-đế, 24.K. Phân biệt đại nghiệp, 25.K. Đa giới, 26. Giảng yếu 18 giới, 27.K. Thánh đạo, 28.K. Tiểu không, 29.K. Đại không, 30.K. A-lê-tra, 31.K. Trà-đề, 32.K. Pháp Lạc Tỳ-kheo Ni, 33.K. Ví dụ mũi tên, 34.K. Lệ; C. Phần tổng luận; D. Phần Phụ lục: Bảng đối chiếu.

118. Đại cương KINH ƯU-BÀ-TẮC

Biên soạn: *Tỳ-kheo Thích Thiện Nhơn*

Nxb Tôn Giáo – 2014

Sách có khổ 14.5 x 20.5cm, có hơn 208 trang, bìa mềm. Nội dung gồm có 28 phẩm: Lời nói đầu, Tổng luận, Tiểu sử Tam tạng Pháp sư Đàm Vô Sấm, P.1 Tập hội, P.2 Phát Bồ-đề tâm, P.3 Tâm từ bi, P.4 Giải thoát, P.5 Ba thứ Bồ-đề, P.6 Tu hạnh nghiệp 32 tướng tốt, P.7 Phát nguyện, P.8 Bồ-tát giả danh và Bồ-tát chân thật, P.9 Tâm kiên cố của Bồ-tát chân thật, P.10 Tự lợi – Lợi tha, P.11 Trang nghiêm tự lợi, P.12 Phúc đức-trí tuệ trang nghiêm, P.13 Thu phục-giáo hóa đệ tử, P.14 Thọ giới Bồ-tát, P.15 Tịnh giới, P.16 Trừ các điều ác, P.17 Cúng dường Tam

bảo, P.18 Sáu pháp Ba-la-mật, P.19 Bồ thí Ba-la-mật, P.20 Thanh tịnh Tam quy, P.21 Thanh tịnh Năm giới, P.22 Bát quan trai, P.23 Trì giới, P.24 Mười nghiệp thiện, P.25 Nhẫn nhục, P.26 Tinh tấn Ba-la-mật, P.27 Thiền định, P.28 Bát-nhã Ba-la-mật.

119. Đại cương Tư tưởng KINH A-HÀM

Biên soạn: *TT. Thích Thiện Nhơn*

Lưu hành nội bộ, PL. 2539 – DL. 1995

Sách có khổ 14 x 20cm, có 209 trang, bìa mềm. Tác phẩm này gồm có: Lời nói đầu, Lược sử kinh A-hàm, Quan niệm về Đức Phật, Văn học bản sanh, Tư tưởng Trung đạo, Tư tưởng Không, Tư tưởng Bình đẳng, Tư tưởng Thiền định, Tư tưởng Trí tuệ, Quan niệm về tu chứng, Quan niệm về thế gian, Tư tưởng giáo dục và đạo đức.

120. ĐẠI DIỄN GIẢI – MAHÀNIDDESAPÀLI, Tạng Kinh – Tiểu Bộ

Tam Tạng Song Ngữ Pàli – Việt, Tập 35

Phụ trách phiên dịch: *Tỳ-khuru Indacanda (Trương Đình Dũng)*

PL. 2562 – DL. 2018

Buddhist Cultural Centre,

125 Anderson Road, Nedimala, Dehiwala-Sri Lanka

Printed by: Ajith Printers (Pvt) Ltd, 342, Old Kesbewa Road, Ratanapitiya, Borelesgamuwa, Sri Lanka.

Sách có khổ lớn (20.5 x 29cm), dày hơn 729 trang, bìa cứng màu đỏ, chữ mạ vàng. Nội dung gồm có: Lời tựa-Sinhala và Việt ngữ, Văn bản của Bộ Tôn giáo-Anh và Việt ngữ, Thành phần nhân sự, Lược đồ Tam tạng, Lời giới thiệu, Các chữ viết tắt, Mẫu tự Pali – Sinhala; Đại Diễn Giải: 1. Diễn giải Kinh về Dục, 2. Diễn giải Kinh nhóm Tám về Hang, 3. Diễn giải Kinh nhóm Tám về Xấu xa, 4. Diễn giải Kinh

nhóm Tám về Trong sạch, 5. Diễn giải Kinh nhóm Tám về Tối thắng, 6. Diễn giải Kinh về sự Già, 7. Diễn giải Kinh về Tissametteyya, 8. Diễn giải Kinh về Pasura, 9. Diễn giải Kinh về Màngandiya, 10. Diễn giải Kinh Trước khi Hoại rã, 11. Diễn giải Kinh Cãi cọ và Tranh cãi, 12. Diễn giải Kinh Sự dàn trận nhỏ, 13. Diễn giải Kinh Sự dàn trận lớn, 14. Diễn giải Kinh Một cách nhanh chóng, 15. Diễn giải Kinh Uế hạnh của bản thân, 16. Diễn giải Kinh về Sàriputta; Phần Phụ chú, Thư mục câu kệ Pàli, Thư mục danh từ riêng, Thư mục từ đặc biệt.

121. ĐẠI PHẬT ĐÁNH QUẢNG TỰ ĐÀ-LA-NI KINH

Mật Tạng bộ 2 – No. 946

Việt dịch: *Sa-môn Thích Quảng Trí*

Phục hồi Phụ chú: *Huyền Thanh*

Toàn bộ tác phẩm này gồm có 5 quyển, 23 phẩm: Q.I, P.1 Tựa (Tổng nhiếp tất cả Phật đánh pháp), P.2 Công năng trì chú của tất cả Như Lai, P.3 Trì tụng công đức, chư Phật ở sáu phương hiện đến; Q.II, P.4 Kiến chú sư phổ huân diệt tội, P.5 Nhãn dược phương nhất thiết quang minh, P.6 Diên niên dược pháp (Pháp thuốc kéo dài tuổi thọ), P.7 Nhãn dược, P.8 Tướng mạng chú sư tự chứng, P.9 Quán Thế Âm, Văn-thù-sư-lợi Bồ-tát dữ nguyện, P.10 Tiên cao du (dầu thuốc cao của Tiên), P.11 Tạo trần bảo; Q.III, P.12 Vô úy bảo quảng tự Như Lai Phật đánh bí mật tạng (Thất tộc vương); Q.IV, P.13 Triệu thỉnh chư Phật, P.14 Pháp thuốc thư hoàng với Đàn pháp bí mật, P.15 Biện thất chủng Phật đánh trì tụng biến số thành tự; Q.V, P.16 Bí đàn-Bát trừ đại đàn pháp, P.17 Ái lạc dược pháp (Pháp thuốc yêu thích), P.18 Thành tự chú sư y thường (Thành tự quần áo của Chú sư), P.19 Chú sư tự trước chú sách (Chú sư tự làm sợi dây chú), P.20

Chú sư tảo dục (Chú sư tắm gội), P.21 Pháp Liên hoa họa tượng, P.22 Tổng nhiếp nhất thiết chư bộ Thủ ấn, P.23 Công năng của đại đàn. (*www.quangduc.com, Kinh*)

122. ĐẠI PHẬT ĐẢN NHƯ LAI PHÓNG QUANG TÁT-ĐÁT-ĐA BÁT-ĐÁT-RA ĐẠI THẦN LỰC ĐỒ NHIẾP NHẤT THIẾT CHÚ VƯƠNG ĐÀ-LA-NI KINH

Mật Tạng bộ 2 – No. 947

Viết dịch: *Sa-môn Thích Quảng Trí*

Phục hồi Phạn chú: *Huyền Thanh*

Tác phẩm này gồm có 6 phẩm: P.1 Đại oai đức tối thắng Kim luân Tam-muội chú, P.2 Chư Bồ-tát vạn hạnh, P.3 Chư Kim Cang, P.4 Chư thiên, P.5 Triệu nhất thiết Tiểu thiên Chú ấn pháp, P.6 Như Lai khẩu ấn triệu nhất thiết Dược-xoa tướng quân. (*www.quangduc.com, Kinh*)

123. ĐẠI PHƯƠNG QUẢNG PHẬT HOA NGHIÊM KINH

Phẩm thứ Mười một-Tịnh Hạnh Phẩm – 4 Quyển

Chủ giảng: *Lão Pháp sư Thích Tịnh Không*

Chuyển ngữ: *Bửu Quang tự Đệ tử Như Hòa*

Giáo duyệt: *Đức Phong-Huệ Trang-Minh Tiến*

Nxb Hồng Đức – 2017

Kinh có khổ 18.8 x 26cm, 4 quyển dày 2.470 trang, bìa cứng, nền đen, chữ tựa mạ màu trắng. Q.1 (dày 633 trang), Q.2 (dày 646 trang), Q.3 (dày 621 trang) và Q.4 (dày 570 trang), nội dung gồm có: *Đại Phương quảng Phật Hoa Nghiêm Kinh-Phẩm Tịnh Hạnh Thứ mười một.*

124. ĐẠI PHƯƠNG QUẢNG VIÊN GIÁC KINH

Dịch và lược giải: *Tỳ-kheo Thích Thiện Trí*

(Dành cho sinh viên Cao cấp Phật học – Cao đẳng Phật học)

Kinh dày 166 trang, nội dung gồm có: Lời nói đầu, I. Nguồn gốc bản Kinh, II. Lược giải đầu đề Kinh, III. Phân chia nội dung; Đại Phương Quảng Viên Giác Kinh, Hán dịch: *Sa-môn Phật đàotala*, Phần tự (Chứng tín phần), Phần Thực tập, gồm có 12 chương Kinh (trong mỗi chương có các phần: Dịch nghĩa và Lược giải, Chú thích). *Xem: (12 chương) Kinh Viên Giác*

125. ĐẠI PHƯƠNG QUẢNG VIÊN GIÁC KINH Giảng Giải

Tỳ-kheo Thích Trí Thành

Nxb Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh, PL. 2557 – DL. 2013

Kinh có khổ 16 x 24cm, dày 654 trang. Nội dung gồm có 12 chương chính: Giới thiệu, Đề mục lược giải về đề Kinh, Tóm tắt đại ý 12 chương Kinh Viên Giác, Phần Chứng tín, I. Lược nói về: Pháp-văn-thời-chủ; II. Rộng nói về: xứ và chúng; Phần Chánh thuyết: Chỉ bày cảnh và hạnh, C.1 Văn-thù, A. Chỉ bày cảnh bình đẳng, C.2 Phổ Hiền, B. Chỉ bày Hạnh sai biệt, a.1 Nói về bậc địa thượng vào hạnh Phật địa, C.3 Phổ Nhãn, a.2 Nói về bậc địa tiền vào hạnh Địa thượng, C.4 Kim Cang Tạng, II. Phần Quyết trạch, 1. Quyết trạch về cảnh, a.1 Cảnh tự ngộ, C.5 Di-lặc a.2 Cảnh ngộ tha, C.6 Thanh Tịnh Tuệ, 2. Quyết trạch về hạnh, a.1 Hạnh vị, C.7 Uy Đức Tự Tại, a.2 Hạnh pháp, b.1 Pháp môn đơn giản, C.8 Biện Âm Bồ-tát, b.2 Pháp môn phức tạp, C.9 Tịnh Chư Nghiệp Chướng, a.3 Hạnh bình hoạn, b.1 Bình tự tâm, C.10 Phổ Giác Bồ-tát, b.2 Bệnh tà sư, C.11 Viên Giác Bồ-tát, Hạnh phương tiện, C.12 Hiền Thiện Thủ Bồ-tát, 1. Lời thỉnh, 2. Lời hứa, 3. Lời đáp; Tổng kết toàn bộ Kinh; Phụ chú: Thiên chương Biện âm, Tu giải thoát, Hồi hướng Công đức.

**126. ĐẠI PHƯƠNG QUẢNG VIÊN
GIÁC KINH** *Lược Giải*

Dịch giả: *HT. Thích Giải Năng*

Nxb Tôn Giáo, PL. 2550 – DL. 2006.
Toàn bộ tác phẩm gồm có 3 phần chính với 12 chương. – Lời nói đầu, - Đại ý toàn kinh; A. Phần Chứng tín (1. Lược nói về Pháp, Văn, Thời và Chủ; 2. Rộng nói về Xứ và Chúng); B. Phần Chánh thuyết: I. Chỉ bày cảnh và hạnh; 1.C. Văn Thủ, 2.C. Phổ Hiền, 3.C. Phổ Nhãn; II. Phần Quyết trạch; 4.C. Kim Cang Tạng, 5.C. Di Lặc, 6.C. Thanh Tịnh Huệ, 7.C. Oai Đức Tự Tại, 8.C. Biện Âm, 9.C. Tịnh cư Nghiệp chúng, 10.C. Phổ Giác, 11.C. Viên Giác; C. Phần Lưu thông; 12.C. Hiền Thiện Thủ.
Kinh này đã được ấn hành từ năm PL. 2516 – DL. 1972.

**127. ĐẠI PHƯƠNG QUẢNG VIÊN
GIÁC KINH**

TU-ĐA-LA LIỄU NGHĨA

Việt dịch: *Thích Thông Phương*

Nxb Tôn Giáo – 2006

Kinh có khổ 14.5 x 20.5cm, có 62 trang, bìa mềm. Nội dung gồm có: A. Phần tựa, B. Phần Chánh tông, với 12 chương Kinh.
Xem: (12 chương) Kinh Viên Giác

**128. ĐẠI PHƯƠNG QUẢNG VIÊN
GIÁC TU-ĐA-LA
LIỄU NGHĨA KINH**

Việt dịch: *Huyền Cơ*

Phật học viện Huyền Cơ, PL. 2507 – DL. 1964

Kinh dày 226 trang, bìa mềm. Nội dung gồm có: Lời giới thiệu, Lời giới thiệu, Tựa, *Kinh Viên Giác* – Đại Phương quảng Tu-đa-la Liểu nghĩa Kinh, Hán dịch: Samôn Phật-đà-đa-la (cuối trang có chú thích); *La Parfaite Connaissance*, Traduit Du Vietnamien par Tuệ Quang (Bản dịch

Kinh Viên Giác từ tiếng Việt sang Pháp văn bởi Giáo sư Tuệ Quang); Phụ lục: Bảng Phân khoa tông của bộ Kinh Viên Giác do Hoàng Lê đời Thanh lập ra; Bảng Phân khoa của Pháp sư Đế Nhàn.

**129. ĐẠI TẠNG KINH VIỆT NAM
(BẮC TRUYỀN)**

Giáo hội Phật giáo Việt Nam

Hội đồng Chứng minh

của Hội đồng Phiên dịch và ấn hành Đại tạng Kinh Việt Nam

1. *HT. Thích Đức Nhuận*, 2. *HT. Thích Đôn Hậu*, 3. *HT. Thích Trí Tịnh*, 4. *HT. Thích Mật Hiền*, 5. *HT. Thích Huệ Thành*, 6. *HT. Thích Giác Nhu*, 7. *HT. Kim Cương Tử*, 8. *HT. Thích Tâm Thông*, 9. *HT. Thích Siêu Việt*, 10. *HT. Mahà Saray*, 11. *HT. Thích Trí Nghiêm*

Hội đồng Chỉ đạo Phiên dịch và Ấn hành Đại Tạng Kinh Việt Nam:

Chủ tịch: *HT. Thích Minh Châu*; Phó Chủ tịch (5 vị): 1. *HT. Thích Thiện Siêu*, 2. *HT. Kim Cương Tử*, 3. *HT. Thích Thanh Kiểm*, 4. *TT. Thích Thanh Từ*, 5. *TT. Thích Thiện Châu*; Trưởng ban Thư ký: *TT. Thích Chơn Thiện*, Trưởng ban Tài chánh: *TT. Thích Giác Toàn*, Trưởng ban in ấn và phát hành: *Cư sĩ Võ Đình Cường*; Trưởng ban từ vựng Phật học: *Cư sĩ Minh Chi*.

Đại Tạng Kinh Việt Nam – Bắc Truyền gồm có 4 bộ:

I. Kinh Trường A-hàm (2 tập: Tập 1 có: 19 Kinh; Tập 2 có: 11 Kinh);

Hán dịch: *Phật-đà-da-sá* và *Trúc Phật Niệm*

Việt dịch: *Viện Cao đẳng Phật học Huệ Nghiêm*

Hiệu đính: *HT. Thích Trí Tịnh (1917-2014)*

II. Kinh Trung A-hàm (4 tập: Tập 1 có: 6 phẩm, với 64 Kinh; Tập 2, Tiếp theo (Tập I) của Phẩm VI (Phần cuối) và Phẩm VII,

VIII, IX, X, với tất cả 52 Kinh); Tập 3 có: 4 Phẩm với tất cả 54 Kinh; Tập 4 có 6 Phẩm, với 51 Kinh);

Hán dịch: *Tam tạng Cù-đàm Tăng-già-đề-bà*; Cháp bút: *Đạo Tổ*

Việt dịch: *Viện Cao đẳng Phật học Hải Đức Nha Trang*

Hiệu đính: *HT. Thích Thiện Siêu (1921-2001)*

III. Kinh Tăng Nhất A-hàm (3 tập: Tập 1 có: 26 Phẩm; Tập 2 có: 13 Phẩm; Tập 3 có: 13 Phẩm)

Việt dịch: *HT. Thích Thanh Từ*; Hiệu đính: *HT. Thích Thiện Siêu*

IV. Kinh Tạp A-hàm (4 tập: Tập 1 có: 342 Kinh; Tập 2, từ Kinh số 343 đến Kinh số 711; Tập 3, từ Kinh số 712 đến Kinh số 1.080; Tập 4, từ Kinh số 1.081 đến Kinh số 1.362)

Hán dịch: *Tam tạng Pháp sư Cù-na-bạt-đà-la (Gunabhadra, 394-468)*

Việt dịch: *HT. Thích Thanh Từ và HT. Thích Thiện Siêu*

Tổng cộng Đại Tạng Kinh – Bắc truyền có 13 Tập, khởi in từ năm PL. 2536 – DL. 1992 đến năm PL. 2545 – DL. 2001, do Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam và Nhà xuất bản Tôn Giáo xuất bản. Tập Kinh có khổ 14.5 x 20.5cm, bìa cứng, bao da màu đỏ, chữ tựa Kinh mạ vàng, mỗi tập đều có hộp.

Đại Tạng Kinh Việt Nam (Nam truyền và Bắc truyền) trọn bộ 37 tập được tái bản năm PL. 2562 – DL. 2018, do Giáo hội Phật giáo Việt Nam xuất bản, Ấn bản này do tập thể Thư viện Huệ Quang (Tp. Hồ Chí Minh) thực hiện. Tập Kinh khổ 14.5 x 20.5cm, bìa cứng ép kim, gáy mo, có tờ gác và có hình Phật in màu đầu mỗi quyển (Bản đặc biệt, bìa mạ vàng 2 đầu, vẽ tranh cuộc đời đức Phật lên bụng sách).

130. ĐẠI TẠNG KINH VIỆT NAM (Nam Truyền)

Giáo hội Phật giáo Việt Nam

Hội đồng Chứng minh

của Hội đồng Phiên dịch và ấn hành Đại tạng Kinh Việt Nam

1. HT. Thích Đức Nhuận, 2. HT. Thích Đôn Hậu, 3. HT. Thích Trí Tịnh, 4. HT. Thích Mật Hiền, 5. HT. Thích Huệ Thành, 6. HT. Thích Giác Nhu, 7. HT. Kim Cương Tử, 8. HT. Thích Tâm Thông, 9. HT. Thích Siêu Việt, 10. HT. Mahà Saray, 11. HT. Thích Trí Nghiêm

Hội đồng Chỉ đạo Phiên dịch và Ấn hành Đại Tạng Kinh Việt Nam:

Chủ tịch: *HT. Thích Minh Châu*; Phó Chủ tịch (5 vị): 1. *HT. Thích Thiện Siêu*, 2. *HT. Kim Cương Tử*, 3. *HT. Thích Thanh Kiểm*, 4. *TT. Thích Thanh Từ*, 5. *TT. Thích Thiện Châu*; Trưởng ban Thư ký: *TT. Thích Chơn Thiện*, Trưởng ban Tài chánh: *TT. Thích Giác Toàn*, Trưởng ban in ấn và phát hành: *Cư sĩ Võ Đình Cường*; Trưởng ban từ vựng Phật học: *Cư sĩ Minh Chi*.

Nguyên bản Pali; Việt dịch: *HT. Thích Minh Châu (1918-2012)*

Đại Tạng Kinh Việt Nam – Nam Truyền gồm có 5 bộ:

I. Kinh Trường bộ (2 tập: Tập 1, 15 Kinh; Tập 2, từ Kinh thứ 17 - 34);

II. Kinh Trung bộ (3 tập: Tập 1, 50 Kinh; Tập 2, 50 Kinh; Tập 3, 52 Kinh);

III. Kinh Tương ưng bộ (5 tập: Tập 1, Thiên có kệ gồm 11 chương; Tập 2, 10 chương; Tập 3, 13 chương; Tập 4, 10 chương; Tập 5, 12 chương);

IV. Kinh Tăng chi bộ (4 tập: Tập 1, 4 chương; Tập 2, gồm từ Phẩm 11 – Phẩm 28 và chương V; Tập 3, 3 chương; Tập 4, 3 chương);

V. Kinh Tiểu bộ (10 tập: Tập 1 có: Tiêu tụng, Pháp cú, Kinh Phật tự thuyết, Kinh Phật thuyết như vậy, Kinh tập; Tập 2 có:

chuyện Thiên cung và chuyện Nga qui; Tập 3 có 2 phần: 1. Trưởng lão Tăng kê và 2. Trưởng lão Ni kê; Tập 4 có: 1 chương, 12 phẩm với 120 chuyện; Tập 5 có: 3 chương, 15 phẩm với 143 chuyện; Tập 6 có: 4 chương, 4 phẩm, 13 chuyện; Tập 7 có: 6 chương, 6 phẩm, 77 chuyện; Tập 8 có: 4 chương, 4 phẩm, 47 chuyện; Tập 9 có: 6 chương, 6 phẩm, 19 chuyện; Tập 10, Tiếp theo chương 12, có 8 chuyện)

Tổng cộng Đại Tạng Kinh – Nam truyền có 24 Tập, khởi in từ *Kinh Trường bộ* tập 1 (năm PL. 2535 – DL. 1991) đến *Kinh Tiểu bộ* tập 10 (năm PL. 2548 – DL. 2004), do Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam; Nhà xuất bản Tôn Giáo; Nhà xuất bản Thành phố Hồ Chí Minh xuất bản. Tập Kinh có khổ 14.5 x 20.5cm, bìa cứng, bao da màu đỏ, chữ tựa Kinh mạ vàng, mỗi tập đều có hộp.

Đại Tạng Kinh Việt Nam Nam Truyền tái bản nhiều lần: Năm 2013, Nxb Tôn Giáo; năm 2016 – 2017 do Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam thực hiện, gồm 13 Tập (Kinh Trường bộ, 1 tập; Kinh Trung bộ, 2 Tập; Kinh Tương Ưng bộ, 2 Tập; Kinh Tăng Chi bộ, 2 Tập; Kinh Tiểu bộ, 6 Tập). Kinh có khổ lớn (19 x 26cm), bìa cứng, màu đỏ chữ mạ vàng; năm 2020, GHPGVN tái bản Đại Tạng Kinh Việt Nam Nam truyền và Bắc truyền (trọn bộ 37 quyển), Thư viện Huệ Quang thực hiện. Phiên bản này ảnh in lại bản in cũ, khổ 14.5 x 20.5cm, (chữ to) ruột sách được in trên giấy ford Nhật định lượng 72 gsm, bìa sách được bọc bằng giấy giả da cao cấp, ép kim bản đồng sắc nét, bìa cứng, gáy mo tròn, mỗi cuốn có hộp đựng.

131. ĐẠI TẬP BỘ

Ban Phiên dịch Pháp tạng Phật giáo Việt Nam

Quyển XIII, No. 401 Đức Phật nói Kinh Đồng tử Vô ngôn (Quyển thượng và Quyển hạ); No. 402 Kinh Bảo Tinh Đà-lani (10 Tập, từ Tập 1 đến Tập 10); No. 403 Kinh A-soa-mạt Bò-tát (6 Tập, từ Tập 1 đến Tập 6); No. 404 Kinh Đại tập đại Hư không Bò-tát sở vấn (8 Tập, từ Tập 1 đến Tập 8); No. 405 Kinh Hư không Tạng Bò-tát; No. 406 Đức Phật nói Kinh Hư Không tạng Bò-tát Thần chú; No. 407 Kinh Hư Không tạng Bò-tát Thần chú; No. 408 Kinh Hư Không Dụng Bò-tát (Quyển thượng và Quyển hạ); No. 409 Kinh Quán Hư không tạng Bò-tát; No. 411 Kinh Đại thừa Đại tập Địa Tạng Thập luân (10 Tập, từ Tập 1 đến Tập 10); No. 413 Một Trăm ngàn Bài tụng của Kinh Đại tập Bò-tát Địa Tạng hỏi Đức Phật về Pháp thân; No. 415 Kinh Đại tập Đại Phương đẳng Bò-tát niệm Phật Tam-muội (10 Tập, từ Tập 1 đến Tập 10); No. 424 Phật nói Kinh Chánh pháp Đại Tập hội (5 Tập, từ Tập 1 đến Tập 5). (*phaptangpgvn.net, Pháp tạng*)

132. ĐẠI THỪA ĐÁNH VƯƠNG KINH *Pram Nguyễn – Thiện Thọ*

Nội dung gồm có 6 quyển, 14 phẩm: Lý do Chú giải mật nghĩa, *Kinh thuyết Vô Cấu Xưng* (Vimalakirti), Hán dịch: Tam tạng Pháp sư Huyền Trang, Việt dịch: Thích nữ Tịnh Nguyên, Chứng nghĩa: Tỳ-kheo Thích Đồng Minh, Thích Tâm Hạnh, Giáo đính và chú giải rộng thêm: Nguyễn Pram; Q.I, P.1 Tựa, P.2 Hiền bày Phương Tiện thiện xảo bất khả tư nghì; Q.II, P.3 Thanh văn (Sravaka), P.4 Bò-tát; Q.III, P.5 Thăm bệnh, P.6 Bất tư nghì; Q.IV, P.7 Hữu tình, P.8 Phật đạo (Khai thị Mật giáo), P.9 Pháp môn Bất Nhị (Advaita); Q.V, P.10 Phật Diệu Hương Tích (Tathagata Sugandhakuta), P.11 Bò-tát hạnh (Bodhisattvacarya); Q.VI, P.12 Quán

Như-Lai (Thầy Phật A-súc, Aksobhya Buddha), P.13 Cúng dường (Puja) pháp, P.14 Chúc lụy. (*Chú giải xong năm 2005, Tiểu bang Ohio, Hoa Kỳ*)

133. ĐẠI THỪA KIM CANG KINH LUẬN

Chùa Vạn Đức (Phú Thọ - Sài Gòn), PL. 2514 – DL. 1971

In tại Nhà in Sen Vàng (Chợ Lớn), Giấy phép số 1126/XB. Bộ Thông tin Sài Gòn ngày 5-6-1962.

Kinh có 53 trang, bìa mềm. Nội dung gồm có: *Đại thừa Kim Cang Kinh luận*, Chú thích.

134. ĐẠI THỪA KIM CANG KINH LUẬN

Viết dịch: *Nhứt Như Cư sĩ*

In tại Thiên Phước Tự (Sài Gòn), PL. 2515 – DL. 1952

Q.G.V.N. Giấy phép số 803 T A B. ngày 16-10-1952

Kinh có 140 trang, bìa mềm. Nội dung gồm có: Lời tựa, *Phật thuyết Đại thừa Kim Cang Kinh luận* (bản Kinh luận có: Nguyên văn chữ Hán, dịch âm, dịch nghĩa và thích nghĩa).

135. ĐẠI THỪA KIM CANG KINH LUẬN

Viết dịch: *Thích Viên Giác*

Trung tâm Phật giáo Hayward, Hayward California ấn tống, PL. 2510 – DL. 1966

Kinh có 67 trang, bìa mềm. Nội dung gồm có: Thay lời tựa, *Phật nói Kinh luận Kim Cang Đại Thừa*, dịch nghĩa; Phụ lục: Mười điều Tâm niệm.

Tác phẩm này đã được Tịnh thất Pháp Minh (Sài Gòn) in Lưu hành nội bộ năm PL. PL. 2509 – DL. 1965, với nhan đề “Phật thuyết Đại thừa Kim Cang Kinh

Luận”. (*Bản lưu tại Thư viện Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam tại Tp. Hồ Chí Minh, Mã sách: Vie 4520*)

136. ĐẠI THỪA VÔ LƯỢNG THỌ KINH (Giải chú dịch giải)

Biên soạn: *Pháp sư Tịnh Không*

Viết dịch: *Cư sĩ Nguyên Trùng*

Nxb Tôn Giáo, PL. 2546 – DL. 2002.

Kinh có khổ 14.5 x 20.5cm, dày 359 trang, bìa mềm, chữ tựa có 3 màu: trắng, đỏ và vàng. Toàn bộ tác phẩm Kinh này gồm có 48 phẩm (P): - Lời giới thiệu, - Tựa của người dịch, - Tựa, - Đề Kinh; P.1 Pháp hội Thánh chúng, P.2 Đức tôn Phổ Hiền, P.3 Đại giáo Duyên khởi, P.4 Pháp tạng nhân địa, P.5 Chí tâm Tinh tấn, P.6 Phát đại Thệ nguyện, P.7 Tất thành Chánh giác, P.8 Tích công lũy đức, P.9 Viên mãn thành tựu, P.10 Giai nguyện tác Phật, P.11 Quốc giới nghiêm tịnh, P.12 Quang minh biến chiếu, P.13 Thọ chúng vô lượng, P.14 Bảo thụ biến quốc, P.15 Bồ-đề đạo tràng, P.16 Đường xá lâu quán, P.17 Tuyên trì Công đức, P.18 Siêu thế hy hữu, P.19 Thọ dụng cụ túc, P.20 Đức phong hoa vũ, P.21 Bảo liên Phật quang, P.22 Quyết chứng cực quả, P.23 Thập phương Phật tán, P.24 Tam bối vãng sanh, P.25 Vãng sanh chánh nhân, P.26 Lễ cúng thỉnh pháp, P.27 Ca tán Phật đức, P.28 Đại sĩ Thần quang, P.29 Nguyện lực Hoàng thân, P.30 Bồ-tát Tu trì, P.31 Chân thật Công đức, P.32 Thọ lạc vô cực, P.33 Khuyến dụ sách tấn, P.34 Tâm đắc khai minh, P.35 Trục thế ác khổ, P.36 Trùng trùng hồi miễn, P.37 Như bản đắc bảo, P.38 Lễ Phật hiện quang, P.39 Từ Thị thuật kiến, P.40 Biên địa nghi thành, P.41 Hoặc tận kiến Phật, P.42 Bồ-tát vãng sanh, P.43 Phi thị Tiểu thừa, P.44 Thọ Bồ-đề ký, P.45 Độc lưu thử Kinh, P.46 Cần tu kiên trì, P.47 Phước huệ thí khai, P.48 Văn Kinh hoạch ích.

137. ĐẠI VIÊN GIÁC KINH

Hán dịch: *Sa-môn Phật-đà-đa-la*

Dịch-giảng: *HT. Minh Trục (1895-1976)*

Thiền Tịnh Đạo tràng-Phật Bửu tự Tổ đình (Sài Gòn), ấn hành năm 1972

Kinh có khổ 14.5 x 20.5cm, có 142 trang, bìa mềm. Toàn bộ tác phẩm Kinh này gồm có 2 quyển: Lời tựa, Viên Giác khai tâm kệ, các phẩm: Quyển thượng, P. Văn Thù Bồ-tát, P. Phổ Hiền Bồ-tát, P. Phổ Nhãn Bồ-tát, P. Kim Cang Tạng Bồ-tát, P. Di-Lặc Bồ-tát; Quyển hạ, P. Thanh Tịnh Huệ Bồ-tát, P. Oai Đức Tự Tại Bồ-tát, P. Biện Âm Bồ-tát, P. Tịnh Chư Nghiệp Chướng Bồ-tát, P. Phổ Giác Bồ-tát, P. Viên Giác Bồ-tát, P. Hiền Thiện Thủ Bồ-tát; Phần giải nghĩa, Định tâm chơn ngôn, Thiền đạo biệt truyền.

Bản Kinh này được tái bản năm 2002, Nxb Tôn Giáo.

138. ĐẠI Ý KINH PHÁP HOA

Soạn giả: *HT. Thích Thanh Kiểm (1921-2000)*

THPG Tp. Hồ Chí Minh ấn hành, PL. 2534 – DL. 1990

Nội dung gồm có: Lời nói đầu, I. *Đại ý Kinh Pháp Hoa*, Phiên dịch và nguyên bản, Lưu truyền và chú thích, Pháp Hoa Tam đại bộ, Nhất Tâm tam quán, Ngũ Trưng Huyền nghĩa, Đề hiệu đủ và lược, Nơi chốn nói Kinh, Pháp Hoa tam bộ, Bốn trùng-Ba phần, Tổng khoa Kinh Pháp Hoa, Diêu Tần Tam Tạng Pháp sư Cưu-ma-la-thập dịch; II. *Nội dung Kinh Pháp Hoa*, P. Tựa thứ nhất, P. Phương tiện thứ hai, P. Thí dụ thứ ba, P. Tín giải thứ tư, P. Dược thảo dụ thứ năm, P. Thọ ký thứ sáu, P. Hóa thành dụ thứ bảy, P. Ngũ bách đệ tử thứ tám, P. Thọ học vô học nhân ký thứ chín, P. Pháp sư thứ mười, P. Hiện bảo tháp thứ 11, P. Đề-bà-đạt-đa thứ 12, P.

Khuyến trì thứ 13, P. An lạc hạnh thứ 14, P. Tùng địa dũng xuất thứ 15, P. Như Lai thọ lượng thứ 16, P. Phân biệt công đức thứ 17, P. Tùy hỷ công đức thứ 18, P. Pháp sư công đức thứ 19, P. Thường Bất Khinh Bồ-tát thứ 20, P. Như Lai thần lực thứ 21, P. Chúc lụy thứ 22, P. Dược vương Bồ-tát bản sự thứ 23, P. Diệu Âm Bồ-tát thứ 24, P. Quan Thế Âm Bồ-tát Phổ Môn thứ 25, P. Đà-la-ni thứ 26, P. Diệu Trang Nghiêm vương Bản sự thứ 27, P. Phổ Hiền Bồ-tát khuyến phát thứ 28.

139. ĐẠI Ý BA KINH MỘT LUẬN TỊNH ĐỘ

Nguyên tác: *Pháp sư Huệ Tịnh*

Viết dịch: *Nhuận Hà*; Hiệu đính: *Định Huệ*

Công Ty Sách Thời Đại - Nxb Hồng Đức – 2016

Sách có khổ 14.5 x 20.5cm, dày 354 trang, bìa cứng.

Kết cấu nội dung gồm có 5 phần: Lời giới thiệu, Lời tựa; Phần I. Đại ý Kinh Vô Lượng Thọ, 1. Tựa thuyết, 2. Chánh thuyết, 3. Tổng kết; Phần II. Đại ý Kinh Quán Vô Lượng Thọ, 1. Tựa thuyết, 2. Chánh thuyết, 3. Tổng kết; Phần III. Đại ý Kinh A-di-đà, 1. Tựa thuyết, 2. Chánh thuyết, 3. Tổng kết; Phần IV. Đại ý Vãng Sanh Luận chú, 1. Tựa thuyết, 2. Chánh thuyết, 3. Tổng kết; Phần V. Hỏi đáp về niệm Phật, 1. Liên quan đến Tín tâm và Niệm Phật, 2. Sự giải thích có liên quan đến lời giải thích trong Kinh, 3. Giải thích những hoài nghi thông thường.

140. ĐÀN KINH (BẢN ĐÔN HOÀNG) NGHE LỤC TỔ HUỆ NẴNG GIẢNG THIỀN

Biên soạn: *Thiền sư Đan Thanh*

Dịch: *An sỹ Chu Tước*

Nxb Thời Đại – 2011. Kinh có khổ 19 x 27cm, dày hơn 284 trang, bìa cứng.

Tác phẩm Kinh này gồm có 9 chương. Phần đầu là Lời nói đầu; *C.I, Đản Kinh với Phật giáo: Thiên tông Trung Quốc*, 1. Đản Kinh: Tiêu chí Trung Quốc hóa Phật giáo, 2. Lập đề của Đản Kinh: 7 loại lập đề của Kinh Phật, 3. Ý nghĩa của Đản Kinh: Trục chỉ nhân tâm-kiến tánh thành Phật, 4. Lịch sử Thiên tông: Thiên tông kể từ Bồ-đề Đạt-ma, 5. Từ Kinh Lăng-già đến Đản Kinh: Những diễn biến của Kinh điển Thiên tông, 6. Đản Kinh với Thiên tông: Đản Kinh là Kinh điển căn bản nhất của Thiên tông, 7. Phật giáo mang bản sắc Trung Quốc: Sự cải tạo của Đản Kinh đối với Phật giáo, 8. Tự viện của Thiên tông: Chế độ tụng lâm, 9. Ảnh hưởng của Thiên tông với mỹ học: Từ chân thực đến không minh, 10. Ảnh hưởng của Thiên tông với học thuật truyền thống: Hợp lưu của Nho Phật Đạo, 11. Công án của Thiên tông: Mâu thuẫn không thể nói; *C.II, Lý luận trung tâm của Thiên tông*: 1. Mục đích cuối cùng của Phật giáo: Niết-bàn, 2. Quan niệm về Niết-bàn của Thiên tông: Chứng đắc bản lai diện mục chính là Niết-bàn, 3. Phương pháp biện chứng của Thiên tông: Phiền não tức Bồ-đề, 4. Khái niệm trung tâm của Thiên tông: Tự tính, 5. Quan niệm về Giới-Định-Tuệ của Thiên tông: Chính định Tam-muội, 6. Phật tính không có phân biệt: Tự tính Bát-nhã, 7. Tâm thanh tịnh tức là Tâm Phật: Tức tâm tức Phật, 8. Nhận thức của chúng sinh đối với ngoại cảnh: Mười tám giới, 9. Thế giới trong mắt chúng sinh: Tướng, 10. Căn nguyên của phiền não: Ngã chấp, 11. Cảnh tỉnh với người mê muội: Các phương pháp khai ngộ trong Thiên tông; *C.III, Từ bản thân quan sát trần duyên nhân quả của chúng sinh: Quá trình thành Phật của Lục Tổ Huệ Năng*, 1. Dịch nghĩa tên Kinh: Xuất xứ và nội hàm của Đản Kinh, 2. Lục Tổ Huệ Năng thiết đàn giảng Kinh: Hồi

tướng lại pháp hội, 3. Mở đầu của Đản Kinh: Nghi thức tịnh tâm, 4. Kết duyên với Đức Phật: Lục Tổ Huệ Năng và Kim Cương Kinh, 5. Lục Tổ Huệ Năng và Ngũ Tổ Hoằng Nhãn: Ấn chứng khai ngộ, 6. Mục đích của Phật giáo Đại thừa: Duy cầu thành Phật, 7. Nhận thức của Thiên tông về nhân tính và Phật tính: Phật tính không có Nam Bắc, 8. Tiệm ngộ trong tu hành: Thời thời thường lau quét, 9. Trở về tâm tính thanh tịnh vốn có của mình: Bồ-đề bản vô thụ, 10. Ngũ Tổ truyền thụ y bát: Huệ Năng trở thành Tổ sư đời thứ sáu, 11. Lục Tổ hoằng pháp tại phương Nam: Lục Tổ đi về phương Nam; *C.IV, Sám hối và Quy y: Chuẩn bị trước khi tiến vào cảnh giới đốn ngộ*, 1. Cuộc sống và tu hành quán thông như một: Nhất hành Tam-muội, 2. Đạt đến trạng thái hư tâm viên dung: Nhất tướng Tam-muội, 3. Trạng thái chuyên chú không tán không loạn: Thiên định, 4. Quan niệm về tọa thiền của Thiên tông: Tâm niệm bất khởi, tự tính bất động, 5. Phật tính có đầy đủ trong tự tính: Tự tính tam thân Phật, 6. Quan niệm về trì giới của Thiên tông: Tự tính Ngũ phần pháp thân hương, 7. Tinh thần Bồ-tát Đại thừa: Tứ hoằng thệ nguyện, 8. Hàm nghĩa của Sám hối: Ấn nãn lỗi trước, từ bỏ lỗi sau, 9. Phép sám hối của Thiên tông: Vô tướng sám hối, 10. Bắt đầu tiến nhập vào Phật môn: Quy y tự tính Tam bảo; *C.V, Tự thức tỉnh tác Bát-nhã: Con đường tắt yếu để thông đạt trí tuệ vô thượng*, 1. Con đường tắt yếu để giác ngộ thành Phật: Đại pháp Bát-nhã, 2. Nội hàm của Bát-nhã là gì? Ma-ha Bát-nhã Ba-la-mật, 3. Thực tiễn của phép Bát-nhã: Hành Bát-nhã hạnh, 4. Kinh điển tắt yếu phải tụng để chứng ngộ: Được Bát-nhã tự tính “Kim Cương Kinh”, 5. Phật pháp tối thượng thừa trong mắt Huệ Năng: Lại luận về tự tính Bát-nhã, 6. Sự khác nhau giữa Phật và chúng sinh:

Chỉ ở mê ngộ, không ở sinh tử, 7. Phật pháp tùy duyên theo căn cơ của chúng sinh: Pháp tùy theo cơ trí của con người mà định, 8. Trở về với nơi sâu thẳm của tâm linh: Quan tâm kiến tính, 9. Bậc trí giả dẫn dắt chúng sinh giác ngộ bản tính: Đại thiện tri thức, 10. Cảnh giới thông đạt của phép đốn ngộ: Nhất tâm vô niệm, 11. Tổng kết về giảng Kinh: Huệ Năng truyền bá “vô tướng tụng”, 12. Đại sư Huệ Năng trả lời sứ quân: Phúc đức không giống với công đức; *C.VI, Hễ tâm thanh tịnh là Tây Phương: Con đường độc đạo đốn ngộ thành Phật*, 1. Niệm Phật có thể vãng sinh ở Tây phương Cực lạc được không? Tự tâm thanh tịnh tức thấy Tây phương, 2. Phá trừ đối với ngã chấp: Không phân biệt người-ta tức Tu-di sẽ đổ, 3. Không hướng ra bên ngoài để truy cầu: Con đường thành Phật của bản thân, 4. Phá trừ niệm tướng đối với sự vật: Vô niệm là Tông, 5. Nhận thức về không tính của sự vật: Vô tướng là thể, 6. Trừ bỏ sự chấp trước đối với sự vật: Vô trú là gốc, 7. Chấp trước của phàm phu và nhị thừa: Bát điên đảo, 8. Con đường kỳ diệu để tiêu diệt tham sân si: Nội chiếu tâm tính, Tam độc lập tức bị diệt trừ, 9. Tại gia cũng có thể thành Phật: Tu hành của cư sĩ, 10. Điển phạm của cư sĩ tại gia: Duy-ma-cật, 11. Phật pháp tại thế gian: Huệ Năng một lần nữa khai thị “Vô tướng tụng”; *C.VII, Tiệm ngộ và Đốn ngộ: Khai thị của Lục Tổ đối với đệ tử*, 1. Nam tông và Bắc tông: Sự phân hóa Nam Bắc của Thiền tông, 2. Sự khác biệt của ngộ đạo: Nhân tính có lợi độn-tu trì có tiệm đốn, 3. Nguồn gốc của Đốn ngộ thành Phật: Định Huệ song hành, 4. Khai thị cho Chí Thành: Xác lập Giới-Định-Tuệ, 5. Pháp Đạt khai ngộ: Tâm ngộ chuyển Pháp Hoa, 6. Đả phá sự chấp trước đối văn tự: Không lập văn tự, 7. Trí Thường vấn đạo: Hàm nghĩa tinh túy của Phật pháp tối thượng thừa, 8.

Thần Hội vấn đạo: Trí tuệ thấy hay không thấy? 9. Trình bày cụ thể hơn đối với tất cả các pháp: Pháp môn tam khoa, 10. Mối tương quan của các pháp: 36 pháp đối, 11. Trí tuệ trong câu trả lời: Phương pháp hành trì Trung đạo; *C.VIII, Căn dặn: Lục Tổ hoằng pháp trước khi nhập tịch*, 1. Căn dặn đệ tử định giáo: Phê bình của Thần Hội đối với Bắc tông, 2. Nhấn mạnh thêm tôn chỉ chủ yếu của Thiền tông: Tự tâm là Phật, 3. Bài kệ trước khi nhập diệt: Tự tính kiến chân Phật, 4. Cách nhìn của Thiền tông đối với sinh tử: Tính vô sinh diệt, 5. Chứng đắc Phật quả vô thượng: Lục Tổ nhập diệt, 6. Truyền thừa Phật pháp Thiền tông: Phật Tổ truyền pháp thống, 7. Từ Đạt-ma đến Huệ Năng: Nhất hoa ngũ điệp, 8. Thiền tông sau đời Lục Tổ: Y bát vô hình; *C.IX, Lưu truyền: Ảnh hưởng của Thiền tông đối với hậu thế*, 1. Thiền và thi ca: Thiền không lời, sâu xa tự tại, 2. Vương Duy và Tô Thức: vừa là thơ vừa là thiền, 3. Quan niệm nghệ thuật: Thiền tông và mỹ học cổ điển Trung Quốc, 4. Thiền và họa: Phong cốt thiên cảnh, 5. Thiền và trà: Trà thiền nhất vị, 6. Thiền và võ: Thiền Võ đồng nguyên, thiền quyền duy nhất, 7. Thiền Nhật Bản: Kế thừa và phát triển.

141. ĐÀN KINH CỦA LỤC TỔ - Giảng Ký

Giảng thuật: *Pháp sư Tịnh Không*

Việt dịch: *Nhật Chiếu*

Nxb Hồng Đức – 2014. Sách có khổ 14.5 x 20.5cm, dày hơn 413 trang.

Nội dung gồm có 10 phẩm chính: Lời người dịch, Lời nói đầu, Đề Kinh, Đại ý của Kinh, P.1 Ngộ pháp truyền y, P.2 Giải thích về Công đức của Tịnh độ, P.3 Định và Tuệ là một thể, P.4 Dạy truyền ngôi Thiền, P.5 Truyền hương Sám hối, P.6 Cơ duyên Tham tỉnh, P.7 Nam đốn Bắc tiệm,

P.8 Triều đại nhà Đường ban chiếu mời,
P.9 Chỉ dạy pháp môn hai nghĩa đối nhau,
P.10 Phó chúc Lưu thông; Chánh văn bản
chữ Hán, Bản Việt dịch đối chiếu Hán
văn.

142. ĐẠO BỤT NGUYÊN CHẤT (KINH NGHĨA TỨC)

Hán dịch: *Cư sĩ Chi Khiêm*

Biên dịch và giảng giải: *Thích Nhất Hạnh*
Nxb Hồng Đức – 2017. Sách có khổ 13 x
21cm, dày 343 trang, bìa mềm.

Toàn bộ tác phẩm này gồm có 2 phần, 16
Kinh: - Lời tựa Sách Đạo Bụt nguyên
chất; Phần I. 1. Kinh Nhiếp phục tham
dục, 2. Kinh Hang động ái dục, 3. Kinh
Buông bỏ Sở tri và Ngôn từ, 4. Kinh
Buông bỏ Sở lạc và Nhiễm tịnh, 5. Kinh
Sự thật đích thực, 6. Kinh Buông bỏ Ân ái,
7. Kinh Xa lìa Ái dục, 8. Kinh Buông bỏ
Ý muốn hơn thua, 9. Kinh Nhân cách của
một vị Mâu-ni, 10. Kinh Đạo lý Duyên
khởi, 11. Kinh Chấm dứt tranh cãi, 12.
Kinh Buông bỏ nắm bắt, 13. Kinh Công
phu Thực tập căn bản, 14. Kinh Phòng hộ,
15. Kinh Vị Mâu-ni thành đạt, 16. Kinh
Chuyển hóa bạo động và sợ hãi; Phần II.
(Giảng giải Kinh): - Kinh vị Mâu-ni thành
đạt, - Kinh Xa lìa Ái dục, - Kinh Chuyển
hóa bạo động và sợ hãi.

*Tác phẩm này được tái bản nhiều lần:
Đạo tràng Mai Thôn ấn hành năm 2011;
Nxb Phương Đông.*

143. ĐẾN BỜ KIA – PÀRAYANAVAGGO – 4 Quyển Tạng Kinh – Kinh Tiểu Bộ

Cullaniddesapàli – Tiểu Xiển Minh
Việt dịch: *Tỳ-khưu Minh Đạt (Sư Chí
Thâm)*

Nxb Tôn Giáo, PL. 2560 – DL. 2016
Sách có khổ 14.5 x 20.5cm, cả bộ dày
1.527 trang.

Quyển I, Cullaniddesapàli – Tiểu Xiển
Minh, dày 367 trang, nội dung gồm 4
phần: Lời giới thiệu 1, Lời giới thiệu 2,
Phần Dẫn nhập (Kệ ngôn 1-56); Phần I.
Câu hỏi của Bà-la-môn Ajita Punnaka (Kệ
ngôn 57-99); Phần II. Câu hỏi của Bà-la-
môn Ajita Punnaka (Kệ ngôn 100-115);
Phần III. Câu hỏi của Bà-la-môn Ajita
Punnaka (Kệ ngôn 116-145);

Quyển II, Cullaniddesapàli – Tiểu Xiển
Minh, dày 423 trang, nội dung gồm có:
Phần IV. Câu hỏi của Bà-la-môn Metag ù
(Kệ ngôn 146-202); Phần V. Câu hỏi của
Bà-la-môn Dhotaka (Kệ ngôn 203-241);
Phần VI. Câu hỏi của Bà-la-môn Upasiva
(Kệ ngôn 242-280); Phần VII. Câu hỏi của
Bà-la-môn Nanda (Kệ ngôn 281-323);
Phần VIII. Câu hỏi của Bà-la-môn
Hemaka (Phật ngôn 324-345); Phần IX.
Câu hỏi của Bà-la-môn Todeyya (Kệ ngôn
346-366); Phần X. Câu hỏi của Bà-la-môn
Kappa (Kệ ngôn 367-387);

Quyển III, Cullaniddesapàli – Tiểu Xiển
Minh, dày 308 trang. Nội dung gồm có:
Phần XI. Câu hỏi của Bà-la-môn... (Kệ
ngôn 388-412); Phần XII. Câu hỏi của Bà-
la-môn... (Kệ ngôn 413-431); Phần XIII.
Câu hỏi của Bà-la-môn... (Kệ ngôn 432-
466); Phần XIV. Câu hỏi của Bà-la-môn...
(Kệ ngôn 467-487); Phần XV. Câu hỏi của
Bà-la-môn... (Kệ ngôn 488-510); Phần
XVI. Câu hỏi của Bà-la-môn... (Kệ ngôn
511-581); Tổng kết của 18 Bà-la-môn (Kệ
ngôn 582-662);

Quyển IV, Kinh Tê Nguu –
Khaggavisànasutto, dày 429 trang. Nội
dung gồm có 4 phẩm: Phần Xiển thuật
Kinh Tê Nguu, P.1 Kệ ngôn 663-700; P.2
Kệ ngôn 701-738; P.3 Kệ ngôn 739-779;
P.4 Kệ ngôn 780-821.

144. ĐỊA TẠNG BỒ-TÁT BỒN NGUYÊN KINH

Việt dịch và giảng: *Thích Vĩnh Hóa*
 Lư Sơn tự, 7509 Mooney Drive,
 Rosemead, CA 91770, USA, xuất bản lần
 thứ nhất. Toàn bộ tác phẩm Kinh này dày
 584 trang, có 13 phẩm (P), với nội dung
 gồm có: - Tựa Kinh, P.1 Thần thông tại
 cung Đạo Lợi, P.2 Thân phân hóa qui tụ
 lại, P.3 Quán sát nghiệp duyên chúng sinh,
 P.4 Nghiệp quả của chúng sinh Diêm-phù,
 P.5 Danh xưng địa ngục, P.6 Thế Tôn
 tuyên dương, P.7 Lợi ích người còn kẻ
 mất, P.8 Chúa tôi Diêm-la xung tụng, P.9
 Xung tụng danh hiệu chư Phật, P.10 Trắc
 lượng công đức bố thí, P.11 Thần đất hộ
 trì, P.12 Lợi ích của sự thấy nghe, P.13
 Thế Tôn ký thác.
 (<https://thuvienhoasen.org>, *Kinh*
Sanskrit/Hán tạng)

145. ĐỊA TẠNG BỒ-TÁT BỒN NGUYỆN KINH Giảng Ký

(Bộ 2 quyển)

Chủ giảng: *HT. Tịnh Không*

Giảng tại Tịnh Tông Học Hội Tân-gia-ba

Chuyên ngữ: *Nhóm Diệu Âm*

Printed in Taiwan (Đài Loan) (Printed for
 free distribution by The Corporate Body of
 the Buddha Educationl Foundation) –
 2017.

Kinh có khổ 19 x 27cm, tổng cộng 2
 quyển dày 1.199 trang, bìa cứng, nền màu
 đen, chữ mạ vàng. Nội dung gồm có 2
 quyển, 51 tập, 13 phẩm. *Quyển thượng*,
 gồm có 610 trang, được phân thành 25 tập,
 2 phần và 6 phẩm: Đôi lời bày tỏ, A.
 Duyên khởi, B. Giới thiệu đề Kinh, C.
 Phần Tựa; P.1 Thần thông trên cung trời
 Đạo Lợi, P.2 Phân thân tập hội, P.3 Quán
 nghiệp duyên chúng sanh, P.4 Nghiệp cảm
 của chúng sanh ở cõi Diêm phù, P.5 Danh
 hiệu của địa ngục, P.6 Như Lai tán thán.

Quyển hạ, dày 589 trang, với 26 tập (từ
 tập 26 – 51), 7 phẩm: P.7 Lợi ích cho kẻ
 còn người mất, P.8 Vua Diêm-la và quyền
 thuộc tán thán, P.9 Xưng danh hiệu chư
 Phật, P.10 Nhân duyên và so sánh công
 đức bố thí, P.11 Địa thần hộ pháp, P.12
 Thấy nghe được lợi ích, P.13 Dẫn dò cứu
 độ nhân thiên.

146. ĐỊA TẠNG KINH

Hán dịch: *Tam tạng Pháp sư Pháp Đăng*

Việt dịch: *Huyền Mặc Đạo Nhân và Đoàn*
Trung Còn

Phật học Tông thư xuất bản – 1949 (in lần
 đầu)

In tại Nhà in Hữu Duyên (Chợ Lớn), Giấy
 phép số 550/Pr ngày 31-3-1948. Kinh dày
 hơn 50 trang, bìa mềm, chữ tựa Kinh âm
 Hán-Việt màu đen, chữ Hán màu đỏ. Nội
 dung gồm có 3 quyển (Thượng-Trung-
 Hạ), 13 phẩm. Phần đầu là (Nghị thức
 tụng Kinh: Hương tán, Tụng chú,...), *Địa*
Tạng Bồ-tát Bồn nguyện Kinh, gồm Kinh
 văn chữ Hán, dịch âm; Phần sau là dịch
 nghĩa.

147. ĐỊA TẠNG MẬT NGHĨA

Hán dịch: *Tam tạng Pháp sư Pháp Đăng*
 (910-974)

Việt dịch: *Chánh Trí – Mai Thọ Truyền*
 (1905-1973)

THPG Tp. Hồ Chí Minh ấn hành PL. 2537
 – DL. 1993

Kinh có khổ 14 x 20cm, dày 203 trang, bìa
 mềm. Kết cấu Kinh này gồm có 3 quyển,
 13 phẩm. Phần đầu là Thay lời tựa, Lời
 dẫn; *Quyển thượng*, P.1. Phật hiển thần
 thông nơi cõi trời Đạo Lợi, P.2. Các phân
 thân hội về một chỗ, P.3. Xem xét nghiệp
 duyên của chúng sanh, P.4. Nghiệp cảm
 của chúng sanh cõi Diêm Phù; *Quyển*
trung, P.5. Danh hiệu của các địa ngục,
 P.6. Như Lai khen ngợi Địa Tạng, P.7. Sự

lợi ích cho kẻ chết người sống, P.8. Chúng Diêm-La khen ngợi, P.9. Pháp môn xưng danh; *Quyển hạ*, P.10. Hiệu lực và năng lượng của công đức bồ thí, P.11. Thần thông địa hộ vệ chánh pháp, P.12. Sự lợi ích của việc thấy nghe, P.13. Phật gọi gấm người, trời cho Địa Tạng.

Tác phẩm này đã xuất bản năm 1966, Giấy phép số 3575/TBTTCH/BC3/XB. Ngày 16-11-1966, Ấn quán Hòa Chánh.

148. ĐỘC NGŨ TÂM KINH (Bạch Ẩn bình Tâm Kinh)

Nguyên tác: *Dokugo Shingyō*; Tác giả: *Hakuin Ekaku*

Anh dịch: *Norman Waddell*; Việt dịch: *Đỗ Đình Đồng*

Tác phẩm này gồm có: - Lời người dịch, - Dẫn nhập của Dịch giả bản tiếng Anh; - Độc ngữ Tâm Kinh, Bản văn Tâm Kinh, Vài nét về tác giả, tác phẩm và dịch giả bản tiếng Anh; Thư mục. (<https://thuvienhoasen.org>, *Thiền-Tổ sư Thiền*)

149. ĐỨC PHẬT NÓI KINH HỒNG DANH LỄ SÁM

Việt dịch từ Tục Tạng Kinh (Ấn Độ soạn thuật)

HT. Thích Huyền Vi (1926-2005)

Tác phẩm Kinh này gồm có 10 quyển: - Lời nói đầu, Nghi thức tụng niệm; Q.I, Phần chú giải Q.I; Q.II, Phần chú giải Q.II; Q.III, Phần chú giải Q.III; Q.IV, Phần chú giải Q.IV; Q.V, Phần chú giải Q.V; Q.VI, Phần chú giải Q.VI; Q.VII, Phần chú giải Q.VII; Q.VIII, Phần chú giải Q.VIII; Q.IX, Phần chú giải Q.IX; Q.X, Phần chú giải Quyển X; Phần phụ lục. (www.quangduc.com, *Kinh*)

G

150. Giải Thích KINH A-DI-ĐÀ

Nguyên tác Hán văn: *Đại sư Khuy Cơ soạn*

Việt dịch: *Tỳ-kheo Thích Nguyên Chơn*

Nxb Hồng Đức – 2016

Kinh có khổ 14.5 x 20.5cm, dày hơn 127 trang, bìa mềm. Nội dung gồm có: Đại sư Khuy Cơ (632-682), Giải thích *Kinh A-di-đà* (A-di-đà Kinh sớ), I. Thân Phật, II. Cõi nước, III. Bất thoái chuyển, IV. Chỉ ca ngợi Tịnh độ Tây phương, V. Thế tính, VI. Bộ loại Tông chỉ, VII. Phân đoạn và giải thích văn nghĩa; Bạt; Kinh A-di-đà Cổ âm thanh Vương Đà-la-ni.

151. Giải Thích KINH QUÁN VÔ LƯỢNG THỌ PHẬT

(Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh Nghĩa Sớ)

Ban Dịch thuật Hán tạng

Nguyên tác: *Nguyên Chiếu*

Dịch và chú thích: *Chính Trang – Giác Vân*

Hiệu đính: *Thích Nguyên Chơn*

Nxb Tôn Giáo – 2009. Kinh có khổ 14 x 20cm, dày 271 trang. Tác phẩm này có 3 quyển, nội dung gồm: Qui định chữ viết tắt, Lời tựa, Tiêu sử tác giả; *Quyển thượng*: Phần nghĩa môn, I, Lý do nhập giáo, 1. Lý do về một đời lập giáo, 2. Nêu riêng lý do lập giáo; II, Phạm vi giáo nghĩa thâm nhiếp, 1. Nói về sự lập giáo thuận và tạp ở hai cõi, 2. Phân biệt đại-tiểu-tiêm-đốn, 3. Phân biệt liễu nghĩa và bất liễu nghĩa; III, Luận về tông chỉ, 1. Xác định tông chỉ của Kinh, 2. Trình bày sự lý, 3. Phân biệt pháp quán không đồng nhau, 4. Phân biệt dị đồng (1. Trình bày về chung

và riêng của báo thân và báo độ; 2. Luận về việc phá bỏ và kiến lập của các thuyết xưa nay); *Quyển trung*: A. Phân tự, I. Chứng tín tự, II. Phát khởi tự (1. A-xà-thế giam tù cha, 2. A-xà-thế muốn hại mẹ); B. Phân chánh tông, I. Phóng ánh sáng hiện các quốc độ thẩm định cơ nghi, II. Chính thức nói chánh nhân pháp quán tịnh nghiệp (1. Đức Như Lai hứa khả, 2. Chỉ dạy: các pháp quán: Một, Quán mặt trời lặn; Hai, Quán nước; Ba, Quán đất; Bốn, Quán cây; Năm, Quán ao); *Quyển hạ*: Pháp quán Sáu, Quán tổng quát; Bảy, Quán tòa hoa; Tám, Quán tượng; Chín, Quán Phật; Mười, Quán Bồ-tát Quán Âm; Mười một, Quán Bồ-tát Đại Thế Chí; Mười hai, Phổ quán; Mười ba, Tạp quán; Mười bốn, Quán ba phẩm bậc Thượng; Mười lăm, Quán ba phẩm bậc Trung; Mười sáu, Quán ba phẩm bậc Hạ; III. Lợi ích (1. Chúng đương cơ thấy sự trang nghiêm của y, chánh báo ở cõi kia; 2. Tùy căn cơ mà đạt được lợi ích); C. Phần lưu thông: 1. Phó chúc lưu thông tại thâm cung, 2. Chuyển thuyết lưu thông ở Kỳ-xà; Lời bạt.

152. Giảng Giải BÁT-NHÃ TÂM KINH

Giảng giải: *Tỳ-kheo Thích Tuệ Hải*
Nxb Tôn Giáo, PL. 2563 – DL. 2019 (tái bản lần 2)

Kinh có khổ 16 x 24cm, có 185 trang, bìa cứng, chữ tựa mạ vàng, có hình tượng Đức Phật (bán thân) một tay kiết ấn và một tay bưng bảo tháp (nhỏ). Kết cấu tác phẩm này gồm có 6 mục chính: 1. Lời tựa, 2. Chánh văn Bát-nhã Tâm kinh, 3. Ý nghĩa Bát-nhã Tâm kinh, 4. Giải thích tựa kinh, 5. Giải nghĩa chánh văn Bát-nhã Tâm kinh (- Năm uẩn, - Hành thâm Bát-nhã, - Ngũ uẩn đều không liên qua hết thảy khổ ách, - Muốn ngũ uẩn giai không phải có thiện

căn phước đức nhân duyên lớn, - Cảnh giới ngũ uẩn giai không, - Sắc và không đều là Bát-nhã, - Bát-nhã là từng khoảnh khắc mới mẻ hiện tiền, - Bát-nhã ly tất cả tướng, tức tất cả pháp), 6. Kết luận.

153. Giảng giải KINH BẢO TÍCH

Tuệ Chung Nhóm Nghiên cứu & Dịch thuật Phật học

Giảng giải: *HT. Ân Thuận (1906-2005)*

Việt dịch: *Hạnh Bình và Quán Như*

Nxb Phương Đông – 2011

Tác phẩm *Kinh giảng giải* này có 296 trang, bìa mềm. Nội dung gồm: - Lời nói đầu; 1. Đối chiếu “Kinh Đại Bảo Tích” và “Kinh Bảo Tích”, 2. Vấn đề phiên dịch bản Kinh Bảo Tích cổ, 3. Ý nghĩa tên Kinh, 4. Đại ý Kinh Đại Bảo Tích; Phần giải thích: Phần tựa, *I. Bồ-tát đạo*, 1. Bồ-tát đạo, 1.1 Phân biệt hành tướng của Bồ-tát, 1.2 Không mất tâm Bồ-đề, 1.3 Tăng trưởng thiện pháp, 1.4 Trục tâm, 1.5 Thiệt xảo điều thuận, 1.6 Chánh đạo, 1.7 Thiệt tri thức, 1.8 Chơn thật Bồ-tát; 2. Sự lợi ích của chánh hành, 2.1 Thành tựu đại tang, 2.2 Vượt qua chuyện ma, 2.3 Thu nhiếp thiện căn, 2.4 Phước đức trang nghiêm; 3. Thành tựu chánh hành, 4. Tán thán công đức Bồ-tát; *II. Tu tập Trung quán*: 1. Thuyết minh Chánh quán, 2. Quán ngã không, 3. Quán pháp không, 4. Quán chẳng phải ngã chẳng phải vô ngã, 5. Quán tâm chẳng phải thật chẳng phải không thật, 6. Quán chẳng có chẳng không, 7. Quán duyên khởi, 8. Loại trừ kiến chấp, 9. Năng quán Sở quán đều không, 10. Công đức quảng đại, 11. Trí tuệ quảng đại, 12. Chung tánh tôn quý thù thắng, 13. Thiệt long Phật chủng, 14. Nhân thiên lễ kính; *III. Thực hiện sự nghiệp giáo hóa*, 1. Tất cánh trí được đối trị, 2. Xuất thế trí được đối trị, 2.1 Quán tổng quát về pháp tánh không, 2.2 Quán

tâm vô tánh, 2.3 Vô tánh tức là tánh, 2.4 Trừ bỏ các tướng; *IV, Thanh văn đạo*, 1. Việc nên và không nên làm của Tỳ-kheo (Tăng thượng giới học, Tăng thượng tâm học, Tăng thượng tuệ học); 2. Nên xa lìa tám loại lỗi lầm (Tâm bất tịnh, Sự cột chặt, Chương ngại, Cấu uế, Mưa đá, Ghê nhột, Thiêu đốt, Bệnh tật); 3. Sa-môn khéo và không khéo tu học: Hình phục Sa-môn, Khi dối Sa-môn, Danh văn Sa-môn, Thực hành Sa-môn; 4. Nên tu tập như Thực hành Sa-môn, 5. Thiện tịnh bất thiện tịnh trì giới, 6. Đương cơ đạt lợi ích, 7. Thiện xảo giảng dạy, 8. Thọ lãnh lời dạy đạt được giải thoát, 9. Mật thuyết; *V. Phần lưu thông*.

154. Giảng giải KINH BÁT-NHÃ

Viện Nghiên Cứu Phật học Việt Nam – Trung tâm Phật học Hán truyền

Giảng giải: *HT. Ân Thuận (1906-2005)*

Việt dịch: *Hạnh Bình và Quán Như*

Nxb Phương Đông – 2010. Tác phẩm Giảng giải Kinh này có 302 trang, nội dung gồm có 3 phần chính: - Lời nói đầu; I. Tổng luận, 1. Giải thích tựa đề Kinh, 2. Nội dung chính của Kinh, 3. Lược thuật về quá trình truyền dịch; II. Phần giải thích: 1. Phần tựa, 2. Lời tựa chứng tín, 3. Lời tựa phát khởi, 4. Phần nội dung, 5. Thứ lớp của Bát-nhã; Lời cầu thỉnh, 1. Thế Tôn chấp nhận giảng dạy, 2. Phát tâm Bồ-đề, 3. Hàng phục tâm, 4. Minh tâm Bồ-đề; Lìa tướng để thấy pháp thân, Thực hành lâu sẽ có niềm tin, 5. Đầy đủ giới và tuệ, 6. Tu tập căn lành lâu dài, 7. Chư Phật hộ trì, 8. Ba tướng đều tịch tĩnh, 9. Thánh hiền đều chứng pháp vô vi; Lấy Như Lai làm chứng, So sánh công đức, Lấy Thanh văn làm chứng, Lấy Bồ-tát làm chứng, (Được vô sanh pháp nhẫn, Trang nghiêm thanh tịnh cõi Phật, Thành tựu pháp thân, Công

đức trì kinh nhiều hơn công đức bố thí vật chất); 10. Khuyến khích trì Kinh: Pháp giáo hóa lìa ngôn ngữ, Nơi giáo hóa không thật, Người giáo hóa vô tướng, Công đức trì Kinh nhiều hơn công đức bố thí thân mạng; 11. Tán thán Công đức Thọ trì: Tán thán giáo pháp sâu xa, Tán thán người có niềm tin; 12. Như Lai tán thán Công đức thù thắng và khuyến khích thực hành: Tán thán tổng quát, Khuyến khích tu hạnh nhẫn nhục, Lời khuyên chơn thật của Như Lai, Công đức trì Kinh nhiều hơn công đức bố thí, Hiện bày sự thù thắng, Điều tôn thắng ở thế gian, Sự thù thắng của pháp chuyển hóa diệt trừ tội nghiệp, So sánh công đức, Tổng kết tán thán công đức không thể nghĩ lường; 13. Trình tự của Phương tiện đạo: Chỉ bày theo trình tự, Minh tâm Bồ-đề, Chơn chánh phát tâm Bồ-đề, Chứng quả Bồ-đề, Xuất đạo Bồ-đề, Thành tựu pháp thân, Thành thực chứng sanh, Trang nghiêm cõi Phật, Cứu cánh Bồ-đề, Tri kiến viên minh, Phước đức vô lượng, Thân tướng đầy đủ, Pháp âm biến mãn, Tín chúng thù thắng, Thành tựu chánh giác, So sánh công đức, Sự nghiệp thị hiện hóa thân, Giáo hóa phạm phu, Thân tướng hóa hiện, So sánh công đức, Oai nghi, Nơi giáo hóa là Đại thiên thế giới, Thế giới, Nói về vô ngã; 14. Khuyến khích phát tâm thọ trì: Nói rõ pháp lìa tướng, Nên thọ trì từng thuyết giảng, Tổng kết chánh quán; III. Phần lưu thông: Giảng giải Tâm Kinh Bát-nhã Ba-la-mật-đa: 1. Tổng luận, 2. Giải thích đề Kinh; Ba-la-mật-đa, Bát-nhã Ba-la-mật-đa, Tâm Kinh Bát-nhã Ba-la-mật-đa, 2. Giới thiệu tác giả dịch Kinh này, 3. Phần giải thích, 4. Tông chỉ, 5. Quán 5 uẩn đều không, 6. Rời tướng chứng tánh, 7. Quán 12 xứ là không, 8. Quán 18 giới là không, 9. Quán 12 nhân duyên là không, 10. Quán Tứ đế là không, 11. Không có sở đắc, 12. Thành

tự Niết-bàn – quả vị của Tam thừa, 13. Quả vị Bồ-đề - quả vị của Như Lai, 14. Tán thán công đức Bát-nhã, 15. Phương pháp tu tập cho người đốn căn.

Tác phẩm này được tái bản năm 2014, Nxb Phương Đông.

155. Giảng giải KINH DUY-MA-CẬT

Giảng giải: *Lê Sỹ Minh Tùng*

Tác phẩm Kinh giảng giải này gồm có 14 phẩm chính: - Lời nói đầu (PL. 2552 – DL. 2008), - Lời giới thiệu, - Tiểu sử Pháp sư Cưu-ma-la-thập; P.1 Phật quốc, P.2 Phương tiện, P.3 Đệ tử (hàng Thanh văn), P.4 Bồ-tát, P.5 Văn-thù-sư-lợi, P.6 Bất tư nghi, P.7 Quán chúng sinh, P.8 Phật đạo, P.9 Nhập pháp môn không hai, P.10 Phật Hương Tích, P.11 Hạnh Bồ-tát, P.12 Thấy Phật A-súc, P.13 Pháp cúng dường, P.14 Chúc lụy. (<https://thuvienhoasen.org>, *Kinh-Giảng giải Kinh*)

156. Giảng Giải KINH ĐẠI THỪA VÔ LƯỢNG THỌ Toàn Tập

(Đức Phật Nói Kinh Đại Thừa Vô Lượng Thọ Trang Nghiêm

Thanh Tịnh Bình Đăng Giác)

Việt dịch: *Thích Nhật Chiêu*

Nxb Tôn Giáo, PL. 2548 – DL. 2004

Kinh có khổ 14.5 x 20.5cm, dày hơn 963 trang. Nội dung gồm có 4 quyển, 48 phẩm: Lời người dịch, Lời tựa; *Q.I*, Một. Lời nói đầu; Hai. Khái yếu; 1. Nhân duyên giáo pháp phát sinh, 2. Thể tính của Kinh này, 3. Tông thú của một Kinh, 4. Lực dụng của phương tiện, 5. Bao trùm các căn khí, 6. Tạng giáo của Kinh này, 7. Bộ loại sai biệt, 8. Dịch hội hiệu thích; Ba. Giải thích nghĩa Kinh: Thứ nhất. *Phần Tựa*, I. Tựa chung, P.1 Thánh chúng trong pháp hội, P.2 Đức theo Phổ Hiền, II. Tựa riêng, P.3 Duyên khởi của Đại giáo, *Q.II*, Thứ hai. Phần Chánh tông, P.4 Nhân địa của Pháp

Tạng, P.5 Chí tâm tinh tấn, P.6 Phát thệ nguyện lớn, P.7 Nhất định thành chánh giáo, P.8 Tích lũy công đức, P.9 Sự thành tựu viên mãn, P.10 Điều nguyện thành Phật; *Q.III*, P.11 Cõi nước nghiêm tịnh, P.12 Hào quang chiếu khắp, P.13 Chúng sống lâu vô lượng, P.14 Cây báu khắp nước, P.15 Đạo tràng Bồ-đề, P.16 Nhà cửa lầu quán, P.17 Công đức của suối ao, P.18 Việc vượt đời hiểm có, P.19 Thọ dụng đầy đủ, P.20 Gió đức mưa hoa, P.21 Phật và hào quang trong hoa sen báu, P.22 Quyết chứng cực quả, P.23 Mười phương Phật khen ngợi, P.24 Ba bậc vãng sanh, P.25 Chánh nhân vãng sanh, P.26 Lễ cúng nghe pháp, P.27 Ca ngợi đức của Phật, P.28 Thần thông sáng ngời của Đại sĩ, P.29 Nguyện lực sâu rộng; *Q.IV*, P.30 Bồ-tát tu trì, P.31 Công đức chân thật, P.32 Sống lâu và vui vô cùng, P.33 Khuyến dụ sách tấn, P.34 Tâm được mở sáng, P.35 Ác khổ ở đời ô trược, P.36 Dạy bảo khuyến khích rất nhiều, P.37 Như người nghèo được của báu, P.38 Lễ Phật và thấy Phật hiện hào quang, P.39 Ngài Từ Thị thuật điều thấy được, P.40 Biên Địa Nghi Thành, P.41 Hết làm lần thì thấy Phật, P.42 Bồ-tát vãng sanh; *Phần Lưu thông*, P.43 Chẳng phải là Tiểu thừa, P.44 Nhận lời thọ ký giác ngộ, P.45 Riêng lưu lại Kinh này, P.46 Cần tu kiên trì, P.47 Phước tuệ mới nghe, P.48 Nghe Kinh được lợi ích; Bốn. Lời ghi sau khi chú giải; Năm. Lời ghi lại; Sáu. Phụ lục.

157. Giảng Giải KINH ĐỊA TẠNG BỒ-TÁT BỐN NGUYỆN

Giảng giải: *HT. Tịnh Không*

Việt dịch: *Tâm Phước*

Nxb Tôn Giáo – 2007. Kinh có khổ 14 x 20cm, dày 212 trang, bìa mềm.

Nội dung tác phẩm Kinh này gồm có: Lời nói đầu, A. Sơ lược giảng giải, Khải thị

kinh Địa Tạng Bồ-tát bốn nguyện; B. Đại ý kinh Địa Tạng: 1. *Sự thù thắng của kinh* (Chư Phật đến dự hội, Hết thầy đại viên mãn, Lục đại cương lĩnh tu hành Lục độ, Pháp môn rộng nhiếp thập pháp giới, Lợi ích y giáo phụng hành, Gương tu hành, Phân thân vô lượng chủ bạn viên dung), 2. *Đối tượng giáo học* (Pháp giới nhất thiết chúng sanh, Niệm Phật – âm dương đều được lợi, Pháp bảo vô lượng tiêu tai diệt tội – A-di-đà Phật, Lục đạo luân hồi chân thật không hư, Hàm nghĩa chân chánh của việc thi thết các Phật ngôn, Bình đẳng phổ hóa), 3. *Bồ-tát hóa độ chi duyên* (Pháp môn thù thắng, Đức Thế Tôn hai lần phóng quang, Khiến hết thầy chúng sanh chứng Niết-bàn lạc, Phổ Quảng thỉnh pháp, Kiến văn diệt tội, Đọc kinh cứu độ oan quỷ trối thân và bệnh nan y, Nên tu phước khi có bệnh nhân lâm chung, Khuyến gắng trì tụng, Dưỡng sinh tu định – Thập trai nhật, Chân tướng sự thật – “thiện dễ thối, ác dễ tăng”), 4. *Đạo thành Phật* (Niệm Phật, Niệm pháp, hộ pháp, Đức Phật ba lần phóng quang, Tăng bảo nối tiếp huệ mạng Phật pháp). - Lý luận và sự thật việc siêu độ, - Làm thế nào để siêu độ gia thân quyến thuộc, - Tinh yếu thập niệm pháp, - Đại sư Ấn Quang khai thị.

158. Giảng Giải KINH ĐOẠN GIẢM

Giảng giải: *Thiền sư Mahāsi Sayādaw*

Việt dịch: *Tỳ-kheo Pháp Thông*

Nxb Hồng Đức – 2013

Sách có khổ 14.5 x 20.5cm, dày hơn 475 trang, bìa cứng. Nội dung sơ lược gồm có: Giảng giải Kinh Đoạn Giảm, Câu hỏi của Trưởng lão Cunda, Những Quan niệm sai lầm về Atta, Thế giới luận thuyết, Câu trả lời của đức Phật, Năm uẩn hoạt động, Những phiền não tiềm tàng, Ngăn chặn phiền não... Nhờ thiền quán, “Cái này không phải là Tôi”, Quán như thế nào...

diệt tà kiến, Sơ thiền và ngã mạn, Những thuộc tính của Sơ thiền, Năm trăm Tỳ-kheo bị đánh lừa, Câu chuyện về Trưởng lão Mahànāga, Câu chuyện về Trưởng lão Culasuma,... Lối sống đoạn giảm phiền não, Giải rộng về việc thực hành... Không bạo hành (Avihimsa), Phương diện khởi tâm, Phương diện tránh né, Phương diện hướng thượng, Phương diện dập tắt, Quả báo của nghiệp bạo hành và không bạo hành, Câu chuyện Trưởng lão Putigattatissa, Xá-lợi của vị A-la-hán, Tiền kiếp của Tisa, Sát sanh, Phương diện đoạn giảm, Khởi tâm không sát sanh,... Thiền định và không sát sanh,... Ăn thịt cá đối với vị Tỳ-kheo, Quả nghiệp của sát sanh, Những đứa bé chết non, Câu trả lời của đức Phật,... Sức mạnh cao quý của pháp bậc trí, Thuận theo lời dạy của đức Phật, Sự thanh tịnh và thiền Minh sát,... Tuệ phân biệt danh sắc, Tuệ phân biệt nhân duyên,... Thiền định và sự thanh tịnh tâm, Sự cố chấp của một đạo sư ngoại đạo.

159. Giảng Giải KINH GÁNH NẶNG (Bhāra Sutra The Burden of Khandhā)

Thiền sư Mahāsi Sayādaw

Việt dịch: *Tỳ-kheo Pháp Thông*

Nxb Hồng Đức – 2016

Sách có khổ 14.5 x 20.5cm, dày hơn 137 trang, bìa mềm. Nội dung gồm có 2 phần: Chánh Kinh, Phần I. Giới thiệu, C.I Phận sự hàng ngày của Đức Phật, 1. Thứ nhất là Purebhatta Kicca, 2. Thứ hai là Pacchabhatta Kicca, 3. Thứ ba là Purimayama Kicca, 4. Thứ tư là Majjhimayama Kicca, 5. Thứ năm là Pacchimayama Kicca; C.II Gánh nặng thật sự: Năm uẩn, I. Gánh nặng Năm uẩn là rất lớn, II. Uẩn và Năm thủ uẩn, 1. Tứ thủ, a. Dục thủ, b. Kiến thủ, c. Giới cấm thủ, d. Ngã luận thủ, 2. Chấp thủ phát sanh như thế nào, 3. Ngã luận thủ; C.III Loại trừ

Atta; C.IV Atta có thể bị bỏ qua nhờ ghi nhận, C.V Gánh nặng này như thế nào, Nga quý xương, Nga quý thịt, Có rất nhiều loại nga quý, Chuyện những nữ nga quý tích góp tài sản, C.VI Mang lấy gánh nặng, C.VII Những thú vui trần tục dường như cũng làm cho gánh nặng nhẹ bớt, C.VIII Nhận ra sự nặng nề của gánh nặng, C.IX Ai mang gánh nặng, 1. Câu trả lời của Vajira cho ma vương, 2. Puggala (người) chỉ là một cái tên, C.X Chế định và chân đế, 1. Đề giải thích về Tâm và Úy, hay sự hổ thẹn và ghê sợ tội lỗi, 2. Đề chỉ cho mọi người thấy các chúng sanh có nghiệp là tài sản của riêng họ, 3. Đề mô tả những nghiệp nổi bật của con người, 4. Đề giải thích về tính chất vô gián và bất hoàn của loại cực trọng nghiệp, 5. Đề khuyến khích việc thực hành các Phạm trú, 6. Đề tiết lộ bản chất của Thần túc thông, trí nhớ các tiền kiếp của mình và của mọi người, 7. Đề giải thích về Thanh tịnh trí: a. Thanh tịnh thí, b. Cá nhân thí-phước phát sanh do cá nhân thí, 3. Tăng thí, 4. Cái vẻ giống Vipassanà trong việc bố thí, 8. Ngôn ngữ quy ước; *Phần II. Kinh Gánh Nặng*, C.I Chấp nhận gánh nặng, C.II Tham ái đối khát các dục trần, 1. Chuyện Long vương Champeyya, 2. Hoàng hậu Upari, C.III Ba loại ái, I. Kàmatanà (Dục ái), 1. Những khát vọng không thành, 2. Ăn năn, 3. Khổ được thấy trước bởi bậc trí và những người hành thiền, II. Hữu ái (Bhavatanhà), III. Phi hữu ái (Vibhavatanhà), C.IV Quãng xuống gánh nặng, 1. Minh sát, 2. Quãng bỏ gánh nặng bằng thực hành minh sát, 3. Một bậc Thánh nhập lưu đã làm nhẹ bớt gánh nặng, 4. Gánh nặng cũng có thể được quãng đi ở những giai đoạn chứng đạo cao hơn, C.V Gánh nặng nhìn từ ánh sáng của Tứ Thánh đế, Phần Quan trọng, C.VI Kết luận.

160. Giảng Giải TINH YẾU

KINH A-DI-ĐÀ

(A-di-đà Kinh Yếu giải)

Giảng giải: *Trí Húc*

Việt dịch: *Tuệ Nhuận*

THPG Tp. Hồ Chí Minh – 1993

Toàn bộ tác phẩm Kinh này gồm có: - Lời tựa Phật thuyết A-di-đà Kinh yếu giải, Ngũ trùng huyền nghĩa (Năm tầng nghĩa huyền vi), 1. Thích rõ nghĩa cái tên đề của bộ Kinh, 2. Biện luận về thể chất của bộ Kinh, 3. Nói về tôn chỉ của bộ Kinh, 4. Nói rõ lực dụng của bộ Kinh, 5. Nói về giáo tướng của bộ Kinh; A. Phần tựa (Tự phận), I. Thông tự, II. Biệt tự, C. Phần lưu thông (Lưu thông phận); Phổ khuyến, 1. Khuyến tín lưu thông, 2. Khuyến nguyện lưu thông, 3. Khuyến hạnh lưu thông, Kết khuyến.

161. Giảng Giải KINH GÒ MỎI (VAMMÌKA SUTTA)

Giảng giải: *Mahàsi Sayàdaw*

Việt dịch: *Tỳ-kheo Pháp Thông*

Nxb Hồng Đức – 2017

Sách có khổ 14.5 x 20.5cm, có 204 trang.

Nội dung gồm có: Tựa, Phần Chánh Kinh, Giới thiệu bài Kinh, Mười lăm vấn đề thâm thúy, Tóm tắt mười lăm vấn đề, Lịch sử quá khứ của Tôn giả Kumàrakassapa, Bảy vị Tỳ-kheo đi vào an cư trong rừng, Bảy vị đã hành thiền như thế nào trên đỉnh núi, Cách để có được những quả lợi ích, Trở thành một bậc A-la-hán trước bảy tuổi, Trưởng lão Dabba, Đức vua Pukkusàti, Bàhiya Dàruciriya, Dê thành chó, Gò mối lớn, Gò mối có nhiều lỗ, Gò mối bóc ra mùi hôi thối, Gò mối – một đồng hỗn độn đáng ghê tởm, Gò mối – ngôi nhà chung của các sinh vật và vi trùng khác nhau, Gò mối – sự tích tụ của tứ đại, Thân này bắt đầu từ những phân tử nước tinh tế, Thân này phát triển nhờ đồ

ăn hay dưỡng chất, Phun ra khói, Bắn ra lửa, Vị thầy Bà-la-môn, Sumedhà – người học trò xuất sắc, Thiên trong hai phút, Tám chi đạo trong một ghi nhận, Bậc thầy duy nhất, Chuyện vị Tỳ-kheo con của một nhà đại phú, Vũ khí cái xẻng, Sự quan trọng của phương pháp, Trưởng lão Ledi Sayàdawpayayi người tiên phong trong việc giảng giải Thiên Minh sát, Sự khiển trách của đức Phật, Hãy giữ cho cánh cửa mở, Con cóc phình to mỗi lần bị chạm vào, Pháp hạ liệt, Chuyện nữ gia chủ Vedehikà, Đề tài thảo luận về Nhẫn nại (Khanti), Ngã ba đường, Kinh nghiệm cá nhân về hoài nghi, Hoài nghi giống với sự lừa đảo, Lý do chính của phút hành Thiên, Làm sáng tỏ thêm về hoài nghi, Sự thể hiện (Paccuppatthàna) của hiện tượng cũng cần phải được quán, Cái lọc nước, Nước và cá – ngũ dục và tâm, Các triền cái này được xua tan như thế nào, Tâm tịnh (Citta-visuddhi), Danh-sắc phân tích trí xảy ra như thế nào, Con rùa-ngũ uẩn, Dao và thớt, Nandiràga (hỷ tham) – một miếng thịt, Con rồng (nàga) – bậc A-la-hán, Đánh lễ con rồng, Cách đánh lễ con rồng, Đức Phật ra đời vì lợi ích của tất cả nhân loại, Kết luận, Quả lợi ích của Thiên Minh sát; Phụ lục.

162. Giảng Giải KINH THỪA TỰ PHÁP

Giảng giải: *Thiền sư Mahàsi Sayàdaw*

Viết dịch: *Tỳ-kheo Pháp Thông*

Nxb Hồng Đức – 2018

Kinh có khổ 14.5 x 20.5cm, dày 215 trang, bìa mềm. Nội dung gồm có: Giới thiệu, Bài giảng về Kinh Thừa Tự Pháp: Mở đầu, Giới thiệu bài Kinh, *Kinh Thừa Tự Pháp* (Dhammadàyàda sutta), Phần giảng giải, So sánh việc thừa tự tài vật, Ví dụ về hai vị Tỳ-kheo, Câu hỏi của Trưởng lão Xá-lợi-phất, Các chương ngại (nivàranas) trên

đạo lộ, Tham và sân (lobha và dosa), Định (samàdhi) là cần thiết cho tuệ minh sát, Thực hành theo Trung đạo, Thực hành để giác ngộ, Chánh tinh tấn, Chánh niệm, Chánh định, Makkha (vô on) và palàsa (tự phụ), Tự phụ, ganh tỵ và bòn xén, Xảo trá (màyà) và đạo đức giả (sàtheyya), Cứng đầu (thambha) và hợm hĩnh (sarambha), Mạn (màna) và Tăng thượng mạn (atimàna), Sự khiêm tốn của Trưởng lão Xá-lợi-phất, Kiêu hãnh (mada) và phóng dật (pamàda), Đồ chúng, sự giàu sang, sắc đẹp, kiến thức và sự thông minh, Thâm niên, khổ hạnh, sức chịu đựng và danh tiếng, Các nguyên nhân khác của mada (kiêu hãnh), Pamàda hay phóng dật, Sáu loại phóng dật, Hai cách thực hành, *Phụ lục*; Giảng giải Kinh Đế Thích Vấn Đạo...; Giảng giải Kinh Thừa Tự Pháp; Đức Phật ở đâu?...

163. Giảng giải KINH TRUNG BỘ - Quyển 1

NĂM MƯƠI KINH CĂN BẢN

Giảng giải: *Bhikkhu Gandhasàrabhivamsa*

Biên dịch: *Tỳ-khuru Bửu Nam*

Nxb Hồng Đức, PL. 2560 – DL. 2016

Kinh có khổ 16 x 24cm, dày hơn 749 trang.

Nội dung gồm có: 1. Mùlapariyàyasutta (Kinh Pháp môn căn bản), 2. Sabbàsavasuttam (Kinh Nhứt thiết lậu hoặc), 3. Dhammadàyàdasutta (Kinh Thừa tự pháp), 4. Bhayabheravasutta (Kinh Sợ hãi và khiếp đảm), 5. Ananganasuttam (Kinh Không cấu uế), 6. Àkankheyyasutta (Kinh Ước nguyện), 7. Vatthùpamasutta (Kinh Ví dụ tâm vải), 8. Sallekhasutta (Kinh Đoạn diệt), 9. Sammàditthisutta (Kinh Chánh kiến), 10. Mahàsati patthànasuttam (Kinh Đại niệm xứ), 11. Cùlāsihanàsuttam (Sur tử hồng tiểu Kinh), 12. Mahāsihanàdasuttam (Đại

Kinh sư tử hồng), 13. Mahàdukkhakkhandhasutta (Kinh Đại khổ uẩn), 14. Cùladukkhakkhandhasutta (Kinh Tiểu khổ uẩn), 15. Anumànasutta (Kinh Tư lượng), 16. Cetokhīlasutta (Kinh Tâm hoang vu), 17. Vanapatthasuttam (Kinh Khu rừng), 18. Madhupinadikasutta (Kinh Mật hoàn), 19. Dvedhāvitakkasutta (Kinh Song tầm), 20. Vitakkasanthānasutta (Kinh An trú tâm), 21. Kakacūpamasutta (Kinh So sánh cái cưa), 22. Alagaddūpamasutta (Kinh Xà dụ), 23. Vammikasutta (Kinh Gò mối), 24. Rathavinītasutta (Kinh Bảy trạm xe), 25. Nītapasutta (Kinh Bảy mối), 26. Pāsārāsīsutta (Kinh Thánh cầu), 27. Cūlahatthipadopamasutta (Tiểu Kinh Ví dụ dấu chân voi), 28. Mahāhatthipadopamasutta (Đại Kinh Ví dụ dấu chân voi), 29. Mahāsāropamasutta (Đại Kinh Ví dụ lõi cây), 30. Cūlasāropamasutta (Tiểu Kinh Ví dụ lõi cây), 31. Mahāyamakavagga (Phẩm Mahāyamaka), 32. Cūlagosingasutta (Tiểu Kinh Khu rừng sừng bò), 33. Mahāgosangosutta (Đại Kinh Khu rừng sừng bò), 34. Mahāgopālasutta (Đại Kinh Người chăn bò), 35. Cūlagopālasutta (Tiểu Kinh Người chăn bò), 36. Cūlasaccakasutta (Tiểu Kinh Saccaka), 37. Mahāsaccakasutta (Đại Kinh Saccaka), 38. Cūlatanhāsankhayasutta (Tiểu Kinh Đoạn tận ái), 39. Mahātanhāsankhayasutta (Đại Kinh Đoạn tận ái), 40. Mahāassapurasutta (Đại Kinh Xóm ngựa), 41. Cūlaassapurasutta (Tiểu Kinh Xóm ngựa), 42. Sāleyyakasutta (Kinh Sāleyyaka), 43. Veranjakasutta (Kinh Veranjaka), 44. Mahāvedallasutta (Đại Kinh Phương quảng), 45. Cūlavedallasutta (Kinh Tiểu Phương quảng), 46. Cūladhammasamādānasutta (Tiểu Kinh Hành trì pháp), 47.

Mahādhammasamādānasutta (Đại Kinh Hành trì pháp), 48. Vīmamsakasutta (Kinh Tư sát), 49. Kosambiyasutta (Kinh Kosambiya), 50. Brahmanimantanikasutta (Kinh Phạm thiên thỉnh cầu), 51. Māratajjanīyasutta (Kinh Hàng ma); Bảng liệt kê.

164. Giảng KINH VÔ NGÃ TUỞNG – ANATTALAKKHANA SUTTA

Giảng giải: *Mahasi Sayadaw*

Việt dịch: *Phạm Kim Khánh*

Nxb Hồng Đức – 2017

Kinh có khổ 14.5 x 20.5cm, dày hơn 293 trang. Nội dung sơ lược gồm có 9 đề mục: Vài nét Tiểu sử của Trưởng lão Thiền sư Mahasi, Tiểu sử của Trưởng lão Thiền sư Mahasi, Lời tựa, Lời nói đầu; I. Thân, II. Thọ, III. Tướng và Hành, IV. Thức, V. Thấy Vô ngã, VI. Phân tách đặc tướng vô thường, VII. Mười một phương thức phân tách Ngũ uẩn, VIII. Thuần hóa Tuệ minh sát, IX. Thuật ngữ.

165. Giảng Nghĩa KINH DƯỢC SƯ

Việt dịch và giảng: *Thiền Chửu (1902-1954)*

PL. 2510 – DL. 1966

Sách dày 279 trang, bìa mềm. Nội dung gồm có: Mấy lời nói đầu, Khóa lễ Dược Sư (Bài Sám hối, Bài Tán hương, Chú Tịnh khẩu, Chú Tịnh thân nghiệp, Chú Tịnh tam nghiệp, Chú An Thổ địa, Chú Phổ cúng dàng, Bài Tán Kinh, Bài Tán Phật, Kế Khai Kinh); Kinh Nói về Công đức Bản nguyện của Đức Dược Sư Lưu Ly Quang Như Lai, Bài Tán chung, Bài Tán nhiều đàn, Tâm Kinh Bát-nhã Ba-la-mật-đa, *Giảng nghĩa Kinh Dược Sư*, I. Tên Kinh, Dược Sư Lưu Ly Quang Như Lai Bản Nguyện Công Đức Kinh, II. Lịch sử phiên dịch, III. Những phần cốt yếu, 1. Lấy trí mà chỉ cho biết phép tu hành chính

quả của đức Dược Sư, 2. Lấy bi mà cứu độ những giống hữu tình trong lúc chuyển sang hồi tượng pháp, A. Nhỏ sạch hết mầm nghiệp chướng, 1. Đức Như Lai gia hộ khắp thấy, 2. Nghe tên hiệu Phật sạch tội vãng sanh, 3. Tụng chú thoát khỏi bệnh khổ, 4. Các giống hữu tình vãng giữ, a. Được phúc khỏi nạn, b. Cứu mạng thêm thọ, B. Mười hai thần tướng làm ích lợi cho các giống hữu tình, IV. Giải nghĩa Kinh văn, 1. Nói về người nghe nói và lúc nói, chỗ nói, 2. Chúng nghe pháp trong pháp hội, 3. Kính lễ, 4. Khải thỉnh, 5. Tán thán hứa cho, 6. Thích nghe, V. Phần Chính thuyết, A. Chỉ rõ thể tướng, 1. Nêu cả toàn thể y báo và chánh báo, VI. Bày riêng từng tướng hành quả và nêu cả các điều nguyện lớn, VII. Bày riêng từng điều nguyện, 1. Chính báo trang nghiêm, 2. Hào quang của thân phá tan tối tăm, 3. Lấy trí tuệ giúp thêm sự sống, 4. Dẫn dụ vào trong đạo Đại Thừa, 5. Được giới thanh tịnh, 6. Được thân tốt đẹp, 7. An khang vui đạo, 8. Chuyển nữ thành nam, 9. Tà ma ngoại đạo quy về đường chính, 10. Giải thoát lo khổ, 11. Được hưởng đồ ăn uống ngon tuyệt, 12. Được đồ mặc rất tốt, VIII. Kết thành diệu nguyện, IX. Nói về Quả, Đức, 1. Lời ít ý nhiều, 2. Đem phương Tây ví phương Đông, 3. Khen bạn tỏ chủ, X. Khuyên tin nguyện sinh sang cõi Phật, XI. Nói rõ căn cơ và lợi ích được nghe tên hiệu Phật, 1. Được lợi ích trừ tội tham lận mà hay bố thí, 2. Được lợi ích trừ được tội phá giới mà lại giữ được giới, 3. Được lợi ích diệt tội ghen ghét mà giải thoát, 4. Được lợi ích diệt tội nào hại hưởng thú yên vui, 5. Được lợi ích vãng sanh, Lợi ích tụng chú: 1. Phật xem thấy nổi ốm khổ của chúng sinh, 2. Trong hào quang nói chú, 3. Trì chú trừ bệnh, XIII. Sự ích lợi của các giống hữu tình phụng trì, 1. Đức Thích-ca chỉ điềm, 2. Ngài

Mạn-thù vãng lời, tuyên dương, 3. Đức Thích-ca nói lại sự ích lợi làm đàn, a. Chỉ bảo phép làm đàn, b. Chỉ vẽ công hiệu lợi ích, 1. Được ích lợi thêm phúc, 2. Được ích lợi khỏi nạn, - Nạn trăm quái xuất hiện, - Nạn mọi sự sợ hãi, - Nạn nước khác xâm lấn, - Nạn phạm giới đọa lạc, - Nạn đàn bà sinh đẻ; Ngài A-nan hỏi phép làm thêm lòng tin, a. Phật hỏi tin không? b. Ngài A-nan đáp lại, 1. Đáp rằng phải tin Phật pháp, 2. Nói rõ sự không tin phải tội, c. Lại nói rõ cái lòng tin (lại chia làm ba), 1. Bảo rõ sự lợi ích không ngờ, 2. Nói rõ cái lẽ Kinh này là Kinh hiểm có khó tin, 3. Nói qua cái hành nguyện rất lớn, 2. Vòng cứu thoát thêm thọ, A. Ngài Cứu Thoát chỉ phép thêm thọ, B. Ngài A-nan hỏi pháp làm đàn, 1. Cứu thân bệnh cho thêm tuổi thọ, 2. Cứu nạn nước cho thêm sinh mạng, 3. Cứu cho mọi người thêm thọ, C. Ngài A-nan hỏi phép thêm thọ, D. Ngài Cứu Thoát lại khuyên phép tu độ, 3. Vòng Dược-xoa thề hộ vệ, a. Liệt các thân Dược-xoa, b. Cảm ơn hộ pháp, c. Đức Thích-ca tán thán hứa cho; XIII. Phận Lưu thông, 1. Định tên Kinh và phép phụng trì, 2. Kê các chứng tín thụ phụng trì. (*Bản lưu tại Thư viện Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam tại Tp. HCM; Mã sách: Vie 2173*)

Tác phẩm này được Chùa Khánh Anh in Lưu hành nội bộ năm 1990.

166. Giảng Nghĩa KINH TỨ NIỆM XỨ Giảng nghĩa: *Tỳ-kheo Ni Hải Triều Âm (1920-2013)*

Nxb Tôn Giáo, PL. 2555 – DL. 2011

Kinh có khổ 14.5 x 20.5cm, dày hơn 389 trang.

Nội dung gồm có: Lời giới thiệu, Dẫn nhập, Lời khai thị, Lễ Phật; Kinh Tứ niệm xứ, I. Quán Thân: Hơi thở, Oai nghi, 32 thể trực, Tứ đại, Cửu tướng, Tổng quát,

Tứ thiên; II. Quán Thọ; III. Quán Tâm; Quán Pháp, A. 1. Năm Triền cái: Ái dục, Sân hận, Thù miên, Trạo hối, Nghi; 2. Năm Thủ uân; 3. Sáu Nội Ngoại xứ; B. 1. Bảy Giác chi: Niệm, Trạch pháp, Tinh tấn, Hỷ, Khinh an, Định, Xả; 2. Tứ Thánh đế: Khổ, Khổ Tập, Khổ Diệt, Khổ Diệt Đạo.

167. Giáo Khoa KINH KIM CANG

HT. Thích Đồng Quán (1926-2009)

Hiệu đính: *HT. Thích Như Tín*

Lưu hành nội bộ, PL. 2562 – DL. 2018 (Tái bản lần I)

Sách dày hơn 214 trang, bìa mềm. Nội dung gồm có 34 bài (B): Lời phi lộ, Lời nói đầu; B.1 Giải thích đề Kinh, B.2 Phần tựa, B.3 Phần Chính tông, B.4 Hàng phục tâm, B.5 An trú tâm, B.6 Nhìn không tướng, B.7 Chánh tín Pháp bảo, B.8 Đức Phật và Phật pháp, B.9 Kim Cang là Phật mẫu, B.10 Nhận diện về bốn quả Thanh văn, B.11 Quả vị của Bồ-tát hạnh, B.12 Phước đức thọ trì Kinh, B.13 Trí tuệ là tối thắng Ba-la-mật, B.14 Đề Kinh phụng trì, B.15 Đức tin nơi tuệ giác, B.16 Phước đức Tối thắng Thọ trì Đọc tụng, B.17 Thọ trì Đọc tụng Cúng dường là trên hết, B.18 Chánh tín siêu việt, B.19 Vô ngã-vô sở, B.20 Thấy biết như thật, B.21 Không trụ tướng, B.22 Lìa danh sắc, B.23 Vô năng sở thuyết, B.24 Thấy biết quả vị của Phật, B.25 Thọ trì Kinh Kim Cang phước tối thắng, B.26 Loại trừ thường kiến, B.27 (a) Loại bỏ chấp thường, B.27 (b) Loại bỏ chấp thường, B.28 Loại bỏ chấp đoạn, B.29 Sức Nhân tối thượng, B.30 Vô khứ lai, B.31 Duyên danh không chủ thể, B.32 Nhìn đúng thật tướng của các pháp, B.33 Kết thúc lý vô ngã của các pháp, B.34 Phần Lưu thông; Phụ lục: 1. Nguyên văn chữ Hán, 2. Âm Hán-Việt; Tiêu sử của HT. Thích Đồng Quán.

168. Giáo Nghĩa

KHAI THỊ NGỘ NHẬP – 8 Tập BỘ LOẠI PHÁP HOA

Việt dịch: *Ban Dịch Thuật Hán Tạng Pháp Âm*

Chủ biên: *Tỳ-kheo Thích Nguyên Chơn*

Nxb Hồng Đức – 2017. Sách có khổ 16 x 24cm, 8 tập dày hơn 6.252 trang, bìa cứng, và có bìa bao, chữ mạ vàng, mỗi tập đều có hộp đựng.

Tập I, KINH (I), dày hơn 507 trang, nội dung gồm có: Lời nói đầu, *Kinh Vô Lượng Nghĩa*, Tựa, P.1 Đức hạnh, P.2 Thuyết pháp, P.3 Mười Công đức; *Kinh Diệu Pháp Liên Hoa*, Tựa Kinh Đại thừa Diệu Pháp Liên Hoa do nhà Vua viết, Tựa hoàng truyền Kinh Pháp Hoa, Q.I P.1 Tựa, P.2 Phương tiện; Q.II P.3 Thí dụ, P.4 Tín giải; Q.III P.5 Dược thảo dụ, P.6 Thụ ký, P.7 Hóa thành dụ; Q.IV P.8 Ngũ bách Đề tử Thọ ký, P.9 Thụ học-vô học như ký, P.10 Pháp sư, P.11 Hiện bảo tháp, P.12 Đề-bà-đạt-đa, P.13 khuyến trì; Q.V P.14 An lạc hạnh, P.15 Tùng địa dũng xuất, P.16 Như Lai thọ lượng, P.17 Phân biệt Công đức; Q.VI P.18 Tùy hỷ Công đức, P.19 Pháp sư Công đức, P.20 Thường Bất Khinh, P.21 Như Lai thần lực, P.22 Chúc lụy, P.23 Dược Vương Bồ-tát bản sự; Q.VII P.24 Diệu Âm Bồ-tát, P.25 Quán Thế Âm Bồ-tát Phổ môn, P.26 Đà-la-ni, P.27 Diệu Trang Nghiêm vương Bản sự, P.28 Phổ Hiền Bồ-tát khuyến phát, Hậu tựa Kinh Pháp Hoa, Tựa cho Phẩm Quán Thế Âm Phổ môn; *Kinh Đại Pháp Cỗ*, *Quyển thượng & Quyển hạ*; *Kinh Phật Thuyết Tế chư Phương Đẳng Học*; *Kinh Tát-đàm Phân-đà-lợi*; *Kinh Văn-thù-sư-lợi Phát nguyện*.

Tập II, KINH (II), dày hơn 547 trang, nội dung gồm có: *Kinh Đại Tát-già Ni-kiên-tử Sở thuyết*, Q.I P.1 Tựa, P.2 Vấn nghi, P.3 Nhất thừa (Phần 1); Q.II P.3 Nhất thừa

(Phần 2), P.4 Yết kiến Nghiêm Xí vương; Q.III P.5 Vương luận (Phần 1); Q.IV P.5 Vương luận (Phần 2); Q.V P.5 Vương luận (Phần 3), P.6 Tỉnh thực, P.7 Vân tội; Q.VI P.8 Như Lai vô quá Công đức (Phần 1); Q.VII P.8 Như Lai vô quá Công đức (Phần 2); Q.VIII P.8 Như Lai vô quá Công đức (Phần 3); Q.IX P.8 Như Lai vô quá Công đức (Phần 4), P.9 Yết kiến Như Lai, P.10 Thuyết pháp (Phần 1); Q.X P.10 Thuyết pháp (Phần 2), P.11 Thụ ký, P.12 Tín Công đức; *Kinh Đại thừa Phương quảng Tổng trì; Kinh Phật thuyết Bồ-tát Hành Phương tiện Cảnh giới Thần thông Biến hóa, Quyền thượng-Quyền trung-Quyền hạ; Kinh Phật thuyết Quán Phổ Hiền Bồ-tát Hành pháp; Kinh Phật thuyết Quảng bát Nghiêm tịnh Bất thoái Chuyển luân*, có 6 quyển (Q.1 đến Q.6).

Tập III, KINH SỐ LUẬN (I), dày hơn 904 trang, nội dung gồm có: *Pháp Hoa Kinh Tinh Giải Bình Lâm*, Tựa, có 2 quyển, 28 phẩm (xem: 28 phẩm Kinh Diệu Pháp Liên Hoa); *Diệu Pháp Liên Hoa Kinh Kích Tiết*, Lời bạt; *Đại Ý Kinh Pháp Hoa*, Tựa khai Kinh, Quyền thượng-Quyền trung-Quyền hạ, Phụ lục; *Yếu chỉ Kinh Pháp Hoa*, có 28 Phẩm (Xem: 28 Phẩm Kinh Diệu Pháp Liên Hoa); *Duy-ma-cật Kinh Tam quán Huyền nghĩa*, Tựa khắc in lại, Quyền thượng, I. Phân biệt cảnh trí, II. Chính giải thích, 1. Giải thích danh từ Tam quán, 2. Luận về tướng Tam quán, 3. Phối hợp trí nhãn; Quyền hạ, 4. Thế hội thừa nghĩa, 5. Tam quán tóm thâu tất cả pháp, 6. Căn cứ đoạn kết thanh tịnh để giải thích nghĩa Duy-ma-cật, 7. Tùy văn giải thích-tức dùng Tam quán giải thích nghĩa toàn bộ Kinh Duy-ma-cật; Thập Bát Nhị Môn; Thi Chung Tâm Yếu; Thi Chung Tâm Yếu chú; Giải thích Giác Ý Tam-muội Kinh Ma-ha Bát-nhã; Thiên Môn Chương, Q.I C.1, 1. Khái quát, 2.

Giải thích ý mười khoa, 3. Trình bày đại ý, 4. Những việc làm khi tu thiền; C.2 Giải thích tên gọi; C.3 a. Giải thích về môn, b. Trình bày về thứ tự; C.4 Giải thích về Tâm và Pháp; Q.II 1. Phương tiện, 2. Đầu-đà, 3. Phẩm Nội Phương tiện; C.5 1. Phương pháp đếm hơi thở, 2. Biệt tám xúc nơi thân, 3. Chính và Tà của tám xúc.

Tập IV, KINH SỐ LUẬN (II), dày hơn 879 trang, nội dung gồm có: *Diệu Pháp Liên Hoa Kinh Thông Nghĩa*, có 7 quyển, 28 phẩm (Xem: 28 phẩm Kinh Diệu Pháp Liên Hoa), Kệ Hồi hương; Giải thích Kinh Diệu Pháp Liên Hoa, *Quyển thượng*, P.1 Tựa, P.2 Phương tiện, P.3 Thí dụ, P.4 Tín giải; *Quyển hạ*, P.5 Dược thảo dụ, P.6 Thụ ký, P.7 Hóa thành dụ; Q.IV P.8 Ngũ bách Đệ tử Thọ ký, P.9 Thụ học-vô học nhơn ký, P.10 Pháp sư, P.11 Hiện bảo tháp, P.12 Trì, P.13 An lạc hạnh, P.14 Tùng địa dũng xuất, P.15 Thọ lượng, P.16 Phân biệt Công đức, P.17 Tùy hỷ Công đức, P.18 Pháp sư Công đức, P.19 Thường Bất Khinh, P.20 Như Lai thần lực, P.21 Chúc lụy, P.22 Dược Vương Bồ-tát bản sự, P.23 Diệu Âm, P.24 Quán Thế Âm, P.25 Đà-la-ni, P.26 Diệu Trang Nghiêm vương, P.27 Phổ Hiền Bồ-tát khuyến phát; *Diệu Pháp Liên Hoa Kinh Ưu-ba-đề-xá*, Quyền thượng, Phẩm Tựa, I. Tựa phần Thành tựu, II. Chúng Thành tựu, III. Thời gian Như Lai sắp Thuyết pháp đã đến Thành tựu, IV. Oai nghi tùy thuận trụ nương vào pháp được Thuyết thành tựu, V. Nhân Y chỉ Thuyết pháp Thành tựu, VI. Đại chúng muốn nghe Pháp hiện tiền Thành tựu; Phẩm Phương tiện, Quyền hạ, Phẩm Phương tiện (tt), Phẩm Thí dụ; Nghĩa An lạc Hạnh trong Kinh Pháp Hoa; Thiên môn Yếu lược; Thiên Thai Bát Giáo Đại Ý; Thiên Môn Khâu Quyết; Thiên Thai Truyền Phật Tâm Ấn Ký; Thiên Thai Tứ Giáo Nghi; Hành Pháp Tâm Chú Thiên

Thủ Nhân Đại Bi; Tu Tập Chỉ Quán Tọa Thiền Pháp yếu, Tựa khắc bản, 1. Đầy đủ các duyên, 2. Quả trách dục, 3. Dứt trừ Năm cái, 4. Điều hòa, 5. Thật hành Phương tiện, 6. Chính tu, 7. Thiện căn Phát khởi, 8. Nhận biết ma sự, 9. Trị bệnh, 10. Chứng quả; Bài ký Chỉ Quán Tọa Thiền Pháp Yếu; Thiên Thai Chỉ Quán Thống Lệ.

Tập V, KINH SỐ LUẬN (III), dày hơn 876 trang, nội dung gồm có: *Pháp Hoa Kinh Du Ý*, Tựa, I. Chủ ý thuyết Kinh, II. Tông chỉ, III. Giải thích tên Kinh, IV. Luận biện ý giáo, V. Hiển và Mật, VI. Tam và Nhất, VII. Công dụng, VIII. Phương pháp hoằng Kinh, IX. Bộ loại bất đồng, X. Khởi nguyên giảng bộ Kinh này; *Pháp Hoa Huyền Luận*, Q.I 1. Phương pháp hoằng Kinh, 2. Đại ý của Kinh; Q.II 3. Giải thích tên Kinh, 4. Lập tông; Q.III Lập tông (tt); Q.IV 1. Trình bày nghĩa Nhất thừa; Q.V 1. Mở cửa Phương tiện-hiền bày tướng chân thật, 2. Luận về nghĩa Đại sự Nhân duyên; Q.VI 1. Luận về nghĩa A-la-hán biết Nhất thừa hay không biết Nhất thừa; Q.VII 1. Nghĩa thí dụ trong phẩm Tín giải, 2. Nghĩa Năm thừa và nghĩa Nhất âm trong phẩm Dược thảo dụ, 3. Giải thích nghĩa Thụ ký, 4. Giải thích nghĩa Hóa thành; Q.VIII 1. Phẩm An lạc hạnh; Q.IX 1. Phẩm Hiện bảo tháp mật khai nghĩa Bản Tích, 2. Phẩm Đề-bà-đạt-đa, 3. Luận về nghĩa Bản Tích để giải thích các phẩm Thọ lượng, Tín giải,... 4. Bốn phạm trù Bản Tích chung cho tất cả các thuyết khác nhau trong Kinh; Q.X 1. Luận về nghĩa số lần sinh trong phẩm Phân biệt Công đức, 2. Luận về nghĩa Đắc đạo nhiều ít, 3. Nghĩa Tùy hỷ trong Kinh Pháp Hoa và Kinh Đại Phẩm, 4. Sự giống-khác giữa Bồ-tát Quán Thế Âm và Bồ-tát Diệu Âm, 5. Luận về nghĩa Quán Âm Phổ môn, 6. Luận về danh hiệu Quán Âm, 7.

Luận về thoát nạn và không thoát nạn, 8. Dùng nghĩa hai loại thứ tự để giải thích phẩm Diệu Trang Nghiêm, 9. Luận về Chính pháp và Tượng pháp, 10. Luận về nghĩa Phật nhập Niết-bàn...; *Tùy Tụ Ý Tam-muội*, P.1 Uy nghi khi đi, P.2 Uy nghi khi đứng, P.3 Uy nghi khi ngồi, P.4 Uy nghi khi ngủ, P.5 Uy nghi khi ăn có nhiều món ngon, P.6 Uy nghi khi nói năng; *Tứ Niệm Xứ*, Q.I 1. Tứ niệm xứ của Tam tạng giáo, Q.II 2. Tứ niệm xứ của Thông giáo, Q.III 3. Tứ niệm xứ của Biệt giáo, Q.IV 4. Tứ niệm xứ của Viên giáo; Viên Đón Tông Nhân, Tựa, 1. Tông nhân, 2. Khảo cứu bản Tâm, 3. Suy cứu Thể tính, 4. Luận về Đạo, 5. Truy cùng Tâm biến, 6. Luận về Tính cụ, 7. Pháp được truyền thừa, 8. Tam quán, 9. Chính tông, 10. Tu và Tính; *Bài Tụng Tam thiên hữu môn*; *Lược giải Bài Tụng Tam thiên hữu môn*, A. Giải thích đề, B. Giải thích chính văn.

Tập VI, KINH SỐ LUẬN (IV), dày hơn 878 trang, nội dung gồm có: *Diệu Pháp Liên Hoa Kinh Ý Ngữ*, Tựa, Tựa, và 28 phẩm (Xem: 28 phẩm Kinh Diệu Pháp Liên Hoa); *Pháp Hoa Thống Lược*, Quyền thượng, P.1 Tựa, P.2 Phương tiện; Quyền trung, P.3 Thí dụ, P.4 Tín giải; Quyền hạ, P.5 Ngũ bách Đệ tử Thụ ký, P.6 Học-Vô học nhân ký, P.7 Pháp sư, P.8 Hiện bảo tháp, P.9 Đề-bà-đạt-đa, P.10 Trì, P.11 An lạc hạnh, P.12 Tùng địa dũng xuất, P.13 Thọ lượng, P.14 Phân biệt Công đức, P.15 Tùy hỷ Công đức, P.16 Pháp sư Công đức, P.17 Thường Bất Khinh, P.18 Như Lai thần lực, P.19 Chúc lụy, P.20 Dược Vương, P.21 Diệu Âm, P.22 Quán Âm phổ môn, P.23 Đà-la-ni, P.24 Diệu Trang Nghiêm vương, P.25 Phổ Hiền khuyến phát; *Nghĩa Quyền Thật của việc Long Nữ thành Phật trong Kinh Pháp Hoa*, 1. Dẫn văn-chia chương đoạn và giải thích tóm

tất, 2. Căn cứ ý nghĩa dẫn văn để giải thích và dung hội, 3. Giải thích những nghi ngờ-chướng ngại, 4. Phán giáo tương luận về việc giáo hóa; *Tĩnh Thiện-Ác luận*, Tựa, Tựa, và 6 quyển (Q.I... đến Q.6);

Tập VII, KINH SỐ LUẬN (V), dày hơn 950 trang, nội dung gồm có: *Đại Ý Chỉ Quán*; *Đại Thừa Chỉ Quán Pháp Môn*, Tựa, Tựa, Q.I 1. Chỗ nương của Chỉ Quán; Q.II Chỗ nương của Chỉ Quán (tt); Q.III Chỗ nương của Chỉ Quán (tt); 2. Cảnh giới của Chỉ Quán, 3. Thê trạng của Chỉ Quán, 4. Chỉ Quán trừ chướng được lợi ích, 5. Tác dụng của Chỉ Quán; *Chư Pháp Vô Tránh Tam-muội Môn*, Quyền thượng & Quyền hạ; *Giáo Quán Cương Tông*, I. Tổng quan về Quyền-Thật của Năm thời Tám giáo, II. Luận về Năm thời chung và riêng, III. Bốn giáo hóa nghi, IV. Bốn giáo hóa pháp, V. Phụ nói về: Chuyên-Tiếp-Đồng-Hội-Tá; *Luận Kim Cương Bê*; *Pháp Giới Thứ Đệ Sơ Môn*, Tựa chung, Quyền thượng-Quyền trung-Quyền hạ; *Hành Pháp Phương Đẳng Tam-muội*, Tựa, 1. Đủ sáu duyên, 2. Biệt ngăn ngừa chướng nạn, 3. Pháp cấm, 4. Yêu quyết nội lực; *Quán Âm Huyền Nghĩa*, Quyền thượng, I. Giải thích tên, 1. Giải thích chung, 2. Giải thích riêng; Quyền hạ, II. Giải thích thê, III. Luận tông chỉ, IV. Bàn về dụng, V. Phân biệt giáo tương; *Quán Âm Nghĩa Số*, Quyền thượng-Quyền hạ; *Luận Quán Tâm*; *Tứ Giáo Nghĩa*, Q.I, 1. Giải thích bốn giáo; Q.II, 2. Luận về Sở thuyên, a. Căn cứ lý Bốn để để nói về lý Sở thuyên, b. Căn cứ Ba để để nói về lý Sở thuyên của Bốn giáo, c. Căn cứ Hai để để nói về lý Sở thuyên của Bốn giáo, d. Y cứ Nhất để để nói về Sở thuyên; Q.III 3. Bốn môn Nhập lý, a. Lược giải thích tương của Bốn môn, b. Bốn môn Nhập lý, c. Dùng bốn Tát-đàn phát khởi giáo bốn môn, d. Căn cứ nghĩa

Mười pháp thành Bốn môn, e. Bốn môn của bậc Tùy tín hành-Tùy pháp hành không đồng; Q.IV 4. Căn cứ giai vị của Bốn giáo để phân biệt giảng nói nghĩa Tĩnh vô cấu xung, 4.1 Căn cứ Tam tạng giáo giải thích nghĩa Tĩnh vô cấu xung (tt); Q.V Căn cứ Tam tạng giáo giải thích nghĩa Tĩnh vô cấu xung (tt); Q.VI Căn cứ Tam tạng giáo giải thích nghĩa Tĩnh vô cấu xung (tt); Q.VII Căn cứ Tam tạng giáo giải thích nghĩa Tĩnh vô cấu xung (tt); Q.VIII 4.2 Căn cứ Thông giáo luận bàn giai vị-giải thích nghĩa Tĩnh vô cấu xung; Q.IX 4.3 Căn cứ Biệt giáo luận bàn giai vị-giải thích nghĩa Tĩnh vô cấu xung; Q.X Căn cứ Biệt giáo luận bàn giai vị-giải thích nghĩa Tĩnh vô cấu xung (tt); Q.XI 4.4 Căn cứ Viên giáo nói giai vị-giải thích nghĩa Tĩnh vô cấu xung; Q.XII Căn cứ Viên giáo nói giai vị-giải thích nghĩa Tĩnh vô cấu xung (tt), 4.5 Căn cứ Ví dụ Năm vị để hiển bày giai vị của Bốn giáo, 4.6 Kinh điển nói giai vị Bốn giáo nhiều ít không đồng; 5. Quyền-Thật, a. Lược nói về Quyền-Thật, b. Khảo sát giai vị, c. Hưng và phê; 6. Căn cứ quán tâm nói Bốn giáo: a. Căn cứ quán tâm nói tương của Tam tạng giáo, b. Căn cứ quán tâm mà nói Thông giáo, c. Căn cứ quán tâm mà nói Biệt giáo, d. Căn cứ quán tâm mà nói Việt giáo, 7. Hội thông Kinh Luận, a. So sánh các Kinh Luận, b. Chính thức trình bày dùng Bốn giáo giải thích chung Kinh này.

Tập VIII, NGUYỄN VĂN-TÂN VĂN-LỄ SÁM-TRUYỆN KÍ, dày hơn 711 trang, nội dung gồm có: Văn Phát Nguyên của Bồ-tát Phổ Hiền; Văn Phát Nguyên của Thiên sư Nam Nhạc Tuệ Tư; Văn Phát Nguyên của Đại sư Thiên Thai Trí Giả; Quán Tâm Tụng Kinh Pháp; Quán Tâm Tụng Kinh Pháp Kí; Nghi Thức Niệm Tụng Đạo Tràng Xí Thạnh Quang; Pháp Hoa Tam-muội Sám Nghi; Thích-ca Như

Lai Niết-bàn Lễ Tán Văn; Biệt Truyện Đại sư Thiên Thai Trí Giả; Truyện Chín vị Tổ Tông Thiên Thai, 1. Cao Tổ Long Thọ, 2. Tôn giả Bắc Tề, 3. Tôn giả Nam Nhạc, 4. Đại sư Trí Giả, 5. Tôn giả Chương An, 6. Tôn giả Pháp Hoa, 7. Tôn giả Thiên Cung, 8. Tôn giả Tả Khê, 9. Tôn giả Kinh Khê; Pháp Hoa Linh Nghiệm Truyện, Quyền thượng & Quyền hạ; Truyện Kí Kinh Pháp Hoa, Q.I 1. Bộ loại tăng giảm, 2. Thời đại ẩn hiện khác nhau, 3. Niên đại truyền dịch, 4. Chi phái biệt hành, 5. Luận thích không đồng; Q.II 6. Tập hợp những bài tựa của các Đại sư, 7. Giảng giải những cảm ứng; Q.III 8. Giảng giải những cảm ứng (tt), 9. Lợi ích việc phúng tụng; Q.IV 10. Lợi ích việc tụng Kinh; Q.V 11. Lợi ích việc tụng Kinh (tt); Q.VI 12. Lợi ích thù thắng của việc đọc tụng; Q.VII 13. Đọc tụng Kinh dứt trừ tội lỗi, 14. Chép Kinh cứu khổ; Q.VIII 15. Chép Kinh cứu khổ (tt); Q.IX 16. Nghe Kinh được lợi ích; Q.X 17. Chính báo và Y báo của sự Cúng dường; Lời cuối sách.

169. GIỚI KINH CĂN BẢN BẠT-SÔ NI CỦA THUYẾT NHỨT THIẾT HỮU BỘ (Căn Bản Thuyết Nhứt Thiết Hữu Bộ Bạt-sô Ni Giới Kinh)

(1 quyển, T.24, No. 1455)
 Hán dịch: *Cao Tăng Nghĩa Tịnh (635-713)*
 Việt dịch: *Thích Tâm Hạnh*
 Nội dung Giới Kinh này gồm có: Bài tựa Giới Kinh; I. Tám pháp Ba-la-đề-xá-ca (Pàràjika); II. 20 pháp Tăng-già-phạt-thi-sa (Sanghadisesa); III. 33 pháp Ni-tát-kỳ-ba-dật-đề-ca (Nissaggiya Pàcittita); IV. 180 pháp Ba-dật-đề-ca (Pàcittiya); V. 11 pháp Ba-la-đề-xá-ca (Patidesaniya); VI. Pháp chúng học (Sekkiyavatta); VII. Bảy pháp diệt tránh (Adhikarana samatha).
 (<https://phatphapungdung.com>; *Pháp bảo Bộ Luật*)

170. GIỚI KINH CĂN BẢN CỦA THUYẾT NHỨT THIẾT HỮU BỘ

(Căn Bản Thuyết Nhứt Thiết Hữu Bộ Giới Kinh)
 Hán dịch: *Cao Tăng Nghĩa Tịnh (635-713)*
 Việt dịch: *Thích Tâm Hạnh*
 Tác phẩm Giới Kinh này gồm có: Bài tựa Giới Kinh; I. Bốn pháp Ba-la-đề-xá-ca (Pàràjika); II. 13 pháp Tăng-già-phạt-thi-sa (Sanghadisesa); III. Hai pháp bất định (Aniyatta); IV. 30 pháp Ni-tát-kỳ-ba-dật-đề-ca (Nissaggiya Pàcittita); V. 90 pháp Ba-dật-đề-ca (Pàcittiya); VI. Bốn pháp Ba-la-đề-xá-ca (Patidesaniya); VII. Pháp chúng học (Sekkiyavatta); VIII. Bảy pháp diệt tránh (Adhikarana samatha).
 (<https://phatphapungdung.com>; *Pháp bảo Bộ Luật*)

171. Giới Thiệu KINH THỦ LĂNG NGHIÊM

Dịch và giảng giải: *HT. Thích Thiện Siêu (1921-2001)*
 Nxb Tôn Giáo – 2004
 Sách có khổ 14.5 x 20.5cm, dày 613 trang, bìa cứng, nền đỏ, có hình đầu Đức Phật, chữ tựa màu trắng và đỏ. Tác phẩm này gồm có 10 quyển chính. Phần đầu là Giới thiệu về Kinh Thủ Lăng Nghiêm, Sự liên hệ của Kinh với Tam tạng, Sự phán giáo trong Kinh Lăng Nghiêm, Bốn loại Tứ đế trong kinh Lăng Nghiêm. *Quyển I*, Giải thích đề kinh, Phần tựa chung và riêng, Bảy chỗ gạn tâm (Chấp tâm ở: trong thân, ngoài thân, chặng giữa, núp sau con mắt, nhắm mắt thấy tối là thấy trong thân, hợp chỗ nào thì liền có ở chỗ ấy), mười phen chỉ tánh thấy. *Quyển II*, Chỉ rõ tánh thấy không sanh diệt,... Tóm thu 4 khoa, 7 đại về Như Lai tạng để phát khởi chỗ chân ngộ, Phật chỉ bản tánh của Ngũ âm là Như Lai tạng tánh. *Quyển III*, Phật chỉ bản tánh

của Lục căn, Thập nhị xứ, Thập bát giới, Thất đại là giả dối, thật ra chỉ là diệu chơn như của Như Lai tạng tánh. *Quyển IV*, Phật chỉ tánh bất biến tùy duyên, tùy duyên bất biến của Như Lai tạng, và chỉ rõ 6 căn không có tự tánh, phát minh chơn tánh thì được giải thoát... *Quyển V*, Phật dạy triền phược và giải thoát không hai, gạn hỏi chỗ chứng ngộ để chọn lựa căn viên thông thù thắng. *Quyển VI*, 32 ứng thân, Nhĩ căn viên thông được chọn lấy làm phương tiện thích hợp để tu tập... *Quyển VII*, Phật khai thị: về Mật giáo, pháp tắc lập đạo tràng, nói thần chú, những lợi ích, những vị trí tu chứng trước sau. *Quyển VIII*, An lập các Thánh vị, chỉ dạy tên Kinh, nghe pháp tăng tiến, chỉ ra 10 tập nhân và 6 giao báo, nhân tu riêng biệt, thành quả hư vọng, các cõi trời sai khác. *Quyển IX*, Khai thị chỗ hư vọng của 7 loài để khuyến khích tu hành chính pháp, Phân biệt ngũ âm ma. *Quyển X*, Chỉ rõ thứ lớp tiêu diệt các âm và giới hạn phạm vi các âm. Sau cùng là Phần lưu thông kinh này.

H

172. HÀM TIỂU THIÊN (Phép lạ của sự Tỉnh thức) – KINH QUÁN NIỆM – KINH BÁT ĐẠI NHƠN GIÁC (tụng)

Biên soạn: *Thạch Đức*

PL. 2518 – DL. 1974

Sách có khổ 14 x 20cm, có 48 trang, bìa mềm, nền trắng, chữ tựa màu đỏ.

Nội dung tác phẩm Kinh này gồm có: Hàm tiểu Thiên theo Thiên phổ; Kinh Quán niệm (Satipattana, Majjhima Nikaya 10); Kinh An ban thủ ý (Anapanasati Majjhima Nikaya 118) – Bản tóm lược; Kinh Bách thiên tụng Bát-nhã – trích Phẩm “Nhập Đà-la-ni môn” (Satasahasrika Prajnaparamita); trích Kinh Sikshasamuccaya – Bảo Tích Ratnakuta; Kinh Tám điều giác ngộ của các bậc Đại nhân.

173. Hành Pháp - KINH DI-ĐÀ

Biên tập: *Tỳ-kheo Trí Quang*

Nxb Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh – 2010

Kinh có khổ 13 x 19cm, có 65 trang, bìa mềm. Nội dung gồm có: *Hành pháp Kinh Di-đà*, 1. Giới thiệu Thiết yếu, 2. Tụng Kinh Di-đà, 3. Lễ bái theo Kinh Di-đà, 4. Trì chú Vãng sanh.

174. HẠNH PHÚC KINH – MANGALA SUTTA

Việt dịch: *Tỳ-kheo Giới Nghiêm (Bhikkhu Thita Silo)*

Nội dung của Kinh, Đức Thế Tôn giảng giải về 38 điều Hạnh phúc.

Xem: Kinh Hạnh Phúc do Tỳ-kheo Giới Nghiêm dịch

175. HIỀN NGU NHÂN DUYÊN KINH

Hán dịch: *Sa-môn Tuệ Giác*

Việt dịch: *Thích Trung Quán (1918-2003)*

Nxb Hồng Đức – 2016. Kinh có khổ 14.5 x 20.5cm, dày hơn 380 trang, bìa mềm. Nội dung gồm có: 9 quyển, trong đó có 46 phẩm.

Xem: Kinh Hiền Ngu do Thích Trung Quán dịch.

Tác phẩm Kinh này đã ấn hành từ năm 1949; tái bản: Năm PL. 2536 – DL. 1992, THPG Tp. Hồ Chí Minh ấn hành; năm 2018, Nxb Hồng Đức, khổ 14.5 x 20.5cm, dày 382 trang.

176. HOA NGHIÊM BỘ HẠ

Ban Phiên dịch Pháp tạng Phật giáo Việt Nam

Quyển X, No. 293 Kinh Đại phương quảng Phật Hoa nghiêm (Tập 21, Tập 22); No. 294 Phật thuyết Kinh Ma-la-già (Thượng – Trung và Hạ); No. 301 Kinh Đại phương quảng Như Lai Bất tư nghi cảnh giới; No. 302 Kinh độ chư Phật Cảnh giới Trí quang nghiêm; No. 304 Kinh Đại phương quảng nhập Như Lai Trí Đức bất tư nghi; No. 305 Kinh Tín lực nhập ấn pháp môn (Tập 1, 2, 3, 4, 5); No. 306 Kinh Đại Phương quảng Phật Hoa nghiêm (Phẩm tu từ). (*phaptangpgvn.net, Pháp tạng*)

177. HOA NGHIÊM KINH

Thám Huyền Ký – 3 Quyển

Đại sư Pháp Tạng

Việt dịch: *Cư sĩ Nguyễn Huệ*

Nxb Phương Đông – 2011

Kinh có khổ 13 x 20.5cm, cả bộ dày 2.185 trang, bìa mềm, có hộp đựng.

Quyển I, dày 688 trang, nội dung từ Q.I đến Q.VI; *Quyển II*, từ tr. 691 đến tr. 1399, nội dung từ Q.VII đến Q.XIII;

Quyển III, từ tr. 1403 đến tr. 2185, nội dung từ Q.XIV đến Q.XX.

178. HỢP BỘ

KINH KIM QUANG MINH

Tùy Bảo Quý hiệp

Việt dịch: *Tuệ Khai*

Toàn bộ tác phẩm Kinh này gồm có 16 phẩm: - Bài tựa Kinh Kim Quang Minh hợp bộ (Sa-môn Thích Ngạn Tông, chùa Nhật Nghiêm thuật); P.1 Tựa (tựa), P.2 Thọ lượng (thời lượng sống lâu), P.3 Ba thân phân biệt, P.4 Sám hối, P.5 Nghiệp chướng diệt, P.6 Đà-la-ni tối tịnh địa, P.7 Tán tán, P.8 Không, P.9 Y không mãn nguyện, P.10 Tứ Thiên vương, P.11 Chân chủ Đà-la-ni, P.12 Đại Biện thiên, P.13 Công đức thiên, P.14 Kiên Lao Địa thần, P.15 Tán Chỉ quỹ thần, P.16 Chánh luận. (<https://phatphapungdung.com>, *Pháp bảo-Bộ Kinh tập*)

179. Huyền thoại DUY-MA-CẬT

Tác giả: *Tuệ Sỹ*

Nxb Hồng Đức – 2017

Sách có khổ 13.5 x 20.5cm, có 348 trang, (tái bản lần 5), bìa mềm, nền màu tím, chữ tựa màu trắng và đỏ, có hình vẽ ngài Duy-ma-cật đang ngồi trên giường, có tay gấp, có hộp đựng 2 quyển (Huyền thoại Duy-ma-cật và Duy-ma-cật Sở thuyết).

Toàn bộ tác phẩm này được phân thành 10 chương chính và 1 chương kết. Phần đầu là Tựa, C.I, - Pháp hội vườn xoài (Phát khởi chí hướng, Biểu tượng cương giới Phật quốc, Hành trang tư tưởng, Thanh tịnh quốc độ Phật, Tuần tự tu hành, Thể nghiệm Tịnh độ); C.II, - Hiện thân bệnh (Hiện thực và quy ước, Quá trình tu tập, Vận dụng phương tiện, Hiện thân thuyết pháp); C.III, - Hội kiến các Thanh văn (Những hình tượng mâu thuẫn và phản diện, Mười đại đệ tử); C.IV, - Hội kiến các

Bồ-tát (Mâu thuẫn nội tâm và thời đại, Các Bồ-tát); C.V, - Văn-thù thăm bệnh (Ngôn ngữ và biểu tượng, Quan hệ nhân sinh, Điều trị); C.VI, - Bất tư nghị (Trụ và vô trụ, Bất tư nghị, Tòa sư tử, Tự tại, Nhân cách Ca-diếp); C.VII, - Quán chúng sinh (Nhân sinh quan, Phát triển tâm từ, Thiên nữ tán hoa); C.VIII, - Hành trang giác ngộ (Chủng loại Bồ-đề, Quá trình tích lũy, Phiền não tức Bồ-đề, Chủng tánh Như Lai, Quyển thuộc của Bồ-tát); C.IX, - Cửa vào bất nhị (Nhất nguyên tuyệt đối, Từ sự im lặng của Phật, Thể nhập tuyệt đối); C.X, - Những giá trị phổ quát của Bồ-tát hành (Lý tưởng và hiện thực, Những giá trị phổ quát, Nhân cách siêu việt); Chương kết. Sách dẫn.

Sách này được xuất bản từ năm 2007, Nxb Phương Đông.

180. HƯƠNG THIÊN PHÁP CÚ

(Song ngữ Anh-Việt)

**ZEN FRAGRANCE IN
DHAMMAPADA**

Dharma lectures for English speaking class at Wonderful Cause (Diệu Nhân) Zen Convent by Dharma Taecher Thuần Bạch

Tác phẩm này gồm có: - Lời đầu sách (2009); 1. Hộ trì các căn-Quán năm pháp, 2. Bất phong, 3. Điều phục tâm; Phụ lục, Truyện: 4. Bồ thí, 5. Tham ái-khổ-chết, 6. Thiện và ác, 7. Tích lũy nghiệp-cận tử nghiệp, 8. Phản quan tự kỷ con người chân thật, 9. Vọng ngữ, 10. Phước đức-Công đức, 11. Hiện tiền, 12. Tâm bình thường, 13. Hạnh nhẫn nhục, 14. Hạnh độc cư, 15. Tam thân; Truyện: Bàn tay yêu thương, 16. Hạnh xuất gia.
(<https://thuvienhoasen.org>, *Kinh-Giảng giải Kinh*)

K

181. KIM CANG BÁT-NHÃ

Giới thiệu-dịch-chú giải: *Thái Hòa*

Nxb Hồng Đức – 2016

Kinh có khổ 14.5 x 20.5cm, dày hơn 925 trang, bìa cứng.

Nội dung gồm có: Giới thiệu *Kinh Kim Cang*, Không lý từ Văn hệ A-hàm đến Bát-nhã, Phát tâm, an trú tâm và hàng phục tâm, Không vương mắc bởi bất cứ đối tượng nào, Pháp và phi pháp, Thực tướng là vô tướng, Cách nhìn vạn hữu, Vạn hữu đều là Phật pháp, Nhất thừa pháp, Niềm tin và sự chuyển hóa, Niềm tin từ sự lắng nghe, Niềm tin từ sự thuận hành, Không gian của niềm tin, Hiệu năng của niềm tin, Giải thích đề Kinh, Ý nghĩa đề Kinh theo Phạm ngữ và Kinh văn theo thể loại, Ý nghĩa đề Kinh Kim Cang Bát-nhã qua Giáo-Lý-Hạnh và Quả, Kinh Bát-nhã Ba-la-mật-đa Kim Cang năng đoạn dịch từ Phạm văn, Kinh Kim Cang Bát-nhã Ba-la-mật dịch từ Hán văn, Kinh Kim Cang chú giải, Phạm bản Devanagari, Phạm bản phiên âm La-tinh, Hán bản La-thập dịch, Bản Việt âm, Từ vựng, Thư mục tham khảo.

182. KIM CANG BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT KINH Trục Chỉ Đề Cương

(Giáo án Cao đẳng Phật học)

Hán dịch: *Tam tạng Pháp sư Cưu-ma-la-thập (Kumarajiva, 344-413)*

Biên dịch: *Pháp sư Từ Thông*

Nxb Tôn Giáo – 2013

Toàn bộ tác phẩm Kinh này có 88 trang (PDF), gồm 2 phần, 35 chương: - Lời dẫn nhập, *Phần I*, Văn-tư-tu; Nội dung: C.1 Sinh hoạt thường ngày, C.2 Nhân duyên

đề khởi, C.3 Hàng phục Tâm, C.4 Trụ tâm vào bố thí Ba-la-mật, C.5 Thấy thân Phật chưa hẳn đã thấy được Như Lai Phật, C.6 Giáo lý dù thâm thâm siêu tuyệt hậu thế vẫn có người nghe hiểu, C.7 Quả A-nậu-đa-la Tam-miệu-tam-bồ-đề chỉ là danh ngôn Như Lai phương tiện nói, C.8 Phước đức chỉ là danh ngôn Như Lai phương tiện nói, C.9 Bốn quả Thanh văn chỉ là danh ngôn Như Lai phương tiện nói, C.10 Đừng thấy có chứng đắc-đừng khởi niệm thiết lập trang nghiêm cõi Phật, C.11 Bố thí pháp truyền bá Kim Cang Bát-nhã Ba-la-mật-đa Kinh phước đức hơn bố thí tài, C.12 Tên Kinh là phương tiện huyền danh- thuyết pháp là phương tiện Như Lai huyền thuyết! C.13 Vi trần và thế giới nói một thì sai nói hai không đúng, C.14 Thấy 32 tướng của Phật chưa phải thấy Phật càng chưa thấy biết Như Lai, C.15 Thật tướng vẫn phóng xả như phóng xả pháp hữu vi! C.16 Trì Kinh tiêu nghiệp chướng tức thân thành Phật, C.17 Vô ngã, vô nhơn, vô chúng sanh, vô thọ giả, vô ngôn, vô hành, vô đắc, vô chứng, vô tu là những vấn đề được Như Lai tái khẳng định...đỉnh ninh... C.18 Như Lai chỉ cần một đôi mắt, C.19 Phước đức một danh ngôn trừu tượng-danh ngôn giả lập, C.20 Nhược kiến chư tướng phi tướng tức kiến Như Lai, C.21 Như Lai chẳng có pháp riêng để thuyết (đừng nói Như Lai có nói pháp), C.22 Như Lai không hề chứng đắc quả vị! C.23 Trì Kinh Kim Cang Bát-nhã Ba-la-mật phước lớn hơn bố thí tài, C.24 Như Lai không có độ chúng sanh-vì không có chúng sanh Như Lai độ! C.25 Nhớ tướng Như Lai không nhận thức Như Lai qua âm thanh và sắc tướng, C.26 Hiện tượng vạn pháp chuyển biến thay đổi lượng, dần dần thay đổi chất, có ra hiện tượng mới, C.27 Lại vấn đề phước đức, C.28 Như Lai pháp thân, C.29 Thế giới và

vi trần không phải hai nhưng nói một không trùng, C.30 Tứ tướng mà Như Lai đề cập do tùy thuận ngôn ngữ phạm phu, C.31 Hãy nhìn vạn pháp qua tinh thần thập “như thị” của tự nó, C.32 Lại vấn đề thí pháp thí tài phước nhiều phước ít, C.33 (Tâm Kinh) Vạn pháp giai không, C.34 Duyên sanh như huyễn, C.35 Lời kết (sau mỗi chương Kinh có phần Trục chỉ đề cương); *Phần II*, Thọ trì – Đọc tụng, - Lời tự thuật của thầy Khất sĩ A-nan, - Bạt văn. *Kinh này đã được xuất bản từ năm 2009, Nxb Tôn Giáo.*

183. KIM CANG Chú Giải

Hán dịch: *Tam tạng Pháp sư Cưu-ma-la-thập (Kumàrajiva, 344-413)*

Chú giải: *Cư sĩ Như Pháp*

Chứng minh: *Đức Tông sư Minh Trí (1886-1958)*

Giấy phép số 991 Pr. Đề ngày 7/7/1949, in tại nhà in Nguyễn Văn Huân (Sài Gòn). Tác phẩm Kinh chú giải này dày 237 trang, bìa mềm. Nội dung gồm có: - Phạm lệt, Chú giải đại ý Phần 1, có tất cả 27 đoạn *Kinh Kim Cang* và chú giải mỗi đoạn; - Phát minh Tứ cú kệ; - Kết luận, - Bổ khuyết Tâm Kinh (âm Hán và dịch nghĩa), - Phụ giải nghĩa lý “Tâm Kinh đại Trí tuệ Đáo bỉ ngạn”.

184. KIM CANG Chư Gia

Hán dịch: *Tam tạng Pháp sư Cưu-ma-la-thập (Kumàrajiva, 344-413)*

Việt dịch: *Trần Huỳnh*

THPG Tp. Hồ Chí Minh ấn hành, PL. 2538 – DL. 1994

Kinh có khổ 16 x 24cm, có 452 trang, bìa mềm, chữ tựa màu trắng và đỏ, có hình vẽ tranh phong cảnh thiên nhiên có núi và nhà.

Toàn bộ *Kinh Kim Cang chư gia* gồm có 2 phần chính. Tiểu dẫn, Nghi thức tụng

kinh. Nội dung chính: *Kinh Kim Cang* (âm-nghĩa) có 32 phần: 1. Nhân do nói pháp, 2. Thiện hiện khởi hỏi, 3. Đại thừa tông chánh, 4. Hạnh mâu không trụ, 5. Rõ lý như như, 6. Chánh tín ít có, 7. Không chi đặc thuyết, 8. Nương pháp xuất sanh, 9. Một tướng không tướng, 10. Trang nghiêm Tịnh độ, 11. Vô vi phước lớn, 12. Tôn trọng chánh lý, 13. Thọ trì theo pháp, 14. Lìa tướng vắng lặng, 15. Công đức trì kinh, 16. Thường tịnh tiêu nghiệp, 17. Rốt ráo không ta, 18. Xem đồng một thể, 19. Pháp giới khắp độ, 20. Lìa sắc lìa tướng, 21. Thuyết chẳng phải thuyết, 22. Không pháp chi đặng, 23. Tâm tịnh làm lành, 24. Phước trí không sánh, 25. Hóa không chỗ hóa, 26. Pháp thân không tướng, 27. Không đoạn không diệt, 28. Không nhiễm không tham, 29. Oai nghi vắng lặng, 30. Lý tướng nhưt hiệp, 31. Thấy biết không sanh, 32. Ứng hóa không thiết. *Bồ khuyết Tâm kinh. Ngũ thập gia* (53 nhà giải kinh, từ phần 1 đến 31): 1. Bách Trưng Thiên sư, 2. Bàng Uẩn cư sĩ, 3. Bảo Ninh Đồng Thiên sư, 4. Bửu Tích Như Lai, 5. Cổ Đức Thiên sư, 6. Châu Sử Khanh chơn nhơn, 7. Chơn Tịnh Vân Thiên sư, 8. Đạt-ma Đại sư, 9. Đồng Quan Sát Thiên sư, 10. Hải Giác Nguyên Thiên sư, 11. Huyền Tông Hoàng đế, 12. Huỳnh Nghiệt Vận Thiên sư, 13. Kỳ Thiên sư, 14. Kim Hải Quang Như Lai, 15. Kinh San Kiều Thiên sư, 16. Khuê Phong Thiên sư, 17. Lâm Tế Đại sư, 18. Lý Văn Hội cư sĩ, 19. Lục Tổ Đại sư, 20. Lưu Đầu Đại sư, 21. Mã Tổ Đại sư, 22. Nam Tuyên Thiên sư, 23. Ngũ Tổ Đại sư, 24. Nhan Bính Như Như cư sĩ, 25. Nhựt Nguyệt Quang Như Lai, 26. Pháp Thường Mãn Như Lai, 27. Phó Đại sĩ, 28. Qui Tông Thiên sư, 29. Tạ Linh Vận, 30. Tăng Nhược Nột Thiên sư, 31. Tăng Liễu Tánh Vân Am Thiên sư, 32. Tăng Triệu Pháp sư, 33. Tăng Tử Vinh Phú Sa Thiên

sư, 34. Tăng Vi Từ Am Thiên sư, 35. Tiêu Diêu Ông, 36. Tiên Du Ông, 37. Tổ Ấn Minh Thiên sư, 38. Tông Mật Thiên sư, 39. Tụ Tại Lực Vương Như Lai, 40. Tứ Tổ Nhẫn Đại sư, 41. Từ Thọ Thâm Thiên sư, 42. Thái Dương Huyền Thiên sư, 43. Thiên Thai Trí Khải Đại sư, 44. Thông Vương Như Lai, 45. Trần Hùng cư sĩ, 46. Triều Văn Nguyên cư sĩ, 47. Trương Vô Tận cư sĩ, 48. Văn Thù Sư Lợi Bồ-tát, 49. Viên Ngộ Thiên sư, 50. Vĩnh Gia Đại sư, 51. Vô Danh Thị, 52. Vương Nhựt Hưu cư sĩ, 53. Xuyên Thiên sư (Giả phò). *Tác phẩm này đã được ấn hành năm 1961, In tại Nhà in Sen Vàng (Sài Gòn).*

185. KIM CANG DIỆU CẢM

Dịch giải: *Nguyên Nguyên*

Nxb Tôn Giáo – 2010

Sách có khổ 14 x 0cm, có 167 trang, bìa mềm.

Toàn bộ tác phẩm này gồm có: Lời mở đầu, nội dung có 32 đoạn Kinh Kim Cang (trong mỗi đoạn có: Nguyên văn chữ Hán, Phiên âm Hán Việt, Phiên bản tiếng Việt, Diệu cảm); và Phụ lục: 1. Tổng quan, 2. Yếu lược, 3. Từ vựng.

Xem: (32 đoạn) Kinh Kim Cang Bát-nhã Ba-la-mật

186. KIM CANG Giảng Luận

Dịch và giảng: *Thích Thanh Từ*

THPG Tp. Hồ Chí Minh ấn hành, PL. 2536 – DL. 1993

Kinh có khổ 14 x 20cm, có khoảng 300 trang, bìa mềm.

Nội dung gồm có: Lời đầu, Lược khảo, *Kinh Kim Cang* giảng, gồm 32 đoạn Kinh (ở mỗi đoạn có: dịch âm, dịch nghĩa và giảng); *Bát-nhã Tâm Kinh* (Prajnaparamitahridaya Sutra) giảng giải.

Xem: (32 đoạn) Kinh Kim Cang Bát-nhã Ba-la-mật

187. KIM CANG HUYỀN NGHĨA

Việt dịch: HT. Thích Chơn Pháp

Nxb Tôn Giáo – 2010

Sách có khổ 14.5 x 20.5cm, dày 112 trang, bìa mềm. Nội dung gồm có 27 đoạn: Lời dẫn, 1. Nguyên do sự việc, 2. Bắt đầu xảy ra, 3. Diệu hạnh vô trụ, 4. Như lý thật kiến, 5. Vô đắc – Vô thuyết, 6. Y pháp xuất sanh, 7. Nhất tướng – vô tướng, 8. Trang nghiêm Tịnh độ, 9. Vô vi thắng phước, 10. Như pháp thọ trì, 11. Ly tướng tịch diệt, 12. Trì kinh công đức, 13. Năng tịnh nghiệp chướng, 14. Cứu cánh vô ngã, 15. Nhất thể đồng quán, 16. Pháp giới thông hóa, 17. Ly sắc ly tướng, 18. Phi thuyết sở thuyết, 19. Vô pháp khả đắc, 20. Hóa vô sở hóa, 21. Pháp thân phi tướng, 22. Vô đoạn vô diệt, 23. Bất thọ bất tham, 24. Oai nghi tịch tịnh, 25. Nhất hợp tướng lý, 26. Trì kiến bất sanh, 27. Ứng hóa phi chơn.

188. KIM CANG KINH

Việt dịch: Đoàn Trung Còn (1908-1988)

Phật học Tông thư xuất bản – (in kỳ nhì)

Kinh có 139 trang, bìa mềm, chữ tựa màu đen, có hình Đức Phật ngồi giảng pháp cho một đệ tử nghe. Nội dung gồm có: Phần đầu là (Nghị thức tụng Kinh): Hương tán, Tụng các chú,... Phụng thỉnh Tứ Bồ-tát, Khai Kinh kệ, *Kim Cang Bát-nhã Ba-la-mật Kinh*, Hán dịch: Tam tạng Pháp sư Cưu-ma-la-thập, Kinh văn chữ Hán, dịch âm; Phần sau là dịch nghĩa, gồm 32 đoạn. (cuối một số trang có chú thích)

Tác phẩm Kinh này tái bản năm 2015, Nxb Tôn Giáo, khổ 16 x 24cm, có 87 trang, bìa mềm, với nhan đề: “Kinh Kim Cang-Kim Cang Bát-nhã Ba-la-mật Kinh, âm nghĩa, do Đoàn Trung Còn & Nguyễn Minh Tiến Việt dịch và chú giải”.

189. KIM CANG KINH Thích Yếu

Thiền sư Nguyệt Khê Tâm Viên (1879-1965)

Việt dịch: *Hậu học Đặng Hữu Trí*

Hiệu đính: *Ấn sư Song Hào Lý Việt Dũng*

Nxb Hồng Đức – 2018. Kinh có khổ 14.5 x 20.5cm, dày hơn 291 trang.

Nội dung gồm có 32 phẩm: Lời giới thiệu, Kỷ lược Phật Nguyệt Khê thành Đạo, I. Giải thích đề Kinh Kim Cang Bát-nhã Ba-la-mật, 1. Giải thích Thật tướng Bát-nhã, 2. Giải thích Quán chiếu Bát-nhã, a. Soi xét tường tận căn bản của phiền não, b. Phá trừ vô thi vô minh, 3. Thế nào gọi là Phương tiện Bát-nhã? 1. Niết-bàn hữu dư, 2. Pháp môn nhập vào Niết-bàn vô dư, 3. “Thấu triệt ba câu” chỉ rõ Phật tánh, 4. Phân biệt xiển minh bốn bệnh, 5. Phân biệt xiển minh bốn tướng, 6. Biện biệt sự trước sau của chân và vọng, II. Giảng thuật bốn văn Kinh Kim Cang Bát-nhã Ba-la-mật, Phần (P) 1. Nhân do của Pháp hội, P.2 Ngài Thiện Hiện xin giải bày (tức ngài Tu-bồ-đề hỏi Phật về việc minh tâm kiến tánh), P.3 Chánh tông của Đại thừa, P.4 Diệu hạnh vô trụ, P.5 Như lý thực thấy, P.6 Lòng tin chân chánh hiếm có, P.7 Vô đắc vô thuyết, P.8 Y theo pháp mà xuất sanh, P.9 Nhất tướng vô tướng, P.10 Tịnh độ Trang nghiêm, P.11 Phước thù thắng của Vô vi, P.12 Tôn trọng Chánh giáo, P.13 Như pháp Thọ trì, P.14 Lìa tướng tịch diệt, P.15 Công đức của trì Kinh, P.16 Thường hay Thanh tịnh Nghiệp chướng, P.17 Rốt ráo vô ngã, P.18 Nhất thể đồng quán, P.19 Sự biến hóa thông suốt của Pháp giới, P.20 Lìa sắc lìa tướng, P.21 Cái gọi là “thuyết” vốn chẳng phải là “thuyết”, P.22 Không có Pháp đề đắc, P.23 Tịnh tâm hành thiện, P.24 Phước trí không thể so sánh, P.25 Hóa độ mà không có chỗ hóa độ, P.26 Pháp thân chẳng phải là tướng, P.27 Không có đoạn-không có diệt,

P.28 Không thọ nhận-không tham lam, P.29 Oai nghi tịch tĩnh, P.30 Nhất hợp lý tướng, P.31 Tri kiến không sanh khởi, P.32 Ứng hóa chẳng phải là chân thật.

190. KIM CANG Nghĩa Tụng Giảng Giải

HT. Giới Hương

Nxb Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh, PL. 2555 – DL. 2011

Kinh có khổ 13 x 21cm, dày hơn 135 trang, bìa mềm. Nội dung gồm có: Thay lời tựa, Lời nói đầu; và 32 phần Kinh (ở mỗi phần có: Chánh văn, Dịch nghĩa và Giảng).

Xem: (32 phần) Kinh Kim Cang Bát-nhã Ba-la-mật

191. KIM CANG Quyết Nghi & TÂM KINH Trục Thuyết

Hám Sơn Đại sư

Khảo đính: *Sa-môn Thích Huyền Dung*

Việt dịch: *Vương Gia Hôn – Pháp danh Thiền Minh*

Nxb Tôn Giáo, PL. 2550 – DL. 2006

Sách có khổ 14.5 x 20.5cm, có hơn 137 trang, bìa mềm.

Kim Cang Quyết Nghi, Tựa của Dịch giả, Tựa của Cư sĩ Lục Khoan Dục, Lời tựa Kim Cang Quyết Nghi, Kim Cang Quyết Nghi văn Kinh; Kim Cang Quyết Nghi-Phần I, Phần II; Tâm Kinh Trục Thuyết; Kinh sách tham khảo, Phần Hán văn.

192. KIM CANG TAM-MUỘI ĐẠI BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT

Thuần Tâm

Lăng Nghiêm Thiền viện – Tri Thức

Kiểm duyệt số

6.217/74/BDVCH/PHBCNT/ALP/TP,

ngày 5-12-1974

Sách dày 378 trang, bìa mềm. Nội dung gồm có 90 phẩm: Tựa, Sơ dẫn, Tìm hiểu

Kinh Ma-ha Bát-nhã Ba-la-mật, P.1 Tựa, P.2 Phụng bát, P.3 Tu tập đúng, P.4 Vãng sanh, P.5 Tán thán Ba-la-mật, P.6 Tướng lười, P.7 Tam giả, P.8 Khuyến học, P.9 Tập tán, P.10 Hành tướng, P.11 Áo học, P.12 Cú nghĩa, P.13 Kim Cang, P.14 Đoạn kiến, P.15 Phú-lâu-na, P.16 Thừa Đại thừa, P.17 Trang nghiêm, P.18 Vấn Thừa, P.19 Quảng Thừa, P.20 Phát thú, P.21 Xuất đạo, P.22 Thắng xuất, P.23 Đẳng Không, P.24 Hội tông, P.25 Thập vô, P.26 Vô sanh, P.27 Thiên vương, P.28 Áo nhơn Thính pháp, P.29 Tán hoa, P.30 Tam thán, P.31 Diệt tánh, P.32 Bửu pháp Đại minh, P.33 Thuật thành, P.34 Khuyến trì, P.35 Khiển trừ Ma ngoại, P.36 Tôn đạo, P.37 Xá-lợi, P.38 Pháp thí, P.39 Tương tợ, P.40 Tùy hỷ, P.41 Chiếu minh, P.42 Tín hủy, P.43 Thán tịnh, P.44 Vô tác, P.45 Ma-ha Ba-la-mật, P.46 Kinh Nhĩ văn trì, P.47 Ma sự, P.48 Bất Hòa hiệp, P.49 Phật mẫu, P.50 Vấn tướng, P.51 Thành biện, P.52 Thí dụ, P.53 Thiện Tri thức, P.54 Xu hướng Nhất thiết trí, P.55 Đại như, P.56 Bất Thối chuyển, P.57 Kiên cố, P.58 Thâm áo, P.59 Mộng hành, P.60 Hằng-già-đề-bà, P.61 Học không-bất chứng, P.62 Mộng trung Bất chứng, P.63 Ma sầu, P.64 Đẳng học, P.65 Tùy hỷ, P.66 Hư không, P.67 Chúc lụy, P.68 Bất khả tận, P.69 Lục độ Tương nhiếp, P.70 Đại Phương tiện, P.71 Tam Huệ, P.72 Đạo Thọ, P.73 Bồ-tát hạnh, P.74 Chứng Thiện căn, P.75 Biến học, P.76 Nhứt niệm, P.77 Lục dụ, P.78 Tứ nhiếp, P.79 Thiện Đạt, P.80 Thật Tế, P.81 Tinh Phật quốc, P.82 Cụ túc, P.83 Quyết định, P.84 Tứ đế, P.85 Thất dụ, P.86 Bình đẳng, P.87 Như hóa, P.88 Bát-đà-ba-luân, P.89 Đàm-vô-kiệt, P.90 Chúc lụy.

193. KIM CANG TAM-MUỘI KINH

Giới thiệu-dịch và chú giải: *Thích Thái Hòa*

Nxb Hồng Đức, PL. 2557 – DL. 2013.

Toàn bộ tác phẩm Kinh này có 279 trang, gồm 8 phẩm: - Giới thiệu Kim Cang Tam-muội Kinh, Kinh bản và huyền thoại, Ý nghĩa đề Kinh, Đặc điểm của Kim Cang tam-muội Kinh: 1. Tông yếu, 2. Giáo học, 3. Pháp hành, 4. Quả vị; Kim Cang Tam-muội Kinh: P.1 Tựa, P.2 Pháp vô tướng, P.3 Hành vô sanh, P.4 Lợi ích từ bản giác, P.5 Vào bên bờ chân thực, P.6 Chân tánh không, P.7 Như Lai tạng, P.8 Tổng trì; Thư mục tham khảo.

194. KIM CANG – THE DIAMOND SUTRA

Dịch và chú giải: *Đình Sỹ Trang*

Tái bản ấn tổng – 2005

Kinh có khổ 14.5 x 20.5cm, có 235 trang, bìa mềm. Tác phẩm gồm có: Lời giới thiệu, Lời đầu sách, Ý nghĩa của tên Kinh, *Kinh Kim Cang chú giải*; Nội dung có 32 chương: 1. Nguyên do hội thuyết pháp, 2. Ông Tu-bồ-đề hỏi Phật, 3. Chánh tông của Đại thừa, 4. Bồ thí không dựa vào tướng, 5. Phải biết thấy cho đúng, 6. Biết tin cho đúng, thật là có ít, 7. Không có pháp để được, 8. Phật và Pháp đều từ Kinh này mà ra, 9. Quả vị cũng không chấp, 10. Trang nghiêm cõi Phật, 11. Pháp thí tạo phước lớn hơn hết, 12. Tôn trọng giáo lý chân chánh, 13. Tiếp nhận và thực hành theo lời Phật dạy, 14. Dứt bỏ mọi khái niệm về tướng, 15. Công đức lớn khi ứng dụng Kim Cang, 16. Khả năng tiêu trừ nghiệp chướng, 17. Sau rốt khái niệm về Ngã cũng không có, 18. Thấy được cái thể đồng nhất, 19. Thông hiểu pháp giới, 20. Không chấp vào hình tướng, 21. Không có nói pháp, 22. Không có pháp để được, 23. Tịnh tâm khi làm việc lành, 24. Đọc tụng Kim Cang được phước lớn, 25. Hóa độ với

tinh thân vô ngã, 26. Pháp thân không có hình tướng, 27. Không chấp đoạn, không chấp diệt, 28. Không thọ lãnh và không tham, 29. Pháp thân thanh tịnh, 30. Đạo lý về tướng hợp nhất, 31. Không nên chấp tướng của sự vật, 32. Tất cả sự vật và hiện tượng đều không thật. Phụ lục: Bản dịch Anh văn, Bản chính Hán văn.

195. KIM CANG và TÂM KINH

Dịch nghĩa và lược giải: *Thích Thiện Hoa*
Hương Đạo xuất bản – 1965 (in lần thứ nhất)

Kinh dày 255 trang, bìa mềm. Nội dung gồm có: I. Lời tựa, II. Kinh Kim Cang Bát-nhã (dịch nghĩa và lược giải), III. Bát-nhã Tâm Kinh (dịch nghĩa và lược giải); IV. Phụ lục: “Một sự nghiệp của đời tôi”.

196. KIM CƯƠNG KINH

Giải Nghĩa

Người giảng: *Giang Vị Nông Cư sĩ*

Việt dịch: *Đỗ Nam Lão nhân*

Nxb Hồng Đức – 2018

Kinh có khổ 16 x 24cm, dày hơn 1.094 trang, bìa cứng, nền đỏ, chữ mạ vàng. Nội dung gồm có 5 quyển: Lời nói đầu của Dịch giả; Q.I Bát-nhã cương yếu, Dung hội Chư gia, Noi theo năm tầng giải nghĩa Kinh đề, Hiện thể, Phân biệt chỗ giống nhau và khác nhau, Hiện thể, Giải thích nghĩa Minh tông, Phân biệt cái khác nhau và cái giống nhau, Minh tông, Biện dụng, Giải nghĩa phán giáo tướng, Phiếm luận giáo tướng, Giải thích người dịch, Kim Cương Bát-nhã; Q.II Biệt giải văn nghĩa, Phát khởi tự, Chính tông phạm, Xung tán, Thỉnh pháp, Như Lai tán hứa, Hứa nói, Khế hợp với tôn chỉ, cầu xin nói rõ, Theo cảnh nói rõ vô trụ để hiển Bát-nhã lý thể, Chính nói rõ, Trung thích, Chẳng trụ ở tướng tức là trụ, Trung thích có của nó, Thí dụ cho rõ, Sanh tìn; Q.III Suy mở Vô

trụ để khai giải, Bất hoại giả danh, Cực hiển kinh công; Q.IV Tỏ rõ Vô trụ để hiển Bát-nhã lý thể, Đem quả để tỏ rõ nhân; Q.V Lưu thông phần.

Tác phẩm này đã xuất bản từ năm 1972, Nxb Hạnh Phúc.

197. KIM CƯƠNG KHỦNG BỐ TẬP HỘI PHƯƠNG QUẢNG QUỶ NGHI QUÁN TỰ TẠI BỒ-TÁT TAM THỂ TỐI THẮNG

TÂM MINH VƯƠNG KINH

Mật Tạng bộ 3 – No. 1033

Hán dịch: *Tam tạng Sa-môn Bất Không*

Việt dịch: *Huyền Thanh*

Tác phẩm Kinh này có 21 trang (PDF), gồm 9 phẩm: P.1 Tựa, P.2 Việc thành tựu, P.3 Thành tựu báu như ý, P.4 Trị liệu tất cả bệnh, P.5 Tất cả hữu tình kính niệm, P.6 Thành tựu nghĩa lợi, P.7 Thành tựu Nghi quỹ, P.8 Phổ thông thành tựu, P.9 Thành tựu tâm chân ngôn. (<https://quangduc.com>, *Kinh*)

198. KIM QUANG MINH TỐI THẮNG VƯƠNG KINH

Việt dịch: *Huyền Thanh*

Nxb Hồng Đức, PL. 2558 – DL. 2015

Kinh có khổ 20 x 29cm, có 191 trang. Nội dung gồm 10 quyển: 1. Sơ lược về Kinh Kim Quang Minh, 2. Kim Quang Minh Tối Thắng Vương Kinh, từ Q.I đến Q.X, 3. Kim Quang Minh Tối Thắng sám nghi, 4. Mục lục

199. KINH A-DI-ĐÀ

Hán dịch: *Tam tạng Pháp sư Cưu-ma-la-thập (Kumàrajiva, 344-413)*

Việt dịch và lược giảng: *Thích Vĩnh Hóa*
Lu Mountain Temple (Lư Sơn tự), 7509 Mooney Drive, Rosemead, CA 91770, USA, xuất bản lần thứ nhất. Toàn bộ tác phẩm Kinh này dày 327 trang, với nội

dung gồm có: - Lời giới thiệu, - Kinh tựa, - Chánh phần, - Phần lưu thông. (<https://thuvienhoasen.org>, *Kinh Sanskrit/Hán tạng*)

200. KINH A-DI-ĐÀ

Việt dịch: *HT. Thích Tâm Châu (1921-2015)*

Nội dung tác phẩm Kinh này gồm có: - Lời Phật dạy, Mật niệm, Nguyên hương, Kỳ nguyện, Tán Phật – Quán tưởng, Đỉnh lễ, Trì tụng, Chú Đại bi (tiếng Phạn), Kệ khai Kinh; - *Phật nói Kinh A-di-đà*; Sau cùng là Niệm Phật, Sám nguyện, Hồi hướng, Phục nguyện, Tự quy, Chú Đại bi (tiếng Phạn). (<https://quangduc.com>, *Kinh*)

201. KINH A-DI-ĐÀ

Hán dịch: *Tam tạng Pháp sư Cưu-ma-la-thập (Kumarajiva, 344-413)*

Việt dịch: *Tỳ-kheo Thích Minh Định*

Tác phẩm Kinh này gồm có: Phần đầu là Nghi thức tụng Kinh; Chánh văn: - *Phật nói Kinh A-di-đà*; Sau cùng là Ma-ha Bát-nhã Ba-la-mật-đa Tâm Kinh và nghi thức Hồi hướng. (www.quangduc.com, *Kinh*)

202. KINH A-DI-ĐÀ

Soạn dịch: *Thích Nhật Từ*

Nxb Tôn Giáo – 2005

Kinh có khổ 14 x 20.5cm, có 34 trang, bìa mềm, nền đỏ, chữ tựa màu nâu, có hình tượng Đức Phật A-di-đà đứng, một tay bưng đóa hoa sen. Nội dung gồm có: Lời nói đầu, Phần Nghi thức dẫn nhập, 1. Nguyên hương, 2. Đánh lễ Tam bảo, 3. Tán hương, 4. Phát nguyện trì Kinh, 5. Tán dương Giáo pháp; Phần Chánh Kinh, 6. Kinh A-di-đà; Phần Sám nguyện và Hồi hướng: 7. Bát-nhã Tâm Kinh, 8. Niệm Phật, 9. Mười hai lời nguyện, 10a. Sám Di-đà, 10b. Sám Niệm Phật, 10c. Sám Nhất tâm, 10d. Sám Phát nguyện, 10e.

Sám Tổng táng, 11. Hồi hướng Công đức, 12. Phục nguyện, 13. Đánh lễ Ba ngôi báu.

203. KINH A-DI-ĐÀ

Giảng giải: *Định Sĩ Trang*

Sách có 175 trang, bìa mềm. Nội dung gồm: Đức Phật A-di-đà, Kinh A-di-đà – Pháp môn Tịnh Độ, Phương cách tu tập: Tọa thiền niệm Phật, Ngọa thiền niệm Phật, Lạy Phật niệm Phật, Tụng Kinh niệm Phật, Kinh A-di-đà dịch ra tiếng Việt; Kinh A-di-đà giảng giải; Lạy Phật có ích cho sức khỏe; 48 nguyện của Phật A-di-đà. (Số bản tài liệu: KSTV011423, lưu tại Thư viện Học viện PGVN tại Tp. Hồ Chí Minh)

204. KINH A-DI-ĐÀ Bạch Thoại Giải Thích

Diễn thuật: *Cư sĩ Huỳnh Trí Hải*

Việt dịch: *HT. Thích Trí Minh*

Nxb Phương Đông – 2011.

Kinh có khổ 14 x 20cm, dày 484 trang, 2 bìa (1 bìa mềm bao, 1 bìa cứng).

Nội dung gồm có: Lời người dịch, Lời tựa (1), Lời tựa (2), *Kinh A-di-đà Bạch thoại giải thích*, Quyển thượng và Quyển hạ, Pháp sư Ấn Quang giám định (trong mỗi quyển có: Kinh văn, âm, nghĩa, giải, thích, tóm tắt, phụ lục, giải thích danh từ trong phần phụ lục); sau cùng là Lời bạt, Phần phụ Phụ Phương pháp tu hành, Pháp Thập niệm, Kệ Hồi hướng và Văn hồi hướng.

Tác phẩm này được xuất bản từ năm 2001, Nxb Tôn Giáo.

205. KINH A-DI-ĐÀ Giảng Giải

Giảng giải: *Nhất Hạnh*

Kinh dày 142 trang, bìa mềm. Nội dung gồm có: Bụt tại mười phương, Tịnh nhiễm do tâm, Khổ vui tương tác, Diệu dụng pháp thân, Tích môn Bản môn, Đạo tràng lý tưởng, Gió chim thuyết pháp, Tạo lập

Tịnh độ, Nắm lấy danh hiệu, Đã về đã tới, Hoa sen chín phẩm, Thiên định không hai, Gạn đục khơi trong, Ba nguồn năng lượng; *Kinh A-di-đà* (thầy Nhất Hạnh dịch từ bản chữ Hán). (Bản lưu tại Thư viện Huệ Quang-Trung Tâm Dịch thuật Hán Nôm Huệ Quang, Tp. Hồ Chí Minh; Mã sách: VKINH 0109)

206. KINH A-DI-ĐÀ (Họa Tập)

Họa tranh và lời: *Thích nữ Minh Triều*

Nxb Tôn Giáo – 2004

Kinh có khổ 16 x 24cm, có 60 trang, bìa cứng. Nội dung gồm có: Lời nói đầu, *Phật nói Kinh A-di-đà*, với 23 hình Phật A-di-đà và cảnh giới Tây phương.

207. KINH A-DI-ĐÀ – HỒNG DANH – VU LAN

(Có chữ Hán, chữ Quốc ngữ, có diễn âm, diễn Nghĩa lý và Sự tích)

Hán dịch: *Tam tạng Pháp sư Cưu-ma-la-thập và Trúc Pháp Hộ*

Các vị trong tòa soạn Phật học Tạp chí Từ Bi Âm dịch ra Quốc văn

Hội Nam kỳ Nghiên cứu Phật học (Điều lệ có quan Thống đốc Nam kỳ phê ngày 26/1931), ấn hành năm 1934.

(Bản lưu tại Thư viện Huệ Quang, Trung Tâm Dịch thuật Hán-Nôm Huệ Quang, Tp. Hồ Chí Minh)

208. KINH A-DI-ĐÀ – HỒNG DANH – VU LAN – PHỔ MÔN

Dịch âm-nghĩa: *Thích Trí Tịnh (1917-2014)*

Liên Hải Phật Học Đường

In tại Nhà In Thạnh Mậu (Gia Định), PL. 2501 – DL. 1957

Kinh có 104 trang, bìa mềm. Nội dung gồm có: *I. Kinh Phật thuyết A-di-đà*, Hán dịch: Tam tạng Pháp sư Cưu-ma-la-thập, 1. Kỳ viên đại hội, 2. Y báo-chánh báo, 3.

Y báo trang nghiêm, 4. Chánh báo vô lượng thù thắng, 5. Nhơn sanh vãng sanh, 6. Sáu phương Phật đồng khuyến tin, 7. Thuyết Kinh rất khó; Bạt Nhất thiết Nghiệp chướng Căn bản đặc sanh Tịnh độ Đà-la-ni, A-di-đà Phật tán; Thích nghĩa, Phụ lục vài tích vãng sanh có chứng nghiệm; 48 Đại Nguyên của Đức Phật A-di-đà; II. *Hồng danh Bửu sám*, dịch âm-dịch nghĩa; Thích nghĩa; III. *Vu Lan Bồn Kinh*, dịch âm-dịch nghĩa, Thích nghĩa; IV. *Quán Thế Âm Bồ-tát Phổ Môn Phẩm*, dịch âm-dịch nghĩa, Thích nghĩa.

(Bản lưu tại Thư viện Huệ Quang-Trung Tâm Dịch thuật Hán Nôm Huệ Quang, Tp. Hồ Chí Minh; Mã sách: VKINH 0188)

209. KINH A-DI-ĐÀ – HỒNG DANH – VU LAN – PHỔ MÔN – KIM CANG

Cao Miên Phật Giáo Nam Vang – 1938
 Kinh dày 116 trang, bìa mềm. Nội dung gồm có: Chú Rửa tay, Chú Rửa mặt, Chú Súc miệng, 1. Bài Kệ niệm hương, 2. Bài Nguyên chuông, 3. Chú Tịnh khẩu nghiệp, 4. Chú Tịnh thân nghiệp, 5. Chú Tịnh tam nghiệp, 6. Chú An thổ địa, 7. a. Chú Hộ pháp, b. Bài Tán dương chi, 8. Chú Đại bi, 9. Bài Kệ khai Kinh, 10. A-di-đà Kinh, 11. Hồng Danh sám, 12. Vu Lan bồn Kinh, 13. Phổ Môn Kinh, 14. Kim Cang Kinh, 15. Bồ khuyết Tâm Kinh, 16. Đại Bồ khuyết, 17. Chú vãng sanh, 18. Bài Kệ tán Phật, 19. Bài Sám Thập phương, 20. Bài Thập giả kinh, 21. Bài Phúng tụng Kinh, Nguyên tiêu và Nguyên sanh, 22. Bài Tam Quy y.

210. KINH A-DI-ĐÀ nghĩa

Việt dịch: *HT. Thích Trí Tịnh (1917-2014)*

Nxb Hồng Đức – 2015

Kinh có khổ 14.5 x 20.5cm, có 47 trang, bìa mềm, nền màu cam, chữ tựa màu trắng

và nâu đỏ, có hình tượng Đức Phật A-di-đà đứng, một tay bung đóa hoa sen. Nội dung gồm có: Nghi thức Trì tụng (Nguyên hương, Tán Phật, Tán lư hương, Chú Đại Bi); *Phật nói Kinh A Mi Đà*, Hán dịch: Tam tạng Pháp sư Cưu-ma-la-thập, 1. Kỳ viên đại hội, 2. Y báo-chánh báo, 3. Y báo trang nghiêm, 4. Chánh báo vô lượng thù thắng, 5. Nhơn sanh vãng sanh, 6. Sáu phương Phật đồng khuyến tin, 7. Thuyết Kinh rất khó; Bạt Nhất thiết Nghiệp chướng Căn bản đặc sanh Tịnh độ Đà-la-ni, Bài Khen Phật A-mi-đà, Ma-ha Bát-nhã Ba-la-mật-đa Tâm Kinh, Vãng sanh Quyết định Chân ngôn, Kệ niệm Phật, Sám Từ Vân, Tán Hộ Pháp, Hồi hương, Tụ Quy y, Nguyên; Thích nghĩa A-mi-đà Kinh.

Tác phẩm Kinh này được xuất bản từ năm 1952, Tụ Giác Phật Học Tùng Thư ấn hành, với nhan đề “Phật thuyết A-di-đà Kinh” do Thích Trí Tịnh dịch và phiên âm; tái bản nhiều lần: Năm PL. 2554 – DL. 2010, Nxb Tôn Giáo, khổ 14.5 x 20.5cm, có 47 trang, bìa mềm, chữ tựa màu đỏ, có hình tượng Đức Phật A-di-đà đứng; năm 2009-2012, Nxb Tôn Giáo.

211. KINH A-DI-ĐÀ (Nghĩa)

Tổ đình Linh Quang Tịnh xá (Quận 4, Tp. Hồ Chí Minh) ấn hành

Nxb Tôn Giáo – 2010

Kinh có khổ 14.5 x 20.5cm, có 86 trang, bìa mềm. Nội dung gồm có: Nghi thức Tịnh độ (Tịnh khẩu nghiệp chơn ngôn, Án Thổ địa chơn ngôn, Tịnh Tam nghiệp chơn ngôn, Phổ Cúng dường chơn ngôn, Phụng thỉnh bát Kim Cang, Phụng thỉnh tứ Bồ-tát, Phát nguyện văn, Văn hà phạm, Khai Kinh kệ); Phật nói Kinh A-di-đà; Ma-ha Bát-nhã Ba-la-mật-đa Tâm Kinh, Bạt nhất thiết Nghiệp chướng căn bản đặc sanh Tịnh độ Đà-la-ni, Sám Tĩnh tâm, Hồi

hướng, Phục nguyện, Tam tự Quy y, Tán A-di-đà Phật, 12 Lời nguyện, Sám Nhất tâm, 10 Lợi ích ân tạo Kinh Phật; Các ngày lễ kỷ niệm của Phật giáo, Những ngày trai.

212. KINH A-DI-ĐÀ PHẬT THUYẾT A-DI-ĐÀ KINH (âm – nghĩa)

Hán dịch: *Tam tạng Pháp sư Cưu-ma-la-thập (Kumàrajiva, 344-413)*

Việt dịch và chú giải: *Đoàn Trung Còn và Nguyễn Minh Tiến*

Nxb Tôn Giáo – 2010. Tác phẩm Kinh này có 50 trang, bìa mềm, nội dung gồm có: - Nghi thức khai Kinh (Niệm hương, Cúng hương tán Phật, Kỳ nguyện, Tán Phật, Quán tưởng, Tán hương, Chú Đại bi, Khai Kinh kệ); Phần dịch âm: *Phật thuyết A-di-đà Kinh* (Tán Phật, Chí tâm đánh lễ, Ma-ha Bát-nhã Ba-la-mật-đa Tâm Kinh, Vãng sanh Quyết định Chân ngôn, Tán Phật, Sám Thập phương, Sám Phổ Hiền, Hồi hướng, Tam tự Quy y); Phần dịch nghĩa: Kinh A-di-đà.

Tác phẩm Kinh này tái bản năm 2016, Nxb Tôn Giáo, khổ 16 x 24cm, có 50 trang, bìa mềm, nền đỏ, có khung bao hoa văn bốn góc, chữ tựa màu vàng và màu trắng, có hình hoa sen.

213. KINH A-DI-ĐÀ (Phạn – Việt)

Dịch và chú thích: *Lê Tự Hỷ*

Nxb Hồng Đức – 2020. Kinh có khổ 15.5 x 23.cm, có 195 trang, bìa mềm.

Nội dung gồm có: Lời mở đầu, và 20 đoạn văn Kinh (trong mỗi đoạn có: Kinh văn chữ Phạn, Từ vựng, Chuyên câu theo Devanàgari qua IAST, Tháo hợp âm, Phân tích ngữ pháp của các từ, Cho ý nghĩa của các từ và Dịch Phạn văn ra Việt văn); Phụ lục: Từ vựng trong Kinh A-di-đà; Tài liệu tham khảo.

214. KINH A-DI-ĐÀ Sớ Sao

Sớ sao: *Sa-môn Châu Hoằng (1532-1612)*
Dịch giả: *HT. Thích Hành Trụ (1904-1984)*

THPG Tp. Hồ Chí Minh ấn hành, PL. 2535 – DL. 1991

Kinh có khổ 15 x 23cm, dày 472 trang, bìa mềm, nền vàng, chữ tựa màu đỏ, có hình huy hiệu GHPGVN-TP.HCM, có tay gấp. Toàn bộ Kinh này gồm có 4 quyển chính: Lời giới thiệu, Lời tựa, Lời nói đầu; *Quyển I*, Phần Thông tự đại ý của kinh (Nói rõ tự tánh, Khen ngợi kinh này, Cảm thích thời cơ, Tỏ ý mình giải kinh, Cầu Phật giúp thêm), Phần Chánh tông và Phần lưu thông; *Quyển II*, Rõ bày y báo, chánh báo đều tốt sạch để cho chúng nảy lòng tin ưa, Chỉ ngay hạnh nguyện ra, khiến cho chúng biết đề mà tu chứng, Cùng nhau dẫn lời Phật nói, để cho chúng dứt lòng nghi lầm, Cùng nhau rõ sự khó khăn để cho chúng nảy lòng cảm thiết; *Quyển III*, Nhạc trời, Đất vàng, Tuôn hoa, Tóm kết; *Quyển IV*, Cảm quả: Phật hiện trước mặt ta, Ta sanh qua xứ Phật.

Kinh này được tái bản nhiều lần: Năm 1949, Giác Nguyên Tự Phật Học Đường xuất bản, với tựa “Kinh Di-Đà sớ sao”, Trọn bộ-Quyển I, II và III, dịch giả Sa-môn Lê Phước Bình (tức HT. Thích Hành Trụ); năm PL. 2517-DL. 1954, Phật học đường Giác Nguyên xuất bản và phát hành, In tại Nhà in Nam Quan (Sài Gòn), Giấy phép số 137 T.X.B. ngày 2-3-1954 của Nha Thông tin Việt Nam, với tựa “Kinh A-Mi-Đà sớ sao”-Trọn bộ; năm PL. 2518 – DL. 1974, Giác Nguyên Tự Phật Học Viện (Sài Gòn) tái bản lần thứ nhất, In tại Nhà in Sen Vàng; năm 1983, Phật học viện Quốc tế ấn hành; năm 2007; năm 2013, Kinh A-di-đà sớ sao, tập 1, THPG Tp. Hồ Chí Minh ấn hành.

215. KINH A-DI-ĐÀ Sớ Sao

(Gồm phần trì tụng – phần giải thích – phần chú thích các hạng từ Phật học)

Thuyết: *Sa-môn Châu Hoằng (1532-1612)*

Dịch và giải: *Tiến sĩ Nguyễn Hồng*

Nxb Tôn Giáo – 2004

Kinh có khổ 14.5 x 20.5cm, dày hơn 477 trang, bìa cứng. Nội dung gồm có 3 phần: I. Phần tụng tri: Nghi thức bằng tiếng Việt; II. Phần giải nghĩa: Bản dịch Kinh A-di-đà sớ sao; III. Phần chú thích: Bản dịch các hạng từ Phật học.

216. KINH A-DI-ĐÀ Sớ Sao Diễn Nghĩa – 9 Quyển

Chủ giảng: *Lão Pháp sư Tịnh Không*

Chuyên ngữ: *Đệ tử Như Hòa*

Giáo duyệt: *Minh Tiến – Huệ Trang – Đức Phong*

Nxb Hồng Đức – 2014 (5 quyển đầu).

Kinh có khổ 15.5 x 23.5cm, bìa cứng.

Q.I, dày hơn 590 trang, nội dung gồm 30

tập (T.1 đến T.30); *Q.II*, dày hơn 638

trang, nội dung gồm từ T.31 đến T.60;

Q.III, dày hơn 606 trang, nội dung gồm từ

T.61 đến T.90; *Q.IV*, dày hơn 659 trang,

nội dung gồm từ T.91 đến T.120; *Q.V*, dày

hơn 587 trang, nội dung gồm từ T.121 đến

T.150; *Q.VI*, *Q.VII*, *Q.VIII*, *Q.IX*, xuất bản

năm 2016, Nxb Hồng Đức.

217. KINH A-DI-ĐÀ Yêu Giải

(Kinh Tam Bảo)

Yêu giải: *Đại sư Ngẫu Ích (1599-1655)*

Việt dịch: *Thích Tuệ Nhuận*

THPG Tp. Hồ Chí Minh ấn hành, PL. 2537 – DL. 1993

Kinh có khổ 14 x 20cm, dày 277 trang, bìa mềm, chữ tựa màu xanh dương, có hình hoa sen và bánh xe pháp luân. Nội dung gồm có: Phật tánh- Lời tựa Kinh A-di-đà Yêu giải mới dịch ra tiếng Việt; Lời tựa

dịch Kinh Phật thuyết A-di-đà Yêu giải; Lời tựa Phật thuyết A-di-đà Kinh Yêu giải; Ngũ trùng huyền nghĩa: 1. Thích rõ nghĩa cái tên đề của bộ Kinh, 2. Biện luận thể chất của bộ Kinh, 3. Nói về tôn chỉ của bộ Kinh: TÍN, a. Thế nào là tin ở mình? b. Thế nào là tin ở người? c. Thế nào là tin ở nhân? d. Thế nào là tin ở quả? e. Thế nào là tin ở sự thật? f. Thế nào là tin ở lý? NGUYỄN, HẠNH, 4. Nói rõ lực dụng của bộ Kinh, 5. Nói về giáo tướng của bộ Kinh; Kinh văn, *Kinh A-di-đà Yêu giải*, A. Phần tựa, 1. Thông tự, a. Thanh văn chúng, b. Bồ-tát chúng, c. Thiên-nhân chúng, 2. Biệt tự, B. Phần Chánh tông: I. Khải tín, a. Quả Y báo, b. Quả Chánh báo, 2. phát nguyện, 3. Lập hạnh; C. Phần Lưu thông: I. Phổ khuyến, 1. Khuyến tín lưu thông, 2. Khuyến nguyện lưu thông, 3. Khuyến hạnh lưu thông, II. Kết khuyến; Phương pháp thực hành tu Tịnh độ; Lời nguyện bạt; Chú thích; *Kinh Kiến Chính* (cũng gọi là Sinh Tử Biên Thức), Dịch giả: Sa-môn Trí Hải (chùa Quán Sứ), Lời nói đầu, Kinh Kiến Chính; *Kinh Bốn Mươi Hai Chương* (Tứ Thập Nhị Chương Kinh), Thiện Tuệ-Ngô Duy Ban; Phật thuyết Kinh Bốn Mươi Hai Chương, có 42 chương: C.1 Xuất gia tu đạo, C.2 Bỏ Ái dục, C.3 Bỏ Tâm tham, C.4 Thiện và Ác, C.5 Nên biết cái quá, C.6 Nhẫn nhục, C.7 Chớ làm việc ác, C.8 Không nên làm hại người hiền, C.9 Hiếu đạo, C.10 Bồ thí được phúc, C.11 Ruộng phúc hơn kém, C.12 Tu là cõi phúc, C.13 Biết được kiếp trước, C.14 Hay nhất-Lớn nhất, C.15 Mạnh nhất-Sáng nhất, C.16 Bỏ Ái dục thấy Đạo, C.17 Thấy Đạo, C.18 Chân lý, C.19 Đắc Đạo, C.20 Phá Vọng ngã, C.21 Cái hại cầu danh, C.22 Tiền của và Sắc đẹp, C.23 Thê tróc tử phọc, C.24 Cái hại về Sắc dục, C.25 Lửa dục đốt thân, C.26 Thiên ma quỷ Phật, C.27 Tinh tiến đắc

Đạo, C.28 Phải xa nữ sắc, C.29 Đòi với nữ nhân, C.30 Xa lòng ham muốn, C.31 Ngăn bỏ tà tâm, C.32 Ái dục sinh lo sợ, C.33 Bền gan đặc Đạo, C.34 Dạy về Trung Đạo, C.35 Tu tâm, C.36 Biết Tu thực khó, C.37 Giữ giới đặc Đạo, C.38 Tính mệnh người đời, C.39 Tin theo lời Phật, C.40 Hành đạo tại tâm, C.41 Qua vũng bùn nhờ, C.42 Đòi là cảnh mộng; *Kinh Di Giáo*, có 18 Tiết, *Kinh Di Giáo* của Phật, T.1 Kính giới như kính Phật, T.2 Kềm chế ngũ căn, T.3 Không cầu nhiều, T.4 Đừng ham ngủ, T.5 Không Giận bần, T.6 Không nên Kiêu ngạo, T.7 Bỏ tính Xiêm khúc, T.8 Công đức ít Ham muốn, T.9 Công đức Tri túc, T.10 Công đức viễn ly, T.11 Công đức Tinh tiến, T.12 Công đức không quên Chính niệm, T.13 Công đức Thiền định, T.14 Công đức Trí tuệ, T.15 Công đức Cứu kính, T.16 Khuyến nên tu hành, T.17 Lời dạy ân cần về phép Tứ-đế, T.18 Bỏ mối Nghi ngờ; *Bài Cảnh sách của Tổ Qui Sơn*, 1. Tại sao phải tu? 2. Mục đích của người xuất gia, 3. Cái hại về tham danh-tham lợi, 4. Phải học giới luật, 5. Cái hại về không tu, a. Trí người xuất gia, b. Răn mình, c. Cầu Đạo, d. Chọn bạn, e. Tu bằng phép Thiền Trục chỉ, g. Tu bằng giáo pháp, h. Lời răn, i. Lời nguyện, k. Dạy phép tu, l. Lời khuyên miễn, m. Nhân nào quả nấy, n. Bài minh.

Tác phẩm Kinh này đã xuất bản năm PL. 2510 – DL. 1966, Tịnh xá Trung Tâm (Gia Định)-Giáo hội Tăng-già Khất sĩ Việt Nam ấn hành, với nhan đề “Phật thuyết A-di-đà Kinh yếu giải”, có 158 trang, bìa mềm, chữ tựa màu đỏ và màu xanh dương, có hình Đức Phật A-di-đà; năm 1974, có phụ thêm: Kinh Kiến Chính, Kinh 42 Chương, Kinh Di Giáo, Bài Cảnh Sách, In tại Nhà in Hạnh Phúc, Giấy phép số 726/74/PBDVCH/KSALP/TP, ngày 29-5-1974; năm 2009, Nxb Tôn Giáo.

218. KINH A-HÀM CHÍNH HẠNH và KINH THIÊN THỈNH VẤN

Việt dịch: *Thích Tâm Châu (1921-2015)*

Chùa Từ Quang (Sài Gòn), PL. 2501 – DL. 1957

Kinh có 22 trang, bìa mềm, nền trắng, chữ tựa màu đỏ và màu hường, có hình vẽ hoa sen. Nội dung gồm có: *Phật nói Kinh A-hàm Chính Hạnh*, Hán dịch: Ngài An Thế Cao; và *Kinh Thiên Thỉnh Vấn*, Hán dịch: Tam tạng Pháp sư Huyền Trang. (*Bản lưu tại Thư viện Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam tại Tp. Hồ Chí Minh; Mã sách: Vie 341*)

219. KINH A-HÀM Toát Yếu – Trọn bộ 5 tập

Toát yếu: *Tỳ-kheo Ni Hải Triều Âm (1920-2013)*

Nxb Tôn Giáo, PL. 2563 – DL. 2019

Kinh có khổ 14.5 x 20.5cm, 5 tập dày hơn 830, bìa cứng, có hộp đựng 5 tập.

TRƯỜNG A-HÀM, dày hơn 177 trang. Nội dung gồm có: Tiểu sử, Lời giới thiệu; Trường A-hàm, Tựa, Kinh Du hành, Kinh Thanh tịnh, Kinh A-ma-trú, Kinh Phạm động, Chủng đức, Cứu-la-đàn-đâu, Kiên cố, Phạm chí lỗi hình, Tam minh, Sa-môn quả, Bồ-tra-bà-lâu, Lộ-già, Thế ký; Trung A-hàm, Tượng tích, Ngũ tịnh âm, Úc-già trưởng giả, Bản tể, Vua đón Phật, Tam thập dụ, Trường thọ vương, Phẩm uế, Phẩm nhân, Kinh niệm, Lại-tra-hòa-la, Toán số, Tu-nhàn-đề, Phu-lợi-đa, Tiền dụ. *TRUNG A-HÀM I*, Việt dịch: Cao đẳng Phật học Hải Đức Nha Trang, Toát yếu: Tỳ-kheo Ni Hải Triều Âm, dày hơn 170 trang. Nội dung gồm có: Thiên pháp, Cây Trú độ, Thành dụ, Thủy dụ, Mộc tích dụ, Thế gian phước, Bảy Mặt trời, Bảy Cổ xe, Lậu tận, Hạt muối, Hòa phả, Độ người, La vân, Suy nghĩ, Già-lam, Cadini, Sư tử,

Thành tựu giới, Kinh trí, Sư tử hồng, Cù-ni sư, Đà-nhiên, Đại Câu-hy-la, Phân biệt Thánh đế, Thị giả Vị tăng hữu (hiếm có), Bạc-câu-la, A-tu-la, Thủ Trưởng giả, Công đức trì giới, Tận trí, Di-hê, Kinh tướng, Đánh sanh, Thí dụ phân trâu, Bê-bà-lăng-kỳ, Thiên sứ, Kinh Ô-điều dụ, Thuyết bốn, Vua Đại Thiện kiến, Chuyển Luân vương, Bê tứ, Tâm niệm, Tịnh bất động Đạo, Úc-già-chi-la, Ly dục, Phật giáo giới, Niệm thân, Tự mãn tai hại, Thù miên, Gai chích, Chân nhân;

TRUNG A-HÀM 2, Việt dịch: Cao đẳng Phật học Hải Đức Nha Trang, Tóm tắt: Tỳ-kheo Ni Hải Triều Âm, dày hơn 168 trang. Nội dung gồm có: Thuyết xứ, Cầu pháp, Biết pháp, Tiệm giảm, Sen trắng, Thù tịnh, Hắc Tỳ-kheo, Trụ pháp, Đại nhân, Tăng thượng tâm, Sư tử hồng, Ưu-đàm-ba-la, Ước nguyện, Quán tâm, Đạt Phạm hạnh, A-nô-ba, Pháp bốn, Ưu-đà-la, Kiêu-đàm-di, Từ bi, Luận nghị, Vô thường, Tự tứ thanh lương, Chiêm-ba, Sa-môn hai mươi ức, Tám nạn, Bàn cùng, Phước điền, Ưu-bà-tắc, Oan gia, Đàm-di, Đê-thích, Vợ la-sát, Thế gian, Phước, Chỉ đạo, Lập chí, Không phóng dật, Thương-ca-la, Sanh văn, Uất-sầu, Nhiếp hòa, Bà-la-bà, Tu-đạt-đa, Vườn Hoàng Lô, Đầu-na, A-lan-na, Phạm ma, Phân biệt quán pháp, Ôn tuyên, Ý hành, Oanh vũ.

TRUNG BỘ 1, Việt dịch: HT. Thích Minh Châu, Tóm tắt: Tỳ-kheo Ni Hải Triều Âm, dày hơn 152 trang. Nội dung gồm có: Pháp môn căn bản, Thừa tự pháp, Sợ hãi, Ước nguyện, Tám vải, Chánh tri kiến, Khổ uẩn, Tự lượng, Tâm hoang vu, Chọn chỗ ở, Bánh mật, Song tầm, Cái cửa, Con rắn, Gò môi, Bẫy môi, Thánh cầu, Dầu chân voi, Lối cây, Ba Tôn giả, Sáng chói, Người chăn bò, Saccaka Culasaccakasuttam, Đoạn tận ái, Xóm ngựa, Sala, Phương quảng, Pháp hành,

Suy ngẫm, Kosambiya, Hàng ma, Kandaraka, Hữu học, Jivaka, Hạnh con chó, Vương tử Vô úy, Nhiều cảm thọ, La-hầu-la, Đại Kinh, Bhaddali, Chim cáy, Catuma;

TRUNG BỘ 2, Việt dịch: HT. Thích Minh Châu, Tóm tắt: Tỳ-kheo Ni Hải Triều Âm. Kinh dày hơn 163 trang. Nội dung gồm có: Gulissani, Kitagiri, Vaccha, Trưởng Trảo, Sakuludaya, Makhadeva, Madhura, Bò-đề Vương tử, Angulimala, Ái sanh khổ, Trí quang, Pháp trang nghiêm, Canki, Vasettha, Subha, Devadaha, Như thế nào, Làng Sama, Thiện Tinh, Gopaka, Trăng tròn, Thanh tịnh, Chân nhân, Nên và không nên, Đa giới, Bốn mươi, Niệm Hơi thở, Niệm thân, Đại không, Điều ngự Tâm địa, Phù-di, Tùy phiền não, Hiền ngu, Hiền giả một đêm, Nghiệp, Ba mươi sáu thọ, Tổng biệt thuyết, Vô tránh, Sáu giới, Bốn sự thật, Cúng dường, Giáo giới Phú-lâu-na, Giáo giới Tỳ-kheo Ni, Sáu sáu, Khất thực thanh tịnh, Sáu căn tu tập.

220. KINH A-MI-ĐÀ

Việt dịch và Giảng giải:

HT. Thích Trí Tịnh (1917-2014)

Biên tập: *Thích Thiện Cung*

Lưu hành nội bộ, PL. 2563 – DL. 2019

Kinh dày 219 trang, bìa mềm, có tay gấp, có viền khung hoa văn bốn góc, nền đỏ, chữ tựa màu vàng nhạt. Nội dung gồm có 4 phần: *Phần I*. Bốn Bài (B) kệ, B.1 Kệ tán Phật, B.2 Kệ Đại từ, B.3 Kệ Quán tưởng, B.4 Kệ khai Kinh; *Phần II*. Phật nói Kinh A-mi-đà, Mục (M) A. Đề Kinh, M.B Phiên dịch; *Phần III*. Kinh A-mi-đà giảng giải, C.I Duyên khởi, Kỳ viên Đại hội, M.A Phần tựa, M.B Phần thính chúng; C.II Chánh đề, 1. Y báo-Chánh báo, 2. Y báo trang nghiêm, 3. Chánh báo vô lượng thù thắng, 4. Nhơn hạnh vãng

sanh, 5. Sáu phương Phật đồng khuyến, 6. Thuyết Kinh rất khó; C.III Lưu thông, Đại chúng thọ trì; *Phần IV*. Phụ chú, 1. Phân khoa, 2. Thích nghĩa Kinh A-mi-đà.

221. KINH A-NAN VẤN PHẬT SỰ CÁT HUNG

(A-nan hỏi Phật chuyện tốt xấu)

Giảng giải: *HT. Tịnh Không*

Việt dịch: *Thích Nhuận Nghi*

Nxb Phương Đông – 2007. Kinh dày 242 trang, bìa mềm. Nội dung gồm 2 phần chính: - Thay lời tựa; Phần I, 1. Giải thích đề Kinh, 2. Hình thức tổ chức Kinh, 3. Dịch giả; Phần II, Kinh văn, và Giảng.

222. KINH AN BAN THỦ Ý Lược Giải

Biên soạn: *Thích Đạt Đạo*

Nxb Hồng Đức – 2013

Kinh có khổ 14 x 20cm, dày 300 trang, bìa cứng, chữ tựa màu trắng, có hình Đức Phật ngồi kiết-già, tay kiết ấn. Kết cấu Kinh gồm có 6 chương. Phần đầu: - Lời giới thiệu, - Lời tri ân, - Lời tựa cho Kinh An Ban Thủ Ý, Tựa An Ban Thủ Ý Kinh chú giải; Phần nội dung: C.I, Nhận thức tổng quát: 1. Xuất xứ, 2. Về mặt hình thức (Những cận vệ giúp An Ban Thủ Ý hoàn thành nhiệm vụ, Phần vấn đáp về những cận vệ giúp An Ban Thủ Ý), 3. Về mặt nội dung; C.II, Giới thiệu, xác minh về truyền bản và tên gọi, xác minh về niên đại: 1. Phần giới thiệu (Xác minh về vấn đề truyền bản và tên gọi, Xác minh về niên đại), 2. Quá trình hình thành và Mâu Tử, 3. Nội dung tư tưởng; C.III, Mục đích của An ban thủ ý: 1. Theo Khương Tăng Hội, 2. Theo Thiên Ba-la-mật thứ đệ pháp môn, 3. Theo Trí Khải, 4. Vấn đề hiệu bản và dịch; C.IV, Kinh Niệm xứ; C.V, Kinh Nhập tức Xuất tức niệm; C.VI, Kinh Thân hành niệm; Phụ lục: 1. Bảng Hán văn, 2. Bảng Anh văn, 3. Bảng Pali.

Kinh này đã được xuất bản năm 2004, Nxb Tôn Giáo.

223. KINH ANH LẠC

Hán dịch: *Tam tạng Pháp sư Trúc Phật Niệm*

Việt dịch: *Viện Cao đẳng Phật học Huệ Nghiêm*

Kinh dày hơn 124 trang, bìa cứng, chữ tựa mạ vàng (PL. 2514), (bản đánh máy). Nội dung gồm có 8 phẩm: Lời nói đầu, P.1 Tập chúng, P.2 Hiền Thánh danh tự, P.3 Hiền Thánh học quán, P.4 Thích nghĩa, P.5 Phật mẫu, P.6 Nhân quả, P.7 Đại chúng thọ học, P.8 Tập tán; Phần Chú thích; Phần Phụ bản: Kinh Thanh tịnh Tỳ-ni Phương Quảng. (*Bản lưu tại Thư viện Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam tại Tp. Hồ Chí Minh; Mã sách: Vie 2111*)

224. KINH ÁNH SÁNG HOÀNG KIM

Hán dịch: *Cao Tăng Nghĩa Tịnh (635-713)*

Dịch giả: *Tỳ-kheo Trí Quang (1923-2019)*

Nxb Hồng Đức – 2016. Kinh dày 875 trang, bìa cứng, chữ tựa màu vàng.

Tác phẩm này gồm có 10 cuốn, 31 phẩm. Phần đầu là Mục lục, Tổng quan, Nghi thức sám hối đơn giản trước khi tụng Kinh, *Kinh Ánh sáng hoàng kim: cuốn I*, P.1. Mở đầu pháp thoại, P.2. Thọ lượng Thế Tôn; *cuốn II*, P.3. Phân biệt ba thân, P.4. Âm thanh trống vàng; *cuốn III*, P.5. Diệt trừ nghiệp chướng; *cuốn IV*, P.6. Minh chú tịnh địa; *cuốn V*, P.7. Hoa sen ca tụng, P.8. Minh chú Kim thắng, P.9. Trùng tuyên về Không, P.10. Mãn nguyện vì Không, P.11. Thiên vương quan sát; *cuốn VI*, P.12. Thiên vương hộ quốc; *cuốn VII*, P.13. Minh chú Ly nhiễm, P.14. Ngọc báu Như ý, P.15/1. Đại biện thiên nữ; *cuốn VIII*, P.15/2. Đại biện thiên nữ, P.16. Cát tường thiên nữ, P.17. Tăng trưởng tài vật;

P.18. Kiên lao địa thân, P.19. Dược xoa đại tướng, P.20. Vương pháp chính luận; *cuốn IX*, P.21. Thiện sinh luân vương, P.22. Tám bộ hộ trì, P.23. Thọ ký thành Phật, P.24. Chữa trị bệnh khô, P.25. Truyện của Lưu thủy; *cuốn X*, P.26. Xả bỏ thân mạng, P.27. Bô-tát tán dương, P.28. Điều Tràng tán dương, P.29. Thọ thần tán dương, P.30. Biện Tài tán dương, P.31. Ký thác Kinh vua; Ghi chú.

Kinh này đã được tái bản nhiều lần: Năm 1994, Nxb Tp. Hồ Chí Minh; năm 2010, Nxb Tôn Giáo; năm 2011, Nxb Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh; năm 2017, Nxb Hồng Đức, dày 822 trang, bìa cứng, chữ tựa màu vàng.

225. KINH ÁM TRÌ NHẬP

Hán dịch: *An Thế Cao*

Việt dịch: *Tuệ Khai*

Tác phẩm Kinh này gồm có 2 quyển: Quyển thượng và Quyển hạ.

(<https://phatphapungdung.com>, *Pháp bảo-Bộ Kinh tập*)

226. KINH ẨM DỤ

Soạn giả: *Thích Hồng Đạo*

Chùa Qui Sơn (Vũng Tàu) xuất bản năm PL. 2519 – DL. 1975

Toàn bộ Kinh này có 193 trang, bìa mềm, gồm 111 chuyện ản dụ trong 5 Kinh. Nội dung gồm có: - Lời tựa; *I. Kinh Pháp Hoa*: 1. Nhà cháy, 2. Người cha bỏ đi hoang, 3. Một trận mưa, 4. Ánh sáng mặt trời, 5. Người mù mắt, 6. Chỗ có nhiều báu, 7. Người nghèo cùng, 8. Khát nước đào giếng, 9. Viên ngọc báu, 10. Ông thầy thuốc giỏi, 11. Cha trẻ con già; *II. Kinh Na-tiên Tỳ-kheo*: 12. Niệm Phật như ghe thuyền, 13. Sa-môn với thân mình, 14. Cây nào trái nấy, 15. Cắt lúa, 16. Viên ngọc làm nước trong, 17. Người lướt qua rạch, 18. Đất đai, 19. Chồng nhà xiên

muôn sập, 20. Quan hầu của vua, 21. Ông vua là chủ, 22. Người cầm đèn sáng vào phòng tối, 23. Các đoàn binh của vua, 24. Ngọn đèn cháy suốt đêm, 25. Người nông phu, 26. Ngọn đèn và bức thư, 27. Không hái quả sống chỉ hái quả chín, 28. Người trộm xoài, 29. Ngồi và trứng, 30. Ương hột xuống đất, 31. Ngôi điện thượng, 32. Người có công trạng với vua, 33. Ông quan giữ kho, 34. Người chế thuốc độc, 35. Tiếng đại hồng chung, 36. Người đầu bếp của vua, 37. Giao năm thứ hột, 38. Trái trên cây, 39. Đào giếng, 40. Loài sáu-rùa-công-bò câu, 41. Nước chịu lấy hết, 42. Niết-bàn là tịch diệt, 43. Niết-bàn là an lạc, 44. Phật có ra đời, 45. Phật là cao thượng hơn hết, 46. Châm lửa đuốc, 47. Cây chưa có trái, 48. Nông phu cày và gieo, 49. Đốt một đám lửa lớn, 50. Ông lương y, 51. Tòa sen trăm cánh, 52. Hai người khóc, 53. Mê tỉnh, 54. Gió ở tại đâu, 55. Bùn nước biển nếm; *III. Kinh Pháp Cú*: 56. Có thân là khổ, 57. Giấy và dây, 58. Rùa với chó nước, 59. Cảnh mềm trước cơn gió lốc, 60. Gió thổi núi đá, 61. Hoa sen thanh khiết, 62. Kẻ lữ hành mệt mỏi, 63. Cái muỗng múc thuốc, 64. Cái lưỡi với thuốc thang, 65. Phòng hộ thành quách, 66. Voi xuất trận, 67. Luyện voi, 68. Loài heo, 69. Người quản tượng tài giỏi, 70. Voi vượt khỏi sa lầy, 71. Voi giữa rừng sâu, 72. Nhện giăng tơ, 73. Cỏ hại ruộng vườn, 74. Múc nước thuyền, 75. Thương khách điều phục ngựa, 76. Mặt trăng ra khỏi mây, 77. Thầy tập voi, 78. Đánh chuông khánh, 79. Bầu chứa vị; *IV. Kinh Tứ Thập Nhị Chương*: 80. Một người chiến vạn người, 81. Bóng hiện theo hình, 82. Trầm hương đốt, 83. Lau bụi mặt gương, 84. Nước trong bị quấy đục, 85. Người cầm đuốc vào nhà tối, 86. Mặt dín lưỡi dao, 87. Sống trong nhà tù, 88. Cái túi da đựng đồ dơ, 89. Cư trần bất nhiễm trần,

90. Người chiến sĩ, 91. Trừ hết sét rỉ, 92. Ăn mật ở bát, 93. Trâu kéo mệt, 94. Trâu chở nặng đi chỗ bùn lầy, 95. Vàng ngọc như ngói sỏi, 96. Hiểu đạo, 97. Thân là huyễn, 98. Nước về biển; *V. Kinh Hoa Nghiêm*: 99. Đa văn, 100. Cây trôi dòng nước, 101. Côn trùng nằm trong đồng phân, 102. Mặt trời xuất hiện, 103. Pháp đức Phật ví như đất-lửa-nước, 104. Viên ngọc chưa giữa lau, 105. Con đường lớn, 106. Đồ đựng nước, 107. Chốn đại địa, 108. Hoa Ba-lợi-chất-đa, 109. Chim Ca-lăng-tần-già, 110. Vàng Diêm-phù-đàn, 111. Người có tay.

227. KINH BA TỈNH LẶNG

Trích từ Kinh Tiểu Bộ, quyển 15

Dịch giả: HT. Thích Thiện Châu (1931-1998)

Tác phẩm Kinh này gồm có 2 phần: I. Giới thiệu; II. Chánh Kinh. (www.tuvienquangduc.com.au/Kinh dien)

228. KINH BÁCH DỤ

Hán dịch: *Câu-na-tỳ-địa*

(*Gunavrdhi, ?-502*)

Biên soạn: *Tăng-già-tư-na*

Việt dịch: *Thích Phước Cảnh*

Nxb Tôn Giáo – 2005. Kinh có khổ 14.5 x 20.5cm, có 107 trang, bìa mềm. Nội dung Kinh này gồm có 98 ví dụ: 1. Người ngu ăn muối, 2. Người ngu để dành sữa, 3. Chàng ngốc bị đánh bẻ đầu, 4. Dối chồng theo trai, 5. Khát gặp nước, không uống, 6. Con chết, muốn hoàn lại trong nhà, 7. Nhận người làm anh, 8. Sơn khung trộm đồ trong kho vua, 9. Khen đức hạnh cha mình, 10. Xây lâu ba, 11. Người Ba-la-môn giết con, 12. Nấu nước đường, 13. Người hay sân hận, 14. Giết người dẫn đường để tế thân, 15. Ngự y hốt thuốc cho công chúa mau lớn, 16. Tưới mía bằng

nước mía, 17. Món nợ nửa tiền, 18. Lên lầu mài dao, 19. Đi thuyền làm rơi chén xuống biển, 20. Vua bị người chê là bạo ngược, 21. Người đàn bà muốn sinh thêm con, 22. Vào biển tìm trầm hương, 23. Trộm áo gấm thêu, gói đồ thô rách, 24. Gieo hạt mè rang, 25. Nước và lửa, 26. Bắt chước vua nheo mắt, 27. Chữa vết thương bị roi đánh, 28. Thay mũi cho vợ, 29. Người nghèo đốt áo vải thô, 30. Người nuôi dê, 31. Thuê thợ gôm, 32. Người lái buôn trộm vàng, 33. Đón cây hái trái, 34. Dâng nước ngọt, 35. Tấm gương trong rương báu, 36. Móc mắt của vị tiên chứng ngũ thông, 37. Giết cả đàn trâu, 38. Uống nước trong thùng gỗ, 39. Thấy người tô vách nhà, 40. Chữa bệnh đầu hói, 41. Quý Tỳ-xá-xà, 42. Lạc đà của người lái buôn chết, 43. Mài đá, 44. Ăn nửa cái bánh, 45. Người giúp việc giữ cửa, 46. Trộm trâu, 47. Người nghèo giả tiếng chim uyên ương, 48. Dã can bị cành cây gãy rớt trên lưng, 49. Hai đứa trẻ tranh nhau phân biệt sợi lông, 50. Chữa lưng gù, 51. Năm chủ một tớ, 52. Ca nhi đánh nhạc, 53. Thầy đau chân nhờ hai đệ tử xoa bóp, 54. Đầu rắn và đuôi rắn giành nhau đi trước, 55. Xin được cạo râu vua, 56. Đòi không có vật, 57. Đạp miệng ông trưởng giả, 58. Hai người con chia của, 59. Xem nán bình, 60. Thấy bóng vàng dưới nước, 61. Đệ tử Phạm thiên tạo vật, 62. Người bệnh ăn thịt chim trĩ, 63. Diễn viên mặc trang phục quý cả đoàn đều sợ, 64. Nhà cũ có quý dữ, 65. Năm trăm cái bánh hoan hỷ, 66. Nói hay làm dở, 67. Vợ chồng đánh cuộc để ăn bánh, 68. Thù ghét lẫn nhau, 69. Bắt chước tổ tiên ăn nhanh, 70. Ném xoài, 71. Vì hai vợ nên mù đôi mắt, 72. Ngâm cơm bị rách miệng, 73. Nói dối ngựa đã chết, 74. Người xuất gia tham lợi dưỡng, 75. Lạc đà chết, hũ bẻ, 76. Nông phu mơ tưởng công chúa, 77. Vắt sữa lừa, 78. Hẹn

con đi sớm, 79. Gánh ghé cho vua, 80. Rửa ruột, 81. Bị gấu cắn, 82. Sạ lúa, 83. Khi bị đánh, 84. Ngày nguyệt thực đánh chó, 85. Người phụ nữ sợ đau mắt, 86. Cát giấu bông tai của con, 87. Bọn cướp chia của, 88. Khi cầm nắm đậu, 89. Được chuột vàng, 90. Lượm tiền vàng, 91. Người nghèo muốn có tiền của bằng người giàu, 92. Đứa bé được chiếc bánh hoan hỷ, 93. Bà lão bắt gấu, 94. Đường công ma-ni, 95. Đôi chim bồ câu, 96. Giả mù, 97. Bị bọn cướp đoạt áo lông, 98. Cậu bé bắt được rùa lớn. Kết luận.

229. KINH BÁCH DỤ

Viết dịch: *Thích nữ Như Huyền*

Nxb Tôn Giáo – 2011

Toàn bộ tác phẩm Kinh này có 131 trang, bìa mềm. Nội dung gồm: Tựa, Lời nói đầu, Lời đầu quyển; 1. Người ngu ăn muối, 2. Để dành sữa, 3. Khoanh tay chịu đòn, 4. Giả chết dối chồng, 5. Khát không uống nước, 6. Giết con thành gánh, 7. Nhận người làm anh, 8. Trộm áo nhà vua, 9. Kẻ ngốc khen cha, 10. Phú ông cất lầu, 11. Ba-la-môn giết con, 12. Quạt nước đường, 13. Sự thật chứng minh, 14. Giết kẻ dẫn đường, 15. Muốn con mau lớn, 16. Tưới mía bằng nước mía, 17. Vì nhỏ mắt lớn, 18. Trên lầu mài dao, 19. Ghi dấu trên thuyền để tìm đồ rơi xuống biển, 20. Trả thịt, 21. Cầu con, 22. Bán trầm hương, 23. Trộm mền, 24. Gieo mè, 25. Nước và lửa, 26. Bắt chước vua, 27. Trị vết thương, 28. Xẻo mũi, 29. Đốt áo, 30. Nuôi dê, 31. Mua lửa, 32. Trộm vàng, 33. Chặt cây tìm trái, 34. Thân ngắn đường đi, 35. Tám bóng trong gương, 36. Làm móc con mắt, 37. Giết trâu, 38. Bảo nước đừng chảy, 39. Sơn tường, 40. Người sói đầu tìm thuốc, 41. Hai con quỷ tranh vật, 42. Che da lạc đà, 43. Mài đá, 44. Ăn bánh, 45. Giữ cửa, 46. Ăn trộm trâu, 47. Giả tiếng chim uyên

ương, 48. Chó và cây, 49. Vị tiên lâm lộn, 50. Sửa lưng gù, 51. Người tó gái, 52. Trò vui giả dối, 53. Lão sư bị hành hạ, 54. Đầu rắn và đuôi rắn tranh cãi, 55. Cạo râu vua, 56. Cái không có, 57. Bị đập rụng răng, 58. Chia của, 59. Xem làm bình, 60. Thấy vàng dưới nước, 61. Tạo hình người, 62. Ăn thịt gà, 63. Chạy trốn, 64. Quý trong nhà cũ, 65. Ăn bánh độc, 66. Chết chìm, 67. Đánh cuộc, 68. Hại người thành hại mình, 69. Tổ truyền ăn mau, 70. Ném trái tàn-bà, 71. Đui mắt, 72. Sung môi, 73. Ngựa đen đuôi trắng, 74. Mang bồn tắm, 75. Giết lạc đà, 76. Nông phu mơ tưởng công chúa, 77. Tìm sữa, 78. Đi không rồi về, 79. Gánh ghé cho vua, 80. Uống thuốc nước rửa ruột, 81. Không nên vu oan cho người hiền đức, 82. Gieo lúa, 83. Khi bị đánh, 84. Nguyệt thực, 85. Đau mắt, 86. Vì của giết con, 87. Bọn cướp chia của, 88. Khi mất đậu, 89. Chuột vàng và rắn độc, 90. Lượm được tiền, 91. Người nghèo, 92. Đứa bé được đường, 93. Bà già đánh cọp, 94. Hiểu lầm, 95. Hai con hạc, 96. Giả mù, 97. Cướp áo lông dê, 98. Đứa nhỏ bắt rùa. Lời cuối quyển.

Kinh này đã được xuất bản năm 1957, chùa Hải Tuệ (Sài Gòn) tổ chức ấn tống; năm 1959, Phật học Ni trường Nam Việt (chùa Dược Sư-Gia Định) ấn tống, Kiểm duyệt số 2598/XB, ngày 17-12-1959; năm 1994, THPG Tp. Hồ Chí Minh ấn hành; năm 1996, Phật học viện Quốc tế xuất bản; năm 1997, THPG Tp. Hồ Chí Minh ấn hành.

230. KINH BÁCH DỤ

Biên soạn: *Tăng-già-tur-na*

Hán dịch: *Cầu-na-tỳ-địa*

Viết dịch: *Nguyễn Thuận*

Nội dung tác phẩm Kinh này gồm có 98 truyện ví dụ.

Xem: (98 truyện ví dụ) trong Kinh Bách Dụ

(<https://phatphapungdung.com>,
Pháp bảo-Kinh tạng)

231. KINH BẠI VONG (Parabhava-sutta)

Dịch giả: HT. Thích Thiện Châu (1931-1998)

Tác phẩm Kinh này gồm có 2 phần: I. Giới thiệu; II. Chánh Kinh. (www.tuvienquangduc.com.au/ Kinh điển)

232. KINH BẢO TINH ĐÀ-LA-NI

Hán dịch: *Ba-la-pha Mật-đa-la*

Việt dịch: *Tuệ Khai*

Tác phẩm Kinh này gồm có 10 quyển, 13 phẩm: Q.I, P.1 Hàng ma; Q.II, P.2 Bốn sự; Q.III, P.3 Ma vương qui phục; Q.IV, P.3 Ma vương qui phục (tt), P.4 Đại tập; Q.V, P.5 Tướng; Q.VI, P.6 Đà-la-ni; Q.VII, P.6 Đà-la-ni (tt), P.7 Nhiếp thọ diệu pháp, P.8 Thọ ký; Q.VIII, P.8 Thọ ký (tt), P.9 Từ mẫn, P.10 Ứng hộ; Q.IX, P. 10 Ứng hộ (tt), P.11 Hộ chánh pháp; Q.X, P.12 A-tra-bạc-câu, P.13 Các đức Phật trở về nước. (<https://phatphapungdung.com>, *Pháp bảo-Bộ Đại tập*)

233. KINH BÁT CHU TAM-MUỘI

Hán dịch: *Tam tạng Khất-đa và Cấp-đa*

Việt dịch: *HT. Thích Minh Lễ*

Toàn bộ tác phẩm Kinh này có 4 quyển, 17 phẩm: Q.I, P.1 Vấn đáp, P.2 Tư duy, P.3 Tam-muội hành, P.4 Thấy Phật; Q.II, P.5 Chánh tín, P.6 Quán sát, P.7 Giới hạnh đầy đủ, P.8 Thọ ký; Q.III, P.9 Công đức thọ trì, P.10 Mau chứng Bồ-đề, P.11 Đầy đủ Năm pháp, P.12 Xa lìa Phân biệt; Q.IV, P.13 Vô tránh hạnh, P.14 Pháp bất cộng, P.15 Công đức tùy hỷ, P.16 Phụng sự Pháp sư, P.17 Chúc lụy.

(<https://thuvienhoasen.org>,
Sanskrit/Hán tạng)

Kinh

234. KINH BÁT ĐẠI NHÂN GIÁC

Thái Hư Đại sư giảng (Hán ngữ)

Việt dịch: *Thanh Cát*

Xuất bản Mùa Đông năm Canh Tý, PL. 2504 – DL. 1961

Kinh có 60 trang, bìa mềm, chữ tựa màu đen và màu đỏ, chữ tựa Kinh (chữ Hán) màu đỏ, có hình vẽ cánh tay cầm đóa sen. Nội dung gồm có: Lời đầu sách, Phật nói Kinh Bát Đại Nhân Giác, Khảo xét người phiên dịch, I. Phần Duyên khởi, II. Phần Chánh thuyết, 1. Chính tu Tứ niệm xứ, 2. Giác ngộ tham ái là khổ, 3. Giác ngộ nhiều cầu thêm tội, 4. Tinh tiến độ giải đãi, 5. Trí tuệ độ ngu si, 6. Bình đẳng bố thí, 7. Ở trần tục mà không nhiễm, 8. Thay chúng sinh chịu khổ để làm lợi ích; III. Phần Lưu thông; Khuyên tụng tám việc, (văn bản Kinh được phân thành từng đoạn để dịch, có dịch âm và dịch nghĩa); Khóa lễ Kinh Bát Đại Nhân Giác. (*Bản lưu tại Thư viện Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam tại Tp. Hồ Chí Minh; Mã sách: Vie 2180*)

235. KINH BÁT ĐẠI NHÂN GIÁC

Chứng minh: *HT. Tịnh Khiết (1890-1973)*

Việt dịch: *Tỳ-kheo Thiên Ân*

Hội đồng Kiểm duyệt Giáo lý Phật giáo Trung Việt

Phật Học Viện Trung Phần xuất bản-

Ấn quán Hoa Sen (Nha Trang), PL. 2506 – DL. 1962

Kinh có 62 trang, bìa mềm. Nội dung gồm có: I. Phần thứ nhất, Giải thích đầu đề: 1. Phật, 2. Đại nhân, 3. Giác, 4. Kinh, 5. Tổng nghĩa của đề Kinh; II. Phần thứ hai, Lược khảo dịch sử; III. Phần thứ ba, Giải thích văn nghĩa: C.1 Tổng khởi phần, C.2 Chánh thuyết phần, I. Hạnh tự lợi, A. Chánh tu Tứ niệm trú, a. Vô thường quán,

b. Khổ quán, c. Vô ngã quán, d. Bất tịnh quán; B. Biệt quán Nhân duyên Ái-Thủ, a. Giác ngộ tham ái là khổ, b. Giác ngộ sự mong cầu là tăng trưởng tội lỗi, II. Hạnh Tự-Tha kiêm lợi, A. Tinh tấn độ giải thoát, B. Trí tuệ độ ngu si, III. Hạnh lợi tha, C.3 Lưu thông phần, 1. Kết thành hai lợi, 2. Khuyết khích tụng 8 việc, IV. Phần thứ tư, Nêu bày cương yếu, V. Phần thứ năm, Nghi thức Tụng niệm Phổ thông; Phần Phụ lục-Kinh Bát Đại Nhân Giác (chuyển thơ, thể Song thất lục bát).

236. KINH BÁT ĐẠI NHÂN GIÁC

Hán dịch: *Đại sư An Thế Cao*

Giảng giải: *Đại sư Tinh Vân*

Việt dịch: *Thích Minh Quang*

Nxb Tôn Giáo – 2001. Tác phẩm này gồm có 10 mục chính: - Lời người dịch, - Lược sử Đại sư An Thế Cao; 1. Khai thuật về Kinh Bát Đại Nhân Giác; 2. Thế giới quan của Phật giáo; 3. Đa dục là căn bản của sanh tử luân hồi; 4. Trí túc là căn bản để gìn giữ đạo nghiệp; 5. Tinh tấn là căn bản để hàng phục ma chướng; 6. Trí tuệ là căn bản để chuyển hóa ngu mê; 7. Bồ thí là căn bản rộng độ chúng sanh; 8. Trì giới là căn bản để tiết chế dục vọng; 9. Tâm Đại thừa là căn bản phổ độ chúng sanh; 10. Phật thuyết Kinh Tám điều Giác ngộ.

237. KINH BÁT ĐẠI NHÂN GIÁC

Dịch và giảng: *Thích Viên Giác*

Nxb Tôn Giáo – 2000

Tác phẩm Kinh này gồm có 3 chương: - Lời giới thiệu; C.I Nhận thức tổng quát, C.II Kinh Bát đại Nhân giác (có 10 bài, mỗi bài có: chánh văn, dịch nghĩa, giải thích nội dung, kết luận), C.III Thay lời Kết luận.

238. KINH BÁT ĐẠI NHÂN GIÁC

ĐCTTĐTK, Sách thứ 10, Ks. 779.

Hán dịch: *Tam tạng An Thế Cao*

Phỏng Việt dịch: *Thánh Tri*

Nội dung tác phẩm Kinh này gồm có: Lời nói đầu (Mùa hạ-2016); Phật nói Kinh Bát Đại Nhân Giác, Dịch nghĩa, Phiên âm, bản chữ Hán, Bài học giải (giải thích văn Kinh, trong mỗi phần có: chính văn, học giải); Tài liệu tham khảo. (<https://thuvienhoasen.org>, *Kinh Sanskrit/Hán tạng*)

239. KINH BÁT ĐẠI NHÂN GIÁC

Giảng giải: *Lão HT. Tịnh Không*

Việt dịch: *Cư sĩ Vọng Tây và Cư sĩ Viên Đạt*

Biên tập: *Phật tử Diệu Hiền*

Tác phẩm Kinh này gồm có 3 phần: Phần I. 1. Duyên khởi, 2. Tựa đề Kinh, 3. Người dịch Kinh, 4. Phần Chánh văn (có Tám điều giác ngộ từ “Đệ nhất giác ngộ” đến “Đệ bát giác tri”, trong mỗi đoạn có phiên âm và giảng giải).

240. KINH BÁT ĐẠI NHÂN GIÁC

Dịch và chú giải: *Nhất Hạnh*

Nxb Lá Bối – 2001 (in lần thứ tư, San Jose – California)

Kinh có 37 trang, bìa mềm. Nội dung gồm có: Kinh văn chữ Hán, Phật thuyết Bát Đại Nhân Giác Kinh, Kinh Tám Điều Giác Ngộ Của Các Bậc Đại Nhân (Bản dịch để đọc), Chú giải, Kinh Tám Điều Giác Ngộ Của Các Bậc Đại Nhân (Bản dịch để tụng, kèm theo Kệ dâng hương, Kệ tán Bụt, Kệ Quán tưởng trước khi lạy Bụt, Kệ khai Kinh và Kệ Hồi hướng); Phần giải Kinh: Xuất xứ Kinh Bát Đại Nhân Giác, Nội dung Kinh Bát Đại Nhân Giác.

Tác phẩm này được Lá Bối in nhiều lần: Năm 1982 tại Paris; năm 1983 tại Montréal; năm 1993 tại Làng Cây Phong.

241. KINH BÁT ĐẠI NHÂN GIÁC

Ban Giáo Dục Tăng Ni Trung Ương –
Giáo Trình Trung Cấp Phật Học
Trưởng Ban Biên soạn: TT. TS. Thích Viên
Trí

Ban Biên soạn: TT. Thích Viên Giác và
TT. TS. Thích Huyền Lý

Nxb Phương Đông – 2016

Kinh có khổ 14.5 x 20.5cm, dày 186 trang,
bìa mềm. Nội dung gồm có 3 phần, 10 bài
chính và 6 bài phụ: Lời giới thiệu, A. Phần
mở đầu, B.1 Tác giả soạn dịch Kinh Bát
Đại Nhân Giác, B.2 Xuất xứ và ý nghĩa đề
Kinh Bát Đại Nhân Giác; B. Nội dung
Kinh: B.1 Bài Mở đầu, B.2 Điều Giác ngộ
thứ nhất, B.3 Điều Giác ngộ thứ hai, B.4
Điều Giác ngộ thứ ba, B.5 Điều Giác ngộ
thứ tư, B.6 Điều Giác ngộ thứ năm, B.7
Điều Giác ngộ thứ sáu, B.8 Điều Giác ngộ
thứ bảy, B.9 Điều Giác ngộ thứ tám, B.10
Bài Tổng kết; C. Phần Phụ lục: B.1 Giới
thiệu nội dung, B.2 Liên hệ các Kinh Bát
niệm-Anuruddha Sutta và Kinh Bát Đại
Nhân Giác, B.3 Vài lời giải thích, B.4 Giới
thiệu mẫu người lý tưởng.

242. KINH BÁT ĐẠI NHÂN GIÁC giảng giải

Hán dịch: *An Thế Cao*

Việt dịch-giảng: *Thích Thanh Từ*

THPG Tp. Hồ Chí Minh ấn hành, PL.
2537 – DL. 1993

Kinh có khổ 14 x 20cm, có 118 trang, bìa
mềm. Toàn bộ Kinh này gồm có: Lời đầu
sách, Mở đầu và 8 điều Giác ngộ Đức
Phật dạy cho hàng Bồ-tát (ở mỗi điều có:
chánh văn, dịch văn vần (thể song thất lục
bát) và giảng).

*Tác phẩm Kinh này được xuất bản lần đầu
năm 1973, Nxb Hạnh Phúc (Sài Gòn); tái
bản nhiều lần: Năm 1980, Phật học viện
Quốc tế xuất bản; năm 1986; năm 1997,*

*1998, THPG Tp. Hồ Chí Minh ấn hành;
năm 1996, Nxb Thuận Hóa; năm PL. 2542
– DL. 1998, Nxb Tp. Hồ Chí Minh, khổ 14
x 20cm, dày 118 trang, bìa mềm, chữ tựa
màu đỏ, có hình vẽ bàn tay cầm cành hoa
sen; năm 2002, 2008, Nxb Tôn giáo; năm
2012, Nxb Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh.*

243. KINH BÁT ĐẠI NHÂN GIÁC Giảng Giải

Giảng giải: *Thích Trúc Thông Quang*

Lưu hành nội bộ; Tác phẩm gồm: Duyên
khởi, nội dung có Tám điều Giác ngộ
giảng giải (Điều Giác ngộ thứ Nhất,... đến
Điều Giác ngộ thứ Tám, ở mỗi đoạn có:
chánh văn Kinh (âm Hán Việt), Dịch
nghĩa và Giảng giải); sau cùng là Tóm
lược Kinh Bát Đại Nhân Giác.

*(Bản lưu tại Thư viện chùa Vạn Đức, Q.
Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh)*

244. KINH BÁT ĐẠI NHÂN GIÁC Lược Giải

Hán dịch: *Sa-môn An Thế Cao*

Lược giải: *Ngẫu Ích – Trí Húc*

Việt dịch: *TT. Thích Thiện Huệ*

Tác phẩm này phân làm 3 phần: Phần đầu
là nêu chung, Phần hai là giải riêng (gồm
có Tám điều giác ngộ của Bạc đại nhân)
và sau cùng là Phần Kết thúc.
(<https://thuvienhoasen.org>)

245. KINH BÁT ĐẠI NHÂN GIÁC Lược Giảng

Soạn dịch: *HT. Thích Nguyên Ngôn (1938-
2005)*

Nxb Tôn Giáo, PL. 2555 – DL. 2011 (tái
bản lần thứ hai)

Kinh có khổ 14.5 x 20.5cm, có 126 trang,
bìa mềm. Nội dung tác phẩm gồm: Lời nói
đầu; Phần thứ nhất, Lược sử dịch giả;
Phần thứ hai, Giải thích đề Kinh; Phần thứ
ba, Lược giảng Kinh văn, Bài (B) 1: Tu

quán Tứ niệm xứ, B.2 Tu quán Nhân duyên Ái và Thủ, B.3 Quán sát tội khổ, phát triển trí tuệ, B.4 Giới thiệu pháp Hạnh tự tha đồng lợi, B.5 Khai thị trí huệ độ ngu si, B.6 Thực hành pháp Bồ thí bình đẳng, B.7 Tu phạm hạnh, B.8 Phát Đại thừa tâm lợi tha viên mãn; Phần thứ tư, Tổng kết – Khuyến tấn tu học; Phần cương yếu, Phần Phụ lục, Dịch nghĩa văn vần.

Tác phẩm này đã được THPG Tp. Hồ Chí Minh ấn hành từ năm 1995.

246. KINH BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA NHÂN VƯƠNG HỘ QUỐC

(Rút từ Đại Chính Tân Tu Đại Tạng Kinh)

Việt dịch: *Minh An Cư sĩ*

Hiệu đính: *Đại đức Thích Minh Tông*

Nxb Tôn Giáo – 2011

Tác phẩm Kinh này có hơn 145 trang, bìa mềm. Nội dung gồm có 3 phần: Lời nói đầu; *Phần dịch nghĩa*, Khai Kinh, P.1 Bài tựa, P.2 Quán Như Lai, P.3 Bồ-tát hạnh, P.4 Nhị đế, P.5 Hộ quốc, P.6 Bất khả tư nghị, P.7 Phụng trì, P.8 Chúc lỹ, *Phần chú thích*; *Phần Phiên âm*, Khai Kinh, Tự phẩm đệ nhất, Quán Như Lai phẩm đệ nhị, Bồ-tát hạnh phẩm đệ tam, Nhị đế phẩm đệ tứ, Hộ quốc phẩm đệ ngũ, Bất khả tư nghị phẩm đệ lục, Phụng trì phẩm đệ thất, chúc lỹ phẩm đệ bát.

247. KINH BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT SAO

Hán dịch: *Sa-môn Đàm-ma-ty và Trúc Phật Niệm*

Việt dịch: *Thích nữ Tâm Thường*

Ni viện Diệu Quang – Nha Trang. Toàn bộ tác phẩm Kinh Bát-nhã sao này gồm có 5 quyển, 13 phẩm. Q.I, P.1 Đạo hạnh, P.2 Hỏi về đại Bát-nhã Ba-la-mật; Q.II, P.3 Công đức; Q.III, P.4 Thiện quyền, P.5 Địa ngục, P.6 Thanh tịnh; Q.IV, P.7 Bồn vô,

P.8 A-duy việt trí, P.9 Hằng-giá-điều Ưu-bà-di; Q.V, P.10 Thủ không, P.11 Viễn ly, P.12 Thiện tri thức, P.13 Thích-đề-hoàn-nhơn. (<https://thuvienhoasen.org>, *Kinh Sanskrit/Hán tạng*)

248. KINH BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT – Tiểu Phẩm

Ban Dịch Thuật Hán Tạng Pháp Âm

Hán dịch: *Pháp sư Cưu-ma-la-thập (Kumarajiva, 344-413)*

Việt dịch: *Tỳ-kheo Thích Đồng Tiến*

Hiệu đính: *Bồ-tát Giới tại gia Định Huệ*

Nxb Tôn Giáo – 2012

Kinh có khổ 14.5 x 20.5cm, dày hơn 468 trang. Nội dung gồm có 10 quyển, 29 phẩm: Bài Tựa Kinh Bát-nhã Ba-la-mật, Kinh Bát-nhã Ba-la-mật, Nghi thức Tụng niệm; Q.I, P.1 Tựa, P.2 Thích-đề-hoàn-nhơn; Q.II, P.3 Tháp, P.4 Minh chú, P.5 Xá-lợi; Q.III, P.6 Khuyến trợ, P.7 Hồi hướng, P.8 Nê-lê; Q.IV, P.9 Ca ngợi Thanh tịnh, P.10 Bất khả tư nghị; Q.V, P.11 Ma sự, P.12 Tiểu như, P.13 Tướng vô tướng, P.14 Thuyền dụ; Q.VI, P.15 Đại như, P.16 Tướng A-duy-việt-trí; Q.VII, P.17 Công đức sâu xa, P.18 Hằng-giá-đề-bà, P.19 Bồ-tát A-tỳ-bạt-trí nhận biết ma sự; Q.VIII, P.20 Thâm Tâm cầu Bồ-đề, P.21 Cung kính Bồ-tát, P.22 Vô Khan phiền não; Q.IX, P.23 Khen ngợi Bồ-tát, P.24 Chúc lụy, P.25 Thấy Phật A-súc, P.26 Tùy tri; Q.X, P.27 Tatl-đà-ba-luân, P.28 Bồ-tát Đàm-vô-kiệt, P.29 Chúc lụy.

249. KINH BÁT-NHÃ Toát Yếu (Bát-Nhã Tâm Kinh)

Hán dịch: *Tam tạng Pháp sư Cưu-ma-la-thập (Kumarajiva, 344-413)*

Việt dịch: *Sa-môn Thích Thiện Hoa (1918-1973)*

PL. 2509 – DL. 1965. Nội dung Kinh này gồm có: - Nguyên văn (bản dịch thứ nhất);

- Nguyên văn (bản dịch thứ hai); Lược giải: Phần duyên khởi, Phần chánh tôn (chánh văn, lược giải), Giải danh từ. (*trích Phật Học Phổ Thông, quyển 3, khóa XII, Nxb Tôn Giáo – 2005*)

250. KINH BÁU TUỆ GIÁC

Siêu Việt Tuyệt Luận

Nguyên tác: *Pháp sư Khuy Cơ*

Viết dịch: *Sa-môn Thích Bảo Lạc*

Nxb Tôn Giáo – 2009. Kinh có khổ 13 x 20.5cm, dày 302 trang.

Toàn bộ tác phẩm này gồm có: - Phạm lậ; *Kinh Kim Cang Bát-nhã tán thuật*: Tựa, Lời tựa khắc bản in, 6 qui tắc hiệu đính, A. Quyển thượng, 1. Năm hoặc sáu pháp chứng tín thành tựu, 2. Hộ niệm có 6 nghĩa, 3. Bồ thí không trụ tướng, 4. Không trụ tướng bồ thí phước đức vô lượng, 5. Pháp Phật thuyết dụ như chiếc bè, 6. Bồ thí của báu nhiều không bằng thọ trì Kinh, 7. Bốn quả Thánh trong ý niệm chứng đắc, 8. Dẫn tích xưa thời Phật Nhiên Đăng, 9. Thọ trì 4 câu kệ Kinh này phước đức hơn cả, 10. Phá 4 tướng chấp; B. Quyển hạ, 1. Hạnh Nhẫn nhục Ba-la-mật, 2. Năm cách nói chân thật của Như Lai, 3. Bồ thí thân mạng không bằng tin Kinh, 4. Cúng dường, phụng sự chư Phật quá khứ, 5. Phát Vô thượng Bồ-đề tâm, 6. Trang nghiêm quốc độ Phật, 7. Ngũ nhãn của Như Lai, 8. Tâm trong 3 thời lượng, 9. Pháp Vô thượng chánh đẳng chánh giác, 10. Nghĩa từ Như Lai, Chú thích; *Kinh Kim Cang Bát-nhã luận giải toát yếu*, A. Quyển thượng, - Nhân duyên phát khởi Tông thể của Kinh, - Nơi chốn, hội Phật thuyết Kinh, I. Phần tựa, (Tựa chứng tín, 6 pháp thành tựu; Tựa phát khởi 7 điểm thích nghi), II. Phần chánh tông: 1. Bảy loại nghĩa cú, 2. 18 trụ xứ, 3. Phật chỉ cách hàng phục tâm, 4. Câu 3 tâm, 5. Đoạn trừ chấp thô, 6. Phá chấp đoạn 4 quả vị, 7.

Giải các mối hồ nghi, 8. Giảng giải Kinh này phước đức hơn ở 5 điểm, Chú thích; B. Quyển hạ, 1. Đối trị không khổ nhân lưu chuyển, 2. Không nhân khổ trái nghịch, 3. Tin Kinh được phước, 4. Đủ đức hay truyền đạt, 5. Ít vui không kham, 6. Xem như tháp Phật, 7. Chuyển tội được phước, 8. Cao cả đáng tôn kính, 9. Nghe rồi sanh nghi, 10. Tổng kết chỗ sanh nghi, 11. Ngũ nhãn của Phật, 12. Pháp thân Như Lai, 13. Tướng cụ túc không đạt được vô thượng chánh đẳng Bồ-đề, 14. Dựa vi trần để phá một hiệp tướng; III. Phần lưu thông, 1. Chúng nghe Tâm Kinh đại hoan hỷ, 2. Tất cả vâng lời Phật phụng hành, 3. Nói rõ 3 nghĩa của từ hoan hỷ phụng hành, Chú thích.

251. KINH BÁT TĂNG BÁT GIẢM

Viết dịch: *Thích Trí Thủ (1909-1984)*

PL. 2505 – DL. 1961; Ông bà Bác sỹ Ung Văn Vy ấn tống

Kinh có 66 trang, bìa mềm, chữ tựa màu đỏ và màu xanh dương.

Nội dung gồm có 2 Kinh: Lời nói đầu, *Kinh Đại Phương đẳng Như Lai tạng*, Hán dịch: Tam tạng Pháp sư Phật-đà Bạt-đà-la; *Kinh Bát Tăng Bát Giảm*, Hán dịch: Tam tạng Pháp sư Bồ-đề-lưu-chi.

(*Bản lưu tại Thư viện Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam tại Tp. Hồ Chí Minh; Mã sách: Vie 2141*)

252. KINH BI HOA

Viết dịch: *Minh Đức – Nguyệt Trí*

Nxb Hà Nội – 1996

Kinh có khổ 14.5 x 20.5cm, dày 572 trang, bìa mềm, có tay gấp.

Nội dung gồm có: Tựa, Kinh Bi Hoa, Q.I, P.1 Chuyển Pháp luân, P.2 Đà-la-ni, Hồi

hướng-Phát nguyện; Q.II, P.3 Đại thí - Phần 1; Q.III, P.3 Đại thí - Phần 2, Hồi hướng-Phát nguyện; Q.IV, P.4 Các Bồ-tát thụ ký - Phần 1, Phần 2; Q.IV, P.4 Các Bồ-tát thụ ký - Phần 3; Q.VI, P.4 Các Bồ-tát thụ ký - Phần 4; Q.VII, P.4 Các Bồ-tát thụ ký - Phần 5; Q.VIII, P.4 Chư Bồ-tát thụ ký - Phần 6, Hồi hướng; P.5 Đàn Ba-la-mật - Phần 1; Q.IX, P.5 Đàn Ba-la-mật - Phần 2, Phần 3, Hồi hướng-Phát nguyện; Q.X, P.6 Môn Nhập định Tam-muội, Hồi hướng-Phát nguyện.

253. KINH BI HOA

(Hán ngữ, âm – nghĩa)

Hán dịch: *Tam tạng Pháp sư Đàm Vô Sám*

Dịch và chú giải: *Nguyễn Minh Tiến*

Hiệu đính Hán văn: *Nguyễn Minh Hiền*

Nxb Tôn Giáo – 2018. Kinh có khổ 16 x 24cm, dày 1.135 trang, bìa cứng.

Nội dung gồm có 10 quyển, 6 phẩm: *Phần Hán văn; Phần dịch âm*: Quyển đệ nhất, - Chuyển Pháp luân phẩm, - Đà-la-ni phẩm; Quyển đệ nhị, - Đại thí phẩm; Quyển đệ tam, - Đại thí phẩm, - Chư Bồ-tát bốn thọ ký phẩm; Quyển đệ tứ, ngũ, lục, thất, - Chư Bồ-tát bốn thọ ký phẩm; Quyển đệ bát, - Chư Bồ-tát bốn thọ ký phẩm, - Đàn Ba-la-mật phẩm; Quyển đệ cửu, - Đàn Ba-la-mật phẩm; Quyển đệ thập, - Đàn Ba-la-mật phẩm, - Nhập định tam-muội môn phẩm. *Phần dịch nghĩa*: Q.I, Chuyển Pháp luân, Phẩm thứ nhất; Đà-la-ni, Phẩm thứ nhì; Q.II, Đại thí, Phẩm thứ ba (1); Q.III, Đại thí, Phẩm thứ ba (2); Bồ-tát thọ ký, Phẩm thứ tư (1); Q.IV, V, VI, VII, Bồ-tát thọ ký, Phẩm thứ tư (2) (3) (4) (5); Q.VIII, Bồ-tát thọ ký, Phẩm thứ tư (6), Pháp Bồ thí, Phẩm thứ năm (1); Q.IX, Pháp Bồ thí, Phẩm thứ năm (2); Q.X, Pháp Bồ thí, Phẩm thứ năm (3), Pháp môn nhập định, Phẩm thứ sáu.

Tác phẩm này đã xuất bản từ năm 2007, Nxb Tôn Giáo.

254. KINH BIÊN CHIÊU ĐẠI LỰC MINH VƯƠNG XUẤT SANH HẾT THẢY PHÁP NHÃ NHƯ LAI

Hán dịch: *Pháp Hộ*

Việt dịch: *Huyền Thanh*

Tác phẩm Kinh này gồm có 2 quyển: Quyền thượng và Quyền hạ.

(<https://phatphapungdung.com>, *Pháp bảo-Bộ Mật giáo*)

255. KINH BỒ-ĐỀ HẠNH

Long Thọ Bồ-tát tập

Hán dịch: *Thiên Tứ Tai*

Việt dịch: *Thích Như Điển*

Tác phẩm Kinh này gồm có 4 quyển, 8 phẩm: Q.I, P.1 Tán Bồ-đề tâm, P.2 Bồ-đề tâm thí cúng dường, P.3 Hộ giới; Q.II, P.4 Bồ-đề tâm nhẫn nhục Ba-la-mật, P.5 Bồ-đề tâm tinh tấn Ba-la-mật; Q.III, P.6 Bồ-đề tâm tịnh lự Bát-nhã Ba-la-mật-đa; Q.IV, P.7 Bồ-đề tâm Bát-nhã Ba-la-mật-đa, P.8 Bồ-đề tâm hồi hướng.

(<https://phatphapungdung.com>, *Pháp bảo-Bộ Luận tập*)

256. KINH BỒ-TÁT DI-LẶC

Dịch và giải thích:

Tỳ-kheo Thích Thiện Nhơn

Nxb Tôn Giáo, PL. 2556 – DL. 2013

Kinh có khổ 14 x 20cm. Nội dung sơ lược gồm có: Phần Tổng quan, Kinh Phật nói về Thế nguyện Đòi trước của Bồ-tát Di-lặc; Kinh Phật nói về Bồ-tát Di-lặc Sinh lên cõi Trời Đâu-suất; Kinh Phật nói về Bồ-tát Di-lặc hạ sanh Thành Phật; Phẩm Thập Bát Thiện số 48 (Kinh số 3) – Tăng Nhất A-hàm; Toát yếu Kinh Chuyển Luân vương Tu hành (Kinh số 6) – Trường A-hàm; Toát yếu Kinh Thuyết Bốn – Trung A-hàm; Phụ lục Kinh văn: - Kinh Trường

A-hàm 6, - Kinh Trung A-hàm 66 – Kinh Thuyết Bản.

257. KINH BỒ-TÁT DI-LẶC HẠ SANH THÀNH PHẬT

Hán dịch:

Tam tạng Pháp sư Nghĩa Tịnh (635-713)

Việt dịch và phiên âm:

Thích Giác Nguyên

PL. 2548 – DL. 2004. Tác phẩm này có 32 trang, nội dung gồm có: - Khóa lễ Giao thừa mừng xuân, - Nghi thức tụng Kinh, - Đức Phật Thích-ca nói Kinh Bồ-tát Di-lặc hạ sanh thành Phật, - Nghi thức hồi hướng, Phục nguyện và Tam tự quy y, - Lời khấn cúng Lễ giao thừa, Mồng Một Tết, - Nguyên tác Hán văn Kinh Di-lặc hạ sanh thành Phật, phiên âm, Chú thích. (<https://thuvienhoasen.org>, *Kinh Sanskrit/Hán tạng*)

258. KINH BỒ-TÁT ĐỊA TRÌ

Việt dịch và Chú thích:

Tỳ-kheo Thích Thiện Nhơn

Nxb Tôn Giáo, PL. 2560 – DL. 2016

Kinh có khổ 14.5 x 20.5cm, dày hơn 277 trang, bìa mềm.

Nội dung gồm có 27 phẩm: Lời nói đầu, Tiểu sử Dịch giả; 1.P. Chung tánh, 2.P. Phát Bồ-đề tâm, 3.P. Tư lợi và lợi tha, 4.P. Nghĩa chơn thật, 5.P. Năng lực, 6.P. Thuần thực, 7.P. Vô thượng Bồ-đề, 8.P. Uy lực và chủng tánh, 9.P. Bồ thí, 10.P. Trì giới, 11.P. Nhẫn nhục, 12.P. Tinh tấn, 13.P. Thiền định, 14.P. Bát-nhã (Trí tuệ), 15.P. Tứ Nhiếp pháp, 16.P. Cúng dường Tam bảo và tu Tứ Vô lượng tâm, 17.P. Bồ-đề, 18.P. Công đức, 19.P. Hành tướng của Bồ-tát, 20.P. Phạm sự của hai giới, 21.P. Tịnh tâm, 22.P. Tướng trụ, 23.P. Sự ra đời của Bồ-tát, 24.P. Tóm thu, 25.P. Các địa, 26.P. Các hạnh, 27.P. Kiến lập.

259. KINH BỒ-TÁT QUÁN THẾ ÂM BÍ MẬT TẠNG NHƯ Ý LUÂN ĐÀ-LA-NI THẦN CHÚ

Hán dịch: *Thật-xoa-nan-đà*

Việt dịch: *Huyền Thanh*

Toàn bộ tác phẩm Kinh này gồm có 6 phẩm: P.1 Trừ nhất thiết ác nghiệp Đà-la-ni, P.2 Quán Thế Âm Bồ-tát bí mật tạng tất cả pháp ái lạc, P.3 Quán Thế Âm Đà-la-ni pháp hòa thuốc A-già-đà khiến cho người yêu thích, P.4 Quán Thế Âm như ý luân thuốc ngậm, P.5 Quán Thế Âm Bồ-tát chiên đàn Ma-ni tâm luân nhãn dược pháp, P.6 Quán Thế Âm Bồ-tát hỏa án Đà-la-ni dược. (<https://phatphapungdung.com>, *Pháp bảo-Bộ Mật giáo*)

260. KINH BỒ-TÁT THIỆN GIỚI

Hán dịch: *Tam tạng Pháp sư Cầu-na-bạt-ma (Gunavarman, 367-431)*

Việt dịch: *Tỳ-kheo Thích Thiện Thông*

Toàn bộ tác phẩm Kinh này gồm có 10 quyển, 30 phẩm: - Duyên khởi, - Lời tựa (1995); Q.I, Bồ-tát địa, P.1 Phần tựa, P.2 Tánh của hạnh lành, P.3 Phát tâm Bồ-đề, P.4 Lợi ích trong ngoài; Q.II, Bồ-tát địa, P.5 Nghĩa chân thật, P.6 Chẳng thể nghĩ bàn; Q.III, Bồ-tát địa, P.7 Điều phục, P.8 Bồ-đề, P.9 Lực và tánh Bồ-đề; Q.IV, Bồ-tát địa, P.10 Bồ thí độ, P.11 Trì giới độ; Q.V, Bồ-tát địa, P.12 Nhẫn nhục độ, P.13 Tinh tấn độ, P.14 Thiền định độ, P.15 Trí tuệ độ, P.16 Ái ngữ...Lợi hành...Đồng sự; Q.VI, Bồ-tát địa, P.17 Cúng dường Tam bảo, P.18 37 phẩm trợ đạo; Q.VII, Bồ-tát địa, P.19 Những pháp trợ Bồ-đề khác, P.20 Công đức, P.21 Tướng như pháp trụ của Bồ-tát, P.22 Như pháp trụ thiên; Q.VIII, Bồ-tát địa, P.23 Như pháp trụ định tâm, P.24 Như pháp trụ sanh Bồ-đề địa, P.25 Sự ra đời của Tất cánh địa; Q.IX, Bồ-

tát địa, P.26 Sự nhiếp lấy của Tát cánh địa, P.27 Sự rớt ráo của Tát cánh địa, P.28 Hạnh Tát cánh địa, P.29 32 tướng tốt 80 vẻ đẹp của Tát cánh địa, P.30 Trụ Tát cánh địa; Q.X, Bồ-tát địa, Ngài Ưu-ba-ly hỏi về thể thức thọ Bồ-tát giới và những pháp Giá, Khai của giới Bồ-tát. (<https://thuvienhoasen.org>, *Kinh Sanskrit/Hán tạng*)

261. KINH BỒ-TÁT THỰC HÀNH PHƯƠNG TIỆN

Hán dịch: *Câu-na-bạt-đà-la*

Việt dịch: *Thích Như Điển*

Tác phẩm Kinh này gồm có 3 quyển: Quyển thượng, Quyển trung và Quyển hạ. (<https://phatphapungdung.com>, *Pháp bảo-Bộ Pháp Hoa*)

262. KINH BỒ-TÁT TÔNG ĐÀU THUẬT THIÊN HÀNG THẦN MẪU THAI THUYẾT QUẢNG PHỔ

Hán dịch: *Trúc Phật Niệm*

Việt dịch: *Thích nữ Diệu Châu*

Toàn bộ tác phẩm Kinh này gồm có 7 quyển, 38 phẩm: Q.I, P.1 Thiên cung, P.2 Du bộ, P.3 Thánh đế; Q.II (đang cập nhật); Q.III, P.6 Tường vô tường, P.7 Trụ bất trụ, P.8 Bát chủng thân, P.9 Toàn thân Xá-lợi, P.10 Thường-vô thường; Q.IV, P.11 Tỳ hỷ, P.12 Ngũ đạo tầm thức, P.13 Chư Phật hành tỳ vô sai biệt, P.14 Hành định bất định; Q.V, P.15 Chúng sanh nhập lục đạo, P.16 Chuyển pháp luân, P.17 Năm thần thông, P.18 Thức trụ xứ (chỗ thức trụ), P.19 Thiện quyền; Q.VI, P.20 Vô minh, P.21 Khổ hạnh, P.22 Tứ đạo hòa hợp, P.23 Ý, P.24 Định ý, P.25 Quang ảnh; Q.VII, P.26 Phá tà kiến, P.27 Văn-thù thân biến hóa, P.28 Bát Thánh hiền trai giới, P.29 Năm lạc, P.30 Khẩn-đà-la, P.31 Hương âm thân, P.32 Địa thân, P.33 Người, P.34 Hành, P.35 Pháp trụ, P.36 Phục bốn hình,

P.37 Xây tháp, P.38 Xuất kinh. (<https://phatphapungdung.com>, *Pháp bảo-Bộ Niết-bàn*)

263. KINH BỐN MƯƠI HAI BÀI

Dịch giả: *HT. Thích Trí Quang (1923-2019)*

PL. 2537 – DL. 1993

Tác phẩm Kinh này gồm có: I. Dẫn nhập, II. Dịch nghĩa bản A, III. Dịch nghĩa bản B, IV. Dịch nghĩa bản chữa; Tài liệu và ký hiệu, Văn bản Kinh Bốn mươi bài: 1. Bản A, 2. Bản B, Lai lịch Kinh 42 bài; Bản A và B. (<https://thuvienhoasen.org>, *Kinh Sanskrit/Hán tạng*)

264. KINH BỐN MƯƠI HAI CHƯƠNG

Hán dịch: *Ca-diếp-ma-đăng và Trúc Pháp Lan*

Việt dịch: *Thích Tâm Châu (1921-2015)*

Nội dung Kinh này gồm có 42 chương: C.1 Xuất gia-chứng quả, C.2 Đoạn dục tuyệt chứng, C.3 Cắt ái bỏ tham, C.4 Thiện-ác đều rõ, C.5 Chuyển nặng thành nhẹ, C.6 Nhẫn ác không giận, C.7 Ác lại bản thân, C.8 Tung-nhỏ tự nhờ, C.9 Về gốc gặp đạo, C.10 Hỷ thí được phúc, C.11 Cúng cơm dân hơn, C.12 Khó-khuyên gắng tu, C.13 Hỏi về túc mệnh, C.14 Hỏi về Hiện-Đại, C.15 Hỏi về Lục-Minh, C.16 Xả ái đắc Đạo, C.17 Sáng lại tối rời, C.18 Niệm...vốn không, C.19 Quán giả và chân, C.20 Cái ta vốn không, C.21 Thanh danh hại mình, C.22 Tài-sắc vời khổ, C.23 Cái ngục vợ con, C.24 Sắc dục chướng Đạo, C.25 Lửa dục đốt mình, C.26 Thiên ma quấy Phật, C.27 Không chấp-đắc đạo, C.28 Đừng buông ý mã, C.29 Chính quán ngăn sắc, C.30 Xa lìa lửa dục, C.31 Tâm vắng dục diệt, C.32 Ta không sợ sệt, C.33 Trí sáng phá ma, C.34 Trung bình, đắc Đạo, C.35 Nhờ sạch sáng còn, C.36 Mở

mang hơn lên, C.37 Niệm giới gần Đạo, C.38 Có sinh có diệt, C.39 Dạy bảo không sai, C.40 Hành đạo tại tâm, C.41 Trục tâm xuất dục, C.42 Suốt sự biết huyền. (<https://thuvienhoasen.org>, *Kinh Sanskrit/Hán tạng*)

265. KINH BỐN MƯƠI HAI CHƯƠNG
Việt dịch và chú thích: *Thích Thanh Cát*
MCMLXIV; PL. 2507

Chùa Giác Minh (Sài Gòn) phát hành,
Giấy phép xuất bản số
1549/HĐKDTU/PI/XB của Hội đồng
kiểm duyệt Trung ương cấp ngày 12-7-
1963.

Kinh có 108 trang, bìa mềm. Nội dung
Kinh này gồm có 42 chương: Phần duyên
khởi, I. Chứng quả xuất thế gian, C.1; II.
Tu hạnh xuất gia: từ C.2 – C.8; III. Lập tín
nguyện: C.9; IV. Tu Lục độ hạnh, 1. Bồ
thí độ: từ C.10 – C.12; 2. Trì giới độ: C.13
– C.14; 3. Nhẫn nhục độ: C.15; 4. Thiền
định độ: C.16; 5. Bát-nhã độ: a. Trí căn
bản, C.17; b. Trí hậu đắc, C.18; c. Gia
hạnh trí: Quán vô thường, C.19; Quán vô
ngã như huyền, C.20; Thông quán ngũ
dục, từ C.21 – C.26; 6. Tinh tấn độ: a.
Mặc áo giáp hạnh tinh tấn, từ C.27 – C.32;
b. Mặc áo giáp tướng tinh tấn, C.33; c.
Tiếp thiện tinh tấn, C.34 – C.35; d. Lợi lạc
tinh tấn, C.36; V. Minh cấp giới thặng,
C.37 – C.38; Tín giáo-giải lý-tu hành: 1.
Tín giáo, C.39; 2. Giải lý, C.40; 3. Tu
hành, C.41; Phần kết luận, C.42; Phần chú
thích.

266. KINH BỐN MƯƠI HAI CHƯƠNG
Dịch và giải: *Thích Phước Tịnh*

Nxb Phương Đông – 2011

Kinh có khổ 13 x 20.5cm, dày hơn 727
trang, bìa cứng.

Nội dung gồm có 42 chương: Lời dẫn,
Lược khảo văn bản, Phần Mở đầu: Ly dục

tịch tịnh, C.1 Thức tâm đạt bốn, C.2 Ngộ
vô vi pháp, C.3 Hiện hạnh Sa-môn, C.4
Hai ngã thiện-ác, C.5 Làm mới thân tâm,
C.6-7-8 Tu tập hạnh nhẫn nhục, C.9 Bác
học đa văn, C.10-11 Tùy hỷ và Cúng
dường, C.12 Vượt qua khó khăn, C.13
Tịnh tâm thủ chí, C.14-15 Hành Đạo thủ
chân, C.16 Xả ly ái dục, C.17 Thấp sáng
trí tuệ, C.18 Siêu việt nhị biên, C.19-20
Tam Pháp ấn, C.21-22 Tham đắm các dục,
C.23-24-25 Họa hại ái dục, C.26 Quán
chiếu sự thọ dụng, C.27 Trôi vào biển giải
thoát, C.28 Thận trọng với ý thức, C.29
Phong cách Sa-môn, C.30 Đoạn các duyên
sinh khởi ái dục, C.31-32 Đoạn gốc rễ sinh
khởi ái dục, C.33 Mặc giáp tinh tấn, C.34
Con đường Trung Đạo, C.35 Thanh lọc
thân tâm, C.36 Con đường hạnh phúc,
C.37 Thân cận bên Phật, C.38 Người hiểu
Đạo, C.39 Pháp chỉ thuần một vị, C.40
Thân tâm nhất như, C.41 Nỗi sợ tử sinh,
C.42 Nhìn bằng đôi mắt Phật; Tổng kết;
Phụ lục Hán văn.

267. KINH BỐN KHỞI

Thích nữ Như Hải

THPG Tp. Hồ Chí Minh, PL. 2541 – DL.
1997

Kinh có khổ 14 x 20cm, dày hơn 134
trang, bìa mềm.

Nội dung gồm có: Lời nói đầu, 1. Phẩm
Du hóa, 2. A-nan vấn Phật, 3. Phẩm Biến
hiện, 4. Phật độ anh em ông Ca-diếp, 5.
Phật độ Bình Sa vương, 6. Phật độ Xá-lợi-
phất và Mục-kiền-liên, 7. Phật trở về cố
quốc thăm phụ vương, 8. Phật hóa độ
Trưởng giả Tu-đạt, 9. Phật hóa độ Cai
dung, 10. Phật hóa độ bà Kiều-đàm-di, 11.
Phật hóa độ vua Ba-tư-nặc, 12. Phẩm Tự
ái, 13. Phật hóa độ ông Ca-diếp, 14. Phật
hóa độ Nại nữ, 15. Ni-kiền tử vấn nghi,
16. Phật ăn lúa ngựa.

268. KINH BỔN NGUYỆN CÔNG ĐỨC CỦA BẢY ĐỨC PHẬT ĐƯỢC SƯ LƯU LY QUANG NHƯ LAI

Hán dịch: *Tam tạng Pháp sư Nghĩa Tịnh (635-713)*

Việt dịch: *Thích nữ Tâm Thường*

Tác phẩm Kinh này có 2 quyển Thượng, Hạ.

(<https://thuvienhoasen.org>,

Kinh Sanskrit/Hán tạng)

269. KINH BỔN SANH (JĀTAKA) – 2 Tập

(Trong Tiểu Bộ Kinh – Khuddaka Nikāya)

Phiên dịch từ bản Pāli: *Tỳ-kheo Thích Minh Châu (1918-2012)*

Tập I, Kinh Bổn Sanh, Tu Thư Phật Học Vạn Hạnh xuất bản – 1980, dày 363 trang, bìa mềm. Nội dung gồm có 1 chương, 12 phẩm như sau: C.I, *P.1 Phẩm Apannaka*, 1. Bổn sanh Apannaka, 2. Bổn sanh Vannupatha, 3. Bổn sanh Serivaniya, 4. Bổn sanh Cullaka-Setthi, 5. Bổn sanh Tandulanāli, 6. Bổn sanh Devadhamma, 7. Bổn sanh Katthahāri, 8. Bổn sanh Gamini, 9. Bổn sanh Makhādeva, 10. Bổn sanh Sukhavihāri; *P.2 Phẩm Giới*, 11. Bổn sanh Lakkhana, 12. Bổn sanh Con nai Nigrodha, 13. Bổn sanh Kandina, 14. Bổn sanh Vātamiga, 15. Bổn sanh Kharādiya, 16. Bổn sanh Tipallatthamiga, 17. Bổn sanh Māluta, 18. Bổn sanh Matakabhatta, 19. Bổn sanh Àyācitabhatta, 20. Bổn sanh Nalakapāna; *P.3 Phẩm Kurunga*, 21. Bổn sanh Kurunga, 22. Bổn sanh Kukkura, 23. Bổn sanh Bhojaniya, 24. Bổn sanh Ajanna, 25. Bổn sanh Titttha, 26. Bổn sanh Mahilāmukha, 27. Bổn sanh Abhinla, 28. Bổn sanh Nandivisāla, 29. Bổn sanh Kanha, 30. Bổn sanh Munika; *P.4 Phẩm Kulāvaka*, 31. Bổn sanh Kulāvaka, 32. Bổn sanh Nacca, 33. Bổn sanh

Sammodamana, 34. Bổn sanh Maccha, 35. Bổn sanh Vattaka, 36. Bổn sanh Sakuna, 37. Bổn sanh Tittira, 38. Bổn sanh Baka, 39. Bổn sanh Nanda, 40. Bổn sanh Khadirangāra; *P.5 Phẩm Lợi ái*, 41. Bổn sanh Losaka, 42. Bổn sanh Kapota, 43. Bổn sanh Veluka, 44. Bổn sanh Makasa, 45. Bổn sanh Rohini, 46. Àrāmadūsaka, 47. Bổn sanh Vāruni, 48. Bổn sanh Vedabbha, 49. Bổn sanh Nakkhatta, 50. Bổn sanh Dummedha; *P.6 Phẩm Āsimsa*, 51. Bổn sanh Mahāsīlavā, 52. Bổn sanh Cūlajanaka, 53. Bổn sanh Punnapāti, 54. Bổn sanh Phala, 55. Bổn sanh Pancāyudha, 56. Bổn sanh Kancanakkhandha, 57. Bổn sanh Vānarinda, 58. Bổn sanh Tayodhammā, 59. Bổn sanh Bherivāda, 60. Bổn sanh Sankhadhama; *P.7 Phẩm Đàn bà*, 68. Bổn sanh Sāketa, 69. Bổn sanh Visavanta, 70. Bổn sanh Kuddāla; *P.8 Phẩm Varana*, 71. Bổn sanh Varana, 72. Bổn sanh Silavanaga, 73. Bổn sanh Saccankira, 74. Bổn sanh Rukkhadhamma, 75. Bổn sanh Maccha, 76. Bổn sanh Asankiya, 77. Bổn sanh Giác mộng lớn (chưa in), 78. Hlisa, 79. Bổn sanh Kharassara, 80. Bổn sanh Bhimasena; *P.9 Phẩm Apāyimha*, 81. Bổn sanh Uống rượu, 82. Bổn sanh Mittavinda, 83. Bổn sanh Kālakanni, 84. Bổn sanh Atthassadvāra, 85. Bổn sanh Kimpakka, 86. Bổn sanh Silavimamsana, 87. Bổn sanh Mangala, 88. Bổn sanh Sārambha, 89. Bổn sanh Kuhaka, 90. Bổn sanh Akatannu; *P.10 Phẩm Litta*, 91. Bổn sanh Litta, 92. Bổn sanh Mahāsāra, 93. Bổn sanh Vissāsabhojana, 94. Bổn sanh Lomahamsa, 95. Bổn sanh Mahāsudassana, 96. Bổn sanh Tolapatta, 97. Namasiddhi, 98. Bổn sanh Kūtavānija, 99. Bổn sanh Parosahassa, 100. Asātarūpa; *P.11 Phẩm Parosata*, 101. Bổn sanh Parosata, 102. Bổn sanh Pannika, 103.

Veri, 104. Bôn sanh 104, 105. Bôn sanh Dubhalakatha, 106. Bôn sanh Udancani, 107. Bôn sanh Sālittaka, 108. Bāhiya, 109. Bôn sanh Kundakapūva, 110. Bôn sanh Sabhasanhākara; *P.12 Phâm Hamsa*, 111. Bôn sanh Gadrabhapanha, 112. Bôn sanh Amaràdevipanha, 113. Bôn sanh Sīgala, 114. Mitacinti, 115. Bôn sanh Anusāsika, 116. Bôn sanh Dubbaca, 117. Tittira, 118. Bôn sanh Vattaka, 119. Bôn sanh Akàlarāvi, 120. Bôn sanh Bandhanamokkha.

Tập II, Kinh Bôn Sanh, Tu Thư Phật Học Vạn Hạnh xuất bản – 1982, dày hơn 303 trang, bìa mềm. Nội dung gồm có: Lời giới thiệu,

P.13 KUSANALI, 121. Bôn sanh Dummedha (Jat 441), 122. Bôn sanh Dummedha (Jat 444), 123. Bôn sanh Nangalisa (Jat 446), 124. Bôn sanh Amba (Jat 449), 125. Bôn sanh Katahaka (Jat 451), 126. Bôn sanh Asilakkhana (Jat 455), 127. Bôn sanh Kalanduka (Jat 458), 128. Bôn sanh Bilara (Jat 460), 129. Bôn sanh Aggika (Jat 461), 130. Bôn sanh Kosiya (Jat 463);

P.14 ASAMPADANA, 131. Bôn sanh Asampadana (Jat 465), 132. Bôn sanh Pancagaru (Jat 469), 133. Bôn sanh Ghatasana (Jat 471), 134. Bôn sanh Thanosodhana (Jat 473), 135. Bôn sanh Candabha (Jat 474), 136. Bôn sanh Suvannahamsa (Jat 474), 137. Bôn sanh Babbu (Jat 477), 138. Bôn sanh Godha (Jat 480), 139. Bôn sanh Ubhatobhattha (Jat 482), 140. Bôn sanh Kaka (Jat 484);

P.15 KAKANTAKA, 141. Bôn sanh Gosha (Jat), 142. Bôn sanh Sīgala (Jat 489), 143. Bôn sanh Virocana (Jat 490), 144. Bôn sanh Nanguttha (Jat 493), 145. Bôn sanh Radha (Jat 495), 146. Bôn sanh Kaka (Jat 497), 147. Bôn sanh Puppharatta (Jat 499),

148. Bôn sanh Sīgala (Jat 501), 149. Bôn sanh Ekapanna (Jat 504), 150. Bôn sanh Sanjiva (Jat 508);

P.I DALHA, 151. Bôn sanh Rajovada (Jat 2.1), 152. Bôn sanh Sīgala (Jat 2.5), 153. Bôn sanh Kukara (Jat 2.9), 154. Bôn sanh Uraga (Jat 2.12), 155. Bôn sanh Gagga (Jat 2.15), 156. Bôn sanh Alinacitta (Jat 2.17), 157. Bôn sanh Guna (Jat 2.23), 158. Bôn sanh Suhanu (Jat 2.30), 159. Bôn sanh Mora (Jat 2.33), 160. Bôn sanh Vinilaka (Jat 2.38);

P.II SANTHAVA, 161. Bôn sanh Tudasamanagotta (Jat 2.41), 162. Bôn sanh Santhava (Jat 2.43), 163. Bôn sanh Susima (Jat 2.45), 164. Bôn sanh Gijjha (Jat 2.50), 165. Bôn sanh Nakula (Jat 2.52), 166. Bôn sanh Upassalha (Jat 2.54), 167. Bôn sanh Samiddhi (Jat 2.56), 168. Bôn sanh Sakunagghi (Jat 2.58), 169. Bôn sanh Araka (Jat 2.60), 170. Bôn sanh Kakanta (Jat 2.63);

P.III THIÊN PHÁP, 171. Bôn sanh Kalyana – Dhamma (Jat 2.63), 172. Bôn sanh Daddara (Jat 2.65), 173. Bôn sanh Makkata (Jat 2.68), 174. Bôn sanh Dubhiyanakkata (Jat 2.70), 175. Bôn sanh Adiccapatthana (Jat 2.72), 176. Bôn sanh Kaaya – Mutthi (Jat 2.74), 177. Bôn sanh Tinduka (Jat 2.76), 178. Bôn sanh Kacchapa (Jat 2.79), 179. Bôn sanh Satadhamma (Jat 2.82), 180. Duddhada (Jat 2.85);

P.IV ASADISA, 181. Bôn sanh Asadisa (Jat 2.86), 182. Bôn sanh Sangamavacara (Jat 2.92), 183. Bôn sanh Valodaka (Jat 2.95), 184. Bôn sanh Giridanta (Jat 2.98), 185. Bôn sanh Anabhirati (Jat 2.99), 186. Bôn sanh Dadhivahana (Jat 2.100), 187. Bôn sanh Catumatta (Jat 2.106), 188. Bôn sanh Sihakotthuka (Jat 2.108), 189. Bôn sanh Jihaca dma (Jat 2.109), 190. Bôn sanh Silani Samsa (Jat 2.111), 191. Bôn

sanh Rahaka (Jat 2.112), 192. Bôn sanh Sinikalakanni (Jat 2.115), 193. Bôn sanh Cullapaduma (Jat 2.115), 194. Bôn sanh Manicora (Jat 2.121), 195. Bôn sanh Pabhatu patthara (Jat 2.125), 196. Bôn sanh Valàhassa (Jat 2.127), 197. Mittamitta (Jat 2.130), 198. Bôn sanh Radha (Jat 2.132), 199. Bôn sanh Gahapati (Jat 2.134), 200. Bôn sanh Sadhusila (Jat 2.137);

P.VI NATAMDALHA, 201. Bôn sanh Bandhanagara (Jat 2.139), 202. Bôn sanh Kolisila (Jat 2.142), 203. Bôn sanh Khanda-Vatta (Jat 2.144), 204. Bôn sanh Viraka (Jat 2.148), 205. Bôn sanh Gangeyya (Jat 2.151), 206. Bôn sanh Kurungamiga (Jat 2.152), 207. Bôn sanh Assaka (Jat 2.155), 208. Bôn sanh Sumsuvara (Jat 2.158), 209. Bôn sanh Kakkara (Jat 2.160), 210. Bôn sanh Kandagalaka (Jat 2.162);

P.VII BIRANATTHABHAKA, 211. Bôn sanh Biranattambhaka (Jat 2.164), 212. Bôn sanh Luchitthabha (Jat 2.167), 213. Bôn sanh Bharu (Jat 2.169), 214. Bôn sanh Punna nadi (Jat 2.173), 215. Bôn sanh Kacchapa (Jat 2.175), 216. Bôn sanh Maccha (Jat 2.178), 217. Bôn sanh Seggu (Jat 2.179), 218. Bôn sanh Kutavanija (Jat 2.181), 219. Bôn sanh Garahita (Jat 2.189), 220. Bôn sanh Dhammaddhaja (Jat 2.186);

P.VIII KASAVA, 221. Bôn sanh Kàsava (Jat 2.196), 222. Bôn sanh Cùlanandiya (Jat 2.199), 223. Bôn sanh Puta Bhatta (Jat 2.202), 224. Bôn sanh Kumbhila (Jat 2.206), 225. Bôn sanh Khantivannana (Jat 2.206), 226. Bôn sanh Kosiya (Jat 2.208), 227. Bôn sanh Guthapàna (Jat 2.209), 228. Bôn sanh Kamanita (Jat 2.212), 229. Bôn sanh Palayi (Jat 2.216), 230. Bôn sanh Dutiya-palayi (Jat 2.219);

P.IX PHĀM UPAHANA, 231. Bôn sanh Upahana (Jat 2.221), 232. Bôn sanh Vinathuna (Jat 2.224), 233. Bôn sanh Vikannaka (Jat 2.227), 234. Bôn sanh Asitabhù (Jat 2.229), 235. Bôn sanh Vacchanakha (Jat 2.231), 236. Bôn sanh Baka (Jat 2.233), 237. Bôn sanh Saketa (Jat 2.234), 238. Bôn sanh Ekarada (Jat 2.236), 239. Bôn sanh Hurita-mata (Jat 2.237), 240. Bôn sanh Maha Pingala (Jat 2.239);

P.X SIGALA, 241. Bôn sanh Sabhadatha (Jat 2.242), 242. Bôn sanh Sunakha (Jat 2.246), 243. Bôn sanh Guttida (Jat 2.248), 244. Bôn sanh Viticcha (Jat 2.257), 245. Bôn sanh Mulapariyaya (Jat 2.259), 246. Bôn sanh Telovada (Jat 2.262), 247. Bôn sanh Padanjali (Jat 2.263), 248. Bôn sanh Kinsukopama (Jat 2.265), 249. Bôn sanh Salaka (Jat 2.266), 250. Bôn sanh Kapi (Jat 2.268).

271. KINH BÔN SỰ

Hán dịch: *Tam tạng Pháp sư Huyền Trang (602-664)*

Việt dịch: *Thích Như Điển*

Toàn bộ tác phẩm Kinh này gồm có 7 quyển: Q.I, P.1 Pháp (Phần 1); Q.II, P.1 Pháp (Phần 2); Q.III, P.2 Pháp (Phần 1); Q.IV, P.2 Pháp (Phần 2); Q.V, P.2 Pháp (Phần 3); Q.VI, Q.VII, P.3 Pháp (Phần 2). (<https://phatphapungdung.com>, *Pháp bảo-Bộ Kinh tập*)

272. KINH 42 CHƯƠNG & KINH DI GIÁO

(Những Bài Thuyết Pháp Khi Đức Phật Mới Thành Đạo và Khi Đức Phật Vào Niết-bàn)

Việt dịch: *Thích Bình Minh*

Chùa Giác Minh (Sài Gòn), PL. 2502

Kinh có hơn 56 trang, bìa mềm. Nội dung gồm có: *Phật nói Kinh 42 Chương*, Hán

dịch: Sa-môn Ca-diếp Ma-đăng và Trúc Pháp Lan, C.1 Những quả vị tu chứng, C.2 Lý đạo thâm huyền, C.3 Xa lìa của cải, C.4 Mười điều thiện ác, C.5 Ăn năn tội lỗi, C.6 Nhẫn nhục là hay, C.7 Nhân nào quả nấy, C.8 Hại mình trước, C.9 Giữ chí phụng đạo, C.10 Phúc ví như lửa, C.11 Phúc báo hơn kém, C.12 Hai mươi việc khó làm, C.13 Biết được đời trước, C.14 Hay nhất-Lớn nhất, C.15 Mạnh nhất-Sáng nhất, C.16 Đoạn trừ ái dục, C.17 Tổ ngộ đạo mâu, C.18 Không chấp tướng, C.19 Vạn vật vô thường, C.20 Không có cái ta, C.21 Xa lìa danh, C.22 Xa lìa lợi, C.23 Khổ về gia đình, C.24 Yêu sắc đẹp, C.25 Mê ái dục, C.26 Hàng phục ma nữ, C.27 Xa lìa tình dục, C.28 Đừng vội tin ý người, C.29 Phải chính tâm, C.30 Phải giữ mình, C.31 Đoạn âm chẳng bằng đoạn tâm, C.32 Không lo sợ, C.33 Phải đứng tiến, C.34 Giữ mực điều hòa, C.35 Đạo hạnh trong sạch, C.36 Không phải tu-chứng là khó nhất, C.37 Gần Phật-xa Phật, C.38 Mệnh con người ta, C.39 Tin lời Phật dạy, C.40 Tâm hành đạo, C.41 Nhất tâm vì đạo, C.42 Vạn pháp là giả tạm; Phần Chú thích;

Phật nói Kinh Di Giáo, Hán dịch: Tam tạng Pháp sư Cưu-ma-la-thập, C.1 Tôn trọng Giới luật, C.2 Kiểm chế nội tâm, C.3 Xứng lượng vừa phải, C.4 Phải biết hổ thẹn, C.5 Nhẫn nhục Đệ nhất đạo, C.6 Bỏ tâm kiêu mạn, C.7 Tâm địa thẳng thắn, C.8 Hạnh muốn ít, C.9 Hạnh biết đủ, C.10 Xa nơi huyền ảo, C.11 Chuyên cần tinh tiến, C.12 Đừng quên nhớ điều chính, C.13 Tâm thường Thiền định, C.14 Ánh sáng Trí tuệ, C.15 Không bàn nói đùa, C.16 Ly khai sự phóng dật, C.17 Giải quyết sự ngờ vực, C.18 Nhân duyên hợp tan, C.19 Nhất tâm cầu đạo; Phần Chú thích.

(*Bản Kinh lưu tại Thư viện chùa Xá Lợi, Q.3, Tp. Hồ Chí Minh*)

273. KINH CAHYNA

Tỳ-kheo Ni Hải Triều Âm (1920-2013)

Nxb Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh,

PL. 2564 – DL. 2020

Kinh có khổ 14.5 x 20.5cm, dày hơn 90 trang. Nội dung gồm có: Lời tự thuật, Nghi thức tụng Kinh, Chương trình Thọ Y Công đức, Kinh Cahyna, Lễ 18 vị A-la-hán, Lễ Y công đức, Nhân duyên trì Y Công đức, Chương trình Tu học, Huấn từ Khai khóa Cahyna, Huấn từ Tạ khóa Cahyna, Hải Triều Âm toàn tập.

274. KINH CĂN BẢN PHÁP MÔN

Biên soạn: *Tỳ-khuru Chánh Minh*

Nxb Tôn Giáo, PL. 2549 – DL. 2005

Kinh có khổ 14 x 20cm, dày 270 trang.

Nội dung gồm có: Lời giới thiệu, Những chữ viết tắt, Luận giải Kinh Căn Bản Pháp Môn, A. Duyên khởi, B. Tóm lược bài Kinh, Chánh Kinh: Ukathà, Subhaga, Về 500 vị Tỳ-kheo nghe Kinh CBPM, Xứ Licchavi, Dahamma (Pháp), Kể vô văn phạm phu, Bạc Thánh, Bạc chân nhân, Không thông suốt pháp các bậc Thánh, Không tu tập pháp các bậc Thánh, Thế nào là luật thu thúc? Thế nào là luật từ bỏ? *Sắc pháp*: Vấn đề về đất, Đất, Mạn (màna là gì?), Chấp nhận đất, Nghĩ (tự ngã) ở trong đất, Nghĩ (tự ngã) là đất, Nghĩ đất là của ta, Hoan hỷ trong đất, Thế nào là hiểu rõ đất? Vấn đề nước, Vấn đề lửa, Vấn đề gió; Chúng sanh chế định (danh-sắc pháp), Vấn đề chúng sanh-chư thiên-sanh chủ, 1. Về chúng sanh, 2. Về chư thiên, Năm cõi chư thiên, 3. Vấn đề sanh chủ, Vấn đề nhân chế định cõi sắc giới, 1. Về Phạm thiên, 2. Về Quang Âm thiên, 3. Về Biến Tịnh thiên, 4. Về Quảng Quả thiên, 5. Thắng giả; *Vô sắc pháp*: 1. Về Không vô

biên xứ, 2. Về Thức vô biên xứ, 3. Về Vô sở hữu xứ, 4. Về Phi tướng phi phi tướng xứ, 5. Về Sở kiến, 6. Về Sở văn-Tùy văn, 7. Về Sở xúc, 8. Về Sở trí, 9. Về đồng nhất, 10. Về sai biệt, 11. Về tất cả, 12. Về Niết-bàn; *Vị Thánh Hữu học*: Sekkhà (hữu học), An tịnh các triền ách, Vị ấy biết rõ đất là đất, Vị ấy không nghĩ tưởng đất là đất, Sự biết về chân pháp, Biết hoàn toàn do trí, Vì nhân nào? Ta nói vị ấy có thể biết được đất, Về nhân chế định, Về vấn đề vô sắc, Về sở kiến, sở văn, sở xúc, sở trí, Về đồng nhất, Về vấn đề sai biệt, Về vấn đề tất cả, Về vấn đề Niết-bàn; *Vị Thánh A-la-hán*: Tu hành thành mãn các việc nên làm đã làm, Về phiền não, Về pháp ngũ ngầm, Đã đặt gánh nặng xuống, Đã tận trừ hữu-kiết sử, Kiết sử, Chánh trí giải thoát, Thoát ra điều khác; *Đấng Như Lai*: Những từ đồng nghĩa với Như Lai, a. Trí thấu hiểu các quyền của chúng sanh mạnh hay yếu, b. Trí thấu hiểu các pháp tùy miên có trong chúng sanh mạnh hay yếu, c. Song thông trí, d. Đại bi trí, e. Toàn giác trí, f. Vô chướng ngại trí; Tài liệu tham khảo.

275. KINH CẦU MƯA

Mật Tạng bộ 2 – No. 989

Hán dịch: *Tam tạng Sa-môn Bất Không*

Việt dịch: *Huyền Thanh*

Tác phẩm Kinh này gồm có 2 quyển: Quyển thượng, - Kinh Đại vân luân thỉnh vũ (cầu mưa) và Quyển hạ; Kinh Đại vân Thỉnh vũ (Mahà-megha-sùtra: Kinh cầu mưa) – Phẩm 64; - Kinh Đàn pháp Cầu mưa; - Đại phương đẳng đại vân Kinh - Thỉnh vũ (cầu mưa). (<https://quangduc.com>, *Kinh*)

276. KINH CẦU SIÊU

Nghi Thức Cầu Siêu

(Tụng Kinh A-di-đà)

Soạn dịch: *HT. Thích Trí Tịnh (1917-2014)*

Tác phẩm Kinh này gồm có: Cúng hương, Tán Phật, Quán tưởng, Đánh lễ, Trì tụng, Tán lư hương, Chú Đại bi, Phát nguyện trì Kinh, Khai Kinh; Phật nói Kinh A-di-đà; Ma-ha Bát-nhã Ba-la-mật-đa Tâm Kinh, Vãng sanh Quyết định chơn ngôn, Tán Phật, Thần chú Thất Phật diệt tội, Hồi hướng, Phục nguyện, Tụ quy, Đánh lễ. (<https://thuvienhoasen.org>, *Kinh Sanskrit/Hán tạng*)

277. KINH CÔNG ĐỨC CÁC BỒN NGUYỆN CỦA ĐƯỢC SỰ LƯU LY QUANG NHƯ LAI

Lược Giảng

Hán dịch: *Tam tạng Pháp sư*

Huyền Trang (602-664)

Lược giảng (1983):

Tuyên Hóa Thượng nhân (1918-1995)

Tác phẩm Kinh này có 185 trang (PDF).

(<https://hoavouu.com>, *Sách Phật học-PDF*)

278. KINH CỤU TẠP THÍ DỤ

Hán dịch: *Khương Tăng Hội*

Việt dịch: *Lê Mạnh Thát*

Tác phẩm Kinh này có 61 truyện thí dụ.

(<https://phatphapungdung.com>, *Pháp bảo-Bộ Bốn duyên*)

279. KINH CHÁNH PHÁP – SANGHATA

(The Noble Mahayana Sanghatasutra Dharma – Paryaya)

Việt dịch: *Hồng Như*

Nxb Tôn Giáo – 2010. Kinh có khổ 14.5 x 20.5cm, có hơn 280 trang, bìa mềm. Tác phẩm này gồm có: Giới thiệu Kinh Chánh Pháp Sanghata, Khai Kinh, *Kinh Chánh pháp Sanghata*, Hoàn Kinh; Phụ lục: 1. Hướng dẫn cách tụng Kinh Sanghata, 2. Nghi thức tụng Kinh Sanghata (theo

truyền thống Phật giáo Tây Tạng), Ghi chú về bản dịch Kinh Chánh pháp Sanghata, Bảo quản Kinh sách Phật pháp, Hồi hướng ấn tống.

Tác phẩm Kinh này tái bản nhiều lần: Năm 2012, Nxb Văn hóa – Văn nghệ, khổ 16 x 24cm, dày 113 trang, bìa mềm, chữ tựa tiếng Việt màu vàng; chữ tựa tiếng Tây Tạng và tiếng Phạn màu trắng, có viền khung, hoa văn bốn góc; năm 2015, Nxb Phương Đông.

280. KINH CHIÊM SÁT NGHIỆP BÁO THIỆN ÁC

Hán dịch: *Bồ-đề Đãng*;

Việt dịch: *Thích Thiện Thông*

& CHIÊM SÁT HÀNH PHÁP DIỆT CHƯỚNG TRỪ NGHI

Pháp sư Định Hoàng;

Chuyển ngữ: *Hạnh Chơn*

Nxb Tôn Giáo, khổ 14.5 x 20.5cm, bìa cứng, bộ 2 tập, có hộp đựng.

Kinh Chiêm sát Nghiệp báo Thiện ác có hơn 119 trang, nội dung gồm 2 Quyển thượng và Quyển hạ (có Phân phiên âm và dịch nghĩa); *Chiêm sát Hành pháp Diệt chướng Trừ nghi* có: Địa Tạng Chiêm Sát sám nghi và Chiêm sát Hành pháp diệt chướng trừ nghi.

281. KINH CHÚ ĐÀ-LA-NI THỈNH BỒ-TÁT QUÁN THỂ ÂM KINH CHƯ PHÁP VÔ HẠNH

Hán dịch: *Tam tạng Pháp sư Cưu-ma-la-thập (Kumarajiva, 344-413)*

Việt dịch: *Định Huệ*

Tác phẩm Kinh này gồm có 2 quyển: Quyển thượng và Quyển hạ.

*(<https://phatphapungdung.com>, *Pháp bảo-Bộ Kinh tập*)*

282. KINH CHÚ TÂM TỈNH GIÁC

Việt dịch: *Hoang Phong*

Nxb Ananda Viet Foundation. Tác phẩm Kinh này gồm có: - Lời giới thiệu của Nhà xuất bản, 1. Lời giới thiệu của người dịch, 2. Bài Kinh Chú Tâm Tỉnh Giác, 3. Ghi chú về Kinh Chú Tâm Tỉnh Giác, 4. Phụ lục: Bản dịch tiếng Anh của Thiền sư Thanissaro Bhikkhu, Vài nét về dịch giả. (<https://thuvienhoasen.org>, *Kinh-Giảng giải Kinh*)

283. KINH CHÚ TÂM VÀO HƠI THỞ

Việt dịch: *Hoang Phong*

Nxb Ananda Viet Foundation – 2018.

Toàn bộ tác phẩm Kinh này gồm có: - Lời giới thiệu của Nhà xuất bản, 2. Giới thiệu Kinh Chú Tâm Vào Hơi Thở, 3. Ghi chú về Kinh Chú Tâm Vào Hơi Thở, 4. Phụ lục: 1. Bốn cấp bậc luyện tập về sự chú tâm dựa vào hơi thở; 2. Một vài tư liệu xem thêm có thể tìm được trên mạng, 5. Về dịch giả. (<https://thuvienhoasen.org>, *Kinh-Giảng giải Kinh*)

284. KINH CHÚ THƯỜNG TỤNG

Phân Viện Nghiên cứu Phật học

Việt Nam

Nxb Tôn Giáo

Tác phẩm Kinh này có 548 trang, nội dung gồm: 1. Lời tựa, 2. Kinh A-di-đà, 3. Kinh Phổ môn, 4. Kinh Tám điều, 5. Kinh Bát-nhã, 6. Kinh Dược sư, 7. Kinh Sám nguyện, 8. Kinh Vu Lan, 9. Kinh Địa Tạng, 10. Khoa cúng Phật, 11. Khoa Tiếp linh, 12. Khoa Cúng Tổ tiên, 13. Cúng Cha mẹ, 14. Vợ chồng cúng cho nhau, 15. Cha mẹ cúng cho con cháu, 16. Cúng hội viên quá cố, 17. Khoa Thí thực (cúng cháo), 18. Khoa Phóng sinh, 19. Lễ Phật cúng Giao thừa, 20. Khóa lễ “Niệm Phật 10 hơi”, 21. Văn Phát nguyện, 22. Lời dặn cần nhớ khi cúng lễ, 23. Ngày-tháng trai

giới, 24. Các ngày khánh đản chư Phật, Bồ-tát.

285. KINH CHUẨN-ĐỀ BỔN TÔN

Mật sư Thích Giác Tiến

PL. 2542 – DL. 1998. Lưu hành nội bộ.

Tác phẩm Kinh này có 413 trang, gồm 19 phẩm. Nội dung gồm: P.1 Thành đạo, P.2 Tế độ ác long, P.3 Bồ-tát vân tập, P.4 Mật hạnh Bồ-tát, P.5 Tế độ Ô-nẫu vương, P.6 Tầm quý, P.7 Tế độ xà vương U-đô-ra, P.8 Uế-tích Kim Cang Bồ-tát, P.9 Cụ túc phá tướng, P.10 Điều ngự, P.11 Tế độ Diêm-đê-ra Tỳ-kheo, P.12 Bồ-tát cúng dường, P.13 Tế độ Ta-ma-sa, P.14 Sư tử Hỷ Bồ-tát, P.15 Y báo-chánh báo, P.16 Thiên nữ cật vấn, P.17 Tối sơ cổ Phật, P.18 Phân biệt công đức, P.19 Đại Hiền Bồ-tát.

286. KINH CHUẨN-ĐỀ ĐÀ-LA-NI

Việt dịch: *Sa-môn Thích Viên Đức*

Kinh dày 213 trang, bìa mềm. Nội dung gồm có: 1. Chuẩn-đề Phật Mẫu, 2. Tôn tượng Chuẩn-đề Phật Mẫu, 3. Chúng tử, Chân ngôn, Thủ ấn của Chuẩn-đề Phật Mẫu, 4. Phật nói Kinh Thất-câu-đê Phật Mẫu Chuẩn-đề Đại minh Đà-la-ni (No. 1075), 5. Thất-câu-đê Phật Mẫu Sở thuyết Chuẩn-đề Đà-la-ni Kinh (No. 1076), 6. Phật nói Kinh Thất-câu-đê Phật Mẫu Tâm Đại Chuẩn-đề Đà-la-ni (No. 1077), 7. Thất-câu-đê Phật Mẫu Tâm Đại Chuẩn-đề Đà-la-ni Pháp (No. 1078), 8. Thất-câu-đê Độc bộ Pháp (No. 1079), 9. Phật nói Kinh Trì minh Tạng Du-già Đại giáo Tôn-na Bồ-tát Đại minh Thành tựu Nghi quỹ, 10. Chuẩn-đề Tam-muội Hành pháp (TTK. No. 1481), 11. Đại Chuẩn-đề Bồ-tát Phân Tu-tát-địa Sám hối huyền văn (TTK. No. 1482), 12. Chuẩn-đề Tịnh Nghiệp (TTK.

No. 1077), 13. Chuẩn-đề Tâm yếu (TTK. No. 1078), 14. Trì tụng Chuẩn-đề Chân ngôn Pháp yếu (TTK. No. 1079).

287. KINH CHUẨN-ĐỀ ĐÀ-LA-NI (Hội Thích)

Hán dịch: *Tam tạng Pháp sư Bất Không*

Hội thích: *Sa-môn Hoàng Tán*

Việt dịch: *Tỳ-kheo Thích Viên Đức*

Chùa Dược Sư (Ban Mê Thuật) ấn tống
PL. 2516 – DL. 1973

Tác phẩm Kinh này có 213 trang, bìa mềm. Nội dung gồm có: - Lời tựa của ngài Hoàng Tán, - Phần Kinh văn, Nghi quỹ niệm tụng; Văn tán thán; Bổn tôn Đà-la-ni bố tự pháp; Tư duy mẫu tự chúng tử nghĩa, quán tưởng Phạm tự, tu trì xuất thế gian đàn pháp; Phiến-đề-ca pháp, Dứt tai ương pháp môn; Bồ-sắc-trí-ca pháp, Tăng ích pháp môn; Phật-thi-ca-ra-noa pháp, Kính ái pháp môn; A-tỳ-giá-lỗ-ca pháp, Hàng phục pháp môn; Phương pháp họa tượng Chuẩn-đề Tôn-na Bồ-tát; Pháp sám ngũ hồi; Trì tụng pháp yếu; Tu bi điền và kính điền; Quán Tự Tại Bồ-tát cam lồ chơn ngôn; Lục tự đại minh chơn ngôn; A-di-đà Phật nhất tự tâm chú; Văn-thù Bồ-tát ngũ tự tâm chú; Đại Bảo quang bát lâu các thiện trụ bí mật Đà-la-ni; Công đức Bảo sơn thần chú; Tam tự tổng trì chơn ngôn; Sở châu công đức pháp; Hành Du-già bí mật pháp yếu; Tụng kệ, sám tịnh, kiết ân hộ thân; Tịnh pháp giới, kiết giới, triệu thỉnh, cúng dường; Bổn tôn gia trì; Tán thán; Phụ bản trì chú tháp.

288. KINH CHUYỂN PHÁP LUÂN (hay Bài thuyết pháp đầu tiên của Đức Phật Thích-ca)

Dịch và chú thích (2016):

GS. Nguyễn Vĩnh Thượng

Tác phẩm Kinh này gồm có: - Lời dịch giả; I. Nhập đề, II. Thân bài, a. Con đường

ở giữa, b. Bát chánh đạo, c. Tứ Diệu Đế (Khổ đế, Tập đế, Diệt đế và Đạo đế), d. Tam Chuyển pháp luân (Thị chuyển, Khuyến chuyển và Chứng chuyển); Kết luận; Chú thích.
(<https://thuvienhoasen.org>, *Kinh-Giảng giải Kinh*)

289. KINH CHUYỂN PHÁP LUÂN (DHAMMACAKKAPPAVATTANASU TTA)

Theravāda – Phật giáo Nguyên Thủy
Dịch giả: *Tỳ-khuru Hộ Pháp*
Nxb Tôn Giáo, PL. 2562 – DL. 2019 Toàn bộ tác phẩm Kinh này gồm có: Kệ lễ bái Tam Bảo, Lời nói đầu, Bài Kinh Chuyển pháp luân: - Tứ Thánh đế (1. Khổ Thánh đế, 2. Nhân sinh khổ Thánh đế, 3. Diệt khổ Thánh đế, 4. Pháp hành dẫn đến Diệt khổ Thánh đế); - Tam Bảo xuất hiện trên thế gian, - Thực hành pháp hành Thiên tuệ, - Pháp hành Trung đạo, - Trí tuệ Thiên tuệ, - Vipassanupakkilesa là thế nào? – Ba gút mắt của pháp hành Thiên tuệ, - Bảy pháp Anupassanā, - Bậc Thánh nhân; - Từ ngữ Pāli trong bài Kinh Chuyển pháp luân; - Đoạn kết, Tài liệu Tham khảo.

290. KINH CHUYỂN PHÁP LUÂN

Hán dịch: *Tam tạng An Thế Cao*
Việt dịch: *Phật tử Đông An – Hoàng Phước Đại*
PL. 2561 – DL. 2017
Tác phẩm Kinh này gồm có: Bản gốc, bản khắc gỗ Càn Long; Dịch Nôm “Chuyển Pháp Luân Kinh”; Dịch Việt “Kinh Chuyển Bánh xe Pháp”; Ảnh chụp từ bản khắc gỗ Càn Long (Tiểu Thừa Kinh, A-hàm bộ 7, tập 55).
(<https://thuvienhoasen.org>, *Kinh Sanskrit/Hán tạng*)

291. KINH CHƯ PHẬT CẢNH GIỚI NHIẾP CHƠN THỰC

Hán dịch: *Bát-nhã*
Việt dịch: *Huyền Thanh*
Kết cấu Kinh này gồm có 3 quyển, 9 phẩm: *Quyển thượng*, Tựa, P.1; P.2 Xuất sinh; P.3 Kim Cương giới đại đạo trường; *Quyển trung*, P. Hạ, P.4 Kim Cương ngoại giới; *Quyển hạ*, P.5 Cúng dường Kim Cương giới ngoại, P.6 Tu hành nghi quỹ, P.7 Kiến lập đạo trường phát nguyện, P.8 Trì niệm, P.9 Hộ ma.
(<https://phatphapungdung.com>, *Pháp bảo-Bộ Mật giáo*)

292. KINH DANH HIỆU BA NGÀN CHƯ PHẬT

Nxb Hồng Đức – 2013
Kinh có khổ 16 x 24cm, dày hơn 195 trang. Nội dung gồm có: 3000 danh hiệu chư Phật, Tán, Phát nguyện, Tam Quy; Chú thích.

293. KINH DI-ĐÀ – HỒNG DANH – VU LAN – PHỔ MÔN

In tại Nhà In Thạnh Mậu (Gia Định) – 1948
Kinh có 59 trang, bìa mềm. Nội dung gồm có: Nghi thức tụng Kinh niệm Phật, Ít lời cần yếu, Lời dặn, Nghi thức, Đại bi chú, Kinh Di-đà, Kinh Hồng danh, Kinh Vu Lan, Kinh Phổ Môn, Hườn Kinh (Tịnh độ), Sám Di-đà, Sám Hồ quỳ, Sám Đại từ, Sám Từ vân, Bài Tổng táng.
(*Bản lưu tại Thư viện Huệ Quang-Trung Tâm Dịch thuật Hán Nôm Huệ Quang, Tp. Hồ Chí Minh; Mã sách: VKINH 0066*)

294. KINH DI-ĐÀ Sớ Sao – Trọn bộ 3 Quyển

Sớ sao: *Sa-môn Châu Hoàng (1532-1612)*
Dịch giả: *Sa-môn Lê Phước Bình (Thích Hành Trụ, 1904-1984)*

Giác Nguyên Tự Phật Học Đường xuất bản – 1949

Xem: Kinh A-di-đà sơ sao – 4 quyển do HT. Thích Hành Trụ dịch

295. KINH DI GIÁO

Hán dịch: *Tam tạng Pháp sư Cưu-ma-la-thập (Kumàrajiva, 344-413)*

Việt dịch và giảng: *Thích Vĩnh Hóa*

Nxb Phương Đông – 2011.

Tác phẩm Kinh này dày 144 trang, bìa mềm. Nội dung gồm có: A.1 Tự phần, A.2 Chánh Tông phần, B.1 Cộng thể gian pháp yếu, C.1 Đối trị tà nghiệp pháp yếu (Giữ giới, Phương tiện viễn ly thanh tịnh giới, Giới có thể sinh chư công đức, Thuyết khuyến tu giới lợi ích); C.2 Đối trị chỉ khổ pháp yếu (Căn phóng dật -khổ đối trị, Dục phóng dật-khổ đối trị, Đa thực-khổ đối trị, Giải đãi thuy miên-khổ đối trị); C.3 Đối trị diệt phiền não pháp yếu (Sân nhuệ phiền não chướng đối trị, Công cao phiền não chướng đối trị, Siểm khúc phiền não chướng đối trị); B.2 Bất cộng thể gian pháp yếu (Vô cầu công đức, Trì túc công đức, Viễn ly công đức, Bất bì quyện (tinh tấn) công đức, Bất vọng niệm công đức, Thiền định công đức, Trí tuệ công đức, Tất cánh công đức (không hý luận); A.3 Lưu thông phần: B.1 Khuyến tu lưu thông, B.2 Chứng quyết lưu thông, B.3 Đoạn nghi lưu thông (Hiện thị dư nghi, Vi đoạn bỉ chi nghi, Vi trọng thuyết hữu vi vô thường tướng khuyến tu), B.4 Chúc phó.

Tác phẩm Kinh này được Báo Ấn tự (7509 Mooney Drive, Rosemead, CA 91770, USA), ấn hành lần thứ ba, PL. 2554 – DL. 2010

296. KINH DI GIÁO

Việt dịch: *Thích Hoàn Quan*

Trung tâm Phật giáo Hayward xuất bản - 1994

Toàn bộ tác phẩm này gồm có 3 phần: Lời ngỏ, Lời nói đầu (1. Giải thích đề Kinh; 2. Phần tựa); Phần Chánh tông, và Phần Lưu thông.

Xem: Kinh Phật Di Giáo do Giáo sư Thích Hoàn Quan giải thích.

297. KINH DI GIÁO

Hán dịch: *Tam tạng Pháp sư Cưu-ma-la-thập (Kumàrajiva, 344-413)*

Việt dịch: *Thích Tâm Châu (1921-2015)*

Nội dung tác phẩm Kinh này gồm có 21 mục: 1. Kinh tự, 2. Trì giới, 3. Chế tâm, 4. Tiết độ sự ăn uống, 5. Răn việc ngủ nghỉ, 6. Răn về oán giận, 7. Răn về kiêu mạn, 8. Răn về siểm khúc, 9. Thiểu dục (ít muốn), 10. Trì túc (biết đủ), 11. Viễn ly, 12. Tinh tiến, 13. Bất vọng niệm, 14. Thiền định, 15. Trí tuệ, 16. Không hý luận, 17. Tự gắng sức, 18. Quyết nghị, 19. Chứng sinh đắc độ, 20. Pháp thân thường tại, 21. Kết luận. (<https://thuvienhoasen.org>, *Kinh Sanskrit/Hán tạng*)

298. KINH DI GIÁO

Dịch giả:

Tỳ-kheo Trí Quang (1923-2019)

Nxb Tôn Giáo, PL. 2550 – DL. 2006

Kinh có khổ 13 x 19cm, có 46 trang, bìa mềm.

Tác phẩm Kinh này tái bản năm 2020, Nxb Hồng Đức, có 41 trang, bìa mềm, có tay gấp.

299. KINH DI GIÁO

Hán dịch: *Tam tạng Pháp sư*

Cưu-ma-la-thập (Kumarajiva, 344-413)

Phiên âm và lược dịch: *Nguyễn Tánh (Trần Tiến Khanh)*

và *Nguyễn Hiền (Trần Tiến Huyền)*

Việt dịch (2009): *Bùi Đức Huệ*

No. 389; Tuệ Quang Foundation.
(<https://hoavouu.com>, *Sách Phật học-PDF*)

300. KINH DI GIÁO

Ban Giáo Dục Tăng Ni Trung Ương
Giáo Trình Trung Cấp Phật Học

Ban Biên soạn: *Trưởng ban-*
TT. TS. Thích Thích Viên Trí –
HT. Thích Viên Giác –
TT. TS. Thích Hương Vân

Nxb Phương Đông – 2017. Sách có khổ
14.5 x 20.5cm.

Xem: Kinh Di Giáo lược giải của
HT. Thích Viên Giác.

301. KINH DI GIÁO lược giải

Dịch-giải: *Thích Viên Giác*

Nxb Tôn Giáo, PL. 2545 – DL. 2001

Kinh có khổ 13 x 19cm, có 162 trang, bìa
mềm. Tác phẩm này gồm có 2 chương
chính. Phần đầu, Lời giới thiệu, Lời nói
đầu; Chương I, Nhận thức tổng quát;
Chương II, Nội dung *Kinh Di Giáo*; Phụ
lục: 1. Phần dịch nghĩa, 2. Phần Hán văn.

302. KINH DI-LẶC

Viết dịch:

Thích nữ Diệu Không (1905-1997)

PL. 2515 – DL. 1972

Kinh có 45 trang, bìa mềm, nền trắng, chữ
tựa màu xanh dương, có hình bánh xe
pháp luân. Nội dung gồm có 2 quyển:
Kinh Di-lặc thượng sinh (Quyển thượng),
Hán dịch: Tam tạng Pháp sư Nghĩa Tịnh;
Kinh Di-lặc hạ sinh (Quyển hạ). (*Bản lưu*
tại Thư viện Viện Nghiên cứu Phật học
Việt Nam tại Tp. Hồ Chí Minh; Mã sách:
Vie 2125)

303. KINH DI-LẶC

Dịch giả: *Tỳ-kheo Thích Nhất Chân*

Nxb Tôn Giáo – 2012

Kinh có khổ 16 x 24cm, dày 350 trang.
Nội dung Kinh này gồm có: Lời tựa, Nhất
thiết trí Quang minh Tiên nhân Từ Tâm
nhân duyên Bất thực nhục Kinh, Di-lặc sở
vấn hội, Phật thuyết Quán Di-lặc Bồ-tát
thượng sinh Đâu-suất Thiên Kinh, Phật
thuyết Di-lặc Hạ sinh Kinh, Phật thuyết
Di-lặc Đại thành Phật Kinh, Đại Phương
quảng Phật Hoa Nghiêm Kinh, các quyển:
77, 78, 79; Nghi thức Hồi hướng, Bảng
Chú thích thuật ngữ.

Tác phẩm Kinh này đã xuất bản năm
2008, Nxb Tôn Giáo, khổ 15.5 x 23cm, dày
342 trang, bìa cứng.

304. KINH DI-LẶC CỨU THẾ - Long Hoa Hội

Chánh Đạo Trưởng-Ngộ Chân Tử

Chùa Hoằng Pháp (Gia Định) Trụ sở
Trung Ương ấn hành

Giấy phép số 2543-BTT-PHNT ngày
5/8/1972

Kinh có 63 trang, khổ nhỏ, bìa mềm. Nội
dung gồm có 6 phẩm: Lời giới thiệu, Lời
nói đầu, Khai Kinh kệ, P.1 Chép lời Thế
Tôn truyền cho Đệ tử là Ngọc Phật; P.2
Thỉnh Phật Thế Tôn Giáng sinh xuống
đời; P.3 Đức Thế Tôn dặn dò Đức Ngọc
Phật; P.4 Dặn những cách tảo trừ tà thân;
P.5 Đức Ngọc Phật bạch hỏi Thế Tôn; P.6
Nói về Công đức Ngọc Phật; Lời kết; Giáo
hội Khuyên tu để gặp Phật, Phục hưng
Chánh pháp-Giáo hội Đạo tràng Thiên
học, Khuyên nhân Tu thân, Kệ Giác ngộ,
Long Hoa chuyển thế.

305. KINH DI-LẶC Hạ Sinh

Viết dịch: *Thích Tâm Châu (1921-2015)*

Chùa Từ Quang (Sài Gòn) xuất bản – 1956

Kinh có 24 trang, bìa mềm, nền trắng, chữ tựa màu đỏ. Nội dung gồm có: Một đôi lời (Mùa Thành đạo – 1956), *Phật nói Kinh Di-lặc Hạ sinh*, Hán dịch: Ngài Trúc Pháp Hộ; Chú thích. (*Bản lưu tại Thư viện Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam tại Tp. Hồ Chí Minh*)

306. KINH DI-LẶC

Hạ Sanh Thành Phật

Việt dịch: *Phật tử Khánh Anh*

Ban Tu bổ Chùa Phước Hậu (Vĩnh Long) xuất bản, PL. 2504 – DL. 1960

Kinh có 84 trang, bìa mềm. Nội dung gồm có: *Phật nói Kinh Di-lặc Hạ sanh Thành Phật*, Hán dịch: Tam tạng Pháp sư Nghĩa Tịnh, Giảng yếu: Thái Hư Pháp sư (Cư sĩ Lâm-Quảng Châu); Thay lời tựa, Giáp. Thích Kinh đề, Ất. Thích dịch đề, 2. Minh đại ý, Thích Kinh: Giáp. 1. Phần Chứng tín phát khởi, Ất. 1. Chứng Tín tự, Ất. 2. Phát khởi tự, Giáp. 2. Phần Già-đà thỉnh nói, Ất. 1. Kệ văn thỉnh nói, Ất. 2. Kệ thuyết, Bính. 1. Răn hứa, Bính. 2. Chính thuyết, Đinh. 1. Y chánh trang nghiêm, Mậu. 1. Quốc giới trang nghiêm, Mậu. 2. Quốc chủ trang nghiêm, Đinh. 2. Phật pháp hưng hóa, Mậu. 1. Giảng thể thị sanh, Mậu. 2. Xuất gia thành Phật, Mậu. 3. Thuyết pháp độ sanh, Kỷ. 1. Nghe pháp đắc quả, Canh. 1. Sơ văn pháp xuất gia, Canh. 2. Tu hành đắc quả, Kỷ. 2. Suất chúng phổ hóa, Mậu. 4. Hóa mãn pháp trú, Bính. 3. Kiết-Khuyến, Giáp. 3. Phần lợi ích tín phụng, Ất. 1. Văn pháp lợi ích, Ất. 2. Kiết chúng phụng tín; Chú thích.

307. KINH DIỄN NGHĨA

Ban Bảo Tụ Tổ đình Phái Thiên Thai ấn tống

Kinh có hơn 88 trang, bìa mềm, nền khung màu trắng, chữ tựa màu đỏ.

Nội dung gồm có: Thay lời tựa, *I. Kinh Di-đà nghĩa*, 1. Lư hương nghĩa, 2. Khai Kinh nghĩa, 3. Phật thuyết A-di-đà Kinh, 4. Bồ khuyết (chữ), 5. Vãng sanh, 6. Tán Phật, 7. Sám Khể thủ nghĩa, 8. Phúng Kinh, 9. Phục nguyện; *II. Kinh Hồng Danh nghĩa*, 1. Lư hương nghĩa, 2. Khai Kinh nghĩa, 3. Hồng danh Bửu sám nghĩa, 4. Bồ khuyết (chữ), 5. Vãng sanh, 6. Tán Phật, 7. Sám Nhứt tâm nghĩa, 8. Phúng Kinh, 9. Phục nguyện; *III. Kinh Vu Lan nghĩa*, 1. Lư hương nghĩa, 2. Khai Kinh nghĩa, 3. Phật thuyết Vu Lan Bồn Kinh, 4. Bồ khuyết nghĩa, 5. Vãng sanh, 6. Xưng tụng công nghĩa, 7. Sám Nhơn lành nghĩa, 8. Nguyên tiêu-Nguyên sanh nghĩa, 9. Phục nguyện; *IV. Kinh Báo Ân nghĩa*, 1. Lư hương nghĩa, 2. Khai Kinh nghĩa, 3. Phật thuyết Báo Ân Kinh, 4. Bồ khuyết (chữ), 5. Vãng sanh, 6. Tán Phật, 7. Sám Thập phương, 8. Phúng Kinh, 9. Phục nguyện; *V. Kinh Diệu Pháp Liên Hoa-Phẩm Phổ Môn*; Phụ thêm: Sám Thái bình. (*Bản Kinh lưu tại Thư viện chùa Xá Lợi, Q.3, Tp. Hồ Chí Minh; Mã sách: KT. 046*)

308. KINH DIỆU PHÁP LIÊN HOA

Hán dịch: *Tam tạng Pháp sư Cưu-ma-la-thập (Kumàrajiva, 344-413)*

Việt dịch: *HT. Thích Trí Tịnh (1917-2014)*
Nxb Tôn Giáo, PL. 2561 – DL. 2017 (tái bản lần thứ mười bảy)

Kinh có khổ 15.5 x 23.5cm, dày 589 trang, bìa mềm, nền vàng, chữ tựa màu xanh dương, có hình Đức Phật Thích-ca chuyển pháp luân; bìa sau tựa chữ Hán, có hình nhiều hoa sen.

Toàn bộ kinh *Diệu Pháp Liên Hoa* gồm có 7 quyển, 28 phẩm như sau: Nghi thức sám hối, Nghi thức trì tụng; *Quyển I*, P.1. Tựa, P.2. Phương tiện, Sự tích tả kinh Pháp Hoa; *Quyển II*, P.3. Thí dụ, P.4. Tín giải, Sự tích tả kinh thoát khổ; *Quyển III*, P.5. Dược thảo dụ, P.6. Thọ ký, P.7. Hóa thành dụ, Sự tích đọc kinh thoát khổ; *Quyển IV*, P.8. Ngũ bá đệ tử thọ ký, P.9. Thọ học vô học nhơn ký, P.10. Pháp sư, P.11. Hiện bửu tháp, P.12. Đề-bà-đạt-đa, P.13. Trì, Sự tích tụng đề kinh; *Quyển V*, P.14. An lạc hạnh, P.15. Tùng địa dũng xuất, P.16. Như Lai thọ lượng, P.17. Phân biệt công đức, Sự tích tả kinh cứu bạn đồng học; *Quyển VI*, P.18. Tùy hỷ công đức, P.19. Pháp sư công đức, P.20. Thường Bất Khinh Bồ-tát, P.21. Như Lai thần lực, P.22. Chúc lụy, P.23. Dược vương Bồ-tát bốn sự, Sự tích tụng kinh thoát nữ thân; *Quyển VII*, P.24. Diệu Âm Bồ-tát, P.25. Quan Thế Âm Bồ-tát phổ môn, P.26. Đà-la-ni, P.27. Diệu Trang Nghiêm vương bốn sự, P.28. Phổ Hiền Bồ-tát khuyến phát, Sự tích nghe kinh khỏi thân chim, Tụng kinh cứu toàn thành, Bồ khuyết Tâm kinh (sau mỗi quyển đều có phần Thích nghĩa).

Kinh này được tái bản nhiều lần: Năm 1960, Liên Hải Phật học Đường xuất bản, In tại Nhà in Sen Vàng (Sài Gòn), Giấy phép số 566/XB, ngày 2-4-1960; năm PL. 2506 – DL. 1962, Giáo hội Tăng-già Nam Việt In lần thứ nhất tại Nhà in Sen Vàng, Giấy phép số 244/XB, Hội đồng Kiểm duyệt Sài Gòn, ngày 13-2-1962, với tựa “Kinh Diệu Pháp Liên Hoa nghĩa”; năm PL. 2508 – DL. 1964, Chùa Ấn Quang, Nhà in Sen Vàng, Giấy phép số 1226/XB. Bộ Thông tin Saigon, ngày 25-5-1964; năm 1965, Tỳ-kheo Thích Đăng Quang (Trụ trì chùa Hải Tuệ) tái bản, ấn quán Sen Vàng, Giấy phép số 1226/ U.B.K.D. Saigon, ngày 25-5-1964; năm PL. 2510 –

DL. 1966, Giáo hội Tăng-già Nam Việt xuất bản, In tại Nhà in Sen Vàng (chùa Ấn Quang), Giấy phép số 566/XB. Bộ Thông tin Saigon, ngày 2-4-1966; năm PL. 2510 – DL. 1967, Chùa Ấn Quang, Nhà in Sen Vàng tái bản (in lần thứ năm), với tựa “Kinh Diệu Pháp Liên Hoa âm-nghĩa”, dày 715 trang, bìa mềm, chữ tựa màu đỏ; năm PL. 2511, chùa Hải Tuệ (Sài Gòn) ấn tống, với tựa “Kinh Diệu Pháp Liên Hoa âm-nghĩa”, dày 716 trang, bìa mềm; năm PL. 2514 – DL. 1970, In tại Nhà in Hạnh Phúc (Gia Định), chùa Hải Tuệ (Sài Gòn) ấn tống, cũng năm này Nxb Sen Vàng tái bản, với tựa “Diệu Pháp Liên Hoa Kinh”; năm PL. 2516 – DL. 1972, Nhà in Sen Vàng tái bản; năm PL. 2519 – DL. 1975, In tại Nhà in Sen Vàng, Giấy phép số 566/XB. Bộ Thông tin Saigon, ngày 2-4-1966, với tựa “Kinh Diệu Pháp Liên Hoa nghĩa”; năm 1993, THPG Tp. Hồ Chí Minh ấn hành; các năm 2001, 2009, 2010, 2012, Nxb Tôn Giáo (tái bản lần thứ chín); năm 2016, Nxb Hồng Đức; năm 2020, Nxb Hồng Đức, khổ 19 x 27cm, dày hơn 641 trang, bìa cứng, chữ mạ vàng. (Theo các bản Kinh lưu tại Thư viện Huệ Quang-Trung Tâm Dịch Thuật Hán Nôm Huệ Quang, Tp. Hồ Chí Minh)

309. KINH DIỆU PHÁP LIÊN HOA

Việt dịch: Nguyễn Hồng

Nxb Tôn Giáo – 2004.

Toàn bộ tác phẩm Kinh này dày 406 trang, nội dung gồm 28 phẩm.

Xem: (28 phẩm) *Kinh Diệu Pháp Liên Hoa*

310. KINH DIỆU PHÁP LIÊN HOA

Việt dịch: Pháp sư Thích Từ Thông

Nxb Tôn Giáo – 2010

Kinh có khổ 16 x 24cm, dày 255 trang, bìa mềm.

Nội dung gồm có 28 phẩm: Tiêu dẫn, Nguyễn hương, Tán thán Phật, Quán tưởng, Đánh lễ, Bài Tán lư hương, Bài văn Phát nguyện, Bài Khai kinh; P.1 Tựa, P.2 Phương tiện, P.3 Thí dụ, P.4 Tín giải, P.5 Dược Thảo dụ, P.6 Thọ ký, P.7 Hóa thành dụ, P.8 Ngũ bách đệ tử Thọ ký, P.9 Thọ học Vô học nhân ký, P.10 Pháp sư, P.11 Hiện bảo tháp, P.12 Đề-bà-đạt-đa, P.13 Khuyến trì, P.14 An lạc hạnh, P.15 Tùng địa dũng xuất, P.16 Như Lai Thọ lượng, P.17 Phân biệt Công đức, P.18 Tùy hỷ Công đức, P.19 Pháp sư Công đức, P.20 Thường Bất Khinh Bồ-tát, P.21 Như Lai thần lực, P.22 Chúc lụy, P.23 Dược Vương Bồ-tát Bồn sự, P.24 Diệu Âm Bồ-tát vãng lai, P.25 Quán Thế Âm Bồ-tát Phổ môn, P.26 Đà-la-ni, P.27 Diệu Trang Nghiêm Bồn sự, P.28 Phổ Hiền Bồ-tát khuyến phát; Bồ khuyết Tâm Kinh, (Niệm Phật A-di-đà và Bồ-tát), Bài sám Nhất tâm, Hồi hướng, Tam Quy y.

311. KINH DIỆU PHÁP LIÊN HOA

Việt dịch: *Thích Minh Định*

Nxb Tôn Giáo, PL. 2559 – DL. 2015

Kinh có khổ 16 x 24cm, dày hơn 605 trang, bìa cứng, chữ mạ vàng.

Nội dung gồm có 7 quyển, 28 phẩm: Lời tựa, Q.I, P.1 Tựa, P.2 Phương tiện; Q.II, P.3 Thí dụ, P.4 Tín giải; Q.III, P.5 Dược thảo dụ, P.6 Thọ ký, P.7 Hóa thành dụ; Q.IV, P.8 Thọ ký cho 500 vị đệ tử, P.9 Thọ ký cho bậc Hữu học và Vô học, P.10 Pháp sư, P.11 Thấy Bảo tháp, P.12 Đề-bà-đạt-đa, P.13 Khuyến trì; Q.V, P.14 An lạc hạnh, P.15 Từ dưới đất vọt lên, P.16 Thọ lượng của Như Lai, P.17 Phân biệt Công đức; Q.VI, P.18 Tùy hỷ Công đức, P.19 Công đức Pháp sư, P.20 Bồ-tát Thường Bất Khinh, P.21 Như Lai Thần lực, P.22 Chúc lụy; Q.VII, P.23 Bồn sự Bồ-tát Dược Vương, P.24 Bồ-tát Diệu Âm, P.25 Phổ

môn Bồ-tát Quán Thế Âm, P.26 Đà-la-ni, P.27 Bồn sự Bồ-tát vua Diệu Trang Nghiêm, P.28 Khuyến phát của Bồ-tát Phổ Hiền.

312. KINH DIỆU PHÁP LIÊN HOA Giảng Giải

Giảng giải: *Thích Thanh Từ*

Nxb Tôn Giáo, PL. 2546 – DL. 2002

Kinh có khổ 14.5 x 20.5cm, dày hơn 763 trang, bìa mềm. Toàn bộ tác phẩm này gồm có, Phần đầu là Lời đầu sách, Lược khảo lịch sử Kinh; Phần nội dung chính có 28 phẩm Kinh giảng giải; sau cùng là Toát yếu toàn bộ Kinh.

Tác phẩm Kinh giảng giải này được tái bản nhiều lần: Năm 1993, THPG Tp. Hồ Chí Minh ấn hành; năm 1999-2002-2009-2012-2014-2016, Nxb Tôn Giáo.

Xem: (28 phẩm) Kinh Diệu Pháp Liên Hoa

313. KINH DIỆU PHÁP LIÊN HOA Giảng Giải – Trọn bộ

Giảng giải: *Tỳ-kheo Thích Trí Thành*

Nxb Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh – 2013

Kinh có khổ 16 x 24cm, dày 1043 trang, bìa cứng, chữ tựa Kinh màu vàng, có hình hoa lá sen và chữ Vạn. Nội dung gồm có 7 quyển, 5 phần, 28 phẩm như sau: A. *Phần Tổng hiến*, Q.I, Duyên khởi Tổng tự, Đề Kinh, Tổng Phẩm mục, P.1 Tựa; B. *Phần Khai Phật Tri kiến*, P.2 Phương tiện; Q.II, P.3 Thí dụ, P.4 Tín giải; Q.III, P.5 Dược thảo dụ, P.6 Thọ ký, P.7 Hóa thành dụ; Q.IV, P.8 Ngũ bá đệ tử Thọ ký, P.9 Thọ học Vô học như ký, P.10 Pháp sư; C. *Phần Thị Phật Tri kiến*, P.11 Hiện bảo tháp; D. *Phần Ngộ Phật Tri kiến* (5 Phẩm đầu là Ngộ Phật Tri kiến), P.12 Đề-bà-đạt-đa, P.13 Trì; Q.V, P.14 An lạc hạnh, P.15 Tùng địa dũng xuất, P.16 Như Lai thọ lượng, (Sau Phẩm sau Diệu ngộ cùng cực

Phật Tri kiến), P.17 Phân biệt Công đức; Q.VI, P.18 Tùy hỷ Công đức, P.19 Pháp sư Công đức, P.20 Thường Bất Khinh Bồ-tát, P.21 Như Lai thân lực, P.22 Chúc lụy; *E. Phần Nhập Phật Tri kiến*, P.23 Dược vương Bồ-tát Bản sự; Q.VII, P.24 Diệu Âm Bồ-tát, P.25 Quán Thế Âm Bồ-tát Phổ môn, P.26 Đà-la-ni, P.27 Diệu Trang Nghiêm vương Bản sự, P.28 Phổ Hiền Bồ-tát Khuyến phát; Kinh Pháp Hoa hội lớn chỉ Chơn tâm, Tóm toàn bộ Kinh Pháp Hoa, Như thị, Tỉnh tâm tu tập, Đạo tràng Pháp Hoa tu học, Hồi hướng Công đức in Kinh.

314. KINH DIỆU PHÁP LIÊN HOA Giảng Giải – Trọn bộ 5 Tập

Hán dịch: *Tam tạng Pháp sư*

Ciuru-ma-la-thập (Kumàrajiva, 344-413)

Giảng giải: *HT. Tuyên Hóa (1918-1995)*

Việt dịch: *Tỳ-kheo Thích Minh Định*

Chùa Kinh Quang (Pháp Quốc), PL. 2549 – DL. 2005

The Corporate Body of the Buddha Educational Foundation

11F, 55 Hang Chow South Road Sec 1, Taipei, Taiwan, R.O.C

Tác phẩm Kinh giảng giải này gồm có 28 phẩm.

Xem: (28 phẩm) Kinh Diệu Pháp Liên Hoa

315. KINH DIỆU PHÁP LIÊN HOA Giảng Nghĩa

Giảng nghĩa: *Pháp sư Thiện Trí*

Nxb Tp. Hồ Chí Minh – 1998

Kinh có khổ 14 x 20cm, dày 367 trang, bìa mềm. Nội dung gồm có 28 phẩm Kinh do Pháp sư Thiện Trí giảng nghĩa, phần đầu có: - Lời nói đầu; Giải thích đề Kinh; sau cùng là Sách tham khảo.

Xem: (28 phẩm) Kinh Diệu Pháp Liên Hoa

316. KINH DIỆU PHÁP LIÊN HOA Giảng Diễn Lục – Tập I

Giảng lục: *Thái Hư Đại sư*

Việt dịch: *Bí số Thích Trí Nghiêm*

PL. 2514 – DL. 1970, Dịch giả chủ trì ấn loát.

Tập I, dày 424 trang, bìa mềm, có 10 phẩm. Nội dung gồm có: Tựa Kinh đề, Minh cương tông, Thích Kinh văn, P.1 Tựa, P.2 Phương tiện, P.3 Thí dụ, P.4 Tín giải, P.5 Dược thảo dụ, P.6 Thọ ký, P.7 Hóa thành dụ, P.8 Ngũ bá đệ tử Lãnh ký, P.9 Trao ký Học-Vô học nhơn, P.10 Pháp sư.

317. KINH DIỆU PHÁP LIÊN HOA Huyền Tán (4 tập)

Nguyên tác: *Đại sư Khuy Cơ*

Việt dịch: *HT. Thích Chân Thường*

Nxb Tôn Giáo, PL. 2549 – DL. 2005

Sách có khổ 16 x 24cm, bìa cứng, đóng hộp (Bản Tu chỉnh). *Tập I*, , dày 412 trang, gồm có: Lời giới thiệu, Lời dịch giả, Mấy lời giới thiệu về Tác giả-Tác phẩm *Kinh Diệu Pháp Liên Hoa huyền tán*, gồm 3 quyển 1 (Phần trước-Phần sau), 2 (Phần trước-Phần sau) và 3 (phần trước); *Tập II*, dày 400 trang, nội dung gồm: Lời giới thiệu, Lời dịch giả, Mấy lời giới thiệu về Tác giả-Tác phẩm *Kinh Diệu Pháp Liên Hoa huyền tán*, tiếp theo; Q.3 (Phần sau), Phẩm Phương tiện (tt); Q.4, (Phần trước-Phần sau) Nghĩa của Nhất thừa chính là tông chỉ của Kinh; Q.5, (Phần trước-Phần sau) P.3 Phẩm Thí dụ; *Tập III*, dày 412 trang, nội dung gồm: Lời giới thiệu, Lời dịch giả, Mấy lời giới thiệu về Tác giả-Tác phẩm *Kinh Diệu Pháp Liên Hoa huyền tán*, tiếp theo quyển 5, 6, 7 và 8; *Tập IV*, dày 441 trang, nội dung gồm: Lời giới thiệu, Lời dịch giả, Mấy lời giới thiệu về Tác giả-Tác phẩm *Kinh Diệu Pháp Liên*

Hoa huyền tán, tiếp: Q.8, Phẩm Pháp sư (tt); Q.9, Phẩm Đề-bà-đạt-đa, Phẩm Tông Địa dũng xuất; Q.10, Phẩm Tùy hỷ Công đức, Phẩm Diệu Âm Bồ-tát; Hồi hướng.

318. KINH DIỆU PHÁP LIÊN HOA (Trọn Bộ-Tái Bản)

Phân Viện Nghiên Cứu Phật Học

Việt dịch: *HT. Thích Tuệ Hải*

Nxb Hồng Đức, PL. 2558 – DL. 2014

Kinh có khổ 15 x 23cm, dày 578 trang, bìa cứng. Nội dung gồm có: Phần Nghi lễ, *Kinh Diệu Pháp Liên Hoa*, gồm 7 quyển, 28 phẩm; sau cùng là Tâm Kinh Bát-nhã, Tụng Kinh hồi hướng, Kệ niệm Phật, Hòa Nam Thánh chúng.

Xem: (7 quyển, 28 phẩm) Kinh Diệu Pháp Liên Hoa

Tác phẩm Kinh này đã được Hương Quang (Sài Gòn) xuất bản từ năm 1965, Giấy phép số 604 BTT/BC3-XB, ngày 6-2-1965, với tựa “Kinh Diệu Pháp Liên Hoa – Saddharmapundartka Sutram”, dày 592 trang, bìa mềm.

319. KINH DIỆU PHÁP LIÊN HOA & KINH ĐẠI THỪA VÔ LƯỢNG NGHĨA

Việt dịch: *Thích Trí Tịnh (1917-2014)*

PL. 2514 – DL. 1970, Tỳ-kheo Thích Đăng Quang (Trụ trì chùa Hải Tuệ-Sài Gòn) – Trưởng Ban tổ chức ấn tống, In tại Nhà in Hạnh Phúc (Gia Định).

Kinh dày 608 trang, bìa mềm, chữ tựa màu đỏ. Nội dung gồm có: *Kinh Diệu Pháp Liên Hoa*, có 28 phẩm; *Kinh Đại Thừa Vô Lượng Nghĩa*, có 3 phẩm: P.1 Đức Hạnh, P.2 Thuyết pháp, P.3 Mười Công đức; Ma-ha Bát-nhã Ba-la-mật-đa Tâm Kinh, Vãng sanh Quyết định Chơn ngôn, và Hồi hướng.

Xem: (28 phẩm) Kinh Diệu Pháp Liên Hoa

Tác phẩm Kinh này tái bản nhiều lần: Năm PL. 2517 – DL. 1973, In tại Nhà in Hạnh Phúc (Gia Định), Giấy phép số 3731/PTUDV/KSALP/TP, ngày 18-9-1973, với tựa “Kinh Diệu Pháp Liên Hoa, dịch giả Thích Trí Tịnh & Kinh Đại Thừa Vô Lượng Thọ, dịch giả Thích Chánh Quang”, dày 596 trang, bìa mềm; năm PL. 2518 – DL. 1974, Liên Hoa Tịnh Thất (Mỹ Tho) ấn tống, In tại Nhà in Hạnh Phúc (Gia Định), Giấy phép số 2701/74/BDVCH/KSALP/TP, ngày 29-5-1974.

320. KINH DIỆU PHÁP LIÊN HOA – PHẨM PHỔ MÔN

Việt dịch: *Chân An-Đạo Nhơn-Thanh Tâm đồng dịch*

Nxb Tôn Giáo – 2010

Kinh có khổ 14.5 x 20.5cm, có 90 trang, bìa mềm.

321. KINH DIỆU PHÁP LIÊN HOA – PHẨM QUÁN THẾ ÂM BỒ-TÁT PHỔ MÔN

Ban Liên Hoa – Miền Vĩnh Nghiêm ấn tống, PL. 2514 – DL. 1970

In tại Nhà in Sen Vàng (Sài Gòn), Kiểm duyệt số 1913/XB ngày 7-11-1957 của Nha T.T.N.P

Kinh có 81 trang, bìa mềm, nền trắng, chữ tựa màu đỏ và màu đen. Nội dung gồm có: Bài Cúng hương, Bài Kỳ nguyện, Bài Tán dương Phật bảo, Quán tưởng, Tán Lu hương, Chú Đại bi, Khai Kinh kệ, *Quán Thế Âm Bồ-tát Phổ Môn Phẩm*, dịch âm; Thập nhị Đại nguyện Quán Thế Âm Bồ-tát, Ma-ha Bát-nhã Ba-la-mật-đa Tâm Kinh, Vãng sanh Quyết định Chơn ngôn, Sám Di-đà, Phục nguyện, Tam quy; Quán Thế Âm Bồ-tát Phẩm Phổ Môn, dịch nghĩa, Mười hai Lời nguyện lớn.

**322. KINH DIỆU PHÁP LIÊN HOA –
PHẨM QUÁN THẾ ÂM BỒ-TÁT PHỔ
MÔN Giảng Lục**

Giảng lục: *Pháp sư Bảo Tịnh*

Việt dịch: *Thích Trí Nghiêm*

Chùa Hải Đức (Nha Trang), PL. 2516 –
DL. 1972. Tác phẩm Kinh này dày 224
trang, bìa mềm. Nội dung gồm: Thay lời
tựa, Lời nói đầu; *Kinh Diệu Pháp Liên
Hoa, Quán Thế Âm Bồ-tát Phổ Môn
Phẩm*, Hán dịch: Tam tạng Pháp sư Cưu-
ma-la-thập; Phụ lục: Nghi thức Tụng niệm
Quán Thế Âm Bồ-tát (1. Quán Âm tán, 2.
Tụng Kinh chú, 3. Đại Quán Âm tán, 4.
Quán Âm kệ I, 5. Quán Âm kệ II, 6. Niệm
hồng danh Bồ-tát, 7. Hồi hướng kệ); Bài
bạt (của Thôi Chú Bình dịch); Trích Kinh
Diệu Pháp Liên Hoa – Thay lời nguyện
của Người ấn tống.

*Tác phẩm này đã được Giáo hội (Phật
giáo) Khánh Hòa ấn hành năm PL. 2513 –
DL. 1969.*

**323. KINH DIỆU PHÁP LIÊN HOA
Thông Nghĩa**

Nguyên tác: *Hám Sơn – Thích Đức Thanh*

Việt dịch: *Thích Viên Giác*

Nxb Tôn Giáo – 2002. Kinh có khổ 14 x
20cm, dày 492 trang.

Nội dung gồm có: Lời giới thiệu, *Kinh
Diệu Pháp Liên Hoa thông nghĩa*, Q.1,
Lời tựa, Phán Giáo, Giải thích đề Kinh,
Đời Diệu Tàn ngài Tam tạng Pháp sư
Cưu-ma-la-thập, và 7 quyển, 28 phẩm
Kinh; Kệ Hồi hướng.

*Xem: (28 phẩm) Kinh Diệu Pháp Liên
Hoa*

**324. KINH DIỆU PHÁP LIÊN HOA
Yếu Lược**

Soạn giả: *Thuần Tâm*

Tu viện Tín Hạnh Nguyện xuất bản
Kinh dày hơn 120 trang, bìa mềm.

Kết cấu tác phẩm gồm có 7 quyển, 28
phẩm; nội dung: Q.I, P.1 Tựa, P.2 Phương
tiện; Q.II, P.3 Thí dụ, P.4 Tín giải; Q.III,
P.5 Dược thảo dụ, P.6 Thọ ký, P.7 Hóa
thành dụ; Q.IV, P.8 Ngũ bá đệ tử Thọ ký,
P.9 Thọ học Vô học nhơn ký, P.10 Pháp
sư, P.11 Hiện bửu tháp, P.12 Đề-bà-đạt-
đa, P.13 Trì; Q.V, P.14 An lạc hạnh, P.15
Tùng địa dũng xuất, P.16 Như Lai thọ
lượng, P.17 Phân biệt Công đức; Q.VI,
P.18 Tùy hỷ Công đức, P.19 Pháp sư Công
đức, P.20 Thường Bất Khinh Bồ-tát, P.21
Như Lai thần lực, P.22 Chúc lụy, P.23
Dược Vương Bồ-tát Bồn sự; Q.VII, P.24
Diệu Âm Bồ-tát, P.25 Phổ môn-Quan Thế
Âm Bồ-tát, P.26 Đà-la-ni, P.27 Diệu
Trang Nghiêm Vương, P.28 Phổ Hiền Bồ-
tát; Kết luận. (*Bản lưu tại Thư viện Viện
Nghiên cứu Phật học Việt Nam tại Tp. Hồ
Chí Minh; Mã sách: Vie 2000*)

325. KINH DUY-MA

Dịch giải:

HT. Thích Trí Quang (1923-2019)

Nxb Tp. Hồ Chí Minh - 1994

Tác phẩm này gồm có 4 phần chính: -
Tổng quan Kinh Duy-ma (PL. 2537- DL.
1993); Phần I, a. Tịnh độ, b. Phương tiện,
c. Thanh văn; Phần II, d. Bồ-tát, e. Thăm
bệnh, f. Bất khả tư nghị, g. Quan sát chúng
sanh; Phần III, h. Đường đi của Phật, i.
Nhập vào bất nhị, j. Đức Phật Hương
Tích, k. Việc làm của Bồ-tát; Phần IV, l.
Nhìn Phật bất động, m. Hiến cúng bằng
pháp, n. Ký thác từ tôn; Viết tắt và Ghi
chú.

326. KINH DUY-MA-CẬT

Biên dịch: *Đoàn Trung Còn (1908-1988)*

Nxb Tôn Giáo – 2012

Kinh có khổ 14.5 x 20.5cm, dày 424 trang,
bìa cứng. Nội dung gồm có 3 phần, 3
quyển, 14 phẩm: *Phần Hán văn; Phần*

Dịch âm, Quyền thượng, Phật quốc phẩm, Phương tiện phẩm, Đệ tử phẩm, Bồ-tát phẩm; Quyền trung, Văn-thù-sư-ly vân tạt phẩm, Bất tư nghị phẩm, Quán chúng sinh phẩm, Phật đạo phẩm, Nhập Bất nhị pháp môn phẩm; Quyền hạ, Hương tích Phật phẩm, Bồ-tát hạnh phẩm, Kiến A-súc Phật phẩm, Pháp Cúng dường phẩm, Chúc lụy phẩm; Phần Dịch nghĩa, Quyền thượng, Cõi Phật, Phương tiện, Đệ tử, Bồ-tát; Quyền trung, Văn-thù thăm bệnh, Không thể nghĩ bàn, Quán chúng sinh, Đạo Phật, Vào Pháp môn Chẳng phân hai; Quyền hạ, Phật hương tích, Hạnh Bồ-tát, Thấy Phật A-súc, Cúng dường pháp, Chúc lụy.

Tác phẩm Kinh này đã được Phật học Tông thư xuất bản năm 1971 (in kỳ đầu), với nhan đề “Duy Ma Cật Kinh”.

327. KINH DUY-MA-CẬT

Dịch và chú giải: *Định Sỹ Trang*

Ấn tống PL. 2547 – DL. 2003,

Kinh có khổ 14.5 x 20.5cm, có 303 trang, bìa mềm. Toàn bộ tác phẩm Kinh này gồm có 14 chương: Lời tựa, 1. Cõi Phật, 2. Phương tiện, 3. Tranh luận với mười Đại đệ tử của Phật (Duy-ma-cật với: Xá-lợi-phất, Mục-kiền-liên, Ca-diếp, Tu-bồ-đề, Phú-lâu-na, Ca-chiên-diên, A-na-luật, Ưu-ba-ly, La-hầu-la, A-nan; 4. Tranh luận với các Bồ-tát (Duy-ma-cật với: Di-lặc, về thọ ký, Quang Nghiêm, về đạo tràng, Trì Thế, về niềm vui đạo đức, Thiên Đức, về pháp thí; 5. Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi, 6. Pháp môn không thể nghĩ bàn, 7. Quán sát chúng sanh, 8. Đường đến quả Phật, 9. Pháp môn không hai, 10. Phật Hương Tích, 11. Hành động của Bồ-tát, 12. Thấy Phật Vô Động, 13. Cúng dường bằng Kinh điển, 14. Lời dặn ân cần của Phật. Các danh từ Phật học có giải nghĩa trong Kinh này.

328. KINH DUY-MA-CẬT

(Kinh Bất Khả Tư Nghị Giải Thoát)

Hán dịch: *Tam tạng Pháp sư Cưu-ma-la-thập (Kumàrajiva, 344-413)*

Việt dịch: *Pháp Tuệ*

Nxb Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh – 2012. Kinh có khổ 14.4 x 20.5cm, dày hơn 221 trang, bìa mềm. Toàn bộ tác phẩm Kinh này gồm có 14 phẩm.

Xem: (14 phẩm) Kinh Duy Ma Cật

329. KINH DUY-MA-CẬT

Hán dịch: *Tam tạng Pháp sư Cưu-ma-la-thập (Kumàrajiva, 344-413)*

Việt dịch: *Thích Huệ Hưng*

Ấn hành năm 1970. Tác phẩm Kinh này gồm có 14 phẩm: - Lời giới thiệu, - Lời nói đầu; 1.P Phật quốc, 2.P Phương tiện, 3.P Đệ tử, 4.P Bồ-tát, 5.P Văn-thù-sư-lợi, 6.P Bất tư nghị, 7.P Quán chúng sanh, 8.P Phật đạo, 9.P Vào Pháp môn không hai, 10.P Phật Hương Tích, 11.P Hạnh Bồ-tát, 12.P Thấy Phật A-súc, 13.P Pháp cúng dường, 14.P Chúc lụy.

Tác phẩm Kinh này đã được Thiền viện Tập Thành (Sài Gòn) ấn hành lần đầu vào năm 1951; Thiền viện tái bản năm 1965; năm 1971, Phật học đường ấn hành; năm 1993, THPG Tp. Hồ Chí Minh ấn hành. (Theo các bản lưu tại Thư viện Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam tại Tp. Hồ Chí Minh; Mã sách: Vie 9614, Vie 2130, Vie 2131, Vie 1582)

330. KINH DUY-MA-CẬT

Giảng giải: *Lê Sỹ Minh Tùng*

Tác phẩm Kinh này có 14 phẩm (*Xem: Kinh Duy Ma Cật*), Lời nói đầu (PL. 2552 – DL. 2008), Phần giới thiệu, Tiểu sử Pháp sư Cưu-ma-la-thập, sau cùng là Lời kết.

(<https://thuvienhoasen.org>, Kinh/Giảng giải Kinh)

331. KINH DUY-MA-CẬT

Trong lộ trình Giải thoát và Mô hình hoằng truyền Bồ-tát đạo

Trong xu thế văn hóa thời đại

Trần Quang Thuận

Nxb Hồng Đức – 2014. Kinh có khổ 16 x 24cm, dày hơn 383 trang, bìa mềm.

Nội dung gồm có: Lời mở đầu, *Phần một: Tiến trình phát triển Phật giáo trong bối cảnh lịch sử, văn hóa Ấn Độ*; Ấn độ thời Cổ đại-Thời văn minh Harappa, Mohenjo Daro (3000 tkn), Ấn Độ thời Vệ Đà-Thời dân Aryans chinh phục Ấn Độ (1600-600 tkn), Ấn Độ thời Phật ra đời-Thế kỷ 6 tkn; Tiến trình phát triển Phật giáo thời kỳ I, Phật giáo thời Nguyên thủy, Từ lúc Phật chuyển pháp luân cho đến Đại hội kết tập II, Từ thời Tần-bà-sa-la đến triều đại Maurya (542-340 tkn); Tiến trình phát triển Phật giáo thời kỳ II, Phật giáo thời Bộ phái, Từ Đại hội kết tập II đến Đại hội kết tập III, Thế kỷ thứ 5 đến thứ 4 trước kỷ nguyên, - Alexander xâm chiếm Ấn Độ (327-325 tkn) và triều đại Maurya (322-183 tkn), - Bindusara (297-272 tkn), - Vua Asoka (268-232 tkn), - Asoka lấy Phật giáo làm quốc giáo, - Đế quốc Maurya suy thoái, - Phật giáo sau thời Asoka; Tiến trình phát triển Phật giáo thời kỳ III và IV, Triều đại Sunga, Vương quốc Kharavela, Ngoại xâm-Ấn Hy Lạp (Bactria), Dân Saka, Parthia, Kushana và Ksatrapa, Triều đại Kushana, Vua Kanishka (Ca-nhi-sắc-ca) và Đại hội kết tập IV, Triều đại Satavahana, Nam Ấn Độ, Con đường tơ lụa, Cộng đồng thương mại phát triển (200 tkn – 300), Liên hệ văn hóa, Kiến trúc-điều khắc-hội họa; Phật giáo thời kỳ III và IV, Tín ngưỡng và hành trì, Triều đại Gupta và kẻ kế thừa, Harsha (606-647), Cúng dường ruộng đất, Nam Ấn độ-Sự xuất hiện của các vương quốc Pallava, Chalukya, Rashtrakuta (500-900), Bắc Ấn độ 700-1200, Đấu tranh giành quyền kiểm

soát vùng đồng bằng Bắc Ấn từ thế kỷ thứ 8 đến thế kỷ thứ 13, Tiểu vương quốc thành hình-Trung Á quấy phá-Thổ Nhĩ Kỳ xâm chiếm; Lộ trình phương Nam, Lộ trình phương Bắc và phương Đông, Từ Phật giáo Nguyên thủy đến Phật giáo Đại thừa, Lộ trình phương Tây, Kết luận; Tiến trình phát triển với những đoạn đường và những cây cầu mong manh nhưng vững chắc, Cây cầu nhân sự làm gạch nối giữa Tiểu thừa và Đại thừa Phật giáo, Câu chuyện về Ma-ha Ca-diếp, Phát triển giáo nghĩa của phái Sarvastivada tại Kashmir, Đức Di-lặc là gạch nối giữa Tiểu thừa và Đại thừa, Tư tưởng Đại thừa trong giáo lý Nguyên thủy – Yếu tố xúc tác đẩy mạnh đã phát triển Phật giáo Đại thừa, Kinh Bát-nhã là gạch nối giáo nghĩa giữa Tiểu thừa và Đại thừa, Những Kinh điển chủ yếu của Đại thừa Phật giáo trong giai đoạn giao thời giữa Tiểu thừa và Đại thừa Phật giáo; *Phần hai: Kinh Duy Ma Cát*, Phần Dẫn nhập, Phần Nội dung, Phần Kinh văn, Tổng kết: 1. Hai chủ đề chính của Kinh Duy-ma-cật, 2. Ba chủ đề phụ của Kinh Duy-ma-cật, 3. Mục tiêu tối hậu của Kinh Duy-ma-cật, 4. Lời phó thác đặc biệt của Phật cho đức Di-lặc; *Phần ba: Hoằng truyền Bồ-tát đạo trong bối cảnh văn hóa hiện đại hay mô hình lãnh đạo trong xu thế văn hóa thời đại*, I. Đời sống và lãnh đạo, II. Mô hình chuyên môn: 1. Lãnh đạo qua dạng thức của một giám đốc điều hành, 2. Lãnh đạo qua một ông sếp, 3. Lãnh đạo qua một người điều hợp, 4. Lãnh đạo là xúc tác, mang lại niềm phấn khởi; III. Mô hình hoằng truyền đời là một cuộc tìm kiếm không ngừng-nhà hoằng truyền là nhà lãnh đạo, 1. Đời là một cuộc tìm kiếm-4 tìm kiếm căn bản, a. Tìm kiếm cá nhân, b. Tìm kiếm cộng đồng, c. Tìm kiếm ý nghĩa, d. Tìm kiếm hy vọng, 2. Những đặc tính căn bản của lãnh đạo hoằng

truyền, a. Ưu tiên cho chúng sanh hơn tô chức, b. Thuần thành và thành công trong sứ mệnh, c. Nhân hậu và hòa đồng; Phật giáo trong bốn xu thế thời đại và hậu quả của chúng, Bốn nhiệm vụ chính trong 4 xu thế thời đại: 1. Xu thế di tản quyền năng, 2. Xu thế dị thể hỗn tạp, 3. Xu thế đa nguyên, 4. Xu thế chuyên môn hóa.

332. KINH DUY-MA-CẬT Chú Giải

Hán dịch và bình: *Pháp sư Cưu-ma-la-thập (Kumarajiva, 344-413)*

Chú giải: *Đại sư Tăng Triệu*

Việt dịch: *Hồng Đạo*

Nxb Thiện Tri Thức. Tác phẩm Kinh này gồm có: Kinh Duy Ma Cật sở thuyết chú tự; Kinh Duy Ma Cật chú giải, 14 phẩm.

Xem: (14 phẩm) Kinh Duy-Ma-Cật

333. KINH DUY-MA-CẬT Giảng Giải

Giảng giải: *Thích Thanh Từ*

Nxb Văn hóa Văn nghệ – 2015

Kinh có khổ 14.5 x 20.5cm, dày 596 trang, bìa mềm, chữ tựa màu nâu đỏ, có hình tháp chuông (nhỏ) ở phần dưới, có tay gấp.

Kết cấu tác phẩm gồm có 14 phẩm; nội dung như sau: Lược khảo lịch sử Kinh, I. Phiên dịch, II. Xuất xứ, III. Giải thích tên Kinh, IV. Nội dung Kinh; Kinh Duy-ma-cật giảng giải: P.1 Phật quốc, P.2 Phương tiện, P.3 Đệ tử (Xá-lợi-phất, Mục-kiền-liên, Đại Ca-diếp, Tu-bồ-đề, Phú-lâu-na, Ca-chiên-diên, A-na-luật, Ưu-ba-ly, La-hầu-la, A-nan), P.4 Bồ-tát (Bồ-tát Di-lặc, Đồng tử Quang Nghiêm, Bồ-tát Trì Thế, Trưởng giả Thiện Đức), P.5 Văn-thù thăm bệnh, P.6 Bất tư nghị, P.7 Quán chúng sanh, P.8 Phật đạo, P.9 Vào pháp môn không hai, P.10 Phật Hương tích, P.11 Bồ-tát hạnh, P.12 Thấy Phật A-súc, P.13 Cúng dường pháp, P.14 Chúc lụy.

Tác phẩm Kinh này đã in Lưu hành nội bộ từ năm 1989.

334. KINH DUY-MA-CẬT

Giảng Luận

Giảng luận: *Minh Tâm*

Nxb Thanh Văn – USA, 1991. Tác phẩm Kinh giảng luận này gồm có: Lời nói đầu, 14 phẩm (*Xem: Kinh Duy Ma Cật*), sau cùng là Tổng kết.

335. KINH DUY-MA-CẬT

– Lược Giải

(Duy-ma-cật Sở thuyết Bất khả Tư nghị Giải thoát Kinh)

Việt dịch:

Thích nữ Diệu Không (1905-1997)

In tại Nhà in Liên Hoa – Trung tâm Văn hóa Liễu Quán (Huế),

PL. 2517 – DL. 1973

Kinh dày 241 trang, bìa mềm, nền trắng, chữ tựa màu tím. Nội dung gồm có 14 phẩm: Lời giới thiệu của Hòa thượng Trúc Lâm, Định danh, Mục đích, Phân đoạn, P.1 Phật quốc, Lược giải Phật quốc, Tâm tịnh độ tịnh, Vị chúng đoạn nghị, Tùy cơ được lợi ích, P.2 Phương tiện, P.3 Đệ tử, P.4 Bồ-tát đệ tử, P.5 Văn-thù Bồ-tát đi thăm bệnh, P.6 Bất tư nghị pháp môn, P.7 Quán chúng sanh, P.8 Phật đạo, P.9 Nhập Bất nhị môn, P.10 Hương Tích Phật quốc, P.11 Bồ-tát hạnh, P.12 Quán Phật A-súc, P.13 Pháp Cúng dường, P.14 Phú chúc lưu thông; Vài lời của người dịch.

336. KINH DUY-MA-CẬT Lược Giải

Soạn giảng: *HT. Thích Thanh Hùng*

Sách dày 190 trang, bìa mềm. Nội dung gồm có 6 bài: B.1 Phần khái luận, B.2 Phẩm Phật quốc, B.3 Phẩm Phương tiện, B.4 Phẩm Thanh văn, B.5 Phẩm Bồ-tát, B.6 Văn-thù Bồ-tát thăm bệnh.

337. KINH DUY-MA-CẬT

(Hán văn – âm – nghĩa)

Hán dịch: *Tam tạng Pháp sư Cưu-ma-la-thập* (Kumàrajiva, 344-413)

Việt dịch và chú giải: Đoàn Trung Còn và Nguyễn Minh Tiến

Hiệu đính: Nguyễn Minh Hiến

Nxb Tôn Giáo – 2005. Toàn bộ tác phẩm Kinh này dày 424 trang, có 3 quyển, 14 phẩm (P). Nội dung gồm có: - Phần Hán văn, - *Phần dịch âm*: Quyển thượng, Phật quốc phẩm, Phương tiện phẩm, Đệ tử phẩm, Bồ-tát phẩm; Quyển trung, Văn-thù-sư-lợi vấn tụng phẩm, Bất tư nghị phẩm, Quán chúng sinh phẩm, Phật đạo phẩm, Nhập bất nhị pháp môn phẩm; Quyển hạ, Hương Tích Phật phẩm, Bồ-tát hạnh phẩm, Kiến A-súc Phật phẩm, Pháp cúng dường phẩm, Chúc lụy phẩm. – *Phần dịch nghĩa*: Quyển thượng, P.1 Cõi Phật, P.2 Phương tiện, P.3 Đệ tử, P.4 Bồ-tát; Quyển trung, P.5 Văn-thù thăm bệnh, P.6 Không thể nghĩ bàn, P.7 Quán chúng sinh, P.8 Đạo Phật, P.9 Vào pháp môn chẳng phân hai; Quyển hạ, P.10 Phật Hương Tích, P.11 Hạnh Bồ-tát, P.12 Thấy Phật A-súc, P.13 Cúng dường pháp, P.14 Chúc lụy.

Kinh này được tái bản năm 2007, Nxb Tôn Giáo.

338. KINH DUYÊN MẠNG

ĐỊA TẠNG BỒ-TÁT

Hán dịch: *Tam tạng Bất Không*

Việt dịch: *Cực Lạc Liên Hữu*

PL. 2509 – DL. 1963 (bìa ngoài);

PL. 2511 – DL. 1967 (bìa trong)

Kinh có hơn 40 trang, bìa mềm, nền màu xanh dương, chữ tựa màu đen. Nội dung gồm có: Khóa lễ A-di-đà Lễ Tam bảo, Lễ Cửu bá Tây phương, Lễ Sám hối, Bài Tán hương, Tụng các chú..., Bài kệ khai Kinh; *Phật nói Kinh Duyên Mệnh Địa Tạng Bồ-tát*, Kinh Tâm yếu nói về phép Bát-lạt-nhã

Ba-la-mật-đa (Prajna Paramita), Bài niệm Phật của ngài Đại Thế Chí Bồ-tát (Trong Kinh Thủ Lăng Nghiêm), Bài niệm Phật, Bài Hồi hướng, Lễ tụng, Lễ Phát nguyện, Phục nguyện. (*Bản lưu tại Thư viện Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam tại Tp. Hồ Chí Minh; Mã sách: Vie 2128*)

339. KINH DƯỢC SƯ

Hán dịch: *Tam tạng Pháp sư Cưu-ma-la-thập* (Kumàrajiva, 344-413)

Dịch giả: *Bồ-tát giới Tuệ Nhuận*

Nxb Tôn Giáo, PL. 2554 – DL. 2010

Kinh có khổ 15.5 x 23cm, có 81 trang, bìa mềm, nền vàng, chữ tựa màu đỏ, có hình vẽ bình cam-lồ và tay cầm nhánh dương liễu.

Nội dung gồm có: Khóa tụng (Tịnh pháp giới chân ngôn, Văn Thù hộ thân chân ngôn, Lục tự đại minh chân ngôn, Đại Phật đỉnh Thủ Lăng Nghiêm chú, Đại Bi chú); Khóa lễ Dược Sư (Bài dâng hương, Tán Phật, Bài Sám hối, Tán hương, Chân ngôn..., Tán kinh, Tán Phật, Kệ khai kinh), *Kinh nói về Công đức Bản nguyện của Đức Phật Dược Sư Lưu Ly Quang Như Lai* (12 nguyện lớn). Bài tán chung, Tán nhiều đàn, Bài niệm Phật, Kinh tâm yếu, Nguyện chú Kiết tường, Phát nguyện Sám hối, Phúng kinh, Tam tự Quy y. *Phụ lục*: Văn cúng Phật, Văn phóng sinh.

Kinh này được tái bản nhiều lần: Năm PL. 2501 – DL. 1957, In tại ấn quán Phú San (Sài Gòn); năm 1958, tái bản Giấy phép số 2199-K.D.S. do Ủy ban Kiểm duyệt Bắc Việt cấp ngày 13-8-1953; năm PL. 2505 – DL. 1961, tái bản In tại Nhà in Việt Liên (Sài Gòn), Kiểm duyệt số 685/XB. do N.T.G.Đ.T.T. cấp ngày 27-4-1961; năm PL. 2507 – DL. 1964, tái bản In tại Nhà in Trường Sơn (Sài Gòn), Giấy phép số 717/XB, cấp ngày 9-4-1964; năm PL. 2516 – DL. 1972, Hội Phụ Nữ Phật Tử

Việt Nam (Trụ sở chùa Dược Sư) tổ chức ấn tống, Kiểm duyệt số 584/XB, cấp ngày 6-4-1960 của B.T.T; năm PL. 2518 – DL. 1974, Nhà In Sen Vàng (Sài Gòn) tái bản, Giấy phép số 2123-XB/H.Đ.K.D.T.U – Saigon, ngày 5-8-1964; In ấn tống năm Mậu Tý (2008); năm 2009, Nxb Tôn Giáo; năm 2014, Nxb Hồng Đức. (Theo các bản lưu tại Thư viện Huệ Quang-Trung Tâm Dịch Thuật Hán Nôm Huệ Quang, Tp. Hồ Chí Minh)

340. KINH DƯỢC SƯ

Việt dịch: *Trưởng lão Tỳ-kheo Trí Quang*
Nxb Hồng Đức, PL. 2561 – DL. 2017
Kinh dày 281 trang, bìa cứng, chữ tựa màu vàng. Nội dung gồm có: Cáo bạch, Lời đề của Ngọc Lâm Quốc sư, Cuốn đầu, Kinh Dược Sư, bản dịch lại (PL. 2554 – DL. 2010), (và lạy theo Kinh Dược Sư); *Kinh Bản nguyện và Công đức của đức Dược Sư Như Lai*, Bản Hoa dịch của ngài Huyền Tráng, Lạy theo Kinh Dược Sư; Kinh Dược Sư, bản dịch cũ (PL. 2516 – DL. 1972), (và Sám Dược Sư); Cuốn giữa, Phương pháp Sám hồi “Dược Sư Tiêu tai Diên thọ”; Cuốn sau, Phương pháp Sám hồi “Dược Sư Tiêu tai Diên thọ”.

Tác phẩm Kinh này đã được Tu viện Quảng Hương Già-Lam (Sài Gòn) ấn hành năm 1974; tái bản năm 2010, Nxb Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh.

341. KINH DƯỢC SƯ

Hán dịch: *Tam tạng Pháp sư*
Huyền Trang (602-664)

Việt dịch và giảng: *Thích Vĩnh Hóa*
Báo Ân tự, 7509 Mooney Drive, Rosemead, CA 91770, USA, xuất bản lần thứ nhất. Tác phẩm Kinh này dày 304 trang, với nội dung gồm có: - Tựa phần, - Chánh phần, - Phần lưu thông.

(<https://thuvienhoasen.org>,
Sanskrit/Hán tạng)

Kinh

342. KINH DƯỢC SƯ

Biên soạn: *HT. Thích Trí Quảng*

Nxb Tôn Giáo, PL. 2551 – DL. 2007

Kinh có khổ 14 x 20cm, có 55 trang, bìa mềm, nền đỏ, chữ tựa mạ vàng.

Tác phẩm Kinh này gồm có: Nguyễn hương, Tán Phật, Lễ Phật, Tán dương chi, Tiêu tai kiết tường Thần chú, Tán hương, Khai Kinh, *Kinh Dược Sư Lưu Ly Quang vương Như Lai Bốn nguyện Công đức*, Dược Sư quán đánh chơn ngôn, Phục nguyện, Tam quy, Pháp Hoa Thủ Hộ Thần chú, các Thần chú... Ý nghĩa 12 đại nguyện của Đức Phật Dược Sư.

343. KINH DƯỢC SƯ

Soạn dịch: *Thích Nhật Từ*

Nxb Tôn Giáo – 2008. Kinh có khổ 14.5 x 20.5cm, có 38 trang, bìa mềm, nền đỏ, chữ tựa màu vàng, có hình tượng Đức Phật Dược Sư tĩnh tọa.

Kết cấu Kinh này có 3 phần: Lời nói đầu; *I. Phần Nghi thức dẫn nhập*, 1. Nguyễn hương, 2. Đánh lễ Tam bảo, 3. Tán hương, 4. Phát nguyện trì Kinh, 5. Tán dương giáo pháp, 6. Tán Phật Dược Sư; *II. Phần Chánh Kinh*, 7. Kinh Bốn nguyện Công đức của Phật Dược Sư; *III. Phần Sám nguyện và Hồi hướng*, 8. Kinh Tinh hoa Trí tuệ, 9. Niệm danh hiệu bảy Phật Dược Sư, 10. Nguyễn cầu an lành, 11. a. Mấy điều quán tưởng, b. Sám Mười nguyện, 12. Hồi hướng công đức, 13. Lời nguyện cuối, 14. Đánh lễ Ba ngôi báu.

Tác phẩm Kinh này tái bản nhiều lần: Năm 2020, Nxb Hồng Đức, khổ 14 x 20cm, có 39 trang, bìa mềm, đây là lần in thứ 8 của Kinh này.

344. KINH DƯỢC SƯ BỔN NGUYỆN CÔNG ĐỨC (âm-nghĩa)

Hán dịch: *Tam tạng Pháp sư Huyền Trang (602-664)*

Việt dịch: *Thích Huyền Dung*

Nxb Tôn Giáo, PL. 2551 – DL. 2007

Kinh có khổ 15.5 x 23cm, có 116 trang, bìa mềm. Nội dung Kinh này gồm có: Lời nói đầu, Nghi thức tụng niệm, Dược Sư Lưu Ly Quang Như Lai Bổn Nguyện Công Đức Kinh (phần dịch âm), Kinh Dược Sư Lưu Ly Quang Như Lai Bổn Nguyện Công Đức (phần dịch nghĩa). Cuối cùng là phần Thích nghĩa.

Tác phẩm Kinh này được tái bản nhiều lần, các năm: 1968, 1969, 1970, 1971, 1974, do Sen Vàng (Sài Gòn) tái bản; năm 1991, THPG Tp. Hồ Chí Minh ấn hành; năm 2000, Nxb Tp. Hồ Chí Minh; năm 2004, 2007, 2008, 2009, Nxb Tôn Giáo. (Thư viện Huệ Quang-Trung Tâm Dịch Thuật Hán Nôm Huệ Quang, Tp. Hồ Chí Minh)

345. KINH DƯỢC SƯ GIẢNG GIẢI

Thích Minh Chánh

Tài liệu Học tập cho Tăng Ni An cư Kiết hạ (Phổ biến nội bộ)

Sách dày hơn 265 trang, bìa mềm. Nội dung gồm có: Thay lời tựa, Nhân duyên giải Kinh Dược Sư, I. Giải đề Kinh, A. Phân giải, B. Hiệp giải, II. Lịch sử phiên dịch, III. Những phần cốt yếu, A. Vì có đại trí mà bày tỏ, B. Do nơi lòng đại bi, a. Nhỏ sạch hết cội rễ, b. Mười hai vị thần tướng, III. Giải về Kinh văn, A. *Phần Tự thỉnh*, a. Sáu điều chứng tín, b. Duyên khởi phần, 1. Kính lễ, 2. Khải thỉnh, 3. Tán thán hứa cho, 4. Thích nghe; B. *Phần Chánh thuyết*, a. Chỉ rõ thể tướng, 1. Nêu cả toàn thể Y báo và Chánh báo, 2. Bày tướng hạnh quả, 3. Bày riêng từng điều nguyện: 1) Chánh báo trang nghiêm, 2)

Thân quang phá ám, 3) Lây trí tuệ giúp thêm sự sống, 4) Dẫn dụ vào Đại thừa, 5) Được giới thanh tịnh, 6) Được thân tốt đẹp, 7) An khang vui đạo, 8) Chuyển nữ thành nam, 9) Tà ma ngoại đạo quy về đường chánh, 10) Giải thoát sự ưu khổ, 11) Được hưởng đồ ăn uống ngon tuyệt, 12) Được đồ mặc tốt đẹp; Kết thành diệu nguyện; b. Nói về quả đức, 1. Lời ít ý nhiều, 2. Đem phương Tây ví phương Đông, 3. Khen bạn để tỏ chú; c. Khuyên tin nguyện sanh sang cõi Phật, d. Nói rõ căn cơ và lợi ích được nghe tên hiệu Phật, 1) Được lợi ích trừ tội tham lam, 2) Trừ tội phá giới, 3) Diệt tội ghen ghét và giải thoát, 4) Diệt tội náo hại-hưởng thú yên vui, 5) Vãng sanh, - Do nơi hoa báu sanh ra, - Được sanh về cõi trời; e. Lợi ích tụng chú, 1. Phật xem thấy những bệnh khổ của chúng sanh, 2. Phóng hào quang thuyết chú, 3. Trì chú trừ bệnh, f. Sự lợi ích của giống hữu tình phụng trì, 1. Vòng Phật nói pháp tiêu tai, a. Đức Thích-ca chỉ điểm, b. Ngài Mạn Thù vâng lời tuyên dương, c. Đức Thích-ca nói lại, d. Chỉ bảo pháp làm đàn (Chỉ về công hiệu lợi ích, - Được lợi ích thêm phước, - Được lợi ích khỏi nạn), 1) Nạn trăm quái xuất hiện, 2) Nạn mọi sự sợ hãi, 3) Nạn nước khác xâm lấn, 4) Nạn phạm giới đọa lạc, 5) Nạn đàn bà sanh đẻ, e. Ngài A-nan hỏi pháp làm thêm lòng tin, - Phật hỏi tin không? – Ngài A-nan đáp lại, - Đáp rằng phải tin Phật pháp, - Nói rõ không tin phải bị tội, Lại nói rõ cái lòng tin, - Bảo rõ sự lợi ích không ngờ, - Cái lẽ Kinh này là Kinh hiếm có, Nói qua cái hạnh nguyện rất lớn; 2. Vòng cứu nạn thêm thọ, a. Ngài Cứu Thoát chỉ pháp tăng thêm tuổi thọ, b. Ngài A-nan hỏi pháp làm đàn, - Cứu thân bệnh cho thêm tuổi thọ, - Cứu nạn trong nước, - Cứu cho mọi người thêm thọ, c. Ngài A-nan hỏi pháp tăng thọ, d. Ngài Cứu Thoát khuyên tu để khỏi khổ,

3. Vòng Dược-xoa nguyện xin hộ vệ, a. Danh hiệu các thần Dược-xoa, b. Cảm ơn Hộ pháp, c. Đức Thích-ca tán thán và hứa khả; C. *Phần Lưu thông*, I. Định tên Kinh và pháp phụng trì, II. Kể các chứng tín thọ phụng trì; Phụ lục.

346. KINH DƯỢC SƯ LƯỢC YẾU

Lược dịch: *Thích Tịnh Từ*

Nội dung Kinh này gồm có: - Lời dẫn; - Dâng hương, Dâng sớ Cầu nguyện, Kệ mở Kinh, Lời phát nguyện, Chú Đại bi, Kệ mở Kinh; Trì niệm, Hồi hướng, Hướng về Kính lạy, Sám nguyện, Sám Quy mạng, Phát nguyện, Bài tụng Hạnh phúc, Phòng hộ chuyên hóa, Tùy hỷ hồi hướng, Kinh Thương yêu, Kinh Phước đức, Mười Công đức ấn tống Kinh. (<https://quangduc.com>, *Kinh-Hán tạng*)

347. KINH DƯỢC SƯ LƯU LY QUANG NHƯ LAI BỔN NGUYỆN CÔNG ĐỨC (âm – nghĩa)

Hán dịch: *Tam tạng Pháp sư Huyền Trang (602-664)*

Việt dịch và chú giải: *Đoàn Trung Còn và Nguyễn Minh Tiến*

Hiệu đính: *Nguyễn Minh Hiền*

Nxb Tôn Giáo – 2016. Kinh có khổ 16 x 24cm, có 91 trang, bìa mềm, nền đỏ, viền khung màu vàng, chữ tựa màu vàng và trắng, có hình hoa sen chính giữa. Nội dung gồm có: Nghi thức khai Kinh (Niệm hương, tụng chú, Cúng hương Tán Phật, Kỳ nguyện, Tán Phật, Quán tưởng, Tán Dương chi, Chú Đại bi, Khai Kinh kệ, Tán Phật Dược Sư); *Dược Sư Kinh – Dược Sư Lưu Ly Quang Như Lai Bản nguyện Công đức Kinh*, Phần dịch âm, Dược Sư Quán đảnh Chân ngôn, Tán Dược-xoa, Ma-ha Bát-nhã Ba-la-mật-đa Tâm Kinh, Hồi hướng, Tam tự Quy y; Phần dịch nghĩa-

Kinh Dược Sư (phần dưới các trang có chú thích).

Tác phẩm Kinh này đã xuất bản năm 2010, Nxb Tôn Giáo.

348. KINH DƯỢC SƯ LƯU LY QUANG NHƯ LAI BỔN NGUYỆN CÔNG ĐỨC

Giảng giải: *Tỳ-kheo Thích Hằng Quang*

Nội dung Kinh này gồm có: - Duyên khởi Kinh: Tạng thừa sở nhiếp, Tông chỉ của bộ Kinh, Giải thích đề Kinh, Truyền dịch sử giả, Giảng giải văn nghĩa; - Kinh Dược Sư Lưu ly Quang Như Lai bổn nguyện công đức. (<https://quangduc.com>, *Kinh-Hán tạng*)

349. KINH DƯỢC SƯ LƯU LY QUANG THẤT PHẬT BẢN NGUYỆN CÔNG ĐỨC

Soạn dịch: *Thích Nguyên Chơn*

Nxb Tôn Giáo – 2008

Kinh có khổ 14.5 x 20.5cm, có 150 trang. Nội dung gồm có: Giới thiệu, Nghi thức Tụng niệm, Kinh Dược Sư Lưu Ly Quang Thất Phật Bản Nguyện Công Đức.

Tác phẩm này được tái bản 2019, Nxb Hồng Đức, với tên: “Kinh Dược Sư Lưu Ly Quang Như Lai Bản Nguyện Công Đức”.

350. KINH DƯỢC SƯ – Khóa Lễ Thập Chú

Việt dịch: *Thích Trung Quán (1918-2003)*

Hiệu chính: *Thích Nhật Liên (1923-2010)*

Chùa Bàng Long (Vientiane Ai Lao) xuất bản, PL. 2507 – DL. 1963

In tại Nhà in Trường Sơn (Sài Gòn), Giấy phép số 2841/HĐKD TƯ/ PI/ XB ngày 23-12-1963.

Kinh có 84 trang, bìa mềm, nền trắng, chữ tựa màu đỏ. Nội dung gồm có: Bài Tán Kinh, Bài Tán Phật, Kệ khai Kinh, *Kinh Dược Sư Lưu ly Quang Như Lai Bốn nguyện Công đức*; Khóa lễ Đại bi Thập chú.

351. KINH DƯỢC SƯ Phạn Bản Tân Dịch

Viết dịch và chú: *Tỳ-kheo Thích Phước Nguyên*

Nội dung Kinh này gồm có: - Tình hình văn bản, - Ghi sau khi dịch; - Chánh Kinh: 1. Mở đầu pháp hội, 2. Quốc độ và bản nguyện, 3. Trang nghiêm Tịnh độ, 4. Thượng thủ Bồ-tát, 5. Nguyện sinh Tịnh độ, 6. Chuyển hóa ác nghiệp, 7. Trưởng dưỡng phẩm chất, 8. Đập vỡ tự ngã, 9. Vun đắp hòa bình, 10. Tịnh độ cộng thông, 11. Phước báu an vui, 12. Vĩnh ly thân nữ, 13. Đức Văn-thù khuyến phát, 14. Hiệu lực pháp bản Dược Sư, 15. Khai thị tôn giả A-nan, 16. Bồ-tát cứu thoát trình bày, 17. Phương thức, 18. Chín loại hoạnh tử, 19. Dạ-xoa đại tướng hộ trì, 20. Lưu hành pháp môn, 21. Kết thúc pháp thoại. (<https://thuvienhoasen.org>, *Kinh Sanskrit/Hán tạng, Ấn bản điện tử -2019*)

352. KINH DƯỢC SƯ và SÁM PHÁP DƯỢC SƯ

Hán dịch: *Tam tạng Pháp sư Huyền Trang (602-664)*

Viết dịch: *Tuệ Nhuận – Thích Mật Trí*
PL. 2544 – DL. 2000. Kinh dày 129 trang, bìa mềm, chữ tựa màu đỏ, có hình Phật Dược Sư ngồi, tay kiết ấn. Nội dung gồm có: Khóa tụng (tụng các chú,... chú Đại Bi); Bài kệ, Khóa lễ Dược Sư, Bài dâng hương, Bài Tán Phật, Bài Sám hối-Chí tâm Sám hối, Bài Tán hương (và tụng các chú), Bài Tán Kinh, Bài Tán Phật, Kệ khai Kinh, *Kinh nói về Công đức Bốn nguyện*

của Đức Dược Sư Lưu Ly Quang Như Lai, Hán dịch: Tam tạng Pháp sư Huyền Trang, Việt dịch: Bồ-tát giới đệ tử Tuệ Nhuận, (văn Kinh); Sau cùng là Bài Tán chung, Bài Tán nhiều đàn, Bài Niệm Phật, Kinh Tâm Yếu, Chú Vãng sanh, Sám Cầu an, Bài Phát nguyện Sám hối, Bài Xưng tán Đức Dược Sư, Mười hai Đại nguyện nghĩa, Bài Tán dương Khen ngợi, Phục nguyện, Tự Quy y; *Dược Sư Sám Pháp*, Việt dịch: Thích Mật Trí, Phép tụng Kinh, Bài khen Phật, Xưng tán, Tụng chú Đại bi, Hương tán, Lời kệ khai Kinh, Lời Phát nguyện tụng Kinh, Chú Dược Sư, Bài Cúng hương, Phép Sám Dược Sư, Tán; Quyển II, Tán, (lay Phật, mỗi danh hiệu một lay); Quyển III, Tán, (lay Phật, mỗi danh hiệu một lay); Tán, Sám hối, Ma-ha Bát-nhã Ba-la-mật-đa Tâm Kinh, Chú Vãng sanh, Lời khen Phật, Bài Phát nguyện Sám hối, Hồi hướng Công đức, Phục nguyện, Tự Quy y.

Kinh này được tái bản nhiều lần: Năm 1970, 1972, 1992, 1997; năm 2008-2013-2018 (tái bản lần thứ 11), Nxb Tôn Giáo.

353. KINH ĐÀ-LA-NI ĐẠI PHẬT ĐỈNH QUẢNG TỤ

Viết dịch: *Thích Quảng Trí*

Tác phẩm Kinh này gồm có 5 quyển, 23 phẩm: Q.I, P.1 A-ca-ni-tra thiên thỉnh vấn, P.2 Công năng trì chú, P.3 Chư Phật sáu phương hiện lại; Q.II, Đại Phật đánh Vô úy quảng tụ Như Lai Phật đánh kiến chú sư, P.4 Phổ huân diệt tội, P.5 Nhân dược phương nhất thể quang minh, P.6 Diên niên dược pháp, P.7 Nhân dược, P.8 Tướng mạng chú sư tư chứng, P.9 Quán Thế Âm, Văn-thù-sư-lợi Bồ-tát dữ nguyện, P.10 Tiên du, P.11 Kiến tạo trân bảo (Kinh đã thất bản Q.III); Q.IV, Đại Phật đánh Vô úy quảng tụ Như Lai Phật đánh phẩm, P.13 Kiến triệu thỉnh chư

Phật, P.14 Thư hoàng dược pháp và Bí mật đàn pháp, P.15 Biện thất chủng Phật đánh; Q.V, P.16 Mật đàn bát lượng Đại đàn pháp, P.17 Ái lạc dược pháp, P.18 Thành tựu chú sư y thường, P.19 Chú sư tự trước chú tác, P.20 Chú sư tháo dược, P.21 Pháp Liên Hoa họa tượng, P.22 Tổng nhiếp nhất thiết chư bộ thủ ấn, P.23 Đại đàn công năng.
(<https://phatphapungdung.com>, *Pháp bảo-Bộ Mật giáo*)

354. KINH ĐÀ-LA-NI NHƯ Ý LUÂN

Hán dịch: *Bồ-đề-lưu-chi*

Việt dịch: *Huyền Thanh*

Nội dung Kinh này gồm có 10 phẩm: P.1 Tựa, P.2 Phá nghiệp chướng, P.3 Pháp tụng niệm, P.4 Pháp ấn, P.5 Đàn pháp, P.6 Bội dược (thuốc dùng để đeo mang), P.7 Hàm dược (thuốc ngậm), P.8 Phục dược (thuốc uống), P.9 Hộ ma, P.10 Chúc lụy.
(<https://phatphapungdung.com>, *Pháp bảo-Bộ Mật giáo*)

355. KINH ĐÀ-LA-NI TRƯỜNG THỌ DIỆT TỘI BẢO VỆ TRẺ EM

Giới Đài Viện Huệ Nghiêm –
Ban Dịch Thuật Luật Tạng

Việt dịch: *Tỳ-kheo Thích Nguyên Chơn*

Chứng minh và thẩm định:

Tỳ-kheo hoàng luật Thích Minh Thông

Nxb Hồng Đức – 2014

Kinh có khổ 14.5 x 20.5cm, có 77 trang, bìa mềm, chữ tựa màu vàng và màu nâu đen. Nội dung gồm có: Nghi thức Tụng niệm, Tán dương Phật, Tán hương, Thần chú Đại Bi, Kệ khai Kinh, *Kinh Đà-la-ni Trường thọ Diệt tội Bảo vệ trẻ em*, Hán dịch: Sa-môn Phật-đà-ba-lợi; sau cùng là Tâm Kinh Bát-nhã Ba-la-mật-đa, Vãng sanh Tịnh độ Thần chú, Ca ngợi và niệm Phật, Sám Khê thủ, Hồi hướng, Tự quy.

356. KINH ĐÀ-LA-NI Xuất Tượng

Hán dịch: *Sa-môn Đà-phạm Đạt-ma*

Việt dịch (?); PL. 2548

Kinh dày hơn 162 trang. Nội dung gồm có: Kinh Thiên thủ Thiên nhãn Quán Thế Âm Bồ-tát Quảng đại Viên mãn Vô ngại Đại Bi tâm Đà-la-ni; 84 danh hiệu, và 84 hình Quán Thế Âm Bồ-tát hóa thân; Thích nghĩa, Sám Cầu an; Phụ lời Phát nguyện Quy y Tam bảo.

357. KINH ĐẠI ÁI ĐẠO TỖ-KHEO NI

Việt dịch: *Tỳ-kheo Minh Như*

Nxb Tôn Giáo, PL. 2558 – DL. 2014

Kinh có khổ 14.5 x 20.5cm, bìa cứng.

Nội dung gồm có: Lời nói đầu, Kinh Đại Ái Đạo Tỳ-kheo Ni, Quyển thượng và Quyển hạ.

Tác phẩm Kinh này đã in Lưu hành nội bộ năm 2005.

358. KINH ĐẠI BẢO PHỤ MẪU TRỌNG ÂN

Nhà in Sen Vàng tái bản,

PL. 2509 – DL. 1966

Kinh có hơn 40 trang, bìa mềm, chữ tựa màu xanh dương và màu đỏ, có hình vẽ hoa sen trong vòng tròn. Nội dung gồm có: Thay lời tựa, Nghi thức, Kiến Phật, Pháp vương, Quán tưởng,... Tán hương, Tụng chú Đại bi; Khai Kinh kệ, *Phật nói Kinh Đại bảo Phụ mẫu Trọng ân*, Bát-nhã Ba-la-mật-đa Tâm Kinh, Vãng sanh Quyết định Chơn ngôn, Tán Phật, Sám Mục-liên, Hồi hướng, Tam Quy y, Văn Phát nguyện.
(*Bản lưu tại Thư viện Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam tại Tp. Hồ Chí Minh; Mã sách: Vie 1657*)

359. KINH ĐẠI BẢO PHỤ MẪU TRỌNG ÂN

Việt dịch: *HT. Thích Huyền Tôn*

Tác phẩm Kinh này có 40 trang (PDF), nội dung chia làm 3 phần: I. Phần Kinh tụng; II. Phật thuyết Đại Báo Phụ Mẫu Ân Trọng Kinh; III. Tụng Kinh sám hối, Hồi hướng văn.

Kinh này ấn hành lần đầu tại Việt Nam năm PL. 2509-DL. 1965; In lần thứ hai tại Úc Châu năm 2000. (<https://hoavouu.com>, Sách Phật học-PDF)

360. KINH ĐẠI BẢO QUẢNG BÁC LÂU CÁC THIỆN TRỤ BÍ MẬT ĐÀ-LA-NI

Hán dịch: *Bất Không*

Việt dịch: *Huyền Thanh*

Toàn bộ tác phẩm Kinh này gồm có 3 quyển, 9 phẩm: Quyển thượng, P.1 Tựa, P.2 Căn bản Đà-la-ni, P.3 Tâm với Tùy tâm Đà-la-ni; Quyển trung, P.4 Thành tựu tâm Đà-la-ni pháp, P.5 Thành tựu tâm Đà-la-ni pháp (tt), P.6 Các nghi quỹ Đà-la-ni, P.7 Xây dựng Mạn-đồ-la, P.8 Về tượng, P.9 Hộ ma; Quyển hạ, P.9 Hộ ma (chi khác). (<https://phatphapungdung.com>, *Pháp bảo-Bộ Mật giáo*)

361. KINH ĐẠI BẢO TÍCH (Trọn bộ 9 tập)

Hán dịch: *Pháp sư Bồ-đề-lưu-chi*

Việt dịch: *Tỳ-kheo Thích trí Tịnh (1917-2014)*

THPG Tp. Hồ Chí Minh ấn hành, PL. 2543 – DL. 1999. Bộ Kinh này gồm có 9 tập. Phần đầu là Lời nói đầu của Dịch giả.

Tập I, 1. Pháp hội tam tụ luật nghi, 2. Pháp hội Vô biên trang nghiêm, 3. Pháp hội Mật tích Kim cang lực sĩ, 4. Pháp hội Tịnh cư thiên tử, 5. Pháp hội Vô lượng thọ Như Lai.

Tập II, 6. Pháp hội Bất động Như Lai, 7. Pháp hội Mặc giáp trang nghiêm, 8. Pháp hội Pháp giới thể tánh Vô phân biệt, 9. Pháp hội Đại thừa Thập pháp, 10. Pháp

hội Văn-thù-sư-lợi Phổ môn, 11. Pháp hội xuất hiện quang minh.

Tập III, 12. Pháp hội Bồ-tát tạng (Phẩm (P) Khai hóa trưởng giả, P. Kim-tỳ-la thiên thọ ký, P. Thí nghiệm Bồ-tát, P. Như Lai bất tư nghi tánh, P. Tứ vô lượng, P. Đàn-na Ba-la-mật-đa, P. Thi-la Ba-la-mật, P. Sằn-đề Ba-la-mật, P. Tỳ-lê-gia Ba-la-mật, P. Tỉnh lự Ba-la-mật, P. Bát-nhã Ba-la-mật, P. Đại Tựa tại Thiên thọ ký.

Tập IV, 13. Pháp hội Phật thuyết nhưn xử thái, 14. Pháp hội Phật thuyết nhập thai tạng, 15. Pháp hội Văn-thù-sư-lợi thọ ký, 16. Pháp hội Bồ-tát kiến thiết (có 26 phẩm: P. Tựa, P. Tịnh Phạn vương đến Phật, P. A-tu-la vương thọ ký, P. Bôn sự, P. Ca-lâu-la vương thọ ký, P. Long nữ thọ ký, P. Long vương thọ ký, P. Cựu-bàn-trà thọ ký, P. Càn-thát-bà thọ ký, P. Dạ-xoa thọ ký, P. Khẩn-na-la vương thọ ký, P. Hư không hành thiên thọ ký, P. Tứ thiên vương thọ ký, P. Tam thập tam thiên thọ ký, P. Dạ-ma thiên thọ ký, P. Đâu-suất-đà thiên thọ ký, P. Hóa Lạc thiên thọ ký, P. Tha Hóa Tựa tại thiên thọ ký, P. Chư Phạm thiên thọ ký, P. Quang Âm thiên thọ ký, P. Biến Tịnh thiên thọ ký, P. Quảng Quả thiên thọ ký, P. Tịnh Cư thiên tử tán kệ, P. Giá-la-ca-ba-lợi Bà-la-xà-ca ngoại đạo, P. Lục giới sai biệt, P. Tứ chuyển luân vương).

Tập V, 17. Pháp hội Phú-lâu-na, 18. Pháp hội Hộ quốc Bồ-tát, 19. Pháp hội Úc-già trưởng giả, 20. Pháp hội Vô tận phục tạng, 21. Pháp hội thọ ký Áo sư Bạt-đà-la, 22. Pháp hội Đại thần biến, 23. Pháp hội Ma-ha Ca-diếp, 24. Pháp hội Ưu-ba-ly, 25. Pháp hội phát thắng chí nguyện.

Tập VI, 26. Pháp hội Thiện Tý Bồ-tát, 27. Pháp hội Thiện Thuận Bồ-tát, 28. Pháp hội Dũng Mãnh Thọ trưởng giả, 29. Pháp hội Ưu-đà-diên vương, 30. Pháp hội Diệu Huệ đồng nữ, 31. Pháp hội Hằng hà thượng

Ưu-bà-di, 32. Pháp hội Vô Úy đức Bồ-tát, 33. Pháp hội Vô cấu thí Bồ-tát ứng biện, 34. Pháp hội Công đức Bửu hoa phu Bồ-tát, 35. Pháp hội Thiện Đức thiên tử, 36. Pháp hội Thiện trụ ý thiên (có 10 phẩm: P. Duyên khởi, P. Khai thiết nghĩa, P. Văn-thù thần biến, P. Phá ma, P. Bồ-tát thân hành, P. Bồ-tát tướng, P. Nhị thừa tướng, P. Phạm phu tướng, P. Thần thông chứng thuyết, P. Xung tán phó pháp), 37. Pháp hội A-xà-thế vương tử, 38. Pháp hội Đại thừa phương tiện, 39. Pháp hội Hiền hộ trưởng giả, 40. Pháp hội Tịnh thí đồng nữ. *Tập VII*, 41. Pháp hội Di-lặc Bồ-tát vấn bát pháp, 42. Pháp hội Di-lặc Bồ-tát vấn sở vấn, 43. Pháp hội Phổ Minh Bồ-tát, 44. Pháp hội Bửu Lương tụ (có 7 phẩm: P. Sa-môn, P. Tỳ-kheo, P. Chiên-đà-la Sa-môn, P. Doanh sự Tỳ-kheo, P. A-lan-nhã Tỳ-kheo, P. Tỳ-kheo Khất thực, P. Phân tảo y Tỳ-kheo), 45. Pháp hội Vô tận huệ Bồ-tát, 46. Pháp hội Văn-thù thuyết Bát-nhã, 47. Pháp hội Bửu Kế Bồ-tát, 48. Pháp hội Thắng Man phu nhân, 49. Pháp hội Quảng Bác tiên nhân, 50. Pháp hội Nhập Phật cảnh quang minh trang nghiêm, 51. Pháp hội Tự Tại vương Bồ-tát. *Tập VIII*, 52. Pháp hội Bửu nữ, 53. Pháp hội Bất thuận Bồ-tát, 54. Pháp hội Hải Huệ Bồ-tát, 55. Pháp hội Hư Không Tạng Bồ-tát, 56. Pháp hội Vô Ngôn Bồ-tát. *Tập IX*, 57. Pháp hội Bất khả thuyết Bồ-tát, 58. Pháp hội Bửu trang, 59. Pháp hội Hư không mục, 60. Pháp hội Nhứt Mật Bồ-tát, 61. Pháp hội Vô Tận Ý Bồ-tát, 62. Pháp hội Quán Vô lượng thọ Phật, - Lời ghi nhận sau kinh của người dịch. *Bộ Kinh Đại Bảo Tích này được tái bản nhiều lần: Năm 2004, Nxb Tôn Giáo, trọn bộ 9 quyển, khổ 16 x 24cm, dày hơn 6.000 trang, bìa cứng; năm 2010, Nxb Tôn Giáo.*

362. KINH ĐẠI BẢO TÍCH

Việt dịch: *Thích Chơn Tế*

Ban Hoàng Pháp GHPGVNTN Thừa Thiên duyệt y

In tại Nhà in Liên Hoa (Trung Tâm Văn Hóa Liễu Quán – Huế)

Chùa Tường Vân xuất bản, PL. 2517

Kinh dày 143 trang, bìa mềm, có tay gấp.

Nội dung gồm có: Lời nói đầu, *Kinh Đại Bảo Tích* – Ưu-đà-diên vương Hội thứ 29, Quyển 97.

363. KINH ĐẠI BÁT NÊ-HOÀN

Hán dịch: *Pháp Hiển*

Việt dịch: *Thích Nguyên Hùng*

Toàn bộ tác phẩm Kinh này có 6 quyển, 18 phẩm: Q.I, P.1 Tựa, P.2 Bồ-tát đại thân, P.3 Trưởng giả Thuần-đà; Q.II, P.4 Ai thán, P.5 Trường thọ, P.6 Thân Kim cang, P.7 Thọ trì; Q.III, P.8 Bốn pháp; Q.IV, P.9 Tứ y, P.10 Phân biệt tà chánh; Q.V, P.11 Tứ đế, P.12 Bốn pháp điền đảo, P.13 Như Lai tánh, P.14 Văn tự, P.15 Điều dụ, P.16 Nguyệt dụ; Q.VI, P.17 Hỏi về Bồ-tát, P.18 Tùy hỷ. (<https://phatphapungdung.com>, *Pháp bảo-Bộ Niết-bàn*)

364. KINH ĐẠI BÁT NIẾT-BÀN (2 Tập)

Dịch giả: *Thích Trí Tịnh (1917-2014)*

Tỳ-kheo Thích Đăng Quang (trụ trì chùa Hải Tuệ - Sài Gòn), Trưởng ban Ấn tống kinh; PL. 2510 – DL. 1965.

Kinh có khổ 17 x 25cm, 2 tập dày 1.389 trang, bìa mềm, có 29 phẩm.

Tập I, dày 776 trang, từ Phẩm 1-21. Nội dung gồm: 1.P. Tự thứ nhất, 2.P. Thuần-đà, 3.P. Ai thán, 4.P. Trường thọ, 5.P. Kim cang thân, 6.P. Danh tự công đức, 7.P. Tứ tướng, 8.P. Tứ y, 9.P. Tà chánh, 10.P. Tứ đế, 11.P. Tứ đảo, 12.P. Như Lai tánh, 13.P. Văn tự, 14.P. Điều dụ, 15.P. Nguyệt dụ, 16.P. Bồ-tát, 17.P. Đại chúng vấn,

18.P. Hiện bệnh, 19.P. Thánh hạnh, 20.P. Phạm hạnh, 21.P. Anh nhi hạnh;
Tập II, dày 613 trang, từ Phẩm 22-29. Nội dung gồm có: 22.P. Quang minh biến chiếu chiếu Cao quý đức vương Bồ-tát, 23.P. Sư tử hồng Bồ-tát, 24.P. Ca-diếp Bồ-tát, 25.P. Kiều Trần Như, 26.P. Di giáo, 27.P. Ứng tậ hườn nguyên, 28.P. Trà-tỳ, 29.P. Cúng dường Xá-lợi.

Tác phẩm Kinh này được tái bản nhiều lần: Năm PL. 2510 – DL. 1966, Tỳ-kheo Thích Đăng Quang (Trụ trì chùa Hải Tuệ-Sài Gòn), Trưởng Ban In Kinh ấn tống; năm 1967 (PL. 2511) và 1969 (PL. 2513), Thích Thiện Huệ -Trụ trì chùa Đại Giác (Sài Gòn) ấn tống, gồm 3 tập; năm 1967, chùa Hải Tuệ ấn tống; năm 1991, 1994, THPG Tp. Hồ Chí Minh ấn hành; năm 1999, Nxb Tp. Hồ Chí Minh; năm 2003, 2009, Nxb Tôn Giáo.

365. KINH ĐẠI BÁT NIẾT-BÀN (Trọn bộ 8 tập)

Viết dịch và chú giải: Đoàn Trung Còn và Nguyễn Minh Tiến

Hiệu đính: Nguyễn Minh Hiền

Nxb Tôn Giáo – 2009. Kinh có khổ 16 x 24cm, có 4.732 trang, bìa cứng, có hộp đựng 4 tập vào 1 hộp. Bộ Kinh này có 7 tập chánh Kinh và 1 tập Phụ lục.

Tập I, dày 639 trang, Q.1 – Q.6; nội dung gồm: *Phần dịch âm*, Quyền đệ Nhất, Thọ mạng phẩm Đệ nhất chi nhất; Quyền đệ Nhị, Thọ mạng phẩm Đệ nhất chi nhị; Quyền đệ Tam, Thọ mạng phẩm Đệ nhất chi tam, Kim Cang Thân phẩm Đệ nhị, Danh tự Công đức phẩm Đệ tam; Quyền đệ Tứ, Như Lai tánh phẩm Đệ tứ chi nhất; Quyền đệ Ngũ, Như Lai tánh phẩm Đệ tứ chi nhị; Quyền đệ Lục, Như Lai tánh phẩm Đệ tứ chi tam; *Phần Dịch nghĩa*, Q.1 P.1 Thọ mạng (Phần 1); Q.2 P.1 Thọ mạng (Phần 2); Q.3 P.1 Thọ mạng (Phần

3), P.2 Kim Cang Thân, P.3 Công đức Danh tự; Q.4 P.4 Tánh Như Lai (Phần 1); Q.5 P.4 Tánh Như Lai (Phần 2); Q.6 P.4 Tánh Như Lai (Phần 3); *Phần Hán văn*;

Tập II, dày 615 trang, Q.7 – Q.12; nội dung gồm có: *Phần Dịch âm*, Quyền đệ Thất, Như Lai tánh phẩm Đệ tứ chi tứ; Quyền đệ Bát, Như Lai tánh phẩm Đệ tứ chi ngũ; Quyền đệ Cửu, Như Lai tánh phẩm Đệ tứ chi lục; Quyền đệ Thập, Như Lai tánh phẩm Đệ tứ chi thất; Nhất thiết Đại chúng Sở vấn phẩm Đệ ngũ chi nhất; Quyền đệ Thập nhất, Nhất thiết Đại chúng Sở vấn phẩm Đệ ngũ chi nhị; Quyền đệ Thập nhị, Thánh hạnh phẩm Đệ thất chi nhị; *Phần Dịch nghĩa*, Q.7 P.4 Tánh Như Lai (Phần 4); Q.8 P.4 Tánh Như Lai (Phần 5); Q.9 P.4 Tánh Như Lai (Phần 6); Q.10 P.4 Tánh Như Lai (Phần 7), P.5 Đại chúng Thừa hỏi (Phần 1); Q.11 P.5 Đại chúng Thừa hỏi (Phần 2), P.6 Thị hiện bình, P.7 Thánh hạnh (Phần 1); Q.12 P.7 Thánh hạnh (Phần 2); *Phần Hán văn*;

Tập III, dày 615 trang, Q.13 – Q.18; nội dung gồm có: *Phần Dịch âm*, Quyền đệ Thập tam, Thánh hạnh phẩm Đệ thất chi tam; Quyền đệ Thập tứ, Thánh hạnh phẩm Đệ thất chi tứ; Quyền đệ Thập ngũ, Phạm hạnh phẩm Đệ bát chi nhất; Quyền đệ Thập lục, Phạm hạnh phẩm Đệ bát chi nhị; Quyền đệ Thập thất, Phạm hạnh phẩm Đệ bát chi tam; Quyền đệ Thập bát, Phạm hạnh phẩm Đệ bát chi tứ; *Phần Dịch nghĩa*, Q.13 P.7 Thánh hạnh (Phần 3); Q.14 P.7 Thánh hạnh (Phần 4); Q.15 P.8 Hạnh thanh tịnh (Phần 1); Q.16 P.8 Hạnh thanh tịnh (Phần 2); Q.17 P.8 Hạnh thanh tịnh (Phần 3); Q.18 P.8 Hạnh thanh tịnh (Phần 4); *Phần Hán văn*;

Tập IV, dày 615 trang, Q.19 – Q.24; nội dung gồm có: *Phần Dịch âm*, Quyền đệ Thập cửu, Phạm hạnh phẩm Đệ bát chi ngũ; Quyền đệ Nhị thập, Phạm hạnh phẩm

Đệ bát chi lục; Anh nhi hạnh phẩm Đệ cửu; Quyển Đệ Nhị thập nhất, Quang minh Biến chiếu Cao quý Đức vương Bồ-tát phẩm Đệ thập chi nhất; Quyển Đệ Nhị thập nhị, Quang minh Biến chiếu Cao quý Đức vương Bồ-tát phẩm Đệ thập chi nhị; Quyển Đệ Nhị thập tam, Quang minh Biến chiếu Cao quý Đức vương Bồ-tát phẩm Đệ thập chi tam; Quyển Đệ Nhị thập tứ, Quang minh Biến chiếu Cao quý Đức vương Bồ-tát phẩm Đệ thập chi tứ; *Phần Dịch nghĩa*, Q.19 P.8 Hạnh thanh tịnh (Phần 5); Q.20 P.8 Hạnh thanh tịnh (Phần 6), P.9 Hạnh anh nhi; Q.21 P.10 Bồ-tát Quang minh Biến chiếu Cao quý Đức vương (Phần 1); Q.22 P.10 Bồ-tát Quang minh Biến chiếu Cao quý Đức vương (Phần 2); Q.23 P.10 Bồ-tát Quang minh Biến chiếu Cao quý Đức vương (Phần 3); Q.24 P.10 Bồ-tát Quang minh Biến chiếu Cao quý Đức vương (Phần 4); *Phần Hán văn*;

Tập V, dày 623 trang, Q.25 – Q.30; nội dung gồm có: *Phần Dịch âm*, Quyển Đệ Nhị thập ngũ, Quang minh Biến chiếu Cao quý Đức vương Bồ-tát phẩm Đệ thập chi ngũ; Quyển Đệ Nhị thập lục, Quang minh Biến chiếu Cao quý Đức vương Bồ-tát phẩm Đệ thập chi lục; Quyển Đệ Nhị thập thất, Sư tử hồng Bồ-tát phẩm Đệ thập nhất chi nhất; Quyển Đệ Nhị thập bát, Sư tử hồng Bồ-tát phẩm Đệ thập nhất chi nhị; Quyển Đệ Nhị thập cửu, Sư tử hồng Bồ-tát phẩm Đệ thập nhất chi tam; Quyển Đệ Tam thập, Sư tử hồng Bồ-tát phẩm Đệ thập nhất chi tứ; *Phần Dịch nghĩa*, Q.25 P.10 Bồ-tát Quang minh Biến chiếu Cao quý Đức vương (Phần 5); Q.26 P.10 Bồ-tát Quang minh Biến chiếu Cao quý Đức vương (Phần 6); Q.27 P.11 Bồ-tát Sư tử hồng (Phần 1); Q.28 P.11 Bồ-tát Sư tử hồng (Phần 2); Q.29 P.11 Bồ-tát Sư tử

hồng (Phần 3); Q.30 P.11 Bồ-tát Sư tử hồng (Phần 4); *Phần Hán văn*;

Tập VI, dày 623 trang, Q.31 – Q.36; nội dung gồm có: *Phần Dịch âm*, Quyển Đệ Tam thập nhất, Sư tử hồng Bồ-tát phẩm Đệ thập nhất chi ngũ; Quyển Đệ Tam thập nhị, Sư tử hồng Bồ-tát phẩm Đệ thập nhất chi lục; Quyển Đệ Tam thập tam, Sư tử hồng Bồ-tát phẩm Đệ thập nhất chi thất; Ca-diếp Bồ-tát phẩm Đệ Thập nhị chi nhất; Quyển Đệ Tam thập tứ, Ca-diếp Bồ-tát phẩm Đệ Thập nhị chi nhị; Quyển Đệ Tam thập ngũ, Ca-diếp Bồ-tát phẩm Đệ Thập nhị chi tam; Quyển Đệ Tam thập lục, Ca-diếp Bồ-tát phẩm Đệ Thập nhị chi tứ; *Phần Dịch nghĩa*, Q.31 P.11 Bồ-tát Sư tử hồng (Phần 5); Q.32 P.11 Bồ-tát Sư tử hồng (Phần 6); Q.33 P.11 Bồ-tát Sư tử hồng (Phần 7), P.12 Bồ-tát Ca-diếp (Phần 1); Q.34 P.12 Bồ-tát Ca-diếp (Phần 2); Q.35 P.12 Bồ-tát Ca-diếp (Phần 3); Q.36 P.12 Bồ-tát Ca-diếp (Phần 4); *Phần Hán văn*;

Tập VII, dày 639 trang, Q.37-Q.42; nội dung: *Phần Dịch âm*, Quyển Đệ Tam thập thất, Ca-diếp Bồ-tát phẩm Đệ Thập nhị chi ngũ; Quyển Đệ Tam thập bát, Ca-diếp Bồ-tát phẩm Đệ Thập nhị chi lục, Kiền-trần-như Đệ Thập tam chi nhất; Quyển Đệ Tam thập cửu, Kiền-trần-như Đệ Thập tam chi nhị; Quyển Đệ Tứ thập, Kiền-trần-như Đệ Thập tam chi tam; Quyển Đệ Tứ thập nhất, Kiền-trần-như Đệ Thập tam chi tứ, Di giáo phẩm Đệ nhất, Ứng tậ Hoàn nguyên phẩm Đệ nhị; Quyển Đệ Tứ thập nhị, Cơ cảm Trà-tỳ phẩm Đệ tam, Thánh khu khuếch nhuận phẩm Đệ tứ; *Phần Dịch nghĩa*, Q.37 P.12 Bồ-tát Ca-diếp (Phần 5); Q.38 P.12 Bồ-tát Ca-diếp (Phần 6), P.13 Kiền-trần-như (Phần 1); Q.39 P.13 Kiền-trần-như (Phần 2); Q.40 P.13 Kiền-trần-như (Phần 3); Q.41 P.13 Kiền-trần-như (Phần 4), P.1 Lời dạy cuối cùng (Phần 1),

P.2 Duyên dứt về nguồn; Q.42 P.3 Linh ứng khi Trà-tỳ, P.4 Phân chia xá-lợi; *Phần Hán văn*;

Tập VIII, PHỤ LỤC, Biên soạn: Nguyễn Minh Tiến. Sách dày hơn 229 trang, bìa cứng; nội dung gồm có: Phụ lục 1, Tổng quan Kinh Đại bát Niết-bàn, I. Đôi dòng dẫn nhập, II. Tìm hiểu cấu trúc tổng thể, 1. Về hình thức, 2. Về nội dung; III. Một số nội dung chính: 1. Đại thừa Khởi tín, 2. Như Lai thường trụ, 3. Tất cả chúng sanh đều có tánh Phật, 4. Tánh Phật và Nhất-xiển-đề, 5. Phân biệt tà-chánh, 6. Phương tiện quyền thừa, 7. Thường-Lạc-Ngã-Tĩnh, 8. Bốn tâm vô lượng, 9. Nghiệp và kết quả, 10. Sanh tử tương tục; IV. Thay lời kết; Phụ lục 2, Bảng Tham khảo thuật ngữ. *Tác phẩm này được tái bản năm 2015, Nxb Tôn Giáo.*

366. KINH ĐẠI BÁT NIẾT-BÀN (3 Tập)

Việt dịch: *HT. Thích Chân Thường*
Hiệu đính: *Thích Thanh Giác & Thích Đồng Bản*

Nxb Tôn Giáo – 2010

Kinh có khổ 16 x 24cm, bìa cứng.

Tập I, dày 769 trang, nội dung gồm có: P.1 Tự, P.2 Thuần Đà, P.3 Ai thán, P.4 Trường thọ, P.5 Kim Cương Thân, P.6 Danh tự Công đức, P.7 Tứ tướng, P.8 Tứ y, P.9 Tà-Chính, P.10 Tứ đế, P.11 Tứ đảo, P.12 Như Lai tính, P.13 Văn tự, P.14 Điều dụ, P.15 Nguyệt dụ, P.16 Bồ-tát, P.17 Đại chúng sở vấn, P.18 Hiện bệnh, P.19 Thánh hạnh (phần 1, 2, 3); Chú thích;

Tập II, dày 703 trang, nội dung gồm có: P.20 Phạm hạnh (phần 1, 2, 3, 4, 5); P.21 Anh Nhi hạnh; P.22 Bồ-tát Quang minh Biến chiếu Cao quý Đức vương (phần 1, 2, 3, 4, 5, 6); P.23 Bồ-tát Sư Tử hồng (phần 1, 2);

Tập III, dày 696 trang, nội dung gồm có: P.23 Bồ-tát Sư Tử hồng (tt), (phần 3, 4, 5, 6); P.24 Bồ-tát Ca-diếp (phần 1, 2, 3, 4); P.25 Kiều Trần Như (phần 1, 2, Phần cuối); Kinh Đại Bát Niết-bàn, Phần sau-Quyển thượng, P.I Di giáo, P.II Ứng tậ hoàn nguyên, P.III Cơ cảm trà-tỳ, P.IV Thánh khu khuếch nhuận.

Tác phẩm Kinh này tái bản năm 2013, Nxb Tôn Giáo.

367. KINH ĐẠI BÁT NIẾT-BÀN

Hán dịch: *Sa-môn Pháp Hiền*

Việt dịch: *Thích Tâm Châu (1921-2015)*

Bố cục Kinh này được chia thành 19 đoạn, sau mỗi đoạn có phần Toát yếu. 1. Duyên khởi Niết-bàn, 2. A-nan khái thỉnh, 3. Nhóm họp đại chúng, 4. Đức Phật gặp phái Ly-xa, 5. Bốn đế và 4 quyết-thiết, 6. Phát-đa-dục đế cúng trai, 7. Ông Thuần-đà thỉnh Phật, 8. Phật độ ông Phát-ca-sa, 9. Báo điềm nhập diệt, 10. Phật tới Sa-la song thọ, Chú thích; 11. Khi Phật nhập diệt, 12. Công hạnh ông A-nan, 13. Nhân xưa của thành Cưu-thi-na, 14. Đức Phật và phái lực sĩ, 15. Ông Tu-bạt-đa-la quy Phật, 16. Lời phó chúc, 17. Đức Phật Niết-bàn, 18. Hòa tán thân Phật, 19. Quân phân xá-ly; Chú thích. (<https://thuvienhoasen.org>, *Kinh Sanskrit/Hán tạng*)

368. KINH ĐẠI BÁT NIẾT-BÀN

Hán dịch: *Tam tạng Pháp sư*

Đàm Vô Sám (385-433)

Việt dịch: *Cư sĩ Tuệ Khai*

Chứng nghĩa: *Tỳ-kheo Thích Đồng Minh*

Toàn bộ tác phẩm Kinh này gồm có 36 quyển, 25 phẩm. Q.1 P. Tự; Q.2 P. Thuần-đà, P. Ai thán; Q.3 P. Trường thọ, P. Danh tự công đức, P. Thân kim cương; Q.4 – Q.5 P. Bốn tướng; Q.6 P. Tứ y; Q.7 P. Tà chính, P. Tứ đế, P. Bốn điềm đảo; Q.8 P. Như Lai tính, P. Văn tự, P. Điều

dụ; Q.9 P. Nguyệt dụ, P. Bồ-tát; Q.10 P. Nhất thiết đại chúng sở vấn, P. Hiện bệnh; Q.11 P. Thánh hạnh; từ Q.12 – Q.17 P. Thánh hạnh; Q.18 P. Thánh hạnh (tt), P. Anh nhi hạnh; từ Q.19 – Q.24 P. Bồ-tát Quang minh biến chiếu cao quý đức vương; từ Q.25 – Q.30 P. Bồ-tát Sư tử hồng; từ Q.31 – Q.34 P. Bồ-tát Ca-diếp; Q.35 – Q.36 P. Kiều Trần Như. (<https://thuvienhoasen.org>, *Kinh Sanskrit/Hán tạng*)

369. KINH ĐẠI BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA (Trọn bộ 24 tập)

Hán dịch: *Tam tạng Pháp sư Huyền Trang (602-664)*

Việt dịch: *HT. Thích Trí Nghiêm (1911-2003)*

Khảo dịch: *HT. Thích Quảng Độ (1928-2020)*

Nxb Tp. Hồ Chí Minh, 1998 – 1999

Kinh có khổ 14.5 x 20.5cm, bìa cứng, chữ tựa mạ vàng.

Bộ *Kinh Đại Bát-nhã* này gồm có 24 tập, 600 quyển: Mục lục, Lời trần tình, Hội đồng phiên dịch Tam tạng, Lời ký Tam tạng Thánh giáo, Tựa Sơ hội Kinh Bát-nhã, Thừa sự Tăng sai, Đôi nét về HT. Thích Trí Nghiêm.

Tập 01, dày 814 trang, từ Q.01 đến Q.25: Q.1, P. Duyên khởi a; Q.2, P. Duyên khởi b; Q.3, P. Học quán 1; Q.4, P. Học quán 2; P. Tương ưng 1; Q.5, P. Tương ưng 2; Q.6, P. Tương ưng 3; Q.7, P. Tương ưng 4, P. Chuyển sanh 1; Q.8, P. Chuyển sanh 2; Q.9, P. Chuyển sanh 3; Q.10, P. Khen ngợi thắng đức, P. Hiện tướng lười; từ Q.11 đến Q.25 là các P. Dạy bảo trao truyền 1 - 15.

Tập 02, dày 766 trang, từ Q.26 đến Q.50: từ Q.26 đến Q.35 là các P. Dạy bảo trao truyền 16 – 26 và P. Vô trụ 1; Q.37, P. Vô trụ 2; từ Q.38 đến Q.41 là các P. Bát-nhã

hành tướng 1 - 4; từ Q.42 đến Q.44 là các P. Thí dụ 1-3; Q.45, P. Thí dụ 4 và P. Bồ-tát 1; Q.46, P. Bồ-tát 2; Q.47, P. Ma-ha-tát 1; Q.48, P. Ma-ha-tát 2; Q.49, P. Ma-ha-tát 3 và P. Áo giáp Đại thừa 1; Q.50, P. Áo giáp Đại thừa 2.

Tập 03, dày 748 trang, từ Q.51 đến Q.75: từ Q.51 đến Q.55 là các P. Biện Đại thừa 1 – 5; Q.56, P. Biện Đại thừa 6 và P. Tán Đại thừa 1; từ Q.57 đến Q.60 là các P. Tán Đại thừa 2 - 5; Q.61, P. Tán Đại thừa 6 và Vô sở đắc 1; từ Q.62 đến Q.69 là các P. Vô sở đắc 2 - 9; Q.70, P. Vô sở đắc 10 và P. Quán hạnh 1; Q.71, P. Quán hạnh 2; Q.72, P. Quán hạnh 3; Q.73, P. Quán hạnh 4; Q.74, P. Quán hạnh 5 và P. Vô sanh 1; Q.75, P. Vô sanh 2, P. Tịnh đạo 1.

Tập 04, dày 715 trang, từ Q.76 đến Q.100: Q.76, P. Tịnh đạo 2; Q.77, P. Thiên đế 1; Q.78, P. Thiên đế 2; Q.79, P. Thiên đế 3; Q.80, P. Thiên đế 4; Q.81, P. Thiên đế 5 và P. Các Thiên tử 1; Q.82, P. Các Thiên tử 2 và P. Thọ giáo 1; Q.83, P. Thọ giáo 2; Q.84, P. Thọ giáo 3 và P. Tán hoa; từ Q.85 đến Q.88 là các P. Học Bát-nhã 1 – 4; Q.89, P. Học Bát-nhã 5 và Cầu Bát-nhã 1; từ Q.90 đến Q.97 là các P. Cầu Bát-nhã 2 – 9; Q.98, P. Cầu Bát-nhã 10 và P. Tán thán các đức; Q.99, P. Tán thán các đức và P. Nhiếp thọ 1; Q.100, P. Nhiếp thọ 2.

Tập 05, dày 691 trang, từ Q.101 đến Q.125: Q.101, P. Nhiếp thọ 3; Q.102 P. Nhiếp thọ 4; Q.103 P. Nhiếp thọ 5, P. So sánh công đức (1); từ Q.104 P. So sánh công đức (2) đến Q.125 P. So sánh công đức (23).

Tập 06, dày 651 trang, từ Q.126 đến Q.150: Q.126 P. So sánh công đức (24) đến Q.150 P. So sánh công đức (48).

Tập 07, dày 716 trang, từ Q.151 đến Q.175: Q.151 P. So sánh công đức (49) đến Q.168 P. So sánh công đức (66), P. Tùy hỷ hồi hướng (1); từ Q.169 đến Q.171

P. Tùy hỷ hồi hương (2) - (4); Q.172 P. Tùy hỷ hồi hương (5), P. Khen Bát-nhã (1); từ Q.173 đến Q.175 P. Khen Bát-nhã (2) - (4).

Tập 08, dày 737 trang, từ Q.176 đến Q.200: Q.176 P. Khen Bát-nhã (5) đến Q.181 P. Khen Bát-nhã (10), Hủy báng Bát-nhã; từ Q.182 P. Khó tin hiểu (1) đến Q.200 P. Khó tin hiểu (19).

Tập 09, dày 764 trang, từ Q.201 đến Q.225: Q.201 P. Khó tin hiểu (20) đến Q.225 P. Khó tin hiểu (44).

Tập 10, dày 775 trang, từ Q.226 đến Q.250: Q.226 P. Khó tin hiểu (45) đến Q.250 P. Khó tin hiểu (69).

Tập 11, dày 763 trang, từ Q.251 đến Q.275: Q.251 P. Khó tin hiểu (70) đến Q.275 P. Khó tin hiểu (94).

Tập 12, dày 735 trang, từ Q.276 đến Q.300: Q.276 - Q.284 P. Khó tin hiểu (95) - (103); Q.285 - Q.286 P. Khen ngợi thanh tịnh (1) (2); Q.287 P. Khen ngợi thanh tịnh (3), P. Trước và chẳng trước tướng (1); từ Q.288 đến 291 P. Trước và chẳng trước tướng (2) (5); Q.292 P. Trước và chẳng trước tướng (6), P. Nói tướng Bát-nhã (1); Q.296 P. Nói tướng Bát-nhã (5), P. Ba-la-mật-đa (1); Q.297 P. Ba-la-mật-đa (2), P. Khó nghe công đức (1); từ Q.298 đến Q.300 P. Khó nghe công đức (2) - (4).

Tập 13, dày 778 trang, từ Q.301 đến Q.325: Q.301 - Q.302 P. Khó nghe công đức (5) - (6); Q.303 - Q.304 P. Ma sự (1) - (2); Q.305 - Q.307 P. Phật mẫu (1) - (3); Q.308 P. Phật mẫu (4), P. Chẳng nghĩ bàn (1); Q.309 P. Chẳng nghĩ bàn (2); Q.310 P. Chẳng nghĩ bàn (3), P. Biện sự (1); Q.311 P. Biện sự (2), P. Chúng dụ (1); Q.312 P. Chúng dụ (2); Q.313 P. Chúng dụ (3), P. Chơn Thiện hữu (1); Q.314 - 315 P. Chơn Thiện hữu (2) - (3); Q.316 P. Chơn Thiện hữu (4), P. Trí hướng đến (1);

Q.317 - Q.318 P. Trí hướng đến (2) - (3), P. Chơn Như (1); Q.319 - Q.323 P. Chơn Như (2) - (6); Q.324 P. Chơn Như (7), P. Bồ-tát an trụ (1); Q.325 P. Bồ-tát an trụ (2), P. Bất thối chuyển (1).

Tập 14, dày 759 trang, từ Q.326 đến Q.350: Q.326 - Q.327 P. Bất thối chuyển (2) - (3); Q.328 - Q.329 P. Phương tiện Thiện xảo (1) - (2); Q.330 P. Phương tiện thiện xảo (3), P. Hạnh nguyện (1); Q.331 P. Hạnh nguyện (2), P. Khéo học (1); Q.332 - Q.335 P. Khéo học (2) - (5), P. Đoạn Phân biệt (1); Q.336 P. Đoạn Phân biệt (2); Q.337 - Q.341 P. Học Phương tiện thiện xảo (1) - (5), P. Nguyên dụ (1); Q.342 P. Nguyên dụ (2), P. Khen tánh chắc thật (1); Q.343 - Q.346 P. Khen tánh chắc thật (2) - (5), P. Chúc lụy (1); Q.347 P. Chúc lụy (2), P. Vô tận (1); Q.348 P. Vô tận (2); Q.349 - Q.350 P. Dẫn nhiếp nhau (1) - (2).

Tập 15, dày 766 trang, từ Q.351 đến Q.375: Q.351 - Q.363 P. Đa văn Bất nhị (1) - (13), P. Nói thật (1); Q.364 - Q.365 P. Nói thật (2) - (3), P. Xảo tiện hành (1); Q.366 P. Xảo tiện hành (2), P. Học đạo khắp (1); Q.367 - Q.372 P. Học đạo khắp (2) - (7), P. Tam tiệp thứ (1); Q.373 P. Tam tiệp thứ (2), P. Vô tướng-vô đắc (1); Q.374 - Q.375 P. Vô tướng-vô đắc (2) - (3).

Tập 16, dày 783 trang, từ Q.376 đến Q.400: Q.376 - Q.378 P. Vô tướng-vô đắc (4) - (6), P. Pháp nghĩa vô tạp (1); Q.379 Pháp nghĩa vô tạp (2), P. Tướng các công đức (1); Q.380 - Q.383 P. Tướng các công đức (2) - (5), P. Các pháp bình đẳng (1); Q.384 - Q.386 P. Các pháp bình đẳng (2) - (4), P. Bất khả động (1); Q.387 - Q.390 P. Bất khả động (2) - (5), P. Thành thực hữu tình (1); Q.391 - Q.393 P. Thành thực hữu tình (2) - (4), P. Nghiêm tịnh cõi Phật (1); Q.394 P. Nghiêm tịnh cõi Phật (2), P.

Tịnh độ phương tiện (1); Q.395 P. Tịnh độ phương tiện (2), P. Vô tánh tự tánh (1); Q.396 P. Vô tánh tự tánh (2), P. Thắng nghĩa Du-già (1); Q.397 P. Thắng nghĩa Du-già (2), P. Pháp tánh vô động; Q.398 P. Bồ-tát Thường Đề (1); Q.399 P. Bồ-tát Thường Đề (2), P. Bồ-tát Pháp dũng (1); Q.400 Bồ-tát Pháp dũng (2), P. Kết khuyến.

Tập 17, dày 784 trang, từ Q.401 đến Q.425: Q.401 *Hội thứ 2*, P.1 Duyên khởi; Q.402 P.2 Hoan hỷ, P.3 Quán chiếu (1); Q.403 – Q.405 P.3 Quán chiếu (2) – (4), P.4 Vô đẳng đẳng, P.5 Tướng thiết căn; Q.406 – Q.408 P.6 Thiện hiện (1) – (3), P.7 Ly sanh, VIII. P. Thắng quân (1); Q.409 P.8 Thắng quân (2), P.9 Hành tướng (1); Q.410 P.9 Hành tướng (2), P.10 Huyền dụ; Q.411 P.11 Thí dụ, P.12 Đoạn chư kiến, P.13 Lục đảo bị nạn (1); Q.412 P.13 Lục đảo bị nạn, P.14 Nương Đại thừa (1); Q.413 P.15 Không buộc-không mở, P.16 Tam-ma-địa (1); Q.414 P.16 Tam-ma-địa (2), P.17 Niệm trụ đẳng (1); Q.415 P.17 Niệm trụ đẳng (2), P.18 Tu tri địa (1); Q.416 P.18 Tu tri địa (2), P.19 Xuất trụ (1); Q.417 P.19 Xuất trụ (2), P.20 Siêu thắng (1); Q.418 P.20 Siêu thắng (2), P.21 Vô sở hữu (1); Q.419 P.21 Vô sở hữu (2); Q.420 P.21 Vô sở hữu (3), P.22 Tùy thuận, P.23 Vô biên tế (1); Q.421 – Q.423 P.23 Vô biên tế (2) – (4), P.24 Viễn ly (1); Q.424 P.24 Viễn ly (2); Q.425 P.25 Đê Thích (1).

Tập 18, dày 799 trang, từ Q.426 đến Q.450: Q.426 P.25 Đê Thích (2), P.26 Tín thọ, P.27 Tán hoa (1); Q.427 P.27 Tán hoa (2), P.28 Thọ ký, P.29 Nhiếp thọ (1); Q.428 P.29 Nhiếp thọ (2), P.30 Bảo tháp; Q.429 P.31 Phước sanh, P.32 Công đức, P.33 Ngoại đạo, P.34 Trời đến (1); Q.430 P.34 Trời đến (2), P.35 Thiết-lợi-la; Q.431 – Q.432 P.36 Kinh văn (1) – (2), P.37 Tùy

hỷ hồi hướng (1); Q.433 P.37 Tùy hỷ hồi hướng (2); Q.434 P.38 Đại sư, P.39 Địa ngục (1); Q.435 P.39 Địa ngục (2); Q.436 P.40 Thanh tịnh, P.41 Không nêu cờ (1); Q.437 P.41 Không nêu cờ (2), P.42 Bất khả đắc; Q.438 P.43 Phương Đông Bắc (1); Q.439 – Q.440 P.43 Phương Đông Bắc (2) – (3), P.44 Ma sự, P.45 Không hòa hợp (1); Q.441 P.45 Không hòa hợp (2), P.46 Phật mẫu (1); Q.442 P.46 Phật mẫu (2), P.47 Chỉ tướng (1); Q.443 P.47 Chỉ tướng (2); Q.444 P.48 Thành biện, P.49 Thuyền đẳng dụ (1); Q.445 P.49 Thuyền đẳng dụ (2), P.50 Sơ nghiệp (1); Q.446 P.50 Sơ nghiệp (2), P.51 Điều phục tham đẳng, P.52 Chơn Như (1); Q.447 – Q.448 P.52 Chơn Như (2) – (3), P.53 Bất thời chuyển; Q.449 P.54 Chuyển bất chuyển, P.55 Nghĩa thâm thâm (1); Q.450 P.55 Nghĩa thâm thâm (2).

Tập 19, dày 795 trang, từ Q.451 đến Q.475: Q.451 P.56 Mộng hành, P.57 Hạnh nguyện, P.58 Căn-già thiên; Q.452 P.59 Tập cận, P.60 Tăng thượng mạn (1); Q.453 – Q.454 P.60 Tăng thượng mạn (2) – (3), P.61 Đồng học (1); Q.455 P.61 Đồng học (2), P.62 Đồng tánh (1); Q.456 P.62 Đồng tánh (2), P.63 Không phân biệt, P.64 Kiên cố-chẳng kiên cố (1); Q.457 P.64 Kiên cố-chẳng kiên cố (2), P.65 Thật ngữ (1); Q.458 P.65 Thật ngữ (2), P.66 Vô tận; Q.459 P.67 Tương nhiếp; Q.460 P.68 Phương tiện thiện xảo (1); Q.461 – Q.463 P.68 Phương tiện thiện xảo (2) – (4), P.69 Thọ dụ; Q.464 P.70 Bồ-tát hạnh, P.71 Thân cận, P.72 Học tất cả (1); Q.465 P.72 Học tất cả (2), P.73 Tuần tự (1); Q.466 P.73 Tuần tự (2), P.74 Vô tướng (1); Q.467 P.74 Vô tướng (2), P.75 Không tạp (1); Q.468 P.75 Không tạp (2), P.76 Các đức tướng (1); Q.469 – Q.471 P.76 Các đức tướng (2) – (4), P.77 Thiện Đạt (1); Q.472 – Q.473 P.77 Thiện Đạt (2) – (3),

P.78 Thật tế (1); Q.474 P.78 Thật tế (2), P.79 Vô khuyết (1); Q.475 P.79 Vô khuyết (2).

Tập 20, dày 798 trang, từ Q.476 đến Q.500: Q.476 P.80 Đạo sĩ; Q.477 P.81 Chánh Định, P.82 Phật pháp; Q.478 P.83 Vô sự, P.84 Nói thật, P.85 Tánh không; Q.479 *Hội thứ 3*, P.1 Duyên khởi, P.2 Xá-lợi tử (1); Q.480 – Q.482 P.2 Xá-lợi tử (2) – (4), P.3 Thiện hiện (1); từ Q.483 – Q.498 P.3 Thiện hiện (2) – (17), P.4 Thiên Đế (1); Q.499 – Q.500 P.4 Thiên Đế (2) – (3), P.5 Hiện bảo tháp (1).

Tập 21, dày 845 trang, từ Q.501 đến Q.525: Q.501 – Q.502 P.5 Hiện bảo tháp (2) – (3), P.6 Xung dương công đức (1); Q.503 P.6 Xung dương công đức (2), P.7 Xá-lợi Phật, P.8 Phước tụ (1); Q.504 P.8 Phước tụ (2), P.9 Tùy hỷ hồi hướng (1); Q.505 P.9 Tùy hỷ hồi hướng (2), P.10 Địa ngục (1); Q.506 P.10 Địa ngục (2), P.11 Tán thán thanh tịnh (1); Q.507 P.11 Tán thán thanh tịnh (2), P.12 Tán thán công đức; Q.508 – Q.509 P.13 Đà-la-ni (1) – (2), P.14 Việc ma; Q.510 P.15 Hiện thế gian; Q.511 P.16 Bất tư nghi đấng, P.17 Thí dụ; Q.512 P.18 Bạt lạnh; Q.513 – Q.514 P.19 Chơn như (1) – (2), P.20 Tướng bất thối (1); Q.515 P.20 Tướng bất thối (2), P.21 Tướng không (1); Q.516 – Q.517 P.21 Tướng không (2) – (3), P.22 Căn-già thiên, P.23 Xảo tiện (1); từ Q.518 – Q.520 P.23 Xảo tiện (2) – (4), P.24 Khi học; Q.521 P.25 Thấy bất động (1); Q.522 P.25 Thấy bất động (2); từ Q.523 – Q.525 P.26 Phương tiện thiện xảo (1) – (3).

Tập 22, dày 823 trang, từ Q.526 đến Q.550: Q.526 P.26 Phương tiện thiện xảo (4); Q.527, P.27 Tuệ đáo bỉ ngạn; từ Q.528 – Q.532 P.28 Diệu tướng (1) – (5), P.29 Thí bình đấng (1); Q.533 – Q.535 P.29 Thí bình đấng (2) – (4), P.30 Phật quốc (1); Q.536 P.30 Phật quốc (2), P.31

Tuyên hóa (1); Q.537 P.31 Tuyên hóa (2); Q.538, *Hội thứ 4*, P.1 Diệu hạnh (1); Q.539 P.1 Diệu hạnh (2), P.2 Đế Thích, P.3 Cúng dường bảo tháp (1); Q.540 – Q.541 P.3 Cúng dường bảo tháp (2) – (3), P.4 Xung dương công đức, P.5 Phước môn (1); Q.542 P.5 Phước môn (2); Q.543 – Q.544 P.6 Tùy hỷ hồi hướng (1) – (2), P.7 Địa ngục; Q.545 P.8 Thanh tịnh, P.9 Khen ngợi, P.10 Tổng trì (1); Q.546 P.10 Tổng trì (2), P.11 Ma sự (1); Q.547 P.11 Ma sự (2), P.12 Thế gian, P.13 Bất tư nghi; Q.548 P.14 Thí dụ, P.15 Trừ khen ngợi, P.16 Chơn như (1); Q.549 P.16 Chơn như (2), P.17 Tướng bất thối, P.18 Tướng không (1); Q.550 P.18 Tướng không (2), P.19 Công đức sâu xa, P.20 Căn-già thiên, P.21 Biết việc ma (1).

Tập 23, dày 846 trang, từ Q.551 đến Q.575: Q.551 P.21 Biết việc ma (2), P.22 Thiện hữu (1); Q.552 P.22 Thiện hữu (2), P.23 Thiên chủ, P.24 Vô tạp-vô di, P.25 Tấn tốc (1); Q.553 P.25 Tấn tốc (2), P.26 Huyền dụ, P.27 Kiên cố (1); Q.554 P.27 Kiên cố (2), P.28 Tán hoa; Q.555 P.29 Tùy thuận; Q.556, *Hội thứ 5*, P.1 Thiện hiện, P.2 Thiên Đế; Q.557 P.3 Bảo tháp, P.4 Thần chú; Q.558 P.5 Xá-lợi, P.6 Kinh điển, P.7 Hồi hướng; Q.559 P.8 Địa ngục, P.9 Thanh tịnh, P.10 Bất tư nghi (1); Q.560 P.10 Bất tư nghi (2), P.11 Ma sự, P.12 Chơn như; Q.561 P.13 Thâm thâm tướng, P.14 Thuyền đấng dụ, P.15 Như Lai (1); Q.562 P.15 Như Lai (2), P.16 Bất thối, P.17 Tham hành (1); Q.563 P.17 Tham hành (2), P.18 Tử muội, P.19 Mộng hành; Q.564 P.20 Thắng ý lạc, P.21 Tu học, P.22 Trông căn lành (1); Q.565 P.22 Trông căn lành (2), P.23 Phó chúc, P.24 Kiến bất động Phật; Q.566, *Hội thứ 6*, P.1 Duyên khởi, P.2 Thông đạt; Q.567 P.3 Hiện tướng, P.4 Pháp giới (1); Q.568 P.4 Pháp giới (2), P.5 Niệm trụ; Q.569 P.6

Pháp tánh; Q.570 P.7 Bình đẳng, P.8 Hiện tướng; Q.571 P.9 Vô sở đắc, P.10 Chứng khuyển; Q.572 P.11 Hiền đức, P.12 Hiện hóa, P.13 Đà-la-ni, P.14 Khuyển răn (1); Q.573 P.14 Khuyển răn (2), P.15 Nhi hạnh, P.16 Tán thán, P.17 Phó chúc; Q.574, *Hội thứ 7*, Phần Mạn-thù-thất-lợi (1); Q.575 Phần Mạn-thù-thất-lợi (2).

Tập 24, dày 789 trang, từ Q.576 đến Q.600: Q.576, *Hội thứ 8*, Phần Na-già-thất-lợi; Q.577, *Hội thứ 9*, Phần Kim cương năng đoạn; Q.578, *Hội thứ 10*, Phần Lý thú Bát-nhã; Q.579, *Hội thứ 11*, Phần Bồ thí Ba-la-mật-đa (1); từ Q.580 – Q.583 Phần Bồ thí Ba-la-mật-đa (2) – (5); Q.584, *Hội thứ 12*, Phần Tịnh giới Ba-la-mật-đa (1); từ Q.585 – Q.588 Phần Tịnh giới Ba-la-mật-đa (2) – (5); Q.589, *Hội thứ 13*, Phẩm An nhẫn Ba-la-mật-đa; Q.590, *Hội thứ 14*, Tinh tấn Ba-la-mật-đa; Q.591, *Hội thứ 15*, Phần Tĩnh lự Ba-la-mật-đa (1); Q.592 Phần Tĩnh lự Ba-la-mật-đa (2); Q.593, *Hội thứ 16*, Phẩm Bát-nhã Ba-la-mật-đa (1); từ Q.594 – Q.600 Phẩm Bát-nhã Ba-la-mật-đa (2) – (8).

Bộ *Kinh Đại Bát-nhã Ba-la-mật-đa* gồm 600 quyển, chiếm tới ba tập khổ lớn trong Đại tạng Kinh Đại Chánh Tân tu, mỗi tập trên dưới 1.000 trang, mỗi trang độ 1.500 chữ, tổng cộng khoảng 4.500.000 chữ (Hán). Năm 1972, HT. Trí Nghiêm đã khởi dịch bộ Kinh này, và dịch suốt 8 năm (1972-1980) mới xong và đã dịch theo bản biệt hành, gồm 24 tập (mỗi tập 25 quyển), và cũng đóng thành 24 tập như nguyên bản chữ Hán.

Bộ Kinh này đã được tái bản nhiều lần: Ban Bảo trợ Phiên dịch Pháp tạng, PGVN tại Hoa Kỳ ấn hành năm 2003; Hội Ấn hành Đại tạng kinh Việt Nam, PL. 2548 – DL. 2004 (Trọn bộ gồm 11 tập, khổ lớn, bìa cứng, chữ tựa mạ vàng); năm 2018, Nxb Hồng Đức.

370. KINH ĐẠI BI

Hán dịch: *Tam tạng Pháp sư Na-liên-đề-da-xá*

Việt dịch (2016): *Cư sĩ Hạnh Cơ*
Hoàng Hậu Thái Châu xuất bản
PL. 2561 – DL. 2017

Tác phẩm Kinh này gồm có 14 phẩm: - Giới thiệu; P.1 Phạm thiên, P.2 Thương chủ, P.3 Đế thích, P.4 La-hầu-la, P.5 Ca-diếp, P.6 Hộ trì chánh pháp, P.7 Xá-lợi, P.8 Lễ bái, P.9 Căn lành, P.10 Phước đức cúng dường, P.11 Trồng căn lành, P.12 Phó chúc chánh pháp, P.13 Phó chúc chánh pháp (tt), P.14 Giáo huấn; Chú thích. (<https://thuvienhoasen.org>, *Kinh Sanskrit/Hán tạng*)

371. KINH ĐẠI BI

Hán dịch: *Na-liên-đề-da-xá*

Việt dịch: *Thích Như Điển*

Tác phẩm Kinh này gồm có 5 quyển, 14 phẩm: Q.I, P.1 Phạm thiên, P.2 Thương chủ, P.3 Đế-thích; Q.II, P.4 La-hầu-la, P.5 Ca-diếp, P.6 Trì chánh pháp, P.7 Xá-lợi; Q.III, P.8 Lễ bái, P.9 Căn lành, P.10 Bồ thí phước đức, P.11 Trồng căn lành; Q.IV, P.12 Các thí dụ phụ thuộc chánh pháp; Q.V, P.13 Trồng căn lành, P.14 Dạy khuyển. (<https://phatphapungdung.com>)

372. KINH ĐẠI BI SÁM PHÁP

Biên tập: *Nguyễn Tường Long*

Nxb Tôn Giáo, PL. 2558 – DL. 2014

Kinh có khổ 14 x 20cm, có 50 trang, bìa mềm. Nội dung gồm: Đại bi Tâm sám, Chú (Đại bi), Lễ sám và Tam Quy.

373. KINH ĐẠI BI SÁM PHÁP – ĐẠI BI TÂM ĐÀ-RA-NI

Việt dịch: *HT. Giác Hải –*

HT. Thiên Tâm – HT. Đức Niệm

Nxb Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh – 2012

Kinh có khổ 14.5 x 20.5cm, dày 183 trang. Nội dung gồm có: Sơ lược Hạnh nguyện Đức Quán Thế Âm Bồ-tát, Nghi lễ Sám Đại Bi, *Kinh Quán Âm Đại Bi Tâm Đà-ra-ni*; Phần Kinh văn; Phần Chánh văn; Phần Xuất tượng; Phần Chú thích, Phần Đại Bi trì nghiệm.

374. KINH ĐẠI BI TÂM ĐÀ-RA-NI Xuất Tượng

Nxb Tôn Giáo – 2006

Kinh có khổ 10 x 15cm, có hơn 130 trang. Nội dung gồm có: Lời giới thiệu (của Thiền Đức), Thiên Thủ Thiên Nhân Vô Ngại Đại Bi Tâm Đà-ra-ni (trong đó có 84 danh hiệu Quán Thế Âm Bồ-tát và 84 hình ảnh hiện tướng của Bồ-tát, 1 hình Hộ Pháp, 4 hình Tứ Đại Thiên Vương).

Tác phẩm này tái bản năm 2013, Nxb Tôn Giáo.

375. KINH ĐẠI BŪU TÍCH

Pháp Hội Bất Động Như Lai – Tập II,
Pháp hội thứ 6

Việt dịch: *HT. Thích Trí Tịnh (1917-2014)*

Chùa Vạn Đức (Thủ Đức-Tp. Hồ Chí Minh), PL. 2561 – DL. 2017

Kinh dày 159 trang, bìa mềm, nền đỏ, chữ tựa màu vàng và xanh dương, có hình tượng Đức Bất Động Như Lai-A-súc-bê Phật (Namo Aksobya). Nội dung gồm có: Nghi thức trì tụng; Phẩm Thọ ký Trang nghiêm, Phẩm Phật sát Trang nghiêm, Phẩm Thanh văn chúng, Phẩm Bồ-tát chúng, Phẩm Niết-bàn Công đức Trang nghiêm, Phẩm Nhơn duyên Vãng sanh.

376. KINH ĐẠI NHẬT

**(Mahavairocana-Xbhisambodhi-
Vikurvit-Adhithana-Vaipulya-Sutra)**

Dịch giả: *Nguyệtên Pram*

Nxb Tôn Giáo – 2006

Kinh có khổ 14.5 x 20.5cm, dày 303 trang, bìa mềm, nền màu cam, chữ tựa màu vàng và đen.

Nội dung gồm có 5 quyển, 31 phẩm như sau: Lời của người dịch; Q.I, P.1 Nhập Chân ngôn trụ tâm; Q.II, P.2 Đủ duyên và Chân ngôn- Nhập Mạn-đà-la, P.3 Tịnh trừ chư chướng ngại, P.4 Kho Chân ngôn thông dụng; Q.III, P.5 Thành tựu thế gian Tất-địa; Q.III (Phần hạ), P.6 Xuất hiện Tất-địa, P.7 Thành tựu Tất-địa, P.8 Tu tập Mạn-trà-la chuyển Tụ luân; Q.IV, P.9 Mật ấn; Q.V, P.10 Tụ luân, P.11 Bí mật Mạn-trà-la, P.12 Pháp nhập bí mật Mạn-trà-la, P.13 Nhập bí mật Mạn-trà-la, P.14 Tám ấn bí mật, P.15 Cấm giới trì minh, P.16 Thật trí của các bậc A-xà-lê, P.17 Quán sát cả ba Mạn-trà-la, P.18 Nhận phương tiện và học giới, P.19 Bách quang biến chiếu, P.20 Quả tương ứng với 100 chữ, P.21 Phương pháp chỉ dẫn chư Bồ-tát, P.22 Trì tụng thành tựu, Bách quang biến chiếu, P.23 Bách quang Chân ngôn pháp, P.24 Giải thích tánh Bồ-đề, P.25 Tam Tam-ma-da, P.26 Giải thích danh Như Lai, P.27 Thế gian và xuất thế gian, Hộ ma Nghi quỹ, P.28 Bốn tôn Tam-muội, P.29 Giải thích về vô tướng Tam-muội, P.30 Thế gian – xuất thế gian trì tụng, P.31 Chúc lụy.

377. KINH ĐẠI NHẬT

Biên dịch: *Huyền Thanh*

Nxb Phương Đông – 2010

Kinh có khổ 20 x 29cm, dày hơn 252 trang, bìa cứng. Nội dung gồm có: 1. Thay lời tựa, 2. Đại Tỳ-lô-giá-na thành Phật Thần biến Gia trì Kinh (No. 848), có 7 quyển, từ Q.I ... đến Q.VII; 3. Đại Tỳ-lô-giá-na Phật nói Kinh Niệm tụng Yếu lược (No. 849).

378. KINH ĐẠI NHẬT – Tập Một

Tỳ-kheo Thích Huệ Đăng
Việt dịch: *Trần Anh Ngọc*
Nxb Tôn Giáo – 2003.

Tập I, Kinh này có 1.006 trang, nội dung gồm 7 quyển: - Lời nói đầu, A. Dẫn nhập, Xuất xứ Kinh văn, B. Tổng quan, C. Tiểu sử Người dịch và Thuật ký (1. Tiểu sử Người dịch và giải thích Kinh, 2. Tiểu sử Thuật ký, 3. Người dịch ra Việt văn; và 7 quyển Kinh.

Xem: (7 quyển) Kinh Đại Nhật – Tập I của Tỳ-kheo Thích Huệ Đăng

379. KINH ĐẠI NHẬT – 2 Tập

Tỳ-kheo Thích Huệ Đăng
Nxb Tôn Giáo – 2008

Kinh có khổ 14.5 x 20.5cm, 2 tập dày hơn 1.891 trang.

Tập I, dày hơn 993 trang, nội dung gồm 7 quyển: - Lời nói đầu, A. Dẫn nhập, Xuất xứ Kinh văn, B. Tổng quan, C. Tiểu sử Người dịch và Thuật ký (1. Tiểu sử Người dịch và giải thích Kinh, 2. Tiểu sử Thuật ký, 3. Người dịch ra Việt văn; *Quyển một*, P.I Nhập chân ngôn trụ Tâm, 1. Phần tựa giải thích đề Kinh, 2. Giải thích tựa đề phẩm Tỳ, 3. Phần tựa (a. Sáu món thành tựu, b. Chúng hội tu tập, c. Nơi chốn nói pháp, d. Danh tự Kim Cang chúng, e. Bồ-tát chúng thích pháp, f. Thời gian nói pháp); 4. Chánh tông pháp: a. Bí mật chủ thỉnh pháp, b. Đức Tỳ-lô-giá-na bày yếu nghĩa, c. Căn bản thành tựu Nhất Thiết Trí, d. Bồ-tát tịnh Bồ-đề tâm, Tóm lược *Quyển một*; *Quyển hai*, P.I Nhập chân ngôn trụ Tâm (tt), 5. Ngài Kim Cang Thủ thỉnh Phật nói tướng trạng tâm Bồ-đề (a. Các kiến chấp về Ngã và Ngã sở của các tôn giáo Ấn Độ, b. Nguồn gốc hạnh ăn chay, c. Đức Phật khai thị Bồ-đề tâm, d. Giải thích tâm chấp Ngã và các tư tưởng chấp trước ngày xưa tại Ấn Độ, e. Giải thích nguồn gốc của pháp ăn chay và hành

thiện), 6. Tướng trạng và hành tướng 60 Tâm xuất thế gian, 8. Các loại Vô úy xứ, 9. Quán Chơn ngôn theo 10 câu Duyên sanh tự tánh Bát-nhã, Tóm lược *Quyển hai*; *Quyển ba*, P.II, Phần 1. Đủ duyên nhập Mạn-đà-la: 1. Định nghĩa giải thích danh xưng Mạn-đà-la, 2. Thỉnh Phật nói hạnh tu Chơn ngôn, 3. Thứ lớp chứng nhập Mạn-đà-la, 4. Vị thầy truyền trao phạm hạnh, 5. Chọn đất kiến lập Mạn-đà-la, 6. Cách thức dọn đất tạo lập Mạn-đà-la (- Sự dọn đất lập Mạn-đà-la, - Lý ẩn dụ trong tướng dọn đất thiết lập Mạn-đà-la); 7. Chọn ngày lập Mạn-đà-la theo tướng pháp (- Ngày giờ thiết lập Mạn-đà-la theo sự, - Lý ẩn dụ lập Mạn-đà-la), 8. Kim Cang bày nghi vấn, Thế Tôn nói mật nghĩa Pháp dùng phương tiện, 9. Cách thức lập Mạn-đà-la, Tóm lược *Quyển ba*; *Quyển bốn*, P.II, Phần 2. Duyên nhập Mạn-đà-la, 11. Quán xét căn tánh tâm hạnh chúng đệ tử, 12. Danh xưng Mạn-đà-la, 13. Pháp tắc kiến lập phương tiện hộ trì đệ tử, 14. Thời gian thiết lập Mạn-đà-la, Tóm lược *Quyển bốn*; *Quyển năm*, P.II, Phần 3. Đủ duyên nhập Mạn-đà-la, 15. Tán thán công đức Ứng hóa thân Đức Phật, 16. Ngài Kim Cang Thủ tán thán Đức Phật và giáo pháp Chơn ngôn, 17. Thừa hỏi ý nghĩa màu sắc và cách thức bố trí để cúng dường, 18. Bày tỏ Tam-muội và cảnh giới của Nhất thiết trí, 19. Rộng nói các môn Tam-muội của các Thừa, 20. Nhập Phật tam-muội, nói rõ nhân duyên phương tiện giáo hóa, 21. Ngài Kim Cang Thủ được trí nhãn tán thán bậc Nhất Thiết Trí, 22. Quán sát pháp thân Phật, Bồ-tát bổ xứ trụ Phật địa rõ biết tướng thế gian, 23. Đạo tam-muội của Bồ-tát, 24. Đạo tam-muội của Thanh văn, 25. Đạo tam-muội của Duyên giác, 26. Đạo tam-muội của thế gian, 27. Tổng tướng của Chơn ngôn, 28. Biệt tướng của Chơn ngôn, 29. Đức Thế Tôn phương tiện nói

Chon ngôn, 30. Đạo chon ngôn của Như Lai, 31. Giải thích nghĩa các chữ, 32. Thứ lớp tu pháp Mạn-đà-la, Tóm lược Quyển năm; *Quyển sáu*, P.II, Phần 4. Đủ duyên nhập Mạn-đà-la chon ngôn, 33. Chon ngôn pháp dùng phương tiện, 34. Nghi thức tu Mạn-đà-la, 35. Cách thức bố trí và pháp hành, 36. Hành pháp Hộ ma trừ chướng đệ tử, 37. Hành pháp Quán đánh, 38. Cách thức giao truyền, 39. Giới luật của Mật thừa, 40. Lời khai thị của bậc A-xà-lê, 41. Đức Thế Tôn nói Chon ngôn bí mật, Tóm lược Quyển sáu; *Quyển bảy*, P.III, Tức Chướng, 42. Tịnh trừ chướng ngại, 43. Đức Phật chỉ cách tịnh trừ chướng ngại, 44. Ngộ nhập chon tâm mới thấu suốt được tất cả Phật pháp và Chon ngôn; P.IV, Kho Chon ngôn phổ thông; Tóm lược Quyển bảy.

Tập II, dày hơn 898 trang, nội dung gồm có 7 quyển; *Kinh Đại Tỳ-lô-giá-na Diệu Đức Phương tiện lực*, *Quyển tám*, P.V Thành tựu thể gian, 1. Giải thích thành tựu và rộng nói nghi thức tu hành, a. Giải thích thành tựu, b. Nghi thức quán tưởng tu hành; 2. Thọ trì Nhất nguyệt, 3. Giải thích nghĩa thâm diệu, 4. Thọ trì tháng thứ hai, 5. Nơi chốn lập đạo tràng, Mạn-đà-la, 6. Rộng giải thích các tướng thành tựu; P.VI Xuất hiện Tất-địa, 1. Giải thích nghĩa Tất-địa, 2. Đức Thế Tôn dạy cách quan sát ứng dụng tương ứng với chon Tâm, 3. Giới luật phải hành trì, 4. Kết quả hai mươi hạnh tương ứng chon Tâm, 5. Câu Tương ứng thứ nhất, 6. Rộng giải thích tánh tướng của Giáo pháp Chon ngôn, 7. Chỉ dạy cách trì Chon ngôn, 8. Câu Chánh đẳng giác và Gia trì viên mãn, 9. Tóm lược quyển 8; *Quyển chín*, P.VI Xuất hiện Tất-địa (tt), 1. Diệu nghĩa Tất-địa và chỗ quy hướng, 2. Chon ngôn “Hư không Đẳng lực”, Hư Không Tạng, Chuyển Minh Phi”, 3. Rộng giải thích ứng dụng Phương

tiện Trí, 4. Ngài Kim Cang Thủ thỉnh Phật nói Tất-địa thành tựu Phật đạo, 5. Đức Thế Tôn nói cách tu hành và quả chứng, 6. Y chon Tâm thanh tịnh được thành tựu, 7. Tác nghiệp Hỷ hạnh Vũ của Như Lai, 8. Kim Cang Tam-muội hàng phục bốn ma, 9. Phạ Tụ môn, 10. Ra Tụ môn, 11. Ha Tụ môn, 12. Các chữ Chon ngôn, 13. Tóm lược Phẩm Xuất hiện Tất-địa; P.VII Thành tựu Tất-địa, 1. Kim Cang Kiết tường nói rõ tất cả diệu dụng chon Ngôn đều từ tâm thanh tịnh sanh, 2. Tịnh ý căn hay căn đối trần không khởi phân biệt là đạo, 3. Ứng dụng của diệu tâm ẩn mật, 4. Am và Ra Tụ môn; P.VIII Hành Mạn-đà-la Chuyển tự luân, 1. Đức Phật nói Minh Phi vô ngại lực, 2. Rộng bày thể tướng thanh tịnh và ứng dụng của Tâm; *Quyển mười*, P.VIII Hành Mạn-đà-la Chuyển tự luân (tt), 1. Cách thức chi tiết sắp đặt Mạn-đà-la thọ trì, 2. Sắp bày các sắc, 3. Đức Tỳ-lô-giá-na nói “Đại bi Tạng sanh Mạn-đà-la vương”, 4. Điều hòa thấy sắc, bố trí Thánh tượng, 5. Pháp Quán đánh, P.IX Mật ấn, 1. Đức Thế Tôn nhập Tam-muội nói Đại ấn của chư Phật, 2. Đại ấn bí mật của ba đời chư Phật, 3. Giải thích tướng dụng của hai tay, 4. Các Mật ấn và Chon ngôn, 5. Tóm lược Quyển mười; *Quyển mười một*, P.X Tự luân, 1. Lộ trình tu tập theo Kinh Đại Nhật và Hoa Nghiêm, 2. Giải thích danh tự Phẩm, 3. Đức Phật nói pháp, 4. Nghĩa bí mật các Tự luân, 5. Tóm lược Phẩm Tự luân; P.XI Bí mật Mạn-đà-la, 1. Như Lai hiện bày diệu dụng vô biên của diệu tâm, a. Giải thích tựa Phẩm, b. Như Lai hiện bày diệu dụng lợi ích hữu tình, c. Bày rõ diệu dụng của Tâm thanh tịnh, 2. Đức Phật nói rõ diệu dụng Vô tướng Hữu tướng của Mạn-đà-la, a. Thế Tôn bày bí mật chủng tử Tự bí mật đàn trong thân hành giả, b. Bí mật đàn trong thân hành giả, c. Ngài Kim Cang Thủ nhập vào Tam mật Như Lai nói

Chon ngôn, d. Chư Phật khen ngợi Kim Cang Thủ, đ. Ngài Kim Cang Thủ tán thán diệu pháp Chon ngôn, 3. Kim Cang Thủ thỉnh vấn đức Phật các Pháp tướng Chon ngôn, 4. Đức Tỳ-lô-giá-na giải thích các Pháp tướng, a. Giải thích tướng trạng của các bậc A-xà-lê, b. Các loại đệ tử, c. Hộ trì người tu hành, d. Ý nghĩa gia trì đất và dây ngũ sắc, đ. Sắp đặt tòa Như Lai và Bồ-tát, e. Nghi thức cúng dường, f. Các pháp hộ ma, j. Các Pháp Quán đánh, g. Nghĩa lý các Tam-muội-da, Tóm lược Quyển mười một; *Quyển mười hai*, P.XI Bí mật Mạn-đà-la (tt), h. Giải thích lý thú Tam-muội-da, i. Ý nghĩa kiến đế, k. Giải thích các Tát-địa lúc nào sanh, l. Giải thích Pháp Hộ ma nguồn gốc lý và sự, m. Giải thích nghĩa Tam-muội, n. Đức Thế Tôn nói Mạn-đà-la bí mật của Đức Đại Nhật Như Lai, o. Mạn-đà-la Quan Âm, p. Đàn Thích-ca Sư Tử, q. Năm loại Quán đánh Như Lai, r. Hạnh của cảnh giới thanh tịnh; Tịnh Cư Thiên, s. Ấn khế Địa Thần, chư Thiên và các hình tướng, t. Mạn-đà-la của Bồ-tát Văn-thù, u. Mạn-đà-la trừ nhất thiết cái chướng Bồ-tát, v. Mạn-đà-la Địa Tạng Bồ-tát, x. Mạn-đà-la Hư Không Tạng Bồ-tát; P.XII Pháp nhập bí mật Mạn-đà-la, 1. Ba môn Bí mật, 2. Pháp nhập Bí mật Mạn-đà-la, P.XIII Nhập Bí mật Mạn-đà-la, 1. Đức Thế Tôn nói Bí mật của Mạn-đà-la Vô tướng, 2. Tiểu kết; P.XIV Tám ấn Bí mật và Chon ngôn; P.XV Cấm giới Trì minh, 1. Bí mật chủ hỏi Giới pháp, Đức Đại Nhật dạy Vô tướng giới, 2. Giải thích chi tiết Giới trì minh, 3. Tâm giới của chư Phật, 4. Các thág hành trì; P.XVI Trí chân thật của A-xà-lê; P.XVII Sắp đặt các chữ, Tóm lược Quyển mười hai; *Quyển mười ba*, P.XVIII Nhân chỗ học Phương tiện, 2. Thập Thiện giới Ba-la-mật của Bồ-tát, a. Căn bản hành giới, b. Sự sai biệt của Thập thiện giới giữa Bồ-tát, Thanh văn,

thế gian và ngoại đạo, c. Phân biệt giới tướng; P.XX Quả tương ứng với 100 chữ; P.XXI Thành vị 100 chữ; P.XXII Trì tụng thành tựu 100 chữ, Tóm lược Quyển 13; *Quyển mười bốn*, P.XXIII Pháp Chon ngôn 100 chữ; P.XXIV Tánh Bồ-đề; P.XXV Hành Tam-muội-da; P.XXVI Nói về Như Lai; P.XXVII Pháp Hộ ma Thế gian và Xuất thế gian, 1. Nguồn gốc Pháp Hộ ma Thế gian, 2. Các Pháp Hộ ma Xuất Thế gian, 3. Lửa Tam-ma-địa và cách thức sai tịnh tu hành; P.XXVIII Tam-muội bốn tôn; P.XXIX Tam-muội Vô tướng; P.XXX Trì tụng thế gian và Xuất thế gian; P.XXXI Chúc lụy, Tóm lược Quyển mười bốn, Chương Kết luận.

380. KINH ĐẠI NHẬT Thích Nghĩa

Thuật ký: *Nhất Hành Thiên sư*

Việt dịch (1991): *Như Pháp Quân*

Tác phẩm Kinh này dày hơn 788 trang, bìa cứng. Nội dung gồm có 14 quyển, 30 phẩm: Q.I, P.1 Nhập chân ngôn trụ tâm; Q.II, P.1 Nhập chân ngôn trụ tâm (tt); Q.III, P.2 Đủ duyên nhập Mạn-đà-la chân ngôn; Q.IV, Phần 2, P.2 Đủ duyên nhập Mạn-đà-la chân ngôn; Q.V, Phần 3, P.2 Đủ duyên nhập Mạn-đà-la chân ngôn; Q.VI, Phần 4, P.2 Đủ duyên nhập Mạn-đà-la chân ngôn; Q.VII, P.3 Tứ chướng, P.4 Kho Chân ngôn phổ thông; Q.VIII, P.5 Thành tựu thế gian, P.6 Xuất hiện Tát-địa; Q.IX, P.6 Xuất hiện Tát-địa (tt), P.7 Thành tựu Tát-địa, P.8 Hành Mạn-đà-la chuyển tự luân; Q.X, P.8 Hành Mạn-đà-la chuyển tự luân (tt), P.9 Mật ấn; Q.XI, P.10 Tự luân, P.11 Bí mật Mạn-đà-la; Q.XII, P.11 Bí mật Mạn-đà-la (tt), P.12 Pháp nhập bí mật Mạn-đà-la, P.13 Nhập bí mật Mạn-đà-la, P.14 Tâm ấn bí mật, P.15 Cấm giới trì

minh, P.16 Trì chân thật của A-xà-lê, P.17 Sắp đặt các chữ (Bộ tự); Q.XIII, P.18 Nhận chỗ học phương tiện, P.19 Nói sự sanh ra 100 chữ, P.20 Quả tương ứng 100 chữ, P.21 Trì tụng thành tựu 100 chữ; Q.XIV, P.22 Pháp Chân ngôn 100 chữ, P.23 Tánh Bồ-đề, P.24 Hành Tam tam-muội da, P.25 Nói về Như Lai, P.26 Pháp Hộ ma thế gian và xuất thế gian, P.27 Tam-muội bốn tôn, P.28 Tam-muội vô tướng, P.29 Trì tụng thế gian và xuất thế gian, P.30 Chúc lụy.

381. KINH ĐẠI PHẬT ĐẢNH THỦ LĂNG NGHIÊM – 2 Tập

Hán dịch: *Sa-môn Bát-lạt-mật-đế*

Việt dịch: *Cư sĩ Hạnh Cơ*

Ban Bảo Trợ Phiên dịch Pháp tạng Việt Nam in lần thứ nhất,

California, PL. 2556 – DL. 2012

Toàn bộ tác phẩm này gồm có 2 tập, 10 quyển.

Tập 1, dày 262 trang, có 5 quyển: Giới thiệu, Cung bạch, Kinh Đại Phật đánh Như Lai Mật nhân Tu chứng Liễu nghĩa Chư Bồ-tát Vạn hạnh Thủ Lăng Nghiêm; - Cung bạch; Q.I Duyên khởi, - Tâm ở chỗ nào? – Tánh thấy không phải con mắt; Q.II Trong cái thân vô thường sinh diệt có cái thường hằng không sinh diệt; Q.III Vạn pháp là biểu hiện của Như Lai tạng; Q.IV Bảy đại dụng nhau không ngăn ngại, - Tánh nghe thường hằng; Q.V Sáu căn là đầu mối của sinh tử và Niết-bàn, - Nhân duyên và phương tiện chứng đắc viên thông; Chú thích;

Tập 2, dày 225 trang, có 5 quyển: Q.VI Nhĩ căn viên thông, - Nhiếp tâm là giới; Q.VII Thần chú Thủ Lăng Nghiêm, - Nguyên nhân điên đảo của 12 loài chúng sanh; Q.VIII Các địa vị tu chứng, - Nguyên nhân và quả báo của chúng sinh ba cõi; Q.IX Ma chướng trên đường tu tập;

Q.X Ma sự (tt), - Năm âm là năm vọng tưởng, - Kết luận: Lợi ích lớn lao của Kinh này; Chú thích. (<https://quangduc.com>, *Kinh/Hán tạng*; vnbet.vn, *Kinh*)

382. KINH ĐẠI PHƯỚC ĐỨC

Việt dịch: *Thích Huyền Diệu*

Việt Nam Phật Quốc tự (Buddha Gaya P.C. 824231. Dist. Gaya. Bihar)

PL. 2541 – DL. 1997. Kinh có khổ 14 x 20.5cm, có 49 trang, bìa mềm, nền trắng, chữ tựa màu tím, có hình tượng Đức Phật tọa thiền.

Nội dung gồm có: Một số hình ảnh trong chuyến hành hương chiêm bái cuối năm 1996, Lý do ấn tống, Lời giới thiệu kinh Đại Phước Đức, Niệm hương, Cúng hương, Cầu nguyện, Khen ngợi Phật, Quán tưởng Phật, Tán dương chi, Chú Đại bi, Kệ khai kinh, *Kinh Đại Phước Đức*, Kinh Tinh yếu Bát-nhã Ba-la-mật-đa, Niệm Phật, Tam quy, Hồi hướng. Phụ lục: - Kinh Đại Phước Đức nguyên văn Pali, - Kinh Đại Phước Đức phiên âm chữ La Mã, - Kinh Đại Phước Đức bản dịch tiếng Anh.

383. KINH ĐẠI PHƯƠNG ĐĂNG ĐẠI TẬP HIỆN HỘ BỒ-TÁT

Hán dịch: *Xà-na-quật-đa*

Việt dịch: *Thích Minh Lễ*

Toàn bộ tác phẩm Kinh này gồm có 17 phẩm: P.1 Vấn đáp, P.2 Tư duy, P.3 Tam-muội hành, P.4 Thấy Phật, P.5 Chánh tín, P.6 Quán sát, P.7 Giới hạnh đầy đủ, P.8 Thọ ký, P.9 Công đức thọ trì, P.10 Mau chứng Bồ-đề, P.11 Đầy đủ năm pháp, P.12 Xa lìa phân biệt, P.13 Vô tránh hạnh, P.14 Pháp bất cộng, P.15 Công đức tùy hỷ, P.16 Phụng sự Pháp sư, P.17 Chúc lụy. (<https://phatphapungdung.com>, *Pháp bảo Bộ Đại tập*)

**384. KINH ĐẠI PHƯƠNG QUẢNG
PHẬT HOA NGHIÊM**

ĐẠI TẶNG KINH – 2 Tập

Việt dịch: *T.T.P.S Thiện Thanh*

Ban Văn hóa chùa Phật Tổ (California-Hoa Kỳ) ấn hành

PL. 2537 – DL. 1993

Hai tập dày 1.035 trang, bìa cứng, nền màu đỏ, chữ tựa mạ vàng.

Tập I, dày 506 trang. Nội dung gồm có: Lời nói đầu, Lịch sử Truyền thừa Kinh Hoa Nghiêm, Sự dịch thuật Kinh Hoa Nghiêm, Hội thứ nhất, gồm có 6 phẩm; Hội thứ hai, gồm có 6 phẩm; *Kinh Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm*, P.1 Thế Chủ Diệu Nghiêm, P.2 Như Lai Hiện tướng, P.3 Phổ Hiền Tam-muội, P.4 Thế giới Thành tựu, P.5 Hoa Tạng thế giới, P.6 Tỳ-lô-giá-na, P.7 Như Lai danh hiệu, P.8 Tứ Thánh đế, P.9 Quang Minh Giác, P.10 Bồ-tát vấn minh, P.11 Tịnh hạnh, P.12 Hiền Thủ; Phần Phụ lục: 1. Nguyên tử, 2. Quang minh; Phần Chú giải: Bảng Mục lục, Bảng Thư mục;

Tập II, dày 529 trang. Nội dung gồm có: Lời nói đầu, Đại ý mỗi Hội và mỗi Phẩm; Hội thứ ba, gồm có 6 phẩm; Hội thứ tư, gồm có 4 phẩm; Hội thứ năm, gồm có 3 phẩm; *Kinh Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm*, P.13 Thăng Tu-di sơn đánh, P.14 Tu-di đánh thượng Kệ tán, P.15 Thập Trụ, P.16 Phạm hạnh, P.17 Sơ Phát Tâm Công đức, P.18 Minh Pháp, P.19 Thăng Dạ-ma Thiên cung, P.20 Dạ-ma cung trung Kệ tán, P.21 Thập Hạnh, P.22 Vô Tận tạng, P.23 Thăng Đâu-suất Thiên cung, P.24 Đâu-suất cung trung Kệ tán, P.25 Thập Hồi hương; Phần Phụ lục: Hữu vi pháp và Vô vi pháp; Phần Chú giải: Bảng Mục lục, Bảng Thư mục.

**385. KINH ĐẠI PHƯƠNG QUẢNG
PHẬT HOA NGHIÊM (Bộ 4 tập)**

Hán dịch: *Đại sư Phật-xoa-nan-đà*

Dịch giả: *HT. Thích Trí Tịnh (1917-2014)*

Nxb Tôn Giáo, PL. 2563 – DL. 2019.

Kinh có khổ 16 x 24cm, bìa cứng (tái bản lần thứ mười hai).

Tập I, có hơn 665 trang, với 21 phẩm (P). Phần đầu là Lời nói đầu, Nghi thức sám hối; Phần nội dung: P.1. Thế chủ Diệu nghiêm, P.2. Như Lai hiện tướng, P.3. Phổ Hiền Tam-muội, P.4. Thế giới thành tựu, P.5. Hoa tạng thế giới, P.6. Tỳ-lô-giá-na, P.7. Như Lai danh hiệu, P.8. Tứ Thánh đế, P.9. Quang minh giác, P.10. Bồ-tát vấn minh, P.11. Tịnh Hạnh, P.12. Hiền Thủ, P.13. Thăng Tu-di Sơn đánh, P.14. Tu-di sơn đánh kệ tán, P.15. Thập trụ, P.16. Phạm hạnh, P.17. Sơ phát tâm công đức, P.18. Minh pháp, P.19. Thăng Dạ-ma thiên cung, P.20. Dạ-ma kệ tán, P.21. Thập hạnh.

Tập II, có hơn 604 trang, có 5 phẩm (P.22 – P.26): P.22. Vô tận tạng, P.23. Thăng Đâu-suất thiên cung, P.24. Đâu-suất kệ tán, P.25. Thập Hồi hương, P.26. Thập địa.

Tập III, có 737 trang, có 12 phẩm (từ P.27 – P.38): P.27. Thập định, P.28. Thập thông, P.29. Thập nhẫn, P.30. A-tăng-kỳ, P.31. Thọ lượng, P.32. Chư Bồ-tát trụ xứ, P.33. Phật Bất tư nghi, P.34. Như Lai thập thân tướng hải, P.35. Như Lai tùy hảo quang minh công đức, P.36. Phổ Hiền hạnh, P.37. Như Lai xuất hiện, P.38. Ly thế gian.

Tập IV, có 855 trang, với 2 phẩm. P.39. Nhập pháp giới, P.40. Nhập bất tư nghi giải thoát cảnh giới Phổ Hiền hạnh nguyện.

**386. KINH ĐẠI PHƯƠNG QUẢNG
VIÊN GIÁC**

TU-ĐA-LA LIỄU NGHĨA

Hán dịch: *Sa-môn Phật-đà-đa-la*

Giảng giải (Hán văn): *Thiền sư Hám Sơn – Đức Thanh (1546-1623)*

Viết dịch:

HT. Thích Huyền Vi (1926-2005)

Toàn bộ tác phẩm Kinh này gồm có 2 quyển: - Phần mở đầu; Quyển thượng và Quyển hạ; Ý kiến giải Kinh Viên Giác. (<https://quangduc.com>, *Kinh-Hán tạng*)

387. KINH ĐẠI PHƯƠNG TIỆN PHẬT BÁO AN

Dịch giả: *Thích Chính Tiến và Thích Quảng Độ (1928-2020)*

Chùa Bồ Đề (Gia Định) xuất bản

PL. 2506 – DL. 1962

Kinh này có 7 quyển, 9 phẩm, dày hơn 477 trang. Nội dung gồm: Q.I P.1 Tựa, P.2 Hiếu dưỡng; Q.II P.3 Đối trị, P.4 Phát tâm Bồ-đề; Q.III P.5 Luận nghĩa; Q.IV P.6 Ác hữu; Q.V P.7 Từ bi; Q.VI P.8 Ưu-ba-ly; Q.VII P.9 Thân cận.

Kinh này được tái bản nhiều lần: Năm 1992, 1999 do THPG Tp. Hồ Chí Minh ấn hành; năm 2012, Nxb Tôn Giáo; The Corporate Body of the Buddha Educational Foundation – 2015 (Taiwan); năm 2014, Nxb Hồng Đức, khổ 16 x 24cm, dày hơn 453 trang, bìa cứng, chữ tựa mạ vàng.

388. KINH ĐẠI PHƯƠNG TIỆN PHẬT BÁO AN

Viện Nghiên Cứu Phật Học Việt Nam – Trung Tâm Dịch Thuật Hán Nôm Huệ Quang

Viết dịch: *Huệ Trang – Truyền Từ*

Hiệu đính: *Thích Nguyên Chơn*

Nxb Hồng Đức – 2018

Kinh có khổ 16 x 24cm, dày 245 trang, bìa cứng, chữ tựa màu trắng. Nội dung gồm có 7 quyển, 9 phẩm: Lời giới thiệu, Q.I, P.1 Tựa, P.2 Hiếu dưỡng; Q.II, P.3 Đối trị, P.4 Phát tâm Bồ-đề; Q.III, P.5 Luận nghĩa;

Q.IV, P.6 Ác hữu; Q.V, P.7 Từ; Q.VI, P.8 Ưu-ba-ly; Q.VII, P.9 Thân cận.

389. KINH ĐẠI TÁT-GIÀ NI-KIÊN TỬ SỞ THUYẾT

(Đại Tạng Kinh, Tập 35, Bộ Pháp Hoa II)
Tác phẩm Kinh này gồm có 10 quyển, 12 phẩm. Q.I, P.1 Phần Tựa, P.2 Vấn nghi, P.3 Nhất thừa (1); Q.II, P.3 Nhất thừa (2), P.4 Đến chỗ vua Nghiêm Sí; Q.III, P.5 Vương luận (1); Q.IV, P.5 Vương luận (2); Q.V, P.5 Vương luận (3); P.6 Thịnh Thọ trai, P.7 Hỏi về tội lỗi; Q.VI, P.8 Công đức không lỗi lầm của Như Lai (1); Q.VII, P.8 Công đức không lỗi lầm của Như Lai (2); Q.VIII, P.8 Công đức không lỗi lầm của Như Lai (3); Q.IX, P.8 Công đức không lỗi lầm của Như Lai (4), P.10 Thuyết pháp (1); Q.X, P.10 Thuyết pháp (2), P.11 thọ ký, P.12 Công đức của tín thọ trì Kinh. (*Lưu hành nội bộ, Tàng Kinh các tại Tịnh viện Bát Nhã, xã Tân Hòa, thị xã Phú Mỹ, tỉnh BRVT*)

390. KINH ĐẠI TÁT-GIÀ NI-KIÊN TỬ SỞ THUYẾT

Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam
Trung tâm Dịch thuật Hán Nôm
Huệ Quang

Hán dịch: *Tam tạng Bồ-đề Lưu-chi*

Hiệu đính: *HT. Thích Minh Cảnh*

Viết dịch: *Thích nữ Lệ Tuyên*

Nxb Phương Đông – 2016. Kinh có khổ 16 x 24cm, dày hơn 307 trang, bìa cứng. Nội dung gồm có 10 quyển, 12 phẩm: Lời giới thiệu; Q.I, P.1 Tựa, P.2 Nghi vấn, P.3 Nhất thừa (1); Q.II, P.3 Nhất thừa (2), P.4 Vua Nghiêm Xí; Q.III, P.5 Vương luận (1); Q.IV, P.5 Vương luận (2); Q.V, P.5 Vương luận (3), P.6 Thịnh Thọ thực, P.7 Hỏi về tội; Q.VI, P.8 Công đức Không có lỗi của Như Lai (1); Q.VII, P.8 Công đức Không có lỗi của Như Lai (2); Q.VIII, P.8

Công đức Không có lỗi của Như Lai (3); Q.IX, P.8 Công đức Không có lỗi của Như Lai (4), P.9 Đến gặp Đức Như Lai, P.10 Thuyết pháp (1); Q.X, P.10 Thuyết pháp (2), P.11 Thọ ký, P.12 Tin Công đức.

391. KINH ĐẠI TẬP ĐẠI PHƯƠNG ĐĂNG BỒ-TÁT NIỆM PHẬT TAM-MUỘI

Hán dịch: *Đạt-ma-cấp-đa*

Việt dịch: *Thích Chánh Lạc*

Toàn bộ tác phẩm Kinh này gồm có 10 quyển, 15 phẩm: Q.I, P.1 Tựa, P.2 Bất không kiến bốn sự; Q.II, P.2 Bất không kiến bốn sự (tt); Q.III, P.3 Thần biến; Q.IV, P.3 Thần biến (tt), P.4 Bồ-tát niệm Phật tam-muội sự thần thông của Bồ-tát Di-lặc, P.5 Bồ-tát niệm Phật tam-muội tán thán âm thanh vi diệu biện tài thù thắng của Phật; Q.V, P.5 Bồ-tát niệm Phật tam-muội tán thán âm thanh vi diệu biện tài thù thắng của Phật (tt), P.6 Tán thán công đức của Như Lai; Q.VI, P.7 Phật hiện thân thông, P.8 Thưa hỏi rộng về việc thấy nhiều Đức Phật; Q.VII, P.9 Khen tướng tam-muội, P.10 Bồ-tát niệm Phật tam-muội – Phẩm chánh quán, P.11 Tư duy Tam-muội; Q.VIII, P.11 Tư duy Tam-muội (tt), P.12 Thị hiện mỉm cười, P.13 Thần thông; Q.IX, P.13 Thần thông (tt), P.14 Nói về tu tập Tam-muội; Q.X, P.14 Nói về tu tập Tam-muội (tt), P.15 Bồn hạnh của Bồ-tát. (<https://phatphapungdung.com>, *Pháp bảo-Bộ Đại tập*)

392. KINH ĐẠI TẬP HỘI CHÁNH PHÁP

Hán dịch: *Thí Hộ (Danapala)*

Việt dịch: *Nguyễn Hiến*

Nxb Tôn Giáo – 2007. Kinh có khổ 14 x 20cm, dày 151 trang, bìa mềm.

Tác phẩm Kinh này gồm có 5 quyển: - Lời nói đầu; - Phật nói Kinh Chánh pháp Đại tập hội: Quyển I, II, III, IV và V.

393. KINH ĐẠI THÔNG PHƯƠNG QUẢNG SÁM HỎI DIỆT TỘI TRANG NGHIÊM THÀNH PHẬT

Dịch giả: *HT. Thích Trung Quán (1918-2003)*

Nxb Tôn Giáo – 2013. Kinh có khổ 15.5 x 24.5cm, dày 190 trang.

Toàn bộ Kinh gồm có: Nghi thức tụng Kinh (Tán lư hương, Khai kệ Kinh); Quyển Thượng, Quyển Trung và Quyển Hạ; sau cùng là Bồ khuyết Tâm Kinh, Tán Phật, Bài Khen Phật, Hồi hương, Tam Quy y, Bài Phát nguyện sám hối.

Tác phẩm Kinh này được tái bản nhiều lần: Năm PL. 2511 – DL. 1967, Thanh Minh Thiên Viện xuất bản, dày 171 trang, bìa mềm, có tay gấp; năm 1990, chùa Khánh Anh (France); năm 1995, Nxb Tp. Hồ Chí Minh; năm 2001-2009-2012 (Tái bản lần thứ 5)-2016, Nxb Tôn Giáo.

394. KINH ĐẠI THÔNG PHƯƠNG QUẢNG SÁM HỎI DIỆT TỘI TRANG NGHIÊM THÀNH PHẬT

Việt dịch: *HT. Thích Thiên Tâm*

Nxb Hồng Đức, PL. 2558 – DL. 2014

Kinh có khổ 10 x 19cm, dày hơn 254 trang, bìa cứng.

Nội dung gồm có 3 quyển (Thượng, Trung và Hạ), Phụ lục (chú thích).

Tác phẩm này đã xuất bản năm 2008, Nxb Tôn Giáo.

395. KINH ĐẠI THÔNG PHƯƠNG QUẢNG SÁM HỎI DIỆT TỘI TRANG NGHIÊM THÀNH PHẬT

Việt dịch: *Sa-môn Thích Giác Phổ*

Hiệu đính: *Sa-môn Thích Nguyễn Thiện*

Nxb Hồng Đức, PL. 2557 – DL. 2013

Tác phẩm Kinh này dày 238 trang, gồm có 3 quyển Thượng, Trung và Hạ.

396. KINH ĐẠI THỪA BẢN SANH TÂM ĐỊA QUẢN

Dịch giả: *Thích Tâm Châu (1921-2015)*
Chùa Từ Quang – Sài Gòn, ấn hành PL. 2503 – DL. 1959

Kiểm duyệt số 2634/XB, ngày 21-12-1959 của Hội đồng Kiểm duyệt Bộ Thông tin. Kinh có khổ 14 x 20cm, có 474 trang, bìa mềm. Toàn bộ Kinh này gồm có 13 phẩm: 1.P. Tựa, 2.P. Báo ân, 3.P. Yếm xả, 4.P. Vô cấu tính, 5.P. A-lan-nhã, 6.P. Ly thế gian, 7.P. Yếm thân, 8.P. Ba-la-mật-đa, 9.P. Công đức trang nghiêm, 10.P. Quán tâm, 11.P. Phát Bồ-đề tâm, 12.P. Thành Phật, 13.P. Chúc lụy.

Kinh này được tái bản năm 2018, Nxb Hồng Đức, khổ 13 x 20cm, có 474 trang, bìa cứng.

397. KINH ĐẠI THỪA CÔNG ĐỨC TẠO TƯỢNG PHẬT

Hán dịch: *Sa-môn Đề Vân Bát-nhã (Devaprajnà)*

Dịch giả: *Thích Thiện Thông*
THPG Tp. Hồ Chí Minh, PL. 2538 – DL. 1995

Kinh có khổ 14 x 20cm, có 203 trang, bìa mềm. Tác phẩm này gồm có: Lời giới thiệu, Thay lời tựa; A. Phần Hán văn và dịch nghĩa (quyển thượng, quyển hạ), B. Phần dịch âm (quyển thượng, quyển hạ).

Tác phẩm Kinh này được tái bản năm 2014, Nxb Tôn Giáo.

398. KINH ĐẠI THỪA DIỆU PHÁP LIÊN HOA giảng luận

Giảng luận: *Sa-môn Thích Thông Bửu (1936-2007)*

Kinh có khổ 16 x 24cm, 2 tập dày 1.016 trang, bìa cứng, chữ tựa mạ vàng.

Tập một, Nxb Tôn Giáo – 2002, dày 537 trang. Nội dung gồm có 15 bài chính từ 7 phẩm (1.P. Tựa, 2.P. Phương tiện, 3.P. Thí dụ, 4.P. Tín giải, 5.P. Dược thảo dụ, 6.P. Thọ ký, 7.P. Hóa thành dụ). Sau cùng là Tóm tắt 7 phẩm – 15 bài và Phụ lục.

Tập hai, Nxb Tôn Giáo – 2003, dày 478 trang. Nội dung gồm có 11 bài chính (từ bài 16 – 26) của 9 phẩm (8. P. Ngũ bá đề tử thọ ký, 9. P. Thọ học vô học nhơn ký, 10. P. Pháp sư, 11. P. Hiện bảo tháp, 12. P. Đề-bà-đạt-đa, 13. P. Trì, 14. P. An lạc hạnh, 15. P. Tùng địa dũng xuất, 16. P. Như Lai thọ lượng). Cuối cùng là Tóm lược 9 phẩm – 11 bài và Lời sau sách.

399. KINH ĐẠI THỪA DIỆU PHÁP LIÊN HOA

Phẩm Phổ Môn (âm và nghĩa)

Việt dịch: *Thích Viên Giác*

PL. 2512 – DL. 1968

Kinh có 148 trang, bìa mềm. Nội dung gồm có: Thay lời tựa, *Đại thừa Diệu Pháp Liên Hoa Kinh – Phổ Môn Phẩm*, Chánh văn-dịch âm; Chánh văn-dịch nghĩa, Lục Tự Đại minh Chơn ngôn, Phổ môn tán, Đánh lễ, Ma-ha Bát-nhã Ba-la-mật-đa Tâm Kinh, Vãng sanh Quyết định Chơn ngôn,... Phát nguyện Cầu sanh Tịnh độ, Phục nguyện, Kỳ nguyện, Tam tự Quy y; Tìm hiểu Quán Thế Âm Bồ-tát, A. Sự tích, B. Hạnh nguyện của Ngài, C. Lý do cảm ứng, D. Phương pháp tu hành của Quán Thế Âm Bồ-tát; Những Chuyện linh ứng ở chùa Giác Hải; Những Chuyện linh cảm xa gần.

(Bản Kinh lưu tại Thư viện chùa Xá Lợi, Q.3, Tp. Hồ Chí Minh)

400. KINH ĐẠI THỪA ĐẠI TẬP ĐỊA TẠNG THẬP LUÂN

Hán dịch: *Tam tạng Pháp sư Huyền Trang (602-664)*

Việt dịch: *Thích nữ Huệ Thanh*

Toàn bộ tác phẩm Kinh này gồm có 8 phẩm: P.1 Tựa, P.2 Thập luân, P.3 Vô y hành (phần 1), (2) và (3), P.4 Hữu y hành (phần 1), (2), (3), P.5 Sám hối, P.6 Thiện nghiệp đạo, P.7 Phước điền tướng (phần 1), (2), P.8 Hoạch ích chúc luy. (<https://phatphapungdung.com>, *Pháp bảo-Bộ Đại tập*)

401. KINH ĐẠI THỪA HIỂN THỨC

Việt dịch: *Thích Đồng Thái*

Nxb Tôn Giáo – 2001

Kinh có 157 trang, bìa mềm. Nội dung sơ lược gồm có: Lời giới thiệu, Lời tựa, Nghi thức Trì tụng, *Kinh Đại thừa Hiển Thức*, Sa-môn Địa-bà-ha-la vưng sắc dịch, Quyền thượng và Quyền hạ (sau mỗi quyền đều có phần Thích nghĩa); Chúc Hộ pháp, Ma-ha Bát-nhã Ba-la-mật-đa Tâm Kinh, Hồi hương, Phục nguyện, Tam tự Quy y, Thích nghĩa đề Kinh; Phụ lục Đạo tích.

402. KINH ĐẠI THỪA HIỂN THỨC

Đại Chánh (Taisho) vol. 12, no. 347

Hán dịch: *Sa-môn Địa-bà-ha-la*

Phiên âm và lược dịch điện tử: *Nguyên Tánh & Nguyên Hiển*

Việt dịch (2007): *Thích Đạo Không*

Biên tập: *Thích Phước Nghiêm*

Tuệ Quang Wisdom Light Foundation.

Tác phẩm Kinh này gồm có 53 trang (PDF), chia thành 2 quyển: Quyền thượng và Quyền hạ. (<https://hoavouu.com>, *Sách Phật học-PDF*)

403. KINH ĐẠI THỪA LÝ THỨ LỤC BA-LA-MẬT-ĐA

Hán dịch: *Bát-nhã*

Việt dịch: *Thích Tâm Châu*

Tác phẩm Kinh này gồm có 10 quyển, 10 phẩm: Q.I, P.1 Quy y Tam bảo; Q.II, P.2

Đà-la-ni hộ trì quốc giới, P.3 Phát tâm Bồ-đề; Q.III, P.4 Không thoái chuyển; Q.IV, P.5 Bồ thí Ba-la-mật-đa; Q.V, P.6 Tịnh giới Ba-la-mật; Q.VI, P.7 Nhẫn nhục Ba-la-mật-đa; Q.VII, P.8 Tinh tấn Ba-la-mật-đa; Q.VIII, P.9 Thiền định Ba-la-mật-đa (phần 1); Q.IX, P.9 Thiền định Ba-la-mật-đa (phần 2), P.10 Bát-nhã Ba-la-mật-đa (phần 1); Q.X, P.10 Bát-nhã Ba-la-mật-đa (phần 2). (<https://phatphapungdung.com>, *Pháp bảo-Bộ Bát-nhã*)

404. KINH ĐẠI THỪA LÝ THỨ LỤC BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA

Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam

Trung tâm Dịch thuật Hán Nôm Huệ Quang

Hán dịch: *Tam tạng Bát-nhã*

Chủ nhiệm: *HT. Thích Minh Cảnh*

Việt dịch: *Tắc Phú – Diệu Quý*; Hiệu đính: *Định Huệ*

Nxb Phương Đông – 2016. Kinh có khổ 16 x 24cm, dày hơn 267 trang, bìa cứng. Nội dung gồm có 10 quyển, 10 phẩm: Thay lời tựa; Q.I, P.1 Quy y Tam bảo; Q.II, P.2 Đà-la-ni Hộ trì Cõi nước, P.3 Phát Bồ-đề Tâm; Q.III, P.4 Bất thoái chuyển; Q.IV, P.5 Bồ thí Ba-la-mật-đa; Q.V, P.6 Tịnh Giới Ba-la-mật-đa; Q.VI, P.7 An nhẫn Ba-la-mật-đa; Q.VII, P.8 Tinh tấn Ba-la-mật-đa; Q.VIII, P.9 Thiền định Ba-la-mật-đa; Q.IX, P.9 Thiền định Ba-la-mật-đa (tt), P.10 Bát-nhã Ba-la-mật-đa; Q.X, P.10 Bát-nhã Ba-la-mật-đa (tt).

405. KINH ĐẠI THỪA NHẬP LĂNG-GIÀ

Hán dịch: *Ngài Thiệt-xoa-nan-đà*

Anh ngữ: *Suzuki*

Việt dịch: *Ni sư Trí Hải*

Trung tâm Nhập thất chùa Tịnh Luật xuất bản PL. 2546 – DL. 2002. Nội dung Kinh này gồm có 7 quyển: - Lời tựa, Q.I, C.1

Vua Lãng-già thừa hỏi, C.2 Thực hành tất cả pháp; Q.II, C.2 Thực hành tất cả pháp (tt); Q.III, Tu tập hết thầy pháp; Q.IV, Vô thường (Anityatiparivatro Mamatthiyah); Q.V, Vô thường, Hiện chứng, Như Lai thường hay Vô thường, Sát-na phẩm; Q.VI, Phẩm biến hóa, Cấm ăn thịt, Đà-la-ni Kệ tụng I, Q.VII, Kệ tụng II.

Kinh này đã ấn hành từ năm 1968; tái bản năm 2018, Nxb Hồng Đức, khổ 13 x 20.5cm, dày hơn 299 trang.

406. KINH ĐẠI THỪA TRANG NGHIÊM BẢO VƯƠNG

Hán dịch: *Thiên Túc Tai*

Việt dịch: *Sa-môn Thích Viên Đức*

Chùa Khải Đoan (Ban Mê Thuột) xuất bản, PL. 2517 – DL. 1973

Tác phẩm Kinh này có 124 trang, bìa mềm. Nội dung gồm 4 quyển: Lời giới thiệu, Lời tựa; *Kinh Đại thừa Trang nghiêm Bảo vương*, Q.I, Q.II, Q.III và Q.IV; Kinh Thất-câu-chi Phật mẫu Tâm đại Chuẩn-đề Đà-la-ni; Thất-câu-chi Phật mẫu Tâm đại Chuẩn-đề Đà-la-ni pháp; Thất-cu-chi Độc bộ pháp; Chuẩn-đề biệt pháp; Kinh Thánh lục tự tạng thọ Đại minh Đà-la-ni; Lục tự Thần chú Vương Kinh; Bảng Đính chính.

407. KINH ĐẠI THỪA VIÊN GIÁC

Hán dịch: *Sa-môn Phật-đà-da-la*

Dịch và giải thích: *Pháp sư Quảng Liên (1926-2009)*

Nxb Tôn Giáo, PL. 2547 – DL. 2003

Tác phẩm này có 193 trang, bìa mềm. Nội dung gồm có 2 quyển, 13 chương: Lời người dịch, Q.I, C.1 Văn-thù Bồ-tát nghi vấn, C.2 Phổ Hiền Bồ-tát nghi vấn, C.3 Phổ Nhãn Bồ-tát nghi vấn, C.4 Kim Cang Bồ-tát nghi vấn, C.5 Di-lặc Bồ-tát nghi vấn; Q.II, C.6 Thanh Tịnh Huệ Bồ-tát nghi vấn, C.7 Tự Tại Bồ-tát nghi vấn, C.8 Biện

Âm Bồ-tát nghi vấn, C.9 Tịnh Chư Nghiệp Chương Bồ-tát nghi vấn, C.10 Phổ Giác Bồ-tát nghi vấn, C.11 Viên Giác Bồ-tát nghi vấn, C.12 Hiền Thiện Thủ Bồ-tát nghi vấn, C.13.

408. KINH ĐẠI THỪA VÔ LƯỢNG NGHĨA

Việt dịch: *Thích Tuệ Hải*

Hương Quang (Sài Gòn) xuất bản, PL. 2508 – DL. 1964

In tại Nhà in Việt Liên, Giấy phép số 491/XB ngày 17-3-1964

Kinh có 99 trang, bìa mềm, chữ tựa màu đen. Nội dung gồm có 3 phẩm: Lời tựa, Phần Nghi lễ, *Kinh Đại thừa Vô lượng nghĩa*, Hán dịch: Sa-môn Đàm-ma Già-đà-da-xá, P.1 Đức hạnh, P.2 Thuyết pháp, P.3 Mười Công đức; Tâm Kinh Bát-nhã Ba-la-mật, Văn tụng Kinh Sám hối-Hồi hướng, Bài Phát nguyện, Tam Tự Quy y.

409. KINH ĐẠI THỪA VÔ LƯỢNG NGHĨA (âm – nghĩa)

Hán dịch: *Sa-môn Đàm-ma-già-đà-da-xá*

Việt dịch và chú giải: *Đoàn Trung Còn và Nguyễn Minh Tiến*

Hiệu đính: *Nguyễn Minh Hiển*

Nxb Tôn Giáo – 2010. Kinh có khổ 16 x 24cm, dày 119 trang, bìa mềm, nền đỏ, có khung bao hoa văn bốn góc, có hình hoa sen ở dưới tựa Kinh, chữ tựa màu vàng. Nội dung gồm: Nghi thức khai Kinh, *Phân dịch âm*: Đức hạnh phẩm, Đệ nhất; Thuyết pháp phẩm, Đệ nhị; Thập Công đức phẩm, Đệ tam; *Phân dịch nghĩa*: Phẩm thứ nhất, Đức hạnh; Phẩm thứ nhì, Thuyết pháp; Phẩm thứ ba, Mười Công đức.

410. KINH ĐẠI THỪA VÔ LƯỢNG NGHĨA (âm – nghĩa)

Dịch giả: *Thích Chánh Quang*

THPG Tp. Hồ Chí Minh

Nxb Tp. Hồ Chí Minh, PL. 2540 – DL. 1997. Kinh có khổ 15.5 x 23cm. Kết cấu Kinh này có 3 phẩm chính: Lu hương tán, Khai Kinh kệ; a. Phẩm Đức hạnh, b. Phẩm Thuyết pháp và c. Phẩm Mười công đức; Bát-nhã Ba-la-mật-đa Tâm Kinh và Hồi hướng; Thích nghĩa.

Tác phẩm Kinh này đã được tái bản nhiều lần: Năm 1950; năm 1958, chùa Giác Quang in ấn tổng; năm 1962, Nhà in Sen Vàng tái bản, với nhan đề “Đại Thừa Vô Lượng Nghĩa Kinh”; năm PL. 2513 – DL. 1969, Nhà in Sen Vàng tái bản; năm 2014, Nxb Hồng Đức.

411. KINH ĐẠI THỪA VÔ LƯỢNG THỌ

Viết dịch: *Tâm Tịnh*

Toàn bộ tác phẩm Kinh này gồm có 48 phẩm: P.1 Pháp hội Thánh chúng, P.2 Đức tôn Phổ Hiền, P.3 Duyên khởi đại giáo, P.4 Nhân địa pháp tạng, P.5 Chí tâm tinh tấn, P.6 Phát đại thệ nguyện, P.7 Quyết thành chánh giác, P.8 Tích công dồn đức, P.9 Thành tựu viên mãn, P.10 Điều nguyện làm Phật; P.11 Cõi nước nghiêm tịnh, P.12 Ánh sáng chiếu khắp, P.13 Thọ mạng đại chúng vô lượng, P.14 Cây báu khắp nước, P.15 Bồ-đề đạo tràng, P.16 Nhà cửa lầu gác, P.17 Suối ao công đức, P.18 Hiếm có-siêu vượt thế gian, P.19 Thọ dụng đầy đủ, P.20 Gió đức-mưa hoa; P.21 Sen báu Phật quang, P.22 Quyết chứng quả tối cực, P.23 Mười phương chư Phật tán thán, P.24 Ba bậc vãng sanh, P.25 Chánh nhân vãng sanh, P.26 Lễ cúng nghe pháp, P.27 Ca tán Phật đức, P.28 Đại sĩ thần quang, P.29 Nguyện lực hoằng thâm, P.30 Bồ-tát tu trì; P.31 Công đức chân thật, P.32 Thọ lạc vô cực, P.33 Khuyến dụ sách tấn, P.34 Tâm được mở sáng, P.35 Trược thế ác khổ, P.36 Trùng trùng hồi miễn (nhiều lần khuyến gắng), P.37 Như nghèo đặng của

báu, P.38 Lễ Phật hiện quang, P.39 Từ Thị thuật chỗ thấy, P.40 Biên địa nghi thành, P.41 Hết lầm thấy Phật, P.42 Bồ-tát vãng sanh, P.43 Chẳng phải là Tiểu thừa, P.44 Thọ ký Bồ-đề, P.45 Chỉ lưu lại một Kinh này, P.46 Cầu tu kiên trì, P.47 Phước huê được nghe, P.48 Nghe Kinh được lợi ích. (<https://quangduc.com>, *Kinh-Hán tạng*)

412. KINH ĐẠI THỪA VÔ LƯỢNG THỌ giảng giải

(Kinh Đại thừa Vô lượng Trang nghiêm Thanh tịnh Bình đẳng giác)

Giảng giải: *Pháp sư HT. Tịnh Không*

Biên dịch: *Vọng Tây Cư sĩ*

Biên tập: *PT. Giác Minh Duyên*

Tác phẩm Kinh giảng giải này có 64 phần. (<https://thuvienhoasen.org>, *Kinh-Giảng giải Kinh*)

413. KINH ĐẠI THỪA VÔ LƯỢNG THỌ TRANG NGHIÊM

Hán dịch: *Pháp Hiền*

Các bản Việt dịch: 1. *Huyền Thanh*; 2. *Ban Phiên dịch Pháp Tạng*

Tác phẩm Kinh này có 3 quyển: Quyển thượng, Quyển trung và Quyển hạ. (<https://phatphapungdung.com>, *Pháp bảo-Bộ Kinh sơ-Tịnh Độ tông*)

414. KINH ĐẠI THỪA VÔ LƯỢNG THỌ TRANG NGHIÊM

THANH TỊNH BÌNH ĐẲNG GIÁC

Viện Nghiên Cứu Phật Học Việt Nam – Trung Tâm Dịch Thuật Hán Nôm Huệ Quang

Hội tập: *Bồ-tát giới Hạ Liên Cư*

Việt dịch: *Tỳ-kheo Thích Minh Cảnh*

Nxb Tôn Giáo – 2012

Kinh có khổ 16 x 24cm, dày 190 trang, bìa cứng.

Nội dung gồm có 48 chương: Lời căn bịch, Nghi thức trì tụng, C.1 Pháp hội

Thánh chúng, C.2 Vâng theo đức hạnh Bồ-tát Phổ Hiền, C.3 Duyên khởi đại giáo, C.4 Nhân địa tu hành của Pháp tạng, C.5 Chí tâm tinh tấn, C.6 Phát lời thệ nguyện rộng lớn, C.7 Chắc chắn thành Phật, C.8 Tích lũy công đức, C.9 Thành tựu viên mãn, C.10 Điều nguyện thành Phật, C.11 Cõi nước Thanh tịnh Trang nghiêm, C.12 Ánh sáng chiếu khắp, C.13 Mạng sống Phật và đại chúng đều vô lượng, C.14 Cây báu cùng khắp cõi nước, C.15 Đạo tràng Bồ-đề, C.16 Nhà cửa lầu các, C.17 Công đức của ao suối, C.18 Ít có-siêu việt thế gian, C.19 Thọ dụng được đầy đủ, C.20 Gió đức-mưa hoa, C.21 Hoa sen báu và ánh sáng Phật, C.22 Quyết định chứng quả cao nhất, C.23 Mười phương chư Phật đều nghe pháp, C.24 Ba hạng Vãng sanh, C.25 Chánh nhân của Vãng sanh, C.26 Đánh lễ-Cúng dường-Nghe pháp, C.27 Ca tụng tán thán công đức của Phật, C.28 Thần thông và ánh sáng của Bồ-tát, C.29 Sức thệ nguyện rộng sâu, C.30 Sự tu trì của Bồ-tát, C.31 Công đức chân thật, C.32 Tuổi thọ và sự an lạc vô cùng, C.33 Khuyến dụ sách tấn, C.34 Tâm được khai mở-sáng suốt, C.35 Cuộc đời đơ nhớt-nhiều thứ khổ ác, C.36 Lốp lốp khuyên dạy, C.37 Như người nghèo được của báu, C.38 Đánh lễ Phật-ánh sáng hiện ra, C.39 Bồ-tát Từ Thị thuật lại điều mình trông thấy, C.40 Do nghi ngờ mà sanh ở vùng biên địa, 41. Phiền não hết-thấy được Phật, C.42 Bồ-tát vãng sanh, C.43 Không phải Tiểu thừa, C.44 Tiếp nhận sự thọ ký Bồ-đề, C.45 Chỉ còn Kinh này, C.46 Khuyên nên trì Kinh tu hành, C.47 Có Phước Huệ mới được nghe, C.48 Nghe Kinh được lợi ích; Kinh Tinh yếu Bát-nhã Ba-la-mật-đa, Bạt Nhất thiết nghiệp chương Căn bản đắc sanh Tịnh độ Đà-la-ni, Sám nguyện, Quy nguyện, Hồi hướng, Ba Quy y, Chú thích.

Tác phẩm Kinh này tái bản năm 2017, Nxb Hồng Đức, khổ 16 x 24cm, dày 194, bìa cứng, chữ tựa màu trắng.

415. KINH ĐẠO HÀNH BÁT-NHÃ

Hán dịch: *Tam tạng Pháp sư*

Chi-lâu-ca-sám

Việt dịch: *Định Huệ*

Nxb Hồng Đức – 2014

Toàn bộ Kinh này có 344 trang, gồm 10 quyển, 30 phẩm: - Bài tựa Kinh Đạo Hành Bát-nhã (Thích Đạo An soạn); Q.I, P.1 Đạo hành, P.2 Nạn vấn; Q.II, P.3 Công đức; Q.III, P.4 Phương tiện thiện xảo khuyến trợ, P.5 Địa ngục, P.6 Thanh tịnh; Q.IV, P.7 Tán thán, P.8 Trì, P.9 Giác ma; Q.V, P.10 Chiếu minh, P.11 Bất khả kế, P.12 Thí dụ, P.13 Phân biệt, P.14 Bản vô; Q.VI, P.15 Bất thoái chuyển, P.16 Ưu-bà-di Đát-kiệt; Q.VII, P.17 Thủ không, P.18 Viễn ly, P.19 Thiện tri thức; Q.VIII, P.20 Thích-đề-hoàn-nhơn, P.21 Cống cao, P.22 Học, P.23 Thủ hạnh, P.24 Cường nhược; Q.IX, P.25 Lụy giáo, P.26 Bất khả tận, P.27 Tùy, P.28 Bồ-tát Tát-bà-đa-luân; Q.X, P.29 Bồ-tát Đàm-mô-kiệt, P.30 Chúc lụy.

416. KINH ĐỊA TẠNG

Dịch giải: *HT. Thích Trí Quang (1923-2019)*

Nxb Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh, PL. 2554 – DL. 2010

Kinh dày 358 trang, bìa cứng, có bìa bao, chữ tựa màu vàng.

Toàn bộ tác phẩm Kinh này gồm có 13 phẩm chính: Tổng quan, Mục lục, Dẫn nhập, Ghi về Địa Tạng Đại sĩ, Sám nguyện trước hay sau khi tụng Kinh Địa Tạng; *Kinh Địa Tạng, Cuốn trên (1)*, P.1 Thần thông tại cung Đạo Lợi, P.2 Thân phân hóa qui tụ lại, P.3 Quán sát nghiệp quả chúng sanh, P.4 Nghiệp quả của người

Diêm Phù; *Cuốn giữa*, P.5 Danh xưng địa ngục, P.6 Thế Tôn tuyên dương, P.7 Lợi ích người còn kẻ mất, P.8 Chúa tôi Diêm-La xưng tụng, P.9 Xưng tụng danh hiệu chư Phật; *Cuốn dưới*, P.10 Trắc lượng công đức bố thí, P.11 Thần đất hộ trì, P.12 Lợi ích của sự thấy nghe, P.13 Thế Tôn ký thác; *Phần chú thích*: Chú thích mục lục, ghi chú về Đức Địa Tạng và Nghi thức Sám nguyện, Chú thích: Cuốn trên, Cuốn giữa và Cuốn dưới.

Tác phẩm Kinh này đã xuất bản năm PL. 2538 – DL. 1994, Nxb Tp. Hồ Chí Minh, khổ 14.5 x 20.5cm, dày 278 trang, bìa mềm, chữ tựa màu đen, có hình Bồ-tát Địa Tạng một tay cầm viên minh châu, một tay chống tích trượng; năm 2004, THPG Tp. Hồ Chí Minh ấn hành.

417. KINH ĐỊA TẠNG

Soạn dịch: *Thích Nhật Từ*

Nxb Hồng Đức – 2018

Kinh có khổ 14 x 20cm, có 160 trang, bìa mềm, nền đỏ, chữ tựa màu vàng, có hình tượng Bồ-tát Địa Tạng ngồi tay cầm tích trượng.

Tác phẩm Kinh này có 3 phần. Nội dung gồm: *I. Phần dẫn nhập*, 1. Nguyện hương, 2. Đánh lễ Tam bảo, 3. Tán hương, 4. Phát nguyện trì Kinh, 5. Tán dương giáo pháp, 6. Chí tâm quy mạng lễ; *II. Phần Chánh Kinh*, gồm có 13 phẩm: P.1 Thần thông trên cung trời Đao Lợi, P.2 Phân thân tụ hội, P.3 Xét soi nghiệp quả, P.4 Nghiệp quả trong cõi Diêm-phù, P.5 Tù ngục và tội báo, P.6 Đức Phật tán dương, P.7 Lợi ích kẻ còn người mất, P.8 Vua Diêm-la khen ngợi, P.9 Xưng tụng danh hiệu các Phật, P.10 So sánh công đức bố thí, P.11 Thần đất hộ trì, P.12 Thấy nghe được lợi ích, P.13 Thế Tôn ủy thác; *III. Phần Hồi hướng*, 7. Kinh Tinh hoa Trí tuệ, 8. Niệm Phật, 9. a. Sám Di-đà, b. Sám Niệm Phật,

c. Sám Nhất tâm, d. Sám Phát nguyện, e. Sám Tổng táng, 10. Hồi hướng công đức, 11. Phục nguyện, 12. Đánh lễ Ba ngôi báu. *Kinh này đã được xuất bản từ năm 2008, Nxb Tôn Giáo.*

418. KINH ĐỊA TẠNG BẢN NGUYỆN CÔNG ĐỨC

Chùa Bồ-đề (Gia Định) xuất bản, PL. 2508 – DL. 1964

Kinh có 203 trang, bìa mềm. Nội dung gồm có 3 quyển, 13 phẩm: Lời nói đầu, Phần Nghi lễ, Bài Tựa tán thán Công đức Bồ-tát Địa Tạng; *Kinh Bản nguyện của Bồ-tát Địa Tạng, Quyển thượng*, P.1 Thần thông Thuyết pháp trên cung trời Đao Lợi, P.2 Phân thân hội họp, P.3 Nói rõ về các nghiệp duyên của chúng sinh, P.4 Nói về nghiệp cảm của chúng sinh ở cõi Nam Diêm-phù-đề; *Quyển trung*, P.5 Tên các Địa ngục, P.6 Đức Như Lai tán thán Công đức Bồ-tát Địa Tạng, P.7 Lợi ích cho kẻ còn người thác (chết), P.8 Các vua Diêm-la tán thán Công đức, P.9 Xưng niệm danh hiệu chư Phật; *Quyển hạ*, P.10 So sánh Công đức những nhân duyên Bố thí, P.11 Nói về Địa thần Hộ pháp, P.12 Nói về Lợi ích được nghe-được thấy Bồ-tát Địa Tạng, P.13 Phó chúc đề tế độ cho Nhân-Thiên; Tâm Kinh Bát-nhã Ba-la-mật-đa, Văn tụng Kinh Sám hồi Hồi hướng, Kinh Lăng Nghiêm-Chương Niệm Phật của Bồ-tát Thế Chí, Văn Phát Nguyện,... Tam Quy y. *(Bản lưu tại Thư viện Huệ Quang-Trung Tâm Dịch Thuật Hán-Nôm Huệ Quang, Tp. Hồ Chí Minh)*

419. KINH ĐỊA TẠNG BỒ-TÁT BỒN NGUYỆN (Trọn bộ)

Hán dịch: *Tam tạng Pháp sư Pháp Đăng*
Việt dịch: *HT. Thích Trí Tịnh (1917-2014)*
Nxb Tôn Giáo, PL. 2548 – DL. 2004

Kinh có khổ 14 x 20cm, dày 231 trang, bìa mềm, chữ tựa màu đen, có hình Bồ-tát Địa Tạng cười Đê Thính, tay cầm tích trượng; bìa sau tựa chữ Hán, màu đen.

Toàn bộ Kinh này gồm có 3 quyển, 13 phẩm. Phần đầu: Bài tựa Địa Tạng Bồ-tát (Chí tâm quy mạng lễ, Nguyên hương, Bài văn phát nguyện, Bài kệ khai kinh). *Quyển thượng* (có 4 phẩm): P.1. Thần thông trên cung trời Đao Lợi; P.2. Phân thân tập hội; P.3. Quán chúng sanh nghiệp duyên; P.4. Nghiệp cảm của chúng sanh. *Quyển trung* (có 5 phẩm): P.5. Danh hiệu của địa ngục; P.6. Như Lai tán thán; P.7. Lợi ích cả kẻ còn người mất; P.8. Các vua Diêm-la khen ngợi; P.9. Xưng danh hiệu chư Phật. *Quyển hạ* (có 4 phẩm): P.10. So sánh nhân duyên công đức của sự bố thí; P.11. Địa thần hộ pháp; P.12. Thấy nghe được lợi ích; P.13. Dẫn dò cứu độ nhơn thiên. Ma-ha Bát-nhã Ba-la-mật-đa tâm kinh, Bạt nhưt thiết nghiệp chương căn bản đắc sanh Tịnh độ Đà-la-ni, Sám Thập phương, Sám Phổ Hiền, Hồi hướng, Phục nguyện, Tam tự Quy y. Sau cùng là phần: Thích nghĩa, Bài tựa về văn “Mười phương”.

Tác phẩm Kinh này tái bản nhiều lần: Năm 1949, In tại Nhà in Thạnh Mậu; năm 1956, In tại Nhà in Nguyễn Văn Công (Sài Gòn); năm 1962, 1966, 1967, chùa Ấn Quang-Nhà in Sen Vàng; năm 1969, với tựa đề: Kinh Địa Tạng Bồ-tát Bốn Nguyện (âm-nghĩa) Trọn bộ, In tại Nhà in Hạnh Phúc; cũng năm 1969, chùa Hải Tuệ (Sài Gòn) tổ chức ấn tống Kinh Địa Tạng; năm 1971, Nhà in Thăng Long; năm 1973, Nhà in Sen Vàng (Sài Gòn); năm 1991, THPG Tp. Hồ Chí Minh ấn hành; năm 2005-2006, Nxb Tôn Giáo; năm 2014, Nxb Hồng Đức. (Theo các bản lưu tại Thư viện Huệ Quang-Trung Tâm Dịch Thuật Hán-Nôm Huệ Quang, Tp. Hồ Chí Minh)

420. KINH ĐỊA TẠNG BỒ-TÁT BỐN NGUYỆN

Hán dịch: *Tam tạng Sa-môn*

Thật-xoa-nan-đà

Việt dịch: *Ban Việt dịch Kinh điển – Vạn Phật Thánh Thành*

Dharma Realm Buddhist Association

Tổng Hội Phật Giáo Pháp Giới – Vạn Phật Thánh Thành xuất bản – 2008

Kinh dày 709 trang, nội dung gồm có 3 quyển, 13 phẩm: Duyên khởi của Pháp hội giảng Kinh; *Quyển thượng*, P.1 Thần thông trên cung trời Đao Lợi, P.2 Phân thân tập hội, P.3 Quán chúng sanh nghiệp duyên, P.4 Nghiệp cảm của chúng sanh ở cõi Diêm-phù; *Quyển trung*, P.5 Danh hiệu của địa ngục, P.6 Như Lai tán thán, P.7 Lợi ích cả kẻ còn người mất, P.8 Các vua Diêm-la và quyển thuộc khen ngợi, P.9 Xưng danh hiệu chư Phật; *Quyển hạ*, P.10 Nhân duyên và sự so sánh công đức bố thí, P.11 Địa thần hộ pháp, P.12 Thấy nghe được lợi ích, P.13 Chúc lụy nhơn thiên; Kệ tán, Sơ lược Tiểu sử Hòa thượng Tuyên Hóa, Mười tám Đại Nguyện của Hòa thượng Tuyên Hóa.

421. KINH ĐỊA TẠNG BỒ-TÁT BỐN NGUYỆN

Hán dịch: *Thật-xoa-nan-đà*

Việt dịch: *Nguyên Thuận*

Tác phẩm Kinh này gồm có 13 phẩm: P.1 Thần thông tại cung trời Tam thập tam, P.2 Phân thân hội họp, P.3 Quán chúng sanh nghiệp duyên, P.4 Nghiệp cảm của chúng sanh ở châu Thắng Kim, P.5 Các danh hiệu của địa ngục, P.6 Như Lai ngợi khen, P.7 Lợi ích kẻ sống và người đã mất, P.8 Diêm vương và quyển thuộc tán thán, P.9 Xưng niệm các danh hiệu của chư Phật, P.10 Nhân duyên và so sánh công đức của bố thí, P.11 Địa thần hộ pháp, P.12 Lợi ích của sự thấy nghe, P.13 Phó

chúc trời người.
(<https://phatphapungdung.com>, *Pháp bảo - Bộ Đại tập*)

422. KINH ĐỊA TẠNG BỒ-TÁT BỒN NGUYỄN – 3 Quyển

Giảng giải: *HT. Tuyên Hóa (1918-1995)*
Nxb Hồng Đức – 2013. Kinh có khổ 14 x 20cm, bìa mềm.

Toàn bộ tác phẩm Kinh này gồm có 3 quyển (Thượng, Trung và Hạ), 13 phẩm: - Duyên khởi của pháp hội giảng Kinh, P.1 Thân thông trên cung trời Đao Lợi, P.2 Phân thân tập hội, P.3 Quán chúng sanh nghiệp duyên, P.4 Nghiệp cảm của chúng sanh ở cõi Diêm Phù, P.5 Danh hiệu của địa ngục, P.6 Như Lai tán thán, P.7 Lợi ích cho cả kẻ còn người mất, P.8 Các vua Diêm La và quyền thuộc khen ngợi, P.9 Xưng danh hiệu chư Phật, P.10 Nhân duyên và sự so sánh công đức bố thí, P.11 Địa thần hộ pháp, P.12 Thấy, nghe đều được lợi ích, P.13 Giao phó cho trời người; Phần Phụ lục.

423. KINH ĐỊA TẠNG BỒ-TÁT BỒN NGUYỄN (Lược Ký)

Hán dịch, lược ký và minh họa hình ảnh:
Cư sĩ Ngô Trọng Đức

Việt dịch: *Lê Thiện*

PL. 2553 – DL. 2009. Kinh dày hơn 166 trang, bìa mềm. Nội dung gồm 13 phẩm, có minh họa hình ảnh. P.1 Hiện thân thông trên cung trời Đao Lợi; P.2 Phân thân tập hội; P.3 Quán chúng sinh nghiệp duyên; P.4 Nghiệp cảm của chúng sanh trong cõi Diêm-phù-đề; P.5 Danh hiệu của địa ngục; P.6 Như Lai tán thán; P.7 Lợi ích của kẻ còn người mất; P.8 Chúng Diêm-la vương tán thán; P.9 Xưng danh hiệu chư Phật; P.10 So sánh công đức của sự bố thí; P.11 Địa thần hộ pháp; P.12 Thấy nghe được lợi ích; P.13 Phú chúc cho trời người.

424. KINH ĐỊA TẠNG BỒ-TÁT BỒN NGUYỄN Thiển Thích

– Quyền thượng

Giảng thuật: *HT. Tuyên Hóa (1918-1995)*
Nội dung gồm có 13 phẩm: Duyên khởi của Pháp hội giảng Kinh, Nhân duyên này sanh Giáo pháp (Giáo khởi Nhân duyên), Phân loại theo Tạng thừa (Tạng thừa Sở nhiếp), Nêu rõ Tông chỉ Kinh (Biện định Tông chỉ), Giải thích đề mục Kinh (Tiêu thích danh đề), Dịch giả truyền dịch (Truyền dịch sử giả) (người lưu truyền, phiên dịch bộ Kinh), Giảng giải Kinh văn (Biệt giải văn nghĩa): Phần Duyên khởi, và 13 phẩm Kinh; Phần Phụ lục.

Xem: (13 phẩm) Kinh Địa Tạng Bồ-tát Bồn Nguyễn

425. KINH ĐỊA TẠNG – Bộ Truyện Tranh Phật Giáo

Soạn dịch: *Hiền Hậu*

Nxb Tôn Giáo – 2015

Kinh có khổ 14.5 x 20.5cm, dày hơn 135 trang, bìa mềm.

Tác phẩm Truyện tranh Kinh này gồm có: 1. Đức Phật Thích-ca Mâu-ni vì mẹ thuyết pháp, 2. Đại nguyện của Bồ-tát Địa Tạng, 3. Đất nước vào thời lâu xa về trước, 4. Tinh thần hiếu thảo của Bồ-tát Địa Tạng, 5. Nhiều đời độ sanh của Bồ-tát Địa Tạng, 6. Nhận sự phó chúc của Phật, 7. Lợi ích của kẻ còn người mất, 8. Lợi ích cúng dường Bồ-tát Địa Tạng, 9. Lợi ích của việc xưng danh hiệu chư Phật, 10. Công đức của Bồ-tát Địa Tạng.

426. KINH ĐỊA TẠNG ĐỒ GIẢI – Cẩm Nang Chỉ Lối Nhân Sinh

HT. Thích Tâm Điền

Việt dịch: *Đàm Hưng*

Nxb Văn hóa Thông tin – 2014. Kinh có khổ 16 x 24cm, dày hơn 316 trang, bìa

cứng, chữ tựa màu cam, có Bò-tát Địa Tạng ngồi, tay cầm tích trượng.

Nội dung gồm có 10 chương: Lời nói đầu, C.I, *Địa Tạng Bò-tát độ hết chúng sinh mới thành Phật*; C.II, Địa Tạng Bò-tát: Không yêu Tịnh độ-yêu chúng sinh, Sự tích về Địa Tạng: Kiếp trước của Địa Tạng Bò-tát, Hình tượng Địa Tạng: Vị Bò-tát Tỳ-kheo hiền hòa, Bản nguyện của Địa Tạng: Địa ngục chưa sạch-thề không thành Phật, Bò-tát hiển linh: Thánh tích và truyền thuyết về Địa Tạng; C.II, *Cuốn “Đạo đức Kinh” của nhà Phật “Địa Tạng Bò-tát Bản nguyện Kinh”*, Thệ nguyện căn bản của Địa Tạng Bò-tát: Giải thích tên gọi của Kinh Địa Tạng Bò-tát bản nguyện, “Kinh Địa Tạng Bò-tát bản nguyện”: cuốn “Hiếu Kinh” của Phật môn, Cội nguồn hành tích của Địa Tạng: Cái tâm từ bi, Siksananda (Thực-xoa-nan-đà): Đại diện cho “phong trào cổ văn” của Phật giáo, Chân nguyên Kinh Phật: Phiên bản chân thực và sự ảnh hưởng của Kinh Địa Tạng; C.III, *Nhân quả Nghiệp chướng*, Niềm tin cơ bản của nhà Phật: Nhân quả báo ứng, Phép tắc của luân hồi: Nhân quả tam thế, Nghiệp: Việc làm của tất cả hữu tình, Tạo nghiệp thế nào: Phân loại nghiệp, Tam độc: Nguồn gốc của tất cả phiền não, 25 hữu: Quả thể của tam giới hữu tình; C.IV, *Sáu cõi luân hồi*, Sáu cõi luân hồi: Trạng trung chuyển của tất cả hữu tình, Thần bát diệt: Quan niệm linh hồn của Phật giáo, Thời gian ngắn nhất và thời gian dài nhất: Từ một sát-na đến vô lượng kiếp, Tứ kiếp và tam thời: Chu kỳ tồn vong của thế giới, Ba nghìn đại thiên thế giới: Thế giới quan của Phật giáo, Ba cõi thiện: Trời, người, A-tu-la, Cõi trời: Vui vẻ cũng có lúc hết, Như trời lại không phải trời: Cõi A-tu-la, Chúng sinh đều khổ: Cõi người, Ba cõi ác: Súc sinh, quỷ đói, địa ngục, Cõi súc sinh: Hữu tình bậc thấp, Cõi quỷ đói: Sương ịt

khô nhiều, Cánh công cực ác: Cõi địa ngục; C.V, *Giải nghĩa “Kinh Địa Tạng Bò-tát Bản nguyện”*, Kết cấu của “Kinh Địa Tạng Bò-tát Bản nguyện”: 13 phẩm, Phẩm thứ nhất: Thích-ca thuyết pháp tại cung trời Đao Lợi, Lai lịch của Địa Tạng: Phật giảng về hành tích của Địa Tạng, Ứng hóa cứu thế: Địa Tạng Bò-tát có bao nhiêu phân thân, Đức hạnh quảng đại: Địa Tạng Bò-tát và Kiên Lao Địa thân; C.VI, *Tội ác và trừng phạt: Địa ngục*, Diêm-phù-đề: Ngũ trọc ác thế, Chủ quản của địa ngục: Diêm-la thiên tử, Diêm-la trong tín ngưỡng dân gian, Thập điện Diêm vương trong tín ngưỡng dân gian, Quý trong địa ngục: Quan chấp hành thưởng thiện phạt ác, Một nghiệp một báo: Địa ngục trong Kinh Địa Tạng, Tòa án của cõi âm: 18 tầng địa ngục trong dân gian, Pháp giáo hóa của Địa Tạng Bò-tát; C.VII, *Con đường siêu thoát khỏi biển khổ: Công đức, Đại Bò-tát độ hết chúng sinh*, Tại sao Địa Tạng Bò-tát lại có được công đức kỳ diệu, Chính giác và thực tiễn: Bò-đề tâm nguyện hành nhất trí, Từ phát tâm đến thành Phật: 52 cấp bậc của Bò-tát, Thiện nhân: Công đức của việc bố thí, Pháp sư: Công đức của việc tụng niệm danh hiệu Phật, Giúp người chết thoát khỏi nỗi khổ sa vào cõi ác: Công đức tiền vong, Sám hối: Cúng tuần thất và sám Địa Tạng; C.VIII, *Công đức cúng dường Địa Tạng Bò-tát*, Cúng dường Tam bảo: Phật-Pháp-Tăng, 28 lợi ích của Địa Tạng: Công đức của tín đồ, Phẩm Địa thần Hộ pháp: 10 loại lợi ích cúng dường của người thế tục, Phẩm “Dặn dò người trời”: Công đức của thiên long-quỷ thần, Công đức phổ độ chúng sinh: Pháp môn hồi hướng; C.IX, *Pháp môn Địa Tạng: Sự tu trì thân thể lực hành*, Con đường giải thoát thuận tiện-dễ học, Sự thù thắng của pháp môn Địa Tạng, Tam-ma-địa: 23 loại “định” của Địa Tạng

Bồ-tát, Thập thiện nghiệp đạo: Căn bản của pháp môn Địa Tạng, Bước vào sự tu hành thân tâm: Quy y, Làm thế nào để phát nguyện: Chí tâm phát nguyện chính là công đức, “Nhập xuất tức quán”: Pháp môn chỉ quán của Địa Tạng, Sự tu hành đối với hai loại căn khí: “Cảnh giới nhất thực, hai loại quán đạo”, Lễ nghi cúng Phật: Lễ bái cúng dường, Khóa tụng của nhà Phật: Trì tụng và hồi hướng; *C.X, Ba Kinh Địa Tạng và pháp môn Chiêm Sát*, Kinh điển Luật tông: “Kinh Đại thừa Đại tập Địa Tạng Thập luân”, “Kinh Dịch” của cửa Phật: “Kinh Chiêm-sát thiện ác nghiệp báo”, Mộc luân tướng pháp: Pháp môn Chiêm-sát của Địa Tạng, Sự mở rộng của văn hóa Địa Tạng, Những tài liệu và Kinh điển khác có liên quan, Ăn chay niệm Phật: Mười ngày chay, Ngày cúng vong linh: Tiết Vu Lan bồn, Ấn tượng Địa Tạng: Hình Địa Tạng Bồ-tát từ xưa đến nay, Tịnh độ vô biên: Sự truyền bá tín ngưỡng Địa Tạng; Phụ lục 1, Phụ lục 2.

427. KINH ĐỊA TẠNG THẬP VƯƠNG BIẾN TƯỚNG

(Bức Tranh Nhân Quả)

Tác giả: *Giang Dật Tử*

Hiệu đính: *Thích Đồng Văn*

Biên dịch: *Thích Thiện Phước*

Nxb Hồng Đức – 2013. Sách có khổ 14.5 x 20.5cm, có 101 trang, bìa mềm. Nội dung gồm có, 10 Điện Minh vương: Điện 1. Tần Quảng Minh Vương, Điện 2. Sở Giang Minh Vương, Điện 3. Tống Đế Minh Vương, Điện 4. Ngũ Quan Minh Vương, Điện 5. Diêm-la Minh Vương, Điện 6. Biền Thành Minh Vương, Điện 7. Thái Sơn Minh Vương, Điện 8. Bình Đẳng Minh Vương, Điện 9. Đô Thị Minh Vương, Điện 10. Chuyển Luân Minh Vương; và các địa ngục: Địa ngục Ôm cột đồng, địa ngục Đâm bụng, địa ngục Lá

kiếm, địa ngục Cày lưỡi, địa ngục Dùng roi đánh, địa ngục Chém chặt, địa ngục Lạnh giá, địa ngục Giường lửa, địa ngục Móc mắt, địa ngục Chặt chân, địa ngục Máu mủ, địa ngục Đâm giã, địa ngục Quý đỏi, địa ngục Nước tiêu bùn phân, địa ngục Dơi hút máu, địa ngục Treo ngược, địa ngục Xuyên sườn, địa ngục Rút gân, địa ngục Chặt eo, địa ngục Lộ da, địa ngục Kéo lưỡi, địa ngục Bánh xe lửa, địa ngục Bắn mù mắt, địa ngục Mọt ăn, địa ngục Nước sôi, địa ngục Cây gươm, địa ngục Treo lưỡi, địa ngục Đập đầu gối, địa ngục Kéo ruột mổ tim, địa ngục Đá lửa-dao bay, địa ngục Đóng đinh vào cổ họng, địa ngục Bò lửa, địa ngục Cối giã, địa ngục Chặt đầu, địa ngục Cối sắt xay, địa ngục Cọp ăn, địa ngục Kéo lưỡi đâm ngược, địa ngục Cắn thận, địa ngục Chó cắn sói ăn, địa ngục Chảo dầu sôi, địa ngục Hoàn sắt, địa ngục Bàn chông, địa ngục Quý đội đá, địa ngục Chó lửa, địa ngục Cân bàn, địa ngục Rắn sắt, địa ngục Nước sắt, địa ngục Bò cạp kẹp ong chích, địa ngục Đốt tùy, địa ngục Cưa chặt, địa ngục Rắn độc, địa ngục Ép đầu lấy não, địa ngục Quạ ăn, địa ngục Mưa kim; với 96 bức hình minh họa về cảnh ở các địa ngục và 1 hình Bồ-tát Địa Tạng (bìa lót).

428. KINH ĐỒNG TỬ TÔ-BÀ-HỒ THƯA HỎI

Hán dịch: *Du-ba-ca-la*

Việt dịch: *Thích Quảng Trí*

Tác phẩm Kinh này gồm có 3 quyển, 12 phẩm: Quyển thượng, P.1 Luật, P.2 Phân biệt xứ sở, P.3 Trừ chướng, P.4 Phân biệt chày Kim Cang và thuốc chứng nghiệm; Quyển trung, P.5 Phân biệt thành tựu tướng phần, P.6 Tô-bà-hồ đồng tử niệm tụng nghi quỹ (Quán tướng ấn mộng chứng), P.7 Tô-bà-hồ đồng tử tất-địa tướng, P.8 Tô-bà-hồ đồng tử hạ Bát-tu-na,

P.9 Tô-bà-hô đồng tử Kinh Phân biệt khổ nạn; Quyển hạ, P.10 Phân biệt Đạo, P.11 Tô-bà-hô đồng tử phân biệt chủ bộ, P.12 Tô-bà-hô đồng tử phân biệt tám pháp. (<https://phatphapungdung.com>, *Pháp bảo-Bộ Mật giáo*)

429. KINH GIẢI THÂM MẬT

Dịch-giải: *HT. Thích Trí Quang*
Nxb Tp. Hồ Chí Minh, PL. 2537 – DL. 1994

Kinh có khổ 13 x 19cm, dày 295 trang, bìa mềm, chữ tựa màu trắng, có hình Đức Phật (bán thân). Nội dung gồm có 8 phẩm: Phần dẫn nhập, A.1 Mở đầu (P.1), A.2 Chính thuyết, có 2 B: B.1 Nói tâm siêu việt như thế nào (P.2), B.2 Nói tâm siêu việt như thế nào, có 3 C: C.1 Nói tâm ấy là cảnh sở quán (các P.3 đến P.5), C.2 Nói tâm ấy là hạnh năng quán (các P.6 và P.7), C.3 Nói tâm ấy là quả sở đắc (P.8). (*Phật tử Thái Thị Kim Lan-ở Đức, ấn tống*)

430. KINH GIẢI THÂM MẬT

Trích *Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh*
Tập 65 – Bộ Kinh Tập, XII – Số 676

Lưu hành nội bộ, PL. 2561 – DL. 2017
Kinh dày hơn 153 trang, bìa cứng, chữ tựa mạ vàng, có hình hoa sen trên có bánh xe pháp luân. Nội dung gồm có 5 quyển: Q.I, P.1 Mở đầu, P.2 Thắng nghĩa (Thắng nghĩa đế tướng), P.3 Tâm thức (Tâm ý thức tướng); Q.II, P.4 Tự tánh (Nhất thiết Pháp tướng), P.5 Vô tánh (Vô tự Tánh tướng); Q.III, P.6 Du-già (Phân biệt Du-già); Q.IV, Địa độ (Địa Ba-la-mật-đa); Q.V, Phật sự (Như Lai thành sở tác sự).

431. KINH GIẢI THÂM MẬT giảng yếu

Dịch giảng: *TT. Thích Thiện Nhơn*
Lưu hành nội bộ, PL. 2540 – DL. 1996,
khổ 14 x 20cm, có 251 trang, bìa mềm.
Nội dung gồm có: Lời nói đầu, Phần tổng

quát, Phân lược giảng, có 5 phẩm: P. tựa thứ 1, P. Thắng nghĩa đế tướng thứ 2, P. Tâm ý thức tướng thứ 3, P. Nhất thiết pháp tướng thứ 4, P. Vô tự tánh tướng thứ 5.

432. KINH GIỚI HẠNH – SILAVANTA SUTTA

Hòa thượng Thiền sư U Silànanda

Dịch giả: Nita Truitner

Việt dịch: *Thiền sư Khippapanno Kim Triệu*

Kinh có 163 trang (PDF), nội dung gồm có: Lời giới thiệu, Vài lời của Người dịch (2005), Lời giới thiệu của Như Lai Thiền viện, Tiểu sử Thiền sư U Silànanda (1927-2005); *Kinh Giới Hạnh*, 1. Giới thiệu về Ngũ uẩn, 2. Vô thường, 3. Khổ, 4. Ba đặc tướng, 5. Nhập lưu, 6. Phước báu và những bảo vật cao quý, 7. Con đường đến Niết-bàn, 8. Các tầng Thánh đạo cao hơn, 9. Sự quan trọng của Chánh niệm, 10. Chỉ dẫn về cách hành Thiền Minh sát.

(<https://thuvienhoasen.org>, *Kinh/Pali*)

433. KINH HẠNH NGƯỜI CƯ SĨ (Ưu-bà-di Tịnh hạnh Pháp môn Kinh)

Việt dịch: *Thích Định Viên*

Tác phẩm Kinh này gồm có: P.I, Tu hành, 1. Nhân duyên Phật nói Kinh, 2. Tiền thân của bà Tỳ-xá-khư, 4. Những hạnh phụ trợ, 5. Pháp căn bản đầu tiên, 6. Ba hạnh lớn, 7. Bốn hạnh hướng đến quả Phật, 8. Những pháp tu quán, 9. Đối tượng của pháp quán bất tịnh, 10. Bảy tâm chấp trước cần xả bỏ, 11. Ba hạnh trọn vẹn tất cả pháp môn, 12. Tám điều bậc Đại nhân cần phải nhớ nghĩ; P.II, Tu học, 1. Pháp dành cho người mới học hạnh Bồ-tát, 2. Hào quang của Như Lai và nhân tu để thành tựu, 3. Tướng đại nhân và pháp tu tập, 4. Nói rõ nhân tu để thành tựu tướng tốt, 5. Tám mươi vẻ đẹp; P.III, Hiện điềm

lành, 1. Mười sáu tướng khi Bồ-tát dẫn sanh, 2. Những điềm lành xuất hiện khi Bồ-tát dẫn sinh, 3. Nhân duyên đại địa chấn động khi Bồ-tát dẫn sanh, 4. Lời khuyên kết thúc.
(<https://phatphapungdung.com>, *Pháp bảo-Bộ Kinh tập*)

434. KINH HẠNH PHÚC – MANGALA SUTTA

Soạn dịch: *Tỳ-khuru Giới Nghiêm (Bhikkhu Thita Sīlo, 1921-1984)*

Tác phẩm Kinh này có 100 trang (PDF), nội dung giải về 38 điều hạnh phúc do đức Thế Tôn thuyết giảng. Các Điều hạnh phúc: 1. Tư cách không xu hướng theo kẻ dữ hay kẻ si ác, người có tâm tội lỗi, gọi là hạnh phúc cao thượng; 2. Tư cách thân cận các bậc trí tuệ gọi là hạnh phúc cao thượng; 3. Tư cách cúng dường các bậc nên cúng dường, gọi là hạnh phúc cao thượng; 4. Tư cách của người ở trong nước nên ở, gọi là hạnh phúc cao thượng; 5. Tư cách của người đã làm được việc lành để dành từ trước, gọi là hạnh phúc cao thượng; 6. Nết hạnh giữ mình theo lẽ chánh, gọi là hạnh phúc cao thượng; 7. Nết hạnh của người được nghe nhiều học rộng về Pháp bảo, gọi là hạnh phúc cao thượng; 8. Sự rành rẽ trong tất cả nghề nghiệp, gọi là hạnh phúc cao thượng; 9. Người học đúng đắn theo giới luật, gọi là hạnh phúc cao thượng; 10. Lời nói chơn chánh ngay thẳng hiệp theo sự lợi ích, gọi là hạnh phúc cao thượng; 11. Nết hạnh phụng sự cha mẹ, gọi là hạnh phúc cao thượng; 12. Sự tiếp độ con, gọi là hạnh phúc cao thượng; 13. Sự tiếp độ vợ, gọi là hạnh phúc cao thượng; 14. Không lười biếng trong các công việc, làm những nghề chẳng lẫn lộn nghiệp dữ, cho đạt thành ý nguyện, gọi là hạnh phúc cao thượng; 15. Nết hạnh bố thí, là đem của

cải cho đến các bậc Sa-môn, Bà-la-môn và các kẻ cơ hàn, tật bệnh, cô quạnh, không nơi dựa.v.v... gọi là hạnh phúc cao thượng; 16. Nết hạnh ở theo Phật, Pháp là giữ đúng theo tám đường chánh (Bát chánh đạo), gọi là hạnh phúc cao thượng; 17. Sự tiếp độ quyền thuộc cho đặng an lạc, gọi là hạnh phúc cao thượng; 18. Chúng sanh làm những nghề nghiệp vô tội, chỉ có sự lợi ích làm mục đích, gọi là hạnh phúc cao thượng; 19. Nết hạnh ghê sợ và tránh xa các tội lỗi do thân-khẩu-ý, gọi là hạnh phúc cao thượng; 20. Thu thúc để tranh khỏi sự uống rượu, là kèm chế không uống rượu và các chất say, gọi là hạnh phúc cao thượng; 21. Sự không thể dễ duôi trong Phật pháp, gọi là hạnh phúc cao thượng; 22. Sự tôn kính những bậc đáng tôn kính, gọi là hạnh phúc cao thượng; 23. Nết hạnh khiêm nhường tự ty, là hạnh phúc cao thượng; 24. Sự thật hành pháp tri túc, là người mong tầm sự lợi ích ở tiền đồ, gọi là hạnh phúc cao thượng; 25. Tư cách biết ơn của người đã thi ân đến mình, gọi là hạnh phúc cao thượng; 26. Tư cách thường được tùy thời nghe pháp, gọi là hạnh phúc cao thượng; 27. Sự nhịn nhục ở trong tâm, không rung động, khi gặp các nguyên nhân phát hiện ngay trước mặt, gọi là hạnh phúc cao thượng; 28. Nết hạnh người dễ dạy, gọi là hạnh phúc cao thượng; 29. Nết hạnh thấy các bậc Sa-môn là bậc có lục căn thanh tịnh, gọi là hạnh phúc cao thượng; 30. Nết hạnh biện luận về Phật pháp hợp theo thời buổi, gọi là hạnh phúc cao thượng; 31. Tư cách của người có sự cố gắng tiêu hủy phiền não ở trong tâm, gọi là hạnh phúc cao thượng; 32. Nết hạnh hành theo pháp cao thượng đặng điều trị thân, tâm, gọi là hạnh phúc cao thượng; 33. Tư cách thấy các pháp Diệu-đế, là chân lý chắc thiết, bằng trí tuệ, gọi là hạnh phúc cao thượng; 34. Sự làm

cho thấy rõ Niết-bàn do trí tuệ, gọi là hạnh phúc cao thượng; 35. Tư cách không xao động theo các pháp thế gian, gọi là hạnh phúc cao thượng; 36. Sự không khóc than tiếc, do những nguyên nhân phát sanh, gọi là hạnh phúc cao thượng; 37. Sự thoát ly bụi dơ, tức phiền não, gọi là hạnh phúc cao thượng; 38. Sự tự tại giải thoát khỏi các điều trềnh phược (Yoga), gọi là hạnh phúc cao thượng.
(phatgiaonguyenthuy.com)

435. KINH HẠNH PHÚC – MANGALA SUTTA

(Lộ Trình Tu Tập)

Việt dịch: *Phạm Kim Khánh*

Nội dung chính yếu Kinh này, Đức Phật giảng dạy về 38 điều Hạnh phúc như sau: 1. Không gằn kẻ ngu si, 2. Thân cận người hiền trí, 3. Cúng dường bậc xứng đáng, 4. Ở trú xứ thích hợp, 5. Quá khứ tạo nhân lành, 6. Hướng tâm theo lẽ chánh, 7. Học nhiều, 8. Nghề nghiệp giỏi, 9. Giới luật biết tu tập, 10. Có những lời khéo nói, 11. Hiếu dưỡng cha mẹ, 12. Biết nuôi nấng vợ con, 13. Việc làm không xung khắc, 14. Bỏ thí, 15. Đức hạnh đúng pháp, 16. Giúp đỡ họ hàng, 17. Hành xử không tỳ vết, 18. Ghê sợ điều ác, 19. Tránh làm điều ác, 20. Không nghiện ngập, 21. Tinh tấn hành thiện pháp, 22. Sống lễ độ, 23. Biết khiêm cung, 24. Sống tri túc, 25. Biết tri ân, 26. Đúng thời-nghe giảng pháp, 27. Kham nhẫn, 28. Biết phục thiện, 29. Thường đến gặp các Sa-môn, 30. Đúng thời-đàm luận pháp, 31. Tự chế, 32. Sống phạm hạnh thanh cao, 33. Thấy chân lý nhiệm mầu, 34. Thực chứng quả Niết-bàn, 35. Tâm không động, 36. Tâm không sầu não, 37. Tâm không tham dục, 38. Sống an nhiên; Tỳ-kheo Khantipalo giải thích *Tiến trình tu tập* như sau: 1. Sửa soạn, 2. Cách sống

trong đời, 3. Phát triển tâm linh, 4. Kết luận.

(<http://thuvienhoasen.org>, Kinh/Pali)

436. KINH HIỀN KIẾP THIÊN PHẬT DANH

Việt dịch: *HT. Thích Huyền Tôn*

Tác phẩm Kinh này gồm có: - Lời duyên khởi: Nghi thức khai Kinh, Chơn ngôn Tịnh pháp giới, Nguyễn hương, Chú Đại bi, Kệ Khai Kinh; Chánh văn: - Kinh Hiền kiếp Thiên Phật danh (1000 danh hiệu Phật); Hồi hướng, Tâm Kinh Bát-nhã Ba-la-mật, Chú vãng sanh, Phổ Hiền thập nguyện, Sám nguyện, Phục nguyện, Tam tự Quy; Danh hiệu chư Phật, Bồ-tát trong 30 ngày Duyên nhật.
(<http://quangduc.com>, Kinh-Hán tạng);
(Có nơi ghi tựa Kinh này là Kinh Hiền Tại Hiền Kiếp Thiên Phật Danh)

437. KINH HIỀN NGU

Hán dịch: *Sa-môn Tuệ Giác*

Việt dịch:

Thích Trung Quán (1918-2003)

Nxb Thuận Hóa, PL. 2538 – DL. 1994. Kinh có khổ 14 x 20cm, dày 454 trang, bìa mềm, nền có hoa văn nghệ thuật chìm, chữ tựa màu xanh dương.

Toàn bộ *Kinh Hiền Ngu* gồm có 9 quyển, 46 phẩm. *Quyển I*, 1. Phạm thiên thỉnh pháp, 2. Thái tử Ma-ha Tá-đỏa đem thân cho cạp ăn, 3. Hai người dòng Phạm chí thụ pháp Bát quan trai, 4. Đi ở lấy công cúng dàng, 5. Thần bễ với người đi buôn, 6. Câu tự, 7. Thái tử Tu-xà-đề; *Quyển II*, 8. Cô Kim Cương, 9. Tỳ-kheo Kim Tài, 10. Hoa thiên, 11. Tỳ-kheo Bảo Thiên, 12. Sàn-đề Bà-la, 13. Vua Từ Lực cho huyết, 14. Hàng phục Lục sư; *Quyển III*, 15. Cứ-đà thí thân, 16. Vua Đại Quang Minh, 17. Ưu-ba-tư-na; *Quyển IV*, 18. Xuất gia công đức, 19. Sa-di hộ giới, 20. Người không

tai, mắt, mũi, lưỡi, 21. Hai vợ chồng nghèo, 22. Bà lão bán nghèo; *Quyển V*, 23. Kim Thiên, 24. Trùng tín, 25. Tán Đán Ninh, 26. Bồ thí đầu; *Quyển VI*, 27. Bồ thí mắt, 28. Năm trăm người mù, 29. Phú-nakỳ, 30. Ni-đê; *Quyển VII*, 31. Đại kiếp Tân Ninh, 32. Tỷ-khuru Ni Vi Diệu, 33. Lê-kỳ-di, 34. Thiết-đầu-la Kiện-ninh, 35. A-duca, 36. Bảy lọ vàng, 37. Sai ma; *Quyển VIII*, 38. Cái sự, 39. Đại thí tát biển; *Quyển IX*, 40. A-nan tổng trì, 41. Ưu-bà-tư, 42. Con ngọ sát cha, 43. Tu-đạt làm tịnh xá, 44. Lặc-na-xà-gia, 45. Cá trăm đầu, 46. Tịnh Cư thiên.

Tác phẩm Kinh Hiền Ngu (Hiền Ngu Nhân Duyên Kinh) này được xuất bản lần đầu năm PL. 2502 – DL. 1959, Giấy phép số 292/XB, cho ngày 23-2-1959 của Nha Thông tin Nam Phần, với nhan đề “Kinh Hiền Ngu, Quyển I, chứng minh Hòa thượng Thích Thanh Thạnh”; năm PL. 2505 – DL. 1961, chùa Long Vĩnh (Sài Gòn) xuất bản, với tựa “Kinh Hiền Ngu, Trọn bộ 9 Quyển”; năm PL. 2508 – DL. 1964, chùa Pháp Vương (Sài Gòn) xuất bản và phát hành, In tại Nhà in Sen Vàng, Giấy phép số 1704/XB. Bộ Thông tin Saigon, ngày 4-7-1964, dày 574 trang, bìa mềm; năm 1992, THPG Tp. Hồ Chí Minh ấn hành; năm 2005, 2008, Nxb Tôn giáo; năm 2013, Nxb Phương Đông. (Theo các bản Kinh lưu tại Thư viện Huệ Quang-Trung Tâm Dịch Thuật Hán Nôm Huệ Quang, Tp. Hồ Chí Minh)

438. KINH HIỀN NHÂN – Ông Bụt

Dịch giả:

HT. Thích Hành Trụ (1904-1984)

Nxb Tôn Giáo, PL. 2549 – DL. 2005

Kinh có khổ 14.5 x 20.5cm, có 79 trang, bìa mềm, chữ tựa màu đỏ và màu tím.

Nội dung gồm có: Lời nói đầu, ý nghĩa của Kinh này Đức Phật dạy về cách đối

nhân xử thế, theo luân lý và đạo đức của bậc hiền nhân.

Tác Phẩm Kinh này được THPG Tp. Hồ Chí Minh ấn hành năm 1994; tái bản năm 2012 - 2015, Nxb Tôn Giáo (tái bản lần thứ năm).

439. KINH HIẾU TỬ

Việt dịch: *Thích Tâm Châu*

Chùa Từ Quang (Sài Gòn) ấn hành – 1957

Kinh có 42 trang, bìa mềm, nền vàng, có hình Phật tay kiết ấn, chữ tựa màu đen. Nội dung gồm có các Kinh: 1. Phật nói Kinh Hiếu Tử, 2. Phật nói Kinh Vu Lan Bồn, Hán dịch: Ngài Trúc Pháp Hộ; 3. Phật nói Kinh Giải Hạ, Hán dịch: Ngài Pháp Hiền; 4. Phật nói Kinh Tân Tuế, Hán dịch: Ngài Đàm Vô Lan; Phật nói Kinh Tân Tuế (1), Hán dịch: Ngài Trúc Pháp Hộ.

(Bản Kinh lưu tại Thư viện chùa Xá Lợi, Q.3, Tp. Hồ Chí Minh)

440. KINH HOA NGHIÊM – 4 Tập

Việt dịch: *Thích Trí Tịnh*

Tập I, PL. 2510 – DL. 1964, chùa Hải Tuệ (Sài Gòn) – Tỳ-kheo Thích Đăng Quang, Trưởng Ban Ấn tống, Kinh dày 558 trang, bìa mềm; *Tập I*, Hán bộ từ Q.1 đến Q.20; *Tập II*, PL. 2511 – DL. 1965, chùa Hải Tuệ ấn tống *Tập II*, Hán bộ từ Q.21 đến Q.39, từ tr. 551 đến tr. 990, bìa mềm, và *Tập III*, Hán bộ từ Q.40 đến Q.59, dày 559 trang, bìa mềm; *Tập IV*, PL. 2512 – DL. 1967, chùa Hải Tuệ tiếp tục ấn tống *Tập IV*, In tại ấn quán Hưng Long (Sài Gòn), dày 743 trang, bìa mềm;

Xem: Kinh Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm – 4 Tập, do HT. Thích Trí Tịnh dịch.

Tác phẩm Kinh Hoa Nghiêm (4 Tập) này được tái bản: Năm PL. 2509 – DL. 1966, chùa Đại Giác (Sài Gòn) ấn tống, Giấy

phép số 3106 BTT-BC3-XB, ngày 28-7-1965; năm PL. 2514 – DL. 1970, chùa Đại Giác (Sài Gòn) tiếp tục ấn tống.

441. KINH HOA NGHIÊM – Trọn bộ 5 Tập, Đại Tạng Kinh Việt Nam

Hán dịch: *Thật-xoa-nan-đà*

Việt dịch (1963): *Thiện Trí*

Hiệu đính: *Tuệ Liên*

Nxb Tôn Giáo, PL. 2558 – DL. 2014.

Kinh có khổ 19 x 27cm, 5 tập dày hơn 3.410 trang, bìa cứng, có bìa bao, nền đỏ, chữ tựa mạ vàng, có hộp đựng cả bộ.

Tập I, dày 692 trang, từ Q.1 đến Q.15, có 12 phẩm. Nội dung: Lời nói đầu của Dịch giả, - Lời Tri ân, Các phần chỉ dẫn, I. Năm thời thuyết pháp, II. Nhân duyên và truyền sử của Kinh Hoa Nghiêm, Chín hội-bảy nơi thuyết pháp trong Kinh, Pháp môn thuyết tại chín hội, Chín hội chủ và Tám tam-muội, Giải nghĩa tên của Kinh, Bốn pháp giới, Sáu tướng, Phân tích tổng ý của Kinh; Bảng Tổng yếu Toàn bộ Kinh Hoa Nghiêm, Mười cửa huyền, Các đồ bản Vũ trụ Pháp giới thấy theo huệ nhãn Hoa Nghiêm, Các thể chất, hình lượng, của các núi, các biển và bốn châu, Các cõi trời Thiên rộng hẹp thế nào, Nguyên nhân sanh ra thế giới và chúng sanh, Thân thể-áo quần-mạng sống các chư thiên trong tam giới, Đồ hình Hoa tạng thế giới, Biển thế giới gồm có 10 nhóm thế giới, Hoa tạng thế giới; Nghi thức trì tụng (Phần âm), Nghi thức trì tụng (Phần nghĩa); P.1 Thế chủ Diệu Nghiêm, P.2 Như Lai hiện tướng, P.3 Pháp môn Tam-muội của Đức Phổ Hiền, P.4 Thế giới thành tựu, P.5 Hoa tạng thế giới, P.6 Tỳ-lô-giá-na (*Sáu phẩm này thuộc về phần Tín, chương Phát tín Nhơn quả tại Hội thứ nhất ở Bồ-đề Đạo tràng, Đức Tỳ-lô-giá-na phóng quang từ răng và từ giữa chặn mày, ngài Phổ Hiền làm Hội chủ, nhập vào Tỳ-lô tạng thân*

tam-muội, thuyết Như Lai y chánh pháp). P.7 Danh hiệu Như Lai, P.8 Tứ Thánh đế, P.9 Ánh sáng giác ngộ, P.10 Bồ-tát hỏi nhau, P.11 Hạnh thanh tịnh, P.12 Hiền Thủ. (*Sáu phẩm này thuộc về phần Giải, chương Nhân quả sai biệt. Phần Giải này gồm 31 phẩm, từ P.7 đến P.37, có tất cả 6 hội thuyết pháp, từ Hội nhì đến Hội bảy, sáu phẩm trên đây thuộc Hội nhì, tại Điện Phổ Quang Minh, Đức Thế Tôn phóng quang từ hai chân ra, ngài Văn Thù làm Hội chủ, không nhập định, vì địa vị Tín chưa nhập Vị, thuyết pháp Thập Tín*); Nghi thức Hồi hướng.

Tập II, dày 735 trang, từ Q.16 đến Q.33, từ P.13 đến P.25: Nghi thức trì tụng (Phần âm), Nghi thức trì tụng (Phần nghĩa); P.13 Lên đỉnh núi Tu-di, P.14 Bài kệ ca ngợi trên đỉnh núi Tu-di, P.15 Thập Trụ, P.16 Phạm hạnh, P.17 Công đức của bậc sơ phát tâm Bồ-tát, P.18 Khai sáng pháp môn (*Sáu phẩm này thuộc Hội ba (phần Giải), tại cung trời Đạo Lợi, Thế Tôn phóng quang từ ngón chân ra, ngài Pháp Huệ làm chủ, nhập Tam-muội vô lượng phương tiện, thuyết pháp Thập trụ*); P.19 Lên cung trời Dạ-ma, P.20 Kệ ca ngợi trên cung trời Dạ-ma, P.21 Mười hạnh, P.22 Mười kho tạng vô tận. (*Bốn phẩm này thuộc Hội tư (phần Giải), tại cung trời Dạ-ma, Đức Như Lai phóng quang từ hai chân ra, ngài Công Đức Lâm làm Hội chủ, nhập Tam-muội Thiện tư duy của Bồ-tát, thuyết pháp Thập Hạnh*); P.23 Lên cung trời Đâu-suất, P.24 Kệ ca ngợi trên cung Đâu-suất, P.25 Thập Hồi hướng. (*Ba phẩm này thuộc Hội thứ năm (phần Giải), tại cung trời Đâu-suất, Đức Như Lai phóng quang từ hai đầu gối ra, ngài Kim Cang Tràng làm Hội chủ, nhập vào Tam-muội Trí Quang của Bồ-tát, thuyết pháp Thập Hồi hướng*); Nghi thức Hồi hướng.

Tập III, dày 627 trang, từ Q.34 đến Q.49, từ P.26 đến P.36. Nội dung gồm: - Nghi thức trì tụng (Phần âm), Nghi thức trì tụng (Phần nghĩa); P.26 Mười địa vị, (*Phẩm này thuộc Hội thứ sáu (phần Giải), tại cung trời Tha Hóa Tự Tại, Đức Như Lai phóng quang từ giữa chận mày, ngài Kim Cang Tạng làm Hội chủ, nhập vào Tam-muội Đại Trí huệ Quang minh của Bồ-tát, thuyết pháp Thập Địa*); P.27 Thập Định, P.28 Thập Thông, P.29 Thập Nhẫn, P.30 A-tăng-kỳ, P.31 Thọ lượng của Như Lai, P.32 Chỗ ở của các Bồ-tát, P.33 Pháp không thể nghĩ bàn của Phật, P.34 Mười biển tướng thân Như Lai, P.35 Ánh sáng Công đức, P.36 Hạnh Phổ Hiền; Nghi thức Hồi hướng.

Tập IV, dày 659 trang, từ Q.50 đến Q.65, từ P.37 đến P.39. Nội dung gồm: - Nghi thức trì tụng (Phần âm), Nghi thức trì tụng (Phần nghĩa); P.37 Đức Như Lai hiện ra đời (*Mười một phẩm này, từ P.27 đến P.37, thuộc Hội thứ 7 (phần Giải), chương Nhơn quả bình đẳng, trở lại điện Phổ Quang Minh, Đức Như Lai làm Hội chủ, nhập vào tam-muội sát-na Tế, thuyết pháp môn Đẳng giác, Diệu giác*); P.38 Thoát ly thế gian (*Phẩm này thuộc Hội thứ tám (phần Hành), chương Hành Nhơn quả, trở lại tại điện Phổ Quang Minh lần thứ ba, Phật không phóng quang là ý nói Hạnh Y Giải, Pháp Y Giải vậy, ngài Phổ Hiền làm Hội chủ nhập vào Hoa Nghiêm tam-muội của Phật, thuyết hai ngàn hạnh môn*); P.39 Nhập vào pháp giới (*Phẩm này thuộc Hội thứ chín (phần Chứng) chương Chứng nhập Nhân quả, tại rừng Thệ-Đa lâm, Đức Như Lai phóng bạch hào giữa chận mày. Như Lai Thiện Hữu làm Hội chủ, nhập vào Tam-muội Sư tử Tàn thân, thuyết Quả pháp giới*); Nghi thức Hồi hướng.

Tập V, dày 697 trang, từ Q.66 đến Q.81, từ P.39 đến P.40. Nội dung gồm: - Nghi

thức trì tụng (Phần âm), Nghi thức trì tụng (Phần nghĩa); P.39 Nhập vào pháp giới (tt), P.40 Nhập Cảnh giới giải thoát (*Đây là phẩm đặc biệt: Nhập vào cảnh giới không thể nghĩ bàn của hạnh nguyện Phổ Hiền*); Nghi thức Hồi hướng.

442. KINH HOA NGHIÊM ĐẠI PHƯƠNG QUẢNG PHẬT – 8 Quyển

Hán dịch: *Sa-môn Thật-xoa-nan-đà*

Việt dịch: *Thích Minh Định*

Nxb Tôn Giáo, PL. 2559 – DL. 2015

Kinh có khổ 16 x 24cm, 8 quyển dày hơn 3.000 trang, bìa cứng, nền màu đỏ, chữ tựa mạ vàng.

Quyển I, dày hơn 390 trang. Nội dung gồm có: Lời tựa, Q.1 đến Q.5, P.1 Thế chủ Diệu Nghiêm; Q.6, P.2 Như Lai hiện tướng; Q.7, P.3 Phổ Hiền Tam-muội, P.4 Thế giới thành tựu; Q.8 đến Q.10, P.5 Thế giới Hoa Tạng; Tam Quy y.

Quyển II, dày hơn 486 trang. Nội dung gồm có: Lời tựa, Q.11, P.6 Tỳ-lô-giá-na; Q.12, P.7 Danh hiệu Như Lai, P.8 Bốn Thánh đế; Q.13, P.9 Quang minh giác, P.10 Bồ-tát vân minh; Q.14, P.11 Tịnh hạnh; Q.15, P.12 Hiền thủ; Q.16, P.13 Thăng lên đỉnh Tu-di, P.14 Kệ khen ngợi trên đỉnh Tu-di, P.15 Thập Trụ;

Q.17, P.16 Phạm hạnh, P.17 Công đức ban đầu Phát tâm; Q.18, P.18 Minh pháp, P.19 Thăng lên cung trời Dạ-ma; Q.19, P.20 Kệ khen ngợi trong cung Dạ-ma, P.21 Thập Hạnh; Tam Quy y.

Quyển III, dày hơn 170 trang. Nội dung gồm có: Lời tựa, Q.21, P.22 Mười tạng Vô tận; Q.22, P.23 Thăng lên Cung trời Đâu-suất, P.24 Kệ tán trên Cung trời Đâu-suất; Q.23 – Q.33, P.25 Thập Hồi hướng; Tam Quy y.

Quyển IV, dày hơn 468 trang. Nội dung gồm có: Lời tựa, P.25 Thập Hồi hướng (tt); Q.34 – Q.39, P.26 Thập Địa, 1. Hoan

hỷ địa, 2. Ly câu địa, 3. Phát quang địa, 4. Diệm huệ địa, 5. Nan thắng địa, 6. Hiện tiền địa, 7. Viễn hành địa, 8. Bất động địa, 9. Thiện huệ địa, 10. Pháp vân địa; Q.40 – Q.43, P.27 Thập Định; Tam Quy y.

Quyển V, dày hơn 457 trang. Nội dung gồm có: Lời tựa, P.27 Thập Định (tt); Q.45, P.30 A-tăng-kỳ, P.31 Như Lai thọ lượng, P.32 Trụ xứ của các Bồ-tát; Q.46 – Q.47, P.33 Pháp không nghĩ bàn của Phật; Q.48, P.34 Mười Thân biến tướng của Như Lai, P.35 Vẻ đẹp Quang minh Công đức của Như Lai; Q.50 – Q.52, P.37 Như Lai xuất hiện; Tam Quy y.

Quyển VI, dày hơn 200 trang. Nội dung gồm có: Lời tựa, P.37 Như Lai xuất hiện (tt); Q.53 – Q.59, P.38 Lìa thế gian; Tam Quy y.

Quyển VII, dày hơn 150 trang. Nội dung gồm có: Lời tựa, Q.60 – Q.70, P.39 Vào Giới; Tam Quy y.

Quyển VIII, dày hơn 620 trang. Nội dung gồm có: Lời tựa, 35. Dạ thần Tịch tịnh âm hải-Phó thác thứ năm Nan thắng địa; Q.71, 36. Dạ thần Thủ hộ Nhất thiết thành-Phó thác thứ sáu Hiện tiền địa; Q.72, 37. Dạ thần khai phủ Nhất thiết Thụ hoa-Phó thác thứ bảy Viễn hành địa; Q.73, 38. Dạ thần Đại nguyện Tinh tấn lực Cứu hộ Nhất thiết chúng sinh-Phó thác thứ tám Bất động địa; Q.74, 39. Lâm thần Lam-tỳ-ni-Phó thác thứ chín Thiện huệ địa; Q.75, 40. Thích nữ Cù Ba-Phó thác thứ mười Pháp vân địa; Q.76, 41. Ma-gia phu nhân-Hội duyên vào Thật tướng, 42. Cô gái Thiên chủ quang-Hội duyên vào Thật tướng, 43. Đồng tử sư biến hữu-Hội duyên vào Thật tướng, 44. Thiện tri chúng Nghệ đồng tử-Hội duyên vào Thật tướng, 45. Ưu-bà-di Hiền Thắng-Hội duyên vào Thật tướng, 46. Trưởng giả Kiên Cố Giải Thoát-Hội duyên vào Thật tướng, 47. Trưởng giả Diệu Nguyệt-Hội duyên vào Thật tướng, 48. Trưởng giả Vô

Thắng Quân-Hội duyên vào Thật tướng, 49. Bà-la-môn Tối Tịch Tĩnh-Hội duyên vào Thật tướng; Q.77, 50. Đức Sinh đồng tử, Hữu Đức đồng tử-Hội duyên vào Thật tướng, 51. Bồ-tát Từ Thị-Nhiếp đức thành nhân tướng; Q.78 – Q.79, Bồ-tát Từ Thị-Nhiếp đức thành nhân tướng; Q.80, 52. Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi Trí chiếu tướng không hai, 53. Bồ-tát Phổ Hiền-Hiền nhân tướng rộng lớn; Q.81, Phẩm Phổ Hiền Hạnh nguyện vào Cảnh giới Giải thoát không nghĩ bàn; Tam Quy y.

443. KINH HOA NGHIÊM – Phẩm HIỀN THỦ - Đường Đạo Vô Biên

Dịch và lược giải: *Thích Hằng Trường*

Nxb Tôn Giáo – 2003

Kinh có khổ 14.5 x 20.5cm, dày 644 trang, bìa mềm, chữ tựa màu đỏ và vàng, có hình ao sen, có tay gấp. Nội dung gồm có: Giới thiệu kinh Hoa Nghiêm và phẩm Hiền Thủ; Phần I, Thỉnh pháp; Phần II, Hứa khả, tán thán, Căn bản, Nhân duyên phát tâm, Động cơ phát tâm, Đặc tính của lòng tin, thứ tam-muội: Hải ấn, Hoa nghiêm, Nhân Đà-la vông, Thủ xuất quảng cúng, Hiện chư pháp môn, Tứ nhiếp pháp sinh, Phù đồng thế gian, Mao quang chiếu ích, Chủ bạn nghiêm lệ, Tịch dụng vô ngại; Dự hướng huyền chỉ (20 dụ: Thanh văn hiện thân thông, Nhật nguyệt hiện ảnh, Nước hiện binh lính, Biện tài của Thiện Âm, Ban bố biện tài, Huyền thuật gia, A-tu-la làm phép ẩn hình, Voi trời biến hiện, Tu-la hiện đại thân, Đế Thích hàng phục Tu-la, Trống trời thuyết pháp, Trống trời an ủi, Đế Thích ứng hiện, Ma vương giăng lưới, Phạm vương ngồi tòa, Ma-hê-thủ-la thiên, Đại phong thành sự, Ngôn âm xướng ý, Đại hải bao hàm, Long vương du hí); Giáo lượng khuyến trì, Tổng kết, Phụ lục: Kệ tán Bồ-đề tâm, Hồi hướng.

**444. KINH HOA NGHIÊM –
Phẩm NHƯ LAI HIỆN TƯỚNG**

Dịch và lược giải: *Thích Hằng Trường*
Nxb Tôn Giáo – 2003

Kinh dày 238 trang, bìa mềm, chữ tựa màu đỏ và vàng, phần trên bìa có hình hòn đá nhô lên giữa biển và phần dưới là hình ao sen, có tay gập.

Nội dung gồm có: *Phần Chính văn*, 1. Chúng hải đồng thính, 2. Phóng quang triệu tập, 3. Đại chúng vân tập, 4. Phật hiện điềm lành, 5. Đại chúng xung tán, 6. Kết thông; *Phần lược giải*, Giới thiệu, Đại ý của Phẩm Như Lai Hiện tướng, Kể lại câu chuyện trong phẩm, Ý nghĩa của chữ Như Lai, Nội dung của chữ Hiện tướng, Bốn mươi câu hỏi, Thái độ thính pháp, Nghiên cứu Kinh Hoa Nghiêm, Vì sao Phật phóng quang giữa rừng? Nghĩa lý của việc phóng quang, Thiên ma phóng quang, Pháp tán thán khen ngợi, Hào quang của Phật và hào quang của tự tánh, Sắc khí của kẻ phàm, Đầu lông phóng quang, Vọng tâm-chân tâm và Bồ-đề tâm, Bàn về sát-na, Đại chúng ở mười phương vân tập, Phật hiện điềm lành (1): Hào quang giữa chặng mây, Hào quang thu lại, Tác dụng của hào quang: (1) Chấn động thế giới, (2) Hiện ra chư Phật, (3) Mưa pháp; Phật hiện điềm lành (2): Hoa sen xuất hiện, Hoa sen tượng trưng cho Bồ-đề tâm, Hoa sen pháp: Mười phương Ba-la-mật, Phật hiện điềm lành (3): Xuất hiện chúng Bồ-tát, Chúng Bồ-tát nhiễu quanh đức Phật, Đức hạnh của chúng Bồ-tát giữa chặng mây, Khía cạnh giáo dục của một người trưởng thành, Chúng Bồ-tát tán thán Phật, Bài tán của ngài Thăng Âm, Kết thông vô cùng; Phần Phụ lục: Phật địa, Cảnh giới của Phật, Sự gia trì của Phật, Việc làm của chư Phật, Sức mạnh của Phật, Đức vô úy của Phật, Tam-muội của Phật, Thần thông của Phật, Sự tự tại của Phật, Sức tối thắng của

Phật, Mắt-tai-mũi-lưỡi-thân và ý của Phật, Thân quang-quang minh-âm thanh và trí tuệ, TV, Hồi hướng công đức, Hộ pháp Vi-đà.

Tác phẩm này đã được Hoa Nghiêm xuất bản năm 2000 (Second edition printed in Taiwan), sách dày hơn 229 trang, bìa mềm.

**445. KINH HOA NGHIÊM –
Phẩm TỊNH HẠNH**

Dịch và lược giải: *Thích Hằng Trường*
Nxb Tôn Giáo – 2004

Kinh có khổ 14.5 x 20.5cm, có 355 trang, bìa mềm. Tác phẩm này gồm có: Giới thiệu (Khái quát, Bối cảnh, Cốt tủy của pháp tịnh hạnh, Giới hạn của cái nhìn); Phần thỉnh vấn; Phần trả lời: Bốn chiều sâu của pháp tịnh hạnh, Bố cục của phần trả lời: 1. Giai đoạn khi còn ở nhà, 2. Đến chùa, xuất gia, học đạo, 3. Tọa thiền, tu quán, 4. Lúc mặc áo quần, 5. Đánh răng, rửa mặt, 6. Lúc cất bước lên đường, 7. Vào làng khát thực, 8. Sau khi thọ trai, về chùa, 9. Lúc tụng kinh, lễ pháp, 10. Lúc ngủ, lúc thức; Kết phẩm.

446. KINH HOA THỦ

Hán dịch: *Tam tạng Pháp sư*
Curu-ma-la-thập (Kumarajiva, 344-413)

Việt dịch: *Thích Bảo Lạc*

Pháp Bảo ấn tống – 1990

Toàn bộ tác phẩm Kinh này có 376 trang, gồm 10 quyển, 35 phẩm.

Nội dung như sau: - Lời căn khởi; Q.I, có 5 phẩm: P.1 Tựa, P.2 Thần lực, P.3 Vông minh, P.4 Như tướng, P.5 Bất tín; Q.II, có 6 phẩm: P.6 Niệm xứ, P.7 Phát tâm tức chuyển pháp luân, P.8 Hiện biên, P.9 Như Lai lực, P.10 Công đức, P.11 Phát tâm; Q.III, có 3 phẩm: P.12 Vô ưu, P.13 Trung

thuyết, P.14 Tổng tướng; Q.IV, có 2 phẩm: P.15 Thượng thanh tịnh, P.16 Tán hoa; Q.V, có 2 phẩm: P.17 Chúng tướng, P.18 Các phương; Q.VI, có 4 phẩm: P.19 Tam-muội, P.20 Cầu pháp, P.21 Tán thán đức, P.22 Nghịch hạnh; Q.VII, có 4 phẩm: P.23 Đắc niệm, P.24 Chánh kiến, P.25 Tán thán giáo hóa, P.26 Hủy hoại; Q.VIII, có 3 phẩm: P.27 Tập, P.28 Thần diệu, P.29 Thuận nghịch; Q.IX, có 4 phẩm: P.30 Bất thối chuyển, P.31 Vị pháp, P.32 Ca ngợi gặp gỡ, P.33 Kiên đức; Q.X, có 2 phẩm: P.34 Pháp môn, P.35 Phó chúc.

447. KINH HOÀNG ĐẠO QUẢNG HIỂN TAM-MUỘI

Hán dịch: *Trúc Pháp Hộ*

Việt dịch: *Thích Chánh Lạc*

Tác phẩm Kinh này gồm có 12 phẩm: P.1 Được tâm phổ trí, P.2 Thanh tịnh đạo, P.3 Đạo vô tập, P.4 Thịnh Như Lai, P.5 Hạnh vô dục, P.6 Do lòng tin tín gặp pháp, P.7 Chuyển pháp luân, P.8 Giải quyết các nghi nạn, P.9 Pháp nhãn không khởi, P.10 Các pháp yếu, P.11 Thọ phong bái, P.12 Chúc lụy pháp tạng.
(<https://phatphapungdung.com>, *Pháp bảo-Bộ Kinh tập*)

448. KINH HỘ TRÌ (Phân tích từ ngữ Pàli)

PARITTAPÀLI

Hiệu trưởng Tiến sĩ Sayadaw U Silànandàbhivamsa

Soạn dịch: *Tỳ-kheo Đức Hiền*

Nxb Tôn Giáo, PL. 2555 – DL. 2011

Sách có khổ 14 x 20cm, dày 383 trang, bìa cứng.

Nội dung gồm có 3 phần: Chữ viết tắt, Lời nói đầu của Soạn giả, Tiểu sử của Cố Hòa thượng Sayadaw U Silànandàbhivamsa, Lời giới thiệu của Cố Hiệu trưởng Sayadaw; *Phần I*. (Khai Kinh, Mở đầu

việc tụng Kinh mỗi ngày), 1. Namo Buddhaya – Kính lễ đức Phật, 2. Tisaranagamana – Quy y Tam bảo, 3. Buddhagunà – Ân đức Phật, 4. Buddhavandanà – Đánh lễ đức Phật, 5. Dhammagunà – Ân đức giáo pháp, 6. Dhammavandanà – Đánh lễ giáo pháp, 7. Sanghagunà – Ân đức Tăng chúng, 8. Sanghavandanà – Đánh lễ Tăng chúng; *Phần II* (Chánh Kinh, Tụng đọc theo ngày trong tuần), Chủ nhật. Parittaparikamma – Bồ cáo Kinh Hộ trì & 1. Mangalasutta – Kinh Hạnh phúc, Thứ hai. 2. Ratanasutta – Kinh Châu báu, Thứ ba. 3. Mettāsutta – Kinh Từ bi, Thứ tư. 4. Khandhasutta – Kinh Khandha, 5. Morasutta – Kinh Con công & 6. Vattasutta – Kinh Chim cú, Thứ năm. 7. Dhajaggasutta – Kinh Ngọn cò, Thứ sáu. 8. Àtànàtiyasutta – Kinh Àtànàtiya, Thứ bảy. 9. Angulimalasutta – Kinh Ngài Angulimāla, 10. Bojjhangasutta – Kinh Ngọn cò & 11. Pubbanhasutta – Kinh Buổi sáng; *Phần III*. (Hoàn mãn, Kết thúc việc tụng Kinh sau mỗi ngày), 1. Paccavekkhana – Bốn sự quán tưởng, 2. Mettābhāvanā – Phát triển Tâm từ, 3. Kàyagatāsati – Niệm thân, 4. Maranassati – Niệm sự chết, 5. Patthanā – Ước nguyện, 6. Lakkhanattayam – Tam tướng, 7. Buddhassa Bhagavato Ovāda – Giáo huấn của Đức Phật, 8. Pattidāna – Hồi hương phước báu, 9. Ratanattayapūjā – Cúng dường Tam bảo, *Bảng Tiếng Anh (English Section)*, Part I (Opening Chanting Ceremony), 1. Namo Buddhaya (Homage To The Buddha), 2. Taking Three Refuge (Tisaranagamana), 3. Nine Supreme Virtues of the Buddha (Buddhagunà), 4. Paying Homage to the Buddhas (Buddhavandanà), 5. Six Supreme Virtues of the Dhamma (Dhammagunà), 6. Paying Homage to the Dhamma (Dhammavandanà), 7. Nine Supreme

Virtues of the Sangha (Sanghagunà), 8. Paying Homage to the Sangha (Sanghavandanà); Part II (Main Daily Suttas), - Sunday: Preliminary (Parittaparikkamma) & 1. Mangalasutta, - Monday: 2. Ratanasutta, - Tuesday: 3. Mettāsutta, - Wednesday: 4. Khandhasutta, 5. Morasutta & 6. Vattasutta, - Thursday: 7. Dhajaggasutta, - Friday: 8. Àtànàtiyasutta, - Saturday: 9. Angulimàlasutta, 10. Bojjhangasutta & 11. Pubbanhasutta; Part III (Closing Chanting Ceremony), 1. Four Kinds of Contemplation (Paccavekkhana), 2. Meditation on the Loving-Kindness (Mettābhàvanà), 3. Contemplation of the Body (Kāyagatāsati), 4. Recollection on Death (Maranassati), 5. Aspiration (Patthanà), 6. Threefold Characteristics of Body-and-Mind (Lakkhanattayam), 7. Admonition of the Buddha (Buddhassa Bhagavato Ovàda), 8. Sharing of Merits (Pattidàna), 9. Dedication to the Triple Gem (Ratanattayapùjà); Thư mục từ Pàli, Sách tham khảo.

449. KINH HỒNG DANH SÁM HỐI

Sưu tập: *Thiện Anh Lạc*

Tác phẩm Kinh này gồm có: Quy y Tam bảo, Phát Bồ-đề tâm; Ý nghĩa sám hối; Phần Chánh văn: Hồng danh Sám hối. (<https://quangduc.com>, *Kinh-Hán tạng*)

450. KINH HỒNG DANH SÁM HỐI

Nxb Tôn Giáo – 2010

Tổ đình Linh Quang Tịnh xá, Q.4, Tp. Hồ Chí Minh

Kinh có khổ 14.5 x 20.5cm, có 96 trang, bìa mềm. Nội dung gồm có: Vào Nghi thức, Tán Phật, Quán tưởng, Tán lư hương, Các Chơn ngôn..., Phụng thỉnh Bát Kim Cang, Phụng thỉnh Tứ Bồ-tát, Phát nguyện tán, Vân hà phạm, Niệm Khai

Kinh kệ, Nam-mô Đại bi Hội thượng Phật Bồ-tát, Chí tâm đánh lễ, Nam-mô Hồng danh hội thượng Phật Bồ-tát, 1. Tán tán công đức của chư Phật, 2. Quy y Tam bảo, 3. Phát tâm Tồi thượng thừa, 4. Quy y Vô tận Tam bảo, 5. Xưng dương 10 đức hiệu Phật, 6. Lễ 89 hiệu Phật, 7. Sám hối tội lỗi, 8. Hồi hướng căn lành, 9. Tổng kết hai đoạn trước, 10. Kính lễ chư Phật, 11. Xưng tán Như Lai, 12. Quảng tu cúng dường, 13. Sám hối nghiệp chướng, 14. Tùy hỷ công đức, 15. Thỉnh chuyển Pháp luân, 16. Thỉnh Phật trụ thế, 17. Phổ giai hồi hướng, 18. Qui nhơn thừa và tổng kết; Thất Phật diệt tội Chơn ngôn, Ma-ha Bát-nhã Ba-la-mật-đa Tâm Kinh, Sám hối nguyện, Hồi hướng, Phục nguyện, Phổ nguyện, Tam tự Quy y.

451. KINH HỒNG DANH TAM THIÊN PHẬT

Hán dịch: *Tam tạng Pháp sư Bồ-đề-lưu-chi*

Việt dịch: *Thích Minh Huệ*

Chứng minh: *HT. Thích Trí Tịnh*

Nxb Tôn Giáo, PL. 2546 – DL. 2002.

Kinh có khổ 15 x 23cm, có 174 trang. Nội dung gồm: Tán lư hương, Khai Kinh kệ, *Phật thuyết Phật danh Kinh* (gồm có ba ngàn hồng danh các đức Phật).

Tác phẩm Kinh này đã được chùa Vạn Đức (Thủ Đức) ấn tống năm PL. 2507 – DL. 1963, có 184 trang, bìa mềm.

452. KINH KALAMA: LỜI PHẬT DẠY CHO NGƯỜI KALAMA (KALAMA SUTRA: THE INSTRUCTION TO THE KALAMAS)

Translated from the Pali by Soma Thera

Chuyển ngữ: *Nguyễn Văn Tiến*

Tác phẩm Kinh này gồm có, Kinh văn: Người Kalama ở Kesaputta đến nghe Đức Phật giảng dạy, Người Kalama ở

Kesaputta xin Đức Phật giảng dạy, Tiêu chuẩn để bác bỏ, Tham lam-sân hận và si mê, Tiêu chuẩn để chấp nhận, Không tham lam, không sân hận và không si mê, Bốn cách sống hạnh phúc (Sống theo bốn cách: Từ bi hỷ xả), Bốn niềm vui (Nhờ có niềm an ủi và có sự hỗ trợ), (Người Kalama trả lời Đức Phật qua những đoạn văn dưới đây); Kalama Sutra (Bản Anh ngữ). (<https://thuvienhoasen.org>, *Kinh-Giảng giải Kinh*)

453. KINH KIẾN CHÁNH

Chứng minh: Hòa thượng Pháp chủ Giáo Hội Tăng-già Trung Việt Giáo hội Tăng-già Trung Việt ấn hành, PL. 2516 – DL. 1972
In tại Nhà in Liên Hoa (Huế), Kiểm duyệt số 527 ngày 18-?-1956
Kinh có 16 trang, bìa mềm, nền màu hường, chữ tựa màu xanh dương, có hình chữ Phạn trong vòng tròn. Nội dung gồm có: Lời nói đầu, *Phật nói Kinh Kiến Chánh*. (Bản lưu tại Thư viện Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam tại Tp. Hồ Chí Minh; Mã sách: Vie 2140)

454. KINH KIM CANG

Dịch giải:
Tỳ-kheo Trí Quang (1923-2019)
Nxb Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh – 2010
Kinh có khổ 14 x 20cm, dày 398 trang.
Tác phẩm này gồm có 3 phần chính: 1. Kinh Kim Cang Bát-nhã có 52 đoạn (dịch theo thể kệ 4 chữ), Hồi hướng; 2. Phần lễ bái (có 52 lạy Kim Cang Bát-nhã); 3. Phần dịch chú.
Tác phẩm Kinh này in lần đầu năm 1987 (bản đánh máy), với nhan đề là “Kim Cương”; tái bản nhiều lần: Năm 2003, Nxb Tôn Giáo, với nhan đề là “Kinh Kim Cương”; năm 2012, Nxb Tổng hợp Tp. Hồ

Chí Minh, dày 398 trang, bìa cứng, có bìa bao, chữ tựa màu vàng.

455. KINH KIM CANG

Lược giảng: *HT. Tuyên Hóa (1918-1995)*
Tổng Hội Phật giáo Pháp Giới – Vạn Phật Thánh Thành ấn hành.
Kinh dày hơn 333 trang, nội dung gồm 3 chương: Kinh văn, Phần giới thiệu; C.I, Giải thích tổng quát về tên Kinh; C.II, Dịch giả, Ngài Tam Tạng Pháp sư Crama-la-thập; C.III, Biệt giảng văn nghĩa (gồm có 32 phẩm *Kinh Kim Cang*); Vài nét về Vạn Phật Thánh Thành (The Sagely City of Ten Thousand Buddhas), Sơ lược về Hòa thượng Tuyên Hóa, Mười tám Đại nguyện của Hòa thượng Tuyên Hóa.
Xem: (32 phẩm) Kinh Kim Cang Bát-nhã Ba-la-mật

456. KINH KIM CANG BÁT-NHÃ

Bhikkhu Thích Thái Hòa
Chứng minh: *Đại lão HT. Thích Huyền Quang*
Chùa Phước Duyên (Huế), PL. 2551 – DL. 2007
Kinh dày 232 trang, bìa cứng. Nội dung gồm có: Phạn văn bản Devanagari, Bản Việt dịch từ Phạn văn, Bản Hán của ngài La-thập dịch, Bản Hán phiên âm Việt, Bản Việt dịch từ Hán.

457. KINH KIM CANG BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT

Trình bày Hán – Việt – Anh
Soạn dịch và chú giải: *Đoàn Trung Còn và Nguyễn Minh Tiến*
Nxb Tôn Giáo – 2006. Kinh có khổ 14.5 x 20.5cm, dày 160 trang, bìa mềm. Nội dung gồm có: - Lời nói đầu, - Phần Việt ngữ, - Phần Anh ngữ, - Phần Hán ngữ và Phần dịch âm.

458. KINH KIM CANG BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT

Hán dịch: *Tam tạng Pháp sư Cưu-ma-la-thập (Kumàrajiva, 344-413)*

Việt dịch: *Tỳ-kheo Thích Duy Lực (1923-2000)*

Từ Ấn Thiên đường (Hoa Kỳ) xuất bản. Toàn bộ tác phẩm Kinh này gồm có 3 phần, 32 đoạn. – Lời dịch giả; Phần I, có 9 đoạn: 1. Pháp hội nhân do, 2. Thiện hiện khởi thỉnh, 3. Đại thừa chánh tông, 4. Diệu hạnh vô trụ, 5. Như lý thật kiến, 6. Chánh tín hy hữu, 7. Vô đắc vô thuyết, 8. Y pháp xuất sanh, 9. Nhất tướng vô tướng; Phần II, có 8 đoạn (tt): 10. Trang nghiêm Tịnh độ, 11. Vô vi phước thắng, 12. Tôn trọng chánh giáo, 13. Như pháp thọ trì, 14. Ly tướng tịch diệt, 15. Trì kinh công đức, 16. Năng tịnh nghiệp chướng, 17. Cứu kính vô ngã; Phần III, có 15 đoạn (tt): 18. Nhất thể đồng quán, 19. Pháp giới thông hóa, 20. Ly sắc ly tướng, 21. Phi thuyết sở thuyết, 22. Vô pháp khả đắc, 23. Tịnh tâm hành thiện, 24. Phước trí vô tỉ, 25. Hóa vô sở hóa, 26. Pháp thân phi tướng, 27. Vô đoạn vô diệt, 28. Bất thọ bất tham, 29. Oai nghi tịch tịnh, 30. Nhất hợp tướng lý, 31. Tri kiến bất sanh, 32. Ứng hóa phi chơn.

459. KINH KIM CANG BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT

Hán dịch: *Tam tạng Pháp sư Cưu-ma-la-thập (Kumàrajiva, 344-413)*

Việt dịch và lược giải: *HT. Thích Thiện Hoa (1918-1973)*

Tác phẩm Kinh này gồm có 10 bài giảng chính: - Lời tựa, Bài 1. Đề mục kinh, Tên tác giả; A. Phần tự; Bài 2. B. Phần chánh tôn; Bài 3, Bài 4, Bài 5, Bài 6, Bài 7, Bài 8, Bài 9 và Bài 10; C. Phần lưu thông. (*Trích Phật Học Phổ Thông, Q.3, Nxb Tôn Giáo - 2005*)

460. KINH KIM CANG BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT

Việt dịch: *Tỳ-kheo Như Minh*

Nxb Tôn Giáo – 2014

Kinh có khổ 14.5 x 20.5cm, có hơn 15 trang, bìa mềm. Nội dung gồm có: Lời nói đầu, Phần Nghi thức khai Kinh, Niệm hương lễ bái, Cúng hương, Tán Phật, Quán tưởng, Chí tâm đánh lễ, Tán hương, Phụng thỉnh Bát Kim Cang, Phụng thỉnh Tứ Bồ-tát, Phát nguyện văn, Khai Kinh kệ, Phần Chánh Kinh, Kinh Kim Cang Bát-nhã Ba-la-mật.

461. KINH KIM CANG BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT – Trọn bộ 2 Quyển

Giảng giải: *Tỳ-kheo Thích Tuệ Hải*

Nxb Tôn Giáo – 2013

Kinh có khổ 15 x 21cm, 2 quyển dày hơn 428 trang, bìa mềm, có tay gấp, chữ tựa mạ vàng, có hình tượng Đức Phật tay kiết ấn, có hộp đựng 2 quyển.

Quyển I, dày hơn 233 trang, gồm có 4 phần, 14 đoạn (Đ). Phần I. Lời mở đầu, Phần II. Lược khảo, Phần III. Ý nghĩa của tên Kinh Kim Cang, Phần IV. Giải nghĩa chánh văn Kinh Kim Cang: Đ.1 Nguyên do của Pháp hội, Đ.2 Thiện hiện thưa hỏi, Đ.3 Chánh tông của Đại thừa, Đ.4 Diệu hạnh không chỗ trụ, Đ.5 Thấy lẽ thật đúng lý, Đ.6 Chánh tín ít có (Người tin đúng rất ít có), Đ.7 Không được không nói, Đ.8 Y nơi chánh pháp mà sanh ra các quả vị, Đ.9 Một tướng không tướng, Đ.10 Trang nghiêm Tịnh độ, Đ.11 Phước vô vi là hơn hết, Đ.12 Tôn trọng Kinh điển chơn chánh, Đ.13 Đúng pháp thọ trì, Đ.14 Là tướng tịch diệt (trong mỗi đoạn có: chánh văn và lược giải);

Quyển II, dày 195 trang, từ Đ.15 đến Đ.32. Nội dung: Đ.15 Công đức trì Kinh, Đ.16 Hãy làm sạch các Nghiệp chướng, Đ.17 Tột cùng không có ngã, Đ.18 Đồng

quán có một thể, Đ.19 Pháp tướng thông suốt không bị ngăn trở, Đ.20 Lìa sắc lìa tướng, Đ.21 Không năng thuyết và sở thuyết, Đ.22 Không pháp có thể được, Đ.23 Tâm trong sạch làm việc thiện, Đ.24 Phước trí không gì sánh bằng, Đ.25 Giáo hóa không giáo hóa, Đ.26 Pháp thân chẳng phải tướng, Đ.27 Không đoạn không diệt, Đ.28 Không thọ không tham trước, Đ.29 Bốn oai nghi đến tịch tĩnh, Đ.30 Ly một hợp tướng, Đ.31 Tri kiến chẳng phải sanh, Đ.32 Ứng hóa không phải thật (trong mỗi đoạn có: chánh văn và lược giải).

462. KINH KIM CANG BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT (diễn âm-diễn nghĩa)

Dịch giả: *Trí Tịnh (1917-2014)*

In tại Nhà in Thạnh Mậu (Gia Định), Ấn tống PL. 2512 – DL. 1949

Kinh có khổ 15.5 x 22cm, có 86 trang, bìa mềm, nền màu nâu đỏ, chữ tựa màu đỏ nhạt, 2 chữ Kim Cang mạ vàng; (Bà Grégoire Võ Thành, nhũ danh Cao Thị Hai, pháp danh: Diệu Phước ấn tống).

Tác phẩm Kinh này gồm có: Nghi thức tụng kinh, niệm Phật; Kim Cang nghi thức; *Kim Cang kinh* (dịch âm, có 32 phần) và *Kinh Kim Cang Bát-nhã Ba-la-mật* (dịch nghĩa). Sau cùng là phần Thích nghĩa, Sám Di-đà, Sám Hồ quì.

Xem: (32 phần) Kinh Kim Cang Bát-nhã Ba-la-mật-đa

Kinh này được tái bản Lưu hành nội bộ năm 2002; năm 2018, Nxb Hồng Đức, 15.5 x 23.5cm, có 87 trang, bìa mềm, nền màu vàng cam, chữ tựa màu đỏ, có hình hoa sen góc phải phía dưới, với nhan đề “Kinh Kim Cang Bát-nhã Ba-la-mật”.

463. KINH KIM CANG BÁT-NHÃ Tinh Yếu Giảng Luận

Bảo Lạc Tùng Thư

Việt dịch: *Thích Bảo Lạc*

Pháp Bảo – Sydney ấn tống, PL. 2545 – DL. 2002

Kinh dày hơn 300 trang. Nội dung gồm có: Lời nói đầu, Lời tựa; Quyển bảy, và 27 đoạn *Kinh Kim Cang Bát-nhã* giảng luận.

464. KINH KIM CANG ĐÁNH DU-GIÀ LÝ THỨ BÁT-NHÃ

Đại Chánh (Taisho) vol. 8, no. 241

Hán dịch: *Kim Cang Trí*

Phiên âm và lược dịch: *Nguyễn Tánh và Nguyễn Hiển*

Việt dịch (2006): *Chùa Châu Lâm*

Tuệ Quang Wisdom Light Foundation

Tác phẩm Kinh này có 44 trang (PDF).

(<https://hoavouu.com>, *Sách Phật học-PDF*)

465. KINH KIM CANG ĐỈNH NHỨT THIẾT NHƯ LAI CHƠN THỰC NHIẾP ĐẠI THỪA HIỆN CHỨNG ĐẠI GIÁO VƯƠNG

Hán dịch: *Bát Không*

Việt dịch: *Huyền Thanh*

Toàn bộ tác phẩm Kinh này gồm có 2 quyển, 4 phần: Quyển thượng, I. Thâm diệu bí mật Kim Cương giới Tam-muội-gia tu tập Du-già nghi; Quyển hạ, II. Tỳ-lô-già-na nhất thiết Như Lai trụ bí mật tâm địa ấn chân ngôn yết-ma bộ, III. Tỳ-lô-già-na nhất thiết Như Lai tộc bí mật tâm địa ấn chân ngôn tam-muội-gia bộ, IV. Tỳ-lô-già-na nhất thiết Như Lai tộc bí mật tâm địa ấn chân ngôn-cúng dường bộ. (<https://phatphapungdung.com>, *Pháp bảo-Bộ Mật giáo*)

466. KINH KIM CANG

Giác Nghĩa Đoạn Nghi

COMMENTARY ON THE DIAMOND SUTRA By Han Shan

Translated by Charlesluk Bi-lingual Edition Vietnamese-English

Thiền sư Hám Sơn

Việt dịch: *Nguyễn Hiến*

Nxb Tôn Giáo – 2008. Kinh có khổ 14 x 20cm, có hơn 161 trang, bìa mềm.

Nội dung gồm có: Lời ghi chú, Nhân dịp tái bản năm 2008 (PL. 2552), Lời giới thiệu, Bài tựa của ngài Hám Sơn, *Kinh Kim Cang Giác Nghĩa Đoạn Nghi*, Phần I; Phần II; Phụ bản Anh ngữ - The Diamond Cutter of Doubts, Foreword, Preface, The Diamond Cutter of Doubts, Part I, Part II.

467. KINH KIM CANG Giảng Giải

Giảng giải: *HT. Thích Thanh Từ*

Nxb Tp. Hồ Chí Minh – 1999

Kinh có khổ 14 x 20cm, dày 262 trang, bìa mềm.

Toàn bộ Kinh này gồm có 32 đoạn, mỗi đoạn có 3 phần: phiên âm, dịch nghĩa và giảng. Phần đầu là Lược khảo: - Những nhà phiên dịch Phạn-Hán, - Những nhà só giải, - Những nhà phiên dịch Hán Việt, - Sự liên hệ giữa kinh Kim Cang và Thiền tông. Phần chính: Đề kinh, Kim Cang Bát-nhã Ba-la-mật. Các đoạn: 1. Nguyên do của pháp hội, 2. Thiện hiện thừa hỏi, 3. Chánh tông của Đại thừa, 4. Điều hạnh không chỗ trụ, 5. Thấy lẽ thật đúng lý, 6. Chánh tín ít có, 7. Không được-không nói, 8. Ý nơi chánh pháp mà sanh ra tất cả quả vị, 9. Một tướng không tướng, 10. Trang nghiêm Tịnh độ, 11. Phước vô vi là hơn hết, 12. Tôn trọng kinh điển chân chánh, 13. Đúng pháp thọ trì, 14. Là tướng tịch diệt, 15. Công đức trì kinh, 16. Hay làm sạch các nghiệp chướng, 17. Tột cùng không có ngã, 18. Đồng quán có một thể, 19. Pháp giới thông suốt không bị ngăn trở, 20. Là sắc-lìa tướng, 21. Không năng thuyết và sở thuyết, 22. Không pháp có thể được, 23. Tâm trong sạch làm việc thiện, 24. Phước trí không già sánh bằng, 25. Giáo hóa không có chỗ giáo hóa, 26. Pháp

thân chẳng phải là tướng, 27. Không đoạn-không diệt, 28. Không thọ, không tham trước, 29. Bốn oai nghi đều tịch tĩnh, 30. Lý một hợp tướng, 31. Tri kiến chẳng sanh, 32. Ứng hóa không phải thật.

Tác phẩm Kinh này được tái bản nhiều lần: Năm 1997, THPG Tp. Hồ Chí Minh ấn hành; các năm 2003, 2005, 2009, 2010, Nxb Tôn Giáo; năm 2017, Nxb Hồng Đức.

468. KINH KIM CANG Giảng Giải

Giảng giải: *Thích Trúc Thông Quang*

Thiền viện Trúc Lâm Tuệ Quang – PL. 2550 (Lưu hành nội bộ)

Nội dung gồm có: Duyên khởi, Ý nghĩa của tên Kinh; và 32 Đoạn *Kinh Kim Cang* giảng giải.

469. KINH KIM CANG Giảng Lục

Giảng giải: *Thái Hư Đại sư (1889-1947)*

Việt dịch: *Thích Huệ Hưng (1917-1990)*

Nxb Hồng Đức – 2020

Kinh có khổ 14.5 x 20.5cm, dày 214 trang. Nội dung gồm có: Lời nói đầu, *Kinh Kim Cang Bát-nhã Ba-la-mật giảng lục*, gồm 32 phẩm Kinh Kim Cang, mỗi phẩm có: Kinh văn âm Hán-Việt, dịch nghĩa và giảng giải.

Xem: (32 phẩm) Kinh Kim Cang

Tác phẩm Kinh này đã được Phật Quang xuất bản năm PL. 2500 – DL. 1956, In tại Nhà in Việt Liên (Sài Gòn), Giấy phép số 1491/TXB của N.T.T.N.V., có 101 trang, bìa mềm; năm 1991, THPG Tp. Hồ Chí Minh ấn hành.

470. KINH KIM CANG Giảng Lục

Giảng giải: *TT. Thích Thông Phương*

Nxb Tôn Giáo – 2004

Toàn bộ tác phẩm Kinh này gồm có 32 đoạn: - Lời đầu sách, Lời dẫn, Giải đề Kinh, Giải về Người dịch, Vào văn Kinh; 1. Nguồn gốc pháp hội, 2. Thiện hiện khai

thỉnh, 3. Chánh tông của Đại thừa, 4. Diệu hạnh vô trụ, 5. Thật thấy đúng như lý, 6. Chánh tín ít có, 7. Không được không nói, 8. Y pháp sinh ra, 9. Một tướng vô tướng, 10. Trang nghiêm Tịnh độ, 11. Phước vô vi thù thắng, 12. Tôn trọng chánh giáo, 13. Đúng như pháp thọ trì, 14. Tịch diệt lia tường, 15. Công đức trì Kinh, 16. Hay sạch nghiệp chướng, 17. Rốt ráo vô ngã, 18. Đồng quán một thể, 19. Hóa thông cả pháp giới, 20. Lìa sắc lia tướng, 21. Chẳng phải thuyết-sở thuyết, 22. Không pháp có thể được, 23. Tịnh tâm hành thiện, 24. Phước trí không sánh, 25. Giáo hóa không chỗ giáo hóa, 26. Pháp thân chẳng phải tướng, 27. Không đoạn không diệt, 28. Chẳng thọ chẳng tham, 29. Uy nghi tịch tĩnh, 30. Lý nhất hợp tướng, 31. Tri kiến chẳng sinh, 32. Ứng hóa chẳng phải chân.

Kinh này được tái bản năm 2011, Nxb Tôn Giáo.

471. KINH KIM CANG - Giảng Nghĩa Từng Đoạn Thiết Yếu

Giảng giải: *HT. Tịnh Không*
 Việt dịch: *Thích Nhật Chiêu*
 Nxb Tôn Giáo, PL. 2556 – DL. 2012
 Kinh có khổ 14.5 x 20.5cm, dày 400 trang, bìa mềm. Nội dung gồm có 5 quyển: *Kinh Kim Cang Giảng nghĩa Từng đoạn Thiết yếu, Quyển một, ... đến Quyển năm*; Chánh văn bản chữ Hán từng đoạn phiên âm và dịch nghĩa.

472. KINH KIM CANG – KIM CANG BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT KINH – âm nghĩa

Hán dịch: *Tam tạng Pháp sư Cưu-ma-la-thập (Kumarajiva, 344-413)*
 Việt dịch và chú giải: *Đoàn Trung Còn và Nguyễn Minh Tiến*
 Nxb Tôn Giáo – 2015

Kinh có khổ 16 x 24cm, có 87 trang, bìa mềm, nền đỏ, có khung bao hoa văn bốn góc, có hình hoa sen ở dưới tựa Kinh, chữ tựa màu vàng và màu trắng. Nội dung gồm có: Nghi thức khai Kinh, Niệm hương, Tụng chú,... Khai Kinh kệ, Phần dịch âm, *Kim Cang Bát-nhã Ba-la-mật Kinh*, Bát-nhã Vô tận chơn ngôn, Kim Cang Tâm chân ngôn,... Ma-ha Bát-nhã Ba-la-mật-đa Tâm Kinh, Vãng sanh Quyết định chân ngôn, Hồi hướng, Tam tự Quy y; Phần dịch nghĩa, *Kinh Kim Cang Bát-nhã Ba-la-mật-đa*.

473. KINH KIM CANG KHỦNG BỐ TẬP HỘI PHƯƠNG QUẢNG QUỶ NGHI QUÁN TỰ TẠI BỒ-TÁT TAM THỂ TỐI THẮNG TÂM MINH VƯƠNG

Hán dịch: *Bát Không*
 Việt dịch: *Huyền Thanh*
 Tác phẩm Kinh này gồm có 9 phẩm: P.1 Tựa, P.2 Việc thành tựu, P.3 Thành tựu báu như ý, P.4 Trị liệu tất cả bệnh, P.5 Tất cả hữu tình kính niệm, P.6 Thành tựu nghĩa lợi, P.7 Thành tựu nghi quỹ, P.8 Phổ thông thành tựu, P.9 Thành tựu tâm chân ngôn. (<https://phatphapungdung.com>)
Pháp bảo-Bộ Mật giáo

474. KINH KIM CANG TAM-MUỘI

Dịch và chú giải: *Thích Thái Hòa*
 Chùa Phước Duyên (Huế) ấn hành,
 PL. 2557 – DL. 2013
 Toàn bộ tác phẩm Kinh này dày hơn 287 trang; nội dung gồm có 8 phẩm chính: - Giới thiệu Kinh Kim Cang Tam-muội: Kinh bản và huyền thoại, Ý nghĩa đề Kinh, Đặc điểm của Kinh Kim Cang Tam-muội, 1. Tông yếu, 2. Giáo học, 3. Pháp hành, 4. Quả vị; Kinh Kim Cang Tam-muội: P.1 Tựa, P.2 Pháp vô tướng, P.3 Hành vô sanh, P.4 Lợi ích từ bản giác, P.5 Vào bến

bờ chân thực, P.6 Chân tánh không, P.7 Như Lai tạng, P.8 Tổng trì; Thư mục tham khảo.

475. KINH KIM CANG Tông Thông

Hán dịch: *Tam tạng Pháp sư*

Cru-ma-la-thập (Kumàrajiva, 344-413)

Tông thông: *Tăng Phụng Nghi*

Việt dịch: *Thích nữ Tuệ Đăng*

Nxb Phương Đông – 2009. Kinh có khổ 14 x 20cm, dày hơn 302 trang, bìa mềm. Nội dung Kinh này gồm có 27 đoạn: - Kinh Kim Cang tông thông duyên khởi; - Kim Cang Bát-nhã Ba-la-mật-đa tông thông; 1. Đoạn nghi vì cầu tướng hảo Phật nên thực hành bồ thí trụ tướng; 2. Đoạn nghi không tin sâu nhân quả; 3. Đoạn nghi vô tướng thì làm sao đắc, làm sao thuyết; 4. Đoạn nghi Thanh văn đắc quả là thủ chứng; 5. Đoạn nghi Thích-ca, Nhiên Đăng có thủ chứng, có thuyết pháp; 6. Đoạn nghi trang nghiêm cõi Phật trái với chẳng thủ; 7. Đoạn nghi thọ được báo thân là có thủ đắc; 8. Đoạn nghi thọ trì giảng thuyết chưa thoát quả khổ; 9. Đoạn nghi này chứng vô thể chẳng phải nhân; 10. Đoạn nghi chân như có đắc, có bất đắc; 11. Đoạn nghi trụ tu hàng phục là ngã; 12. Đoạn nghi Phật nhân là có Bồ-tát; 13. Đoạn nghi không nhân thì không có Phật pháp; 14. Đoạn nghi không người hóa độ chúng sinh, trang nghiêm cõi Phật; 15. Đoạn nghi chư Phật chẳng thấy các pháp; 16. Đoạn nghi phước đức sánh với tâm điên đảo; 17. Đoạn nghi vô vi đâu có tướng hảo; 18. Đoạn nghi không có thân lấy gì thuyết pháp; 19. Đoạn nghi không có pháp thì làm sao tu chứng; 20. Đoạn nghi sở thuyết vô ký chẳng phải nhân; 21. Đoạn nghi bình đẳng làm sao độ chúng sinh; 22. Đoạn nghi lấy tướng so sánh để biết chân Phật; 23. Đoạn nghi Phật quả chẳng liên quan đến phước tướng; 24.

Đoạn nghi hóa thân xuất hiện thọ tướng phước báo; 25. Đoạn nghi pháp thân, hóa thân là một hay khác; 26. Đoạn nghi hóa thân thuyết pháp không có phước; 27. Đoạn nghi nhập Niết-bàn làm sao thuyết pháp.

476. KINH KIM CANG THỌ MẠNG VÀ KINH BÁT DƯƠNG

Nxb Tôn Giáo – 2008

Kinh có khổ 11.5 x 15.5cm, có 114 trang, bìa mềm.

Tác phẩm Kinh này gồm có: Nghi thức tụng Kinh, Cúng hương, Kỳ nguyện, Tán thán Phật, Quán tướng, Đánh lễ, Đại bi thần chú, Khai Kinh kệ; *Phật nói Kinh Nhất thế Như Lai Kim cang Thọ mạng Đà-la-ni* (Hán dịch: Tam tạng Kim Cang Trí và Sa-môn Trì Tạng); *Phật nói Kinh Thiên địa Bát dương* (Hán dịch: Tam tạng Pháp sư Cru-ma-la-thập (Kumarajiva, 344-413), Phần I. Trong Pháp hội thành tựu, Phần II. Khai bày việc chánh kiến, Phần III. Vấn đề chánh đạo, an tử, tấn, táng, Phần IV. Thế đề cưới gả, Phần V. Nói về tên Kinh Bát dương, Phần VI. Lời phú chúc, Phần VII. Chứng ngộ chỗ mầu nhiệm, Phần VIII. Đồng phụng hành thủ hộ, Lời các ông Bồ-tát khen Phật, Lời khen Kinh Bát dương này, Nghi thức Hồi hướng, Ma-ha Bát-nhã Ba-la-mật-đa Tâm Kinh, Bạt nhưt thiết Nghiệp chương căn bản đắc sanh Tịnh độ Đà-la-ni, Sám Thập phương, Hồi hướng, Phục nguyện, Tam Quy y, Đôi lời khuyên nhủ, Các ngày vía Phật và Bồ-tát hằng năm, Những ngày chay.

Tác phẩm Kinh này đã in xuất bản từ năm: 1950, 1974 do Liên Hoa Tịnh thất ấn hành.

477. KINH KIM CANG Trọn Bộ

Thuyết giảng:

HT. Tuyên Hóa (1918-1995)

Nxb Tôn Giáo – 2006

Kinh có khổ 14 x 20cm, dày 380 trang, bìa mềm, chữ tựa màu đỏ và trắng.

Nội dung gồm có: Kinh Kim Cang – Phần Kinh văn; Kinh Kim Cang - Phần chú giải; C.I Giải thích tổng quát về tên Kinh, C.II Dịch giả: Diêu Tần Tam tạng Pháp sư Cưu-ma-la-thập, C.III Biệt giảng văn nghĩa, có 32 phần.

Xem: (32 phần) Kinh Kim Cang Bát-nhã Ba-la-mật

478. KINH KIM CANG & BÁT-NHÃ TÂM KINH

Edward Conze

Việt dịch: *Thích Nhuận Châu*

Việt – Hán – Phạn – Anh

(Đối chiếu–so sánh–chú giải)

Nxb Phương Đông – 2016. Kinh có khổ 13 x 20.5cm, dày 363 trang, bìa mềm.

Nội dung gồm có: Lời nói đầu cho ấn bản lần thứ nhất, *Kinh Kim Cang*, 1. Dẫn nhập, 2. Công hạnh của hàng Bồ-tát, 3. Thứ bậc của đời sống tâm linh, 4. Kết thúc phần đầu, 5. Tính chất siêu nghiệm, 6. Bồ-tát, 7. Đức Phật, 8. Lời khuyên cho những điều chưa trọn vẹn, 9. Kết luận của phần thứ hai; *Bát-nhã Tâm Kinh Hrdaya*, Kinh văn Sanskrit, I. Đánh lễ, II. Mở đầu, III. Biện chứng pháp của Tánh không tầng thứ nhất, IV. Biện chứng pháp của Tánh không tầng thứ hai, V. Biện chứng pháp của Tánh không tầng thứ ba, VI. Hiện thân cụ thể của tánh không và nền tảng thực tiễn của nó, VII. Tánh không cũng là nền tảng của Phật quả, VIII. Giáo pháp được đề xuất trong phạm vi tiếp cận tương đối chưa sáng tỏ; Phụ lục: 1. Tranh bìa của ấn bản Đôn Hoàng, 2. Kinh Kim Cang bản tiếng Phạn, 3. Kinh Kim Cang bản tiếng Hán, Chữ viết tắt trong sách này, Thuật ngữ đối chiếu, Sách dẫn.

479. KINH KIM CANG & CHÁNH PHÁP chưa từng có

HT. Thích Huyền Vi

Nxb Tôn Giáo, PL. 2554 – DL. 2010

Kinh có khổ 14.5 x 20.5cm, dày 465 trang, bìa cứng, chữ tựa mạ vàng.

Nội dung gồm có: Lời đầu sách, I. Kinh sám Kim Cang, Chú giải Kinh Kim Cang, I. Giảng nói tên Kinh, II. Lịch sử Kim Cang, III. Lược sử ngài Tam tạng Pháp sư Cưu-ma-la-thập, IV. Phân giới hạn thuyết giảng, V. Nguyên do Pháp hội thuyết giảng, VI. Thuyết vào bản Kinh; và 32 phần Kinh; II. Kinh Chánh Pháp chưa từng có, gồm 6 quyển; III. Phụ trang – Lược sử Đức Thế Tôn, Giáng sinh, Xuất gia, Khổ hạnh, Thành đạo, Thuyết pháp; Tâm Kinh Bát-nhã Ba-la-mật, Sơ lược Tiểu sử HT. Thích Huyền Vi, Cùng một soạn giả/dịch giả.

Xem: (32 đoạn) Kinh Kim Cang Bát-nhã Ba-la-mật

480. KINH KIM CANG Yếu Nghĩa

Giảng giải: *Pháp sư Tịnh Không*

Việt dịch: *Đệ tử Như Hòa*

Nxb Hồng Đức – 2013

Kinh có khổ 14.5 x 20.5cm, có 90 trang, bìa mềm. Nội dung gồm: A. Sanh tâm vô trụ, 1. Mục đích của Phật thất, 2. Đạo ở trong sinh hoạt hằng ngày, 3. Làm thế nào “an tâm đoạn vọng”, 4. Vạn pháp là tướng tương tục (tiếp nối) của nhân quả, 5. Đoạn ác tu thiện trong đời sống; B. Áo tướng của duyên sanh, đương thể tức không, 1. Bồ thí vô trụ, 2. Quy hướng Cực Lạc Tịnh Độ, 3. Chư pháp đều không-nhân quả chẳng không, 4. Hễ những gì có tướng đều là hư vọng, 5. Chánh pháp còn nên xả, huống hồ là phi pháp; C. Lìa khỏi bốn tướng, tin nhân quả, 1. Rộng kết thiện duyên và pháp duyên, 2. Đức Phật vạn đức

vạn năng, 3. Lìa bốn tướng-hiểu rõ sự lý-tin nhân quả; D. Tôn đức Phật A-di-đà làm thầy, 1. Pháp môn bình đẳng, 2. Thân cận thiện tri thức, 3. Đứng lời kéo tín đồ, đứng hóa duyên, 4. Pháp môn vô lượng chỉ chọn một môn, 5. Lời dạy học nghệ thuật hóa trong Phật giáo, 6. Tôn Phật làm thầy; E. Vũ trụ nhân sanh chỉ là mộng huyễn bào ảnh, 1. Thọ trì một câu kệ hơn cả bố thí thất bảo, 2. Hoằng pháp phải địa phương hóa và hiện đại hóa, 3. Cảnh cũ lá mới-tùy duyên thuyết pháp, 4. Ăn chay vệ sinh, vệ tánh, vệ tâm (bảo vệ sinh thái, bảo vệ tánh đức, bảo vệ tâm tánh), 5. Vũ trụ nhân sanh chỉ là mộng huyễn bào ảnh.

481. KINH KIM CƯƠNG

Dịch giải: *Thích Trí Quang (1923-2019)*

Nxb Tp. Hồ Chí Minh – 1994

Kinh có khổ 13 x 19cm, dày hơn 263 trang, bìa mềm, chữ tựa màu trắng.

Nội dung Kinh này gồm có: (Lời cầu nguyện), Phần tụng niệm, Phần lược giải, Bảng viết tắt, Mục lục;

Dẫn nhập: 1. Kinh Kim Cương, 2. Tài liệu tham khảo để dịch giải Kim Cương, 3. Vài dòng về dịch chủ La-thập và ngài Tăng Triệu, 4. Cách dịch và cách giải Kim Cương được áp dụng, 5. Đại thể của Kim Cương, 6. Đối tượng của Kim Cương, 7. Nội dung của Kim Cương, a. Ý nghĩa danh hiệu Kim Cương Bát-nhã Ba-la-mật, b. Ngã chấp trong Kim Cương, c. Bát-nhã của Kim Cương, d. Phát tâm, Trú tâm và Hàng tâm, 8. Kim Cương: Đại thừa và Tiểu thừa, a. Vấn đề Phật, b. Vấn đề chúng sinh thành Phật, c. Vấn đề Niết-bàn, 9. Thực hành Kim Cương, 10. Vị trí của Kim Cương, 11. Ghi chú phần dẫn nhập;

Lược giải, Kim Cương dịch thành 1544 câu, chia thành 52 đoạn, phân khoa có 5 lớp, đánh dấu bằng 5 chữ: Kinh-Kim-Cương-Bát-Nhã. Kim Cương có 3 Kinh:

Kinh 1. Mở đầu, có 2 Kim, Kim 1. Mở đầu như các Kinh khác (Đoạn 1), Kim 2. Mở đầu bằng hai câu hỏi đáp căn bản (Đoạn 2-6); Kinh 2. Nội dung, có 3 Kim: Kim 1. Như thật tri kiến về đối tượng, Kim 2. Như thật tri kiến về Tuệ giác, Kim 3. Như thật tri kiến về chủ thể; Kinh 3. Kết thúc; a. Kim 1. Kết thúc với 2 câu hỏi đáp căn bản, a1. Cương 1. Kết thúc với 2 câu hỏi đáp căn bản (đoạn 49), a2. Cương 2. Khuyến cáo tu học và diễn tả Kim Cương (đoạn 50), a3. Cương 3. Chỉ cách diễn tả Kim Cương (đoạn 51), b. Kim 2. Kết thúc như các Kinh khác (đoạn 52),

Kim 1. Như thật tri kiến về đối tượng, có 3 Cương: Cương 1. Như thật tri kiến về Phật, có 2 Bát: Bát 1. Như thật tri kiến về Phật (đoạn 7), Bát 2. Đức tin của Pháp thoại (đoạn 8), Cương 2. Như thật tri kiến về Pháp, có 2 Bát: Bát 1. Như thật tri kiến về Pháp (đoạn 9), Bát 2. Phước đức của pháp thoại (đoạn 10), Cương 3. Như thật tri kiến về Tăng, có 3 Bát: Bát 1. Như thật tri kiến về Thanh văn (đoạn 11), Bát 2. Như thật tri kiến về Bồ-tát, có 3 Nhã: Nhã 1. Như thật tri kiến về Bồ-tát hạnh quả của Phật (đoạn 12), Nhã 2. Như thật tri kiến về Bồ-tát hạnh (đoạn 13), Nhã 3. Như thật tri kiến về Bồ-tát quả (đoạn 14), Bát 3. Phước đức của pháp thoại (đoạn 15);

Kim 2. Như thật tri kiến về Tuệ giác, có 2 Cương: Cương 1. Như thật tri kiến về Tuệ giác, có 4 Bát: Bát 1. Như thật tri kiến về bản thân của Tuệ giác, có 4 Nhã: Nhã 1. Như thật tri kiến về bản thân của Tuệ giác (đoạn 16), Nhã 2. Như thật tri kiến về Tuệ giác Phật dạy (đoạn 17-18), Nhã 3. Như thật tri kiến về cái thân Phật dùng để dạy Tuệ giác ấy (đoạn 19), Nhã 4. Phước đức của pháp thoại (đoạn 20); Bát 2. Như thật tri kiến về đức tin của Tuệ giác (đoạn 21); Bát 3. Như thật tri kiến về chi tiết của Tuệ giác, có 2 Nhã: Nhã 1. Như thật tri kiến về

nhân nhục (đoạn 22), Nhã 2. Như thật tri kiến về bố thí (đoạn 23); Bát 4. Phước đức của pháp thoại (đoạn 24), Cương 2. Như thật tri kiến về sự tin của Tuệ giác ấy, có 4 Bát: Bát 1. Như thật tri kiến về sự tin đặc biệt (đoạn 25), Bát 2. Như thật tri kiến về địa điểm đặc biệt (đoạn 26), Bát 3. Như thật tri kiến về hiệu năng đặc biệt (đoạn 27), Bát 4. Như thật tri kiến về phước đức đặc biệt (đoạn 28);

Kim 3. Như thật tri kiến về chủ thể, có 2 Cương: Cương 1. Như thật tri kiến về chủ thể, có 3 Bát, Bát 1. Như thật tri kiến chủ thể về Nhân và Quả của Bồ-tát, có 5 Nhã: Nhã 1. Như thật tri kiến về chủ thể phát tâm Vô thượng Bồ-đề (đoạn 29), Nhã 2. Như thật tri kiến về chủ thể thực hiện Vô thượng Bồ-đề (đoạn 30), Nhã 3. Như thật tri kiến về Bồ-tát hạnh thực hiện Vô thượng Bồ-đề (đoạn 31-32), Nhã 4. Như thật tri kiến về Tuệ của Vô thượng Bồ-đề (đoạn 33), Nhã 5. Như thật tri kiến về phước của Vô thượng Bồ-đề (đoạn 34), a.1 2. Bát 2. Như thật tri kiến chủ thể về Phật quả của Bồ-tát, có 4 Nhã: Nhã 1. Như thật tri kiến về Phật thân (đoạn 35), Nhã 2. Như thật tri kiến về Phật thuyết (đoạn 36), Nhã 3. Như thật tri kiến về Phật hóa (đoạn 37), Nhã 4. Như thật tri kiến về Phật pháp (đoạn 38); Bát 3. Phước đức của pháp thoại (đoạn 39); Cương 2. Như thật tri kiến về chủ thể mà loại bỏ tà kiến, có 2 Bát: Bát 1. Như thật tri kiến mà loại bỏ tà kiến, có 2 Nhã: Nhã 1. Như thật tri kiến mà loại bỏ tà kiến thường còn (đoạn 40-41), Nhã 2. Như thật tri kiến mà loại bỏ tà kiến đoạn diệt (đoạn 42-43); Bát 2. Loại bỏ tà kiến mà hội nhập Như thật tri kiến, có 4 Nhã: Nhã 1. Hội nhập như thật tri kiến về Nhân (đoạn 44), Nhã 2. Hội nhập Như thật tri kiến về Quả (đoạn 45), Nhã 3. Hội nhập Như thật tri kiến về vũ trụ (đoạn 46-47), Nhã 4. Hội nhập Như thật tri kiến

về bản thân (đoạn 48); Kinh 3. Kết thúc, có 2 Kim: Kim 1. Kết thúc ứng với 2 câu hỏi đáp căn bản, có 3 Cương: Cương 1. Kết thúc ứng với 2 câu hỏi đáp căn bản (đoạn 49), Cương 2. Khuyến cáo tu học và diễn tả Kim Cương (đoạn 51), Cương 3. Chỉ cách diễn tả Kim Cương (đoạn 51); Kim 2. Kết thúc như các Kinh khác (đoạn 52).

482. KINH KIM CƯƠNG BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT

Vajra-Prajñāramitā-Sūtra

Việt dịch: *Thích Tuệ Hải*

Hương Quang xuất bản, PL. 2506 – DL. 1962

Kinh có hơn 79 trang, bìa mềm, chữ tựa màu xanh dương và màu đỏ. Nội dung gồm có: Thay lời tựa, Phần Nghi lễ, (Tán hương, Tụng Thần chú,...); Kệ khai Kinh, *Kinh Kim Cương Bát-nhã Ba-la-mật*, Hán dịch: Tam tạng Pháp sư Cưu-ma-la-thập, và 32 đoạn Kinh, Tâm Kinh Bát-nhã Ba-la-mật-đa, Phát nguyện Hồi hướng, Tam Tự Quy y; Phần chú thích.

Xem: (32 đoạn) Kinh Kim Cương Bát-nhã Ba-la-mật

Tác phẩm Kinh này được Ban Hoàng Pháp Miền Vĩnh Nghiêm (Sài Gòn) tái bản, PL. 2510 – DL. 1966.

483. KINH KIM CƯƠNG BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT

Hán dịch: *Tam tạng Pháp sư Cưu-ma-la-thập (Kumàrajīva, 344-413)*

Việt dịch: *Thích Như Minh*

Chùa Việt Nam (Los Angeles) – 2015

Tác phẩm Kinh này dày 361 trang. Nội dung gồm có: Pháp nữ phụng trì Kinh, Vài lời cảm niệm của Trưởng lão Thích Tâm Châu, Tựa; Kinh Kim Cang Bát-nhã Ba-la-mật; Kinh Kim Cang Năng Đoạn Bát-nhã Ba-la-mật;

Vajracchedikàprajñāpāramitā Sūtram; Ngũ
vưng Kinh Kim Cương.

484. KINH KIM CƯƠNG BÁT-NHÃ Giảng Nghĩa

Nguyên tác: *Lục Tổ Huệ Năng (638-713)*

Việt dịch (2008): *Nguyễn Hiến*

Tác phẩm Kinh này có 120 trang (PDF),
với 32 đoạn: 1. Nhân duyên pháp hội, 2.
Tu-bồ-đề thưa hỏi, 3. Đại thừa chính tông,
4. Hạnh vô trụ, 5. Thật thấy như lý, 6.
Hiếm có lòng tin chân thật, 7. Không
chứng đắc-không thuyết pháp, 8. Y pháp
xuất sinh, 9. Một tướng vô tướng, 10.
Trang nghiêm Tịnh độ, 11. Phúc vô vi
vượt trội, 12. Tôn trọng chính giáo, 13.
Thụ trì đúng như pháp, 14. Vắng lặng lia
bỏ các tướng, 15. Công đức thụ trì Kinh,
16. Có khả năng làm sạch nghiệp chướng,
17. Cứu cánh vô ngã, 18. Đồng quán một
thể, 19. Pháp giới thông hóa, 20. Rời bỏ
sắc tướng, 21. Không nói pháp, không
pháp để nói, 22. Không được một pháp
nào, 23. Tịnh tâm thực hành thiện pháp,
24. Phúc và Trí không thể so sánh, 25.
Hóa độ và không chỗ hóa độ, 26. Pháp
thân không hình tướng, 27. Không đoạn
không diệt, 28. Không nhận-không tham,
29. Uy nghi vắng lặng, 30. Lý về tướng
hợp nhất, 31. Tri kiến không sinh, 32. Ứng
hóa chẳng phải chân thật.
(<https://hoavouu.com>, *Sách Phật học-
PDF*)

485. KINH KIM CƯƠNG ĐỈNH – Tập I

Biên dịch: *Huyền Thanh*

Nxb Phương Đông, PL. 2554 – DL. 2010

Kinh có khổ 20 x 29cm, dày hơn 320
trang, bìa cứng.

Nội dung gồm có: 1. Thay lời tựa, 2. Kinh
Kim Cương Đỉnh Nhất thiết Như Lai Chân
thật Nhiếp Đại thừa Hiện chứng Đại Giáo

vương (No. 865), Quyền thượng-Quyền
trung-Quyền hạ; 3. Kinh Niệm Tụng được
lược ra trong Kim Cương Đỉnh Du-già
(No. 866), Quyền I, II, III, IV; 4. Kim
Cương Đỉnh Liên hoa Bộ Tâm niệm Tụng
Nghĩ quỹ (No. 873), 5. Kim Cương Đỉnh
Nhất thiết Như Lai chân thật Nhiếp Đại
thừa Hiện chứng Đại Giáo vương Kinh
(No. 874), Quyền thượng-Quyền hạ; 6.
Liên hoa Bộ Tâm niệm Tụng Nghĩ quỹ
(No. 875).

486. KINH KIM CƯƠNG – Gươm Báu Cắt Đứt Phiền Nã

Dịch và giải: *Thích Nhất Hạnh*

Nxb Văn hóa Văn nghệ Tp. Hồ Chí Minh
– 2016

Sách có khổ 13 x 20cm, có 164 trang, bìa
mềm, chữ tựa màu hường và đen nằm
trong hình vẽ dáng người ngồi thiền; bìa
sau là 2 đoạn văn giới thiệu về Kinh Kim
Cương.

Toàn bộ tác phẩm này gồm 2 phần: Kinh
văn và Chú giải.

*Tác phẩm Kinh này đã được Lá Bối in lần
thứ nhất – 1992 tại San Jose, với nhan đề
là “Kim Cang – Gươm Báu Cắt Đứt
Phiền Nã”.*

487. KINH KIM CƯƠNG (Phạn – Việt)

Dịch và Chú giải: *Lê Tự Hỷ*

Nxb Hồng Đức – 2020

Kinh có khổ 15.5 x 23.5cm, dày 275 trang,
bìa mềm. Nội dung gồm có: Lời mở đầu,
Vài điều nên biết trước khi bạn đọc bắt
đầu đọc phần dịch Phạn – Việt; Phần dịch
Phạn – Việt; Bản Việt dịch toàn văn *Kinh
Kim Cương*; Phụ lục: Từ vựng Phạn – Việt
trong Kinh Kim Cương; Tài liệu tham
khảo.

488. KINH KIM QUANG MINH

Việt dịch: *HT. Thích Thiện Trì*

Nxb Hồng Đức – 2013

Kinh này có khổ 16 x 26cm, dày 304 trang, bìa cứng, chữ mạ vàng. Toàn bộ *Kinh Kim Quang Minh* có 4 quyển, 19 phẩm: Lời giới thiệu, Tựa, Lời người dịch; Nghi khai Kinh, Q.I P.1 Tựa, P.2 Thọ lượng, P.3 Sám hối, P.4 Tán thán, P.5 Không; Q.II P.6 Tứ Thiên vương, P.7 Đại Biện thiên, P.8 Công đức thiên, P.9 Kiên Lao Địa thần; Q.III P.10 Tán Chỉ qui thần, P.11 Chánh luận, P.12 Thiện tập, P.13 Quỷ thần, P.14 Thọ ký, P.15 Trừ bệnh; Q.IV P.16 Trưởng giả Lưu Thủy, P.17 Xả thân, P.18 Tán Phật, P.19 Chúc lữ; Bát-nhã Tâm Kinh, Kệ viết Kinh, Hồi hướng; Phần Chú thích.

Tác phẩm Kinh này đã được chùa Linh Quang (Huế) ấn hành năm PL. 2515 – DL. 1971.

489. KINH KIM QUANG MINH

Hiệp Bộ

Dịch giả: *Tỳ-kheo Ni Như Ân*

THPG Tp. Hồ Chí Minh ấn hành, PL. 2536 – DL. 1992

Kinh dày hơn 532 trang, bìa mềm, chữ tựa màu vàng và đỏ, có hình tượng Phật Ngọc, phía sau là bảo tháp tại Bồ-đề Đạo tràng (Ấn Độ).

Kết cấu gồm có 8 quyển, 24 phẩm: - Lời duyên khởi, - Tựa Kinh Kim Quang Minh hiệp bộ, - Nghi thức khai Kinh trì tụng; Q.I, P.1 Tựa Kinh, P.2 Thọ lượng, P.3 Tam thân phân biệt; Q.II, P.4 Sám hối, P.5 Diệt nghiệp chướng; Q.III, P.6 Đà-la-ni Tồi tịnh địa; Q.IV, P.7 Tán thán, P.8 Giảng luận pháp không; Q.V, P.9 Y không mãn nguyện, P.10 Tứ Thiên vương; Q.VI, P.11 Ngân chủ Đà-la-ni, P.12 Đại Biện Thiên, P.13 Công đức Thiên, P.14 Địa

thần Kiên Lao, P.15 Tán Chỉ qui thần, P.16 Chánh luận, P.17 Thiện tập; Q.VII, P.18 Quỷ thần, P.19 Thọ ký, P.20 Trừ bệnh, P.21 Lưu Thủy trưởng giả tử; Q.VIII, P.22 Xả thân, P.23 Tán Phật, P.24 Phó chúc. Sau cùng là Nghi thức Hồi hướng, Sám Quy mạng, Hồi hướng, Phục nguyện, Phụ trương: - Nghi thức hành trì mật chú Chuẩn Đề, - Bài Phục nguyện.

Tác phẩm Kinh này được chùa Hải Vân (Vũng Tàu) xuất bản năm 1975; tái bản năm 1993, Nxb Tôn Giáo; năm 2005, THPG Tp. Hồ Chí Minh ấn hành.

490. KINH KIM QUANG MINH - Nghi Thức Tụng Niệm

Ban Dịch thuật Hán tạng Pháp âm

Biên dịch và chú thích: *Thích Nguyên Chơn*

Nxb Hồng Đức – 2013

Tác phẩm Kinh này dày 515 trang, bìa mềm; kết cấu gồm có 10 quyển, 31 phẩm. Nội dung như sau: Thay lời tựa; Kinh Kim Quang Minh – Nghi thức tụng niệm, Q.I, P.1 Tựa, P.2 Thọ lượng của Như Lai; Q.II, P.3 Phân biệt ba thân, P.4 Mộng thấy trống vàng phát tâm sám hối; Q.III, P.5 Diệt trừ nghiệp chướng; Q.IV, P.6 Tịnh địa Đà-la-ni; Q.V, P.7 Bài tán Liên Hoa dụ, P.8 Đà-la-ni Kim thắng, P.9 Giảng lại tánh không, P.10 Nương không đạt nguyện, P.11 Tứ thiên vương quán sát trời người; Q.VI, P.12 Tứ Thiên vương Hộ quốc; Q.VII, P.13 Đà-la-ni không nhiễm trước, P.14 Như ý bảo châu, P.15 Thiên nữ Đại Biện Tài (1); Q.VIII, P.15 Thiên nữ Đại Biện Tài (2), P.16 Thiên nữ Đại Cát Tường, P.17 Thiên nữ Đại Cát Tường tăng trưởng tài vật, P.18 Địa thần Kiên Lao, P.19 Đại tướng Da-xoa Chánh Liễu Trì, P.20 Vương pháp chính luận; Q.IX, P.21 Thiện Sanh vương, P.22 Chư thiên và da-xoa hộ trì, P.23 Thọ ký, P.24 Trừ bệnh,

P.25 Trưởng giả tử Lưu Thủy; Q.X, P.26 Xả thân, P.27 Bô-tát mười phương ca ngợi, P.28 Bô-tát Diệu Tràng ca ngợi, P.29 Thần cây Bô-đề ca ngợi, P.30 Thiên nữ Đại Biện Tài ca ngợi, P.31 Phó chúc; Phụ lục, Chú thích.

Kinh này được xuất bản năm 2009, Nxb Tôn Giáo.

491. KINH KIM QUANG MINH TỐI THẮNG VƯƠNG

Hán dịch:

Cao Tăng Nghĩa Tịnh (635-713)

Việt dịch: *Huyền Thanh*

Toàn bộ tác phẩm Kinh này gồm có 10 quyển, 31 phẩm: Q.I, P.1 Tựa, P.2 Thọ lượng của Như Lai; Q.II, P.3 Phân biệt ba thân, P.4 Mộng thấy cái trống vàng-sám hồi; Q.III, P.5 Diệt nghiệp chướng; Q.IV, P.6 Tối tịnh địa Đà-la-ni; Q.V, P.7 Liên Hoa dụ tán, P.8 Kim thắng Đà-la-ni, P.9 Trùng hiền Không tính (Hiển tính trống rỗng lần nữa), P.10 Y không mãn nguyện, P.11 Tứ Thiên vương quan sát người trời; Q.VI, P.12 Bốn Thiên vương hộ quốc; Q.VII, P.13 Vô nhiễm trước Đà-la-ni, P.14 Như ý bảo châu, P.15 Đại Biện Tài thiên nữ (chi một); Q.VIII, P.15 Đại biện tài thiên nữ (chi hai), P.16 Đại Cát Tường thiên nữ, P.17 Đại Cát Tường thiên nữ tăng trưởng tài vật, P.18 Kiên Lai Địa thần, P.19 Tăng-thận-nhĩ-gia-dược-xoa, P.20 Vương pháp chính luận; Q.IX, P.21 Vua Thiên sinh, P.22 Chư Thiên Dược-xoa hộ trì, P.23 Thọ ký, P.24 Trừ bệnh, P.25 Trưởng giả tử lưu thủy; Q.X, P.26 Buông xả thân mạng, P.27 Mười phương Bô-tát khen ngợi, P.28 Diệu Tràng Bô-tát khen ngợi, P.29 Thần cây Bô-đề khen ngợi, P.30 Đại Biện Tài thiên nữ khen ngợi, P.31 Phó chúc.

(<https://phatphapungdung.com>, Pháp bảo-Bộ Kinh tập)

492. KINH KIM QUANG MINH TỐI THẮNG VƯƠNG

Hán dịch:

Cao Tăng Nghĩa Tịnh (635-713)

Việt dịch: *Tuệ Khai*

Toàn bộ tác phẩm Kinh này gồm có 10 quyển, 31 phẩm.

(<https://phatphapungdung.com>,

Pháp bảo-Bộ Kinh tập)

493. KINH KHAI GIÁC TỰ TÁNH BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA

Hán dịch: *Duy Tịnh*

Việt dịch: *Thích nữ Tịnh Nguyên*

Toàn bộ tác phẩm Kinh này gồm có 4 quyển. (<https://phatphapungdung.com>,

Pháp bảo-Bộ Bát-nhã)

494. KINH LA-MA-GIÀ

Hán dịch: *Thánh Kiên*

Việt dịch: *Thích nữ Như Phúc*

Tác phẩm Kinh này gồm có 3 quyển: Quyền thượng, Quyền trung và Quyền hạ.

(<https://phatphapungdung.com>, Pháp bảo-Bộ Hoa Nghiêm)

495. KINH LĂNG-GIÀ

(Lăng-già A-bạt-đa-la Bửu Kinh)

Hán dịch: *Tam tạng Pháp sư Cầu-na-bạt-đà-la (Gunabhadra, 394-468)*

Việt dịch:

Tỳ-kheo Thích Duy Lực (1923-2000)

THPG Tp. Hồ Chí Minh ấn hành,

PL. 2538 – DL. 1994

Toàn bộ tác phẩm Kinh này có 4 quyển: - Lời dịch giả; Q.I, Đệ nhất nghĩa, Nhất thiết Phật ngữ tâm, Lý luận về sùng thờ, Nhất xiển-đề, Ba thứ Tự tánh, Hai vô ngã, Pháp tánh không; Q.II, Như Lai tạng, Thế nào là ý sanh thân? Phật thuyết tướng nhân duyên của tất cả các pháp, Tướng

ngôn thuyết vọng tưởng, Nhất hay dị, đồng hay chẳng đồng, Ba thứ lượng, Bốn thứ thiên, Thánh chủng tánh, Thế nào là tướng thông phân biệt của vọng tưởng tự tánh? *Q.III*, Ý sanh thân, Năm tội vô gián, Tính bình đẳng của Phật quả, Không một lời nào do Phật thuyết, Về hữu và vô của tất cả các pháp, Thuyết tướng tông thông, Thế nào là ngữ, Thế nào là nghĩa, Thuyết thông và tông thông, Chín thứ chuyển biến luận, Luận về vô sanh, Về Niết-bàn; *Q.IV*, Ta chẳng thuyết một chữ, chẳng đáp một chữ, Các kiến giải về vô thường, Sự sanh diệt của âm-giới-nhập, Năm pháp tự tánh, Thế nào là tướng Sát-na của tất cả các pháp? Ba loại Ba-la-mật, Công đức và tội lỗi của người ăn thịt và không ăn thịt.

Tác phẩm Kinh này tái bản nhiều lần: Năm 1996, THPG Tp. Hồ Chí Minh ấn hành; năm 2000, Nxb Tôn Giáo.

496. KINH LĂNG GIÀ TÂM ÁN – Trọn Bộ 4 Quyển

Viết dịch: *TN. Diệu Không (1905-1997)*
Nhà in Liên Hoa (Trung Tâm Liễu Quán – Huế), PL. 2515 – DL. 1970

Quyển I, dày 171 trang. Nội dung gồm có 6 chương: Lời Chứng minh của ngài Hòa thượng Giác Nhiên, Mục lục, Lời nói đầu, Tổng luận, Dẫn nhập; C.I Nhất thể Phật ngữ tâm, A. Đại ý, B. Tự phần, Bỏ-tát kệ tán Phật; C.II Đề nhất nghĩa môn, A. Ngài Đại Huệ hỏi 108 câu, B. Phật đáp trực chỉ phi cú, Bbis. Phật đáp ngài Đại Huệ; C.III Hiện bày Thánh trí tự giác (có 7 phần), A. Các Thức sanh diệt khó biết, B. Lược nói thức tướng y Chơn như khi mê vọng, C. Khai ngộ chơn là bất diệt bất sanh, D. Chỉ tà chấp đề đoạn Dị nhơn ngoại đạo, Đ. Khai thị chánh nhơn khác với tà nhơn, E. Bác ngoại đạo chấp hữu vô là tà đạo, G. Chỉ chỗ chứng ly vọng tưởng; C.IV Nói rõ biên tế tám thức để khai thị thức và trí

khác nhau (có 6 phần), A. Đại Huệ thưa hỏi, B. Phân biệt 8 thức nhân duyên bất giác, C. Gạn xét Tạng thức đến cùng tột bờ mé, D. Chỉ hiện lượng tự tâm lia vọng thấy chơn thật, Đ. Tụng 8 Thức phân biệt để tự ngộ nhập, E. Chỉ Tự giác Thánh trí có 3 tướng; C.V Biện minh Ngũ pháp (có 9 phần), A. Đại Huệ hỏi Phật, B. Pháp ngoại đạo chấp hữu-vô, C. Khai thị tịnh trừ Đôn-Tiêm các pháp, D. Khai thị 3 món thân Phật nói Trí-Như sai khác, Đ. Chia chỗ sai khác của Nhị thừa tự giác, E. Giải Thánh trí-thường bất tư nghị, G. Giải Nhị thừa-xả vọng cầu chơn, H. Khai thị chủng tánh, vọng tưởng Trí-Như sai khác, I. Khai thị vọng tưởng, Trí-Như bình đẳng; C.VI Đoạn II, Giải 3 món tự tánh, Đoạn III, Nói về 2 món vô ngã (có 4 phần), A. Nhơn vô ngã, B. Nói Pháp vô ngã, C. Giải Thiện pháp vô ngã (chia 2 mục), 1. Ly kiến lập và phi báng, 2. Đến chỗ cứu kính độ thoát luân hồi, D. Khai thị 4 pháp vô ngã tướng (chia 5 mục), 1. Tướng pháp không, 2. Tướng vô sanh, 3. Tướng ly tự tánh, 4. Tướng vô nhị, 5. Kết luận 4 tướng nhập hết thấy Kinh;

Quyển II, dày 125 trang. Nội dung gồm có: Lời Chứng minh của ngài Hòa thượng Giác Nhiên, Mục lục; Khai thị Như Lai tạng-siêu ngôn thuyết thành tựu các địa quả hải của Phật (Phân 11 chương), C.I Khai thị Như Lai tạng không đồng thần ngã ngoại đạo; C.II Khai thị Như Lai tạng Phương tiện nói (có 5 phần), a. Tổng nói có 4 pháp Phương tiện, b. Khéo phân biệt tự tâm hiện, c. Quán ngoại tánh phi tánh, d. Ly chấp sanh-trú-dị-diệt, đ. Tự giác Thánh trí thiện-ác; C.III Thị Như Lai tạng lia các nhơn duyên; C.IV Thị Như Lai tạng Đề nhứt nghĩa ly vọng tưởng ngôn thuyết; C.V Như Lai tạng Tự giác Thánh trí ly hữu-vô 4 cú chấp; C.VI Bốn món thuyên khác Như Lai thanh tịnh thuyên;

C.VII Như Lai tạng Tự tánh Niết-bàn không đồng Nhị thừa; C.VIII Thần lực kiến lập phi hữu-vô; C.IX Các pháp duyên khi để hiểu rõ Như Lai tạng phi nghĩa nhưn duyên; C.X Khai thị các pháp thường trú như huyền bày rõ Như Lai tạng tự tánh vô sanh (có 4 phần), a. Hoặc loạn thường, b. Hoặc loạn khi hai chủng tánh hiện bày chơn như bình đẳng (có 2 mục), 1. Hoặc loạn khi hai chủng tánh, 2. Thị ly vọng bình đẳng chơn như, c. Hoặc loạn vốn vô pháp (có 2 mục), 1. Hoặc loạn như huyền, 2. Như huyền không lỗi, d. Vô sanh như huyền tuyệt hy vọng; C.XI Ly ngôn không bị đọa phạm phu ngoại đạo, hiệp giác tâm, kiến lập Niết-bàn (có 5 phần), A. Thị ly ngôn đặc nghĩa, B. Chỉ luận thuyết-cần hiểu nghĩa không chấp lời nói, C. Giải 4 quả-chỉ rõ chơn giác (chia 6 mục), 1. Hỏi 4 quả sai biệt tướng, 2. Chỉ 3 món Tu-đà-hoàn (có 2 tiết), a. Tu-đà-hoàn quả tướng, b. Tu-đà-hoàn đoạn kết sai khác, 3. Tu-đà-hàm quả tướng, 4. A-na-hàm quả tướng, 5. A-la-hán quả tướng, 6. A-la-hán không đồng siêu giác, D. Giải thích Giác tâm (chia 3 mục), 1. Quán sát giác tướng, 2. Chỉ vọng tướng giác tướng-để minh tự giác trí, 3. Thiện phân tứ đại tạo sắc, nhập quán sát giác, Đ. Kiến lập Niết-bàn (có 3 mục), 1. Lựa riêng Niết-bàn Nhị thừa-ngoại đạo, 2. Vọng tướng Thức diệt-tức Niết-bàn, 3. Gạn vọng tướng sai biệt để rõ Niết-bàn quả hải; C.I Tự giác Nhất thừa đoạn các hữu lậu (có 5 phần), a. Tự giác Thánh trí, b. Chỉ Nhứt thừa tướng mạo, c. Tam thừa tùy cơ, d. Chỉ Nhứt thừa bình đẳng pháp, đ. Tổng tụng các nghĩa; **Quyển III**, có 108 trang. Nội dung gồm có: Lời Chứng minh của ngài Hòa thượng Giác Nhiên, Mục lục; Nhứt thể Phật ngữ tâm (tt); C.II Thị Thánh trí chiếu minh chư địa (có 4 phần), a. Giải 3 món Ý sanh thân, b. Thân tướng từ Thất địa trở lên, c.

Chi Bát địa thân tướng, d. Phật địa-vô hành tác-thân tướng; C.III Phương tiện Thiện nội Ngũ hạnh (có 6 phần), a. Đại Huệ hỏi 5 món Vô gián hạnh, b. Đoạn 2 món căn bản, c. Cứu kính pháp đoạn, d. Các ám thân Cứu kính đoạn, đ. Bảy món Thức đoạn, e. Ngoại Vô gián hạnh; C.IV Viên mãn Phật giác (có 4 phần), a. Phật giác, b. Như Lai tự-ngữ-thân-pháp bình đẳng, c. Giác chứng Phật tự, d. Phật giác cảnh giới ly nhị biên (có 4 mục), 1. Thế gian chấp hữu-vô, 2. Hữu-vô hai chấp có nhưn tướng, 3. Bát vô-hại chánh pháp, 4. Tổng tụng các nghĩa, Cứu kính nhị thông, thức trí các dụng, khác ngoại đạo phạm phu (phân 3 chương): C.I Cứu kính nhị thông, viễn ly vọng tướng kể trước (có 2 phần), a. Cứu kính nhị thông, b. Vọng tướng sanh tướng-để rõ Đệ nhất nghĩa (có 4 mục): 1. Đại Huệ hỏi vọng tướng sanh tướng, 2. Nạn vọng tướng nhứt sanh-nhứt bất sanh, 3. Giác tâm hiện lượng-vọng tướng bất sanh, 4. Tổng tụng; C.II Ngũ nghĩa-thức trí để rõ Tôn thông (có 5 phần), A. Thị ngữ nghĩa (có 5 mục), 1. Thị ngữ tướng, 2. Thị nghĩa tướng, 3. Thị dĩ ngữ nhập nghĩa, 4. Biệt y ngữ thủ nghĩa, 5. Tổng tụng, B. Biện minh các Trí (có 3 mục), 1. Ba món Trí tướng, 2. Thức và Trí khác biệt, 3. Ngoại đạo chuyển biến không rời Thức (có 2 tiết), a. Ngoại đạo chuyển danh tướng, b. Chuyển biến vô tánh-do vọng thức tạo, C. Biệt y ngữ thủ nghĩa-thành thâm mật (có 5 mục), 1. Đại Huệ hỏi, 2. Mười một món tương tục thâm mật pháp, 3. Tương tục thâm mật-tự hoại-hoại tha, 4. Các pháp tịch tịnh viễn ly tương tục và bất tương tục, 5. Tổng tụng, D. Lây Thánh trí không sự để phá chấp vọng (có 6 mục), 1. Đại Huệ nạn các pháp đoạn diệt, 2. Không pháp-không phải vô Thánh trí, 3. Nạn các pháp phi vô-Thánh trí đọa hữu (có 2 tiết), a. Nghi Thánh trí đồng vọng

tướng, b. Nghi Thánh trí đọa hữu, 4. Thánh trí không sự ly hữu-vô, 5. Thánh trí không sự-bất lập tôn thú (có 3 tiết), a. Không lập-bất sanh tôn, b. Thánh trí như huyền không lỗi, c. Tổng kết bất sanh như huyền, 6. Đạt Thánh trí-xa lìa tánh sở tri, Đ. Không rõ tự tôn-vọng chấp phương tiện lập tự tôn-phá thế luận (có 3 mục), 1. Phật quả người chấp phương tiện, 2. Chỉ bày tôn thuyết không đọa phạm phu kiến, 3. Bác thế luận-rõ tự tôn, a. Thế luận không vào tự tôn, b. Thế Tôn nói theo chỗ tự thông, c. Như Lai chỉ luận, d. Chỉ thế luận nhiếp thọ tham dục-không nhiếp chánh pháp, đ. Nhiếp thọ chánh pháp-ly thế luận, e. Tổng tụng; C.III Ngăn Nhị thừa vào giải ngoại đạo (có 3 phần), A. Vọng tưởng Niết-bàn, B. Như Lai tùy thuận Niết-bàn, C. Tổng tụng;

Quyển IV, dày 147 trang. Nội dung gồm có: Lời Chứng minh của ngài Hòa thượng Giác Nhiên, Mục lục; Thị Chánh giác phi nhơn quả pháp-ly sanh diệt thuyết-liễu chơn thường vô cấu-đốn siêu chư địa; C.I Thị Như Lai pháp thân phi nhơn quả (có 7 phần): a. Đại Huệ hỏi pháp thân nhơn hay quả?, b. Như Lai pháp thân phi nhơn sự-lia 4 cú, c. Chỉ bày pháp thân chơn ngã thường tịch, d. Chỉ bày pháp thân đối hiện-phi nhứt dị, đ. Pháp thân giải thoát-phi nhứt dị, e. Trí và chướng phi nhứt phi dị, g. Tổng kết pháp thân-ly căn lượng; C.II Thị Như Lai pháp thân-bất sanh diệt-ly ngôn thuyết (có 4 phần): a. Như Lai pháp thân-phi vô tánh, b. Như Lai pháp thân đương sanh vô sanh, c. Như Lai pháp thân nhiều tên một thể, d. Như Lai pháp thân ly ngôn-hiện chơn tánh (có 2 mục), 1. Pháp thân chơn nghĩa không đọa văn tự, 2. Như Lai ngôn thuyết kiến lập-vi khiến ngôn thuyết; C.III Như Lai pháp thân-bất sanh bất diệt-không đồng ngoại đạo (có 6 phần), a. Nạn Như Lai đồng ngoại đạo 4

nhơn tướng, b. Như Lai giác tự tâm lượng-vọng tướng bất sanh, c. Nêu chỗ ngoại đạo vọng chấp bất thiết, d. Vọng tướng thiết tánh tức chơn tịch tịnh tánh, đ. Nêu vô nhơn-để bày nghĩa vô sanh, e. Quảng thị vô sanh pháp nghĩa (có 2 mục), 1. Hữu thị vô sanh, 2. Nhân duyên sanh pháp-phá nhân chấp pháp; C.IV Như Lai thuyết pháp-phi thường vô thường-không đồng ngoại đạo (có 2 phần), A. Hỏi ngoại đạo vọng chấp vô thường tà-chánh, B. Kê ngoại đạo vô thường để rõ chánh pháp phi thường vô thường (có 11 mục), 1. Kê 7 món vô thường ngoại đạo, 2. Tánh vô tánh-vô thường, 3. Các pháp bất sanh-vô thường, 4. Tánh vô thường, 5. Tác rồi xả vô thường, 6. Hình-xú hoại vô thường, 7. Sắc tức vô thường, 8. Sắc chuyển biến-khoảng giữa vô thường, 9. Kết 7 món vô thường vọng chấp, 10. Như Lai thuyết: Phi thường vô thường để rõ tự tâm hiện lượng, 11. Tổng tụng; C.V Như Lai Đệ nhất nghĩa-đốn trừ các địa-rõ lý duy tâm (có 5 phần), a. Nhơn Đại Huệ hỏi: Chánh thọ diệt định, b. Sơ địa đến Thất địa-sai khác Nhị thừa, c. Bát địa Tam-muội giác tri, d. Thất Bát địa xả ly tam-muội, tự tâm hiện lượng, đ. Duy tâm trừ hẳn các định tướng; C.VI Như Lai chánh giác thường trú (có 4 phần), a. Chánh giác không còn làm, b. Chánh giác vô gián bởi trí thường hiển, c. Như Lai tánh thường bình đẳng, d. Tổng tụng; C.VII Chỉ gốc sanh diệt để rõ Tạng thức vốn là Như Lai tạng-vô cấu nhiễm (có 5 phần), a. Đại Huệ thỉnh vấn, b. Như Lai tạng-thanh tịnh vô cấu, c. Phạm ngoại nương thức giải thoát-không thấy Như Lai tạng tánh, d. Như Lai tự giác đốn ly sanh diệt, đ. Tổng tụng; Nói 8 thức- 5 pháp tự tánh- 2 vô ngã, rốt ráo của Đại thừa thành Đệ nhất nghĩa (Phân 2 chương), C.I Nói 5 pháp chuyển biến (có 3 phần), a. 5 pháp tướng tạng, b. Danh tướng do vọng tưởng,

c. Chuyên vọng tướng thành Chánh trí Như như; C.II Các pháp vào 5 pháp tự tánh (có 4 phần), a. 3 món tự tánh vào 5 pháp, b. 8 Thức-2 Vô ngã vào 5 pháp, c. Các pháp vào trong 5 pháp, d. Tổng tụng; Ba đời các Phật pháp thân-ra ngoài thế gian-không ở trong thời gian-thanh tịnh vô lậu (Phân 4 chương), C.I Pháp thân xuất thế gian (có 10 phần), 1. Đại Huệ hỏi nghĩa như Hằng-sa? 2. Tự thông của Phật không thể chỉ, 3. Dụ Như Lai Pháp thân bản tịch, 4. Dụ Pháp thân bất diệt, 5. Pháp thân biến khắp không lựa chọn, 6. Dụ Pháp thân đối hiện-không tăng giảm, 7. Dụ Như Lai Pháp thân bi nguyện bình đẳng như pháp giới, 8. Dụ Như Lai tùy thuận Niết-bàn, 9. Giải thoát sanh tử-nguồn gốc vô biên, 10. Tổng tụng; C.II Pháp thân vô lậu phi sát-na (có 2 phần), A. Giải pháp sát-na (có 2 mục), 1. Nói nghĩa sát-na, phi sát-na, 2. Nói nghĩa sát-na, B. Vô lậu tập khí phi sát-na nghĩa (có 5 mục), 1. Nói nghĩa sát-na, phi sát-na, 2. Như Lai tạng- phi sát-na, 3. Thế gian-xuất thế gian, Ba-la-mật không lìa sát-na, 4. Xuất thế gian thượng thượng Ba-la-mật phi sát-na, 5. Tổng kết sát-na, phi sát-na bình đẳng; C.III Pháp thân chơn Phật bình đẳng vô biên, phá nghi lìa các lỗi lầm (có 7 phần), a. Đại Huệ hỏi 6 món nghi, b. Trừ nghi A-la-hán thọ ký, c. Trừ nghi không nói 1 chữ, d. Trừ nghi vô lượng-vô quán sát, đ. Trừ nghi chúng sanh thành Phật-thức và sát-na tương hoại, e. Trừ cái nghi Kim Cang hộ vệ và hết thấy nghiệp báo, g. Kết luận tổng đáp; C.IV Như Lai thường trú chánh quả rốt ráo thanh tịnh (có 4 phần), 1. Đại Huệ hỏi Phật-thực nhục có tội không? 2. Nói ăn thịt rất nhiều tội, 3. Nghĩa chơn thật của Kinh này là dứt các lỗi ăn thịt, 4. Tổng kết các lỗi của người tu; Vĩnh Lăng-già Kinh. *Tác phẩm Kinh này tái bản năm PL. 2518 – DL. 1974, Nhà in Hoa Sen (Huế).*

497. KINH LĂNG GIÀ TÂM ÁN Giảng Giải – Trọn bộ 2 Tập

Giảng giải: HT. Thích Thanh Từ

Nxb Tôn Giáo, PL. 2553 – DL. 2009

Kinh có khổ 14.5 x 20.5cm, cả bộ dày 1.198 trang, bìa cứng, nền màu vàng cam, chữ tựa màu đỏ, có hộp đựng 2 tập.

Tập I, dày 614 trang, nội dung gồm 2 quyển như sau: Lời người dịch, Lăng-già Tâm ấn duyên khởi, Lăng-già A-bạt-đa-la Bảo Kinh Tâm ấn;

Quyển I, Tổng luận, A.1 Phần tự, B.1 Duyên khởi của Kinh, B.2 Đương cơ kệ tán, A.2 Phần Chánh tông, B.1 Chỉ thẳng pháp môn Đệ nhất nghĩa rộng lớn vi diệu lìa nói bất chứng, C.1 Hỏi một trăm lẻ tám câu, C.2 Đáp chỉ thẳng phi cú, D.1 Lặp lại, D.2 Đáp, B.2 Bày ngôn thuyết để vào Đệ nhất nghĩa biến thức thường trụ, dùng hiển duy tâm, C.1 Nói nhân quả chánh tà của tám thức để hiển Thánh trí tự giác, D.1 Lược nói nhân quả chánh tà của tám thức để biểu thị lìa vọng mà chứng, E.1 Chỉ các thức sanh diệt khó biết, E.2 Lược nói thức tương y nơi chân do mê phát khởi, E.3 Chỉ ngộ chân chẳng diệt, E.4 Chỉ ra tà kiến đoạn kiến dị nhân, E.5 Chỉ chánh nhân để biện biệt tà vọng, E.6 Bác tà đoạn có-không của ngoại đạo, E.7 Chỉ bày lìa vọng được chứng, D.2 Nói rộng bờ mé cứu kính của tám thức để phân biệt Thức và Trí, E.1 Đại Huệ thưa hỏi, E.2 Phân biệt nhân duyên bất giác của tám thức, E.3 Tột tàng thức là bờ mé cứu kính, E.4 Hiện hiện lượng của tự tâm lìa vọng chân thật, E.5 Tụng phân biệt tám thức để khởi tự ngộ, E.6 Chỉ thẳng ba tướng Tự giác Thánh trí, C.2 Chỉ Năm pháp tự tánh vô ngã, giản biệt Nhị thừa ngoại đạo, để rõ nhân quả của chánh pháp, D.1 Nói Năm pháp, E.1 Đại Huệ hỏi, E.2 Phá ngoại đạo vọng chấp có-không, E.3 Chỉ trừ sạch đốn hay tiệm,

E.4 Chỉ ba Phật nói trí, như sai biệt, E.5 Biện về Nhị thừa Tự giác Thánh trí sai biệt, E.6 Biện đạt được Thánh trí thường bất tư nghi, E.7 Biện Nhị thừa bỏ vọng cầu chân, E.8 Chỉ ra chủng tánh vọng tưởng trí, như sai biệt, E.9 Chỉ vọng tưởng, trí, như bình đẳng để hiển bày xiển-đề Phật tánh chẳng đoạn, D.2 Nói về Ba tự tánh, D.3 Nói về Hai vô ngã, E.1 Nói về nhân vô ngã, E.2 Nói về pháp vô ngã, E.3 Chỉ thiện pháp vô ngã, G.1 Lìa dựng lập phi báng, G.2 Tiến đến cứu kính độ thoát, E.4 Chỉ thiện pháp vô ngã được bốn tướng pháp vô ngã, G.1 Tướng pháp không, G.2 Tướng vô sanh, G.3 Lìa tướng tự tánh, G.4 Không hai tướng, G.5 Kết bốn tướng vào tất cả Kinh điển;

Quyển II, C.3 Chỉ Như Lai tàng siêu quá vọng tưởng ngôn thuyết của phàm ngu và ngoại đạo thành tựu các địa cứu cánh quả hải, D.1 Chỉ Như Lai tàng chẳng đồng thân ngã của ngoại đạo, D.2 Chỉ Như Lai tàng phương tiện hiển bày, E.1 Chỉ chung phương tiện có bốn pháp, E.2 Khéo phân biệt tự tâm hiện, E.3 Quán ngoại tánh phi tánh, E.4 Lìa kiến chấp sanh trụ diệt, E.5 Tự giác Thánh trí thiện lạc, D.3 Chỉ Như Lai tàng lìa các nhân duyên, D.4 Chỉ Như Lai tàng Đệ nhất nghĩa lìa ngôn thuyết vọng tưởng, D.5 Chỉ Như Lai tàng Tự giác Thánh trí lìa bốn câu có không, D.6 Chỉ bốn thứ Thiền để hiển Như Lai thanh tịnh chẳng đồng Nhị thừa, D.7 Chỉ Như Lai tàng tự tánh Niết-bàn chẳng đồng Nhị thừa, D.8 Chỉ thân lực dựng lập chẳng rơi vào có không, D.9 Chỉ các pháp duyên khởi để hiển bày nghĩa Như Lai tàng phi nhân duyên, D.10 Chỉ các pháp thường trụ như huyễn để hiển Như Lai tàng tự tánh vô sanh, E.1 Hiện hoặc loạn thường, E.2 Chỉ hoặc loạn khởi hai thứ tánh để hiển bày chân như bình đẳng, G.1 Chỉ hoặc loạn khởi hai chủng tánh, G.2 Chỉ lìa vọng

bình đẳng chân như, E.3 Chỉ hoặc loạn không pháp, G.1 Chỉ hoặc loạn không pháp như huyễn, G.2 Lại chỉ như huyễn không lỗi, E.4 Chỉ thẳng vô sanh như huyễn khiến lìa hy vọng;

Tập II, dày 584 trang, nội dung gồm: *Quyển II* (tt), *Quyển III* và *Quyển IV*.

Quyển II (tt), D.11 Chỉ lìa lời nói được nghĩa, dùng ngoại đạo khác ngu phu, chọn lựa tâm giác dựng lập Niết-bàn, E.1 Chỉ lìa lời nói được nghĩa, E.2 Nêu chỉ luận để rõ nghĩa chẳng ở lời nói, E.3 Riêng tứ quả, để chỉ ra chân giác, G.1 Hỏi bốn quả sai biệt, G.2 Liệt bày ba thứ Tu-đà-hoàn, H.1 Chỉ quả tướng Tu-đà-hoàn, H.2 Chỉ Tu-đà-hoàn đoạn kết sai biệt, G.3 Chỉ tướng quả Tu-đà-hàm, G.4 Chỉ tướng quả A-na-hàm, G.5 Chỉ tướng quả A-la-hán, G.6 Riêng A-la-hán chẳng đồng siêu giác, E.4 Chọn lựa giác tâm, G.1 Chánh chỉ quán sát tướng giác, G.2 Chỉ vọng tưởng giác tướng để rõ tự giác Thánh lạc, G.3 Chỉ rõ tứ đại tạo sắc vào quán sát giác, E.5 Chỉ kiến lập Niết-bàn, G.1 Riêng bày Niết-bàn của ngoại đạo, Nhị thừa để hiển bày Niết-bàn của Như Lai, G.2 Chỉ vọng tưởng thức diệt tức là Niết-bàn, G.3 Cùng tốt vọng tưởng sai biệt để hiển trí, như, thành thật, biến quả Niết-bàn, C.4 Chỉ tự giác Nhất thừa soi sáng các địa, khéo đoạn các lậu, viên mãn thân Phật, chẳng rơi vào có không, D.1 Chỉ tự giác Nhất thừa, E.1 Chỉ tự giác Thánh trí, E.2 Chỉ Nhất thừa, E.3 Chỉ Tam thừa tùy cơ, E.4 Chỉ Nhất thừa bình đẳng, E.5 Tụng chung;

Quyển III, D.2 Chỉ Thánh trí chiếu minh các địa, E.1 Bày ba thứ ý sanh thân, E.2 Chỉ thân tướng Thất địa trở lên, E.3 Chỉ thân tướng Bát địa, E.4 Chỉ Phật địa thân tướng không hành tác và bài tụng, D.3 Chỉ phương tiện khéo vào năm hạnh, E.1 Nhân Đại Huệ hỏi liệt bày hạnh ngũ vô gián, E.2 Chỉ hai căn bản đoạn, E.3 Chỉ các pháp

cứu kính đoạn, E.4 Chỉ các âm cứu kính đoạn, E.5 Chỉ bảy thứ thức đoạn, E.6 Chỉ ngoại ngữ vô gián hạnh cùng tụng, D.4 Chỉ viên mãn Phật giác, E.1 Chỉ Phật giác, E.2 Chỉ Như Lai tự, ngữ, thân, pháp bốn thứ đồng, E.3 Chỉ Phật giác tự chứng, không thể nói bày, E.4 Chỉ cảnh giới Phật giác xa lìa hai bên, G.1 Chỉ thế gian chấp có không, G.2 Chỉ ra nhân tướng hai thứ chấp có không, G.3 Bài xích chấp không hay phá hoại chánh pháp, G.4 Tổng tụng, C.5 Chỉ tông thuyết hai đều thông để rành về dụng ngữ nghĩa thức trí, giản biệt ngu ngoại, giúp tiến mình người, chánh pháp giải thoát, D.1 Chỉ tông thuyết hai đều thông xa lìa vọng tưởng chấp trước, E.1 Chỉ tông thuyết hai đều thông, E.2 Chỉ tốt tướng sanh của vọng tưởng để hiển Đề nhất nghĩa, G.1 Nhân Đại Huệ hỏi, chỉ tướng sanh của vọng tưởng, G.2 Nạn vọng tưởng một bên sanh một bên chẳng sanh, G.3 Chỉ giác tự tâm lượng vọng tưởng chẳng sanh, G.4 Tụng chung, D.2 Chỉ ngữ, nghĩa, thức, trí để hiển dụng tông thông, E.1 Chỉ ngữ, nghĩa, G.1 Nhân Đại Huệ hỏi, trước chỉ tướng ngữ, G.2 Chỉ tướng nghĩa, G.3 Chỉ do ngữ nhập nghĩa, G.4 Riêng y ngữ chấp nghĩa, G.5 Tụng chung, E.2 Biện thức trí, G.1 Chỉ tướng ba thứ trí, G.2 Chỉ thức trí sai biệt, G.3 Chỉ ngoại đạo chuyển biến chẳng lìa vọng thức, H.1 Nêu danh tướng ngoại đạo chuyển biến, H.2 Chỉ chuyển biến không tánh, đều do vọng thức. Gồm tụng, E.3 Riêng y ngữ thủ nghĩa thành chấp sâu kín, G.1 Đại Huệ thưa hỏi, G.2 Chỉ ra mười một thứ tương tục sâu kín, G.3 Chỉ tương tục sâu kín tự hoại hoại người, G.4 Chỉ các pháp tịch tĩnh, xa lìa tương tục và chẳng tương tục, G.5 Tụng chung, E.4 Chỉ Thánh trí không sự để phá vọng chấp, G.1 Đại Huệ nạn các pháp đoạn diệt, G.2 Chỉ không tánh các pháp, chẳng phải không tri kiến Thánh trí,

G.3 Nạn các pháp chẳng không, Thánh trí rơi vào có, H.1 Nghi chỗ biết của Thánh trí đồng vọng tưởng hiện, H.2 Nghi Thánh trí rơi vào có, G.4 Chỉ Thánh trí không sự lìa có không, G.5 Chỉ Thánh trí không sự chẳng lập tông thú, H.1 Chỉ chẳng nên lập tông bất sanh, H.2 Chỉ Thánh trí xem thấy như huyễn không lỗi, H.3 Tổng kết chẳng sanh như huyễn, G.6 Chỉ Thánh trí xa lìa sở tri, E.5 Nhân chẳng rõ tự tông vọng chấp phương tiện, lại chỉ tông thuyết để phá thế luận, G.1 Trách ngu phu chấp thuyết phương tiện, khởi Đại Huệ thưa thỉnh, G.2 Chỉ tông thuyết không rơi vào kiến tướng của phàm phu, G.3 Bác thế luận để hiển tự tông, H.1 Chỉ thế luận chẳng vào tự thông, hay chiêu cảm khổ, phá hoại kiết tập, H.2 Chỉ Như Lai theo chỗ tự thông nói, H.3 Nêu Như Lai chỉ luận, H.4 Chỉ thế luận chấp nhận tham dục, chẳng nhận chấp pháp, H.5 Chỉ chấp nhận chánh pháp, xa lìa thế luận, H.6 Tổng tụng, D.3 Chỉ chánh pháp giải thoát, xa lìa ngu ngoại, E.1 Liệt bày vọng tưởng và Niết-bàn, E.2 Chỉ Như Lai tùy thuận Niết-bàn, E.3 Tổng tụng;

Quyển IV, C.6 Chỉ chánh giác chẳng phải pháp nhân quả, nói lìa sanh diệt, hiển bày chân thường không cấu, chóng vượt các địa, D.1 Chỉ pháp thân Như Lai chẳng phải nhân quả, E.1 Hỏi pháp thân Như Lai là nhân là quả, E.2 Chỉ pháp thân Như Lai chẳng phải nhân quả xa lìa tứ cú, E.3 Chỉ pháp thân chân ngã thường lặng lẽ, E.4 Chỉ pháp thân đối hiện phi một phi khác, E.5 Chỉ pháp thân và giải thoát chẳng phải một chẳng phải khác, E.6 Chỉ trí chượng chẳng phải một chẳng phải khác, E.7 Tổng kết pháp thân lìa các căn lượng. Gồm tụng, D.2 Chỉ pháp thân Như Lai chẳng sanh chẳng diệt lìa ngôn thuyết, E.1 Chỉ pháp thân Như Lai chẳng phải không tánh, E.2 Chỉ pháp thân Như Lai chính khi sanh

mà vô sanh, E.3 Chỉ pháp thân Như Lai tên khác thể một, E.4 Chỉ pháp thân Như Lai lia lời nói hiển chân thật, G.1 Chỉ nghĩa chân pháp thân chẳng rơi vào văn tự, G.2 Chỉ Như Lai kiến lập ngôn thuyết vì dẹp ngôn thuyết, D.3 Chỉ Như Lai chẳng sanh chẳng diệt không đồng với ngoại đạo, E.1 Nạn Như Lai đồng với ngoại đạo bốn thứ nhân tướng, E.2 Chỉ Như Lai giác tâm tự lượng vọng tưởng chẳng sanh, E.3 Chỉ ra ngoại đạo vọng chấp chẳng thật, E.4 Chỉ thật tánh vọng tưởng tức chân tịch tĩnh, E.5 Chỉ vô nhân để bày nghĩa vô sanh, E.6 Rộng chỉ nghĩa vô sanh, G.1 Chỉ thẳng vô sanh, G.2 Chỉ pháp nhân duyên sanh phá trừ chấp nhân, D.4 Chỉ Như Lai nói pháp chẳng phải thường vô thường, chẳng đồng với ngoại đạo, E.1 Hỏi ngoại đạo vọng chấp vô thường là tà hay chánh, E.2 Bày ngoại đạo vô thường để hiển chánh pháp chẳng phải thường vô thường, G.1 Tổng bày bảy thứ vô thường, G.2 Tánh không tánh vô thường, G.3 Tất cả pháp chẳng sanh vô thường, G.4 Tánh vô thường, G.5 Tạo rồi mà bỏ vô thường, G.6 Hình xứ hoại vô thường, G.7 Sắc tức vô thường, G.8 Sắc chuyển biến trung gian vô thường, G.9 Kết bảy thứ vô thường vọng chấp, G.10 Chỉ Như Lai nói ra phi thường phi vô thường, để hiển tự tâm hiện lượng, G.11 Tổng tụng, D.5 Chỉ Như Lai đệ nhất nghĩa chóng trừ các địa, riêng hiển duy tâm, E.1 Nhân Đại Huệ hỏi chánh thọ, trước chỉ hành tướng thất bát địa, E.2 Chỉ Sơ địa cho đến Thất địa, cùng Nhị thừa đồng khác, E.3 Chỉ Bát địa tam-muội giác tri, E.4 Chỉ Thất bát địa xả ly tam-muội hiện tự tâm lượng, E.5 Chỉ duy tâm xoay về trừ các địa, D.6 Chỉ Như Lai Chánh giác thường trụ, E.1 Chỉ chánh giác chẳng đồng lỗi tạo tác, E.2 Chỉ chánh giác trí vô gián thường bày hiện, E.3 Chỉ Như Lai tánh

thường bình đẳng, E.4 Tổng tụng, D.7 Chỉ cội gốc sanh diệt để hiển bày thức tức Như Lai tàng vốn không cấu nhiễm, E.1 Đại Huệ thỉnh hỏi, E.2 Chỉ Như Lai tàng thanh tịnh không như, E.3 Riêng phạm ngu y thức giải thoát chẳng thấy Như Lai tàng tánh, E.4 Chỉ Như Lai tàng tự giác chóng lia sanh diệt chẳng phải Nhị thừa, E.5 Tổng tụng, C.7 Chỉ tám thức, năm pháp, ba tự tánh, hai vô ngã cứu kính Đại thừa thành Đệ nhất nghĩa, D.1 Chỉ năm pháp chuyển biến, E.1 Bày tướng năm pháp, E.2 Chỉ danh tướng thấy do vọng tưởng, E.3 Chuyển vọng tưởng tức trí, như, D.2 Chỉ tất cả pháp thấy vào năm pháp, E.1 Chỉ ba tự tánh vào năm pháp, E.2 Chỉ tám thức, hai vô ngã vào năm pháp, E.3 Chỉ tất cả Phật pháp vào năm pháp, E.4 Tổng tụng, C.8 Chỉ pháp thân ba đời Như Lai quá chỗ nghĩ ngợi của thế gian, chẳng phải nghĩa sát-na, trước sau không lỗi thanh tịnh vô lậu, D.1 Chỉ pháp thân tự thông quá chỗ nghĩ ngợi của thế gian, E.1 Thừa thỉnh về chư Phật có hằng sa diệu nghĩa, E.2 Chỉ chư Phật tự thông quá chỗ nghĩ thế gian, không thể nói thí dụ, E.3 Dụ Như Lai pháp thân bản tịch, E.4 Dụ pháp thân chẳng diệt, E.5 Dụ pháp thân khắp tất cả chỗ không có chọn lựa, E.6 Dụ pháp thân đối hiện không có tăng giảm, E.7 Dụ Như Lai bi nguyện đồng với pháp giới, E.8 Dụ Như Lai pháp thân tùy thuận Niết-bàn, E.9 Chỉ sanh tử giải thoát bản tế vô biên, E.10 Tổng tụng, D.2 Chỉ pháp thân vô lậu, chẳng phải nghĩa sát-na, E.1 Chỉ các pháp sát-na, G.1 Sắp chỉ sát-na phi nghĩa sát-na, trước bày các pháp, G.2 Chỉ nghĩa sát-na, E.2 Chỉ tập khí vô lậu chẳng phải nghĩa sát-na, G.1 Chỉ sát-na chẳng phải nghĩa sát-na, G.2 Chỉ Như Lai tàng chẳng phải nghĩa sát-na, G.3 Chỉ thế gian xuất thế gian Ba-la-mật chẳng lia sát-na, G.5 Tổng kết sát-na phi sát-na bình đẳng, D.3 Chỉ

pháp thân chân Phật, bình đẳng bản tể, phá nghi lia lỗi, E.1 Đại Huệ thưa thỉnh về sáu chỗ nghi, E.2 Trừ nghi thọ ký A-la-hán, E.3 Trừ nghi chẳng nói một chữ, E.4 Trừ nghi không suy nghĩ không xét nét, E.5 Trừ nghi chúng sanh thành Phật, thức sát-na hoại, E.6 Trừ nghi Kim Cang hộ vệ và tất cả nghiệp báo, E.7 Kệ tổng đáp, D.4 Chỉ Như Lai chánh nhân chánh quả cứu cánh thanh tịnh, E.1 Đại Huệ thỉnh hỏi tội phước ăn thịt và chẳng ăn thịt, E.2 Chỉ ăn thịt nhiều lỗi, E.3 Chỉ thật nghĩa Kinh này tất cả thầy dứt, E.4 Tổng kết chỉ rõ tu hành lỗi lầm.

Tác phẩm Kinh này được xuất bản từ năm 1975, Tu viện Chân Không (Vũng Tàu) ấn hành; năm PL. 2537 – DL. 1993, THPG Tp. Hồ Chí Minh ấn hành (Trọn bộ 1 quyển), khổ 14 x 20cm, dày 559 trang, bìa mềm, nền trắng, chữ tựa màu xanh dương và màu đỏ; năm 1995, THPG Tp. Hồ Chí Minh ấn hành; Năm 2001, 2009, Nxb Tôn Giáo.

498. KINH LĂNG-NGHIÊM

Dịch và lược giải:

Thích Duy Lực (1923-2000)

Nxb Tôn Giáo – 1999

Kinh có khổ 14 x 20cm, có 371 trang, bìa mềm, nền trắng, chữ tựa màu đỏ, có hình vẽ mỹ thuật Tổ Bồ-đề Đạt-ma (nhỏ) đứng trên cành lau.

Toàn bộ Kinh Lăng Nghiêm này gồm có Lời dịch giả và 10 quyển (Quyển một,... đến Quyển mười).

Tác phẩm Kinh này đã tái bản nhiều lần: Năm 1990, Từ Ân Thiên đường-Santa Ana-Hoa Kỳ xuất bản; năm PL. 2536 – DL. 1993, THPG Tp. Hồ Chí Minh ấn hành, khổ 14 x 20cm, dày 371 trang, bìa mềm, chữ tựa Kinh màu đen, chữ Lăng Nghiêm màu đỏ, có hình Tổ Bồ-đề Đạt-ma (mỹ thuật); năm PL. 2562 – DL. 2018,

Nxb Tôn Giáo, khổ 14 x 20cm, dày 301 trang, bìa mềm.

499. KINH LĂNG-NGHIÊM – Phương Pháp Mới Nghiên Cứu

Tuệ Quang – Phật học viện Huyền Cơ

Dịch và bình luận: *Trí Độ và Tuệ Quang*

In tại Nhà in Trường Sơn (Sài Gòn),

Giấy phép số 1154, BTT-BC3, XB ngày 6-4-1965

Kinh này dày 618 trang, bìa mềm. Nội dung gồm có: Lời giới thiệu, Lời người dịch; A. *Duyên khởi*; B. *Chính tôn*, I. Phật dạy tu diệu định, - Dạy tu pháp Sa-ma-tha, I. Trước hết, nói “không Như Lai tạng”, A. Phá chỗ chấp vọng tâm, a. Chúng sinh nhận lầm ý thức của mình là tâm, b. Phật phá những nhận lầm đó, + Phật chỉ vọng thức không có chỗ ở, 1. Phá chấp tâm ở trong, 2. Phá chấp tâm ở ngoài, 3. Phá chấp tâm ở căn, 4. Phá chấp tâm ở trong lẫn ngoài thân, 5. Phá chấp tùy hợp, 6. Phá chấp tâm ở giữa, 7. Phá chấp tâm không dính mắc; + Phật chỉ rõ vọng thức không phải tâm, + Suy phá vọng thức không có thực; B. Chỉ rõ Như Lai tạng, I. Nương theo tính thấy chỉ chân lý, a. Nương vọng hiển chơn, 1. Chỉ tính thấy là tâm, 2. Chỉ tính thấy không động, 3. Chỉ tính thấy không diệt, 4. Chỉ tính thấy không mất, 5. Chỉ tính thấy không trở lại được, 6. chỉ tính thấy không tạp, 7. Chỉ tính thấy không bị ngăn ngại, 8. Chỉ tính thấy bao trùm cả “chân vọng”, 9. Chỉ tính thấy vượt trên phân biệt, 10. Chỉ tính thấy xa cái thấy phân biệt, b. Phân tích vọng, chỉ chân, II. Chỉ 4 khoa là tính thường trụ: a. Ngũ âm, b. Lục nhập, c. Thập nhị xứ, d. Thập bát giới, III. Tổ bày bày đại là tính chu biến; II. Nói hai Như Lai tạng sau: B. Dạy tu pháp Tam-ma, I. Chọn căn viên thông

nhất, a. Phân môn đề định hai nghĩa, 1. Nhân đồng như quả, 2. Theo căn giải thoát; b. Chứng nghiệm đề giải hai sự nghi, + Giải thường và không thường, Đánh chuông đề nghiệm thường, + Giải riêng mỗi nút, Sáu căn là nút, c. Thất khấn đề chỉ thứ lớp, 1. Cởi sáu mắt một, 2. Mở nút thứ lớp, d. Chọn căn viên thông nhất đề tu, 1. Các Thánh nói lối tu của mình, 2. Đức Quán Âm nói về lối tu “Nhĩ căn viên thông”, 3. Phật khiến ngài Văn-thù chọn; II. Lập Đạo trường, Nói bốn giới quan trọng, Đoạn dâm, Đoạn sát, Đoạn đạo, Đoạn vọng, b. Trợ chú lực, c. Dạy tu pháp thuyền-na, A. Nhiệm duyên thành luân hồi, B. Tịnh duyên thành Thánh vị, 1. Ba vị tiêm-thứ, 2. Căn-tuệ-địa, 3. Thập tín, 4. Thập trụ, 5. Thập hạnh, 6. Thập Hồi hướng, 7. Bốn vị Gia hạnh, 8. Thập địa, 9. Đăng giác, 10. Diệu giác; II. Phật dạy tránh những lầm lẫn, tu lạc sang đường tà, 1. Nói bảy thứ đề răn: Địa ngục, Quỷ thú, Súc sinh, Nhân thú, Tiên thú, Thiên thú, A-tu-la thú, 2. Nói ma ám đề giúp: Sắc ám ma, Thụ ám ma, Tưởng ám ma, Hành ám ma, Thức ám ma; C. *Lưu thông*, Kết luận về Kinh Lăng Nghiêm.

500. KINH LĂNG-NGHIÊM

Việt dịch: *Mai Hạnh Hiền*

Kinh này dày 302 trang, bìa mềm, nền trắng, chữ tựa màu đỏ. Nội dung gồm có: Lời dịch giả và 10 quyển (Quyển một,... đến Quyển mười, có lược giải và ghi chú). (*Bản đánh máy, lưu tại Thư viện Huệ Quang-Trung tâm Dịch thuật Hán Nôm Huệ Quang, Q. Tân Phú, Tp. Hồ Chí Minh*)

501. KINH LĂNG NGHIÊM Chú Sớ - Sùramgama-samàdhi-sùtra

Nguyên tác: *Sa-môn Tục Pháp*
Việt dịch: *Thích Thiện Phước*

Nxb Hồng Đức – 2013

Kinh này có khổ 13 x 20.5cm, dày 333 trang. Nội dung gồm có: 1. Lời tựa, 2. Trí chú phương tiện, 3. Kiến lập Đàn nghi đề cầu hiện chứng, 4. Nam-mô Lăng Nghiêm Hội thượng Phật Bồ-tát, 5. Trước hết là nói về Chơn ngôn năm hội: Chơn ngôn Hội thứ nhất, Chơn ngôn Hội thứ hai, Chơn ngôn Hội thứ ba, Chơn ngôn Hội thứ tư, Chơn ngôn Hội thứ năm, 6. Thiên thủ Thiên nhãn Quan Thế Âm Bồ-tát Vô ngại Đại bi Tâm Đà-la-ni dịch thích, 7. Phật đánh Tôn thắng Đà-la-ni (Đời Đường, nước Kế Tân, Sa-môn Phật-đà-ba-lợi dịch), 8. Phật đánh Tôn thắng Đà-la-ni (Chép ra từ Đại Minh Nhơn Hiếu Hoàng hậu Mộng cảm Kinh), 9. Thất-câu-chi Phật mẫu Sở thuyết Chuẩn-đề Đà-la-ni Kinh, 10. Chuẩn-đề thần chú Niệm tụng Nghi quỹ, 11. Kim Cang Chánh tọa, 12. Đại Tam-muội ấn, 13. Tịnh Pháp giới quán, 14. Kim Cang Quyền ấn, 15. Chuẩn-đề thủ ấn, 16. Tâm nguyệt Phạm tự quán, 17. Năm cách tụng Mật giáo, 18. Chuẩn-đề Trai kỳ, 19. Kế đến Tụng Long Thọ Bồ-tát khai chú kệ, 20. Đại Luân nhất tự chú, 21. Dược Sư Lưu Ly Quang Như Lai Quán đánh Chơn ngôn, 22. Vãng sanh Tịnh độ thần chú, 23. Đà-la-ni Trừ sạch hết nghiệp chướng nặng nhẹ, được vãng sanh về Tịnh Độ, 24. Chánh xuất định chú, 25. Lời bạt.

502. KINH LĂNG-NGHIÊM

Giảng Giải – 2 Tập

Giảng giải: *HT. Thích Thanh Từ*

Nxb Hồng Đức – 2017

Kinh có khổ 14.5 x 20.5cm, 2 tập dày hơn 1.042 trang, bìa cứng, chữ tựa mạ vàng.

Tập I, dày hơn 520 trang. Nội dung gồm có: Lời giới thiệu, Lược khảo, 1. Duyên khởi, 2. Những nhà sớ giải, 3. Dịch Hán-Việt, 4. Giảng đề Kinh; Phần Tựa, Phần Chánh tông, *C.I Kiến đạo*, I. Bảy chỗ hỏi

tâm, 1. Cháp tâm ở trong thân, 2. Cháp tâm ở ngoài thân, 3. Cháp tâm núp trong con mắt, 4. Cháp thấy tôi gọi là thấy trong, 5. Cháp tâm tùy chỗ hợp mà có, 6. Cháp tâm ở khoảng giữa, 7. Cháp tất cả không dính mắc gọi là tâm; II. Chỉ ra Tánh thấy, 1. Tánh thấy biết chính là tâm, 2. Tánh thấy không động, 3. Tánh thấy không hoại diệt, 4. Tánh thấy không điên đảo, 5. Tánh thấy không chỗ trả về, 6. Tánh thấy không phải là vật, 7. Tánh thấy không ngại, 8. Tánh thấy không hai, 9. Tánh thấy không thuộc nhân duyên và tự nhiên, 10. Tánh thấy không phải là cái thấy; III. Thu về Như Lai tạng, 1. Thu về Năm âm, 2. Thu về Lục nhập, 3. Thu về Mười hai xứ, 4. Thu về Mười tám giới, 5. Thu Bảy đại; IV. A-nan giác ngộ phát nguyện, V. Quyết nghi, 1. Nguyên nhân vọng thấy có tướng thế giới và chúng sinh, 2. Giác chẳng sanh mê, 3. Các đại viên dung, 4. Như Lai tạng lia hai nghĩa “Phi và Túc”, 5. Mê vốn không nhân, hết mê là Bồ-đề, 6. Phá nhân duyên và tự nhiên; *C.II Tu đạo*, I. Hai nghĩa quyết định của người mới phát tâm, 1. Nhân quả tương ưng, 2. Cội gốc phiền não, 3. Thể nghiệm tánh chân thường; II. Sáu căn là đầu gút sanh tử và Bồ-đề; III. Cột khăn chỉ gút, 1. Cột gút, 2. Mỡ gút; IV. Hỏi đại chúng về viên thông, 1. Viên thông về thanh trần, 2. Viên thông về sắc trần, 3. Viên thông về hương trần, 4. Viên thông về vị trần, 5. Viên thông về xúc trần, 6. Viên thông về pháp trần, 7. Viên thông về nhãn căn, 8. Viên thông về tỷ căn, 9. Viên thông về thiết căn, 10. Viên thông về thân căn, 11. Viên thông về ý căn, 12. Viên thông về nhãn thức, 13. Viên thông về nhĩ thức, 14. Viên thông về tỷ thức, 15. Viên thông về thiết thức, 16. Viên thông về thân thức, 17. Viên thông về ý thức, 18. Viên thông về hỏa đại, 19. Viên thông về địa đại, 20. Viên thông về thủy đại;

Tập II, dày hơn 522 trang. Nội dung gồm có: IV. Hỏi đại chúng về viên thông (tt), 21. Viên thông về phong đại, 22. Viên thông về không đại, 23. Viên thông về thức đại, 24. Viên thông về kiến đại, 25. Viên thông về nhĩ căn, a. Ba mươi hai ứng thân, b. Mười bốn công đức vô úy, c. Bốn đức không thể nghĩ bàn; V. Chỉ pháp viên tu, 1. Phóng quang hiện điềm lành, 2. Bồ-tát Văn-thù chọn căn viên thông, a. Lựa ra những căn không viên thông, b. Nhĩ căn viên thông nhất; VI. Khuôn phép tu hành, 1. Nghĩa quyết định về đoạn tâm dâm, 2. Nghĩa quyết định về đoạn tâm giết hại, 3. Nghĩa quyết định về đoạn tâm trộm cắp, 4. Nghĩa quyết định về đoạn trừ đại vọng ngữ; *C.III Khai thị về Mật giáo*, 1. Phép tắc lập đạo tràng, 2. Tuyên thuyết thần chú, 3. Lợi ích của tâm chú, 4. Chư thần hộ pháp phát nguyện bảo hộ; *C.IV Các địa vị Tu chúng*, I. Hai nhân điên đảo, 1. Chúng sanh điên đảo, 2. Thế giới điên đảo, 3. Mười hai loài chúng sanh; II. Ba thứ lớp, 1. Trợ nhân, 2. Chánh tánh, 3. Hiện nghiệp; III. An lập các Thánh vị, 1. Càn huệ địa, 2. Thập tín, 3. Thập trụ, 4. Thập hạnh, 5. Thập hồi hương, 6. Tứ gia hạnh, 7. Thập địa, 8. Đẳng giác và Diệu giác; IV. Chỉ dạy tên Kinh; *C.V Nghiệp quả-Các cảnh giới-Chương nạn*, I. Nghiệp quả, 1. Nhân quả của sáu đường, 2. Mười tập nhân và sáu giao báo, a. Thế nào là mười nhân? b. Thế nào là sáu báo? 3. Dư báo; II. Mười thứ tiên; III. Các cõi trời, 1. Dục giới, 2. Sắc giới, 3. Vô sắc giới; IV. Bốn loại A-tu-la, V. Các chương ma, 1. Sắc ám, 2. Thọ ám, 3. Tưởng ám, 4. Hành ám, 5. Thức ám; VI. Khai thị bản nhân Năm âm là vọng tưởng-giới hạn phạm vi các ám; Phần Lưu thông, Phần Tóm kết, 1. Trong Kinh này, đoạn nào nói về Khai? 2. Bước qua phần Thị, 3. Bước qua phần Ngộ, 4. Sau khi Ngộ là tới Nhập.

503. KINH LẦN TRĂNG (Có nơi kêu là Lần Chuối)

Việt dịch: *HT. Thích Tâm Châu (1921-2015)*

Chùa Từ Quang (Sài Gòn) ấn hành
Kinh có 47 trang, bìa mềm. Kết cấu Kinh gồm có 4 phần: I. Phật nói Kinh Mộc-Hoạn-Tử; II. Phật nói Kinh Hiệu lượng Sở châu Công đức, Hán dịch: Bảo Tư Duy; III. Kim Cương đính Du-già niệm châu Kinh, Hán dịch: Sa-môn Bất Không; IV. Phụ dẫn (1. Tô-tát-địa Kinh, 2. Chư Phật cảnh giới Nhiếp chân thực Kinh, 3. Đà-la-ni tập Kinh, 4. Thủ hộ Quốc giới chủ Đà-la-ni Kinh, 5. Tri hành Tổng yếu, 6. Phụ lục, 7. Tưởng niệm trước khi ăn cơm, 8. Những ngày trai, 9. Những ngày kỷ niệm); Chú thích.

504. KINH LỜI DẠY CUỐI CÙNG CỦA ĐỨC PHẬT

Soạn dịch: *Thích Nhật Từ*

Nxb Tôn Giáo – 2009

Kinh có khổ 14.5 x 20.5cm, có 38 trang, bìa mềm, nền màu đỏ, chữ màu vàng, có ảnh Đức Phật nhập Niết-bàn. Nội dung gồm có: Thay lời tựa, *Phần dẫn nhập*, 1. Nguyên hương, 2. Tán Phật và đánh lễ Tam bảo, 3. Tán hương, 4. Tán dương giáo pháp; *Kinh Lời dạy cuối cùng*: 1. Đạo đức thanh cao, 2. Làm chủ giác quan, 3. Không màng hưởng thụ, 4. Vượt qua thói quen, 5. Trang sức hổ thẹn, 6. Chuyển hóa sân hận, 7. Từ bỏ kiêu mạn và dua nịnh, 8. Ít muốn, biết đủ, 9. Tâm thoát tục, 10. Tinh tấn không dừng, 11. Thấp sáng chánh niệm, 12. Thê nghiệm chánh định, 13. Nuôi lớn trí tuệ, 14. Từ bỏ hý luận, 15. Tự mình cất bước, 16. Bốn chân lý Thánh, 17. Sanh tử an nhiên; *Phần Hồi hương*: 5. Kinh Tinh hoa trí tuệ, 6. Niệm Phật và Sám hối, 7. Xướng lễ, 8a. Máy điều quán

tưởng, 8b. Quán chiếu thực tại, 9a. Sám mười nguyện, 9b. Sám quy mạng, 9c. Sám nguyện, 10. Hồi hương công đức, 11. Lời nguyện cuối, 12. Đánh lễ ba ngôi báo.

505. KINH LỜI DẠY CUỐI CÙNG CỦA PHẬT

Dịch và chú: *HT. Thích Trí Tịnh*

Tác phẩm này gồm có: - Lời mở đầu (1980), - Khóa lễ (Kỷ niệm ngày Đức Thế Tôn Niết-bàn), - Kinh Phật dạy lần cuối khi sắp Niết-bàn, - Kinh Tâm yếu Bát-nhã Ba-la-mật-đa, - Phần hồi hương, - Chú thích. (<https://thuvienhoasen.org>, *Kinh Sanskrit/Hán tạng*)

506. KINH LỜI VÀNG

Soạn giả: *Dương Tú Hạc*

Dịch giả:

HT. Thích Trí Nghiêm (1911-2003)

Nxb Tôn Giáo, PL. 2547 – DL. 2003

Kinh có khổ 14 x 20cm, dày 286 trang, bìa mềm. Toàn bộ tác phẩm Kinh này gồm có 3 phần chính. Phần tựa, *Phần thứ nhất, Quy y*: Tín ngưỡng, Niệm Phật, Sám hối; *Phần thứ hai, Ngôn hành*: Tu thiện – phá ác, Tự lợi (Chế tâm, thật ngữ, nhẫn thọ, cần tấn, sắc dục, hổ thẹn, lìa các trộm cướp, rượu có nhiều lỗi, điều hòa bốn đại), Lợi tha (Biết ơn trả ơn, Vua-tôi-chủ-tớ, khen ngợi hiếu lành, đạo thầy trò, bằng hữu thiện ác, đạo vợ chồng, từ là cội gốc, người thăm bệnh), Tam Bảo (Phật bảo, Pháp bảo, Tăng bảo, Cứu khổ cho vui); *Phần thứ ba, Nhơn quả*: Muôn vật trong vũ trụ (Thật tướng của muôn vật, Muôn vật sanh khởi), Chúng sanh (vô thường, thân người, tâm người, tội ác, nghiệp báo, luân hồi, công hạnh và từng bậc giải thoát), Phật-đà (từ bi, trí tuệ, cứu tế, pháp thân, Niết-bàn). Phụ lục.

Kinh này được tái bản nhiều lần: Năm 1963, Nhà in Liên Hoa (Huế), Kiểm duyệt

số 061 ngày 19-3-1963, dày 339 trang, bìa mềm; năm 1992, THPG Tp. Hồ Chí Minh; các năm: 2002-2011-2014, Nxb Tôn Giáo.

507. KINH LUẬN TUYÊN TẬP

Biên dịch: *Huyền Thanh*

Nxb Tôn Giáo – 2009

Sách có khổ 16 x 24cm, dày hơn 271 trang, bìa cứng.

Nội dung gồm có: 1. Phật nói Kinh Thủ Lăng Nghiêm Tam-muội (No. 642), Quyền thượng-Quyền hạ, 2. Kinh Đại Thừa Phương Quảng Tổng Trì (No. 274), 3. Phật nói Kinh Tinh xá Đầu Voi (No. 466), 4. Phật nói Kinh Trang nghiêm Tâm Bồ-đề (No. 307), 5. Phật nói Kinh Sinh ra Tâm Bồ-đề (No. 837), 6. Luận Phát Tâm Vô thượng Chính đẳng Chính giác trong Kim Cương đỉnh Du-già (No. 1665), 7. Nghĩa của Tâm Bồ-đề (No. 1953), 8. Kinh Đại Phương quảng Như Lai tạng (No. 667), 9. So sánh Công đức của Tràng hạt trong Mạn-thù-thất-lợi Chú tạng (No.787), 10. Kinh Kim Cương đỉnh Du-già Niệm Châu (No.789), 11. Kinh Danh hiệu của Tám đức Phật (No. 431), 12. Kinh nói Mười điều Tốt lành (No. 432), 13. Phật nói Kinh Tám vị Đại Bồ-tát (No. 490), 14. Phật nói Kinh Bát Cát tường Thần chú (No. 427), 15. Bốn ngày Trai của Đại thừa (No. 2849), 16. Phật nói Kinh Bốn vị Thiên vương (No. 590), 17. Phật nói Kinh Tám điều Giác ngộ của bậc Đại nhân (No. 779), 18. Phật vì Hải Long vương nói Kinh Pháp Ấn (No. 599), 19. Phật vì Sa-già-la Long vương nói Kinh Đại thừa (No. 601), 20. Phật nói Văn lễ Sám tên của 35 vị Phật (No. 326), 21. Phổ Hiền Hạnh nguyện tán (No. 297), 22. Trì Thế Bồ-tát, 23. Kinh Trì Thế Đà-la-ni (No. 1162), 24. Phật nói Kinh Vũ Bảo Đà-la-ni (No. 1163), 25. Phật nói Kinh Đại Thánh Trì Thế Đà-la-ni (No. 1164), 26. Kinh Thánh

Trì Thế Đà-la-ni (No. 1165), 27. Cát Tường thiên nữ, 28. Phật nói Kinh Mười hai Danh hiệu của Đại Cát Tường thiên nữ (No. 1252), 29. Phật nói Kinh Mười hai Danh hiệu của Đại Cát Tường thiên nữ (No. 1252bis), 30. Đại Cát Tường thiên nữ 12 Khế 108 Danh vô cầu Đại thừa Kinh (No. 1253), 31. Từ Thị Bồ-tát Lược tu-dũ-nga Niệm tụng pháp (No. 1141), Quyền thượng-Quyền hạ, 32. Phật nói Từ Thị Bồ-tát Đà-la-ni (No. 1142), 33. Phật nói Kinh Từ Thị Bồ-tát Thế nguyện Đà-la-ni (No. 1143), 34. Phật nói Di-lặc Bồ-tát Phát nguyện Vương kệ (No. 1144), 35. Mục lục.

508. KINH MA-HA BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT, Trọn bộ 3 Tập

Dịch giả:

HT. Thích Trí Tịnh (1917-2014)

Chùa Hải Tuệ (Sài Gòn)

Tỳ-kheo Thích Đăng Quang – Trưởng ban ấn tống Kinh

Toàn bộ Kinh gồm có 30 quyển, 90 phẩm.

Tập 1, In tại Nhà in Sen Vàng, PL. 2511 – DL. 1967 (in lần thứ nhất), Tỳ-kheo Thích Đăng Quang (chùa Hải Tuệ) tổ chức ấn tống. Tập 1, dày 522 trang, bìa mềm, nền trắng, chữ tựa màu đỏ; gồm có 10 quyển, 36 phẩm. *Quyển I*, có 3 phẩm: P.1. Tự, P.2. Phụng bát, P.3. Tu tập đúng; *Quyển II*, có 3 phẩm: P.4. Vãng sanh, P.5. Tán thán Ba-la-mật, P.6. Tướng lưới, P.7. Tam giả; *Quyển III*, có 3 phẩm: P.8. Khuyển học, P.9. Tập tán, P.10. Hành tướng; *Quyển IV*, có 6 phẩm: P.11. Áo học, P.12. Cú nghĩa, P.13. Kim Cang, P.14. Đoạn chư kiến, P.15. Phú-lâu-na, P.16. Thừa Đại thừa; *Quyển V*, có 2 phẩm: P.17. Trang nghiêm, P.18. Vấn thừa; *Quyển VI*, có 3 phẩm: P.19. Quảng thừa, P.20. Phát thú, P.21. Xuất đạo; *Quyển VII*, có 4 phẩm: P.22. Thắng xuất, P.23. Đăng

không, P.24. Hội tông, P.25. Thập vô; *Quyển VIII*, có 2 phẩm: P.26. Vô sanh, P.27. Thiên vương; *Quyển IX*, có 4 phẩm: P.28. Áo nhọn thính pháp, P.29. Tán hoa, P.30. Tam thân, P.31. Diệt tránh; *Quyển X*, có 5 phẩm: P.32. Bửu pháp đại minh, P.33. Thuật hành, P.34. Khuyển trì, P.35. Khiến trừ ma ngoại, P.36. Tôn tạo.

Tập 2, In tại Nhà in Thăng Long, PL. 2516 – DL. 1972 (in lần thứ nhất), Tỳ-kheo Thích Đăng Quang (chùa Hải Tuệ) tổ chức ấn tống. Tập 2, dày 501 trang, bìa mềm; có 10 quyển, từ quyển 11 đến quyển 20. *Quyển XI*, có 2 phẩm: P.37 Xá-lợi, P.38 Pháp thí thứ 38 phần trên; *Quyển XII*, P.38 Pháp thí thứ 38 phần dưới; P.39 Tùy hỷ; *Quyển XIII*, có 2 phẩm: P.40 Chiếu minh, P.41 Tín hủy; *Quyển XIV*, P.42 Thân tịnh, P.43 Vô tác, P.44 Khấp Ca ngại trăm Ba-la-mật; *Quyển XV*, có 2 phẩm: P.45 Kinh nhĩ văn trì, P.46 Ma sự; *Quyển XVI*, có 3 phẩm: P.47. Lương bất hòa hiệp quá, P.48 Phật mẫu, P.49 Vân tướng; *Quyển XVII*, có 4 phẩm: P.50 Thành biện, P.51 Thí dụ, P.52 Thiện tri thức, P.53 Xu hướng Nhất thiết trí; *Quyển XVIII*, có 2 phẩm: P.54 Đại như, P.55 Bất thối chuyển; *Quyển XIX*, có 3 phẩm: P.56 Kiên cố, P.57 Thâm áo, P.58 Mộng hành; *Quyển XX*, P.59 Hằng-già-đề-bà, P.60 Học không bất chứng, P.61 Mộng trung bất chứng.

Tập 3, Tỳ-kheo Thích Đăng Quang (chùa Hải Tuệ) tổ chức ấn tống, PL. 2517 – DL. 1973. Tập 3, dày 557 trang, bìa mềm; có 10 quyển, từ quyển 21 đến quyển 30. *Quyển XXI*, có 4 phẩm: P.62 Ma sâu, P.63 Đẳng học, P.64 Tùy hỷ, P.65 Hư không; *Quyển XXII*, có 3 phẩm: P.66 Chúc lụy, P.67 Bất khả tận, P.68 Lục độ tướng nhiếp; *Quyển XXIII*, có 2 phẩm: P.69 Đại Phương tiện, P.70 Tam huệ; *Quyển XXIV*, có 4 phẩm: P.71 Đạo thọ, P.72 Bò-tát hạnh, P.73 Chủng thiện căn, P.74 Biến

học; *Quyển XXV*, có 2 phẩm: P.75 Tam thứ đệ hành, P.76 Nhứt niệm; *Quyển XXVI*, có 2 phẩm: P.77 Lục dụ, P.78 Tứ nhiếp; *Quyển XXVII*, P.78 Tứ nhiếp (tt), P.79 Thiện Đạt; *Quyển XXVIII*, có 2 phẩm: P.80 Thật tế, P.81 Cụ túc; *Quyển XXIX*, có 6 phẩm: P.82 Tịnh Phật quốc, P.83 Quyết định, P.84 Tứ đế, P.85 Thất dụ, P.86 Bình đẳng, P.87 Như hóa; *Quyển XXX*, có 3 phẩm: P.88 Tát-đà-ba luân, P.89 Đàm Vô Kiệt, P.90 Chúc lụy.

Bộ Kinh Ma-ha Bát-nhã Ba-la-mật này được tái bản nhiều lần: Năm PL. 2530 – DL. 1986, Viện Phật học Phổ Hiền xuất bản; năm 1987, Giáo hội Vạn Hạnh -chùa Liên Hoa Cali xuất bản; năm 1993, THPG Tp. Hồ Chí Minh ấn hành; năm PL. 2539 – DL. 1995, THPG Tp. Hồ Chí Minh ấn hành; Nxb Tôn Giáo – 2007.

509. KINH MA-HA MA-DA

ĐCTTĐTK, quyển 12, Ks. 383

Hán dịch: *Sa-môn Thích Đàm Cảnh*

Việt dịch và chú thích: *Cư sĩ Hạnh Cơ*

Nội dung Kinh này có 4 phần: Giới thiệu (2018); Phần I, Đức Phật lên cung trời Đao Lợi thuyết pháp hóa độ thánh mẫu Ma-ha Ma-da; Phần II, Thế Tôn du hành hóa độ và sau cùng đến rừng Ta-la song thọ nhập Niết-bàn; Phần III, Thánh mẫu Ma-da từ trời Đao Lợi về rừng Ta-la, và Đức Phật an ủi lời từ biệt; Phần IV, tôn giả A-nan thuật lại lời Phật dạy về “trụ và diệt” của chánh pháp từ sau khi Ngài nhập diệt. (<https://thuvienhoasen.org>, *Kinh Sanskrit/Hán tạng*)

510. KINH MẬT PHÁP NHẤT TỰ ĐÀ-LA-NI (Mật Giáo)

Hán dịch: *Tam tạng Bảo Tư Duy*

Việt dịch: *Sa-môn Thích Viên Đức*

Chùa Dược Sư (Ban Mê Thuật) xuất bản - 1974.

Kinh này có 136 trang, bìa mềm. Nội dung gồm có: Kinh Đà-la-ni Mật pháp trung nhất tự tâm chú; Kinh Đại phương quảng Bồ-tát tạng Kinh trung; Văn-thù-sư-lợi căn bản nhất tự Đà-la-ni Kinh; Mạn-thù-thất-lợi Bồ-tát chú tạng trung nhất tự chú vương Kinh; Uế tích Kim Cang thuyết thần thông đại mãn Đà-la-ni pháp thuật linh yếu môn; Uế tích Kim Cang cấm bách biến pháp Kinh; Thần biến diên mạng pháp; Phật nói Bắc đầu Thất tinh diên mạng; Phật nói Thất tinh chơn ngôn thần chú; Kinh nhất thiết công đức Trang nghiêm vương; Phật nói Kinh Trang nghiêm vương Đà-la-ni chú; Phật nói Kinh trì cú thần chú; Kinh Tăng huệ Đà-la-ni; Quán Thế Âm khuyết trừ nhất thiết nhãn thông Đà-la-ni; Quán Thế Âm linh chi căn cụ tác Đà-la-ni; Hoạch chư thiên tam-muội nhất thiết Phật pháp môn Đà-la-ni.

511. KINH MẬT NGHIÊM

Việt dịch: *Tỳ-kheo Thích Thiện Nhơn*

Nxb Tôn Giáo – 2010

Kinh có khổ 14.5 x 20.5cm, dày hơn 212 trang, bìa mềm, chính giữa có hình ao sen, chữ tựa Kinh màu đỏ.

Nội dung gồm có: Lời nói đầu, Phần Tổng quát; P.1 Đạo tràng Mật nghiêm; P.2 Thân Thanh tịnh sinh vào thế giới Mật nghiêm vi diệu, Phần 1 và Phần 2; P.3 Sanh từ bào thai; P.4 Tự tác cảnh giới; P.5 Phân biệt Quán hạnh; P.6 Nhập A-lại-da; P.7 Ngã Thức cảnh giới; P.8 A-lại-da chính là Mật nghiêm; Phần Chú thích.

512. KINH MỤC-KIỀM-LIÊN HỎI NĂM TRĂM TỘI KHINH TRỌNG TRONG GIỚI LUẬT

Việt dịch: *Thích Nguyên Lộc*

Nội dung Kinh này gồm có 18 phẩm: P.1 Hỏi về quả báo phạm năm thiên giới, P.2 Hỏi về vật dụng của Phật, P.3 Hỏi việc

thuyết pháp, P.4 Hỏi về pháp kiết giới, P.5 Hỏi về việc an cư, P.6 Hỏi về việc độ người, P.7 Hỏi việc thụ giới, P.8 Hỏi về việc nhận phẩm vật cúng dường, P.9 Hỏi về bệnh tật, P.10 Hỏi về việc Tỳ-kheo thị tịch, P.11 Hỏi về ba y, P.12 Hỏi về bát, P.13 Hỏi về các việc linh tinh, P.14 Hỏi về thụ Ba tự qui, P.15 Hỏi về thụ Năm giới, P.16 Hỏi về thụ Mười giới, P.17 Hỏi về Sa-di, P.18 Văn sám hối sau 90 ngày kiết hạ. (<https://phatphapungdung.com>, *Pháp bảo-Bộ luật*)

513. KINH MỤC-LIÊN

Dịch giả: *Thích Quảng Độ*

Chùa Bồ-Đề (Gia Định) xuất bản,

PL. 2508 – DL. 1964

Kinh dày 181 trang, bìa mềm. Nội dung gồm có: Tựa, Dâng mẹ, *Từ bi Đạo tràng Mục-liên Sám pháp*, Quyền thứ nhất, Quyền thứ hai và Quyền thứ ba; Cử tán.

Tác phẩm Kinh này tái bản năm PL. 2512 – DL. 1968, chùa Bồ-Đề (Gia Định) ấn hành.

514. KINH MƯỜI GIỚI VÀ CÁC OAI NGHI CỦA SA-DI

Việt dịch: *Tỳ-kheo Phước Nghĩa*

Nxb Hồng Đức – 2017

Kinh có khổ 14.5 x 20.5cm, có hơn 67 trang, bìa mềm.

Nội dung gồm có: Kinh Mười Giới và Các Oai nghi của Sa-di, Kinh Tám điều Giác ngộ của bậc Đại nhân, Kinh Phật răn dạy sơ lược những pháp thiết yếu lúc sắp nhập Niết-bàn.

515. KINH MƯỜI THIÊN NGHIỆP

Việt dịch: *Trưởng lão Tỳ-kheo Trí Quang (1923-2019)*

Nxb Hồng Đức – 2017

Nội dung Kinh gồm có: Chính văn Kinh, Chú giải Kinh Mười Thiện Nghiệp, Phần sao lục Hoa văn Kinh Mười Thiện Nghiệp.

516. KINH NA-TIÊN TỶ-KHEO

Soạn thuật: *Cao Hữu Đỉnh*

Giáo án Trường Cơ bản PHVN –

Lưu hành nội bộ.

Hương Sen ấn tống năm 1970. Kinh có khổ 14 x 20cm, có 159 trang, bìa mềm. Nội dung gồm có: Lời giới thiệu, Lời nói đầu, Đối thoại: - Vô ngã hay danh, - Số, - Cách nói chuyện của hiền giả và vương giả hay điều kiện đối thoại, - Di-la-đà thỉnh Na-tiên vào hoàng cung, - Cứu cánh đích thực của bậc xuất gia, - Nguyên nhân luân hồi và phương pháp giải thoát, - Pháp lành, - Tương quan giữa thân trước và thân sau, - Tự biết hết tái sanh, - Trí và minh, - Đắc đạo rồi có còn đau khổ không? – Vui, khổ, thiện và bất thiện, - Danh thân tài sắc, - Đã hỏi rồi không nên hỏi lại, - Danh thân tương liên, - Thời gian, - Đầu mối của sanh tử, - Nhân duyên sanh, - Linh hồn, - Liên hệ giữa căn và tâm thần, - Xúc, - Cảm thọ, - Giác, - Sở niệm, - Nỗi lòng, - Muối, - Duyên nghiệp của tri giác, - Nguyên nhân bất bình đẳng giữa loài người, - Phải sớm làm điều lành, - Lửa địa ngục, - Nước dựa trên không khí, - Niết-bàn, - Phật có ra đời, - Phật là tối thắng, - Thân cũ không tái sanh, - Thân mất, việc làm còn, - Không thể biết quả báo về sau, - Niết-bàn ở đâu?, - Vì sao sấn sóc cái thân, - Vì sao Phật không giống cha mẹ, - Chơi chữ, - Giọt nước mắt lành, - Mê ngộ khác nhau, - Trí nhớ, - Mười sáu cách nhớ, - Phật là đấng toàn giác, - Nhân ít, quả nhiều, - Ngừa giặc khi giặc chưa đến, - Thần thông chẳng quản xa gần, - Cùng đến một lượt, - Bày sự việc tự thành giác ngộ, - Làm việc lành nhỏ được phước lớn, - Kẻ trí làm điều dữ ít bị tai vạ hơn

người ngu, - Bay lên trên không, - Xương dài bốn ngàn dặm, - Ngung hơi thở, - Trí tuệ soi thấu tất cả, - Thân hồn, trí và thức, - Phật làm được việc khó làm. Lời cuối cùng.

Tác phẩm Kinh này tái bản năm 1971, Nxb Minh Đức (Sài Gòn).

517. KINH NĂM GIỚI TƯỚNG CỦA ƯU-BÀ-TẮC

Hán dịch: *Tam tạng Pháp sư*

Cầu-na-bạt-ma (Gunavarman, 367-431)

Việt dịch: *Thích Thiện Phước*

Nxb Tôn Giáo. Nội dung của Kinh này nói về 5 giới, gồm có: Lời người dịch (chùa Đông Sơn, Tiền Giang – 2009); *Kinh Năm giới tướng của Ưu-bà-tắc*, 1. Giới sát sanh, 2. Giới trộm, 3. Giới dâm, 4. Giới vọng ngữ, 5. Giới uống rượu.

518. KINH NĂM PHẬT ĐẢNH TAM-MUỘI ĐÀ-LA-NI

Mật Tang bộ 2 – No. 952

Hán dịch: *Tam tạng Bồ-đề-lưu-chi*

Việt dịch: *Sa-môn Thích Quảng Trí*

Phục hồi Phạn chú: *Huyền Thanh*

Toàn bộ tác phẩm Kinh này gồm có 4 quyển, 10 phẩm: Q.I, P.1 Tựa, P.2 Ngũ Phật đánh luân vương Đà-la-ni Nhập tam-ma-địa gia trì hiển đức, P.3 Nhất tự đánh vương họa tượng pháp, P.4 Ngũ đánh vương Tam-ma-địa thần biến gia trì hóa tượng; Q.II, P.5 Hành tướng Tam-muội-gia của năm Đánh vương, P.6 Nghi pháp bí mật của năm Đánh vương, P.7 Pháp thành tựu của Năm đánh vương; Q.III, P.8 Mật ấn của Năm đánh vương; Q.IV, P.9 Tu chứng Tất-địa của Năm đánh vương, P.10 Phổ thông thành tựu pháp hộ ma của Năm đánh vương. (<https://quangduc.com>, *Kinh-Hán tạng*)

519. KINH NĂM TRĂM ĐỆ TỬ TỰ NÓI VỀ BỒN KHỞI

Hán dịch: *Trúc Pháp Hộ*

Việt dịch: *Thích Chánh Lạc*

Toàn bộ tác phẩm Kinh này gồm có 30 phẩm: 1.P Đại Ca-diếp (19 bài kệ (bk), 2.P Xá-lợi-phất (12 bk), 3.P Ma-ha Mục-kiền-liên (15 bk), 4.P Luân Đề-đà (Tịnh trừ, 17 bk), 5.P Tu-man (Thiện niệm, 14 bk), 6.P Luân luận (Nghe rõ, 11 bk), 7.P Phàm-kỳ (Thủ thiện, 8 bk), 8.P Tân-đầu-lô (Khất bế môn, 11 bk), 9.P Hóa kiệt (Thiện lai, 21 bk), 10.P Nan-đà (Hân lạc, 12 bk), 11.P Dạ-da (Danh văn, 26 bk), 12.P Thi-lợi-la (20 bk), 13.P Bạt-câu-lô (Họ cố, 12 bk), 14.P Ma-ha-trở (Đại trường, 12 bk), 15.P Ưu-vi Ca-diếp (8 bk), 16.P Ca-da (Trúc thủ, 15 bk), 17.P Thọ-đề-cù (37 bk), 18.P Lại-tra-hòa-la (26 bk), 19.P Hóa đề (27 bk), 20.P Thiên thừa Ca-diếp (11 bk), 21.P Châu-lợi-bàn-đặc (8 bk), 22.P Thí đề-hồ (27 bk), 23.P A-na-luật (Vô liệp, 9 bk), 24.P Di-ca-phất (Lộc tử, 14 bk), 25.P La vân (10 bk), 26.P Nan-đề (14 bk), 27.P Bạt-đề (19 bk), 28.P La-bàn-bạt-đề (14 bk), 29.P Ma-đầu-hòa-luật-chí (21 bk), 30.P Thế Tôn (50 bk).

<https://phatphapungdung.com>,

Pháp bảo-Bộ Bốn duyên)

520. KINH NIỆM PHẬT BA-LA-MẬT

Dịch và giải:

HT. Thích Thiên Tâm (1925-1992)

Nxb Tôn Giáo – 2008

Kinh có khổ 14 x 20cm, dày hơn 102 trang, bìa cứng, nền màu đen, chữ mạ vàng. Nội dung gồm có 7 phẩm chính: P.1 Duyên khởi, P.2 Mười Tâm thù thắng, P.3 Niệm Phật công đức, P.4 Xưng tán danh hiệu, P.5 Quán Thế Âm Bồ-tát niệm Phật viên thông, P.6 Năng lực Bát tư nghị của danh hiệu Phật, P.7 Khuyến Phát niệm Phật và Đọc tụng Chân ngôn.

Kinh này được tái bản nhiều lần: Năm 2001, 2017, Nxb Tôn Giáo; năm 2014, Nxb Hồng Đức.

521. KINH NIỆM PHẬT VIÊN ĐỐN

Việt dịch: *Tỳ-kheo Thích Minh Lễ*

Nxb Hồng Đức, PL. 2561 – DL. 2017

Kinh có khổ 14.5 x 20.5cm, dày 254 trang, bìa cứng, chữ tựa mạ vàng.

Tác phẩm này gồm có 3 Kinh chính. Nội dung: Tựa, Tựa hiệp khắc 3 bộ Kinh Niệm Phật Viên Đốn; I. Kinh Văn Thù sở thuyết Ma-ha Bát-nhã Ba-la-mật, Đôi lời sau Kinh Văn Thù sở thuyết Ma-ha Bát-nhã Ba-la-mật; II. Kinh Đại Phương đẳng Như Lai Bất tư nghị Cảnh giới; III. Kinh Bát-chu Tam-muội (có 4 quyển, 17 phẩm): Q.I, P.1 Vấn đáp, P.2 Tư duy, P.3 Tam-muội hành, P.4 Thấy Phật; Q.II, P.5 Chánh tín, P.6 Quán sát, P.7 Giới hạnh đầy đủ, P.8 Thọ ký; Q.III, P.9 Công đức thọ trì, P.10 Mau chứng Bồ-đề, P.11 Đầy đủ năm pháp, P.12 Xa lìa phân biệt; Q.IV, P.13 Vô tránh hạnh, P.14 Pháp bất cộng, P.15 Công đức tùy hỷ, P.16 Phụng sự pháp sư, P.17 Chúc lụy; Vài hàng sau Kinh Bát-chu Tam-muội, Lời bạt, Tiểu sử Cư sĩ Bồ-tát Bành Tế Thanh.

Tác phẩm này đã được Vạn Đức Tự ấn hành năm PL. 2512 – DL. 1968

522. KINH NGŨ BÁCH DANH

Việt dịch: *Thích Chân Lý*

Nxb Tôn Giáo, PL. 2557 – DL. 2013

Kinh có khổ 15 x 23cm, có 88 trang, bìa mềm. Tác phẩm này gồm có: Nghi thức lễ tụng (các chơn ngôn, Vịnh, Cung văn, Tán dương chi, 500 hồng danh chư Phật và Bồ-tát. Sau cùng là Chí tâm sám hối, Chú Đại bi, Tiêu tai cát tường thần chú, Cử tán, Ma-ha Bát-nhã Ba-la-mật-đa tâm Kinh, Chí tâm phát nguyện, Cung nguyện, Phổ nguyện, Tam tự Quy y.

Tác phẩm Kinh này đã được THPG Tp. Hồ Chí Minh ấn hành năm 1997; tái bản năm 2007, Nxb Tôn Giáo.

523. KINH NGŨ BÁCH DANH QUÁN THẾ ÂM

Việt dịch: *Quảng Minh*

Tác phẩm Kinh này gồm có 142 trang (PDF): - Lời phi lộ (2009); - Kinh Ngũ bách danh Quán Thế Âm (dịch âm); - Lễ Ngũ bách danh Quán Thế Âm nghi; - Kinh Ngũ bách danh Quán Thế Âm (dịch nghĩa); - Lễ Ngũ bách danh Quán Thế Âm nghi; Chú thích; và phần chú thích của HT. Thích Thiền Tâm. (<https://hoavouu.com>, *Sách Phật học-PDF*)

524. KINH NGŨ BÁCH DANH QUÁN THẾ ÂM

Biên soạn: *Thích Tâm Châu*

Tác phẩm Kinh này gồm có: - Lược sử; - Nghi thức Lễ tụng; Chánh văn Kinh (500 danh hiệu Quán Thế Âm Bồ-tát); Thiên thủ thiên nhãn Vô ngại Đại bi Tâm Đà-la-ni, Tiêu tai Cát tường thần chú, Bát-nhã Ba-la-mật-đa tâm Kinh và Nghi thức Hồi hướng. (<https://quangduc.com>, *Kinh-Hán tạng*)

525. KINH NGŨ BÁCH DANH QUÁN THẾ ÂM

Việt dịch: *Tỳ-kheo Thích Hạnh Định, Tỳ-kheo Thích Hạnh Tâm, Tỳ-kheo Thích Hạnh Bốn*

Chứng nghĩa: *HT. Thích Như Điển*

PL. 2559 – DL. 2015. Tác phẩm Kinh này gồm có: - Lời vào Kinh, - Nghi thức lễ tụng; Chánh văn (500 danh hiệu Quán Thế Âm Bồ-tát); Phúng Quán Âm Bồ-tát, Tùy tâm chú, Chí tâm phát nguyện, Phật nói Chơn Kinh Cứu khổ, Tuyên sớ, Kệ Hồi

hướng. (<https://quangduc.com>, *Kinh-Hán tạng*)

526. KINH NGŨ BÁCH DANH QUÁN THẾ ÂM

Biên tập: *Lê Hồng Sơn*

Nxb Tôn Giáo – 2012

Kinh có khổ 14.5 x 20.5cm, dày 100 trang, bìa mềm. Nội dung gồm có: Lời giới thiệu, Cữ tán, Nhất thiết Cung kính Tín lễ Thường trụ Tam bảo, Lễ tán bạch, Chí tâm đánh lễ: (500 hồng danh Bồ-tát Quán Thế Âm), Phúng Quán Thế Âm Bồ-tát Tùy tâm Tùy ý, Pháp sám bạch, Chí tâm Phát nguyện, Phúng Hồi hướng kệ.

527. KINH NGŨ BÁCH VẤN

Giới Đài Viện Huệ Nghiêm –

Ban Dịch Thuật Luật Tạng

Việt dịch: *Tỳ-kheo Thích Nguyên Lộc*

Nxb Hồng Đức – 2014. Kinh khổ 14.5 x 20.5cm, có 146 trang, bìa mềm.

Tác phẩm Kinh này gồm có 17 phẩm: 1.P Hỏi về quả báo phạm năm thiên giới, 2.P Hỏi về vật dụng của Phật, 3.P Hỏi việc thuyết pháp, 4.P Hỏi về pháp Kiết giới, 5.P Hỏi về việc An cư, 6.P Hỏi việc độ người, 7.P Hỏi việc thụ giới, 8.P Hỏi về việc nhận phẩm vật cúng dường, 9.P Hỏi về bệnh tật, 10.P Hỏi về việc Tỳ-kheo thị tịch, 11.P Hỏi về ba y, 12.P Hỏi về bát, 13.P Hỏi về các việc linh tinh, 14.P Hỏi về thụ ba tự quy, 15.P Hỏi về thụ năm giới, 16.P Hỏi về thụ mười giới, 17.P Hỏi về Sa-di; Văn sám hối sau 90 ngày kiết hạ.

528. KINH NGƯỜI ÁO TRẮNG

Dịch và chú giải: *Nhất Hạnh*

Tác phẩm Kinh này có 38 trang, bìa mềm. Nội dung gồm: - Kinh văn, - Tên kinh và nguồn gốc của Kinh, - Trường hợp Kinh được nói, - Chủ đích và đại ý nội dung; - Năm giới pháp (1. Giới không giết hại, 2.

Giới không xâm phạm vào tư hữu của kẻ khác, 3. Giới không tà dâm, 4. Giới không nói dối, 5. Giới không sử dụng các chất ma túy trong đó có rượu); - Bốn tâm cao đẹp (1. Phép quán niệm thứ nhất là niệm Bụt, 2. Phép quán niệm thứ hai là niệm Pháp, 3. Phép quán niệm thứ ba là niệm Tăng, 4. Phép quán niệm thứ tư là niệm Giới); - Hạnh phúc trong hiện tại, - Vun trồng phước đức, - Tính cách tương dung của Năm giới pháp và Bốn tâm cao đẹp, - Đối tượng của niềm tin, - Năm giới màu nhiệm (Giới thứ nhất, hai, ba, tư và năm).

529. KINH NGHI QUỸ ĐẠI MINH THÀNH TỰU TRÌ MINH TẠNG DU-GIÀ ĐẠI GIÁO TÔN-NA BỒ-TÁT

Hán dịch: *Pháp Hiền*

Việt dịch: *Huyền Thanh*

Toàn bộ tác phẩm Kinh này gồm có 4 quyển, 6 phần: Q.I, Phần 1. Đại minh thành tựu, Phần 2. Quán trí thành tựu; Q.II, Phần 2. Quán trí thành tựu (tt); Q.III, Phần 3. Tạo tranh tượng, Phần 4. Pháp làm Man-noa-la, Phần 5. Hộ ma, Phần 6. Pháp trì tụng của Tôn-na Bồ-tát (1); Q.IV, Phần 6. Pháp trì tụng của Tôn-na (2). (<https://phatphapungdung.com>, *Pháp bảo Bộ Mật giáo*)

530. KINH NGHIỆP BÁO SAI BIỆT

Hán dịch: *Cù-đàm Pháp Trí*

Việt dịch: *Thích Tuệ Thông*

Nxb Hồng Đức – 2013

Kinh có khổ 14.5 x 20.5cm, có 64 trang, bìa mềm. Nội dung gồm có: Lời tựa, Phật nói Kinh Nghiệp Báo Sai Biệt, và 18 bức hình; Phần Phụ lục: Kinh Vua A-xà-thế hỏi Phật về tội ngũ nghịch, Kinh Mối thù khi chưa sinh.

Tác phẩm Kinh này đã xuất bản năm 2006, Nxb Tôn Giáo; tái bản năm 2012, Nxb Tôn Giáo.

531. KINH NHÂN QUẢ BA ĐỜI

Việt dịch:

HT. Thích Thiên Tâm (1925-1992)

Nxb Tôn Giáo, PL. 2551 – DL. 2007

Kinh có khổ 14.5 x 20.5cm, có 61 trang, bìa mềm.

Nội dung gồm có: Lời nói đầu, Sám Dược Sư, Kinh Phật nói Nhân Quả Ba Đời; Nhân quả Luân hồi Tạp lục (Mạnh Phu nhân, Chu Tinh Hải, Hạ Phùng Thánh, Chuyện Vị Lão Tăng, Thái thú họ Ngưu, Giết dê hại vợ, Phạm dâm trả quả, Bất hiếu đọa làm heo, Vùi trong bếp lửa) và 51 bức tranh minh họa về nhân quả báo ứng.

Kinh này được tái bản nhiều lần: Phật học viện Quốc Tế xuất bản 1983; năm 1994, 1998, THPG Tp. Hồ Chí Minh ấn hành; các năm: 2002, 2003, 2010, 2016, Nxb Tôn Giáo.

532. KINH NHÂN QUẢ SÁM PHÁP

Sưu tập: *Thích Giác Thiện*

Nxb Tôn Giáo – 2009

Kinh có khổ 14.5 x 25.5cm, dày 338 trang, bìa mềm, chữ tựa màu đỏ, có hình tượng Phật Ngọc, sau lưng là hình bảo tháp tại Bồ-đề Đạo Tràng (Ấn Độ). Toàn bộ tác phẩm gồm có: Nghi thức tụng niệm, Phật nói Kinh Nhân quả Ba đời, Phật nói Kinh Thiện ác Nhân quả, Kinh Nghiệp báo, Phật nói Kinh Nghiệp báo Sai biệt, Nói rõ quả báo, Kinh Thiên sứ, Từ bi Thủy sám, Giải oan Thích kiết, Kinh Tâm từ, Bát-nhã Tâm kinh, Phát nguyện Sám hối, Khuyển tu.

533. KINH NHÂN VƯƠNG HỘ QUỐC

Việt dịch:

Thích Trung Quán (1918-2003)
Ban Hoàng Pháp Miền Vĩnh Nghiêm xuất bản, PL. 2508

In tại Nhà in Việt Liên (Sài Gòn),
Giấy phép số 2486/BTT/BC-3/XB, ngày 12-9-1964

Kinh có 144 trang, bìa mềm. Nội dung gồm có: Phần Nghi lễ, *Phật nói Kinh Nhân vương Hộ quốc Bát-nhã Ba-la-mật-đa*; Phần Hồi hướng, Tâm Kinh Bát-nhã, Tam Tụ Quy y.

534. KINH NHẬP LĂNG-GIÀ

Hán dịch: *Tam tạng Pháp sư*

Bồ-đề-lưu-chi

Việt dịch: *Cư sĩ Tuệ Khai*

Chứng nghĩa: *Tỳ-kheo Thích Đồng Minh (1927-2005)*

Tác phẩm Kinh này có 417 trang (PDF), nội dung gồm 10 quyển, 18 phẩm: Q.I, P.1 Thỉnh Phật, P.2 Vấn đáp; Q.II, P.3 Tập hợp tất cả Phật pháp; Q.III, P.3 Tập nhất thiết Phật pháp; Q.IV, P.3 Tập nhất thiết Phật pháp; Q.V, P.4 Phật tâm; Q.VI, P.5 Lư-ca-gia-đà, P.6 Niết-bàn, P.7 Pháp thân; Q.VII, P.8 Vô thường, P.9 Nhập đạo, P.10 Hỏi đức Như Lai thường-vô thường, P.11 Phật tính, P.12 Năm pháp môn, P.13 Hằng-hà sa; Q.VIII, P.14 Sát-na, P.15 Hóa, P.16 Ngăn ăn thịt, P.17 Đà-la-ni; Q.IX và Q.X, P.18 Tổng.

(<https://thuvienhoasen.org>,

Kinh Sanskrit/Hán tạng)

535. KINH NHẬP LĂNG-GIÀ

Dịch và giảng: *Đương Đạo*

Thiện Tri Thức – 2017

Tác phẩm này gồm có 10 phẩm: P.1 Vua La-bà-na xin thỉnh, P.2 Tập tất cả pháp (có 3 phần), P.3 Vô thường (có 2 phần), P.4 Hiện chứng, P.5 Như Lai thường-vô thường, P.6 Sát-na, P.7 Biến hóa, P.8 Dứt

việc ăn thịt, P.9 Đà-la-ni, P.10 Kệ tụng (có 2 phần).

536. KINH NHẤT TỰ ĐẢNH LUÂN VƯƠNG

Mật Tạng bộ 2 – No. 951

Hán dịch: *Tam tạng Bồ-đề-lưu-chi*

Việt dịch: *Sa-môn Thích Quảng Trí*

Phục hồi Phạn chú: *Huyền Thanh*

Toàn bộ tác phẩm Kinh này gồm có 5 quyển, 13 phẩm: Q.I, P.1 Tựa, P.2 Pháp vẽ tượng; Q.II, P.3 Phân biệt thành pháp, P.4 Phân biệt Mật nghi, P.5 Phân biệt Bí tướng, P.6 Thành tượng pháp; Q.III, P.7 Ấn thành tựu; Q.IV, P.8 Đại pháp đàn, P.9 Cúng dường thành tựu; Q.V, P.10 Thế thành tựu, P.11 Hộ pháp, P.12 Chứng học pháp, P.13 Hộ ma đàn.
(<https://quangduc.com>, *Kinh-Hán tạng*)

537. KINH NHẤT TỰ KỶ ĐẶC PHẬT ĐẢNH

Mật Tạng bộ 2 – No. 953

Hán dịch: *Tam tạng Sa-môn Bất Không*

Việt dịch: *Sa-môn Thích Quảng Trí*

Phục hồi Phạn chú: *Huyền Thanh*

Toàn bộ tác phẩm Kinh này gồm có 3 quyển, 9 phẩm: Quyển thượng, P.1 Hiện oai đức, P.2 Ấn khê, P.3 Mạn-trà-la nghi quỹ, P.4 Tiên hành; Quyển trung, P.5 Thành tựu Tỳ-na-dạ-ca, P.6 Thuyết pháp; Quyển hạ, P.7 Điều phục nhất thiết chúng Tỳ-na-dạ-ca thiên vương, P.8 Thành tựu tối thắng, P.9 Bồ-tát tạng.
(<https://quangduc.com>, *Kinh-Hán tạng*)

538. KINH NHẤT TỤNG

Biên soạn: *Thích Đăng Quang*

Nxb Tôn Giáo – 2020

Kinh có khổ 15.5 x 23cm, dày 181 trang, bìa mềm. Nội dung gồm có: Nghi thức Công phu khuya, Nghi thức Công phu chiều (Tịnh độ hay Cầu siêu), Nghi thức

Sám hối, Mông Sơn Thí thực, Nghi thức Cầu an, Phật Thích-ca nói Kinh Di-lặc..., Nghi thức Phóng sanh; Phụ trang: Các Bài sám.

Tác phẩm Kinh này tái bản nhiều lần: Năm 1984, chùa Hiến Quang ấn hành; năm 2006; năm 2021, Nxb Tôn Giáo, khổ 15.5 x 23cm, dày 181, bìa mềm, chữ tựa màu đỏ, có hình Đức Phật (bán thân), tay kiết ấn.

539. KINH NHẬT TỤNG

Biên tập: HT. Thích Thanh Kiểm và HT. Thích Hiến Tu

THPG Tp. Hồ Chí Minh ấn hành, PL. 2535 – DL. 1991

Kinh có khổ 11.5 x 15cm, có 489 trang, bìa cứng, chữ tựa mạ vàng.

Toàn bộ *Kinh Nhật Tụng* này gồm có 2 phần chính: *Phần các nghi thức*: Nghi thức công phu khuya, Nghi thức cầu siêu (Tịnh độ), Sám hối Hồng danh, Mông sơn thí thực, Nghi thức cầu an (hay Nghi thức tụng kinh Phổ Môn), Nghi thức tụng kinh Kim Cang, Nghi thức lễ Vu Lan Bồn (kinh Vu Lan), Nghi thức lễ An vị Phật, Nghi thức cúng nọ, Nghi thức quá đường, Nghi thức kệ đại hồng chung, Nghi thức phóng sinh; và *Phần các bài sám*: - Sám Thập phương, - Sám Phổ Hiền, - Sám Nhứt tâm, - Sám Cầu an, - Sám Ngã niệm, - Sám Vu Lan, - Sám Di-đà, - Sám Đại từ, - Sám Phát nguyện.

Tác phẩm Kinh này được THPG Tp. Hồ Chí Minh tái bản, PL. 2536 – DL. 1992.

540. KINH NHẬT TỤNG

Biên soạn: Thích Minh Thời

Nxb Tôn Giáo – 2008

Kinh có khổ 11.5 x 15.5cm, có 523 trang, bìa cứng. Toàn bộ *Kinh Nhật Tụng* này gồm có, các Nghi thức: Công phu khuya, Công phu chiều (Kinh Di-đà, Hồng Danh

Sám hối, Mông sơn Thí thực), Cầu an, Tụng Kinh Kim Cang, Lễ Vu Lan bồn, Kinh Hạ sanh Di-lặc thành Phật, Lễ Khánh đản, Lễ An vị Phật, Cúng nọ, Quá đường, Kệ động Đại hồng chung, Kệ chuyển trống, Phóng sanh; Các Bài sám: Sám Thích-ca, Sám Di-đà, Sám Nhứt Tâm nghĩa, Sám hối Phát nguyện, Sám Đại từ, Sám Phát nguyện, Sám Quan Âm, Sám Nhứt Tâm, Bài nguyện chư Thiên; - Các ngày lễ kỷ niệm, - Những ngày trai.

Tác Phẩm Kinh này được tái bản nhiều lần: Năm 2011-2016, Nxb Tôn Giáo.

541. KINH NHẬT TỤNG

Soạn và ấn tống: *Tạng Thư Phật Học*

PL. 2553 – DL. 2009. Toàn bộ tác phẩm Kinh này gồm có 103 trang, 8 Kinh: Công phu khuya, Kinh A-di-đà, Hồng danh Sám hối, Mông sơn Thí thực, Phẩm Phổ môn, Lễ Khánh đản, Kinh Vu Lan bồn, Kinh Báo Hiếu Phụ mẫu trọng ân, Kinh Dược Sư, Kinh Kim Cang, Kinh Di-lặc hạ sanh thành Phật, Kinh Diệt tội Trường thọ, Những ngày Vía Phật, Bồ-tát, Tổ Sư, Các ngày trai, Mười Công đức Ấn tống Kinh. (<https://hoavouu.com>, *Sách Phật học-PDF*)

542. KINH NHẬT TỤNG

THPG Tp. Hồ Chí Minh – Ban Nghi Lễ Nxb Hồng Đức – 2020

Kinh có khổ 14.5 x 20.5cm, dày 259 trang, bìa mềm. Nội dung gồm có: Lời giới thiệu; Nghi thức Công phu khuya: Tán dương, Chú Lăng Nghiêm, Chú Đại Bi, Thập chú, Kinh Tinh yếu Bát-nhã Ba-la-mật-đa; Nghi thức Công phu chiều: Tán dương, Mông Sơn Thí thực, Kinh Tinh yếu Bát-nhã Ba-la-mật-đa, Chú Đại bảo; Nghi thức Kỳ an: Dâng hương, Chú Đại bi, Kinh Phổ môn, Kinh Tinh yếu Bát-nhã Ba-la-mật-đa; Nghi thức Kỳ siêu: Dâng hương, Chú Đại bi, Kinh A-di-đà, Kinh

Tinh yếu Bát-nhã Ba-la-mật-đa; Nghi thức Sám hối: Dâng hương, Chú Đại bi, Sám hối Hồng danh, Kinh Tinh yếu Bát-nhã Ba-la-mật-đa; Nghi thức Khai Kinh: Tán hương, Chú Đại bi, Tán, Xướng sớ, Kệ Khai Kinh; Nghi thức Cúng ngọc: Tán hương, Kinh Tinh yếu Bát-nhã Ba-la-mật-đa; Nghi thức An vị Phật: Tán Dương chi, Chú Đại bi, Phụng thỉnh Tam bảo; Nghi thức Tiểu Sám hối.

543. KINH NHẬT TỤNG

Soạn dịch: *Tỳ-kheo Ni* -

Hải Triều Âm (1920-2013)

Nxb Tôn Giáo – 2010.

Toàn bộ tác phẩm Kinh này gồm có: 1. Khóa Cảnh sách, 2. Đại bi, Bát-nhã, 3. Cúng cơm Trai đường, 4. Cúng Phật, 5. Cúng Tổ, 6. Cúng cơm Quý Hòa thượng, 7. Cúng vong, 8. Mông sơn Thí thực, 9. Chiêu Hồn ca, 10. Nghi thỉnh 12 loại cô hồn trong nhân gian, 11. Phóng sanh, 12. Đại hồng chung, 13. Lễ thù ân ngày Bồ-tát, 14. Quán Âm quán trần, 15. Tán lễ Tây phương, 16. Bát đại Nhân giác, 17. Kinh Vô thường, 18. Ngũ Bách danh, 19. Lễ Phật đàn, 20. Mừng Khánh đàn, 21. Kinh Cahyna, 22. Lễ 18 vị A-la-hán, 23. Lễ y Công đức, 24. Kim Quang Minh sám trai thiên khóa nghi, 25. Kim Quang Minh Kinh phẩm Không yếu lược, 26. Từ bi Địa Tạng bảo sám, 27. Khúc khải hoàn, 28. Tang lễ tại gia, 29. Quy y vong, 30. Phục nguyện, 31. Sớ Cầu an Phổ môn, 32. Sớ Dược Sư, 33. Sớ Cầu siêu, 34. Sớ Cầu an và Cầu siêu, 35. Sớ Vu Lan, 36. Sớ tạ đàn Cahyna.

544. KINH NHẬT TỤNG

Dịch nghĩa:

HT. Pháp sư Quảng Liên (1926-2009)

Nxb Tôn Giáo, PL. 2544 – DL. 2000

Kinh có khổ 14.5 x 20.5cm, dày 229 trang, bìa mềm. Nội dung bao gồm: Lời dịch giả; Nghi thức Công phu khuya, Nghi thức Cầu siêu (Tinh Độ), Nghi thức Cầu an hay Kinh Phổ Môn, Nghi thức Hồng danh Sám hối, Nghi thức An vị Phật, Nghi thức Cúng ngọc, Nghi thức Cúng Quá đường, Nghi thức Mông sơn Thí thực, Nghi thức Cúng vong, Nghi thức Hồ đại hồng chung, Bài sám thọ Bát quan trai, Các ngày vía trong năm, Các ngày trai.

545. KINH NHẬT TỤNG

Trụ sở Trung ương: Chùa Hoàng Pháp (Hóc Môn – Gia Định)

In tại Nhà in Hạnh Phúc, Giấy phép số 5677/BTT PHNT. Saigon ngày 17-12-1971. Kinh dày 128 trang, bìa mềm, nền màu trắng, chữ tựa màu đỏ.

Nội dung gồm có: Lời nói đầu, Chương trình nhập hội, Chỉ dẫn cách thức tu hành, Đề phục hưng Chánh pháp, Lời dặn, Kinh Nhật Tụng: Sớ Cầu an, Sớ Cầu siêu, Đại Bi chú, Kinh Tám điều, Sám Cầu an, Kệ Cầu siêu Hương linh, Kệ Nhớ ơn cha mẹ, Tán Đức Di-đà, Chú Vãng sanh, Sám hối Phát nguyện, Thí thực Phổ thí Cô hồn, Phóng sinh, Kinh Di-đà, Sám Cầu siêu vong linh, Kinh Diệu Pháp Liên Hoa, 12 Đại nguyện của Đức Quan Âm, Bát-nhã Ba-la-mật-đa Tâm Kinh, Sám Quan Âm, 12 Câu nguyện của Đức Phổ Hiền Bồ-tát, Hồi hướng Công đức Tụng Kinh, Nguyện tiêu và Nguyện sanh, Tam quy.

546. KINH NHẬT TỤNG

(Chùa Hoàng Pháp)

Nxb Tôn Giáo, PL. 2550 – DL. 2006

Kinh có khổ 14 x 20cm, dày 135 trang, bìa mềm, nền đỏ, chữ tựa màu trắng và vàng, có hình hoa sen mỹ thuật. Toàn bộ tác phẩm Kinh này gồm có: 1. Kinh Tám điều – Kinh Từ tâm; 2. Nghi thức Sám hối; 3.

Kinh A-di-đà; 4. Kinh Diệu Pháp Liên Hoa phẩm Phổ Môn; 5. Mấy lời tâm huyết.

547. KINH NHẬT TỤNG

(chùa Vạn Đức)

Nxb Tôn Giáo – 2007

Kinh có khổ 14 x 20cm, có hơn 51 trang, bìa mềm.

Kinh này có 2 Nghi thức: Nghi thức tụng Kinh A-di-đà và Nghi thức tụng Kinh Phổ Môn.

548. KINH NHẬT TỤNG

Tu Viện Huệ Quang - Lưu hành nội bộ, PL. 2545 – DL. 2001

Kinh dày hơn 141 trang. Nội dung gồm có: Nghi thức Trì tụng, Kinh tụng ngày thứ Hai: Kinh Thương yêu, Kinh Tám điều Giác ngộ của các bậc Đại nhân, Kinh Hạnh phúc; Kinh tụng ngày thứ Ba: Kinh Người áo trắng; Kinh tụng ngày thứ Tư: Kinh Quán niệm hơi thở; Kinh tụng ngày thứ Năm: Kinh Diệt trừ phiền giận; Kinh tụng ngày thứ Sáu: Kinh Soi gương; Kinh tụng ngày thứ Bảy: Kinh Độ người hấp hối; Kinh tụng ngày Chủ nhật: Kinh A-di-đà, Kinh Tinh yếu Bát-nhã Ba-la-mật-đa, Bạt Nhất thiết Nghiệp chương Căn bản Đắc sanh Tịnh độ Đà-la-ni, Sám nguyện, Hồi hướng; Phụ lục các bài Sám.

549. KINH NHẬT TỤNG của cư sĩ

Phật giáo Nguyên Thủy – Theravàda, Thích Ca Thiên viện, 15950 Winters Lane Riverside, California 92504. PL. 2548 – DL. 2004

Kinh có khổ 14 x 20cm, có 288 trang. Kinh Nhật Tụng này gồm có: Lễ bái Tam bảo, Bài thỉnh chư thiên, Lễ dâng cúng Tam bảo, Ân đức Phật, Lời bố cáo Quy y Phật bảo, Lễ bái Pháp bảo, Ân đức pháp bảo, Lời bố cáo Quy pháp bảo, Sám hồi

pháp bảo, Lễ bái Tăng bảo, Ân đức Tăng bảo, Lời bố cáo Quy y Tăng bảo, Sám hồi Tăng bảo, Sambuddhe, Lễ tam thể Phật, Dâng hoa cúng Phật, Năm điều quán tưởng, Vô thường, Rải tâm từ đến các hướng, Hồi hướng đến chư thiên, Hồi hướng đến chúng sanh, Hồi hướng phước báu, Phép thọ Ngũ giới, Cầu an, cầu siêu, Xin dâng thực phẩm, Mangalasuttarambho, Tụng bố cáo Hạnh phúc kinh, Mangala sutta (Evam me sutam), Hạnh phúc kinh, Ratanasuttarambho, Tụng bố cáo kinh Tam bảo, Ratanasutta, Kinh Tam bảo, Buddhajayamangalagàthà, Kinh tám kệ ngôn, Về sự cảm thán và sự lành của Đức Phật, Karaniya Mettā Suttam – Từ bi kinh, Từ bi kinh, Samvejaniya Gatha – Kệ động tâm, Paticca Samupàda, Vô thường, Phép thọ ngũ giới, Dhamma Dasanàyàcanagàthà, Thỉnh pháp sư, Patidànegàthà (Kinh hồi hướng sau khi nghe pháp), Hồi hướng đến chư thiên, Bài sám hối, Lễ bái phụ mẫu kệ, Kệ tụng khi nhiều Phật, Lễ bái Tam bảo tóm tắt chung với sự cúng dường lễ vật, Lễ bái Xá-lợi, Kệ tụng trước các tháp thờ Xá-lợi Phật, Phép tu bước đầu, Phép thọ Bát quan trai giới, Bát quan trai giới, Chi của ngũ giới, Chi của giới Bát quan trai, Hạn kỳ trong phép thọ giới Bát quan trai, Giải tóm tắt về hai cách thọ trì Bát quan trai, Việc nên làm, Phép niệm Phật có ba cách, Thập ác nghiệp, Giải về 14 phép dâng cúng vật thực, Cách dâng biểu y – Kathina, Phương pháp dâng cúng vật dụng, Những phương pháp nên suy xét hằng ngày, Bài thỉnh Tỳ-khưu Tăng tụng kinh cầu an (Parittabhàsanàyàcangàthà), Vô thường-Khổ não-Vô ngã, Girimananda Sutta, Phật cảm thán ma vương, Phật nhập Niết-bàn, Tiểu sử Phật Thích-ca, Khandhaparitta Gàthà, Anantariya Gàthà,

Dasadisàbuddhasutta (kinh Thập phương Phật), Kinh Thập phương Phật, Maha Jàyamangala Gàthà, Narasiha Gàthà, Kệ hùng sư nhân, Buddhapàdanàmakkàragàthàdvadasaparitt a (trích ở kinh tụng Paritta 12 bộ của Miên văn), Kệ lễ Phật – tích, Khaggavis – Tê giác kinh, Dasa Kàmaguna – Tội ngũ trần, Kệ của Đại đức Sariputta, Moraparitta, Khổng tước kinh, Phục nguyện, Thập nguyện, Bài cầu chư thiên, Chúc người mới Quy y, Cờ Phật giáo, Nghi thức và lễ giáo của Phật tử tại gia, Nghi lễ Quy y, Nghi thức lễ bái Tam bảo, Nghi lễ thọ ngũ giới, Bát quan trai giới, Nghi thức thờ phượng tại gia, Lễ sám hối lệ, Nghi lễ thuyết pháp, Nghi lễ nhiều Phật, Lễ an vị Phật, Lễ dâng cúng tài sản chùa, đất, vật dụng, Lễ thọ Đầu-đà, Phương pháp thọ Đầu-đà, Lễ dâng y (Kathina), Lễ thành hôn, Lễ ma chay, Lễ giỗ tổ, Lễ cầu siêu độ, Lễ cầu an lành, Đệ bát chư Tăng, Khi người Phật tử phục sức, Khi người Phật tử đến chùa, Lối xưng hô của người Phật tử đối với chư Tăng, Khi người Phật tử đối diện với chư Tăng trên đường đi hay nơi đô hội, Khi người tín đồ cung thỉnh chư Tăng về tư gia, Khi người Phật tử cúng dường tứ vật dụng đến chư Tăng, Khi người Phật tử tổ chức lễ, Khi người Phật tử thính pháp, Khi người Phật tử tạo phước báu, Phật tử khi nghe kinh, Phật tử tâm niệm trong những ngày Bát quan trai giới, Phật tử tâm niệm hằng ngày, Phật tử đối với các nghi lễ thuộc tập tục, Phật tử khi thệ nguyện, Bồn phận đối với cha mẹ, Cha mẹ đối với con, Bồn phận đối với chồng, Bồn phận đối với vợ, Bồn phận học trò đối với thầy, Bồn phận thầy đối với học trò, Bồn phận chủ đối với tớ, Bồn phận tớ đối với chủ, Bồn phận đối với bạn hữu, Bồn phận đối với chúng sanh, Phật tử với pháp lục hòa.

550. KINH NHẬT TỤNG cư sĩ (Theravàda – Thánh điển Pàli)

Biên soạn: *Tỳ-kheo Tăng Định*

Nxb Tp. Hồ Chí Minh,

PL. 2544 – DL. 2000

Kinh có khổ 12 x 16cm, có 440 trang, bìa mềm, nền đỏ, chữ tựa mạ vàng, có hình Đức Phật (bán thân).

Toàn bộ Kinh này gồm có 4 mục chính: *I. Lễ bái Tam bảo* (Thỉnh chư thiên, Kệ Năm vị đánh lễ Đức Phật, Kệ đánh lễ năm đầu chân Đức Phật, Lễ bái Xa-lợi, Lễ tam thế Phật, Kinh Thập phương Phật, Kinh tụng rãi tâm Bác ái đến tất cả hương, Bài kệ sám hối của cư sĩ, Kệ thỉnh pháp sư, Kệ hồi hướng sau khi thính pháp, Kệ hồi hướng đến chư thiên, Kinh Hồi hướng, Kệ hồi hướng phước đến thân quyến đã quá vãng, Câu nguyện giải thoát, Phục nguyện, Thập nguyện, Bài kệ cầu chư thiên, Kệ tội ngũ trần, Kệ tụng nhiều Phật trong lễ Dâng y, Bài ý nghĩa cờ Phật giáo); *II. Luật cư sĩ tóm tắt*: - Quy y Tam bảo và thọ giới, - Chúc người mới Quy y, - Giải luật cư sĩ tóm tắt; *III. Cầu an và Cầu siêu*: 1. Cầu an (- Thỉnh chư thiên tóm tắt, - Thỉnh chư Tăng tụng kinh Cầu an, - Kinh Hạnh Phúc, - Kinh Tam Bảo, - Kinh Từ bi, - Kinh rải tâm từ đến các loài rắn, - Kinh Khổng Tước, Kinh Chim Cút, - Kinh Tượng sáu ngà, - Kệ đánh lễ 28 vị tổ, - Kệ đánh lễ A-la-hán tám phương, - Kệ cầu tài lộc, - Kinh Angulimàla, - Mahàjayamangalagàthàrambho, - Mahàjayamangalagàthà, - Tám kệ ngôn an lành về sự cảm thắng của Đức Phật, - Kệ khai hoàn, - Kệ Nhất dạ hiền giả, - Lời di huấn tối hậu, - Kệ anh hùng, - Kinh Tê giác, - Kệ của Đại đức Sàriputta, - Kinh Gí-rí-má-nan-đá, - Kệ tiểu sử Phật Thích-ca, - Kệ Phật cảm thắng ma vương, Kệ Phật nhập Níp-bàn); 2. Cầu siêu (- Các kệ Động

tâm, - Y tương sinh, - Năm điều quán tương, - Kệ vô thường-khổ não-vô ngã);
IV. Pháp trích lục.

Tác phẩm Kinh này đã được THPG Tp. Hồ Chí Minh ấn hành năm 1995.

551. KINH NHẬT TỤNG (Pali – Việt)

Pa – Auk Thiên Lâm Viện

Kinh dày hơn 170 trang, bìa cứng, nền đỏ, chữ tựa màu vàng.

Nội dung gồm có: KINH TỤNG BUỔI SÁNG (4h00), Kệ khai hoàn, Quán tương (Tứ vật dụng); KINH TỤNG BUỔI TỐI (6h00), Đại Thi lễ kệ, Kệ mở đầu hộ Kinh, 1. Kinh Phước lành, 2. Kinh Châu báu, 3. Kinh Lòng từ, 4. Kinh Khandha, 5. Kinh Không tước, 6. Kinh Chim cú, 7. Kinh Đầu lá cờ, 8. Kinh Àtànàtiya, 9. Kinh Angulimàla, 10. Kinh Thất Giác chi, (i). Kinh Bệnh thứ nhất, (ii). Kinh Bệnh thứ hai, (iii). Kinh Bệnh thứ ba, (iv). Hộ Kinh giác chi, 11. Kinh Ban mai, 12. Kinh Đại Niệm xứ (tụng trong 14 ngày), i. Sơ thuyết, ii. Quán thân-phần hơi thở, iii. Quán thân-phần oai nghi, iv. Quán thân-phần tinh giác, v. Quán thân-phần thể trực, vi. Quán thân-phần đại giới, vii. Quán thân-phần 9 loại tử thi, viii. Quán thọ, ix. Quán tâm, x. Quán pháp-phần Triền cái, xi. Quán pháp-phần Uẩn, xii. Quán pháp-phần Xứ, xiii. Quán pháp-phần Giác chi, xiv. Quán pháp-phần sự thật, xv. Khổ Thánh để diễn giải, xvi. Khổ tập Thánh để diễn giải, xvii. Khổ diệt Thánh để diễn giải, xviii. Khổ đạo Thánh để diễn giải; Duyên khởi Phân tích, Phân tích theo Kinh, Kinh Chuyển Pháp luân, Kinh Vô ngã tướng, Kinh Pháp Sa-môn thường quán, Thiên Tâm từ - Nguyên câu – Chia phúc, Nhân quả liên quan đến 32 hảo tướng chư Phật.

552. KINH NHẬT TỤNG PHẬT GIÁO NGUYÊN THỦY - Theravàda

Nxb Hồng Đức – 2016

Kinh có khổ 14.5 x 20.5cm, dày hơn 232 trang.

Nội dung gồm có 3 phần: Lời giới thiệu, Chú ý Cách đọc Kinh nhật tụng, Quy gồi lễ bái: Phật-Pháp-Tăng;

Phần I. Kinh Nhật Tụng Nguyên Thủy (tiếng Việt), Lễ bái Tam bảo, Thỉnh chư Thiên, Lễ dâng cúng Tam bảo, Lễ bái Phật bảo, Lễ bái Pháp bảo, Ân đức Phật, Lời bố cáo Quy y Phật bảo, Sám hối Phật bảo, Lễ bái Pháp bảo, Ân đức Pháp bảo, Lời bố cáo Quy y Pháp bảo, Sám hối Pháp bảo, Lễ bái Tăng bảo, Ân đức Tăng bảo, Lời bố cáo Quy y Tăng bảo, Sám hối Tăng bảo, Lễ bái Xá-lợi, Kệ lễ bái Phật-Pháp-Tăng, Lễ bái Phật tích, Lễ tam thể Phật, Dâng hoa cúng Phật, Tam quy, Quán tương tứ vật dụng: - Quán tương yếu tố tứ vật dụng, - Quán tương sự đáng chán của tứ vật dụng, - Quán tương khi đang thọ dụng tứ vật dụng, - Quán tương lại tứ vật dụng đã dùng trong ngày, Thỉnh chư Thiên; Kinh tụng ngày thứ 2: Kinh Phật lục, Kinh Huân tập Công đức, Kinh Tứ niệm xứ; Kinh tụng ngày thứ 3: Bồ cáo Hạnh phúc Kinh, Kinh Hạnh phúc, Kinh Hồi hương Vong linh, Kinh Lễ bái Sáu phương; Kinh tụng ngày thứ 4: Kinh Châu báu, Kinh Thắng hạnh, Lễ bái chư Phật, Kinh Giải về lửa Phiền não; Kinh tụng ngày thứ 5: Kinh Từ bi, Kinh Rải tâm từ đến các loài Rắn, Lễ bái phụ mẫu, Kệ Niệm ân Phụ mẫu, Kệ Sám hối Phụ mẫu, Lời chỉ giáo Tóm tắt; Kinh tụng ngày thứ 6: Kinh Thập độ, Kinh Chuyển Pháp luân; Kinh tụng ngày thứ 7: Thập nhị Duyên khởi, Kinh Ghí-rí-má-nan-đá; Kinh tụng ngày Chủ nhật: Kinh Vạn pháp Tổng trì, Vô ngã tướng Kinh, Hồi hương, Thập Quán Sa-môn hạnh, Kệ Thánh Tăng xuất hạnh, Kinh Không tước,

Rải Tâm từ, Từ bi nguyện, Kệ Hồi hướng sau khi tụng Kinh, Hồi hướng chư Thiên, Kệ tiền chư Thiên, Kinh Hồi hướng Công đức, Hồi hướng cho người quá vãng, Hồi hướng, Quỳ gối lễ bái: Phật-Pháp-Tăng;

Phần II. Kinh Nhật Tụng Nguyên Thủy (tiếng Pàli), Ratanattayapujà, Lễ bái Tam bảo, Bài Thỉnh chư Thiên, Lễ dâng cúng Tam bảo, Buddharatanapanàma, Lễ bái Phật bảo, Buddha Guna – Ân đức Phật, Buddha Attapatinnà, Buddha Khamàpana, Dhammaratanapanàma, Lễ bái Pháp bảo, Dhamma Guna – Ân đức Pháp bảo, Dhamma Attapatinnà, Dhamma Khamàpana, Sangharatanapanàma, Sangha Guna – Ân đức Tăng bảo, Sana Attapatinna, Sangha Khamàpana, Lễ bái Xá-lợi, Tiratananamassakàragàthà, Sambuddhe, Pujemi, Quán tưởng tứ vật dụng: - Quán tưởng yếu tố tứ vật dụng, - Quán tưởng sự đáng chán của tứ vật dụng, - Quán tưởng khi đang thọ dụng tứ vật dụng, - Quán tưởng lại tứ vật dụng đã dùng trong ngày; Kinh tụng ngày thứ 2: Kinh Phật lực (Buddhajayamangalagàthà), Kinh Huân tập Công đức (Nidhikandasuttam), Kinh Tứ niệm xứ (Satipatthànasutta); Kinh tụng ngày thứ 3: Hạnh phúc Kinh (Mangalassuttàmbho), Kinh Hạnh phúc (Mangalassutta), Kinh Hồi hướng Vong linh, Kinh Lễ bái Sáu phương (Singalovadasutta); Kinh tụng ngày thứ 4: Kinh Châu báu (Ratanassutta), Kinh Thắng hạnh (Jayaparitta), Àtanatiyaparittam, Kinh Giải về Lửa phiền não (Àdittapariyayasutta); Kinh tụng ngày thứ 5: Bồ cáo Kinh Từ bi (Karaniyamettàsuttàmbho), Kinh Từ bi (Karaniyamettàsuttam), Kinh Rải Tâm từ đến các loài Rắn (Khandhaparitta gàthà), Kệ Sám hối Phụ mẫu (Màtāpitupanāmagàthà), Lời chỉ giáo tóm tắt (Bhāsītovādasankhepa); Kinh tụng

ngày thứ 6: Kinh Thập độ (Dasapàrami), Kinh Chuyển pháp luân (Dhammacakkappavattanasutta); Kinh tụng ngày thứ 7: Kinh Thập nhị Duyên khởi (Patieeasamuppàda), Kinh tụng cho bệnh nhân (Girimānandasutta); Kinh tụng ngày chủ nhật: Kinh Vạn pháp Tổng trì (Dhammasangani), Kinh Vô ngã tướng (Anattalakkhanassutta), Hồi hướng, Mười điều Quán tưởng của bậc xuất gia (Dasadhammasuttam), Kệ Thánh Tăng xuất hạnh (Ratthapàla), Kinh Khổng tước (Moraparitta), Rải Tâm bác ái (Sabbadisāsu mettāpharanam), Kệ Hồi hướng quả báo bố thí đến chư Thiên (Patidānagàthà), Kinh Vô úy (Abhayaparittagàthà), Hồi hướng chư Thiên (Patidānagàthà), Kinh Vô úy (Abhayaparittagàthà), Hồi hướng chư Thiên (Àkāsathà), Kinh Hồi hướng (Tilokavijayarājapattidānagàthà);

Phần III. Các Nghi lễ Thông thường, Nghi lễ Thọ trì Tam quy và ngũ giới, Phép Thọ trì Tam quy, Thọ trì Ngũ giới, Chúc người mới Quy y, Nghi thức Thọ Tam quy và Bát quan trai giới, Phép Thọ trì Tam quy, Thọ trì Bát quan trai giới, Kệ tụng khi nhiều Phật, Thỉnh Pháp sư, Thỉnh tụng Kinh Cầu an, Tác bạch dâng thực phẩm cúng dường, Tác bạch Cầu siêu, Tác bạch dâng Y Tắm mưa, Tác bạch dâng Y Kathina, Kệ Sám hối của cư sĩ, Sám nguyện.

553. KINH NHẬT TỤNG Sơ Thời

Việt dịch và chú giải: *Nguyên Giác*

Nxb Ananda Viet Foundation

Toàn bộ tác phẩm gồm có: Lời nhà xuất bản, Về Kinh Nhật tụng Sơ thời; *Phẩm Tám*, có: Sn 4.1 – Kama Sutta (Kinh về tham dục); Sn 4.2 – Guhatthaka Sutta (Kinh về Thân giam trong Hang động); Sn 4.3 – Dutthatthaka Sutta (Kinh về Tà

kiến); Sn 4.4 – Suddhatthaka Sutta (Kinh về Thanh tịnh); Sn 4.5 – Paramatthaka Sutta (Kinh về Tối thượng); Jara Sutta (Kinh về Tuổi già); Sn 4.7 – Tissametteyya Sutta (Kinh dạy Tissa Metteyya); Sn 4.8 – Pasura Sutta (Kinh Pasura – Chớ tranh cãi); Sn 4.9 – Magandiya Sutta (Kinh về không giữ quan điểm nào); Sn 4.10 – Purabheda Sutta (Kinh về Thân tan rã); Sn 4.11 – Kalaha – vivada Sutta (Kinh Cội nguồn tranh cãi); Sn 4.12 – Culaviyuha Sutta (Tiểu kinh về Tranh cãi); Sn 4.13 – Mahaviyuha Sutta (Đại kinh về Tranh cãi); Sn 4.14 – Tuvataka sutta (Kinh Lối đi nhanh chóng); Sn 4.15 – Attadanda Sutta (Kinh về Bạo lực); Sn 4.16 – Sariputta Sutta (Kinh về Sariputta); *Phẩm Qua bờ bên kia*, có: Các bài kệ giới thiệu; Sn 5.1 – Ajita manava puccha Ajita's Questions (Các câu hỏi của Ajita); Sn 5.2 – Tissa manava puccha (Các câu hỏi của Tissa metteyya); Sn 5.3 – Punnaka manava puccha (Các câu hỏi của Punnaka); Sn 5.4 – Mettayu manava puccha (Các câu hỏi của Mettagu); Sn 5.5 – Dhottaka manava puccha (Các câu hỏi của Dhotaka); Sn 5.6 – Upasiva manava puccha (Các câu hỏi của Upasiva); Sn 5.7 – Nanda manava puccha (Các câu hỏi của Nanda); Sn 5.8 – Hemaka manava puccha (Các câu hỏi của Hemaka); Sn 5.9 – Todeyya manava puccha (Các câu hỏi của Todeyya); Sn 5.10 – Kappa manava puccha (Các câu hỏi của Kappa); Sn 5.11 – Jatukanni manava puccha (Các câu hỏi của Jatukanni); Sn 5.12 – Bhadravudha manava puccha (Các câu hỏi của Bhadravudha); Sn 5.13 – Udaya manava puccha (Các câu hỏi của Udaya); Sn 5.14 – Posala manava puccha (Các câu hỏi của Posala); Sn 5.15 – Mogharaja manava puccha (Các câu hỏi của Mogharaja); Sn 5.16 – Pingiya manava puccha (Các câu

hỏi của Pingiya); Sn 5. Epilogue Verses in Praise of the Way to the Beyond (Phần kết các bài kệ Ngợi ca pháp qua bờ kia 165).

554. KINH NHẬT TỤNG – Tổng hợp 49 Kinh Căn bản của Hai Truyền thống Phật giáo Nam tông và Bắc tông

Lưu hành nội bộ, PL. 2538 – DL. 1994

Kinh dày 544 trang, nội dung gồm có 49 Kinh: Thay lời tựa, Hướng dẫn hành trì, I. Nghi thức Tụng niệm, II. Phần Chánh Kinh: 1. Kinh Tiểu sử Đức Phật, 2. Kinh Chuyển Pháp luân, 3. Kinh Người Áo trắng, 4. Kinh Pháp cú, 5. Kinh Đức tin, 6. Kinh Tình thương, 7. Kinh Từ tâm, 8. Kinh Phước đức, 9. Kinh Sáu Pháp vô thượng, 10. Kinh Hiền nhân, 11. Kinh Quốc gia Cường thịnh, 12. Kinh Thiện sinh, 13. Kinh Hôn phối, 14. Kinh Dự ngôn Bảy loại vợ, 15. Kinh Người Vợ mẫu mực, 16. Kinh Giáo hóa Người bệnh, 17. Kinh Mười pháp Quán niệm, 18. Kinh Qui luật Cái chết, 19. Kinh Nhỏ lên Mũi tên sâu muộn, 20. Kinh Vô thường-Khổ não-Vô ngã, 21. Kinh Cúng thí Người mất, 22. Kinh Tệ tức, 23. Kinh Tỳ-kheo Na Tiên, 24. Kinh Sống Hòa hợp, 25. Kinh Thiền Giáo Bình đẳng, 26. Kinh Bốn mươi hai chương, 27. Kinh Chủ trương của Như Lai, 28. Kinh Quán niệm Như Lai, 29. Kinh Người biết Sống một mình, 30. Kinh Pháp ấn, 31. Kinh Dự ngôn Bọt nước, 32. Kinh Trung đạo Nhân duyên, 33. Kinh Dự ngôn Người Bất rần, 34. Kinh Bốn Lãnh vực Quán niệm, 35. Kinh Tám điều Giác ngộ của bậc Đại nhân, 36. Kinh Bốn Thánh đế, 37. Kinh Bốn Điên đảo, 38. Kinh Bốn Điều Nương tựa, 39. Kinh Chỉ bày Chơn tâm, 40. Kinh Cúng dường Pháp, 41. Kinh Hạnh Anh nhi, 42. Kinh Hạnh Bò-tát, 43. Kinh Lục độ Tương nhiếp, 44. Kinh Chỉ bày Phương tiện, 45.

Kinh Ý nghĩa Bát-nhã, 46. Kinh Kim Cang Bát-nhã, 47. Kinh Vào Pháp môn Không hai, 48. Kinh Viên Giác, 49. Kinh Giáo huấn Sau cùng, III. Hồi hướng, IV. Chú thích, V. Phương danh Ấn tống, VI. Mục lục.

555. KINH NHON VƯƠNG HỘ QUỐC BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA

Hán dịch: *Bát Không*

Việt dịch: *Thích nữ Tịnh Nguyên*

Toàn bộ tác phẩm Kinh này gồm có 7 phẩm: P.1 Tựa, P.2 Quán Như Lai, P.3 Hạnh Bồ-tát, P.4 Nhị đế, P.5 Bất tư nghi, P.6 Phụng trì, P.7 Chúc lụy. (<https://phatphapungdung.com>, *Pháp bảo-Bộ Bát-nhã*)

556. KINH NHƯ Ý BẢO CHÂU CHUYỂN LUÂN BÍ MẬT HIỆN THÂN THÀNH PHẬT KIM LUÂN CHÚ VƯƠNG

Mật Tạng bộ 2 – No. 961

Hán dịch: *Tam tạng Sa-môn Bất Không*

Việt dịch: *Sa-môn Thích Quảng Trí*

Phục hồi Phạm chú: *Huyền Thanh*

Hiệu chỉnh hoàn tất năm 2008.

Toàn bộ tác phẩm Kinh này gồm có 9 phẩm: P.I Phóng bát, P.II Thiện ác nhân quả, P.III Như ý bảo châu, P.IV Đại Ma-đà-la, P.V Quán đánh ấn chân ngôn, P.VI A-xà-lê thành Phật, P.VII Tất-địa thành tựu, P.VIII Hộ ma, P.IX Chúc lụy. (<https://quangduc.com>, *Kinh-Hán tạng*)

557. KINH NHỮNG BÍ YẾU CỦA THIÊN

Hán dịch: *Curu-ma-la-thập*

Việt dịch: *Thích Nhật Chiêu*

Nxb Tôn Giáo – 2005

Kinh có khổ 14.5 x 20.5cm, dày 118 trang, bìa mềm. Nội dung gồm có: Lời tựa của bản Việt ngữ; Q.I, Q.II, Q.III và Q.IV.

558. KINH NHỰT TỤNG

Soạn giả: *Thích Thiện Tâm*

Thu Tử xuất bản, PL. 2503 – DL. 1959

In tại Nhà in Sen Vàng (Sài Gòn). Kinh dày 269 trang, bìa mềm.

Nội dung gồm có: 1. Nghi thức Sám hối, 2. Nghi thức Công phu sáng, 3. Nghi thức Công phu chiều (Vu-Lan), 4. Nghi thức Tịnh độ, 5. Kinh Kim Cang, 6. Nghi thức Cúng ngọc, 7. Nghi thức Lễ an vị Phật, 8. Nghi thức Quá đường, 9. Sám Khể thủ, 10. Sám Quy mạng, 11. Sám Ngã niệm, 12. Những Bài Hồ chuông.

559. KINH NHỰT TỤNG

Việt dịch:

HT. Thích Trí Tịnh (1917-2014)

Nxb Tôn Giáo – 2012

Kinh có khổ 15.5 x 23.5cm, dày hơn 223 trang, bìa mềm, chữ tựa màu vàng, có hình tượng Phật ngọc, tay bưng bình bát. Nội dung gồm có: Nghi thức trì tụng, Chú Lăng Nghiêm và Thập chú, Phật nói Kinh A-mi-đà, Kinh Diệu Pháp Liên Hoa- Phạm Quán Thế Âm Bồ-tát Phổ môn, Hồng danh Bửu sám, Nghi thức Hồi hướng, Các Bài sám, Tiểu sử Hòa thượng Thích Trí Tịnh.

560. KINH NHỰT TỤNG

(Nghi thức Tụng niệm các Khóa lễ)

Tỳ-kheo Supanno

Nxb Tôn Giáo – 2011

Kinh có khổ 14.5 x 20.5cm, dày hơn 554 trang, bìa cứng.

Nội dung gồm có: *Khóa lễ Đại chúng*: Khóa lễ đại chúng, Khóa lễ Cầu an, Khóa lễ Sám hối, Khóa lễ Cầu siêu, Kệ tụng Thánh hội, Kinh Tụng Đại lễ Tam hợp, Kệ Sám hối (đọc trong ngày 14, 15 và 28, 29, 30), Kệ nhiều Phật Đại lễ Tăng y, Rải Tâm

từ các hướng (Phạm văn), Bài Nguyễn cúng sao Giải hạn (Phạm văn), Kinh Lễ Tam bảo (Phạm văn), Kinh Lễ Tam bảo giản lược; *Phân Kinh văn*: Lễ Chánh Giác tông (Phạm văn), Kinh Hạnh phúc (Phạm văn), Kinh Từ bi (Phạm văn), Kinh Châu báu (Phạm văn), Kinh Bò-đề phần (Phạm văn), Kinh Vô quý (Phạm văn), Kinh Chuyển Pháp luân (Phạm văn), Kinh Thắng hạnh (Phạm văn), Kinh Phật lực (Phạm văn), Kinh Đáo bi ngạn (10 Ba-la-mật) (Phạm văn), Kinh Vô ngã tướng (Phạm văn), Năm Pháp quán (Phạm văn), Kinh Quán niệm (Phạm văn), Kinh Duyên sinh (Phạm văn), Kinh Suy niệm về nghiệp (Phạm văn), Kinh Vạn pháp tổng trì (Phạm văn), Kệ Tinh thức, Kinh Chúc nguyện (Phạm văn), Kinh Hồi hướng Vong linh (Phạm văn), Kinh Huân tập Công đức (Phạm văn), Kệ Phật sử, Kệ Chiêm bái Xá-lợi, Sám nguyện (Kệ sám hồi tụng ngày 14 – 30), Niệm ân cha mẹ, Sám hồi cha mẹ (Phạm văn), Ba Pháp ấn (Kệ Vô thường-Khô não-Vô ngã), Kinh Ghi-ri-ma-nan-đa (Giải bệnh) (Phạm văn), Kinh Tứ Niệm xứ, Kinh Lễ Bái sáu phương, Lễ Hồng danh (Phạm văn), Quy sám, Hồi hướng Chư thiên (Phạm văn), Từ Bi nguyện (Phạm văn), Kinh Hồi hướng Công đức (Phạm văn), Phát nguyện (Phạm văn), *Các Nghi thức Thường dùng*: Nghi thức Quy y (Phạm văn), Chúc Người mới Quy y, Nghi thức Thọ Tam quy Ngũ giới (Phạm văn), Nghi thức Bát Quan Trai giới (Phạm văn), Nghi thức An vị Phật, Nghi thức Thịnh Pháp sư, Nghi thức (Phạm văn), Trai Tăng (Phạm văn), Nghi thức Hôn lễ, Nghi thức Cầu thọ, Nghi thức Sám nguyện (Lễ nhập liệm), Nghi thức Thù ân (Lễ Phát tang), Nghi thức Cầu vãng sanh, Nghi thức Cảnh sách (Các tuần thất-Lễ an tang), Thí thực Cô hồn.

561. KINH NHỰT TỤNG Tiểu Bản

Biên soạn: *TT. Thích Thiện Hoa*

Việt Nam Quốc Tự xuất bản, PL. 2509 – DL. 1965 (in lần thứ nhất)

Nội dung gồm có: Nghi thức Thống nhất (Cầu an-Cầu siêu và Sám hồi), Bài Cúng hương, Bài Kỳ nguyện, Bài Tán dương Phật bảo, Quán tưởng, Tán lư hương, Khai Kinh kệ, Tụng Đại bi, Ma-ha Bát-nhã Ba-la-mật-đa Tâm Kinh, Bạt Nhất thế nghiệp chướng Căn bản Đắc sanh Tịnh độ Đà-la-ni, Bài Sám hồi, Hồi hướng, Tam Tự Quy y; Nghi thức Cầu an (Tụng Phổ môn); Nghi thức Cầu siêu (Nghi thức Tịnh độ); Nghi thức Tiểu Sám hồi; Nghi thức Sám hồi Hồng danh; Nghi thức Công phu khuya; Nghi thức Khai Kinh; Nghi thức Cúng ngọc; Nghi thức Hoàn Kinh; Nghi thức An vị Phật và Bô-tát.

(*Bản Kinh lưu tại Thư viện chùa Xá Lợi, Q.3, Tp. Hồ Chí Minh*)

562. KINH NHỮNG ĐIỀU PHẬT DẠY (Phật thuyết Tứ Thập Nhị Chương Kinh)

Hán dịch: *Ca-diếp-ma-đăng* và *Trúc Pháp Lan*

Việt dịch: *Sa-môn Trí Tạng*

Tác phẩm Kinh này gồm có: - Lời ngỏ (PL. 2523 – DL. 1980), - Kinh Những điều Phật dạy (Khóa lễ kỷ niệm ngày Đức Thế Tôn thành đạo), - Kinh Tâm yếu Bát-nhã Ba-la-mật-đa và nghi thức Hồi hướng. (www.tuvienquangduc.com.au/ Kinh điển)

563. KINH PHẢ MÔN Giảng Nghĩa

Giảng nghĩa: *Đại sư Thái Hư*

Việt dịch: *Thích Thanh Cát*

Nhà in Hòa Chánh (Sài Gòn), Giấy phép số 585/XB. U.B.K.D.T.U. ngày 4-4-1962, (PL. 2506)

Kinh có 93 trang, bìa mềm. Nội dung gồm có: Lời đầu sách, Lược dẫn Tiểu sử Bô-tát

Quán Thê Âm; *Kinh Phả Môn*, 1. Vấn nhân danh, 2. Đáp Tự nghĩa, 3. Biệt hiển xưng danh được giải thoát, 4. Quán tâm cứu giúp, 5. Quán sắc cứu giúp, 6. Ứng hiện các thân hình, 7. Tổng kết khuyến tu, 8. Xưng niệm danh hiệu thoát khỏi ba tai-bảy nạn, 9. Diệt khổ thân ngay đời hiện tại, 10. Tán thân công đức khuyến quy y, 11. Ngài Trì Địa tán thán; Khóa lễ Kinh Phả Môn.

564. KINH PHẠM VŨNG

Việt dịch:

HT. Thích Hành Trụ (1904-1984)

Nxb Hồng Đức – 2013

Kinh có khổ 14.5 x 20.5cm, dày 118 trang, bìa mềm, nền đỏ, chữ tựa mạ màu trắng bạc, có tay gấp. Nội dung gồm có: Lời nói đầu, Lời dẫn, Tán hương, Kệ khai Kinh (Quý vị Thọ Bồ-tát giới lắng nghe, Đồng chúng hãy nhứt tâm lắng nghe, Thừa các Đại đức); *Phật nói Kinh Phạm Vũng-Bồ-tát Tâm Địa Phẩm sau*, Hán dịch: Tạng pháp sư Cưu-ma-la-thập, sống ở đời vua Diêu Tần; Các Phật tử lắng nghe (10 giới trọng, 48 giới khinh); Phần Lưu thông, Tán, Kệ Thân Kinh, Tam Tự Quy y-Phục nguyện; Chú thích.

Tác phẩm Kinh này đã được chùa Niết-bàn (Sài Gòn) ấn hành từ năm PL. 2514 – DL. 1951, In tại Nhà in Thạnh Mậu (Gia Định), (in lần thứ nhứt), người dịch: Lê Phước Bình (tức HT. Hành Trụ); năm 1958, In tại Nhà in Lê Thị Đảm (In lần thứ ba), Giấy phép số 1409/XB. Saigon, ngày 01-9-1958 của N.T.T.N.P; năm PL. 2517 – DL. 1973, chùa Đông Hưng (Sài Gòn) tái bản lần thứ tư, In tại Nhà in Sen Vàng, có 103 trang, bìa mềm.

565. KINH PHẠM VŨNG BỒ-TÁT GIỚI

Dịch giả:

HT. Thích Trí Tịnh (1917-2014)

THPG Tp. Hồ Chí Minh ấn hành, PL. 2539 – DL. 1995

Kinh có khổ 15 x 23cm, có 79 trang, bìa mềm. Toàn bộ Kinh gồm có: - Nghi tụng Giới Bồ-tát (Bài tán lư hương, bài kệ khai kinh); - Phật thuyết PHẠM VŨNG KINH Bồ-tát Tâm địa Phẩm: I. Lô-xá-na Phật, II. Thích-ca Mâu-ni Phật, III. Đức Phật kiết Bồ-tát giới;

IV. Mười Giới trọng: 1. Giới Sát sanh, 2. Giới Trộm cướp, 3. Giới Dâm, 4. Giới Vọng, 5. Giới Bán rượu, 6. Giới Rao lỗi của tứ chúng, 7. Giới tự khen mình chê người, 8. Giới bòn sên thêm mắng đũa, 9. Giới Giận hờn không nguôi, 10. Giới Hủy báng Tam bảo, V. Đức Phật kết răn;

VI. Bốn mươi tám điều Giới khinh: 1. Giới không kính thầy bạn, 2. Giới uống rượu, 3. Giới ăn thịt, 4. Giới ăn ngũ tân, 5. Giới không dạy người sám tội, 6. Giới không cúng dường thỉnh pháp, 7. Giới không đi nghe pháp, 8. Giới có tâm trái bỏ Đại thừa, 9. Giới không khán bịnh, 10. Giới chứa khí cụ sát sanh, 11. Giới đi sứ, 12. Giới buôn bán phi pháp, 13. Giới hủy báng, 14. Giới phóng hỏa, 15. Giới dạy giáo lý ngoài Đại thừa, 16. Giới vì lợi mà giảng pháp lộn lạo, 17. Giới cậy thế lực quyền tể, 18. Giới không thấu hiểu mà làm thầy truyền giới, 19. Giới lường thiệt (lưỡi đôi chiều), 20. Giới không phóng sanh, 21. Giới đem sân báo sân đem đánh trả đánh, 22. Giới kiêu mạn không thỉnh pháp, 23. Giới khinh ngạo không tận tâm dạy, 24. Giới không tập học Đại thừa, 25. Giới tri chúng vụng về, 26. Giới riêng thọ lợi dưỡng, 27. Giới thọ biệt thỉnh, 28. Giới biệt thỉnh Tăng, 29. Giới tà mạng nuôi sống, 30. Giới quản lý cho bạch y, 31. Giới không mua chuộc, 32. Giới tổn hại chúng sanh, 33. Giới tà nghiệp giác quán, 34. Giới tạm bỏ Bồ-đề tâm, 35. Giới không phát

nguyên, 36. Giới không phát thệ, 37. Giới vào chỗ hiểm nạn, 38. Giới trái thứ tự tôn ty, 39. Giới không tu phước huệ, 40. Giới không bình đẳng truyền giới, 41. Giới vì lợi làm thầy, 42. Giới vì người ác giảng giới, 43. Giới cố móng tâm phạm giới, 44. Giới không cúng dường Kinh luật, 45. Giới không giáo hóa chúng sanh, 46. Giới thuyết pháp không đúng pháp, 47. Giới chế hạn phi pháp, 48. Giới phá diệt Phật pháp; VII. Tổng kết, VIII. Lưu thông, IX. Kệ khen tặng giới pháp, X. Phần hồi hướng (Kiết Kinh kệ, Bát-nhã Ba-la-mật-đa Tâm Kinh, Nguyên, Chí tâm đánh lễ); Phần chú thích.

Tác phẩm Kinh này được Giáo hội Tăng-già Nam Việt-Cực Lạc Liên Hữu xuất bản từ năm 1956; tái bản: Năm 1965, Sen Vàng xuất bản, Giấy phép số 4144/BTLC/BC3/XB, Saigon ngày 4-10-1965; năm PL. 2515 – DL. 1971, chùa Vạn Đức (Thủ Đức) ấn tống, In tại Nhà in Sen Vàng (Sài Gòn), có 79 trang, bìa mềm, sách được HT. Thích Huệ Quang-Pháp chủ Giáo hội Tăng-già Nam Việt chứng minh; năm PL. 2519 – DL. 1975, Phật Quang xuất bản; năm 1992, THPG Tp. Hồ Chí Minh ấn hành; các năm 2002, 2006, 2007, Nxb Tôn giáo.

566. KINH PHẠM VŨNG BỒ-TÁT GIỚI

Giảng giải (tiếng Hoa): *Pháp sư Diễn Bồi*
Việt dịch: *Tỳ-kheo Thích Trí Minh*
Toát yếu: *Tỳ-kheo Ni Hiền Tịnh*; PL. 2544 – DL. 2001
Tác phẩm này gồm có: I. Kệ khai suôi Cam lồ, II. Tựa, III. Xá-na trao giới, Cam lồ môn khai, Thích-ca truyền lại, Khuyến tín, Kết giới tướng, Sắp tuyên giới pháp, Phổ nhiếp quần cơ, IV. Giới tướng: A. Mười giới trọng, B. 48 giới khinh, Tổng kết, Kết khuyến lưu thông, Trì pháp được

lợi ích, Khuyến hộ giới tướng, Hồi hướng, Bồ-tát Kim cang bảo giới, Phạm Võng. (<https://thuvienhoasen.org>, Luật)

567. KINH PHẠM VŨNG BỒ-TÁT GIỚI

Việt dịch:

HT. Thích Trí Quang (1923-2019)

Tác phẩm Kinh này gồm có: Phần mở đầu (Ghi sau khi duyệt Bồ-tát giới Phạm võng, Lời nói đầu (PL. 2531 – DL. 1987), ; I. *Phần 1 Dịch giải*, C.I Dẫn nhập (Tiết 1. Tài liệu sử dụng, Tiết 2. Các bản Bồ-tát giới, Tiết 3. Giải thích đầu đề, Tiết 4. Phẩm 10 với Phẩm Pháp môn Tâm địa, Tiết 5. Thế giới Phạm võng, Tiết 6. Sự liên hệ của Phạm Võng, Tiết 7. Giới hạn tụng Bồ-tát giới Phạm võng, Tiết 8. Đặc chất của Bồ-tát giới Phạm Võng, Tiết 9. Bồ-tát Phạm Võng đối với người tại gia); II. *Phần 2 Trì tụng*; C.II Chính văn Bồ-tát giới Phạm Võng: Xuất xứ trực tiếp của Bồ-tát giới Phạm Võng, Xuất xứ của Bồ-tát giới Phạm Võng bằng văn chính cú, Quy định mấy điều cốt yếu về Bồ-tát giới Phạm Võng. (<https://quangduc.com>, Kinh-Hán tạng)

568. KINH PHẠM VŨNG BỒ-TÁT GIỚI

Nguyên tác: *Pháp sư Diễn Bồi*

Việt dịch: *HT. Thích Trí Tịnh*

Biên soạn: *Thích nữ Tuệ Như*

Lưu hành nội bộ, PL. 2549 – DL. 2005

Kinh dày 199 trang, bìa mềm. Nội dung gồm có: Lời tựa; *Phật thuyết Kinh Phạm Võng – Phẩm Bồ-tát Tâm Địa*, Quyển hạ (có 10 Giới trọng và 48 Giới khinh, trong mỗi đoạn có 2 phần: 1. Chánh văn, 2. Giảng); Tổng kết, Kết khuyến lưu thông, Kệ Khen tặng Người và Pháp, Phần Hồi hướng.

569. KINH PHẠM VŨNG

BỒ-TÁT GIỚI *Lược Giải*

PL. 2523 – DL. 1979

Việt dịch: *Thích nữ Thế Quán*

Nội dung gồm có: Phần I. Giải thích đề mục, A. Giải thích phẩm Kinh và đề Kinh, B. Giải thích tên người dịch; Phần II. Giải thích văn Kinh: A. Biệt tự, Chia làm 5 phần, I. Tam Phật truyền giáo: Chia 3 phần, 1. Tổng chúc, 2. Biệt chúc, 3. Cúng Bồn tôn; II. Nhị Phật thuyết pháp: Chia 2 phần, 1. Thiên Hòa thượng Phật thuyết, 2. Thiên Bách úc Thích-ca thuyết; III. Nhất Phật thuyết pháp: Chia 4 phần, 1. Thập xứ thuyết pháp, 2. Giáo khởi nhân duyên, 3. Giảng sinh phi nhất, 4. Phật thuyết giới cho phạm chúng; IV. Trùng tụng; V. Tự kết giới; B. Chánh tôn: Chia 3 phần, I. Mười giới trọng, 1. Tổng tiêu, 2. Biệt tiêu, 3. Tổng kết; II. Bốn mươi tám giới khinh, Chia 3 phần, 1. Tổng tiêu, 2. Biệt tiêu, 3. Tổng kết; C. Lưu thông: Chia 2 phần, I. Chánh chúc Lưu thông, II. Kết tụng Hồi hướng.

(Bản lưu tại Thư viện Huệ Quang-Trung Tâm Dịch Thuật Hán-Nôm Huệ Quang, Q. Tân Phú, Tp. Hồ Chí Minh, mã: VRONEO 0125)

570. KINH PHẠM VŨNG BỒ-TÁT TÂM ĐỊA GIỚI

Soạn dịch và chú thích:

Thích Thiện Hạnh

Toàn bộ tác phẩm Kinh này gồm có 212 trang (PDF), với nội dung: - Lời đầu sách; A. Nghi thức tụng giới Bồ-tát Phạm Vũng, I. Sơ lược giáo nghĩa Tiểu thừa và Đại thừa Luật, 1. Giáo nghĩa Tiểu thừa Luật (a. Khái quát nội dung, b. Tiểu thừa 5 thiên 7 tụ), 2. Giáo nghĩa Đại thừa Luật (a. Nội dung Kinh Phạm Vũng, b. Bồ-tát Tâm địa giới); II. Nghi thuyết giới Bồ-tát, 1. Tựa mở đầu, 2. Quy kính Tam bảo – Khuyên hộ

trì giới, 3. Sách tân tu hành, 4. Tiên phương tiện, 5. Chất vấn sự thanh tịnh của Tăng; III. Kinh Phạm Vũng, 1. Giải thích đề Kinh, 2. Dịch giả; B. Tựa Kinh Phạm Vũng Bồ-tát Tâm địa Phẩm 10: các Đoạn 1, 2, 3, 4; C. Chú thích thêm: Sáu quả vị tu chứng của Bồ-tát; D. Giới tướng, 1. 10 giới trọng, 2. 48 giới khinh; E. Kết thúc Bồ-tát giới Phạm Vũng; Mục lục, Sách tham khảo. (<https://hoavouu.com>, *Sách Phật học-PDF*; <https://thuvienhoasen.org>, *Kinh Sanskrit/Hán tạng*)

571. KINH PHẠM VŨNG Hiệp Chú – BRAHMAJALA - SUTRA

Hiệp chú: *Đại sư Trí Húc (1599-1655)*

Dịch giả: *Tỳ-kheo Thích Minh Thông*

Giới đài Viện Huệ Nghiêm, Nxb Đồng Nai – 2015

Kinh có khổ 14.5 x 20.5cm, có 514 trang, bìa mềm, nền đỏ, chữ tựa màu nâu, có tay gấp. Toàn bộ kinh này có 7 quyển. Phần đầu là Lời nói đầu, Đại sư Ngẫu Ích Trí Húc, Duyên khởi Phạm Vũng hiệp chú, Phạm lệ. *Quyển 1*, nói Tổng quát về thời gian và xứ sở và nói về Thập trường dưỡng tâm. *Quyển 2*, Thập Kim Cang tâm và nói về Thập địa. *Quyển 3*, Đức Phật Thích-ca thuyết giới Bồ-tát, Chánh thuyết minh khuyến phát dưới cội Bồ-đề, Nêu giới pháp trọng và khinh (1. Sát sanh, 2. Trộm cắp). *Quyển 4*, các giới: 3. Dâm, 4. Nói dối, 5. Bán rượu, 6. Rao nói lỗi của bốn chúng, 7. Khen mình chê người, 8. Bỏ sên còn thêm mắng đuổi, 9. Tâm giận chẳng nhận người sám hối, 10. Hủy báng Tam bảo và Tổng kết. *Quyển 5*, gồm có: Nêu chung, Giải thích riêng về 48 giới: 1. Chẳng kính thầy bạn, 2. Uống rượu, 3. Ăn thịt, 4. Ăn ngũ tân, 5. Không dạy người sám hối, 6. Không cúng dường thỉnh pháp, 7. Không đi nghe pháp, 8. Tâm trái bỏ Đại thừa, 9. Không nuôi bệnh, 10. Chứa khí cụ

sát sanh, 11. Đi sứ, 12. Buôn bán, 13. Hủy báng, 14. Phóng lửa đốt núi rừng, 15. Dạy sai lệch, 16. Vì lợi mà giảng pháp lộn lạo, 17. Cây thế lực đi quỳên tới, 18. Không hiểu mà làm thầy, 19. Nói lời đâm thọc, 20. Không phóng sanh... *Quyển 6.* tiếp theo các giới: 21. Đem giận dữ để báo thù, 22. Kiêu mạn chẳng thỉnh pháp, 23. Khinh ngạo không tận tâm chỉ dạy, 24. Chẳng học tập Đại thừa, 25. Tri chúng vụng về, 26. Riêng mình nhận lợi dưỡng, 27. Nhận thỉnh riêng, 28. Thỉnh Tăng riêng, 29. Tà mạng, 30. Quản lý cho bạch y, 31. Không cứu chuộc, 32. Tôn hại chúng sanh, 33. Tà nghiệp theo giác quán, 34. Tạm rời bỏ tâm Bồ-đề, 35. Chẳng phát nguyện, 36. Chẳng phát thế, 37. Vào chỗ hiểm nạn. *Quyển 7.* 38. Ngồi không theo thứ tự, 39. Chẳng tu phước huệ, 40. Không được chọn lựa truyền giới, 41. Vì lợi làm thầy, 42. Nói giới cho người ác, 43. Cố ý phạm giới, 44. Không cúng dường kinh điển, 45. Không giáo hóa chúng sanh, 46. Thuyết pháp không đúng pháp, 47. Hạn chế phi pháp, 48. Phá pháp. Sau cùng là Tổng kết, Kệ khen ngợi có ba, Lời bạt.

572. KINH PHẠM VÕNG Lược Giảng và Nghi Thức tụng Bồ-tát Giới

HT. Thích Trí Tịnh (1917-2014)

THPG Tp. Hồ Chí Minh,

PL. 2541 – DL. 1997

Kinh có khổ 14 x 20cm, dày hơn 278 trang, bìa mềm.

Nội dung gồm có: Lời nói đầu, Bút tích Lời nói đầu của HT. Thích Trí Tịnh; *Kinh Phạm Võng Bồ-tát Giới*, I. Lời khai giảng, II. Phần khai Kinh, III. Phần quy kính, IV. Phần xướng thời gian, V. Phần khuyến tấn; *Phần nguyên văn của Kinh*, I. Lô-xá-na Phật, II. Thích-ca Mâu-ni Phật, III. Đức Phật kết Bồ-tát giới, IV. Mười giới trọng, V. Đức Phật kết răn, VI. 48 điều giới

khinh, VII. Tổng kết, VIII. Lưu thông, IX. Kệ khen tặng pháp giới.

Tác phẩm Kinh này đã được THPG Tp. Hồ Chí Minh ấn hành năm 1992.

573. KINH PHẠM VÕNG –

Phẩm Bồ-tát Tâm Địa

Dịch giả: *Thích Viên Thành-Nguyễn Hữu Kha*

Chùa Tuyết Sơn-Đạo tràng Chân Tịnh ấn tống – 2005 (Printed in Taiwan)

Tác phẩm Kinh này có 96 trang, bìa mềm, chữ tựa màu đỏ và màu tím, có hình tượng Đức Phật ngồi, tay kiết ấn. Nội dung gồm: Lời nói đầu, Nghi thức Bá tát Thuyết giới (Bồ-tát); *Phật nói Phạm Võng – Phẩm Bồ-tát Tâm Địa* (Phần hạ, gồm có 10 giới trọng và 48 giới khinh), Hán dịch: Tam tạng Pháp sư Cưu-ma-la-thập; Phần Tổng kết; Chú thích, Lời bạt.

574. KINH PHẠM VÕNG –

Quyển Thượng

ĐCTTĐTK, T. 24, Ks. 1484

Hán dịch: *Tam tạng Pháp sư Cưu-ma-la-thập (Kumàrajiva, 344-413)*

Việt dịch: *Quảng Minh*

Tác phẩm Kinh này có 46 trang, Sơ lược về *Kinh Phạm Võng* (2017); nội dung Kinh này còn gọi là Phẩm Pháp môn Tâm địa, nói về Đức Phật Lô-giá-na thuyết giảng Pháp môn Tâm địa và thế giới Liên Hoa đài tạng do Ngài tu tập pháp môn này thành tựu được. Đức Phật Lô-giá-na đã nói pháp cho hàng ngàn Phật Thích-ca báo thân và ứng hóa thân về pháp môn Tâm địa, gồm có 40 pháp môn: 10 Phát thú, 10 Tâm trưởng dưỡng, 10 Tâm kim cương và 10 Địa. (<https://thuvienhoasen.org>, *Kinh Sanskrit/Hán tạng*)

575. KINH PHẠM VÕNG và Chú Giải Brahmajàlāsutta & Atthakathà

Biên dịch Thái-Việt: *Tỳ-kheo Bửu Nam*
Nxb Hồng Đức – 2020
Sách có khổ 14.5 x 20.5cm, dày 279 trang,
bìa cứng.

Nội dung gồm có: *Phần Chánh Kinh*, Lời nói đầu, Câu chuyện du sĩ ngoại đạo, Tiểu giới, Trung giới, Đại giới; 62 Tri kiến, 18 Tri kiến về quá khứ, 4 Thường kiến, 4 Một vài thường kiến, 4 Tri kiến hữu tận và Vô hữu tận, 4 Tri kiến Ngụy biện trườn uốn như lươn, 2 Tri kiến vô nhân sinh, 44 Tri kiến về vị lai, 16 Tri kiến hữu tướng, 8 Tri kiến vô tướng, 8 Tri kiến phi hữu tướng phi vô tướng, 7 Tri kiến đoạn diệt, 5 Tri kiến Niết-bàn pháp hiện tại, Trường hợp của vị kiến chấp, Phần xúc làm duyên, Luân khởi của người chấp thủ và hành theo tri kiến, Thành kiếp; *Phần Chú giải*: Câu chuyện liên quan du sĩ ngoại đạo, Giải thích ý nghĩa cụm từ Evam, Giải thích ý nghĩa Câu Me, Giải thích ý nghĩa câu Sutam, Giải thích ý nghĩa câu Evamme Sutam, Giải thích ý nghĩa câu Ekam Samayam, Giải thích ý nghĩa câu Bhagavà, Giải thích ý nghĩa câu: Evamme sutam ekam samayam bhagavà, Giải thích ý nghĩa câu: Antarà ca rājagaham antara ca nàlandam, Giải thích ý nghĩa cụm từ: Addhànamaggapatipanno hoti, Giải thích ý nghĩa cụm từ Vanna, Du sĩ ngoại đạo với đức Thế Tôn, Giải thích câu: Nhiều vị Tỳ-kheo và Tăng chúng, Vai trò năm Phật sự, Nhân sanh Kinh, Vai trò Tiểu giới, Giải thích cụm từ Puthujjana, Giải thích cụm từ Tathàgata, Có 5 loại câu hỏi, Tiểu giới, Trung giới, Đại giới, Chủ trương quá khứ thường tồn, Chủ trương một vài thường tồn, Chủ trương hữu tận và vô hữu tận, Chủ trương ngụy biện bất tử, Chủ trương bản ngã và thế giới tự sanh lên, Chủ trương về vị lai, Chủ trương hữu tướng, Chủ trương phi hữu tướng phi vô tướng xứ, Chủ trương đoạn diệt, Chủ

trương Niết-bàn pháp hiện tại, Phần Tranh luận chưa thỏa mãn, Phần Duyên xúc, Luân khởi của người chấp thủ và hành theo tri kiến, Thành kiếp.

576. KINH PHÁP ÁN (Kinh Ba Cửa Giải Thoát)

Hán dịch: *Thi Hộ*

Việt dịch và chú giải: *Nhất Hạnh*

Lá Bối xuất bản năm 2000. Tác phẩm này có 20 trang, bìa mềm, nội dung gồm: - *Kinh Pháp Án*, - Phần Chú giải-từ ngữ. (ĐCTTĐTK, Ks. 104)

577. KINH PHÁP BẢO ĐÀN

Tác giả: *Lục Tổ Huệ Năng (638-713)*

Soạn thuật: *Pháp Hải*

Việt dịch: *Trí Hải*

Nxb Tôn Giáo, PL. 2554 – DL. 2010 Kinh có khổ 14.5 x 20.5cm, có 140 trang, bìa mềm, (tái bản lần thứ nhất). Toàn bộ Kinh này gồm có 10 phẩm: 1. Tự thuật, 2. Bát-nhã, 3. Giải quyết nghi hoặc, 4. Định tuệ, 5. Diệu hạnh, 6. Sám hối, 7. Cơ duyên, 8. Đốn và tiệm, 9. Duy trì chánh pháp, 10. Dẫn dò. Sau cùng là Phụ lục của Linh Thao và Lược sử Lục tổ Đại sư.

Tác phẩm Kinh này đã xuất bản từ năm 2004, Nxb Tôn Giáo.

578. KINH PHÁP BẢO ĐÀN

Dịch và lược giải:

Thích Duy Lực (1923-2000)

THPG Tp. Hồ Chí Minh ấn hành,

PL. 2540 – DL. 1997

Kinh có khổ 14 x 20cm, dày 126 trang, bìa mềm. Toàn bộ tác phẩm gồm có 10 phẩm Kinh (*Xem: Kinh Pháp Bảo Đàn*) do Lục Tổ Huệ Năng (638-713) giảng và ngài Pháp Hải ghi lại.

Tác phẩm Kinh này đã được Từ Ân Thiền đường (Santa Ana-CA, Hòa Kỳ) ấn hành

năm 1992; tái bản năm 2011, Nxb Tôn Giáo.

579. KINH PHÁP BẢO ĐÀN –

Diễn nghĩa và Lược chú
Hội Linh Sơn Nghiên Cứu Phật Học
Văn Khố Từ Bi Âm,
PL. 2495 – DL. 1951

Sách dày hơn 155 trang, bìa mềm. Nội dung gồm có: Tiểu tựa, Lược thuật sự tích Lục Tổ Đại Sư; Đàn Kinh Đông Độ Thiên Tông - 10 phẩm.

Xem: (10 phẩm) Kinh Pháp Bảo Đàn

580. KINH PHÁP BẢO ĐÀN

Việt dịch: *Sa-môn Thích Giác Phổ*
Hiệu đính: *Sa-môn Thích Nguyên Thiện*
Nxb Hồng Đức, PL. 2557 – DL. 2013

Kinh có khổ 14.5 x 20.5cm, dày hơn 148 trang, bìa mềm, nền màu nâu đen, chữ tựa mạ vàng. Tác phẩm gồm có: Lời ân triêm; nội dung có 10 phẩm; Phụ lục, Sự tích Lục Tổ Đại sư (lược).

Xem: (10 phẩm) Kinh Pháp Bảo Đàn

581. KINH PHÁP BẢO ĐÀN –

Đôn Hoàng Bản
Việt dịch: *Thiền sư*
Thích Mãn Giác (1929-2006)
Ấn hành PL. 2534 – DL. 1990

Kinh có khổ 13 x 19cm, có 98 trang, bìa mềm. Nội dung gồm có: 2 phần chính. Phần đầu, Lục Tổ Huệ Năng là người Việt Nam (Sự thực lịch sử về việc hình thành Thiền tông được khai quật từ động Đôn Hoàng ở vùng sa mạc Tân Cương tại Trung Á.); Phần chính văn, *Pháp Bảo Đàn kinh* – Đôn Hoàng bản.

582. KINH PHÁP BẢO ĐÀN –

Đôn Hoàng Bản
Việt dịch: *Thiền sư*
Thích Mãn Giác (1929-2006)
Biên soạn: *Thiền ngoại Tường Vân*

Tái bản PL. 2560 – DL. 2016. Kinh dày 158 trang, bìa mềm và một bìa bao, chữ tựa có 3 màu: trắng, đỏ và đen, có hình vẽ cảnh hoa mai. Nội dung gồm có: Lời dẫn Thiên ngoại Tường Vân, Duyên khởi (Đàn Kinh), Lục Tổ Huệ Năng là người Việt Nam, Lục Tổ Huệ Năng là người Việt Nam (Thích Mãn Giác-Thiền sư), *Pháp Bảo Đàn Kinh*, Chứng đạo ca (Huyền Giác Đại sư), Nói thông Tâm cũng thông, Chân-giả động-tĩnh kệ, Niết-bàn, Sám hối, Tín tâm minh.

583. KINH PHÁP BẢO ĐÀN

Giảng Giải

Giảng giải: *Thích Thanh Từ*
Nxb Tôn Giáo, PL. 2546 – DL. 2003

Sách có khổ 14 x 20cm, dày 486 trang, bìa mềm, chữ tựa màu nâu. Toàn bộ tác phẩm Kinh này gồm có 10 phẩm chính. Nội dung gồm: Lời đầu sách, Lược khảo; P.1. Hành do, P.2. Bát-nhã, P.3. Nghi vấn, P.4. Định tuệ, P.5. Tọa thiền, P.6. Sám hối, P.7. Cơ duyên, P.8. Đốn tiệm, P.9. Tuyên chiếu, P.10. Phó chúc (trong mỗi phẩm có 2 phần: Dịch nghĩa và Giảng giải).

Tác phẩm Kinh này được tái bản nhiều lần: Năm 1989, Trường Cao cấp Phật học Việt Nam cơ sở II tại Tp. Hồ Chí Minh ấn hành, với nhan đề “Pháp Bảo Đàn Kinh”; năm 1992, THPG Tp. Hồ Chí Minh, Thiền viện Thường Chiếu ấn hành; năm 1999, Nxb Tp. Hồ Chí Minh; năm 2005, 2009, 2010, 2012, Nxb Tôn Giáo; năm 2017, Nxb Hồng Đức.

584. KINH PHÁP BẢO ĐÀN –

Giảng Ký (2 Tập)

Tào Khê nguyên bản
Dịch giảng: *Thích Thông Phương*
Nxb Hồng Đức, PL. 2563 – DL. 2019

Kinh có khổ 14.5 x 20.5cm, 2 tập dày hơn 604 trang, bìa mềm nền đỏ, chữ tựa mạ vàng, có tay gấp.

Tập I, dày 367 trang, nội dung gồm có 5 phẩm: Sơ lược Kinh Pháp Bảo Đàn và Phần lưu truyền, Sơ lược về tích Lục Tổ Huệ Năng; P.1 Ngộ pháp truyền y, P.2 Giải thích Công đức Tịnh độ, P.3 Định Huệ một thể, P.4 Chỉ dạy tọa thiền, P.5 Truyền hương Sám hối.

Tập II, dày 237 trang, nội dung gồm có 5 phẩm: P.6 Tham thỉnh Cơ duyên, P.7 Nam Đôn – Bắc Tiệm, P.8 Đường triều Chiếu thỉnh, P.9 Pháp môn Đối nhau chỉ dạy, P.10 Phó chúc Lưu thông; Sách dẫn.

585. KINH PHÁP BẢO ĐÀN (Hán – Việt)

Dịch và chú giải:

Đoàn Trung Còn và Nguyễn Minh Tiến

Nxb Tôn Giáo. Kinh này dày 136 trang, bìa mềm. Nội dung gồm có 10 phẩm: Bài tựa Kinh Pháp Bảo Đàn, Phần Hán văn và dịch âm Pháp Bảo Đàn Kinh: Hành do, Phẩm đệ nhất; Bát-nhã, Phẩm đệ nhị; Nghi vấn, Phẩm đệ tam; Định tuệ, Phẩm đệ tứ; Tọa thiền, Phẩm đệ ngũ; Sám hối, Phẩm đệ lục; Cơ duyên, Phẩm đệ thất; Đốn tiệm, Phẩm đệ bát; Hộ pháp, Phẩm đệ cửu; Phó chúc, Phẩm đệ thập. Phụ lục 1. Chuyện kể của người giữ tháp (Hán văn).

586. KINH PHÁP BẢO ĐÀN – Lục Tổ Huệ Năng

Việt dịch và chú thích: *Nguyễn Hồng*

Nxb Tp. Hồ Chí Minh – 2000

Kinh có khổ 13 x 19cm, dày hơn 184 trang, bìa mềm, nền đỏ, chữ tựa màu vàng. Nội dung gồm có: Giới thiệu và 10 phẩm Kinh.

Xem: (10 phẩm) Kinh Pháp Bảo Đàn

587. KINH PHÁP BẢO ĐÀN – Qua Ngôn Ngữ Thiên Biệt Vọng

Tác giả: *Lục Tổ Huệ Năng*

Biên dịch: *Thích nữ Huệ Ngọc*

Hiệu đính: *Tỳ-kheo Thích Đồng Bôn*

Nxb Tôn Giáo – 2010. Kinh có khổ 14.5 x 20.5cm, có hơn 62 trang, bìa mềm. Nội dung sơ lược gồm có: Lời giới thiệu, P.1 Tự thuật, P.2 Bát-nhã, P.3 Võ nghi, P.4 Định Tuệ, P.5 Diệu hạnh (tọa thiền), P.6 Sám hối.

588. KINH PHÁP CỨ

Tác giả: *Nàrada*

Biên dịch: *Phạm Kim Khánh*

Nxb Tôn Giáo – 2004. Kinh có khổ 14 x 20cm, có 289 trang, bìa mềm, nền màu xanh dương, chữ tựa màu vàng, có hình tượng Đức Phật tọa thiền phóng hào quang.

Toàn bộ Kinh này có 26 chương. Phần đầu là Lời giới thiệu, Lời mở đầu; Phần nội dung chính: 1. Yamaka Vagga (Song yếu), 2. Appamada Vagga (Chuyên niệm), 3. Citt Vagga (Tâm), 4. Puppha Vagga (Hoa), 5. Bala Vagga (Cuồng đại), 6. Panndita Vagga (Bậc thiện trí), 7. Arahanta Vagga (A-la-hán), 8. Sahassa Vagga (Ngàn), 9. Papa Vagga (Ác), 10. Danda Vagga (Gậy gộc, Hình phạt), 11. Jarà Vagga (Tuổi già), 12. Atta Vagga (Tự ngã), 13. Loka Vagga (Thế gian), 14. Buddha Vagga (Phật), 15. Sukha Vagga (Hạnh phúc), 16. Piya Vagga (Thân ái), 17. Kodha Vagga (Sân hận), 18. Mala Vagga (Uế trước hay ô nhiễm), 19. Dhammattha Vagga (Công bằng, Chánh hạnh), 20. Magga Vagga (Con đường), 21. Pakinnaka Vagga (Tập lực), 22. Niraya Vagga (Khổ cảnh), 23. Naga Vagga (Voi), 24. Tanha Vagga (Ái dục), 25. Bhikkha

Vagga (Tỳ-khuru), 26. Brāhmana Vagga (Bà-la-môn).

Tác phẩm Kinh này đã xuất bản lần đầu tiên năm PL. 2515 – DL. 1971, In tại Nhà in Hạnh Phúc (Gò Vấp), Giấy phép số 935/BTT/NHK/PHNT cấp ngày 12-3-1971, dày 341 trang, bìa mềm, nền vàng, chữ tựa màu đỏ, có hình biểu tượng hoa sen và bánh xe pháp luân; nội dung gồm có nguyên tác Pàli, bản dịch Việt ngữ cùng với câu chuyện dẫn tích tóm tắt và chú thích.

589. KINH PHÁP CÚ

Biên soạn: *Pháp Cừu*

Hán dịch: *Duy-kỳ-nan*

Việt dịch: *Nguyễn Thuận*

Tác phẩm Kinh này có 39 phẩm: P.1 Vô thường, P.2 Giáo học, P.3 Đa văn, P.4 Chánh tín, P.5 Trì giới, P.6 Tư duy, P.7 Từ bi, P.8 Lời nói, P.9 Song yếu, P.10 Buông lung, P.11 Tâm ý, P.12 Hương hoa, P.13 Ngu ám, P.14 Minh triết, P.15 Ứng chân, P.16 Số ngàn, P.17 Tội chướng, P.18 Dao gậy, P.19 Già suy, P.20 Ái thân, P.21 Thế tục, P.22 Đức Phật, P.23 An lạc, P.24 Yêu thương, P.25 Sân hận, P.26 Trần cấu, P.27 Phụng trì, P.28 Chánh đạo, P.29 Quảng thuyết, P.30 Địa ngục, P.31 Voi dụ, P.32 Ái dục, P.33 Lợi dưỡng, P.34 Sa-môn, P.35 Tịnh hạnh, P.36 Niết-bàn, P.37 Sinh tử, P.38 Đạo lợi, P.39 Cát tường. (<https://phatphapungdung.com>, *Pháp bảo-Bộ Bản duyên*)

590. KINH PHÁP CÚ

Ban Giáo Dục Tăng Ni Trung Ương - GHPGVN

Giáo Trình Trung Cấp Phật Học

Trưởng Ban Biên soạn:

TT. Ts. Thích Viên Trí

Biên soạn: *TT. Ts. Thích Hương Vân và Thạc sĩ Ngô Bản*

Nxb Phương Đông – 2017

Sách có khổ 14.5 x 20.5cm, dày 358 trang, bìa mềm. Nội dung gồm có 27 bài (B): B.1 Tổng quan về *Kinh Pháp Cú*, B.2 P. Song yếu, B.3 P. Không Phóng dật, B.4 P. Tâm, B.5 P. Hoa, B.6 P. Ngu, B.7 P. Hiền trí, B.8 P. A-la-hán, B.9 P. Ngàn, B.10 P. Ác, B.11 P. Hình phạt, B.12 P. Già, B.13 P. Tự ngã, B.14 P. Thế gian, B.15 P. Phật-đà, B.16 P. An lạc, B.17 P. Hỷ ái, B.18 P. Phần nộ, B.19 P. Cấu ứ, B.20 P. Pháp trụ, B.21 P. Đạo, B.22 P. Tạt lục, B.23 P. Địa ngục, B.24 P. Voi, B.25 P. Tham ái, B.26 P. Tỳ-kheo, B.27 P. Bà-la-môn; Thư mục tham khảo.

591. KINH PHÁP CÚ BẮC TRUYỀN

Hán dịch: *Sa-môn Duy-kỳ-nan*

Soạn tập: *Tôn giả Pháp Cừu*

Việt dịch: *Thích Đông Ngộ - Thích Nguyên Hùng*

Nxb Ananda Viet Foundation - 2019.
Toàn bộ tác phẩm Kinh này gồm có 39 phẩm, hơn 750 bài kệ. Nội dung có: - Lời thưa, - Bài tựa; P.1 Vô thường, P.2 Khuyến học, P.3 Nghe nhiều, P.4 Dốc lòng tin, P.5 Giữ giới cẩn thận, P.6 Quán niệm, P.7 Nhân từ, P.8 Nói năng, P.9 Song yếu, P.10 Phóng dật, P.11 Tâm ý, P.12 Hương hoa, P.13 Ngu tối, P.14 Minh triết, P.15 A-la-hán, P.16 Một và nhiều, P.17 Làm ác, P.18 Dao gậy, P.19 Già suy, P.20 Yêu bản thân, P.21 Thế tục, P.22 Đức Phật, P.23 An ninh, P.24 An vui, P.25 Tức giận, P.26 Trần cấu, P.27 Phụng trì, P.28 Con đường giải thoát, P.29 Quảng diễn, P.30 Địa ngục, P.31 Ví dụ con voi, P.32 Ái dục, P.33 Lợi dưỡng, P.34 Sa-môn, P.35 Phạm chí, P.36 Niết-bàn, P.37 Sinh tử, P.38 Nếp sống đạo, P.39 Điều lành; Nguyên văn Kinh chữ Hán. (<https://thuvienhoasen.org>, *Kinh Sanskrit/Hán tạng*)

**592. KINH PHÁP CÚ
(DHAMMAPADDA)**

Tỉnh Hội Phật Giáo Thừa Thiên-Huế
Dịch giả: *Thích Thiện Siêu (1921-2001)*
Nxb Thuận Hóa-Huế - 1996

Kinh có khổ 13 x 19cm, có 204 trang, bìa mềm, chữ tựa màu xanh dương và đỏ. Toàn bộ tác phẩm Kinh này được chia làm 4 phần, có 26 phẩm, với 423 câu kệ. *a. Lời dịch giả, b. Bài tựa*; Nội dung: 1.P. Song yếu, 2.P. Không buông lung, 3.P. Tâm, 4.P. Hoa, 5.P. Ngu, 6.P. Hiền trí, 7.P. A-la-hán, 8.P. Ngàn, 9.P. Ác, 10.P. Đạo trọng, 11.P. Già, 12.P. Tự ngã, 13.P. Thế gian, 14.P. Phật-đà, 15.P. An lạc, 16.P. Hỷ ái, 17.P. Phần nộ, 18.P. Cấu ứ, 19.P. Pháp trụ, 20.P. Đạo, 21.P. Tạp, 22.P. Địa ngục, 23.P. Voi, 24.P. Ái dục, 25.P. Tỳ-kheo, 26.P. Bà-la-môn. *c. Chú thích, d. Phụ lục: Bản chữ Hán.*

Tác phẩm Kinh này được tái bản nhiều lần: Năm 1959, Ban Liên Hoa Miền Vĩnh Nghiêm và Ban hộ trì Tam Bảo-Việt Nam Quốc tự ấn hành lần đầu tiên, Kiểm duyệt số 7471, Huế ngày 3-10-1959, dịch giả lấy hiệu Thích Trí Đức; năm 1962, Giáo hội Tăng-già Nam Việt xuất bản kỳ III, In tại ấn quán Sen Vàng (Chợ Lớn), Giấy phép số 1127/XB Ủy ban Kiểm duyệt Trung ương Saigon ngày 5-6-1962; năm 1966, Giáo hội Tăng-già Khất sĩ (Sài Gòn) ấn hành; năm 1993, Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam ấn hành, dịch giả lấy hiệu Thích Thiện Siêu; năm 2000, Nxb Tôn Giáo; năm 2014, Nxb Hồng Đức.

**593. KINH PHÁP CÚ -
DHAMMAPADA - (Kinh tụng Pàli)**

Dịch giả: *Tỳ-kheo Thích Minh Châu (1918-2012)*

Trường Cao cấp Phật học Việt Nam
Cơ sở II ấn hành – 1990

Kinh có khổ 14 x 20cm, có 294 trang, bìa mềm, nền vàng, chữ tựa màu đen và đỏ, có hình Đức Phật tọa thiền bên bờ sông. Toàn bộ Kinh Pháp Cú này gồm có 4 phần chính. A. Lời giới thiệu, B. Kinh Pháp Cú, có 26 phẩm với 423 câu kệ; song ngữ Việt – Pàli; Nội dung như sau: 1. Song yếu, 2. Không phóng dật, 3. Tâm, 4. Hoa, 5. Kẻ ngu, 6. Hiền trí, 7. A-la-hán, 8. Ngàn, 9. Ác, 10. Hình phạt, 11. Già, 12. Tự ngã, 13. Thế gian, 14. Phật-đà, 15. An lạc, 16. Hỷ ái, 17. Phần nộ, 18. Cấu ứ, 19. Pháp trụ, 20. Đạo, 21. Tạp lục, 22. Địa ngục, 23. Voi, 24. Tham ái, 25. Tỳ-kheo, 26. Bà-la-môn; C. Phụ lục: Bảng tra từ Pàli – Việt trong Kinh Pháp Cú; D. Bài giảng về Kinh Pháp Cú.

Kinh Pháp Cú này được tái bản nhiều lần: Năm 1982, Ban Tu thư Phật học Vạn Hạnh ấn hành; năm 1989, Trường Cao cấp Phật học Việt Nam cơ sở II ấn hành; năm 2000, 2006, Nxb Tôn Giáo; năm 2013 - 2014, Nxb Hồng Đức.

**594. KINH PHÁP CÚ –
DHAMMAPADA
(Phân tích Từ ngữ Pàli)**

Biên soạn: *Tỳ-kheo Đức Hiền*
Nxb Tôn Giáo, PL. 2561 – DL. 2017

Kinh có khổ 14 x 20cm, dày 781 trang, bìa cứng, nền đỏ, có hình Phật kiết ấn, chữ tựa màu trắng. Nội dung gồm có 26 chương như sau: - Chữ viết tắt, Lời tựa, Lời giới thiệu; C.1 P. Song đối – Yamakavagga, C.2 P. Không sao lãng – Appamavagga, C.3 P. Tâm – Cittavagga, C.4 P. Bông hoa – Pupphavagga, C.5 P. Kẻ ngu – Bālavagga, C.6 P. Người trí – Panditavagga, C.7 P. A-la-hán –

Arahantavagga, C.8 P. Một ngàn – Sahassavagga, C.9 P. Điều ác – Pāvāṇavagga, C.10 P. Hình phạt – Dandavagga, C.11 P. Sự già – Jarāvagga, C.12 P. Tự ngã – Attavagga, C.13 P. Thế gian – Lokavagga, C.14 P. Đức Phật – Buddhavagga, C.15 P. An lạc – Sukhavagga, C.16 P. Hỷ ái – Piyavagga, C.17 P. Phần nộ - Kodhavagga, C.18 P. Cầu ướ - Malavagga, C.19 P. Chánh hạnh – Dhammadharavagga, C.20 P. Đạo lộ - Maggavagga, C.21 P. Linh tinh – Pakinnakavagga, C.22 P. Địa ngục – Nirayavagga, C.23 P. Con voi – Nāgavagga, C.24 P. Ái dục – Tanhāvagga, C.25 P. Tỳ-khuru – Bhikkhuvagga, C.26 P. Bà-la-môn - Brāhmanavagga; Mục lục các câu kệ; Thư mục từ Pàli.

Tác phẩm Kinh này đã xuất bản năm 2009, Nxb Tôn Giáo.

595. KINH PHÁP CÚ Giảng Giải

Giảng giải: *Thích Thanh Từ*

Nxb Văn hóa – Văn nghệ, 2015

Kinh có khổ 14.5 x 20.5cm, dày 336 trang, bìa mềm, nền vàng, chữ tựa mà đỏ, có hình tháp chuông nhỏ. Nội dung gồm có: Lời nói đầu và 26 phẩm, trong đó có 423 bài kệ Kinh Pháp Cú dịch nghĩa thành văn xuôi và giảng giải.

Xem: (26 phẩm) Kinh Pháp Cú

596. KINH PHÁP CÚ

(DHAMMAPADA) - Lời Phật Dạy

Pàli – Anh – Việt – Hán đối chiếu

Nārada MahāThera dịch Pàli – Anh

HT. Thích Thiện Siêu dịch Hán – Việt

HT. Thích Minh Châu dịch Pàli – Việt

Nxb Hồng Đức – 2014. Kinh có khổ 15 x 24cm, dày hơn 321 trang, bìa mềm.

Nội dung gồm có: Lời giới thiệu, Lời nói đầu, Lời dịch giả; Dhammapada – *Kinh Pháp Cú – Lời Phật dạy*; Hán bản (Pháp

Cú Kinh); Bảng Chú thích; Phụ lục A, Thư tịch, Phụ lục B, Thuật ngữ.

597. KINH PHÁP CÚ Hán Tạng

Việt dịch: *Thích Nhất Hạnh*

Thể kệ: *Nguyên Định*

Toàn bộ tác phẩm Kinh này gồm có 39 phẩm với 752 bài kệ: - Viết về Kinh Pháp Cú Hán tạng, - Bài tựa Kinh Pháp Cú; 1. Kinh Quán chiếu vô thường, 2. Kinh Học hỏi và thực tập, 3. Kinh Mở rộng tầm hiểu biết, 4. Kinh Bồi đắp niềm tin, 5. Kinh Nghiêm trì giới luật, 6. Kinh Thực tập quán niệm, 7. Kinh Nuôi lớn tình thương, 8. Kinh Thực tập ái ngữ, 9. Kinh Đối chiếu, 10. Kinh Tinh chuyên, 11. Kinh Điều phục tâm ý, 12. Kinh Hoa hương, 13. Kinh Người ngu muội, 14. Kinh Bạc minh triết, 15. Kinh Vị La-hán, 16. Kinh Vượt thắng, 17. Kinh Quả báo, 18. Kinh Bất hại, 19. Kinh Tuổi già, 20. Kinh Thương thân, 21. Kinh Thoát tục, 22. Kinh Phật bảo, 23. Kinh An lạc, 24. Kinh Luyện ái, 25. Kinh Chế ngự phần nộ, 26. Kinh Thanh lọc tâm ý, 27. Kinh Phụng trì, 28. Kinh Con đường, 29. Kinh Tuyệt trên đỉnh núi, 30. Kinh Địa ngục, 31. Kinh Điều phục chính mình, 32. Kinh Chiếu lưới ái ân, 33. Kinh Lợi dưỡng, 34. Kinh Người xuất sĩ, 35. Kinh Rong chơi trời phương ngoại, 36. Kinh Thoát vòng sinh tử, 37. Kinh Đòi sống đạo lý, 38. Kinh Vị Phạm chí, 39. Kinh Điềm lành lớn nhất. (<https://thuvienhoasen.org>, *Kinh Sanskrit/Hán tạng*)

598. KINH PHÁP CÚ

Song ngữ Chú giải – 3 Tập

Biên soạn: *Thích Phước Thái*

Nxb Quang Minh (chùa Quang Minh)

Tác phẩm *Kinh Pháp cú Song ngữ* (Anh - Việt) *chú giải* gồm có 4 tập, đã xuất bản 2 tập; *Tập I*, ấn hành lần đầu năm 2005, dày

419 trang, Lời nói đầu, P.1 Song yếu, P.2 Không buông lung, P.3 Tâm, P.4 Hoa, P.5 Ngu, P.6 Hiền Trí, P.7 A-la-hán, P.8 Ngàn, P.9 Ác; *Tập II*, ấn hành năm 2007, dày 282 trang, Lời nói đầu, Nội dung có: P.10 Đạo trượng, P.11 Già, P.12 Tự ngã, P.13 Thế gian, P.14 Phậ-đà, P.15 An lạc; *Tập III*, dày 338 trang, bìa mềm. Nội dung gồm có: Lời đầu sách, P.16 Hỷ ái, P.17 Phần nộ, P.18 Cấu uế, P.19 Pháp trụ, P.20 Đạo, P.21 Tạp, P.22 Địa ngục.

599. KINH PHÁP CÚ – SRÁ GOH PHÁP KÚ

Trường Phật học Lâm Đồng

Dịch từ tiếng Việt ra tiếng Koho và Châu Ma (Mvlàng voh dà Yuan golik dà Koho-CauMà)

Nxb Hồng Đức – 2014. Kinh có khổ 14.5 x 20.5cm, dày 250 trang, bìa mềm, nền đỏ, chữ tựa màu vàng, có hình gương mặt Đức Phật.

Nội dung gồm có 26 phẩm: Lời giới thiệu (Jonau yal tonggít), Lời nói đầu (Sáp Đos vò), I.P Song yếu (Phờmh Yô nri), II.P Không Phóng dật (Phờmh Ò Jrók-Bời ba), III.P Tâm ý (Phờmh Nùs), IV.P Hoa (Phờmh Vokàu), V.P Ngu (Phờmh Vorngol), VI.P Hiền trí (Phờmh Niam goh), VII.P A-la-hán (Phờmh A-la-hán), VIII.P Ngàn (Phờmh Rovô), IX.P Ác (Phờmh Vosák), X.P Hình phạt (Phờmh Lơh glài), XI.P Già (Phờmh Krà), XII.P Tự ngã (Phờmh Khát sá tòm), XIII.P Thế gian (Phờmh Logar dunia), XIV.P Phậ-đà (Phờmh Phòk-đà), XV.P An lạc (Phờmh Ram vonà), XVI.P Hỷ ái (Phờmh Govoh), XVII.P Phần nộ (Phờmh Gojranh), XVIII.P Cấu uế (Phờmh Bóbol), XIX.P Pháp trụ (Phờmh Sonding pháp), XX.P Đạo (Phờmh Gùng), XXI.P Tạp lục (Phờmh Rà vota tam vorlú), XXII.P Địa ngục (Phờmh Vrah ting), XXIII.P Voi

(Phờmh Rowas), XXIV.P Tham ái (Phờmh Pit govoh), XXV.P Tỳ-kheo (Phờmh Tì-khèu), XXVI.P Bà-la-môn (Phờmh Balamôn). Hết (Lời)
Tác phẩm này đã in Lưu hành nội bộ năm PL. 2552 – DL. 2008

600. KINH PHÁP CÚ TÂY TẠNG

Tuyển soạn: *Tôn giả Pháp Cứu (Dharmatràta)*

Dịch và ghi nhận: *Nguyễn Giác*

Nxb Ananda Viet Foundation – 2019

Kinh này dày hơn 163 trang, gồm có 4 chương, 33 phẩm, 1.100 bài kệ. Phần đầu là Lời giới thiệu, Lời tựa của Đức Đạt Lai Lạt Ma; Phần nội dung: *Chương I*, P.1. Vô thường, P.2. Tham, P.3. Ái dục, P.4. Thanh tịnh, P.5. Khả ái, P.6. Giới, P.7. Thiện hạnh, P.8. Lời nói, P.9. Việc làm, P.10. Lòng tin, P.11. Người xuất gia, P.12. Thánh đạo; *Chương II*, P.13. Danh vọng, P.14. Ghét, P.15. Niệm, P.16. Tạp, P.17. Nước, P.18. Hoa, P.19. Ngựa, P.20. Sân, P.21. Như Lai, P.22. Lắng nghe, P.23. Tự ngã, P.24. Số lượng; *Chương III*, P.25. Bạn, P.26. Niết-bàn, P.27. Cái thấy, P.28. Ác, P.29. Ngày và đêm, P.30. An lạc; *Chương IV*, P.31. Tâm, P.32. Tỳ-kheo, P.33. Ba-la-môn.

601. KINH PHÁP CÚ THÍ DỤ

Dịch giả: *Thích Minh Quang*

THPG Tp. Hồ Chí Minh ấn hành, PL. 2538 – DL. 1994

Kinh có khổ 14 x 20cm, có 420 trang, bìa mềm, chữ tựa màu vàng và trắng, có hình Đức Phật (bán thân) chấp tay, xung quanh có lá Bồ-đề. Kinh này có 42 phẩm (P). Phần đầu là Lời giới thiệu, Lời dẫn; Phần nội dung chính: 1.P. Vô thường, 2.P. Giáo học, 3.P. Hộ giới, 4.P. Đa văn, 5.P. Đốc tín, 6.P. Giới thân, 7.P. Duy niệm, 8.P. Từ nhân, 9.P. Ngôn ngữ, 10.P. Song yếu,

11.P. Phóng dật, 12.P. Tâm ý, 13.P. Hoa hương, 14.P. Dụ hoa hương, 15.P. Ngu ám, 16.P. Minh triết, 17.P. A-la-hán, 18.P. Thuật thiện, 19.P. Ác hạnh, 20.P. Đạo trượng, 21.P. Lão mạo, 22.P. Ái thân, 23.P. Thế tục, 24.P. Thuật Phật, 25.P. An ninh, 26.P. Hiếu hỉ, 27.P. Phần nộ, 28.P. Trần cấu, 29.P. Phụng trì, 30.P. Đạo hạnh, 31.P. Quảng diễn, 32.P. Địa ngục, 33.P. Tượng, 34.P. Ái dục, 35.P. Dụ ái dục, 36.P. Lợi dưỡng, 37.P. Sa-môn, 38.P. Phạm chí, 39.P. Nê-hoàn, 40.P. Sinh tử, 41.P. Đạo Lợi, 42.P. Kiết tường.

Tác phẩm Kinh này được tái bản nhiều lần: Năm 1998, Nxb Tp. Hồ Chí Minh.

602. KINH PHÁP CÚ THÍ DỤ

Dịch giả: *Thích Thiện Phát*

Nxb Tôn Giáo, PL. 2549 – DL. 2005

Kinh có khổ 14.5 x 20.5cm, dày 374 trang, bìa mềm, chữ tựa viết thư pháp, màu đen, có hình tranh thiên nhiên cảnh núi và trăng. Tác phẩm Kinh gồm có 39 phẩm. Phần đầu là Lời giới thiệu, Lời dịch giả; Phần nội dung chính: P.1. Vô thường, P.2. Giáo học, P.2. Hộ giới, P.3. Đa văn, P.4. Đốc tín, P.5. Cảnh thận giữ giới, P.6. Duy niệm, P.7. Nhân từ, P.8. Ngôn ngữ, P.9. Song yếu, P.10. Phóng dật, P.11. Tâm ý, P.12. Hoa hương, P.13. Ngu ám, P.14. Minh triết, P.15. La-hán, P.16. Thuật thiện, P.17. Ác hạnh, P.18. Đạo trượng, P.19. Dụ lão mạo, P.20. Ái thân, P.21. Thế tục, P.22. Thuật Phật, P.23. An ninh, P.24. Hảo hỷ, P.25. Phần nộ, P.26. Trần cấu, P.27. Phụng trì, P.28. Đạo hạnh, P.29. Quảng diễn, P.30. Địa ngục, P.30. Địa ngục (tiếp theo), P.31. Tượng, P.32. Ái dục, P.33. Lợi dưỡng, P.34. Sa-môn, P.35. Phạm chí, P.36. Niết-bàn, P.37. Sanh tử, P.38. Đạo Lợi, P.39. Kiết tường. Phụ lục: Trích 2 bài trong báo *Hải Triều Âm*: 1. Ngoan cố và 2. Chống đối.

Tác phẩm Kinh này được THPG Tp. Hồ Chí Minh ấn hành năm 1994.

603. KINH PHÁP CÚ THÍ DỤ

Hán dịch: *Sa-môn Pháp Cự và Pháp Lập*

Việt dịch: *Thiện Thuận – Nguyên Trang*

Nxb Hồng Đức – 2013. Kinh có khổ 16 x 24cm, dày 241 trang, bìa cứng.

Tác phẩm Kinh này gồm 4 quyển, 41 phẩm. Nội dung: - Lời đầu sách; *Quyển một*, P.1 Vô thường, 1. Đế thích và kiếp lừa, 2. Quà cho người ra đi, 3. Đàn bò vô tri, 4. Lá vàng khóc lá xanh rơi, 5. Sắc đẹp chóng tàn, 6. Chạy trốn thần chết; P.2 Dạy học, 1. Tỳ-kheo mê ngủ, 2. Tâm tịnh tình dứt, 3. Hạnh độc cư; P.3 Giữ giới, 1. Xa và gần; P.4 Đa văn, 1. Hai vợ chồng hung dữ, 2. Cầm đuốc giữa ban ngày, 3. Tâm bệnh hay thân bệnh, 4. Vết thương nào đau hơn; P.5 Lòng tin, 1. Niềm tin nhiệm màu, 2. Lời di huấn của cha; P.6 Cảnh thận, 1. Giá trị một bữa ăn; P.7 Tư duy, 1. Món quà cho bạn; P.8 Nhân từ, 1. Bỏ nghề săn bắn, 2. Đôi bờ sống chết; P.9 Lời nói, 1. Lời thề độc; P.10 Song yếu, 1. Nghĩ gì được đó, 2. Cái giá phải trả, 3. Hương hoa thơm và tanh hôi; P.11 Buông lung, 1. Sa-môn tham dục; P.12 Tâm ý, 1. Giữ tâm ý như rùa giữ thân; P.13 Hương hoa, 1. Nguyên xưa đã thành; *Quyển hai*, P.13 Hoa hương, 1. Hương giới hạnh, 2. Hoa sen giữa bùn; P.14 Ngu tối, 1. Một đời lo toan, 2. Công chúa đền tội; P.15 Minh triết, 1. Phạm chí thiên tài, 2. Chuyện xưa chuyện nay; P.16 A-la-hán, 1. Con đường tự do; P.17 Muôn ngàn phép thuật, 1. Người ngu chứng đạo, 2. Cúng dường như pháp, 3. Cúng tề thêm tai họa; P.18 Ác hạnh, 1. Nhân đùa quả thật, 2. Thảm họa dòng họ Thích; P.19 Đạo gậy, 1. Chăm sóc đệ tử bệnh, 2. Thần cây khai thị; *Quyển ba*, P.20 Người già, 1. Xuất gia còn vương thế sự, 2. Cơ hội tốt nhất; P.21 Yêu

quý thân thể, 1. Tam tạng Pháp sư và Tỳ-kheo dốt, 2. Tìm lỗi của Phật; P.22 Thế tục, 1. Phạm chí trả châu báu; P.23 Phật, 1. Chết trên đường tìm thầy học đạo; P.24 An ninh, 1. Ước nguyện thuở xưa, 2. Đau khổ lớn nhất; P.25 Ưu thích, 1. Hạnh phúc lớn nhất; P.26 Phẫn nộ, 1. Mưu hại Thế Tôn; P.27 Trần cấu, 1. Anh chàng hư đốn ngộ đạo; P.28 Phụng trì, 1. Chất vấn đắc đạo; P.29 Đạo hạnh, 1. Đến Diêm-la đòi con; P.30 Quảng diễn, 1. Phương thuốc giảm cân; P.31 Địa ngục, 1. Lối xuống địa ngục, 2. Thoái chí đường tu; P.32 Dụ về voi, 1. Chiếc chậu rửa chân, 2. Điều phục chính mình; P.33 Ái dục, 1. Bên đạo bên đời, 2. Độ người trên giàn hỏa; *Quyển bốn*, P.34 Ái dục, 1. Trường giả keo kiệt, 2. Tỳ-kheo vương lụy, 3. Tai họa lười biếng, 4. Sắc đẹp của nữ nhi; P.35 Lợi dưỡng, 1. Cái nét đánh chết cái đẹp; P.36 Sa-môn, 1. Sức quyến rũ của âm thanh; P.37 Phạm chí, 1. Niết-bàn chân thật; P.38 Nê-hoàn, 1. Hủy chiến thắng chính mình; P.39 Sinh tử, 1. Khóc thương ai; P.40 Lợi ích của đạo, 1. Vội quên quá khứ, 2. Chế phục voi thần, 3. Trả thù; P.41 Cát tường, 1. Cát tường tối thượng.

604. KINH PHÁP HOA

Dịch giả: *Thích Trí Tịnh*

Phật Học Viện Quốc Tế xuất bản,

PL. 2550 – DL. 2007

Kinh này dày hơn 726 trang, nội dung gồm có 7 quyển, 28 phẩm: A. Phần Tổng hiên, Q.I, P.1 Tựa; B. Phần Khai Phật tri kiến, P.2 Phương tiện; Q.II, P.3 Thí dụ, P.4 Tín giải; Q.III, P.5 Dục thảo dụ, P.6 Thọ ký, P.7 Hóa thành dụ; Q.IV, P.8 Ngũ bá đệ tử Thọ ký, P.9 Thọ học Vô học nhơn ký, P.10 Pháp sư; C. Phần Thị Phật Tri kiến, P.11 Hiện bảo tháp; D. Phần Ngộ Phật Tri kiến, P.12 Đề-bà-đạt-đa, P.13 Trì; Q.V, P.14 An lạc hạnh, P.15 Tùng địa

dũng xuất, P.16 Như Lai thọ lượng, P.17 Phân biệt Công đức; Q.VI, P.18 Tùy hỷ Công đức, P.19 Pháp sư Công đức, P.20 Thường Bất Khinh Bồ-tát, P.21 Như Lai thần lực, P.22 Chúc lụy; E. Phần Nhập Phật Tri kiến, P.23 Dục vương Bồ-tát Bôn sự; Q.VII, P.24 Diệu Âm Bồ-tát, P.25 Quán Thế Âm Bồ-tát Phổ môn, P.26 Đà-la-ni, P.27 Diệu Trang Nghiêm vương bôn sự, P.28 Phổ Hiền Bồ-tát khuyến phát; F. Kinh Đại thừa Vô lượng nghĩa, P.1 Đức hạnh, P.2 Thuyết pháp, P.3 Mười Công đức; G. Pháp Hoa cương yếu, Lời nói đầu, C.I, Tổng Tựa, C.II, Đề Kinh, C.III, Tổng phân phẩm mục, C.IV, Đại ý mỗi phẩm.

Tác phẩm này được tái bản nhiều lần: năm 2008-2010, Nxb Tôn Giáo.

605. KINH PHÁP HOA

Giảng thuyết:

Thiền sư Viên Trừng (1561-1626)

Dịch giả: *Tỳ-kheo Ni Thích nữ Trí Hải*

PL. 2554 – DL. 2010. Nội dung tác phẩm Kinh này dày 274 trang, gồm có 28 phẩm: - Lời nói đầu, - Dẫn nhập; P.1 Tựa, P.2 Phương tiện, P.3 Thí dụ, P.4 Tín giải, P.5 Thảo dụ, P.6 Thọ ký, P.7 Hóa thành, P.8 Ngũ bá đệ tử thọ ký, P.9 Thọ học vô học nhơn ký, P.10 Pháp sư, P.11 Hiện bảo tháp, P.12 Đề-bà-đạt-đa, P.13 Trì, P.14 An lạc, P.15 Tùng địa dũng xuất, P.16 Như Lai thọ lượng, 17. Phân biệt công đức, P.18 Tùy hỷ công đức, P.19 Pháp sư công đức, P.20 Thường Bất Khinh, P.21 Như Lai thần lực, P.22 Chúc lụy, P.23 Dục Vương Bồ-tát bôn sự, P.24 Diệu Âm, P.25 Phổ môn, P.26 Đà-la-ni, P.27 Diệu Trang Nghiêm bôn sự, P.28 Phổ Hiền Bồ-tát khuyến phát.

606. KINH PHÁP HOA Chính Văn

- 2 Tập

Việt dịch:

Tỳ-kheo Trí Quang (1923-2019)

Nxb Văn hóa Sài Gòn,

PL. 2553 – DL. 2009

Tác phẩm Kinh này dày 1.543 trang, bìa cứng, có bìa bao, chữ tựa màu vàng.

Tập I, dày hơn 704 trang, nội dung gồm có: Mục lục Pháp Hoa chính văn tập Ký hiệu, Lược dẫn, Bồ tát lược dẫn, 4 Cuốn, và 13 Phẩm;

Tập II, từ tr. 733 đến tr. 1.543, nội dung gồm có: Mục lục Pháp Hoa chính văn tập 2, Cuốn 5, 6, 7; và P.14 đến P.28; Phần Sao lục, 1. Phẩm Phổ Hiền, 2. Toát yếu Pháp Hoa.

Xem: (28 phẩm) Kinh Pháp Hoa – Hoa Sen Chánh Pháp do Trí Quang dịch.

Tác phẩm Kinh này tái bản năm 2016, Nxb Hồng Đức.

607. KINH PHÁP HOA Giảng Giải

Giảng giải: *Lễ Sỹ Minh Tùng*

PL. 2556 – DL. 2012

Toàn bộ tác phẩm Kinh này gồm có 28 phẩm: Lời mở đầu, Phần giới thiệu; P.1 Tựa, P.2 Phương tiện, P.3 Thí dụ, P.4 Tín giải, P.5 Dược Thảo dụ, P.6 Thọ ký, P.7 Hóa thành dụ, P.8 Ngũ bách đệ tử thọ ký, P.9 Thọ học vô học nhân ký, P.10 Pháp sư, P.11 Hiện bảo tháp, P.12 Đề-bà-đạt-đa, P.13 Khuyên trì, P.14 An lạc hạnh, P.15 Tùng địa dũng xuất, P.16 Như Lai thọ lượng, P.17 Phân biệt công đức, P.18 Tùy hỷ công đức, P.19 Pháp sư công đức, P.20 Thường Bất Khinh Bồ-tát, P.21 Như Lai thần lực, P.22 Chúc lụy, P.23 Dược Vương Bồ-tát Bồn sự, P.24 Diệu Âm Bồ-tát, P.25 Quán Thế Âm Bồ-tát Phổ môn, P.26 Đà-la-ni, P.27 Diệu Trang Nghiêm vương Bồn sự, P.28 Phổ Hiền Bồ-tát khuyến phát; Phần Tổng luận; Phần Phụ lục.

(<https://thuvienhoasen.org>,
Kinh/Giảng giải Kinh)

608. KINH PHÁP HOA Giảng Lục

– 3 Tập

Thích Thông Phương

Nxb Tôn Giáo, PL. 2550 – DL. 2006

Kinh có khổ 14.5 x 20.5cm, cả bộ dày hơn 1.000 trang, với 28 phẩm.

Tập I, dày hơn 189 trang, nội dung gồm 3 phẩm: Lời đầu, Lời dẫn, Giải đề Kinh; P.1 Tựa, P.2 Phương tiện, P.3 Thí dụ;

Tập II, dày hơn 377 trang, nội dung gồm có 8 phẩm: P.4 Tín giải, P.5 Dược Thảo dụ, P.6 Thọ ký, P.7 Hóa Thành dụ, P.8 Ngũ Bách đệ tử Thọ ký, P.9 Thọ học Vô học nhân ký, P.10 Pháp sư, P.11 Hiện Bửu tháp;

Tập III, dày hơn 415 trang, nội dung gồm có 17 phẩm: P.12 Đề-bà-đạt-đa, P.13 Trì, P.14 An lạc hạnh, P.15 Tùng Địa dũng xuất, P.16 Như Lai thọ lượng, P.17 Phân biệt Công đức, P.18 Tùy hỷ Công đức, P.19 Pháp sư Công đức, P.20 Thường Bất Khinh Bồ-tát, P.21 Như Lai thần lực, P.22 Chúc lụy, P.23 Dược Vương Bồ-tát Bồn sự, P.24 Diệu Âm Bồ-tát, P.25 Quán Thế Âm Bồ-tát, P.26 Đà-la-ni, P.27 Diệu Trang Nghiêm vương Bồn sự, P.28 Phổ Hiền Bồ-tát khuyến phát; Tổng kết về Kinh Pháp Hoa.

609. KINH PHÁP HOA

(Hoa Sen Chánh Pháp)

Hán dịch: *Tam tạng Pháp sư*

Curu-ma-la-thập (Kumarajiva, 344-413)

Dịch giả: *Thích Trí Quang (1923-2019)*

Nxb Tp. Hồ Chí Minh, PL. 2542 – DL. 1998

Kinh có khổ 19 x 27cm, dày hơn 975 trang. Nội dung gồm có 7 cuốn, 28 phẩm: Mục lục, Ký hiệu (cho lời lược dẫn), Lược dẫn; *Chính văn Pháp Hoa*, Cuốn I, P.1 Mở đầu, P.2 Phương tiện; Cuốn II, P.3 Ví dụ, P.4 Tín hiểu; Cuốn III, P.5 Cây cỏ, P.6 Thọ ký, P.7 Tương quan xa xưa; Cuốn IV,

P.8 Năm trăm đệ tử tiếp nhận thọ ký, P.9 Thọ ký cho các vị tu học tiếp tục và tu học hoàn tất, P.10 Người diễn giảng Pháp Hoa, P.11 Bảo tháp xuất hiện, P.12 Đê-bà-đạt-đa, P.13 Kính giữ Pháp Hoa; Cuốn V, P.14 Sống yên vui, P.15 Từ đất xuất hiện, P.16 Sự sống lâu của Đức Thế Tôn, P.17 Phân tích thành quả; Cuốn VI, P.18 Thành quả tùy hỷ, P.19 Thành quả của người diễn giảng Pháp Hoa, P.20 Bồ-tát Thường Bất Khinh, P.21 Sức thần của Thế Tôn, P.22 Giao phó trọng trách, P.23 Việc cũ của Bồ-tát Dược Vương; Cuốn VII, P.24 Bồ-tát Diệu Âm, P.25 Quan Âm Đại sĩ: vị toàn diện, P.26 Tổng trì minh chú, P.27 Việc cũ của Diệu Trang Nghiêm vương, P.28 Sự khuyến khích của Bồ-tát Phổ Hiền; Phần sao lục: 1. Phẩm Phổ Hiền; 2. Toát yếu Pháp Hoa.

Tác phẩm Kinh này đã xuất bản năm 1994, Nxb Tp. Hồ Chí Minh; in lưu hành nội bộ năm PL. 2540 – DL. 1996, khổ 16 x 24cm, dày 1092 trang, bìa mềm.

610. KINH PHÁP HOA Lược Giải – 2 Tập

Dịch và giải: *Tỳ-kheo Trí Quang*
Tập I, Nxb Văn Hóa Sài Gòn, PL. 2553 – DL. 2009; *Tập II*, Nxb Hồng Đức, PL. 2561 – DL. 2017

Tổng cộng 2 tập Kinh dày hơn 1.415 trang, bìa cứng, có bìa bao, chữ tựa màu vàng. Nội dung 2 tập gồm có: Mục lục Pháp Hoa lược giải, Ký hiệu, Lược dẫn, Bồ-tát lược dẫn, Lời yêu cầu; Lược giải PH, có 3 phần: Phần 1. Đức Di-lạc phát khởi (ph 1), Phần 2. Đức Thế Tôn nói về Nhất thừa và sự quảng bá Nhất thừa, có 2 đại bộ phận: *Đại bộ phận 1, nói về Nhất thừa*, có 3 chương: C.1 đức Thế Tôn nói về Nhất thừa bằng cách nói thẳng (ph 2); C.2 đức Thế Tôn nói về Nhất thừa bằng cách Ví dụ, có 2 tiết: T.1 đức Thế Tôn Ví

dụ (ph 3), T.2 chư Thanh văn lãnh hội (ph 4); C.3 đức Thế Tôn nói về Nhất thừa bằng cách Thọ ký, có 4 tiết: T.1 đức Thế Tôn xác quyết mọi chúng tánh đều hấp thụ Nhất thừa (ph 5), T.2 đức Thế Tôn thọ ký cho Thanh văn (ph 6), T.3 đức Thế Tôn nói chư Thanh văn được giáo hóa từ lâu bằng Nhất thừa (ph 7), T.4 đức Thế Tôn tiếp tục thọ ký cho Thanh văn (ph 8), (tiếp theo) (ph 9); *Đại bộ phận 2, nói về sự quảng bá Nhất thừa*, có 6 chương: C.1 đức Thế Tôn nói về phẩm chất của người quảng bá Nhất thừa (ph 10); C.2 đức Đa Bảo chứng minh – đức Thế Tôn khuyến khích phát nguyện quảng bá Nhất thừa, có 2 tiết: T.1 đức Thế Tôn khuyến khích quảng bá (ph 11), Phụ lục. đức Thế Tôn thọ ký Đê-bà làm Phật và chứng minh Long nữ thành Phật (ph 12), T.2 chư Thanh văn và chư Bồ-tát phát nguyện quảng bá (ph 13); C.3 Đức Thế Tôn dạy cách sống cho quảng bá Nhất thừa (ph 14); C.4 chư Bồ-tát dũng xuất và quảng bá, có 3 tiết: T.1 Chư Bồ-tát dũng xuất (ph 15), T.2 Xuất xứ của chư Bồ-tát dũng xuất (ph 16), T.3 Thành quả tín giải sự bất diệt của Đức Thế Tôn (ph 17); C.5 Đức Thế Tôn nói thành quả của sự quảng bá Nhất thừa, có 3 tiết: T.1 Thành quả sự tùy hỷ quảng bá (ph 18), T.2 Thành quả phi thường của bình thường (ph 19), T.3 Điển hình thành quả phi thường của bình thường (ph 20); C.6 Sự gia trì cho sự quảng bá Nhất thừa, có 4 tiết: T.1 Đức Thế Tôn gia trì, có 2 mục: M.1 Đức Thế Tôn gia trì bằng thần lực (ph 21), M.2 Đức Thế Tôn gia trì bằng ký thác (ph 22); T.2 Chư đại Bồ-tát gia trì, có 3 mục: M.1 Đức Dược Vương gia trì bằng khổ hạnh (ph 23), M.2 Đức Diệu Âm gia trì bằng định lực (ph 24), M.3 Đức Quan Âm gia trì bằng toàn diện (ph 25), T.3 Gia trì bằng minh chú (ph 26), T.4 Gia

tri bằng tri thức (ph 27); Phần 3. Đức Phổ Hiền kết thúc (ph 28).

Tác phẩm Kinh này đã xuất bản năm 2004 (In lần thứ 7), Nxb Tôn Giáo, 1 quyển, khổ 19 x 27cm, dày 917 trang, bìa cứng, có bìa bao, chữ tựa mạ vàng.

611. KINH PHÁP HOA

Phẩm Phổ Môn – Quán Thế Âm Bồ-tát, Giảng luận

Giảng luận:

Sa-môn Thích Thông Bửu (1936-2007)

Nxb Tôn Giáo – 2000

Sách có khổ 13 x 19cm, dày 226 trang.

Nội dung gồm có 8 bài: Thay lời tựa, Bài số 1,... đến Bài số 8.

612. KINH PHÁP HOA –

Phẩm Phổ Môn

Lược giảng: *HT. Tuyên Hóa*

Dịch sang Việt ngữ: *Ban Phiên Dịch Kinh Điển (Vạn Phật Thánh Thành)*

Tổng Hội Phật giáo Pháp Giới-Vạn Phật Thánh Thành xuất bản – 2000

Sách dày 306 trang. Nội dung gồm có: Tám Quy luật của Viện Phiên dịch Kinh điển, Kệ Khai Kinh, *Kinh Diệu Pháp Liên Hoa – Phẩm Phổ Môn*, Sơ lược Tiểu sử HT. Tuyên Hóa, Mười tám Đại nguyện, Kệ Hồi hướng.

613. KINH PHÁP HOA –

Phẩm Phổ Môn (âm và nghĩa)

Việt dịch: *Thích Viên Giác*

Chùa Giác Hải xuất bản

năm PL. 2505 – DL. 1961

Kinh có hơn 50 trang, bìa mềm. Nội dung gồm có: Thay lời tựa, Nghi thức khai Kinh, Cúng hương, Sái tịnh, Cung thỉnh, Chú Đại bi, Khai Kinh kệ, *Đại thừa Diệu Pháp Liên Hoa Kinh Quán Thế Âm Bồ-tát*

– *Phổ Môn Phẩm*, Chánh văn Dịch âm, Chánh văn-Dịch nghĩa; Hồi hướng, Tam Tự Quy y; Tìm hiểu Quán Thế Âm Bồ-tát, Những Chuyện linh ứng ở chùa Giác Hải; Phần Phụ bản: Lược sử Điện Nam hải Quán Âm (Vạn Giả - Nha Trang), Tiểu sử cố Thượng tọa Thích Giác Phong-Giác linh Bôn sư chúng tôi. (*Bản lưu tại Thư viện Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam tại Tp. Hồ Chí Minh; Mã sách: Vie 1988*)

614. KINH PHÁP HOA TAM-MUỘI

Đại Chánh Tân Tu, Kinh số 269.

Hán dịch:

Sa-môn Trí Nghiêm (Đời Lưu Tống)

Việt dịch (2010): *Nguyễn Hiến*

Tác phẩm Kinh có 51 trang (PDF), gồm 2 bản: bản dịch Việt ngữ “Phật nói Kinh Pháp Hoa Tam-muội” và bản Anh ngữ: “The Sutra of Dharma Flower Samadhi”, Meditation on Human Destiny; Nguyen Hien’s Translation from Chinese. (<https://hoavouu.com>, *Sách Phật học-PDF*)

615. KINH PHÁP HOA Tiểu Sử - Đời Sống Của Các Giáo Điển Vĩ Đại

Donald S. Lopez, Jr.

Dịch và chú thích: *Trần Văn Duy*

Nxb Hồng Đức – 2019

Sách có khổ 13 x 20.5cm, dày 289 trang, bìa mềm, có tay gấp. Nội dung gồm có 7 chương: Lời người dịch, Dẫn nhập, C.1 Khái lược cốt truyện, C.2 Kinh Pháp Hoa ở Ấn Độ, C.3 Kinh Pháp Hoa ở Trung Quốc, C.4 Kinh Pháp Hoa ở Nhật Bản, C.5 Vượt Đại Tây dương, C.6 Kinh Pháp Hoa trong thế kỷ hai mươi, C.7 Vượt Thái bình dương; Chú thích, Bảng tra.

616. KINH PHÁP HOA – Truyện Tranh (Tập 1, 2, 3)

Biên soạn: *Đạo Quang*

Nxb Tôn Giáo – 2015

Kinh có khổ 14.5 x 20.5cm, mỗi tập có hơn 130 trang, bìa mềm.

Tập 1, nội dung gồm: I. Siêu việt thời gian và không gian, Nhập diệt, Âm thanh của Thế Tôn; II. Điềm dự báo trước khi giảng Kinh, Phóng ánh sáng nơi lông trắng giữa chân mày..., Bồ-tát Văn-thù...; III. Đức Cha lành Thích-ca Mâu-ni ban pháp lành, Khéo léo giáo hóa, Ba loại phương pháp; IV. Chân lý vĩnh viễn, Lý giải của chúng đệ tử, Tưới tắm cỏ cây, Thụ ký. *Tập 2*, nội dung gồm: I. Kiếp lâu xa về trước, Thành đạo, Năm trăm đệ tử, Chúng đệ tử vui mừng; II. Kinh điển tôn quý, Bồ-tát Dược Vương, Xuất hiện bảo tháp, III. Giáo pháp vĩ đại, Đề-bà-đạt-đa, Con gái Long vương, Lưu truyền chính pháp; IV. Phương pháp truyền đạo, Bốn loại hạnh an lạc, Mặt đất nứt ra; *Tập 3*, nội dung gồm: I. Thọ mạng vô lượng, Công đức thuốc hay, Công đức của niềm tin, Công đức của niềm vui; II. Diệu pháp thâm thâm, Sáu căn thanh tịnh, Bồ-tát Thường Bất Khinh, Sức thần thông của Phật; III. Sự cúng dường của chư Bồ-tát, Dược dẫn dò, Đốt thân cúng dường, Sức thần thông biến hóa tự tại; IV. Tâm đại từ bi, Từ bi của Bồ-tát Quán Thế Âm, Thần chú; V. Đức Phật vĩnh viễn, Chuyện vua Diệu Trang Nghiêm, Bồ-tát cỡi voi trắng lớn.

617. KINH PHÁP TẬP YẾU TỤNG

Hán dịch: *Thiên Tức Tai*

Việt dịch: *Nguyên Thuận*

Tác phẩm Kinh này gồm có 33 phẩm: P.1 Vô thường, P.2 Ái dục, P.3 Tham dục, P.4 Buông lung, P.5 Yêu thương, P.6 Trì giới, P.7 Tu thiện, P.8 Lời nói, P.9 Hành nghiệp, P.10 Chánh tín, P.11 Sa-môn, P.12 Chánh đạo, P.13 Lợi dưỡng, P.14 Oán hận, P.15 Tư duy, P.16 Thanh tịnh, P.17 Nước dục, P.18 Hương hoa, P.19 Ngựa dục, P.20 Sân hận, P.21 Như Lai, P.22 Đa văn,

P.23 Tự mình, P.24 Quảng thuyết, P.25 Thiện hữu, P.26 Tịch diệt, P.27 Quán sát, P.28 Tội chướng, P.29 Tương ứng, P.30 An lạc, P.31 Tâm ý, P.32 Tỳ-kheo, P.33 Tịnh hạnh. (<https://phatphapungdung.com>, *Pháp bảo-Bộ Bốn duyên*)

618. KINH PHÁT GIÁC TỊNH TÂM

Hán dịch: *Xà-na-quật-đa*

Việt dịch: *Thích Nguyên Xuân*

Tác phẩm Kinh này gồm có 2 quyển: Quyển thượng và Quyển hạ.

(<https://phatphapungdung.com>, *Pháp bảo-Kinh tạng*)

619. KINH PHÁT KHỞI BỒ-TÁT THỪ THẮNG CHÍ NHẠO

Giảng giải: *Pháp sư Tịnh Không*

Chỉnh lý: *Thích Pháp Đăng*

Nxb Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh – 2011

Kinh có khổ 13 x 19cm, dày hơn 402 trang. Nội dung gồm có: Lời nói đầu, Duyên khởi, Giới thiệu Sơ lược *Kinh Đại Bảo Tích*, Giới thiệu Sơ lược Dịch giả, Giới thiệu Đại lược bản Kinh; Lược giải Kinh văn: A. Tự phần, B. Chánh tông phần, C. Lưu thông phần.

620. KINH PHÂN BIỆT THIỆN ÁC BẢO ỨNG

Hán dịch: *Đại sư Thiên Tức Tai*

Việt dịch: *Hương Bối*

Nxb Tôn Giáo – 2009. Kinh có khổ 13 x 19cm, có 89 trang, bìa mềm.

621. KINH PHÂN BIỆT THIỆN ÁC BẢO ỨNG

Hán dịch: *Sa-môn Thiên Tức Tai*

Việt dịch: *TT. Thích Chánh Lạc*

Tác phẩm Kinh này gồm có 2 quyển: Quyển thượng và Quyển hạ.

(<https://quangduc.com>, *Kinh-Hán tạng*)

622. KINH PHẬT BẢN HẠNH TẬP – Trọn Bộ 4 Tập

Việt dịch:

HT. Thích Trung Quán (1918-2003)

THPG Tp. Hồ Chí Minh, PL. 2540 – DL.
1996

Kinh có khổ 14 x 20cm, cả bộ dày hơn 1.781 trang, bìa mềm, nền màu trắng, chữ tựa Kinh màu đỏ. Toàn bộ tác phẩm có 4 tập, 60 quyển.

Tập I, dày hơn 480 trang. Nội dung gồm, từ Q.1 – Q.15, trong đó có 20 phẩm: P.1 Phát Tâm Cúng dường, P.2 Thụ quyết định ký, P.3 Hiền kiếp Vương chủng, P.4 Thượng thác Đâu-suất, P.5 Phủ giáng Vương cung, P.6 Đản sinh dưới gốc cây, P.7 Từ vườn về thành, P.8 Tướng sư chiêm khán, P.10 Di mẫu Dưỡng dục, P.11 Học kỹ nghệ, P.12 Du hý Quan chúc, P.13 Giốc thuật Tranh hôn, P.14 Thường súc nạp phi, P.15 Tiếng trên không khuyên chán, P.16 Ra đi gặp người già, P.17 Vua Phạm Tịnh nằm mộng, P.18 Đi đường thấy bệnh nhân, P.19 Đi đường gặp tử thi, P.20 Đi đường gặp xuất gia;

Tập II, dày hơn 444 trang. Nội dung gồm, từ Q.16 – Q.30, tiếp theo P.20 – P.33. P.20 Gia-du-đà-la nằm mộng, P.21 Bồ cung điện đi xuất gia, P.22 Cạo tóc nhuộm áo, P.23 Xa-nặc trở về, P.24 Quan sát dị đạo, P.25 Vương xứ vãng hoàn, P.26 Hỏi A-la-là, P.27 Đáp Ma-la tử, P.28 Khuyên thu thế lợi, P.29 Tinh tiến khổ hạnh, P.30 Hướng Bồ-đề thụ, P.31 Ma bố Bồ-tát, P.32 Bồ-tát hàng ma, P.33 Thành Vô thượng đạo;

Tập III, dày hơn 434 trang. Nội dung gồm, từ Q.31 – Q.45, tiếp theo P.34 – P.47. P.34 Xưa cung ma cạnh tranh, P.35 Hai người thường chú dâng thức ăn, P.36 Phạm thiên khuyên thỉnh, P.37 Chuyển Diệu Pháp luân, P.38 Da-du-đà-la nhân duyên, P.39

Da-du-đà túc duyên, P.40 Phú-lâu-na xuất gia, P.41 Na-la-đà xuất gia, P.42 Sa-tỳ-gia xuất gia, P.43 Giáo hóa binh tướng, P.44 Ca-diếp tam huynh đệ, P.45 Ưu-ba-tu-na, P.46 Bá Trí Trúc viên, P.47 Đại Ca-diếp nhân duyên;

Tập IV, dày hơn 423 trang. Nội dung gồm, từ Q.46 – Q.60, tiếp theo P.47 – P.60. P.47 Đại Ca-diếp nhân duyên, P.48 Bạt-đà-la-phu phu nhân duyên, P.49 Xá-lợi-phất, Mục-kiền-liên nhân duyên, P.50 Ngũ bách Tỳ-kheo nhân duyên, P.51 Đoạn bất tín nhân duyên, P.52 Thuyết pháp nghi thức, P.53 Thi-khí Phật bản sinh địa, P.54 Ưu-đà-di nhân duyên, P.55 Ưu-ba-ly nhân duyên, P.56 La-hầu-la nhân duyên, P.57 Nan-đà xuất gia nhân duyên, P.58 Bà-đề-ly-ca nhân duyên, P.59 Ma-ni-lâu-đà, P.60 A-nan nhân duyên.

623. KINH PHẬT BẢN HẠNH TẬP

Hán dịch: *Sa-môn Sa-na-quật-đà*

Việt dịch:

HT. Thích Trung Quán (1918-2003)

Toát yếu: *Tỳ-kheo Ni Hoa Nghiêm*

Ni viện Hương Sen (Lâm Đồng) ấn tống –
1994

Kinh có khổ 14 x 20cm, dày 174 trang, bìa mềm. Nội dung gồm có: P.1 Phát tâm Cúng dường, P.2 Thụ quyết định ký, P.3 Hiền kiếp Vương chủng, P.4 Thượng thác Đâu-suất, P.5 Giáng vương cung, P.6 Đản sanh, P.7 Từ vườn về thành, P.8 Xem tướng, P.9 Niên thiếu trong hoàng gia, P.10 Cảnh sách, P.11 Xuất gia, P.12 Quan sát dị đạo, P.13 Khổ hạnh, P.14 Bồ-đề, P.15 Thỉnh pháp, P.16 Chuyển diệu pháp luân, P.17 Da-du-đà túc duyên, Phú-lâu-na, Na-la-đà, Sa-tỳ-gia, Kết duyên giải thoát, Ba anh em Ca-diếp, Ưu-ba-tu-na, Bá thí Trúc viên, Đại Ca-diếp, Bạt-đà-la, Xá-lợi-phất & Mục-kiền-liên, Tập Thuyết pháp, Ưu-đà-di, Đề-bà-ly-ca, La-hầu-la,

Nan-đà, A-na-luật-đà; Kinh này tên gì?
Lời phụ.

624. KINH PHẬT BÁT NÊ-HOÀN

Viết dịch: *Thích Chánh Lạc*

Hiệu chú: *Tuệ Sỹ - Đức Thắng*

Tác phẩm Kinh này gồm có 2 quyển:
Quyển thượng và Quyển hạ.

(<https://quangduc.com>, *Kinh-Hán tạng*)

625. KINH PHẬT CĂN BẢN

Soạn dịch: *Thích Nhật Từ*

Nxb Hồng Đức – 2018

Kinh có khổ 14 x 20cm, dày 175 trang, bìa mềm, chữ tựa màu trắng, có hình Đức Phật ngồi tay kiết ấn, phía sau có vòng tròn hào quang, có tay gấp. Tác phẩm Kinh này có 3 phần, với 13 bài Kinh căn bản. Nội dung như sau: Lời nói đầu, Ý nghĩa và cách thức tụng kinh; *Phần dẫn nhập*, - Nguyện hương, - Đánh lễ Tam bảo, - Tán dương giáo pháp; *Phần Chánh Kinh*, 1. Kinh Tiêu sử Đức Phật, 2. Kinh Chuyển Pháp luân, 3. Kinh Thực tập Vô ngã, 4. Kinh Thiện sinh, 5. Kinh Người áo trắng, 6. Kinh Phước đức, 7. Kinh Bốn Pháp quán niệm, 8. Kinh Quán niệm Hơi thở, 9. Kinh Từ bi, 10. Kinh Bảy cách dứt trừ đau khổ, 11. Kinh Tám điều Giác ngộ của Bạc Đại nhân, 12. Kinh Phổ môn, 13. Kinh Lời dạy Cuối cùng của Đức Phật; *Phần Sám nguyện*: 1. Bát-nhã Tâm Kinh, 2. Niệm Phật, 3. Năm điều Quán tưởng, 4. Quán chiếu Thực tại, 5. Sám nguyện: a. Sám Quy mạng, b. Sám Quy y, c. Sám Quy nguyện 1, d. Sám Quy nguyện 2, e. Sám nguyện, 6. Hồi hướng Công đức, 7. Lời nguyện cuối, 8. Đánh lễ ba ngôi báu, 9. *Phụ lục*: Xuất xứ các bài Kinh và Sám nguyện.

626. KINH PHẬT CHO NGƯỜI MỚI BẮT ĐẦU

(CẨM NANG HỌC PHẬT CHO GIỚI TRẺ & NGƯỜI BẠN RỘN)

Soạn dịch: *TT. Thích Nhật Từ*

Nxb Hồng Đức – 2013, khổ 14 x 20cm, dày 128 trang, bìa mềm. Toàn bộ tác phẩm Kinh này gồm có 3 phần chính với 10 Kinh: - Thay lời tựa; *Phần dẫn nhập*, Nguyện hương, Đánh lễ Tam bảo, Tán hương, Tán dương giáo pháp; *Phần Chánh Kinh*: 1. Kinh Chuyển Pháp luân, 2. Kinh Người áo trắng, 3. Kinh Phước đức, 4. Kinh Thiện sinh, 5. Kinh Tránh xa các cánh cửa bại vong, 6. Kinh Nhân quả đạo đức, 7. Kinh Bốn ân lớn, 8. Kinh Thực tập vô ngã, 9. Kinh Bốn pháp quán niệm, 10. Kinh Bảy cách dứt trừ khổ đau; *Phần Hồi hướng*: 1. Bát-nhã Tâm Kinh, 2. Niệm Phật, 3. Năm điều quán tưởng, 4. Quán chiếu thực tại, 5. Sám quy nguyện, 6. Hồi hướng công đức, 7. Lời nguyện cuối, 8. Đánh lễ Ba ngôi báu.

627. KINH PHẬT CHO NGƯỜI TẠI GIA

Soạn dịch: *Sa-môn Thích Nhật Từ*

Nxb Hồng Đức – 2018

(Tái bản lần thứ 7)

Kinh có khổ 14 x 20cm, dày 924 trang, bìa cứng, nền màu đỏ đậm, chữ tựa màu đỏ nhạt, có hình tượng Đức Phật ngồi tay kiết ấn và phóng hào quang.

Kết cấu tác phẩm gồm 4 phần, nội dung như sau: Lời Tựa cho lần tái bản thứ 3, Lời nói đầu, Ý nghĩa và cách thức tụng Kinh; *A. Phần dẫn nhập*: - Nguyện hương, - Đánh lễ Tam bảo, - Tán hương, - Tán dương giáo pháp; *B. Phần Chánh Kinh*, I. Các Kinh về đạo đức: 1. Kinh Tiêu sử Đức Phật, 2. Kinh Người áo trắng, 3. Kinh Mười nghiệp thiện, 4. Phật nói Kinh Tám điều Trai giới, 5. Kinh Nhân quả đạo đức, 6. Kinh Lời vàng Phật dạy, 7. Kinh Soi gương nhân cách, 8. Kinh Phân biệt

nghiệp báo, 9. Kinh Định luật nghiệp, 10. Kinh Nghiệp tạo Sai biệt, 11. Kinh Chuyển hóa nghiệp chương, 12. Kinh Phước thế gian; II. Các Kinh về gia đình, xã hội và chính trị: 13. Kinh Thiện sinh, 14. Kinh Phước đức, 15. Kinh Tránh xa cánh cửa bại vong, 16. Kinh Bảy loại vợ, 17. Kinh Bốn ân lớn, 18. Kinh mọi người bình đẳng, 19. Kinh Không có giai cấp, 20. Kinh Sống trong hòa hợp, 21. Kinh Hóa giải tranh cãi, 22. Kinh Hòa hợp và Hòa giải, 23. Kinh Chuyển luân Thánh vương, 24. Kinh Đức hạnh của vua và Tu sĩ, 25. Kinh Quốc gia cường thịnh, 26. Kinh Hiền nhân; III. Các Kinh về triết lý: 27. Kinh Chuyển pháp luân, 28. Kinh Mười hai nhân duyên, 29. Kinh Chánh tri kiến, 30. Kinh Ba Dấu ấn thực tại, 31. Kinh Thực tập Vô ngã, 32. Kinh Nhận diện vô ngã, 33. Kinh Chuyển hóa cái tôi, 34. Kinh Nền tảng đức tin, 35. Kinh kiến thức và trí tuệ, 36. Kinh thuyết minh và xác minh, 37. Kinh Bảy điều nên biết, 38. Kinh Ấn dụ về bảy hạng người dưới nước, 39. Kinh Tham ái là gốc khổ đau, 40. Kinh Dụ ngôn người bắt rắn, 41. Kinh lời Phật qua các con số, 42. Kinh Nương tựa ai khi Phật qua đời? IV. Các Kinh về Thiền và chuyển hóa: 43. Kinh Cốt lõi thiền tập, 44. Kinh Bốn pháp quán niệm, 45. Kinh Quán niệm hơi thở, 46. Kinh các cấp Thiền quán, 47. Kinh Bốn loại hành Thiền, 48. Kinh Ấn dụ về thành trì, 49. Kinh Sống trong hiện tại, 50. Kinh Căn bản tu tập, 51. Kinh Tu các pháp lành, 52. Kinh Phát tâm Bồ-đề, 53. Phật nói Kinh Bốn vô lượng Tâm, 54. Kinh Từ bi và Hồi hướng, 55. Kinh Tám điều Giác ngộ, 56. Kinh Bảy cách dứt trừ khổ đau; V. Các Kinh về Tịnh độ: 57. Kinh Phổ môn, 58. Kinh Bốn nguyện Công đức của Phật Dược sư, 59. Kinh A-di-đà, 60. Kinh Sám hối sáu căn, 61. Kinh Sám hối Hồng danh, 62. Phật nói

Kinh Vu Lan bồn, 63. Phật nói Kinh Báo hiếu Công ơn cha mẹ; C. Phần Sám nguyện: 1. Bát-nhã Tâm Kinh, 2. Niệm Phật, 3. Năm điều Quán tưởng, 4. Quán chiếu Thực tại, 5. Sám nguyện: a. Sám Mười nguyện Phổ Hiền, b. Sám Quy mạng, c. Sám Quy y, d. Sám Quy nguyện 1, đ. Sám tu tập, e. Sám Quy nguyện 2, f. Sám nguyện, g. Sám Hồng trần, h. Sám Tổng táng, 6. Hồi hướng Công đức, 7. Lời nguyện cuối, 8. Đánh lễ ba ngôi báu, D. Phần Phụ lục: 1. Xuất xứ các bài Kinh và Sám nguyện, 2. Các ngày lễ trong hai truyền thống Phật giáo, 3. Các ngày ăn chay, 4. Sách đồng tác giả.

Kinh này đã được tái bản nhiều lần: Năm 2013, Nxb Phương Đông; năm 2014, Nxb Hồng Đức.

628. KINH PHẬT DI GIÁO

Giải thích:

Giáo sư Thích Hoàn Quan (1928-2005)

Chùa Khánh Vân –

Hoa Đạo xuất bản – 1970

Kinh dày 132 trang, bìa mềm, có tay gấp. Nội dung gồm có 16 bài, 3 phần: *Kinh Phật Di Giáo*, Lời nói đầu, 1. Giải thích đề Kinh, 2. Lược sử Dịch giả, Đề mục tóm lược: A. Phần tự, B. Phần Chánh tôn, 1. Pháp yếu chung, 1. Đối trị tà nghiệp, a. Căn bản thanh tịnh, b. Phương tiện thanh tịnh, c. Công đức trì giới, d. Ích lợi của giới; 2. Đối trị khổ vọng, a. Khổ do Căn và Dục buông lung, 1. Khổ do Căn buông lung, 2. Khổ do Dục buông lung, b. Khổ về tham cầu ăn uống, c. Khổ về biếng nhác và ngủ nghỉ, 3. Đối trị phiền não, a. Đối trị giận dữ, b. Đối trị kiêu mạn, c. Đối trị đua nịnh; II. Pháp yếu riêng, 1. Thiểu dục, 2. Tri túc, 3. Xa bỏ, 4. Siêng năng, 5. Không quên chánh niệm, 6. Thiền định, 7. Trí tuệ, 8. Hỷ luận; C. Phần Lưu thông, 1. Siêng tu, 2. Chứng quyết, 3. Dứt các nghi

ngờ, a. Trình bày các nghi, b. Dứt các nghi, c. khuyên tu hành, 4. Lời dặn lưu thông.

Tác phẩm này được Thư viện Huệ Quang (Trung tâm Dịch thuật Hán Nôm Huệ Quang) Ảnh ấn năm 2016.

629. KINH PHẬT ĐÁNH TÔN THẮNG ĐÀ-RA-NI

Hán dịch: *Sa-môn Phật-đà-ba-ly*

Việt dịch:

HT. Thích Thiên Tâm (1925-1992)

Phương Liên Tịnh Xứ, PL. 2554 – DL. 2010. Kinh này có 53 trang, bìa mềm; nội dung gồm: Lời tựa, Kinh Phật đánh Tôn thắng Đà-ra-ni; Lời sau cùng.

630. KINH PHẬT NÓI - BỐN MƯƠI HAI CHƯƠNG (Phật thuyết -

Tứ Thập Nhị Chương Kinh)

Việt dịch: *Ban Phiên dịch Việt ngữ, Tổng Hội Phật giáo Pháp giới, Vạn Phật Thánh Thành.*

Nội dung Kinh này gồm có 42 chương: Kinh tựa; C.1 Xuất gia chứng quả, C.2 Trừ dục vọng-dứt mong cầu, C.3 Cắt đứt ái dục-xả bỏ lòng tham, C.4 Thiện-Ác phân minh, C.5 Chuyển nặng thành nhẹ, C.6 Nhịn kẻ ác và không oán hận, C.7 Ở ác gặp ác, C.8 Gieo gió gặp bão, C.9 Về nguồn gặp đạo, C.10 Hoan hỷ bố thí tất được phước, C.11 Sự gia tăng của công đức, C.12 Nêu ra sự khó để khuyên tu, C.13 Hỏi về Đạo và Túc mạng, C.14 Hỏi về tánh Thiện và Đại, C.15 Hỏi về Sức mạnh và Sáng, C.16 Bỏ ái dục tất đắc đạo, C.17 Ánh sáng đến-bóng tối tan, C.18 Ý niệm và mọi thứ vốn là không, C.19 Quán xét cả thật lẫn giả, C.20 Suy ra cái “Ta” vốn là không, C.21 Danh vọng hại người, C.22 Tiền của và sắc dục mang lại đau khổ, C.23 Gia đình còn tệ hơn lao ngục,

C.24 Sắc dục chướng ngại đường đạo, C.25 Lửa dục đốt người, C.26 Thiên ma quấy nhiễu Phật, C.27 Không chấp trước tất đắc Đạo, C.28 Đừng theo “con ngựa” ý niệm, C.29 Quán tưởng chân chánh thẳng được sắc dục, C.30 Lánh xa lửa dục, C.31 Tâm vắng lặng-dục vọng dứt, C.32 Không còn cái “ngã” thì hết sợ hãi, C.33 Trí tuệ và sự sáng suốt phá tan chúng ma, C.34 Giữ trung dung tất đắc Đạo, C.35 Tẩy sạch cấu bản-chỉ còn vẻ sáng, C.36 Sự chuyển đổi thù thắng, C.37 Nhớ nghĩ đến giới là gần với Đạo, C.38 Có sanh tất có diệt, C.39 Sự dạy bảo vốn không phân biệt, C.40 Tâm phải thực hành theo Đạo, C.41 Ngay thẳng dứt trừ dục vọng, C.42 Hiếu được cõi đời là hư huyễn. (<https://thuvienhoasen.org>, *Kinh Sanskrit/Hán tạng*)

631. KINH PHẬT NÓI - DANH HIỆU PHẬT

Việt dịch: *Tỳ-kheo Trí Quang*

Nxb Tôn Giáo – 2004

Kinh có khổ 19 x 25.5cm, dày 988 trang, bìa cứng, có bìa bao, chữ tựa mạ vàng. Nội dung gồm có: (Kinh này nói danh hiệu Phật theo “10 phương 3 đời”, khá nhất quán rõ rệt. Tôi có phân đoạn theo văn Kinh, nhưng không thấy cần đặt tên và làm mục lục. Mục lục chỉ ghi số trang của 12 cuốn theo Hoa văn, lại ghi 7 chỗ cho dễ tìm, mà thôi – Trí Quang); Dẫn nhập, Cuốn một,... đến Cuốn sáu (lấy danh hiệu Bồ-tát, lấy danh hiệu Duyên Giác), Cuốn bảy (lấy thêm danh hiệu Bồ-tát), Cuốn tám (nói cách sám hối), Cuốn chín (lấy thêm danh hiệu Bồ-tát và Nói thêm cách sám hối), Cuốn mười, Cuốn mười một và Cuốn mười hai (lấy thêm danh hiệu Bồ-tát);

Bảng sách dẫn Hoa văn dịch âm Phạm văn (mà không phổ thông, khó hay chưa tra ra).

632. KINH PHẬT NÓI QUẢ BÁO CỦA MƯỜI ÁC NGHIỆP

(Kinh Thập Ác Báo)

Biên dịch: *Thích Thiện Thông*

Nxb Tôn Giáo – 2009

Kinh có khổ 13 x 19cm, có hơn 85 trang, bìa mềm, chữ tựa màu đỏ, có hình Phật phóng hào quang (bán thân). Nội dung gồm có: Lời tựa, (Nghĩ thức tụng niệm), Niệm hương,... Kệ khai Kinh; Đức Phật nói Kinh Thập Ác Báo, Hán dịch: khuyết danh; Chú thích.

633. KINH PHẬT NÓI VỀ HƯNG KHỞI HẠNH

(Trích từ Kinh Bản Duyên, bộ 5, số 197)

Tác phẩm Kinh này có hơn 60 trang, bìa mềm; nội dung gồm có 10 Kinh: Bài tựa; *Quyển thượng*, 1. Kinh Phật nói... của nàng Tôn-đà-lợi; 2. Kinh Phật nói... của nàng Xa-di-bạt, của; 3. Kinh Phật nói... của việc nhứt đầu; 4. Kinh Phật nói... các khớp xương bị đau nhứt; 5. Kinh Phật nói... của việc đau lưng; 6. Kinh Phật nói... bị cây giáo đâm vào chân; *Quyển hạ*, 7. Kinh Phật nói... Đề-bà-đạt-đa xô đá; 8. Kinh Phật nói... Bà-la-môn tên Chiên-sa hủy báng Phật; 9. Kinh Phật nói... Phải ăn lúa ngựa; 10. Kinh Phật nói... của sự khổ hạnh.

634. KINH PHẬT TẠNG

Hán dịch: *Tam tạng Pháp sư*

Curu-ma-la-thập (Kumarajiva, 344-413)

Việt dịch: *Bùi Đức Huệ*

Tác phẩm Kinh này gồm có 3 quyển, 10 phẩm: Quyển thượng, P.1 Thượng tướng của các pháp, P.2 Suy nhớ Phật, P.3 Suy nhớ Pháp, P.4 Suy nhớ Tăng, P.5 Tịnh

giới (Phân đầu); Quyển trung, P.5 Giới tịnh (tt), P.6 Kinh Phật tạng Pháp thanh tịnh, P.7 Kinh Phật tạng Quay về thời cổ; Quyển hạ, P.8 Nhìn thấy thanh tịnh, P.9 Kinh Phật tạng Hiểu giới, P.10 Ủy thác Kinh Phật tạng. (<https://phatphapungdung.com>, *Pháp bảo-Bộ Kinh tập*)

635. KINH PHẬT TẠNG

Hán dịch: *Tam tạng Pháp sư*

Curu-ma-la-thập (Kumarajiva, 344-413)

Việt dịch: *Tỳ-kheo Thích Từ Mẫn*

Nxb Tôn Giáo – 2008

Kinh có hơn 128 trang, bìa mềm. Nội dung gồm có 4 quyển, 10 phẩm: Lời giới thiệu, Q.I, P.1 Chư pháp thật tướng, P.2 Niệm Phật, P.3 Niệm Pháp, P.4 Niệm Tăng; Q.II, P.5 Giới thanh tịnh; Q.III, P.6 Pháp thanh tịnh, P.7 Vãng cổ, P.8 Tịnh kiến phẩm; Q.IV, P.9 Liễu hoặc, P.10 Chúc lụy.

636. KINH PHẬT THUYẾT A-DI-ĐÀ

Hán văn: *Tam tạng Pháp sư*

Curu-ma-la-thập (Kumarajiva, 344-413)

Lược giải: *HT. Tuyên Hóa (1918-1995)*

Phiên dịch và xuất bản (Ban phiên dịch Việt ngữ) Department of Vietnamese Translation Buddhist Text Translation Society 3361 East Ocean Boulevard Long Beach, CA 90803. Dịch sang Việt ngữ xuất bản lần thứ nhất năm 1998, khổ 14 x 20cm, có 254 trang, bìa mềm, tựa chữ Việt màu nâu, có hình Đức Phật A-di-đà phóng hào quang, bay trên mây cùng hai vị Bồ-tát Quan Thế Âm và Đại Thế Chí.

Nội dung gồm có: Tám Quy luật của Viện Phiên dịch Kinh điển, *Kinh Phật thuyết A-di-đà*, I. Thích danh, II. Hiện thể, III. Minh tông, IV. Luận dụng, V. Phán giáo; Biệt giải văn nghĩa (có chánh văn Kinh và giảng giải); Đại Phật danh Thủ-lăng-

nghiêm Kinh; Chương Đại Thế Chí Bồ-tát Niệm Phật Viên thông; Bây giờ chúng ta cùng Quy y Thập phương Thường trụ Tam bảo; Trung Thiên Trúc Sa-môn Bát-lặc-mật-đế (có chánh văn-lược giải); Sơ lược Tiểu sử Hòa thượng Tuyên Hóa.

Kinh này được tái bản năm 2004, Nxb Tôn Giáo.

637. KINH PHẬT THUYẾT A-DI-ĐÀ YẾU GIẢI

Hán dịch: *Tam tạng Pháp sư*

Cru-ma-la-thập (Kumarajiva, 344-413)

Yếu giải: *Đại sư Ngẫu Ích (1599-1655)*

Việt dịch: *Bồ-tát Giới đệ tử Tuệ Nhuận*

Như Lai Tự Ấn tổng và Phát hành – 1959

Xem: Kinh A-di-đà yếu giải do Tuệ Nhuận dịch.

Tác phẩm Kinh này đã ấn hành năm 1956, In tại Nhà in Việt Liên (Sài Gòn); năm 1966, Tịnh xá Trung Tâm (Gia Định) tái bản.

638. KINH PHẬT THUYẾT BÁT ĐẠI NHÂN GIÁC

Giảng giải: *Lão HT. Tịnh Không*

Việt dịch: *Cư sĩ Vọng Tây –*

Cư sĩ Viên Đạt

Biên tập: *Phật tử Diệu Hiền*

Tác phẩm Kinh này gồm có 3 phần: *Phần I*, 1. Duyên khởi, 2. Tựa đề Kinh, 3. Người dịch Kinh, 4. Phần Kinh văn: - Kinh văn phần đầu, 1. Đệ nhất giác tri, 2. Đệ nhị giác tri, 3 - 4. Đệ tam giác tri; *Phần II*, 5. Đệ tứ giác tri, 6. Đệ ngũ giác tri, 7. Đệ lục giác tri, 8. Đệ thất giác tri; *Phần III*, 9. Đệ bát giác tri, 10. Kinh văn đoạn cuối. (<https://thuvienhoasen.org>, *Kinh-Giảng giải Kinh*)

639. KINH PHẬT THUYẾT CHÚNG HỨA-MA-ĐẾ (No. 191)

Hán dịch: *Đại sư Pháp Hiền*

Việt dịch: *Thích Thiện Thuận – Thích Nguyên Trang*

Nxb Hồng Đức – 2014

Kinh có khổ 16 x 24cm, dày 264 trang.

Nội dung Kinh gồm có: Lời giới thiệu và 13 quyển.

640. KINH PHẬT THUYẾT ĐẠI TỊNH PHÁP MÔN

Hán dịch: *Trúc Pháp Hộ*

Việt dịch: *Thích nữ Tịnh Nguyên*

Chứng nghĩa: *Tỳ-kheo Thích Đồng Minh và Tỳ-kheo Thích Tâm Hạnh*

Tác phẩm Kinh này có 45 trang (PDF).

Nguồn www.quangduc.com; Chuyển sang ebook 18/8/2009; Người thực hiện: Nam Thiên.

(<https://phatphapungdung.com>, *Pháp bảo-Bộ Kinh tập*; <https://hoavouu.com>, *Sách Phật học-PDF*)

641. KINH PHẬT THUYẾT ĐẠI THỪA CÂY LÚA

Giảng giải: *Đại sư Thái Hư (1889-1947)*

Việt dịch: *Viên Diệu*

Nxb Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh – 2008

Kinh có khổ 14.5 x 20.5cm, có hơn 70 trang, bìa mềm. Nội dung gồm có 7 phần: Lời đầu sách, Đề Kinh, Giải thích Kinh, Chánh văn, I. Phần Tự, II. Phần Phát khởi, III. Phần Sở tri sự, 1. Nêu lên chứng cứ để dẫn khởi, 2. Nương vào câu hỏi mà giải thích, a. Cửa lưu chuyển, b. Cửa hoàn diệt; IV. Phần Sở tri tánh, V. Phần Sở tri quả, VI. Phần Văn hà sở tri, A. Thắng nghĩa Đế môn, 1. Quán Nhân duyên, 2. Quán Pháp, 3. Quán Phật; B. Thế tục Đế môn, 1. Từ có nhân duyên mà sanh ra, 2. Từ nhân vô thường mà sanh ra, 3. Từ nhân vô ngã mà sanh ra, a. Nhân duyên bên ngoài, Nhân tương ưng, Duyên tương ưng; b. Nội nhân duyên, Nhân tương ưng, Duyên tương ưng...; VII. Phần Kinh chi sở yếu, 1. Trừ mê ba đời, 2. Xả chư kiến, 3. Nói rõ lợi ích của quả, 4. Kết lại tin thọ.

**642. KINH PHẬT THUYẾT
ĐẠI THỪA THẬP PHÁP**

Việt dịch: *Thích nữ Tâm Thường*

Nội dung Kinh này Đức Phật nói về 10 pháp Đại thừa đó là: 1. Thành tựu chánh tín, 2. Thành tựu hạnh, 3. Thành tựu tánh, 4. Ưa thích tâm Bồ-đề, 5. Ưa thích pháp, 6. Ưa thích quán Chánh pháp, 7. Thực hành Chánh pháp và tùy thuận theo Chánh pháp, 8. Xa lìa các việc mạn, ngã mạn..., 9. Thông suốt hoàn toàn các mật ngữ vi diệu, 10. Chẳng ưa thích hạnh Thanh văn và Duyên giác. (<https://quangduc.com>, *Kinh-Hán tạng*)

**643. KINH PHẬT THUYẾT -
PHẬT DANH**

Hán dịch: *Bồ-đề-lưu-chi*

Việt dịch: *Nguyên Thuận*

Toàn bộ tác phẩm Kinh này gồm có 12 quyển, với 10.100 danh hiệu Phật. (<https://phatphapungdung.com>, *Pháp bảo-Bộ Kinh tập*)

**644. KINH PHẬT THUYẾT -
PHẬT DANH**

Hán dịch: *Bồ-đề-lưu-chi*

Việt dịch: *Thích Thiện Chơn*

Toàn bộ tác phẩm Kinh này gồm có 12 quyển, có một vạn một ngàn một trăm (11.100) danh hiệu Phật. (<https://phatphapungdung.com>) *Pháp bảo-Bộ Kinh tập*)

**645. KINH PHẬT THUYẾT PHẬT
MÃ XUẤT SINH TAM PHÁP TẠNG
BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA**

Hán dịch: *Thi Hộ*

Việt dịch: *Thích Từ Chiếu*

Toàn bộ tác phẩm Kinh này có 227 trang (PDF), gồm 25 quyển, 32 phẩm. (<https://hoavouu.com>, *Sách Phật học-PDF*)

**646. KINH PHẬT THUYẾT PHẬT
MÃ XUẤT SINH TAM PHÁP TẠNG
BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA**

Hán dịch: *Thi Hộ*

Việt dịch: *Nhóm Phiên dịch Đại tạng chùa Châu Lâm*

Nxb Tôn Giáo, PL. 2553 – DL. 2009

Kinh có khổ 14 x 20cm, dày 606 trang, bìa mềm, chữ tựa màu trắng và màu đen, có hình tượng Đức Phật ngồi.

Tác phẩm Kinh gồm có 25 quyển, 32 phẩm. Nội dung như sau: - Lời dẫn nhập, Nghi thức khai Kinh; Q.I, P.1 Biết rõ các hành tướng; Q.II, P.1 Biết rõ các hành tướng (tt), P.2 Thiên chủ Đê-thích, P.3 Công đức bảo tháp; Q.III, P.3 Công đức bảo tháp (tt); Q.IV, P.4 Xung tác Công đức; Q.V, P.5 Phúc đức Chân chính; Q.VI, P.6 Tùy hỷ Hồi hương; Q.VII, P.6 Tùy hỷ Hồi hương (tt), P.7 Nhân duyên Địa ngục; Q.VIII, P.7 Nhân duyên Địa ngục (tt), P.8 Thanh tịnh; Q.IX, P.8 Thanh tịnh (tt), P.9 Khen pháp vượt trội, P.10 Khen người thụ trì; Q.X, P.10 Khen người thụ trì (tt); Q.XI, P.11 Ác ma chướng ngại, P.12 Hiện thị thế gian; Q.XIII, P.12 Hiện thị thế gian (tt), P.13 Không nghĩ bàn; Q.XIV, P.14 Thí dụ, P.15 Hiện Thánh; Q.XV, P.15 Hiện Thánh (tt), P.16 Chân như; Q.VI, P.17 Tướng Bồ-tát không thoái chuyển; Q.VII, P.18 Tính không, P.19 Nghĩa sâu xa; Q.XVIII, P.20 Phương tiện Thiện xảo; Q.XIX, P.21 Chỉ rõ tướng ma, P.22 Thiện trí thức (Phần 1); Q.XX, P.22 Thiện trí thức (Phần 2), P.23 Thiên chủ Đê thích ngợi khen, P.24 Tăng thượng mạn; Q.XXI, P.25 Học, P.26 Huyền dụ; Q.XXII, P.27 Nghĩa kiên cố, P.28 Nhân duyên rải hoa

(Phần 1); Q.XXIII, P.28 Nhân duyên rải hoa (Phần 2), P.29 Do đó mà biết, P.30 Bồ-tát Thường Đề (Phần 1); Q.XXIV, P.30 Bồ-tát Thường Đề (Phần 2); Q.XXV, P.30 Bồ-tát Thường Đề (Phần 3), P.31 Bồ-tát Pháp Thượng, P.32 Chúc lụy.

647. KINH PHẬT THUYẾT VÔ LƯỢNG THANH TỊNH BÌNH ĐẲNG GIÁC

Hán dịch: *Chi-lâu-ca-sám*

Việt dịch: *Thích nữ Như Phúc*

Toàn bộ tác phẩm Kinh này gồm có 4 quyển.

(<https://phatphapungdung.com>, *Pháp bảo-Bộ Kinh số-Tịnh Độ tông*)

648. KINH PHẬT THUYẾT VÔ ÚY THỌ SỐ VẤN ĐẠI THỪA

Hán dịch: *Thí Hộ*

Việt dịch: *Ban Phiên dịch Pháp tạng*

Toàn bộ tác phẩm Kinh này gồm có 3 quyển: Quyển thượng, Quyển trung và Quyển hạ. (<https://phatphapungdung.com>, *Pháp bảo-Kinh tạng*)

649. KINH PHẬT

VỀ ĐẠO ĐỨC VÀ XÃ HỘI

Soạn dịch: *Sa-môn Thích Nhật Từ*

Nxb Hồng Đức – 2017

Kinh có khổ 14 x 20cm, dày 403 trang, bìa mềm. Toàn bộ tác phẩm Kinh này gồm có 4 phần chính với 20 Kinh: - Lời nói đầu, - Ý nghĩa và cách thức tụng Kinh; *Phần Dẫn nhập*: Nguyên hương, Đánh lễ Tam bảo, Tán dương giáo pháp; *Phần Chánh Kinh*: A. Các Kinh về đạo đức, 1. Kinh Tiểu sử đức Phật, 2. Kinh Người áo trắng, 3. Kinh Mười nghiệp thiện, 4. Phật nói Kinh tám điều trai giới, 5. Kinh Nhân quả đạo đức, 6. Lời vàng Phật dạy; B. Các Kinh về gia đình, xã hội và chính trị, 7. Kinh Thiện Sinh, 8. Kinh Phước đức, 9.

Kinh Tránh xa cánh cửa bại vong, 10. Kinh Bảy loại vợ, 11. Kinh Bốn ân lớn, 12. Kinh Mọi người bình đẳng, 13. Kinh Không có giai cấp, 14. Kinh Sống trong hòa hợp, 15. Kinh Hóa giải tranh cãi, 16. Kinh Hòa hợp và hòa giải, 17. Kinh Chuyển luân Thánh vương, 18. Kinh Đức hạnh của vua và tu sĩ, 19. Kinh Quốc gia cường thịnh, 20. Kinh Hiền nhân; *Phần Sám nguyện*: 1. Bát-nhã Tâm Kinh, 2. Niệm Phật, 3. Năm điều quán tưởng, 4. Quán chiếu thực tại, 5. Sám Quy mạng, Sám Quy y, Sám Quy nguyện, Sám nguyện, 6. Hồi hướng công đức, 7. Lời nguyện cuối, 8. Đánh lễ ba ngôi báu; *Phần Phụ lục*: 1. Xuất xứ các bài Kinh và sám nguyện, 2. Các ngày lễ trong hai truyền thống Phật giáo, 3. Các ngày ăn chay.

650. KINH PHẬT

VỀ THIỀN VÀ CHUYỂN HÓA

Soạn dịch: *Sa-môn Thích Nhật Từ*

Nxb Hồng Đức – 2019

Kinh có khổ 14 x 20cm, có 227 trang, bìa mềm, có tay gấp, chữ tựa màu đỏ, có hình tượng Đức Phật tọa thiền.

Toàn bộ tác phẩm Kinh này có 4 phần. Nội dung gồm: Lời nói đầu, Ý nghĩa và cách thức tụng Kinh; *I. Phần dẫn nhập*, 1. Nguyên hương, 2. Đánh lễ Tam bảo, 3. Tán dương giáo pháp; *II. Phần Chánh Kinh*, Các Kinh về Thiền: 1. Kinh Bốn pháp quán niệm, 2. Kinh Quán niệm hơi thở, 3. Kinh Các cấp thiền quán, 4. Kinh Bốn loại hành thiền, 5. Kinh Sống trong hiện tại; Các Kinh về Chuyển hóa: 6. Kinh Chuyển pháp luân, 7. Kinh Ba dấu ấn thực tại, 8. Kinh Thực tập vô ngã, 9. Kinh Mười hai nhân duyên, 10. Kinh Chánh tri kiến, 11. Kinh Căn bản tu tập, 12. Kinh Bảy cách dứt trừ khổ đau, 13. Kinh Ấn dụ về thành trì, 14. Phật Nói Kinh Bốn vô lượng tâm, 15. Kinh Từ bi và Hồi hướng,

16. Kinh Tám điều giác ngộ của bậc đại nhân; III. Phần Sám nguyện, 1. Bát-nhã Tâm Kinh, 2. Niệm Phật, 3. Năm điều quán tưởng, 4. Quán chiếu thực tại, 5. a. Sám Quy mạng, b. Sám Quy y, c. Sám Quy nguyện 1, d. Sám nguyện, 6. Hồi hướng công đức, 7. Lời nguyện cuối, 8. Đánh lễ Ba ngôi báu; IV. Phần Phụ lục: 1. Xuất xứ các bài Kinh và Sám nguyện, 2. Các ngày lễ trong 2 truyền thống Phật giáo, 3. Các ngày ăn chay.

Tác phẩm Kinh này đã xuất bản năm 2017, Nxb Hồng Đức, khổ 14 x 20cm, dày 226 trang, bìa mềm, có tay gấp, chữ tựa màu đỏ, có hình tượng Đức Phật tọa thiền.

651. KINH PHỔ BIẾN QUANG MINH THANH TỊNH SÍ THANH NHƯ Ý BẢO AN TÂM VÔ NẰNG THẮNG ĐẠI MINH VƯƠNG ĐẠI TÙY CẦU ĐÀ-LA-NI

Hán dịch: *Bất Không*

Các bản Việt dịch: 1. *Huyền Thanh*;

2. *Thích Viên Đức*

Tác phẩm Kinh này gồm có 2 quyển, 2 phẩm: Q.I, P.1 Tựa, Q.II, P.2 Tu hành tùy cầu đại hộ minh vương Đà-la-ni. (<https://phatphapungdung.com>, *Pháp bảo-Bộ Mật giáo*)

652. KINH PHỔ HIỀN HẠNH NGUYỆN

Dịch giả:

HT. Thích Trí Tịnh (1917-2014)

Nxb Tôn Giáo, PL. 2553 – DL. 2010

Kinh có khổ 15.5 x 23cm, có hơn 115 trang (tái bản lần thứ năm), bìa mềm. Tác phẩm Kinh này gồm có: Lời tùy hỷ, Lời tựa, Tụng trì Nghi thức – Hán dịch, Nghi thức trì tụng – Việt dịch, Phổ Hiền hạnh nguyện Kinh – Hán dịch; Kinh Phổ Hiền hạnh nguyện – Việt dịch, Lược luận, Phụ thích.

Kinh này được tái bản nhiều lần: Năm PL. 2501 – DL. 1957, Cục Lạc Liên Hữu xuất bản; năm PL. 2506 – DL. 1962, Cục Lạc Liên Hữu tái bản kỳ III; Năm PL. 2508 – DL. 1965, Cục Lạc Liên Hữu tái bản kỳ IV; năm 1969, chùa Kim Liên (Sài Gòn) ấn tống; năm PL. 2518 – DL. 1974, Cục Lạc Liên Hữu tái bản kỳ VI, chùa Vạn Đức (Thủ Đức) ấn tống; năm 1996, Nxb Thuận Hóa, khổ 15.5 x 23cm, dày 156 trang, bìa mềm, chữ tựa màu đỏ, nền có hình hoa văn trắng những hoa sen chìm; năm 2002, Nxb Tôn Giáo, khổ 15.5 x 23.5cm, có hơn 115 trang, bìa mềm, chữ tựa màu đỏ và màu xanh dương, có hình Bồ-tát Phổ Hiền cười voi trắng 6 ngà. (Theo các bản lưu tại Thư viện Huệ Quang-Trung Tâm Dịch Thuật Hán-Nôm Huệ Quang, Tp. Hồ Chí Minh)

653. KINH PHỔ MÔN

Diệu Pháp Liên Hoa Kinh-Phổ Môn Phẩm (âm-nghĩa)

Hán dịch: *Tam tạng Pháp sư*

Cưu-ma-la-thập (Kumarajiva, 344-413)

Việt dịch: *Đoàn Trung Còn và*

Nguyễn Minh Tiến

Hiệu đính: *Nguyễn Minh Hiền*

Nxb Tôn Giáo – 2016. Kinh có khổ 16 x 24cm, có 51 trang, bìa mềm, nền đỏ, có khung bao hoa văn bốn góc, có hình hoa sen ở dưới tựa Kinh, chữ tựa màu vàng và màu trắng. Nội dung gồm có: Nghi thức khai Kinh, Niệm hương, Tụng chú,... Khai Kinh kệ, Phần dịch âm, *Diệu Pháp Liên Hoa Kinh - Quán Thế Âm Bồ-tát Phổ môn Phẩm*; Phần dịch nghĩa. (cuối một số trang có chú thích)

Tác phẩm này đã xuất bản năm 2010, Nxb Tôn Giáo.

654. KINH PHỔ MÔN

Soạn dịch: *Thích Nhật Từ*

Nxb Tôn Giáo – 2015. Kinh có khổ 14 x 20cm, có 33 trang, bìa mềm, chữ tựa màu đen, có hình Bồ-tát Quán Thế Âm ngồi tay chấp, bên cạnh có bình dương liễu và hoa sen.

Tác phẩm Kinh này gồm có: Thay lời tựa; Nghi thức dẫn nhập, 1. Nguyễn hương, 2. Đánh lễ Tam bảo, 3. Tán hương, 4. Phát nguyện trì Kinh, 5. Tán dương giáo pháp; Chánh Kinh, 6. Kinh Phổ Môn; Sám nguyện và Hồi hướng, 7. Kinh Tinh hoa Trí tuệ, 8. Niệm Bồ-tát, 9. Mười hai lời nguyện, 10. a. Năm điều quán tưởng, b. Quán chiếu thực tại, 11. a. Sám Quy nguyện, b. Sám cầu an, 12. Hồi hướng công đức, 13. Phục nguyện, 14. Đánh lễ Ba ngôi báu.

Tác phẩm Kinh này đã xuất bản năm 2005, Nxb Tôn Giáo.

655. KINH PHỔ MÔN Chú Giảng

Chú giảng: *TT. Thích Thái Hòa*

Toàn bộ tác phẩm Kinh này gồm có 8 phần: 1. Ý nghĩa và duyên khởi, 2. Nội dung chủ yếu, 3. Phương pháp thực hành, 4. Tin, hiểu và cảm nhận, 5. Kinh Diệu Pháp Liên Hoa-Phẩm Phổ môn, Bồ-tát Quán Thế Âm, 6. Phẩm Phổ Môn bằng chữ Nôm, 7. Diệu Pháp Liên Hoa Kinh, Quán Thế Âm Bồ-tát Phổ Môn phẩm (nguyên bản Hán ngữ), 8. The Universal Gateway of The Bodhisattva Perceiver of The World's Sounds (bản Anh ngữ). (<https://quangduc.com>, *Kinh-Hán tạng*)

656. KINH PHỔ MÔN (Khóa Lễ Cầu An)

Viết dịch: *Thích Tuệ Hải*

PL. 2511 – DL. 1967

GHPGVNTN – Ban Hoằng Pháp Miền Vĩnh Nghiêm xuất bản

In tại Nhà in Việt Liên (Sài Gòn), Giấy phép số 1697/XB cấp ngày 4-7-1964.

Kinh có hơn 60 trang, bìa mềm, nền màu hường, chữ tựa màu đen. Nội dung gồm có: Khóa lễ Cầu an, Kinh Diệu Pháp Liên Hoa – Phẩm Phổ Môn của Bồ-tát Quán Thế Âm, Tâm Kinh Bát-nhã Ba-la-mật-đa, Hồi hướng, Tam Tự Quy y; Chú Đại Bi.

657. KINH PHỔ MÔN Nghĩa

Viết dịch:

HT. Thích Trí Tịnh (1917-2014)

Nxb Hồng Đức – 2016

Kinh có khổ 14.5 x 20.5cm, có 48 trang, bìa mềm, chữ tựa màu đỏ và vàng, có hình (bán thân) gương mặt đức Bồ-tát Quán Âm từ bi nhìn xuống.

Nội dung gồm có: Nguyễn hương, Tán Phật, Quán tưởng, Tán hương, Chú Đại bi, Kệ Khai Kinh; Kinh Diệu Pháp Liên Hoa – Phẩm Quán Thế Âm Bồ-tát Phổ môn”, Hán dịch: Dao Tần, Tam tạng Pháp sư Cưu-ma-la-thập; 1. Bạch hỏi sở nhơn, 2. Thoát tám điều nạn, 3. Toại hai điều cầu, 4. So sánh công đức lễ niệm, 5. Mười chín loại thuyết pháp, 6. Cúng dường, 7. Trùng tụng, 8. Tổng kết nghe Kinh đặng công đức; Kinh Diệu Pháp Liên Hoa – Phẩm Quán Thế Âm Bồ-tát Phổ môn Chơn ngôn viết, Lục tự Đại minh Chân ngôn, Phổ môn tán, Thập nhị nguyện, Quán Âm tán, Bát-nhã Ba-la-mật-đa Tâm Kinh, Bạt Nhứt thể nghiệp chướng căn bản đắc sanh Tịnh Độ Đà-la-ni, Bài kệ niệm Phật, Sám Cầu an, Tiêu tai Cát tường thần chú, Cữ tán, Hồi hướng, Tự Quy y; Thích nghĩa.

Tác phẩm này được tái bản nhiều lần: Năm 2012, Nxb Tôn Giáo; gần đây có Ấn bản lưu hành nội bộ.

658. KINH PHỔ MÔN Nghĩa

Soạn dịch: *Thích Tâm Châu*

Tác phẩm Kinh này gồm có: Nghi thức lễ tụng: Kỳ nguyện, Tán Phật, Quán tưởng, Đỉnh lễ, Trì niệm chú Đại bi, Sám nguyện,

Kệ khai Kinh; - Diệu Pháp Liên Hoa Kinh – Quán Thế Âm Bồ-tát Phổ Môn Phẩm, Chân ngôn, Tâm Kinh Bát-nhã Ba-la-mật-đa, Niệm Phật, Hồi hướng, Tam Quy y, Chú Đại bi bằng tiếng Phạn (The Mantra of Aralokiteshrara). (<https://quangduc.com>, *Kinh-Hán tạng*)

659. KINH PHƯỚC ĐỨC Giảng Giải

Dịch và giảng giải: *Thích Nhất Hạnh*
Chùa Cam Lộ, mùa An cư 2009-2010. Tác phẩm Kinh này gồm có 16 bài kệ (chữ Hán, phiên âm Hán-Việt và dịch nghĩa) do Sư ông Làng Mai giảng giải. (<https://thuvienhoasen.org>, *Kinh-Giảng giải Kinh*)

660. KINH PHƯƠNG QUẢNG ĐẠI TRANG NGHIÊM

Dịch giả: *Tỳ-kheo Ni Như Hải*
THPH Tp. Hồ Chí Minh ấn hành, PL. 2539 – DL. 1995
Kinh có khổ 15.5 x 23cm, dày hơn 589 trang. Toàn bộ tác phẩm Kinh này gồm có 27 phẩm (P) chính: - Lời giới thiệu, - Lời nói đầu; 1.P Tựa, 2.P Đâu-suất thiên cung, 3.P Thắng tộc, 4.P Pháp môn, 5.P Giảng sanh, 6.P Nhập thai, 7.P Đản sanh (ra đời), 8.P Vào Thiên miếu, 9.P Bồ bái trang nghiêm, 10.P Thị thơ (đến trường học), 11. Quán nông vụ, 12.P Hiện nghệ, 13.P Âm nhạc phát ngộ, 14.P Cảm mộng, 15.P Xuất gia, 16.P Vua Tần-bà-ta-la khuyến thọ tục lợi, 17.P Khổ hạnh, 18.P Đến sông Ni-liên-thiên, 19.P Đến Bồ-đề tràng, 20.P Nghiêm Bồ-đề tràng, 21.P Hàng ma, 22.P Thành Chánh giác, 23.P Tán thán, 24.P Hai người lái buôn thọ ký, 25.P Đại Phạm Thiên vương khuyến thỉnh, 26.P Chuyển bánh xe Pháp luân (2 phẩm A và B), 27.P Chúc lụy.

661. KINH QUÁ KHỨ HIỆN TẠI NHÂN QUẢ

Việt dịch: *Tỳ-kheo Nhất Chân*
Nxb Tôn Giáo – 2006
Kinh có khổ 16 x 24cm. Nội dung Kinh gồm có 4 quyển, 3 chương: Khai Kinh Nghi thức, C.1 Nhân duyên quá khứ, C.2 Thành quả hiện tại, C.3 Kết thúc khích lệ.

662. KINH QUÁN ÂM BỒ-TÁT THỤ KÝ

Việt dịch: *Thích Tâm Châu (1921-2015)*
Chùa Từ Quang (Sài Gòn) ấn hành, PL. 2501 – DL. 1957
In tại Nhà in Hưng Long (Sài Gòn)
Kinh có 45 trang, bìa mềm, nền trắng, chữ tựa màu đỏ, có hình vẽ hoa sen. Nội dung gồm có: Quán Âm Bồ-tát Nhân quả địa-Lược dẫn; *Kinh Quán Thế Âm Bồ-tát thụ ký*; (cuối một số trang có chú thích). (*Bản lưu tại Thư viện Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam tại Tp. Hồ Chí Minh*)

663. KINH QUÁN ÂM ĐẠI BI TÂM ĐÀ-RA-NI

Việt dịch: *Liên Du*
Hương Nghiêm xuất bản – PL. 2518
Kinh có 80 trang, bìa mềm, có hình Quán Thế Âm Bồ-tát đứng trên tòa sen. Nội dung gồm có: *Kinh Thiên thủ thiên nhãn Quán Thế Âm Bồ-tát Quảng đại Viên mãn Vô ngại Đại bi Tâm Đà-ra-ni*, Hán dịch: Sa-môn Đà-phạm Đạt-ma; Thích nghĩa; Đại bi Trì nghiệm, Lời bạt; Đại bi Tâm Đà-ra-ni (Mahakaruna Dharani), Chánh văn – Thích nghĩa. (*Bản lưu tại Thư viện Huệ Quang-Trung Tâm Dịch Thuật Hán Nôm Huệ Quang, Tp. Hồ Chí Minh*)

664. KINH QUÁN NIỆM HỒI THỞ

Dịch và chú giải: *Nhất Hạnh*
Lá Bối xuất bản - 1987. Tác phẩm Kinh này có 42 trang, nội dung có 6 mục chính:

I. Kinh Quán niệm hơi thở, II. Chú thích, III. Đại ý, IV. Phân tích nội dung (A. Phần thứ nhất, B. Phần thứ hai, 1. Bốn hơi thở đầu, 2. Bốn hơi thở kế, 3. Bốn hơi thở áp chót, 4. Bốn hơi thở cuối, C. Phần thứ ba, D. Phần thứ tư, E. Phần thứ năm, F. Phần thứ sáu); V. Quan niệm về hành trì; VI. Phương pháp hành trì: 1. Theo dõi hơi thở trong đời sống hằng ngày: cắt ngang thất niệm suy tưởng (hơi thở thứ nhất và thứ hai); 2. Ý thức về thân thể (hơi thở thứ ba); 3. Thực hiện thân tâm nhất như (hơi thở thứ tư); 4. Thiền duyệt là thức ăn (hơi thở thứ năm và sáu); 5. Quán chiếu cảm thọ (hơi thở thứ bảy và tám); 6. Điều phục tâm ý và giải thoát cho tâm ý (hơi thở thứ chín, thứ mười, thứ mười một và thứ mười hai); 7. Quán chiếu về thực tướng vạn hữu (hơi thở thứ mười ba, mười bốn, mười lăm và mười sáu).

Tác phẩm Kinh này được Lá Bối tái bản năm 2000.

665. KINH QUÁN PHẬT - TAM-MUỘI HẢI

Hán dịch: *Phật-đà Bạt-đà-la*

Việt dịch: *Tuệ Khai*

Toàn bộ tác phẩm Kinh này gồm có 12 phẩm: P.1 Sáu Thí dụ, P.2 Trình bày quán địa, P.3 Quán tướng, P.4 Quán Phật tâm, P.5 Quán Tứ vô lượng tâm, P.6 Quán Bốn oai nghi, P.7 Quán Mã vương tạng, P.8 Bản hạnh, P.9 Quán tượng, P.10 Niệm thất Phật, P.11 Niệm thập phương Phật, P.12 Quán mật hạnh của Đức Phật. (<https://phatphapungdung.com>, *Pháp bảo-Bộ Kinh tập*)

666. KINH QUÁN SÁT - CHƯ PHÁP HẠNH

Hán dịch: *Xà-na-quật-đa*

Việt dịch: *Tuệ Khai*

Nội dung gồm có 3 phẩm: P.1 Hạnh Phương tiện khéo Vô biên, P.2 Càn (siêng) đòi trước tương ứng, P.3 Thọ ký.

(<https://phatphapungdung.com>, *Pháp bảo-Bộ Kinh tập*)

667. KINH QUÁN THỂ ÂM BỒ-TÁT CỨU KHỔ

Vạn Tự Chánh Tục Tạng Kinh, số 34

Việt dịch: *Quảng Minh*

Nội dung Kinh này gồm có: Chánh văn (chữ Hán), Dịch âm, Dịch nghĩa, Lược ghi; Biên dịch: Kinh văn, Phát nguyện: Tương dụng, Hành pháp, Lời kết. (<https://thuvienhoasen.org>, *Kinh/Giảng giải Kinh*)

668. KINH QUÁN VÔ LƯỢNG THỌ

Hán dịch: *Cương-luong-gia-xá*

Việt dịch:

HT. Thích Thiền Tâm (1925-1992)

Nội dung Kinh này Đức Phật dạy để thấy được Phật A-di-đà và cõi nước Cực Lạc thì phải quán 16 pháp: 1. Quán sát mặt trời sắp lặn (nhật quán), 2. Quán nước đóng thành băng (thủy quán), 3. Quán cảnh tượng trên dưới đất Lưu ly (bảo địa quán), 4. Quán tướng cây báu (bửu thọ quán), 5. Quán ao nước Bát công đức (bảo trì quán), 6. Quán chung về đất, cây, ao, lầu báu (tổng tướng quán), 7. Quán tướng tòa sen (hoa tòa quán), 8. Quán tướng Phật và Bồ-tát (tượng quán), 9. Quán chân thân Phật Vô lượng thọ (Phật thân quán), 10. Quán thân tướng Đức Quán Thế Âm (Quán Thế Âm quán), 11. Quán thân tướng Đức Đại Thế Chí (Đại Thế Chí quán), 12. Quán thấy mình (tự vãng sanh quán), 13. Quán xen về Phật và Bồ-tát (tạp tướng quán), 14. Quán sanh về Thượng phẩm (Thượng phẩm sanh quán), 15. Quán sanh về Trung phẩm (Trung phẩm sanh quán), 16. Quán

sanh về Hạ phẩm (Hạ phẩm sanh quán).
(<https://quangduc.com>, *Kinh-Hán tạng*)

669. KINH QUÁN VÔ LƯỢNG THỌ

Hán dịch: *Pháp sư Khang Tăng Khải*

Việt dịch: *HT. Thích Tuệ Đăng*

Tu viện Quảng Đức (Australia) ấn hành,
PL. 2555 – DL. 2011

Tác phẩm Kinh này gồm có: Lời tựa, Lời
bạt, Nghi thức lễ tụng, *Phật nói Kinh Vô
lượng thọ*, Quyền thượng và Quyền hạ;
Kinh Tâm yếu Bát-nhã Ba-la-mật-đa, Sám
hối và Hồi hướng, Niệm Phật, Lễ tống,
Phát nguyện Tịnh độ và Tam Quy y.

670. KINH QUÁN VÔ LƯỢNG THỌ PHẬT âm-nghĩa

(Ba mươi bốn đồ hình)

Hán dịch: *Tam tạng Pháp sư Cương-
lượng-da-xá (Kàlayasas, 383-442)*

Việt dịch:

Sa-môn Thích Hưng Từ (1911-1991)

Nxb Tôn Giáo, PL. 2551 – DL. 2007

Kinh có khổ 15.5 x 23cm, có 146 trang, tái
bản lần thứ hai. Toàn bộ Kinh này gồm có:
Lược trình phiên dịch bộ kinh Quán Vô
Lượng Thọ Phật, Nghi thức khai kinh,
Phật thuyết Quán vô lượng thọ Phật Kinh
(dịch âm), Đức Phật nói Kinh Quán vô
lượng thọ Phật (dịch nghĩa).

*Kinh này được xuất bản lần đầu vào năm
1974, In tại Nhà in Khảo Chánh (Sài
Gòn); tái bản: Năm 1997 do THPG Tp.
Hồ Chí Minh ấn hành; các năm 2002-
2010-2015, Nxb Tôn Giáo.*

671. KINH RUỘT - TUỆ GIÁC SIÊU VIỆT

Prajnaparamita Hridaya Sutra

(Bát-nhã Ba-la-mật-đa Tâm Kinh)

Dịch và chú giải: *Thi Vũ*

Nxb Rừng Trúc Paris, PL. 2517 – DL.
1973. Nội dung tác phẩm này có: - Đôi lời

của Nhà xuất bản Rừng Trúc, - Bản cô
Phạn Prajnaparamita Hridaya Sutra do Đại
đức Thế Tịnh sao chép, - Thượng tọa
Thích Trí Quang giới thiệu Đại ý Kinh
Bát-nhã, - Bát-nhã Ba-la-mật-đa Tâm
Kinh, bản Hán dịch Nôm của ngài Huyền
Trang, - Kinh Ruột Tuệ Giác Siêu Việt,
bản dịch Việt ngữ của Thi Vũ.

672. KINH TAM BẢO (âm-nghĩa)

Dịch giả:

HT. Thích Trí Tịnh (1917-2014)

Nxb Tp. Hồ Chí Minh – 1999

Kinh có khổ 15.5 x 23cm, có hơn 294
trang, bìa mềm. Toàn bộ tác phẩm gồm có:
A-di-đà Kinh, Hồng Danh Bửu sám Kinh,
Vu Lan bồn Kinh, Diệu Pháp Liên Hoa
Kinh, Kim Cang Kinh; Niệm Phật Hồi
hướng, Phỏng dịch Bài sám Thập Phương,
Bài tựa về Văn Mười Phương, Lời bạt,
Nghi thức Sám hối niệm Phật.

*Tác phẩm Kinh này đã được Liên Hải
Phật Học Trường xuất bản năm 1963, Ấn
loát tại Nhà in Sen Vàng (Chợ Lớn), Giấy
phép số 679/H.Đ.K.D.T.U./XB Saigon
ngày 3-4-1963, với nhan đề “Tam Bảo,
âm-nghĩa”, dày 268 trang, bìa mềm, có
hình Đức Phật Thích-ca tọa thiền; tái bản:
năm 1965, Liên Hải Phật Học Trường ấn
hành; năm 1970, chùa Vạn Đức (Thủ
Đức) ấn tống; năm 1992, THPG Tp. Hồ
Chí Minh ấn hành.*

673. KINH TAM BẢO DI-ĐÀ, HỒNG DANH, VU LAN, PHỔ MÔN, KIM CANG (Có cả Pháp – Nghi)

Phật học Thơ xã xuất bản

In tại Nhà in riêng của Phật học Tông thơ
(Sài Gòn) – In kỳ tám.

Kinh dày hơn 110 trang, bìa mềm, nền
trắng, chữ tựa màu đỏ và màu đen, có hình
Tam Thánh. Nội dung gồm có: Những
ngày vía, Chú rửa tay, Chú Rửa mặt, Chú

Súc miệng, 1. Bài Niệm hương, 2. Bài Nguyện chuông, 3. Tịnh Khẩu nghiệp chơn ngôn, 4. Tịnh Thân nghiệp chơn ngôn, 5. Tịnh Tam nghiệp chơn ngôn, 6. An Thổ địa chơn ngôn, 7. Hộ Pháp chú, 8. Tán dương chi, 9. Đại Phật đánh Thủ lạng nghiêm chú, 10. Đại Bi chú, 11. Thập chú, 12. Khai Kinh kệ, 13. A-di-đà Kinh, 14. Vãng sanh Quyết định chơn ngôn, 15. Di-đà Kinh tán, 16. Tán Phật A-di-đà, 17. Thánh hiệu, 18. Tứ hoàng thệ nguyện, 19. Sám Thập phương, 20. Thập Giả kính, 21. Hồi hướng, 22. Nguyện tiêu, 23. Nguyện sanh, 24. Tiểu Hồi hướng, 25. Tam qui, 26. Tụng Cầu siêu, 27. Hồng Danh sám, 28. Thí thực, 29. Vu Lan Bồn Kinh, 30. Phở môn, 31. Quan Âm Kinh tán, 32. Thập nhị nguyện, 33. Cứu khổ Chơn Kinh, 34. Quan Âm Bạch y chú, 35. Bài Kinh cúng sao, 36. Kim Cang Kinh, 37. Bồ khuyết Tâm Kinh.

674. KINH TAM BẢO I và KINH XUNG TỤNG TAM BẢO II

Biên soạn:

Ni trưởng Huỳnh Liên (1923-1987)

Nxb Tôn Giáo – 2002

Kinh có khổ 14 x 20cm, có 228 trang, bìa mềm.

Nội dung *Kinh Tam Bảo I* gồm có: Lời nói đầu, Nghi thức cầu siêu, Kinh A-di-đà, Bài sám, Hồng danh bửu sám, Kinh Vu Lan bồn, Nghi thức cầu an, Kinh Phở Môn, Kinh Báo Hiếu. Kinh xung tụng Tam Bảo II gồm có (Tác bạch cầu an – cầu siêu), Nghi thức cúng dường, Nghi thức thọ trì, Nghi thức sám hối – sám hối tam nghiệp, Nghi thức cúng dường thọ trai (của cư sĩ), Nghi thức dâng y, dâng tịnh xá. Cuối cùng là Phụ lục kệ ngôn.

Tác phẩm Kinh này đã được Tịnh xá Ngọc Phương ấn hành năm 1964, với nhan đề “Kinh Xung Tụng Tam Bảo và Phụ lục kệ

ngôn”; tái bản: Năm 1989, THPG Tp. Hồ Chí Minh ấn hành; năm 2008, Nxb Tôn Giáo.

675. KINH TAM BẢO

THÔNG DỤNG – Dịch Nghĩa

Soạn dịch: *Tỳ-kheo Thích Chơn Không*

Nxb Tôn Giáo – 2005

Kinh có khổ 14.5 x 20.5cm, dày 403 trang, bìa mềm. Nội dung gồm có: Lời nói đầu, Ý nghĩa tụng Kinh, Cách thức hành lễ, Nghi thức tụng Kinh A-di-đà (Tịnh độ - cầu siêu); Nghi thức tụng Kinh Bốn mươi tám Lời nguyện của Đức Phật A-di-đà (Kinh Bốn mươi tám Lời nguyện); Nghi thức tụng Sám hồi Hồng danh; Nghi thức tụng Kinh Vu Lan bồn (Kinh Vu Lan); Nghi thức tụng Kinh Báo hiếu Công ơn Cha Mẹ (Kinh Báo Hiếu); Nghi thức tụng Kinh Thập Thiện Nghiệp Đạo (Kinh Mười Điều Thiện); Nghi thức tụng Kinh Thi-ca-la-việt Lễ Sáu Phương (Kinh Lễ Sáu Phương); Nghi thức tụng Kinh Diệu Pháp Liên Hoa, Phẩm Quan Thế Âm Bồ-tát Phở môn (Kinh Phở Môn – Cầu an); Nghi thức tụng Kinh Kim Cang Bát-nhã Ba-la-mật (Kinh Kim Cang); Nghi thức Niệm Phật tiếp dẫn, Nghi thức Cúng ngọc, Nghi thức Cúng dường quá đường, Nghi thức Dùng cơm của chư Tăng Ni, Nghi thức Dùng cơm của Quý Thiện tín, Nghi thức Cúng vong; Các Bài Kệ, Bài Chú và Bài Sám thông dụng: Kệ Tắm Phật, Kệ Dung nhan, Kệ Nhớ ơn Đức Phật, Thần chú Tiêu tai Kiết tường, Kệ An lành, Chơn ngôn Bảy Phật diệt tội, Kệ Tiêu điều, Sám Nhứt tâm, Sám Phát nguyện, Sám Thái bình, Sám Thảo lư, Sám Tinh thể (Sám Hồng trần), Sám Tổng táng; Các ngày lễ vía (tính theo âm lịch), Những ngày trai (ăn chay).

676. KINH TAM-MẠN-ĐÀ BẠT-ĐÀ-LA BỒ-TÁT

Hán dịch: *Nhiếp Đạo Chơn*

Việt dịch: *Huyền Thanh*

Toàn bộ tác phẩm Kinh này gồm có 5 phẩm: P.1 Năm sự che lấp (Ngũ cái: Panca-àvaranani), P.2 Sám hối lỗi lầm, P.3 Hâm mộ ưa thích, P.4 Khuyển thỉnh, P.5 Thí dụ về phước. (<https://phatphapungdung.com>; *Pháp bảo-Bộ Kinh tập*)

677. KINH -

TAM THIÊN PHẬT DANH

Chùa Long Hoa (Sài Gòn) xuất bản, PL. 2506 – DL. 1962

Nhà in Trường Sơn (Sài Gòn), Giấy phép số 715/XB ngày 17-4-1962

Kinh dày 193 trang, bìa mềm. Nội dung gồm có: Tán hương, Khai Kinh kệ, *Phật thuyết Phật danh Kinh*, Hán dịch: Tam tạng Pháp sư Bồ-đề Lưu-chi, Tam kiếp tam thiên Phật duyên khởi, Quá khứ Trang nghiêm Kiếp thiên Phật (Một ngàn danh hiệu Phật trong kiếp Quá khứ Trang nghiêm); Hiện tại hiện kiếp thiên Phật (Một ngàn danh hiệu Phật trong kiếp hiện tại); Vị lai tinh tú kiếp thiên Phật (Một ngàn danh hiệu Phật trong kiếp vị lai).

678. KINH -

TAM THIÊN PHẬT DANH

Phiên dịch và Ấn tổng:

Chùa Từ Ân (Huế)

Chứng minh: *Thích Trừng Gia*

PL. 2505 – DL. 1961; Kiểm duyệt số 0312 HĐKD Huế ngày 15-8-1961, In tại Nhà in Liên Hoa (Huế).

Kinh dày 143 trang, bìa mềm, chữ tựa màu đỏ. Nội dung gồm có: Nghi thức, Tán Giới hương, Tụng bài Đại bi, Khai Kinh kệ; *Phật thuyết Phật Danh Kinh*, (gồm có 3.000 danh hiệu Phật), Hán dịch: Tam tạng Pháp sư Bồ-đề-lưu-chi; (Tụng Tâm

Kinh, chú Diệt tội-Vãng sanh, niệm Phật, Hồi hương, Tụ Quy y)

679. KINH TẬP A-HÀM, 4 Tập

Giáo hội Phật giáo Việt Nam –

Đại tạng Kinh Việt Nam

Hán dịch: *Tam tạng Pháp sư Cầu-na-bạt-đà-la (Gunabhadra, 394-468)*

Việt dịch: *HT. Thích Thanh Từ và HT. Thích Thiện Siêu (1921-2001)*

Kinh có khổ 14.5 x 20.5cm, tổng cộng 4 tập dày 2.767 trang, bìa cứng, bao da màu đỏ, chữ tựa mạ vàng, mỗi tập đều có hộp đựng.

Tập I, Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam ấn hành, PL. 2537 – DL. 1993

Kinh dày 696 trang; (*Số thứ tự 17*), *Kinh Tập A-hàm* gồm có 342 Kinh (từ Kinh số 1-342). Cuối cùng là Bảng đối chiếu các Kinh tương đương giữa Kinh Tập A-hàm và Kinh Pàli.

Tập II, Nxb Tôn Giáo, PL. 2545 – DL. 2001, dày 713 trang; (*Số thứ tự 18*), *Kinh Tập A-hàm* gồm có từ Kinh số 343 đến Kinh số 711. Cuối Tập II là Bảng đối chiếu các Kinh tương đương giữa Kinh Tập A-hàm và Kinh Pàli.

Tập III, Nxb Tôn Giáo, PL. 2545 – DL. 2001, dày 690 trang; (*Số thứ tự 19*), *Kinh Tập A-hàm* gồm có từ Kinh số 712 đến Kinh số 1.080. Cuối Tập III là Bảng đối chiếu các Kinh tương đương giữa Kinh Tập A-hàm và Kinh Nikàya.

Tập IV, Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam ấn hành, PL. 2539 – DL. 1995, dày 668 trang; (*Số thứ tự 20*), gồm có từ Kinh số 1.081 đến Kinh số 1.362. Cuối Tập IV là Bảng đối chiếu các Kinh tương đương giữa Kinh Tập A-hàm và Kinh Nikàya.

680. KINH TẬP A-HÀM –

Trọn bộ 4 Cuốn

Việt dịch: *Thích Đức Thắng*

Hiệu đính và chú thích: *Tuệ Sỹ*
Nxb Phương Đông – 2010 (lần đầu), tái bản 2015; Nxb Hồng Đức – 2019.

Toàn bộ tác phẩm *Kinh Táp A-hàm* gồm có 3 cuốn và 1 cuốn Tổng Mục lục, trong đó có 50 quyển, với 1.362 Kinh.

Xem: *Táp A-hàm – Tiểu Tạng Kinh*

681. KINH TĂNG CHI BỘ - 4 Tập

Giáo hội Phật giáo Việt Nam –

Đại tạng Kinh Việt Nam

Nguyên bản: Pali

Việt dịch:

HT. Thích Minh Châu (1918-2012)

Kinh có khổ 14.5 x 20.5cm, tổng cộng 4 tập dày 2.918 trang, bìa cứng, bao da màu đỏ, chữ tựa mạ vàng, mỗi tập đều có hộp đựng.

Tập I, Kinh Tăng Chi Bộ, Nxb Tôn Giáo, PL. 2540 – DL. 1996, có 745 trang, (*Số thứ tự 21*), nội dung gồm có 4 chương chính:

Chương I, Một Pháp, có 21 phẩm (P): 1.P. Sắc (nữ sắc), 2.P. Đoạn triền cái (tịnh tướng), 3.P. Khó sử dụng (tâm không tu tập), 4.P. Không điều phục (tâm không điều phục), 5.P. Đặt hướng và trong sáng (tâm đặt sai hướng), 6.P. Búng ngón tay (tâm được tu tập), 7.P. Tinh tấn (tinh cần, tinh tấn), 8.P. Làm bạn với thiện, 9.P. Phóng dật, 10.P. Phi pháp 1, 11.P. Phi pháp 2, 12.P. Vô phạm, 13.P. Một người (Như Lai), 14.P. Người tối thắng (Các vị Tỳ-kheo: 1, 2, 3, 4; nữ đệ tử Tỳ-kheo Ni, nam cư sĩ, nữ cư sĩ), 15.P. Không thể có được (- Chấp nhận các hành là thường còn, - Không thể xảy ra: 1, 2), 16.P. Một pháp (niệm Phật), 17.P. Chung tử (tà kiến), 18.K. Makkhali (một pháp), 19.K. Không phóng dật (một pháp), 20.P. Thiên định 1 (thật sự là vậy), 21.P. Thiên định 2.
Chương II, Hai Pháp, có 17 phẩm: 1.P. Hình phạt (hai loại tội), 2.P. Tranh luận

(các sức mạnh), 3.P. Người ngu, 4.P. Tâm thẳng bằng (đất), 5.P. Hội chúng, 6.P. Người, 7.P. Lạc, 8.P. Tướng, 9.P. Các pháp, 10.P. Kẻ ngu, 11.P. Các hy vọng, 12.P. Hy cầu, 13.P. Bó thí, 14.P. Đón chào, 15.P. Nhập định (thiền chứng), 16.P. Phần nộ, 17.P. Thứ mười bảy.

Chương III, Ba Pháp, có 16 phẩm: 1.P. Người ngu, 2.P. Người đóng xe (ba pháp, ba chỗ, ba hạng người, pháp, người đóng xe hay Pacetana, con đường không có lỗi lầm, ba pháp, thiên giới, người buôn bán 1 và 2), 3.P. Người (chứng thực với thân, người bình, chất chứa, nhiều lợi ích, vết thương làm mù, cần phải thân cận, đáng ghê tởm, nói như hoa, mù lòa, lộn ngược), 4.P. Sứ giả của trời (ngang bằng với Phạm thiên, Ananda, Sàriputta, các nguyên nhân, về Àlavi, Diêm vương, bốn bậc đại vương, Sakka, được nuôi dưỡng tế nhị, kiêu mạn, tăng thượng), 5.P. Nhỏ (sự có mặt, sự kiện, ba lợi ích, trường hợp, bốn phận, bậc giới hạnh, hữu vi, núi, nhiệt tình tinh tấn, giặc cướp), 6.P. Các Ba-la-môn (hai người 1 và 2, vị Bà-la-môn, Bà-la-môn cư sĩ, Niết-bàn, người giàu có, Vacchagotta, Tikanna, Jànusoni, Sangàrava), 7.P. Lớn (sợ y xứ, các sợ hãi, Venàga, Sarabha, các vị ở Kesaputta, Sàlha, các vấn đề được nói đến, du sĩ ngoại đạo, các căn bản bất thiện, các lễ Uposatha), 8.P. Ananda (Channa, tà mạng đệ tử, người họ thích, vị lửa thể, cần phải khích lệ, hiện hữu, tư và khởi điểm, sự hầu hạ giúp đỡ, hương, Abhibhù), 9.P. Sa-môn (Sa-môn, nghề nông, người vajji, hữu học (1) và (2), bản tụng đọc (1) và (2), học giới, học pháp, Pankadhà), 10.P. Hạt muối (cấp thiết, sống viễn ly, hội chúng, con ngựa thuần thực (1), (2) và (3), vải thô bằng vỏ cây, vải Ba-la-nại, hạt muối, kẻ lọc vàng), 11.P. Chánh giác (trước khi giác ngộ, vị ngọt, khóc than, không thỏa mãn, nóc nhọn (1), (2), Ba nhân duyên (1)

và (2), nhân duyên (3) và (4), 12.P. Đọa xứ (rơi vào đọa xứ, khó tìm được, không thể ước lượng, không vô biên xứ, khiếm khuyết và viên mãn, chính xác, hành động, thanh tịnh (1) và (2), toàn hảo), 13.P. Kusinàra (tại Kusinàra, tranh luận, điện thờ Gotama, Brandu, Hatthaka, thối nát, Anuruddha (1) và (2), che dấu, chữ viết trên đá, trên đất, trên nước), 14.P. Kế chiến sĩ (kẻ chiến sĩ, hội chúng, bạn, xuất hiện, mền bằng tóc, thành tựu tăng trưởng, ngựa chưa được điều phục, ngựa được điều phục, các loài ngựa thuần thực, Moranivàpa), 15.P. Cát tường (không thiện, có phạm tội, không thăng bằng, bất tịnh, mất gốc (1), (2), (3) và (4), kính lễ, buổi sáng tốt đẹp), 16.P. Lỗa thể (đạo lộ (1) và (2), sát sanh, lấy của không cho, tà hạnh trong các dục vọng, định).

Chương IV, Bốn Pháp, có 10 phẩm: 1.P. Bhandagàma (giác ngộ, rời khỏi, mất gốc, thuận dòng, học hỏi ít, chói sáng Tăng chúng, vô sở úy, khát ái, các ách), 2.P. Hành (hành, chế ngự (1) và (2), chánh cần, thi thiết, trí tế nhị, sanh thú không nên đi, sanh thú nên đi, không nên đi, nên đi, người đầu bếp), 3.P. Uruvelà (tại Uruvelà, thế giới, Kàlaka, phạm hạnh, kẻ lừa dối, biết đủ, truyền thông, pháp cú, các du sĩ), 4.P. Bánh xe (bánh xe, nhiếp pháp, con sư tử, các lòng tin, Vassakàra, tùy thuộc thế giới, không thể rơi xuống, tránh né, Ujjaya, Udàyi), 5.P. Rohitassa (định, các câu hỏi, phần nộ, sự phần nộ, Rohitassa (1) và (2), rất xa xăm, Visàkhà, tướng điên đảo, các uế nhiễm), 6.P. Nguồn sanh phước (nguồn sanh phước (với cư sĩ) (1) và (2), sông chung (1) và (2), xứng đôi (1) và (2), Suppavàsa, Suddatta, các đồ ăn, bốn phận người gia chủ), 7.P. Nghiệp công đức (bốn nghiệp công đức, không nợ, bằng với Phạm thiên, địa ngục, hình thức bên ngoài, tham ái, vua các loài rắn,

Devadatta, tinh cần, phi pháp), 8.P. Không hý luận (không hý luận, chánh kiến, bậc chân nhân, người vợ trẻ, sự tối thượng, Kusinàra, không có thể nghĩ được, thanh tịnh thí vật, buôn bán, tinh túy của sự nghiệp), 9.P. Không có rung động (ăn trộm, nói láo, tán thán, phần nộ, tối tăm, thấp kém, các hạng sa-môn (1) và (2), các hạng sa-môn (3) và (4), Asura (các A-tula, định (1) và (2), thiên định, que lửa, lợi ích cho mình (1) (2) và (3), những học pháp, Potaliya).

Kinh Bộ Tăng Chi tập I được Trường Cao cấp Phật học Việt Nam (cơ sở II) ấn hành năm 1988, có 691 trang.

Tập II, Kinh Tăng Chi Bộ, Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam ấn hành PL. 2540 – DL. 1996, có 757 trang, (*Số thứ tự 22*); nội dung gồm từ phẩm 11 đến phẩm 28 và có một chương V. 11.P. *Mây mưa* (mây mưa (1) và (2), cái ghè, hồ nước (1), các hồ nước (2), các trái xoài, các loại chuột, các loài bò đực, các cây, các con rắn), 12.P. *Kesi* (kesi, tốc độ, gây thúc ngựa, con voi, các trường hợp, không phóng dật, hộ trì, xúc động, sợ hãi (1) và (2), 13.P. *Sợ hãi* (tự tránh, sóng biển, hạng người sai khác (1), các hạng người sai khác (2), từ (1) và (2), vi diệu (1), (2), (3) và (4), 14.P. *Loài người* (kiết sử, trả lời, lanh trí, nỗ lực, có tội, có giới (1) và (2), viễn ly, thuyết pháp, hạng thuyết trình), 15.P. *Ánh sáng* (hào quang, ánh sáng, ánh lửa, ánh chiếu, ánh đèn, thời gian (1) và (2), hạnh ác về lời nói, hạnh thiện về lời nói, lời), 16.P. *Các căn* (các căn, lực (1), (2), (3) và (4), kiếp, bệnh, thối đọa, Tỳ-kheo Ni, luật của các bậc Thiện thế), 17.P. *Đạo hành* (tóm tắt, với chi tiết, bất tịnh, kham nhẫn (1) và (2), với các chi tiết, Sàriputta và Moggallàna, Moggallàna và Sàriputta, với một vài nỗ lực, gắn liền, cột chặt), 18.P.

Tư tâm sở (với tư tâm sở, được ngã tánh, phân tích, Kotthita, Upavàna, mong cầu, Rahula, hồ nước ở làng, Niết-bàn, căn cứ địa), 19.P. *Chiến sĩ* (người chiến sĩ, an toàn, điều được nghe, không sợ hãi, các sự thật Bà-la-môn, con đường sai lạc, Vassakàra, Upaka, chứng ngộ, ngày trai giới), 20. *Đại phẩm* (nghe với tai, trường hợp, Bhaddiya, các vị Sàpùgiyà, Vappa, Sàlha, Mallikà, tự mình hạ mình, ái, luyến ái), 21.P. *Bạc chân nhân* (các hợp pháp, người có lòng tin, kẻ tàn hại chúng sanh, mùi hạnh, con đường tám ngành, con đường mười ngành, kẻ ác độc (1) và (2), ác tánh, tánh ác độc), 22.P. *Ô uế* (chúng, kiến, không biết ơn, sát sanh, con đường (1) và (2), cách thức nói (1) và (2), không xấu hổ, với liệt tuệ), 23.P. *Diệu hạnh* (diệu hạnh, kiến, vô ơn, sát sanh, con đường, cách thức nói (1) và (2), không xấu hổ, liệt tuệ, các thi sĩ), 24.P. *Nghiệp* (tóm tắt, với chi tiết, Sonakàyana, cách học pháp, Thánh đạo, giác chi, đáng quở trách, có hại, vị sa-môn, lợi ích nhờ bạc chân nhân), 25.P. *Sợ hãi phạm tội* (phạm tội (1) và (2), lợi ích học tập, cách nằm, xứng đáng được dựng tháp, trí tuệ tăng trưởng, cách thức nói (1), (2), (3) và (4), 26.P. *Thắng trí* (thắng trí, tâm cầu, nhiếp pháp, con của Malunkyaputta, lợi ích cho gia đình, con ngựa thuần chủng (1) và (2), lực, sống trong rừng, hành động), 27.P. *Nghiệp đạo* (chấp nhận (1), (2), (3), (4), (5), (6), (7), (8), (9) và (10), 28.P. *Tham*.

Chương V, Năm Pháp, có 26 phẩm: 1.P. *Sức mạnh hữu học* (tóm lược, rộng rãi, khổ, tương xứng, học pháp, bước vào, dục vọng, từ bỏ, không tôn kính (1) và (2), 2.P. *Sức mạnh* (chưa được nghe, nóc nhọn, các sức mạnh tóm lược, các sức mạnh rộng thuyết, cần phải thấy, lại nóc nhọn, hạnh phúc cho ai (1), (2), (3) và (4), 3.P. *Năm phần* (không có cung kính (1) và

(2), các uế nhiễm, ác giới, nhiếp thọ, giải thoát xứ, định, năm chi phần, kinh hành, Tôn giả Nagita), 4.P. *Sumana* (Sumana, con gái vua; Cundi, con gái vua; Uggaha, người gia chủ; đại tướng Siha, lợi ích bố thí, cho đúng thời, bố thí bữa ăn, sự lợi ích lòng tin, con trai, cây sala lớn), 5.P. *Vua Munda* (trở thành giàu, bạc chân nhân, khả lạc, cho các vật khả ý, phước điền, cụ túc, tài vật, sự kiện không thể có được, người Kosala, Tôn giả Narada), 6.P. *Triền cái* (ngăn chặn, đóng, các chi phần, thời gian để tinh cần, mẹ và con, thân giáo sư, sự kiện cần phải quan sát, thanh niên Licchavi, khó tìm được (1) và (2), 7.P. *Tưởng* (các tưởng (1) và (2), tăng trưởng (1) và (2), nói chuyện, đời sống, thần thông (1) và (2), nhằm chán (1) và (2), 8.P. *Chiến sĩ* (tâm giải thoát (1) và (2), sống theo pháp (1) và (2), người chiến sĩ (1) và (2), sợ hãi trong tương lai (1), (2), (3) và (4), 9.P. *Trưởng lão* (khả ái, ly tham, lừa đảo, lòng tin, không kham nhẫn, vô ngại giải, giới, vị trưởng lão, vị Tỳ-kheo hữu học (1) và (2), 10.P. *Kakudha* (đầy đủ (1) và (2), trả lời, lạc thú, bất động, nghe pháp, nói chuyện, rừng, con sư tử, Kakudha), 11.P. *An ổn trú* (đáng sợ hãi, đáng nghi ngờ, kẻ ăn trộm, đem lại an lạc, an ổn trú, tôn giả Ananda, giới, vô học, người bốn phương, khu rừng), 12.P. *Andhakavinda* (đi đến các gia đình, sa-môn tùy tùng, thiền định, tại Andhakavinda, xan lẫn, tán thán, ganh tị, tri kiến, lời nói, tinh tấn), 13.P. *Bệnh* (người bị bệnh, niệm xứ, săn sóc bệnh (1) và (2), tuổi thọ (1) và (2), sống biệt lập, các điều khổ cho sa-môn, ngũ nghịch, thành tựu), 14.P. *Vua* (chuyên luân vương (1), (2) và (3), tại mỗi phương hướng, mục đích (1) và (2), chúng ngu rất ít, ăn các đồ thực vật, không có thể kham nhẫn, biết nghe), 15.P. *Tikandaki* (nó cho là khinh,

nó làm sai lạc, tại đên Sarandada, tại rừng Tikandaki, con đường đi đến địa ngục, người bạn, bố thí không xứng bậc chân nhân, bố thí xứng bậc chân nhân, thời giải thoát (1) và (2), 16.P. *Diệu pháp* (quyết định tánh về diệu pháp (1), (2) và (3), diệu pháp hỗn loạn (1), (2) và (3), ác thuyết, sợ hãi, tôn giả Udayi, khó trừ khử), 17.P. *Hiềm hận* (trừ khử hiềm hận (1) và (2), cuộc nói chuyện, một ví dụ, những câu hỏi, diệt thọ tướng định, buộc tội, giới, đưa đến biết, Bhaddaji), 18.P. *Nam cư sĩ* (sợ hãi, không sợ hãi, địa ngục, sợ hãi hận thù, kẻ bị vất bỏ, hoan hỷ, người buôn bán, các vua, gia chủ, Gavesi, người tầm cầu), 19.P. *Rừng* (rừng, các hạng người khác, ăn từ bình bát), 20.P. *Bà-la-môn* (ví dụ con chó, Bà-la-môn Dona, Bà-la-môn Sangarava, Bà-la-môn Karanapali, Bà-la-môn Pingiyani, mộng, mưa, lời nói, gia đình, xuất ly), 21.P. *Kimbila* (Kimbila, nghe pháp, con ngựa thuần, các sức mạnh, tâm hoang vu, tâm triền phược, cháo, tâm xĩa răng, thuyết pháp với giọng ca, thất niệm), 22.P. *Mắng nhiếc* (mắng nhiếc, đấu tranh, ác giới, phá giới, người nói nhiều, không kham nhẫn (1) và (2), không tịnh tín (1) và (2), lừa, tại Madhurà), 23.P. *Du hành dài* (du hành dài (1) và (2), sống quá lâu (1) và (2), viếng thăm gia đình (1) và (2), tài sản, bữa ăn, rắn đen (1) và (2), 24.P. *Trú tại chỗ* (trú tại chỗ, được ái mộ, làm cho chói sáng, giúp đỡ nhiều, có lòng từ mẫn, không tán thán tương xứng, xan tham (1), (2), (3) và (4), 25.P. *Ác hành* (người ác hành (1), (2), (3) và (4), nghĩa địa, tịnh tín đối với một người), 26.P. *Cụ túc giới* (cụ túc giới, che chở và phục vụ, xan tham, phạm hạnh, thiên, thiên và Thánh quả (1) và (2), người tri phạn, tri phạn, các người khác, năm pháp (1), (2) và (3), tham (1), (2), (3) và (4).

Kinh Bộ Tăng Chi -tập II, được Trường Cao cấp Phật học Việt Nam (cơ sở II) ấn hành năm 1988, có 580 trang.

Tập III, Kinh Tăng Chi Bộ, Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam ấn hành PL. 2540 – DL. 1996, có 706 trang, (*Số thứ tự 23*); nội dung gồm có 3 chương (VI, VII và VIII):

Chương VI, Sáu Pháp (50 kinh đệ nhất), có 12 phẩm: 1.P. Đàng đợc cung kính (đàng đợc cung kính (1) và (2), các căn, các lực, con ngựa thuần chủng (1) và (2), vô thượng, Tứ niệm xứ, Mahanama), 2.P. *Cần phải nhớ* (cần phải nhớ (1) và (2), xuất ly giới, hiền thiện, không hối hận, cha mẹ của Nakula (1) và (2), con cá, niệm chết (1) và (2), 3.P. *Trên tất cả* (tại Samagama, không thối đọa, sợ hãi, núi Tuyết sơn, Tùy niệm xứ, Kaccana, các thời gian (1) và (2), Udayi, trên tất cả), 4.P. *Chư thiên* (hữu học, không thối đọa (1) và (2), Đại-mục-kiền-liên, minh phần, góc rẽ của đấu tranh, bố thí, tự làm, nhân duyên, tôn giả Kimbila, đống gỗ, tôn giả Nagita), 5.P. *Dhamika* (con voi, Migasala, nghèo khổ, Mahacunda, cho đời này (1) và (2), khema, các căn, Ananda, vị Sát-đế-ly, không phóng dật, Dhammika), 6. *Đại phẩm* (Sona, Phagguna, sáu sanh loại, các lậu hoặc, người bán củi, Hatthisariputta, con đường đi đến bờ bên kia, lời cảm hứng, một pháp môn quyết trạch, tiếng rống con sư tử), 7.P. *Chư thiên* (vị Bất Lai, A-la-hán, những người bạn, hội chúng, vị thiên nhân, thần thông, chứng nhân, sức mạnh, thiên (1) và (2), 8.P. *A-la-hán* (khổ, A-la-hán quả, thượng non pháp, lạc hỷ, chứng đắc, lớn mạnh, địa ngục (1) và (2), pháp tối thượng, ngày và đêm), 9.P. *Mát lạnh* (mát lạnh, chương ngại, nghiệp chướng, không ưa nghe, cần phải đoạn tận, chúng đợc đoạn tận, làm

cho sanh khởi, bậc đạo sư, hành, mẹ, tự làm), 10.P. Lợi ích (sự xuất hiện, các lợi ích, vô thường, khổ, vô ngã, Niết-bàn, không có hạn chế (1), (2) và (3), hữu, khát ái), 11. Ba pháp (tham, ác hành, suy tầm, tưởng, giới, thỏa mãn, bất lạc, biết đủ, ác ngôn, trao cử), 12.P. Các kinh không nhiếp trong phạm: Quán (1) và (2), Thấy bắt tử, Thấy được bắt tử, Tham (1), (2), (3) và (4).

Chương VII, Bảy Pháp, có 9 phẩm: 1.P. Tài sản (được ái mộ (1) và (2), các sức mạnh tóm tắt, các sức mạnh rộng thuyết, Uggā, các kiết sử, đoạn tận, xan tham), 2.P. Tùy miên (tùy miên (1) và (2), gia đình, các hạng người, ví dụ nước, không thường xuyên, khổ-vô ngã-tịch tịnh, sự thù diệu), 3.P. Vajji (Bạt-kỳ) (tại Sàrandada, Vassakàra, vị Tỳ-kheo, công việc, tin tưởng, giác chi, tưởng, hữu học, thối đọa, bất hạnh-thối đọa), 4.P. Chư thiên (không phóng dật, xấu hổ, dễ nói (1) và (2), bạn hữu (1) và (2), vô ngại giải, điều phục, thù diệu sự (1) và (2), 5.P. Đại tế đàn (thức trú, tư lương cho định, lửa (1) và (2), tưởng (1) và (2), dâm dục, hệ lụy, bố thí, mẹ của Nanda), 6.P. Không tuyên bố (không tuyên bố, sanh thú của loài người, Tissa, Siha, không có che đậy, Kimbila, bảy pháp, ngũ gục, các người vợ, sân hận), 7. Đại phẩm (xấu hổ, mặt trời, thành trì, pháp trí, cây Kovidāra pàricchattaka, vị Tỳ-kheo phải kính trọng ai, sự tu tập, lửa, Sunetta, Araka), 8.P. Về luật (Trì luật (1), (2), (3) và (4), thông điệp, diệt tránh pháp), 9.P. Các kinh không nhiếp (1. Sự phá hoại, - các pháp khác, - phi diệu pháp, - diệu pháp, 2. Người xứng đáng được cung kính, - các người khác đáng được cung kính, 3. Thắng trí tham (1), (2), (3) và (4).

Chương VIII, Tám Pháp, có 7 phẩm: 1.P. Từ (từ, tuệ, các pháp không được ái mộ (1)

và (2), tùy duyên thế giới (1) và (2), Devadatta, tôn giả Uttara, tôn giả Ananda, các đồ rác), 2.P. Lón (gân Veranjā, tướng quân Siha, con ngựa thuần thực, con ngựa chưa điều phục, các cấu uế, sứ giả, sự trói buộc của nữ nhân, nam nhân trói buộc, A-tu-la Pahàràdā, ngày trai giới), 3.P. Gia chủ (Uggā ở Vesālī, Uggā người Hatthigāma, Hatthaka, người Ālavī, Hatthaka, người xứ Ālavī, Thích tử Mahànāma, Jīvaka komārabhacca, sức mạnh (1) và (2), không phải thời, tôn giả Anuruddha), 4.P. Bố thí (bố thí (1) và (2), căn bản để bố thí, thừa ruộng, thọ sanh do bố thí, phước nghiệp sự, người chân nhân (1) và (2), nguồn nước công đức, rất là nhẹ), 5.P. Ngày trai giới (các trai giới, ngày trai giới, Visakha, Vāsettha, Bojahā, tôn giả Anuruddha, Visakha, Nakulamātā, ở đời này, đời này), 6.P. Gotamī (Mahāpajāpati Gotamī, ai giáo giới, pháp tóm tắt, Dīghajānu, người Koliya, Bà-lamôn Ujjaya, sợ hãi, xứng đáng được cúng dường (1) và (2), tám hạng người (1) và (2), 7.P. Đất rung động (dục, vừa đủ, pháp lược thuyết, Tagayā, thắng xứ, các giải thoát, phi Thánh ngôn, Thánh ngôn, các hội chúng, động đất).

Kinh Bộ Tăng Chi - tập III, được Trường Cao cấp Phật học Việt Nam (cơ sở II) ấn hành năm 1988.

Tập IV, Kinh Tăng Chi Bộ, Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam ấn hành PL. 2541 – DL. 1997, có 710 trang, (Số thứ tự 24), nội dung gồm có 3 chương (IX, X và XI): 8.P. Song đôi (lòng tin (1) và (2), niệm chết (1) và (2), đầy đủ (1) và (2), dục, vừa đủ, thối đọa, tám căn cứ để biếng nhác và tinh tấn), 9.P. Niệm (niệm, tôn giả Punniya, cội rễ của sự vật, đại ăn trộm, người sa-môn, đánh lễ, bình bát, phản đối, buộc tội, hành xử đúng pháp, một số nữ cư

sĩ), 10.P. Tham ái (thắng tri tham ái (1), (2) và (3), tham ái, các pháp khác).

Chương IX, Chín Pháp, có 10 phẩm: 1.P. Chánh giác (chánh giác, y chỉ, tôn giả Meghiya, tôn giả Nandaka, những sức mạnh, cần phải thân cận, du sĩ Sutavà, du sĩ Sajjha, các hạng người, đáng cung kính), 2.P. Tiếng rống con sư tử (sau khi an cư, không có dư y, tôn giả Mahakotthita, tôn giả Samiddhi, một ung nhọt, tướng, gia đình, từ bi, chư thiên, Velàma), 3.P. Chỗ cư trú các hữu tình (trong 3 phương diện, ngựa chưa được điều phục, ái, các loài hữu tình, trí tuệ, trụ đá, sợ hãi hận thù (1) và (2), xung đột sự, điều phục xung đột sự, chính thứ đệ diệt), 4. Đại phẩm (thứ đệ trú (1) và (2), Niết-bàn, con bò cái, thiên, tôn giả Ananda, các Bà-la-môn, chư thiên, con voi lớn, Tapussa), 5.P. Pancala (Pancalacanda, vị thân chứng, tuệ giải thoát, giải thoát cả 2 phần, chính thực mình thấy (1) và (2), Niết-bàn, hoàn mãn Niết-bàn, chi phần Niết-bàn, thiết thực hiện tại Niết-bàn), 6.P. An ổn (an ổn, người đạt an ổn, bất tử, người đạt được bất tử, vô úy, người đạt vô úy, khinh an, thứ đệ khinh an, đoạn diệt, thứ đệ đoạn diệt, có khả năng), 7.P. Niệm xứ (học tập, triền cái, dục trưởng dưỡng, thủ uân, năm hạ phần kiết sử, sanh thú, xan tham, năm thượng phần kiết sử, năm tâm hoang vu, tâm triền phược), 8.P. Chánh cần (bốn chánh cần), 9.P. Bốn như ý túc, 10.P. Tham (thắng tri tham (1) và (2), liễu tri tham).

Chương X, Mười Pháp, có 22 phẩm: 1.P. Lợi ích (ý nghĩa gì, nghĩ với dụng ý, sở y, có Sở y (do Sàriputta thuyết), có Sở y (do tôn giả Ananda thuyết), Định do bậc Đạo sư thuyết, Định do tôn giả Sàriputta thuyết, người có lòng tin, tịch tịnh giải thoát, với các minh), 2.P. Hộ trì (trú xứ, các chi phần, các kiết sử, tâm hoang vu,

không phóng dật, đáng được cúng dường, vị hộ trì (1) và (2), Thánh cư (1) và (2), 3.P. Lớn (con sư tử, những tuyên bố về pháp, với thân, Maha Cunda, thiên án xứ, Kàli, những câu hỏi lớn (1) và (2), người Kosalà (1), Kosalà (2), 4.P. Upàli và Ànanda (Upàli và giới bốn, người đoạn sự, cụ túc giới, y chỉ sadi, phá hòa hợp Tăng, hòa hợp Tăng, phá hòa hợp Tăng, quả của pháp hòa hợp Tăng, hòa hợp Tăng, Quả của phá hòa hợp Tăng đưa lại), 5.P. Mắng nhiếc (tranh luận, cội gốc của tranh luận, tại Kusinàrà, đi vào hậu cung, các vị Sakkà Thích tử, Mahàli, các pháp, trú thân, đấu tranh), 6.P. Tâm của mình (tâm của mình (1) và (2), đứng một chỗ, tịnh chỉ, tổn giảm, tướng (1) và (2), lấy căn bản nơi Thế tôn, xuất gia, Girimànanda, 7.P. Song đôi (vô minh, hữu ái, cứu cánh, bất động, lạc và khổ (1) và (2), tại Nalakapàna (1), Nalakapàna (2), những đề tài câu chuyện (1), những đề tài đề câu chuyện (2), 8.P. Ước nguyện (ước nguyện, cây gai, khả lạc, tăng trưởng, Migasàlà, không thể tăng trưởng, con quạ, Ni-kiền-tử, những trường hợp hiềm hận, nhiếp phục hiềm hận), 9.P. Trưởng lão (Bàhuna, Ànanda, Punniya, nói lên chánh trí, Tỳ-kheo Kàlaka, tai nạn, Tỳ-kheo Kokàlika, những sức mạnh), 10.P. Nam cư sĩ (người hưởng dục (phục dâm kinh), sợ hãi và hận thù, kiến, Vajjiyamàhita, Uttiya, Kokanuda, đáng đánh lễ, vị trưởng lão, Upàli, không thể tăng trưởng), 11.P. Sa-môn tướng (tướng, giác chi, tà tánh, chủng tử, với minh, nguyên nhân khiến cho tổn giảm, tẩy trần, y thuật, mưa, bài tiết, vô học (1) và (2), 12.P. Đi xuống (phi pháp, không phải mục đích, phi pháp, Ajita, Sangàrava, bờ bên này-bờ bên kia, sự đi xuống của bậc Thánh, lễ đi xuống của bậc Thánh, điềm báo trước, các lậu hoặc), 13.P. Thanh tịnh (các pháp thanh tịnh,

pháp chưa khởi, pháp có quả lớn, cứu cánh nhiếp phục tham, nhất hướng nhằm chán, được tu tập (1), (2), (3) và (4), tà tánh, chánh tánh), 14.P. *Thiền lương* (lành và không lành, Thánh và phi Thánh, thiện và bất thiện, mục đích và phi mục đích, pháp và phi pháp, hữu lậu và vô lậu, có tội và vô tội, hối hận và không hối hận, đi đến tích tập và không tích tập, dẫn khổ và không dẫn lạc, khổ dị thực và lạc dị thực), 15.P. *Thánh đạo* (Thánh và phi Thánh, bạch đạo và hắc đạo, diệu pháp và phi diệu pháp, chân nhân pháp-phi chân nhân pháp, cần khởi lên và không cần khởi lên, cần phải thực hiện và không cần phải thực hiện, cần phải tu tập và không cần phải tu tập, cần phải làm sung mãn và không cần phải làm sung mãn, cần phải nhớ và không cần phải nhớ, cần phải chứng ngộ và không cần phải chứng ngộ), 16.P. *Người* (không nên thân cận, những người sai khác), 17.P. *Janussoni* (sự xuất ly của bậc Thánh (1) và (2), Sangarava, bờ bên này bờ bên kia, pháp và phi pháp (1), (2) và (3), do tham-sân-si, thoát ly, Cunda-người thợ rèn, Janussoni), 18.P. *Thiền lương* (thiện, bất thiện, Thánh và phi Thánh), 19.P. *Thánh đạo* (như kinh trên, các đề kinh khác...), 20.P. *Các hạng người* (giống như phẩm 16, 155, 156, 166), 21.P. *Thân do nghiệp sanh* (địa ngục-thiên giới, địa ngục và thiên giới, nữ nhân, nữ cư sĩ, sợ hãi và vô úy, pháp môn quanh co, ngọc ma-ni, tồn giảm và tăng trưởng, Phạm thiên trú hay thân do nghiệp sanh, sau khi chết), 22.P. *Không có đầu đê* (10 pháp, 20 pháp, 30 pháp, 40 pháp, tồn hại, sau khi chết (1) và (2), tham ái (3) và (4), tham ái, sân).

Chương XI, Mười một Pháp, có 3 phẩm: 1.P. *Y chỉ* (có lợi ích gì? Nghĩ với dụng ý, thiếu sở y-do bậc Đạo sư, thiếu sở y-do tôn giả Sariputta, thiếu sở y-do tôn giả

Ananda, tai họa, tưởng hay tác ý (1) và (2), tác ý, Sandha, rừng không tước), 2.P. *Tùy niệm* (Mahànama (1) và (2), Nandiyà, Subhùti, từ, Dasama-gia chủ, người chăn bò, thiền định (1), (2), (3) và (4), 3.P. *Tổng kết* (người chăn bò, tham ái (1) và (2).

682. KINH TĂNG NHẤT A-HÀM, 3 Tập

**Giáo hội Phật giáo Việt Nam –
Đại tạng Kinh Việt Nam**

Việt dịch: HT. Thích Thanh Từ

Hiệu đính:

HT. Thích Thiện Siêu (1921-2001)

Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam ấn hành, PL. 2541 – DL. 1997

Kinh có khổ 14.5 x 20.5cm, tổng cộng 3 tập dày 1.841 trang, bìa cứng, bao da màu đỏ, chữ tựa mạ vàng, mỗi tập đều có hộp đựng.

Tập I (*Số thứ tự 25*), dày 617 trang, có 26 phẩm: 1.P. Tựa, 2.P. Thập niệm, 3.P. Quảng diễn, 4.P. Đệ tử, 5.P. Tỳ-kheo Ni, 6.P. Thanh tín sĩ (Ưu-bà-tắc), 7.P. Thanh tín nữ (Ưu-bà-di), 8.P. A-tu-la, 9.P. Một đứa con, 10.P. Hộ tâm, 11.P. Bất đãi, 12.P. Nhập đạo, 13.P. Lợi dưỡng, 14.P. Ngũ giới, 15.P. Hữu vô, 16.P. Hỏa diệt, 17.P. An-ban (1), - P. An-ban (2), 18.P. Tàm quý, 19.P. Khuyến thỉnh, 20.P. Thiện tri thức, 21.P. Tam bảo, 22.P. Cúng dường, 23.P. Địa chủ, 24.P. Cao tràng (1), - P. Cao tràng (2), - P. Cao tràng (3), 25.P. Tứ đế, 26.P. Tứ ý đoạn (1), - P. Tứ ý đoạn (2).

Tập II (*Số thứ tự 26*), Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam ấn hành, PL. 2542 – DL. 1998, dày 594 trang; *Tập II* gồm có 13 phẩm (từ phẩm 27-39) như sau: 27.P. Tứ đế, 28.P. Thanh văn, 29.P. Khổ lạc, 30.P. Tu-đà, 31.P. Tăng thượng, 32.P. Thiện tụ, 33.P. Ngũ vương, 34.P. Đăng kiến, 35.P. Tà tư, 36.P. Thính pháp, 37.P.

Lục trọng (1), - P. Lục trọng (2), 38.P. Lục (1), - P. Lục (2), 39.P. Đẳng pháp.

Tập III (Số thứ tự 27), dày 630 trang, gồm có 13 phẩm (từ phẩm 40-52) như sau: 40.P. Thất nhật (1), - P. Thất nhật (2), 41.P. Mạc úy, 42.P. Bát nạn (1), - P. Bát nạn (2), 43.P. Thiên tử Mã Huyết hỏi về Bát chánh (1), - P. Thiên tử Mã Huyết (2), 44.P. Chín nơi cư trú của chúng sanh, 45.P. Mã vương, 46.P. Kết cảm, 47.P. Thiện ác, 48.P. Thập bất thiện (1), - P. Thập bất thiện (2), 49.P. Chấn trâu (1), - P. Chấn trâu (2), 50.P. Lễ Tam bảo, 51.P. Phi thường, 52.P. Đại Ái Đạo nhập Niết-bàn. Cuối Tập III là Bảng so sánh *Kinh Tương đương giữa Kinh Tăng Nhất A-hàm và Kinh Tạng Pàli*.

683. KINH TĂNG NHẤT A-HÀM – Trọn bộ 4 Cuốn

Việt dịch: *Thích Đức Thắng*

Hiệu đính và chú thích: *Tuệ Sỹ*

Nxb Phương Đông – 2011, tái bản 2017.

Toàn bộ tác phẩm *Kinh Tăng Nhất A-hàm* gồm có 3 cuốn và 1 cuốn Tổng Mục lục, nội dung gồm 52 phẩm, có: Thiên Một Pháp, Thiên Hai Pháp, Thiên Ba Pháp, Thiên Bốn Pháp, Thiên Năm Thiên Pháp, Sáu Pháp, Thiên Bảy Pháp, Thiên Tám Pháp, Thiên Chín Pháp, Thiên Mười Pháp, Thiên Mười Một Pháp.

Xem: Tăng Nhất A-hàm – Tiểu Tạng Kinh

684. KINH TĂNG NHẤT A-HÀM

Tuyển chọn: *Thích Giác Thiện*

Nxb Phương Đông – 2012

Kinh có khổ 16 x 24cm, có hơn 739 trang. Kinh này Tuyển chọn gồm có: Nghi thức, P. Tựa, P. Chuyển pháp luân, P. Tam Bảo, P. Giới, P. Lễ Tam Bảo, P. Cúng dường, P. Quảng diễn, P. Địa chủ, P. Bồ thí Ba-la-mật, P. Thanh văn, P. Khổ lạc, P. Tu-ma-đề, P. Thi-bà-la, P. Thiện tri thức, P.

Phước nghiệp, P. Thất nhật, P. Thính pháp, P. Tâm từ, P. Vô thường, P. Ma-ha-nam, P. Lưu ly, P. Tứ đế, P. Cao tràng, P. Mã vương, P. Nhập đạo, P. An ban, P. Tàm quý, P. Hỏa diệt, P. Tứ chánh cần, P. Bát nạn, P. Phạm chí, P. Tăng thượng, P. Ương-quật-ma, P. A-xà-thế, P. Lục trọng, P. Kết cảm, P. Thiện ác, P. Thiện tụ, P. Lợi dưỡng, P. Chấn trâu, P. Tà tư, P. Thập bất thiện, P. Ca-lưu-đà-di, P. Thuyết giới, P. Di-lặc; Bát-nhã tâm kinh, Thân-khâu-ý-nhãn-giới, Phát nguyện sám hối, Hồi hướng, Khuyển tu.

685. KINH TĂNG NHẤT A-HÀM – Quyển thứ 22

Hán dịch: *Đam-ma-nan-đề*

Việt dịch: *Thích Trí Nghiêm*

Phật học viện Trung Phần xuất bản, PL. 2508 – DL. 1964

Kinh có 39 trang, bìa mềm; nội dung gồm có Phẩm Tu-ma-đề nữ, thứ 30.

686. KINH TÂM BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA

Dịch giải: *Tỳ-kheo Thích Minh Điền*

Toàn bộ tác phẩm Kinh này gồm có: - Lời tựa (PL. 2555 – DL. 2011); Kinh văn (nguyên bản Hán ngữ), Dịch nghĩa Việt Kinh Tâm Bát-nhã Ba-la-mật-đa, Dẫn nhập, Giải thích đề Kinh, Lược giải Kinh; Tài liệu tham khảo; Phụ lục. (<https://thuvienhoasen.org>, *Kinh-Giảng giải Kinh*)

687. KINH TÂM ĐỊA QUÁN (Kinh Đại Thừa Bản Sinh Tâm Địa Quán)

Việt dịch: *Thích Tâm Châu*

Chùa Từ Quang (Sài Gòn)

Kiểm duyệt số 2634/XB, ngày 21-12-1959 của Hội đồng Kiểm duyệt Bộ Thông tin. Kinh gồm có 13 phẩm, dày 474 trang, bìa mềm.

Xem: Kinh Đại thừa Bản sanh Tâm Địa Quán do Thích Tâm Châu dịch

**688. KINH TẬP –
SUTTANIPÀTAPÀLI,
Tạng Kinh – Tiểu Bộ**

Tam Tạng Song Ngữ Pàli – Việt, Tập 29
Phụ trách phiên dịch: *Tỳ-khuru Indacanda*
(*Trương Đình Dũng*)

PL. 2558 – DL. 2014

Buddhist Cultural Centre,
125 Anderson Road, Nedimala, Dehiwala-
Sri Lanka

Printed by: Ajith Printers (Pvt) Ltd,
342, Old Kesbewa Road, Ratanapitiya,
Borelesgamuwa, Sri Lanka.

Sách có khổ lớn (20.5 x 29cm), dày hơn
348 trang, bìa cứng màu đỏ, chữ mạ vàng.

Nội dung tác phẩm gồm có 5 phẩm, 70
Kinh: Lời tựa-Sinhala và Việt ngữ, Văn
bản của Bộ Tôn giáo-Anh và Việt ngữ,
Thành phần nhân sự, Lược đồ Tam tạng,
Lời giới thiệu, Các chữ viết tắt, Mẫu tự
Pali – Sinhala, Kinh Tập: *I.P Rắn*, 1.K
Rắn, 2.K Dhaniya, 3.K Sừng tê giác, 4.K
Kasibhàradvāja, 5.K Cunda, 6.K Thoái
hóa, 7.K Người hạ tiện, 8.K Từ ái, 9.K
Hemavata, 10.K Àlavaka, 11.K Chiến
thắng, 12.K Hiền trí, Tóm lược phẩm này;
II. Tiểu Phẩm: 1.K Châu báu, 2.K Mùi
tanh hôi, 3.K Hồ thẹn, 4.K Điềm lành, 5.K
Sùciloma, 6.K Kapila, 7.K Truyền thống
Bà-la-môn, 8.K (Chiếc thuyền) Giáo pháp,
9.K Với Giới gì, 10.K Đứng lên, 11.K
Ràhula, 12.K Nigrodhakappa, 13.K Du
hành chân chánh, 14.K Dhammika, Tóm
lược phẩm này; *III. Đại Phẩm*: 1.K Xuất
gia, 2.K Nỗ lực, 3.K Khéo nói, 4.K
Sundarikabhàradvāja, 5.K Màngha, 6.K

Sabhiya, 7.K Sela, 8.K Mũi tên, 9.K
Vàsettha, 10.K Kokalika, 11.K Nàlaka, Kệ
ngôn dẫn chuyện, 12.K Quán xét hai khía
cạnh, Tóm lược phẩm này; *P. Nhóm Tám*,
1.K Giảng về dục, 2.K Nhóm tám về hang,
3.K Nhóm tám về xấu xa, 4.K Nhóm tám
về trong sạch, 5.K Nhóm tám về tối thắng,
6.K Về sự già, 7.K Tissametteyya, 8.K
Pasura, 9.K Màngandiya, 10.K Trước khi
hoại rã, 11.K Cãi cọ và tranh cãi, 12.K Sự
dàn trận nhỏ, 13.K Sự dàn trận lớn, 14.K
Một cách nhanh chóng, 15.K Uế hạnh của
bản thân, 16.K Sàriputta, Tóm lược phẩm
này; *V.P Đi đến bờ kia*: Kệ ngôn dẫn
chuyện, 1.K Ajita, 2.K Tissametteyya, 3.K
Punnaka, 4.K Mettagù, 5.K Dhotaka, 6.K
Upasiva, 7.K Nanda, 8.K Hemaka, 9.K
Todeyya, 10.K Kappa, 11.K Jatukanni,
12.K Bhadràvudha, 13.K Udaya, 14.K
Posàla, 15.K Mogharàja, 16.K Pingsiya,
Các kệ ngôn tường thuật; Thư mục Câu kệ
Pàli, Thư mục Danh từ riêng, Thư mục Từ
Đặc biệt.

*Tác phẩm này được tái bản năm 2016,
Nxb Tôn Giáo, khổ 14.5 x 20.5cm, dày 255
trang, bìa cứng, có hình Phật, nền đỏ, chữ
tựa màu vàng.*

689. KINH TẬP BỘ I

*Ban Phiên dịch Pháp Tạng Phật giáo Việt
Nam*

Quyển XIV, No. 435 Phật thuyết Kinh
Diệt trừ tối tăm trong Mười phương; No.
436 Kinh Thọ trì Danh hiệu bảy Đức Phật
sinh ra Công đức; No. 437 Kinh Đại thừa
Bảo Nguyệt đồng tử Pháp vấn; No. 438
Phật thuyết Kinh Đại thừa Đại Phương
quảng Phật quang; No. 449 Bài tựa Kinh
Dược Sư Như Lai Bổn nguyện Công đức;
No. 450 Kinh Phật thuyết Dược Sư Như
Lai Bổn nguyện; No. 451 Kinh Bổn
nguyện Công đức của bảy Đức Phật Dược
Sư Lưu Ly Quang; No. 452 Kinh Quán

Di-lặc Bồ-tát Thượng sanh Đâu-suất; No. 453 Kinh Phật thuyết Quán Di-lặc Bồ-tát hạ sanh; No. 454 Kinh Di-lặc hạ sanh; No. 455 Kinh Phật thuyết Di-lặc hạ sanh thành Phật; No. 472 Kinh Phật thuyết Đại thừa Thiện kiến Biến hóa Văn-thù-sư-lợi vấn pháp; No. 473 Kinh Phật thuyết Diệu Cát Tường Bồ-tát sở vấn Đại thừa Pháp loa; No. 476 Kinh thuyết Vô cầu xúng (6 Tập, từ Tập 1 đến Tập 6); No. 579 Kinh Ưu-bà-di Tịnh Hạnh Pháp môn (quyển Thượng và Hạ); No. 496 Kinh Phật nói về Đại Ca-diếp; No. 497 Kinh ngài Ma-ha Ca-diếp độ bà lão nghèo; No. 532 Kinh Tư-ha-muội; No. 533 Kinh Bồ-tát Sanh địa; No. 534 Kinh Phật thuyết Nguyệt Quang đồng tử; No. 535 Kinh Phật thuyết Thân nhật; No. 536 Kinh Thân nhật Nhi bồn; No. 538 Kinh Phật thuyết Ha-điều A-na-hàm; No. 539 Kinh Phật thuyết Lô-chí Trưởng giả nhân duyên; No. 540 Kinh Phật thuyết Lô-chí Trưởng giả nhân duyên; No. 542 Phật nói Kinh Da-kỳ; No. 543 Phật nói Kinh Trưởng giả Cự Lực hỏi về Đại thừa; No. 549 Kinh Phật thuyết Nhân duyên Quang Minh đồng tử; No. 551 Kinh Nữ Ma-đăng; No. 553 Phật nói Kinh Nhân duyên Nại-nữ và Kỳ-vực; No. 554 Phật nói Kinh Nhân duyên Nại-nữ và Kỳ-vực; No. 555 Kinh Làm con năm người mẹ; No. 556 Phật thuyết Kinh Bảy người nữ; No. 557 Phật thuyết Kinh Nữ Long Thí; No. 558 Phật thuyết Kinh Long Thí Bồ-tát Bồn khởi; No. 559 Phật thuyết Kinh Lão nữ nhơn; No. 560 Phật thuyết Kinh Bà lão Lục Anh; No. 561 Phật nói Kinh Bà lão; No. 563 Phật nói Kinh Bé gái trong bụng mẹ nghe Kinh; No. 564 Phật thuyết Kinh Chuyển thân nữ; No. 569 Phật thuyết Tâm minh Kinh; No. 570 Phật thuyết Kinh Hiền Thủ; No. 571 Phật thuyết Kinh Người phụ nữ thấy tội; No. 572 Phật thuyết Kinh Vợ trưởng giả Pháp Chí; No. 573 Kinh Thọ ký

Sai-ma-bà-đề; No. 574 Phật thuyết Kinh Nữ kiên cố; No. 575 Kinh Đại Phương đặng tu-đa-la vương; No. 576 Phật thuyết Chuyển hữu Kinh; No. 577 Kinh Đại thừa Lưu chuyển hữu; No. 578 Kinh Ưu-bà-di Vô cầu; No. 580 Kinh Phật thuyết trưởng giả nữ Yêm-đề-giá Sư tử hồng Liễu nghĩa. (*phaptangpgvn.net, Pháp tạng*)

690. KINH TẬP BỘ II

Ban Phiên dịch Pháp Tạng Phật giáo Việt Nam

Quyển XV, No. 599 Đức Phật vì vua Rong Biên nói Pháp ấn; No. 600 Kinh Thập thiện Nghiệp đạo; No. 601 Đức Phật vì vua Rong Ta-kiệt-la giảng nói Đại thừa; No. 602 Kinh Phật thuyết Đại An-bát Thủ ý (quyển Thượng và Hạ); No. 603 Kinh Âm Trì Nhập (quyển Thượng và Hạ); No. 604 Đức Phật nói Kinh Thiên hành Tam thập thất Phẩm; No. 605 Kinh Thiên hành Pháp tướng; No. 621 Kinh Phật ấn tam-muội; No. 622 Kinh Phật thuyết Tự thế Tam-muội; No. 623 Kinh Phật thuyết Như Lai Độc chứng tự thế Tam-muội; No. 624 Kinh Phật thuyết Thuần chơn Đà-la sở vấn Như Lai tam-muội (quyển Thượng, Trung và Hạ); No. 628 Kinh Vị Tăng hữu Chánh pháp (6 Tập, từ Tập 1 đến Tập 6); No. 629 Kinh Phật thuyết Phóng bát; No. 635 Hoàng đạo Quảng hiển Tam-muội (4 Tập, từ Tập 1 đến Tập 4); No. 640 Đức Phật nói Kinh Nguyệt Đăng Tam-muội (2 Tập); No. 642 Đức Phật nói Kinh Thủ Lăng Nghiêm Tam-muội (quyển Thượng và Hạ); No. 643 Đức Phật nói Kinh Quán Phật Tam-muội hải (10 quyển, từ Q.1 đến Q.10); No. 644 Đức Phật nói Kinh Kim Cương Tam-muội Bản tính Thanh tịnh Bất hoại bất diệt; No. 645 Kinh Bất Tắt định nhập Định ấn; No. 646 Kinh Nhập Định bất Định ấn; No. 647 Kinh Lực Trang nghiêm Tam-muội (quyển Thượng, Trung

và Hạ); No. 648 Kinh Tịch chiếu Thần biến Tam-ma-địa; No. 649 Kinh Quán sát chư Pháp hạnh (4 quyển, từ Q.1 đến Q.4). (*phaptangpgvn.net, Pháp tạng*)

691. KINH TẬP BỘ III

Ban Phiên dịch Pháp Tạng Phật giáo Việt Nam

Quyển XVI, No. 664 Hợp bộ Kinh Kim quang minh (8 quyển, từ Q.1 đến Q.8); No. 665 Kinh Kim Quang minh Tối thắng vương (10 quyển, từ Q.1 đến Q.10); No. 671 Kinh Nhập Lăng-già (10 quyển, từ Q.1 đến Q.10); No. 703 Kinh Nhân duyên Đấng chỉ; No. 704 Phật thuyết Kinh Lâu Cái Chánh pháp Cam-lồ cổ; No. 705 Phật thuyết Kinh Bồ thí; No. 706 Phật thuyết Kinh về Năm Bồ thí lớn; No. 707 Phật thuyết Kinh Công đức Xuất gia; *Quyển XVII*, No. 708 Phật thuyết Kinh Xuất gia; *Quyển XVIII*, No. 709 Phật thuyết Kinh Công đức Tu hành; No. 710 Phật thuyết Kinh Tu hành khổ luyện. (*phaptangpgvn.net, Pháp tạng*)

692. KINH TẬP BỘ IV

Ban Phiên dịch Pháp Tạng Phật giáo Việt Nam

Quyển XVII, No. 721 Kinh Chánh pháp Niệm xứ (các Tập: 67, 68, 69, 70); No. 817 Kinh Phật thuyết Đại Tịnh Pháp môn; No. 819 Phật thuyết Kinh Pháp Thường trụ; No. 820 Phật thuyết Kinh Diễn đạo tục nghiệp; No. 821 Kinh Đại Phương quảng Như Lai bí mật tạng (quyển Thượng và Hạ); No. 823 Phật thuyết Kinh Nhất thiết Cao vương; No. 824 Phật thuyết Kinh Pháp Tối thượng vương; No. 825 Phật thuyết Kinh Thâm thâm Đại hồi hướng; No. 826 Phật thuyết Kinh Đệ tử chết rồi sống lại; No. 827 Phật thuyết Kinh Người cấy ruộng làm biếng; No. 828 Kinh Vô tự Bảo khiếp; *Quyển XVIII*, No. 829

Kinh Vô tự bảo khiếp; No. 830 Kinh Vô tự Trang; No. 831 Kinh Đạt-ma. (*phaptangpgvn.net, Pháp tạng*)

693. KINH TÌ-NI MẪU

Giới Đài Viện Huệ Nghiêm

Việt dịch: *Đồng Lưu-Thành Thông-Tuệ Thành*

Chủ nhiệm và Thẩm định: *HT. Thích Minh Thông*

Hiệu đính: *Tỳ-kheo Thích Nguyên Chơn*

Nxb Hồng Đức – 2018

Kinh có khổ 14.5 x 20.5cm, dày 299 trang, bìa mềm, nền đỏ, có hoa văn mây, chữ tựa mạ vàng, có tay gấp. Kết cấu gồm có 8 quyển, nội dung Kinh nói về Tỳ-kheo, Tỳ-kheo Ni và tất cả các tự.

694. KINH TIỂU BỘ - 10 Tập

Giáo hội Phật giáo Việt Nam – Đại tạng Kinh Việt Nam

Nguyên bản: Pali

Kinh có khổ 14.5 x 20.5cm, tổng cộng 10 tập dày 7.480 trang, bìa cứng, bao da màu đỏ, chữ tựa mạ vàng, mỗi tập đều có hộp đựng.

Tập I, Kinh Tiểu Bộ, Việt dịch: *HT. Thích Minh Châu (1918-2012)*, Nxb Tp. Hồ Chí Minh, PL. 2543 – DL. 1999, dày 821 trang, (*số thứ tự 28*), nội dung gồm có: Tiểu tụng, Pháp cú, Kinh Phật tự thuyết, Kinh Phật thuyết như vậy, Kinh tập.

Tiểu tụng có: Tam quy, Thập giới, Ba mươi hai phần, Nam tử hỏi đạo, Kinh điềm lành, Kinh Châu báu, Kinh ngoài bức tường, Kinh bảo tạng, Kinh lòng từ; *Pháp cú* gồm có 26 phẩm: 1.P. Song yếu, 2.P. Không phóng dật, 3.P. Tâm, 4.P. Hoa, 5.P. Kẻ ngu, 6.P. Hiền trí, 7.P. A-la-hán, 8.P. Ngàn, 9.P. Ác, 10.P. Hình phạt, 11.P. Già, 12.P. Tự ngã, 13.P. Thế gian, 14.P. Phật-đà, 15.P. An lạc, 16.P. Hỷ ái, 17.P.

Phần nô, 18.P. Cầu uest, 19.P. Pháp trụ, 20.P. Đạo, 21.P. Tập lục, 22.P. Địa ngục, 23.P. voi, 24.P. Tham ái, 25.P. Tỳ-kheo, 26.P. Bà-la-môn; *Kinh Phật tự thuyết* có 8 chương: 1. Phẩm Bồ-đề, 2. Phẩm Muccalinda, 3. Phẩm Nanda, 4. Phẩm Meghiya, 5. Phẩm Trưởng lão Sona, 6. Phẩm Sanh ra đã mù, 7. Phẩm Nhỏ, 8. Phẩm Pataligamiya; *Kinh Phật thuyết như vậy* có 4 chương: Chương I, Tập một pháp (phẩm 1, 2, 3); Chương II, Tập hai pháp (phẩm 1, 2); Chương III, Tập ba pháp (phẩm 1, 2, 3, 4, 5); Chương IV, Bốn pháp (phẩm 1).

Kinh tập gồm có 5 chương: *Chương I, Phẩm Rắn Uravagga* (1. Kinh rắn, 2. Dhaniya, 3. Kinh Con tê ngu một sừng, 4. Kinh Kasibbàravāja-Người cày ruộng, 5. Kinh Cunda, 6. Kinh Bại vong, 7. Kinh Kẻ bần tiện, 8. Kinh Từ bi, 9. Kinh Hemavata, 10. Kinh Àlavaka, 11. Kinh Thắng trận, 12. Kinh Ân sĩ); *Chương II, Tiểu phẩm* (1. Kinh Châu báu, 2. Kinh Hôi thối, 3. Kinh xấu hổ, 4. Kinh Điềm lành lớn, 5. Kinh Sùciloma, 6. Kinh Hành chánh pháp, 7. Kinh Pháp Bà-la-môn, 8. Kinh Chiếc thuyền, 9. Kinh Thế nào là giới, 10. Kinh Đứng dậy, 11. Kinh Ràhula, 12. Vangisa, 13. Kinh Chánh xuất gia, 14. Kinh Dhammika; *Chương III, Đại phẩm* 1. Kinh Xuất gia, 2. Kinh Tinh cần, 3. Kinh Khéo thuyết, 4. Kinh Sundarika Bhàravāja, 5. Kinh Magma, 6. Kinh Sabhiya, 7. Kinh Sela, 8. Kinh Mũi tên, 9. Kinh Vasettha, 10. Kinh Kokaliya, 11. Kinh Nalaka, 12. Kinh Hai pháp tùy quán; *Chương IV, Phẩm tám* 1. Kinh Về dục, 2. Kinh Hang động tám kệ, 3. Kinh Sân hận tám kệ, 4. Kinh Thanh tịnh tám kệ, 5. Kinh Tối thắng tám kệ, 6. Kinh Già tám kệ, 7. Kinh Tissametteyya, 8. Kinh Pasura, 9. Kinh Màngandiya, 10. Kinh trước khi bị hủy hoại, 11. Kinh Tranh luận, 12. Sự tập

hợp nhỏ lẻ, 13. Những vấn đề to lớn, 14. Kinh Tuvataka, 15. Kinh Chấp trọng, 16. Kinh Sàriputta; *Chương V, Trên đường đến bờ bên kia* 1. Bài kệ mở đầu, 2. Câu hỏi của thanh niên Ajita, 3. Câu hỏi của thanh niên Tissametteyya, 4. Câu hỏi của thanh niên Punnaka, 5. Câu hỏi của thanh niên Mettagù, 6. Câu hỏi của thanh niên Dhotaka, 7. Câu hỏi của thanh niên Upasiva, 8. Câu hỏi của thanh niên Nanda, 9. Câu hỏi của thanh niên Hemaka, 10. Câu hỏi của thanh niên Todeyya, 11. Câu hỏi của thanh niên Kappa, 12. Câu hỏi của thanh niên Jatukanni, 13. Câu hỏi của thanh niên Bhadravudha, 14. Câu hỏi của thanh niên Udaya, 15. Câu hỏi của thanh niên Posala, 16. Câu hỏi của thanh niên Magharaja, 17. Câu hỏi của thanh niên Pingiya. Kết luận.

Tập II, Kinh Tiểu Bộ, Anh dịch: *Isaline Blew Horner* (Hội Kinh tạng Pali, Luân Đôn, Anh Quốc), Việt dịch: *Nguyễn Tâm - Trần Phương Lan*, Nxb Tp. Hồ Chí Minh, PL. 2543 – DL. 1999, có 672 trang, (số thứ tự 29); nội dung gồm có 2 chuyện: Chuyện Thiên cung và Chuyện Ngạ quỷ.

Chuyện Thiên cung có tất cả 7 phẩm: 1.P. *Lâu đài nữ giới*, có 17 chuyện (Các chuyện: 1. Lâu đài có sàng tọa, 2. Lâu đài có sàng tọa thứ hai, 3. Lâu đài có sàng tọa thứ ba, 4. Lâu đài có sàng tọa thứ tư, 5. Lâu đài có con voi, 6. Lâu đài có chiếc thuyền, 7. Lâu đài có chiếc thuyền thứ hai, 8. Lâu đài có chiếc thuyền thứ ba, 9. Lâu đài có ngọn đèn, 10. Lâu đài có cúng mè, 11. Lâu đài trinh phụ, 12. Lâu đài trinh phụ thứ hai, 13. Lâu đài của nàng dâu, 14. Lâu đài nàng dâu thứ hai, 15. Lâu đài của Uttarà, 16. Lâu đài của Sirimà, 17. Lâu đài của Kesakari); 2.P. *Cittalatà*, có 11 chuyện (Các chuyện: 1. Lâu đài của nữ tỳ, 2. Lâu đài của Lakhumà, 3. Lâu đài người

con com cháy, 4. Lâu đài của nàng Chiên-đà-la, 5. Lâu đài của phu nhân khả ái, 6. Lâu đài của con Sonadinnà, 7. Lâu đài của Uposatha, 8 và 9. Các lâu đài của Niddà và Suniddà, 10. Lâu đài của người nữ thí chủ, 11. Lâu đài của nữ thí chủ thứ hai); 3.P. *Pàricchattaka*, có 10 chuyện (Các chuyện: 1. Lâu đài huy hoàng, 2. Lâu đài do cúng mía, 3. Lâu đài có chiếc trường kỷ, 4. Lâu đài của Lata, 5. Lâu đài của Guttila, 6. Lâu đài rục rờ, 7. Lâu đài của Sesavati, 8. Lâu đài của Mallikà, 9. Lâu đài của Visàlakkhi, 10. Lâu đài cây san hô); 4.P. *Đỏ sẫm*, có 12 chuyện (Các chuyện: 1. Lâu đài đỏ sẫm, 2. Lâu đài sáng chói, 3. Lâu đài trên con voi, 4. Lâu đài Alomà, 5. Lâu đài của người cúng cháo gạo, 6. Lâu đài tinh xá, 7. Lâu đài bốn nữ nhân, 8. Lâu đài vườn xoài, 9. Lâu đài hoàng kim, 10. Lâu đài do cúng mía, 11. Lâu đài do sự đánh lễ, 12. Lâu đài của Rajjumàlà); 5.P. *Đại xa*, có 14 chuyện (Các chuyện: 1. Lâu đài tiên nhái, 2. Lâu đài của Revati, 3. Lâu đài của Chatta, 4. Lâu đài của người cúng cháo cua, 5. Lâu đài của người giữ cửa, 6. Lâu đài do công đức thiện sự, 7. Lâu đài thứ hai do công đức thù thắng, 8. Lâu đài do cúng cây kim, 9. Lâu đài thứ hai do cúng cây kim, 10. Lâu đài con voi, 11. Lâu đài con voi thứ hai, 12. Lâu đài con voi thứ ba, 13. Lâu đài có cỗ xe nhỏ, 14. Lâu đài có cỗ xe lớn); 6.P. *Pàyasi*, có 10 chuyện (Các chuyện: 1. Lâu đài gia chủ, 2. Lâu đài gia chủ thứ hai, 3. Lâu đài của người cúng trái cây, 4. Lâu đài của người cúng chỗ cư trú, 5. Lâu đài của người cúng chỗ cư trú thứ hai, 6. Lâu đài của người cúng món khất thực, 7. Lâu đài của người giữ lúa mạch, 8. Lâu đài của vị thiên tử thứ hai đeo vòng tai, 9. Lâu đài của vị thiên tử thứ hai đeo vòng tai, 10. Lâu đài của Uttara); 7.P. *Sunikkhitta*, có 11 chuyện (Các chuyện: 1.

Lâu đài Cittalatà, 2. Lâu đài của Nandana, 3. Lâu đài có trụ ngọc bích, 4. Lâu đài bằng vàng, 5. Lâu đài vườn xoài, 6. Lâu đài của người chăn bò, 7. Lâu đài của Kanthaka, 8. Lâu đài có nhiều màu sắc, 9. Lâu đài của vị thiên tử đeo vòng tai sáng chói, 10. Lâu đài của Serissaka, 11. Lâu đài của Sunikkhitta).

Chuyện Ngạ quỷ có 4 phẩm: 1.P. *Con rắn*, có 12 chuyện (Các chuyện: 1. Thí dụ phước điền, 2. Con lợn rừng, 3. Ngạ quỷ có mồm hôi thối, 4. Hình nhân bằng bột, 5. Ngạ quỷ ngoại bức tường, 6. Ngạ quỷ ăn thịt năm đứa bé, 7. Ngạ quỷ ăn thịt bảy đứa bé, 8. Con bò, 9. Ông chủ thợ dệt, 10. Nữ nhân sói đầu, 11. Con voi, 12. Con rắn); 2.P. *Ubbari*, có 13 chuyện (Các chuyện: 1. người tìm giải thoát vòng luân hồi, 2. Mẹ của Trưởng lão Sàriputta, 3. Nữ Ngạ quỷ Mattà, 4. Nữ Ngạ quỷ Nandà, 5. Mattakundali, 6. Đại vương Kanha, 7. Ngạ quỷ Dhanapàla, 8. Tiểu chủ ngân khố, 9. Ankura, 10. Mẹ của Uttara, 11. Cuốn chỉ, 12. Nữ quỷ ở hồ Kannamunda, 13. Hoàng hậu Ubbari); 3.P. *Tiểu phẩm*, có 10 chuyện (Các chuyện: 1. Không chìm trong nước, 2. Ngạ quỷ núi Sànuvāsīn, 3. Nữ quỷ hồ Ràthakàrà, 4. Rơm trấu, 5. Chàng trai, 6. Nữ Ngạ quỷ Serinì, 7. Chuyện người săn nai, 8. Người săn nai thứ hai, 9. Những phán quyết gian dối, 10. Chuyện khinh khi Xá-lợi); 4.P. *Đại phẩm*, có 16 chuyện (Các chuyện: 1. Vua Ambasakkhara, 2. Serisaka, 3. Quỷ thần Nandaka, 4. Ngạ quỷ Revati, 5. Cây mía, 6. Các vương tử, 7. Vị vương tử, 8. Những Ngạ quỷ ăn phân, 9. Thứ hai về các ngạ quỷ ăn phân, 10. Bầy ngạ quỷ, 11. Ngạ quỷ thành Pàtaliputta, 12. Các trái xoài, 13. Trục xe và cây gỗ, 14. Thu góp tài sản, 15. Các nam tử của nhà triệu phú, 16. Sáu vạn cái búa).

Kinh Tiểu Bộ - Tập II, được Tu thư Phật học Vạn Hạnh ấn hành – 1982.

Tập III, Kinh Tiểu Bộ, Việt dịch: HT. Thích Minh Châu (1918-2012), Nxb Tp. Hồ Chí Minh, PL. 2544 – DL. 2000, có 735 trang, (số thứ tự 30); nội dung gồm có 2 phần, 1. Trưởng lão Tăng kê và 2. Trưởng lão Ni kê.

I. Trưởng lão Tăng kê có tổng số 21 chương. *Chương một kê*, có 12 phẩm: *Phẩm một*: 1. Subhùti, 2. Mahà Kotthita, 3. Kankha Revata, 4. Punna Mantàniputta, 5. Dabba, 6. Sita-Vaniya, 7. Bhalliya, 8. Vira, 9. Pilinda-vaccha, 10. Punamàsa; *Phẩm hai*: 11. Gavaccha, 12. Mahà Gavaccha, 13. Vana-vaccha, 14. Sivaka, 15. Kunda-dhàna, 16. Belatthasisa, 17. Dàsaka, 18. Singàla-pitar, 19. Kula, 20. Ajita; *Phẩm ba*: 21. Nigrodha, 22. Cittaka, 23. Gosàla, 24. Sugandha, 25. Nandiya, 26. Abhaya, 27. Lomasakangiya, 28. Jambugàmika, 29. Hārta, 30. Uttiya; *Phẩm bốn*: 31. Gahvaratiriya, 32. Suppiya, 33. Sopàka, 34. Posiya, 35. Sàmannakàni, 36. Kumàputta, 37. Sundanta (Bạn của người Kumà), 38. Gavampati, 39. Tissa, 40. Vaddhamàna; *Phẩm năm*: 41. Sirivaddha, 42. Khadira-Vaniya, 43. Sumangala, 44. Sànu, 45. Ràmaniya-vihàrim, 46. Sumiddhi, 47. Ujiya, 48. Sanjaya, 49. Ràmameyyaka, 50. Viamala; *Phẩm sáu*: 51. Godhika, 52. Subàhu, 53. Valliya, 54. Uttiya, 55. Anjana-vaniya, 56. Kutivihàrim (1), 57. Kutivihàrim (2), 58. Ràmaniya-kutika, 59. Kosala-vihàrim, 60. Sivali; *Phẩm bảy*: 61. Vappa, 62. Vajji-putta, 63. Pakkha Sammeda, 64. Vimalakondanna, 65. Ukkhepata-vaccha, 66. Meghiya, 67. Ekadhamma-savanniya, 68. Ekuđaniya, 69. Channa, 70. Punna (Sunàparantaka); *Phẩm tám*: 71. Vacchapàla, 72. Àtuma, 73. Mánava, 74.

Suyàman, 75. Susàrada, 76. Piyanjaha, 77. Hatthàroha-putta, 78. Mendasira, 79. Rakkhita, 80. Ugga; *Phẩm chín*: 81. Samitigutta, 82. Kassapa, 83. Siha, 84. Nita, 85. Sunàga, 86. Nàgita, 87. Pavittha, 88. Ajjuna, 89. Devasabha, 90. Sàmiddatta; *Phẩm mười*: 91. Paripunnaka, 92. Vijaya, 93. Eraka, 94. Mettaji, 95. Cakku-pàla, 96. Khandasumana, 97. Tissa, 98. Abhaya, 99. Uttiya, 100. Devasabha; *Phẩm mười một*: 101. Belatthakàni, 102. Setuccha, 103. Bandhura, 104. Khitaka, 105. Malitavambha, 106. Suhemanta, 107. Dhammasava, 108. Phụ thân của Dhammasava, 109. Langha Rakkhita, 110. Usabha; *Phẩm mười hai*: 111. Jenta, 112. Vacchagotta, 113. Vana-vaccha, 114. Adhimutta, 115. Mahànàma, 116. Pàràpariya, 117. Yasa, 118. Kimliba, 119. Vajji-putta, 120. Isidatta.

Chương hai kê, có 5 phẩm, *Phẩm một*: 121. Utara, 122. Pindola-bhàradvàja, 123. Valliya, 124. Gangatiriya Datta, 125. Ajina, 126. Melajina, 127. Rhàdha, 128. Suràdha, 129. Gotama, 130. Vasabha; *Phẩm hai*: 131. Mahà Cunsa, 132. Jotidàra, 133. Herannakàni, 134. Somamitta, 135. Sabbamitta, 136. Mahàkàla, 137. Tissa, 138. Kimbila, 139. Nanda, 140. Sirimat; *Phẩm ba*: 141. Utara, 142. Bhaddaji, 143. Sobhita, 144. Valliya Kanhamitta, 145. Vitasoka, 146. Punnamàsa, 147. Nandaka, 148. Bharata, 149. Bhàradvàja, 150. Kanhadinna; *Phẩm bốn*: 151. Migasira, 152. Sivaka, 153. Upavàna, 154. Isidinna, 155. Sambulakaccàna, 156. Khitaka, 157. Sonapotiriyaputta, 158. Nisabha, 159. Usabha, 160. Kappata-kura; *Phẩm năm*: 161. Kumàra-kassapa, 162. Dhammapàla, 163. Brahmàli, 164. Mogharàjam, 165. Visàkha, 166. Cùlaka, 167. Anùpama, 168. Vajjita, 169. Sandhita.

Chương ba, Phẩm ba kệ: 170. Anganika-bhàradvāja, 171. Paccaya, 172. Bākula, 173. Dhaniya, 174. Mātanga-putta, 175. Khujja-sobhita, 176. Vārana, 177. Passika, 178. Yasoja, 179. Sàtimattiya, 180. Upāli, 181. Uttarapāla, 182. Abhibhūta, 183. Gotama, 184. Hārīta, 185. Vimāla; *Chương bốn, Phẩm bốn kệ:* 186. Nāgasamāla, 187. Bhagu, 188. Sabhiya, 189. Nandaka, 190. Jambuka, 191. Senaka, 192. Sambhūta, 193. Rāhula, 194. Candana, 195. Dhammaika, 196. Sabbaka, 197. Mudita; *Chương năm, Phẩm năm kệ:* 198. Rājadatta, 199. Subhūta, 200. Girimānanda, 201. Sumana, 202. Vaddha, 203. Nadikassapa, 204. Kassapa ở Gayā, 205. Vakkali, 206. Vifgitasena, 207. Yasadatta, 208. Sona-kutikanna, 209. Kosiya; *Chương sáu, Phẩm sáu kệ:* 210. Kassapa ở Uruvelā, 211. Tekicchakāri, 212. Mahānāga, 213. Kulla, 214. Mallunkyaputta, 215. Sappadāsa, 216. Kātiyāna, 217. Migajāla, 218. Jenta, 219. Sumana, 220. Nhālaka-muni, 221. Brahmadata, 222. Sirimanda, 223. Sabbhakāma; *Chương bảy, Phẩm bảy kệ:* 224. Sundara-samudda, 225. Lakuntakabhaddiya, 226. Bhadda, 227. Sopāka, 228. Sarabhanga; *Chương tám, Phẩm tám kệ:* 229. Mahā-kaccāyana, 230. Sirimitta, 231. Mahā-panthaka; *Chương chín, Phẩm chín kệ:* 232. Bhūta; *Chương mười, Phẩm mười kệ:* 233. Kāludāyin, 234. Ekavihāriya, 235. Mahā-kappina, 236. Cūla-panthaka, 237. Kappa, 238. Upasena, 239. Gotama; *Chương mười một, Phẩm mười một kệ:* 240. Sankicca; *Chương mười hai, Phẩm mười hai kệ:* 241. Silavat, 242. Sunīta; *Chương mười ba, Phẩm mười ba kệ:* 243. Sona Kilivisa; *Chương mười bốn, Phẩm mười bốn kệ:* 244. Revata, 245. Godatta; *Chương mười lăm, Phẩm mười sáu kệ:* 246. Annā-kindanna, 247. Udāyin;

Chương mười sáu, Phẩm hai mươi kệ: 248. Adhimutta, 249. Pārāpariya, 250. Kelakāni, 251. Ratthapāla, 252. Mālunkyaputta, 253. Sela, 254. Bhaddhiya-kāligodhāyaputta, 255. Angulimāla, 256. Anuruddha, 257. Pārāpariya; *Chương mười bảy, Phẩm ba mươi kệ:* 258. Phussa, 259. Sāriputta, 260. Ānanda; *Chương mười tám, Phẩm bốn mươi kệ:* 261. Mahā Kassapa, *Chương mười chín, Phẩm năm mươi kệ:* 262. Tālaputa; *Chương hai mươi, Phẩm sáu mươi kệ:* 263. Mahā Moggallāna; *Chương hai mươi một, Phẩm bảy mươi một kệ:* 264. Vangisa.

II. Trưởng lão Ni kệ, có 16 phẩm. Phẩm một, Tập 1 kệ: 1. Vô danh Ni, 2. Mutta, 3. Punna, 4. Tissa, 5. Một Tissa khác, 6. Dhira, 7. Một Dhira khác, 8. Mitta, 9. Bhadha, 10. Upasama, 11. Mutta, 12. Dhammadinnā, 13. Visākhā, 14. Sumānā, 15. Uttara, 16. Sumānā, 17. Dhamima, 18. Sanjhā; *Phẩm hai, Tập 2 kệ:* 19. Abhirupa-nanda, 20. Jenti, 21. Mẹ của Sumangala, 22. Addhakasi, 23. Citta, 24. Mettika, 25. Mùtta, 26. Mẹ của Abhayā, 27. Abhaya, 28. Sama; *Phẩm ba, Tập 3 kệ:* 29. Một Sama khác, 30. Uttama, 31. Một Uttama khác, 32. Dantika, 33. Ubbiri, 34. Sukkā, 35. Siela, 36. Soma; *Phẩm bốn, Tập 4 kệ:* 37. Bhaddā; *Phẩm năm, Tập 5 kệ:* 38. Một Tỳ-kheo Ni vô danh, 39. Vimalā-xưa là một kỹ nữ, 40. Sihā, 41. Sundari Nandā, 42. Nanduttara, 43. Mittakali, 44. Sukulā, 45. Sonā, 46. Bhaddā Kundalakesā, 47. Patacara, 48. Ba mươi vị Tỳ-kheo Ni tuyên bố về chánh trí dưới sự lãnh đạo của Patacara, 49. Canda; *Phẩm sáu, Tập 6 kệ:* 50. Năm trăm Patacara, 51. Vasitthi, 52. Khema, 53. Sujata, 54. Anopamā, 55. Mahapajapati Gotami, 56. Gutta, 57. Vijaya; *Phẩm bảy, Tập 7 kệ:* 58. Uttara, 59. Cālā, 60.

Upacala; *Phẩm tám, Tập 8 kệ*: 61. Sisupacala; *Phẩm chín, Tập 9 kệ*: 62. Mẹ của Vaddha; *Phẩm mười, Tập 10 kệ*: 63. Kisa Gotami; *Phẩm mười một, Tập 12 kệ*: 64. Uppalavanna; *Phẩm mười hai, Tập 12 kệ*: 65. Puma hay Punnika; *Phẩm mười ba, Tập 13 kệ*: 66. Ambapali, 67. Rohini, 68. Cápà, 69. Sundari, 70. Subha con người thợ vàng; *Phẩm mười bốn, Tập 30 kệ*: 71. Subha ở rừng xoài của Jivaka; *Phẩm mười lăm, Tập 40 kệ*: 72. Isidasi; *Phẩm mười sáu, Đại phẩm*: 73. Sumedha.

Tập IV, Kinh Tiểu Bộ, Việt dịch: HT. Thích Minh Châu (1918-2012), Nxb Tp. Hồ Chí Minh, PL. 2545 – DL. 2001, có 723 trang, (số từ tự 31); nội dung gồm có 1 Chương, 12 phẩm, mỗi phẩm có 10 chuyện, tổng cộng 120 chuyện.

Chương I, 1. Phẩm Apannaka, 1. Chuyện Pháp tội thượng, 2. Chuyện Bãi sa mạc, 3. Chuyện Người buôn chè, 4. Chuyện Tiểu triệu phú, 5. Chuyện Đâu gạo, 6. Chuyện Thiên pháp, 7. Chuyện Nàng lượm củi, 8. Chuyện Vua Gàmani, 9. Chuyện Vua Makhàdeva, 10. Chuyện Trưởng lão Sukhavihàri; *2. Phẩm Giới*, 11. Chuyện Con nai điềm lành, 12. Chuyện Con nai cây đa, 13. chuyện Mũi tên, 14. Chuyện Con nai gió, 15. Chuyện Con nai Kharàdiya, 16. Chuyện Con nai có ba cử chỉ, 17. Chuyện Gió thổi, 18. Chuyện Đồ ăn cúng người chết, 19. Chuyện Lễ cúng do có lợi, 20. Chuyện Hồ Nalakapàla; *3. Phẩm Kurunga*, 21. Chuyện Con nai sơn dương, 22. Chuyện Con chó, 23. Chuyện Con ngựa thuần chủng, 24. Chuyện Đồi ngựa nòi tốt, 25. Chuyện Bến tắm, 26. Chuyện Con voi Ma Hilàmukha, 27. Chuyện Đôi bạn thân thiết, 28. Chuyện Con bò đại hỷ, 29. Chuyện Con bò đen, 30. Chuyện Con heo Munika; *4. Phẩm Kulavaka*, 31. Chuyện Tổ chim con, 32.

Chuyện Múa ca, 33. Chuyện Sống hòa hợp, 34. Chuyện Con cá, 35. Chuyện Con chim cú, 36. Chuyện Con chim, 37. Chuyện Con chim trĩ, 38. Chuyện Con cò, 39. Chuyện Người nô lệ Nanda, 40. Chuyện Hồ than lửa cây Keo; *5. Phẩm Lợi ái*, 41. Chuyện Trưởng lão Losaka, 42. Chuyện Chim bò câu, 43. Chuyện Con rắn tre, 44. Chuyện Con muỗi, 45. Chuyện Nữ tỳ Rohini, 46. Chuyện Kẻ làm hại vườn, 47. Chuyện Rượu mạnh, 48. Chuyện Bà-la-môn Vedabbha, 49. Chuyện Các vì sao, 50. Chuyện Những kẻ vô trí; *6. Phẩm Á simsa*, 51. Chuyện Vua đại giới đức, 52. Chuyện Tiểu Janaka, 53. Chuyện Bình rượu đầy, 54. Chuyện Trái cây, 55. Chuyện Năm vũ khí, 56. Chuyện Khối vàng, 57. Chuyện Khi chúa, 58. Chuyện Bá pháp, 59. Chuyện Tiếng trống, 60. Chuyện Thổi tù và; *7. Phẩm nữ nhân*, 61. Chuyện Bài kinh khổ đau, 62. Chuyện Cô gái trên bảy tầng lầu, 63. Chuyện Hiền sĩ Chà Là, 64. Chuyện Người vợ khó hiểu, 65. Chuyện Nổi bất mãn, 66. Chuyện Hoàng hậu từ tâm, 67. Chuyện Người đàn bà thôn quê, 68. Chuyện Thành Saketa, 69. Chuyện Con rắn phun nọc độc, 70. Chuyện Hiền giả cái cuốc; *8. Phẩm Varana*, 71. Chuyện Cây Varana, 72. Chuyện Tượng vương đức hạnh, 73. Chuyện Đứng vậy chăng?, 74. Chuyện Luật cây rừng, 75. Chuyện Con cá, 76. Chuyện Người không sợ hãi, 77. Chuyện Giác mộng lớn, 78. Chuyện Vị triệu phú Illisa, 79. Chuyện Tiếng trống ồn ào, 80. Chuyện Người thợ dệt Bhimasena; *9. Phẩm Apayimha*, 81. Chuyện Uống rượu, 82. Chuyện Nam tử Mittavinda, 83. Chuyện Điềm xui xẻo, 84. chuyện Cửa ngõ hạnh phúc, 85. Chuyện Cây có trái lạ, 86. Chuyện Thử thách giới đức, 87. Chuyện Điềm lành dữ, 88. Chuyện Con bò Sà rambha, 89. Chuyện Kẻ lừa đảo, 90.

Chuyện Kể vong ân; 10. *Phẩm Litta*, 91. Chuyện Chơi súc sắc ngộ độc, 92. Chuyện Đại bảo vật, 93. chuyện Ngộ độc do luyến ái, 94. Chuyện Nỗi kinh hoàng, 95. Chuyện Vua đại thiện kiến, 96. Chuyện Bát dầu, 97. Chuyện Điềm lành của tiên, 98. Chuyện Người lái buôn lừa đảo, 99. Chuyện Hơn một ngàn kẻ ngu, 100. Chuyện Sắc thân bất lạc; 11. *Phẩm Parossata*, 101. Chuyện Hơn một trăm kẻ ngu, 102. Chuyện Người bán rau, 103. Chuyện Kể thù, 104. Chuyện Chàng trai Mittavinda, 105. Chuyện Con voi sợ chết, 106. Chuyện Múc nước, 107. Chuyện Nghề ném đá, 108. Chuyện Lạ kỳ, 109. Chuyện Bánh bột trấu đỏ, 110. Chuyện Câu hỏi bao quát tất cả; 12. *Phẩm Hamsa*, 111. Chuyện Câu hỏi của con lừa, 112. Chuyện Câu hỏi của hoàng hậu bất tử, 113. Chuyện Con chó rừng, 114. Chuyện Con cá nghĩ vừa, 115. Chuyện Người giáo giới, 116. Chuyện Người múa giáo, 117. Chuyện Chim đa đa, 118. Chuyện Chim cun cú, 119. Chuyện Con gà gáy phi thời, 120. Chuyện Giải thoát sự trói buộc.

Tập V, Kinh Tiểu Bộ, Anh dịch: *Isaline Blew Horner* (Hội Kinh tạng Pàli, Luân Đôn, Anh Quốc), Việt dịch: *HT. Thích Minh Châu (1918-2012)* và *PT. Nguyễn Tâm - Trần Phương Lan*, Nxb Tp. Hồ Chí Minh, PL. 2545 – DL. 2001, có 753 trang, (số thứ tự 32); nội dung gồm có 3 chương, 15 phẩm, với 143 chuyện (từ chuyện 121-263).

Chương I, 1. Phẩm Kusanàli, 121. Chuyện Thần cây cỏ Kusa, 122. Chuyện Kể ngu, 123. Chuyện Cái cán cày, 124. Chuyện Trái xoài, 125. Chuyện Người nô lệ Katàhaka, 126. Chuyện Tướng của kiếm, 127. Chuyện Người nô lệ Kalanduka, 128. Chuyện Con mèo, 129. Chuyện Kể thờ lửa, 130. Chuyện Nữ Bà-la-môn Kosiya;

2. *Phẩm Asampadàna*, 131. Chuyện Kể vong ân, 132. Chuyện Ngũ dục lạc, 133. Chuyện Lửa cháy, 134. Chuyện Thiên quán, 135. Chuyện Nguyệt quang, 136. Chuyện Con thiên nga vàng, 137. Chuyện Con mèo, 138. Chuyện Con cắc kè, 139. Chuyện Cả hai mặt thất bại, 140. Chuyện Con quạ; 3. *Phẩm Kakantaka*, 141. Chuyện Con cắc kè, 142. Chuyện Con chó rừng, 143. Chuyện Chiếu sáng như mặt trời, 144. Chuyện Cái đuôi bò, 145. Chuyện Con vẹt Radha, 146. Chuyện Con quạ, 147. Chuyện Áo vải màu đỏ, 148. Chuyện Con chó rừng, 149. Chuyện Cây một lá, 150. Chuyện Thanh niên Sanjiva. *Chương II (Hai bài kệ)*, 4. *Phẩm Dalha*, 151. Chuyện Lời giáo giới cho vua, 120. Chuyện Con chó rừng, 153. Chuyện Con heo rừng, 154. Chuyện Con rắn, 155. Chuyện Nhảy mũi, 156. Chuyện Hoàng tử có tâm thù phục, 157. Chuyện Công đức, 158. Chuyện Con ngựa Suhanu, 159. Chuyện Con công, 160. Chuyện Con ngỗng xanh sẫm; 5. *Phẩm Santahava*, 161. Chuyện Ân sĩ Indasamànagotta, 162. Chuyện Mỗi thân giao, 163. Chuyện Vua Susima, 164. Chuyện Chim điều hâu, 165. Chuyện Con chuột rừng, 166. Chuyện Bà-la-môn Upasàlha, 167. Chuyện Trưởng lão Samiddhi, 168. Chuyện Chim điều hâu, 169. Chuyện Đạo sư Araka, 170. Chuyện Con kỳ nhông; 6. *Phẩm Thiện pháp*, 171. Chuyện Thiện pháp, 172. Chuyện Núi Daddara, 173. Chuyện Con vượn, 174. Chuyện Con vượn lừa dối, 175. Chuyện Đánh lễ mặt trời, 176. Chuyện Một năm đậu, 177. Chuyện Cây Tinduka, 178. Chuyện Con rùa, 179. Chuyện Bà-la-môn Satadhamma, 180. Chuyện Khó cho; 7. *Phẩm Asadisa*, 181. Chuyện Hoàng tử vô địch, 182. Chuyện Con voi thiện chiến, 183. Chuyện Đồ tàn thực, 184. Chuyện Người luyện ngựa Giridanta, 185. Chuyện

Tâm bất tịnh, 186. Chuyện Vua mang sữa đông, 187. Chuyện Bốn vẻ đẹp, 188. Chuyện Sư tử lai chó rừng, 189. Chuyện Tám da sư tử, 190. Chuyện Giữ giới; 8. *Phẩm Ruhaka*, 191. Chuyện Tể sư Ruhaka, 192. Chuyện Thiên nữ Siri và Kàlakanni, 193. Chuyện Hoàng tử Liên hoa, 194. Chuyện Kẻ trộm ngọc, 195. Chuyện Hòn núi đẹp, 196. Chuyện Con ngựa bay, 197. Chuyện Bạn-thù, 198. Chuyện Con vẹt Radha, 199. Chuyện Người gia chủ, 200. Chuyện Giới hạnh tốt lành; 9. *Phẩm Natamdaiha*, 201. Chuyện Nhà tù trời buộc, 202. Chuyện Tánh nghịch ngợm, 203. Chuyện Tu tập từ tâm, 204. Chuyện Con quạ Viraka, 205. Chuyện Cá sông Hằng, 206. Chuyện Con nai núi, 207. Chuyện Vua Assaka, 208. Chuyện Con cá sấu, 209. Chuyện Con chim môi, 210. Chuyện Con chim gõ mõ; 10. *Phẩm Biranattambahaka – Đám cỏ thom*, 211. Chuyện Chàng trai Somadatta, 212. Chuyện Thức ăn thừa, 213. Chuyện Vua Bharu, 214. Chuyện Con sông đầy, 215. Chuyện Con rùa, 216. Chuyện Con cá, 217. Chuyện Người bán rau, 218. Chuyện Người lái buôn lừa đảo, 219. Chuyện Đáng chỉ trích, 220. Chuyện Tể sư Dhammadhaja; 11. *Phẩm Kàsava*, 221. Chuyện Tấm y vàng, 222. Chuyện Con khi Cùllanandiya, 223. Chuyện Thức ăn đi đường, 224. Chuyện Con các sấu, 225. Chuyện Đề cao tính kham nhẫn, 226. Chuyện Con cú, 227. Chuyện Con bọ ăn phân, 228. Chuyện Bà-la-môn Kàmanita, 229. Chuyện Du sĩ Palàyi, 230. Chuyện Du sĩ Palàyi thứ hai; 12. *Phẩm Upàhana*, 231. Chuyện Chiếc giày, 232. Chuyện Không được hướng dẫn, 233. Chuyện Mũi tên, 234. Chuyện Nàng Asitabhù, 235. Chuyện Vị ẩn sĩ Vaccha-nakha, 236. Chuyện Con cò, 237. Chuyện Thành Sàketa, 238. Chuyện Một chữ, 239.

Chuyện Con nhái xanh, 240. Chuyện Vua Mahàpingala; 13. *Phẩm Sigàla - chó rừng*, 241. Chuyện Vua chó rừng Sabbadàtha, 242. Chuyện Con chó, 243. Chuyện Nhạc sĩ Guttila, 244. Chuyện Ly dục, 245. Chuyện Kinh Pháp môn căn bản, 246. Chuyện Lời phỉ báng, 247. Chuyện Hoàng tử Pàdanjali, 248. Chuyện Thí dụ cây Kimsuka, 249. Chuyện Con khi Sàlaka, 250. Chuyện Con khi.

Chương III, 14. Phẩm Sankappa, 251. Chuyện Dục tâm, 252. Chuyện Một năm mè, 253. Chuyện Vua rắn Manikantha, 254. Chuyện Con ngựa quý ăn cám gạo đỏ, 255. Chuyện Con vẹt, 256. Chuyện Cái giếng cũ, 257. Chuyện Người hầu cận Gàmani-canda, 258. Chuyện Đại vương Mandahàta, 290. Chuyện Ẩn sĩ Trìta-vaccha, 260. Chuyện Sứ giả của cái bụng; 15. *Phẩm Kosya*, 261. Chuyện Hoa sen, 262. Chuyện Bàn tay mềm mại, 263. Chuyện Tiểu dục tham.

Tập VI, Kinh Tiểu Bộ, Anh dịch: W.H.Rouse, H.T.Francis & R.A.Neil (Hội Kinh tạng Pàli, Luân Đôn, Anh Quốc), Việt dịch: *Trần Tuấn Mẫn (từ số 264 – 371); Nguyễn Tâm – Trần Phương Lan (từ số 372 – 395)*, Nxb Tôn Giáo – Hà Nội, PL. 2545 – DL. 2002, có 746 trang, (số thứ tự 33); nội dung gồm có tiếp theo: Chương III, IV, V và VI, có 4 phẩm, có 132 chuyện (từ chuyện 264 - 395).

Chương III, Phẩm 3 Bài kệ, có 37 chuyện: 264. Chuyện Đại vương Panàda, 265. Chuyện Mũi tên, 266. Chuyện Con ngựa quý tốc như phong, 267. Chuyện Con cua, 268. Chuyện Kẻ làm hại vườn, 269. Chuyện Nàng Sujàta, 270. Chuyện Con cú, 271. Chuyện Kẻ làm bẩn giếng nước, 272. Chuyện Con cọp, 273. Chuyện Con rùa, 274. Chuyện Tham ăn, 275. Chuyện Tham ăn, 276. Chuyện Chánh pháp nước

Kuru, 277. Chuyện Chim bồ câu, 278. Chuyện Con trâu, 279. Chuyện Con hạc, 280. Chuyện Kẻ phá hư giỏ, 281. Chuyện Trái xoài chính trung, 282. Chuyện Điều tốt nhất, 283. Chuyện Con heo rừng của thợ mộc, 284. Chuyện Vận may, 285. Chuyện Heo rừng trong hang thủy tinh, 286. Chuyện Con heo liên căn, 287. Chuyện Chê bai lợi nhuận, 288. Chuyện Xâu cá, 289. Chuyện Mong ước khác nhau, 290. Chuyện Thử thách giới đức, 291. Chuyện Cái bát thần, 292. Chuyện Vua quạ Supatta, 293. Chuyện Thân hư hoại, 294. Chuyện Con chim ăn trái đào, 295. Chuyện Loài hạ liệt, 296. Chuyện Biển cả, 297. Chuyện Dục tình nhằm nhí, 298. Chuyện Trái sung, 299. Chuyện Ân sĩ Komàya-putta, 300. Chuyện Chó sói.

Chương IV, Phẩm 4 Bài kệ, có 50 chuyện:
 301. Chuyện Tiểu vương Kàlinga, 302. Chuyện Đại kỵ sĩ, 303. Chuyện Vị thánh vương, 304. Chuyện Rắn thần Daddara, 305. Chuyện Thử thách giới đức, 306. Chuyện Hoàng hậu Sujàta, 307. Chuyện Thần cây hồng điệp, 308. Chuyện Chim gõ kiến, 309. Chuyện Người tiện dân, 310. Chuyện Vị quốc sư Sayha, 311. Chuyện Cây Nimbo, 312. Chuyện Ân sĩ Kassapa chậm chễ, 313. Chuyện Đạo lý kham nhẫn, 314. Chuyện Địa ngục nôi sắt, 315. Chuyện Miếng thịt, 316. Chuyện Con thỏ, 317. Chuyện Khóc người chết, 318. Chuyện Vòng hoa Kanavera, 319. Chuyện Chim đa đa, 320. Chuyện Dễ cho, 321. Chuyện Kẻ đốt lều, 322. Chuyện Tiếng động mạnh, 323. Chuyện Vua Brahmadata, 324. Chuyện Thầy tu mặc áo da, 325. Chuyện Con tắc kè, 326. Chuyện Thiên hoa Kakkaku, 327. Chuyện Hoàng hậu Kàkàti, 328. Chuyện Không khóc người chết, 329. Chuyện Con khỉ đen lớn, 330. Chuyện Thử thách giới đức, 331. Chuyện Trưởng lão Kokàlika, 332.

Chuyện Chiếc gậy thúc xe, 333. Chuyện Con tắc kè, 334. Chuyện Khuyến dụ quốc vương, 335. Chuyện Chó rừng, 336. Chuyện Vương tử Chatta vĩ đại, 337. Chuyện Cái sàng tọa, 338. Chuyện Vô trấu, 339. Chuyện Xứ Bàveru, 340. Chuyện Trưởng giả Visayha, 341. Chuyện Vua Kàndari, 342. Chuyện Con khỉ, 343. Chuyện Con hạc, 344. Chuyện Người ăn trộm xoài, 345. Chuyện Con rùa lười biếng, 346. Chuyện Đạo sĩ Kesava, 347. Chuyện Cái chày sắt, 348. Chuyện Chồn rừng hoang, 349. Chuyện Lời gièm pha, 350. Chuyện Vấn đề của chư thiên,

Chương V, Phẩm 5 Bài kệ, có 21 chuyện:
 351. Chuyện Vòng tai bằng ngọc, 352. Chuyện Chàng Sujàta, 353. Chuyện Cảnh cây thanh tịnh, 354. Chuyện Con rắn, 355. Chuyện Vương tử Ghata, 356. Chuyện Nam tử Kàrandiya, 357. Chuyện Chim cú, 358. Chuyện Tiểu vương tử hộ pháp, 359. Chuyện Con nai vàng, 360. Chuyện Hoàng hậu Sussondi, 361. Chuyện Sắc đẹp, 362. Chuyện Thử nghiệm đức hạnh, 363. Chuyện Hồ thẹn, 364. Chuyện Con đom đóm, 365. Chuyện Người luyện rắn, 366. Chuyện Con quỷ Gumbiya, 367. Chuyện Vị y sĩ già, 368. Chuyện Dây trói buộc, 369. Chuyện Chàng trai Mittavinda, 370. Chuyện Cây hồng phượng vĩ, 371. Chuyện Hoàng tử Kosala).

Chương VI, Phẩm 6 Bài kệ, có 24 chuyện:
 372. Chuyện Chú nai con, 373. Chuyện Con chuột, 374. Chuyện Chàng tiểu xạ thủ, 375. Chuyện Chim bồ câu, 376. Chuyện Người lái đò, 377. Chuyện Bà-la-môn Setakeku, 378. Chuyện Bà-la-môn Darimukha, 379. Chuyện Núi Neru, 380. Chuyện Thiên nữ Àsankà, 381. Chuyện Chim thúu Migàlopa, 382. Chuyện Hai thiên nữ Siri và Kàlakanni, 383. Chuyện Kê vương, 384. Chuyện Pháp ân, 385. Chuyện Lộc vương hoan hỷ, 386. Chuyện

Con lừa, 387. Chuyện Cây kim, 388. Chuyện Con heo mõm dài, 389. Chuyện Con cua vàng, 390. Chuyện Chim Mayhaka, 391. Chuyện Vị tà thuật sư, 392. Chuyện Củ và hoa sen, 393. Chuyện Món tàn thực, 394. Chuyện Chim cú, 395. Chuyện Con quạ.

Tập VII, Kinh Tiểu Bộ, Anh dịch: H.T.Francis, E.B.Cowell & W.H.Rouse (Hội Kinh tạng Pàli, Luân Đôn, Anh Quốc), Việt dịch: *Nguyễn Tâm – Trần Phương Lan*, Nxb Tôn Giáo Hà Nội, PL. 2545 – DL. 2002, có 730 trang, (số thứ tự 34); nội dung gồm có 6 Chương, 6 phẩm, với 77 chuyện (từ chuyện 396-473).

Chương VII, Phẩm 7 Bài kệ, 396. Chuyện Ác hạnh, 397. Chuyện Sư tử Manoja, 398. Chuyện Hiếu tử Sutana, 399. Chuyện Chim thú, 400. Chuyện Hoa cỏ Kusa, 401. Chuyện Người nuốt lưỡi kiếm, 402. Chuyện Túi da đựng bánh, 403. Chuyện Trí giả Atthisena, 404. Chuyện Hầu vương, 405. Chuyện Phạm thiên Baka, 406. Chuyện Quốc vương Gandhàra, 407. Chuyện Đại hầu vương, 408. Chuyện Người thợ gốm, 409. Chuyện Vua Dalhadamma, 410. Chuyện Voi con Somadatta, 411. Chuyện Vua Susima, 412. Chuyện Thần cây bông vải, 413. Chuyện Người chăn dê Dhùmakàri, 414. Chuyện Người tinh thức, 415. Chuyện Phần cháo cúng đường, 416. Chuyện Cận thân Parantapa. *Chương VIII, Phẩm 8* Bài kệ, 417. Chuyện Hiền mẫu Kaccani, 418. Chuyện Tám tiếng kêu, 419. Chuyện Kiều nữ Sulasà, 420. Chuyện Người giữ ngự viên Sumangala, 421. Chuyện Người hót tóc Gangamàla, 422. Chuyện Quốc vương Ceti, 423. Chuyện Uy lực dục tham, 424. Chuyện Ngọn lửa đốt cháy, 425. Chuyện Những sự kiện không thể xảy ra, 426. Chuyện Con báo. *Chương IX, Phẩm 9* Bài

kệ, 427. Chuyện Chim thú, 428. Chuyện Giáo hội ở Kosambi, 429. Chuyện Đại anh vũ, 430. Chuyện Tiểu anh vũ, 431. Chuyện Nam tử Hārīta, 432. Chuyện Cậu bé có tài nhận dấu chân, 433. Chuyện Vị khổ hạnh Ca-diếp nhiều lông tóc, 434. Chuyện Chim hồng nga, 435. Chuyện Ước mơ chóng phai tàn, 436. Chuyện Cái hộp, 437. Chuyện Chó rừng Pùtinumsa, 438. Chuyện Con gà gô. *Chương X, Phẩm 10* Bài kệ, 439. Chuyện Bốn công thành, 440. Chuyện Hắc hiền giả, 441. Chuyện Bốn vị giữ trai giới, 442. Chuyện Bà-la-môn Sankha, 443. Chuyện Trí giả Tiểu Bò-đề, 444. Chuyện Hắc nhân Dìpàyana, Bài kệ 445. Chuyện Vua Đa, Bài kệ 446. Chuyện Cây hành, 447. Chuyện Đại nhân hộ pháp, 448. Chuyện Kê vương, 449. Chuyện Nam tử đeo vòng tai, 450. Chuyện Phú ông keo kiệt, 451. Chuyện Hồng nga, 452. Chuyện Vấn đề trí tuệ, 453. Chuyện Điềm lành lớn, 454. Chuyện Trí giả Ghata. *Chương XI, Phẩm 11* Bài kệ, 455. Chuyện Voi hiếu dưỡng mẹ, 456. Chuyện Vương tử Nguyệt quang, 457. Chuyện Thiên tử Chánh pháp, 458. Chuyện Vua Thiên lai, 459. Chuyện Ngụm nước uống, 460. Chuyện Thái tử Yuvanjana, 461. Chuyện Đại vương Dasaratha, 462. Chuyện Vương tử Samvara, 463. Chuyện Trí giả Suppàraka. *Chương XII, Phẩm 12* Bài kệ, 564. Chuyện Tiểu vương Điều Kùnala, 565. Chuyện Sàla-cổ thụ cát tường, 566. Chuyện Thương nhân trên biển cả, 567. Chuyện Dục tham, 568. Chuyện Đại vương Janasandha, 569. Chuyện Đại hắc thiên cầu, 570. Chuyện Phú ông keo kiệt, 571. Chuyện Con dê, 572. Chuyện Vương tử Liên hoa, 573. Chuyện Bạn-thù.

Tập VIII, Kinh Tiểu Bộ, Anh dịch: W.H.D.Rouse & H.T.Francis (Hội Kinh tạng Pàli, Luân Đôn, Anh Quốc), Việt

dịch: *Nguyên Tâm – Trần Phương Lan*, Nxb Tôn Giáo Hà Nội, PL. 2546 – DL. 2003, có 704 trang, (số thứ tự 35); nội dung gồm có 4 Chương, 4 Phẩm, với 47 chuyện (từ chuyện 474-520).

Chương XIII, Phẩm 13, Bài kệ 474. Chuyện Trái xoài, Bài kệ 475. Chuyện Cây hồng phượng vĩ, Bài kệ 476. Chuyện Chúa thiên nga có thần tốc, Bài kệ 477. Chuyện Tiểu đạo sĩ Nàrada, Bài kệ 478. Chuyện Sứ thần, Bài kệ 479. Chuyện Cây Bò-đề và Thánh đế Kàlinga, Bài kệ 480. Chuyện Hiền giả Akitta, Bài kệ 481. Chuyện Hiền giả Takkàriya, Bài kệ 482. Chuyện Lộc vương, Bài kệ 483. Chuyện Chúa nai Sarabha; *Chương XIV*, Tập phẩm 484. Chuyện Cánh đồng lúa, Tập phẩm 485. Chuyện Đôi ca thần Canda, Tập phẩm 486. Chuyện Chúa chim ưng, Tập phẩm 487. Chuyện Nam tử Uddàlaka, Tập phẩm 488. Chuyện Củ sen, Tập phẩm 489. Chuyện Đại vương huy hoàng, Tập phẩm 490. Chuyện Nam vi hành trì trai giới, Tập phẩm 491. Chuyện Đại khổng tước, Tập phẩm 492. Chuyện Lợn rừng của thợ mộc, Tập phẩm 493. Chuyện Vị đại thương nhân, Tập phẩm 494. Chuyện Đại vương Sadhina, Tập phẩm 495. Chuyện Mười hạng Bà-la-môn, Tập phẩm 496. Chuyện Cúng thực phẩm đúng cấp bậc; *Chương XV, Phẩm 20*, Bài kệ 497. Chuyện Bạc hiền trí Mātanga, Bài kệ 498. Chuyện Đôi bạn Citta-sambhūta, Bài kệ 499. Chuyện Đại vương Sivi, Bài kệ 500. Chuyện Thần nữ Cát tường, Bài kệ 501. Chuyện Lộc vương Rohanta, Bài kệ 502. Chuyện Chúa thiên nga, Bài kệ 503. Chuyện Anh vũ Sattigumba, Bài kệ 504. Chuyện Đại vương Bhallātiya, Bài kệ 505. Chuyện Vương tử hoan lạc, Bài kệ 506. Chuyện Long vương Campeyya, Bài kệ 507. Chuyện Súc cầm đồ mạnh, Bài kệ 508. Chuyện Năm vị hiền nhân, Bài kệ 509.

Chuyện Hiền giả quản tượng, Bài kệ 510. Chuyện Vương tử trong ngôi nhà sắt; *Chương XVI, Phẩm 30*, Bài kệ 511. Chuyện Dục tham kỳ dị, Bài kệ 512. Chuyện Bình rượu, Bài kệ 513. Chuyện Vương tử chiến thắng, Bài kệ 514. Chuyện Tượng vương ở hồ Chaddanta, Bài kệ 515. Chuyện Nam tử Sambhava, Bài kệ 516. Chuyện Khi chúa, Bài kệ 517. Chuyện Tiền thân Dakarakkhassa, Bài kệ 518. Chuyện Long vương Pandara, Bài kệ 519. Chuyện Hoàng hậu Sambulā, Bài kệ 520. Chuyện Vị thần cây Tindu.

Tập IX, Kinh Tiểu Bộ, Anh dịch: H.T.Francis & E.B.Cowell (Hội Kinh tạng Pàli, Luân Đôn, Anh Quốc), Việt dịch: *Nguyên Tâm – Trần Phương Lan*, Nxb Tôn Giáo Hà Nội, PL. 2547 – DL. 2004, có 768 trang, (số thứ tự 36); nội dung gồm có 6 chương, 6 phẩm, với 19 chuyện (từ chuyện 521-539).

Chương XVII, Phẩm 40 Bài kệ, 521. Chuyện Ba con chim, 522. Chuyện Đại nhân thiện xạ Sarabhanga, 523. Chuyện Thiên nữ Alambusā, 524. Chuyện Long vương Samkhapāla, 525. Chuyện Tiểu Sutasoma; *Chương XVIII, Phẩm 50* Bài kệ, 526. Chuyện Công chúa Nalinikā, 527. Chuyện Kỳ nữ Ummadanti, 528. Chuyện Hiền giả Đại Bò-đề; *Chương XIX, Phẩm 60* Bài kệ, 529. Chuyện Hiền giả Sonaka, 530. Chuyện Hiền giả Samkicca; *Chương XX, Phẩm 70* Bài kệ, 531. Chuyện Đại đế Kusa, 532. Chuyện Hai hiền giả Sonanda; *Chương XXI, Phẩm 80* Bài kệ, 533. Chuyện Tiểu thiên nga, 534. Chuyện Đại thiên nga, 535. Chuyện Thực phẩm thiên giới, 536. Chuyện Chúa chim Kunāla, 537. Chuyện Đại Sutasoma; *Chương XXII* Đại phẩm, 538. Chuyện Vương tử què còm, 539. Chuyện Đại vương Mahājanaka.

Tập X, Kinh Tiểu Bộ, Anh dịch: E.R.Cowell & W.H.D.Rouse (Hội Kinh tạng Pàli, Luân Đôn, Anh Quốc), Việt dịch: *Nguyễn Tâm – Trần Phương Lan*, Nxb Tôn Giáo, PL. 2547 – DL. 2004, có 828 trang, (số thứ tự 37); nội dung gồm có tiếp theo chương XXII, có 8 chuyện (từ chuyện 540-547).

Chương XXII Đại phẩm, 540. Chuyện Hiếu tử Sàma, 541. Chuyện Đại vương Nimi, 542. Chuyện Tế sư Khandahala, 543. Chuyện Bạc đại trí Bhuradatta, 544. Chuyện Bạc đại trí Mahanarada-kassapa, 545. Chuyện Bạc đại trí vô song, 546. Chuyện Đường hàm vĩ đại, 547. Chuyện Đại vương Vessantara.

695. KINH TIỂU PHẨM BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT

ĐCTTĐTK, Quyển thứ 8, Ks. 227

Hán dịch: *Tam tạng Pháp sư*

Ciru-ma-la-thập (Kumarajiva, 344-413)

Phiên âm và lược dịch: *Nguyễn Tánh & Nguyễn Hiến*

Việt dịch (2007): *Chùa Châu Lâm*

Tuệ Quang Wisdom Light Foundation.

Tác phẩm Kinh này có 648 trang (PDF).

(<https://hoavouu.com>, *Sách Phật học-PDF*)

696. KINH TÍN LỰC NHẬP AN PHÁP MÔN

ĐCTTĐTK, Quyển thứ 10, Ks. 305

Hán dịch: *Đàm-ma-lưu-chi*

Phiên âm và lược dịch: *Nguyễn Tánh & Nguyễn Hiến*

Việt dịch (2006): *Nguyễn Hồng*

Tuệ Quang Wisdom Light Foundation.

Tác phẩm Kinh này có 390 trang (PDF), gồm 5 quyển. (<https://hoavouu.com>, *Sách Phật học-PDF*)

697. KINH TỌA THIÊN TAM-MUỘI

Việt dịch: *Tỳ-kheo Thích Phước Sơn*

Viện Phật học Vạn Hạnh,

PL. 2525 – DL. 1981

Kinh dày 118 trang, bìa cứng, nền màu đỏ, chữ tựa mạ vàng. Nội dung gồm có 2 quyển: Lời nói đầu, *Quyển thượng*, 1. Tổng luận, 2. Khảo sát tâm bệnh, 3. Pháp môn đối trị tham dục, 4. Pháp môn đối trị nóng giận, 5. Pháp môn đối trị ngu si, 6. Pháp môn đối trị suy nghĩ nhiều, 7. Pháp môn đối trị đăng phần; *Quyển hạ*, 1. Tứ Thiên, 2. Tứ Không, 3. Tứ Vô lượng tâm, 4. Thần túc thông, 5. Tứ Niệm chi, 6. Tứ đế, 7. Tứ Gia hạnh, 8. Tứ Quả Thanh văn, 9. Quả Bích-chi Phật, 10. Năm Pháp môn tu của Bồ-tát: a. Bồ-tát niệm Phật Tam-muội, b. Bồ-tát bất tịnh Tam-muội, c. Bồ-tát quán Từ Tam-muội, d. Bồ-tát quán Nhân duyên Tam-muội, e. Bồ-tát quán Ana-ban-na Tam-muội; 11. Tổng kết. (*Bản lưu tại Thư viện Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam tại Tp. Hồ Chí Minh; Mã sách: Vie 9338*)

698. KINH TỌA THIÊN TAM-MUỘI

Việt dịch: *Thích Nguyên Xuân*

Tác phẩm Kinh này gồm có 2 quyển: Quyển thượng và Quyển hạ.

(<https://quangduc.com>, *Kinh-Hán tạng*)

699. KINH TÔ-TẮT-ĐỊA YẾT-LA

Hán dịch: *Du-ba-ca-la*

Việt dịch: *Thích Viên Đức*

Tác phẩm Kinh này gồm có 3 quyển, 37 phẩm: *Quyển thượng*, P.1 Thừa hỏi, P.2 Tướng chân ngôn, P.3 Phân biệt A-xà-lê tướng, P.4 Phân biệt tướng trì tụng chân ngôn, P.5 Phân biệt tướng đồng bạn, P.6 Lựa chọn chỗ ở, P.7 Trì giới, P.8 Cúng dường hoa, P.9 Đồ hương dược (thuốc và hương thoa), P.10 Phân biệt hương đốt,

P.11 Phân biệt pháp nhiên đăng (đốt đèn), P.12 Hiến thực (dâng đồ ăn); *Quyển trung*, P.13 Pháp Phiển-đê-ca, P.14 Pháp Bồ-sắc-trung-ca, P.15 Pháp A-tỳ-giá-rô-ca, P.16 Phân biệt pháp thành tựu, P.17 Phụng thỉnh Bồn tôn, P.18 Pháp thứ lớp cúng dường, P.19 Quang hiển pháp, P.20 Pháp hôn đánh Bồn tôn, P.21 Kỳ nghiệm tướng, P.22 Pháp thọ chân ngôn, P.23 Pháp nhãn túc chân ngôn, P.24 Pháp Tăng oai, P.25 Pháp Hộ ma, P.26 Bị biện trì tụng chi phần, P.27 Tương thành tựu các vật, P.28 Pháp thủ thành tựu vật, P.29 Pháp tịnh trừ chư vật, P.30 Lượng số chư vật, P.31 Trừ nhất thiết chướng đại hôn đánh mạn-trà-la pháp, P.32 Các vật quang hiển; *Quyển hạ*, P.33 Thời phần (phần thời tiết), P.34 Viên bị thành tựu, P.35 Thỉnh Tôn gia bị thành tựu, P.36 Bồ khuyết thiếu, P.37 Bị thâu thành vật khước trung pháp. (<https://phatphapungdung.com>; *Pháp bảo-Bộ Mật giáo*)

700. KINH TỐI THẮNG HỎI VỀ VIỆC TRỪ CẤU ĐOẠN KẾT CỦA BỒ-TÁT THẬP TRỤ

Hán dịch: *Trúc Phật Niệm*

Việt dịch: *Thích Tâm Khanh*

Toàn bộ tác phẩm Kinh này gồm có 33 phẩm: P.1 Đạo dẫn, P.2 Lưu hóa, P.3 Quán không, P.4 Sắc nhập, P.5 Liễu không, P.6 Căn môn, P.7 Quảng thoi, P.8 Đồng chơn, P.9 Định ý, P.10 Thành đạo, P.11 Diệt tâm, P.12 Thần túc, P.13 Cung kính, P.14 Đồng mãnh, P.15 Toái thân, P.16 Thân nhập, P.17 Biện tài, P.18 Quyền trí, P.19 Giáo hóa chúng sanh, P.20 Tam đạo diệt độ, P.21 Thừa vô tướng, P.22 Đăng từ, P.23 Pháp giới, P.24 Đạo trí, P.25 Thân khẩu ý, P.26 Trong mộng thành đạo, P.27 Chứng Bồ-tát, P.28 Giải tuệ, P.29 Tam độc, P.30 Hỏi về Niết-bàn, P.31 Tứ phạm đường, P.32 Phạm thiên thỉnh

vân, P.33 Chúc lụy cho Phạm thiên. (<https://phatphapungdung.com>; *Pháp bảo-Bộ Hoa Nghiêm*)

701. KINH TỘI PHÚC BẢO ỨNG

Việt dịch: *Thích Tâm Châu (1921-2015)*

Chùa Từ Quang (Sài Gòn) xuất bản

Kinh có 23 trang, bìa mềm, nền trắng, chữ tựa màu hương và màu đỏ, có hình vẽ hoa sen. *Phật nói Kinh Tội Phúc Báo Ứng*, Hán dịch: Ngải Câu-na-bạt-đa-la; (cuối một số trang có chú thích). (*Bản lưu tại Thư viện Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam tại Tp. Hồ Chí Minh*; Mã sách: *Vie 2157*)

702. KINH TÔN GIẢ HỘ QUỐC HỎI VỀ ĐẠI THỪA

Hán dịch: *Thi Hộ*

Việt dịch: *Thích Nguyên Xuân*

Tác phẩm Kinh này gồm có 4 quyển.

(<https://phatphapungdung.com>; *Pháp bảo-Kinh tạng*)

703. KINH TỤNG –

Phật Giáo Nguyên Thủy (Theravàda)

Việt dịch: *ĐD. Hộ Tông*

Nam Trung Bắc, (ấn hành Sài Gòn) – 1966

Tác phẩm Kinh tụng này gồm có: *Kệ tụng (cho thí chủ) hoan hỷ*: 1. Kệ bố cáo cho thí chủ hoan hỷ, 2. Kệ hoan hỷ tương hợp, 3. Kệ điềm lành vũ trụ, 4. Kệ hoan hỷ về sự thí thực, 5. Kệ hoan hỷ thí thực hộ mạng, 6. Kệ hoan hỷ thí thực hồi hướng cho bậc tiền nhân, 7. Kệ cầu thỉnh chư thiên đến hộ trì thí chủ, 8. Kệ hồi hướng quả báo đến nga qui, nhưt là nga qui ngự ngoài vách nhà, 9. Kệ tụng về sự hoan hỷ theo vật thí (xe cộ), 10. Kệ bố cáo thời bố thí, 11. Kệ tụng về sự thí tịnh xá, 12. Kệ tụng để hồi hướng quả bố thí đến chư thiên, 13. Kinh tụng để ghi nhớ, 14. Kệ tụng về pháp

tế độ, 15. Kệ tụng vừa theo lẽ phải, 16. Kệ tụng về sự chôn của để dành, 17. Kệ tụng về nguồn gốc, 18. Kệ cầu xin sự thành tựu; Anumodanavidhi-về cách dùng kệ hoan hỷ; *Kinh tụng cầu an*: 1. Bài thỉnh chư thiên, 2. Phép lễ bái, 3. Tam quy, 4. Lễ bái chư Phật, 5. Tụng bố cáo Hạnh phúc Kinh; Mangalasutra-Hạnh phúc Kinh; 6. Tụng bố cáo Kinh Tam Bảo, Kinh Tam Bảo; 7. Bố cáo Bác ái Kinh, Bác ái Kinh; *Pakinnakaparitta* (Kinh tụng sau cùng các Kinh cầu an): 1. Abhayaparittagàthà, 2. Jayaparittagàthà, 3. Àtànàtiyaparittagàthà, 4. Tidasapàrami – Tam thập độ, 5. Bố cáo Kinh Chuyển pháp luân, Dhammacakkappavattanastra – Kinh Chuyển pháp luân, 6. Tụng cầu an cho bệnh nhân, 7. Kinh Girimānandasutra – tụng cho bệnh nhân, 8. Lời chỉ giáo tóm tắt, 9. Kệ tụng lễ bái các tháp thờ Xá-lợi, 10. Kinh giải về lửa (phiền não), 11. Kệ tụng về sự cảm thắng và hạnh phúc, 12. Kinh tụng về Tướng vô ngã; *Kinh tụng trong đám cúng vong nhân*: 1. Vi diệu tạng (Pháp tụ), 2. Thập nhị duyên khởi, 3. Các kệ động tâm.

704. KINH TỤNG CHƯ TẶNG (Theravāda – Kinh Điển Pāli)

Việt dịch: *Tịnh Tâm (HT. Hộ Tông)*

Nxb Tp. Hồ Chí Minh, PL. 2544 – DL. 2000

Kinh có khổ 12 x 16.5cm, dày hơn 389 trang, bìa mềm, nền vàng chữ màu đỏ.

Nội dung gồm có: *I. Khuddakapatho, Bộ Tiểu Tụng*; Namassakara, Phép Lễ bái: 1. Tam quy, 2. Mười Điều học, 3. Ba mươi hai thể trực, 4. Sa-di vấn đáp, 5. Kinh Hạnh phúc, 6. Kinh Tam bảo, 7. Kệ Hồi hướng phước báo đến Ngạ quỷ, 8. Kệ tụng về sự Chôn của để dành, 9. Kinh Bác ái (dứt *Bộ Tiểu Tụng*); *II. Anumodanāvidhi, Nghi thức Phúc chúc*: 1. Kệ Bố cáo (cho

thí chủ) hoan hỷ, 2. Kệ Hoan hỷ tương hợp, 3. Kệ tụng về sự Hoan hỷ theo vật thí, 4. Ratanattayānubhāvādigāthā, 5. Kệ tụng về pháp Tế độ, 6. Kệ Hoan hỷ về sự Thí thực, 7. Kệ tụng để Ghi nhớ, 8. Tịnh tín Tối thượng, 9. Tiểu phúc chúc điềm lành vũ trụ, 10. Kệ tụng về Nguồn gốc, 11. Kệ Bố cáo Tùy thời Bồ thí, 12. Kệ tụng Tùy thời Bồ thí, 13. Kệ Hồi hướng quả báo Bồ thí đến chư Thiên, 14. Kệ tụng về sự Thí tịnh xá, 15. Kệ Cầu chư Thiên, 16. Kệ tụng về sự Chôn của để dành, 17. Kệ Hồi hướng quả báo đến Ngạ quỷ, 18. Kệ tụng vừa theo Lẽ phải, 19. Jivabhattānumodanāgāthā, 20. Kệ Thí thực Hồi hướng đến Ngạ quỷ, 21. Kệ Cầu xin sự Thành tựu, 22. Cách dùng Kệ Hoan hỷ (dứt Nghi thức Phúc chúc); *III. Mangalagāthā, Kinh Cầu an, Cullarajaparitta*: 1. Kinh Thắp đèn nguyện hương cúng Tam bảo, 2. Thỉnh chư Thiên, 3. Phép Lễ bái, 4. Tam quy, 5. Lễ bái Tam thể Phật, 6. Kệ tụng Lễ bái các tháp Xá-lợi, 7. Tam Thập độ, 8. Kệ tụng Oai lực Cảm thắng của Đức Phật, 9. Bố cáo Kinh Hạnh phúc, 10. Kinh Hạnh phúc, 11. Bố cáo Kinh Tam bảo, 12. Kinh Tam bảo, 13. Bố cáo Kinh Bác ái, 14. Kinh Bác ái, 15. Khandhaparittārambho, 16. Kinh Rải Tâm từ đến các loài Rắn, 17. Dhajaggasuttārambho, 18. Kinh Ngọn cờ, 19. Àtànàtiyaparittārambho, 20. Àtànàtiyaparittam, 21. Angulimālaparittārambho, 22. Kinh Angulimāla, 23. Kinh Thất Giác chi (dứt phần Cullarajaparitta); *Maharajaparitta*: 1. Thỉnh chư Thiên, 2. Bố cáo Kinh Hạnh phúc, 3. Kinh Hạnh phúc, 4. Bố cáo Kinh Tam bảo, 5. Kinh Tam bảo, 6. Bố cáo Kinh Bác ái, 7. Kinh Bác ái, 8. Catuttham Khandhaparittam, 9. Kinh Rải Tâm từ đến các loài Rắn, 10. Kinh Tượng sáu ngà, 11. Pancamam Moraparittam, 12. Kinh Khổng

tước, 13. Chattham Vattakaparittam, 14. Kinh Chim cú, 15. Sattamam Dhajaggaparittam Suttam, 16. Kinh Ngọn cò, 17. Atthamam Àtànàtiyaparittam, 18. Àtànàtiyaparittam, 19. Navamam Angulimàlaparittam, 20. Kinh Angulimàla, - Kinh A-sha-nang-chi, 21. Dasamam Bojjhangaparittam, 22. Kinh Thất Giác chi, 24. Mahàcundabojjhangasuttapatho, 25. Kinh Gí-rí-ma-nan-đa, 26. Ekadasamam Abhayaparittam, 27. Kinh Vô úy, 28. Dvādasamam Jayaparittam, 29. Kinh Chiến thắng & Linh dược, 30. Mahāmangala Cakkavāla, 31. Tiển chư Thiên hồi quy, Mahārājaparittam Dvādasaparittam Nitthitam (dứt phần Maharajaparitta); *Suru tập kệ*: 1. Buddha Mangala 1, 2. Buddha Mangala 2, A-la-hán tám phương, 3. Kinh Trông rừng, 4. Không Phóng dật, 5. Tội Ngũ trần, 6. Kinh Giáo thọ Thi-ca-la-việt, 7. Vua trời Lễ thập phương, 8. Kinh Tê giác, 9. Kệ tụng Thập đền nguyện hương, 10. Bài Kinh tụng trong lễ Cầu mưa, 11. Lời chỉ giáo tóm tắt, 12. Bộ cáo Kinh Chuyển pháp luân, 13. Kinh Chuyển pháp luân, 14. Anattalakkhanasuttārambho, 15. Kinh Vô ngã tướng, 16. Bộ cáo Kinh giải về Lửa phiền não, 17. Kinh giải về Lửa phiền não, 18. Ba mươi Tục lệ chư Phật, - Ba mươi Tục lệ chư Phật (văn vần), 19. Mười điều Quán tưởng của bậc xuất gia, 20. Phép Quán tưởng về Nguyên chất, 21. Phép Quán tưởng về Vật đáng Nhờm góm, 22. Phép Quán tưởng trong khi dùng các vật dụng, 23. Phép Quán tưởng các vật dụng đã dùng rồi (dứt Suru tập kệ Kinh); *IV. Tipitaka Sankhepa – Tam tạng Tóm tắt*, 1. Tạng Luật, 2. Tạng Kinh, 3. Tạng Diệu pháp, 4. Bộ Pháp tụ, 5. Bộ Phân tích, 6. Bộ Nguyên chất ngữ, 7. Bộ Nhân chế định, 8. Bộ Ngữ tông, 9. Bộ Song đối, 10. Bộ Đại

xú; *V. Avamangalagāthā, Kinh Cầu siêu*: 1. Đầu Đè bộ Pháp tụ, 2. Bản Tóm lược giúp trí nhớ 22 Đầu đề, 2. Nền tảng Tuệ quán, 3. Thập nhị Duyên khởi, 4. - Các kệ Động tâm, - Abhinhapacca vekkanapātho, - Năm điều Quán tưởng, - Bảy pháp đi đến Niết-bàn, - Chứa Ròng kén rê, - Bảy câu đáp của chàng Uttarā, Thập độ văn vần.

705. KINH TỤNG HẰNG NGÀY

Biên soạn: *Thích Nhật Từ*

Nxb Tôn Giáo – 2005

Kinh có khổ 14 x 21cm, dày 985 trang, bìa cứng, chữ tựa màu xanh dương, có hình lá Bồ-đề bên trong lá có hình Đức Phật (bán thân). Toàn bộ Kinh này gồm có 3 phần chính. Lời giới thiệu, Lời tựa, Ý nghĩa của tụng kinh, Hướng dẫn hành trì; *Phần nghi thức dẫn nhập* (Nguyện hương, Ca ngợi Phật và quán tưởng, Đánh lễ Tam bảo, Phát nguyện trì kinh, Tán dương giáo pháp); *Phần chánh Kinh* (có 48 bài Kinh): 1. Thi kệ cuộc đời Đức Phật, 2.K. Chuyển pháp luân, 3.K. Người áo trắng, 4.K. Danh ngôn chánh pháp, 5.K. Nền tảng đức tin, 6.K. Từ tâm, 7.K. Phước đức, 8.K. Sáu pháp vô thượng, 9.K. Hiền nhân, 10.K. Quốc gia cường thịnh, 11.K. Nền tảng đạo đức xã hội, 12.K. Bảy loại vợ, 13.K. Người vợ mẫu mực, 14.K. Giáo hóa người bệnh, 15.K. Mười pháp quán niệm, 16.K. Qui luật cái chết, 17.K. Nhỏ mũi tên sâu muộn, 18.K. Nhận thức vô thường và đau khổ, 19.K. Cúng thí người mất, 20.K. Nghiệp báo tái sanh, 21.K. Na-tiên đàm đạo, 22.K. Sống và tu trong hòa hợp, 23.K. Tôn trọng các pháp môn, 24.K. Bốn mươi hai bài, 25.K. Chủ trương của Như Lai, 26.K. Quan niệm về Như Lai, 27.K. Người biết sống một mình, 28.K. Ba cánh cửa giải thoát, 29.K. Dụ ngôn bọt nước, 30.K. Chánh kiến, 31.K. Dụ ngôn người

bắt rắn, 32.K. Quán niệm hơi thở, 33.K. Bốn lãnh vực quán niệm, 34.K. Mười pháp đến bờ kia, 35.K. Tám điều giác ngộ của hàng Bồ-tát, 36.K. Dẫn nhập Đại thừa, 37.K. Chỉ bày chân tâm, 38.K. Cúng dường pháp, 39.K. Hạnh trẻ thơ, 40.K. Hạnh Bồ-tát, 41.K. Bốn điều nương tựa, 42.K. Lục độ dung thông, 43.K. Chỉ bày phương tiện, 44.K. Ý nghĩa Bát-nhã, 45.K. Trí tuệ kim cương, 46.K. Các pháp tu viên thông, 47.K. Thê nhập pháp môn Không hai, 48.K. Viên giác, 49.K. Lời dạy sau cùng; *Phần sám nguyện và Hồi hướng*: 1. Bát-nhã tâm kinh, 2. Niệm Phật A-di-đà và Phật Bổn sư, 3. Xướng lễ, 4. Mấy điều quán tưởng, Quán chiếu thực tại, 5. Sám nguyện (Sám Mười phương, sám Quy mạng, sám Quy y, sám Quy nguyện, sám Tu tập, sám Tu là cội phúc, sám Hồng trần, sám Tổng táng), 6. Hồi hướng công đức, 7. Lời nguyện cuối, 8. Đánh lễ ba ngôi báu. Các Phụ lục: 1. Tóm tắt nội dung của 49 kinh, 2. Chú thích các thuật ngữ và danh từ riêng, 3. Về một bộ kinh Thánh Phật giáo, 4. Các ngày lễ trong hai truyền thống Phật giáo, 5. Các ngày ăn chay.

706. KINH TỤNG HẰNG NGÀY - Chùa Linh Xứng

(Dành cho Phật tử tại gia)

Thích Đạt-ma Phổ Giác

Nxb Hồng Đức – 2016

Kinh có khổ 14.5 x 20.5cm, dày hơn 239 trang, bìa mềm, có tay gấp.

Nội dung gồm có 9 bài (B) Kinh: Lời giới thiệu, Đạo làm người, Sống Hiếu thuận Thương yêu mọi người, Sống Đạo đức bằng Trái tim yêu thương và hiểu biết, Văn phát nguyện chùa Linh Xứng, Nghi thức Kinh Cuộc đời Đức Phật Thích-ca Mâu-ni, B.1 Kinh Cuộc đời Đức Phật, B.2 Kinh Phước đức, B.3 Kinh Từ Tâm, B.4

Kinh Suy nghiệm về Nghiệp, B.5 Phật dạy Kinh Người Áo trắng, B.6 Kinh Hạnh nguyện Bồ-tát Quán Thế Âm, B.7 Phật dạy Trách nhiệm người Tại gia, B.8 Kinh Phân biệt Nghiệp báo, B.9 Kinh Lời dạy cuối cùng của Đức Phật.

707. KINH TỤNG NHẬT HÀNH (Pàli-Việt) - Theravàda

Nxb Tôn Giáo – 2011

Kinh có khổ 12 x 18cm, dày hơn 224 trang, bìa cứng, nền đỏ chữ màu trắng.

Nội dung gồm có: 1. Lời tác bạch, 2. Kinh Tam bảo, - Thịnh chư Thiên, - Dâng hương, - Lễ Phật, Lễ pháp, Lễ Tăng; 3. Lễ bái Tam bảo Tóm tắt, 4. Lễ bái Xá-lợi, Bảo tháp, cây Bồ-đề, 5. Dâng hoa, 6. Lễ bái chư Phật, 7. Pháp thọ trì Tam quy Ngũ giới, Bát quan trai giới, 8. Kinh Câu an: - Từ Bi Kinh, - Phật lực Thắng hạnh kệ, - Hạnh phúc Kinh, - Linh Bảo Kinh, - Tam thập độ (Đáo bỉ ngạn), - Kệ Hộ trì Tối thắng, - Abhaya-Paritta-Sutta, - Kệ Vô úy Hộ trì, - Kệ Hộ trì Àtānātiya, 9. Kinh Cầu siêu: - Vô thường, - Paticca Samuppada, - Thập nhị Duyên khởi, - Ti-màtikà, 10. Kinh Chuyển pháp luân, 11. Kinh Vô ngã tướng, 12. Kinh Rải Tâm từ đến loài Rắn, 13. Bài Kinh Tán dương ngài Sivali, Đệ nhất Thánh phước, 14. Kệ An lành, 15. Năm điều Quán tưởng, 16. Mười điều Quán tưởng của bậc xuất gia, 17. Quán tưởng tứ vật dụng, 18. Kệ Tùy hỷ Công đức, 19. Kệ Hoan hỷ tương hợp, 20. Kệ Điềm lành vũ trụ, 21. Tirokudda-kandagàthà (Kệ Hồi hướng đến Nga qui), 22. Siddhiyācanagàthà, 23. Bài Sám hối, 24. Kệ Sám nguyện, 25. Từ Bi nguyện, 26. Hồi hướng chư Thiên, 27. Hồi hướng Công đức, 28. Hồi hướng pháp thí, 29. Hồi hướng đến Thân bằng quyến thuộc-Nguyện-Phổ nguyện.

708. KINH TỤNG PÀLI-VIỆT

(Nhật Tụng dành cho Cư sĩ)

Rừng Thiên Huyền Không Sơn Thượng

Biên soạn: *Minh Đức-Triều Tâm Ảnh*

Nội dung tác phẩm Kinh này gồm có 7 phần: - Lời thưa 7; I. Xưng tán Tam bảo (Thời khóa hằng ngày), II. Kinh gia niệm an lành, III. Một số bài kệ Động tâm (Cầu siêu), IV. Kinh Trì tụng, V. Xin quy giới, Tác bạch đặt bát, Trai Tăng, VI. Kệ xưng tán (Các kỳ đại lễ, Tiểu sử Phật, báo ân cha mẹ, thỉnh Pháp sư, chiêm bái Xá-lợi), VII. Phụ lục. (<https://thuvienhoasen.org>, *Kinh Pali*)

709. KINH TỤNG

PHẬT GIÁO NGUYÊN THỦY

Biên soạn: *Tỳ-kheo Đức Hiền*

Nxb Tôn Giáo, PL. 2562 – DL. 2018

Nội dung sơ lược gồm có 5 phần: Lời giới thiệu, Trình bày Nội dung, Cách phát âm Pàli, Bảng đánh vần Pàli, Các chữ Viết tắt, Lược đồ Tam tạng Pàli; Phần I. Khóa Kinh hằng ngày, 1. Tisarana Vandana & Lễ bái Tam bảo, 2. Parittapàli/Sutta & Kinh Hộ trì/Kinh (Chánh Kinh, tụng đọc theo ngày trong tuần, từ thứ Hai đến Chủ nhật), 3. Anussati & Quán niệm, 4. Patidana-gàthà; Patthana & Kệ Hồi hướng; Nguyên cầu; Phần II. Dananumodana-Gatha & Khóa Kinh phúc chúc, Hoan hỷ phước thí, Trích 1. Tisarana Vandana & Lễ bái Tam bảo; Phần III. Mangala-Gatha & Khóa Kinh Cầu an (Phúc chúc), Trích 1. Khóa Kinh hằng ngày-Lễ bái Tam bảo, Trích 2. Khóa Kinh hằng ngày; Phần IV. Avamangala-Gàthà & Khóa Kinh Cầu siêu, Trích 1. Khóa Kinh hằng ngày-Lễ bái Tam bảo, Trích 2. Khóa Kinh hằng ngày, Trích 3. Quán niệm ở Khóa Kinh hằng ngày, Trích Khóa Kinh Phúc chúc-Hoan hỷ phước thí; Phần V. Giới thiệu các ngày lễ-Các bài Kinh dài (Rằm tháng Giêng,

Rằm tháng Tư và Rằm tháng Bảy); Phụ lục: Các Nghi thức và Tác bạch trong Phật giáo Nguyên Thủy, Sám hối tội-Àpattiyo (dành cho Tỳ-kheo), Thơ Lục bát khuyến tu, Sách Tham khảo.

710. KINH TƯƠNG ƯNG BỘ - 5 Tập

Giáo hội Phật giáo Việt Nam –

Đại tạng Kinh Việt Nam

Nguyên bản: Pali

Việt dịch:

HT. Thích Minh Châu (1918-2012)

Kinh có khổ 14.5 x 20.5cm, tổng cộng 5 tập dày 2.782 trang, bìa cứng, bao da màu đỏ, chữ tựa mạ vàng, mỗi tập đều có hộp đựng.

Tập I, Kinh Tương Ưng Bộ, Nxb Tôn Giáo, PL. 2544 – DL. 2000, có 534 trang, (*số thứ tự 16*); nội dung gồm: Thiên có kệ, có 11 chương.

Chương I, Tương ưng chư thiên, có 8 phẩm: *1.P. Cây lau* (Bộc lưu, Giải thoát, Đưa đến đoạn tận, Thời gian trôi qua, Bao nhiêu phải cắt đoạn, Tỉnh giác, Không liễu tri, Mê loạn, Mong muốn kiêu ngạo, Rừng núi), *2.P. Vườn hoan hỷ* (Vườn hoan hỷ, Vui thích, Không ai bằng con, Giai cấp Sát-đế-lợi, Tiếng động rừng sâu, Ngủ gục, biếng nhác, Khó làm (hay con rùa), Tầm quý, Am tranh, Samiddhi), *3.P. Kiếm* (Kiếm, Xúc chạm, Triền phược, Chế ngự tâm, Vị A-la-hán, Ánh sáng, Nước chảy, Giàu lớn, Bốn bánh xe, Con sơn dương), *4.P. Quần tiên* (Với người thiện, Xan tham, Lành thay, Chúng không phải, Hiềm trách thiên, Lòng tin, Tụ hội, Miếng đá vụn, Con gái của Pajjunna, Con gái của Pajjunna), *5.P. Thiêu cháy* (Thiêu cháy, Cho gì, Đồ ăn, Một căn rễ, Bạc hoàn toàn, Thiên nữ, Trồng rừng, Kỳ viên, Xan tham, Thợ đồ gốm), *6.P. Già* (Già, Không già, Bạn, Cơ sở, Sanh thân, Sanh thân (1), (2) và (3), Phi đạo, Người bạn, Người thi sĩ),

7.P. *Thăng* (Danh, Tâm, Khát ái, Kiệt sử, Triền phục, Bị áp đảo, Bị treo cột, Bị đóng kín, Ước muốn, Đòi), 8.P. *Đoạn* (Đoạn sát, Cỗ xe, Tài sản, Mưa, Khủng bố, Không già, Tôn chủ, Dục, Lương thực, Chớp, Không tranh luận).

Chương II, Tương ứng Thiên tử, có 3 phẩm: 1. *Phẩm thứ nhất* (Kassapa (Ca-diếp), Kassapa, Màngha, Mànghatha, Dàmali, Kàmada, Pancàlacanda, Tàyana, Candima (Nguyệt thiên tử), Suriya (Nhật thiên tử), 2.P. *Cấp Cô Độc* (Candimasa, Vendu, Dìghalatti, Nandana, Candana (Chiên-đàn), Sudatta (Tu-đạt-đa), Subramà, Kakudha, Uttara, Anàthapindika (Cấp Cô Độc), 3.P. *Các ngoại đạo* (Siva, Khema, Serì, Ghatikara, Jantu, Rohita, Nanda, Nandivisala, Susima, Các ngoại đạo sư).

Chương III, Tương ứng Kosala, có 3 phẩm: 1. *Phẩm thứ nhất* (Tuổi trẻ, Người, Vua, Thân ái, Tự bảo hộ, Thiếu số, Xử kiện, Mallikà (Mạt-lị), Tê đàn, Triền phục), 2. *Phẩm thứ hai* (Bện tóc, Năm vua, Đại thực (ăn nhiều), Hai lời nói về chiến tranh, Người con gái, Không phóng dật, Không phóng dật, Không con, Không có con), 3. *Phẩm thứ ba* (Người, Tổ mẫu, Thế gian, Cung thuật, Ví dụ hòn núi).

Chương IV, Tương ứng Ác ma, có 3 phẩm: 1. *Phẩm thứ nhất* (Khổ hạnh và nghiệp, Con voi, Tịnh, Bầy sập, Bầy sập, Con rắn, Thụy miên, Hoan hỷ, Tuổi thọ, Tuổi thọ), 2. *Phẩm thứ hai* (Hòn đá, Con sư tử, Phiến đá, Tương ứng-thích nghi, Ý, Bình bát, Xứ, Đoàn thực, Người nông phu, Thống trí), 3. *Phẩm thứ ba* (Đa số, Samidhi, Godhika, Bảy năm, Những người con gái).

Chương V, Tương ứng Tỳ-kheo Ni (Àlavikà, Soma, Gotami, Vijayà, Uppalavannà, Càlà, Uppacàlà, Sisuppacàlà, Selà, Vajjà).

Chương VI, Tương ứng Phạm thiên, có 2 phẩm: 1. *Phẩm thứ nhất* (Thỉnh cầu, Cung kính, Phạm thiên, Phạm thiên Baka, Tà kiến khác, Phóng dật, Kokalikà, Tissaka, Tudu Brahmà, Kokalikà), 2. *Phẩm thứ hai* (Sanamkumàra (Thường Đồng tử), Devadatta, Andhakavinda, Arunavati, Parinibhàna Bát Niết-bàn).

Chương VII, Tương ứng Bà-la-môn, có 2 phẩm: 1.P. *A-la-hán* (Dhanànjani, Phi báng, Asurindaka, Bilangika, Bất hại-Ahimsaka, Bện tóc, Suddhika, Aggika (Thờ lửa), Bahudhiti), 2.P. *Cư sĩ* (Cày ruộng, Udaya, Devahita, Mahasala, Mánatthada, Paccanika, Navakammika, Katthahàra, Mátaposaka (Nuôi dưỡng mẹ), Bhikkhaka, Sangarava, Khomadussa).

Chương VIII, Tương ứng, Trưởng lão Vangisa (Xuất ly, Không khoái, Khinh miệt kẻ ôn hòa, Ànanda, Khéo nói, Sàriputta (Xá-lợi-phát), Tự tứ, Một ngàn và nhiều hơn, Ronjana: Kiêu Trần Như, Moggallàna: Mục-kiền-liên, Gaggarà, Vangisa).

Chương IX, Tương ứng Rừng (Viễn ly, Săn sóc-hầu hạ, Kassapogotta hay thợ săn, Đa số hay du hành, Ànanda, Anuruddha, Nàgadatta, Gia phụ hay say đắm, Vajjiputta (Bạt-kỳ tử hay Tỳ-xá-lị), Tụng học kinh điển (hay pháp), Bất chánh tư duy, Giữa trưa hay tiếng động, Không chế ngự căn hay nhiều Tỳ-kheo, Sen hồng hay sen trắng).

Chương X, Tương ứng Dạ-xoa (Indaka, Sakka, Suciloma, Manibhadda, Sànu, Piyankara, Punabbasu, Sudatta, Sukkà, Sukkà, Cira hay Virà, Àlava).

Chương XI, Tương ứng Sakka, có 3 phẩm: 1. *Phẩm thứ nhất* (Suvira, Susima, Dhajaggham: Đầu lá cơ, Vepacitti hay kham nhẫn, Thăng lợi nhờ thiện ngữ, Tổ chim, Không gian trá, Vua A-tu-la Verocana hay mục đích, Các ẩn sĩ ở rừng

hay hương, Ân sĩ ở bờ biển hay Sambara),
2. *Phẩm thứ hai* (Chư thiên hay cấm giới, Chư thiên, Chư thiên, Người nghèo, Khả ái-khả lạc, Tổ chức lễ tế đàn, Kính lễ, Sakka kính lễ, Sakka đánh lễ, Sakka đánh lễ), 3. *Phẩm thứ ba* (Sát hại gì? Xấu xí, Huyền thuật, Tội lỗi (hay không phạm tội), Không phạm tội (không hại).

Tập II, Kinh Tương Ưng Bộ, Nxb Tôn Giáo, PL. 2544 – DL. 2000, có 499 trang, (số thứ tự 17); nội dung gồm có 10 chương:

Chương I, Tương Ưng Nhân duyên, có 9 phẩm: 1.P. *Phật-đà* (Thuyết pháp, Phân biệt, Con đường, Vipassi (Tỳ-bà-thi), Sikhì (Thi-khí), Vessabhu (Tỳ-xá-phù), Kakusandha (Câu-lưu-tôn), Konagamana (Câu-na-hàm), Kassapa (Ca-diếp), Maha Sakyamuni Gotama (Đại Thích-ca Mâu-ni Cù-đàm), 2.P. *Đồ ăn* (Các loại đồ ăn, Moliya Phagguna, Sa-môn, Bà-la-môn, Sa-môn, Bà-la-môn, Kaccaganagotta (Ca-chiên-diên Thị), Vị thuyết pháp, Lỗa thể, Bimbaruka, Bậc hiền so với kẻ ngu, Duyên), 3.P. *Mười lực* (10 lực, 10 lực, Duyên, Ngoại đạo sư, Bhùmiija, Upavana (Ưu-ba-ma-na), Duyên, Vị Tỳ-kheo, Sa-môn, Bà-la-môn, Sa-môn, Bà-la-môn), 4.P. *Kalara – Vị Sát-đế-ly* (Sanh, Kalàra, Những căn bản của trí, Những căn bản của trí, Do duyên vô minh, Do duyên vô minh, Không phải của ông, Cetana (Tư tâm sở), Tư tâm sở, Tư tâm sở), 5.P. *Gia chủ* (Năm hận thù sợ hãi, Năm hận thù sợ hãi, Khổ, Thế giới, Natika, Một vị (Bà-la-môn), Janusoni, Thuận thế phái, Thánh đệ tử, Thánh đệ tử), 6.P. *Cây* (Tư lương, Thủ, Kiệt sử, Kiệt sử, Cây lớn, Cây lớn, Cây non, Danh sắc, Thức, Nhân), 7.P. *Đại* (Hạng người ít nghe, Hạng người ít nghe, Thịt đũa con, Có tham, Thành ấp, Xúc chạm-biết rõ, Bó lau, Kosambi, Nước chảy

triều dâng, Susima), 8.P. *Sa-môn, Bà-la-môn* (Sa-môn, Bà-la-môn...), 9.P. *Trung lược* (Đạo sư, Học tập, Tu tập, Dục, Nỗ lực, Bất thối chuyển, Nhiệt tâm, Tinh tấn, Kiên trì, Chánh niệm, Chánh tri, Không phóng dật).

Chương II, Tương Ưng Minh kiến (Đầu móng tay, Hồ sen, Nước sông hợp dòng, Nước sông hợp dòng, Quả đất, Quả đất, Biển, Biển, Ví dụ với núi, Ví dụ với núi, Ví dụ núi).

Chương III, Tương Ưng Giới, có 4 phẩm: 1.P. *Sai biệt*, a. Nội giới năm Kinh (Giới, Xúc, Và không phải như vậy, Thọ, Thọ), b. Ngoại giới năm Kinh (Giới, Tưởng, Và không phải như vậy, Xúc, Xúc), 2. *Phẩm thứ hai* (Bảy pháp này, Có nhân, Căn nhà bằng gạch, Liệt ý chí, Nghiệp, Kinh với các bài kệ, Bất tín, Năm kinh về căn bản bất tín, Bốn kinh về căn bản không biết thẹn, Ba kinh về căn bản không biết sợ, Hai kinh về ít nghe, Biếng nhác), 3.P. *Nghiệp đạo* (Không tịch tịnh, Ác giới, Năm học pháp, Bảy nghiệp đạo, Mười nghiệp đạo, Tám chi, Mười chi), 4. *Phẩm thứ tư* (Bốn, Trước, Ta đã đi, Nếu không có cái này, Khổ, Hoan hỷ, Sanh khởi, Sa-môn, Bà-la-môn, Sa-môn, Bà-la-môn, Sa-môn, Bà-la-môn).

Chương IV, Tương Ưng Vô thí, có 2 phẩm: 1. *Phẩm thứ nhất* (Cỏ và củi, Quả đất, Nước mắt, Sữa, Núi, Cột cũi, Các đệ tử, Sông Hằng, Cây gậy, Người), 2. *Phẩm thứ hai* (Khốn cùng, An lạc, Khoảng ba mươi, Mẹ, Cha, Anh, Chị, Con trai, Con gái, Núi Vepulia).

Chương V, Tương Ưng Kassapa (Tri túc, Không biết sợ, Ví dụ với trăng, Đi với các gia đình, Trở về già, Giáo giới, Giáo giới, Giáo giới, Thiên và thắng trí, Trú xứ, Y áo, Sau khi chết, Tượng pháp).

Chương VI, Tương Ưng Lợi ích đặc cùng kính, có 4 phẩm: 1. *Phẩm thứ nhất* (Khổ

lụy, Lưỡi câu, Con rùa, Long dài, Trùng phấn, Xét đánh, Trúng độc, Con giả-can, Cuồng phong, Kinh với bài kệ), 2. *Phẩm thứ hai* (Bình bát, Bình bát, Từ một đồng tiền vàng cho đến người mỹ nhân địa phương), 3. *Phẩm thứ ba* (Phụ nữ, Mỹ nhân, Con trai, Con gái một, Sa-môn, Bà-la-môn, Sa-môn, Bà-la-môn, Sa-môn, Bà-la-môn, Da, Dây, Tỳ-kheo), 4. *Phẩm thứ tư* (Cắt, Gốc, Pháo, Trắng, Bỏ đi, Xe, Mẹ, Cha, Anh, Chị, Con trai, Con gái, Vợ).

Chương VII, Tương ưng Rahula, có 2 phẩm: 1. *Phẩm thứ nhất* (Mắt, Sắc, Thức, Xúc, Thọ, Tưởng, Tư, Ái, Giới, Uẩn), 2. *Phẩm thứ hai* (Mắt, Sắc, Thức, Xúc, Thọ, Tưởng, Tư, Ái, Giới, Uẩn, Tùy miên, Viễn ly)

Chương VIII, Tương ưng Lakkhana, có 2 phẩm: 1. *Phẩm thứ nhất* (Đống xương, Đồ tể giết trâu bò, Một miếng thịt và kẻ bắt chim, Người giết dê bị lột da, Người giết heo với dao kiếm, Người săn thú với cây lao, Người tra tấn với mũi tên, Người đánh xe với cây kim, Người do thám, Người phán quan tham nhũng với hòn dái lớn), 2. *Phẩm thứ hai* (Kẻ thông dâm bị chìm trong hồ, Tà ác Bà-la-môn ăn phân, Gian phụ bị lột da, Người phụ nữ xấu xí bóỉ toán, Người đàn bà khô héo đã rải than đỏ trên một người đàn bà khác, Kẻ trộm cướp đứt đầu, Tỳ-kheo, Tỳ-kheo Ni, Học nữ, Sa-di, Sa-di Ni).

Chương IX, Tương ưng Thí dụ (Chóp mái, Đầu ngón tay, Gia đình, Cái nồi, Cây lao, Người bán cung, Cái chột trống, Cỏ rom, Voi, Con mèo, Con chó rừng (giả can), Con giả-can).

Chương X, Tương ưng Tỳ-kheo: Kolita, Upatissa, Cái ghè, Tân Tỳ-kheo, Thiện sanh, Bhaddi, Visàkha, Nanda, Tissa, Tên trưởng lão, Kappina, Thân hữu.

Tập III, Kinh Tương Ưng Bộ, Nxb Tôn Giáo, PL. 2544 – DL. 2000, có 433 trang, (số thứ tự 18); nội dung gồm có 13 chương:

Chương I, có 3 phần chính (A, B, C): A. *Năm mươi Kinh căn bản*, có 5 phẩm: 1.P. *Nakulapità* (Nakulapità, Devadaha, Hāliddikàni, Thiên định, Tinh mặc, Chấp thủ và ưu não, Chấp thủ và ưu não, Ba thời là vô thường, Ba thời là khổ, Ba thời là vô ngã), 2.P. *Vô thường* (Vô thường, Khổ, Vô ngã, Cái gì vô thường, Cái gì khổ, Cái gì Vô ngã, Có nhân là vô thường, Có nhân là khổ, Có nhân là vô ngã, Ànanda), 3.P. *Gánh nặng* (Gánh nặng, Liễu tri, Thắng tri, Dục tham, Vị ngọt, Vị ngọt, Vị ngọt, Hoan hỷ, Sanh khởi, Cội gốc của đau khổ, Hoại pháp), 4.P. *Không phải của các ông* (Không phải của các ông, Không phải của các ông, Tỳ-kheo, Vị Tỳ-kheo, Ànanda, Ànanda, Tùy pháp, Tùy pháp, Tùy pháp, Tùy pháp), 5.P. *Tự mình làm hòn đảo* (Tự mình làm hòn đảo, Con đường, Vô thường, Vô thường, Quán kiến, Các uẩn, Sona, Sona, Hỷ được đoạn tận, Hỷ được đoạn tận). B. *Năm mươi Kinh ở giữa*, có 5 phẩm: 1.P. *Tham luyến* (Tham luyến, Chủng tử, Lời cảm hứng, Thủ chuyển, Bầy xú, Chánh đẳng giác, Năm vị (vô ngã tướng), Mahàli, Lửa cháy, Ngôn lộ), 2.P. *A-la-hán* (Chấp trước, Suy tưởng, Hoan hỷ, Vô thường, Khổ, Vô ngã, Không đáng thuộc tự ngã, Chỉ trú cho vô nhiễm, Ràdha, Suradha), 3.P. *Những gì được ăn* (Vị ngọt, Tập khởi, Tập khởi, Các vị A-la-hán, Các vị A-la-hán, Sư tử, Đáng được ăn, Người khát thực, Pàrileyya, Trăng rằm), 4.P. *Trưởng lão* (Ànanda, Tissa, Yamaka, Anuràdha, Vakkali, Assaji, Khema, Channa, Ràhula, Rà hula), 5.P. *Hoa* (Dòng sông, Bông hoa (hay tăng trưởng), Bọt nước (bảy bài kệ), Phân bò, Đầu ngón tay, Thanh tịnh (hay biển), Dây

thẳng (hay dây buộc), Dây thẳng (hay dây buộc), Cán búa (hay chiếc thuyền), Vô thường tánh (hay tướng). *C. Năm mươi Kinh sau*, có 5 phẩm: *1.P. Biên* (Biên kinh, Khổ, Hữu thân, Sở biến tri, Các sa-môn, Các sa-môn, Dự lưu, A-la-hán, Dục được đoạn trừ, Dục được đoạn trừ), *2.P. Thuyết pháp* (Vô minh (2 vị Tỳ-kheo), Minh (2 vị Tỳ-kheo), Vị thuyết pháp, Vị thuyết pháp, Trói buộc, Giải thoát, Giải thoát, Kiết sử, Chấp thủ, Người giữ giới, Vị có nghe, Kappa, Kappa), *3.P. Vô minh* (Tập pháp, Tập pháp, Tập pháp, Vị ngọt, Vị ngọt, Tập khởi, Tập khởi, Kotthika, Kotthika, Kotthika), *4.P. Than đở* (Than đở học, Vô thường, Vô thường, Vô thường, Khổ, Vô ngã, Thiện nam tử khổ, Thiện nam tử khổ, Thiện nam tử khổ), *5.P. Kiến* (Nội, Cái này là của tôi, Ngã, Và nếu không phải là của tôi, Tà kiến, Thân hữu, Ngã kiến, Thiên kiến, Thiên kiến, Ananda).

Chương II, Tương ưng Radha, có 4 phẩm: *1. Phẩm thứ nhất* (Màra, Chúng sanh, Sợi dây tái sanh, Sở biến tri, Sa-môn, sa-môn, Bạc Dự lưu, Bạc A-la-hán, Dục tham, Dục tham), *2. Phẩm thứ hai* (Màra, Tánh chất của Màra, Vô thường, Vô thường tánh, Khổ, Khổ tánh, Vô ngã, Vô ngã tánh, Tập pháp, Diệt pháp, Tập khởi pháp, Đoạn diệt pháp), *3.P. Sơ vấn* (Về Màra, Đoạn diệt tánh), *4.P. Thân cận* (Màra, Màra tánh, Vô thường, Vô thường tánh, Khổ, Khổ tánh, Vô ngã tánh, Tập diệt, Đoạn diệt, Tập khởi, Đoạn diệt tánh).

Chương III, Tương ưng Kiến, có 5 phẩm: *1.P. Dự lưu* (Gió, Cái này là của tôi, Cái này là tự ngã, Có thể không phải của tôi, Không có, Đối với người hành động, Nhân, Đại tà kiến, Thế gian là thường, Thế gian là vô thường, Hữu biên, Vô biên, Mạng với thân là một, Mạng với thân là khác, Như Lai có tồn tại, Như Lai không tồn tại, Như Lai có tồn tại và không tồn

tại, Như Lai không tồn tại và không không tồn tại), *2.P. Trùng thuyết* (1) (Gió, Phi hữu phi vô), *3.P. Trùng thuyết* (2) (Tự ngã có sắc, Tự ngã không có sắc, Tự ngã có sắc và không sắc, Tự ngã không có sắc và không không sắc, Thuần lạc, Thuần khổ, Thuần lạc-thuần khổ, Chẳng phải khổ-chẳng phải lạc), *4.P. Trùng thuyết* (3) (Như kinh chương I, Kinh Nakusapita; Như Kinh I, Phẩm Trùng thuyết (1) đến Thuần lạc-thuần khổ của Trùng thuyết (2); Như chẳng phải khổ-chẳng phải lạc của Trùng thuyết (2), *5.P. Trùng thuyết* (4) (Như Kinh Kinh Nakusapita; Như Kinh I, Phẩm Trùng thuyết (1) đến Thuần lạc-thuần khổ của Trùng thuyết (2).

Chương IV, Tương ưng Nhập (Con mắt, Sắc, Thức, Xúc, Thọ, Tưởng, Tư, Ái, Giới, Uẩn). *Chương V, Tương ưng Sanh* (Con mắt, Sắc, Thức, Xúc, Thọ, Tưởng, Tư, Ái, Giới, Uẩn). *Chương VI, Tương ưng Phiền não* (Con mắt, Sắc, Thức, Xúc, Thọ, Tưởng, Tư, Ái, Giới, Uẩn).

Chương VII, Tương ưng Sàruputta (Lý, Không tầm, Hỷ, Xả, Không vô biên xứ, Thức vô biên xứ, Vô sở hữu xứ, Phi tướng phi phi tướng xứ, Diệt tận định, Sùcimukhi (Tịnh diện).

Chương VIII, Tương ưng loài Rồng (Chủng loại, Diệu thẳng, Uposatha (Bồ-tát), Uposatha, Uposatha, Uposatha, Nghe, Nghe, Nghe, Ứng hộ bồ thí, Ứng hộ bồ thí); *Chương IX, Tương ưng Kim xí điều* (Chủng loại, Mang đi, Làm hai hạnh, Làm hai hạnh, Ứng hộ bồ thí, Ứng hộ bồ thí);

Chương X, Tương ưng Càn-thát-bà (Chủng loại, Thiện hành, Kẻ bồ thí, Kẻ bồ thí, Ứng hộ bồ thí, Ứng hộ bằng bồ thí);

Chương XI, Tương ưng Thần mây (Chủng loại, Thiện hành, Ứng hộ bồ thí, Ứng hộ bồ thí, Lạnh, Trời nóng, Trời sấm, Trời gió, Trời mưa); *Chương XII, Tương ưng Vacchagota* (Vô tri (1-5), Vô kiến (1-5),

Không hiện quán, Không liễu tri, Không thông đạt, Không đẳng quán, Không tùy quán, Không cận quán, Không đẳng sát, Không cận sát, Không hiện kiến).

Chương XIII, Tương ứng Thiên (Thiền định-thiền chứng, Chỉ trú, Xuất khởi, Thuần thực, Sở duyên, Hành cảnh, Sở nguyện, Thận trọng, Kiên trì, Thích ứng, Chỉ trú trong thiền chứng, Xuất khởi từ thiền chứng, Thuần thực trong thiền chứng, Sở duyên trong thiền chứng, Hành cảnh trong thiền chứng, Sở nguyện trong thiền chứng, Thận trọng trong thiền chứng, Kiên trì trong thiền chứng, Thích ứng trong thiền chứng, Chỉ trú-xuất khởi, Thuần thực-thích ứng, Xuất khởi-thuần thực, Sở duyên cho đến thích ứng, Thuần thực-sở duyên, Thuần thực, Sở duyên-hành cảnh, Sở duyên, Hành cảnh-sở nguyện, Hành cảnh, Sở nguyện-thận trọng, Sở nguyện và kiên trì, Thận trọng và kiên trì, Sở nguyện và thích ứng).

Tập IV, Kinh Tương Ứng Bộ, Nxb Tôn Giáo, PL. 2545 – DL. 2001, có 623 trang, (số thứ tự 15); nội dung gồm có 10 chương:

Chương I, Tương ứng Sáu xứ, có 4 phần chính:

Phần một, Năm mươi Kinh thứ nhất, có 5 phẩm: 1.P. Vô thường (Vô thường, Khổ, Vô ngã, Vô thường ngoại, Khổ ngoại, Vô ngã ngoại, Vô thường nội, Khổ nội, Vô ngã nội, Vô thường ngoại, Khổ ngoại, Vô ngã ngoại), 2.P. Song đôi (Chánh giác, Chánh giác, Vị ngọt, Vị ngọt, Nếu không có, Nếu không có, Với ưa thích, Ưa thích, Sanh khởi, Sự sanh khởi), 3.P. Tất cả (Tất cả, Đoạn tận, Đoạn tận, Liễu tri, Liễu tri, Bị bốc cháy, Mù lòa, Thích hợp, Thích hợp), 4.P. Sanh pháp (Sanh, Bị già, Bị bệnh, Bị chết, Bị sâu, Bị phiền não, Bị đoạn tận, Bị tiêu diệt, Tập khởi, Đoạn

diệt), 5.P. Vô thường (Vô thường, Khổ, Vô ngã, Cần phải thắng tri, Cần phải liễu tri, Cần phải đoạn tận, Cần phải chứng ngộ, Cần phải liễu tri-thắng tri, Bị phiền lụy, Bị áp đảo).

Phần hai, Năm mươi Kinh thứ hai, có 5 phẩm: 1.P. Vô minh (Vô minh, Kiết sử, Kiết sử, Các lậu hoặc, Các tùy miên, Liễu tri, Được chấm dứt, Được chấm dứt), 2.P. Migajàla (Bối Migajàla, Migajàla, Samiddhi, Samiddhi, Samiddhi, Samiddhi, Upasena, Sáu xúc xứ, Sáu xúc xứ, Sáu xúc xứ), 3.P. Bệnh (Bệnh, Bệnh, Ràdha, Ràdha, Ràdha, Vô minh, Vô minh, Tỳ-kheo, Thế giới), 4.P. Channa (Biến hoại, Trống không, Vẩn tắt, Channa, Punna, Bàhiya, Ái nhiễm, Ái nhiễm, Cả hai, Cả hai), 5.P. Từ bỏ (Thâu nhiếp, Thâu nhiếp, Thối đọa, Sóng phóng dật, Nhiếp hộ, Thiền định, Thiền định, Không phải của các ông, Không phải của các ông, Uddka).

Phần ba, Năm mươi Kinh thứ ba, có 5 phẩm: 1.P. An ổn, khỏi các khổ ách (Người được an ổn-khỏi các khổ ách, Chấp thủ, Khổ, Thế giới, Thắng, Kinh sử, Chấp thủ, Tuệ tri, Tuệ tri, Nghe trộm), 2.P. Thế giới dục công đức (Ma lưới bẫy, Màra lưới bẫy, Thế giới dục công đức, Thế giới dục công đức, Sakka, Pancasikha, Sàriputta, Ràhula, Kiết sử), 3.P. Gia chủ (Vesàli, Vejji, Nàlanda, Bhàradvàja, Sona, Ghosita, Haliddhaka, Nakulapità, Lohicca, Verahaccàni), 4.P. Devadaha (Sát-na ở Devadaha, Thâu nhiếp, Không thâu nhiếp, Các lá, Các lá, Nội căn do nhân, Nội căn do nhân, Nội căn do nhân, Ngoại căn do nhân), 5.P. Mới và cũ (Nghịệp, Thích ứng, Thích ứng, Thích ứng, Đệ tử nội trú, Với mục đích gì, Có pháp môn nào, Căn, Vị thuyết pháp).

Phần bốn, Năm mươi Kinh thứ tư, có 4 phẩm: 1.P. Duyệt hỷ tiêu tận (Duyệt hỷ tiêu tận, Duyệt hỷ tiêu tận, Duyệt hỷ tiêu

tận, Duyệt hỷ tiêu tận, Trong vườn xoài Jivaka, Trong vườn xoài Jivaka, Kotthika, Kotthika, Tà kiến, Thân kiến, Ngã kiến), 2.P. Sáu mươi lược thuyết (Do dục niệm (1), (2), (3), (4), (5), (6), (7) và (8), Thuộc quá khứ (1), (2), (3), (4), (5), (6), (7) và (8), Cái gì vô thường (1), (2), (3), (4), (5), (6), (7) và (8), Nội (1), (2) và (3), Ngoại (1), (2) và (3); 3.P. *Biển* (Biển, Biển, Người câu cá, Cây có nhựa, Kotthika, Kàmabhū, Udāji, Vói lửa cháy, Ví dụ tay và chân, Ví dụ tay và chân), 4.P. Rắn độc (Rắn độc, Hỷ lạc, Con rùa, Khúc gỗ, Khúc gỗ, Dục lậu, Khổ pháp, Phải gọi là gì, Đòn Tỳ-bà, Sáu sanh vật, Bó lúa).

Chương II, Tương ưng Thọ, có 3 phần: *Phần một, Phẩm có kệ* (Thiền định, An lạc, Đoạn tận, Vực thâm, Cần phải quán kiến, Vói mũi tên, Tật bệnh, Tật bệnh, Vô thường, Căn bản của xúc); *Phần hai, Phẩm sống một mình* (Sống một mình, Hư không, Hư không, Khách xa, Thuộc sở hữu, Thuộc sở hữu, Tám lần, Tám lần, Năm vật dụng, Bời vị Tỳ-kheo); *Phần ba, Phẩm một trăm lẻ tám pháp môn* (Sivaka, Một trăm lẻ tám, Vị Tỳ-kheo, Từ về quá khứ, Bời vị Tỳ-kheo, Sa-môn, Bà-la-môn (1), (2) và (3), Thanh tịnh không liên hệ đến vật chất).

Chương III, Tương ưng Nữ nhân, có 3 phần: *Phần một, Phẩm Trung lược* (Khả ý-không khả ý (1) và (2), Đặc thù (Àvenika), Ba sự việc, Phần nộ, Có hậu (Upanāli), Tật đố (Issuki), Do xan tham (Macharena), Phạm dâm (Aticari), Ác giới, Ít nghe, Biếng nhác (Kusāta), Thất niệm (Mutthassati), Năm cảm (Pancaveram); *Phần hai, Phẩm Trung lược* (Không phần nộ, Không phần nộ); *Phần ba, Phẩm 3* (Không có sợ hãi (Visārada), Ưc chế (Pasaykā), Chinh phục (Abhibhūyya), Một, Bộ phận, Họ đuổi đi,

Nhân, Sự kiện (Thànān), Không sợ hãi, Tăng trưởng).

Chương IV, Tương ưng Jambukhādaka (Nibbāna, Niết-bàn), A-la-hán, Vị thuyết pháp, Có cái gì? Điều hòa hơi thở (Assāra), Điều hòa hơi thở tối thượng, Thọ, Lậu hoặc, Vô minh, Khát ái, Bộc lưu (Ogha), Chấp thủ (Upadānam), Hữu, Khổ, Có thân (Sakkāya), Khó làm).

Chương V, Tương ưng Sāmandaka (Niết-bàn... Khó làm); *Chương VI, Tương ưng Moggalāna* (Vói tầm, Không tầm, Vói lạc, Xả, Hư không, Thức, Vô sở hữu xứ, Phi tướng, Vô tướng, Skka (Đế Thích), Candana); *Chương VII, Tương ưng Tâm* (Kiết sử, Isidatta, Isidatta, Mahaka, Kàmabhū, Kàmabhū, Godatta, Nigantha (Ni-kiền-tử), Accla (lỏa thể), Thăm người bệnh).

Chương VIII, Tương ưng Thôn trưởng (Canda (tàn bạo), Puta, Yodhājivo (kẻ chiến đấu), Voi, Ngựa, Người đất phương Tây hay người đã chết, Thuyết pháp, Vô óc, Gia tộc, Maniculam, Bhadra (Hiền) hay Bhagandha-Hatthaha, Rāsīya, Pātali (khả ý).

Chương IX, Tương ưng Vô vi, có 2 phần: *Phần một, Phẩm 1* (Nhân, Chỉ, Tầm, Không, Niệm xứ, Chánh cần, Như ý túc, Căn, Lực, Giác chi, Vói con đường); *Phần hai, Phẩm 2* (Vô vi, Đích cuối cùng (Antam), Vô lậu, Sự thật (Saccam), Bờ bên kia (Pāram), Tế nhị (Nipunam), Khó thấy được (Suddasam), Không già, Thường hằng, Không suy yếu, Không thấy, Không lý luận, Tịch tịnh, Bất tử, Thủ thắng, An lạc, An ổn, Ái đoạn tận, Bất khả tư nghi, Hy hữu, Không tai họa, Không bị tai họa, Niết-bàn Không tồn tại, Ly tham, Thanh tịnh, Giải thoát, Không chứa giữ, Ngọn đèn, Hang ẩn, Pháo đài, Quy y, Đến bờ bên kia).

Chương X, Tương ưng Không thuyết (Trưởng lão Nikhemà, Anuràdha, Sariputta-Kotthika (1), (2), (3) và (4), Moggalàna (hay xứ), Vaccha (hay trời buộc), Luận nghị đường (Kutùhalasàlà), Ànanda (hay sự có mặt của ngã), Sabhiya). Phụ lục: Số thứ tự các tập Kinh.

Tập V, Kinh Tương Ưng Bộ, Nxb Tôn Giáo, PL. 2537 – DL. 1993, có 693 trang, (số thứ tự 16); nội dung gồm có 12 chương:

Chương I, Tương ưng Đạo, có 8 phẩm:
1.P. Vô minh (Vô minh, Một nửa (Upaddham), Sàriputta, Bà-la-môn, Với mục đích gì, Một Tỳ-kheo khác (1) và (2), Phân tích, Sùka (râu lúa mì), Nandiya),
2.P. Trú (Trú (1) và (2), Hữu học, Sanh khởi (1) và (2), Thanh tịnh (1) và (2), Vườn gà (Kukkutàrama) (1) (2) và (3),
3.P. Tà tánh (Tà tánh, Pháp bất thiện, Đạo lộ (1) và (2), Không phải chân nhân (Asappurisa) (1) (2), Cái bình, Định, Thọ, Uttiya hay Uttika),
4.P. Về hạnh (Patipattivagga) (Hạnh-Patipatti, Người hành trì, Thối thất (Viraddha), Đến bờ bên kia, Sa-môn hạnh (1) và (2), Bà-la-môn (1) và (2), Phạm hạnh (1) và (2); Ngoại đạo Trung lược (Ly tham, Kiết sử (Samyojanam), Tùy miên, Hành lộ (Addhànam), Đoạn tận các lậu hoặc, Được giải thoát nhờ mình (Vijjàvimutti), Trí, Không chấp thủ); Mặt trời lược thuyết (Suriyassa Peyyàlam): a. Liên hệ đến viễn ly (Thiện hữu (1), Giới hạnh (2), Ước muốn (Chanda) (1), Ngã, kiến, không phóng dật (1), Như lý (Yoniso) (1), b. Nhiếp phục tham (Bạn hữu với thiện (2), Giới hạnh (2), Ước muốn (Chanda) (2), Ngã, kiến, không phóng dật (2), Như lý (2); Một pháp trung lược I, a. Liên hệ đến viễn ly (Bạn hữu với thiện (1), Giới hạnh (1), Ước muốn (Chanda) (1), Ngã (1),

Kiến (1), Không phóng dật (1), Như lý (1); b. Nhiếp phục tham (Bạn hữu với thiện (2)... Như lý (2); Một pháp trung lược II, a. Liên hệ đến viễn ly (Bạn hữu với thiện (1), Giới hạnh (1)... Như lý (1); b. Nhiếp phục tham (Bạn hữu với thiện (2), Giới hạnh (2)... Như lý (2); Hằng hà lược thuyết a. Liên hệ đến viễn ly (Phương đông (1), Hướng đông (1-6), Biển (1-6), b. Nhiếp phục tham (Hướng đông (1-6), Biển (1-6), c. Nhập vào bất tử (Amatogaddha) (Hướng đông (1-6), Biển (1-6), d. Thiên về Niết-bàn (Hướng đông (1-6), Biển (1-6); *5.P. Không phóng dật*: Như Lai, - Viễn ly, - Nhiếp phục tham, - Bất tử, - Niết-bàn (Dấu chân, Chóp mái, Góc rễ, Lõi hương, Hạ sanh hoa (bông huệ: Vassikam), Vua, Mặt trăng, Mặt trời, Vài), *6.P. Việc làm cần sức mạnh* (Sức lực, Các hột giống (Nàga), Cây, Cái ghè, Râu lúa mì (Sukiya), Hư không, Mây mưa (1), (2), Chiếc thuyền, Các khách, Con sông), *7.P. Tầm cầu*: - Tầm cầu (Thắng tri, Liễu tri (Parinnà), - Đoạn diệt (Parikkaya), - Đoạn tận (Pahàna) (Kiêu mạn (Vidhà), Lậu hoặc, Hữu, Khổ tánh (Dukkhatà), Hoang vu (Khilà), Cầu nhiệm (Malam), Dao động (Nighà), Thọ, Khát ái (Tanhà), Khát ái (Tasina hay Tanhà); *8.P. Bộc lưu* (Bộc lưu (Ogha), Ách phược (Yohô), Chấp thủ, Hệ phược (Ganthà), Tùy miên, Dục công đức, Các triền cái, Uẩn, Hạ phần kiết sử, Thượng phần kiết sử).

Chương II, Tương ưng Giác chi, có 18 phẩm: *1.P. Núi* (Tuyết sơn, Thân, Giới, Chuyển (Vatta), Vị Tỳ-kheo, Kundali (Người đeo vòng tai), Nóc nhà, Upavàna, Sanh (1) và (2), *2.P. Về bệnh* (Sanh loại, Ví dụ mặt trời (1) và (2), Bệnh (1), (2) và (3), Đến bờ bên kia hay không có hơn nữa, Thối thất (Viriddha) hay tấn tu (Àradha), Thánh, Nhàm chán), *3.P. Udayi* (Giác (Bodhanà), Thuyết giảng, Trú xứ (Thànà),

Phi như lý (Ayonisa), Không tồn giảm (Aparihàni), Đoạn tận (Khaya), Đoạn diệt, Thê nhập (Nibbedha), Một pháp, Udàyi), 4.P. *Triền cái* (Thiền (1) và (2), Cấu uế (1), Các cấu uế (2), Như lý (1) và (2), Tăng trưởng, hay không giảm thiểu, Chướng ngại-triền cái, Cây, Triền cái), 5.P. *Chuyển luân* (Các kiêu mạn, Chuyển luân, Marà, Liệt tuệ (Duppanna), Có trí tuệ, Bàn cùng (Dallido), Không bàn cùng, Mặt trời, Chi phần (1) và (2), 6.P. *Tổng nhiếp Giác chi*: - Đồ ăn (Món ăn của triền cái, Món ăn của các giác chi, Không phải món ăn cho các triền cái, Không phải là món ăn cho các giác chi; - Pháp môn (Pariyàya) (Năm trở thành mười, Bảy trở thành mười bốn); - Lửa (Phi thời, Phải thời, Không phải thời, Phải thời); - Từ (Sangàrava), Abhaya (vô úy), 7.P. *Hơi thở vô hơi thở ra*: - Bộ xương (Quả lớn-lợi ích lớn, Trí và bất hoàn (Annàsativa), Nghĩa lợi lớn, An ổn lớn khỏi khổ ách, Hứng khởi lớn (Samvegà), Lạc trú (Côn trùng, Ăn (Pulavaka), Xanh bầm (Vinilaka), Bị nứt nẻ (Vicchiddaka), Sung phòng lên (Uddhumàtaka), Từ, Bi, Hỷ, Xả, Hơi thở vô hơi thở ra), 8.P. *Đoạn diệt* (Bất tịnh, Chết, Ghê tởm, Bất khả lạc hay toàn thể giới, Vô thường, Khổ, Vô ngã, Đoạn tận, Ly tham, Đoạn diệt (Quả lớn-lợi ích lớn, Trí và bất hoàn, Nghĩa lợi lớn... Lạc thú); 9.P. *Sông Hằng quảng thuyết* (Hướng về Đông), 10.P. *Không phóng dật*, 11.P. *Cần dùng sức mạnh*, 12.P. *Tầm cầu*, 13.P. *Bộc lưu* (Thượng phần kiết sử), 14.P. *Sông Hằng quảng thuyết*, 15.P. *Không phóng dật (Nhiếp phục tham)*, 16.P. *Cần dùng sức mạnh (Nhiếp phục tham)*, 17.P. *Tầm cầu (Nhiếp phục tham)*, 18.P. *Bộc lưu* (Thượng phần kiết sử).

Chương III, Tương ưng Niệm xứ, có 10 phẩm: 1.P. *Ambapàli* (Ambapàli, Chánh niệm, Tỳ-kheo, Sàlà, Một đồng thiện, Con

chim ưng (Sakunagghi), Con vượn, Người đầu bếp, Bệnh, Trú xứ Tỳ-kheo Ni), 2.P. *Dànanda* (Đại nhân, Nàlanda, Cunda, Celam, Bàhiya hay Bàhika, Uttiya, Bậc Thánh, Phạm thiên, Sedaka, hay Ekantaka, Quốc độ, hay Ekantaka), 3.P. *Giới trú* (Giới, Trú, Tồn giảm (Parihànam), Thanh tịnh, Bà-la-môn, Một phần, Hoàn toàn (Samattam), Thế giới, Sirivaddha, Mānadinna), 4.P. *Chưa từng được nghe* (chưa từng được nghe, Ly tham, Thối thất (Viraddha), Tu tập, Niệm, Chánh trí, Ước muốn (Chandam), Liễu tri, Tu tập, Phân biệt), 5.P. *Bất tử* (Bất tử, Tập khởi, Con đường, Niệm, Đồng thiện, Pàtimokkha, Ác hành, Thân hữu, Các cảm thọ, Các lậu hoặc); 6.P. *Sông Hằng rộng thuyết*; 7.P. *Không phóng dật*; 8.P. *Việc làm cần sức mạnh*; 9.P. *Tầm cầu*; 10.P. *Bộc lưu* (Thượng phần kiết sử).

Chương IV, Tương ưng Căn, 17 phẩm: 1.P. *Thanh tịnh* (Thanh tịnh, Dự lưu (1) và (2), A-la-hán (1) và (2), Sa-môn, Bà-la-môn (1) và (2), Cần phải quán, Phân biệt (1) và (2), 2.P. *Có phần yếu hơn* - Mudutaravaggo (Chứng được, Tóm tắt (1), (2) và (3), Rộng thuyết (1), (2) và (3), Thực hành (hướng: Patipanno), Tịch tịnh (Ukasanno), Đoạn tận các lậu hoặc), 3.P. Sáu căn (Không có tái sanh-hay người có trí, Mạng, Chánh lý, Nhứt thẳng trí-hay Nhứt chủng trí, Thanh tịnh, Dòng nước hay Dự lưu, A-la-hán (1), A-la-hán hay Phật (2), Sa-môn hay Bà-la-môn (1) và (2), 4.P. Lạc căn (Thanh tịnh, Dòng nước, A-la-hán, Sa-môn hay Bà-la-môn (1) và (2), Phân tích (1) (2) và (3), Cây quay ra lửa (Arani), Sanh), 5.P. Về già (Già, Bà-la-môn Unnàbha, Sàketa, Pubbakotthaka (Ngôi nhà phía Đông), Ngôi nhà phía Đông (1), (2), (3) và (4), Pindolo (kẻ tìm tòi các đồng rác), Tín hay ngôi chợ), 6. *Phẩm Thứ sáu* (Sàlà, Mallikà, Hữu học,

Vết chân, Lỗi cây, Y chi-an trú, Phạm thiên, Hang con gấu, Sanh (1) và (2), 7.P. *Giác chi phần* (Kiết sử, Tùy miên, Liễu tri hay con đường ra khỏi, Đoạn diệt các lậu hoặc, Hai quả, Bảy lợi ích, Cây (1), (2), (3) và (4), 8.P. *Sông Hằng rộng thuyết* (Viễn ly), 9.P. *Không phóng dật* (Viễn ly), 10.P. *việc làm cần sức mạnh* (Viễn ly), 11.P. *Tâm cầu* (Viễn ly), 12.P. *Bộc lưu* (Viễn ly, *Thượng phần*), 13.P. *Sông Hằng rộng thuyết* (Tham), 14.P. *Không phóng dật* (tham), 15.P. *Việc làm cần sức mạnh* (tham), 16.P. *Tâm cầu* (tham), 17.P. *Bộc lưu* (tham, *Thượng phần* kiết sử).

Chương V, Tương ưng Chánh cần, có 5 phẩm: 1.P. *Sông Hằng rộng thuyết*, 2.P. *Không phóng dật*, 3.P. *Việc làm cần sức mạnh*, 4.P. *Tâm cầu*, 5.P. *Bộc lưu* (*Thượng phần* kiết sử).

Chương VI, Tương ưng Lực, có 10 phẩm: 1.P. *Sông Hằng rộng thuyết* (viễn ly), 2.P. *Không phóng dật* (viễn ly), 3.P. *Sức mạnh* (viễn ly), 4.P. *Tâm cầu* (viễn ly), 5.P. *Bộc lưu* (viễn ly, *Thượng phần* kiết sử), 6.P. *Sông Hằng rộng thuyết* (tham), 7.P. *Không phóng dật* (tham), 8.P. *Lực* (tham), 9.P. *Tâm cầu* (tham), 10.P. *Bộc lưu* (tham, *Thượng phần* kiết sử).

Chương VII, Tương ưng Như ý túc, có 8 phẩm: 1.P. *Càpàla* (Bờ bên kia, Thối thất, Thánh, Yếm ly, Một phần, Toàn diện, Tỳ-kheo, Phật hay A-la-hán, Trí, Cetiya), 2.P. *Lâu rung chuyển* (Trước hay nhân, Quả lớn, Ý muốn (Chando), Moggalàna, Bà-la-môn, Sa-môn, Bà-la-môn hay đại thần thông; Sa-môn, Bà-la-môn hay kiêu mạn, Tỳ-kheo, Thuyết pháp hay tu tập, Phân tích), 3. *Phẩm thứ ba* (Đạo, Hòn sắt, Tỳ-kheo, Thanh tịnh, Quả (1) và (2), Ànanda (1) và (2), Tỳ-kheo (1) và (2), Moggalàna, Như Lai), 4.P. *Sông Hằng rộng lớn*, 5.P. *Không phóng dật*, 6.P. *Việc làm cần sức mạnh*, 7.P. *Tâm cầu*, 8.P. *Bộc lưu*.

Chương VIII, Tương ưng Anuruddha, có 2 phẩm: 1.P. *Độc cư* (Độc cư (1) và (2), Sutanu, Kantaki (1), (2) và (3), Ái tận, Nhà bằng cây Sàla, Tất cả hay Ambapàla, Bị trọng bệnh hay bệnh), 2.P. *Phẩm thứ hai* (Một ngàn, Như ý lực (1) và (2), Vói tâm của mình, Xứ (1) và (2), Đạo lộ, Thế giới, Thắng giải sai biệt, Căn, Thiên, Minh (1), (2) và (3).

Chương IX, Tương ưng Thiên, có 5 phẩm: 1.P. *Sông Hằng rộng thuyết* (Thanh tịnh thứ nhất), 2.P. *Không phóng dật*, 3.P. *Việc làm cần sức mạnh*, 4.P. *Tâm cầu*, 5.P. *Bộc lưu* (*Thượng phần* kiết sử).

Chương X, Tương ưng Hơi thở vô, hơi thở ra, có 2 phẩm: 1. *Phẩm một pháp* (Một pháp, Giác chi, Thanh tịnh, Quả (1) và (2), Arittha, Kappina, Ngọn đèn, Vesàli, Kimbilà), 2. *Phẩm thứ hai* (Icàhànangala, Nghi ngờ, À nanda, (1) và (2), Tỳ-kheo (1) và (2), Kiết sử, Tùy miên, Con đường, Đoạn tận các lậu hoặc).

Chương XI, Tương ưng Dự lưu, có 7 phẩm: 1.P. *Veludvāra* (Vua, Thẻ nhập, Dìghavu, Sàriputta (1) và (2), Các người thợ mộc (Thapataye), Những người ở Veludvāra, Giảng đường bằng gạch (1) và (2), Ngôi nhà bằng gạch (3), 2.P. *Một ngày hay vườn vua* (Một ngàn, Các Bà-la-môn, À nanda, Ác thú (1) và (2), Thân hữu (1), BẠN bè thân hữu (2), Du hành chư thiên, Thăm viếng chư thiên (1) và (2), 3.P. *Saranāni* (Mahànàma (1) và (2), Godhà hay Mahànàma (3), Sarakāni hay Saranāni (1) và (2), Ác giới hay Anathapindika (1) và (2), Hận thù hay Anathapindika (3), Sợ hãi hay vị Tỳ-kheo, Licchavi hay Nandaka), 4.P. *Phước đức sung mãn* (Sung mãn (1), (2) và (3), Con đường của chư thiên (1) và (2), Đi đến bạn bè, Mahànàma, Mua, Kali, Nandiyà), 5.P. *Phước đức sung mãn với kệ* (Sung mãn (1), (2) và (3), Rất giàu hay giàu (1) và

(2), Tỳ-kheo hay thanh tịnh, Nandiya, Bhaddiya, Mahànàma, Phần), 6.P. *Với trí tuệ* (Với bài kệ, An cư mùa mưa, Dhammadinna, Bị bệnh, Bốn quả (1), (2), (3) và (4), Lợi đặc, Tăng trưởng, Quảng đại), 7.P. *Đại trí tuệ* (Đại, Quảng đại (Puthu), Tăng trưởng (Vipula), Thâm sâu, Không có ngang bằng (Asamatta), Sung mãn (Bhùri), Nhiều, Nhanh lẹ (Sìgha), Khinh an, Hoan hỷ (Hàsa), Tốc hành, Sắc bén, Thê nhập (Nibbedhika).

Chương XII, Tương ưng Sự thật, có 11 phẩm: 1.P. *Định* (Định, Thiên định (Patisallàna), Thiện nam tử (1) và (2), Samôn, Bà-la-môn (1) và (2), Các tâm, Suy tư (Cintà), Tranh luận (Viggàhikà), Lời nói), 2.P. *Chuyển pháp luân* (Như Lai thuyết (1) và (2), Uẩn, Xứ, Thọ trì (1) và (2), Vô minh, Minh, Thi thiết (Sankàsanà), Như thật (Tathà), 3.P. *Kotigàma* (Minh (1) và (2), Chánh đẳng giác, A-la-hán, Đoạn tận các lậu hoặc, Thân hữu, Như thật, Thê giới, Cần phải liễu tri hay thắng tri, Gavampati), 4.P. *Rừng Simsapà* (Simsapà, Cây leo (Khandira?), Cái gậy, Khăn đầu, Một trăm cây thương (Sattisata), Sanh loại (Pànà), Ví dụ mặt trời (1) và (2), Cột trụ (Indakhilo), Tranh luận), 5.P. *Vực thăm* (Tu duy, Vực thăm, Nhiệt não, Nhà có nóc nhọn, Chiggala (Lỗ khóa hay sợi lông) (1), Hắc ám, Lỗ khóa (2) và (3), Núi Sineru (Tu Di) (1) và (2), 6.P. *Chứng đạt* (Đầu móng tay, Ao hồ, Nhập dòng (Sambhejja) (1), Hợp dòng (2), Quả đất (1) và (2), Biển (1) và (2), Ví dụ với núi (1) và (2), 7.P. *Bánh xe lược thuyết* (Người khác, Biên địa, Trí tuệ, Rượu, Sanh ở nước, Hiếu kính mẹ, Hiếu kính cha, Kính trọng Sa-môn, Bà-la-môn, Kính trọng các bậc lớn tuổi), 8.P. *Ít người từ bỏ* (Sanh loại, Lấy của không cho, Trong các dục vọng, Nói láo, Nói ly gián, Nói lời thô ác, Nói lời phù phiếm, Hột giống, Phi thời, Hương liệu),

9.P. *Lúa gạo sống rộng thuyết* (Múa, Giường nằm, Bạc, Lúa gạo, Thịt, Con gái, Nữ tỳ, Dê, dê rừng, Gà-heo, Voi), 10.P. *Chúng sanh nhiều hơn* (Ruộng, Mua bán, Đưa tin tức, Cân lường, Hồi lộ, Sát hại, trộm cắp, cướp phá), 11.P. *Năm sanh thú* (Năm sanh thú (1), (2), (3), (4), (5), (6), (7), (8), (9), (10), (11), (12), (13) và (14).

711. KINH TƯƠNG ƯNG

Huyền Giải – Tập 1

Giác Nguyên (Toại Khanh)

Nxb Hồng Đức, PL. 2563 – 2019

Sách có khổ 14.5 x 20.5cm, dày hơn 592 trang.

Nội dung gồm có 6 phẩm, 60 Kinh: C.I Tương ưng chư Thiên, 1.P *Cây lau*, 1. Bộc lưu-Oghataranasutta, 2. Giải thoát-Vimokkhasutta, 3. Đưa đến đoạn tận-Upaniyasutta, 4. Thời gian trôi qua-Accentisutta, 5. Bao nhiêu phải cắt đoạn-Katichindasutta, 6. Tỉnh giác-Jagarasutta, 7. Không Liễu tri-Appatividitasutta, 8. Kinh Mê loạn-Susammutthasutta, 9. Mong muốn kiêu mạn-Manakamasutta, 10. Rừng núi-Arannasutta; II.P *Vườn Hoan hỷ*, 1. Vườn Hoan hỷ-Nandanasutta, 2. Vui thích-Nandatisutta, 3. Không ai bằng con-Natthiputtasama, 4. Giai cấp Sát-đế-ly-Khattiyasutta, 5. Tiếng động rừng sâu-Sanamànasutta, 6. Ngủ gục-Niddatandisutta, 7. Khó làm-Dukkarasutta, 8. Liêm sĩ-Hirisutta, 9. Am tranh-Kutikasutta, 10. Samiddhi-Samiddhisutta; III.P *Thanh gương*, 1. Thanh gương-Sattisutta, 2. Xúc chạm-Phusatisutta, 3. Triền phục-Jatasutta, 4. Chế ngự tâm-Manonivàranasutta, 5. Vị A-la-hán-Arahantasutta, 6. Kinh Ánh sáng-Pajjotasutta, 7. Nước chảy-Sarasutta, 8. Giàu lớn-Mahaddhanasutta, 9. Bốn bánh xe-Catucakkasutta, 10. Con sơn dương-Enijanghasutta; IV.P *Quần tiên*,

Satullapakàyikavaggo, 1. Với người thiện-Sabbhisutta, 2. Xan tham-Maccharisutta, 3. Lành thay-Sàdhusutta, 4. Chúng không phải-Nasantisutta, 5. Hiềm trách thiên-Ujjhànasannisutta, 6. Lòng tin-Saddhàsutta, 7. Tự hội-Samayasutta, 8. Miếng đá vụn-Sakalikasutta, 9. Con gái của Pajjunna 1-Pathamapajjunnadhitisutta, 10. Con gái của Pajjunna 2-Dutiyapajjunnadhitisutta; V.P Thiêu cháy, 1. Thiêu cháy-Adittasutta, 2. Cho gì-Kimdadasutta, 3. Đồ ăn-Annasutta, 4. Một căn rễ-Anomasutta, 5. Bậc hoàn toàn- Anomasutta, 6. Thiên nữ-Accharàsutta, 7. Trồng rừng-Vanaropasutta, 8. Kỳ viên-Jetavanasutta, 9. Xan tham-Maccharisutta, 10. Thợ đồ gốm-Ghatikàrasutta; VI.P Già, 1. Già-Jarasutta, 2. Không già-Ajarasàsutta, 3. Bạn-Mittasutta, 4. Cơ sở-Vatthusutta, 5. Sanh nhân-Pathamajanasutta, 6. Sanh nhân 2-Dutiyajanasutta, 7. Sanh nhân 3-Tatijajanasutta, 8. Phi đạo-Uppathasutta, 9. Người bạn-Dutiyasutta, 10. Thi nhân-Kavisutta.

712. KINH TỨ THẬP NHỊ CHƯƠNG

Biên soạn: *Thích Viên Giác*

Nxb Tôn Giáo, PL. 2544 – DL. 2000

Kinh có khổ 13 x 19cm, có 176 trang, bìa mềm (tái bản lần thứ nhất). Nội dung Kinh này gồm có: Lời giới thiệu, Lời nói đầu và 42 chương Kinh, mỗi chương có các phần: chánh văn, đại ý, giảng nghĩa, nhận xét và kết luận. Cuối sách là Phụ lục nguyên bản Hán ngữ *Tứ Thập Nhị Chương Kinh* của hai cao Tăng Ca-diếp-ma-đăng và Trúc Pháp Lan cùng dịch.

Tác phẩm Kinh này đã được tái bản năm 2002, Nxb Tôn Giáo.

713. KINH TỨ THẬP NHỊ CHƯƠNG

Ban Giáo Dục Tăng Ni Trung Ương

Giáo Trình Trung Cấp Phật Học

Chủ biên: TT. TS. Thích Thích Viên Trí –

Biên soạn: TT. Thích Viên Giác

Nxb Phương Đông – 2015. Sách có khổ 14.5 x 20.5cm.

Xem: Kinh Kinh Tứ Thập Nhị Chương do TT. Thích Viên Giác biên soạn.

714. KINH TỨ THẬP NHỊ CHƯƠNG

Hán dịch: *Ca-diếp-ma-đăng*

và *Trúc Pháp Lan*

Việt dịch và lược giảng: *Thích Vĩnh Hóa*

Báo Ân tự, 7509 Mooney Drive, Rosemead, CA 91770, USA (Tái bản lần thứ hai). Toàn bộ tác phẩm Kinh này dày 223 trang, nội dung có 42 chương (C), mỗi chương có 3 phần: Kinh văn, Dịch nghĩa và Lược giảng. Nội dung gồm có: Kinh tựa, C.1 Xuất gia chứng quả, C.2 Đoạn dục tuyệt cầu, C.3 Cắt ái khứ tham, C.4 Thiện ác tinh minh, C.5 Chuyển trọng linh khinh, C.6 Nhẫn ác vô sân, C.7 Ác hoàn bản thân, C.8 Trần thóa tự ô, C.9 Phản bản hội đạo, C.10 Hỷ thí hoạch phúc, C.11 Thí phạn chuyển thắng, C.12 Cử nan khuyến tu, C.13 Vấn đạo túc mạng, C.14 Thỉnh vấn thiện đại, C.15 Thỉnh vấn lực minh, C.16 Xả ái đắc đạo, C.17 Minh lai ám tạ, C.18 Niệm đặng bản không, C.19 Chân giả tinh quán, C.20 Suy ngã bản không, C.21 Danh thanh táng bản, C.22 Tài sắc chiêu khổ, C.23 Thê tử thậm ngục, C.24 Sắc dục chướng đạo, C.25 Dục hỏa thiêu thân, C.26 Thiên ma nhiều Phật, C.27 Vô trước đắc đạo, C.28 Ý mã mạc túng, C.29 Chánh quán dịch sắc, C.30 Dục hỏa viễn ly, C.31 Tâm tịch dục trừ, C.32 Ngã không bố diệt, C.33 Trí minh phá ma, C.34 Xử trung đắc đạo, C.35 Cầu tịnh minh tồn, C.36 Triển chuyển hoạch thắng, C.37 Niệm giới cận đạo, C.38 Sanh tức hữu

diệt, C.39 Giáo hội vô sai, C.40 Hành đạo tại tâm, C.41 Trục tâm xuất dục, C.42 Đạt thể như huyễn.

715. KINH TỨ THẬP NHỊ CHƯƠNG

Kinh Bốn Mươi Hai Chương

– âm nghĩa

Hán dịch: *Đời Hậu Hán,*

Ca-diếp-ma-đăng và Trúc Pháp Lan

Việt dịch và chú giải: *Đoàn Trung Còn và Nguyễn Minh Tiến*

Nxb Tôn Giáo – 2016. Kinh có khổ 16 x 24cm, có 71 trang, bìa mềm, nền đỏ, có khung bao, hoa văn bốn góc, chữ tựa màu vàng và màu trắng, có hình hoa sen. Nội dung gồm có: Nghi thức khai Kinh,

Phân Dịch âm, Kinh tự, C.1 Xuất gia chứng quả, C.2 Đoạn dục tuyệt trầm, C.3 Cắt ái khử tham, C.4 Thiện ác tịnh minh, C.5 Chuyển trọng linh khinh, C.6 Nhẫn ác vô sân, C.7 Ác hoàn bản thân, C.8 Trần thóa tự ô, C.9 Phản bản hội đạo, C.10 Hỷ thí hoạch phúc, C.11 Thí phạn chuyển thắng, C.12 Cử nan khuyến tu, C.13 Vấn đạo túc mạng, C.14 Thịnh vấn thiện đại, C.15 Thịnh vấn lực minh, C.16 Xả ái đắc đạo, C.17 Minh lai ám tạ, C.18 Niệm đấng bản không, C.19 Chân giả tinh quán, C.20 Suy ngã bản không, C.21 Danh thanh táng bản, C.22 Tài sắc chiêu khổ, C.23 Thê tử thậm ngục, C.24 Sắc dục chương đạo, C.25 Dục hỏa thiêu thân, C.26 Thiên ma nhiều Phật, C.27 Vô trước đắc đạo, C.28 Ý mã mạc túng, C.29 Chánh quán dịch sắc, C.30 Dục hỏa viễn ly, C.31 Tâm tịch dục trừ, C.32 Ngã không bỏ diệt, C.33 Trí minh phá ma, C.34 Xử trung đắc đạo, C.35 Câu khứ minh tồn, C.36 Triển chuyển hoạch thắng, C.37 Niệm giới cận đạo, C.38 Sanh tức hữu diệt, C.39 Giáo hội vô sai, C.40 Hành đạo tại tâm, C.41 Trục tâm xuất dục, C.42 Đạt thể tri huyễn;

Phân dịch nghĩa, Bài tựa Kinh, C.1 Xuất gia chứng quả, C.2 Trừ dục dứt tình, C.3 Dứt bỏ tham ái, C.4 Phân rõ lành dữ, C.5 Chuyển nặng thành nhẹ, C.6 Nhịn kẻ ác không giận, C.7 Làm ác gặp ác, C.8 Tự làm xấu mình, C.9 Về nguồn hiểu đạo, C.10 Tán trợ được phước, C.11 Đãi cơm khác biệt, C.12 Khó nhọc nên gắng tu, C.13 Hỏi về túc mạng, C.14 Hỏi điều tốt lành, C.15 Sức mạnh và sự sáng, C.16 Bỏ luyến ái được đạo, C.17 Sáng đến tối đi, C.18 Nghĩ tưởng lẽ không, C.19 Quan sát chân giả, C.20 Ngã vốn là không, C.21 Tham danh mất gốc, C.22 Tài sắc chuốc sự khổ, C.23 Vợ con trói buộc, C.24 Sắc dục che lấp đạo, C.25 Lửa dục thiêu thân, C.26 Thiên ma quấy rối Phật, C.27 Không vương mắc, C.28 Chớ buông thả tâm ý, C.29 Chánh quán trừ sắc dục, C.30 Lìa xa lửa dục, C.31 Tĩnh tâm trừ dục, C.32 Trừ ngã không còn sợ, C.33 Trí sáng phá tà ma, C.34 Trung đạo, C.35 Trừ câu nhiễm, C.36 Được chỗ tốt hơn, C.37 Giữ giới gần đạo, C.38 Có sanh có diệt, C.39 Lời dạy chẳng sai, C.40 Lễ bái do nơi tâm, C.41 Lòng ngay trừ dục, C.42 Biết đời là huyễn.

716. KINH TỨ THẬP NHỊ CHƯƠNG

(Vạn Tân Toàn Đại Nhật Bản

Tục Tạng Kinh Vol 37, No. 671)

Hán dịch: *Sa-môn Ca-diếp-ma-đăng và Trúc Pháp Lan*

Việt dịch: *Thánh Tri*

Toàn bộ tác phẩm Kinh này gồm có: - Lời tựa (San Antonio, Tx, Hoa Kỳ - 2016), nội dung có 3 phần chính với 42 chương: Phần Sơ tựa; Phần hai Chánh tông: C.1 Xuất gia chứng quả, C.2 Rõ lý đạo cao, C.3 Cạo bỏ râu tóc giữ Đạo thanh tịnh, C.4 Chuyển ác thành thiện, C.5 Sửa lỗi diệt tội, C.6 Nhịn ác đừng sân, C.7 Mắng Phật chiêu họa, C.8 Hại người tức hại mình, C.9 Vững chí ngộ Đạo, C.10 Tùy hỷ giúp người bỏ thí được phước, C.11 So sánh ruộng phước,

C.12 Kính trọng cha mẹ để bày tỏ đạo hiếu, C.13 Biết rõ cái khó mà cố gắng làm, C.14 Sạch tâm thấy Đạo đoạn dục biết đời trước, C.15 Hành thiện chí lớn, C.16 Nhẫn mạnh tâm sáng, C.17 Gạn đục thấy đạo, C.18 Hết tối còn sáng, C.19 Chân tướng không tướng, C.20 Quán thấu thì đắc Đạo, C.21 Trừ ngã thành không, C.22 Cầu danh hại thân, C.23 Tham tiền chiêu khổ, C.24 Bị vợ con trói buộc như đắm trong bùn lầy, C.25 Luyện sắc mắt Đạo, C.26 Dục giảm thì Đạo tăng, C.27 Ngược dòng theo tánh, C.28 Bỏ ý xa sắc, C.29 Giữ chánh niệm phòng nữ sắc, C.30 Hướng đạo tránh dục, C.31 Lo lắng lòng dâm nên đoạn tâm dâm dục, C.32 Lìa ái hết lo, C.33 Vững tâm đắc quả, C.34 Rõ đạo lý trong bốn câu hỏi, C.35 Bỏ hết dơ bẩn thì hạnh liền trong sạch, C.36 Đề ra cái khó đề rõ biết mà tu, C.37 Thường giữ giới luật đắc được đạo quả, C.38 Biết mạng người trong hơi thở là hiểu Đạo, C.39 Học Phật tin Kinh, C.40 Nhỏ gốc ái dục đắc Đạo thoát khổ, C.41 Trục tâm hành Đạo mới thoát khổ, C.42 Xét các pháp rõ biết là huyền hóa; Phần ba Lưu thông. Phụ lục: 1. Kinh văn phiên âm Hán-Việt; 2. Văn Kinh bản Hán; 3. Chú thích; Tài liệu tham khảo. (<https://thuvienhoasen.org>, *Kinh Sanskrit/Hán tạng*)

717. KINH TỨ THẬP NHỊ CHƯƠNG Đôi chiếu và Nhận định

Đôi chiếu và nhận định: *Thích Chúc Phú*
Nxb Hồng Đức – 2019
Kinh có khổ 13 x 20.5cm, có 398 trang, bìa mềm, có tay gấp, chữ tựa màu đỏ và đen, nền có hoa văn mây và văn kinh chữ Hán chìm. Toàn bộ tác phẩm Kinh này gồm có 42 chương (C) chính. Lời giới thiệu, Lời nói đầu, Khảo luận về tác giả, niên đại và truyền bản, Bài tựa *kinh Tứ thập nhị chương*. C.1. Quả vị Sa-môn, C.2.

Hình thức Sa-môn, C.3. Điều ác và điều thiện, C.4. Tội lỗi và sám hối, C.5. Quà tặng trở về, C.6. Ngược gió tung bụi, C.7. Bồ thí và trì giới, C.8. Bồ thí và tùy hỷ, C.9. Phân biệt cúng dường, C.10. Năm điều khó, C.11. Đắc đạo và túc mạng, C.12. Thiện, lớn, mạnh và sáng, C.13. Ái diệt thì tâm tịnh, C.14. Bóng tối và ánh sáng, C.15. Thân, khẩu, ý thanh tịnh, C.16. Nhân thế vô thường, C.17. Niệm đạo và tín căn, C.18. Tứ đại vô ngã, C.19. Danh vọng hão huyền, C.20. Tham dục như mật ngọt, C.21. Thê tử như lao ngục, C.22. Ái dục mạnh nhất, C.23. Cầm đuốc đi ngược gió, C.24. Ngọc nữ hầu Phật, C.25. Khúc gỗ trôi sông, C.26. Chớ tin tâm mình, C.27. Phụ nữ và người thân, C.28. Như cỏ tránh lửa, C.29. Đoạn âm và đoạn tâm, C.30. Cội nguồn của dục vọng, C.31. Tham dục và sợ hãi, C.32. Bốn hạng chiến sĩ, C.33. Tiếng đàn của So-na, C.34. Tu hành như luyện sắt, C.35. Có thân thì có khổ, C.36. Những điều khó trong đời, C.37. Mạng người trong hơi thở, C.38. Gần Phật – xa Phật, C.39. Phật pháp thuần một vị, C.40. Nhỏ gốc ái dục, C.41. Vượt khỏi bùn nhơ, C.42. Vương hầu như khách trọ.

Tác phẩm Kinh này đã xuất bản năm 2014, Nxb Hồng Đức.

718. KINH TỨ THẬP NHỊ CHƯƠNG giải thích

Việt dịch – giải thích:
Giáo sư Thích Hoàn Quan (1928-2005)
Chùa Khánh Vân –
Hoa Đạo xuất bản – 1967
Kinh có khổ 13 x 19cm, có 204 trang, bìa mềm. Toàn bộ tác phẩm *Kinh* này có 42 chương, được phân thành 3 phần chính, 4 mục lớn. A. Phần tổng khởi; B. Phần chánh thuyết: I. *Cộng giáo hạnh quả của Tam thừa* (Chứng quả xuất thế và Tu hạnh

xuất gia), II. *Thông nghĩa thiện ác của Ngũ thừa*, III. *Thắng hạnh bất cộng của Đại thừa*: - Lập tín nguyện, - Tu lục độ: Bố thí độ, trì giới độ, nhẫn nhục độ, thiền định độ, bát-nhã độ (căn bản trí, hậu đắc trí, gia hạnh trí: Quán vô thường là thường, Quán vô ngã như huyễn, Thông quán ngũ dục, Riêng trách sắc dục), tinh tấn độ: Mặc giáp tinh tấn, Hạnh mặc giáp tinh tấn, Tướng mặc giáp tinh tấn, Nhiếp thiện tinh tấn, Lợi lạc tinh tấn, Giới là quan trọng; IV. *Tín giáo, giải lý và tu hạnh*; C. Phần tổng kết.

Kinh này được tái bản nhiều lần: Năm 1971-1972, Hoa Đạo xuất bản; các năm: 2004-2008-2016, Nxb Tôn Giáo.

719. KINH TỪ TÂM VÀ PHƯỚC ĐỨC

Biên soạn: *Thích Nhật Từ*

Nxb Hồng Đức – 2016. Kinh có khổ 14 x 20cm, có 44 trang, bìa mềm.

Toàn bộ Kinh này gồm có 3 phần: Phần dẫn nhập, 1. Nguyện hương, 2. Ca ngợi Phật và quán tưởng, 3. Đánh lễ Tam bảo, 4. Tán hương, 5. Phát nguyện trì Kinh, 6. Tán dương giáo pháp; Phần Chánh Kinh, 1. Kinh Từ Tâm, 2. Kinh Phước Đức, 3. Kinh Người Áo Trắng; Phần Hồi hướng, 1. Bát-nhã Tâm Kinh, 2. a. Niệm Phật A-di-đà và Thánh chúng, b. Sám Quy y, 3. a. Sám Quy nguyện, b. Sám tu là cội phúc, 4. Hồi hướng công đức, 5. Lời nguyện cuối, 6. Đánh lễ Ba ngôi báu.

Kinh này đã được xuất bản từ năm 2009, Nxb Tôn Giáo.

720. KINH TỶ-KHEO NA-TIÊN (Hán – Việt)

Dịch và chú giải: *Đoàn Trung Còn và Nguyễn Minh Tiến*

Hiệu đính: *Nguyễn Minh Hiền*

Nxb Tôn Giáo – 2009, khổ 14.5 x 20.5cm, dày 318 trang, bìa mềm.

Toàn bộ tác phẩm Kinh này gồm có 3 quyển: - Lời nói đầu; *Quyển thượng*, I. Duyên khởi, II. Xuất sanh, III. Chứng đạo, IV. Độ sanh, V. Hội ngộ, VI. Tỉnh vấn, VII. Vấn đáp: 1. Mục đích xuất gia, 2. Tái sanh, 3. Các điều lành, 4. Hiếu thuận, 5. Tinh tấn, 6. Nhớ nghĩ điều lành, 7. Nhất tâm, 8. Trí tuệ, 9. Công năng của các điều lành, 10. Ai tái sanh, 11. Không còn tái sanh, 12. Trí tuệ của người đắc đạo, 13. Năm tâm lành; *Quyển trung*, I. Các vấn đề về tâm thức: 1. Cảm xúc và sự khổ, vui, 2. Sau khi chết, 3. Nguyên nhân tái sanh, 4. Danh và thân, 5. Vòng tròn sanh tử, 6. Cội nguồn sanh tử, 7. Nhân duyên sanh, 8. Bản ngã, 9. Căn và Thức, 10. Xúc nhập, 11. Lạc thọ, 12. Hiểu rõ và nhận biết, 13. Tư tưởng, 14. Sự rung động trong lòng, 15. Phân biệt, 16. Căn và Trần; II. Sanh tử và Niết-bàn: 1. Nghiệp quả sai biệt, 2. Nên sớm làm việc thiện, 3. Địa ngục, 4. Niết-bàn, 5. Ai nhập Niết-bàn, 6. Vì sao biết Niết-bàn là vui? 7. Vì sao biết có Phật? 8. Người đắc đạo có khổ hay không? 9. Đắc đạo và nhập Niết-bàn; *Quyển hạ*, I. Việc làm và nhân quả: 1. Không ai hơn Phật, 2. Làm theo Kinh Phật, 3. Sau khi chết, 4. Nhân quả nối tiếp, 5. Dự tri nhân quả; II. Phật và đệ tử: 1. Phật đang ở đâu? 2. Tự yêu mến thân thể, 3. Phật không giống thế gian, 4. Ngụy biện, 5. Ai là thầy của Phật; III. Tu tập và giải thoát: 1. Hai giọt lệ, 2. Người được giải thoát, 3. Trí nhớ, 4. Phát khởi trí nhớ, 5. Độ người cũng như trị bệnh, 6. Thuyền chở đá, 7. Vì sao phải lo tu hành, 8. Sự hóa hiện của tâm thức, 9. Nhân duyên hiểu đạo, 10. Thiện ác và tội phước, 11. Người đắc đạo và các việc lạ, 12. Ngưng hơi thở, 13. Trí tuệ của người đắc đạo; IV. Đoạn kết; Phần Hán văn: Q. thượng, Q. trung và Q. hạ.

721. KINH THANH TỊNH TỖ-NI

Dịch và giải thích:

Tỳ-kheo Thích Thiện Nhơn

Nxb Tôn Giáo, PL. 2555 – DL. 2011

Kinh có khổ 14.5 x 20.5cm, có hơn 89 trang, bìa mềm, chữ tựa màu đen và đỏ, có hình Đức Phật an tọa trên tòa sen tay kiết ấn. Nội dung gồm có: Lời nói đầu, Tiểu sử Dịch giả, *Kinh Thanh Tịnh Tỳ-ni Phương Quảng*; Phần Chú thích.

722. KINH THẮNG MAN

Viết dịch: *HT. Thích Thanh Từ*

Toàn bộ tác phẩm Kinh này gồm có 15 chương chính: C.1 Ý nghĩa chơn thật về công đức của Như Lai; C.2 Mười điều nhận lãnh; C.3 Ba lời nguyện; C.4 Nhiếp thụ; C.5 Nhất thừa; C.6 Vô biên Thánh đế; C.7 Như Lai tạng; C.8 Pháp thân; C.9 Không nghĩa ân phú chân thật; C.10 Một Thánh đế; C.11 Một sở y; C.12 Điên đảo và chân thật; C.13 Tự tánh thanh tịnh; C.14 Chân thật đệ tứ; C.15 Thắng Man. (<https://thuvienhoasen.org>, *Kinh Sanskrit/Hán tạng*)

723. KINH THẮNG MAN

Dịch giả: *Trí Quang (1923-2019)*

Nxb Tp. Hồ Chí Minh,

PL. 2538 – DL. 1994

Kinh có khổ 13 x 19cm, có 88 trang, bìa mềm, chữ tựa màu đen, có hình Bồ-tát Quán Thế Âm tay cầm nhánh dương liễu. Nội dung gồm có: Dẫn nhập, *Kinh Thắng Man*, I. Được thọ ký, 1. Đức tính chân thật của Như Lai; II. Phát Bồ-đề tâm, 2. Mười điều nhận lãnh, 3. Ba điều đại nguyện, 4. Thu nhận chánh pháp; III. Nhập Như Lai tạng, 5. Xác quyết Nhất thừa, 6. Chân lý vô biên, 7. Như Lai tạng, 8. Pháp thân, 9. Chân thật bị ẩn, 10. Thánh đế duy nhất, 11. Nương tựa duy nhất, 12. Thác loạn,

chắc thật, 13. Bản tánh thanh tịnh, 14. Con thật của Phật, 15. Thắng Man hoàng hậu; Ghi chú.

724. KINH THẮNG MAN

Dịch giả: *HT. Thích Đức Niệm*

Nxb Tôn Giáo, PL. 2547 – DL. 2003

Kinh có khổ 14.5 x 20.5cm, có 478 trang. Kinh này gồm có: Thay lời tựa, Huyền luận kinh Thắng Man, Phần tựa, Phần Chánh tông và Phần Lưu thông, Phần chú thích.

Kinh Thắng Man này lần đầu được THPG Tp. Hồ Chí Minh ấn hành năm 1996, khổ 14 x 20cm, có 458 trang, bìa mềm.

725. KINH THẮNG MAN

Dịch-chú và giảng: *Tiến sĩ Nguyễn Hồng*

Nxb Tôn Giáo – 2005

Kinh có khổ 14 x 20cm, dày hơn 255 trang, bìa mềm. Nội dung gồm có: Giới thiệu, C.1 Ý nghĩa chân thật về Công đức của Như Lai, C.2 Mười điều nhận lãnh, C.3 Ba lời nguyện, C.4 Nhiếp thụ, C.5 Nhất thừa, C.6 Vô biên Thánh đế, C.7 Như Lai tạng, C.8 Pháp thân, C.9 Không nghĩa ân phú chân thật, C.10 Một Thánh đế, C.11 Một sở y, C.12 Điên đảo và chân thật, C.13 Tự tính thanh tịnh, C.14 Chân thật đệ tứ, C.15 Thắng Man; Phiên âm, Hán văn.

726. KINH THẮNG MAN - PHU NHÂN HỘI

Hán dịch: *Tam tạng Bồ-đề-lưu-chí*

Viết dịch và giải thích: *Chân Hiền Tâm*

Nxb Tôn Giáo – 2006. Toàn bộ tác phẩm này gồm có 3 phần chính: - Lời nói đầu, Phần I. Nhân duyên Thắng Man gặp Phật,

Mười hoàng thế; Phần II. Ba đại nguyện, Nghĩa quảng đại của nhiếp thọ chánh pháp, Thực tướng của nhiếp thọ chánh pháp và chánh pháp, Ý nghĩa của sáu độ Ba-la-mật, Xả bỏ thân mạng và tài sản để nhiếp thọ chánh pháp, Lời ca ngợi của Đức Phật đối với việc nhiếp thọ chánh pháp; Nhiếp thọ chánh pháp chính là nhiếp thọ Đại thừa; Phần III. Sự khác nhau giữa Phật và La-hán, Hai loại tử, Ba thứ vô minh, Như Lai tạng, Tác Thánh đế và Vô tác Thánh đế, Không và bất không Như Lai tạng, Tịnh trí của Thanh văn và Duyên giác, Bốn trí nhập lưu, Giải thích 4 tướng ngã, nhân, chúng sanh, thọ giả theo kinh Viên Giác, 3 loại người có thể thành tựu đại pháp, Lời phó chúc của Đức Phật; Chú thích.

727. KINH THẮNG THIÊN VƯƠNG BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT

Trung Tâm Dịch Thuật Hán-Nôm

Huệ Quang

Hán dịch: *Đời Trần,*

Vương tử Nguyệt-bà-thủ-na

Việt dịch: *Minh Định;*

Hiệu đính: *Định Huệ*

Nxb Tôn Giáo – 2010. Kinh có khổ 14.5 x 20.5cm, dày hơn 215 trang.

Nội dung gồm có: Thay lời tựa và 7 Quyển (Q.I đến Q.VII).

728. KINH THẬP THIỆN

Việt dịch: *Thích Tâm Châu (1921-2015)*

Chùa Từ Quang (Sài Gòn) ấn hành

Kinh có 27 trang, bìa mềm. Nội dung gồm có: *Phật nói Kinh Thập Thiện Nghiệp Đạo*; Chú thích. (*Bản lưu tại Thư viện Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam tại Tp. Hồ Chí Minh; Mã sách: Vie 2189*)

729. KINH THẬP THIỆN

Giảng luận: *Pháp sư Tịnh Không*

Việt dịch: *Thích Giác Thiện*

Nxb Tôn Giáo – 2008. Kinh có khổ 14.5 x 20.5cm, bìa cứng, nền màu vàng chữ tựa màu đen, dày 1.016 trang, với 121 tập.

730. KINH THẬP THIỆN Giải Thích

Giải thích:

Giáo sư Thích Hoàn Quan (1928-2005)

Hoa Đạo xuất bản, PL. 2515 – DL. 1971

Nội dung gồm có: A. Chứng tín (tự phần), B. Chánh thuyết (chánh tôn), I. Thuyết minh nghiệp quả thế và xuất thế, 1. Từ nhân nói quả, 2. Ngay nơi quả mà nói nhân, 3. Đem nhân để nói tướng: a. Quán tâm vô chủ, b. Quán pháp như huyễn, c. Khuyên nên tu thiện, 4. Đem tướng nghiệp quả chứng minh, a. Đem Phật quả chứng minh, b. Đem Bồ-tát quả chứng minh, c. Đem thiên long chứng minh, d. Dẫn loài thủy tộc chứng minh; II. Thuyết minh Thập thiện nghiệp đạo, 1. Hiển dụng của thiện pháp, 2. Giải thích tên của thiện pháp, 3. Trình bày hành tướng của thiện pháp; III. Thuyết minh công đức của Thập thiện nghiệp, 1. Thuyết minh công đức không sát sanh, 2. Thuyết minh công đức không trộm cắp, 3. Thuyết minh công đức không tà hạnh, 4. Thuyết minh công đức không vọng ngữ, 5. Thuyết minh công đức không nói hai lưỡi, 6. Thuyết minh công đức không nói ác khẩu, 7. Thuyết minh công đức không thù dật, 8. Thuyết minh công đức không tham dục, 9. Thuyết minh công đức không sân hận, 10. Thuyết minh công đức không tà kiến; IV. Thuyết minh thắng hạnh Mười thiện nghiệp, 1. Thuyết minh Lục độ, a. Rộng nói về Bồ thí độ, b. Lược nói năm độ khác, 2. Thuyết minh các hạnh: a. Tứ vô lượng tâm, b. Tứ nhiếp pháp, c. Ba mươi bảy phẩm trợ đạo.v.v..., 3. Tổng kết; V. Thuyết minh sự thù thắng của Mười thiện nghiệp; C. Phần Lưu thông.

Tác phẩm này đã được Hoa Đạo xuất bản năm 1965, với tên “Kinh Thập Thiện” (Dùng cho lớp Tiểu học Phật giáo); năm 1972, (Chùa Khánh Vân) Hoa Đạo xuất bản.

731. KINH THẬP THIỆN giảng giải

Dịch-giảng: *HT. Thích Thanh Từ*

Nxb Tôn Giáo, PL. 2547 – DL. 2004

Kinh có khổ 14.5 x 20.5cm, có 121 trang, bìa mềm, nền màu cam, chữ tựa màu đỏ và đen, có hình tháp chuông (nhỏ) phần dưới. Tác phẩm này gồm có: Lời đầu sách, Giảng đề kinh, Giảng văn kinh (dịch âm, dịch nghĩa và giảng); 10 nghiệp lành: 1. Không sát sanh, 2. Không trộm cắp, 3. Không tà hạnh, 4. Không nói dối, 5. Không nói hai lưỡi, 6. Không nói lời hung dữ, 7. Không nói lời trau chuốt, 8. Không tham dục, 9. Không sân giận, 10. Không tà kiến. Nói về những thành tựu công đức của việc xa lìa mười nghiệp lành.

Tác phẩm Kinh này được tái bản nhiều lần: Năm 1993, THPG Tp. Hồ Chí Minh ấn hành; năm 1997, Thiền viện Thường Chiếu ấn hành; năm 1996, THPG Tp. Hồ Chí Minh ấn hành; năm 1999, Nxb Tp. Hồ Chí Minh (tái bản lần thứ tư); năm 2006, 2007, 2011, 2016 (tái bản lần thứ bảy), Nxb Tôn giáo.

732. KINH THẬP THIỆN Lược Giải

Lược giải: *Chân Hiền Tâm*

Nxb Phương Đông - 2011. Nội dung Kinh này gồm có 3 phần chính: - Lời nói đầu, 1. Nhân duyên nói Kinh Thập Thiện; 2. Công đức của Thập thiện hạnh; 3. Thắng hạnh của Thập thiện hạnh.

733. KINH THẬP THIỆN Lược Giảng

Lược giảng: *Tỳ-kheo Thích Tuệ Hải*

Nxb Tôn Giáo, PL. 2564 – DL. 2020

Kinh có khổ 16 x 24cm, dày 289 trang, bìa mềm, chữ tựa Kinh mạ vàng, có tay gấp. Nội dung gồm có: I. Lời tựa, II. Giải nghĩa đề Kinh Thập Thiện, III. Chánh văn Kinh Thập Thiện, IV. Giải nghĩa chánh văn Kinh Thập Thiện, A. Thập Thiện, 1. Sát sanh, 2. Trộm cướp, 3. Tà hạnh, 4. Vọng ngữ, 5. Nói hai lưỡi, 6. Ác khẩu, 7. Ý ngữ, 8. Tham dục, 9. Sân hận, 10. Tà kiến; B. Thập thiện và Bồ thí, C. Thập thiện và Lục độ Ba-la-mật, D. Thập thiện và Từ Bi Hỷ Xả, E. Thập thiện và Ba mươi bảy phẩm trợ đạo; Kết luận.

734. KINH

THẬP THIỆN NGHIỆP ĐẠO

Việt dịch: *Thích nữ Tịnh Ý*

Kim Huê Tụ (Sa-Đéc) ấn tống

– PL. 2520

Kinh có 42 trang, bìa mềm. Nội dung gồm có: Tựa, C.1 Lời nói đầu, I. Nghĩa chơn thật đúng lý, II. Pháp ứng cơ đối trị; C.2 Phần 1. Giải thích đầu đề Kinh, Phần 2. I. Giải thích đầu đề bản dịch, II. Giải thích về bốn văn dịch có hai phần, Tổng kết; C.3 Lưu thông.

735. KINH

THẬP THIỆN NGHIỆP ĐẠO

Soạn dịch: *Thích Giải Hiền*

Toàn bộ tác phẩm này gồm có 12 chương chính: Lời mở đầu (2015); C.1 Tụ luận; C.2 Cách thức nhìn nhận bố cục một bộ Kinh Phật giáo; C.3 Ai là người sáng thế? C.4 Nhìn rõ hiện tượng tâm vật; C.5 Sự khác biệt của vạn vật hữu tình; C.6 Đức hạnh căn bản của học Phật; C.7 Mười hành vi xây dựng hạnh phúc nhân sanh; C.8 Con đường thành Phật; C.9 Tinh thần của Bồ-tát; C.10 Phương tiện để nhiếp hóa chúng sinh; C.11 Pháp môn hướng đến

giải thoát; C.12 Tổng kết; Phần chánh văn; Phần dịch âm; Phần dịch nghĩa. (<https://thuvienhoasen.org>, *Kinh-Giảng giải kinh*)

736. KINH THẬP THIỆN NGHIỆP ĐẠO

Nguyên tác:

Pháp sư Thái Hư (1889-1947)

Việt dịch:

HT. Thích Trí Thủ (1909-1984)

Tác phẩm Kinh này gồm có: - Lời giới thiệu (Phật học đường Báo Quốc-Huế, PL. 2512 – DL. 1949), I. Thiệt nghĩa của khế lý, II. Ứng dụng của khế cơ; A. Giải thích đề mục, B. Giải thích Kinh văn; có 5 chương: C.1 Nghiệp quả thế gian và xuất thế gian; C.2 Thập thiện nghiệp đạo; C.3 Công đức của Thập thiện; C.4 Thắng hạnh của Thập thiện nghiệp; C.5 Kết luận, Sự thù thắng. (<https://thuvienhoasen.org>, *Kinh Sanskrit/Hán tạng*)

737. KINH THẮT PHẬT

Việt dịch: *Thích Tâm Hạnh*

Hiệu chú: *Tuệ Sỹ - Đức Thắng*

Nội dung Kinh này nói về dòng họ, thân thế, công hạnh, thành tựu Vô thượng Chánh giác và hoằng hóa độ sanh của bảy Đức Phật: 1. Phật Tỳ-bà-thi, 2. Phật Thíchhi, 3. Phật Tỳ-xá-phù, 4. Phật Câu-lu-tôn, 5. Phật Câu-na-hàm-mâu-ni, 6. Phật Ca-diếp và 7. Phật Thích-ca Mâu-ni. (<https://quangduc.com>, *Kinh-Hán tạng*)

738. KINH THI-CA-LA-VIỆT (Phước Bình Tuyền Tập)

HT. Thích Hành Trụ

Nxb Tôn Giáo – 2011

Kinh có khổ 14.5 x 20.5cm, có hơn 20 trang, bìa mềm. Nội dung sơ lược gồm có: Lễ bái sáu phương, I. Lạy phương Đông, nghĩa là: Bồn phận làm con thờ kính cha

mẹ phải có năm điều, II. Lạy phương Nam nghĩa là: Bồn phận làm trò đối với thầy phải có năm điều, III. Lạy phương Tây nghĩa là: Bồn phận làm vợ đối với chồng phải có năm điều, IV. Lạy phương Bắc nghĩa là: Bồn phận mình đối với bà con thân quyến kia đây đều có năm điều, V. Lạy phương Dưới nghĩa là: Bồn phận chủ nhà đối với tôi tớ phải có năm điều, VI. Lạy phương Trên nghĩa là: Bồn phận thí chủ cúng dường Sa-môn, thiện tri thức phải đủ năm điều; Phụ lục: 1. Nhơn duyên Phật giáng thế, 2. Sự tích Đức Thích-ca Mâu-ni Phật, 3. Phát Bồ-đề tâm.

Tác phẩm Kinh này đã được THPG Tp. Hồ Chí Minh ấn hành năm 1995.

739. KINH THIÊN THỦ THIÊN NHÃN – ĐẠI BI SÁM PHÁP ĐẠI BI TÂM ĐÀ-RA-NI

Việt dịch: *Giác Hải và*

Thích Thiên Tâm (1925-1992)

Duc Vien Buddhist Community Pagoda, 2420-2440 Mc Laughlin Ave.

San Jose, CA 95121-2745 USA, ấn tống, PL. 2540 – DL. 1997

Sách dày 224 trang, bìa cứng, màu xanh dương, chữ mạ vàng.

Toàn bộ Kinh này gồm có: Kinh Thiên thủ Thiên nhãn Đại bi Sám pháp (Giác Hải dịch), Thiên thủ Thiên nhãn Pháp bửu Chân ngôn đồ (có 42 đồ hình); Lời bạt, Phần Kinh văn: Kinh Thiên Thủ Thiên Nhãn Quán Thế Âm Bồ-tát Quảng đại Viên mãn Vô ngại Đại bi Tâm Đà-ra-ni; Phần Chánh văn và Xuất tượng Đại bi Tâm Đà-ra-ni – Mahakaruna Dharani (có 84 đồ hình). Sau cùng là Phần Chú thích và Phần Đại bi trì nghiệm.

740. KINH THIỆN ÁC NHÂN QUẢ

Việt dịch:

HT. Thích Trung Quán (1918-2003)

Nxb Hồng Đức – 2014

Kinh có khổ 14.5 x 20.5cm, có 54 trang, bìa mềm.

Nội dung gồm có: Nghi thức Niệm hương và Khai Kinh (Kỳ nguyện, Tán Phật, Quán tưởng, Tán lư hương, Chú Đại bi, Khai Kinh kệ), *Phật Nói Kinh Thiện Ác Nhân Quả*, Ma-ha Bát-nhã Ba-la-mật-đa Tâm Kinh, Vãng sanh Quyết định Chơn ngôn, Tán Phật, Sám Thập phương, Tứ Hoàng thế nguyện, Hồi hướng và Tam Quy y.

Tác phẩm Kinh đã được THPG Tp. Hồ Chí Minh ấn hành năm 1994; tái bản: Năm 1999, Nxb Tp. Hồ Chí Minh; các năm 2012-2015, Nxb Tôn Giáo.

741. KINH THỦ HỘ QUỐC GIỚI CHỦ ĐÀ-LA-NI

Dịch giả: *Thích Thông Đức*

THPG Tp. Hồ Chí Minh,

PL. 2539 – DL. 1995

Kinh có khổ 14 x 20cm, dày 337 trang. Toàn bộ kinh này gồm có 11 phẩm chính: 1.P. Tựa, 2.P. Đà-la-ni, 3.P. Đại bi thai tạng xuất sanh, 4.P. Như Lai Đại bi bát tư nghi, 5.P. Nhập Như Lai bát tư nghi thậm thâm sự nghiệp, 6.P. Bồ-tát Anh Lạc trang nghiêm, 7.P. Đại quang phổ chiếu trang nghiêm, 8.P. Bát-nhã căn bản sự nghiệp trang nghiêm, 9.P. Đà-la-ni công đức nghi quỹ, 10.P. Thọ ký vua A-xà-thế, 11.P. Như Lai chúc lụy.

742. KINH THỦ HỘ QUỐC GIỚI CHỦ ĐÀ-LA-NI

Hán dịch: *Tam tạng Sa-môn Bát-nhã và Mâu-ni Thất-lợi*

Việt dịch và phục hồi Phạm chú:

Huyền Thanh

Toàn bộ tác phẩm Kinh này gồm có 10 quyển, 11 phẩm: Q.I, P.1 Tựa, P.2 (Chi một); Q.II, P.2 (Chi hai); Q.III, P.2 (Chi ba), P.3 Đại bi Thai tạng xuất sanh; Q.IV,

P.4 Nhập vào Đại bi chẳng thể nghĩ bàn của Như Lai; Q.V, P.5 (Chi một). Nhập vào Sự nghiệp sâu xa chẳng thể nghĩ bàn của Như Lai; Q.VI, P.5 (Chi hai). Nhập vào Sự nghiệp sâu xa chẳng thể nghĩ bàn của Như Lai; Q.VII, P.5 (Chi ba). Nhập vào Sự nghiệp sâu xa chẳng thể nghĩ bàn của Như Lai, P.6 (Chi một). Anh lạc trang nghiêm của Bồ-tát; Q.VIII, P.6 (Chi hai). Anh lạc trang nghiêm của Bồ-tát, P.7 Đại quang phổ chiếu trang nghiêm, P.8 Bát-nhã căn bản sự nghiệp trang nghiêm; Q.IX, P.9 Đà-la-ni công đức nghi quỹ; Q.X, P.10 Thọ ký cho vua A-xà-thế, P.11 Đức Như Lai căn dặn giao phó. (<https://quangduc.com>, *Kinh-Hán tạng; theo Mật Tạng bộ 2 – No. 997*)

743. KINH THỦ LĂNG NGHIÊM

Soạn dịch: Ni trưởng -

TN. Hải Triều Âm (1920-2013)

Nxb Tp. Hồ Chí Minh – 1999

Kinh có khổ 16 x 24cm, dày 398 trang. Nội dung Kinh này gồm có 4 phần chính: I. Tựa; II. Chánh tông, A. Kiến đạo (Samatha), 1. Gạn hỏi tìm tâm (- Nguyên do thường trụ và luân chuyển, - Bảy lần tìm tâm, - Chỉ rõ vọng tâm); 2. Khai tri kiến Phật (- Mười lần chỉ kiến tính, - Phá xích hòa hợp, - Vạn pháp quy về Như Lai tạng, - Anan giác ngộ phát nguyện); 3. Quyết nghi (- Như Lai tạng thanh tịnh do đâu hốt nhiên có chúng sanh? – Bảy đại viên mãn dung hòa, - Chúng sanh nhân đâu có vọng, - Nghi Nhân duyên, Tự nhiên, Chú thích); B. Tu đạo (Tamma), 1. Hai nghĩa quyết định (- Nhân quả tương ưng, - Thâm tường căn bản phiền não); 2. Phương pháp giải kết; 3. (- Trình bày viên thông, - Quán Âm quang trần); 4. Văn-thù đích chỉ pháp viên tu; 5. Yếu pháp hộ định (- Giới luật nghiêm trì, - Thần chú trừ tập khí, - Chú thích); C. Nhập đạo (Thiền-na),

1. Bản nhân 12 loài sanh, 2. Tam tiệm thứ, 3. An lập Thánh vị, 4. Tên Kinh, Chú thích; *III. Hiểm nạn cần đề phòng* (a. Bảy thú, b. Ngũ âm ma); *IV. Lưu thông*, Phụ trương: Gỡ giải năm âm.

Tác phẩm này được tái bản nhiều lần: Năm 2007-2009, Nxb Tôn Giáo.

744. KINH THỦ LĂNG NGHIÊM

Viết dịch và lược giải:

Thích Duy Lực (1923-2000)

Từ Ân Thiên đường, Santa Ana-Hoa Kỳ, xuất bản năm 1990.

Toàn bộ tác phẩm Kinh này gồm có 10 quyển.

Xem: Kinh Lăng Nghiêm do HT. Thích Duy Lực dịch và lược giải.

745. KINH THỦ LĂNG NGHIÊM, Dịch

âm – Diễn nghĩa – Yêu giải

Viết dịch: *HT. Thiền sư Thích Từ Quang*

Chơn Đức Thiên Viện – 1961

(tái bản lần thứ ba)

Tác phẩm Kinh này gồm có 10 quyển. *Quyển nhất*, Phần lưu thông, Phần biệt tự, Phần chánh tông; A. Kiến đạo: Ngài A-nan thỉnh giáo, Phật hỏi nguyên nhân tu hành của ngài A-nan, Ngài A-nan tự trần tri kiến của chúng sanh, Bảy lần mê chấp tâm của ngài A-nan đều được Phật tu chỉnh; *Quyển nhì*, Phật hiển minh bốn thứ: Âm-Nhập-Xứ-Giới, Phật hiển minh Ngũ âm; *Quyển ba*, Phật hiển minh Lục nhập, Phật hiển minh: Thập nhị xứ, Phật hiển minh: Thập bát giới, Ngài A-nan bày tỏ sự nghi chấp, Phật giải nghi chấp của ngài A-nan, Phật hiển minh Tứ đại: Địa-Hỏa-Thủy-Phong, Phật hiển minh Tam đại: Không-Kiến-Thức, Ngài A-nan và đại chúng kiến đạo; *Quyển tư*, Ngài Phú-lâu-

na hỏi nghĩa vọng sanh tương tục, Phật hiển minh nghĩa vọng sanh tương tục, Ngài Phú-lâu-na hỏi lý giác mê, Phật hiển minh lý giác mê; Phần chánh tông: B. Hành đạo, C. Chứng đạo, Nhứt thiết đại chúng cầu tu chứng đại thừa pháp, Phật khai thị Đại thừa pháp, Nghĩa quyết định thứ nhứt, Nghĩa quyết định thứ hai; *Quyển năm*, Ngài A-nan xin biết chỗ buộc gút và pháp mở gút của thân tâm, Chư Phật đồng chứng minh Lục căn vốn là chỗ buộc và mở gút, Ngài A-nan và đại chúng cầu hiểu bốn căn viên thông, Phật bảo 25 vị Thánh thuyết minh bốn căn viên thông; *Quyển sáu*, Phật thể hiện oai đức kiết tường độ sanh, Phật bảo Bồ-tát Văn-thù tuyên chỗ viên thông cho hạng Hữu học, Tất cả đại chúng vui thọ pháp kệ, Ngài A-nan hỏi pháp an lập đạo tràng độ sanh, Phật dạy tu Giới-định-tuệ để giải thoát, Phật dạy đoạn tâm dâm dục để giải thoát, Phật dạy đoạn tâm sát sanh để giải thoát, Phật dạy đoạn tâm tham đạo để giải thoát, Phật dạy đoạn tâm đại vọng ngữ để giải thoát; *Quyển bảy*, Phật khai thị diệu pháp tu chứng chánh định, Nhứt thiết đại chúng cầu Phật thuyết Mật chú Thủ Lăng-nghiêm, Phật thuyết Mật chú Thủ Lăng-nghiêm, Ngài A-nan cầu Như Lai chơn thiết chánh định, Phật hiển minh hai nhân điên đảo: chúng sanh và thế giới; *Quyển tám*, Tam tiệm-thứ tu hành, 55 tâm Bồ-tát, Năm đức hiệu của Kinh Thủ Lăng-nghiêm, Nhân quả cảm ứng; *Quyển chín*, Thập bát Sắc giới thiên, Tứ Vô sắc giới thiên, Tứ chủng A-tu-la, Phật hiển minh lý “tự vọng sanh nghiệp”, Phật hiển minh các chương ma; *Quyển mười*, Phật hiển minh pháp môn Bồ-đề vô thượng, Phước đức tụng niệm Kinh Thủ Lăng-nghiêm, Phần Lưu thông.

Tác phẩm Kinh này được ấn hành lần đầu vào năm 1948, Chơn Đức Thiên viện (Sài Gòn) thực hiện; tái bản nhiều lần: Năm

2011, Nxb Tôn Giáo, với nhan đề là “*Thủ Lăng Nghiêm yếu giải*”; năm 2013, Nxb Hồng Đức; năm 2014, Nxb Thời Đại, tựa đề “*Kinh Thủ Lăng Nghiêm - Dịch âm-Điển nghĩa-Yếu giải*”, 1 quyển, khổ 15 x 23cm, bìa cứng.

746. KINH THỦ LĂNG NGHIÊM (Chánh Trí Toàn Tập)

Chánh Trí - Mai Thọ Truyền

Nxb Tôn Giáo – 2012

Kinh có khổ 14.5 x 20.5cm, dày hơn 519 trang. Nội dung gồm có: Lời nói đầu và 6 quyển (từ Q.I đến Q.VI).

747. KINH THỦ LĂNG NGHIÊM Giảng Giải – Trọn bộ 2 Tập

Giảng giải: Tỳ-kheo Thích Trí Thành

Nxb Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh – 2012

Kinh có khổ 14.5 x 20.5cm, cả bộ dày 1.367 trang, bìa cứng.

Tập I (Quyển thượng), dày 665 trang, gồm 5 quyển: Lời nói đầu, Tựa, Giải tên Kinh, Tóm giải 20 chữ Kinh Thủ Lăng Nghiêm; *Q.I*, Dàn bài *Q.I*, Phần Thông tự, Phần Duyên khởi, Phần Biệt tự, Phần Chánh tông, A. Kiến đạo, Ngài A-nan thỉnh giáo, Phật hỏi nguyên nhân tu hành của ngài A-nan, A-nan tự trần tri kiến của chúng sanh, Phật bảo chúng sanh nhận lầm, 1. Mê chấp Tâm ở trong thân, 2. Mê chấp Tâm ở ngoài thân, 3. Mê chấp Tâm ẩn tại mắt, 4. Mê chấp Tâm ở trong lần ngoài, 5. Mê chấp Tâm ở chỗ tùy hiệp, 6. Mê chấp Tâm ở khoảng giữa, 7. Mê chấp Tâm vô trước, Ngài A-nan cầu Phật khai thị diệu pháp, Phật hiển minh hai căn bản: Vô thi sanh tử và Vô thi Bồ-đề Niết-bàn, Phật chỉ vọng thức không phải là tâm, Phật chỉ vọng thức không có thật, Phật giải thích là có Tâm, Phật chỉ Tâm vọng, Ngài A-nan cầu Phật

chỉ dạy tu hành lần 3, Phật chỉ Tâm lần 1 (tánh thấy là Tâm), Phật chỉ Tâm lần 2 (Tánh thấy không động);

Q.II, A-nan cầu Phật chỉ dạy: Cái nào Chơn cái nào vọng, Phật hiển minh Tánh thấy không mất, Phật hiển minh Tánh thấy không hoàn, Phật hiển minh Tánh thấy không tạp, Phật hiển minh Tánh thấy không ngại, Phật hiển minh Tánh thấy không phân biệt, Phật hiển minh Tánh thấy không chấp, Phật hiển minh Chơn kiến ly vọng kiến, Phật hiển minh 4 thứ: Âm-Nhập-Xứ-Giới, Phật hiển minh Ngũ ấm, Hiển minh: Sắc, Thọ, Tưởng, Hành, Thức ấm, Phụ chú; *Q.III*, Phật hiển minh Lục nhập: Hiển minh: Nhãn, Nhĩ, Tỷ, Thiệt, Thân, Ý nhập, Phật hiển minh Thập nhị xứ: Hiển minh: Nhãn với Sắc, Nhĩ với Thinh, Tỷ với Hương, Thiệt với Vị, Thân với Xúc, Ý với Pháp, Phật hiển minh Thập bát giới, Hiển minh: Nhãn giới, Sắc giới, Nhãn thức giới; Nhĩ giới, Thinh giới, Nhĩ thức giới; Tỷ giới, Hương giới, Tỷ thức giới; Thiệt giới, Vị giới, Thiệt thức giới, Thân giới, Xúc giới, Thân thức giới; Ý giới, Pháp giới, Ý thức giới; Ngài A-nan bày tỏ sự nghi chấp, Phật hiển minh 7 Đại là Tánh châu biến, Phật hiển minh Tứ đại: Địa-hỏa-thủy-phong đại; Phật hiển minh Tam Đại: Không-kiến-thức đại; Ngài A-nan và đại chúng kiến đạo, Nghĩa từ trong Kinh Thủ Lăng Nghiêm;

Q.IV Phật hiển minh Chơn lý sắc không, không sắc, Phật chỉ rõ nguyên nhân chúng sanh ra hư không, thế giới và chúng sanh, Thế giới tương tục, Chúng sanh tương tục, Nghiệp quả tương tục; Phật hiển minh lý Giác Mê, Hiển minh tạng không và bất không, Hiển minh vọng vốn vô nhân, Hiển minh công đức vô lậu, B. Hành đạo, Nhứt thiết đại chúng cầu tu chứng Đại thừa pháp, Phật khai thị Đại thừa pháp, Nghĩa quyết định thứ nhất: Ngũ trước khổ lụy

của chúng sanh, a. Kiếp trước khổ lụy, b. Kiến trước khổ lụy, c. Phiền não trước khổ lụy, d. Chúng sanh trước khổ lụy, e. Mạng trước khổ lụy, Khuyên nên mau bỏ vọng theo chơn; Nghĩa quyết định thứ hai: Theo căn giải thoát, Số lượng của thế giới và lục căn, Tim căn viên thông-thoát luân hồi khổ, Chứng nghiệm thoát ràng buộc thành diệu dụng; Tóm Q.IV;

Q.V, Ngài A-nan xin biết chỗ buộc gút và pháp mở gút, Khai thị nghĩa buộc và mở gút, Thuyết kệ trùng tuyên nghĩa buộc và mở gút, Phương pháp mở gút, Ngài A-nan và đại chúng cầu hiểu bốn căn viên thông, 25 vị Thánh thuyết trình bốn căn viên thông, Ngài Kiều-trần-như giác ngộ do tinh trần, Ngài Ưu-bà-ni-sa-đà giác ngộ do sắc trần, Ngài Hương Nghiêm giác ngộ do hương trần, Hai ngài Dược Vương và Dược Thượng giác ngộ do vị trần, Ngài Bạt-đà-bà-la giác ngộ do xúc trần, Ngài Ma-ha Ca-diếp giác ngộ do pháp trần, Ngài A-na-luật-đà giác ngộ do nhãn trần, Ngài Châu-ly Bàn-đặc-ca giác ngộ do tỷ trần, Ngài Kiều-phạm-ba-đề giác ngộ do thiệt trần, Ngài Tất-lăng-già-bà-ta giác ngộ do thân trần, Ngài Tu-bồ-đề giác ngộ do ý căn, Ngài Xá-lợi-phất giác ngộ do nhãn thức, Ngài Phổ Hiền giác ngộ do nhĩ thức, Ngài Tôn-đà-la-nan-đà giác ngộ do tỷ thức, Ngài Phú-lâu-na giác ngộ do thiệt thức, Ngài Ưu-ba-ly giác ngộ do thân thức, Ngài Đại Mục-kiền-liên giác ngộ do ý thức, Ngài Ô-sô-sắc-ma giác ngộ do hỏa đại, Ngài Trì Địa giác ngộ do hỏa đại, Ngài Nguyệt Quang giác ngộ do thủy đại, Ngài Lưu Ly Quang Pháp vương tử giác ngộ do phong đại, Ngài Hư Không Tạng giác ngộ do không đại, Ngài Di-lặc giác ngộ do thức đại, Ngài Đại Thế Chí giác ngộ do kiến đại;

Tập II (*Quyển hạ*), dày hơn 702 trang, gồm 5 quyển (từ Q.VI đến Q.X):

Q.VI, Ngài Quán Thế Âm giác ngộ do nhĩ căn, 32 Ứng thân độ sanh của Bồ-tát Quán Thế Âm, 14 pháp Vô úy của Bồ-tát Quán Thế Âm, Tứ diệu đức của Bồ-tát Quán Thế Âm, Phật thể hiện oai đức kiết tường độ sanh, Phật bảo Bồ-tát Văn-thù tuyền chỗ viên thông cho hạng Hữu học, Bồ-tát Văn-thù thuyết: Chơn như duy nhất-phương tiện đa môn, Bồ-tát Văn-thù không tuyền lục trần làm chỗ viên thông cho hạng hữu học, Bồ-tát Văn-thù không tuyền ngũ căn làm chỗ viên thông cho hạng hữu học, Bồ-tát Văn-thù không tuyền lục thức làm chỗ viên thông cho hạng hữu học, Bồ-tát Văn-thù không tuyền thất đại làm chỗ viên thông cho hạng hữu học, Bồ-tát Văn-thù tuyền nhĩ căn viên thông, Bồ-tát Văn-thù phổ khuyến tu chứng nhĩ căn viên thông, Tất cả đại chúng vui thọ pháp kệ, Ngài A-nan hỏi pháp an lập đạo tràng độ sanh, Phật dạy tu Giới-Định-Tuệ để giải thoát, Phật dạy đoạn tâm dâm dục để giải thoát, Phật dạy đoạn tâm sát sanh để giải thoát, Phật dạy đoạn tâm tham đạo để giải thoát, Phật dạy đoạn tâm đại vọng ngữ để giải thoát;

Q.VII, Phật khai thị diệu pháp tu chứng Chánh định, Trợ lực thiêng liêng của Phật đánh Mật chú, Thân tâm trong sạch kiết giới, Phước đức tịnh tu ở đạo tràng, Qui tắc an lập đạo tràng, Nghi lễ cúng dường ở đạo tràng, Thể thức thiết tượng ở đạo tràng, Chơn công đức nhập đạo tràng trong tam thất, Nhứt thiết đại chúng cầu Phật thuyết Mật chú Thủ Lăng Nghiêm, Phật thuyết Mật chú Thủ Lăng Nghiêm, Tâm chú Thủ Lăng Nghiêm, Phật đánh Tâm chú Thủ Lăng Nghiêm, Ý nghĩa từng hội Phật đánh Tâm chú Thủ Lăng Nghiêm, Chư Phật Mật trì Tâm chú Thủ Lăng Nghiêm, Diệu dụng linh cảm của Phật đánh tâm chú, Oai đức vô lượng của Phật đánh Tâm chú, Vô lượng Thánh Hiền

đồng bảo hộ chơn nhân tu trì Tâm chú, Ngài A-nan cầu Như Lai chơn thiết Chánh định, Phật hiển minh hai nhân điên đảo: Chúng sanh và thế giới;

Q.VIII, Tam tiêm thứ tu hành, Trợ nhân là chi và làm thế nào dứt? Can-Tuệ-Địa Bồ-tát, Thập Tín Bồ-tát, Thập Trụ Bồ-tát, Thập Hạnh Bồ-tát, Thập Hồi hướng Bồ-tát, Tứ Gia hạnh Bồ-tát, Thập Địa Bồ-tát, Năm đức hiệu của Kinh Thủ Lăng Nghiêm, Nhân quả cảm ứng, Mười Tập nhân tạo khổ, Sáu Khổ báo, Tam đồ khổ: địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh, Thập chủng tiên, Lục dục giới thiên tu Thập thiện, Yếu giải;

Q.IX, Thập bát Sắc giới thiên, Tứ Vô sắc giới thiên, Tứ chủng A-tu-la, Phật hiển minh lý “Tự vọng sanh nghiệp”, Phật hiển minh các chướng ma, Sắc ám ma, Thọ ám ma, Tưởng ám ma, Yếu giải;

Q.X, Hành ám ma, Thức ám ma, Phật hiển minh pháp môn Bồ-đề vô thượng, Phước đức tụng niệm Kinh chú Thủ Lăng Nghiêm, Phần Lưu thông, Yếu giải.

748. KINH THỦ LĂNG NGHIÊM Giảng Nghĩa, Phần 1 - Samatha

Giảng nghĩa: *Tỳ-kheo Ni* -

Hải Triều Âm (1920-2013)

Nxb Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh,

PL. 2564 – DL. 2020

Kinh có khổ 14.5 x 20.5cm, dày hơn 551 trang, bìa cứng.

Nội dung gồm có: Lời giới thiệu, *Kinh Thủ Lăng Nghiêm*, I. Tựa; II. Chánh tông, A. Kiến đạo (Samatha),

Mục I. Gạn hỏi tìm tâm, a. Nguyên do thường trụ và luân chuyển; b. Bảy lần tìm tâm: 1. Tâm ở trong thân, 2. Tâm ở ngoài thân, 3. Tâm núp sau con mắt, 4. Nhắm mắt thấy tối là thấy trong thân, 5. Tâm theo duyên phát sanh, 6. Tâm ở chặng giữa, 7. Tâm không vướng mắc; c. Chỉ rõ

vọng tâm, Tỉnh pháp, Đích chỉ vọng tâm, Phân biệt chân vọng;

Mục II. Khai tri kiến Phật, A. Mười lần chỉ kiến tính, 1. Kiến tính là tâm linh giác, 2. Kiến tính bất động, 3. Kiến tính bất diệt, 4. Kiến tính viên mãn, 5. Kiến tính vô sanh, 6. Kiến tính chân ngã, 7. Kiến tính tùy duyên bất biến, 8. Kiến tính bất nhị, 9. Kiến tính siêu hình, 10. Kiến tính chưa phải kiến tánh; B. Phá xích hòa hợp, C. Vạn pháp quy về Như Lai tạng, 1. Năm ám: Sắc ám, Thọ ám, Tưởng ám, Hành ám, Thức ám; 2. Sáu nhập: Nhãn nhập, Nhĩ nhập, Tỉ nhập, Thiết nhập, Thân nhập, Ý nhập; 3. Mười hai xứ: 2 xứ sắc trần và nhãn căn, 2 xứ thanh trần và nhĩ căn, 2 xứ hương trần và tỵ căn, 2 xứ vị trần và thiết căn, 2 xứ xúc trần và thân căn, 2 xứ pháp trần và ý căn; 4. Mười tám giới: Nhãn-sắc-nhãn thức giới, Nhĩ-thanh-nhĩ thức giới, Tỵ-hương-tỷ thức giới, Thiết-vị-thiết thức giới, Thân-xúc-thân thức giới, Ý-pháp-ý thức giới; 5. Bảy đại: Địa đại, Hỏa đại, Thủy đại, Phong đại, Không đại, Kiến đại, Thức đại; D. Anan giác ngộ phát nguyện;

Mục III. Quyết nghi, 01. a. Như Lai tạng thanh tịnh do đâu hốt nhiên có chúng sanh? b. Chỉ rõ căn nguyên hư vọng, c. Ba tướng tiếp tục, d. Giác không sanh mê; 02. a. Bảy đại viên mãn dung hòa, b. Hợp với trần tướng, c. Hợp với Như Lai tạng, d. Thể tịch “phi” tất cả, đ. Dụng chiếu “tức” tất cả, e. Diệu trí phát diệu dụng; 03. a. Chúng sanh nhân đâu có vọng, b. Mê không nguyên nhân, d. Diệu pháp Liên hoa bất hoại; 04. a. Nghi Nhân duyên, Tự nhiên, b. Dùng thí dụ bài xích, c. Dẫn vào Bồ-đề; Hải Triều Âm toàn tập.

749. KINH THỦ LĂNG NGHIÊM Huyền Nghĩa

Trí Húc Đại sư

Việt dịch: *Thích Minh Bá*

Nxb Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh – 2011
Sách có khổ 14 x 20cm, dày hơn 220 trang, bìa mềm. Nội dung gồm có 2 quyển, 5 chương: Lời tựa; Huyền Nghĩa – Quyển thượng, C.1 Thích danh; Huyền Nghĩa – Quyển hạ, C.2 Hiến thể, C.3 Minh tông, C.4 Biện dụng, C.5 Giáo tướng.

750. KINH THỦ LĂNG NGHIỆM – SÛRAMGAMA-SÛTRA (10 Quyển)

(Kinh Đại Phật Đảnh Như Lai Mật Nhon Tu Chứng Liễu Nghĩa
Chư Bồ-Tát Vạn Hạnh)

Giảng thuật: HT. Tuyên Hóa (1918-1995)

Quyển I, Việt dịch: Thích Nhuận Châu, Nxb Tôn Giáo, PL. 2550 – DL. 2006. Kinh có khổ 14 x 20cm, dày hơn 441 trang. Nội dung gồm có: - Tám quy luật, - Bài tựa một, - Bài tựa hai, Chính văn: I. Giải thích tổng quát đề Kinh, II. Nhân duyên phát khởi Kinh này, 1. Ý vào đa văn, không tu tập định lực, 2. Cảnh giác đối với công huệ-bảo hộ cho chúng sinh khỏi rơi vào tà kiến, 3. Chỉ rõ chân tâm-hiền bày căn tánh, 4. Hiện thị chân tánh của định lực và khuyến khích việc tu chứng, 5. Tiêu hủy vọng tưởng điên đảo-phá trừ mê lầm nhỏ nhiệm vi tế, 6. Mở bày hai pháp môn; III. Phân tích rõ Kinh này thuộc Tạng và Thừa nào, IV. Khảo sát sự sâu màu của giáo lý, V. Tuyên bày giáo thể, VI. Sự thích nghi của từng căn cơ chúng sinh với giáo nghĩa Kinh này, VII. Phân định rõ Tông thú của Kinh, VIII. Xác định rõ thời gian thuyết Kinh, IX. Lịch sử truyền bá và phiên dịch Kinh, X. Người dịch, XI. Giảng giải Kinh văn; Kệ Hồi hướng;

Quyển II, Việt dịch: Thích Nhuận Châu, Nxb Tôn Giáo, PL. 2550 – DL. 2006. Kinh có khổ 14 x 20cm, dày 326 trang, nội dung gồm có Quyển II;

Quyển III, Việt dịch: Thích Nhuận Châu, Nxb Tôn Giáo, PL. 2550 – DL. 2006. Kinh có khổ 14 x 20cm, dày 283 trang, nội dung gồm có Quyển III;

Quyển IV, Việt dịch: Thích Nhuận Châu, Nxb Phương Đông – 2008, khổ 14.5 x 20.5cm, dày 382 trang. Nội dung gồm có: Khai Kinh kệ, Tám Quy luật của Viện Phiên dịch Kinh điển; C.I Nguyên do sinh khởi Tương tục, C.II Sự dụng thông của các Đại chúng, C.III A-nan chấp vào Nhân duyên, C.IV Hai nghĩa quyết định, - Tịnh hóa các lớp vẫn đục, - Mở gút các căn; C.V Nghe không phải là tiếng; Thuật ngữ đối chiếu;

Quyển V, Việt dịch: Thích Nhuận Châu, Nxb Phương Đông – 2008, khổ 14.5 x 20.5cm, dày 284 trang. Nội dung gồm có: Khai Kinh kệ, Tám Quy luật của Viện Phiên dịch Kinh điển; C.I Mở sáu nút, Sáu nút, Hai mươi lăm pháp môn Viên thông, Viên thông Sáu trần: Viên thông thanh trần – Kiêu-trần-na, Viên thông sắc trần – Ưu-bà-ni Sa-đà, Viên thông hương trần – Hương Nghiêm đồng tử, Viên thông vị trần – Dược Vương, Dược Thượng Bồ-tát, Viên thông xúc trần – Bạt-đà-bà-la, Viên thông pháp trần – Ma-ha Ca-diếp; Viên thông Năm căn: Viên thông nhãn căn – Ana-luật-đà, Viên thông Tỷ căn – Châu-lợi Bàn-đặc-ca, Viên thông thiết căn – Kiêu-phạm-bát-đê, Viên thông thân căn – Tát-lăng-già Bà-ta, Viên thông về thân căn – Tu-bồ-đề; Sáu thức: Viên thông về nhãn thức – Xá-lợi-phát, Viên thông nhĩ thức – Bồ-tát Phổ Hiền, Viên thông ty thức – Tôn-đà-la Nan-đà, Viên thông thiệt thức – Phú-lâu-na Di-đa-la-ni tử, Viên thông về thân thức – Ưu-ba-ly, Viên thông ý thức – Mục-kiền-liên; Viên thông Bảy đại: Viên thông hỏa đại – Ô-sô-sắc-ma, Viên thông địa đại – Trì Địa Bồ-tát, Viên thông thủy đại – Nguyệt Quang đồng tử, Viên thông

phong đại – Lưu ly Quang Pháp vương tử, Viên thông không đại – Hư Không Tạng Bồ-tát, Viên thông thức đại – Di-lặc Bồ-tát, Viên thông kiến đại – Bồ-tát Đại Thế Chí;

Quyển VI, Việt dịch: *Thích Nhuận Châu*, Nxb Phương Đông – 2008, khổ 14.5 x 20.5cm, dày 314 trang. Nội dung gồm có: Khai Kinh kệ, Tám Quy luật của Viện Phiên dịch Kinh điển; Nhĩ căn – Quán Thế Âm Bồ-tát, Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi, Tuyển chọn căn Viên thông, Tứ chủng Thanh tịnh Minh hối, 1. Phải đoạn trừ tâm dâm, 2. Phải đoạn trừ tâm sát hại, 3. Phải đoạn trừ tâm trộn cấp, 4. Dứt trừ vọng ngữ; Thuật ngữ đối chiếu;

Quyển VII, Việt dịch: *Tâm Nguyên*, Nxb Phương Đông – 2014, khổ 14 x 20cm, có 190 trang. Nội dung gồm có: Thành lập đạo tràng, Tâm chú, Hai cái nhân điển đảo, Mười hai chủng loại chúng sinh;

Quyển VIII, Việt dịch: *Tâm Nguyên*, Nxb Phương Đông – 2014, khổ 14 x 20cm, dày 326 trang. Nội dung gồm có: Các địa vị của Bồ-tát, Thập Tín, Thập Trụ, Thập Hạnh, Thập Hồi hướng, Tứ Gia hạnh, Thập Địa, Đẳng giác và Diệu giác, Tên Kinh, Thất phạm, Phạm quý, Phạm thú, Phạm người, Phạm thân tiên, Phạm chư thiên;

Quyển IX-X, Năm Mười Hiện Tượng Âm Ma, Việt dịch: *Thích Nhuận Châu*, Nxb Phương Đông – 2015, khổ 14.5 x 20.5cm, dày 573 trang. Nội dung gồm: Khai Kinh kệ, Tám quy luật của người phiên dịch Kinh điển, Lời giới thiệu; Phần Chánh văn và Giảng giải: Sắc âm, Thọ âm, Tưởng âm, Hành âm và Thức âm; Phần Chú thích, Khai thị và Tham vấn; Sách dẫn.

751. KINH THỦ LĂNG NGHIÊM **Giảng Giải – 2 cuốn** **(SURAMGAMA SUTRA)**

Giảng giải: *Lê Sỹ Minh Tùng*

Cuốn 1, Gồm có 11 chương: - Lời nói đầu (Viết tại Washington 2010); Phần giới thiệu MP3; C.I Đề mục Kinh, Nhân duyên và thời điểm Phật nói Kinh Thủ Lăng Nghiêm, Phần chánh tông; C.II Bảy đoạn Phật hỏi về tâm; C.III Chỉ rõ tánh thấy, Phật chỉ tâm lần thứ nhất, thứ hai, thứ ba, A-nan đã hiểu được chơn tâm nhưng chưa dám nhận, Phật chỉ tâm lần thứ tư và thứ năm; C.IV A-nan nghi “chơn tâm” đồng với thuyết Tự nhiên của ngoại đạo; C.V Do nhận thức sai lầm khiến cho người bỏ mất bản tâm thanh tịnh, bản giác thường trú của mình, Tánh thấy ngoài hai nghĩa hòa hợp và không hòa hợp; C.VI Bốn khoa Bảy đại vốn là hiện tượng biểu hiện từ Như Lai tạng; Ngũ uẩn, Sáu nhập, Mười hai xứ, Bảy đại là hiện tượng biểu hiện từ Như Lai tạng, Giác ngộ và phát nguyện; C.VII Phật thuyết minh tánh của các đại vốn không ngăn ngại gì nhau nhằm khai thị chơn lý “Sắc không không sắc”, Phật khai thị nguồn gốc duyên khởi của hiện tượng vật chất, Phật chỉ hai nghĩa quyết định, Dựa vào Nhân tu mà suy biết Quả sơ chứng, Chỉ rõ chỗ hư vọng của sáu căn, Phật bảo đánh chuông để chứng nghiệm tánh nghe của nhĩ căn là thường còn.

Cuốn 2, C.VIII Nương chỗ ngộ mà viên tu, Chỉ một cái khăn mà sáu lần cột thành sáu gút, Mở hết sáu gút một cũng không còn, Gạn hỏi đại chúng về viên thông; C.IX Đại Thế Chí Bồ-tát niệm Phật viên thông; C.X Quán Thế Âm Bồ-tát nhĩ căn viên thông; C.XI Phật bảo Văn-thù so sánh chọn căn ưu việt nhất, So sánh sự ưu khuyết của Sáu trần, Năm căn, Sáu thức và Bảy đại. (<https://thuvienhoasen.org>, *Kinh-Giảng giải kinh*)

752. KINH THỦ LĂNG NGHIÊM Giảng Ký – Trọn bộ 4 Tập

Việt dịch: *Thích Phước Hào (1930-2014)*

Giảng giải: *Thích Thông Phương*

Nxb Hồng Đức, PL. 2561 – DL. 2017

Kinh có khổ 14.5 x 20.5cm, bìa mềm, nền đỏ, chữ tựa mạ vàng.

Toàn bộ tác phẩm Kinh này gồm có 4 tập, 3 phần, 26 mục. *Tập I*, - Lời tựa, - Giải đề Kinh, - Yếu chỉ Kinh, - Kinh Lăng Nghiêm và sự lưu truyền, - Người phiên dịch; Phần một, Tựa; Phần hai, Chánh tông: 1. Bảy chỗ hỏi tâm, 2. Hiện bày căn và tánh thấy, 3. Nêu tánh thấy ra ngoài nghĩa “phải” và “chẳng phải”, 4. Bác thuyết Nhân duyên, Tự nhiên để hiển bày thật tướng của tánh thấy, 5. Chỉ ra cái thấy vọng để hiển bày cái thấy; *Tập II*, 6. Tóm thu bốn khoa bảy đại về Như Lai tạng, 7. Chỉ rõ vọng sanh tiếp nối và các đại không ngăn ngại nhau, 8. Chỉ Diệu minh hợp với Tạng tánh, 9. Chỉ mê vọng không có nhân, 10. Lại bác nghĩa Nhân duyên-Tự nhiên, 11. Chỉ nghĩa quyết định; *Tập III*, 12. Đánh chuông nghiệm tánh thường, 13. Nêu ra căn đề chỉ chỗ mê, 14. Cột khăn để chỉ đầu gút, 15. Chỉ mở gút trước sau, 16. Gạn hỏi đại chúng về chỗ viên thông, 17. Chỉ chính chỗ viên tu, 18. Chỉ bốn lời dạy bảo rõ ràng, quyết định, 19. Phật khai thị về Mật giáo thâm giúp những người tu hành, 20. Khai thị vị trí tu chứng trước và sau; *Tập IV*, 21. Kết chỉ dạy tên Kinh, 22. Khai thị phần trong, phần ngoài của chúng sanh, 23. Chỉ ra mười tập nhân, sáu đường giao báo, 24. Các cõi trời sai khác, 25. Khai thị chỗ hư vọng của bảy loài, 26. Phân biệt các âm ma; Phần ba, Lưu thông; Tóm tắt ý chính Kinh Lăng Nghiêm.

753. KINH THỦ LĂNG NGHIÊM – SURAMGAMA SUTRA

Dịch giả: *Tâm Minh (1897-1969)*

Nxb Tp. Hồ Chí Minh – 1998

Tiểu Ban Văn hóa THPG Tp. HCM thực hiện. Kinh có khổ 14 x 20cm, dày 1.107 trang, bìa cứng, bao da màu đỏ, chữ tựa mạ vàng.

Toàn bộ *Kinh Thủ Lăng Nghiêm* gồm có 10 quyển (4 chương) với 3 phần chính. *Quyển I*, Đề mục Kinh, *Phần thứ nhất, Phần Tựa*: Tựa chung và riêng – Duyên khởi của kinh. *Phần thứ hai, Phần chánh tông*: Chỉ ngay chỗ viên ngộ, Gạn hỏi cái tâm, Chỉ rõ tính thấy. *Quyển II và III*, Phật nêu ra tính thấy ra ngoài các nghĩa “thị” và “phi thị”, Phá những thuyết Nhân duyên, Tự nhiên để bày tỏ sự thật nhận thấy tính thấy, Chỉ ra cái nhận thức sai lầm để bày tỏ thể tính chân thật, Tóm thu 4 khoa, 7 đại, 6 nhập, 12 xứ, 18 giới về Như Lai tạng để phát khởi chỗ chân ngộ. *Quyển IV*, chỉ rõ sự tiếp tục giả dối sinh ra và các đại không ngăn ngại lẫn nhau, Chỉ tính diệu minh hợp về Như Lai tạng, rời cả hai nghĩa “phi” và “tức”, Chỉ mê vọng không có nhân, hết mê tức là Bồ-đề, Lại phá xích Nhân duyên, Tự nhiên và trách chỉ biết nghe nhiều, Chỉ nghĩa quyết định, Đánh chuông thật nghiệm tính thường. *Quyển V*, Nương chỗ ngộ mà viên tu, Nêu ra cái căn để chỉ rõ chỗ mê, Cột khăn để chỉ đầu nút, Chỉ cởi nút trước sau, Gạn hỏi đại chúng về viên thông. *Quyển VI*, Chỉ đích phép viên tu, Rộng để lại khuôn phép tu hành, Nhân ông A-nan xin cứu độ đời vị lai, Phật tóm nêu ra ba nghĩa quyết định, Chỉ bày bốn lời dạy bảo rõ ràng quyết định. *Quyển VII*, Phật khai thị về: Mật giáo, phép tắc lập đạo tràng, những lợi ích, tuyên nói tâm chú, vị trí tu chứng trước sau. *Quyển VIII*, Phân biệt kỹ các nghiệp quả, phân tách rạch rời về tà ma ngoại đạo, Hỏi về những tập khí vốn có, sinh khởi ra lục đạo, Hỏi về việc bác không có nhân quả, bị sa mãi vào địa ngục và về nghiệp chung, nghiệp riêng, Khai thị về phận

trong, phận ngoài của chúng sanh, Chỉ ra 10 tập nhân và 6 giao báo, Tu nhân riêng biệt thành quả hư vọng, Các cõi trời sai khác. Quyển IX, Khai thị chỗ hư vọng của bảy loài để khuyến khích tu hành chánh pháp, Phân biệt các âm ma. *Quyển X*, Chỉ rõ các thứ lớp tiêu diệt các âm và giới hạn phạm vi các âm. *Phần thứ ba, Phần Lưu thông*: Được phúc hơn cả, Tiêu tội hơn cả, Trừ ma hơn cả.

Kinh này đã được xuất bản từ năm PL. 2513 – DL. 1969, Tổng Trị sự Hội Việt Nam Phật học xuất bản, Tỉnh hội Thừa Thiên phát hành; tái bản: Năm PL. 2517 – DL. 1973, in tại Sài Gòn; năm 2012, Nxb Tôn Giáo.

754. KINH THỦ LĂNG NGHIÊM TAM-MUỘI

Hán dịch: *Tam tạng Pháp sư Cưu-ma-la-thập (Kumàrajiva, 344-413)*

Các bản Việt dịch: 1. *Huyền Thanh*; 2. *Định Huệ*; 3. *Tuệ Khai*

Toàn bộ tác phẩm Kinh này gồm có 2 quyển: Quyển Thượng và Quyển Hạ. (<https://phatphapungdung.com>; *Pháp bảo Bộ Kinh tập*)

755. KINH THỦ LĂNG NGHIÊM Toát Yếu

Biên soạn: *Tỳ-kheo Ni Hải Triều Âm*
Nxb Tôn Giáo – 2007

Sách có khổ 14.5 x 20.5cm, có hơn 89 trang, bìa mềm. Nội dung gồm có 4 mục: Lời giới thiệu, Tựa, Duyên khởi; Chánh tông, *Mục I. Kiến đạo-Samatha*, A. Pháp vọng, 1. Bảy lần tìm tâm, 2. Chánh pháp vọng tâm, Phụ chú; B. Khai Tri kiến Phật; C. Vạn pháp quy về Như Lai tạng, 1. Năm âm, 2. Bảy đại, 3. A-nan phát nguyện; D. Quyết nghi; *Mục II. Tu đạo-Tamma*, A. Hai nghĩa quyết định, 1. Nhân quả tương ứng, 2. Thâm tường căn bản phiền não; B.

Giải kết; C. Yếu pháp hộ định; *Mục III. Nhập đạo Thiên-na*, a. Mười hai nhân điên đảo, b. Ba tiệm thứ, c. 54 quả vị, d. 5 tên Kinh, Giải nghĩa tên Kinh; *Mục IV. Hiểm nạn phải đề phòng*, Lưu thông, Toát yếu bài giảng Ngũ âm ma.

756. KINH THỦ LĂNG NGHIÊM Tông Thông

(Lăng Nghiêm Tông Thông)

- Trọn bộ 2 tập

Dịch giả: *HT. Nhãn Tế (1889-1951)*

THPG Tp. Hồ Chí Minh ấn hành,

PL. 2541 – DL. 1997

Kinh có khổ 15.5 x 23cm, tổng cộng 2 tập dày 1.463 trang, bìa mềm, nền màu xanh dương, Tập I chữ tựa màu xanh lá cây, Tập II chữ tựa màu vàng, có hình tượng Đức Phật ngồi tay kiết ấn.

Tập I, Kinh này có 750 trang, 2 phần chính với 5 quyển và 2 chương. Lời nói đầu, Tiểu sử ngài Thubten Osall Lama (Nhãn Tế Thiên sư). *Phần thứ nhất*, Phần Tựa, Duyên khởi của Kinh Lăng Nghiêm Tông Thông và tên Kinh. *Phần thứ hai*, Phần Chánh Tông: *Chương I, Chỉ bày chân tâm*, Gạn hỏi cái tâm, Chỉ rõ tánh thấy, Phật nêu ra Tánh thấy ngoài các nghĩa, Phá những thuyết Nhân duyên, Tự nhiên, Chỉ ra cái vọng thấy, Chỉ rõ ý nghĩa Tánh thấy không phải là cái thấy, viên mãn Bồ-đề, Tóm thu về Như Lai tạng, Chỉ rõ căn nguyên hư vọng và tánh thấy toàn vẹn, Chỉ nghĩa quyết định; *Chương II, Nương chỗ ngộ mà tu*, Nêu ra cái căn để chỉ chỗ mê, Cột khăn để chỉ môi nút và cách mở nút, Hỏi đại chúng về viên thông.

Tập II, Kinh này có 713 trang, 1 phần chính với 5 quyển (VI, VII, VIII, IX, X) và 2 chương (III, IV). Viên thông về nhĩ căn, Chỉ pháp viên tu. *Chương III, Phật khai thị về Mật giáo*: khai thị đạo tràng tu chứng, tâm của mười phương Như Lai,

tuyên thuyết thần chú,... *Chương IV, Khai thị các địa vị tu chứng*: khai thị hai cái nhân điên đảo, An lập các Thánh vị, Chỉ dạy tên Kinh, Các cõi trời, khai thị sự hư vọng của bảy loài, Phân biệt các ám ma, Sanh tử là vọng tưởng năm ám mà có, lý tuy đốn ngộ, sự phải tiệm tu. *Phần thứ ba, Phần Lưu thông*. – Được phước tiêu tội hơn cả, - Trừ ma hơn cả.

Kinh Lăng Nghiêm Tông Thông (trọn bộ) được tái bản nhiều lần: Năm PL. 2546 – DL. 2002, Nxb Tôn Giáo, khổ 15.5 x 23cm, bìa cứng màu đỏ chữ vàng; năm PL. 2549 – DL. 2005, tái bản đổi tên là Kinh Đại Phật Đảnh Thủ Lăng Nghiêm, Nxb Tôn giáo, khổ 14 x 20cm, có 609 trang, trọn bộ; năm 2006, 2009, Nxb Tôn Giáo.

757. KINH THỦ LĂNG NGHIÊM Trục Chỉ (Trọn bộ)

Hán dịch-giải:

Thiền sư Hàm Thị (1608-1685)

Việt dịch: *Thích Phước Hào (1930-2014)*

THPG Tp. Hồ Chí Minh ấn hành,

PL. 2538 – DL. 1994

Kinh có khổ 14 x 20cm, dày 927 trang. Kết cấu Kinh này gồm có 10 quyển, được phân thành 3 phần chính. Nội dung: *Quyển I*, Đề mục kinh, Phần thứ nhất, Phần tựa; Phần thứ hai, Phần Chánh tông: - Chỉ ngay chỗ viên ngộ, Gạn hỏi cái tâm, Hiện bày căn và tánh thấy; *Quyển II*, Nêu tánh thấy ra ngoài nghĩa phải và chẳng phải, Bác thuyết Nhân duyên, Tự nhiên để hiện bày nhận thấy thật tướng của tánh thấy, Chỉ ra cái thấy vọng để hiện bày tánh thấy, Tóm thu bốn khoa, bảy đại về Như Lai tạng để phát khởi chơn ngộ; *Quyển III và IV*, Chỉ rõ vọng sanh tiếp nối và các đại không ngại nhau, Chỉ diệu minh hợp với tạng tánh “phi” “tức” cả đều ly, Chỉ mê vọng không có nhơn, hết mê tức là Bồ-đề, Lại

bác nghĩa Nhơn duyên, Tự nhiên, để trách nghe nhiều, Chỉ nghĩa quyết định, Đánh chuông nghiêm tính thường; *Quyển V*, Nương chỗ ngộ mà viên tu, Nêu ra căn để chỉ chỗ mê, Cột khăn để chỉ đầu gút, Chỉ mở gút trước sau, Gạn hỏi đại chúng về chỗ viên thông; *Quyển VI*, Chỉ chính chỗ viên tu, Rộng để lại khuôn phép tu hành: Nhân ông A-nan xin cứu độ đời vị lai – Phật nêu chung ba nghĩa quyết định, Chỉ bày bốn lời dạy bảo rõ ràng và quyết định; *Quyển VII*, Phật khai thị về Mật giáo thăm giúp những người tu hành, Khai thị những phép tắc lập đạo tràng tu trì, Tuyên nói tâm chú rộng khai thị những lợi ích, Khai thị vị trí tu chứng trước và sau; *Quyển VIII*, Kết chỉ dạy tên kinh, Nghe pháp được tăng tiến, Phân biệt chín chướng nghiệp quả, phân tích kỹ về ta ma ngoại đạo, Hỏi về vọng tưởng tập khí sẵn có, sanh khởi ra lục đạo, Hỏi về việc bác không nhơn quả bị sa vào địa ngục và về nghiệp chung, nghiệp riêng, Khai thị phần trong, phần ngoài của chúng sanh, Chỉ ra mười tập nhơn, sáu đường giao báo, Tu nhân riêng biệt, thành quả hư vọng, Các cõi trời sai khác; *Quyển IX*, Khai thị chỗ hư vọng của bảy loài, để khuyến tu theo chánh pháp, Phân biệt các ám ma; *Quyển X*, Chỉ rõ thứ lớp tiêu diệt các ám và giới hạn phạm vi các ám; Phần thứ ba, Phần Lưu thông: - Được phúc hơn cả, - Tiêu tội hơn cả, - Dẹp trừ ma hơn cả.

758. KINH THỦ LĂNG NGHIÊM Trục Chỉ

Hán dịch-giải:

Sa-môn Hàm Thị (1608-1685)

Việt dịch: *Thích nữ Thế Dung*

Nxb Tôn Giáo Hà Nội,

PL. 2551 – DL. 2008

Kinh có khổ 14.5 x 20.5cm, dày hơn 909 trang. Toàn bộ nội dung Kinh này có 10 quyển, phần đầu là Lời giới thiệu, Lời tri

ân, Lời duyên khởi khắc bộ Lăng-nghiêm
Trực chỉ, Bài tựa Kinh Thủ Lăng-nghiêm
trực chỉ.

759. KINH THỦ LĂNG NGHIÊM Văn Cú

(Đại Phật Đảnh Như Lai Mật Nhon Tu
Chứng Liễu Nghĩa Chư Bồ-tát Vạn Hạnh
Thủ Lăng Nghiêm Kinh)

Hán dịch: *Sa-môn Bát-lật-mật-đế*

Việt dịch: *Tỳ-kheo Thích Minh Bá*

Nxb Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh – 2012

Kinh có khổ 14.5 x 20.5cm, dày 774 trang,
bìa cứng. Nội dung gồm có: Lời Chứng
minh; Q.I, A. Phần Tựa, B. Phần Chánh
tông, từ Q.II... đến Q.X; C. Phần Lưu
thông, Vài dòng Trình bạch.

760. KINH THỤ THẬP THIÊN GIỚI

Việt dịch: *Thích Thọ Phước*

Nội dung gồm có 1 quyển, 2 phẩm: 1.
Phẩm Mười Nghiệp ác, 2. Phẩm Quả báo
của sự Bồ thí.

(<https://phatphapungdung.com>, *Pháp bảo-
Bộ Luật*)

762. KINH TRÁI TIM TUỆ GIÁC VÔ THƯỢNG (PRAJNÀPARAMITĀSŪTRA – HRDAYA – SŪTRA)

Dịch và chú giải:

Khải Thiên (bản mới 2007)

Nxb Tp. Hồ Chí Minh – 2000

Kết cấu Kinh này gồm có 4 phần chính:
Lời dẫn; Phần I, Nguyên bản và dịch bản,
1. Tâm Kinh nguyên bản Sanskrit, 2. Tâm
Kinh-bản Hán dịch của Huyền Trang, 3.
Bát-nhã Ba-la-mật-đa Tâm Kinh (ngữ âm
Hán-Việt), 4. Tâm Kinh-bản Anh ngữ, 5.
Tâm Kinh (bản dịch tiếng Việt), Chú thích
đặc biệt của bản dịch tiếng Việt; Phần II,
Cấu trúc Kinh Trái Tim, 1. Cấu trúc, 2.
Phân tích; Phần III, Thông điệp: Thông

điệp từ Kinh Trái Tim (bản mới 2007);
Phần IV, Nghi thức thọ trì Kinh Trái Tim;
Phụ lục: 1. Message from the Heart Sutra
(American version-2007), 2. Words from
Heart of Wisdom.

763. KINH TRÌ TRAI

Việt dịch: *Thích Tâm Châu (1921-2015)*

Tỳ-kheo Thích Đăng Quang-Trụ trì chùa
Hải Tuệ (Sài Gòn) Tổ chức ấn tống

In tại Nhà in Hạnh Phúc (Gia Định), PL.
2514 – DL. 1970

Kinh có 32 trang, bìa mềm. Nội dung gồm
có: 1. Phật nói Kinh Trì Trai, Hán dịch:
Cư sĩ Chi Khiêm; 2. Phật nói Kinh Ưu-bà-
di Đọa-xá-ca; 3. Phật nói Kinh Bát quan
tra, Hán dịch: Cư sĩ Kim Thanh; 4. Phật
giảng nghĩa Ăn chay; 5. Truyện Hai người
Phạm Chí thụ trai.

*Tác phẩm Kinh này đã được chùa Từ
Quang (Sài Gòn) ấn hành năm 1957, có
35 trang, bìa mềm.*

764. KINH TRUNG A-HÀM, 4 Tập Giáo hội Phật giáo Việt Nam – Đại tạng Kinh Việt Nam

Hán dịch:

Tam tạng Cù-đàm Tăng-già-đề-bà

Chấp bút: *Đạo Tổ (347-419)*

Việt dịch: *Viện Cao đẳng Phật học Hải
Đức Nha Trang*

Hiệu đính:

HT. Thích Thiện Siêu (1921-2001)

Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam ấn
hành, PL. 2536 – DL. 1992

Kinh có khổ 14.5 x 20.5cm, tổng cộng 4
tập dày 2.981 trang, bìa cứng.

Tập I, (số thứ tự 8), dày 682 trang, gồm có
6 phẩm, với 64 Kinh: 1. Phẩm Thất pháp,
có 10 Kinh (K. Thiện pháp, K. Trú độ thọ,
K. Thành dụ, K. Thủ dụ, K. Mộc tích dụ,
K. Thiện nhân vãng, K. Thế gian phước,

K. Thất nhật, K. Thất xa, K. Lâu tậu); *II. Phẩm Nghiệp tương ưng*, có 10 Kinh (K. Ví dụ hạt muối, K. Hòa phá, K. Độ, K. La-vân, K. Tư, K. Già-lam, K. Ca-di-ni, K. Su tử, K. Ni-kiền, K. Ba-la-lao); *III. Phẩm Xá-lê tử tương ưng*, có 11 Kinh (K. Đẳng tâm, K. Thành tựu giới, K. Trí, K. Su tử hồng, K. Thủy dụ, K. Cù-ni su, K. Phạm chí Đà-nhiên, K. Giáo hóa bệnh, K. Đại Câu-hy-la, K. Tượng tích dụ, K. Phân biệt Thánh đế); *IV. Phẩm Vị tăng hữu*, có 10 Kinh (K. Vị tăng hữu pháp, K. Thị giả, K. Bạc-câu-la, K. A-tu-la, K. Địa động, K. Chiêm-ba, K. Úc-già trưởng giả (A), K. Úc-già trưởng giả (B), K. Thủ trưởng giả (A), K. Thủ trưởng giả (B)); *V. Phẩm Tập tương ưng*, có 16 Kinh (K. Hà nghĩa, K. Bất tư, K. Niệm, K. Tàm quý (A), K. Tàm quý (B), K. Giới (A), K. Giới (B), K. Cung kính (A), K. Cung kính (B), K. Bồn tể, K. Thức ăn (A), K. Thức ăn (B), K. Tận trí, K. Niết-bàn, K. Di-hê, K. Vị Tỳ-kheo thuyết); *VI. Phẩm Vương tương ưng*, có 7 Kinh (K. Thất bảo, K. Tam thập nhị tướng 5, K. Tứ châu, K. Ngưu Phần dụ, K. Tần-bê-ta-la vương nghinh Phật, K. Bê-bà-lăng-kỳ, K. Thiên sứ).

Tập II, dày 751 trang, gồm có tiếp theo Tập I, phẩm VI (phần cuối) và phẩm VII, VIII, IX, X, có tất cả 52 Kinh: *VI. Phẩm Vương tương ưng* (phần cuối), có 7 Kinh (K. Ô điều dụ, K. Thuyết bốn, K. Đại Thiện Nại lâm, K. Đại Thiên Kiến vương, K. Tam thập dụ, K. Chuyển luân vương, K. Bê tứ); *VII. Phẩm Trường Thọ vương*, có 15 Kinh (K. Trường Thọ vương bốn khởi, K. Thiên, K. Bất niệm, K. Tịnh bất động đạo, K. Úc-già-chi-la, K. Sa-kê-đế Tam tộc tánh tử, K. Phạm thiên thỉnh Phật, K. Hữu thắng thiên, K. Ca-hy-nan, K. Niệm thân, K. Chi-ly-di-lê, K. Trưởng lão thượng tôn thù miên, K. Vô thích, K. Chân nhân, K. Thuyết xứ); *VIII. Phẩm Uế*,

có 10 Kinh (K. Uế phẩm, K. Cầu pháp, K. Tỳ-kheo thỉnh, K. Tri pháp, K. Châu-na vân kiến, K. Thanh bạch Liên hoa dụ, K. Thủy Tịnh Phạm chí, K. Hắc Tỳ-kheo, K. Trụ pháp, K. Vô); *IX. Phẩm Nhân*, có 10 Kinh (K. Đại nhân, K. Niệm xứ, K. Khổ âm (A), K. Khổ âm (B), K. Tăng thượng tâm, K. Niệm, K. Su tử hồng, K. Ưu-đàm-bà-la, K. Nguyễn, K. Tượng); *X. Phẩm Lâm*, có 10 Kinh (K. Lâm (A), K. Lâm (B), K. Tự quán tâm (A), K. Tự quán tâm (B), K. Đại phạm hạnh, K. A-nô-ba, K. Chư pháp bốn, K. Ưu-đà-la, K. Mật hoàn dụ, K. Cù-đàm-di).

Tập III, dày 777 trang, gồm có 4 phẩm, với 54 Kinh: *XI. Phẩm Đại*, có 25 Kinh (K. Nhu nhuyễn, K. Long tượng, K. Thuyết xứ, K. Thuyết vô thương, K. Thỉnh thỉnh, K. Chiêm-ba, K. Sa-môn Nhị thập ức, K. Bất nạn, K. Bàn cùng, K. Hành dục, K. Phước điền, K. Ưu-bà-tắc, K. Oán gia, K. Giáo Đàm-di, K. Hàng ma, K. Lại-tra-hòa-la, K. Ưu-bà-ly, K. Thích vân, K. Thiện sanh, K. Thương nhân cầu tài, K. Thế gian, K. Phước, K. Tứ chỉ đạo, K. Chí biên, K. Dụ); *XII. Phẩm Phạm chí* (phần trên), có 10 Kinh (K. Vũ thế, K. Thương-ca-la, K. Toán số Mục-kiền-liên, K. Cù-mặc Mục-kiền-liên, K. Tượng tích dụ, K. Văn đức, K. Hà khổ, K. Hà dục, K. Uất-sầu-ca-la, K. A-nhiếp-hòa); *XIII. Phẩm Phạm chí* (phần dưới), có 10 Kinh (K. Anh vũ, K. Tu-nhàn-đề, K. Bà-la-bà-đường, K. Tu-đạt-đa, K. Phạm Ba-la-diên, K. Huỳnh Lô viên, K. Đầu-na, K. A-già-la-ha-na, K. A-lan-na, K. Phạm ma); *XIV. Phẩm Căn bản phân biệt*, có 10 Kinh (K. Phân biệt lục giới, K. Phân biệt lục xứ, K. Phân biệt quán pháp, K. Ôn tuyên lâm thiên, K. Thất trung thuyên thất tôn, K. A-nan thuyết, K. Ý hành, K. Câu-lâu-sầu vô tránh, K. Anh võ, K. Phân biệt đại nghiệp).

Tập IV, dày 771 trang, gồm có 6 phẩm (XIV, XV, XVI, XVII, XVIII và XIX), với 51 Kinh: *XIV. Phẩm Tâm*, có 10 Kinh (K. Tâm, K. Phù-di, K. Thọ pháp (A), K. Thọ pháp (B), K. Hành thiền, K. Thuyết, K. Lạp sư, K. Ngũ chi vật chủ, K. Cù-đàm-di, K. Đa giới); *XV. Phẩm Song* (phần trên), có 5 Kinh (K. Mã áp (A), K. Mã áp (B), K. Nguru giác Sa-la lâm (A), K. Nguru giác Sa-la lâm (B), K. Cầu giải thoát); *XVI. Phẩm Song* (phần dưới), có 5 Kinh (K. Thuyết trí, K. A-di-na, K. Thánh đạo, K. Tiểu không, K. Đại không); *XVII. Phẩm Đại*, có 10 Kinh (K. Ca-lô-ô-đà-di, K. Mâu-lê-phá-quần-na, K. Bạt-đà-hòa-lợi, K. A-thấp-bối, K. Châu-na, K. Ưu-ba-ly, K. Điều ngự địa, K. Si tuệ địa, K. A-lê-tra, K. Trà-đế); *XVIII. Phẩm Bô-ly-đa*, có 10 Kinh (K. Trì trai, K. Bô-ly-đa, K. Lama, K. Ngũ hạ phần kiết, K. Tâm uế, K. Tiễn mao (A), K. Tiễn mao (B), K. Bê-ma-na-tu, K. Pháp lạc Tỳ-kheo Ni, K. Đại Câu-hy-la); *XIX. Phẩm Lệ*, có 11 Kinh (K. Nhất thiết trí, K. Pháp trang nghiêm, K. Bê-ha-đề, K. Đệ nhất đắc, K. Ái sanh, K. Bất thành, K. A-na-luật-đà (A), K. A-na-luật-đà (B), K. Kiến, K. Tiễn dụ, K. Lệ). Cuối Tập IV là *Mục lục Tương đương giữa Kinh Trung A-hàm và Kinh Nikàya*.

765. KINH TRUNG A-HÀM –

Trọn bộ 4 Cuốn

Dịch và chú: *Tuệ Sỹ*

Nxb Phương Đông – 2009 (lần đầu), tái bản 2013; Nxb Hồng Đức – 2019.

Toàn bộ tác phẩm *Kinh Trung A-hàm* này gồm có 3 cuốn và 1 cuốn Tổng Mục lục, nội dung chính yếu có 20 phẩm, trong đó có 222 Kinh.

Xem: *Trung A-hàm – Tiểu Tạng Kinh do Tuệ Sỹ dịch và chú*

766. KINH TRUNG ÁM

Hán dịch: *Trúc Phật Niệm*

Việt dịch: *Thích nữ Tịnh Quang*

Kinh này gồm có 12 phẩm: P.1 Như Lai năm hồng thệ nguyện vào Trung âm giáo hóa, P.2 Đức Diệu giác Như Lai đưa chư Bồ-tát vào Trung âm giáo hóa, P.3 Đức Diệu giác Như Lai phân thân vào Trung âm, P.4 Bồ-tát Hiền Hộ thưa hỏi, P.5 Đạo thụ, P.6 Thần túc, P.7 Phá lưới ái, P.8 P.8 Ba đời bình đẳng, P.9 Không sanh diệt, P.10 Giáo hóa không vô hình, P.11 Có sắc-không sắc, P.12 Hoan hỷ. (<https://phatphapungdung.com>; *Pháp bảo-Bộ Niết-bàn*)

767. KINH TRUNG BỘ - 3 Tập

Giáo hội Phật giáo Việt Nam –

Đại tạng Kinh Việt Nam

Nguyên bản: Pali

Việt dịch:

HT. Thích Minh Châu (1918-2012)

Kinh có khổ 14.5 x 20.5cm, tổng cộng 3 tập dày 2.246 trang, bìa cứng, bao da màu đỏ, chữ tựa mạ vàng, mỗi tập đều có hộp đựng.

Tập I, Kinh Trung Bộ, Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam ấn hành PL. 2536 – DL. 1992, có 745 trang, nội dung gồm có 50 Kinh (K): 1.K. Pháp môn căn bản (Mulapariyayasutta), 2.K. Tất cả lậu hoặc (Sabbasavasuttam), 3.K. Thừa tự Pháp (Dhammadayadasutta), 4.K. Sợ hãi và khiếp đảm (Bhayabheravasuttam), 5.K. Không uế nhiễm (Ananganasuttam), 6.K. Ước nguyện (Akankheyyasuttam), 7.K. Ví dụ tấm vải (Vatthupamasutta), 8.K. Đoạn giảm (Sallekhasuttam), 9.K. Chính tri kiến (Sammaditthisuttam), 10.K. Niệm xứ (Satipatthanasutta), 11.K. Tiểu kinh sư tử hồng (Culasihanadasuttam), 12.K. Đại kinh sư tử hồng (Mahasihanadasuttam), 13.K. Đại kinh khổ uẩn (Mahadukkhakkhandhasutta), 14.K. Tiểu

kinh khở uẩn (Culadukkhakkhandhasuttam), 15.K. Tư lượng (Anumanasuttam), 16.K. Tâm hoang vu (Cetekhilasuttam), 17.K. Khu rừng (Vanapathasuttam), 18.K. Mật hoàn (Madhupindikasuttam), 19.K. Song tâm (Dvedhavittakassutta), 20.K. An trú tâm (Vitakasanthanasuttam), 21.K. Ví dụ cái cưa (Kakacupamasutta), 22.K. Ví dụ con rắn (Alaggadupamasuttam), 23.K. Gò mối (Vammikasutta), 24.K. Trạm xe (Rathavivutasutta), 25.K. Bẫy mồi (Nivapasuttam), 26.K. Thánh cầu (Ariyapariyesanasuttam), 27.K. Tiểu kinh dụ dấu chân voi (Culahatthipadopamasuttam), 28.K. Đại kinh dụ dấu chân voi (Mahahatthipadopamasuttam), 29.K. Đại kinh ví dụ lõi cây (Mahasaropamasuttam), 30.K. Tiểu kinh ví dụ lõi cây (Culasaropamasuttam), 31.K. Tiểu kinh rừng sừng bò (Culagosingasuttam), 32.K. Đại kinh rừng sừng bò (Mahagosingasuttam), 33.K. Đại kinh người chăn bò (Mahagopalakasuttam), 34.K. Tiểu kinh người chăn bò (Culagopalakasuttam), 35.K. Tiểu kinh Saccaka (Culasaccakasuttam), 36.K. Đại kinh Saccaka (Mahasaccakasuttam), 37.K. Tiểu kinh đoạn tận ái (Culatanhasankhayasuttam), 38.K. Đại kinh đoạn tận ái (Mahatanhasankhayasuttam), 39.K. Đại kinh xóm ngựa (Mahassapurasuttam), 40.K. Tiểu kinh xóm ngựa (Culassapurasuttam), 41.K. Saleyyaka (Saleyyakasuttam), 42.K. Veranjaka (Veranjakasuttam), 43.K. Đại kinh phương quảng (Mahavedallasuttam), 44.K. Tiểu kinh phương quảng, 45.K. Tiểu kinh Pháp hành (Culadhammasamadanasuttam), 46.K. Đại kinh Pháp hành (Mahadhammasamadanasuttam), 47.K. Tư

sát (Vimamsakasuttam), 48.K. Kosambiya (Kosambiyasuttam), 49.K. Phạm thiên thỉnh cầu (Brahmanimantanikasuttam), 50.K. Hàng phục ma (Maratajjaniyasuttam).

Tập II, Kinh Trung Bộ, Nxb Tôn Giáo, PL. 2544 – DL. 2000, có 829 trang, (Số thứ tự 6); nội dung gồm có 50 Kinh (từ kinh số 51-100): 51.K. Kandaraka (Kandarakasuttam), 52.K. Bát thành (Atthakanagarasuttam), 53.K. Hữu học (Sekhasuttam), 54.K. Potaliya (Potaliyasuttam), 55.K. Jivaka (Jivakasuttam), 56.K. Ưu-ba-ly (Upalisuttam), 57.K. Hạnh con chó (Kukkuravatikasuttam), 58.K. Vương tử Bhaya (Vô Úy) (Abhayarajakumarasuttam), 59.K. Nhiều cảm thọ (Bahavedaniyasuttam), 60.K. Không gì chuyển hướng (Apannakasuttam), 61.K. Giáo giới La-hầu-la ở rừng Am-bà-la (Ambalattika Rahulovadasuttam), 62.K. Đại kinh giáo giới La-hầu-la (Maha-Rahulovadasuttam), 63.K. Tiểu kinh Malunkya (Malunkyasuttam), 64.K. Đại kinh Mahamalunkyaputta (Mahamalunkyaputtasuttam), 65.K. Bhaddali (Bhaddalisuttam), 66.K. Ví dụ con chim cáy (Latukikopamasuttam), 67.K. Catuma (Catumasuttam), 68.K. Nalakapana (Nalakapanasuttam), 69.K. Gulissani (Gulissanisuttam), 70.K. Kitagiri (Kitagirisuttam), 71.K. Ba minh Vacchagota (Tevijja-Vacchagotasuttam), 72.K. Aggivačchagotta (Aggivačchagottasuttam), 73.K. Đại kinh Vacchagotta (Mahavacchagottasutta), 74.K. Trường Trảo (Dighanakhasuttam), 75.K. Magandiyā (Magandiyasuttam), 76.K. Sandaka (Sandakasuttam), 77.K. Mahasakuludaya, 78.K. Samanamandiyā,

79.K. Tiểu kinh Thiện sanh Ưu-đà-di (Culasakuludayasuttam), 80.K. Vekhanassa, 81.K. Ghatikara, 82.K. Ratthapala, 83.K. Makhadeva (Makhadevasuttam), 84.K. Madhura, 85.K. Bồ-đề vương tử (Bodhirajakumarasuttam), 86.K. Angulimala, 87.K. Ái sanh (Piyajakasuttam), 88.K. Bahitika, 89.K. Pháp trang nghiêm (Dhammacetiyasuttam), 90.K. Kannakatthala, 91.K. Brahmayu (Brahmayusuttam), 92.K. Sela (Selasuttam), 93.K. Assalayana (Assalayanassuttam), 94.K. Ghotamukha, 95.K. Canki (Cankisuttam), 96.K. Esukari (Esukarisuttam), 97.K. Dhananjani (Dhananjanisuttam), 98.K. Vasettha (Vasetthasutta), 99.K. Subha (Subhasuttam), 100.K. Sangarava (Sangaravasuttam).

Tập III, Kinh Trung Bộ, Nxb Tôn Giáo, PL. 2545 – DL. 2001, dày 672 trang, bìa cứng, (Số thứ tự 7); nội dung gồm có 52 Kinh (từ kinh số 101-152): 101.K. Devadaha (Devadahasuttam), 102.K. Năm ba (Pancattayasuttam), 103.K. Như thế nào (Kintisutta), 104.K. Làng Sama (Samagamasuttam), 105.K. Thiện Tinh (Sunakkhattasuttam), 106.K. Bất động lợi ích (Ananjasappayasuttam), 107.K. Ganaka Moggallana (Ganaka Moggallanasuttam), 108.K. Gopaka Moggallana (Gopaka Moggallanasuttam), 109.K. Đại kinh mãn nguyệt (Mahapunnamasuttam), 110.K. Tiểu kinh mãn nguyệt (Culapunnamasuttam), 111.K. Bất đoạn (Anupadasuttam), 112.K. Sáu thanh tịnh (Chabbisodhanasuttam), 113.K. Chân nhân (Sappurisasuttam), 114.K. Nên hành trì, không nên hành trì (Sevitabha-asevitabhasuttam), 115.K. Đa giới

(Bahudhatukasuttam), 116.K. Tôn thiên (Isigilisutta), 117.K. Đại kinh bốn mươi (Mahacattarisakasuttam), 118.K. Nhập tức xuất tức niệm (Anapanasatisuttam), 119.K. Thân hành niệm (Kayagatasatisuttam), 120.K. Hành sanh (Sankharuppatissuttam), 121.K. Tiểu không (Culasunnatasuttam), 122.K. Đại không (Mahasunnatasuttam), 123.K. Hy hữu vị tăng hữu pháp (Acchariyabbhutadhammasuttam), 124.K. Bạc-câu-la (Bakkulasuttam), 125.K. Điều Ngự Địa (Dantabhumissuttam), 126.K. Phù-di (Bhumijassuttam), 127.K. A-na-luật (Anuruddhasuttam), 128.K. Tùy phiền não (Upakkilesasuttam), 129.K. Hiền ngu (Balapanditasuttam), 130.K. Thiên sứ (Devadutasuttam), 131.K. Nhứt dạ hiền giả (Bhaddekarattasuttam), 132.K. A-nan Nhứt dạ hiền giả (Anandabhaddekarattasuttam), 133.K. Đại Ca-chiên-diên Nhứt dạ hiền giả (Kacanabhaddekarattasuttam), 134.K. Lomasakangiya Nhứt dạ hiền giả (Lomasakangiya-bhaddekarattasuttam), 135.K. Tiểu nghiệp phân biệt (Culakammavibhangasuttam), 136.K. Đại nghiệp phân biệt (Mahakammavibhangasuttam), 137.K. Phân biệt sáu xứ (Salayatana-vibhangasuttam), 138.K. Tổng thuyết và biệt thuyết (Uddassavibhangasuttam), 139.K. Vô tránh phân biệt (Aranavibhangasuttam), 140.K. Giới phân biệt (Dhatuvibhangasuttam), 141.K. Phân biệt về sự thật (Saccavibhangacittasuttam), 142.K. Phân biệt cúng dường (Dakkhina-vibhangasuttam), 143.K. Giáo giới Cấp Cô Độc (Anathapindikovadasuttam), 144.K. Giáo giới Channa (Channovadasuttam), 145.K. Giáo giới Phú-lâu-na (Punnovadasuttam),

146.K. Giáo giới Nandaka (Nandakovadasuttam), 147.K. Tiểu kinh giáo giới La-hầu-la (Cula Rahulovadasuttam), 148.K. Sáu sáu (Chachakkasuttam), 149.K. Đại kinh sáu xứ (Mahasalayatanikasuttam), 150.K. Nói cho dân chúng Nagaravinda (Nagaravindeyyasuttam), 151.K. Khất thực thanh tịnh (Pindapataparissuddhisuttam), 152.K. Căn tu tập (Indriyabhavanasuttam). Sau cùng là Mục lục tương đương giữa Kinh Trung Bộ và các Kinh Hán tạng.

Tác phẩm Kinh Trung Bộ - Tập I, II và III, Trường Cao cấp Phật học Việt Nam Cơ sở II tại Tp. Hồ Chí Minh ấn hành năm 1986, khổ 14.5 x 20.5cm, bìa mềm, Giấy phép xb số 46/XBNT/GP ngày 16-3-1986.

768. KINH TRUNG BỘ

Ban Giáo Dục Tăng Ni Trung Ương – Giáo Trình Trung Cấp Phật Học

Trưởng Ban Biên Soạn:

TT. TS. Thích Viên Trí

Biên soạn: *TT. TS. Thích Tâm Minh*

Nxb Phương Đông – 2017

Kinh có khổ 14.5 x 20.5cm, dày 240 trang, bìa mềm. Nội dung gồm có 20 bài Kinh: Lời nói đầu, B.1 Kinh Pháp môn Căn bản (Mùlapariyàya Sutta), B.2 Kinh Nhất thiết Lộ hoặc (Sabbàsava Sutta), B.3 Kinh Thừa tự Pháp (Dhammadàyàda Sutta), B.4 Kinh Sợ hãi và Khiếp đảm (Bhayabherava Sutta), B.5 Kinh Vô uế (Anangana Sutta), B.6 Kinh Ước nguyện (Akankheyya Sutta), B.7 Kinh Ví dụ Tấm vải (Vatthùpama Sutta), B.8 Kinh Đoạn giảm (Sallekha Sutta), B.9 Kinh Chánh Tri kiến (Sammàditthi Sutta), B.10 Kinh Niệm xứ (Satipatthàna Sutta), B.11 Tiểu Kinh Sư tử

hông (Cùlasihanàda Sutta), B.12 Đại Kinh Sư tử hồng (Mahāsihanàda Sutta), B.13 Đại Kinh Khổ uẩn (Mahàdukkhakkhandha Sutta), B.14 Tiểu Kinh Khổ uẩn (Cùladukkhakkhandha Sutta), B.15 Kinh Tư lượng (Anumàna Sutta), B.16 Kinh Tâm hoang vu (Cetokhila Sutta), B.17 Kinh Khu rừng (Vanapattha Sutta), B.18 Kinh Mật hoàn (Madhupindika Sutta) B.19 Kinh Song tâm (Dvedhàvitakka Sutta), B.20 Kinh An trú tâm (Vitakkasanthàna Sutta); Thư mục tham khảo.

769. KINH TRUNG BỘ

(Tóm tắt và chú giải) - 3 Tập

Dịch giả:

HT. Thích Minh Châu (1918-2012)

Tóm tắt và chú giải:

Thích nữ Trí Hải (1938-2003)

Nxb Tôn Giáo, PL. 2546 – DL. 2002

Kinh có khổ 14 x 20cm, tổng cộng 3 tập có 152 kinh, dày 1.278 trang, bìa mềm. Mỗi kinh gồm có 5 phần: 1. Toát yếu bằng Anh ngữ của ngài Nanamoli và dịch, 2. Tóm tắt, 3. Chú giải theo luận giải kinh Trung bộ, bản Anh ngữ của hai Đại đức Nanamoli và Bodhi, 4. Pháp số liên hệ, 5. Kệ thuộc lòng.

Tập I, có 340 trang, với 50 Kinh; *Tập II*, có 500 trang, và 50 Kinh (từ Kinh 51-100); *Tập III*, có 438 trang, với 52 Kinh (từ Kinh 101-152) tất cả 152 Kinh đều được tóm tắt và chú giải.

Xem: Kinh Trung Bộ Tập I, II và III do HT. Thích Minh Châu dịch.

770. KINH TRUNG BỒN KHỞI

Đại Chánh Tân Tu, Bộ Bản duyên, Kinh số 0196

Hán dịch: *Đàm Quả* và

Khương Mạnh Tường

Việt dịch: *Thích Chánh Lạc*

Tác phẩm Kinh này có 82 trang (PDF), gồm 2 quyển, 15 phẩm: *Quyển thượng*, 1.P Chuyên Pháp luân, 2.P Hiệp biên (còn gọi Thiện Lai), 3.P Hóa độ Ca-diếp, 4.P Độ vua Bình Sa, 5.P Xá-lợi-phát, Đại Mục-kiền-liên đến học đạo, 6.P Trở về bản quốc; *Quyển hạ*, 7.P Tu-đạt, 8.P Nhân duyên huyền dung trai giới, 9.P Cù-đàm-di đi đến Đức Phật xin làm Tỳ-kheo Ni, 10.P Độ vua Ba-tư-nặc, 11.P Tự ái, 12.P Đại Ca-diếp lúc mới đến học đạo, 13.P Độ Nại-nữ, 14.P Ni-kiền vấn nghi, 15.P Đức Phật ăn lúa ngựa.

(<https://phatphapungdung.com>; *Pháp bảo-Bộ Bốn duyên*)

771. KINH TRỪ KHỦNG TAI HOẠN

Việt dịch:

HT. Thích Hành Trụ (1904-1984)

Nxb Tôn Giáo, PL. 2548 – DL. 2004

Kinh có khổ 14 x 20cm, có 78 trang, bìa mềm.

Nội dung gồm có: Tựa, Lời nói đầu; *Kinh Trừ Khủng Tai Hoạn*.

Tác phẩm Kinh này đã được ấn hành năm 1952, In tại Nhà in Thanh Mậu (Gia Định); tái bản: Năm 1995, THPG Tp. Hồ Chí Minh ấn hành.

772. KINH TRƯỜNG A-HÀM, 2 Tập

Giáo hội Phật giáo Việt Nam –

Đại tạng Kinh Việt Nam

Hán dịch: *Phật-đà-da-sá*

và *Trúc Phật Niệm*

Việt dịch:

Viện Cao đẳng Phật học Huệ Nghiêm

Hiệu đính:

HT. Thích Trí Tịnh (1917-2014)

Nxb Tôn Giáo, PL. 2544 – DL. 2000

Kinh có khổ 14.5 x 20.5cm, tổng cộng 2 tập dày 1.159 trang, bìa cứng, bao da màu đỏ, chữ tựa mạ vàng, có hộp đựng mỗi tập.

Tập I (số thứ tự 2), có 641 trang, gồm có 19 Kinh (K) như sau: 1.K. Đại bốn duyên, 2.K. Du hành, 3.K. Điền tôn, 4.K. Xà-ni-sa, 5.K. Tiểu duyên, 6.K. Chuyên luân Thánh vương tu hành, 7.K. Tệ túc, 8.K. Tán-đà-na, 9.K. Chúng tập, 10.K. Thập thượng, 11.K. Tăng nhất, 12.K. Tam tụ, 13.K. Đại duyên phương tiện, 14.K. Thích-đề Hoàn nhân vấn, 15.K. A-nậu-di, 16.K. Thiện sanh, 17.K. Thanh tịnh, 18.K. Tự hoan hỷ, 19.K. Đại hội.

Tập II (số thứ tự 4), có 518 trang, gồm có 11 Kinh (từ Kinh số 20-30) như sau: 20.K. A-ma-trú, 21.K. Phạm động, 22.K. Chúng đức, 23.K. Cứu-la-đàn-đầu, 24.K. Kiên cố, 25.K. Lỗa hình phạm chí, 26.K. Tam minh, 27.K. Sa-môn quả, 28.K. Bồ-tra-bà-lâu, 29.K. Lộ-già, 30.K. Thế ký, có 12 phẩm (P. Diêm-phù-đề, P. Uất-đơn-việt, P. Chuyên luân Thánh vương, P. Địa ngục, P. Long điệu, P. A-tu-luân, P. Tứ thiên vương, P. Đạo Lợi thiên, P. Tam tại, P. Chiến đấu, P. Tam trung kiếp, P. Thế bốn duyên). Cuối Tập II có *Mục lục Kinh tương đương giữa Trường A-hàm và Trường bộ*.

773. KINH TRƯỜNG A-HÀM

– Trọn bộ 3 Cuốn

Việt dịch và chú: *Tuệ Sỹ*

Nxb Phương Đông – 2008 (lần đầu), tái bản 2012; Nxb Hồng Đức – 2018.

Toàn bộ tác phẩm *Kinh Trường A-hàm* này có 2 cuốn nội dung, gồm có 30 Kinh, Cuốn I, có 17 Kinh, Cuốn II, có 13 Kinh; và 1 cuốn Tổng Mục lục.

Xem: Trường A-hàm – Tiểu Tạng Kinh do Tuệ Sỹ dịch và chú

774. KINH TRƯỜNG A-HÀM (DIRGHÀGAMA)

Tuyển dịch: *HT. Thích Trí Đức*

Nxb Tôn Giáo – 2003

Tác phẩm Kinh này dày 342 trang, bìa mềm. Nội dung gồm: 1. Lời giới thiệu, 2. Tựa, 3. Kinh Đại bản duyên (Lược thuật Nhân duyên giảng sanh, Thành đạo giáo hóa của 7 Đức Phật trong thế giới Ta-bà); 4. Kinh Du hành (Phần I. Lược thuật cuộc hành hóa của Phật, theo đó Phật đã tùy cơ giảng dạy những lời thâm trầm, thi thiết cho hàng đệ tử, từ việc xử thế, tu hành đến việc an quốc; Phần II. Lược thuật giai đoạn Phật nhập Niết-bàn và những lời dạy cuối cùng của Ngài; Phần III. Lược thuật tiếp giai đoạn Phật nhập Niết-bàn cho tới khi phân chia Xá-lợi dựng tháp tôn thờ); 5. Kinh Điền tôn (Thuật một tiền thân Phật, khi làm vị Đại thần Điền Tôn tài cao, đức lớn, đã giúp vị vua thuở ấy lấy chánh pháp trị dân); 6. Kinh Tứ tánh (Dạy về nguyên lai của 4 tánh và yếu lý bình đẳng giữa 4 tánh đó); 7. Kinh Chuyển luân vương tu hành (Dạy về tư cách vị Chuyển Luân vương và tình trạng sinh tồn của nhân loại); 8. Kinh Tệ Túc (Cuộc thảo luận về kiếp sau giữa Ca-diếp đồng nữ và Bà-la-môn Tệ Túc); 9. Kinh Tán-đà-na (Phật chỉ tính cách tịnh-bất tịnh trong pháp tu khổ hạnh và mục đích mà Ngài thuyết pháp); 10. Kinh Đại duyên Phương tiện (Phương cách suy tầm lý Nhân duyên và Vô ngã); 11. Kinh Thiện Sinh (Dạy cách cư xử trong gia đình, với thầy bạn và thân thích); 12. Kinh Phạm Võng (Phật nêu chỉ 62 kiến chấp sai lầm của ngoại đạo và dạy cho biết tán thán Phật theo cách cao thượng); 13. Kinh Cứu-la-đàn-đầu (Chỉ cách tế lễ gây thêm tội báo và cách tế lễ gây phúc báo cao thượng, cách tế lễ mê tín và cách tế lễ không mê tín); 14. Kinh Kiên cố (Dạy về Tứ đại do đâu diệt mất và Tỳ-kheo nên hiện thân thông như thế nào); 15. Kinh Lỗ hình Phạm chí (Người được mệnh danh là Sa-môn hay Bà-la-môn cốt ở chỗ dứt phiền não chứ không do hình thức

khô hạnh sông); 16. Kinh Sa-môn quả (Quan niệm về quả báo của Lục sư ngoại đạo và Phật giáo); 17. Kinh Bồ-tra-bà-lâu (Phật không quan tâm, không nói đến vấn đề bản ngã và thế gian thường-vô thường, Ngài chỉ chú trọng dạy pháp Tứ-đế); 18. Kinh Tiên dụ (Ví dụ người bị trúng tên độc); 19. Vài lời sau Kinh, 20. Bản đối chiếu các Kinh Pàli – Hán.

Tác phẩm Kinh này đã được Phật Học Viện Trung Phần xuất bản năm PL. 2505 – DL. 1962, In tại Nhà in Hoa Sen (Nha Trang), dày 341 trang, bìa mềm.

775. KINH TRƯỜNG BỘ - 2 Tập **Giáo hội Phật giáo Việt Nam –** **Đại tạng Kinh Việt Nam**

Nguyên bản: Pali

Việt dịch:

HT. Thích Minh Châu (1918-2012)

Kinh có khổ 14.5 x 20.5cm, tổng cộng 2 tập dày 1.366 trang, bìa cứng, bao da màu đỏ, chữ tựa mạ vàng, có hộp đựng mỗi tập.

Tập I, Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam ấn hành PL. 2535 – DL. 1991, có 686 trang, nội dung gồm có 15 Kinh (K): 1.K. Phạm võng, 2.K. Sa-môn quả, 3.K. Ambattha, 4.K. Sonadanda, 5.K. Kutadanta, 6.K. Mahàli, 7.K. Kassapa, 8.K. Potthapada, 9.K. Subha, 10.K. Kevaddha, 11.K. Lohicca, 12.K. Tevijja, 13.K. Đại bản, 14.K. Đại duyên, 15.K. Đại bát Niết-bàn.

Tập II, Nxb Tôn Giáo, PL. 2545 – DL. 2001, có 680 trang, (Số thứ tự 2); nội dung gồm từ kinh số 17 đến kinh số 34 như sau: 17.K. Đại Thiện Kiến vương (Mahà-Sudassana-Suttanta), 18.K. Xà-ni-sa (Janavasabha-Suttanta), 19.K. Đại Điền Tôn (Mahà-Govinda-Suttanta), 20.K. Đại hội (Mahà-Samaya-Suttanta), 21.K. Đố Thích sở vấn (Sakka-Panha-Suttanta), 22.K. Đại niệm xứ (Mahà-Sapitatthana-

Suttanta), 23.K. Tệ túc (Pàyasi-Suttanta), 24.K. Ba-lê (Pàtika-Suttanta), 25.K. Ưu-đàm-bà-la Sur tử hồng (Udumbarika-Sihanàda-Suttanta), 26.K. Chuyển luân Thánh vương sư tử hồng (Cakkhavatti-Sihanàda-Suttanta), 27.K. Khởi thể nhân bản (Agganna-Suttanta), 28.K. Tự hoan hỷ (Sampasàdaniya-Suttanta), 29.K. Thanh tịnh (Pàsàdika-Suttanta), 30.K. Tướng (Lakkhana-Suttanta), 31.K. Giáo thọ Thi-ca-la-việt (Singàlovàda-Suttanta), 32.K. A-sá-nang-chi (Atànàtiya-Suttanta), 33.K. Phúng tụng (Sangiti-Suttanta), 34.K. Thập thượng (Dasuttara-Suttanta). Cuối kinh là Mục lục Kinh tương đương giữa Trường Bộ và Trường A-hàm.

Ghi chú: Trong Mục lục tập I ghi 15 Kinh, đúng ra là 16 Kinh nhưng kinh Jàliya, số 7 phần lớn giống Kinh Mahàli nên dịch giả không dịch. Do đó, số thứ tự Kinh của Tập I từ số 7 đến số 15 tương đương với số 8 đến số 16 của Pàli tạng.

776. KINH TRƯỜNG THỌ DIỆT TỘI HỘ CHƯ ĐỒNG TỬ ĐÀ-LA-NI

Hán dịch: *Tam tạng Sa-môn - Phật-đà-ba-ly*

Việt dịch: *Thích Thiện Thông*

Nxb Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh – 2014

Kinh có khổ 14 x 20cm, có 87 trang, bìa mềm, nền màu tím, có hình hoa sen ở góc trái phía trên, chữ tựa màu vàng và đỏ.

Nội dung gồm có: Lời tựa, Nghi thức khai Kinh (Niệm hương, Tán thán Phật, Quán tưởng, Tán Dương chi, Chú Đại bi, Văn Phát nguyện, Kệ Khai Kinh), Kinh Trường thọ Diệt tội Hộ chư Đồng tử Đà-la-ni.

Tác phẩm Kinh này được tái bản nhiều lần: Năm 2008, 2011, Nxb Tôn Giáo.

777. KINH TRƯỜNG THỌ DIỆT TỘI Tranh Truyện

Tác giả: *Liên Ca Tử*

Việt dịch: *Mạt Nhân Đạo Quang*

Nxb Phương Đông – 2011

Sách có khổ 14 x 20cm, có 180 trang, bìa mềm. Nội dung gồm có: Lời nói đầu, Tranh truyện Kinh Trường Thọ Diệt Tội, Kinh Trường Thọ Diệt Tội Hộ Chư Đồng Tử Đà-la-ni (Sa-môn Phật-đà-ba-lợi vâng chiếu dịch), Lời cuối.

778. KINH TRƯỜNG THỌ DIỆT TỘI VÀ THẦN CHỦ BẢO HỘ CÁC EM BÉ

Hán dịch: *Tam tạng Sa-môn*

Phật-đà-ba-lợi

Các bản Việt dịch: 1. *Nguyên Thuận*; 2. *Thích Thiện Thông*; 3. *Không Trú*

Tác phẩm Kinh này có 33 trang (PDF), nội dung: - Nghi thức khai Kinh, - Tán dương chi, - Chú Đại Bi, - Kinh Trường thọ diệt tội Hộ chư Đồng tử Đà-la-ni. (<https://phatphapungdung.com>; *Pháp bảo-Bộ Tục tạng Kinh*; <https://hoavouu.com>, *Sách Phật học-PDF*)

779. KINH TRƯỜNG GIẢ CỤ LỰC HỎI VỀ ĐẠI THỪA

Hán dịch: *Trí Kiết Tường*

Việt dịch: *Thích Tâm Nhân*

Tác phẩm Kinh này gồm có 3 quyển: Quyển thượng, Quyển trung và Quyển hạ. (<https://phatphapungdung.com>; *Pháp bảo-Bộ Kinh tập*)

780. KINH ƯU-BÀ-TẮC GIỚI

Hán dịch: *Tam tạng Pháp sư*

Đàm Vô Sám

Việt dịch: *Linh Sơn Pháp Bảo*

(Trích: *Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh*, tập 82-Bộ luật 12-Số 1488)

Nxb Hồng Đức, PL. 2563 – DL. 2019

Kinh có khổ 14.5 x 20.5cm, dày 334 trang, bìa cứng. Nội dung gồm có 7 quyển, 28

phẩm: Q.I, P.1 Tập hội, P.2 Phát tâm Bồ-đề, P.3 Tâm bi, P.4 Giải thoát, P.5 Ba thứ Bồ-đề, P.6 Tu hạnh nghiệp 32 tướng; Q.II, P.7 Phát nguyện, P.8 Bồ-tát giả danh và Bồ-tát thật nghĩa, P.9 Tâm kiên cố của Bồ-tát thật nghĩa, P.10 Lợi mình và lợi người, P.12 Phước trí trang nghiêm; Q.III, P.13 Thân giữ, P.14 Thọ giới, P.15 Tịnh giới, P.16 Trừ các điều ác, P.17 Cúng dường Tam bảo; Q.IV, P.18 Sáu Ba-la-mật, P.19 Bồ thí; Q.V, P.19 Bồ thí (tt), P.20 Tam quy Thanh tịnh, P.21 Bát quan trai giới; Q.VI, P.22 Năm giới, P.23 Giới Ba-la-mật, P.24 Nghiệp quả (Phần 1); Q.VII, P.24 Nghiệp quả (Phần 2), P.25 Nhẫn nhục Ba-la-mật, P.26 Tinh tấn Ba-la-mật, P.27 Thiên định Ba-la-mật, P.28 Bát-nhã Ba-la-mật.

781. KINH ƯU-BÀ-TẮC GIỚI

Biên dịch: *Sa-môn Thích Quảng Minh*

Nxb Phương Đông

Sách dày hơn 258 trang, bìa cứng, chữ mạ vàng.

Nội dung gồm có: Lời giới thiệu, Tựa; và 28 Phẩm Kinh cương yếu, sau cùng là Cương yếu Tổng quát.

Xem: (28 phẩm) Kinh Ưu-bà-tắc Giới Tác phẩm Kinh này đã được chùa Ấn Quang (Sài Gòn) ấn hành năm PL. 2501 – DL. 1957

782. KINH ƯU-BÀ-TẮC GIỚI

Toàn Tập

Viết dịch: *Sa-môn Thích Quảng Minh*

Phật Học Đường Việt Nam; Sách dày 456 trang, bìa cứng.

Nội dung gồm có: 1. Lời giới thiệu, 2. Tựa, 3.P Tập hội, 4.P Phát Tâm Bồ-đề, 5.P Tâm Từ bi, 6.P Giải thoát, 7.P Ba thứ Bồ-đề, 8.P Tu hạnh nghiệp 32 tướng, 9.P Phát nguyện, 10.P Bồ-tát giả và thật, 11.P Tâm kiên cố, 12.P Lợi mình-lợi người, 13.P

Trang nghiêm tự-tha, 14.P Phước Trí trang nghiêm, 15.P Nhiếp thủ, 16.P Thọ giới, 17.P Tịnh giới, 18.P Dứt trừ các điều ác, 19.P Cúng dường Tam bảo, 20.P Lục Ba-la-mật, 21.P Bồ thí Ba-la-mật, 22.P Thanh tịnh Tam quy, 23.P Bát quan trai giới, 24.P Năm giới, 25.P Trì giới Ba-la-mật, 26.P Nghiệp, 27.P Nhẫn nhục Ba-la-mật, 28.P Tinh tấn Ba-la-mật, 29.P Thiên Ba-la-mật, 30.P Bát-nhã Ba-la-mật; Phụ thích. *Tác phẩm này được chùa Giác Hoàng (Wasning Ton D. C. (U.S.A) tái bản tại Hoa Kỳ, PL. 2548 – DL. 2004.*

783. KINH ƯU-BÀ-TẮC NGŨ GIỚI TƯỚNG

Hán dịch: *Tam tạng Pháp sư -*

Cầu-na-bạt-ma (Gunavarman, 367-431)

Việt dịch: *Minh Lễ*

THPG Tp. Hồ Chí Minh,

PL. 2538 – DL. 1994

Kinh có khổ 14 x 20cm, có 98 trang, bìa mềm, chữ tựa màu đen và đỏ. Nội dung Kinh này gồm có: Nghi thức tụng giới, Phật thuyết Ưu-bà-tắc ngũ giới tướng kinh (Giới thứ nhất, không nên sát sanh; Giới thứ hai, Không nên trộm cắp, Giới thứ ba, Không nên tà dâm, Giới thứ tư, Không nên vọng ngữ, Giới thứ năm, Không nên uống rượu), Phật thuyết hy hữu giáo lượng công đức kinh, Lời bạt.

Tác phẩm Kinh này đã được chùa Vạn Đức (Thủ Đức-Sài Gòn) ấn hành năm PL. 2512 – DL. 1968

784. KINH VẠN PHẬT

(Kinh Phật thuyết Phật danh)

Dịch giả: *HT. Thích Thiện Chơn*

Nxb Tôn Giáo, PL. 2552 – DL. 2008

Kinh có khổ 16 x 24cm, có 753 trang, bìa cứng, tái bản lần thứ 5. Toàn bộ Kinh này gồm có: Đầu quyền sự nghi, Kinh Phật thuyết Phật danh: Từ quyền 1 đến quyền

12 (có một vạn, một ngàn, một trăm danh hiệu Phật); Phần Hồi hướng, Ma-ha Bát-nhã Ba-la-mật-đa Tâm Kinh.

Kinh này đã được xuất bản năm PL. 2512 – DL. 1968, do Tỳ-kheo Thích Đăng Quang-Trụ trì chùa Hải Tuệ (Sài Gòn) tổ chức ấn tống, In tại Nhà in Hạnh Phúc (Gia Định), dày 654 trang, khổ lớn, bìa mềm; năm 2013, Nxb Tôn Giáo.

785. KINH VẠN PHẬT – 3 Tập

(Kinh Phật Nói Danh Hiệu Phật)

Việt dịch: *Tỳ-kheo Trí Quang (1923-2019)*

Nxb Văn hóa Sài Gòn, PL. 2554 – DL. 2010

Trọn bộ 3 tập dày 1.786 trang, bìa cứng, có bìa bao, chữ tựa Kinh màu vàng.

Tập I, dày 598 trang, Đại quan; từ 100 thứ 1,... đến 100 thứ 39.

Tập II, từ tr. 605 đến tr. 1196; nội dung gồm từ: 100 thứ 40,... đến 100 thứ 73, (sau 100 thứ 56 có Phụ lục: 1. “lạy danh hiệu Bồ-tát”, 2. “lạy danh hiệu Bích-chi”; sau 100 thứ 65 có Phụ lục: 3. “lạy danh hiệu Bồ-tát”; sau 100 thứ 72 có Phụ lục: 4. “nói cách Sám hối”).

Tập III, từ tr. 1205 đến tr. 1786; 100 thứ 74,... đến 100 thứ 111 (sau 100 thứ 74 có Phụ lục: 5 “lạy thêm danh hiệu Bồ-tát”; sau 100 thứ 80, Phụ lục 6 “nói thêm cách sám hối”; sau 100 thứ 109, Phụ lục 7 “lạy thêm danh hiệu Bồ-tát”); Bảng chữ Phạn dịch âm nơi các danh hiệu Phật và Bồ-tát mà có kính lạy trong Kinh Vạn Phật này.

786. KINH VẤN-THỪ-SU-LỢI HỎI PHẬT

Hán dịch: *Tam tạng Pháp sư*

Tăng-già-ba-la

Việt dịch: *Tỳ-kheo Thích Thiện Thông*

PL. 2537 – DL. 1993

Kinh dày hơn 183 trang, bìa cứng, nền màu đen, chữ mạ vàng. Nội dung gồm có

17 phẩm: Niệm hương, Tán thán Phật; P.1 Phần tựa, P.2 Giới Bồ-tát, P.3 Chẳng thể nghĩ bàn, P.4 Vô ngã, P.5 Niết-bàn, P.6 Bát-nhã Ba-la-mật, P.7 Tập khí còn lại, P.8 Đến-Đi, P.9 Trung Đạo, P.10 Giới thế gian, P.11 Giới xuất thế gian, P.12 Vượt trên giới thế gian, P.13 Sự thọ giới của Bồ-tát, P.14 Tụ mẫu, P.15 Phân chia Bộ phái, P.16 Hỏi việc linh tinh, P.17 Chúc lụy; Phần Hồi hướng, Bát-nhã Ba-la-mật-đa Tâm Kinh, Bạt Nhứt thiết Nghiệp chương Căn bản Đắc sanh Tịnh độ Đà-lani; Sám Nhứt tâm, Văn Phục nguyện; Phần Chú thích Quyển thượng.

787. KINH VẤN-THỪ-SU-LỢI NÓI VỀ CẢNH GIỚI PHẬT KHÔNG THỂ NGHĨ BÀN

Hán dịch: *Bồ-đề-lưu-chí*;

Việt dịch: *Thích Chánh Lạc*

Tác phẩm Kinh này gồm có 2 quyển: Quyển thượng và Quyển hạ. (<https://phatphapungdung.com>; *Pháp bảo-Kinh tạng*)

788. KINH VỊ TĂNG HỮU - CHÁNH PHÁP

Hán dịch: *Pháp Thiên*

Việt dịch: *Thích nữ Tịnh Nguyên*

Chứng nghĩa:

Tỳ-kheo Thích Đồng Minh (1927-2005)

và *Tỳ-kheo Thích Tâm Hạnh*

Tác phẩm Kinh này có 6 quyển.

(<https://thuvienhoasen.org>,

Kinh Sanskrit/Hán tạng)

789. KINH VỊ TĂNG HỮU THUYẾT NHÂN DUYÊN

(**Nhân Duyên Chư Từ Có Nói**)

Adbhutadharma (A-phù-đà-đạt-ma)

PL. 2506 – DL. 1962

Hán dịch: *Sa-môn Thích Đàm Cảnh*

Việt dịch: *Bồ-tát Đệ tử Tuệ Nhuận*

Kinh dày 137 trang, bìa mềm. Nội dung gồm có: Lời tựa, *Kinh Vị tầng hữu Thuyết nhân duyên*, Quyển trên-Quyển dưới; Giải thích những chữ khó ở Quyển trên-Quyển dưới; Lời bàn Kinh Vị tầng hữu Quyển trên-Quyển dưới; Phụ lục: Tiếng Như Lai, Thân, Khẩu, Nhãn, Giới, Huệ, Ý, Khuyên sớm Giác ngộ, Heo trong lò thịt.

790. KINH VỊ TẦNG HỮU THUYẾT NHÂN DUYÊN

Dịch giả:

HT. Thích Hành Trụ (1904-1984)

Nxb Tôn Giáo, PL. 2558 – DL. 2014

Kinh có khổ 14.5 x 20.5cm, có hơn 156 trang, bìa mềm, tái bản lần thứ sáu. Tác phẩm Kinh này gồm có: Tựa, Lời nói đầu, Kinh Vị Tầng Hữu Thuyết Nhân Duyên: Quyển trước, - Phần thông tự, - Phần chánh tông; Quyển sau, - Phần lưu thông, Lời phụ.

Tác phẩm này được tái bản nhiều lần: Năm 1950, Tăng-già Tự (Khánh Hội-Sài Gòn) xuất bản, với nhan đề “Vị Tầng Hữu Thuyết Nhân Duyên Kinh”, dịch giả Lê Phước Bình (tức HT. Hành Trụ); năm 1962, Sa-môn Thích Đăng Quang tổ chức ấn tống tại Sài Gòn, và cùng năm này Như Lai Tự (Nam Vang) cũng ấn tống Kinh này; năm PL. 2510 – DL. 1966, Sa-môn Thích Đăng Quang-Trụ trì chùa Hải Tuệ (Sài Gòn) tổ chức ấn tống, dịch giả Lê Phước Bình; năm 1993, THPG Tp. Hồ Chí Minh ấn hành; năm 2011, Nxb Tôn Giáo.

791. KINH VIÊN GIÁC

Dịch giả: *Thích Trí Hữu (1912-1975)*

Ấn hành năm 1953, khổ 16 x 24cm, có 202 trang, bìa mềm. Nội dung Kinh này nói về 12 Bồ-tát hỏi Đức Phật, “trước hết là ngài Văn Thù thưa hỏi như địa pháp hạnh của chư Phật tu hành chứng Viên giác, để tất cả mọi người hiện tại cũng như

về sau y như địa này mà thật hành, tức tín giải làm căn bản. Sau 10 Ngài hỏi đáp y giải tu hành đến chứng quả.”

Tác phẩm Kinh này tái bản năm PL. 2518 – DL. 1974, với nhan đề “Kinh Đại Phương Quảng Viên Giác Tu-đa-la Liễu Nghĩa”.

792. KINH VIÊN GIÁC

Giảng giải: *Đại sư Thái Hu (1889-1947)*

Việt dịch:

HT. Thích Trung Quán (1918-2003)

In tại Nhà in Hưng Long (Sài Gòn), Giấy phép số 1170/TXB ngày 3-9-1956.

Kinh này có 188 trang, bìa mềm. Nội dung gồm 12 chương: Lời giới thiệu, Phiên dịch, *Kinh Viên Giác* thích Kinh, Chính thuyết phần, 1. Văn-thù chương, 2. Phổ Hiền chương, 3. Phổ Nhân chương, 4. Kim Cương tạng chương, 5. Di-lặc chương, 6. Thanh tịnh Tuệ chương, 7. Uy đức Tự tại chương, 8. Biện Âm chương, 9. Tịnh chư Nghiệp chướng chương, 10. Phổ giác chương, 11. Viên giác; Lưu thông phần, 12. Hiền Thiện Thủ chương (ở mỗi chương chia làm nhiều đoạn, ở mỗi đoạn có: phiên âm, dịch nghĩa và giảng văn).

793. KINH VIÊN GIÁC

Hán dịch: *Phật-đa-đa-la*

Việt dịch:

Tỳ-kheo Thích Duy Lực (1923-2000)

Từ Ân Thiên đường, California Hoa Kỳ xuất bản – 1991

Kinh này về sau được tái bản tại Việt Nam, Nxb Tôn Giáo.

794. KINH VIÊN GIÁC

Dịch giả:

HT. Thích Trí Quang (1923-2019)

Nxb Tp. Hồ Chí Minh – 1994

Tác phẩm Kinh này gồm có 12 chương: Lời nói đầu (1986); C.1 Văn-thù, C.2 Phổ

Hiền, C.3 Phổ Nhân, C.4 Kim Cang Tạng, C.5 Di Lạc, C.6 Thanh Tịnh Tuệ, C.7 Uy Đức Tự Tại, C.8 Biện Âm, C.9 Tịnh chư Nghiệp chướng, C.10 Phổ Giác, C.11 Viên Giác, C.12 Hiền Thiện Thủ.

Năm 1980, tác phẩm “Viên Giác - Thái Hư Đại sư, Trí Quang dịch và giải” (bản đánh máy, Lưu hành nội bộ; Bản lưu tại Thư viện Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam tại Tp. Hồ Chí Minh; Mã sách: Vie 6630)

795. KINH VIÊN GIÁC

Giáo án Học viện Phật giáo Việt Nam Việt dịch và chú thích:

Thích Thanh Kiểm (1921-2000)

Nxb Tôn Giáo, PL. 2546 – DL. 2002

Kinh có khổ 14.5 x 20.5cm, có 91 trang, bìa mềm, chữ tựa màu vàng và đỏ, có hình ngôi bảo tháp. Kinh này gồm có 12 chương: Tóm tắt Giải thích đề mục Kinh, Phần Tự phận, Phần Chính tông; C.1 Văn-thù, C.2 Phổ Hiền, C.3 Phổ Nhân, C.4 Kim Cang Tạng, C.5 Di-lặc, C.6 Thanh tịnh Tuệ, C.7 Uy đức Tự tại, C.8 Biện âm, C.9 Tịnh chư nghiệp chướng, C.10 Phổ giác, C.11 Viên giác, C.12 Hiền thiện thủ.

Tác phẩm Kinh này đã xuất bản năm 1999, Nxb Tp. Hồ Chí Minh.

796. KINH VIÊN GIÁC

Việt dịch: *Thích Huyền Vi (1926-2005)*

PL. 2541 – DL. 1997. Toàn bộ tác phẩm Kinh này gồm có 2 quyển: Bài tựa, Quyển thượng và Quyển hạ, Ý kiến giải Kinh Viên Giác. (<https://quangduc.com>, *Kinh-Hán tạng*)

797. KINH VIÊN GIÁC giảng giải

Dịch và giảng: *Thích Thanh Từ*

Nxb Tôn Giáo, PL. 2545 – DL. 2001

Kinh có khổ 14.5 x 20.5cm, dày 293 trang, bìa mềm. Kinh Viên Giác gồm có 12

chương: 1. Bồ-tát Văn Thù, 2. Bồ-tát Phổ Hiền, 3. Bồ-tát Phổ Nhân, 4. Bồ-tát Kim Cang Tạng, 5. Bồ-tát Di Lạc, 6. Bồ-tát Thanh Tịnh Tuệ, 7. Bồ-tát Oai Đức Tự Tại, 8. Bồ-tát Biện Âm, 9. Bồ-tát Tịnh Chư Nghiệp Chướng, 10. Bồ-tát Phổ Giác, 11. Bồ-tát Viên Giác, 12. Bồ-tát Hiền Thiện Thủ.

Tác phẩm Kinh này được tái bản nhiều lần: Năm 2008, 2011, Nxb Tôn Giáo.

798. KINH VIÊN GIÁC

giảng giải – 2 Tập

Viện Nghiên Cứu Phật Học Việt Nam

Giảng giải: *Thích Nhật Quang*

Nxb Hồng Đức – 2019

Kinh có khổ 14.5 x 20.5cm, tổng cộng 2 tập dày hơn 644 trang, bìa mềm.

Tập I, dày hơn 307 trang. Nội dung gồm có 6 chương: Mở đầu; Kinh Viên Giác giảng giải, C.I Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi thưa hỏi, C.II Bồ-tát Phổ Hiền thưa hỏi, C.III Bồ-tát Phổ Nhân thưa hỏi, C.IV Bồ-tát Kim Cang Tạng thưa hỏi, C.V Bồ-tát Di-lặc thưa hỏi, C.VI Bồ-tát Thanh Tịnh Huệ thưa hỏi;

Tập II, dày hơn 337 trang. Nội dung gồm có 6 chương (tt): C.VII Bồ-tát Oai Đức Tự Tại thưa hỏi, C.VIII Bồ-tát Biện Âm thưa hỏi, C.IX Bồ-tát Tịnh Chư Nghiệp Chướng thưa hỏi, C.X Bồ-tát Phổ Giác thưa hỏi, C.XI Bồ-tát Viên Giác thưa hỏi, C.XII Bồ-tát Hiền Thiện Thủ thưa hỏi.

799. KINH VIÊN GIÁC - Kinh Tụng

PL. 2514 – DL. 1970

(Phật tử Mỹ Tho ấn tụng)

Nội dung gồm có 3 phần, 12 chương: Nghi thức Trì tụng, Kinh Viên Giác, A. Phần tự; B. Phần Chánh tông, C.1 Văn-thù, C.2 Phổ Hiền, C.3 Phổ Nhân, C.4 Kim Cang Tạng, C.5 Di-lặc Bồ-tát, C.6 Thanh Tịnh Huệ, C.7 Oai Đức Tự Tại, C.8 Biện Âm, C.9

Tịnh chú Nghiệp chương, C.10 Phổ Giác, C.11 Viên Giác; C. Phần Lưu thông, C.12 Hiền Thiện Thủ; Bồ khuyết Ma-ha Bát-nhã Ba-la-mật-đa Tâm Kinh, Bạt nhứt thiết Nghiệp chương Căn bản đắc sanh Tịnh độ Đà-la-ni, Tán Phật, Hồi hướng, Tam Quy y; Phụ lục: Giới, Nhẫn, Heo trong lò thịt, Huệ.

800. KINH VIÊN GIÁC lược giải

Việt dịch và lược giải:

Thích Thiện Hoa (1918-1973)

Nxb Hương Đạo – 1959

Tác phẩm Kinh này có 190 trang, bìa mềm. Tác phẩm Kinh này gồm có 12 bài (B), 12 chương: Thay lời tựa, Lời dịch tác giả; Kinh Viên Giác (Phiên dịch và lược giải): B.1 C. Văn-thù, B.2 C. Phổ Hiền, B.3 C. Phổ Nhẫn, B.4 C. Kim Cang Tạng, B.5 C. Di-lặc Bồ-tát, B.6 C. Thanh Tịnh Huệ, B.7 C. Oai Đức Tự Tại, B.8 C. Biện Âm, B.9 C. Tịnh chú Nghiệp chương, C.10 C. Phổ Giác, B.11 C. Viên Giác, B.12 C. Hiền Thiện Thủ.

Tác phẩm Kinh này tái bản nhiều lần: Năm 1971, Hương Đạo xuất bản; năm 1992, THPG Tp. Hồ Chí Minh ấn hành.

801. KINH VIÊN GIÁC Luận Giảng

Luận giảng: *Thích Thông Huệ*

Nxb Tôn Giáo – 2006. Toàn bộ tác phẩm này gồm có 12 chương chính: - Lời nói đầu, - Phần chứng tín; 1.C Văn-thù, 2.C Phổ Hiền, 3.C Phổ Nhẫn, 4.C Kim Cang Tạng, 5.C Di-lặc, 6.C Thanh Tịnh Huệ, 7.C Oai Đức Tự Tại, 8.C Biện Âm, 9.C Tịnh chú nghiệp chương, 10.C Phổ Giác, 11. Viên Giác, 12.C Hiền Thiện Thủ; Kết luận.

802. KINH VIÊN GIÁC Lược Giảng

Hán dịch: *Sa-môn Phật-đà-đa-la*

Lược giảng: *Đương Đạo*

Thiện Tri Thức – 2015. Nội dung tác phẩm gồm có: 1. Phần mở đầu, 2. Các vị Bồ-tát trong pháp hội, 3. Chương Bồ-tát Văn-thù, 4. Chương Bồ-tát Phổ Hiền, 5. Chương Bồ-tát Phổ Nhẫn, 6. Chương Bồ-tát Kim Cang Tạng.

(<https://thuvienhoasen.org>, Kinh-Giảng giải kinh)

803. KINH VÔ CẦU XUNG

Hán dịch: *Tam tạng Pháp sư*

Huyền Trang (602-664)

Việt dịch: *Thích nữ Tịnh Nguyên*

Toàn bộ tác phẩm Kinh này gồm có 6 quyển, 13 phẩm: Q.I, 1.P Tựa, 2.P Hiền bày phương tiện thiện xảo bất khả tư nghì; Q.II, 3.P Thanh văn, 4.P Bồ-tát; Q.III, 5.P Thăm bệnh, 6.P Bất tư nghì; Q.IV, 7.P Hữu tình, 8.P Bồ-đề phần, 9.P Pháp môn Bất nhị; Q.V, 10.P Hương đài Phật, 11.P Bồ-tát hạnh; Q.VI, 12.P Quán Như Lai, 13.P Cúng dường pháp. *(<https://phatphapungdung.com>; Pháp bảo-Bộ Kinh tập)*

804. KINH VÔ LƯỢNG NGHĨA

Hán dịch: *Tam tạng Pháp sư*

Đàm-ma-già-đà-da-xá

Các bản Việt dịch: 1. Đoàn Trung Còn-Nguyễn Minh Tiến; 2. Hạnh Cơ; 3. Nguyên Thuận

Toàn bộ tác phẩm Kinh này gồm có 3 phẩm: - Giới thiệu (PL. 2549 – DL. 2006); P.1 Đức hạnh, P.2 Thuyết pháp, P.3 Mười công đức; Chú thích; Sutra of Immeasurable Meaning, Translated by: Rulu; The Sutra of Innumerable Meanings, Translated by: Biona *(<https://phatphapungdung.com>; Pháp bảo-Bộ Pháp Hoa)*

805. KINH VÔ LƯỢNG NGHĨA

Hán dịch: *Đàm-ma-già-đà Gia-xá*

Việt dịch: *HT. Mật Thế (1912-1961)*

Tác phẩm Kinh này có 35 trang, bìa mềm.

Nội dung gồm có: - Lời giới thiệu (PL. 2513 – DL. 1969); - Kinh Vô Lượng Nghĩa.

Tác phẩm Kinh này tái bản năm 2007, Nxb Văn Hóa Sài Gòn, với nhan đề: Kinh Vô Lượng Nghĩa & Xuân Đạo Lý, dày 172 trang.

806. KINH VÔ LƯỢNG NGHĨA

Việt dịch: *Tỳ-kheo Hải Tịnh*

Việt Nam Phật Học Hội Xuất bản

PL. 2513 – DL. 1969

Phật Học Đường Trung-Việt Phát hành

Kinh có 54 trang, bìa mềm. Nội dung sơ lược gồm có: Lời giới thiệu; *Kinh Vô Lượng Nghĩa*, Hán dịch: Tam tạng Đàm-ma-già-đà-gia-xá dịch.

807. KINH VÔ LƯỢNG THỌ

Hán dịch: *Pháp sư Khang Tăng Khải*

Việt dịch: *Sa-môn HT. Thích Tuệ Đăng*

Nxb Tôn Giáo, PL. 2552 – DL. 2008

Kinh có khổ 15.5 x 23cm, dày 166 trang, (tái bản lần thứ ba). Nội dung gồm có: Nghi thức lễ tụng, *Phật nói kinh Vô Lượng Thọ*, Quyển thượng và Quyển hạ; Kinh Tâm yếu Bát-nhã Ba-la-mật-đa, Sám hối và hồi hướng, Bài niệm Phật của Đại Thế Chí Bồ-tát và Lời bạt.

Tác phẩm Kinh này được tái bản nhiều lần: Năm 1992, 1995, THPG Tp. Hồ Chí Minh ấn hành; năm 1999, Nxb Tp. Hồ Chí Minh; năm 1998, Tịnh thất Viên Âm (California-Hoa Kỳ) ấn hành; năm 1999, 2003, 2006, 2010, Nxb Tôn Giáo. (<https://thuvienhuequang.vn>)

808. KINH VÔ LƯỢNG THỌ

Việt dịch: *HT. Thích Chân Thường*

Nxb Hồng Đức – 2014

Kinh có khổ 14.5 x 20.5cm, dày hơn 205 trang, bìa mềm, nền đỏ, chữ tựa màu vàng, có hình Phật tọa thiền. Nội dung gồm có: Pháp môn niệm Phật, Phật thuyết Kinh Vô Lượng Thọ, Hương tán, Kệ khai Kinh, *Phật thuyết Kinh Vô Lượng Thọ*, Quyển thượng-Quyển hạ, Bát-nhã Ba-la-mật-đa Tâm Kinh, Văn Phát nguyện.

809. KINH VÔ LƯỢNG THỌ - Suktavativynha-sùtra

Hán dịch: *Khương Tăng Khải*

Việt dịch: *Thích Giác Chính*

Hiệu đính: *Thích Nguyên Chơn*

Nxb Tôn Giáo – 2008. Kinh có khổ 14.5 x 20.5cm, dày 259 trang, gồm có 2 quyển (Thượng và Hạ).

810. KINH VÔ LƯỢNG THỌ DIỆT TỘI**HỘ CHƯ ĐỒNG TỬ ĐÀ-LA-NI**

Hán dịch: *Tam tạng Sa-môn Phật-đà-bà-ly*

Việt dịch: *Thích Thiện Thông*

Nxb Tôn Giáo, PL. 2540 – DL. 1996

Xem: Kinh Trường thọ Diệt tội Hộ Chư Đồng Tử Đà-la-ni do Thích Thiện Thông dịch

811. KINH VÔ LƯỢNG THỌ - NHƯ LAI và QUÁN VÔ LƯỢNG THỌ PHẬT

Việt dịch:

HT. Thích Trí Tịnh (1917-2014)

Nxb Tôn Giáo – 2005

Kinh Vô lượng thọ Như Lai do Pháp sư Khương Tăng Khải dịch sang Hán ngữ vào thời Tào Ngụy; *Kinh Quán Vô Lượng Thọ Phật* do Tam tạng Cương Lương Gia Xá dịch sang Hán ngữ vào thời Lưu Tống.

Tác phẩm Kinh này tái bản năm 2021, Nxb Đà Nẵng, với nhan đề “Kinh Vô Lượng Thọ Như Lai”, khổ 15 x 23cm, dày 178 trang, bìa mềm, nền vàng, chữ tựa Kinh mạ vàng.

812. KINH VÔ LƯỢNG THỌ

Yếu Giải – Quyển 1

(Phật Thuyết Đại Thừa Vô Lượng Thọ Trang Nghiêm Thanh Tịnh Bình Đẳng Giác Kinh)

Yếu giải: *HT. Tịnh Không và Cư sĩ Hoàng Niệm Tổ*

Nxb Phương Đông – 2009

Kinh có khổ 19 x 26cm, dày hơn 742 trang.

Nội dung gồm có 7 phẩm: Lời giới thiệu, Lời nói đầu, Khái yếu, Pháp hội Thánh chúng, Dịch-giải, Pháp hội Thánh chúng đệ nhất, Đức Tôn Phổ Hiền đệ nhị, Đức Tôn Phổ P.2, Đại giáo Duyên khởi đệ tam, Duyên khởi Đại giáo P.3, Pháp Tạng nhân địa đệ tứ, Nhân Địa Pháp Tạng P.4, Chí Tâm tinh tấn đệ ngũ, Chí Tâm tinh tấn P.5, Dịch-giải, Phát Đại thệ nguyện đệ lục, Phát Đại thệ nguyện P.6, Tất thành Chánh giác đệ thất, Quyển thành Chánh giác P.7 (sau mỗi phẩm có phần Dịch và Giải).

813. KINH VÔ NGÃ TƯỞNG (Anattalakkhana Sutta)

Thiền sư Mahasi Sayadaw (1904-1982)

Việt dịch: *Phạm Kim Khánh*

Tác phẩm Kinh này gồm có 9 phần: - Lời tựa và Lời nói đầu; 1. Thân, 2. Thọ, 3. Tưởng và Hành, 4. Thức, 5. Thấy Vô ngã, 6. Phân tách đặc tánh Vô thường, 7. Mười một phương thức phân tách Ngũ uân, 8. Thuần hóa Tuệ minh sát, 9. Thuật ngữ. (<https://thuvienhoasen.org>, *Kinh Pali*)

814. KINH VU LAN

Soạn giả: *HT. Thích Trí Quảng*

Nội dung tác phẩm Kinh này gồm có: Nguyên hương, Tán Phật, Lễ Phật, Tán dương chi, Tiêu tai Kiệt tường Thần chú, Tán hương, Khai Kinh; Phật thuyết Kinh Vu Lan bồn; Sám Vu Lan, Phục nguyện, Tam quy. (<https://phatphapungdung.com>; *Pháp bảo-Kinh tạng Bắc truyền*)

815. KINH VU LAN

Tỳ-kheo Ni Hải Triều Âm

Nxb Tôn Giáo, PL. 2563 – DL. 2019

Kinh có khổ 15.5 x 23.5cm, có 72 trang, bìa mềm. Nội dung gồm có: Thay lời tựa, Nghi thức tụng Kinh Vu Lan; Phật nói Kinh Vu Lan Bồn; Phật nói Kinh Đại Báo Phụ Phụ Mẫu Trọng Ân; Kinh Tâm yếu Bát-nhã Ba-la-mật-đa, Chú Vãng sanh, Sám Mực-Liên, Hồi hương, Tam Quy y.

816. KINH VU LAN BÁO AN

Việt dịch: *Trưởng lão -*

Tỳ-kheo Trí Quang (1923-2019)

Nxb Hồng Đức, PL. 2561 – DL. 2017

Kinh dày hơn 89 trang, bìa mềm. Nội dung gồm có: Tựa, Mục lục, Kinh Vu Lan, Kinh Báo Ân Cha Mẹ, Phẩm Báo Ân.

817. KINH VU LAN BÁO HIẾU

Các dịch giả: *HT. Trí Quang -*

HT. Thích Huệ Đăng

Nxb Tôn Giáo – 2011

Kinh có khổ 15.5 x 23cm, có 102 trang, bìa mềm.

Nội dung gồm có: Phần khai Kinh; Phần Kinh văn: Kinh Vu Lan Bồn (Bản văn xuôi), Kinh Vu Lan Bồn (Bản văn vần), Kinh Báo Ân Cha Mẹ (Bản văn xuôi), Kinh Báo Ân Cha Mẹ (Bản văn vần); Phần Hồi hương: Bát-nhã Tâm Kinh, Sám Vu Lan, Sám Mực Liên; Phụ lục: Ý nghĩa lễ Vu Lan.

818. KINH VU LAN BỒN

Dịch-giải: *Thích Trí Quang (1923-2019)*
Trí Quang, Nhật Thiện, Hoàng Văn Lộc
và nhân viên Nhà in Sen Vàng (Chợ Lớn)
ấn tống, PL. 2515 – DL. 1971, khổ 13 x
19cm, có 147 trang, bìa mềm.

Tác phẩm kinh này gồm có 3 phần: Phần
tụng dịch âm, Phần tụng dịch nghĩa, Phần
phụ chú kinh Vu Lan bồn (1. Giải thích
nhan đề Vu Lan bồn, 2. Dịch giả kinh Vu
Lan bồn, 3. Phụ chú kinh văn).

Kinh này được tái bản nhiều lần: Năm PL.
2528 – DL. 1984 (Dịch giả có sửa chữa);
năm 1994, Nxb Tp. Hồ Chí Minh, với nhan
đề “Kinh Vu Lan”; năm 2004, Nxb Tôn
Giáo.

819. KINH VU LAN BỒN **(Phật thuyết Vu Lan Bồn Kinh)**

Hán dịch: *Trúc Pháp Hộ*

Các bản Việt dịch: 1. *Nguyễn Thuận;*
2. *Huyền Thanh;* 3. *Thích Huyền Tôn;*
4. *Ban Phiên dịch Việt ngữ Vạn Phật*
Thánh Thành.

<https://phatphapungdung.com>;
Pháp bảo-Bộ Kinh tập

820. KINH VU LAN BỒN **(Phật thuyết Vu Lan bồn Kinh)**

Đại Chánh Tạng, Kinh số 685, quyển 16
Hán dịch: *Tam tạng Pháp sư Trúc Pháp*
Hộ

Việt dịch (2011): *Cư sĩ Hạnh Cơ*
Kinh này được dịch theo thể ngũ tự (mỗi
câu năm chữ).

<https://quangduc.com>, *Kinh-Hán tạng*

821. KINH VU LAN và BẢO HIỂU **(họa tập)**

Tranh và lời: *Thích nữ Minh Triều*

Nxb Tôn Giáo – 2008

Kinh có khổ 16 x 24cm, có 46 trang, bìa
cứng, chữ tựa màu trắng, có hình Tôn giả
Mục-kiền-liên tay cầm tích trượng và tay
lần chuỗi. Nội dung gồm có: 42 bức tranh,

Lời nói đầu, Phật nói Kinh Vu Lan, Phật
nói Kinh Báo ân Cha Mẹ, Hồi hương.

822. KINH VUA A-XÀ-THẾ **(Phật thuyết A-xà-thế vương Kinh)**

Hán dịch: *Tam tạng Pháp sư*

Chi-lâu-ca-sám

Việt dịch: *Phật tử Phước Thắng*

Chứng nghĩa: *HT. Thích Đồng Minh và*
Phật tử Giác Tuệ

Toàn bộ tác phẩm Kinh này gồm có 2
quyển: Quyển thượng và Quyển hạ.

<https://phatphapungdung.com>; *Pháp bảo-*
Bộ Kinh tập; <https://quangduc.com>, *Kinh-*
Hán tạng

823. KINH XUẤT DIỆU – 2 Tập

Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam

Trung tâm Dịch thuật Hán Nôm -

Huệ Quang

Chủ nhiệm và hiệu đính:

HT. Thích Minh Cảnh

Hán dịch: *Sa-môn Trúc Phật Niệm*

Việt dịch:

Ban Dịch thuật Hán Nôm Huệ Quang

Nxb Hồng Đức – 2014. Kinh có khổ 16 x
24cm, 2 quyển dày hơn 846 trang, bìa
cứng, nền màu đen, chữ tựa Kinh màu
trắng, có hộp đựng. Toàn bộ tác phẩm
Kinh này gồm có 2 tập, 30 quyển, 34
phẩm.

Tập I, dày hơn 447 trang. Nội dung gồm
có 15 quyển, trong đó có 14 phẩm: Lời
giới thiệu, Lời tựa; Q.1, P.1 Vô thường;
Q.2, P.1 Vô thường (tt); Q.3, P.1 Vô
thường (tt); Q.4, P.2 Dục; Q.5, P.3 Ái, P.4
Không Phóng dật; Q.6, P.4 Không Phóng
dật (tt), P.5 Phóng dật; Q.7, P.5 Phóng dật
(tt); Q.8, P.6 Niệm; Q.9, P.7 Giới; Q.10,
P.8 Học, P.9 Phi báng; Q.11, P.9 Phi báng
(tt), P.10 Hạnh; Q.12 P.11 Tín; Q.13 P.12
Sa-môn; Q.14, P.13 Đạo; Q.15 P.14 Lợi
dưỡng;

Tập II, dày hơn 399 trang. Nội dung gồm có 15 quyển, từ P.15 – P.34. Q.16, P.15 Phần nộ; Q.17, P.16 Duy niệm, P.17 Tập; Q.18, P.17 Tập (tt), P.18 Thủy; Q.19, P.19 Hoa, P.20 Ngựa; Q.20, P.21 Giận dữ, P.22 Như Lai; Q.21, P.22 Như Lai (tt), P.23 Văn, P.24 Ngã; Q.22, P.25 Diễn rộng, P.26 Thân cận; Q.23, P.27 Niết-bàn; Q.24, P.28 Quán; Q.25, P.29 Ác hạnh; Q.26, P.30 Song yêu; Q.27, P.31 Lạc; Q.28, P.32 Tâm ý; Q.29, P.33 Sa-môn, P.34 Phạm chí; Q.30, P.34 Phạm chí (tt).

Tác phẩm Kinh này tái bản năm 2015, Nxb Phương Đông, 2 tập, dày 892 trang, khổ 16 x 24cm, bìa cứng, chữ tựa màu trắng, có hộp đựng.

824. KINH 42 BÀI (Tứ Thập Nhị Chương Kinh)

Việt dịch-khảo-chú:

Trí Quang (1923-2019)

Nxb Tp. Hồ Chí Minh – 1994

Kinh có khổ 13 x 19cm, dày 293 trang, bìa mềm, có hình gương mặt đức Bồ-tát. Nội dung gồm có: Dẫn nhập, Dịch nghĩa bản A, Dịch nghĩa bản B, Dịch nghĩa bản chữa, Chính văn bản A, Chính văn bản B, Chính văn bản chữa; Phụ lục: Bản chữ Hán.

KH

825. Khai thị luận

BÁT-NHÃ TÂM KINH

Tác giả: *Sa-môn Thích Huệ Đăng*

Nxb Tôn Giáo – 2014

Sách có khổ 13 x 20.5cm, dày 228 trang, bìa mềm, chữ tựa màu xanh dương và màu vàng, có hình vẽ bàn tay chỉ, có tay gấp. Tác phẩm này gồm có: - Lời nói đầu, - Dẫn nhập; I. Ý nghĩa triết lý Tánh không; II. Giải thích đề Kinh; Kết luận.

826. Khai thị luận

KIM CANG BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT

Tác giả: *Sa-môn Thích Huệ Đăng*

Nxb Tôn Giáo – 2014

Sách có khổ 13 x 20.5cm, có 293 trang, bìa mềm, có tay gấp, chữ tựa màu vàng và đỏ, có hình vẽ bàn tay chỉ. Tác phẩm này gồm có: Dẫn nhập, Giải thích đề Kinh. 1. Dẫn khởi phần, 2. Chánh thuyết phần, 3. Lưu thông truyền bá, Kết luận.

827. Khai thị luận

KINH DIỆU PHÁP LIÊN HOA

Tác giả: *Sa-môn Thích Huệ Đăng*

Nxb Tôn Giáo – 2014

Sách có khổ 13 x 20.5cm, dày 213 trang, bìa mềm, nền màu xám, chữ tựa màu xanh dương và vàng, có hình vẽ bàn tay chỉ, có tay gấp. Nội dung gồm có 28 phẩm: - Lời nói đầu; P.1 Tựa, P.2 Phương tiện, P.3 Thí dụ, P.4 Tín giải, P.5 Dược thảo dụ, P.6 Thọ ký, P.7 Hóa thành dụ, P.8 Ngũ bá Đệ tử thọ ký, P.9 Thọ học vô học nhân ký, P.10 Pháp sư, P.11 Hiện bảo tháp, P.12 Đề-bà-đạt-đa, P.13 Trì, P.14 An lạc hạnh, P.15 Tùng địa dũng xuất, P.16 Như Lai thọ lượng, P.17 Phân biệt công đức, P.18

Tùy hỷ công đức, P.19 Pháp sư công đức, P.20 Thường Bất Khinh Bồ-tát. P.21 Như Lai thân lực, P.22 Chúc lụy, P.23 Dược Vương Bồ-tát bốn sự, P.24 Diệu Âm Bồ-tát, P.25 Quán Thế Âm, P.26 Đà-la-ni, P.27 Diệu Trang Nghiêm vương bốn sự, P.28 Phổ Hiền Bồ-tát; Kết luận.

828. Khai thị luận

KINH DUY-MA-CẬT

Tác giả: *Sa-môn Thích Huệ Đăng*

Nxb Tôn Giáo – 2014

Sách có khổ 13 x 20.5cm, dày 265 trang, bìa mềm, chữ tựa màu xanh dương và đỏ, có hình vẽ bàn tay chỉ, có tay gấp. Nội dung gồm có 14 phẩm: Lời nói đầu, Dẫn nhập; P.1 Phật quốc, P.2 Phương tiện, P.3 Đệ tử Thanh văn, P.4 Bồ-tát, P.5 Văn-thù-sư-lợi, P.6 Bất tư nghi, P.7 Quán chúng sanh, P.8 Phật đạo, P.9 Nhập pháp môn không hai, P.10 Phật Hương Tích, P.11 Hạnh Bồ-tát, P.12 Thấy Phật A-súc, P.13 Pháp cúng dường, P.14 Chúc lụy; Kết luận.

829. Khai thị luận

KINH ĐẠI BẢO TÍCH

- Pháp hội Vô biên Trang nghiêm

Tác giả: *Sa-môn Thích Huệ Đăng*

Nxb Tôn Giáo – 2014

Sách có khổ 13 x 20.5cm, có 285 trang, bìa mềm, chữ tựa có 3 màu: xanh dương, vàng và đen, có hình vẽ bàn tay chỉ, có tay gấp. Nội dung gồm có: Lời nói đầu, Dẫn nhập (1. Giới thiệu khái lược về bộ Kinh Bảo Tích, 2. Yếu tố Mật giáo trong Kinh Đại Bảo Tích, 3. Pháp hội Vô biên trang nghiêm); Chương nội dung: 1. Phẩm Vô thượng Đà-la-ni, 2. Phẩm Xuất ly Đà-la-ni, 3. Phẩm Thanh tịnh Đà-la-ni, 4. Điểm đặc thù của Pháp hội này; Chương Kết luận.

830. Khai thị luận

KINH ĐẠI BẢO TÍCH

- Pháp hội Vô lượng thọ Như Lai

Tác giả: *Sa-môn Thích Huệ Đăng*

Nxb Tôn Giáo – 2014

Sách có khổ 13 x 20.5cm, dày 165 trang, bìa mềm, nền màu xanh dương, chữ tựa màu trắng và màu cam, có hình vẽ bàn tay chỉ, có tay gấp. Nội dung gồm có: Lời nói đầu, Dẫn nhập, Giải thích Đề Kinh, A. Tự Phần, Pháp hội Vô lượng thọ, B. Chánh Tông phần, a. Nhơn duyên phát khởi, b. Phát tâm Quán sát tư duy cõi Phật, c. Phát Đại Thệ nguyện, d. Nhất tâm Tu hành Trang nghiêm Phật độ, e. Viên thành Phật đạo-cõi nước trang nghiêm, f. Quang minh công đức, g. Thọ mạng vô lượng, h. Thánh chúng vô biên, j. Cây báu Đạo tràng thọ trang nghiêm, i. Lôu đài ao báu sắc thân chúng nhơn thiên và thọ dụng, q. Cõi nước trang nghiêm thanh tịnh, k. Thứ bậc vãng sanh, u. Tán thán chơn tâm và nguyện tu để tâm này hiện bày, o. Công đức Bồ-tát, Xưng tán Công đức Phật, Tán thán Chơn tâm-khuyên vãng sanh Tịnh độ, Ngũ ác-ngũ thông-ngũ thiêu và ngũ thiện của cõi Ta-bà, Đức Vô lượng thọ hiện thân, Ân cần dặn dò phải một lòng tín thọ; C. Lưu Thông phần, Kết luận.

831. Khai thị luận

KINH ĐẠI BÁT NIẾT-BÀN

Tác giả: *Sa-môn Thích Huệ Đăng*

Nxb Tôn Giáo – 2014

Sách có khổ 13 x 20.5cm, dày hơn 256 trang. Nội dung gồm có 29 phẩm: Lời nói đầu, Dẫn nhập; P. Tự, P. Thuận-đà, P. Ai thán, P. Trường thọ, P. Kim Cang thân, P. Danh tự công đức, P. Tứ tướng, P. Tứ y, P. Tà chánh, P. Tứ đế, P. Tứ đảo, P. Như Lai tánh, P. Văn tự, P. Điều dụ, P. Nguyệt dụ, P. Bồ-tát, P. Đại chúng sở vấn, P. Hiện bệnh, P. Thánh hạnh, P. Phạm hạnh, P.

Anh nhi hạnh, P. Quang minh Biến chiếu Cao quý đức vương Bồ-tát, P. Sư tử hống Bồ-tát, P. Ca-diếp Bồ-tát, P. Kiều Trần Như, P. Di giáo, P. Ứng tận hoàn nguyên, P. Trà tỳ, P. Cúng dường xá-lợi; Kết luận.

832. Khai thị luận KINH ĐẠI NHẬT

Tác giả: *Sa-môn Thích Huệ Đăng*

Nxb Tôn Giáo – 2014

Sách có khổ 13 x 20.5cm, dày 249 trang, bìa mềm, có tay gấp, nền màu đỏ, chữ tựa màu vàng và xanh dương, có hình vẽ bàn tay chỉ. Nội dung gồm có: Lời nói đầu, Dẫn nhập, Tổng quan; 1. Nhập chân ngôn trụ tâm, 2. Đủ duyên nhập Mạn-đà-la, 3. Tức chướng, 4. Thành tựu thế gian, 5. Xuất hiện Tất-địa, 6. Ứng dụng phương tiện trí, 7. Thành tựu Tất-địa, 8. Hành Mạn-đà-la: Chuyển tự luân, 9. Mật ấn, 10. Tự luân, 11. Bí mật Mạn-đà-la, 12. Pháp nhập bí mật Mạn-đà-la, 13. Cấm giới trì minh, 14. Trí chân thật của bậc A-xà-lê, 15. Tánh Bồ-đề, 16. Nói về Như Lai, 17. Tam-muội vô tướng, 18. Trì tụng thế gian – xuất thế gian, 19. Chúc lụy; Kết luận.

833. Khai thị luận KINH HOA NGHIÊM (Phẩm Nhập Pháp Giới)

Tác giả: *Sa-môn Thích Huệ Đăng*

Nxb Tôn Giáo – 2014

Sách có khổ 13 x 20.5cm, dày 249 trang, bìa mềm, có tay gấp, chữ tựa màu xanh dương và đỏ, có hình vẽ bàn tay chỉ. Toàn bộ tác phẩm này gồm có: Lời nói đầu, Dẫn nhập, Nguồn gốc và lịch sử Kinh Hoa Nghiêm: I. Lịch sử hình thành, II. Thời kỳ đức Phật giảng Kinh Hoa Nghiêm, III. Nơi đức Phật giảng Kinh Hoa Nghiêm, IV. Cảm nghĩ về đức Phật qua Kinh Hoa Nghiêm, V. Nội dung Kinh Hoa Nghiêm, VI. Tóm lược triết lý Kinh Hoa Nghiêm; - Những bước thăng trầm Bồ-tát đạo của ngài Thiện Tài đồng tử theo Kinh Hoa

Nghiêm; - Sự thành tựu của nhập pháp giới; Kết luận.

834. Khai thị luận KINH LĂNG-GIÀ

Tác giả: *Sa-môn Thích Huệ Đăng*

Nxb Tôn Giáo – 2014

Sách có khổ 13 x 20.5cm, dày 156 trang, bìa mềm, nền đỏ, chữ tựa màu xanh dương và vàng, có hình vẽ bàn tay chỉ, có tay gấp. Toàn bộ tác phẩm Luận Kinh này gồm có: Lời nói đầu, Dẫn nhập; I. Nguồn gốc Kinh Lăng-già, II. Triết lý Kinh Lăng-già, III. Một trăm lẻ tám câu hỏi, IV. Lược nói nhân quả tà chánh của tám thức để biểu thị lìa vọng chứng chân, V. Bồ mé cứu cánh của tám thức, phân biệt thức và trí, VI. Chuyển tám thức thành tứ trí và pháp giới trí, VII. Hiện lượng của tự tâm lìa vọng chân thật, VIII. Dụng phân biệt tám thức để tự ngộ, IX. Ba tướng tự giác Thánh trí, X. Đạt được Thánh trí không thể nghĩ bàn, XI. Ý sanh thân; Kết luận.

835. Khai thị luận

KINH THỦ LĂNG NGHIÊM

Tác giả: *Sa-môn Thích Huệ Đăng*

Nxb Tôn Giáo – 2014

Sách có khổ 13 x 20.5cm, dày hơn 343 trang. Tác phẩm này gồm có: Lời nói đầu, Dẫn nhập, Nội dung, Kết luận.

836. Khai thị luận KINH VIÊN GIÁC

Tác giả: *Sa-môn Thích Huệ Đăng*

Nxb Tôn Giáo – 2014

Sách có khổ 13 x 20.5cm, dày 276 trang, bìa mềm, nền màu hồng, chữ tựa màu đỏ và nâu, có hình vẽ bàn tay chỉ, có tay gấp. Nội dung gồm có 12 chương: - Lời nói đầu, - Dẫn nhập; C.1 Văn-thù Bồ-tát, C.2 Phổ Hiền Bồ-tát, C.3 Phổ Nhãn Bồ-tát, C.4 Kim Cang tạng Bồ-tát, C.5 Di-lặc Bồ-tát, C.6 Thanh Tịnh Huệ Bồ-tát, C.7 Oai đức Tự tại, C.8 Biện Âm Bồ-tát, C.9 Tịnh

Chư Nghiệp Chướng Bồ-tát, C.10 Phổ Giác Bồ-tát, C.11 Viên Giác Bồ-tát, C.12 Hiền Thiện Thủ Bồ-tát; Kết luận.

837. Khai thị luận

PHÁP BẢO ĐÀN KINH

Tác giả: *Sa-môn Thích Huệ Đăng*

Nxb Tôn Giáo – 2014

Sách có khổ 13 x 20.5cm, dày 263 trang, bìa mềm, có tay gấp, chữ tựa màu xanh dương và đỏ, có hình vẽ bàn tay chỉ. Toàn bộ tác phẩm này gồm có 10 phẩm: - Lời nói đầu, - Dẫn nhập, - Bài tựa; Pháp bảo đàn Kinh lược tự: P.1 Hành do, P.2 Bát-nhã (trí tuệ), P.3 Nghi vấn, P.4 Định huệ, P.5 Tọa thiền, P.6 Sám hối, P.7 Cơ duyên, P.8 Đốn tiệm, P.9 Hộ pháp, P.10 Phó chúc; Kết luận.

838. Khái Luận Triết Lý

KINH HOA NGHIÊM

Tác giả: *Thích Đức Nhuận*

Viện Triết lý Việt Nam & Triết học Thế giới (California, USA) xuất bản - 2000

Tác phẩm này gồm có 3 phần: Khai từ; Phần 1. Nội dung triết lý Kinh Hoa Nghiêm; Phần 2. Giới thiệu Bồ-tát đạo hay con đường lý tưởng; Phần 3. Kết luận. (<https://thuvienhoasen.org>, *Kinh-Giảng giải Kinh*)

839. KHÓA HƯ KINH Dịch Nghĩa

Tác giả: *Trần Thái tôn Hoàng đế*

Biên tập: *Thiền Chửu (1902-1954)*

Nhà in Hòa Ký (Hà Nội) xuất bản – 1934 (in lần thứ nhất)

Sách dày 125 trang, bìa mềm. Nội dung gồm có: Vài lời của Nhà xuất bản, Thay lời tựa, “Khóa Hư diễn nghĩa” Bài tựa khắc Kinh, Lược chuyện vua Trần Nhân Tôn, Lời mở đầu, Thể lệ dịch Kinh, *Thái tôn Hoàng đế Ngự chế Khóa Hư tập*, Quyển thượng: Tựa, âm, Nhất sơn, Nhị

son, Tam sơn, Tứ sơn, Phổ khuyến Phát tâm Bồ-đề; Quyển trung: âm, Khải bạch; Quyển hạ, âm; Khóa Hư diễn nghĩa, Quyển thượng, nghĩa: Từng núi thứ nhất, Từng núi thứ hai, Từng núi thứ ba, Từng núi thứ tư, Nói về Sắc thân, Khuyến khắp mọi người mở lòng Bồ-đề, Lược giải những tích khó trong Kinh, Khóa Hư diễn nghĩa, Quyển trung, nghĩa, Tâu bạch; Khóa Hư diễn nghĩa, Quyển hạ, nghĩa.

Tác phẩm này tái bản năm 1961, Nxb Hưng Long, với tựa “Khóa Hư Kinh – Thái Tôn Hoàng Đế ngự chế”, khổ 14.5 x 20.5cm, dày 128 trang, bìa mềm; Thư viện Huệ Quang (Tp. Hồ Chí Minh) ảnh ấn năm 2016.

840. Khóa tụng Hằng Ngày

KINH PHẬT THUYẾT A-DI-ĐÀ

Việt dịch: *Bồ-tát giới Đệ tử Tuệ Nhuận*

Hội Phật Tử Việt Nam xuất bản – 1948

In tại Nhà in Minsang (Hà Nội)

Sách có 82 trang, bìa mềm. Nội dung gồm có: Lời tựa Kinh Phật thuyết A-di-đà, Khóa lễ A-di-đà, (Bài Dâng hương, Bài Tán Phật,...), *Kinh Phật thuyết A-di-đà* hay là Kinh Phật Tán thán Công đức Vô lượng, Chú Vãng sanh, Kinh Tâm yếu nói về phép Bát-lạc-nhã Ba-la-mật-đa (Prajna Paramita), Bài niệm Phật của ngài Đại Thế Chí Bồ-tát (trong Kinh Thủ Lăng Nghiêm), Bài Niệm Phật, Lễ Tổng, Lễ Phát nguyện, Giải thích những từ khó trong khóa lễ Phật A-di-đà, Giải thích những chữ và nghĩa khó trong Kinh Phật thuyết A-di-đà.

(Bản Kinh lưu tại Thư viện chùa Xá Lợi, Q.3, Tp. Hồ Chí Minh; Mã sách: KT. 072)

L

841. LĂNG-CA KINH (tức KINH LĂNG-GIÀ)

Trích giảng:

Trần Trọng Kim (1882-1953)

Tủ sách Phật học Tân Việt – Nhà in Tân Văn Hóa tổng phát hành – 1964

Sách có 33 trang, bìa mềm. Nội dung gồm có *Lăng-ca-a-bạt-đa-la Bảo Kinh (Lankavatara sutra)*, gọi tắt là Lăng-ca Kinh (có chú thích).

Tác phẩm này được Thư viện Huệ Quang-Trung tâm Dịch thuật Hán Nôm Huệ Quang ảnh ấn năm 2016.

842. LĂNG-GIÀ Bút Ký – 2 Tập

Dại sư Hám Sơn

Việt dịch: *Như Đức*

Nxb Phương Đông – 2015. Sách có khổ 14.5 x 20.5cm, 2 tập dày hơn 724 trang, bìa mềm, chữ tựa màu đỏ.

Tập I, dày hơn 405 trang. Nội dung gồm có: A.1 Phần Tự, A.2 Phần Chánh tông, B.1 Trục chỉ Nhất tâm Chân như để chỉ ba cõi Duy tâm, C.1 Hỏi 108 câu, C.2 Đáp, D.1 Lặp lại, D.2 Đáp, B.2 Chỉ bày Nhất tâm sanh diệt để hiển vạn pháp Duy thức, C.1 Nói rõ nhân căn cứ của chân-vọng chỉ rộng tám thức để hiển tướng nhân duyên sanh diệt, D.1 Lược nói Duy thức để phân biệt tà chánh, E.1 Rõ chân Duy thức để biện biệt tông tà, G.1 Hiển chân Duy thức, G.2 Dự phá Nhị kiến, G.3 Biện tà tông, E.2 Nêu bảy thứ Thánh nghĩa để biện biệt tà kiến, G.1 Nêu chánh nghĩa, G.2 Trách lỗi ngoại đạo, E.3 Chánh thức trình bày nhân tà để nêu nhân chánh, G.1 Trình bày nhân tà, G.2 Nêu nhân chánh, D.2 Nói rộng tám thức để chỉ tướng thức trí, E.1

Tướng tám thức, E.2 Tướng ba trí, C.2 Thuyết minh phản vọng quy chân đứng về Năm pháp, Ba tự tánh, Hai vô ngã để biện biệt tướng nhân ngã tà chánh, D.1 Lựa riêng tà chánh chỉ thẳng tướng lý hạnh nhân quả Nhất thừa, E.1 Biện minh nhân địa tâm, G.1 Phá tà hiển chánh để chỉ chân lý thường trụ, H.1 Đứng về ba môn, phá nhân tà hiển nhân chánh, I.1 Rõ Năm pháp, K.1 Phá danh tướng vọng tưởng, K.2 Hiển Chánh trí Như như, L.1 Hiển Chánh trí, L.2 Hiển Như như, K.3 Phá hai thứ tà nhân, L.1 Đứng về tà nhân Nhị thừa để nêu chánh nhân, L.2 Đem Chánh trí chánh nhân để phá ngoại đạo tà nhân, K.4 Cừ quả nghiệm nhân, L.1 Phá kiến chấp về Diệt của Nhị thừa, L.2 Phá kiến chấp về Sanh của ngoại đạo, K.5 Xét quả biết nhân, K.6 Chỉ nhân quả nhất như, I.2 Nói Ba tự tánh, I.3 Nói Hai vô ngã, I.4 Phá hai kiến chấp có không để hiển lia lỗi dứt quấy, I.5 Giải thích về kiến lập, H.2 Đứng về Nhất tâm phá vọng chấp để hiển chân lý, I.1 Nói về tịch diệt Nhất tâm, I.2 Chỉ Như Lai tạng tánh, G.1 Căn cứ vào lý mà khám định để biện rõ hai hạnh chánh tà, H.1 Chỉ chung về phương diện chánh hạnh, I.1 Trí năng quán, I.2 Chỉ ra mê hoặc bị phá, K.1 Nói rõ duyên sanh vô tánh để phá Y tha khởi, K.2 Nói vọng tưởng vô tánh để phá Chấp biến kế, I.3 Hiển lý Viên thành, I.4 Hiển bày lia lỗi dứt quấy, H.2 Lược chỉ nhân quả tà chánh, I.1 Sơ lược hai thứ nhân tà và chánh, K.1 Chỉ tà nhân ngoại đạo và Nhị thừa, K.2 Chánh nhân của Tam thừa, I.2 Lược nói về quả tướng của tà chánh không giống, I.3 Lược chỉ cách chuyển Hai tánh, I.4 Nêu bày hai cảm ứng, H.3 Giải thích rộng về tướng sai biệt của nhân quả tà chánh, I.1 Giải thích rộng về Ba thứ thiên để hiển bày tướng nhân quả sai biệt của Ba thừa, K.1 Nói về nhân sai biệt, L.1 Giải thích

Ngũ phu sở hành thiên, M.1 Ngoại đạo tà thiên, N.2 Biện vọng tướng vô tánh để phá tự tánh tướng, O.1 Nói rõ vọng cảnh chân thường để phá đoạn kiến, O.2 Nói rõ pháp vốn là một, do căn cơ thấy mỗi mỗi khác nhau để phá thường kiến, O.3 Nói rõ tâm-cảnh như như để phá kiến chấp một-khác, O.4 Nói duyên sanh như huyễn để phá kiến chấp có-không, O.5 Nói rõ sanh vốn tự vô sanh để phá kiến chấp sanh nhân, O.6 Nói rõ ngôn thuyết vô tánh để phá tập khí danh ngôn, O.7 Nói rõ danh ngôn cùng dứt để vọng ngôn mặc chứng, M.2 Thiền định thiên lệch của Nhị thừa, L.2 Quán sát nghĩa thiền, L.3 Giải thích phan duyên như thiền, M.1 Quán tứ đại như, M.2 Quán ngũ ấm như, M.3 Chỉ chánh quán, K.2 Rộng biện về nhân quả không đồng, L.1 Nêu lên quả tà, L.2 Nêu lên quả chánh, I.2 Giải thích Như Lai thiền dụng hội Năm pháp vọng tướng-như như để hiển tướng nhân quả bình đẳng, K.1 Tức vọng tức chân để hiển nhân bình đẳng, K.2 Tức tâm tức cảnh để hiển quả bình đẳng, L.1 Tức tâm, L.2 Tức cảnh;

Tập II, dày hơn 319 trang. Nội dung gồm có: H.1 Nêu quả nghiệm nhân, để hiển thị tướng chân thật của Nhất thừa, I.1 Nêu tướng chân quả Ý sanh thân, I.2 Nêu ra Ngũ vô gián hạnh để biện tướng chân nhân, I.3 Biện biệt quả địa giác, G.1 Nói Ba thân để hiển đức thường của Pháp thân, H.1 Nêu chung trí giác của Phật, H.2 Hiển hai thân báo và hóa, H.3 Hiển pháp thân thường trụ, G.2 Phá nhị kiến để hiển Niết-bàn lia lỗi, G.3 Nêu nhị thông để rõ quả hải lia ngôn, D.2 Y cứ vào lý hạnh ở trước, chỉ thẳng tướng nhân quả của đoạn chứng, E.1 Hiển bày nhân của hạnh, H.1 Nói vọng tướng không thật để phá ngã chấp, đoạn phiền não chướng, H.2 Nói ngôn thuyết Tánh không để phá pháp chấp dứt trừ Sở tri chướng, I.1 Nói ngôn thuyết gốc

pháp chấp, I.2 Chỉ Trí và Thức là nguồn của buộc và mở, I.3 Tức tướng chuyển biến để rõ sanh diệt vốn chẳng động, I.4 Đoạn tâm tương tục để hiển bày sanh vốn vô sanh, H.3 Dẹp cả hai trí và cảnh để rõ vô trí-vô đắc, I.1 Dẹp cảnh sở quán, K.1 Dẹp cảnh sự, K.2 Dẹp cảnh lý sở quán, I.2 Dẹp trí năng quán, H.4 Quên lời thuận chứng để hiển quả hải lia duyên, G.2 Đầy đủ hạnh lợi tha, H.1 Song kết nhị hành, H.2 Riêng chỉ hạnh lợi tha, E.2 Chánh hiển quả đức của đoạn chứng, G.1 Quả chuyển y Niết-bàn, H.1 Trình bày 21 thứ tông tà, H.2 Chỉ tối thượng Nhất thừa chánh quả, G.2 Quả chuyển y Bồ-đề, tứ đức chia làm 5: H.1 Hiển đức Pháp thân chân ngã, I.1 Hiển Tam đức bí tạng, I.2 Hiển Nhất tâm chân như, K.1 Lia tất cả tướng danh tự, K.2 Lia tướng ngôn thuyết, H.2 Hiển đức chân thường của cứu cánh Niết-bàn, I.2 Chánh hiển chân thường, H.3 Hiển đức Pháp thân chân lạc, H.4 Hiển đức Pháp thân chân tịnh, H.5 Giải thích nghi khuyến tu, C.3 Nói rõ tướng sai biệt rõ ràng Năm pháp, Ba tự tánh, Tám thức, Hai vô ngã, D.1 Nói chung nhân y cứ của mê ngộ, D.2 Hiển riêng bốn môn nhiếp nhập, E.1 Nói chung tướng sai biệt của Năm pháp, G.1 Nói chung pháp sai biệt, G.2 Hiển người trụ như như, E.2 Nói Ba môn nhập Năm pháp, G.1 Nói Ba tự tánh vào Năm pháp, G.2 Nói Tám thức-Hai vô ngã vào Năm pháp, E.3 Nói bốn môn Nhiếp nhập tất cả pháp, E.4 Nói bốn môn thủy quy về Như như để bày chánh quán, E.5 Kết khuyến tu học, C.4 Nói Pháp thân thường trụ để chỉ tướng sanh tử, Niết-bàn bình đẳng, D.1 Nói pháp thân thường trụ, D.2 Nói bình đẳng Như như, C.5 Chỉ Tạng tâm tự tánh để hiển tướng chân vọng sanh diệt bình đẳng, C.6 Nói Lục độ để chỉ tướng Diệu hạnh vô tu, C.7 Rộng phá các nghi, hiện chung Pháp thân lia lỗi, C.8

Đặc biệt chỉ giới bốn chân tu Phật tánh để trình bày chúng sanh-Phật bình đẳng.

843. LĂNG-GIÀ Đại thừa Kinh

Bản dịch từ nguyên bản Sanskrit:

Daisetz Teitaro Suzuki (1870-1966)

Việt dịch:

Tỳ-kheo Thích Chơn Thiện (1942-2016)

và *Cư sĩ Trần Tuấn Mẫn*

Nxb Tp. Hồ Chí Minh – 1998. Kinh có khổ 13 x 19cm, có 589 trang, bìa mềm. Nội dung gồm có 9 chương: Phần đầu là Lời tựa, Dẫn nhập. C.1 Chúa thành Lăng-già, xin được chỉ dạy; C.2 Sự tập hợp tất cả các pháp (có 108 câu hỏi của ngài Mahāmāti (Đại Huệ); C.3 Về vô thường; C.4 Về sự hiểu biết ngay liền (hiện lượng); C.5 Về sự suy diễn về tính chất thường và vô thường của Như Lai tính; C.6 Sự chuyển biến theo từng sát-na; C.7 Về sự biến hóa; C.8 Về sự ăn thịt; C.9 Các mật chú (Đà-la-ni, Dhàranis). Tổng kê.

Tác phẩm Kinh này tái bản nhiều lần: Năm 2004, 2005, Nxb Tôn Giáo.

844. LĂNG NGHIÊM ẢNH HIỆN (Tiểu luận về Kinh Thủ Lăng Nghiêm vương)

Tác giả: *Tịnh Liên Nghiêm Xuân Hồng*

Ban Văn hóa chùa Phật Tổ (905 Orange Ave, Long Beach, CA 90813)

Nội dung tác phẩm này gồm có 6 chương: Lời dẫn, Tựa; C.1 Mystery của tâm thức: cái vô tướng là tối quan hệ vì là nguồn gốc, còn hình tướng là thứ yếu vì là biến hiện – Thuyết quang minh của nhà Phật – Thuyết Sát-na – Lý tương sanh tương duyên; C.2 Biên chân tâm diệu minh-câu hỏi của ngài Phú-lâu-na: Tại sao khởi vọng? – Câu chuyện chàng Diễn-nhã-đạt-đa, - Vô minh bất giác hay niệm mê mờ vô thủy: Tự tâm thủ tự tâm – Mặt trăng thứ 2 – Hư minh, Bóng mờ của diệu tâm; C.3

Tâm là gì? Thức là gì? – Cái vòng huyền hiện của thức biến – chân thức, Hiện thức và thức biến và chuyển thức – Tâm vương và tâm thể - Sắc pháp và bất tương ưng hành pháp, - Căn thức đắm nhiễm lẫn nhau, - Lý trùng trùng huyền khởi tương ưng; C.4 Bí ẩn bộ ba căn trần thức, - Căn là gì? – Trần là gì? – Thức là gì? – Mỗi căn mỗi trần đều dính mắc dung thông khắp pháp giới, và luôn chuyển hiện tương ưng, vì thế Phật dạy rằng: 12 xứ sở chỉ là luống dối, - Khám phá mới Tâm linh học chứng minh lời Kinh xưa, - Thuyết thời gian của Kozyrev; C.5 6 nhập, 12 xứ, 18 giới là để đối trị những kiến chấp gì? – 5 âm là gì? – Tương xứng với 8 thức cùng ngũ trực như thế nào? – Pháp môn chiếu kiến ngũ uẩn giai không, độ nhất thiết khổ ách; C.6 Nói về 7 đại, 7 đại vốn như huyền vô tự tánh, nên Phật đã dùng biện chứng Trung quán thâm về Như Lai tạng chân như nhiệm mầu...7 đại ẩn hiện ra sao?

845. LINH SƠN PHÁP BẢO - ĐẠI TẠNG KINH

Chủ trì dịch: *Sa-môn Thích Tịnh Hạnh*

Hội Văn hóa Giáo dục Linh Sơn Đài Bắc xuất bản năm 2000

Ban Chứng minh: *HT. Thích Phổ Tuệ, HT. Thích Trí Tịnh, HT. Thích Minh Châu, HT. Kim Cương Tử, HT. Giáo sư Thích Quảng Độ, HT. Giáo sư Thích Tuệ Sỹ, HT. Thích Trí Quang, HT. Thích Thiện Siêu, HT. Thích Đồng Minh, HT. Thích Thanh Từ, HT. Thích Đức Thắng, HT. Thích Trí Quang, HT. Thích Phước Sơn, Giáo sư Tiến sĩ Lê Mạnh Thát, Giáo sư Tiến sĩ Lý Kim Hoa (Nguyên Hồng)*

Ban Dịch thuật: *HT. Thích Trí Tịnh, HT. Giáo sư Thích Nguyên Chứng, HT. Thích Đức Thắng, HT. Thích Đồng Minh, HT. Thích Trí Quang, HT. Thích Phước Sơn, HT. Thích Thiện Siêu, HT. Thích Minh*

Cảnh, Giáo sư Tiến sĩ Lý Kim Hoa, Nhà Nghiên cứu Phật học Nguyên Huệ, Nhà Nghiên cứu Lý Việt Dũng, Ni sư Thích nữ Như Lộc, thầy Chánh Tiến, Tâm Hạnh và quý Cư sĩ Trí Không, Hồng Sơn, Thanh Nguyên, Như Huệ, nhóm dịch Phật học viện Nha Trang...

Ban Biên tập: *Giáo sư Tiến sĩ Lý Kim Hoa (Tổng Biên tập), Nhà Nghiên cứu Phật học Nguyên Huệ, Thầy Chánh Tiến, Trí Không, Phước Đình, Bảo Quang, Giảng Quang Dương, Trí Lâm, Minh Ngọc, Nhật Trí, Như Huệ.*

Phần Mở đầu Kinh tạng có Lời nói đầu của người Chủ trì dịch Đại Tạng Kinh chữ Việt (PL. 2544 – DL. 2000); Lời giới thiệu của HT. Thích Quảng Độ (1998); Lời giới thiệu của HT. Thích Đức Niệm (1999).

Toàn bộ Đại tạng này gồm có 203 tập, khổ 17 x 24cm, bìa cứng.

Kinh tạng, có 70 tập: - Bộ A-hàm (9 tập: 1-9), - Bộ bản duyên (8 tập, 10-17), - Bộ Bát-nhã (16 tập: 18-33), - Bộ Pháp Hoa (2 tập: 34-35), - Bộ Hoa Nghiêm (6 tập: 36-41), - Bộ Bảo Tích (5 tập: 42-46), - Bộ Niết-bàn (3 tập: 47-49), - Bộ Đại tập (4 tập: 50-53), - Bộ Kinh tập (16 tập: 54-69), - Bộ Mật tông (1 tập: 70)

Luật tạng, có 12 tập: - Bộ luật (12 tập: 71-82).

Luận tạng, có 78 tập: - Bộ Thích kinh (6 tập: 83-88), - Bộ Tỳ-đàm (14 tập: 89-102), - Bộ Trung Quán (1 tập: 103), - Bộ Du Già (7 tập: 104-110), - Bộ Luận tập (4 tập: 111-114), - Bộ Kinh số (28 tập: 115-142), - Bộ Luật số (3 tập: 143-145), - Bộ Luận số (15 tập: 146-160).

Tạp tạng, có 42 tập: - Bộ chư tông (18 tập: 161-178), - Bộ sử truyện (16 tập: 179-194), - Bộ sự vựng (8 tập: 195-202), Tập Mục lục (1 tập: 203).

(<https://daitangkinh.org>)

846. LONG VƯƠNG PHÁP KINH

Biên dịch: *Sa-môn Thích Quảng Trí - Huyền Thanh*

Nxb Hồng Đức – 2015

Kinh có khổ 21 x 29.7cm, dày 195 trang. Nội dung gồm: 1. Thay lời tựa, 2. Kinh Hai an hem vua Rồng (No. 507), 3. Phật vì Hải Long vương nói Kinh Pháp Ấn (No. 599), 4. Kinh con đường của mười Nghiệp tốt lành (No. 600), 5. Phật vì Sa-dà-la Long vương nói Kinh Đại thừa (No. 601), 6. Kinh Như ý Bảo châu Chuyển luân Bí mật hiện thân thành Phật Kim luân chú vương (No. 961), 7. Kinh Đại vân luân Thỉnh võ (No. 991), Quyền thượng, Quyền hạ; 8. Kinh Đại vân – Đàn pháp Cầu mưa (No. 990), 9. Kinh Đại vân luân – Thỉnh võ (No. 991), Quyền thượng, Quyền hạ; 10. Kinh Đại Phương đẳng Đại vân Kinh – Thỉnh võ, Phẩm 64 (No. 992), 11. Kinh Đại vân, Kinh Thỉnh vũ, Phẩm 64 (No. 993), 12. Phật nói Kinh Câu-lợi-già-la Đại Long thắng ngoại đạo phục Đà-la-ni (No. 1206), 13. Thuyết Củ-lý-ca Long vương tượng pháp (No. 1207), 14. Câu-lực-ca Long vương Nghi quỹ (No. 1208), 15. Lợi ích khi xưng niệm danh tự của các vị Long vương, 16. Tư tưởng Mẫu hệ và tín ngưỡng Rồng trong Phật giáo Việt Nam, 17. Ý nghĩa tôn trọng lưỡng long Nam hải Bạch y Quán Thế Âm, 18. Long Đầu Quán Âm, 19. Lưỡng Long Nam hải Bạch y Quán Thế Âm Bồ-tát chú, 20. Long vương Chú pháp, 21. Một số Thần chú thông dụng của Long thần vương, 22. Nghi thức trì niệm Ứng hộ Long thần, 23. Nghi thức Tụng niệm Kinh Hải Long Vương, 24. Ghi chú Ý nghĩa các bài Chân ngôn trong Nghi thức Tụng niệm, 25. Mục lục

847. LỜI PHẬT DẠY

(Kinh Pháp Cú – Dhammapada)

Các dịch giả: *Thích Thiện Siêu –*

Thích Minh Châu –

Thích Giác Toàn – Phạm Kim Khánh

Nxb Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh – 2014

Kinh có khổ 14 x 20cm, dày hơn 596 trang, bìa cứng. Nội dung gồm có: Lời đầu sách, Lời dịch giả (Bản dịch của HT. Thích Thiện Siêu); Lời giới thiệu (Bản dịch của HT. Thích Minh Châu), Lời nói đầu (Bản diễn thơ của HT. Thích Giác Toàn), 26 phẩm Kinh Pháp Cú; Phần Phụ lục: 1, 2 và 3

Xem: Kinh Pháp Cú-HT. Thích Thiện Siêu dịch; Kinh Pháp Cú-HT. Thích Minh Châu dịch; Lời Vàng Vi Diệu (Kinh Pháp Cú) – HT. Thích Giác Toàn chuyển thơ; Kinh Pháp Cú-Phạm Kim Khánh dịch.

848. LỜI PHẬT DẠY TRONG KINH TẠNG NIKAYA – 3 Tập

Biên soạn: *Quảng Tánh*

Nxb Tôn Giáo – 2009

Tập I, Lời Phật dạy trong Kinh tạng Nikaya, nội dung gồm có: Lời nói đầu, Lời giới thiệu; phần Nội dung có 12 chủ đề như sau: *I. Lòng tin*, 1. Lợi ích của lòng tin 12, 2. Biểu hiện của lòng tin 14, 3. Chánh tín 16, 4. Lòng tin là tài sản tối thượng 18, 5. Chỉ tin một người 20; *II. Bồ thí & cúng dường*, 1. Phước báo thù thắng của bồ thí 24, 2. Bồ thí và cúng dường như pháp 26, 3. Tương quan giữa cho và nhận 28, 4. Bồ thí với tâm rộng lớn 30, 5. Cội phước 32, 6. Bồ thí thanh tịnh 34, 7. Nhân duyên của giàu và nghèo 36, 8. Hai hạng người đáng được cúng dường 38, 9. Người cày ruộng 40, 10. Xứng đáng là ruộng phước 42; *III. Làm giàu*, 1. Kinh doanh thành công 46, 2. Không kinh doanh phi pháp 48, 3. Làm giàu 50, 4. Giàu lên để sanh tật 52, 5. Có mắt mà như mù 54, 6. Sự nghèo khổ 56, 7. Buôn bán phát tài 58, 8. Chủ nhân & người làm 60; *IV. Tài sản*, 1. Tài sản của người tu 64, 2. Giữ gìn tài

sản 66, 3. Động sản & bất động sản 68, 4. Có tài sản lớn 70, 5. Nguyên nhân phung phí tài sản 72, 6. Kế thừa gia tài chánh pháp 74; *V. Cư sĩ*, 1. Hoa sen trong giới nam cư sĩ 78, 2. Người cư sĩ 80, 3. Bón phạn người gia chủ 82, 4. Cư sĩ chứng quả dự lưu 84, 5. Lật úp bình bát 86, 6. Thọ trì năm giới 88, 7. Hương đức hạnh 90, 8. Những gia đình chư Tăng không nên đến 92; *VI. Xuất gia*, 1. Ba hạnh của Sa-môn 96, 2. Khất sĩ 98, 3. Bạc Trưởng lão 100, 4. Năm hạng người ăn bình bát 102, 5. Sống biệt lập 104, 6. Không nên sống quá lâu ở một nơi 106, 7. Bón hạng thuyết trình 108, 8. Ba việc trọng yếu của người tu 110, 9. Xứng đáng được xây tháp 112, 10. Xuất gia khi tuổi xế chiều 114, 11. Hoàn tục 116, 12. Khó làm 118, 13. Hóa duyên 120, 14. Thiền & giáo 122, 15. Đến với gia chủ 124; *VII. Hãy tự mình thấp được lên mà đi*, 1. Dùng chánh pháp làm ngọn đèn 128, 2. Tránh xa hai cực đoan 130, 3. Dòng đời xuôi ngược 132, 4. Sanh tử là việc lớn 134, 5. Chớ khinh thường trẻ tuổi 136, 6. Năm lá trong bàn tay 138, 7. Hạt muối 140, 8. Tinh cần 142, 9. Sợ hãi 144; *VIII. Nhân quả*, 1. Trường thọ và đoản thọ 148, 2. Vu khống bậc Thánh 150, 3. Đẹp và xấu 152, 4. Quả báo 154, 5. Hai loại tội 156, 6. Khó được ở đời 158; *IX. Hiếu đạo*, 1. Thâm ân nan báo 162, 2. Bao la tình mẹ 164, 3. Cha mẹ và con cái 166, 4. Người thực sự có hiếu không nhiều 168, 5. Khuyến hóa cha mẹ hướng thiện 170, 6. Phước báo hiếu dưỡng 172; *X. Giới*, 1. Rùa và dã can 176, 2. Biền lớn không dung chứa tử thi 178, 3. Chánh mạng 180, 4. Vui chơi trong chánh pháp 182, 5. Mang y bát đẹp bị Phật quả 184, 6. Không phòng hộ 186, 7. Tội lỗi 188, 8. Sống với người thứ hai 190, 9. Lợi ích của giữ giới 192; *XI. Định*, 1. Sơ thiền 196, 2. Tứ niệm xứ 198, 3. Mạng người trong hơi thở 200,

4. Tâm cầu uế 202, 5. Niệm Phật 204, 6. Trung đạo 206, 7. Đất lành chim đậu 208, 8. Ung nhọt 210; XII. Tuệ, 1. Trí tuệ là tối thượng 214, 2. Vô minh và tuệ giác 216, 3. Chánh tri kiến 218, 4. Không phải của tôi 220, 5. Tu tập tánh không 222, 6. Người mù sờ voi 224, 7. Vô minh là cầu uế lớn nhất 226, 8. Bọt nước 228, 9. Có và không 230, 10. Tầm và quý 232, 11. Tuệ giác vô ngã 234.

Tập II, Lời Phật dạy trong Kinh tạng Nikaya, gồm có 12 chủ đề: *I. Ăn uống & sức khỏe*, 1. Ăn nhiều không tốt cho sức khỏe 238, 2. Năm pháp làm gia tăng tuổi thọ 240, 3. Lợi ích của kinh hành 242, 4. Trăm năm trong cõi người ta 244, 5. Thân bệnh nhưng tâm không bệnh 246, 6. Ăn đúng giờ có năm lợi ích 248, 7. Ai cũng có bệnh 250, 8. Bị bệnh vẫn tu được 252, 9. Bốn loại bệnh của người xuất gia 254, 10. Sức mạnh 256; *II. Ngủ nghỉ, thư giãn*, 1. Đêm dài lắm mộng 260, 2. Thiên, liệu pháp của giấc ngủ bình an 262, 3. Ngủ ban ngày 264, 4. Bốn cách nằm 266, 5. Ngủ an lành 268, 6. Đói ăn, mệt ngủ 270, 7. Lo toan 272; *III. Nam giới*, 1. Người đàn ông lý tưởng 276, 2. Ba hạng con trai 278, 3. Sinh con – gái hay trai đều tốt 280, 4. Sự trói buộc giữa nam và nữ 282, 5. Thích sinh con trai 284; *IV. Phụ nữ*, 1. Người con gái trước thềm hôn nhân 288, 2. Phái yếu 290, 3. Dễ thương như người vợ trẻ 292, 4. Phụ nữ thành công 294, 5. Phước báo thiên nữ khả ái 296, 6. Sức mạnh của phái yếu 298, 7. Mẫu người phụ nữ được nam giới yêu thích 300, 8. Người vợ lý tưởng 302; *V. Cầu nguyện*, 1. Cầu nguyện 306, 2. Tế đàn 308, 3. Cúng linh 310, 4. Thánh cầu 312, 5. Ước nguyện 314; *VI. An cư*, 1. An cư 318, 2. Tự tứ 320, 3. Thời điểm lý tưởng để nỗ lực tu hành 322, 4. Xứng đáng được cúng dường 324, 5. Đức

Phật an cư không tiếp khách 326, 6. Khúc gỗ 328, 7. Không nên sống quá lâu tại một nơi 330, 8. Chư thiên cũng luyện tức an cư 332; *VII. Già chết*, 1. Có sinh ắt có diệt 336, 2. Tuổi xế chiều 338, 3. Niệm chết 340, 4. Chết do tai nạn sẽ tái sinh về đâu? 342, 5. Trợ duyên cho người hấp hối 344, 6. Chết – một sự thật tất yếu 346, 7. Chết có đáng sợ không? 348, 8. Cội nguồn khổ đau 350; *VIII. Thuyết pháp & nghe pháp*, 1. Ba hạng người nghe pháp 354, 2. Đúng thời 356, 3. Thuyết pháp phân biệt 358, 4. Giáo hóa người nghèo 360, 5. Du hành 362, 6. Bốn hạng người nghe pháp 364, 7. Bản lĩnh hoàng pháp 366, 8. Nghe pháp được nhiều lợi ích 368, 9. Năm đức của Pháp sư 370, 10. Thuyết pháp như Tỳ-kheo ni Sukkà 372; *IX. Chư thiên & ma quỷ*, 1. Nhân duyên phước báo làm thiên chủ 376, 2. Trộm hương 378, 3. Tụng kinh 380, 4. Không bị phi nhân làm hại 382, 5. Ngạ quỷ nghe kinh 384, 6. Chư thiên cảnh giác 386, 7. Không ché ngự 388, 8. Ác ma xúc giục cai trị 390, 9. Cô độc mà không cô đơn 392; *X. Tham ái*, 1. Không bao giờ thỏa mãn 396, 2. Con vượn và chiếc bẫy 398, 3. Cọ cây lấy lửa 400, 4. Vô lượng kiếp luân hồi 402, 5. Như cá mắc câu 404, 6. Trúng tên độc, 7. Bị trúng lao 408, 8. Bị trói 410, 9. Cảnh giác với lợi dưỡng cung kính 412, 10. Nguy hiểm của đam mê rượu chè 414, 11. Vương mắc ngũ dục 416, 12. Chúng sinh 418, 13. Được và mất 420, 14. Nguy hiểm của đam mê cờ bạc 422, 15. Đằng sau miếng mồi ngon là khổ lụy 424; *XI. Sân hận*, 1. Giết giặc phiền não 428, 2. Kham nhẫn 430, 3. Những hạng người nóng giận 432, 4. Người ác và người hiền 434, 5. Phẫn nộ 436, 6. Tâm người như vết thương 438; *XII. Si mê*, 1. Tồn thất lớn nhất 442, 2. Vực thẳm 444, 3. Rửa tội 446, 4. Mù lòa 448, 5. Trói buộc và ngăn che 450, 6. Cội nguồn của bất an

452, 7. Ta thương mình nhất 454, 8. Nhân duyên của sự suy vong 456.

Tập III, Lời Phật dạy trong Kinh tạng Nikaya, có 12 chủ đề: *I. An lạc*, 1. Bốn loại an lạc 460, 2. Ngày lành tháng tốt 462, 3. Dục lạc và an lạc 464, 4. Lợi lạc cho số đông 466, 5. Vui trong tĩnh lặng 468, 6. Pháp môn đưa đến an ổn 470, 7. Biết đủ thường vui 472, 8. Thiết lập an lạc 474; *II. Bạn tốt*, 1. Xứng đáng là bạn tốt 478, 2. Chọn bạn mà chơi 480, 3. Cần phải nương tựa 482, 4. Thân cận bạn tốt 484, 5. Người bạn chân thật 486, 6. Ở đâu cũng được thương mến 488, 7. Được ái mộ và noi theo; *III. Hạnh phúc*, 1. Để mãi bên nhau 494, 2. Đạo nghĩa vợ chồng 496, 3. Bí quyết hạnh phúc 498, 4. Tôn hại gia đình 500, 5. Thiết lập hạnh phúc 502, 6. Báu vật ở đời 504, 7. Những cặp vợ chồng 506; *IV. Khổ đau*, 1. Nguồn gốc khổ đau 510, 2. Giàu mà không được hưởng 512, 3. Khổ đau nhiều hơn hạnh phúc 514, 4. Sợ hãi và vô úy 516, 5. Ác Tỳ-kheo 518, 6. Gốc rễ của đấu tranh 520, 7. Khổ vui cho mình 522, 8. Khổ và diệt khổ 524, 9. Khổ tâm và vô tâm 526, 10. Thương người bệnh khổ 528; *V. Hội chúng*, 1. Hòa hợp Tăng 532, 2. Chúng Tăng cường thịnh 534, 3. Sáu pháp hòa kính 536, 4. Ba loại hội chúng 538, 5. Tăng già thanh tịnh 540, 6. Im lặng hùng tráng 542, 7. Hội chúng tinh hoa 544, 8. Tôn trọng diệu pháp 546, 9. Năm hạng người sống ở rừng 548; *VI. Từ bi hỷ xả*, 1. Lợi ích tu tập tâm từ 552, 2. Rãi tâm từ 554, 3. Từ mãn với Phật tử 556, 4. Hoan hỷ 558, 5. Xả buông 560, 6. An lạc và hoan hỷ 562, 7. Hãy sống với tâm từ 564; *VII. Nền tảng của giải thoát*, 1. Nền tảng của giải thoát 568, 2. Xa và gần 570, 3. Tu học phải song hành 572, 4. Hình thức bên ngoài 574, 5. Không thôi đoạ 576, 6. Hướng đến ánh sáng 578, 7.

Được tiếng thơm 580, 8. Nội chứng bên trong 582, 9. Cấp thiết phải làm ngay 584, 10. Không có che giấu 586; *VIII. Những điều khó ở đời*, 1. Không dễ tái sinh làm người 590, 2. Khó tìm được ở đời 592, 3. Không thể ước lượng 594, 4. Rất khó thực hiện 596, 5. Không thể nghĩ đến 598, 6. Sinh làm người người là khó 600, 7. Dạy con nên người 602; *IX. Phật và Thánh tích*, 1. Một sự xuất hiện vi diệu 606, 2. Người mang hạnh phúc cho nhân loại 608, 3. Sự xuất hiện của mắt lớn 610, 4. Tôn giả Đại Ca-diếp 612, 5. Chiêm bái Thánh tích 614, 6. Tứ động tâm 616, 7. Di huấn sau cùng 618; *X. Thân nghiệp*, 1. Sát sanh – lợi bất cập hại 622, 2. Quả báo của nghiệp giết 624, 3. Sát sanh đọa địa ngục 626, 4. Nguy hại của lưỡi biếng 628, 5. Quán thân bất tịnh 630, 6. Tu tập niệm thân 632, 7. Tác hại của lối sống xa hoa 634, 8. Đi đêm gặp nhiều nguy hiểm 636, 9. Bỏ ác, làm lành 638; *XI. Khẩu nghiệp*, 1. Nói và im lặng như pháp 642, 2. Nói như hoa, như mật 644, 3. Mắng nhiếc bậc Thánh 646, 4. Hái hoa tặng người 648, 5. Nói năng cẩn trọng 650, 6. Khéo nói 652, 7. Lời nói và việc làm 654, 8. Tọa thoại 656, 9. Tán thán 658, 10. Nói không lỗi lầm 660, 11. Một điều nhin, chín điều lành 662; *XII. Ý nghiệp*, 1. Giữ tâm trong sạch 666, 2. Tà tư duy 668, 3. Tưởng điên đảo 670, 4. Kiêu mạn 672, 5. Nghiệp mới và cũ 674, 6. Vượt qua dòng xoáy cuộc đời 676, 7. Đặt tâm đúng hướng 678, 8. Lắng lòng thanh tịnh 680.

849. LUẬN ĐẠI THỪA - TRANG NGHIÊM KINH

Thuyết kệ: *Bồ-tát Di-lặc*

Luận giải: *Đại sĩ Vô Trước*; Hán dịch: *Ba-la-pha Mật-đa-la*

Việt dịch và Chú giải: *Quảng Minh*

Hiệu đính: *Nguyễn Minh Tiên*

Nxb Tôn Giáo – 2014. Kinh có khổ 14.5 x 20.5cm, dày 942 trang, bìa cứng.

Nội dung tác phẩm Luận Kinh này gồm có 13 quyển, 24 phẩm: Dẫn nhập, *Q.I*, P.1 Duyên khởi, P.2 Thành tông, P.3 Quy y, P.4 Chủng tánh; *Q.II*, P.5 Phát tâm, P.6 Nhị lợi, P.7 Chân thật, P.8 Thần thông, P.9 Thành thực; *Q.III*, P.10 Bò-đề; *Q.IV*, P.11 Minh tín, P.12 Thuật cầu - Phần 1; *Q.V*, P.12 Thuật cầu - Phần 2; *Q.VI*, P.13 Hoằng pháp, P.14 Tùy tu; *Q.VII*, P.15 Giáo thọ, P.16 Nghiệp bạn, P.17 Độ nhiếp Phần 1; *Q.VIII*, P.17 Độ nhiếp Phần 2; *Q.IX*, P.18 Cúng dường, P.19 Thân cận, P.20 Phạm trú; *Q.X*, P.21 Giác phần - Phần 1; *Q.XI*, P.21 Giác phần - Phần 2; *Q.XII*, P.22 Công đức; *Q.XIII*, P.23 Hành trú, P.24 Kính Phật; Chỉ mục từ ngữ (1203 mục).

850. Luận Giải KINH CĂN BẢN PHÁP MÔN (Mùlapariyàya Sutta)

Luận giải: *Tỳ-kheo Chánh Minh*

Tác phẩm Luận giải Kinh này gồm có: Lời giới thiệu, Những chữ viết tắt; A. Duyên khởi, B. Tóm lược Bài Kinh, C. Luận giải: 1. Phạm phu (Puthujjana), a. Sắc pháp, b. Danh-Sắc pháp, c. Vô sắc pháp; 2. Vị Thánh hữu học (Sekkhà), - Sắc pháp, - Danh sắc pháp, - Vô sắc pháp; 3. Vị Thánh A-la-hán; 4. Đấng Như Lai. (<https://thuvienhoasen.org>, *Kinh-Giảng giải Kinh*)

851. Luận Giải KINH DI GIÁO

Soạn thuật Hán văn: *Đời Minh-Cổ Ngô Ngẫu Ích-Thích Trí Húc*

Viết dịch: *Cư sĩ Minh Ngọc*

Nxb Hồng Đức – 2013. Sách có khổ 14.5 x 20.5cm, có 53 trang, bìa mềm, chữ tựa màu vàng, có hình quang cảnh Đức Phật Thích-ca Mâu-ni nhập Niết-bàn. Nội dung gồm có: Luận giải *Kinh Di Giáo*, A. Giải

thích tên Kinh, I. Tên Kinh, II. Người dịch Kinh; B. Giải thích văn Kinh, I. Phần Tựa, II. Phần Chánh tông, 1. Pháp cần thiết chung thế gian, 2. Pháp cần thiết không chung thế gian, III. Phần Lưu thông, 1. Lưu thông khuyến tu, 2. Lưu thông chứng quyết, 3. Lưu thông đoạn nghi, 4. Lưu thông phó chúc; Lời bạt.

852. Luận Giải KINH ĐIỀM LÀNH – Mangalasutta – Tập 1

Biên soạn: *Tỳ-kheo Chánh Minh*

Nxb Hồng Đức – 2017

Sách có khổ 14.5 x 20.5cm, dày hơn 325 trang, bìa cứng.

Nội dung gồm có: Những chữ viết tắt, Lời nói đầu, A. Khai mở, Bỏn sự Điềm lành lớn, Kinh Điềm lành; B. Tìm hiểu Kinh Điềm lành, Tỳ-kheo Subhadda, C. Ý nghĩa các từ “Evam me sutam” và những từ khác, Đoạn I, từ “Evam me sutam... Ajjhabhàsi”, Đoạn II, “Năm sự náo động (kolàhala), Đoạn III, Kệ ngôn 1, Tóm lược, I.1 Bỏn sự Mahilamukha, Tóm lược I.2 Bỏn sự Sattigumbha, Tóm lược; Chuyện Tôn giả Dabba Mallaputta, Kệ ngôn 2, Kệ ngôn 3, Kệ ngôn 4; Đoạn IV, Patirùpadesavàso ca: Ở trú xứ thích hợp, Kệ ngôn 1; Patirùpadesavàso ca: Ở vùng đất thích hợp, Kệ ngôn 2; Pubbe ca katapunnatà: Trước đã làm việc lành, Kệ ngôn 3, Attasammàpanidhi: Tự thân định hướng đúng, Kệ ngôn 4, Etam mangalamuttam: “Đó là điềm lành cao tốt”.

853. Luận Giải KINH KIM CANG

Luận giải: *Chân Quang*

Nxb Tôn Giáo – 2013

Kinh dày hơn 638 trang, bìa cứng, có bìa bao, chữ tựa mạ vàng. Nội dung gồm có: Lời ngỏ, Phần mở đầu, Kim Cang (KC) 1. Thời Hoàng kim, KC.2 Tự lợi và lợi tha là

một, KC.3 Thâm sâu bốn tướng, KC.4 Không chấp Công đức, KC.5 Thiện căn sâu xa, KC.6 Bậc Thánh thấy như thế nào? KC.7 Sự Giúp đỡ chân chánh, KC.8 Không tự khen mình, KC.9 Ứng vô sở trụ nhi sanh kỳ tâm, KC.10 Phước Tâm linh vô tận, KC.11 Vũ trụ quan, KC.12 Sự Nhẫn nhục của Thánh, KC.13 Kim Cang nhiệm mầu, KC.14 Mắt của Phật, KC.15 Tâm của Phật, KC. 16 Bản chất của Tâm thức, KC.17 Nhân quả phi thường, KC.18 Điều Thiện tận cùng, KC.19 Tín Phật, KC.20 Đạo đức tối thượng; Lời kết; Nguyên văn chữ Hán Kinh Kim Cang.

854. Luận Giải KINH SA-MÔN QUẢ - 2 Tập

Phật Giáo Nguyên Thủy - Theravàda
Biên soạn: *Tỳ-kheo Chánh Minh*
Nxb Tôn Giáo, PL. 2552 – DL. 2009
Sách có khổ 14.3 x 20.3cm, 2 tập dày hơn 474 trang.

Tập I, dày hơn 252 trang, nội dung gồm có 3 chương: Lời nói đầu, Những chữ viết tắt, *C.I Vua Ajàtasattu (A-xà-thế) yết kiến đức Thế Tôn*, Phần 1. Duyên khởi, Giải đoạn 150: Như vậy tôi nghe, Một thời, Đức Thế Tôn, Rajagaha (Vương xá), Lương y Jivaka komarabhacca, Vương tử Abhaya, Vua Ajàtasattu (A-xà-thế), Vương quốc Magadha (Ma-kiệt-đà), Vua Bimbisàra (Bình-sa), Hoàng hậu Vedehi; Phần 2. Giải từ đoạn 151 – 156, Sáu vị Tôn chủ dị giáo, Tôn chủ Pùrana Kassapa, Tôn chủ Makkhali Gosàla, Tôn chủ Ajita Kesakambala, Tôn chủ Pakudha Kaccàyana, Tôn chủ Sanjaya Belatthaputta, Tôn chủ Nigantha Nataputta, Đức Phật với 6 vị Tôn chủ; Phần 3. Giải đoạn 157 và 158, Lương y Jivaka chuẩn bị kiệu voi, Giải đoạn 159, Vua Ajàtasattu sợ hãi; *C.II Câu hỏi Sa-môn quả*: Phần I. Giải các đoạn: 160, 161,

162 và 163; Phần 2. Chủ thuyết của 6 vị Tôn chủ dị giáo, Giải đoạn 165, Chủ thuyết của Tôn chủ Pùrana Kassapa; Giải đoạn 167, Chủ thuyết của Tôn chủ Makkhali Gosàla; Giải đoạn 171, Chủ thuyết của Tôn chủ Ajita Kesakambala; Phụ lục: Giải đoạn 174, Chủ thuyết của Pùrana Kassapa; Giải đoạn 177, Chủ thuyết của Nigantha Nataputta; Giải đoạn 180, Chủ thuyết của Sanjaya Belatthaputta; C.III, Phần 1. Quả Sa-môn thông thường; Giải đoạn 182, Quả thiết thực đầu tiên; Giải đoạn 186, Quả thiết thực thứ 2; Phần 2. Các quả thiết thực vi diệu, Giải đoạn 189, Tốt đẹp (sadhukam), Hãy suy nghiệm kỹ; Giải đoạn 190, Ở đây (idha), Như Lai xuất hiện trên thế gian; Giải đoạn 191;

Tập II, dày hơn 222 trang, nội dung gồm: *C.III* (tt), Phần 3. Giải về Tiểu giới, Chuyện vua Majjha, Giải về Trung giới, Giải về Đại giới; *C.IV* Phần 1. Sự thực hành: A. Giữ gìn các quyền, Trưởng lão Mahatissa; B. Niệm – tỉnh giác, Lợi ích tỉnh giác, Thích hợp tỉnh giác, Hành xử tỉnh giác, Vô si tỉnh giác, Trưởng lão Mahaphussa, Trưởng lão Mahànaga; C. Biết đủ, Đức Ananda với 500 chiếc y, Chuyện ba tấm y, Lương y Jivaka cúng dường y; D. Từ bỏ triền phược, Chư Tỳ-kheo và các vị thọ thần, Trưởng lão Vajjiputta, Trưởng lão Vangisa, Ví dụ về Năm triền cái, Trưởng lão Tăng hộ cháu, Bà-la-môn Tiểu nhất y, Trưởng lão Soreyya, Tai hại của sân hận; Phần 2. A. Các tầng thiên, Sơ thiên, Nhị thiên, Tam thiên, Tứ thiên; B. Trí quán; C. Các Thắng trí, Trí ý hóa thông, Thần thông trí, Mười loại thành tựu, Thiên nhĩ trí, Tha tâm trí, Túc mạng trí, Thiên nhãn trí, Vị Trưởng lão và Tỳ-kheo trẻ, Trí diệt tận ô nhiễm, Vua A-xà-thế trở thành cận sự nam, Giải

về nương nhờ, Vua A-xà-thế sám hối tội lỗi.

855. Luận Giảng DIỆU PHÁP LIÊN HOA KINH Toàn Tập

Luận giảng: *Sa-môn Thích Huệ Đăng*

Nxb Tôn Giáo, PL. 2554 – DL. 2010

Sách có khổ 14.5 x 20.5cm, dày hơn 511 trang, bìa cứng.

Nội dung gồm có: Lời nói đầu, Dẫn nhập; Phẩm Tựa, Phẩm Phương tiện, Phẩm Thí dụ, Phẩm Tín giải, Phẩm Dược thảo dụ, Phẩm Thọ ký, Phẩm Hóa thành dụ, Phẩm Ngũ bá đệ tử Thọ ký, Phẩm Thọ học Vô học nhân ký, Phẩm Pháp sư, Phẩm Hiện bảo tháp, Phẩm Đề-bà-đạt-đa, Phẩm Trì, Phẩm An lạc hạnh, Phẩm Tùng địa dũng xuất, Phẩm Như Lai thọ lượng, Phẩm Phân biệt Công đức, Phẩm Tùy hỷ Công đức, Phẩm Pháp sư Công đức, Phẩm Thường Bất Khinh Bồ-tát, Phẩm Như Lai thần lực, Phẩm Chúc lụy, Phẩm Dược Vương Bồ-tát bốn sự, Phẩm Diệu Âm Bồ-tát, Phẩm Quán Thế Âm, Phẩm Đà-la-ni, Phẩm Diệu Trang Nghiêm vương bốn sự, Phẩm Phổ Hiền khuyết phát Bồ-tát; Kết luận.

856. Luận Giảng KIM CANG THỪA & KIM CANG BÁT-NHÃ

Luận giảng: *Tỳ-kheo Thích Huệ Đăng*

Nxb Tôn Giáo – 2006

Sách có khổ 14 x 20cm, dày hơn 700 trang, bìa cứng, chữ mạ vàng.

Nội dung của Luận giảng Kinh Kim Cang Bát-nhã gồm có: Lời nói đầu, Dẫn nhập, Tiểu sử Dịch giả, Giải thích đề Kinh, *I. Dẫn khởi phần*, 1. Nhân do pháp hội, 2. Duyên khởi chung, 3. Duyên khởi riêng; *II. Chánh thuyết phần*, 1. Ngài Thiện Hiện thừa thỉnh, 2. Chánh tông Đại thừa, 3. Diệu hạnh Vô trụ, 4. Thấy thật đúng lý, 5. Chánh tín rất ít có, 6. Không có được-

không có nói, 7. Y vào Pháp này mà sanh ra Công đức, 8. Một tướng không có tướng, 9. Trang nghiêm Tịnh độ, 10. Phước đức Vô vi hơn hết, 11. Tôn trọng Chánh giáo, 12. Thọ trì đúng như pháp-hiền bày tên Kinh, 13. Ly tướng vắng lặng, 14. Công đức Trì Kinh, 15. Trừ sạch Nghiệp chướng, 16. Rốt ráo không ngã, 17. Xem đồng một thể, 18. Thông hóa Pháp giới, 19. Lìa sắc-lìa tướng, 20. Không có Năng thuyết và Sở thuyết, 21. Không pháp gì có thể được, 22. Tịnh tâm hành thiện, 23. Phước đức-Trí tuệ không gì so sánh, 24. Hóa độ mà không người được hóa độ, 25. Pháp thân không phải là hình tướng, 26. Không đoạn-không diệt, 27. Không nhận lấy-không tham đắm, 28. Oai nghi vắng lặng, 29. Lý tướng nhất hiệp, 30. Không nên sanh tri kiến, 31. Ứng hóa không phải là chơn thật; *III. Lược thông phần; IV. Kết luận.*

857. Luận Giảng KINH DUY-MA-CẬT

Tỳ-kheo Thích Huệ Đăng

Nxb Tôn Giáo – 2006

Kinh có khổ 14 x 20cm, dày hơn 385 trang, bìa cứng, nền màu xanh, chữ tựa Kinh màu đỏ. Nội dung gồm có: Lời nói đầu, Dẫn nhập; P. Phật quốc, A. Phần Tựa, B. Phần Chánh tông, P. Phương tiện, P. Thanh văn, 1. Xá-lợi-phát, 2. Mục-kiền-liên, 3. Ma-ha Ca-diếp, 4. Tu-bồ-đề, 5. Phú-lâu-na, 6. Ca-chiên-diên, 7. A-na-luật, 8. Ưu-ba-ly, 9. Tôn giả La-hầu-la, 10. Tôn giả A-nan, P. Bồ-tát, 1. Di-lặc Bồ-tát, 2. Quang Nghiêm Bồ-tát, 3. Trí Thế Bồ-tát, 4. Thiện Đức Bồ-tát, P. Văn-thù-sư-lợi, P. Bất khả Tư nghi, P. Quán Chúng sanh, P. Phật Đạo, P. Vào Pháp môn bát nhị, P. Phật Hương Tích, P. Bồ-tát hạnh, P. Thấy

Phật A-súc, P. Pháp Cúng dường, P. Chúc lụy; C. Lưu thông Thọ trì; Kết luận.

858. Luận Giảng KINH LĂNG-GIÀ

- Tánh Không Duyên khởi –

A-lại-da Duyên khởi

Luận giảng: *Sa-môn Thích Huệ Đăng*

Nxb Tôn Giáo, PL. 2554 – DL. 2010

Sách có khổ 14.5 x 20.5cm, dày hơn 608 trang, bìa cứng, chữ mạ vàng.

Nội dung gồm có 3 phần: Lời giới thiệu, Lời nói đầu, Dẫn nhập;

Phần I. Nguồn gốc và triết lý Kinh Lăng-già, I. Nguồn gốc Kinh Lăng-già, II. Triết lý Kinh Lăng-già, III. Kinh Lăng-già tự phân, IV. Chánh tông phần: Lìa nói năng, bật chứng pháp môn, đệ nhất nghĩa rộng lớn;

Phần II. Bày ngôn thuyết để vào Đệ nhất nghĩa, biến thức thường trụ dùng hiển duy tâm, A. Lược nói nhân quả tà chánh của tám thức để biểu thị lìa vọng chứng chân, I. Chỉ các thức sanh diệt khó biết, II. Thức tướng y nơi chân, do mê phát khởi, III. Ngộ chân chẳng diệt, IV. Tà kiến đoạn kiên dị nhân, V. Chánh nhân phân biệt rõ tà vọng, VI. Tà đoạn có không của ngoại đạo, VII. Lìa vọng chứng chơn; B. Bờ mé cứu cánh của tám thức, phân biệt Thức và Trí, I. Đại Huệ thưa hỏi, II. Phân biệt nhân duyên bất giác, III. Tột Tàng thức là bờ mé cứu cánh, IV. Hiện lượng của tự tâm lìa vọng chân thật, V. Dụng phân biệt tám thức để tự ngộ, VI. Ba tướng tự giác Thánh trí; C. Năm Pháp, Ba Tự tánh, Hai Vô ngã, Giản biệt Nhị thừa, ngoại đạo và nhân quả chánh pháp, I. Đại Huệ thưa hỏi, II. Phá vọng chấp có không của ngoại đạo, III. Trừ sạch Đôn hay Tiệm, IV. Ba thân Phật nói Trí như sai biệt, V. Nhị thừa tự giác Thánh sai biệt, VI. Đạt được Thánh trí thường không thể nghĩ bàn, VII. Nhị thừa bỏ vọng cầu chân, VIII. Chứng tánh

vọng tướng Trí, Như sai biệt, IX. Vọng tướng Trí Như bình đẳng hiển bày xiển-đề Phật tánh chẳng đoạn, 1. Năm pháp, 2. Ba Tự tánh, 3. Hai Vô ngã, 4. Thiện pháp vô ngã, 5. Tướng Thiện pháp vô ngã; D. Như Lai tàng siêu quá vọng tướng ngôn thuyết của phàm phu và ngoại đạo, thành tựu các địa cứu cánh quả hải, I. Như Lai tàng chẳng đồng thần ngã của ngoại đạo, II. Phương tiện hiển bày Như Lai tàng, 1. Phương tiện có 4 pháp, 2. Khéo phân biệt tự tâm hiện, 3. Quán ngoại tánh phi tánh, 4. Lìa kiến chấp sanh-trụ-diệt, 5. Tự giác Thánh trí thiện lạc; III. Như Lai tàng lìa các nhân duyên, IV. Như Lai tàng Đệ nhất nghĩa lìa ngôn thuyết vọng tướng, V. Như Lai tàng Tự giác Thánh trí lìa bốn câu có không, VI. Chỉ bốn thứ Thiền định, hiển bày Như Lai thanh tịnh chẳng đồng với Nhị thừa, VII. Như Lai tàng Tự tánh Niết-bàn chẳng đồng với Nhị thừa, VIII. Thần lực dựng lập chẳng ra vào có không, IX. Chỉ các pháp Duyên khởi để hiển bày nghĩa của Như Lai tàng chẳng phải nghĩa của Nhân duyên, X. Các pháp thường trú để hiển Như Lai tàng Tự tánh Vô sanh, 1. Huyền hoặc loạn thường, 2. Chỉ loạn hoặc khứ lai thức tánh, bày chân như bình đẳng, 3. Chỉ loạn hoặc không pháp, 4. Chỉ thẳng vô sanh như huyền lìa hư vọng; XI. Do lời nói để nhận được nghĩa, dùng ngoại đạo, khác ngu phu, chọn lựa tâm giác dựng lập Niết-bàn, 1. Do theo lời nói để nhận được nghĩa, 2. Không luận bàn, nói năng (chỉ luận) do rõ nghĩa chẳng ở lời nói, 3. Hỏi bốn quả sai biệt, 4. Chỉ rõ kiến lập Niết-bàn, 5. Cùng tột vọng tướng sai biệt để hiển trí như thành thật, liễu quả Niết-bàn; E. Kiến lập Niết-bàn: I. Tự giác Nhất thừa soi sáng các đại, khéo đoạn các lậu, viên mãn thân Phật, cũng chẳng rơi vào có không, 1. Tự giác Thánh trí, 2. Nhất thừa, 3. Tam thừa, 4. Nhất thừa bình đẳng; II.

Chỉ Thánh trí chiếu minh các Địa, 1. Bày ba thứ Ý sanh thân, 2. Chỉ thân tướng từ Sơ địa, Thất địa trở lên, 3. Chỉ thân tướng Bát địa, 4. Chỉ Phật địa thân tướng không hành tác, 5. Kệ tụng; III. Phương tiện khéo vào năm hạnh, 1. Bồ-tát Đại Huệ hỏi về năm hạnh Vô gián, 2. Đoạn hai căn bản, 3. Cứu cánh đoạn các pháp, 4. Các ám cứu cánh đoạn, 5. Bày thức đoạn, 6. Ngoại ngữ vô gián hạnh; IV. Viên mãn giác ngộ Phật: 1. Phật giác, 2. Bốn món bình đẳng của Như Lai, 3. Chỉ rõ giác ngộ, tự chứng của Phật không thể dùng lời nói, ngôn ngữ hiển bày; V. Cảnh giới giác ngộ của Phật xa lìa có và không: 1. Thế gian chấp có không, 2. Nhân tướng hai thứ chấp có không, 3. Bài xích chấp không hay phá hoại chánh pháp, 4. Tổng tụng;

Phần III. Tông Thuyết cả hai đều thông để biết rõ về Dụng-Ngữ-Nghĩa-Thức-Trí phân biệt người ngu và kẻ ngoại đạo để giúp mình và người khác đạt chánh pháp giải thoát, I. Tông Thuyết đều thông, xa lìa vọng tưởng chấp trước, 1. Tông Thuyết đều thông, 2. Cùng tột tướng sanh của vọng tưởng để hiển bày Đệ nhất nghĩa đế, II. Ngữ nghĩa trí thức để hiển bày diệu dụng của Tông thông, 1. Chỉ bày ngữ và nghĩa, 2. Biện rõ thức và trí, 3. Ngoại đạo chuyển biến chẳng lìa tâm thức, 4. Riêng ngữ thủ nghĩa thành chấp sâu kín; III. Thánh trí không sự để phá trừ vọng chấp, 1. Đại Huệ nạn các pháp đoạn diệt, 2. Các pháp không tánh, chẳng phải không tri kiến Thánh trí, 3. Nghi chỗ biết của Thánh trí đồng vọng tưởng hiện, 4. Nghi Thánh trí rơi vào không, 5. Thánh trí không sự lìa có không, 6. Thánh trí vô sự chẳng lập Tông thú; IV. Bác Thế luận để hiển tự Tông, 1. Thế luận thẳng vào tự Tông, người phá hoại kiết tập hay chiêu cảm quả khổ, 2. Như Lai theo chỗ nói tự thông, 3. Nêu Như Lai chỉ luận, 4. Chạy theo thế

luận thì bị tham dục nhiếp trì chẳng nhiếp thọ được Chánh pháp, 5. Nhiếp thọ Chánh pháp xa lìa Thế luận, 6. Kệ tụng; V. Chánh pháp giải thoát xa lìa ngu si ngoại đạo, 1. Liệt bày vọng tưởng và Niết-bàn, 2. Như Lai tùy thuận Niết-bàn, 3. Tổng tụng; VI. Chánh pháp chẳng phải pháp nhân quả, lìa sanh diệt, không cấu nhiễm, sanh diệt siêu việt các địa, 1. Pháp thân Như Lai chẳng phải nhân quả, 2. Pháp thân Như Lai chẳng sanh chẳng diệt lìa ngôn thuyết, 3. Như Lai chẳng sanh chẳng diệt không đồng với ngoại đạo có sáu, 4. Vọng chấp của ngoại đạo chẳng thật có, 5. Thật tánh vọng tưởng tức Chân như tịch tịnh, 6. Vô nhân để bày nghĩa vô sanh, 7. Rộng chỉ nghĩa vô sanh; VII. Chỉ Như Lai nói pháp chẳng phải thường-vô thường, chẳng đồng với ngoại đạo, 1. Hỏi ngoại đạo vọng chấp vô thường là tà hay chánh, 2. Bày vô thường của ngoại đạo để hiển bày Chánh pháp phi thường vô thường; VIII. Chỉ Như Lai Đệ nhất nghĩa siêu việt các địa, hiển bày duy tâm, 1. Bồ-tát Đại Huệ hỏi chánh thọ, chỉ bày hành tướng Thất địa, Bát địa, 2. Từ Sơ địa đến Thất địa cùng bậc Nhị thừa đồng khác, chớ mê lầm ngoại đạo, 3. Bát địa Tam-muội gia trì, 4. Thất địa xả ly tam-muội, hiện tự tâm lượng, 5. Duy tâm trừ các địa; IX. Như Lai chánh giác thường trụ: 1. Chánh giác chẳng đồng lỗi tạo tác, 2. Chánh giác trí vô gián thường bày hiện; X. Chỉ cội gốc sanh diệt để hiển bày Tàng thức tức Như Lai tàng không cấu nhiễm: 1. Đại Huệ thỉnh hỏi về Như Lai tàng không cấu nhiễm, 2. Phạm nguy nơi thức giải thoát chẳng thấy Như Lai tàng tánh, 3. Chỉ rõ Như Lai tàng tự giác mau lìa sanh diệt chẳng phải cảnh giới của Nhị thừa; XI. Chỉ Tám thức, Năm pháp, Ba tự tánh, Hai vô ngã cứu cánh Đại thừa tánh Đệ nhất nghĩa, 1. Năm pháp chuyển biến, 2. Tất cả pháp vào năm pháp; XII.

Chỉ pháp thân ba đời chư Phật Như Lai, siêu quá chỗ nghĩ ngợi thế gian, chẳng phải nghĩa sát-na trước sau không lỗi, rốt ráo thanh tịnh vô lậu, 1. Pháp thân tự thông siêu suy nghĩ thế gian, 2. Pháp thân vô lậu chẳng phải nghĩa sát-na, 3. Pháp thân chân thật của Phật bình đẳng bốn tế phá nghi lìa lỗi, 4. Như Lai chánh chân nhân quả cứu cánh thanh tịnh; Kết luận.

859. Luận Giảng

KINH THỦ LĂNG NGHIÊM – 2 Tập

Tỳ-kheo Thích Huệ Đăng

Nxb Tôn Giáo, PL. 2548 – DL. 2004

Kinh có khổ 14.3 x 20.3cm, 2 tập dày hơn 1.294 trang, bìa cứng.

Tập I, dày hơn 701 trang. Nội dung gồm có 5 quyển: Lời nói đầu, Dẫn nhập, Triết lý Kinh Thủ Lăng Nghiêm;

Quyển I, Giải thích đề mục Kinh Đại Phật đánh Như Lai Mật nhân Tu chứng Liễu nghĩa chư Bồ-tát Vạn hạnh Thủ Lăng Nghiêm, Phần thứ nhất, Tự phần, C.I, Tựa chung; C.II, Tựa riêng; Phần thứ hai, Chánh tông phần; *C.I, CHỈ NGAY CHỖ VIÊN NGỘ*, I. Gạn hỏi các tâm: 1. Nêu nguyên do của thường trụ và lưu chuyển, 2. Chấp tâm ở trong thân, 3. Chấp tâm ở ngoài thân, 4. Chấp tâm núp sau con mắt, 5. Chấp nhắm mắt sáng tối là thấy ở trong thân, 6. Chấp tâm tùy chỗ hòa hiệp mà có, 7. Chấp tâm ở chặng giữa, 8. Chấp tất cả đều không dính mắc; II. Hiện bày căn và tánh thấy, 1. Hối hận nghe nhiều không tu, cầu Phật dạy rõ chơn tâm, 2. Phóng hào quang nên tánh thấy viên mãn sáng suốt, 3. Chỉ hai món căn bản chia riêng mê ngộ, 4. Nuông cái thấy gạn hỏi tâm, 5. Chỉ cái suy nghĩ có thật thể, 6. Hiện bày tánh thấy chẳng phải con mắt, 7. Gạn hỏi hai nghĩa khách trần đề chỉ ông chủ và hư không hiện bày tánh thấy;

Quyển II, 1. Chỉ tánh thấy không sanh diệt, 2. Chỉ điền đảo hiện tại, 3. Giản trạch tâm duyên thấy tánh không, 4. Lựa riêng trần cảnh nêu tánh thấy; III. Nêu tánh thấy ra ngoài nghĩa phải và chẳng phải, 1. Nghi chỉ hiện thấy trước mắt, 2. Chỉ ra không có cái gì tức là thấy, 3. Chỉ ra không có cái gì ngoài cái thấy, 4. Ngài Văn-thù thỉnh Phật phân minh hai nghĩa, 5. Chỉ cái thấy không có cái phải và chẳng phải; IV. Bác thuyết Nhân duyên và Tự nhiên dễ hiểu, 1. Nghi tánh thấy đồng thần ngã, 2. Chỉ rõ tánh thấy chẳng phải không tự nhiên, 3. Nghi nhân duyên, 4. Chỉ rõ tánh thấy không phải nhân duyên và kết luận tánh thấy lìa danh tướng, 5. Lại nghi nhân duyên, 6. Đức Phật bác nhân duyên-tự nhiên nêu ra tánh thấy lìa danh tướng, 7. Chỉ rõ thật tướng của tánh thấy; V. Chỉ ra cái vọng để bày tánh thấy, 1. Thỉnh Phật chỉ dạy nghĩa về nhận được tánh thấy không phải là cái thấy, 2. Trước khi chỉ dạy pháp Tổng trì Đức Phật dạy ngài Anan phải nghe cho chín chắn, 3. Chỉ hai thứ vọng thấy, 4. So sánh cái thấy hiện tiền để chỉ rõ nhận được tánh thấy không phải là cái xa lìa hòa hiệp viên mãn đạo Bồ-đề; VI. Tóm Thường trụ bốn khoa-bảy đại về Như Lai tạng để phát khởi chơn ngộ, 1. Tóm thâu, 2. Thâu năm âm; *Quyển III*, 3. Thâu lục nhập, 4. Thâu mười hai xứ, 5. Thâu mười tám giới, 6. Thâu bảy đại, 7. Được chứng ngộ; *Quyển IV, VII*. Chỉ rõ vọng sanh tiếp nối, và các đại không ngại nhau, 1. Ngài Mãn Từ khen ngợi Phật và trình bày chỗ nghi, 2. Thiết lập hai điều nạn vấn, 3. Phật hứa sẽ tuyên nói nghĩa thù thắng, 4. Nêu bản tánh để chỉ rõ căn nguyên hư dối, 5. Chỉ nguyên nhân có tướng thế giới, hư không, 6. Chỉ ba tướng kết quả tiếp nối, 7. Thuyết minh giác chẳng si mê, 8. Chỉ bày các đại có thể dung nhau; VIII. Chỉ Diệu minh

hợp với Tạng tánh “phi-tức” cả hai đều ly,
 1. Chỉ trái với giác Tánh hợp theo trần tướng, 3. Chỉ Như Lai tàng đều “phi” tất cả, 4. Chỉ Như Lai tàng đều “tức tất cả;
 IX. Chỉ mê vọng không có nhơn, hết mê tức Bồ-đề, 1. Nghi tánh giác nhơn đâu có vọng, 3. Chỉ dứt các duyên thì hết cuồng, tánh giác trùm khắp; X. Lại bác nghĩa nhân duyên-tự nhiên để trách nghe nhiều, 1. Phát nghi và hỏi, 2. Gạn hỏi nguyên nhân khởi nghi, 3. Ví dụ cái đầu xưa không mất, để chỉ ra tánh cuồng giả dối, 4. Phá nhân duyên-tự nhiên dẫn vào Bồ-đề;
 XI. Chỉ nghĩa quyết định, 1. Thuật lại chỗ ngộ, thỉnh cầu pháp tu hành, 2. Xét về phát tâm trong lúc tu thân lấy hư không dụ nhơn không sanh diệt, 3. Khai năm trước, 4. Kết thành cái tâm tu nhân, 5. Xét rõ cội gốc phiền não. Xét chỗ điên đảo của căn trần; XII. Đánh chuông nghiệm tánh thường, 1. Nghi căn tánh không tự thể, xét về quả vị thể tánh thường trụ, 2. Chỉ tánh nghe là thường trụ, a. Trách tâm chẳng tin phục, b. Đánh chuông để gạn hỏi tánh nghe và tiếng, c. Tóm kết bỏ cái sanh diệt để hoàn thành tri giác;

Quyển V, C.II NUƠNG CHỖ NGỘ MÃ VIÊN TU, I. Nêu ra căn để chỉ mê, 1. Xin khai thị cách mở gút, 2. Mười phương Như Lai phóng hào quang, 3. Chỉ căn trần dùng để lựa bỏ vọng thức, 4. Lựa cái giả dối để hiển bày cái chơn thật thanh tịnh, 5. Phật nói kệ khen chơn vọng, không thật tánh theo tánh viên thông để trở về bản giác; II. Cột khăn để chỉ gút; III. Chỉ mở gút trước sau; IV. Gạn hỏi đại chúng về chỗ viên thông, 1. Tu sáu Trần chứng viên thông, 2. Do các Căn chứng viên thông, 3. Do sáu Thức chứng viên thông, 4. Do thất Đại chứng viên thông.

Tập II, dày hơn 593 trang. Nội dung gồm có 5 quyển:

Quyển VI, Do nhĩ căn chứng viên thông, I. Thuật lại nhơn tu; II. Chỉ chính chỗ viên tu, 1. Phóng hào quang để hiện điềm lành, 2. Đức Phật bảo Văn-thù chọn căn viên thông, 3. Lựa ra những căn không viên thông, 4. Lựa căn viên thông, 5. Nghe pháp được chứng ngộ; *C.III, RỘNG ĐỂ LẠI KHUÔN PHÉP TU HÀNH*, I. Nhân ông A-nan xin cứu độ đời vị lai, Phật nêu chung ba nghĩa quyết định; II. Chỉ bày bốn lời dạy bảo rõ ràng và quyết định, 1. Dạy nghĩa quyết định đoạn dâm, 2. Dạy nghĩa quyết định đoạn tâm sát hại, 3. Dạy nghĩa quyết định đoạn tâm trộm cắp, 4. Dạy nghĩa quyết định đoạn nói dối;

Quyển VII, III. Phật khai thị về Mật giáo thâm giúp những người tu hành; IV. Khai thị những phép tắc lập đạo tràng tu trì, a. Thưa hỏi quy tắc lập đạo tràng tu trì, b. Khai thị nghi thức kiến lập đạo tràng, c. Khai thị được chứng ngộ; V. Tuyên nói tâm chú rộng khai thị những lợi ích, 1. Phật phóng quang khai thị, 2. Tuyên nói tâm chú, 3. Khai thị những lợi ích, 4. Khai thị chú tâm rộng lớn không cùng, 5. Khai thị sức thần chú thành tựu được thế gian và xuất thế gian, 6. Khai thị trì chú được mãn nguyện, sanh chỗ thù thắng, 7. Khai thị chú lực có thể tiêu quốc nạn, 8. Khai thị để bảo hộ sơ tâm, lìa ma chướng, tâm chứng khai ngộ, 9. Kim Cang thiên thần trong hội phát nguyện bảo hộ rộng rãi; VI. Khai thị vị trí tu chứng trước và sau, 1. Ông A-nan thỉnh Phật khai thị về những danh mục thứ bậc tu hành, 2. Phật khen ngợi và hứa chỉ trước, a. Chúng sanh điên đảo, b. Thế giới điên đảo, c. Sanh loại có sai biệt;

Quyển VIII, Tổng kết tên của các loài, VI. Khai thị vị trí tu chứng trước và sau (tt), 4. Kết luận về bản nhân điên đảo dùng để khởi các thứ lớp tu hành, 5. Khai thị ba món tiêm thứ, i. Trừ trợ nhơn, ii. Gột sạch

chánh tánh, iii. Trái với hiện nghiệp, iv. An lập các Thánh vị, Kết thúc bằng hai quả vị Đẳng giác và Diệu giác để hiển bày Càn huệ đã thành tựu, từ tu hành tiệm thứ rớt ráo đến Bồ-đề; VII. Kết chỉ dạy tên Kinh, VIII. Nghe pháp được tăng tiến; *C.IV, PHÂN BIỆT CHÍN CHẨN NGHIỆP QUẢ, PHÂN TÍCH KỸ VÊ TÀ MA NGOẠI ĐẠO*, I. Hỏi về vọng tưởng tập khí sẵn có, sanh khởi ra lục đạo, II. Hỏi về việc bác không nhờn quả bị sa vào địa ngục và về nghiệp chung, nghiệp riêng; III. Khai thị phần trong-phần ngoài của chúng sanh, 1. Nêu chung, 2. Phần trong, 3. Phần ngoài, 4. Phân biệt tình tướng nặng nhẹ, 5. Kết lại đồng phận nhưng đều chia riêng; IV. Chỉ ra mười tập nhờn, sáu đường giao báo, 1. Nêu chung danh mục, 2. Chính chỉ mười tập nhờn, 3. Tóm nêu sáu giao báo, 4. Khai thị sáu giao báo, 5. Kết luận về tập nhờn, giao báo khi hoàn thành, khi khiếm khuyết và đáp lại nghiệp riêng, 6. Khai thị về các dư báo, quý báo, súc sanh báo; V. Tu nhân riêng biệt, thành quả hư vọng, Các cõi trời sai khác: 1. Dục giới; *Quyển IX*, 2. Sắc giới, 3. Vô sắc giới; VI. Khai thị chỗ hư vọng của bảy loài để khuyên tu theo chánh pháp, 1. Khai thị chỗ hư vọng, 2. Khai thị về nghiệp nhân, 3. Chỉ rõ sự tu hành chân chánh, 4. Tổng kết về quả báo đồng phần, 5. Khuyên đoạn trừ; VII. Phân biệt các Âm ma, 1. Nguyên do khởi ra các ma sự, 2. Khai thị âm ma những ma sự thuộc Sắc âm, 3. Những ma sự thuộc Thọ âm; *Quyển X*, 4. Những ma sự thuộc Tướng âm, 5. Những ma sự thuộc Hành âm, 6. Những ma sự thuộc Thức âm; I. Tổng kết âm hết, thành tựu được Kim Cang Huệ quả Địa viên mãn dùng để khuyên tu hành tinh tấn, II. Đúc Phật chỉ rõ thứ lớp tiêu diệt các Âm và giới hạn phạm vi Năm âm, III. Khai thị về biên giới của các Âm;

Phần thứ ba. Lưu thông phần, I. Lưu thông Kinh này được phước hơn cả, II. Lưu thông chung, III. Kết luận.

860. Luận Giảng PHÁP BŪU ĐÀN KINH – BÁT-NHÃ TÂM KINH

Luận giảng: *Tỳ-kheo Thích Huệ Đăng*

Nxb Tôn Giáo – 2005

Sách có khổ 14 x 20cm, dày 577 trang, bìa cứng, chữ mạ vàng.

Nội dung Bát-nhã Tâm Kinh gồm: Lời nói đầu, I. Dẫn nhập, II. Ý nghĩa triết lý Tánh không, 1. Ý nghĩa thế đế, 2. Ý nghĩa thế đế thứ hai, 3. Ý nghĩa chân đế, III. Giải thích đề Kinh, Các dịch bản, IV. Tiểu sử dịch giả, V. Dẫn khởi phần, VI. Chánh tông phần, a. Quán pháp tự tại-sáu căn viên thông, b. Ngũ uẩn giai không, c. Căn trần thanh tịnh, d. Mười tám giới giai không, đ. Mười hai nhân duyên-Tứ đế-Tất cả pháp không, e. Vô sở đắc theo Tâm Kinh Bát-nhã, f. Đại bi và đức Vô úy trên tinh thần Tánh không diệu dụng của Phật trí, g. Thần chú Bát-nhã, VII. Kết luận; Phụ lục: a. Bát-nhã: Chánh kiến giải thoát, b. Bát-nhã là chánh kiến đưa đến giải thoát-giải thoát tức thì.

861. LUẬN KINH KIM CƯƠNG BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT

Tạo luận: *Bồ-tát Thiên Thân*

Hán dịch *Bồ-đề-lưu-chi*

Việt dịch: *Nguyên Huệ*

Tác phẩm Luận Kinh này gồm có 3 quyển. (<https://phatphapungdung.com>; *Pháp bảo Bộ Bát-nhã*)

862. LUẬN KINH THẬP ĐỊA – VANSUBANDHU

Hán dịch: *Bồ-đề Lưu-chi*

Việt dịch: *Nguyên Huệ*

Nxb Phương Đông – 2011

Sách có khổ 13 x 20.5cm, dày có 486 trang; nội dung gồm 12 quyển. Phần giới thiệu, Tiểu sử Tóm tắt; Q.I, Địa thứ nhất, Địa Hoan hỷ - Phần 1; Q.II, Địa thứ nhất, Địa Hoan hỷ - Phần 2; Q.III, Địa thứ nhất, Địa Hoan hỷ - Phần 3; Q.IV, Địa thứ hai, Ly cầu địa; Q.V, Địa thứ ba, Địa minh; Q.VI, Địa thứ tư, Địa diêm; Q.VII, Địa thứ năm, Địa nan thắng; Q.VIII, Địa thứ sáu, Địa Hiên tiền; Q.IX, Địa thứ bảy, Địa Viễn hành; Q.X, Địa thứ tám, Địa Bất động; Q.XI, Địa thứ chín, Địa Thiện tuệ; Q.XII, Địa thứ mười, Địa Pháp vân.

863. LUẬN KINH VÔ LƯỢNG THỌ

Tạo luận: *Bồ-tát Bà-tẩu-bàn-đậu*

Hán dịch: *Bồ-đề-lưu-chi*

Việt dịch: *Nguyên Thuận*

Tác phẩm Luận về Kinh này gồm có: Phần luận, Năm niệm môn (Lễ bái, Tán thán, Phát nguyện, Quán sát và Hồi hướng); Quán sát công đức trang nghiêm ở cõi nước của Đức Phật kia; Quán sát công đức trang nghiêm của Đức Phật Vô lượng thọ; Quán sát công đức trang nghiêm của chư Bồ-tát nơi đó; Nhập tất cả công đức thành một từ pháp cú; Bồ-tát thành tựu thiện xảo phương tiện của hồi hướng; Đắc vãng sanh do tùy thuận năm pháp môn; Năm thành tựu môn (1. Thân cận môn, 2. Đại hội Thánh chúng môn, 3. Xá trạch môn, 4. Cư ốc môn, 5. Viên lâm du hý địa môn). (<https://phatphapungdung.com>; *Pháp bảo-Luận tạng*)

864. LUẬN THÍCH KINH NĂNG ĐOẠN KIM CƯƠNG BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA

Tạo luận *Bồ-tát Vô Trước*

Hán dịch:

Cao Tăng Nghĩa Tịnh (635-713)

Việt dịch: *Nguyên Huệ*

Tác phẩm Luận này gồm có 3 quyển.

(<https://phatphapungdung.com>; *Pháp bảo-Bộ Bát-nhã*)

865. LUẬN VỀ

KINH ĐẠI TRẠNG NGHIÊM

Tạo luận: *Mã Minh Bồ-tát (Asvaghosa)*

Hán dịch: *Tam tạng Pháp sư Cưu-ma-la-thập (Kumarajiva, 344-413)*

Việt dịch: *Nhóm Phiên dịch Đại Tạng Kinh Phật giáo Quảng Trị*

Nxb Hồng Đức – 2014

Sách có khổ 14.5 x 20.5cm, dày 523 trang.

Nội dung gồm có 15 quyển: Lời giới thiệu;

Q.I, 1. Phàm đối với các pháp phải nên suy nghĩ chính chắn, 2. Tà luận ngoại đạo không đưa đến giải thoát nên ai cũng muốn xa tránh, 3. Gieo ruộng phước gì thì có phước của việc ấy, không nên chọn lựa già trẻ tốt xấu;

Q.II, 4. Người nghe pháp được tăng trưởng trí tuệ, tâm ý đều được điều phục, 5. Người ít muốn tuy có nhiều tài vật nhưng không sanh tâm tham đắm, 6. Giữ giới vì tham cầu vui sướng ở cõi trời người thì cũng là phá giới, 7. Người có trí nên thấy rõ đâu tà đâu chánh, 8. Ý làm chủ thân nghiệp và khẩu nghiệp, 9. Người có trí hiểu sâu sắc tài vật là họa hoạn, 10. Người biết đủ tuy nghèo mà giàu, người không biết đủ tuy giàu mà lại nghèo;

Q.III, 11. Đệ tử Phật giữ gìn giới thể tin nghiêm, liền được tất cả mọi người trong đời tôn trọng kính ngưỡng, 12. Người tâm hiền lành được nhiều an ổn lợi ích, 13. Nếu chưa thấy dấu đạo, tuy đa văn nhưng không thể thoát khổ sanh tử, 14. Vinh hoa phú quý đều không thường còn, 15. Lúc chết không thể mang của cải đến đời sau, 16. Thân này không bền chắc;

Q.IV, 17. Muốn được cung kính cúng dường, cần phải đoạn trừ các kiết sử, 18. Không có lỗi lầm mới trách mắng người, 19. Người khéo quan sát, thấy sắc đẹp liền

sanh lòng nhằm chán, cũng không khởi tâm ái luyến, 20. Tâm không tham luyến có thể bố thí tất cả, hiện đời được phước báo lớn, 21. Bố thí cốt ở lòng tin sâu sắc, tuy ít mà được phước báo thì rất khó lường;

Q.V, 22. Thân gần thiện hữu tri thức, hay khiến thân tâm thanh tịnh, 23. Làm ác phải đọa vào địa ngục, nếu gặp được thiện tri thức liền được diệt tội mà còn được sanh lên cõi trời, 24. Người trí tu hạnh bố thí cho tiền tài là lao ngục, 25. Nghe chánh pháp, hay giải thoát được các sự trói buộc, 26. Lúc còn khỏe mạnh những việc đáng làm thì nên mau chóng làm liền, 27. Phạm ngu khinh chê chửi mắng hiền nhân, Hiền nhân trọn không sanh tâm sân hận, 28. Nhà ảo thuật dùng thân năm uẩn này làm các thứ vui đùa, người trí thấy liền giác ngộ, 29. Người căn lành đã thành thực thường hay ưa thích pháp thậm thâm;

Q.VI, 30. Có công đức chân thật thì nên lãnh nhận sự cúng dường, nếu không thì không nên nhận cúng dường của tín thí, 31. Nhờ sức học vẫn có thể đưa đến đắc đạo, 32. Muốn xây dựng thiện nghiệp phải nên siêng tu các điều thiện, 33. Nếu nghe ai nói về điều thiện thì phải nên suy nghĩ ắt được lợi ích, 34. Người có thiện tâm chân chánh tuy không cầu mà tự được lợi chân thật, 35. Hiện tại kiết sử tuy không khởi nhưng nếu không đoạn diệt thì vẫn khởi lại như cũ, 36. Bố thí vì cầu giải thoát không vì cầu tài vật, nếu vì cầu tài vật thì không gọi là bố thí, 37. Xa lánh tám nạn là khó, được làm thân người là khó, được thân người xa lìa các nạn là khó, 38. Tiền tài xả bỏ là khó, 39. Nếu khéo quán sát, việc đang làm tuy có sai sót nhưng về sau ắt có lợi ích lớn;

Q.VII, 40. Lợi dưỡng làm loạn tâm người hành đạo, 41. Điều đặc lậu tận nhưng pháp học sai khác, 42. Người căn lành đã thành

thực tuy muốn tránh mặt, nhưng Như Lai đại bi quyết không từ bỏ, 43. Tuy chưa thấy chân đạo, tu học đa văn cũng có thể khiến các loài ma không thể lay động;

Q.VIII, 44. Trị bệnh của thân tâm chỉ có nương lời Phật dạy, 45. Nếu đã có lòng tin bất hoại đối với Tam bảo và giới rồi, thà xả bỏ thân mạng quyết không hủy phạm, 46. Có tâm kiêu mạn thì không việc ác gì không làm, dù cao quý mà kiêu mạn cũng gọi là thấp hèn, 47. Người thấy chánh đạo không bị thiên ma và ngoại đạo lừa dối, 48. Người không có định lực, thân hoại mạng chung không thể tự làm chủ mình, 49. Nên cung kính cúng dường người có đức;

Q.IX, 50. Nhân duyên của sân giận, Phật không thể can gián, 51. Khi ăn phải nên quán tưởng, 52. Người cuồng loạn phóng dật là do quá tham dục, 53. Phật thấy người đã có căn lành, càng về lâu sau tín tâm càng sâu, không nên vội vàng can gián;

Q.X, 54. Tán thán Phật sẽ được quả báo lớn, 55. Có công đức lớn rồi còn phải siêng tu không mệt mỏi, huống không có phước mà lại lười biếng, 56. Hạt giống thiện tuy ít cũng nên cầu Phật, việc thiện dù ít, cầu Phật như được cam lồ, 57. Căn lành thành thực liền được quả giải thoát, 58. Chúng sanh tạo nghiệp nào, tự mỗi người chịu quả báo ấy, 59. Gieo hạt thì hái được quả, không phải do sự may mắn;

Q.XI, 60. Người trí tuệ thấp kém thấy Phật tướng tốt còn phát thiện tâm, huống là người trí tuệ và công đức lớn lao mà không phát thiện tâm, 61. Bạc đại nhân như vậy không cầu mong cung kính cúng dường, chỉ cầu tu tập hành trì, 62. Người hộ trì cấm giới thà mất thân mạng trọn không hủy phạm;

Q.XII, 63. Phật pháp rất khó được nghe, 64. Nên gần gũi thiện tri thức;

Q.XIII, 65. Cúng dường tháp Phật có công đức rất lớn, 66. Đồi trước có căn lành thì sẽ được giải thoát, do nhân duyên không nghe pháp nên trở lại đọa địa ngục;
Q.XIV, 67. Phật xuất hiện ở đời là điều rất hy hữu, người nữ tuy kiết sử nặng nề vẫn được giải thoát, 68. Bồ-tát đại nhân vì tất cả chúng sanh không tiếc thân mạng;
Q.XV, 69. Cho đến những việc to lớn của quốc gia, biết sẽ là sanh khổ não thì nên xả bỏ đi, 70. Phước nghiệp thanh tịnh thì sẽ được cúng dường, 71. Nhờ lực thiện nghiệp tự nhiên có nghiệp báo tốt, dù có thể lực của vua trợ giúp cũng không bằng nghiệp lực, 72. Dù có thù oán người trí vẫn còn có lợi ích, 73. Có lòng thành đem của cải bố thí sẽ được sản nghiệp của cải, 74. Chí tâm trì giới cho đến mất mạng được phước báo hiện tại, 75. Nếu tin lời Phật dạy, xem luận ngoại đạo như đứa trẻ nói năng khờ khạo, 76. Khéo phân biệt cung kính công đức, không nên ý vào dòng họ, 77. Nếu muốn thấy biết Thần thông của Phật, gặp các chùa-tháp Phật phải nên cúng dường, 78. Tháp Phật có uy thần lớn, cho nên phải cúng dường tháp Phật, 79. Chúng sanh phạm phu vì vô trí nên đem bình bơ công đức đời sau, đổi lấy bình bốn thứ điên đảo, 80. Hương hoa Chiêm-bạc dùng xoa trên tóc, người ngu không biết, cho rằng đầu mình phát ra hương thơm, 81. Như Lai tùy căn cơ chúng sanh thuyết pháp để đối trị và phá trừ điên đảo, 82. Lăn theo dây Đa văn, Tín, Giới, Định và Tuệ, tuột xuống khỏi cột sanh tử cao lớn, 83. Làm nghiệp gì được quả báo nghiệp ấy, 84. Tâm nếu tham đắm hưởng thụ năm món dục lạc, không thể tiến lên quả vị giải thoát, 85. Đời này gieo nhân lành-đời sau gặt quả lành-không nên sân giận khi chưa thấy có kết quả gì, 86. Không biết thiện nghiệp-không tu tạo thiện nghiệp sẽ không được

quả tốt liền sanh hồi hận, 87. Phật đến lúc sắp Niết-bàn còn phân chia xá-lợi để lợi lạc quần sanh, 88. Tất cả trời người qui thần-long vương đều đến cúng dường Phật đó, không phải là cúng dường Phật mà là cúng dường công đức của Phật.

866. LỤC ĐỘ TẬP KINH và Lịch Sử Khởi Nguyên Của Dân Tộc Ta

Tác giả: *Lê Mạnh Thát*

Nxb Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh – 2006

Kinh có khổ 14.5 x 20.5cm, dày 368 trang, bìa mềm.

Nội dung gồm có 5 chương: Tựa, Lời nói đầu, C.I Về truyền thuyết trăm trứng, C.II Về vấn đề An Dương Vương, C.III Thần Nông và triều đại Hùng Vương, C.IV Vấn đề tiếng Việt thời Hùng Vương, C.V Tổng kết; Phụ lục: Tư liệu cổ sử Việt Nam: A. Dẫn nhập, B. Phần tư liệu, I. Sử ký 6, Tàn Thi Hoàng bản kỷ, II. Tiền Hán thư 1 – 12, Đề kỷ, III. Sử ký 113, Nam Việt Úy Đà, IV. Sử ký 114, Đông Việt, V. Tiền Hán thư 95, Nam Việt vương, Mân Việt vương, VI. Sử ký 97 Tiền Hán thư 43, Lục giả, VII. Tiền Hán thư 64 thượng, Nghiêm trợ, Chu Mãi Thần, VIII. Tiền Hán thư 4 hạ, Chung Quân, Giả Quyên Chi, IX. Sử ký 129, Hóa thực liệt truyện, X. Tiền Hán thư 28 hạ, Địa lý chí, C. Phần nhận định: Mấy nhận định, 1. Về tượng quận, 2. Về nước Việt thường thị, 3. Về vấn đề chín quận, 4. Về quan hệ Việt – Trung thời Hùng Vương, 5. Về ý nghĩa chữ “hạnh”, 6. Kết luận.

Tác phẩm này đã được Tu thư Đại học Vạn Hạnh (Sài Gòn) xuất bản năm 1972.

867. LỤC TỔ ĐÀN KINH

Lược giảng: *HT. Tuyên Hóa (1918-1995)*

Việt dịch: *Ban Phiên dịch Việt ngữ (Vạn Phật Thánh Thành)*

Nxb Tôn Giáo – 2010. Kinh có khổ 14.5 x 20.5cm, dày hơn 450 trang. Toàn bộ tác phẩm gồm có 10 phẩm Lược giảng Kinh Lục Tô Pháp Bảo Đàn: P.1. Hành do, P.2. Bát-nhã, P.3. Nghi vấn, P.4. Định huệ, P.5. Tọa thiền, P.6. Sám hối, P.7. Cơ duyên, P.8. Đốn tiệm, P.9. Tuyên chiếu, P.10. Phó chúc; Mười tám Đại nguyện của Hòa thượng Tuyên Hóa.

Tác phẩm này được tái bản năm 2013, Nxb Tôn Giáo.

868. LỤC TỔ ĐÀN KINH

Tác giả: *Lục Tổ Huệ Năng (638-713)*

Soạn dịch: *ĐĐ. Thích Minh Nghiêm*

Nxb Thời Đại – 2010

Sách có khổ 19 x 27cm, dày 198 trang, bìa mềm.

Nội dung gồm có 9 chương, với 300 đồ hình, hơn 100 biểu đồ minh họa cảnh sinh hoạt Thiền tông như sau: Lời nói đầu, C.1 Đàn Kinh và Phật giáo Trung Hoa, C.2 Liên quan tới Thiền tông, lý luận hạt nhân của Thiền tông, C.3 Nhân quả trần duyên là do tự thân chúng sinh quá trình thành Phật của Lục Tổ Huệ Năng, C.4 Đàn Kinh Sám hối và Quy y chuẩn bị trước khi tiến vào cảnh giới đốn ngộ, C.5 Thức tự tính tức Bát-nhã, con đường tắt yếu của thông đạt vô thượng trí tuệ, C.6 Vững tâm thanh tịnh tức là Tây Phương con đường độc đáo đốn ngộ thành Phật, C.7 Tiệm ngộ và Đốn ngộ - Sự khai sáng của Lục Tổ đối với đệ tử, C.8 Dặn dò việc hoằng pháp của Lục Tổ Huệ Năng trước lúc nhập diệt, C.9 Lưu truyền - Ảnh hưởng của Thiền tông với đời sau.

869. LỤC TỔ ĐÀN KINH

Biên dịch: *Thiền Chủ*

Nxb Tôn Giáo – 2002

Sách có khổ 14.5 x 20.5cm, dày hơn 98 trang, bìa mềm. Nội dung gồm có: Phát nguyện Quy y, Nguyên do Tu hành, P. Bát-nhã, P. Nghi vấn, P. Định tuệ, P. Tọa thiền, P. Sám hối, P. Cơ duyên, P. Đốn-Tiệm, P. Hộ pháp, P. Phó chúc; Tiểu sử Nhà văn hóa-Cư sĩ Thiền Chủ.

870. LỤC TỔ HUỆ NĂNG

Giảng Nghĩa KINH KIM CƯƠNG BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT

Việt dịch: *Nguyễn Hiền*

Nxb Phương Đông – 2009

Tác phẩm này gồm có 32 đoạn Kinh Kim Cương do Lục Tổ Huệ Năng (638-713) giảng nghĩa: Lời nói đầu, Bài tựa Kinh Kim Cương Bát-nhã Ba-la-mật, *Kinh Kim Cương Bát-nhã Ba-la-mật*.

871. LỤC TỔ -

PHÁP BẢO ĐÀN KINH

Minh Trung chez M. Ngô Trung Tính

À Huyền Hội (Trà Vinh)

Nội dung gồm có 8 quyển, 10 phẩm: Q.I, P. 1 Hành du (Sài Gòn, xb năm 1938); Q.II, P.2 Bát-nhã (Sài Gòn, xb năm 1938); Q.III, P.3 Nghi vấn, P.4 Định-Huệ, P.5 Tọa thiền (Sài Gòn, xb năm 1938); Q.IV, P.6 Sám hối (Sài Gòn, xb năm 1938); Q.V, P.7 Cơ duyên; Q.VII, P.8 Đốn-Tiệm (Sài Gòn, xb năm 1938).; Q.VIII, P.9 Hộ pháp, P.10 Phó chúc (Sài Gòn, xb năm 1940).

872. Lược giải

BỒN MÔN PHÁP HOA KINH

Lược giải: *HT. Thích Trí Quảng*

Nxb Tôn Giáo, PL. 2548 – DL. 2004

Tác phẩm này gồm có 3 chương: Lời giới thiệu, *C.I Ý nghĩa Bốn môn Pháp Hoa, C.II Ý nghĩa Hồng danh Pháp Hoa*, 1. Nguyện hương, 2. Tán thán Phật, 3. Đánh

lễ Phật (a. Lễ Phật quá khứ, b. Đánh lễ Phật hiện tại, c. Lễ Phật vị lai, d. Đánh lễ các Bồ-tát..., Tổng lễ Thánh hiền Bồ-tát, Đánh lễ ngài A-nan và các vị Thánh Tăng, Đánh lễ Phật Di-mâu và Tỳ-kheo Ni chúng, e. Đánh lễ Pháp hoa Kinh hoàng thông liệt vị Tổ sư, g. Đánh lễ Pháp hoa Kinh thủ hộ hiện thân); 4. Sám hối, 5. Phát nguyện; *C.III Ý nghĩa thọ trì 7 Phẩm Bồ môn Pháp hoa Kinh*: 1. Ý nghĩa Phẩm Tựa, 2. Ý nghĩa Phẩm Pháp sư, 3. Ý nghĩa Phẩm Bồ-tát Tụng địa dũng xuất thứ 15, 4. Ý nghĩa Phẩm Như Lai thọ lượng thứ 16, 5. Ý nghĩa Phẩm Phân biệt Công đức thứ 17, 6. Ý nghĩa Phẩm Phổ môn thứ 25, 7. Ý nghĩa Phẩm Phổ Hiền Bồ-tát khuyến phát; Hồi hướng – Ý nghĩa tụng Thủ hộ thân chú.

Tác phẩm này được xuất bản năm 2002, Nxb Tôn Giáo.

873. Lược giải KINH A-DI-ĐÀ

Hán dịch: *Tam tạng Pháp sư Cưu-ma-la-thập (Kumarajiva, 344-413)*

Lược giải (2012):

Tỳ-kheo Thích Minh Điền

Nội dung gồm có: Lời tựa, Phần Lược giải: Chánh văn, *Phật Nói Kinh A-di-đà*, 1. Giải thích từ ngữ, 2. Giải thích đề Kinh, 3. Quán tưởng niệm Phật, 4. Thật tướng niệm Phật; Bản Kinh được phân ra nhiều đoạn, trong mỗi đoạn có: Chánh văn, Giải thích từ ngữ, Lược giải, Ghi chú.

(<https://thuvienhoasen.org>, Tịnh Độ)

874. Lược giải KINH A-DI-ĐÀ

– **Bằng Tranh**

Tác giả: *Ngô Trọng Đức*

Việt dịch: *Thích Thiện Phước*

Nxb Phương Đông – 2011. Sách có khổ 13 x 20cm, có 184 trang.

Toàn bộ tác phẩm gồm có: 56 bức tranh, Lời giới thiệu, Lời tựa, Sơ lược tiểu sử

ngài Cưu-ma-la-thập; Lược giải Kinh A-di-đà (trong mỗi đoạn có Tam dịch Bạch thoại và Thuyết minh bổ sung).

875. Lược giải KINH DI-ĐÀ

Lược giải: *Tỳ-kheo Thích Tuệ Hải*

Nxb Tôn Giáo – 2006

Kinh có khổ 14 x 20cm, có 162 trang. Tác phẩm này gồm có 3 phần: Phần I, Nhân duyên lý giải kinh Di-đà; Phần II, Lược giải Kinh Di-đà: 1. Ý nghĩa của tên kinh Di-đà (Tín, Nguyện và Hạnh), 2. Ý nghĩa của kinh Di-đà (a. Ý nghĩa của Tây phương thế giới cực lạc, b. Ý nghĩa “trái qua mười muôn ức cõi Phật”, Điểm chung nhất căn bản của tất cả các pháp môn trong Phật pháp: dứt trừ 10 tập nhân gây ra đau khổ), - Cõi phàm Thánh đồng cư độ, - Cõi phương tiện hữu dư, - Cõi thật báo trang nghiêm, - Cõi thường tịch quang, 3. Ý nghĩa của Cửu phẩm liên hoa (1. Thượng phẩm thượng sanh, 2. Thượng phẩm trung sanh, 3. Thượng phẩm hạ sanh, 4. Trung phẩm thượng sanh, 5. Trung phẩm trung sanh, 6. Trung phẩm hạ sanh, 7. Hạ phẩm thượng sanh, 8. Hạ phẩm trung sanh, Hạ phẩm hạ sanh); Phần III, Kết luận.

876. Lược giải KINH DUY-MA

Lược giải: *HT. Thích Trí Quảng*

Nxb Tôn Giáo, PL. 2543 – DL. 1999

Kinh có khổ 14 x 20cm, dày 688 trang, bìa mềm, chữ tựa màu vàng, có tay gấp. Kết cấu Kinh này gồm có 14 phẩm (P) chính. Phần đầu là Lời tựa, Tổng luận. Phần chính: P.1. Phật quốc, P.2. Phương tiện, P.3. Thanh văn, P.4. Bồ-tát, P.5. Văn Thù Sư Lợi thăm bệnh, P.6. Bất tư nghi, P.7. Quán chúng sanh, P.8. Phật đạo, P.9. Nhập Bất nhị pháp môn, P.10. Phật Hương tích, P.11. Bồ-tát đạo, P.12. Kiên Phật A-súc, P.13. Pháp cúng dường, P.14. Chúc lụy.

Tác phẩm Lược giải Kinh này được tái bản nhiều lần: Năm 1989-1991, THPG Tp. Hồ Chí Minh ấn hành; năm 1999, Nxb Tôn Giáo.

877. Lược giải KINH ĐẠI BẢO TÍCH – 2 Quyển

Lược giải: *HT. Thích Trí Quảng*

Nxb Tôn Giáo, PL. 2548 – DL. 2005

Kinh có khổ 14 x 20cm, tổng cộng 2 tập dày 1.194 trang, bìa mềm, nền đỏ, chữ tựa màu vàng.

Quyển 1, dày 575 trang; nội dung có 32 pháp hội: Lời tựa, Tổng luận; Pháp hội 1, Tam tụ Luật nghi; Pháp hội 2, Vô biên trang nghiêm Đà-la-ni; Pháp hội 3, Mật tích Kim Cang lực sĩ; Pháp hội 4, Tịnh Cư thiên tử; Pháp hội 5, Vô lượng thọ Như Lai; Pháp hội 6, Bất Động Như Lai, Pháp hội 7, Mặc giáp Trang nghiêm; Pháp hội 8. Pháp giới thể tánh vô sai biệt; Pháp hội 9. Đại thừa Thập pháp; Pháp hội 10. Văn-thù-sư-lợi Phổ môn; Pháp hội 11, Xuất hiện Quang minh; Pháp hội 12, Bồ-tát tạng; Pháp hội 13, Phật thuyết nhơn xử thái; Pháp hội 14, Phật thuyết Nhập Như Lai tạng; Pháp hội 15. Văn-thù-sư-lợi thọ ký; Pháp hội 16, Bồ-tát Kiến thiết; Pháp hội 17, Phú-lâu-na; Pháp hội 18, Hộ Quốc Bồ-tát; Pháp hội 19, Úc-già trưởng giả; Pháp hội 20, Vô Tận phục tạng; Pháp hội 21, Thọ ký Áo sư Bạt-đà-la; Pháp hội 22, Đại thần biến; Pháp hội 23, Ma-ha Ca-diếp; Pháp hội 24, Ưu-ba-ly; Pháp hội 25, Phát thắng chí nguyện; Pháp hội 26, Thiện Tý Bồ-tát; Pháp hội 27, Thiện Thuận Bồ-tát; Pháp hội 28, Dũng Mãnh Thọ trưởng giả; Pháp hội 29, Ưu-đà-diên vương; Pháp hội 30, Diệu Huệ đồng nữ; Pháp hội 31, Hằng-hà Thượng Ưu-bà-di; Pháp hội 32, Vô úy đức Bồ-tát.

Quyển 2, dày 619 trang; nội dung gồm từ pháp hội 33 đến pháp hội 60. Các pháp

hội: 33. Vô cầu thí Bồ-tát ứng biện, 34. Công đức Bửu Hoa phu Bồ-tát, 35. Thiện Đức Thiên tử, 36. Thiện Trụ Ý thiên tử, 37. A-xà-thế vương tử, 38. Đại thừa phương tiện, 39. Hiền Hộ trưởng giả, 40. Tịnh Tín đồng nữ, 41. Di Lạc Bồ-tát vấn bát pháp, 42. Di Lạc Bồ-tát sở vấn, 43. Phổ Minh Bồ-tát, 44. Bửu Lương Tụ, 45. Vô Tận Huệ Bồ-tát, 46. Văn Thù thuyết Bát-nhã, 47. Bửu Kế Bồ-tát, 48. Thắng Man phu nhân, 49. Quảng Bác tiên nhân, 50. Nhập Phật cảnh giới trí quang minh trang nghiêm, 51. Bửu nữ, 52. Bất Thuận Bồ-tát, 53. Hải Huệ Bồ-tát, 54. Hư Không Tạng Bồ-tát, 55. Vô Ngôn Bồ-tát, 56. Bất Khả Thuyết Bồ-tát, 57. Bửu Tràng Bồ-tát, 58. Hư Không Mực, 59. Nhứt Mật Bồ-tát, 60. Vô Tận Ý Bồ-tát.

878. Lược giải KINH - ĐẠI PHƯƠNG QUẢNG VIÊN GIÁC

Giới Đài Viện Huệ Nghiêm

Nguyên tác Hán văn:

Sa-môn Tông Mật soạn

Việt dịch: *Tỳ-kheo Thích Nguyên Chơn*

Nxb Hồng Đức – 2016. Kinh có khổ 14.5 x 20.5cm, dày hơn 330 trang.

Nội dung gồm có: Thiền sư Khuê Phong Tông Mật, Tựa (Bùi Hưu), Tựa (Tông Mật), I. Nhân duyên khởi giáo, II. Thuộc về Tạng và Thừa nào, III. Đối luận Quyền-Thật, IV. Giới hạn phạm vi sâu kín, V. Căn cơ thích hợp với giáo này, VI. Thể tính năng thuyên, VII. Chung và riêng của Tông thú, VIII. Giai vị Tu chứng, IX. Giải thích đề Kinh, X. Y văn giải nghĩa, 1. Phần Tựa, 2. Phần Chính tông, 3. Phần Lưu thông.

879. Lược giải KINH ĐỊA TẠNG

Hán dịch: *Pháp sư Pháp Đăng và*

Thật-xoa-nan-đà

Lược giải: *Tỳ-kheo Thích Minh Điền*

Tác phẩm lược giải Kinh này gồm có: Lời tựa (PL.2555 – DL. 2011), Tìm hiểu lời tựa của Kinh, Phần dịch nghĩa lời tựa, Lược giải Bài tựa; Nội dung: Lược giải 13 phẩm Kinh Địa Tạng; Nguyên bản Hán ngữ Địa Tạng Bồ-tát Bản Nguyên Kinh. (<https://thuvienhoasen.org>, *Kinh-Giảng giải Kinh*)

880. Lược giải KINH HOA NGHIÊM

Lược giải: *HT. Thích Trí Quảng*

Nxb Tp. Hồ Chí Minh – 2000

Kinh có khổ 14 x 20cm, có 417 trang, bìa mềm, nền đỏ, chữ tựa màu trắng, có hình bánh xe pháp luân, có tay gấp. Toàn bộ kinh Hoa Nghiêm lược giải gồm có 6 chương chính. Lời tựa, *Chương I, Lịch sử kinh Hoa Nghiêm*: Khái niệm về lịch sử kinh Hoa Nghiêm, Lịch sử truyền thừa và phát triển kinh Hoa Nghiêm, Nội dung kinh Hoa Nghiêm; *Chương II, Quan niệm về Đức Phật theo kinh Hoa Nghiêm*: 1. Quan niệm về Đức Phật trong thời kỳ Phật giáo nguyên thủy, 2. Quan niệm về Đức Phật theo Đại thừa Phật giáo, 3. Quan niệm về Đức Phật theo kinh Hoa Nghiêm; *Chương III, Ý nghĩa đề kinh Hoa Nghiêm*; *Chương IV, Bồ-tát đạo*: - Bồ-tát thập tín, - Bồ-tát thập trụ, - Bồ-tát thập hạnh, - Bồ-tát thập hồi hướng, Bồ-tát thập địa hay thập thánh, - Bồ-tát thập định, - Bồ-tát thập thông, - Bồ-tát thập nhãn; *Chương V, Phẩm nhập pháp giới* (Thiện Tài đồng tử cầu đạo với: Đức Vân Tỳ-kheo, Hải Vân Tỳ-kheo, Thiện Trụ Tỳ-kheo, Di-già, trưởng giả Giải Thoát, Hải Trạng Tỳ-kheo, Hưu Xã Ưu-bà-di, tiên nơn Tỳ-mục-cù-sa, Thắng Nhiệt Bà-la-môn, Từ Hạnh đồng nữ, Thiện Kiến Tỳ-kheo, Tụ Tại Chủ đồng tử, Cự Túc Ưu-bà-di, cư sĩ Minh Trí, trưởng giả Pháp Bửu Kế, trưởng giả Phổ Nhân, vua Vô Yểm Túc, vua Đại Quang, Bất Động ưu-bà-di, Biến Hành ngoại đạo,

trưởng giả Ưu-bát-la-hoa, thuyên trưởng Bà-thi-la, Di Lạc Bồ-tát, Tỳ-kheo Ni Sư Tử Tần Thân, Bà-tu-mật-đa nữ, cư sĩ Tỳ-sắc-chi-la, Bồ-tát Quán Tụ Tại, Bồ-tát Chánh Thu, thần Đại Thiên, địa thần An Trụ, chủ Dạ thần Bà-san-bà-diễn-đề, Dạ thần Khai Phu Nhất Thiết Thọ Hoa và Đại Nguyên Tinh Tấn Lực Cứu Nhứt Thiết Chúng Sanh, thọ thần Diệu Đức Viên Mãn, Bồ-tát Di Lạc, Văn Thù Sư Lợi Bồ-tát, Phổ Hiền Bồ-tát); *Chương VI, Phẩm nhập Bát tư nghi giải thoát cảnh giới – Phổ Hiền hạnh nguyện*.

Tác phẩm này được tái bản năm 2004, Nxb Tôn Giáo.

881. Lược giải KINH HOA NGHIÊM (Phẩm Nhập Pháp Giới) – 2 Tập Hành Bồ-Tát Đạo

Soạn giả: *Tỳ-kheo Ni Như Thanh (1911-1999)*

Tổ đình Huệ Lâm, PL. 2532 – DL. 1989

Nội dung gồm có 7 chương: C.I, Giảng minh yếu lý, C.II, Phương châm học đạo và hành đạo, C.III, Thâm nhập diệu pháp, C.IV, Trang nghiêm công đức, C.V, Trải thân cầu đạo, C.VI, Pháp môn hành thiền, C.VII, Thánh giả Văn-thù và Phổ Hiền Bồ-tát phát đại thệ nguyện.

882. Lược giải KINH KIM CƯƠNG

Hán dịch: *Tam tạng Pháp sư Cưu-ma-la-thập (Kumàrajiva, 344-413)*

Dịch giải: *Tỳ-kheo Thích Minh Điền*

Chùa Hoa Nghiêm – VA USA xuất bản, PL. 2550 – DL. 2006. Tác phẩm Kinh này gồm có 32 đoạn, trong mỗi đoạn có: Kinh văn (dịch âm), Dịch nghĩa (theo thể kệ, mỗi câu 4 chữ), Giải thích từ ngữ, Tìm hiểu nội dung. 32 đoạn như sau: 1. Pháp hội nhân do, 2. Thiện hiện khởi thỉnh, 3. Đại thừa chính tông, 4. Diệu hạnh vô trụ, 5. Như lý thật kiến, 6. Chánh tín hy hữu, 7.

Vô đắc vô thuyết, 8. Y pháp xuất sinh, 9. Nhất tướng vô tướng, 10. Trang nghiêm Tịnh độ, 11. Vô vi phúc thắng, 12. Tôn trọng chính giáo, 13. Như pháp thọ trì, 14. Ly tướng tịch diệt, 15. Trì Kinh công đức, 16. Năng tịnh nghiệp chướng, 17. Cứu kính vô ngã, 18. Nhất thể đồng quán, 19. Pháp giới thông hóa, 20. Ly sắc ly tướng, 21. Phi thuyết sở thuyết, 22. Vô pháp khả đắc, 23. Tịnh tâm hành thiện, 24. Phúc trí vô tỉ, 25. Hóa vô sở hóa, 26. Pháp thân phi tướng, 27. Vô đoạn vô diệt, 28. Bất thọ bất kham, 29. Uy nghi tịch tĩnh, 30. Nhất hiệp lý tướng, 31. Tri kiến bất sinh, 32. Ứng hóa phi chân.

883. Lược giải

KINH PHÁP BẢO ĐÀN – 2 Quyển

Lược giải: *Tỳ-kheo Thích Tuệ Hải*

Nxb Tôn Giáo, PL. 2553 – DL. 2009

Q.I, dày 427 trang, gồm 5 phẩm: Tổng luận, P.1 Hành do, P.2 Bát-nhã, P.3 Nghi vấn, P.4 Định Tuệ, P.5 Tọa thiền.

Q.II, dày 460 trang, gồm có 5 phẩm: P.6 Sám hối, P.7 Cơ duyên, P.8 Đốn Tiệm, P.9 Tuyên chiếu, P.10 Phó chúc, Kết luận.

884. Lược giải

KINH PHÁP BẢO ĐÀN

Lược giải: *Tỳ-kheo Thích Minh Điền*

Nxb Tôn Giáo, PL. 2549 – DL. 2005

Kinh có khổ 14 x 20cm, dày hơn 365 trang.

Nội dung gồm có 10 phẩm: 1. Tìm hiểu đôi dòng lịch sử, P.1 Hành do, P.2 Bát-nhã, P.3 Nghi vấn, P.4 Định-Huệ, P.5 Tọa thiền, P.6 Sám hối, P.7 Cơ duyên, P.8 Đốn-Tiệm, P.9 Tuyên chiếu, P.10 Phó chúc (ở mỗi phẩm có các phần: Phiên âm Hán-Việt, Dịch nghĩa và Lược giải).

885. Lược giải KINH PHÁP HOA

Lược giải:

HT. Thích Thiện Siêu (1921-2001)

Nxb Hồng Đức – 2018

Kinh có khổ 15.5 x 23.5cm, dày 327 trang, bìa mềm. Nội dung gồm có: Lời nói đầu, Lời giới thiệu; Đại cương Kinh Pháp Hoa, Nội dung 28 phẩm Kinh Pháp Hoa, Đại thừa Diệu pháp Liên hoa Kinh, I. Ý niệm về Đại thừa, II. Diệu pháp, III. Liên hoa (hoa sen), IV. Kinh; Vị trí Kinh Pháp Hoa, Kinh Pháp Hoa giữa các Kinh Đại thừa, Hình tượng Hoa sen trong Kinh Pháp Hoa, Nhất thừa Đạo, Nhà Như Lai, Áo Như Lai, Tòa Như Lai; Kinh Pháp Hoa với lời thệ nguyện “Chúng sinh vô biên thệ nguyện độ”, Điều kiện để đến với Kinh Pháp Hoa, Bồ-tát Thường Bất Khinh, Pháp môn Quán Âm (hay Nhĩ căn viên thông); I. Kinh nghĩa, 14 món công đức vô úy, Bốn món diệu đức; II. Đại ý Nhĩ căn viên thông, 32 ứng thân, 14 món vô úy; Phân tích phẩm Tựa, 1. Phần bố cục, 2. Phần Kinh văn; Phân tích phẩm Phương tiện: 1. Bố cục, 2. Kinh văn.

Kinh này đã được Tu viện Kim Sơn ấn hành năm PL. 2542 – DL. 1998, với nhan đề “Lược giảng Kinh Pháp Hoa”; tái bản: Năm 2003-2006, Nxb Tôn Giáo.

886. Lược giải KINH PHÁP HOA – SADHARMA PUNDARIKA SUTRA

Lược giải: *HT. Thích Trí Quảng*

Nxb Tp. Hồ Chí Minh – 1999

Kinh có khổ 14.5 x 20cm, dày 767 trang, bìa mềm, nền màu cam, chữ tựa màu đỏ, có tay gấp.

Tác phẩm Kinh này gồm có 28 phẩm (P): Phần đầu là Lời tựa, Lịch sử *Kinh Pháp Hoa* và *Kinh Đại thừa Vô lượng nghĩa*. P.1. Tựa, P.2. Phương tiện, P.3. Thí dụ, P.4. Tín giải, P.5. Dược thảo dụ, P.6. Thọ ký, P.7. Hóa thành dụ, P.8. Ngũ bá đệ tử thọ ký, P.9. Thọ học vô học như thọ ký, P.10.

Pháp sư, P.11. Hiện bảo tháp, P.12. Đề-bà-đạt-đa, P.13. Trì, P.14. An lạc hạnh, P.15. Tùng địa dững xuất, P.16. Như Lai thọ lượng, P.17. Phân biệt công đức, P.18. Tùy hỷ công đức, P.19. Pháp sư công đức, P.20. Thường Bất Khinh Bồ-tát, P.21. Như Lai thần lực, P.22. Đà-la-ni, P.23. Dược Vương Bồ-tát bốn sự, P.24. Diệu Âm Bồ-tát, P.25. Phổ môn, 26. Diệu Trang Nghiêm vương bốn sự, P.27. Phổ Hiền Bồ-tát khuyến phát, P.28. Chúc lụy. Preface (ở mỗi phẩm có 2 phần: I. Lược Kinh văn, II. Giải thích).

Tác phẩm Kinh này tái bản nhiều lần: Năm 1990-1991, THPG Tp. Hồ Chí Minh ấn hành; các năm 1999, 2004, Nxb Tôn Giáo.

887. Lược giải KINH VIÊN GIÁC

Lược giải:

Thiền sư Hám Sơn (1546-1623)

Việt dịch: *Đạt-ma Khế Định*

Nxb Phương Đông – 2011

Kinh có khổ 14.5 x 20.5cm, dày hơn 202 trang, bìa mềm. Nội dung gồm có: Lời người dịch, Lược truyện Đại sư Hám Sơn, Lời tựa, Tổng luận, I. Phần tựa chung (Thông lệ các Kinh), II. C. Văn-thù-sư-lợi, III. C. Phổ Hiền, IV. C. Phổ Nhãn, V. C. Kim Cang Tạng, VI. C. Bồ-tát Di-lặc, VII. C. Thanh Tịnh Huệ, VIII. C. Oai Đức Tự Tại, IX. C. Biện Âm, X. C. Tịnh Chư Nghiệp Chướng, XI. C. Phổ Giác, XII. C. Viên Giác, XIII. C. Hiền Thiện Thủ.

888. Lược giải TÂM KINH

Dịch giải: *Thích Trí Quang (1923-2019)*

PL. 2537 – DL. 1993

Tác phẩm Kinh lược giải này gồm có: Dịch âm, Dịch nghĩa; Phần I. Trước khi lược giải Tâm Kinh, 1. Lược nói oai linh của Tâm Kinh và đức Quan Âm, vị thuyết ra Tâm Kinh; 2. Lược nói Bát-nhã và

Không của Bát-nhã trong A-hàm: - Bát-nhã trong A-hàm, - Không trong bộ A-hàm, - Chánh tri kiến và Không tam-muội như vậy hủy diệt cái gì? - Không như vậy vì sao có thể thực hiện? – Như vậy thì vì “không” mới “có”; 3. Lược nói Bát-nhã và Không của Bát-nhã trong Đại thừa: - Bát-nhã là Phật mẫu, - Bát-nhã là chủ đạo của Bồ-tát hạnh, - Bát-nhã là gì? - Không của Bát-nhã, - Tác dụng không của Bát-nhã, - Sau hết cũng nên biết tu học Bát-nhã thì sinh ở đâu; 4. Lược nói Bát-nhã và Không của Bát-nhã trong Tâm Kinh: a. Sự độc đáo thứ nhất của Tâm Kinh là nói về cái Không siêu việt, b. Sự độc đáo thứ hai của Tâm Kinh là nói Bát-nhã là một bài chú, c. Sự độc đáo thứ ba của Tâm Kinh là đem Bát-nhã và Không của Bát-nhã làm thành một cảnh ngữ đề tu học Bát-nhã; 5. Lược nói các pháp số trong Tâm Kinh: Về 5 uẩn, Về 12 xứ, Về 18 giới, Về 12 nhân duyên, Về 4 đế, Về 2 chuyển y; 6. Thử hội dịch Tâm Kinh, Phần II. Lược giải, Tiết 1. Lược giải đầu đề, Tiết 2. Lược giải chính văn, Mục 1. Mở đầu, Mục 2. Nói về Bát-nhã, Đoạn 1. Nói về Bát-nhã, Đoạn 2. Nói về đại dụng của Bát-nhã, Mục 3. Nói về thần chú Bát-nhã, Tiết 3. Viết tắt lại Tâm Kinh; Ghi chú. (https://thuvienhoasen.org/Kinh/Giang_giai_Kinh)

889. Lược giảng BỒ-TÁT GIỚI

Việt dịch:

HT. Thích Trí Tịnh (1917-2014)

Lược giảng:

HT. Thích Duy Lực (1923-2000)

Nxb Tôn Giáo, PL. 2559 – DL. 2015

Sách có khổ 14.5 x 20.5cm, dày 150 trang, bìa mềm. Nội dung gồm có: Lời nói đầu, *Kinh Phạm Võng*, Mười Điều Trọng và Bốn mươi tám Điều Khinh; Tổng kết, Lưu thông.

Xem: (10 điều giới trọng và 48 điều giới khinh) trong Kinh Phạm Võng.

890. Lược giảng KINH ANH LẠC

Lược giảng: *Tỳ-kheo Thích Thiện Nhơn*
Nxb Tôn Giáo, PL. 2553 – DL. 2010
Sách có khổ 14.5 x 20.5cm, dày 229 trang.
Nội dung gồm có 8 phẩm: Lời nói đầu, Phần Tổng quát, P.1 Đại chúng tập hợp, P.2 Danh tự của bậc Hiền Thánh, P.3 Học quán của Hiền Thánh, P.4 Thích nghĩa, P.5 Phật mẫu, P.6 Nhân quả, P.7 Đại chúng thọ học, P.8 Pháp hội giải tán.

891. Lược giảng KINH KIM CANG

Hán dịch: *Ngài Tam tạng Pháp sư Cưu-ma-la-thập*
Việt dịch và Lược giảng:
Thích Duy Lực (1923-2000)
Nxb Tôn Giáo, PL. 2560 – DL. 2017
Sách có khổ 14 x 20cm, dày 133 trang, bìa mềm. Nội dung gồm có: Lời nói đầu, Lời dịch giả; *Lược giảng Kinh Kim Cang*, Giải thích đề Kinh, và 32 phẩm Kinh; Phần phụ: Phần vấn đáp, Hướng dẫn thực hành tham Tổ sư Thiên.
Xem: (32 phẩm) *Kinh Kim Cang Bát-nhã Ba-la-mật*

892. Lược giảng KINH LĂNG-NGHIÊM

Lược giảng:
HT. Thích Duy Lực (1923-2000)
Nxb Tôn Giáo, PL. 2557 – DL. 2014
Sách có khổ 14.5 x 20.5cm, dày 692 trang, bìa mềm, nền trắng, chữ tựa màu xanh dương và đỏ, có hình vẽ mỹ thuật Tổ Bồ-đề Đạt-ma (nhỏ) đứng trên cành lau.
Nội dung gồm có 10 quyển: Lời nói đầu, Lời dịch giả, Giải thích Đề Kinh; *Q.I, Bảy chỗ gạn hỏi tìm tâm*: Phá chấp tâm ở ngoài thân, Phá chấp tâm ở trong thân, Phá chấp tâm ẩn núp sau con mắt, Phá chấp nhắm

mắt thấy tôi là thấy trong thân, Phá chấp sự suy nghĩ là tâm, Phá chấp tâm ở chính giữa, Phá chấp tất cả vô trước là tâm; *Q.II, Ngũ âm vốn vô sanh*: Sắc âm vốn vô sanh, Thọ âm vốn vô sanh, Tưởng âm vốn vô sanh, Hành âm vốn vô sanh, Thức âm vốn vô sanh; *Q.III, Lục nhập*, Nhãn nhập vốn vô sanh, Nhĩ nhập vốn vô sanh,... Ý nhập vốn vô sanh, *Thập nhị xứ*, nhãn căn với sắc trần vốn vô sanh, Ý căn với pháp trần vốn vô sanh, *Thập bát giới*, Nhãn căn-sắc trần-nhãn thức vốn vô sanh, Ý căn-pháp trần-ý thức vốn vô sanh, *Thất đại*, Tánh thức đại vốn vô sanh; *Q.IV; Q.V, Q.VI, Q.VII, Q.VIII*, Sao gọi là trợ nhân? Sao gọi là nạo sạch chánh tánh? Sao gọi là xoay ngược hiện nghiệp, Thập tín, Thập trụ, Diệu giác, Dục giới; *Q.IX*, Sắc giới, Sơ thiên, Nhị thiên, Tam thiên, Tứ thiên, Ngũ tinh cư thiên, Vô sắc giới, A-tu-la, Ma ngũ ấm, Ma sắc ấm, Ma thọ ấm, Ma tưởng ấm; *Q.X*, Ma hành ấm, Ma thức ấm.
Tác phẩm Kinh này đã xuất bản năm PL. 2552 – DL. 2009, Nxb Tôn Giáo.

893. Lược giảng KINH PHÁP BẢO ĐÀN

Lược giảng: *HT. Tuyên Hóa (1918-1995)*
Nội dung tác phẩm Kinh này gồm có 10 phẩm: Phần Lược tự; P.1 Hành do, P.2 Bát-nhã, P.3 Nghi vấn, P.4 Định-Huệ, P.5 Tọa thiền, P.6 Sám hối, P.7 Cơ duyên, P.8 Đốn-Tiệm, P.9 Tuyên chiếu, P.10 Phó chúc. (<https://thuvienhoasen.org>, *Kinh/Giảng giải Kinh*)

894. Lược giảng KINH PHẬT THUYẾT A-DI-ĐÀ

Lược giảng: *HT. Tuyên Hóa*
Nxb Tôn Giáo – 2008. Kinh có khổ 14 x 20cm, dày 238 trang.
Nội dung sơ lược gồm có: I. Thích danh, II. Hiện thể, III. Minh tông, IV. Luận

dụng, V. Phán giáo, Dịch giả: Đồi Dao Tần, ngài Tam tạng Pháp sư Cưu-ma-la-thập dịch, Biệt giải văn Kinh.

895. Lược giảng KINH VIÊN GIÁC

Việt dịch: *Tỳ-kheo Thích Trí Hải*

Nxb Tôn Giáo – 2014

Kinh có khổ 14.5 x 20.5cm, dày 246 trang, bìa mềm.

Nội dung gồm có 2 phần: Lời nói đầu, Khái quát bản Kinh, Thích nghĩa đề Kinh; Phần lược giải, P.1 Cảnh giới viên giác, P.2 Đại Trí Văn-thù, P.3 Đại Hạnh Phổ Hiền, P.4 Bồ-tát Phổ Nhãn, P.5 Bồ-tát Kim Cang Tạng, P.6 Bồ-tát Di-lặc, P.7 Bồ-tát Thanh Tịnh Tuệ, P.8 Bồ-tát Oai Đức Tự Tại, P.9 Bồ-tát Biện Âm, P.10 Bồ-tát Tịnh Nghiệp Chương, P.11 Bồ-tát Phổ Giác, P.12 Bồ-tát Viên Giác, P.13 Bồ-tát Hiền Thiện Thủ; Phần Thọ trì, Tham lễ Tam Bảo, Phần Kinh văn, Phần dịch âm, Thư mục tham khảo.

M

896. MA-HA BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA ĐẠI MINH CHÚ KINH

Việt dịch: *Quảng Minh*

Tác phẩm Bát-nhã Đại minh chú Kinh này gồm có 6 bản: 1. *Ma-ha Bát-nhã Ba-la-mật Đa đại minh chú Kinh*, No. 250; Hán dịch: Tam tạng Pháp sư Cưu-ma-la-thập (Kumarajiva, 344-413); 2. *Bát-nhã Ba-la-mật-đa Tâm Kinh*, No. 251, Hán dịch: Tam tạng Pháp sư Huyền Trang (602-664); 3. *Phổ biến Trí tạng Bát-nhã Ba-la-mật-đa Tâm Kinh*, No. 252; 4. *Bát-nhã Ba-la-mật-đa Tâm Kinh*, No. 253, Hán dịch: Tam tạng Bát-nhã và Lợi Ngôn; 5. *Bát-nhã Ba-la-mật-đa Tâm Kinh* (Bản Thạch thất Đôn Hoàng), No. 255, Hán dịch: Tam tạng Pháp sư Pháp Thành; 6. *Phật thuyết Thánh Phật mẫu Bát-nhã Ba-la-mật-đa Tâm Kinh*, No. 257, Hán dịch: Tam tạng Đại sư Thi Hộ. (ngày 23/10/2014). (<https://quangduc.com>, *Kinh-Hán tạng*)

897. MA-HA BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA TÂM KINH

Lược giải: *Đại đức Thích Tuệ Hải*

Nxb Tôn Giáo – 2013

Kinh có khổ 15 x 21cm, dày 187 trang, bìa mềm, có tay gấp, chữ tựa mạ vàng, có hình Đức Phật Thích-ca ngồi, tay kiết ấn. Nội dung gồm có: I. Phần chánh văn Kinh Ma-ha Bát-nhã Ba-la-mật-đa, II. Phần dịch Ma-ha Bát-nhã Ba-la-mật-đa Tâm Kinh, 1. Ý nghĩa phần tựa Kinh, 2. Giải nghĩa phần chánh văn, gồm có văn Kinh và Giảng giải; III. Kết luận.

898. MẬT TẠNG PHẬT GIÁO

– 9 Tập

Biên dịch: HT. Thích Thiên Tâm, SM. Thích Viên Đức, SM. Thích Quảng Trí, Huyền Thanh, Vọng Chí & Diệu Lý

Tập I, Mật Tạng Phật Giáo, PL. 2544 – DL. 2000, Biên dịch: Sa-môn Thích Quảng Trí & Huyền Thanh, dày 454 trang, bìa cứng, nền màu đỏ, chữ mạ vàng. Nội dung gồm có: 1. Lời nói đầu; 2. Đại Tỳ-lô-giá-na thành Phật Thần biến Gia trì Kinh (No. 848), có 7 quyển, 3. Chư Phật tâm Đà-la-ni (No. 918), 4. Chư Phật Tâm ấn Đà-la-ni Kinh (No. 919), 5. Phật Tâm Kinh Phẩm (No. 920), 6. Phật Tâm Trung Tâm Ấn (No. 920), 7. A-súc Như Lai Niệm tụng Cúng dường Pháp (No. 921), 8. Dược Sư Lưu Ly Quang Như Lai Tiêu trừ Tai nạn Niệm tụng Nghi quỹ (No. 922), 9. Dược Sư Như Lai Quán hạnh Nghi quỹ (No. 923), 10. Dược Sư Như Lai Niệm tụng Nghi quỹ (No. 924 A), 11. Dược Sư Như Lai Niệm tụng Nghi quỹ (No. 924 B), 12. Dược Sư Nghi quỹ Nhất cụ (No. 924 C), 13. Dược Sư Lưu Ly Quang Thất Phật Bốn nguyện Công đức Kinh Niệm tụng Nghi quỹ, Quyển thượng-Quyển hạ (No. 925, a-b), 14. Dược Sư Lưu Ly Quang Thất Phật Bốn nguyện Công đức Kinh Niệm tụng Nghi quỹ Cúng dường Pháp (No. 926), 15. Dược Sư Thất Phật Cúng dường Nghi quỹ Như ý Kinh (No. 927), 16. Dược Sư Thất Phật Cúng dường Nghi quỹ (No. 928), 17. Biểu tượng của Cõi Tịnh thổ Lưu Ly (No. 929), 18. Cửu Phẩm Vãng sinh A-di-đà Tam-ma-địa Tập Đà-la-ni Kinh (No. 933), 19. Phật thuyết Vô lượng thọ Công đức Đà-la-ni Kinh (No. 934), 20. Mâu-lê Đà-la-ni chú Kinh (No.1007); Cách Đọc âm Tất-đàn bằng âm tiếng Việt (Nguyên âm, Phụ âm);

Tập II, Mật Tạng Phật Giáo, PL. 2544 – DL. 2000, Biên dịch: Sa-môn Thích Quảng Trí & Huyền Thanh, dày 465 trang, bìa cứng, nền màu đỏ, chữ mạ vàng. Nội dung gồm có: 1. Lời nói đầu; 2. Vô lượng thọ Như Lai Quán hạnh Cúng dường Nghi quỹ (No. 930), 3. Kinh Cương Đỉnh Kinh Quán Tự Tại vương Như Lai Tu hành Pháp (No. 931), 4. Cực Lạc nguyện văn (No. 935), 5. Đại thừa Vô lượng Kinh (No. 936), 6. Phật thuyết Đại thừa Thánh Vô lượng thọ Quyết định Quang minh vương Đà-la-ni (No. 937), 7. Quán Tự Tại Thành tựu Du-già Liên hoa bộ Niệm tụng Pháp môn (No. 1030), 8. Thánh Quán Tự Tại Bồ-tát Tâm Chân ngôn Du-già Quán hạnh Nghi quỹ (No. 1031), 9. Du-già Liên hoa Bộ Niệm tụng Pháp (No. 1032), 10. Kim Cương Khủng bố Tập hội Phương quảng Quỹ nghi Quán Tự Tại Bồ-tát Tam thế Tối thắng Tâm minh vương Kinh (No. 1033), 11. Chú Ngũ thủ (No. 1034), 12. Thiên chuyển Đà-la-ni Quán Thế Âm Bồ-tát chú (No. 1035), 13. Thiên chuyển Đà-la-ni Kinh (No. 1036), 14. Quán Tự Tại Bồ-tát Thuyết Phổ Hiền Đà-la-ni Kinh (No. 1037), 15. Thanh tịnh Quán Tự Tại Phổ Hiền Đà-la-ni Kinh (No. 1038), 16. A-lợi-đa-la Đà-la-ni A-lỗ-lực Kinh (No. 1039), 17. Kim Cương Đỉnh giảng Tam thế Đại Nghi quỹ Pháp vương Giáo trung Quán Tự Tại Bồ-tát Tâm Chân ngôn Nhất thiết Như Lai Liên hoa Đại Mạn-noa-la Phẩm (No. 1040), 18. Quán Tự Tại Bồ-tát Tâm Chân ngôn Nhất ấn Niệm tụng Pháp (No. 1041), 19. Quán Tự Tại Bồ-tát Đại bi Trí ấn Chu biến Pháp giới Lợi ích Chúng sanh huân Chân như Pháp (No. 1042), 20. Phật thuyết Nhất thiết Phật nhiếp Trương ung Đại giáo vương Kinh Thánh Quán Tự Tại Bồ-tát Niệm tụng Nghi quỹ (No. 1051), 21. Tán Quán Thế Âm Bồ-tát tụng (No. 1052), 22. Thánh Quán Tự Tại Bồ-tát

Công đức tán (No. 1053), 23. Thánh Quán Tự Tại Bồ-tát 108 Danh Kinh (No. 1054), 24. Phật thuyết Thánh Quán Tự Tại Bồ-tát Phạm tán, 25. Đại Tùy Cầu Bồ-tát, 26. Phổ biến Quang minh Thanh tịnh Xí thịnh Như ý Bảo ấn Tâm vô năng thắng Đại minh vương Đại Tùy Cầu Đà-la-ni Kinh (No. 1153), Quyền thượng-Quyền hạ, 27. Ghi chú Phạn bản: Đại Tùy Cầu Đại Đà-la-ni, 28. Đại Tùy Cầu Đà-la-ni Phạn bản, 29. Phật thuyết Tùy cầu Tức đắc Đại Tự tại Đà-la-ni Thần chú Kinh (No. 1154), 30. Kim Cương Đỉnh Du-già Tối thắng Bí mật thành Phật Tùy cầu Tức đắc Thần biến Gia trì Thành tựu Đà-la-ni Nghi quỹ (No. 1155), 31. Đại Tùy Cầu Tức đắc Đà-la-ni Minh vương Sám hồi Pháp (No. 1156 A), 32. Tông quyền Tăng chính (No. 1156 B), 33. Tùy cầu Tức đắc Đà-la-ni Phạn bản, 34. Phật thuyết Phổ biến Quang diễm Man Thanh tịnh Xí thịnh Như ý Bảo châu Ấn tâm Vô năng thắng Tùy cầu Đại minh vương Đà-la-ni, 35. Tùy cầu Đại Hộ minh vương Đại Tâm Đà-la-ni, 36. Kim Cang Thủ Quang minh Quán đánh Kinh Tối thắng Lập ấn Thánh Vô động Tôn Đại oai nộ Niệm tụng Nghi quỹ Pháp Phẩm (No. 1199), 37. Cát Tường Thiên nữ, 38. Công đức Thiên Pháp, 39. Đại Cát Tường Thiên nữ 12 khế 108 danh Vô cầu Đại thừa Kinh (No. 1253), 40. Phật thuyết Đại Cát Tường Thiên nữ 12 danh hiệu Kinh (No. 1252), 41. Phật thuyết Đại Cát Tường Thiên nữ 12 danh hiệu Kinh (No. 1252 Bis), 42. Phật thuyết Đại Cát Tường Đà-la-ni Kinh (No. 1381), 43. Bảo Tạng Thiên, 44. Bảo Tạng Thiên nữ Đà-la-ni Pháp (No. 1282), 45. Tăng Tuệ Đà-la-ni Kinh (No. 1372), 46. Phật thuyết Liên hoa Nhân Đà-la-ni Kinh (No. 1411), 47. Phật thuyết Bảo sinh Đà-la-ni Kinh (No. 1412), 48. Phật thuyết Bí mật Bát danh Đà-la-ni Kinh (No.

1366), 49. Phật thuyết Túc mệnh Trí Đà-la-ni Kinh (No. 1383);

Tập III, Mật Tạng Phật Giáo, PL. 2546 – DL. 2002, Biên dịch: TT. Thích Thiền Tâm, SM. Thích Viên Đức, SM. Thích Quảng Trí & Huyền Thanh, dày 503 trang, bìa cứng, nền màu đỏ, chữ mạ vàng. Nội dung gồm có: 1. Lời nói đầu; 2. Kinh Tô-tát-địa Yết-ra (No. 893), Quyền thượng-Quyền trung-Quyền hạ, 3. Tô-bà-hô Đồng tử Kinh (No. 895), Quyền thượng-Quyền trung-Quyền hạ, 4. Nhân vương Bát-nhã Niệm tụng Pháp (No. 995), 5. Nhân vương Bát-nhã Đà-la-ni Thích (No. 996), 6. Phật nói Kinh Thủ hộ Đại thiên Quốc thổ (No. 999), Quyền thượng-Quyền trung-Quyền hạ, 7. Phật nói Kinh Đại thừa Trang nghiêm Bảo vương (No. 1050), có 4 Quyền, 8. Sơ lược Tín ngưỡng Thiên Thủ Quán Âm, 9. Các Kinh bản Thiên Thủ Quán Âm, 10. Kim Cương Đỉnh Du-già Thiên Thủ Thiên Nhân Quán Tự Tại Bồ-tát Tu hành Nghi quỹ Kinh (No. 1056), Quyền thượng-Quyền hạ, 11. Thế Tôn Thánh giả Thiên Thủ Thiên Nhân Túc thiên Thiết thiên Tý Quán Tự Tại Bồ-đề Tát-đỏa Phộc Quảng đại Viên mãn Vô ngại Đại bi Tâm Đà-la-ni (No. 1056 và No. 1056 B), Dịch âm 1 - 2, Phục hồi và Chú thích, 12. Thiên Thủ Thiên Nhân Quán Tự Tại Bồ-tát Chân ngôn (No. 1056), Âm Hán Việt, Phục hồi và Chú thích Phạn văn, 13. Thiên Thủ Thiên Tý Quán Thế Âm Bồ-tát Đà-la-ni Thần chú Kinh (No. 1057), Quyền thượng-Quyền hạ, Thiên Thủ Thiên Tý Đà-la-ni Quán Thế Âm Bồ-tát Đà-la-ni Thần chú, 14. Thiên Thủ Thiên Nhân Quán Thế Âm Bồ-tát Đà-la-ni Thân Kinh (No. 1058), Thiên Thủ Thiên Tý Quán Thế Âm Bồ-tát Đà-la-ni Thần chú, 15. Thiên Thủ Thiên Nhân Quán Thế Âm Bồ-tát Đại Thần chú (No.

1062 A), 16. Thiên Thủ Thiên Tý Quán Thế Âm Bồ-tát Đại Thần chú, Tựa Các bài Đại bi Tâm Đà-la-ni, 17. Ý nghĩa Hồng danh Thanh cảnh Quán Thế Âm Bồ-tát, 18. Kinh Thiên Thủ Thiên Nhân Quán Thế Âm Bồ-tát Quảng đại Viên mãn Vô ngại Đại bi Tâm Đà-la-ni (No. 1060), 19. Thiên Thủ Thiên Nhân Quán Tự Tại Bồ-tát Quảng đại Viên mãn Vô ngại Đại bi Tâm Đà-la-ni Chú bản (No. 1061), 20. Thiên Thủ Thiên Nhân Quán Thế Âm Bồ-tát Đại bi Tâm Đà-la-ni (No. 1064), 21. Thiên Quang nhân Quán Tự Tại Bồ-tát Bí mật Pháp Kinh (No. 1065), 22. Đại Bi Tâm Đà-la-ni Tu hành Niệm tụng Lược nghi (No. 1066), 23. Bồ-đà-lạc Hải hội Chư tôn Phương vị Lược xuất Nghi quỹ Hình sắc (No. 1067), 24. Nghi quỹ Pháp tập Thứ tự của Thiên Thủ Quán Âm (No. 1068), 25. Thanh cảnh Quán Tự Tại Bồ-tát Đà-la-ni Kinh (No. 1111), 26. Kim Cương Đỉnh Du-già Thanh cảnh Đại bi vương Quán Tự Tại Bồ-tát Niệm tụng Nghi quỹ (No. 1112), 27. Quán Tự Tại Bồ-tát Quảng đại Viên mãn Vô ngại Đại bi Tâm Đà-la-ni (No. 1113 A), 28. Thanh cảnh Đại bi Tâm Đà-la-ni, 29. Đại từ Đại bi Cứu khổ Quán Thế Âm Tự tại vương Bồ-tát Quảng đại Viên mãn Vô ngại Tự tại Thanh cảnh Đại bi Tâm Đà-la-ni (No. 1113 B), 30. Đại Bi Căn bản Chú, 31. Mahà Karunika citta Dhàrani, 32. Đại Bi Tâm Đà-la-ni, 33. Trì Thế Đà-la-ni Kinh (No. 1162), 34. Phật thuyết Vũ bảo Đà-la-ni Kinh (No. 1163), 35. Trì Thế Đà-la-ni, 36. Phật thuyết Đại thừa Thánh Cát tường Trì Thế Đà-la-ni Kinh (No. 1164), 37. Thánh Trì Thế Đà-la-ni Kinh (No. 1165);

Tập IV, Mật Tạng Phật Giáo, PL. 2546 – DL. 2002, Biên dịch: *Sa-môn Thích Quảng Trí, Vọng Chí, Diệu Lý & Huyền Thanh*; dày 498 trang; bìa cứng, nền màu

đỏ, chữ mạ vàng. Nội dung gồm có: 1. Lời nói đầu; 2. Nhiếp Đại Tỳ-lô-giá-na thành Phật Thần biến Gia trì Kinh (No. 840), có 3 quyển, và 189 câu Phạn văn và Phạn dịch âm; 3. Đại Tỳ-lô-giá-na Kinh Quảng đại Nghi quỹ (No. 851), Quyển thượng-Quyển trung-Quyển hạ, 4. Đại Tỳ-lô-giá-na Lược yếu Túc tặc Môn ngũ chi Niệm tụng Pháp (No. 858), 5. Thất Chi Niệm tụng Tùy hành Pháp (No. 856), 6. Tỳ-lô-giá-na Ngũ tự Chân ngôn Tu tập Nghi quỹ (No. 861), 7. A-đô-lê Đại Mạn-đồ-la Quán đĩnh Nghi quỹ (No. 862), 8. Phật thuyết Kim Cương Trường Trang nghiêm Bát-nhã Ba-la-mật-đa Giáo (No. 886), 9. Kinh Tô-tát-địa Yết-la (Dị bản của No. 893), Quyển thượng-Quyển trung-Quyển hạ, 10. Phật nói Xí thanh Oai đức Tiêu tai Cát tường Đà-la-ni Kinh (No. 963), 11. Phật nói Đại oai đức Kim luân Phật đĩnh Xí thịnh Quang Như Lai Tiêu trừ Nhứt thiết Tai nạn Đà-la-ni Kinh (No. 964), 12. Kỳ Tồi thắng Kim luân Phật đánh Niệm tụng Nghi quỹ Pháp yếu (No. 940), 13. Thánh Hạ-dã-hột-li-phộc Đại Uy nộ vương lập thành Đại Thần nghiêm Cúng dường Niệm tụng Nghi quỹ Pháp Phẩm (No. 1072), Quyển thượng-Quyển hạ, 14. Mã Đầu Quán Âm Tâm Đà-la-ni (No. 1072 B), 15. Ha-gia-yết-lợi-bà Tượng Pháp (No. 1073), 16. Ha-gia-yết-lợi-bà Quán Thế Âm Bồ-tát Yếu pháp Đàn (No. 1074), 17. Tín ngưỡng Đà-la Bồ-tát, 18. Tôn tượng Đà-la Bồ-tát, 19. Đà-la Bồ-tát Chân ngôn pháp, 20. Kinh Tán dương 108 danh của Đa-la Tôn Bồ-tát (No. 1106), 21. Lễ tán 21 Thế Tôn Thánh Tà-rà Thiên và Công đức lợi ích, 22. Kinh Lễ tán 21 loại Thánh Cứu độ mẫu, 23. Kinh Lễ tán 21 loại Cứu độ Phật mẫu (No. 1108 B), 24. Kinh Lễ Thánh Tà-rà, người bảo vệ khỏi tám nạn, 25. Đa-la Bồ-tát Hộ trì, 26. Phật thuyết Thánh Đa-la Bồ-tát Kinh (No. 1104), 27. Kim Cương Đỉnh

Kim Đa-la Bồ-tát Niệm tụng Pháp (No. 1102), 28. Quán Tự Tại Bồ-tát Tùy Tâm chú Kinh (No. 1103), 29. Thánh Đa-la Bồ-tát 108 danh Kinh (No. 1105), 30. Ngự chế Cứu độ Phật mẫu tán (No. 1108 A), 31. Bạch Cứu độ Mẫu tán (No. 1109), 32. Thánh Cứu độ Phật mẫu Tu hành Pháp, 33. Pháp Thành tựu Quán niệm Lục độ mẫu, 34. Pháp Trường thọ của Bạch Tà-rà, 35. Thánh Ca-nễ Phần nộ Kim Cương Đồng tử Bồ-tát Thành tựu Nghi quỹ Kinh (No. 1222), Quyền thượng-Quyền trung-Quyền hạ;

Tập V, Mật Tạng Phật Giáo, PL. 2547 – DL. 2003, Biên dịch: *Sa-môn Thích Quảng Trí, Vọng Chí & Huyền Thanh*; dày 506 trang; bìa cứng, nền màu đỏ, chữ mạ vàng. Nội dung gồm có: 1. Lời nói đầu; 2. Chư Phật Cảnh giới nhiếp Chân thật Kinh (No. 868), Quyền thượng-Quyền trung-Quyền hạ, 3. Kim Cương Đỉnh Du-già 18 Hội chỉ quy (No. 869), 4. Lược thuật Kim Cương Đỉnh Gia trì Phân biệt Thánh vị Tu chứng Pháp môn Kinh (No. 870), 5. Kim Cương Đỉnh Du-già Lược thuật 37 tôn Tâm yếu (No. 871), 6. Kim Cương Đỉnh Du-già 37 Tôn Xuất sinh nghĩa (No. 872), 7. Kim Cương Đỉnh Nhất thiết Như Lai Chân thật Nhiếp Đại thừa Hiện chứng Đại giáo vương Kinh (No. 874), Quyền thượng-Quyền hạ, 8. Kim Cương Đỉnh Kim Cương Giới Đại Đạo tràng Tỳ-lô-già-na Tự thọ dụng thân Nội chứng Trí quyền thuộc Pháp thân (No. 878), 9. Kim Cương Đỉnh Du-già 37 tôn lễ (No. 879), 10. Du-già Kim Cương Đỉnh Kinh Thích tự mẫu Phẩm (No. 880), 11. Mười sáu Tôn đời Hiền kiếp (No. 881), 12. Diệu Tý Bồ-tát Sở vấn Kinh (No. 896), có 4 quyền, 13. Phật thuyết Tỳ-nại-da Kinh (No. 898), 14. Mười tám Khế ấn (No. 900), 15. Tổng Thích Đà-la-ni Nghĩa tán (No. 902), 16.

Đô Bộ Đà-la-ni mục (No. 903), 17. Niệm tụng Kết Hộ pháp Phổ thông Chú bộ (No. 904), 18. Phật đảnh Tôn thắng Tâm phá Địa ngục Chuyển nghiệp chương Xuất Tam giới Bí mật Đà-la-ni (No. 907), 19. Nghi Thọ Bồ-tát Tâm giới (No. 915), 20. Phật đảnh Tôn thắng Đà-la-ni Kinh (No. 967), 21. Phật đảnh Tôn thắng Đà-la-ni Kinh (No. 968), 22. Phật đảnh Tôn thắng Đà-la-ni Kinh (No. 969), 23. Tôn thắng Phật đảnh Đà-la-ni Tịnh trừ Nghiệp chương chú Kinh (No. 970), 24. Phật nói Kinh Tôn thắng Phật đảnh Đà-la-ni (No. 971), 25. Phật đảnh Tôn thắng Đà-la-ni Niệm tụng Nghi quỹ (No. 972), 26. Tôn thắng Phật đảnh Du-già Nghi quỹ (No. 973), Quyền thượng-Quyền hạ, 27. Tôn thắng Phật đảnh Đà-la-ni (No. 974 A), 28. Phật đảnh Tôn thắng Đà-la-ni (No. 974 B), 29. Gia cú Linh nghiệm Phật đảnh Tôn thắng Đà-la-ni ký (No. 974 C), 30. Ghi chú nghĩa của Phật đảnh Tôn thắng Đà-la-ni (No. 974 D), 31. Phật đảnh Tôn thắng Đà-la-ni Chân ngôn (No. 974 E), 32. Phật đảnh Tôn thắng Đà-la-ni Pháp (No. 974 F), 33. Phật thuyết Nhất thiết Như Lai Ô-sắc-ni-sa Tối thắng Tổng trì Kinh (No. 978), 34. Vu-sắt-ni-sa Tả-dã Đà-la-ni (No. 979), 35. Phật đảnh Tôn thắng Đà-la-ni Thần chú (No. 1320), 36. Tôn thắng Đà-la-ni (Mật tạng Đồ tượng 10), 37. Phật đảnh Tôn thắng Đà-la-ni (Thiện Vô Úy), 38. Phật đảnh Tôn thắng Đà-la-ni (Hoằng Pháp), 39. Phật đảnh Tôn thắng Đà-la-ni (Bảo Tư Duy), 40. Usnisa vjaya Dhàrani (Pháp Thiên), 41. Bạch Tán cái Đại Phật đảnh vương Tối thắng Vô tỷ đại Uy đức Kim Cương Vô ngại Đại Đạo trường Đà-la-ni Niệm tụng Pháp yếu (No. 975), 42. Phật đảnh Đại Bạch Tán cái Đà-la-ni Kinh (No. 976), 43. Phật thuyết Đại Bạch Tán cái Tổng trì Đà-la-ni Kinh (No. 977), 44. Đại Bạch Tán cái Phật mẫu Tổng trì Tán

thần Đảo chúc kệ, 45. Đại thắng Kim Cương Phật đĩnh Niệm tụng Nghi quỹ (No. 980), 46. Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm Kinh Nhập Pháp giới Phẩm 42 Tự quán môn (No. 1019), 47. Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm Kinh Nhập Pháp giới Đốn chứng Tỳ-lô-giá-na Pháp thân Tự luân Du-già Nghi quỹ (No. 1020), 48. Hoa Nghiêm Tâm Kinh Đà-la-ni (No. 1021), 49. Pháp Hoa Can Tâm Chân ngôn (Đại Tạng 3), 50. Lục tự chú Đà-la-ni Kinh (No. 1046), 51. Phật thuyết Thánh Lục tự Đại Minh vương Đà-la-ni Kinh (No. 1047), 52. Thánh Lục tự Tăng thọ Đại minh Đà-la-ni Kinh (No. 1049), 53. Mã Minh Bồ-tát Đại Thần lực Vô tỷ nghiệm pháp Niệm tụng Nghi quỹ (No. 1166), 54. Tỳ-sa-môn Thiên vương Kinh (No. 1244), 55. Phật thuyết Tỳ-sa-môn Thiên vương Kinh (No. 1245), 56. Ma-ha Phệ-thất-la-mạt-na Dã-đề-bà-hát-la-xà Đà-la-ni Nghi quỹ (No. 1246), 57. Bắc phương Tỳ-sa-môn Thiên vương Tùy quân Hộ pháp Nghi quỹ (No. 1247), 58. Bắc phương Tỳ-sa-môn Thiên vương Tùng quân Hộ pháp Chân ngôn (No. 1248), 59. Tỳ-sa-môn Nghi quỹ (No. 1249), 60. Bắc phương Tỳ-sa-môn Đa văn Bảo tạng Thiên vương Đà-la-ni Biệt hạnh Nghi quỹ (No. 1250), 61. Kinh Kim Cương Thọ mệnh, 62. Phật thuyết Vô úy Đà-la-ni Kinh, 63. Kệ Hồi hướng, 64. Mục lục;

Tập VI, Mật Tạng Phật Giáo, PL. 2548 – DL. 2004, Biên dịch: *Sa-môn Thích Quảng Trí & Huyền Thanh*; dày 503 trang; bìa cứng, nền màu đỏ, chữ mạ vàng. Nội dung gồm có: 1. Lời nói đầu; 2. Kim Cương Đỉnh Kinh Du-già Tu tập Tỳ-lô-giá-na Tam-ma-địa Pháp (No. 867), 3. Kim Cương Đỉnh Kinh Tỳ-lô-giá-na Nhất bách Bát tôn Pháp thân Ấn khê (No. 877), 4. Nhất thiết Bí mật Tối thượng Danh

ngĩa Đại giáo vương Nghi quỹ (No. 888), Quyền thượng-Quyền hạ, 5. Đại Thánh Diệu Cát tường Bồ-tát Thuyết trừ tai Giáo lệnh Pháp luân Nghi quỹ (No. 966), 6. Phật nói Kinh Thủ hộ Đại Thiên quốc thổ (No. 999), Quyền thượng-Quyền trung-Quyền hạ, 7. Thịnh Quán Thế Âm Bồ-tát Tiêu phục Độc hại Đà-la-ni Chú Kinh (No. 1043), 8. Phật thuyết Lục tự Thần chú vương Kinh (No. 1045), 9. Chuẩn Đề Phật mẫu, 10. Phật thuyết Thất-câu-đê Phật mẫu Chuẩn-đề Đại minh Đà-la-ni Kinh (No. 1075), 11. Thất-câu-đê Phật mẫu Sở thuyết Chuẩn-đề Đà-la-ni Kinh (No. 1076), 12. Phật thuyết Thất-câu-đê Phật mẫu Tâm Đại Chuẩn-đề Đà-la-ni Kinh (No. 1077), 13. Thất-câu-đê Phật mẫu Tâm Đại Chuẩn-đề Đà-la-ni Pháp (No. 1078), 14. Thất-câu-đê Độc bộ Pháp (No. 1079), 15. Phật thuyết Trì minh tạng Du-già Đại giáo Tôn-na Bồ-tát Đại minh Thành tựu Nghi quỹ (No. 1169), có 4 quyển, 16. Chuẩn-đề Tam-muội Hành Pháp (No. 1481), 17. Đại Chuẩn-đề Bồ-tát Phần Tu Tất-địa Tam-muội Sám hối Huyền văn (TTK No. 1482), 18. Như ý Luân Đà-la-ni Kinh (No. 1080), 19. Phật thuyết Quán Tự Tại Bồ-tát Như ý Tâm Đà-la-ni chú Kinh (No. 1081), 20. Quán Thế Âm Bồ-tát Bí mật tạng Như ý Luân Đà-la-ni Thần chú Kinh (No. 1082), 21. Quán Thế Âm Bồ-tát Như ý Đà-la-ni Kinh (No. 1083), 22. Quán Thế Âm Bồ-tát Như ý Ma-ni luân Đà-la-ni Niệm tụng Pháp (No. 1084), 23. Quán Tự Tại Bồ-tát Như ý luân Niệm tụng Nghi quỹ (No. 1085), 24. Quán Tự Tại Bồ-tát Như ý luân Du-già (No. 1086), 25. Như ý luân Bồ-tát Quán môn Nghĩa chú Bí quyết (No. 1088), 26. Đồ biểu Như ý Ma-ni Chuyển luân Thánh vương Thứ đệ Niệm tụng Tối yếu Lược pháp (No. 1089), 27. Phật thuyết Như ý luân Liên hoa Tâm Như Lai Tu hành Quán môn nghi (No. 1090),

28. Thất tinh Như ý luân Bí mật pháp Kinh (No. 1091), 29. Quán Tự Tại Bồ-tát Như ý luân chú Khóa pháp và Tựa (ĐTK, quyển 46, No. 1952), 30. Phật thuyết Từ Thị Bồ-tát Đà-la-ni (No. 1142), 31. Phật thuyết Từ Thị Bồ-tát Thệ nguyện Đà-la-ni Kinh (No. 1143), 32. Phật thuyết Di-lặc Bồ-tát Phát nguyện vương kệ (No. 1144), 33. Đại Hư Không Tạng Bồ-tát Niệm tụng Pháp (No. 1146), 34. Thánh Hư Không Tạng Bồ-tát Đà-la-ni Kinh (No. 1147), 47. Ngũ đại Hư Không Tạng Bồ-tát Tốc-tật Đại thần Nghiệm Bí mật thức Kinh (No. 1149), 36. Địa Tạng Bồ-tát Nghi quỹ (No. 1158), 37. Kiên Cố Đại Đạo Tâm khu sách Pháp (No. 1159), 38. Phật nói Kinh A-di-đà Bí mật Căn bản Thần chú (TTK, No. 205), 39. Thắng quân Bất động Minh vương Tứ thập bát Sứ giả Bí mật Thành tựu Nghi quỹ (No. 1205), 40. Sử chú Pháp Kinh (No. 1267), 41. Đại Thánh Hoan hỷ Song thân Đại Tự tại Thiên Tỳ-na-dạ-ca vương Quy y Niệm tụng Cúng dường Pháp (No. 1270), 42. Quyển Kim Sắc-ca-na-bà-đề Cửu mục thiên Pháp (TTK), 43. Phật thuyết Kim Sắc-ca-na-bát-đề Đà-la-ni Kinh (No. 1269), 44. Ma-hê-thủ-la Thiên pháp yếu (No. 1279), 45. Thâm Sa Đại tướng Nghi quỹ (No. 1291), 46. Thí Bát thiên Nghi tắc (No. 1294), 47. Cúng dường Hộ thế Bát Thiên pháp (No. 1295), 48. Thập Thiên Nghi quỹ (No. 1296), 49. Phật thuyết Thánh diệu Mẫu Đà-la-ni Kinh (No. 1303), 50. Tú diệu Nghi quỹ (No. 1304), 51. Bắc đầu Thất tinh Niệm tụng Nghi quỹ (No. 1305), 52. Bắc đầu Thất tinh Hộ ma Bí yếu Nghi quỹ (No. 1306), 53. Phật thuyết Bắc đầu Thất tinh Diên mệnh Kinh (No. 1037), 54. Bắc đầu Thất tinh Hộ ma Pháp (No. 1310), 55. Phật nói Đại Như ý Bảo châu luân Ngu vương Thủ hộ Thần chú (TTK), 56. Ngũ đại Ngu vương Vũ bảo Đà-la-ni Nghi quỹ

(TTK), 57. Mã Minh Bồ-tát Thành tựu Tất-địa Niệm tụng (TTK, No. 206), 58. Mục lục;

Tập VII, Mật Tạng Phật Giáo, PL. 2550 – DL. 2006, Biên dịch: *Sa-môn Thích Quảng Trí, Huyền Thanh & Vọng Chi*; dày 501 trang; bìa cứng, nền màu đỏ, chữ mạ vàng. Nội dung gồm có: 1. Lời nói đầu; 2. Đại Nhật Kinh Lược nhiếp Niệm tụng Tỳ hành Pháp (No. 857), 3. Đại Tỳ-lô-giá-na Lược yếu Tốc-tật Môn ngũ chi Niệm tụng Pháp (No. 858), 4. Kim Cương Phong Lâu các Nhất thiết Du-kỳ Kinh (No. 867), Quyển thượng-Quiển hạ, 5. Mười tám Khế ấn (No. 900), 6. Phật nói Kinh Bí mật Tam-muội Đại Giáo vương (No. 883), có 4 quyển, 7. Đại Phật đánh Quảng tụ Đà-la-ni Kinh (No. 946), có 5 quyển, 8. Đại Phật đánh Như Lai Phóng quang Tất-đất-đa Bát-đát-ra Đại Thần lực đô Nhiếp Nhất thiết chú vương Đà-la-ni Kinh (No. 974), 9. Chú Tam thủ Kinh (No. 1338), 10. Mẫu-lê Đà-la-ni Kinh (No. 1007), 11. Phật thuyết Hồi hướng luân Kinh (No. 998), 12. Phật nói Tạo pháp Diên mạng Công đức Kinh (No. 1026), 13. Phật nói Hộ chư Đồng tử Đà-la-ni Kinh (No. 1028 A), 14. Đồng tử Kinh Niệm tụng Pháp (No. 1028 B), 15. Phật nói An trạch chú Kinh (No. 1029), 16. Thánh Quán Tự Tại Bồ-tát Tâm Chân ngôn Du-già Quán hạnh Nghi quỹ (No. 1031), 17. Du-già Liên hoa bộ Niệm tụng Pháp (No. 1032), 18. Quán Tự Tại Bồ-tát Tâm Chân ngôn Nhất ấn Niệm tụng Pháp (No. 1041), 19. Quán Tự Tại Bồ-tát Đại bi Trí ấn Chu biến Pháp giới Lợi ích Chúng sanh huân Chân như Pháp (No. 1042), 20. Diệp y Quán Tự Tại Bồ-tát Kinh (No. 1100), 21. Hương vương Bồ-tát Đà-la-ni Kinh (No. 1157), 22. Kim Cương Đỉnh Thắng Sơ Du-già Phổ Hiền Bồ-tát Niệm tụng Pháp (No. 1123), 23. Phật

thuyết Phổ Hiền Ma-nô-la Kinh (No. 1126), 24. Phật thuyết Phổ Hiền Đà-la-ni Kinh (No. 1127), 25. Thánh Kim Cương thủ Bồ-tát Nhất bách bát Danh Phạm tán (No. 1131), 26. Kim Cương Đỉnh Siêu thắng Tam giới Kinh thuyết Văn-thù Ngũ tự Chân ngôn Thắng tướng (No. 1172), 27. Ma-nô-thù-thất-lợi Đồng tử Bồ-tát Ngũ tự Du-già Pháp (No. 1176), 28. Văn-thù Bồ-tát hiến Phật Đà-la-ni danh Ô-tô-tra (No. 1178), 29. Lục tự chú Kinh (No. 1180), 30. Phật thuyết Văn-thù-sur-lợi 108 danh Phạm tán (No. 1197), 31. Tu tập Bát-nhã Ba-la-mật Bồ-tát Quán hạnh Niệm tụng Nghi quỹ (1 quyển, No. 1151), 32. Phật thuyết Phật mẫu Bát-nhã Ba-la-mật-đa Đại minh Quán tướng Nghi quỹ (No. 1152), 33. Phật thuyết Quán tướng Phật mẫu Bát-nhã Ba-la-mật-đa Bồ-tát Kinh (No. 259), 34. Phật thuyết Thánh Phật mẫu Tiểu tự Bát-nhã Ba-la-mật-đa Kinh (No. 258), 35. Phật thuyết Câu-lợi-già-la Đại long Thắng ngoại đạo Phục Đà-la-ni Kinh (No. 1206), 36. Thuyết Cu-lý-ca Long vương Tượng pháp (No. 1207), 37. Câu-lực-ca Long vương Nghi quỹ (No. 1208), 38. Kim Cương Đỉnh Du-già giảng Tam thế Thành tựu Cực thâm mật môn (1 quyển, No. 1209), 39. Giảng Tam thế Phần nộ Minh vương Niệm tụng Nghi quỹ (No. 1210), 40. Quán Tự Tại Bồ-tát Hóa thân Như ngưu lợi Đồng nữ Tiêu phục Độc hại Đà-la-ni Kinh (No. 1264), 41. Phật thuyết Như ngưu lợi Đồng nữ Kinh; 42. Dẫn nhập, 43. Phật thuyết Huyền hóa Vông đại Du-già Giáo thập Phần nộ Minh vương Đại minh Quán tướng Nghi quỹ Kinh (No. 891), 44. Kim Cương Ô-xu-sa-ma Pháp ấn Chú Phẩm (1 quyển, No. 901), 45. Đại Uy nộ Ô-sáp-sa-ma Nghi quỹ Kinh (No. 1225), 46. Ô-sáp-sa-ma Minh vương Nghi quỹ Phạm tự (No. 1226), 47. Đại Oai lực Ô-khu-sa-ma Minh vương Kinh (Quyển

thượng, No. 1227 A; Quyển trung, No. 1227 B; Quyển hạ, No. 1227 C), 48. Uế Tích Kim Cương thuyết Thần thông Đại mãn Đà-la-ni Pháp thuật yếu môn (1 quyển, No. 1228), 49. Uế Tích Kim Cương Cẩm bách biến Pháp môn Kinh (1 quyển, No. 1229), 51. Phật thuyết Xuất sinh Nhất thiết Như Lai Pháp nhãn Biến chiếu Đại lực Minh vương Kinh (No. 1243), Quyển thượng-Quyển hạ, 52. Phật thuyết Ma-lợi-chi Bồ-tát Đà-la-ni Kinh, 53. Phật thuyết Ma-lợi-chi Thiên Kinh, 54. Ma-lợi-chi Bồ-tát Lược Niệm tụng Pháp (No. 1258), 55. Ma-lợi-chi Thiên Nhất ấn Pháp (No. 1259), 56. Đại Thánh Hoan hỷ Song thân Tỳ-na-dạ-ca Pháp (No. 1266), 57. Sử chú Pháp Kinh (No. 1267), 58. Ma-ha Tỳ-lô-già-na Định Tuệ quân đấng Nhập Tam-muội-da thân song thân Đại Thánh Hoan hỷ Thiên Bồ-tát Tu hành Bí mật pháp Nghi quỹ (No. 1271), 59. Bí mật Yếu thuật Pháp (No. 188), 60. Mục lục;

Tập VIII, Mật Tạng Phật Giáo, PL. 2551 – DL. 2007, Biên dịch: *Sa-môn Thích Quảng Trí & Huyền Thanh*; dày 499 trang; bìa cứng, nền màu đỏ, chữ mạ vàng. Nội dung gồm có: 1. Lời nói đầu; 2. Đại Tỳ-lô-già-na thành Phật Thần biến Gia trì Kinh (No. 852), 2 quyển, 3. Đại Tỳ-lô-già-na thành Phật Thần biến Gia trì Kinh (Dị bản của No. 852), Quyển thượng-Quyển hạ, 4. Thai Tạng Phạm tự Chân ngôn (No. 854), 5. Thanh Long Tự quỹ Ký (No. 855), 6. Danh hiệu Kim Cương Giáo pháp của Thai tạng giới (No. 864 B), 7. Bồ-đề tràng Sở thuyết Nhất tự Đảnh luân vương Kinh (No. 950), có 5 quyển, 8. Bảo Tát-địa thành Phật Đà-la-ni Kinh (No. 962), 9. Đại Phương quảng Phật Hoa Nghiêm Kinh Nhập Pháp giới Phẩm Tứ thập nhị tự Quán môn (No. 1019), 10. Đại Phương quảng Phật Hoa Nghiêm Kinh Nhập Pháp giới

Phẩm Đôn chứng Tỳ-lô-giá-na Pháp thân tự luân Du-già Nghi quỹ (No. 1020), 11. Nhất thiết Như Lai Tâm Bí mật Toàn thân Xá-lợi Bảo khiếp Ấn Đà-la-ni Kinh (No. 1022 A), 12. Nhất thiết Như Lai Tâm Bí mật Toàn thân Xá-lợi Bảo khiếp Ấn Đà-la-ni, 13. Quán Tự Tại Đại bi Thành tựu Du-già Liên hoa bộ Niệm tụng Pháp môn (No. 1030), 14. Kim Cương Khủng bố Tập hội Phương quảng Quỹ Kinh Quán Tự Tại Bồ-tát Tam thế Tối thắng Tâm Minh vương Kinh (No. 1033), 15. Chú Ngũ thủ (No. 1034), 16. Thiên chuyển Đà-la-ni Quán Thế Âm Bồ-tát chú (No. 1035), 17. Quán Tự Tại Bồ-tát Thuyết Phổ Hiền Đà-la-ni Kinh (No. 1037), 18. Thanh tịnh Quán Thế Âm Phổ Hiền Đà-la-ni Kinh (No. 1038), 19. Kim Cương đỉnh giáng Tam thế đại Nghi quỹ Pháp vương Giáo trung Quán Tự Tại Bồ-tát Tâm Chân ngôn Nhất thiết Như Lai Liên hoa Đại Man-noa-la Phẩm (No. 1040), Phật thuyết Nhất thiết Phật nhiếp Trương ung Đại Giáo vương Kinh Thánh Quán Tự Tại Bồ-tát Niệm tụng Nghi quỹ (No. 1051), 20. Bất không Quyển sách Thần chú Tâm Kinh (No. 1094), 21. Thánh Vô động Tôn Nhất tự Xuất sinh bát Đại Đồng tử Bí yếu Pháp Phẩm (No. 1024), 22. Băng-yết-la Thiên đồng tử Kinh (No. 1263), 23. Bảo tạng Thiên nữ Đà-la-ni Pháp (No. 1282), 24. Kiên lao Địa Thiên Nghi quỹ (No. 1282), 25. Cúng dường 12 Trời Đại Uy đức Phẩm Báo ân (No. 1297), 26. Nghi quỹ Cúng 12 Thiên (No. 1298), 27. Trừ Nhất thiết Nhân Tật Đà-la-ni Kinh (No. 1323), 28. Năng tĩn Nhất thiết Nhân Tật Đà-la-ni Kinh (No. 1324), 29. Phật nói Kinh Điều trị bệnh trĩ (No. 1325), 30. Phật thuyết Chú Thời khí bệnh Kinh (No. 1326), 31. Phật thuyết Đại Thất bảo Đà-la-ni Kinh (No. 1368), 32. Phật thuyết Đại ái Đà-la-ni Kinh (No. 1379), 33. Phật nói Kinh Bát-lan-na-xa-

phộc-ly Đại Đà-la-ni (No. 1384), 34. Phật thuyết Câu-chỉ-la Đà-la-ni Kinh (No. 1385), 35. Phật thuyết Diệu sắc Đà-la-ni Kinh (No. 1386), 36. Bạt tế Khổ nạn Đà-la-ni Kinh (No. 1395), 37. Phật nói Kinh Bạt trừ Tội chướng chủ vương (No. 1396), 38. Phật nói Kinh Diệt trừ Ngũ nghịch Tội Đà-la-ni (No. 1399), 39. Phật nói Kinh Tiêu trừ Nhất thiết Tai chướng Bảo kế Đà-la-ni (No. 1400), 40. Phật thuyết Như ý Bảo tổng Trì Kinh (No. 1404), 41. Phật nói Kinh Liên hoa Nhân Đà-la-ni (No. 1411), 42. Phật nói Kim thân Đà-la-ni Kinh (No. 1414); 43. Mục lục;

Tập IX, Mật Tạng Phật Giáo, PL. 2544 – DL. 2000, Biên dịch: *Sa-môn Thích Quảng Trí & Huyền Thanh*; dày 493 trang; bìa cứng, nền màu đỏ, chữ mạ vàng. Nội dung gồm có: 1. Lời nói đầu; 2. Đại Tỳ-lô-giá-na Kinh A-xà-lê Chân thật Trí phẩm trung A-xà-lê trụ A tự Quán môn (No. 863), 3. Bất không Quyển sách Tỳ-lô-giá-na Phật đại Quán đỉnh quang Chân ngôn (No. 1002), 4. Kinh Đại Bảo quảng Bác lâu các Thiện trụ Bí mật Đà-la-ni (No. 1005 A), Quyển thượng-Quyển trung-Quyển hạ, 5. Bảo lâu các Kinh Phạm tự Chân ngôn (No. 1005 B), 6. Kinh Bồ-đề trường Trang nghiêm Đà-la-ni (No. 1008), 7. Vô cấu Tịnh quang Đà-la-ni Kinh (No. 1024), 8. Kinh Phật đỉnh Phóng Vô cấu Quang minh nhập Phổ môn Quán sát Nhưt thiết Như Lai Tâm Đà-la-ni (No. 1025), Quyển thượng-Quyển hạ, 9. Ngũ đại Hư Không Tạng Bồ-tát Túc-tật đại Thần nghiệm Bí mật Thức Kinh (No. 1149), 10. Kim Cương đỉnh Kinh Thắng sơ Du-già trung Lược xuất đại lạc Kim Cương Tát-đỏa Niệm tụng nghi (No. 1120 A), 11. Thắng sơ Du-già Nghi quỹ Chân ngôn (No. 1120 B), 12. Kim Cương Thọ mệnh Đà-la-ni Niệm tụng Pháp (No. 1135), 13.

Kim Cương Thọ mệnh Đà-la-ni Kinh Pháp (No. 1134 A), 14. Kinh Kim Cương Thọ mệnh Đà-la-ni (No. 1134 B), 15. Phật nói Kinh Nhất thiết Như Lai Kim Cương Thọ mệnh Đà-la-ni (No. 1135), 16. Phật nói Kinh Nhất thiết chư Như Lai Tâm Quang minh Gia trì Phổ Hiền Bồ-tát Diên mệnh Kim Cương Tối thắng Đà-la-ni (No. 1136), 17. Kinh Kim Cương Bí mật Thiện môn Đà-la-ni chú (No. 1138 A), 18. Kinh Kim Cương Bí mật Thiện môn Đà-la-ni (No. 1138 B), 19. Kinh Hộ mệnh Pháp môn Thần chú (No. 1139), 20. Địa Tạng Bồ-tát Nghi quỹ (No. 1158), 21. Phật nói Kinh Địa Tạng Bồ-tát Đà-la-ni (No. 1159 B), 22. Nhất kế Văn-thù-sư-lợi Đồng tử Đà-la-ni Niệm tụng Nghi quỹ (No. 1183), 23. Phật nói Kinh Văn-thù-sư-lợi Pháp bảo tàng Đà-la-ni (No. 1185 A), 24. Bảo tàng Thần, 25. Phật nói Kinh Bảo tàng Thần Đại minh Mạn-noa-la Nghi quỹ (No. 1283), Quyển thượng-Quyển hạ, 26. Phật nói Kinh Thánh Bảo tàng Thần Nghi quỹ (No. 1284), Quyển thượng-Quyển hạ, 27. Pháp Bồ thí Thức ăn uống với nước cho các loài quỷ đói (No. 1315), 28. Phật nói Kinh Hoa tích Lâu các Đà-la-ni (No. 1359), 29. Phật nói Kinh Đại Phổ Hiền Đà-la-ni (No. 1367), 30. Phật nói Kinh Trang nghiêm vương Đà-la-ni chú (No. 1357), 31. Phật nói Kinh Lạc-xoa Đà-la-ni (No. 1390), 32. Phật nói Kinh Đản-đặc La-ma-du thuật (No. 1391), 33. Kinh đái Thánh Hàn lâm Nan-noa Đà-la-ni (No. 1392), 34. Phật nói Kinh Ma-ni-la-đản (No. 1393), 35. Phật nói Kinh Tiêu trừ Nhất thiết Tai chướng Bảo kế Đà-la-ni (No. 1400), 36. Tiêu trừ Nhất thiết Thiểm điện Chướng nạn Tùy cầu Như ý Đà-la-ni Kinh (No. 1402), 37. Phật nói Kinh Như ý Ma-ni Đà-la-ni (No. 1403), 38. Phật nói Kinh Như ý Bảo Tổng trì vương (No. 1404), 39. Phật nói Kinh Túc trừ Tặc nạn

Đà-la-ni (No. 1405), 40. Phật nói Kinh Tịch trừ Tặc hại chú (No. 1406), 41. Phật nói Kinh Tịch trừ chư ác Đà-la-ni (No. 1407), 42. Phật nói Kinh Tối thượng ý Đà-la-ni (No. 1408), 43. Phật nói Kinh Thánh Tối thắng Đà-la-ni (No. 1409), 44. Thỉnh Quán Thế Âm Bồ-tát Tiêu phục Độc hại Đà-la-ni chú Kinh (No. 1043), 45. Phật nói Kinh Lục tự chú vương Kinh (No. 1044), 46. Phật nói Lục tự Thần chú vương Kinh (No. 1045), 47. Lục tự Thần chú Kinh (No. 1045 B), 48. Lục tự Đà-la-ni chú Kinh (No. 1046), 49. Phật nói Kinh Thánh Lục tự Đại minh vương Đà-la-ni (No. 1047), 50. Phật thuyết Đại Hộ minh đại Đà-la-ni Kinh (No. 1048), 51. Thánh Lục tự Tăng thọ Đại minh Đà-la-ni Kinh (No. 1049), 52. Thiên thủ Thiên nhãn Quán Thế Âm Bồ-tát Trị bệnh Hợp dược Kinh (No. 1059), 53. Quán Tự Tại Như ý luân Bồ-tát Du-già Pháp yếu (No. 1087), 54. Bất không Quyển sách Đà-la-ni Tự tại vương chú Kinh (No. 1097), Quyển thượng-Quyển trung-Quyển hạ, 55. Thập Cam-lộ Đà-la-ni, 56. Mật Giáo Ấn đồ tập; 57. Mục lục.

(Bộ Mật Tạng Phật Giáo này lưu tại Thiền thất Minh Tâm, núi Dinh, thôn Phước Thành, xã Tân Hòa, thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu)

899. MILINDA VÁN ĐẠO,

Tạng Kinh – Tiểu Bộ

Dịch giả: *Tỳ-kheo Indacanda (Trương Đình Dũng)*

PL. 2555 – DL. 2011

Buddhist Cultural Centre,

125 Anderson Road, Nedimala, Dehiwala-Sri Lanka

Printed by: Ajith Printers (Pvt) Ltd. 342 Old Kesbewa Road, Ratanapitiya, Borelesgamuwa, Sri Lanka.

Sách có khổ lớn (20.5 x 29cm), bìa cứng màu đỏ, chữ mạ vàng, dày hơn 706 trang. Nội dung gồm có: Lời tựa-Sinhala và Việt ngữ, Văn bản của Bộ Tôn giáo-Anh và Việt ngữ, Thành phần nhân sự, Lược đồ Tam tạng, Lời giới thiệu, Các chữ viết tắt, Mẫu tự Pali – Sinhala, Mục lục Milinda vấn đạo, Văn bản Pali và văn bản tiếng Việt: Các câu hỏi của Minlinda, Việc hỏi và trả lời các câu hỏi của Milinda, Phần mở đầu-Các câu hỏi đối chọi: I.P Năng lực của thần thông, II.P Không bị chia rẽ, III.P Đã bị đui đi, IV.P Về toàn tri, V.P Thân thiết; Các câu hỏi suy luận: I.P Đức Phật, II.P Không chứng ngại, III.P Vessantara, IV.P Suy luận; Các câu hỏi giảng về các Ví dụ-Các tiêu đề: I.P Lừa, II.P Biền cả, III.P Đắt, IV.P Mối, V.P Su tử, VI.P Nhện, VII.P Chum nước; Đoạn kết, Milinda Vấn đạo được chấm dứt; Phần Phụ lục, Thư mục câu kệ Pali, Thư mục danh từ riêng, Thư mục từ đặc biệt.

900. MI-TIÊN VẤN ĐÁP (MILINDAPANHA)

Dịch giả: HT. Giới Nghiêm (Thitasila Mahàthera, 1921-1984)

Hiệu chính: Tỳ-kheo Giới Đức

Nxb Phương Đông – 2009

Sách có khổ 14.5 x 20.5cm, dày 878 trang, bìa cứng, chữ tựa màu đen và đỏ, có hình tượng Đức Phật đứng, tay kiết ấn. Nội dung gồm có: Tiểu sử Hòa thượng Giới Nghiêm, Lời nói đầu, Kệ lễ bái Tam bảo, Chương mục:

I. Phân dẫn nhập, 1. Ngoại thuyết (Bàhirakathà), 2. Câu chuyện liên quan trong tiền kiếp (Pubbapa Yoga), 2.1 Chuyện về Đức vua Milinda (Mi-lan-đà), 2.2 Chuyện về Đại đức Na-tiên, 2.3 Tháp thoáng bóng sư tử;

II. Nội dung Mi-tiên vấn đáp: 1. Danh, 2. Con số hạ lạc, 3. Đàm thoại như một trí

giả hay như một vương giả, 4. Thịnh mời vào Hoàng cung, 5. Cứu cánh của Sa-môn hạnh, 6. Tái sanh-vô sanh, 7. Chú tâm, 8. Hành tướng của chú tâm và trí tuệ cùng sự khác nhau giữa chúng, 9. Tất cả pháp lành lấy giới làm sở y, 10. Hành tướng của Tín, 11. Hành tướng của Tấn, 12. Hành tướng của Niệm, 13. Hành tướng của Định, 14. Hành tướng của Tuệ, 15. Ngũ Căn-riêng và chung, 16. Tương quan thân trước và sau, 17. Tái sanh và vô sanh, 18. Trí tuệ, 19. Bậc vô sanh có còn đau khổ không? 20. Cảm thọ, 21. Cái gì dẫn dắt đi tái sanh? 22. Không nên hỏi lại câu hỏi đã hỏi, 23. Danh sắc tương quan liên hệ, 24. Thời gian và không còn thời gian, 25. Nguyên nhân của thời gian, 26. Thời gian tối sơ? 27. Có rồi không! Không rồi có, 28. Pháp hành thì sao? 29. Tự nhiên sanh? 30. Tự ngã trong thân? 31. Hãn thức và tâm thức? 32. Hành tướng của Xúc, 33. Hành tướng của Thọ, 34. Hành tướng của Tướng, 35. Hành tướng của Tác ý, 36. Hành tướng của Thức, 37. Hành tướng của Tâm, 38. Hành tướng của Tứ, 39. Lại hỏi về “chú tâm”, 40. Những tâm sở đồng sanh, 41. Về năm giác quan, 42. Bất bình đẳng sai khác của chúng sanh là do nghiệp, 43. Sớm ngăn ngừa điều ác, 44. Lửa địa ngục, 45. Nước dựa khí, 46. Niết-bàn, 47. Ai sẽ đắc Niết-bàn, 48. Làm sao biết Niết-bàn là tối thượng, 49. Có Phật không? 50. Phật là tối thượng tôn bảo, 51. Phật tối thắng như thế nào? 52. Thấy Phật, 53. Khi chết ngũ uẩn diệt theo, 54. Vedagù? 55. Nếu chết mà diệt hết thì thoát khỏi nghiệp, 56. Nghiệp trú ở đâu, 57. Biết còn tái sanh? 58. Phật ở đâu? 59. Thương yêu cái thân? 60. Bậc toàn giác biết tất cả, 61. Tại sao Phật không giống cha mẹ Ngài, 62. Thực hành Phạm hạnh (Brahmacàri), 63. Ai truyền Cu túc giới cho Đức Phật? 64. Nước mắt nào là thuốc?

Nước mắt nào là độc dược? 65. Tham luyến và dứt tham luyến, 66. Trí tuệ ở đâu? 67. Luân hồi, 68. Trí nhớ, 69. Ai cũng có trí nhớ, 70. Có bao nhiêu loại trí nhớ, 71. Tương quan phước và tội, 72. Diệt khổ chưa đến? 73. Cõi Phạm thiên bao xa? 74. Thời gian tái sanh, 75. Sự liên quan giữa kiếp này với kiếp kia, 76. Vào cửa nào để đầu thai, 77. Nhân sanh giác ngộ, 78. Điều lành nhỏ, phước quả lớn. Điều ác lớn, tội báo nhỏ, 79. Kẻ trí làm điều ác, tội báo nhỏ. Người ngu làm điều ác tội báo lớn, 80. Bay bằng thân, 81. Xương dài 100 do-tuần, 82. Biến, 83. Ngung hơi thở, 84. Pháp xuất thế gian, 85. Tuệ xuất thế gian nằm ở đâu, 86. Thức-tuệ và sanh mạng, 88. Thì giờ phải lẽ rồi, 89. Phật và chư Tăng ai phước báu nhiều hơn; *Sự chuẩn bị của đức vua về những câu hỏi Mendaka*, 90. Lễ bái, cúng dường xá-lợi, kim thân Phật, cây Bồ-đề... không có phước báu! 91. Đức Phật có toàn giác không? 92. Đức Thế Tôn có tâm đại bi hay không? 93. Nghi vấn về sự bố thí Ba-la-mật, 94. Bố thí 2 mắt lại được thiên nhãn, 95. Hoài nghi về sự thụ thai, 96. Nghi về thời gian giáo pháp tồn tại, 97. Đức Thế Tôn còn khổ chút ít nào không? 98. Đức Thế Tôn đã thật sự hoàn tất mọi phận sự chưa? 99. Tại sao Đức Thế Tôn không dùng “Tứ thần túc” để duy trì thọ mạng, 100. Chánh pháp của Đức Thế Tôn có vẻ không được hoàn hảo? 101. Tại sao có những câu mà Đức Thế Tôn làm thỉnh không trả lời? 102. Chúng sanh sợ hãi Diêm chúa? 103. Tụng kinh Paritta thật không có lợi ích! 104. Oai lực của Đức Phật thua ma vương? 105. Vì Đức Phật thuyết pháp mà làm cho 60 vị Tỳ-kheo học máu chết! 106. Bạc Thánh cư sĩ sao lại phải đánh lễ, cúng dường Phạm Tăng? 107. Giáo hội của Đức Tôn sư có bị phân ly, chia rẽ không? 108. Tỳ-kheo tạo

nghiệp do không biết, tại sao lại không có tội? 109. Đức Thế Tôn có lãnh đạo, bảo quản Giáo hội Tỳ-kheo không? 110. Tại sao đức Thế Tôn không thu thúc lục căn? 111. Sao đức Thế Tôn có lời nói khiếm nhã? 112. Cái cây có tâm lý không? 113. Bữa cơm của Cunda có vấn đề! 114. Tại sao chư Tăng không được cúng dường nhục thân Như Lai? 115. Quả đất dường như có tâm thức? 116. Đức Phật thuyết về bố thí là để nhận được lợi lộc cúng dường? 117. Tại sao đức Thế Tôn không muốn thuyết pháp sau khi đắc đạo? 118. Ai là thầy của đức Thế Tôn? 119. Thế nào gọi là Sa-môn? 120. Có nên hoan hỷ không khi người ta tán dương Tam Bảo? 121. Sao đức Thế Tôn lại dùng lời ác khẩu, ác ngữ? 122. Đức Thế Tôn còn bất bình, sân hận! 123. Phải chăng đức Thế Tôn không có tâm bi mẫn? 124. Phạm mạo xuất gia cao siêu đến cỡ nào? 125. Đời sống Sa-môn vô tư, như nai trong rừng, sao lại xây chùa, tạo thất liêu? 126. Tại sao đức Thế Tôn không thu thúc cái bụng? 127. Đức Phật muốn che giấu pháp? 128. Lý do nặng nhẹ của tội nói dối! 129. Phước báo của đức Thế Tôn không ưu thắng, tôi thương bằng đê tử của mình? 130. Thần thông của đức Mục-kiền-liên không đương cự nổi thần lực của kẻ giết Ngài? 131. Kiếp áp chót tại cung trời Đâu-suất, đức Bồ-tát quán sát thế gian để làm gì? 132. Roi đi bằng phi pháp? Roi đi bằng pháp? Cắt đứt sự roi? 133. Tâm từ vô lượng không tiêu trừ được các sự họa hại? 134. Quả của thiện và ác nghiệp rất lạ lùng, 135. Sự tà hạnh của người nữ? 136. Các vị A-la-hán còn sợ hãi? 137. Đức Phật dạy cắt đứt sợ hãi? 138. Cái gì nơi đức Thế Tôn là cao quý không ai sánh bằng? 139. Đức Thế Tôn là người khai sáng đạo hay đạo có sẵn từ ngàn xưa? 140. Đức Phật từ bỏ sự tinh tấn, lại khuyên đệ tử nên tinh tấn? 141. Tại sao

có đặc quả nhanh, chậm khác nhau? 142. Về cư sĩ A-la-hán? 143. Tại sao Bồ-tát Loma Kassapa giết hại chúng sanh để tế lễ? 144. Tượng vương Chaddanta thì cung kính y cà-sa, mà Bồ-tát Jotipàla lại nhiếc mắng “Sa-môn trọc đầu”? 145. Về cái nhà không mái của người thợ gốm? 146. Tại sao có lúc đức Phật xưng mình là Bà-la-môn, có khi xưng mình là vua? 147. Tại sao không có hai đức Phật xuất hiện một lần? 148. Không nên cho kẻ phạm tục xuất gia trong Giáo hội thanh tịnh của đức Bôn sư, 149. Thân thợ khổ, tâm có thợ khổ? 150. Giải thêm về “tâm không động”, 151. Người đã phạm “bất cộng trụ” xin tu lại, có đắc đạo quả không? 152. Cư sĩ phá giới và Sa-môn phá giới, hậu quả tội lỗi nặng nhẹ ra sao? 153. Nước có sanh mạng chăng? 154. (Trùng câu 141), 155. Trên thế gian này cái gì không sanh? 156. Bậc A-la-hán còn phạm giới? 157. Cái gì không do nhân, nghiệp, thời tiết sanh? 158. (trùng câu 157), 159. Sao không thấy tử thi của dạ-xoa? 160. Tại sao đức Thế Tôn không cấm chế giới luật một lần? 161. Mặt trời có bệnh không? 162. Lại bệnh của mặt trời nữa! 163. Về chuyện Bồ-tát Vessantara bố thí vợ con! 164. Chư Phật quá khứ có tu khổ hạnh không? 165. Năng lực của thiện và ác nghiệp cái nào mạnh hơn? 166. Hồi hướng phước có hiệu quả không? 167. Hồi hướng ác có được không? 168. Tại sao có chiêm bao? 169. Chết đúng thời và chết không đúng thời, 170. Tại sao nhập Niết-bàn lại có hiện tượng phi thường? 171. Chúng sanh nào có khả năng đắc đạo? 172. Niết-bàn có xen lẫn khổ? 173. Tại sao không diễn tả Niết-bàn một cách cụ thể? 174. Làm sao rõ Niết-bàn, 175. Niết-bàn không ở đâu cả! 176. Có ai thắng Phật không? 177. Đầu-đà khổ hạnh có ích lợi gì?

Những câu hỏi về ví dụ: 178. Về con lừa, 179. Về con gà, 180. Về con sóc, 181. Về con cọp cái, 182. Về con cọp đực, 183. Về con rùa nước, 184. Về cái kèn, 185. Về cây sừng, 186. Về con quạ, 187. Về con khỉ, 188. Về dây bầu leo, 189. Về hoa sen, 190. Về hạt giống, 191. Cây sala xanh tốt, 192. Về chiếc thuyền, 193. Về ghe thuyền dính đá ngầm, 194. Về cột buồm, 195. Về người cầm lái thuyền, 196. Về người làm công, 197. Về biển cả, 198. Về quả đất, 199. Về nước, 200. Về lửa, 201. Về gió, 202. Về núi, 203. Về hư không, 204. Về mặt trăng, 205. Về mặt trời, 206. Về trời Đế-thích, 207. Về Chuyển luân Thánh vương, 208. Về con mối, 209. Về con mèo, 210. Về con chuột, 211. Về con bọ cạp, 212. Về con chồn, 213. Về chó rừng, 214. Về con nai, 215. Về con bò, 216. Về con heo, 217. Về con voi, 218. Về sư tử, 219. Về vịt nước, 220. Về chim Venàhikā mái, 221. Về chim sẻ, 222. Về chim cu, 223. Về con rít, 224. Về con dơi, 225. Về con đĩa, 226. Về con rắn, 227. Về con trăn, 228. Về nhện giăng lưới, 229. Về hài nhi, 230. Về rùa vàng, 231. Về rừng, 232. Về cây đại thọ, 233. Về mưa, 234. Về ngọc mani, 235. Về người săn bắn, 236. Về người câu cá, 237. Về thợ bào gỗ, 238. Về người thợ gốm, 239. Về con quạ, 240. Về cái dù, 241. Về đám ruộng, 242. Thuốc trị độc rắn, 243. Về vật thực, 244. Về người bán cung;

III. Sau cuộc vấn đáp, Thi điều.

Tác phẩm này được xuất bản từ năm 1973, có 2 tập, năm 1981, in tập III; tái bản năm 2003, in chung thành 1 quyển, với tên “Kinh Mi-Tiên vấn đáp”.

901. MỘT TRĂM BÀI KINH PHẬT

Đoàn Trung Còn

Phật Học Tông Thơ xuất bản (in kỳ ba) – 1960

Kinh dày 319 trang, bìa mềm, nền trắng, chữ tựa màu đen, có hình đầu Đức Phật. Nội dung gồm có 100 bài Kinh: Mấy lời đầu; 1. Chư Tỳ-kheo ân hình, 2. Cô dâu kính Phật, 3. Người làm biếng, 4. Người khách thương, 5. Người thợ dệt, 6. Người bệnh nặng, 7. Đóa hoa sen, 8. Hai nhà vua, 9. Một cuộc thê, 10. Phật giảng hòa, 11. Những người thuyền chài, 12. Cây cát nhà, 13. Tắm Phật, 14. Bệnh thời khí, 15. Phép linh, 16. Cuộc lễ trong năm năm, 17. Phật khảy đàn, 18. Cứu kẻ tà dâm, 19. Cúng áo cho Phật, 20. Đồ ăn của Tiên, 21. Chiên đàn hương, 22. Thọ ký cho đứa em nhỏ, 23. Cái bánh xe, 24. Sanh ra trên tòa sen, 25. Nước da mịn màng, 26. Ánh sáng mắt mẽ, 27. Bay qua sông, 28. Mùi thơm ngạt ngào, 29. Chẳng dính dơ, 30. Tiếng êm dịu, 31. Cá linh cứu bệnh, 32. Nhịn miếng ăn, 33. Từ-Bi-Hỷ-Xả, 34. Xả thân cầu đạo, 35. Thí thân cầu pháp, 36. Phải có hiếu, 37. Thỏ độ thầy tu, 38. Liều mình vì pháp, 39. Món nợ lâu đời, 40. Vị đệ tử cuối cùng, 41. Tại lò đường, 42. Mắng chửi thầy tu, 43. Khát nước, 44. Phẫn trong bát, 45. Năm trăm ngạ quỷ, 46. Bà mẹ bỏ sen, 47. Ngạ quỷ mù, 48. Thầy tu rít róng, 49. Mắc lời thê, 50. Thích ở chỗ sinh, 51. Rắn hổ đất, 52. Râu con, 53. Cúng hoa sa-la, 54. Thắp đèn cúng Phật, 55. Mạnh vải che thân, 56. Chim kéc, 57. Sứ giả, 58. Con trâu, 59. Tám giải, 60. Bày ngỗng, 61. Ánh sáng như vàng, 62. Thơm tho, 63. Hình tượng tốt xinh, 64. Mạnh mẽ, 65. Yêu mến, 66. Cặp mắt hoa sen, 67. Tiếng nói như chuông ngân, 68. Một trăm đứa con, 69. Mặt trời, 70. Thương cờ lên tháp Phật, 71. Ánh sáng tốt tươi, 72. Thương yêu, 73. Trắng tinh, 74. Mặt trăng, 75. Cô vũ nữ, 76. Mỹ nữ nước Cá-xi (Kaci), 77. Hộ châu, 78. Bà mẹ hỏi các đời trước, 79. Hạnh phúc, 80. Tướng xấu, 81. Biển, 82. Hoa, 83. Vàng trong tay, 84. Tam tạng, 85.

Vinh hạnh, 86. Sanh ra bằng cách thân thông, 87. Sáng hực, 88. Vua cả xuất gia, 89. Bạt-đê (Bhadrika), 90. Hoàng tử xuất gia, 91. Tu-bồ-đề, 92. Trưởng lão, 93. Hai bàn tay, 94. La-hán còn mắc quả, 95. Luân hồi, 96. Phủ kín, 97. Hình tướng xấu xa, 98. Liều mình chẳng chết, 99. Đệ nhứt về sự thông hiểu dành rành, 100. Tiên Thánh hiệp vậy.

902. MỤC LỤC ĐẠI CHÁNH - TÂN TU ĐẠI TẠNG KINH

Biên soạn: *Nguyễn Minh Tiến*

Hiệu đính: *Nguyễn Minh Hiễn*

Nxb Tôn Giáo – 2005

Sách có khổ 14.5 x 20.5cm, dày 767 trang, bìa cứng, tựa chữ Hán màu đỏ, tựa chữ Việt màu đen, đỏ và xanh dương. Toàn bộ quyển *Mục lục* gồm có: Lời nói đầu, Chính văn, Mục lục Đại chính tân tu Đại tạng Kinh. Sau cùng là 5 Phụ lục: 1. Dịch giả và dịch phẩm, 2. Các triều đại và dịch phẩm, 3. Các dịch phẩm và trước tác của Nhật Bản, 4. Các dịch phẩm và trước tác của Triều Tiên, 5. Các dịch phẩm không rõ triều đại.

903. MỤC LỤC ĐẠI TẠNG KINH Tiếng Việt (Khởi thảo – 2016)

Biên soạn: *Nguyễn Minh Tiến*

Nxb Hồng Đức – 2016

Sách có khổ 16 x 24cm, dày hơn 666 trang, bìa cứng, chữ tựa màu đỏ nhạt và màu vàng, có hình bàn tay Phật, trong lòng tay có bánh xe pháp luân. Nội dung gồm có: Lời nói đầu, *Mục lục Đại Tạng Kinh Tiếng Việt*, Tra cứu theo tên Kinh Hán-Việt, Kinh điển chưa có bản Việt dịch trong Mục lục này, Bộ A-hàm, Bộ Bảo tích, Bộ Bát-nhã, Bộ Bốn duyên, Bộ Đại tập, Bộ Đôn Hoàng, Bộ Du-già, Bộ Hoa Nghiêm, Bộ Kinh tập, Bộ Luận tập, Bộ

Luật, Bộ Mật giáo, Bộ Mục lục, Bộ Ngoại giáo, Bộ Niết-bàn, Bộ Pháp Hoa, Bộ Sử truyện, Bộ Sự vị, Bộ Kinh só-Thiên, Bộ Kinh só-Tịnh độ, Bộ Trung Quán, Tục tạng; Dịch giả Tham gia Việt dịch Kinh điển, Dịch giả và dịch phẩm, Suy nghĩ về Đại Tạng Kinh Tiếng Việt hiện trạng và tương lai, I. Dẫn nhập, II. Phiên dịch Kinh điển sang tiếng Việt, 1. Tiến trình phiên dịch, 2. Tìm hiểu thực trạng hiện nay, a. Tính hệ thống, b. Tính tổ chức, c. Độ tin cậy, d. Tính phổ cập; III. Việt tạng: Hiện trạng và tương lai, 1. Xác định hiện trạng, 2. Một số ý kiến đề xuất, a. Hệ thống hóa Kinh điển Việt dịch, b. Kết nối cộng đồng dịch giả, c. Chuẩn hóa và đồng thuận, d. Đa dạng hóa việc lưu hành Kinh điển; IV. Thay lời kết.

904. Mười bài giảng

KINH BÁT ĐẠI NHÂN GIÁC

Giảng giải: HT. Thích Tinh Vân

Việt dịch: Thích Minh Quang

Nxb Tôn Giáo, PL. 2545 – DL. 2001

Kinh có khổ 14.5 x 20.5cm, dày 179 trang, bìa mềm. Toàn bộ tác phẩm này gồm có 10 bài giảng chính, ở mỗi bài có các phần: Hán văn, phiên âm, dịch nghĩa, dịch thơ và giảng. Phần đầu là Mười công đức lớn, Lời người dịch, Phật thuyết kinh Tám Điều Giác Ngộ, Lược sử ngài An Thế Cao; Bài 1. Khái thuật về kinh Bát Đại Nhân Giác, Bài 2. Thế giới quan của Phật giáo, Bài 3. Đa dục là căn bản của sinh tử luân hồi, Bài 4. Tri túc là căn bản để gìn giữ đạo nghiệp, 5. Tinh tấn là căn bản để hàng phục ma chướng, 6. Trí tuệ là căn bản để chuyển hóa ngu mê, 7. Bố thí là căn bản để rộng độ chúng sinh, 8. Trì giới là căn bản để tiết chế dục vọng, 9. Tâm Đại thừa là căn bản phổ độ chúng sinh, 10. Tổng kết kinh Bát Đại Nhân Giác.

N

905. NA-TIÊN TỶ-KHEO KINH và Thi-ca-la-việt Kinh

Việt dịch: Đoàn Trung Còn (1908-1988)

Phật học Thơ xã xuất bản – (in kỳ ba)

Kinh có 85 trang, bìa mềm, chữ tựa màu đen, có hình vua Di-lan-đà tham vấn Phật pháp với Tỳ-kheo Na-tiên. Nội dung gồm có: Bài tựa, I. Tích ngài Na-tiên và vua Di-lan-đà, Kinh thành Xá-kiệt, Từ những đời trước, Vua Di-lan-đà, Chư La-hán thỉnh đức Đại Tiên giảng, Thánh Lôu-hán bị phạt, Đức Na-tiên giảng sanh và học hành, Na-tiên thọ giới xuất gia, Na-tiên đến thọ giáo với Át-ba-nhựt, Na-tiên đến xứ Hoa-thị, Na-tiên đến thành Xá-kiệt, Di-lan-đà đi kiếm Na-tiên; II. Vấn đáp về đạo lý, Không có người, Con số, Cách nói chuyện của nhà đạo đức và nhà vua chúa, Tranh biện, Vua thỉnh Na-tiên vào đền, Vua đãi yến Na-tiên, Mục đích của kẻ tu xuất gia, Tại sao phải luân hồi, Những phương pháp giải thoát, Nhứt tâm và trí tuệ, Các điều thiện, Thành tín là trong sạch, Thành tín là tinh tấn, Hiếu thuận, Nghị lực, Ý niệm lành, Nhứt tâm thiền định, Trí tuệ, Hiệu lực của các điều thiện, Sự dính dấp đời trước với đời sau, La-hán biết mình hết luân hồi, Trí tuệ với thông minh, Sự đau khổ của bậc La-hán, Sự vui khổ thanh và trược, Tên gọi và thân sắc lai sanh, Na-tiên trách vua hỏi đi hỏi lại, Tên gọi và thân sắc, Thời gian, Nguồn gốc của thời gian, Nguyên thủy của thời gian, Hợp lại và xúc động, Có non duyên mới sanh ra, Chẳng có thân hồn, Giác quan với tâm thần, Tâm thần và thọ cảm, Thọ cảm, Giác, Sở niệm, Nội động, Không thể phân tách các nỗi lòng, Muối; III. Vấn đáp về

những chỗ tinh vi, Duyên nghiệp của ngũ quan, Nguyên nhân bất bình đẳng ở đời, Phải làm lành từ trước, Lửa địa ngục, Nước chịu lấy đất, Niết-bàn là Tịch diệt, Đắc Niết-bàn, Niết-bàn là cảnh sướng, Phật có ra đời, Phật là cao thượng hơn hết, Tại sao biết Phật là cao thượng hơn hết, Pháp, Sanh ra sữa, Thần hồn, Đời trước phạm tội-đời sau phải trả, Sự thiện-ác vẫn theo mình, Không thể biết trước những quả về sau, Biết rằng mình còn luân hồi, Đức Phật ngự ở đâu, Tại sao nhà sư lăn lóc lấy thân, Phật biết hết, Tại sao Phật không giống cha mẹ, Bất chữ, Sự truyền giải, Nước mắt lành, Mê-tỉnh, Trí tuệ ở tại đâu, Trí nhớ, Nhớ tự nhiên và nhớ khích thích, Mười bảy cách nhớ, Nhỏ nhỏ quả to, Từ mặt đất đến cảnh trời Phạm thiên, Sanh ra một lượt, Phân biệt thiện ác, Việc thiện là trọng hệ, Hai người làm ác, Bay lên trên không, Xương dài 100 do-tuần, Ngung hơi thở, Biên, Phân tách vật tỉ mỹ, Thức-trí và thần hồn, Sự khó, Bài cuối cùng; IV. Phụ trương: Thi-ca-la-việt Kinh. Tác phẩm Kinh này đã được Phật học Thơ xã xuất bản năm 1941 (in lần đầu), In tại Nhà in Đức Lưu Phương (Sài Gòn), với nhan đề “Na-tiên Tỳ-kheo Kinh hay là Vua Di-lan-đà hỏi đạo”.

906. NIỆM PHẬT KINH

Đại Chánh Tân Tu Đại Tạng Kinh, Chư Tôn Bộ 4, Quyển 47, số 1966

(Tám Gương soi của người niệm Phật)

Tuyển tập: *Đại sư Đạo Cảnh và Đại sư Thiện Đạo*

Tuyển dịch: *Sa-môn Thích Hồng Nhơn*

Nội dung gồm có 11 chương: Lời giới thiệu, Dẫn nhập; C.I Khuyến tấn niệm Phật, C.II Tự lực và Tha lực, C.III Niệm Phật được lợi ích, C.IV Đã được vãng sanh nhiều ít, C.V So lường Công đức niệm Phật, C.VI So sánh việc Trì trai và

làm Phước, C.VII Nghi và bài báng niệm Phật mắc tội nặng, C.VIII Thệ nguyện chứng nghiệm Giáo pháp, C. IX Rộng nhiếp các Giáo, C.X Giải thích các điều Nghi hoặc, C.XI Niệm Phật ra khỏi Ba cõi, Lời bạt.

(<https://thuvienhoasen.org>, Tịnh Độ)

907. NIỆM PHẬT VIÊN ĐÓN TAM KINH

Việt dịch: *Minh Lễ*

Vạn Đức Tự (Thủ Đức),

PL. 2512 – DL. 1968

Nội dung gồm có: Tựa – Thọ giả Hòa thượng, Tự - của Bồ-tát giới Bành Tế Thanh, I. Kinh Văn-thù Sở thuyết Bát-nhã, vài lời sau Kinh Văn-thù Sở thuyết Bát-nhã; II. Như Lai Bất khả tư nghì Cảnh giới; III. Kinh Bát Chu Tam-muội, Q.1, P.1 Vấn pháp, P.2 Tư duy, P.3 Tam-muội hành, P.4 Thấy Phật; Q.2, P.5 Chánh tín, P.6 Quán sát, P.7 Giới hạnh đầy đủ, P.8 Thọ ký; Q.3, P.9 Công đức Thọ trì, P.10 Mau chứng Bồ-đề, P.11 Đầy đủ năm pháp, P.12 Xa lìa phân biệt; Q.4, P.13 Vô tránh hạnh, P.14 Pháp bất cộng, P.15 Công đức tùy hỷ, P.16 Phụng sự Pháp sư, P.17 Chúc lụy; Vài lời sau Kinh Bát Chu Tam-muội; Lời bạt (Minh Lễ); Tiểu sử Cư sĩ Bồ-tát Bành Tế Thanh. (Bản lưu tại Thư viện Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam tại Tp. Hồ Chí Minh; Mã sách: Vie 1960)

NG

908. NGŨ KINH TỊNH ĐỘ

Dịch giả:

HT. Thích Trí Tịnh (1917-2014)

Tu viện Quảng Đức (Australia) ấn hành,
PL. 2561 – DL. 2017

Tác phẩm Kinh này dày hơn 163 trang; nội dung gồm có: Lời khai thị của Đức Trưởng lão HT. Thích Trí Tịnh về pháp tu Tụng Kinh; 1. Kinh A-di-đà, 2. Phẩm Phương tiện (Kinh Pháp Hoa), 3. Phẩm Phổ Môn (Kinh Pháp Hoa), 4. Kinh Kim Cang Bát-nhã, 5. Phẩm Phổ Hiền (Kinh Hoa Nghiêm). (<https://quangduc.com>, *Kinh-Hán tạng*)

NGH

909. Nghi Thức

KINH TỤNG HÀNG NGÀY

Biên soạn: Thích Phước Tiến

Nxb Hồng Đức – 2015

Sách có khổ 13 x 20.5cm, dày 462 trang.

Tác phẩm gồm có 4 phần chính, trong đó có 16 Kinh. Nội dung: Lời nói đầu; *Phần A.* Dẫn nhập, *Phần B.* Chánh Kinh: Sám hối Hồng danh, Sám hối Sáu căn, Kinh Người áo trắng, Kinh Từ tâm, Kinh Sáu Pháp vô thượng, Kinh Hiền nhân, Kinh Nền tảng Đạo đức Xã hội, Kinh Phổ môn, Kinh Bốn lãnh vực Quán niệm, Kinh Quán niệm hơi thở, Kinh Diệt trừ Phiền hận, Kinh Giáo hóa người bệnh, Kinh Nhận thức Vô thường và Đau khổ, Kinh Cúng thí người mất, Kinh Nghiệp báo Tái sanh, Kinh A-di-đà, Kinh Kim Cương gương báu Cắt đứt phiền não, Kinh Lời dạy sau

cùng; *Phần C.* Bát-nhã, Hồi hướng, Tam tự Quy; *Phần D.* Các bài sám: Sám nguyện, Sám Phát nguyện sám hối, Sám Cầu nguyện, Sám Cầu an, Sám Quan Âm, Sám Phát nguyện Vãng sanh, Sám Phổ Hiền, Sám Mười phương, Sám Di-đà, Sám Cầu sanh Tịnh độ, Sám Báo hiệu Phụ thân, Sám báo hiệu Mẫu thân, Sám Nhất tâm, Sám Thảo lư, Sám Hồng trần, Sám Tống tang, Bài Tụng lễ Phật Khánh đản, Bài Tụng lễ Phật Xuất gia, Bài Tụng lễ Phật Thành đạo, Bài Tụng lễ Phật Niết-bàn, Bài Tụng 12 hiệu An dưỡng, Bài Tụng 12 hiệu Quán Âm.

910. NGHI THỨC TỤNG NIỆM

Thực hiện: Tỳ-kheo Thích Đồng Văn

Nxb Tôn Giáo, PL. 2555 – DL. 2011

Sách có khổ 14.5 x 20.5cm, dày 296 trang, bìa cứng, chữ tựa mạ vàng.

Nội dung gồm có 3 phần: *I. Nghi thức:* A. Phần khai Kinh, 1. Dâng hương, 2. Tán dương, 3. Đảnh lễ Tam bảo, 4. Tán hương, 5. Bài kệ khai Kinh; B. Phần Nội dung, 1. Kinh A-di-đà, 2. Nghi thức Thí thực; C. Phần Hồi hướng, 1. Chú Tôn thắng, 2. Kinh Bát-nhã, 3. Chú Đại bảo; *II. Các bài Kinh:* 1. Hồng danh Sám hối, 2. Kinh Tám điều Thượng nhân Giác ngộ, 3. Kinh Di-lặc, 4. Kinh Mười nguyện Phổ Hiền, 5. Kinh Phổ môn, 6. Kinh Người áo trắng, 7. Kinh Hải đảo Tự thân, 8. Kinh Tuổi trẻ và Hạnh phúc, 9. Kinh Phước đức, 10. Kinh Soi gương, 11. Kinh Diệt trừ Phiền giận, 12. Kinh Trung đạo Nhân duyên, 13. Kinh Ba cửa Giải thoát, 14. Kinh A-na-luật-đà, 15. Kinh Người bắt rắn, 16. Kinh Sức mạnh Quán Âm, 17. Kinh Vô thường, 18. Kinh Độ người Hấp hối, 19. Kinh Vu Lan; *III. Các bài Sám:* 1. Sám nguyện, 2. Sám Phát nguyện Sám hối, 3. Sám Cầu nguyện, 4. Sám Phát nguyện Vãng sanh, 5. Sám Phổ Hiền, 6. Sám Mười Phương, 7. Sám

Nhất Tâm, 8. Sám Thảo lục, 9. Sám Hồng trần, 10. Sám Tổng táng, 11. Sám Vu Lan, 12. Bài Tụng lễ Phật Khánh đàn, 13. Bài Tụng lễ Phật Xuất gia, 14. Bài Tụng lễ Phật Thành đạo, 15. Bài Tụng lễ Phật Niết-bàn, 16. Bài Tụng 12 hiệu An dưỡng, 17. Bài Tụng 12 hiệu Dược Sư, 18. Bài Tụng 12 hiệu Quán Âm.

911. NGHI THỨC TỤNG NIỆM

Đại Toàn – Bằng Quốc văn

Hội đồng Giáo thọ Đạo tràng Mai Thôn

Lá Bối xuất bản

Sách dày 384 trang, bìa mềm, nền đỏ, chữ tựa màu trắng, có hình biểu tượng hoa sen ở trong có chùa Một Cột (nhỏ), có viền khung hoa văn; bìa sau góc trên có hình (bán thân) Thiền sư Thích Nhất Hạnh.

Nội dung gồm có: Lời tựa, Lời chỉ dẫn, *Các Nghi thức*: Công phu tại gia, Sám hối, Chúc tán Rằm và mừng Một, Chúc tán Tổ sư, Hộ niệm Cầu an, Hộ niệm Siêu độ, Cúng Ngọ, Thí Thực, Thọ Trai, Cúng Thất, Tẩy tịnh và Nhập liệm, Thành Phục (Thọ tang), Gia trì Nước tịnh, Tắm Bụt, Vu Lan, Hôn Lễ, Truyền Ba Quy Năm Giới, Truyền Giới Tiếp hiện, Tụng Giới Thiếu nhi và Năm Giới, Tụng Giới Tiếp hiện; *Kinh văn*: Kinh Yêu thương, Kinh Phước đức, Kinh A-nậu-la-độ, Kinh Tám điều Giác ngộ của Các bậc Đại nhân, Kinh Người Biết sống một mình, Kinh Ba Cửa Giải thoát, Kinh Độ Người Hấp hối, Kinh Bát-nhã Hành, Kinh Kim Cương Gươm báu Cắt đứt Phiền não, Kinh Người Áo trắng, Kinh Người Bất rần, Kinh Sức Mạnh Quán Âm, Kinh Trung Đạo Nhân Duyên, Kinh Mười nguyện Phổ Hiền, Kinh Tuổi trẻ và Hạnh phúc, Kinh Soi Gương, Kinh Diệt trừ Phiền giận, Kinh Hải đảo Tự thân, Kinh A-di-đà, Kinh Bốn Lĩnh vực Quán niệm, Kinh Quán niệm Hơi thở; Phụ lục: Bài Tụng Hạnh phúc,

Hương về Kính lạy, Phòng hộ Chuyên hóa, Sám Quy mạng, Sám Nguyên, Tùy hỷ Hồi hương, Ngày đêm An lành, Chuyên niệm, Thiên Long Hộ pháp, Bốn Phép Tùy niệm, Kệ Tán, Quy y Tam bảo, Khẩn Tồ tiên năm mới, Nghi thức Ăn cơm yên lặng, Thi kệ Nhật dụng, Thực tập Ba lạy, Thực tập Năm lạy, Bông hồng Cài áo, Nguồn gốc Kinh văn.

912. Nghi Thức Tụng và Yếu Giải KINH A-DI-ĐÀ (Việt ngữ)

Hán dịch: *Tam tạng Pháp sư Cưu-ma-la-thập* (Kumarajiva, 344-413)

Yếu giải: *Ngẫu Ích Đại sư* (1599-1655)

Việt dịch: *Thích Tuệ Nhuận*

Nxb Hồng Đức – 2017. Sách có khổ 14.5 x 20.5cm, có 133 trang, bìa mềm. Nội dung gồm có: *Nghi thức Tụng Kinh A-di-đà*, Nguyên hương, Tán Phật, Quán tưởng, Đánh lễ, Cử tán, Chú Đại bi, Bài văn Phát nguyện, Bài kệ khai Kinh, Tán Liên trì; *Phật thuyết Kinh A-di-đà*: A. Tựa, 1. Thông tự, 2. Biệt tựa; B. Chánh tông, I. Khái tín, 1. Y báo, 2. Chánh báo, II. Khuyên phát nguyện, III. Lập hạnh, Kết khuyến; C. Lưu thông, I. Phổ khuyến, 1. Khuyến tín, 2. Khuyến nguyện, 3. Khuyến hạnh, Kết khuyến; Ma-ha Bát-nhã Ba-la-mật-đa Tâm Kinh; Kinh Lăng Nghiêm (Đại Thế Chí niệm Phật Viên thông chương), Bạt Nhất thiết Nghiệp chương Căn bản Đắc sanh Tịnh độ Đà-la-ni, Tán Phật, Sám Thập Phương, Phát nguyện Đánh lễ Phật A-di-đà Cầu sanh Tịnh độ, Phát nguyện Vãng sanh Tây Phương, Bài khuể thủ của Liên Tông Bát Tổ Liên Trì Đại sư), Hồi hương, Phục nguyện, Tụ Quy y, Kệ Vô thường; *Yếu giải Kinh A-di-đà*, Tiểu sử Sư cụ Thích Tuệ Nhuận, Lời Người dịch, Yếu giải Ngũ trùng huyền nghĩa, I. Tên Kinh, II. Thể chất của Kinh, III. Tôn chỉ của Kinh, A. Tin, B. Nguyên,

C. Hạnh; IV. Lực dụng của Kinh, V. Giáo tướng (yếu giải nội dung Kinh A-di-đà từ A. I. Thông tự,... đến Kết khuyến); Lời cuối.

913. Nghiên cứu

KINH HOA NGHIÊM

(AVATAMSAKA) - Sanskrit

Tác giả: *Tiến sĩ Lâm Như Tạng*

Tác phẩm nghiên cứu Kinh này gồm có:

A. Nghiên cứu một, I. Kinh Hoa Nghiêm, II. Avatamsa; B. Nghiên cứu hai, I. Kinh Đại phương quảng Phật Hoa Nghiêm, II. Ba bản dịch của Kinh Hoa Nghiêm, 1. Phật-đà-bạt-đà-la đời Đông Tấn dịch, 2. Thực-xoa-nan-đà đời Đường dịch, 3. Bát-nhã đời Đường dịch, III. Ba bản Kinh Hoa Nghiêm, IV. Mười loại Kinh Hoa Nghiêm: 1. Ngài Hiền Thủ giảng 10 loại, a. Hằng bản, b. Đại bản, c. Thượng bản, d. Trung bản, e. Hạ bản, f. Lược bản, g. Luận thích, h. Phiên dịch, i. Chi lưu, Đâu-sa Kinh, Bồ-tát bản nghiệp Kinh, j. Cảm ứng; 2. Ngài Thanh Lương nói 10 loại: a. Lược bản Kinh, b. Hạ bản Kinh, c. Trung bản Kinh, d. Thượng bản Kinh, e. Phổ nhãn Kinh, f. Đồng thuyết Kinh, g. Dị thuyết Kinh, h. Chủ bản Kinh, i. Quyển thuộc Kinh, j. Viên mãn Kinh; V. Hoa Nghiêm Tam-muội, VI. Hoa tạng Thế giới; C. Nghiên cứu ba, I. Thời gian Phật giảng Kinh Hoa Nghiêm, II. Hoa Nghiêm Kinh chỉ qui, III. Mười cửa huyền nhiệm sâu xa, 1. Đồng thời cụ túc tương ứng môn, 2. Quảng hiệp tự tại vô ngại môn, 3. Nhất đa tương dung bất đồng môn, 4. Chư pháp tương tức tự tại môn, 5. Ẩn mật hiểu liễu câu thành môn, 6. Vi tế tương dung an lập môn, 7. Nhân đà-la võng pháp giới môn, 8. Thác sự hiển pháp sinh giải môn, 9. Thập thế cách pháp dị thành môn, 10. Chủ bản viên minh cụ túc môn; IV. Kim Sư tử chương Hoa Nghiêm (1. Minh duyên khởi, 2. Biện

sắc không, 3. Ước tam tính, 4. Hiền vô tướng, 5. Thuyết vô sinh, 6. Luận ngũ giáo, 7. Lặc Thập huyền, 8. Quát lục tướng, 9. Thành Bồ-đề, 10. Nhập Niết-bàn); V. Hợp luận Kinh Hoa Nghiêm; VI. Du tâm pháp giới ký Hoa Nghiêm; VII. Huyền đàm Hoa Nghiêm; VIII. Kinh Hoa Nghiêm Suu Huyền ký; IX. Kinh Hoa Nghiêm Thám Huyền ký; X. Kinh Hoa Nghiêm Tùy sở Diển nghĩa sao; XI. Kinh Hoa Nghiêm Văn nghĩa Cương mục; XII. Năm Quán môn của Tông Hoa Nghiêm; XIII. Hoa Nghiêm Nhất thừa giáo Phân ký; XIV. Hoa Nghiêm Nhất thừa Phân tề chương nghĩa uyển sở; XV. Hoa Nghiêm 5 vị (a. Chính vị, b. Kiêm vị, c. Dẫn vị, d. Quyền vị, e. Viên vị); XVI. Nguyên nhân luận; XVII. Phật hoa Tam-muội; XVIII. Ba bậc Thánh; XIX. Mười điểm khác biệt của Kinh Hoa Nghiêm; XX. Mười nghĩa Hoa Nghiêm; XXI. Bốn phần Hoa Nghiêm; XXII. Tông Hoa Nghiêm (Mười Tổ, Bảy Tổ, Năm Tổ, Năm giáo, Mười tông, Bốn pháp giới, Mười Huyền môn, Sáu Tướng viên dung). (<https://quangduc.com>, *Kinh-Hán tạng*)

914. Nghiên cứu KINH LĂNG-GIÀ

(Một trong những bộ kinh quan trọng nhất của Phật giáo Đại thừa, trong đó tất cả các giáo lý chủ yếu được trình bày, kể cả Thiền học)

Nguyên tác Anh ngữ:

Daisetz Teitaro Suzuki (1870-1966)

Việt dịch:

Tỳ-kheo Thích Chơn Thiện (1942-2016)

và *Cư sĩ Trần Tuấn Mãn*

Nxb Thuận Hóa – 1999. Sách có khổ 14.5 x 20.5cm, dày 711 trang, bìa mềm. Toàn bộ tác phẩm này gồm có 3 phần chính: Lời nói đầu, Trích yếu; *Phần I*, Dẫn nhập vào việc nghiên cứu kinh Lăng-già; *Phần II*, Kinh Lăng-già và giáo lý Phật giáo Thiền:

1. Khái quát về các ý niệm chủ yếu được trình bày trong bộ kinh, 2. - Nội dung tri thức của kinh nghiệm Phật giáo, - Tâm lý học về kinh nghiệm Phật giáo, 3. Đời sống và công việc của vị Bồ-tát; *Phần III*, Một số lý thuyết quan trọng được trình bày trong Lăng-già (Học thuyết Duy tâm, Khái niệm về vô sinh, Ba thân của Đức Phật, Các tiểu đề khác). Cuối sách là Các chú giải thuật ngữ Phạn Hán.

Tác phẩm này đã được Ban Giáo dục Tăng Ni TƯ. GHPGVN ấn hành năm 1991 và 1992; tái bản: Năm 2005, Nxb Tôn Giáo.

915. Nghiên cứu LỤC TỔ ĐÀN KINH

Nghiên cứu: *Vũ Thế Ngọc*

Nxb Phương Đông – 2010

Sách có khổ 13 x 20.5cm, dày 415 trang, bìa mềm. Nội dung gồm có 4 phần: *Tựa*, *Phần I. Thiên trong huyết mạch Phật giáo*, I. Thời tông trước thời Huệ Năng, II. Ba bộ Kinh căn bản của Thiên tông, III. Thiên Đạt-ma và Pháp môn Đông Sơn; *Phần II. Huệ Năng và văn bản Pháp Bảo Đàn Kinh*, I. Tiểu sử Lục Tổ Huệ Năng, II. Văn bản Pháp Bảo Đàn Kinh; *Phần III. Nội dung Pháp Bảo Đàn Kinh*, I. Á Đông hóa Thiên Ấn độ, II. Đàn Kinh là bản tuyên ngôn pháp môn tu trì độc lập, III. Tư tưởng chủ yếu của Pháp Bảo Đàn Kinh; *Phần IV. Pháp Bảo Đàn Kinh* (Bản Đôn Hoàng), I. Bản dịch Việt ngữ, II. Bản dịch Anh ngữ, III. Nguyên bản Hán văn; Thư mục chính.

916. Nghiên cứu về KINH A-DI-ĐÀ

Tác giả: *Tiến sĩ Lâm Như Tạng*

Tác phẩm nghiên cứu Kinh này gồm có: A. Nghiên cứu một, I. Amitabha (Sanskrit), Amitabutsu (tiếng Nhật), Phật A-di-đà; II. Mười ba danh hiệu của Phật A-di-đà; III. Ba mươi bảy danh hiệu; B. Nghiên cứu hai; C. Nghiên cứu ba, I.

Amita-Buddha, II. Tây phương Tam tôn, III. Cảnh Tây phương Tịnh độ, IV. Mạn-đồ-la A-di-đà (1. Mạn-đồ-la lý thú, 2. Mạn-đồ-la cứu phạm, 3. Mạn-đồ-la tám đại Bồ-tát); V. Năm tôn Mạn-đồ-la; VI. Năm mươi vị Bồ-tát và Phật A-di-đà; VII. Đại tâm chú A-di-đà; VIII. Báo hóa dị; *Phần hai: Kinh A-di-đà*, A. Nghiên cứu một, I. Kinh A-di-đà, II. Đại A-di-đà Kinh; B. Nghiên cứu hai, I. Aparimitayus-sutra, II. Sukhavatyamrta-vyuha; 1. Kinh Tiểu Vô lượng thọ, 2. Kinh Xung tán Tịnh độ Phật niếp thọ, III. Cổ âm thanh vương Đà-la-ni Kinh, IV. Kinh A-di-đà nghĩa số, 1. A-di-đà Kinh số tịnh tự, 2. Chú thích A-di-đà Kinh nghĩa số, V. A-di-đà Kinh số, 1. Ngài Khuy Cơ chú thích, 2. Nguyên Hiếu chú thích; VI. A-di-đà số sao; *Phần trích dẫn-tham khảo Kinh A-di-đà* (Các bản tiếng: Việt, Anh và Sanskrit). (<https://quangduc.com>, *Kinh-Hán tạng*)

917. Nghiên cứu về KINH PHÁP HOA

Tác giả: *Tiến sĩ Lâm Như Tạng*

Tác phẩm Kinh này gồm có 4 phần nghiên cứu: A. Nghiên cứu một, I. Diệu (1. Lý thật tướng, 2. Tuyệt đối không có gì so sánh được, 3. Không thể nghĩ bàn), II. Pháp, III. Hoa sen, IV. Hoa sen diệu pháp, V. Kinh Hoa sen diệu pháp; B. Nghiên cứu hai, I. The Lotus, II. Saddharma, III. Saddharmapundarika sutra; C. Nghiên cứu ba, I. Kinh Hoa sen Diệu pháp, II. Cửa huyền diệu, III. Pháp Hoa tam-muội, IV. Pháp Hoa tông; D. Nghiên cứu bốn, I. Ba thừa về một, II. Bồ-tát Thế Thân chú thích Kinh Pháp Hoa, III. Kinh Pháp Hoa giải thích theo Mật giáo, IV. Văn cú ký, V. Pháp Hoa 7 ví dụ, VI. Y vương, VII. Pháp Hoa Kinh văn cú, VIII. Pháp Hoa sám pháp, IX. Năm lớp nghĩa huyền diệu của Kinh Pháp Hoa, X. Pháp Hoa Kinh nghĩa số, XI. Mười bảy tên của Kinh Pháp Hoa,

XII. Ý nghĩa huyền diệu của Kinh Pháp Hoa, XIII. Diệu Pháp Liên Hoa Kinh huyền tán, XIV. Pháp Hoa an lạc hạnh, XV. Pháp Hoa Kinh huyền luận, XVI. Pháp Hoa 8 hội giảng, XVII. Tông Pháp Hoa - Nhật Liên, XVIII. Trí Giả Đại sư (538-597), XIX. Năm thời thuyết giáo, XX. Từ Linh Thứu đến Thiên Thai, XXI. Núi Thiên Thai, XXII. Tông Thiên Thai. (<https://quangduc.com>, *Kinh-Hán tạng*)

NH

918. NHÂN QUẢ QUÁ KHỨ- HIỆN TẠI KINH

Hán dịch: *Tam tạng Pháp sư*

Câu-na-bạt-đà-la

Việt dịch: *Nguyên Lộc – Nhất Nghiêm*

Hiệu đính: *Thích Nguyên Chơn*

Nxb Phương Đông – 2007. Kinh có khổ 14 x 20cm, có 294 trang, bìa mềm. Toàn bộ Kinh này có 4 quyển, nội dung kinh Đức Phật giảng dạy về nhân quả, nhân duyên trong quá khứ và hiện tại.

919. Nhân Vương Hộ Quốc BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA KINH

Hán dịch: *Bát Không Bồ-tát*

Giảng lục: *Thái Hư Đại sư*

Việt dịch: *Thích Trung Quán*

In tại Nhà in Hạnh Phúc (Gia Định) xuất bản – 1957

Kinh có 185 trang, bìa mềm. Nội dung gồm có: Lời nói đầu, Nghi thức tụng Kinh, *Phật thuyết Nhân vương Hộ quốc Bát-nhã Ba-la-mật-đa Kinh*, Huyền luận, I. Thích Kinh đề danh nghĩa, Thích Kinh, P.1 Tựa, P.2 Quán Như Lai, P.3 Hạnh Bồ-tát, P.4 Nhị đế, P.5 Bất tư nghi, P.6 Phụng trì, P.7

Chúc lụy. (mỗi phẩm phân ra nhiều đoạn, ở mỗi đoạn có: Chính văn và Giải văn)

920. Nhập Môn KINH HOA NGHIÊM

Đại sư Pháp Tạng – Trìing Quán

Trạm Nhiên – Tịnh Cư –

Lý Thông Huyền

Việt dịch: *Nguyên Huệ*

Nxb Phương Đông – 2010. Sách có khổ 13 x 20.5cm, dày 378 trang, bìa mềm. Nội dung gồm có: Lời giới thiệu, Số 1743/1, Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm Kinh; Huyền nghĩa Nhất bộ; Số 1740/1, Lược nêu Đại ý của mỗi quyển trong Kinh Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm; Số 1742/2, Hoa Nghiêm Kinh Nguyên Hạnh Quán Môn Cốt mục, Q.1 và Q.2; Số 1737/1, Đại Hoa Nghiêm Kinh Lược sách; Số 1738/1, Tân dịch Hoa Nghiêm Kinh Thất xứ Cửu hội Tụng thích chương; Số 1734/1, Hoa Nghiêm Kinh Văn nghĩa Cương mục; Tiểu sử Tác giả.

921. NHẬT TỤNG 49 KINH

Lưu hành nội bộ

Tác phẩm Kinh này dày hơn 714 trang, bìa cứng, gồm có 49 Kinh. Nội dung như sau: Nghi thức tụng niệm, 1. Tiểu sử đức Phật, 2. Kinh Chuyên Pháp luân, 3. Kinh Người Áo trắng, 4. Kinh Cúng thí người mù, 5. Kinh Pháp cú, 6. Kinh Đức tin, 7. Kinh Từ tâm, 8. Kinh Phước đức, 9. Kinh Sáu pháp vô thượng, 10. Kinh Thiện sanh, 11. Kinh Hiền nhân, 12. Kinh 42 chương, 13. Kinh Bát đại nhân giác, 14. Kinh Người vợ mẫu mực, 15. Kinh Giáo hóa người bệnh, 16. Kinh Chủ trương của Như Lai, 17. Kinh Trung đạo Nhân duyên, 18. Kinh Mười pháp quán niệm, 19. Kinh Quy luật của cái chết, 20. Kinh vô thường-khổ-não-vô ngã, 21. Kinh Người biết sống một mình, 22. Kinh Tệ tức, 23. Kinh Du ngôn người bất răn, 24. Kinh Cúng dường pháp, 25. Kinh

Thiết-lợi-la, 26. Kinh Tướng trang nghiêm, 27. Kinh Sóng hòa hợp, 28. Kinh Giáo huấn cuối cùng, 29. Kinh Na-tiên Tỳ-kheo, 30. Kinh Chúng tập, 31. Kinh Thập thượng, 32. Kinh Thiên giáo bình đẳng, 33. Kinh Đại nhân, 34. Kinh Sáu mươi tâm, 35. Kinh Pháp ấn, 36. Kinh Quán niệm Như Lai, 37. Kinh Bốn lãnh vực quán niệm, 38. Kinh Bốn Thánh đế, 39. Kinh Bốn điên đảo, 40. Kinh Bốn điều nương tựa, 41. Kinh Chỉ bày chơn tâm, 42. Kinh Hạnh Anh nhi, 43. Kinh Bồ-tát hạnh, 44. Kinh Ý nghĩa Bát-nhã, 45. Kinh Kim cương Bát-nhã, 46. Kinh Lục độ tương nhiếp, 47. Kinh Bồ-tát thường khóc, 48. Kinh Vào Pháp môn không hai, 49. Kinh Viên giác; Sám Quy mạng, Phần Hồi hướng. (*Bản lưu tại Tàng Kinh các, Tịnh viện Bát-nhã, xã Tân Hòa, thị xã Phú Mỹ, tỉnh BRVT*)

922. NHẬT TỤNG KĀLĀMA

Toại Khanh sưu lục

Nxb Hồng Đức – 2020

Sách có khổ 18 x 26cm, dày hơn 571 trang, bìa cứng.

Nội dung gồm có các Kinh: Kinh Lễ bái Tam bảo, Kinh Kālāma, Kinh Simsapa, Kinh Người phương ngoại, Kinh Kaccānagotta, Kinh Tự trách, Kinh Nhất dạ hiền giả, Kinh Ngọn lửa, Kinh Sangārava, Loại bỏ chướng ngại Thiên định, Kinh Các ngoại đạo, (Kinh Người mù sờ voi), Kinh Chuyển Pháp luân, Sự Tồn vong của Chánh pháp, Năm lợi ích của Tư thế Thiên hành, Kinh Di giáo, Pháp Bất thối, Kinh Phân biệt, Kinh Khema, Đại Kinh Phương quảng, Hải đảo Tựa nương, Bốn đại cứ pháp (Kinh tạng), Bốn đại cứ pháp (Luật tạng), Giáo lý Bốn đế, Kinh Hiền ngu, Kinh Phân biệt về sự thật, Kinh Khu rừng, Kinh Bầy môi, Đại Kinh Sư tử hống, Phật thuyết Toàn giác

trí, Kinh Gavampati, Kinh A-la-hán, Loạt Kinh Luân hồi Vô thủy, Kinh Chánh kiến, Kinh Thực phẩm (điều kiện cho thiện và ác), Kinh Hội chúng, Kinh Mahānāma, Tu đúng thì không sợ chết, Kinh Hộ niệm người cận tử, Ý nghĩa cầu siêu, Kinh Hỏa dụ, Kinh Khúc gỗ, Kinh Girimānanda, Kinh Vô sở hữu, Khái lược Giáo lý Duyên hệ, Thập độ (điều kiện tác thành Phật quả), Kinh Niệm xứ, Kinh Tất cả Lậu hoặc, Kinh Ước nguyện, Kinh Tê ngu, Kinh Căn bản Pháp môn, Kinh Ví dụ con Rắn (trích dẫn), Kinh Tự Hoan hỷ, Kinh Vô ngã tướng; Kệ Simsapa, Kệ Kalama, Kệ Cúng dường Đại y, Kệ Cúng dường Hương đăng, Kệ Phật đàn, Kệ Quy y, Xá-lợi Răng Phật.

923. NHẬT TỤNG THIÊN MÔN năm 2000

Biên soạn: *Thiền sư Nhật Hạnh*

Nxb Tôn Giáo – 2004

Kinh có khổ 16 x 24cm, dày 591 trang, bìa mềm, nền đỏ nhạt, chữ tựa màu đồng, có viền khung hoa văn. Toàn bộ *Nhật tụng Thiên môn* này gồm có: Phần đầu, Lời giới thiệu, Lời nói đầu, Những chỉ dẫn cần thiết. Phần chính, *Công phu*: Sáng – chiều thứ hai, thứ ba, thứ tư, thứ năm, thứ sáu, thứ bảy, Chủ nhật; *Nghi thức*: Chúc tán rằm và mồng một, Chúc tán Tổ sư, Cúng ngọc, Thọ trai, Truyền giới Sa-di, Tụng giới Sa-di; Lời cảnh giác và khích lệ của Thiền sư Qui Sơn. Sau cùng là *Phụ lục*: Kệ tán, Sám Quy mạng, Thi kệ nhật tụng, Thi kệ thực tập tiếp xúc bản môn, Những chỉ dẫn về sự thực tập Ba cái lạy, Nguồn gốc các kinh văn sử dụng, Những bài kinh văn và bài tụng mới.

924. NHỊ KHÓA HIỆP GIẢI

Dịch giả:

HT. Thích Khánh Anh (1895-1961)

THPG Tp. Hồ Chí Minh ấn hành,

PL. 1535 – DL. 1991

Kinh có khổ 15.5 x 23cm, dày 527 trang, bìa mềm. Toàn bộ tác phẩm *Nhị khóa Hiệp giải* gồm có 2 thời khóa tụng (khuya và chiều) là chính. Lời tựa, Phụ lời Quốc sư dạy chúng, Lời thuyết chỉ bảo, Tổng quát ý nghĩa thời kinh mai, Tổng quát ý nghĩa thời kinh chiều; *Thời khóa tụng khuya*: Yêu nghĩa kinh Lăng Nghiêm, Chú Đại bi, các thần chú: Như ý bửu luân vương Đà-la-ni, Tiêu tai cát tường, Công đức bửu sơn, Phật mẫu chuẩn đề, Thánh vô lượng thọ, Dược Sư quán đánh, Quan Âm linh cảm, Thất Phật diệt tội, Vãng sanh Tịnh độ, Thiện nữ thiên và Bát-nhã Ba-la-mật-đa tâm kinh, Bài kệ Hồi hướng, Phát nguyện Hồi hướng, Thập nguyện Phổ Hiền, Nguyện vì chúng sanh, Văn tam quy; *Thời khóa tụng chiều*: Phật thuyết A-di-đà kinh, Sám Hồng danh, Mông sơn thí thực.

Sách này đã được Nhà in Sen Vàng (Chợ Lớn) xuất bản năm 1966; tái bản nhiều lần: Năm 1971, Giáo hội Tăng-già Nam Việt ấn hành; năm 2009-2011, Nxb Tôn Giáo.

925. NHƯ LAI VIÊN GIÁC KINH trực chỉ đề cương

Giáo án Cao đẳng Phật học

Biên soạn: *Pháp sư Thích Từ Thông*

Nxb Tôn Giáo, PL. 2545 – DL. 2001

Kinh có khổ 14.5 x 20.5cm, có 138 trang, bìa mềm, nền có hình hoa văn rồng-phụng chìm, chữ tựa màu đỏ. Toàn bộ Kinh này gồm có 12 chương. Phần đầu là Tựa, Lời cáo bạch, Phạm lệ; 1. Pháp hành của Như Lai trong khi tu Nhân địa, 2. Biết huyền là đã ly huyền ly huyền là Phật rồi, 3. Chánh

niệm tư duy là con đường tu tập tiệm tiến, 4. Chưa ra khỏi luân hồi bàn Viên giác tánh thì tánh Viên giác trở thành đồng luân hồi, 5. Ân ái tham dục là căn của sự luân hồi, 6. Tánh viên giác vốn là phi tánh, 7. Xa-ma-tha, Tam-ma-bát-đề và thiên-na là pháp hành căn bản trong toàn bộ nền giáo lý Phật, 8. Chỉ, quán, thiền có thể xoay vòng thay đổi thành 25 cách trong tiến trình tu tập, 9. Chứng ngộ liễu giác là pháp chương ngại Bồ-đề, 10. Tác nhậm chỉ diệt là bốn căn bệnh trở thành ngại tiến trình về nhà Như Lai viên giác, 11. Xa-ma-tha, Tam-ma-bát-đề và thiên-na trong bước đường tu tập, 12. Biển cả dung chứa nước hết chảy sông ngòi khe lạch. Viên giác Đại thừa giáo lợi ích khắp căn cơ.

Tác phẩm Kinh này tái bản lần thứ 5 năm 2017, Nxb Hồng Đức, khổ 14 x 20cm, dày 126 trang, bìa mềm, chữ tựa màu đỏ, có tay gấp.

926. Những Bài Giảng

KINH TƯỞNG ỨNG – 2 Tập

Giảng giải: *Tỳ-kheo Giác Nguyên*

Ghi chép: *Nhị Tường*

Lưu hành nội bộ, PL. 2561 – DL. 2017

Tập I, dày hơn 502 trang. Nội dung gồm có: *Thiên có kệ, C.I, Tương ưng Chư Thiên*, Những bài giảng tháng 5, 6, 7 và đầu tháng 8 năm 2014, với các chủ đề: Bộc lưu, Giải thoát, Đưa đến đoạn tận (Thời gian trôi qua), Bao nhiêu phải cắt đoạn, Tỉnh giác, Không liễu tri, Mê loạn, Mong muốn kiêu mạn, Rừng núi, Vườn Hoan hỷ, Vui thích, Không ai bằng con, Giai cấp Sát-đế-ly, Tiếng động rừng sâu, Ngủ gục, biếng nhác, Khó làm, Tầm quý, Am tranh, Samidhi, Kiếm, Xúc chạm, Triền phục, Chế ngự tâm, Vị A-la-hán, Ánh sáng, Nước chảy, Giàu lớn, Bốn bánh xe, Con sơn dương, Với người thiện, Xan tham, Lành thay, Chúng không phải, Hiềm

trách thiên, Lòng tin, Tụ hội, Kinh Miếng đá vụn, Kinh Con gái của Pajjuna, Thiêu cháy, Cho gi, Đồ ăn, Một căn rễ, Bạc Hoàn toàn, Thiên nữ, Trồng rừng, Kỳ viên, Xan tham, Thọ đồ góm, Già, Không già, Ban, Cơ sở, Sanh nhân, Phi đạo, Người bạn, Người thi sĩ, Danh, Tâm, Khát ái, Kiết sử, Triền phục, Bị áp đảo, Bị treo cột, Bị đóng kín, Ước muốn, Đòi, Đoạn sát, Cổ xe, Tài sản, Mua, Khủng bố, Không già, Tôn chủ, Dục, Lương thực, Chớp, Không tranh luận;

Tập II, dày hơn 620 trang. Nội dung gồm có: *C.II, Tương ưng Thiên tử*, những bài giảng tháng 8, 9, 10 năm 2014, với các chủ đề: Kassapa, Màngha, Màngadha, Damali, Kamada, Pancalacanda, Tayana, Suriya, Candimasa, Vendu, Diighalatthi, Dighalatthi, Subrahma, Nandana, Candana, Vasudatta, Subrahma, Kakudhasuttam, Uttarasuttam, Anathapindika, Sivasuttam, Khema, Seri, Ghatikara, Jantu, Rohita đến, Nanda, Susima, Các ngoại đạo sư, Tuổi trẻ, Người, Vua, Thân ái, Tụ bảo hộ, Thiếu số, Xử kiện, Mallikà, Tế đàn, Triền phục, Bện tóc, Năm vua, Đại thực, Chiến tranh, Người con gái, Không phóng dật, Không con, Không cô đơn; *C.III, Tương ưng Kosala*: Người, Tổ mẫu, Thế gian, Cung thuật, Ví dụ hòn núi; *C.IV, Tương ưng Ác ma*: Bầy sập, Tịnh, Con voi, Khô hạnh và nghiệp, Kinh Hoan hỷ, Bình bát, Đoàn thực, Người nông phu, Thống trị, Samiddhi, Godhika, Con gái của Ma vương; *C.V, Tương ưng Tỳ-kheo Ni*: Alavikha, Soma, Gotami, Vijaya, Uppalavannà, Cالا, Upacالا, Sisupacالا, Selà, Vajirà; *C.VI, Tương ưng Phạm thiên*: Tương ưng Phạm thiên: Thịnh cầu, Cung kính, Baka, Phóng dật, Kokalika, Sanamkumàra,

Arunavàti, Parinibhàna; *C.VII, Tương ưng Bà-la-môn*: Tương ưng Bà-la-môn Dhananjani, Phi báng, Asurindaka, Bilangika, Bất hại, Ahimsaka, Bện tóc, Suddhika, Aggika: Thờ lửa, Sundarika, Bahudhiti, Phạm Bà-la-môn cư sĩ Cày ruộng, Udaya, Devahita, Mahàsala, Manatthada, Paccaniika, Navakammika, Katthahàra, Mátaposaka, Bhikkhaka, Sangarava, Khomadusa; *C.VIII, Tương ưng Trưởng lão Vangisa*: Xuất ly, Arati, Khinh miệt, Ananda, Khéo nói, Xá-loi-phát, Tụ tứ, Kiêu Trần Như, Mục-kiền-liên, Gaggara, Vangisa; *C.IX, Tương ưng Rừng*: Tương ưng Rừng: Viễn ly, Săn sóc hầu hạ, Kassapagotta, Đa số hay du hành, Ananda, Anuruddha, Tương ưng Rừng. Nagadatta, Gia phụ hay say đắm, Vajjiputta, Tụng đọc Kinh điển, Bất chánh tư duy, Giữa trưa hay tiếng động, Không chế ngự căn, Sen hồng hay sen trắng; *C.X, Tương ưng Dạ-xoa*: Indaka, Sakka, Suciloma, Manibhadda, Sanu, Piyankara, Punabbasu, Suddata, Sukka, Cira hay Vira, Alava; *C.XI, Tương ưng Sakka*: Alava (tt), Tương ưng Sakka: Suvira, Susima, Dhajaggam (ngọn cờ), Dhajaggam (tt), Niệm Phật, Niệm Pháp, Niệm Tăng.

(*Bản Kinh lưu tại Thư viện chùa Huệ Nghiêm-Giới Đài Viện Huệ Nghiêm, Tp. Hồ Chí Minh*)

927. NHỮNG BÀI KINH TỤNG HÀNG NGÀY

Biên soạn: *Tỳ-kheo Thích Chân Quang*

Nxb Tôn Giáo, PL. 2552 – DL. 2008

Kinh có khổ 14.5 x 20.5cm, có 337 trang, bìa cứng, nền đỏ, chữ tựa màu đỏ và trắng, có hình hoa sen đỡ bánh xe pháp luân (nhỏ). Toàn bộ tác phẩm này gồm có các nghi thức: Nghi thức cầu an, Nghi thức kinh Hạnh người xuất gia, Nghi thức kinh

Sống hòa hợp, Nghi thức lạy Phật sám hối, Nghi thức tụng kinh (dành cho khóa tĩnh tu), Nghi thức an vị Phật, Thánh trí Bát-nhã, Nghi thức tang lễ (lễ nhập liệm, lễ phát tạng, lễ cúng hương linh, nghi thức cầu siêu, lễ di quan, lễ hạ huyệt), Nghi thức cúng thí thực, Nghi thức cầu siêu độ chúng sinh địa ngục, Nghi thức tụng rước vong, Nghi thức cầu siêu cho hương linh chết nước, Nghi thức cầu siêu các anh hùng liệt sĩ, Nghi thức cầu mưa thuận gió hòa, Nghi thức cầu nguyện cho quê hương, Sám Vu Lan, Lời cầu nguyện buổi sáng dành cho trẻ, Nghi thức Quy y Tam bảo.

Tác phẩm Kinh này đã xuất bản vào năm PL. 2549 – DL. 2005, Nxb Tôn Giáo.

P

928. PHẠM VŨNG - BỒ-TÁT GIỚI KINH

Soạn dịch: *Thích nữ Huệ Như*

Nxb Phương Đông – 2010

Sách có khổ 14.5 x 20.5cm, dày 239 trang, bìa mềm. Nội dung gồm có: Lời tựa, Phật thuyết Kinh Phạm Vũng Phẩm Bồ-tát Tâm địa; Mười giới trọng, Bốn mươi tám giới khinh; Phần Hồi hương; Tài liệu tham khảo.

929. PHẠM VŨNG KINH

Ấn quán Thanh Mậu (Gia Định),

Giấy phép số 166/TXB, ngày 18-4-1951 của N.T.T.N.V.

Kinh có 83 trang, bìa mềm. Nội dung gồm có: Lời nói đầu, Lời dặn, Tán lư hương, Kệ khai Kinh, *Phật nói Kinh Phạm Vũng Bồ-tát Tâm Địa Phẩm sau*, Hán dịch: Tam tạng Pháp sư Cưu-ma-la-thập, (nội dung

gồm 10 giới trọng và 48 giới khinh); Phần Lưu thông, Tán, Kệ thâm Kinh; Chú thích.

930. PHẠM VŨNG - KINH BỒ-TÁT GIỚI BỒN Giảng Ký

Hán văn: *Pháp sư Thích Diễn Bồi*

Việt dịch: *HT. Thích Trí Minh*

Tác phẩm Kinh giảng ký này gồm có 4 chương: Khái thuật Tiểu sử HT. Thích Trí Minh, Phạm lệ của Dịch giả, Lời Pháp sư Diễn Bồi (PL. 2512-DL. 1968), C.I Tiền đề khái thuyết, C.II Chánh thích Kinh văn, C.III Chánh thuyết Giới tướng, C.IV Kết khuyến lưu thông.
(<https://thuvienhoasen.org>, Luật)

931. PHẠM VŨNG - KINH BỒ-TÁT GIỚI LƯỢC SỚ

Minh Hoằng Tán thuật

Việt dịch: *Thích nữ Trí Hải*

Tác phẩm Giới lược sớ này gồm có 8 quyển: Q.I, Phần một, Giải thích đề mục: A. Giải thích đề Kinh, B. Giải thích tên người dịch; Phần hai, Giải thích Kinh văn: A. Bài tựa riêng, I. Ba Phật truyền giáo, 1. Phó chúc chung, 2. Phó chúc riêng, 3. Cúng dường Bốn tôn; II. Hai Phật thuyết pháp: 1. Phật trên ngàn hoa thuyết pháp, 2. Ngàn trăm ức Thích-ca nói pháp; Q.II, III. Một Phật thuyết pháp, 1. Mười nơi thuyết pháp, 2. Nhơn duyên khởi giáo, 3. Giảng sanh không phải một, 4. Nói giới cho phạm phu, IV. Trùng tụng, V. Kết giới; Q.III, I. Mười giới trọng; Q.IV, II. Bốn mươi tám giới khinh (từ Giới thứ 1 – Giới thứ 15); Q.V, Bốn mươi tám giới khinh (tt) từ Giới thứ 16 – Giới thứ 27; Q.VI, (tt) từ Giới thứ 28 – Giới thứ 37; Q.VII, (tt) từ Giới thứ 38 – Giới thứ 46; Q.VIII, (tt) từ Giới thứ 47 – Giới thứ 48; C. Lưu thông, 1. Phó chúc lưu thông, 2. Kết tụng Hồi hương lưu thông.

(<https://phatphapungdung.com>, Pháp
bảo/Luận tạng)

932. PHÁP BẢO ĐÀN KINH

Chánh văn – Dịch nghĩa – Phụ chú

Việt dịch: Thích Nhật Long

PL. 2514 – DL. 1970

Kinh dày 210 trang, bìa mềm, chữ tựa
Kinh màu đen, tựa chữ Hán màu đỏ, có
hình vẽ ao sen. Nội dung gồm có: Lời nói
đầu, *Pháp Bảo Đàn Kinh* – Đông độ Lục
Tổ Huệ Năng nói pháp, Bực Sa-môn ngài
Pháp Hải lục (gồm 10 phẩm, văn bản chia
thành từng đoạn dịch, ở mỗi đoạn có:
chánh văn, dịch nghĩa, phụ chú). (*Bản lưu
tại Thư viện Viện Nghiên cứu Phật học
Việt Nam tại Tp. Hồ Chí Minh, Mã sách:
Vie 3982*)

933. PHÁP BẢO ĐÀN KINH

(**Diễn Nghĩa**) – **Đông Độ Thiên Tông**

Giáo sư Từ Quang

Linh Sơn Phật Học Tùng Thư (Sài Gòn)
xuất bản – 1958

Kinh dày 261 trang, bìa mềm. Nội dung
gồm có 10 phẩm: Vài lời trần thuyết của
Linh Sơn Phật Học Nghiên Cứu Hội, Lục
Tổ Đại sư Sự Lược, (Diễn âm), Lược thuật
sự tích Lục Tổ Đại sư, (Diễn nghĩa); Lục
Tổ Huệ Năng Đại sư thuyết môn nhơn
Pháp Hải lục, Tự Tự Phẩm (Đệ nhất), Lục
Tổ Huệ Năng Đại sư nói môn nhơn Pháp
Hải chép lại, Phẩm Tự Tự (Thứ nhất);
Bát-nhã Phẩm (Đệ nhị), Phẩm Bát-nhã
(Thứ hai); Lược chú (Phẩm Bát-nhã);
Quyết nghị Phẩm (Đệ tam), Phẩm Quyết
nghị (Thứ ba); Định-Huệ Phẩm (Đệ tứ),
Phẩm Định-Huệ (Thứ tư); Diệu hạnh
Phẩm (Đệ ngũ), Phẩm Diệu hạnh (Thứ
năm); Sám hối Phẩm (Đệ lục), Phẩm Sám
hối (Thứ sáu); Cơ duyên Phẩm (Đệ thất),
Phẩm Cơ duyên (Thứ bảy); Đốn-Tiệm
Phẩm (Đệ bát), Phẩm Đốn-Tiệm (Thứ

tám); Hộ pháp Phẩm (Đệ cửu), Phẩm Hộ
pháp (Thứ chín); Phó chúc Phẩm (Đệ
thập), Phẩm Phó chúc (Thứ mười) (ở mỗi
phẩm có 2 phần: Diễn âm và Diễn nghĩa).

934. PHÁP BẢO ĐÀN KINH

Đông Độ Thiên Tông – Lục Tổ

Huệ Năng Đại sư thuyết

Soạn thuật: *Pháp Hải*

Chú giải và ấn tống:

Minh Thành (Nguyễn Xuân Hy)

Tĩnh hội Phật học Gia Định, PL. 2516 –
DL. 1972. In tại Nhà in Sen Vàng (Chợ
Lớn), Giấy phép số 653/BTT/PHNT,
Saigon ngày 15-3-1972.

Sách dày 393 trang, bìa mềm, nền vàng,
chữ tựa màu đỏ. Tác phẩm Kinh này gồm
có 10 phẩm (P) chính: Đôi lời giới thiệu,
Lời tựa, Lược sử của Đại sư Lục Tổ. Phần
chính văn (phiên âm Hán-Việt và dịch
nghĩa): P.1. Tự tự, P.2. Bát-nhã, P.3.
Quyết nghị, P.4. Định huệ, P.5. Diệu hạnh,
P.6. Sám hối, P.7. Cơ duyên, P.8. Đốn –
Tiệm, P.9. Hộ pháp, P.10. Phó chúc.

935. PHÁP BỬU ĐÀN KINH

Thuyết giảng:

Lục Tổ Huệ Năng (638-713)

Việt dịch:

HT. Minh Trục Thiên sư (1895-1976)

Nxb Tôn Giáo, PL. 2552 – DL. 2008

Kinh có khổ 14.5 x 20.5cm, dày 247 trang,
bìa mềm. Nội dung gồm có 10 phẩm: Lời
tựa của Dịch giả, Bài khuyến cáo, Đàn
Kinh tự, Lục Tổ Đại sư Pháp Bửu Đàn
Kinh lược tự; P.1 Hành do (đời Lục Tổ),
P.2 Bát-nhã (Trí tuệ), P.3 Nghi vấn, P.4
Định huệ, P.5 Tọa thiền, P.6 Sám hối, P.7
Cơ duyên, P.8 Đốn tiệm, P.9 Hộ pháp,
P.10 Phó chúc; Bài phụ, Thiên đạo biệt
truyền.

*Tác phẩm Kinh này đã được Thiên Tịnh
Đạo tràng xuất bản năm 1949; các năm*

1957-1969, *Thiền Tịnh Đạo tràng-Phật Bảo tự tiếp tục tái bản. (Theo bản lưu tại Thư viện Huệ Quang-Trung Tâm Dịch Thuật Hán-Nôm Huệ Quang, Tp. Hồ Chí Minh); năm 1990, THPG Tp. Hồ Chí Minh ấn hành, với nhan đề “Kinh Pháp Bảo Đàn”.*

936. PHÁP BỮU ĐÀN KINH

Đoàn Trung Còn –

Huyền Mặc Đạo Nhơn

Nxb Tôn Giáo – 2019

Kinh có khổ 14.5 x 20.5cm, dày 207 trang, bìa mềm. Nội dung gồm có: Lược tự, Bài Tựa Kinh Pháp Bảo Đàn, Phần dịch nghĩa (có 10 phẩm); Phần âm chữ Hán (có 10 phẩm).

Xem: Kinh Pháp Bảo Đàn của Đoàn Trung Còn và Nguyễn Minh Tiến dịch và chú giải.

937. PHÁP CÚ KINH –

Anh Hán Đối Chiếu Hòa Dịch

Soạn giả: *Thường Bàn Đại Định*

Việt dịch: *Á Nam – Trần Tuấn Khải*

Hiệu đính: *Lãng Hồ - Nguyễn Khắc Kham*

Bộ Quốc Gia Giáo Dục xuất bản – 1963 (in lần thứ nhất)

Kinh dày hơn 269 trang, bìa mềm. Nội dung gồm có 26 phẩm: Lời nói đầu, Tiêu dẫn, Tự tự; P.1 Song yếu (The Twin-Verses), P.2 Phóng dật (Reflection or Earnestness), P.3 Tâm ý (Thought), P.4 Hoa hương (Flowers), P.5 Ngu ám (The Fool), P.6 Minh triết (The Wise Man), P.7 La-hán (The Venerable), P.8 Thuật thiên (The Thousands), P.9 Ác hành (Evil), P.10 Đào trượng (Punishment), P.11 Lão mạo (Old Age), P.12 Ái thân (Self), P.13 Thế tục (The World), P.14 Thuật Phật (The Buddha), P.15 An ninh (Happiness), P.16 Hiếu hỷ (Pleasure), P.17 Phẫn nộ (Anger), P.18 Trần cấu (Impurity), P.19 Phụng trì

(The Just), P.20 Đạo hạnh (The Way), P.21 Quảng diễn (Miscellaneous), P.22 Địa ngục (The Downward Course), P.23 Tượng dụ (The Elephant), P.24 Ái dục (Thirst), P.25 Sa-môn (The Bhikshu), P.26 Phạm chí (The Brahmana).

938. PHÁP HOA Chân Nghĩa

Chân Quang

Nxb Tôn Giáo – 2013

Sách có khổ 16 x 24cm, dày hơn 666 trang, bìa cứng, nền màu cam, có hình hoa sen, chữ tựa màu đỏ.

Nội dung gồm có: Lời nói đầu, và 28 phẩm Kinh; Lời kết.

Xem: (28 phẩm) Kinh Diệu Pháp Liên Hoa

939. PHÁP HOA Chính Văn

(Kinh Pháp Hoa-Hoa sen Chánh Pháp)

Dịch giả: *Trí Quang (1923-2019)*

Nxb Tp. Hồ Chí Minh, PL. 2542 – DL. 1998

Kinh có khổ 19 x 27cm, dày hơn 975 trang. Nội dung gồm có: Mục lục, Ký hiệu (cho lời lược dẫn), Lược dẫn, *Chánh văn Pháp Hoa*, có 7 cuốn, 28 phẩm; Phần sao lục: 1. Phẩm Phổ Hiền, 2. Toát yếu Pháp Hoa.

Xem: (28 phẩm) Kinh Pháp Hoa (Hoa Sen Chánh Pháp)

940. PHÁP HOA ĐỀ CƯƠNG

Tác giả: *Thiền sư Minh Chánh*

Dịch giả: *Thích Nhật Quang*

Nxb Tp. Hồ Chí Minh – 1999

Sách có khổ 14.5 x 20.5cm, có hơn 144 trang, bìa mềm. Toàn bộ tác phẩm này gồm có: Lời giới thiệu, Lời người dịch, Phạm lệ, Lời dẫn tựa – Pháp Hoa Đề Cương, Tựa – Tông chỉ Đề cương Kinh Diệu Pháp Liên Hoa, Tông chỉ Đề cương Kinh Diệu Pháp Liên Hoa, Tổng nêu Pháp

dụ và Đề mục của Kinh, Tổng nêu nhân do tôn chỉ Khai thị ngộ nhập, Nêu rõ điều lý theo mỗi phẩm trong kinh phân giải, - Phẩm Phương tiện, Thí dụ, Tín giải, Thọ ký; - Phẩm Dược thảo dụ và Hóa thành dụ; - Phẩm Ngũ bá đệ tử thọ ký, Thọ học vô học nhân ký và Phẩm Pháp sư; - Phẩm Hiện bảo tháp, - Phẩm Đề-bà-đạt-đa, - Phẩm Trì, - Phẩm An lạc hạnh, - Phẩm Tùng địa dũng xuất, - Phẩm Như Lai thọ lượng; - Phẩm Phân biệt công đức, Tùy hỷ công đức và Pháp sư công đức; - Phẩm Thường Bất Khinh Bồ-tát, - Phẩm Như Lai thân lực và Chúc lụy, - Phẩm Dược vương Bồ-tát bản sự, - Phẩm Diệu Âm Bồ-tát Phổ môn, - Phẩm Quan Thế Âm Bồ-tát Phổ môn, - Phẩm Đà-la-ni, - Phẩm Diệu Trang Nghiêm vương bản sự, - Phẩm Phổ Hiền Bồ-tát khuyến phát, - Bạt dẫn Đề mục đầu Kinh- Phụ tụng Tông chỉ các chữ: Khai Thị Ngộ Nhập Phật Thừa Tri Kiến Đạo Trí Tuệ Tông Chỉ; - Các chữ phụ tụng, Tụng 14 chữ; - Chỉ thẳng diệu nghĩa của 14 chữ toát yếu, - Phụng khuyến hồi tạng mật cơ tụng vài Tắc; Phụ bản chữ Hán.

Tác phẩm này đã được Tu viện Chơn Không in Lưu hành nội bộ năm 1973.

941. PHÁP HOA HỒNG DANH (Đảnh lễ chư Phật tôn Pháp chư Bồ-tát Tăng trong Kinh Diệu Pháp Liên Hoa)

Biên soạn: *Tỳ-kheo Thích Liễu Nguyên*
Tác phẩm này gồm có: Lời giới thiệu, Lời nói từ tâm; Nghi thức lễ lạy (Tụng các chơn ngôn, Nguyên hương, Tán Phật, Quán tưởng, Đảnh lễ Tam bảo, Tán lư hương, Chú Đại bi, Khai Kinh kệ, Văn phát nguyện); *Đảnh lễ chư Phật tôn Pháp Bồ-tát Tăng trong Kinh Diệu Pháp Liên Hoa*; Ma-ha Bát-nhã Ba-la-mật-đa Tâm Kinh, Vãng sanh Quyết định chơn ngôn, Sám nguyện, Thần chú Dược-xoa, Hồi

hương, Phục nguyện, Tam tự Quy y; Phân chú thích và ghi chú của các phẩm. (<https://quangduc.com>, *Kinh-Hán tạng*)

942. PHÁP HOA HUYỀN NGHĨA (SADDHARMA PUNDARIKA SUTRA)

Soạn dịch: *Chánh Trí Mai Thọ Truyền*
Nxb Tôn Giáo – 2011

Sách có khổ 14.5 x 20.5cm, dày 290 trang, bìa mềm. Nội dung gồm có 28 phẩm: - Kính gởi độc giả, - Sách tham khảo - Lời nói đầu; P.1 Tự (Le sujet), P.2 Phương tiện (L'habileté des moyens), P.3 Thí dụ (La Parabole), P.4 Tín giải (Les inclinations), P.5 Dược thảo dụ (Les plantes médicinales), P.6 Thọ ký (Les Prédiction), P.7 Hóa thành dụ (L'ancienne application), P.8 Ngũ bá đệ tử thọ ký (Prédiction relative aux 500 Religieux), P.9 Thọ học vô học nhân ký (Prediction relative à Ananda, à Râhula et aux 2.000 Religieux), P.10 Pháp sư (L'interprète de la Loi), P.11 Hiện bửu tháp (L'apparition d'un stupa), P.12 Đề-bà-đạt-đa, P.13 Trì (L'Effort); Q.V, P.14 An lạc hạnh (La position commode), P.15 Tùng địa dũng xuất (Apparition des Bohisattvas), P.16 Như Lai thọ lượng (La durée de la vie du Tathâgata), P.17 Phân biệt công đức (Proportion des mérites), P.18 Tùy hỷ công đức (Indication du mérite de la satisfaction), P.19 Pháp sư công đức (Le Perfectionnement des sens), P.20 Thường Bất Khinh Bồ-tát (Le Religieux Sadâparibhuta), P.21 Như Lai thân lực (Effet de la puissance surnaturelle du Tathâgata), P.22 Chúc lụy (Le dépôt), P.23 Dược vương Bồ-tát bản sự (Ancienne méditation de Chaichadjârâdja), P.24 Diệu Âm Bồ-tát (Le Bodhisattva Gadgâdasvara), P.25 Quán Thế Âm Bồ-tát Phổ môn (Le récit parfaitement heureux),

P.26 Đà-la-ni (Les Formules Magiques), P.27 Diệu Trang Nghiêm Vương Bản Sự (Ancienne méditation du roi Cubhuvyûha), P.28 Phổ Hiền Bồ-tát khuyến phát (Satisfaction de Samantabhadra); Tổng kết Kinh Pháp Hoa, Phụ chú về chữ Tâm.

Tác phẩm này ấn hành lần đầu năm 1959; tái bản các năm 1962-1964, Hội Phật học Nam Việt (Chùa Xá Lợi); năm 2006, Nxb Tôn Giáo.

943. PHÁP HOA HUYỀN NGHĨA - Phật học Thiên Thai tông

Tác giả: Trí Khải Đại sư (538-597)

Nguyên tác: The Profound Meaning of the Lotus Sutra by Haiyan Shen

Dịch giả: Từ Hoa

Nxb Phương Đông – 2008

Sách có khổ 15.5 x 23.5cm, dày 950 trang, bìa cứng; gồm có 2 quyển.

Quyển I, gồm có: - Lá thư thay lời tựa, - Vài nét về văn bản, - Phần giới thiệu; Phần một, Giới thiệu về đời sống và thời đại của Trí Khải Đại sư: 1. Bối cảnh lịch sử, 2. Cuộc đời của Trí Khải Đại sư; Phần hai, Sự ngộ nhập huyền nghĩa Kinh Diệu Pháp Liên Hoa: 1. Trí Khải đã cấu trúc tác phẩm Huyền nghĩa như thế nào để chú giải Kinh Pháp Hoa với mục đích trình bày hệ thống tư tưởng của riêng mình? 2. Làm thế nào Trí Khải nối kết những học thuyết viên dung của mình một cách tuôn chảy và tràn đầy. Trí Khải đã sử dụng đường lối nào để tư tưởng không sai lạc, đứng vững với thời gian? 3. Đây là những học thuyết và hệ thống tư tưởng Trí Khải Đại sư thành lập để phơi bày đặc tính dung hợp những tín giải khác nhau trở thành rường cột của một nền minh triết hài hòa? Tổng luận.

Quyển II, Phần một, Đặc tính tổng quát của Ngũ huyền đối với sự chú giải Kinh Pháp Hoa; Phần hai, Đặc tính cá biệt của

Ngũ huyền đối với sự chú giải Kinh Pháp Hoa. C.I, mục 1. Chú thích đặc thù về Pháp, mục 2. Chú thích đặc thù về Diệu; Diệu trí – Phân tích cái diệu thứ hai thuộc Tích môn; Diệu hành – Phân tích cái diệu thứ ba thuộc Tích môn; Diệu vị - Phân tích cái diệu thứ tư thuộc Tích môn; Diệu tam pháp - Phân tích cái diệu thứ năm thuộc Tích môn; Diệu cảm ứng - Phân tích cái diệu thứ sáu thuộc Tích môn; Diệu thần thông - Phân tích cái diệu thứ bảy thuộc Tích môn; Diệu thuyết pháp - Phân tích cái diệu thứ tám thuộc Tích môn; Diệu quyền thuộc - Phân tích cái diệu thứ chín thuộc Tích môn; Diệu công đức và lợi ích - Phân tích cái diệu thứ mười thuộc Tích môn; Tổng kết Tích môn Thập diệu. Tham khảo: mục 3. Biệt giải về Hoa sen, mục 4. Biệt giải nghĩa Kinh; C.II, Hiền thế; C.III, Minh tông; C.IV, Luận dụng; C.V, Phân định những đặc tính của giáo pháp (phán giáo). Phụ lục: Muôn pháp hội trở một hoa vô tướng – Thi hóa Kinh Diệu Pháp Liên Hoa – Từ Hoa.

944. PHÁP HOA KINH Cương Yếu

HT. Thích Trí Tịnh (1917-2014)

Nxb Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh – 2006

Sách có khổ 13 x 19cm, dày hơn 128 trang, bìa mềm. Nội dung gồm có 4 chương, 5 phần và 28 phẩm như sau: Lời nói đầu, C.I Tổng tự, C.II Đề Kinh, C.III Tổng phán phẩm mục, C.IV Đại ý mỗi phẩm; A. Phần Tổng hiển, P.1 Tự, B. Phần Khai Phật Tri kiến, P.2 Phương tiện, P.3 Thí dụ, P.4 Tín giải, P.5 Dược thảo dụ, P.6 Thọ ký, P.7 Hóa thành dụ, P.8 Ngũ bá đệ tử Thọ ký, P.9 Thọ học vô học như ký, P.10 Pháp sư; C. Phần Thị Phật Tri kiến, P.11 Hiện bảo tháp; D. Phần Ngộ Phật Tri kiến, P.12 Đề-bà-đạt-đa, P.13 Trì, P.14 An lạc hạnh, P.16 Như Lai thọ lượng, P.17 Phân biệt Công đức, P.18 Tùy hỷ Công

đức, P.19 Pháp sư Công đức, P.20 Thường Bất Khinh Bồ-tát, P.21 Như Lai thần lực, P.22 Chúc lụy; *E. Phần Nhập Phật Tri kiến*, P.23 Dược Vương Bồ-tát Bốn sự, P.24 Diệu Âm Bồ-tát, P.25 Quán Thế Âm Bồ-tát Phổ môn, P.26 Đà-la-ni, P.27 Diệu Trang Nghiêm vương Bốn sự, P.28 Phổ Hiền Bồ-tát Khuyến phát.

945. PHÁP HOA KINH - Thâm Nghĩa Đề Cương

Việt dịch: *Pháp sư Thích Từ Thông*
Nxb Tp. Hồ Chí Minh – 2001.

Kinh này dày 196 trang, bìa mềm. Kết cấu Kinh gồm có 28 phẩm, ở sau mỗi phẩm có phần Thâm nghĩa. Nội dung: Duyên khởi, Pháp Hoa Kinh Thâm nghĩa Đề cương, Phạm lệ, Tiểu dẫn, P.1 Tựa; P.2 Phương tiện; P.3 Thí dụ; P.4 Tín giải; P.5 Dược Thảo dụ; P.6 Thọ ký; P.7 Hóa thành dụ; P.8 Ngũ bách Đệ tử thọ ký; P.9 Thọ học Vô học nhân ký; P.10 Pháp sư; P.11 Hiện bảo tháp; P.12 Đề-bà-đạt-đa; P.13 Khuyến trì; P.14 An lạc hạnh; P.15 Tùng địa dũng xuất; P.16 Như Lai thọ lượng; P.17 Phân biệt Công đức; P.18 Tùy hỷ Công đức; P.19 Pháp sư Công đức; P.20 Thường Bất Khinh Bồ-tát; P.21 Như Lai thần lực; P.22 Chúc lụy; P.23 Dược Vương Bồ-tát Bốn sự; P.24 Diệu Âm Bồ-tát vãng lai; P.25 Quán Thế Âm Bồ-tát Phổ môn Phẩm; P.26 Đà-la-ni; P.27 Diệu Trang Nghiêm vương Bốn sự; P.28 Phổ Hiền Bồ-tát khuyến phát.

Pháp Hoa Kinh Thâm Nghĩa Đề Cương toàn tập do Huỳnh Mai Tịnh Thất (Sài Gòn) ấn hành năm 1986; năm 1995, Nxb Tp. Hồ Chí Minh; năm 1996, Thao Hối Am ấn hành.

946. PHÁP HOA KINH thông nghĩa (Trọn bộ 3 tập)

Hán văn: *Thiền sư Hám Sơn -*

Đức Thanh (1546-1623)

Việt dịch – giảng:

HT. Thích Trí Tịnh (1917-2014)

Nxb Tôn Giáo – 2007

Kinh có khổ 14 x 20cm, tổng cộng 3 tập dày 1.238 trang, bìa mềm, chữ tựa có 4 màu: đỏ, cam, trắng và đen, có hộp đựng cả bộ.

Kinh Pháp Hoa này gồm 28 phẩm, chia làm 3 phần chính: A. Phần Tổng hiện: Phẩm Tựa tức là phần trình bày nguyên do. B. Phần Chánh tông: Gồm 27 phẩm, dùng 4 chữ “Khai, Thị, Ngộ, Nhập” để chia (1. Từ phẩm *Phương Tiện* đến phẩm *Pháp Sư* gồm 9 phẩm là Khai Phật tri kiến; 2. Phẩm *Hiện Bảo tháp* thứ 11 là Thị Phật tri kiến; 3. Từ phẩm *Đề-bà-đạt-đa* đến phẩm *Chúc lụy* gồm 11 phẩm là Ngộ Phật tri kiến; 4. Từ phẩm *Dược vương Bồ-tát bốn sự* đến phẩm *Phổ Hiền bồ-tát khuyến phát* gồm 6 phẩm, là Nhập Phật tri kiến). Khai Thị Ngộ tức là Tín Giải; Nhập tức là Hạnh Chứng. C. Phần lưu thông: Từ “lúc Phật nói kinh này... lễ mà đi”, là phần chung kết vậy.

Tập I, kinh này có 382 trang, gồm: Lời đầu, Lời tựa, Lời phán trước, Giải thích đề kinh, Đòi Diệu Tàn Tam tạng Pháp sư Cưu-ma-la-thập phụng chiếu dịch, A. *Phần tổng hiện*: 1. Phẩm Tựa, 2. Phẩm Phương tiện, 3. Phẩm Thí dụ, 4. Phẩm Tín giải.

Tập II, kinh này có 431 trang, gồm các Phẩm: 5. Phẩm Dược thảo dụ, 6. Phẩm Thọ ký, 7. Phẩm Hóa thành dụ, 8. Phẩm Ngũ bá đệ tử thọ ký, 9. Phẩm Thọ học vô học nhân ký, 10. Phẩm Pháp sư. B. *Phần chánh tông*: 11. Phẩm Hiện bảo tháp, 12. Phẩm Đề-bà-đạt-đa, 13. Phẩm Trì, 14. Phẩm An lạc hạnh.

Tập III, kinh này có 425 trang, gồm các phẩm: 15. Phẩm Tùng địa dũng xuất, 16. Phẩm Như Lai thọ lượng, 17. Phẩm Phân

biệt công đức, 18. Phẩm Tùy hỷ công đức, 19. Phẩm Pháp sư công đức, 20. Phẩm Thường Bất Khinh Bồ-tát, 21. Phẩm Như Lai thân lực, 22. Phẩm Chúc lụy, 23. Phẩm Dược Vương Bồ-tát bốn sự, 24. Phẩm Diệu Âm Bồ-tát, 25. Phẩm Quan Thế Âm Bồ-tát phổ môn, 26. Phẩm Đà-la-ni, 27. Phẩm Diệu Trang Nghiêm vương bốn sự, 28. Phẩm Phổ Hiền Bồ-tát khuyến phát. C. Phần lưu thông.

Bộ Kinh này được tái bản năm 2019, Nxb Hồng Đức, trọn bộ 3 tập, khổ 14 x 20cm, bìa mềm, có tay gấp.

947. PHÁP HOA LƯỢC GIẢI

Lược giải: *Trí Quang (1923-2019)*

Nxb Tp. Hồ Chí Minh,

PL. 2542 – DL. 1998

Sách có khổ 19 x 27cm, dày hơn 917 trang. Nội dung gồm có: Ký hiệu, Lược dẫn, Lược giải PH, có 3 phần: Phần I. đức Di-lặc phát khởi (P.1), Phần II. Đức Thế Tôn nói về Nhất thừa và sự quảng bá Nhất thừa (các P. 2 – 27), có 2 đại bộ phận: *Đại bộ phận 1 nói về Nhất thừa*, có 3 chương: C.1 Đức Thế Tôn nói về Nhất thừa bằng cách nói thẳng (P.2); C.2 Đức Thế Tôn nói về Nhất thừa bằng cách Ví dụ, có 2 tiết: T.1 Đức Thế Tôn nói Ví dụ (P.3), T.2 Chư Thanh văn lãnh hội (P.4); C.3 Đức Thế Tôn nói về Nhất thừa bằng cách Thọ ký, có 4 tiết: T.1 Đức Thế Tôn xác quyết mọi chúng tánh đều hấp thụ Nhất thừa (P.5), T.2 Đức Thế Tôn thọ ký cho Thanh văn (P.6), T.3 Đức Thế Tôn nói chư Thanh văn được giáo hóa từ lâu bằng Nhất thừa (P.7), T.4 Đức Thế Tôn tiếp tục thọ ký cho Thanh văn (P.8), (tt) (P.9); *Đại bộ phận 2 nói về sự quảng bá Nhất thừa*, có 6 chương: C.I Đức Thế Tôn nói về phẩm chất của người quảng bá Nhất thừa (P.10), C.II Đức Đa Bảo chứng minh-Đức Thế Tôn khuyến khích phát nguyện quảng bá

Nhất thừa, có 2 tiết: T.1 Đức Thế Tôn khuyến khích quảng bá (P.11), Phụ lục: Đức Thế Tôn thọ ký Đề-bà làm Phật và chứng minh Long Nữ thành Phật (P.12), T.2 Chư Thanh văn và chư Bồ-tát phát nguyện quảng bá (P.13), C.III Đức Thế Tôn dạy cách sống cho người quảng bá Nhất Thừa (P.14), C.IV Chư Bồ-tát dũng xuất quảng bá, có 3 tiết: T.1 Chư Bồ-tát dũng xuất (P.15), T.2 Xuất xứ của chư Bồ-tát dũng xuất (hay sự bất diệt của Đức Thế Tôn) (P.16), T.3 Thành quả tín giải sự bất diệt của đức Thế Tôn (P.17), C.V Đức Thế Tôn nói thành quả của sự quảng bá Nhất Thừa, có 3 tiết: T.1 Thành quả của sự tùy hỷ quảng bá (P.18), T.2 Thành quả phi thường của bình thường (P.19), T.3 Điền hình thành quả phi thường của bình thường (P.20); C.VI Sự gia trì cho sự quảng bá Nhất thừa, có 4 tiết: T.1 Đức Thế Tôn gia trì, có 2 mục (M): M.1 Đức Thế Tôn gia trì bằng thân lực (P.21), M.2 Đức Thế Tôn gia trì bằng ký thác (P.22), T.2 Chư đại Bồ-tát gia trì, có 3 mục: M.1 Đức Dược Vương gia trì bằng khổ hạnh (P.23), M.2 Đức Diệu Âm gia trì bằng định lực (P.24), M.3 Đức Quan Âm gia trì bằng toàn diện (P.25), T.3 Gia trì bằng minh chú (P.26), T.4 Gia trì bởi thiện tri thức (P.27), Phần III. Đức Phổ Hiền kết thúc (P.28); Ghi thêm.

948. PHÁP HOA TINH YẾU

Chứng minh:

HT. Thích Huyền Quang (1920-2008)

Tác giả: *Thích Thái Hòa*

Nxb Hồng Đức, PL. 2551 – DL. 2007

Tác phẩm này gồm có 4 chương: - Lời thừa, C.I Ý nghĩa đề Kinh Pháp Hoa; C.II Những đặc điểm...; C.III Chủ yếu, bố cục và nội dung; C.IV Lịch sử phát triển Kinh Pháp Hoa; Thư mục tham khảo.

Tác phẩm này được tái bản năm 2017, Nxb Hồng Đức.

949. PHÁP HOA TÔNG YẾU

(ĐCTTĐTK, Q. 34, Ks. 1725)

Biên soạn (Hán văn): *Nguyễn Hiếu*

Việt dịch (2013):

Sa-môn Thích Như Điển

Nội dung tác phẩm này theo Dịch giả, “Đầu tiên thuật lại đại ý, thứ đến biện giải về Tông của Kinh; ba là làm sáng tỏ và việc giải thích đầy đủ; bốn là cách chú thích tên gọi; năm là hiển bày giáo lý và sáu là ý nghĩa của đầu đề câu văn”.

(<https://quangduc.com>, *Kinh-Hán tạng*)

950. PHÁP HOA THÔNG NGHĨA

Soạn thuật: *Sa-môn Hám Sơn*

Toát yếu: *Tỳ-kheo Ni Hải Triều Âm*

Nxb Tôn Giáo, PL. 2551 – DL. 2007

Sách có khổ 14.5 x 21cm, có 124 trang.

Nội dung gồm có: Lời giới thiệu, Tựa, Giải nghĩa tên kinh, Tam tạng Pháp sư Cru-ma-la-thập Phụng chiếu dịch, Phân khoa (Hám Sơn Đức Thanh Đại sư), Không tông và Tánh tông (Tông Mật Đại sư), Giảng nghĩa Chánh văn: P.1 Tựa, P.2 Phương tiện, P.3 Thí dụ, P.4 Tín giải, P.5 Dược thảo, P.6 Thọ ký, P.7 Hóa thành dụ, P.8 Ngũ bá đệ tử Thọ ký, P.9 Thọ học Vô học nhân ký, P.10 Pháp sư, P.11 Hiện bảo tháp, P.12 Đề-bà-đạt-đa, P.13 Trì, P.14 An lạc hạnh, P.15 Tòng địa dũng xuất, P.16 Như Lai thọ lượng, P.17 Phân biệt Công đức, P.18 Tùy hỷ Công đức, P.19 Pháp sư Công đức, P.20 Thường Bất Khinh, P.21 Như Lai thần lực, P.22 Chúc lữ, P.23 Dược Vương Bồ-tát Bốn sự, P.24 Diệu Âm Bồ-tát, P.25 Quán Thế Âm Bồ-tát Phổ môn phẩm, P.26 Đà-la-ni, P.27 Diệu Trang Nghiêm Bốn sự, P.28 Phổ Hiền Bồ-tát khuyến phát, Kệ Hồi hướng.

951. PHÁP HOA YẾU GIẢI

Yếu giải: *Thích Phước Nhơn*

Printed in Taiwan, Reprinted and donated for free distribution by The Corporate Body of the Buddha Educational Foundation.

Phổ Quang (Taiwan) ấn hành - 1999, khổ 15.5 x 21.5cm, có 448 trang. Toàn bộ tác phẩm này có: - Lời giới thiệu của Triết gia Phạm Công Thiện, Tựa của người soạn giải, Giải thích đề Kinh; nội dung với 28 phẩm *kinh Pháp Hoa*, sau mỗi phẩm là Phần yếu giải.

952. PHÁP HỘI MẬT TÍCH - KIM CANG LỰC SĨ

(*Kinh Đại Bảo Tích, Tập 1, Chương III*)

Việt dịch:

HT. Thích Trí Tịnh (1917-2014)

Nxb Tp. Hồ Chí Minh – 1998

Sách có khổ 16 x 24cm, dày 251 trang, bìa mềm. Nội dung gồm có: Lời giới thiệu, Nghi thức khai Kinh, III. *Pháp hội Mật tích Kim Cang lực sĩ*, thứ ba, Hán dịch: Tây Tấn, Nguyệt Thị, Pháp sư Trúc Pháp Hộ, Việt dịch: Việt Nam, Tỳ-kheo Thích Trí Tịnh.

953. PHÁP HỘI TAM TỤ - LUẬT NGHI (KINH ĐẠI BẢO TÍCH)

Hán dịch: *Tam tạng Bồ-đề-lưu-chí*

Việt dịch: *HT. Thích Trí Tịnh*

Nxb Phương Đông – 2013

Pháp hội Tam tụ Luật nghi là Phẩm thứ nhất trong *Kinh Đại Bảo Tích*, Kinh số 310, Quyển 120, Đại chánh Tân tu Đại tạng Kinh. Tác phẩm *Pháp hội Tam tụ Luật nghi* có 362 trang, nội dung gồm: Lời ghi chú, Nghi thức trì tụng; Pháp hội Tam tụ Luật nghi, Ma-ha Bát-nhã Ba-la-mật-đa Tâm Kinh, Hồi hướng, Tam Quy y, Phụ lục Hán văn.

**954. PHÁP HỘI VÔ BIÊN TRANG
NGHIÊM (Kinh Đại Bảo Tích)**

Hán dịch: *Tam tạng Bồ-đề-lưu-chí*

Việt dịch: *HT. Thích Trí Tịnh*

Nxb Phương Đông – 2013

Pháp hội Vô biên Trang nghiêm là Phẩm thứ nhì trong *Kinh Đại Bảo Tích*, Kinh số 310, Quyển 120, Đại chánh Tân tu Đại tạng Kinh. Tác phẩm *Pháp hội Vô biên Trang nghiêm* dày 493 trang, nội dung gồm: Lời ghi chú, Nghi thức trì tụng; P.1 Vô thượng Đà-la-ni, P.2 Xuất ly Đà-la-ni, P.3 Thanh tịnh Đà-la-ni; Ma-ha Bát-nhã Ba-la-mật-đa Tâm Kinh, Hồi hướng, Tam Quy y; Phụ lục Hán văn.

**955. Pháp Môn Niệm Phật &
KINH VÔ LƯỢNG THỌ**

HT. Thích Huyền Vi

PL. 2540 – DL. 1996

Nội dung gồm có: Giới thiệu sách, Lời đầu, Văn Phát nguyện; 1. Nhơn duyên Phát khởi niệm Phật, 2. Niệm Phật tức là tu hành, 3. Niệm Phật rất là ổn đáng, 4. Niệm Phật có phương tiện thù thắng, 5. Niệm Phật hay tiêu nghiệp chướng, 6. Niệm Phật chớ cầu phước báu, 7. Niệm Phật hay đoạn phiền não, 8. Niệm Phật chóng thoát sanh tử, 9. Niệm Phật đầy đủ ba học, 10. Niệm Phật khắp nhiếp các trình độ, 11. Niệm Phật có thể độ chúng sanh, 12. Niệm Phật được thành Phật đạo. (*Bản lưu tại Thư viện chùa Huệ Nghiêm-Giới Đài Viện Huệ Nghiêm, Tp. Hồ Chí Minh*)

**956. PHÁP BỒ-ĐỀ
TÂM KINH LUẬN**

(ĐCTTĐTK, Q. 32 thuộc Luận tập Bộ toàn, Ks. 1659)

Tạo luận: *Bồ-tát Thiên Thân*

Hán dịch: *Tam tạng Pháp sư*

Curu-ma-la-thập (Kumarajiva, 344-413)

Việt dịch (2003):

Tỳ-kheo Thích Như Điển

Toàn bộ tác phẩm Kinh Luận này có 44 trang (PDF), gồm 2 quyển, 12 phẩm: Quyển thượng, P.1 Khuyên phát, P.2 Phát tâm, P.3 Nguyên thệ, P.4 Đàn Ba-la-mật, P.5 Thi-la Ba-la-mật, P.6 Sần-đề Ba-la-mật; Quyển hạ, P.7 Tỳ-lê-gia Ba-la-mật, P.8 Thiên-na Ba-la-mật, P.9 Bát-nhã Ba-la-mật, P.10 Như thật pháp môn, P.11 Không-vô tướng, P.12 Công đức trì. (<https://hoavouu.com>, *Sách Phật học-PDF*; <https://quangduc.com>, *Luận-Luận tạng Bắc truyền*)

**957. PHÁT KHỞI BỒ-TÁT THÙ
THẮNG CHÍ NHẠO KINH Giảng Ký**

Chủ giảng: *Lão HT. Thích Tịnh Không*

Chỉnh lý: *Cư sĩ Truyền Tịnh*

Chuyển ngữ: *Đệ tử Như Hòa*

Nxb Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh – 2017. Kinh có khổ 16 x 24cm, dày hơn 470 trang, bìa cứng. Toàn bộ tác phẩm Kinh này gồm có: I. Giảng Kinh duyên khởi, II. Bảo tích – Pháp bảo tích tập, III. Giới thiệu sơ lược dịch giả: ngài Bồ-đề-lưu-chí, IV. Giới thiệu đại lược bản kinh này, V. Lược giải Kinh văn; A. Tự phần, 1. Phật tại Lộc Uyển, 500 Tỳ-kheo, 500 Bồ-tát cùng nhóm, 2. Có các Bồ-tát nghiệp chướng sâu nặng, đầy dẫy hạnh bất thiện, nghi hoặc, thoái chuyển, Di-lặc Bồ-tát hỏi han, an ủi khiến họ vui mừng; B. Chánh tông phần, 1. Có 60 vị Bồ-tát nghe theo lời khuyên đến chỗ Phật, gieo mình xuống đất buồn khóc, Phật an ủi bảo họ đứng dậy, lại nói lỗi xưa ác nghiệp phỉ báng pháp sư, thọ nhiều nỗi khổ, về sau cũng sẽ được vãng sanh thế giới cực lạc; 2. Khi ấy các Bồ-tát liền phát 13 hồng thệ, Phật tán thán ân khả; 3. Di-lặc Bồ-tát nhân đó hỏi Bồ-tát đời mạt thành tựu mấy pháp để

được an ổn độ thoát; 4. Phật đáp: dùng hai loại “bốn pháp” để được giải thoát; 5. Lúc dùng tâm không mong cầu để hành pháp thí, sẽ thành 20 điều lợi, và lại thêm 20 điều lợi nữa; VI. Những lỗi xấu ác trong đời mạng pháp: 1. Tham cầu lợi dưỡng, 2. 15 thứ tà pháp đức Phật chẳng hề nói đến, 3. Chúng sanh đời mạng phỉ báng, ô nhục, chán lìa người có sư trưởng lẫn Bồ-tát trì chánh pháp, 4. Có 4 loại biện tài, hết thảy chư Phật đều tuyên nói, 5. Có 4 biện tài (thế trí biện tài) bị hết thảy chư Phật ngăn cấm, 6. Tướng trạng bất đồng giữa huệ hạnh Bồ-tát và sơ nghiệp Bồ-tát, 7. Sơ nghiệp Bồ-tát phải nên quán sát những điều tai hại của lợi dưỡng, ồn náo, ngôn luận thế gian, sự vụ; VII. 1. Mười một pháp chương đạo nghiêm trọng, 2. Sơ nghiệp Bồ-tát nên quán sát lỗi hại của lợi dưỡng, 3. Lợi ích của sự xa lìa lợi dưỡng, 4. Sơ nghiệp Bồ-tát nên quán sát: Ôn náo có 20 loại lỗi lầm lớn (a. Trường hàng, b. Trùng tụng), 5. Sơ nghiệp Bồ-tát nên quán sát ngôn luận thế gian có 20 lỗi lớn (a. Trường hàng, b. Trùng tụng), 6. Sơ nghiệp Bồ-tát nên quán sát ngũ nghề có 20 lỗi lầm lớn (a. Trường hàng, b. Trùng tụng), 7. Sơ nghiệp Bồ-tát nên quán sát rộng lo các việc có 20 lỗi lớn (a. Trường hàng, b. Trùng tụng), 8. Chẳng tu các hạnh, chẳng đoạn phiền não, chẳng tập thiền tụng, chẳng cầu đa văn, chẳng phải là người xuất gia, 9. Lược nói hý luận có 20 loại lỗi lớn, 10. Phát 10 thứ tâm có thể sanh về thế giới Cực lạc; C. Lưu thông phần.

958. PHÂN TÍCH ĐẠO,

Tạng Kinh – Tiểu Bộ

Patisambhidamaggapakarana

Tam Tạng Song Ngữ Pàli – Việt, Tập 37

Phụ trách phiên dịch: *Tỳ-khuru Indacanda*

(*Trương Đình Dũng*)

và *Tỳ-khuru Brahmāpālita*

(*Thạch Long Thịnh*)

PL. 2551 – DL. 2007

Buddhist Cultural Centre,

125 Anderson Road, Nedimala, Dehiwala-Sri Lanka

Sách có khổ lớn (20.5 x 29cm), bìa cứng màu đỏ, chữ mạ vàng.

Toàn bộ tác phẩm gồm có: Lời tựa-Sinhala và Việt ngữ, Văn bản của Bộ Tôn giáo-Anh và Việt ngữ, Thành phần nhân sự, Lược đồ Tam tạng, Lời giới thiệu, Các chữ viết tắt, Mẫu tự Pali – Sinhala.

Tập I, dày hơn 521 trang, nội dung gồm:

A. P. Chính yếu, I. Giảng về trí: Tiêu đề,

1. Trí về yếu tố tạo thành điều đã được

nghe, 2. Trí về yếu tố tạo thành giới, 3. Trí

về yếu tố tạo thành việc tu tập định, 4. Trí

về sự hiện diện của các pháp, 5. Trí về sự

thấu hiểu, 6. Trí quán xét sự sanh diệt, 7.

Trí về minh sát, 8. Trí về điều tai hại, 9.

Trí về các trạng thái xả đối với các pháp

hữu vi, 10. Trí chuyển tộc, 11. Trí về đạo,

12. Trí về quả, 13. Trí về giải thoát, 14.

Trí về việc quán xét lại, 15. Trí về tính

chất khác biệt của các vật nương, 16. Trí

về tính chất khác biệt của các hành xứ, 17.

Trí về tính chất khác biệt của các hành vi,

18. Trí về tính chất khác biệt của các lãnh

vực, 19. Trí về tính chất khác biệt của các

pháp, 20-24. Năm loại trí, 25-28. Trí về sự

phân tích, 29-31. Ba loại trí, 32. Trí về

định không gián đoạn, 33. Trí về sự an trú

không uế nhiễm, 34. Trí về chứng đạt

Thiền diệt, 35. Trí về sự viên tịch Niết-

bàn, 36. Trí về ý nghĩa của các pháp đứng

đầu được tịnh lặng, 37. Trí về ý nghĩa của

việc dứt trừ, 38. Trí về việc khởi sự tinh

tân, 39. Trí về sự trực nhận ý nghĩa, 40.

Trí về sự thanh tịnh trong việc nhận thức,

41. Trí về việc chấp nhận, 42. Trí về sự

thâm nhập, 43. Trí về sự an trú vào các

lãnh vực, 44-49. Trí về sự lý khai (nhóm

6), 50. Trí về thể loại của thần thông, 51.

Trí thanh tịnh của nữ giới, 52. Trí biết được tâm, 53. Trí nhớ về các kiếp sống trước, 54. Trí về thiên nhân, 55.

959. PHẬT BẢN HẠNH TẬP KINH – 3 Tập

Hán ngữ: *Đời Tùy, Tam tạng*

Xà-na-quật-đa

Việt ngữ: *Tỳ-kheo Ni Thích nữ Tuệ Đăng*

Trung tâm Dịch thuật Hán Nôm

Huệ Quang

Nxb Phương Đông – 2012. Kinh có khổ 13 x 20.5cm, tổng cộng 3 tập dày hơn 1.310 trang.

Tập 1, dày hơn 470 trang, gồm có 20 quyển, 25 phẩm: Lời người dịch, Q.1, P.1 Phát tâm Cúng dường (Phần 1); Q.2, P.1 Phát tâm Cúng dường (Phần 2); Q.3, P.1 Phát tâm Cúng dường (Phần 3), P.2 Nhận lĩnh lời thụ ký (Phần 1); Q.4, P.2 P.2 Nhận lĩnh lời thụ ký (Phần 2), P.3 Dòng vua thời Hiền kiếp (Phần 1); Q.5, P.3 Dòng vua thời Hiền kiếp (Phần 2), P.4 Sinh lên Đâu-suất (Phần 1); Q.6, P.4 Sinh lên Đâu-suất (Phần 2); Q.7, P.5 Giáng thần vương cung, P.6 Dẫn sinh dưới cội cây (Phần 1); Q.8, P.6 Dẫn sinh dưới cội cây (Phần 2), P.7 Từ vườn trở về thành (Phần 1); Q.9, P.7 Từ vườn trở về thành (Phần 2), P.8 Tướng sư xem tướng (Phần 1); Q.10, P.8 Tướng sư xem tướng (Phần 2), P.9 Tư-đà hỏi điềm lành (Phần 1); Q.11, P.10 Di mẫu dưỡng dục, P.11 Học kỹ nghệ (Phần 1); Q.12, P.12 Đạo chơi và quan sát, P.13 So tài tranh hôn (Phần 1); Q.13, P.13 So tài tranh hôn (Phần 2), P.14 Phục sức giản dị chọn được phi (Phần 1); Q.14, P.14 Phục sức giản dị chọn được phi (Phần 2), P.15 Tiếng trên không khuyên chán lìa, P.16 Ra đường gặp người già; Q.15, P.17 Vua Tịnh Phạn nằm mộng, P.18 Ra đường gặp người bệnh, P.19 Ra đường gặp tử thi, P.20 Ra đường gặp người xuất gia; Q.16,

P.20 Da-du-đà-la nằm mộng, P.21 Rời cung điện đi xuất gia (Phần 1); Q.17, P.21 Rời cung điện đi xuất gia (Phần 2), P.22 Cạo tóc nhuộm áo (Phần 1); Q.18, P.22 Cạo tóc nhuộm áo (Phần 2), P.23 Xa-nặc trở về (Phần 1); Q.19, P.23 Xa-nặc trở về (Phần 2); Q.20, P.23 Xa-nặc trở về (Phần 3), P.24 Quan sát đi đạo, P.25 Vương sứ trở về (Phần 1).

Tập 2, dày hơn 437 trang, từ Q.21 đến Q.40, nội dung gồm: Q.21, P.25 Vương sứ trở về (Phần 2), P.26 Hỏi A-la-la (Phần 1); Q.22, P.26 Hỏi A-la-la (Phần 2), P.27 Đối đáp với con của A-la-ma, P.28 Khuyên nhận thế lợi (Phần 1); Q.23, P.28 Khuyên nhận thế lợi (Phần 2); Q.24, P.28 Khuyên nhận thế lợi (Phần 3), P.29 Tinh tiến khổ hạnh (Phần 1); Q.25, P.29 Tinh tiến khổ hạnh (Phần 2), P.30 Hướng về cội Bồ-đề (Phần 1); Q.26, P.30 Hướng về cội Bồ-đề (Phần 2); Q.27, P.30 Hướng về cội Bồ-đề (Phần 3), P.31 Ma khủng bố Bồ-đề (Phần 1); Q.28, P.31 Ma khủng bố Bồ-đề (Phần 2); Q.29, P.31 Ma khủng bố Bồ-đề (Phần 3), P.32 Bồ-tát hàng phục ma (Phần 1); Q.30, P.32 Bồ-tát hàng phục ma (Phần 2), P.33 Thành đạo vô thượng (Phần 1); Q.31, P.34 Thuở xưa chiến đấu với ma, P.35 Hai thương chủ dâng thức ăn (Phần 1); Q.32, P.35 Hai thương chủ dâng thức ăn (Phần 2), P.36 Phạm thiên khuyên tỉnh (Phần 1); Q.33, P.36 Phạm thiên khuyên tỉnh (Phần 2), P.37 Chuyển Pháp luân vi diệu (Phần 1); Q.34, P.37 Chuyển Pháp luân vi diệu (Phần 2), P.38 Nhân duyên Da-du-đà-la (Phần 1); Q.35, P.38 Nhân duyên Da-du-đà-la (Phần 2); Q.36, P.39 Túc duyên Da-du-đà; Q.37, P.40 Phú-lâu-na xuất gia, P.41 Na-la-đà xuất gia (Phần 1); Q.38, P.41 Na-la-đà xuất gia (Phần 2), P.42 Sa-tì-da xuất gia (Phần 1); Q.39, P.42 Sa-tì-da xuất gia (Phần 2), P.43 Giáo hóa binh tướng (Phần 1); Q.40, P.43 Giáo hóa binh

tướng (Phần 2), P.44 Ba anh em Ca-diếp (Phần 1).

Tập 3, dày hơn 403 trang, từ Q.41 đến Q.60, nội dung gồm: Q.41, P.44 Ba anh em Ca-diếp (Phần 2); Q.42, P.44 Ba anh em Ca-diếp (Phần 3), P.45 Ưu-ba-tư-na (Phần 1); Q.43, P.45 Ưu-ba-tư-na (Phần 2); Q.44, P.46 Cúng dường Trúc Viên (Phần 1); Q.45, P.46 Cúng dường Trúc Viên (Phần 2), P.47 Nhân duyên của Đại Ca-diếp (Phần 1); Q.46, P.47 Nhân duyên của Đại Ca-diếp (Phần 2); Q.47, P.47 Nhân duyên của Đại Ca-diếp (Phần 3); Q.48, Nhân duyên vợ chồng Bạt-đà-la, P.49 Nhân duyên của Xá-lợi, Mục-liên (Phần 1); Q.48, P.49 Nhân duyên của Xá-lợi, Mục-liên (Phần 2); Q.49, P.50 Nhân duyên của 500 Tỳ-kheo, P.51 Dẹp trừ hạnh kẻ bất tín, P.52 Nghi thức thuyết pháp (Phần 1); Q.50, P.52 Nghi thức thuyết pháp (Phần 2), P.53 Bản sinh Phật Thi-khí (Phần 1); Q.51, P.53 Bản sinh Phật Thi-khí (Phần 2); Q.52, P.54 Nhân duyên Ưu-đà-di (Phần 1); Q.53, P.54 Nhân duyên Ưu-đà-di (Phần 2), P.55 Nhân duyên Ưu-ba-ly (Phần 1); Q.54, P.55 Nhân duyên Ưu-ba-ly (Phần 2); Q.55, P.55 Nhân duyên Ưu-ba-ly (Phần 3), P.56 Nhân duyên La-hầu-la (Phần 1); Q.56, P.56 Nhân duyên La-hầu-la (Phần 2), P.57 Nhân duyên Nan-đà xuất gia (Phần 1); Q.57, P.57 Nhân duyên Nan-đà xuất gia (Phần 2), P.58 Nhân duyên Bà-đề-lợi-ca (Phần 1); Q.58, P.58 Nhân duyên Bà-đề-lợi-ca (Phần 2); Q.59, P.58 Nhân duyên Bà-đề-lợi-ca (Phần 3), P.59 Ma-ni-lâu-đà (Phần 1); Q.60, P.59 Ma-ni-lâu-đà (Phần 2), P.60 Nhân duyên A-nan.

960. PHẬT DI GIÁO KINH

Viết dịch: *Thích Từ Quang*

Ấn tổng PL. 2516 – DL. 1953, Giấy phép số 1076 T.XB ngày 26-12-1952

Kinh có 32 trang, bìa mềm. Nội dung gồm có: Tựa, *Phật Di giáo Kinh* (dịch âm), Hán dịch: Tam tạng Pháp sư Cưu-ma-la-thập; Phật Di giáo Kinh (dịch nghĩa), Di chúc của Phật, trước giờ nhập Niết-bàn, 1. Giữ Giới, 2. Buộc tâm, 3. Tiết độ, 4. Xét mình tử hủ, 5. Nhẫn nhục, 6. Mạng chánh, 7. Lòng chơn thật, 8. Ít muốn, 9. Biết đủ, 10. Xa lánh trần tục, 11. Tinh tấn, 12. Không quên chánh niệm, 13. Thiên định, 14. Trí tuệ, 15. Không được bàn nhăm, 16. Bỏ tật phóng dật, 17. Nghi thì hỏi, 18. Nói rõ nhân duyên, 19. Nhứt tâm; Tổng kết; Thích nghĩa.

961. PHẬT ĐỈNH TÔN THẮNG PHÁP KINH

Biên dịch: *Sa-môn Thích Quảng Trí - Huyền Thanh*

Nxb Phương Đông – 2015

Kinh có khổ 20 x 29cm, dày 290 trang. Nội dung gồm có: 1. Thay lời tựa, 2. Phật Đỉnh Tôn Thắng Phật Mẫu, 3. Phật đỉnh Tôn thắng pháp, 4. Phật đánh Tôn thắng Đà-la-ni Kinh (No. 967), 5. Phật đánh Tôn thắng Đà-la-ni Kinh (No. 968), 6. Phật đánh Tôn thắng Đà-la-ni Kinh (No. 969), 7. Tôn thắng Phật đánh Đà-la-ni Kinh Tịnh trừ nghiệp chướng chú Kinh (No. 970), 8. Phật nói Kinh Phật đánh Tôn thắng Đà-la-ni (No. 971), 9. Phật đánh Tôn thắng Đà-la-ni Niệm tụng Nghi quỹ pháp (No. 972), 10. Tôn thắng Phật đánh Tu-du-già pháp nghi quỹ (No. 973), Quyển thượng, Quyển hạ; 11. Tôn thắng Phật đánh Đà-la-ni (No. 974A), 12. Phật đỉnh Tôn thắng Đà-la-ni (No. 974B), 13. Gia cú linh nghiệm Phật đỉnh Tôn thắng Đà-la-ni ký (No. 974C), 14. Ghi chú nghĩa của Phật đỉnh Tôn thắng Đà-la-ni (No. 974D), 15. Phật đỉnh Tôn thắng Đà-la-ni Chân ngôn (No. 974E), 16. Phật đỉnh Tôn thắng Đà-la-ni Biệt pháp (No. 974F), 17.

Phật thuyết Nhất thiết Như Lai Ô-sắt-ni-sá Tội thắng Tổng trì Kinh (No. 978), 18. Vu-sắc-ni Sa-tả-dà Đà-la-ni (No. 979), 19. Pháp Đà-la-ni bí mật của ba loại Tất-địa phá địa ngục chuyển nghiệp chướng ra khỏi ba cõi (No. 905), 20. Phật đỉnh Tôn thắng tâm phá địa ngục chuyển nghiệp chướng xuất tam giới bí mật tam thân Phật quả tam chủng tất-địa chân ngôn nghi quỹ (No. 906), 21. Phật đỉnh Tôn thắng tâm phá địa ngục chuyển nghiệp chướng xuất tam giới bí mật Đà-la-ni (No. 907), 22. Tín ngưỡng Phật đỉnh Tôn thắng pháp tại Việt Nam, 23. Phật đỉnh Tôn thắng Gia cú linh nghiệm Đà-la-ni; Văn bia số 5, Văn bia số 6, Văn bia số 7, Văn bia số 8, Văn bia số 9; 24. Phật đỉnh Tôn thắng Gia cú linh nghiệm Đà-la-ni tại Việt Nam, 25. Usnisa – Vijaya Dhàranì (Bản của Pháp Thiên), 26. Phật đỉnh Tôn thắng Đà-la-ni (Dựa theo bản của cổ Thượng tọa Thiên Tâm), 27. Phật đỉnh Tôn thắng Đà-la-ni của Thiện Vô Úy, 28. Phật đỉnh Tôn thắng Đà-la-ni của Đại sư Hoằng Pháp, 29. Phật đỉnh Tôn thắng Đà-la-ni của ngài Bảo Tư Duy, 30. Nghi thức trì tụng Phật đỉnh Tôn thắng pháp, 31. Mục lục

Tác phẩm này đã xuất bản năm 2008, Nxb Tôn Giáo (với tên: Phật đỉnh Tôn thắng Đà-la-ni Kinh)

962. PHẬT GIẢNG KINH 42 CHƯƠNG

Việt dịch và Chú giải: *Định Sĩ Trang – Nguyễn Văn Động*

PL. 2553 – DL. 2009

Sách dày hơn 249 trang, bìa mềm. Nội dung gồm có 42 chương: Lời đầu sách, Phần Mở đầu; C.1 Tu xuất gia, C.2 Trừ dục vọng-Dứt mong cầu, C.3 Cắt đứt ái dục-xả bỏ lòng tham, C.4 Thiện-ác phân minh, C.5 Biết nhận lỗi-tội sẽ nhẹ đi, C.6 Nên nhịn và không oán hận, C.7 Ở ác gặp

ác, C.8 Gieo gió gặt bão, C.9 Phải thực hành mới được đạo, C.10 Bỏ thí tất được phước, C.11 Mức độ gia tăng Công đức, C.12 Chi rõ sự khó về khuyên tu, C.13 Hỏi về Đạo, C.14 Hỏi về tánh thiện, C.15 Hỏi về sức mạnh và sáng, C.16 Phải bỏ ái dục mới thấy được Đạo, C.17 Ánh sáng đến thì bóng tối tan, C.18 Ý nghĩ và mọi thứ đều là Không, C.19 Phải biết Phân biệt Thiện và Giả, C.20 Cái “Ta” vốn là Không, C.21 Danh vọng hại người, C.22 Tiền của và Sắc dục là dao hai lưỡi, C.23 Gia đình ràng buộc, C.24 Sắc dục chướng ngại việc tu hành, C.25 Lửa dục đốt người, C.26 Ma quỷ nhiều Phật, C.27 Đừng để ái dục mê hoặc thì được Đạo, C.28 Gần gũi Sắc dục tất sanh họa, 29. Hãy thận trọng đối với nữ sắc, C.30 Lánh xa lửa Dục, C.31 Diệt trừ Tà tâm thì Dục vọng sẽ dứt, C.32 Xa lìa ái dục thì hết lo và hết sợ, C.33 Trí huệ phá tan các ma sự, C.34 Giữ Trung dung tất được Đạo, C.35 Phải loại trừ mọi Dục vọng, C.36 Chín điều khó của kiếp người, C.37 Biết giữ giới là gần với Đạo, C.38 Có sanh tất có diệt, C.39 Chớ phân biệt Đại thừa-Tiểu thừa, C.40 Tâm phải thực hành theo Đạo, C.41 Diệt trừ vọng tưởng về Sắc dục, C.42 Cõi đời là hư huyền; Giải nghĩa Tứ diệu đế, Giải nghĩa Danh từ Phật học, Bản dịch Anh văn, Bản Hán văn.

963. PHẬT GIÁO TAM TỰ KINH

Dịch giả: *Thông Thiên*

Nxb Tôn Giáo, PL. 2549 – DL. 2005

Kinh có khổ 14.5 x 20.5cm, dày hơn 193 trang, bìa mềm. Toàn bộ tác phẩm này gồm có: Lời nói đầu, Lý do in lại Phật giáo Tam tự Kinh, Tựa cũ, Tựa; Phật giáo Tam tự Kinh: I. Pháp giới, II. Thích-ca Phật sanh, III. Kết tập Tam tạng, IV. Đại pháp Đông lai, V. Thập tông: 1. Thành thật tông, 2. Câu-xá tông, 3. Thiên tông, 4. Luật tông, 5. Thiên thai tông, 6. Hiền Thủ

tông, 7. Từ ân tông, 8. Tam luận tông, 9. Mật tông, 10. Tịnh độ tông; VI. Sáu pháp; VII. Chư pháp: Ngũ uân, Lục căn, Lục trần, Thập nhị xứ, Thập bát giới, Chuyển Bát thức thành Tứ trí, Tam thân, Ngũ nhân, Lục thông, Tứ đế, Thập nhị nhân duyên, Lục độ, Tứ vô lượng tâm, Niết-bàn tứ đức, Thập giới, Khí thể gian; VIII. Khuyến học; IX. Tự thuật cổ đức, X. Tổng kết; Văn hồi hướng.

964. PHẬT GIÁO TAM TỰ KINH

Quảng Chơn Thiền sư

Việt dịch: *Thích Thiện Phước*

Nxb Phương Đông – 2012

Kinh có khổ 13 x 20.5cm, dày hơn 293 trang, bìa mềm. Nội dung sơ lược gồm có 3 phần chính: Lời nói đầu; Phần I. Chữ Hán-Phiên âm-Dịch nghĩa; Phần II. Chú giải, Lời tự tựa, và các đề tài giáo pháp...; Phần III. Phụ lục, Bát-nhã Tâm Kinh; Bát-nhã Ba-la-mật-đa Tâm Kinh.

Xem: Phật giáo Tam tự Kinh

965. PHẬT GIÁO THÁNH ĐIỂN, Quyển I

Biên soạn (Hán ngữ): *Thái Đạm Lưu*

Việt dịch: *Hân Kinh*

Lăng Nghiêm Thiền viện, ấn hành năm 1974. Kinh có khổ 13 x 19cm, có 166 trang, bìa mềm. Toàn bộ tác phẩm gồm có 1 thiên, 4 chương chính. Phần đầu là Lời dịch giả, Lời nói đầu, Kinh điển dẫn cứ; Thiên thứ nhất, Giáo pháp, *Chương I, Phật-đà* (Danh hiệu Phật, Phật nói pháp, Sự bình đẳng của Phật, Đại bi của Phật, Ân Phật, Thân Phật (2 thân), Thân Phật (3 thân); *Chương II, Pháp*: Tứ đế, Pháp Duyên khởi, Tam pháp ấn và Tứ pháp ấn, Pháp Tam thừa, Pháp Nhứt thừa, Pháp và nghĩa, Phật pháp và ngoại đạo; *Chương III, Vạn hữu*, 1. Duyên khởi của vạn hữu (Nghiệp cảm duyên khởi, Duy tâm duyên

khởi, Lại-da duyên khởi), 2. Thật tướng của vạn hữu (Vạn hữu nhưt như và sai biệt); *Chương IV, Chúng sanh* (nhân sinh, vô thường, khổ, phiền não, luân hồi, Phật tánh, bỗng lai thành Phật).

Tác phẩm này tái bản nhiều lần: Năm 1995, THPG Tp. Hồ Chí Minh ấn hành; năm 2012, Nxb Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh.

966. PHẬT NÓI KINH BỒ-TÁT HÀNH PHƯƠNG TIỆN CẢNH GIỚI THẦN THÔNG BIẾN HÓA

Đại Tạng Kinh, Quyển 9, Pháp Hoa bộ

Hán dịch: *Tam tạng Pháp sư Trúc Cầu-na Bạt-đà-la*

Việt dịch (2001): *Thích Như Điển*

Tác phẩm Kinh này có 67 trang (PDF), gồm 3 quyển: Quyển thượng, Quyển trung và Quyển hạ. (<https://hoavouu.com>, *Sách Phật học-PDF*)

967. PHẬT NÓI KINH CHÁNH PHÁP ĐẠI BỬU TÍCH HỎI NGÀI CA-DIỆP

Hán dịch: *Tam tạng Sa-môn Thi Hộ*

Việt dịch: *Thích Huyền Vi (1926-2005)*

Layout bản điện tử: *Tâm Từ và Nguyên Thanh*

PL. 2539 – DL. 1995. Kinh dày hơn 177 trang, bìa cứng, nền đen, chữ tựa màu vàng, có hình vòng tròn.

Nội dung gồm có: Lời nói đầu và 5 quyển (từ Q.I đến Q.V).

968. PHẬT NÓI - KINH CÔNG ĐỨC RUỘNG PHƯỚC

Hán dịch: *Sa-môn Pháp Lập và Pháp Cự*

Soạn dịch: *Thích Tuệ Thông*

Nxb Hồng Đức – 2013

Tác phẩm Kinh này có 133 trang, bìa mềm. Nội dung gồm: Lời tựa; Phần I. Kinh Công đức ruộng phước; Phần II. Bồ thí có lợi gì? 1. Người nghèo cùng có uy

thế, 2. Bồ thí như đem tiền của ra khỏi nhà cháy, 3. Nhờ cúng tiền xây chùa nên nghiệp nặng chuyển thành nhẹ, 4. Hiện tại có phước chẳng nên hưởng hết, 5. Làm lành ít được quả báo nhiều, 6. Bồ thí hai đồng được làm hoàng hậu, 7. Thọ vẽ bồ thí 30 lượng vàng được hiện báo, 8. Quả báo tùy thuộc vào thời gian, 10. Khởi tâm lành được làm vua, 11. Tôn giả Ca-chiên-diên hóa độ bà già nghèo, 12. Tôn giả Ma-ha Ca-diếp hóa độ bà già xin ăn, 13. Nô tỳ cúng dường một đồng được làm công chúa, 14. Bán củi cúng dường 3 đồng được làm vua, 15. Chỉ khởi tâm lành liền được phước, 16. Sơ tổ Trúc Lâm mở hội bồ thí, 17. Thiền sư Linh Nguyên dạy, 18. Hòa thượng Thanh Từ dạy, 19. Bài ca chẳng biết đủ, 20. Năm việc làm có nhiều công đức, 21. Công đức tùy thuộc vào tâm chí thành, 22. Vua A-dục tu phước thắng Long Vương, 23. Nhân duyên nửa trái lê, 24. Tiền thân Phật cúng dầu và đèn, 25. Cung nữ dâng hóa cúng Phật, 26. Tung hoa cúng Phật được sinh cõi trời, 27. Phước báo sửa tháp, 28. Bà già nghèo chí thành cúng đèn, 29. Tiền thân tôn giả A-na-luật, 30. Tiền thân thái tử Kỳ-đà, 31. Công đức sửa tháp, 32. Phật chăm sóc Tỳ-kheo bệnh, 33. Hai an hem đồng xuất gia, 34. Vàng bạc phải chăng là hạnh phúc.

969. PHẬT NÓI - KINH HƯNG KHỞI HẠNH

Hán dịch:

Tam tạng Khương Mạnh Tường

Việt dịch: *Thích Chánh Lạc*

Chứng nghĩa:

Thích Đồng Minh (1927-2005)

Toàn bộ tác phẩm Kinh này gồm có 2 quyển, 10 Kinh: - Bài tựa; *Quyển thượng*, 1. Phật nói Kinh Nhân duyên kiếp trước của Tôn-đà-lợi, 2. Phật nói Kinh Nhân duyên kiếp trước của Xa-di-bạt, 3. Phật

nói Kinh Nhân duyên kiếp trước của sự đau đầu, 4. Phật nói Kinh Nhân duyên xương cốt, các khớp đau nhức, 5. Phật nói Kinh Nhân duyên kiếp trước của sự đau lưng, 6. Phật nói Kinh Nhân duyên bị cây giáo đâm chân; *Quyển hạ*, 7. Phật nói Kinh Nhân duyên Đê-bà-đạt-đa đôi đá, 8. Phật nói Kinh Nhân duyên Bà-la-môn nữ tên là Chiên-sa hủy báng Phật, 9. Phật nói Kinh Nhân duyên kiếp trước phải ăn lúa ngựa, 10. Phật nói Kinh Nhân duyên kiếp trước của sự khổ hạnh. (<https://quangduc.com>, *Kinh-Hán tạng*)

970. PHẬT NÓI KINH PHẠM VÕNG BỒ-TÁT TÂM ĐỊA PHẨM

Lược Sớ

Dịch giả: *Tỳ-kheo Ni Thích nữ Trí Hải*

Nxb Tôn Giáo, PL. 2545 – DL. 2001

Kinh có khổ 14.5 x 20.5cm, dày 406 trang. Toàn bộ Kinh lược sớ này gồm có: Lời giới thiệu, Lời nói đầu. Phần một, Giải thích đề mục (giải thích đề kinh, giải thích tên người dịch); Phần hai, Giải thích kinh văn: A. Bài tựa riêng (1. Ba Phật truyền giáo, 2. Hai Phật thuyết pháp, 3. Một Phật thuyết pháp, 4. Trùng tụng, 5. Kết giới); B. Chánh tông: *I. 10 giới trọng* (1. Sát sanh, 2. Trộm cắp, 3. Dâm dục, 4. vọng ngữ, 5. Bán rượu, 6. Rao nói lỗi của bốn chúng, 7. Tự khen mình chê người, 8. Bỏ xen thêm mắng đũa, 9. Giận hờn không chịu sám hối, 10. Hủy báng Tam Bảo; *II. 48 giới khinh* (1. Không kính thầy bạn, 2. Uống rượu, 3. Ăn thịt, 4. Ăn ngũ vị tân, 5. Không dạy người có tội sám hối, 6. Không cung cấp thỉnh pháp, 7. Giải đãi không nghe pháp, 8. Trái với Đại thừa, hướng về Tiểu thừa, 9. Không chăm sóc bệnh, 10. Chứa khí cụ sát sanh, 11. Đi sứ, 12. Buôn bán phi pháp, 13. Hủy báng, 14. Phóng hỏa thiêu đốt, 15. Dạy giáo lý ngoài Đại thừa, 16. Vì lợi nói pháp lộn lạo, 17. Cậy

thế lực khuyên góp, 18. Không hiểu mà làm thầy truyền giới, 19. Nói lưỡi hai chiều, 20. Không phóng sanh cứu vật, 21. Dem sân hận báo thù sân hận, đem đánh trả đánh, 22. Tâm kiêu mạn không tỉnh pháp, 23. Khinh ngạo không tận tâm dạy, 24. Không tu học Đại thừa, 25. Tri chúng vụng về, 26. Riêng thọ lợi dưỡng, 27. Thọ biệt thỉnh, 28. Biệt thỉnh Tăng, 29. Tà mạng nuôi sống, 30. Bất kính trong những ngày trai giới, 31. Không mua chuộc, 32. Tồn hại chúng sanh, 33. Tà mạng giác quán, 34. Tạm bỏ Bồ-đề tâm, 35. Không phát nguyện, 36. Không phát thệ, 37. Không được du hành nơi mạo hiểm, có nạn, 38. Trái thứ lớp tôn ti, 39. không tu phước huệ, 40. Không được lựa chọn thọ giới, 41. Vì lợi làm thầy, 42. Giảng thuyết giới cho kẻ ác, 43. Không tâm hổ thẹn, thọ nhận của cúng dường, 44. Không cúng dường kinh điển, 45. Không giáo hóa chúng sanh, 46. Thuyết pháp không đúng như pháp, 47. Cấm chế không đúng pháp, 48. Phá pháp); C. Lưu thông (phó chúc, kết tụng hồi hướng).

Kinh này tái bản năm 2011, Nxb Tôn Giáo.

971. PHẬT NÓI KINH TÔN GIẢ HỘ QUỐC HỎI VỀ ĐẠI THỪA

Hán dịch: *Tam tạng Thi Hộ*

Việt dịch: *Thích Nguyên Xuân*

Chúng nghĩa: *Tỳ-kheo Thích Đồng Minh*

Toàn bộ tác phẩm Kinh này gồm có 4 quyển.

(<https://quangduc.com>, *Kinh-Hán tạng*)

972. PHẬT NÓI KINH TỨ ĐẾ

Hán dịch: *An Thế Cao*

Việt dịch: *Thích Chánh Lạc*

Nội dung Kinh này Đức Phật giảng dạy về Tứ Đế (Bốn Chân lý). Tứ Đế đó là: 1. Khổ

đế, 2. Tập đế, 3. Tận (Diệt) đế, 4. Đạo đế.
(<https://quangduc.com>, *Kinh-Hán tạng*)

973. PHẬT NÓI KINH THẤT TRI

Hán dịch: *Tam tạng Pháp sư Chi Khiêm*

Việt dịch: *Thích Chánh Lạc*

Nội dung Kinh này Đức Phật dạy về bảy pháp để hướng đạo đệ tử đưa đến an lạc, đa hạnh, tinh tấn và thành tựu cứu cánh. Bảy pháp đó là: 1. Tri pháp, 2. Tri nghĩa, 3. Tri thời, 4. Tri tiết, 5. Tụ tri, 6. Tri chúng, 7. Tri nhân. (<https://quangduc.com>, *Kinh-Hán tạng*)

974. PHẬT NÓI KINH TRAI GIỚI

Hán dịch: *Cư sĩ Chi Khiêm*

Việt dịch: *Thích Chánh Lạc*

Nội dung Kinh này Đức Phật dạy Trai giới theo Phật pháp là người Phật tử tại gia mỗi tháng có sáu ngày ăn chay, thọ trì tám giới (vấn tắt): 1. Không sát sanh, 2. Không tham lam, trộm cắp, 3. Không tham sắc, không làm tà dục, 4. Không nói dối, 5. Không dùng chất gây kích thích, không uống rượu, 6. Không đeo vòng hoa, thoa hương, ca múa-xướng hát, 7. Không nằm giường cao đẹp, rộng lớn, 8. Ăn đúng giờ, không ăn quá no. Ngoài ra, Ngày trai giới tu tập 5 điều nhớ nghĩ: 1. Niệm Phật, 2. Niệm Pháp, 3. Niệm chúng Tăng, 4. Niệm giới, 5. Niệm chư Thiên.
(<https://quangduc.com>, *Kinh-Hán tạng*)

975. PHẬT NÓI KINH ỨNG PHÁP

Hán dịch: *Tam tạng Trúc Pháp Hộ*

Việt dịch: *Thích Chánh Lạc*

Nội dung Kinh này Đức Phật giảng dạy về Bốn pháp Tương ứng, đó là: 1. Pháp tương ứng hiện tại vui nhưng về sau thọ quả báo khổ, 2. Pháp tương ứng hiện tại khổ nhưng về sau thọ quả báo vui, 3. Pháp tương ứng hiện tại khổ, về sau thọ quả báo khổ, 4. Pháp tương ứng hiện tại vui, về sau thọ

quả báo vui. (<https://quangduc.com>, *Kinh-Hán tạng*)

976. PHẬT SỬ & HẠNH TẶNG,

Tặng Kinh – Tiểu Bộ

Buddhavamsapàli & Cariyàpitakapàli

Tam Tạng Song Ngữ Pàli – Việt, Tập 42

Phụ trách phiên dịch: *Tỳ-khuru Indacanda*
(*Trương Đình Dũng*)

và *Tỳ-khuru Brahmāpalita* (*Thạch Long Thịnh*)

PL. 2550 – DL. 2006

Buddhist Cultural Centre,

125 Anderson Road, Nedimala, Dehiwala-Sri Lanka

Sách có khổ lớn (20.5 x 29cm), bìa cứng màu đỏ, chữ mạ vàng.

Nội dung gồm có: Lời tựa-Sinhala và Việt ngữ, Văn bản của Bộ Tôn giáo-Anh và Việt ngữ, Thành phần nhân sự, Lược đồ Tam tạng, Lời giới thiệu, Các chữ viết tắt, Mẫu tự Pali – Sinhala,

Phật sử, Con đường kinh hành bằng châu báu, Phần nói về Sumedha, 1. Lịch sử Đức Phật Dipankara, 2. Lịch sử Đức Phật Kondanna, 3. Lịch sử Đức Phật Mangala, 4. Lịch sử Đức Phật Sumana, 5. Lịch sử Đức Phật Revata, 6. Lịch sử Đức Phật Sobhita, 7. Lịch sử Đức Phật Anomadassi, 8. Lịch sử Đức Phật Paduma, 9. Lịch sử Đức Phật Nārada, 10. Lịch sử Đức Phật Padumuttara, 11. Lịch sử Đức Phật Sumedha, 12. Lịch sử Đức Phật Sujāta, 13. Lịch sử Đức Phật Piyadassi, 14. Lịch sử Đức Phật Atthadassi, 15. Lịch sử Đức Phật Dhammadassi, 16. Lịch sử Đức Phật Siddhattha, 7. Lịch sử Đức Phật Tissa, 18. Lịch sử Đức Phật Phussa, 19. Lịch sử Đức Phật Vipassi, 20. Lịch sử Đức Phật Sikhi, 21. Lịch sử Đức Phật Vessabhū, 22. Lịch sử Đức Phật Kakusandha, 23. Lịch sử Đức Phật Konāgamana, 24. Lịch sử Đức Phật Kassapa, 25. Lịch sử Đức Phật Gotama;

Chương Tổng hợp về chư Phật, Giảng giải về việc phân chia Xá-lợi;

Hạnh tạng, I. Sự toàn hảo về bố thí: 1. Hạnh của (đức Bồ-tát) Akitti, 2. Hạnh của (đức Bồ-tát) Sankha, 3. Hạnh của (đức Bồ-tát) Kurudhamma, 4. Hạnh của (đức Bồ-tát) Mahāsudassana, 5. Hạnh của (đức Bồ-tát) Mahāgovinda, 6. Hạnh của đức vua Nimi, 7. Hạnh của Hoàng tử Canda, 8. Hạnh của đức vua Sivi, 9. Hạnh của (đức Bồ-tát) Vessantara, 10. Hạnh của con thỏ Hiền trí (Phẩm Akitti là phần thứ nhất); II. Sự toàn hảo về Giới: 1. Hạnh của vị nuôi dưỡng mẹ, 2. Hạnh của (đức Bồ-tát) Bhūridatta, 3. Hạnh của con rồng Campeyya, 4. Hạnh của (đức Bồ-tát) Cullabodhi, 5. Hạnh của con trâu chúa, 6. Hạnh của con nai chùa Ruru, 7. Hạnh của (đức Bồ-tát) Mātanga, 8. Hạnh của Thiên tử Dhamma, 9. Hạnh của (đức Bồ-tát) Alinasatta, 10. Hạnh của (đức Bồ-tát) Sankhapāla (Phẩm con long tượng là phần thứ nhì); III. Sự hoàn hảo về xuất ly: 1. Hạnh của (đức Bồ-tát) Yudhanjaya, 2. Hạnh của (đức Bồ-tát) Somanassa, 3. Hạnh của (đức Bồ-tát) Ayoghara, 4. Hạnh của (đức Bồ-tát) Bhisā, 5. Hạnh của vị hiền trí Sona; IV. Sự toàn hảo về quyết định: 6. Hạnh của vị hiền trí Temiya; V. Sự toàn hảo về chân thật: 7. Hạnh của con khỉ chúa, 8. Hạnh của đạo sĩ Sacca, 9. Hạnh của chim Cút con, 10. Hạnh của vua Cá, 11. Hạnh của (đức Bồ-tát) Kanhadīpāyana, 12. Hạnh của (đức Bồ-tát) Sutasoma; VI. Sự toàn hảo về từ ái: 13. Hạnh của (đức Bồ-tát) Suvannasāma, 14. Hạnh của (đức Bồ-tát) Ekarāja; VII. Sự toàn hảo về hành xả: 15. Hạnh của (đức Bồ-tát) Mahālomahamsa, Bài kệ tóm tắt; Phụ chú, Thư mục câu kệ Pàli, Thư mục danh từ riêng, Thư mục câu kệ Pàli, Thư mục danh từ riêng, Thư mục từ đặc biệt, Thư mục từ đặc biệt.

977. PHẬT TỔ NGŨ KINH

Dịch giả:

HT. Thích Hoàn Quan (1928-2005)

Nxb Tôn Giáo, PL. 2561 – DL. 2017

Kinh có khổ 14.5 x 20.5cm, dày 601 trang (tái bản lần thứ mười), bìa mềm, nền màu cam, chữ tựa màu đỏ, tựa chữ Hán nổi viền trắng, có hình quyển Kinh và râu chuối (nhỏ) phần dưới; bìa sau năm tựa chữ Hán.

Toàn bộ tác phẩm gồm có:

I. Kinh Thập thiện: - Lời dịch giả, - Lời nói đầu, A. Phần chứng tín (tự phần), B. Chánh thuyết (chánh tôn), 1. Nghiệp quả thế gian xuất thế gian (- Từ nơi nhân mà nói quả, - Từ nơi quả mà nói nhân, - Nói rõ về tướng của nhân, - Đem tướng của nghiệp quả để chứng minh, - Khuyên tu học); 2. Chánh thuyết minh Thập thiện nghiệp đạo (- Hiện bày công dụng của thiện pháp, - Giải thích tên thiện pháp, - Trình bày hành tướng thiện pháp); 3. Công đức của mười thiện nghiệp (- Công đức xa lìa nghiệp sát, - Công đức xa lìa trộm cắp, - Công đức xa lìa tà hạnh, - Công đức xa lìa vọng ngữ, - Công đức xa lìa nghiệp hai lưỡi, - Công đức xa lìa nghiệp ác khẩu, - Công đức xa lìa ý ngữ, - Công đức xa lìa sân khuê, - Thuyết minh công đức xa lìa tà kiến); 4. Thắng hạnh của mười thiện nghiệp (- Nói về Lục độ (nói về bố thí độ, lược nói năm độ sau), - Các hạnh khác, - Tổng kết); 5. Thuyết minh sự thù thắng của của Thập thiện nghiệp. C. Phần lưu thông, Phần dịch âm.

II. Kinh Tứ thập nhị chương: - Bức thư thay lời tựa, - Lời nói đầu; A. Phần tổng khởi; B. Phần chánh thuyết, 1. Hạnh quả của Tam thừa cộng giáo (- Hạnh quả xuất thế, - Tu hạnh xuất gia); 2. Thông nghĩa thiện ác của Ngũ thừa; 3. Thắng hạnh bát

cộng của Đại thừa (a. Lập tín nguyện, b. Tu Lục độ: Bố thí, Trì giới, Nhẫn nhục, Thiền định, Bát-nhã (căn bản trí, hậu đắc trí, gia hạnh trí: - Quán vô thường là thường, - Quán vô ngã như huyễn, - Quán ngũ dục, - Trách về sắc dục), Tinh tấn (- Mặc giáp tinh tấn (Hạnh mặc giáp tinh tấn, Tướng mặc giáp tinh tấn), - Nhiếp thiện tinh tấn, - Lợi lạc tinh tấn); c. Giới thừa là cần kíp); 4. Tín giáo, hiểu lý và tu hạnh; C. Phần tổng kết, Phần dịch âm.

III. Kinh Di giáo: - Lời nói đầu (Giải thích đề kinh, Lịch sử dịch giả), A. Phần tựa, B. Phần chánh tôn: 1. Pháp yếu chung (a. Đối trị tà nghiệp: Căn bản thanh tịnh, Phương tiện thanh tịnh, Công đức trì giới, Lợi ích của giới; b. Đối trị khổ vọng: - Khổ do căn và dục buông lung, - Khổ về tham cầu ăn uống, - Khổ về biên nhác và ngủ nghỉ; c. Đối trị phiền não: Đối trị giận dữ, Đối trị kiêu mạn, Đối trị dua nịnh); 2. Pháp yếu riêng (- Thiếu dục, - Tri túc, - Xa bỏ, - Siêng năng, - Không quên chánh niệm, - Thiền định, - Trí tuệ, - Không hý luận); C. Phần lưu thông: - Siêng tu, - Chứng quyết, - Đoạn nghi (Trình bày các nghi, Dứt các nghi, Khuyên tu hành), - Lời dặn lưu thông; Phần dịch âm.

IV. Cảnh sách: - Lời giới thiệu, - Lời nói đầu, Bài 1 – Bài 24; Phần dịch âm; Phần phụ trang: - Sám quy mạng, - Quy mạng diễn nghĩa.

V. Duy Thức tam thập tụng: - Tiểu sử tác giả; Bài 1 – Bài 14; Tổng luận.

Tác phẩm Kinh này được tái bản nhiều lần: Năm 1992, THPG Tp. Hồ Chí Minh ấn hành, với nhan đề “Phật Tổ Ngũ Kinh-Chư Kinh Tập Yếu, trọn bộ”; năm 1998, Nxb Tp. Hồ Chí Minh; các năm: 2011-2012-2016, Nxb Tôn Giáo.

978. PHẬT TỔ TAM KINH

(Tam Kinh Nhật tụng)

Chú giải: *Thiền sư Thủ Toại*

Dịch chú: *Quảng Minh*

Tác phẩm này có 178 trang (PDF), nội dung gồm: Dẫn nhập (San Francisco - 2020); Tựa Tam Kinh nhật tụng, Cư sĩ Âu Dương Dĩnh, Kinh Tứ thập nhị chương và Kinh Di giáo, Đại sư Liên Trì Chú Hoàn, Tựa Phật Tổ tam Kinh, Thiền sư Thích Tại Tại, Tựa Tịnh Nghiêm Thiền sư chú Phật Tổ tam Kinh, Tả Trung phụng Đại phu Hứa Đoan Phu; *Kinh Phật thuyết Bốn mươi hai chương*, Lời bạt Kinh Tứ thập nhị chương, Thiền sư Thủ Toại, Tứ thập nhị chương tụng, Tăng Viên Diễn; Sắc chỉ thi hành Kinh Phật Di giáo, No. 665-A, Hoàng đế Đường Thái Tông; *Kinh Phật Di giáo*, Di giáo Kinh tụng (Tăng Viên Diễn), Tựa Quy Sơn cảnh sách chú, No. 1239-A, Tả triều phụng Đại phu Trương Thủ; *Quy Sơn Cảnh Sách*, Cảnh sách hậu bạt, Thiền sư Toại Thủ, Tam Kinh hậu bạt, Tư thiện Đại phu Điều Quảng Hiếu, Tăng bổ âm thích (không chuyển dịch), Bồ san Tam Kinh bạt ngữ; Phụ lục, Hán văn. (<https://thuvienhoasen.org>)

979. PHẬT THUYẾT A-DI-ĐÀ KINH

Yếu Giải Giảng Ký

Hán dịch: *Tam tạng Pháp sư*

Curu-ma-la-thập (Kumarajiva, 344-413)

Chú giải: *Sa-môn Ngẫu Ích-Trí Húc (1599-1655)*

Giảng thuật: *Pháp sư Tịnh Không*

Chuyên ngữ: *Như Hòa*

Nxb Hồng Đức – 2014

Tác phẩm Kinh này có 430 trang; nội dung gồm: I. Dẫn nhập; II. (Giảng giải) lời tựa nêu nguyên do soạn sách Yếu giải (của Ngẫu Ích Đại sư); III. Giải thích phần Huyền nghĩa, 1. Thích danh (giải thích tên Kinh), 2. Biện thể (luận định Thể), 3.

Minh Tông (giảng về Tông, tức điều được đề cao, cương lĩnh tu học của bản Kinh này), 4. Luận dụng (luận định lực dụng, tức hiệu quả giáo hóa của Kinh này), 5. Minh giáo tướng (phán định giáo tướng, tức luận định Kinh này thuộc về thời nào, giáo nào trong Ngũ thời Bát giáo, căn cơ nào được hóa độ bởi bản Kinh này); IV. Chính thức giảng vào nội dung bài Kinh, 1. Phần tự, 1.1 Thông tự, 1.2 Biệt tự, 2. Phần Chánh tông, 2.1 Trình bày chi tiết sự trang nghiêm nơi y báo và chánh báo của diệu quả để khơi gợi lòng tin, 2.2 Khuyên chúng sanh hãy nên phát nguyện cầu vãng sanh, 2.3 Dạy hãy lập hạnh chấp trì danh hiệu, 3. Phần Lưu thông, 3.1 Phổ khuyến, 3.1.1 Khuyến tín lưu thông, 3.1.2 Khuyến nguyện lưu thông, 3.1.3 Khuyến hành lưu thông, 3.2 Kết khuyến.

Tác phẩm này đã xuất bản năm 2006, Nxb Tp. Hồ Chí Minh; tái bản năm 2012, Nxb Tp. Hồ Chí Minh.

980. PHẬT THUYẾT ĐẠI KHỔNG TƯỚNG CHÚ VƯƠNG KINH

Hán dịch:

Tam tạng Pháp sư Nghĩa Tịnh (635-713)

Việt dịch: *Tỳ-kheo Thích Ấn Nghiêm*

PL. 2546 – DL. 2002

Tác phẩm Kinh này gồm có 3 quyển: - Lời nói đầu, Duyên khởi của Kinh; Quyển thượng, Phật thuyết Đại Khổng Tướng chú vương Kinh, Phần chánh Kinh, Góp ý tạo niềm tin; Quyển trung, Quyển hạ, Phật thuyết Đại Khổng Tướng chú vương Kinh; Chú thích, Phần phụ trang. (www.hoalinhthoai.com)

981. PHẬT THUYẾT ĐẠI THỪA KIM CƯƠNG KINH LUẬN

Việt dịch: *Nguyễn Văn Ngoạn*

Giấy phép số 1852/XB, ngày 17-7-1964

Kinh có 33 trang, bìa mềm. Nội dung gồm có: Tựa và *Phật thuyết Đại thừa Kim Cương Kinh Luận*.

982. PHẬT THUYẾT ĐẠI THỪA VÔ LƯỢNG THỌ TRANG NGHIÊM THANH TỊNH BÌNH ĐẲNG GIÁC KINH

Hán bản: *Hạ Liên Cư (hội tập)*

Viết dịch: *HT. Thích Đức Niệm và cư sĩ Minh Chánh*

Nxb Tôn Giáo, PL. 2553 – DL. 2009

Kinh có khổ 14.5 x 20.5cm, có 185 trang.

Toàn bộ Kinh này gồm có 48 phẩm chính:

1. Pháp hội Thánh chúng,
2. Đức tuân Phổ Hiền,
3. Đại giáo duyên khởi,
4. Pháp tạng nhân địa,
5. Chí tâm tinh tấn,
6. Phát đại thệ nguyện,
7. Quyết thành chánh giác,
8. Tích công lũy đức,
9. Thành tựu viên mãn,
10. Đều nguyện làm Phật,
11. Cõi nước nghiêm tịnh,
12. Ánh sáng chiếu khắp,
13. Thọ mạng đại chúng vô lượng,
14. Cây báu khắp nước,
15. Bồ-đề đạo tràng,
16. Nhà cửa lầu gác,
17. Suối ao công đức,
18. Hiếm có, siêu vượt thế gian,
19. Thọ dụng đầy đủ,
20. Gió đức mưa hoa,
21. Sen báu Phật quang,
22. Quyết chứng cực quả,
23. Mười phương chư Phật tán thán,
24. Ba bậc vãng sanh,
25. Chánh nhân vãng sanh,
26. Lễ cúng nghe pháp,
27. Ca tán Đức Phật,
28. Đại sĩ thân quang,
29. Nguyện lực hoằng sâu,
30. Bồ-tát tu trì,
31. Công đức chân thật,
32. Thọ mạng không cùng tận,
33. Khuyến dụ sách tấn,
34. Tâm được mở sáng,
35. Trược thế ác khổ,
36. Bao lượt khuyến lơn,
37. Như nghèo đặng của báu,
38. Lễ Phật hiện ánh sáng,
39. Từ thị thuật chỗ thấy,
40. Biên địa, nghi thành,
41. Hoặc tận kiến Phật,
42. Bồ-tát vãng sanh,
43. Chẳng phải là Tiểu thừa,
44. Thọ ký Bồ-đề,
45. Chỉ lưu lại một kinh này,
46. Cần tu kiên trì,
47. Phước huệ được nghe,
48. Nghe kinh được lợi ích.

Tác phẩm này được tái bản nhiều lần: Năm 2012, Nxb Tôn Giáo; năm 2013, Nxb Tôn Giáo, Việt dịch: HT. Thích Đức Niệm, khổ 14.5 x 20.5cm, dày 185 trang, bìa mềm, chữ tựa màu đỏ, có hình Đức Phật A-di-đà.

983. PHẬT THUYẾT ĐẠI THỪA VÔ LƯỢNG THỌ TRANG NGHIÊM THANH TỊNH BÌNH ĐẲNG GIÁC KINH

Nguyên bản Hán: *Hạ Liên Cư (hội tập)*

Chuyển ngữ: *Tâm Tịnh*

Nxb Phương Đông – 2010. Kinh có khổ 14.5 x 20.5cm, bìa cứng. Toàn bộ tác phẩm Kinh này gồm có: - Nghi thức tụng niệm; - Kinh văn: Phật thuyết Đại thừa Vô lượng thọ Trang nghiêm thanh tịnh Bình đẳng giác Kinh, có 48 phẩm; - Bát-nhã Ba-la-mật-đa Tâm Kinh, - Nghi thức hồi hướng, - Tam quy.

Xem: (48 phẩm) Phật thuyết Đại thừa Vô lượng Thọ trang nghiêm Thanh tịnh Bình đẳng Giác Kinh

Tác phẩm này được tái bản nhiều lần: Năm 2004, 2007, Nxb Tôn giáo.

984. PHẬT THUYẾT ĐẠI THỪA VÔ LƯỢNG THỌ TRANG NGHIÊM THANH TỊNH BÌNH ĐẲNG GIÁC KINH Giảng Giải – 8 Quyển

Giảng giải: *HT. Tịnh Không*

Viết dịch: *Vọng Tây cư sĩ*

Nxb Phương Đông; Kinh có khổ 14.5 x 20.5cm, 8 quyển dày hơn 2.336 trang.

Quyển I, xb năm 2010, nội dung có Phần 1; *Quyển II*, xb năm 2012, nội dung có Phần 1; *Quyển III*, xb năm 2012, Kinh dày hơn 209 trang. Nội dung gồm có: Phần 2. Đức tuân Phổ Hiền, Phần 3. Đại giáo Duyên khởi;

Quyển IV, xb năm 2013, khổ 14 x 20cm, bìa cứng, dày 384 trang. Nội dung gồm có: Phần 4. Pháp tạng nhân địa;

Quyển V, xb năm 2013, khổ 14 x 20cm, bìa cứng, dày 440 trang. Nội dung gồm có: Phần 4. Pháp tạng nhân địa (tt), Phần 5. Chí tâm tinh tấn;

Quyển VI, xb năm 2015, dày 406 trang, bìa cứng. Nội dung gồm có: Một người mà trong đời bạn không thể không biết đến, Kệ khai Kinh, *Phật thuyết Đại thừa Vô lượng thọ Trang nghiêm Thanh tịnh Bình đẳng giác Kinh*, P.6 Phát đại thệ nguyện: Nguyện 1. Quốc vô ác đạo nguyện, Ba đường ác, a. Địa ngục, Lục hòa kính, b. Ngạ quỷ, c. Súc sanh; Nguyện 2. Bất đọa Ác đạo thú nguyện; Nguyện 3. Chân kim sắc thân nguyện; Nguyện 4. Tam thập nhị chủng, Đại trượng phu tướng nguyện; Nguyện 5. Thân vô sai biệt nguyện; Nguyện 6. Túc mạng thông nguyện; Nguyện 7. Thiên nhãn thông nguyện; Điểm khác nhau giữa năng lực Ngũ thông giữa Phật, Bồ-tát và Nhị thừa thiên-nhân, Điểm khác nhau: 1. Rộng hẹp khác nhau, 2. Nhiều ít khác nhau, 3. Lớn nhỏ khác nhau; Tứ y pháp: Câu 1. Y pháp bất y nhân, Câu 2. Y nghĩa bất y ngữ, Câu 3. Y liễu nghĩa, bất y bất liễu nghĩa, Câu 4. Y trí bất y thức; Điểm khác nhau: 4. Nhanh chậm khác nhau, 5. Hư thực khác nhau, 6 & 7. Sở tác khác nhau và Sở hiện khác nhau, 8. Trong Kinh Lăng Nghiêm nói Lục căn hỗ dụng, 9. Tự tại khác nhau; Ý nghĩa của Túc mạng thông; Nguyện 9. Tha tâm thông nguyện; Nguyện 10. Thần túc thông nguyện; Nguyện 11. Biến cúng chư Phật nguyện; Nguyện 12. Định thành Chánh giác nguyện; Nguyện 13. Quang minh vô lượng nguyện; Nguyện 14. Xúc quang An lạc nguyện; Nguyện 17. Chư Phật xung tán nguyện; Pháp ngữ, Văn Sám hối, Lợi ích của việc Hồi hướng, Kệ

Hồi hướng, Mười Công đức, Ấn tống Kinh Phật, Mười Công đức niệm Phật.

Quyển VII, xb năm 2015, dày 549 trang, bìa cứng. Nội dung gồm có: Một người mà trong đời bạn không thể không biết đến, Kệ khai Kinh, P.6 Phát đại thệ nguyện: Nguyện 18. Mười niệm ắt sanh nguyện, Mười điều trong Di-lặc Sở vấn Kinh: Câu 1. “Nhất giả, ư nhất thiết chúng sanh, thường sanh từ tâm, ư nhất thiết chúng sanh, bất hủy kỳ hạnh, nhược hủy kỳ hạnh, chung bất vãng sanh” (Kinh văn); Câu 2. “Nhị giả, ư nhất thiết chúng sanh, thâm khởi bi tâm, trừ tàn hại ý”; Câu 3. “Tam giả, phát hộ pháp tâm, bất tích sinh mạng, ư nhất thiết pháp, bất sanh phi báng”; Câu 4. “Tứ giả, ư nhân nhục trung, sanh quyết định tâm”; Câu 5. “Ngũ giả, thân tâm thanh tịnh, bất nhiễm lợi dưỡng”; Câu 6. “Lục giả, phát nhất thiết chủng trí tâm, nhật nhật thường niệm, vô hữu phế vong”; Câu 7. “Thất giả, ư nhất thiết chúng sanh, khởi tôn trọng tâm, trừ ngã mạn ý, khiêm hạ ngôn thuyết”; Câu 8. “Bát giả, ư thế đàm thoại, bất sanh vị trước”; Câu 9. “Cửu giả, cận ư giác ý, sanh khởi chủng chủng, thiện căn nhân duyên, viễn ly hội não, tán loạn chi tâm”; Câu sau cùng là “Chánh niệm quán Phật, trừ khứ chư căn”; Nguyện 19. Văn danh phát tâm nguyện, Lục độ Ba-la-mật: 1. Bố thí, có 3 loại: a. Tài bố thí, b. Pháp bố thí, c. Bố thí vô úy, 2. Trì giới, 3. Nhân nhục Ba-la-mật, 4. Tinh tấn Ba-la-mật, 5. Thiên định, 6. Trí tuệ Bát-nhã; Nguyện 20. Lâm chung tiếp dẫn nguyện, Ba loại không thoái chuyển: a. Vị bất thoái, b. Hạnh bất thoái, c. Niệm bất thoái; Pháp ngữ, Văn Sám hối, Lợi ích của việc Hồi hướng, Văn Hồi hướng, Kệ Hồi hướng, Mười công đức ấn tống Kinh sách, Mười công đức niệm Phật.

Quyển VIII, xb năm 2017, dày 454 trang, bìa cứng. Nội dung gồm có: Kệ khai Kinh;

Nguyện 21, Nguyện 22, Nguyện 23, Nguyện 24, Nguyện 25, Nguyện 26, Nguyện 27, Nguyện 28, Nguyện 29, Nguyện 30, Nguyện 31, Nguyện 32, Nguyện 33, Nguyện 34, Nguyện 35, Nguyện 36; Kệ Hồi hướng, Mười công đức niệm Phật.

985. PHẬT THUYẾT ĐƯƠNG LAI BIỂN KINH Giảng Ký

Chủ giảng: *Lão Pháp sư Tịnh Không*

Ghi chép: *Tâm Huệ;*

Kiểm giáo: *Hàn Anh*

Chuyên ngữ: *Như Hòa*

Liên xã Đại Giác, Cựu Kim Sơn, Hoa Kỳ - 1992. (<https://thuvienhoasen.org>, *Kinh-Giảng giải Kinh*)

986. PHẬT THUYẾT KINH BÁT ĐẠI NHÂN GIÁC

Hán dịch: *Tam tạng Pháp sư An Thế Cao*

Việt dịch và chú thích (2015):

Phước Nguyên

Kinh này trích dịch từ Đại Tạng 17, No. 0779. Nội dung Kinh gồm có 8 điều giác ngộ của bậc đại nhân, Tổng kết; Thư mục tham khảo đối chiếu; Hán bản, Bản đối chiếu; Văn bản Pali; Văn bản trích dẫn cước chú; Phụ lục: 1. Nguyên văn chữ Hán “Phật thuyết Kinh Bát Đại Nhân Giác”; 2. Kinh văn tương đương đối chiếu; Bát Niệm Kinh-Trung A-hàm; Chú thích. (<https://thuvienhoasen.org>, *Kinh Sanskrit/Hán tạng*)

987. PHẬT THUYẾT KINH - DI-LẠC HẠ SANH THÀNH PHẬT

In tại Nhà in Thanh Mậu (Gia Định), PL. 2515 – 1952

Kinh có 11 trang, bìa mềm.

Nội dung gồm có: Lời tựa, *Phật thuyết Kinh Di-lạc Hạ sanh Thành Phật*, Hán

dịch: Tam tạng Pháp sư Nghĩa Tịnh, Phiên dịch âm-Phiên dịch nghĩa, Bổ thích.

(*Bản lưu tại Thư viện Huệ Quang-Trung Tâm Dịch Thuật Hán Nôm Huệ Quang, Tp. Hồ Chí Minh*)

988. PHẬT THUYẾT KINH VẠN PHẬT

Hán dịch:

Tam tạng Pháp sư Bồ-đề-lưu-chi

Việt dịch: *HT. Thích Thiện Tâm*

Nxb Hồng Đức – 2015

Kinh có khổ 16 x 24cm, dày hơn 905 trang, bìa cứng, chữ tựa mạ vàng.

Nội dung gồm có 12 quyển: Kinh lễ Phật danh (Sự nghi đầu quyển: 1. Trong sạch ba nghiệp, 2. Nghiêm tịnh đạo tràng, 3. Lập thế nguyện lớn, 4. Siêng tu cúng dường, 5. Lễ thỉnh Tam bảo, 6. Tỏ bày đại nguyện, 7. Khen công đức, 8. Xưng danh đánh lễ, 9. Sám hối phát nguyện, 10. Tu quán hạnh); Quyển thứ nhất,... đến Quyển thứ mười hai; Nghi thức Hồi hướng, Tiểu sử Hòa thượng Thích Thiện Tâm.

Tác phẩm Kinh này đã được Phương Liên Tịnh Xứ - Mật Tịnh Đạo Tràng in Lưu hành nội bộ năm PL. 2554 – DL. 2010. Kinh khổ lớn, dày hơn 905 trang, bìa cứng, nền đỏ, chữ tựa Kinh mạ vàng.

989. PHẬT THUYẾT KINH VUA A-XÀ-THẾ

Hán dịch:

Tam tạng Pháp sư Chi-lâu-ca-sám

Việt dịch: *Phật tử Phước Thắng*

Chứng nghĩa (2001):

HT. Thích Đồng Minh (1927-2005)

và *Phật tử Giác Tuệ*

Tác phẩm Kinh này gồm có 2 quyển Thượng và Hạ.

(<https://thuvienhoasen.org>, *Kinh Sanskrit-Hán tạng*)

990. PHẬT THUYẾT - PHÂN BIỆT KINH

Việt dịch: *Thích Thiện Trí*

In tại Nhà in Hoa Sen (Nha Trang), Kiểm duyệt số 17/UBKD/V2CT/GP, ngày 3-4-1973 (PL. 2517).

Kinh có 83 trang, bìa mềm. Nội dung gồm có 8 Kinh: 1. Phân biệt Duyên sanh Kinh, 2. Phân biệt Bồ thí Kinh, 3. Phân biệt Kinh, 4. Mạn pháp Kinh, 5. Pháp ấn Kinh, 6. Bàn cùng Lão công Kinh, 7. Thanh tịnh Tâm Kinh, 8. Đại Hội hướng Kinh; Phụ chú.

991. PHẬT THUYẾT - TỨ THẬP NHỊ CHƯƠNG KINH

Lược giảng: *HT. Tuyên Hóa (1918-1995)*

Nxb Đồng Nai – 2017

Kinh có khổ 14.5 x 20.5cm, dày 299 trang, bìa mềm. Nội dung gồm có 42 chương: Kế khai Kinh, Kinh văn, Đề tựa, Dịch giả, Kinh tựa; C.1 Xuất gia chứng quả, C.2 Trừ dục vọng-dứt mong cầu, C.3 Cắt đứt ái dục-xả bỏ lòng tham, C.4 Thiện-ác phân minh, C.5 Chuyển nặng thành nhẹ, C.6 Nhìn kẻ ác và không oán hận, C.7 Ở ác gặp ác, C.8 Gieo gió gặp bão, C.9 Về nguồn gặp Đạo, C.10 Hoan hỷ bồ thí tất được phước, C.11 Sự gia tăng của Công đức trong việc bồ thí thức ăn, C.12 Nêu ra sự khó dễ khuyển tu, C.13 Hỏi về Đạo và Túc mạng, C.14 Hỏi về tánh Thiện và Đại, C.15 Hỏi về sức mạnh và sáng, C.16 Bỏ ái dục tất đắc Đạo, C.17 Ánh sáng đến-bóng tối tan, C.18 Ý niệm và mọi thứ vốn là Không, C.19 Quán xét cả Thật lẫn Giả, C.20 Suy ra cái “Ta” vốn là Không, C.21 Danh vọng hại người, C.22 Tiền của và sắc dục mang lại đau khổ, C.23 Gia đình còn tệ hơn lao ngục, C.24 Sắc dục chướng ngại đường Đạo, C.25 Lửa dục đốt người, C.26 Thiên ma quấy nhiễu Phật, C.27 Không chấp trước tất đắc Đạo, C.28 Đừng

theo “con ngựa” ý niệm, C.29 Quán tưởng chân chánh thắng được sắc dục, C.30 Lánh xa lửa dục, C.31 Tâm vắng lặng-dục vọng dứt, C.32 Không còn cái “ngã” thì hết sợ hãi, C.33 Trí tuệ và sự sáng suốt phá tan chúng ma, C.34 Giữ Trung dung tất đắc Đạo, C.35 Tẩy sạch cấu bần-chỉ còn vẻ sáng, C.36 Sự chuyển đổi thù thắng, C.37 Nhớ nghĩ đến Giới là gần với Đạo, C.38 Có sanh tất có diệt, C.39 Sự dạy bảo vốn không phân biệt, C.40 Tâm phải thực hành theo Đạo, C.41 Ngay thẳng dứt trừ dục vọng, C.42 Hiểu được cõi đời là hư huyền; Sơ lược Tiểu sử Hòa thượng Tuyên Hóa, Mười tám Đại nguyện của Hòa thượng Tuyên Hóa, Kế Hội hướng.

Tác phẩm này đã được in Lưu hành nội bộ năm 1999, với nhan đề “Phật thuyết Tứ thập Nhị Chương Kinh thiền thích”; năm 2006, Sariputra Educational Charity Foundation (USA) tái bản.

992. PHẬT THUYẾT THẬP THIỆN NGHIỆP ĐẠO KINH (Cổ Đại Bạch Thoại Ngữ Pháp)

Thích Định Huệ

Nxb Hồng Đức – 2019

Sách có khổ 15 x 23cm, dày 253 trang, bìa mềm. Nội dung gồm có: Thọ Trì Đọc tụng Pháp sư, Phật thuyết Thập Thiện Nghiệp Đạo Kinh (nghĩa); Thập Thiện Nghiệp Đạo Kinh (âm); Giải thuyết Pháp sư, Thư tã Pháp sư Cổ đại Bạch thoại ngữ pháp; Phần 1. Từ vựng, Phần 2. Ngữ pháp phân tích, Phần 3. Ngữ pháp định nghĩa, I. Từ loại, A. Thật từ, B. Hư từ, C. Từ loại hoạt dụng, II. Đoản ngữ, 1. Liên hợp đoản ngữ, 2. Thiên chính đoản ngữ, 3. Động tân đoản ngữ, 4. Bổ sung đoản ngữ, 5. Chủ vị đoản ngữ, 6. Giới tân đoản ngữ, 7. Phức chỉ đoản ngữ, 8. Liên động đoản ngữ, 9. Kiêm ngữ đoản ngữ, 10. Sở tự đoản ngữ, 11. Số lượng đoản ngữ, 12. Phương vị

đoản ngữ, 13. Cố định đoản ngữ; III. Cú tử, A. Cú tử hoạch phân, B. Cú tử thành phần, 1. Chủ ngữ, 2. Vị ngữ, 3. Tân ngữ, 4. Định ngữ, 5. Trạng ngữ, 6. Bổ ngữ, C. Cú tử phân loại, I. Kết cấu phân loại, a. Đơn cú, 1. Chủ vị cú, 2. Phi chủ vị cú, 3. Đặc thù phi chủ vị cú, 4. Bị động cú, 5. Tinh lược cú, 6. Độc lập thành phần, 7. Đảo trang cú; b. Phức cú, 1. Nhất trùng phức cú, 2. Đa trùng phức cú, II. Ngữ khí phân loại, 1. Trần thuật cú, 2. Nghi vấn cú, 3. Kỳ sử cú, 4. Cảm thán cú, D. Luyện đọc-luyện viết.

993. PHẬT THUYẾT THẬP THIỆN NGHIỆP ĐẠO KINH Giảng Giải

Giảng giải: *Lão Pháp sư Tịnh Không*

Việt dịch: *Cư sĩ Vọng Tây* và

Cư sĩ Viên Đạt

Nxb Hồng Đức – 2014. Kinh có khổ 16 x 24cm, 2 quyển dày hơn 1.073 trang, bìa cứng, nền màu đen, chữ màu vàng, có hình Tam Thánh.

Quyển I, dày hơn 533 trang. Nội dung gồm có: Lời giới thiệu, I. Duyên khởi, II. Thương dụ của Hoàng đế Ung Chánh, III. Đề Kinh, IV. Nhân đề, V. Phần Kinh văn; Mười Điều Thiện, Quả báo của Tu Thập Thiện Nghiệp, 1. Quả báo của không sát sanh, 2. Quả báo của không trộm cắp, 3. Quả báo của không tà hạnh, 4. Quả báo của không vọng ngữ, 5. Quả báo của không lường thiệt, 6. Quả báo của không ác khẩu, 7. Quả báo của không ý ngữ, 8. Quả báo của lìa tham dục, 9. Quả báo của lìa sân nhuế, 10. Quả báo của lìa tà kiến.

Quyển II, dày hơn 540 trang. Nội dung gồm có: V. Phần Kinh văn (tt), Thập Thiện Nghiệp Đạo thực tiễn vào trong Lục độ Ba-la-mật, Thập Thiện Nghiệp Đạo thực hiện vào trong Từ-Bi-Hỷ-Xả, Thập Thiện Nghiệp Đạo thực tiễn vào trong Tứ nhiếp pháp, 1. Bố thí, 2. Ái ngữ, 3. Lợi

hành, 4. Đồng sự; Thập thiện Thập Thiện Nghiệp Đạo vào trong Tứ niệm xứ, 1. Quán Thân bất tịnh, 2. Quán Thọ là khổ, 3. Quán Tâm vô thường, 4. Quán Pháp vô ngã; Thập Thiện Nghiệp Đạo thực tiễn vào trong Tứ chánh cần, Thập Thiện Nghiệp Đạo thực tiễn vào trong Tứ như ý túc, 1. Dục, 2. Niệm, 3. Tấn, 4. Tuệ; Thập Thiện Nghiệp Đạo thực tiễn vào trong Ngũ căn, 1. Tín căn, 2. Tấn căn, 3. Niệm căn, 4. Định căn, 5. Tuệ căn; Giới thiệu về “Nội điển Tu học Yếu lĩnh”, 1. Mục đích nghiên cứu Kinh giáo của chúng ta là gì? 2. Thái độ tu hành, 3. Phương pháp tu học; Thập Thiện Nghiệp Đạo thực tiễn vào trong Ngũ lục; Thập Thiện Nghiệp Đạo thực tiễn vào trong Thất giác chi, 1. Niệm giác chi, 2. Trạch pháp giác chi, 3. Tấn giác chi, 4. Hỷ giác chi, 5. Khinh an giác chi, 6. Định giác chi, 7. Xả giác chi; Thập Thiện Nghiệp Đạo thực tiễn vào trong Bát chánh đạo, 1. Chánh Kiến, 2. Chánh Tư duy, 3. Chánh Ngữ, 4. Chánh Nghiệp, 5. Chánh Tinh tấn, 6. Chánh Định, 7. Chánh Niệm, 8. Chánh Mạng; Thập Thiện Nghiệp Đạo thực tiễn vào trong Chỉ Quán, Thập lục-Vô úy-Thập bát bát cộng.

994. PHẬT THUYẾT THẬP THIỆN NGHIỆP ĐẠO KINH Giảng Yếu

Thái Hư Đại sư

Soạn dịch: *Thích Định Huệ*

An Phước Tự, PL. 2541 – DL. 1997

Kinh dày hơn 200 trang. Nội dung gồm có: Huyền luận, I. Khế lý và ứng cơ, A. Thật nghĩa của sự khế lý, 1. Thập thiện là Tôn chi, 2. Thập thiện là Chánh nhân, 3. Thập thiện là Căn bản; B. Ứng cơ đối trị, 1. Đối trị hướng ngoại quên mình, 2. Đối trị khoe khoang, hạnh kém, 3. Đối trị dục dầy, phước mỏng; II. Giải thích đề Kinh và dịch đề Kinh, A. Giải thích đề Kinh, B. Giải thích dịch đề Kinh; Chú thích phần

huyền luận, Giải thích Kinh; Bài học (BH). 1 I. Chứng tín; BH. 2 II. Chánh thuyết, A.1. Nghiệp quả thể và xuất thể, B.1. Lấy nhân thuyết minh quả; BH.3 B.2. Lấy quả thuyết minh nhân; BH.4 B.3. Thuyết minh tướng nhân, C.1. Quán tâm vô chủ; BH.5 C.2. Quán pháp như huyễn; BH.6 C.3. Khuyên rộng tu thiện; BH.7 B.4. Nêu tướng quả làm chứng, C.1. Lấy quả Phật làm chứng; BH.8 C.2. Lấy Bồ-tát làm chứng; BH.9 C.3. Lấy thiên long làm chứng; BH.10 C.4. Lấy hải chúng làm chứng; BH.11 B.5. Kết khuyên tu học; BH.12 A.2. Chánh thuyết Thập thiện, B.1. Ứng dụng của thiện pháp; BH.13 B.2. Tên của thiện pháp; BH.14 B.3. Tướng của thiện pháp; BH.15 A.3. Công đức Thập Thiện nghiệp, B.1. Công đức là Sát sanh; BH.16 B.2. Công đức là Thâu đạo; BH.17 B.3. Công đức là Tà hạnh; BH.18 B.4. Công đức là Vọng ngữ; BH.19 B.5. Công đức là Lưỡng thiệt; BH.20 B.6. Công đức là Ác khẩu; BH.21 B.7. Công đức là Ý ngữ; BH.22 B.8. Công đức là Tham dục; BH.23 B.9. Công đức là Sân khuê; BH.24 B.10. Công đức là Tà kiến; BH.25 A.4. Thắng hạnh của Thập thiện, B.1. Thuyết minh Lục độ, C.1. Thuyết minh rộng Bồ thí độ; BH.26 C.2. Sơ lược năm độ còn lại; BH.27 B.2. Thuyết minh nhiều hạnh khác, C.1. Tứ vô lượng tâm; BH.28 C.2. Tứ nhiếp; BH.29 C.3. Tam thập thất Bồ-đề phân; BH.30 B.3. Kết rộng; BH.31 A.5. Thủ thắng của Thập thiện; BH.32 III. Lưu thông; Phụ bản nguyên văn.

995. PHẬT THUYẾT TRƯỜNG THỌ DIỆT TỘI HỘ CHƯ ĐỒNG TỬ

ĐÀ-LA-NI - *Bằng Tranh*

Pháp sư Hải Đào

Viết dịch (chánh văn Kinh):

HT. Thích Thiện Thông

Dịch phần Truyện tranh: *Hương Bối*

Nxb Phương Đông – 2009. Sách có khổ 14 x 20cm, có 158 trang.

996. PHẬT THUYẾT - VÔ LƯỢNG THỌ KINH

Chánh Trí – Mai Thọ Truyền

Nxb Tôn Giáo – 2012

Sách có khổ 14.5 x 20.5cm, dày 179 trang, bìa mềm.

Nội dung gồm có: Lời dẫn, Phương pháp trình bày; Phật thuyết Vô lượng thọ Kinh, Quyển nhất, 1. Nơi thuyết Kinh và thành phần pháp hội, 2. Nguyên nhân thuyết pháp, 3. Sự tích Pháp Tạng Tỳ-kheo, 4. Pháp Tạng phát nguyện; Chú giải Diệu lý và 48 lời nguyện, 5. Pháp Tạng thành Phật, 6. Cảnh nước an lạc, 7. Ánh sáng không lường, 8. Sống lâu vô cùng, 9. Thánh chúng vô lượng, 10. Các cây bảy báu, 11. Cây báu nơi đạo tràng, 12. Nhà cửa cung điện, 13. Hồ tắm bảy báu, 14. Y thực tự nhiên, 15. Nhan sắc-dung mạo đoan chánh; Quyển dưới, 1. Có chánh định mới vãng sanh, 2. Ba hạng vãng sanh, 3. Công đức của chư Bồ-tát, 4. Khuyên tấn tới vãng sanh, 5. Nên bỏ năm điều ác, 6. Muốn chết chẳng được, 7. Lễ Phật ánh sáng hiện ra, 8. Nghi vấn về thai sanh, 9. Các hàng Bồ-tát được vãng sanh, 10. Phần lưu thông, 11. Lợi ích của sự nghe Kinh.

Q

997. QUAN TRUNG SÁNG LẬP GIỚI ĐÀN ĐỒ KINH

Giới Đài Viện Huệ Nghiêm –

Ban Dịch Thuật Luật Tạng

Nguyên tác Hán văn:

Sa-môn Thích Đạo Tuyên

Dịch sang Việt văn:

Tỳ-kheo Thích Thọ Phước

Nxb Hồng Đức – 2014

Sách có khổ 14.5 x 20.5cm, dày 80 trang, bìa mềm.

Nội dung gồm có: 1. Kết giới và dạy lập đàn, 2. Đặt danh và hiệu, 3. Hình dáng, tầng lớp và tướng trạng, 4. Cao-thấp-rộng-hẹp, 5. Bên trong và bên ngoài đại giới, 6. Pháp kết giới trước hay sau, 7. Nhóm họp Tăng gần hay xa, 8. Yết-ma thành hay không thành, 9. Phép tắc thụ giới, 10. Công năng xa gần, 11. Ca ngợi công đức.

998. QUÁN KINH ĐẠI THỪA - ĐẠI PHƯƠNG QUẢNG PHẬT

Hán dịch: *Pháp Hộ*

Việt dịch: *Thích nữ Tâm Thường*

Toàn bộ tác phẩm Kinh này gồm có 2 quyển, Quyển thượng và Quyển hạ.

(<https://phatphapungdung.com>; *Pháp bảo-Bộ Kinh tập*)

999. QUÁN KINH TỨ THIẾP SỚ

Sách dày hơn 366 trang, bìa cứng, nền đỏ, chữ tựa mạ vàng.

Nội dung gồm có 4 quyển: *Quyển một*, I. Kệ Quy y Tam bảo, II. Bảy môn biện biệt, 1. Nêu rõ tựa đề, 2. Giải thích đề Kinh, 3. Biện biệt Tông chỉ, giáo phái Đại-Tiểu, 4. Nêu lên sự khác biệt của người giảng pháp, 5. Biện biệt hai môn Định thiện-Tán

thiện, 6. Hội thông Kinh luận, a. Nêu lên kiến giải của các nhà chú giải, b. Dùng lý luận đả phá, c. Dùng “chín phẩm” đả phá, d. Dùng Kinh văn dẫn chứng, e. Hội thông ý nghĩa “Biệt thời”, f. Hội thông ý nghĩa “Người căn tính Nhị thừa không vãng sanh”, g. Biện biệt bà Vi-đề-hy nghe pháp được lợi ích; *Quyển hai*, I. Chứng tín tự, II. Phát khởi tự, 1. Hóa tiền tự, 2. Nhân duyên giam cầm phụ vương, 3. Nhân duyên giam cầm mẫu thân, 4. Chán sự khổ ta-bà, 5. Cầu sự vui cực lạc, 6. Dạy pháp môn Tán thiện, 7. Dạy pháp môn Định thiện; *Quyển ba*, 1. Quán mặt trời (nhật quán), 2. Quán nước, 3. Quán đất báu, 4. Quán cây báu, 5. Quán ao báu, 6. Quán lầu báu, 7. Quán hoa báu, 8. Quán tượng, 9. Quán chân thân Phật A-di-đà, 10. Quán chân thân đức Quán Thế Âm, 11. Quán chân thân đức Đại Thế Chí, 12. Quán tự thân vãng sanh, 13. Quán Phật và Bồ-tát; *Quyển bốn*, I. Tán thiện, 1. Dùng ba phước làm chánh nhân, 2. Dùng chính phẩm làm chánh hạnh, A. Thượng Phẩm vãng sanh, a. Thượng Phẩm thượng sanh, b. Thượng Phẩm trung sanh, c. Thượng Phẩm hạ sanh, B. Trung Phẩm vãng sanh, a. Trung Phẩm thượng sanh, b. Trung Phẩm trung sanh, c. Trung Phẩm hạ sanh, C. Hạ Phẩm vãng sanh, a. Hạ Phẩm thượng sanh, b. Hạ Phẩm trung sanh, c. Hạ Phẩm hạ sanh; II. Lợi ích, III. Lưu thông, IV. Kỳ-xà-quật; Lời bạt, Phụ lục 1, Phụ lục 2.

(*Bản lưu tại Thư viện Huệ Quang-Trung Tâm Dịch Thuật Hán-Nôm Huệ Quang, Q. Tân Phú, Tp. Hồ Chí Minh*)

1.000. QUÁN TỰ TẠI BỒ-TÁT ĐÀ-LA-NI KINH

Biên dịch: *Sa-môn Thích Quảng Trí – Huyền Thanh*

Nxb Tôn Giáo – 2009. Kinh có khổ 14.5 x 20.5cm, dày hơn 386 trang.

Nội dung gồm có: 1. Thay lời tựa, 2. Quán Tụ Tại Đại bi Thành tựu Du-già Liên hoa Bộ Niệm tụng pháp môn (No. 1030), 3. Thánh Quán Tụ Tại tâm Chân ngôn Du-già Quán hạnh Nghi quỹ (No. 1031), 4. Du-già Liên hoa Bộ Niệm tụng pháp (No. 1032), 5. Kim Cương khủng bố Tập hội phương quảng quỹ nghi Quán Tụ Tại Bồ-tát Tam thế tối thắng Tâm minh Vương Kinh (No. 1033), 6. Chú Ngủ thử (No. 1034), 7. Thiên chuyển Đà-la-ni Quán Thế Âm Bồ-tát chú, 8. Phục hồi Phạn bản Thiên chuyển Đà-la-ni Quán Thế Âm Bồ-tát chú, 9. Kinh Thiên chuyển Đà-la-ni (No. 1036), 10. Quán Tụ Tại Bồ-tát nói Kinh Phổ Hiền Đà-la-ni (No. 1037), 11. Thanh tịnh Quán Thế Âm Phổ Hiền Đà-la-ni Kinh (No. 1038), 12. Phục hồi Phạn bản Phổ Hiền Đà-la-ni, 13. Kinh A-lợi-đà-la Đà-la-ni A-lỗ-lực (No. 1039), 14. Kim Cương Đỉnh giáng tam thế Đại Nghi quỹ Pháp vương Giáo trung Quán Tụ Tại Bồ-tát Tâm Chân ngôn Nhất thiết Như Lai Liên hoa Đại Man-noa-la phẩm (No. 1040), 15. Quán Tụ Tại Bồ-tát Tâm Chân ngôn Nhất ấn niệm tụng pháp (No. 1041), 16. Quán Tụ Tại Bồ-tát Đại bi Trí ấn chu biến pháp giới Lợi ích chúng sanh huân Chân như pháp (No. 1042), 17. Thịnh Quán Thế Âm Bồ-tát Tiêu phục Độc hại Đà-la-ni chú Kinh (No. 1043), 18. Phật nói Kinh Lục tự Chú vương (No. 1044), 19. Phật nói Kinh Lục tự Thần Chú vương (No. 1045), 20. Kinh Lục tự Thần Chú (No. 1045B), 21. Kinh Lục tự Đà-la-ni Chú (No. 1046), 22. Phật nói Kinh Thánh Lục tự Đại minh Vương Đà-la-ni (No. 1047), 23. Phật nói Kinh Đại hộ minh Đà-la-ni (No. 1048), 24. Kinh Thánh Lục tự Tăng thọ Đại minh Đà-la-ni (No. 1049), 25. Phật nói Kinh Nhất thiết Phật nhiếp Trưng ưng Đại giáo vương Thánh Quán Tụ Tại Bồ-tát Niệm tụng Nghi quỹ

(No.1051), 26. Tán Quán Thế Âm Bồ-tát tụng (No. 1052), 27. Thánh Quán Tụ Tại Bồ-tát Công đức tán (No. 1053), 28. Kinh Thánh Quán Tụ Tại Bồ-tát 108 danh (No. 1054), 29. Phật nói Thánh Quán Tụ Tại Bồ-tát Phạm tán (No. 1055), 30. Phật nói Kinh Quán Tụ Tại Mẫu Đà-la-ni (No. 1117), 31. Phật nói Kinh Nhất thập bát Tỷ Đà-la-ni (No. 1118), 32. Quán Thế Âm Bồ-tát Thí thực.

1.001.

QUÁN VÔ LƯỢNG THỌ KINH

Việt dịch: *Liên Du*

In tại Nhà in Hoa Sen (Nha Trang), Giấy phép xuất bản số 0016 ngày 16-1-1961 của Hội đồng Kiểm duyệt Huế.

Kinh có 152 trang, bìa mềm. Nội dung gồm có: Lời tựa, *Phật thuyết Quán Vô lượng thọ Kinh* sớ, Hán dịch: Ngài Cương-lương-gia-xá, I. Phần tựa, II. Phần Chánh tông, Mười sáu phép quán, III. Phần Lưu thông.

Tác phẩm này được Nhà in Sen Vàng (Sài Gòn) tái bản – 1966.

1.002. QUÁN VÔ LƯỢNG THỌ PHẬT KINH (Amitayus-Dhyàna-Sutra)

Việt dịch: *Đoàn Trung Còn (1908-1988)*

Phật học Tông thư xuất bản – 1973

(in kỳ nhì)

Giấy phép số 4.532/PTUDV/KSALP/TP. ngày 9-11-1973

Kinh có 80 trang, bìa mềm, chữ tựa Kinh âm Hán-Việt, chữ Sanskrit đều màu đen, chữ Hán màu đỏ, và có hình Tam Thánh. Nội dung gồm có: Bài tựa, *Quán Vô lượng thọ Phật Kinh*, Hán dịch: Tam tạng Pháp sư Cương-lương-gia-xá, có Kinh văn chữ Hán, dịch âm, và sau cùng là dịch nghĩa, gồm 3 phần, I. Phần tựa, II. Phần Chánh tông, và III. Phần Lưu thông. (cuối một số trang có chú thích)

Tác phẩm này đã được Phật học Tông thư (Sài Gòn) xuất bản năm 1948, với dịch giả là Huyền Mặc Đạo Nhân & Đoàn Trung Còn.

R

1.003. RONG CHƠI - TRỜI PHƯƠNG NGOẠI

(Trích từ Kinh Pháp Cú Hán tạng-
Phẩm Nê-hoàn thứ 36)

Dịch và bình giảng: Thích Nhất Hạnh

Nxb Hồng Đức – 2014. Sách có khổ 13 x
21cm, có 154 trang, bìa mềm.

Nội dung tác phẩm gồm có 2 phần: *Phần I, Kinh văn*: Nê-hoàn phẩm Pháp Cú Kinh đệ tam thập lục, *Kinh Rong Chơi Trời Phương Ngoại*, dịch từ Kinh Pháp Cú trong Hán tạng, Kinh thứ 36, gồm có 36 bài kệ (mỗi bài gồm 4 câu kệ chữ Hán, phiên âm và dịch nghĩa); *Phần II, Bình giảng* (Tất cả có 10 bài pháp thoại do Thiền sư Nhất Hạnh giảng trong hai khóa tu: mùa Xuân và mùa Đông, năm 2010 tại Làng Mai).

S

1.004. SEN NỞ TRỜI PHƯƠNG NGOẠI (Kinh Pháp Hoa Giảng Giải)

Giảng giải: Thích Nhất Hạnh

Nxb Lá Bối – 2001

Tác phẩm này gồm có 3 phần và 28 phẩm:
Phần I. Kinh Pháp Hoa và Đạo Bụt Đại thừa, Vòng tay lớn của Kinh Pháp Hoa, Vai trò Kinh Pháp Hoa trong sự hình thành Đạo Bụt Đại thừa, Văn thể và các giai đoạn hình thành của Kinh Pháp Hoa, Hoa Sen và các Tông phái trong Đạo Bụt, Đạo Bụt Đại thừa chống báng việc thần Thánh hóa Bụt Thích-ca, Hãy nắm tay nhau, Sự phân định các phẩm trong Kinh Pháp Hoa, Những chìa khóa cần có trước khi tụng đọc Kinh Pháp Hoa; *Phần II. Kiến giải Pháp Hoa Kinh*: P.1 Tựa, P.2 Phương tiện (Ba con đường tu học, Thông điệp thứ nhất của Pháp Hoa), P.3 Thí dụ, P.4 Tín giải, P.5 Dược thảo, P.6 Thọ ký, P.7 Hóa thành dụ, P.8 Ngũ bách đệ tử thọ ký, P.9 Thọ học vô học nhân ký, P.10 Pháp sư, P.11 Hiện bảo tháp, P.12 Đề-bà-đạt-đa, P.13 Trì, P.14 An lạc hạnh, P.15 Tùng địa dũng xuất, P.16 Như Lai thọ lượng, P.17 Phân biệt công đức, P.18 Tùy hỷ công đức, P.19 Pháp sư công đức; *Phần II. Kiến giải Pháp Hoa Kinh (tt)*, P.20 Bồ-tát Thường Bất Khinh, P.21 Thần lực của Như Lai, P.22 Chúc lụy, P.23 Dược Vương Bồ-tát bản sự, P.24 Diệu Âm Bồ-tát, P.25 Phổ môn, P.26 Đà-la-ni, P.27 Diệu Trang Nghiêm vương, P.28 Phổ Hiền Bồ-tát khuyến phát; *Phần III. Tổng quan*: Kết thúc, Vun bón một chồi non cùng đường cây Đại thụ.

*Tác phẩm này được tái bản năm 2019,
Nxb Văn hóa Văn nghệ, khổ 14 x 20.5cm,
dày 344 trang.*

**1.005. Sớ Luận Toát Yếu
KINH KIM CANG BÁT-NHÃ**

*Đường Tông Mật thuật Tống Tử Tuyên Trị
Định*

Việt dịch: *Thích Bảo Lạc*

Tác phẩm Sớ luận về Kinh này gồm có 2 quyển, 3 phần: Q.I, Lời tựa, A. Phần tựa; B. Phần chánh tông; Q.II; C. Phần lưu thông. (<https://phatphapungdung.com>, *Pháp bảo-Bộ Bát-nhã*)

**1.006. Sớ Thần Bảo Ký
Nhơn Vương Hộ Quốc
KINH BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT**

Tống Thiện Nguyệt thuật

Việt dịch: *Thích Bảo Lạc*

Toàn bộ tác phẩm này gồm có 4 quyển: - Lời tựa; Q.I: Q.II; Q.III, P. Quán không, P. Bồ-tát giáo hóa; Q.IV, P. Giáo hóa, P. Nhị đế, P. Hộ quốc, P. Thọ trì. (<https://phatphapungdung.com>; *Pháp bảo-Bộ Bát-nhã*)

T

**1.007. TẠI GIA BỒ-TÁT GIỚI KINH
(Ưu-bà-tắc Giới Kinh)**

Hán dịch:

Tam tạng Pháp sư Đàm Vô Sám

Việt dịch: *Thích Tịnh Nghiêm*

Tường Quang Tùng Thư 6,

PL. 2550 – DL. 2006

Tác phẩm Kinh này có 252 trang (PDF), gồm 28 phẩm: P.1 Tập hội, P.2 Phát tâm Bồ-đề, P.3 Tâm Đại bi, P.4 Giải thoát, P.5 Ba loại Bồ-đề, P.6 Tu tập nghiệp 32 tướng, P.7 Phát nguyện, P.8 Bồ-tát giả danh-thực nghĩa, P.9 Tâm kiên cố của Bồ-tát thực nghĩa, P.10 Lợi mình và lợi người, P.11 Trang nghiêm mình và người, P.12 Trang nghiêm phước đức trí tuệ, P.13 Nuôi dưỡng đồ chúng, P.14 Thọ giới, P.15 Tịnh giới, P.16 Trừ ác, P.17 Cúng dường Tam bảo, P.18 Sáu Ba-la-mật, P.19 Bồ thí Ba-la-mật, P.20 Thanh tịnh Tam Quy y, P.21 Bát Quan trai giới, P.22 Ngũ giới, P.23 Thi-la Ba-la-mật, P.24 Nghiệp, P.25 Nhẫn nhục Ba-la-mật, P.26 Tinh tiến Ba-la-mật, P.27 Thiên định Ba-la-mật, P.28 Bát-nhã Ba-la-mật; Chú thích. (<https://hoavouu.com>, *Sách Phật học-PDF*)

1.008. TAM BẢO âm – nghĩa

Việt dịch: *Thích Trí Tịnh (1917-2014)*

Liên Hải Phật học trường xuất bản – 1963
Sách có khổ 15 x 21cm, có 268 trang, bìa mềm. Toàn bộ tác phẩm này gồm có: (Nghị thức lễ tụng), Phật nói kinh A-di-đà, 48 Đại nguyện của Đức Phật A-di-đà, Hồng danh bửu sám, Phật nói kinh Vu Lan bồn, Kinh Diệu Pháp Liên Hoa Phẩm Quán Thế Âm Bồ-tát phổ môn, Thập nhị

nguyện, Phật nói kinh Kim Cang Bát-nhã Ba-la-mật, Bát-nhã Ba-la-mật-đa tâm kinh, Niệm Phật hồi hướng. Bài tựa về văn “Mười phương”. Sau mỗi Kinh đều có phần thích nghĩa.

1.009. TAM BẢO TÔN KINH

Thích Từ Bạch

Nhà In Phan Thanh Giản (Sài Gòn),

PL. 2510 – DL. 1966

Nội dung gồm có: Nguồn Giác Sóng, Kinh Di-đà (Ý nghĩa Tịnh độ Cầu siêu), Nghi thức Tịnh độ (Tụng Kinh Di-đà), Nghi thức Sám hồi (Tụng Kinh Hồng danh); Kinh Vu Lan Bồn, Nghi thức Cầu siêu (Tụng Kinh Vu Lan); Kinh Phổ Môn (Ý nghĩa Cầu an), Nghi thức Cầu an (Tụng Kinh Phổ Môn); Kinh Kim Cang Bát-nhã Ba-la-mật hay Đại cương của Thê tánh Kim Cang, Tam Quy; Nghi thức tụng Kinh Kim Cang, Hồi hướng, Phục nguyện, Tam quy.

(Bản lưu tại Thư viện chùa Xá Lợi, Q.3, Tp. Hồ Chí Minh)

1.010. TÁN THUẬT KINH KIM CANG BÁT-NHÃ

Biên soạn: *Khuy Cơ*

Viết dịch: *Thích Bảo Lạc*

Tác phẩm Tán thuật Kinh này gồm có 2 quyển: - Tựa, - Lời tựa khắc bản Thuật tán Kinh Kim Cang Bát-nhã; Quyển thượng và Quyển hạ.

(<https://phatphapungdung.com>; Pháp bảo-Bộ Bát-nhã)

1.011. TẬP A-HÀM (3 Cuốn) – Tiểu Tạng Kinh

Dịch Việt: *Thích Đức Thắng*

Hiệu chỉnh và Chú thích: *Tuệ Sỹ*

Nxb Hồng Đức – 2019

Kinh có khổ 14 x 20.5cm, tổng cộng 3 cuốn dày 2.217 trang, bìa cứng.

(Trọn bộ 3 cuốn và 1 cuốn Tổng Mục lục).

Cuốn I, Tập A-hàm, dày 758 trang, Nội dung gồm có: Tiểu dẫn, 1. *Tương ưng Năm uẩn* [1a6], K.1 Vô thường, K.2 Chánh tư duy, K.3 Vô tri (1), K.4 Vô tri (2), K.5 Vô tri (4), K.6 Vô tri (5), K.7 Hỷ lạc sắc, K.8 Quá khứ vô thường, K.9 Yểm ly, K.10 Giải thoát, K.11 Nhân duyên (1), K.12 Nhân duyên (2), K.13 Vị (1), K.14 Vị (2), K.15 Sử, K.16 Tăng chư số, K.17 Phi ngã, K.18 Phi bi, K.19 Kết hệ, K.20 Thâm Kinh, K.21 Động dao, K.22 Kiếp-ba sở vấn, K.23 La-hầu-la sở vấn (1), K.24 La-hầu-la sở vấn (2), K.25 Đa văn, K.26 Thiện thuyết pháp, K.27 Hương pháp, K.28 Niết-bàn, K.29 Tam-mật-ly-đề vân thuyết pháp sư, K.30 Thâu-lũ-na (1), K.31 Thâu-lũ-na (2), K.32 Thâu-lũ-na (3); [64b22], K.33 Vô minh (1), K.34 Vô minh (2), K.35 Vô minh (3), K.36 Vô gián đẳng, K.37 Diệt, K.38 Phú-lưu-na, K.39 Xiển-đà, K.40 Ứng thuyết, K.41 Tiểu thổ đoàn, K.42 Bào mật, K.43 Vô tri (1), K.44 Vô tri (2), K.45 Hà lưu; [70b], K.46 Kỳ lâm, K.47 Thọ, K.48 Đê-xá, K.49 Trách chư tướng; [15b10], K.50 Sanh diệt, K.51 Bất lạc, K.52 Phân biệt (1), K.53 Phân biệt (2), K.54 Phân biệt (3), K.55 Ưu-đà-na, K.56 Thọ, K.57 Sanh, K.58 Lạc, K.59 Lục nhập xứ, K.60 Kỳ đạo, K.61 Thật giác, K.62 Hữu thân, K.63 Tri pháp, K.64 Trọng đảm, K.65 Vãng nghệ, K.66 Quán, K.67 Dục, K.68 Sanh (1), K.69 Sanh (2), K.70 Sanh (3), K.71 Pháp ấn, K.72 Phú-lan-na, K.73 Trúc viên, K.74 Tỳ-da-ly, K.75 Thanh tịnh, K.76 Chánh quán sát, K.77 Vô thường, K.78 Khổ; [7b22], K.79 Phi ngã, K.80 Ngũ Tỳ-kheo, K.81 Tam chánh sĩ, K.82 Thập lục Tỳ-kheo, K.83 Ngã, K.84 Ty hạ, K.85 Chủng tử, K.86 Phong trệ, K.87 Ngũ chuyên, K.88 Thất xứ, K.89 Thủ trước, K.90 Hệ trước; [11b], K.91 Giác, K.92 Tam thể ám thể thực, K.93

Tín, K.94 A-nan (1), K.95 A-nan (2), K.96 A-nan (3), K.97 Hoại pháp, K.98 Uất-đề-ca, K.99 Bà-la-môn, K.100 Thế gian, K.101 Uẩn, K.102 Lậu vô lậu, K.103 Tật lậu tận, K.104 Uẩn căn; [29c6], K.105 Sai-ma, K.106 Diêm-ma-ca, K.107 Tiên-ni, K.108 A-nậu-la, K.109 Trưởng giả, K.110 Tây, K.111 Mao đoạn, K.112 Tát-giá;

2. *Tương ưng La-đà* [37c6], K.113 Hữu lưu, K.114 Đoạn tri, K.115 Đoạn sắc khổ, K.116 Tri khổ, K.117 Đoạn ưu khổ, K.118 Ngã tận, K.119 Đoạn hữu lậu, K.120 Tham nhuế si, K.121 Tận dục ái hỷ, K.122 Ma (1), K.123 Tử diệt, K.124 Chúng sanh, K.125 Hữu thân, K.126 Ma (2), K.127 Ma pháp, K.128 Tử pháp, K.129 Phi ngã phi ngã sở, K.130 Đoạn pháp (1), K.131 Đoạn pháp (2), K.132 Cầu Đại sư (1), K.133 Tập, K.134 Bất tập cận;

3. *Tương ưng Kiến*, K.135 Sanh tử lưu chuyển, K.136 Hồ nghi đoạn (1), K.137 Hồ nghi đoạn (2), K.138 Sanh tử lưu chuyển, K.139 – K.140, K.141 Ưu não sanh khởi, K.142 – K.143, K.144 Ngã ngã sở, K.145 - K.146, K.147 Hữu lậu chướng ngại, K.148 Tam thọ, K.149 Tam khổ, K.150 Thế bát pháp, K.151 Ngã thắng, K.152 Tha thắng, K.153 Vô thắng, K.154 Hữu ngã, K.155 Bất nhị, K.156 Vô quả; [44a], K.157 Vô lực, K.158 Tử hậu đoạn hoại, K.159 Vô nhân vô duyên (1), K.160 Vô nhân vô duyên (2), K.161 Vô nhân vô duyên (3), K.162 Vô nhân vô duyên (4), K.163 Thất thân, K.164 Tác giáo, K.165 Sanh tử định lượng, K.166 Phong, K.167 Đại Phạm, K.168 Sắc thị ngã (1), K.169 Sắc thị ngã (2), K.170 Thế gian thường, K.171 Thế gian ngã thường, K.172 Ngộ lạc Niết-bàn, K.173 Ngã chánh đoạn, K.174 Đương đoạn, K.175 Quá khứ đương đoạn, K.176 Cầu Đại sư (2), K.177 Cứu đầu nhiên thí, K.178 Thân quán trụ (1), K.179 Thân quán trụ (2), K.180 Đoạn ác

bất thiện pháp, K.181 Dục định, K.182 Tín căn, K.183 Tín lực, K.184 Niệm giác phần, K.185 Chánh kiến, K.186 Khổ tập tận đạo, K.187 Vô tham pháp cú, K.188 Chi, K.189 Tham dục;

Tụng II. Sáu xứ:

4. *Tương ưng Sáu xứ* [49b7], K.190 Ly hỷ tham, K.191 Ly dục tham, K.192 Tri (1), K.193 Tri (2), K.194 Bất ly dục (1), K.195 Bất ly dục (2); [50a], K.196 Sanh hỷ, K.197 Vô thường (1), K.198 Vô thường (2), K.199 Thị hiện, K.200 La-hầu-la (1), K.201 La-hầu-la (2), K.202 La-hầu-la (3), K.203 Lậu tận, K.204 Ngã kiến đoạn, K.205 Năng đoạn nhất pháp, K.206 Như thật tri kiến, K.207 Ưu-đà-na, K.208 Như thật tri, K.209 Tam-ma-đề, K.210 Vô thường, K.211 Lục xúc nhập xứ, K.212 Địa ngục, K.213 Thế gian ngũ dục, K.214 Bất phóng dật; [54a], K.215 Pháp, K.216 Nhị pháp, K.217 Phú-lưu-na, K.218 Đại hải (1), K.219 Đại hải (2), K.220 Khổ tập diệt, K.221 Niết-bàn đạo tích, K.222 Tợ thú Niết-bàn đạo tích, K.223 Thủ, K.224 Tri thức, K.225 Đoạn (1), K.226 Đoạn (2), K.227 Đoạn (3); [55c], K.228 Kế (1), K.229 Kế (2), K.230 Tăng trưởng, K.231 Hữu lậu vô lậu, K.232 Tam-di-ly-đề (1), K.233 Tam-di-ly-đề (2), K.234 Không, K.235 Thế gian, K.236 Thế gian biên, K.237 Cận trụ, K.238 Thanh tịnh khát thực trụ, K.239 Tỳ-da-ly, K.240 Nhân duyên, K.241 Kết; [58a], K.242 Thủ, K.243 Thiêu nhiệt, K.244 Tri, K.245 Vị, K.246 Ma-câu, K.247 Tứ phẩm pháp, K.248 Thất niên, K.249 Tập cận, K.250 Thuần-đà, K.251 Câu-hi-la (1), K.252 Câu-hi-la (2), K.253 Câu-hi-la (3), K.254 Ưu-ba-tiên-na, K.255 Tỳ-nữu Ca-chiên-diên, K.256 Nhị thập ức nhĩ, K.257 Lỗ-hê-giá; [72b20], K.258 Thủ thanh dục, K.259 Khí xả, K.260 Nan-đà, K.261 Nan-đà thuyết pháp, K.262 Luật nghi bất luật

nghi, K.263 Thôi bất thối, K.264 Điều phục, K.265 Tần-đầu thành, K.266 Oanh phát Mục-kiền-liên, K.267 Chư căn tu; [86c23], K.268 Lục lục, K.269 Lục nhập xứ, K.270 Nhân, K.271 Kiến pháp, K.272 Bất nhiễm trước, K.273 Lộc-nữ (1), K.274 Lộc-nữ (2); [89b], K.275 Phú-lanna, K.276 Ma-la-ca-cửu, K.277 Kinh Pháp, K.278 Đoạn dục, K.279 Nhân sanh, K.280 Nhân vô thường, K.281 Nhân khổ, K.282 Nhân phi ngã, K.283 Nhất thiết, K.284 Nhất thiết hữu, K.285 Nhất thiết; [91c], K.286 Nhân nội nhập xứ, K.287 Lục nội nhập xứ, K.288 Lục ngoại nhập xứ, K.289 Lục thức thân, K.290 Lục xúc thân, K.291 Lục thọ thân, K.292 Lục tưởng thân, K.293 Lục tư thân, K.294 Lục ái thân, K.295 Lục cố niệm, K.296 Lục phú, K.297 Vô thường, K.298 Hữu nhân hữu duyên hữu phược pháp, K.299 Đệ nhất nghĩa không, K.300 Lục hỷ hành, K.301 Lục ưu hành, K.302 Lục xả hành, K.303 Lục thường hành (1), K.304 Lục thường hành (2), K.305 Lục thường hành (3), K.306 Lục thường hành (4); [310b20], K.307 Bà-la-diên, K.308 Tân-đầu-lô, K.309 Thủ túc dụ, K.310 Qui, K.311 Khoáng mạch, K.312 Cầm, K.313 Lại bệnh, K.314 Lục chúng sanh, K.315 Rắn độc, K.316 Khổ pháp, K.317 Đại thọ, K.318 Khẩn-thứ-dụ, K.319 Lộ pháp, K.320 Hôi hà;

Tụng III. Nhân duyên:

5. *Tương ưng Nhân duyên* [79a25], K.321 Chủng thọ, K.322 Đại thọ, K.323 Phật phược, K.324 Thủ, K.325 Thành áp, K.326 Lô, K.327 Vô văn (1); [82a], K.328 Vô văn (2), K.329 Xúc, K.330 Tư lương; [83c1], K.331 Thâm thâm, K.332 Ngu si hiệt tuệ, K.333 Phi nhữ sở hữu, K.334 Nhân duyên, K.335 Đại không pháp, K.336 Pháp thuyết nghĩa thuyết, K.337 Duyên khởi pháp, K.338 Tha, K.339 Ca-

chiên-diên, K.340 A-chi-la, K.341 Điềm-mâu-lưu; [93b25], K.342 Phù-di, K.343 Câu-hi-la, K.344 Tập sanh, K.345 Tam pháp, K.346 Tu-thâm, K.347 Thập lục, K.348 Thánh xứ, K.349 Thánh đệ tử; [98c], K.350 Mậu-sư-la, K.351 Sa-môn Bà-la-môn (1), K.352 Sa-môn Bà-la-môn (2), K.353 Sa-môn Bà-la-môn (3), K.254 Lão tử, K.355 Chủng trí, K.356 Vô minh tăng (1), K.357 Vô minh tăng (2), K.358 Tư lương (1), K.359 Tư lương (2), K.360 Tư lương (3), K.361 Đa văn đệ tử, K.362 Thuyết pháp Tỳ-kheo (1), K.363 Thuyết pháp Tỳ-kheo (2), K.364 Thuyết pháp; [101a6], K.365 Tỳ-bà-thi, K.366 Tu tập, K.367 Tam-ma-đề, K.368 Thập nhị nhân duyên (1), K.369 Thập nhị nhân duyên (2), K.370 Thực, K.371 Phả-cầu-na, K.372 Tử nhục, K.373 Hữu tham (1), K.374 Hữu tham (2), K.375 Hữu tham (3), K.376 Hữu tham (4), K.377 Hữu tham (5);

6. *Tương ưng Tứ đế* [103c13], K.378 Chuyển pháp luân, K.379 Tứ đế (1), K.380 Tứ đế (2), K.381 Đương tri, K.382 Dĩ tri, K.383 Lộ tận, K.384 Biên tế, K.385 Hiền thánh (1), K.386 Hiền thánh (2), K.387 Ngũ chi lục phần, K.388 Lương y, K.389 Sa-môn Bà-la-môn (1), K.390 Sa-môn Bà-la-môn (2), K.391 Như thật tri, K.392 Thiện nam tử, K.393 Nhật nguyệt (1); [106c], K.394 Nhật nguyệt (2), K.395 Thánh đệ tử, K.396 Khư-đề-la, K.397 Nhân-đà-la trụ, K.398 Luận xứ, K.399 Thiêu y, K.400 Bách thương, K.401 Bình đẳng chánh giác, K.402 Như thật tri, K.403 Thân thứ, K.404 Không, K.405 Mạnh; K.406 Tư duy (1), K.407 Tư duy (2), K.408 Giác (1), K.409 Giác (2), K.410 Luận thuyết, K.411 Tranh, K.412 Vương lực, K.413 Túc mạng, K.414 Đàn việt, K.415 Thọ trì (1), K.416 Như như, K.417 Thọ trì (2); [111a], K.418 Nghi (1), K.419 Nghi (2), K.420 Thâm hiểm, K.421 Đại

nhiệt, K.422 Đại âm, K.423 Minh âm (1), K.424 Minh âm (2), K.425 Minh âm (3), K.426 Thánh đế, K.427 Thiên tư, K.428 Tam-ma-đề, K.429 Trượng (1), K.430 Trượng (2), K.431 Ngũ tiết luân, K.432 Tăng thượng thuyết pháp, K.433 Hiệt tuệ, K.434 Tu-đạt, K.435 Điện đường (1), K.436 Điện đường (2), K.437 Chúng sanh, K.438 Tuyết sơn, K.439 Hồ trì đặng; [114a], K.440 Thổ, K.441 Trảo giáp, K.442 Tứ Thánh đế dĩ sanh.

Cuốn II, Tap A-hàm, từ tr. 759 đến tr. 1438, 7. *Tương ưng Giới*, K.443 Nhãn dục hoàn, K.444 Bĩ tâm, K.445 Kệ (1), K.446 Hành, K.447 Kệ (2), K.448 Giới hòa hợp, K.449 Tinh tấn, K.450 Giới, K.451 Xúc (1), K.452 Xúc (2), K.453 Tưởng (1), K.454 Tưởng (2); [116c12], K.455 Chánh thọ, K.456 Thuyết, K.457 Nhân, K.458 Tự tác, K.459 Cù-sư-la, K.460 Tam giới (1), K.461 Tam giới (2), K.462 Tam giới (3), K.463 Đồng pháp, K.464 Trước sử,

8. *Thọ Tương ưng* [119a11], K.465 Xúc nhân, K.466 Kiếm thích, K.467 Tam thọ, K.468 Thâm hiềm, K.469 Tiễn, K.470 Hư không, K.471 Khách xá, K.472 Thiên, K.473 Chỉ tức, K.474 Tiên trí, K.475 Thiên tư, K.476 A-nan sở vấn, K.477 Tỳ-kheo, K.478 Giải thoát, K.479 Sa-môn Bà-la-môn, K.480 Nhất-xa-năng-già-la, K.481 Hỷ lạc, K.482 Vô thực lạc, K.483 Bạt-đa-la, K.484 Ưu-đà-di, K.485 Nhất pháp (1), K.486 Nhất pháp (2), K.487 Nhất pháp (3), K.488 Nhất pháp (4);

Tụng IV. Đệ tử sở thuyết:

9. *Tương ưng Xá-lợi-phát* [126a7], K.489 Diêm-phù-xa, K.490 Sa-môn xuất gia sở vấn, [128b] K.491 Nê thủy, K.492 Thừa thuyền nghịch lưu, K.493 Khô thọ, K.494 Giới, K.495 Tránh, K.496 Cử tội, K.497 Na-la-kiền-đà, K.498 Thạch trụ, K.499 Tịnh khẩu;

10. *Tương ưng Mục-kiền-liên* [132a13], K.500 Thánh mặc nhiên, K.501 Vô minh, K.502 Tịch diệt, K.503 Xan câu, K.504 Ái tận, K.505 Đế Thích, K.506 Chư thiên, K.507 Đồ ngư nhi, K.508 Đồ ngư giả, K.509 Đồ dương giả, K.510 Đồ dương đệ tử, K.511 Đọa thai, K.512 Điều tượng sĩ, K.513 Hiếu chiến, K.514 Liệp sư, K.515 Sát trụ, K.516 Đoạn nhân đầu, K.517 Đoàn đồng nhân, K.518 Bồ ngư sư, K.519 Bộc chiêm nữ, K.520 Bộc chiêm sư, K.521 Háo tha dâm, K.522 Mạo sắc, K.523 Sân nhuế đặng du sái, K.524 Tăng-tật Bà-la-môn, [138a] K.525 Bất phân du, K.526 Đạo thủ thất quả, K.527 Đạo thực thạch mật, K.528 Đạo thủ nhị bính, K.529 Tỳ-kheo; [138c] K.530 Giá thừa ngư xa, K.531 Ma-ma-đế, K.532 Ác khẩu hình danh, K.533 Hảo khởi tranh tụng;

11. *Tương ưng A-na-luật*, K.534 Độc nhất (1), K.535 Độc nhất (2), K.536 Thủ thành dục trì, K.537 Mục-liên sở vấn, K.538 A-nan sở vấn, K.539 Sở hoạn (1), K.540 Sở hoạn (2), K.541 Hữu học lậu tận, K.542 A-la-hán Tỳ-kheo; [141b] K.543 Hà cố xuất gia, K.544 Hướng Niết-bàn;

12. *Tương ưng Ma-ha Ca-chiên-diên*, K.545 Tháo quán trượng, K.546 Túc sĩ, K.547 Ma-thâu-la, K.548 Ca-lê, K.549 Ly, K.550 Ha-lê (1), K.551 Ha-lê (2), K.552 Ha-lê (3), K.553 Ha-lê (4), K.554 Ha-lê (5);

13. *Tương ưng A-nan*, K.555 Vô tướng tâm tam-muội, K.556 Xà-tri-la, [146b] K.557 A-nan, K.558 Ca-ma, K.559 Độ lượng, K.560 Bà-la-môn, K.561 Cù-sư, K.562 Ni-kiền, K.563 Tỳ-kheo Ni, K.564 Bà-đầu;

14. *Tương ưng Chát-đa*, K.565 Na-già-đạt-đa (1), K.566 Na-già-đạt-đa (2), K.567 Già-ma, K.568 Lê-tê-đạt-đa (1), K.569 Lê-tê-đạt-đa (2), K.570 Ma-ha-ca, K.571 Hệ,

K.572 A-kỳ-tỳ-ca, K.573 Ni-kiền, K.574 Bệnh tướng;

Tụng V. Đạo phẩm:

15. *Tương ưng Niệm xứ*, [170c28] K.575 Nan-đà lâm, K.576 Niệm xứ (2), K.577 Tịnh, K.578 Cam lộ, K.579 Tập, K.580 Chánh niệm, K.581 Thiện tụ, K.582 Cung, K.583 Bất thiện tụ, K.584 Đại trọng phu, K.585 Tỳ-kheo Ni, K.586 Trù sĩ, K.587 Điều, K.588 Tứ quả, K.589 Tư-đà-già, K.590 Di-hầu, K.591 Niên thiếu Tỳ-kheo, K.592 Am-la nữ, K.593 Thế gian, K.594 Uất-đễ-ca, K.595 Bà-hê-ca, K.596 Tỳ-kheo, K.597 A-na-luật, K.598 Giới, K.599 Bất thoái chuyển, K.600 Thanh tịnh, K.601 Độ bỉ ngạn, K.602 A-la-hán, K.603 Nhất thiết pháp, K.604 Hiền Thánh, K.605 Quang trạch, K.606 Tỳ-kheo, K.607 Ba-la-đề-mộc-xoa, K.608 Thuần-đà, K.609 Bồ-tát;

16. *Tương ưng Căn* [182a14], K.610 Tri, K.611 Tịnh, K.612 Tu-đà-hoàn, K.613 A-la-hán, K.614 Đương tri, K.615 Phân biệt, K.616 Lược thuyết, K.617 Lậu tận, K.618 Sa-môn Bà-la-môn (1), K.619 Sa-môn Bà-la-môn (2), K.620 Hướng, K.621 Quảng thuyết, K.622 Tuệ căn (1), K.623 Tuệ căn (2), K.624 Tuệ căn (3), K.625 Tuệ căn (4), K.626 Tuệ căn (5), K.627 Tuệ căn (6), K.628 Khổ đoạn;

17. *Tương ưng Lực*, K.629 Nhị lực (1), K.630 Nhị lực (2), K.631 Nhị lực (3), K.632 Tam lực (1), K.633 Tam lực (2), K.634 Tam lực (3), K.635 Tứ lực (1), K.636 Tứ nhiếp sự, K.637 Nhiếp; [185b] K.638 Tứ lực (2), K.639 Tứ lực (3), K.640 Tứ lực (4), K.641 Ngũ lực, K.642 Ngũ lực đương thành tựu, K.643 Đương tri ngũ lực, K.644 Đương học ngũ lực, K.645 Ngũ học lực, K.646 Đương thành học lực, K.647 Quảng thuyết học lực, K.648 Đương thành học lực (2), K.649 Bạch pháp (1), K.650 Bạch pháp (2), K.651 Bất

thiện pháp, K.652 Thập lực, K.653 Nhũ mẫu, K.654 Sư tử hồng (1), K.655 Sư tử hồng (2), K.656 Thất lực (1), K.657 Đương thành thất lực, K.658 Thất lực (2), K.659 Quảng thuyết thất lực, K.660 Bát lực, K.661 Quảng thuyết bát lực, K.662 Xá-lợi-phất vắn, K.663 Di Tỳ-kheo vắn, K.664 Vắn chư Tỳ-kheo, K.665 Cử lực, K.666 Quảng thuyết cử lực, K.667 Thập lực, K.668 Quảng thuyết thập lực, K.669 Như Lai lực (1), K.670 Như Lai lực (2), K.671 Như Lai lực (3);

18. *Tương ưng Giác chi*, K.672 Bất chánh tư duy, K.673 Bất thoái, K.674 Cái, K.675 Chướng cái, K.676 Thọ; [190b] K.677 Thất giác chi, K.678 Thính pháp, K.679 Vô úy (1), K.680 Vô úy (2), K.681 Chuyển thú, K.682 Hòa, K.683 Thực, K.684 Pháp (1), K.685 Pháp (2), K.686 Xá-lợi-phất, K.687 Ưu-ba-ma, K.688 A-na-luật, K.689 Chuyển luân vương (1), K.690 Chuyển luân vương (2), K.691 Niên thiếu, K.692 Quả báo phụng sự; [195b] K.693 Bất thiện tụ, K.694 Thiện tri thức, K.695 Câu-di-na, K.696 Thuyết, K.697 Diệt, K.698 Phân, K.699 Chi tiết, K.700 Khởi, K.701 Thất đạo phẩm (1), K.702 Quả báo (1), K.703 Quả báo (2), K.704 Thất chủng quả, K.705 Thất đạo phẩm (2), K.706 Quả báo (3), K.707 Quả báo (4), K.708 Quả báo (5), K.709 Bất tinh quán, K.710 Niệm tử tướng, K.711 Từ (1), K.712 Từ (2), K.713 Không, K.714 An-na-ban-na niệm (1), K.715 Vô thường;

19. *Tương ưng Thánh đạo* [198b5], K.716 Nhập xuất, K.717 Vô minh (1), K.718 Vô minh (2), K.719 Khởi, K.720 Ca-ma, K.721 A-lê-sắt-tra, K.722 Xá-lợi-phất, K.723-K.725 Tỳ-kheo, K.726 Úy, K.727 Thọ, K.728 Tam pháp, K.729 Học, K.730 Lậu tận, K.731 Tám Thánh đạo phần, K.732 Tu (1), K.733 Tu (2), K.734 Thanh tịnh, K.735 Tụ, K.736 Bán, K.737 Bà-la-

môn, K.738 Tà, K.739 Bi ngan, K.740 – K.742, K.743 Chánh-Bất chánh tư duy (1), K.744 Chánh-Bất chánh tư duy (2), K.745 Chánh-Bất chánh tư duy (3), K.746 Thiện ác tri thức, K.747 Thiện tri thức, K.748 Thiện ác tri thức (2), K.749 Chánh-Bất chánh tư duy (4), K.750 Phi pháp thị pháp, K.751 Đoạn tham; [203a] K.752 Tà chánh, K.753 Quảng thuyết Bát Thánh đạo, K.754 Hướng tà, K.755 Tà kiến Chánh kiến (1), K.756 Tà kiến Chánh kiến (2), K.757 Sanh văn, K.758 Tà kiến (1), K.759 Tà kiến (2), K.760 Tà kiến (3), K.761 Thuận lưu nghịch lưu, K.765 Sa-môn pháp Sa-môn quả, K.766 Sa-môn pháp Sa-môn nghĩa, K.767 Sa-môn quả, K.768 Bà-la-môn;

20. *Tương ưng An-na-ban-na* [205c23], K.769 Ngũ pháp, K.770 An-na-ban-na niệm (1), K.771 An-na-ban-na niệm (2), K.772 Đoạn giác tưởng, K.773 A-lê-sát-tra, K.774 Kế-tân-na, K.775 Nhất-xa-năng-già-la, K.776 Ca-ma, K.777 Kim cương, K.778 A-nan, K.779-K.780 Tỳ-kheo, K.781 Kim-tỳ-la, K.782 Bất bì, K.783 Bồ-tát;

21. *Tương ưng học* [210a6], K.784 Học (1), K.785 Học (2), K.786 Học (3), K.787 Học (4), K.788 Học (5), K.789 Học (6), K.790 Niết-bàn (1), K.791 Niết-bàn (2), K.792 Học (7), K.793 Học (8), K.794 Học (9), K.795 Canh ma, K.796 Lô, K.797 Bạt-kỳ tử; [213a], K.798 Băng-già-xà, K.799 Giới, K.800 Học;

22. *Tương ưng Bất hoại tịnh* [213c24], K.801 Ly-xa, K.802 Bất bản, K.803 Chuyển luân vương, K.804 Tứ bất hoại tịnh, K.805 Quá hoạn, K.806 Thực, K.807 Giới (1), K.808 Giới (2), K.809 Nhuận trạch; [215b] K.810 Bà-la-môn, K.811 Xá-lợi-phất (1), K.812 Xá-lợi-phất (2), K.813 Khủng bố (1), K.814 Khủng bố (2), K.815 Thiện đạo (1), K.816 Thiện đạo (2), K.817

Thiện đạo (3), K.818 Thiện đạo (4), K.819 Pháp kính (1), K.820 Pháp kính (2), K.821 Pháp kính (3), K.822 Na-lê-ca, K.823 Nan-đề (1), K.824 Nan-đề (2), K.825 Nan-đề (3), K.826 Nan-đề (4), K.827 Lê-sư-đạt-đa, K.828 Điền nghiệp; [225c21], K.829 Như Lai đệ nhất, K.833 Ly tham pháp đệ nhất, K.831 Thanh văn đệ nhất; [297b19], K.832 Thích thị, K.833 Tật bệnh, K.834 Bò-đề, K.836 Tu-đà-hoàn (1), K.837 Tu-đà-hoàn (2), K.838 Bốn pháp, K.839 Bốn quả (1), K.840 Bốn quả (2), K.841 Hàn xứ, K.842 Bốn thức ăn, K.843 Nhuận trạch (1), K.844 Nhuận trạch (2), K.845 Nhuận trạch (3), K.846 Bốn mươi thiên tử;

23. *Tương ưng Thiên* [219b4], K.847 Đâu-suất thiên, K.848 Hóa lạc thiên, K.849 Tha hóa tự tại thiên, K.850 Sơ thiên, K.851 Giải thoát, K.852 Trung bát Niết-bàn, K.853 Đệ Nhị thiên thiên, K.854 Giải thoát, K.855 Đệ Tam thiên, K.856 Giải thoát, K.857 Phong vân thiên, K.858 Tán cái phú đặng;

24. *Tương ưng Chứng*, K.859 Tứ chủng điều phục, K.860 Tam chủng tử, K.861 Tứ chánh đoạn (1), K.862 Tứ chánh đoạn (2), K.863 Tứ chánh đoạn (3), K.864 Tứ chánh đoạn (4), K.865 Tứ chánh đoạn (5), K.866 Bất phóng dật, K.867 Đoạn tam, K.868 Bất phóng dật căn bản, K.869 Tứ chủng thiên, K.870 Vô học Tam minh (1), K.871 Vô học Tam minh (2), K.872 Tam minh, K.873 Tín, K.874 Tăng ích, K.875 Đẳng khởi, K.876 Vô vi pháp, K.877 Mao đoàn;

25. *Tương ưng Giới uẩn* [224b26], K.878 Lục nội xứ, K.879 Ngũ chủng chủng tử, K.880 Như thật tri, K.881 Tam ái; [225b] K.882 Tam lậu, K.883 La-hầu-la, K.884 Nhãn dĩ đoạn, K.885 Nhãn sanh, K.886 Vị trước, K.887 Thiện pháp kiến lập;

Tụng VI. Tám chủng:

26. *Tương ưng Tám chúng* [254c2], K.888 Niệm Tam bảo, K.889 Cây phước, K.890 A-nan Xá-lợi-phất (1), K.891 A-nan Xá-lợi-phất (2), K.892 Ái (1), K.893 Ái (2), K.894 Hai sự khó đoạn, K.895 Hai pháp, K.896 Đế Thích (1), K.897 Đế Thích (2), K.898 Lộc trú (1), K.899 Lộc trú (2), K.900 Phước điền; [340a20], K.901 Gia nhân, K.902 Cung kính trụ, K.903 Tàm quý, K.904 Thiêu nhiên pháp, K.905 Ác hành;

27. *Tương ưng Thí dụ*, K.906 Luyện kim, K.907 Luyện kim (2), K.908 Mục ngư giả, K.909 Mục ngư (2), K.910 Na-đê-ca (1), K.911 Na-đê-ca (2), K.912 Li-xa-tử, K.913 Tam bách phủ, K.914 Đa nữ nhân, K.915 Chủy thủ; [345a] K.916 Trảo thổ, K.917 Cung thủ; [345b], K.918, K.919 Thiết hoàn, K.920 Miêu ly, K.921 Mộc xử, K.922 Dã hồ, K.923 Phấn thi, K.924 Dã hồ;

28. *Tương ưng Bệnh* [346b7], K.925 Bạt-ca-lê, K.926 Xiên-đà; [266c9] K.927 Phả-câu-na, K.928 A-thấp-ba-thệ, K.929 Tật bệnh (1), K.930 Tật bệnh (2), K.931 Tỳ-kheo bệnh, K.932 Tật bệnh (3), K.933 Tật bệnh (4); [269b], K.934 Cấp Cô Độc (1), K.935 Cấp Cô Độc (2), K.936 Cấp Cô Độc (3), K.937 Đạt-ma-đề-ly, K.938 Trường thọ, K.939 Bà-tâu, K.940 Sa-la, K.941 Da-thâu, K.942 Ma-na-đề-na;

29. *Tương ưng Nghiệp báo* [271b], K.943 Thuần-đà, K.944 Xả hành, K.945 Sanh văn, K.946 Tỳ-la-ma (1), K.947 Tỳ-la-ma (2), K.948 Bê-nữu-đa-la, K.949 Tùy loại, K.950 Xả hành, K.951 Viên châu (1), K.952 Viên châu (2), K.953 Na nhân; [274c], K.954 Pháp xuất không xuất, K.955 Bờ kia bờ này, K.956 Chân thật, K.957 Ác pháp, K.958 Pháp chân nhân, K.959 Mười pháp (1), K.960 Mười pháp (2), K.961 Hai mươi pháp, K.962 Ba mươi pháp; [275c], K.963 Bốn mươi pháp,

K.964 Pháp phi pháp khổ, K.965 Phi luật Thánh luật.

Cuốn III, Tập A-hàm, từ tr. 1.459 đến tr. 2.217; nội dung gồm có: Tụng VII kệ, 30. *Tương ưng Tỳ-kheo* [276a9], K.966 Thiện sanh, K.967 Xú lậu, K.968 Đề-bà, K.969 Tượng thủ, K.970 Nan-đà (1), K.971 Nan-đà (2), K.972 Đề-sa, K.973 Tỳ-xá-khư, K.974 Niên thiếu, K.975 Trường lão, K.976 Tăng-ca-lam, K.977 A-nan, K.978 Oanh phát, K.979 Đà-phiêu (1), K.980 Đà-phiêu (2), K.981 Tặc, K.982 Tán-đảo-tra, K.983 Bạt-chân, K.984 Tàm quý, K.985 Khổ chủng, K.986 Sang vuu, K.987 Ngẫu căn;

31. *Tương ưng ma* [284b20], K.988 Trường thọ, K.989 Thọ mạng, K.990 Ma phược, K.991 Miên, K.992 Kinh hành, K.993 Đại long, K.994 Thụy miên, K.995 Cù-đê-ca, K.996 Ma nữ, K.997 Tịnh bất tịnh, K.998 Khổ hành, K.999 Khất thực, K.1000 Thăng sách, K.1001 Thuyết pháp, K.1002 Tác vương, K.1003 Chúng đa, K.1004 Thiện giác, K.1005 Sư tử, K.1006 Bát, K.1007 Nhập xứ;

32. *Tương ưng Đế-thích* [290b19], K.1008 Bảy thọ, K.1009 Ma-ha-ly, K.1010 Hà nhân, K.1011 Dạ-xoa, K.1012 Hành nhẫn nhục, K.1013 Thiện luận nghị, K.1014 Ngũ phược, K.1015 Kính Phật, K.1016 Kính pháp, K.1017 Kính pháp (2), K.1018 Kính Tăng, K.1019 Tú-tỳ-lê, K.1020 Tiên nhân, K.1021 Diệt sân, K.1022 Nguyệt bát nhật, K.1023 Bệnh, K.1024 Bà-trĩ, K.1025 Thệ ước; [333b24] K.1026 Tổ chim, K.1027 Người nghèo, K.1028 Đại tế tự (1), K.1029 Đại tế tự (2);

33. *Tương ưng Câu-tát-la* [334c13], K.1030 Tam-bồ-đề, K.1031 Tổ mẫu, K.1032 Tự niệm, K.1033 Tự hộ, K.1034 Tài lợi, K.1035 Tham lợi, K.1036 Xan lãn, K.1037 Vô tử, K.1038 Tế tự, K.1039 Hệ

phược, K.1040 Chiến đấu (1), K.1041 Chiến đấu (2), K.1042 Bất phóng dật (1), K.1043 Bất phóng dật (2), K.1044 Tam pháp; [304a] K.1045 Ứng thí, K.1046 Sáng tối, K.1047 Núi đá, K.1048 Xà-kỳ-la, K.1049 Thất vương, K.1050 Suyễn tức; 34. *Tương ưng Bà-la-môn*, [306c26] K.1051 A-tu-la, K.1052 Tân-kì-ca, K.1053 Ma-ly (1), K.1054 Ma-ly (2), K.1055 Vi nghĩa, K.1056 Bất hại, K.1057 Hòa dữ, K.1058 Bà-tứ-tra, K.1059 Ma-cù, K.1060 Trì kim cái, K.1061 La-hán pháp, K.1062 Lão nam nữ, K.1063 Lão tử, K.1064 Hiếu dưỡng, K.1065 Ưu-ba-ca (1), K.1066 Ưu-ba-ca (2), K.1067 Uất-xà-ca, K.1068 Kiêu mạn, K.1069 Tam hỏa [33], K.1070 Nguyệt, K.1071 Sanh văn, K.1072 Dị Bà-la-môn, K.1073 Khất thực, K.1074 Canh điền, K.1075 Tịnh thiên, K.1076 Phật (1), K.1077 Phật (2), K.1078 Lãnh quân đặc, K.1079 Bà-tứ-tra, K.1080 Thất ngư, K.1081 Trí giả, K.1082 Thiên tác, K.1083 Điền nghiệp, K.1084 Thái tân, K.1085 Tôn-đà-ly (1), K.1086 Tôn-đà-ly (2), K.1087 Oanh phát, K.1088 Oanh phát (2); 35. *Tương ưng Phạm Thiên* [321c18], K.1089 Tôn trọng, K.1090 Phạm thiên (1), K.1091 Phạm chúa, K.1092 Không nhàn xứ, K.1093 Tập hội, K.1094 Cù-ca-lê, K.1095 Phạm thiên (2), K.1096 Bà-cú phạm, K.1097 Tà kiến, K.1098 Nhập diệt; 36. *Tương ưng Tỳ-kheo Ni* [325c16], K.1099 A-lạp-tì, K.1100 Tô-ma, K.1101 Cát-ly-xá Cù-đàm-di, K.1102 Liên hoa sắc, K.1103 Thi-la, K.1104 Tỳ-la, K.1105 Tỳ-xà-da, K.1106 Giá-la, K.1107 Ưu-ba-giá-la, K.1108 Thi-lị-sa-giá-la; 37. *Tương ưng Bà-kỳ-xá*, K.1109 Trì Yết-già, K.1110 Kiền-trần-như, K.1111 Xá-lợi-phát, K.1112 Na-già sơn, K.1113 Hoài thọ, K.1114 Bất lạc, K.1115 Tham dục, K.1116 Xuất ly, K.1117 Kiêu mạn, K.1118 Bản dục cuồng hoặc, K.1119 Tứ

pháp cú, [332b] K.1120 Na-già sơn trác, K.1121 Bạt tiền, K.1122 Ni-câu-luật tướng, [259a5] K.1123 Tán Thượng tọa, K.1124 Bà-kỳ-xá tán Phật; 38. *Tương ưng chư Thiên* [260c24], K.1125 A-luyện-nhã, K.1126 Kiêu mạn, K.1127 Công đức tăng trưởng, K.1128 Cho gì được sức lớn, K.1129 Hoan hỷ, K.1130 Viễn du, K.1131 Xâm bức, K.1132 Đoạn trừ, K.1133 Giác miên, K.1134 Hồ tương hoan hỷ, K.1135 Nhân vật, K.1136 Sở ái, K.1137 Sát-lợi, K.1138 Chủng tử, K.1139 Tâm, K.1140 Phược, K.1141 Yêm, K.1142 Vô minh, K.1143 Tin, K.1144 Đệ nhị, K.1145 Trì giới, K.1146 Chúng sinh (1), K.1147 Chúng sinh (2), K.1148 Chúng sinh (3), K.1149 Phi đạo, K.1150 Vô thượng, K.1151 Kệ nhân, K.1152 Tri xa thặng, [153c5] K.1153 Nan-đà lâm, K.1154 Câu tỏa, K.1155 Tàm quý, K.1156 Bất tập cận, K.1157 Thiên điều, K.1158 La-hán, K.1159 La-hán (2), K.1160 Nguyệt thiên tử, K.1161 Tộc bản, K.1162 Độc nhất trụ, K.1163 Lợi kiếm, K.1164 Thiên nữ, K.1165 Tứ luân, K.1167 Giác thụy miên, K.1168 Hải châu, K.1169 Cấp cô độc, K.1170 Cấp cô độc, [159a] K.1171 Thủ thiên tử, K.1172 Đào sư, K.1173 Thiên tử (1), K.1174 Thiên tử (2) [49], K.1175 Thụy miên, K.1176 Kết triền, K.1177 Nan độ [53], K.1178 Tiểu lưu, K.1179 Lộc bác, K.1180 Chư lưu; [348b7] K.1181 Sử lưu, K.1182 Giải thoát, K.1183 Chiên-đàn, K.1184 Câu-ca-ni (1), K.1185 Câu-ca-ni (2) [14], K.1186 Câu-ca-ni (3), K.1187 Câu-ca-ni (4), K.1188 Câu-ca-ni (5) [18], K.1189 Xúc, K.1190 An lạc, K.1191 Hiềm trách, K.1192 Cù-ca-lê [27], K.1193 Bại vong, K.1194 Đồng tử hỷ, K.1195 Già ý, K.1196 Đắc danh xưng, K.1197 Cầu tài [43], K.1198 Thô ngư, K.1199 Hà pháp khởi, K.1200 Phi thể gian, K.1201 Đồng

xứ, K.1202 Xan lân, K.1203 Kim thương, K.1204 Tỳ-nữu, K.1205 Hỏa bát thiêu, K.1206 Trì tư lương, K.1207..., K.1208 Sở cầu, K.1209 Xa, K.1210 Sanh tử, K.1211 Số, K.1212 Hà vật, K.1213 Hà giới, K.1214 Ngũ vị, K.1215 Trương thắng, K.1216 Thi-tì, K.1217 Nguyệt tự tại, K.1218 Vi-nựu, K.1219 Ban-xà-la-kiền, K.1220 Tu-thâm, K.1221 Xích mã, K.1222 Ngoại đạo, K.1223 Ma-già, K.1224 Di-kì-ca, K.1225 Đà-ma-ni, K.1226 Đa-la-kiền-đà, [361a] K.1227 Ca-ma (1), K.1228 Ca-ma (2), K.1229 Chiên-đàn (1), K.1230 Chiên-đàn (2), K.1231 Ca-diếp (1), K.1232 Ca-diếp (2);

39. *Tương ưng Dạ-xoa*, K.1233 Khuất-ma, K.1234 Ma-curu-la, K.1235 Tất-lăng-già quý, K.1236 Phú-na-bà-tẩu, K.1237 Ma-ni-giá-la, K.1238 Châm mao quý, K.1239 Quý ám, K.1240 A-lạp quý, K.1241 Thúc-ca-la, K.1242 Tỳ-la, K.1243 Hê-ma-ba-đê, K.1244 Ưu-ba-già-tra;

40. *Tương ưng lâm* [367c], K.1245 Chúng đa, K.1246 Thụy miên, K.1247 Viễn ly, K.1248 Bất chánh tư duy, K.1249 Giữa trưa, K.1250 A-na-luật, K.1251 Tụng Kinh, K.1252 Bát-đàm-ma, K.1253 Thọ săn, K.1254 Kiền-mâu-ni, K.1255 Chỉ trì giới, K.1256 Na-ca-đạt-đa, K.1257 Phóng túng, K.1258 Gia phụ, K.1259 Kiến-đa, K.1260 Thụy miên, K.1261 Tửu binh, K.1262 Dã can, K.1263 Ưu-lâu điều, K.1264 Ba-tra-lị hoa, K.1265 Khổng tước, K.1266 Doanh sự, K.1267 Tàn-đà sơn, K.1268 Tỳ lưu, K.1269 Minh nguyệt, K.1270 Phan, K.1271 Ngõa âu, K.1272 Bản sỹ phu, K.1273 Kiếp-bôi, K.1274 Thâm nê, K.1275 Bên bờ sông, K.1276 Cáp điều; Tụng VIII. Như Lai sở thuyết:

41. *Tương ưng Đại Ca-diếp* [299c6] K.1277 Nguyệt dụ, K.1278 Thí dữ, K.1279 K.1272 Thắng, K.1280 Vô tín, K.1281 Phật căn bản, K.1282 Niên kỷ,

K.1283 Tệ nạp y, K.1284 Tăng vi, K.1285 Chúng giảm thiểu, K.1286 Ngoại đạo, K.1287 Pháp tương hoại;

42. *Tương ưng Tự lạc chủ* [227a2], K.1288 Giá-la-châu-la, K.1289 Chiến đấu hoạt, K.1290 Điều mã, K.1291 Hung ác, K.1292 Ma-ni châu kế, K.1293 Vương đánh, K.1294 Việt đàm, K.1295 Đạo sư thị, K.1296 Đạo sư thị (2), K.1297 Đạo sư thị (3);

43. *Tương ưng Mã*, K.1298 Tam chủng điều mã, K.1299 Thuận lương mã, K.1300 Lương mã, K.1301 Tam Lương mã, K.1302 Tứ năng, K.1303 Tiên ảnh, K.1304 Chỉ thi, K.1305 Hữu quá, K.1306 Bát chủng đức, K.1307 Sằn-đà ca-chiên-diên;

44. *Tương ưng Ma-ha-nam*, K.1308 Ưu-bà-tắc, K.1309 Thâm diệu công đức, K.1310 Nhất thiết sự, K.1311 Tự khùng, K.1312 Tu tập trụ, K.1313 Thập nhất, K.1314 Thập nhị, K.1315 Giải thoát, K.1316 Sa-đà, K.1317 Bách thủ;

45. *Tương ưng vô thủy*, K.1318 Huyết, K.1319 Lệ, K.1320 Mẫu nữ, K.1321 Thảo mộc, K.1322 Thổ hoàn liệp, K.1323 An lạc, K.1324 Khổ não, K.1325 Khủng bố, K.1326 Ái niệm, K.1327 Hằng hà, K.1328 Luy cốt, K.1329 Thành trì, K.1330 Núi, K.1331 Quá khứ, K.1332 Vô hữu nhất xứ, K.1333 Vô bất nhất xứ, K.1334 Bong bóng nước mưa, K.1335 Con mưa trút, K.1336 Ngũ tiết luân, K.1337 Tì-phú-la;

46. *Tương ưng Bà-sa* [244a9], K.1338 Thân mạng, K.1339 Mục-liên, K.1340 Kỳ tai, K.1341 Kỳ đặc, K.1342 Hữu ngã, K.1343 Kiến, K.1344 Vô tri, K.1345 Xuất gia;

47. *Tương ưng ngoại đạo* [247c14], K.1346 Uất-đê-ca, K.1347 Phú-lân-ni, K.1348 Câu-ca-na, K.1349 Cáp Cô Độc, K.1350 Trường Trảo, K.1351 Xá-la-bộ,

K.1352 Thượng tọa, K.1353 Tam đế, K.1354 Chiên-đà, K.1355 Bồ-lũ-đê-ca (1), K.1356 Bồ-lũ-đê-ca (2), K.1357 Thi-bà (1), K.1358 Thi-bà (2), K.1359 Thương chủ, K.1360 Tu-bạt-đà-la.

Tác phẩm này in lần đầu năm 2010, và tái bản 2015, Nxb Phương Đông.

1.012. TẬP A-HÀM – Tiểu Tạng Kinh, Tổng Mục Lục

Biên soạn: *Tuệ Sỹ*

Nxb Hồng Đức – 2019

Sách có khổ 14 x 20.5cm, dày hơn 179 trang, bìa cứng. Nội dung gồm có: Lịch sử truyền dịch, Toát yếu nội dung các tương ung, i. Tập A-hàm và Du-già sư-địa nhiếp sự phân, ii. Toát yếu nội dung; Chinh lý văn bản, Mục lục đối chiếu i, Mục lục đối chiếu ii, Mục lục chinh lý, Thư mục đối chiếu Hán-Pàli, a. Đối chiếu Hán-Pàli Tập A-hàm & Samyuttanikàya, b. Đối chiếu Tập A-hàm & Hán dịch đơn hành bản; Danh mục Pháp số: hai, ba, bốn, năm, sáu, bảy, tám, chín, mười, dư; Từ vựng Pàli-Việt-Hán; Sách dẫn Tổng quát.

1.013. TẬP THÍ DỤ KINH

(Đại Tạng Kinh Việt Nam, Kinh số 204)

Hán dịch: *Sa-môn Chi-lâu-ca-sám*

Việt dịch và chú giải (2011):

B.S. Trần Văn Nghĩa

Hiệu đính (2014): *Cư sĩ Phúc Anh và Nguyễn Tánh*

Tác phẩm Kinh này có 12 Thí dụ và phần chú giải.

(<https://thuvienhoasen.org>, *Kinh Sanskrit/Hán tạng*)

1.014. TẶNG CHI BỘ KINH (Pàli Anguttara Nikàya) – 3 Tập

Việt dịch:

Tỳ-kheo Thích Minh Châu (1918-2012)

Tu thư Phật học Vạn Hạnh (Tp. Hồ Chí Minh) xuất bản – 1980

Kinh có khổ 14.5 x 20.5cm, 3 tập dày 1.456 trang, bìa mềm, chữ tựa Kinh màu đỏ, chữ tựa Pàli màu xanh dương.

Tập I, Giấy phép số 3059/XBNT-GP, ngày 31-10-1980; dày 348 trang, kết cấu có 3 chương; *Tập II* (quyển a), Giấy phép số 830/XBNT-GP ngày 30-3-1981 của Sở Văn hóa Thông tin Tp. Hồ Chí Minh; dày 334 trang, kết cấu gồm có 28 phẩm; *Tập III* (quyển a), dày 448 trang, từ Chương Bảy Pháp, ... đến Chương Chín Pháp; *Tập III* (quyển b), dày 326 trang, từ Chương Mười Pháp đến Chương Mười một Pháp. (Tập II và III (a-b) cùng Giấy phép số 830/XBNT-GP ngày 30-3-1981)

Xem: Kinh Tăng Chi Bộ - 4 Tập, Đại Tạng Kinh Việt Nam, do HT. Thích Minh Châu dịch.

1.015. TẶNG NHẤT A-HÀM (Trọn bộ 4 Cuốn) – Tiểu Tạng Kinh

Dịch Việt: *Thích Đức Thắng*

Hiệu chỉnh và Chú thích: *Tuệ Sỹ*

Nxb Phương Đông – 2017

Bộ Kinh Tăng Nhất A-hàm gồm có 3 cuốn Chính văn, và 1 cuốn Tổng Mục lục, có khổ 14 x 20.5cm, 3 cuốn dày hơn 1.771 trang, bìa cứng.

Cuốn I, Tăng Nhất A-hàm, dày hơn 515 trang. Nội dung gồm có: 1.P Tựa, Thiên Một Pháp, 2.P Thập niệm, từ Kinh số 1 đến Kinh số 10; 3.P Quảng diễn, từ Kinh số 1 đến Kinh số 10; 4.P Đệ tử, từ Kinh số 1 đến Kinh số 10; 5.P Tỳ-kheo Ni, từ Kinh số 1 đến Kinh số 5; 6.P Thanh Tín sĩ, từ Kinh số 1 đến Kinh số 4; 7.P Thanh Tín sĩ nữ, từ Kinh số 1 đến Kinh số 3; 8.P A-tu-la, từ Kinh số 1 đến Kinh số 10; 9.P Con một, từ Kinh số 1 đến Kinh số 10; 10.P Hộ tâm, từ Kinh số 1 đến Kinh số 10; 11.P Bất hoàn, từ Kinh số 1 đến Kinh số 10;

12.P Nhập đạo, từ Kinh số 1 đến Kinh số 10; 13.P Lợi dưỡng, từ Kinh số 1 đến Kinh số 7; 14.P Ngũ giới, từ Kinh số 1 đến Kinh số 10; Thiên Hai Pháp, 15.P Hữu vô, từ Kinh số 1 đến Kinh số 10; 16.P Hòa diệt, từ Kinh số 1 đến Kinh số 10; 17.P An-ban, từ Kinh số 1 đến Kinh số 11; 18.P Tàm quý, từ Kinh số 1 đến Kinh số 10; 19.P Khuyến thỉnh, từ Kinh số 1 đến Kinh số 11; 20.P Thiện tri thức, từ Kinh số 1 đến Kinh số 13; Thiên Ba Pháp, 21.P Tam bảo, từ Kinh số 1 đến Kinh số 10; 22.P Ba cúng dường, từ Kinh số 1 đến Kinh số 10; 23.P Địa chủ, từ Kinh số 1 đến Kinh số 10; 24.P Cao tràng, từ Kinh số 1 đến Kinh số 10.

Tăng Nhất A-hàm, bộ này gồm có 3 cuốn và 1 cuốn Tổng Mục Lục.

Cuốn II, Tăng Nhất A-hàm, dày hơn 539 trang. Nội dung gồm có: Thiên Bốn Pháp, 25.P Tứ đế, từ Kinh số 1 đến Kinh số 10; 26.P Bốn ý đoạn, từ Kinh số 1 đến Kinh số 10; 27.P Đẳng thú Bốn đế, từ Kinh số 1 đến Kinh số 10; 28.P Thanh văn, từ Kinh số 1 đến Kinh số 7; 29.P Khổ lạc, từ Kinh số 1 đến Kinh số 10; 30.P Tu-đà, từ Kinh số 1 đến Kinh số 3; 31.P Tăng thượng, từ Kinh số 1 đến Kinh số 11; Thiên Năm Pháp, 32.P Thiện tụ, từ Kinh số 1 đến Kinh số 12; 33.P Năm vua, từ Kinh số 1 đến Kinh số 10; 34.P Đẳng kiến, từ Kinh số 1 đến Kinh số 10; 35.P Tà tụ, từ Kinh số 1 đến Kinh số 10; 36.P Thính pháp, từ Kinh số 1 đến Kinh số 5; Thiên Sáu Pháp, 37.P Sáu trọng pháp, từ Kinh số 1 đến Kinh số 10; 38.P Lục, từ Kinh số 1 đến Kinh số 12.

Cuốn III, Tăng Nhất A-hàm, dày hơn 574 trang. Nội dung gồm có: Thiên Bảy Pháp, 39.P Đẳng pháp, từ Kinh số 1 đến Kinh số 10; 40.P Bảy mặt trời, từ Kinh số 1 đến Kinh số 10; 41.P Chớ sợ, từ Kinh số 1 đến Kinh số 5; Thiên Tám Pháp, 42.P Tám

nạn, từ Kinh số 1 đến Kinh số 10; 43.P Thiên tử Mã Huyết hỏi tám chính, từ Kinh số 1 đến Kinh số 10; Thiên Chín Pháp, 44.P Chín Chúng sanh cư, từ Kinh số 1 đến Kinh số 11; 45.P Mã vương, từ Kinh số 1 đến Kinh số 7; Thiên Mười Pháp, 46.P Kết cấm, từ Kinh số 1 đến Kinh số 10; 47.P Thiện ác, từ Kinh số 1 đến Kinh số 10; 48.P Mười bất thiện, từ Kinh số 1 đến Kinh số 6; 49.P Phóng ngư, từ Kinh số 1 đến Kinh số 10; 50.P Lễ Tam bảo, từ Kinh số 1 đến Kinh số 10; 51.P Phi thường, từ Kinh số 1 đến Kinh số 10; 52.P Đại Ái Đạo Bát Niết-bàn, từ Kinh số 1 đến Kinh số 9.

Tác phẩm này đã xuất bản năm 2011, Nxb Phương Đông.

Cuốn IV, Tổng Mục Lục, dày hơn 143 trang. Nội dung gồm có: Lược sử truyền dịch, I. Kết tập và Bộ loại, 1. Hình thức Kết tập, 2. Ý nghĩa Tăng nhất, 3. Yếu tố Đại thừa; II. Truyền thừa và Truyền dịch, 1. Truyền thừa, 2. Hán dịch; Toát yếu Nội dung các Kinh: Thiên Một Pháp, Thiên Hai Pháp, Thiên Ba Pháp, Thiên Bốn Pháp, Thiên Năm Thiên Pháp, Sáu Pháp, Thiên Bảy Pháp, Thiên Tám Pháp, Thiên Chín Pháp, Thiên Mười Pháp, Thiên Mười Một Pháp; Thư mục Đối chiếu: I. Đối chiếu Hán-Pàli, II. Đơn Hành bản, III. Đối chiếu Pàli-Hán, Từ vựng Pàli-Việt-Hán; Sách dẫn.

Tác phẩm này đã xuất bản năm 2011, Nxb Phương Đông.

1.016. TÂM ĐỊA QUÁN (Kinh Đại Thừa Bản Sinh Tâm Địa Quán)

Việt dịch: *Phúc Điền*

THPG Tp. Hồ Chí Minh ấn hành,
PL. 2538 – DL. 1995

Kinh có khổ 14 x 20cm, dày 493 trang, bìa mềm, chữ tựa màu xanh dương. Nội

dung gồm có 13 phẩm: P.1 Tựa, P.2 Báo ân, P.3 Yên xả, P.4 Vô cấu tính, P.5 A-lan-nhã, P.6 Ly thể gian, P.7 Yên thân, P.8 Ba-la-mật-đa, P.9 Công đức trang nghiêm, P.10 Quán tâm, P.11 Phát Bồ-đề tâm, P.12 Thành Phật, P.13 Chúc lụy.

1.017. TÂM KINH BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA

Dịch và chú giải: *Thích Trí Thủ*
Tác phẩm Kinh này gồm có: Lời giới thiệu; Phiên âm – Dịch nghĩa; Chú giải, Văn bản. (<https://thuvienhoasen.org>)

1.018. TÂM KINH Giảng Ký

Giảng ký: *Thánh Ấn Pháp sư*
Việt dịch: *Thích Thiện Phước*
Nxb Văn Hóa Sài Gòn – 2009. Sách có khổ 14.5 x 20.5cm, có 66 trang, bìa mềm. Nội dung gồm có: *Ma-ha Bát-nhã Ba-la-mật-đa Tâm Kinh*, dịch âm Hán-Việt, Nguyên bản chữ Hán, và giảng giải.

1.019. TÂM KINH Giảng Lục

Giảng giải:
Thiền sư Nguyệt Khê Tâm Viên
Việt dịch: *Hậu học Đặng Hữu Trí*
Nxb Phương Đông – 2015
Kinh có khổ 14 x 20cm, có 172 trang, bìa mềm. Nội dung gồm có 4 phần: P.1 Tâm Kinh ấn tâm số, P.2 Bát-nhã Ba-la-mật-đa Tâm Kinh, P.3 Bát-nhã Ba-la-mật-đa Tâm Kinh chú giải, P.4 Tâm Kinh ấn tâm số giản lược.

1.020. TÂM KINH Giảng Nghĩa

Việt dịch và giảng:
Tâm Minh-Lê Đình Thám (1897-1969)
Nội dung gồm có: *Bát-nhã Ba-la-mật-đa Tâm Kinh* nguyên văn chữ Hán, phiên âm, dịch nghĩa và giảng nghĩa (dịch và giảng từng đoạn).

(theo Tác Phẩm của Bác sĩ Tâm Minh Lê Đình Thám, tập 1, từ tr 218 – 252, Thích Trung Hậu – Thích Hải Ấn sưu tập và giới thiệu, Nxb Văn hóa Sài Gòn – 2007)

1.021. Tập Kinh TIỂU BỘ KINH (Khuddaka Nikàya) – 2 Tập

Việt dịch:
Tỷ-kheo Thích Minh Châu (1918-2012)
Tu thư Phật học Vạn Hạnh (Tp. Hồ Chí Minh) xuất bản – 1982
Kinh có khổ 14.5 x 20.5cm, 2 tập dày 857 trang, bìa mềm, chữ tựa Kinh màu đỏ, chữ tựa Pàli màu xanh dương.
Tập I, Kinh tập-Trưởng lão Ni kệ, Phật tự thuyết-Phật thuyết như vậy; Giấy phép số 1336/BNT-GP, ngày 13-17-1982 của Sở Văn hóa Thông tin Tp. Hồ Chí Minh; dày 519 trang, kết cấu gồm có 4 chương; *Tập II*, Pháp Cú – Trưởng Lão Ni kệ, (cùng Giấy phép với Tập I), dày 338 trang, kết cấu gồm 21 chương, từ Phẩm Một đến Phẩm Bảy mươi một kệ.
Xem: Kinh Tiểu Bộ - Tập I và III, Đại Tạng Kinh Việt Nam, do HT. Thích Minh Châu dịch.

1.022. Tập Kinh TRƯỞNG LÃO NI KỆ (Therigàthà)

Việt dịch:
Tỷ-kheo Thích Minh Châu (1918-2012)
Tu thư Phật học Vạn Hạnh (Tp. Hồ Chí Minh) xuất bản – 1982
Kinh dày 282 trang, bìa mềm, chữ tựa màu đỏ và màu xanh dương. Nội dung gồm có: *Trưởng lão Ni kệ*, có 16 phẩm (từ P.1 Tập 1 kệ,... đến P.15 Tập 40 kệ, P.16 Đại Phẩm).
Xem: Kinh Tiểu Bộ - Tập III, Đại Tạng Kinh Việt Nam, do HT. Thích Minh Châu dịch.

1.023. TÍCH TRUYỆN PHÁP CÚ – Trọn bộ 3 Tập

Viết dịch: *Viên Chiếu*

Nxb Tôn Giáo, PL. 2550 – DL. 2006

Sách có khổ 14.3 x 20.3cm, tổng cộng cả bộ dày 1.343 trang. Toàn bộ tác phẩm này gồm có 26 phẩm, Phần đầu là Lời nói đầu và Dẫn nhập.

Tập I, Tích Truyện Pháp Cú, có 496 trang, với 5 phẩm: *P.1. Song yếu* (- Nếu con mắt người làm hại người, hãy móc bỏ nó đi, - Khóc đòi những chuyện trên trời, - Chàng mập Tissa, - Không lấy oán trả oán, - Những vị Tỳ-kheo hay cãi cọ xứ Câu-thâm (Kosambi), - Kala anh và Kala em, - Đê-bà-đạt-đa đập y không tương xứng, - Những đại đệ tử, - Trưởng lão Nan-đà, - Cunda-đồ tể mổ heo, - Cư sĩ hiền thiện, - Nghiệp của Đê-bà-đạt-đa, - Bà Sumanà, - Chuyện hai huynh đệ); *P.2. Không phóng dật* (- Những chuyện luân hồi quanh vua Udena, - Tiếng nói của một người giàu, - Châu-lợi-bàn-đặc, - Ngày lễ của kẻ ngu, - Đại Ca-diếp, - Hai huynh đệ, - Magha trở thành trời Sakka, - Một Tỳ-kheo chứng A-la-hán, - Tissa ở phố chợ); *P.3. Tâm* (- Trưởng lão Meghiya, - Người đọc được tâm, - Một Tỳ-kheo bất mãn, - Tặng hộ cháu, - Trưởng lão tâm được điều phục, - Tỳ-kheo và thân cây, - Vì bạo ác nổi mụn nhọt, - Nanda chăn bò, - Vừa là mẹ vừa là cha); *P.4. Hoa* (- Đất của tâm, - Một Tỳ-kheo chứng A-la-hán, - Vua Vidùdabha trả thù họ Thích-ca, - Người tôn vinh chồng, - Kosiya keo kiệt, - Ấn sĩ lỏa thể Pàthika, - Vua và vua các vua, - Đám cưới bà Tỳ-xá-khur, - Câu hỏi của Trưởng lão A-nan, - Đế thích cúng dường Đại Ca-diếp, - Godhica chứng Niết-bàn, - Sirigutta và Garahadinna); *P.5. Ngu* (Nhà vua và người nghèo có vợ đẹp, - Một Tăng sinh khó dạy, - Kẻ vận rủi trong nhà, - Kẻ móc túi, - Trí ngu, - Từ trụ lạc tới đức hạnh,

Một người cùi bị thử thách phủ nhận niềm tin, - Một nông dân bị kết tội oan, - Sumana-người làm vườn, Uppalavannà bị cưỡng bức, - Đạo sĩ lỏa thể Jambuka, - Quỷ rắn và quỷ quạ, - Quỷ búa tạ, - Citta và Sudhamma, - Sa-di bảy tuổi được lòng mọi người).

Tập II, Tích Truyện Pháp Cú, có 414 trang, với 11 phẩm (từ phẩm 6-16): *P.6. Hiền trí* (- Một người được kho báu tinh thần, - Những Tỳ-kheo ương ngạnh, - Trưởng lão Xa-nặc, - Trưởng lão Đại Kappina, - Sa-di Pandita, - Vững vàng như đá tảng, - Yên lặng sau cơn bão, - Một lũ lang thang, - Chồng và vợ, - Ít người đến bờ kia, - Từ bỏ đen tối); *P.7. A-la-hán* (- Đáng Như Lai không đau khổ, - Thoát khỏi trói buộc, - Một Tỳ-kheo trữ thức ăn, - Tỳ-kheo và nữ thần, - Đế Thích lễ kính một Tỳ-kheo, - Tưởng mình bị khi dễ, - Mất một mắt, - Không tin vào ai khác, - Trưởng lão Revata trong rừng keo, - Một kỹ nữ cám dỗ một Tỳ-kheo); *P.8. Ngàn* (- Tên đao phủ, - Sự chuyển hóa của Bàhiya Dàruciriya, - Cô gái lấy tên cướp, - Được và mất, - Chú của Xá-lợi-phất, - Cháu của Xá-lợi-phất, - Bạn của Xá-lợi-phất, - Chàng trai tặng tuổi thọ, - Sa-di Samkicca, - Tỳ-kheo và kẻ cướp, - Luỡi dao cạo, - Patacara bị mất cả gia đình, - Kis à Gotami tìm hạt cải trị bệnh cho đứa con đã chết, - Góa phụ Bazhuputtikà và những đứa con bất hiếu); *P.9. Ác* (- Bà-la-môn tiểu nhất y, - Một Tỳ-kheo bất mãn, - Thiên nữ với Tỳ-kheo, - Cấp Cô Độc và nữ thần, - Tỳ-kheo không giữ gìn tốt đồ dùng, - Chướng khổ chân mèo, - Thương gia đại phú, - Người thợ săn bắn mê muội, - Thợ săn bị bẫy chó của mình nuốt sống, - Thợ kim hoàn, Tỳ-kheo và con ngỗng, Ba nhóm Tỳ-kheo, Supabuddha lãng nhục đạo sư); *P.10. Hình phạt* (- Lục quân Tỳ-kheo, Lục quân Tỳ-kheo, Một bày trẻ, - Tỳ-kheo và

con ma, - Tỳ-xá-khur và quyền thuộc giữ Bát quan trai, - Ngạ quỷ hình trăn, - Cái chết của Đại Mục-kiền-liên, - Tỳ-kheo lăm của, - Santati, quan đại thân của vua, Tỳ-kheo và bộ đồ rách, Sa-di Sukha); P.11. *Già* (- Bạn của Tỳ-xá-khur say rượu, - Đức Phật chữa trị một Tỳ-kheo lụy tình, - Bà Ni già, - Nhóm Tỳ-kheo cả tin, - Ni cô và bóng sắc, - Hoàng hậu Mallikà và con chó, - Một Tỳ-kheo thường nói không đúng chỗ, - Kệ của Trưởng lão A-nan, - Đại phú, con của chương khố); P.12. *Tự ngã* (- Hoàng tử Bồ-đề và con chim thần, - Một Tỳ-kheo tham lam, - Hãy hành động theo lời nói, - Đừng ghét bỏ cha mẹ mình, - Mahà Kàla bị giết, - Đề-bà-đạt-đa tìm cách giết Phật, - Đề-bà-đạt-đa gây chia rẽ trong Tăng đoàn, - Vị Tỳ-kheo đổ kỹ, - Cô gái giang hồ cứu mạng một cư sĩ, - Tu tập chân chánh để tôn quý Thế Tôn); P.13. *Thế gian* (- Một thiếu nữ chế giễu thầy Tỳ-kheo trẻ, - Đức Phật về thăm Ca-tỳ-la-vệ, - Năm trăm Tỳ-kheo chứng quả, - Hoàng tử vô úy (Abhaya) mất hầu thiếp, - Thầy Tỳ-kheo và cây chổi, - Câu chuyện của Chỉ Man, - Cô bé dệt vải, - Ba mươi vị Tỳ-kheo, - Chiến Già vu khống Phật, - Phẩm vật không thể nào so sánh, - Đức hạnh được trả giá); P.14. *Phật* (- Đấng Toàn giác, - Thần thông song hành, - Long vương và ái nữ, - Phương cách giáo giới trong ngày Bô-tát của bảy đời Đức Phật, - Phật trị bệnh bất mãn cho thầy Tỳ-kheo, - Sa-môn và vua rồng, - Người nào quý sinh ra ở đâu? – Điều gì hạnh phúc nhất trên đời, - Tôn kính những bậc đáng tôn kính); P.15. *Hạnh phúc* (- Mối tranh chấp giữa hai lân bang, - Ma vương chế ngự thôn dân, - Vua Ba-tư-nặc bại trận, - Đừng nhìn say đắm nữ nhân, - Phật ban thức ăn cho người đói, - Ăn uống tiết độ, - Sống chân chánh là tôn kính Phật, - Đề Thích săn sóc Thế Tôn); P.16. *Hỷ ái* (- Cha mẹ và con, -

Phật an ủi người phiền muộn, - Phật an ủi kẻ ưu sầu, - Các công tử Lê-xá và kỹ nữ, - Cô nương tử kim, - Đừng để tâm vào của cải thế gian, - Ngài Ca-diếp được gió bánh, - Tôn giả chứng quả A-na-hàm, - Nandiya được sanh thiên).

Tập III, Tích Truyện Pháp Cú, có 433 trang, với 10 phẩm (từ phẩm 17-26). P.17. *Sân hận* (- Sân hận tàn phá dung nhan, - Thọ thần và thầy Tỳ-kheo, - Người nghèo và cô con gái, - Việc thiện nhỏ đưa đến thiên giới, - Bà-la-môn đón Phật như con, - Có phải người tặng quà làm nên quà tặng? – Không có gì, quá nhiều, quá ít, - Lục quân Tỳ-kheo); P.18. *Cấu uế* (- Người đồ tể và đứa con trai, - Dần dà từng chút, - Con rận tiếc của, - Thầy Tỳ-kheo kiêu ngạo, - Tà hạnh của nữ nhân, - Lịch sự và thô lỗ, - Tất cả giới cấm đều khó giữ, - Kẻ bói lỗi người, - Những người lơ đãng, - Trưởng giả Ram, - Tỳ-kheo bói lỗi, - Hư không có dấu chân?); P.19. *Công bình pháp trụ* (- Quan tòa bất công, - Lục quân Tỳ-kheo, - Không phải vì nói nhiều mà được ca tụng, - Người trẻ có thể là Trưởng lão? – Thế nào là người hoàn toàn? – Đầu trọc không làm nên Tỳ-kheo, - Điều gì làm nên Sa-môn, - Không phải im lặng làm nên bậc Thánh, - Cao quý là hành động cao quý, - Đừng tự mãn); P.20. *Đạo* (- Bát chánh đạo là đường tối thượng, - Vô thường, - Khổ, - Vô ngã, - Chớ hẹn ngày mai, - Con quỉ đầu heo, - Pothila, ông sư rồng, - Các lão Tỳ-kheo và lão bà, - Cỏ úa, hoa phai, - Chắc chắn sẽ chết, - Người mẹ mất con và những hạt cải, - Người đàn bà mất hết thân quyền); P.21. *Tap lục* (- Sông Hằng dâng nước, - Không lấy oán báo oán, - Các Tỳ-kheo phù hoa, - Sa-môn giết cha mẹ, - Cậu bé và quỉ dữ, - Hoàng tử Bạt-kỳ làm Sa-môn, - Cư sĩ tâm-người thành tín, - Cô gái đức hạnh, - Vị Sa-môn độc cư); P.22. *Địa ngục* (- Cái chết của

Tôn-đà-ly, - Con quỷ xương khô, - Xảo thuật tìm thức ăn, - Kẻ đào hoa, - Thầy Sa-môn tự phụ, - Người vợ ghen tuông, - Tự canh phòng như giữ thành, - Các đạo sĩ lửa thể, - Trẻ con quy y Phật); P.23. Voi (- Phật bị lãng nhục, - Thầy Sa-môn luyện voi, - Lão Bà-la-môn và các con, - Ăn uống điều độ, - Chú tiểu và dạ xoa, - Con voi sa lây, - Voi làm thị giả Phật, - Ma vương cám dỗ Phật); P.24. *Tham ái* (- Con cá vàng, - Con heo nái tợ, - Thầy Tỳ-kheo bỏ đạo, - Ngôi nhà tù, - Sắc đẹp phù du, - Chàng trai có cô vợ diễn viên nhào lộn, - Xạ thủ trẻ tài ba, - Ma vương chẳng nhát được La-hầu-la, - Nhà tu khổ hạnh hoài nghi, - Pháp thí thắng mọi thí, - Quan chưởng khố không con, - Bồ thí nhiều và bố thí ít); P.25. *Tỳ-kheo* (- Giữ gìn ngũ căn, - Thầy Tỳ-kheo giết ngỗng, - Thầy Tỳ-kheo không giữ gìn mồm miệng, - Băng sự tinh tấn làm vinh dự cho Phật, - Thầy Tỳ-kheo lạc bầy, - Người Bà-la-môn cúng dường năm lần thành quả đầu tiên, - Đàng cướp đi tu, - Cỏ úa, hoa phai, - Vị Sa-môn nhàn tịnh, - Vị Sa-môn và chiếc khố rách, - Người thấy chánh pháp là thấy ta, - Vị Sa-môn và long vương); P.26. *Bà-la-môn* (- Bà-la-môn đại hỷ, - Thế nào là “hai trạng thái”? – Thế nào là bờ kia?, - Thế nào là Bà-la-môn? – Đức Phật sáng ngời, - Thế nào là Tỳ-kheo? – Đức nhẫn nại chinh phục sự tàn ác, - Ngài Di mẫu thọ giới, - Tôn kính người đáng tôn kính, - Thế nào là Bà-la-môn, - Người Bà-la-môn gian xảo, - Bà Kisa Gotami, - Diễn viên xiếc Uggasena, - Tranh cãi về sức kéo, - Đức Thế Tôn chế ngự kẻ sân giận, - Tôn giả Xá-lợi-phất bị mẹ mắng, - A-la-hán có phạm thân hay không? – Người nô lệ trút gánh nặng, - Khemà trí tuệ, - Vị Sa-môn và thiên thân, - Vị Sa-môn và người đàn bà, - Bốn vị Sa-di, - Tôn giả Đại Bàn-đặc có còn sân giận không? – Sức mạnh tập

khí, - Thầy Tỳ-kheo bị kết tội trộm cắp, - Tôn giả Xá-lợi-phất bị hiểu lầm, - Tôn giả Mục-kiền-liên bị hiểu lầm, - Bỏ cả tốt lẫn xấu, - Tôn giả Nguyệt Quang, - Bảy năm trong bụng mẹ, - Cô gái giang hồ quyến rũ thầy Tỳ-kheo Sundarasamudda, - Jotika và Jatika, - Vua A-xà-thế đánh chiếm lâu đài Jotika, - Người diễn kịch câm xuất gia làm Sa-môn, - Người gõ đầu lâu, - Ông bà Visàkha, Angulimàla, vô não, - Phạm hạnh của thí chủ...). Phần kết.

Tác phẩm này được tái bản nhiều lần: Năm 2009, Nxb Tôn Giáo, khổ 14.3 x 20.3cm, bìa mềm, chữ tựa màu đỏ, 3 tập dày hơn 1.330 trang, có hộp đựng cả bộ; năm 2015, Nxb Hồng Đức, khổ 14.5 x 20.5cm, 3 tập dày 1.343 trang, bìa mềm, chữ tựa thư pháp, màu đen và đỏ, có hình Bồ-tát ngồi.

1.024. TIỂU DIỄN GIẢI – CULLANIDDESAPÀLI, Tạng Kinh – Tiểu Bộ

Tam Tạng Song Ngữ Pali – Việt, Tập 36
Phụ trách phiên dịch: *Tỳ-khuru Indacanda*
(*Trương Đình Dũng*)

PL. 2562 – DL. 2018

Buddhist Cultural Centre,
125 Anderson Road, Nedimala, Dehiwala-
Sri Lanka

Printed by: Ajith Printers (Pvt) Ltd,
342, Old Kesbewa Road, Ratanapitiya,
Borelesgamuwa, Sri Lanka.

Sách có khổ lớn (20.5 x 29cm), dày hơn 654 trang, bìa cứng màu đỏ, chữ mạ vàng. Nội dung gồm có: Lời tựa-Sinhala và Việt ngữ, Văn bản của Bộ Tôn giáo-Anh và Việt ngữ, Thành phần nhân sự, Lược đồ Tam tạng, Lời giới thiệu, Các chữ viết tắt, Mẫu tự Pali – Sinhala; Đại Diễn Giải: Phẩm Đường Đi Đến Bờ Kia: Kệ ngôn dẫn chuyện, 1. Câu hỏi của thanh niên Ajita, 2. Câu hỏi của thanh niên

Tissametteyya, 3. Câu hỏi của thanh niên Punnaka, 4. Câu hỏi của thanh niên Mettagù, 5. Câu hỏi của thanh niên Dhotaka, 6. Câu hỏi của thanh niên Upasiva, 7. Câu hỏi của thanh niên Nanda, 8. Câu hỏi của thanh niên Hemaka, 9. Câu hỏi của thanh niên Todeyya, 10. Câu hỏi của thanh niên Kappa, 11. Câu hỏi của thanh niên Jatukanni, 12. Câu hỏi của thanh niên Bhadravudha, 13. Câu hỏi của thanh niên Udaya, 14. Câu hỏi của thanh niên Posala, 15. Câu hỏi của thanh niên Mogharaja, 16. Câu hỏi của thanh niên Pingiya, 17. Phần tường thuật về Đường Đi Đến Bờ Kia; Diễn giải Phẩm Đường Đi Đến Bờ Kia: 1. Diễn giải Kinh Ajita, 2. Diễn giải Kinh Tissametteyya, 3. Diễn giải Kinh Punnaka, 4. Diễn giải Kinh Mettagù, 5. Diễn giải Kinh Dhotaka, 6. Diễn giải Kinh Upasiva, 7. Diễn giải Kinh Nanda, 8. Diễn giải Kinh Hemaka, 9. Diễn giải Kinh Todeyya, 10. Diễn giải Kinh Kappa, 11. Diễn giải Kinh Jatukanni, 12. Diễn giải Kinh Bhadravudha, 13. Diễn giải Kinh Udaya, 14. Diễn giải Kinh Posala, 15. Diễn giải Kinh Mogharaja, 16. Diễn giải Kinh Pingiya, 17. Diễn giải Phần Tường thuật về Đường Đi Đến Bờ Kia; Diễn giải Kinh Sùng Tê Nguu, P.1, P.2, P.3 và P.4; Phần Phụ chú, Thư mục câu kệ Pàli, Thư mục danh từ riêng, Thư mục từ đặc biệt.

1.025. TIỂU TẶNG KINH

Bao gồm các bộ Kinh:

I. Trường A-hàm, 3 cuốn, Tuệ Sỹ dịch và chú, Nxb Phương Đông - 2008, tái bản 2012; Nxb Hồng Đức 2018; *II. Trung A-hàm*, 4 cuốn, Tuệ Sỹ dịch và chú, Nxb Phương Đông - 2009, tái bản 2013; Nxb Hồng Đức 2019; *III. Tăng Nhất A-hàm*, 4 cuốn, Dịch Việt: Thích Đức Thắng, Hiệu chỉnh và chú thích: Tuệ Sỹ, Nxb Phương Đông - 2011, tái bản 2017; *IV. Tạp A-*

hàm, 4 cuốn, Dịch Việt: Thích Đức Thắng, Hiệu chỉnh và chú thích: Tuệ Sỹ, Nxb Phương Đông - 2010, tái bản 2015; Nxb Hồng Đức - 2019.

Xem: Trường A-hàm, Trung A-hàm, Tăng Nhất A-hàm và Tạp A-hàm, do Tuệ Sỹ và Thích Đức Thắng dịch và chú.

1.026. TIỂU TỤNG – KHUDDAKAPÀTHAPÀLI,

**Tạng Kinh – Tiểu Bộ
Pháp Cú-Phật Tự Thuyết-
Phật Thuyết Như Vậy**

Tam Tạng Song Ngữ Pàli – Việt, Tập 28
Phụ trách phiên dịch: *Tỳ-khuru Indacanda*
(*Trương Đình Dũng*)

PL. 2557 – DL. 2013

Buddhist Cultural Centre,

125 Anderson Road, Nedimala, Dehiwala-Sri Lanka

Printed by: Ajith Printers (Pvt) Ltd,

342, Old Kesbewa Road, Ratanapitiya, Borelesgamuwa, Sri Lanka.

Sách có khổ lớn (20.5 x 29cm), dày hơn 488 trang, bìa cứng màu đỏ, chữ mạ vàng. Nội dung tác phẩm gồm có: Lời tựa-Sinhala và Việt ngữ, Văn bản của Bộ Tôn giáo-Anh và Việt ngữ, Thành phần nhân sự, Lược đồ Tam tạng, Lời giới thiệu, Các chữ viết tắt, Mẫu tự Pali – Sinhala,

Tiểu Tụng (Văn bản Pàli và văn bản tiếng Việt): 1. Việc đi đến nương nhờ, 2. Mười điều học, 3. Ba mươi hai thể, 4. Các câu hỏi dành cho thiếu niên, 5. Kinh Điềm Lành, 6. Kinh Châu Báu, 7. Kinh Bên Ngoài Vách Tường, 8. Kinh Phần Cửa Cái Đê Dành, 9. Kinh Từ Ái;

Pháp Cú (có 26 phẩm): 1. P. Song đối, 2. P. Không xao lãng, 3. P. Tâm, 4. P. Bông hoa, 5. P. Kẻ ngu, 6. P. Bạc sáng suốt, 7. P. A-la-hán, 8. P. Một ngàn, 9. P. Ác, 10. P. Hình phạt, 11. P. Già, 12. P. Tự ngã, 13. P. Thế gian, 14. P. Đức Phật, 15. P. An

lạc, 16. P. Yêu thích, 17. P. Giận dữ, 18. P. Vết nhơ, 19. P. Công minh, 20. P. Đạo lộ, 21. P. Linh tinh, 22. P. Địa ngục, 23. P. Voi, 24. P. Tham ái, 25. P. Tỳ-kheo, 26. P. Bà-la-môn; Tóm lược các phẩm, Tóm lược các câu kệ;

Phật Tự Thuyết (có 8 phẩm, mỗi phẩm có 10 Kinh, tổng cộng là 80 Kinh): *I.P Giác ngộ*, 1.K Sự Giác ngộ (1), 2.K Sự Giác ngộ (2), 3.K Sự Giác ngộ (3), 4.K Cây si, 5.K Các vị Trưởng lão, 6.K Kassapa, 7.K Pà và, 8.K Sangàmaji, 9.K Đạo sĩ Bện tóc, 10.K Bàhiya, Tóm lược phần này; *II.P Mucalinda*: 1.K Mucalinda, 2.K Đức vua, 3.K Gậy gộc, 4.K Tôn vinh, 5.K Nam Cư sĩ, 6.K Sản phụ, 7.K Con Trai độc nhất, 8.K Suppavàsa, 9.K Visàkhà, 10.K Bhaddiya, Tóm lược phần này; *III.P Nanda*: 1.K Nghiệp, 2.K Nanda, 3.K Yasoja, 4.K Sàriputta, 5.K Kolita, 6.K Pilindivaccha, 7.K Kassapa, 8.K Vị hành pháp Khất thực, 9.K Nghề nghiệp, 10.K Xem xét Thế gian, Tóm lược phần này; *IV.P Meghiya*: 1.K Meghiya, 2.K Náo động, 3.K Người Chăn bò, 4.K Thượng huyền, 5.K Long tượng, 6.K Pindola, 7.K Sàriputta, 8.K Sundari, 9.K Upasena, 10.K Sàriputta, Tóm lược phần này; *V.P Sona*: 1.K Đức vua, 2.K Tuổi thọ ít ỏi, 3.K Gã gù Suppabuddha, 4.K Các Thiếu niên, 5.K Lễ Uposatha, 6.K Sona, 7.K Revata, 8.K Ânanda, 9.K Nhạo báng, 10.K Panthaka, Tóm lược phần này; *VI.P Mù bầm sinh*: 1.K Buông bỏ thọ hành, 2.K Đạo sĩ Bện tóc, 3.K Quán xét lại, 4.K Ngoại đạo (1), 5.K Ngoại đạo (2), 6.K Ngoại đạo (3), 7.K Subhùti, 8.K Người Kỹ nữ, 9.K Đến gần rồi vượt qua, 10.K Sự hiện khởi của Như Lai, Tóm lược phần này; *VII.P Nhỏ*: 1.K Bhaddiya (1), 2.K Bhaddiya (2), 3.K Bị Dính mắc (1), 4.K Bị Dính mắc (2), 5.K Lakuntakabhaddiya, 6.K Diệt trừ tham ái, 7.K Diệt trừ chướng ngại, 8.K Kaccana,

9.K Giếng nước, 10.K Udena, Tóm lược phần này; *VIII.P Dân làng Pàtali*: 1.K Niết-bàn (1), 2.K Niết-bàn (2), 3.K Niết-bàn (3), 4.K Niết-bàn (4), 5.K Cunda, 6.K Dân làng Pàtali, 7.K Đường rẽ hai nhánh, 8.K Visàkhà, 9.K Dabba (1), 10.K Dabba (2), Tóm lược phần này;

Phật Thuyết Như Vậy (có 10 phẩm, 112 Kinh): *Nhóm Một Pháp*, P.I, 1.K Tham, 2.K Sân, 3.K Si, 4.K Gận dữ, 5.K Gièm pha, 6.K Ngã mạn, 7.K Biết toàn diện tất cả, 8.K Biết toàn diện ngã mạn, 9.K Biết toàn diện tham, 10.K Biết toàn diện sân, Tóm lược phần này; P.II, 1.K Biết toàn diện si, 2.K Biết toàn diện giận dữ, 3.K Biết toàn diện gièm pha, 4.K Che lấp bởi vô minh, 5.K Ràng buộc bởi tham ái, 6.K Hữu học (1), 7.K Hữu học (2), 8.K Chia rẽ hội chúng, 9.K Hợp nhất hội chúng, 10.K Người xấu xa, Tóm lược phần này; P.III, 1.K Tâm tịnh tín, 2.K Chớ sợ hãi phước thiện, 3.K Cả hai mục đích, 4.K Đồng xương, 5.K Cố tình nói dối, 6.K Bỏ thí và san sẻ, 7.K Từ tâm giải thoát, Tóm lược phần này; *Nhóm Hai Pháp*, P.I, 1.K Tỳ-khuru (1), 2.K Tỳ-khuru (2), 3.K Làm cho bút rút, 4.K Không làm cho bút rút, 5.K Giới ác xấu, 6.K Giới hiền thiện, 7.K Không có Nhiệt tâm, 8.K Dối gạt người (1), 9.K Dối gạt người (2), 10.K Tâm hỷ, Tóm lược phần này; P.II, 1.K Suy tâm, 2.K Thuyết giảng, 3.K Minh, 4.K Thấp kém về Tuệ, 5.K Pháp trắng, 6.K Không sanh, 7.K Bản thể Niết-bàn, 8.K Thiên tịnh, 9.K Lợi ích của việc học tập, 10.K Tinh thức, 11.K Kẻ sanh đọa xứ, 12.K Tà kiến, Tóm lược phần này; *Nhóm Ba Pháp*, P.I, 1.K Bất thiện căn, 2.K Giới, 3.K Thọ (1), 4.K Thọ (2), 5.K Tâm cầu (1), 6.K Tâm cầu (2), 7.K Lậu hoặc (1), 8.K Lậu hoặc (2), 9.K Tham ái, 10.K Phạm vi của ma vương, Tóm lược phần này; P.II, 1.K Nền tảng của việc hành thiện, 2.K Về

nhân, 3.K Về quyền, 4.K Khoảng thời gian, 5.K Uế hạnh, 6.K Thiện hạnh, 7.K Thanh tịnh, 8.K Hiền trí hạnh, 9.K Luyên ái (1), 10.K Luyên ái (2), Tóm lược phần này; P.III, 1.K Thọ trì các nghiệp do tà kiến, 2.K Thọ trì các nghiệp do chánh kiến, 3.K Thoát ly, 4.K An tịnh hơn, 5.K Con trai, 6.K Mưa, 7.K Ước nguyện hạnh phúc, 8.K Dễ tan vỡ, 9.K Sự kết hợp theo bản chất, 10.K Sự thoái hóa, Tóm lược phần này; P.IV, 1.K Suy tâm, 2.K Tôn vinh, 3.K Âm thanh của chư Thiên, 4.K Dấu hiệu báo trước, 5.K Sự lợi ích cho nhiều người, 6.K Quan sát bất tịnh, 7.K Thực hành pháp thuận theo pháp, 8.K Sự tạo ra tâm tối, 9.K Vết nhơ ở bên trong, 10.K Devadatta, Tóm lược phần này; P.V, 1.K Sự tịnh tín tối cao, 2.K Sự nuôi mạng, 3.K Chéo y hai lớp, 4.K Lửa, 5.K Khảo sát, 6.K Sự sanh khởi của các dục, 7.K Sự gắn bó với các dục, 8.K Giới tốt đẹp, 9.K Bồ thí, 10.K Ba minh, Tóm lược phần này; *Nhóm Bốn Pháp*, 1.K Bà-la-môn, 2.K Bôn vật không bị khiển trách, 3.K Diệt trừ lậu hoặc, 4.K Sa-môn và Bà-la-môn, 5.K Thành tựu giới, 6.K Sự sanh khởi của tham ái, 7.K Có Phạm thiên, 8.K Nhiều sự ích lợi, 9.K Dối trá, 10.K Người và sắc đáng yêu, 11.K Bước đi, 12.K Giới thành tựu, 13. Giác ngộ về thế giới, Tóm lược phần này; Thư mục Câu kệ Pàli, Thư mục Danh từ riêng, Thư mục từ Đặc biệt.

1.027. Tìm hiểu

KINH BỐN MƯƠI HAI CHƯƠNG

Tác giả: *Thích Nhật Từ*

Nxb Thời Đại – 2010. Toàn bộ tác phẩm này gồm có 42 chương Kinh: - Lời giới thiệu; Phần 1. Tổng luận Kinh Bốn Mươi Hai Chương; C.1 Định nghĩa Sa-môn và Sa-môn quả; C.2 Đối tượng tu tập (Bảo sở Sa-môn, định nghĩa đạo); C.3 Sa-môn hạnh; C.4 Thập thiện-Thập ác; C.5 Lỗi

lầm và Hối quá; C.6 Phi báng thiện và ác quả dị thực; C.7 Thái độ của Đức Phật trước lời khiển trách; C.8 Ác giả Ác báo; C.9 Giá trị tri và hành; C.10 Phước đức tùy hỷ hạnh bố thí; C.12 Hai mươi điều khó của kiếp người; C.13 Điều kiện chứng Túc mạng minh; C.14 Định nghĩa Thiện và vĩ đại; C.15 Nhẫn nhục; C.16 Điều kiện con đường đạt đạo; C.17 Ánh sáng người đạt đạo; C.18 Cốt tủy của Đạo Phật; C.19 Nguyên lý vô thường của vạn pháp; C.20 Hữu thể con người: vô thường, khổ, vô ngã; C.21 Danh vọng: Thú vui ít giá trị; C.22 Tài sắc: Ngọt ít đắng nhiều; C.23 Ân ái là tù ngục; C.24 Ái dục khổ độ nhất (cũng may chỉ có một); C.25 Lửa ái cháy tay; C.26 Thiên ma dâng ngọc nữ; C.27 Lại nói về điều kiện đạt Đạo; C.28 Không nên chủ quan (khi chưa phải là A-la-hán); C.29 Đoạn trừ tâm ái dục-Duy trì phạm hạnh; C.30 Tránh dục như tránh lửa; C.31 Đoạn âm không bằng đoạn tâm; C.32 Diệt ái dục, ly sanh tử; C.33 Tỳ-kheo chiến sĩ diệt lậu hoặc; C.34 Độc lộ giải thoát (Tinh tấn Trung đạo); C.35 Bỏ cầu nhiễm tâm, đạt đạo giải thoát; C.36 Lại nói về cái khó của con người; C.37 Chứng đạo phải do sự tu tập (Như Lai chỉ là người chỉ đường); C.38 Mạng sống con người chỉ trong một hơi thở; C.39 Chư pháp bình đẳng, Vô hữu cao hạ; C.40 Thân hành đạo-Tâm hành đạo; C.41 Tinh tấn-Bỏ tình dục (giải thoát); C.42 Phương tiện tri kiến, Như thị tri kiến; Phụ lục.

Bản Kinh này đã xuất bản năm 2008, Nxb Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh.

1.028. Tìm hiểu KINH KIM CƯƠNG

Cư sĩ Viên Minh

Nxb Phương Đông – 2011

Kinh có khổ 14.5 x 20.5cm, dày hơn 269 trang.

Tác phẩm Tìm hiểu Kinh này gồm có 3 phần, 32 chương. Nội dung: Lời giới thiệu, Lời nói đầu; Phần I: Kinh văn Kinh Kim Cương Bát-nhã Ba-la-mật; Phần II: Chú giải, C.1 Nhân do pháp hội, C.2 Trưởng lão Tu-bồ-đề thừa thỉnh, C.3 Chánh tông Đại thừa, C.4 Diệu hạnh vô trụ, C.5 Thấy thật đúng lý, C.6 Chánh tín hiếm có, C.7 Không đắc không thuyết, C.8 Y pháp sinh công đức, C.9 Một tướng không tướng, C.10 Trang nghiêm cõi Phật, C.11 Phước đức vô vi hơn hết, C.12 Tôn trọng chánh pháp, C.13 Thụ trì đúng pháp, C.14 Lìa tướng vắng lặng, C.15 Công đức trì Kinh, C.16 Làm sạch nghiệp chướng, C.17 Rốt ráo không ngã, C.18 Xem đồng một thể, C.19 Thông hóa pháp giới, C.20 Lìa sắc lìa tướng, C.21 Không năng thuyết sở thuyết, C.22 Không pháp có thể đắc, C.23 Tâm sạch làm lành, C.24 Phước đức trí tuệ vô song, C.25 Không năng độ sở độ, C.26 Pháp thân chẳng phải sắc tướng, C.27 Không đoạn không diệt, C.28 Không nhận không tham, C.29 Oai nghi vắng lặng, C.30 Nghĩa lý của hợp tướng, C.31 Không sinh tri kiến, C.32 Ứng hóa chẳng phải thật; Phần III: Tổng kết; Phụ lục.

Kinh này đã được xuất bản từ năm 2007, Nxb Tôn Giáo.

1.029. Tìm hiểu KINH KIM CƯƠNG

Thích nữ Trí Hải

Nxb Hồng Đức – 2013

Sách có khổ 12 x 20cm, có hơn 139 trang, bìa mềm.

Nội dung gồm có: Khi Phật trải tòa, Hàng phục vọng tâm, Sanh kỳ tâm, “Bát ụng trụ sắc sanh tâm”, Ngã và pháp, Ngũ uẩn giai không, Ứng vô sở trú và Thiên định, Phật và pháp, Trang nghiêm Tịnh Độ, “Ứng vô sở trú nhi sanh kỳ tâm”, Trung đạo Đệ nhất nghĩa, Đại cương Kinh Kim Cương, Tâm-Phật và Chúng sanh.

1.030. Tìm hiểu

KINH LĂNG NGHIÊM –

The SURANGAMA SUTRA

Định Sĩ Trang – Nguyễn Văn Động

(Copyright Định Sĩ Trang 2005. National Library of Australia, Cataloguing-in-Publication Data ISBN 0 – 9585294 – 4 – 2)

Nội dung gồm có 10 tập: Lời đầu sách; T.1 Kinh Lăng Nghiêm, Phật hỏi về Tâm, Phật chỉ rõ Tánh thấy, Mắt không phải là Tánh thấy; T.2 Tánh thấy không sanh diệt, Hai nhận thức sai lầm, Phật giảng về Năm ấm; T.3 Cách Tâm thu nhận cảm giác, Sáu giác quan và sáu đối tượng, Mười tám yếu tố sanh ra sự nhận biết, Bốn nguyên tố đất-nước-gió-lửa (Tứ đại); T.4 Tứ đại không ngăn ngại nhau, Căn nguyên của vọng tưởng, Nguồn gốc hiện tượng vật chất, Thế giới tiếp tục, Chúng sanh tiếp tục, Nghiệp quả tiếp tục, Các đại có thể dung nhau, Phật tánh không có hình tướng, Hết mê là giác ngộ, Thuyết Nhân duyên và Tự nhiên, Cội gốc phiền não, Phật giảng về Tánh nghe; T.5 Phật chỉ cách mở gút mê làm, Bồ-tát chỉ cách tu để được Chánh quả; T.6 Bồ-tát Quán Thế Âm trình bày, Bồ-tát Văn-thù chọn cách tu dễ nhất, Phật dạy bốn điều phải nhớ; T.7 Hiền giáo và Mật giáo, Phật nói về chú Lăng Nghiêm, Chú Lăng Nghiêm; T.8 Tên của Kinh Lăng Nghiêm, Mười thói quen không thiện; T.9 Phật giải thích về Thiên, Sắc giới và Vô sắc giới, Nguyên nhân của Nghiệp, Các hiện tượng quấy nhiễu của Ma; T.10 Phật giảng về Thiên bệnh, Bản Hán văn chú Lăng Nghiêm.

1.031. Tìm hiểu

KINH PHÁP CÚ – DHAMMAPADA

Tác giả: *Tâm Minh - Ngô Tăng Giao*

Nxb Tôn Giáo – 2006

Sách có khổ 14 x 20cm, có 323 trang, bìa mềm, chữ tựa màu vàng và trắng, có hình tượng đá đầu Đức Phật. Toàn bộ tác phẩm này gồm có 4 chương: C.I, - Nguồn gốc Kinh Pháp cú, - Vô thường và vô ngã, - Nhân quả và nghiệp báo, - Luân hồi; C.II, - Tam độc (tham, sân, si), - Ái dục, - Giới, định, tuệ, - Người ngu và người trí, - Tam quy và ngũ giới; C.III, - Thập thiện, - Lục độ Ba-la-mật, - Tứ diệu đế và Bát chánh đạo, - Tứ vô lượng tâm (từ, bi, hỷ, xả), - Màu áo cà-sa; C.IV, - Hương vị giải thoát, - Nghệ thuật thuyết pháp, - Đạo Phật là đạo yêu đời, - Hãy tự mình thấp đuốc lên mà đi. Cuối cùng là *Tài liệu tham khảo*.

1.032. Tìm hiểu KINH PHÁP HOA

Định Sĩ Trang – Nguyễn Văn Động

Nxb Phương Đông – 2010

Sách có khổ 14 x 20cm, dày hơn 308 trang, bìa mềm. Nội dung gồm có 28 chương (C): Lời đầu sách; C.1 Tựa, C.2 Phương tiện, C.3 Thí dụ, C.4 Tin và hiểu, C.5 Thí dụ về cây cỏ, C.6 Dự báo thành Phật, C.7 Thí dụ về Hóa thành, C.8 Dự báo cho 500 đệ tử, C.9 Dự báo cho Thanh văn, A-la-hán, C.10 Pháp sư, C.11 Tháp báu hiện ra, C.12 Đề-bà-đạt-đa, C.13 Gìn giữ Kinh Pháp Hoa, C.14 Hạnh An lạc, C.15 Bỏ-tát từ đất vọt lên, C.16 Tuổi thọ của Như Lai, C.17 Phân biệt Công đức, C.18 Công đức nghe Kinh Pháp Hoa, C.19 Công đức giảng Kinh Pháp Hoa, C.20 Bỏ-tát Thường Bất Khinh, C.21 Thần lực của Như Lai, C.22 Lời ủy thác, C.23 Bỏ-tát Dược Vương, C.24 Bỏ-tát Diệu Âm, C.25 Bỏ-tát Quán Thế Âm, C.26 Đà-ra-ni, C.27 Vua Diệu Trang Nghiêm, C.28 Lời khuyên của Bỏ-tát Phổ Hiền.

1.033. Tìm hiểu

TRUNG BỘ KINH I, II, III

Biên soạn:

Thích Chơn Thiện (1942-2016)

Nxb Tôn Giáo, PL. 2548 – DL. 2004

Kinh có khổ 14.5 x 20.5cm, tổng cộng 3 tập dày 662 trang, bìa mềm, nền đen, chữ tựa màu trắng; nội dung có tất cả 152 Kinh.

Tìm hiểu Kinh Trung Bộ I, có 206 trang, 50 Kinh, được phân thành 6 phần. Phần I, (từ kinh số 1-10) – Cương yếu của pháp môn căn bản; Phần II, (từ kinh số 11-20) – Tiếng rống sư tử; Phần III, (từ kinh số 21-30) – Các ảnh dụ; Phần IV, (từ kinh số 31-40) – Các phẩm song đôi; Phần V, (từ kinh số 41-50) – Các phẩm song đôi; Phần VI, Phần tổng luận, Tổng luận kinh Trung Bộ I. *Tìm hiểu Kinh Trung Bộ II*, có 187 trang, 50 Kinh, phân thành 6 phần. Phần I, (từ kinh số 51-60) – Phẩm các gia chủ; Phần II, (từ kinh số 61-70) – Phẩm các Tỳ-kheo; Phần III, (từ kinh số 71-80) – Phẩm kinh Liên Hệ các du sĩ ngoại đạo; Phần IV, (từ kinh số 81-90) – Phẩm liên hệ các vị vua và hoàng tộc; Phần V, (từ kinh số 91-100) – Phẩm liên hệ các Ba-la-môn; Phần VI, Phần tổng luận, Tổng luận kinh Trung Bộ II.

Tìm hiểu Kinh Trung Bộ III, có 269 trang, 52 Kinh, phân thành 6 phần. Phần I, (từ kinh số 101-110) – Phần thị trấn các Sakka (thuộc dòng dõi họ Thích); Phần II, (từ kinh số 111-120) – Phần bất đoạn; Phần III, (từ kinh số 121-130) – Phần không tánh; Phần IV, (từ kinh số 131-142) – Phần phân tích; Phần V, (từ kinh số 143-152) – Phần lục xứ; Phần cuối – Tổng luận về Trung Bộ Kinh, Phụ lục.

Tác phẩm này được tái bản năm 2017, Nxb Tôn Giáo.

1.034. Tìm Hiểu và Học Tập KINH PHÁP CÚ – 2 Tập

Phiên dịch và ghi chú: *Thiền Như*
Tập I, dày 205 trang; nội dung gồm có 5
phẩm: Vài lời xin thưa trước, P.1 Song
yếu (kệ số (ks)1 – ks.20), P.2 Chẳng
Phóng dật (ks.21 – ks.32), P.3 Tâm (ks.33
– ks.43), P.4 Hoa (ks.44 – ks.59), P.5 Ngu
(ks.60 – ks.75);
Tập II, từ tr.207 – tr.396; nội dung gồm 6
phẩm: P.6 Hiền trí (ks.76 – ks.89), P.7 A-
la-hán (ks.90 – ks.99), P.8 Ngàn (ks.100 –
ks.115), P.9 Ác (ks.116 – ks.128), P.10
Hình phạt (ks.129 – ks.145), P.11 Già
(ks.146 – ks.156).

**1.035. TINH TÚY
BÁT-NHÃ TÂM KINH
THE ESSENCE OF THE HEART
SUTRA**

Giảng giải: *Đức Đạt-lai Lạt-ma*
Chuyển ngữ: *Hồng Như*
Wisdom Publications, Boston, 2002.
Toàn bộ tác phẩm Kinh này gồm có 3
phần, 12 chương: - Lời dịch giả (bản dịch
Việt ngữ), - Lời Nhà xuất bản (bản dịch
Anh ngữ); *Phần I. Tổng quan Phật giáo*,
C.1 Tiến bộ tâm linh, C.2 Tôn giáo và thế
giới ngày nay, C.3 Căn bản Phật giáo, C.4
Phật giáo Đại thừa, C.5 Giải thoát khổ
đau; *Phần II. Bát-nhã Tâm Kinh*, C.6 Khai
Kinh Tinh túy Bát-nhã Tâm Kinh, C.7
Nhập Bồ-tát đạo, C.8 Nội dung thuyết Vô
ngã, C.9 Luận về “không” Bát-nhã, C.10
Như thật tri kiến, C.11 Thành tựu Đạo
quả; *Phần III. Đường đi của Bồ-tát*, C.12
Phát tâm Bồ-đề; Kết; Phụ lục: 1 và 2; Thư
mục; Chú giải. (<https://thuvienhoasen.org>,
Kinh Sanskrit/Hán tạng)

**1.036. TỊNH ĐỘ ĐẠI KINH GIẢI
DIỄN NGHĨA – Trọn bộ 60 Quyển
(Giảng Kinh Vô Lượng Thọ lần thứ 11)**

Chủ giảng: *Lão Pháp sư Tịnh Không*
(Giảng tại Phật-đà Giáo dục Hiệp Hội-
HongKong năm 2010-2011)
Chuyển ngữ: *Bửu Hòa, Hạnh Chơn, Tử
Hà,...*
Toàn bộ tác phẩm gồm có 60 quyển, 600
tập. Mỗi Quyển dày từ 300 – 500 trang,
bìa cứng.
(*Bộ Kinh này lưu tại Thư viện chùa Vạn
Đức, Q.Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh*)

1.037. TỊNH ĐỘ NGŨ KINH

Tác phẩm này dày hơn 895 trang, gồm có
5 Kinh: 1. *Kinh A-di-đà số sao*; 2. *Quán
Vô lượng thọ Kinh số* (Hán dịch: ngài
Cương-lương-da-xá; Việt dịch: HT. Thích
Thiền Tâm); 3. *Kinh Vô lượng thọ* (Hán
dịch: Pháp sư Khang Tăng Khải; Việt
dịch: Sa-môn Thích Tuệ Đăng); 4. *Kinh
Hoa Nghiêm – Phẩm Phổ Hiền hạnh
nguyện* (Hán dịch: Tam tạng Pháp sư Bát-
nhã; Việt dịch: HT. Thích Trí Tịnh); 5.
*Kinh Lăng Nghiêm – Chương Đại Thế Chí
niệm Phật viên thông* (Việt dịch: Cư sĩ
Minh Tâm).

1.038. TỊNH ĐỘ TAM KINH

Việt dịch: *Sa-môn Thích Đức Nghiệp*
Nxb Tôn Giáo, PL. 2548 – DL. 2004
Kinh có khổ 15.5 x 23cm, dày 238 trang,
bìa mềm, chữ tựa mạ vàng, có hình Tam
Thánh. Nội dung gồm có: Lời dịch Kinh;
Kinh A-di-đà; Kinh Quán Phật Vô Lượng
Thọ; Kinh Vô Lượng Thọ (Quyển trên);
Kinh Vô Lượng Thọ (Quyển dưới); Phụ
lục: Nghi thức Tụng Kinh niệm Phật.

**1.039. Tịnh Độ Pháp Nghi –
KINH DIỆU PHÁP LIÊN HOA**
In tại Nhà In Nguyễn Văn Huân

(Sài Gòn)

Kinh có 91 trang, bìa mềm. Nội dung gồm có: Lời tựa, Tịnh Độ Nghi thức; *Phật thuyết A-di-đà Kinh*, Tịnh độ Pháp nghi (Tại gia Tu trì), Khai Kinh, Phật thuyết A-di-đà Kinh (văn vần, theo thể thơ Lục bát), Chú thích, Tịnh Độ văn, Trì châu chú, Tụng sám, Tụng chú vãng sanh, Bài Sám Nhất Tâm, Bài Sám Diễn nghĩa, *Điều Pháp Liên Hoa Kinh-Phổ Môn Phẩm*, (dịch âm Hán-Việt, dịch nghĩa theo thể thơ Song thất lục bát); Bát-nhã Ba-la-mật-đa Tâm Kinh, Nhất tâm kinh lễ, Trì châu niệm Phật kệ, Lăn chuỗi niệm Phật, Sám hối, Hồi hướng, Vãng sinh Tịnh độ Thần chú, Tam Quy y, Tái nguyện, Bài tụng Tiếp dẫn cầu siêu, Bài Sám Ngã niệm, Tinh thể ca.

(*Bản Kinh lưu tại Thư viện chùa Xá Lợi, Q.3, Tp. Hồ Chí Minh*)

1.040. TỊNH ĐỘ TÔNG KINH LUẬN

Việt dịch: HT. Thích Trí Tịnh –
Thích Huệ Đăng – Thích nữ Như Phúc –
Thích nữ Hương Trí

Ban Phiên dịch Pháp tạng –

Bửu Quang tự Đệ tử Như Hòa

Sưu tập – Trình bày: Đức Phong

Giáo duyệt: Bửu Quang tự Đệ tử Như Hòa
Nxb Hồng Đức – 2020. Sách có khổ 18.8 x 26cm, dày hơn 797 trang, bìa cứng, chữ mạ vàng. Nội dung gồm có: 1. Phật thuyết A-di-đà Kinh; 2. Xưng tán Tịnh độ Phật Nhiếp thọ Kinh; 3. Vô Lượng Thọ Kinh; 4. Vô lượng Thanh tịnh Bình đẳng giác Kinh; 5. Phật thuyết A-di-đà Tam-da-tam Phật Tát-lâu Phật đàn Quá độ nhân đạo Kinh; 6. Phật thuyết Đại thừa Vô lượng thọ Trang nghiêm Kinh; 7. Đại bảo Tích Kinh – Vô lượng thọ Như Lai hội; 8. Phật thuyết Đại thừa Vô lượng thọ Trang nghiêm Thanh tịnh Bình đẳng Giác Kinh; 9. Phật thuyết Quán vô lượng thọ Phật

Kinh; 10. Tứ Thập Hoa nghiêm Kinh – Nhập Bất tư nghi Giải thoát cảnh giới Phổ Hiền hạnh nguyện Phẩm; 11. Đại Phật Đảnh Thủ Lăng Nghiêm Kinh – Đại Thế Chí Bồ-tát niệm Phật Viên thông chương; 12. Vô lượng thọ Kinh Ưu-bà-đề-xá nguyện sanh kệ.

1.041. TOÁT YẾU KINH TRUNG BỘ (MAJJHIMA-NIKAYA) – 3 Tập

HT. Thích Minh Châu dịch từ nguyên bản Pali

Thích nữ Trí Hải tóm tắt và chú giải

Nxb Tôn Giáo – 2010

Tập 1, dày 362 trang, gồm 50 Kinh; nội dung: Lời giới thiệu; từ Kinh số 1. K.Pháp môn căn bản,... đến Kinh số 50. K.Hàng ma (ở mỗi Kinh gồm có các phần: I. Toát yếu, II. Tóm tắt, III. Chú giải, IV. Pháp số liên hệ, V. Kệ học thuộc lòng); *Tập 2*, dày 808 trang, gồm 50 Kinh; nội dung: từ Kinh số 51. K.Kandaraka,... đến Kinh số 100. K.Sangarava (ở mỗi Kinh gồm có các phần: I. Toát yếu, II. Tóm tắt, III. Chú giải, IV. Pháp số liên hệ, V. Kệ tụng); *Tập 3*, gồm có 52 Kinh, từ Kinh số 101. K. Devadaha,... đến Kinh số 152. K. Căn tu tập (ở mỗi Kinh gồm có các phần: I. Toát yếu, II. Tóm tắt, III. Chú giải, IV. Kệ tụng).

Xem: *Kinh Trung Bộ - 3 tập (152 Kinh)* do HT. Thích Minh Châu dịch.

Tác phẩm Toát yếu Kinh Trung Bộ này đã xuất bản năm PL. 2546 – DL. 2002, Nxb Tôn Giáo, khổ 14 x 20cm, cả bộ (3 tập) dày 1.278 trang.

1.042. TOÁT YẾU NỘI DUNG CÁC KINH TRƯỜNG A-HÀM

Biên soạn: Tuệ Sỹ

Tác phẩm này toát yếu nội dung 30 Kinh gồm có: 1.K Đại bản, 2.K Du hành, 3.K Điển tôn, 4.K Xà-ni-sa, 5.K Tiểu duyên,

6.K Chuyển Luân vương Tu hành, 7.K Tệ tú, 8.K Tán-đà-na, 9.K Chúng tập, 10.K Thập thượng, 11.K Tăng nhất, 12.K Tam tụ, 13.K Đại Duyên Phương tiện, 14.K Thích-đề-hoàn Nhân vấn, 15.K A-nậu-di, 16.K Thiện sinh, 17.K Thanh tịnh, 18.K Tự hoan hỷ, 19.K Đại hội, 20.K A-ma-trú, 21.K Phạm võng, 22.K Chủng đức, 23.K Cúu-la-đàn-đầu, 24.K Kiên cố, 25.K Lỗa hình Phạm chí, 26.K Tam minh, 27.K Sa-môn quả, 28.K Bồ-tra-bà-lâu, 29.K Lộ-già, 30.K Thế ký (Kinh này có 12 phẩm, 1. P. Diêm-phù-đề, 2. P. Uất-đan-việt, 3. P. Chuyển Luân Thánh vương, 4. P. Địa ngục, 5. P. Long điều, 6. P. A-tu-la, 7. P. Tứ thiên vương, 8. P. Đạo-lị thiên, 9. P. Tam tai, 10. P. Chiến đấu, 11. P. Ba Trung kiếp, 12. P. Thế bản duyên). (<https://thuvienhoasen.org>, *Giảng giải Kinh*)

1.043. Tóm tắt 300 BỘ KINH LUẬN PHẬT GIÁO DANH TIẾNG – Tập 1

Biên soạn: *Lý Việt Dũng*

Nxb Phương Đông – 2008

Sách có khổ 14 x 20cm, dày 278 trang, bìa mềm. Nội dung gồm có: Lời nói đầu, Lời tựa, Lời bạt, Phần khai dẫn sách: A. Đôi điều về Đại tạng Kinh, B. Tản mạn đôi điều về An cư kiết hạ, C. Khái lược Tịnh độ tông, D. Đôi điều về Tịnh độ tông, E. Ngũ lục, F. Việt Nam Thiền – Tịnh tối lược sử, G. Chùa chiền, H. Lược sử và giáo pháp ngũ gia Thiền tông; Tóm tắt 150 bộ Kinh Luận Phật giáo danh tiếng; Phụ lục: I. Bài tựa Kinh Diệu Pháp Liên Hoa do Đạo Tuyên soạn, II. Lời bạt Kinh Phạm Võng hiệp chú.

1.044. Tóm tắt KINH TỨ NIỆM XỨ

Thiền sư Sayadaw U Silananda

Việt dịch: *Tỳ-kheo Pháp Thông*

Nxb Tôn Giáo – 2008

Sách có khổ 15 x 14cm, có 112 trang, bìa mềm. Nội dung gồm có: Đoạn mở đầu (Kinh Đại Niệm Xứ), Kinh Đại Niệm Xứ (Phân Pali), Đây là con đường độc nhất, Để làm cho các chúng sinh được thanh tịnh, Để vượt qua sâu bi, Để chấm dứt khổ ưu, Để đạt đến Thánh đạo, Giác ngộ, Để chúng ngộ Niết-bàn, Chánh niệm, Các Niệm xứ, Thực hành chánh niệm, Quán Thân trong thân, Àtapi (nhiệt tâm), Tỉnh giác, Định hay sự Nhất tâm, Các thành phần của pháp hành, Các thành phần hay Ngũ căn cần phải làm việc hòa hợp với nhau, Những kết quả của Thiền, Vượt qua, Khi chúng ta chánh niệm, Những phiền não được đoạn trừ, Ba loại đoạn trừ, Tham và ưu, Tứ Niệm xứ hay Bốn nền tảng thiết lập niệm, Lưu ý cuối cùng về việc thực hành, Bảo đảm, Chính vì thế mới nói; Phụ lục: 1. (Dịch từng chữ đoạn mở đầu bài Kinh Tứ Niệm Xứ), 2. (Những hướng dẫn hành Thiền), Vipassanà (Tọa thiền), Vipassanà (Thiền đi), Hồi hướng công đức hay chia phước.

1.045. Tóm tắt KINH TRUNG BỘ (Majjhima Nikàya)

Thích Minh Châu

Nxb Văn Hóa Sài Gòn – 2010

Kinh có khổ 13 x 19cm, dày hơn 403 trang, bìa cứng, có bìa bao.

Nội dung gồm có: Lời thưa, Lời giới thiệu, và 152 bài *Kinh Trung Bộ* tóm tắt.

Xem: (152 bài) Kinh Trung Bộ - 3 tập

1.046. Tóm tắt

KINH TRUNG BỘ, Tập I

Biên soạn: *TT. Thích Thiện Tâm*

Trường Cơ bản Phật học Tp. Hồ Chí Minh, PL. 2540 – DL. 1996

Kinh có khổ 14.5 x 20.5cm, có 357 trang, lưu hành nội bộ. Tập I, *kinh Trung Bộ tóm tắt* này gồm có 51 bài: 1. K. Căn bản pháp

môn, 2.K. Nhứt thiết lậu hoặc, 3.K. Thừa tự pháp, 4.K. Sợ hãi và khiếp đảm, 5.K. Vô cầu, 6.K. Ước nguyện, 7.K. Bố dụ, 8.K. Đoạn giảm, 9.K. Chánh tri kiến, 10.K. Niệm xứ, 11. Tiểu kinh Sur tử hồng, 12. Đại kinh Sur tử hồng, 13. Đại kinh khổ uẩn, 14. Tiểu kinh khổ uẩn, 15.K. Tư lương, 16.K. Tâm hoang vu, 17.K. Khu rừng, 18.K. Mật hoàn, 19.K. Song tầm, 20.K. An trú tầm, 21.K. Ví dụ cái cưa, 22.K. Xà dụ, 23.K. Gò mối, 24.K. Trạm xe, 25.K. Bẫy mối, 26.K. Thánh cầu, 27.K. Tượng tích dụ tiểu kinh, 28.K. Tượng tích dụ đại kinh, 29.K. Tài dụ đại kinh, 30.K. Tài dụ tiểu kinh, 31. Tiểu kinh rừng sừng bò, 32. Đại kinh rừng sừng bò, 33. Đại kinh người chăn bò, 34. Tiểu kinh người chăn bò, 35. Tiểu kinh Saccaka, 36. Đại kinh Saccaka, 37. Tiểu kinh đoạn tận ái, 38. Đại kinh đoạn tận ái, 39. Đại kinh mã áp, 40.K. Tiểu kinh mã áp, 41.K. Saleyyaka, 42.K. Veranjaka, 43.K. Đại kinh phương quảng, 44.K. Tiểu kinh phương quảng, 45.K. Tiểu kinh pháp hành, 46.K. Đại kinh pháp hành, 47.K. Tư sát, 48.K. Kosambiya, 49.K. Phạm thiên cầu thỉnh, 50.K. Hàng ma.

1.047. Tổng Quan BỐN BỘ A-HÀM

Biên soạn: Thích Nguyên Hùng

Nxb Hồng Đức – 2012

Sách có khổ 14.5 x 20.5cm, dày hơn 355 trang, bìa mềm, chữ tựa có màu vàng và màu đỏ, có hình Phật ngồi kiết-già, tay kiết ấn. Nội dung gồm có: Lời giới thiệu, Khái quát Lịch sử Hình thành và Truyền bá Kinh A-hàm, Tổng quan Bốn bộ A-hàm, Toát yếu Kinh Trường A-hàm, Toát yếu Kinh Trung A-hàm, Toát yếu Kinh Tạp A-hàm, Toát yếu Kinh Tăng Nhất A-hàm.

1.048. Tổng Tập PHÁP CÚ – Pc Bắc Tông (Kinh Xuất Diệu)

Biên tập:

Tỳ-kheo Trí Quang (1923-2019)

Nxb Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh,

PL. 2556 – DL. 2012

Sách dày hơn 857 trang, bìa cứng, chữ tựa màu vàng.

Nội dung gồm có 34 phẩm chính: Dẫn nhập, P.1 Vô thường (chuyển biến, chết), P.2 Dục (muốn), P.3 Ái (yêu thích), P.4 Vô phóng dật (chớ buông thả), P.5 Phóng dật (buông thả), P.6 Niệm (nhớ nghĩ), P.7 Giới (giữ giới), P.8 Học (học tập), P.9 Phỉ báng (chê bai), P.10 Hành (hành vi), P.11 Tín (tin tưởng), P.12 Sa-môn, P.13 Đạo (đường đi), P.14 Lợi dưỡng, P.15 Phần nô (tức giận), P.16 Duy niệm (chuyên chú tư duy), P.17 Tạp (tạp lục), P.18 Thủy (ngụ ngôn về nước), P.19 Hoa (ngụ ngôn về Hoa), P.20 Mã dụ (ngụ ngôn về Ngựa), P.21 Khuể (tức giận), P.22 Như Lai (đức Phật), P.23 Văn (học), P.24 Ngã (bản thân), P.25 Quảng diễn (tạp lục B), P.26 Thân (người thân), P.27 Nê-hoàn, P.28 Quan (quan sát), P.29 Ác hành (điều ác), P.30 Song yếu (song song), P.31 Lạc (yên vui), P.32 Tâm ý, P.33 Tỳ-kheo, P.34 Phạn chí (tịnh hạnh); Hậu ký.

1.049. Tổng Tập PHÁP CÚ –

Pc Nam Tông (trọn bộ)

Biên tập:

Tỳ-kheo Trí Quang (1923-2019)

Nxb Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh,

PL. 2555 – DL. 2011

Sách dày hơn 963 trang, bìa cứng, chữ tựa màu vàng.

Nội dung gồm có 5 phần: Phần 1. Tổng quan Pháp Cú Nam tông, Phần 2. Pháp cú Nam tông, Phần 3. Truyện tích Pháp cú Nam tông, Phần 4. Trích Pháp cú và Truyện tích, Pháp cú Nam tông: 1. Trích

Pháp cú, 2. Trích Truyện tích, Phần 5.
Trích tụng Pháp cú Nam tông.

1.050. Tuyển Tập

KINH TỤNG NAM TÔNG

Phật Giáo Nguyên Thủy - Theravàda

Biên soạn: Tỳ-kheo Đức Hiền

Nxb Tôn Giáo, PL. 2557 – DL. 2013

Nội dung gồm có: Lời giới thiệu, Trình bày nội dung, Cách phát âm;

Phần I.VII Khóa Kinh hằng ngày, 1.4 Tisarana Vandana & Lễ bái Tam bảo, 1. Devàradhanà-Thỉnh chư Thiên, 2. Ratanattayapùjà-Dâng cúng Tam bảo, 3. Namassakakàra-Lễ Phật, 4. Buddha vandana-Lễ bái Phật bảo, 5. Buddha-guna, Ân đức Phật, 6. Buddha-attapattinnà, Quy ngưỡng Phật, 7. Buddha khamàpana-Sám hồi Phật, 8. Dhamma-vandanà, Lễ bái Pháp bảo, 9. Dhamma-guna, Ân đức Pháp, 10. Dhamma-attapatinna, Quy ngưỡng Pháp, 11. Dhamma-khamàpana, Sam hồi pháp, 12. Sangha-vandanà, Lễ bái Tăng bảo, 13. Sangha-guna, Ân đức Tăng, 14. Sangha- attapatinna, Quy ngưỡng Tăng, 15. Sangha-khamàpana, Sam hồi Tăng, 16. Cetiya-vandanà, Lễ bái bảo tháp, 17. Sambuddhe-Lễ bái chư Phật, 18. Mettapharanam-Từ bi nguyện;

Phần I.VII Khóa Kinh hằng ngày, 2.4 Parittapàli & Kinh Hộ trì (Chánh Kinh, Tụng đọc theo ngày trong tuần), Thứ hai: 1. Buddha-jayamangala-gàthà, Kệ Phật cảm thán; Thứ ba: 2.A Mangalasuttàrambho-Bổ cáo Hạnh phúc Kinh; 2.B Mangalasuttam-Hạnh phúc Kinh; 2.B + Hạnh phúc Kinh – Ta là Ananda (Ananda) được nghe lại như vậy; Thứ tư: 3.A Ratanasuttàrambho-Tụng bổ cáo Kinh Tam bảo; 3.B Ratanasuttam-Kinh Châu báu (Kinh Tam bảo); Thứ năm: 4.A Karaniyamettasuttàrambho-Bổ cáo Từ bi Kinh; 4.B Karaniyamettasuttam-Từ bi

Kinh; Thứ sáu: 5. Tidasa Parami-Tam Thập độ; Thứ bảy: 6. Paticca Sammuppàda-Thập nhị Duyên khởi; Chủ nhật: 7. Dhammasangani (Ti-màtikà)-Kinh Vạn pháp Tổng trì (Tam Mẫu đề);

Phần I.VII Khóa Kinh hằng ngày, 3.4 Anussati & Quán niệm, Dhamma-Pháp, 1. Maranassati-Niệm sự chết, 2. Kàyagatàsati-Niệm thân, 3. Samvejaniyagàthà, Kệ Động tâm, 4. Tilakkhana-Tam tướng, 5. Abhinhapacca Vekkhana-patho-Năm điều Quán tưởng, 6. Dasadhammasuttam-Mười điều Tâm niệm của bậc xuất gia, 7. Dasa Kàmaguna-Mười ngũ trần (ngũ dục), 8. Kệ Khuyến tu, 9. Khách lữ hành, 10. Ratthapàla-gàthà, Kệ Thánh Tăng Ratthapàla, 11. Atitappaccavekkhana-Quán tưởng Tứ vật dụng;

Phần I.VII Khóa Kinh hằng ngày, 4.4 Patidàna-gàthà; Patthanà & Kệ Hồi hướng-Nguyện cầu, 1. Devanumodanà-Hồi hướng chư Thiên, 2. Hồi hướng cho người quá vãng, 3. Punnànumodanà (Pattidàna)-Hoan hỷ phước, 4. Patthana-Nguyện cầu;

Phần II.VII Bổ sung Kinh Tụng, 1. Tisaranavandanà-Lễ bái Tam bảo (tóm tắt), 2. Khandhasuttam-Kinh Rải Tâm từ đến các loài Rắn, 3. Morasuttam-Kinh Chim công, 4. Angulimàlasuttam-Kinh ngài Angulimàla, 5. Anantariyaka-gàthà, Kệ An lành, 6. Vattasutta-Kinh Chim cú, 7. Dhammapada-Kinh Pháp cú (tuyển chọn), 8. 24 Paccaya (Patthana), 24 Duyên (Bộ Vị trí), 9. Dhàranasuttam-Hộ trì người trì pháp, 10. Atthavisati Buddhavandanà-Đảnh lễ 28 hồng danh Phật, 11. Parabhavasuttam-Kinh Bại vong, 12. Mahà-kassapathera-Kinh Giác chi ngài Mahà Kassapa, 13. Mahà-moggallànathera Bojjhangam-Kinh Giác chi ngài Mahà Moggallàna, 14. Mahà-cundathera

Bojjhangam-Kinh Giác chi ngài Mahà Cunda, 15. Bojjhangasuttam-Kinh Giác chi, 16. Girimàndasuttam-Kinh ngài Girimànda, 17. Vijayasuttam-Kinh Thắng trận, 18. Sallasuttam-Kinh Mũi tên, 19. Maccharàjacariyam-Hạnh của Vua Cá, 20. Karunà-Lòng Bi mẫn (Vì lợi ích số đông), 21. Paccavekkhana-Quán tưởng Tứ vật dụng;

Phần III.VII Dànànumodana-gàthà & Khóa Kinh Phúc chúc, Hoan hỷ Phước thí,
1. Namassakakara-Lễ bái Tam bảo (tóm tắt), 2. Buddha-guna-Ân đức Phật, 3. Dhamma-guna-Ân đức Pháp, 4. Sangha-guna-Ân đức Tăng, 5. Yanadànànumodana-gàthà, Kệ về sự Hoan hỷ theo vật thí, 6. Nidhikandasuttam-Kinh Chôn của để dành, 7. Pubba-petabalidànànumodana-gàthà, Kệ Hồi hướng Phước đến Ngạ qui, 8. Tirokuddakanda-gàthà, Kệ Hồi hướng hương linh, 9. Anumodanarambhagàthà-Kệ bố cáo (cho thí chủ) hoan hỷ, 10. Sàmannànumodana-gàthà, Kệ Hoan hỷ tương hợp, 11. Sumangala-gàthà, Kệ Thiện phúc, 12. Siddhiyàcana-gàthà, Kệ Cầu chúc sự thành tựu;

Phần IV.VII Mangala-gàthà & Khóa Kinh Cầu an (Phúc chúc), Trích 1.4 Khóa Kinh hằng ngày, Lễ bái Tam bảo (1-18); Trích 2.4 Khóa Kinh hằng ngày: Thứ hai: 1. Buddha-jayamangala-gàthà, Kệ Phật cảm thắng; Thứ ba: 2.A Mangalasuttarambho-Bố cáo Hạnh phúc Kinh, 2.B Mangalasuttam-Hạnh phúc Kinh; Thứ tư: 3.A Ratanasuttàrambho-Tụng bố cáo Kinh Tam bảo, 3.B Ratanasuttam-Kinh Châu báu (Kinh Tam bảo); Thứ năm: 4.A Karaniyamettasuttàrambho-Bố cáo Từ bi Kinh, 4.B Karaniyamettasuttam-Từ bi Kinh; (tiếp tục-chỉ tiết), 1. Mangalacakkavala, Kệ Điềm lành vũ trụ, 2.

Abhaya-paritta-gàthà, Kệ Tiêu trừ sự sợ hãi, 3. Jayaparitta-gàthà, Kệ Hộ trì Đại tối thắng (linh dược), 4. Àtànàtiya-paritta-gàthà, Kệ Hộ trì Àtànàtiya, 5. Sàmannànumodana-gàthà, Kệ Hoan hỷ tương hợp, 6. Sumangala-gàthà, Kệ Thiện phúc, 7. Siddhiyàcana-gàthà, Kệ Cầu chúc sự thành tựu;

Phần V.VII Avamangala-gàthà & Khóa Kinh Cầu siêu, Trích 1.4 Khóa Kinh hằng ngày, Lễ bái Tam bảo (1-18); Trích 2.4 Khóa Kinh hằng ngày: Thứ hai: Thứ bảy: 6. Paticca Sammuppada-Thập nhị Duyên khởi; Chủ nhật: 7. Dhammasangani (Timàtikà)-Kinh Vạn pháp Tổng trì (Tam Mầu đề); Trích 3.4 Quán niệm ở Khóa Kinh hằng ngày, Dhamma-Pháp, 1. Maranassati-Niệm sự chết, 2. Kàyagatàsati-Niệm thân, 3. Samvejaniya-gàthà, Kệ Động tâm, 4. Abhinhapacca Vekkhana-pàtho-Năm điều Quán tưởng; Trích khóa Kinh Phúc chúc, Hoan hỷ Phước thí, 7. Pubba-petabalidànumodana-gàthà, Kệ Hồi hướng phước đến Ngạ qui, 8. Tirokuddakanda-gàthà, Kinh Hồi hướng hương linh, 9. Anumodanàrambhagàthà-Kệ bố cáo (cho thí chủ) Hoan hỷ, 10. Sàmannànumodana-gàthà-Kệ Hoan hỷ tương hợp, 11. Sumangala-gàthà, Kệ Thiện phúc, 12. Siddhiyàcana-gàthà, Kệ Cầu chúc sự thành tựu;

Phần VI.VII Khóa Kinh Phật tử Sám hối ngày 14, Rằm & 30 mỗi tháng, 1. Devàradhanà-Thỉnh chư Thiên, 2. Ratanattayapùjà-Dâng cúng Tam bảo, 3. Namassakakàra-Lễ Phật, 4. Buddha-vandana, Lễ bái Phật bảo, 5. Buddha-guna, Ân đức Phật, 6. Buddha-attapatinnà, Quy ngưỡng Phật, 7. Buddha khamapana-Sám hối Phật, 8. Dhamma-vandana, Lễ bái Pháp bảo, 9. Dhamma-guna, Ân đức Pháp, 10. Dhamma-attapatinnà, Quy ngưỡng

Pháp, 11. Dhamma khamapana, Sám hối Pháp, 12. Sangha-vandana, Lễ bái Tăng bảo, 13. Sangha-guna, Ân đức Tăng, 14. Sangha- attapatinnà, Quy ngưỡng Tăng, 15. Sangha- khamapana, Sám hối Tăng, 16. Cetiya Vandana-Lễ bái bảo tháp, 17. Sambuddhe-Lễ bái chư Tăng, 18. Mettapharanam-Từ bi nguyện, 19. Abhinhapacca Vekkanapàtho-Năm điều Quán tưởng, 20. Kệ Khuyến tu, 21. Khách Lữ hành, 22. Bài Sám hối, 23. Devànumodanà-Hồi hướng chư Thiên, 24. Hồi hướng cho người quá vãng, 25. Punnànumodanà (Pattidàna)-Hoan hỷ phước, 26. Patthanà-Nguyện cầu;
Phần VII.VII Giới thiệu các ngày lễ - Các bài Kinh dài (Rằm tháng Giêng, Rằm tháng Tư và Rằm tháng Bảy) Các ngày lễ quan trọng trong Phật giáo Nguyên Thủy, Rằm tháng Giêng (2 bài Kinh): 1.a Phật cảm thắng ma vương, 1.b Kệ xưng tán đại lễ Rằm tháng Giêng, 2. Kệ Vô thường-Khổ não-Vô ngã (Kinh xưa); Rằm tháng Tư (3 bài Kinh): 1. Kệ xưng tán Đại lễ Tam hợp, 2.a Tiểu sử Phật Thích-ca, 2.b Kệ Tiểu sử Phật (Kinh xưa), 2.c Trường ca Phật sử (Kinh xưa), 3. Phật nhập Niết-bàn (Kinh xưa); Rằm tháng Bảy (2 bài Kinh): 1.a Mátàpitupanàma-gàthà, Kệ Sám hối Phụ mẫu, 1.b Kệ Sám Phụ mẫu (Kinh xưa), 2. Kệ Niệm ân và Báo hiếu hiền mẫu; *Phụ lục*: Các Nghi thức và Tác bạch trong Phật giáo Nguyên Thủy, 1. Panca Sila-Nghi thức Thọ trì Ngũ giới, 2. Uposatha-Sila, Nghi thức Thọ Bát quan trai giới, 3. Nghi thức Quy y (Buổi đầu tu Phật), 4. Tác bạch Thịnh Pháp sư, 5. Tác bạch lễ Trai Tăng-Cầu siêu, 6. Tác bạch Cầu siêu (Không có tứ sự), 7. Tác bạch tụng Kinh Cầu an (Không có tứ sự), 8. Tác bạch Dâng y-Tứ sự và Cầu an, 9. Tác bạch Đặt bát, Cầu an và Cầu siêu, 10. Tác bạch Dâng y-Đề bát-An vị Phật, 11. Tác bạch

Húy kỵ một vị xuất gia (Tỳ-kheo), 12. Tác bạch Dâng y Tám mưa, 13. Tác bạch Dâng y Kathina, 14. Tác bạch Dâng Liêu cốc, 15. Tác bạch Cúng dường Kinh sách, 16. Tác bạch An vị Phật, 17. Nghi thức Chúc thọ, 18. Kệ Tán tán Đại lễ Dâng y Kathina, 19. Nghi thức Dâng hoa; Sách Tham khảo, Phương danh Thích chủ, Cách lễ bái (hình ảnh).

1.051. Tư tưởng KINH A-DI-ĐÀ

Soạn-dịch:

Thích Chơn Thiện (1942-2016)

Nxb Tôn Giáo - 2000

Kinh có khổ 13 x 19cm, có 137 trang, bìa mềm.

Toàn bộ tác phẩm này có 2 chương chính. Phần đầu là Lời tựa; *Chương I*, - Xuất xứ và ý nghĩa danh hiệu A-di-đà, - Duyên khởi kinh A-di-đà, - Cảnh giới A-di-đà, - Hàng đệ tử được Đức A-di-đà giáo hóa, - Kết quả của con đường tu tập do Đức A-di-đà giáo hóa, - Xác định sự thật giải thoát của con đường tu tập Giới, Định, Tuệ hay trì niệm A-di-đà, - Giới Định Tuệ hay con đường giáo hóa của Đức Phật A-di-đà, là con đường độc nhất dẫn đến giải thoát; *Chương II*, - Kinh A-di-đà là kinh xiển dương tha lực hay tự lực? – Cảnh giới Cực lạc, - Giáo dục trong kinh A-di-đà, - Ý nghĩa vãng sanh Cực lạc, - Khía cạnh văn hóa, xã hội và tâm lý trong kinh A-di-đà, Kết luận; *Phụ lục*: 1. Nguyên bản Phạn ngữ, 2. Bản dịch Hán ngữ của Cru-ma-la-thập, 3. Bản dịch Anh ngữ của F. Max Muler.

Tác phẩm này được tái bản năm 2010, Nxb Phương Đông.

1.052. Tư tưởng KINH ĐỊA TẠNG

Soạn-dịch:

HT. Thích Chơn Thiện (1942-2016)

Nxb Phương Đông – 2010

Sách có khổ 13 x 20.5cm, có 127 trang, bìa mềm, chữ tựa màu vàng và màu trắng, có hình Bồ-tát Địa Tạng ngồi, một tay cầm tích trượng, một tay cầm viên minh châu. Kết cấu nội dung tác phẩm gồm có 3 chương chính. Phần đầu là Lời tựa, Lời dâng; *Chương I*, - Xuất xứ Kinh Địa Tạng, - Tên kinh và danh hiệu Bồ-tát Địa Tạng; *Chương II*, Nội dung kinh, có 13 phẩm: 1. Thần thông tại cung trời Đao Lợi, 2. Phân thân hóa tập hợp lại, 3. Quan sát nghiệp báo chúng sanh, 4. Nghiệp báo của người Diêm-phù, 5. Xưng danh địa ngục, 6. Phật-đà tán dương, 7. Lợi ích người còn kẻ mất, 8. Chứa tội Diêm-la ca tụng, 9. Trì niệm danh hiệu Phật-đà, 10. Trắc lượng công đức bố thí, 11. Thần Đất hộ vệ Phật pháp, 12. Ích lợi của sự nghe và thấy, 13. Phật-đà ký thác trọng trách; - Nội dung kinh Địa Tạng được trình bày qua từng phần giáo lý; *Chương III*, Nhận thức tổng quát về kinh Địa Tạng - Phật tử tu tập theo kinh Địa Tạng.

1.053. Tư tưởng KINH KIM CƯƠNG

Anh ngữ: *Tiến sĩ Edward Conze*

Việt dịch – bản:

Thích Chơn Thiện (1942-2016)

Nxb Tôn Giáo – 1999. Sách khổ 13 x 19cm, dày 206 trang, bìa mềm, chữ tựa màu nâu. Toàn bộ tác phẩm gồm có 3 chương chính. *Chương I*, Nhận thức khái quát. *Chương II*, (32 phẩm kinh): Thánh chúng cu hội; Tôn giả Tu-bồ-đề đặt câu hỏi; Hạnh nguyện Bồ-tát; Tu tập các Ba-la-mật; Đức Phật và 32 tướng quý; Pháp thân như là kết quả tuệ giác tối thượng; Pháp thân như là kết quả của công đức; Bốn bậc Thánh; Tâm giác ngộ của Bồ-tát; Bồ-tát và cõi Phật; Niết-bàn tối hậu của Bồ-tát; Công đức phát sinh từ trí Bát-nhã; Phần kết thúc đầu; Tính chất siêu việt tính biện chứng của thực tại; Tối thắng của

giáo lý này; Nhẫn nhục vô ngã tướng và tâm giải thoát hoàn toàn; Sự hiện hữu và không hiện hữu của chúng sinh; Thật và hư; Công đức nhận được, sự giả định và kết quả của công đức; Hạnh nguyện Bồ-tát; Cảnh giới tâm của Bồ-tát khi gặp Đức Nhiên Đăng; Bồ-tát ở cuối đường hạnh nguyện; Thái độ của Bồ-tát đối với việc độ sinh; Chư Phật ngũ nhãn của Đức Phật; Thắng trí biết tâm của tất cả chúng sanh của Đức Phật; Phước đức của Đức Phật là “không phước đức”; Thân sắc của Đức Phật; Sự giảng dạy của Đức Phật; Pháp của Đức Phật; Lại một lần nữa nói về phước đức của Phật; Đức Phật, đáng cứu độ và bản chất của giải thoát; Thực tính của Phật; Hiệu quả của các việc làm công đức; Lời chỉ dạy về thế giới bất toàn: thế giới vật chất; Quan điểm và thái độ; Chìa khóa vào tối thắng trí; Kết thúc thứ hai. *Chương III*, Điểm giáo lý gặp gỡ giữa kinh Kim Cương và Nikaya hay tính chất truyền thống Phật giáo của giáo lý Kim Cương. Phụ lục: Bát-nhã tâm kinh.

Tác phẩm Kinh này được tái bản năm 2012, Nxb Phương Đông.

1.054. Tư tưởng KINH KIM CƯƠNG & BÁT-NHÃ (Phạn-Hán-Anh-Việt)

Vajracchedikā Prajñāpāramitā

HT. Thích Chơn Thiện (1942-2016)

Nxb Phương Đông – 2012

Sách có khổ 13 x 20.5cm, dày hơn 349 trang, bìa mềm.

Nội dung gồm có 3 chương: Lời nói đầu, *C.I* Nhận thức khái quát, *C.II* Thánh chúng cu hội, Tôn giả Tu-Bồ-đề đặt câu hỏi, Hạnh nguyện Bồ-tát, Tu tập các Ba-la-mật, Đức Phật và 32 tướng quý, Pháp thân như là kết quả tuệ giác tối thượng, Pháp thân Như Lai là kết quả của công đức, Bốn bậc Thánh, Tâm giác ngộ của Bồ-tát, Bồ-tát và cõi Phật, Niết-bàn tối hậu của Bồ-

tát, Công đức phát sinh từ trí Bát-nhã, Phần kết thúc đầu, Tính chất siêu việt-tính biện chứng của thực tại, Tối thắng của giáo lý này, Nhân nhục vô ngã tướng và Tâm giải thoát hoàn toàn, Sự hiện hữu và không hiện hữu của chúng sinh, Thật và hư, Công đức nhận được-sự giả định và kết quả của công đức, Hạnh nguyện Bồ-tát, Cảnh giới tâm của Bồ-tát khi gặp đức Nhiên Đăng, Bồ-tát ở cuối đường hạnh nguyện, Thái độ của Bồ-tát đối với việc độ sinh, Chư Phật ngũ nhân của Đức Phật, Thắng trí biết tâm tất cả chúng sinh của đức Phật, Phước đức của đức Phật là “không phước đức”, Thân sắc của đức Phật, Sự giảng dạy của đức Phật, Pháp của Đức Phật, Lại một lần nữa nói về phước đức của Phật, Đức Phật-Đấng cứu hộ và bản chất của giải thoát, Thực tính của Phật, Hiệu quả của các việc làm công đức, Lời chỉ dạy về thế giới bất toàn: thế giới vật chất, Quan điểm và thái độ, Chìa khóa vào tối thắng trí, Kết thúc thứ hai; *C.III* Điểm giáo lý gặp gỡ giữa Kinh Kim Cương và Nikàya hay tính chất truyền thống Phật giáo của giáo lý Kim Cương, Tôn giá Tu-bồ-đề và sinh hoạt hằng ngày của chư Tăng, Tâm giao động và tâm an trú, Chủ trương vô ngã-bác bỏ các thuyết tự ngã, Như Lai, Bồ thí pháp tối thắng, Nương tựa mình và nương tựa pháp hay tính chất thiết thực hiện tại của Phật giáo, Giáo lý như chiếc bè, Căn cơ Đại thừa và căn cơ Tiểu thừa, Giáo lý Trung đạo, Tán thán và tôn kính người giảng nói pháp, Giáo lý Năm uẩn và Thiên quán vô ngã-vô thường, Tổng kết; *Phụ lục*: Bát-nhã Tâm Kinh (Trái tim của Bát-nhã), Phụ bảng-Tiếng Phạn Kinh Kim Cương; Phụ bảng-Tiếng Hán Kinh Kim Cương; Bản dịch tiếng Hán của ngài Cưu-ma-la-thập, Bản dịch tiếng Hán của ngài Huyền Trang; Phụ

bảng-Tiếng Phạn Bát-nhã Tâm Kinh; Phụ bảng-Tiếng Hán Bát-nhã Tâm Kinh.

1.055. Tư tưởng KINH PHÁP HOA

Biên soạn:

Thích Chơn Thiện (1942-2016)

Nxb Tôn Giáo – 1999

Kinh có khổ 13 x 19cm, có 192 trang, bìa mềm, chữ tựa màu nâu.

Nội dung gồm có: Lời dăng, Lời nói đầu; *Chương I*, Lịch sử thành lập, Về các nguyên bản Phạn văn của Pháp Hoa, Ý nghĩa tên Kinh, Nội dung kinh Pháp Hoa, Ngôn ngữ của kinh Pháp Hoa và phương thức đón nhận diệu nghĩa của Pháp Hoa; *Chương II*, 28 phẩm kinh Pháp Hoa; *Phần kết* của soạn giả: - Quan điểm của kinh Diệu Pháp Liên Hoa, - Tổng luận.

Tác phẩm này được tái bản năm 2013, Nxb Phương Đông.

1.056. Tư Tưởng và Cuộc Đời Tổ Huệ Năng KINH PHÁP BẢO ĐÀN

Dịch và chú giải: *Đình Sĩ Trang*

Copyright Đình Sĩ Trang 1999 – National Library of Australia

Cataloguing-in-Publication Data ISBN 09 585 294 2 6

Sách dày 400 trang. Nội dung gồm có 2 phần và 10 chương: I. Phần mở đầu, 1. Các danh từ Phật học được giải nghĩa, 2. Phật giáo và Thiền tông tại Trung Quốc, 3. Thiền, 4. Tư tưởng Huệ Năng, a. Phát tâm Bồ-đề, b. Trí Bát-nhã, c. Phật tánh, d. Tâm, e. Vô niệm, f. Kiến tánh; II. Phần dịch và chú giải Kinh Pháp Bảo Đàn, C.1 Lục Tổ tự thuật Tiểu sử, C.2 Bát-nhã là gì? C.3 Giải đáp các mối nghi ngờ, C.4 Định và Huệ rất liên quan với nhau, C.5 Ngồi thiền, C.6 Phép Sám hối, C.7 Cơ duyên, C.8 Mau chậm, C.9 Ủng hộ chánh pháp, C.10 Lời dạy cuối cùng.

1.057. TƯƠNG ƯNG BỘ KINH (Pāli Samyutta Nikāya) – 5 Tập

Việt dịch:

Tỳ-kheo Thích Minh Châu (1918-2012)

Tu thư Phật học Vạn Hạnh (Tp. Hồ Chí Minh) xuất bản – 1982

Cả bộ (5 tập) dày 1.878 trang, bìa mềm, chữ tựa Kinh màu đỏ, chữ tựa Pāli màu xanh dương.

Tập I, Giấy phép số 560/XBNT GP ngày 25-3-1982 của Sở Văn hóa Thông tin Tp. Hồ Chí Minh; dày 316 trang, kết cấu gồm có 11 chương; *Tập II*, dày 338 trang, kết cấu có 10 chương; *Tập III*, dày 302 trang, kết cấu có 13 chương (Tập I, II và III cùng 1 Giấy phép số 560/XBNT GP ngày 25-3-1982); *Tập IV*, Giấy phép số 1336/BNT GP ngày 13-7-1982 của Sở Văn hóa Thông tin Tp. Hồ Chí Minh; dày 415 trang, kết cấu có 10 chương; *Tập V*, dày 507 trang, kết cấu có 12 chương (Tập IV và V, cùng một Giấy phép số 1336/BNT GP ngày 13-7-1982).

Xem: Kinh Tương Ưng Bộ - 5 Tập, Đại Tạng Kinh Việt Nam, do HT. Thích Minh Châu dịch.

1.058. TỨ DIỆU ĐẾ KINH (CATUARIYASACCA)

Soạn giả: *Trưởng lão HT. Hộ Tông (Vansarakkhita MahàThera)*

Nội dung Kinh này gồm có 4 phần: - Tiểu tựa; Tứ Diệu Đế, 1. Khổ diệu đế (Dukkha ariyasacca), 2. Tập khổ diệu đế (Samudaya ariyasacca), 3. Diệt diệu đế (Nirodha ariyasacca), 4. Đạo đế (Magga ariyasacca). (*phatgiaonguyenthuy.com, Tác phẩm*)

1.059. TỨ THẬP NHỊ CHƯƠNG

(Kinh: Tứ Thập Nhị Chương, Di Giáo, Khuyến Phát Bồ-đề Tâm Văn)

Tỳ-kheo Ni Hải Triều Âm

Nxb Tôn Giáo, PL. 2563 – DL. 2019

Sách có khổ 14.5 x 20.5cm, có hơn 88 trang, bìa mềm. Nội dung gồm có: Tiểu sử, *Kinh Tứ Thập Nhị Chương*, Lời nói đầu, A. Tổng khởi, B. Chánh thuyết, 1. Cộng-giáo, Hạnh-Quả Tam thừa, 2. Bất Cộng giáo, Thắng hạnh Đại thừa, 3. Tu, C. Tổng kết; *Kinh Di Giáo*, 1. Tu tập công đức đối trị tà nghiệp, 2. Tu tập công đức đối trị các khổ, 3. Thành tựu công đức xuất thế, 4. Chứng nhập quyết định, 5. Tái huấn; *Khuyến Phát Bồ-đề Tâm văn*, 1. Báo ơn Phật, 2. Báo ơn cha mẹ, 3. Ôn Sư trưởng, 4. Báo ơn Thí chủ, 5. Báo ơn chúng sanh, 6. Nhớ khổ sanh tử, 7. Tôn trọng tánh linh, 8. Sám hối nghiệp chướng, 9. Cầu sanh Tịnh độ, 10. Phật pháp trường tồn.

1.060.

TỨ THẬP NHỊ CHƯƠNG KINH

Hán dịch: *Ca-diếp-ma-đăng* và *Trúc Pháp Lan*

Việt dịch và giảng: *Thích Vĩnh Hóa*

Nxb Phương Đông. Tác phẩm này dày 218 trang, nội dung có 42 chương Kinh được HT. Vĩnh Hóa dịch và giảng giải. (<https://thuvienhoasen.org>, *Kinh Sanskrit/Hán tạng*)

Kinh này được Báo Ân Tự (7509 Mooney Drive Rosemead, CA 91770, USA) tái bản hai lần.

1.061. TỶ-KHEO GIỚI KINH

Dịch giả:

HT. Thích Thiện Hòa (1907-1978)

Nxb Tôn Giáo, PL. 2551 – DL. 2007, tái bản lần thứ ba.

Kinh này khổ 15.5 x 23cm, có 87 trang, bìa mềm, nền vàng, chữ màu nâu, có hình Đức Phật (bán thân) tay kiết ấn. Nội dung gồm có 3 phần chính: Hướng dẫn Nghi thức tụng giới Tỳ-kheo (Tán Phật, Quán

tướng, Tán hương, Khai Luật kệ); *Tỳ-kheo Giới bốn* (có: Bốn tội cực ác, Mười ba tội hữu dư, Hai pháp bất định, Ba mươi pháp xả đọa, Bốn tội hướng bỉ hồi, Trăm pháp chúng học, Bảy pháp dứt sự tranh cãi); Cuối kinh nói về: Những điều cần thiết trước khi tụng giới, Lược thuyết giới, Phép ba hoặc hai Tỳ-kheo thuyết giới, Phép tâm niệm thuyết giới, Phép Ni sai sứ đi cầu thầy giáo thọ, Phép Ni bạch vào chùa Tăng, Phép Ni dặn thỉnh thầy giáo thọ, Phép Tỳ-kheo thọ lời Ni nhờ thầy bạch thỉnh thầy giáo thọ, Phép sai người giáo thọ Ni.

Tác phẩm Tỳ-kheo Giới Kinh này được tái bản nhiều lần: Năm 1973, GHPGVNTN ấn hành; năm PL. 2536 – DL. 1992, THPG Tp. Hồ Chí Minh ấn hành, khổ 15 x 23cm, có khoảng 80 trang, bìa mềm; năm PL. 2539 – DL. 1995, THPG Tp. HCM ấn hành, khổ 15.5 x 23cm, có 79 trang, bìa mềm, chữ tựa màu đỏ, có hình Đức Phật (bán thân); năm 1999, Nxb Tp. Hồ Chí Minh, khổ 15.5 x 23.5cm, có 95 trang, bìa mềm; năm PL. 2549 – DL. 2005, Nxb Tôn Giáo, khổ 15.5 x 23.5cm, có 87 trang, bìa mềm; năm PL. 2555- DL. 2011, Nxb Phương Đông, khổ 15.6 x 23cm, có 95 trang, bìa mềm, chữ tựa màu đỏ, có hình Tăng đoàn khát thực; năm 2016, Nxb Tôn giáo.

TH

1.062. THANH TỊNH KINH – VISÙDDHIKATHA

Theravàda – Phật giáo Nguyên Thủy

Dịch giả: *Tỳ-khuru Hộ Tông (1893-1981)*

PL. 2505 – DL. 1961. Nội dung gồm có: - Giải về pháp Thanh tịnh, - Bảy pháp Thanh tịnh (1. Thanh tịnh vì sự trì giới, 2. Thanh tịnh vì sự sửa trị tâm, 3. Thanh tịnh vì sự hiểu thấy chơn chánh, 4. Thanh tịnh vì sự dứt khỏi hoài nghi, 5. Thanh tịnh vì trí tuệ thấy rõ đạo hay chẳng phải đạo, 6. Thanh tịnh vì trí tuệ thấy rõ cách thức tiến hóa (trong 9 pháp Minh sát tuệ), 7. Thanh tịnh vì trí tuệ thấy rõ Thánh đạo); - Giảng giải về: - Pháp Thanh tịnh thứ Nhất, - Pháp Thanh tịnh thứ Hai, - Pháp Thanh tịnh thứ Ba, - - Pháp Thanh tịnh thứ Tư, - Pháp Thanh tịnh thứ Năm, - Pháp Thanh tịnh thứ Sáu, - Pháp Thanh tịnh thứ Bảy. Sau cùng là phần Trích lục trong Papançasutaniya, về Bảy Nguyên tắc trọng yếu: 1. Nguyên tắc chữa sửa tính hay quên, 2. Nguyên tắc chữa sửa tính ngu độn, 3. Nguyên tắc chữa sửa tính lười biếng, 4. Nguyên tắc chữa sửa tâm buồn bực, 5. Nguyên tắc chữa sửa sự không hài lòng, 6. Nguyên tắc chữa sửa tâm không kiên cố, 7. Nguyên tắc chữa sửa tính không trung dung.

1.063. THÁNH NHÂN KÝ SỰ - 3 Tập, Tạng Kinh – Tiểu Bộ

Suttantapitake Khuddakanikāye

Phụ trách phiên dịch: *Tỳ-khuru Indacanda (Trương Đình Dũng)*

PL. 2552 – DL. 2008

Buddhist Cultural Centre,

125 Anderson Road, Nedimala, Dehiwala-Sri Lanka

Printed by: Ajith Printers, 85/4, Old Kesbewa Road,

Gangodawila, Nugegoda, Sri Lanka.

Sách có khổ lớn (20.5 x 29cm), bìa cứng màu đỏ, chữ mạ vàng.

Tập I, dày hơn 629 trang. Nội dung gồm có: Lời tựa-Sinhala và Việt ngữ, Văn bản của Bộ Tôn giáo-Anh và Việt ngữ, Thành phần nhân sự, Lược đồ Tam tạng, Lời giới thiệu, Các chữ viết tắt, Mẫu tự Pali – Sinhala, Mục lục Thánh nhân Ký sự tập I, Văn bản Pali và văn bản tiếng Việt: 1.P Đức Phật, 2.P Sĩ hà sanadàyaka, 3.P Subhùti, 4.P Kundadhàna, 5.P Upàli, 6.P Vijani, 7.P Sakacintaniya, 8.P Nàgasamàla, 9.P Timirapupphiya, 10.P Sudhapindiya, 11.P Bhikkhàdayi, 12.P Mahàparivàra, 13.P Sereyyaka, 14.P Sobhita, 15.P Chatta, 16.P Bandhujivaka, 17.P Supàricariya, 18.P Kumuda, 19.P Kutajapupphiya, 20.P Tamàlapupphiya, 21.P Kanikàrapupphiya, 22.P Hatthi, 23.P Àlambanadàyaka, 24.P Udakàsana, 25.P Tuvaradàyaka, 26.P Thomaka, 27.P Àkàsukkiphiya, 28.P Suvannabimbohana, 29.P Pannadàyaka, 30.P Citakapùjaka, 31.P Padumakesariya, 32.P Àrakkhadàyaka, 33.P Ummàpupphiya, 34.P Gandhadhùpiya, 35.P Ekepadumiya, 36.P Saddasannaka, 37.P Mandàravapupphiya, 38.P Bodhivandaka, 39.P Avantaphala, 40.P Pilindivaccha; Thư mục câu kệ Pali, Thư mục danh từ riêng.

Tập II, dày hơn 417 trang. Nội dung gồm có: Lời tựa-Sinhala và Việt ngữ, Văn bản của Bộ Tôn giáo-Anh và Việt ngữ, Thành phần nhân sự, Lược đồ Tam tạng, Lời giới thiệu, Các chữ viết tắt, Mẫu tự Pali – Sinhala, Mục lục Thánh nhân Ký sự tập II, Văn bản Pali và văn bản tiếng Việt: 41.P

Metteyya, 42.P Bhaddàli, 43.P Sakimsammajjaka, 44.P Ekavihàri, 45.P Vibhìtaka, 46.P Jagatidàyaka, 47.P Sàlakusumiya, 48.P Nalamàli, 49.P Pamsukùla, 50.P Tikinkanipupphiya, 51.P Kanikàra, 52.P Phaladàyaka, 53.P Tinadàyaka, 54.P Kaccàna, 55.P Bhaddiya, 56.P Yasa; Thư mục câu kệ Pali, Thư mục danh từ riêng, Thư mục từ đặc biệt.

Tập III, *Trưởng Lão Ni Ký Sự*, dày hơn 219 trang. Nội dung gồm có: Lời tựa-Sinhala và Việt ngữ, Văn bản của Bộ Tôn giáo-Anh và Việt ngữ, Thành phần nhân sự, Lược đồ Tam tạng, Lời giới thiệu, Các chữ viết tắt, Mẫu tự Pali – Sinhala, Mục lục Thánh nhân Ký sự tập III, Văn bản Pali và văn bản tiếng Việt (Trưởng Lão Ni Ký Sự gồm có 4 phẩm, 40 ký sự): 1.P Sumedhà, 2.P Một lần trai giới, 3.P Kundalakesi, 4.P Các dòng Sát-đề-ly, Tóm lược của các phẩm; Thư mục câu kệ Pali, Thư mục danh từ riêng, Thư mục từ đặc biệt.

1.064. THẮNG MAN Giảng Luận

Dịch và giảng: *Tuệ Sỹ*

Nxb Phương Đông – 2012

Kinh có khổ 14.5 x 20.5cm, dày 354 trang, bìa mềm, có tay gấp. Tác phẩm này gồm có 2 phần chính: - Tựa; *Phần một*, có 10 chương: C.1 Giới thiệu tổng quát, C.2 Bồ-đề tâm và quy y, C.3 Bồ-tát giới, C.4 Bồ-tát nguyện, C.5 Bồ-tát hành, C.6 Cứu cánh của Bồ-tát đạo, C.7 Thánh đế và Niết-bàn, C.8 Như Lai tạng, C.9 Pháp thân, C. kết, Thắng Man: nhân cách lý tưởng; *Phần hai*, có 15 chương, Phiên dịch Kinh văn: Tiểu dẫn lịch sử truyền dịch, C.1 Phẩm tính siêu việt của Như Lai, C.2 Mười đại thọ, C.3 Ba đại nguyện, C.4 Nhiếp thọ, C.5 Nhất thừa, C.6 Vô biên Thánh đế, C.7 Như Lai tạng, C.8 Pháp thân, C.9 Nghĩa

không che lấp chân thật, C.10 Một đê, C.11 Một sở y, C.12 Điền đảo và chân thật, C.13 Tự tánh thanh tịnh, C.14 Con đích thực, C.15 Thắng Man Sư tử hồng; Thư mục tham khảo; Phụ lục: Thắng Man Sư tử hồng Nhất thừa đại phương tiện phương quảng Kinh; Sách dẫn.

Tác phẩm Giảng luận này được tái bản nhiều lần: Năm 2007, Nxb Phương Đông; năm PL. 2544 – DL. 2000, Viện Cao Đẳng Phật Học Hải Đức (Ban Tu Thư Phật Học) ấn hành; năm PL. 2545 – DL. 2001; Ban Tu thư Phật học ấn hành, dày 314 trang, bìa mềm; năm PL. 2549 – DL. 2005, Viện Cao Đẳng Phật Học Hải Đức (Ban Tu Thư Phật Học) ấn hành, dày 293 trang, bìa mềm, chữ tựa màu trắng.

1.065. THIÊN THỦ THIÊN NHÂN QUÁN ÂM ĐÀ-LA-NI KINH

Việt dịch: *Huyền Thanh*

Nxb Phương Đông – 2008

Kinh có khổ 15.5 x 23.5cm, dày hơn 710 trang.

Nội dung gồm có: 1. Thay lời tựa, 2. Năm loại Tôn tượng Thiên thủ Quán Âm, 3. Kinh Thiên Quang Nhân Quán Tự Tại Bồ-tát Bí mật Pháp (No. 1065), 4. Nhiếp Vô ngại Đại bi Tâm Đà-la-ni Kinh Kế Nhất pháp trung xuất Vô lượng nghĩa Nam phương Mãn nguyện Bồ-đà-lạc Hải hội Ngũ bộ Chủ tôn Phương đẳng Hoàng thế Lực phương vị cập Uy nghi Hình sắc Chấp trì Tam-ma-già Tiêu xí Mạn-trà-la Nghi quỹ (No. 1067), 5. Nghi quỹ pháp Tạo thứ tự của Thiên thủ Quán Âm (No. 1068), 6. Thiên thủ Thiên nhân Quán Tự Tại Bồ-tát Chân ngôn, 7. Phục hồi bản Thiên thủ Thiên nhân Quán Tự Tại Bồ-tát Chân ngôn, 8. Thập Nhất diện Quán Tự Tại Bồ-tát, 9. Kinh Thập nhất diện Quán Tự Tại Bồ-tát Tâm mật ngôn Niệm tụng Nghi quỹ (No. 1069), Quyền thượng, Quyền trung

và Quyền hạ; 10. Phật nói Kinh Thập nhất diện Quán Thế Âm thần chú (No. 1070), 11. Kinh Thập nhất diện thần chú (No. 1071), 12. Phật nói Kinh Đại thừa Trang nghiêm Bảo vương (No. 1050), từ Q.I đến Q.IV, 13. Kim Cương Đỉnh Kinh Du-già Thiên thủ Thiên nhân Quán Tự Tại Bồ-tát Tu hành Nghi quỹ (No. 1056), Quyền thượng và Quyền hạ; 14. Thế Tôn Thánh giả Thiên thủ Thiên túc Thiên tý Quán Tự Tại Bồ-đề-tát-đóa-phộc Quảng đại Viên mãn Vô ngại Đại bi Tâm Đà-la-ni (No. 1062B), 15. Phục hồi bản Thế Tôn Thánh giả Thiên thủ Thiên túc Thiên tý Quán Tự Tại Bồ-đề-tát-đóa-phộc Quảng đại Viên mãn Vô ngại Đại bi Tâm Đà-la-ni, 16. Thanh cảnh Quán Thế Âm Bồ-tát, 17. Kinh Thiên thủ Thiên nhân Quán Thế Âm Bồ-tát Trị bệnh hợp dược (No. 1059), 18. Kinh Thiên thủ Thiên nhân Quán Thế Âm Bồ-tát Quảng đại Viên mãn Vô ngại Đại bi Tâm Đà-la-ni (No. 1060), 19. Thiên thủ Thiên nhân Quán Tự Tại Bồ-tát Quảng đại Viên mãn Vô ngại Đại bi Tâm Đà-la-ni Chú bản (No. 1061), 20. Thiên thủ Thiên nhân Quán Thế Âm Bồ-tát Đại thân chú bản (No. 1062A), 21. Thiên thủ Thiên nhân Quán Thế Âm Bồ-tát Đại bi Tâm Đà-la-ni (No. 1064), 22. Đại bi Tâm Đà-la-ni Tu hành Niệm tụng lược nghi (No. 1066), 23. Kinh Thanh cảnh Quán Tự Tại Bồ-tát Đà-la-ni (No. 1111), 24. Kim Cương Đỉnh Thanh cảnh Đại bi vương Quán Tự Tại Bồ-tát Niệm tụng Nghi quỹ (No. 1112), 25. Quán Tự Tại Bồ-tát Quảng đại Viên mãn Vô ngại Đại bi Tâm Đà-la-ni (No. 1113A), 26. Đại từ Đại bi Cứu khổ Quán Thế Âm Tự Tại vương Bồ-tát Quảng đại Viên mãn Vô ngại Tự tại Thanh cảnh Đại bi Tâm Đà-la-ni (No. 1113B), 27. Đại Bi Căn bản chú (Đồ tượng 3), 28. Đại Bi Tâm chú (Bản của chùa Già-lam), 29. Quảng bản Đại Bi Tâm Đà-la-ni (Phục

hồi), 30. Lược bản Đại Bi Tâm Đà-la-ni (Phục hồi), 31. Nhật Quang Nguyệt Quang Bồ-tát Đà-la-ni (No. 1160), 32. Kinh Thiên nhân Thiên tỳ Quán Thế Âm Bồ-tát Đà-la-ni thần chú (No. 1057A), Quyền thượng và Quyền hạ; 33. Kinh Thiên nhân Thiên tỳ Quán Thế Âm Bồ-tát Đà-la-ni thần chú (No. 1057B), Quyền thượng và Quyền hạ; 34. Kinh Thiên thủ Thiên nhân Quán Thế Âm Bồ-tát Mẫu Đà-la-ni Thân (No. 1058), 35. Phục hồi bản Thiên nhân Thiên tỳ Quán Thế Âm Đại thần chú.

1.066. THIÊN MÔN NHỰT TỤNG CHƠN KINH

Thiền Tịnh Đạo Tràng – Phật Bửu Tự (Sài Gòn) – 1948

Việt dịch:

HT. Thiền sư Minh Trục (1895-1976)

Kinh dày 149 trang, bìa mềm. Nội dung gồm có: Tựa, Thiên Môn Nhựt Tụng-Khóa tụng hằng ngày; *I. Thời Công phu buổi mai*: Kệ khai chung, Kệ thu chung, Chú phá Địa ngục, Khai chuông mõ, Kệ khen bản, Kệ khen chuông, Kệ khen trống, Kệ khen mõ, Xưng tụng Công đức Tam thế Phật, Thiên thủ Thiên nhân Vô ngại Đại bi Tâm Đà-la-ni, Như ý Bảo luân vương Đà-la-ni, Tiêu tai Kiết tường Thần chú, Công đức Bửu sơn Thần chú, Phật mẫu Chuẩn đề Thần chú, Thánh Vô lượng Thọ Quyết định Quang minh vương Đà-la-ni, Dược sư Quán đánh Chơn ngôn, Thất Phật diệt tội Chơn ngôn, Vãng sanh Tịnh độ Thần chú, Thiện thiên nữ chú; Bát-nhã Ba-la-mật-đa Tâm Kinh, Hồi hướng Công đức Tụng chú, Khen ngợi Công đức Phật, Lạy Tứ Thánh, Sám Thích-ca Mâu-ni Phật, Nguyên trì Giác Tâm Kinh, Diệu Giác Tâm Kinh, Khen ngợi Đức Phật, Khen Công đức niệm Phật, Hồi hướng Công đức Tụng Kinh, Nguyên tiêu-Nguyên sanh, Phục nguyện, Tự Quy y; *II. Khóa Tụng*

Buổi Chiều, Đại công phu: Tụng Di-đà, Hồng Danh và Nghi Mông Sơn; Tiểu công phu: Tụng Sám Di-đà và Nghi Mông Sơn; *III. Vu Lan Bồn Kinh*; *IV. Quán Thế Âm Bồ-tát Phổ Môn Phẩm*; *V. Tiểu Thời Thọ Trì*; Tam Qui-Ngũ Giới.

Tác phẩm này tái bản năm 2009, Nxb Tôn Giáo, khổ 14.5 x 20.5cm, dày 334 trang, bìa mềm, nền vàng, chữ tựa màu đỏ, với nhan đề là “Thiền Môn Nhựt Tụng”.

1.067. THIÊN ÁC NGHIỆP BÁO Chư Kinh Tập Yếu (Trọn bộ 2 tập)

Pháp sư Đạo Thế

Chủ biên: *Thích Nguyên Chơn*

Nxb Phương Đông – 2009

Kinh có khổ 14.5 x 20.5cm, tổng cộng 2 tập có 20 quyển, dày 1.402 trang, bìa mềm, có hộp đựng.

Tập I, dày 767 trang, gồm có 10 quyển. Phần đầu, Tựa (1, 2, 3); *Quyển 1*, Kính Tam Bảo, Kính Phật (Lời dẫn, Niệm thập phương Phật, Niệm Phật Thích-ca, Niệm Phật A-di-đà, Niệm Phật Di-lặc, Niệm Phật tam-muội); *Quyển 2*, Kính pháp (Đại ý, Điều kiện thuyết pháp, Nhân duyên nghe pháp, Tiêm và đốn, Cầu pháp, Cảm được phúc báo, Báo ân, Phỉ báng pháp; Kính Tăng: Lời dẫn, Lợi ích, Tôn giảm); *Quyển 3*, Kính tháp (Lời dẫn, Dẫn chứng, Dựng tháp, Cảm báo, Nhiều tháp, Vào chùa, Sửa chùa tháp; Nhiếp niệm: Lời dẫn, Thập niệm, Lục niệm (Niệm Phật, pháp, Tăng, giới), Pháp nguyện); *Quyển 4*, Nhập đạo (Lời dẫn, Ưu thích và nhàm chán, Xuất gia, Dẫn chứng), Tán tụng (Lời dẫn, Dẫn chứng, Khen ngợi công đức), Hương đăng (Lời dẫn, Hoa hương, Đốt đèn, Treo tràng phan); *Quyển 5*, Thụ thỉnh (Lời dẫn, Cúng dường, Phân biệt những điều sai lầm, Thánh Tăng, Bỏ thí thức ăn, Ăn đúng thời, Cách ăn, Ăn xong); *Quyển 6*, Thụ trai (Lời dẫn, Chứng minh), Phá trai (Lời dẫn,

Chứng minh), Phú quý (Lời dẫn, Chứng minh), Bàn tiện (Lời dẫn, Dẫn chứng, Tu-đạt, Bàn nhi, Bàn nữ); *Quyển 7*, Khuyên khích tu tập (Lời dẫn, khuyên răn người nam, Khuyên răn người nữ, Khuyên đạo, Quyển thuộc, Bỏ chấp, Giáo giới); *Quyển 8*, Báo ân (Lời dẫn, Báo ân, Vong ân, Kệ kết duyên), Phóng sinh (Lời dẫn, Giết hại, Phóng sinh, Cứu nạn, Kết khuyên), Làm phúc (Lời dẫn, Tu phúc, Đúng pháp, Cúng dường, Chuẩn bị nước tắm cho Tăng, Các việc phúc khác, Kệ kết khuyên); *Quyển 9*, Chọn bạn kết giao (Lời dẫn, Thiện tri thức, Ác tri thức, Vay trả, Răn lỗi lầm), Suy nghĩ thận trọng (Lời dẫn, Thận trọng đối với: lỗi lầm, tai họa, hoàn cảnh, vật thụ dụng); *Quyển 10*, Lục độ: 1. Bố thí (Lời dẫn, Bỏ xén và dối trá, Bố thí tài vật, Bố thí giáo pháp, Lượng định để bố thí, Phúc điền, Đồi đãi), 2. Trì giới (Lời dẫn, Khuyên giữ giới), 3. Nhẫn nhục (Lời dẫn, Khuyên nhẫn nhục, Lợi ích của nhẫn nhục), 4. Tinh tiến (Lời dẫn, Biếng nhác, Sách tấn tu tập), 5. Thiên định (Lời dẫn, Tướng của thiên định), 6. Trí tuệ (Lời dẫn, Cầu pháp).

Tập II, có 635 trang, 10 quyển (từ quyển 11-20). *Quyển 11*, Tập nhân (Lời dẫn, Phát nghiệp, Hành vi tội, Hành vi phúc, Nghiệp khác); *Quyển 12*, Dục cái (Lời dẫn, Năm dục, Khổ do dục trói buộc, Khổ do dục chướng ngại, Chê trách khổ đau do dục gây tạo; Năm món ngăn che: tham dục, sân khuê, thùy miên, trạo hối, nghi), Tứ sinh (Lời dẫn, Tổng hợp về các tên gọi về bốn hình thái sinh, Phối hợp giữa bốn loài và sáu đường, Ngũ sinh, Trung âm, Thụ thai); *Quyển 13*, Thụ báo (Lời dẫn, Loại báo, Hiện báo, Sinh báo, Hậu báo, Định báo, Bất định báo, Thiện báo, Ác báo: 1. Sát sinh là nỗi khổ lớn thứ nhất, 2. Trộm cắp là...thứ hai, 3. Tà dâm là ...thứ ba, 4. Vọng ngữ ...thứ tư, 5. Nói đôi chiều

là ...thứ năm, 6. Ác khẩu là... thứ sáu, 7. Nói lời vô nghĩa...thứ bảy, 8. Tham dục là... thứ tám, 9. Sân hận là... thứ chín, 10. Tà kiến là... thứ mười); *Quyển 14*, Mười việc ác (sát sinh, trộm cướp tài vật, tà dâm, nói lời giả dối, nói lời hung ác); *Quyển 15*, Mười việc ác (tiếp theo: nói lưỡi đôi chiều, nói lời nịnh hót, tham lam keo kiệt, giận dữ ghen ghét, nhận thức sai lầm); *Quyển 16*, Dối trá (Lời dẫn, Giả làm thân gần, Dùng độc mưu hại, Giả làm phú quý, Giả can đảm, Loài vật dối trá), Lười biếng và kiêu mạn (Lời dẫn, Dẫn chứng, Lập chí); *Quyển 17*, Rượu thịt (Lời dẫn, Uống rượu, Ăn thịt), Xem tướng (Lời dẫn, Xem tướng, Lòng tin); *Quyển 18*, Địa ngục (Lời dẫn, Tổng hợp các tên, Thụ quả báo, Thời gian chịu tội, Vị vua quản ngục, Cung điện của vua Diêm-la, Nghiệp nhân, Khuyên răn); *Quyển 19*, Tổng chung (Lời dẫn, chăm sóc người bệnh, Chữa bệnh, Sắp đặt, Nhiếp niệm, Mạng chung, Đưa tiễn, Thụ sinh, Cúng tế); *Quyển 20*, Linh tinh (Lời dẫn, Oán khổ, Bát khổ, Trùng ngục, Ngũ tân, Hắt hơi, Đại tiểu tiện, Hộ tịnh, Minh chung, Nhập chúng, Suy tướng, Ngủ mộng, Tạp hạnh).

1.068. THỦ LĂNG NGHIÊM KINH

Đại Phật Đảnh Như Lai Mật Nhân Tu Chứng Liễu Nghĩa Chư Bồ-tát Vạn Hạnh Thủ Lăng Nghiêm Kinh

Linh Sơn Phật Học Nghiên Cứu Hội

Hán dịch: *Sa-môn Bát-lặc-mật-đế*

Việt dịch: *Đại đức Thích Chơn Giám*

và *Sa-môn Thích Như Phước & Sa-môn Thích Từ Quang*

Hội quán Chùa Linh Sơn (Sài Gòn) xuất bản – 1961

Kinh dày 637 trang, bìa mềm. Nội dung gồm có: Vài lời trần thuyết của Linh Sơn Phật Học Nghiên Cứu Hội, Bài tựa – Diễn giải *Kinh Thủ Lăng Nghiêm*, Đề mục,

Phần Thông tự, Biệt Tự phần, Chánh Tông phần, có 10 quyển (từ Q.I đến Q.X, bố cục Kinh được phân ra thành từng đoạn, ở mỗi trang: phần trên là phiên âm Hán-Việt, phần dưới là dịch nghĩa, phần cuối có chú thích); Khuyên người thọ trì Kinh Thủ Lăng Nghiêm.

Tác phẩm Kinh này đã được Chọn Đức Thiền viện (Sài Gòn) ấn hành lần đầu năm 1957.

1.069. THỦ LĂNG NGHIÊM KINH Tuyển Trạch Tâm Tu

HT. Từ Thông – Như Huyền Thiền sư

Nxb Hồng Đức – 2016

Kinh có khổ 14.5 x 20.5cm, dày 323 trang, bìa cứng, nền màu đỏ, chữ màu vàng. Nội dung gồm có: Lời đầu sách; Đề Kinh, Nhân duyên và thời điểm Phật nói Kinh Thủ Lăng Nghiêm, Tâm là căn bản của Bồ-đề Niết-bàn và cũng là căn bản của luân chuyển sanh tử, Gạn hỏi tâm, 1. A-nan cho rằng tâm ở trong thân, 2. A-nan cho rằng tâm ở ngoài thân, 3. A-nan cho rằng tâm núp sau con mắt, 4. A-nan cho rằng nhắm mắt thấy tôi là tâm thấy trong thân, 5. A-nan cho rằng sự suy nghĩ hợp với chỗ nào thì tâm liền ở chỗ đó, 6. A-nan cho rằng tâm ở chặng giữa, 7. A-nan cho rằng tâm là cái không dính dáng vào đâu cả, Luân hồi sanh tử không phải là hiện tượng họa gởi tai bay, Bồ-đề Niết-bàn không phải là cảnh giới siêu nhiên do đấng siêu nhân nào ban tặng, Lại gạn hỏi cái tâm, Tâm thì phải có thể tánh-không thể tánh không phải là tâm, Cái tánh thấy của mắt chỉ là hiện lượng, Gạn hỏi nghĩa khách trần nhằm chỉ rõ hiện tượng vọng tưởng diệt sanh-Ví dụ chủ và hư không để khai thị chân tâm thể thường trú, Trong thân thể vô thường sanh diệt-còn có cái thường bất sanh bất diệt, Rằng ngược-rằng xuôi chỉ là sự áp đặt chủ quan một ý thức

chấp mắc, Lựa bỏ tâm vương víu cảnh duyên để chỉ tánh thấy không chỗ trả về, Vật là đối tượng phân biệt của tâm. Tâm biểu hiện qua cái thấy là chủ thể phân biệt vật, Tánh thấy không lớn nhỏ đứt nối-chỉ do tiền cảnh ngăn ngại mà thôi, Tánh thấy và vật bị thấy vốn là tâm tánh Bồ-đề nhiệm màu sáng suốt, Văn-thù cầu Phật thương xót. Phật dạy tánh thấy không thể đặt vấn đề “là” hay “không là”, Tánh thấy rời tất cả tướng-nhưng không ngoài tất cả pháp. Giáo lý Nhân duyên vẫn chưa là Đệ nhất nghĩa. Thuyết Tự nhiên là một nhận thức sai lầm về chân lý vũ trụ, Do nhận thức sai lầm khiến cho con người bỏ mất bản tâm thanh tịnh-bản giác thường trú của mình, Tánh thấy ngoài hai nghĩa: Hòa hợp và Không hòa hợp, Bốn khoa-Bảy đại vốn là hiện tượng-tướng biểu hiện từ Như Lai tạng, Năm âm là hiện tượng-tướng biểu hiện từ Như Lai tạng, Sáu nhập là hiện tượng-tướng biểu hiện từ Như Lai tạng, Mười hai xứ là hiện tượng-tướng biểu hiện từ Như Lai tạng, Mười tám giới là hiện tượng-tướng biểu hiện từ Như Lai tạng, Bảy đại là hiện tượng-tướng biểu hiện từ Như Lai tạng, A-nan và đại chúng tán dương Phật-phát nguyện và trình Phật những điều tâm đắc của mình, Phật thuyết minh: Tánh của các đại vốn không ngăn ngại gì nhau-nhằm khai thị chân lý: Sắc không, Phật chỉ nguồn gốc vọng tưởng của hiện tượng tâm lý, Phật khai thị nguồn gốc duyên khởi của hiện tượng vật chất, Phật dạy rõ về hai tướng tương tục: Giác không sanh mê-Thất đại dung được nhau mà không có gì trở ngại, Giác không sanh mê, Lại nói rõ vấn đề các đại có thể dung nhau, Khiển trách chúng sanh bội giác hợp trần và khai thị phương pháp bội trần hợp giác, Phật khai thị Như Lai tạng rời tất cả tướng “là” tất cả pháp, Như Lai tạng rời tất cả tướng, Như Lai tạng rời tất cả pháp,

Dùng Phật nhãn nhìn hiện tượng vạn pháp-không có vấn đề “là” hay “không là” trong Như Lai tàng bản thể chân như mẫu nhiệm, Mê vọng không có nguyên nhân-hết mê là Bồ-đề, Lại rơi vào nhận thức đối đãi của thuyết Nhân duyên và Tự nhiên, A-nan trần thuật chỗ thâm ngộ và thỉnh vấn pháp tu giải thoát, Nghĩa quyết định thứ nhất: - Phật dạy rõ về sự tác dụng của sắc tâm vô thi, - Khai thị về năm thứ ô trược, - Dựa vào nhân tu mà suy biết quả sở chứng, Nghĩa quyết định thứ hai: - Trắc nghiệm sự điên đảo ở căn hay ở trần để tìm mối manh mở gút, Căn cảnh là nguồn gốc của sự buộc ràng. Tháo gỡ buộc ràng hãy tìm một căn thù thắng nhất, Sắc không tác dụng lẫn nhau-phản ánh ra căn trần thành chủ thể và đối tượng, Vọng chủ thể phân biệt sanh đối tượng nhận thức làm hạn chế tánh giác minh. Lục căn toàn khuyết tri kiến vẫn không thêm bớt, Phật bảo đánh chuông để nghiệm xét Tánh nghe của nhĩ căn là thường trú, A-nan nghi ngờ: Kiến văn giác tri không có tự thể, Khai thị Tánh nghe của nhĩ căn là thường trú, Hiểu biết chồng thêm hiểu biết là gốc rễ của vô minh. Hiểu biết vạn pháp đúng như thật là mở được cánh cửa vào thành đô Niết-bàn trong hiện tại, A-nan lại hỏi về vấn đề mở gút, Khai thị chân lý vốn không hai. Phật Phật đạo đồng, Căn cảnh cùng một gốc-cột mở không hai nguồn, Tóm lược ý thú của những đoạn Kinh trên qua bài trùng tụng, Chỉ một cái khăn mà sáu lần cột thì thành sáu gút-mở hết sáu gút một cũng không còn, Nguyên do của một sáu dị đồng, Cột gút đã có thứ lớp thì phải mở có trước có sau, Quả vị có thấp cao giải thoát giống nhau không khác. Căn trần thức giới thất đại đều là dữ kiện chứng Viên thông thường, 1. Do thanh trần đắc Viên thông thường, 2. Do sắc trần đắc Viên thông thường, 3. Do hương trần

đắc Viên thông thường, 4. Do vị trần đắc Viên thông thường, 5. Do xúc trần đắc Viên thông thường, 6. Do pháp trần đắc Viên thông thường, 7. Do nhãn căn đắc Viên thông thường, 8. Do tỷ căn đắc Viên thông thường, 9. Do thiệt căn đắc Viên thông thường, 10. Do thân căn đắc Viên thông thường, 11. Do ý căn đắc Viên thông thường, 12. Do nhãn thức đắc Viên thông thường, 13. Do nhĩ thức đắc Viên thông thường, 14. Do tỷ thức đắc Viên thông thường, 15. Do thiệt thức đắc Viên thông thường, 16. Do thân thức đắc Viên thông thường, 17. Do ý thức đắc Viên thông thường, 18. Do hòa đại đắc Viên thông thường, 19. Do địa đại đắc Viên thông thường, 20. Do thủy đại đắc Viên thông thường, 21. Do phong đại đắc Viên thông thường, 22. Do không đại đắc Viên thông thường, 23. Do kiến đại đắc Viên thông thường, 24. Do thức đại đắc Viên thông thường, Do nhĩ căn đắc Viên thông thường, - Quán Thế Âm trần thuật pháp tu chứng của mình, - Phật bảo Văn-thù so sánh chọn căn ưu việt nhất, So sánh sự ưu khuyết của sáu cảnh-năm căn-sáu thức và bảy đại, 1. Nhược điểm của sáu cảnh, 2. Nhược điểm của năm căn, 3. Nhược điểm của sáu thức, 4. Nhược điểm của bảy đại, 5. Sự ưu việt của nhĩ căn, Sự chuyển biến tốt sau khi nghe và nhận thức tính ưu việt của nhĩ căn, Phật khai thị ba môn Vô lậu học, Phật khai thị bốn điều cơ bản xuất trần, Đức Phật chỉ rõ hai nguyên nhân điên đảo vọng chấp về thế giới và chúng sanh, Phật dạy 3 món tiệp thứ, Những mối nghi ngờ sâu sắc có tính phổ biến được Phật dạy bày, Tu hành chỉ là một phương tiện để diệt vọng quy chân; Lời sau sách.

1.070. THỦ LĂNG NGHIÊM KINH
Trực Chỉ Đề Cương – 3 Tập
 Giáo án Cao cấp Phật học

Nguyên tác: *Pháp sư Thích Từ Thông*
Huỳnh Mai Tịnh thất, PL. 2536 – DL.
1992, Lưu hành nội bộ

Kinh có khổ 14.5 x 20.5cm, bìa mềm, nền trắng, chữ tựa màu đen, có hoa văn chìm, màu vàng, có viền khung màu đen.

Tập I, dày 139 trang; nội dung gồm có 3 chương: Lời nói đầu, C.1 Đề Kinh, Nhơn duyên và thời điểm Phật nói Kinh Thủ Lăng Nghiêm; C.2 Tâm là căn bản của Bồ-đề Niết-bàn và cũng là căn bản của luân chuyển sanh tử, Ông A-nan cho rằng tâm ở: trong thân, ngoài thân, núp sau con mắt, Ông A-nan cho rằng nhắm mắt thấy tối là tâm ở trong thân, Ông A-nan cho rằng sự suy nghĩ hợp với chỗ nào thì tâm liền ở chỗ đó, Ông A-nan cho rằng: tâm ở chặng giữa, tâm là cái không dính dán vào đâu cả, Luân hồi sanh tử không phải là hiện tượng họa gởi tai bay, Bồ-đề Niết-bàn không phải là cảnh giới siêu nhiên do đấng siêu nhân nào ban tặng, Lại gạn hỏi cái tâm, Tâm thì phải có thể tánh, không thể tánh không phải là tâm, Cái tánh thấy của mắt chỉ là hiện lượng, Gạn hỏi nghĩa khác trần nhằm chỉ rõ hiện tượng vọng tưởng diệt sanh. Ví dụ chủ và hư không để khai thị bản thể chơn tâm thường trú; C.3 Trong thân thể vô thường sanh diệt còn có cái thường bất sanh bất diệt, Rằng ngược xuôi chỉ là sự áp đặt chủ quan, một ý thức chấp mắc, Lựa bỏ tâm vương víu cảnh duyên để chỉ tánh thấy không chỗ trả về, Vật là đối tượng phân biệt của tâm, Tâm biểu hiện qua tánh thấy là chủ thể phân biệt vật, Tánh thấy không lớn nhỏ đứt nối chỉ do tiền trần ngăn ngại mà thôi, Tánh thấy và vật bị thấy vốn là tâm tánh Bồ-đề nhiệm màu sáng suốt, Không có cái nào là tánh thấy, Tất cả cái nào cũng là tánh thấy, Bồ-tát Văn-thù cầu Phật thương xót... Phật dạy: Tánh thấy không thể đặt vấn đề “là” hay “không là”, Tánh thấy rời tất cả

tướng, nhưng nó không ngoài tất cả pháp, Giáo lý Nhân duyên vẫn chưa là đệ nhất nghĩa, Thuyết Tự nhiên là một nhận thức sai lầm chơn lý vũ trụ, Do nhận thức sai lầm khiến cho con người bỏ mất bản tâm thanh tịnh, bản giác thường trú của mình, Tánh thấy ngoài hai nghĩa: Hòa hợp và không hòa hợp, Bốn khoa, bảy đại là hiện tượng biểu hiện từ Như Lai tạng, Năm âm, Sáu nhập, Mười hai xứ, Mười tám giới, Bảy đại là hiện tượng biểu hiện từ Như Lai tạng, Ông A-nan và đại chúng tán dương Phật, phát nguyện và trình Phật những điều tâm đắc của mình.

Tập II, dày 160 trang; nội dung gồm có 3 chương (C.4, C.5 và C.6): C.4 Phật thuyết minh tánh của các đại vốn không ngăn ngại gì nhau; nhằm khai thị chân lý: sắc không không sắc, Phật chỉ nguồn gốc vọng tưởng của hiện tượng tâm lý, Khai thị nguồn gốc duyên khởi của hiện tượng vật chất, Phật dạy rõ về 3 tướng tương tục: Thế giới, chúng sanh và nghiệp lực, Tóm kết: Giác không sanh mê, thất đại dung được nhau mà không có gì trở ngại, Lại nói rõ vấn đề các đại có thể dung nhau, Khiển trách chúng sanh bội giác hiệp trần và khai thị phương pháp bội trần hiệp giác, Phật khai thị Như Lai tạng rời tất cả tướng là tất cả pháp, Dùng Phật nhãn nhìn hiện tượng vạn pháp không có vấn đề “là” hay “không là” trong Như Lai tạng bản thể chơn như màu nhiệm, Mê vọng không có nguyên nhân hết mê là Bồ-đề (giác), Lại rơi vào nhận thức đối đãi của thuyết Nhân duyên và Tự nhiên, Phật chỉ hai nghĩa quyết định, Ông A-nan trần thuật chỗ thâm ngộ và thỉnh vấn tu giải thoát, Nghĩa quyết định thứ nhất, Sự tác dụng của sắc tâm vô thi, Khai thị về năm thứ ô trược, Dựa vào nhân tu mà suy biết quả sở chứng, Nghĩa quyết định thứ hai, Trắc nghiệm sự điên đảo ở căn hay ở trần để tìm mối manh mở

gút, Căn cảnh là nguồn gốc của sự buộc ràng, Tháo gỡ buộc ràng hãy tìm một căn thù thắng nhất, Sắc-không tác dụng lẫn nhau, phản ánh ra căn trần thành năng sở, Vọng năng sanh sở làm hạn chế tánh giác minh, Lục căn toàn khuyết tri kiến vẫn không thêm bớt, Phật bảo đánh chuông để nghiệm xét tánh nghe của nhĩ căn là thường trú, Ông A-nan nghi ngờ kiến văn giác tri không có tự thể, Khai thị tánh nghe của nhĩ căn là thường trú; C.5 Hiểu biết chồng thêm hiểu biết là gốc rễ của vô minh, Hiểu biết vạn pháp đúng như thật là nhân tố của Niết-bàn hiện tại, Ông A-nan lại hỏi vấn đề mở gút, Khai thị chân lý vốn không hai và Phật Phật đạo đồng, Căn trần cùng một gốc, Cột mở không hai nguồn, Phật tóm lược ý thú của những đoạn Kinh trên qua bài văn trùng tụng, Một cái khăn mà sáu lần cột thì thành sáu gút, Mở hết sáu gút một cũng không còn, Nguyên do của một sáu dị đồng, Cột gút có thứ lớp thì mở phải có trước sau, Quả vị có thấp cao, giải thoát giống nhau không khác mấy, Căn trần thức giới thất đại đều là dữ kiện chứng viên thông, Phật hỏi đại chúng về nhân duyên ngộ đạo, và dữ kiện chứng đắc viên thông (do sáu trần, sáu căn, sáu thức, bảy đại được viên thông); C.6 Do nhĩ căn được viên thông, Bồ-tát Quán Thế Âm trần thuật pháp tu chứng của mình, Do từ tâm Bồ-tát Quán Thế Âm hiện 32 ứng thân, Do bị tâm Bồ-tát Quán Thế Âm thành tựu 14 đức vô úy, Quán Thế Âm có 4 đức nhiệm màu không thể nghĩ bàn, Phật bảo Văn-thù so sánh chọn căn ưu việt nhất, So sánh sự ưu khuyết của sáu trần, năm căn, sáu thức và bảy đại, Sự chuyển biến tốt sau khi nghe và nhận thức tánh ưu việt của nhĩ căn, Phật khai thị về ba môn vô lậu học và bốn điều cơ bản xuất trần, Đoạn tâm dâm dục, Trừ tâm sát sanh, Dứt tâm thù hận, Bỏ tâm vọng ngữ.

Tập III, dày 147 trang; nội dung có 4 chương (C.7, C.8, C.9 và C.10): C.7 1. Phật khai thị về hiệu năng của Mật giáo, 2. Phật tuyên nói Thủ Lăng Nghiêm tâm chú, 3. Sự lợi ích của Thủ Lăng Nghiêm chú với mọi giai tầng xã hội, 4. Hỏi về cấp bậc và địa vị trên đường tu chứng, 5. Đức Phật chỉ rõ hai nguyên nhân điên đảo vọng chấp về thế giới và chúng sanh trước khi giải đáp vấn đề địa vị trên đường tu chứng; C.8 1. Phật dạy ba món tiệm thứ, 2. Các địa vị trong tiến trình tu chứng, 3. Kinh Thủ Lăng Nghiêm có nhiều tên gọi, 4. Những mối nghi ngờ sâu sắc có tính phổ biến được Phật dạy bày, 5. Do những tập nhân bất thiện tự chiêu cảm các ác quả khổ đau, 6. Sáu thứ khổ báo là kết quả của bất thiện nghiệp phát xuất từ lục căn và lục thức của con người, 7. Nói về các dư báo sau khi ra khỏi địa ngục, 8. Mười thứ tiên do tu Di nhân kết thành Di quả, 9. Trời Dục giới; C.9 1. Trời Sắc giới, 2. Trời Vô sắc giới, 3. Bốn loài A-tu-la, 4. Tu hành chỉ là một phương tiện để diệt vọng qui chơn, 5. Trên bước đường tu phải cảnh giác các hiện tượng khuấy nhiễu của ma, 6. Những hiện tượng thuộc phạm vi Sắc âm, 7. Những hiện tượng thuộc phạm vi Thọ âm, 8. Những hiện tượng thuộc phạm vi Tưởng âm; C.10 1. Những nhận thức sai lầm thuộc phạm vi Hành âm, 2. Những nhận thức sai lầm thuộc phạm vi Thức âm, 3. Phần lưu thông.

Phụ lục: Quả vô thượng Niết-bàn của Như Lai chỉ là kết quả của quá trình đấu tranh với dục vọng và chiến thắng hoàn toàn bọn giặc cướp phiền não vô minh. 1. Muốn hiểu Niết-bàn trước hết cần điều chỉnh những quan niệm ngộ nhận về Niết-bàn, 2. Hiểu đúng nghĩa Niết-bàn mới tìm thấy và biết được Niết-bàn, 3. Niết-bàn không phải là một cảnh giới dành để cho một hạng người.

TR

1.071. TRÌ THỂ ĐÀ-LA-NI KINH (Vasudhàra Dhàranì Sùtra)

Mật Tạng bộ 3 – No. 1068

Hán dịch: *Tam tạng Pháp sư*

Huyền Trang (602-664)

Việt dịch (2007): *Huyền Thanh*

Tác phẩm Kinh này có 33 trang (PDF), nội dung gồm: 1. Thay lời tựa, 2. Trì Thể Đà-la-ni Kinh, 3. Phật thuyết Vũ bảo Đà-la-ni Kinh, 4. Phật thuyết Đại thừa Thánh Cát tường Trì Thể Đà-la-ni Kinh, 5. Thánh Trì Thể Đà-la-ni Kinh, 6. Vasudhàra Dhàranì. (<https://quangduc.com>, *Kinh-Hán tạng*)

1.072. Trích Diễm PHÁP CÚ NAM TÔNG

Biên tập: *Trí Quang*

Nxb Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh – 2011

Sách dày hơn 100 trang, bìa cứng, có bìa bao, chữ tựa màu nâu đỏ. Nội dung gồm có 26 phẩm Kinh.

Xem: *Trích Pháp Cú Nam Tông*

1.073. TRÍCH PHÁP CÚ NAM TÔNG

Biên tập: *Trí Quang (1923-2019)*

Nxb Tôn Giáo, PL. 2544 – DL. 2001

Sách có khổ 13 x 19cm, dày 616 trang, bìa mềm, có tay gấp, chữ tựa màu đen, có hình Đức Phật và chư Tăng. Nội dung tác phẩm gồm có: Tổng quan Pháp cú Nam tông, Trích Pháp cú Nam tông, Trích truyện tích Pháp cú Nam tông, Trích tụng Pháp cú Nam tông, có 26 phẩm: 1. Song song, 2. Tự chế, 3. Tâm ý, 4. Hoa hương, 5. Kể ngu, 6. Người trí, 7. La-hán, 8. Số ngàn, 9. Điều ác, 10. Dao gậy, 11. Già yếu, 12. Tự mình, 13. Cuộc đời, 14. Đức

Phật, 15. Yên vui, 16. Yêu thích, 17. Giận dữ, 18. Dơ bẩn, 19. Sống pháp, 20. Đường đi, 21. Tập lục, 22. Địa ngục, 23. Con voi, 24. Ái dục, 25. Tỳ-kheo, 26. Tịch hạnh.

Tác phẩm này tái bản năm 2011, Nxb Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh.

1.074. Triết Lý KINH HOA NGHIÊM Chân Tâm

Nxb Tôn Giáo – 2006

Sách có khổ 14 x 20cm, dày hơn 215 trang. Nội dung gồm có: *Triết lý Kinh Hoa Nghiêm*, Phần I. Vài dòng lịch sử về bộ Kinh và Tôn Hoa Nghiêm, Các bản dịch, Tên Kinh, Thời gian đức Phật nói Kinh Hoa Nghiêm, Nơi đức Phật nói Kinh Hoa Nghiêm; Phần II. A. Chủ thuyết của Kinh Hoa Nghiêm, Lý Duyên khởi, Bốn Pháp giới, Sáu tướng, Mười huyền môn; B. Vũ trụ quan của Phật giáo qua Kinh Hoa Nghiêm, C. Nhân sinh quan của Phật giáo qua Kinh Hoa Nghiêm, D. Kết luận; *Thử tìm hiểu Kinh Hoa Nghiêm*, Dẫn nhập, I. Tên Kinh, II. Thời kỳ Phật nói Kinh Hoa Nghiêm, III. Thành phần thính giả, IV. Những địa điểm nói Kinh, V. Hai cách thuyết pháp, VI. Giáo lý căn bản, VII. Chủ trương và mục đích, VIII. Phương pháp tu hành, IX. Lợi ích, X. Kết luận.

1.075. TRUNG A-HÀM (3 Cuốn) – Tiểu Tạng Kinh

Dịch và Chú: *Tuệ Sỹ*

Nxb Hồng Đức – 2019

Kinh có khổ 14 x 20.5cm, tổng cộng 3 cuốn dày 2.210 trang, bìa cứng.

(Bộ Trung A-hàm 3 cuốn và 1 cuốn Tổng Mục lục)

Cuốn I, Trung A-hàm, dày 810 trang; nội dung gồm có 8 phẩm, 86 Kinh:

Phẩm 1, 1.K THIÊN DUYÊN, 2.K TRÚ ĐỘ THỌ, I. Chu kỳ cây trú độ trở hoa, II. Quá trình Thánh đệ tử tu tập, 3.K THÀNH

DỤ, I. Vương thành phòng hộ, II. Thánh đệ tử phòng hộ, 4.K THỦY DỤ, I. Bảy hạng người dưới nước, II. Bảy hạng phàm Thánh, 5.K MỘC TÍCH DỤ, 6.K THIÊN NHÂN VÃNG, 7.K THẾ GIAN PHƯỚC, I. Thế gian phước, II. Xuất thế gian phước, 8.K THẮT NHẬT, I. Bảy mặt trời, II. Đại sư Thiện Nhân, IX.K THẮT XA, 1. Mãn Từ tử, 2. Xá-lợi-phất, 3. Giới tịnh và đoạn trí tịnh, 4. Vô dư Niết-bàn, 5. Bảy trạm xe, 6. Hai vị Tôn giả, 10.K LẬU TẬN, I. Tri kiến đoạn trừ lậu, II. Bảy đoạn trừ lậu; *Phẩm 2*, 11.K DIÊM DỤ, 12.K HÒA PHÁ, 13.K ĐỘ, 14.K L-HÀU-LA, 15.K TỬ, 16.K GIÀ-LAM, 17.K GIÀ-DI-NI, 18.K SƯ TỬ, I. Ni-kiền tử Sư tử, II. Các tông chi, III. Sư tử quy y, 19.K NI-KIÊN, 1. Túc nghiệp nhân, 2. Khổ hành hiện tại, 3. Các thuận thọ nghiệp, 4. Năm quan điểm đáng chỉ trích, 5. Pháp được chứng nghiệm, 6. Năm điều tán thán Như Lai, 7. Pháp dẫn đến an lạc cứu cánh, 20.K BA-LA-LAO, 1. Thôn trưởng Ba-la-lao, 2. Phật và huyền thuật, 3. Nghiệp báo hiện tại, 4. Sáu vị luận sĩ, 5. Phá chánh định; *Phẩm 3, Tương ưng Xá-lợi-phất/183*, 21.K ĐĂNG TÂM, 22.K THÀNH TỰU GIỚI, 23.K TRÍ, 24.K SƯ TỬ HỒNG, 25.K THỦY DỤ, 26.K CÙ-NI-SƯ, 27.K PHẠM CHÍ ĐÀ-NHIÊN, 28.K GIÁO HÓA BỆNH, 29.K ĐẠI CÂU-HI-LA, 30.K TƯỢNG TÍCH DỤ, Bốn Thánh đế, Năm thủ uân, Địa giới, Thủy giới, Hỏa giới, Phong giới, Thấy pháp, 31.K PHÂN BIỆT THÁNH ĐẾ, Bốn Thánh đế, Xá-lợi-phất; *Phẩm 4*, 32.K VỊ TẦNG HỮU PHÁP, 33.K THỊ GIẢ, A-nan, Pháp vị tầng-hữu của A-nan, A-nan tự thuyết, A-nan trước giờ Phật Niết-bàn, 34.K BẠC-CÂU-LA, 35.K A-TU-LA, Tám pháp vị tầng-hữu của biên, Tám pháp vị tầng-hữu của Phật pháp, 36.K ĐỊA ĐỘNG, Ba nguyên nhân

địa động, Phật giữa tám chúng, 37.K CHIÊM-BA, Thuyết Biệt giải thoát, Tám pháp vị tầng-hữu của Phật pháp, 38.K ÚC-GIÀ TRƯỞNG GIẢ (I), 39.K ÚC-GIÀ TRƯỞNG GIẢ (II), 40.K THỦ TRƯỞNG GIẢ (I), 41.K THỦ TRƯỞNG GIẢ (II); *Phẩm 5, Tương ưng Tập/393*, 42.K HÀ NGHĨA, 43.K BÁT TỬ, 44.K NIỆM, 45.K TÂM QUÝ (I), 46.K TÂM QUÝ (II), 47.K GIỚI (I), 48.K GIỚI (II), 49.K CUNG KÍNH (I), 50.K CUNG KÍNH (II), 51.K BỒN TẾ, 52.K THỰC (I), 53.K THỰC (II), 54.K TẬN TRÍ, 55.K NIẾT-BÀN, 56.K DI-HÊ, 57.K TỨC VỊ TỈ-KHEO THUYẾT; *Phẩm 6, Tương ưng Vương (I)*, 58.K THẮT BẢO, 59.K TAM THẬP NHỊ TƯỚNG, 60.K TỨ CHÂU, 61.K NGƯỜU PHẤN DỤ, 62.K TẢN-TỈ-SA-LA VƯƠNG NGHINH PHẬT, 63.K TỈ-BÀ-LĂNG-KÌ, Phật Ca-diếp, Nhân duyên Nan-đề-bà-la, Nhân duyên Ưu-đà-la, Vua Giáp-tỳ, 64.K THIÊN SỬ, Sinh tử trí, Phán xử của Diêm vương, Tội báo địa ngục, Ước nguyện của Diêm Vương, *Phẩm 7*, 65.K Ô ĐIỀU DỤ, 66.K THUYẾT BỒN, 67.K ĐẠI THIÊN NẠI LÂM, 68.K ĐẠI THIÊN KIẾN VƯƠNG, 69.K TAM THẬP DỤ, 70.K CHUYỂN LUÂN VƯƠNG, 71.K TỈ-TỨ, 1. Phán luận của Ca-diếp, 2. Các luận chứng của Tỳ-tứ, 3. Sự bảo thủ của Tỳ-tứ, 4. Tỳ-tứ khuất phục, 5. Sự bố thí của Tỳ-tứ; *Phẩm 8, Trường Thọ Vương/643*, 72.K TRƯỜNG THỌ VƯƠNG BỒN KHỞI, 73.K THIÊN, 74.K BÁT NIỆM, Tôn giả A-na-luật, Tám điều suy niệm, 75.K TỊNH BÁT ĐỘNG ĐẠO, Niết-bàn không chấp thủ, 76.K ÚC-GIÀ-CHI-LA, Bốn Niệm xứ, Bốn vô lượng, 77.K SA-KÊ-ĐẾ TAM TỘC TÁNH TỬ, Mục đích xuất gia, Diệt trừ dục bất thiện pháp, Thọ dụng và đoạn trừ, Ý nghĩa thọ ký, 78.K PHẠM THIÊN

THỈNH PHẬT, Phạm thiên khởi tà kiến, Ma Ba-tuần thuyết lý, Phạm thiên thuyết lý, Phật tự tại, Ba hạng chư thiên, Thần lực Phạm thiên, Ma Ba-tuần tác động, 79.K HỮU THẮNG THIÊN, Tiên Du Tài Chủ, Đại tâm và vô lượng tâm, Quang thiên, Tịnh quang thiên, Biến tịnh thiên, 80.K CA-HI-NA, Nhân duyên Y Ca-hi-na, Pháp Ca-hi-na, Phật tán thán pháp Ca-hi-na, 81.K NIỆM THÂN, Tu thân hành niệm, Chánh niệm chánh tri, Niệm hơi thở ra vào, Đắc tứ thiền, Quang minh tướng, Quán thân, Bất tịnh tướng, Thuận minh phần, Công đức niệm thân, 82.K CHI-LI-DI-LÊ, Chất-đa-la Tượng tử, Quán sát tâm người, Chất-đa-la bỏ đạo, 83.K TRƯỞNG LÃO THƯỢNG TÔN THUY MIÊN, Tôn giả Đại Mục-kiền-liên, Đối trị thù miên, Tự hội, Cảm thọ, 84.K VÔ THÍCH, 85.K CHÂN NHÂN, 86.K THUYẾT XỨ, Năm thủ uẩn, Mười hai xứ, Giới, Duyên khởi, Niệm xứ, Bốn chánh cần, Bốn như ý túc, Bốn thiền, Thánh đế, Bốn tướng, Bốn vô lượng, Bốn vô sắc, Bốn Thánh chủng, Samôn quả, Thành thực tướng, Giải thoát xứ, Năm căn, Năm lực, Năm xuất yếu giới, Thánh tài, Bảy lực, Giác chi, Thánh đạo.
Bộ Trung A-hàm (4 cuốn) này in lần đầu năm 2009, tái bản 2013 – Nxb Phương Đông.

Cuốn II, Trung A-hàm, từ tr. 825 đến tr. 1572; nội dung gồm có 7 phẩm (P.9 – P.15), từ K.87 đến K.165:

Phẩm 9, 87.K UẾ PHẨM, Bốn hạng người, Bình giá, Cầu uế, Không cầu uế, Mục-kiền-liên tán thán, 88.K CẦU PHÁP, Tỳ-kheo thừa tự thực, Tỳ-kheo tự pháp, Phật lược thuyết, Xá-lợi-phất quảng diễn, Tôn sư và đệ tử, Đệ tử xứng đáng thừa tự, Trung đạo, 89.K TỖ-KHEO THỈNH, Tỳ-kheo khó dạy, Tỳ-kheo dễ dạy, Tỳ-kheo tự quan sát, 90.K TRI PHÁP, 91.K CHU-NA

VÁN KIẾN, Xả ly kiến chấp, Pháp tiệm giảm, Hành thiện pháp, Pháp hắc bạch, Tự điều phục, Nhập Niết-bàn, 92.K THANH BẠCH LIÊN HOA DỤ, 93.K THỦY TỈNH PHẠM CHÍ, Hai mươi một câu uế, Thủy tịnh, 94.K HẮC TỖ-KHEO, Hạng ưa tranh cãi, Hạng không ưa tranh cãi, 95.K TRỤ PHÁP, 96.K VÔ; *Phẩm 10*, 97.K ĐẠI NHÂN, Duyên khởi thậm thâm, 1. Ý nghĩa các chi, 2. Thọ và ngã, 3. Thi thiết ngã, 4. Thức trụ và giải thoát, 98.K NIỆM XỨ, 1. Quán Thân, 2. Quán Thọ-Tâm-Pháp, 3. Cứu cánh, 99.K KHỔ ÁM (I), Biến tri sắc, Biến tri thọ, 100.K KHỔ ÁM (II), Diệt trừ một pháp, Năm dục công đức, Khổ hành Ni-kiền tử, 101.K TĂNG THƯỢNG TÂM, 102.K NIỆM, Hai loại tâm, Bất thiện tâm, Hý luận, Pháp tùy pháp hành, Dứt tâm tứ, 103.K SỰ TỬ HỒNG, Ngoại đạo không Sa-môn, Bốn chứng tịnh, Duy nhất cứu cánh, Hai kiến, Đoạn trừ thủ, 104.K ƯU-ĐÀM-BÀ-LA, Dị học Vô nhuế, Tăng ố hành: Khổ hành, Khổ hành cầu uế, Khổ hành không cầu uế, Khổ hành đệ nhất, Pháp tối thượng vi diệu, Cư sĩ thật ý, Ý nghĩa Phật thuyết pháp, 105.K NGUYỆN, 106.K TƯỞNG; *Phẩm 11*, 107.K LÂM (I), 108.K LÂM (II), 109.K TỰ QUÁN TÂM (I), 110.K TỰ QUÁN TÂM (II), 111.K ĐẠT PHẠM HẠNH, 112.K A-NÔ-BA, Đề-bà-đạt-đa, Đại nhân căn trí, Ba hạng người, 113.K CHƯ PHÁP BỒN, Pháp bản, Tích tập, 114.K ƯU-ĐÀ-LA, 115.K MẬT HOÀN DỤ, Chấp Trượng Thích, Tông chỉ pháp yếu, Đại Ca-chiên-diên quảng diễn, Phật ấn chứng, 116.K CÙ-ĐÀM-DI, Cù-đàm-di thỉnh nguyện, A-nan thỉnh nguyện, Tám kinh pháp, Kinh pháp thứ tám; *Phẩm 12*, 117.K NHU NHUYỆN, 118.K LONG TƯỢNG, 119.K THUYẾT XỨ, 120.K THUYẾT VÔ THƯỜNG, 121.K THỈNH TỈNH, 122.K CHIÊM-BA, 123.K

SA-MÔN NHỊ THẬP ƯC, Tinh tấn quá mức, Tự thuyết cứu cánh trí, 124.K BÁT NAN, 125.K BÀN CÙNG, 126.K HÀNH DỤC, 127.K PHƯỚC ĐIỀN, 128.K ƯU-BÀ-TẮC, Năm giới, Bốn chứng tịnh, 129.K OÁN GIA, 130.K GIÁO ĐÀM-DI, Tỳ-kheo cộc cần thô lỗ, Chuyển Luân vương Cao-lao-bà, Đại sư Thiện Nhân, 131.K HÀNH MA, Ma quỷ Mục-liên, Quá khứ ác ma, Ác ma xúi dục, Ác ma quyến dụ, Ác ma hành hung, 132.K LẠI-TRA-HÒA-LA, Thanh niên Lại-tra-hòa-la, Quyết chí xuất gia, Hóa độ song thân, Hội thoại Câu-lao-bà, Bốn trường hợp suy vi, Bốn nguyên nhân xuất gia, 133.K ƯU-BA-LY, Ba phật của Ni-kiền, Phật thuyết ý phật, Ni-kiền tử Ưu-ba-ly thách thức, Các luận chứng về ý phật, Ưu-ba-ly quy y Phật, Cư sĩ Ưu-ba-ly và Ni-kiền tử, 134.K THÍCH VẤN, Ngũ kế nhạc thần, Câu chuyện của Thiên Đê-thích, Những câu hỏi của Thiên Đê-thích, Tâm tư của Thiên Đê-thích, Hỷ lạc của Thiên Đê-thích, Đê-thích và Phạm Thiên, 135.K THIÊN SANH, Lạy sáu phương, Lạy sáu phương theo Thánh pháp, Bốn động lực hành phi pháp, Sáu phi đạo, Bốn hạng không nên gần, Bốn bạn lành, Sáu phương trong Thánh pháp, 136.K THƯỜNG NHÂN CẦU TÀI, Đảo hoan lạc, Phát hiện nguy hiểm, Mưu thoát thân, Mao Mã vương, 137.K THẾ GIAN, 138.K PHƯỚC, 139.K TỨC CHỈ ĐẠO, 140.K CHỈ BIÊN, 141.K DỤ;

Phẩm 13, 142.K VŨ THẾ, A-xà-thế và Bạt-kỳ, Các pháp bất thối của chúng Tỳ-kheo, Sáu ủy lạo, 143.K THƯỜNG-CA-LA, Thế tự và xuất gia, Phước tích bởi xuất gia, Ba thị đạo, 144.K TOÁN SỐ MỤC-KIỀN-LIÊN, Ý nghĩa của toán số, Trình tự tu tập, Cứu cánh bất định, Phạm hạnh ô uế, 145.K CÙ-MẶC MỤC-KIỀN-LIÊN, Ai thừa kế Phật, Tỳ-kheo nương

tựa ai? Mười pháp tôn kính, Trú xứ của Tỳ-kheo, Loại thiền không được tán thán, Thiền tứ được tán thán, 146.K TƯỢNG TÍCH DỤ, Bốn dấu chân nơi Phật, Theo dấu chân voi, Theo dấu chân Phật, 147.K VĂN ĐỨC, 148.K HÀ KHỔ, Khổ gì? Lạc gì? Lợi nghĩa gì? Lợi ích gì? Ác tri thức, Thiện tri thức, 149.K HA DỤC, 150.K UẤT-SÁU-CA-LA, Bốn cấp phục vụ, Phụng sự ưu thắng, Phụng sự tín giới văn, Bốn loại tư hữu, Tư hữu xuất thế gian, 151.K PHẠM CHÍ A-NHIẾP-HÒA, Tranh luận giai cấp, Chủ trương của Phật, Giai cấp theo quốc độ, Pháp tính bình đẳng, Giai cấp hành từ tâm, Các thí dụ về tính bình đẳng, Hôn phối dị chủng, Cổ tiên nhân A-tư-la, Phản ứng của các Bà-la-môn;

Phẩm 14, 152.K ANH VŨ (I), Phân biệt tại gia và xuất gia, Năm pháp của Bà-la-môn, Bài báng pháp thượng nhân, Năm pháp chướng ngại, Pháp thứ sáu, Phạm Thiên đạo, 153.K MAN-NHÂN-ĐẾ, 154.K BÀ-LA-BÀ ĐUỜNG, 1. Phân biệt đẳng cấp xã hội, 2. Nguồn gốc loài người và đẳng cấp xã hội, 3. Giá trị xã hội: Đạo đức và Trí tuệ, 155.K TU-ĐẠT-ĐA, 1. Tín tâm bố thí, 2. Trưởng giả Tùy-lam, 3. Công đức từ tâm, 156.K PHẠM BA-LA-DIÊN, 157.K HOÀNG LÔ VIÊN, 158.K ĐÀU-NA, Tự xưng Bà-la-môn, Năm hạng Bà-la-môn, 159.K A-GIÀ-LA-HA-NA, 160.K A-LAN-NA, 1. Đòi người quá ngắn, 2. Chuyện A-lan-na, 3. Những ví dụ, 4. Tu tập Phạm thế pháp, 161.K PHẠM-MA, Bà-la-môn tướng thuật, Ba mươi hai tướng đại nhân, Oai nghi, Ưu-đa-la xuất gia, Phạm-ma quy y;

Phẩm 15, 162.K PHÂN BIỆT LỤC GIỚI, Đức Phật và vị Tỳ-kheo trẻ, Đa giới, Sáu giới tu, Năm thọ, Xả thanh tịnh, Bốn xứ, Phát-ca-la-sa-lợi đặc pháp, 163.K PHÂN BIỆT LỤC GIỚI, Sáu xúc xứ, Mười tám ý

cận hành, Ba mươi sáu cú, Hỷ, Ưu, Xả, Đoạn trừ và thành tựu, Vô lượng thuyết pháp, Ba niệm trụ, Vô thượng Điều ngự, 164.K PHÂN BIỆT QUÁN PHÁP, Đại Ca-chiên-diên, Tâm hướng ngoại, Không trụ bên trong, Không chấp thủ, Tán thân Ca-chiên-diên, 165.K ÔN TUYỀN LÂM THIÊN, Thiên thần Ôn tuyền lâm, Nhất dạ hiền.

Cuốn III, Trung A-hàm, từ tr. 1.593 đến tr. 2.210; nội dung gồm có, tiếp theo P.15 – P.20; từ K.166 đến K.222:

Phẩm 15 (tt), 166.K THÍCH TRUNG THIÊN THẮT TÔN, 167.K A-NAN THUYẾT, 168.K Ý HÀNH, 169.K CÂU-LÂU-SÁU VÔ TRÁNH, 170.K ANH VŨ, 171.K PHÂN BIỆT ĐẠI NGHIỆP;

Phẩm 16, 172.K TÂM, Tâm dẫn đạo, Tỳ-kheo đa văn, Tuệ quyết trạch, Hiệt tuệ, 173.K PHÙ-DI, Ước nguyện, Bốn thí dụ về ước nguyện, 174.K THỌ PHÁP (I), 175.K THỌ PHÁP (II), 176.K HÀNH THIÊN, 177.K KINH THUYẾT, 178.K LẠP SỰ, 179.K NGŨ CHI VẬT CHỦ, 180.K CÙ-ĐÀM-DI, 181.K ĐA GIỚI;

Phẩm 17, 182.K MÃ ÁP (I), 183.K MÃ ÁP (II), 184.K NGŨU GIÁC SA-LA LÂM (I), 185.K NGŨU GIÁC SA-LA LÂM (II), 186.K CẦU GIẢI, Tư duy về Như Lai, Quán sát sắc và thanh, Quán sát hành pháp, Hành an lạc, Diệt tận, Pháp tiệm thứ, 187.K THUYẾT TRÍ, Tự thuyết cứu cánh trí, Biết năm thủ uẩn, Biết bốn thức ăn, Biết bốn thuyết, Biết sáu nội xứ, Biết sáu giới, Đoạn biến tri, 188.K A-DI-NA, Nhất thiết trí và những nhầm lẫn, Trí tuệ sự, Chúng phi pháp, Chúng như pháp, A-nan quảng diễn, 189.K THÀNH ĐẠO, Tư cụ của Thánh đạo, Chánh định, Chánh kiến, Chánh tư duy, Chánh ngữ, Chánh nghiệp, Chánh mạng, Chánh tinh tấn, Chánh niệm, Vô học mười chi, Mười

trường hợp chỉ trích, 190.K TIÊU KHÔNG, Không tánh trụ, Có, thấy có; không, thấy không, Không định, Vô tướng tâm định, 191.K ĐẠI KHÔNG, Tỳ-kheo viễn ly độc trụ, An trụ nội không, Tác ý ngoại không, Tác ý nội ngoại không, Bất di động, Chánh tri, Chánh tri hý luận, Chánh tri ngũ dục, Chánh tri thủ uẩn, Bất phóng dật, Tỳ Đại sư học, Phiền lụy Tôn sư, Phiền lụy đệ tử, Phiền lụy đồng phạm hạnh, Vô tránh hành, Oán hận Tôn sư, Hành sự từ hòa;

Phẩm 18, 192.K CA-LÂU-Ô-ĐÀ-DI, Ân đức giáo giới của Phật, Nhất tọa thực, Phi thời vào xóm, Thoát ly và triển phục, Phạm phu lạc và Thánh lạc, 193.K MÂU-LÊ-PHÁ-QUẦN-NA, Quần tụ và phần tránh, Phụng hành học giới, Thiện ngữ cung thuận, Nữ chủ và nô tỳ, Ngũ ngữ lộ, Nhu hòa nhẫn nhục, Thí dụ về lưới cua, 194.K BẠT-ĐÀ-HÒA-LỢI, Bất kham học giới, Tỳ-kheo ly chúng, Tùy thuận Phật giáo, Pháp loại trí, Cụ túc học giới, Phạm giới và khổ tri, Nhân duyên Phật chế giới, Thí dụ huấn luyện ngựa, 195.K A-THẤP-BỒI, Nhất tọa thực, Ác kiến về cảm thọ, Cảm thọ khổ lạc và thiện bất thiện tăng giảm, Biết như thật pháp nên tu, Hành không phóng dật, Tiệm thứ tu tập, Pháp tứ cú, 196.K CHÂU-NA, Tranh chấp giữa các Ni-kiền tử, Tránh sự trong Tăng, Lục tránh bản, Bảy pháp diệt tránh, Sáu hòa kính, 197.K UƯ-BA-LY, 198.K ĐIỀU NGỰ ĐỊA, Không thể lãnh hội, Huấn luyện bất kham, Tâm nhìn hạn chế, Huấn luyện vương tượng, Điều ngự trượng phu, Không được điều ngự, 199.K SI TUỆ ĐỊA, Ba tiêu tướng của ngu si, Khổ báo hiện tại, Khổ thọ trong địa ngục, Khổ hình trong địa ngục, Súc sinh khổ, Thân người khó được, Nhân sinh khổ, Ba tiêu tướng của trí tuệ, Hiện tại hỷ lạc, Sinh thiện xứ, Thiện xứ hạ sinh, 200.K A-LÊ-TRA, Ác

kiến dục, Lãnh hội văn nghĩa điên đảo, Như người bắt rắn, Thí dụ chiếc bè, Sáu kiến xứ, Nhân không thật hữu, Khả dĩ chấp thủ, Tỳ-kheo băng hào, Như Lai chánh giải thoát, Pháp được giảng thuyết, 201.K TRÀ-ĐẾ, Ác kiến thức lưu chuyển, Thức duyên sinh, Tồn tại và thức ăn, Bốn loại thức ăn và duyên khởi, Tồn tại hay không tồn tại, Các yếu tố thọ thai, Ái tận giải thoát;

Phẩm 19, 202.K TRÌ TRAI, Ba loại trai, Thánh trai tám chi, Tu niệm năm pháp, Phước do trì trai, 203.K BÔ-ĐA-LI, Đoạn tuyệt tục sự, Tám chi đoạn tuyệt tục sự, Tám thí dụ về dục, Đoạn tuyệt tục sự trong Thánh pháp, 204.K LA-MA, Pháp hội La-ma, Thánh cầu và phi Thánh cầu, Thích Tôn tầm đạo, Học đạo A-la-la, Uất-đầu La-ma tử, Bên sông Ni-liên-thiên, Dị học Ưu-đà, Vườn Nai Ba-la-nại, Giáo hóa năm Tỳ-kheo, 205.K NGŨ HẠ PHẦN KẾT, Phân biệt kết và tùy miên, Tùy miên và triền, Đoạn kết đạo tích, Thú hướng Niết-bàn, Y yếm ly y tịch tĩnh, 206.K TÂM UẾ, Tâm tài và tâm phược, Thành tựu mười lăm pháp, 207.K TIỀN MAO (I), Dị học Tiền Mao, Sáu vị tông chủ, Năm pháp Tôn sư khả kính, Năm pháp chân thật cung kính, 208.K TIỀN MAO (II), Lục sư và Nhất thiết trí, Túc mạng trí, Sắc tối thượng, Đương lai nhất hướng lạc, Thế giới thuần lạc, 209.K TÌ-MA-NA-TU, Tối thắng sắc, Dục lạc tối thắng, Không cần biết đời trước, 210.K TỠ-KHEO NI PHÁP LẠC, 211.K ĐẠI CẦU-HY-LA;

Phẩm 20, 212.K NHẤT THIẾT TRÍ, Vua Ba-tư-nặc nghe pháp, Có nhất thiết trí? Sai biệt bốn chủng tánh, Năm thắng chi, Đoạn hành, Chánh cần, Chư thiên, A-nan và Tỳ-lưu-la, Phạm thiên, 213.K PHÁP TRANG NGHIÊM, Ba-tư-nặc kính Phật, Pháp tĩnh, 214.K TỠ-HA-ĐỀ, A-nan và Ba-tư-nặc, Thân hành của Như Lai, Thân hành bất

thiện, Như Lai thân hành vô cấu, Thân hành thiện, Y-tì-ha-đề, 215.K ĐỆ NHẤT ĐẮC, Ba cõi biến dịch, Bốn tướng, Tám thắng xứ, Mười biến xứ, Đệ nhất, Bốn thông hành, 216.K ÁI SANH, Bà-la-môn mất con, Luyến ái sinh sâu bi, Ba-tư-nặc và Mạt-lị, Phật khai thị, Mạt-lị giải thích, 217.K BÁT THÀNH, Bát thành cư sĩ, An trú một pháp, 218.K A-NA-LUẬT-ĐÀ (I), 219.K A-NA-LUẬT-ĐÀ (II), 220.K KIẾN, Vô ký vấn, 221.K TIỀN DỤ, Mười bốn vô ký vấn, Phật không trả lời, Thí dụ trúng tên độc, Những gì Phật tuyên bố, 222.K LỆ.

Trung A-hàm - Tổng Mục lục

Sách dày 257 trang; nội dung gồm có: Tiểu sử truyền dịch, Toát yếu nội dung các Kinh, Thư mục đối chiếu Hán-Pàli; Trung A-hàm – Majjhimanikaya, Hán dịch đơn hành bản, Thư mục đối chiếu Pàli-Hán, Majjhimanikaya – Trung A-hàm, Danh mục Pháp số, Từ vựng Pàli – Hán, Sách dẫn Hán-Pàli.

Bộ Trung A-hàm (4 cuốn) này in lần đầu năm 2009; tái bản năm 2013, Nxb Phương Đông.

1.076. TRUNG BỘ KINH – Majjhima Nikàya, 3 Tập

Tạng Kinh Pàli – Bộ II;

Pàli – Việt đối chiếu

Việt dịch và chú thích:

Tỳ-kheo Thích Minh Châu (1918-2012)

Tập I, Tu thư Đại học Vạn Hạnh xuất bản, PL. 2517 – DL. 1973, dày 338 trang, bìa mềm, chữ tựa màu đỏ. Nội dung gồm có: Lời tựa, và 50 Kinh;

Tập II, Tu thư Đại học Vạn Hạnh xuất bản, PL. 2518 – DL. 1974, dày 213 trang, bìa mềm, chữ tựa màu đỏ. Nội dung gồm có: Lời giới thiệu, và 50 Kinh;

Tập III, Tu thư Đại học Vạn Hạnh xuất bản, PL. 2518 – DL. 1975, dày 324 trang,

bìa mềm, chữ tựa màu đen, có hình đầu Đức Phật. Nội dung gồm có: A. Phần Việt ngữ, Lời tựa, và 52 Kinh; B. Phần Pàli, - Từ Kinh 101 đến 106, Từ Kinh 107 đến 152; C. Phụ lục: 1. Các bài kệ, 2. Danh từ riêng, tên Kinh và tên các Phẩm, 3. Danh từ và các vấn đề, 4. Các ví dụ. (Tổng cộng *Trung Bộ Kinh* có 152 Kinh)

Xem: *Kinh Trung Bộ - 3 Tập, Đại Tạng Kinh Việt Nam*, do HT. Thích Minh Châu dịch.

1.077. Truyện Tranh - KINH PHÁP HOA

Nguyên tác: *Hirosachiya*

Tranh vẽ: *Motoyamakazuki*

Người dịch: *Thích Lệ Thiện*

Nxb Tôn Giáo, PL. 2549 – DL. 2009. Sách có khổ 14.5 x 20.5cm, dày hơn 127 trang. Nội dung gồm có 3 quyển: *Q.I, Vượt không gian và thời gian*, Nhập diệt, Tiếng của Thế Tôn, Trước khi thuyết pháp, Một luồng ánh sáng, Bồ-tát Văn-thù, Con đường dẫn đến Phật quả, Lời dạy khéo léo, Ba loại xe, Chân lý vĩnh hằng, Sự lý giải của các vị đệ tử, Thí dụ về cỏ và cây, Lời tiên tri; *Q.II, Thuở quá khứ xa xưa*, Thành đạo, Năm trăm đệ tử, Niềm vui của các đệ tử, Kinh văn tôn quý, Bồ-tát Dược Vương, Bảo tháp xuất hiện, Giáo pháp vĩ đại, Đê-bà-đạt-đa, Con gái của Long vương, Phát nguyện truyền đạo, Những lời dạy được truyền bá, Bốn an lạc hạnh, Đại địa rung nứt; *Q.III, Thọ mạng vô lượng*, Công đức lương dược, Công đức của niềm tin, Công đức tùy hỷ, Lời dạy sâu xa, Sáu căn thanh tịnh, Khen ngợi Kinh Pháp Hoa, Thần lực của chư Phật, Các Bồ-tát cúng dường, Sự ủy thác giáo pháp, Thiêu thân cúng dường, Thần thông lực biến hóa tự tại, Từ bi quảng đại, Thần chú, Sự cứu giúp của Bồ-tát Quán Thế Âm, Đức Phật vĩnh hằng, Chuyện vua Diệu Trang Nghiêm, Vị Bồ-tát cỡi voi trắng.

1.078. TRƯỜNG A-HÀM (2 Cuốn) – Tiểu Tạng Kinh

Dịch và Chú: *Tuệ Sỹ*

Nxb Hồng Đức – 2018

Sách có khổ 14 x 20.5cm, tổng cộng 2 cuốn dày 1.016 trang, bìa cứng.

(Bộ Trường A-hàm 2 cuốn và 1 cuốn Tổng Mục lục)

Cuốn I, Trường A-hàm, dày 514 trang; nội dung gồm có 2 phần, 17 Kinh: *Trường A-hàm Phần một*, I. KINH ĐẠI BẢN, 1. Quá khứ thất Phật, 2. Sự tích Phật Tì-bà-thi, 3. Tịnh cư thiên; II. KINH DU HÀNH, I. 1. Bảy pháp quốc gia hưng thịnh, 2. Pháp bất thời của Tăng, 3. Ba tầng thượng học (1), 4. Tại gia trì giới, 5. Huyền ký Hoa tử thành, 6. Bốn pháp thâm diệu, 7. Các cư sĩ đắc Thánh quả, 8. Gương pháp, 9. Kỹ nữ Vườn xoài, 10. Công đức bố thí; II. 11 Thế Tôn lưu mạng hành, 12. Ma vương thỉnh cầu, 13. Thế Tôn xả thọ hành, 14. Đại địa chấn động, 15. Thế gian tám chúng, 16. Công bố quyết định nhập diệt, 17. A-nan thỉnh cầu, 18. Ba tầng thượng học (2), 19. Bốn đại giáo pháp, 20. Tối hậu cúng dường, 21. Na-già thường tại định, 22. Hiện tướng Niết-bàn, 23. Dòng nước Câu-tôn; III. 24. Táng Luân vương thức, 25. Hiện tướng lão bệnh, 26. Sa-la song thọ, 27. Tôn giả Phạm-ma-na, 28. Cổ tích Câu-thi thành, 29. Những người Mạt-la, 30. Thánh đệ tử cuối cùng, 31. Pháp hy hữu của A-nan, 32. Bốn chỗ Phật tích, 33. Tối hậu di giáo, 34. Hiện nhập Vô dư Niết-bàn, 35. Thiên nhân thống thiết, 36. Cúng dường di thể, 37. Ma-ha Ca-diếp, 38. Phân chia Xá-lợi; Kết Kinh. Những ngày cần ghi nhớ; III. KINH ĐIỂN TÔN, I. Nhạc thân Ban-giá-dục, 1. Hội nghị chư thiên, 2. Tám pháp Vô đẳng, 3. Thường Hình đồng Phạm thiên, II. Truyền ký Đại Điện Tôn, 4. Vị phụ tướng đại thân, 5. Phân chia Vương thổ, 6. Hội kiến Phạm

Thiên, 7. Xả tục xuất gia, III. Đạo cứu cánh; IV. KINH XÀ-NI-SA, I. Nghi vấn của A-nan, 1. Các cư sĩ được thọ ký Thánh quả, 2. Vua Bình Sa, II. Chư Thiên Đao-lị, 1. Tì-sa-môn Thiên vương, 2. Chư Thiên tập hội, 3. Phạm Thiên xuất hiện, 4. Bốn Niệm xứ, 5. Bảy Định cụ, 6. Bốn Thần túc, 7. Ba lối đi; *Trường A-hàm Phần hai*, V. KINH TIỂU DUYÊN, I. Phân biệt đẳng cấp xã hội, 1. Hai thanh niên Bà-la-môn, 2. Kiêu mạn giai cấp, 3. Đạo đức xã hội phi giai cấp, II. Nguồn gốc loài người và đẳng cấp xã hội, 1. Nguồn gốc và sự tiến hóa của loài người, 2. Tích lũy và cạnh tranh, 3. Xuất hiện chính quyền nguyên thủy, 4. Xã hội phân hóa và phân công, III. Giá trị xã hội: Đạo đức và Trí tuệ; VI. KINH CHUYỂN LUÂN VƯƠNG TU HÀNH, I. Hãy tự làm hòn đảo an toàn cho mình, II. Các triều đại chuyển luân vương, 1. Vua Kiên Cố Niệm, 2. Các triều đại kế thừa, 3. Luân vương thứ bảy, 4. Quá trình xã hội băng hoại và giảm thọ, 5. Nhân loại tương tàn và tự hủy, 6. Nhân loại phản tỉnh và đạo đức phục hồi, 7. Kỳ nguyên Phật Di-lặc, III. Yếu tố hưng thịnh của Tăng-già; VII. KINH TỆ-TÚ, I. Tà kiến hư vô thuyết, II. Chứng lý và phản bác hư vô thuyết, 1. Phản luận về thế giới khác, 2. Ví dụ về tội phạm tử hình, 3. Ví dụ về hổ phân, 4. Trời Đao-lị và ví dụ người mù, 5. Ví dụ về ngủ mộng, 6. Ví dụ về dùi lửa, 7. Ví dụ về thời sắt, 8. Ví dụ về tiếng tù và, III. Bảo thủ tà kiến, 9. Người gánh gai, 10. Hai thương đoàn, 11. Người đội phân, 12. Mổ bụng xem thai, 13. Nuốt chất độc, IV. Xả tà kiến, 14. Tệ-tú quy y, 15. Đại thí hội; VIII. KINH TÁN-ĐÀ-NA, I. Cư sĩ Tán-đà-na, 1. Vườn Ô-tạm-bà-lị, 2. Phạm chí Ni-câu-đà, II. Luận về pháp khổ hành, 1. Các hình thức khổ hành, 2. Khổ hành cầu uế, 3. Khổ hành vô cầu, 4. Khổ hành chắc thật, 5. Khổ hành bậc nhất,

III. Thuyết pháp diệt trừ bất thiện, 1. Sự hối hận của Ni-câu-đà, 2. Phật thuyết pháp không tranh lợi dưỡng, 3. Ma Ba-tuần; IX. KINH CHÚNG TẬP, I. Nhân duyên Ni-kiền-tử, II. Kết tập Pháp tạng: từ 1. Pháp một,... đến 10. Pháp mười; X. KINH THẬP THƯỢNG, gồm có 1. Pháp một,... đến 10. Pháp mười; XI. KINH TĂNG NHẤT, gồm có 1. Pháp một,... đến 10. Pháp mười; XII. KINH TAM TỤ, gồm có 1. Pháp một,... đến 10. Pháp mười; XIII. KINH ĐẠI DUYÊN PHƯƠNG TIỆN, I. Duyên khởi, 1. Tư duy của A-nan, 2. Quan hệ các chi duyên khởi, 3. Ý nghĩa các chi, II. Ngã kiến, 1. Y cứ thọ, 2. Y cứ sắc, III. Các trú xứ và giải thoát, 1. Bảy thức trụ, 2. Hai nhập xứ, 3. Tám giải thoát; XIV. KINH THÍCH ĐỀ-HOÀN NHÂN VẤN, I. Chư thiên Đao-lị, 1. Ngũ kế nhạc thần, 2. Bản tình ca dâng Phật, 3. Thiên Đế-thích, 4. Thích nữ Cù-di, II. Những câu hỏi của Thiên Đế-thích, 1. Nguyên nhân tranh chấp xã hội, 2. Nguyên nhân xu hướng bất đồng, 3. Diệt trừ hý luận, III. Tâm tư của Thiên Đế-thích, 1. Phỏng đạo, 2. Hỷ lạc, 3. Công đức, 4. Phạm thiên tán thán; XV. KINH A-NẬU-DI, I. Tỳ-kheo Thiện Tú, II. Thị hiện pháp thượng nhân, 1. Ni-kiền tử Giá-la-lâu, 2. Ni-kiền tử Cứu-la-đế, 3. Phạm chí Ba-lê tử, III. Khởi nguyên của thế giới, 1. Phạm thiên sáng tạo, 2. Hý tiểu thiên, 3. Ý phần thiên, 4. Vô nhân luận, IV. Tịnh giải thoát; XVI. KINH THIÊN SINH, I. Lễ bái sáu phương, II. Lễ bái sáu phương theo Thánh pháp, 1. Điều kiện an lạc và thịnh vượng, 2. Sáu trường hợp tồn tại, 3. Bốn hạng bạn giả dối, 4. Bốn hạng bạn chân thật, III. Ý nghĩa sáu phương, 1. Phương Đông, cha mẹ; 2. Phương Nam, sư trưởng; 3. Phương Tây, thê thiếp; 4. Phương Bắc, thân thích; 5. Phương dưới, gia nhân; 6. Phương trên, Sa-môn; IV. Kệ tụng; XVII. KINH

THANH TỊNH, I. Tranh chấp nội bộ Ni-kiền tử, II. Cơ sở giáo đoàn tồn tại, 1. Pháp luật và hành trì, 2. Đạo sư và đệ tử, III. Phạm hạnh thành tựu, 1. Phạm hạnh chi đầy đủ, 2. Phạm hạnh Phật thi thiết, IV. Hòa hiệp và an lạc, 1. Hòa hiệp kết tập, 2. Tri túc bốn duyên, 3. An lạc hành, V. Các kiến chấp, 1. Ký thuyết, 2. Vô ký thuyết, 3. Kết sử tà kiến, 4. Nhân duyên tà kiến, 5. Diệt trừ tà kiến.

Cuốn II, Trường A-hàm, dày 502 trang; nội dung gồm có 2 phần, 13 Kinh (từ K. XVIII đến K. XXX) như sau: XVIII. KINH TỰ HOAN HỖ, I. Xá-lợi-phát sư tử rống, II. Tổng tướng pháp, 1. Pháp hắc bạch, 2. Pháp chế định, 3. Phân biệt xứ, 4. Bốn nhập thai, 5. Bảy giác chi, 6. Bốn thông hành, 7. Hành vô thượng, 8. Ngôn hành thanh tịnh, 9. Kiến đẳng chí, 10. Thường trú luận, 11. Quán tha tâm, 12. Giáo giới, 13. Giới hành thanh tịnh, 14. Tha giải thoát trí, 15. Túc mạng trí, 16. Thiên nhãn trí, 17. Thần túc thông, 18. Đẳng giác, III. Phật ấn chứng, 1. Ba đời chư Phật, 2. Như Lai thiếu dục tri túc, 3. Quảng bá Kinh; XIX. KINH ĐẠI HỘI, I. Tịnh cư thiên, II. Chư thiên tập hội, III. Phật kết chú, 1. Kết chú Càn-thác-bà, 2. Kết chú chư thiên, 3. Ngũ thông Bà-la-môn, 4. Các Phạm thiên, 5. Ma vương; *Trường A-hàm Phần ba*, XX. KINH A-MA-TRÚ, I. Phát-già-sa-la nghi vấn, II. Thanh niên A-ma-trú, 1. Thái độ khinh mạn, 2. Dòng họ của A-ma-trú, III. Luận về giai cấp, 1. Sát-lị tối thắng, 2. Minh hành tối thắng, IV. Minh hành cụ túc, 1. Giới cụ túc, 2. Căn luật nghi, 3. Hành trì túc, 4. Chánh niệm chính tri, 5. Trừ ngũ cái, 6. Đắc tứ thiền, 7. Ý thành thân, 8. Thần túc thông, 9. Thiên nhĩ thông, 10. Tha tâm trí, 11. Túc mạng trí, 12. Sinh tử trí, 13. Lậu tận trí, V. Bất kham thành tựu,

1. Bốn phương tiện thoái thất, 2. Học Cô tiên nhân, VI. Phát-già-sa-la quy Phật, 1. Khiển trách đệ tử, 2. Diện kiến Phật, 3. Đắc quả và mạng chung; XXI. KINH PHẠM VĨNH, I. Hai thầy trò Phạm chí, II. Tán thán giới, 1. Giới đoạn trừ, 2. Giới sinh hoạt ác hành, 3. Giới sinh hoạt tà mạng, III. Tán thán pháp vi diệu, 1. Bản kiếp bản kiến, 2. Mạt kiếp mạt kiến, 3. Phê phán; XXII. KINH CHỨNG ĐỨC, I. Bà-la-môn Chứng Đức, 1. Những phẩm tính của Chứng Đức, 2. Những phẩm tính của Phật, II. Luận về phẩm cách cao quý, 1. Các đức tính của Bà-la-môn, 2. Đạo đức và trí tuệ, 3. Thành tựu giới và tuệ; XXIII. KINH CỨU-LA-ĐÀN-ĐẦU, I. Bà-la-môn Cứu-la-đàn-đầu, 2. Những phẩm tính của Phật, II. Nghi thức đại tế đàn, 1. Nghi vấn của Cứu-la-đàn-đầu, 2. Điều kiện cơ bản của tế đàn, 3. Mười sáu tư cụ, 4. Cử hành tế đàn, 5. Tiền thân Phật, III. Tế đàn tối thắng, 1. Công đức bố thí, 2. Thành tựu Tam minh, IV. Cứu-la-đàn-đầu đắc quả; XXIV. KINH KIÊN CỐ, I. Hiền thị pháp thượng nhân, 1. Đề nghị Kiên cố, 2. Ba thị đạo, II. Nghi vấn của Tỳ-kheo Thần túc, 1. Trả lời của chư thiên, 2. Trả lời của Phạm thiên, 3. Con chim tìm bờ; XXV. KINH LỖA HÌNH PHẠM CHÍ, I. Nghi vấn khổ hành của Ca-diếp, 1. Những điều xuyên tạc, 2. Phương pháp tỉ giáo, 3. Đạo tích, II. Nan hành đạo, 1. Pháp khổ hạnh, 2. Giới và kiến, 3. Dễ và khó hành, III. Sư tử vô úy, 1. Thuyết pháp vô úy, 2. Thành tựu thánh chúng, 3. Thành tựu hoan hỷ, 4. Thành tựu cung kính, 5. Thành tựu xuất gia, 6. Cứu cánh phạm hạnh, 7. Ca-diếp xuất gia; XXVI. KINH TAM MINH, I. Tranh chấp dị luận, 1. Hai thanh niên Bà-la-môn, 2. Diện kiến Phật, II. Truyền thuyết hay chứng tri, 1. Truyền thuyết, 2. Như luyện ái người nữ vô hình, 3. Như bắt thang lên hư không, 4. Như qua sông A-

di-la, 5. Điều kiện cộng trú với Phạm thiên, III. Phật thuyết đường lên Phạm thiên, 1. Người chỉ đường, 2. Bốn Phạm trú; XXVII. KINH SA-MÔN QUẢ, I. Vua A-xà-thế, 1. Cảm hứng đêm trăng rằm, 2. Đường đến Vườn xoài, 3. Vấn đạo, II. Lục sư ngoại đạo, 1. Phát-lan Ca-diếp, 2. Mạt-già-lê Câu-xá-lị, 3. A-kì-đà Sí-xá-khâm-bà-la, 4. Ba-phù-đà Già-chiên-diên, 5. Tán-nhã Tì-la-lê tử, 6. Ni-kiền tử, III. Kết quả thiết thực của Sa-môn, 1. Thiết thực hiện tại, 2. Vi diệu Sa-môn, 3. A-xà-thế hồi cải; XXVIII. KINH BỐ-TRA-BÀ-LÂU, I. Tướng sinh diệt, 1. Tướng đấng khởi, 2. Tướng thứ đệ diệt, 3. Tướng đỉnh điểm, 4. Tướng và ngã, II. Ký thuyết và vô ký, 1. Mười bốn vô ký, 2. Phản ứng của các Phạm chí, 3. Thực và hư dối, 4. Ô nhiễm và thanh tịnh, III. Tự thân và giới hệ, 1. Hiện thân các giới hệ, 2. Tự thân đồng và dị thời, IV. BỐ-TRA-BÀ-LÂU xuất gia; XIX. KINH LỘ-GIÀ, I. Tham ác thuyết pháp, 1. Bà-la-môn Lộ-già, 2. Người thợ hót tóc, II. Tự lợi lợi tha, 1. Ba hạng thầy, 2. Đệ nhất Tôn sư, 3. Ngăn thuyết pháp; *Trường A-hàm Phần bốn*, XXX. KINH THẾ KÝ, P.1 Diêm-phù-đề, P.2 Uất-đan-viết, P.3 Chuyển luân Thánh vương, P.4 Địa ngục, P.5 Long điều, P.6 A-tu-la, P.7 Tứ thiên vương, P.8 Dao li thiên, P.9 Tam tai, P.10 Chiến đấu, P.11 Ba trung kiếp P.12 Thế bản duyên; Bảng Viết tắt.

Trường A-hàm – Tổng Mục Lục

Sách này dày 422 trang; Tổng Mục lục gồm: I. Giới thiệu, II. Mục lục, III. Toát yếu nội dung các Kinh Trường A-hàm, 1. Kinh Đại bản, 2. Kinh Du hành, 3. Kinh Điền tôn, 4. Kinh Xà-ni-sa, 5. Kinh Tiểu duyên, 6. Kinh Chuyển luân vương tu hành, 7. Kinh Tệ-tú, 8. Kinh Tán-đà-na, 9. Kinh Chúng tập, 10. Kinh Thập thượng, 11. Kinh Tăng nhất, 12. Kinh Tam tụ, 13.

Kinh Đại duyên Phương tiện, 14. Kinh Thích-đề-hoàn nhân vấn, 15. Kinh A-nâu-di, 16. Kinh Thiện sinh, 17. Kinh Thanh tịnh, 18. Kinh Tự Hoan hỷ, 19. Kinh Đại hội, 20. Kinh A-ma-trú, 21. Kinh Phạm võng, 22. Kinh Chúng đức, 23. Kinh Cứu-la-đàn-đầu, 24. Kinh Kiên cố, 25. Kinh Lỗa hình Phạm chí, 26. Kinh Tam minh, 27. Kinh Sa-môn quả, 28. Kinh BỐ-TRA-BÀ-LÂU, 29. Kinh Lộ-già, 30. Kinh Thế ký: 1.P Diêm-phù-đề, 2.P Uất-đan-viết, 3.P Chuyển luân Thánh vương, 4.P Địa ngục, 5.P Long điều, 6.P A-tu-la, 7.P Tứ thiên vương, 8.P Dao li thiên, 9.P Tam tai, 10.P Chiến đấu, 11.P Ba trung kiếp 12.P Thế bản duyên; IV. Thư mục đối chiếu Trường A-hàm – Dighanikaya và Hán dịch đơn hành bản, V. Danh mục pháp số: Một, Hai, Ba, Bốn, Năm, Sáu, Bảy, Tám, Chín, Mười, Đu; VI. Từ vựng Pali – Hán – Việt; Sách dẫn Trường A-hàm Hán – Pali – Sanskrit.

Bộ Trường A-hàm (3 cuốn) này in lần đầu năm 2008; tái bản năm 2012, Nxb Phương Đông.

1.079. TRƯỜNG BỘ KINH – DÌGHA NIKÀYA, 4 Tập Pali – Việt đối chiếu

Việt dịch:

TT. Thích Minh Châu (1918-2012)

Tập I, Viện Đại học Vạn Hạnh xuất bản – 1965, dày 110 trang, bìa mềm, chữ tựa màu đỏ. Nội dung gồm có 3 Kinh: Lời giới thiệu, Lời tựa, 1. Brahmajàlasutta (Kinh Phạm Võng), 2. Samannaphalasutta (Kinh Sa-môn Quả), 3. Ambatthasutta (Kinh A-ma-trú);

Tập II, Ban Tu thư Viện Đại học Vạn Hạnh xuất bản – 1967, dày 253 trang, bìa mềm, chữ tựa màu đỏ. Nội dung gồm có 10 Kinh: Lời giới thiệu, Lời tựa, 4. Sonadanda (Kinh Chúng đức), 5.

Kùtadanta (Kinh Cữu-la-đàn-đầu), 6. Mahali (Kinh Ma-ha-lê), 7. Jaliya (Kinh Xá-lợi), 8. Kassapasihanada (Kinh Ca-diếp Su tử hồng), 9. Potthapàda (Kinh Bô-thác-bà-lậu), 10. Subha (Kinh Tu-ba), 11. Kevaddha (Kinh Kiên Cố), 12. Lohicca (Kinh Lô-già), 13. Tevijja (Kinh Tam minh); (trước mỗi bài Kinh đều có bài Đại ý của Kinh đó)

Tập III, Nhà Tu thư Viện Đại học Vạn Hạnh xuất bản, PL. 2516 – DL. 1972, dày 358 trang, bìa mềm, chữ tựa màu đỏ và màu đen. Nội dung gồm có 10 Kinh: I. Lời giới thiệu, II. Lời tựa, 14. Kinh Mahàpadàna (Đại Bản), 15. Kinh Mahànidana (Đại Duyên), 16. Kinh Mahàparinibbàna (Đại bát Niết-bàn), 17. Kinh Mahàsudassana (Đại Thiện kiến), 18. Kinh Janavasabha (Xà-ni-sha), 19. Kinh Mahàgovinda (Đại Điền tôn), 20. Kinh Mahàsamaya (Đại Hội), 21. Kinh Sakkapanha (Đề Thích sở vấn), 22. Kinh Mahàsati patthàna (Đại Niệm xứ), 23. Kinh Pàyasi (Tệ Túc);

Tập IV, Tu thư Đại học Vạn Hạnh xuất bản, dày 293 trang, bìa mềm, chữ tựa màu đỏ và màu đen. Nội dung gồm có: 1. Lời giới thiệu, 2. Lời nói đầu, 3. Kinh Pàtika (số 24): Kinh Ba Lê, 4. Kinh Udumbarikà-Sihanàda (số 25): Kinh Ưu-đàm-ba-la Su tử hồng, 5. Kinh Cakavatti-Sihanàda (số 26): Kinh chuyển luân Thánh vương, 6. Kinh Agganna (số 27): Kinh Khởi thể nhân bản, 7. Kinh Sampasàdaniya (số 28): Kinh Tự hoan hỷ, 8. Kinh Pàsàdika (số 29): Kinh Thanh tịnh, 9. Kinh Lakkhana (số 30): Tướng Kinh, 10. Kinh Sigàlovàda (số 31): Kinh Thi-ca-la-việt, 11. Kinh Atànàtiya (số 32): Kinh A-Sha-Nàng-Chi, 12. Kinh Sangiti (số 33): Kinh Phúng tụng, 13. Kinh Dasuttara (số 34): Kinh Thập thượng, 14. Các Phụ lục.

Xem: Kinh Trường Bộ - 2 Tập, Đại Tạng Kinh Việt Nam, do HT. Thích Minh Châu dịch.

1.080. TRƯỜNG LÃO KỆ & TRƯỜNG LÃO NI KỆ,

Tạng Kinh – Tiểu Bộ

Theragàthapàli & Therīgàthapali

Tam Tạng Song Ngữ Pàli – Việt, Tập 31

Phụ trách phiên dịch: *Tỳ-khuru Indacanda* (Trương Đình Dũng)

PL. 2555 – DL. 2011

Buddhist Cultural Centre,

125 Anderson Road, Nedimala, Dehiwala-Sri Lanka

Printed by: Ajith Printers (Pvt) Ltd,

342, Old Kesbewa Road, Ratanapitiya, Borelesgamuwa, Sri Lanka.

Sách có khổ lớn (20.5 x 29cm), bìa cứng màu đỏ, chữ mạ vàng.

Trường Lão Kệ, dày hơn 286 trang, nội dung gồm có: Lời tựa-Sinhala và Việt ngữ, Văn bản của Bộ Tôn giáo-Anh và Việt ngữ, Thành phần nhân sự, Lược đồ Tam tạng, Lời giới thiệu, Các chữ viết tắt, Mẫu tự Pali – Sinhala; Trường Lão kệ, Nhóm Một, có 12 phẩm, với kệ ngôn của 120 Trường lão (1-120); Nhóm Hai, có 5 phẩm, với kệ ngôn của 49 Trường lão (121-169); Nhóm Ba, kệ ngôn của 15 Trường lão (170-185); Nhóm Bốn, kệ ngôn của 12 Trường lão (186-197); Nhóm Năm, kệ ngôn của 12 Trường lão (198-209); Nhóm Sáu, kệ ngôn của 14 Trường lão (210-223); Nhóm Bảy, kệ ngôn của 5 Trường lão (224-228); Nhóm Tám, kệ ngôn của 3 Trường lão (229-231); Nhóm Chín, kệ ngôn của 1 Trường lão (232); Nhóm Mười, kệ ngôn của 7 Trường lão (233-239); Nhóm Mười một, kệ ngôn của 1 Trường lão (240); Nhóm Mười hai, kệ ngôn của 2 Trường lão (241-242); Nhóm Mười ba, kệ ngôn của 1 Trường lão (243);

Nhóm Mười bốn, kệ ngôn của 2 Trưởng lão (244-245); Nhóm Mười sáu, kệ ngôn của 2 Trưởng lão (246-247); Nhóm Hai mươi, kệ ngôn của 10 Trưởng lão (248-257); Nhóm Ba mươi, kệ ngôn của 3 Trưởng lão (258-260); Nhóm Bốn mươi, kệ ngôn của 1 Trưởng lão (261); Nhóm Năm mươi, kệ ngôn của 1 Trưởng lão (262); Nhóm Sáu mươi, kệ ngôn của 1 Trưởng lão (263); Nhóm Lớn, kệ ngôn của 1 Trưởng lão (264) (Sau mỗi Nhóm có phần tóm lược); Thư mục Câu kệ Pàli, Thư mục Danh từ riêng, Thư mục Từ đặc biệt;

Trưởng Lão Ni Kệ, dày hơn 96 trang, nội dung gồm có: Lời giới thiệu, Các chữ viết tắt, Mẫu tự Pali – Sinhala; Trưởng lão Ni kệ (văn bản Pàli và văn bản tiếng Việt): Nhóm Một, kệ ngôn của 18 Trưởng lão Ni (1-18); Nhóm Hai, kệ ngôn của 10 Trưởng lão Ni (19-28); Nhóm Ba, kệ ngôn của 8 Trưởng lão Ni (29-36); Nhóm Bốn, kệ ngôn của 1 Trưởng lão Ni (37); Nhóm Năm, kệ ngôn của 12 Trưởng lão Ni (38-49); Nhóm Sáu, kệ ngôn của 8 Trưởng lão Ni (50-57); Nhóm Bảy, kệ ngôn của 3 Trưởng lão Ni (58-60); Nhóm Tám, kệ ngôn của 1 Trưởng lão Ni (61); Nhóm Chín, kệ ngôn của 1 Trưởng lão Ni (62); Nhóm Mười một, kệ ngôn của 1 Trưởng lão Ni (63); Nhóm Mười hai, kệ ngôn của 1 Trưởng lão Ni (64); Nhóm Mười sáu, kệ ngôn của 1 Trưởng lão Ni (65); Nhóm Hai mươi, kệ ngôn của 5 Trưởng lão Ni (66-70); Nhóm Ba mươi, kệ ngôn của 1 Trưởng lão Ni (71); Nhóm Bốn mươi, kệ ngôn của 1 Trưởng lão Ni (72); Nhóm Lớn, kệ ngôn của 1 Trưởng lão Ni (73); Thư mục Câu kệ Pàli, Thư mục Danh từ riêng, Thư mục Từ đặc biệt.

V

1.081. VIÊN GIÁC

Việt dịch: *Thích Giải Ngạn*

Kinh có 70 trang, bìa mềm. Nội dung gồm có 12 phần: Lời giới thiệu (Hà thành-1951), Phần đầu nói về Tựa: Từ chính tôi được thân nghe... đến bình đẳng của Như Lai, 10 phần giữa là chính văn: 1. Bồ-tát Văn-thù hỏi Phật, 2. Bồ-tát Phổ Hiền hỏi Phật, 3. Bồ-tát Phổ Nhân hỏi Phật, 4. Bồ-tát Kim Cương Tạng hỏi Phật, 5. Bồ-tát Di-lặc hỏi Phật, 6. Bồ-tát Thanh Tịnh Tuệ hỏi Phật, 7. Bồ-tát Uy Đức Tự Tại hỏi Phật, 8. Bồ-tát Biện Âm hỏi Phật, 9. Bồ-tát Tịnh Chư Nghiệp chương hỏi Phật, 10. Bồ-tát Phổ Giác hỏi Phật, 11. Bồ-tát Viên Giác hỏi Phật; Phần sau cùng là Lưu thông: Bồ-tát Hiền Thiện Thủ hỏi Phật.

(*Bản Kinh lưu tại Thư viện chùa Xá-Lợi, Tp. Hồ Chí Minh; Mã sách: KG. 119*)

1.082. VÔ LƯỢNG THỌ KINH (AMITABHA-VYUHA-SUTRA)

Hán dịch: *Thiên Trước Tam Tạng Khang Tăng Khải (Samghavarman)*

Việt dịch: *Đoàn Trung Còn*

Phật học Tông thư xuất bản, In kỳ nhì – 1972

Kinh dày 222 trang, bìa mềm, nền trắng, chữ tựa màu đen, chữ Hán màu đỏ, có hình Tam Thánh nhỏ ở phần cuối. Nội dung gồm có: Phần đầu, *Vô Lượng Thọ Kinh* nguyên văn chữ Hán và dịch âm; Phần sau, dịch Việt văn: (Thời gian và xứ sở nghe Kinh, Các chúng Thinh văn, Các chúng Bồ-tát, Cơ duyên đại giáo khởi lên, Chư cổ Phật xuất hưng, Địa vị nhơn duyên của ngài Pháp Tạng, Phát nguyện trước Phật, có 48 nguyện, Chứa trồng đức hạnh,

Ngài Pháp Tạng thành Phật, Cõi nước quý báu trang nghiêm, Quang minh vô lượng, Thọ mạng vô lượng, Thánh chúng vô lượng, Các cây bảy báu, Cây báu nơi đạo tràng, Đường xá-lâu quán, Hồ tắm thất bảo, Đồ mặc-đồ ăn tự nhiên, Nhan sắc dung mạo đoan chánh, Khen chung sự trang nghiêm, Trong ánh hoa sen hiện ra chư Phật, Ba lớp vãng sanh, Chư Phật mười phương đều khen ngợi, Bồ-tát bồ xứ, Bồ-tát ra đi cúng dường, Vô lượng thuyết pháp, Công đức của Bồ-tát, Khuyến tấn tới đặng vãng sanh, Năm sự dữ-năm sự lành, Khuyến dạy thêm nữa, Lễ Phật hiện ra hào quang, Nghi hoặc thai sanh, Các hàng Bồ-tát được vãng sanh, Chỉ lưu lại Kinh này mà thôi, Nghe Kinh được lợi ích). (Phần cuối một số trang có chú thích)

Tác phẩm này đã được Phật học Tông thư xuất bản năm 1947, Việt dịch: Huyền Mặc Đạo Nhân và Đoàn Trung Còn. (Bản lưu tại Thư viện Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam tại Tp. Hồ Chí Minh; Mã sách: Vie 2034)

1.083. VÔ LƯỢNG THỌ KINH

UÛ-BÀ-ĐỀ-XÁ Chú Giải Giảng Nghĩa

Tạo luận: *Thế Thân Bồ-tát*

Hán dịch luận: *Tam tạng Bồ-đề-lưu-chi*

Chú giải: *Sa-môn Đàm Loan; Giảng*

nghĩa: *Sa-môn Tánh Phạm*

Chuyên ngữ: *Đệ tử Như Hòa*

Giáo chính: *Đức Phong và Huệ Trang*

Nxb Hồng Đức – 2020. Kinh có khổ 18.8 x 26cm, dày 481 trang, bìa cứng, nền màu tím, chữ tựa mạ trắng bạc. Nội dung gồm có: Đôi nét về Pháp sư Tánh Phạm,

1. Huyền đàm, 1.1 Thích danh, 1.1.1 Vô lượng thọ Kinh, 1.1.2 Ưu-bà-đề-xá, 1.1.3 Nguyên sanh kệ, 1.2 Biện định cái Thể, 1.3 Minh định Tông, 1.4 Luận định về Dụng, 1.5 Phán định giáo tướng, 1.6 Vấn đáp từ nghi, 1.6.1 Có Cực lạc Tịnh độ hay

không? 1.6.2 Thọ mạng của Phật Di-đà là hữu lượng hay vô lượng? 1.6.3 Cầu sanh Tịnh độ là Tiểu thừa hay Đại thừa? 1.6.4 Vãng sanh Tịnh độ nói theo ý nghĩa rốt ráo trong Phật pháp thì là hữu sanh hay vô sanh? 1.6.5 Vãng sanh Cực lạc cần phải hội đủ những nhân duyên nào? 1.6.6 Mười niệm liên tục bèn được vãng sanh là chuyện có thể ư? 1.7 Giải thích về người dịch và người chú giải, 1.7.1 Luận về người dịch, 1.7.2 Luận về người chú giải, 2. Chánh giảng (phần giảng giải chánh yếu), 2.1 Huyền nghĩa, 2.1.1 Phán định rạch ròi giáo pháp, 2.1.1.1 Nêu rõ giáo tướng của hai đạo, 2.1.1.2 Giải thích về sự khó dễ giữa hai đường, 2.1.2.1.2 Giải thích về năng y (người dựa vào Kinh tạo luận), và nêu bày hai thứ lực dung, 2.1.2.1.3 Nêu lên tựa đề của bộ luận, giải thích về sự phiên dịch, 2.1.2.2 Giảng giải tựa đề của bộ luận, 2.1.2.2.1 Giảng giải tựa đề của bộ luận, 2.1.2.2.2 Giải thích về tên của người tạo luận, 2.2.1.2 Giải thích kệ văn, 2.2.1.2.1 Luận chủ tự thệ, 2.2.1.2.2 Nói đại lược về phần kệ tụng thuộc lễ bái-tán tán-thán và tác nguyện môn, 2.2.1.2.2.1 Ba niệm môn, 2.2.1.2.3 Phần kệ rộng lớn về Quán sát môn và Hồi hướng môn, 2.2.1.2.3.1 Quán sát môn, 2.2.1.2.3.1.1 Quán sát công đức thanh tịnh của khí thể gian, 2.2.1.2.3.1.1.1 Công đức thanh tịnh, 2.2.1.2.3.1.1.2 Lượng Công đức, 2.2.1.2.3.1.1.3 Tánh Công đức, 2.2.1.2.3.1.1.4 Hình tướng Công đức, 2.2.1.2.3.1.1.5 Chung chung sự Công đức, 2.2.1.2.3.1.1.6 Diệu sắc Công đức, 2.2.1.2.3.1.1.7 Xúc Công đức, 2.2.1.2.3.1.1.8 Ba thứ Công đức, 2.2.1.2.3.1.1.8.1 Công đức của nước, 2.2.1.2.3.1.1.8.2 Công đức nơi đất, 2.2.1.2.3.1.1.8.3 Công đức nơi hư không, 2.2.1.2.3.1.1.9 Vũ Công đức, 2.2.1.2.3.1.1.10 Quang minh Công đức,

2.2.1.2.3.1.1.11 Diêu thanh Công đức,
 2.2.1.2.3.1.1.12 Chú Công đức,
 2.2.1.2.3.1.1.13 Quyển thuộc Công đức,
 2.2.1.2.3.1.1.14 Thọ dụng Công đức,
 2.2.1.2.3.1.1.15 Vô chur nạn Công đức,
 2.2.1.2.3.1.1.16 Đại nghĩa Công đức,
 2.2.1.2.3.1.1.17 Công đức hết thảy điều mong cầu đều được thỏa mãn,
 2.2.1.2.3.1.2 Tiểu kết thành phát nguyện vãng sanh, 2.2.1.2.3.1.3 Quan sát công đức thanh tịnh của chúng sanh thế gian, 2.2.1.2.3.1.3.1 Hai môn quan sát của chúng sanh thế gian, 2.2.1.2.3.1.3.2 Giải thích về chúng sanh, 2.2.1.2.3.1.3.3 Quan sát công đức trang nghiêm của A-di-đà Như Lai, 2.2.1.2.3.1.3.3.1 Công đức của hoa tòa, 2.2.1.2.3.1.3.3.2 Công đức nơi thân nghiệp, 2.2.1.2.3.1.3.3.3 Công đức nơi khẩu nghiệp, 2.2.1.2.3.1.3.3.4 Công đức nơi tâm nghiệp, 2.2.1.2.3.1.3.3.5 Công đức của đại chúng, 2.2.1.2.3.1.3.3.6 Công đức của thượng thủ, 2.2.1.2.3.1.3.3.7 Chủ Công đức, 2.2.1.2.3.1.3.3.8 Bất hư tác trụ trì Công đức, 2.2.1.2.3.1.3.4 Quan sát Công đức trang nghiêm các vị Bồ-tát cõi ấy, 2.2.1.2.3.1.3.4.1 Nêu chung bốn loại Công đức, 2.2.1.2.3.1.3.4.2 Vấn đáp trừ nghi, 2.2.1.2.3.1.3.4.3 Nói riêng bốn loại công đức, 2.2.1.2.3.1.3.4.3.1 Công đức ứng hóa bất động, 2.2.1.2.3.1.3.4.3.2 Công đức đồng thời đến trọn khắp, 2.2.1.2.3.1.3.4.3.3 Công đức cúng dường tán thán không thừa sót, 2.2.1.2.3.2 Hồi hướng môn, 2.2.1.3 Tổng kết kệ tụng, 2.2.1.4 Vấn đáp để trừ nghi hoặc, 2.2.2 Giảng giải phần Luận thích, 2.2.2.1 Nêu chung, 2.2.2.1.1 Chia thành các chương, 2.2.2.1.2 Giải thích Kinh văn, 2.2.2.2 Giải thích ý nghĩa, 2.2.2.2.1 Đại ý của bài Nguyên sanh kệ, 2.2.2.2.2 Khởi quán sanh tín, 2.2.2.2.2.1 Chỉ ra ngũ niệm lực, 2.2.2.2.2.2 Nêu ra ngũ niệm môn, 2.2.2.2.2.2.1 Nêu chung ngũ niệm môn, 2.2.2.2.2.2.2 Giải thích từng môn trong năm môn, 2.2.2.2.2.2.2.1 Lễ bái môn, 2.2.2.2.2.2.2.2 Tán thán môn, 2.2.2.2.2.2.2.3 Tác nguyện môn, 2.2.2.2.2.2.2.4 Quán sát môn, 2.2.2.2.2.2.2.5 Hồi hướng môn, , 2.2.2.2.3 Quán hạnh thể tướng, 2.2.2.2.3.1 Khí thể, 2.2.2.2.3.1.1 Quán thể tướng của quốc độ ấy, 2.2.2.2.3.1.1.1 Nêu chung sự chẳng thể nghĩ bàn, 2.2.2.2.3.1.1.2 Giải thích chi tiết mười bảy công đức, 2.2.2.2.3.1.1.2.1 Nêu chung, 2.2.2.2.3.1.1.2.2 Nói rõ riêng biệt từng điều, 2.2.2.2.3.1.1.2.2.1 Công đức thanh tịnh, 2.2.2.2.3.1.1.2.2.2 Lượng công đức, 2.2.2.2.3.1.1.2.2.3 Tánh công đức, 2.2.2.2.3.1.1.2.2.4 Hình tướng công đức, 2.2.2.2.3.1.1.2.2.5 Công đức các thứ sự, 2.2.2.2.3.1.1.2.2.6 Diêu sắc công đức, 2.2.2.2.3.1.1.2.2.7 Xúc công đức, 2.2.2.2.3.1.1.2.2.8 Ba công đức, 2.2.2.2.3.1.1.2.2.8.1 Nước, 2.2.2.2.3.1.1.2.2.8.2 Đất, 2.2.2.2.3.1.1.2.2.8.3 Hư không, 2.2.2.2.3.1.1.2.2.9 Vũ công đức, 2.2.2.2.3.1.1.2.2.10 Quang minh công đức, 2.2.2.2.3.1.1.2.2.11 Diêu thanh công đức, 2.2.2.2.3.1.1.2.2.12 Chủ công đức, 2.2.2.2.3.1.1.2.2.13 Quyển thuộc công đức, 2.2.2.2.3.1.1.2.2.14 Thọ dụng công đức, 2.2.2.2.3.1.1.2.2.15 Công đức không có các nạn, 2.2.2.2.3.1.1.2.2.16 Công đức đại nghĩa môn, 2.2.2.2.3.1.1.2.2.17 Công đức hết thảy mong cầu đều được thỏa mãn, , 2.2.2.2.3.1.2 Thị hiện tự lợi-lợi tha, , 2.2.2.2.3.1.3 Nhập đệ Nhất nghĩa đế, 2.2.2.2.3.2 Chúng sanh thể, 2.2.2.2.3.2.1 Quán Phật, 2.2.2.2.3.2.1.1 Nêu chung tám thứ tướng, 2.2.2.2.3.2.1.2 Giải thích cận kề tám thứ tướng, 2.2.2.2.3.2.1.2.1 Nêu bày tám thứ tướng, 2.2.2.2.3.2.1.2.2 Nêu rõ mỗi tướng trong tám tướng, 2.2.2.2.3.2.1.2.2.1 Tòa công đức, 2.2.2.2.3.2.1.2.2.2 Thân nghiệp công đức,

2.2.2.2.3.2.1.2.2.3 Thân nghiệp công đức,
 2.2.2.2.3.2.1.2.2.4 Tâm nghiệp công đức,
 2.2.2.2.3.2.1.2.2.5 Đại chúng công đức,
 2.2.2.2.3.2.1.2.2.6 Thượng thủ công đức,
 2.2.2.2.3.2.1.2.2.7 Chủ công đức,
 2.2.2.2.3.2.1.2.2.8 Bất hư tác trụ trì công
 đức, 2.2.2.2.3.2.1.3 Thị hiện đức tự lợi-lợi
 tha của Như Lai, 2.2.2.2.3.2.2 Quán Bồ-
 tát, 2.2.2.2.3.2.2.1 Nêu chung bốn thứ
 công đức do chánh tu hành, 2.2.2.2.3.2.2.2
 Giải thích tường tận bốn thứ công đức
 chánh tu hành, 2.2.2.2.3.2.2.2.1 Bất động
 ứng hóa đức, 2.2.2.2.3.2.2.2.2 Đồng thời
 biến chí đức, 2.2.2.2.3.2.2.2.3 Vô dư cúng
 tán đức, 2.2.2.2.3.2.2.2.4 Biến thị Tam bảo
 đức, 2.2.2.2.4.1 Quảng lược tương nhập,
 2.2.2.2.4.2 Hai thứ thanh tịnh, 2.2.2.2.5
 Thiện xảo nhiếp hóa, 2.2.2.2.5.1 Thành
 tựu nhu nhuyễn tâm, 2.2.2.2.5.2 Như thật
 biết các pháp, 2.2.2.2.5.3 2.2.2.2.5 Xảo
 phương tiện hồi hướng, 2.2.2.2.6 Ly Bồ-đề
 chướng, 2.2.2.2.6.1 Nêu chung ba thứ
 chướng, 2.2.2.2.6.2 Nêu riêng từng pháp
 trong ba loại chướng, 2.2.2.2.6.2.1 Nương
 theo Trí tuệ môn, 2.2.2.2.6.2.2 Nương theo
 Từ bi môn, 2.2.2.2.6.2.3 Nương theo
 Phương tiện môn, 2.2.2.2.6.3 Tổng kết,
 2.2.2.2.7 Thuận Bồ-đề môn, 2.2.2.2.7.1
 Nêu chung ba môn, 2.2.2.2.7.2 Nêu rõ
 từng môn riêng biệt trong ba môn,
 2.2.2.2.7.2.1 Vô nhiễm thanh tịnh tâm,
 2.2.2.2.7.2.2 An thanh tịnh tâm,
 2.2.2.2.7.2.3 Lạc thanh tịnh tâm,
 2.2.2.2.7.3 Tổng kết, 2.2.2.2.8 Danh nghĩa
 nhiếp đối, 2.2.2.2.8.1 Ba loại môn được
 thâm nhiếp, 2.2.2.2.8.2 Lìa ba loại pháp,
 2.2.2.2.8.3 Thành tựu ba thứ tâm, 2.2.2.2.9
 Nguyên sự thành tựu, 2.2.2.2.9.1 Có thể
 sanh vào Tịnh độ, 2.2.2.2.9.2 Tùy ý tự tại,
 2.2.2.2.10 Lợi hành mãn túc, 2.2.2.2.10.1
 Nêu chung, 2.2.2.2.10.2 Phần giải thích
 chánh yếu, 2.2.2.2.10.2.1 Nêu chung các
 công đức thành tựu xuất nhập,

2.2.2.2.10.2.2 Giải thích môn nhập thứ
 nhất, 2.2.2.2.10.2.3 Giải thích môn nhập
 thứ hai, 2.2.2.2.10.2.4 Giải thích môn
 nhập thứ ba, 2.2.2.2.10.2.5 Giải thích môn
 nhập thứ tư, 2.2.2.2.10.2.6 Môn thứ năm
 là Xuất, 2.2.2.2.10.3 Tổng kết thành tựu
 của hai thứ lợi, 2.2.2.2.10.3.1 Tự lợi,
 2.2.2.2.10.3.2 Lợi tha, 2.2.2.2.10.3.3 Trọn
 vẹn hai điều lợi, 2.3 Tổng kết; Hồi hướng.

X

1.084. XUẤT GIA CÔNG ĐỨC (Kinh Xuất Gia Công Đức)

Việt dịch: *Minh Lễ*

Chứng minh: *TT. Thích Trí Tịnh*

Chùa Vạn Đức, PL. 2512 – DL. 1968

Kinh có 83 trang, bìa mềm, nền trắng, chữ
 tựa màu vàng, có hình bánh xe pháp luân.
 Nội dung gồm có: Tựa, *Kinh Xuất Gia
 Công Đức*, Tiểu sử và công hạnh Ấn
 Quang Đại sư, Chí thành niệm Phật, Công
 đức in tạo Kinh tượng. (*Bản lưu tại Thư
 viện Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam
 tại Tp. Hồ Chí Minh; Mã sách: Vie 2171*)

Y

1.085. Yếu Chỉ HOA NGHIÊM

– 2 Tập

Viết dịch và chú thích:

Thích Nguyên Chơn

Nxb Hồng Đức – 2015

Sách có khổ 14.5 x 20.5cm, 2 tập dày hơn 738 trang, bìa mềm, có hộp.

Tập I, dày hơn 381 trang. Nội dung gồm có: Tựa, Chỉ thú Kinh Hoa Nghiêm 1. Nơi thuyết Kinh, 2. Thời gian thuyết Kinh, 3. Đức Phật thuyết Kinh, 4. Chúng thuyết Kinh, 5. Cách thức thuyết Kinh, 6. Luận về giáo của Kinh, 7. Hiện thị nghĩa Kinh, 8. Giải thích ý Kinh, 9. Lợi ích của Kinh, 10. Nêu lên chỗ viên mãn của Kinh; Đại ý Kinh Hoa Nghiêm, *Hoa Nghiêm du Tâm Pháp giới ký*, Tựa, Du Tâm Pháp giới ký, Luận Nhất thừa quyết nghi, 1. Phản bác lời của Trình Tử, 2. Phản bác lời của Trương Tử, 3. Phản bác lời của Chu Tử, 4. Phản bác lời của Lục Tử, 5. Phản bác lời của Kinh Trai Hồ Tử, 6. Phản bác lời của Kinh Dương Cổ Tử, 7. Phản bác lời của Lương Khê Cao Tử, Bạt; *Diệu nghĩa thành Phật của Hoa Nghiêm Nhất thừa*, 1. Các môn thành Phật, 2. Những hạng người nhất định chứng đắc, 3. Giáo nghĩa sai biệt, 4. Những hạng người mau được thành Phật, 5. Hỏi đáp phân biệt; *Hoa Nghiêm Pháp giới Huyền cảnh*, Quyền thượng, Quyền hạ; *Văn Khuyên Tăng-tục Phát tâm Bồ-đề*, Tựa, Văn Khuyên Tăng-tục Phát tâm Bồ-đề, 1. Ý nghĩa danh từ Bồ-đề, 2. Thể của tâm Bồ-đề, 3. Ba tâm, 4. Năm thế nguyện, 5. Khuyên hằng giữ tâm Bồ-đề, 6. Khuyên độ chúng sanh, 7. Khuyên gom nhóm phước đức, 8. Khuyên tu học Phật pháp, 9. Khuyên đích thân

phụng sự chư Phật và thiện tri thức, 10. Khuyên chỉ cầu quả Phật, 11. Khuyên kết duyên với các đạo tục đã phát tâm Bồ-đề, 12. Khuyên học thông Kinh điển viên đôn, 13. Khuyên hiểu tất cả pháp trợ Bồ-đề, 14. Khuyên biết rõ Bốn pháp buông lung của Bồ-tát, 15. Khuyên biết Bốn Pháp mau chóng của Bồ-tát, 16. Khuyên biết rõ Công đức của tâm Bồ-đề, 17. Giải thích những nghi ngờ về sai biệt Phạm Thánh;

Tập II, dày hơn 357 trang. Nội dung gồm có: *Kim Sư tử chương Vân gian loại giải*, Tựa, 1. Luận về Duyên khởi, 2. Bàn về sắc-không, 3. Căn cứ Ba tánh, 4. Hiện thị Vô tướng, 5. Thuyết về Vô sanh, 6. Luận về Năm giáo, 7. Thống suất Mười huyền, 8. Khái quát sáu tướng, 9. Thành tựu Bồ-đề, 10. Nhập Niết-bàn; *Hoa Nghiêm Kinh nghĩa hải bách môn*, 1. Duyên sanh hội tịch, 2. Thật tế liêm tích, 3. Chứng trí phổ diệu, 4. Chiếu soi dung thông nhập vận, 5. Thể dụng hiển lộ, 6. Sai biệt hiển hiện, 7. Tu học nghiêm thành, 8. Đối trị được lợi ích, 9. Thể dụng khai hợp, 10. Quyết trạch thành tựu, Bạt cho việc Hiệu đính; *Hoa Nghiêm Ngũ giáo Chỉ Quán*, 1. Pháp có Ngã không, 2. Sanh tức vô sanh, 3. Sự-lý viên dung, 4. Ngũ và Quán song tuyệt, 5. Hoa Nghiêm Tam-muội; *Nguyên Nhân luận*, 1. Phá mê chấp của người học Nho và Đạo, 2. Phá tâm thiên lệch và thiên cận của người học giáo bất liễu nghĩa, 3. Thật giáo liễu nghĩa chỉ thẳng nguồn chân, 4. Hội qui dung thông bản-mạt; *Hoa Nghiêm Phát Bồ-đề Tâm chương*, 1. Phát tâm, 2. Phân biệt giáo, 3. Nêu lỗi, 4. Biểu đức; *Hoa Nghiêm Nhất thừa Thập Huyền môn*, I. Lập Dụ luận thành Pháp, II. Dùng Pháp hội Lý; Tu Hoa Nghiêm áo chỉ Vọng tận hoàn nguyên quán, Bạt, Phụ lục: Mười năng lực tự tại của Bồ-tát ghi trong Kinh Hoa Nghiêm, *Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm Kinh yếu chỉ*, Tựa, 1. Tựa về

Huyền chỉ, 2. Giải thích đề Kinh, 3. Phân chương mục và giải thích, 4. Giải thích Pháp năm hồi.

1.086. Yếu Chỉ KINH PHÁP HOA

Tác giả: *HT. Thích Thắng Hoan*

Toàn bộ tác phẩm này gồm có 5 phần: Phần mở đầu; Yếu chỉ Kinh Pháp Hoa: I. Phần Khai Phật tri kiến (từ P.1 Tựa đến P.10 Pháp sư); II. Phần Thị Phật tri kiến, - P.11 Hiện bảo tháp; III. Phần Ngộ Phật tri kiến (từ P.12 Đề-bà-đạt-đa đến P.22 Chúc lụy); IV. Phần Nhập Phật tri kiến (từ P.23 Dược vương Bồ-tát đến P.28 Phổ Hiền Bồ-tát khuyến phát); Phụ bản: I. a. Pháp Hoa Nhị diệu, b. Pháp Hoa Tam chu đặng Thọ ký làm Phật, c. Pháp Hoa Bảy dụ, d. Pháp Hoa Lục thụ, e. Pháp Hoa Ngũ trùng Huyền nghĩa; II. Những Kinh Luận tham khảo. (<https://quangduc.com>, *Kinh-Hán tạng*)

1.087. Yếu Chỉ KINH PHÁP HOA

Biên soạn: *Nguyễn Hiếu*

Viết dịch: *Thích Như Điển*

Tác phẩm Kinh này gồm có: Phần đầu nói về Đại ý Kinh Pháp Hoa; Phần hai là giải thích về Tông chỉ của Kinh; Phần ba là hợp lại làm sáng tỏ và khai thị chỗ dụng (trong mỗi phần còn có hỏi và đáp). (<https://phatphapungdung.com>)

1.088. Yếu Chỉ TÂM KINH BÁT-NHÃ

Tác giả: *Thích Thông Phương*

Nội dung tác phẩm này gồm có 5 phần: I. Dẫn nhập, II. Tinh thần Bát-nhã là phá chấp, phủ định, III. Khẳng định, IV. Vượt qua dấu vết văn tự ngôn ngữ, V. Tóm kết. (<https://thuvienhoasen.org>, *Kinh/Giảng giải Kinh*)

NHỮNG TÁC PHẨM KINH DIỄN VĂN VĂN - THI HÓA

1.089. Đại cương KINH PHÁP HOA

Tác giả: HT. Thích Hồng Đạo

Chùa Qui Sơn (Vũng Tàu) xuất bản PL. 2516 – DL. 1972

Sách dày 318 trang, bìa mềm; nội dung gồm có: Lời giới thiệu, Lời giới thiệu của Bút giả, Nghi thức Nguyện hương: Đánh lễ-Kỳ nguyện-Sám hối, Nghi thức Khai Kinh trì tụng, và 28 phẩm Kinh Pháp Hoa diễn kệ (theo thể ngũ ngôn, mỗi câu năm chữ). Sau cùng là Tâm Kinh Bát-nhã Ba-la-mật-đa, Vãng sanh Thần chú, Kệ khen tướng Phật, Sám Quy Mạng, Phúng Kinh Hồi hướng, Phục nguyện (các Bài cầu nguyện Cầu an – Cầu siêu), Tam Tự quy; Phụ trương: Các bài Cầu nguyện.

1.090. HỘI HOA ĐÀM – Kinh Hiền

Tác giả: Phạm Thiên Thư

Nxb Văn Nghệ - 2006

Sách có khổ 13.5 x 20.5cm, có 463 trang, bìa cứng, chữ tựa màu trắng, có hình vẽ ba chiếc lá. Toàn bộ tác phẩm *Hội Hoa Đàm* gồm có hơn 50 bài từ *Kinh Hiền Ngu* thi hóa, với hơn 12.050 câu thơ lục bát. Phần đầu là Lời giới thiệu 1, Lời giới thiệu 2, Đề tựa; Phần nội dung: - Cơ duyên, - Hội Phật dưới hoa, - Giữa đài mây tỏa, - Ngàn ngọn hương dâng, - Hủy thân cầu đạo, - Chim Tiên cầu đạo, - Trăm con hạc trắng, - Hoa đóm hồ lửa, - Rũ áo hồng trần, - Giếng mắt rồng, - Trồng đào cúng Phật, - Lão đánh cá và thần biển, - Tim duyên giải thoát, - Người con hiếu hạnh, - Thay đổi dung hoa, - Ngọc nở thành sen, - Bắc cầu dâng Phật, - Luyện kiếm độ đời, - Hạnh nhẫn nhục, - Chính đạo, - Phép màu khai ngộ, - Hạnh nguyện, - Đức vua và con voi, - Phép trai giới, - Nàng Vân Anh, - Tiền

thân của vị vua trời, - Chàng Kim Thiên, Dứt lụy trần, - Chú Tâm Mai, - Sạch như cũng một lòng này, - Triệu Cát Tường, - Năm trăm người nghèo, - Bồ thí đầu, - Bồ thí mắt, - Năm trăm người mù, - Phụng đô, - Áo rách lòng vàng, - Đại kiếp Tân ninh, - Vi diệu Tỳ-khiêu Ni, - Người mẹ từ hòa, - Hóa thân cứu đời, - Vẽ tranh hóa đạo, - Con rắn cúng ngọc, - Thắng lòng tham dục, - Nước vua Phạm thiên, - Xuống biển tìm Kinh, - Bà buôn tơ trợ đạo, Con chim soi nước, - Nhân quả chẳng đời, - Một lòng trợ đạo, - Vì đức quên thân, - Cá ba đầu, - Chúa Tiên cúng Phật, - Thiên tán ca. *Tác phẩm Kinh Hiền này đã được xuất bản lần đầu vào năm 1971.*

1.091. KIM CANG Tinh Yếu (Vajracchedika Prajna Paramita)

Vũ Anh Swong

Nxb Văn hóa Sài Gòn – 2008

Sách có khổ 12.5 x 20.5cm, dày 176 trang, bìa mềm. Nội dung gồm có: Lời giới thiệu (HT. Thích Thiện Trí), Lời giới thiệu (HT. Thích Giác Toàn), Thoại đầu thơ, Ngợi Kinh Kim Cang tinh yếu, Kim Cang Tâm, Kim Cang kệ, 32 đoạn Kinh thi hóa, Kim Cang chơn ngôn, Tán viết, Chú thích Kim Cang tinh yếu, Chú thích Kim Cang kệ, Hồi hướng.

Tác phẩm này được tái bản năm 2015, Nxb Tôn Giáo.

1.092. KINH A-DI-ĐÀ nghĩa

Phật Học Tùng Thư – Kinh Tụng

Việt dịch: HT. Huệ Đăng

Hương Đạo xuất bản, Nhà in Sen Vàng (Sài Gòn) tái bản

Giấy phép số 1526/XB. H.Đ.K.D. ngày 13-7-1962

Kinh có 45 trang, khổ nhỏ. Nội dung gồm có: Nghi thức Tụng Kinh A-di-đà nghĩa, Cúng hương, Tán tán Phật, Quán tưởng,

Đảnh lễ, Tán lư hương, Bài kệ khai Kinh; *Kinh A-di-đà* (Kinh được dịch chuyển theo thể thơ song thất lục bát), Tâm Kinh, Vãng sanh Thần chú, Bài Tán thán Phật A-di-đà, Bài Tĩnh thể thứ nhất, Sám Hồng trần, Vãng sanh Thần chú, Hồi hướng, Phục nguyện, Tụ Quy y; Phụ bài Sám Nhơn Lành.

1.093. KINH BÁCH DỤ

Chuyển thơ: *Tâm Minh-Ngô Tăng Giao*
Diệu Phương xuất bản 2007. Tác phẩm Kinh chuyển thơ này gồm có 176 trang (PDF), nội dung: - Lời nói đầu, - Phần Duyên khởi; Nội dung có 98 truyện ví dụ được chuyển theo thể thơ lục bát, cấu trúc được chia thành 3 phần, I. Từ truyện 1 – 33; II. Từ truyện 34 – 66; III. Từ truyện 67 – 98. (<https://hoavouu.com>; *Sách Phật học-PDF*)

1.094. KINH BÁO HIỆU

Phổ thơ:
Ni trưởng Huỳnh Liên (1923-1987)
Tác phẩm Kinh này gồm có: Phần đầu là Nghi thức tụng niệm (Tán hương, Khai Kinh), chánh Kinh (Kinh được phổ thơ theo thể Lục bát), sau cùng là Bát-nhã Tâm Kinh và Nghi thức Hồi hướng. (<https://nigoiokhatsi.net>, *Kinh*)

1.095. KINH BÁT CHÁNH ĐẠO

Ban Biên tập Thiên Tôn Phật Quang
Nxb Tôn Giáo – 2015
Toàn bộ *Kinh Bát Chánh Đạo* (Chánh Kiến, Chánh Tư duy, Chánh Ngữ, Chánh Nghiệp, Chánh Mạng, Chánh Tinh tấn, Chánh Niệm, Chánh Định) được chuyển thể theo thơ ngũ ngôn, mỗi câu 5 chữ, mỗi khổ 4 câu.

1.096. KINH BÁT ĐẠI NHÂN GIÁC

Hán dịch: *Tổ An Thế Cao*
Dịch văn vần:

HT. Thích Trí Thủ (1909-1984)

Tạp chí Liên Hoa số 4 – 5, xuất bản - 1958. Nội dung Kinh gồm có Tám điều giác ngộ của bậc đại nhân (Bồ-tát) được chuyển dịch theo thể thơ Song thất lục bát, rất thuận tiện trong việc tụng niệm hằng ngày. (<https://thuvienhoasen>, *Kinh Sanskrit/Hán tạng*)

1.097. KINH DIỄN NGHĨA – TỊNH ĐỘ CHÁNH TÔNG

Diễn nghĩa và giải:
HT. Thanh Kế - Huệ Đăng (1873-1953)
Nxb Tôn Giáo – 2013, khổ 16 x 24cm, dày hơn 187 trang, bìa mềm.
Toàn bộ tác phẩm Kinh diễn nghĩa này gồm có 2 phần: *Phần I, Kinh diễn nghĩa*, - Lời căn bịch, - Nghi thức tụng niệm, Kinh A-di-đà, Hồng danh Bửu sám, Kinh Vu Lan, Kinh Báo Ân, Bồ khuyết Tâm Kinh, Các bài sám; Nhơn tu sám nghĩa, Sám khê thủ, Sám nhứt tâm, Sám thái bình, Nguyện tiêu nguyện sanh, Phục nguyện, Tụ Quy y; *Phần II, Tịnh độ chánh tông*, - Lời tựa, P.1 Hồi tâm hướng Đạo, P.2 Khuyến tu Tịnh độ, P.3 Tịnh độ hành nghi, P.4 Ngũ hồi Bửu sám, P.5 Diễn giải chữ “Tứ”.

1.098. KINH DIỆU PHÁP LIÊN HOA – SADDHARMA PUNDARIKA

Kệ tụng: *Huyền Không Cư sĩ*
Nxb Hồng Đức, PL. 2562 – DL. 2018 (tái bản lần thứ 13)
Kinh có khổ 16 x 24cm, dày 429 trang, bìa cứng, chữ mạ vàng. Toàn bộ Kinh gồm có 7 quyển, 28 phẩm Kinh được chuyển sang thể kệ tụng tứ ngôn, mỗi câu 4 chữ, mỗi khổ 4 câu. Nội dung như sau: *Phần Khai Kinh*, Nghi thức lễ tụng; *Phần Kinh văn*, Q.I P.1 Tựa, P.2 Phương tiện, Sự tích chép Kinh thoát nạn giặc cướp; Q.II P.3 Thí dụ, P.4 Tín giải, Sự tích chép Kinh thoát khổ; Q.III P.5 Dược thảo dụ, P.6 Thọ ký, P.7

Hóa thành dụ, Sự tích đọc Kinh thoát khổ; Q.IV P.8 Ngũ bá đệ tử thọ ký, P.9 Thọ học-vô học ký, P.10 Pháp sư, P.11 Hiện bảo tháp, P.12 Đề-bà-đạt-đa, P.13 Trì, Sự tích tụng đề Kinh mình và người đề thoát khổ; Q.V P.14 An lạc hạnh, P.15 Tụng địa dũng xuất, P.16 Như Lai thọ lượng, P.17 Phân biệt Công đức, Sự tích chép Kinh cứu bạn đồng học; Q.VI P.18 Tùy hỷ Công đức, P.19 Pháp sư Công đức, P.20 Thường Bất Khinh Bồ-tát, P.21 Như Lai thần lực, P.22 Chúc lụy, P.23 Dược Vương Bồ-tát bốn sự, Sự tích tụng Kinh thoát nữ thân; Q.VII P.24 Diệu Âm Bồ-tát, P.25 Quán Thế Âm Bồ-tát Phổ môn, P.26 Đà-la-ni, P.27 Diệu Trang Nghiêm vương bốn sự, P.28 Phổ Hiền Bồ-tát khuyến phát, Sự tích nghe Kinh khởi thân chim, Sự tích tụng Kinh cứu toàn thành; *Phần Hồi hướng*, Bát-nhã Tâm Kinh, Hồi hướng; *Phần Giới thiệu*, Lời giới thiệu 1, Lời giới thiệu 2, Cảm đề Pháp Hoa, Thoại đầu, Chú thích; Phụ lục: Lịch sử Kinh Diệu Pháp Liên Hoa.

1.099. KINH DƯỢC SƯ

Bốn Nguyên Công Đức (Diễn văn vần)

Hán dịch: *Tam tạng Pháp sư*

Huyền Trang (602-664)

Việt dịch: *Thích Huyền Dung*

Diễn văn vần: *Thích Hạnh Thành*

Nxb Tôn Giáo, PL. 2552 – DL. 2008 Kinh có khổ 14 x 20cm, có 66 trang, bìa mềm, nền đỏ, chữ tựa màu trắng, có hình Đức Phật Dược Sư. Tác phẩm này gồm có phần đầu là Nghi thức tụng niệm (Niệm hương, Kỳ nguyện, Tán Phật, Quán tưởng, Tán dương chi, Chú Đại bi, Khai Kinh kệ, Tán Phật); Phần nội dung chính là *Kinh Dược Sư Lưu Ly Quang Như Lai Bốn Nguyên Công Đức* diễn văn vần theo thể song thất lục bát; Phần sau là Dược Sư Quán Đảnh Chơn Ngôn, Tán Dược Xoa, Bát Nhã Tâm

Kinh, hồng danh chư Phật và Bồ-tát, Tiêu tai Cát tường thần chú, Hồi hướng, Tam tự Quy y; Chú thích nghĩa.

1.100. KINH ĐỊA TẠNG –

Bằng Văn Vần

Dịch giả: *Tuệ Chiếu – Phạm Công Huyền*

Hiệu đính: *Tỳ-kheo Thích Đồng Bôn*

Nxb Tôn Giáo, PL. 2550 – DL. 2006

Kinh có khổ 14.5 x 20.5cm, dày hơn 154 trang. Nội dung tác phẩm này có 13 phẩm: Lời nói đầu; P.1 Cung trời Đạo Lợi, P.2 Phân thân hội họp, P.3 Nghiệp duyên chúng sanh, P.4 Nghiệp cảm chúng sinh, P.5 Tên các địa ngục, P.6 Phật ngợi khen công đức Bồ-tát Địa Tạng, P.7 Lợi ích cho kẻ còn-người mất, P.8 Các vua Diêm-la khen ngợi Công đức, P.9 Xưng Danh hiệu chư Phật, P.10 So sánh Công đức Nhân duyên Bồ thí, P.11 Nói về địa thần-hộ pháp, P.12 Nói về lợi ích được nghe hoặc được thấy Bồ-tát Địa Tạng, P.13 Ủy thác tế độ nhân duyên; Phần chú thích.

Tác phẩm này tái bản năm 2011, Nxb Tôn Giáo.

1.101. KINH ĐỊA TẠNG BỒ-TÁT BỒN NGUYỄN (Bằng văn bằng)

Hán dịch: *Tam tạng Pháp sư Pháp Đăng*

Việt dịch:

HT. Thích Trí Tịnh (1917-2014)

Chuyển vận: *TK. Thích Trí Thường –*

TK. Thích Linh Như

Nxb Tôn Giáo – 2009. Kinh có khổ 18 x 28cm, dày hơn 181 trang, bìa mềm, nền màu đen, chữ tựa Kinh màu vàng.

Nội dung gồm có: Lời nói đầu, và 3 quyển (Thượng-Trung-Hạ), với 13 phẩm *Kinh Địa Tạng* chuyển vận văn bằng; Chú thích; Phụ lục, Kinh Vu Lan bồn, Kinh Báo hiếu Phụ mẫu Trọng ân, Sám Vu Lan.

1.102. KINH ĐỊA TẠNG BỒ-TÁT BỒN NGUYỄN (Diễn văn vần)

Hán dịch: *Tam tạng Pháp sư Pháp Đăng*
Việt dịch:

HT. Thích Trí Tịnh (1917-2014)

Diễn văn vần: *Thích Hạnh Thành*

Nxb Tôn Giáo – 2007. Kinh có khổ 13 x 19cm, có 150 trang, bìa mềm. Nội dung Kinh này gồm có: Bài tựa Địa Tạng Bồ-tát, Bài tán nguyện hương, Bài văn phát nguyện, Bài kệ khai kinh. Phần nội dung chính là *Kinh Địa Tạng Bồ-tát Bồn Nguyễn*, có 3 quyển, 13 phẩm (*Xem: Kinh Địa Tạng*), diễn văn vần theo thể thơ song thất lục bát. Sau cùng là Bát Nhã Tâm Kinh, Vãng sanh Tịnh độ thần chú, Tán thán Phật A-di-đà, Sám Mười phương, Hồi hướng, Tam tự Quy y.

1.103. KINH ĐỊA TẠNG BỒ-TÁT BỒN NGUYỄN

Hán dịch: *Tam tạng Pháp sư Pháp Đăng*
Việt dịch dưới thể thi kệ:

Từ Hoa Nhất Tuệ Tâm

Nội dung Kinh này có 13 phẩm Kinh Địa Tạng Bồ-tát Bồn Nguyễn được dịch dưới thể thi kệ. (<https://thuvienhoasen.org>, *Kinh Sanskrit/Hán tạng*)

1.104. KINH HIẾU

Thi hóa: *Phạm Thiên Thư*

Nxb Văn Nghệ - 2006

Sách có khổ 10 x 18cm, có 46 trang, bìa mềm, chữ tựa màu trắng, có hình hoa văn hoa sen, có tay gấp. Nội dung gồm có: Mở Kinh, *Kinh Hiếu* (Thi hóa Kinh Vu Lan, theo thể song thất lục bát), Chiêu Hồn Ca, Tịnh Tâm, Niệm Phật.

1.105. KINH KIM CANG **Diễn Ngâm**

Vân Hà – Trần Thị Hồng Anh

Nxb Tôn Giáo – 2012

Sách có khổ 14.5 x 20.5cm, có 75 trang, bìa mềm.

Nội dung gồm có: Lời nói đầu và *Kinh Kim Cang diễn ngâm* được diễn theo thể thơ Song thất lục bát, hai bài kệ chuyển thể Lục bát, đoạn cuối Kinh là văn xuôi và kệ Hồi hướng (Ngũ ngôn).

1.106. KINH LỜI VÀNG

(Thi hóa Dhammapada-sutta)

Tác giả: *Minh Đức Triều Tâm Ảnh*

Nxb Phương Đông – 2008. Kinh có khổ 17 x 17cm, có 231 trang, bìa mềm, chữ tựa màu đen, có hình phân nửa mặt Đức Phật (nghệ thuật). Nội dung tác phẩm gồm có 26 phẩm, 423 bài kệ *Kinh Pháp Cú* thi hóa.

1.107. KINH NGỌC QUÝ

Nguyên tác Anh ngữ:

Ven. Khatipalo & Sister Susanna

Việt dịch và chuyển thơ: *Hạnh Đạo*

Nxb Tôn Giáo, PL. 2552 – DL. 2008

Tác phẩm Kinh này có 289 trang; nội dung gồm 26 phẩm: Lời cảm tạ, Vài nét về Tiểu sử tác giả, Lời nói đầu; 1.P Song yếu, 2.P Không phóng dật, 3.P Tâm, 4.P Bông hoa, 5.P Người ngu, 6.P Người trí, 7.P A-la-hán, 8.P Ngàn, 9.P Ác, 10.P Hình phạt, 11.P Già, 12.P Tự ngã, 13.P Thế gian, 14.P Phật-đà, 15.P An lạc, 16.P Hỷ ái, 17.P Phẫn nộ, 18.P Cấu ứ, 19.P Pháp tự, 20.P Đạo, 21.P Tạp, 22.P Địa ngục, 23.P Voi, 24.P Tham ái, 25.P Tỳ-kheo, 26.P Bà-la-môn; Tài liệu tham khảo.

1.108. KINH PHÁP CÚ – DHAMMAPADA SUTTA

Thư pháp - clligraphy

Tác giả: *Darian Đăng Học*

Nxb Tôn Giáo – 2015. Kinh có khổ 14.5 x 20.5cm, dày 522 trang, bìa mềm, có tay gấp, chữ tựa màu đen. Toàn bộ tác phẩm

này gồm có 26 phẩm, 423 bài kệ *Kinh Pháp cú* được trình bày bằng thơ pháp, sau cùng là Lời cảm ơn, Gặp người viết Kinh giữa phố mù sương.

1.109. KINH PHÁP HOA

(Saddharma Pundarika Sùtra) Thi hóa

Thi hóa: *Thích Hạnh Thành*

Nxb Tôn Giáo – 2007

Kinh có khổ 13 x 19cm, có 210 trang, bìa mềm. Toàn bộ tác phẩm này gồm có: Lời giới thiệu, Tán Kinh, Hương sen, và 28 phẩm *Kinh Pháp Hoa* thi hóa theo thể lục bát, sau cùng là Kết hương 7, Phát nguyện.

1.110. KINH TAM BẢO

Viết dịch:

HT. Thích Trí Tịnh (1917-2014)

Kệ tụng: *Cư sĩ Huyền Không*

Nxb Hồng Đức, PL. 2562 – DL. 2019

Kinh có khổ 16 x 24cm, dày 257 trang, bìa mềm, chữ mạ vàng, có tay gấp.

Nội dung gồm có: Nghi thức Tụng Kinh A-di-đà (Hương tán, Khai Kinh kệ), 1. *Phật nói Kinh A-di-đà*, 2. *Hồng danh Bửu sám*, 3. *Phật thuyết Kinh Vu Lan bồn*, 4. *Phật thuyết Diệu Pháp Liên Hoa Kinh*, 5. *Phật thuyết Kinh Kim Cang Bát-nhã Ba-la-mật*; Kim Cang chơn ngôn, Phổ Hồi hướng chơn ngôn, Tán viết; Chú thích; Ma-ha Bát-nhã Ba-la-mật-đa Tâm Kinh, Bạt Nhứt thiết Nghiệp chương Căn bản Đắc sanh Tịnh độ Đà-la-ni, Sám Thập phương, Công đức Bửu sơn Thần chú, Hồi hướng, Nguyện, Chú thích, Phỏng dịch bài “Sám Thập phương” của Đại Từ Bồ-tát và Mười Điều đại nguyện của Phổ Hiền Bồ-tát, Bài tựa về Văn “Mười Phương”; Lời bạt, Nghi thức Sám hồi Niệm Phật. Bốn Kinh trên được chuyển sang thể kệ tụng tứ ngôn (mỗi câu 4 chữ), sau mỗi bài Kinh và Sám đều có Phần Chú thích.

1.111. KINH TỤNG

Diễn Ca Tuyển Tập

Tập 1 (Kinh Diễn ca miền Nam)

Biên soạn và chú thích:

Thích Hạnh Thành

Nxb Văn Hóa Sài Gòn – 2009

Kinh có khổ 20 x 28cm, có 306 trang, bìa mềm, chữ tựa màu vàng và xanh dương, có hình hai hoa sen. Toàn bộ tác phẩm này gồm có: Lời nói đầu, 34 bài *Kinh tụng Diễn ca*: 1.K. A-di-đà, 2.K. An vị Phật, 3.K. Báo đáp công ơn cha mẹ, 4.K. Bát đại nhơn giác, 5.K. Bốn mươi hai bài, 6.K. Cầu an, 7.K. Cầu nguyện, 8.K. Cầu phước, cầu lộc, 9.K. Cầu siêu, 10.K. Cầu thọ, 11.K. Cúng cửu huyền, 12.K. Kinh Diệu pháp liên hoa – Phẩm Phổ môn, 13.K. Dụ ngôn bọt nước, 14.K. Dược Sư bốn nguyện công đức, 15.K. Địa Tạng Bồ-tát bốn nguyện, 16.K. Hạnh người xuất gia, 17.K. Hồi hướng, 18.K. Khổng tước, 19.K. Mười nguyện Phổ Hiền, 20.K. Mười pháp đến bờ kia, 21.K. Mười pháp quán niệm, 22.K. Nhận thức vô thường và đau khổ, 23.K. Nhỏ mũi tên sâu muộn, 24.K. Phóng sinh, 25.K. Phổ nguyện, 26.K. Phước đức, 27.K. Sống hòa hợp, 28.K. Tâm Bát-nhã, 29.K. Tê giác, 30.K. Từ bi, 31.K. Từ tâm, 32.K. Vô ngã tướng, 33.K. Vô thường, 34.K. Vu Lan bồn. Phụ lục: - Kinh Thiện sinh, - Thi kệ cuộc đời Đức Phật, - Phật nhập Niết-bàn, - Sám hồi sáu căn, - Lạy sám hồng danh, Tài liệu tham khảo.

1.112. KINH THIỆN HỮU ÁC HỮU

Diễn Nghĩa

Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam

Soạn giả: *Minh Chánh - Đỗ Phước Tâm*

Hiệu đính và giới thiệu:

Tỳ-kheo Thích Đồng Bôn

Nxb Tôn Giáo, PL. 2548 – DL. 2004

Sách có khổ 14.5 x 20.5cm, có 115 trang, bìa mềm. Nội dung gồm: - Lời giới thiệu, Nghi thức tụng (Cúng hương, Kỳ nguyện, Tán thán Phật, Quán tưởng, Đánh lễ, Tán lư hương, Chú Đại bi, Khai Kinh kệ); Chánh văn: Kinh Đại Phương tiện Phật Báo ân, Quyển đệ tứ-Phẩm đệ lục; *Sự tích Thiện hữu-Ác hữu* (văn Kinh được diễn nghĩa theo thể thơ Song thất lục bát); Tâm Kinh, Vãng sanh thần chú, Bài tán thán Phật A-di-đà, Sám Vu Lan, Hồi hướng, Tam Tụ Quy.

1.113. KINH THƠ DIỆU PHÁP LIÊN HOA

Chuyển thơ:

Như Ninh – Nguyễn Hồng Dũng

Nxb Nguồn Sống – 2015

Toàn bộ tác phẩm Kinh thơ này có 406 trang (PDF), gồm 7 quyển, 28 phẩm Kinh Pháp Hoa được chuyển theo thể thơ lục bát với 4368 câu. Nội dung: - Lời giới thiệu, - Duyên khởi, - Kinh thơ Diệu Pháp Liên Hoa, Dâng hương cúng dường, Phát nguyện, Chí tâm đánh lễ Ba ngôi Thường trụ, Khai mở Kinh thơ; Nam mô Diệu Pháp Liên Hoa Kinh – Phật thuyết tại Linh Thứu sơn, Đạo tràng hội thượng Vô lượng Thánh hiền, Q.I, P.1 Tụ, P.2 Phương tiện; Q.II, P.3 Thí dụ, P.4 Tín giải; Q.III, P.5 Dược Thảo dụ, P.6 Thọ ký, P.7 Hóa thành dụ; Q.IV, P.8 Ngũ Bá đệ tử Thọ ký, P.9 Thọ học Vô học như ký, P.10 Pháp sư, P.11 Hiện bảo tháp, P.12 Đề-bà-đạt-đa, P.13 Trì; Q.V, P.14 An lạc hạnh, P.15 Tùng địa dũng xuất, P.16 Như Lai thọ lượng, P.17 Phân biệt công đức; Q.VI, P.18 Tùy hỷ công đức, P.19 Công đức Pháp sư, P.20 Thường Bất Khinh Bồ-tát, P.21 Như Lai thần lực, P.22 Chúc lụy, P.23 Dược Vương Bồ-tát; Q.VII, P.24 Diệu Âm Bồ-tát, P.25 Quán Thế Âm Bồ-tát Phổ môn, P.26 Đà-la-ni, P.27 Diệu

Trang Nghiêm Vương bốn sự, P.28 Phổ Hiền Bồ-tát khuyến phát; Chú thích; Bát-nhã Tâm Kinh; Đánh lễ Sám hối 108 Danh hiệu Phật-Bồ-tát, Thánh hiền Tăng, Thiên long Bát bộ trong Kinh thơ Diệu Pháp Liên Hoa; Phúng Kinh, Nguyện tiêu-Nguyện sanh, Tam tụ Quy y, Hồi hướng. (<https://quangduc.com>, *Kinh-Hán tạng*)

1.114. KINH THƠ ĐẠI PHƯƠNG QUẢNG PHẬT HOA NGHIÊM

Chuyển thơ:

Như Ninh – Nguyễn Hồng Dũng

Nxb Nguồn Sống – 2017

Toàn bộ tác phẩm Kinh thơ này có 370 trang (PDF), gồm 15 phẩm: - Lời giới thiệu, - Lời tựa, Cầu nguyện, Dâng hương khai Kinh; P.1 Đại cương Kinh, P.2 Đường tu Bồ-tát, P.3 Hội đạo tràng Bồ-đề, P.4 Tỳ-lô-hoa tạng giới, P.5 Chứng phần 1. Thập Hạnh, P.6 Chứng phần 2. Thập Lực, P.7 Chứng phần 3. Hành Lục độ, P.8 Chứng phần 4. Tùy hình Hóa độ, P.9 Chứng phần 5. Kim Cang, P.10 Chứng phần 6. Thập môn, P.11 Chứng phần 7. Thập Tạng, P.12 Chứng phần 8. Thánh Ma-gia, P.13 Chứng phần 9. Thân giáo, P.14 Chứng phần 10. Phổ Hiền, P.15 Giải thoát; Bát-nhã Tâm Kinh, Kinh sách tham khảo, Phương danh in Kinh, Đôi dòng về tác giả. (<https://quangduc.com>, *Kinh-Hán tạng*)

1.115. KINH VÔ LƯỢNG THỌ

Hán dịch: *Pháp sư Khang Tăng Khải*

Việt dịch: *Sa-môn Thích Tuệ Đăng*

Chuyển thể Thi văn Kệ tụng:

Cư sĩ Thanh Lam

Nxb Tôn Giáo – 2017. Sách có khổ 16 x 24cm, dày hơn 388 trang.

Nội dung gồm có: Lời tựa, Đại Lễ vía Đức Phật A-di-đà, Nghi thức Sám hối, Nghi thức Trì tụng, Bài văn Phát nguyện, Đức

Phật Thích-ca Mâu-ni Thuyết Kinh Vô Lượng Thọ (Quyển thượng); Đức Phật Thích-ca Mâu-ni Thuyết Kinh Vô Lượng Thọ (Quyển hạ); Xưng Tán hồng danh, Bát-nhã Tâm Kinh, Bài Niệm Phật của ngài Đại Thế Chí Bồ-tát, Sám Tây phương, Sám Phổ Hiền, Tán thán Công đức Phật, Phục nguyện, Chí tâm Qui mạng Kính lễ, Bài Thọ mạng Quy y, Nguyễn Văn sinh, Hồi hướng, Bài Văn lễ Phật và Phát nguyện, Quán Sinh Cực lạc, Tây Phương Bách vịnh, Trăm Bài thơ Vịnh Tây phương, Sơn Cư Bách vịnh, Làm Người Quân tử, Quân tử Pháp ca, Bài Toát yếu Khuyên Thực hành Nhẫn nhục, Liã Hình tướng-rõ chân tánh-Vãng sanh Tịnh độ, Tinh, Thức, Bát Bất, Bát Hữu, Quán chiếu Vô thường, Thiền Tịnh song tu-Điều thân, Điều hơi, Điều tâm, Luận Giải Đường tu, Pháp môn Niệm Phật.

1.116. KINH VU LAN – DI-ĐÀ Nghĩa và Ba mươi chín bài sám hay

Sưu tập: *Thích Thiện Tâm*

Thu Tử xuất bản – 1961

Nội dung gồm có: Lời giới thiệu, Lời nói đầu, Nghi thức tụng niệm (Cúng hương tán Phật, Tán hương, Khai Kinh kệ), *Vu Lan Bồn Kinh*, Bát-nhã Ba-la-mật-đa Tâm Kinh, Sám Mục-liên, Tán Phật, Hồi hướng Công đức, Phục nguyện, Tam Tự Quy y; Kinh A-di-đà và 39 bài sám.

(Bản lưu tại Thư viện chùa Xá Lợi, Q.3, Tp. Hồ Chí Minh; Mã sách: KT. 084)

1.117. KINH VU LAN VÀ BÁO HIẾU Chùa Hoàng Pháp

Viết dịch:

HT. Thích Huệ Đăng (1873-1953)

Nxb Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh – 2014

Kinh có khổ 14 x 20cm, có 67 trang, bìa mềm, nền đỏ, chữ tựa màu trắng.

Xem: Kinh Vu Lan và Báo Hiếu diễn nghĩa

1.118. KINH VU LAN VÀ BÁO HIẾU (Diễn Nghĩa)

Hán dịch:

Tam tạng Pháp sư Trúc Pháp Hộ

Việt dịch và diễn nghĩa:

HT. Thích Huệ Đăng (1873-1953)

Nxb Tôn Giáo, PL. 2555 – DL. 2011

(tái bản lần thứ 10)

Kinh có khổ 14 x 20cm, có 69 trang, tái bản lần thứ 10. Tác phẩm Kinh diễn nghĩa này gồm có: - Nghi thức tụng Kinh (Cúng hương, Kỳ nguyện, Tán Phật, Quán tưởng, Đánh lễ Tam bảo, Tán lư hương, Chú Đại bi, Kinh Khai kệ); - *Phật nói Kinh Vu Lan bồn* (được diễn nghĩa theo thể thơ Song thất lục bát); - *Phật nói Kinh Báo đáp Công ơn Cha mẹ*, Hán dịch: Tam tạng Pháp sư Cưu-ma-la-thập (344-413), Việt dịch và diễn nghĩa: HT. Thích Huệ Đăng, (Kinh này cũng được diễn nghĩa theo thể thơ Song thất lục bát).

Tác phẩm này được tái bản nhiều lần: Năm PL. 2504 – DL. 1960, chùa Chơn Minh (tỉnh Định Tường), HT. Hiến Pháp và Phật tử ấn tống, với tựa “Vu Lan Bồn Kinh”, khổ nhỏ, có 24 trang; năm 1966, Long Vân Tự ấn tống, Nhà in Nguyễn Văn Hòa (Sài Gòn), tái bản Giấy phép số 1260/TXN ngày 22-9-56 N.T.T.N.V, do Tỳ-kheo Thích Thiện Từ soạn, với tựa “Kinh Vu Lan Bồn diễn nghĩa”; năm 2008, Nxb Tôn Giáo, với tựa “Kinh Vu Lan-Đại Báo Ân, khổ 13 x 19cm, có 70 trang, bìa mềm; năm 2008, THPG Tp. Hồ Chí Minh ấn hành; năm 2013-2016, Nxb Hồng Đức.

1.119. LỜI VÀNG VI DIỆU (Kinh Pháp Cú – Dhammapada)

Chuyên thơ: *Thích Giác Toàn*

Nxb Tổng Hợp Tp. Hồ Chí Minh – 2015

Sách có khổ 14 x 22cm, có 141 trang, bìa mềm. Toàn bộ tác phẩm này gồm có: Lời giới thiệu, 26 phẩm, 423 bài kệ *Kinh Pháp*

cú thi hóa theo thể lục bát, sau cùng là Tài liệu tham khảo.

Tác phẩm Kinh này tái bản nhiều lần: Năm 2010, 2011, Nxb Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh.

1.120. PHÁP CÚ

Chuyên thi kệ và Thư pháp: *Trụ Vũ*

Nxb Tôn Giáo – 2003

Sách có khổ 12.5 x 20.5cm, có hơn 114 trang, bìa mềm, chữ tựa màu trắng do Trụ Vũ viết thư pháp, có hình mộc tên của nhà thư pháp. Nội dung gồm 26 phẩm, trong đó có 423 bài thi kệ (của Kinh Pháp Cú): Lời giới thiệu; P.1 Song yếu, P.2 Tự chế, P.3 Tâm, P.4 Hoa, P.5 Ngu, P.6 Hiền trí, P.7 A-la-hán, P.8 Ngàn, P.9 Ác, P.10 Dao gậy, P.11 Già, P.12 Tự ngã, P.13 Thế gian, P.14 Phật-đà, P.15 An lạc, P.16 Hỷ ái, P.17 Phần nộ, P.18 Cấu uế, P.19 Pháp trụ, P.20 Đạo, P.21 Tập, P.22 Địa ngục, P.23 Voi, P.24 Ái dục, P.25 Tỳ-kheo, P.26 Tịnh hạnh; Chú thích.

1.121. PHÁP CÚ Nghĩa Thơ

HT. Thanh Hùng

Nxb Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh

Sách có 106 trang, bìa mềm, nền màu xanh dương, chữ tựa màu trắng, có hình bảo tháp (tại Bồ-đề Đạo tràng-Ấn Độ) và tượng Phật ngọc. Nội dung *Kinh Pháp Cú nghĩa thơ* gồm có: Lời tựa, và 26 phẩm, 430 kệ, 1720 câu thơ, theo thể song thất lục bát.

1.122. PHÁP CÚ TINH HOA - DHAMMAPADA

Tác giả: *Vũ Anh Sương*

Nxb Phương Đông – 2009

Sách có khổ 12.5 x 20.5cm, có 179 trang, bìa mềm. Tác phẩm này gồm có Lời giới thiệu, 26 phẩm *Kinh Pháp cú* thi hóa và

phần Phụ lục (15 phẩm Pháp cú Thí dụ), Chú thích.

1.123. PHÁP HOA QUỐC NGŨ KINH

Soạn thuật:

Lão thiền Pháp Liên Diệc Ngu

Phiên âm và nghiên cứu: *Lê Mạnh Thát*

Tu thư Phật học Vạn Hạnh xuất bản – 1982. Kinh có khổ 14.5 x 20.5cm, có 219 trang, bìa mềm. Nội dung tác phẩm gồm có: Tựa, Về Pháp Hoa Quốc ngữ Kinh (- Tình trạng văn bản, - Tác giả, năm soạn và tên gọi, - Phân tích nội dung, - Vị trí văn học, - Phương thức giải âm), Phàm lệ; *Pháp Hoa Quốc Ngữ Kinh*, Phiên âm và chú thích, Tân san Pháp Hoa giải âm Kinh tự, Tựa, Diệu Pháp Liên Hoa Kinh tiết yếu giải âm (có 28 phẩm (P): 1.P. Tự, 2.P. Phương tiện, 3.P. Thí dụ, 4.P. Tín giải, 5.P. Dược thảo, 6.P. Thọ ký, 7.P. Hóa thành, 8.P. Thọ ngữ bách đề tử ký, 9.P. Thọ học vô học nhân ký, 10.P. Pháp sư, 11.P. Hiện bảo tháp, 12.P. Đề-bà-đạt-đa, 13.P. Trì, 14.P. An lạc hạnh, 15.P. Tùng địa đồng xuất, 16.P. Như Lai thọ lượng, 17.P. Phân biệt công đức, 18.P. Tùy hỷ công đức, 19.P. Pháp sư công đức, 20.P. Thường Bất Khinh, 21.P. Như Lai thần lực, 22.P. Chúc lụy, 23.P. Dược vương, 24.P. Diệu Âm, 25.P. Phổ môn, 26.P. Đà-la-ni, 27.P. Diệu Trang Nghiêm, 28.P. Phổ Hiền; Tổng kết, Pháp Hoa quốc âm bạt hậu.

Tác phẩm này được tái bản năm 2006, Nxb Tổng Hợp Tp. Hồ Chí Minh.

1.124. PHÁP HOA Thi Hóa

Thi hóa Tư tưởng

Kinh Diệu Pháp Liên Hoa

Saddharma Pundarika

Hán dịch: *Tam tạng Pháp sư*

Curu-ma-la-thập (Kumarajiva, 344-413)

Kệ tụng: *Cư sĩ Huyền Không*

Nxb Tôn Giáo, PL. 2557 – DL. 2013
 Sách có khổ 15.5 x 23cm, dày hơn 414 trang. Nội dung gồm có 7 quyển, 28 phẩm: Lời giới thiệu 1, Lời giới thiệu 2, Thay lời tựa, Cảm đề Pháp Hoa Thi hóa, Thoại đầu; Phân Khai Kinh, Nghi thức Sám hối, Nghi thức Trì tụng, Phân Kinh văn, Q.1 P.1 Tựa, P.2 Phương tiện, Sự tích chép Kinh thoát nạn giặc cướp; Q.2 P.3 Thí dụ, P.4 Tín giải, Sự tích chép Kinh thoát khổ; Q.3 P.5 Dược thảo dụ, P.6 Thọ ký, P.7 Hóa thành dụ, Sự tích đọc Kinh thoát khổ; Q.4 P.8 Ngũ bá đệ tử thọ ký, P.9 Thọ học-Vô học ký, P.10 Pháp sư, P.11 Hiện bảo tháp, P.12 Đề-bà-đạt-đa, P.13 Trì, Sự tích tụng Kinh mình và người đều thoát khổ; Q.5 P.14 An lạc hạnh, P.15 Tùng địa dừng xuất, P.16 Như Lai thọ lượng, P.17 Phân biệt Công đức, Sự tích chép Kinh cứu bạn đồng học; Q.6 P.18 Tùy hỷ công đức, P.19 Pháp sư Công đức, P.20 Thường Bất Khinh Bồ-tát, P.21 Như Lai thần lực, P.22 Chúc lụy, P.23 Dược Vương Bồ-tát Bôn sự, Sự tích tụng Kinh thoát nữ thân; Q.7 P.24 Diệu Âm Bồ-tát, P.25 Quán Thế Âm Bồ-tát Phổ môn, P.26 Đà-la-ni, P.27 Diệu Trang Nghiêm vương Bôn sự, P.28 Phổ Hiền Bồ-tát khuyến phát, Sự tích nghe Kinh khởi thân chim; Phân Hồi hương, Bát-nhã Tâm Kinh, Hồi hương; Chú thích, Phụ lục: Kiến Phật 1, Kiến Phật 2, Giác ngộ, Thiên sứ, Mười Giới pháp căn bản của người tu.

1.125. QUA SUỐI MÂY HỒNG – Kinh Ngọc

Thi hóa: *Phạm Thiên Thư*

Nxb Văn Nghệ - 2006

Sách có khổ 13.5 x 20.5cm, có 88 trang, bìa mềm, có tay gấp, chữ tựa màu trắng, có hình cảnh cây khô có đọng giọt sương. Toàn bộ tác phẩm này gồm có: Lời giới thiệu, Tựa, Kinh Ngọc, Ngợi Kinh, Dâng

Kinh, Mở Kinh, Khép Kinh và 26 phẩm *Kinh Pháp cú* thi hóa. Sau cùng là các bài: Ngã pháp mây nổi, Hiện hóa pháp, Đại nguyện, Vội dòng Kinh Ngọc, Chùa, Cây mọc, Quận, Vườn dâu, Hoa mướp, Con kiến, Giọt về, Vào cõi không tịch.

Tác phẩm này được Đại học Vạn Hạnh xuất bản lần đầu vào năm 1969, Giấy phép số 5183 BTT/PHNT ngày 5-12-1969, dày 182 trang, bìa mềm, có hình Đức Phật đang ngồi thuyết pháp cho các đệ tử nghe, với nhan đề “Kinh Ngọc” Phạm Thiên Thư -thơ.

1.126. SUỐI NGUỒN VI DIỆU – Kinh Thơ

(Thi hóa Tư tưởng Kinh Pháp Cú – DHAMMAPADA)

Tác giả: *Phạm Thiên Thư*

Nxb Văn Nghệ - 2006

Sách có khổ 12.5 x 20.5cm, có 143 trang, bìa mềm, có tay gấp, nền trắng, chữ tựa màu đỏ và nâu, có hình cảnh cây xanh. Toàn bộ tác phẩm thi hóa này gồm có: Tựa, Tâm kệ, Rửa tay mặt, Mặc áo lễ, Thắp nến, Đốt trầm hương, Dâng quả, Dâng hoa, Thỉnh chuông, Cúng kinh, Mở kinh, Khai mở, Khép khai, Cởi áo lễ, Mở hội Kinh thơ. Tiếp theo là 26 phẩm kinh thi hóa: 1. Yamakavaggo, 2. Appamadavaggo, 3. Citavaggo, 4. Puppavaggo, 5. Balavaggo, 6. Pan Di Tanvaggo, 7. Sahassavaggo, 9. Papavaggo, 10. Dandavaggo, 11. Jaravaggo, 12. Attavaggo, 13. Lokavaggo, 14. Buddhavaggo, 15. Sukhavaggo, 16. Piyavaggo, 17. Kodhavaggo, 18. Malavaggo, 19. Dhammatthavaggo, 20. Maggavaggo, 21. Oakinnakavaggo, 22. Nirayavaggo, 23. Nagavaggo, 24. Tanhavaggo, 25. Bhikkhuvaggo, 26. Brahmanavaggo.

1.127. Thi hóa KINH BÁCH DỤ

Thi hóa: *Nguyễn Khánh Phước Hải*

Nxb Văn hóa Sài Gòn – 2009

Sách có khổ 13 x 19cm, dày hơn 199 trang, bìa mềm.

Nội dung gồm có: Lời giới thiệu, Lời trình bạch; 1. Chàng ngu ăn muối, 2. Để dành sữa, 3. Khoanh tay chịu đòn, 4. Giả chết dối chồng, 5. Khát không uống nước, 6. Giết con thành gánh, 7. Nhận người làm anh, 8. Trộm áo nhà vua, 9. Kẻ ngốc khen cha, 10. Phú ông cất lầu, 11. Bà-la-môn giết con, 12. Quạt nước đường, 13. Sự thật chứng minh, 14. Giết người dẫn đường, 15. Muốn con mau lớn, 16. Tươi mía bằng nước mía, 17. Vì nhỏ mất lớn, 18. Trên lầu mài dao, 19. Ghi dấu trên thuyền để tìm đồ rơi xuống biển, 20. Trả thịt, 21. Cầu con, 22. Bán trầm hương, 23. Trộm mền, 24. Gieo mè, 25. Nước và lửa, 26. Bắt chước vua, 27. Trị vết thương, 28. Xẻo mũi, 29. Đốt áo, 30. Nuôi dê, 31. Mua lừa, 32. Trộm vàng, 33. Chặt cây tìm trái, 34. Thân ngăn đường đi, 35. Thấy bóng trong gương, 36. Làm móc con mắt, 37. Giết trâu, 38. Bảo nước đừng chảy, 39. Sơn tường, 40. Người sói đầu tìm thuốc, 41. Hai con quỷ tranh vật, 42. Che da lạc đà, 43. Mài đá, 44. Ăn bánh, 45. Giữ cửa, 46. Ăn trộm trâu, 47. Giả tiếng oan ương, 48. Chó và cây, 49. Vị tiên làm lộn, 50. Sửa lưng gù, 51. Người tó gái, 52. Trò vui giả dối, 53. Lão sư bị hành hạ, 54. Đầu rắn và đuôi rắn tranh cãi, 55. Cạo râu vua, 56. Cái không có, 57. Bị đập rụng răng, 58. Chia của, 59. Xem làm bình, 60. Thấy vàng dưới nước, 61. Tạo hình người, 62. Ăn thịt gà, 63. Chạy trốn, 64. Quỷ trong nhà cũ, 65. Ăn bánh độc, 66. Chết chìm, 67. Đánh cuộc, 68. Hại người thành hại mình, 69. Tổ truyền ăn rau, 70. Ném trái tân-bà, 71. Đui mắt, 72. Sung môi, 73. Ngựa đen đuôi trắng, 74. Mang bòn tằm,

75. Giết lạc đà, 76. Nông phu mơ tưởng công chúa, 77. Tìm sữa, 78. Đi không về rồi, 79. Gánh ghé cho vua, 80. Uống thuốc nước rửa ruột, 81. Không nên vu oan cho người hiền đức, 82. Gieo lúa, 83. Khi bị đánh, 84. Nguyệt thực, 85. Đau mắt, 86. Vì của giết con, 87. Bọn cướp chia của, 88. Khi mất đậu, 89. Chuột vàng & rắn độc, 90. Lượm được tiền, 91. Người nghèo, 92. Đứa nhỏ được đường, 93. Bà già đánh cọp, 94. Hiểu lầm, 95. Hai con hạc, 96. Giả mù, 97. Cướp áo lông dê, 98. Đứa nhỏ bắt rùa.

1.128. Thi hóa PHÁP HOA KINH – An Lạc Hạnh Nghĩa

Nam Nhạc Tuệ Tư Đại Thiên sư

Phiên âm: *Phạm Doanh*

Thi hóa: *Từ Hoa Nhất Tuệ Tâm*

Tác phẩm Thi hóa Kinh này gồm có:
- Tóm tắt Tiểu sử Nam Nhạc Tuệ Tư Đại Thiên sư (515-577); Nội dung có 162 bài thơ ngũ ngôn (mỗi bài 4 câu, mỗi câu 5 chữ). Bản *Pháp Hoa Kinh An Lạc Hạnh Nghĩa*, Hán ngữ và phiên âm. (<https://quangduc.com>, *Kinh-Hán tạng*)

1.129. Thi hóa TRƯỜNG BỘ KINH (Dīgha Nikāya) – Trọn bộ 3 Tập

Dịch sang tiếng Việt từ Tam tạng Pàli:

HT. Thích Minh Châu

Chuyển thể thơ: *Giới Lạc Mai Lạc Hồng*

Nxb Phương Đông, PL. 2558 – DL. 2014

Kinh có khổ 14 x 20cm, bìa cứng, có hộp đựng.

Tập I, dày 537 trang, nội dung gồm có: Lời ngỏ; 1. Kinh Phạm Võng (Brahmajāla-sutta), 2. Kinh Sa-môn Quả (Sāmanaphala-sutta), 3. Kinh Ambattha (Kinh A-ma-trú), 4. Kinh Sonadanda (Kinh Chủng Đức), 5. Kinh Kutadanta (Kinh Cứu-la-đàn-đầu), 6. Kinh Mahāli, 8. Kinh Kassapa (Kinh Ca-diếp), 9. Kinh

Potthapada (Kinh Bồ-sá-bà-lâu), 10. Kinh Subha (Kinh Tu-bà), 11. Kinh Kevaddha (Kinh Kiên Cố), 12. Kinh Lohicca (Kinh Lô-già), 13. Kinh Tevijja (Kinh Tam Minh)

Tập II, dày 528 trang, nội dung gồm có: 14. Kinh Đại Bồn (Mahà Padàna Sutta), 15. Kinh Đại Duyên (Mahà Nidàna Sutta), 16. Kinh Đại Bát Niết-bàn (Mahà Parnibbàna Sutta) 1 và 2, 17. Kinh Đại Thiện Kiến vương (Mahà Sudassana Sutta), 18. Kinh Xà-ni-sa (Janavasabha Sutta), 19. Kinh Đại Điển Tôn (Mahà Govinda), 20. Kinh Đại hội (Mahà Samaya Sutta), 21. Kinh Đế Thích Sở vấn (Sakka Panha Sutta), 22. Kinh Đại Niệm xú (Mahà Satipatthàna Sutta), 23. Kinh Tệ túc (Pàyasi Sutta).

Tập III, dày 490 trang, nội dung gồm có: Lời ngỏ; 24. Kinh Ba-lê (Pàtika Sutta), 25. Kinh Ưu-đàm-bà-la Sư Tử hồng (Udumbarika Sutta), 26. Kinh Chuyển Luân Thánh vương Sư tử hồng (Cakkavatti Sihanàda), 27. Kinh Khởi Thế nhân bồn (Agganna Sutta), 28. Kinh Tự Hoan hỷ (Sampasàdaniya), 29. Kinh Thanh tịnh (Pàsàdika Sutta), 30. Kinh Tướng (Lakkhana Sutta), 31. Kinh Giáo thọ Thi-ca-la-việt (Singàlovàda Sutta), 32. Kinh A-sá-nang-chi (Atànàtiya), 33. Kinh Phúng tụng (Sangiti Sutta), 34. Kinh Thập thượng (Dasuttara).

Tác phẩm Kinh này đã xuất bản năm PL. 2555 – DL. 2010, Nxb Phương Đông, Trọn bộ 3 tập.

1.130. Thi Kệ PHÁP CÚ KINH – DHAMMAPADA (Song ngữ Anh-Việt)

Narada

Việt dịch và chú giải: *Tịnh Minh*

Nxb Phương Đông – 2010

Sách có khổ 14.5 x 20.5cm, dày 264 trang, bìa mềm. Nội dung gồm có 26 phẩm: Lời

người dịch, Tùy duyên, Lời tựa; 1. Twin Verses, 2. Heedfulness, 3. The Mind, 4. Flowers, 5. Fools, 6. The Wise, 7. The Worthy, 8. Thousands, 9. Evil, 10. The Rod or Punishment, 11. Old Age, 12. The Self, 13. The World, 14. The Enlightened, 15. Happiness, 16. Affection, 17. Anger, 18. Impurities or Taints, 19. The Just or the Righteous, 20. The Way or the Path, 21. Miscellaneous, 22. Hell or Woeful, 23. The Elephant, 24. Craving, 25. The Bhikkhu, 26. The Brahmana; P.1 Song yếu, P.2 Tinh cần, P.3 Tâm ý, P.4 Hoa hương, P.5 Ngu si, P.6 Hiền trí, P.7 A-la-hán, P.8 Muôn ngàn, P.9 Ác hạnh, P.10 Hình phạt, P.11 Già yếu, P.12 Tự ngã, P.13 Thế gian, P.14 Phật-đà, P.15 An lạc, P.16 Hỷ ái, P.17 Phẫn nộ, P.18 Cấu uế, P.19 Pháp trụ, P.20 Chánh đạo, P.21 Tạp lục, P.22 Địa ngục, P.23 Voi rừng, P.24 Tham ái, P.25 Tỳ-kheo, P.26 Bà-la-môn; Chú giải từ vựng và thành ngữ; Phụ lục, An lạc-khát vọng của mọi cuộc hành trình.

1.131. Thơ

KINH DIỆU PHÁP LIÊN HOA

Tác giả: *Đào Ngọc Phong*

Nxb Tôn Giáo, PL. 2551 – DL. 2008

Sách có khổ 16 x 24cm, dày 267 trang, bìa cứng, nền xanh chữ vàng.

Nội dung sơ lược gồm có 4 phần: 1. Lời nói đầu, 2. Thơ Kinh Diệu Pháp Liên Hoa, 3. Tóm tắt ý chính 28 phẩm; I. Thơ Kinh Đại thừa Vô Lượng Nghĩa, P.1 Đức hạnh, P.2 Thuyết pháp, P.3 Mười Công đức; II. Thơ Kinh Diệu Pháp Liên Hoa, có 28 phẩm *Kinh Pháp Hoa* chuyển thể thơ; III. Tri ân; IV. Kinh sách tham khảo.

1.132. Thơ KINH HOA NGHIÊM

Tác giả: *Đào Ngọc Phong*

Nxb Tôn Giáo – 2010

Sách có khổ 16 x 24cm, dày 140 trang, bìa cứng, chữ mạ vàng. Nội dung gồm có 11 phẩm chính: Lời nói đầu; P.1 Thế chủ Diệu Nghiêm, P.2 Như Lai hiện tướng, P.3 Phổ Hiền Tam-muội, P.4 Thế giới Thành trụ, P.5 Hoa tạng thế giới, P.6 Tỳ-lô-già-na, P.7 Như Lai danh hiệu, P.8 Tứ Thánh đế, P.9 Quang minh các, P.10 Bồ-tát vân minh, P.11 Tịnh hạnh; Lời cuối sách; Kinh sách tham khảo.

1.133. Thơ KINH KIM CANG

Đào Ngọc Phong

Nxb Hồng Đức – 2012

Sách có khổ 16 x 24cm, dày 202 trang. Nội dung gồm có: Lời nói đầu; và 32 Đoạn Kinh chuyển thể thơ, Lời cuối sách; Chú thích, Tri ân Công đức Hỗ trợ Ân tông, Kinh sách Tham khảo.

Xem: (32 Đoạn) Kinh Kim Cang Bát-nhã Ba-la-mật

1.134.

TRĂNG VÀNG THUYỀN KHÔNG (Kinh Pháp Bảo Đàn chuyển thơ)

Tác giả: *Thích Giác Toàn*

Nxb Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh – 2019.

Sách có khổ 14 x 22cm, dày 327 trang, bìa mềm, có tay gấp. Tác phẩm này gồm có: Lời nói đầu, Phẩm Tự thuật, Phẩm Bát-nhã, Phẩm Giải quyết nghi hoặc, Phẩm Định huệ, Phẩm Diệu hạnh, Phẩm Sám hối, Phẩm Cơ duyên, Phẩm Đốn và tiệm, Phẩm Tuyên chiếu, Phẩm Dặn dò, Lời bạt của Bác sĩ Đỗ Hồng Ngọc, Phần chú thích.

1.135. Trường ca

KINH SA-MÔN QUẢ

Chuyển thể thơ: *Chân Tâm*

Nxb Tôn Giáo – 2004

Kinh có khổ 14.5 x 20.5cm, có 72 trang, bìa mềm, chữ tựa màu xanh dương, có

hình hoa sen bên trong có quyển kinh một bàn tay xá và một tay lần chuỗi.

Tác phẩm Trường ca này gồm có: Kính bạch, Tóm lược đại ý Kinh Sa-môn quả, Hồi hướng, Tri ơn, Đôi điều cảm nghĩ, Trường ca Kinh Sa-môn quả (có 102 đoạn Kinh chuyển thơ theo thể Song thất lục bát), Chú thích.

1.136. Trường ca

KINH ĐẠI BÁT NIẾT-BÀN

Chuyển thể thơ: *Chân Tâm*

Nxb Tôn Giáo – 2007

Kinh có khổ 14 x 20cm, có 65 trang, bìa mềm. Tác phẩm này gồm có: Lời giới thiệu, Xin đừng chấp, Thịnh cầu; Nội dung *Trường ca Kinh Đại bát Niết-bàn* được chuyển theo thể thơ Song thất lục bát, chia thành 6 phần; sau cùng là Chú thích 24 từ ngữ Pàli.

1.137. TỖ-NI SA-DI OAI NGHI CẢNH SÁCH (Văn Vần)

Diễn văn vắn:

HT. Thích Đồng Minh (1927-2005)

Biên tập: *Ban Phiên dịch Pháp tạng Phật giáo Việt Nam*

Viện Cao đẳng Phật học Hải Đức (Nha Trang), PL. 2538 – DL. 1994

Tác phẩm “Bộ Luật tiểu” này được Hòa thượng Luật sư diễn văn vắn theo thể Song thất lục bát, nội dung gồm có: Lời tựa (Nha Trang, PL. 2552 – DL. 2008); *Tỳ-ni*: Thức dậy, Đánh chuông, Nghe chuông, Mặc áo, Bận quần, Sửa áo, Xuống giường, Bước đi, Ra đường, Đi cầu, Rửa trôn, Bỏ đồ dơ, Rửa tay, Rửa mặt, Uống nước, Mặc y năm điều, Mặc y bảy điều, Mặc đại y, Trãi tọa cụ, Lên chánh điện, Tán Phật, Lạy Phật, Cúng tịnh bình, Nhận thức ăn, Xuất sanh, Thị giả trao thức ăn, Xướng Tăng bạt, Bưng bình bát lên, Tam đề, Ngũ quán, Rửa bát, Mở bình bát, Nhận đồ cúng, Lấy

cảnh dương, Nhãm nhành dương, Súc miệng, Cầm tích trượng, Sửa chỗ ngồi, Ngồi thiền, Trước khi ngủ, Múc nước, Thấy sông, Thấy cầu, Tắm Phật, Tán Phật; *Sa-di*: Môn giới luật (từ Giới thứ nhất đến Giới thứ mười); *Oai nghi*: Môn oai nghi, 1. Kinh Đại Sa-môn, 2. Thờ thầy, 3. Hầu thầy ra đường, 4. Nhập chúng, 5. Cùng chúng ăn cơm, 6. Lễ lạy, 7. Nghe pháp, 8. Tập học Kinh điển, 9. Vào chánh điện, 10. Cùng chúng vào thiền đường, 11. Công tác, 12. Vào phòng tắm, 13. Vào cầu tiêu, 14. Nằm ngủ, 15. Sưởi lửa, 16. Ở chung phòng, 17. Đến chùa Ni, 18. Đến nhà người, 19. Khất thực, 20. Vào xóm làng, 21. Đi chợ, 22. Không được tự tiện làm, 23. Đi xa cần học, 24. Y-bát-cụ; Cảnh sách (có 2 quyển Thượng và Hạ).

1.138. 423 LỜI VÀNG CỦA PHẬT – KINH PHÁP CÚ (DHAMMAPADA)

Viết dịch: *Sa-môn Thích Nhật Từ*

Nxb Hồng Đức – 2018

Sách có khổ 10.5 x 14.5cm, có 171 trang, bìa mềm. Toàn bộ tác phẩm này có 3 phần: Lời giới thiệu; *Phần Dẫn nhập*, 1. Nguyên hương, 2. Đánh lễ Tam bảo, 3. Tán hương, 4. Tán dương giáo pháp; *Phần Chánh Kinh*, có 26 phẩm (x. *Kinh Pháp Cú*), trong đó có 423 bài Kinh Pháp Cú được dịch sang Việt ngữ theo thể thơ Song thất lục bát. Cuối cùng là *Phần Sám nguyện*: 1. Bát-nhã Tâm Kinh, 2. Niệm Phật, 3. Năm điều quán tưởng, 4. Quán chiếu thực tại, 5. Sám quy nguyện, 6. Hồi hướng công đức, 7. Lời nguyện cuối, 8. Đánh lễ Ba ngôi báu.

Tác phẩm này tái bản nhiều lần: Năm 2016, Nxb Hồng Đức (tái bản lần 5), khổ 13.5 x 21cm, có 185 trang, bìa mềm, có tay gấp.

II. TÁC PHẨM GIỚI LUẬT

B

1.139.

BÁCH TRƯỢNG THANH QUY

Việt dịch: *Sa-môn Thích Bảo Lạc*

Nxb Phương Đông – 2009

Sách có khổ 14.5 x 20.5cm, dày 766 trang, bìa mềm, chữ tựa màu trắng, có hình vẽ Đức Phật ngồi tòa sen và phía dưới là cảnh nông dân đang cấy lúa, có đề 2 câu nói nổi tiếng của Thiên sư Bách Trượng bằng chữ Hán “Nhất nhật bất tác, nhất nhật bất thực”.

Nội dung gồm có 9 chương (C). Phần đầu: Lời người dịch trong lần tái bản, 1.1 Lời tự trần, 1.2 Lời tựa đầu tiên, 1.3 Nguyên tựa Thanh Quy chứng nghĩa, 1.4 Tựa khắc in lại Thanh Quy chứng nghĩa, 1.5 Lời bạt, 1.6 Thanh Quy Thiên môn, 1.8 Thanh Quy Tông Lâm nguyên nghĩa của Tổ Bách Trượng; C.1 Chúc diên – Chúc quốc vương; C.2 Báo ân; C.3 Báo đáp nguồn gốc; C.4 Ân đức Tổ sư; C.5 Trụ trì; C.6 Hai dãy Đông Tây lang; C.7 Phần trên – Đại chúng; Phần sau - Đại chúng; C.8 Tuổi đạo; C.9 Những đồ pháp khí, hiệu lệnh; Sách tham khảo.

Sách này được chùa Pháp Bảo Sydney và chùa Viên Giác – Đức Quốc xuất bản lần đầu vào năm 2008.

1.140. BÁT QUAN TRAI GIỚI

Thích Tuệ Sỹ

Nội dung tác phẩm này có 8 giới chính: Tu giới, Ý nghĩa Bát quan trai, Ý nghĩa thọ giới, Nội dung Tám giới (chia làm 4 phần): I. Giới tự tánh, gồm có 4 chi: (1) sát sinh, (2) trộm cắp, (3) tà dâm, (4) vọng

ngũ, II. Một chi trừ phóng dật, là chi (5) giới cấm uống rượu, III. Hai chi ngăn trừ kiêu mạn, Một, (6) tránh không ngồi nằm trên các thứ giường tòa cao rộng; Hai, (7) tránh các thứ trang sức tràng hoa, anh lạc, thoa ướp hương thơm, cũng tránh không ca múa hát xướng, cố ý xem nghe; IV. Một chi là thể của bát quan trai là (8) không ăn phi thời; Tăng trưởng thiện căn. (<https://phatphapungdung.com>; *Pháp bảo-Luật tạng*)

1.141. BÁT QUAN TRAI GIỚI

Biên soạn: *HT. Thích Thiện Hoa (1918-1973)*

Tác phẩm này gồm có: A. Mở đề, B. Chánh đề, I. Định nghĩa, II. Giải rõ Tám điều răn cấm nói trên: 1. Không được sát sanh, 2. Không được trộm cướp, 3. Không được dâm dục, 4. Không được nói dối, 5. Không được uống rượu, 6. Không được trang điểm, thoa dầu thơm, múa hát và đi xem, 7. Không được nằm ngồi giường cao đẹp, rộng lớn, 8. Không được ăn quá giờ Ngọ; C. *Kết luận*: 1. Lợi ích của Bát quan trai giới rất lớn lao, 2. Bởi vậy Phật tử nên thực hành Bát quan Trai giới; Nghi thức thọ Bát quan Trai giới: Bài cúng hương, Bài nguyện, Bài sám hối, Bài phát nguyện thọ giới (nguyện giữ tám giới một ngày một đêm), Ma-ha Bát-nhã Ba-la-mật-đa Tâm Kinh, Vãng sanh Thần chú, Tiêu tai Kiết tường Thần chú, Hồi hướng; Nghi thức thọ trai; Nghi thức xả Bát quan trai giới; Kỷ luật Tu Bát quan trai giới trong 24 giờ; Chương trình Tu Bát quan trai giới trong một ngày một đêm (24 giờ). (*theo Phật Học Phổ Thông, tập 1, khóa I, HT. Thích Thiện Hoa, Nxb Tôn Giáo, PL. 2551 – DL. 2007*)

1.142. BÁT QUAN TRAI GIỚI THẬP GIẢNG

Biên soạn: *Pháp sư Diễn Bồi*

Việt dịch: *Thích Thiện Huệ*

Toàn bộ tác phẩm này có 10 chương; nội dung gồm: Duyên khởi, Lối giới thiệu; C.1 Huân luyện xuất gia, C.2 Chú thích danh nghĩa, C.3 Chế lập duyên khởi, C.4 Công ích thù thắng, C.5 Thọ giả phân biệt, C.6 Sám hối tất yếu, C.7 Tác pháp lược thuyết, C.8 Chi số biện biệt, C.9 Vấn đề liệu gián, C.10 Lục niệm tu pháp, Phụng khuyến Tăng tục nam nữ phở trì Bát quan trai giới; Tiểu sử Đại lão Pháp sư Thích Diễn Bồi. (<https://thuvienhoasen.org>;
<https://dieungu.org>)

1.143. BỐ THÍ và TRÌ GIỚI ĐỘ

Biên soạn: *Tỳ-kheo Chánh Minh*

Nxb Tôn Giáo, PL. 2549 – DL. 2005

Sách có khổ 14 x 20cm, dày hơn 387 trang.

Nội dung gồm có: Lời nói đầu; *Bố thí* (dàna), *Dứt bỏ* (càga), *Gia chủ* (Ugga), *Gia chủ người làng Hatthi*, *Gia chủ người làng Vesàli*; Sự khác nhau giữa *Bố thí* và *Dứt bỏ*: 1. Sự khác nhau về tâm lý, 2. Vì sao không mong cầu được gọi là *dứt bỏ*? 3. Khác nhau về cách thực hành, 4. Khác nhau về vật thí, 5. Khác nhau về đối tượng; Sự giống nhau giữa *Bố thí* và *Dứt bỏ*: 1. Tác ý, 2. Vật thí nào được gọi là *đại dứt bỏ*; Điều kiện của *Bố thí* sự (danà kammam): 1. Có ý (hay tác ý) đem cho, 2. Vật thí, 3. Người nhận; Phân định các loại *Bố thí*: *Bố thí* có 2 phần: A. Về vật thí, B. Về tài thí (vật chất thí), C. Về người nhận; Theo Hồn hợp: *Bố thí* có 3 chi, *Bố thí* có 4 chi, *Bố thí* có 5 chi phần, *Bố thí* có 6 chi phần, *Bố thí* có 8 chi phần, *Bố thí* Ba-la-mật; Thế nào là *Bố thí* Ba-la-mật? Tương quan giữa *Giới-Định-Tuệ* và *Bố thí* Ba-la-mật, Đặc tính của *Bố thí* Ba-la-mật,

Những mẫu chuyện về *Bồ-tát* hành thí độ; *Trì giới độ*, I. Ý nghĩa về Luật và Giới, 1. Ý nghĩa về Luật, 2. Giới là gì? II. Phân tích Giới: 1. Những phương diện khác nhau của Giới, 2. Giới thu thúc, 3. Năm ác pháp, 4. Giới không vi phạm, 5. Vì sao được gọi là Giới, 6. Tứ ý nghĩa của Giới, 7. Lợi ích của Giới; III. Cách học Giới, A. Giới hai chi, B. Giới có 3 chi, C. Giới có 4 chi; IV. Giới Ba-la-mật.

1.144. BỒ-TÁT GIỚI

Biên tập: *Trí Quang (1923-2019)*

Giáo hội Tăng-già Thừa Thiên xuất bản lần thứ nhất, PL. 2505 – DL. 1961

Sách có 142 trang, bìa mềm. Nội dung gồm có: Lời nói đầu, 1. *Bồ-tát* giới, 2. Danh sách *Bồ-tát* giới, 3. *Bồ-tát* giới Đại quan.

1.145. BỒ-TÁT GIỚI

Giảng nghĩa: *Tổ Hoàng Tân*

Soạn dịch:

Tỳ-kheo Ni Hải Triều Âm (1920-2013)

Nxb Tôn Giáo, PL. 2560 – DL. 2016 (Tái bản lần thứ 2)

Sách có khổ 14.5 x 20.5cm, dày hơn 316 trang, bìa cứng. Nội dung gồm có: Tiểu sử cố Đại lão Sư trưởng Hải Triều Âm, Lời giới thiệu, *Mười giới trọng*, 1. Giới sát, 2. Giới trộm, 3. Giới dâm, 4. Giới vọng, 5. Bán rượu, 6. Rao nói tội lỗi tứ chúng, 7. Khen mình chê người, 8. Bỏ sên thêm mắng đuổi, 9. Giận hờn không nguôi, 10. Hủy báng Tam bảo, Kết rắn; *Bốn mươi tám giới khinh*, 1. Không kính thầy bạn, 2. Uống rượu, 3. Ăn thịt, 4. Ăn ngũ tân, 5. Không dạy người sám hối, 6. Không cúng dường thỉnh pháp, 7. Không đi nghe pháp, 8. Trái bỏ Đại thừa, 9. Không nuôi bệnh, 10. Chứa khí cụ sát sanh, 11. Đi sứ, 12. Buôn bán phi pháp, 13. Hủy báng, 14. Phóng hỏa, 15. Dạy giáo lý ngoài Đại

thừa, 16. Vì lợi giảng pháp lộn lạo, 17. Ý thể xin đòi, 18. Không thông hiểu Kinh luật mà làm thầy truyền giới, 19. Hai lưỡi, 20. Không phóng sanh, 21. Đem sân báo sân-đem đánh trả đánh, 22. Kiêu mạn không thỉnh pháp, 23. Kiêu mạn không tận tâm dạy, 24. Không học tập Đại thừa, 25. Chúc sự vụng về, 26. Riêng thọ lợi dưỡng, 27. Thọ biệt thỉnh, 28. Biệt thỉnh Tăng, 29. Tà mạng nuôi sống, 30. Không kính thời lành, 31. Không mua chuộc, 32. Tôn hại chúng sanh, 33. Tà mạng giác quán, 34. Tam bỏ tâm Bồ-đề, 35. Không phát nguyện, 36. Không phát thệ, 37. Vào chỗ hiểm nạn, 38. Trái thứ tự tôn ty, 39. Không tu phước tuệ, 40. Không bình đẳng truyền giới, 41. Vì lợi làm thầy, 42. Vì người ác giảng giới, 43. Cố tâm phạm giới, 44. Không cúng dường pháp bảo, 45. Không giáo hóa chúng sanh, 46. Không như pháp thuyết pháp, 47. Hạn chế phi pháp, 48. Phá diệt Phật pháp; *Tổng kết*, Lưu thông, Kệ khen giới pháp; *Bồ-tát giới đại quan*, Căn bản, Thọ giới, Trì giới, Ảnh hưởng, Đặc chất; Thượng tọa Trí Quang phụ chú.

1.146. BỒ-TÁT GIỚI BỒN

Hán dịch: *Đàm Vô Sám*

Việt dịch: *Thích Pháp Chánh*

Nội dung Giới bồn này gồm có: I. *Bốn pháp Ba-la-di*: 1. Giới khen mình chê người, 2. Giới bồn xén của cải Phật pháp, 3. Giới sân hận không thọ sám hối, 4. Giới làm loạn chánh pháp; II. *Bốn mươi một điều giới Đột-kiết-la* (là pháp Ma-đắc-lặc-già) của Bồ-tát: 1. Giới không cúng dường Tam bảo, 2. Giới tham tiền bạc của cải, 3. Giới không tôn kính bạn pháp, 4. Giới không thọ nhận sự cúng dường, 5. Giới không thọ nhận sự bố thí, 6. Giới không bố thí pháp, 7. Giới không dạy kẻ khác sám hối, 8. Giới không đồng học với

Thanh văn, 9. Giới sống bằng tà mệnh, 10. Giới háo động giỡn hớt, 11. Giới nói pháp Bồ-tát lộn lạo, 12. Giới không phòng hộ sự nguy hiểm, 13. Giới không chiết phục chúng sinh, 14. Giới trả đũa lại sự đánh mắng, 15. Giới không sám hối như pháp, 16. Giới không nhận thọ sự sám hối, 17. Giới hiềm khích hận thù kẻ khác, 18. Giới vì tâm tham mà nuôi dưỡng đệ tử, 19. Giới ham ngủ nghỉ, 20. Giới bàn luận chuyện thế sự, 21. Giới không tiếp thọ sự dạy dỗ của sư trưởng, 22. Giới sinh khởi tâm ngu cái, 23. Giới chấp chặt vào thế gian thiên định, 24. Giới hủy báng pháp Thanh văn, 25. Giới bỏ Đại thừa học Tiểu thừa, 26. Giới không học tập Phật pháp, 27. Giới không tin Phật pháp thâm sâu, 28. Giới khen mình chê người, 29. Giới vì kiêu mạn không đi nghe pháp, 30. Giới khinh thường Pháp sư, 31. Giới không đồng sự, 32. Giới không chăm sóc người bệnh, 33. Giới không khuyên can kẻ ác, 34. Giới không báo ơn, 35. Giới không an ủi người hoạn nạn, 36. Giới không bố thí tài vật, 37. Giới không như pháp nhiếp thọ đệ tử, 38. Giới không tùy thuận chúng sanh, 39. Giới không tùy hỷ công đức, 40. Giới không chiết phục chúng sanh, 41. Giới không dùng thần lực nhiếp thọ chúng sanh. (<https://phatphapungdung.com>; *Pháp bảo-Luật tạng*)

1.147. BỒ-TÁT GIỚI Phạm Võng

Dịch & giải: *Trí Quang (1923-2019)*

PL. 2531 – DL. 1987

Sách dày hơn 235 trang, bìa cứng, nền màu xanh dương, chữ tựa mạ vàng (bản đánh máy). Nội dung gồm có 3 phần: Lời nói đầu, Mục lục, Phần I. C.1 Dẫn nhập, C.2 Dịch giải Nghi thức tụng Bồ-tát giới Phạm võng, C.3 Dịch giải chính văn Bồ-tát giới Phạm võng; Phần II. Trì tụng, C.1 Phụ lục Nghi thức tụng Bồ-tát giới Phạm võng,

C.2 Chính văn Bồ-tát giới Phạm võng; Phần III. Phụ lục: 1. Danh sách Bồ-tát giới Phạm võng, 2. Phân loại Bồ-tát giới Phạm võng đối với xuất gia-tại gia, 3. Tiểu truyện tự ghi.

(Bản lưu tại Thư viện Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam tại Tp. Hồ Chí Minh; Mã sách: Vie 984)

1.148. BỒ-TÁT GIỚI TẠI GIA

Giản Yếu

Biên soạn: *Thích Phước Thái*

Nxb Quang Minh, PL. 2555 – DL. 2011

Tác phẩm Giới luật này gồm có: Thành kính tri ân, Lời nói đầu; I. Giải thích danh đề, 1. Nghi thức, 2. Tụng, 3. Tại gia, 4. Bồ-tát, 5. Giới; II. Phần khai Kinh: 1. Tán hương, 2. Kế khai Kinh; III. Nghi cách của người tụng giới; IV. Phần quy kính; V. Sách tiên tu tập; VI. Kiểm chứng để quyết định Bồ-tát tụng giới; VII. Lời tựa mở đầu; VIII. Phần tụng các giới: *A. Sáu giới trọng*, 1. Giới sát sanh, 2. Giới trộm cắp, 3. Giới đại vọng ngữ, 4. Giới tà dâm, 5. Giới nói lời dối của tứ chúng, 6. Giới bán rượu; *B. Hai mươi tám giới khinh*, 1. Không cúng dường cha mẹ và sư trưởng, 2. Đam mê uống rượu, 3. Không chăm sóc bệnh khổ, 4. Thấy người xin mà không cho, 5. Bậc tôn trưởng không chào hỏi, 6. Thấy người phá giới sanh lòng kiêu mạn, 7. Không giữ sáu ngày thọ trì tám giới, 8. Không đến nghe pháp, 9. Nhận vật dụng của Tăng, 10. Uống nước có trùng, 11. Đi đường vắng một mình, 12. Một mình ở đêm chùa Tăng-Ni, 13. Vì của mà đánh người, 14. Đem đồ dờ cho tứ chúng, 15. Nuôi mèo chôn, 16. Nuôi dưỡng gia súc, 17. Không chứa y bát cúng dường, 18. Làm ruộng không tìm đất nước sạch, 19. Buôn bán cân thiếu, 20. Hành dục phi thời-phi xứ, 21. Buôn bán không đóng thuế, 22. Phạm luật nước, 23. Được đồ ăn

mới không cúng Tam Bảo, 24. Không nghe Tăng nói pháp, 25. Đi trước năm chúng, 26. Chia phần Tăng bất công, 27. Nuôi tằm, 28. Trên đường thấy bệnh bỏ đi; IX. Hồi hướng; X. Lời kết.

1.149. BỘ HÀM CHÚ VỀ GIỚI BỒN LUẬT TỨ PHẦN

Sa-môn Đạo Tuyên tạo

Việt dịch: *Thích Thiện Phước*

Nxb Tôn Giáo – 2009

Sách có khổ 14.5 x 20.5cm, dày hơn 304 trang. Nội dung sơ lược gồm có: I. Bài kệ Quy y, II. Lời người dịch, III. Lời tựa Giới Kinh; IV. Bốn pháp Ba-la-di, V. Mười ba pháp Tăng-già-bà-thi-sa, VI. Hai pháp Bất định, VII. Ba mươi pháp Ni-tát-kỳ ba-dật-đề, VIII. Chín mươi pháp Ba-dật-đề, IX. Bốn pháp Ba-la-đề-xá-ni, X. Một trăm pháp Thức-xoa-ca-la-ni (tức Chúng học pháp), XI. Bảy pháp dứt sự tranh cãi, XII. Kệ nói về bảy đức Phật, XIII. Phần lưu thông.

1.150. BỘ LUẬT TẠNG – 12 Tập

Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh, từ tập 71 – 82

Hội Văn hóa Giáo dục Linh Sơn Đài Bắc xuất bản – 2000

Tập 71, *Bộ Luật I, số 1421, Luật Di-sa-tắc Bộ Hòa-hê Ngũ phần* (Giới pháp của Tỳ-kheo), 1-2. Nói về Bốn pháp Ba-la-di; 3-4. Nói về 13 pháp Tăng-tàn; 5. Nói về Hai pháp Bất định; 6-7. Nói về 30 pháp Xả-đọa; từ 8-11. Nói về 91 pháp Đọa; 12. Nói về Bốn pháp Hồi quá; 13. Nói về 100 pháp Chúng học; 14. Nói về 7 pháp Diệt tránh; *Giới pháp Tỳ-kheo Ni- Luật Di-sa-tắc*, Bộ Hòa-hê Ngũ phần; 15. Nói về 8 pháp Ba-la-di; 16. Nói về 17 pháp Tăng-tàn; 17. Nói về 30 pháp xả-đọa; 18-20. Nói về 207 pháp Đọa; 21. Nói về 8 pháp Hồi quá; 22. Nói về 100 pháp Chúng học; 23-34. Nói

về các pháp: Thọ giới, Bồ-tát, An cư, Tự tứ, Y (ca-thi-na), Giày dép da, Thức uống; 35. Nói về pháp Diệt tránh; 36-37. Nói về pháp Yết-ma; 38. Nói về pháp phá Tăng; 39. Nói về pháp ngoại cụ; 40. Nói về tạp pháp; 41. Nói về pháp oai nghi; 42. Nói về pháp ngăn Bồ-tát; 43. Nói về pháp Biệt trú; 44. Nói về pháp Điều phục; 45. Nói về các pháp Tỳ-kheo Ni: Phá Tăng, Ngoại cụ, tạp pháp oai nghi, Ngăn Bồ-tát, Biệt trú; 46. Nói về Pháp Ngũ bách kết tập, Phá Tăng, Ngoại cụ, tạp pháp oai nghi, Ngăn Bồ-tát, Biệt trú; 47. Nói về Pháp Thất bách kết tập, Phá Tăng, Ngoại cụ, tạp pháp oai nghi, Ngăn Bồ-tát, Biệt trú; *số 1422, - Di-sa-tắc Ngũ phần Giới bốn*: 48. Bốn pháp Ba-la-di; 49. 13 pháp Tăng-già bà-thi-sa; 50. Hai pháp Bất định; 51. Ba mươi pháp Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề; 52. 91 pháp Ba-dật-đề; 53. Bốn pháp Ba-la-đề-xá-ni; 54. Bảy pháp Diệt tránh; 55. Bốn pháp Ba-la-di; 56. Mười ba pháp Tăng-già-bà-thi-sa; 57. Hai pháp Bất định; 58. Ba mươi pháp Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề; 59. Chín mươi pháp Ba-dật-đề; 60. Bốn pháp Ba-la-đề-xá-ni; 61. Pháp Chúng học; 62. Bảy pháp Diệt tránh; *số 1423, Ngũ phần Tỳ-kheo Ni Giới bốn*, 63. Tám pháp Ba-la-di; 64. Mười bảy pháp Tăng-già-bà-thi-sa; 65. Ba mươi pháp Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề; 66. Hai trăm mười pháp Ba-dật-đề; 67. Pháp Chúng học; *số 1424, - Bốn Di-sa-tắc Yết-ma*, 68. Duyên khởi tác pháp; 69. Pháp Kết giải các giới; 70. Xả thọ các giới; 71. Pháp Y dược thọ tịnh, thọ trì Y pháp; 72. Pháp Tăng cùng Bồ-tát; 73. Pháp Tăng cùng An cư; 74. Pháp Tăng cùng Tự tứ; 75. Pháp thọ thí chia Y; 76. Pháp Sám hối các tội; 77. Pháp Trụ trì linh tinh; *số 1425, - Luật Ma-ha Tăng-kỳ* (Giới pháp của Tỳ-kheo), 78-79. Giới dâm dục; 80-81. Giới trộm cắp; 82. Giới sát sanh; 83. Giới đại vọng ngữ-(từ số 78-83 là thuộc 4 pháp Ba-la-di); 84. Giới cố ý làm

xuất tinh; 85. Giới xúc chạm nữ nhân; 86. Giới nói năng thô tục; 87. Giới yêu cầu người nữ hiến thân; 88. Giới làm mai mối; 89. Giới làm nhà quá mức; 90. Giới không mời Tăng chỉ chỗ làm thất; 91. Giới vì tức giận mà vu khống; 92. Giới xuyên tạc để vu khống; 93. Giới phá Tăng hòa hợp; 94. Giới đồng lõa với người phá Tăng; 95. Giới bưng bình; 96. Giới làm mất lòng tin của tín đồ (từ số 84-96 là 13 pháp Tăng-tàn); 97. Giới ngồi chỗ khuất, chỗ trống với người nữ (Hai pháp Bất định); 98. Giới cất y dư quá hạn; 99. Giới rời y mà ngủ; 100. Giới cất vải quá hạn; 101. Giới nhận y của người không phải bà con; 102. Giới nhờ Ni không phải bà con giặt y; 103. Giới xin y của người không phải bà con; 104. Giới nhận vải quá mức qui định; 105. Giới khuyên người cúng y theo ý mình; 106. Giới khuyên hai gia đình chung tiền sắm; 107. Giới đòi tiền y quá số lần qui định; 108. Giới làm phụ cụ lông đen; 109. Giới làm phụ cụ thuần màu đen; 110. Giới dùng tơ trộn lông làm phụ cụ; 111. Giới dùng phụ cụ chưa đủ sáu năm; 112. Giới không may một miếng cũ trên phụ cụ mới; 113. Giới cầm lông dê đi quá hạn; 114. Giới nhờ Tỳ-kheo Ni giặt lông dê; 115. Giới cầm của tiền vàng bạc; 116. Giới buôn bán; 117. Giới mua bán vàng bạc; 118. Giới cất bát thừa quá hạn; 119. Giới bát cũ chưa hư mà đã tìm bát mới; 120. Giới cất thuốc quá hạn (từ số 98-120 là 30 pháp Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề).

Tập 72, Bộ Luật II, số 1425, - Luật Ma-ha Tăng-kỳ (tt), 1. Giới cho y rồi lấy lại, 2. Giới sắm áo mưa trước thời hạn, 3. Giới xin y chỉ sợi về dệt vải, 4. Giới quyết tiền của thọ dệt, 5. Giới cất y cúng quá hạn, 6. Giới rời y quá hạn, 7. Giới biên thủ tài sản của Tăng (từ số 1-7 là thuộc 30 pháp Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề); 8. Giới cố ý vọng ngữ, 9. Giới gièm pha thành phần nghề nghiệp

người khác, 10. Giới nói để ly gián người khác, 11. Giới khơi lại sự tranh cãi, 12. Nói về 92 pháp Đon-đề, 13. Giới thuyết pháp cho phụ nữ quá hạn, 14. Giới dạy người chưa thọ giới Cụ túc đọc tụng, 15. Giới nói thật rằng mình đắc đạo, 16. Giới nói tội nặng của Tỳ-kheo khác, 17. Giới đồng ý Yết-ma sau phủ nhận, 18. Giới hủy báng giới pháp, 19. Giới chặt phá cây sống, 20. Giới nói nhiều loạn người khác, 21. Giới chê trách chức sự của Tăng, 22. Giới trái đồ của Tăng ở chỗ trống, 23. Giới trái đồ của Tăng ở chỗ khuất, 24. Giới lôi Tỳ-kheo khác ra khỏi phòng, 25-26. Giới cưỡng chiếm chỗ nằm của người khác, 27. Giới ngồi giường có chân nhọn, 28. Giới dùng nước có ký sinh trùng, 29. Giới lợp nhà quá ba lớp, 30. Giới tự đi dạy Ni, 31. Giới giáo giới Ni cho đến trời tối, 32. Giới khi đi dạy Ni không bạch Tỳ-kheo khác, 33. Giới phi báng vị giáo thọ Ni, 34. Giới ngồi với Ni ở chỗ khuất, 35. Giới hẹn đi chung đường với Ni, 36. Giới hẹn đi chung thuyền với Ni, 37. Giới đem y cho Ni không phải bà con, 38. Giới may y cho Ni không phải bà con, 39. Giới ăn thức ăn do Ni ca ngợi, 40. Giới ăn quá giới hạn được cúng dường, 41. Giới ăn nhiều lần trong ngày, 42. Giới ăn rồi ăn lại, 43. Giới khuyến người ăn rồi ăn nữa, 44. Giới ăn thức ăn không được mời, 45. Giới ăn phi thời, để dành thức ăn mà ăn, 46. Giới nhận thức ăn quá mức đã cho, 47. Giới không bịnh mà xin thức ăn ngon, 48. Giới không bịnh mà nhóm lửa, 49. Giới ngủ quá thời hạn cho phép, 50. Giới gợi dục rồi phủ nhận, 51. Giới làm cho người khác nhin đói, 52. Giới xuyên tạc giáo pháp không nghe lời khuyên, 53. Giới bao che người có lỗi, 54. Giới chứa chấp sa-di bị đuổi, 55. Giới mặc y không hoại sắc, 56. Giới cất giữ bảo vật, 57. Giới tắm quá giới hạn cho phép, 58. Giới uống nước có trùng,

59. Giới cho tu sĩ ngoại đạo đồ ăn, 60. Giới ngồi nơi phòng ngủ nhà thí chủ, 61. Giới đi xem quân trận, 62. Giới ở trong quân trại quá lâu, 63. Giới xem quân đội diễn tập, 64. Giới đánh Tỳ-kheo khác, 65. Giới dọa đánh Tỳ-kheo khác, 66. Giới che dấu tội Tỳ-kheo khác, 67. Giới sát hại sinh vật, 68. Giới gây phiền toái Tỳ-kheo khác, 69. Giới y cho rồi lấy lại mặc, 70. Giới cất giấu vật dụng của người khác, 71. Giới hù nhát Tỳ-kheo khác, 72. Giới đùa giỡn trong nước, 73. Giới chỉ chỗ lẫn nhau, 74. Giới hẹn đi chung đường với người nữ, 75. Giới ngủ chung một nhà với người nữ, 76. Giới ngồi với phụ nữ ở chỗ vắng, 77. Giới cho người chưa đủ tuổi thọ giới, 78. Giới hẹn đi chung với đám cướp, 79. Giới đào xới đất đai, 80. Giới nhận cúng dường quá hạn, 81. Giới chống cự lại sự khuyến học, 82. Giới uống các thứ rượu, 83. Giới khinh thường người khác, 84. Giới nghe lén sự tranh cãi, 85. Giới lảng lạng bỏ cuộc họp mà đi, 86. Giới vào làng mà không báo người khác, 87. Giới đi phi thời không báo người khác, 88. Giới vào vương cung quá sớm, 89. Giới dùng xương sừng ống đựng kim, 90. Giới làm chân giường cao quá cỡ, 91. Giới dùng bông làm nệm, 92. Giới làm tọa cụ quá qui định, 93. Giới may y che ghe quá kích thước, 94. Giới may áo tắm mưa quá kích thước, 95. Giới may y quá cỡ y Phật, 96. Giới vô cớ vu khống người khác, 97. Giới xoay vật của Tăng về người khác, 98. Giới cố ý nói dối để chạy tội (từ số 8-98 là 92 pháp Đon-đề); 99. Giới nhận thức ăn tại A-luyện-nhã, 100. Giới nhận thức ăn của Tỳ-kheo Ni, 101. Giới ăn thức ăn Ni vận động, 102. Giới nhận thức ăn của học gia (từ số 99-102 là 4 pháp Ba-la-đề-xá-ni); 103-104. Nói về 66 pháp chúng học, 105. Thẻ thức thọ Cụ túc-Nêu dẫn về phẩm Tạt tụng và pháp Oai nghi, 106-107. Các già-

nạn, 108. Yết-ma, việc Yết-ma, 109. Tội Tăng-già-bà-thi-sa, 110. Trách nhiệm của Tỳ-kheo đoán sự, 111. Có tội cũng biết, 112. Che giấu cũng biết, 113. Pháp Biệt trụ, 114. Pháp Ma-na-đòa, 115. Pháp xuất tội, 116. Nói rõ phạm Tạt tụng thứ 4 tội cũ, 117. Tội trung gian, 118. Việc nên làm Yết-ma và không nên làm Yết-ma, 119. Làm Tha-la-tha, 120. Dị trụ, 121. Cho pháp học Hối Ba-la-di, 122. Tùy thuận hành mịch tội tướng, 123. Việc cử tội-Việc trị phạt-Đuổi đi-Dị trú, 124. Nói rõ phạm Tạt tụng thứ 5 pháp Yết-ma, Vấn đề ruộng vườn, nhà đất, 125. Vấn đề Tăng-già lam-Phép tắc về doanh sự, 126. Phép tắc về giường nệm-Phép cung kính, 127. Phép Bô-tát, 128. Phép An cư, 129. Nói rõ phạm Tạt tụng thứ 6-Vấn đề Y Ca-thi-na, Chẳng phải Y Ca-thi-na, 130. Thể thức xả Y Ca-thi-na, Vấn đề Y pháp, 131. Phạm vật thuộc Tăng hiện tiền, 132. Vấn đề Tỳ-kheo bị bệnh, 133. Phương pháp chăm sóc Tỳ-kheo bị bệnh, 134. Vấn đề thuốc, 135. Trách nhiệm liên quan đến thầy và trò, 136. Trách nhiệm thầy đối với đệ tử, 137. Những công việc đệ tử phải làm, 138. Nói rõ phạm Tạt tụng thứ 7-Phép tắc của Sa-di, 139. Phép tắc của Bát, 140. Cách thức dùng cháo, 141. Phép dùng bánh, rau, lương khô, nước trái cây, 142. Phép dùng thức uống chế biến, 143. Phi Yết-ma, 144. Nói rõ phạm Tạt tụng thứ 8, 145. Chương ngại-Không chương ngại, 146. Vấn đề Tỳ-kheo Ni, 147. Nấu ăn ở chỗ ngủ và tự nấu ăn, 148. Nhận thịt sống, 149. Tự lấy rồi làm sạch vỏ, 150. Vật nặng-Vật vô thường, 151. Yết-ma công nhận bệnh cuồng si-Bày tỏ sự không đồng tình, 152. Phá lòng tin của thí chủ, 153. Phép dùng giày da, 154. Phép dùng guốc, phép tắm rửa, phép dùng mặt hương, 155. Phép dùng gậy và túi bằng dây-dùng tội, 156. Phép phú bát, 157. Phép kết khuy vào y-

Dùng đai có dây cột, 158. Nói rõ phạm Tạt tụng thứ 10-Phép ăn chung, 159. Nói rõ phạm Tạt tụng thứ 11-Bảy trăm vị Đại hội kết tập pháp tạng, 160. Nói rõ phần Một của pháp oai nghi, tác phong của Thượng tọa, 161. Nói rõ phần Hai của pháp oai nghi, cách thức đi kinh hành, 162. Giới dâm dục- Nói về 8 pháp Ba-la-di của Tỳ-kheo Ni, 163. Giới khuyên người làm điều phi pháp, 19 pháp Tăng-tàn, 164-166. Nói về 141 pháp Ba-dật-đề, 167. Luật Đại Tỳ-kheo giới bản, 168. Ma-ha Tăng-kỳ Tỳ-kheo Ni giới bản; *số 1428, Luật Tứ phần*, 170. Nói về 13 pháp Tăng-tàng, Giới pháp của Tỳ-kheo, Luật Tứ phần, 171. Nói về 2 Bất định, 172. Nói về 30 Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề.

Tập 73, Bộ Luật III, số 1428, - Luật Tứ phần (tt), Giới pháp của Tỳ-kheo, Nói về 90 pháp Ba-dật-đề (từ số 1-90): 1. Cố ý vọng ngữ, 2. Mắng nhiếc, 3. Nói ly gián, 4. Ngủ chung buồng người nữ, 5. Ngủ chung buồng người chưa thọ Cụ túc giới, 6. Đọc chung kinh, 7. Nói thô tội, 8. Nói pháp thượng nhân, 9. Thuyết pháp quá năm lời, 10. Đào phá đất, 11. Phá hoại thực vật, 12. Nói quanh, 13. Nói xấu Tăng sai, 14. Trái tọa cụ Tăng không cất, 15. Trái tọa cụ trong phòng Tăng, 16. Chen lấn chỗ ngủ, 17. Đuổi Tỳ-kheo ra ngoài, 18. Ghế ngồi không vững, 19. Dùng nước có trùng, 20. Cất nhà lớn, 21. Giáo giới không được Tăng sai, 22. Giáo thọ Ni sau mặt trời lặn, 23. Giáo thọ Ni vì lợi dưỡng, 24. Cho y cho Tỳ-kheo Ni, 25. May y cho Tỳ-kheo Ni, 26. Ngồi với Tỳ-kheo Ni ở chỗ khuất, 27. Hẹn đi chung đường với Tỳ-kheo Ni, 28. Đi chung thuyền với Tỳ-kheo Ni, 29. Thức ăn do Tỳ-kheo Ni khuyên hóa, 30. Đi đường chung với người nữ, 31. Lữ quán một bữa ăn, 32. Triền chuyển thực, 33. Biệt chúng thực, 34. Nhận quá 3 bát, 35. Dư thực pháp, 36.

Mời người túc thực, 37. Phi thời thực, 38. Thức ăn cách đêm, 39. Bỏ vào miệng vật không được cho, 40. Yêu sách mỹ thực, 41. Cho ngoại đạo ăn, 42. Trước sau bữa ăn đi đến nhà khác không báo, 43. Ngồi trong nhà có ăn, 44. Ngồi với người nữ ở chỗ khuất, 45. Ngồi một mình với người nữ tại chỗ trống, 46. Đuổi đi không cho thức ăn, 47. Thuốc bốn tháng, 48. Xem quân trận, 49. Ngủ lại trong quân, 50. Xem quân đội chiến đấu, 51. Uống rượu, 52. Đùa giỡn trong nước, 53. Thọc cù nôn, 54. Bất kính, 55. Dọa nhát Tỳ-kheo, 56. Nửa tháng tắm, 57. Đốt lửa, 58. Giấu vật dụng của Tỳ-kheo, 59. Tự tiện dùng y không hỏi chủ, 60. Hoại sắc y mới, 61. Đoạn sinh mạng, 62. Uống nước có trùng, 63. Cỏ gieo nghi hối, 64. Che giấu tội, 65. Truyền Cụ túc người chưa đủ 20 tuổi, 66. Khơi lại tranh sự, 67. Đi chung với cướp, 68. Kiên trì ác kiến, 69. Hỗ trợ Tỳ-kheo bị xả trí, 70. Bao che Sa-di bị đuổi, 71. Không chịu học giới, 72. Khinh chê học giới, 73. Vô tri học giới, 74. Phủ nhận yết-ma, 75. Không dữ dục, 76. Dữ dục rồi hối, 77. Nghe lén đấu tranh, 78. Sân đánh Tỳ-kheo, 79. Nhá đánh Tỳ-kheo, 80. Vu khống Tăng tàn, 81. Thâm nhập vương cung, 82. Cầm nắm bảo vật, 83. Phi thời vào xóm, 84. Giường cao quá lượng, 85. Đệm bông, 86. Ống đựng kim, 87. Ni sư đàn quá lượng, 88. Phú sang y, 89. Áo tắm mưa, 90. Lượng y Như Lai; Nói về 4 pháp Ba-la-đề-xá-ni (từ số 91-94): 91. Nhận thức ăn phi thân lý Ni nơi tục gia, 92. Thọ thực do Ni chỉ dẫn, 93. Thọ thực từ học gia, 94. Thọ thực ngoài trú xứ A-lan-nhã; 95. Nói về 100 pháp Thức-xoa-ma-na, từ số 95- 99; 100. Nói về 7 pháp Diệt tránh; 101. Thông giới, Nói về 8 pháp Ba-la-di, Giới pháp Tỳ-kheo Ni, Luật tứ phần: 102. Nói về 17 pháp Tăng-già-bà-thi-sa; 103. Nói về 30 pháp Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề, từ

104-110 (điều 1-178 Thông giới); 111. Nói về 8 pháp Ba-la-đề-xá-ni; 112. Thích thị tế phổ, Nêu dẫn thọ giới; 113. Truyện Đức Thích Tôn; 114. Tăng pháp thọ giới; 115. Pháp thức thuyết giới, Nêu dẫn thuyết giới; 116. Kết giới; 117. Kết giới An cư; 118. Tự tứ; 119. Nhân duyên Thủ-lung-na, Nêu dẫn da thuộc; 120. Nhân duyên Ưc-nhĩ; 121. Y phần tảo, Nêu dẫn y; 122. Kỳ-bà đồng tử; 123. Các loại thuốc; 124. Y Ca-thi-na, Năm công đức, Nêu dẫn các việc; 125. Câu-thiểm-di; 126. Chiêm-ba Cữ tội phi pháp; 127. Khiển trách; 128. Người phú-tàng; 129. Phú-tàng; 130. Già Yết-ma, cầu thỉnh; 131. Đề-bà-đạt-đa phá Tăng; 132. Bảy diệt tránh; 133. Kiềm-đam-di Tỳ-kheo Ni; 134. Khách Tỳ-kheo-Pháp. **Tập 74, Bộ Luật IV, số 1428, - Luật Tứ phần (tt)**, 1. Phòng xá-Nêu dẫn các việc phòng xá tạp sự Ngũ bách kết tập;; 2. Tạp sự; 3-4 Ngũ bách kết tập; 5. Bất tịnh hạnh-Ba-la-di-Điều bộ-Nêu dẫn các việc Thất bách kết tập Điều-đạt-Tỳ-ni Tăng Nhất; 6. Bất dữ thủ; 7. Đoạn nhân mạng; 8. Đại vọng ngữ; 9. Lộng âm-Tăng-già-bà-thi-sa, Điều bộ-Nêu dẫn các việc Thất bách kết tập Điều-đạt-Tỳ-ni Tăng Nhất; 10. Xúc nữ; 11. Tho ác ngữ; 12. Sách cúng dường; 13. Môi giới; 14. Vô căn Ba-la-di; 15. Tỳ-ni Tăng Nhất; số 1429, - Tứ phần Tỳ-kheo Giới bản (Bản Đồi Minh), Luật Tứ phần; 1430, - Tứ phần Tăng giới bản (trích Đàm Vô Đức bộ); 1432, - Các pháp kết giới tương, - Pháp thọ giới, - Các pháp trừ tội, - Pháp thuyết giới, - Pháp an cư, - Pháp tự tứ, - Pháp phân chia y vật, - Pháp tác tịnh, - Pháp linh tinh, - Các pháp kết giới-Thọ giới (Tỳ-kheo Ni Tạp Yết-ma Đàm-vô-đức Luật), - Pháp tội khác, - Pháp thuyết giới, - Pháp an cư, tự tứ, số 1433, - Pháp kết giới, - Pháp thọ giới, - Pháp trừ tội, - Pháp thuyết giới, - Pháp an cư và tự tứ, - Pháp chia y, - Tịnh pháp y dục, - Pháp phòng

xá linh tinh, - Pháp kết giới, thọ giới, - Pháp thuyết giới, - Pháp an cư và tự tứ, - Pháp linh tinh; số 1434, - Pháp kết giới (Pháp Yết-ma Tứ phần Tỳ-kheo Ni, Luật Tứ phần), - Pháp trừ tội, - Pháp thuyết giới, - Pháp an cư và tự tứ, - Pháp linh tinh.

Tập 75, Bộ Luật V, số 1435, - Thập tụng Luật, 1. Giới dâm, 2. Giới trộm cắp, 3. Giới sát, 4. Giới vọng ngữ (từ 1-4 là Bốn pháp Ba-la-di); 5. Giới cố ý làm xuất tinh, 6. Giới cố ý xúc chạm thân người nữ, 7. Giới nói lời thô tục với người nữ, 8. Giới khen người nữ đem thân cúng dường, 9. Giới mai mối, 10. Giới xây cất chùa quá lượng, 11. Giới xây cất phòng xá lớn, 12. Giới vô căn vu báng, 13. Giới lấy chút việc trong dị phần vu báng, 14. Giới can phá hòa hợp Tăng, 15. Giới can bần đảng pháp Tăng, 16. Giới Ô-tha-gia, 17. Giới tánh ác trái can (từ 5-17 là 13 pháp Tăng-tàn); 18. Giới một mình cùng người nữ ngồi chỗ khuất (Hai pháp Bất định), 19. Giới chứa y dư quá 10 ngày, 20. Giới lìa y ngủ qua đêm, 21. Giới chứa y phi thời 1 tháng, 22. Nhận y từ Tỳ-kheo Ni không phải bà con, 23. Giới nhờ Tỳ-kheo Ni không phải bà con giặt y cũ, 24. Giới theo cư sĩ không phải bà con xin y, 25. Giới xin thọ y quá nhiều, 26. Giới theo cư sĩ không thỉnh trước xin y, 27. Giới khuyên cư sĩ không bà con hùn tiền cúng y, 28. Giới đòi y quá, 29. Giới dùng Kiền-thi-na làm phụ cụ mới, 30. Giới gánh lông dê đi quá 3 do-tuần, 31. Giới nhờ Tỳ-kheo Ni không phải bà con giặt nhuộm lông dê, 32. Giới tự tay cầm vật báu, 33. Giới dùng vật báu mua bán các việc, 34. Giới mua bán đủ cách, 35. Giới chứa y bát dư quá 10 ngày, 36. Giới xin bát mới, 37. Giới tự xin chỉ sợi rồi bảo nhờ thợ dệt không phải bà con dệt y, 38. Giới bảo thợ dệt không phải bà con dệt y, 39. Giới đoạt y của Tỳ-kheo khác,

40. Giới lìa y ngủ quá sáu đêm, 41. Giới thọ y cấp thí, 42. Giới chứa y tắm mưa, 43. Giới hồi Tăng vật, 44. Giới cất chứa dược phẩm quá 7 ngày (từ số 19-44 là 30 pháp Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề), 45. Giới cố ý vọng ngữ, 46. Giới chê bai người khác, 47. Giới nói hai lưỡi, 48. Giới phát khởi lại việc tranh cãi, 49. Giới nói quá năm sáu lời, 50. Giới dạy cú pháp cho người chưa thọ Cụ túc giới, 51. Giới thật có pháp hơn người đem nói cho người chưa thọ Cụ túc giới, 52. Giới nói tội thô của Tỳ-kheo cho người chưa thọ Cụ túc, 53. Giới vu báng Tăng hồi chuyển Tăng vật, 54. Giới chê bai giới đã học, 55. Giới hiềm trách người được Tăng sai, 56. Giới cố ý xúc nảo Tỳ-kheo, 57. Giới trái tọa cụ của Tăng không cất, 58. Giới ở trong phòng trái tọa cụ của Tăng, 59. Giới lôi kéo Tỳ-kheo, 60. Giới đến sau giành chỗ trái tọa cụ, 62. Giới dùng nước có trùng, 63. Giới xây phòng lớn lợp quá 3 lớp, 64. Giới Tăng không sai mà đi giáo hóa giới Ni, 65. Giới giáo giới Ni đến mặt trời lặn, 66. Giới nói giáo giới Ni vì tài vật, 67. Giới cùng Tỳ-kheo Ni hẹn đi chung đường, 68. Giới hẹn với Tỳ-kheo Ni đi chung thuyền, 69. Giới cho Tỳ-kheo Ni y không phải bà con, 70. Giới may y Tỳ-kheo Ni không phải bà con, 71. Giới một mình ngồi ở chỗ khuất với Tỳ-kheo Ni, 72. Giới một mình ở chỗ vắng vẻ với người nữ, 73. Giới ăn thức ăn do Tỳ-kheo Ni khen ngợi, 74. Giới thường thường ăn, 75. Giới thọ quá một bữa ăn trong nhà phước đức, 76. Giới đến nhà bạch y thọ quá hai ba bát, 77. Giới thọ pháp dư thực, 78. Giới khuyên ăn thức ăn dư không tác pháp, 79. Giới ăn biệt chúng, 80. Giới ăn phi thời, 81. Giới ăn cách đêm, 82. Giới không thọ thức ăn, 83. Giới trong nhà bạch y đòi hỏi thức ăn, 84. Giới uống dùng nước có trùng, 85. Giới gượng ngồi trong nhà ăn, 86. Giới gượng ngồi gàn

người nữ trong nhà ăn, 87. Giới tự tay cho ngoại đạo thức ăn, 88. Giới xem quân trận, 89. Giới ở trong quân trận quá hai đêm, 90. Giới giận đánh Tỳ-kheo, 91. Giới che giấu tội thô của Tỳ-kheo khác, 92. Giới xúc nảo Tỳ-kheo khác, 93. Giới nhóm lửa nơi đất trống, 94. Giới cùng người chưa thọ Đại giới quá hai đêm, 95. Giới can Tỳ-kheo ác tà kiến, 96. Giới tùy thuận Tỳ-kheo ác kiến, 97. Giới cầm giữ báu vật, 98. Giới nhuộm y hoại sắc, 99. Giới nửa tháng tắm một lần, 100. Giới đoạn mạng súc sinh, 101. Giới cố ý làm cho Tỳ-kheo khác nghi hối, 102. Giới dùng tay chọc lét, 103. Giới cùng người nữ ngủ chung nhà, 104. Giới khùng bố Tỳ-kheo khác, 105. Giới giấu y bát của Tỳ-kheo khác, 106. Giới đem tội tàn vô căn vu báng, 107. Giới hẹn với giặc đi chung đường, 108. Giới quá bốn tháng thọ thỉnh đòi hỏi, 109. Giới rình nghe lén-Khi Tăng xử đoán đứng dậy bỏ đi, 110. Giới uống rượu, 111. Giới phi thời vào tụ lạc, 112. Giới hứa thỉnh Tăng lại bỏ đi đến nhà khác, 113. Giới vào cửa cung vua, 114. Giới nói không biết học giới, 115. Giới làm ống kim bằng ngà, 116. Giới làm giường cao quá lượng, 117. Giới dồn Đâu-la-miên làm ngoại cụ, 118. Giới may áo tắm mưa quá lượng, 119. Giới cất chứa y che phủ ghê, 120. Giới cất chứa Ni-sư-đàn, 121. Giới may y bằng lượng y của Phật (từ số 45-121 là 90 pháp Ba-dật-đề), 122. Bốn pháp Ba-la-đề-xá-ni, 123-124. Một trăm lẻ bảy pháp chúng học, 125. Bảy pháp diệt tránh, 126. Pháp thọ giới Cụ túc thứ nhất, 127. Pháp Bồ-tát thứ hai, 128. Pháp Tự tứ thứ ba, 129. Pháp An cư thứ tư, 130. Pháp Bì cách thứ năm, 131. Pháp Y dược thứ sáu, 132. Pháp Y thứ bảy, 133. Pháp Y Ca-thi-na thứ nhất, 134. Pháp Câu-xá-di thứ hai, 135. Pháp Chiêm-ba thứ ba, 136. Các pháp Yết-ma trị phạt thứ tư, 137. Pháp Sám tội Tăng-tàn thứ

năm, 138. Pháp ngăn Yết-ma thứ sáu, 139. Pháp phòng xá ngoại cụ thứ bảy, 140. Pháp tránh sự thứ tám, 141. Tạp tụng (có 2 pháp).

Tập 76, Bộ Luật VI, số 1435-1441, - Thập Tụng Luật (tt); số 1435, - Thập Tụng luật, Q.5, 1. Tạp tụng, 2. Tám pháp Ba-la-di (Luật Ni), 3. Mười bảy pháp Tăng-tàn, 4. Ba mươi pháp Xả đọa, 5-8. Một trăm bảy mươi pháp Ba-dật-đề, 9. Tám pháp Ba-la-đề-xá-ni, 10. Tăng Nhất, 11. Hai pháp, (Tụng thứ tám pháp), 12. Ba pháp, 13. Bốn pháp, 14-15. Năm pháp (Tỳ-ni Tăng nhất), 16. Sáu pháp, 17. Bảy-Mười pháp, 18. Thêm Mười pháp Tăng nhất, 19. Tướng Tăng nhất, 20-23. Ưu-ba-li vấn pháp, 24-25. Tỳ-kheo tụng, 26-28. Tỳ-ni tụng, 29-30. Thiện tụng, 31. Phạm tạp trong Tỳ-ni, 32. Phạm Nhân duyên trong Tỳ-ni, số 1436, - Thập tụng Tỳ-kheo, 33. Tỳ-kheo Giới bốn (Ba-la-đề-mộc-xoa Giới bốn); số 1437, - Thập tụng Tỳ-kheo Ni, 34. Tỳ-kheo Ni Giới bốn; số 1438, 35. Đại Sa-môn Bách Nhất Yết-ma pháp; số 1439, 36. Thập tụng Yết-ma Tỳ-kheo yếu dụng; số 1440, từ 37-45, Tát-bà-đa Tỳ-ni Tỳ-bà-sa, có 9 quyển; số 1441, từ 46-55, - Tát-bà-đa bộ Tỳ-ni Ma-đặc-lặc-già, có 10 quyển.

Tập 77, Bộ Luật VII, số 1442, - Căn bản Nhất thiết Hữu bộ Tỳ-nại-da: từ số 1-49, có 49 quyển.

Tập 78, Bộ Luật VIII, từ số 1443-1447, - Căn bản Thuyết Nhất thiết Hữu bộ Bí-sô-ni Tỳ-nại-da: số 1443, - Căn bản Thuyết Nhất thiết Hữu bộ Bí-sô-ni Tỳ-nại-da, có 20 quyển; số 1444, - Căn bản Thuyết Nhất thiết Hữu bộ Xuất gia sự, có 4 quyển; số 1445, - Căn bản Thuyết Nhất thiết Hữu bộ An cư sự; số 1447, - Căn bản Thuyết Nhất thiết Hữu bộ Bì-cách sự, có 2 quyển Thượng-Hạ.

Tập 79, Bộ Luật IX, số 1448-1451, - Căn bản Thuyết Nhất thiết Hữu bộ Tỳ-nại-da Dược sự: số 1448, Căn bản Thuyết Nhất thiết Hữu bộ Tỳ-nại-da Dược sự, có 18 quyển; số 1449, - Căn bản Thuyết Nhất thiết Hữu bộ Tỳ-nại-da Y sự; số 1450, - Căn bản Thuyết Nhất thiết Hữu bộ Tỳ-nại-da phá Tăng sự, có 20 quyển; số 1451, - Căn bản Thuyết Nhất thiết Hữu bộ Tỳ-nại-da Tạp sự, có 16 quyển.

Tập 80, Bộ Luật X, số 1451-1458, - Căn bản Thuyết Nhất thiết Hữu bộ Tỳ-nại-da Tạp sự (tt), từ Q.17-Q.40; số 1452, - Căn bản Thuyết Nhất thiết Hữu bộ Ni-đà-na Mục-đắc-ca, có 10 quyển; số 1453, - Căn bản Thuyết Nhất thiết Hữu bộ Bách nhất Yết-ma, có 10 quyển; số 1454, - Căn bản Thuyết Nhất thiết Hữu bộ Bí-sô Giới Kinh; số 1455, - Căn bản Thuyết Nhất thiết Hữu bộ Bí-sô Ni Giới Kinh; số 1456, - Căn bản Thuyết Nhất thiết Hữu bộ Ni-đà-na Mục-đắc-ca Nhiếp tụng; số 1457, - Căn bản Thuyết Nhất thiết Hữu bộ Tạp sự Nhiếp tụng; số 1458, - Căn bản Tát-bà-đa bộ Luật Nhiếp, có 14 quyển.

Tập 81, Bộ Luật XI, số 1459-1464, - Căn bản Thuyết Nhất thiết Hữu bộ Tỳ-nại-da Tụng: số 1459, - Căn bản Thuyết Nhất thiết Hữu bộ Tỳ-nại-da Tụng, có 3 quyển Thượng, Trung và Hạ; số 1460, - Âm Quang bộ Giới Kinh Giải thoát; số 1461, - Chánh Lượng bộ Luật Nhị thập nhị Minh liễu luận; số 1462, - Luật Thiện kiến Tỳ-bà-sa, có 18 quyển; số 1463, - Kinh Tỳ-ni Mẫu, có 8 quyển; số 1464, - Tỳ-nại-da, có 10 quyển.

Tập 82, Bộ Luật XII, từ số 1465-1504, - Kinh Xá-lợi-phát vấn: 1465, - Kinh Xá-lợi-phát vấn; 1466, - Kinh Ưu-ba-li vấn Phật; 1467, - Kinh Phạm giới Tội báo Khinh trọng (2 bản, bản chính và dị bản); 1468, - Kinh Mục-liên sở vấn; 1469, - Kinh Ca-diếp Giới cấm; 1470, - Kinh Đại

Tỳ-kheo Tam thiên Oai nghi, có 2 quyển Thượng-Hạ; 1471, - Mười giới pháp và Oai nghi của Sa-di; 1472, - Oai nghi của Sa-di; 1473, - Kinh Sa-di Thập giới Nghi tắc; 1474, - Giới Kinh Sa-di Ni; 1475, - Sa-di Ni ly giới văn; 1476, - Kinh Ưu-bà-tắc Ngũ giới tướng; 1477, - Kinh Phật thuyết giới Tiêu tai; 1478, - Kinh Đại Ái Đạo Tỳ-kheo Ni, có 2 quyển Thượng-Hạ; 1479, - Kinh Bí-sô Ngũ pháp; 1480, - Kinh Bí-sô Ca-thi-ca Thập pháp; 1481, - Kinh Ngũ khủng bố thế; 1482, - Kinh Phật A-tỳ-đàm Xuất gia tướng, có 2 quyển Thượng-Hạ; 1483, - Kinh Mục-liên vấn Giới luật Trung Ngũ bách Khinh trọng sự, có 2 quyển Thượng-Hạ; 1484, - Kinh Phạm Võng, có 2 quyển Thượng-Hạ; 1485, - Kinh Bò-tát Anh Lạc bồn nghiệp, có 2 quyển Thượng-Hạ; 1486, - Kinh Thập thiện giới; 1487, - Kinh Bò-tát Nội giới; 1488, - Kinh Ưu-bà-tắc giới, có 7 quyển; 1489, - Kinh Thanh tịnh Tỳ-ni phương quảng; 1490, - Kinh Tịch Điều Âm sở vấn; 1491, - Kinh Bò-tát Tạng; 1494, - Kinh Tịnh Nghiệp chương; 1495, - Kinh Thiện cung kính; 1496, - Kinh Phật thuyết Chánh Cung kính; 1497, - Kinh Phật thuyết Đại thừa giới; 1498, - Kinh Bát chủng Trường dưỡng Công đức; 1499, - Văn Yết-ma giới Bò-tát; 1500, - Kinh Giới bồn Bò-tát; 1501, - Bò-tát Giới bồn (Bò-tát Di-lặc thuyết); 1502, - Kinh Bò-tát Thọ trai; 1503, - Kinh Ưu-bà-tắc Ngũ giới Oai nghi; 1504, - Kinh Bò-tát Ngũ pháp Sám hối. (<https://daitangkinh.org>)

1.151. BỘ LUẬT SỐ – 3 Tập

Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh, từ tập 143 – 145

Hội Văn hóa Giáo dục Linh Sơn Đài Bắc xuất bản – 2000

Tập 143, Số 1804, - Tứ phân Luật San phôn Bồ khuyết Hành sự sao, có 3 quyển

Thượng, Trung và Hạ: Q. Thượng, (Phần 1), Thọ dục-Đúng sai, Nói chung về Yết-ma, Phương pháp Kiết giới, Giềng mối lớn của Tăng chúng, Duyên nhóm họp thọ giới, Thầy trò nhiếp giữ nhau, Thuyết giới Chánh nghi, An cư sách tấn tu hành, Tông yếu Tự tứ; Q. Trung, Thiên tu danh báo, Trong thiên Tăng-tàn, Trong 90 giới, Phép tắc trì phạm; Q. Hạ, Sự chung và riêng của 2 y, Thọ thanh tịnh 4 thứ thuốc, Bình bát chế thính, Đối thí hưng trị, Đầu-đà hạnh nghi, Trí kính tượng Tăng, Phép tắc thừa thính, Đạo tục hóa phương, Chủ khách đối đãi nhau, Chăm sóc người bệnh và đưa tiễn lúc qua đời, Sau Di biệt hành, Ni chúng biệt hành, Hành trì riêng của các bộ; số 1805, - Tứ phần Luật Hành sự sao Tư trì ký, có 3 quyển Thượng, Trung và Hạ (tập 143, từ Q. Thượng – Q. Trung).

Tập 144, số 1805, - Tứ phần Luật Hành sự sao Tư trì ký (tt), tập 144, từ Q. Trung – Q. Hạ; số 1806, - Giới bản Tứ phần Luật Tỳ-kheo Hàm chú, có 3 quyển Thượng, Trung và Hạ; số 1807, - Tứ Phần Luật Tỳ-kheo Giới bản số, có 2 quyển Thượng-Hạ; số 1808, - Đàm Vô Đức bộ Tứ phần Luật San bổ Tùy cơ Yết-ma, có 2 quyển Thượng-Hạ: Q. Thượng, Các giới Kết giải, Các pháp Thọ giới; Q. Hạ, Thọ y phục thuốc men thanh tịnh, Các pháp Thuyết giới, Pháp các chúng An cư, Pháp các chúng Tự tứ, Pháp phân chia y, Pháp sám lục tự, Trụ trì tạp pháp.

Tập 145, Số 1809, - Tứ phần Tăng Yết-ma, có 3 quyển Thượng, Trung và Hạ (xuất xứ từ Luật Tứ phần); số 1810, - Ni Yết-ma, có 3 quyển Thượng, Trung và Hạ (xuất xứ từ Luật Tứ phần); số 1811, - Bồ-tát Giới nghĩa số, có 2 quyển Thượng-Hạ; số 1812, - Thiên Thai Bồ-tát Giới số, có 3 quyển Thượng, Trung và Hạ; số 1813, - Số giải Giới bản Bồ-tát trong Kinh Phạm Võng, có 6 quyển: Q.1, Giới không sát

sanh, Q.2, Giới trộm cắp, Q.3, Giới bất dâm, Q.4, Giới tiếc lẫn mà còn hủy nhục, Q.5, Giới bất kính thỉnh pháp, Q.6, Giới bỏ chánh theo tà; số 1814, - Số Bồ-tát Giới bản, có 2 quyển Thượng-Hạ; số 1815, - Phạm Võng Kinh Cổ tích ký, có 2 quyển Thượng-Hạ. (<https://daitangkinh.org>)

1.152. Bốn Quyển Luật TỖ-NI - SA-DI - OAI NGHI – CẢNH SÁCH chú

Việt dịch: *Thích Định Huệ*

Nxb Tôn Giáo – 2013

Luật có khổ 14.5 x 20.5cm, dày hơn 377 trang.

Nội dung gồm có: Lời nói đầu; Tỳ-ni Nhật dụng Thiết yếu; Sa-di Luật nghi Yếu lược, Giới luật môn, Oai nghi môn; Quy Sơn cảnh sách, Quy Sơn duyên khởi, Văn cảnh sách: 1. Sắc thân là đại hoạn, 2. Trừ bỏ tật xấu, 3. Chánh nhân xuất gia, 4. Đường tắt nhập đạo, 5. kết duyên dặn dò, Văn Bài minh, Chú thích; Phụ trang Trì tụng.

1.153. BỐN GIỚI TỖ-KHEO NI

Lược Ghi

Tác giả: *Tổ Vô Tác Giới Biểu*

Việt dịch: *HT. Thích Thiện Chơn*

Toát yếu: *Tỳ-kheo Ni Đàm Uyển*

Sách có khổ 14.5 x 20.5cm, dày 402 trang, bìa cứng. Nội dung gồm có 2 phần: *I. Luật Tứ Phần lược ghi – Chỉ*, Phân khoa, Duyên khởi, Phạm lệ, Kệ khai Luật, Tổng bày Giới tướng: I. Baladi, 8 giới; II. Tăng-tàn, 17 giới; III. Xả đọa, 30 giới; IV. Đơn đọa, 178 giới, V. Hồi quá, 8 giới; VI. Chúng học, 100 giới; VII. Diệt tránh, 7 pháp; VIII. Lược giáo (348 giới); Khuyên học Giới Kinh của bảy Phật, Quyết nghi, Tụng hồi hương, Những điều cần biết; *II. Pháp Yết-ma Chỉ nam – Tác*, I. Pháp thông dụng, 1. Tác pháp sám-ma, 2. Nghi thức Bồ-tát, 3. An cư, 4. Tự tứ, 5. Y công đức, 6. Chia vật Tăng, 7. Chia vật vong, 8.

Thuyết tịnh, a. Vàng bạc (xem phần Chi, thiên Xả đọa, giới 18); b. Y vải (xem phần Chi, thiên Ba-dật-đề, giới 129); II. Trì phật, 1. Baladi học hồi, 2. Tăng-tàn, 3. Thâu-lan-giá, 4. Yết-ma không thấy tội, 5. Yết-ma không sám tội, 6. Can hai Ni ở gần, 7. Diệt tân, 8. Cuồng si; III. Kết giải các giới, 1. Đại giới, 2. Giới tràng, 3. Tiểu giới, 4. Tịnh trừ, 5. Tịnh khổ, 6. Kho tàng, 7. Không mất y; IV. Độ người, 1. Tam quy, 2. Ngũ giới, 3. Bát quan trai, 4. Cạo tóc, 5. Độ ngoại đạo, 6. Truyền giới Sadi Ni, 7. Truyền giới Thức-xoa, 8. Truyền giới Tỳ-kheo Ni.

1.154. BƯỚC ĐẦU HỌC LUẬT

Sa-môn Tự Tổ - Nguyễn Hiền thuật

Việt dịch (2002): *Thích Thiện Phước*

Tác phẩm này gồm có 3 quyển. Nội dung: Lời tựa Bước đầu học Luật; *Quyển thượng*, Duyên khởi của Luật bộ, Tam Quy y, Ngũ giới, Bát Quan trai, Ưu-bà-tắc giới, Giới Sa-di, Giới Thức-xoa-ma-na, Tỳ-kheo giới, Pháp Tứ y, Tỳ-kheo Ni giới, Bồ-tát giới; *Quyển trung*, Kết giới, Bồ-tát, Thuyết dục, An cư, Tự tứ, Thọ dục, Chia vật của Tăng qua đời, Pháp Sám hồi sáu nhóm tội, Pháp sám hồi tội Tăng-già-bà-thi-sa, Pháp sám hồi tội Thâu-lan-giá, Pháp sám tội Ba-dật-đề (Pháp xả y đối với một người, Pháp sám tội nhỏ, Nay trước sám hồi sáu tội nhỏ từng sanh, Kế đến là sám hồi hai tội căn bản nhỏ), Pháp sám hồi tội Ba-la-đề Đê-xá-ni, Pháp sám hồi tội Đột-kiết-la; *Quyển hạ*, Tư cụ, Phép tắc hằng ngày, Bàn về sự sai lầm thọ giới, Pháp số Luật học.

1.155. BƯỚC TỚI THẮNG THOI

– **Giới Luật và Uy Nghi Của Các Vị Sa-di**

(dùng chung cho nam và nữ)

Biên soạn:

Hội đồng giáo thọ Đạo tràng Mai Thôn

Nxb Tôn Giáo – 2004. Sách có khổ 14 x 20cm, dày 222 trang, bìa mềm, nền màu hường, chữ tựa màu trắng, có hình vẽ Tăng thân Làng Mai trong vòng tròn. Nội dung tác phẩm gồm có 5 phần (P) chính: Lời nói đầu, P.1 Thi kệ thực tập chánh niệm, P.2 Mười giới Sa-di, P.3 Ba mươi chín thiên uy nghi, P.4 Lời cảnh giác và khích lệ của Thiền sư Quy Sơn. P.5 Nói với người xuất gia trẻ. Nguồn gốc và nội dung sách *Bước Tới Thành Thoi*. Cuối sách là Phụ lục: Nghi thức tụng mười giới, Năm cái lay, Ba cái lay, Mở thêm rộng lớn con đường (nhạc).

Tác phẩm này được tái bản năm 2019, Nxb Hồng Đức, khổ 13 x 20.5cm, có 225 trang.

C

1.156.

CÁC CẤP ĐỘ CỦA GIỚI PHÁP

Biên soạn: Thích Phước Sơn

Toàn bộ tác phẩm Giới pháp này gồm có: A. Dẫn nhập; B. Nội dung, 1. Tam quy, Ngũ giới, 2. Bát quan trai giới, 3. Thập thiện giới, 4. Giới pháp của Sa-di và Sa-di Ni, 5. Giới pháp của Thức-xoa-ma-ni, 6. Giới pháp của Tỳ-kheo, 7. Giới pháp của Tỳ-kheo Ni, 8. Giới pháp của Bồ-tát; C. Kết luận. (*Trích từ Phật học Cơ bản, tập 3, Chương trình Phật học Hàm thụ, Ban Hoằng pháp Trung ương - GHPGVN, Nxb Hồng Đức – 2014*)

1.157. CÁC GIỚI KHINH CỦA BỒ-TÁT GIỚI TÂY TẠNG

Nguyên tác:

Secondary Bodhisattva Vows

Tác giả: Alexander Berzin/ August 1997

Chuyển ngữ: Tuệ Uyển

Toàn bộ tác phẩm này gồm có: I. Giới thiệu, II. Bảy hành vi lỗi lầm bất lợi cho việc tu tập Thí Ba-la-mật, a. Hai hành vi lỗi lầm bất lợi đến việc phát triển sẵn lòng ban cho người khác vật chất (tài thí), b. Hai hành vi lỗi lầm bất lợi cho việc phát triển sự nhiệt tình bố thí sự bảo hộ cho người khác khỏi những hoàn cảnh sợ hãi, c. Hai hành vi lỗi lầm của việc không cung ứng những hoàn cảnh cho người khác trau dồi và thực hành bố thí, d. Một hành vi lỗi lầm bất lợi cho việc phát triển bố thí giáo huấn, III. Chín hành vi lỗi lầm bất lợi cho việc tu tập Giới Ba-la-mật, a. Bốn hành vi lỗi lầm liên hệ đến những hoàn cảnh mà trong ấy sự quan tâm chính của chúng ta là người khác, b. Ba hành vi lỗi lầm liên hệ đến hoàn cảnh của chính chúng ta, c. Hai lỗi lầm liên hệ đến cả chúng ta và người khác, IV. Bốn hành vi lỗi lầm bất lợi cho việc tu tập Nhân Ba-la-mật, V. Ba hành vi lỗi lầm bất lợi cho việc tu tập Tấn Ba-la-mật, VI. Ba hành vi lỗi lầm bất lợi cho việc rèn luyện trong Thiền Ba-la-mật, VII. Tám hành vi lỗi lầm bất lợi cho việc rèn luyện trong Tuệ Ba-la-mật, VIII. Mười hai hành vi lỗi lầm mâu thuẫn với việc làm lợi ích cho người khác.
(<https://thuvienhoasen.org>, Luật)

1.158. CÁC PHÁP YẾT-MA

Biên soạn: Thích nữ Tuệ Như

Nxb Phương Đông – 2010

Sách có khổ 14 x 20cm, dày hơn 579 trang.

Nội dung gồm có 11 chương: Lời giới thiệu; C.I Tổng luận về Yết-ma: 1. Khái niệm về Tăng lữ, 2. Phân loại Tăng, 3. Phân tích nội dung của Yết-ma; C.II Cương giới, I. Ý nghĩa của Cương giới, II. Hiệu lực chi phối của Cương giới, III. Bản

chất của Cương giới, 1. Cương giới tự nhiên, 2. Cương giới ấn định, a. Đại giới, b. Giới trường, c. Tiểu giới, d. Các Cương giới biệt xuất, 3. Giới pháp lợi nhị đồng, 4. Pháp đồng lợi biệt, 5. Pháp biệt lợi đồng, 6. Giới không lia y, 7. Tịnh trừ và tịnh khó; IV. Thủ tục tiến hành Yết-ma Đại giới, a. Chuẩn bị tác pháp, b. Chính thức tác pháp; V. Phép Kiết giới tràng và Đại giới, a. Kết giới tràng, b. Kết đại giới; VI. Phép Kiết giới không mất y, a. Phép giải Đại giới, b. Phép kết Tiểu giới để thọ giới, c. Phép giải Tiểu giới đã thọ giới, d. Phép kết giới tịnh trừ, e. Phép giải giới tịnh trừ, f. Phép kết giới tịnh khó; C.III Nghi thức thọ Tam quy, - Truyền Tam quy, - Nghi thức thọ Ngũ giới, - Nghi thức thọ Thập thiện, - Nghi thức thọ Bát quan trai giới; C.IV Nghi thức Thế phát, - Phép Tỳ-kheo Ni nuôi chúng, - Phép Ni chúng trao giới cho Thúc-xoa-ma-na; C.V Bô-tát và thuyết giới, Các giai đoạn tiến hành: 1. Dự kỳ Sám hối, 2. Nhật kỳ Sám hối, 3. Tập Tăng hòa hợp, 4. Việc kiểm Tăng, 5. Gởi dục thuyết tịnh; C.VI Kiết hạ An cư: Phép Đại đức Ni đối thú An cư, Phép đại chúng An cư, Phép hậu An cư, Phép thọ nhật ra ngoài giới, Phép Tự tứ của Ni chúng, Phép sai người Tự tứ đến trong Đại Tăng, Ngày rằm Tự tứ, Phép chính Tự tứ, Phép bốn người trở xuống lần lượt Tự tứ, Phép gởi dục, Thọ dục rồi chuyển trao gởi dục cho vị khác, Phép thuyết dục, Đi bái tuế; C.VII Y công đức, 1. Duyên khởi và ý nghĩa, 2. Tác thành Ca-thi-na, - Chia vật Tăng, - Chia vật vong; C.VIII Truyền giới-Thọ giới, 1. Bước đầu xuất gia, 2. Tư cách làm thầy, 3. Yết-ma súc chúng, 4. Thế phát xuất gia-thọ giới Sa-di Ni; Giới Cụ túc, Tổng luận về Giới Cụ túc, a. Tính chất của Giới Cụ túc, b. Vấn đề đặc giới, c. Tư cách người thọ giới, d. Tư cách của Hòa thượng truyền giới, e. Các điều kiện để Yết-ma

thành tựu, f. Tiến hành tác pháp; Nghi thức thọ giới Sa-di Ni, Nghi thức thọ giới Thức-xoa-ma-na, Nghi thức thọ giới Tỳ-kheo Ni, Nghi thức của Giới sư Ni đem Giới tử đến chùa Tăng thọ giới, Vài điều cần yếu trong khi truyền giới, Phép lễ cầu thầy truyền giới; C.IX Khoa tiết truyền giới Bồ-tát; C.X Sám hối các tội Ngũ thiên Thất tụ Ba-la-di, I. Ba-la-di học hồi, II. Tăng-tàn, 1. Cho Tỳ-kheo Ni pháp nửa tháng Ma-na-đỏa, 2. Cho Tỳ-kheo Ni phát xuất tội, 3. Cho Tỳ-kheo Ni hoại Ma-na-đỏa, pháp bản nhật trị, 4. Cho Tỳ-kheo Ni hoại Ma-na-đỏa pháp xuất tội; C.XI Pháp Yết-ma trị phạt: 1. Pháp can pháp Tăng, 2. Pháp can giúp phá Tăng, 3. Pháp đuổi ra, 4. Pháp giải đuổi ra, 5. Pháp mắng can người bị đuổi ra rồi chê gièm, 6. Pháp can người bị bỏ tính xấu, 7. Pháp trị người nói lời khác, 8. Pháp trị người im lặng xúc não Tăng, 9. Pháp can đừng gian ác, 10. Pháp cử tội không bỏ ác kiến, 11. Giải pháp cử tội không bỏ ác kiến, 12. Pháp mắng can Sa-di gian ác, 13. Pháp đuổi hẳn sa-di gian ác, 14. Pháp mắng trách, 15. Pháp giải sự mắng trách, 16. Pháp cho y chỉ, 17. Pháp giải y chỉ, 18. Pháp ngăn không được đến nhà cư sĩ, 19. Pháp sai người sám hối cư sĩ, 20. Pháp giải ngăn không được đến nhà cư sĩ, 21. Pháp cử tội không thấy tội, 22. Pháp cử tội không thấy tội, 23. Pháp cử tội không sám hối tội, 24. Pháp giải cử tội không sám hối tội, 25. Pháp cho úp bát, 26. Pháp sai sứ bảo nhà úp bát, 27. Pháp giải pháp úp bát, 28. Pháp Ni can Ni đừng tùy thuận Tỳ-kheo bị cử tội, 29. Pháp Ni can đừng tập ở gần nhau, 30. Pháp Ni can Ni khuyên bảo tập ở gần nhau.

1.159. CÁCH THỨC SÁM HỐI CÁC TỘI PHẠM GIỚI

Biên soạn:

HT. Thích Đôn Hậu (1905-1992)

Tác phẩm này gồm có: Lời nói đầu (PL. 2505 – DL. 1961); 1. Cách thức Sám hối các tội phạm giới, 2. Cách thức trị tội khác nhau, 3. Phương pháp diệt tận tội Ba-la-di, 4. Học hồi pháp, 5. Phương pháp diệt tận nếu người học hồi pháp tái phạm, 6. Phương pháp Sám hối tội Tăng tàn, 7. Phương pháp Sám hối tội Phú tàng (Hành biệt trú), 8. Phương pháp tác bạch ngày thực hành hạnh Phú tang, 9. Phương pháp tác bạch tạm ngừng hành phú tàng, 10. Phương pháp tác bạch tiếp tục hành Phú tàng (biệt trú) trở lại, 11. Cách tác bạch thay cho người muốn ngừng hạnh Phú tàng, 12. Phương pháp tác bạch ngừng hạnh Phú tàng (vì ngày thực hành đã đầy đủ), 13. Phương pháp xin pháp Ma-na-đỏa, 14. Phương pháp tác bạch để hành hạnh Ma-na-đỏa, 15. Phương pháp bạch Tăng trong mỗi ngày, 16. Phương pháp tác bạch để chấm dứt hạnh Ma-na-đỏa khi đã thực hành đầy đủ, 17. Phương pháp xuất (giải) tội, 18. Phương pháp thực hành nửa tháng Ma-na-đỏa của Tỳ-kheo Ni, 19. Phương pháp xuất tội cho Tỳ-kheo Ni, 20. Phương pháp Ma-na-đỏa Bản nhật trị của Tỳ-kheo Ni, 21. Phương pháp xuất tội hoại Ma-na-đỏa Bản nhật trị của Tỳ-kheo Ni, 22. Cách thức Sám hối tội Thân-lan-giá, 23. Cách thức sám hối ở trước đại Tăng về tội Thượng phẩm trọng Thân-lan-giá, 24. Sám hối từng sanh tiểu tội, 25. Cách thức sám tội Thân-lan-giá, 26. Cách thức sám hối tội Trung phẩm Thân-lan-giá, 27. Cách thức sám hối tội Hạ phẩm khinh Thân-lan-giá, 28. Cách thức sám hối tội Ba-dật-đề, 29. Cách thức sám hối tội Xả đọa trước đại Tăng, 30. Cách thức sám hối từng sanh Ba-dật-đề, 31. Cách triển chuyển hoàn lại vật đã xả, 32. Cách trao ngay lại vật đã phạm, 33. Cách sám hối tội Xả đọa trước 4 người sắp xuống, 34. Cách sám Xả đọa trước một người, 35. Cách đối thú sám hối tội

Ba-dật-đề, 36. Cách sám bốn tội (Ba-dật-đề), 37. Cách đối thú sám tội Ba-la-đề-đề-xá-ni, 38. Cách đối thú sám tội trọng Đột-cát-la, 39. Sám hối tội căn bản Đột-cát-la, 40. Cách tâm niệm Sám hối tội khinh Đột-cát-la. (*phaptangpgvn.net, Pháp tạng*)

1.160. CĂN BẢN GIỚI BỒ-TÁT CỦA PHẬT GIÁO TÂY TẠNG

Nguyên tác: Root Bodhisattva Vows

Tác giả: Alexander, Berzin

Chuyển ngữ (2015): *Tuệ Uyển*

Tác phẩm Giới Bồ-tát này gồm có: - Giới thiệu, - Mười tám giới trọng của Bồ-tát giới, - Duy trì các giới, - Bốn nhân tố thừa nhận cho việc đánh mất giới, - Những giới yếu kém, - Làm mạnh mẽ những giới hạnh yếu kém, - Kết luận. (<https://thuvienhoasen.org>, *Luật*)

1.161. Căn Bản Thuyết Nhất Thiết Hữu Bộ BÁCH NHẤT YẾT-MA

(*Mùlasarvāstivāda-ekasatakarmaṇi*)

Đại Tạng Kinh Việt Nam – Luật Tạng

Hán dịch: *Luật sư Nghĩa Tịnh (635-713)*

Việt dịch: *Thích Đồng Minh –*

Thích Tâm Hạnh

Chú thích: *Thích Nguyên An,*

Thích Tâm Nhãn, Thích Đạo Luận

Nxb Hồng Đức – 2014. Sách có khổ 16.5 x 23cm, dày 283 trang, bìa cứng, nền màu nâu đỏ, chữ tựa mạ vàng.

Nội dung gồm có 10 quyển: Lời nói đầu; *Quyển I*, A-giá-lợi-da, Ô-ba-đà-da, Thọ giới Bí-sô; 1. Sai người dạy ở chỗ khuất-Đơn bạch, 2. Hỏi pháp chương ngại-Đơn bạch, 3. Bạch tứ Yết-ma, 4. Pháp tính thời gian, 5. Pháp tứ y, 6. Bốn pháp đọa lạc, 7. Bốn pháp của Sa-môn; *Quyển II*, Thọ giới Bí-sô Ni, 1. Thọ Tam quy, Ngũ giới, 2. Thọ Sa-di Ni, 3. Thọ Thức-xoa-ma-na, 4. Thọ giới Bí-sô Ni, 5. Pháp y chỉ, 6. Tám pháp đọa lạc, 7. Tám pháp tôn kính, 8.

Bốn pháp của Sa-môn Ni; *Quyển III*, Nhận nuôi đệ tử-Bạch nhị, Ni nhận nuôi đệ tử không giới hạn-Bạch nhị; Không rời y Tăng-già-chi-Bạch nhị; Thuyết minh pháp kết cương giới; Thuyết minh pháp kết Đại cương giới; Kết giới không mất y-Bạch nhị; Giải đại-tiêu cương giới-Bạch tứ; Thuyết giới Bồ-tát; *Quyển IV*, Khi Bao-sái-đà tất cả Tăng đều có tội-Đơn bạch; Bao-sái-đà-Đơn bạch; Khi lễ Bao-sái-đà không đến-Bạch nhị; Sai người phân ngọa cụ-Bạch nhị; Sai người giữ y-Bạch nhị; Sai người giữ vật dụng-Bạch nhị; Tất cả Tã-già an cư mùa hạ-Đơn bạch; Sai người xem xét phòng xá-Bạch nhị; Thọ nhận ngày khi ra ngoài cương giới-Bạch nhị; Sai người làm tùy ý sự-Bạch nhị; Khi tiến hành tùy ý, Trong chúng tranh cãi về tội-Đơn bạch; Khi tác tùy ý trong chúng quyết định tội-Đơn bạch; Phân y vật để làm y Kiết-si-na, Bạch nhị; Sai người trưng y Kiết-si-na, Bạch nhị; Giao phó trưng y Kiết-si-na, Bạch nhị; Xuất y Kiết-si-na, Đơn bạch; *Quyển V*, Cùng lợi dưỡng nhưng thuyết giới riêng; Thông báo đến các nhà cư sĩ-Bạch nhị; Nói thô tội của người khác-Đơn bạch; Can gián phá Tăng-Bạch tứ; Can gián người trợ giúp phá Tăng-Bạch tứ; Tác pháp học gia-Đơn bạch; Xả pháp học gia-Đơn bạch; Thị sát đường đi nguy hiểm trong rừng-Bạch nhị; Trao học pháp cho người (Phạm Ba-la-thị-ca)-Bạch tứ; Cho thật lực tử y-Đơn bạch; Khinh chê hủy báng trước mặt-Bạch tứ; Mượn có khinh tiện hủy báng-Bạch tứ; Nhân duyên ức nhĩ (1. Tăng-già biên địa, 2. Những qui định da thuộc); Các loại thuốc; Xem xét đất làm phòng nhỏ-Bạch nhị; Xem xét đất làm chùa lớn-Bạch nhị; Cho Bí-sô công tác làm phụ cụ; *Quyển VI*, Pháp sám hối chúng giáo tội, Nhân duyên Ô-đà-di: 1. Pháp biến trú, 2. Trùng thâu căn bản, 3. Pháp ý hỷ, 4. Pháp xuất tội;

Quyển VII, Pháp sám hối chúng giáo tội (tt); Số Tăng thọ cận viên; Sấm gây-Bạch nhị; Cho ngoại đạo sống chung trong bốn tháng-Bạch tứ; Y chỉ; Sa-di xuất gia; Giáo giới Ni không được chúng sai; Sai giáo thọ Ni-Bạch nhị; Can gián Bí-sô Ni tạp trú-Bạch tứ; Can gián, ngăn chặn sống riêng-Bạch tứ; Bí-sô Ni tác pháp không kính lễ-Bạch nhị; Can gián, ngăn cản Bí-sô Ni thân cận phụng sự-Bạch tứ; Ở với trẻ con một phòng-Bạch nhị; Bí-sô Ni qua lại thân mật với người thế tục-Bạch nhị; Chuyển căn; Khiến cho sợ-Bạch tứ; Yết-ma thâm nhiếp; *Quyển VIII*, Chiết phục-Bạch tứ; Trục xuất-Bạch tứ; Yết-ma xin lỗi-Bạch tứ; Giấu không nhận tội-Bạch tứ; Không bỏ ác kiến-Bạch tứ; Trục xuất cầu tịch ác kiến-Bạch tứ; Thâu nhiếp-Bạch tứ; Tăng-già hòa hợp-Bạch tứ; Tăng-già hòa hợp trưởng tịnh; Trái cây; Da thuộc; Đầy lọc nước; Tắm xia răng, cây cạo lưỡi; *Quyển IX*, Chồng lời Tăng dạy, gây phiền não chúng-Bạch tứ; Úp bát-Đơn bạch; Mở bát-Đơn bạch; Can gián nói lời thô ác-Bạch tứ; Yêu cầu chấm dứt nói: dục, sân, si, bố-Bạch tứ; Tác điên cuồng-Bạch nhị; Cho bắt si-Bạch tứ; Cho cầu tạ tội tánh-Bạch tứ; Cho ức niệm-Bạch tứ; Chọn người bình chánh-Bạch nhị; Chọn người bình chánh lần thứ hai-Bạch nhị; Chuyển người tranh tụng đến nơi khác-Bạch nhị; Kết tịnh trừ-Bạch nhị; Y (vải); Giữ đồ vật của người chết-Đơn bạch; Cử (Bí-sô) quản lý vật dụng của người qua đời-Đơn bạch; *Quyển X*, Hành bát có phạm; Phần cuối-Thuyết minh về lược giáo; Yết-ma Đơn bạch có 20 pháp; Bạch nhị Yết-ma có 47 pháp; Bạch tứ Yết-ma có 32 pháp; Tụng tóm lược Yết-ma đơn bạch; Tụng tóm lược Yết-ma nhị bạch; Tụng tóm lược Yết-ma Bạch tứ; Sách dẫn.

Tác phẩm Luật này đã in Lưu hành nội bộ năm PL. 2540 – DL. 1996, dày hơn 370

trang, bìa mềm, chữ tựa màu đỏ, có hình bàn tay đẩy bánh xe pháp luân.

1.162. Căn Bản Thuyết Nhất Thiết Hữu Bộ NI-ĐÀ-NA-MỤC-ĐẮC-CA

Hán dịch:

Cao Tăng Nghĩa Tịnh (635-713)

Việt dịch: *Thích Tâm Hạnh*

Tác phẩm này gồm có 10 quyển: Q.I, Tụng tổng quát, Tụng tổng quát phần 1, có 7 tụng (từ Tụng thứ nhất đến Tụng thứ bảy); Q.II, từ Tụng thứ tám đến Tụng thứ mười; Ni-đà-na biệt môn thứ hai, Tụng tổng lược, Tụng thứ nhất, Tụng thứ hai; Q.III, từ Tụng thứ ba đến Tụng thứ mười; Ni-đà-na biệt môn Tụng tổng nhiếp thứ ba, từ Tụng thứ nhất đến Tụng thứ ba; Q.IV, từ Tụng thứ tư đến Tụng thứ mười; Ni-đà-na Tụng tổng quát thứ tư, từ Tụng thứ nhất đến Tụng thứ sáu; Q.V, từ Tụng thứ bảy đến Tụng thứ mười; Ni-đà-na biệt môn Tụng tổng nhiếp thứ năm, từ Tụng thứ nhất đến Tụng thứ sáu; Q.VI, Đại môn Tổng nhiếp tụng, Biệt môn Tổng nhiếp tụng thứ nhất, từ Tụng thứ nhất đến Tụng thứ tư; Q.VII, từ Tụng thứ năm đến Tụng thứ mười; Biệt môn Tụng tổng nhiếp thứ hai, từ Tụng thứ nhất đến Tụng thứ tư; Q.VIII, (tt), từ Tụng thứ năm đến Tụng thứ mười; Mục-đắc-ca đệ tam Biệt môn Tổng nhiếp tụng, từ Tụng thứ nhất đến Tụng thứ ba; Q.IX, từ Tụng thứ tư đến Tụng thứ mười; Mục-đắc-ca Biệt môn Tổng nhiếp Tụng thứ tư, Tụng thứ nhất; Q.X, (tt), từ Tụng thứ hai đến Tụng thứ mười. (<https://phatphapungdung.com>; *Pháp bảo-Luật tạng*)

1.163. CĂN BẢN THUYẾT NHẤT THIẾT HỮU BỘ TÌ-NẠI-DA SỰ 1 – 4 MŪLASARVÀSTIVÀDAVINAYAVAS TU PRAVRAJYÀVASTU

Gzhi thams cad yod par smra ba dul ba gzhi

Dịch và chú: *Tuệ Sỹ, Nguyễn An, Tâm Nhân, Nguyễn Thịnh, Hoàng Trí*

Nxb Hồng Đức - 2016. Sách có khổ 14 x 20.5cm, dày 418 trang, bìa cứng.

Tác phẩm Luật này gồm có: Duyên khởi, Dẫn nhập, I. Bộ phái và truyền thừa; II. Phạm bản Mūlasarvāstivāda-Vinaya (- Thủ bản Phạm, - Niê đại); III. Truyền thừa Tây Tạng: 1. Thê hệ Tăng-già (Sơ truyền, Tranh luận bSam yas (Sam-ye), Tăng-già phục hoạt, Dharmapāla: Tây luật, Bí-sô-ni); 2. Truyền dịch và chú sớ; 3. Luật học nhị thắng; IV. Hán phiên dịch và truyền thừa (Phiên dịch, Truyền thừa); V. Nhật Bản chân ngôn luật tông, 1. *Xuất gia sự*: I. Nhân duyên Xá-lợi-phát (- Chiến tranh Ương-già và Ma-kiệt, - Bồ-tát giáng thân, - Thái tử Ảnh Thắng, - Bà-la-môn Ma-trala, - Phạm Chí Trường Trảo, - Ưu-ba-đề-xá, - Mục-kiên-liên, - Hai người bạn, - Lục sư ngoại đạo, - San-thệ-di); II. Những đệ tử đầu tiên (- Sơ chuyển pháp luân, - Bí-sô Mã Thắng, - Hai đại đệ tử, - Ma-ha Câu-hi-la, - Tiên thân Xa-lị-phát, - Tiên thân Mục-kiên-liên); III. Chế pháp xuất gia (- Tăng pháp thọ giới, - Ô-ba-đà-da và A-già-ly, - Cận quân, - Tư cách - Ô-ba-đà-da, - Ngoại đạo cộng trú, - Phép y chỉ); IV. Điều kiện thọ giới (- Tuổi xuất gia, - Nô bộc, - Thiếu nợ, - Xin phép cha mẹ, - Chữa bệnh, - Cha mẹ cho phép, - Khu ô Sa-di); V. Chương pháp (- Nhiệm ô Bí-sô-ni, - Tặc trú, - Hoàng môn, - Bàng sinh, Nhân duyên Tăng hộ, Nhân duyên Tiểu long, - Nội ngoại đạo, - Giết cha và mẹ, - Giết A-la-hán, - Phá hòa hiệp Tăng, - Ác tâm xuất huyết thân Phật, - Phạm biên tội,

- Bất kiên cử, - Chứng tật linh tinh, 2. *Bao sái đà sự*: I. Duyên khởi (Ngoại đạo pháp, Pháp chánh hành); II. Kiếp-tân-na (- Kiếp-tân-na, - Kiết giới cộng trú, - Kiết giới y, - Kết tiểu giới, - Giới tự nhiên, - Giải giới, Yết-ma tụng giới); III. Trú xứ (Trú xứ hạ an cư, Khách đến, Gửi thanh tịnh, Túc số Tăng); IV. Bí-sô (Gửi dục, Bất si, Sám hối); V. Trùng thuyết giới (Bí-sô cụ trú, Bí-sô khách, Trùng thuyết giới); VI. Hòa hiệp thuyết giới (- Cận phá hoại, - Di chuyển, - Kết vấn); 3. *Tùy ý sự*: - Duyên khởi, - Thê thức tác tùy ý, - Dữ tùy ý dục, - Túc số tùy ý, - Đình chỉ tùy ý, - Duyên sự đặc biệt, - Cử tội – thuyết tội, - Tập chúng tùy ý, - Bí-sô khách và bệnh, - Nhân và sự; 4. *An cư sự*: - Chế pháp an cư, - Tác pháp an cư, - Xuất giới, - Chuyển trú xứ; Thư mục tham khảo.

1.164. Căn Bản Thuyết Nhất Thuyết Hữu Bộ TỖ-NẠI-DA TẬP SỰ - 2 Tập (Cuộc đời Đức Phật và các Đệ tử)

Hán dịch:

Tam tạng Pháp sư Nghĩa Tịnh (635-713)

Chứng nghĩa: *Tỳ-kheo Thích Đồng Minh*

Việt dịch: *Tỳ-kheo Tâm Hạnh*

(Bhikkhu Caràna Citto)

PL. 2542 – DL. 1998; Lưu hành nội bộ.

Tập I, dày 655 trang, bìa mềm, chữ tựa màu đỏ; tập này có 21 quyển.

Tập II, từ tr. 656 đến tr. 1354, từ Q.22 đến Q.40. Nội dung sơ lược 2 tập gồm có: - Lời người dịch, - Lời tri ân, nội dung có “Bốn mươi quyển (Tì-nại-da Tập sự) này có tám môn. Một tụng đại môn bao trùm cương lĩnh cả bộ. Có tám tụng tổng nhiếp cho tám môn, trong mỗi môn lại có biệt môn. Mỗi biệt môn có mười tụng. Tổng cộng là Tám mươi chín tụng. Trong mỗi nhiếp tụng có hàng ngàn. Người nào thọ trì thông thuộc, có thể nắm được toàn bộ ý nghĩa cả bộ.” (*Bản lưu tại Thư viện Xá-*

Lợi-Phật; Pháp viện Minh Đăng Quang,
Tp. Hồ Chí Minh)

1.165. CƯ SĨ GIỚI PHÁP

Biên soạn:

Tỳ-kheo Giác Giới (Bdhisilabhikkhu)

Nxb Tôn Giáo, PL. 2550 – DL. 2006

Sách có khổ 14 x 20cm, dày hơn 237 trang.

Nội dung gồm có 4 chương: *C.I Cư sĩ trong Phật giáo*, I.1 Tứ chúng Phật giáo, I.2 Ý nghĩa Ubàtác và Ubàdi, I.3 Những cư sĩ đầu tiên, I.4 Những cư sĩ có công hạnh lớn, I.5 Quả vị tu hành của người cư sĩ, I.6 Vai trò cư sĩ trong Phật giáo; *C.II Các pháp môn thuyết cho cư sĩ*, II.1 Mười hạng cư sĩ, II.2 Năm pháp tánh người cận sự tam bảo, II.3 Mười đức lành của người Phật tử, II.4 Bốn điều hạnh phúc của cư sĩ, II.5 Bốn pháp tạo lợi ích hiện tại, II.6 Bốn pháp đem lại lợi ích tương lai, II.7 Bốn đức hạnh người tại gia, II.8 Bốn pháp thịnh của gia đình, II.9 Tám nguồn công đức sanh trời người, II.10 Bốn sự chung sống gia đình, II.11 Bốn nhân duyên tạo xứng đôi vợ chồng, II.12 Năm nghề buôn bán trái đạo của cư sĩ, II.13 Mười bất thiện nghiệp đạo, II.14 Mười thiện nghiệp đạo, II.15 Mười phước nghiệp sự, thập hạnh phúc, II.16 Bảy pháp bất thối của người cư sĩ, II.17 Bảy pháp suy thoái của người cư sĩ, II.18 Tám lỗi lầm... khiến Tăng chúng úp bát, II.19 Chín khuyết điểm... Tăng không đến nhà, II.20 Sáu cửa suy vong cho người cư sĩ, II.21 Bốn hạng nguy bằng hữu, II.22 Bốn hạng chân bằng hữu, II.23 Các bồn phận giữa cha mẹ và con cái, II.24 Các bồn phận giữa thầy và trò, II.25 Các bồn phận giữa vợ và chồng, II.26 Các bồn phận giữa bạn bè-chủ khách, II.27 Các bồn phận giữa người chủ... II.28 Các bồn phận giữa cư sĩ và Sa-môn; *C.III Pháp môn tu tập của cư sĩ*, III.1 Quy y tam bảo

(Tisaranagamana), III.2 Hạnh bố thí (dàna), III.3 Hạnh trì giới (sila), III.4 Hạnh tu tiên (bhàvana); *C.IV Các nghi thức khóa lễ*, IV.1 Nghi thức tụng niệm, IV.2 Nghi thức quy y, IV.3 Nghi thức thọ Ngũ giới, IV.4 Nghi thức thọ Bát quan trai giới, IV.5 Nghi thức sám hối lệ kỳ mỗi nửa tháng, IV.6 Nghi thức thính pháp, IV.7 Nghi thức lễ cầu an, IV.8 Nghi thức lễ cầu siêu, IV.9 Nghi thức chúc thọ, IV.10 Nghi thức cúng dường trai Tăng, IV.11 Nghi thức cúng dường bát hội, IV.12 Nghi thức cúng dường y tắm mưa, IV.13 Nghi thức cúng dường y Kathina, IV.14 Nghi thức cúng dường y ngoại thời, IV.15 Nghi thức cúng dường liêu cốc, IV.16 Nghi thức cúng dường hội trường, IV.17 Nghi thức cúng dường chánh điện, IV.18 Nghi thức cúng dường thuốc trị bệnh, IV.19 Nghi thức cúng dường tứ sự, IV.20 Nghi thức ấn tống Kinh sách, IV.21 Nghi thức lễ an vị Phật, IV.22 Nghi thức lễ nhiều Phật; C. Phụ lục: Các vấn đề cần thiết: Vấn đề thờ cúng của người Phật tử, Vấn đề lễ nghi của người Phật tử, Vấn đề trang phục của người Phật tử, Vấn đề ngôn ngữ của người Phật tử, Vấn đề ẩm thực của người Phật tử, Vấn đề hương thụ của người Phật tử.

Tác phẩm này tái bản năm PL. 2556 – DL. 2012, Nxb Tôn Giáo, khổ 14.5 x 20.5cm, dày 262 trang, bìa mềm, nền đỏ, chữ tựa màu vàng.

1.166. CƯ SĨ GIỚI PHÁP

Biên soạn: *Bikkhu Giác Huệ*

Nxb Tôn Giáo – 2011

Sách có khổ 14.5 x 20.5cm, dày 584 trang.

Nội dung gồm có 4 phần, 13 chương: Lời nói đầu, Cảm đề, Tác bạch đề, Tán dương ân đức Tam bảo; Phần I, C.I Khái niệm về thuật ngữ Gihivinaya – Luật cư sĩ, C.II Tác dụng của giới và luật trong đời sống cư sĩ, C.III Tam quy, C.IV Giới, C.V Thập

thiện nghiệp, C.VI Thập hạnh phúc, C.VII Mười đức lành của người thiện tín; Phần II, C.VIII Phận sự của người cư sĩ, C.IX Nghi thức và lễ giáo người cư sĩ, C.X Năm nghề người cư sĩ nên tránh, C.XI Bảy khuyết điểm của cư sĩ khiến Sa-môn không đến nhà, C.XII Tám khuyết điểm của người cư sĩ khiến Sa-môn úp bát, C.XIII Bảy điều bất hạnh của người cư sĩ; Phần Phụ lục: Vấn đề ăn chay, Ăn chay hay kiêng cử thịt cá, có phải chăng là một phương thức tu hành, Những duyên cớ nên ăn chay hay không, Bát đoán thị pháp Phật, Không ăn chay là thiếu lòng từ bi phải chăng? Vấn đề cúng sao hạn, bói toán, ngày giờ hên xui và một vài hình thức mê tín; Phép quy y Tam bảo.

1.167. CHÍNH NIỆM TRONG CUỘC SỐNG HÀNG NGÀY (Tỳ-ni Nhật Dụng Thiết Yếu)

Ban Giáo dục Tăng Ni Trung Ương – Giáo Trình Trung Cấp Phật Học

Chủ biên: TT. TS. Thích Viên Trí

Biên soạn: TT. TS. Thích Nhật Từ

Nxb Phương Đông – 2015. Sách có khổ 14.5 x 20.5cm, dày hơn 231 trang, bìa mềm. Nội dung gồm có 52 bài: Lời giới thiệu, Thay lời tựa; B.1 Thức dậy sớm, B.2 Thỉnh chuông tỉnh thức, B.3 Nghe chuông chính niệm, B.4 Đắp y-mặc áo quần, B.5 Xuống giường, B.6 Bước chân không sát hại, B.7 Đi ra khỏi phòng, B.8 Vào nhà vệ sinh, B.9 Rửa sạch, B.10 Rửa sạch như bản, B.11 Rửa tay, B.12 Rửa mặt, B.13 Uống nước, B.14 Pháp y năm điều, B.15 Pháp y bảy điều, B.16 Pháp y giải thoát, B.17 Ngọa cụ, B.18 Lên đạo tràng, B.19 Ca ngợi Phật, B.20 Lễ bái Phật, B.21 Cúng bình sạch, B.22 Chon ngón uống nước, B.23 Quán tưởng trước khi múc nước, B.24 Quán tưởng khi đã múc cơm, B.25 Cúng cơm cho chúng sinh,

B.26 Cúng cơm cho chim đại bàng, B.27 Cúng cơm cho quỷ thần, B.28 Ăn cơm chính niệm, B.29 Nâng bát cơm ngang trán, B.30 Ba điều Phát nguyện khi ăn cơm, B.31 Năm điều Quán tưởng đang khi ăn, B.32 Kết thúc ăn cơm, B.33 Rửa chén bát, B.34 Khi mở bát cơm ăn, B.35 Nhận phẩm vật cúng dâng, B.36 Cầm tăm xỉa răng, B.37 Xỉa răng sau khi ăn, B.38 Đánh răng súc miệng, B.39 Khi cầm tích trượng, B.40 Trái tọa cụ ngồi thiền, B.41 Tư thế ngồi thiền, B.42 Chính niệm lúc ngủ, B.43 Nhìn thấy nước chảy, B.44 Khi gặp sông lớn, B.45 Khi thấy cầu-đường, B.46 Bài kệ tám Phật, B.47 Tán dương Phật tổ, B.48 Kinh hành quanh tháp, B.49 Thăm viếng bệnh nhân, B.50 Cạo bỏ râu tóc, B.51 Tắm rửa thân thể, B.52 Rửa chân.

1.168. CHƠN LÝ - LUẬT NGHI KHẮT SĨ (riêng giới xuất gia)

Hệ phái Khất sĩ

Nxb Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh – 2017

Sách có khổ 14 x 20cm, có 274 trang, bìa mềm, nền vàng, chữ tựa màu nâu và đỏ, có hình hoa sen và ngọn đuốc (nhỏ) ở phần dưới tựa. Nội dung gồm có: Lời nói đầu, Bài học Khất sĩ, Luật Khất sĩ, Bài học Sa-di, Kệ giới, Định, Niết-bàn, Giới bốn Tăng (250 giới), Giới bốn Ni (348 giới), Giới Phật tử, Luật nghi (114 điều).

Tác phẩm Luật nghi Khất sĩ này tái bản nhiều lần: Năm 1998-2012, Nxb Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh.

1.169. Chú Giải GIỚI LUẬT NGUYÊN THỦY – Luật Tạng (Vinaya Pitaka) – (Samantapàsàdikà – The Vinaya Commentary)

Nguyên tác: *Buddhaghosa Mahathero*

Bản dịch Anh ngữ: *N.A.Jayawickrama*

Bản dịch Việt ngữ: *Tỳ-kheo Siêu Minh*

Nxb Tôn Giáo, PL. 2553 – DL. 2009
Sách có khổ 14.5 x 20.5cm, dày hơn 236 trang. Đại cương tác phẩm gồm có 5 đề tài chính với 107 mục. Nội dung như sau: Lời tựa, Lời giới thiệu Dịch giả; I. (Kệ mở đầu, Việc trình bày thành bản), II. Tường trình việc triệu tập Đại hội đầu tiên, III. Bản tường trình việc triệu tập Đại hội thứ hai, IV. Bản tường trình việc triệu tập Đại hội thứ ba, V. Tường trình liên tục của chư Trưởng lão.

1.170. Chú Giải LUẬT THIÊN KIẾN (SAMANTAPÀSÀDIKÀ NĀMA VINAYATTHAKATHĀ)

Giáo hội Phật giáo Việt Nam –

Theravada

Hán dịch:

Tăng-già-bạt-đà-la (Sanghabhadra)

Việt dịch:

Tâm Hạnh (Caràna-citto Bhikkhu)

Nxb Tôn Giáo, PL. 2555 – DL. 2011. Sách có khổ 14.5 x 20.5cm, có 821 trang, bìa cứng, chữ tựa màu đỏ. Toàn bộ tác phẩm Luật này có 18 quyển. Phần đầu là Lời người dịch, Lời tri ân, Tài liệu tham khảo, Bài tham khảo; Nội dung: *Quyển I*, - Sự việc sau khi Đức Phật nhập Niết-bàn, Tôn giả Ca-diếp tổ chức kiết tập pháp tạng, - Giải thích về các từ ngữ của Tam tạng, - Đại hội kiết tập Tam tạng lần thứ nhất, kiết tập với 500 vị A-la-hán, - Phẩm Bạt-xà-tử về 10 điều phi pháp, kiết tập Pháp tạng lần thứ hai, kiết tập với 700 vị, - Phẩm A-dục vương về sự việc kiết tập Pháp tạng lần thứ ba, Truyện vua A-dục, - Tiểu sử và nhân duyên xuất gia ngài Mahinda và Sanghamitta, con vua A-dục; *Quyển II*, - Tiếp theo phần ngài Mahinda xuất gia, - Vua A-dục giải quyết bất hòa giữa chư Tăng, - Tiểu sử Tôn giả Đê-tu (Tissa), - Kiết tập Tam tạng lần thứ ba, - Các vị tôn giả truyền thừa, - Mười sáu

phái đoàn truyền bá giáo pháp của vua A-dục, - Ngài Mahinda sang đảo Sư Tử (Tích Lan), - Các đời vua ở đảo Sư Tử, - Ngài Mahinda truyền bá giáo pháp; *Quyển III*, - Tiếp theo phần ngài Mahinda truyền pháp tại Tích Lan, - Ngài Tu-ma-na thỉnh Xá-lợi, xây dựng tinh xá, tháp Xá-lợi, hiện thần thông, - Thỉnh Tỳ-kheo Ni Sanghamitta, con vua A-dục, và chuyển cây Thánh thọ Bồ-đề sang Tích Lan, - Vua A-dục đưa Thánh thọ Bồ-đề sang Tích Lan, - Cây Bồ-đề và Sanghamitta đến Tích Lan; *Quyển IV*, - Ngài Mahinda thành lập Tăng đoàn và sự truyền thừa giới luật tại Tích Lan, - Phật pháp truyền bá khắp Tích Lan, - Mở đầu tạng Luật, - Giải thích mười hiệu của Đức Phật, - Chỗ ngồi của Phật tử khi gặp Phật, Thiên thượng thiên hạ duy Ngã độc tôn, - Các dục và các thiên chi thuộc bốn thiên Sắc giới; *Quyển V*, - Tiếp tục về bốn thiên Sắc giới, - Các cảnh giới sanh và quả giải thoát, - Giải thích ba quy y và ý nghĩa Ưu-bà-tắc (nam Phật tử), - Đức Phật an cư ở Tỳ-lan-nhã và phải ăn lúa của ngựa, - Phẩm Đại Mục-kiên-liên, - Giới bốn và đời sống của chư Phật, - Phẩm Xá-lợi-phát: Xá-lợi-phát xin Phật chế giới; *Quyển VI*, - Tiếp theo phần ở Tỳ-lan-nhã, - Phẩm Ca-lan-đà chú thích giới bốn Tỳ-kheo, - Ba-la-di thứ nhất Dâm dục, - Tu-đề-na, người phạm đầu tiên, - Mười điều lợi ích của sự chế định giới luật, - Phẩm con vợ, - Mười điều phi pháp, - Bốn loại Luật và ba pháp của Luật sư; *Quyển VII*, Danh nghĩa các hạng Tỳ-kheo, Các trường hợp đắc giới của Tỳ-kheo, Các trường hợp xả giới, Các hành động bất tịnh và ý nghĩa giới Ba-la-di dâm dục; *Quyển VIII*, - Nhân duyên về giới, - Các trường hợp Tăng và Ni chuyển căn, - Thuyết minh rõ về giới Dâm dục, - Giới Ba-la-di thứ hai: Trộm cắp, - Truyền thuyết về thành Vương xá, - Giới trộm

cấp; *Quyển IX*, Giới trộm cắp (tiếp theo); *Quyển X*, - Giới trộm cắp (tiếp theo), - Giới Ba-la-di thứ ba: Giết người – Truyền thuyết về thành Tỳ-xá-ly, - Các tướng trạng của 4 thiền pháp quán hơi thở; *Quyển XI*, - Giới giết người, - Nói về pháp quán hơi thở, - Giới Ba-la-di thứ tư: Nói dối chứng pháp thượng nhân; *Quyển XII*, - Tiếp theo phần đối chứng pháp thượng nhân, - Các cảnh giới của ngạ quỷ, - Mười ba pháp Tăng tàn, 1. Tiệt tinh, 2. Xúc chạm với người nữ; *Quyển XIII*, Tiếp theo giới Tăng tàn thứ hai, 3. Nói lời thô tục, 4. Đòi dâng cúng sự dâm dục, 5. Làm mai mối, 6. Tự làm thât cho mình, 7. Làm nhà lớn, có người dâng cúng, 8. Vu cáo vô cớ, 9. Dựa vào cớ khác mà vu cáo, 10. Phá Tăng, 11. Hỗ trợ phá Tăng, 12. Ngoan cố không nghe dạy; *Quyển XIV*, 13. Hành động xấu, gây tiếng xấu, - Hai pháp bất định, - 30 pháp Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề Xả đọa Ứng xử đối trị: Từ pháp số 01 đến 06; *Quyển XV*, Các giới Ứng xử đối trị xả đọa tiếp theo: Từ pháp số 07 đến 30, - Pháp Ứng đối trị: Từ pháp số 01 đến 23; *Quyển XVI*, - Pháp Ứng đối trị tiếp theo: Từ pháp số 23 đến 91, - Pháp Ba-la-đề-xá-ni Ứng phát lộ, - Các điều học, - Giới Tỳ-kheo Ni, - Các Kiên-độ - Truyền giới Sa-di, - Pháp đệ tử phục vụ thầy và truyền thọ giới cụ túc; *Quyển XVII*, - Tiếp phần giới Tỳ-kheo, Đức Phật về thăm quê hương, La-hầu-la và các Thích tử xuất gia, - Giải về các loại cương giới giải về y phục, - Giải về pháp dùng các loại thuốc; *Quyển XVIII*, - Giải về y Ca-thi-na, - Giải về sự phạm tội và thể thức sám hối tranh cãi ở Câu-diêm-di và cách giải quyết, - Phần bảy pháp diệt tranh cãi, - Giải về Tỳ-kheo Ni, - Chia vật dụng, - Phẩm Ưu-ba-ly giải về luật – Kệ tụng và giải thích.

Tác phẩm Luật này được in lưu hành nội bộ lần đầu năm 1999; tiếp tục được tái

bản năm 2006, 2007 và 2008, Nxb Tôn Giáo.

1.171. CHÚ GIẢI SA-DI LUẬT NGHI YẾU LƯỢC (Mười Giới Sa-Di)

Biên tập:

Sa-môn Châu Hoằng (1532-1612)

Chú giải: *Sa-môn Hoằng Tán*

Việt dịch: *Tỳ-kheo Phước Nghĩa*

Nxb Tôn Giáo – 2011. Nội dung sách này gồm có 10 giới Sa-di, chia 4 phần: phần một, hai và ba là phần Chánh văn theo thứ tự chữ Hán, Phiên âm, Dịch nghĩa; phần thứ tư là phần Chú giải.

Tác phẩm Luật này đã được xuất bản năm 2009, Nxb Tôn Giáo.

1.172. CHỨNG CỨ CÁC LOẠI TRÌ PHẠM

Biên soạn: *Thích Viên Tịnh*

Dịch chú: *Thích Giác Quả*

Nxb Tôn Giáo – 2011

Sách có khổ 14.5 x 20.5cm, có hơn 132 trang, bìa mềm.

Tác phẩm này gồm có: Lời tựa; Chương đầu: Phương diện giữ giới, Mục 1. Khái lược về Giới, Mục 2. Công đức giữ Giới, Mục 3. Tinh tấn giữ Giới; Chương sau: Phương diện phạm giới, C.I, Răn bảo về giữ Giới, C.II, Nghiệp báo của phạm Giới, C.III, Sám hối khi phạm Giới; Phụ lục: Phần Tổng kết; Chương đầu: Phương diện giữ Giới, Mục 1. Khái lược về Giới, Mục 2. Công đức giữ Giới, Mục 3. Tinh tấn giữ Giới; Chương sau: Phương diện phá Giới, Mục 1. Răn bảo về giữ Giới, Mục 2. Nghiệp báo của phạm Giới, Mục 3. Sám hối khi phạm Giới.

1.173. CƯƠNG YẾU GIỚI LUẬT

Biên soạn: *Thích Thiện Siêu (1921-2001)*

Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam ấn hành – 1996

Sách có khổ 13 x 19cm, có 227 trang, bìa mềm. Toàn bộ tác phẩm này gồm có: Lời nói đầu, Cương yếu giới luật (có 85 tiểu mục), Bồ-tát giới, Bồ-tát danh và thiết, Xuất gia hoàng Phật đạo, Khai đạo giới tử thọ Tỳ-kheo giới, Khai đạo giới tử thọ Bồ-tát giới, Khai đạo giới tử thọ Thập thiện và Bồ-tát tại gia.

Tác phẩm Luật này tái bản năm 2002, Nxb Tôn Giáo.

D

1.174. Di-Sa-Tắc Bộ Hòa-Hê NGŨ PHẦN LUẬT (2 Tập) MAHÌSÀSAKA-VINAYA

Hán dịch: *Tam tạng Phật-đà-thập và Trúc Đạo Sinh*

Việt dịch:

Tỳ-kheo Thích Đồng Minh (1927-2005)

Hiệu chính và phụ chú:

Tỳ-kheo Thích Đức Thắng

và *Tỳ-kheo Thích Tâm Nhân*

Nxb Hồng Đức – 2016, khổ 19 x 26cm, 2 tập dày 1.158 trang, bìa cứng, có bìa bao, nền đỏ, chữ mạ vàng, có hộp.

Tập I, dày 647 trang, sơ lược nội dung gồm có 2 phần: Lời người dịch, *Phần thứ nhất (Tỳ-kheo giới)*, C.I Ba-la-di (4 giới), C.II Tăng-tàn (13 giới), C.III Pháp Bất định (2 pháp), C.IV Xả đọa (30 giới), C.V Pháp đọa (90 pháp), C.VI Pháp Hối quá (4 pháp), C.VII Pháp chúng học (100 điều), C.VIII Bảy Pháp diệt tránh;

Phần thứ hai (Tỳ-kheo Ni giới), C.I Tám pháp Ba-la-di, C.II Pháp Tăng-tàn (17 pháp), C.III Pháp Xả đọa (30 điều), C.IV Pháp đọa (207 điều), C.V Pháp Hối quá (8 điều), C.VI Pháp chúng học (100 điều); Sách dẫn, Bảng Viết tắt.

Tập II, dày 507 trang, nội dung gồm Phần III, IV, V:

Phần thứ ba, C.I Pháp Thọ giới, 1. Thích thị thể phổ, 2. Truyện đức Thích Tôn, a. Xuất gia thành đạo, b. Sơ Chuyển pháp luân, 3. Tăng pháp thọ giới, a. Sơ chế pháp, b. Hòa thượng pháp, c. Nhân và sự như pháp, d. Pháp thức truyền thọ cụ túc; C.II Pháp Bồ-tát, I. Pháp thức thuyết giới, 1. Bồ-tát (1), 2. Thuyết pháp (1), 3. Bồ-tát (2), 4. Thuyết pháp (2), II. Tập Tăng, 1. Bạch Tăng, 2. Ba-la-đề-mộc-xoa, 3. Bồ-tát và Thuyết giới (1), III. Kết giới, 1. Kết giới trường, 2. Giải giới trường, 3. Đại giới cộng trú, 4. Thất y giới, 5. Hối quá, 6. Chuyển trú xứ, 7. Bồ-tát và Thuyết giới (2), 8. Dữ dục, 9. Bồ-tát và Thuyết giới (3), 10. Phá Yết-ma, 11. Bồ-tát và Thuyết giới (4); C.III Pháp An cư, 1. Kết giới An cư, 2. Trú xứ An cư, 3. Xuất giới, 4. Phá hạ, 5. Tiền hậu An cư; C.IV Pháp Tự tứ, 1. Á pháp, 2. Vấn thỉnh, 3. Pháp thức Tự tứ, 4. Ngăn Tự tứ; C.V Pháp Y, I. Đàn-việt thí y (1), 1. Kỳ-vực thỉnh nguyện, 2. Nhận y đàn-việt cúng, II. Phần tảo y (1), 1. Y gò mả, III. Tọa sự (1), 1. Xương người-quí thần, 2. Các loại y quý, IV. Y Phần tảo (2), V. Đàn-việt thí y (2), 1. Kỳ nữ thành Tỳ-xá-ly, 2. Ba y, 3. Nhận và chia y phần tảo (1), 4. Y cát tiệt, VI. Tọa sự (2), 1. Làm phòng-chỗ kinh hành-y, 2. Di vật của Tỳ-kheo, 3. Nhận và chia y đàn-việt thí (1), 4. Thái tử Lưu Ly, VII. Tọa sự (3), 1. Gởi y, 2. Tác tướng đồng ý (1), VIII. Tọa sự (4), 1. Cách mặc y-y lót thân, 2. Nhận và chia y đàn-việt thí (2), 3. Các loại y phần tảo, 4. Thọ và xả, IX. Tọa sự (5), 1. Nhận các loại y, 2. Tác tướng đồng ý (2); C.VI Pháp Da thuộc, I. Nhân duyên Úc-nhĩ, 1. Tăng-già biên địa, 2. Những quy định về da thuộc, II. Nhân duyên Thủ-lâu-na, 1. Hai bàn chân có lông, 2. Lân đầu tiên bước chân xuống đất, 3. Dây đàn căng, 4. Những quy

định đầu tiên về dép da; C.VII Pháp Thuốc, 1. Các loại thuốc, 2. Thuốc bẫy ngày, 3. Thuốc trọn đời, 4. Tạt sự; C.VIII Pháp Thực, 1. Các loại thức ăn uống, 2. Giải phải tạm thời (nhân duyên), 3. Các loại thịt, 4. Biệt chúng thực, 5. Tịnh nhục, 6. Tịnh xứ-tịnh thất-tịnh địa, 7. Tám thứ nước, 8. Tịnh-bất tịnh; C.IX Pháp Y Ca-thi-na, 1. Y công đức, 2. Thọ y như pháp; *Phần thứ tư*, C.I Pháp diệt tránh, I. Bốn tránh sự, II. Diệt bốn tránh sự, 1. Diệt ngôn tránh, 2. Giáo giới tránh, 3. Phạm tránh, 4. Sự tránh; C.II Pháp Yết-ma, I. Yết-ma, 1. Ma-na-đỏa, 2. Biệt trú, 3. Bốn Ma-na-đỏa, 4. Bốn biệt trú, 5. Che dấu một đến nhiều đêm, 6. Thôi tu rồi tu lại, 7. Biết-không biết phạm, 8. Tác nhất và dị tướng, 9. Tạt sự, II. Pháp Yết-ma, 1. Pháp Tăng, 2. Biệt bộ Yết-ma, 3. Trường thọ vương, 4. Hôi quá, 5. Hòa hợp giải Yết-ma, 6. Cử tội phi pháp, 7. Yết-ma bất thành, 8. Các loại Yết-ma bất thành và thành, 9. Như pháp và phi pháp, 10. Túc số Tăng Yết-ma, 11. Ngăn Yết-ma, 12. Giải Yết-ma thành-bất thành, 13. Khiển trách, 14. Hạ ý; *Phần thứ năm*, C.I Pháp phá Tăng, 1. Điều-đạt, 2. Ưu-ba-li thừa hỏi; C.II Pháp Ngọa cụ, 1. Tỳ-kheo Át-tỳ, 2. Tu-đạt-đa, 3. Tinh xá, 4. Tạt sự, 5. Phân phối ngọa cụ, 6. Thọ nhận phi pháp, 7. Vật tứ phương Tăng, 8. Tỳ-kheo tri sự; C.III Tạt pháp, 1. Ăn chung, 2. Kính lễ và không kính lễ, 3. Dao, 4. Tóc-tai-răng, 5. Bát được phép dùng, 6. Các loại bát cấm, 7. Thị hiện giáo hóa, 8. Tịnh quả, 9. Phòng tắm, 10. Câu nhiếp, 11. Gói đầu, 12. Nhóm lửa, 13. Bát uống nước, 14. Linh tinh, 15. Xây tháp, 16. Móng tay, 17. Leo cây, 18. Đẩy lọc nước, 19. Chứa thuốc, 20. Chứa dao-kim-quạt-bát, 21. Cân lường, 22. Điền trạch, 23. Bói toán chú thuật, 24. Chuyển thể Phật ngôn, 25. Dây lưng-khâu

móc, 26. Thân chú, 27. Úp bát, 28. Giải Yết-ma úp bát, 29. Dù-gậy, 30. Mắt đau, 31. Nhai lại, 32. Y chỉ như pháp, 33. Trùm mền ngủ chung, 34. Chữa cháy, 35. Vật tứ phương Tăng, 36. Ăn tối sống, 37. Âu đồng, 38. Đại tiểu tiện, 39. Xỉa răng, 40. Trang nghiêm nơi Tự tứ, 41. Ác thú-trùng độc, 42. Khóa cửa, 43. Hoạn phong, 44. Nhuộm y, 45. Khác y Phật, 46. Đầu-đà, 47. Thờ cúng quỷ thần, 48. Khắc hình-ca múa; C.IV Pháp Oai nghi, 1. Qui định đại tiểu tiện, 2. Xỉa răng, 3. Khất thực, 4. Thọ thực, 5. Hài Hòa thượng, 6. Không được cúng dường, 7. Pháp cụ trú và khách Tỳ-kheo, 8. Pháp thọ trai, 9. Pháp thọ trai của Thượng tọa, 10. Tỳ-kheo A-lan-nhã, 11. Khất thực, 12. Chứa thức ăn, 13. Ngọa cụ-gậy-bùn đất, 14. Pháp y bát; C.V Pháp Ngăn Bó-tát; C.VI Pháp Biệt trú; C.VII Pháp Điều phục, A. Ba-la-di, I. Bất tịnh hạnh, 1. Ưu-ba-ly thỉnh vấn, 2. Cộng súc sanh, 3. Phi đạo, 4. Cưỡng dâm, 5. Tắm chung, 6. Hành dâm trong mộng, 7. Sanh nghi, 8. Giữ học giới, II. Bất dữ thủ, 1. Thức ăn, 2. Đoạt lại vật bị cướp, 3. Đánh lừa, 4. Súc sanh, 5. Ruộng vườn, 6. Bát lại, 7. Vọng ngữ, 8. Dùng chung nước, 9. Trộm y, 10. Trộm Kinh, 11. Nhận di chúc, 12. Đông lỗ, 13. Y vật, 14. Hỗ trợ trôn thuê, 15. Cố ý vọng ngữ, 16. Tháo nước, 17. Quãng và lấy y; III. Đoạn nhân mạng, 1. Ngộ sát và cố sát, IV. Đại vọng ngữ, 1. Tự thuyết, 2. Tỳ-kheo Ni Hoa Sắc tự thuyết, 3. Mục-kiền-liên tự thuyết, 4. Vọng ngữ, 5. Tự hiện tướng, 6. Tự thấy, 7. Nói không dụng ý, 8. Phương tiện bất chính, 9. Tự ngôn, 10. Quán sát nhằm; B. Tăng-già-bà-thi-sa, I. Lộng âm, II. Xúc nữ; C.VIII Pháp Tỳ-kheo Ni, I. Cù-đam-di, 1. Tỳ-kheo Ni đầu tiên, 2. Pháp Tỳ-kheo Ni, 3. Hai năm học giới, 4. Ma-na-đỏa, 5. Kính lễ Tỳ-kheo, 6. Cạo tóc, 7. Thọ Kinh, 8. Cầu giáo thọ, 9. Cầu ba việc

Tự tứ, 10. Thọ Bát kính pháp; II. Ni thường hành (1); III. Ni thọ giới, 1. Pháp thọ giới Cụ túc, IV. Ni thường hành (2); C.IX Ngũ bách kết tập, I. Duyên khởi, II. A-nan, III. Tập Tăng, IV. Tập Luật tạng, V. Tập Kinh tạng, VI. Phú-lan-na, VII. Phạm-đàn; C.X Thất bách kết tập, I. Duyên khởi, II. Ly-bà-đa; Lời bạt, Sách dẫn, Bảng Viết tắt; Thư mục tham khảo Hiệu chính và Chú thích.

1.175. DU-GIÀ BỒ-TÁT GIỚI (Bodhisattvabhùmvà dhàre yogasthàne dasamath silapatalam)

Viết dịch: *Tuệ Sỹ*

Nxb Phương Đông – 2017

Sách có khổ 14 x 20.5cm, dày 370 trang, bìa cứng, chữ tựa mạ vàng.

Nội dung tác phẩm gồm có: Duyên khởi, Tổng luận Bồ-tát giới; C.i 1. Úc-già trưởng giả, 2. Thủ trưởng giả, 3. Thiện sinh; C.ii 1. Cư sĩ Duy-ma-cật, 2. Thắng Man phu nhân, 3. Thiếu niên Thiện Tài; C.iii i. Ba thừa Bồ-đề, ii. Bồ-đề tâm, iii. Phát Bồ-đề tâm, 1. Tam sĩ đạo, 2. Nhân duyên phát tâm, 3. Tuân tự phát tâm, 4. Nghi thức phát tâm; C.iv i. Giới thể Bồ-tát giới, 1. Ba loại luật nghi, 2. Giới thể vô biểu, ii. Trì giới – phạm giới, 1. Nguyên lý trì phạm, 2. Các yếu tố hộ giới, 3. Lượng định trì phạm, 4. Mất giới – xả giới; iii. Sám hối 1. Ý nghĩa sám hối, 2. Tứ lực sám hối, 3. Thuyết tội; Giới Phạm, Phần một. Giới Thể, C.I Tổng quát giới thể, 1. Giới tự tính, 2. Giới phổ cập, C.II Ba tụ tịnh giới, i. Nội dung tịnh giới, ii. An trụ tịnh giới, Phần hai. Giới Tướng, C.I Yết-ma thọ giới, C.II Bồ-tát học xứ, I. Tha thắng xứ, A. Giới tướng, 1. Tự tán hủy tha, 2. Xan lẫn tài pháp, 3. Sân hận không xả, 4. Bài bác chánh pháp; B. Phạm Tướng, II. Các Kinh giới, i. Chương ngại bố thí, 1. Không cúng dường Tam bảo, 2. Tham cầu

lợi dưỡng, 3. Không kính đồng pháp, 4. Không nhận lời người thỉnh, 5. Từ chối không nhận hiến cúng, 6. Không bố thí pháp, 7. Không giáo giới; ii. Chương ngại trì giới, 1. Thanh văn cộng học giới, 2. Thanh văn bất cộng học giới, 3. Trụ tà mạng, 4. Trạo cử động loạn, 5. Không cầu Niết-bàn, 6. Không hộ trì thanh danh, 7. Không chiết phục chúng sanh; iii. Chương ngại an nhẫn, 1. Bị mắng mắng trả, 2. Không nhẫn sám hối, 3. Không nhận người hối lỗi, 4. Oán hận không nguôi; iv. Chương ngại tinh tấn, 1. Nhiễm tâm nự chúng, 2. Đam trước thụy miên, 3. Quân tụ phí thời; v. Chương ngại tĩnh lự, 1. Không cầu học thiền, 2. Không trừ chương cái, 3. Tham vị tĩnh lự; vi. Chương ngại Bát-nhã, 1. Hủy báng Thanh văn thừa, 2. Xả đại học tiểu, 3. Xả nội học ngoại, 4. Chuyên học dị luận, 5. Bài bác thâm nghĩa, 6. Khen mình chê người, 7. Kiêu không nghe pháp, 8. Khinh hủy pháp sư; vii. Chương ngại nhiều ích hữu tình, 1. Không đến trợ bạn, 2. Không chăm sóc bệnh, 3. Không ngăn nhân khô, 4. Không báo đáp ân nghĩa, 5. Không an ủi hoạn nạn, 6. Không thí tài vật, 7. Không nhiếp chúng như pháp, 8. Không tùy thuận chúng sanh, 9. Không tán thán hữu đức, 10. Không thi hành chiết phục, 11. Không thần lực nhiếp phục; C.III Nguyên lý Trì Phạm: 1. Hộ trì tâm, 2. Phương tiện sám hối, 3. Phân biệt khinh trọng, 4. Viên mãn lạc trú; Phần ba. 1. Giới khó hành, 2. Giới đa phương, 3. Giới thiện sỹ, 4. Giới đa dạng, 5. Giới toại nguyện, 6. Giới an lạc đời này đời sau, 7. Giới thanh tịnh, 8. Lợi ích thù thắng, Tổng nhiếp; Phụ lục I. Phạn văn, II. Hán văn, Sách dẫn.

1.176. DU-GIÀ BỒ-TÁT GIỚI BỒN

Tuyên thuyết: *Di-lặc Bồ-tát*

Hán dịch: *Tam tạng Pháp sư -*

Huyền Tráng (602-664)

Việt dịch: *Tỳ-kheo Thích Pháp Chánh*

Tác phẩm Giới bản này gồm có, 4 pháp
Tha thắng xứ: 1. Giới khen mình chê
người, 2. Giới bòn sên của cải, Phật pháp,
3. Giới sân hận không nhận sự tạ tội, 4.
Giới báng loạn chánh pháp. Sau đó là 43
giới (khinh): 1. Giới không cúng dường
Tam bảo, 2. Giới tham cầu danh lợi, 3.
Giới không cung kính bạn pháp, 4. Không
đi ứng cúng, 5. Giới không thọ nhận sự bô
thí hậu hi, 6. Giới không bô thí pháp, 7.
Giới xả bỏ người ác, 8. Giới cùng học với
Thanh văn, 9. Giới không cùng học với
Thanh văn, 10. Giới sống bằng tà mạng,
11. Giới háo động hay đùa cợt, 12. Giới
nói pháp Bô-tát lộn lạo, 13. Giới không đề
phòng, biện bạch sự hủy báng, 14. Giới
không điều phục chúng sanh, 15. Giới trả
đũa sự sân hận, đánh đập, 16. Giới không
chịu tạ tội, 17. Giới không thọ nhận sự tạ
lỗi, 18. Ôm lòng oán hận không xả bỏ, 19.
Giới vì tâm tham mà nuôi dưỡng đệ tử, 20.
Giới ham mê ngủ nghỉ, 21. Giới ưa đàm
luận vô ích lãng phí ngày giờ, 22. Giới
không cầu sự chỉ giáo, 23. Giới không
đoạn trừ ngũ cái, 24. Giới tham đắm thiền
định thế gian, 25. Giới không học pháp
Tiểu thừa, 26. Giới bỏ Đại thừa học Tiểu
thừa, 27. Giới bỏ Phật pháp học pháp
ngoại đạo, 28. Giới chuyên học sách vở
thế gian, 29. Giới nghe giáo pháp thâm sâu
sinh tâm hủy báng, 30. Giới khen mình
chê người, 31. Giới kiêu mạn không đi
nghe pháp, 32. Giới khinh mạn hủy báng
pháp sư, 33. Giới không làm bạn giúp đỡ,
34. Giới không đến chăm sóc người bệnh,
35. Giới thấy kẻ khác làm việc phi lý mà
không can gián, 36. Giới không biết báo
ơn, 37. Giới không an ủi người sầu khổ,
38. Giới không bô thí của cải, 39. Giới
không lo lắng cho đệ tử đúng phép, 40.
Giới không tùy thuận chúng sanh, 41. Giới

không tùy hỷ công đức của người khác,
42. Giới không chịu quả trách, chiết phục,
43. Giới không dùng thần thông điều phục,
dẫn dắt. (<https://hoavouu.com>;
<https://phatphapungdung.com>, *Pháp
bảo/Luật tạng*)

Đ

1.177. Đại Cương GIỚI TỖ-KHEO

Biên soạn: *Thích Minh Thông*

Lưu hành nội bộ, Mùa an cư PL. 2548 –
DL. 2004

Sách dày hơn 158 trang, bìa mềm. Nội
dung gồm có 11 chương: Lời nói đầu;
Mục lục; C.1 Dẫn nhập, C.2 Ba-la-di, C.3
Tăng-tàn, C.4 Bất định, C.5 Thân-lan-giá,
C.6 Xả đọa, C.7 Tội đọa, C.8 Hương bị
hối, C.9 Cần phải học, C.10 Diệt tranh cãi,
C.11 Khuyển tu.

1.178. Đại Giới Đàn Tâm Hoàn – NGHI TRUYỀN GIỚI

Tu viện Nguyên Thiều

Soạn dịch: *Tỳ-kheo Thích Quảng Bửu*

Nxb Tôn Giáo, PL. 2558 – DL. 2014

Sách có khổ 16 x 24cm, dày hơn 359
trang, bìa cứng màu đỏ, chữ tựa mạ vàng.
Nội dung gồm có: Phần Cung an Chúc sự,
Lễ Kết giới Khai chung báng, Nghi
Truyền Giới Sa-di, Nghi Truyền Giới Tỳ-
kheo, Nghi Truyền Giới Sa-di Ni, Nghi
Truyền Giới Thức-xoa-ma-na, Nghi
Truyền Giới Tỳ-kheo Ni, Nghi thức Giới
sư Ni đem Giới tử đến chùa Tăng cầu
Chánh pháp Yết-ma, Nghi Truyền Giới
Bô-tát Xuất gia, Nghi Truyền Giới Bô-tát
Tại gia, Nghi Truyền Thập thiện, Nghi
Truyền Quy Giới, Nghi Truyền và Xả
Giới, Bát Quan Trai.

1.179. ĐẠI PHẨM, 2 Tập
(Tam tạng Việt ngữ, Tập 04 –
Luật tạng)

Phụ trách Phiên âm và dịch:

Tỳ-khuru Indacanda (Trương Đình Dũng)

Nxb Tôn Giáo, PL. 2553 – DL. 2009

Sách có khổ 14.5 x 20.5cm, 2 tập dày 784 trang, bìa cứng.

Tập một, Đại Phẩm, dày 433 trang, kết cấu gồm có 5 chương. Phần đầu là Lược đồ Tam tạng, Lời giới thiệu, Các chữ viết tắt;

I. Chương trọng yếu, Các Phần giảng về: sự giác ngộ, (cội cây si của những) người chăn dê, cây Mucalinda, cây Ràjayatana, sự thỉnh cầu của vị Phạm Thiên, nhóm năm vị, sự xuất gia của Yasa, sự xuất gia của bốn người bạn tại gia, ma vương (1), sự xuất gia và sự tu lên bậc trên bằng ba sự đi đến nương nhờ, ma vương (2), câu chuyện về những người bạn thuộc nhóm các vương tử, sự kỳ diệu của Uruvelà, việc gặp đức vua Bimbisàra, sự xuất gia của Sàriputta và Moggallàna, phận sự đối với thầy tế độ, phận sự đối với đệ tử, những kẻ bị đuổi đi, phận sự đối với thầy dạy học, phận sự đối với học trò, việc đuổi đi-việc xin lỗi, câu chuyện về các vị ngu dốt thiếu kinh nghiệm, sự đình chỉ việc nương nhờ, nhóm năm của phần “nên ban phép tu lên bậc trên”, nhóm sáu của phần “nên ban phép tu lên bậc trên”, người trước đây theo ngoại đạo; Các câu chuyện về: năm thứ bệnh, các binh sĩ của đức vua, kẻ cướp có mang chuỗi ngón tay, kẻ cướp phá ngục, kẻ cướp bị cáo thị tâm nã, kẻ bị phạt đánh bằng roi, kẻ bị phạt đóng dấu, kẻ thiếu nợ, kẻ nô tỳ, người thợ bạc bị sói đầu, thiếu niên Upàli, bệnh dịch hạch, (sa-di) Kantaka, (huống đi) bị tắc nghẽn, việc nương nhờ, Ràhula, các điều học, hành phạt, sự ngăn cấm khi chưa hỏi ý trước,

việc dụ dỗ, (sa-di) Kantaka, kẻ vô căn, kẻ trộm tướng mạo (Tỳ-kheo), loài thú, kẻ giết mẹ, kẻ giết cha, kẻ giết A-la-hán, kẻ làm như Tỳ-kheo Ni, người lưỡng căn, người không có thầy tế độ, hai người không có bình bát, Hai mươi trường hợp không cho tu lên bậc trên, Ba mươi trường hợp không nên cho xuất gia: người bị đứt cánh tay.v.v..., Các câu chuyện về sự nương nhờ vị không có liêm sĩ, Bốn câu chuyện về (sống) không nương nhờ: vị xuất gia.v.v... sự cho phép tuyên ngôn với tên của dòng họ, hai người có ý muốn tu lên bậc trên, việc tu lên bậc trên của người hai mươi (tuổi) tính theo thai bào, việc hỏi các pháp chương ngại đến, các người có ý muốn tu lên bậc trên, bốn vật nương nhờ, bốn điều không nên làm, các vị bị án treo: trong việc không nhìn nhận tội.v.v..., các câu kệ tóm lược);

II. Chương Uposatha: Phần giảng về việc tụ hội vào ngày Uposatha, Việc đọc tụng giới bốn Pàtimokkha, Phần giảng về sự thanh tịnh của vị Mahàkappina, Việc ấn định ranh giới, Việc chỉ định về hành lễ Uposatha, Việc hủy bỏ nhà hành lễ Uposatha, Việc ấn định mặt tiền của chỗ hành lễ Uposatha, Việc ấn định ranh giới không (bị phạm tội vì) xa lìa ba y, Việc hủy bỏ ranh giới, Phần giảng về các ranh giới: làng.v.v... Hai lễ Uposatha, Bốn hành sự Uposatha, Năm cách đọc tụng giới bốn Pàtimokkha, Việc đọc tụng giới bốn Pàtimokkha một cách tóm tắt, Các trường hợp nguy hiểm đối với việc đọc tụng giới bốn Pàtimokkha, Việc hỏi về Luật, Việc trả lời về Luật, Việc buộc tội, Việc phản đối hành sự sai pháp, Sự ngăn cấm đọc tụng giới bốn Pàtimokkha ở hội chúng có sự hiện diện của cư sĩ, Việc thỉnh mời vị đọc tụng giới bốn Pàtimokkha, Việc thông báo về ngày lễ Uposatha, Các việc làm trước, Câu chuyện

về các vị lên trời đi xa, Việc bày tỏ sự trong sạch, Việc bày tỏ sự tùy thuận, Việc nắm giữ của các thân quyến, Sự đồng ý về bệnh điên, Sự phân loại các lễ Uposatha: Lễ Uposatha của hội chúng.v.v..., Việc sửa chữa tội (đã phạm), Việc sửa chữa tội đã phạm giống nhau, Mười lăm trường hợp vô tội, Mười lăm trường hợp là phe nhóm và có sự nhận biết là phe nhóm, Mười lăm trường hợp có sự nghi ngờ, Mười lăm trường hợp “bỏ qua sự ngăn ngại”, Mười lăm trường hợp có dự tính chia rẽ, Phần tương tự có liên quan đến các vị đi vào trong ranh giới, Việc nhìn thấy sự biểu hiện, đặc điểm.v.v... của việc cư trú, Việc tiến hành lễ Uposatha với các vị thuộc nhóm cộng trú khác, Các trường hợp không nên đi, Các trường hợp có thể đi, Về sự hiện diện (ở lễ Uposatha) của những nhân vật cần phải tránh, Các câu kệ tóm lược;

III. Chương vào mùa mưa: Hai thời điểm vào mùa (an cư) mưa, Sự ngăn cấm việc ra đi trong mùa (an cư) mưa, Việc dời lại mùa (an cư) mưa, Phần giảng về công việc có thể giải quyết trong bảy ngày, Vô tội cho việc cắt đứt mùa (an cư) mưa khi có chướng ngại, Vô tội cho việc cắt đứt mùa (an cư) mưa khi có sự chia rẽ hội chúng, Việc vào mùa (an cư) mưa ở khu rào gia súc,.v.v..., Các nơi chốn không nên vào mùa (an cư) mưa, Điều thỏa thuận không nên thực hiện, Tội dukkata ở sự nhận lời, Các câu kệ tóm lược;

IV. Chương Pavàranà: Phần giảng về việc cư ngụ thoải mái và không thoải mái, Cách thức và việc cho phép về lễ Pavàranà, Hai lễ Pavàranà, Bốn hành sự Pavàranà, Việc bày tỏ lời thỉnh cầu, Việc bày tỏ sự tùy thuận, Việc nắm giữ các thân quyến.v.v..., Sự phân loại về các lễ Pavàranà: lễ Pavàranà của hội chúng.v.v..., Việc sửa chữa tội (đã phạm),

Việc bày tỏ về tội (đã phạm), Việc sửa chữa tội đã phạm giống nhau, Mười lăm trường hợp vô tội, Mười lăm trường hợp là phe nhóm và có sự nhận biết là phe nhóm, Mười lăm trường hợp có sự nghi ngờ, Mười lăm trường hợp “bỏ qua sự ngăn ngại”, Mười lăm trường hợp có dự tính chia rẽ, Phần tương tự có liên quan đến các vị đi vào trong ranh giới, Tính chất khác biệt về các ngày mười bốn.v.v..., Việc nhìn thấy sự biểu hiện, đặc điểm.v.v... của việc cư trú, Lễ Pavàranà với các vị thuộc nhóm cộng trú khác, Các trường hợp không nên đi, Các trường hợp có thể đi, Về sự hiện diện (ở lễ Pavàranà) của những nhân vật cần phải tránh, Sự thỉnh cầu hai lần đọc, Các sự nguy hiểm đối với lễ Pavàranà, Việc đình chỉ lễ Pavàranà, Câu chuyện về tội Thullaccaya, Sự đình chỉ vì sự việc, Câu chuyện về các vị thường gây nên các sự xung đột, Sự đạt đến trạng thái an trú lạc, Sự đồng thuận về lễ Pavàranà, Các câu kệ tóm lược;

V. Chương da thú: Câu chuyện về Sona Kolivisa, Việc ngăn cấm các đôi dép loại hai lớp, Việc ngăn cấm các đôi dép toàn màu xanh.v.v..., Việc cho phép các đôi dép loại nhiều lớp, Sự ngăn cấm (mang) dép trong khuôn viên tu viện, Việc ngăn cấm các đôi guốc.v.v..., Việc ngăn cấm (di chuyển bằng) xe, Việc ngăn cấm chỗ nằm cao và chỗ nằm rộng lớn, Việc ngăn cấm tất cả các loại da thú, Việc cho phép về chỗ (ngồi) đã được làm sẵn bởi cư sĩ, Câu chuyện về vị Sona Kutikanna, Sự cho phép việc tu lên bậc trên với nhóm có vị thứ năm rành rẽ về Luật ở các xứ thuộc vùng biên địa, Các câu kệ tóm lược. *Phần Phụ chú:* - Các bản dịch của Tỳ-kheo Indacanda.

Bộ Đại Phẩm – 2 Tập đã xuất bản năm 2005, Nxb Tôn Giáo; tái bản năm PL. 2558 – DL. 2014, Nxb Tôn Giáo, khổ 14.5

x 20.5cm, dày 433 trang, bìa cứng, nền đỏ, chữ tựa màu vàng, có hình Đức Phật ngồi, tay kiết ấn.

Tập hai, Đại Phẩm, dày 351 trang, nội dung gồm: Lược đồ Tam tạng, Lời giới thiệu, Các chữ viết tắt;

VI. Chương Dược phẩm (*Bhesajjakkhandhakam*): Phần giảng về năm loại dược phẩm; Phần giảng về các loại dược phẩm: mỡ thú.v.v... Câu chuyện về vị Pilindivaccha, Sự cho phép về (thọ dụng) đường.v.v... Phần giảng về sự cấm đoán vật thực đã được chuẩn bị ở bên trong (khuôn viên), Sự thọ lãnh (trái cây) đã được nhật lên, Sự cho phép về (vật thực) đã được thọ lãnh.v.v... Phần giảng về sự cấm đoán việc mổ xẻ, Phần giảng về sự cấm đoán (thọ dụng) thịt người, Phần giảng về sự cấm đoán (thọ dụng) thịt voi.v.v... Sự cho phép về cháo và mật viên, Câu chuyện về vị quan đại thần mới có đức tin, Câu chuyện về Belattha Kaccana, Câu chuyện ở Pataligama, Câu chuyện về Sunidha và Vassakara, Phần giảng về Bốn chân lý ở Kotigama, Câu chuyện về nàng Ambapali, Câu chuyện về các vị dòng dõi Licchavi, Câu chuyện về tướng quân Siha, Sự cho phép về khu vực làm thành được phép, Câu chuyện về gia chủ Mendaka, Sự cho phép về năm sản phẩm từ bò.v.v... Câu chuyện về đạo sĩ bện tóc Keniya, Câu chuyện về Roja người Malla, Câu chuyện về vị xuất gia lúc tuổi già, Phần giảng về Bốn pháp dung hòa, Các câu kệ tóm lược;

VII. Chương Kathina (*Kathinakkhandhakam*): Sự cho phép về Kathina, Nhóm bảy về “cầm lấy”, Nhóm bảy về mang theo, Nhóm sáu về cầm lấy, Nhóm sáu về mang theo, Nhóm mười lăm về cầm lấy, Nhóm mười lăm về mang theo, Nhóm mười lăm về “mang theo y

chưa làm xong”, Nhóm mười hai về “Không như ý mong mỏi”, Nhóm mười hai về “Như ý mong mỏi”, Nhóm mười hai về “có công việc cần làm”, Nhóm chín về “chưa thâm nhập”, Nhóm năm về “vị có sự trú ngụ thoải mái”, Phần giảng về điều vương bạn và không vương bạn, Các câu kệ tóm lược;

VIII. Chương Y phục (*Civarakkhandhakam*): Câu chuyện về vị Jivaka, Câu chuyện về người vợ của nhà đại phú, Câu chuyện về đức vua Bimbisara, Câu chuyện về nhà đại phú ở Rajagaha, Câu chuyện về người con trai nhà đại phú, Câu chuyện về đức vua Pajjota, Phần giảng về xấp vải đôi xứ Sivi, Phần giảng về liều thuốc xổ tổng cộng 30 lần, Sự cầu xin điều ước muốn, Phần giảng về sự cho phép (sử dụng) tấm mền len, Sự tìm kiếm vải dơ bị quăng bỏ, Sự chỉ định vị tiếp nhận y, Sự chỉ định nhà kho chứa đồ, Việc nhuộm y, Sự cho phép về y đã được cắt, Sự cho phép về ba y, Phần giảng về y phụ trội, Câu chuyện về bà Visakha, Sự cho phép về vật lót ngồi.v.v... Phần giảng về y có kích thước tối thiểu cần phải chú nguyện để dùng chung, Phần giảng về sự phát sanh các y thuộc về hội chúng, Câu chuyện về vị Upananda con trai dòng Sakya, Câu chuyện về vị bị bệnh, Phần giảng về đồ đạc của người chết, Sự cấm đoán về việc lỏa thể, Sự cấm đoán về việc che thân bằng cỏ Kusa.v.v... Phần giảng về y chưa phát sanh cho các vị đã sống qua mùa (an cư) mưa, Phần giảng về việc phát sanh y khi hội chúng bị chia rẽ, Phần giảng về (y) đã được lấy sai trái và đã được lấy đúng đắn, Tám tiêu đề về y, Các câu kệ tóm lược;

IX. Chương Campa (*Campeyyakkhandhakam*): Câu chuyện về vị Kassapagotta, Phần giảng về sự hành sự sai pháp theo phe nhóm.v.v... Phần giảng

về hành sự thiếu lời đề nghị, v.v... Phần giảng về việc làm của nhóm 4 vị, v.v... Phần giảng về vị đang chịu hành phạt parivasa, v.v... Phần giảng về 2 trường hợp mời ra, v.v... Phần giảng về hành sự sai pháp, v.v... Các câu hỏi của vị Upali, Hành sự khiển trách, Hành sự chỉ dạy, Hành sự xua đuổi, Hành sự hòa giải, Hành sự án treo về việc không nhìn nhận tội, Hành sự án treo về việc không sửa chữa lỗi, Hành sự án treo về việc không từ bỏ tà kiến ác, Sự thu hồi hành sự khiển trách, Sự thu hồi hành sự chỉ dạy, Sự thu hồi hành sự xua đuổi, Sự thu hồi hành sự hòa giải, Sự thu hồi hành sự án treo về việc không nhìn nhận tội, Sự thu hồi hành sự án treo về việc không sửa chữa lỗi, Sự thu hồi hành sự án treo về việc không từ bỏ tà kiến, Phần giảng về sự tranh cãi về hành sự khiển trách, Phần giảng về sự tranh cãi về hành sự chỉ dạy, Phần giảng về sự tranh cãi về hành sự xua đuổi, Phần giảng về sự tranh cãi về hành sự hòa giải, Phần giảng về sự tranh cãi về hành sự án treo về việc không nhìn nhận tội, Phần giảng về sự tranh cãi về hành sự án treo về việc không sửa chữa lỗi, Phần giảng về sự tranh cãi về hành sự án treo về việc không từ bỏ tà kiến, Phần giảng về sự thu hồi hành sự khiển trách, Phần giảng về sự thu hồi hành sự chỉ dạy, Phần giảng về sự thu hồi hành sự xua đuổi, Phần giảng về sự thu hồi hành sự hòa giải, Phần giảng về sự thu hồi hành sự án treo về việc không nhìn nhận tội, Phần giảng về sự thu hồi hành sự án treo về việc không sửa chữa lỗi, Phần giảng về sự thu hồi hành sự án treo về việc không từ bỏ tà kiến, Các câu kệ tóm lược;

X. *Chương Kosambi (Kosambikkhandhakam)*: Phần giảng về sự tranh cãi ở Kosambi, Câu chuyện về Dighavu, Phần giảng về việc đi đến Balakalonakara, Phần giảng về việc đi đến

khu vườn cây Pacinavamsa, Phần giảng về việc đi đến Parileyyaka, Câu chuyện về mười tám sự việc, Sự cho phép về việc phục hồi, Sự hợp nhất hội chúng, Các câu hỏi của vị Upali về sự hợp nhất hội chúng, Các câu kệ tóm lược.

Tác phẩm này tái bản năm PL. 2558 – DL. 2014, Nxb Tôn Giáo, khổ 14.5 x 20.5cm, dày 351 trang, bìa cứng, nền đỏ, chữ tựa màu vàng, có hình Đức Phật ngồi, tay kiết ấn.

1.180. Đại sư Tôn-Khách-Ba Giải Thích PHẨM BỒ-TÁT GIỚI – BỒ-TÁT ĐỊA

Nguyên tác Tạng văn:

Đại sư Tôn-khách-ba soạn

Hán dịch: *Thích Pháp Tôn*

Việt dịch: *Tỳ-kheo Thích Nguyên Chơn*

Nxb Hồng Đức – 2020. Sách có khổ 16 x 24cm, dày 301 trang, bìa cứng, nền màu cam, có viền khung, hoa văn bốn góc, chữ tựa mạ vàng. Nội dung gồm có: Đại sư Tôn-khách-ba (Tson-kha-pa, Tsongkhapa 1357-1419), Thích Pháp Tôn (1901-1981), Đại sư Tôn-khách-ba Giải thích Phẩm Bồ-tát Giới-Bồ-tát Địa;

Quyển I, Giải thích Phẩm Bồ-tát Giới, I. Tổng gom thành Ôn-đà-nam, II. Giải thích nghĩa trong Ôn-đà-nam, - Tự tính giới, - Tự tính, - Số lượng công đức, b. Sở tác của công đức, - Đạo lý nhân quả của các công đức, - Số lượng công đức nhất định, - Sự thù thắng của giới, - Giải thích Nhất thiết giới, - Giải thích giới đã thụ, - Sai biệt, - Tự tính, - Nhiếp luật nghi giới, - Nhiếp thiện pháp giới (Lược nêu, Giải thích rộng, Nghĩa nhiếp), - Nhân viên mãn, - Nhân viên mãn của Luật nghi giới, - Nhân viên mãn của Nghiệp thiện pháp giới, - Nhân viên mãn của Nhiêu ích hữu tình giới;

Quyển II, - Nghĩa nhiếp, - Giải thích pháp thụ giới, - Nghĩa chung, - Nghĩa chính, - Pháp thụ có sư, - Gia hành pháp, - Thỉnh bạch, - Bồ-đặc-già-la sai biệt (thân sai biệt, cảnh sai biệt), - Pháp thụ sai biệt, - Người thụ pháp sai biệt, - Người truyền (cảnh) pháp sai biệt, - Tu tập tư lương, - Xin mau chóng truyền giới, - Tu thắng hoan hỷ, - Hồi chương nạn, - Chính hành pháp, - Kết hành pháp, - Thỉnh chứng minh, Ca ngợi lợi ích thù thắng, - Lễ tạ cúng dường, Không khinh suất, Pháp thụ không có sư, - Giải thích pháp (lý) thủ hộ, - Luận chung;

Quyển III, - Giải thích riêng, - Tội phải đoạn, - Tha thắng có năm ý, - Tự thể tha thắng, - Thuyết của Bồ-tát địa, - Bất cộng, - Thuyết của các bộ luận khác, - Sở tác hoặc tai họa của Tha thắng, Ba triền sai biệt;

Quyển IV, - Hoàn tịnh sai biệt, - Nhân duyên xả giới, - Ác tác loại, - Nêu chung, - Giải thích riêng, - Trái phạm Nhiếp thiện pháp, - Trái phạm bố thí, - Chính chương tài thí, - Pháp đối trị hoại tâm xan tham, - Trái phạm Vô úy thí, - Không tạo duyên bố thí cho người, - Trái vượt pháp thí, - Trái phạm trì giới, - Trái phạm không tôn trọng người, - Hiện thị sai biệt học tập tính tội, - Trái phạm không tôn trọng ta, - Hủy hoại tịnh mạng, - Phá hoại quy tắc, - Đắm trước ba cõi, - Trái phạm không tôn trọng ta và người, - Không thể bảo vệ danh tiếng của mình, - Không áp dụng gia hạnh lợi tha cứng mạnh, - Trái phạm nhân nhục, - Không trụ nhân nhân nhục, - Không đoạn tâm sân tương tục, - Không đối trị phẫn hận, - Trái phạm tinh tiến, - Gia hành hạ liệt, - Hoàn toàn không có gia hành, - Tham việc thấp kém, - Trái phạm tĩnh lự, - Gia hành sai lầm, - Chính hành sai lầm, - Kết hành sai lầm;

Quyển V, - Trái phạm Bát-nhã, - Đối cảnh thấp kém, - Đối cảnh thù thắng, - Trái phạm Nhiêu ích hữu tình giới, - Đối cảnh chung, - Đối cảnh riêng, - Pháp từ tội đã phạm mà bảo hộ tâm, - Phương tiện xuất tội đã phạm, - Đức Phật thuyết mật ý của tâm tham phạm tội nhẹ, - Phạm tội lớn nhỏ sai biệt, - Duyên an lạc trụ, - Giải thích sai biệt, - Nan hành giới, - Nan hành giới thứ nhất, - Nan hành giới thứ hai, - Nan hành giới thứ ba, - Nhất thiết môn giới, - Thiện sĩ giới, - Nhất thiết chủng giới, - Toại cầu giới (Giới thỏa mãn mong cầu), - Thủ thế tha thế (nhị thế) lạc giới (đời này đời sau an lạc), - Thanh tịnh giới, - Lợi ích thù thắng của thi-la, - Lợi ích thù thắng cuối cùng, - Lợi ích thù thắng hiện thời, - Tổng nhiếp của Thi-la, - Sở tác của thi-la.

1.181. ĐẠI TỶ-KHEO

TAM THIÊN OAI NGHI

(Ba ngàn Oai nghi của vị Đại Tỷ-kheo)

Hán dịch: *Tam tạng An Thế Cao*

Việt dịch: *Tỳ-kheo Thích Nguyên Chơn*

Tác phẩm này gồm có Quyển thượng, Quyển hạ; Giáo giới Tân học Tỳ-kheo hành hộ Luật nghi. (<https://phatphapungdung.com>; *Pháp bảo-Luật tạng*)

1.182. ĐÀM-VÔ-ĐỨC

TỨ PHẦN LUẬT – Tỳ-kheo Giới Bản

Dịch giả: *HT. Thích Trí Thủ (1909-1984)*

Tác phẩm luật này được dịch năm 1983, gồm có 10 chương: Chương mở đầu, Chương I, Pháp Ba-la-di (Bất cộng trụ, 4 điều); Chương II, Tăng-già-bà-thi-sa (Tăng tàn, 13 điều); Chương III, Pháp Bất định (2 điều); Chương IV, Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề (Xả đọa, 30 điều); Chương V, Ba-dật-đề (Đơn đọa, 90 điều); Chương VI, Ba-la-đề-xá-ni (Hương bỉ hôi, 4 điều); Chương VII, Pháp chúng học (100 điều);

Chương VIII, Pháp diệt tránh (7 điều);
Chương kết.

G

1.183. Giảng giải

TỖ-NI NHẬT DỤNG THIẾT YẾU

Biên soạn: *Tỳ-kheo Độc Thế*

Giảng giải: *Tỳ-kheo Ni Phật Oánh*

Viết dịch: *Tỳ-kheo Phước Nghĩa*

Nxb Hồng Đức – 2015. Sách có khổ 14.5 x 20.5cm, dày hơn 367 trang.

Nội dung sơ lược gồm có: Đề tài, 1. Lời người dịch, 2. Bài tựa, 3. Giải thích tên sách, 4. Giải thích về tác giả, và 45 bài kệ Tỳ-ni giảng giải; sau cùng là Kệ phát nguyện Hồi hướng, Lời ghi sau sách.

Xem: Tỳ-ni Nhật Dụng Thiết Yếu Giải

1.184. GIÁO TRÌNH LUẬT UY NGHI GIẢI

Nguyên tác: *Ngài Vân Thê –
Châu Hoằng (1532-1612)*

Biên dịch: *TT. Thích Trí Hải*

Nxb Tôn Giáo – 2017

Sách có khổ 14.5 x 20.5cm, dày 432 trang.
Nội dung gồm có: Lời nói đầu, Hạ thiên Uy nghi môn, Kính Đại Sa-môn đệ nhất, Sự sư đệ nhị, Tùy sư xuất hành đệ tam, Nhập chúng đệ tứ, Tùy chúng thực đệ ngũ, Lễ bái đệ lục, Thính pháp đệ thất, Tập học Kinh điển đệ bát, Nhập tự viện đệ cửu, Nhập Thiền đường tùy chúng đệ thập, Chấp tác đệ thập nhất, Nhập dục đệ thập nhị, Nhập xí đệ thập tam, Thụy ngọa đệ thập tứ, Vi lộ đệ thập ngũ, Tại phòng trung trụ đệ thập lục, Đáo Ni tự đệ thập thất, Chí nhân gia đệ thập bát, Khất thực đệ thập cửu, Nhập tự lạc đệ thập thập, Thị vật đệ thập nhất, Phạm sở thi hành đệ nhị

thập nhị, Tham phương đệ thập tam, Y bát danh tướng đệ thập tứ; Thư mục tham khảo.

1.185. Giáo Trình LUẬT HỌC

Biên soạn: *TT. Thích Phước Sơn*

Học viện PGVN Tp. Hồ Chí Minh ấn hành, PL. 2545 – DL. 2002

Sách có khổ 14 x 20cm, có 317 trang, bìa mềm, (Lưu hành nội bộ). Toàn bộ Giáo trình này gồm có 2 phần chính. *Phần một*, Giới bản Tỳ-kheo, có 2 chương. Chương I, Khái quát về giới luật, trình bày: Dẫn nhập, Luật tạng được truyền dịch sang Hán văn, các bộ quảng Luật, các bộ Luận thuộc về Luật; Phân tích nội dung Luật bộ (nội dung Luật Tứ phần và Luật tạng Pàli). Chương II, Lịch sử truyền thừa Luật Tứ Phần, nói về: - Việc xiển dương Luật tứ phần tại Trung Quốc, - Việc xiển dương Luật học tại Việt Nam. *Phần hai*, Các pháp Yết-ma, gồm có 6 chương (Khái quát về Yết-ma, Thiết lập cương giới, Thê thức thọ giới, Thê thức Bồ-tát, An cư và tự tứ, Tập sự).

1.186. Giáo Trình LUẬT HỌC TỖ-NI

Trường Phật Học Đại Tông Lâm

Biên soạn: *Thích Nhuận Phước*

Nxb Tôn Giáo – 2008. Sách có khổ 14.5 x 20.5cm, dày hơn 216 trang.

Nội dung gồm có: Lời ngỏ, I. Giới thiệu tác phẩm và tác giả; II. Chánh văn, có 45 bài kệ dịch-giải; III. Lời kết; Phần phụ thứ nhất, Phần phụ thứ hai; Cách viết chữ Hán, 214 bộ chữ Hán.

1.187. GIÁO TRÌNH LUẬT HỌC CƠ BẢN, 5 Tập

Tập I, Tỳ-ni – Sa-di Yếu Giải; Tập II, Oai Nghi – Cảnh Sách Yếu giải; Tập III, Bồ-tát Giới Yếu giải; Tập IV, Tỳ-kheo Giới

Yếu giải; Tập V, Bồ-tát Ưu-bà-tắc Giới Kinh Yếu giảng.

Biên soạn:

Sa-môn Thích Minh Thành (1937-2000)

THPG Tp. Hồ Chí Minh ấn hành,

PL. 2537 – DL. 1993

Xem: Luật Học Cơ Bản

1.188. GIỚI BẢN NĂM GIỚI TÂN TU

Ts Thích Nhất Hạnh

Nội dung Giới bản này gồm có: Lời mở đầu; Giới thứ nhất, Bảo vệ sự sống; Giới thứ hai, Hạnh phúc chân thực; Giới thứ ba, Tình thương đích thực; Giới thứ tư, Lắng nghe và ái ngữ; Giới thứ năm, Nuôi dưỡng và trị liệu. (<https://phatphapungdung.com>; *Pháp bảo-Luật tạng*)

1.189. GIỚI BẢN KHẮT SĨ TÂN TU (The Revised Pratimoksha)

Nghi thức tụng giới nam Khất sĩ

Thực hiện: *Hội đồng Giáo thọ Đạo tràng Mai Thôn,*

Xuất bản năm 2003, dày 178 trang, bìa mềm, nền trắng, chữ tựa màu đen, có viền khung hoa văn, có logo (nhỏ) của Đạo tràng Mai Thôn.

Nội dung toàn *Giới bản nam Khất sĩ* (gồm có 250 giới) này có: Lời ngỏ, dẫn nhập, mở kinh, khai thị, Tác pháp Yết-ma, tụng giới, giới rơi rụng, giới Tăng thân giải cứu, giới buông bỏ và phát lồ, giới phát lồ, giới uy nghi, phương pháp diệt trừ tranh chấp, kết thúc (bốn phép nương tựa, bốn cách xử sự), hồi hướng. Giới Tăng thân giải cứu (phương pháp thực tập Biệt trú, Làm mới và giải tội), Văn phát lồ (Văn báo cáo mỗi ngày trong thời gian thực tập Biệt trú; Văn xin thực tập sáu ngày Làm mới; Văn báo cáo mỗi ngày trong thời gian sáu ngày Làm mới), Văn giải tội, Giới buông bỏ và phát lồ (phương pháp

sám hối trước toàn thể đại chúng hay trước ba hoặc hai vị đại diện của Tăng đoàn).

Tác phẩm Giới Bản này được tái bản này được tái bản năm 2013, Nxb Hồng Đức, khổ 13 x 20.5cm, dày 180 trang.

1.190. GIỚI BẢN KHẮT SĨ TÂN TU (The Revised Pratimoksha)

Nghi thức tụng giới nữ Khất sĩ

Thực hiện:

Hội đồng Giáo thọ Đạo tràng Mai Thôn

Xuất bản năm 2003, dày 204 trang, bìa mềm, nền trắng, chữ tựa màu đen, có viền khung hoa văn, có logo (nhỏ) của Đạo tràng Mai Thôn.

Nội dung toàn *Giới bản nữ Khất sĩ* (gồm có 348 giới) này có: Lời ngỏ, dẫn nhập, mở kinh, khai thị, Tác pháp Yết-ma, tụng giới, giới rơi rụng, giới Tăng thân giải cứu, giới buông bỏ và phát lồ, giới phát lồ, giới uy nghi, phương pháp diệt trừ tranh chấp, kết thúc (bốn phép nương tựa, bốn cách xử sự), hồi hướng. Giới Tăng thân giải cứu (phương pháp thực tập Biệt trú, Làm mới và giải tội), Văn phát lồ (Văn báo cáo mỗi ngày trong thời gian thực tập Biệt trú; Văn xin thực tập sáu ngày Làm mới; Văn báo cáo mỗi ngày trong thời gian sáu ngày Làm mới), Văn giải tội, Giới buông bỏ và phát lồ (phương pháp sám hối trước toàn thể đại chúng hay trước ba hoặc hai vị đại diện của Tăng đoàn).

Tác phẩm Giới Bản này được tái bản này được tái bản năm 2013, Nxb Hồng Đức, khổ 13 x 20.5cm, dày 216 trang.

1.191. GIỚI BẢN TỠ-KHEO (Luật Ngũ Phần, Luật Ma-ha Tăng-kỳ, Luật Thập Tụng, Luật Tứ Phần)

Giới đài Viện Huệ Nghiêm –

Ban dịch thuật Luật tạng

Việt dịch: *Tỳ-kheo Thích Nguyên Chơn*

Nxb Hồng Đức – 2018

Sách có khổ 16 x 24cm, dày 297 trang, bìa mềm, có tay gấp, nền màu đỏ, có hình hoa văn mây chìm, chữ tựa màu nâu đen, có viền khung. Nội dung tác phẩm này gồm có: 1. Giới bản Tỳ-kheo Luật Ngũ phần Di-sa-tắc, 2. Giới bản Tỳ-kheo Luật Ma-ha Tăng-kỳ, 3. Giới bản Tỳ-kheo Luật Thập tụng, 4. Giới bản Tỳ-kheo Luật Tứ phần, 5. Phụ lục: 4 bản Hán Giới bản Tỳ-kheo.

1.192. GIỚI BẢN TỖ-KHEO NI (Luật Ngũ Phần, Luật Ma-ha Tăng-kỳ, Luật Thập Tụng, Luật Tứ Phần)

Giới đài Viện Huệ Nghiêm –

Ban dịch thuật Luật tạng

Viết dịch: *Tỳ-kheo Thích Nguyên Chơn*

Nxb Hồng Đức – 2019. Sách có khổ 16 x 24cm, dày 243 trang, bìa mềm, có tay gấp, nền màu đỏ, có hình hoa văn mây chìm, chữ tựa màu nâu đen, có viền khung. Nội dung gồm có: 1. Giới Bản Tỳ-kheo Ni Luật Ngũ phần Di-sa-tắc, 2. Giới Bản Tỳ-kheo Ni Luật Ma-ha Tăng-kỳ, 3. Giới Bản Tỳ-kheo Ni Luật Thập tụng, 4. Giới Bản Tỳ-kheo Ni Luật Tứ phần.

1.193. GIỚI BỔN THỨC-XOÀ-MA-NA

Tỳ-kheo Ni Thích Như Nguyệt

(*Viên Minh*)

Nxb Phương Đông – 2011

Sách có khổ 14 x 20cm. Nội dung gồm có: Lời giới thiệu, Phạm lệ, Lời tựa, Học pháp căn bản, Học sáu pháp, 292 hành pháp.

1.194. GIỚI BỔ-TÁT DU-GIÀ

Giới đài Viện Huệ Nghiêm –

Ban dịch thuật Luật tạng

Nguyên tác Phạm văn:

Bổ-tát Di-lặc thuyết

Hán dịch: *Tam tạng Pháp sư*

Huyền Trang (602-664)

Viết dịch: *Tỳ-kheo Thích Nguyên Chơn*

Nxb Hồng Đức – 2019. Sách có khổ 16 x 24cm, dày 236 trang.

1.195. GIỚI BỔN TỖ-KHEO – BHIKKHUPÀTIMOKKHA

Biên soạn:

Tỳ-kheo Giác Giới (Bhik. Bodhisila)

Nxb Hồng Đức, PL. 2561 – DL. 2018

Sách có khổ 14.5 x 20.5cm, dày hơn 139 trang, bìa mềm.

Nội dung gồm có: Lời nói đầu; Vấn đáp Luật Bổ-tát, A. Tự đề cử vấn luật, đáp luật, B. Bốn việc làm trước, C. Năm nhiệm vụ phải hoàn tất, D. Bốn chi phần hợp thời, E. Lời thỉnh sư Tụng giới; Phụ chú: Cách tính ngày Bổ-tát theo mùa, I. Tụng Duyên khởi, II. Tụng giới triệt tiêu, III. Tụng giới Tăng-tàn, IV. Tụng giới Bất định, V. Tụng giới Tổng đề-Ứng xử đối trị, 1.P Y phục, 2.P Tơ tầm, 3.P Bình bát, VI. Tụng giới Tổng đề-Ứng đối trị, 1.P Nói dối, 2.P Thảo mộc, 3.P Giáo giới, 4.P Thọ thực, 5.P Lỗa thể, 6.P Uống rượu, 7.P Có sinh vật, 8.P Theo đúng pháp, 9.P Châu báu, VII. Tụng giới Tổng đề-Ứng phát lộ, VIII. Tụng giới Tổng đề-Ứng học pháp, 1.P Tề chỉnh, 2.P Cười giòn, 3.P Chống nạnh, 4.P Trang trọng, 5.P Vắt cơm, 6.P Húp rột rột, 7.P Giày dép, IX. Tụng giới Tổng đề-Pháp diệt tranh; Phụ chú: Tụng Giới bổn Tóm tắt.

1.196. GIỚI BỔN TỖ-KHEO NI

Trung Tâm Dịch Thuật Hán Nôm -

Huệ Quang

Viết dịch:

HT. Thích Huệ Hưng (1917-1990)

Nxb Hồng Đức – 2020

Sách có khổ 16 x 24cm, dày 130 trang, bìa mềm, nền có hình vẽ tay cầm cành hoa sen, chữ tựa màu trắng, có tay gấp. Nội

dung gồm có: Nghi thức Tụng Giới, Giới bốn Tỳ-kheo Ni, Tám Pháp Ba-la-di, Mười bảy pháp Tăng-già Bà-thi-sa, Ba mươi Pháp Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề, Một trăm bảy mươi pháp Ba-dật-đề, Tám pháp Ba-la-đề-xá-ni, Trăm pháp chúng học, Bảy pháp Diệt tránh; Phục nguyện, Văn bạch Sám hối, Phụ thêm Bát kinh pháp.

1.197. GIỚI ĐÀN NI

Soạn dịch:

TT. Thích Minh Phát (1956-1996)

Nxb Tôn Giáo, PL. 2556 – DL. 2012

(Tái bản lần thứ ba)

Sách có khổ 15.5 x 23cm, dày 244 trang, bìa cứng, bao da màu nâu, chữ tựa và hình 2 tay chấp đều mạ vàng. Nội dung gồm có:

1. Thay lời tựa, 2. Nghi thức thọ Tam quy, 3. Nghi thức thọ Ngũ giới, 4. Nghi thức thọ Thập thiện, 5. Nghi thức thọ Bát quan trai giới, 6. Nghi lễ xả Bát quan trai giới, 7. Nghi thức thọ Giới Sa-di Ni, 8. Nghi thức thọ Giới Thức-xoa-ma-na, 9. Nghi thức thọ Giới Tỳ-kheo Ni, 10. Nghi thức của Giới sư Ni đem giới tử Ni đến chùa Tăng thọ giới, 11. Vài điều cần yếu trong khi truyền giới Tỳ-kheo Ni, 12. Pháp lễ cầu thầy truyền giới, 13. Phép bạch lễ tạ, 14. Văn phục nguyện, 15. Phép Kiết giới tràng và Đại giới, 16. Phép Kiết giới không mất y, 17. Phép giải đại giới, 18. Phép Kết tiêu giới để thọ giới, 19. Phép giải tiêu giới đã thọ giới, 20. Phép Kiết giới Tịnh trừ, 21. Phép giải giới Tịnh trừ, 22. Phép Kiết giới Tịnh khô, 23. Vài điều cần biết khi Kiết và Giải các giới, 24. Kiết hạ An cư, 25. Chúng sắp đến ngày An cư, 26. Phép Đại đức Ni đối thú An cư, 27. Phép đại chúng An cư, 28. Phép hậu An cư, 29. Phép thọ nhứt ra ngoài giới, 30. Phép thọ bảy ngày và ngoài giới, 31. Phép thọ ngày còn dư ra ngoài giới, 32. Phép Tự tứ của Ni chúng, 33. Phép Sám hối, 34.

- Phép Ni sai người Tự tứ đến trong đại Tăng, 35. Ngày rằm Tự tứ, 36. Phép chính Tự tứ, 37. Phép bốn người trở xuống lần lượt Tự tứ, 38. Phép Gởi dục, 39. Thọ dục rồi chuyển trao gởi dục cho vị khác, 40. Phép Thuyết dục, 41. Đi bái tuế, 42. Phép cho cạo tóc thọ giới, 43. Phép cho cạo tóc, 44. Phép cho xuất gia trao giới Sa-di Ni, 45. Phép cho ngoại đạo cùng ở, 46. Phép cầu xin Y chỉ, 47. Nghi thức thể phát, 48. Phép Tỳ-kheo Ni nuôi chúng, 49. Phép Ni chúng trao giới Thức-xoa-ma-na, 50. Thịnh Tam sư thất chứng Ni, 51. Có các nạn sự duyên không cho thọ giới.

Tác phẩm này được tái bản năm 2013, Nxb Tôn Giáo.

1.198. GIỚI ĐÀN TĂNG

Dịch giả:

HT. Thích Thiện Hòa (1907-1978)

Nxb. Tôn Giáo, PL. 2555 – DL. 2011

Sách có khổ 16 x 20cm, dày 288 trang, bìa cứng, bao da màu nâu, chữ tựa và hình bánh xe pháp luân đều mạ vàng.

Nội dung gồm có 55 mục chính: 1. Nghi thức thọ Quy giới, 2. Nghi thức thọ Ngũ giới, 3. Phép thọ giới Bát quan trai, 4. Nghi lễ xả giới Bát quan trai, 5. Phép truyền thọ giới Sa Di, 6. Nghi thức thọ giới Tỳ Kheo, 7. Khoa tiết truyền giới Bồ Tát, 8. Nghi thức của Giới sư Ni đem giới tử Ni đến chùa Tăng thọ giới, 9. Vài điều cần yếu trong khi truyền giới Tỳ-kheo Ni, 10. Phép lễ cầu thầy truyền giới, 11. Phép bạch lễ tạ, 12. Văn phục nguyện (sau khi truyền giới xong), 13. Phép kiết giới tràng và đại giới, 14. Phép kiết giới không mất y, 15. Phép giải đại giới, 16. Phép kiết tiêu giới để thọ giới, 17. Phép giải tiêu giới đã thọ giới, 18. Phép kiết giới tịnh trừ, 19. Phép giải giới tịnh trừ, 20. Phép kiết giới tịnh khô, 21. Vài điều cần khi kiết và giải các giới, 22. Kiết hạ an cư, 23. Sắp đến

ngày an cư, 24. Phép Thượng tọa đối thú an cư, 25. Phép đại chúng an cư, 26. Phép hậu an cư, 27. Phép tâm niệm an cư, 28. Phép thụ nhứt ra ngoài giới, 29. Phép thụ bảy ngày ra ngoài giới, 30. Phép thọ ngày còn dư ra ngoài giới, 31. Phép thọ ra ngoài giới nửa tháng hoặc một tháng, 32. Phép tự tứ, 33. Phép sám hối, 34. Phép chính tự tứ, 35. Phép 4 người trở xuống lần lượt tự tứ, 36. Phép 1 người tâm niệm tự tứ, 37. Phép tu tiến hành đạo và thêm ngày tự tứ, 38. Phép cạo tóc thọ giới, 39. Phép cho cạo tóc, 40. Phép cho xuất gia trao giới Sa Di, 41. Phép cho ngoại đạo cùng ở, 42. Phép cầu xin y chỉ, 43. Nghi thức thể phát (cạo tóc), 44. Phép Tỳ-kheo Ni nuôi chúng, 45. Phép Ni chúng trao giới cho Thức-xoa Ma-na Ni, 46. Phép tự tứ của Ni chúng, 47. Phép Ni sai người tự tứ đến trong đại Tăng, 48. Ngày rằm tự tứ, 49. Phép gởi dục, 50. Thọ dục rồi chuyển trao gởi dục cho vị khác, 51. Phép thuyết dục, 52. Đi bán tuế, 53. Ni chúng sắp đến ngày an cư, 54. Tỉnh tam sư thất chúng, 55. Có các nạn sự duyên không cho thọ giới. *Phụ lục*: 56. Nghi thức truyền thọ Thập thiện. *Tác phẩm Giới Đàn Tăng được tái bản nhiều lần: Năm 1960, Phật học đường Nam Việt ấn hành; năm 1988 ấn hành; năm 2006, Nxb Tôn Giáo.*

1.199. GIỚI KINH CĂN BẢN BẬ-SÔ NI CỦA THUYẾT NHỨT THIẾT HỮU BỘ

(Căn bản Thuyết Nhứt thiết Hữu bộ Bật-sô Ni Giới Kinh)

Hán dịch:

Tam tạng Pháp sư Nghĩa Tịnh (635-713)

Việt dịch: *Thích Tâm Hạnh*

Tác phẩm Giới Kinh này gồm có: Bài tựa Giới Kinh; I. Tám pháp Ba-la-thị-ca (Pàràjika), II. 20 Pháp Tăng-già-phạt-thi-sa (Sanghadisesa), III. 33 Pháp Ni-tát-kỳ-

ba-dật-đề-ca (Nissaggiya Pàcittiya), IV. 180 Pháp Ba-dật-đề-ca (Pàcittiya), V. 11 Pháp Ba-la-đề-đề-xá-ni (Patidesaniya), VI. Pháp Chúng học (Sekkhiyavatta), VII. Bảy pháp Diệt tránh (Adhikarana samatha); Phần kết. (<https://phatphapungdung.com>, *Pháp bảo/Luật tạng*)

1.200. GIỚI LUẬT BẠC TỖ-KHEO

Phật-đà-da-xá

Soạn dịch: *Nguyễn Minh Tiến*

Nxb Tôn Giáo – 2018. Sách có khổ 14.5 x 20.5cm, có 207 trang, bìa mềm.

Nội dung gồm: Lễ thọ giới Tỳ-kheo, Phần Hán văn; Giới luật Tỳ-kheo, I. Phần mở đầu Giới Kinh, II. Bốn pháp Ba-la-di, III. Mười ba pháp Tăng-già-bà-thi-sa, IV. Hai pháp không xác định, V. Ba mươi pháp Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề, VI. Chín mươi pháp Ba-dật-đề, VII. Bốn pháp Ba-la-đề-xá-ni, VIII. Một trăm pháp cần phải học, IX. Bảy pháp dứt sự tranh cãi, X. Lời dạy của chư Phật, XI. Bài kệ kết thúc lễ tụng giới; Phần Hán văn.

1.201. GIỚI LUẬT - BẠC TỖ-KHEO NI

Phật-đà-da-xá

Soạn dịch: *Nguyễn Minh Tiến*

Nxb Tôn Giáo – 2018. Sách có khổ 14.5 x 20.5cm, có 263 trang, bìa mềm.

Nội dung gồm có: Lễ thọ giới Tỳ-kheo Ni, A. Nghi thức ở chúng Tỳ-kheo Ni, B. Nghi thức ở chúng Tỳ-kheo; Giới luật Tỳ-kheo Ni, I. Phần mở đầu Giới Kinh, II. Tám pháp Ba-la-di, III. Mười bảy pháp Tăng-già-bà-thi-sa, IV. Ba mươi pháp Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề, V. Một trăm bảy mươi tám pháp Ba-dật-đề, VI. Tám pháp Ba-la-đề-xá-ni, VII. Một trăm pháp cần phải học, VIII. Bảy pháp dứt sự tranh cãi, IX. Lời dạy của chư Phật, X. Bài kệ kết thúc lễ tụng giới; Phần Hán văn.

1.202. GIỚI LUẬT CỦA HÀNG XUẤT GIA

(The Wheel Publication No 130/131
The Buddhist Monk's Discipline)

Tác giả: *Bhikkhu Khantipàlo*

Việt dịch: *Phạm Kim Khánh*

PL. 2514 – DL. 1970. Tác phẩm này có 63 trang (PDF), nội dung gồm: - Lời mở đầu; Những Giới tu tập, Giá trị của Giới luật, Cải cách Giới luật, Kỷ luật tổng quát, Vài sắc thái của Giới luật; Chào đón, Nơi ở, Tiền bạc, Thức ăn và thức uống, Di chuyển, Phẩm hạnh tổng quát, Kết luận. (*phatgiaionguenthuy.com, Tác phẩm*)

1.203. GIỚI LUẬT HỌC CƯƠNG YẾU

Nguyên tác:

HT. Thánh Nghiêm (1930-2009)

Dịch giả: *Tuệ Đăng*

Nxb Tp. Hồ Chí Minh - 2000. Sách có khổ 14 x 20cm, dày 526 trang, bìa mềm, nền đỏ, chữ tựa mạ vàng, có hình tượng Đức Phật (bán thân). Nội dung gồm có 7 thiên. Thiên thứ nhất, Tự luận, nói về Thọ giới, học giới và trì giới; sự truyền thừa và hoàng dương giới luật. Thiên thứ hai, nói về Quy y Tam bảo, phương pháp và lợi ích của quy y Tam bảo. Thiên thứ ba, nói về Ngũ giới, Thập thiện (phương pháp cầu thọ ngũ giới và công đức). Thiên thứ tư, nói về Bát quan trai giới. Thiên thứ năm, nói về Sa-di thập giới và Thức-xoa lục pháp. Thiên thứ sáu, nói về Tỳ-kheo, Tỳ-kheo Ni giới cương yếu. Thiên thứ bảy, nói về Bồ-tát giới cương yếu.

Sách Giới Luật Học cương yếu này được ấn hành lần đầu vào năm 1994; Nxb Phương Đông – 2007.

1.204. GIỚI LUẬT THIẾT YẾU HỘI TẬP (Trọn bộ 8 Tập)

Chú giải: Tỳ-ni Nhựt dụng Thiết yếu, Sa-di Luật nghi Yếu lược, Sa-di Ni Luật nghi Yếu lược

Biên dịch: *Nhựt Chiêu*

Sách có khổ 14.5 x 20.5cm, bìa cứng, cả bộ (8 tập) dày hơn 4.625 trang.

Tập 1, Nxb Tôn Giáo, PL. 2553 – DL. 2009, dày hơn 595 trang. Nội dung gồm có: Lời giới thiệu, Tôn chỉ và Ý nghĩa biên tập, Tổng luận về giới pháp Sa-di và Sa-di Ni, Chú giải Tỳ-ni Nhựt dụng thiết yếu, Tỳ-ni Nhựt dụng thiết yếu, Phụ lục: Giới thiệu sơ lược về các giới tướng, năm đức và mười pháp số; Chú giải Sa-di Luật nghi yếu lược, Mười giới sa-di, Hai mươi bốn uy nghi; Chú giải Sa-di Luật nghi yếu lược, Mười giới Sa-di Ni, Hai mươi hai uy nghi; Lời kết.

Tập 2, Nxb Tôn Giáo, PL. 2553 – DL. 2009, dày hơn 691 trang. Nội dung gồm có: Tôn chỉ và Ý nghĩa biên tập, Lời tựa chung,

Chú giải Kinh Bát Đại Nhân Giác, Lời nói đầu, A. Phần Tổng khởi, B. Phần Chánh thuyết, C. Phần Lưu thông, Thi hóa Kinh Bát Đại Nhân Giác;

Chú giải Kinh Phật Di Giáo, Lời nói đầu, A. Phần tựa, B. Phần Chánh tông, C. Phần lưu thông;

Chú giải Văn Cảnh Sách, Lời nói đầu, Sơ lược tác giả và tác phẩm, A. Phần trường hàng, I. Cảnh giác, 1. Cảnh giác nghiệp quả vô thường, 2. Cảnh giác xuất gia không trọn, 3. Cảnh giác không chịu tu, 4. Cảnh giác phải chịu luân hồi ác báo, 5. Kết thúc cảnh giác; II. Sách tấn, 1. Sách tấn xuất gia cho trọn vẹn, 2. Sách tấn thực hành những việc căn bản của người xuất gia, 3. Sách tấn tu thiền, 4. Sách tấn học hỏi, hoàng pháp, trai giới và hương thượng, III. Tổng kết, B. Phần trùng tụng, 1. Bài tụng nhắc nhở, 2. Bài tụng chỉ pháp, Thi hóa; *Chú giải Văn khuyển phát tâm*

Bồ-đề, Lời nói đầu, Sơ lược tác giả và tác phẩm, A. Phần tựa, I. Nêu chung tâm nguyện: Giới thiệu trước về việc tu hành, II. Biện biệt tâm nguyện: Tiêu chuẩn lập hạnh, 1. Giới thiệu về tám tướng trạng phát tâm, 2. Những hình thức phát tâm, B. Phần Chánh tông, I. Nêu chung nguyên nhân phát tâm, II. Giải thích riêng về nghĩa chủ yếu của sự phát tâm: 1. Nhớ ơn nặng của Phật, 2. Nhớ công ơn cha mẹ, 3. Nhớ ơn sư trưởng, 4. Nhớ ơn thí chủ, 5. Nhớ ơn chúng sanh, 6. Nhớ khổ sanh tử, 7. Tôn trọng tính linh của mình, 8. Sám hối nghiệp chướng, 9. Cầu sanh Tịnh độ, 10. Làm cho chánh pháp tồn tại lâu dài, C. Kết luận – Phần lưu thông, 1. Tự mình phản tỉnh, 2. Khuyên khắp đại chúng, 3. So sánh khổ vui, 4. Dặn lại lần nữa, D. Lời bạt, Đ. Thi hóa;

Giới pháp Thức-xoa-ma-na-ni, Lời nói đầu, I. Tổng luận về giới pháp Thức-xoa-ma-na-ni, 1. Định nghĩa Thức-xoa-ma-na-ni, 2. Tại sao Sa-di Ni phải thọ giới pháp Thức-xoa, 3. Độ tuổi thọ giới Thức-xoa; II. Cách thức thọ giới Thức-xoa; III. Giới pháp Thức-xoa, 1. Học căn bản, 2. Học sáu pháp, 3. Học hành pháp, 4. Cách sám hối; IV. Kết luận, Nguyên bản chữ Hán và phiên âm Hán Việt, Thư mục tham khảo.

Tập 3, Chú giải: Tỳ-ni Nhựt dụng Thiết yếu giải, Quy Sơn Cảnh Sách Cú thích ký; Nxb Tôn Giáo, PL. 2554 – DL. 2010, dày hơn 263 trang. Nội dung gồm có 2 phần: Tôn chỉ và ý nghĩa biên tập, Lời tựa chung; *Phần một. Tỳ-ni Nhựt dụng Thiết yếu giải*, Ni sư Phật Oánh soạn thuật, Thích Nhựt Chiếu dịch; *Phần hai. Quy Sơn Cảnh Sách cú thích ký*, Thiền sư Linh Hựu soạn, Luật sư Hoàng Tấn phân câu giải thích, Tỳ-kheo Khai Quynh ghi chú, Thích Nhựt Chiếu dịch.

Tập 4, Chú giải: Giới Bồ-tát trong Kinh Phạm Võng; Nxb Tôn Giáo, PL. 2553 –

DL. 2009, dày hơn 561 trang; Nội dung gồm có 4 phần: Lời nói đầu, Mục lục, Giới thiệu khái quát về Giới bốn Bồ-tát, Chú giải Giới bốn Bồ-tát: I. Nguyên do đầu mối thuyết giới, 1. Đầu mối đầu vết truyền giới, 1.1 Phần Trường hàng, 1.2 Kệ tụng, 2. Nói ngay việc dưới cây khuyến phát, 2.1 Kinh gia tự thuật, 2.2 Đức Phật Thích-ca tự thuyết; II. Liệt kê giới tướng nặng nhẹ, 1. Mười giới nặng, 1.1 Nêu chung, 1.2 Giải thích riêng, 2. Bốn mươi tám giới nhẹ, 2.1 Nêu chung, 2.2 Giải thích riêng, 2.3 Tổng kết 48 giới nhẹ; III. Khuyên đại chúng phụng hành: 1. Nêu pháp tụng, 2. Dặn dò người lưu thông, 3. Lợi ích của sự lưu thông, 4. Khuyên phụng hành lần thứ hai, 5. Đại chúng vui vẻ thọ trì; IV. Phần lưu thông ích đời, 1. Kết thúc khai thị, 2. Kệ tán.

Tập 5, Hội giải Giới bốn Bồ-tát trong Kinh Phạm Võng; Nxb Tôn Giáo – 2011, dày hơn 586 trang. Nội dung gồm có: Lời tựa cho bản Việt ngữ, Phạm lệ, Lời tựa; Giới bốn Bồ-tát trong Kinh Phạm Võng, Mục lục phân khoa (chi tiết), Phần trên: Theo văn thích nghĩa, Mười giới nặng, Bốn mươi tám giới nhẹ; Phần dưới: Biểu ghi, Tánh giá-bày chứng và Đại – Tiểu thừa, Lý giải về quán tâm, Bảng ghi hành pháp sám hối, Bảng ghi chung sự sai biệt về tu chứng và pháp môn, tính ác; Phụ lục: Tập hợp và biên theo loại những bằng chứng về trì giới và phạm giới; Phần trên: Môn trì giới, 1. Thuyết minh chung, 2. Công đức, 3. Tinh tấn; Phần dưới: Môn phạm giới, 1. Răn dạy, 2. Nghiệp báo, 3. Sám hối.

Tập 6, Tổng Tập Giới Pháp Tại Gia; Nxb Tôn Giáo, PL. 2556 – DL. 2012, dày hơn 734 trang. Nội dung tác phẩm gồm có 3 phần chính: Lời nói đầu, Mục lục Tổng quát; *Phần một, Giới pháp tại gia được trích lược từ Kinh tạng Pàli*: Tiểu dẫn, Phần

A. Giới pháp căn bản Phật dạy trực tiếp cho người tại gia, Kinh Tiểu Bộ: Tiểu Tụng, Tam quy-Thập giới; Kinh Trường Bộ: Kinh Giáo thọ Thi-ca-la-việt; Kinh Tăng Chi Bộ: Các lễ Uposatha (Bồ-tát); Phần B. Giới pháp căn bản Phật dạy cho người xuất gia nhưng nội dung chung cho cả hai chúng, Kinh Tương Ưng Bộ: Năm học pháp-Mười nghiệp đạo; Kinh Tăng Chi Bộ I: Học giới-Sát sanh-Ăn trộm; Kinh Tăng Chi Bộ II: Có giới (1)-Có giới (2)-Ác giới-Giới-Năm pháp (1); Kinh Tăng Chi Bộ III: Phạm ngày trai giới; *Phần hai. Giới pháp tại gia được trích lục từ Kinh tạng A-hàm:* Tiểu dẫn, Tăng Nhất A-hàm: 1.P Tam bảo, 2.P Lễ Tam bảo, 3.P Ngũ giới; Trường A-hàm: 1.K Du hành, 2.K Thiện sanh, 3. Lễ bái sáu phương theo Thánh pháp, 4. Kệ tụng; Trung A-hàm: 1.K Thiện sanh, 2.K Người áo trắng, 3.K Trì trai; *Phần ba. Giới pháp tại gia được phiên dịch từ Luật bộ và Luật giải:* Giảng nghĩa Bát Quan Trai Giới, I. Giải thích tên gọi – Bát quan trai giới, II. Xuất thế, III. Thọ giới chuyển ác thành thiện, IV. Sự dị đồng giữa Năm giới và Tám giới, V. Sự dị đồng giữa Tám giới và Sa-di giới, VI. Nguyên do thọ pháp Tám quan trai, VII. Nội dung Tám quan trai giới, 1. Giới không sát sanh, 2. Giới không trộm cắp, 3. Giới không tà dâm, 4. Giới không nói dối, 5. Giới không uống rượu, 6. Giới không đeo tràng hoa thơm, không ca múa tấu nhạc, không đi nghe xem, 7. Giới không ngồi nằm giường cao rộng lớn, 8. Giới không ăn phi thời; VIII. Sáu ngày trai; IX. Điều kiện thọ Tám trai giới: 1. Chỉ có nhân loại có thể thọ giới này, 2. Phạm tội Ngũ nghịch, phá tịnh giới thì không đắc giới, 3. Thời hạn thọ giới, 4. Phương thức cầu thọ; Năm giới là vị thầy tốt: Duyên khởi, I. Năm giới là vị thầy tốt, 1. Giới không sát sanh, 2. Giới không trộm cắp, 3.

Giới không tà dâm, 4. Giới không vọng ngữ, 5. Giới không uống rượu; II. Không nói lỗi của bốn chúng, III. Kết thúc khuyên phụng hành, IV. Hỏi đáp về sự thanh tịnh của giới, Kệ Hồi hướng khắp cả; Giới Bồ-tát tại gia, Mười điều lành, Thập thiện giới (tham khảo thêm); Nếp sống của Phật tử tại gia: Những vấn đề Phật tử tại gia cần biết, 1. Khái quát về Giới học, 2. Sơ lược về Giới pháp của người Phật tử tại gia, 3. Người Phật tử tại gia tu hành có hy vọng và mục đích gì? 4. Vai trò và bổn phận của người cư sĩ, 5. Lễ Bồ-tát, thuyết giới của hàng cư sĩ; Năm giới là nền tảng xây dựng đạo đức cá nhân và xã hội: A. Dẫn nhập, B. Nội dung, I. Tổng quan về Giới luật, 1. Ý nghĩa của Giới, 2. Vai trò của Giới, 3. Công năng và lợi ích của việc trì giới, 3.1 Công năng trì giới, 3.2 Lợi ích trì giới; II. Nội dung Năm giới, III. Năm giới góp phần xây dựng nền tảng luân lý đạo đức, 1. Năm giới giúp cá nhân lành mạnh, gia đình hạnh phúc, xã hội an ninh, 2. Năm giới là nền tảng luân lý đạo đức của con người, 3. So sánh Ngũ giới và Ngũ thường; C. Kết luận; Tài liệu tham khảo; Giới pháp của người Phật tử tại gia: A. Dẫn nhập, B. Nội dung, C.I Khái quát về Giới luật, 1. Nguyên nhân hình thành Giới luật, 2. Định danh Giới luật; C.II Nội dung Giới của Phật tử tại gia, 1. Ngũ giới, 2. Bát quan trai giới, 3. Thập thiện giới, 4. Bồ-tát giới, C.III Vai trò của Giới trong việc hình thành nếp sống đạo đức phạm hạnh, 1. Giới học và đạo đức, 2. Lợi ích thiết thực của Giới đối với cá nhân, 3. Sự cần thiết của Giới cho việc xây dựng một nền đạo đức xã hội; C. Kết luận; Tài liệu tham khảo; Vai trò của Giới luật trong đời sống của người Phật tử: A. Dẫn nhập, B. Nội dung, I. Tổng luận về Giới luật, II. Sơ lược về các loại Giới pháp, 1. Giới Thanh văn, Giới của người

tại gia, Giới của người xuất gia, 2. Giới Bồ-tát; III. Vai trò của Giới luật trong đời sống của người tại gia, 1. Đối với đời sống gia đình, 2. Đối với đời sống tâm linh; IV. Vai trò của Giới luật trong đời sống của người xuất gia, 1. Đối với đời sống cá nhân, 2. Đối với Tăng đoàn; V. Vai trò của Giới luật trong xã hội; C. Kết luận; Thư mục tham khảo.

Tập 7, Luật Học Đại Cương; Nxb Tôn Giáo, PL. 2557 – DL. 2013, dày hơn 611 trang. Nội dung sơ lược gồm có 5 phần: Lời nói đầu; Phần một. Khái quát về giới Luật, C.I Nguồn gốc của Giới luật, C.II Vài khái niệm về Giới luật; Phần hai. Sơ lược lịch sử truyền bá Giới luật, C.I Giới luật được truyền bá và Trung Quốc, C.II Sự truyền thừa Luật Tứ Phần, C.III Việc xiển dương Giới luật ở Việt Nam; Phần ba. Các loại Giới bản, C.I Giới Thanh văn, C.II Giới Bồ-tát; Phần bốn. Những phần Luật thiết yếu: C.I Yết-ma, C.II Cương giới, C.III Truyền thọ giới, C.IV Người nữ xuất gia thọ giới, C.V Bồ-tát – Thuyết giới, C.VI An cư và Tự tứ, C.VII Y Ca-thi-na, C.VIII Thuộc-tịnh thí và phân vật; Phần năm. Phạm giới-Sám hối và Trị phạt, C.I Phạm giới, C.II Sám hối và Trị phạt, C.III Các pháp Yết-ma trị phạt; Tài liệu tham khảo.

Xem: Luật Học Đại Cương do Nhựt Chiếu biên dịch.

Tập 8, Trình Bày Khái Quát Về Tông Luật-Sự Thành Lập Và Phát Triển; Nxb Tôn Giáo, PL. 2557 – DL. 2014, dày hơn 584 trang. Nội dung gồm: - Lời người dịch; Tôn chỉ và ý nghĩa của sự biên tập, Nguyên lai của giới luật và nghiên cứu về tinh thần căn bản của nó, Sự chế định giới luật và tổ chức Luật tạng, Bàn về mấy điểm trọng yếu của Tông Luật, Khái quát về Giới học, Chỉ dẫn đại cương về Luật học, Chung loại của Giới học, Giới Thanh

văn và giới Bồ-tát, Luật nghi Tỳ-kheo và Luật nghi Tỳ-kheo Ni, Khái quát về sự hoằng truyền giới luật của Trung Quốc, Giáo nghĩa và truyện ký lịch sử của Tông Luật, Sự phát triển của tư tưởng Giới luật.

1.205. GIỚI LUẬT và OAI NGHI của Bậc Sa-di & Sa-di Ni

Sa-môn Đàm-đế

Soạn dịch: *Nguyễn Minh Tiến*

Nxb Tôn Giáo – 2018

Sách có khổ 14.5 x 20.5cm, dày hơn 149 trang, bìa mềm. Nội dung gồm có: Lễ Thọ giới Sa-di, Phần Hán văn; Thập giới của Sa-di, Phần Hán văn; Oai nghi của Sa-di, Phần Hán văn; Lễ Thọ giới Sa-di Ni, Phần Hán văn; Thập giới của Sa-di Ni, Phần Hán văn; Oai nghi của Sa-di Ni, Phần Hán văn.

1.206. GIỚI PHÁP CỦA PHẬT TỬ TẠI GIA

Tác giả: *HT. Diệu Liên*

Thiền Liên – Chơn Hiền – Hạnh Tuệ

Biên dịch: *Thích Nhựt Chiếu*

Nxb Tôn Giáo, PL. 2552 – DL. 2008. Sách có khổ 14.5 x 20.5cm, dày 309 trang, bìa mềm. Nội dung gồm có 4 phần: *Phần I. Năm giới là vị thầy tốt*, Lời nói đầu, I. Năm giới là vị thầy tốt, Điều 1. Giới không sát sanh, Điều 2. Giới không trộm cắp, Điều 3. Giới không tà dâm, Điều 4. Giới không vọng ngữ, Điều 5. Giới không uống rượu, II. Không nói lỗi của bốn chúng, III. Kết thúc khuyến phụng hành, IV. Hỏi đáp về tính chất thanh tịnh của Giới; *Phần II. Năm Giới là nền tảng xây dựng đạo đức cá nhân và xã hội*, A. Dẫn nhập, B. Nội dung, I. Tổng quan về Giới luật, 1. Ý nghĩa của Giới, 2. Vai trò của Giới, 3. Công năng và lợi ích của việc trì Giới, 3.1 Công năng trì Giới, 3.2 Lợi ích trì Giới; II. Nội dung năm Giới; III. Năm

Giới góp phần xây dựng nền tảng luân lý đạo đức, 1. Năm Giới giúp cá nhân lành mạnh, gia đình hạnh phúc, xã hội an ninh, 2. Năm Giới là nền tảng luân lý đạo đức của con người, 3. So sánh Ngũ giới với Ngũ thường; C. Kết luận; Tư liệu tham khảo; *Phần III. Giới Pháp của người Phật tử tại gia*, A. Dẫn nhập, B. Nội dung, C.I Khái quát Giới luật, 1. Nguyên nhân hình thành Giới luật, 2. Định danh Giới luật; C.II Nội dung Giới của Phật tử tại gia, 1. Ngũ Giới, 2. Bát quan trai Giới, 3. Thập Thiện Giới, 4. Bồ-tát Giới; C.III Vai trò của Giới trong việc hình thành nếp sống đạo đức phạm hạnh, 1. Giới học và đạo đức, 2. Lợi ích thiết thực của Giới đối với cá nhân, 3. Sự cần thiết của Giới cho việc xây dựng một nền đạo đức xã hội, C. Kết luận; Tài liệu tham khảo; *Phần IV. Vai trò của Giới luật trong đời sống của người Phật tử*, A. Dẫn nhập, B. Nội dung, I. Tổng luận về Giới luật, II. Sơ lược về các loại Giới pháp, 1. Giới Thanh văn, Giới của người tại gia, Giới của người xuất gia, 2. Giới Bồ-tát; III. Vai trò của Giới luật trong đời sống của người tại gia, 1. Đối với đời sống gia đình, 2. Đối với đời sống tâm linh; IV. Vai trò của Giới luật trong đời sống của người xuất gia, 1. Đối với đời sống cá nhân, 2. Đối với Tăng đoàn; V. Vai trò của Giới luật trong xã hội; C. Kết luận; Thư mục tham khảo.

1.207. GIỚI PHÁP SA-DI NI

Chính lý: Luật Học Sa-môn Độc Thê

Dịch – giải: *Thích nữ Diệu Sơn*

Nxb Hồng Đức – 2018. Sách có khổ 14.5 x 20.5cm, có hơn 355 trang. Tác phẩm này gồm có 3 chương: *Chương I, Sơ lược cội nguồn giới luật* (- Những vị đệ tử đầu tiên thụ giới, - Lý do Phật chế giới, - Tiểu sử Luật sư Độc Thê); *Chương II, Dịch và giải*, 1. Bản dịch Việt văn Sa-di Ni Luật

nghi yếu lược: a. Định nghĩa Sa-di Ni, b. Giới luật (Lời mở đầu, Nội dung 10 giới), c. Uy nghi (Lời tựa, Nội dung 22 uy nghi); 2. Giải thích: a. Giải thích Sa-di Ni Luật nghi yếu lược, b. Giải thích sơ lược cội nguồn giới luật, c. Giải thích 10 giới: 1. Giới Sát, 2. Giới Trộm, 3. Giới Dâm, 4. Giới Nói dối, 5. Giới Rượu, 6. Giới Không thoa hương thơm và đeo vòng chuỗi, 7. Giới Không ngồi giường cao, rộng, 8. Giới Không múa, xem nghe nhạc, 9. Giới Không giữ vàng bạc và các vật quý, 10. Giới Không ăn phi thời; d. Lợi ích của sự giữ giới; e. Giải thích 22 uy nghi (Định nghĩa uy nghi, Giải thích từ ngữ); *Chương III, Tiểu sử Thiền sư Huệ Nam – Hoàng Long*, Lời dâng.

1.208. GIỚI PHÁP

THỨC-XOA-MA-NA-NI

Trường Phật học Lâm Đồng –

Giáo trình Luật học Trung cấp

Biên dịch: *Nhật Chiêu*

Nxb Tôn Giáo – 2008

Sách có khổ 14.5 x 20.5cm, có 134 trang, bìa mềm. Nội dung gồm có: Lời nói đầu, I. Tổng luận về Thức-xoa-ma-na Ni, 1. Thức-xoa-ma-na Ni là gì? 2. Tại sao Sa-di Ni phải thọ giới pháp Thức-xoa? 3. Độ tuổi thọ giới Thức-xoa; II. Cách thức thọ giới Thức-xoa; III. Giới pháp Thức-xoa, 1. Học căn bản, 2. Học sáu pháp, 3. Học hành pháp, 4. Cách sám hối; IV. Kết luận; Nguyên bản chữ Hán và phiên âm Hán Việt, Thư mục tham khảo, Mục lục.

1.209. GIỚI PHÁP

THỨC-XOA-MA-NA-NI

Biện soạn: *Luật Học Sa-môn Hoàng Tân*

Việt dịch: *Thích nữ Diệu Sơn*

Nxb Hồng Đức – 2016

Sách có khổ 14.5 x 20.5cm, dày 156 trang, bìa mềm. Nội dung gồm có: 1. Lời nói

đầu, 2. Giới Bốn Thức-xoa-ma-na-ni, 3. Lời đầu sách, 4. Tiểu sử Thiền sư Hoàng Tấn, 5. Lời tựa, 6. Dẫn bài GB. Thức-xoa-ma-na gồm ba phần 6.a. Học bốn giới căn bản, 6.b. Học sáu pháp, 6.c. Học 292 hành pháp, Chia 2 phần: c.1. 193 pháp thuộc giới, c.2. 99 pháp thuộc uy nghi, 7. Lời phụ, 8. Chú thích, 9. Phụ bản tiếng Hán, 10. Tài liệu tham khảo, 11. Lời cuối sách.

1.210. GIỚI PHÁP XUẤT GIA 1 – TỖ-KHEO GIỚI

Dịch giả: *Thích Trí Quang (1923-2019)*

Nxb Tp. Hồ Chí Minh,

PL. 2538 – DL. 1994

Sách có khổ 13 x 19cm, dày hơn 143 trang, bìa mềm. Nội dung gồm có: Ghi sau khi duyệt Tỳ-kheo giới; Dẫn nhập Tỳ-kheo giới của Tứ Phần Luật, Phần đầu Tỳ-kheo giới; Tỳ-kheo giới: Lời mở đầu, 4 giới khí, 13 giới Tăng-tàn, 2 giới Bất định, 30 giới Xả đọa, 90 giới Đơn đọa, 4 giới Hối quá, 100 giới học, 7 pháp Diệt tránh; Lời kết thúc; Phần cuối Tỳ-kheo giới; Ghi chú.

Tác phẩm này tái bản năm PL. 2547 – DL. 2003, Nxb Tôn Giáo, khổ 13 x 19cm, dày 145 trang, bìa mềm, nền trắng, chữ tựa màu đen, có hình Phật tay cầm bình bát.

1.211. GIỚI PHÁP XUẤT GIA 2 – TỖ-KHEO NI GIỚI

Dịch giả: *Thích Trí Quang (1923-2019)*

Nxb Tp. Hồ Chí Minh,

PL. 2538 – DL. 1994

Sách có khổ 13 x 19cm, dày hơn 161 trang, bìa mềm. Nội dung gồm có: Ghi sau khi duyệt Tỳ-kheo Ni giới; Phần đầu Tỳ-kheo Ni giới, Tỳ-kheo Ni giới: Lời mở đầu; 8 giới khí, 17 giới Tăng-tàn, 30 giới Xả đọa, 178 giới Đọa, 8 giới Hối quá, 100 giới Học, 7 pháp Diệt tránh; Lời kết thúc; Phần cuối Tỳ-kheo Ni giới; Ghi chú.

Tác phẩm này tái bản năm 1998, Nxb Tp. Hồ Chí Minh.

1.212. GIỚI PHÁP XUẤT GIA 3 – THỨC-XOA-MA-NA-NI GIỚI

Việt dịch: *Trí Quang (1923-2019)*

Nxb Tp. Hồ Chí Minh – 1994

Sách có khổ 13 x 19cm, dày 93 trang, bìa mềm.

Nội dung gồm có: Lời nói đầu, Mục lục, Tựa, Mục lục của *Giới bản Thức-xoa-ma-na-ni*, do Hoàng Tấn biên tập, Một. Học căn bản, Hai. Học 6 pháp, Ba. Học 292 hành pháp (Cách Sám hối 292 hành pháp); Ghi chú.

1.213. GIỚI PHÁP XUẤT GIA 4 và 5 – SA-DI GIỚI và SA-DI NI GIỚI

Dịch giả: *Thích Trí Quang (1923-2019)*

Nxb Tp. Hồ Chí Minh,

PL. 2538 – DL. 1994

Sách có khổ 13 x 19cm, dày 431 trang, bìa mềm.

Nội dung gồm có: Thay lời tựa, Dẫn nhập, Mục lục, Một. Phần kính phụng Di giáo, Hai. Phần dịch âm-dịch nghĩa, 1. Tỳ-ni, 2. Cảnh sách, 3. Sa-di Luật nghi, 4. Sa-di Ni Luật nghi, Ba. Phần sao lục Hoa văn: 1. Tỳ-ni, 2. Cảnh sách, 3. Sa-di Luật nghi, 4. Sa-di Ni Luật nghi, Phụ lục: Bản văn chữ Hán.

Luật này được tái bản năm 1996, Nxb Tp. Hồ Chí Minh; năm PL. 2542 – DL. 1998, Nxb Tp. Hồ Chí Minh, khổ 13 x 19cm, dày 431 trang, bìa mềm, nền trắng, chữ tựa màu đen.

1.214. GIỚI PHÁP XUẤT GIA – TẠI GIA BỒ-TÁT

Việt dịch: *Trí Quang (1923-2019)*

Nxb Tp. Hồ Chí Minh,

PL. 2542 – DL. 1998

Sách có khổ 13 x 19cm, dày hơn 353 trang, bìa mềm.

Nội dung gồm có: Lời nói đầu, Mục lục; Phần I, Dịch giả, C.1 Dẫn nhập, C.2 Dịch giải Nghi thức tụng Bồ-tát giới Phạm Võng, C.3 Dịch giải Chính văn Bồ-tát giới Phạm Võng; Phần II, Trì tụng, C.1 Phụ lục Nghi thức tụng Bồ-tát giới Phạm Võng, C.2 Chính văn Bồ-tát giới Phạm Võng; Phần III, Phụ lục: 1. Danh sách Bồ-tát giới Phạm Võng, 2. Phân loại Bồ-tát giới Phạm Võng đối với xuất gia-tại gia.

Tác phẩm này đã xuất bản năm PL. 2540 – DL. 1996, Nxb Tp. Hồ Chí Minh, Tỳ-kheo Tịnh Hạnh (Đài Loan) ấn tống; Sách có khổ 13 x 19cm, dày 357 trang, bìa mềm, nền trắng, chữ tựa màu đen, có hình Đức Phật cầm bình bát.

1.215. GIỚI TỖ-KHEO TRONG LUẬT TỨ PHẦN

(Tứ Phần Luật Tỳ-kheo Giới Bốn)

Hán dịch: *Phật-đà-da-xá*

Việt dịch: *Thích Trí Thủ (1909-1984)*

Tác phẩm Giới luật này gồm có 10 chương: C. Mở đầu, Tựa thuyết giới; C.I Pháp Ba-la-di; C.II Tăng-già-bà-thi-sa; C.III Pháp bất định; C.IV Ni-tát-kỳ-ba-dật-đề; C.V Ba-dật-đề; C.VI Ba-la-đề-xá-ni; C.VII Pháp chúng học; C.VIII Pháp diệt tránh; C. Kết, 1. Kết thuyết, 2. Thấy Phật giới Kinh, 3. Khuyến giới. (<https://phatphapungdung.com>; *Pháp bảo-Luật tạng*)

1.216. GIỚI TỖ-KHEO TRONG LUẬT TỨ PHẦN

(Tứ Phần Luật Tỳ-kheo Giới Bốn)

Hán dịch: *Phật-đà-da-xá*

Việt dịch và chú thích:

Thích Trí Quang (1923-2019)

Toàn bộ tác phẩm Giới luật này gồm có 3 phần, 9 mục: I. Phần đầu Tỳ-kheo giới, II.

Tỳ-kheo giới, 1. Lời mở đầu, 2. Bốn giới khí, 3. Mười ba giới Tăng tàn, 4. Hai giới bất định, 5. Ba mươi giới xả đọa, 6. Chín mươi giới đọa, 7. Bốn giới hồi quá, 8. Bảy pháp diệt tránh, 9. Lời kết thúc; III. Phần cuối Tỳ-kheo giới. (<https://phatphapungdung.com>; *Pháp bảo-Luật tạng*)

1.217. GIỚI THIỆU VỀ TẠNG LUẬT

Tác giả: *Tỳ-kheo Indacanda*

(Trương Đình Dũng)

Tác phẩm này gồm có: Tạng luật tiếng Việt: 1. Phân tích giới Tỳ-kheo, 2. Phân tích giới Tỳ-kheo Ni, 3. Đại phẩm, 4. Tiểu phẩm, 5. Tập yếu (2005); Các bản dịch của Tỳ-kheo Indacanda (cập nhật 2010): Trọn bộ bản dịch về Tạng luật Pàli (9 tập); Các bản dịch thuộc Tạng luật Pàli (6 tập); Các dịch phẩm và tài liệu khác về Pàli; Các bản dịch từ Sankrit (Pdf. Files). (thuvienhoasen.org, *Luật*)

H

1.218. HAI CÁNH NHÀ NI – Bộ 2 Tập

Biên soạn:

Tỳ-kheo Ni Hải Triều Âm (1920-2013)

Nxb Tôn Giáo, PL. 2561 – DL. 2017 (Tái bản lần 2, có bổ sung)

Sách có khổ 14.5 x 20.5cm, cả bộ dày hơn 666 trang.

Tập I, Hai Cánh Nhà Ni - Phần Chỉ, Luật Tứ Phần lược ghi, dày hơn 355 trang. Nội dung gồm: Thay lời bạch, Tiểu sử Cố Sư trưởng Hải Triều Âm, Duyên khởi, Phạm lệ, Kệ khai Luật, Tổng bày Giới tướng: I. Ba-la-di, II. Tăng-tàn, III. Xả đọa, IV. Ba-dật-đề, V. Pháp Hối quá, VI. Chúng học, VII. Pháp Diệt tranh cãi, VIII. Lược giáo, Khuyến học các pháp, Quyết nghị, Kệ tụng Hồi hướng; Những điều cần biết: 1. Pháp truyền giới Tỳ-kheo Ni, 2. Pháp Y chỉ, 3. Độ ngoại đạo, 4. Pháp nuôi bệnh, 5. Pháp hiếu cha mẹ, 6. Pháp đồng học, 7. Pháp trị tội, 8. Pháp thượng tòa, 9. Tương trừ ngũ cái, 10. Phước báo; Chung giới;

Tập II, Hai Cánh Nhà Ni - Phần Tác, Pháp Yết-ma Chỉ Nam, dày hơn 311 trang. Nội dung gồm: I. Pháp thông dụng: 1. Tác pháp Sám-ma, 2. Nghi thức Bồ-tát, 3. An cư, 4. Tự tứ, 5. Y công đức, 6. Chia Tăng vật, 7. Chia vật vong; II. Trị phạt: 1. Ba-la-di học hồi, 2. Tăng-tàn, 3. Thâu-lan-giá, 4. Yết-ma không thấy tội, 5. Yết-ma không sám tội, 6. Can hai Ni thân gần phi pháp, 7. Diệt tẩn, 8. Cuồng si; III. Kết giải các giới: 1. Đại giới, 2. Giới tràng, 3. Tiểu giới, 4. Tịnh trừ (bếp), 5. Tịnh khố, 6. Kho tàng, 7. Không mất y; IV. 1. Tam quy, 2. Ngũ giới, 3. Bát quan trai, 4. Cạo tóc, 5. Độ ngoại đạo, 6. Truyền giới Sa-di Ni, 7.

Truyền giới Thức-xoa, 8. Truyền giới Tỳ-kheo Ni.

1.219. HỌC PHẬT HÀNH NGHI (Phép Tác Cho Người Học Phật)

Lược dịch và phụ chú: *Thích Minh Thông*

Lưu hành nội bộ - 2010

Tác phẩm này gồm có 24 bài: Lời tựa, Lời thưa, Lời giới thiệu; B.1 Tôn kính Phật, B.2 Kính trọng Pháp, B.3 Cung kính Tăng, B.4 Trụ am thất, B.5 Hầu thầy, B.6 Phụng dưỡng người thân, B.7 Làm Bồ-tát ở nhà, B.8 Tiếp đãi khách, B.9 Đọc Kinh sách, B.10 Làm quan chức, B.11 Làm thương mại, B.12 Làm nghề nông, B.13 Làm công cho người, B.14 Làm việc chúng, B.15 Lễ bái tụng Kinh, B.16 Ngồi thiền, B.17 Nghi biểu khi ăn, B.18 Ngủ nghỉ, B.19 Cùng người ở chung, B.20 Chăm sóc người bệnh, B.21 Nhập thất tịnh tu, B.22 Duyên sự khi ra ngoài, B.23 Tổng táng hậu sự, B.24 Các việc trong Thiên đường; Phụ lục: a. Lời di chúc và hộ niệm, b. Những điều gia quyến cần biết, c. Điều cần biết khi hộ niệm, d. Khai thị cho người lúc lâm chung, e. Quy tắc và ý nghĩa của sự hộ niệm.

1.220. Hội Giải GIỚI BỒN BỒ-TÁT TRONG KINH PHẠM VŨNG

Biên soạn: *Lý Viên Tịnh*

Viết dịch: *Nhật Chiêu*

Ấn Tổng, PL. 2544 – DL. 2000

Sách dày hơn 670 trang, nội dung gồm có: Lời tựa cho bản Việt ngữ, Lời tựa, Giới bồn Bồ-tát trong Kinh Phạm Võng, Đồ biểu Phân khoa, *Phần trên*. Theo văn thích nghĩa, Mười giới nặng, Bốn mươi tám giới nhẹ; *Phần dưới*. Lý giải về quán Tâm, Bảng ghi Hành pháp Sám hối, Bảng ghi sự Sai biệt về Tu chứng và pháp môn tánh ác; Phụ lục: Tập hợp và biên theo loại những bằng chứng về Trì-Phạm, Phần trên. Môn

Trì giới, 1. Thuyết minh chung, 2. Công đức, 3. Tinh tấn; Phần dưới. Môn Phạm giới, 1. Răn dạy, 2. Nghiệp báo, 3. Sám hối.

1.221. HỢP LUẬN VỀ TƯ TƯỞNG TỔNG LUẬT

Tùng San Học Thuật Phật Giáo Hiện Đại Chuyên Về Môn Tông Luật – Tập 2
Chủ biên: *Trương Mạn Đào*
Tuyển dịch: *Thích Nhật Chiêu*
Nxb Tôn Giáo, PL. 2648 – DL. 2004
Sách có khổ 14.5 x 20.5cm, dày hơn 469 trang, bìa cứng. Nội dung gồm có: Lời người dịch, Chỉ thú biên dịch, Mục lục, 1. Lược bàn về Giới bốn Bồ-tát trong Du-già và Giới bốn Bồ-tát trong Kinh Phạm Võng (Minh Tính); 2. Luật nghi Bồ-tát (Tục Minh); 3. Phạm Võng và Du-già (Long Tuệ); 4. Tư tưởng Giới luật (Lý Thế Kiệt); 5. Đại cương Giới luật và Hình phạt (Long Tuệ); 6. Tinh yếu của Triết học Pháp luật Phật giáo (Lý Thế Kiệt); 7. Luật chế rất coi trọng Can gián và bàn bạc (Nhân Tuán); 8. Trọng Pháp-trọng Luật và Pháp Luật đều trọng (Nhân Tuán); 9. So sánh Ngũ giới và Ngũ thường (Linh Không); 10. Vài ý kiến thô thiển về Truyền giới Bồ-tát tại gia theo Kinh An Lạc Bốn Nghiệp (Niệm Sinh); 11. Bàn về việc “Phá Tăng” của Đề-bà-đạt-đa (Ấn Thuận); 12. Quan hệ với “không ăn phi thời” (Tục Minh); 13. Nêu tội và xuất tội (Nhân Tuán); 14. Lược thuật về bất học và vô tri trong Luật (Liễu Liễu); 15. Những điểm quan trọng của Luật học (Tông Luật); 16. Mạn đàm về Luật tạng (Thanh Lưu); 17. Tổng luận về Giới bốn của các nhà... (Lữ Trùng); 18. Xét duyệt Giới bốn trong Tạng yếu và bản Tạng văn (Ánh Nguyệt); 19. Nghiên cứu về sự tập thành Kinh Ba-la-đề-mộc-xoa (Ấn Thuận); 20. Một bộ trước tác đồ sộ “Quý hơn ngọc lớn” (Nhi

Mai); 21. Một ít hiểu biết về sự Trì giới (Đường Trọng Dung); Phụ lục.

1.222. HỢP SAN TẠI GIA LUẬT HỌC KHÁI THUYẾT -

NGŨ GIỚI BIỂU GIẢI Giảng Yếu

Biểu giải: *Thượng nhân Sám Vân*

Tuyên giảng: *HT. Thích Quả Thanh*

Việt dịch: *Cư sĩ Diệu Hiệp*

Nxb Hồng Đức – 2019. Sách có khổ 16 x 24cm, có hơn 162 trang.

Nội dung gồm có: *Tại gia Luật học Khái thuyết*, Lời nói đầu, I. Giải thích tiêu đề, 1. Tại gia, 2. Luật học, a. Luật có 3 tên gọi, b. Luật có 4 ý nghĩa, c. Tam tụ tịnh giới, d. Kết tiêu đề; II. Tính quan trọng của Luật học tại gia; III. Giảng giải nội dung Luật học tại gia; IV. Bồ-tát tại gia làm sao để trì giới thật tốt, 1. Thọ giới, 2. Học giới, 3. Thái độ trì giới, 4. Nguyên tắc trì giới, 5. Uy nghi trì giới, 6. Sám hối, 7. Gia hạnh, 8. Đầy đủ năm loại tâm; VI. Kết khuyến; *Ngũ giới Biểu giải*, Lời tựa, 1. Ngũ giới biểu giải, 2. Tu pháp Lục niệm, 3. Tu pháp tam nhãn, 4. Tu pháp tam từ (tu pháp Bi-Hỷ-Xả cũng liệt vào như Từ), 5. Pháp thất chư hành Từ, 6. Tu pháp quán Tứ niệm xứ, 7. Pháp quán Tứ niệm xứ-bốn pháp quán Tổng biệt, 8. Thuật lại ý nghĩa duyên khởi Tứ niệm xứ, 9. Thọ giới và Sám hối, 10. Giải thích sơ về nội dung quan trọng của đoạn văn trước-Luật sư Linh Chi đời nhà Tống, 11. Căn nguyên phạm giới tạo nghiệp, 12. Pháp ngữ trong Kinh Luận, 13. Thuật yếu, 14. Văn tự phù hợp và tương thông giữa sách Nho và Giới Luật, Lời bạt, Bài ca thọ giới, Bài ca Năm giới; *Ngũ giới Biểu giải Giảng yếu*, Lời nói đầu, I. Giới sát, 1. Giải thích danh xưng và ý nghĩa, 2. Ý nghĩa chế giới, 3. Thứ tự, 4. Đủ duyên thành phạm, 5. Tội nặng-nhẹ, 6. Khai duyên và ngăn cấm, 7. Quả báo của sát sanh, 8. Quả báo của giới sát; II. Giới

trộm cắp, 1. Giải thích danh xưng và ý nghĩa, 2. Ý nghĩa chế giới, 3. Thứ tự, 4. Đủ duyên thành phạm, 5. Tội nặng-nhẹ, 6. Khai duyên và ngăn cấm, 7. Quả báo của trộm cắp, 8. Quả báo của giới trộm cắp; III. Giới dâm, 1. Giải thích danh xưng và ý nghĩa, 2. Ý nghĩa chế giới, 3. Thứ tự, 4. Đủ duyên thành phạm, 5. Tội nặng-nhẹ, 6. Khai duyên và ngăn cấm, 7. Quả báo của tà dâm, 8. Quả báo của giới dâm; IV. Giới vọng ngữ, 1. Giải thích danh xưng và ý nghĩa, 2. Ý nghĩa chế giới, 3. Thứ tự, 4. Đủ duyên thành phạm, 5. Tội nặng-nhẹ, 6. Khai duyên và ngăn cấm, 7. Quả báo của vọng ngữ, 8. Quả báo của giới vọng ngữ; V. Giới rượu, 1. Giải thích danh xưng và ý nghĩa, 2. Ý nghĩa chế giới, 3. Thứ tự, 4. Đủ duyên thành phạm, 5. Tội nặng-nhẹ, 6. Khai duyên và ngăn cấm, 7. Quả báo của uống rượu, 8. Quả báo của giới uống rượu; VI. Lời kết; Phụ lục.

K

1.223. KIỀN-ĐỘ THỌ GIỚI

Việt dịch: *Tỳ-kheo Ni Thích nữ Trí Hải (tự Như Hải)*

PL. 2554 – DL. 2010

Nội dung gồm có: Kiền-độ thọ giới thứ nhất, Nói về phụ hệ của Bồ-tát; Kiền-độ thọ giới thứ hai, Nói về việc Phật độ gia đình Trưởng giả Gia-thâu-già, Phật độ Y-la-bát Long vương; Kiền-độ thọ giới thứ ba, Phật độ Bình Sa vương, Phật độ Ưu-ba-đề-xá và Câu-luật-đà; Kiền-độ thọ giới thứ tư, Tiêu chuẩn tư cách của một vị thầy khi tiếp nhận đồ chúng, Lý do không trao giới Cụ túc cho người chưa đủ hai mươi tuổi, Nhân duyên La-hầu-la xuất gia;

Kiền-độ thọ giới thứ năm, Kiền-độ thuyết giới Phạm thứ năm.

1.224. Khai Thị Phép TAM QUY NGŨ GIỚI – KINH NIỆM PHẬT SỔ CHÂU CÔNG ĐỨC

Biên soạn: *TT. Thích Viên Thành*

Nxb Tôn Giáo, PL. 2555 – DL. 2011

Kinh có khổ 14.5 x 20.5cm, có 70 trang, bìa mềm, chữ tựa màu vàng và màu đỏ, có hình Đức Phật A-di-đà đứng trên mây, tay cầm hoa sen.

Nội dung gồm có: Lời mở đầu, Ý nghĩa Tam Quy, Những điều cần biết trong lễ Quy y, Chính Quy y, Khai thị Ngũ Giới; Kinh Lằn tràng, Phật nói Kinh Mộc hoạn tử, Phật nói Kinh Hiệu lượng sổ châu Công đức, Kim Cương đỉnh Du-già Niệm châu Kinh; Phụ dẫn: Tô-tát-địa Kinh, Chư Phật cảnh giới Nhiếp chân thực Kinh, Đà-la-ni Tập Kinh, Thủ hộ Quốc giới chủ Đà-la-ni Kinh, Tri hành tổng yếu; Phụ lục.

L

1.225. LUẬT BÍ-SÔ, 2 Tập

Hán dịch:

Tam tạng Pháp sư Nghĩa Tịnh (635-713)

Việt dịch:

Bí-sô Thích Đồng Minh (1927-2005)

Chánh Pháp Cữ Trụ - 1998. Toàn bộ tác phẩm Luật này có 50 quyển, phân làm 2 tập. *Tập 1*, có 25 quyển: Lời Phi lộ, Bài tựa Tỳ-nại-da, từ Q.1 đến Q.10, có 4 Ba-la-di, Giới 1. Học xứ Hạnh bất tịnh; Giới 2. Học xứ Không cho mà lấy, Giới 3. Học xứ Đoạn mạng người, Giới 4. Học xứ vọng nói mình đặc pháp thượng nhân; từ Q.11 đến Q.16, có: Mười ba Phép Tăng-già-phạt-thi-sa, Hai pháp Bất định; từ Q.17

đến Q.25, có: Ba mươi Phép Ni-tát-kỳ-ba-dật-đề; *Tập 2*, từ Q.26 đến Q.50. Nội dung: Phần 90 Ba-dật-đề-ca (tt), Q.26 (Học xứ 2-6) Măng nhiếc (tt); Q.27 (Học xứ 7-11) Đền người chưa thọ viên cụ nói thô tội; Q.28 (Học xứ 12-13) Cơ hiềm hủy bang khinh tiện; Q.29 (Học xứ 14-17) Không dọn dẹp phụ cụ (tt); Q.30 (Học xứ 18-21, Phần 1) Cố ý buông mình nằm nơi giường sỗ chân; Q.31 (Học xứ 21, Phần 2) Chúng không sai tội giáo thọ Bí-sô Ni; Q.32 (Học xứ 21, Phần 3-24) Chúng không sai tội giáo thọ Bí-sô Ni; Q.33 (Học xứ 25-30) May y cho Bí-sô không phải bà con; Q.34 (Học xứ 31) Ăn nhiều lần; Q.35 (Học xứ 32-33) Nơi cúng dường một bữa ăn mà thọ quá; Q.36 (Học xứ 34-39) Ăn đủ; Q.37 (Học xứ 40-48) Đồ ăn ngon; Q.38 (Học xứ 49-53) Dùng tay dọa đánh; Q.39 (Học xứ 54-58) Cùng người chưa thọ cận viên ngủ; Q.40 (Học xứ 59-65) Cầm nắm vật báu; Q.41 (Học xứ 66-76) Khủng bố Bí-sô; Q.42 (Học xứ 77-79) Không dự dục làm thỉnh đứng dậy; Q.43 (Học xứ 80-81) Vào tụ lạc phi thời không chúc thọ Bí-sô; Q.44 (Học xứ 82) Vào cửa vương cung, phần 1; Q.45 (Học xứ 82) Vào cửa vương cung, phần 1; Q.46 (Học xứ 82) Vào cửa vương cung, phần 3; Q.47 (Học xứ 82) Vào cửa vương cung, phần 4; Q.48 (Học xứ 82) Vào cửa vương cung, phần 5; Q.49 (Học xứ 83) Dối nói không biết; Bốn pháp Ba-la-đề-xá-ni: Học xứ 1, Nhận thức ăn từ Ni không phải bà con, Học xứ 2, Nhận Bí-sô Ni chỉ vẽ trong khi ăn; Q.50 (Học xứ 3 của 4 pháp): Thọ thực ngoài trú của A-lan-nhã, Học pháp số đông; Bảy pháp diệt tránh; Kệ giới Kinh của bảy Đức Phật... (www.thuvienphatgiao.com)

1.226. LUẬT BÍ-SÔ NY

Việt dịch: *Bí-sô Thích Đồng Minh (1927-2005) và Bí-sô Thích Đức Thắng*

Chánh Pháp Cữ Trụ,

PL. 2540 – DL. 1996

Sách dày 534 trang, bìa mềm. Nội dung gồm có: Bài tựa, C.I Tám pháp Ba-la-thị-ca, C.II Tăng-già-phạt-thi-sa, C.III Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề-ca, C.IV Ba-dật-đề-ca, C.V Ba-la-đề-đề-xá-ni, C.VI Pháp chúng học.

1.227. LUẬT BỒ-TÁT – PHÁP YẾT-MA

Việt dịch: *Tỳ-kheo Thích Trí Hải*

Nxb Tôn Giáo – 2014

Sách có khổ 14.5 x 20.5cm, có 193 trang, bìa mềm.

Nội dung gồm có: Lời nói đầu, Khởi nguyên Giới luật, Luật Bồ-tát Giới bốn, Phật thuyết Kinh Phạm Võng, Mười Giới trọng, Bốn Mươi tám Giới khinh, Phần Lưu thông – Hồi hướng, Phạm Võng Kinh (chữ Hán), Phần Tóm tắt Giới Bồ-tát, Đại cương Pháp Yết-ma, Bồ-tát Giới pháp Yết-ma văn, Tăng pháp Yết-ma Cụ thất phi, Thư mục tham khảo.

1.228. LUẬT CĂN BẢN CỦA NGƯỜI XUẤT GIA

(**Luật Sa-di Trường hàng nghĩa**)

Soạn dịch: *Thiện Thông – Đồng Bản – Nhựt Chiếu*

THPG Tp. Hồ Chí Minh ấn hành,

PL. 2536 – DL. 1992

Sách có khổ 15.5 x 23cm. Nội dung gồm có: Tỳ-ni Nhựt dụng Thiết yếu (âm nghĩa), Sa-di Luật nghi Yếu lược, Quyền thượng, Thượng thiên: Giới luật môn; Quyền hạ, Hạ thiên: Oai nghi môn; Quy Sơn Cảnh Sách, nghĩa.

1.229. LUẬT CHO NGƯỜI MỚI XUẤT GIA

Biên soạn: *Thích Huyền Vi (1926-2005)*

Tự viện Linh Sơn (9 avenue Jean Jaues, 94340 Joinville-le-Pont)

PL. 2539 – DL. 1995

Nội dung gồm có: I. Lời nói đầu, II. Luật Thiết yếu hằng ngày, III. Bộ Sa-di luật nghi, Quyền thượng: Giới luật; Quyền hạ: Oai nghi, IV. Cảnh sách, V. Tổ huấn, - Tổ Bách Trọng, - Chư Tổ, - Thanh quy Tùng lâm, VI. Hành nghi, VII. Mười điều Tâm niệm.

1.230. LUẬT HỌC CƠ BẢN – 5 Tập

Biên soạn:

Sa-môn Thích Minh Thành (1937-2000)

Nxb Tôn Giáo, PL. 2545 – DL. 2001

Bộ Luật này có khổ 14.5 x 20.5cm, tổng cộng 5 tập dày 884 trang, bìa mềm.

Tập 1, Tỳ-ni Sa-di Yếu Giải, có 210 trang, nội dung gồm: Lời mở đầu Luật học, *Tỳ-ni Yếu Giải*: Phần một, Nguồn gốc giới luật Phật giáo, I. Theo truyền thống giới luật Phật giáo, II. Sự xiển dương giới luật Phật giáo, 1. Thời kỳ nguyên thủy, 2. Thời kỳ bộ phái, 3. Thời kỳ phát triển (Hưng khởi Đại thừa), III. Sự phục hưng giới luật Phật giáo, IV. Chủ yếu của giới luật Phật giáo; Phần hai, Ứng dụng giới luật và pháp luật Phật giáo, I. Bản chất của giới luật, II. Sự phát triển giới luật và pháp luật Phật giáo, III. Các thành phần giới luật và pháp luật Phật giáo, IV. Ứng dụng tinh thần giới luật và pháp luật Phật giáo; Phần ba, Nội dung Tỳ-ni Nhật dụng Thiết yếu, I. Ý Tổ khai sáng Luật Tỳ-ni, II. Môn đệ khai triển luật Tỳ-ni, III. Ý nghĩa nhan đề và kệ chú, IV. Giải đề mục có 3 nghĩa môn, V. Giải đề Tỳ-ni ngày dùng thiết yếu, VI. Đại ý các bài kệ chú Tỳ-ni Nhật dụng Thiết yếu; Phần bốn, Phụ lục: Danh mục những luật bộ từ Đại tạng xuất phát: Tiểu thừa luật,

Đại thừa luật, Luật Việt dịch; *Sa-di Yếu Giải*: Lời mở đầu Luật Sa-di, Phần một, Nguồn gốc Luật này; Phần hai, Giải thích nhan đề và nêu mục tiêu giới luật, A. Giải thích nhan đề, B. Nêu mục tiêu giới luật; Phần ba, Mười giới Sa-di: 1. Không được sát sanh, 2. Không được trộm cắp, 3. Không được dâm dục, 4. Không được nói dối, 5. Không được uống rượu, 6. Không được vòng hoa thơm hay dùng hương thơm xoa mình, 7. Không được ca vũ hòa tấu biểu diễn và cố đi xem nghe, 8. Không được ngồi nằm giường cao tốt rộng lớn, 9. Không được ăn phi thời, 10. Không được nắm giữ sanh tượng bảo vật; Phần bốn, Kết luận và ứng dụng, Kết luận Thập giới, Phần phụ: Ứng dụng Bô-tát.

Tập 2, Oai Nghi – Cảnh Sách Yếu giải, có 142 trang, nội dung gồm: *Oai nghi Yếu giải*, có 16 bài như sau: Lời nói đầu, Dẫn nhập, B.1 Kính bậc Đại Sa-môn, B.2 Phép hầu thầy, B.3 Vào trong chúng, Phần phụ; B.4 Ăn theo chúng, B.5 Phép lễ tụng, B.6 Đi nghe pháp, B.7 Tập học Kinh điển, B.8 Theo chúng vào Thiên đường, B.9 Giữ việc làm, B.10 Vào nhà tắm, B.11 Vào nhà xí, B.12 Đến chùa Ni, B.13 Đến nhà người, B.14 Vào xóm chợ, B.15 Sự tiếp khách, B.16 Đi tham học phương xa; *Cảnh Sách Yếu giải*, Lời nói đầu và 12 bài với bài phụ: Cảnh sách Phân công.

Tập 3, Bô-tát Giới Yếu Giải, có 138 trang, nội dung như sau: Lời nói đầu, I. Khái lược đề mục của Bô-tát giới Phạm võng, 1. Giới học là cơ bản trọng yếu của Phật pháp, 2. Điểm dị đồng của giới Thanh văn và giới Bô-tát, 3. Lược giải đề mục của Kinh và đề mục của phẩm Tâm Địa; II. Danh sách Bô-tát giới Phạm Võng, A. Mười giới nặng, B. Bốn mươi tám giới nhẹ, I. 10 giới nhẹ thứ nhất, II. 10 giới nhẹ thứ hai, III. 10 giới nhẹ thứ ba, IV. 9 giới nhẹ thứ nhất, V. 9 giới nhẹ thứ hai; III.

Phân loại Bồ-tát giới đối với người xuất gia và tại gia, Một, Phân loại mười giới nặng, Loại a. Răn cả xuất gia và tại gia, Loại b. Răn xuất gia nhiều tại gia ít, Loại c. Răn tại gia; Hai, Phân loại 48 giới nhẹ, Loại a. Răn cả xuất gia và tại gia, Loại b. Răn xuất gia, Loại c. Răn tại gia, Loại d. Răn xuất gia nhiều tại gia ít, Loại đ. Răn tại gia nhiều xuất gia ít; Ba, Bồ-tát tại gia chỉ cần giữ tròn: A. 6 giới nặng, B. 28 giới nhẹ; IV. Phần nghi thức tụng Bồ-tát giới Phạm Võng: T.1 Quy kính khuyến khích, T.2 Sách tiên tu tập, T.3 Làm phương tiện trước, T.4 Lời tựa mở đầu, T.5 Chât vấn thanh tịnh; V. Phần chánh văn Bồ-tát giới Phạm Võng, T.1 Mở đầu về Bồ-tát giới Phạm Võng, M.1 Xuất xứ Bồ-tát giới Phạm Võng, M.2 Quy định mấy điều cốt yếu về Bồ-tát giới Phạm Võng, T.2 Giới điều của Bồ-tát giới Phạm Võng, M.1 Về 10 giới nặng của Bồ-tát giới Phạm Võng, M.2 Về 48 giới nhẹ của Bồ-tát giới Phạm Võng, T.3 Kết thúc và khuyến cáo thọ trì Bồ-tát giới Phạm Võng, M.1 Kết thúc về phần Bồ-tát giới (Giới pháp vô tận), M.2 Kết thúc toàn phẩm Bồ-tát Tâm địa giới (Pháp môn Tâm địa), M.3 Phụ lục kết thúc Bồ-tát giới bằng văn chỉnh cú; VI. Bồ-tát giới đại quan, a. Về căn bản, b. Về sự thọ, c. Về sự trì, d. Về ảnh hưởng, đ. Về đặc chất.

Tập 4, Tỳ-kheo Giới Yếu Giải, dày 200 trang, nội dung gồm: Lời nói đầu, I. Phần dẫn nhập, Tỳ-kheo giới của Tứ Phần Luật, a. Năm bộ Luật văn hệ Trung Hoa, b. Bộ Đàm-vô-đức với Tứ Phần Luật, c. Phân loại 250 giới của Tứ Phần Luật, d. Sự sinh hoạt giới luật của Phật và chư Tăng, đ. Tương quan Tỳ-kheo giới và Bồ-tát giới, e. Điều đáng nói là sự phá Tăng; II. Khái lược nội dung Tứ Phần Luật tạng và Tỳ-kheo giới bản, A. Nội dung Tứ phần luật tạng, B. Nội dung Tỳ-kheo giới bản; III.

Nhân duyên Phật kiết giới Tỳ-kheo 1. Kiết giới Tứ Ba-la-di, 2. Kiết giới Thập tam Tăng-tàn, 3. Kiết giới Nhị Bất định pháp, 4. Kiết giới Tam thập Xả đọa, 5. Kiết giới Cửu thập Đọa, 6. Kiết giới Tứ Hối quá, 7. Kiết giới Bách chúng học, 8. Kiết giới Thất Diệt tránh; IV. Khái lược nội dung các pháp Yết-ma, A. Nội dung Yết-ma, B. Các pháp Yết-ma; V. Bảng so sánh số lượng giới điều, A. Giữa Tỳ-kheo giới và sáu bộ Luật tạng, B. Bảng so sánh Ngũ thiên tội phối với Ngũ hình tội ở thế gian; VI. Phần quyết nghị.

Tập 5, Bồ-tát Ưu-bà-tắc Giới Kinh, có 194 trang, nội dung gồm có 28 phẩm: Lời nói đầu, Duyên khởi, P.1 Tập hội, P.2 Phát Bồ-đề tâm, P.3 Tâm từ bi, P.4 Giải thoát, P.5 Ba thứ Bồ-đề, P.6 Tu hạnh nghiệp 32 tướng, P.7 Phát nguyện, P.8 Bồ-tát giả và thật, P.9 Tâm kiên cố của Bồ-tát thật, P.10 Tự lợi và lợi tha, P.11 Trang nghiêm cho mình và người, P.12 Phước trí trang nghiêm, P.13 Nhiếp thủ, P.14 Thọ giới Bồ-tát, P.15 Tịnh giới, P.16 Trừ các điều ác, P.17 Cúng dường Tam bảo, P.18 Lục Ba-la-mật, P.19 Bồ thí Ba-la-mật, P.20 Thanh tịnh tam quy, P.21 Thanh tịnh ngũ giới, P.22 Bát quan trai giới, P.23 Trì giới Ba-la-mật, P.24 Nghiệp, P.25 Nhẫn nhục Ba-la-mật, P.26 Tinh tấn Ba-la-mật, P.27 Thiền Ba-la-mật, P.28 Bát-nhã Ba-la-mật; Tổng kết.

1.231. LUẬT HỌC Cương Yếu – LUẬT TU Xuất Gia

(Sách này chúng nhỏ và người tại gia không được xem)

Biên soạn: *Tỳ-kheo Ni Hải Triều Âm (1920-2013)*

Nxb Tôn Giáo, PL. 2560 – DL. 2016

Sách có khổ 14.5 x 20.5cm, dày hơn 122 trang, bìa cứng.

Nội dung gồm có: Tiểu sử, Luật Học cương yếu, Bồ-tát giới, Luật Tu xuất gia, I. Ba-la-đề-mộc-xoa, II. Hộ sáu căn, III. Chánh mạng Thanh tịnh giới, IV. Giới không quán tưởng về vật thọ dụng, V. Phương pháp để trở về trong sạch; Phước báo.

1.232. LUẬT HỌC ĐẠI CƯƠNG

Soạn giả:

HT. Thích Thanh Kiểm (1921-2000)

Nxb Tôn Giáo, PL. 2545 – DL. 2001

Luật có khổ 14 x 20cm, dày 103 trang, bìa mềm, nền tre đang màu đỏ, chữ tựa màu vàng và đỏ. Nội dung Luật này gồm có: - *Khái quát về Luật học*: 1. Tự luận, 2. Giới luật, 3. Phân loại Phật điển, 4. Tiểu thừa Luật bộ, 5. Đại thừa Luật bộ, 6. Luật tạng Kinh điển Pàli - *Giáo nghĩa của Tiểu thừa Luật bộ và Đại thừa Luật bộ*; - *Giáo đoàn Phật giáo*: 1. Ý nghĩa giáo đoàn, 2. Thành phần của giáo đoàn, 3. Sinh hoạt của giáo đoàn, 4. Qui định của giáo đoàn, 5. Sự biến thiên của giáo đoàn, 6. Sứ mệnh của giáo đoàn, - *Luật tôn*: 1. Tên tôn, 2. Giáo nghĩa, 3. Truyền thừa, 4. Nội dung Tứ phần luật, 5. Nội dung giới bản, 6. Nội dung Yết-ma, 7. Các pháp Yết-ma, 8. Phân loại về giới pháp, 9. Bốn khoa của giới.

Tác phẩm Luật này được tái bản nhiều lần: Năm 1991-1999, THPG Tp. Hồ Chí Minh ấn hành.

1.233. LUẬT HỌC ĐẠI CƯƠNG

Trường Trung cấp Phật học Lâm Đồng

Soạn giả: *Thích Nhật Chiêu*

Nxb Tôn Giáo, PL. 2551 - DL. 2007.

Sách có khổ 14.5 x 20.5cm, dày hơn 579 trang. Nội dung gồm có 5 phần: Lời nói đầu, *Phần một. Khái quát về Giới luật*: C.I Nguồn gốc của Giới luật, 1. Lý do chế định Giới luật, 2. Thời gian và quá trình

chế định, 3. Mười lợi ích của việc chế giới; C.II Vài khái niệm về Giới luật, 1. Bốn khoa của Giới, 2. Giới và Luật, 3. Chỉ trì và Tác trì, 4. Tính giới và Giá giới, 5. Khai-giá-trì-phạm, 6. Biệt giới-Thông giới; *Phần hai. Sơ lược lịch sử truyền bá Giới luật*: C.I Giới luật được truyền vào Trung Quốc, 1. Đôi nét về Luật tạng được hình thành ở Ấn Độ, 2. Luật tạng được truyền dịch sang Hán văn, 3. Việc truyền giới trong thời kỳ đầu, 4. Sớ thích Giới luật, 5. Tông Luật thành lập; C.II Sự truyền thừa Luật Tứ Phần, 1. Nội dung Luật Tứ Phần, 2. Sự hoằng truyền Luật Tứ Phần ở Trung Quốc, a. Đôi nét lịch sử, b. Tiểu sử của các vị Tổ sư tiêu biểu; C.III Việc xiển dương Giới luật ở Việt Nam, 1. Khái quát về tình hình học tập và truyền thừa Giới luật, 2. Giới luật của Hệ phái Khất sĩ Việt Nam, a. Luật nghi hành trì riêng của hệ phái, b. Phần chung với Giới luật Bắc tông, 3. Thiền sư Nhất Hạnh và Giới luật, a. Bước tới Thanh thời, b. Giới Tiếp hiện, c. Giới bản Khất sĩ Tân tu, 4. Các Thiền sư xiển dương Luật học, 5. Tổng kết về sự truyền bá và hành trì Giới luật ở Việt Nam; *Phần ba. Các loại Giới bốn*: C.I Giới Thanh văn, 1. Sơ lược ý nghĩa của giới, 2. Giới bốn của chúng tại gia, 3. Giới bốn của chúng xuất gia, 4. Giới luật trong Tạng Pàli; C.II Giới Bồ-tát, 1. Sơ lược về Giới Bồ-tát, 2. Các loại Giới bốn Bồ-tát, 3. Nội dung của giới Bồ-tát; *Phần bốn. Những phần Luật thiết yếu*: C.I Yết-ma, 1. Định nghĩa Yết-ma, 2. Phân loại Yết-ma, 3. Đối tượng của Yết-ma, 4. Các yếu tố hay điều kiện để thành tựu Yết-ma, 5. Các giai đoạn tiến hành Yết-ma, 6. Già Yết-ma, 7. Phi tướng của Yết-ma; C.II Cương Giới, 1. Ý nghĩa và hiệu lực của cương giới, 2. Các loại cương giới, a. Cương giới tự nhiên, b. Cương giới quy định, c. Chuẩn bị tác pháp kiết giới; 3. Thế

thức Kết và Giải các Cương giới, a. Kết và giải Giới trường, b. Kết và giải Tịnh trừ, c. Kết và giải Tịnh khô hay Khô tàng, d. Kết và giải Đại giới, đ. Kết và giải Đại giới không có giới trường, e. Kết và giải giới không mất y, f. Kết và giải Tiểu giới; C.III Truyền giới-Thọ giới, 1. Lý tưởng giác ngộ giải thoát, a. Bước đầu xuất gia, b. Thế phát xuất gia – thọ giới Sa-di, c. Ngoại đạo xuất gia, 2. Giới Cụ túc, a. Điều kiện tác thành giới Cụ túc, b. Tiến hành tác pháp truyền giới Cụ túc, 3. Vấn đề tiếp dẫn hậu lai, C.IV Người nữ xuất gia thọ giới, 1. Nguyên nhân người nữ được xuất gia, 2. Cách thọ giới Sa-di Ni và Thức-xoa, 3. Truyền thọ giới Tỳ-kheo Ni, 4. Xả và Thọ các vật dụng tùy thân, 5. Thỉnh thầy y chỉ; C.V Bồ-tát – Thuyết giới, 1. Khái quát về lễ Bồ-tát, 2. Các lễ Uposatha, 3. Những vấn đề liên quan đến Bồ-tát-Thuyết giới, a. Sám hối trước khi Bồ-tát, b. Triển hạn Thuyết giới, c. Những quy định đối với Tỳ-kheo khách về Thuyết giới, d. Việc kiểm Tăng, đ. Gợi dục, e. Công nhận bệnh cuồng si, 4. Chính thức Bồ-tát – Thuyết giới, a. Tăng pháp Yết-ma Thuyết giới, b. Đối thủ Thuyết giới, c. Tâm niệm Thuyết giới, d. Mục đích Thuyết giới, đ. Phạm tội và Sám hối; C.VI An cư và Tụ tứ, 1. An cư, 2. Tụ tứ; C.VII Y Ca-thi-na, 1. Khái quát, 2. May và thọ; C.VIII Thuộc, tịnh thí và phân vật, 1. Thuộc, 2. Vấn đề tịnh thí, 3. Phân vật; *Phần năm. Phạm giới-Sám hối và Trì phạt*: C.I Phạm giới, 1. Khái quát, 2. Sự vi phạm giới pháp, C.II Sám hối và Trì phạt, 1. Sám hối và trì phạt tội Ba-la-di, 2. Sám hối và trì phạt tội Tăng-tàn; Phụ lục phần trì phạt tội Tăng-tàn, 3. Sám hối tội Thâu-lan-giá, 4. Sám hối tội Xả đọa, a. Xả vật và sám hối, b. Cách trả lại vật, 5. Sám hối tội Đon đọa, 6. Sám hối tội Ba-la-đề-đề-xá-ni, 7. Sám hối tội Đột-cát-la; C.III Các

pháp Yết-ma trì phạt, 1. Yết-ma can gián phá Tăng, 2. Yết-ma tấn xuất, 3. Yết-ma khiển trách, 4. Yết-ma giải pháp khiển trách, 5. Yết-ma khuyên bỏ ác kiến, 6. Khuyên can và đuổi Sa-di có ác kiến, 7. Yết-ma cấm đến nhà cư sĩ, 8. Yết-ma cử tội không thấy tội, 9. Yết-ma can Tỳ-kheo Ni tùy thuận Tỳ-kheo bị cử tội, 10. Yết-ma phú bát, 11. Lời kết về pháp Yết-ma.

1.234. LUẬT HỌC TINH YẾU

Biên soạn: *HT. Thích Phước Sơn*

Nxb Phương Đông – 2007

Luật có khổ 14 x 20cm, dày 405 trang, bìa mềm, nền đen, chữ tựa màu vàng và trắng, có hình vẽ hoa sen, có tay gấp.

Toàn bộ *Luật học Tinh yếu* gồm có 4 chương: *C.1*, nói về Giới bản của Tỳ-kheo. Tác giả trình bày khái quát về Giới luật và lịch sử truyền thừa Luật Tứ phần. *C.2*, nói về các pháp Yết-ma (khái quát về Yết-ma; thiết lập cương giới; truyền giới, thọ giới; bồ-tát tụng giới; an cư và tụ tứ; tạp sự). *C.3*, Hướng dẫn thể thức sám hối và trừng phạt (phạm tội và sám hối; vi phạm và trừng phạt). *C.4*, nói về Giới Bồ-tát, bao gồm: kinh điển căn bản của giới Bồ-tát; nội dung các giới bản; khởi nguyên của giới pháp Bồ-tát; điều kiện truyền thọ giới Bồ-tát; thể thức thọ giới Bồ-tát; thể thức sám hối; so sánh giới Tỳ-kheo và giới Bồ-tát. Cuối sách là 3 phụ lục, 1. Giới bản của đại Tỳ-kheo; 2. Đối chiếu các bộ luật; 3. Nghi thức truyền giới Bồ-tát.

1.235. LUẬT HỌC TOÁT YẾU

Biên soạn: *Tỳ-kheo Thích Minh Chánh*

Nxb Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh – 2007

Sách có khổ 13 x 19cm, dày hơn 205 trang, bìa mềm.

Nội dung tác phẩm gồm có: Lời phê của Hòa thượng Phó Pháp chủ GHPGVN, Lời phê Chứng minh của Hòa thượng Trưởng

BTS Tỉnh hội Phật giáo tỉnh Sông Bé, Lời nói đầu, Duyên khởi, Giới luật của hàng tại gia Cư sĩ, Kết luật về phẩm Nhơn thừa, Giới luật Thiên thừa, Bát Quan trai giới, Bỏ-tát giới tại gia, Thắng nghĩa giới, Hai mươi bốn Oai nghi của Sa-di, Danh và Tướng của Y bát, Năm Đức của Sa-di, Giới luật Sa-di Ni, Oai nghi của Sa-di Ni, Giới luật của Thức-xoa-ma-na Ni, Sám hối 293 hành pháp, Bát kinh pháp, Tứ phần Giới bốn – Giới luật Tỳ-kheo, Mười ba điều răn nhắc, Luận hai chữ Tỳ-kheo, 250 giới tướng của Tỳ-kheo, Giới luật Tỳ-kheo Ni, Giới bốn Tỳ-kheo Ni, Nhân nơi lược dạy tự làm Thông tắc, Giới luật Đại thừa – Xuất gia Bỏ-tát giới, Luận về việc Bỏ-tát (tụng giới), Bốn phận thị giả hầu thầy khi già yếu bệnh hoạn.

Tác phẩm này đã được Tịnh xá Giác Minh ấn hành năm 1986.

1.236. LUẬT HỮU BỘ BÁCH NHẤT YẾT-MA (Căn Bản Thuyết Nhất Thiết Hữu Bộ Bách Nhất Yết-Ma)

Hán dịch:

Tam tạng Pháp sư Nghĩa Tịnh (635-713)

Dịch giả: *Tỳ-kheo Thích Đồng Minh –
Tỳ-kheo Thích Tâm Hạnh*

Nxb Tôn Giáo, PL. 2551 – DL. 2007.

Sách có khổ 14.5 x 20.5cm, dày hơn 268 trang.

Tác phẩm Luật này gồm có 10 quyển. Nội dung: - Lời nói đầu; *Quyển I*, Thọ cận viên-bạch tứ, Vấn chương pháp-đơn bạch; *Quyển II*, Thọ năm học xứ, Thọ mười học xứ, Học hai năm về sáu pháp và sáu tùy pháp; *Quyển III*, Thu nhận đệ tử-Bạch nhị, Thu nhận đệ tử không giới hạn-Bạch nhị, Không rời y Tăng-già-chi-bạch nhị, Thuyết minh pháp kết cương giới, Thuyết minh pháp kết đại cương giới, Kết giới không mất y-Bạch nhị, Giải đại tiểu cương

giới-Bạch tứ, Năm trường hợp thuyết giới Kinh, Phương pháp gởi dục thanh tịnh, Trì dục tịnh; *Quyển IV*, Trưởng tịnh-đơn bạch, Trưởng tịnh tất cả Tăng đều có tội-đơn bạch, Trưởng tịnh không đến-bạch nhị, Sai người phân ngoạ cụ-bạch nhị, Sai người phân chia y-bạch nhị, Sai người giữ vật dụng-bạch nhị, Sai người giữ y, Ngày Tăng hạ an cư-đơn bạch, Sai người xem xét phòng xá-bạch nhị, Thọ nhật ra ngoài cương giới-bạch nhị, Sai người làm tùy ý sự-bạch nhị, Tùy ý sự trong chúng tranh cãi về tội-đơn bạch, Phân y vật để làm y Ca-sĩ-na-bạch nhị, Sai người trưng y Yết-sĩ-na-bạch nhị, Giao phó trưng y Yết-sĩ-na-bạch nhị, Xuất y Yết-sĩ-na-đơn bạch; *Quyển V*, Năm năm đồng lợi dưỡng biệt thuyết giới-bạch nhị, Thông báo đến nhà cư sĩ-bạch nhị, Thuyết thô tội của người khác-đơn bạch, Can gián phá Tăng-bạch tứ, Can gián người trợ giúp phá Tăng-bạch tứ, Tác pháp học gia-đơn bạch, Xem xét đường đi nguy hiểm trong rừng, Truyền pháp thọ học cho người-bạch tứ, Cho Thất lực tử y-đơn bạch, Khinh chê hủy báng trước mặt-bạch tứ, Dựa vào cơ khác để bôi bác-bạch tứ, Năm vấn đề của Úc-nhĩ về truyền giới, Xem xét đất làm phòng nhỏ-bạch nhị, Xem xét đất làm chùa lớn-bạch nhị, Cho Bí-sô doanh tác, muốn làm phụ cụ trong sáu năm-bạch nhị; *Quyển VI*, Cố ý tiết tinh phạm Tăng-già phạt thi sơ nhiều lần; *Quyển VII*, Sám hối tội thuộc Chúng giáo phần, Đang hành biệt trú có người đến, 5 trường hợp không nên ghi chép, Súc trọng-bạch nhị, Cho ngoại đạo cộng trú trong 4 tháng-bạch tứ, Giáo thọ Bí-sô Ni, Sai giáo thọ Ni-bạch nhị, Can gián Bí-sô Ni tạp trú-Bạch tứ, Can gián ngăn Biệt trú-Bạch tứ, Bí-sô Ni tác pháp không kính lễ-Bạch nhị, Gián tùy gia Bí-sô Ni-Bạch tứ, Ở với trẻ con một phòng-Bạch nhị, Bí-sô Ni qua lại thân mật với người thế tục-

Bạch nhị, Linh bố-Bạch tứ; *Quyển VIII*, Chiết phục-bạch tứ, Khu tản-bạch tứ, Cầu tạ-bạch tứ, Giá bất kiến tội-bạch tứ, Bất xả ác kiến-bạch tứ, Tẩn ác kiên cầu tịch-bạch tứ, Thu nhiếp-bạch tứ, Tăng-già hòa hợp-bạch tứ, Tăng già hòa hợp trưởng tịnh, Duyên khởi về tám xia răng; *Quyển IX*, Vi não chúng giáo-bạch tứ, Phú bát-đơn bạch, Ngưỡng bát-đơn bạch, Gián thô ác ngữ-bạch tứ, Gián thuyết dục sân si bố, Tác điền cuồng-bạch nhị, Cho bất si-bạch tứ, Cho cầu tạ tội tánh-bạch tứ, Cho ức niệm-bạch tứ, Chọn người bình đoán-bạch nhị, Chọn người bình đoán lần 2-bạch nhị, Chuyển người tranh tụng đến người khác-bạch nhị, Kết tịnh trừ-bạch nhị, Ân đường, Y ngoạ cụ, Lợi dưỡng, Thủ trì vật của người chết-đơn bạch, Quản lý tư cụ của người qua đời-đơn bạch, Bất hòa yết-ma, Hòa yết-ma; *Quyển X*, 5 loại thọ dụng, Thế lực phân định của y, Các loại y, Hành bát có phạm, Thuyết minh về Lược giáo, Tóm lược đề tựa 101 Yết-ma pháp, Tụng tóm lược 101 Yết-ma pháp.

Tác phẩm Luật này đã in Lưu hành nội bộ năm PL. 2540 – DL. 1996; tái bản năm 2011, Nxb Tôn Giáo.

1.237. LUẬT MA-HA TĂNG-KỲ (Mahāsaṅghika) – Trọn bộ 4 Tập

Hán dịch: *Tam tạng Phật-đà-bạt-đà-la và Sa-môn Pháp Hiển*

Việt dịch:

HT. Thích Phước Sơn (1938-2020)

Chứng nghĩa:

HT. Thích Đồng Minh (1927-2005)

Nxb Tôn Giáo, PL. 2558 – DL. 2014, (tái bản lần thứ tư). Luật có khổ 14.5 x 20.5cm, tổng cộng 4 tập dày 1.957 trang, bìa mềm, nền đỏ, chữ tựa mạ vàng, có hình huy hiệu GHPGVN, có hộp đựng cả bộ.

Tập I (từ Q.1 đến Q.10), dày 509 trang. Nội dung: Q.1, Giới pháp của Tỳ-kheo, Giới Ba-la-di; Q.2, Phần cuối của giới Dâm ô; Q.3, Phần còn lại của giới Trộm cắp; Q.4, Giới Sát sinh; Q.5, Giới Tăng-tàn; Q.6, Phần còn lại của giới Tăng-tàn; Q.7, Phần còn lại của giới Tăng-tàn và Hai pháp Bất định; Q.8, Giới Ni-tát-kỳ; Q.9, Phần thứ hai của pháp Ni-tát-kỳ; Q.10, Phần thứ hai của pháp Ni-tát-kỳ.

Tập II (từ Q.11 đến Q.20), dày 441 trang, gồm có: Q.11, Nói rõ phần ba (nguyên văn gọi phần bốn) của 30 pháp Ni-tát-kỳ Ba-da-đề; Q.12, Nói rõ phần thứ nhất của 92 pháp Đơn đề; Q.13, Nói rõ phần thứ hai của 92 pháp Đơn đề; Q.14, Nói rõ phần ba của pháp Đơn đề; Q.15, Nói rõ phần thứ tư của 92 pháp Đơn đề; Q.16, Nói rõ phần thứ năm của 92 pháp Đơn đề; Q.17, Nói rõ phần thứ sáu của 92 pháp Đơn đề; Q.18, Nói rõ phần thứ bảy của 92 pháp Đơn đề; Q.19, Nói rõ phần thứ tám của 92 pháp Đơn đề; Q.20, Nói rõ phần thứ chín của 92 pháp Đơn đề.

Tập III (từ Q.21 đến Q.30), dày 546 trang, gồm có: Q.21, Nói rõ phần thứ mười của 92 pháp Đơn đề, Nói rõ phần đầu của pháp Chúng học; Q.22, Nói rõ phần còn lại của pháp Chúng học; Q.23, Nói rõ Phẩm Tạt tụng thứ nhất; Q.24, Nói rõ Phẩm Tạt tụng thứ hai; Q.25, Nói rõ Phẩm Tạt tụng thứ ba; Q.26, Nói rõ Phẩm Tạt tụng thứ tư; Q.27, Nói rõ Phẩm Tạt tụng thứ năm; Q.28, Nói rõ Phẩm Tạt tụng thứ sáu; Q.29, Nói rõ Phẩm Tạt tụng thứ bảy; Q.30, Nói rõ Phẩm Tạt tụng thứ tám.

Tập IV (từ Q.31 đến Q.40), dày 461 trang, gồm có: Q.31, Nói rõ Phẩm Tạt tụng thứ chín; Q.32, Nói rõ Phẩm Tạt tụng thứ mười; Q.33, Nói rõ Phẩm Tạt tụng thứ mười một; Q.34, Nói rõ phần đầu của Oai nghi; Q.35, Nói rõ phần thứ hai của Oai nghi; Q.36, Nói rõ phần đầu của 8 giới Ba-

la-di và giới pháp của Tỳ-kheo Ni; Q.37, Nói rõ phần còn lại của 19 pháp Tăng-tàn, Phần đầu của 30 giới Ni-tát-kỳ, Nói rõ phần đầu của 141 giới Ba-dạ-đề; Q.38, Nói rõ phần thứ hai của 141 giới Ba-dạ-đề; Q.39, Nói rõ phần thứ ba của 141 giới Ba-dạ-đề; Q.40, Nói rõ phần còn lại của 141 giới Ba-dạ-đề, Nói rõ phần đầu của 8 giới Đề-xá-ni, Bảy pháp Diệt tránh, Oai nghi của Tỳ-kheo Ni, Ghi chú riêng về Luật Ma-ha Tăng-kỳ, Phật nói Kinh Tội báo Nặng nhẹ về việc Phạm giới.

Bộ Luật này đã in Lưu hành nội bộ từ các năm: 1999, 2000, 2001; tái bản năm 2005, Nxb Tôn Giáo.

1.238. LUẬT NGŨ PHẦN – 3 Tập

Pháp Tạng Phật Giáo Việt Nam

Việt dịch:

Tỳ-kheo Thích Đồng Minh (1927-2005)

Hiệu chính và chú thích:

Tỳ-kheo Thích Đức Thắng

– *Tỳ-kheo Thích Tâm Nhân*

Nxb Hồng Đức, PL. 2555 – DL. 2011

Tập I, dày hơn 609 trang, nội dung sơ lược gồm: *Phần thứ nhất* (Hán dịch từ Q.1 – Q.10), 1. Bốn Pháp Ba-la-di, 2. Hai mươi ba Pháp Tăng tàn, 3. Hai Pháp Bất định, 4. Ba mươi Pháp Xả đọa, 5. Chín mươi một Pháp Đơn đề, 6. Bốn Pháp Hồi quá, 7. Pháp Học chúng, 8. Bảy Pháp diệt tránh; Sách dẫn, Bảng Viết tắt;

Tập II, dày hơn 199 trang, nội dung sơ lược gồm: *Phần thứ hai* (Hán dịch từ Q.11 – Q.14), 1. Tám Pháp Ba-la-di của Ni, 2. Pháp Tăng tàn của Ni, 3. Pháp Xả đọa của Ni, 4. Pháp đọa của Ni, 5. Pháp Hồi quá của Ni, 6. Pháp Chúng học của Ni; Sách dẫn, Bảng Viết tắt;

Tập III, dày hơn 535 trang, sơ lược nội dung gồm có 10 chương: *Phần thứ ba*, C.I Pháp Thọ giới, C.II Pháp Bô-tát, C.III Pháp An cư, C.IV Pháp Tự tứ, C.V Pháp

Y, C.VI Pháp Da thuộc, C.VII Pháp Thuộc, C.VIII Pháp Thực, C.IX Pháp Y Ca-thi-na; *Phần thứ tư*, C.I Pháp diệt tránh, C.II Pháp Yết-ma; *Phần thứ năm*, C.I Pháp Phá Tăng, C.II Pháp Ngoạ cụ, C.III Tập pháp, C.IV Pháp Oai nghi, C.V Pháp ngăn Bô-tát, C.VI Pháp Biệt trú, C.VII Pháp Điều phục, C.VIII Pháp Tỳ-kheo Ni, C.IX Ngũ bách Kết tập, C.X Thất bách Kết tập, Sách dẫn, Bảng Viết tắt.

Xem: Di-sa-tắc Bộ Hòa-hê Ngũ Phần Luật – 2 tập

Tác phẩm này đã in Lưu hành nội bộ năm PL. 2541 – DL. 1997 (2 tập)

1.239. LUẬT NGHI TỔNG QUÁT – VINAYA SANKHEPA

Soạn giả:

Tỳ-kheo Giác Giới (Bodhisìla Bhikkhu)

Nxb Tôn giáo – 2003

Tác phẩm Luật này gồm có 6 phần chính: Phần đầu, - Lời giới thiệu, - Lời nói đầu; *I. Lễ Bô-tát (Uposatha)*: Cách thức, Phép vấn đáp, Thuyết phân Duyên khởi, các Thuyết giới: Triệt khai, Tăng tàn, Bất định, Ung xả đối trị, Ung đối trị, Ung phát lộ, Ung học pháp, Diệt tránh, Thuyết phân kết, Cách tụng Giới bốn tóm tắt, Cách thức Gana-uposatha, Cách thức Puggala-uposatha; *II. Lễ Tự tứ (Pavàranà)*: Cách thức Sanghappavàranà, Cách thức Ganappavàranà, Cách thức Puggalappavàranà, Phép dờn ngày Tự tứ; *III. Tăng giao Y Kathina*: Tăng sự kết giới Sì-mà, Tăng sự lễ tu Sa-di, Tăng sự truyền Cụ túc giới; *IV. Tăng sự Gián nghị*: Tăng sự phê chuẩn chỗ xây cất, Tăng sự cho phép rời Tam y; *V. Tăng sự trị phạt tội Tăng tàn*: Xử lý tội không che giấu, Xử lý tội che giấu thời gian xác định, Xử lý tội che giấu thời gian không rõ, Xử lý tội liên tục sai phạm, Xử lý tội tổng hợp tội danh, Xử lý tội tái phạm khi đang thọ

phạt; VI. *Phép sám hối tội*: Phép trị phạt phạm đàn, Phép gởi thỏa hiệp Tăng sự, Phép nhập hạ, Phép sử dụng y bát, Phép ký gởi y bát.

1.240. LUẬT SA-DI & SA-DI NI

– 3 Tập

Dịch giải: *Trí Quang (1923-2019)*

In tại Nhà in Sen Vàng (Sài Gòn),

PL. 2517 – DL. 1973

Ba tập dày 1.407 trang, bìa mềm.

Tập I, Luật Sa-di & Sa-di Ni, dày hơn 494 trang. Nội dung gồm có 2 phần chính: Thay lời tựa; a. Lời huấn thị Sa-di, b. Mười điều Tâm niệm; Tiểu dẫn, Tài liệu và ký hiệu dẫn dụng, Bảng chữ Tập I, Mục lục Tập I;

Phần I. Giáo huấn Tối hậu của Phật (Kinh Di Giáo), I.1 Dịch âm Kinh Di Giáo, Khai Kinh, Phật thù Niết-bàn Lược thuyết Giáo giới Kinh, Hồi hương; I.2 Dịch nghĩa Kinh Di Giáo, Khai Kinh, Kinh Giáo huấn vắn tắt lúc sắp Niết-bàn của Phật, Hồi hương; I.3 Chú thích Kinh Di Giáo, Chú thích phần Khai Kinh, Chú thích phần Kinh Giáo huấn vắn tắt lúc sắp Niết-bàn của Phật,... Phần một, Tựa; Phần hai Tu tập Công đức thế gian, T.1 Tu tập Công đức đối trị tà nghiệp, M.1 Giới căn bản thanh tịnh, M.2 Giới phương tiện thanh tịnh, M.3 Công đức của giới, M.4 Lợi ích của giới; T.2 Tu tập Công đức đối trị các khổ, M.1 Đối trị cái khổ vì căn dục phóng túng, Đ.1 Đối trị cái khổ vì căn phóng túng, Đ.2 Đối trị cái khổ vì dục phóng túng, M.2 Đối trị cái khổ vì ăn nhiều, M.3 Đối trị cái khổ vì nhác và ngủ; T.3 Tu tập Công đức đối trị phiền não, M.1 Đối trị phiền não giận dữ, M.2 Đối trị phiền não kiêu ngạo, M.3 Đối trị phiền não dua nịnh; Phần ba, Thành tựu Công đức xuất thế, T.1 Thành tựu Công đức ít muốn, T.2 Thành tựu Công đức biết đủ, T.3 Thành

tựu Công đức siêu thoát, T.4 Thành tựu Công đức tinh tiến, T.5 Thành tựu Công đức không quên chánh niệm, T.6 Thành tựu Công đức Thiên định, T.7 Thành tựu Công đức trí tuệ, T.8 Thành tựu Công đức không lý luận; Phần bốn, Hiện thị Công đức sâu xa, Phần năm, Hiện thị Chứng Nhập quyết định, Phần sáu, Phân biệt chưa nhập thượng chứng, T.1 Phân biệt, T.2 Đoạn nghi, T.3 Lặp lại sự vô thường của pháp hữu vi, Phần bảy, Hiện thị vô ngã thanh tịnh;

Phần II. Phù trì Luật Sa-di, II.1 Bát Đại Nhân giác Kinh (Kinh Tám điều Thượng nhân Giác ngộ), Lược ghi về dịch giả, Phần mở đầu, Phần liệt kê; Điều Giác ngộ I, Tụ lợi 1: Tu niệm xứ, Điều Giác ngộ II, Tụ lợi 2: Tu thiểu dục, Điều Giác ngộ III, Tụ lợi 3: Tu tri túc, Điều Giác ngộ IV, Lưỡng lợi 1: Tu tinh tiến, Điều Giác ngộ V, Lưỡng lợi 2: Tu trí tuệ, Điều Giác ngộ VI, Tha lợi 1: Tu bố thí, Điều Giác ngộ VII, Tha lợi 2: Tu ly nhiễm, Điều Giác ngộ VIII, Tha lợi 3: Tu chịu thay; Phần Tổng kết;

II.2 Khuyên phát Bồ-đề Tâm văn (Bài văn Khuyên phát Bồ-đề Tâm), Tiểu dẫn, Tiểu truyện tác giả, Lược chú bài văn Khuyên phát Bồ-đề Tâm; Phần một, Lời mở đầu; Phần hai, Thăm định tính chất Phát tâm; Phần ba, Chỉ định sự việc Phát tâm: 1. Nguyên báo ơn Phật, vì nghĩ nhớ ơn nặng của Ngài, 2. Nguyên báo ơn cha mẹ, vì nghĩ nhớ ơn của các Người, 3. Nguyên báo ơn sư trưởng, vì nghĩ nhớ ơn của Người, 4. Nguyên báo ơn thí chủ, vì nghĩ nhớ ơn của họ, 5. Nguyên báo ơn chúng sanh, vì nghĩ nhớ ơn của họ, 6. Nguyên giải thoát sanh tử, vì nghĩ nhớ nỗi khổ ấy, 7. Nguyên phát hiện tâm tánh linh thiêng của mình, vì tôn trọng tâm tánh ấy, 8. Nguyên sám hối nghiệp chướng, vì thấy nghiệp chướng cần phải sám hối, 9.

Nguyện sanh tịnh độ, vì dễ được sự không thoái chuyển, 10. Nguyện nghĩ nhớ làm cho Phật pháp trường tồn, vì là nghĩa vụ và sứ mạng thiêng liêng và cảm động nhất; Phần bốn, Khuyến khích Phát tâm, 1. Nói sự tự mừng để khuyến khích phát tâm, 2. Nói sự tự tin để khuyến khích phát tâm, 3. Nói sự tinh tiến để khuyến khích phát tâm, 4. Nói sự quan trọng của tâm nguyện và kết quả to lớn để khuyến khích phát tâm; Giải thích từ ngữ “Phát Bồ-đề Tâm”: 1. Giải thích “Bồ-đề”, 1. Danh nghĩa của Bồ-đề, 2. Loại biệt của Bồ-đề, 3. Tự tánh của Bồ-đề, 4. Tương ưng của Bồ-đề, 5. Năng sinh của Bồ-đề, 6. Sở đoạn của Bồ-đề, 7. Sở duyên của Bồ-đề, 8. Sở y của Bồ-đề, 9. Sở khởi của Bồ-đề, 10. Sở tác của Bồ-đề; 2. Giải thích “Bồ-đề Tâm”, 1. Bồ-đề Tâm nghĩa là tâm cầu Bồ-đề, 2. Tâm có Bồ-đề gọi là Bồ-đề Tâm, 3. Bồ-đề là Tâm gọi là Bồ-đề Tâm; 3. Giải thích “Phát Bồ-đề Tâm”, 1. Tự tánh phát, 2. Tự trợ phát, 3. Thiện căn phát, 4. Đăng lưu phát, 5. Đoạn chứng phát;

II.3 Quy Sơn Cảnh sách văn (Bài văn Cảnh sách của ngài Quy Sơn), Nhan đề Cảnh sách, Tác giả Cảnh sách, Chú thích Cảnh sách; Phần một, Cảnh giác, T.1 Cảnh giác nghiệp quả vô thường, T.2 Cảnh giác xuất gia không trọn, T.3 Cảnh giác không học, không tu, không chịu cảnh giác, T.4 Cảnh giác luân hồi ác báo vẫn chịu vô cùng, T.5 Kết thúc cảnh giác; Phần hai, Sách tiên, T.1 Sách tiên xuất gia cho trọn vẹn, T.2 Sách tiên thực hiện căn bản của sự xuất gia, M.1 Sách tiên thực hiện cái chí căn bản của sự xuất gia, M.2 Sách tiên thực hiện cái hạnh căn bản của sự xuất gia, M.3 Sách tiên thân cận thiện tri thức của sự xuất gia, M.4 Sách tiên thực hiện cái tu căn bản của sự xuất gia, T.3 Sách tiên tu tập về Thiên, T.4 Sách tiên tu học và hoằng pháp, T.5 Sách tiên tinh tiến, M.1

Sách tiên sự thẳng tiến, M.2 Sách tiên sự tự trọng, M.3 Sách tiên sự hướng thượng và phân chí, M.4 Sách tiên sự tự chủ; Phần ba, Tổng kết,

II.4 Tỳ-ni Nhật dụng Thiết yếu (Những Điều Nhật dụng Thiết yếu của Giới luật), Lược ghi về tác giả, Dịch giả Tỳ-ni Nhật dụng Thiết yếu; C.I Những điều Thiết yếu phải học và đa số phải làm của Sa-di, T.1 Thức dậy, 1. Tảo giác (Sáng sớm thức dậy), 2. Minh chung (Đánh chuông), 3. Văn chung (Nghe chuông); T.2 Sửa y áo, 4. Trước y (Mặc áo), T.3 Xuống đi, 5. Hạ đơn (Xuống đơn), 6. Hành bộ bất thương trùng (Bước đi không hại sâu bọ), 7. Xuất đường (Ra khỏi nhà), T.4 Vệ sinh, 8. Đăng xí (Vào nhà xí), 9. Tẩy tịnh (Rửa sạch), 10. Khử uế (Khử bẩn), 11. Tẩy thủ (Rửa tay), 12. Tẩy diện (Rửa mặt), 13. Âm thủy (Uống nước), T.5 Ca-sa tọa-cụ, 14. Ngũ y (Pháp y 5 điều), 15. Thất y (Pháp y 7 điều), 16. Đại y (Pháp y lớn); Phụ lục về man y, 17. Ngọa cụ (Đồ nằm), T.6 Lên chùa, 18. Đăng đạo tràng (Lên đạo tràng), 19. Tán Phật (Ca tụng Phật), 20. Lễ Phật (Lạy Phật), 21. Phổ lễ Chân ngôn (Chân ngôn đánh lễ khắp cả), T.7 Cúng nước, 22. Cúng tịnh bình (Cúng bình sạch), 23. Đăng tịnh bình chân ngôn (Chân ngôn súc bình sạch), 24. Quán thủy Chân ngôn (Chân ngôn rót nước), T.8 Thọ trai, 25. Thọ thực (Thọ thực), 26. Xuất sanh (Xuất cho chúng sanh), 27. Thị giả tổng thực (Thị giả đưa ăn) (Xương Tăng bát) (Chính thức thọ thực), 28. Kiết trai (Kết thúc sự thọ trai), 29. Tẩy bát (Rửa bát), 30. Triển bát (Mở bát), 31. Thọ sán (Nhận đồ cúng dường), 32. Thủ dương chi (Lấy nhánh dương), 33. Tước dương chi (Nhắm nhánh dương), 34. Sáu khẩu (súc miệng), 35. Xuất tích trượng (Lấy tích trượng), T.9 Ngủ, 36. Phu đơn tọa thiền (Bày đơn ngồi thiền), 37. Thụy miên (Ngủ nghỉ), T.10

Lấy nước, 38 Thủ thủy (Lấy nước), T.11 Đối với Phật, 39. Dục Phật (Tắm Phật), 40. Tán Phật (Ca tụng Phật), 41. Nhiễ tháp (Nhiễ quanh tháp Phật), T.12 Chăm sóc bệnh nhân, 42. Khán bệnh (Coi bệnh), T.13 Vài việc cần và thường, 43. Thế phát (Cạo tóc), 44. Mộc dục (Gội tắm), 45. Tẩy túc (Rửa chân);

C.II Mười Giới phải giữ của Sa-di, Nguyên đề: Sa-di Thập giới tướng (10 Giới tướng Sa-di); C.III Năm đức phải đủ và Mười pháp số phải biết của Sa-di, Nguyên đề: Sa-di ưng cụ ngũ đức, ưng tri thập số (sa-di phải đủ 5 đức, phải biết 10 pháp số); C.IV Bốn Giới tướng phải hiểu của Sa-di, 1. Sa-di Thập giới tướng: 10 Giới tướng Sa-di Ni, 2. Thức-xoa-ma-na Giới tướng: Giới tướng Thức-xoa-ma-na, 3. Ưu-bà-tắc Giới tướng: Giới tướng Ưu-bà-tắc, 4. Bát quan trai Giới tướng: Giới tướng pháp Bát quan trai;

Tập II, Luật Sa-di & Sa-di Ni, dày hơn 434 trang. Nội dung gồm: Bảng chữ Tập II, Mục lục Tập II;

Phần III. Luật Sa-di, Sa-di Luật nghi Yếu lược (Bản Yếu lược về Giới luật và Uy nghi của Sa-di), Lược ghi về Tác giả, Lược giải Sa-di Luật nghi Yếu lược, Phần một, Giải thích nhan đề; Phần hai, Nói về Giới luật, T.1 Lời nói đầu, T.2 Mười Giới luật, M.1 Không được sát sanh, M.2 Không được trộm cắp, M.3 Không được dâm dục, M.4 Không được nói dối, M.5 Không được uống rượu, M.6 Không được mang vòng hoa thơm, Không được dùng hương thơm xoa mình, M.7 Không được ca-vũ-hòa tấu-biểu diễn- Không được đi xem-nghe, M.8 Không được ngồi giường cao và rộng lớn, M.9 Không được ăn phi thời, M.10 Không được nắm giữ sanh tượng (vàng bạc) bảo vật; Phần ba, Nói về Uy nghi, T.1 Lời nói đầu, Phụ lục: Sơ lược về Bách Trọng Thanh Qui, T.2 Hai mươi

bốn Uy nghi, 1. Kính đại Sa-môn, 2. Thờ thầy, 3. Theo thầy đi ra, 4. Nhập chúng, 5. Theo chúng thọ thực, 6. Lễ bái, 7. Nghe pháp, 8. Học tập Kinh điển, 9. Vào tự viện, 10. Vào nhà thiền theo chúng, 11. Nằm làm, 12. Vào nhà tắm, 13. Vào nhà xí, 14. Nằm ngủ, 15. Vây quanh lò bếp, 16. Ở trong phòng, 17. Đến chùa Ni, 18. Đến nhà người, 19. Khất thực, 20. Vào chỗ tụ lạc, 21. Mua đồ, 22. Phàm thi hành không được tự dụng, 23. Tham phương, 24. Danh tướng của y bát; Phụ lục: Sa-di Thập Giới Uy nghi Lục yếu (Bản Trích lục Những điều Cốt yếu về Mười Giới luật và các Uy nghi của cấp bậc Sa-di), Lời nói đầu; Phần đầu, Môn Mười Giới luật (gồm có 10 Giới Sa-di); Phần kế, Môn các Uy nghi (gồm có 26 mục thuộc về Uy nghi), Phụ lục;

Phần IV. Luật Sa-di Ni, Sa-di Ni Luật nghi Yếu lược (Bản Yếu lược về Giới luật và Uy nghi của Sa-di Ni), Phần một, Lược giải đầu đề; Phần hai, Nói về Giới luật, T.1 Lời nói đầu, T.2 Mười Giới luật, M.1 Giới sát sanh, M.2 Giới trộm cướp, M.3 Giới dâm dục, M.4 Giới nói dối, M.5 Giới không uống rượu, M.6 Giới không mang hương hoa chuỗi ngọc, M.7 Giới không ngồi giường cao-rộng lớn, M.8 Giới không hát múa âm nhạc, M.9 Giới không nắm giữ vàng bạc, M.10 Giới không ăn phi thời; Phần ba, Nói về Uy nghi, T.1 Lời nói đầu, T.2 Hai mươi hai Uy nghi, 1. Kính Tam bảo, 2. Kính đại Sa-môn, 3. Thờ thầy, Phụ lục về “Hạ an cư”, 4. Theo thầy đi ra, Phụ lục về “Bất tịnh quán”, 5. Nhập chúng, 6. Theo chúng thọ thực, 7. Lễ bái, 8. Học tập Kinh điển, 9. Nghe pháp, 10. Vào tự viện, 11. Vào nhà thiền theo chúng, 12. Nằm làm, 13. Vào nhà tắm, 14. Vào nhà xí, 15. Nằm ngủ, 16. Vây quanh lò bếp, 17. Ở trong phòng, 18. Đến nhà đàn-việt, 19. Khất thực, 20. Vào chỗ tụ

lạc, 21. Mua đồ, 22. Phạm thi hành không được tự dụng.

Tập III, Luật Sa-di & Sa-di Ni, từ tr. 943 đến tr. 1.407. Nội dung gồm có: Bảng chữ tập III, Mục lục, Tiểu dẫn riêng tập III, Tổng kết về Luật Sa-di và Sa-di Ni; 1. Tỳ-ni Nhật dụng Thiết yếu, - Bảng kê số giả đặt trong sách này đối chiếu với số trang của tập I, - Nguyên văn chữ Hán, - Dịch âm-dịch nghĩa; 2. Qui sơn Cảnh sách văn, - Bảng kê số giả đặt trong sách này đối chiếu với số trang của tập I, - Nguyên văn chữ Hán, - Dịch âm-dịch nghĩa; 3. Sa-di Luật nghi yếu lược, - Bảng kê số giả đặt trong sách này đối chiếu với số trang của tập II, - Nguyên văn chữ Hán, - Dịch âm-dịch nghĩa; 4. Sa-di Ni Luật nghi yếu lược, - Bảng kê số giả đặt trong sách này đối chiếu với số trang của tập II, - Nguyên văn chữ Hán, - Dịch âm-dịch nghĩa; 5. Sa-di Thập giới Uy nghi lục yếu, - Bảng kê số giả đặt trong sách này đối chiếu với số trang của tập II, - Dịch nghĩa; Kính Phụng Kinh Di Giáo, - Nguyên văn chữ Hán, - Dịch âm, - Dịch nghĩa; Hồi hướng và Tam Tự Quy y.

Tác phẩm Luật này được chùa Từ Quang (Sài Gòn) ấn tống năm 1970.

1.241. LUẬT TIÊU

Tỳ-ni Nhật dụng Thiết yếu – Oai nghi – Cảnh sách

Viết dịch: *Trí Quang (1923-2019)*

Nxb Tôn Giáo, PL. 2552 – DL. 2009

Luật có khổ 12.5 x 18.5cm, dày hơn 341 trang, bìa mềm, có bìa bao, chữ tựa màu đen, có hình Phật và 2 vị đệ tử bên cạnh. Nội dung gồm có: Thay lời tựa, Mục lục, Một phần dịch âm-dịch nghĩa, 1. Tỳ-ni, 2. Cảnh sách, 3. Sa-di Luật nghi, 4. Sa-di Ni Luật nghi; Hai phần sao lục Hoa văn, 1. Tỳ-ni, 2. Cảnh sách, 3. Sa-di Luật nghi, 4. Sa-di Ni Luật nghi.

Tác phẩm Luật này đã xuất bản năm 2005, Nxb Tôn Giáo.

1.242. LUẬT TỨ PHẦN (5 Tập)

Tiểu Tạng Thanh Văn

Viết dịch: *Tỳ-kheo Thích Đồng Minh (1927-2005)*

Hiệu đính và chú thích: *Tỳ-kheo Thích Nguyên Chứng*

và *Tỳ-kheo Thích Đức Thắng*

Nxb Phương Đông – 2010

Luật có khổ 14.5 x 20.5cm, cả 5 tập dày 2.439 trang, bìa mềm, có bìa bao, nền màu xanh nước biển, chữ tựa mạ trắng bạc, có hộp đựng cả bộ.

Tập I, dày 759 trang, có 8 chương: Tựa, Tự ngôn, Tán Duyên khởi, C.1 Ba-la-di, C.2 Tăng tàn, C.3 Bất định, C.4 Ni-tát-kỳ-ba-dật-đề, C.5 Ba-dật-đề, C.6 Đề-xá-ni, C.7 Thức-xoa-ca-la-ni, C.8 Bảy diệt tránh;

Tập II, từ tr. 761 đến tr. 1.077, có 5 chương: C.1 Ba-la-di, C.2 Tăng-già-bà-thi-sa, C.3 Ni-tát-kỳ-ba-dật-đề, C.4 Ba-dật-đề, C.5 Ba-la-đề-xá-ni;

Tập III, từ tr. 1.079 đến tr. 1.835, có 18 chương: C.1 Thọ giới, C.2 Thuyết giới, C.3 An cư, C.4 Tự tứ, C.5 Da thuộc, C.6 Y, C.7 Thuốc, C.8 Y Ca-thi-na, C.9 Câu-thiểm-di, C.10 Chiêm-ba, C.11 Khiển trách, C.12 Người, C.13 Phú tàng, C.14 Già yết-ma, C.15 Phá Tăng, C.16 Diệt tránh, C.17 Tỳ-kheo Ni, C.18 Pháp;

Tập IV, từ tr. 1.837 đến tr. 2.232, có 6 chương: C.1 Phòng xá, C.2 Tạt sự, C.3 Ngũ bách kết tập, C.4 Thất bách kết tập, C.5 Điều bộ, C.6 Tỳ-ni Tăng nhất; *Tập V*, dày 207 trang; Mục lục Phần I, Mục lục Phần II, Mục lục Phần III, Mục lục Phần IV, Lịch sử truyền dịch, Đối chiếu các bộ Luật, Thư mục Luật, Từ vựng Pali-Việt, Sách dẫn.

Bộ Luật này đã được tái bản nhiều lần: Năm 2006, Nxb Tổng hợp Tp. Hồ Chí

Minh, khổ 14.5 x 20.5cm, gồm có 7 quyển và 1 quyển Tổng mục lục.

1.243. LUẬT TỨ PHẦN

Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam
Hán dịch: *Tam tạng Phật-đà-da-xá và Trúc Phật Niệm*

Việt dịch: *HT. Thích Đồng Minh và Thích Đức Thắng*

Hiệu chính và chú thích:

Thích Nguyên Chứng

Nxb Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh – 2006

Tác phẩm Luật này gồm có 6 quyển, 4 phần chính:

Phần I. Giới Tỳ-kheo, Tán Duyên khởi, C.1 Ba-la-di (có 4: 1. Bất tịnh hạnh, 2. Bất dữ thủ, 3. Đoạn nhân mạng, 4. Đại vọng ngữ, ở mỗi giới có các phần: a. Duyên khởi, b. Giới vãn, c. Thích nghĩa, d. Phạm tướng), C.2 Tăng tàn, có 13: 1. Cố ý tiết tịnh, 2. Xúc chạm nữ nhân, 3. Nói lời thô tục, 4. Yêu sách cúng dường, 5. Mai mối, 6. Lập thất nhỏ, 7. Cát chùa lớn, 8. Vô căn bán, 9. Giả căn bán, 10. Phá Tăng, 11. Tùy thuận phá Tăng, 12. Ô-tha-gia, 13. Ác tánh bất thọ nhân ngữ (trong mỗi giới có các phần: a. Duyên khởi, b. Giới vãn, c. Thích từ, d. Phạm tướng); C.3 Bất định, có 2 giới (ở mỗi giới có nói về: Duyên khởi, Giới tướng); C.4 Ni-tát-kỳ-ba-dật-đề, có 30 giới: 1. Súc trường y, 2. Ngủ lia y, 3. Chờ y một tháng, 4. Nhận y phi thân lý Ni, 5. Nhờ phi thân lý Ni giặt y cũ, 6. Xin y nơi nhà phi thân lý, 7. Nhận y quá phần, 8. Khuyên cư sĩ tăng giá y, 9. Khuyên hai nhà tăng giá y, 10. Yêu sách giá y quá hạn, 11. Ngoạ cụ bằng tơ tằm, 12. Ngoạ cụ toàn đen, 13. Ngoạ cụ quá phần, 14. Ngoạ cụ dưới sáu năm, 15. Tọa cụ không hoại sắc, 16. Quảy lông dê, 17. Nhờ chải lông dê, 18. Chăm giữ vàng bạc, 19. Kinh doanh tài bảo, 20. Buôn bán, 21. Chứa bát dư, 22. Đồi bát mới, 23. Xin chỉ sợi, 24. Chỉ dẫn

thợ dệt, 25. Đoạt lại y, 26. Thuộc bảy ngày, 27. Y tắm mưa, 28. Y cấp thí, 29. A-lan-nhã gặp nạn lia y, 30. Xoay tăng vật về mình (ở mỗi giới có nói về: Duyên khởi và Giới tướng); C.5 Ba-dật-đề, có 90 giới, ở mỗi giới có các phần: a. Duyên khởi, b. Giới tướng; C.6 Đề-xá-ni, có 4 giới: 1. Nhận thức ăn phi thân lý Ni nơi tục gia, 2. Thọ thực do Ni chỉ dẫn, 3. Thọ thực từ học gia, 4. Thọ thực ngoài trú xứ A-lan-nhã (ở mỗi giới có: a. Duyên khởi, b. Giới tướng); C.7 Thức-xoa-ca-la-ni, gồm có 100 điều; C.8 Bảy diệt tránh (Bảy pháp dứt trừ tranh cãi); sau mỗi chương có phần Chú thích.

Phần II. Giới Tỳ-kheo Ni, C.1 Ba-la-di, có 8 giới. A. Thông giới, 1. Bất tịnh hạnh, 2. Bất dữ thủ, 3. Đoạn nhân mạng, 4. Đại vọng ngữ; B. Bất cộng giới, 5. Ma xúc, 6. Bất sự, 7. Phú tàng trọng tội, 8. Tùy thuận bị xử (4 giới sau của Bất cộng giới ở mỗi giới có: a. Duyên khởi, b. Giới tướng); C.2 Tăng-già-bà-thi-sa, có 17 giới: 1. Mai mối, 2. Vô căn bán, 3. Giả căn bán, 4. Tổ tụng, 5. Độ nữ tặc, 6. Tự ý giải tội, 7. Độc hành, 8. Nhận của nam nhiễm tâm, 9. Tán trợ Ni khát thực bất chính, 10. Phá hòa hiệp Tăng, 11. Tùy thuận phá Tăng, 12. Ô-tha-gia, 13. Ác tánh bất thọ gián ngữ, 14. Tương thân tương trợ ác hành, 15. Tán trợ ác hành, 16. Dọa bỏ đạo, 17. Vu Tăng thiên vị (ở mỗi giới có nói về: Duyên khởi, Giới tướng); C.3 Ni-tát-kỳ-ba-dật-đề, có tất cả 30 điều: A. Thông giới, có 18 điều, B. Bất cộng giới, có 11 điều (ở mỗi điều của Bất cộng giới có phần: Duyên khởi, Giới tướng); C.4 Ba-dật-đề, có tất cả 178 điều A. Thông giới, có 69 điều; B. Bất cộng giới, có 109 điều (109 điều này ở mỗi giới có nói về: Duyên khởi và Giới tướng) C.5 Ba-la-đề-xá-ni, có 8 điều; sau mỗi chương đều có phần Chú thích.

Phân III. Tăng sự: C.1 Thọ giới, I. Thích thị thế phở, II. Truyện đức Thích Tôn (1. Xuất gia và thành đạo, 2. Sơ chuyển pháp luân, 3. Da-xá, 4. Long vương Y-la-bát-la); III. Tăng pháp thọ giới: 1. Sơ chế pháp, 2. Hòa thượng pháp, 3. Nhân và sự như pháp, 4. Pháp thức truyền thọ cụ túc; C.2 Thuyết giới, I. Pháp thức thuyết giới: 1. Bồ-tát, 2. Thuyết pháp, 3. Ba-la-đề-mộc-xoa, 4. Lịch pháp; II. Kết giới: 1. Giới trường, 2. Đại giới cộng trú, 3. Thất y giới, 4. Đại giới liên kết, 5. Tiểu giới; III. Tập Tăng, 1. Bạch Tăng, 2. Dữ dục, 3. Thuyết giới, 4. Sám hối, 5. Hạn kỳ, 6. Pháp Yết-ma, 7. Chuyển trú xứ, 8. Hòa hiệp thuyết giới; C.3 An cư, 1. Kết giới an cư, 2. Phân phòng xá, 3. Phân ngoạ cụ, 4. Tiền hậu an cư, 5. Trú xứ an cư, 6. Xuất giới, 7. Phá hạ, 8. Ước định an cư; C.4 Tự tứ, 1. Á pháp, 2. Cầu thỉnh, 3. Pháp thức tự tứ, 4. Chúc thọ tự tứ, 5. Phá tự tứ, 6. Già tự tứ, 7. Hạn kỳ tự tứ, 8. Khách tự tứ; C.5 Da thuộc, I. Nhân duyên Thủ-lung-na (1. Hai bàn chân, 2. Giày đàn căng, 3. Sáu tín giải), II. Nhân duyên ức nhĩ: 1. Tăng-già biên địa, 2. Những quy định về da thuộc (a. Quy định chung về giày dép, b. Các loại da, c. Các vật dụng bằng da); C.6 Y, I. Y phân tảo, II. Kỳ-bà đồng tử (1. Kỹ nữ thành vương xá, 2. Học thuốc, 3. Chữa bệnh); III. Đàn việt thí y (1. Kỳ-bà thỉnh nguyện, 2. Các loại y quý, 3. Nhận và chia, 4. Y cái triệt, 5. Kỹ nữ thành Tỳ-da-li, 6. Ba y, 7. Pháp thức phân vật, 8. Tăng vật, 9. Tỳ-lưu-ly, 10. Thân hậu, 11. Di vật của Tỳ-kheo, 12. Tập sự); C.7 Thuốc (1. Các loại thuốc, 2. Các loại thịt, 3. Tịnh trừ, 4. Tịnh nhục, 5. Tám thứ nước, 6. Tịnh địa); C.8 Y Ca-thi-na: 1. Năm công đức, 2. Y như pháp, 3. Thọ y, 4. Xuất y; C.9 Câu-thiền-di: 1. Tránh sự phát khởi, 2. Biệt bộ Yết-ma, 3. Hòa giải, 4. Trường Sanh vương, 5. Tăng hòa hợp, 6. Giải Yết-ma;

C.10 Chiêm-ba: 1. Cử tội phi pháp, 2. Túc số yết-ma, 3. Túc số Tăng, 4. Yết-ma bất thành, 5. Ngăn yết-ma; C.11 Khiển trách: 1. Khiển trách, 2. Tẩn xuất, 3. Y chỉ, 4. Hạ ý, 5. Xả trí; C.12 Người: 1. Phú tàng, 2. Không phú tàng, 3. Tổng hợp Tăng tàn; C.13 Phú tàng; C.14 Già Yết-ma: 1. Cầu thỉnh, 2. Già thuyết giới, 3. Mười như pháp già, 4. Tỳ-kheo cử tội, 5. Pháp thức già, 6. Cáo tội, 7. Tỳ-kheo ngăn; C.15 Phá Tăng: 1. Đề-bà-đạt-đa, 2. Truyện Thiện Hành, 3. Ưu-ba-ly vắn; C.16 Diệt tránh: I. Bảy diệt tránh: 1. Hiện tiền tì-ni, 2. Ưc niệm tì-ni, 3. Bất si tì-ni, 4. Tự ngôn trị, 5. Đa nhân ngữ, 6. Tội xứ sở, 7. Như thảo phú địa, II. Bốn tránh sự, III. Tránh sự diệt, 1. Nguyên tắc hiện tiền, 2. Diệt ngôn tránh, 3. Diệt mích tránh, 4. Diệt phạm tránh, 5. Diệt sự tránh, 6. Ưu-ba-ly hỏi; C.17 Tỳ-kheo Ni: I. Kiền-đàm-di, II. Ni thọ giới: 1. Sa-di Ni, 2. Thức-xoa-ma-na, 3. Thọ Cụ túc; III. Ni thường hành; C.18 Pháp: 1. Khách Tỳ-kheo, 2. Vệ sinh, 3. Khất thực, 4. A-lan-nhã, 5. Ẩm thực, 6. Nhuộm y; sau mỗi chương đều có phần Chú thích.

Phân IV. Tập pháp: C.1 Phòng xá: 1. Ca-lan-đà Trúc Viên, 2. Tinh xá, 3. Giường nằm, 4. Chăn màn, 5. Sảnh đường, 6. Cấp Cô Độc, 7. Thứ bậc Tăng trong già-lam, 8. Trú trì, 9. Phòng ốc, 10. Tường rào chùa, 11. Nhà tắm, 12. Dùm nước, 13. Đất trồng, 14. Lò sưởi, 15. Thọ nhận phi pháp, 16. Tứ phương Tăng vật, 17. Tỳ-kheo Tri sự, 18. Chia cháo; C.2 Tập sự: 1. Bát, 2. Dao, 3. Râu-tóc-móng, 4. Trang sức, 5. Thần biến thị đạo, 6. Thiên bức luân, 7. Các loại bát cầm, 8. Xông bát-nung bát, 9. Trì bát, 10. Tịnh quả, 11. Câu chấp, 12. Khâu y, 13. Vá bát, 14. Lảy lửa, 15. Lọc nước, 16. Ăn ngủ chung, 17. Chuyển thể Phật môn, 18. Kín đáo, 19. Dù-gậy-quạt-phát tràn, 20. Chỗ ngồi, 21. Tỏi, 22.

Khuân vác, 23. Tháp Thanh văn, 24. Cạo tóc, 25. Tháp Phật, 26. Tắm, 27. Úp bát, 28. Yết-ma trì gậy, 29. Im lặng cho qua, 30. Chúc lành-thê thốt, 31. Giây nịt, 32. Góm, 33. Chú thuật, 34. Răng lưỡi, 35. Nuôi cầm thú, 36. Ưu-đà-diên; C.3 Ngũ bách kết tập; C.4 Thất bách kết tập; C.5 Điều bộ: A. Ba-la-di, 1. Bất tịnh hạnh, 2. Bất dữ thủ, 3. Đoạn nhân mạng, 4. Đại vọng ngữ; B. Tăng-già-bà-thi-sa, 1. Lộng âm, 2. Xúc nữ, 3. Thô ác ngữ, 4. (Yêu) sách cúng dường, 5. Môi giới, 6. Vô căn Ba-la-di; C.6 Tỳ-ni Tăng nhất: 1. Một pháp, 2. Hai pháp, 3. Ba pháp, 4. Bốn pháp, 5. Năm pháp, 6. Sáu pháp, 7. Bảy pháp, 8. Tám pháp, 9. Chín pháp, 10. Mười pháp, 11. Mười một pháp; sau mỗi chương đều có phần Chú thích.

1.244. LUẬT TỬ PHẦN BỐN GIỚI TỶ-KHUU NI lược ký

Dịch giả: Thích Thiện Chơn

Tỳ-kheo Thích Đăng Quang (trụ trì chùa Hải Tuệ - Sài Gòn) – Trưởng ban tổ chức ấn tống. In tại Nhà in Hạnh Phúc (Gia Định), PL. 2513 – DL. 1969.

Sách Luật dày 432 trang, bìa mềm, nền trắng, có hoa văn màu vàng chìm, hình rồng, hoa sen và bàn tay đẩy bánh xe pháp luân, chữ tựa màu đen.

Tác phẩm *Bốn giới Tỳ-khuru Ni* này kết cấu có 12 quyển. Nội dung nói về giới luật Tỳ-khuru Ni, gồm có: Q.1, Duyên khởi, Phạm lệ, Khai Kinh, Bản đồ Tổng phân khoa, Bốn đề mục (nhân đề), Kệ khen trước, Phương tiện trước, Bạch Yết-ma, Tựa Giới Kinh, Phép Cầu giáo thọ; Q.2, Pháp Ba-la-di (từ giới 1 đến 7), Phép Tăng tàn (từ giới 1 đến giới 5); Q.3, Phép Tăng tàn (tt. Từ giới 6 đến giới 17); Q.4, Phép xả đọa (từ giới 1 đến giới 11); Q.5, Phép xả đọa (tt. từ giới 12 đến giới 18); Q.6, Phép xả đọa (tt. từ giới 19 đến giới 30);

Q.7, Phép Ba-dật-đề (từ giới 1 đến giới 45); Q.8, Phép Ba-dật-đề (tt. từ giới 46 đến giới 90); Q.9, Phép Ba-dật-đề (tt. từ giới 91 đến giới 135); Q.10, Phép Ba-dật-đề (tt. từ giới 136 đến giới 178), Phép hồi quá (từ giới 1 đến giới 8); Q.11, Phép chúng học (từ giới 1 đến giới 100); Q.12, Phép diệt tránh (từ giới 1 đến giới 7), Tổng kết Tướng trước, Các Phép học khác, Giới Kinh 7 Phật, Tụng sau kết; Phụ lục: Bản đồ Nhiếp tụng Giới tướng; Lời bạt Pháp hội Nhân duyên.

1.245. LUẬT TỬ PHẦN GIỚI BỐN Như Thích (Trọn bộ Thượng và Hạ)

Biên soạn: Sa-môn Hoàng Tấn-Tại Tham (1611-1685)

Viết dịch:

HT. Thích Hành Trụ (1904-1984)

Nxb Hồng Đức – 2013. Luật có khổ 14.5 x 20.5cm, dày 798 trang, bìa mềm, có tay gấp, nền đỏ, chữ tựa mạ trắng bạc.

Nội dung gồm có 12 quyển: Q.I, A. Thích đề mục, B. Thích bốn văn, a. Lời tựa phương tiện trước, b. Chung bày giới tướng, c. Kết khuyến hồi hướng; a. Lời tựa phương tiện trước: 1. Tỏ ý khen ngợi bài tụng, 2. Trước làm phép phương tiện, 3. Giữ bạch phép Yết-ma, 4. Nói lời tựa Giới Kinh; Q.II, b. Chung bày giới tướng: 1. Pháp Ba-la-di, 2. Pháp Tăng-tàng, 3. Pháp Bất định, 4. Pháp Xả đọa, 5. Pháp Ba-dật-đề, 6. Pháp Hồi quá, 7. Pháp chúng học, 8. Pháp Diệt tránh; 1. Pháp Ba-la-di (có 4 giới), 2. Pháp Tăng-tàng (5 giới); Q.III, 2. Pháp Tăng-tàng (tt) (8 giới; tổng cộng có 13 giới Tăng-tàng), 3. Pháp Bất định; Q.IV, 4. Pháp Xả đọa (11 giới); Q.V, 4. Pháp Xả đọa (tt) (16 giới); Q.VI, 4. Pháp Xả đọa (tt) (3 giới; tổng cộng có 30 giới Xả đọa); Q.VII, 5. Pháp Ba-dật-đề (25 giới); Q.VIII, 5. Pháp Ba-dật-đề (tt) (25 giới); Q.IX, 5. Pháp Ba-dật-đề (tt) (17

giới); Q.X, 5. Pháp Ba-dật-đề (tt) (23 giới; tổng cộng có 90 giới Ba-dật-đề); 6. Nói về pháp Sát-môi (có 4 giới); Q.XI, 7. Pháp Chúng học; Q.XII, 8. Diệt tránh pháp (có 7 pháp); 1. Tóm kết tiền tướng, 2. Khuyến học các pháp, 3. Bảy Đức Phật nói Giới Kinh, 4. Kết lời tụng Hồi hương.

Luật Từ Phần Giới Bốn như thích này đã tái bản nhiều lần: Năm 1959, Phật học đường Giác Nguyên (Sài Gòn) ấn hành; năm PL. 2511 – DL. 1967, Tịnh xá Trung Tâm (Gia Định) tái bản, Giấy phép số 3605/TBTTCH/BC3/XB ngày 21-11-1967, dày 492 trang, bìa mềm, nền trắng, có hoa văn chìm màu vàng, chữ tựa màu đỏ; năm 1991, 1999, THPG Tp. Hồ Chí Minh ấn hành; năm 2006, Nxb Tôn Giáo; năm 2011, Nxb Tôn Giáo, khổ 14.5 x 20.5cm, dày 798 trang, bìa mềm, chữ tựa màu đỏ.

1.246. LUẬT TỬ PHẦN TỖ-KHEO GIỚI TƯỚNG BIỂU KÝ

Nguyên tác: *Luật sư Hoảng Nhất*

Chứng nghĩa: *HT. Luật sư -*

Thích Đồng Minh (1927-2005)

Việt dịch: *Tỳ-kheo Thích Tâm Hạnh*

Nxb Tôn Giáo, PL. 2551 – DL. 2007

Toàn bộ tác phẩm Luật này gồm có: - Lời tri ân, - Lời giới thiệu, - Lời tựa tác giả; I. Bốn pháp Ba-la-di; II. Mười ba pháp Tăng-tàn; III. Hai pháp Bất định; IV. Ba mươi pháp xả đọa; V. Chín mươi pháp đơn đề; VI. Bốn pháp Đề-xá-ni; VII. Một trăm pháp chúng học; Bảy pháp diệt tránh; Nam Sơn đối trị hưng trị thiên.

Tác phẩm Luật này in Lưu hành nội bộ lần đầu năm PL. 2540 – DL. 1996; tái bản năm PL. 2555 – DL. 2011, Nxb Tôn Giáo, khổ 14.5 x 20.5cm, dày 310 trang, bìa mềm, với nhan đề: “Pháp Tạng Bộ - Luật Tử Phần Tỳ-kheo – Giới Tướng Biểu Ký”.

1.247. LUẬT TỬ PHẦN TỖ-KHEO NI GIỚI BỒN LƯỢC KÝ

Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam

Việt dịch: *Tỳ-kheo Ni Thế Thanh*

Nxb Tp. Hồ Chí Minh – 1998

Chứng minh: *HT. Thích Đôn Hậu, HT. Thích Mật Hiển, HT. Thích Thiện Siêu, HT. Thích Minh Châu, HT. Thích Đồng Minh*

Toàn bộ tác phẩm Luật này có 12 quyển, dày hơn 856 trang. Nội dung gồm: Lời giới thiệu, Duyên khởi, Phạm lệ, Khai Kinh; Q.một, A. Giải thích đề mục, B. Giải thích chánh văn, 1. Bài tựa nói về Tiền phương tiện, 2. Tác Tiền phương tiện; Q.hai, I. Tổng nêu giới tướng, 1. Pháp quyên khí (8), 1.1 Tổng tiêu, 1.2 Giới tướng, Điều 1 – 8, 1 – 3. Kết vắn, 2. Pháp Tăng-tàn (17), 2.1 Tổng tiêu, 2.2 Giới tướng, Điều 1 – 5; Q.ba, Điều 6 – 17, 2.3 Kết vắn; Q.bốn, 3. Pháp xả đọa (30), 3.1 Tổng tiêu, 3.2 Giới tướng, Điều 1 – 11; Q.năm, Điều 12 – 18; Q.sáu, Điều 19 – 30, 3 – 3. Kết vắn; Q.bảy, 4. Pháp Ba-dật-đề, 4.1 Tổng tiêu, 4.2 Giới tướng, Điều 1 – 45; Q.tám, Điều 46 – 90; Q.chín, Điều 91 – 135; Q.mười, Điều 136 – 178, 4.3 Kết vắn, 5. Pháp hối quá (8), 5.1 Tổng tiêu, 5.2 Giới tướng, Điều 1 – 8, 5.3 Kết vắn; Q.mười một, 6. Pháp chúng học (100), 6.1 Tổng tiêu, 6.2 Giới tướng, Điều 1 – 100, 6.3 Kết vắn; Q.mười hai, 7. Pháp diệt tránh (7), 7.1 Tổng tiêu, 7.2 Giới tướng, Điều 1 – 7, 7.3 Kết vắn; III. Kết khuyến hồi hương, 1. Tổng kết các giới tướng trước, 2. Khuyến học các pháp khác, 3. Giới Kinh do 7 đức Phật nói, 4. Văn hồi hương kết thúc; Phụ lục: 1. Tác giả Luật Tử phần Tỳ-kheo Ni Giới bốn Lược ký, 2. Tiểu sử dịch giả Ni sư Thích nữ Thế Thanh.

Tác phẩm Luật này đã được Trường Cao cấp Phật học Việt Nam ấn hành năm PL. 2534 – DL. 1991.

1.248. LUẬT TỨ PHẦN TỖ-KHEO NI GIỚI BỒN **Lược Ký**

Ngài Vô Tác Giới Biểu ghi

Việt dịch: Thích nữ Thế Dung

Nxb Tôn Giáo, PL. 2556 – DL. 2012

Sách có khổ 14.5 x 20.5cm, dày 805 trang.

Nội dung gồm có 12 quyển: Lời tri ân, Duyên khởi, Trình bày 13 điều mục căn bản, Kế Khai Kinh, Lời tựa, Bản đồ phân khoa, Q.1 đến Q.12.

1.249. LUẬT TỨ PHẦN TỖ-KHEO NI GIỚI BỒN **Lược Ký**

Hán văn: Vô Tác Giới Biểu

Việt dịch: Tỳ-kheo Ni Như Đức

PL. 2550 – DL. 2006 (in lần thứ tư)

Nội dung gồm có 12 quyển: Duyên khởi, Phạm lệ, Khai Kinh; Q.I, A. Giải thích đề mục, B. Giải thích chánh văn, I. Bài tựa nói về tiền phương tiện; Q.II, II. Nêu chung Giới tướng, 1. Pháp quyên khí (có 8 giới), a. Nêu chung, b. Giới tướng (Giới 1 – giới 8), c. Gạn hỏi, 2. Pháp Tăng-tàng (có 17 giới), a. Nêu chung, b. Giới tướng; Q.III, (Giới 6 – giới 17), c. Gạn hỏi; Q.IV, 3. Pháp Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề (có 30 giới), a. Nêu chung, b. Giới tướng; Q.V, (Giới 1 – giới 11); Q.VI, (Giới 12 – giới 18) (Giới 19 – giới 30); c. Gạn hỏi; Q.VII, 4. Pháp Ba-dật-đề (có 178 giới), a. Nêu chung, b. Giới tướng; Q.VIII, Giới 1 – giới 45; Q.IX, Giới 46 – giới 90; Q.X, Giới 91 – giới 135; Giới 136 – giới 178; c. Gạn hỏi; 5. Pháp Hối quá (có 8 giới), a. Nêu chung, b. Giới tướng, Giới 1 – giới 8; c. Gạn hỏi; Q.XI, 6. Pháp Chúng học (có 100 giới), a. Nêu chung, b. Giới tướng, Giới 1 – giới 100, c. Gạn hỏi; Q.XII, 7. Pháp Diệt tránh (có 7 giới), a. Nêu chung, b. Giới tướng,

Giới 1 – giới 7; c. Gạn hỏi; III. Kết khuyến Hồi hương.

Tác phẩm Luật này in tái bản lần thứ năm, PL. 2558 – DL. 2014, Lưu hành nội bộ.

1.250. LUẬT TỨ PHẦN TỖ-KHEO NI GIỚI BỒN **Lược Ký Tập Yếu**

Việt dịch:

Tỳ-kheo Ni Huyền Huệ (1924-2015)

Nxb Tp. Hồ Chí Minh – 1998

Sách có khổ 14.5 x 20.5cm, dày 238 trang, bìa mềm, chữ tựa có 3 màu: xanh dương, đỏ và đen. Kết cấu bộ Luật này gồm có 12 quyển: Q.I, Pháp dữ dục và Thuyết giới, Pháp cầu giáo giới; Q.II, Pháp dữ Học hỏi, Pháp Ba-la-di diệt tận; Q.III, Kiết-giải các giới; Hành pháp Ma-na-đỏa, Sám tội Thâu-lan-giá, Sám tội Đột-kiết-la; Q.IV, Pháp kiết bất thất y giới, Pháp may ba y; Q.V, Pháp Kiết hạ an cư, Pháp Tự tứ, Đồ cúng thuộc về ai và pháp phân chia y vật; Q.VI, Sám hối tội xả đọa, Q.VII, Pháp Tịnh thí, Q.VIII và IX, Điều kiện thọ giới Cụ túc, Pháp Y chỉ, Tăng-giá phải đủ 12 năm mới được thọ giới Cụ túc; Q.X và XI, Hai thời thọ trai, Nghi tổng chung, Lược giáo; Q.XII, Bản đồ Năm thiên-Bảy tụ; Phần Chú thích, Phần Phụ bản 1 và Phụ bản 2.

Bộ Luật này được tái bản nhiều lần: Năm 1997, THPG Tp. Hồ Chí Minh ấn hành; năm PL. 2548 – DL. 2004, Nxb Tôn Giáo (tái bản lần thứ II, có sửa chữa), khổ 15.5 x 23cm, dày 437 trang, bìa mềm, chữ tựa màu đỏ, có hình ao sen .

1.251. LUẬT TỨ PHẦN TỖ-KHEO NI GIỚI BỒN HỘI NGHĨA – Bộ 2 tập

Biên soạn: Sa-môn Đức Cơ

Việt dịch: Thích nữ Diệu Sơn

Nxb Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh – 2011

Sách có khổ 14.5 x 20.5cm, tổng cộng 2 tập dày hơn 1.107 trang.

Tập I, gồm 6 quyển, dày hơn 581 trang. Nội dung, Q.I, A. Giải thích đề mục, 1. Giải thích tựa đề, 2. Giải thích tên người; B. Giải thích vấn Luật, I. Giải thích bài tựa, II. Giải thích giới tướng, 1. Chỉ bày vô tác giới thể, 2. Nói rõ sự sai khác giữa thiên và tụ, 3. Giải thích giới tướng, 3.1 Tám pháp Ba-la-di; Q.II, (tt) Tám pháp Ba-la-di, C. Hỏi kết thúc khuyến hành trì; Q.III, 3.2 Mười bảy pháp Tăng-già-bà-thi-sa, a. Nêu chung, b. Trình bày riêng 17 giới tướng, c. Hỏi kết thúc, khuyến hành trì; Q.IV, 3.3 Ba mươi pháp Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề, a. Nêu chung, b. Trình bày riêng về giới tướng; Q.V, (tt) Ba mươi pháp Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề, c. Hỏi kết thúc, khuyến hành trì; 3.4 178 Pháp Ba-dật-đề, a. Nêu chung, b. Trình bày riêng về giới tướng; Q.VI, (tt) 178 Pháp Ba-dật-đề.

Tập II, từ Q.VII đến Q.XII, dày hơn 526 trang. Nội dung gồm: Q.VII, Q.VIII, Q.IX và Q.X, (tt) 178 Pháp Ba-dật-đề, c. Hỏi kết thúc, khuyến hành trì; Q.XI, 3.5 Tám pháp hồi quả, a. Nêu chung, b. Trình bày riêng về giới tướng, c. Hỏi kết thúc, khuyến hành trì; 3.6 Giới pháp chúng học, a. Nêu chung, b. Trình bày riêng về giới tướng; Q.XII, 3.7 Bảy pháp diệt tranh cãi, a. Nêu chung, b. Trình bày riêng về giới tướng, c. Hỏi kết thúc, khuyến hành trì; III. Kết thúc khuyến hồi hướng, 1. Tổng kết danh mục, 2. Khuyến học các pháp khác, 3. Trình bày giới Kinh của bảy đức Phật, 4. Kệ khen ngợi và hồi hướng; Phụ chú.

1.252.

LUẬT TỨ PHẦN TỖ-KHEO NI SAO

Trước thuật:

Luật sư Đạo Tuyên (596-667)

Dịch-giảng:

Tỳ-kheo Đôn Hậu (1905-1992)

Tác phẩm này đánh máy Roneo năm 1986, nội dung gồm có 3 quyển: Thượng, Trung và Hạ.

(Bản lưu tại Thư viện Huệ Quang, Trung Tâm Dịch Thuật Hán-Nôm, Q. Tân Phú, Tp. Hồ Chí Minh; Mã sách: VRONEO 0138 - 0139)

1.253. LUẬT TỨ PHẦN TỖ-KHEO NI Soạn Yếu

Soạn dịch: *Tỳ-kheo Ni Thích nữ Như Hải*

Nxb Tôn Giáo, PL. 2543 – DL. 2000

Luật có khổ 15 x 21,5cm, có 613 trang, bìa mềm, nền vàng, chữ tựa màu đỏ, có hình ao sen.

Toàn bộ *Luật Tứ phần Tỳ-kheo Ni* (Luật TPTKN) có 4 phần chính: *I. Tổng tựa*, nói rõ về Tông chủ bản Luật, Giải thích chữ Giới và Luật, Thông giới và Biệt giới, Giải thích Tứ phần (Đề Luật), Niên đại người phiên dịch từ Phạn sang Hán, khái quát lịch sử kinh tạng Phật giáo trải qua 4 lần kết tập và các bộ phái. *II. Biệt tựa*, Duyệt khởi bản Luật TPTKN, nói về Người nữ cầu xin xuất gia Bát kinh pháp, Kết giới và thuyết giới, Phạm lệ gồm 13 điều. *III. Đại khoa bản Luật*, có Đề mục và phần Bản văn, gồm: - Giải thích Giới tựa, - Giải thích Giới tướng, - Kết vấn hồi hướng. Về Giới tựa gồm: Thuật lời tán tụng, tác tiền phương tiện, kinh bạch Yết-ma, chính thuyết giới, kết vấn khuyến trì và Nói rõ Ngũ Thiên, Thất tụ và 20 pháp Kiên độ. Về Giới tướng thì tác giả giải thích: ý nghĩa Ba-la-di, Tăng tàn pháp, Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề, Ba-la-đề-xá-ni, 100 pháp chúng học và 7 pháp diệt tránh. *IV. Kệ tụng hồi hướng*, nói về phần ứng dụng, sám tội Ba-dật-đề, và kết giải Đại Tiểu giới.

Tác phẩm Luật này được tái bản năm 2011, Nxb Phương Đông.

1.254. LUẬT TỨ PHẦN Thích Nghĩa

Dịch giả:

HT. Thích Đồng Huy (1919-2010)

PL. 2559 – DL. 2015 (Lưu hành nội bộ).

Toàn bộ tác phẩm Luật thích nghĩa này dày hơn 633 trang, gồm có 2 quyển: - Lời phi lộ, - Lời nói đầu; Tỳ-kheo Giới bốn số nghĩa (quyển thượng); Tỳ-kheo Giới bốn số nghĩa (quyển hạ); Tứ phần luật tạng, Phần I. Duyên khởi; Tứ phần luật tạng, Phần II. Tỳ-kheo Ni; Tỳ-kheo Tăng sao; Phần Phụ lục.

Bản Luật này đã được in Lưu hành nội bộ vào năm PL. 2544 – DL. 2000.

1.255. LUẬT TỖ-KHEO GIỚI BỐN SỐ NGHĨA

Tập - thuật: *Sa-môn Truyền Nghiêm*

Viết dịch: *Tỳ-kheo Thích Đồng Minh (1927-2005)*

Nxb Tôn Giáo, PL. 2548 – DL. 2004

Luật có khổ 14.5 x 20.5cm, dày 293 trang, bìa mềm, nền đỏ, chữ tựa mạ vàng. Nội dung gồm có 8 chương: Thay lời tựa, Duyên khởi Phật chế giới; *Tứ Phần Giới Bốn*, C.I, Thiên Ba-la-di; C.II, Tăng-già-bà-thi-sa; C.III, Hai pháp bất định; C.IV, Ba mươi pháp Ni-tát-kì-ba-dật-đề; C.V, Chín mươi pháp Ba-dật-đề; C.VI, Bốn pháp Ba-la-đề-xá-ni; C.VII, Thức-xoa-ca-la-ni; C.VIII, Bảy pháp diệt tránh.

Tác phẩm này đã in Lưu hành nội bộ năm 1994.

1.256.

LUẬT TỖ-KHEO NI GIỚI BỐN

Viết dịch: *HT. Thích Thiện Chơn*

Nxb Tôn Giáo, PL. 2549 – DL. 2005

Sách có khổ 15.5 x 23cm. Nội dung có Nghi thức tụng Tỳ-kheo Ni Giới bốn.

Tác phẩm này được tái bản nhiều lần: Năm 2010 - 2015, Nxb Tôn Giáo.

1.257.

LUẬT TỖ-KHEO NI GIỚI BỐN

Biên soạn: *TK. Thích Trí Hải*

Nxb Tôn Giáo – 2014

Sách có khổ 14.5 x 20.5cm, dày 203 trang, bìa mềm, chữ tựa màu trắng và đỏ, có hình ao sen. Nội dung gồm có: Lời nói đầu, *Tỳ-kheo Ni Giới bốn*, Tựa Thuyết giới, Tám Giới khí, Mười bảy giới Tăng tàn, Ba mươi giới Xả đọa, Một trăm bảy mươi tám giới Đọa, Tám giới Hồi quá, Một trăm giới Học, Bảy pháp Diệt tránh; Tỳ-kheo Ni Giới bốn (chữ Hán), Khởi nguyên Giới luật, Khái quát Luật tạng, Khởi nguyên Ni chúng, Lược yếu pháp Yết-ma, Tứ Phần luật San bổ Tùy cơ Yết-ma; Thư mục tham khảo.

1.258. LUẬT TỖ-KHEO – YẾT-MA YẾU CHỈ - Tập 1

Biên soạn:

HT. Thích Trí Thủ (1909-1984)

Trường Cao cấp Phật học Việt Nam ấn hành – 1991

Tác phẩm Luật này có 305 trang, gồm 8 chương: - Lời giới thiệu, - Lời tựa;

C.I, Tổng luận về Yết-ma, 1. Yết-ma trong sinh hoạt của cộng đồng Tăng lữ: Khái niệm tổng quát về cộng đồng Tăng lữ, Thành phần của Tăng, Phân loại Tăng, Các nguyên tắc chi phối đời sống của Tăng; 2. Phân tích nội dung của Yết-ma: Yết-ma là gì? Đối tượng của Yết-ma, Phân loại Yết-ma, Các giai đoạn tiến hành của Yết-ma, Các yếu tố để thành tựu Yết-ma, Già Yết-ma, Phi tướng của Yết-ma, Kết luận; *C.II, Cương giới*: 1. Ý nghĩa và tầm quan trọng của cương giới (Ý nghĩa cương giới, Hiệu lực cho phôi của Cương giới), 2. Bản chất của Cương giới: a. Cương giới tự nhiên (tự nhiên giới), b. Cương giới ấn định (tác pháp giới), c. Thủ tục tiến hành yết-ma kết giới, 3. Các pháp Yết-ma kết

và giải giới, a. Văn kết đại giới không giới trường, b. Văn giải đại giới, c. Văn kết đại giới có giới trường gồm luôn cả nhà bếp và nhà kho, d. Văn giải giới trường, e. Văn giải tịnh trừ, tịnh khó, khó tang, f. Kết giới không mất y trong trú xứ, g. Kết giới không mất y thông hai trú xứ, h. Giải giới không mất y, i. Kết tiểu giới; *C.III, Truyền giới-thọ giới (1)*, 1. Bước đầu xuất gia: a. Dẫn khởi, b. Tư cách làm thầy, c. Yết-ma súc chúng, d. Thế phát xuất gia, e. Yết-ma bạch Tăng, f. Ngoại đạo xuất gia; 2. Giới Cụ túc, a. Tổng luận về giới Cụ túc, b. Tiến hành tác pháp; 3. Xả và thọ y bát, a. Ba y, b. Bình bát, c. Tọa cụ, d. Đãi lọc nước; 4. Thỉnh Y chỉ; *C.IV, Truyền giới-Thọ giới (2)*, 1. Ni xuất gia, a. Ni xin nuôi chúng, b. Sa-di Ni và ngoại đạo cộng trú, c. Thọ Thức-xoa-ma-na; 2. Thọ Tỳ-kheo Ni giới, a. Bản lộ Yết-ma, b. Chính pháp Yết-ma, c. Yết-ma cấm Tỳ-kheo Ni nuôi chúng; *C.V, Bỏ-tát và thuyết giới*, 1. Duyên khởi và ý nghĩa, 2. Các giai đoạn tiến hành (a. Dự kỳ sám hối, b. Nhật kỳ sám hối, c. Tập Tăng hòa hợp, d. Việc kiểm Tăng, e. Gởi dục và thuyết tịnh, f. Yết-ma công nhận bệnh cuồng si, g. Giáo thọ Ni, h. Thuyết giới cho Sa-di; 3. Chính thức thuyết giới, a. Các thể thức thuyết giới, b. Tác pháp thuyết giới, c. Yết-ma thuyết giới; *C.VI, An cư và tự tứ*: 1. An cư, a. Duyên khởi và ý nghĩa, b. Hạn kỳ an cư, c. Thọ an cư, d. Xuất giới và phá hạ; 2. Tự tứ, a. Ý nghĩa, b. Tác pháp tự tứ, c. Sau tự tứ; *C.VII, Ca-thi-na*, 1. Duyên khởi và ý nghĩa, 2. Tác thành Ca-thi-na, 3. Thọ Ca-thi-na, 4. Xả Ca-thi-na; *C.VIII, Thọ dục-thuyết tịnh và phân vật*, 1. Thọ dục (Các loại dục, Thể thức thọ), 2. Thuyết tịnh (Phân loại tịnh thí, Tác pháp tịnh thí), 3. Phân vật (Phân loại sở hữu, Thể thức phân chia, Tác pháp phân vật); Thư mục tham khảo; Tiểu sử Hòa thượng.

Luật này đã được chùa Vạn Đức (Thủ Đức) ấn hành từ năm 1970, Tỳ-kheo Thích Trí Tịnh đình chính và giới thiệu.

1.259. LUẬT TỖ-KHEO – TỨ PHẦN HIỆP CHÚ - Tập 2A và 2B

Biên soạn:

HT. Thích Trí Thủ (1909-1984)

Trường Cao cấp Phật học Việt Nam ấn hành – 1991

Sách có khổ 14.5 x 20cm, 2 tập dày 730 trang, bìa mềm.

Tập 2A, dày 382 trang. Nội dung gồm có: I. Chánh văn, Tứ phần Giới bản; II. Hiệp chú, gồm có 10 chương, Chương mở đầu: Tựa thuyết giới, C.I Bốn pháp Ba-la-di, C.II 13 Pháp Tăng-già-bà-thi-sa, C.III Hai pháp bất định, C.IV 30 pháp Ni-tát-kỳ-ba-dật-đề, C.V 90 pháp Ba-dật-đề.

Tập 2B, dày 348 trang. Nội dung gồm có: Lời mở đầu, C.V, Ba-dật-đề (tt), C.VI, Ba-la-đề-đề-xá-ni, C.VII, Pháp chúng học, C.VIII, Bảy pháp diệt tránh, Chương kết.

Tác phẩm này đã được chùa Vạn Đức (Thủ Đức) ấn hành năm 1970, Tỳ-kheo Thích Trí Tịnh đình chính và giới thiệu; in Lưu hành nội bộ năm 1987.

1.260. LUẬT TỖ-NI OAI NGHI

Biên soạn: *Tỳ-kheo Thích Trí Hải*

Nxb Tôn Giáo – 2014

Sách có khổ 14.5 x 20.5cm, dày 198 trang, bìa mềm.

Nội dung gồm có: Lời nói đầu, Tỳ-ni Nhật dụng yếu lược, Những Bài kệ chú, Sa-di Thập Giới Tướng, Sa-di Ứng cụ Ngũ đức, Hạ thiên Oai nghi môn (Sa-di); Hạ thiên Oai nghi môn (Sa-di Ni); Tỳ-ni Nhật dụng yếu lược (chữ Hán), Sa-di Thập Giới Tướng (chữ Hán); Thập Giới Tướng - Sa-di Ni; Hạ thiên Oai nghi môn, Sa-di (chữ Hán); Hạ thiên Oai nghi môn, Sa-di Ni (chữ Hán); Thư mục tham khảo.

1.261. LUẬT THẬP TỤNG

(Sarvāstivāda-vinaya) – I

Hán dịch: *Tam tạng Pháp sư*

Cru-ma-la-thập (Kumarajiva, 344-413)

Tác phẩm Luật này gồm có: Tụ ngôn (PL. 2558 – DL. 2014), Tổng luận lịch sử Luật Thập tụng, Phạm lệ, Bảng viết tắt, C.I Ba-la-di, 1. Giới dâm dục, 2. Giới trộm cắp, 3. Giới sát sinh, 4. Giới đại vọng ngữ; C.II Tăng tàn, 1. Cố ý làm xuất tinh, 2. Xúc chạm người nữ, 3. Nói năng thô tục, 4. Bảo người nữ đem dâm dục cúng dường, 5. Làm mai mối, 6. Làm nhà riêng quá lượng, 7. Cát phòng xá lớn, 8. Vô cơ vu khống, 9. Dùng chuyện nhỏ phỉ báng, 10. Phá hòa hợp Tăng, 11. Trợ bạn phá Tăng, 12. Làm hoen ố nhà người, 13. Tánh ngoan cố không nghe lời khuyên; C.III Bất định, 1. Giới thứ nhất, 2. Giới thứ hai; C.IV Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề, 1. Cát y dư quá hạn, 2. Ngủ lìa y, 3. Được cất chứa y (vải) trong một tháng, 4. Nhận y của Tỳ-kheo Ni không phải thân quyến, 5. Sai Tỳ-kheo Ni không phải thân quyến giặt y cũ, 6. Xin y không phải thân quyến, 7. Cát phòng xá lớn, 8. Yêu cầu cúng dường y quý giá, 9. Yêu cầu chung nhau sắm y, 10. Đòi y quá hạn, 11. Làm phu cụ bằng tơ tằm, 12. Phu cụ thuần đen, 13. Phu cụ quá phần, 14. Dùng phu cụ chưa đủ sáu năm, 15. Tọa cụ không hoại sắc, 16. Gánh lông dê, 17. Nhờ chải lông dê, 18. Chăm giữ vàng bạc, 19. Kinh doanh tài bảo, 20. Mua bán, 21. Chứa bát dư, 22. Đồi bát mới, 23. Xin chỉ sợi, 24. Chỉ dẫn thợ dệt, 25. Đoạt lại y, 26. A-lan-nhã gặp nạn lìa y, 27. Cấp thí y, 28. Y tắm mưa, 29. Xoay vật của Tăng về mình, 30. Thuộc bảy ngày; C.V Ba-dật-đề, 1. Cố ý vọng ngữ, 2. Mắng nhiếc, 3. Nói ly gián, 4. Khôi lại tránh sự, 5. Thuyết pháp quá 5 lời, 6. Đọc kinh chung, 7. Nói đắc pháp thượng nhân, 8. Nói thô tội, 9.

Phủ nhận yết-ma, 10. Kinh chê học giới, 11. Phá hoại thực vật, 12. Nói xấu người Tăng sai, 13. Nói quanh, 14. Trãi tọa cụ Tăng không cất; Từ vựng Phạn-Pali-Việt (phaptangpgvn.net, *Luật tạng*)

1.262.

LUẬT THIỆN KIẾN TỖ-BÀ-SA

Hán dịch: *Tam tạng Tăng-già Bạt-đà-la*
Việt dịch (1993):

Ban Phiên dịch chùa Pháp Bảo,

HT. Thích Tịnh Hạnh giám tu năm 2006

Hiệu đính và nhuận văn:

Ni sư Như Lộc – 2010

Bộ Luật này gồm có 18 quyển: Q.I (Giải thích Luật Tứ phần theo Nam truyền), P.1 Tựa, P.2 Bạt-xà tử kết tập Pháp tạng lần thứ hai, P.3 Vua A-dục kết tập Pháp tạng lần thứ ba; Q.II (tt); Q.III, (tt); Q.IV P.1 Nói về nhân duyên tại Tỳ-lan-nhã, Q.V Do xả bỏ khổ lạc, P. Đại Mục-kiền-liên, P. Xá-lợi-phất; Q.VI P. Ca-lan-đà; Q.VII (tt); Q.VIII; Q.IX; Q.X; Q.XI; Q.XII; Q.XIII; Q.XIV; Q.XV; Q.XVI; Q.XVII; Q.XVIII. (<https://phatphapungdung.com>; *Pháp bảo-Luật tạng*)

1.263. LUẬT TRỪNG TRỊ -

Trùng Trị Tỳ-ni Sư Nghĩa Tập Yếu

Đại sư Trí Húc (1599-1655)

Chứng minh:

HT. Thích Trí Tịnh (1917-2014)

Việt dịch: *Thích Hoằng Triệu*

Lưu hành nội bộ, PL. 2544 – DL. 2000

Quyển đầu, dày 700 trang. Nội dung gồm có: Lời ngỏ (Dịch giả), Lời tựa, Lời tuyền, Duyên khởi, Tổng vấn biện, Phạm lệ, Đề cương, Tổng Mục lục tạng; và 17 Quyển (Quyển một,... đến Quyển mười bảy); Pháp tập, Nguyên bạt, Lời bạt.

1.264. LUẬT XUẤT GIA

Căn Bản Thuyết Nhất Thiết Hữu Bộ Tỳ-Nại-Da

Hán dịch:

Tam tạng Pháp sư Nghĩa Tịnh (635-713)

Việt dịch: *Tỳ-kheo Tâm Hạnh*

PL. 2545 – DL. 2000

Sách có bìa mềm, chữ tựa màu đỏ. (Lưu hành nội bộ)

Nội dung của Luật này gồm có: No. 1444, Xuất Gia Sự; No. 1445, An Cư Sự; No. 1446, Tùy Ý Sự; No. 1449, Yết-sĩ-na-y sự; No. 1452, Ny-đà-na (Từ Q.1 đến Q.5); Mục-đắc-ca (Từ Q.6 đến Q.10); No. 1454, Bí-sô Giới Kinh; No. 1455, Bí-sô Ni Giới Kinh.

1.265. LUẬT XUẤT GIA Tóm Tắt (PABBAJITA VINAYA SANKHEPA)

Soạn giả: *Tỳ-khuru Hộ Tông (1893-1981)*

Nxb Tôn Giáo, PL. 2554 – DL. 2010

Sách có khổ 14 x 20cm, dày hơn 425 trang, bìa cứng, nền đỏ chữ vàng.

Nội dung gồm có: Tiểu tựa, Dẫn tích, Lợi ích của sự Trì luật, Truyền giới bốn phận, làm ông thầy Hòa thượng, Phép Truyền giới Sa-di, Phép Truyền Tỳ-kheo giới, Giới luật Sa-di, Lời dạy tiếp, Tam học, Phạm tội, Điều học, Biệt biệt Giải thoát thu thúc giới, Những Điều học ngoài Giới bốn trọng tội, Những Điều học ngoài Giới bốn, Tác ác, Ác khẩu, Chú giải 10 điều làm lạc, 14 Pháp hành, Uposatha Bô-tát, Vassà-An cư, Pavàranà-Tự tứ, Vật dùng theo thời, Giải về cách thức, Giải về cách giữ y dư, Giải về cách đứt, Tổng kết, Pháp làm cho trở nên Sa-môn, Phương tiện cho pháp sanh pháp, Tội của bậc xuất gia tu hành không chơn chánh, Mười Pháp mà bậc xuất gia phải quán tưởng thường xuyên, Phật ngôn, Tỳ-kheo có 7 pháp hàng phạm hạnh thương mến, Tỳ-kheo có 7 pháp không đáng cho hàng phạm hạnh

thương mến, Sáu đặc tính của kẻ si mê, Sáu hạng xuất gia.

1.266. LUẬT XUẤT GIA Tóm Tắt – 2 Quyển

(PABBAJITA VINAYA SANKHEPA)

Soạn giả: *Tỳ-khuru Hộ Tông (1893-1981)*

Quyển thượng, THPG Tp. Hồ Chí Minh ấn hành, PL. 2537 – DL. 1993; nội dung Luật này gồm có: - Tiểu tựa, - Dẫn tích, - Lợi ích của sự trì luật; Phần I. Truyền giới, Bốn phận làm ông thầy Hòa thượng, Phép truyền giới sa-di, Phép truyền Tỳ-kheo giới, Giới luật sa-di: 1. Mười phép học (Sikkhàpada), 2. Mười phép hành phạt (Dandakamma), 3. Mười phép trục xuất (Nàsananga); Phần II. Lời dạy tiếp (Anusàsana), Tam học (Trisikkhà), Phạm tội (Àpatti), Điều học (Sikkhàpada), Biệt biệt giải thoát thu thúc giới (Pàtimokkha Samvarasila), I. Bốn điều bất cộng trụ (Pàràjika); Phần III, II. Mười ba điều học Tăng-tàn (Sangha disesa), III. Điều học bất định (Aniyatta); Phần IV. IV. 30 điều học ung xả đối trị (Nissaggiya Pàcittiya); Phần V. VI. VII, V. Ứng đối trị (Pàcittiya); Phần VIII. VI. Bốn điều học ung phát lộ (Patidesaniya), VII. Bảy mươi lăm điều học ung học pháp (Sekkiyavatta), VIII. Diệt tranh (Adhikarana Samatha); Phần IX. Những điều học ngoài giới bốn chú giải 10 điều làm lạc, 14 pháp hành (Vatta 14); Phần X. Uposatha, Bô-tát, Vassà, An cư, Pavàranà, Tự tứ; Phần XI. Giải về cách thức Adhitthana, Tổng kết; Trích dịch ở Tạng Luật, Pháp làm cho trở nên Sa-môn, Phương tiện cho pháp sanh pháp của bậc xuất gia hoặc Sa-môn, Tội của bậc xuất gia tu hành không chơn chánh, Mười pháp mà bậc xuất gia phải quán tưởng thường xuyên, Phật ngôn.

(www.tuvienquangduc.com/Luật)

Luật Xuất Gia này ấn hành lần đầu vào năm PL. 2510 – DL. 1966.

Quyển hạ, PL. 2510 – DL. 1966; nội dung tác phẩm Giới luật này gồm có: *Tứ Thanh tịnh giới* (1. Biệt giải thoát thu thúc giới (Pàtimokkhasamvarasila), 2. Giải về tiếng àcàra và anàcàra, 3. Gocàra và agocàra, 4. Giải về tiếng “lo sợ nhỏ nhen chút ít”, 5. Kết luận trong Biệt giải thoát thu thúc giới, 6. Lục căn thu thúc giới (Indriyasamvarasila), 7. Giải về tiếng “chẳng cảm xúc”, 8. Giải về tiếng “tinh tấn gìn giữ lục căn”, 9. Thu thúc và không thu thúc, 10. Kết luận Lục căn thu thúc giới); *Chánh mạng thanh tịnh giới (Àjìvapàrisuddhisila)*: 1. Giải về 6 điều học, 2. Giải về 5 ác pháp, 3. Giải về sự biết vô ích, 4. Kết luận trong pháp chánh mạng, 5. Quán tưởng về thọ vật dụng giới, 6. Cách thức quán tưởng, 7. Giải về 4 phần thọ dụng, 8. Kết luận trong thọ vật dụng giới, 9. Phép quán tưởng); *Pháp làm cho giới trong sạch*: 1. Tội báo trong sự phá giới, 2. Giải về phương pháp làm cho giới tử trở nên trong sạch, 3. Giải về vật ô nhiễm của giới, 4. Giải về điều trong sạch của giới, 5. Phước báu của sự trì giới; Những điều cấm rời rạc; Giải về cách cho và thọ; Giải về cách sám hối; Giải về phép Đầu-đà (Dhutangkathà), *Giải về cách thọ trì Đầu-đà (Dhutangasamàdàna Vidhànàdikathà)*, Đầu-đà có 13 phép (1. Cách thọ trì trong Đầu-đà thường mặc y Ca-sa đáng gồm như phần đất, 2. Cách thọ trì trong Đầu-đà chỉ mặc tam y, 3. Cách thọ trì trong Đầu-đà thường đi để khát thực, 4. Cách thọ trì trong Đầu-đà thường đi khát thực theo mỗi nhà, 5. Cách thọ trì trong Đầu-đà thường ngồi ăn trong một chỗ, 6. Cách thọ trì trong Đầu-đà thường ăn trong một bát, 7. Cách thọ trì trong Đầu-đà ngăn atirittabhajana, 8. Cách thọ

trì trong Đầu-đà thường nương ngụ trong rừng, 9. Cách thọ trì trong Đầu-đà thường nương ngụ gần cội cây, 10. Cách thọ trì trong Đầu-đà thường ngụ trong khoảng (đất) trống, 11. Cách thọ trì trong Đầu-đà thường ngụ nơi mộ địa, 12. Cách thọ trì trong Đầu-đà thường ở trong chỗ Tăng đã cho đầu tiên không dời đổi, 13. Cách thọ trì trong Đầu-đà ngăn oai nghi nằm); Giải về sự xét đoán chung trong 13 Đầu-đà; Giải về phân phát Đầu-đà; *Phẩm Parivàra* (Trích lục trong tạng Luật), Giải về Kathina (Kathina Kathà), Năm quả báo, Cách thức thọ Kathina, Giải về thể thức thọ Kathina không được kết quả, Giải về thể thức thọ Kathina được kết quả, Giải về nguyên nhân Kathina xả, Báo buộc, Hành trình Kathina xả, Pakinnakakathà,, Giải về cách thức các thứ y ca-sa, Phép dâng y Kathina đến Tăng. (phatgiaonguyenthuy.com, Tác phẩm; www.tuvienquangduc.com/Luật) Sách này được tái bản PL. 2537 – DL. 1993.

1.267. Lược Giải

DANH NGHĨA LUẬT TỨ PHẦN

Giới Đài Viện Huệ Nghiêm –

Ban Dịch Thuật Luật Tạng

Nguyên tác Hán văn:

Hoằng Tân Tại Tham

Chứng minh và thẩm định: *Tỳ-kheo Hoằng luật HT. Thích Minh Thông*

Chủ biên và hiệu đính: *Tỳ-kheo Thích Nguyên Chơn*

Thành viên dịch thuật:

TK. Thọ Phước, TK. Bửu Hà, TK. Vạn

Thiện, TKN. Đức Nghiêm, TKN. Nguyên

Nhã, TKN. Tuệ Thành, TKN. Thành

Thông, TKN. Đức Thuận, TKN. Đức

Thuần, TKN. Lệ Nhã, TKN. Hạnh Diệu,

TKN. Tịnh Hiền

Nxb Hồng Đức – 2016. Sách có khổ 16 x 24cm, dày 912 trang, bìa cứng.

Nội dung sơ lược gồm có: Các thuật ngữ trong Luật Tứ Phần được sắp theo mẫu tự tiếng Việt từ A, B,... Y, từ chữ đầu *A-bàn-đề quốc* đến chữ sau cùng là *Yêu đời*.

1.268. Lược Thuật CÁC PHÁP YẾT-MA (Ngũ Phần – Thập Tụng)

Giới Đài Viện Huệ Nghiêm

Biên dịch: *Tỳ-kheo Thích Nguyên Chơn*

Nxb Hồng Đức – 2020

Sách có khổ 16 x 24cm, dày hơn 224 trang, bìa mềm. Nội dung gồm có: A. *Yết-ma Ngũ Phần*, I. Duyên khởi tác pháp, 1. Lượng sự như pháp và phi pháp, 2. Pháp nương vào cương giới (xứ) mà phát khởi, 3. Giới hạn tập hợp Tăng, 4. Phân biệt chúng như pháp và phi pháp, 5. Hòa hợp-không biệt chúng, 6. Hỏi đáp về hành sự, 7. *Yết-ma như pháp*; II. Kết giải các cương giới, 1. Pháp kết và giải cương giới nhiếp Tăng, 2. Pháp kết và giải cương giới nhiếp thực; III. Thụ và xả các giới pháp, IV. Thụ tịnh y và dược, 1. Pháp thụ trì ba y, 2. Pháp thụ dược (thuốc men), 3. Pháp tịnh thí (thuyết tịnh) ba y dư, 4. Pháp thỉnh chủ tịnh thí, 5. Chính thức thuyết tịnh, 6. Pháp tịnh thí vàng bạc-lúa gạo; V. Nghi thức BỐ-tát; VI. Pháp chế An cư, 1. Tam ngữ An cư, 2. Tâm niệm An cư, 3. Thụ nhật ra khỏi đại giới An cư, 4. Pháp *Yết-ma* thụ nhật, 5. Pháp tam ngữ thụ nhật; VII. Tự tứ thanh tịnh, 1. Sai người nhận Tự tứ, 2. Đơn bạch nhiếp chúng sau khi được Tăng sai, 3. Chính thức nói lời Tự tứ, 4. Lược Tự tứ, 5. Pháp Tự tứ bốn người trở xuống, 6. Pháp Ni sai người Tự tứ; VIII. Thụ thí chia y, 1. *Tỳ-kheo* đắp y phân tảo, 2. Pháp phân chia vật của *Tỳ-kheo* qua đời; IX. Sám hối các tội đã phạm, 1. Sám hối tội Ba-la-di, 2. Sám hối tội Tăng-già-bà-thi-sa, 3. Sám hối tội Thâu-lan-giá, 4. Sám hối

tội Ba-dật-đề, 5. Sám hối tội Ba-la-đề-đề-xá-ni, 6. Sám hối tội Đột-cát-la; X. Tọa hạnh trụ trì, 1. Sáu niệm, 2. Tác pháp tàn thực, 3. Thưa trước khi vào thôn xóm, 4. Thưa vào thôn xóm phi thời, 5. Buôn bán cầu lợi, 6. Hòa thượng lượng xét khi đệ tử muốn từ biệt, 7. Đón tiếp cúng dường *Tỳ-kheo* trì Luật, 8. Những người nên thuyết giới, 9. Tăng Ni tôn ty lễ kính, 10. Năm cách làm tịnh rau củ quả, 11. Đắp y cao thấp, 12. Thụ thỉnh ứng cúng, 13. Năm vật không được chiếm dụng bán và phân chia, 14. Phụng dưỡng cha mẹ; B. *Yết-ma Luật Thập Tụng*, I. Văn thụ Tam quy Ngũ giới, II. Văn thụ tám giới, III. Văn *Yết-ma* xin nuôi chúng, IV. Thụ mười giới Sa-di, V. Sa-di Ni thụ sáu pháp, VI. Văn thụ giới *Tỳ-kheo* Ni, VII. Đến đại Tăng thụ giới Cụ túc, VIII. Nghi thức thụ Đại giới *Tỳ-kheo*, IX. Kết Tiểu giới, X. Kết Đại giới, XI. Kết cương giới không lia y, XII. Giải Đại giới, XIII. Sai người làm chấp sự cho Tăng, XIV. Văn thụ An cư, XV. Thụ nhật, XVI. Văn BỐ-tát; C. *Các pháp Yết-ma của Đại Sa-môn*, I. Pháp *Yết-ma* trừ tội Tăng-già-bà-thi-sa có phú tàng, 1. *Yết-ma* trao Ba-lợi-bà-sa, 2. *Yết-ma* trao pháp Ma-na-đỏa, 3. *Yết-ma* Ba-lợi-bà-sa xuất tội; II. *Yết-ma* trừ tội Tăng-già-bà-thi-sa không phú tàng, 1. *Yết-ma* trao Ma-na-đỏa, 2. *Yết-ma* Ma-na-đỏa xuất tội, 3. *Yết-ma* bản trị (bản nhật trị), 4. *Yết-ma* bản trị xuất tội; III. Pháp sám hối Thâu-lan-giá; IV. Văn sám hối tội Ba-dật-đề; V. Văn sám hối tội Hường bỉ hối, VI. Văn sám hối tội Đột-cát-la; VII. Văn các pháp *Yết-ma* tân, VIII. Tăng *Yết-ma* sai người xử đoán, IX. Y Ca-hi-na; X. *Yết-ma* phân xử vật của *Tỳ-kheo* qua đời, XI. *Yết-ma* trao y vật cho người chăm sóc *Tỳ-kheo* bệnh, XII. Các pháp đơn bạch, XIII. *Yết-ma* sai người nhận Tự tứ cho Tăng.

M

1.269. MỘT SỐ VẤN ĐỀ GIỚI LUẬT – Tập 1

Tác giả: *Tỳ-kheo Thích Phước Sơn*

Nxb Phương Đông – 2006

Tác phẩm về Giới luật này có 392 trang, bìa mềm. Nội dung gồm có: Lời nói đầu, Đôi nét về Giới luật, Các cấp độ Giới pháp, Tính chất giáo dục của Giới luật Phật giáo, Giới luật là công truyền hay bí truyền, “Thập Tuế Tăng-giá” là thế nào? Giới luật có thể thay đổi được không? Trách nhiệm làm thầy, Phép cung kính, Các già-nạn đối với người xuất gia, Thẻ thức cử tội, Thẻ thức sám hối các tội, Phương pháp diệt tránh, Kiết hạ An cư, Ý nghĩa Tự tứ, Thẻ thức Tự tứ, Ý nghĩa của Y Ca-thi-na, Pháp phục-ý nghĩa và công dụng, Thập-ý nghĩa và công dụng, Ba mươi lăm tác hại của rượu, Lời khuyên bỏ rượu thịt.

1.270. MƯỜI GIỚI ĐỨC THÁNH SA-DI

Tu viện Chơn Như (Kinh sách đạo đức của mọi người)

PL. 2548 – DL. 2004

Sách dày hơn 249 trang; nội dung gồm có: 1. Lời nói đầu, 2. Tiểu sử La-hầu-la, 3. La-hầu-la, 4. Chú bé không biết mặt cha, 5. Thầy Sa-di đầu tiên, 6. Giáo giới La-hầu-la, 7. Thầy Sa-di có thể ở chung, 8. Đức nhẫn nhục, 9. Lịch trình chứng đạo, 10. Nhập diệt, 11. Giới thiệu Giới hành Sa-di, 12. Giới hành thứ nhất, 13. Giới hành thứ hai, 14. Giới hành thứ ba, 15. Giới hành thứ tư, 16. Giới hành thứ năm, 17. Giới hành thứ sáu, 18. Giới hành thứ bảy, 19. Giới hành thứ tám, 20. Giới hành thứ chín,

21. Giới hành thứ mười, 22. Giới hành thứ mười một, 23. Giới hành thứ mười hai, 24. Giới hành thứ mười ba, 25. Giới hành thứ mười bốn, 26. Giới hành thứ mười lăm, 27. Giới hành thứ mười sáu, 28. Giới hành thứ mười bảy, 29. Giới hành thứ mười tám, 30. Giới hành thứ mười chín, 31. Giới hành thứ hai mươi, 32. Giới hành thứ hai mươi một, 33. Giới hành thứ hai mươi hai, 34. Giới hành thứ hai mươi ba, 35. Giới hành thứ hai mươi bốn, 36. Giới hành thứ hai mươi lăm; 37. So sánh giữa Bốn giới và Giới Kinh.

N

1.271. NỀN TẢNG THIẾT LẬP GIỚI

Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam

Thích Viên Giác

Nxb Phương Đông – 2010. Sách có khổ 14.5 x 20.5cm, có hơn 87 trang, bìa mềm. Nội dung gồm có 3 chương: Lời nói đầu; C.I Quá trình hình thành Giới, 1. Giáo pháp là Giới, 2. Ba pháp Quy y là Giới, 3. Giới Kinh, 4. Ni giới, 5. Giới bốn; C.II Giới luật cơ sở của Đạo đức, 1. Khái niệm về Đạo đức, 2. Các quan niệm về Đạo đức, 3. Mục tiêu của Đạo đức, 4. Cơ sở xây dựng Đạo đức; C.III Nền tảng của Giới luật, 1. Từ bi, 2. Trí tuệ; Kết luận.

1.272. NIỀM TIN BẤT HOẠI ĐỐI VỚI THÁNH GIỚI

Tác giả: *Thích Thái Hòa*

Chứng minh: *HT. Thích Huyền Quang – HT. Thích Đức Nhuận*

Nxb Hồng Đức – 2017. Sách có khổ 14.5 x 20.5cm, dày 731 trang, bìa cứng, chữ tựa màu đỏ, có hình Đức Phật Thích-ca chuyển pháp luân.

Nội dung gồm có 8 chương như sau: C.I, T.1 Lối vào, T.2 Ý nghĩa của Giới, T.3 Bản chất của Giới, T.4 Chức năng của Giới, T.5 Lợi ích của sự lãnh thọ và hành trì Giới, T.6 Tai hại của sự phá Giới, T.7 Nguyên tắc Trì Phạm, T.8 Phân khoa của Giới; C.II, Cận sự Giới, T.1 Ý nghĩa và duyên khởi, T.2 Truyền và thọ, T.3 Những vị thọ trì cận sự giới tiêu biểu thời Đức Phật; C.III, Cận trú Giới, T.1 Ý nghĩa và duyên khởi, T.2 Thọ trì trai giới, T.3 Giới tướng, T.4 Lợi ích của sự thọ trì trai giới; C.IV, Sa-di giới, Sa-di Ni giới và Thức-xoa-ma-na, T.1 Sa-di giới, T.2 Sa-di Ni giới, T.3 Thức-xoa-ma-na; C.V, Tỳ-kheo giới, T.1 Ý nghĩa, T.2 Thọ và Đắc, T.3 Tiến hành tác pháp trao giới, T.4 Tổng quát về học giới; C.VI, Tỳ-kheo Ni giới, T.1 Thọ và Đắc, T.2 Thiên, Tụ và Đồi chiểu; C.VII, Thập thiện giới, T.1 Dẫn nhập và ý nghĩa, T.2 Thọ và Đắc, T.3 Giới tướng, Trì phạm và Nghiệp đạo, T.4 Duy trì và phát triển, T.5 Hiệu quả và tổng kết; C.VIII, Bồ-tát giới, T.1 Tổng luận, T.2 Nguyên ủy của Bồ-tát giới, T.3 Thọ và Đắc, T.4 Giới tướng, T.5 Trì phạm, Sám hối và Nuôi dưỡng, T.6 Lịch sử phát triển Bồ-tát giới; Thư mục tham khảo.

NG

1.273. NGŨ GIỚI BIỂU GIẢI

Nguyên tác Hán văn: *Pháp sư Sám Văn*

Soạn dịch: *Thích Thiện Mãn –*

Thích nữ Chúc Hòa

Nxb Đồng Nai – 2018

Sách có khổ 13 x 19cm, có hơn 88 trang, bìa mềm. Nội dung gồm có: Lời giới thiệu, Lời ngỏ Cẩn bạch; *Giới thứ nhất, Không Sát sanh*, 1. Giải thích tên gọi, 2. Chế ý, 3. Phân thứ lớp, 4. Đủ duyên phạm, 5. Tội nặng nhẹ, 6. Khai mở và ngăn chặn, 7. Quả báo của việc phạm giới, 8. Lợi ích của giữ giới, 9. Phương pháp đối trị; *Giới thứ hai, Không Trộm cắp*, 1. Giải thích tên gọi, 2. Chế ý, 3. Phân thứ lớp, 4. Đủ duyên phạm, 5. Tội nặng nhẹ, 6. Khai mở và ngăn chặn, 7. Quả báo của việc phạm giới, 8. Lợi ích của giữ giới, 9. Phương pháp đối trị; *Giới thứ ba, Không Tà dâm*, 1. Giải thích tên gọi, 2. Chế ý, 3. Phân thứ lớp, 4. Đủ duyên phạm, 5. Tội nặng nhẹ, 6. Khai mở và ngăn chặn, 7. Quả báo của việc phạm giới, 8. Lợi ích của giữ giới, 9. Phương pháp đối trị; *Giới thứ tư, Không Nói dối*, 1. Giải thích tên gọi, 2. Chế ý, 3. Phân thứ lớp, 4. Đủ duyên phạm, 5. Tội nặng nhẹ, 6. Khai mở và ngăn chặn, 7. Quả báo của việc phạm giới, 8. Lợi ích của giữ giới, 9. Phương pháp đối trị; *Giới thứ năm, Không Uống rượu*, 1. Giải thích tên gọi, 2. Chế ý, 3. Phân thứ lớp, 4. Đủ duyên phạm, 5. Tội nặng nhẹ, 6. Khai mở và ngăn chặn, 7. Quả báo của việc phạm giới, 8. Lợi ích của giữ giới, 9. Phương pháp đối trị; Phụ lục: 1. Tu Ba Pháp nhẫn, 2. Tu Ba Tâm từ, 3. Thực hành pháp tu “Tứ niệm xứ”, 4. Thọ giới và Sám hối, 5. Pháp ngữ trong Kinh luận, 6. Nguồn gốc

phạm giới tạo nghiệp, 7. Người học Luật có hai điểm cần phải chú ý, 8. Nêu tóm yếu về Năm điều giới; Lời bạt, Phần chữ Hán.

1.274. NGŨ GIỚI Là Thường Giới Của Mọi Người (Pancasila Niccasila)

Tỳ-kheo Hộ Pháp (Dhammarakkhita Bhikkhu)

Nxb Tôn Giáo, PL. 2559 – DL. 2016

Sách có khổ 12 x 18cm, dày hơn 402 trang, bìa mềm, nền đỏ, chữ màu vàng, có tay gấp. Nội dung sơ lược gồm có: Lời nói đầu; Ngũ Giới Là Thường Giới của Mọi Người, Nghi thức Thọ phép Quy y Tam bảo và Thọ trì Ngũ giới, *Giảng giải về Ngũ giới*, 1. Điều giới tránh xa sự sát sanh, 2. Điều giới tránh xa sự trộm cắp, 3. Điều giới tránh xa sự tà dâm, 4. Điều giới tránh xa sự nói dối, 5. Điều giới tránh xa sự uống rượu-bia; - Phân tích 4 tính chất của Ngũ giới,... Giải thích 4 tính chất phạm Ngũ giới,... - Nghiệp và quả của nghiệp của mỗi điều giới...; Nhận xét về nghiệp và quả của nghiệp Ngũ giới,... - Ác nghiệp và quả của nghiệp Ngũ giới, - Đại thiện nghiệp và quả của đại thiện nghiệp Ngũ giới, Tính chất của Ngũ giới, Những tích liên quan đến mỗi giới,... - Nghiệp và quả của nghiệp...; Đoạn kết; Tài liệu tham khảo.

NGH

1.275. NGHI BỐ-TÁT

Tu viện Phước Long

Phiên dịch và tập thành:

Thích Giác Thiện

Nxb Tôn Giáo – 2010

Sách có khổ 14.5 x 20.5cm, dày hơn 343 trang, bìa cứng màu vàng chữ đỏ.

Tác phẩm này gồm có 3 phần. Phần I. Bồ-tát Tỳ-kheo; Phần II. Bồ-tát Tỳ-kheo Ni giới; Phần III. Bồ-tát Bồ-tát giới; Phật thuyết Phạm Võng Kinh.

1.276.

NGHI BỐ-TÁT – AN CƯ – TỰ TỬ

Biên soạn:

Tỳ-kheo Thích Đồng Minh (1927-2005)

Nxb Hồng Đức – 2020

Sách có khổ 16 x 26cm, dày hơn 203 trang, bìa cứng, nền đỏ, chữ tựa mạ vàng. Nội dung gồm có: 1. Nghi Bồ-tát, Sa-di, Tỳ-kheo; 2. Nghi thọ An cư; 3. Nghi Tự tử; 4. Nghi Giải giới – Thâu chung bảng; 5. Nghi thọ y Ca-thi-na, a. Phép bốn thầy thọ y Ca-thi-na, b. Phép ba thầy thọ y Ca-thi-na, c. Phép hai thầy thọ y Ca-thi-na, d. Phép một thầy thọ y Ca-thi-na; 6. Nghi Xả y Ca-thi-na; 7. Nghi Bồ-tát cho Phật tử tại gia.

Tác phẩm này đã xuất bản năm 2013, Nxb Hồng Đức, khổ 16 x 26cm, dày 213 trang, bìa cứng, chữ tựa mạ vàng.

1.277.

NGHI BỐ-TÁT – AN CƯ – TỰ TỬ

Tu viện Nguyên Thiệu

Soạn dịch: *Tỳ-kheo Thích Quảng Bửu*

Nxb Tôn Giáo, PL. 2558 – DL. 2014

Sách có khổ 14 x 20cm, bìa mềm, nền đỏ, chữ tựa mạ vàng. Nội dung gồm có: Nghi thức Bồ-tát, (cho Giới Sa-di, cho Giới Tỳ-kheo), Giới Bồ-tát, Nghi Khai Hạ, Nghi Giải Ché.

1.278. NGHI THỨC QUY GIỚI

Biên soạn: *Thích Trí Thủ*

Chứng minh Hòa thượng Pháp Chủ
Giáo hội Tăng-già Nam Việt ấn hành, PL. 2519 – DL. 1975

Sách có 38 trang, bìa mềm, nền trắng, chữ tựa màu đỏ và màu đen. Nội dung gồm có: Lời nói đầu, 1. Lời giới thiệu, 2. Ba Pháp Quy y, 3. Năm điều Giới cấm, 4. Nghi thức Quy giới, 5. Lời dặn cần thiết với người đã Quy y, 6. Bát Quan trai giới, a. Cầu thầy truyền thọ, b. Tự thệ thọ giới, 7. Cách niệm hương, 8. Lịch sử Đức Phật, 9. Pháp trường tịnh (Bồ-tát) cho người tại gia.

1.279. Nghi Thức Tu BÁT QUAN TRAI GIỚI

Phật Học Tùng Thư

Trích lục giả:

Thích Thiện Hoa (1918-1973)

Hương Đạo xuất bản,
PL. 2508 – DL. 1964

Nhà in Sen Vàng (Sài Gòn) tái bản. Sách có 75 trang, bìa mềm, nền trắng, chữ tựa màu xanh dương và màu đỏ. Nội dung gồm có: 1. Nghi thức thọ Bát Quan Trai Giới, có giới sư truyền, 2. Nghi thức Tự thọ Bát Quan Trai Giới, 3. Nghi thức Quá đường cháo (điểm tâm), 4. Nghi thức Ngọ trai (com trưa), 5. Nghi thức Xả giới (có giới sư), 6. Nghi thức Tự xả giới, 7. Kỷ luật tu Bát Quan Trai Giới, 8. Thời khóa biểu tu Bát Quan Trai, 9. Các Thần chú thường dùng.

1.280. NGHI THỨC TỤNG GIỚI BỒ-TÁT (Của Phật Tử Tại Gia)

Chùa Huệ Nghiêm – Giới Đài Viên

Biên soạn: *Tỳ-kheo Thích Minh Thông*

Nxb Hồng Đức, PL. 2557 – DL. 2013

Sách có khổ 13 x 18cm, có 60 trang, bìa mềm, chữ tựa mạ vàng. Nội dung gồm có: *Nghi Thức Tụng Giới Bồ-tát* (Của Phật Tử Tại Gia): Tịnh Pháp giới Chơn ngôn, Tịnh khẩu nghiệp Chơn ngôn, Ấn Thủ địa Chơn ngôn, Phổ cúng dường Chơn ngôn, Dâng hương, Tán hương, Đảnh lễ Tam bảo, Tán hương, Chú Đại bi, Tán, Bài kệ khai Luật, Sáu điều Giới Trọng, Hai mươi tám điều Giới Khinh; Kinh Tinh yếu Bát-nhã Ba-la-mật-đa, Quỳ sám, Hồi hướng, Tam Quy y, Tụng: “Trời A-tu-la Dạ-xoa thầy,...”, chú Hộ Pháp.

1.281. NGHI THỨC TỤNG GIỚI BỒN BỒ-TÁT ĐỊA TRÌ

Việt dịch: *Thích Chánh Pháp*

Nội dung tác phẩm này gồm có: I. Lư hương tán, II. Sám hồi, III. Khai Kinh kệ, IV. Tụng Kinh tự: - Bốn giới Ba-la-di, - Bốn mươi một pháp Đột-kiết-la, Chú thích. (<https://thuvienhoasen.org>, Luật)

1.282. NGHI THỨC TỤNG TỖ-KHEO NI GIỚI BỒN

Dịch giả: *HT. Thích Thiện Chơn*
THPG Tp. Hồ Chí Minh ấn hành,
PL. 2536 – DL. 1992

Sách có khổ 15.5 x 23cm, có 92 trang. Toàn bộ Giới bồn này gồm có: - Nghi thức tụng Tỳ-kheo Ni giới bồn (có: 8 pháp Ba-la-di, 17 pháp Tăng-già-bà-thi-sa (Tăng tàn), 30 pháp Ni-tát-kỳ-ba-dật-đề, 178 pháp Ba-dật-đề, 8 pháp Ba-la-đề-xá-ni, 100 pháp chúng học, 7 pháp diệt tránh); - Nghi thức tụng Thức-xoa-ma-na Giới bồn (có: Thức-xoa-ma-na giới bồn, 4 giới căn bản, 6 pháp hành, hành pháp (có: 193 giới

pháp và 99 pháp uy nghi), Sám hối hành pháp.

Tác phẩm này được tái bản nhiều lần: THPG Tp. Hồ Chí Minh ấn hành 1995; Nxb Tôn Giáo, PL. 2549 – DL. 2005.

1.283. NGHI THỨC THỌ GIỚI BỒ-TÁT DU-GIÀ (Trung Hoa)

Việt dịch: *Thích Pháp Chánh*

Tác phẩm này gồm có 10 phần chính: A. Lời dẫn, B. Nghi thức thỉnh sư; Phần I. Cầu sư thọ pháp; Phần II. Thỉnh Thánh chứng minh; Phần III. Lễ kính Tam Bảo; Phần IV. Truyền thọ Bốn bất hoại tín; Phần V. Phát lộ sám hối; Phần VI. Thỉnh sư cầu giới; Phần VII. Lập thế nguyện, hỏi Già-nạn; Phần VIII. Bình pháp nạp thế; Phần IX. Tuyên thuyết giới tướng, phát nguyện; Phần X. Kết tán Hồi hướng. (<https://thuvienhoasen.org>, Luật)

1.284. NGHI THỨC TRUYỀN GIỚI và BỒ-TÁT

Thập Thiện và Bồ-tát Tại Gia

Biên soạn:

HT. Thích Trí Thủ (1909-1984)

Nxb Tôn Giáo, PL. 2547 – DL. 2003

Sách có khổ 15.5 x 23cm, có 94 trang, bìa mềm.

Nội dung tác phẩm gồm có: Lời Tựa, Nghi thức Truyền giới Thập thiện, II. Nghi thức Truyền giới Bồ-tát tại gia: A. Phần mở đầu, I. Tại nhà phương trượng hoặc tại Tăng đường, II. Tại Tổ đường, III. Tại chánh điện, B. Phần truyền giới Bồ-tát, III. Họp Tăng kết Tiểu giới, IV. Truyền giới Bồ-tát tại gia: 1. Giới tử tỳ ban, Hướng dẫn giới tử thỉnh sư, 3. Khai đạo giới tử, 4. Hỏi về già nạn (có 7 câu hỏi), 5. Giới tử thỉnh Phật và Bồ-tát làm Thập sư, 6. Giới sư thay giới tử bạch xin giới, 7. Khuyến phát Bồ-đề tâm, 9. Gạn hỏi Pháp thọ giới, 10. Thọ bốn tín tâm bất hoại, 11. Sám hối

tội trong 3 đời, 12. Khuyến phát nguyện rộng lớn, 13. Khải bạch pháp Yết-ma, 14. Chính thức bạch yết-ma, 15. Dặn bảo tôn giữ giới pháp, 16. Truyền 6 trọng pháp, 17. Khuyến học và giữ 28 giới khinh (truyền 28 giới khinh), 18. Lợi ích của giới Bồ-tát, C. Cúng hương (nếu có), D. Hồi hướng, E. Giới tử lễ tạ, G. Giải tiểu giới (nếu có kết giới), H. Thỉnh sư về Tổ đường, tạ Tổ, về tịnh phòng an nghỉ.

Tác phẩm này đã được Quảng Hương Già-lam in Lưu hành nội bộ năm 1981.

1.285. NGHI THỨC YẾT-MA

Giới Đài Viện Huệ Nghiêm –

Ban Dịch Thuật Luật Tạng

Nguyên tác Hán văn: *Sa-môn Thư Ngọc*

Việt dịch:

Đồng Lưu-Thành Thông-Tuệ Thành

Nxb Hồng Đức – 2017

Sách có khổ 14.5 x 20.5cm, dày hơn 341 trang.

Nội dung gồm có 2 quyển (Q. thượng có 10 chương; Q. hạ có 10 chương), sơ lược như sau: Tựa, Duyên khởi, Phạm lệ; *Quyển thượng, Việc Đứng thời:* C.I Hắc bạch sám-ma, C.II Nửa tháng Bồ-tát, C.III Nhận thẻ kết hạ, C.IV Y chỉ An cư, C.V Hối quá tu tịnh, C.VI Tự tứ giải hạ, C.VII Trao nhận Y Công đức, C.VIII Xuất y Ca-hi-na ngăn lợi ích, C.IX Xả và nhận y-thuốc, C.X Tâm niệm Xả và Thụ; *Quyển hạ, Việc Phi thời:* C.I Kết và Giải các cương giới, C.II Thụ nhật xuất giới, C.III Chia vật của Tỳ-kheo qua đời, C.IV Trao pháp hành phú tàng, C.V Trao pháp Ma-na-đỏa, C.VI Xuất tội khi hết kỳ hạn hành hạnh, C.VII Sám hối tội Thân-lan-giá, C.VIII Sám hối tội Ba-dật-đề, C.IX Sám hối tội đáng quở trách, C.X Sám hối tội Đột-cát-la; Bạt.

1.286. NGHI TRUYỀN GIỚI

Tập thành:

Tỳ-kheo Thích Đồng Minh (1927-2005)

PL. 2544 – DL. 2000, Lưu hành nội bộ.

Tác phẩm này có 302 trang, bìa mềm. Nội dung gồm: 1. Lời người tập thành, 2. Lễ khai đàn và cung an chức sự, 3. Nghi truyền giới Sa-di, 4. Nghi tấn đàn Tỳ-kheo, 5. Giới đàn Ni, 6. Chánh pháp Yết-ma cho Ni, 7. Nghi truyền giới Thập thiện, 8. Nghi truyền giới Bò-tát xuất gia, 9. Nghi truyền giới Bò-tát tại gia, 10. Lễ nhiên hương (nếu có), 11. Giải Đại giới và Giới trường, 12. Phép bạch lễ tạ, 13. Nghi thức thọ Tam quy, Ngũ giới, 14. Nghi truyền giới Bát quan trai, 15. Nghi xả giới Bát quan trai, 16. Phụ lục, 17. Lời bạt.

1.287. Nghiên Cứu GIÁO ĐOÀN PHẬT GIÁO THỜI NGUYÊN THỦY – 3 Tập

Nguyên tác: Mitsuo Sato Dr. Litt –

Đại học Taisho-Tokyo-Nhật Bản

Chuyên ngữ từ Nhật ngữ sang Việt ngữ:

Thích Như Điển

Nxb Phương Đông – 2009

Sách có khổ 14 x 20cm, cả bộ (3 tập) dày hơn 1.341 trang, bìa mềm; nội dung có 10 chương.

Tập I, dày hơn 531 trang, nội dung gồm có 4 chương: Lời người dịch, Lời nói đầu, Nội dung các chương, *C.I Vào đề*, I. Nội dung của Luật tạng (phần giải thuyết), II. Luật tạng và niên đại đức Phật nhập Niết-bàn, III. Kết tập Kinh điển lần thứ 2 và truyền thuyết về sự trì tụng Luật tạng, IV. Hai kỳ Kết tập và Luật tạng, 1. Thời kỳ Kết tập lần thứ nhất và Luật tạng, 2. Thời kỳ Kết tập lần thứ hai và Luật tạng, V. Sự truyền đạo của vua A-dục và các bộ phái của Luật tạng, VI. Thập tụng Luật và Căn bản Hữu bộ Luật, VII. Sự thành lập của Luật tạng Kiên-độ bộ; *C.II Xuất gia và Tỳ-*

kheo, I. Sự phát sinh của những người xuất gia làm Sa-môn đối với xã hội Ấn Độ, II. Xuất gia và Giáo đoàn, III. Xuất gia giới và Tỳ-kheo giới, IV. Kinh Phân biệt và Tỳ-kheo giới, V. Kiên-độ bộ và Tỳ-kheo giới; *C.III Sự gia nhập của đoàn thể Tỳ-kheo và sự y chỉ*, I. Việc thọ giới của Tỳ-kheo và phép Tam quy, II. Mười loại thọ cụ, III. Bạch Tứ Yết-ma thọ cụ, 1. Giới đàn, 2. Cầu thỉnh Hòa thượng, 3. Lời giáo huấn của vị giáo thọ sư, 4. Bạch tứ Thọ cụ Yết-ma, 5. Giáo giới về Tứ y (bốn nơi nương tựa), Tứ bất ứng tác (bốn việc không được làm), 6. Tư cách thọ cụ của Sa-di ngoại đạo, IV. Hòa thượng A-xà-lê pháp và Đệ tử pháp, 1. Hòa thượng pháp, 2. Hòa thượng A-xà-lê pháp và Đệ tử pháp, *C.IV Sự tổ chức của Tăng-già*, I. Sự tổ chức của Tăng-già Phật giáo, II. Hiện tiền Tăng-già, III. Hình thức của sự quyết nghị (ba loại Yết-ma), IV. Vô Giáo chủ chế và không thành lập việc phá môn, V. Chấp hành nhơn và tài sản chung, 1. Chấp hành nhơn, 2. Tăng-già vật;

Tập II, dày hơn 413 trang, nội dung gồm có 4 chương: Lời nói đầu; *C.V Những sự tranh luận (sự chấm dứt của tranh luận) và những diệt tránh của Tăng-già*, I. Bốn loại tránh và phương pháp Diệt tránh, 1. Tránh luận Tránh sự, 2. Giáo huấn Tránh sự, 3. Phạm tội Tránh sự, 4. Sự Tránh sự; II. Hiện tiền Tỳ-ni Diệt tránh của Tránh luận-Tránh sự, 1. Hiện tiền Tỳ-ni của Luật Pàli, 2. Hiện tiền Tỳ-ni của những Luật dịch ra chữ Hán; III. Sự Tranh luận Tranh sự của các Luật; IV. Giáo giới (lời khuyên bảo) việc Diệt tránh của hai tội phạm, 1. Ưc niệm Tỳ-ni, 2. Bất si Tỳ-ni (giới không si mê), 3. Nhiếp tội tương pháp, 4. Tự ngôn trị pháp, 5. Như thảo phục địa pháp, V. Diệt tránh pháp của sự Tránh sự; VI. Phán đoán quyết định; *C.VI Trừng phạt Yết-ma đối với Tăng-già*, I. Sự phục tội và

xuất tội của tội Tăng-tàn, 1. Biệt trụ, Ma-na-thùy và Phục sự, 2. Sự ở Biệt trụ trở lại và Bôn nhứt trị, a. Bôn nhứt trị, b. Hợp nhứt Biệt trụ, c. Các loại Biệt trụ; II. Trừng phạt Yết-ma, 1. Khổ thiết Yết-ma, a. Đối tượng và nhân duyên của Khổ thiết Yết-ma, b. Hành pháp của Khổ thiết Yết-ma (cách phục sự), c. Điều kiện để trở thành như pháp Yết-ma; III. Y chỉ-trục xuất-hạ ý Yết-ma, 1. Y chỉ Yết-ma, a. Nguyên nhân của Y chỉ Yết-ma, b. Đối tượng của Y chỉ Yết-ma, c. Hành pháp, d. Sự như pháp của Yết-ma, 2. Trục xuất Yết-ma, a. Nguyên nhân của Trục xuất Yết-ma, b. Đối tượng của Khu xuất Yết-ma, c. Hành pháp của Khu xuất Yết-ma, d. Việc như pháp của Trục xuất Yết-ma, 3. Hạ ý Yết-ma, a. Nguyên nhân của Hạ ý Yết-ma, b. Đối tượng của Hạ ý Yết-ma, c. Mẫn quá pháp của Hạ ý Yết-ma, d. Việc như pháp của Hạ ý Yết-ma, e. Phục bát Yết-ma, 4. Ba loại cử tội Yết-ma, Hiền thi và Phạm đàn pháp, a. Nguyên nhân của Bất kiến tội cử tội Yết-ma, b. Nguyên nhân của Bất sám tội cử tội Yết-ma, c. Nguyên nhân của Bất xả ác kiến cử tội Yết-ma, d. Đối tượng của cử tội Yết-ma, e. Hành pháp của cử tội Yết-ma, f. Việc cử tội Yết-ma như pháp và không như pháp, g. Cử tội Yết-ma và Học xứ, h. Ý nghĩa đặc biệt của việc Cử tội Yết-ma, Bất kiến tội và Bất xả ác kiến, i. Hiền thi Yết-ma, j. Phạm đàn pháp; *C.VII Giới Kinh và An cư, Bó-tát*, I. Ba-la-đề-mộc-xoa và Bó-tát, 1. Tỳ-kheo và Ba-la-đề-mộc-xoa (Giới Kinh), 2. Ba-la-đề-mộc-xoa, 3. Kệ Giới Kinh của 7 vị Phật Quá khứ, 4. Tỳ-kheo giới Ba-la-đề-mộc-xoa, 5. Ba-la-đề-mộc-xoa và Bó-tát, 6. Bó-tát và Ba-la-đề-mộc-xoa, II. Đời sống Tăng viện của Tăng-già Phật giáo, 1. Sự thay đổi nếp sống của Tỳ-kheo, 2. Sự thay đổi chỗ ở của Tỳ-kheo, III. Sự cố định của việc An cư, IV. Nghi

thức về Tự tứ và Ca-bô-na-y; *C.VIII Luật chế và Tịnh pháp*, I. Tứ đại giáo pháp và Ngũ tịnh pháp, Thất tịnh pháp, 1. Tứ đại giáo pháp, 2. Ngũ tịnh pháp và Thất tịnh pháp, II. Mười sự việc trong kỳ Kết tập lần thứ 2: 1. Diêm tịnh – Muối, 2. Nhị chỉ tịnh – 2 lóng tay, 3. Tụ lạc gian tịnh – nơi thôn xóm, 4. Trụ xứ tịnh của Luật Pàli, 5. Tùy ý tịnh của Luật Pàli, 6. Cữu trụ tịnh - ở lâu dài, 7. Sanh hòa hợp pháp, 8. Thủy tịnh, 9. Bất đạo số Ni-sur-đàn tịnh, 10. Kim ngân tịnh;

Tập III, dày hơn 397 trang, nội dung gồm có: Lời đầu sách; *C.VIII (tt)*, III. Tiền bạc và tịnh pháp, IV. Việc ăn uống và đồ dùng, V. Phương pháp thanh tịnh hóa đồ ăn và kiểm điểm bảy sự việc, VI. Tịnh pháp của y giới; *C.IX Phật giáo và chế độ y áo*, I. Tỳ-kheo ba y và Tỳ-kheo năm y, II. Ba y của Tỳ-kheo và làm phép thanh tịnh (tác tịnh pháp), III. Năm y của Tỳ-kheo Ni, IV. Y áo liên hệ với Tỳ-kheo giới, V. Giới lia y để ngủ, VI. Nhiếp y giới, VII. Ngọa cụ và y vải; *C.X Sự phá Tăng của Đề-bà và kỳ Kết tập lần thứ nhất*, I. Sự pháp Tăng của Đề-bà, II. Kết tập lần thứ nhất, 1. Việc chuẩn bị cho sự Kết tập, 2. Sự Kết tập Tam tạng, 3. Các vấn đề sau khi Kết tập; Phần Phụ lục: I. Ông Frawallener và Luật tạng lúc ban đầu, II. Nội dung của nguyên hình Kiên-độ, 1. Thọ giới Kiên-độ, 2. Bó-tát Kiên-độ, 3. An cư Kiên-độ, 4. Tự tứ Kiên-độ, 5. Bì cách Kiên-độ, 6. Dược Kiên-độ, 7. Y Kiên-độ, 8. Ca-bô-na y Kiên-độ, 9. Câu-đàm-di Kiên-độ, 10. Yết-ma Kiên-độ, 11. Bàn-trà-lộ-già Kiên-độ, 12. Nhon Kiên-độ, 13. Tự tứ Kiên-độ, 14. Thứ thuyết giới Kiên-độ, 15. Diệt tránh Kiên-độ, 16. Phá Tăng Kiên-độ, 17. Ngọa cụ Kiên-độ, 18. Oai nghi Kiên-độ, 19. Tụ Kiên-độ, 20. Tỳ-kheo Ni Kiên-độ, 21. Lương độ Kết tập.

NH

1.288.

NHỮNG ĐIỀU CĂN BẢN DÀNH CHO NGƯỜI MỚI XUẤT GIA

Biên tập: *Tỳ-kheo Thích Tiến Đạt*

Nxb Tôn Giáo – 2013

Sách có khổ 14.5 x 20.5cm, có hơn 165 trang, bìa mềm.

Nội dung gồm có: Lời dẫn, Phần I. Các bài kệ chú dùng hàng ngày; Phần II. Uy nghi Quốc ngữ diễn Nôm; Phần III. Mộc bản – Cảnh sách, A. Ngày thường, I. Buổi sáng, 1. Mộc bản, 2. Bài Cảnh sách; II. Buổi chiều, 1. Mộc bản, 2. Bài Cảnh sách Thảo Đường; B. Ngày trai, I. Buổi sáng, 1. Mộc bản, 2. Tịnh nghiệp đường Cảnh sách, 3. Lão đường Cảnh sách, 4. Chúng chức Cảnh sách; II. Buổi chiều, 1. Mộc bản, 2. Thảo Đường Hòa thượng truy tổ Cảnh sách, 3. Bệnh đường Cảnh sách; C. Nghi thức lâm thụ, D. Nghi thức niệm thực, E. Bài văn thỉnh chung; Phụ: Bài Thỉnh chung nghĩa, F. Văn bạch Phật; Phần IV. Sa-di học giới Nghi quỹ tụng, Phần V. Khóa lễ hàng ngày, I. Khóa sáng, II. Khóa lễ Di-đà, huân tu...

O

1.289. OAI NGHI –

Con Đường Của Sự Tỉnh Thức

Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam

Tác giả: *Thích Đạt-ma Khế Định*

Nxb Tôn Giáo

Nội dung, *Tập 1* bao gồm: Lời phi lộ, Dẫn nhập, 1. Kính bậc Đại Sa-môn, 2. Phép thờ thầy, 3. Theo thầy ra đi, 4. Nhập chúng; *Tập 2* có: 5. Tùy chúng thực, 6. Phép lễ bái, 7. Thính pháp, 8. Tập học Kinh điển, 9. Vào chùa am, 10. Vào thiền đường phải tùy chúng, 11. Giữ làm việc chúng Tăng, 12. Vào nhà tắm; *Tập 3* gồm: 13. Vào nhà xí, 14. Phép nằm ngủ, 15. Phép quanh lò hơi lửa, 16. Phép ở trong liêu phòng, 17. Đến chùa cô Ni, 18. Phép đến nhà người, 19. Đi khát thực, 20. Vào tụ lạc, 21. Đi chợ, 22. Phạm chỗ ra làm không được tự ý, 23. Đi tham học phương xa, 24. Danh và tướng của y bát.

1.290. OAI NGHI

CỬA HÀNG PHẬT TỬ TẠI GIA

Biên soạn: *HT. Thích Minh Chánh*

Nxb Tôn Giáo – 2008

Sách có khổ 14 x 20cm, dày hơn 84 trang, bìa mềm.

Nội dung gồm có: Lời duyệt phê của Hòa thượng Tôn sư thượng Bửu hạ Lai; Ý nghĩa của việc Quy y Tam bảo, Phương thức Tiếp thọ Quy giới của hàng Phật tử, Pháp tu thông thường của Phật tử tại gia, Tác phong và hạnh kiểm của người Phật tử, Hàng Phật tử tại gia nên biết, Điều cần nhớ của người Phật tử khi đến chùa, Thập điều vô ích, Các điều cần biết của người Phật tử khi có việc Cầu an-Cầu siêu, Bốn “Không” của Phật tử, Bốn Ân của người

Phật tử tại gia, Bồ-tát Ngũ giới, Bồ-tát Thập thiện, Bồ-tát Bồ-tát giới, Chuẩn bị nếp sống tu sĩ.

P

1.291. PHÁ TĂNG SỰ

Hán dịch:

Tam tạng Pháp sư Nghĩa Tịnh (635-713)

Việt dịch: *Tỳ-kheo Thích Tâm Hạnh & Thích Tâm Tịnh*

PL. 2543 – DL. 2000, Lưu hành nội bộ. Toàn bộ tác phẩm này có 748 trang, gồm 20 quyển. Nội dung: - Lời nói đầu; Q.I, Lịch sử truyền thừa của dòng họ Thích-ca từ khi trái đất mới hình thành cho đến đời vua Nhĩ Sanh, Câu chuyện tiên Kiền-đáp-ma con vua Nhĩ Sanh; Q.II, Bốn vương tử-con vua tăng trưởng-dòng họ Thích-ca bị đuổi khỏi thành, Lịch sử truyền thừa của dòng Thích-ca từ vua Tăng-trưởng đến La-hầu-la, Chuyện vua Sư Tử Giáp kết thân với vua Thiện Ngộ, Bồ-tát chuẩn bị giáng thế từ thời Đổ-sử-đa, Bồ-tát đản sanh; Q.III, Hợp tập, vui đùa cùng các bạn, Bồ-tát cưới vợ, Du quán tứ phương; Q.IV, Bồ-tát xuất gia, Tu khổ hạnh; Q.V, Bồ-tát bỏ lối tu khổ hạnh, Hàng phục ma quân và chứng quả; Q.VI, Thuyết pháp độ sanh, Độ nhóm 5 anh em Kiền Trần Như, Độ Da-xá, gia đình và các bạn của Da-xá, Độ nhóm 60 người hiền, Độ anh em Ca-diếp cùng nhóm ngoại đạo thờ lửa; Q.VII, Độ anh em Ca-diếp (tt), Độ vua Tần-bà-sa-la và dân chúng, Chuyện tiên thân của Tần-bà-sa-la và dân chúng; Q.VIII, Chuyện tiên thân của anh em Ca-diếp, Sự tích vườn trúc Yết-lan-đạc-ca, Trưởng giả Cấp Cô Độc hội ngộ Phật và mua đất xây dựng tịnh xá, Xá-lợi-phất chế phục ngoại đạo,

Đức Phật đến thành Thất-la-phiệt; Q.IX, Độ vua Thắng Quân, Độ Ô-đa-di, Trở về thành Kiếp-tỷ-la độ dòng họ Thích-ca, Chuyện tiên thân của hiền vương; Q.X, Đề-bà-đạt-đa đánh chết Ni cô Ót-bát-la-sắc, Chuyện sói và dê, Đề-bà-đạt-đa tìm cách làm nhục Da-du-đà-la, Đề-bà-đạt-đa bỏ chất độc vào móng tay định hại Phật, Xá-lợi-phất và Mục-kiền-liên xuống địa ngục thăm Đề-bà-đạt-đa, Chuyện con trâu và con lừa, Chuyện con trâu và con cáo, Chuyện xuất hỷ, Chuyện chim khổng tước mái; Q.XI, Nói rõ về việc phá hoại hòa hợp chúng, Những hạng người phá hòa hợp chúng, Cách định tội phá hòa hợp chúng, Chuyện con rùa và bầy kiến, Chuyện con Kim Cang Tý, Chuyện vua Từ Lực, Lý do Phật phải tu khổ hạnh 6 năm; Q.XII, Da-du-đà-la sinh con, bị hàm oan và tự giải oan, Chuyện người ăn trộm tài giỏi, Độ Da-du-đà-la và các thể nữ, Chuyện tiên Độc giác, Chuyện vợ chồng Khẩn-na-la, Lý do Da-du-đà-la mang thai 6 năm, Lý do Hiền vương làm vua dòng họ Thích, Chuyện con vợ cúng dường Phật; Q.XIII, Chuyện tiên thân của Ô-ba-ly, Chuyện cậu con nuôi của người thợ cạo, Phật độ A-nan-đà, Nguyên nhân A-nan-đà bị mụn nhọt, Nguyên nhân A-nan-đà được vua Thắng Quân quan tâm chăm sóc, Chuyện thái tử Nhật Trí, Đề-bà-đạt-đa học thần thông, Đề-bà-đạt-đa hiện thần thông để thu phục A-xà-thế, Đề-bà-đạt-đa đề nghị Phật trao quyền lãnh đạo Tăng đoàn cho mình; Q.XIV, Năm hạng giáo sư, Đề-bà-đạt-đa cùng đồng bọn bàn tính cách phá hòa hợp Tăng và được các Tỳ-kheo can gián, Chuyện cậu thanh niên học chú thuật, Chuyện thần cây vô trí, Chuyện cậu bé Thiện Đức; Q.XV, Chuyện con voi vô ân nghĩa, Chuyện nai chúa, Chuyện người kết vòng hoa, Chuyện con sư tử bội bạc, Chuyện người kiếm củi vô ân,

Chuyện người kiếm củi gặp cọp, Chuyện người bệnh nhân bội bạc, Chuyện thiện hạnh, ác hạnh; Q.XVI, Chuyện vợ chồng Tiểu Chi, Chuyện thái tử Tụ Tại, Chuyện cậu ấm nữ tính; Q.XVII, Chuyện cậu ấm nữ tính (tt), Cậu bé nghèo cúng Phật, Chuyện những con chó, Cứu vật vật trả ơn, cứu người người trả oán, Chuyện chuột, sói và rắn, Vị sanh Oán hại cha cướp ngôi vua; Q.XVIII, Chuyện người thợ gốm và vị Bích chi Phật, Độ hai nhạc sĩ, Chuyện quạ bị hại vì chiếc mũ vàng, Chuyện con cáo và dấu chân voi, Đề-bà-đạt-đa tạo xe ném đá hại Phật, Chuyện người thợ săn và vị tiên, Chữa trị vết thương cho Thế Tôn, Chuyện cậu bé Hỷ Lạc, Chuyện con cáo và quạ, Chuyện chim Cộng mạng, Chuyện Thái tử con của phu nhân Đạt-ma; Q.XIX, Chuyện hai người lái buôn, Chuyện hai anh em ông trưởng giả, Chuyện Hai người Bà-la-môn và bé gái, Chuyện Đề-bà-đạt-đa thả voi Hộ Tài hại Phật, chuyện ngỗng chúa Mãn Điện, Chuyện vua A-tra và Trương Bình, Chuyện con cáo và sư tử, Chuyện nai chúa và nai cái, Chuyện con cáo và voi; Q.XX, Chuyện bày khí và giấc mộng, Chuyện bày khí và cây độc, Chuyện con mèo và bày chuột, Chuyện hai đàn bò, Chuyện bày khí vớt trăng, Đề-bà-đạt-đa dụ dỗ một số Tỳ-kheo đi theo mình, Xá-lợi-phất và Mục-kiền-liên đến thức tỉnh những người bị Đề-bà-đạt-đa dụ dỗ, Chuyện vị khách tiên dụ dỗ các vị tiên đồng, Chuyện con cáo giả làm vua cầm thú, Chuyện vợ chồng voi, Chuyện vợ chồng người bắn cung và tên cướp, Vua Vị Sanh Oán vấn Phật.

1.292. PHÁP DIỆT TRÁNH (ADHIKARANASAMATHÀ DHAMMÀ)

Biên soạn: *Thích Nguyên Chứng*

Nxb Phương Đông

Tác phẩm này gồm có 3 phần: *Phần một: Phá Tăng*, 1. Tăng hòa hiệp, 2. Sự kiện Kiêu-thường-di, 3. Đề-bà-đạt-đa; *Phần hai: Diệt tránh*, I. Duyên khởi và ý nghĩa, II. Nội dung chi tiết bảy Diệt tránh (1. Hiện tiền tỳ-ni, 2. Ưc niệm tỳ-ni, 3. Bất si tỳ-ni, 4. Tự ngôn tri, 5. Tội xứ sở, 6. Đa nhân ngữ, 7. Như thảo phú địa), III. Bảy Diệt tránh và Bốn Tránh sự (Ngôn tránh, Mịch tránh, Phạm tránh và Sự tránh) các trường hợp áp dụng; *Phần ba: Trích văn*, Chương XVI, Diệt tránh: I. Bảy diệt tránh, II. Bốn tránh sự (1. Duyên khởi, 2. Ý nghĩa, 3. Căn nguyên, 4. Tính loại, 5. Tương đối), III. Tránh sự diệt: 1. Quy tắc hiện tiền, 2. Diệt ngôn tránh, 3. Diệt mịch tránh, 4. Diệt phạm tránh, 5. Diệt sự tránh, 6. Ưu-ba-ly hỏi.

1.293. Pháp Kệ TỖ-NI NHỰT DỤNG THIẾT YẾU

Biên soạn: *Tỳ-kheo Độc Thế*

Biên dịch: *Nhật Minh*

Hiệu đính: *CS. Minh Ngọc*

Chứng minh: *TT. Thích Đồng Bổn*

Nxb Hồng Đức – 2019. Sách có khổ 16 x 24cm, có hơn 291 trang, bìa mềm. Toàn bộ tác phẩm này gồm có: Lời tựa, Phật nói Kinh hy Hữu Giáo Lượng Công Đức, Pháp kệ Tỳ-ni Nhứt dụng thiết yếu; *Phần I, Pháp kệ Tỳ-ni*: Tảo giác, Minh chung, Văn chung, Hạ đơn, Hành bộ bất thương trùng, Xuất đường, Đăng xí, Tẩy tịnh, Khử uế, Tẩy thủ, Tịnh diện, Thủ thủy, Âm thủy, Trước y, Ngũ y, Thất y, Đại y, Xuất tích trượng, Ngoạ cụ, Đăng đạo tràng, Tán Phật, Lễ Phật, Phở lễ chân ngôn, Cúng tịnh bình, Triển bát, Thọ thực, Xuất sanh,

Thị giả tổng thực, Xương Tăng bát, Tam chủy-ngũ quán, Kết trai, Tẩy bát, Thọ sán, Thủ dương chi, Tước dương chi, Sáu khẩu, Phu đơn tọa thiên, Thùy miên, Dục Phật, Tán Phật, Nhiễu tháp, Khán bệnh, Thế phát, Mộc dục, Tẩy túc; Phần II, Giới luật căn bản: 1. Tam quy y giới pháp, 2. Ưu-bà-tắc và Ưu-bà-di ngũ giới pháp, 3. Sa-di và Sa-di Ni thập giới pháp, 4. Thức-xoa-ma-na giới pháp, 5. Bát quan trai giới pháp; Phụ bản 1. Nghi thức thọ Bát quan trai, 2. Nghi thức tự thệ thọ Bát quan trai, 3. Lịch bố tát Bồ-tát giới, Phụ trương: Tổng quan về pháp y Ca-sa.

1.294. Pháp Tạng Bộ - LUẬT TỨ PHẦN TỖ-KHEO Giới Tướng Biểu Ký

Nguyên tác: *Luật sư Hoàng Nhất*
Chứng nghĩa: *HT. Luật sư Thích Đồng Minh (1927-2005)*

Việt dịch: *Tỳ-kheo Thích Tâm Hạnh*
Nxb Tôn Giáo, PL. 2555 – DL. 2011
Sách có khổ 14.5 x 20.5cm, dày 310 trang, bìa mềm.

Xem: Luật Tứ Phần Tỳ-kheo Giới Tướng Biểu Ký do Tỳ-kheo Thích Tâm Hạnh dịch.

1.295. Pháp Tu BÁT QUAN TRAI

Tỳ-kheo Thích Như Hiện

Nxb Tôn Giáo – 2007
Sách có khổ 14 x 20cm, có hơn 30 trang, bìa mềm. Nội dung gồm có: Lời người Tập thành, A. Dẫn nhập, B. Chánh đề; I. Định danh về Bát Quan Trai giới, II. Nội dung Bát Quan Trai giới, III. Thế nào là Trai giới thanh tịnh? IV. Công đức và Lợi ích của sự Thọ trì Bát Quan Trai giới; V. Kết luận; Phụ lục, Nghi lễ, Nghi thức Thọ trai, Kỷ luật Tu Bát quan trai giới trong 24 giờ.

1.296. Pháp Thức Và Ý Nghĩa HÀNH TRÌ GIỚI LUẬT

Tập thành: *Tâm Hạnh*

Nxb Phương Đông – 2006

Sách có khổ 14 x 20cm, dày 449 trang. Nội dung gồm: - Lời giới thiệu; Phần CHỈ TRÌ – Giới, C.I So sánh sự hành trì giới Tỳ-kheo của Nam tông và Bắc tông tại Việt Nam, I. Nguồn gốc hình thành tạng Luật: 1. Đại hội kết tập lần thứ nhất và hình thành Luật tạng khẩu truyền, 2. Đại hội kết tập lần thứ hai tại thành Tỳ-xá-ly (Vesaly), 3. Thượng tọa bộ và Đại chúng bộ phân phái, 4. Sơ lược lịch sử về Pháp tạng bộ và Tứ phần luật, 5. Nội dung giới bản Tỳ-kheo, 6. Sơ lược lịch sử về hình thành Thượng tọa bộ Tích Lan và Luật Nam truyền, 7. Nội dung Luật tạng Pali; II. Truyền thừa-phiên dịch: 1. Ấn Độ - Tích Lan, 2. Ấn Độ - Trung Hoa, 3. Việt Nam; III. Quan điểm về thọ Tỳ-kheo giữa hai tông; C.II Điều kiện truyền và thọ giới Tỳ-kheo; C.III Chức vụ trong giới đàn và qui định túc số truyền giới, thọ giới; C.IV Phân loại về giới của Tỳ-kheo; C.V Giới Tỳ-kheo; Phần TÁC TRÌ – Luật, C.1 Bồ-tát, C.2 An cư, C.3 Tự tứ, C.4 Cương giới, C.5 Truyền giới Sa-di, C.6 Truyền giới Tỳ-kheo, C.7 Trình tự thọ Tỳ-kheo Ni giới, Vài suy nghĩ về pháp giáo.

1.297. PHÁP YẾT-MA CHỈ NAM (Tập I & II)

Dịch giả:

HT. Thích Bình Minh (1924-1988)

THPG Tp. Hồ Chí Minh ấn hành,

PL. 2535 – DL. 1991

Sách có khổ 15.5 x 23cm, tổng cộng 2 tập có hơn 610 trang, bìa mềm. Nội dung 2 tập có 12 quyển, 15 chương.

Tập I, có hơn 312 trang, từ quyển 1 – 6, gồm có: Lời giới thiệu, Lời nói đầu, Bài tựa Pháp Yết-ma chỉ nam, Pháp Yết-ma

chỉ nam đại chương mục, Quyển 1, Chương 1. Bàn duyên thành hoại; Quyển 2, Chương 2. Kết giải mọi giới; Quyển 3, Chương 3. Độ người thụ giới; Quyển 4, Chương 4. Nửa tháng thuyết giới; Quyển 5, Chương 5. Kết hạ, an cư; Chương 6. Thụ ngày ra ngoài giới; Chương 7. Chín tuần tự tứ; Chương 8. Ý công đức; Quyển 6, Chương 9. Ý bát thụ xả; Chương 10. Trao nhận các loại thuốc; Chương 11. Vật dư thuyết tịnh; Chương 12. Được vật cho, nhận chia; chương 13. Xử đoán vật của người mất.

Tập II, có hơn 298 trang, từ quyển 7 – 12, gồm có: Pháp Yết-ma chỉ nam, Quyển 7, Chương 14. Sáu tụ sám hối; Quyển 8 - Quyển 9, 33 văn Yết-ma thuộc Tăng; Quyển 10, Bốn văn Yết-ma thuộc Ni; Quyển 11 - Quyển 12, Chương 15. Trái tình trị phạt.

Tác phẩm này đã in Lưu hành nội bộ năm 1981; tái bản năm 2015, Nxb Hồng Đức (in chung một quyển), khổ 16 x 24cm, bìa mềm.

1.298. PHÂN TÍCH GIỚI TƯỞNG TỖ-KHEO và PHƯƠNG THỨC SÁM TỘI

Biên soạn: *Tỳ-kheo Thích Minh Thông*
Nxb Phương Đông – 2011

Sách có khổ 14 x 20cm, có 273 trang, bìa mềm.

Toàn bộ tác phẩm có 2 phần. *Phần I*, Phân tích về giới tướng Tỳ-kheo, bao gồm 5 chương: 1. Ba-la-di, 2. Tăng tàn, 3. Bất định, 4. Xả-đọa, 5. Nhóm tội nhẹ; *Phần II*, nói về Phương pháp sám tội, có 5 chương: 6. Trị phạt người phạm tội Ba-la-di, 7. Thể thức sám hối tội Tăng-tàn, 8. Sám tội Thâu-lan-giá, 9. Sám hối tội Xả-đọa, 10. Sám hối các tội nhẹ. Cuối sách là phần Khuyến tu, Thư mục tham khảo.

Tác phẩm Luật này được chùa Huệ Nghiêm (Q. Bình Tân, Tp. HCM) in lưu hành nội bộ năm 2008. Sách có khổ 14.5 x 20.5cm, dày 258 trang.

1.299. PHÂN TÍCH GIỚI TƯỞNG TỖ-KHEO NI và PHƯƠNG THỨC SÁM TỘI

Biên soạn: *Tỳ-kheo Thích Minh Thông*
Nxb Phương Đông – 2011. Sách có khổ 14 x 20cm, dày 401 trang, bìa mềm.

Nội dung gồm có 2 phần: Lời nói đầu; A. Dẫn nhập; B. Nội dung, Phần I. Giới tướng Tỳ-kheo Ni, C.1 Ba-la-di, C.2 Tăng-tàn, C.3 Xả-đọa, C.4 Nhóm tội nhẹ; Phần II. Phương thức Sám tội, C.5 Trị tội người phạm Ba-la-di, C.6 Thể thức Sám hối tội Tăng-tàn, C.7 Sám tội Thâu-lan-giá, C.8 Sám hối tội Xả-đọa, C.9 Sám hối các tội nhẹ; C. Kết luận, Khuyến tu, Thư mục tham khảo.

1.300. PHÂN TÍCH GIỚI TỖ-KHUU – 2 Tập

Theravàda – Phật giáo Nguyên Thủy

Dịch giả:

Tỳ-khuru Indacanda (Trương Đình Dũng)

Nxb Tôn giáo, PL. 2549 – DL. 2005.

Tập 1, Phân Tích Giới Tỳ-khuru, có 601 trang, gồm 5 chương: Phần đầu là Lược đồ Tam tạng, Lời giới thiệu, Các chữ viết tắt.

I. Chương Veranja: Tụng phẩm Veranja, Phần duyên khởi, Giảng về ân Đức Phật, Giảng về vị Bà-la-môn Veranja, Giảng về trí, Trí ghi nhớ về các kiếp sống trước, Trí về sự sanh tử của chúng sanh, Trí đoạn tận các lậu hoặc, Sự đi đến nương nhờ của vị Bà-la-môn Veranja, Sự nhận lời về việc cư trú mùa mưa ở Veranja, Giảng về sự khan hiếm vật thực ở Veranja, Giảng về tiếng rống Sư tử của Mahamoggallana, Sự thỉnh cầu về việc qui định điều học của Sariputta, Sự thuyết giảng giáo pháp cho

vị Bà-la-môn Veranja, Sự du hành trong xứ sở của Đức Thế Tôn;

II. Chương Parajika, Điều Parajika thứ nhất, Tụng phẩm Sudinna, Giảng về sự xuất gia của Sudinna, Sự đi đến nhà cha mình của Sudinna, Sự cầu xin chúng tử của mẹ cha, Xúi dục về việc đôi lứa với người vợ cũ của Sudinna, Sự trình lên đức Thế Tôn bởi những vị Tỳ-kheo bạn, Sự quy định điều học của đức Thế Tôn, Sự quy định căn bản; Chuyện con Khỉ, Sự thực hiện việc đôi lứa với khỉ cái của vị Tỳ-kheo nọ, Sự quy định lần hai; Tụng phẩm Được che phủ, Sự thực hiện đôi lứa của các Tỳ-kheo Vajjiputtaka, Sự quy định lần ba, Phân tích từ ngữ; Chuyện dẫn giải, Điều Parajika thứ nhì, Giảng về việc làm liêu cốc của Dhaniya con trai người thợ gốm, Giảng về việc lấy trộm đồ vật của Đức vua, Sự quy định căn bản, Giảng về việc lấy trộm gói đồ nhuộm của các Tỳ-kheo nhóm Lục sư, Sự quy định lần hai, Phân tích từ ngữ, Tiêu đề hướng dẫn, Chuyện dẫn giải, Điều Parajika thứ ba, Đức Thế Tôn giảng (đề mục) tử thi cho các Tỳ-kheo ở Vesali, Giảng về việc sai bảo đoạt lấy mạng sống của các Tỳ-kheo ở Vesali, Giảng về định của niệm hơi thở ra hơi thở vào, Sự quy định căn bản, Sự quy định lần hai, Phân tích từ ngữ, Tiêu đề hướng dẫn, Chuyện dẫn giải, Điều Parajika thứ tư, Sự tuyên bố về pháp Thượng nhân của các Tỳ-kheo ở bờ sông Vaggumuda, Giảng về năm kẻ cướp lớn, Sự quy định căn bản, Sự quy định lần hai, Phân tích từ ngữ, Các trường hợp đơn giản, Giảng về trường hợp “có ý định nói”, Giảng về các trường hợp liên quan đến vật dụng, Chuyện dẫn giải;

III. Chương Sanghadisesa, 1. điều học về việc xuất ra tinh dịch (Chuyện về vị Seyyasaka, Chuyện quy định lần đầu, Sự quy định lần hai, Phân tích từ ngữ, Chuyện

dẫn giải), 2. Điều học về xúc chạm thân thể (Chuyện về vị Udayi, Sự quy định điều học, Phân tích từ ngữ, Chuyện dẫn giải), 3. Điều học về lời nói thô tục (Chuyện về vị Udayi, Sự quy định điều học, Phân tích từ ngữ, Chuyện dẫn giải), 4. Điều học về sự hầu hạ tình dục cho bản thân (Chuyện về vị Udayi, Sự quy định điều học, Phân tích từ ngữ, Chuyện dẫn giải), 5. Điều học về việc mai mối (Chuyện vị Udayi, Sự quy định căn bản, Sự tiến hành việc mai mối cho cuộc tình phút chốc của Udayi, Sự quy định lần hai, Phân tích từ ngữ, Chuyện dẫn giải), 6. Điều học về làm cốc liêu (Chuyện làm cốc liêu của các vị Tỳ-kheo ở thành Alavi, Giảng về rỗng chúa Manikantha, Giảng về vị Tỳ-kheo nọ sống ở Hi-mã-lạp sơn, Giảng về Rāfthapala, Sự quy định điều học, Phân tích từ ngữ), 7. Điều học về làm trú xá (Chuyện về vị Channa, Sự quy định điều học, Phân tích từ ngữ), 8. Điều học thứ nhất về vị xấu xa sân hận, Giảng về việc phân bố chỗ trú ngụ của Dabbamallaputta, Chuyện về các Tỳ-kheo nhóm Mettiya và Bhummajaka, Sự quy định điều học, Phân tích từ ngữ), 9. Điều học thứ nhì về vị xấu xa sân hận (Chuyện về các Tỳ-kheo nhóm Mettiya và Bhummajaka, Sự quy định điều học, Phân tích từ ngữ), 10. Điều học thứ nhất về chia rẽ hội chúng (Sự cầu xin năm sự việc của Devadatta, Sự quy định điều học, Phân tích từ ngữ), 11. Điều học thứ nhì về chia rẽ hội chúng (Chuyện về vị Devadatta, Sự quy định điều học, Phân tích từ ngữ), 12. Điều học về sự khó dạy (Chuyện sai trái của Channa, Sự quy định điều học, Phân tích từ ngữ), Điều học về vị làm hư hỏng các gia đình (Chuyện sai trái của các vị nhóm Assaji và Punabbasuka, Sự quy định điều học, Phân tích từ ngữ);

IV. Chương Aniyata, 1. Điều học Aniyata thứ nhất (Chuyện về vị Udayi, Sự quy

định điều học, Phân tích từ ngữ), 2. Điều học Aniyata thứ nhì (Chuyện về vị Udayi, Sự quy định điều học, Phân tích từ ngữ);

V. *Chuong Nissaggiya*, Phẩm Y, 1. Điều học thứ nhất về Kathina (Chuyện về các vị Lục sư, Sự quy định căn bản, Chuyện y phụ trội của Ananda, Sự quy định lần hai, Phân tích từ ngữ), 2. Điều học thứ nhì về Kathina (Chuyện du hành trong xứ sở với y nội và thượng y của các Tỳ-kheo, Sự quy định căn bản, Sự quy định lần hai, Phân tích từ ngữ), 3. Điều học thứ ba về Kathina (Chuyện y ngoài hạn kỳ của vị Tỳ-kheo nọ, Sự quy định điều học, Phân tích từ ngữ), 4. Điều học về y cũ (Chuyện về người vợ cũ của Udayi, Sự quy định điều học, Phân tích từ ngữ), 5. Điều học về nhận lãnh y (Chuyện Udayi nhận lãnh y từ Tỳ-kheo Ni Uppalavanna, Sự quy định căn bản, Chuyện về việc không nhận lãnh y trao đổi, Sự quy định lần hai, Phân tích từ ngữ), 6. Điều học về việc yêu cầu người không phải là thân quyến (Chuyện về vị Upananda, Sự quy định căn bản, Chuyện các Tỳ-kheo lỏa thể, Sự quy định lần hai, Phân tích từ ngữ), 7. Điều học về vượt quá số y ấy (Chuyện về việc yêu cầu nhiều y, Sự quy định điều học, Phân tích từ ngữ), 8. Điều học thứ nhất về (số tiền) đã được chuẩn bị (Chuyện về việc đưa ra sự căn dặn về y của Upananda, Sự quy định điều học, Phân tích từ ngữ), 9. Điều học thứ nhì về (số tiền) đã được chuẩn bị (Chuyện về việc đưa ra sự căn dặn về y của Upananda, Sự quy định điều học, Phân tích từ ngữ), 10. Điều học về Đức vua (Chuyện về vị Upananda, Sự quy định điều học, Phân tích từ ngữ),

5.2 *Kosiyavaggo* – Phẩm Tơ tằm, 1. Điều học về tơ tằm (Chuyện về các vị Lục sư, Sự quy định điều học, Phân tích từ ngữ), 2. Điều học về thuần màu đen (Chuyện về các vị Lục sư, Sự quy định điều học, Phân tích từ ngữ), 3. Điều học về

hai phần (Chuyện về các vị Lục sư, Sự quy định điều học, Phân tích từ ngữ), 4. Điều học về sáu năm (Chuyện về việc bảo làm tám trái năm hàng năm, Sự quy định căn bản, Chuyện về việc cầu xin sự đồng ý về tám trái năm, Sự quy định lần hai, Phân tích từ ngữ), 5. Điều học về tám lót ngồi và tám trái năm (Chuyện quăng bỏ các tám trái năm, Sự quy định điều học, Phân tích từ ngữ), 6. Điều học về các lông cừu (Chuyện mang lông cừu, Sự quy định điều học, Phân tích từ ngữ), 7. Điều học về việc bảo giặt lông cừu (Chuyện về việc bảo giặt lông cừu của các vị nhóm Lục sư, Sự quy định điều học, Phân tích từ ngữ), 8. Điều học về vàng bạc (Chuyện thọ lãnh vàng bạc của Upananda, Sự quy định điều học, Phân tích từ ngữ), 9. Điều học về việc trao đổi bằng vàng bạc (Chuyện trao đổi bằng vàng bạc của các vị nhóm Lục sư, Sự quy định điều học, Phân tích từ ngữ), 10. Điều học về việc mua bán (Chuyện về việc tiến hành mua bán của Upananda, Sự quy định điều học, Phân tích từ ngữ);

5.3 *Phẩm Bình bát*, 1. Điều học về bình bát (Chuyện tích trữ bình bát của các vị nhóm Lục sư, Sự quy định căn bản, Chuyện bình bát phụ trội của Ananda, Sự quy định lần hai, Phân tích từ ngữ), 2. Điều học về chưa đủ năm miếng vá (Chuyện yêu cầu bình bát của các vị nhóm Lục sư, Sự quy định điều học, Phân tích từ ngữ), 3. Điều học về Dược phẩm (Chuyện về vị Pilindivaccha, Sự quy định điều học, Phân tích từ ngữ), 4. Điều học về vải choàng tám mưa (Chuyện tìm kiếm vải choàng tám mưa của các vị nhóm Lục sư, Sự quy định điều học, Phân tích từ ngữ), 5. Điều học về việc giặt lại y (Chuyện về việc giặt lại y của Upananda, Sự quy định điều học, Phân tích từ ngữ), 6. Điều học về yêu cầu chỉ sợi (Chuyện yêu cầu chỉ sợi của các vị nhóm Lục sư, Sự quy định điều học, Phân tích từ ngữ),

7. Điều học quan trọng về thợ dệt (Chuyện đưa ra sự căn dặn về chỉ sợi đối với thợ dệt của Upananda, Sự quy định điều học, Phân tích từ ngữ), 8. Điều học về y đặc biệt (Chuyện về việc vượt quá thời hạn của y đặc biệt, Sự quy định điều học, Phân tích từ ngữ), Sự quy định điều học, Phân tích từ ngữ), 9. Điều học về (chỗ ngụ) nguy hiểm (Chuyện về việc để lại y ở trong xóm nhà, Sự quy định điều học, Phân tích từ ngữ), 10. Điều học về “Đã được thuyết phục” (Chuyện các vị nhóm Lục sư thuyết phục dâng lợi lộc thuộc về hội chúng đến bản thân, Sự quy định điều học, Phân tích từ ngữ), Dứt bộ Parajikapali; Phần Phụ chú, Các bản dịch của Tỳ-kheo Indacanda.

Tập 2, Phân Tích Giới Tỳ-khuru, có 459 trang, gồm: - Lược đồ Tam tạng, - Lời giới thiệu, - Các chữ viết tắt; *VI. Chương Pacititiya*, 6.1 Phẩm nói dối, có 10 Điều học về: Nói dối, Nói lời mắng nhiếc, Nói đâm thọc, Pháp theo từng câu, Nằm chung chỗ ngụ, thứ nhì về nằm chung chỗ ngụ, Thuyết pháp, Tuyên bố sự thực chứng, Công bố tội xấu, Việc đào đất; 6.2 Phẩm thảo mộc, Có 10 Điều học về: Thảo mộc, Nói tránh né, Việc phàn nàn, Thứ nhất về chỗ nằm ngồi, Thứ hai về chỗ nằm ngồi, Việc chen vào, Việc lôi kéo ra, Cẩn gác lâu, Trú xá lớn, (nước) có sinh vật; 6.3 Phẩm giáo giới Tỳ-kheo Ni, Có 10 Điều học về: Giáo giới, (mặt trời) đã lặn, Chỗ ngụ của Tỳ-kheo Ni, Vật chất, Cho y, May y, Việc hẹn trước, Việc lên thuyền, Được môi giới, Ngồi nơi kín đáo; 6.4 Phẩm vật thực, Có 10 Điều học về: Vật thực ở phước xá, Vật thực chung nhóm, Vật thực thỉnh sau, Người mẹ của Kana, Thứ nhất về ngăn (vật thực), Vật thực sai giờ, Tích trữ (vật thực), Thực thượng hạng, Tắm xia răng; 6.5 Phẩm đạo sĩ lửa thể, Có 10 Điều học về: Đạo sĩ lửa thể, Việc đuổi đi, Chỉ

có cặp vợ chồng, Thứ nhất về ngôi nơi kín đáo, Thứ nhì về ngôi nơi kín đáo, Đi thăm viếng, Vị Mahanama, Quân đội động binh, Trú ngụ nơi binh đội, Nơi tập trận; 6.6 Phẩm uống rượu, Có 10 Điều học về: Uống rượu, Thọc lét bằng ngón tay, Chơi giỡn, Sự không tôn trọng, Việc làm cho kinh sợ, Ngọn lửa, Việc tắm, Việc làm hoại sắc, Chú nguyện để dùng chung, Việc thu giấu y; 6.7 Phẩm có sinh vật, Có 10 Điều học về: Việc cố ý (giết) sinh vật, (nước) có sinh vật, Việc khơi lại, Tội xấu xa, Người kém 20 tuổi, Đám người đạo tặc, Việc hẹn trước, Vị Aritha, Việc hưởng thụ chung với vị bị án treo, Sa-di Kantaka; 6.8 Phẩm (Nói) theo pháp, có 10 Điều học về: (Nói) theo pháp, Việc gây ra sự bối rối, Sự giả vờ ngu dốt, Cú đánh, Việc dơ tay (dọa đánh), Không có nguyên cớ, Cố ý, Việc nghe lén, Việc ngăn cản hành sự, Việc bỏ đi không trao ra sự tùy thuận, Vị Dbba, Việc thuyết phục dâng; 6.9 Phẩm Đức vua, Các Điều học về: Hậu cung của đức vua, Vật quý giá, Việc vào làng lúc sai thời, Ống đựng kim, Giường nằm, Độn bông gòn, Tắm lót ngồi, Y đập gẻ, Vải choàng tắm mưa, Trưởng lão Nanda; *VII. Chương Patidesaniya*, có 4 Điều học, *VIII. Các điều Sekhiya*; 8.1 Phẩm tròn đều, có 10 Điều học; 8.2 Phẩm cười vang, có 10 Điều học; 8.3 Phẩm chống nạnh, có 10 Điều học; 8.4 Phẩm nghiêm trang, có 10 Điều học; 8.5 Phẩm vắt com, có 10 Điều học; 8.6 Phẩm tiếng sột sột, có 10 Điều học; 8.7 Phẩm giày dép, có 15 Điều học; Phần tóm lược các điều Sekhiya; *IX. Các pháp dàn xếp tranh tụng*; Phần Phụ chú, Các bản dịch của Tỳ-kheo Indacanda.

Tác phẩm Phân tích giới Tỳ-khuru, Bộ Phân tích Giới bốn, 2 tập, được tái bản năm PL. 2558 – DL. 2014, Nxb Tôn Giáo.

1.301. PHÂN TÍCH GIỚI TỖ-KHUU NI - BHIKHUNIVIBHANGO

Tam Tạng Song Ngữ Pàli-Việt, tập 3

Dịch giả:

Tỳ-khuru Indacanda (Trương Đình Dũng)
PL. 2553 – DL. 2009. Tác phẩm *Phân tích Giới Tỳ-khuru Ni* có 441 trang (PDF), gồm 7 phần chính. - Mục lục tổng quát, - Lời tựa (Lời dịch Việt của bản tiếng Sinhala), Thành phần Nhân sự, Tipitakapali-Tam tạng Pàli, - Lời giới thiệu, Các chữ viết tắt, Mẫu tự Pali-Sinhala; Nội dung: 1. Chương Parajika (Parajikakando), 2. Mười bảy điều (Sanghadisesa), 3. Các điều học Nissaggiya, 4. Chương Pacittiya (Pacittiyakando): 1. Phạm Tội (Lasunavaggo), 2. Phạm Bồng tối (Andhakaravaggo), 3. Phạm lỏa thể (Naggavaggo), 4. Phạm Nằm chung (Tuvattavaggo), 5. Phạm Nhà triển lãm tranh (Cittagaravaggo), 6. Phạm Tu viện (Aramavaggo), 7. Phạm Sản phụ (Gabbhinivaggo), 8. Phạm Thiếu nữ (Kumaribhutavaggo), 9. Phạm Dù dếp (Chattupahanavaggo); 5. Các điều Patidesaniya, 6. Các điều Sekhiya, 7. Các pháp dàn xếp tranh tụng (Adhikaranasamatha Dhamma). (<https://quangduc.com>, *Luật-Luật tạng Bắc truyền*)

Tác phẩm Phân tích Giới Tỳ-khuru Ni này trước đây đã xuất bản PL. 2549 – DL. 2005, Nxb Tôn giáo.

1.302. PHẬT LUẬT HỌC

Biên soạn:

HT. Kim Cương Tử (1914-2001)

Nxb Tôn Giáo – 2001

Sách có khổ 14.5 x 20.5cm, dày hơn 332 trang, bìa cứng.

Nội dung gồm có: Lời Phát đoan, 1. Luật tạng trong Đạo Phật, 2. Các hệ Luật Thanh văn, 3. Luật tông, 4. Giải thích 5 điều của

Luật tứ phần, 5. Giới thể, 6. Thiên của Luật, 7. Phạm vi hành đạo của Thanh văn La-hán, 8. Mười nghiệp đạo lành, 9. Phạm vi hoàng đạo lợi sinh của Bồ-tát, 10. Thiên của Luật Bồ-tát, 11. Thiệp thể, 12. Ý nghĩa phép sám vô sinh, 13. Phép lý Sám hối, 14. Tam Luật nghi (Bài 1), 15. Tam Luật nghi (Bài 2), 16. Tam Luật nghi (Bài 3), 17. Tam Luật nghi (Bài 4), 18. Lời nói đầu bộ Luật Tứ phần, 19. Phật pháp Giới đức vô biên, 20. Tiếng tạo hóa với nghĩa Sắc tạo, 21. Phát kiến sơ độ khoa học cơ bản, 22. Phật độ vua Nhật Tử, 23. Giới thể-Giới tướng, 24. Tam qui y-Phép đầu tiên nhập đạo, 25. Thụ giới Bồ-tát làm việc giúp đời, 26. Dẫn nhân nhập đạo phải làm đúng Luật Phật dạy, 27. Bổ sung Luật Tứ phần tập I, 28. Phật dạy bốn điều Luật thụ trì Kinh Pháp Hoa, 29. Phép tu Lăng Nghiêm Đại Định, 30. Nghiệp đạo, 31. Nghiệp báo nhân quả hiển nhiên, 32. Tâm tạo, 33. Thuyết Phật ngồi gốc cây Bồ-đề, 34. Một số bài kệ Giới Kinh tóm tắt, 35. Ba bậc Bất thoái Thắng diệu trong Đạo Phật, 36. Danh mục Luật Đại thừa Bồ-tát, 37. Tam học với hòa bình, 38. Hiện Mật viên thông, 39. Chúc Tết năm mới theo lời Phật dạy, 40. Kệ giải thoát; *Bổ di*: 1. Xác định ngày lễ Phật đản, 2. Lời dẫn chứng Phật lịch với Phật đản, 3. Những ngày vía Phật liên quan đến ngày mừng 8, 4. Những Kinh sách tham khảo, 5. Diễn văn Khai mạc Ra mắt Phân viện Nghiên cứu Phật học, 6. Nghị quyết Kỳ họp thứ nhất, 7. Lời khai mạc Hội thảo Khoa học về Hồ Chủ Tịch, 8. Lời bế mạc Hội thảo, 9. Chủ tịch Hồ Chí Minh với Phật giáo, 10. Truyền thống dân tộc giáo dục đạo đức, 11. Thư Chúc Tết của Hòa thượng Kim Cương Tử, 12. Mấy Câu ca – kệ tóm tắt Ba thừa.

Q

1.303. QUI Y TAM BẢO và NGŨ GIỚI

Biên soạn:

HT. Thích Thiện Hoa (1918-1973)

Tác phẩm này gồm có 2 phần: *I. Quy y Tam bảo*, A. Mở đề, B. Chánh đề, 1. Định danh và giải nghĩa, a. Quy y là gì? b. Tam bảo là gì? c. Quy y Tam bảo là thế nào? 2. Ba bậc Tam bảo, a. Đồng thể Tam bảo, b. Xuất thế gian Tam bảo, c. Thế gian trụ trì Tam bảo; 3. Sự quy y Tam bảo (Sự quy y Phật-Pháp-Tăng); 4. Lý quy y Tam bảo (Tự quy y Phật-Pháp-Tăng); 5. Nghi thức Quy y; 6. Lợi ích về Quy y Tam bảo; C. Kết luận; *II. Ngũ giới*, gồm có: A. Mở đề, B. Chánh đề, I. Định nghĩa Ngũ giới, II. Thành phần của Ngũ giới: 1. Không giết hại, 2. Không trộm cướp, 3. Không tà dâm, 4. Không nói sai sự thật, 5. Không uống rượu; C. Kết luận. (*theo Phật Học Phổ Thông, quyển Một, khóa I, Nxb Tôn Giáo – 2007*)

S

1.304. SA-DI GIỚI & SA-DI NI GIỚI – 2 Tập

Dịch giải:

HT. Thích Trí Quang (1923-2019)

Luật có khổ 14.5 x 20.5cm, tổng cộng 2 tập dày 905 trang, bìa mềm.

Tập I, Nxb Tôn Giáo, PL. 2557 – DL. 2013, có 338 trang. Nội dung gồm có 5 phần chính: Đầu sách là Một ít ghi chú cần thiết về chữ Hán, Mục lục, Tiểu dẫn riêng tập ba, Tổng kết về Luật Sa-di và Sa-di Ni.

I. Tỳ-ni nhật dụng thiết yếu, gồm: Bảng kê số giả đặt trong sách này đối chiếu với số trang của tập một, Nguyên văn chữ Hán, Dịch âm dịch nghĩa; *II. Qui Sơn cảnh sách văn* (Bảng kê số giả đặt trong sách này đối chiếu với số trang của tập một, Nguyên văn chữ Hán, Dịch âm dịch nghĩa); *III. Sa-di luật nghi yếu lược* (Bảng kê số giả đặt trong sách này đối chiếu với số trang của tập hai, Nguyên văn chữ Hán, Dịch âm dịch nghĩa); *IV. Sa-di Ni luật nghi yếu lược* (Bảng kê số giả đặt trong sách này đối chiếu với số trang của tập hai, Nguyên văn chữ Hán, Dịch âm dịch nghĩa); *V. Sa-di thập giới uy nghi lục yếu* (Bảng kê số giả đặt trong sách này đối chiếu với số trang của tập hai, Dịch nghĩa); Kinh phụng Kinh Di Giáo, gồm: Nguyên văn chữ Hán, Dịch âm, Dịch nghĩa.

Tác phẩm này được tái bản nhiều lần: Năm 1994, 1998, Nxb Tp. Hồ Chí Minh; năm 2002, Nxb Tp. Hồ Chí Minh.

Tập II, Nxb Tp. Hồ Chí Minh, PL. 2546 – DL. 2002, có 567 trang, nội dung gồm: *Một, Loại phù trì của Sa-di giới và Sa-di Ni giới*; 1. Dịch giải Kinh Giáo Huân đề lại của Phật, 2. Dịch giải Kinh Tám điều Thượng nhân Giác ngộ, 3. Dịch giải văn Khuyến phát Tâm Bồ-đề, 4. Lược dịch “Phát Bồ-đề tâm”, 5. Dịch giải văn Cảnh sách của ngài Qui Sơn, 6. Dịch giải những điều Nhật dụng Thiết yếu của Giới luật; *Hai, Loại chủ yếu của Sa-di giới và Sa-di Ni giới*, 7. Dịch giải Bản yếu lược về giới luật và uy nghi của Sa-di, 8. Dịch giải Bản yếu lược về giới luật và uy nghi của Sa-di Ni, 9. Dịch nghĩa Bản trích lục những điều cốt yếu về mười giới luật và uy nghi của cấp bậc Sa-di.

Tác phẩm này đã được xuất bản năm 1998, Nxb Phương Đông.

1.305. SA - DI LUẬT GIẢI

Dịch giả:

HT. Thích Hành Trụ (1904-1984)

Nxb Tôn Giáo, PL. 2543 – DL. 1999

Sách có khổ 15 x 23cm, có 637 trang, bìa cứng, bao da màu đỏ, chữ tựa mạ vàng. Bộ *Sa Di Luật Giải* này do HT. Hành Trụ dịch từ bản *Sa Di Luật Nghi Yếu lược-Tăng chú* của Sa-môn Châu Hoàng (1532-1612), ở chùa Vân Khê, người Hàng Châu, Trung Quốc, biên soạn; Sa-môn Hoàng Tấn (1611-1685) chú giải, gồm 2 quyển, quyển thượng, *Thiên Sa Di yếu lược*, quyển hạ, *Thiên Oai nghi tăng chú*. Phần sau là *Qui Sơn Cảnh Sách cú thích ký* do Sa-môn Hoàng Tấn chú giải, Tỳ-kheo Khai Quýnh làm lời ký.

Luật giải này được tái bản nhiều lần: Năm 1951, in tại Nhà in Thanh Mậu - Gia Định, với tên sách Sa-di Luật Giải thượng hạ, dịch giả Lê Phước Bình; năm 1960, Chùa Chánh Giác (Sài Gòn) ấn hành; năm 1967, Sen Vàng xuất bản; năm PL. 2514 – DL. 1970, Giác Nguyên Phật Học Đường (Sài Gòn) ấn hành; năm 1972, Liên Hoa Tịnh thất (ấn tổng); năm 1992-1994-1997, THPH Tp. Hồ Chí Minh ấn hành; các năm: 2003-2006-2008-2013-2016, Nxb Tôn Giáo.

1.306. SA - DI LUẬT NGHI YẾU LƯỢC

Biên tập: *Sa-môn Thích Thanh Minh*

Nxb Hồng Đức – 2017

Sách có khổ 14.5 x 20.5cm, có 114 trang, bìa mềm. Nội dung gồm có: Lời nói đầu, Tiểu sử, Sa-di Luật nghi Yếu lược Quyển thượng, *Thiên I. Môn Giới luật của Sa-di*: 1. Không được sát sanh, 2. Không được trộm cắp, 3. Không được dâm dục, 4. Không được nói dối, 5. Không được uống rượu, 6. Không được đeo vòng hoa, bôi hương thơm trên thân thể, 7. Không được ca múa hát xướng, không được đi xem

nghe, 8. Không ngồi giường cao rộng lớn, 9. Không được ăn trái thời (phi thời), 10. Không được cầm giữ sinh tượng vàng bạc của báu; *Thiên II. Môn Uy nghi của Sa-di*, 1. Kính đại Sa-môn, 2. Hầu thầy, 3. Theo thầy xuất hành, 4. Nhập chúng, 5. Theo chúng ăn, 6. Lễ bái, 7. Nghe pháp, 8. Học tập Kinh điển, 9. Vào chùa viện, 10. Theo chúng vào Thiền đường, 11. Chấp tác, 12. Vào nhà tắm, 13. Đi vào cầu tiêu, 14. Nằm ngủ, 15. Sưởi, 16. Ở chung trong phòng, 17. Đến chùa Ni, 18. Đến nhà người tại gia, 19. Khất thực (xin ăn), 20. Vào làng xóm phố xá, 21. Đi chợ mua vật dụng, 22. Làm việc không được tự tiện, 23. Tìm thầy, 24. Danh tướng của áo bát; Hai mươi bốn chương Uy nghi, Nghi thức thỉnh đại hồng chung sáng và tối: Lời khuyên tu Tịnh độ, Kệ chú hành trì, Kệ và chú lễ Phật, Kệ và chú nhiều Phật, Kệ và chú tắm Phật, Kệ và chú quán tượng Phật, Kệ và chú ngủ thức dậy, Kệ và chú trên giường bước xuống đất, Kệ và chú khi bước đi không hại trùng, Kệ và chú đi tiêu, Kệ và chú đi cầu, Kệ và chú rửa hậu môn, Kệ và chú rửa tay, Kệ và chú rửa mặt, Kệ và chú súc miệng (đánh răng), Kệ và chú đốt đèn, Kệ và chú đốt nhang, Chú thụy ma (ngủ gật), Kệ và chú uống nước, Kệ và chú rửa chân, Kệ và chú tắm gội, Kệ và chú đi ngủ, Kệ chú lên điện tháp, Chú Tiêu vạn bệnh, Chú Phật diệt tội, Chú diệt tội chân ngôn, Kệ và chú thể phát (cạo tóc), Chú hộ thân, Chú Cứu khổ, Chú Đoạn trừ ôn dịch, Chú Sinh thiên.

1.307. SA - DI LUẬT NGHI YẾU LƯỢC

Chủ giảng (1994):

Lão Pháp sư Tịnh Không

Chuyển ngữ: *Đệ tử Như Hòa*

Nhuận sắc: *Minh Tiến và Huệ Trang*

Toàn bộ tác phẩm Luật này gồm có 5 phần chính: - Lời trần tình, nội dung có 5 phần, cuối sách là Chú thích.

(<https://thuvienhoasen.org>, Luật)

1.308. SA - DI LUẬT NGHỊ

Yếu Lược Tăng Chú

Viết dịch:

HT. Thích Hành Trụ (1904-1984)

Chuyển ngữ: HT. Thích Chân Thường

Nxb Hồng Đức – 2013. Luật có khổ 14.5 x 20.5cm, dày 455 trang, bìa mềm, nền màu đỏ, chữ tựa màu trắng bạc. Nội dung gồm có: Lời tựa chuyển ngữ; *Sa-di Luật nghị Yếu lược-Tăng chú*, Thượng thiên, Giới luật môn: Nhất viết, Bất Sát sanh; Nhị viết, Bất Đạo; Tam viết, Bất Dâm; Tứ viết, Bất Vọng ngữ; Ngũ viết, Bất Âm tửu; Lục viết, Bất Trước hương hoa man-bất hương đồ thân; Thất viết, Bất Ca vũ xướng kỹ-bất vãng quan thính; Bát viết, Bất Tọa cao quảng đại sàng; Cửu viết, Bất Phi thời thực; Thập viết, Bất Tróc trì sanh tượng-kim ngân bảo vật; Sa-di Luật nghị Yếu lược-Tăng chú, Quyền thượng chung; Kính Đại Sa-môn-đệ nhất, Sự sư-đệ nhị, Tùy sư xuất hành-đệ tam, Nhập chúng-đệ tứ, Tùy chúng thực-đệ ngũ, Lễ bái-đệ lục, Thính pháp-đệ thất, Nhập tự viện-đệ cửu, Nhập Thiên đường, tùy chúng-đệ thập, Chấp tác-đệ thập nhất, Nhập dục-đệ thập nhị, Nhập xí-đệ thập tam, Thụy ngoạn-đệ thập tứ, Vi lư-đệ thập ngũ, Tại phòng trung trụ-đệ thập lục, Chí nhân gia-đệ thập bát, Khất thực-đệ thập cửu, Nhập tự lạc-đệ nhị thập, Thị vật-đệ nhị thập nhất, Phạm sở thi hành-bất đắc tự dụng-đệ nhị thập nhị, Tham phương-đệ nhị thập tam, Y bát danh tướng- đệ nhị thập tứ; Lời tựa dẫn; *Luật nghị Sa-di*, Tóm lược – Chú giải, Quyền thượng (có 10 giới); Chú thích Quyền thượng; *Luật nghị Sa-di*, Tóm lược

– Chú giải, Quyền hạ (có 24 chương); Chú thích Quyền hạ.

Xem: (10 giới và 24 chương Oai nghi) của *Sa-di Luật Nghị Yếu lược*

1.309. SA-DI LUẬT NGHỊ

Yếu Lược Tập Giải

(Giới Luật Là Mạng Mạch Của Phật Pháp)

Yếu lược: Đại sư Vân Thế

Tập giải: Tỳ-kheo Thích Tiến Đạt

Nxb Hồng Đức – 2016. Sách có khổ 14.5 x 20.5cm, dày 303 trang.

Toàn bộ tác phẩm Luật này gồm có 2 phần. Mở đầu là Lời Phi lộ, I. Sơ lược về tên sách, II. Sơ lược về tác giả, III. Giải nghĩa tiêu đề; *Phần thứ nhất: Giới luật của Sa-di*, có 10 chương; Chương mở đầu, Dẫn nhập, C.1 Không được sát sinh, C.2 Không được trộm cắp, C.3 Không được dâm dục, C.4 Không được vọng ngữ, C.5 Không được uống rượu, C.6 Không được đeo tràng hoa thơm và không được lấy hương bôi xoa thân thể, C.7 Không được ca múa hòa tấu, biểu diễn và không được đi xem nghe, C.8 Không được ngồi giường cao rộng lớn, C.9 Không được ăn phi thời, C.10 Không được cầm giữ sinh tượng, vàng bạc, của báu; *Phần thứ hai: Uy nghi của Sa-di*, có 24 chương. Chương mở đầu, Dẫn nhập, C.1 Cung kính bậc đại Sa-môn, C.2 Phép hầu thầy, C.3 Phép theo thầy ra đi, C.4 Phép vào trong chúng, C.5 Phép ăn theo chúng, C.6 Phép lễ bái, C.7 Thính pháp, C.8 Học tập Kinh điển, C.9 Vào chùa-viện, C.10 Vào Thiên đường phải theo chúng, C.11 Làm việc của Tăng chúng, C.12 Vào nhà tắm, C.13 Vào nhà xí, C.14 Phép nằm ngủ nghỉ, C.15 Vây quanh lò sưởi, C.16 Phép ở chung liêu phòng, C.17 Phép đến chùa Ni, C.18 Phép đến nhà người thế tục, C.19 Phép đi khất thực, C.20 Phép vào tự lạc, C.21 Đi chợ

mua đồ, C.22 Phàm làm việc gì không được tự ý, C.23 Đi tham học phương xa, C.24 Danh tướng của y-bát.

1.310. SA-DI LUẬT NGHI

Yếu Lược Thượng Hạ

Vựng tập:

Thích Châu Hoằng (1532-1612)

Chú thích: *Thích Hoằng Tấn*

Viết dịch: *Thích Tâm Anh*

Nxb Tôn Giáo – 2005. Sách có khổ 14.5 x 20.5cm, dày 527 trang.

Toàn bộ tác phẩm *Luật nghi* này gồm có 2 quyển: *Quyển thượng*, Sa-di Luật nghi yếu lược Tăng chú Trùng san duyên khởi tự, Phàm lệ Năm tắc, Thượng thiên Giới Luật môn (có 10 giới), Nhất viết bắt Sát sanh, Nhị viết bắt Đạo, Tam viết bắt Dâm, Tứ viết bắt Vọng ngữ, Ngũ viết bắt Âm tửu, Lục viết bắt Trước hương hoa man, bát hương đồ thân, Thất viết bắt Ca vũ xướng kỹ, bát Vãng quan thính, Bát viết bắt Tọa cao quảng đại sàng, Cửu viết bắt Phi thời thực, Thập viết bắt Tróc trì sanh tượng, kim ngân, bảo vật; *Quyển hạ*, Hạ thiên Oai nghi môn, có 24 chương: C.1 Kính bậc Đại Sa-môn, C.2 Thờ thầy, C.3 Theo thầy ra đi, C.4 Nhập chúng, C.5 Theo chúng ăn cơm, C.6 Lễ bái, C.7 Nghe pháp, C.8 Tập học Kinh điển, C.9 Vào chùa viện, C.10 Theo chúng vào Thiền đường, C.11 Làm việc, C.12 Vào phòng tắm, C.13 Vào nhà xí, C.14 Nằm ngủ, C.15 Vây quanh lò lửa, C.16 Ở trong phòng, C.17 Đến chùa Ni, C.18 Đến nhà người, C.19 Đi khát thực, C.20 Vào làng xóm, C.21 Đi chợ mua đồ, C.22 Mọi động tĩnh không được tự ý, C.23 Cầu học, C.24 Tên-tướng của y bát.

1.311. SA-DI TỖ-NI Hiệp Tham – Quyển thượng

Sa-môn Châu Hoằng – Sa-môn Tế Nhạc

Dịch và Chú: *Hạnh Minh – Đạo Luận*

PL. 2553 – DL. 2009, Lưu hành nội bộ
Sách dày hơn 312 trang, bìa cứng. Nội dung gồm có: Bảng Viết tắt, Cảm niệm thâm ân, Lời tựa, Tựa tựa, Phàm lệ, Sa-di Luật nghi Tỳ-ni Nhật dụng Hiệp tham; Giới thứ 1. Không được sát sanh, Giới thứ 2. Không được trộm cướp, Giới thứ 3. Không được dâm dục, Giới thứ 4. Không được nói dối, Giới thứ 5. Không được uống rượu, Giới thứ 6. Không được đeo vòng hoa thơm, không được xoa ướp hương thơm, Giới thứ 7. Không được ca múa-xướng hát-không được xem nghe, Giới thứ 8. Không được ngồi giường cao nệm lớn, Giới thứ 9. Không được ăn phi thời, Giới thứ 10. Không được nắm giữ vàng, bạc, bảo vật; Thư mục tham khảo dịch và chú thích.

1.312. SA-DI THẬP GIỚI NGHI TẮC (Phật thuyết Sa-di Thập giới Nghi tắc Kinh)

Hán dịch: *Thi Hộ*

Viết dịch: *Thích Nguyên Chơn*

Nội dung tác phẩm này gồm có 10 giới của Sa-di và phép tắc oai nghi Sa-di phải thực hành. Văn Giới luật này có khoảng 289 câu, được dịch theo thể ngũ ngôn, mỗi câu 5 chữ. (<https://phatphapungdung.com>; *Pháp bảo-Luật tạng*)

1.313. SA-DI THẬP GIỚI OAI NGHI Lục Yếu

Đại sư Trí Húc (1599-1655)

Viết dịch: *Thích Hoằng Triệu*

Nxb Phương Đông – 2006

Sách có khổ 13 x 19cm, dày hơn 109 trang, bìa mềm. Nội dung gồm có: *Sa-di Thập Giới Oai Nghi lục yếu*, Phần thứ nhất. Mười Giới Sa-di; Phần thứ hai. Oai nghi; 25. Giá nạn lúc Thọ Cụ, A. Mười ba trọng nạn, B. Mười sáu khinh giá, 26.

Pháp thỉnh Hòa thượng; Phụ lục: Sa-di Oai Nghi, Sa-di Nghi Tắc Kinh.

Xem: (10 Giới và 24 Oai nghi) trong Sa-di Luật Nghi yếu lược

1.314. SA-DI THẬP GIỚI

Pháp Tinh Oai Nghi

Phụ Bản Đồi Đông Tấn

Việt dịch: *Thích Hoằng Triệu*

Nxb Phương Đông – 2007

Sách có khổ 13 x 19cm, có 103 trang, bìa mềm. Nội dung gồm có: Lời tựa, *Sa-di Thập giới Pháp tinh Oai nghi*, Thầy dạy Sa-di, Sa-di hầu Hòa thượng, Sa-di hầu A-xà-lê, Đối với A-xà-lê, Trao Ca-sa, Xếp ca-sa cho thầy, Gìn giữ bát, Cầm tích trượng, Trao giày, Nếu thầy bảo ngồi ăn cơm chung, Khi ăn cơm riêng, Vào thành khát thực, Cùng đi về đến nơi, Ăn cơm bên bờ sông, Ăn cơm dưới gốc cây, Giữa đường hầu thầy, Hợp bát, Đồi bát, Khi ăn ngồi đối diện, Ăn trước ăn sau, Ăn xong rửa bát, Pháp rửa bát xong, Sa-di nhập chúng, Sa-di làm trị nhật, Lặt rau, Múc nước, Rửa chõ, Thối bếp, Quét đất, Khi Tỳ-kheo Tăng ăn cơm, Sa-di quét đất, Lấy nước rửa thùng múc nước, Rửa chậu, Trao khăn tay, Giày vải, Sa-di rửa bát, Lau bát, Khi đi hội-cúng dường cơm-dạy Sa-di gìn giữ bát, Thầy sai đem thư đi-người trả lời, Sa-di giúp Tỳ-kheo Tăng làm chưa xong, không được tự ý vào phòng đại Sa-môn, Muốn vào phòng, Sa-di đi xa nên dạy pháp nói chữ thượng...hạ...; Vào nhà tắm, Sa-di vào nhà sau; *Sa-di Thất thập nhị Oai nghi*, Sa-di làm lễ thầy, Sáng sớm thức dậy vào phòng thầy, Xếp ba y, Theo thầy ra đi, Chỗ cần dùng của thầy phải cung cấp đầy đủ, Sa-di đánh răng, Sa-di trao ba y cho thầy, Sa-di rửa bát, Sa-di quét đất, Sa-di theo thầy đến nhà đàn-việt, Sa-di vào nhà tắm, Sa-di lễ tiết oai nghi-sớm trưa thưa hỏi lễ kính, Sa-di rửa bình cho

thầy, Vẩy nước lau quét dọn đơn, Theo thầy ăn, Lấy pháp y và tắm phủ, Rửa bát-bình, Lấy tích trượng, Hầu thầy tắm rửa-cạo tóc, Lúc chiều tối nên mặc pháp y, Cung cấp hương hoa, Đốt đèn, Hái hoa và lấy dương chi, Các việc muốn làm không được tự tiện, Theo thầy đi trước-sau-trở về, Một mình đưa tiễn người chết-thăm bệnh, Giữa đường gặp thầy, Lúc chúng Tăng ăn cơm, Chúng Tăng nói Kinh, Trục nhật, Một mình đi phân vệ, Đi chợ mua đồ, Đến chùa Tỳ-kheo Ni, Giảng Kinh-đọc giới, Nói chuyện Đạo, Đọc Kinh; Phụ: Năm đức và Mười tướng đối trị, Phụ lục: Phật nói *Kinh Ca-diệp Cẩm Giới*; Phật nói *Kinh Phạm Giới Tội Nặng Nhẹ*.

1.315. SAN BỔ

THỌ CHƯ GIỚI ĐÀN NI TẬP

San bổ: *Sa-môn Thích Phổ Tấn*

Việt dịch:

Tỳ-kheo Ni Huyền Huệ (1924-2015)

Nxb Tôn Giáo, PL. 2544 – DL. 2000

Sách có khổ 14 x 20cm, dày 240 trang, bìa mềm, chữ tựa màu xanh dương. Nội dung gồm có: Lời tựa, Lời dẫn đầu, San bổ Thọ chư Giới đàn Ni tập: Nghi thức thọ Tam quy, Nghi thức thọ Năm giới, Nghi thức thọ Bát quan trai, Nghi san bổ Giới đàn Ni, Pháp kiết riêng Đại giới, Pháp kiết giới tràng và Đại giới, Bản đồ ba lớp Tiêu tương của Giới tràng và Đại giới, Pháp kiết Bất thất y giới, Pháp kiết giới Tịnh trụ, Pháp giải Đại giới, Pháp giải Giới tràng, Pháp giải Bất thất y giới, Pháp giải Tiểu giới, Lược nêu bày các giới thác xứ, Bản đồ Giới đàn I, Bản đồ Giới đàn II, Pháp xin xúc chúng, Pháp cho cạo tóc, rưới đảnh, Pháp cho ngoại đạo ở chung, Thỉnh cung an chức sự, Nghi thức thọ giới Sa-di Ni, Nghi thức thọ giới Thức-xoa-ma-na, Nghi thức thọ giới Tỳ-kheo Ni, Nghi thức chúng đem giới tử đến Đại

Tăng câu thọ giới; Phần phụ: Sơ đồ Giới đàn của hai Thừa, Yết-ma thành hay hoại, Văn y chi, Văn lược xả, thọ y, bát các vật, Pháp xả y man điều, Pháp thọ y An-đà-hội, Pháp thọ y Uất-đa-la-tăng, Pháp thọ y Tăng-già-lê; Đại y hạ ba phẩm, Đại y trung ba phẩm, Đại y thượng ba phẩm; Pháp thọ các y làm từng, Pháp làm từng y An-đà-hội, Pháp làm từng y Uất-đa-la-tăng, Pháp làm từng y Tăng-già-lê, Pháp thọ Bát-đa-la, Pháp thọ Tăng-kỳ-chi, Pháp thọ Phú-kiên-y, Pháp thọ Ni-sư-đàn, Pháp thọ ống đựng kim, Pháp thọ dây lọc nước, Pháp thọ tích trượng, Kệ chú đắp dùm y bát các vật, Văn xả y pháp các vật; Phần Chú thích: Mười bốn pháp không hiện tiền Yết-ma, Bảy món phi, Công-tư-đơn-cụ, Trừ thôn-thôn ngoại giới, Thê-sắc-lượng của y; Phụ bản: Nghi thức của Giới sư Ni đem giới tử Ni đến chùa Tăng thọ giới, Pháp tứ y, Bốn pháp nên làm, Trao pháp bát kinh, Trao ba pháp y, Trao bát, Trao Ni-sư-đàn, Trao dây lọc nước; C.V, Kiết hạ An cư: Pháp sai người phân phòng xá ngoại cụ, Pháp dự kỳ thọ thê, Pháp sai người phân thê, Pháp đơn bạch phân thê, Pháp tiên an cư, Pháp an cư của ngôi Pháp chủ và chư Thượng tọa, Pháp đại chúng an cư, Pháp bạch an cư, Pháp hậu an cư, Pháp tâm niệm an cư; C.VI, Pháp Thọ nhứt ra ngoài giới: Bảy ngày xuất giới, Pháp thọ ngày còn dư ra ngoài giới, Pháp thọ nửa tháng, một tháng ra ngoài giới; C.VII, Ba tháng (90 ngày) xong Tự tứ: Pháp Sám hối, Pháp sai người đến trong Đại Tăng câu Tự tứ, Pháp sai người Thọ Tự tứ, Pháp chánh Tự tứ, Pháp Thượng tọa Tự tứ, Pháp đại chúng Tự tứ, Pháp bốn người trở xuống lần lượt Tự tứ, Pháp một người Tâm niệm Tự tứ; Mục lục

1.316. SẮC TU BÁCH TRƯỢNG THANH QUY – Trọn bộ 2 Tập

Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam
 Trung biên: *Thiền sư Đức Huy*
 Việt dịch: *Thích Phước Sơn*
 và *Lý Việt Dũng*

Nxb Phương Đông, PL. 2552 – DL. 2008

Tập I, dày 546 trang, gồm 4 quyển: - Lời nói đầu, - Giới thiệu tổng quát: 1. Đôi dòng lịch sử, 2. Thuyết ra đời sách Sắc tu Bách Trượng Thanh Qui, 3. Tiểu sử người trùng biên và hiệu đính;

Q.I, C.1 Chúc lụy, 1. Lễ chúc mừng Thánh thọ Thánh Hoàng, 2. Chúc tụng các ngày cảnh mạng và 4 ngày trì trai, 3. Mừng một, ngày rằm tại tạng điện chúc mừng tán tụng, 4. Chúc tán mỗi ngày, 5. Lễ chúc thọ Hoàng thái tử thiên thu, 6. Lễ các tháng tốt lành; C.2 Báo ân, 1. Những ngày giỗ kỵ của quốc gia, 2. Cầu đảo (a. Cầu mưa dầm ngưng tạnh, b. Cầu mưa roi, c. Cầu tuyết roi, d. Cầu đuổi sâu vàng hại lúa, e. Mặt trời bị ăn, f. Mặt trăng bị ăn);

Q.II, C.3 Báo bốn, 1. Lễ Phật đản, 2. Lễ Phật thành đạo và bát Niết-bàn, 3. Tiểu sử Đức Phật, 4. Thầy của vua qua đời, 5. Tiểu sử Đế sư Bạt-hiệp-tư-bát; C.4 Tôn Tổ, 1. Giỗ kỵ Tổ sư Bồ-đề-đạt-ma, 2. Sơ lược Tiểu sử Tổ Bồ-đề-đạt-ma, 3. Giỗ kỵ Thiền sư Bách Trượng-Hoài Hải, 4. Tiểu sử Thiền sư Bách Trượng-Hoài Hải, 5. Giỗ kỵ Lịch đại Tổ sư, 6. Giỗ kỵ Thầy truyền pháp của Trụ trì; C.5 Trụ trì, 1. Quy tắc hành sự hằng ngày của Trụ trì (a. Thượng đường, b. Tham vấn buổi chiều, c. Buổi tiểu tham, d. Lễ thấp hương, e. Phở thuyết, f. Vào thất, g. Niệm tụng, h. Tuần liêu, i. Xử phạt Tăng chúng phạm Thanh qui, j. Dạy dỗ đồng hành (chú điều), k. Vì hành giả phở thuyết, l. Nhận pháp y, m. Tiếp đón chư Tôn túc, n. Thí chủ mời thăng tòa trai Tăng, o. Nhận sự cúng dường Trai phạn của người nổi pháp, p. Đưa di thư của thầy truyền pháp đến);

Q.III, 2. Mời trụ trì mới, a. Phái chuyên sứ, b. Trụ trì đương nhiệm được mời nhậm chức, c. Tân trụ trì vừa mới thọ nhận sứ mệnh được mời thăng tòa, d. Chuyên sứ đặc biệt thiết tiệc chiêu đãi tân thọ mạng trụ trì, e. Nhà chùa khoản đãi trụ trì mới thọ nhận chức và chuyên sứ, f. Trụ trì mới nhận nhiệm vụ từ biệt chúng thượng đường dùng trà thang, g. Tây đường hoặc Đầu thủ được thỉnh mời làm trụ trì, h. Người mới được mời làm trụ trì thăng tòa, i. Chuyên sứ đặc biệt tổ chức tiệc chay khoản đãi tân thọ mạng trụ trì, j. Nhà chùa khoản đãi thọ mạng tân trụ trì và chuyên sứ, k. Người được mời thỉnh thọ mạng tân trụ trì từ biệt chúng lên tòa dự trà thang; 3. Tân thọ mạng trụ trì vào Thiền viện mới, a. Nhà chùa thỉnh mời tân thọ mạng trụ trì độ trai, b. Lễ khai đường cầu chúc Thánh thọ Hoàng đế, c. Chùa nhà đặc biệt khoản đãi trà và thang thủy tân thọ mạng trụ trì, d. Buổi tiếu tham ngay chiêu tối đó, e. Ví thí chủ kiến tạo bồn tự mà thăng tòa, f. Khoản đãi chuyên sứ, g. Thỉnh mời chấp sự Tăng hai tự ở lại chức vụ, h. Tân trụ trì rời khỏi và trở về chùa phải báo tạ, i. Bàn giao sở bộ về ruộng vườn và tài vật của chùa, j. Tân trụ trì thọ nhận Lương tự và cần cựa mời tiệc chay; 4. Qui định trụ trì từ chức, 5. Trụ trì qua đời, a. Liệm di thể vào quan tài, b. Thỉnh mời chủ tang lễ, c. Mời thỉnh người biện sự của ủy viên hội lo tang lễ, d. Tang phục, e. Tên gọi và các nghi thức Phật sự, f. Đưa quan tài đi, g. Nghi thức treo chân tượng (dĩ ảnh), cử ai và dâng cúng trà thang, h. Các nghi thức tiếu tham trước linh cữu, dâng cúng trà thang, tụng niệm kinh kệ và trí tế, i. Thứ tự tế cúng, j. Xuất tang treo di ảnh, dâng cúng trà thang, k. Lễ trà tỳ, l. Nghi thức đưa toàn thân vào tháp, m. Rao bán đấu giá di vật của cố trụ trì, n. Đưa linh cốt vào tháp, o. Đưa trình thư để lại của cố trụ

trì, p. Chiêu đãi người chủ tang và nhân viên ban lo liệu đám tang, 6. Hiệp thương suy cử tân trụ trì,

Q.IV, C.6 Lương tự, 1. Liên quan đến Tây ban đầu thủ, a. Thủ tọa tiền đường, b. Thủ tọa hậu đường, c. Thư ký, d. Người coi kho sách chùa, e. Người tiếp khách, f. Người lo việc tắm rửa trong chùa, g. Người coi các điện đường trong chùa, h. Thị giả (Thị giả y bát (không lập ban), Thị giả trà nước, thuốc men (lập ban), Thị giả tượng Thánh Tăng), 2. Tri sự của Đông tự, a. Đô giám tự, b. Duy-na, c. Phó tự, d. Điền tọa, e. Trục tuế; 3. Các chức vụ tạp sự, a. Liêu nguyên, b. Liêu chủ và liêu phó, c. Đường chủ diên thọ đường, d. Người dọn vệ sinh, e. Người lo việc hóa duyên thí chủ bố thí, f. Người coi việc làm vườn, g. Người coi nhà xây lú, h. Người phụ trách nước trong chùa, i. Người lo cung cấp than củi, j. Trang chủ, k. Chư trang giám thu; 4. Nghi thức suy cử lập Tăng Thủ tọa, 5. Nghi thức thỉnh mời danh đức Thủ tọa, 6. Nghi thức chấp sự Tăng Lương tự tự chức và thoái nhiệm, 7. Thỉnh mời tri sự lúc treo bát, 8. Thị giả thoái chức và tự nhiệm, 9. Chế độ bàn giao đồ đạc của liêu xá, 10. Phương trượng đặc biệt đãi thang thủy tân-cựa Lương tự, 11. Đường ty đặc biệt đãi trà thang thủy thị giả mới cũ, 12. Khố ty đặc biệt thiết đãi Lương tự cũ-mới thang thủy cơm tối, 13. Đường ty đưa cựa Thủ tọa và cựa Đô tự đến bát vị, 14. Phương trượng khoản đãi Lương tự mới-cũ, 15. Phương trượng đặc biệt đãi trà tân Thủ tọa, 16. Tân Thủ tọa đặc biệt đãi trà Thủ tọa và đại chúng ở hậu đường, 17. Trụ trì tưởng nghĩ thăm hỏi Đầu thủ đãi trà, 18. Tiệc trà đãi Lương tự giao nhận chức vụ, 19. Đãi trà vào liêu và ra liêu, 20. Đầu thủ vào Tăng đường đãi trà, 21. Lương tự xuất ban dâng hương; C.7 Đại chúng.

Tập II, dày 563 trang, gồm 4 quyển: - Lời nói đầu, - Giới thiệu tổng quát: 1. Đồi dòng lịch sử, 2. Thuyết ra đời sách Sắc tu Bách Trượng Thanh Qui, 3. Tiểu sử người trùng biên và hiệu đính;

Q.V, 1. Hành giả được làm Sa-di, 2. Sa-di mới thọ giới tham đường, 3. Đăng đàn thọ giới, 4. Giữ gìn giới luật, 5. Sấm sửa đạo cụ: a. Tọa cụ, b. Áo chéo vai, c. Quần, d. Trục chuyết, e. Bình bát, f. Tích trượng, g. Chủ trượng, h. Cây xơ quất, i. Xâu chuỗi hạt để lần, j. Tịnh bình, k. Túi lọc nước, l. Giới đao, m. Trang bao; 6. Du phương tham học, 7. Ra mắt tập thể, a. Ghi tên cho nhiều người ở lại chùa, b. Ghi tên cho một số người ở lại chùa, c. Thủ tọa của Tây đường ghi tên, d. Những bậc danh đức ở chùa các nơi ghi tên, e. Pháp quyền, biện sự ghi tên; 9. Nén hương ra mắt trụ trì, 10. Tạ ơn ghi tên cho ở lại chùa, 11. Phương trượng đặc biệt đãi trà các người mới được ghi tên cho ở lại chùa, 12. Ngồi thiền, 13. Nghi thức tọa thiền;

Q.VI, (tt) 14. Ngồi tĩnh tâm trước khi tọa thiền, 15. Ngồi tham thiền, 16. Cầu trụ trì khai thị thêm, 17. Đến trai đường ăn cháo sáng, 18. Tham dự tiệc trà thang, 19. Tập hợp đại chúng tham gia lao động, 20. Những qui tắc sinh hoạt hằng ngày, 21. Bài văn trình bày khuôn mẫu của Thiền lâm, 22. Tụng niệm khi người lâm bệnh, 23. Vị Tăng viên tịch: a. Ghi chép lưu giữ y bát, b. Các nghi thức dành cho người qua đời, c. Bán đấu giá y vật của người qua đời, d. Tụng niệm ban đêm, e. Đưa đám tang, f. Lễ trà tỳ, g. Bán đấu giá y vật của người quá cố, h. Nhập tháp;

Q.VII, 24. Bảng trưởng thức; C.8 Các ngày lễ tiết và hạ An cư, 1. Bản thông báo trước ngày nhập hạ, 2. Tiệc trà do người mới nhập liêu đãi Tăng chúng, 3. Trưng bày biểu đồ, 4. Các liêu thiết đãi trà thang

đại chúng vào dịp kết và giải hạ an cư, 5. Pháp hội tụng chú Lăng Nghiêm, 6. Bản kê khai giới lập, 7. Trụ trì đãi thang thủy đơn sơ cho đại chúng, 8. Tụng niệm thọ địa đường vào bốn ngày lễ lớn trong năm, 9. Khố ty đãi thang thủy đặc biệt Thủ tọa và đại chúng vào 4 ngày lễ lớn trong năm, 10. Nghi thức lễ kết hạ an cư, 11. Thuyết pháp cho đại chúng vào 4 ngày lễ lớn trong năm, 12. Phương trượng đãi trà cho Thủ tọa và đại chúng vào dịp 4 ngày lễ lớn trong năm, 13. Khố ty đãi trà cho Thủ tọa và đại chúng vào dịp 4 ngày lễ lớn trong năm, 14. Tiền đường đãi nước trà cho hậu đường và đại chúng vào 4 ngày lễ lớn trong năm, 15. Đãi trà vào dịp tuần đường ngày mừng một và rằm, 16. Phương trượng đãi trà cho các hành đường, 17. Đầu thủ khố ty đãi trà cho các hành đường, 18. Các ngày lễ trong tháng cần phải biết;

Q.VIII, C.9 Pháp khí, 1. Các loại chuông (a. Đại hồng chung, b. Chuông treo ở Tăng đường, c. Chuông để ở chánh điện); 2. Bảng, 3. Mỏ, 4. Kiền chùy, 5. Khánh, 6. Chập chĩa, 7. Các loại trống (a. Trống dùng khi tiến hành các pháp sự, b. Trống đánh khi uống trà, c. Trống đánh lúc thọ trai, d. Trống đánh lúc tập hợp đại chúng lao động, e. Trống đánh vào các canh giờ, f. Trống đánh báo hiệu giờ đi tắm); Phụ lục: 1. Bài minh khắc trên tháp cổ Thiền sư Hoài Hải, núi Bách Trượng, Hồng Châu, đời Đường (Trần Hủ soạn), 2. Bài ký gác thiên hạ sư biểu, chùa Đại Trí Thọ Thánh, núi Bách Trượng, 3. Bài nguyên tựa sách Bách Trượng Thanh qui (Dương Úc soạn), 4. Bài tựa Sắc tu Bách Trượng Thanh Qui, 5. Từ ngữ chú thích Sắc tu Bách Trượng Thanh Qui.

1.317. SỰ TÍCH GIỚI LUẬT

Soạn dịch: *Thích nữ Trí Hải*

Nxb Tôn Giáo – 2003

Tác phẩm này gồm có bảy phần chính, đầu sách là Dẫn nhập: Ngũ thiên thất tự; Phần 1. Sự tích Tám tội khí; Phần 2. Sự tích 17 pháp Tăng tàng; Phần 3. Sự tích 30 pháp Xả đọa; Phần 4. Sự tích 178 pháp Đơn đề; Phần 5. Tám pháp Hồi quá; Phần 6. 100 pháp Chúng học; Phần 7. Bảy pháp Diệt tránh; Phụ lục: Nguồn gốc các giới đơn đề.

T

1.318. TẠI GIA BỒ-TÁT GIỚI BỒN

Việt dịch: *Thích Pháp Chánh*

Toàn bộ tác phẩm *Giới bồn* này gồm có 7 phần: I. Lư hương tán, II. Sám hồi, III. Khai Kinh kệ, IV. Tụng Kinh tự, V. Sáu giới trọng (1. Giới giết hại, 2. Giới trộm cắp, 3. Giới đại vọng ngữ, 4. Giới tà dâm, 5. Giới rao nói dối của bốn chúng, 6. Giới bán rượu), VI. Hai mươi tám giới khinh (1. Giới không cúng dường cha mẹ, sư trưởng, 2. Giới uống rượu, 3. Giới không chăm sóc người bệnh, 4. Giới không bố thí người đến xin, 5. Giới không chào hỏi lễ lạy các bậc tôn trưởng, 6. Giới khinh mạn người phá giới, 7. Giới không thọ sáu ngày Bát quan trai giới mỗi tháng, 8. Giới không đi nghe pháp, 9. Giới thọ dụng đồ dùng của chư Tăng, 10. Giới uống nước có trùng, 11. Giới đi một mình trong chỗ nguy hiểm, 12. Giới có một mình ngủ đêm tại chùa Ni (Tăng), 13. Giới vì của đánh người, 14. Giới bố thí thức ăn thừa cho bốn chúng, 15. Giới nuôi mèo, chồn, 16. Giới nuôi súc vật, 17. Giới không chứa 3 y, bình bát, tích trượng, 18. Giới không lựa chỗ nước sạch, đất cao ráo để trồng trọt, 19. Giới buôn bán không chân chánh,

20. Giới hành dâm không đúng thời, không đúng chỗ, 21. Giới gian lận thuế, 22. Giới vi phạm luật pháp quốc gia, 23. Giới được thực phẩm mới mà không dâng cúng Tam bảo trước, 24. Giới Tăng-già không cho thuyết pháp mà tự chuyên, 25. Giới đi trước năm chúng xuất gia, 26. Giới phân phối thức ăn cho chư Tăng không bình đẳng, 27. Giới nuôi tằm, 28. Giới đi đường gặp người bệnh không chăm sóc), VII. Bài kệ kết thúc, Chú thích. (<https://thuvienhoasen.org>, Luật)

1.319. TẠI GIA BỒ-TÁT GIỚI BỒN Giảng Nghĩa

Soạn dịch: *Tỳ-kheo Thích Pháp Chánh*

Tác phẩm *Giới bồn giảng nghĩa* này gồm có 3 phần: I. Giới bồn Bồ-tát tại gia, II. Sáu giới trọng, III. Hai mươi tám giới khinh. (<https://thuvienhoasen.org>, Luật)

1.320. TẠI GIA CƯ SĨ LUẬT

Việt dịch: *Phật tử Khánh Anh*

In tại Nhà in Thanh Mậu (Gia Định) – 1952

Sách dày 217 trang, bìa mềm. Nội dung sơ lược gồm có: Lời đầu, đối với việc phiên dịch bộ “Tại gia Cư sĩ Luật”, Lời cáo dịch và khuyên trì Kính cùng Quý cư sĩ, *Giới luật Tại gia Cư sĩ* Cuốn thứ nhất, Tại gia Nhị chúng Thọ Tam qui Ngũ giới pháp, Thầy Tỳ-kheo Trí Húc nhóm, Sơ Thọ Tam quy giới, Thứ thọ Ngũ giới pháp (Lãnh thọ Năm điều Giới pháp), *Phật nói Kinh Ưu-bà-tắc Ngũ giới tướng*; *Phật nói Kinh này Dạy cách An chay*, Hán dịch: Ưu-bà-tắc Chi Khiêm, Phụ: Thọ Bát Quan trai pháp, chép thêm: Chụ “Pháp Bát Quan Trai”; Chú giải Kinh Ưu-bà-tắc Ngũ giới tướng; Chú giải về Phật thuyết Trai Kinh; *Giới luật của Bồ-tát Tại gia*, Hán dịch: Tam tạng Pháp sư Đàm Vô Sâm, Chính thức chụ Giới Tại Gia Bồ-tát (ở các bản Kinh

có: dịch âm và dịch nghĩa); Phụ lục: Kinh Uy nghi của Bồ-tát Cư sĩ giới; Giải thích Quyển Giới luật của Bồ-tát tại gia; Bồ-tát Ưu-bà-tắc giới Uy-nghi Kinh lược chú.

1.321. TẠI GIA LUẬT YẾU QUẢNG TẬP – Quyển I

Biên tập: *Đại sư -*

Ngẫu Ích Trí Húc (1599-1655)

Nhuận sắc: *Sa-môn Nguyên Hồng*

Hiệu đính:

Ưu-bà-tắc Trần Chiêu Nguyên

Viết dịch: *Thích Hoằng Triệu*

Lưu hành nội bộ, PL. 2547 – DL. 2003.

Sách dày hơn 140 trang, bìa mềm. Nội dung gồm có: Lời tựa, *Tại Gia Luật yếu Quảng tập* – Quyển I, Tứ Phần luật tạng, Phụ: Pháp Ưu-bà-tắc Thọ Tam quy Ngũ giới, Phần 1. Pháp Thọ Tam quy, Ưu-bà-tắc Thọ Tam quy Ngũ giới Pháp, Phần 2. Pháp Thọ Năm giới; Kinh Tam Quy Ngũ Giới Từ Tâm Yêm Ly Công Đức; Kinh Chú Quán đánh Tam quy Ngũ giới, Tên ba mươi sáu vị thần hộ người thọ Tam quy, Tên hai mươi lăm vị thần hộ người giữ năm giới; Kinh Thiên tử Ta-miệt-năng pháp; Kinh Thập Thiện Nghiệp Đạo; Phật Nói Kinh Giới Tiêu tai; *Kinh Năm Giới tướng Cư sĩ*, (sơ lược) I. Giới giết người, II. Giới trộm cắp, III. Giới dâm dục, IV. Giới vọng ngữ, V. Giới uống rượu; *Phật Nói Kinh Trai*, (nội dung sơ lược): Duyên khởi, Ba loại trai (Trai theo kiểu chần trâu, Trai theo kiểu Ni-kiền, Trai theo Phật pháp, tháng 6 ngày); Năm giới: 1. Không sát sanh, 2. Không trộm cắp, 3. Không dâm dục, 4. Không vọng ngữ, 5. Không uống rượu, 6. Không đeo tràng hoa, 7. Không nằm giường tốt, 8. Không ăn phi thời; Các Nhớ nghĩ về: Phật, Pháp, chúng Tăng, Giới, Thí và Thiên (từ Duyên khởi,... đến Thiên, trong mỗi phần có:

Kinh văn và giải thích); Phụ: Pháp Thọ Bát Quan Trai.

1.322. TAM ĐÀN TRUYỀN GIỚI CHÁNH PHẠM

Biên soạn: *Sa-môn Độc Thế*

Viết dịch: *Thích Thiện Phước*

Nxb Phương Đông – 2010

Kết cấu tác phẩm này có 4 quyển, nội dung gồm: Lời người dịch, Lời tựa Bộ truyền giới Chánh phạm; *Q.một*, I. Đàn thứ nhất, trước khi trao truyền giới Sa-di: 1. Pháp tịnh đường tập chúng, 2. Khải thỉnh hai thầy, 3. Thỉnh Giới sư khai đạo, 4. Nghiệm y bát thứ tự, 5. Sám hối phát lộ; *Q.hai*, II. Đàn thứ hai, nghi thỉnh giới sám hối; Trước khi thọ giới Tỳ-kheo: 1. Nghi tập chúng, 2. Thỉnh Giới sư khai đạo, 3. Thông bạch 2 thầy, 4. Dạy về y bát, 5. Thắm giới sám hối (gồm 10 giới sa-di); *Q.ba*, III. Đàn thứ ba, trước khi thọ giới Bồ-tát phải thực hành nghi thỉnh giới sám hối, 1. Khải bạch hai thầy, 2. Thỉnh Giới sư khai đạo, 3. Khai thị khổ hạnh; *Q.bốn*, Đàn đầu truyền thọ Sa-di giới Chánh phạm, 1. Nói rõ việc thỉnh sư, 2. Phân chánh thức thỉnh sư, 3. Giới sư khai đạo, 4. Nói rõ việc thỉnh Thánh, 5. Sám hối, 6. Vấn nạn, 7. Tam quy, 8. Tam kết, 9. Nói về giới tướng, 10. Nghe lời dạy bảo, Nhị đàn truyền thọ giới Tỳ-kheo Chánh phạm, 1. Nói rõ pháp thỉnh sư, 2. Phép tắc thỉnh sư, 3. Đàn chủ bạch pháp, 4. Chỗ để nhóm người thọ giới lại, 5. Pháp sai Giáo thọ, 6. Pháp Giáo thọ ra khỏi chúng hỏi nạn, 7. Pháp tác bạch cho vào trong chúng, 8. Nói rõ việc xin giới pháp, 9. Pháp Yết-ma sư đơn bạch, 10. Chánh thức vấn nạn, 11. Nói rõ pháp trao giới thể, 12. Chánh thọ giới thể, 13. Nói pháp bốn giới chương, 14. Pháp thọ Tứ y, 15. Kết khuyến hồi hướng; Tam đàn Truyền thọ giới Bồ-tát Chánh phạm, 1. nói rõ pháp kết đàn trai tòa, 2.

Nói rõ pháp thịnh suy vào trong giới đàn, 3. Nói rõ pháp lễ kính Tam bảo, 4. Nói rõ pháp thịnh suy, 5. Nói rõ pháp khai đạo, 6. Nói rõ thịnh pháp thịnh Thánh, 7. Thọ Tứ bất hoại tín, 8. Pháp sám hối lỗi lầm, 9. Nói rõ pháp phát nguyện, 10. Nói rõ pháp phát giới thể-kế đến là pháp chánh thọ giới thể, 11. Nói rõ về việc tuyên nói giới tướng, 12. Kết tán hồi hướng; Thiền sư Giác Nguyên và Bồn sư là Tá An lão Hòa thượng bàn về sách Truyền giới.

1.323. TAM QUI NGŨ GIỚI

Tác giả: *Thích Chân Tĩnh*

Nxb Tôn Giáo – 2004

Nội dung sách này gồm có: Tam quy Ngũ giới, *I. Tam quy*, 1. Tam quy là gì? 2. Tại sao Phật-Pháp-Tăng quý báu? a. Phật có những đặc điểm, b. Pháp có những đặc điểm, c. Tăng có những đặc điểm; 3. Tam bảo có 3 bậc: a. Thế gian trụ trì Tam bảo, b. Xuất thế gian Tam bảo, c. Đồng thể Tam bảo, 4. Sự lý Quy y Tam bảo, 5. Lợi ích của Quy y Tam bảo; *II. Ngũ giới*, 1. Không sát sanh, 2. Không trộm cắp, 3. Không tà dâm, 4. Không nói dối (Nói không đúng sự thật, Nói thêu dệt, Nói hai chiều, Nói lời thô ác), 5. Không uống rượu; Giải nghi, Tám điều cần biết của người Phật tử, Mấy lời tâm huyết.

Tác phẩm này được tái bản nhiều lần: Năm 2006, Nxb Tôn Giáo; năm 2012, Nxb Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh.

1.324. TAM QUI NGŨ GIỚI

Giảng giải: *Thích Thanh Từ*

Nxb Tôn Giáo – 2009

Tác phẩm này gồm có: Tại sao phải Quy y Tam bảo, *Quy y Tam bảo*, Mở đề, Định nghĩa (Tam bảo Phật-Pháp-Tăng), Sự Quy y Tam bảo, Lý Quy y Tam bảo, Nghi thức Quy y, Lợi ích Quy y Tam bảo, Quyết nghị, Kết luận; *Ngũ giới*, Mở đề, Định

ngũ (ngũ giới), Năm giới: 1. Không giết hại, 2. Không trộm cướp, 3. Không tà dục, 4. Không nói dối, 5. Không uống rượu; Công dụng Năm giới, Quyết nghị, Kết luận.

Tác phẩm này được tái bản nhiều lần: Năm 1994, Nxb Tp. Hồ Chí Minh; năm 2010-2013, Nxb Tôn Giáo; năm 2012, Nxb Văn hóa Văn nghệ; năm 2017, Nxb Hồng Đức.

1.325. TAM QUI - NGŨ GIỚI,

Theravàda – Phật Giáo Nguyên Thủy

Phạm Kim Khánh

PL. 2536 – DL. 1992

Tác phẩm này gồm có: *I. Tam quy*, Tại sao quy y? Thế gian có thực sự đầy hiểm họa không? Nương tựa châu toàn, Quy y Phật bảo (1. Đấng Ứng cúng, 2. Đấng Chánh biến tri, 3. Đấng Minh hạnh túc, 4. Đấng Thiện thế, 5. Đấng Thế gian giải, 6. Đấng Vô thượng sĩ, 7. Đấng Điều ngự trượng phu, 8. Đấng Thiên nhân sư, 9. Đấng Giác ngộ, 10. Đức Thế tôn); Quy y Pháp bảo, 1. Giáo pháp được đức Thế Tôn truyền dạy một cách toàn hảo, 2. Tự mình chứng ngộ, 3. Tức khắc trở quả, 4. Mời đến quan sát, 5. Dẫn đến Niết-bàn, 6. Để cho các bậc thiện trí thấu đạt, mỗi vị cho chính mình; Quy y Tăng bảo, 1. Giáo hội chư Thánh văn đệ tử của đức Thế Tôn có phẩm hạnh toàn hảo, 2. Giáo hội chư Thánh văn đệ tử của đức Thế Tôn có phẩm hạnh chân chính, 3. Giáo hội chư Thánh văn đệ tử của đức Thế Tôn có phẩm hạnh của bậc Trí tuệ, 4. Giáo hội... Nếu tính đôi thì có Bốn và nếu tính riêng rẽ thì có Tám, 5. Giáo hội... Đáng thọ lãnh lễ vật, 6. Giáo hội... Đáng thọ lãnh sự tiếp đãi nồng hậu, 7. Giáo hội... Đáng thọ lãnh những lễ vật cúng dường, 8. Giáo hội... Đáng thọ lãnh lễ bái, 9. Giáo hội... Là phúc điền vô thượng trên thế gian; *II. Ngũ giới*, Năm

giới căn bản: 1. Không sát sanh, 2. Không trộm cắp, 3. Không tà dâm, 4. Không vọng ngữ, 5. Không dùng chất say; Hai sắc thái của giới, Hương thơm của giới đức; *III. Nghi thức thọ trì Tam quy Ngũ giới* (Phật giáo Nguyên Thủy).

(www.daophatngaynay.com)

1.326. TAM QUI – NGŨ GIỚI – BÁT QUAN TRAI GIỚI

Biên soạn: *Nguyễn Hiền* (đời nhà Minh)

Việt dịch: *Thích Thiện Phước*

Nxb Phương Đông

Nội dung tác phẩm này gồm có: *Tam Quy*: Qui y Phật, Qui y Pháp và Qui y Tăng; Tam bảo có nhiều bậc: 1. Hóa tướng Tam bảo, 2. Biệt tướng Tam bảo, 3. Nhất thể Tam bảo, 4. Trụ trì Tam bảo; *Ngũ giới*: 1. Không sát sanh, 2. Không trộm cắp, 3. Không tà dâm, 4. Không nói dối, 5. Không uống rượu; *Bát quan trai*: tổng cộng có 9 chi, 1. Không sát sanh, 2. Không trộm cắp, 3. Không tà dâm, 4. Không nói dối, 5. Không uống rượu, 6. Không đeo tràng hoa và thoa sức dầu thơm vào mình, 7. Không ca múa hát xướng và đến xem nghe, 8. Không ngồi trên giường cao rộng, 9. Không ăn phi thời.

1.327. TAM THIÊN OAI NGHI – HÀNH HỘ LUẬT NGHI

Hán dịch: *An Thế Cao*

Hán văn: *Đạo Tuyên soạn*

Việt dịch: *Tỳ-kheo Thích Nguyên Chơn*

Nxb Hồng Đức – 2014. Sách có khổ 14.5 x 20.5cm, dày 108 trang, bìa mềm. Tác phẩm Luật này gồm có: Quyển thượng, Đại Tỳ-kheo Tam thiên Oai nghi (Hán dịch: Tam tạng An Thế Cao; Việt dịch: Tỳ-kheo Thích Nguyên Chơn); Quyển hạ, - Đại Tỳ-kheo Tam thiên Oai nghi; - Giáo giới tân học Tỳ-kheo Hành hộ luật nghi (Nguyên tác Hán văn: Sa-môn Đạo Tuyên

thuật; Việt dịch: Tỳ-kheo Thích Nguyên Chơn).

1.328. Tân San Định

TỨ PHẦN TẶNG GIỚI BỒN

(Giới Bồn của Tỳ-kheo thuộc Luật Tứ Phần loại mới san định lại)

Biên soạn:

Sa-môn Thích Đạo Tuyên (596-667)

Biên dịch: *Sa-môn Thích Phước Nghĩa*

Chùa Huệ Nghiêm - Lưu hành nội bộ.

Sách dày hơn 314 trang, nội dung gồm có: Lời người dịch, Lời người biên soạn, Kế tán tụng, Tác tiền phương tiện, Thiên Ba-la-di (bại trận), Thiên Tăng-già-bà-thi-sa (Thân tàng chỉ Tăng mới cứu chữa được tàn), Thiên Bất định (Không có nhất định), Thiên Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề (Sa đọa phải xả vật phạm rồi mới sám hối), Thiên Ba-dật-đề (Sa đọa), Thiên Ba-la-đề-đề-xá-ni (Sám hối tội lỗi), Thiên Chúng học pháp (100 giới Cần phải học giữ), Thiên Thất diệt tránh (Bảy pháp diệt trừ sự tranh đấu), Bảy bài Giới Kinh, Bài Tụng kết lại và Hồi hướng, Bài Tụng tóm lược tên gọi của 250 điều giới của Tỳ-kheo...

1.329. TẬP YẾU, 2 Tập (Tạng Luật)

Tam Tạng Việt Ngữ, Tập 08

Nxb Tôn Giáo, PL. 2558 – DL. 2014

Sách có khổ 14.5 x 20.5cm, 2 tập dày 959 trang, bìa cứng, nền đỏ, chữ tựa màu vàng, có hình Đức Phật ngồi, tay kiết ấn.

Tập một, dày 605 trang, nội dung gồm: Mục lục, Lược đồ Tam tạng, Lời giới thiệu, Các chữ viết tắt;

ĐẠI PHÂN TÍCH, 1. Phần Quy định tại đầu, 1.1 Chương Parajika, Tóm lược phần này, 1.2 Chương Sanghadisesa, Tóm lược phần này, 1.3 Chương Aniyata, Tóm lược phần này, 1.4 Chương Nissaggiya, 4.1 Phẩm Kathina là thứ nhất, 4.2 Phẩm Tơ tằm là thứ nhì, 4.3 Phẩm Bình bát là thứ

ba, Tóm lược phần này, 1.5 Chương Pacittiya, 5.1 Phẩm Nói dối là thứ nhất, 5.2 Phẩm Thảo mộc là thứ nhì, 5.3 Phẩm Giáo giới là thứ ba, 5.4 Phẩm Vật thực là thứ tư, 5.5 Phẩm Đạo sĩ lỏa thể là thứ năm, 5.6 Phẩm Rượu và chất say là thứ sáu, 5.7 Phẩm có Sinh vật là thứ bảy, 5.8 Phẩm theo Pháp là thứ tám, 5.9 Phẩm Đức vua là thứ chín, Tóm lược phần này, Tóm lược các Phẩm này, 1.6 Chương Pàtiesaniya, Tóm lược phần này, 1.7 Chương Sekhiya, 7.1 Phẩm là Tròn đều thứ nhất, 7.2 Phẩm Cười vang là thứ nhì, 7.3 Phẩm Chống nạnh là thứ ba, 7.4 Phẩm Đồ ăn khát thực là thứ tư, 7.5 Phẩm Vắt cơm là thứ năm, 7.6 Phẩm Tiếng sột sột là thứ sáu, 7.7 Phẩm Giày dép là thứ bảy, Tóm lược phần này, Tóm lược các Phẩm này (dứt phần Quy định tại đâu thuộc bộ Đại Phân tích);

2. *Phần Bao nhiêu tội*, 2.1 Chương Pàràjika, 2.2 Chương Sanghadisesa, 2.3 Chương Nissaggiya, 3.1 Phẩm Kathina là thứ nhất, 3.2 Phẩm Tơ tằm là thứ nhì, 3.3 Phẩm Bình bát là thứ ba, 2.4 Chương Pàcittiya, 4.1 Phẩm Nói dối là thứ nhất, 4.2 Phẩm Thảo mộc là thứ nhì, 4.3 Phẩm Giáo giới là thứ ba, 4.4 Phẩm Vật thực là thứ tư, 4.5 Phẩm Đạo sĩ lỏa thể là thứ năm, 4.6 Phẩm Rượu và chất say là thứ sáu, 4.7 Phẩm có Sinh vật là thứ bảy, 4.8 Phẩm theo Pháp là thứ tám, 4.9 Phẩm Đức vua là thứ chín, 2.5 Chương Pàtiesaniya, 2.6 Chương Sekhiya, 6.1 Phẩm là Tròn đều thứ nhất, 6.2 Phẩm Cười vang là thứ nhì, 6.3 Phẩm Chống nạnh là thứ ba, 6.4 Phẩm Đồ ăn khát thực là thứ tư, 6.5 Phẩm Vắt cơm là thứ năm, 6.6 Phẩm Tiếng sột sột là thứ sáu, 6.7 Phẩm Giày dép là thứ bảy;

3. *Phần Sự hư hỏng*; 4. *Phần Được tổng hợp*; 5. *Phần Nguồn sanh tội*; 6. *Phần Sự tranh tụng*; 7. *Phần Dàn xếp*; 8. *Phần Sự quy tụ*, Tóm lược phần này; 9. *Phần Quy định tại đâu*, 9.1 Chương Pàràjika, 9.2 – 7.

Chương Sanghadisesa, 10. *Phần Bao nhiêu tội*, 10.1 Chương Pàràjika, 10.2 – 7. Chương Sanghadisesa, 11. *Phần Sự hư hỏng*; 12. *Phần Được tổng hợp*; 13. *Phần Nguồn sanh tội*; 14. *Phần Sự tranh tụng*; 15. *Phần Dàn xếp*; 16. *Phần Sự quy tụ* (và Bộ Đại phân tích được chấm dứt);

PHÂN TÍCH GIỚI TỶ-KHEO NI, 1. *Phần Quy định tại đâu*, 1.1 Chương Parajika, Tóm lược phần này, 1.2 Chương Sanghadisesa, Tóm lược phần này, 1.3 Chương Nissaggiya, Tóm lược phần này, 1.4 Chương Pacittiya, 4.1 Phẩm Tội là thứ nhất, 4.2 Phẩm Bóng tối là thứ nhì, 4.3 Phẩm Lỏa thể là thứ ba, 4.4 Phẩm Nằm chung là thứ tư, 4.5 Phẩm Nhà triển lãm tranh là thứ năm, 4.6 Phẩm Tu viện là thứ sáu, 4.7 Phẩm Sản phụ là thứ bảy, 4.8 Phẩm Thiếu nữ là thứ tám, 4.9 Phẩm Dù dép là thứ chín, Tóm lược phần này, Tóm lược các Phẩm này, 1.5 Chương Pàtiesaniya, Tóm lược phần này; 2. *Phần Bao nhiêu tội*, 2.1 Chương Pàràjika, 2.2 Chương Sanghadisesa, 2.3 Chương Nissaggiya, 2.4 Chương Pàcittiya, 4.1 Phẩm Tội là thứ nhất, 4.2 Phẩm Bóng tối là thứ nhì, 4.3 Phẩm Lỏa thể là thứ ba, 4.4 Phẩm Nằm chung là thứ tư, 4.5 Phẩm Nhà triển lãm tranh là thứ năm, 4.6 Phẩm Tu viện là thứ sáu, 4.7 Phẩm Sản phụ là thứ bảy, 4.8 Phẩm Thiếu nữ là thứ tám, 4.9 Phẩm Dù dép là thứ chín, 2.5 Chương Pàtiesaniya, 3. *Phần Sự hư hỏng*; 4. *Phần Được tổng hợp*; 5. *Phần Nguồn sanh tội*; 6. *Phần Sự tranh tụng*; 7. *Phần Dàn xếp*; 8. *Phần Sự quy tụ*, Tóm lược phần này; 9. *Phần Quy định tại đâu*, 9.1 Chương Pàràjika, 9.2 – 7. Chương Sanghadisesa, 10. *Phần Bao nhiêu tội*, 10.1 Chương Pàràjika, 10.2 – 7. Chương Sanghadisesa, 11. *Phần Sự hư hỏng*; 12. *Phần Được tổng hợp*; 13. *Phần Nguồn sanh tội*; 14. *Phần Sự tranh tụng*; 15. *Phần Sự Dàn xếp*; 16.

Phân Sự quy tụ, Tóm lược các phần này (Phân tích Giới Tỳ-kheo Ni được chấm dứt);

TÓM TẮT CÁC ĐẦU ĐỀ CỦA NGUỒN SANH TỘI, Tóm lược về nguồn sanh tội, Mười ba nguồn sanh tội, 1. Nguồn sanh tội của điều Pàràjika thứ nhất, 2. Nguồn sanh tội của điều Pàràjika thứ nhì, 3. Nguồn sanh tội của điều Làm mai mối, 4. Nguồn sanh tội của điều Nói nhắc nhở, 5. Nguồn sanh tội của điều Kathina, 6. Nguồn sanh tội của điều Long cừu, 7. Nguồn sanh tội của điều Pháp theo từng câu, 8. Nguồn sanh tội của điều Đường xa, 9. Nguồn sanh tội của điều Đám người đạo tặc, 10. Nguồn sanh tội của điều Thuyết giảng pháp, 11. Nguồn sanh tội của điều Tuyên bố sự thực chứng, 12. Nguồn sanh tội của điều Tiếp độ nữ đạo tặc, 13. Nguồn sanh tội của điều Chưa được cho phép;

SỰ TRÙNG LẬP LIÊN TỤC, Phần câu hỏi bao nhiêu, 1. Phần sáu nguồn sanh tội, 2. Phần bao nhiêu tội, 3. Bài kệ nguồn sanh tội, 4. Phần do duyên hư hỏng, 5. Phần do duyên tranh tụng, Phân tích cách dàn xếp, 6. Phần phương thức trình bày, 7. Phần có liên quan, 8. Phần có cùng quan hệ, 9. Phần các cách dàn xếp, Có liên quan đối với Cách Dàn xếp, 10. Phần các Cách dàn xếp có cùng quan hệ đối với Cách dàn xếp, 11. Phần các Cách dàn xếp và hành xử luật với sự hiện diện, 12. Phần Cách hành xử, 13. Phần Tốt đẹp, 14. Phần Nơi nào, 15. Phần Cách dàn xếp, 16. Phần được Gắn liền, 17. Phần được làm lắng dịu, 18. Phần được làm lắng dịu & không được làm lắng dịu, 19. Phần Cách dàn xếp và sự tranh tụng, 20. Phần làm sanh lợi, 21. Phần Liên hệ với, Tóm lược phần này (dứt Phân tích Cách dàn xếp); Phần Phụ chú, Các bản dịch của Tỳ-kheo Indacanda;

Tập hai, dày 354 trang, nội dung gồm: Mục lục, Lược đồ Tam tạng, Lời giới thiệu, Các chữ viết tắt; *Các câu hỏi về hợp phần*, Tóm lược phần này, Tăng theo từng bậc, Nhóm một, Tóm lược phần này; Nhóm hai, Tóm lược phần này; Nhóm ba, Tóm lược phần này; Nhóm bốn, Tóm lược phần này; Nhóm năm, Tóm lược phần này; Nhóm sáu, Tóm lược phần này; Nhóm bảy, Tóm lược phần này; Nhóm tám, Tóm lược phần này; Nhóm chín, Tóm lược phần này; Nhóm mười, Tóm lược phần này; Nhóm mười một, Tóm lược phần này, Tóm lược các chương này; *Các câu vấn đáp về lễ Uposatha*, v.v... Các câu hỏi, Các câu trả lời, Lời Giải thích về điều lợi ích, Tóm lược phần này; *Sưu tập về các bài kệ*, Bốn sự hư hỏng, Liên quan việc cắt bớt, Điều không quy định chung, Tội Parajika, Tóm lược phần này; *Phân tích sự tranh tụng*, Sự mở đầu, v.v... của tranh tụng, Điều căn bản v.v... của tranh tụng, Tội vi phạm là duyên của tranh tụng, Chủ ý của sự tranh tụng, Phần vấn đáp, Phần được liên kết, Sự mở đầu, v.v... của Cách dàn xếp, Sự khác biệt, v.v... của Cách dàn xếp, Tóm lược phần này; *Sưu tập khác về các bài kệ*, *Chương cáo tội*, Sự thăm vấn của vị xét xử, Sự thực hành của vị cáo tội, Sự thiêu đốt chính mình của vị cáo tội, Tóm lược phần này; *Xung đột (Phần phụ)*, Sự thực hành của vị xét xử, Tóm lược phần này; *Xung đột (Phần chính)*, Sự thăm vấn của vị xét xử, Phân tích về câu hỏi, Tóm lược phần này; *Phân tích Kathina*, Vấn đáp, Phần sự tổng hợp, Tóm lược phần này; Nhóm năm về Upàli, 1. Phẩm không Nương nhờ, Tóm lược phần này; 2. Phẩm không Thu hồi, Tóm lược phần này; 3. Phẩm Phát biểu, Tóm lược phần này; 4. Phẩm Trình bày quan điểm, Tóm lược phần này; 5. Phẩm đích thân khởi tố, Tóm lược phần này; 6. Phẩm

về pháp từ khước, Tóm lược phần này; 7. Phẩm Nói dối, Tóm lược phần này; 8. Phẩm giáo giới Tỳ-kheo Ni, Tóm lược phần này; 9. Phẩm Đại biểu, Tóm lược phần này; 10. Phẩm Giải quyết tranh tụng, Tóm lược phần này; 11. Phẩm kể chia rẽ hội chúng, Tóm lược phần này; 12. Phẩm thứ nhì về kể chia rẽ hội chúng, Tóm lược phần này; 13. Phẩm vị thường trú, Tóm lược phần này; 14. Phẩm Thành tựu Kathina, Tóm lược phần này, Tóm lược các Phẩm này; *Nguồn sanh khởi*, Tóm lược phần này; *Sưu tập về các bài kệ* - phần hai, Các bài kệ làm xuất mồ hôi, Tóm lược phần này; *Năm Phẩm*, 1. Phẩm Hành sự, 2. Phẩm Điều lợi ích, 3. Phẩm Đã được quy định, 4. Phẩm Chưa được quy định về điều chưa được quy định, 5. Phẩm Chín cách tổng hợp, Tóm lược nhóm Năm phẩm; Phần Phụ chú, Các bản dịch của Tỳ-kheo Indacanda.

Bộ Tập Yếu – 2 Tập, đã xuất bản năm 2005, Nxb Tôn Giáo.

1.330. TIỂU PHẨM (2 Tập) –

Tạng Luật

Nxb Tôn giáo, PL. 2558 – DL. 2014

Luật có khổ 14.5 x 20.5cm, 2 tập dày hơn 832 trang, bìa cứng.

Tiểu Phẩm - Tập I, Bộ Hợp Phần, Tam Tạng Việt Ngữ - Tập 06, dày hơn 385 trang, nội dung gồm có 4 chương: Mục lục, Lược đồ Tam tạng, Lời giới thiệu, Các chữ Viết tắt;

I. CHƯƠNG HÀNH SỰ, 1. *Hành sự khiển trách*, Câu chuyện về các Tỳ-kheo nhóm Panduka và Lohitaka, Mười hai hành sự sai pháp, Mười hai hành sự đúng pháp, Sáu trường hợp trong khi mong muốn, Mười tám phạm sự, Mười tám trường hợp không nên thu hồi, Mười tám trường hợp nên được thu hồi, Việc thu hồi;

2. *Hành sự chỉ dạy*, Câu chuyện về Trưởng lão Seyyasaka, Mười hai hành sự sai pháp, Mười hai hành sự đúng pháp, Sáu trường hợp trong khi mong muốn, Mười tám phạm sự, Mười tám trường hợp không nên thu hồi, Mười tám trường hợp nên được thu hồi, Việc thu hồi;

3. *Hành sự xua đuổi*, Hành vi sai trái của các vị nhóm Assaji và Punabbasuka, Mười hai hành sự sai pháp, Mười hai hành sự đúng pháp, Mười bốn trường hợp trong khi mong muốn, Mười tám phạm sự, Mười tám trường hợp không nên thu hồi, Mười tám trường hợp nên được thu hồi, Việc thu hồi;

4. *Hành sự hòa giải*, Câu chuyện về Trưởng lão Sudhamma, Mười hai hành sự sai pháp, Mười hai hành sự đúng pháp, Bốn trường hợp trong khi mong muốn, Mười tám phạm sự thuộc hành sự hòa giải, Mười tám trường hợp không nên thu hồi, Mười tám trường hợp nên được thu hồi, Việc thu hồi;

5. *Hành sự án treo về việc không nhìn nhận tội*, Câu chuyện về Trưởng lão Channa, Mười hai hành sự sai pháp, Mười hai hành sự đúng pháp, Sáu trường hợp trong khi mong muốn, Bốn mươi ba phạm sự thuộc Hành sự án treo về việc không nhìn nhận tội, Việc làm phạm sự đúng đắn của Tỳ-kheo Channa, Bốn mươi ba trường hợp không nên thu hồi, Bốn mươi ba trường hợp nên được thu hồi, Việc thu hồi;

6. *Hành sự án treo về việc không sửa chữa lỗi*, Câu chuyện về Trưởng lão Channa, Mười hai hành sự sai pháp, Mười hai hành sự đúng pháp, Sáu trường hợp trong khi mong muốn, Bốn mươi ba phạm sự, Bốn mươi ba trường hợp không nên thu hồi, Bốn mươi ba trường hợp nên được thu hồi, Việc thu hồi;

7. *Hành sự án treo về việc không từ bỏ tà kiến ác*, Câu chuyện về Tỳ-kheo Arittha,

Mười hai hành sự sai pháp, Mười hai hành sự đúng pháp, Sáu trường hợp trong khi mong muốn, Bốn mươi ba phạm sự, Mười tám trường hợp không nên thu hồi, Mười tám trường hợp nên được thu hồi, Việc thu hồi, Các câu kệ Tóm lược;

II. CHƯƠNG PARIVÀSA, 1. Phạm sự của vị hành Parivàsa, 2. Phạm sự của vị xứng đáng việc đưa về lại (hình phạt) ban đầu, 3. Phạm sự của vị xứng đáng hình phạt Mánatta, 4. Phạm sự của vị thực hành Mánatta, 5. Phạm sự của vị xứng đáng sự giải tội, Các câu kệ tóm lược;

III. CHƯƠNG TÍCH LŨY TỘI,

1. Tội xuất tinh, Hình phạt Mánatta của tội không có che giấu, Việc giải tội của tội không có che giấu, Hình phạt Parivàsa của tội che giấu một ngày, Hình phạt Mánatta của tội che giấu một ngày, Việc giải tội của tội che giấu một ngày, Hình phạt Parivàsa của tội che giấu năm ngày, Việc đưa về lại (hình phạt) ban đầu của vị hành Parivàsa, Việc đưa về lại (hình phạt) ban đầu của vị xứng đáng hình phạt Mánatta, Hình phạt Mánatta của nhóm ba tội, Việc đưa về lại (hình phạt) ban đầu của vị thực hành Mánatta, Việc đưa về lại (hình phạt) ban đầu của vị xứng đáng sự giải tội, Việc giải tội của vị được đưa về lại (hình phạt) ban đầu, Hình phạt Parivàsa của tội che giấu nửa tháng, Việc đưa về lại (hình phạt) ban đầu của vị hành Parivàsa nửa tháng, Hình phạt Parivàsa kết hợp, Việc đưa về lại (hình phạt) ban đầu của vị xứng đáng hình phạt Mánatta, Hình phạt Mánatta của nhóm ba tội, Việc đưa về lại (hình phạt) ban đầu của vị thực hành Mánatta, Việc đưa về lại (hình phạt) ban đầu của vị xứng đáng sự giải tội, Việc giải tội của tội che giấu nửa tháng;

2. Hình phạt Parivàsa, Hình phạt Parivàsa kết hợp với giá trị của tội, Hình phạt Parivàsa kết hợp với giá trị của tội che

giấu dài ngày, Hình phạt Parivàsa hai tháng, Cách thức nên hành Parivàsa hai tháng, Hình phạt Parivàsa từ mốc trong sạch, 3. Bốn mươi trường hợp hành Parivàsa, 4. Ba mươi sáu trường hợp hành Parivàsa, 5. Một trăm trường hợp hành Parivàsa, 6. Bốn trăm trường hợp đưa về lại (hình phạt) ban đầu, 7. Tám trường hợp có hạn lượng, 8. Mười một trường hợp về hai vị Tỳ-kheo, 9. Chín trường hợp không được trong sạch trong việc đưa về lại (hình phạt) ban đầu, 10. Chín trường hợp được trong sạch trong việc đưa về lại (hình phạt) ban đầu, 11. Chín trường hợp được trong sạch thứ nhì trong việc đưa về lại (hình phạt) ban đầu, Các câu kệ tóm lược;

IV. CHƯƠNG DÀN XẾP, 1. Hành xử luật với sự hiện diện, Chín trường hợp nói sai pháp, Chín trường hợp nói đúng pháp, 2. Hành xử luật bằng sự ghi nhớ, 3. Hành xử luật khi không điên cuồng, 4. Việc phán xử theo tội đã được thừa nhận, 5. Thuận theo số đông, 6. Theo tội của vị ấy, Mười hai hành sự sai pháp, Mười hai hành sự đúng pháp, Sáu trường hợp “trong khi mong muốn” Mười tám phạm sự, 7. Cách dùng có che lấp, 8. Bốn sự tranh tụng, 9. Cách giải quyết sự tranh tụng, Hành xử luật với sự hiện diện, Cách giải quyết theo lối đại biểu, Cách hành xử luật thuận theo số đông, Ba cách phân phát thẻ, Hành xử luật bằng sự ghi nhớ, Hành xử luật khi không điên cuồng, Theo tội của vị ấy, Việc phán xử theo tội đã được thừa nhận, Cách dùng có che lấp; Dứt chương Dàn xếp là thứ tư; Phần Phụ chú, Các bản dịch của Tỳ-kheo Indacanda;

Tiểu Phẩm - Tập II, Bộ Hợp Phần, Tam Tạng Việt Ngữ - Tập 07, dày hơn 447 trang, nội dung gồm từ chương V đến XII. Phần đầu: Mục lục, Lược đồ Tam tạng, Lời giới thiệu, Các chữ Viết tắt;

V. CHƯƠNG CÁC TIÊU SỰ, Các Tiêu sự, Tụng Phẩm thứ ba, Các câu kệ tóm lược;

VI. CHƯƠNG SÀNG TỌA, Sự cho phép về trú xá, Sự cho phép giường-ghế, Sự cho phép (son) màu trắng, Sự ngăn cấm về hình ảnh gợi cảm, Sự cho phép nền móng bằng gạch, Sự cho phép phòng hội họp, Sự cho phép hàng rào, Sự cho phép việc rào quanh tu viện, Câu chuyện về Anàthapindika, Sự giao công trình mới, Sự cho phép chỗ ngồi tốt nhất, Những người không nên được đánh lễ, Sự ngăn cấm về việc xâm phạm chỗ ngồi, Sự cho phép ở chỗ đã được trưng bày bởi gia chủ, Việc nói lời tùy hỷ về trú xá Jetavana, Việc xâm phạm chỗ ngồi, Sự chỉ định vị phân phối chỗ trú ngụ, Câu chuyện về vật không nên phân chia, Phần giảng về việc giao công trình mới, Sự ngăn cấm về đồ đặc của địa điểm khác, Sự cho phép về bữa trai phạn dâng đến hội chúng, Sự chỉ định vị sắp xếp các bữa ăn, Sự chỉ định vị phân bố chỗ trú ngụ, Sự chỉ định vị phân phát vật linh tinh, Sự chỉ định vị phân phối vải choàng, Các câu kệ tóm lược;

VII. CHƯƠNG CHIA RẼ HỘI CHÚNG, Phần giảng về sự xuất gia của sáu vị dòng họ Sakya, Câu chuyện về Devadatta, Phần giảng về năm hạng đạo sư, Hành sự công bố, Câu chuyện về hoàng tử Ajàtasattu, Việc phái đi những kẻ sát thủ, Nghiệp báo của kẻ làm chảy máu (ở đức Phật), Việc đưa ra con voi Nàlàgiri, Phần giảng về sự yêu cầu năm sự việc, Phần giảng về việc chia rẽ hội chúng, Các câu hỏi của vị Upali, Các câu kệ tóm lược;

VIII. CHƯƠNG PHẬN SỰ, Phận sự của vị vãng lai, Phận sự của vị thường trú, Phận sự của vị xuất hành, Phận sự của việc tùy hỷ, Phận sự ở chỗ thọ thực, Phận sự của vị đi khát thực, Phận sự của vị ngụ ở rừng, Phận sự ở nơi cư ngụ, Phận sự ở

nhà tắm hơi, Phận sự ở nhà vệ sinh, Phận sự đối với thầy tế độ, Phận sự đối với đệ tử, Phận sự đối với thầy dạy học, Phận sự đối với học trò, Các câu kệ tóm lược;

IX. CHƯƠNG ĐÌNH CHỈ GIỚI BỒN PÀTIMOKKHA, Thỉnh cầu tuyên đọc giới bồn Pàtimokkha, Tám pháp kỳ diệu về biển cả, Tám pháp kỳ diệu ở Pháp và Luật, Vị xứng đáng nghe giới bồn Pàtimokkha, Việc đình chỉ giới bồn Pàtimokkha đúng Pháp và sai Pháp, Việc đình chỉ giới bồn Pàtimokkha đúng Pháp, Các yếu tố của việc đích thân khởi tố, Các pháp cần được quán xét bởi vị khiển trách, Phần giảng về mối liên quan giữa vị khiển trách và vị bị khiển trách, Các câu kệ tóm lược;

X. CHƯƠNG TỠ-KHUU NI, Câu chuyện về bà Mahàpajàpatì Gotamì, Tám Kính pháp, Sự cho phép về việc tu lên bậc trên của Tỳ-kheo Ni, Tụng phẩm thứ nhì, Tụng phẩm thứ ba, Các câu kệ tóm lược;

XI. CHƯƠNG LIÊN QUAN NĂM TRĂM VỊ, Duyên khởi của việc Kết tập, Phần giảng về các điều học nhỏ nhất và ít quan trọng, Phần giảng về hình phạt Phạm Thiên, Các câu kệ tóm lược;

XII. CHƯƠNG LIÊN QUAN BẢY TRĂM VỊ, Tụng phẩm thứ nhất, Tụng phẩm thứ nhì, Các câu kệ tóm lược; Phần Phụ chú, Các bản dịch của Tỳ-kheo Indacanda.

Tiểu Phẩm Tập I & II đã được xuất bản từ năm 2005, Nxb Tôn Giáo.

1.331. Tìm Hiểu và Chú Giải TỠ-NI HƯƠNG NHỮ NHẬT DỤNG THIỆT YẾU

(Tài liệu học tập cho Tăng Ni An cư kiết hạ)

Bửu Hoa Sơn –

Kiến Nguyệt Lão Hòa thượng

Việt dịch: *Thích Minh Chánh*

Nxb Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh – 2007
Sách có khổ 13 x 19cm, dày hơn 248 trang. Nội dung gồm có 2 quyển: Lời giới thiệu, Đôi lời cần chú, Tựa (Lời tựa mới khi khắc bản in lại bộ Tỳ-ni Hương nữ Nhứt dụng Thiết yếu này), Lời tựa, Tựa, Phạm lệ về bài, Tỳ-ni rất thiết yếu thường dùng hằng ngày, danh đề là Hương nữ ký; Pháp Tỳ-ni thường dùng hằng ngày rất thiết yếu, danh hiệu là Hương nữ ký; *Quyển thượng*, I. Nhơn duyên giáo hưng, II. Nhiếp về tạng-thừa-giáo, III. Chỗ dạy về tông thú, IV. Giải thích chung nhan đề, V. Giải riêng bài kệ, Tảo giác (Sớm thức), Minh chung (động chung), Văn chung (nghe chuông), Trước y phục (mặc quần áo), Hạ đơn (xuống đơn), Hành bộ bất thương trùng, Xuất đường (ra nhà), Đăng xí (lên nhà xí), Tụ thủy (đến nước), Khử uế (rửa nhơ), Tẩy thủ (rửa tay), Tẩy diện (rửa mặt), Âm thủy (uống nước), Ngũ điều y kệ (y năm điều), Thất điều y kệ (y bảy điều), Nhị thập ngũ điều (đại y-y lớn), Ngọa cụ (trái cụ), Đăng đạo tràng (lên đạo tràng), Tán Phật (khen Phật), Lễ Phật (lạy Phật), Cúng tịnh bình (cúng bình sạch), Chơn ngôn rửa tịnh bình, Chân ngôn rót nước; *Quyển hạ*, Triển bát (giở bát), Thọ thực (dùng bữa-thọ trai), Phụ bài văn cúng dường, Cúng dường Phật Tỳ-lô-giá-na Pháp thân thanh tịnh, Phật Lô-xá-na Báo thân viên mãn, Phật Thích-ca Mâu-ni, Cự lạc Thế giới A-di-đà Phật, Đức Phật Di-lặc sẽ sanh xuống sau này, Mười phương ba đời tất cả chư Phật, Đại Trí Văn-thù-sư-lợi Bồ-tát, Đại hạnh Phổ Hiền Bồ-tát, Đại bi Quán Thế Âm Bồ-tát, Ma-ha Bát-nhã Ba-la-mật; Xuất sanh, Thị giả tổng thực, Tăng bát, Triển bát, Tẩy bát, Thọ thân (nhận của thí), Thủ dương chi (lấy cành dương), Tước dương chi (nhặt cành dương), Sáu khẩu (súc miệng), Xuất trượng (lấy tích trượng), Phu đơn tọa thiền (lót giường

ngồi thiền), Thùy miên (ngủ nghỉ), Thủ thủy (múc nước), Dục Phật (tắm Phật), Tán Phật (khen Phật), Nhiêu tháp (đi nhiều vòng quanh tháp), Khán bệnh (thăm bệnh), Thế phát (cạo tóc), Mộc dục (tắm gội), Tẩy túc (rửa chân); Chú thích từ ngữ.

1.332. TỔNG TẬP GIỚI PHÁP XUẤT GIA (Bộ 2 Tập)

Biên tập:

Tỳ-kheo Thích Trí Quang (1923-2019)

Nxb Văn hóa Sài Gòn – 2010

Toàn bộ tác phẩm (2 tập) dày hơn 2.231 trang, bìa cứng, chữ tựa màu vàng.

Tập 1, dày hơn 1057 trang, nội dung gồm: Vài tên tắt, Mười điều tâm niệm, Ghi chú;

A. *Kính Phụng Kinh Di Giáo*, I. Chính văn, II. Lược giải; B. *Sáu giới pháp xuất gia*: I. Bồ-tát giới (chính văn, lược giải), II. Tỳ-kheo giới, III. Tỳ-kheo Ni giới, IV. Thức-xoa-ma-na giới;

Tập 2, từ tr. 1167 đến tr. 2231, nội dung gồm có: V. Sa-di giới (Hoa văn, Dịch âm-dịch nghĩa, Lược giải), VI. Sa-di Ni giới (Hoa văn, Dịch âm-dịch nghĩa, Lược giải); C. *Sáu tiểu phẩm hộ giới*: I. Sa-di lục yếu, II. Tỳ-ni nhật dụng (Hoa văn, Dịch âm-dịch nghĩa, Lược giải), III. Cảnh sách (Hoa văn, Dịch âm-dịch nghĩa, Lược giải), IV. Văn khuyên Phát Bồ-đề tâm, V. Lược giải từ ngữ “Phát Bồ-đề tâm”, VI. Kinh Bát Đại Nhân Giác.

Tác phẩm Luật này được tái bản năm 2018, Nxb Hồng Đức (Phân thành 4 tập), dày hơn 2.257 trang, bìa cứng.

1.333. Tục Khắc Trùng Trí TỶ-NI SỰ NGHĨA Tập Yếu

Giải thích: *Sa-môn Trí Húc (1599-1655)*

Soạn dịch:

Tỳ-kheo Ni Hải Triều Âm (1920-2013)

Nxb Tôn Giáo, PL. 2559 – DL. 2016

Sách có khổ 14.5 x 20.5cm, dày hơn 287 trang, bìa cứng.

Nội dung tác phẩm gồm (từ Q.XI đến Q.XVI): Tiểu sử Cố Đại lão Sư trưởng Hải Triều Âm, Lời giới thiệu, Lời tựa; *Q.XI*, Tổng biện pháp Yết-ma, Pháp kết giới, 1. Kết giới tràng, 2. Kết đại giới, 3. Kết giới không lìa y, 4. Kết giới tịnh trừ (tịnh địa), 5. Quyên kết tiểu giới; Pháp truyền giới, 1. Pháp xuất gia thọ mười giới, 2. Thịnh Hòa thượng, 3. Đẳng đàn thọ cụ túc, 4. Thọ cụ đắc pháp hay không; *Q.XII*, Pháp y chỉ, Pháp làm thầy, Pháp đệ tử hầu thầy, Pháp thượng tòa, Pháp đồng học, Pháp lễ kính, Pháp hiếu cha mẹ, Pháp An cư, Pháp Tự tứ, Pháp Y Cahyna; *Q.XIII*, Pháp trị tội, 1. Pháp trị Tứ khí, 2. Pháp trị Tăng-tàn, 3. Pháp trị Thân-lan-giá, 4. Pháp trị tội nhẹ, Yết-ma pháp, Pháp úp bát; *Q.XIV*, Pháp y, Pháp bát, Pháp dược, Pháp thọ ăn, Pháp nuôi bệnh, Phòng xá, Pháp ngoại cụ, Pháp khí vật (các vật dụng), Pháp tích trượng, Pháp tụng lâm, Pháp A-lan-nhã, Pháp đại chúng hội, Pháp chia vật, Pháp thuyết pháp, Pháp đọc tụng, Pháp ngồi thiền, Tạp pháp; Phật nói Kinh, Phạm giới tội Nặng Nhẹ; *Q.XVI*, Tỳ-kheo Ni giới...

1.334. TỨ PHẦN LUẬT – DHARMAGUPTAKA VINAYA

– Bộ 3 Tập

Đại Tạng Kinh Việt Nam – Luật Tạng

Hán dịch: *Tam tạng Phật-đà-da-xá* và *Trúc Phật Niệm*

Chứng minh:

Đại lão HT. Thích Trí Thủ (1909-1984)

Việt dịch:

Tỳ-kheo Thích Đồng Minh (1927-2005)

Hiệu đính và Chú thích:

Tỳ-kheo Thích Tuệ Sỹ

Nxb Hồng Đức – 2019. Luật có khổ 19 x 26cm, bộ 3 tập dày hơn 2.132 trang, bìa cứng, nền màu đỏ, chữ tựa mạ vàng.

Tập I, Tứ Phần Luật, Phần I và II, dày hơn 1033 trang. Nội dung sơ lược gồm có: *Phần I* (Giới Tỳ-kheo), Lời người dịch, Tựa (Ấn bản 2553), Tự ngôn, Lời Ấn bản thứ IV, Tán Duyên khởi; C.I Ba-la-di (có 4 giới; ở mỗi giới có các phần: Duyên khởi, Giới văn, Thích nghĩa và Tướng phạm), C.II Tăng-tàn (có 13 giới; ở mỗi giới có các phần: Duyên khởi, Giới văn, Thích nghĩa và Tướng phạm), C.III Bất định (có 2 giới; ở mỗi giới có các phần: Duyên khởi, Giới văn, Thích nghĩa và Tướng phạm), C.IV Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề (có 30 giới; ở mỗi giới có các phần: Duyên khởi, Giới văn, Thích nghĩa và Tướng phạm), C.V Ba-dật-đề (có 90 giới; ở mỗi giới có các phần: Duyên khởi, Giới văn, Thích nghĩa và Tướng phạm), C.VI Đề-xá-ni (có 4 giới; ở mỗi giới có các phần: Duyên khởi, Giới văn, Thích nghĩa và Tướng phạm), C.VII Thức-xoa-ca-la Ni (có 100 điều), C.VIII Bảy Diệt tránh (có 7 điều); *Phần II* (Giới Tỳ-kheo Ni), C.I Ba-la-di (có 8 giới), C.II Tăng-già-bà-thi-sa (có 17 giới), C.III Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề (có 30 điều), C.IV Ba-dật-đề (có 178 điều), C.V Ba-la-đề-đề-xá-ni (có 8 điều);

Tập II, Tứ Phần Luật, Phần III và IV, từ tr. 1055 – tr. 1975. Nội dung gồm có: *Phần III*, C.I Thọ Giới, I. Thích thị thể phổ, II. Truyện đức Thích Tôn, 1. Xuất gia và Thành đạo, 1.1 Vương tử họ Thích, 1.2 Xuất gia tầm đạo, 1.3 Sáu năm khổ hạnh, 1.4 Thành Đẳng Chánh giác, 1.5 Hai người khách thương, 1.6 Nhân duyên quá khứ, 1.7 Hai Quy y, 1.8 Long vương Mục-chân-lân-đà, 1.9 Phạm thiên khuyến thỉnh; 2. Sơ chuyên Pháp luân, 2.1 Trung đạo, 2.2 Chuyên Pháp luân Kinh, 2.3 Vô ngã tướng Kinh; 3. Da-xá, 3.1 Thiện lai Tỳ-kheo, 3.2 Ba Quy y, 3.3 Những người bạn, 4. Long vương Y-la-bát-la; III. Tăng pháp Thọ giới, 1. Sơ chế pháp, 1.1 Tam ngũ đắc

Giới, 1.2 Bạt-đà-la-bạt-đề, 1.3 Uất-tỳ-la
 Ca-diếp, 1.4 Ba thị đạo, 1.5 Vua Bình-sa,
 1.6 Xá-lợi-phất và Mục-kiền-liên; 2. Hòa
 thượng pháp, 2.1 Hòa thượng truyền giới,
 2.2 Tuổi hạ của Hòa thượng, 2.3 Phận sự
 của Hòa thượng, 2.4 Phận sự của đệ tử,
 2.5 A-xà-lê, 2.6 Y chỉ và dứt Y chỉ, 2.7
 Phẩm chất Hòa thượng, 2.8 Ngoại đạo
 xuất gia, 2.9 Các Già-nạn (1), 2.10 Dữ học
 giới, 2.11 Sa-di xuất gia; 3. Nhân và Sự
 như pháp, 3.1 Kết và Giải Tiểu giới, 3.2
 Hòa thượng như pháp, 3.3 Truyền Tứ y,
 3.4 Các Già-nạn (2), 3.5 Các liên hệ Già-
 nạn; 4. Pháp thức Truyền thọ Cụ túc, 4.1
 Giáo thọ giới tử, 4.2 Giới tử bạch Tăng,
 4.3 Bạch Tứ Yết-ma, 4.4 Truyền pháp Tứ
 khí và Tứ y, a. Tứ khí, b. Tứ y, 4.5 Giáo
 Giới và Đắc Giới; C.II Thuyết Giới, I.
 Pháp thức thuyết Giới, 1. BỐ-tát, 2. Thuyết
 pháp, 3. Ba-la-đề-mộc-xoa, 4. Lịch pháp;
 II. Kết Giới, 1. Giới trường, 2. Đại Giới
 cộng trú, 3. Thất y giới, 4. Đại Giới liên
 kết, 5. Tiểu Giới; III. Tập Tăng, 1. Bạch
 Tăng, 2. Dữ dục, 3. Thuyết Giới, 4. Sám
 hối, 5. Hạn kỳ, 6. Phá Yết-ma, 7. Chuyển
 trú xứ, 8. Hòa hiệp thuyết Giới; C.III An
 cư, 1. Kết Giới An cư, 2. Phân phòng xá,
 3. Phân ngoại cụ, 4. Tiền hậu An cư, 5. Trú
 xứ An cư, 6. Xuất giới, 7. Phá Hạ, 8. Ước
 định An cư; C.IV Tụ tứ, 1. Á pháp, 2. Cầu
 thỉnh, 3. Pháp thức Tụ tứ, 4. Chúc thọ Tụ
 tứ, 5. Phá Tụ tứ, 6. Già Tụ tứ, 7. Hạn kỳ
 Tụ tứ, 8. Khách Tụ tứ; C.V Da thuộc, I.
 Nhân duyên Thủ-lung-na, 1. Hai bàn chân,
 2. Dây đàn căng, 3. Sáu tín giải; II. Nhân
 duyên Ưc nhĩ, 1. Tăng-già biên địa, 2.
 Những qui định về da thuộc, 2.1 Qui định
 chung về dép, 2.2 Các loại da, 2.3 Các vật
 dụng bằng da; C.VI Y, I. Y phân tảo; II.
 Kỳ-bà đồng tử, 1. Kỹ nữ thành Vương xá,
 2. Học thuốc, 3. Chữa bệnh; III. Đàn-việt
 thí y, 1. Kỳ-bà thỉnh nguyện, 2. Các loại ý
 quý, 3. Nhận và chia, 4. Y cát tiệt, 5. Kỹ

nữ thành Tỳ-xá-ly, 6. Ba y, 7. Pháp thức
 phân vật, 8. Tăng vật, 9. Tỳ-lưu-ly, 10.
 Thân hậu, 11. Di vật của Tỳ-kheo, 12. Tạp
 sự; C.VII 1. Các loại thuốc, 2. Các loại
 thịt, 3. Tịnh trừ, 4. Tịnh nhục, 5. Tám thứ
 nước, 6. Tịnh địa, 7. Tịnh quả, 8. Nấu
 cháo, 9. Tám sự cho phép, 10. Tịnh vật
 linh tinh, 11. Dùng thuốc; C.VIII Y Ca-
 thi-na, 1. Năm Công đức, 2. Y như pháp,
 3. Thọ y, 4. Xuất y; C.IX Câu-thiền-di, 1.
 Tránh sự phát khởi, 2. Biệt bộ Yết-ma, 3.
 Hòa giải, 4. Trường Sanh vương, 5. Tăng
 hòa hợp, 6. Giải Yết-ma; C.X Chiêm-ba,
 1. Cử tội phi pháp, 2. Túc số Yết-ma, 3.
 Túc số Tăng, 4. Yết-ma bất thành, 5. Ngăn
 Yết-ma; C.XI Khiển trách, 1. Khiển trách,
 2. Tần xuất, 3. Y chỉ, 4. Hạ ý, 5. Xá-tri;
 C.XII Người, 1. Phú tàng, 1.1 Hành Ba-
 lợi-bà-sa, 1.2 Bán nhật tri, 1.3 Ma-na-đỏa,
 1.4 Xuất tội, 2. Không Phú-tàng, 3. Tổng
 hợp Tăng-tàn; C.XIII Phú-tàng; C.XIV
 Già Yết-ma, 1. Cầu thỉnh, 2. Già thuyết
 giới, 3. Mười Như pháp Già, 4. Tỳ-kheo
 cử tội, 5. Pháp thức Già, 6. Cáo tội, 7. Tỳ-
 kheo ngăn; C.XV Phá Tăng, 1. ĐỀ-bà-đạt-
 đa, 2. Truyện Thiện hành, 3. Ưu-ba-ly hỏi;
 C.XVI Diệt tránh, I. Bảy Diệt tránh, 1.
 Hiện tiền Tỳ-ni, 2. Ưc niệm Tỳ-ni, 3. Bất
 si Tỳ-ni, 4. Tụ ngôn trị, 5. Đa nhân ngữ, 6.
 Tội xứ sở, 7. Như thảo phú địa; II. Bốn
 Tránh sự, III. Tránh sự diệt, 1. Nguyên tắc
 Hiện tiền, 2. Diệt ngôn tránh, 2.1 Hiện tiền
 luật, 2.2 Đa nhân ngữ, a. Hành Xá-la, b.
 Xá-la phi pháp, c. Bình đoán sự, 3. Diệt
 mịch tránh, 4. Diệt phạm tránh, 5. Diệt sự
 tránh, 6. Ưu-ba-ly hỏi; C.XVII Tỳ-kheo
 Ni, I. Kiền-đàm-di, II. Ni Thọ giới, 1. Sa-
 di Ni, 2. Thức-xoa-ma-na, 3. Thọ Cụ túc,
 3.1 Bản bộ Yết-ma, 3.2 Chánh pháp Yết-
 ma, 3.3 Đại diện thọ giới, 4. Các Già-nạn;
 III. Ni thường hành; C.XVIII Pháp, 1.
 Khách Tỳ-kheo, 2. Cự Tỳ-kheo, 3. Vệ

sinh, 4. Khất thực, 5. A-lan-nhã, 6. Âm thực, 7. Nhuộm y;
Phần IV, C.I Phòng xá, 1. Ca-lan-đà Trúc viên, 2. Tinh xá, 3. Giường nằm, 4. Chăn màn, 5. Sảnh đường, 6. Cấp Cô Độc, 7. Thứ bậc Tăng trong Già-lam, 8. Trú trì, 9. Phòng ốc, 10. Tường rào chùa, 11. Nhà tắm, 12. Dùng nước, 13. Đất trồng, 14. Lò sưởi, 15. Thọ nhận phi pháp, 16. Tứ phương Tăng vật, 17. Tỳ-kheo tri sự, 18. Chia cháo; C.II Tập sự, 1. Bát, 2. Dao, 3. Râu-tóc-móng, 4. Trang sức, 5. Thần biến thị đạo, 6. Thiên bức luân, 7. Các loại bát cầm, 8. Xông bát-nung bát, 9. Trì bát, 10. Tịnh quả, 11. Câu-chấp, 12. Khâu y, 13. Vá bát, 14. Lấy lửa, 15. Lọc nước, 16. Ăn ngủ chung, 17. Chuyển thể Phật ngôn, 18. Sinh nghi, 19. Dù-gậy-quạt-phát trần, 20. Chỗ ngồi, 21. Tỏi, 22. Khuân vác, 23. Tháp Thanh văn, 24. Cạo tóc, 25. Tháp Phật, 26. Nhà tắm, 27. Úp bát, 28. Chữa cháy, 29. Yết-ma trì gậy, 30. Mặc nhiên, 31. Chúc lành-thê thốt, 32. Dây nịt, 33. Góm, 34. Chú thuật, 35. Răng-lưỡi-tai, 36. Nuôi cầm thú, 37. Ưu-đà-diên; C.III Ngũ bách Kết tập, 1. Duyên khởi, 2. A-nan, 3. Tập Tăng, 4. Tập luật tạng, 5. Tập Kinh tạng, 6. Phú-lâu-na; C.IV Thất bách Kết tập, 1. Duyên khởi, 2. Ly-bà-đa, 3. Vận động, 4. Các Thượng tọa, 5. Tập Tăng, 6. Bình nghị; C.V Điều bộ, A. Ba-la-di, I. Bất tịnh hạnh, 1. Ưu-ba-ly thỉnh Phật, 2. Cộng súc sanh, 3. Dữ học giới, 4. Phi đạo, 5. Cưỡng dâm; II. Bất dữ thủ, 1. Ưu-ba-ly thỉnh vấn, 2. Vật gia dụng, 3. Y phục, 4. Trốn thuế, 5. Trộm có tổ chức, 6. Sở hữu tụ lạc, 7. Trộm Kinh, 8. Đồng lõa, 9. Trộm nhâm, 10. Di chuyển vật, 11. Nguồn nước, 12. Chiếm dụng, 13. Hoa quả, 14. Xe-thuyền, 15. Vật từ thú vật, 16. Giải phóng súc vật, 17. Vật dụng của Tỳ-kheo, 18. Phần của người khác, 19. Cầm nhâm, 20. Vật vô chủ, 21. Mượn tiếng lầy, 22. Bắt

cóc trẻ, 23. Nhận di chúc; III. Đoạn nhân mạng, 1. Ưu-ba-ly thỉnh hỏi, 2. Khuyến khích chết, 3. Phương tiện giết, 4. Phá thai, 5. Cho bệnh chết sớm, 6. Sai bảo giết, 7. Ngộ sát và cố sát; IV. Đại vọng ngữ, 1. Ưu-ba-ly thỉnh vấn, 2. Tự xưng, 3. Tự ám chỉ, 4. Tự hiện tướng, 5. Mục-liên tự thuyết; B. Tăng-già-bà-thi-sa, 1. Lộng âm, 2. Xúc nữ, 3. Thô ác ngữ, 4. Sách cúng dường, 5. Môi giới, 6. Vô căn Ba-la-di; C.VI Tỳ-ni Tăng nhất, 1. Một pháp, 2. Hai pháp, 3. Ba pháp, 4. Bốn pháp, 5. Năm pháp, 6. Sáu pháp, 7. Bảy pháp, 8. Tám pháp, 9. Chín pháp, 10. Mười pháp, 11. Mười một pháp và trên;

Tập III, Tổng Mục Lục, Biên soạn: *Tỳ-kheo Thích Tuệ Sỹ*, dày hơn 157 trang. Nội dung gồm có: Lược sử Hòa thượng Luật sư Thích Trí Thủ, Lược sử Hòa thượng Luật sư Thích Đồng Minh, Lịch sử Truyền dịch, Những chữ viết tắt trong Chú thích, Mục lục Phần I, Mục lục Phần II, Mục lục Phần III, Mục lục Phần IV, Đối chiếu các Bộ Luật, Thư Mục luật, Từ vựng Pàli-Việt, Sách dẫn.

Bộ Tư Phần Luật này đã in xuất bản vào năm 2002, Tư Phần Luật – Phần thứ nhất gồm 3 quyển, Ban Tu thư Phật học ấn hành.

1.335. TỨ PHẦN LUẬT

Soạn lục: *HT. Thích Thanh Sơn*

Tác phẩm Luật này có 295 trang, bìa mềm; nội dung gồm: - Tân san định Tăng giới bốn tụ (bản chữ Hán và phiên âm); - Tỳ-kheo giới bốn.

1.336. TỨ PHẦN LUẬT HÀM CHỦ GIỚI BỒN

Nguyên tác: *Thích Đạo Tuyên (596-667)*

Việt dịch: *Thích Minh Phước*

Nxb Tôn Giáo, PL. 2550 – DL. 2006 Sách có khổ 14 x 20cm, dày 293 trang, bìa

mềm, nền đỏ, chữ tựa màu vàng, có hình tượng Đức Phật Thích-ca thiên tọa (tượng này tôn trí tại chùa Huệ Nghiêm, Q. Bình Tân, Tp. Hồ Chí Minh).

Tác phẩm *Tứ Phần Luật Hàm chú* này có 8 chương, nói về giới luật Tỳ-kheo, trong mỗi giới nói rõ nhân duyên Đức Phật chế giới và giảng giải. Nội dung gồm: Tiểu sử ngài Đạo Tuyên, Lời nói đầu, Lời tựa; C.I Thiên Ba-la-di, C.II Thiên Tăng-già bà-thi-sa, C.III Hai pháp bất định, C.IV Thiên Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề, C.V Thiên Ba-dật-đề, C.VI Bôn pháp Ba-la-đề-xá-ni, C.VII Pháp thức-xoa-ca-la-ni, C.VIII Bảy pháp dứt sự tranh cãi.

1.337. TỨ PHẦN LUẬT - SAN BỔ TÙY CƠ YẾT-MA

Giới Đài Viện Huệ Nghiêm –
Ban Dịch Thuật Luật Tạng
Nguyên tác Hán văn:

Đại sư Đạo Tuyên (596-667)

Việt dịch:

Đức Nghiêm-Đức Thuận-Đức Thuần

Nxb Hồng Đức – 2017

Sách có khổ 14.5 x 20.5cm, dày hơn 239 trang, bìa cứng, chữ mạ vàng.

Nội dung gồm có 2 quyển (thượng & hạ), 10 chương, sơ lược như sau: *Quyển thượng*, C.I Tập hợp duyên thành của các pháp, 1. Pháp Yết-ma của Tăng, 2. Đối thú Yết-ma, 3. Tâm niệm Yết-ma, 4. Duyên thành và hoại; C.II Kết và Giải cương giới, 1. Pháp Kết và Giải cương giới nhiếp Tăng, 2. Pháp kết Giới trường, 3. Pháp kết ba Tiểu giới, 4. Pháp Kết và Giải giới Nhiếp y, 5. Pháp Kết và Giải giới Nhiếp thực; C.III Pháp thụ trì các giới, 1. Pháp thọ Tam quy, 2. Pháp thụ Năm giới, 3. Pháp thụ giới Bát quan trai, 4. Pháp xuất gia thụ giới, 5. Pháp thụ giới Tỳ-kheo, 6. Pháp truyền giới cho Ni chúng, 7. Pháp truyền giới cho Tỳ-kheo Ni; *Quyển hạ*,

C.IV Pháp thụ Tịnh y và thuốc thang, 1. Pháp thụ y, 2. Pháp xả y, 3. Pháp Ni thụ thêm 2 y, 4. Pháp tâm niệm thụ và xả y, 5. Pháp thụ Ni-sur-đàn (tọa cụ), 6. Pháp thụ Bát-đa-la, 7. Pháp thụ thuốc thang, 8. Pháp thuyết Tịnh y; C.V Các pháp thuyết giới, 1. Pháp Tăng thuyết giới, 2. Pháp tác bạch khi Tăng đồng phạm và biết lỗi, sám hối, 3. Pháp tác bạch khi Tăng đồng phạm lỗi-nghi có tội phát lộ, 4. Pháp Ni sai người thỉnh giáo thụ, 5. Pháp giáo giới Ni, 6. Pháp nói thanh tịnh, 7. Pháp biết tội phát lộ, 8. Pháp nghi có tội phát lộ, 9. Pháp ở trên tòa thuyết giới nhớ tội phát lộ, 10. Pháp lược thuyết giới, 11. Pháp đối thú tụng giới, 12. Pháp tâm niệm thuyết giới; C.VI Các pháp An cư, 1. Pháp An cư, 2. Pháp thụ nhật; C.VII Các pháp Tụ tứ, 1. Pháp Tăng Tụ tứ, 2. Pháp sai người thụ Tụ tứ, 3. Pháp bạch Tăng Tụ tứ, 4. Pháp chính thức Tụ tứ, 5. Pháp lược Tụ tứ, 6. Pháp Đối thú từ bốn người trở xuống, 7. Pháp một người tâm niệm, 8. Pháp Ni sai người đến Tăng cầu Tụ tứ; C.VIII Các pháp phân chia y, 1. Pháp hai bộ Tăng được cúng dường, 2. Pháp hai bộ hiện tiền Tăng được cúng dường, 3. Pháp đúng thời hiện tiền Tăng được cúng dường, 4. Pháp phi thời hiện tiền Tăng được cúng dường, 5. Pháp đúng thời Tăng được cúng dường, 6. Pháp phi thời Tăng được cúng dường,...; C.IX Pháp Sám sáu tụ, 1. Pháp Sám hối, 2. Pháp Sám hối tội Ba-la-di, 3. Pháp Sám hối tội Tăng-già-bà-thi-sa, 4. Pháp Sám hối tội Thân-lan-giá, 5. Pháp Sám hối tội Ba-dật-đề, 6. Pháp Sám hối tội Xả đọa, 7. Pháp Sám hối hai tội căn bản nhẹ, 8. Pháp Sám hối tội căn bản, 9. Pháp Sám hối tội Đơn đọa, 10. Pháp Sám hối tội Ba-la-đề-đề-xá-ni, 11. Pháp Sám hối tội Đột-cát-la, 12. Chính thức trình bày nghi thức sám hối, 13. Pháp xả tội, 14. Pháp Sám hối tội vô ý phạm; C.X Các pháp trụ trì, 1. Sáu

niệm,... 2. Pháp tác bạch vào thôn xóm thụ thực trước và sau bữa ăn chính, 3. Phi thời vào thôn xóm, 4. Thực hiện pháp dư thực, 5. Pháp quả trách đệ tử, 6. Pháp đệ tử xin sám hối Hòa thượng đề ra đi, 7. Pháp can gián Tác phạm, 8. Pháp can gián Chi phạm; Phụ lục: - Văn Yết-ma xin được cất chứa gậy và túi vải của Tỳ-kheo già bệnh, - Pháp Yết-ma Tăng cho phép Tỳ-kheo già bệnh cất chứa gậy và túi vải, - Văn Yết-ma thụ 39 đêm trong Luật Thập tụng, - Pháp thụ quá đêm trong Luật Thập tụng, - Văn Yết-ma 27 việc trong Luật Tăng-kỳ.

1.338. TỨ PHẦN LUẬT

San Bồ Yết-ma Huyền Ty Sao

Chú Yết-ma Kinh:

Sa-môn Đạo Tuyên (596-667)

Thuật Huyền ty sao: *Tỳ-kheo Đức Thành*

Việt dịch: *Ni sư Thích nữ Như Pháp*

Nxb Tôn Giáo, PL. 2550 – DL. 2006. Luật có khổ 14.5 x 20.5cm, dày 520 trang, bìa mềm, chữ tựa màu đỏ. Toàn bộ *Tứ phần luật SBYMHTS*, gồm có 12 quyển, 10 thiên. Lời tựa, Thiên thứ nhất, Tập pháp duyên thành; Thiên thứ hai, Các giới kết giải; Thiên thứ ba, Các pháp thọ giới; Thiên thứ tư, Y dược thọ tịnh; Thiên thứ năm, Các pháp Thuyết giới; Thiên thứ sáu, Các chúng An cư; Thiên thứ bảy, Các pháp Tự tứ; Thiên thứ tám, Các pháp chia Y; Thiên thứ chín, Các pháp sám tội; Thiên thứ mười, Tập pháp-trụ trì.

Tác phẩm Luật này đã được THPG Tp. Hồ Chí Minh ấn hành năm 1993.

1.339. TỨ PHẦN LUẬT San Phôn Bồ Khuyết HÀNH SỰ SAO - Bộ 2 Tập

Giới Đài Viện Huệ Nghiêm

Nguyên tác Hán văn:

Luật Tổ Đạo Tuyên (596-667)

Chủ biên: *Tỳ-kheo Thích Minh Thông*

Việt dịch: *Ban Dịch Thuật Luật Tạng Giới Đài Viện*

Nxb Hồng Đức – 2017

Sách có khổ 16 x 24cm, 2 tập dày 1.010 trang, bìa cứng, có bìa bao, gáy mo tròn, nền màu cam, chữ tựa mạ vàng, có hộp đựng 2 tập.

Tập I, Hành Sự Sao, dày 574 trang, nội dung gồm có Quyển thượng và Quyển trung, với 14 chương: Lời đầu sách; Tứ Phần Luật San Phôn Bồ Khuyết HÀNH SỰ SAO, *Quyển thượng*, Tựa, C.I Nêu tông và hiển đức, 1. Nêu Tông thể, 2. Hiển đức, a. Thuận giới, b. Trái giới; C.II Tập hợp chúng chung-riêng, 1. Tập hợp chúng, 2. Chung và riêng của cương giới, 2.1 Giới hạn nơi chốn, 2.2 Giới hạn số Tăng; C.III Các tướng túc số, 1. Các tướng túc số, 1.1 Thể đúng mà sự lại trái, 1.2 Thể và cảnh đều trái, 1.3 Thể tuy trái, nhưng nhờ duyên thành dụng của Tăng, 1.4 Thể trái, duyên thiếu nhưng cũng thành Tăng sự, 2. Biệt chúng, 2.1 Biệt tướng, 2.2 Thành hay không thành; C.IV Nhận dục đúng-sai, 1. Nhân duyên nhận dục, 1.1 Ý nghĩa chế định, giải thích tên, bàn về thể, 1.2 Khai và ngăn, 1.3 Xác định duyên đúng-sai, 2. Cách thức nhận dục, 2.1 Cách gọi dục, 2.2 Mật pháp dục, 2.3 Gặp duyên không thuyết dục thành hay không thành; C.V Bàn chung về Yết-ma, 1. Đủ duyên tác pháp, 2. Chung và riêng của pháp được lập và giải thích văn Yết-ma, 2.1 Chung và riêng của pháp được lập, 2.2 Giải thích văn Yết-ma; C.VI Phương pháp kết giới, 1. Nêu số và định lượng, 1.1 Cương giới tự nhiên, 1.2 Cương giới tác pháp, 2. Y vào cương giới để tác pháp, 2.1 Các duyên thành tự, 2.2 Trình bày pháp kết và giải, 3. Pháp khởi hay không, 4. Kết phi pháp mật tướng và không mật, 4.1 Phi pháp, 4.2 Mật cương giới và không mật cương giới; C.VII Đại cương phép tắc của Tăng, 1.

Căn cứ giáo hóa và chế giáo, 1.1 Giáo hóa, 1.2 Chế giáo, 2. Căn cứ vào Tăng chế và thức ăn, 2.1 Tăng chế, 2.2 Căn cứ theo thức ăn để luận, 3. Căn cứ phép tắc, thời gian, người đối thú, 3.1 Phép tắc, 3.2 Căn cứ thời gian, 3.3 Người đối thú, 4. Căn cứ xứ và dụng, 5. Tướng của chúng chủ giáo thụ; C.VIII Tập hợp các duyên thụ giới, 1. Đủ duyên thành tựu việc thụ giới, 1.1 Người thụ, 1.2 Cảnh sở đối, 1.3 Phát tâm thụ, 1.4 Tâm cảnh tương ưng, 1.5 Sự thành tựu cứu cánh, 2. Gia pháp, 2.1 Duyên khởi phương tiện, 2.2 Thể dụng; C.IX Thầy trò giúp đỡ nhau, 1. Đệ tử y chỉ, 1.1 Danh tướng của thầy và trò, 1.2 Phương pháp y chỉ, 2. Hai thầy nhiếp thụ, 2.1 Ý nghĩa việc y chỉ, 2.2 Những thời gian không cần thầy, 2.3 Phân biệt các đức của thầy và sự khác nhau giữa các bậc thầy, 2.4 Pháp thỉnh sư, 2.5 Pháp thầy nhiếp thụ, 2.6 Pháp trị phạt, quở trách, 3. Quở trách phi pháp, 4. Pháp từ tạ, 5. Mật pháp y chỉ; C.X Chính nghi thuyết giới, 1. Tăng pháp, 1.1 Thời gian bất đồng, 1.2 Tập pháp chúng cụ, 1.3 Nghi thức thuyết giới, 1.4 Lược thuyết các pháp khác, 2. Biệt pháp; C.XI An cư khuyến tu, 1. An cư, 1.1 Duyên An cư, 1.2 Pháp chia phòng xá, 1.3 Tác pháp không đồng, 1.4 Trong hạ gặp duyên, thành hạ hay không thành, 1.5 Năm lợi ích của Y Ca-đề và giải cương giới đúng hay sai, 2. Thụ nhật, 2.1 Phân biệt, 2.2 Duyên, 2.3 Gia pháp chính; C.XII Tông yếu của Tự tứ, 1. Phần chính, 1.1 Các duyên tập hợp tương ứng, 1.2 Phương pháp Tự tứ, 2. Phần phụ, 2.1 Thời gian thụ y, 2.2 Thể của y, 2.3 Chọn người, 2.4 Phương pháp thụ y, 2.5 Xả y và các tướng khác; *Quyển trung*, C.XIII Tên gọi và tội báo của Thiên tu, 1. Giới hộ là tông chỉ của trái phạm, 2. Tên gọi và tội báo của thiên tu, 2.1 Thiên tu, 2.2 Quả báo của việc phạm giới; C.XIV 1. Giới pháp, 1.1 Nền

tảng của Thánh đạo, 1.2 Công dụng lớn của giới, 1.3 Tên gọi và ý nghĩa, 1.4 Duyên bất đồng, 1.5 Hơn kém khác biệt, 1.6 Thụ lại, 1.7 Duyên thụ giới ở đất Hán, 2. Giới thể, 2.1 Tướng trạng của giới thể, 2.2 Thụ tùy đồng-dị, 2.3 Cảnh duyên rộng hẹp, 2.4 Số lần phát sinh giới, 3. Giới hạnh, 4. Giới tướng, 4.1 Ba-la-di, 4.2 Tăng-tàn, 4.3 Hai giới bất định, 4.4 Ba mươi giới xả đọa, 4.5 Chín mươi Ba-đạt-đề, 4.6 Bốn mươi giới Ba-la-đề-đề-xá-ni, 4.7 Giới chúng học.

Tập II, Hành Sự Sao, dày 436 trang, nội dung gồm: từ *Quyển trung* (tt) và *Quyển hạ*, với 15 chương. C.XV Phép tắc Trì-Phạm, 1. Danh tự của Trì-Phạm, 1.1 Hai loại Trì, 1.2 Hai loại Phạm, 2. Thể trạng, 2.1 Năng Trì, 2.2 Sở Trì, 3. Thành tựu, 4. Thông-Bít, 4.1 Căn cứ vào tác nghiệp, 4.2 Tâm đối cảnh, 4.3 Tự làm và dạy người làm, 4.4 Tự nghiệp trước sau thành tựu cho nhau, 5. Tiệm-Đôn, 5.1 Tâm chung cho Tiệm-Đôn, 5.2 Luận theo hạnh, 5.3 Căn cứ theo Chỉ Phạm, 6. Hơn-kém, 6.1 Hơn-kém của hai Trì, 6.2 Hơn-kém của hai Phạm, 7. Phân biệt chọn lựa, 7.1 Không học vô tri, 7.2 phương tiện hướng đến tội quả, 7.3 Đủ duyên thành phạm, 7.4 Cảnh tướng, 7.5 Các tướng khác; C.XVI Pháp Sám hối Sáu tụ, 1. Lời dẫn, 2. Pháp Sám hối, 2.1 Pháp Sám hối chung, 2.2 Căn cứ Luật tạng;

Quyển hạ, C.XVII Hai Y chung và riêng, 1. Môn chế, 1.1 Ba y, 1.2 Tọa cụ, 1.3 Đầy lọc nước, 2. Môn thính, 2.1 Một trăm lễ một món và những vật dư, 2.2 Y phân tảo, 2.3 Đạn viêt thí, 2.4 Vật của năm chúng qua đời; C.XVIII Thụ tịnh bốn loại thuốc, 1. Tính chất của thuốc, 1.1 Căn cứ bốn loại thuốc, 1.2 Xác định sáu vị, 1.3 Những chất biến đổi, 1.4 Hòa trộn các loại thuốc, 2. Tịnh địa, 2.1 Ý nghĩa chế định, 2.2 Nêu số lượng và tác pháp, 2.3 Gia pháp, 2.4

Phân biệt-chọn lựa, 3. Hộ tịnh, 3.1 Phiên tịnh, 3.2 Hộ tịnh, 3.3 Tội thông và tắc, 3.4 Tịnh và nhiễm, 3.5 Khai Tám việc, 4. Tịnh pháp khác nhau, 4.1 Ý nghĩa chế định, 4.2 Chỗ và người, 4.3 Pháp tác tịnh, 5. Hai phần Thụ, 5.1 Ý nghĩa chế định hai pháp Thụ, 5.2 Pháp Thụ chung bốn loại thuốc, 5.3 Đối với người không đồng, 5.4 Pháp Thụ sai biệt, 5.5 Thuyết tịnh chung và riêng, 5.6 Rộng và hẹp của hai pháp Thụ, 5.7 Có gia pháp hay không, 5.8 Các tướng tội; C.XIX Chế giáo – Thính giáo về bát và đồ vật, 1. Chế giáo, 1.1 Ý nghĩa chế định, 1.2 Thể của bát, 1.3 Màu sắc của bát đúng pháp hay phi pháp, 1.4 Dung lượng của bát đúng hay không đúng, 1.5 Pháp gia thụ, 1.6 Các trường hợp mất pháp thụ, 1.7 Pháp sử dụng và bảo quản, 2. Thính giáo; C.XX Đối với vật cúng dường khởi tâm đối trị, 1. Người thụ phẩm vật cúng dường, 2. Phương tiện nhằm chán và đối trị, 3. Lập quán có giáo, 4. Quán tưởng, 4.1 Tính công lao khó nhọc để làm ra phẩm vật này là bao nhiêu mà định lượng giá trị của phẩm vật mang đến cúng dường, 4.2 Tự xét đức hạnh của mình, 4.3 Phòng hộ tâm và xa lánh lỗi lầm, 4.4 Chính là thuốc hay, 4.5 Vì thành tựu đạo nghiệp, 5. Tùy thuận đối trị các tướng; C.XXI Oai nghi phép tắc của hạnh Đầu-đà, 1. Giải thích tên chung để hiển rõ đức hạnh, 2. Liệt kê số mục, 2.1 Thứ lớp tương sinh, 2.2 Các hạnh, 3. Hạnh sai biệt của các bộ Kinh luận, 4. Các pháp khác; C.XXII Cung kính Tăng và tượng, 1. Cung kính Tăng và tượng, 1.1 Ý nghĩa chế định và phép tắc cung kính nhau, 1.2 Đối duyên cung kính, 2. Cách thức tạo tượng Phật và tháp, 2.1 Ý nghĩa, cách thức tạo tượng Phật, 2.2 Cách thức tạo tháp, 2.3 Cách thức tạo chùa; C.XXIII Cách thức Thụ thỉnh, 1. Cách thức nhận thỉnh, 2. Cách thức đi đến nơi thụ trai, 3. Cách thức

đi đến nhà thí chủ, 4. Cách thức đến tòa ngồi, 5. Xem xét thức ăn, 6. Dâng hương chú nguyện, 7. Lúc dâng thức ăn và thụ thực, 7.1 Cách thức chú nguyện, 7.2 Cách thức thí thức ăn cho chúng sinh, 7.3 Cách thức nhận thức ăn, 7.4 Xướng đấng cúng, 7.5 Cách thức thụ thực, 8. Cách thức khi ăn xong, 9. Dâng phẩm vật cúng dường, 10. Cách rời nhà thí chủ; C.XXIV Phương pháp giáo hóa đạo-tục, 1. Phép tắc thuyết pháp và cách thức thụ giới, 1.1 Phép tắc thuyết pháp, 1.2 Cách thức thụ giới, 2. Kính dâng vật phẩm nuôi sống cha mẹ, 3. Cách thức nam nữ vào chùa, 3.1 Ý nghĩa chế định, 3.2 Cách thức vào chùa; C.XXV Cách thức đối xử giữa chủ và khách, 1. Cách thức đối xử giữa chủ và khách, 1.1 Cách thức vào chùa, 1.2 Cách thức hỏi Tỳ-kheo ở lâu và nhận phòng, 1.3 Nghi thức kính lễ ra mắt, 1.4 Cách thức hỏi để nhận lợi dưỡng, 2. Bốn oai nghi; C.XXVI Chăm sóc bệnh và an táng, 1. Chăm sóc bệnh, 1.1 Ý nghĩa chế định, 1.2 Chọn người đúng-sai và phát cung cấp cho người bệnh, 1.3 Sắp xếp chỗ ở, 1.4 Thuyết pháp khuyến thiện, 2. Phát an táng, 2.1 Cách chuyển tử thi đi, 2.2 Cách an táng; C.XXVII Các hạnh cần thiết khác, 1. Đối với Phật-Pháp-Tăng, 2. Những việc lật vạt trong chúng, 2.1 Phép vào Thiên đường, 2.2 Phép đã tỉnh, 3. Mỗi người tự làm, 4. Pháp đại chúng cùng làm, 5. Hạnh nghiệp quan trọng của người xuất gia, 6. Cách xử trí khi gặp giặc cướp, 7. Cách thức đại tiểu tiện, 8. Cách thức thể hiện lòng từ cứu giúp súc sinh, 9. Cách tránh xa chúng sinh dữ, 10. Phương pháp trị bệnh; XXVIII Pháp hành riêng của Sa-di, 1. Nhân duyên xuất gia, 2. Khuyến xuất gia có lợi ích, 3. Ngăn cản xuất gia có tổn hại, 4. Xuất gia tạo tội thế gian, 5. Xuất gia tu phúc thế gian, 6. Xuất gia tu Thánh đạo, 7. Xác định điểm đồng-dị giữa Đại thừa và Tiểu

thừa, 8. Tùy ý nghĩa giải thích, 8.1 Đủ duyên xuất gia, 8.2 Tác pháp không đồng, 8.3 Nghi thức thụ giới, 8.4 Tùy giới tướng, 8.5 Dạy các hạnh khác; C.XIX Hành pháp riêng của chúng Ni, 1. Đại Ni, 1.1 Thụ giới, 1.2 Sám hối, 1.3 Thuyết giới, 1.4 Pháp an cư, 1.5 Pháp tự tứ, 1.6 Tùy giới tướng, 1.7 Hạnh giữa thầy và trò, 2. Pháp của Thức-xoa-ma-na, 3. Pháp của Sa-di Ni; C.XXX Hành pháp riêng của các bộ Luật, 1. Số lượng Tăng chúng nhiều-ít, 2. Thánh chúng chung và riêng, 3. Trùng phạm không đồng, 4. Nhiếp sự rộng và hẹp, 5. Tâm cảnh sai biệt, 6. Xả sám không đồng, 7. Thứ bậc tướng sai biệt.

1.340. TỨ PHẦN LUẬT - TỠ-KHEO GIỚI BỔN Chú Giải

– Trọn bộ 4 Quyển

Chùa Huệ Nghiêm

Soạn giả: *Tam tạng Phật-đà-da-xá*

Viết dịch: *Ni sư Thích nữ Như Hiền*

Nxb Hồng Đức – 2020. Bộ Luật có khổ 19 x 26cm, cả bộ (4 quyển) dày hơn 1.812 trang, bìa cứng, chữ tựa mạ vàng.

Quyển I, dày hơn 583 trang, nội dung gồm: Lời tựa, Tứ Phần Luật Tỳ-kheo Giới bổn Chú giải, I. Chánh đề, II. Văn quy kính, III. Tác tiền phương tiện, IV. Giới Kinh tự, V. Giới pháp: Đệ nhất khoa, Tứ Ba-la-di pháp; Đệ nhị khoa, Thập tam Tăng-già-bà-thi-sa pháp; Pháp xuất tội Tăng-tàn;

Quyển II, dày hơn 286 trang, nội dung gồm: Lời tựa, Tứ Phần Luật Tỳ-kheo Giới bổn Chú giải, Đệ tam khoa, Nhị Bất định pháp; Đệ tứ khoa, Tam thập Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề pháp; Pháp Sám hối tội Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề; Đệ ngũ khoa, Cửu thập Ba-dật-đề pháp;

Quyển III, dày hơn 458 trang, nội dung gồm: Lời tựa, Tứ Phần Luật Tỳ-kheo Giới bổn Chú giải, Đệ ngũ khoa, Cửu thập Ba-

dật-đề pháp (tt); Pháp Sám hối tội Ba-dật-đề; Đệ lục khoa, Tứ Ba-la-đề-đề-xá-ni pháp; Pháp sám hối tội Ba-la-đề-đề-xá-ni; Đệ thất khoa, Bách chúng học pháp giới; *Quyển IV*, dày hơn 485 trang, nội dung gồm: Lời tựa, Tứ Phần Luật Tỳ-kheo Giới bổn Chú giải, Bách chúng học pháp giới (tt); Pháp sám hối tội Đột-cát-la; Đệ bát khoa, Thất Diệt tránh pháp; VI. Tổng kết; VII. Thuật thất Phật lược thuyết Giới Kinh; VIII. Văn kết Hồi hướng.

1.341. TỨ PHẦN LUẬT TỠ-KHEO HÀM CHỦ GIỚI BỔN

Đường Đạo Tuyên (596-667) thuật

Việt dịch: *Thích Thọ Phước*

Tác phẩm Luật này gồm có 3 quyển, nội dung trình bày về giới Tỳ-kheo, *Q.I*, 4 pháp Ba-la-di, 13 pháp Tăng-già bà-thi-sa, 2 pháp Bất định, 30 pháp Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề; *Q.II*, có: 90 pháp Ba-dật-đề; *Q.III*, có: 4 pháp Ba-la-đề-xá-ni, 100 pháp Thức-xoa-ca-la-ni, 7 pháp Diệt tránh. (<https://phatphapungdung.com>; *Luật tạng*)

1.342. TỨ PHẦN LUẬT TỠ-KHEO NI GIỚI BẢN Lược Ký (Phiên âm)

Phiên âm: *Tỳ-kheo Ni Đàm Thánh*

Nxb Hồng Đức – 2013

Luật có khổ 16 x 24cm, có hơn 789 trang. Giới bản lược ký gồm có: Lời nói đầu, Tứ phần lược ký tập Tứ phần Luật tạng, Tổng mục; Tứ phần Luật Tỳ-kheo Ni giới bản lược ký Tổng mục lục, Tứ phần Luật Tỳ-kheo Ni giới bản: Lược ký duyên khởi, Phạm lệ thập tam tiết, Khai kinh lược ký, Trọng thân lược ký tự; Tứ phần luật Tỳ-kheo Ni giới bản lược ký: Quyển đệ nhất, Vô tác giới biểu ký; Quyển đệ nhị, Vô tác giới biểu, ký trung tổng liệt giới tướng; Quyển đệ tam, Vô tác giới biểu ký giải cử Ni tội giới đệ lục; (các quyển) Quyển đệ tứ, Quyển đệ ngũ, Quyển đệ lục, Quyển đệ

thất, Quyển đệ bát, Quyển đệ cửu, (đều) Vô tác giới biểu ký; Quyển đệ thập, Vô tác giới biểu ký bất thụ học nữ cụ túc giới, đệ nhất bách tam thập lục; Quyển thập nhất và Quyển thập nhị, (cũng) Vô tác giới biểu ký; Hậu kết vấn, Hậu kết khuyến hồi hướng, Sơ tổng kết tiền tướng, Nhị khuyến học dư pháp, Tam, thất Phật lược thuyết giới Kinh, Tứ kết tụng hồi hướng, Phụ tiếp tụng giới tướng đồ, Bạch, Pháp hội nhân duyên bạt ký, Tứ phần Ni Luật kim hiệu thư khắc chỉ bản thủy chung lược ký. Mục lục.

1.343. TỨ PHẦN SAN ĐỊNH TỖ-KHEO NI GIỚI BỒN

Tổng Nguyên Chiêu trùng định

Việt dịch: Đoàn Trung Còn – Nguyễn Minh Tiến

Tác phẩm Giới bồn này gồm có: I. Phần mở đầu Giới Kinh, II. Tám pháp Ba-la-di, III. Mười bảy pháp Tăng-già-bà-thi-sa, IV. Ba mươi pháp Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề, V. Một trăm bảy mươi tám pháp Ba-dật-đề, VI. Tám pháp Ba-la-đề-xá-ni, VII. Một trăm pháp cần phải học, VIII. Bảy pháp dứt sự tranh cãi, IX. Lời dạy của chư Phật.

(<https://phatphapungdung.com>)

1.344. TỨ PHẦN TỖ-KHEO NI

GIỚI BẢN Chú Giải – 4 Tập

Lược dịch: Thích nữ Trí Hải

Nxb Hồng Đức – 2012

Sách có khổ 13.5 x 20cm, tổng cộng 4 tập dày hơn 1.734 trang.

Tập I, dày hơn 434 trang, nội dung gồm: Vài lời của người dịch Việt ngữ, Lời tựa, I. Chính đề, Chú thích về dịch giả, II. Văn quy kính, III. Tác tiền phương tiện, IV. Lời đầu Giới Kinh, V. Giới pháp; *Khoa thứ nhất: Tám Ba-la-di*, 1.1 Giới dâm dục, Nguyên nhân chế giới, Tám hạng Tỳ-kheo Ni, Nói về địa ngục, Ba mươi sáu loài quỷ, Mười ưu não do phá giới, Tám quy tắc sống trong sạch, 1.2 Giới trộm cắp, 1.3 Giới sát, 1.4 Giới Đại vọng ngữ, 1.5 Giới ma-xúc, 1.6 Giới nhiễm tâm tám việc, 1.7 Giới che giấu tội nặng, 1.8 Giới theo người bị cử; Cách xin học giới Ba-la-di...

Tập II, dày hơn 434 trang, nội dung gồm: *Khoa thứ hai: 17 Pháp Tăng-tàn*, 2.1 Làm mai mối, 2.2 Vu khống phi bang, 2.3 Xuyên tạc phi bang, 2.4 Thừa kiện kẻ khác, 2.5 Độc tặc nữ xuất gia, 2.6 Giải cho bị cử, 2.7 Phạm vào 4 việc, 2.8 Nhiễm tâm nhận ăn, 2.9 Khuyến nhận nhiễm thực, 2.10 Phá Tăng hòa hợp, 2.11 Hỗ trợ phá Tăng, 2.12 Hoen ó tín đồ, 2.13 Ngoan cố chống cự, 2.14 Thân nhau giấu tội, 2.15 Xúi dưng ở riêng, 2.16 Sân bỏ Tam bảo, 2.17 Ưa cãi không nhớ, Cách xuất tội Tăng-tàn; *Khoa thứ ba: Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề*: 3.1 Y dư quá hạn, Các loại y – Ca-si-na y, 3.2 Lìa y ngủ cách đêm, 3.3 Chứa vải quá hạn, 3.4 Không thân xin vải, 3.5 Nhận vải quá nhu cầu, 3.6 Khuyến thêm tiền y, 3.7 Khuyến chung tiền sắm y, 3.8 Đòi y quá sáu lần, 3.9 Chứa giữ tài vật, 3.10 Bán mua báu vật, 3.11 Buôn bán đủ thứ, 3.12 Xin bát quá nhiều, 3.13 Không thân nhờ dệt, 3.14 Bảo dệt tốt, thêm tiền, 3.15 Cho y đoạt lại, 3.16 Cát thuốc quá tuần, 3.17

Chứa y cúng cấp, 3.18 Xoay vật của Tăng, 3.19 Đòi vầy đòi khác, 3.20 Xoay vật cúng vào việc khác, 3.21 Xin một xoay về nhiều, 3.22 Tiên ăn làm y, 3.23 Tiên nhà làm y, 3.24 Cát bát dư tốt, 3.25 Cát nhiều đồ đẹp, 3.26 Không cho bệnh y, 3.27 Y thời phi thời, 3.28 Giận đòi y lại, 3.29 Xin y dày quá hạn, 3.30 Xin y mỏng quá hạn, Cách Sám tội xả đọa;

Tập III, dày hơn 409 trang, nội dung gồm: *Khoa thứ tư, 178 pháp Ba-dật-đề*: 1. Cố ý nói dối, 2. Nhiếc mắng thành phần 27, 3. Giới nói ly gián, 4. Ngủ chung một nhà, 5. Ngủ chung nhà quá hạn 54, 6. Đọc tụng ồn náo, 7. Nói tội thô của người khác, 8. Thật đắc đạo mà nói, 9. Nói pháp quá 5, 6 lời, 10. Đào cuốc đất đai, 11. Chặt phá cây sống, 12. Nói lời lạ để xúc não Tăng, 13. Chê mắng tri sự, 14. Trái đồ nằm chỗ trống, 15. Trái đồ nằm của chúng 115, 16. Cưỡng chiếm chỗ nằm, 17. Sân đuổi người khác ra khỏi phòng, 18. Ngồi giường sút chân, 19. Dùng nước có trùng, 20. Lộp nhà quá mức, 21. Ăn quá một bữa, 22. Ăn riêng chung, 23. Nhận ăn quá giới hạn, 24. Ăn phi thời, 25. Ăn đồ cách đêm, 26. Ăn đồ không nhận, 27. Ra đi không dặn, 28. Ngồi nán nhà thí chủ, 29. Cùng ngồi với nam chỗ khuất, 30. Ngồi với nam chỗ trống 180, 31. Đuổi người đi đi, 32. Nhận thuốc quá hạn, 33. Xem binh trận, 34. Ở trong quân quá hạn, 35. Xem quân trận giao chiến, 36. Uống rượu, 37. Giỡn trong nước, 38. Thọc léc cô khác, 39. Không nghe can gián, 40. Dọa cho người sợ, 41. Tắm dưới nửa tháng, 42. Đốt lửa đất trống, 43. Cát giấu vật dụng, 44. Cho rồi lấy lại, 45. Dùng y mới không nhuộm, 46. Cố giết mạng súc sinh, 47. Uống nước có trùng, 48. Quấy rối người khác, 49. Che giấu tội người, 50. Khơi lại tranh chấp, 51. Hẹn giặc cùng đi đường 281, 52. Có ác kiến không nghe can, 53. Theo người có

tội, 54. Dung sa-di Ni bị đuổi, 55. Chống cự khuyển học, 56. Hủy bang giới luật, 57. Sợ bị cử nói trước, 58. Yết-ma rồi hủy báng Tăng, 59. Không gởi dục, 60. Gởi dục rồi hồi, 61. Nghe lén tranh cãi, 62. Giận đánh Tỳ-kheo Ni, 63. Tát Tỳ-kheo Ni, 64. Vu không phạm tội, 65. Vào cửa cung vua, 66. Cầm nắm bảo vật, 67. Vào xóm phi thời, 68. Làm giường quá lượng, 69. Đồn bông độn nệm, 70. Ăn các thứ tội, 71. Cạo lông ba chỗ, 72. Tẩy tịnh quá hạn, 73. Dùng hồ dao làm nam căn, 74. Cùng vỗ nhau, 75. Bưng nước và quạt, 76. Xin ngũ cốc sống, 77. Đại tiểu trên cỏ, 78. Đồ đồ dơ không xem, 79. Xem nghe kỷ nhạc, 80. Cùng nam đứng chỗ khuất, 81. Đi vào chỗ khuất, 82. Đứng chung nói thầm, 83. Không từ mà đi, 84. Không nói mà tự tiện ngồi, 85. Không nói mà nằm ngủ 441, 86. Cùng nam vào nhà tối, 87. Không nghe cho kỹ, 88. Việc nhỏ mà thề, 89. Đắm ngực la khóc, 90. Không bệnh nằm chung 457, 91. Nằm chung chăn nệm, 92. Hỏi đề xúc não, 93. Không thăm nom bệnh, 94. An cư mà đuổi, 95. Ba mùa du hành, 96. An cư xong không đi, 97. Đi chỗ biên giới, 98. Đi chỗ hiểm trong giới vực, 99. Thân cận cư sĩ, 100. Đi xem hoàng cung, **Tập IV**, dày hơn 457 trang, nội dung có: *Khoa thứ tư, 178 pháp Ba-dật-đề* (tt), 101. Khỏa thân tắm sông, 102. Áo tắm quá lượng, 103. May y quá hạn, 104. Không coi sóc y, 105. Ngăn cúng Tăng y, 106. Tự tiện mặc y người khác, 107. Cho ngoại đạo y, 108. Ngăn Tăng như pháp chia y, 109. Ngăn khoan xả y, 110. Ngăn đừng xuất y, 111. Không diệt tranh cãi, 112. Cho ngoại đạo ăn, 113. Đề người sai sử, 114. Xe chỉ đánh sợi, 115. Nằm ngồi giường cư sĩ, 116. Ngủ rồi không từ, 117. Tụng tập chú thuật, 118. Dạy tụng chú thuật, 119. Độ người có thai, 120. Độ người con bú, 121. Độ người thiếu tuổi,

122. Không cho học giới, 123. Không dạy sáu pháp, 124. Không cho cứ truyền, 125. Độ chưa đủ năm, 126. Độ không bạch Tăng, 127. Độ cho dâm nữ, 128. Không hai pháp nhiếp, 129. Không nương tựa thầy, 130. Không cho cứ truyền, 131. Thiếu hạ mà độ người, 132. Tăng không cho mà truyền, 133. Hủy báng không cho, 134. Không được đồng ý, 135. Độ gái đang yêu, 136. Không cho thọ giới, 137. Nhận rồi không cho, 138. Độ nhiều đệ tử, 139. Để cách một đêm, 140. Không thọ giáo thọ, 141. Không cầu giáo thọ, 142. Không cầu tự tứ, 143. An cư không nương Tăng, 144. Không bạch mà vào, 145. Mạ lỵ Tỳ-kheo, 146. Tranh cãi không nhớ, 147. Mỏ nhọt không thưa, 148. Ăn rồi ăn nữa, 149. Ganh tỵ với thầy, 150. Hương liệu xoa thân, 151. Dầu mè xoa thân, 152. Bảo Tỳ-kheo Ni xoa bóp, 153. Sai Thức-xoa chà thân, 154. Sai sa-di Ni xoa chà thân, 155. Bảo phụ nữ chà xát, 156. Mặc quần lót độn, 157. Sắm đồ trang điểm, 158. Mang dép đi dù, 159. Không bệnh đi xe, 160. Không mặc Tăng-kỳ-chi, 161. Tội đến nhà bạch y, 162. Sắp tội mở cổng chùa, 163. Trời lặn mở cổng, 164. Không an cư, 165. Truyền giới thường xuất, 166. Độ người hai hình, 167. Độ người hợp một, 168. Độ người nợ, bệnh, 169. Học thuật số để sống, 170. Chỉ dạy thuật số, 171. Bị đuổi không đi, 172. Không cầu mà hỏi, 173. Uy nghi quấy rối, 174. Xây tháp chùa Tăng, 175. Không kính Tỳ-kheo, 176. Đi lặc thân hình, 177. Dùng đồ trang sức, 178. Sai ngoại đạo nữ, Cách sám tội Ba-dật-đề; *Khoa thứ năm, Tám pháp Hồi quá*: 1. Không bệnh xin tô, 2. Không bệnh xin dầu, 3. Không bệnh xin mật, 4. Không bệnh xin đường, 5. Không bệnh xin sữa ăn, 6. Không bệnh xin lạc ăn, 7. Không bệnh xin cá ăn, 8. Không bệnh xin thịt ăn; *Khoa thứ sáu, Chúng học giới pháp*: 1. Tê

chỉnh mặc nội y, 2. Tê chỉnh mặc năm y, 3. Lật ngược y, 4. Lật ngược y ngồi, 5. Y quần cổ vào nhà bạch y, 6. Y quần cổ vào nhà bạch y ngồi, 7. Che đầu vào nhà bạch y, 8. Che đầu ngồi nhà bạch y, 9. Nhảy nhót vào nhà thế tục, 10. Nhảy đi vào ngồi nhà cư sĩ, 11. Ngồi xôm, 12. Chống nạnh đi, 13. Chống nạnh ngồi, 14. Đi mà lặc thân, 15. Ngồi lặc thân hình, 16. Vung tay mà đi, 17. Vung tay mà ngồi, 18. Khéo che thân, 19. Che thân ngồi, 20. Nhìn ngó dáo dác, 21. Ngồi nhìn dáo dác, 22. Yên lặng vào nhà cư sĩ, 23. Yên lặng ngồi nhà cư sĩ, 24. Cười giỡn vào nhà cư sĩ, 25. Giỡn cười ngồi nhà cư sĩ, 26. Chú ý khi ăn, 27. Nhận cơm ngang miệng bát, 28. Ngang bát thọ canh, 29. Cơm-thức ăn tương đương, 30. Ăn tuần tự, 31. Không moi giữa bát ăn, 32. Xin đồ ăn và cơm, 33. Lấy cơm che đồ ăn, 34. Xem bát người bên cạnh, 35. Để ý nơi bát mà ăn, 36. Ăn miếng lớn, 37. Hả miệng chờ đồ ăn, 38. Ngậm cơm nói, 39. Ném cơm vào miệng, 40. Ăn còn sót cơm, 41. Phòng má ăn, 42. Nhai lớn tiếng, 43. Hóp cơm mà ăn, 44. Lấy lưỡi liếm đồ ăn, 45. Vung tay ăn, 46. Lượm cơm đồ mà ăn, 47. Tay bản cầm bát, 48. Đổ nước rửa bát, 49. Đại tiểu tiện trên cỏ tươi, 50. Đại tiểu tiện trong nước, 51. Đứng mà đại tiểu tiện, 52. Thuyết pháp cho người lật ngược y, 53. Nói pháp cho người y quần cổ, 54. Nói pháp cho người che đầu, 55. Nói pháp cho người trùm đầu, 56. Nói pháp cho người chống nạnh, 57. Nói pháp cho người đi giày da, 58. Nói pháp cho người mang guốc gỗ, 59. Thuyết pháp cho người ngồi xe, 60. Ngủ nghỉ trong tháp Phật, 61. Chứa của cải trong tháp, 62. Mang giày da vào tháp, 63. Cầm giày da vào tháp, 64. Mang giày da nhiều tháp, 65. Mang ủng vào tháp, 66. Cầm ủng vào tháp, 67. Ngồi ăn dưới tháp, 68. Khiêng tử thi qua tháp, 69. Chôn tử thi

dưới tháp, 70. Thiêu tử thi dưới tháp, 71. Hướng tháp thiêu tử thi, 72. Bên tháp thiêu tử thi, 73. Mang áo giường người chết qua tháp, 74. Đại tiêu tiện dưới tháp, 75. Hướng tháp đại tiêu tiện, 76. Đại tiêu tiện xung quanh tháp, 77. Mang tượng Phật đến chỗ đại tiêu tiện, 78. Xỉa răng dưới tháp, 79. Hướng tháp mà xỉa răng, 80. Xỉa răng bên tháp, 81. Hỉ nhỏ dưới tháp, 82. Hướng tháp khạc nhổ, 83. Khạc nhổ xung quanh tháp, 84. Hướng tháp ngồi duỗi chân, 85. Thờ Phật chỗ tháp, 86. Người ngồi-mình đứng nói pháp, 87. Nói pháp cho người đang nằm, 88. Người có ghé mình không, 89. Nói pháp cho người ngồi cao, 90. Nói pháp cho người đi trước mình, 91. Nói pháp cho người chỗ kinh hành cao, 92. Nói pháp người đường chính, mình bên lề, 93. Dắt tay nhau đi, 94. Leo cây, 95. Tích trượng xâu vào dây, 96. Nói pháp cho người cầm gậy, 97. Vì người cầm gươm nói pháp, 98. Vì người cầm mâu nói pháp, 99. Nói pháp cho người cầm dao, 100. Nói pháp cho người cầm dù, Cách sám tội đột-các-la; *Khoa thứ bảy, Bảy cách diệt bất hòa*: 1. Hiện tiền tỳ-ni, 2. Ưc niệm tỳ-ni, 3. Bất si tỳ-ni, 4. Tự ngôn trị, 5. Đa nhân ngữ, 6. Mích tội tướng, 7. Thảo phú địa; Giới Kinh do Phật nói: 1. Giới Kinh Phật Tỳ-bà-thi, 2. Giới Kinh Phật Thi-khí, 3. Giới Kinh Phật Tỳ-khí-la, 4. Giới Kinh Phật Câu-lưu-tôn, 5. Giới Kinh Phật Câu-na-hàm-mâu-ni, 6. Giới Kinh Phật Ca-diếp, 7. Giới Kinh Phật Thích-ca; Văn Hội hướng kết thúc: 1. Khen lợi ích của trì giới, 2. Chư Phật minh chứng, 3. Khuyến tuân lời Phật dạy, 4. Nói rõ lợi ích giới, 5. Đoái tưởng mà dạy, 6. Bảy lời khuyên hộ giới, 7. Hội hướng Phật đạo.

1.345. TỨ PHẦN TỖ-KHEO NI GIỚI BẢN CHÚ GIẢI – Trọn bộ 4 Tập

Tổ Đình Huê Lâm

Soạn giả: *Ni sư Phật Oánh*

Viết dịch: *Ni sư Thích nữ Như Hiền*

Sách có khổ 19 x 26cm, cả bộ (4 tập) dày hơn 2.144 trang, bìa cứng nền đỏ, chữ tựa mạ vàng.

Tập I, Nxb Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh – 2017. Sách dày 532 trang, nội dung gồm có: Lời tựa Ni sư Như Hiền, Lời tựa Bạch Thánh, Lời tựa Đàm Bát, Tứ phần Tỳ-kheo Ni Giới bốn chú giải: I. Chánh đề, II. Văn quy kính, III. Tác tiền phương tiện, IV. Giới Kinh tự, V. Giới pháp;

Tập II, Nxb Hồng Đức – 2019. Sách dày hơn 326 trang, nội dung gồm có: Lời tựa Ni sư Như Hiền, Lời tựa Bạch Thánh, Lời tựa Đàm Bát, Tứ phần Tỳ-kheo Ni Giới bốn chú giải, Đề tam khóa: Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề pháp; Đề tứ khóa: Nhất bá thập bát Ba-dật-đề pháp;

Tập III, Nxb Hồng Đức – 2019. Sách dày hơn 538 trang, nội dung gồm có: Lời tựa Ni sư Như Hiền, Lời tựa Bạch Thánh, Lời tựa Đàm Bát, Tứ phần Tỳ-kheo Ni Giới bốn chú giải: Nhất bá thập bát Ba-dật-đề pháp (tt);

Tập IV, Nxb Hồng Đức – 2019. Sách dày hơn 747 trang, nội dung gồm có: Lời tựa Ni sư Như Hiền, Lời tựa Bạch Thánh, Lời tựa Đàm Bát, Tứ phần Tỳ-kheo Ni Giới bốn chú giải: Nhất bá thập bát Ba-dật-đề pháp (tt); Đề ngũ khóa: Bát Hồi quá pháp; Đề lục khóa: Bách chúng học giới pháp; Đề thất khóa: Thất Diệt tránh pháp; Tổng kết; Thuật Thất Phật lược thuyết Giới Kinh, Văn kết Hội hướng, Tỳ-kheo Ni Bát Kinh pháp; Phần Phụ lục, Lời bạt, Lời cuối.

1.346.

TỨ PHẦN TỖ-KHEO NI GIỚI BỒN

Soạn dịch: *Thích nữ Tuệ Như*

Nxb Phương Đông – 2010

Sách có hơn 388 trang, bìa mềm. Tác phẩm này gồm có: Lời tựa, I. *Tứ Phần Luật Tỳ-kheo Ni*: - Tám hạng Tỳ-kheo Ni, - Tám loại ngựa dữ, a. Tám pháp Ba-la-di, b. Mười bảy pháp Tăng tàn, c. 30 Pháp Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề, d. 178 Pháp Ba-dật-đề, e. Tám pháp Ba-la-đề-xá-ni, g. Chúng học pháp giới, h. Bảy pháp diệt tránh, Giải thích Bảy pháp diệt tránh, Thuật lại bảy vị Phật, Tám pháp tội Xả đọa; II. *Trị phạt*: Kết giải các giới: Chương I, II và III.

1.347. TỨ PHẦN TỖ-KHEO NI GIỚI BỒN Hội Nghĩa – 2 Tập

Việt dịch:

Tỳ-kheo Ni Thích nữ Như Pháp

PL. 2531 – DL. 1988

Tập I, nội dung sơ lược gồm có: Lời tựa, Q.I, Giải thích Tỳ-kheo Ni Giới bồn Hội nghĩa, Giải chữ Ni, Giải Thông và Biệt hai tên, Giải thích: Giới-Định-Đạo và Tam tụ tịnh giới, Giải thích đề mục tên người dịch; Phần II, Chánh văn nhập nghĩa chia 3 phần: 1. Giải thích lời tựa giới, 2. Giải thích Giới tướng, 3. Kết khuyến hồi hướng, 1. Giải thích lời tựa giới chia 5 phần: a. Thuật bài tán tụng, b. Tác tiền phương tiện, c. Bình bạch Yết-ma, d. Chính nói lời tựa của giới, đ. Kết vấn khuyến trì, a. Thuật bài tán tụng chia làm 6 phần: 1. Quy y Tam bảo, 2. Răn nhắc chúng họp nghe, 3. Thầy trò truyền thọ, 4. Thí dụ răn nhắc chớ hủy phạm, 5. Hiện bày nên nói giới, 6. Khen ngợi vượt hơn, tám kết chỉ bày,...; Thiên thứ nhất, Ba-la-di, Tăng-tàn, Ba-dật-đề, Đột-kiết-la, Sự chịu tội ở địa ngục, Duyên khởi lập Giới dâm, Giải Thập cú nghĩa, Giải Tám hạng Tỳ-kheo Ni; Q.II, Ba-la-di (tt) Giới 2 –

Giới 8; Q.III, Giới Tăng-già-bà-thi-sa, Giới 1 – Giới 17; Q.IV, Ba mươi pháp Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề, Giới 1 – Giới 18; Q.V, Ba mươi pháp Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề (tt), Giới 19 – Giới 30; Tụ thứ tư là 178 Pháp Ba-dật-đề, Giới 1 – Giới 37;

Tập II, Q.VII, Tụ thứ tư là 178 Pháp Ba-dật-đề (tt), Giới 38 – Giới 60; Q.VIII, Tụ thứ tư là 178 Pháp Ba-dật-đề (tt), Giới 61 – Giới 96; Q.IX, Tụ thứ tư là 178 Pháp Ba-dật-đề (tt), Giới 97 – Giới 134; Q.X, Tụ thứ tư là 178 Pháp Ba-dật-đề (tt), Giới 136 – Giới 177; Q.XI, Tụ thứ năm, Tám Pháp Ba-la-đề-đề-xá-ni, Giới 1 – Giới 8; Tụ thứ sáu, Pháp Chúng học, Giới 1 – Giới 100; Q.XII, Tụ thứ bảy, Có 22 Pháp phải biết là bậc lợi căn đa văn để xử đoán việc người, Bảy Pháp dứt tranh cãi; Phần 1. Kết vấn khuyến trì, Phần 2. Khuyến học các pháp-Tường thuật Giới Kinh của bảy đức Phật, Phần 3. Khuyến tuân theo lời Phật dạy, Phần 4. Trình bày việc lợi ích của Giới, Phần 5. Lời di chúc Phật dạy bảo, Phần 6. Khuyến thực hành Bỏ-tát; Đính chính.

(*Bản lưu tại Thư viện Huệ Quang-Trung tâm Dịch thuật Hán-Nôm Huệ Quang, Tp. Hồ Chí Minh*)

1.348. TỨ THANH TỊNH GIỚI VÀ PHẬN SỰ CỦA BẬC XUẤT GIA

Tỳ-kheo Bửu Chơn

(*Bhikkhu Nàga Thera*)

PL. 2504 – DL. 1960. Toàn bộ tác phẩm này gồm có 6 phần: - Phi lộ; I. Tứ thanh tịnh giới bồn Ba-la-đề-mộc-xoa của Tỳ-kheo bát cộng trụ, Phần kể ra Tăng tàn; II. Phần kể ra về Bất định, Phần kể ra về Ứng xả đôi trị; III. Phần kể ra về Ứng đôi trị; IV. Phần kể ra về Ứng phát lộ, Phần kể ra về Ứng học pháp, Phần kể ra về chi tiết pháp Điều giải; V. Giới thu thúc lục căn (thanh tịnh), Giới nuôi mạng chân chánh

(thanh tịnh), Pà padhamma – Năm pháp ác, Asesana – Hai mươi một pháp tà mạng, Giới quán tưởng (thanh tịnh), Cách làm lễ Phát lộ Uposatha (Bồ-tát), Cách làm lễ Tự tứ - Pavàranà; VI. Cách nguyện hoặc xả y, Chỉ định (nhường cho) cách y, bát – Vidhì vikappa, Cách sám hối, Cách sám hối về Ưng xả đối trị, Cách xả vàng bạc mà mình đã thọ lãnh, Cách nhập hạ Vas'ùpanàyika, Cách thọ lễ dâng y – Kathina, Thời hạn phức tạp của vật dụng, Bốn pháp dung hòa – Mahàpadesa, Linh tinh – Pakinnaka, Cách tỏ sự Ưng thuận và Trong sạch, Cách xuất Sa-di.

(www.tuvienguangduc.com.au/ Luật)

1.349. TỖ-KHEO NI GIỚI BỒN

Việt dịch:

Ni trưởng Huyền Huệ (1924-2015)

Nxb Tôn Giáo, PL. 2549 – DL. 2005

Sách có khổ 14.5 x 20.5cm, có 80 trang, bìa mềm. Nội dung gồm: Nghi thức tụng Tỳ-kheo Ni Giới bồn, Cúng tán Phật, Tán, Khai Kinh kệ, Các vị Ngũ giới xuất ban, Chúng Sa-di Ni thập giới ra ban, Chúng Thức-xoa-ma-na ra ban, Giới bồn của Tỳ-kheo Ni (gồm có: 8 pháp Ba-la-di, 17 pháp Tăng-già-bà-thi-sa, 30 pháp Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề, 178 pháp Ba-dật-đề, 8 pháp Ba-la-đề-xá-ni, 100 giới pháp chúng học, 7 pháp diệt tránh).

1.350. TỖ-KHEO NI GIỚI BỒN & KINH PHẠM VÕNG

Chùa Huệ Lâm (Q. Bình Tân, Tp. Hồ Chí Minh) ấn tống

PL. 2557 – DL. 2013

Sách dày 366 trang, bìa cứng, chữ tựa mạ vàng. Nội dung gồm có: Nghi thức tụng Tỳ-kheo Ni Giới bồn, Nghi thức tụng Thức-xoa-ma-na Giới bồn, Kinh Phạm Võng Bồ-tát Giới; Phần Chú thích.

1.351. TỖ-KHEO NI GIỚI BỒN

Yếu Giải

Trường Cơ Bản Phật Học Tp. HCM

Biên soạn: *Tỳ-kheo Ni Thích nữ Như Đức*

Lưu hành nội bộ, PL. 2558 – DL. 2014 (in lần thứ 3)

Nội dung gồm có 4 thiên: Lời nói đầu; *Thiên I.* Lý do lập Luật có 2 chương: C.1 Tóm lược lịch sử, C.2 Phật độ người nữ; *Thiên II.* Giải thích tiền đề có 4 chương: C.1 Giải thích đề mục, C.2 Kệ khen, C.3 Tác tiền phương tiện, C.4 Lời tựa Giới Kinh; *Thiên III.* Nội dung Luật học có 7 chương: C.1 Pháp Ba-la-di, C.2 Pháp Tăng-già-bà-thi-sa, C.3 Pháp Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề, C.4 Pháp Ba-dật-đề, C.5 Pháp Ba-la-đề-đề-xá-ni, C.6 Pháp Chúng học, C.7 Pháp Diệt tránh; *Thiên IV.* Tổng kết và Hồi hương, có 3 chương: C.1 Tổng kết Giới tướng, C.2 Giới Kinh bảy đức Phật, C.3 Kết luận – Hồi hương.

1.352. TỖ-KHEO NI và BỒ-TÁT GIỚI KINH

Việt dịch: *HT. Thích Trí Tịnh*

và *NT. Thích nữ Huyền Huệ*

PL. 2556 – DL. 2012

Sách dày hơn 300 trang, nội dung gồm có: Tỳ-kheo Ni Giới Bồn, Nghi thức tụng Tỳ-kheo Ni Giới Bồn (Cúng tán Phật, Tán, Khai Kinh kệ); Kinh Phạm Võng Bồ-tát Giới, Hồi hương; Phần Chú thích; Phần Hán văn.

(*Bản lưu tại Thư viện chùa: Huệ Nghiêm (huyện Bình Tân) và chùa Vạn Đức (quận Thủ Đức), Tp. Hồ Chí Minh*)

1.353. TỖ-NI HƯƠNG NHŨ

(âm và nghĩa)

Dịch giả: *HT. Thích Thiện Chơn*

Nxb Tôn Giáo, PL. 2554 – DL. 2010, tái bản lần thứ nhất.

Sách có khổ 15.5 x 23cm, dày 445 trang. Nội dung gồm có: - Thay lời tựa, - Thanh Việt Tỳ-kheo ký Tự (âm), - Tỳ-kheo Thanh Việt viết lời tựa (nghĩa), - Thơ Ngọc Tỳ-kheo ký Tự (âm), - Tỳ-kheo Thơ Ngọc viết Lời tựa (nghĩa), - Tỳ-ni Hương nữ – Quyền thượng (âm – nghĩa), Thích nghĩa quyền thượng; Tỳ-ni Hương nữ – Quyền hạ (âm – nghĩa), Thích nghĩa quyền hạ; Cáo bạch.

Tỳ-ni Hương Nữ này đã được Sa-môn Thích Đăng Quang-Trụ trì chùa Hải Tuệ (Sài Gòn) Trưởng Ban Tổ chức ấn tống năm PL. 2512 – DL. 1968, PL. 2513 – DL. 1969; tái bản năm 2004, Nxb Tôn Giáo.

1.354.

TỠ-NI NHỰT DỤNG THIẾT YẾU

Biên soạn: *Luật sư Độc Thế;*

Giảng giải: *Ni sư Phật Oánh*

Việt dịch: *Tỳ-kheo Nhựt Chiêu*

Nxb Tôn Giáo – 2003. Sách có khổ 14.5 x 20.5cm, dày 232 trang, bìa mềm, chữ tựa màu đỏ và đen.

Toàn bộ tác phẩm gồm có: Lời tựa, Giải Tỳ-ni Nhật dụng thiết yếu, 1. Tảo giác: Sáng sớm thức dậy, 2. Minh chung: Thỉnh chuông, 3. Văn chung: Nghe chuông, 4. Trước y: Mặc áo, 5. Hạ đơn: Xuống đơn, 6. Hành bộ bất thương trùng: Bước đi không hại sâu bọ, 7. Xuất đường: Ra khỏi nhà, 8. Đăng xí: Vào nhà vệ sinh, 9. Tẩy tịnh: Rửa sạch, 10. Khử uế: Khử dơ, 11. Tẩy thủ: Rửa tay, 12. Tẩy diện: Rửa mặt, 13. Âm thủy: Uống nước, 14. Ngũ y: Y năm điều, 15. Thất y: Y bảy điều, 16. Đại y: Y lớn, 17. Ngọa cụ: Đồ nằm, 18. Đăng đạo tràng: Lên đạo tràng, 19. Tán Phật: Ca tụng Phật, 20. Lễ Phật: Lạy Phật, 21. Phở lễ chơn ngôn: Chân ngôn đánh lễ khắp cả, 23. Đăng tịnh bình chân ngôn: Chân ngôn súc bình sạch, 24. Quán thủy chân ngôn: Chân ngôn rót nước, 25. Thọ thực: Thọ

tra, 26. Xuất sanh: Xuất cho chúng sanh, 27. Thị giả tống thực: Thị giả đưa thức ăn, 28. Kết trai: Kết thúc sự trai ngọ, 29. Tẩy bát: Rửa bát, 30. Triền bát: Mở bát, 31. Thọ sán: Nhận đồ cúng dường, 32. Thủ dương chi: Lấy nhánh dương, 33. Tước dương chi: Nhắm nhánh dương, 34. Sáu khẩu: Súc miệng, 35. Xuất tích trượng: Lấy tích trượng, 36. Phu đơn tọa thiền: Bày đơn ngồi thiền, 37. Thùy miên: Ngủ nghỉ, 38. Thủ thủy: Lấy nước, 39. Dục Phật: Tắm Phật, 40. Tán Phật: Ca tụng Phật, 41. Nhiễu tháp: Nhiễu quanh tháp Phật, 42. Khán bệnh: Chăm sóc bệnh, 43. Thế phát: Cạo tóc, 44. Mộc dục: Tắm gội, 45. Tẩy cước: Rửa chân, Kệ phát nguyện hồi hướng; Lời ghi sau khi biên soạn.

1.355.

TỠ-NI NHẬT DỤNG THIẾT YẾU (Luật Thiết Yếu Dùng Trong Ngày)

(Vạn Tân Toàn Tục Tạng Kinh, Tập 60, No. 1115)

Hán văn: *Tỳ-kheo Độc Thế*

Phục hồi Phạm chú và Việt dịch (2011): *Huyền Thanh*

Toàn bộ tác phẩm này có 40 trang (Pdf), gồm các bài kệ và chú thích: 1. Sáng sớm tỉnh giấc, 2. Đánh chuông, 3. Nghe chuông, 4. Mặc áo, 5. Xuống giường, 6. Bước đi chẳng gây hại cho côn trùng, 7. Ra khỏi nhà, 8. Vào nhà cầu, 9. Rửa ráy sạch sẽ, 10. Trừ bỏ sự dơ bẩn, 11. Rửa bàn tay, 12. Rửa mặt sạch sẽ, 13. Uống nước, 14. Áo năm điều, 15. Áo bảy điều, 16. Áo kép, 17. Ngọa cụ, 18. Lên đạo trường, 19. Ca ngợi Đức Phật, 20. Lễ Phật, 21. Chân ngôn lễ khắp cả, 22. Cúng tịnh bình, 23. Chân ngôn rửa sạch tịnh bình, 24. Chân ngôn rót nước, 25. Thọ thực, 26. Xuất sanh, 27. Thị giả đưa thức ăn, 28. Tẩy rửa bát, 29. Mở bát, 30. Nhận của bố thí, 31. Lấy cành dương, 32. Nhai nhắm cành

dương, 33. Súc miệng, 34. Cầm tích trượng đi ra ngoài, 35. Trãi giường ngồi thiền, 36. Ngủ nghỉ, 37. Lấy nước, 38. Tắm Phật, 39. Khen ngợi Phật, 40. Nhiều vòng quanh cái tháp, 41. Trông nom người bệnh, 42. Cạo tóc, 43. Tắm gội, 44. Rửa chân; - Mười giới tướng của Sa-di, - Mười giới tướng của Sa-di Ni, - Giới tướng của Thức-xoa-ma-na, - Giới tướng của Ưu-bà-tắc, - Giới tướng của pháp Bát quan trai. (<https://thuvienhoasen.org>, Luật)

1.356.

TỶ-NI NHẬT DỤNG THIẾT YẾU (Thực tập Luật nghi Hằng ngày-cho người mới tu)

Biên soạn (1644-1661): *Luật sư Độc Thế*

Việt dịch: *Thích Nhật Từ*

Tác phẩm Luật nghi này gồm có 6 bài: Bài 1. Thực tập hạnh phúc buổi sáng; Bài 2. Thực tập chuyển hóa bất tịnh; Bài 3. Lễ bái trên điện Phật; Bài 4. Chánh niệm trong ăn uống; Bài 5. Chánh niệm trong sinh hoạt; Bài 6. Chánh niệm trong đời sống. (<https://phatphapungdung.com>; Pháp bảo-Luật tạng)

1.357. TỶ-NI NHẬT DỤNG THIẾT YẾU GIẢI

Giải thích: *Pháp sư Phật Oánh*

Việt dịch: *Thích Phước Căn*

Nxb Phương Đông – 2011

Sách có khổ 14.5 x 20.5cm, dày 303 trang, bìa mềm. Nội dung gồm có: Lời mở đầu, Lời tựa, Tỳ-ni Nhật dụng Thiết yếu giải, Bảo Hoa Sơn hoàng giới Tỳ-kheo Độc Thế tập, với 43 bài kệ Tỳ-ni nhật dụng và giải thích.

Xem: *Tỳ-ni Nhật dụng Thiết yếu*

1.358. TỶ-NI NHẬT DỤNG THIẾT YẾU GIẢI

Việt dịch: *HT. Thích Trí Minh*

Nxb Tôn Giáo, PL. 2556 – DL. 2012

Sách có khổ 16 x 24cm, dày hơn 337 trang, bìa mềm.

Nội dung gồm có 46 bài (B) kệ Tỳ-ni giải: Lời nói đầu, Lời tựa, A. Phần mở đầu; B. Phần Chánh văn Kệ tụng: B.1 Tảo giác, B.2 Minh chung, B.3 Văn chung, B.4 Trước y, B.5 Hạ đơn, B.6 Hành bộ bất thương trùng, B.7 Xuất đường, B.8 Đẳng xí, B.9 Tẩy tịnh, B.10 Khử uế, B.11 Tẩy thủ, B.12 Tẩy diện, B.13 Âm thủy, B.14 Ngũ y, B.15 Thất y, B.16 Đại y, B.17 Ngọa cụ, B.18 Đẳng đạo tràng, B.19 Tán Phật, B.20 Lễ Phật, B.21 Phở lễ chân ngôn, B.22 Cúng tịnh bình, B.23 Đẳng tịnh bình chân ngôn, B.24 Quán thủy chân ngôn, B.25 Thọ thực, B.26 Xuất sinh, B.27 Thị giả tổng thực, B.28 Tăng bát, B.29 Kiệt trai, B.30 Tẩy bát, B.31 Triễn bát, B.32 Thọ sán, B.33 Thủ dương chi, B.34 Tước dương chi, B.35 Sáu khẩu, B.36 Xuất tích trượng, B.37 Phu đơn-tọa thiền, B.38 Thụy miên, B.39 Thủ thủy, B.40 Dục Phật, B.41 Tán Phật, B.42 Nhiều tháp, B.43 Khán bệnh, B.44 Thế phát, B.45 Mộc dục, B.46 Tẩy túc; Kệ phát nguyện Hồi hương; Lời soạn giả - Ni sư Phật Oánh.

1.359. TỶ-NI NHẬT DỤNG YẾU GIẢI

Chú giải:

Thích nữ Phước Hoàn (Như Thanh)

Nxb Phương Đông – 2009

Sách có khổ 14.5 x 21cm, dày 351 trang.

Nội dung gồm có 53 bài kệ Tỳ-ni Nhật dụng như sau: Lời giới thiệu; 1. Tảo giác – Sớm thức, 2. Minh chung – Hồ chuông, 3. Văn chung – Nghe chuông, 4. Trước y – Mặc y phục, 5. Hạ đơn – Xuống đơn, 6. Hành bộ bất thương trùng – Bước đi không hại côn trùng, 7. Xuất đường – Ra khỏi chùa, 8. Đẳng xí – Lên nhà xí, 9. Tụ thủy – Dội cầu, 10. Tẩy tịnh – Rửa sạch,

11. Tẩy thủ - Rửa tay, 12. Tẩy diện – Rửa mặt, 13. Âm thủy – Uống nước, 14. Ngũ y – Pháp y năm điều, 15. Thất y – Pháp y bảy điều, 16. Đại y – Pháp y lớn, 17. Ngọa cụ - Tắm trải nằm, 18. Đẳng đạo tràng – Lên đạo tràng, 19. Tán Phật – Khen ngợi đức Phật, 20. Lễ Phật, 21. Cúng tịnh bình – Cúng bình sạch, 22. Phở lễ chơn ngôn: Ấn Phạ Nhựt Ra Học, 23. Đản tịnh bình chơn ngôn: Ấn Lam Tá Ha, 24. Quán thủy chơn ngôn: Ấn Phạ Tất Ba Ra Ma Ni Tá Ha, 25. Triển bát – Mở nắp bình bát, 26. Thọ thực – Thọ trai (ăn ngộ), 27. Xuất sanh – Ban ra cho chúng sanh, 28. Thị giả tổng thực – Thị giả đem thức ăn đi cúng, 29. Xướng Tăng bát – Phép xướng cúng bình đẳng, 30. Cử bát – Nâng bình bát, 31. Tam đề - Ba muống cơm phát nguyện, 32. Ngũ quán vô vi – Năm pháp quán không trái, 33. Tẩy bát – Rửa bát, 34. Thủ dương chi – Lấy tăm xỉa răng, 35. Tước dương chi – Đánh răng (xỉa răng), 36. Kiết trai – Kết thúc ngộ trai, 37. Xuất tích trượng – Lấy tích trượng, 38. Thọ thần – Nhận của cúng thí, 39. Thấu khẩu – Súc miệng, 40. Tán Phật – Khen đức Phật, 41. Nhiễu tháp – Đi vòng quanh tháp, 42. Khẩn bệnh – Chăm sóc bệnh nhân, 43. Thế phát – Cạo tóc, 44. Mộc dục – Tắm gội, 45. Tẩy túc – Rửa chân, 46. Dục Phật – Tắm rửa tượng Phật, 47. Phu đơn tọa thiền – Trải đơn tọa thiền, 48. Đoan tọa – Ngồi thẳng, 49. Thùy miên – Ngủ nghỉ, 50. Kiến đại hà – Nhìn thấy sông lớn, 51. Kiến kiêu đạo – Thấy cầu đường, 52. Thủ thủy – Múc nước, 53. Cam lồ chơn ngôn.

1.360. TỖ-NI NHỰT DỤNG THIỆT YẾU Giảng Giải

Giảng giải: *Tỳ-kheo Ni Phật Oánh*

Việt dịch: *Tỳ-kheo Phước Nghĩa*

Nxb Tôn Giáo, PL. 2549 – DL. 2005

Sách có khổ 14.5 x 20.5cm, dày hơn 357 trang. Nội dung gồm có: Lời người dịch, Bài tựa, Giải thích tên sách, Giải thích về Tác giả; và 45 bài kệ Tỳ-ni Nhựt dụng (Bài 1,... đến Bài 45); Kệ Phát nguyện Hồi hướng, Lời ghi sau sách; Phần Phụ lục bản chữ Hán.

Xem: (45 bài kệ) Tỳ-ni Nhựt dụng Thiết yếu

1.361. TỖ-NI SA-DI OAI NGHI CẢNH SÁCH Toàn Tập

Sao lục: *HT. Thích Thanh Sơn*

Tổ đình Vạn Thọ (Q.I, Tp. Hồ Chí Minh), PL. 2552 – DL. 2008

Sách dày 334 trang, bìa mềm. Nội dung gồm có: Thiên Môn Trường Hàng Luật, Tỳ-ni Nhựt dụng Yếu lược, Sa-di Thập giới Kinh, Hạ thiên Oai nghi môn, Qui Sơn Đại Viên Thiên sư Cảnh Sách (ở mỗi quyển có: nguyên văn chữ Hán, dịch âm và dịch nghĩa); Phần sau: Tỳ-ni Nhựt dụng Yếu lược (Phép tắc Hằng dùng rất dón), Giác Duyên Lan-nhã thiền, Hòa thượng Hoàng Ân dịch nghĩa, Huê Nghiêm thiền viện Tỳ-kheo Huệ Lưu sao lục (các kệ Tỳ-ni dịch âm, dịch nghĩa); Sa-di Luật nghi Yếu lược (Phép tắc Thầy Sa-di dón hẹp); Hạ thiên Oai nghi môn (Thiên sau Cửa Oai nghi); Qui Sơn Đại Viên thiền sư Cảnh Sách (Non Qui hiệu ông Đại Viên Thiên sư làm lời văn Cảnh sách), Thâu tán.

Tác phẩm Luật này tái bản năm 2014, Nxb Hồng Đức, với nhan đề “Thiên Môn Trường Hàng Luật”

TH

1.362. THEO DẤU CHÂN XƯA

Thích Minh Thông

Nxb Tôn Giáo, PL. 2547 – DL. 2003

Sách có khổ 14 x 20cm, dày 125 trang, bìa mềm. Nội dung gồm có: 1. Lời nói đầu; 2. Điều kiện trở thành Chúng Trung tôn, 3. Đòi lời tâm sự cùng giới tử, 4. Ba-la-đề-mộc-xoa, 5. Công đức trì giới, 6. Người mang sứ mạng của Như Lai, 7. Trọng trách người giữ gìn gia tài của Phật, 8. Thánh giới còn chững giá trị hiện thực? 9. Vai trò của giới luật trước thiên niên kỷ mới, 10. Phật giáo và Thánh giới, 11. Thanh tịnh và hòa hợp nguồn sinh lực của Tăng-già, 12. Hiếu trong luật học, 13. Bát kính pháp những điều lợi ích hay ràng buộc? 14. Tứ Thánh chủng, 15. Người thấp đước ngày mai, 16. Độc xử nhàn cư.

1.363. THIÊN MÔN - TRƯỜNG HÀNG LUẬT

Sao lục: *Tỳ-kheo Thích Thanh Sơn*

Nxb Hồng Đức – 2014

(Tái bản lần thứ hai)

Sách có khổ 14 x 20cm, dày hơn 254 trang, bìa mềm.

Nội dung gồm có: Lời người soạn lục, Truyền thừa Tông phái kệ, Cảnh huấn, Phần I. Tỳ-ni Nhật dụng Yếu lược; Phần II. Sa-di Luật nghi Yếu lược, a. Thượng thiên Giới luật môn, b. Hạ thiên Oai nghi môn; Phần III. Quy Sơn Cảnh Sách.

1.364. Thiên môn Trường hàng Luật

TỶ-NI SA-DI OAI NGHI

CẢNH SÁCH (Âm - Nghĩa)

Biên soạn: *HT. Thích Đạt Dương*

Giáo chính:

HT. Thích Bửu Lai (1901-1990)

Nxb Tôn Giáo, PL. 2557 – DL. 2014, tái bản lần thứ năm.

Luật có khổ 14.5 x 20.5cm, có 133 trang, bìa mềm. Toàn bộ Luật này gồm có 4 quyển: 1. Tỳ-ni Nhật dụng yếu lược, 2. Sa-di Luật nghi yếu lược, 3. Hạ thiên oai nghi môn, 4. Quy Sơn Đại Viên Thiên sư Cảnh sách.

Sách Luật này được Nhà in Sen Vàng (Sài Gòn) tái bản năm PL. 2513 – DL. 1969, Giấy phép số 1260/BTT/BC3/XB. Saigon, ngày 24-4-1966, có 131 trang, bìa mềm.

1.365. Thiên môn Trường hàng Luật

TỶ-NI SA-DI OAI NGHI

CẢNH SÁCH

In tại Nhà in Thạnh Mậu (Gia Định) – 1948

Sách có 161 trang, bìa mềm, có hình vẽ Đức Phật tọa thiền.

Nội dung gồm có: Tỳ-ni Nhật dụng, Sa-di Luật nghi, Thiên Oai nghi môn, Đại Viên Cảnh Sách.

1.366. THỌ TAM QUY NGŨ GIỚI

Tác giả: *Trưởng lão Thích Thông Lạc*

Nxb Tôn Giáo, PL. 2556 – DL. 2012

Sách có khổ 13 x 20.5cm, có hơn 85 trang, bìa mềm. Nội dung gồm có 2 phần: Lời nói đầu, Phần I. Quy y Tam bảo, Ngõ thứ nhất: Phật bảo, Ngõ thứ hai: Pháp bảo, Ngõ thứ ba: Tăng bảo; Phần II. Thọ Ngũ giới, Giới thứ nhất: Cấm sát sanh, Giới thứ hai: Cấm tham lam, trộm cắp, Giới thứ ba: Cấm tà dâm, Giới thứ tư: Cấm vọng ngữ, Giới thứ năm: Cấm uống rượu, Lời khuyên.

1.367.

THỨC XOA-MA-NA LUẬT NGHI

Biên soạn: *Thích nữ Tuệ Như*

Nxb Phương Đông – 2009

Tác phẩm Luật này có 267 trang; nội dung gồm: - Lời giới thiệu, Lời tựa, Dẫn nhập, Nguyên nhân Phật chế giới cho Ni chúng, Kết tập; Bốn giới căn bản: 1. Giới dâm dục, 2. Giới trộm cắp, 3. Giới đoạn mạng người, 4. Giới đại vọng ngữ; Sáu pháp học, Hành pháp, Sáu hồi hành pháp; Sách tham khảo.

1.368. THỨC XOA-MA-NA NI GIỚI

Biên tập: *Hoằng Tán*

Viết dịch: *Thích Trí Quang (1923-2019)*

Nxb Tp. Hồ Chí Minh – 1994

Tác phẩm này gồm có 3 phần: I. Lời nói đầu (PL. 2535 – DL. 1991), II. Tựa, III. Giới bản Thức-xoa-ma-na-ni giới: A. Một, học căn bản, B. Hai, học sáu pháp, C. Ba, học 292 hành pháp, D. Cách sám hối 292 hành pháp.

Tác phẩm này tái bản năm 1998, Nxb Tp. Hồ Chí Minh.

TR

1.369. TRẮC NGHIỆM GIỚI LUẬT – Hỏi-Đáp Chỉ Trì & Tác Trì

Giảng giải: *HT. Thích Minh Thông*

Lớp Hoàng Luật Huệ Nghiệm ghi

Nxb Phương Đông – 2007

Sách có khổ 14 x 20cm, dày 345 trang, bìa mềm, chữ tựa màu đen và đỏ. Nội dung gồm có: Lời giới thiệu, Lời nói đầu, Trắc nghiệm môn Chỉ trì, Đáp án môn Chỉ trì; Trắc nghiệm môn Tác trì, Đáp án môn Tác trì.

Tác phẩm này tái bản năm 2018, Nxb Hồng Đức, khổ 14.5 x 20.5cm, dày hơn 249 trang, bìa cứng, chữ mạ vàng.

1.370. TRÌ PHẠM TẬP CHỨNG

Biên soạn: *Diệu Tịnh Pháp sư*

Viết dịch: *Minh Bá*

PL. 2534 – DL. 1990

Sách dày hơn 74 trang, nội dung gồm có 2 thiên: Thiên đầu, Trì giới môn: 1. Tổng thuyết, 2. Công đức, 3. Tinh tấn; Thiên cuối, Phạm giới môn: 1. Phạm giới, 2. Nghiệp báo, 3. Sám hối.

1.371. Trích Dịch Thiết Yếu LUẬT TỨ PHẦN TỖ-KHEO NI

Thích nữ Trí Hải (tự Như Hải)

Nxb Hồng Đức – 2013

Sách có khổ 14.5 x 20.5cm, dày hơn 883 trang, bìa cứng. Nội dung gồm có 3 phần: Phần một, Tổng tựa và Biệt tựa, A. Tổng tựa bộ Luật, I. Nguồn gốc Luật tạng, II. Sở hoàng của năm bộ phái, 1. Bộ Ma-ha-tăng-kỳ, 2. Bộ Đàm-vô-quật-đa-ca, 3. Bộ Tát-bà-đa, 4. Bộ Ca-diếp-duy, 5. Bộ Di-sa-tác; III. Giải thích Tứ phần giới bản, 1. Tông chủ bộ Luật, 2. Giải thích Tứ phần, 3. Giải

thích nghĩa Luật, 3.1 Luật nghi giới, 3.2 Định cộng giới, 3.3 Đạo cộng giới, 4. Thời điểm phiên dịch, IV. Giải thích hai pháp Chi và Tác; B. Biệt tựa bộ Luật, I. Sơ lược giáo giới, II. Nhân duyên Phật chế giới, III. Nhân duyên thuyết giới Bồ-tát, IV. Nhân duyên Kiều-đàm-di xuất gia, V. Pháp Tỳ-kheo Ni cầu xin độ chúng, VI. Phân loại Tỳ-kheo Ni, VI.1 Ác tánh Tỳ-kheo, VI.2 Tám hạng Tỳ-kheo Ni, VI.3 Tám loại ngựa dữ, VII. Bình bạch Yết-ma, VIII. Tác tiền phương tiện, IX. Nội dung Luật Tứ phần; Phần hai, - Tám pháp Ba-la-di, - Mười bảy pháp Tăng-già-bà-thi-sa, - Tám pháp hồi quá, - Giới pháp chúng học, - Bảy pháp diệt tránh; Phần ba, Phụ chú: I. Nghi thức kết giới tràng và đại giới, II. Thuật lại bảy vị Phật, III. Ngũ bá kiết tập, IV. Thất bách kiết tập, V. Hai mươi pháp kiên-độ, VI. Kiết giới bất thất y, VII. Khuyến học các pháp, A. Những bài kệ của chư Phật, B. Quyết nghi, C. Kệ tụng hồi hướng.

1.372. TRÌNH BÀY KHÁI QUÁT VỀ TÔNG LUẬT,

SỰ THÀNH LẬP VÀ PHÁT TRIỂN

Tùng San Học Thuật Phật Giáo Hiện Đại
Chuyên Về Tông Luật – Tập 1

Chủ biên: *Trương Mạn Đào*

Tuyển dịch: *Thích Nhật Chiêu*

Nxb Tôn Giáo, PL. 2647 – DL. 2003

Sách có khổ 14.5 x 20.5cm, dày hơn 508 trang, bìa cứng. Nội dung gồm có: Lời người dịch, Tôn chỉ và ý nghĩa của sự biên tập, Nguyên lai của Giới luật và nghiên cứu về tinh thần căn bản của nó (Vương Văn Hiến); Sự chế định Giới luật và tổ chức Luật tạng (Nhị Mai); Bàn về mấy điểm trọng yếu của Tông Luật (Tham Thoại); Khái quát về Giới học (Tục Minh); Chỉ dẫn đại cương về Luật học (Chi Phong); Chủng loại của Giới học (Tục

Minh); Giới Thanh văn và Giới Bồ-tát (Tục Minh); Luật nghi Tỳ-kheo và Luật nghi Tỳ-kheo Ni (Tục Minh); Khái quát về sự hoằng truyền Giới luật của Trung Quốc (Vĩ Phảng); Giáo nghĩa và Truyện ký Lịch sử của Tông Luật (Tuệ Nhạc); Sự Phát triển của Tư tưởng Giới luật (Thượng Điền Thiên Thụy).

1.373. Trọng Yếu TAM QUI & TRÌ GIỚI (Qui Giới Yếu Tập)

Nguyên tác Hán văn:

Sa-môn Hoằng Tấn – Tại Tham

Việt dịch: *Tỳ-kheo Ni Tuệ Thành*

Nxb Hồng Đức – 2016

Sách có khổ 14.5 x 20.5cm, có 127 trang, bìa mềm. Nội dung gồm 3 quyển: Tựa, Q.I, Pháp thụ Tam qui; Q.II, Pháp thụ Ngũ giới; Q.III, Pháp thụ Bát quan trai.

1.374. TRỪNG TRỊ TỶ-NI

Sự Nghĩa Tập Yếu (Trọn bộ 2 tập)

Tác giả: *Sa-môn Trí Húc (1599-1655)*

Việt dịch:

Sa-môn Thích Đồng Minh (1927-2005)

Nhuận văn: *Sa-môn Thích Đức Thắng*

Nxb Tôn Giáo, PL. 2555 – DL. 2011

Sách có khổ 14.5 x 20.5cm, 2 tập dày hơn 1.018 trang, bìa cứng.

Tập I, có hơn 535 trang, gồm có 9 quyển. Phần đầu là Tiểu sử Hòa thượng Luật sư Thích Đồng Minh, Lời tiểu dẫn, Bài tựa 1, Mục lục 19 quyển, Bài tựa 2, Khai từ, Nguyên bản, Tổng vấn biện, Phạm lệ, Đề cương, Luật tạng tổng mục, Tứ Phần luật tạng phẩm mục, Mục dẫn các Kinh; *Quyển một*, Phần đầu là đề mục, Phần hai là chánh văn, a. Bài kệ khen ngợi, Phụ, Biện minh; *Quyển hai*, b. Vấn đáp khái bạch, c. Chính nói bài tựa của giới, d. Nói để kết thúc, I. Bốn pháp khí, 1. Giới dâm; *Quyển ba*, 2. Giới trộm, 3. Sát sanh, 4. Đại vọng ngữ, II. Mười ba pháp Tăng tàn: Giới có ý

làm xuất tinh, Giới xúc chạm thân người nữ, Giới nói thô ác, Giới tự khen mình, đòi cung phụng dục lạc, Giới làm mai mối; *Quyển bốn*, Giới làm phòng riêng quá lượng, Giới làm phòng lớn mà không..., Giới hủy báng không căn cứ, Giới lấy một phần để hủy báng, Giới không bỏ pháp pháp Tăng, Giới không bỏ bè đảng phá Tăng, Giới kẻ bị tấn không chịu phục tùng, Giới không bỏ ác tánh; III. Hai món bất định; IV. Ba mươi pháp Xả đọa (Giới chứa dư y, Giới lìa y ngủ); *Quyển năm*, Giới chứa y quá một tháng, Giới lấy y của Ni không phải bà con, Giới sai Ni không phải bà con giặt y, Giới xin y nơi người không phải bà con, Giới nhận y nhiều, Giới cầu được y tốt đẹp hơn, Giới đòi y quá sáu lần, Giới may ngoạ cụ bằng tơ tằm, Giới may ngoạ cụ màu đen, Giới làm ngoạ cụ không có màu sắc tạp, Giới dùng ngoạ cụ không đủ sáu năm, Giới không may một miếng cũ, Giới cầm lông dê đi đường xa, Giới sai Ni nhuộm lông dê, Giới nhận vàng bạc, Giới mua bán bảo vật, Giới mua bán, Giới chứa y bát dư, Giới chứa y bát cầu đẹp; *Quyển sáu*, Giới bảo thợ dệt không phải bà con..., Giới cầu dệt y mới cho tốt, Giới cho y rồi hờn giận lấy lại, Giới dùng thuốc quá bảy ngày, Giới xin áo tắm mưa, dùng phi thời, Giới chứa y bát cấp thí quá hạn, Giới tháng sau, khi mãn hạ lìa y..., Giới xoay vật của Tăng về cho mình. V. Chín mươi Ba-dật-đề, Giới nói dối, Giới chê bai, Giới nói hai lưỡi, Giới ngữ cùng với người nữ, Giới cùng người chưa thọ giới ngủ ba đêm, Giới cùng với người chưa thọ đại giới..., Giới đến người ngoài nói tội thô..., Giới đến người ngoài nói pháp đã chứng, Giới nói pháp cho người nữ nghe quá hạn, Giới đào đất, Giới phá hoại nơi ở của quý thân, Giới nói quanh để quấy rầy người khác; *Quyển bảy*, Giới cơ hiềm hủy mạ, Giới trái tọa cụ

của Tăng mà không cất, Giới dọn dẹp ngoạ cụ trong phòng Tăng, Giới cưỡng đoạt chỗ để ngủ, Giới kéo người ra khỏi phòng, Giới trên gác ngồi giương sứt chân, Giới nước có trùng, trộn hồ trét vách, Giới lợp phòng quá ba lớp tranh, Giới tự tiện đến dạy Ni, Giới dạy Ni đến chiều tối, Giới cơ hiềm luận bàn việc dạy Ni, Giới cho y người Ni không phải bà con, Giới may y cho Ni không phải bà con, Giới cùng với Ni ngồi chỗ vắng, Giới cùng Ni đồng đi, Giới đi đồng thuyền với Ni, Giới nhờ người Ni khen mà được ăn, Giới ăn nhiều lần, Giới ăn riêng chúng, Giới nhận thức ăn quá ba bát, Giới không làm phép dư thực, Giới khiến cho người phạm pháp dư thực, Giới ăn phi thời; *Quyển tám*, Giới ăn thức ăn cách đêm, Giới tự nhận thức ăn, Giới không bệnh đòi thức ăn ngon, Giới tự tay cho ngoại đạo thức ăn, Giới đến nhà khác không dọn, Giới cưỡng ngồi nơi nhà ăn, Giới ngồi chỗ vắng với thực gia, Giới ngồi một mình với người nữ, Giới cố ý khiến người khác không được thức ăn, Giới nhận thức ăn quá hạn định, Giới xem quân trận, Giới ở trong quân trận quá ba đêm, Giới xem coi quân trận, Giới uống rượu, Giới nói giỡn trong nước, Giới thọc léc nhau, Giới không nhận lời can gián, Giới khùng bố người khác, Giới tắm rửa quá nhiều, Giới nhen lửa chỗ đất trống, Giới giỡn chơi đầu vật của người khác, Giới vội đáp y đã tịnh thí, Giới y không hoại sắc, Giới giết súc sanh, Giới dùng nước có trùng, Giới cố ý làm phiền người, Giới che tội thô ác của người, Giới truyền giới không đúng pháp, Giới phát khởi lại sự tranh cãi, Giới đi với giặc; *Quyển chín*, Giới không bỏ ác kiến, Giới bè đảng với người ác kiến, Giới nuôi Sa-di bị tấn xuất, Giới chống sự can gián, nạn vắn, Giới coi thường việc nói giới, Giới không biết giới, Giới chống lại việc đã

Yết-ma, Giới không gởi dục, Giới giữ dục rồi sau lại hối hận, Giới lên nghe việc cãi cọ rồi đem kể lại, Giới giận đánh Tỳ-kheo, Giới giận (nhá) đánh Tỳ-kheo, Giới giận không căn cứ, hủy báng người khác..., Giới vào cửa cung đột ngột, Giới cầm vật báu, Giới vào tụ lạc phi thời, Giới làm giường cao, Giới dùng bông Đâu-la-miên làm mền nệm, Giới làm ống kim bằng xương sừng, Giới làm tọa cụ quá lượng, Giới làm y che ghe quá lượng, Giới may áo tắm quá lượng, Giới may y bằng với y Phật; VI. Bốn pháp hối quá: Giới nhận thức ăn của người không phải thân quyến, Giới không ngăn Ni thay mình đòi thức ăn, Giới nhận thức ăn nơi học gia, Giới nhận thức ăn nơi có sự sợ sệt; VII. Pháp chúng học.

Tập II, có hơn 483 trang, từ quyển 10 – 19; *Quyển mười*, VII. Pháp chúng học (tiếp theo); VIII. Bảy pháp diệt tránh: Pháp hiện tiền diệt tránh, Pháp ức niệm diệt tránh, Pháp bất si diệt tránh, Pháp tự ngôn diệt tránh, Pháp mịch tội tướng diệt tránh, Pháp đa nhơn ngữ diệt tránh, Pháp như cỏ che đất diệt tránh; *Quyển mười một*, 1. Bàn chung về vấn đề Yết-ma, 2. Vấn đề kiết giới (Kiết giới trường, Kiết đại giới, Kiết giới không mất y, Kiết giới tịnh trừ, Phương tiện kiết tiểu giới); 3. Vấn đề thọ giới (- Nói rõ về phương pháp xuất gia và thọ 10 giới, - Thuyết minh pháp thỉnh Hòa thượng và..., - Phương pháp dâng đàn thọ cụ, - Phương pháp đắc giới và không đắc giới); *Quyển mười hai*, Pháp y chỉ, Tư cách ông thầy, Pháp đệ tử thờ thầy, Pháp Thượng tọa, Pháp đồng học, Pháp lễ kính, Pháp hiếu kính cha mẹ, Pháp an cư, Pháp tự tứ, Y Ca-thi-na; *Quyển mười ba*, Thuyết minh pháp trị tội: - Minh định pháp trị tội thứ tứ khí, - Minh định pháp trị tội Tăng tàn, - Minh định pháp trị tội Thâu-lan-giá, - Minh định pháp trị tội nhẹ,

- Minh định các pháp Yết-ma, - Minh định pháp phú bát (úp bát); *Quyển mười bốn*, Pháp về y, Pháp về bình bát, Pháp về ăn và uống thuốc, Pháp nhận thức ăn, Phương pháp nuôi bệnh, Phòng xá, Pháp về ngoại cụ, Pháp về đồ vật, Pháp về tích trượng, Pháp về tông lâm; *Quyển mười lăm*, Pháp A-lan-nhã, Pháp đại chúng hội họp, Pháp chia vật, Pháp nói pháp, Pháp đọc tụng, Pháp tọa thiền, Pháp tạp, Phật nói Kinh tội phạm giới nặng nhẹ, Bài tụng của giới tướng; *Quyển mười sáu*, 1. Giới của Tỳ-kheo Ni, Tám pháp Ba-la-di, Mười bảy pháp Tăng-già-bà-thi-sa, Ba mươi pháp Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề; *Quyển mười bảy*, Một trăm bảy mươi tám pháp Ba-dật-đề, Tám pháp Ba-la-đề-xá-ni, Pháp chúng học, Bảy pháp diệt tránh; 2. Pháp xuất gia thọ giới của Ni, Pháp xuất gia thọ giới Sa-di Ni, Thuyết minh về pháp thọ giới Thức Xoa-ma-na, Thuyết minh về pháp thọ giới Tỳ-kheo Ni; *Quyển mười tám*, 3. Giới pháp của Sa-di (Môn thứ nhất: 10 giới, Môn thứ hai: 26 chương oai nghi); *Quyển mười chín*, Lược giải thích Kiên-độ, trì giới đại-tiểu theo Tứ phần Luật tạng.

Tác phẩm Luật này đã được in Lưu hành nội bộ năm 1994-1997.

1.375. TRUYỀN GIỚI CHÍNH PHẠM

Giới Đài Viện Huệ Nghiêm –

Ban Dịch Thuật Luật Tạng

Nguyên tác Hán văn: *Sa-môn Độc Thê*

Việt dịch: *Tỳ-kheo Thích Thọ Phước*

Chứng minh và Thẩm định:

HT. Thích Minh Thông

Hiệu đính: *Tỳ-kheo Thích Nguyên Chơn*

Nxb Hồng Đức – 2015. Sách có khổ 14.5 x 20.5cm, dày hơn 210 trang, bìa mềm, có tay gấp. Nội dung gồm có 4 quyển: Tựa, Truyền Giới Chính Phạm, Q.I 1. Đàn thứ nhất: Cách thức xin Giới và Sám hối trước khi truyền Giới Sa-di; Q.II 2. Nghi thức

xin Giới, Sám hối trước khi truyền Giới Tỳ-kheo; Q.III 3. Nghi thức xin Giới, Sám hối trước khi lên đàn thụ Giới Bồ-tát; Q.IV.

1.376. TRUYỀN THỌ TAM QUY

Nguyên tác: *Pháp sư Tịnh Không*

Viết dịch: *Thích Chân Tính*

Nxb Tôn Giáo, PL. 2550 – DL. 2006

Sách có khổ 13 x 19cm, có 77 trang, bìa mềm; nội dung gồm: Truyền thọ Tam quy; Bà chủ nhà làm thế nào trong sinh hoạt hàng ngày tu Bồ-tát đạo?; Mấy lời tâm huyết.

U

1.377. UY NGHI DÀNH CHO NGƯỜI PHẬT TỬ TẠI GIA

Biên soạn: *Thích Quảng Hương*

Nxb Phương Đông – 2011

Sách có khổ 13 x 19cm, dày hơn 61 trang, bìa mềm.

Nội dung gồm có 13 chương: C.I Đến chùa, C.II Tiếp xúc với quý Tăng Ni, C.III Thỉnh quý Thầy về nhà, C.IV Làm công quả, C.V Ăn cơm, C.VI Vào nhà vệ sinh, C.VII Quan hệ với các bạn đồng tu, C.VIII Nghe pháp thoại, C.IX Học hỏi đạo lý, C.X Thờ Phật và lạy Phật, C.XI Ngồi thiền-kinh hành-tụng Kinh và niệm Phật, C.XII Bảo vệ môi trường, C.XIII Năm giới.

V

1.378. VIỆT NAM TRUYỀN GIỚI CHÁNH PHẠM

Biên soạn:

Giới Đàn viện chùa Huệ Nghiêm

Nxb Hồng Đức – 2017

Sách có khổ 16 x 24cm, có hơn 213 trang. Toàn bộ tác phẩm này gồm có: Giới thiệu, Nghi thức truyền giới Sa-di, Nghi thức truyền giới Tỳ-kheo, Chánh pháp Yết-ma cho Ni, Nghi tấn đàn Tỳ-kheo Ni, Nghi thức truyền giới Thức-xoa-ma-na, Nghi thức truyền giới Sa-di Ni, Nghi thức truyền giới Bồ-tát, Lời bạt.

X

1.379. XUẤT GIA TOÀN TẬP I – Đạo Hạnh Người Xuất Gia

Linh Quy Pháp Ấn

Thích Minh Thành

Nxb Hồng Đức – 2016

Sách có khổ 14.5 x 20.5cm, dày hơn 264 trang, bìa mềm, nền đỏ, chữ tựa mạ vàng. Nội dung gồm có 10 chương: Lời giới thiệu, Lời giới thiệu, Lời ngỏ, C.I Ý nghĩa Xuất gia, Ý nghĩa Xuất gia, Ba nghĩa của Sa-môn; C.II Mục đích Xuất gia, Năm hạng Xuất gia, Mục đích Xuất gia; C.III Giá trị Xuất gia, Buông bỏ thế gian, Chân chánh Xuất gia; C.IV Uy nghi Giới hạnh, Uy nghi trong Sinh hoạt, Giới hạnh Thanh tịnh; C.V Đạo hạnh Xuất gia, Căn bản vững chắc, Kính trọng bậc Tôn đức, Kính trọng bậc Bôn sư, Kính trọng Giáo thọ sư, Kính trọng Thiện tri thức, Đối xử với huynh đệ, Tiếp đãi cư sĩ; C.VI Đời sống

Xuất gia, Bốn điều kiện nền tảng, Thực hành đúng pháp; C.VII Bốn phận Xuất gia,, Bốn việc cần làm, Lòng tin sâu sắc; C.VIII Trình tự Tu tập, Năm bước thực hành, Một hơi thở phá vỡ Vô minh; C.IX Xây dựng người tu, Xây dựng Tăng đoàn, Yếu tố xứng đáng, Ái ngữ và Lắng nghe, Cuộc sống triển hiện vẻ đẹp; C.X Người xưa khuyên nhủ, Tự lượng khí chất và năng lực, Một phen sống chết.

Y

1.380. Ý NGHĨA GIỚI LUẬT

Tác giả: *Viên Trí*

Nxb Tôn Giáo – 2004

Toàn bộ tác phẩm Giới luật này có 139 trang, gồm 6 chương: - Lời giới thiệu; C.I Tổng quan, 1. Ý nghĩa đại cương, 2. Phạm trù nghiên cứu; C.II Xuất gia, 1. Định nghĩa từ ngữ “Nekkhamma” (xuất gia), 2. Đời sống tự nguyện, 3. Đời sống phạm hạnh (Brahmacariya); C.III Giới luật, 1. Định nghĩa Giới (sila), 2. Định nghĩa Luật (vinaya), 3. Giới tự nhiên, 4. Giới xã hội; C.IV Nội dung của Giới luật, 1. Nội dung các loại Giới luật, 2. Nội dung giới bốn Ba-la-đề-mộc-xoa (Patimokkha), 3. Bốn pháp Ba-la-di (Parajika-dhamma); C.V Tác động của Giới luật, 1. Tầm quan trọng của Giới luật, 2. Nguyên lý giải thoát của Giới luật, 3. Tác động giải thoát của Giới luật ngay trong hiện tại, 4. Sự ảnh hưởng của Giới luật trong sự thịnh suy của Tăng đoàn; C.VI Kết luận, 1. Tinh thần thủ xả của Giới luật, 2. Những ngộ nhận của Giới luật; Phụ lục, Sách tham khảo.

1.381. YẾT-MA YẾU CHỈ

Giảng thuật:

HT. Thích Trí Thủ (1909-1984)

Soạn tập: *Tỳ-kheo Thích Đông Minh và Tỳ-kheo Thích Nguyên Chứng*

Nxb Tôn Giáo – 2006. Sách có khổ 14.5 x 20.5cm, dày 291 trang, bìa mềm, chữ tựa màu trắng.

Nội dung gồm có 8 chương: Tựa, Tiểu dẫn; Chương I, *Tổng luận về Yết Ma*, T.1, Yết-ma trong sinh hoạt của cộng đồng Tăng lữ, 1. Khái niệm tổng quát về cộng đồng Tăng lữ, 2. Thành phần Tăng, 3. Phân loại Tăng, 4. Các nguyên tắc chi phối đời sống của Tăng; T.2, Phân tích nội dung của Yết-ma, 1. Yết-ma là gì? 2. Đối tượng của Yết-ma, 3. Phân loại Yết-ma, 4. Các giai đoạn tiến hành của Yết-ma, 5. Các yếu tố để thành tựu Yết-ma, 6. Giá Yết-ma, 7. Phi tướng của Yết-ma, Kết luận; Chương II, *Cương giới*, T.1, Ý nghĩa và tầm quan trọng của cương giới, 1. Ý nghĩa của cương giới, 2. Hiệu lực chi phối của cương giới; T.2, Bản chất của cương giới, 1. Cương giới tự nhiên, 2. Cương giới ấn định, 3. Thủ tục tiến hành Yết-ma kết giới; T.3, Các pháp yết-ma kết và giải giới, 1. Văn kết đại giới không giới trường, 2. Văn giải đại giới (trước khi giải giới trường), 3. Văn kết đại giới có giới trường (gồm luôn cả nhà bếp và nhà kho), 4. Giới không mất y, 5. Kết tiểu giới; Chương III, *Truyền giới, Thọ giới*, T.1, Bước đầu xuất gia, 1. Dẫn khởi, 2. Tư cách làm thầy, 3. Yết-ma súc chúng, 4. Thế phát xuất gia – thọ giới sa-di; T.2, Giới cụ túc, Tổng luận về giới cụ túc; T.3, 1. Ba y, 2. Xả man y, 3. Xả các y cũ, 4. Thọ ba y, 5. Bình bát, 6. Tọa cụ, 7. Đẩy lọc nước; T.4, Thịnh thầy y chỉ; Chương IV, *Truyền giới, Thọ giới*, T.1, Ni xuất gia, 1. Ni xin nuôi chúng, 2. Sa-di Ni và ngoại đạo cộng trú, 3. Thọ Thức-xoa-ma-na, T.2,

Thọ Tỳ-kheo Ni giới, 1. Bản bộ Yết-ma, 2. Chính pháp Yết-ma; Chương V, *Bồ-tát và Thuyết giới*, T.1, Duyên khởi và ý nghĩa, T.2, Các giai đoạn tiến hành, 1. Dự kỳ sám hối, 2. Nhật kỳ sám hối, 3. Tập Tăng hòa hợp, 4. Việc kiểm Tăng, 5. Gợi dục và thuyết tịnh, 6. Yết-ma công nhận bệnh cuồng si, 7. Giáo thọ Ni, 8. Thuyết giới cho Sa-di; T.3, Chính thức thuyết giới, 1. Các thể thức giới, 2. Tác pháp thuyết giới, 3. Yết-ma thuyết giới; Chương VI, *An cư và Tụ tứ*, T.1, An cư, 1. Duyên khởi và ý nghĩa, 2. Hạn kỳ an cư, 3. Thọ an cư, 4. Xuất giới và phá hạ; T.2, Tụ tứ, 1. Ý nghĩa, 2. Tác pháp tụ tứ, 3. Sau tụ tứ; Chương VII, *Ca-thi-na*, 1. Duyên khởi và ý nghĩa, 2. Tác thành Ca-thi-na, 3. Trương ca-thi-na, 4. Thọ y ca-thi-na, 5. Xả y ca-thi-na; Chương VIII, nói về pháp *thọ dục, thuyết tịnh và phân vật*, T.1, Thọ dục, 1. Các loại dục, 2. Thể thức thọ; T.2, Thuyết tịnh, 1. Phân loại tịnh thí, 2. Tác pháp tịnh thí; T.3, Phân vật, 1. Phân loại sở hữu, 2. Thể thức phân chia, 3. Tác pháp phân vật; Thư mục tham khảo, 1. Hán tạng, 2. Nam truyền.

Tác phẩm này được tái bản nhiều lần: Năm 1987, in Lưu hành nội bộ; năm PL. 2545 – DL. 2001, Ban Tu Thư Phật Học ấn hành, dày 226 trang, bìa mềm; năm 2011, Nxb Phương Đông, khổ 13.5 x 20.5cm, dày 350 trang, bìa mềm, nền màu xanh nước biển, chữ tựa mạ trắng bạc; năm 2014, Nxb Hồng Đức.

1.382. Yếu Nghĩa

TỠ-KHEO BỒ-TÁT GIỚI

Biên soạn: *Thích nữ Như Lộc*

PL. 2545 – DL. 2001

Sách dày 161 trang, bìa mềm. Nội dung gồm có 2 chương: *C.I Yếu nghĩa Tỳ-kheo giới*, có 18 bài, B.1 Đại cương về Giới Luật, B.2 Nội dung Giới Luật, B.3 Ý

nghĩa Tỳ-kheo giới, B.4 Bốn thanh tịnh Luật nghi, B.5 Năm thiên giới, B.6 Bảy tụ hay sáu tụ tội, B.7 Bảy tụ tội (tt), B.8 Bảy tụ tội (tt), B.9 Thất diệt tránh, B.10 Thất diệt tránh (tt), B.11 Thất diệt tránh (tt), B.12 Ý nghĩa Yết-ma, B.13 Ý nghĩa Yết-ma (tt), B.14 Ý nghĩa Yết-ma (tt), B.15 Ý nghĩa Yết-ma (tt), B.16 Ý nghĩa Yết-ma (tt), B.17 Phi tướng của Yết-ma, B.18 Phi tướng của Yết-ma (tt); *C.II Yếu nghĩa Bồ-tát giới*, B.1 Ý nghĩa của Bồ-tát Luật nghi giới, B.2 Thọ đắc giới Bồ-tát, B.3 Vô tác giới thể, B.4 Giai vị Bồ-tát, B.5 Giai vị Bồ-tát (2), B.6 Giai vị Bồ-tát (3), B.7 Giai vị Bồ-tát (4), B.8 Giới tướng Bồ-tát, B.9 Giới tướng Bồ-tát (2), B.10 Giới tướng Bồ-tát (3), B.11 Giới tướng Bồ-tát (4), B.12 Giới tướng Bồ-tát (5), B.13 Giới tướng Bồ-tát (6), B.14 Sám hối hành pháp.

III. TÁC PHẨM LUẬN

A

1.383. A-TỠ-ĐÀM

Jintaro Takakusu

Dịch giả: *Tỳ-kheo Giác Nguyên*

Luận A-tỳ-đàm này gồm có 12 chương chính. Phần đầu là Lời vào sách, Phần nội dung: C.1. A-tỳ-đàm truyền thống Hữu bộ, C.2. Thuyết Nhất thiết Hữu bộ, C.3. Phát trí luận (Jnanaprasthana) của Ca-đa Diễn tử (Katyayyaniputra), C.4. Túc luận (Sangitiparyaya), C.5. A-tỳ-đạt-ma Tập dị môn túc luận, C.6. Prakaranapada (Đệ Nhị túc luận), C.7. Vijnanakaya (của Devasarma), C.8. Dhatukaya, C.9. Dharmaskandha, C.10. Prajnaptisastra, C.11. Các tác phẩm A-tỳ-đàm quan trọng khác của Hữu bộ, C.12. Kết luận. Sách tham khảo lúc dịch.

(<https://thuvienhoasen.org>;

<https://quangduc.com>, Luận)

1.384. A-TỠ-ĐÀM YẾU LUẬN

Tác giả: *Dr. Mehm Tin Mon*

Dịch giả: *Tỳ-kheo Minh Huệ*

Nxb Tôn Giáo – 2008

Tác phẩm Luận này có 427 trang; nội dung gồm 9 chương: - Cẩm đề của Dịch giả, Lời tựa, Lời giới thiệu; C.1 Tâm, C.2 Sở hữu tâm (Cetasika), C.3 Tổng hợp (Pakinnaka), C.4 Lộ trình tâm (Vithi), C.5 Các cõi giới (Vithimut hay Bhumi), C.6 Sắc, C.7 Tập yếu (Samuccaya), C.8 Duyên (Paccya), C.9 Các đề mục thiền (Kammatthana); Kết luận.

1.385. A-TỠ-ĐẠT-MA CÂU-XÁ – Tiểu Tạng Luận – 5 Tập

ABHIDHARMAKOSABHĀSYAM

Acarya Vasubandhu

Dịch và chú: *Tuệ Sỹ*

Sách có khổ 14 x 20.5cm, tổng cộng 5 tập dày 2.999 trang, bìa cứng, nền màu xám, chữ tựa mạ bạc trắng.

Tập I, A-tỳ-đạt-ma Câu-xá, Nxb Hồng Đức – 2017, dày 634 trang, nội dung gồm có: Phẩm 1: Phân Biệt Giới và Phẩm 2: Phân Biệt Căn; Giới thiệu A-tỳ-đạt-ma Câu-xá; Phần I. Tổng luận A-tỳ-đạt-ma; 1. A-tỳ-đạt-ma: Hệ thống triết học, 2. Từ nghĩa A-tỳ-đạt-ma, 3. A-tỳ-đạt-ma tạng, 4. Văn hiến A-tỳ-đạt-ma, 5. Thế Thân & Câu-xá-luận; Phần II. Nội dung Câu-xá: Thiên I. Phân biệt Giới, Thiên II. Phân biệt Căn, Phạm lệ, *Thiên I. Phân Biệt Giới*, Phần tựa: I. Quy kinh, II. Định nghĩa A-tỳ-đạt-ma, 1. Tự thể của A-tỳ-đạt-ma, 2. Câu-xá luận, III. Ý hướng A-tỳ-đạt-ma; C.I Tổng luận Pháp, I. Bản thể của Pháp: 1. Hữu lậu, 2. Vô lậu: a. Hư không vô vi, b. Trạch diệt vô vi, c. Phi trạch diệt vô vi; II. Pháp thường nghiệm, 1. Hữu vi, a. Định nghĩa, b. Đồng nghĩa, 2. Hữu lậu, a. Thủ uẩn, b. Hữu tránh, c. Và các tên khác; III. Phân tích Uẩn, 1. Sắc uẩn, i. Tổng lược, ii. Năm căn, iii. Năm cảnh, iv. Vô biểu, v. Đại chủng, vi. Khái niệm sắc, vii. Tổng hợp uẩn-xứ-giới của sắc; 2. Các uẩn phi sắc, i. Thọ uẩn, ii. Tưởng uẩn, iii. Hành uẩn, iv. Tổng hợp uẩn-xứ-giới, v. Thức uẩn; C.II Thiết lập Ba khoa, I. Thống nhất Uẩn-Xứ-Giới, 1. Nguyên lý tổng thể, 2. Cá biệt, II. Tổng luận Ba khoa, 1. Ý nghĩa uẩn-xứ-giới, i. Uẩn, ii. Xứ, iii. Giới, iv. Phê phán định nghĩa; 2. Mục đích thiết lập, i. Tổng lập ba khoa, ii. Thành phần của uẩn, iii. Vô vi và uẩn, iv. Thứ tự của uẩn, v. Thứ tự của các xứ và các giới, vi. Khái niệm sắc xứ và pháp xứ, vii. Khái

niệm pháp uân, viii. Hai giới đặc biệt; C.III Các đặc tính sai biệt của Pháp, 1. Hữu kiến-vô kiến, 2. Hữu đối-vô đối, 3. Thiện-bất thiện-vô ký, 4. Giới hệ (i. Dục giới hệ, ii. Sắc giới hệ, iii. Vô sắc giới hệ), 5. Hữu lậu-vô lậu, 6. Tâm-tứ, 7. Sở duyên, 8. Chấp thọ, 9. Đại chủng, 10. Khả tích, 11. Khả phân, 12. Căn và đót, 13. Dị thực sanh và sở trường dưỡng, 14. Đăng lưu, 15. Thực chất, 16. Sát-na, 17. Thành tựu, 18. Nội và ngoại, 19. Đồng phân-bỉ đồng phân, 20. Đoạn trừ, 21. Kiến-phi kiến, 22. Sở thức, 23. Thường tính, 24. Căn-phi căn; *Thiên 2: Phân Biệt Căn*, C.I Hai mươi hai Căn, I. Căn nghĩa là gì? 1. Quan điểm Tỳ-bà-sa, 2. Quan điểm Kinh bộ; II. Ý nghĩa lập Căn, III. Chức năng của Căn, 1. Quan điểm chính thống, 2. Dị thuyết, 3. Bác bỏ Số luận; IV. Đặc tính của Căn, 1. Năm thọ căn, 2. Ba vô lậu căn; V. Các vấn đề; 1. Hữu lậu-vô lậu, 2. Dị thực-Phi Dị thực, 3. Hữu dị thực-Vô dị thực, 4. Ba tánh, 5. Giới hệ, 6. Ba sở đoạn, 7. Đắc và xả căn; C.II Các pháp Câu sanh, I. Sắc pháp câu-sanh, 1. Thành phần tổ hợp sắc, 2. Xúc giác vật chất, 3. Sắc tụ thượng giới, 4. Phản bác; II. Tâm pháp câu sanh, 1. Phân loại tâm sở, 2. Tất yếu câu sanh, 3. Sai biệt loại tợ; C.III Tâm bất tương ưng hành, I. Tổng tiêu, II. Tự thể các bất tương ưng hành, 1-2. Đắc và phi đắc, 3. Đồng phân, 4. Vô tướng quả, 5-6. Hai đẳng chí, 7. Mạng căn, 8-11. Hữu vi tướng, 12-14. Danh-cú-vãn; III. Thuộc tính các hành không tương ưng; C.IV Nhân duyên quả, I. Sáu nhân, 1. Năng tác nhân, 2. Câu hữu nhân, 3. Đồng loại nhân, 4. Tương ưng nhân, 5. Biến hành nhân, 6. Dị thực nhân, 7. Thời của sáu nhân; II. Năm quả, 1. Tổng luận, 2. Năm quả; III. Bốn duyên, 1. Tự thể của bốn duyên, 2. Phân vị hoạt động, 3. Tâm vô gián, 4. Đắc tự thể, 5. Tổng kết; Phụ

lục: 1 và 2; Sách dẫn, Ngũ vụng Phạm-Tạng-Hán.

A-tỳ-đạt-ma Câu-xá luận I – ABHIDHARMAKOSABHĀSYAM được xuất bản năm 2003, Nxb Phương Đông.

Tập II, A-tỳ-đạt-ma Câu-xá, Nxb Hồng Đức – 2017, dày 561 trang; nội dung gồm có: Phần 3: Phân Biệt Thế Gian, Dẫn nhập; C.I Tổng thuyết vũ trụ luận, I. Vũ trụ luận thần thoại, 1. Vũ trụ luận cổ đại, 2. Ý nghĩa thần thoại; II. Vũ trụ luận Hy Lạp, 1. Vũ trụ-kosmos, 2. Vũ trụ luận khoa học: Thales (k. 624-546 tr.tl), 3. Khởi nguyên vô hạn: Anaximandros (k. 610-546 tr.tl), 4. Luận chứng vũ trụ: Aristole (384-322 tr.tl); C.II Vũ trụ luận Phật giáo, I. Sơ kỳ vũ trụ luận, 1. Có hay không vũ trụ luận nguyên thủy, 2. Vũ trụ luận hay tiến hóa luận? II. Vũ trụ luận A-tỳ-đạt-ma, 1. Nguồn tư liệu, 2. Vũ trụ hệ, 3. Thế giới phân tầng; C.III Nội dung phẩm Phân biệt Thế gian, 1. Ý nghĩa, 2. Khoa mục tổng quan, 3. Khoa mục theo ký số Hán; *A-tỳ-đạt-ma Câu-xá: Thiên 3: Phẩm Phân biệt Thế gian*, C.I Phân loại thế gian, T.1 Thế giới môi sinh, I. Ba giới hệ, II. Năm định hướng, III. Bảy thức trụ, IV. Chín hữu tình cư, V. Bốn thức trụ; T.2 Hình thái tồn tại; 1. Bốn sinh đạo, 2. Trung hữu, 3. Bốn nhập thai, 4. Trung hữu vô ngã; C.II Nguyên lý duyên khởi, T.1 Mười hai chi Duyên khởi, I. Nhân quả ba thời, II. Thể của mười hai chi, T.2 Ý chỉ duyên khởi, I. Bốn biểu thức duyên khởi, II. Thâm ý của Phật, III. Duyên khởi hạn định; T.3 Sinh tử luân chuyển, I. Ba lớp nhân quả, II. Luân chuyển vô cùng; T.4 Duyên khởi và duyên dĩ sinh, I. Duyên dĩ sinh, II. Duyên sinh nhân quả; T.5 Phân tích ngũ nguyên, I. Kinh bộ thích nghĩa, II. Thất-lị-la-đa; T.6 Mô thức duyên khởi, I. Quan điểm Hữu bộ, II. Quan điểm Kinh

bộ, III. Quan điểm của Thế Thân; T.7 Ý nghĩa các chi, I. Vô minh, II. Danh sắc, III. Xúc, IV. Thọ, V. Các chi còn lại; T.8 Duyên khởi thí dụ, I. Phiền não, II. Nghiệp, III. Sự; C.III Đời sống của hữu tình, I. Bốn hữu và ba giới, a. Bốn hữu, b. Ba giới; II. Thực phẩm để tồn tại, 1. Đoạn thực, 2. Xúc tư thực, 3. Dinh dưỡng và tồn tại, 4. Yếu tố dinh dưỡng, 5. Thức ăn theo sinh loại; III. Sự chết, 1. Tử tâm, 2. Thức diệt, 3. Mạt-ma đoạn, 4. Ba tụ; C.IV Thế giới ngoại khí, T.1 Ba luân, 1. Phong luân, 2. Thủy luân, 3. Kim luân; T.2 Chín núi, 1. Vị trí, 2. Thành phần cấu tạo, 3. Kích thước; T.3 Tám biên; T.4 Các châu lục, 1. Bốn đại châu, 2. Tám trung châu; T.5 Núi sông trong Thiệm-bộ; T.6 Nại-lạc-ca, 1. Tám ngục nóng, 2. Các ngục tăng, 3. Ngục tốt, 4. Tám ngục lạnh, 5. Tạp loại; T.7 Mặt trời-mặt trăng, 1. Mô tả, 2. Vận hành; T.8 Thiên khí và chư thiên, 1. Tứ đại thiên vương, 2. Tam thập tam thiên, 3. Không cư thiên, 4. Chư thiên hành dục, 5. Lạc sinh và dục sinh, 6. Khoảng cách thiên giới, 7. Tương kiến, 8. Lượng thiên cung, 9. Thế giới hệ; T.9 Hữu tình thân lượng-thọ lượng, 1. Thân lượng, 2. Thọ lượng; T.10 Các đại lượng, 1. Sát-na, 2. Đơn vị trường độ, 3. Đơn vị thời gian; C.V Các chu kỳ tiến hóa, T.1 Kỳ nguyên-Kiếp, I. Kiếp hại, 1. Hữu tình hoại, 2. Ngoại khí hoại; II. Kiếp thành, 1. Ngoại khí chuyển thành, 2. Hữu tình chuyển thành; III. Kiếp trụ; IV. Kiếp-số đếm; T.2 Bồ-tát đạo, 1. Thời gian hành Bồ-tát đạo, 2. Phật đẳng giác, 3. Độc Giác Phật; T.3 Chuyển luân vương, 1. Thời đại xuất hiện, 2. Kim luân vương, 3. Phật và Luân vương, 4. Luân vương thống trị, 5. Bảy báu và tướng hảo; T.4 Khởi nguyên vương vị, 1. Nhân loại tối sơ, 2. Tiến hóa sinh thái, 3. Tiến hóa xã hội; T.5 Thế giới hủy diệt, I. Tiểu tam tai, 1. Kiếp tận, 2. Đạo binh, 3. Tật dịch, 4. Cơ

cần, 5. Thời hạn; II. Đại tam tai, 1. Ba tai kiếp lớn, 2. Phê bình Thắng luận, 3. Định tam tai, 4. Đệ Tứ thiên, 5. Tuần tự tam tai; Phụ lục: 1. Phạm văn, 2. Tạng văn, 3. Hán văn, a. Huyền Trang, b. Chân-đế, Ngũ vựng Phạm-Tạng-Hán; Sách dẫn.

Tập III, A-tỳ-đạt-ma Câu-xá, Nxb Hồng Đức – 2019; dày 733 trang; nội dung gồm có: Phần 4: Phân Biệt Nghiệp, Tổng luận Nghiệp, Nghiệp luận ngoài Phật giáo, Nghiệp luận Phật giáo, Nghiệp luận A-tỳ-đạt-ma, Phụ luận: Đại thừa thành nghiệp luận; *A-tỳ-đạt-ma Câu-xá, Thiên thứ 4, P.4 Phân biệt Nghiệp*, C.I Bản thể Nghiệp, T.1 Tổng thuyết, T.2 Biểu nghiệp, T.3 Thế tính vô biểu, T.4 Nghiệp và đại chúng, T.5 Động lực kích khởi; C.II Vô biểu Nghiệp, T.1 Ba luật nghi, T.2 Thọ giới và trì giới, T.3 Tam quy-ngũ giới, T.4 Đắc luật nghi – bất luật nghi, T.5 Xả giới, T.6 Giới và thú thành tựu luật nghi; C.III Giáo thuyết về Nghiệp, T.1 Nghiệp và quả, T.2 Những điển hình về nghiệp; C.IV Mười Nghiệp đạo, T.1 Biểu-vô biểu, T.2 Động lực của nghiệp đạo, T.3 Định mức nghiệp đạo, T.4 Danh nghĩa nghiệp đạo, T.5 Đoạn thiện căn, T.6 Quan hệ nghiệp đạo và tư, T.7 Hiện hành và tiềm hành, T.8 Năm quả nghiệp đạo, T.9 Phân tích đặc tính; C.V Luận thuyết về Nghiệp, T.1 Quy tắc đạo đức, T.2 Dẫn nghiệp-mãn nghiệp, T.3 Ba chương, T.4 Phá Tăng, T.5 Vô gián, T.6 Nghiệp Bồ-tát, T.7 Ba cơ sở phước nghiệp; Chương phụ luận: 1. Hoạt động nghệ thuật, 2. Tiếp cận danh nghĩa; Phụ lục: 1. Phạm văn, 2. Tạng văn, 3. Hán văn: a. Huyền Trang, b. Chân đế; Ngũ vựng STC; Sách dẫn.

Tập IV, A-tỳ-đạt-ma Câu-xá, Nxb Hồng Đức – 2016, dày 594 trang; nội dung gồm có: Phần 5 & 6; *Phần I. Tổng luận*, I.

Danh nghĩa và phẩm loại, 1. Danh nghĩa tùy miên, 2. Tính chất tùy miên, 3. Bộ loại tùy miên, 4. Phẩm loại tùy miên; II. Nguyên lý hoạt động, 1. Nguyên lý duyên khởi, 2. Quy luật nhân quả; III. Tiềm phục và hoạt động, 1. Tùy miên tiềm phục, 2. Quá trình sinh khởi; IV. Thể tính luận, 1. Nhất thiết hữu, 2. Phân loại thời gian, 3. Quá vị vô thể; *Tổng luận Thánh đạo*, I. Đối trị phiền não, 1. Thánh nhân và phạm phu, 2. Thánh đạo trị liệu; II. Phần vị đạo, 1. Thứ tự thuyết pháp, 2. Thuận phước phần, 3. Thuận giải thoát phần; III. Đạo và đối trị đạo, 1. Đối trị đạo, 2. Chín phẩm đoạn, 3. Thế gian đạo; IV. Thuận quyết trạch phần, 1. Lược đồ tu tập, 2. Gia hành thiện căn, 3. Nhập chánh tánh ly sanh; V. Thánh đạo và Thánh quả, 1. Hiện quán Thánh đế, 2. Các Thánh quả, 3. Ngũ bất hoàn; VI. Vô học đạo, 1. Kim Cang dụ định, 2. Chín vô học, 3. Sáu chủng tính, 4. Thối và bất thối; VII. Thành phần của Đạo, 1. Bồ-đề phần, 2. Bốn chứng tịnh; *Phần II. Chính văn, Thiên thứ năm*: C.I Thể tính Tùy miên, T.1 Thuyết minh tổng thể, i. Căn bản tùy miên, ii. Trong đối trị đạo, iii. Tri kiến ô nhiễm; C.II Phân loại Tùy miên, Biến hành – phi biến hành, T.2 Hữu lậu-vô lậu, T.3 Hai tùy tăng, T.4 Bất thiện-vô ký; C.III Hệ phược, T.1 Tùy miên hệ phược, i. Thể tính hệ phược, ii. Thể tính thời gian; T.2 Hệ luận tùy miên, i. Ly hệ, ii. Tâm sở duyên, iii. Tiềm phục theo căn, iv. Tiến trình hoạt động; C.IV Phân loại tùy miên, T.1 Phân loại tùy miên, i. Các chủng loại, ii. Danh nghĩa, T.2 Phạm trừ phiền não, i. Kết, ii. Phược, iii. Tùy phiền não, iv. Triền & phiền não cấu, v. Ngũ cái, T.3 Phiền não đoạn, i. Các phạm trừ đoạn, ii. Diễn tiến ly hệ, iii. Biến tri đoạn; Phụ lục: I. Phạm văn, II. Tạng văn, III. Hán văn, a. Huyền Trang, b. Chân Đế; *Thiên thứ sáu*: C.I Đạo và Thánh đế, T.1 Thể

tính của đạo, T.2 Thánh đế, 1. Khô đế, 2. Tập đế, 3. Tục đế và Thắng nghĩa đế; C.II Gia hành Thánh đạo, T.1 Tối sơ phát khởi, 1. Gia hành tuệ, 2. Tịnh thân khí, T.2 Pháp môn nhập tu, 1. Hai đối trị, 2. Gia hành niệm trụ; T.3 Thuận quyết trạch phần, 1. Bốn thiện căn, 2. Phụ luận: Thuận giải thoát phần; C.III Kiến đạo, T.1 Nhẫn và trí; C.IV Tu đạo, T.1 Chín phẩm tư hoặc, T.2 Đạo quả hữu học; C.V, Vô học đạo, T.1 Hướng đạo, i. A-la-hán hướng, ii. Kim Cang dụ định, T.2 A-la-hán quả, i. Thành vô học, Phụ luận, ii. Sa-môn quả, T.3 A-la-hán chủng tính, i. Sáu chủng tính, ii. Thối thát, iii. Chuyển căn; C.VI Thánh vị; C.VII, Các chủng loại đạo, i. Tổng thuyết đạo, ii. Bốn thông hành, iii. Giác phần, iv. Bốn chứng tịnh, v. Chánh tri-giải thoát; Phụ lục: I. Phạm văn, II. Tạng văn, III. Hán văn, a. Huyền Trang, b. Chân Đế; Ngũ vựng Phạm – Tạng – Hán; Sách dẫn.

Tập V, A-tỳ-đạt-ma Câu-xá, Nxb Hồng Đức – 2018, dày 477 trang; nội dung gồm có: Thiên 7: Phân Biệt Trí và Thiên 8: Phân Biệt Định; Khái thuyết Thiên định Phật giáo, C.I Tư duy – Thiên, 1. Tư duy nhận thức, 2. Tư duy tiến hóa, 3. Tư duy xã hội; C.II Khởi nguyên Thiên Phật giáo, 1. Tư duy Thiên Phật giáo, 2. Bồ-tát học Thiên; C.III Thiên và Yoga, I. Từ nghĩa luận, 1. Thiên và định, 2. Yoga, II. Yogasutra, 1. Tác giả và niên đại, 2. Ảnh hưởng Phật giáo, 3. Phân tích nội dung, III. Hathayoga, 1. Yogàcàra – Maitreyañatha, 2. Siddha – Yogi Nàtha, 3. Prayoga – Hathayoga, 4. Kumbhaka – Thiên nín thở, 5. Khecarì – mudrā; C.IV Thiên Phật giáo, Islam, Thiên chúa giáo, I. Thiên và Islam, 1. Islam – Hồi giáo Tây vực, 2. Các vương quốc Ấn – Hy, 3. Đế chế Caliph Abbasid, 4. Al-Beruni, 5. Sufi huyền bí, 6. Cầu nguyện và tư duy, 7.

Simnani: ánh sáng thần bí, II. Thiên chúa giáo: 1. Cầu nguyện và niệm chúa, 2. Các Giáo phụ Sa-mạc, 3. Meister Eckhrt và Phật giáo, 4. Giáo hội La-mã, Kết luận; *A-tỳ-đạt-ma Câu-xá luận, Thiên 7: Phân Biệt Trí*, C.I Mươi trí, T.1 Nhân-trí-kiến, T.2 Tổng luận mười trí, 1. Thực thể mười trí, 2. Hoạt dụng của mười trí, 3. Quan hệ mười trí, T.4 Sở duyên của mười trí, 1. Trí sở duyên, 2. Pháp sở duyên, T.5 Trí tiềm hành, T.6 Giai vị tu tập mười trí, 1. Kiến đạo, 2. Tu đạo; C.II Mươi tám pháp bất cộng của chư Phật, T.1 Mươi lục, 1. Thể mười lục, 2. Địa và thân sở y mười lục, 3. Ý lục Phật, 4. Thân lục Phật; T.2 Bốn vô úy, 1. Tương quan vô úy và trí lục, 2. Ý nghĩa, T.3 Ba niệm trụ, T.4 Đại bi, 1. Thể đại bi, 2. Sai biệt đại bi và bi, T.5 Phẩm tính phổ quát và cá biệt của chư Phật, 1. Phật bình đẳng pháp, 2. Phật viên đức, 3. Sai biệt công đức; C.III Pháp cộng thông của chư Phật, 1. Thanh văn cộng thông, a. Vô tránh, b. Nguyện trí, c. Bốn vô ngại giải, d. Y biên tế tinh lự và gia hành đặc, 2. Dị sanh cộng thông, a. Sáu thông, b. Ba minh, c. Ba thị đạo, d. Thần biến, e. Biến hóa tâm, f. Đặc thần biến, g. Thiên nhân-nhĩ, h. Đặc thông trí; Phụ lục I. Phạm văn, II. Tạng văn, III. Hán văn, a. Huyền Trang, b. Chân Đế; *A-tỳ-đạt-ma Câu-xá luận, Thiên 8: Phân Biệt Định*, C.I Tịnh lự và vô sắc, T.1 Bốn tinh lự, 1. Danh nghĩa, 2. Đặc tính, T.2 Bốn vô sắc, 1. Tổng danh, a. Siêu sắc tướng, b. Vô sắc không sắc, c. Sắc tục sinh, 2. Biệt danh – định danh, a. Do gia hành, b. Tương muội liệt; C.II Đẳng chí, T.1 Thể tính đẳng chí, T.2 Chức năng của tinh lự đẳng chí, 1. Tĩnh lự tịnh, 2. Tĩnh lự nhiễm, 3. Tĩnh lự sinh đặc, T.3 Hoạch đặc đẳng chí, 1. Nguyên nhân dẫn sinh đặc, 2. Nguồn gốc dẫn sinh đặc, 3. Bốn thuận phần, 4. Siêu đẳng chí, T.4 Y-duyên-đoạn

hoặc, 1. Sở y địa, 2. Sở duyên, 3. Đoạn hoặc, 4. Cận phần định; C.III Đẳng trì, T.1 Chung loại đẳng trì, 1. Tâm-tứ, 2. Giải thoát môn, 3. Bốn tu định, T.2 Các phẩm tính y chỉ đẳng trì, 1. Bốn vô lượng tâm, 2. Tám giải thoát, 3. Tám thắng xứ, 4. Mười biến xứ, 5. Sở y-sinh khởi; Chương kết, 1. Chánh pháp tồn tại, 2. Kết nghĩa, 3. Hậu từ; Phụ lục: 1. Phạm văn, 2. Tạng văn, 3. Hán văn, a. Huyền Trang, b. Chân Đế; Ngũ vụng, Sách dẫn.

1.386. A-TỶ-ĐẠT-MA PHÁP UẨN TỨC LUẬN ABHIDHARMA- DHARMASKANDHASASTRA

Việt dịch: *Tuệ Sỹ - Nguyên An*

Nxb Hồng Đức – 2018

Sách có khổ 14 x 20cm, dày 508 trang, bìa mềm, có tay gấp.

Nội dung gồm có 21 phẩm: Tổng luận, 1. Luận thư và Luận sư, 2. Pháp Uẩn: Danh và Thể, 3. Pháp Uẩn và Vibhanga, 4. Pháp Uẩn và Xá-lợi-phát A-tỳ-đàm, Thư mục trích dẫn, P.1 Học Xứ, A. Kinh, B. Luận, I. Cận sự và chi phần cận sự, II. Sáu hạng cận sự, III. Thành tựu bốn mươi pháp, IV. Cận sự luật nghi, V. Học xứ và Quy y; P.2 Dự lưu chi, A. Kinh, B. Luận, I. Thân cận thiện sỹ, II. Thính văn chánh pháp, III. Như lý tác ý, IV. Pháp tùy pháp hành, V. Tổng luận; P.3 Chứng tịnh, A. Kinh, B. Luận, I. Phật chứng tịnh, II. Pháp chứng tịnh, III. Tăng chứng tịnh, IV. Thánh sở ái giới; P.4 Sa-môn quả, A. Kinh, B. Luận, I. Dự lưu, II. Nhất lai, III. Bất hoàn, IV. A-la-hán; P.5 Thông hành, A. Kinh, B. Luận, 1. Khở trì thông hành, 2. Khở tốc thông hành, 3. Lạc trì thông hành, 4. Lạc tốc thông hành, 5. Hổ tương viên mãn; P.6 Thánh chủng, A. Kinh, B. Luận, I. Ý nghĩa Thánh chủng, II. Nội dung Thánh chủng; P.7 Chánh thắng, A. Kinh, B. Luận, 1.

Chánh thắng thứ nhất, 2. Chánh thắng thứ hai, 3. Chánh thắng thứ ba, 4. Chánh thắng thứ tư, 5. Kết nghĩa; *P.8 Thần túc*, A. Kinh, B. Luận, 1. Dục định thần túc, 2. Cần định thần túc, 3. Tâm định thần túc, 4. Quán định thần túc, 5. Kết nghĩa; *P.9 Niệm trụ*, A. Kinh, B. Luận, 1. Thân niệm trụ, 2. Thọ niệm trụ, 3. Tâm niệm trụ, 4. Pháp niệm trụ; *P.10 Thánh đế*, A. Kinh, B. Luận, I. Thánh đế về Khổ, II. Thánh đế về Tập khởi của Khổ, III. Thánh đế về Diệt khổ, IV. Thánh đế về Đạo diệt khổ; *P.11 Tĩnh lự*, A. Kinh, B. Luận, 1. Sơ Thiền, 2. Tĩnh lự thứ hai, 3. Tĩnh lự thứ ba, 4. Tĩnh lự thứ tư; *P.12 Vô lượng*, A. Kinh, B. Luận, 1. Từ vô lượng, 2. Bi vô lượng, 3. Hỷ vô lượng, 4. Xả vô lượng; *P.13 Vô sắc*, A. Kinh, B. Luận, 1. Không vô biên xứ, 2. Thức vô biên xứ, 3. Vô sở hữu xứ, 4. Phi tưởng phi phi tưởng xứ; *P.14 Tu định*, A. Kinh, B. Luận, 1. Hiện pháp lạc trú, 2. Quang minh tướng định, 3. Thắng phân biệt tuệ, 4. Vĩnh viễn lậu tận; *P.15 Giác chi*, A. Kinh, B. Luận, 1. Niệm giác chi, 2. Trạch pháp giác chi, 3. Tinh tấn giác chi, 4. Hỷ giác chi, 5. Khinh an giác chi, 6. Định giác chi, 7. Xả giác chi; *P.16 Tap sự*, A. Kinh, B. Luận, 1. Bất thiện căn, 2. Tiểu phiền não, 3. Bất thiện biến hành, 4. Bày mạn, 5. Kiêu dật, 6. Năm tà mạng, 7. Các dục và tham, 8. Kiến chấp, 9. Triền cái, 10. Tập toái sự, 11. Tầm tư; *P.17 Căn*, A. Kinh, B. Luận, 1. Năm sắc căn, 2. Căn sinh dục, 3. Căn sinh mạng, 4. Căn tri giác, 5. Căn cảm thọ, 6. Căn tu thiện, 7. Căn vô lậu; *P.18 Xứ*, A. Kinh, B. Luận, 1. Nhãn và sắc, 2. Nhĩ và thanh, 3. Tỷ và hương, 4. Thiệt và vị, 5. Thân và xúc, 6. Ý và pháp; *P.19 Uẩn*, A. Kinh, B. Luận, 1. Sắc uẩn, 2. Thọ uẩn, 3. Tưởng uẩn, 4. Hành uẩn; *P.20 Đa giới*, A. Kinh, B. Luận, I. Mười tám giới, II. Sáu giới, III. Thiện và bất thiện giới, IV. Thọ giới, V.

Vô minh giới, VI. Uẩn phi sắc, VII. Ba giới hệ, VIII. Ba giới, IX. Các giới linh tinh; *P.21 Duyên khởi*, A. Kinh, B. Luận, I. Duyên khởi – Duyên dĩ sanh, II. Ý nghĩa các chi: 1. Vô minh, 2. Hành, 3. Thức, 4. Danh sắc, 5. Sáu xứ, 6. Xúc, 7. Thọ, 8. Ái, 9. Thủ, 10. Hữu, 11. Sanh, 12. Già-chết, 13. Sầu-thán-khổ-ưu-nhiều não, 14. Tập khởi khởi lớn thuần khổ; Ngữ vựng Phạn-Hán, Sách dẫn.

**1.387. A-TỶ-ĐẠT-MA
PHÁP UẨN TỨC LUẬN
ABHIDHARMA DHARMASKANDHA
PADASASTRA**

Chánh Văn

Viết dịch và chú: *Phước Nguyên*

Nxb Hồng Đức – 2018

Sách có khổ 14.5 x 20.5cm, dày 700 trang, bìa cứng. Nội dung gồm có 21 phẩm: Mục lục Tổng quát, Phần tựa, Tụng Quy kính, Khen ngợi A-tỳ-đạt-ma, Giới thiệu, P.1 Học xứ, A. Kinh văn, B. Luận giải, T.1 Tổng thuyết luật nghi cận sự, T.2 Phân tích Năm học xứ, T.3 Kết luận; P.2 Dự lưu chi, A. Kinh văn, B. Luận giải, T.1 Thân cận Thiện sĩ, T.2 Thính văn chánh pháp, T.3 Như lý tác ý, T.4 Pháp tùy pháp hành, T.5 Tổng thuyết; P.3 Chứng tịnh, A. Kinh văn, B. Luận giải, T.1 Chứng tịnh nơi Phật, T.2 Chứng tịnh nơi Pháp, T.3 Chứng tịnh nơi Tăng, T.4 Thánh sở ái Giới; P.4 Sa-môn quả, A. Kinh văn, B. Luận giải, T.1 Dự lưu quả, T.2 Nhất lai quả, T.3 Bất hoàn quả, T.4 A-la-hán quả; P.5 Thông hành, A. Kinh văn, B. Luận giải, T.1 Thông hành khổ thắng tri chậm, T.2 Thông hành khổ thắng tri nhanh, T.3 Thông hành lạc thắng tri chậm, T.4 Thông hành lạc thắng tri nhanh, T.5 Tổng kết; P.6 Thánh chủng, A. Kinh văn, B. Luận giải, T.1 Danh nghĩa, T.2 Phục hỷ túc, T.3 Âm thực hỷ túc, T.4 Ngọa cụ hỷ túc, T.5 Lạc

đoạn lạc tu; P.7 Chánh thắng, A. Kinh văn, B. Luận giải, T.1 Đoạn ác bất thiện pháp đã sanh, T.2 Đoạn ác bất thiện pháp chưa sanh, T.3 Phát khởi thiện pháp chưa sanh, T.4 Phát khởi thiện pháp đã sanh, T.5 Kết luận; P.8 Thần túc, A. Kinh văn, B. Luận giải, T.1 Dục Tam-ma-địa thắng hành thành tựu thần túc, T.2 Cần Tam-ma-địa thắng hành thành tựu thần túc, T.3 Tầm Tam-ma-địa thắng hành thành tựu thần túc, T.4 Quán Tam-ma-địa thắng hành thành tựu thần túc, T.5 Kết luận; P.9 Niệm trụ, A. Kinh văn, B. Luận giải, T.1 Thân niệm trụ, T.2 Thọ niệm trụ, T.3 Tâm niệm trụ, T.4 Pháp niệm trụ; P.10 Thánh đế, A. Kinh văn, B. Luận giải, T.1 Khổ Thánh đế, T.2 Khổ tập Thánh đế, T.3 Khổ diệt Thánh đế, T.4 Thú Khổ diệt Thánh đế; P.11 Tĩnh lự, A. Kinh văn, B. Luận giải, T.1 Sơ tĩnh lự, T.2 Đệ nhị tĩnh lự, T.3 Đệ tam tĩnh lự, T.4 Đệ tứ tĩnh lự; P.12 Vô lượng, A. Kinh văn, B. Luận giải, T.1 Tâm từ vô lượng, T.2 Tâm bi vô lượng, T.3 Tâm hỷ vô lượng, T.4 Tâm xả vô lượng; P.13 Vô sắc, A. Kinh văn, B. Luận giải, T.1 Không vô biên xứ, T.2 Thức vô biên xứ, T.3 Vô sở hữu xứ, T.4 Phi tướng phi phi tướng xứ; P.14 Tu định, A. Kinh văn, B. Luận giải, T.1 Tu định thứ nhất, T.2 Tu định thứ hai, T.3 Tu định thứ ba, T.4 Tu định thứ tư; P.15 Giác chi, A. Kinh văn, B. Luận giải, T.1 Niệm giác chi, T.2 Trạch pháp giác chi, T.3 Tinh tấn giác chi, T.4 Hỷ giác chi, T.5 Khinh an giác chi, T.6 Định giác chi, T.7 Xả giác chi; P.16 Tập sự, A. Kinh văn, B. Luận giải, 1. Bất thiện căn, 2. Tiểu phiền não, 3. Bất thiện biến hành, 4. Phức cảm tâm lý: mạn, 5. Kiêu dật, 6. Năm điều tà mạng, 7. Dục và tham, 8. Kiến chấp, 9. Bảy triền, 10. Thức ăn của hôn trầm-thụy miên, 11. Tập toái sự, 12. Ba bất thiện tâm tư, 13. Thức ăn của trạo cử, ó tác, cái, 14. Sầu não, 15. Tổng kết;

P.17 Căn, A. Kinh văn, B. Luận giải, 1. Năm sắc căn, 2. Căn sinh dục, 3. Căn sinh mạng, 4. Căn tri giác, 5. Năm thọ căn, 6. Năm thiện căn, 7. Ba vô lậu căn; P.18 Xứ, A. Kinh văn, B. Luận giải, 1. Nhãn xứ-sắc xứ, 2. Nhĩ xứ-thanh xứ, 3. Tỷ xứ-hương xứ, 4. Thiệt xứ-vị xứ, 5. Thân xứ-xúc xứ, 6. Ý xứ-pháp xứ; P.19 Uẩn, A. Kinh văn, B. Luận giải, 1. Sắc uẩn, 2. Thọ uẩn, 3-4. Tưởng uẩn và Thức uẩn, 5. Hành uẩn; P.20 Đa giới, A. Kinh văn, B. Luận giải, 1. Mười tám giới, 2. Sáu giới, 3. Thiện và bất thiện giới, 4. Thọ giới, 5. Vô minh giới, 6. Uẩn phi sắc, 7. Ba giới hệ, 8. Ba giải thoát giới, 9. Các giới lật vật; P.21 Duyên khởi, A. Kinh văn, B. Luận giải, T.1 Ý chỉ duyên khởi, T.2 Nguyên lý duyên khởi; Hậu tự; Sách dẫn.

**1.388. A-TỠ-ĐẠT-MA
PHÁP UẨN TỨC LUẬN
ABHIDHARMA DHARMASKANDHA
PADASASTRA**

Tổng Mục Lục

Biên soạn: *Phước Nguyên*

Nxb Hồng Đức – 2018

Sách có khổ 14.5 x 20.5cm, dày hơn 382 trang, bìa cứng. Nội dung sơ lược gồm có: Mục lục Tổng quát, *C.I, Dẫn vào Pháp uẩn Tức luận*, I. Pháp uẩn là gì? 1. Khái niệm Pháp uẩn, 2. Ý nghĩa hệ thống, 3. Cương yếu tổ chức; II. Phạn bản Dharmaskandha, 1. Thủ bản Phạn, 2. Tác giả của Dharmaskandha, III. Truyền bản Tây tạng, *C.II, Giáo nghĩa căn bản và bộ phái*, I. Giáo nghĩa A-hàm và Nikàya, 1. Học xứ, 2. Dự lưu chi, 3. Bốn chứng tịnh, 4. Thánh quả Sa-môn, 5. Thông hành, 6. Thánh chủng, 7. Chánh thắng, 8. Thần túc, 9. Bốn niệm trụ, 10. Thánh đế, 11. Tĩnh lự, 12. Vô lượng, 13. Vô sắc, 14. Giác chi, 15. Uẩn, 16. Xứ, 17. Đa giới, 18. Duyên khởi; II. Luận thuyết Bộ phái, 1. So sánh

chương mục Dharmaskandha và Vibhangapàli, 2. So sánh chương mục Dharmaskandha và Xá-lợi-phất A-tỳ-đàm luận; C.III, Nội dung Pháp uẩn túc luận, I. Tổng quan khoa mục toàn luận, II. Toát yếu nội dung các phẩm Pháp uẩn Túc luận, P.1 Học xứ, P.2 Dự lưu chi, 3. Chứng tịnh, 4. Sa-môn quả, 5. Thông hành, 6. Thánh chủng, 7. Chánh thắng, 8. Thần túc, 9. Niệm trụ, 10. Thánh đế, 11. Tĩnh lự, 12. Vô lượng, 13. Vô sắc, 14. Tu định, 15. Giác chi, 16. Tập sự, 17. Căn, 18. Xứ, 19. Uẩn, 20. Đa giới, 21. Duyên khởi; Thư mục trích dẫn, Ngũ vưng Phạm tạng Việt-Hán, Phụ lục I: 1A. Thủ bản Phạm Dharmaskandha, 1B. Thủ bản Phạm Dharmaskandha, 1C. Thủ bản Phạm Dharmaskandha; Phụ lục II: Bản Phạm Latin Dharmaskandha hội tập (1); Phụ lục III: Bản Phạm La-tin Dharmaskandha hội tập (2); Phụ lục IV: Bản Phạm La-tin Dharmaskandha hội tập (3); Bảng viết tắt.

1.389.

A-TỠ-ĐẠT-MA PHÂN BIỆT LUẬN ABHIDHAMMA VIBHANGA

Việt dịch và chú (theo bản Pàli):

Phước Nguyễn

Nội dung tác phẩm này gồm có: *Phẩm I. Phân Biệt Uẩn*, C.1 Phân biệt theo Kinh: 1. Sắc uẩn, 2. Thọ uẩn, 3. Tưởng uẩn, 4. Hành uẩn, 5. Thức uẩn; C.2 Phân biệt theo A-tỳ-đạt-ma (ngũ uẩn: Sắc uẩn, Thọ uẩn, Tưởng uẩn, Hành uẩn và Thức uẩn); C.3 Phần chất vấn; *Phẩm II. Phân biệt Xứ*, C.1 Phân biệt theo Kinh, C.2 Phân biệt theo A-tỳ-đạt-ma.

(<https://thuvienhoasen.org>, Luận)

1.390. A-TỠ-ĐẠT-MA

PHÁT TRÍ LUẬN – Jnànaprasthàna

Việt dịch và chú: *Thích Phước Nguyễn*
(*Ấn bản Điện tử 02/02/2019*)

Nội dung tác phẩm gồm có: Thiên thứ nhất: Tập Uẩn, Chương I. Thế đệ nhất Pháp: - Giới thiệu, I. Danh nghĩa: Tính chất, Sở hệ, Tâm và tứ, Tương ưng căn, Nhất tâm và đa tâm, Không thoái chuyển; II. Thuận quyết trạch phần: Đánh và đánh đọa, Noãn; III. Phân loại kiến chấp: 1. Ngã kiến và ngã sở kiến, 2. Năm kiến.
(<https://thuvienhoasen.org>, Luận)

1.391. A-TỠ-ĐẠT-MA

TẬP DI MÔN TỨC LUẬN

Abhidharma-Sangitiparyàya

Tiểu Tạng Luận

Việt dịch: *Tuệ Sỹ - Nguyễn An*

Nxb Hồng Đức – 2020

Sách có khổ 14 x 20.5cm, dày 579 trang, bìa mềm, có tay gấp. Nội dung gồm có 12 chương: Khái thuyết Kinh Chúng tập và Luận Tập Di môn; Chánh văn: C.I, P. *Duyên khởi*, 1. Trên đường nhập diệt, 2. Ly hệ Thân tử, 3. Kết tập Pháp tạng; C.II, P. *Một pháp*, I. Kinh, II. Luận giải, Nhiếp tụng, Liệt danh mục, Thích nghĩa: 1. Tất cả hữu tình tồn tại do y chỉ thức ăn, 2. Tất cả hữu tình tồn tại đều do y chỉ hành, 3. Tối thắng trong các thiện pháp là không phóng dật; C.III, P. *Hai pháp*, I. Kinh, II. Luận giải, Nhiếp tụng, Liệt danh mục, Thích nghĩa: 1. Danh-sắc, 2. Vô minh-Hữu ái, 3. Hữu kiến-Vô hữu kiến, 4. Vô tà- Vô quý, 5. Tàm và Quý, 6. Ác ngôn-Ác hữu, 7. Thiện ngôn-Thiện hữu, 8. Nhập tội thiện xảo-Xuất định thiện xảo, 9. Nhập định thiện xảo-Xuất định thiện xảo, 10. Giới thiện xảo-Tác ý thiện xảo, 11. Kham nhẫn-Khả lạc, 12. Hòa thuận-Cúng dường, 13. Cụ niệm-Chánh trì, 14. Chất trực-Nhu hòa, 15. Tư trạch lực-Tu tập lực, 16. Bất hộ căn môn-Thực bất tri lượng, 17. Hộ trì căn môn-Thực tri lượng, 18. Quỹ giới-Quỹ

kiến, 19. Phá giới-Phá kiến, 20. Cụ giới-Cụ kiến, 21. Tịnh giới-Tịnh kiến, 22. Kiến-Như lý thẳng, 23. Yêm-Như lý thẳng, 24. Tu thiện không thấy đủ-Tu đoạn không ngừng nghỉ, 25. Xa-ma-tha Tát-bát-xá-na, 26. Minh – Giải thoát, 27. Tận trí – Vô sanh trí; *C.IV, P. Ba pháp*, I. Kinh, II. Luận giải, Ba pháp – Tụ I, Nhiếp tụng, Liệt danh mục, Thích nghĩa: 1. Ba bất thiện căn, 2. Ba thiện căn, 3. Ba bất thiện tâm, 4. Ba thiện tâm, 5. Ba ác hành, 6. Ba diệu hành, 7. Ba bất thiện giới: (1) dục giới, (2) sân giới, (3) hại giới, 8. Ba thiện giới: (1) xuất ly giới, (2) vô sân giới, (3) vô hại giới, 9. Ba giới: (1) Dục giới, (2) Sắc giới, (3) Vô sắc giới, 10. Ba giới: (1) Sắc giới, (2) Vô sắc giới, (3) Diệt giới; Ba pháp – Tụ II, Nhiếp tụng, Liệt danh mục, Thích nghĩa: 11. Ba thời phần, 12. Ba ngôn y, 13. Ba sắc xứ, 14. Ba hành, 15. Ba tâm, 16. Ba-bỏ-đặc-già-la, 17. Ba Thượng tọa, 18. Ba tụ, 19. Ba cử tội sự, 20. Ba bất hộ; Ba pháp – Tụ III, Nhiếp tụng, Liệt danh mục, Thích nghĩa: 21. Ba ái (A), 22. Ba ái (B), 23. Ba lậu, 24. Ba cầu, 25. Ba hữu, 26. Ba hắc ám thân, 27. Ba kinh sợ, 28. Ba thọ, 29. Ba khổ tánh, 30. Ba mạn loại; Ba pháp – Tụ IV, Nhiếp tụng, Liệt danh mục, Thích nghĩa: 31. Ba lửa (A), 32. Ba lửa (B), 33. Ba phước nghiệp sự, 34. Ba dục sanh, 35. Ba lạc sanh, 36. Ba tuệ (A), 37. Ba tuệ (B), 38. Ba căn, 39. Ba mắt, 40. Ba vũ khí; Ba pháp – Tụ V, Nhiếp tụng, Liệt danh mục, Thích nghĩa: 41. Ba học, 42. Bat u, 43. Ba trụ, 44. Ba định, 45. Ba thị đạo, 46. Ba thanh tịnh, 47. Ba tịch mặc, 48. Ba tăng thượng, 49. Ba vô thượng, 50. Ba minh; *C.V, P. Bốn pháp*, I. Kinh, II. Luận giải, Bốn pháp – Tụ I, Nhiếp tụng, Liệt danh mục, Thích nghĩa: 1. Bốn niệm trụ, 2. Bốn chánh đoạn, 3. Bốn thần túc, 4. Bốn tĩnh tự, 5. Bốn Thánh đế, 6. Bốn tướng, 7. Bốn vô

lượng, 8. Bốn vô sắc, 9. Bốn Thánh chủng, 10. Bốn quả Sa-môn; Bốn pháp – Tụ II, Nhiếp tụng, Liệt danh mục, Thích nghĩa: 11. Bốn Dự lưu chi, 12. Bốn chứng tịnh, 13. Bốn trí (A), 14. Bốn trí (B), 15. Bốn lực, 16. Bốn xứ, 17. Bốn uẩn, 18. Bốn y, 19. Bốn pháp tích, 20. Bốn pháp cần chứng; Bốn pháp – Tụ III, Nhiếp tụng, Liệt danh mục, Thích nghĩa: 21. Bốn hành (A), 22. Bốn hành (B), 23. Bốn tu định, 24. Bốn nghiệp, 25. Bốn pháp thọ, 26. Bốn ách, 27. Bốn ly hệ, 28. Bốn bộc lưu, 29. Bốn thủ, 30. Bốn thân hệ; Bốn pháp – Tụ IV, Nhiếp tụng, Liệt danh mục, Thích nghĩa: 31. Bốn đại chủng, 32. Bốn thực, 33. Bốn thức trụ, 34. Bốn ái, 35. Bốn điều không nên hành mà hành, 36. Bốn ký vấn, 37. Bốn trường hợp thí, 38. Bốn nhiếp sự, 39. Bốn sanh, 40. Bốn đặc tự thể; Bốn pháp – Tụ V, Nhiếp tụng, Liệt danh mục, Thích nghĩa: 41. Bốn bỏ-đặc-già-la hành thuận lưu, 42. Bốn bỏ-đặc-già-la hành tự lợi, 43. Bốn bỏ-đặc-già-la (từ tội v.v...), 44. Bốn bỏ-đặc-già-la (tự khổ v.v...), 45. Bốn ngữ ác hành, 46. Bốn ngữ diệu hành, 47. Bốn phi Thánh ngôn (A), 48. Bốn Thánh ngôn (A), 49. Bốn phi Thánh ngôn (B), 50. Bốn Thánh ngôn (B); *C.VI, P. Năm pháp*, I. Kinh, II. Luận giải, Năm pháp – Tụ I, Nhiếp tụng, Liệt danh mục, Thích nghĩa: 1. Năm uẩn, 2. Năm thủ uẩn, 3. Năm diệu dục, 4. Năm xan, 5. Năm thú, 6. Năm cái, 7. Năm tâm tải, 8. Năm tâm phược, 9. Năm thuận hạ phần kết, 10. Năm thuận thượng phần kết; Năm pháp – Tụ II, Nhiếp tụng, Liệt danh mục, Thích nghĩa: 11. Năm tai hại không nhẫn, 12. Năm công đức nhẫn, 13. Năm tôn giảm, 14. Năm viên mãn, 15. Năm ngữ lộ, 16. Năm vô kham năm xứ, 17. Năm thắng chi, 18. Năm thành thực giải thoát tướng, 19. Năm giải thoát xứ, 20. Năm căn, 21. Năm lực, 22. Năm bất hoàn, 23. Năm Tịnh cư

thiên, 24. Năm xuất ly giới; *C.VII, P. Sáu pháp*, I. Kinh, II. Luận giải, Nhiếp tụng, Liệt danh mục, Thích nghĩa: 1. Sáu nội xứ, 2. Sáu ngoại xứ, 3. Sáu thức thân, 4. Sáu xúc thân, 5. Sáu thọ thân, 6. Sáu tưởng thân, 7. Sáu tư thân, 8. Sáu ái thân, 9. Sáu pháp thuận thối, 10. Sáu pháp thuận bất thối; Sáu pháp – Tụ II, Nhiếp tụng, Liệt danh mục, Thích nghĩa: 11. Sáu hỷ cận hành, 12. Sáu ưu cận hành, 13. Sáu xả cận hành, 14. Sáu hằng trụ, 15. Sáu giới, 16. Sáu xuất ly giới, 17. Sáu tránh căn, 18. Sáu pháp khả hỷ, 19. Sáu thông, 20. Sáu tưởng thuận minh phân, 21. Sáu tùy niệm, 22. Sáu pháp vô thượng, 23. Sáu quán đãi, 24. Sáu sanh loại; *C.VIII, P. Bảy pháp*, I. Kinh, II. Luận giải, Bảy pháp – Tụ, Nhiếp tụng, Liệt danh mục, Thích nghĩa: 1. Bảy đẳng giác chi, 2. Bảy bồ-đặc-già-la, 3. Bảy định cụ, 4. Bảy tài, 5. Bảy lực, 6. Bảy phi diệu pháp (A), 7. Bảy diệu pháp (A), 8. Bảy phi diệu pháp (B), 9. Bảy diệu pháp (B), 10. Bảy thức trụ, 11. Bảy tùy miên, 12. Bảy sự không lỗi, 13. Bảy pháp chỉ tránh; *C.IX, P. Tám pháp*, I. Kinh, II. Luận giải, Nhiếp tụng, Liệt danh mục, Thích nghĩa: 1. Tám đạo chi, 2. Tám bồ-đặc-già-la, 3. Tám loại thí, 4. Tám giải đãi sự, 5. Tám tinh tấn sự, 6. Tám phước sanh, 7. Tám chúng, 8. Tám thế pháp, 9. Tám giải thoát, 10. Tám thắng xứ; *C.X, P. Chín pháp*, I. Kinh, II. Luận giải, Liệt danh mục, Thích nghĩa: 1. Chín kết, 2. Chín hữu tình cư; *C.XI, P. Mười pháp*, I. Kinh, II. Luận giải, Liệt danh mục, Thích nghĩa: 1. Mười biến xứ, 2. Mười pháp vô học; Kết Kinh; *C.XII, Tán khuyến*; Sách dẫn.

1.392. AN ĐỘ PHẬT GIÁO SỬ LUẬN

Tác giả: *Viên Trí*

Nxb Phương Đông – 2006

Sách dày 336 trang, bìa mềm, chữ tựa màu trắng. Nội dung gồm có 8 chương: Mục

lục, Lời nói đầu; *C.I Tổng quan về xã hội Ấn Độ tiền Phật giáo*: 1. Văn minh Ấn Hà (Indus civilization), 2. Dân tộc Aryans, 3. Văn học Veda (Phệ-đà hoặc Vệ-đà), 4. Nguồn gốc tư tưởng giai cấp (Varna-caste), 5. Thuyết Tứ Hành Kỳ; *C.II Xã hội Ấn Độ vào thời kỳ Phật giáo*: 1. Chính trị, 2. Kinh tế-xã hội, 3. Triết học, 4. Hệ tư tưởng Sa-môn và lược sử sáu vị đạo sư; *C.III Lược sử Đức Phật*: 1. Nguồn gốc dòng họ Thích-ca (S. Sākya; P. Sakiya), 2. Cuộc đời Đức Phật, a. Thời niên thiếu, b. Tu tập và chứng đạo, c. Hằng pháp, d. Đức Phật nhập Niết-bàn vào năm nào? *C.IV Giáo lý căn bản của Phật giáo*: 1. Tứ Diệu Đế hay Tứ Thanh Đế (Cattāri Ariyasaccani), 2. Duyên Khởi (S: Pratiyasamutpāda; P: Paticcasamuppāda) và Vô ngã (Āntta), 3. Ngũ Uẩn (Pancakkhandha), 4. Nghiệp (P: Kamma; S: Karma) và Nghiệp quả; *C.V Quá trình hình thành phát triển Tăng đoàn*: I. Bản chất và ý nghĩa của Tăng đoàn Phật giáo, II. Khởi nguyên và phát triển, 1. Thành lập Tăng đoàn, 2. Thành lập Ni đoàn, 3. Giới luật và nếp sống tu viện, a. Quá trình hình thành giới bản Pà timokkha (Ba-la-đề-mộc-xoa), b. Bồ-tát (S. Upavasatha; P. Uposatha), c. An cư (P. Vassāvāna; S. Varshāvāna), d. Pavārana (S. Pravārana – Tự tứ), 4. Thành lập tu viện (samghārāma), tinh xá (vihāra), 5. Ảnh hưởng của Tăng đoàn Phật giáo đối với tư tưởng xã hội Ấn Độ, a. Tư tưởng bình đẳng giai cấp, b. Bình đẳng địa vị và giới tính; *C.VI Ba kỳ Kiết tập*: 1. Kiết tập Kinh điển lần thứ nhất, a. Động cơ và mục đích, b. Thời gian, không gian và thành phần tham dự, c. Tiến trình đại hội, d. Tính xác thực của sử liệu, 2. Kiết tập Kinh điển lần thứ hai, a. Nguyên nhân, b. Thời gian, không gian và thành phần tham dự, c. Diễn biến của đại hội nghị, (i) Thuyết

“Thập Phi Pháp Sự”, (ii) Thuyết “La-hán Ngũ Sự”, d. Tính xác thực của sử liệu, 3. Kiệt tập Kinh điển lần thứ ba, a. Thời gian, không gian và nguyên nhân của đại hội, b. Tiến trình đại hội, c. Tính xác thực của kỳ kiệt tập thứ ba; *C.VII Văn điển Phật giáo*: A. Lịch sử biên tập Tam tạng Pàli (Nam Phạn), 1. Pàli là gì? 2. Nguồn gốc Pàli, 3. Niên đại và thời gian kết tập Tam tạng Pàli; B. Lịch sử văn điển Sanskrit (Bắc Phạn), 1. Āgama là gì? 2. Tam tạng văn điển Sarvastivāda, a. Kinh tạng (Sūtrapitaka), b. Luật tạng (Vinayapitaka), c. Luận tạng (Abhidharmapitaka); *C.VIII Thời kỳ bộ phái Phật giáo*: I. Mầm mống, 1. Chuyện Kosambi, 2. Chuyện Devadatta (Đề-bà-đạt-đa), 3. Những bất đồng trong kỳ kiệt tập lần thứ nhất, II. Nguyên nhân, 1. Không có lãnh đạo tối cao, 2. Hệ thống chuyên môn hóa trong các ngành của văn điển Pàli, 3. Những bậc thầy danh tiếng, 4. Một số nguyên nhân khác, III. Phân loại các bộ phái, 1. Sử liệu, 2. Phân giáo, a. Tổng quan về lịch sử, b. Tổng quan tư tưởng các bộ phái, A. Giáo lý nhóm I, 1. Quan niệm về đức Phật, Bồ-tát và A-la-hán, 2. Một vài quan điểm tiêu biểu khác, B. Giáo lý nhóm II (thuộc Mahāsaṅghika), 1. Phật, Bồ-tát và A-la-hán luận, 2. Một số tư tưởng tiêu biểu khác, 3. Giáo lý đặc thù của từng chi phái thuộc nhóm Andhaka, C. Giáo lý nhóm III, 1. Một vài đặc điểm tư tưởng của Mahisāsaka, 2. Lịch sử và tư tưởng của Sarvastivāda, 3. Dharmagupta, 4. Kāśyapīya, 5. Sautrāntika hay Samkantika, 6. Haimavata (Hemavata), 7. Uttarāpathaka (Bắc Sơn Bộ), D. Giáo lý của nhóm IV, 1. Giáo lý đặc thù của Sammitīya (Chính Lượng Bộ), 2. Dharmmuttariya, Bhadrāyānika, Channagarika, 3. Vibhajjavāda, E. Giáo lý nhóm V, Thư mục tham khảo.

B

1.393. Ba Mươi Bài LUẬN TỤNG DUY THỨC (Duy Thức Tam Thập Luận Tụng)

Tạo luận: *Bồ-tát Thế Thân*

Hán dịch: *Tam tạng Pháp sư*

Huyền Trang (602-664)

Việt dịch: *Nguyễn Hồng*

Nội dung của 30 bài Luận tụng này, “hai mươi bốn bài tụng (đầu) nói rõ tướng của duy thức, một bài tụng tiếp theo nói rõ tính của duy thức, năm bài tụng sau nói rõ hành vi của duy thức”. Bài tụng theo thể ngũ ngôn, mỗi bài có 4 câu, mỗi câu năm chữ. (<https://phatphapungdung.com>, *Pháp bảo/Luận tạng*)

1.394. BÀI TỤNG VỀ NHÂN DUYÊN TÂM GIẢI THÍCH -

LUẬN NHƠN DUYÊN TÂM

Việt dịch: *Thích Tâm Châu (1921-2015)*

Nội dung tác phẩm này gồm có: Mười hai Nhân duyên (Vô minh, Hành, Thức, Danh sắc, Lục nhập, Xúc, Thọ, Ái, Thủ, Hữu, Sinh, Lão tử); Giải thích Luận Nhân duyên tâm.

(<https://phatphapungdung.com>; *Pháp bảo-Luận tạng*)

1.395. Bản Giải SIÊU LÝ CAO HỌC

Phật giáo Nguyên Thủy – Theravada

Việt dịch: *Đại Trưởng lão Tịnh Sự (Mahāthero Santakicco)*

Nxb Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh, PL. 2556 – DL. 2013

Sách có khổ 21 x 29.7cm, dày 248 trang. Nội dung sơ lược gồm có: 24 Duyên (Paccayo), Định nghĩa 24 duyên, Định

nghĩa những Duyên chia ra theo rộng không trùng trước, 24 Duyên chia thành 47 Duyên, Kể 12 Duyên trùng, Chia pháp, 16 Duyên không trùng, Duyên chia theo đôi, Duyên chia theo Giống, Duyên chia theo Cõi, Duyên chia theo Thời, Duyên chia theo Danh sắc, Duyên chia theo Mãn lực, Phân duyên hợp trợ, Phân hiệp trợ; Bản đồ Siêu lý Cao học, Liên quan tương sinh: Vô minh duyên Hành, Hành duyên Thức, Thức duyên Danh sắc, Danh sắc duyên Lục nhập, Lục nhập duyên Xúc, Xúc duyên Thọ, Thọ duyên Ái, Ái duyên Thủ, Thủ duyên Hữu, Hữu duyên Sanh, Sanh duyên Lão, Tử, Sầu, Khóc, Khổ, Ưu, Ái, Lão tử duyên Vô minh.

1.396. Bản Giải SIÊU LÝ TIỂU HỌC

Phật giáo Nguyên Thủy – Theravada
Việt dịch: Đại Trưởng lão Tịnh Sự
(Mahàthero Santakicco)

Nxb Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh,
PL. 2556 – DL. 2012

Sách có khổ 21 x 29.5cm, dày 355 trang.
Nội dung sơ lược gồm có: Từ ngữ học Siêu lý Pàli-Việt, Giải tập gồm pháp, *Phẩm nhất theo Bộ Diệu pháp lý hợp*, Tâm (citta), I. Tâm dục giới (Kàmàvacàracitta), A. Phân giải Tâm bất thiện, 1. Phân giải tâm Tham (Lobha), 2. Phân giải tâm Sân (Dosa), 3. Phân giải tâm Si (Moha); B. Phân giải Tâm đại thiện, C. Dẫn chứng phần Bất thiện và Đại thiện, D. Tâm đại quả có 8 thứ, E. Tâm đại hạnh có 8 thứ, F. Phân giải 18 Tâm vô nhơn, Tâm vô nhơn chia làm 3 phần: 1. Tâm quả bất thiện có 7, 2. Tâm quả thiện vô nhơn có 8, 3. Tâm hạnh vô nhơn có 3 thứ; II. Tâm sắc giới (Rùpàvacàracitta), III. Tâm vô sắc giới (Arùpàvacàracitta), IV. Tâm siêu thế (Lokuttaracitta); *Phẩm hai theo Bộ Diệu pháp lý hợp*, Sở hữu tâm (Cetasika), Nhơn sanh tâm có 4, 4 ý nghĩa chung của tất cả

Sở hữu tâm, A. Sở hữu biên hành, B. Sở hữu biệt cảnh, C. Sở hữu bất thiện, D. Sở hữu tịnh hảo; *Phẩm ba theo Bộ Diệu pháp lý hợp*, Hợp đồng (Sangaha), 1. Tâm bất thiện hợp đồng, 2. Tâm vô nhơn hợp đồng, 3. Tâm dục giới tịnh hảo hợp đồng, 4. Tâm đạo đại hợp đồng, 5. Tâm siêu thế hợp đồng, 6. Sự hợp đồng, 7. Môn hợp đồng, 8. Vật hợp đồng, 9. Thọ hợp đồng; *Sắc pháp (Rùpa)*, Sắc tứ đại, Sắc y sinh (Upàdàyarùpa), Sắc pháp chia hai, Nhơn sanh sắc pháp, Phân bộn sắc pháp, Sắc pháp phân theo cõi tục sinh; Cách đặng mấy tâm, Tâm đặng mấy cách, Niết-bàn (Nibbana), Nhơn-Sở hữu hợp đồng, Cảnh hợp đồng (Arammanasangaha), Người và cõi, Người (Puggala), Cõi (Bhùmi), Lộ tâm (Cittavithi), Phần Tổng quát, Phần Chi tiết Lộ ngữ, Phần Chi tiết Lộ ý, Phần Chi tiết Lộ Kiên cố, Phần Chi tiết Lộ nhập Niết-bàn đặt biệt, Lộ sắc (Rùpavithi); *Phẩm bảy theo Bộ Diệu pháp lý hợp*, Tương tập hợp đồng, 1. Bất thiện hợp đồng (akusalasangaha), 2. Hối tập hợp đồng (Missakasangaha), 3. Đẳng giác hợp đồng (Bodhipakkhiyasangaha), 4. Hàm tận hiệp đồng (Sabbasangaha); Pháp tụ Đầu đề tam, Pháp tụ Đầu đề nhị, 1. Phần nhỏ thứ nhất là phần Nhân, 2. Phần nhỏ thứ hai là phần Duyên, 3. Phần nhỏ thứ ba là phần Lộ, 4. Phần nhỏ thứ tư là phần Triền, 5. Phần nhỏ thứ năm là phần Phục, 6. Phần nhỏ thứ sáu là phần Bộc, 7. Phần nhỏ thứ bảy là phần Phối, 8. Phần nhỏ thứ tám là phần Cái, 9. Phần nhỏ thứ chín là phần Khinh thị, 10. Phần nhỏ thứ mười là phần Đề đại, 11. Phần nhỏ thứ mười một là phần Thủ, 12. Phần nhỏ thứ mười hai là phần Phiền não, 13. Phần nhỏ thứ mười là phần Yêu bối; Nhị đề Kinh (Suttantamàtikà).

1.397. Bản Giải

SIÊU LÝ TRUNG HỌC

Phật giáo Nguyên Thủy – Theravada
Việt dịch: *Đại Trưởng lão Tịnh Sự (Mahàthero Santakicco)*

Nxb Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh,
PL. 2557 – DL. 2013

Sách có khổ 21 x 29.5cm, dày 375 trang. Nội dung sơ lược gồm có: Căn Song: Chương Thiện, Chương Bất thiện, Chương Vô ký, Chương Danh; Uẩn song: *I. Phần Định danh, II. Phần Hành vi*, A.1. Hành vi sanh hiện tại, A.2. Hành vi sanh quá khứ, A.3. Hành vi sanh vị lai, A.4. Hành vi sanh hiện tại quá khứ, A.5. Hành vi sanh hiện tại vị lai, A.6. Hành vi sanh quá khứ vị lai; B.1. Hành vi diệt hiện tại, B.2. Hành vi diệt quá khứ, B.3. Hành vi diệt vị lai, B.4. Hành vi diệt hiện tại quá khứ, B.5. Hành vi diệt hiện tại vị lai, B.6. Hành vi diệt quá khứ vị lai, C.1. Hành vi sanh diệt hiện tại, C.2. Hành vi sanh diệt quá khứ, C.3. Hành vi sanh diệt vị lai, C.4. Hành vi sanh diệt hiện tại quá khứ, C.5. Hành vi sanh diệt hiện tại vị lai, C.6. Hành vi sanh diệt quá khứ vị lai, *III. Phần Đạt tri*.

1.398. BÁT-NHÃ Cương Yếu – 2 Tập

Tỳ-kheo Ni Như Thanh (1911-1999)

THPG Tp. Hồ Chí Minh,
PL. 2533 – DL. 1989

Tập I, dày 526 trang. Nội dung gồm có 3 chương: *C.I Nguồn gốc Kinh Bát-nhã*, T.1 Đức Phật thuyết Kinh Bát-nhã, T.2 Kinh Bát-nhã được xiển dương sau khi Phật nhập diệt, M.1 Giai đoạn 1, Thượng tọa Bộ, M.2 Giai đoạn 2, Đại chúng Bộ, M.3 Tư tưởng Tiểu thừa phát triển cao tột để bước sang Đại thừa, M.4 Tư tưởng Bát-nhã Đại thừa ra đời với công trình của Bồ-tát Long Thọ, T.3 Lịch trình phiên dịch Kinh Bát-nhã, T.4 Phân loại các danh hiệu Kinh Bát-nhã; Phụ lục: - Hạnh tích Tôn

giả Phú-lâu-na, - Hạnh tích Bồ-tát Long Thọ, - Tiểu sử Pháp sư Huyền Trang; *C.II Văn Kinh Bát-nhã*, T.1 Phẩm Phụng bát, T.2 Phẩm Tu tập đúng Pháp, T.3 Phẩm Bồ-tát tu sáu pháp Đáo bỉ ngạn, T.4 Phẩm Thế nào là Bồ-tát phát tâm hướng về pháp Đại thừa, T.5 Phẩm Bồ-tát Ma-ha-tát nương theo pháp Đại thừa, T.6 Phẩm Thần chú Bát-nhã, T.7 Phẩm Thiết lập các món châu báu, Phẩm vật cúng dường, T.8 Phẩm Kinh điển, T.9 Phẩm Hồi hướng, T.10 Phẩm Kinh Thiết tướng Bát-nhã Ba-la-mật, T.11 Phẩm Phật mẫu (thượng), T.12 Phẩm Phật mẫu (hạ); *C.III Tôn chỉ Bát-nhã*, T.1 Định nghĩa danh hiệu Bát-nhã, T.2 Thuyết nhơn duyên trong Đạo Phật, T.3 Quán sát lý vô thường-vô ngã của hiện tượng giới, M.1 Lý vô ngã, M.2 Quan niệm vô ngã theo chủ trương Trung Đạo của Phật giáo, M.3 Lý vô thường, M.4 Tổng kết về lý vô ngã, vô thường, M.5 Thế nào là Chân ngã và Chân thường, T.4 Tánh không của Bát-nhã, M.1 Chữ Không trong đạo Phật, M.2 Chữ Không trong Bát-nhã, M.3 Mối liên hệ giữa Chân không và Diệu hữu, M.4 Nơi căn cứ của thuyết Tánh không, T.5 So sánh chữ Không và chữ Vô trong đạo Phật, T.6 Tai hại của sự hiểu lầm của chữ Không và chấp Không, T.7 Tổng luận về lý Chân không-Diệu hữu, M.1 Thấu suốt Tánh không đến chỗ rốt ráo, M.2 Mối tương quan giữa pháp có và pháp không, M.3 Kiến “Không” đặc Đạo, M.4 “Không” là đặc chất của Phật pháp; Phụ lục: Tiểu sử ngài Tăng Triệu, Tài liệu về Tánh Không và Trung Đạo, Chú giải về Bát-nhã Trung Đạo;

Tập II, dày 458 trang. Nội dung gồm có 4 chương: *C.IV Tu chứng Bát-nhã*, T.1 Yếu chỉ tu chứng, - Đại sư Huyền Giác, - Tứ Tổ Đạo Tín, T.2 Phương pháp Tu chứng Bát-nhã, - Pháp Lục độ Ba-la-mật; Phụ

lục: Tự truyện của Thiên sư Mông Sơn, Lược truyện Thiên sư Huệ Viễn, Lược truyện Ngài An Thế Cao; *C.V Đạo tràng Bát-nhã*, M.1 Kết lập Đạo tràng, - Tôn giả Xá-lợi-phất và Tôn giả Tu-bồ-đề luận bàn về lý vô sanh, M.2 Bài học Căn bản của Đạo tràng Bát-nhã, A. Học những gì? B. Học như thế nào, C. Học với ai? D. Học với mục đích gì, E. Kết luận, M.3 Ba yếu tố thành tựu Tín-Hạnh-Nguyện, - Bát-nhã Tam đức, M.4 Gương hạnh người xưa, - Lược truyện Thiên sư Tịnh Yết, - Diệu Huệ đồng nữ; *C.VI Hành thâm Bát-nhã*, T.1 Duyên khởi: Kinh văn, M.1 Nguyên nhân Phật khai thị pháp, M.2 Dẫn khởi danh từ, T.2 Giảng luận: Định danh, Thích nghĩa, M.1 Hiện bày sự lý Danh từ, M.2 Dẫn khởi pháp Tu chứng; Tổng kết, Lưu thông: Khuyến khích, Biểu đồ Ngũ uẩn, Chú giải đề Kinh, Bổ thích; *C.VII Sự tích Tu-bồ-đề và Xá-lợi-phất*, - Hành tích Trưởng lão Tu-bồ-đề, - Tiểu sử Tôn giả Xá-lợi-phất, - Xá-lợi-phất và Tu-bồ-đề vấn đáp.

1.399. BÁT-NHÃ ĐĂNG LUẬN – Prajñā-pradīpa (Luận giải Đền Bát-nhã)

Tạo luận: *Thanh Biện (Bhāvaviveka)*

Việt dịch: *Cao Dao*

Luận này do Cao Dao trích dịch từ Chương 18 (Khảo sát về tự ngã và đối tượng) của *Bát-nhã Đăng luận* (bản Nhật ngữ của Kajiyama Yuichi), chương này gồm có 3 phần: Phần I. 1. Phủ định tự ngã như là một thể đồng nhất của thân và tâm, 2. Phủ định thân tâm như là hai thực thể dị biệt, 3. Phê phán luận chứng tự ngã của các học phái khác, 4. Phủ định tương quan của ngã (Ātman) và những gì thuộc về ngã (A2tmiya-ngã sở); Phần II. 5. Chủ thể giải thoát, 6. Giải thoát, như là một trạng thái vô ngã, 7. Thuyết giảng của Thế Tôn, 8.

Tính chân thực của thực tại (pháp tính); Phần III. 9. Trung Quán không phải là hư vô luận, 10. Hai bản thể của chân lý, 11. Định nghĩa thực tại tối hậu, 12. Chân lý qui ước và mặc định của thế gian. (<https://thuvienhoasen.org>, *Luận*)

1.400. BÁT-NHÃ ĐĂNG - LUẬN THÍCH – Prajñāpradīpa

Tạo luận:

Đại sĩ Thanh Biện (Bhāvaviveka)

Hán dịch:

Tam tạng Pháp sư Ba-la-phả-mật-đa-la

Việt dịch và chú giải (2018):

Quảng Minh

Toàn bộ tác phẩm Luận thích này gồm có 15 quyển, 27 phẩm, với 726 trang (PDF). Nội dung: Dẫn nhập, Bài tựa, Q.I, P.1 Quán duyên (Phần 1); Q.II, P.1 Quán Duyên (Phần 2); Q.III, P.2 Quán Khứ lai; Q.IV, P.3 Quán Sáu căn, P.4 Quán Năm âm, P.5 Quán Sáu giới; P.6 Quán Nhiễm và người nhiễm, P.7 Quán Tướng hữu vi; Q.VI, P.8 Quán Tác giả và Nghiệp, P.9 Quán Thủ giả; Q.VII, P.10 Quán Lửa và Củi, P.11 Quán Sinh tử; Q.VIII, P.12 Quán Khổ, P.13 Quán Hành, P.14 Quán Hợp; Q.IX, P.15 Quán Hữu vô, P.16 Quán Trói buộc và Giải thoát; Q.X, P.17 Quán Nghiệp; Q.XI, P.18 Quán Pháp, P.19 Quán Thời; Q.XII, P.20 Quán Nhân quả hòa hợp, P.21 Quán Thành hoại; Q.XIII, P.22 Quán Như Lai; Q.XIV, P.23 Quán Điên đảo, P.24 Quán Tứ đế; Q.XV, P.25 Quán Niết-bàn, P.26 Quán Thế đế Duyên khởi, P.27 Quán Tà kiến; Phụ lục. (<https://hoavouu.com>; *Sách Phật học-PDF*; <https://quangduc.com>, *Luận*)

1.401. BÁT THỨC QUY CỬ TỤNG

Dịch giả: *Thích Thắng Hoan*

Nxb Nguồn Sống – 1997

Tác phẩm này dày 131 trang, bìa mềm. Nội dung gồm có: Lời Nhà xuất bản, Lời người dịch; Nội dung Bát Thức Quy Củ tụng có 4 chương; I. Xuất xứ, II. Định nghĩa; C.I Tiền Ngũ thức tụng; C.II Đệ Lục thức tụng; C.III Đệ Thất thức tụng; C.IV Đệ Bát thức tụng; Bát Thức Quy Củ Tụng chữ Hán; sau cùng là Phụ bản: Quá trình tu tập của Bồ-tát.

1.402. BÁT THỨC QUY CỬ TỤNG

Tác giả: *Tam tạng Pháp sư*

Huyền Trang (602-664)

Viết dịch và giảng nghĩa:

Tâm Minh-Lê Đình Thám (1897-1969)

Tác phẩm này có 4 chương: I. Tiền Ngũ thức tụng, II. Lục Thức tụng, III. Thất thức tụng, IV. Đệ Bát thức tụng. Mỗi chương có 12 câu, mỗi câu bảy chữ, nội dung chỉ bày hành tướng của tám thức. Cách trình bày mỗi câu có: Phiên âm, chữ Hán, dịch sang Việt ngữ và giảng nghĩa. (theo Tác phẩm của Bác sĩ Tâm Minh Lê Đình Thám, tập 3, từ tr. 286 – 330, Thích Trung Hậu-Thích Hải Ấn sưu tập và giới thiệu, Nxb Văn hóa Sài Gòn - 2007)

1.403. BÁT THỨC QUY CỬ TỤNG Trang Chú

Hiệu đính: *Đại sư Thái Hu (1889-1947)*

Viết dịch và chú giải: *Quảng Minh*

Tác phẩm này dày 180 trang (Pdf), gồm có 4 chương: - Lời nói đầu (2007), - Lời tựa; C.1 Năm thức trước, C.2 Thức thứ sáu, C.3 Thức thứ bảy, C.4 Thức thứ tám; Phụ lục: Dịch âm-Dịch nghĩa-Chánh văn; Lời bạt; Sách tham khảo. (<https://thuvienhoasen.org>, *Luận-Duy thức học*)

1.404. BÁT THỨC QUY CỬ TỤNG Trang Chú

Viết dịch:

Tỳ-kheo Ni Huyền Huệ (1924-2015)

THPG Tp. Hồ Chí Minh ấn hành,

PL. 2537 – DL. 1993

Sách có khổ 14 x 20cm, dày hơn 232 trang, bìa mềm.

Nội dung gồm có: I. Bát Thức Quy củ tụng Trang chú, 1. Lời nói đầu, 2. Lời tựa, 3. Bài tụng Năm Thức trước, 4. Bài tụng Thức thứ sáu, 5. Bài tụng Thức thứ bảy, 6. Bài tụng Thức thứ tám, 7. Chú thích; II. Luận Đại Bách pháp minh môn Chuế ngôn, 1. Lời nói đầu, 2. Tất cả pháp vô ngã, 3. Tất cả pháp lược có 5 món: a. Tâm pháp, b. Tâm sở hữu pháp, c. Sắc pháp, d. Bất tương ưng hành pháp, e. Vô vi pháp, 4. Vô ngã có hai: a. Bồ-đặc-già-la vô ngã, b. Pháp vô ngã, 5. Chú thích; III. Luận Quán Sở duyên duyên trực chỉ, 1. Lời nói đầu, 2. Luận văn chia làm 2: 1. Phá ngoại chấp, 2. Bày chánh nghĩa; (Giáp), I. Phá ngoại chấp phân làm ba: 1. Chánh phá hai chấp, 2. Phá các chuyển chấp, 3. Kết chẳng phải sắc ngoài; (Át), I. Lại chia làm ba: 1. Gồm nêu phá, 2. Riêng đoạt phá, 3. Kết trái lý; (Bính), I. Riêng đoạt phá phân làm hai: 1. Phá cực vi, 2. Phá hòa hợp; (Đinh), 2. Lại phân làm hai: 1. Lập bài tụng, 2. Giải đáp; (Mậu), 2. Giải đáp lại phân làm hai: 1. Chánh giải rõ nghĩa Sở duyên duyên, 2. Giải bài tụng Trách nghĩa kia thiếu; (Đinh), 2. Phá hòa hợp phân làm hai: 1. Lập bài tụng, 2. Giải thành; (Kỷ), 2. Phá các chuyển chấp, phân làm hai: 1. Phá tương cực vi hòa tập, 2. Phá Vị cực vi hòa tập; (Bính), I. Phân làm hai: 1. Nêu chấp, 2. Đả phá; (Bính), 2. Phá vị cực vi hòa tập phân làm hai: 1. Nêu chấp, 2. Đả phá; (Đinh), 2. Đả phá phân làm hai: 1. Ước về tương biết lẽ ra không khác để phá, 2. Ước về cực vi sai khác để phá; (Kỷ), 3. Kết

chẳng phải sắc ngoài; (Giáp), II. Bảy chánh nghĩa phân làm ba: 1. Chánh thành lập nội Sở duyên duyên, 2. Gom thành lập Tăng thượng duyên y chẳng phải không, 3. Kết duy nội cảnh; (Át), I. Phân làm hai, 1. Chánh lập, 2. Giải nghi.

1.405. Biện Minh

DUY THỨC HỌC – Tập II

Viết dịch: *Giải Minh*

Lưu hành nội bộ, PL. 2539 – DL. 1996

Sách dày hơn 282 trang, bìa mềm; nội dung gồm có 13 chương: C.I Duy thức dữ Thiên, T.1 Tâm thức thể dụng, T.2 Truyền pháp sai biệt, T.3 Cháp chương hỗ tộ; C.II Duy thức chỉ nghĩa, T.1 Năng sở duy thức, T.2 Biến ảnh duy thức, T.3 Vọng kiến duy thức, T.4 Pháp chỉ định nghĩa; C.III Chơn vọng khởi chỉ, T.1 Nhân sanh chủng tử, T.2 Thủy chung hữu vô, T.3 Lại-da vô thi chung, T.4 Chân như dữ vô danh, T.5 Vô minh hữu chung, T.6 Chúng sanh vô thi; C.IV Thức tướng khai hợp, T.1 Sanh thức chủng tử, T.2 Căn vi thức y, T.3 Chân thức tục tướng, T.4 Tâm thức bất nhị; C.V Vương-sở tương ưng, T.1 Tâm sở do lai, T.2 Thọ dụng chủng hiện, T.3 Tự chủng sanh hiện, T.4 Tâm sở tổng liệt, T.5 Tương ưng đa thiếu, T.6 Tương ưng nghĩa giới, T.7 Tá ngoại minh nội; C.VI Tứ phần bổ thích, T.1 Kiến tướng phần, T.2 Tự chứng phần, T.3 Chứng tự chứng phần, T.4 Lập phân lý do; C.VII Chủng tánh huân tập, T.1 Bản thể nhị chủng, T.2 Ngũ chủng tánh biệt, T.3 Lưu vô lậu chủng, T.4 Tánh phi bản thiện, T.5 Tập viển tức huân, T.6 Huân tập sanh trưởng, T.7 Hiện hành trì tốc, T.8 Niệm Phật huân chủng, T.9 Hồ vi nhân quả, T.10 Nhân quả thời biệt; C.VIII Nhân duyên cập quả, T.1 Thập nhân, T.2 Tứ duyên, T.3 Ngũ quả; C.IX Lượng dữ cảnh, T.1 Tam lượng, T.2 Tam cảnh, T.3 Tam cảnh dụ; C.X Thức năng

biến tướng, T.1 Tạng thức tư tướng, T.2 Tạng thức quả tướng, T.3 Tạng thức nhân tướng, T.4 Mạt-na ngã tướng, T.5 Tiền lục thức tướng; C.XI Thức sở biến tướng, T.1 Chủng tử biến duyên, T.2 Căn khí biến duyên, T.3 Thức cảnh duyên tướng; C.XII Nhị đệ cấp Tam tánh, T.1 Tứ trùng Nhị đế, T.2 Tam chủng tự tánh, T.3 Tam chủng vô tánh; C.XIII Bàn thông tục đế, (So sánh các triết thuyết với Duy Thức), Lời cuối sách.

(Bản lưu tại Thư viện Huệ Quang, Q. Tân Phú, Tp. Hồ Chí Minh)

1.406. Biện Minh DUY THỨC HỌC – Tập IV

Viết dịch: *Giải Minh*

Lưu hành nội bộ, PL. 2542 – DL. 1998

Sách dày hơn 105 trang, bìa mềm; nội dung gồm có: 1. Bản luận lược tựa, 2. Bản luận đọc pháp, 3. Chủ đích tạo luận, 4. Tông lược yếu chỉ, 5. Nêu rõ về Ba Năng biến, 6. Giả nói về Ngã-Pháp, 7. Bàn giải về sự Chuyển biến, 8. Cảnh thức Có-Không, 9. Quyết trách Ngã chấp, 10. Quyết trách Pháp chấp, 11. Giải về Ba Năng biến, 12. Nhân quả năng biến, 13. Phụ lục; Tài liệu tham khảo.

(Bản lưu tại Thư viện Huệ Quang, Q. Tân Phú, Tp. Hồ Chí Minh)

1.407. BỒ-ĐỀ CHÁNH ĐẠO - BỒ-TÁT GIỚI LUẬN

Tạo luận: *Thượng sư Tsong Kha Pa*

Hán dịch: *Thang Hương Danh*

Viết dịch: *Thích Tịnh Nghiêm*

Tường Quang Tùng Thư,

PL. 2550 – DL. 2006.

Tác phẩm Luận này có 278 trang (Pdf), nội dung như sau: A.I Phần tựa, 1. Tán thán: Phật Thích-ca, Phật Di-lặc, ngài Vô Trước, Bồ-tát Địa; 2. Nhân duyên ngài Vô Trước soạn Bồ-tát Địa; 3. Nhân duyên

Luận chủ Tsong Kha Pa tạo luận này; 4. Tổng luận trì giới; 5. Hai thừa Hiền-Mật đều phải trì giới; *A.II Chánh thức giải thích giới phạm*: 1. Tổng nhiếp, 2. Phân tích (Nói sơ lược về tự tính, Nói tường tận về tất cả giới, Giới pháp, Luật nghi giới, Nhiếp thiện pháp giới, Nhiêu ích hữu tình giới, Nhân duyên đầy đủ, Nhân duyên đầy đủ của Luật nghi giới, Nhân duyên đầy đủ của Nhiếp thiện pháp giới, Nhân duyên đầy đủ của Nhiêu ích hữu tình giới, Thâu góp ý nghĩa chánh yếu, Lãnh thọ giới pháp, Pháp có thầy truyền giới, Pháp không có thầy truyền giới, Phòng hộ giới pháp,...) *A.III Hậu phần*, Chỗ y cứ và ý chỉ của luận chủ, khuyến khích kỳ nguyện. (<https://hoavouu.com>; *Tủ sách PDF*)

1.408. BỒ-ĐỀ TÂM LUẬN (BODHICITTAVIVARANA)

Tác giả: *Thánh giả Long Thọ*
Thuyết giảng: *Đức Đạt-lai Lạt-ma*
Melbourne – Australia (2007)
Sách có 31 trang, nội dung gồm có: Tám Thi kệ Chuyển Tâm (Eight Verses of Mind Transformation), Bồ-đề Tâm luận (Boddhicittavivarana), Chân Diệu âm ca của các bậc Hiền Thánh (A True Melodious Song of the Sage), Tụng niệm Phổ thông (Teachings Prayers, Thất chi Phổ Hiền, Cúng dường Mạn-đà-la, Quy y – Phát Tâm Bồ-đề, Hồi hướng). (tuvien.com, *Tủ sách Phật học/ Mật tông*)

1.409. BỒ-ĐỀ TƯ LƯƠNG LUẬN

Luận chủ: *Thánh giả Long Thọ*
Hán dịch: *Tam tạng Đạt-ma-hấp-đa*
Việt dịch: *Sa-môn Thích Như Điển*
Chùa Viên Giác (Đức quốc) ấn tống PL. 2549 – DL. 2005.
Toàn bộ tác phẩm Luận này dày 126 trang (Pdf), gồm có 6 quyển.

(<https://thuvienhoasen.org>, *Luận-Phật học*; <https://quangduc.com>, *Luận*)

1.410. BỘ A-TỠ-ĐÀM LUẬN – 14 Tập *Luận tạng - Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh*, từ tập 89-102

Hội Văn hóa Giáo dục Linh Sơn Đài Bắc xuất bản – 2000

Tập 89, *Luận A-tỳ-đạt-ma Tập dị môn túc* - Số 1536, *Luận A-tỳ-đạt-ma Tập dị môn túc*, có 20 quyển: Q.1, Duyên khởi; Q.2-Q.3, Hai pháp; Q.4-Q.6, Ba pháp; Q.7-Q.10, Bốn pháp; Q.11-Q.14, Năm pháp; Q.15-Q.16, Sáu pháp; Q.17, Bảy pháp; Q.18-Q.19, Tám pháp; Q.20, Mười pháp; số 1537, - *Luận A-tỳ-đạt-ma Pháp Uẩn túc*, có 12 quyển: Q.1, Học xứ; Q.2, Chi Dự lưu; Q.3, Chứng tịnh; Q.4, Chánh thắng; Q.5, Thần túc; Q.6, Niệm trụ; Q.7, Tĩnh lự; Q.8, Vô sắc; Q.9, Giác chi; Q.10, Căn; Q.11, Nhiều cảnh giới; Q.12, Duyên khởi; số 1538, - *Luận Thi thiết*, có 7 quyển: Q.1, Nhân thi thiết thế gian; từ Q.2-Q.7, Nhân thi thiết trong đời pháp Đại luận; số 1539, - *Luận A-tỳ-đạt-ma Thức thân túc*, có 16 quyển: Q.1-Q.2, Mục-kiền-liên; Q.3, Bồ-đặc-già-la; Q.4-Q.5, Nhân duyên; từ Q.6-Q.10, Sở Nhân duyên; Q.11-Q.12, Tạp; từ Q.13-Q.16, Thành tựu; số 1540, - *Luận A-tỳ-đạt-ma Giới thân túc*, có 3 quyển Thượng (Bản sự), Trung và Hạ (Phân biệt).

Tập 90, *Luận Chúng sự phân A-tỳ-đàm* - Số 1541, - *Luận chúng sự phân A-tỳ-đàm*, có 11 quyển: Q.1, Năm pháp-Phân biệt trí; Q.2, Phân biệt các Nhập-Bảy sự; Q.3, Phân biệt các sử; Q.4-Q.6, Phân biệt các thâu tóm; Q.7, Phân biệt các thâu Nhiếp; từ Q.8-Q.11, Thiên văn luận; số 1542, - *Luận A-tỳ-đạt-ma Phẩm loại túc*, có 18 quyển: Q.1, Biện về Năm sự; Q.2, Biện luận các trí; Q.3, Biện về Bảy sự; Q.4-Q.5, Biện về Tùy miên; từ Q.6-Q.10,

Biện về Thâu giữ; từ Q.11-Q.17, Biện về ngàn câu hỏi; Q.18, Biện về Quyết trách; số 1543, - Luận A-tỳ-đạt-ma bát Kiền-độ, có 30 quyển: Q.1, Tạp-Pháp thứ nhất của thế gian; Q.2, Tạp-Nói về người; Q.3, Tạp-Nói về sắc; Q.4, Kiết sử-Bàn về bất thiện; Q.5-Q.6, Kiết sử-Bàn về Nhất hành; Q.7, Kiết sử-Bàn về người; Q.8, Kiết sử-Bàn về mười môn; Q.9, Trí-Nói về tám đạo; Q.10, Trí-Nói về Năm chủng; Q.11-Q.12, Trí-Bàn về tu trí; Q.13-Q.14, Trí-Bàn về Tương ưng; Q.15, Hành-Bàn về hành ác; Q.16, Hành-Nói về hại chúng sanh; Q.17, Hành-Nói về hữu giáo vô giáo; Q.18, Bốn đại-Bàn về Tịnh căn; Q.19, Bốn đại-Bàn về duyên; Q.20, Bốn đại-Bàn về Kiến đế; Q.21, Căn-Bàn về căn; Q.22, Căn-Bàn về tâm bắt đầu; Q.23-Q.24, Căn-Bàn về duyên; Q.25-Q.26, Định-Bàn về Đắc quá khứ; Q.27, Định-Bàn về giải thoát; Q.28, Định-Bàn về Nhất hành; Q.29, Kiến-Bàn về Ý chỉ; Q.30, Kiến-Bàn về tướng; số 1544, - Luận A-tỳ-đạt-ma Phát trí, có 20 quyển: Q.1, Tạp uẩn-Bàn về Pháp thế Đệ nhất; Q.2, Tạp uẩn-Bàn về Ái kính; Q.3, Kiết uẩn-Bàn về Pháp bất thiện; Q.4, Kiết uẩn-Bàn về Nhất hành; Q.5, Kiết uẩn-Bàn về hữu tình; Q.6, Kiết uẩn-Bàn về mười môn; Q.7, Trí uẩn-Bàn về Giác chi; Q.8, Trí uẩn-Bàn về Tha tâm trí; Q.9, Trí uẩn-Bàn về tu trí; Q.10, Trí uẩn-Bàn về bảy Thánh; Q.11, Nghiệp uẩn-Bàn về Hành ác; Q.12, Nghiệp uẩn-Bàn về Biểu vô biểu; Q.13, Đại chủng uẩn-Bàn về Đại tạo; Q.14, Đại chủng uẩn-Bàn về chấp thọ; Q.15, Căn uẩn-Bàn về Hữu; Q.16, Căn uẩn-Bàn về Ngự; Q.17, Định uẩn-Bàn về Đắc; Q.18, Định uẩn-Bàn về sự Thâu Nhiếp; Q.19, Định uẩn-Bàn về Nhất hạnh; Q.20, Kiết uẩn-Bàn về Trí.

Tập 91, Luận A-tỳ-đạt-ma Đại Tỳ-bà-sa

- Số 1545, - Luận A-tỳ-đạt-ma Đại Tỳ-bà-sa, từ Q.1 – Q.50: Q.1, Tựa; từ Q.2-Q.9,

Tạp uẩn-Luận về Thế đệ nhất pháp; từ Q.9-Q.23, Tạp uẩn-Luận về Trí; từ Q.23-Q.29, Tạp uẩn-Luận về Bồ-đặc-già-la; từ Q.29-Q.34, Tạp uẩn-Luận về Ái kính; từ Q.34-Q.38, Tạp uẩn-Luận về Tàm quý; từ Q.38-Q.42, Tạp uẩn-Luận về Vô nghĩa; từ Q.42-Q.45, Tạp uẩn-Luận về Tư; từ Q.46-Q.50, Tạp uẩn-Luận về Bất thiện.

Tập 92, Luận A-tỳ-đạt-ma Đại Tỳ-bà-sa (tt)

- Số 1545, - Luận A-tỳ-đạt-ma Đại Tỳ-bà-sa, từ Q.51 – Q.100: từ Q.51-Q.55, Kiết uẩn-Luận về Bất thiện; từ Q.56-Q.63, Kiết uẩn-Luận về Nhất hành; từ Q.63-Q.70, Kiết uẩn-Luận về Hữu tình; từ Q.71-Q.92, Kiết uẩn-Luận về Nhập môn; từ Q.93-Q.97, Trí uẩn-Luận về Học chi; Q.98-Q.99, Trí uẩn-Luận về Ngũ chủng; Q.99-Q.100, Trí uẩn-Luận về Tha tâm trí.

Tập 93, Luận A-tỳ-đạt-ma Đại Tỳ-bà-sa (tt)

- Số 1545, - Luận A-tỳ-đạt-ma Đại Tỳ-bà-sa, từ Q.101 – Q.150: từ Q.101-Q.105, Trí uẩn-Luận về Tha tâm trí; từ Q.105-Q.108, Trí uẩn-Luận về Tu trí; Q.109-Q.111, Trí uẩn-Luận về Thất Thánh; Q.112-Q.116, Nghiệp uẩn-Luận về Ác hành; từ Q.116-Q.118, Nghiệp uẩn-Luận về Tà ngữ; từ Q.118-Q.121, Nghiệp uẩn-Luận về Hại sinh; Q.122-Q.124, Nghiệp uẩn-Luận về Biểu vô biểu; Q.125-Q.126, Nghiệp uẩn-Luận về Tự nghiệp; Q.127-Q.131, Đại Chủng uẩn-Luận về Đại tạo; từ Q.131-Q.134, Đại chủng uẩn-Luận về Duyên; Q.134-Q.137, Đại chủng uẩn-Luận về Cụ kiến; Q.137-Q.141, Đại chủng uẩn-Luận về Chấp thọ; Q.142-Q.146, Căn uẩn-Luận về Căn; Q.147-Q.148, Căn uẩn-Luận về Hữu; Q.149-Q.150, Căn uẩn-Luận về Xúc.

Tập 94, Luận A-tỳ-đạt-ma Đại Tỳ-bà-sa (tt)

- Số 1545, - Luận A-tỳ-đạt-ma Đại Tỳ-bà-sa, từ Q.151 – Q.200: từ Q.151-Q.154,

Căn uẩn-Luận về Đẳng tâm; Q.155, Căn uẩn-Luận về Bình đẳng tâm; Q.155-Q.156, Căn uẩn-Luận về: Nhất tâm, Ngự, Duyên; Q.157-Q.162, Định uẩn-Luận về Đắc; Q.162-Q.165, Định uẩn-Luận về Duyên; từ Q.166-Q.173, Định uẩn-Luận về Nhiếp; từ Q.174-Q.183, Định uẩn-Luận về Bất hoàn; từ Q.183-Q.186, Định uẩn-Luận về Nhất hành; từ Q.187-Q.192, Kiến uẩn-Luận về Niệm trú; Q.192-Q.195, Kiến uẩn-Luận về Tam hữu; Q.195-Q.196, Kiến uẩn-Luận về Tướng; Q.196-Q.197, Kiến uẩn-Luận về Trí; từ Q.198-Q.200, Kiến uẩn-Luận về Kiến.

Tập 95, Luận A-tỳ-đàm Tỳ-bà-sa

- Luận A-tỳ-đàm Tỳ-bà-sa, từ Q.1-Q.40: từ Q.1-Q.4, Kiên-độ tạp Pháp Thế đệ nhất; từ Q.5-Q.12, Kiên-độ tạp-Trí; Q.13-Q.15, Kiên-độ tạp-Nhân; Q.16-Q.18, Kiên-độ tạp Ái kính; Q.19-Q.20, Kiên-độ tạp Hồ thẹn, Sắc; Q.21-Q.22, Kiên-độ tạp Vô nghĩa; Q.23-Q.24, Kiên-độ tạp Tư; từ Q.25-Q.30, Kiên-độ sử Bất thiện; Q.31-Q.33, Kiên-độ sử Một hành; Q.34-Q.36, Kiên-độ sử Người; Q.37-Q.40, Kiên-độ sử Mười môn.

Tập 96, Luận A-tỳ-đàm Tỳ-bà-sa (tt)

- Luận A-tỳ-đàm Tỳ-bà-sa, từ Q.41-Q.60: từ Q.41-Q.46, Kiên-độ sử Mười môn; Q.46-Q.49, Kiên-độ Tri-Tám đạo; Q.50-Q.54, Kiên-độ tri-Tha tâm trí; Q.55-Q.56, Kiên-độ Tri-Tu trí; từ Q.57-Q.60, Kiên-độ Tri-Tương ưng; số 1547, - Luận Tỳ-bà-sa, có 14 quyển: Q.1, Xứ của Ba kiết; Q.2, Xứ của: Ba căn bất thiện, Ba hữu lậu, Bốn lưu, Bốn thọ, Bốn thọ bị trói buộc; Q.3, Xứ của: Năm cái, Năm kiết, Năm kiết phần dưới, Năm kiết phần trên, Năm kiến, Sáu Ái thân, Bảy sử, Chín kiết, 98 sử; Q.4, Giải thích về 10 môn; Q.5, Xứ của 18 giới; Q.6, Xứ của: 12 nhập, Năm âm, Năm thịnh âm, Sáu giới; Q.7, Xứ của: Pháp sắc-Pháp vô sắc, Pháp có thể thấy-không thể

thấy, Pháp có đôi-không đôi, Pháp hữu lậu-vô lậu, Pháp hữu vi-vô vi, Ba đời, Thiện-Bất thiện-Vô ký, Lệ thuộc cõi Dục-cõi Sắc-cõi Vô sắc, Pháp học-Phi học-Phi vô học, Pháp kiết-Đoạn-bất đoạn; Q.8-Q.9, Xứ của: Bốn Thánh đế; Q.10, Xứ của Bốn thiên; Q.11, Xứ của Bốn đẳng; Q.12, Xứ của Bốn vô sắc, Tám giải thoát, Tám trừ nhập, Mười nhất thiết nhập; Q.13, Xứ của: Tám trí, Ba Tam-muội; Q.14, Xứ của: Trung âm, Bốn loài sanh.

Tập 97, Luận Xá-lợi-phát A-tỳ-đàm

Số 1548, Luận Xá-lợi-phát A-tỳ-đàm, có 30 quyển: Q.1, P. Nhập của Phần vẩn; Q.2, P. Giới; Q.3, P. Âm; Q.4, P. Bốn Thánh đế; Q.5, P. Căn; Q.6, P. Bảy giác, Bất thiện căn, Đại, Ưu-bà-tắc (từ P.1-6 thuộc Phần vẩn); Q.7, P. Giới, P. Nghiệp thuộc về phần Phi vẩn; Q.8, P. Nhân; Q.9-Q.11, P. Trí; Q.12, P. Duyên; Q.13, P. Niệm xứ, P. Chánh cần, P. Thần túc; Q.14, P. Thiên định; Q.15-Q.17, P. Đạo; Q.18-Q.20, P. Phiền não (từ Q.7-Q.20 thuộc phần Phi vẩn); Q.21-Q.22, P. Nhiếp; Q.23-Q.24, P. Tương ưng (từ Q.21-Q.24 thuộc phần Nhiếp Tương ưng); Q.25-Q.26, P. Biến; Q.26, P. Nhân, P. Danh sắc, P. Giả kiết; Q.27, P. Giả kiết, P. Hành, P. Xúc, P. Giả tâm, P. Thập Bất thiện Nghiệp đạo, P. Thập Thiện nghiệp đạo; Q.28-Q.30, P. Định (từ Q.25-Q.30 thuộc phần Đầu mối); số 1549, - Luận Tôn Bà-tu-mật Bồ-tát sở tập, có 10 quyển: từ Q.1-Q.3, Tụ Kiên-độ; Q.4, Kiên-độ Tam-muội; Q.5, Kiên-độ Tứ đại, Kiên-độ khế kinh; Q.6, Kiên-độ Cánh lạc; Q.7, Kiên-độ kiết sử; Q.8, Kiên-độ Hành, Kiên-độ Trí; Q.9, Kiên-độ Kiến, Kiên-độ Căn, Kiên-độ Nhất thiết hữu, Kiên-độ Kệ; Q.10, Kiên-độ Kệ.

Tập 98, Luận A-tỳ-đàm Tâm

- Số 1550, - Luận A-tỳ-đàm Tâm, có 4 quyển: Q.1, Giới-Hành-Nghiệp; Q.2, Sử-Hiền thánh; Q.3, Trí-Định; Q.4, Khế kinh-

Phẩm tạp-Luận; số 1551, - A-tỳ-đàm Tâm luận Kinh, có 6 quyển: Q.1, Hành; Q.2, Nghiệp; Q.3, Sử-Hiền thánh; Q.4, Trí-Định; Q.5, Định, A-tu-la; Q.6, A-tu-la, Tạp, Vấn luận; số 1552, - Luận tạp A-tỳ-đàm Tâm, có 11 quyển: Q.1, Mở tựa-Giới; Q.2, Hành; Q.3, Nghiệp; Q.4, Sử; Q.5, Hiên thánh; Q.6, Trí; Q.7, Định; Q.8, Tu-đa-la; Q.9, Tạp; Q.10, Trạch; Q.11, Trạch-Luận; số 1553, - Luận A-tỳ-đàm Cam lộ vị, có 2 quyển: Q. Thượng: Bồ thí-Trí giới, Giới đạo, Trụ thực sinh, Nghiệp, Âm trì nhập, Hành, Nhân duyên chủng, Tịnh căn, Kiết sử Thiên trí, 37 người vô lậu; Q. Hạ: Trí, Thiên định, Tạp định, Tam thập thất phẩm, Bốn đế, Tạp; số 1554, - Luận Nhập A-tỳ-đạt-ma, có 2 quyển Thượng-Hạ; số 1555, - Luận Ngũ sự Tỳ-bà-sa, Q. Thượng, Q. Hạ: Phân biệt sắc, Phân biệt tâm, Phân biệt tâm sở pháp; số 1556, - Luận Tát-bà-đa tông Ngũ sự; số 1557, - Kinh A-tỳ-đàm Ngũ pháp hành.

Tập 99, Luận A-tỳ-đạt-ma Câu-xá

- Số 1558, - Luận A-tỳ-đạt-ma Câu-xá, có 30 quyển: Q.1-Q.2, Phân biệt các Giới; từ Q.3-Q.7, Phân biệt Căn; từ Q.8-Q.12, Phân biệt Thế giới; từ Q.13-Q.18, Phân biệt Nghiệp; từ Q.19-Q.21, Phân biệt Tùy miên; Q.22-Q.25, Phân biệt Hiên thánh; Q.26-Q.27, Phân biệt Trí; Q.28-Q.29, Phân biệt Định; Q.29-Q.30, Phân biệt pháp Chấp ngã; số 1559, - A-tỳ-đạt-ma Câu-xá Thích luận: Q.1-Q.2, Phân biệt Giới; Q.2-Q.5, Phân biệt Căn; Q.6-Q.9, Phân biệt Thế gian; Q.10-Q.12, Phân biệt Nghiệp.

Tập 100, A-tỳ-đạt-ma Câu-xá Thích luận (tt)

- Số 1559, - A-tỳ-đạt-ma Câu-xá Thích luận: Q.13, Phân biệt Nghiệp; Q.14-Q.15, Phân biệt Hoặc; Q.16-Q.18, Phân biệt Thánh đạo Quả nhân; Q.19-Q.20, Phân

biệt Tuệ; Q.21, Phân biệt Tam-ma-bạt-đề; Q.22, Phá trừ thuyết Ngã; số 1560, - Luận A-tỳ-đạt-ma Câu-xá Bốn tụng, có 8 phẩm: P.1 Phân biệt Giới; P.2 Phân biệt Căn; P.3 Phân biệt Thế giới; P.4 Phân biệt Nghiệp; P.5 Phân biệt Tùy miên; P.6 Phân biệt Hiên thánh; P.7 Phân biệt Trí; P.8 Phân biệt Định; số 1561, - Luận A-tỳ-đạt-ma Câu-xá Thật nghĩa số; số 1562, - Luận A-tỳ-đạt-ma Thuận Chánh lý: từ Q.1-Q.8, Nói về Bản sự; từ Q.9-Q.20, Nói về Sai khác; từ Q.21-Q.30, Nói về Duyên khởi.

Tập 101, Luận A-tỳ-đạt-ma Thuận Chánh lý (tt)

- Số 1562, - Luận A-tỳ-đạt-ma Thuận Chánh lý: Q.31-Q.32, Nói về Duyên khởi; từ Q.33-Q.44, Nói về Nghiệp; từ Q.45-Q.56, Nói về Tùy miên; từ Q.57-Q.72, Nói về Hiên thánh; Q.73-Q.76, Nói về Trí; Q.77-Q.80, Nói về Định.

Tập 102, Luận A-tỳ-đạt-ma Tạng Hiên tông

- Số 1563, - Luận A-tỳ-đạt-ma Tạng Hiên tông, có 40 quyển: Q.1, Tựa; Q.2-Q.4, Nói về Bản sự; Q.5-Q.11, Nói về Sai khác; Q.12-Q.17, Nói về Duyên khởi; Q.18-Q.20, Nói về Nghiệp; Q.21, Nói về Biệt nghiệp; Q.22-Q.24, Nói về Nghiệp; Q.25-Q.28, Nói về Tùy miên; Q.29-Q.34, Nói về Hiên thánh; Q.35-Q.37, Nói về Trí; Q.38-Q.40, Nói về Định.

(<https://daitangkinh.org>)

1.411. BỘ CHẤT NGŨ' Chú Giải – DHÀTUKATHÀ, 3 Tập

Song Ngữ Anh – Việt
U NĀRADA MŪLA PATTHANA
SAYADAW

Tác giả bản Anh ngữ:

Discourse on Elements

Dịch chánh tạng Việt:

HT. Tịnh Sự (1913-1984)

Dịch và chú giải: Tâm An – Minh Huệ

Thiền viện Phước Sơn ấn hành năm 2012. Sách có khổ lớn, bìa cứng màu trắng, chữ đen, cả bộ dày 1.165 trang.

Tập I, dày hơn 401 trang, nội dung gồm có 3 chương: Lời nói đầu, Lời giới thiệu của Miss I. B. Horner, Lời tựa của Thein Nyun, Lời dẫn nhập của U Narada, Phần xiển thuật; C.I Yếu hiệp và Bất yếu hiệp, Giải thích phương pháp và Biểu đồ chương I, Biểu đồ phân loại Uẩn, Xứ, Giới của chương I, 165 câu vấn đáp với chú giải chi tiết, 1. Ngũ uẩn, 2. Thập nhị xứ, 3. Thập bát giới, 4. Tứ đế, 5. Nhị thập nhị quyền, 6. Liên quan tương sinh và những pháp khác, 7. Đầu đề tam 22, 8. Đầu đề nhị 100, Bảng nội phần đề, Bảng ngoại phần đề; C.II Bất yếu hiệp theo yếu hiệp, Giải thích phương pháp và Biểu đồ chương II, Biểu đồ chương II, 8 câu vấn đáp với chú giải chi tiết; C.III Giải thích phương pháp và Biểu đồ chương III, Biểu đồ chương III, 12 câu vấn đáp với chú giải chi tiết;

Tập II, (từ tr. 425 đến tr. 838), nội dung gồm có 3 chương: C.IV Yếu hiệp theo yếu hiệp, Giải thích phương pháp và Biểu đồ chương IV, Biểu đồ chương IV, 2 câu vấn đáp với chú giải chi tiết; C.V Bất yếu hiệp theo bất yếu hiệp, Giải thích phương pháp và Biểu đồ chương V, Biểu đồ chương V, 35 câu vấn đáp với chú giải chi tiết; C.VI Tương ưng và bất tương ưng, Giải thích phương pháp và Biểu đồ chương VI, Biểu đồ chương VI, 78 câu vấn đáp với chú giải chi tiết, 1. Ngũ uẩn, 2. Thập nhị xứ, 3. Thập bát giới, 4. Tứ đế, 5. Đầu đề tam 22, 6. Đầu đề nhị 100;

Tập III, (từ tr. 839 đến tr. 1165), nội dung gồm có 8 chương: C.VII Bất tương ưng theo tương ưng, Giải thích phương pháp và Biểu đồ chương VII, Biểu đồ chương VII, 11 câu vấn đáp với chú giải chi tiết; C.VIII Tương ưng theo bất tương ưng,

Giải thích phương pháp và Biểu đồ chương VIII, Biểu đồ chương VIII, 2 câu vấn đáp với chú giải chi tiết; C.IX Tương ưng theo tương ưng, Giải thích phương pháp và Biểu đồ chương IX, Biểu đồ chương IX, 34 câu vấn đáp với chú giải chi tiết; C.X Bất tương ưng theo bất tương ưng, Giải thích phương pháp và Biểu đồ chương X, Biểu đồ chương X, 56 câu vấn đáp với chú giải chi tiết; C.XI Tương ưng-Bất tương ưng theo Yếu hiệp, Giải thích phương pháp và Biểu đồ chương XI, Biểu đồ chương XI, 8 câu vấn đáp với chú giải chi tiết; C.XII Yếu hiệp-Bất yếu hiệp theo Tương ưng, Giải thích phương pháp và Biểu đồ chương XII, 31 câu vấn đáp với chú giải chi tiết; C.XIII Tương ưng-Bất tương ưng theo Bất yếu hiệp, Giải thích phương pháp và Biểu đồ chương XIII, 8 câu vấn đáp với chú giải chi tiết; C.XIV Yếu hiệp-Bất yếu hiệp theo Bất tương ưng, Giải thích phương pháp và Biểu đồ chương XIV, 31 câu vấn đáp với chú giải chi tiết; Bảng tóm lược 14 chương.

Bộ Chất Ngữ chú giải – 2 tập, được tái bản năm 2016, Nxb Hồng Đức.

1.412. BỘ DU-GIÀ – 7 Tập

Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh, từ tập 104 – 110

Hội Văn hóa Giáo dục Linh Sơn Đài Bắc xuất bản – 2000

Tập 104, Luận Du-già Sư địa

- Số 1579, - *Luận Du-già Sư địa*, có 100 quyển: Q.1, Bản địa-Địa năm thức thân Tương ưng; Q.2-Q.3, Bản địa-Địa ý; từ Q.4-Q.10, Bản địa-Địa có Tâm có Tứ 1-7; Q.11-Q.13, Bản địa-Địa Tam-ma-hỷ-đa 1-3; Q.13, Bản địa: Địa Phi Tam-ma-hỷ-đa, Địa có Tâm không Tâm, Địa do Văn tạo thành 1; Q.14-Q.15, Bản địa-Địa do Văn tạo thành 2-3; từ Q.16-Q.19, Bản địa-Địa do Tư tạo thành 1-4; Q.20, Bản địa-Địa do

Tu tạo thành; Q.21, Bản địa-Địa Thanh văn-Chủng tánh địa; từ Q.22-Q.25, Bản địa-Địa Thanh văn-Xuất ly địa 1-4; từ Q.26-Q.34, Bản địa-Địa Thanh văn-Xứ Du-già 2; Q.35, Bản địa-Địa Bò-tát-Xứ trì Du-già-Chủng tánh; Q.36, Bản địa-Địa Bò-tát-Trì Du-già xứ-Tự tha lợi; Q.37, Bản địa-Địa Bò-tát-Trì Du-già xứ-Uy lực; Q.38, Bản địa-Địa Bò-tát-Trì xứ Du-già-Bồ-đề; Q.39, Bản địa-Địa Bò-tát-Trì xứ Du-già-Thí; Q.40-Q.42, Bản địa-Địa Bò-tát-Trì xứ Du-già-Giới.

Tập 105, Luận Du-già Sư địa (tt)

- Số 1579, - *Luận Du-già Sư địa*: Q.43, Bản địa-Địa Bò-tát-Trì xứ Du-già-Tĩnh lực; Q.44, Bản địa-Địa Bò-tát-Trì xứ Du-già-Cúng dường thân cận vô thượng; Q.45-Q.46, Bản địa-Địa Bò-tát-Trì xứ Du-già-Bồ-đề phần; Q.47, Bản địa-Địa Bò-tát-Trì xứ Du-già-Tướng Bò-tát; Q.48, Bản địa-Địa Bò-tát-Trì xứ Du-già-Tùy pháp trụ; Q.49, Bản địa-Địa Bò-tát-Trì xứ Du-già-Cứu cánh địa; Q.50, Bản địa-Địa Bò-tát-Trì xứ Du-già-Cứu cánh kiến lập; từ Q.51-Q.57, Phần quyết trạch-Địa năm Thức thân tương ưng và Địa ý; Q.58-Q.61, Phần nhiếp quyết trạch-Ba địa có Tâm có Tứ; Q.62-Q.63, Phần nhiếp quyết trạch-Địa Tam-ma-hý-đa; Q.64-Q.67, Phần nhiếp quyết trạch-Địa Huệ do Văn tạo thành; Q.68, Phần nhiếp quyết trạch-Địa Thanh văn; Q.69, Phần nhiếp quyết trạch-Địa Huệ do Tư tạo thành; Q.70-Q.71, Phần nhiếp quyết trạch-Địa Thanh văn; từ Q.72-Q.80, Phần nhiếp quyết trạch-Địa Bò-tát; Q.81-Q.82, Phần đầu Giải thích 1-2; Q.83-Q.84, Phần gồm đầu Dị môn 1-2; Q.85, Phần Nhiếp sự-Khế kinh-Hành lựa chọn-Tóm đầu 1.

Tập 106, Luận Du-già Sư địa (tt)

- Số 1579, - *Luận Du-già Sư địa*: Q.86-Q.88, Phần Nhiếp sự-Khế kinh-Hành lựa chọn-Tóm đầu 1; Q.89-Q.92, Phần Nhiếp

sự-Khế kinh-Hành lựa chọn-Tóm đầu 2; Q.93-Q.96, Phần Nhiếp sự-Sự Khế kinh-Duyên khởi-Thực-Đề-Gồm đầu 3; Q.97-Q.98, Phần Nhiếp sự-Sự Khế kinh-Bồ-đề phần Pháp lựa chọn-Gồm đầu 4; Q.99-Q.100, Phần Nhiếp sự-Sự điều phục-Lựa chọn gồm đầu chung 5; số 1580, - *Luận Thích Du-già Sư địa* (Phần bản địa-Năm thức tương ưng); số 1581, - *Kinh Bò-tát Địa Trì*, có 10 quyển: Q.1, Chủng tánh của xứ - Phương tiện đầu tiên, Phương tiện phát tâm Bồ-đề, Phương tiện tự lợi lợi tha, Phương tiện nơi nghĩa chân thật; Q.2, Chủng tánh của xứ - Phương tiện nghĩa chân thật, Phương tiện của Lực; Q.3, Chủng tánh của xứ - Phương tiện thành thực, Phương tiện Bồ-đề vô thượng, Phương tiện lực chủng tánh; Q.4, Xứ phương tiện Thí, Xứ phương tiện Giới; Q.5, Xứ phương tiện Giới; Q.6, Xứ phương tiện Nhẫn; Xứ phương tiện Tinh tấn, Xứ phương tiện Thiên, Xứ phương tiện Tuệ; Q.7, Xứ phương tiện Bốn nhiếp, Xứ phương tiện Cúng dường tập cận vô lượng, Xứ phương tiện Bồ-đề, Xứ phương tiện Bồ-đề; Q.8, Xứ phương tiện Bồ-đề, Xứ phương tiện Bò-tát công đức, Xứ phương tiện thứ pháp-Bò-tát tướng, Xứ phương tiện thứ pháp-Dục; Q.9, Xứ phương tiện thứ pháp-Tâm tịnh, Xứ phương tiện thứ pháp-Trụ; Q.10, Xứ phương tiện cứu cánh-Sinh, Xứ phương tiện cứu cánh-Nhiếp, Xứ phương tiện cứu cánh-Địa, Xứ phương tiện cứu cánh-Hành, Kiến lập của xứ phương tiện cứu cánh; số 1582, - *Kinh Bò-tát Thiện Giới*, có 9 quyển: Q.1, Địa Bò-tát, Tánh hạnh thiện của Địa Bò-tát, Phát tâm Bồ-đề của địa Bò-tát, Lợi ích trong ngoài của Địa Bò-tát; Q.2, Nghĩa chân thật của Địa Bò-tát, Địa Bò-tát bất khả tư nghĩ; Q.3, Điều phục của Địa Bò-tát, Bồ-đề của Địa Bò-tát, Lực tánh Bồ-đề của Địa Bò-tát; Q.4, Bồ thí của

địa Bô-tát, Trì giới của Địa Bô-tát; Q.5, Nhãn nhục của Địa Bô-tát, Tinh tấn của Địa Bô-tát, Thiên định của Địa Bô-tát, Trí tuệ của Địa Bô-tát, Lờn nhu hòa của Địa Bô-tát; Q.6, Cúng dường Tam bảo của Địa Bô-tát, 37 Phẩm trợ đạo của Địa Bô-tát; Q.7, Pháp số trợ Bô-đề của Địa Bô-tát, Công đức của Địa Bô-tát, Tướng của Bô-tát Như pháp trụ, Thiên của Như pháp trụ; Q.8, Tâm định của Như pháp trụ, Sinh Địa Bô-đề của Như pháp trụ, Sinh của Địa rốt ráo; Q.9, Thân giữ của Địa rốt ráo, Cứu cánh của Địa rốt ráo, Hạnh của Địa rốt ráo, 32 tướng tốt-80 vẻ đẹp của Địa rốt ráo, Trụ của Địa rốt ráo; số 1583, - Kinh Bô-tát Thiện Giới, Ưu-ba-ly hỏi pháp Thọ giới Bô-tát; số 1584, - Luận Quyết Định Tạng, có 3 quyển Thượng, Trung và Hạ (luận về Tâm địa).

Tập 107, Thành Duy Thức luận

- Số 1585, - Thành Duy Thức luận, Tựa, Nghĩa chữ Thành Duy thức; Nội dung có 24 mục: 1. Lược nêu Tướng Duy thức luận, 2. Phá chấp ngã, 3. Hai thứ ngã chấp, 4. Giải thích vấn nạn, 5. Phá chấp pháp, 6. Phá các thừa giáo chấp pháp, 7. Thức biến hiện thứ Nhất, 8. Giải rõ tướng Nhất thiết chủng, 9. Chứng minh có thức thứ tám, 10. Thức biến hiện thứ Hai, 11. Thức biến hiện thứ Ba, 12. Dụ 15 Y xứ lập 10 nhân, 13. Bốn duyên nhiếp 10 và 2 nhân, 14. Năm quả, 15-17. Giải thích vấn nạn, 18. Ba Vô tánh, 19. Năm Hạnh vị tu chứng, 20. Tư lương vị, 21. Gia hạnh vị, 22. Thông đạt vị, 23. Tu tập vị, 24. Cứu cánh vị; số 1586, - Duy Thức Tam thập tụng; số 1587, - Luận Chuyển Thức; số 1588, - Duy Thức luận; số 1589, - Luận Đại thừa Duy Thức; số 1590, - Luận Duy Thức Nhị thập; số 1591, - Luận Thành Duy Thức Bảo sanh, có 5 quyển; số 1592, - Luận Nhiếp Đại thừa, có 2 quyển Thượng-Hạ; số 1593, - Luận Nhiếp Đại thừa, có 3

quyển: Q.1, Y chỉ thắng tướng: Chúng sanh-Tướng-Dẫn chứng-Sai biệt-Tướng thù thắng nên biết; Q.2, Y chỉ thắng tướng: Tướng thù thắng nên biết, Tướng thù thắng của Nhập nên biết, Tướng thù thắng tiến vào nhân quả; Q.3, Y chỉ thắng tướng: Tướng thù thắng về tu sai biệt tiến vào nhân quả, Tướng thù thắng dựa vào Giới học, Tướng thù thắng dựa vào Tâm học, Tướng thù thắng dựa vào Tuệ học, Tướng thù thắng Sai biệt Trí; số 1594, - Nhiếp Đại thừa Luận bản, có 3 quyển: Q. Thượng, Chỗ nương tựa của pháp Sở tri; Q. Trung, Tướng phân của các pháp Sở tri, Ngộ nhập các pháp Sở tri, Nhơn quả của sợ ngộ nhập; Q. Hạ, Sự tu tập về Nhơn quả, Giới tăng thượng của sự tu tập, Định tăng thượng của sự tu tập, Tuệ tăng thượng của sự tu tập, Trí tăng thượng của sự tu tập; số 1595, - Nhiếp Đại thừa luận Thích, có 15 quyển: Q.1, Giải thích y chỉ trong thắng tướng, Chúng danh-Vô đẳng Thánh giáo, Thứ tự 10 nghĩa, Chúng danh; Q.2, Giải thích trong y chỉ thắng tướng: chúng danh, Tướng huân tập, Bất nhất bất nhị-Làm nhân quả lẫn nhau, Nhân quả biệt-Bất diệt-Duyên sinh; Q.3, Giải thích dẫn chứng phạm: Phiền não bất tịnh, Nghiệp bất tịnh-Sinh bất tịnh, Thế gian tịnh-Xuất thế gian tịnh; Q.4, Sai biệt-Thuận đạo lý, Giải thích sai biệt-Ngôn thuyết ngã kiến hữu phần dẫn sinh quả báo duyên tướng; Q.5, Giải thích Ứng tri thắng tướng: Tướng, Sai biệt, Phân biệt; Q.6, Giải thích Ứng tri thắng tướng: Hiện thị liễu ý y; Q.7, Giải thích Ứng tri nhập thắng tướng: Chánh nhập tướng, Nhập phương tiện đạo, Nhập tư lương; Q.8, Nhập tư lương quả; Q.9, Giải thích nhập nhân quả thắng tướng thứ 4: Nhân quả vị, Lập danh; Q.10, Giải thích nhập Nhân quả tu sai biệt thắng tướng thứ 5: Đối trị, Lập danh, Tu tướng.

Tập 108, Nhiếp Đại thừa luận Thích (tt)

- Số 1595, - Nhiếp Đại thừa luận Thích: Q.11, Giải thích nhập nhân quả Tu sai biệt thắng tướng thứ 5: Tu thời, Giải thích y Giới học tướng thù thắng thứ 6, Giải thích y Tuệ học sai biệt tướng thù thắng thứ 7; Q.12, Giải thích y Tuệ học sai biệt tướng thù thắng thứ 8; Q.13, Giải thích Học quả tướng thù thắng thứ 9, Giải thích Trí sai biệt tướng thù thắng thứ 10; Q.14-Q.15, Giải thích Trí sai biệt Tướng thù thắng thứ 10; số 1596, - Giải thích Luận Nhiếp Đại thừa, có 10 quyển: Q.1, Nên biết y chỉ Thắng tướng, Thắng ngữ-Thánh giáo vô đẳng; Q.2, Nên biết y chỉ Thắng tướng, Thắng ngữ-Tướng; Q.3, Nên biết y chỉ Thắng tướng, Thắng ngữ-Thế gian tịnh; Q.4, Nên biết y chỉ Thắng tướng, Thắng ngữ-Tướng; Q.5, Nên biết y chỉ Thắng tướng, Thắng ngữ-Phân biệt; Q.6, Nên biết y chỉ Thắng tướng, Thắng ngữ; Q.7, Nên biết y chỉ Thắng tướng, Thắng ngữ: Nhân quả vị, Đối trị-Lập danh; Q.8, Tăng thượng Giới học thắng tướng thắng ngữ; Q.9, Thắng tướng thắng ngữ tăng thượng Tuệ học; Q.10, Trí thắng tướng thắng ngữ; số 1597, - Nhiếp Đại thừa Luận Thích (1), có 10 quyển: Q.1, Nêu tổng quát về cương yếu; Q.2-Q.3, Chỗ dựa của đối tượng nhận thức (sở tri y); Q.4-Q.6, Tướng của đối tượng nhận thức (sở tri chướng); Q.7, Nhập Nhân quả ấy; Q.8-Q.9, Tuệ học tăng thượng; Q.10, Quả Trí kia; số 1598, - Nhiếp Đại thừa Luận Thích (2), có 10 quyển: Q.1, Nêu tổng quát về cương yếu; Q.2-Q.3, Chỗ dựa của đối tượng nhận thức; Q.4-Q.5, Tướng của đối tượng nhận thức; Q.6, Nhập tướng của đối tượng nhận thức; Q.7, Nhập Nhân quả; Q.8, Tâm học tăng thượng; Q.9, Quả đoạn; Q.10, Quả Trí; số 1599, - Luận Trung biên Phân biệt, có 2 quyển: Q. Thượng, Tướng; Q. Hạ, Đối trị tu trụ.

Tập 109, Luận Biện Trung biên

- Số 1600, - Luận Biện Trung biên, có 3 quyển: Q. Thượng, Nói về tướng, Nói về chướng; Q. Trung, Biện chân thật, Nói về tu đối trị, Biện tu phạm vị; Q. Hạ, Biện đắc quả-Nói về thừa vô thượng; số 1601, - Luận Biện Trung biên tụng; số 1602, - Luận Hiền dương Thánh giáo, có 20 quyển: từ Q.1-Q.4, Thâu nhiếp sự; Q.5, Thâu nhiếp nghĩa thanh tịnh; Q.6-Q.10, Thâu nhiếp nghĩa tịnh; Q.11, Nhiếp nghĩa tịnh; Q.12-Q.13, Thâu tóm nghĩa tịnh; Q.14, Thành thiện xảo; Q.15, Thành lập khô, Thành lập không; Q.16, Thành lập Không-Thành lập Vô tính, Thành lập Hiện quán; Q.17, Thành lập Hiện quán, Thành lập Du-già, Thành lập bất tư nghị, Thâu nhiếp quyết trạch thù thắng; Q.18-Q.20, Thâu nhiếp Quyết trạch thù thắng; số 1603, - Tụng Luận Hiền dương Thánh giáo: Nhiếp sự, Nhiếp tịnh nghĩa, Nhiếp thành thiện xảo-Thành vô thường, Thành khô-Thành không, Thành Vô tánh-Thành Hiện quán, Thành Du-già, Thành Bất tư nghị, Nhiếp thắng quyết trạch; số 1604, - Luận Đại thừa Trang nghiêm Kinh, có 13 quyển: Lý Bách Dục vâng lệnh vua soạn Lời tựa, Q.1, Duyên khởi, Thành lập Tông, Quy y, Chung tính; Q.2, Phát tâm, Thần thông-Thành thực; Q.3, Bồ-đề; Q.4, Nói về Tín; Q.5, Thuật cầu; Q.6, Hoàng pháp; Q.7, Giáo thọ; Q.8, Độ nhiếp; Q.9, Cúng dường; Q.10, Giác phân; Q.12, Công đức; Q.13, Hành-trụ.

Tập 110, Luận Đại thừa A-tỳ-đạt-ma tập

- Số 1605, - Luận Đại thừa A-tỳ-đạt-ma tập, có 7 quyển: Q.1-Q.3, Phần bản sự-Ba pháp-Ba pháp trong phần bản sự; Q.3, Nhiếp trong phần bản sự-Tương ưng, Thành tựu trong phần bản sự-Phẩm đề trong phần Quyết trạch; Q.4-Q.5, Phẩm Đề trong phần Quyết trạch; Q.6, Pháp trong phần Quyết trạch, Đắc trong phần

Quyết trạch; Q.7, Đắc trong phần Quyết trạch, Nghị luận trong phần Quyết trạch; số 1606, - Luận Đại thừa A-tỳ-đạt-ma tập tập, có 16 quyển: Q.1, Phần Bản sự-Ba pháp; từ Q.2-Q.5, Ba pháp trong phần Bản sự; Q.5, Nhiếp trong phần Bản sự-Tương ưng trong phần bản sự; từ Q.6-Q.10, Phần Quyết trạch-Đề; Q.11-Q.12, Phần Quyết trạch-Pháp; Q.13-Q.14, Phần Quyết trạch-Đắc; Q.15-Q.16, Phần Quyết trạch-Luận; số 1607, - Luận Lục môn Giáo thọ tập định; số 1608, - Luận Nghiệp Thành tựu; số 1609, - Luận Đại thừa Thành Nghiệp; số 1610, - Luận Phật Tánh, có 4 quyển: Q.1, Duyên khởi-Phá chấp; Q.2, Hiện thể ba nhân-Ba tánh-Như Lai tạng; Q.3, Biệt tướng-Tổng nhiếp-Phân biệt; Q.4, Biệt tướng-Vô biên dị-Không sai khác; số 1611, - Luận Cứu cánh Nhất thừa Bảo tánh, có 4 quyển: Q.1, Phần luận bốn, Phần Giải thích; Q.2, Phật bảo-Pháp bảo-Tăng bảo; Q.3, Tất cả chúng sinh có Như Lai tạng; Q.4, Vô lượng phiền não trôi buộc; số 1612, - Luận Đại thừa Ngũ uẩn; số 1613, - Luận Đại thừa Quảng Ngũ uẩn; số 1614, - Luận Đại thừa Bách pháp Minh môn bản sự Phần Trung lược lục danh số; số 1615, - Luận Vương pháp Chánh lý; số 1616, - Luận Thập bát Không; số 1617, - Luận Tam Vô tánh, có 2 quyển Thượng-Hạ; số 1618, - Luận Hiện Thức; số 1619, - Luận Vô tướng Tư trần; số 1620, - Luận Giải Quyền; số 1621, - Luận Chứng Trung; số 1622, - Luận Thủ nhân Giả thiết; số 1623, - Bài tụng Luận Quán tông tướng; số 1624, - Luận Quán Duyên sở duyên; số 1625, - Giải thích Luận Quán Sở duyên; số 1626, - Luận Đại thừa Pháp giới Vô sai biệt (1); số 1627, - Luận Đại thừa Pháp giới Vô sai biệt (2). (<https://daitangkinh.org>)

1.413. BỘ LUẬN SỐ – 15 Tập

Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh, từ tập 146 – 160

Hội Văn hóa Giáo dục Linh Sơn Đài Bắc xuất bản – 2000

Tập 146, Số 1816, - Kim Cương Bát-nhã luận Hội thích, có 3 quyển Thượng, Trung và Hạ; số 1817, - Nói sơ lược Khen ngợi Một Bài tụng sau cùng trong Kinh Bát-nhã; số 1818, - Pháp Hoa Luận số, có 3 quyển Thượng, Trung và Hạ; số 1819, - Vô lượng Thọ Kinh Ưu-ba-đề-xá Nguyên sinh kệ, có 2 quyển Thượng-Hạ; số 1820, - Phật giáo Kinh Luận Số tiết yếu.

Tập 147, Số 1821, - Câu-xá luận ký, có 30 quyển: Q.1-Q.2, P. Phân biệt Giới; từ Q.3-Q.7, P. Phân biệt Căn; Q.8, P. Phân biệt Thế; Q.9, P. Phân biệt thế gian; Q.10, Nói về 12 chi Duyên khởi; Q.11, Nói về Khí thế gian; Q.12, Nói về 3 phần bằng nhau; Q.13, Phân biệt Nghiệp; Q.14, Giải thích riêng về Biểu Vô biểu; Q.15-Q.16, Phân biệt Nghiệp.

Tập 148, Số 1821, - Câu-xá luận ký (tt): Q.17, Giải thích tên gọi Nghiệp đạo; Q.18, Nói riêng về Nghiệp chướng; Q.19, Giải thích Tùy miên; Q.20, Nói về Hoặc năng hệ; Q.21, Phân biệt Tùy miên; từ Q.22-Q.25, Phân biệt Hiền Thánh; Q.26-Q.27, Phân biệt Trí; Q.28, Phân biệt Định; Q.30, Phá chấp ngã; số 1822, - Câu-xá Luận số, có 30 quyển, tập 148, từ Q.1-Q.5.

Tập 149, Số 1822, - Câu-xá Luận số (tt), tập 149, từ Q.6-Q.30.

Tập 150, Số 1823, - Luận Câu-xá Tụng số bốn, có 30 quyển.

Tập 151, Số 1824, - Trung Quán Luận số, có 10 quyển, 26 phẩm: Q.1, P.1 Nhân duyên; Q.2-Q.3, P.1 Nhân duyên (tt); Q.4, P.2 Khứ lai, P.3 Sáu tình, P.4 Năm ấm; Q.5, P.5 Lục chủng, P.6 Pháp nhiệm người nhiệm, P.7 Ba tướng; Q.6, P.8 Tác giả, P.9 Bản trụ, P.10 Đốt có thể đốt, P.11 Bản tế;

Q.7, P.12 Khổ, P.13 Hành, P.14 Hợp, P.15 Có không, P.16 Ràng buộc giải thoát; Q.8, P.17 Nghiệp, P.18 Pháp, P.19 Thời; Q.9, P.20 Nhân quả, P.21 Thành hoại, P.22 Như Lai, P.23 Quán Điền đảo; Q.10, P.24 Tứ đế, P.25 Niết-bàn, P.26 Mười hai Nhân duyên; số 1825, - Thập Nhị Môn luận số, có 3 quyển, Bài tựa, Q. Thượng, (Phần đầu), Môn quán hữu quả vô quả; Q. Trung, Môn duyên, Môn quán tướng; Q. Hạ, Môn quán hữu tướng vô tướng, Môn quán Nhân duyên; số 1826, - Thập Nhị Môn luận Tông trí nghĩa ký, có 2 quyển Thượng-Hạ.

Tập 152, Số 1827, - Bách Luận số, có 3 quyển: Q. Thượng, Cởi bỏ tội phước; Q. Trung, Phá thân, Phá một, Phá dị, Phá tình, Phá trần; Q. Hạ, Phá trong nhân có quả, Phá trong nhân không quả, Phá thường, Phá không; số 1828, - Du-già Luận ký, Bản luận quyển 100, tập 152, từ Bản luận Q.1-Q.19.

Tập 153, Số 1828, - Bách Luận số (tt): từ Bản luận Q.20-Q.56.

Tập 154, Số 1828, - Bách Luận số (tt): từ Bản luận Q.57-Q.100.

Tập 155, Số 1829, - Du-già Sư Địa luận Lược toàn, có 16 quyển.

Tập 156, Số 1830, - Thành Duy Thức luận Thuật ký, có 10 quyển, tập 156, từ Q.1-Q.7.

Tập 157, Số 1831, - Thành Duy Thức luận Thuật ký (tt), tập 157, từ Q.8-Q.10; số 1831, - Thành Duy Thức luận Chương Trung xu yếu, có 2 quyển Thượng-Hạ; số 1832, - Thành Duy Thức luận Liễu nghĩa đặng, có 7 quyển, tập 157, từ Q.1-Q.4.

Tập 158, Số 1832, - Thành Duy Thức luận Liễu nghĩa đặng (tt), từ Q.5-Q.7; số 1833, - Thành Duy Thức Luận Diễn bí, có 7 quyển; số 1834, - Duy Thức Thập nhị luận Thuật ký, có 2 quyển Thượng-Hạ.

Tập 159, Số 1835, - Biện Trung Biên luận Thuật ký, có 3 quyển Thượng, Trung và Hạ; số 1836, - Luận Đại thừa Bách Pháp Minh môn Giải nghĩa, có 2 quyển Thượng-Hạ; số 1837, - Luận Đại thừa Bách Pháp Minh môn Sớ giải, có 2 quyển Thượng-Hạ; số 1838, - Luận Đại thừa Pháp giới Vô sai biệt; số 1839, - Lý Luận Môn thuật ký; số 1840, - Lời Sớ Nhân Minh Nhập Chính lý luận, có 3 quyển Thượng, Trung và Hạ; số 1841, - Nhân Minh Nghĩa Đoạn; số 1842, - Nhân Minh Nhập Chánh lý luận Nghĩa toát yếu; số 1843, - Đại thừa Khởi tín luận Nghĩa số, có 2 quyển Thượng-Hạ; số 1844, - Luận Khởi Tín số, có 2 quyển Thượng-Hạ.

Tập 160, Số 1845, - Luận Đại thừa Khởi Tín Biệt ký, có 2 quyển; số 1846, - Luận Đại thừa Khởi Tín Nghĩa ký, có 3 quyển Thượng, Trung và Hạ; số 1847, - Luận Đại thừa Khởi Tín Nghĩa ký Biệt ký; số 1848, - Khởi Tín Luận số Bút sảo ký, có 20 quyển; số 1849, - Luận Đại thừa Khởi Tín Nội nghĩa Lược Thám ký; số 1850, - Luận Đại thừa Khởi Tín luận Võng số, có 6 quyển; Mục lục Tập 160, Luận số 15. (<https://daitangkinh.org>)

1.414. BỘ LUẬN TẬP – 4 Tập

Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh, từ tập 111 – 114

Hội Văn hóa Giáo dục Linh Sơn Đài Bắc xuất bản – 2000

Tập 111, Bộ Luận Tập, Số 1628, - Nhân minh Chánh lý Môn luận bản; số 1629, - Nhân minh Chánh lý Môn luận; số 1630, - Luận Nhân minh Chánh lý; số 1631, - Hồi Tránh Luận; số 1632, - Luận Phương Tiện Tâm; số 1633, - Luận Như thật Phản chất nạn phẩm; số 1634, - Luận Nhập Đại thừa, có 2 quyển: Q. Thượng, Phẩm Ý nghĩa; Q. Hạ, Phẩm Cơ luận Không; số 1635, - Luận Đại thừa Bảo yếu nghĩa, có 10 quyển; số

1636, - Luận Đại thừa Tập Bồ-tát học, có 25 quyển: Q.1-Q.3, Tập bố thí học; Q.4, Giới hộ trì chánh pháp; từ Q.5-Q.7, Không; Q.8, Tập ly nạn giới học-Hộ thân; Q.9, Hộ thân-Thọ dụng phước; Q.10, Hộ thọ dụng phước-Thanh tịnh; Q.11-Q.12, Thanh tịnh; Q.13, Tinh tấn Ba-la-mật, Nói về A-lan-nhã; Q.14, Nói về A-lan-nhã; Q.15, Trì tâm; Q.16, Trì tâm-Niệm xứ; Q.17, Niệm xứ-Tự tánh thanh tịnh; Q.18-Q.19, Tự tánh thanh tịnh; Q.20, Chánh mạng thọ dụng; Q.21, Tăng trưởng thắng lực; Q.22, Cung kính tác lễ; Q.23-Q.25, Niệm Tam bảo; số 1637, - Luận Đại thừa Tướng, có 2 quyển Thượng-Hạ; số 1638, - Luận Tập chư Pháp bảo Tội thượng nghĩa, có 2 quyển Thượng-Hạ; số 1639, - Luận Đề-bà Bồ-tát Phá Lãng-già Kinh Trung ngoại Đại thừa Tứ tông; số 1640, - Luận Đề-bà Bồ-tát Phá Lãng-già Kinh Trung ngoại Tiểu thừa Niết-bàn; số 1641, - Luận về Tùy Tướng (Giải Mười Đệ trong luận); số 1642, - Luận Kim Cang Kế; số 1643, - Kinh Ni-kiền-tử vấn Vô ngã nghĩa; số 1644, - Kinh Lập thể A-tỳ-đàm, có 10 quyển: Q.1, Địa động; Q.2, Tượng vương Lâu-xà-kỳ-lợi; Q.3, Vườn hoan hỷ; Q.4, Thành Đề-đâu-lại-tra; Q.5, Thiên và Phi thiên đánh nhau; Q.6, Vì sao; Q.7, Thọ sanh; Q.8, Địa ngục; Q.9, Tiểu tam tai tạt dịch; Q.10, Đại tam tai-Hỏa tai.

Tập 112, Bộ Luận Tập, Số 1645, - Chương luận Sở tri, có 2 quyển Thượng-Hạ; số 1646, - Luận Thành Thật, có 16 quyển: Q.1, Luận Phát tu trung Phật bảo: Sơ Cụ túc-Thập lực, Tứ vô úy-Mười hiệu, Ba nghiệp không cần phòng hộ-Luận pháp bảo sơ tam thiện, Chúng pháp-12 bộ Kinh, Tăng bảo là luận về sự thanh tịnh làm đầu tiên-Phân biệt hiền Thánh, Ruộng phước cát tường; Q.2, Luận Phát tu trung Phật bảo: Tứ đế-Pháp tu, Trước 10 luận có tướng-vô tướng, Có hai đời-Hai đời quá

khứ, vị lai đều không-Tất cả pháp có không; Q.3, Luận Phát tu trung Phật bảo: Có Trung âm-Không có Trung âm, Theo thứ lớp-trong một lúc, Thoát lui-không thoát lui-Tâm tánh; Tương ưng Bất tương ưng-Nghiệp quá khứ-Biện luận về Tam bảo, Vô ngã-có ngã-không ngã, Nhóm Khổ đế sắc tướng trong sắc luận-tên gọi sắc-bốn đại giả danh, Bốn đại thật có-đó chẳng phải chứng, Làm rõ tôn chỉ của bốn luận-Không có tướng chứng-Có tướng chứng, Tướng bốn đại; Q.4, Căn Giả danh-Phân biệt căn, Căn và bốn đại bằng nhau-Căn vô tri, Căn trần hợp ly, Thanh văn-người mùi hương, Cảm giác về xúc-ý; Q.5, Căn bất định-Tướng của sắc pháp, Tướng của tiếng-Tướng của hương, Tướng của vị-tướng của xúc; Trong thức luận của nhóm Khổ đế: Chẳng phải không có tâm số pháp-Chẳng phải có tâm số pháp, Lập không có tâm số-Lập có tâm số, Rõ ràng không có tâm số pháp-Không tương ưng, Có tương ưng-Chẳng phải tương ưng, Nhiều tâm-một tâm-Chẳng phải nhiều tâm chẳng phải một tâm, Nói rõ có nhiều tâm thức tam trú-Thức không trú, Thức cùng sinh-Thức không cùng sinh; Q.6, Tướng thọ trong luận Thọ nhóm Khổ đế-Hành khổ, Tướng âm trong nhóm Khổ đế, Biện minh về Ba thọ, hỏi về Thọ, Tư trong luận Hành âm ở nhóm Khổ đế: Hỷ-Tín-Cần-Úc, Năm Thọ căn, Giác quan-những tâm số khác; Q.7, Tư trong luận Hành âm ở nhóm Khổ đế: Bất tương ưng hành, Tư trong luận Hành âm ở nhóm Tập đế: Tướng nghiệp trong luận nghiệp-vô tác, Chẳng cố ý-tội nặng nhẹ, Nghiệp lớn nhỏ-ba nghiệp, Tà hạnh-chánh hạnh, Nghiệp trói buộc; Q.8, Tư trong luận Hành âm ở nhóm Tập đế: Ba nghiệp báo-Ba loại thọ báo của nghiệp, Ba chương-bốn nghiệp, Ngũ nghịch-năm giới, Sáu nghiệp, Bảy luật nghi, Bất thiện-thiện, Tám giới trai-

Tám loại ngữ-chín nghiệp, Mười đạo bất thiện; Q.9, Tư trong luận Hành âm ở nhóm Tập đế: Mười đạo thiện-Quá hoạn, Ba nghiệp-khinh trọng, Nêu rõ nhân của nghiệp-Luận về phiền não và tướng phiền não, Tướng tham-nhân của tham, Lỗi lầm của tham-đoạn tham, Sân giận-vô minh; Q.10, Tư trong luận Hành âm ở nhóm Tập đế: Kiêu mạng-nghi, Thân kiến-biên kiến, Tà kiến-hai thủ, Tùy phiền não-căn bất thiện, Tạp phiền não-chín kết; Q.11, Tư trong luận Hành âm ở nhóm Tập đế: Tạp vấn-đoạn trừ lỗi, Minh nhân; Diệt đế: Tướng giả danh, Phá chấp là một-phá chấp là khác, Phá chấp bất khả thuyết-phá chấp không có-lập không có, Phá chấp bất khả thuyết-Phá âm thanh-Phá hương vị xúc-Phá ý thức-Phá nhân quả; Q.12, Diệt đế: Tâm pháp-diệt tận; Đạo đế: Phần nhận định trong luận về Định-Tướng định-Ba tam-muội, Bốn tu định, Bốn định vô lượng, Năm Thánh chi tam-muội-sáu tam-muội, Bảy tam-muội-tám giải thoát, Tám thắng xứ-chín thứ lớp sơ thiên; Q.13, Đạo đế: Nhị thiên-Tam thiên, Thiên-Không vô biên xứ, Ba định vô sắc-Định tận diệt, Mười nhất thiết xứ-Tướng về vô thường-tướng khổ, Tướng khổ-tướng vô ngã; Q.14, Tướng chán ăn uống-tướng về tất cả thế gian không thể an vui, Tướng bất tịnh-tướng về sự chết-Ba tướng sau, Năm định cụ đầu ở trong định cụ-sự hiểu biết bất thiện, Hiểu biết thiện, Năm định cụ sau-hơi thở ra vào, Chương nạn của định; Q.15, Chỉ quán-tu định, Tướng trí trong luận về Trí của tu Đạo đế, Kiến nhất đế-tất cả duyên; Q.16, Thánh hành-kiến trí, Ba tuệ-Bốn trí vô ngại, Năm trí-Sáu Thông trí, Nhãn trí-Chín trí-mười trí, Bốn mươi bốn trí-Bảy mươi bảy trí; số 1647, - Luận Tứ Đế, có 4 quyển: Q.1, Tư trạch, Lược thuyết, Phân biệt khổ đế; Q.2, Phân biệt Khổ đế-Suy xét về Tập đế; Q.3, Phân biệt

về Diệt đế; Q.4, Phân biệt Đạo đế; số 1648, - Luận Giải thoát Đạo, có 12 quyển: Q.1, Nhân duyên; Q.2, Hạnh Đầu-đà, Phân biệt về định, Tìm thiện tri thức; Q.3, Phân biệt hành-Phân biệt hành xứ; Q.4, Hành môn; Q.5, Hành môn 2; Q.6, Hành môn 3; Q.7, Hành môn 4; Q.8, Hành môn 5; Q.9, Năm thần thông-phân biệt tuệ; Q.10-Q.11, Năm Phương tiện; Q.12, Phân biệt Đế.

Tập 113, Bộ Luận Tập, Số 1649, - Luận Tam-di-đề bộ, có 3 quyển Thượng, Trung và Hạ; số 1650, - Luận Bích-chi Phật Nhân duyên, có 2 quyển Thượng-Hạ; số 1651, - Luận Thập nhị Nhân duyên; số 1652, - Luận Duyên sinh; số 1653, - Luận Đại thừa Duyên sinh; số 1654, - Luận Duyên duyên Tâm; số 1655, - Chỉ Quán môn Luận tụng; số 1656, - Luận Bảo Hành Vương Chánh, có 5 phẩm: P.1 An lạc Giải thoát, P.2 Tạp, P.3 Tư lương Bồ-đề, P.4 Chính giáo vương, P.5 Xuất gia chánh hạnh; số 1657, - Luận Thủ Trượng; số 1658, - Luận Chư giáo Quyết định danh nghĩa; số 1659, - Luận Kinh Phát tâm Bồ-đề, có 2 quyển, Q. Thượng: Khuyến phát-Phát tâm, Thệ nguyện-Đàn Ba-la-mật, Thi Ba-la-mật, Sằn-đề Ba-la-mật; Q. Hạ: Tỳ-lê-da Ba-la-mật, Thiên Ba-la-mật, Bát-nhã Ba-la-mật, Như thật Pháp môn, Không vô tướng-Công đức tri; số 1660, - Luận Bồ-đề Tư lương, có 6 quyển; số 1661, - Luận Bồ-đề Tâm ly tướng; số 1662, - Kinh Bồ-đề hạnh, có 4 quyển: Q.1, Ca ngợi tâm Bồ-đề, Bồ thí cúng dường, Hộ giới; Q.2, Tâm Bồ-đề, Nhãn nhục Ba-la-mật-đa, Tinh tấn Ba-la-mật-đa; Q.3, Tâm Bồ-đề, Tinh lự Bát-nhã Ba-la-mật-đa; Q.4, Tâm Bồ-đề Bát-nhã Ba-la-mật-đa, Hồi hướng; số 1663, - Bồ-đề Tâm Quán Thích; số 1664, - Luận Quảng thích Bồ-đề Tâm, có 4 quyển; số 1665, - Luận Kim Cang Đảnh Du-già Trung Phát A-nậu-đa-la Tam-miệu-tam Tâm Bồ-đề; số 1666, - Luận Đại thừa

Khởi Tín; số 1667, - Luận Đại thừa Khởi tín Tân dịch, có 2 quyển Thượng-Hạ; số 1668, - Luận Thích Ma-ha diễn, có 10 quyển.

Tập 114, Bộ Luận Tập, Số 1669, - Luận Đại tông Đại huyền Văn bản, có 20 quyển: Q.1, Đại Quyết trạch Quy y đức xứ vô biên; Q.2, Đại Quyết trạch Một loại Kim Cang đạo lộ; Q.3, Đại Quyết trạch Kim luân Sơn vương đạo lộ; Q.4, Đại Quyết trạch Đại hải Bộ tạng đạo lộ; Q.5, Đại Quyết trạch Thâm lý xuất hưng Đại tạng đại Long vương đạo lộ; Q.6, Đại Quyết trạch vô tận vô cùng Trần trần số lượng đạo lộ; Q.7, Đại Quyết trạch Bất khả tư nghĩ Câu câu vi trần Nhất thiết Sơn vương đạo lộ; Q.8, Đại Quyết trạch Độc địa phi loạn Nhất định nhất định đạo lộ; Q.9, Đại Quyết trạch Độc nhất vô nhị Sơn vương Tự tại đạo lộ; Q.10, Đại Quyết trạch San-hội-đà-thi Phạm-ca-nặc đạo lộ; Q.11, Đại Quyết trạch Thi-phạm-nặc Bản vương đạo lộ; Q.12, Đại Quyết trạch Nhất chủng Công đức Thuần thuần vô tạp Đại vương mãn Đại đạo lộ; Q.13, Đại Quyết trạch Ma-ha bốn địa Cụ túc Phẩm tạng Phi hoạn đạo lộ; Q.14, Đại Quyết trạch Hệ phược Địa địa Phẩm loại bất cát tường đạo lộ; Q.15, Đại Quyết trạch Tự nhiên Bản vương Quảng đại chuyển địa Vô chứng vô ngại câu hành đạo lộ; Q.16, Đại Quyết trạch Xuất ly hệ phược Đại thanh bạch Giải thoát đạo lộ; Q.17, Đại Quyết trạch Giải thoát Sơn vương đại đạo lộ; Q.18, Đại Quyết trạch Ma-ha Không trần Hải tạng vương đạo lộ; Q.19, Đại Quyết trạch Giáo lượng Công đức Tán thán Tín hành Hiện thị lợi ích; Q.20, Đại Quyết trạch Hiện thị bốn nhân Quyết định chứng thành Trừ sanh nghi sanh tín; số 1670 A, - Kinh Na-tiên Tỳ-kheo, có 2 quyển Thượng-Hạ; số 1670 B, - Kinh Na-tiên Tỳ-kheo, có 3 quyển Thượng, Trung và Hạ (biệt bản); số

1671, - Kinh Phước cái Chánh hành Sở tập, có 12 quyển; số 1672, - Long Thọ Bồ-tát vị Thiên-đà-ca vương Thuyết pháp yếu kệ; số 1673, - Khuyến Phát Chư vương yếu kệ; số 1674, - Long Thọ Bồ-tát Khuyến giới vương tụng; số 1675, - Tán Pháp giới tụng (Bồ-tát Long Thọ); số 1676, - Quảng Đại Phát nguyện tụng (Bồ-tát Long Thọ); số 1677, - Tam Thân Phạm tán; số 1678, - Phật Tam thân Phạm tán; số 1679, - Phật Nhất bách bát Danh tán; số 1680, - Nhất bách ngũ thập tán Phật tụng; số 1681, - Phật Cát tường Đức tán, có 3 quyển Thượng, Trung và Hạ; số 1682, - Thất Phật Tán bái Già-tha; số 1683, - Kiên trì Phạm tán; số 1684, - Bát Đại linh Tháp Phạm tán; số 1685, - Kinh Bát đại linh Tháp danh hiệu; số 1686, - Hiền Thánh tập Già-đà Nhất bách tụng; số 1687, - Sự sư Pháp ngũ thập tụng; số 1688, - Kinh Mật Tích lực sĩ Đại quyền Thần vương kệ tụng; số 1689, - Thịnh Tân-đầu-lư Pháp; số 1690, - Kinh Tân-đầu-lư Đột-la-xà vị Ưu-đà-diên vương thuyết pháp; số 1691, - Kinh Ca-diếp Tiên nhơn thuyết y nữ nhơn; số 1692, - Kinh Thắng quân Hóa thế bách Du-già-tha. (<https://daitangkinh.org>)

1.415. BỘ NGUYÊN CHẤT NGŨ - DHÀTUKATHÀ (3)

BỘ NHÂN CHẾ ĐỊNH – PUGGALAPANNATTI (4)

Tạng Vô Tỷ Pháp (Abhidhammapitaka)

Việt dịch: *Đại Trưởng lão HT. Tịnh Sự (Mahàthero Santakicco, 1913-1984)*

Nxb Tôn Giáo – 2012

Sách có khổ 20.5 x 29cm, dày hơn 119 trang, bìa cứng màu đỏ, chữ tựa mạ vàng. Nội dung gồm có: Lời giới thiệu, Lời tựa Ban ấn tống Phật giáo Nguyên Thủy, Lời cảm tưởng;

Bộ Nguyên Chất Ngữ, có 49 trang, nội dung gồm 14 phần: Maticà: Đầu đề, Phần I. Xiển minh câu yếu hiệp-Bất yếu hiệp, Phần II. Xiển minh câu yếu hiệp với Bất yếu hiệp (Bất yếu hiệp), Phần III. Xiển minh câu bất yếu hiệp với Yếu hiệp, Phần IV. Xiển minh câu yếu hiệp với Yếu hiệp (Yếu hiệp), Phần V. Xiển minh câu bất yếu hiệp với bất Yếu hiệp (Bất yếu hiệp), Phần VI. Xiển minh Câu Phối hợp-Bất phối hợp, Phần VII. Xiển minh câu Tương ung dư Bất Tương ung, Phần VIII. Xiển minh câu Bất Tương ung với Tương ung (Tương ung), Phần IX. Xiển minh câu Tương ung dư Tương ung (Tương ung), Phần X. Xiển minh câu bất Tương ung dư bất Tương ung, Phần XI. Xiển minh câu Yếu hiệp dư Tương ung-Bất Tương ung, Phần XII. Xiển minh câu Tương ung dư Yếu hiệp-Bất yếu hiệp, Phần XIII. Xiển minh câu bất Yếu hiệp dư Tương ung-Bất tương ung, Phần XIV. Xiển minh câu bất Tương ung dư Yếu hiệp-Bất yếu hiệp.

Bộ Nhân Chế Định, từ tr. 59 đến tr. 119, nội dung gồm: Phần xiển thuật, Uẩn chế định, Xứ (nhập) chế định, Giới chế định, Đề chế định, Quyền (căn) chế định, Nhân chế định; Phần xiển minh, Xiển minh phần nhất, Xiển minh phần nhị, Xiển minh phần tam, Xiển minh phần tứ, Xiển minh phần ngũ, Xiển minh phần sáu, Xiển minh phần bảy, Xiển minh phần tám, Xiển minh phần chín, Xiển minh phần mười; Lời tri ân.

1.416. BỘ NGŨ TÔNG –

KATHAVATTHU

Tạng Vô Tỷ Pháp

(Abhidhammapitaka)

Việt dịch: *Đại Trưởng lão HT. Tịnh Sự (Mahàthero Santakicco, 1913-1984)*

Nxb Tôn Giáo – 2011. Sách có khổ 20.5 x 29cm, dày hơn 443 trang, bìa cứng màu đỏ, chữ tựa mạ vàng.

Nội dung tác phẩm gồm có 23 phẩm: Lời giới thiệu, Lời tựa Ban ấn tống Phật giáo Nguyên Thủy, Lời cảm tưởng; *P.I* Phần nhân ngữ, Phần Thanh tịnh tỷ giáo, Phần Tỷ giáo, Phần Tứ chủng tỷ, Phần Tướng bình đẳng, Ngữ thanh khiết, Cật vấn chế định, Thú hương cật vấn, Y chế định cật vấn, Phần nghiệp đặng kể, Cật vấn thông, Cật vấn thân tộc, Phần linh tinh, Hoại lia ngữ, Phạm hạnh ngữ, Hạn định ngữ, Nguyên trừ ngữ, Chư tài vật ngữ, Quá khứ uẩn ngữ, Thích hợp ngữ, Niệm xứ ngữ, Hữu vô ngữ; *P.II* Tha dẫn ngữ, Bất tri ngữ, Hoài nghi ngữ, Tha tiếp dẫn ngữ, Ngôn chân biết ngữ, Khổ thực ngữ, Tâm trụ ngữ, Nhiệt thâu ngữ, Tùng tiền thứ đệ ngữ, Từ cú ngữ, Diệt ngữ; *P.III* Lục ngữ, Thánh chung ngữ, Giải thoát ngữ, Giải thoát ngã mạn ngữ, Đệ bát ngữ, Đệ bát quyền ngữ, Thiên nhân ngữ, Thiên nhĩ ngữ, Tùy nghiệp hành trí ngữ, Thu thúc ngữ, Vô tướng ngữ, Phi tướng phi phi tướng ngữ; *P.IV* Cư sĩ ứng cúng ngữ, Phát sinh ngữ, Phi cảnh lậu ngữ, Tùng hiệp ngữ, Xả tùng hiệp ngữ, Phật do giác ngữ, Tướng hảo ngữ, Liên quan nhất định ngữ, Tùng hiệp ngữ một nữa, Tuyệt trừ chư triền ngữ; *P.V* Giải thoát ngữ, Vô học trí ngữ, Huyền biến ngữ, Nhứt định ngữ, Đạt thông ngữ, Tục trí ngữ, Tâm cảnh ngữ, Vị lai ngữ, Hiện tại trí ngữ, Quả trí ngữ; *P.VI* Cổ nhiên ngữ, Y tương sinh ngữ, Đề ngữ, Vô sắc ngữ, Nhập diệt ngữ, Hư không ngữ, Hư không hữu kiến ngữ, Địa chất hữu kiến ngữ, Nhân quyền hữu kiến ngữ, Thân nghiệp hữu kiến ngữ; *P.VII* Yếu hiệp ngữ, Tương ung ngữ, Sở hữu tâm ngữ, Bồ thí ngữ, Hương dụng thành tựu phước ngữ, Tự thử thí ngữ, Đại địa nghiệp quả ngữ, Lão tử quả ngữ, Thánh nghiệp quả ngữ, Pháp dị thực quả nhân ngữ; *P.VIII* Lục thú hương ngữ, Trung hữu ngữ, Dục lạc ngữ, Dục ngữ, Sắc giới ngữ, Vô sắc giới ngữ,

Sắc giới lục xứ ngữ, Vô sắc hữu sắc ngữ, Sắc hành động ngữ, Mạng quyền ngữ, Nghiệp nhân ngữ; P.IX Thành quả ngữ, Bất tử cảnh ngữ, Sắc hữu tri cảnh ngữ, Tùy miên vô hữu cảnh ngữ, Trí bất tri cảnh ngữ, Quá khứ cảnh ngữ, Vị lai cảnh ngữ, Tâm liên quan ngữ, Tâm bá thình ngữ, Dẫn tâm ngôn ngữ, Tâm dẫn thân nghiệp ngữ, Quá khứ-vị lai-hiện tại ngữ; P.X Diệt ngữ, Sắc đạo ngữ, Ngũ thức hội đạo tu ngữ, Ngũ thức thiện hỷ ngữ, Ngũ thức kiết phước ngữ, Nhị giới tùy tề ngữ, Giới phi sở hữu tâm ngữ, Giới phi từng hành tâm ngữ, Nguyên trì nhân ngữ, Biểu tri giới ngữ, Vô biểu tri phạm giới ngữ; P.XI Tam chủng tiềm thùy ngữ, Trí ngữ, Trí bất tương ưng tâm ngữ, Thủ khổ ngữ, Thần thông lực ngữ, Định ngữ, Pháp trụ ngữ, Vô thường ngữ; P.XII Thu thúc nghiệp ngữ, Nghiệp ngữ, Thình dị thực quả ngữ, Lục nhập ngữ, Thất lai chi thượng ngữ, Lục lai nhất sanh ngữ, Mạng tuyệt ngữ, Khổ thủ ngữ, Thất sanh ngữ; P.XIII Bát kiếp ngữ, Thiện tâm phân chuyển ngữ, Vô gián bất hiệp ngữ, Quyết định sở nhất định ngữ, Cái ngữ, Hội diện ngữ, Nhập thiên thích thành cảnh ngữ, Phi cảnh ái ngữ, Pháp ái vô ký ngữ, Pháp ái phi khổ tập ngữ; P.XIV Thiện bất thiện liên kết ngữ, Lục nhập sanh ngữ, Vô gián duyên ngữ, Thánh sắc ngữ, Bất đồng tùy miên ngữ, Già cái bất tương ưng tâm ngữ, Liên quan luân hồi ngữ, Vô ký ngữ, Bất liên quan luân hồi ngữ; P.XV Duyên khởi ngữ, Hỗ tương duyên ngữ, Ký gian ngữ, Sát-na kỳ-gian đềm đềm ngữ, Lậu ngữ, Lão tử ngữ, Tưởng hướng ngữ, Tưởng hướng ngữ thứ hai, Tưởng hướng ngữ thứ ba, Vô tướng hữu ngữ, nghiệp tạo chứa ngữ; P.XVI Chính lệ ngữ, Phò trì ngữ, Lạc phú ngữ, Tập định tác ý ngữ, Sắc thành nhân ngữ, Sắc hữu nhân ngữ, Sắc thành thiện-bất thiện ngữ, Sắc thành dị thực quả

ngữ, Sắc thành Sắc giới-Vô sắc giới ngữ, Sắc ái-Sắc giới-Vô sắc ái-Vô sắc giới liên quan luân hồi ngữ; P.XVII La-hán khí phước ngữ, La-hán vô phi thời tử ngữ, Nhất thể thủ thành do nghiệp ngữ, Quyền liên quan ngữ, Trừ ra Thánh đạo ngữ, Bất ưng ngôn Tăng thọ cúng dường ngữ, Bất ngôn Tăng ưng thọ thí ngữ, Bất ngôn Tăng độ thực ngữ, Bất ngôn cúng Tăng đa quả ngữ, Bất ngôn cúng Phật đa quả ngữ, Bồ thí thanh tịnh ngữ; P.XVIII Thế giới nhân loại ngữ, Thuyết pháp ngữ, Bị ngữ, Khí xuất ngữ, Nhứt đạo ngữ, Thiên-đà ngữ, Thiên hữu gián ngữ, Nhập thiên thình thình ngữ, Nhân kiến sắc ngữ; P.XIX Trừ phiền não ngữ, Tiêu diệt ngữ, Phổ thông quả ngữ, Ân đức ngữ, Chân ngữ, Thiện ngữ, Cực thậm cố nhiên ngữ, Quyền ngữ; P.XX Vô cố quyết ngữ, Trí ngữ, Diêm vương ngữ, Bàng sanh ngữ, Đạo ngữ, Trí ngữ; P.XXI Tông giáo ngữ, Bất nghiêm tịnh ngữ, Triền ngữ, Thần thông ngữ, Phật ngữ, Chư phương ngữ, Pháp ngữ, Nghiệp ngữ; P.XXII Tịch diệt ngữ, Thiện tâm ngữ, Bất động ngữ, Chứng thập pháp ngữ, Tam toàn ngữ, Vô ký ngữ, Cố hưởng duyên ngữ, Nhất sát-na ngữ; P.XXIII Đồng nhu yếu ngữ, La-hán nhãn sắc ngữ, Dục tác vương hồn ngữ, Ái thích hợp hành ngữ, Bất hiển minh ngữ; Lời tri ân.

**1.417. BỘ PHÁP TỰ -
DHAMMASANGANÌ
Tạng Vô Tỷ Pháp
(Abhidhammapitaka)**

Việt dịch: *Đại Trưởng lão HT. Tịnh Sự (Mahàthero Santakicco, 1913-1984)*

Nxb Tôn Giáo – 2012

Sách có khổ 20.5 x 29cm, dày 218 trang, bìa cứng màu đỏ, chữ tựa mạ vàng.

Nội dung tác phẩm gồm có: Lời giới thiệu, Lời tựa Ban ấn tống Phật giáo Nguyên Thủy, Lời cảm tưởng; Mẫu đề, *Thiên Tâm*

sanh, Pháp thiện: Tám Tâm thiện dục giới, Thiện sắc giới, Thiện vô sắc giới, Tứ thiên Vô sắc giới, Ba bậc pháp thiện trong ba cõi, Thiện dục giới, Thiện sắc giới, Thiện Vô sắc giới, Tâm thiện siêu thế, Tâm đạo thứ nhứt, Tâm thiện siêu thế, Tâm đạo thứ hai, Tâm đạo thứ ba, Tâm đạo thứ tư; Pháp bất thiện: 12 Tâm bất thiện; Pháp Vô ký: Quả dục giới, Tám tâm đại quả, Quả sắc giới, Quả vô sắc giới, Quả siêu thế, Quả của tâm đạo thứ hai, ba và tư, Vô ký quả bất thiện, Dục giới tố, Sắc giới tố, Vô sắc giới tố; *Thiên Sắc pháp (Rùpakandam)*, Đầu đề (Màtika), Phân nhứt đề, Phân nhị đề, Phân tam đề, Phân tứ đầu đề, Phân ngũ đầu đề, Phân lục đầu đề, Phân thất đầu đề, Phân bát đầu đề, Phân cửu đầu đề (Cửu yếu hiệp), Phân thập đầu đề, Phân thập nhứt đầu đề; Sắc bình nhứt: Phân nhứt xiển minh, Phân nhị xiển minh, Nhị đề xiển minh, Tam đề xiển minh, Tứ đề xiển minh, Ngũ đề xiển minh, Lục đề xiển minh, Thất đề xiển minh, Bát đề xiển minh, Cửu đề xiển minh, Thập đề xiển minh, Thập nhứt đề xiển minh; *Thiên toát yếu*: Đầu đề tam, Đầu đề nhị, Toát yếu phân nhị đề Kinh; *Thiên trích yếu*: Đầu đề tam và đầu đề nhị,..., Lời tri ân.

Tác phẩm này được tái bản nhiều lần: Năm PL. 2534 – DL. 1990, THPG Tp. Hồ Chí Minh ấn hành với tên sách: Abhidhammapitaka Dhammasangani – Tạng Diệu Pháp – Bộ Pháp Tụ; năm 2020, Nxb Hồng Đức.

1.418. BỘ PHÂN TÍCH - VIBHANGA

Tạng Vô Tỷ Pháp (Abhidhammapitaka)

Việt dịch: *Đại Trưởng lão HT. Tịnh Sự (Mahàthero Santakicco, 1913-1984)*

Nxb Tôn Giáo – 2012

Sách có khổ 20.5 x 29cm, dày hơn 360 trang, bìa cứng màu đỏ, chữ tựa mạ vàng.

Nội dung gồm có 18 đề tài phân tích: Lời giới thiệu, Lời tựa Ban ấn tống Phật giáo Nguyên Thủy, Lời cảm tưởng;

I. Uẩn phân tích, A. Uẩn phân tích theo Kinh, Sắc uẩn, Thọ uẩn, Tưởng uẩn, Hành uẩn, Thức uẩn; B. Uẩn phân tích phân theo Diệu pháp, Sắc uẩn đó ra sao? Thọ uẩn đó ra sao? Tưởng uẩn đó ra sao? Hành uẩn đó ra sao? Thức uẩn đó ra sao? C. Uẩn phân tích phân vấn đáp, Đáp theo đầu đề tam, Đáp theo nhị đề: Đáp phần chùm nhân, Đáp phần nhị đề đình, Đáp phần chùm lậu, Đáp phần chùm triền, Đáp phần chùm phược, Đáp phần chùm bộc, Đáp phần chùm khinh thị, Đáp phần nhị đề đại, Đáp phần chùm thủ, Đáp phần chùm phiền não, Đáp phần nhị đề yêu bói;

II. Xứ phân tích, A. Xứ phân tích theo Kinh, B. Xứ phân tích phân theo Diệu pháp, C. Xứ phân tích phân vấn đáp, Đáp theo đầu đề tam, Đáp theo đầu đề nhị: Đáp phần chùm nhân, Đáp phần nhị đề đình, Đáp phần chùm lậu, Đáp phần chùm triền, Đáp phần chùm phược, Đáp phần chùm bộc, Đáp phần chùm khinh thị, Đáp phần nhị đề đại, Đáp phần chùm thủ, Đáp phần chùm phiền não, Đáp phần nhị đề yêu bói;

III. Chất phân tích: A. Chất phân tích theo Kinh, B. Chất phân tích phân theo Diệu pháp, C. Chất phân tích phân vấn đáp, Đáp theo đầu đề tam, Đáp theo đầu đề nhị: Đáp phần chùm nhân, Đáp phần nhị đề đình, Đáp phần chùm lậu, Đáp phần chùm triền, Đáp phần chùm phược, Đáp phần chùm bộc, Đáp phần chùm khinh thị, Đáp phần nhị đề đại, Đáp phần chùm thủ, Đáp phần chùm phiền não, Đáp phần nhị đề yêu bói;

IV. Đế phân tích: A. Đế phân tích phân theo Kinh, Khổ Thánh đế, Khổ tập Thánh đế, Khổ diệt Thánh đế, Thánh đế tiến hành nhân diệt khổ; B. Đế phân tích phân theo Diệu pháp, Phân bát chi, Phân ngũ chi đạo, Phân tất cả chi; C. Đế phân tích phân

vấn đáp, Đáp theo đầu đề tam, Đáp theo đầu đề nhị: Đáp phần chùm nhân, Đáp phần nhị đề đình, Đáp phần chùm lậu, Đáp phần chùm triền, Đáp phần chùm phược, Đáp phần chùm bộc, Đáp phần chùm khinh thị, Đáp phần nhị đề đại, Đáp phần chùm thủ, Đáp phần chùm phiền não, Đáp phần nhị đề yêu bối;

V. Quyền phân tích, Quyền phân tích phần vấn đáp, Đáp theo đầu đề tam, Đáp theo đầu đề nhị: Đáp phần chùm nhân, Đáp phần nhị đề đình, Đáp phần chùm lậu, Đáp phần chùm triền, Đáp phần chùm phược, Đáp phần chùm bộc, Đáp phần chùm khinh thị, Đáp phần nhị đề đại, Đáp phần chùm thủ, Đáp phần chùm phiền não, Đáp phần nhị đề yêu bối;

VI. Duyên khởi phân tích, A. Duyên khởi phân tích phân theo Kinh, B. Duyên khởi phân tích phân theo Diệu pháp, Bất thiện xiển minh, Tâm bất thiện thứ nhất, Tứ phần duyên khởi, Tứ phần nhân, Tứ phần Tương ưng, Tứ phần tương tế, Tâm bất thiện thứ 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11 và 12; Thiện xiển minh, Tám Tâm thiện Dục giới: Tâm thiện Dục giới thứ nhất, Tâm thiện Dục giới thứ 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, Tâm thiện Sắc giới, Tâm thiện Vô sắc giới, Tâm thiện siêu thế, Vô ký xiển minh, Tám tâm Dị thực quả thiện vô nhân: Tâm Dị thực quả thiện vô nhân thứ nhất, Tâm Dị thực quả thiện vô nhân thứ 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, Tám tâm Dị thực quả Dục giới, Tám tâm Dị thực quả Sắc giới, Tám tâm Dị thực quả Vô sắc giới, Tám tâm Dị thực quả Siêu thế, Bảy tâm Dị thực quả bất thiện vô nhân: Tâm Dị thực quả bất thiện vô nhân 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7; 20 thứ tâm tố, Xiển minh phân căn vô minh đối với thiện, Tám tâm đại thiện: Tâm đại thiện thứ nhất, Tâm thiện Dục giới 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, Tâm thiện Sắc giới, Tâm thiện Vô sắc giới, Tâm thiện Siêu thế, Xiển minh phân dị

thực quả Thiện căn, Tâm dị thực quả thiện vô nhân, Tám tâm đại dị thực quả, Tâm dị thực quả Sắc giới, Tâm dị thực quả Vô sắc giới, Tâm dị thực quả Siêu thế, Xiển minh phân Bất thiện căn dị thực quả, Bảy tâm dị thực quả bất thiện;

VII. Niệm Xứ phân tích, A. Niệm Xứ phân tích theo Kinh: Niệm thân xiển minh, Niệm thọ xiển minh, Niệm tâm xiển minh, Niệm pháp xiển minh, B. Niệm Xứ phân tích phân theo Diệu pháp, C. Niệm Xứ phân tích phần vấn đáp;

VIII. Tứ Chánh cần phân tích, A. Tứ chánh cần phân tích theo Kinh, B. Tứ chánh cần phân tích phân theo Diệu pháp, C. Tứ chánh cần phân tích phần vấn đáp;

IX. Như ý túc phân tích, A. Như ý túc phân tích theo Kinh, B. Như ý túc phân tích phân theo Diệu pháp, C. Như ý túc phân tích phần vấn đáp;

X. Thất giác chi phân tích, A. Thất giác chi phân tích theo Kinh, B. Thất giác chi phân tích phân theo Diệu pháp, C. Thất giác chi phân tích phần vấn đáp;

XI. Đạo phân tích, A. Đạo phân tích theo Kinh, B. Đạo phân tích phân theo Diệu pháp, C. Đạo phân tích phần vấn đáp;

XII. Thiền phân tích, A. Thiền phân tích theo Kinh, B. Thiền phân tích phân theo Diệu pháp: Thiền thiện theo bốn bậc, Thiền thiện theo năm bậc, Thiền thiện siêu thế theo bốn bậc, Thiền thiện siêu thế theo năm bậc, Thiền dị thực quả theo bốn bậc và năm bậc, Thiền dị thực quả siêu thế theo bốn bậc và năm bậc, Thiền tố theo bốn và năm bậc, C. Thiền phân tích phần vấn đáp;

XIII. Vô lượng phân tích, A. Vô lượng phân tích theo Kinh: Từ vô lượng xiển minh, Bi vô lượng xiển minh, Tùy hỷ vô lượng xiển minh, Xả vô lượng xiển minh; B. Vô lượng phân tích phân theo Diệu pháp: Thiền thiện từ theo bốn bậc, Thiền

thiện từ theo năm bậc, Thiên thiện bi theo bốn bậc, Thiên thiện bi theo năm bậc, Thiên thiện tùy hỷ theo bốn bậc, Thiên thiện tùy hỷ theo năm bậc, Thiên thiện xả, Thiên dị thực quả “từ” theo bốn bậc, Thiên dị thực quả “bi” theo bốn và năm bậc, Thiên dị thực quả “tùy hỷ” theo bốn và năm bậc, Thiên dị thực quả “xả”, Thiên tố “từ” theo bốn và năm bậc; C. Vô lượng phân tích phần vấn đáp; XIV. Điều học phân tích, A. Điều học phân tích theo Diệu pháp, Năm điều học phân theo tám tâm thiện Dục giới, Chia ngũ giới theo tám tâm thiện Dục giới, Pháp thành điều học, B. Điều học phân tích phần vấn đáp.

XV. Đạt thông phân tích, A. Đạt thông phân tích phân theo Kinh, B. Đạt thông phân tích phân theo Diệu pháp: Tứ đạt thông phân theo tám tâm thiện Dục giới, Tứ đạt thông phân theo tâm thiện Sắc giới, Tứ đạt thông phân theo tâm thiện Vô Sắc giới, Tứ đạt thông phân theo tâm thiện Siêu thế, Tam đạt thông phân theo tám tâm dị thực quả thiện vô nhân, Tam đạt thông phân theo tám tâm dị thực quả thiện Dục giới, Tam đạt thông phân theo tâm dị thực quả Sắc giới, Tam đạt thông phân theo tâm dị thực quả Vô Sắc giới, Tam đạt thông phân theo tâm dị thực quả Siêu thế, Tam đạt thông phân theo bảy tâm dị thực quả bất thiện, Tam đạt thông phân theo ba tâm tố vô nhân, Tam đạt thông phân theo ba loại tâm tố; C. Đạt thông phân tích phần vấn đáp.

XVI. Trí phân tích, Phần đầu đề, Phần xiển minh...

XVII. Tiểu tông phân tích, Phần đầu đề, Phần xiển minh...

XVIII. Pháp Tâm phân tích, Phần chư yếu hiệp, Phần tâm bất sinh, Phần liên quan bất liên quan, Phần danh siêu phi danh siêu, Phần kiến, Phần nghiệp sanh sống

bao nhiêu, Phần thấu triệt, Phần cảnh, Phần hiện tại, Phần tam đề thiện, Phần tam đề thọ, Phần tam đề dị thực quả, Phần đầu đề thủ cảnh thủ, Phần đầu đề hữu tâm, Phần nhị đề sắc, Phần nhị đề hiệp thế; Lời tri ân.

1.419. BỘ SONG ĐỐI - YAMAKA

Tặng Vô Tỷ Pháp

(Abhidhammapitaka)

Việt dịch: Đại Trưởng lão HT. Tịnh Sự (Mahàthero Santakicco, 1913-1984)

Nxb Tôn Giáo – 2012. Sách có khổ 20.5 x 29cm, dày hơn 726 trang, bìa cứng màu đỏ, chữ tựa mạ vàng.

Nội dung tác phẩm gồm có: Lời giới thiệu, Lời tựa Ban ấn tống Phật giáo Nguyên Thủy, Lời cảm tưởng; Căn song, Xiển thuật Căn song; Uẩn song, Phần định danh, Phần đạt tri; Giới song, Phần định danh, Phần xiển thuật, Phần xiển minh, Phần hành vi, Phần đạt tri; Đề song, Phần định danh, Phần hành vi, Phần đạt tri; Hành song, Phần định danh, Phần xiển thuật, Phần xiển minh, Phần câu lọc căn luân, Phần thuần hành, Phần bình nhựt, Phần đạt tri; Tùy miên song, Phần tùy miên, Phần tự y tùy miên, Phần trừ tùy miên, Phần đạt trừ, Phần vấn sanh, Phần giới; Tâm song, Phần xiển thuật, Phần xiển minh; Pháp song, Phần án trí, Phần hành vi, Phần tu tiên; Quyền song, Phần án trí, Phần hành vi, Phần chu tường; Lời tri ân.

1.420. BỘ TRUNG QUÁN – 1 Tập

Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh, tập 103

Hội Văn hóa Giáo dục Linh Sơn Đài Bắc xuất bản – 2000

- Số 1564, - Trung Luận, có 4 quyển: Q.1, Các quán về: Đi lại, Sáu tình, Năm âm, Sáu chủng, Ô nhiễm người ô nhiễm; Q.2, Quán về: Ba tướng, Tác-Tác giả, Đốt

cháy-Bị đốt cháy, Bản tế, Khổ, Hành; Q.3, Quán về: có-không, Trói-mở, Nghiệp, Pháp, Thời, Nhân quả, Thành hoại; Q.4, Quán về: Như Lai, Điên đảo, Tứ đế, Niết-bàn, Nhân duyên, Tà kiến; số 1565, - *Thuận Trung luận Nghĩa nhập Đại Bát-nhã Ba-la-mật Kinh sơ Phẩm Pháp môn*, có 2 quyển Thượng-Hạ; số 1566, - *Bát-nhã Đăng luận Thích*, có 15 quyển: Q.1-Q.2, Quán Duyên; Q.3, Quán Khứ lai; Q.4, Quán: Sáu căn, Năm âm, Lục giới; Q.5, Quán: Nhiễm nhiễm, Tướng hữu vi; Q.6, Quán: Tác giả-Nghiệp, Thủ giả; Q.7, Quán: Củi lửa, Sinh tử; Q.8, Quán: Khổ-Hạnh-Hợp; Q.9, Quán: Hữu vô, Phước-giải; Q.10, Quán Nghiệp; Q.11, Quán: Pháp, Thời; Q.12, Quán: Nhân quả Hòa hợp, Thành hoại; Q.13, Quán Như Lai; Q.14, Quán: Điên đảo, Thánh đế; Q.15, Quán: Niết-bàn, Thế đế Duyên khởi, Tà kiến; số 1567, - *Đại thừa Trung Quán thích luận*, có 9 quyển: Q.1-Q.2, Quán Duyên; Q.2-Q.3, Quán Khứ lai; Q.3, Quán Sáu căn; Q.4, Quán: Năm uẩn, Sáu giới; Q.5, Quán: Pháp nhiễm, người nhiễm, Hữu vi; Q.5-Q.7, Quán Hữu vi; Q.7, Quán Tác giả-Tác nghiệp; Q.8, Quán Phần vị đầu tiên; Q.9, Quán: Củi lửa, Sinh tử, Khổ, Hành; - *Luận Thập nhị môn*, 1. Quán Nhân duyên, 2. Quán có quả-Không có quả, 3. Quán duyên, 4. Quán tướng, 5-6. Quán có tướng-Không có tướng, 7. Quán có-Không có, 8. Quán tánh, 9-10. Quán Nhân quả-Tác giả, 11-12. Quán ba thời gian-sinh; - *Bách Luận*, có 2 quyển, Q. Thượng: Xả tội phước, Phá thân, Phá nhất; Q. Hạ: Phá dị, Tinh trần, Phá trong nhân có quả-Trong nhân không quả, Phá thường-không; số 1570, - *Quảng Bách luận bốn* (Phá các chấp: thường-không, Thời, Kiến chấp, Căn, Cảnh, Biên chấp, Tướng hữu vi); số 1571, - *Đại thừa Quảng bách luận – Thích luận*, có 10 quyển: Q.1-Q.2, Phá thường;

Q.2-Q.3, Phá ngã; Q.4-Q.5, Phá thời; Q.6, Phá kiến; Q.7, Phá căn-Phá cảnh; Q.8, Phá biên chấp; Q.9, Phá tướng hữu vi; Q.10, Giáo giới đệ tử; số 1572, - *Bách Tự luận*; số 1573, - *Luận Nhất luân Lư Ca*; số 1574, - *Luận Đại thừa Phá hữu*; số 1575, - *Luận Lục thập tụng Như lý*; số 1576, - *Luận Đại thừa Nhị thập tụng*; số 1577, - *Luận Đại Trượng phu*, có 2 quyển, Q. Thượng: Thí thắng, Thí thắng vị, chủ thể thí, Thí chủ khát giả tăng trưởng-Giải thoát thù thắng, Thí chủ tăng trưởng-Cung kính người xin, Tài vật thí-Xả nhất thiết, Xả âm thọ-Thân mạng-Hiện bi-Pháp thí; Q. Hạ: Phát tâm Bồ-đề, Công đức thù thắng, Thắng giải thoát, Tạo lợi ích cho người khác, Thí thù thắng đối với khổ của kẻ khác, Ái bi, Hàng trượng phu giác ngộ...; số 1578, - *Luận Đại thừa Chương trần*, có 2 quyển Thượng-Hạ. (<https://daitangkinh.org>)

1.421. BỘ VỊ TRÍ – PATTHÀNA – Trọn bộ 6 Tập - Tạng Vô Tỷ Pháp (Abhidhammapitaka)

Việt dịch: *Đại Trưởng lão HT. Tịnh Sự (Mahàthero Santakicco, 1913-1984)*

Nxb Tôn Giáo – 2012

Sách có khổ 20.5 x 29cm, bìa cứng màu đỏ, chữ mạ vàng.

Tập I & II, dày hơn 581 trang, nội dung gồm có: Lời giới thiệu, Lời tựa Ban ấn tống Phật giáo Nguyên Thủy, Lời cảm tưởng;

Tập I. Bộ Vị Trí, Phần Đầu đề yếu lược, Phần Giải thích duyên, *Vị trí Tam đề thuận*: Tam đề thiện, Phần Liên quan, Phần Đồng sanh, Phần Ý trượng, Phần Hỗn hợp, Phần Tương ưng, Phần Vấn đề phân giải, Phần nhân căn, Phần cảnh căn, Phần tướng căn, Phần vô gián căn, Phần Liên tiếp căn, Phần Đồng sanh căn, Phần Hỗ trợ căn, Phần Y chỉ căn, Phần Cận y căn, Phần Tiền sanh căn, Phần Hậu sanh

căn, Phần Cổ hưởng căn, Phần Nghiệp căn, Phần Quả căn, Phần Thực căn, Phần Quyền căn, Phần Thiên căn, Phần Đạo căn, Tương ưng căn, Bất tương ưng căn, Hiện hữu căn, Vựng lập danh, Vô hữu căn, Ly căn, Bất ly căn, Vựng lập danh, Rút ngược nơi vấn đề, Phần Phi nhân căn, Phần Phi cảnh căn, Phần Phi đồng sanh căn, Phần Phi hỗ tương căn, Phần Phi y chỉ căn, Phần Phi cận y căn, Phần Phi tiền sanh căn, Phần Phi hậu sanh căn, Phần Phi nghiệp căn, Phần Phi thực căn, Phần Phi quyền căn, Phần Phi bất tương ưng căn, Phần Phi hiện hữu căn; *Đếm thuận từng-đối lập*: Phần nhãn căn, Phần cảnh căn, Phần trưởng căn, Phần vô gián căn, Phần liên tiếp căn, Phần đồng sanh căn, Phần hỗ tương căn, Phần y chỉ căn, Phần cận y căn, Phần tiền sanh căn, Phần hậu sanh căn, Phần cổ hưởng căn, Phần nghiệp căn, Phần quả căn, Phần thực căn, Phần quyền căn, Phần thiên căn, Phần đạo căn, Phần tương ưng căn, Phần bất tương ưng căn, Phần hiện hữu căn, Phần vô hữu ly bất ly căn; *Đếm đối lập-thuận từng*: Phần phi nhân căn, Phần phi cảnh căn, Phần phi trưởng căn, Phần phi vô gián căn, Phần phi liên tiếp căn, Phần phi đồng sanh căn, Phần phi hỗ tương căn, Phần phi y chỉ căn, Phần phi cận y căn, Phần phi tiền sanh căn, Phần phi hậu sanh căn, Phần phi cổ hưởng căn, Phần phi nghiệp-phi quả căn, Phần phi thực căn, Phần phi quyền căn, Phần phi thiên căn, Phần phi đạo căn, Phần phi tương ưng căn, Phần phi bất tương ưng căn, Phần phi hiện hữu căn, Phần phi vô hữu căn, Phần phi ly căn, Phần phi bất ly căn; Tam đề thọ: Phần Liên quan, Phần tương ưng, Phần vấn đề, Phần nhãn căn, Phần cảnh căn, Phần trưởng căn, Phần vô gián và liên tiếp căn, Phần đồng sanh-tương tế và y chỉ căn, Phần cận y căn, Phần cổ hưởng căn, Phần

ngiệp căn, Phần quả căn, Phần thực căn, Phần quyền căn, Phần thiên căn, Phần đạo căn, Phần tương ưng căn; Tam đề quả: Phần Liên quan, Phần đồng sanh, Phần y trọng, Phần y chỉ, Phần hỗn hợp, Phần tương ưng, Phần vấn đề; Tam đề thủ: Phần Liên quan, Phần đồng sanh, Phần y trọng, Phần y chỉ, Phần hỗn hợp, Phần tương ưng, Phần vấn đề; Tam đề phiền toái: Phần Liên quan, Phần câu đầu;

Tập II. Bộ Vị Trí, Tam đề tâm: Phần Liên quan, Phần y trọng, Phần hòa hợp, Phần nhan đề; Tam đề nghịch; Tam đề hỷ, Phần Liên quan, Phần nhan đề; Tam đề sơ đạo: Phần Liên quan, Phần đồng sanh, Phần y trọng, Phần hòa hợp, Phần tương ưng, Phần nhan đề; Tam đề hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ: Phần Liên quan, Phần y trọng, Phần hòa hợp, Phần vấn đề; Tam đề nhân sanh tử: Phần Liên quan, Phần y trọng, Phần hòa hợp, Phần vấn đề; Tam đề hữu học: Phần Liên quan, Phần y trọng, Phần hòa hợp, Phần vấn đề; Tam đề hi thiêu: Phần Liên quan, Phần y trọng, Phần hòa hợp, Phần vấn đề; Tam đề cảnh hi thiêu, Phần vấn đề; Tam đề ty hạ, Phần Liên quan; Tam đề tả: Phần Liên quan, Phần y trọng, Phần hòa hợp, Phần vấn đề; Tam đề có đạo là cảnh: Phần liên quan, Phần vấn đề; Tam đề sanh tồn, Phần vấn đề; Tam đề quá khứ, Phần vấn đề; Tam đề biết cảnh quá khứ: Phần Liên quan, Phần vấn đề; Tam đề nội phản: Phần Liên quan, Phần y trọng, Phần vấn đề; Tam đề biết cảnh nội phản: Phần Liên quan, Phần vấn đề; Tam đề hữu kiến hữu đối chiếu: Phần Liên quan, Phần vấn đề.

Tập III & IV, Bộ Vị Trí, dày hơn 465 trang, nội dung gồm có: Nhị đề nhân, PHẦN LIÊN QUAN, Vô gián duyên, Liên tiếp duyên, Đồng sanh duyên đều có đại sung, luôn cả người Vô tướng, Dị thời nghiệp duyên, Quả duyên,... Tóm tắt, Bất

ly duyên, Dứt thuận thứ, Dứt cách ngược, Dứt cách thuận nghịch, Dứt cách nghịch thuận, PHẦN VẤN ĐỀ, Trường cảnh như: Nặng chấp về nhân làm cho nhân sanh ra, Trường đồng sanh như nhân Trường làm duyên cho nhân tương ưng bằng Trường duyên, Trường cảnh như nặng chấp về nhân làm cho Uẩn phi nhân sanh ra, Trường đồng sanh như: Trường nhân làm duyên cho Uẩn tương ưng và sắc tâm bằng Trường duyên, Sau khi bố thí... Tóm tắt... xin sắp luôn đến uẩn phi nhân, Trường đồng sanh như: Trường phi nhân làm duyên cho Uẩn tương ưng và Sắc tâm bằng Trường duyên, Trường cảnh như: Sau khi bố thí... Tóm tắt... xin sắp luôn cho đến vật và uẩn phi nhân, Trường đồng sanh như: Trường phi nhân làm duyên cho nhân tương ưng bằng Trường duyên, Trường cảnh như: Chấp trước nhân và Uẩn tương ưng nặng rồi làm cho nhân sanh ra, Thuần cận y như: Nhân làm duyên cho nhân bằng Cận y duyên, Thuần cận y như: Nhân làm duyên cho Uẩn phi nhân bằng Cận y duyên, Thuần cận y như: Nhân làm duyên cho Nhân và Uẩn tương ưng bằng Cận y duyên, Thuần cận y như: Cận y duyên đoạn thứ 2, Thuần cận y như: Nhân và Uẩn tương ưng làm duyên cho nhân bằng Cận y duyên, Vật tiền sanh như: Vật làm duyên cho Nhân bằng Tiền sanh duyên, Vật tiền sanh như: Vật làm duyên cho Nhân và Uẩn tương ưng bằng Tiền sanh duyên, Biệt thời như: Tư phi nhân làm duyên cho Uẩn quả và Sắc tục sinh bằng Dị thời nghiệp duyên, Đồng sanh như: Tư phi nhân làm duyên cho nhân tương ưng bằng Dị thời nghiệp duyên, Biệt thời như: Tư phi nhân làm duyên cho nhân Dị thực quả bằng Dị thời nghiệp duyên, Vô tham thuộc Dị thực quả làm duyên cho Vô sân và Vô si bằng Quả duyên, Nên sắp 9 câu đề trong phần Quả

phân tích như Phần Liên quan Quyền duyên nên phân rộng có 9 câu, Hậu sanh như: Nhân làm duyên cho thân ấy sanh trước bằng Bất tương ưng duyên, Hậu sanh như: Uẩn phi nhân làm duyên cho thân ấy sanh trước bằng Bất tương ưng duyên, Đồng sanh như: Sát-na tục sinh, vật làm duyên cho nhân bằng Bất tương ưng duyên, Tiền sanh như: Vật làm duyên cho nhân bằng Bất tương ưng duyên, Tiền sanh như: Vật làm duyên cho Nhân và Uẩn tương ưng bằng Bất tương ưng duyên, Hậu sanh như: Nhân làm duyên cho thân ấy sanh trước bằng Hiện hữu duyên, Đồng sanh như: Nhân và Đại sung làm duyên cho Sắc tâm ấy bằng Hiện hữu duyên, Hậu sanh như: Nhân và Đoàn thực làm duyên cho thân ấy bằng Hiện hữu duyên, Dứt thuận từng, Dứt đối lập, Dứt thuận nghịch, Dứt nghịch thuận (hết Nhị đề nhân); NHỊ ĐỀ HỮU NHÂN, Dù Thiên duyên hay Đạo duyên cũng như Đồng sanh duyên, không có Đại sung ngoại, Dứt thuận từng, Dứt đối lập, Dứt thuận từng-đối lập, Dứt đối lập-thuận từng, Phần Đồng sanh cũng như Phần Liên quan; PHẦN Ý TRƯỞNG, Nhãn thức nhờ cậy nhãn xứ... thân thức nhờ cậy thân xứ, uẩn vô nhân nhờ cậy vật, Dứt thuận từng, Dứt đối lập, Dứt thuận từng-đối lập, Dứt đối lập-thuận từng, Phần Ý chỉ như Phần Ý trượng; PHẦN HÒA HỢP, Dứt thuận từng, Dứt đối lập, Dứt thuận từng-đối lập, Dứt đối lập-thuận từng, Uẩn hữu nhân khai đoạn (mở mối) cho uẩn hữu nhân sanh ra, Trường đồng sanh như: Trường hữu nhân làm duyên cho sắc tâm bằng Trường duyên, Thuần cận y như: Uẩn hữu nhân làm duyên cho Uẩn hữu nhân bằng Cận y duyên, Thuần cận y như: Uẩn hữu nhân làm duyên cho Uẩn vô nhân và si bằng Cận y duyên, Thuần cận y như: Thân lạc làm duyên cho thân lạc, thân khô và si bằng Cận y duyên, Vật tiền sanh như:

Vật làm duyên cho Uẩn hữu nhân bằng Tiền sanh duyên, Dù khai môn hay hộ kiếp đều không có trong cố hưởng duyên, nên trừ ra 9 câu, Đồng sanh như: Tư hữu nhân làm duyên cho Uẩn tương ưng bằng Dị thời nghiệp duyên, Biệt thời như: Tư hữu nhân làm duyên cho Uẩn hữu nhân thuộc quả bằng Dị thời nghiệp duyên, Đồng sanh như: Tư hữu nhân làm duyên cho Sắc tâm bằng Dị thời nghiệp duyên, Tiền sanh như: Vật làm duyên cho Uẩn hữu nhân bằng Bất tương ưng duyên, Hậu sanh như: Uẩn hữu nhân làm duyên cho thân ấy sanh trước bằng Hiện hữu duyên, Tái tục sắp luôn đến người Vô tướng, Dứt đối lập, Dứt đối lập-thuận từng, Dứt Nhị đề hữu nhân, Nhị đề tương ưng nhân, Phần Liên quan, Dứt Nhị đề tương ưng nhân, Nhị đề nhân hữu nhân, Phần Liên quan, Dứt thuận từng, Dứt đối lập, Dứt thuận từng-đối lập, Dứt đối lập-thuận từng, Phần vấn đề, Tha tâm thông thấu rõ tâm người khác đang đầy đủ tâm hữu nhân phi nhân, Trường cảnh như: Nặng chấp về nhân rồi làm cho nhân phát sanh, Trường cảnh như: Nặng về nhân rồi làm cho Uẩn hữu nhân phi nhân sanh ra, Trường cảnh như: Nặng về nhân rồi làm cho Nhân và Uẩn tương ưng sanh ra, Trường cảnh như: Sau khi bố thí... trùng như câu đầu, Trường cảnh như: Sau khi bố thí... trùng như câu đầu, Trường cảnh như: Nặng về Nhân và Uẩn tương ưng rồi làm cho nhân sanh ra, Hữu nhân phi nhân căn có 3 câu như một, Tất cả vấn đề căn chỉ có 2 như thế, Trong hữu nhân phi nhân căn nên phân rộng theo nhân này, còn ngoài ra đó chỉ có 2 câu đề, Đồng sanh như: Tư hữu nhân phi nhân làm duyên cho nhân tương ưng bằng Dị thời nghiệp duyên, Nên sắp rộng như Nhân duyên, nên nhận rõ ràng là quả có cả 9 câu đề, Dứt thuận từng, Dứt đối lập, Dứt thuận từng-đối lập, Dứt đối lập-thuận từng

(Hết Nhị đề nhân hữu nhân); Nhị đề nhân Tương ưng nhân, Nên phân rộng ra như thị đề nhân và hữu nhân, Dứt Nhị đề nhân tương ưng nhân; Nhị đề phi nhân hữu nhân, Dứt thuận từng, Dứt đối lập, Dứt thuận từng-đối lập, Dứt đối lập-thuận từng, Phần Đồng sanh cũng phân như thế; Phần Ý trạng, Uẩn phi nhân hữu nhân nhờ cậy vật, Sát-na tục sinh... duyên hiệp trợ có 3 câu; về Bình nhựt và Tục sinh nên sắp đầy đủ, Dứt thuận từng, Dứt đối lập; Phần Hòa hợp, Dứt thuận từng, Dứt đối lập, Đếm 2 cách ngoài ra, cũng như đây; Phần Vấn đề, Uẩn phi nhân hữu nhân mở mối cho uẩn phi nhân hữu nhân sanh ra, Uẩn phi nhân vô nhân mở mối cho uẩn phi nhân vô nhân sanh ra, Uẩn phi nhân vô nhân mở mối cho uẩn phi nhân hữu nhân sanh ra, Biệt thời như: Tư phi nhân hữu nhân làm duyên cho Uẩn quả phi nhân vô nhân và Sắc tục sinh bằng Dị thời nghiệp duyên, Biệt thời như: Tư phi nhân hữu nhân làm duyên cho Uẩn quả phi nhân hữu nhân và Sắc tục sinh bằng Dị thời nghiệp duyên, Pháp phi nhân vô nhân làm duyên pháp phi nhân vô nhân bằng Dị thời nghiệp duyên, Đồng sanh như: Uẩn phi nhân vô nhân làm duyên cho Sắc tâm bằng Bất tương ưng duyên, Sát-na tục sinh: Uẩn làm duyên cho vật bằng Bất tương ưng duyên, vật làm duyên cho Uẩn bằng Bất tương ưng duyên, Tiền sanh như: Nhãn xứ làm duyên cho nhãn thức, thân xứ làm duyên cho thân thức; vật làm duyên cho Uẩn phi nhân vô nhân bằng Bất tương ưng duyên, Nhị đề hữu duyên, Nhị đề hữu kiến, Nhị đề hữu đối chiếu, Nhị đề sắc, Nhị đề hiệp thế, Nhị đề cũng có tâm biết đặng, Nhị đề lậu (trần), Nhị đề cảnh lậu, Nhị đề tương ưng lậu, Nhị đề bất tương ưng lậu cảnh lậu, Nhị đề triền, Nhị đề cảnh triền, Nhị đề tương ưng triền, Nhị đề triền cảnh triền, Nhị đề triền tương ưng triền, Nhị đề Bất

tương ưng triền cảnh triền, Nhị đề phược, Nhị đề cảnh phược, Nhị đề tương ưng phược, Nhị đề phược tương ưng phược, Nhị đề Bất tương ưng phược cảnh phược, Nhị đề chùm lậu-phối, Nhị đề cái, Nhị đề cảnh cái, Nhị đề tương ưng cái, Nhị đề cái cảnh cái, Nhị đề cái tương ưng cái, Nhị đề tương ưng cái cảnh cái, Nhị đề khinh thị, Nhị đề cảnh khinh thị, Nhị đề khinh thị cảnh khinh thị, Nhị đề hữu cảnh, Nhị đề tâm, Nhị đề sở hữu tâm, Nhị đề hòa hợp tâm, Nhị đề có tâm làm sở sanh, Nhị đề đồng sanh tồn với tâm, Nhị đề từng tâm thông lưu, Nhị đề hòa hợp với tâm và có tâm làm sở sanh, Nhị đề y tâm hòa sanh tồn, Nhị đề sở y tâm hòa từng hành, Nhị đề nội bộ, Nhị đề y sinh, Nhị đề thủ, Nhị đề cảnh thủ, Nhị đề tương ưng thủ, Nhị đề thủ cảnh thủ, Nhị đề thủ tương ưng thủ, Nhị đề Bất tương ưng thủ cảnh thủ, Nhị đề phiền não, Nhị đề cảnh phiền não, Nhị đề phiền toái, Nhị đề tương ưng phiền não, Nhị đề phiền não cảnh phiền não, Nhị đề phiền não tương ưng phiền não, Nhị đề Bất tương ưng phiền não cảnh phiền não, Nhị đề sơ đạo kiến, Nhị đề ba đạo cao (Tu kiến), Nhị đề hữu nhân sơ đạo tuyệt trừ, Nhị đề hữu nhân ba đạo cao tuyệt trừ, Nhị đề hữu tâm, Nhị đề hữu tứ, Nhị đề hữu hỷ, Nhị đề đồng sanh lạc, Nhị đề đồng sanh xả, Nhị đề dục giới, Nhị đề sắc giới, Nhị đề Vô sắc giới, Nhị đề Liên quan luân hồi, Nhị đề nhân xuất luân hồi, Nhị đề nhứt định, Nhị đề hữu thượng, Nhị đề hữu y.

Tập V & VI, Bộ Vị Trí, dày hơn 734 trang, nội dung sơ lược gồm có: Lời giới thiệu, Lời tựa Ban ấn tống Phật giáo Nguyên Thủy, Lời cảm tưởng; Vị trí nhị đề-Tam đề thuận từng, Vị trí-Tam đề-Nhị đề thuận, Vị trí-Tam đề-Tam đề thuận, Vị trí-Nhị đề-Nhị đề thuận, Vị trí Tam đề đối lập, Vị trí Nhị đề đối lập, Vị trí Nhị đề-Tam đề đối lập, Vị trí-Tam đề-Nhị đề đối

lập, Vị trí-Tam đề-Tam đề đối lập, Vị trí-Nhị đề-Nhị đề đối lập, Vị trí thuận từng đối lập, Vị trí-Tam đề thuận từng đối lập, Vị trí-Nhị đề-Tam đề thuận nghịch, Vị trí-Tam đề thuận nghịch, Vị trí-Nhị đề-Nhị đề thuận nghịch, Vị trí nghịch thuận, Vị trí-Nhị đề nghịch thuận, Vị trí-Nhị đề-Tam đề nghịch thuận, Vị trí-Tam đề-Nhị đề nghịch thuận, Vị trí-Tam đề-Tam đề nghịch thuận, Vị trí-Nhị đề-Nhị đề nghịch thuận; Lời tri ân.

Tác phẩm này đã xuất bản năm 2003, Nxb Tp. Hồ Chí Minh, với nhan đề “Tạng Diệu Pháp-Bộ Vị Trí, Abhidhammapitaka: Pattihana”.

1.422. BŨU TẠNG LUẬN

Tác giả: *Đại sư Tăng Triệu (384-414)*

Việt dịch: *Thích Duy Lực (1923-2000)*

Từ Ân Thiên Đường, Santa Ana (Hoa Kỳ) ấn hành PL. 2548 – DL. 2004. Toàn bộ tác phẩm Luận này gồm có 3 phẩm: - Lời dịch giả; P.1 Quảng chiếu Không Hữu, P.2 Ly vi thể tịnh, P.3 Bản tế hư huyền.

(<https://quangduc.com>. Luận)

Tác phẩm này đã xuất bản tại Sài Gòn năm 2001.

1.423. BŨU TẠNG LUẬN

Tác giả: *Tăng Triệu Đại sư (384-414)*

Việt dịch: *Mai Hạnh Hiền*

Sách có 47 trang, bìa mềm; nội dung gồm có: Lời dịch giả, Bửu Tạng Luận của ngài Tăng Triệu, P.I Quảng chiếu Không-Hữu, P.II Ly vi thể tịnh, P.III Bản tế hư huyền; Phụ lục, Duy Tâm quyết của ngài Vĩnh Minh, Trích từ Tông Cảnh Lục của ngài Vĩnh Minh, Tiểu sử của ngài Vĩnh Minh.

(Bản lưu tại Thư viện Huệ Quang-Trung Tâm Dịch Thuật Hán-Nôm Huệ Quang, Q. Tân Phú, Tp. Hồ Chí Minh)

C

1.424. CU-XÁ LUẬN TỤNG

Lược Thích

Thế Thân Bồ-tát

Nguyên tác Nhật ngữ:

Trai Đăng Duy Tín

Hán dịch: *Huệ Viên cư sĩ*

Việt dịch: *Học Tăng Lớp Chuyên khoa Phật học viện Trung Phần*

Phật học viện Trung Phần (Nha Trang) ấn hành, PL. 2518 – DL. 1974

Sách dày hơn 139 trang, bìa mềm, chữ tựa màu xanh dương. (bản đánh máy, in một mặt). Nội dung gồm có: Giới thiệu, Chương Dẫn nhập, 1. Tác giả và thời gian, 2. Ý hướng tạo luận, 3. Tổ chức của bộ luận, 4. Tông chỉ của bộ luận, 5. Phiên dịch và hoằng truyền; C.I Nguyên văn các bài Tụng bằng chữ Hán; C.II Vấn đề Ba Phần đoạn, C.III Bố cục phần Tựa, C.IV Văn nghĩa của phần Tựa, T.1 Quy kính và phát khởi, T.2 Danh và Thể của đối pháp, T.3 Giải thích chữ Tạng, Trình bày ý nói và người nói; C.V Bố cục phần Chính tông; C.VI Tổng tiêu Đại cương; C.VII Văn đoạn của phần Biệt thích; C.VIII Tiêu Uẩn biện dị danh, T.1 Danh và thể của pháp hữu vi, T.2 Các dị danh của hữu lậu, C.IX Giải thích Uẩn lập Xứ-Giới, T.1 Giải thích Uẩn lập Xứ-Giới, Đoạn 1. Giải thích Sắc uẩn lập Xứ-Giới, Đoạn 2. Giải thích Thọ-Tưởng-Hành thành lập Xứ và Giới, Đoạn 3. Giải thích Thức uẩn lập Xứ-Giới, T.2 Về Tổng nhiếp và khai-hiệp, Đoạn 1. Tổng nhiếp, Đoạn 2. Khai hiệp; C.X Danh và nghĩa của ba khoa, T.1 Giải thích ba danh từ Uẩn-Xứ-Giới, T.2 Nhân duyên thuyết pháp, T.3 Lập và phé các uẩn, T.4 Thứ lớp các danh từ, Đoạn 1. Thứ lớp của

Năm uẩn, Đoạn 2. Thứ lớp của Xứ-Giới, T.5 Phé và lập các danh từ, T.6 Nhiếp dị danh, Đoạn 1. Lược nhiếp Pháp uẩn, Đoạn 2. Xếp loại các uẩn khác, Đoạn 3. Nói riêng về sáu Giới; C.XI Chư Môn Phân biệt, T.1 Hữu kiến và vô kiến, Hữu đối và vô đối, T.2 Phân biệt các giới hệ, T.3 Hữu lậu và vô lậu, T.4 Tần và Từ, T.5 Hữu sở duyên và Vô sở duyên-Chấp thọ và không chấp thọ, T.6 Đại chủng và sở tạo, Tích tập và phi tích tập, T.7 Năng chước và Sở chước-Năng thiêu và Sở thiêu-Năng xướng và Sở xướng, T.8 Năm loại nôn, T.9 Đắc và Thành tựu-Xả và bất Thành tựu, T.10 Nội và ngoại, T.11 Đồng phận và bất đồng phận, T.12 Kiến và phi kiến, Đoạn 1. Vấn đề chính, Đoạn 2. Các vấn đề liên hệ, 1. Một nốt thấy hay hai nốt thấy, 2. Căn cảnh ly hay hiệp, 3. Căn cảnh cùng lượng hay không cùng lượng, 4. Thời gian của sáu Thức, 5. Vì sao Căn là Sở y, 6. Về Tỳ thức lập danh, 7. Đồng và dị theo Giới địa, T.14 Thức sở thức-thường và vô thường-căn và phi căn.

1.425. Chú Giải BỒ-ĐỀ TÂM LUẬN (Bodhicitta Satra)

Tác giả: *Long Thọ Bồ-tát (Nagajurna)*

Việt dịch và chú giải: *Nguyễn Pram – Pháp Định*

Nội dung gồm có: Lời giới thiệu khi dịch ra Việt ngữ, Tựa, Dịch giả, I. Bậc A-xà-lê giới thiệu, II. Thệ nguyện, III. Thực tướng, IV. Tam-ma-địa, Ghi chú riêng của người dịch, Chú thích, Bodhicitta Shastra.

(Bản lưu tại Thư viện Huệ Quang, Q. Tân Phú, Tp. Hồ Chí Minh)

1.426. Chú Giải BỘ PHÂN TÍCH – Tạng Luận

Dịch giả: *Tỳ-kheo Siêu Minh*

Nxb Tổng Hợp Tp. Hồ Chí Minh – 2007

Toàn bộ tác phẩm Chú giải này dày 1.062 trang, nội dung gồm 18 chương: C.1 Phân tích các Uẩn, C.2 Phân tích các Xứ, C.3 Phân tích các Giới, C.4 Phân tích Thánh đế, C.5 Phân tích các Quyền, C.6 Phân tích Duyên khởi, C.7 Phân tích Tứ niệm xứ, C.8 Phân loại Chánh tinh tấn, C.9 Phân tích Thần túc, C.10 Phân tích các Giác chi, C.11 Phân tích Đề đạo, C.12 Phân tích các Tầng thiên, C.13 Phân tích Pháp vô lượng, C.14 Phân tích các Học giới, C.15 Phân tích các Đạt thông, C.16 Phân tích Trí, C.17 Phân tích các Tiểu Tông, C.18 Phân tích Pháp tâm; Lời bạt.

1.427. Chú Giải BỘ PHÁP TỰ (ATTHASÀLINÌ) – Quyển I, II, III Luận Tạng (Abhidhamma pitaka)

Tác giả: *Buddhaghosa*

Việt dịch: *Tỳ-kheo Siêu Minh*

Nxb Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh – 2005
Sách có khổ 14 x 20cm, dày hơn 790 trang. Nội dung gồm có 3 quyển: Lời nói đầu, Kệ nhập môn; *Q.I*, Phần I. Mẫu đề (Màtikà), C.I Mẫu đề Tam, C.II Mẫu đề Nhị, C.III Những bộ Kinh (Suttas); Phần II. Phân tích các thuật ngữ, C.I Mẫu đề Tam về thiện pháp; Phần III. Pháp về Môn (hoặc Công), C.I Môn chính là thân nghiệp, C.II Môn thuộc khẩu nghiệp, C.III Môn thuộc ý nghiệp, C.IV Nghiệp (Kamma), C.V Bất thiện nghiệp đạo, C.VI Thiện nghiệp đạo, C.VII Kết luận; Phần IV. Kinh nghiệm tâm thiện trong dục giới, C.I Bản tóm tắt Trạng thái Tâm, C.II Bài pháp về phần Chú giải, C.III Phần Kết luận, C.IV Phần nói về trống rỗng, C.V Loại tâm thứ hai, C.VI Loại tâm thứ ba, C.VII Loại tâm thứ tư, C.VIII Các loại tâm thứ năm, thứ sáu, thứ bảy và thứ tám; Phần V. Bài pháp Tâm thiện nơi cõi Sắc giới, C.I Hệ thống Bốn bậc thiên, C.II Đệ Nhị thiên, C.III Đệ Tam thiên, C.IV Đệ Tứ

thiên, C.V Đệ Ngũ thiên, C.VI Bốn điều tiến hành, C.VII Bốn đối tượng của Ý, C.VIII Mười sáu điều kết hợp, C.IX Đề mục Hoàn tịnh (Kasina), C.X Những đề mục khác, C.XI Bài pháp về đề mục Thắng xứ, C.XII Về Giải thoát, C.XIII Phạm trú, C.XIV Về Bất tịnh; Phần VI. Tâm thiện Vô sắc giới; Phần VII. Tâm thiện nơi ba cõi khác nhau; Phần VIII. Tâm Siêu thế (Lokuttara), C.I Sơ đạo, C.II Nhị đạo, C.III Tam đạo và Tứ đạo; Phần IX. Pháp bất thiện, C.I Pháp tóm lược các trạng thái tâm, C.II Loại tâm bất thiện đầu tiên, C.III Loại tâm bất thiện thứ nhì và các loại tâm tiếp theo; Phần thứ X. Tâm Vô ký, C.I Nhị nguyên nhận thức trí tuệ, C.II Quả thiện Dục giới, C.III Tâm quả Sắc giới và Vô sắc giới, C.IV Quả Siêu thế, C.V Quả Bất thiện, C.VI Tâm tố Ý thức giới, C.VII Kết luận; *Q.II*, Những đặc tính Sắc pháp (Rùpa), C.I Sắc pháp là Vô ký, C.II Sắc tứ đại hiện, C.III Những đặc tính của Sắc y sinh; Phần II. Chương Toát yếu (Nikkhepa), C.I Tam đề, C.II Những nhị đề và các nhóm khác; *Q.III*, Chương Trích yếu.

1.428. Chú Giải BỘ SONG ĐỐI (YAMAKATTHAKATHÀ)

Tạng Diệu Pháp – Abhidhamma Pitaka

Việt dịch: *Đại Trưởng lão Tịnh Sự (Mahà Thera Santakicco)*

Nxb Tôn Giáo, PL. 2550 – DL. 2006

Sách có khổ 14.5 x 20.5cm, dày hơn 575 trang, bìa cứng màu đen, chữ mạ vàng. Nội dung tác phẩm gồm có 3 phần: Lời giới thiệu, Lời dẫn nhập, Lời tựa, Lời giải; *Phần Căn song*: C. Thiện, C. Bất thiện, C. Vô ký, C. Danh; *Phần Uẩn song*: 1. Định danh – Câu lạc, Định danh – Câu lạc Căn luân, Định danh – Thuần uẩn, Định danh – Thuần uẩn Căn luân, 2. Hành vi sanh hiện

tại, Hành vi sanh quá khứ, Hành vi sanh vị lai, Hành vi sanh hiện tại-quá khứ, Hành vi sanh hiện tại-vị lai, Hành vi sanh quá khứ-vị lai, Hành vi diệt hiện tại, Hành vi diệt quá khứ, Hành vi diệt vị lai, Hành vi diệt hiện tại-quá khứ, Hành vi diệt hiện tại-vị lai, Hành vi diệt quá khứ-vị lai, Hành vi sanh và diệt hiện tại, Hành vi sanh và diệt quá khứ, Hành vi sanh và diệt vị lai, Hành vi sanh và diệt hiện tại-quá khứ, Hành vi sanh và diệt hiện tại-vị lai, Hành vi sanh và diệt quá khứ-vị lai; *Phần Đạt tri*: Hiện tại, Quá khứ, Vị lai, Hiện tại-quá khứ, Hiện tại-vị lai, Quá khứ-vị lai.

1.429. Chú Giải

DI BỘ TÔNG LUÂN LUẬN

Dịch giả: *Thích Hạnh Bình*

Nxb Phương Đông – 2011

Toàn bộ tác phẩm Chú giải này có 200 trang, bìa mềm; nội dung gồm: Lời nói đầu, Tổng luận; Di bộ Tông luân luận, Lời tựa, C.I, Lịch sử phân chia bộ phái, 1. Sự phân chia cơ bản, 2. Quá trình phân chia của Đại chúng bộ, 3. Sự phân phái của hệ Thượng tọa bộ; C.II, Tư tưởng của các phái, 1. Tư tưởng cơ bản của các phái Nhất thuyết, Thuyết Xuất thế, Kê dẫn, 2. Những quan điểm khác nhau vào thời kỳ cuối của các phái Đại chúng, Nhất thuyết, Thuyết Xuất thế, Kê dẫn bộ, 3. Giáo nghĩa cơ bản của phái Đa văn, 4. Giáo nghĩa cơ bản của phái Thuyết, 5. Giáo nghĩa cơ bản của các bộ Chế Đa sơn, Tây Sơn trụ và Bắc Sơn trụ, 6. Giáo nghĩa căn bản của phái Thuyết Nhất thiết hữu bộ, 7. Giáo nghĩa căn bản của phái Tuyết Sơn bộ, 8. Giáo nghĩa căn bản của phái Độc Tử bộ, 9. Giáo nghĩa của phái Pháp thượng, Hiền vị, Chánh lượng, Mật lâm sơn bộ, 10. Giáo nghĩa của phái Hóa địa bộ, 11. Giáo nghĩa căn bản của phái Pháp tạng, 12. Giáo nghĩa căn bản của Âm Quang bộ, 13. Giáo

nghĩa căn bản của Thuyết Chuyển bộ, Lời bạt; Các bản chữ Hán: Di bộ Tông luân luận, Bộ Chấp di luận, Thập Bát bộ luận, Di bộ tông Tinh thích, Di bộ Thuyết tập.

1.430. Chú Giải THUYẾT LUÂN SỰ - Tạng Vi Diệu Pháp

(Kathavatthupparakara Atthakathà)

Biên dịch Anh ngữ: *Bimala Churn Law, Ph. D, M. A, B.L*

Biên dịch Việt ngữ: *Nguyễn Văn Sáu*

Nxb Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh – 2004

Sách có khổ 14.5 x 20.5cm, dày hơn 403 trang, có 23 chương.

Nội dung gồm có: Lời tựa, Lời giới thiệu; C.I Nhân ngữ, có 53 điểm tranh luận về: Bản ngã, Hoại lìa, Phạm hạnh, Thanh tịnh dần dần, Diệt tà, “Vạn vật tồn tại”, “Quá khứ uẩn”, “Một số điểm (quá khứ và tương lai của chúng ta) vẫn đang tồn tại”, “Niệm xứ”, “Các phương thức bất biến tồn tại ra sao”; C.II Các điểm tranh luận (từ 54 đến 61) về: “Ô nhiễm của vị A-la-hán (Purupahàra)”, (1) Liệu vô minh có khả năng xảy ra nơi một vị A-la-hán hay không? (2) Liệu vị A-la-hán có gặp rắc rối hay không? Và (3) Ngài có khả năng trội hơn người khác hay không?” “Phát âm khi nhập thiền” (vacì) (của người nhập thiền Jhàna), Nhập thiền quán do (thốt lên) từ “phiền não”, Tâm đình trụ, Cõi đời giới này (giống như) một đồng tro tàn, Thành tích dần được thể hiện, Ngôn ngữ của đức Phật, Diệt đế hay chấm dứt; C.III Các điểm tranh luận (từ 62 đến 71) về: Lực hay sức mạnh, Phẩm chất (gọi là) Thánh đức, Giải thoát, Tiến trình giải thoát, Người thứ tám, Quyền của người thứ tám, Thiên nhãn, Thiên nhĩ, Trí thấy hạnh nghiệp chúng sanh, Những thu thúc đạo đức, Cuộc sống vô tướng, Phi tướng phi phi tướng hữu; C.IV Các điểm tranh luận về: Liệu một cư sĩ có trở thành một A-la-hán

được không? Một người có thể thành A-la-hán khi vừa tục sinh, Không vương phải nguyên nhân ô nhiễm, Giữ lại Thánh quả, Một vị A-la-hán được phú cho Lục xả vô ký, Nhờ hành vi giác ngộ-ta trở thành đấng Giác Ngộ, Quan điểm của phái Uttarapathakas, Bắt đầu được bảo đảm, Tài năng thiên phú, Việc trừ khử tất cả gông cùm; C.V Các điểm tranh luận (từ 80 đến 88) về: Giải thoát, Tuệ của bậc Vô học, Sai lạc hay ảo giác (khi nhập Thiền Jhàna), Thánh đạo nhất định, Tuệ phân tích, Phàm tuệ hay tục trí, Đối tượng tâm linh, Thiền quán tương lai, Trí hiện tại, Tuệ quả; C.VI Các điểm tranh luận (từ 89 đến) về: Định luật chắc chắn, Luật duyên khởi, Tứ diệu đế, Bốn cõi Vô sắc giới, Thành tích nhập định Diệt, Không gian, Khoảng không có thể thấy, Phải chăng nguyên tố đất là hữu hình?; C.VII Các điểm tranh luận về: Phân loại các vật thể, Các trạng thái tương ứng, Những đặc tính tâm linh, Bồ thí, Công đức hệ tại tính hưởng dụng, Quả do bồ thí đem lại ngay trên cõi đời này, Trái đất này và kết quả của nghiệp đem lại, Lão-tử và thành quả của nghiệp, Các hiện trạng trí tuệ Thánh đức và những Thánh quả từ đó mà ra (quả của Thánh nghiệp), Những Pháp quả tạo ra Pháp quả; C.VIII Các điểm tranh luận (từ 106 đến 114) về: Các cảnh giới tái sanh, Hiện trạng tái sanh trung gian (Thân trung âm), Những khoái cảm thọ quan, Các dục vọng giác quan, Nguyên tố (uẩn) sắc giới, Vô sắc giới cũng vậy. Ở đây ta nên hiểu ý nghĩa bằng cùng một phương pháp nêu trên, Xứ nơi cõi Sắc giới, Sắc pháp nơi cõi Vô sắc giới, Sắc hành động, Mạng quyền, Nghiệp là nhân duyên; C.IX Các điểm tranh luận (từ 115 đến 121) về: (Giải thoát nhờ quả phúc) Điều thiện, Bất diệt là đối tượng suy tư, Sắc có thể biết đối tượng là tâm linh, Tùy miên không có cảnh không

có đối tượng tâm linh, Trí quán không biết cảnh, Những quan điểm cảnh quá khứ, Điểm áp dụng tâm linh tiên khởi, Âm thanh như là cách truyền tải các ứng dụng tâm linh tiên khởi và kéo dài, Lời nói không phù hợp với tư tưởng, Hành động (hay tác nghiệp) không khớp với tư tưởng, Chứng đạt về kinh nghiệm quá khứ và tương lai còn hiện hữu; C.X Các điểm tranh luận (từ 122 đến 128) về: Việc kết thúc (Diệt), Cho rằng sắc pháp (của bất kỳ ai đang tu luyện Thánh đạo) cũng gộp cả trong Thánh đạo đó, Đạo tuệ tưởng của người đang có được Ngũ thức căn, Hai luật đạo đức, Nhân đức tự động mà có, Nhân đức không được tiến hành theo đúng như tư tưởng, Công đức không tiến triển theo đúng việc nắm giữ giới luật, Các hành vi tiên liệu việc công đức, Hành vi đạo đức không được tiên liệu là phi đạo đức; C.XI Các điểm tranh luận (từ 129 đến 134) về: Ba sự kiện liên quan đến các khuynh hướng tiềm tàng, có nghĩa là (i) vô nhân (không rõ ràng, mập mờ), (ii) vô ký và (iii) không tương ứng tâm, Tuệ quán, Tuệ không liên quan tới tư tưởng, “Đây chính là khổ đế!”, Phép thần thông, Nhập định (Dục thần túc), Định đề nơi vạn vật. Pháp được tiên liệu. Tính vô thường; C.XII Các điểm tranh luận (từ 135 đến 139) về: Tự kiểm chế là một nghiệp (tích cực), Nghiệp, Tiếng nói được coi như là Dị thực quả, Sáu giác quan, Bậc Thất lai, Người chiếm được thứ bậc cao hơn nơi Thánh đạo bậc một, và điều liên quan đến “người giao hạt” nên được hiểu theo cùng một cách thức như trên, Tội giết người, Khổ cảnh giới, Kẻ nào đã đạt đến tái sanh lần thứ bảy; C.XIII Các điểm tranh luận (từ 140 đến 146) về: Địa ngục vô gián trọn kiếp, Phần thưởng suốt đời dành cho người đạt được thành tích tốt, Kẻ xúi dục phạm nghiệp vô quán, Những vị Bò-tát

nhất định, Những ai bị chướng ngại-ngăn cản, Người buộc phải giáp mặt với những gông cùm, Người nhập và đạt đến bậc thiền Jhàna, Lòng tham muốn đối với những điều khó chịu, Pháp ái đối với pháp vô ký, Pháp ái không phải là nguyên nhân tạo khổ; C.XIV Các điểm tranh luận (từ 147 đến 151) về: Tính liên tục hỗ tương giữa thiện và bất thiện, Lục xứ, Liên tục trực tiếp nơi giác quan, Thân-khẩu của một vị Thánh, Những khuynh hướng tiềm ẩn tách riêng ra một bên, Những bộc phát tùy miên, Sắc ái “gồm chung lại”, Những gì chưa được khám phá, Không liên quan (đến luân hồi); C.XV Các điểm tranh luận (từ 152 đến 157) về: Mỗi tương quan (nhân quả đặc biệt cố định), Nhân duyên hỗ tương, Tương tục, Những chốc lát-những lúc-những giây lát ngắn ngủi, Những lậu hoặc (tức là những nguyên nhân đòi bại), Lão và tử, Diệt-tướng-thọ-thức (thuộc lãnh vực siêu phàm), Việc đạt đến vô tướng, Nghiệp và việc tích lũy những nghiệp đó; C.XVI Các điểm tranh luận (từ 158 đến 162) về: Điều khiển (tâm tha nhân), Tạo hạnh phúc nơi tha nhân, Chăm lo cho chúng sanh cùng một, Sắc pháp và nhân thiện, Vật chất hiểu là điều thiện và điều bất thiện dưới góc độ đạo đức, Vật chất là (chánh) quả, Vật chất thuộc cõi Sắc giới (Phạm thiên) và cõi Vô sắc giới, Tham dục suốt đời nơi cõi Sắc giới và Vô sắc giới; C.XVII Các điểm tranh luận (từ 163 đến 170) về: Vị A-la-hán đã tích lũy công đức như thế nào?, Vị A-la-hán không phải trải qua cái chết không đúng thời, Cho toàn bộ là do nghiệp mà ra, Tất cả đều quy về khả năng cảm thọ, Chỉ được giải thoát nhờ chánh đạo, Không nên nói: Tăng bảo nhận của bố thí, Chẳng nên nói: Tăng bảo tẩy uế của bố thí, Chẳng nên nói: Tăng bảo hưởng của bố thí, Không nên nói rằng: Bất kỳ điều gì

dâng cho Tăng bảo cũng đều mang lại phần thưởng to lớn, Việc tinh luyện của bố thí; C.XVIII Các điểm tranh luận (từ 171 đến 176) về: Nơi ở của đức Thế Tôn trên cõi phàm này, Việc (đức Phật) thuyết pháp, Lòng đại bi (đức Thế Tôn đã cảm thấy), Những mùi thơm (nơi con người đức Phật), Chánh đạo duy nhất và có một không hai, Sự chuyển hóa giữa các bậc thiền Jhàna, Kẻ nhập thiền Jhàna vẫn còn có thể nghe thấy tiếng động, Chúng ta có thể nhìn thấy đối tượng thị giác bằng mắt trần (khi nhập thiền Jhàna); C.XIX Các điểm tranh luận (từ 177 đến 182) về: Khử trừ ô nhiễm, Trống rỗng, Sa-môn quả, Thành tích đạt được (là vô vi), (chứng ngộ), Như thị (như như), Điều thiện xét dưới góc độ đạo đức, Thành tích đạt đến nhất định, Quyền; C.XX Các điểm tranh luận (từ 183 đến 187) về: Tội ác không có ý, Tuệ giác, Những lính canh địa ngục, Súc sinh (nơi cõi bên kia), Chánh đạo, Tuệ giác; C.XXI Các điểm tranh luận (từ 188 đến 191) về: Giáo lý (của chúng ta), Kinh nghiệm về những gì tồn tại riêng rẽ, Gông cùm, Phép thần thông biến hóa, Các Phật nhân, Đức Phật hiện diện khắp mọi nơi, Đạt-ma, Nghiệp; C.XXII Các điểm tranh luận (từ 193 đến 196) về: Sự viên tịch, Tâm đạo đức, Tâm điềm tĩnh, Am hiểu giáo pháp, Điều vô ký, Tương quan tái tục, Tính nhất thời; C.XXIII Các điểm tranh luận (từ 197 đến...) về: Quyết tâm tác hợp, Những biểu hiện bề ngoài nơi các vị A-la-hán, Thành tích đạt được qua tham quyền cố vị, Tình trạng giả vờ trước tính ái và..., Những gì chưa rõ ràng; Lời bạt, Thuật ngữ chuyên môn.

1.431. Chương DUY THỨC - Đại Thừa Pháp Uyển Nghĩa Lâm

Việt dịch:

Tỳ-kheo Ni Huyền Huệ (1924-2015)

THPG Tp. Hồ Chí Minh ấn hành,
PL. 2534 – DL. 1990

Sách có hơn 146 trang, bìa mềm. Nội dung gồm có: Lời nói đầu, Lời tựa dẫn, Một. Lược giải mười môn, Hai. Giải rõ mười môn, Môn I. Xuất Thế, 1. Thế sở quán, 2. Năm lớp Duy thức quán, a. Lớp 1: Trừ mê vọng lưu lại chơn thật, b. Lớp 2: Xả lạp lưu thuần, c. Lớp 3: Nhiếp mặc qui bốn thức, d. Lớp 4: Ấn liệt hiển tánh, e. Lớp 5: Bồ tướng chứng tánh, 3. Nêu rõ Thế năng quán, 4. Biện dị giải; Môn II. Biện danh từ Duy Thức, 1. Giải chữ Duy, 2. Giải nạn duy Tâm, 3. Giải nạn duy Trí, 4. Giải thích Tổng hội; Môn III. Dùng cách thức ly hợp hội giải, 1. Chánh thức hội giải, 2. Giải tên sở quán, 3. Hai danh hội giải, 4. Ba danh hội giải, 5. Bốn danh hội giải, 6. Năm danh hội giải, 7. Sáu danh hội giải, 8. Tổng kết thành; Môn IV. Thức nào làm Quán môn, 1. Nêu lời gạn hỏi, 2. Đưa ra dị thuyết, 3. Nêu bày chánh nghĩa; Môn V. Nêu bày chủng loại sai khác, 1. Thuyết minh chơn tánh thức, 2. Thuyết minh tục sự thức, a. Chánh nêu rõ sự sai biệt, b. Riêng nói rõ bốn phần, c. Kết luận chẳng phải một-chẳng phải khác, d. Tổng kết thành; Môn VI. Nêu rõ thứ lớp tu chứng, 1. Nói rõ vị thứ, a. Dẫn Luận Nhiếp Đại thừa, b. Dẫn luận Thành Duy thức, c. Dẫn luận Du-già, d. Hội thông, 2. Biện minh tu chứng, a. Chứng tu, b. Tướng tu, c. Nói rõ vị tu, d. Địa tu; Môn VII. Nêu rõ pháp quán Duy thức thuộc tánh nào? 1. Nêu lập hai môn, 2. Tùy nêu riêng giải, a. Thuyết minh năng quán, b. Thuyết minh sở quán, c. Phân quán vị thứ tư tu quán, d. Hội giải; Môn VIII. Nói rõ các Địa nào khởi quán, - Biện minh y thân, a. Thuyết minh Đốn ngộ, b. Thuyết minh Tiệm ngộ, Nói rõ bát Kinh sanh, Thuyết minh Kinh sanh, Thuyết minh y Địa khởi; Môn IX. Đoạn các chương nhiệm, 1. Nêu rõ danh số, 2.

Thuyết minh Địa nào đoạn, 3. Nêu rõ sự sai khác của Chương, a. Luận Du-già có 3 Trụ, b. Kinh Giải Thâm Mật có 3 môn Tùy miên, c. Thuyết minh Luận Bảo Tánh có 4 chương, d. Kinh Thắng Man thuyết minh 5 Trụ Địa phiền não; Môn X. Nhiếp qui Nhi Không, 1. Nêu giải, 2. Giải vấn nạn, 3. Kết thành, 4. Mục lục.

D

1.432. DỊ BỘ TÔNG LUÂN LUẬN

Tác giả: *Bồ-tát Thế Hữu*

Hán dịch: *Tam tạng Pháp sư*

Huyền Trang (602-664)

Việt dịch và chú thích:

Thích Nguyên Tuấn

Học viện Phật giáo Việt Nam tại Tp. Hồ Chí Minh ấn hành.

Tác phẩm Luận này gồm có: - Nguyên do phát khởi, - Sự phân chia bộ phái, - Các quan điểm của các bộ phái thuộc Đại chúng bộ, - Các quan điểm của các bộ phái thuộc Thượng tọa bộ, - Bảng đối chiếu luận điểm các bộ phái.
(<https://thuvienhoasen.org>, *Luận*)

1.433. DỊ TÔNG LUẬN

Dịch, ghi chú và lược giải:

HT. Thích Trí Quang (1923-2019)

Nxb Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh,

PL. 2555 – DL. 2011

Tác phẩm luận dày 189 trang, bìa mềm, chữ tựa màu đỏ. Nội dung gồm có: Dẫn nhập; Dị tông luận, A.1. Mở đầu, A.2. Nội dung, B.1. Nói các Bộ phái (Dị bộ); C.1. Thời đại và nguyên nhân của sự phân hóa bộ phái; C.2. Các bộ phái thuộc về Đại chúng bộ; C.3. Các bộ phái thuộc về Thượng tọa bộ; B.2. Nói học thuyết (Tông

luân) của các bộ phái ấy; C.1. Mở đầu, C.2. Nói học thuyết của các bộ phái thuộc hệ Đại chúng bộ, D.1. Nói phần chính, D.2. Nói phần phụ; C.3. Nói học thuyết của các bộ phái thuộc hệ Thượng tọa bộ, D.1. Nói phần chính, D.2. Nói phần phụ; Lời ghi của ngài Huyền Tráng; Hồi quan.
Tác phẩm này đã xuất bản từ năm 1994, Nxb Tp. Hồ Chí Minh, khổ 13 x 19cm, dày 146 trang, bìa mềm, chữ tựa màu trắng, có hình Bồ-tát Quán Thế Âm (bán thân) tay cầm nhánh dương liễu.

1.434. Dịch chú và Đối chiếu các bản khác nhau về

DỊ BỘ TÔNG LUÂN LUẬN

Dịch và đối chiếu: *Thích Hạnh Bình*

Nxb Phương Đông – 2016

Sách có khổ 14 x 20cm, dày hơn 253 trang, bìa mềm.

Nội dung gồm có: Lời nói đầu, Tổng luận; *Dị Bộ Tông Luân Luận*, C.I, Lịch sử phân chia bộ phái, 1. Sự phân chia cơ bản, 2. Quá trình phân chia của Đại chúng bộ, 3. Sự phân phái của hệ Thượng tọa bộ; C.II, Tư tưởng của các phái: 1. Tư tưởng cơ bản của các phái Nhất Thuyết, Thuyết Xuất Thế, Kê Dẫn, 2. Những quan điểm khác nhau vào thời kỳ cuối của các phái Đại chúng, Nhất thuyết, Thuyết xuất thế, Kê dẫn bộ, 3. Giáo nghĩa cơ bản của phái Đa văn, 4. Giáo nghĩa cơ bản của phái Thuyết giả bộ, 5. Giáo nghĩa cơ bản của các bộ: Ché-đa sơn, Tây sơn trụ và Bắc sơn trụ, 6. Giáo nghĩa căn bản của phái Thuyết Nhất thiết Hữu bộ, 7. Giáo nghĩa căn bản của phái Tuyết sơn bộ, 8. Giáo nghĩa căn bản của phái Độc tử bộ, 9. Giáo nghĩa của phái Pháp thượng, Hiền trụ, Chánh lượng, Mật lâm Sơn bộ, 10. Giáo nghĩa của phái Hóa địa bộ, 11. Giáo nghĩa căn bản của phái Pháp tạng, 12. Giáo nghĩa căn bản của Âm quang bộ, 13. Giáo nghĩa căn bản của

Thuyết chuyển bộ, Lời bạt; *Bộ Cháp Di Luận*, C.I, Lịch sử phân chia bộ phái, 1. Sự phân chia cơ bản, 2. Quá trình phân chia của Đại chúng bộ, 3. Sự phân phái của hệ Thượng tọa bộ; C.II, Tư tưởng của các phái, 1. Tư tưởng cơ bản của các phái Đại chúng, 2. Những quan điểm khác nhau giữa Đại chúng và 3 bộ khác, 3. Giáo nghĩa cơ bản của phái Đa văn, 4. Giáo nghĩa cơ bản của phái Thuyết giả bộ, 5. Giáo nghĩa căn bản của Ché-đa sơn, Bắc sơn trụ bộ, 6. Giáo nghĩa căn bản của phái Thuyết Nhất thiết Hữu bộ, 7. Giáo nghĩa căn bản của phái Tuyết sơn bộ, 8. Giáo nghĩa căn bản của phái Độc tử bộ, 9. Giáo nghĩa của phái Pháp thượng, Hiền trụ, Chánh lượng, Mật lâm Sơn bộ, 10. Giáo nghĩa của phái Hóa địa bộ, 11. Giáo nghĩa căn bản của Pháp hộ bộ, 12. Giáo nghĩa căn bản của Thiện tuế bộ, 13. Giáo nghĩa căn bản của Thuyết độ bộ, Lời bạt sau khi dịch từ tiếng Phạn sang tiếng Hán; *Thập Bát Bộ Luận*, Lời tựa, C.I, Lịch sử phân chia bộ phái, 1. Sự phân chia cơ bản, 2. Quá trình phân chia của Đại chúng bộ, 3. Sự phân phái của hệ Thượng tọa bộ; C.II, Tư tưởng của các phái, 1. Tư tưởng của các phái thuộc Đại chúng, 2. Những quan điểm khác nhau vào thời kỳ cuối của Đại chúng, Thuyết xuất thế, Kê dẫn bộ, 3. Giáo nghĩa cơ bản của phái Đa văn, 4. Giáo nghĩa cơ bản của phái Thuyết giả bộ, 5. Giáo nghĩa căn bản của các bộ: Chi-đề-la, A-bà-uất-đa-la-thi-la, 6. Giáo nghĩa căn bản của phái Thuyết Nhất thiết Hữu bộ, 7. Giáo nghĩa căn bản của bộ phái Tuyết sơn, 8. Giáo nghĩa căn bản của phái Độc tử bộ, 9. Giáo nghĩa của bộ phái Đa-lê-la-ya-ni, Tam-di-đê, Lục thành, 10. Giáo nghĩa của phái Hóa địa bộ, 11. Giáo nghĩa căn bản của bộ phái Pháp tạng, 12. Giáo nghĩa căn bản của Âm quang bộ, 13. Giáo nghĩa căn bản của Thuyết chuyển bộ, Lời bạt sau khi

dịch; *Dị Bộ Tông tinh thích*, C.I, C.II và C.III; *Dị Bộ thuyết tập*, Index.

1.435. DU-GIÀ HÀNH TÔNG – YOGÀ CÀRA

Biên dịch: *Thích Nhuận Châu*

Nxb Văn hóa Sài Gòn – 2008

Sách có khổ 14 x 20.5cm, dày hơn 334 trang, bìa mềm.

Nội dung tác phẩm gồm có 5 chương: *C.I Tổng quan về Du-già hành tông*, I. Tổng quan về lịch sử, II. Du-già hành tông không phải là chữ nghĩa duy tâm siêu hình, 1. Về thuật ngữ duy tâm, 2. Sự khác nhau giữa Ấn Độ và phương Tây khi tiếp cận triết học, 3. Tiếp cận triết học Du-già hành tông, III. Nghiệp, vật thể và nhận thức chủ quan, IV. Tám thức, V. Tam tính, VI. Ngũ vị (Duy thức tu đạo Ngũ vị); *C.II Chuyên Thức thành Trí trong Thành Duy Thức Luận*, I. Hệ thống tám thức, II. Các loại chấp trước, 1. Chấp ngã, 2. Chấp pháp, III. Năm tiến trình tu đạo của hàng Bồ-tát, 1. Tư lương vị, 2. Gia hạnh vị, 3. Thông đạt vị (còn gọi là Kiến đạo vị), 4. Tu tập vị (còn gọi là Tu đạo vị), 5. Cứu cánh vị (Diệu giác Phật), IV. Sự vận hành của trí tuệ, 1. Sự phát triển của Bốn dạng Trí tuệ giác ngộ (Tứ trí), 2. Bốn loại Trí tuệ Phật quả, 3. Kết luận; *C.III Nhìn lại quá trình nghiên cứu Du-già hành tông ở Tây Phương trong thế kỷ XX*, I. Thuật ngữ Du-già hành tông, II. Những điều đã làm được, III. Chìm lắng hay chảy ngầm? *C.IV Du-già hành tông và các tông phái Phật giáo khác*, Bài 1. Du-già hành tông và Hoa Nghiêm tông, I. Nguồn gốc của A-lại-da thức, II. Nghiệp tướng (Karmalaksana), III. Nghiệp tướng và Tự chứng (Svasamvitti), IV. Nghiệp tướng và vũ trụ luận trong Kinh Hoa Nghiêm, V. Kết luận; Bài 2. Du-già hành tông và Trung Quán Luận, I. Tổng quan về phương pháp của

Long Thụ, II. Phê phán về Du-già hành tông, III. Truyền thuyết về Long Thụ, IV. Tính không, V. Căn bản Trung Quán Luận tụng (Mulamadhyamaka-Kàrikà), VI. Tuyên bố của Long Thụ, VII. Tóm tắt những ý chính; Bài 3. Tư tưởng Trung Quán, Duy Thức và ngài Tịch Hộ, I. Khái niệm chung về ảnh hưởng của Du-già hành tông trong pháp môn Đại thừa, II. Bản tánh giác ngộ của hữu tình, III. Ý niệm về tánh không, IV. Sự tạo tác của tâm, V. Thảo luận của Tralegrinpoche cùng nhà Sử học (David) và một Tiến sĩ Triết học (Dr. R); Bài 5. Ý nghĩa Vijnaptimàtrata và Abhidharma trong Du-già hành tông, I. Nhận định ban đầu, II. A-tỳ-đạt-ma Câu-xá luận Thích (Abhidharmakosabhasya) và cựu Du-già hành tông (Early Yogàcàra), III. Tiền thân A-tỳ-đạt-ma của Duy thức (Vijnaptimatrata), IV. Du-già hành tông và A-tỳ-đạt-ma của các trường phái ngoài Đại thừa, V. Những điều ngài Thế Thân đã bổ sung trong luận giải của mình; Bài 6. Phái Số luận (Samkhya), I. Tổng quan về lịch sử, II. Thần ngã và tự tánh, III. Sự phát triển của hệ thống, IV. Giác (Buddhi), V. Nhận thức luận chính thống, VI. Nguyên nhân luận, VII. Thần luận; *C.V Các Luận sư Du-già hành tông*, Bài 1. Vô Trước, Bài 2. Thế Thân, I. A-tỳ-đạt-ma Câu-xá luận, II. Những tác phẩm chuyên tiếp của ngài Thế Thân, III. Chuyển sang Đại thừa với Duy thức Tam thập tụng, IV. Duy thức Nhị thập tụng, V. Quan điểm chính của ngài Thế Thân, VI. Tác phẩm, Bài 3. Mười đại luận sư Duy thức tông, Bài 4. Hộ pháp, Bài 5. Đức huệ, Bài 6. An huệ, Bài 7. Huyền Trang, I. Động cơ sang Ấn Độ của ngài Huyền Trang, II. Ngài Huyền Trang ở Ấn Độ, III. Dự án chương trình phiên dịch, IV. Thành Duy thức luận và ngài Khuy Cơ, V. Luận điểm quan

trọng trong Thành Duy thức luận, VI. Di sản của ngài Huyền Trang với sự nghiệp phiên dịch và tác phẩm: 1. Đại Bồ-tát tạng Kinh, 2. Hiền dương Thánh giáo luận tụng, 3. Phật địa Kinh, 4. Lục môn Đà-la-ni Kinh, 5. Hiền dương Thánh giáo luận, 6. Đại thừa A-tỳ-đạt-ma tạp tập luận, 7. Đại Đường Tây vực ký, 8. Đại thừa Ngũ uẩn luận, 9. Nhiếp Đại thừa luận Vô tánh thích, 10. Du-già Sư-địa luận, 11. Giải Thâm mật Kinh, 12. Nhân Minh nhập chính lý luận, 13. Thiên Thỉnh vấn Kinh, 14. Thập Cú nghĩa luận, 15. Duy Thức tam thập luận, 16. Kim Cang Bát-nhã Kinh, 17. Bách pháp minh môn luận, 18. Nhiếp Đại thừa luận Thế Thân thích, 19. Nhiếp Đại thừa luận bản, 20. Duyên khởi Thánh đạo Kinh, 21. Thức thân túc luận, 22. Như Lai thị giáo Thắng Quân vương Kinh, 23. Thập Hy hữu Kinh, 24. Bát-nhã Tâm Kinh, 25. Bồ-tát giới Yết-ma văn, 26. Vương pháp Chính lý Kinh, 27. Tội Vô tỷ Kinh, 28. Bồ-tát giới bản, 29. Đại thừa chương trình luận,

1.436. DU-GIÀ-SƯ-ĐỊA LUẬN –

5 Tập

Thuyết giảng: *Bồ-tát Di Lặc*

Hán dịch: *Tam tạng Pháp sư*

Huyền Trang (602-664)

Việt dịch: *Sa-môn Thích Giác Phổ và*

Cư sĩ Trần Phú Nhạc

Hiệu đính: *Sa-môn Thích Lệ Quang*

Nxb Thanh Niên – 2010

Luận có khổ 14.5 x 20.5cm, tổng cộng 5 tập dày 4.017 trang, bìa cứng.

Tập I, dày 814 trang, có 20 quyển. Nội dung gồm: Lời giới thiệu, Lời nói đầu; Du-già-sư-địa luận, I. Phần Bản địa, Q.1, Thứ 1. Năm thức thân tương ưng địa, Thứ 2. Ý địa (Phần 1); Q.2, Thứ 2. Ý địa (Phần 2); Q.3, Thứ 2. Ý địa (Phần 3); Q.4, Thứ 3. Có Tầm có Tứ địa, Thứ 4. Không Tầm

chỉ có Tứ địa, Thứ 5. Không Tầm không Tứ địa (Phần 1); Q.5, Thứ 3. Có Tầm có Tứ địa, Thứ 4. Không Tầm chỉ có Tứ địa, Thứ 5. Không Tầm không Tứ địa (Phần 2); Q.6, Thứ 3. Có Tầm có Tứ địa, Thứ 4. Không Tầm chỉ có Tứ địa, Thứ 5. Không Tầm không Tứ địa (Phần 3); Q.7, Thứ 3. Có Tầm có Tứ địa, Thứ 4. Không Tầm chỉ có Tứ địa, Thứ 5. Không Tầm không Tứ địa (Phần 4); Q.8, Thứ 3. Có Tầm có Tứ địa, Thứ 4. Không Tầm chỉ có Tứ địa, Thứ 5. Không Tầm không Tứ địa (Phần 5); Q.9, Thứ 3. Có Tầm có Tứ địa, Thứ 4. Không Tầm chỉ có Tứ địa, Thứ 5. Không Tầm không Tứ địa (Phần 6); Q.10, Thứ 3. Có Tầm có Tứ địa, Thứ 4. Không Tầm chỉ có Tứ địa, Thứ 5. Không Tầm không Tứ địa (Phần 7); Q.11, Thứ 6. Tam-ma-hí-đa địa (Phần 1); Q.12, Thứ 6. Tam-ma-hí-đa địa (Phần 2); Q.13, Thứ 6. Tam-ma-hí-đa địa (Phần 3), Thứ 7. Phi Tam-ma-hí-đa địa, Thứ 8. Hữu tâm địa, Thứ 9. Vô tâm địa, Thứ 10. Văn sở thành địa (Phần 1); Q.14, Thứ 10. Văn sở thành địa (Phần 2); Q.15, Thứ 10. Văn sở thành địa (Phần 3); Q.16, Thứ 11. Tư sở thành địa (Phần 1); Q.17, Thứ 11. Tư sở thành địa (Phần 2); Q.18, Thứ 11. Tư sở thành địa (Phần 3); Q.19, Thứ 11. Tư sở thành địa (Phần 4); Q.20, Thứ 12. Tu sở thành địa.

Tập II, dày 814 trang, từ Q.21 đến Q.40. Nội dung gồm: Q.21, Thứ 13. Thanh văn địa, Phần đầu, Du-già xứ-chủng tánh địa Thứ 1, Phần đầu, Du-già xứ-Thú nhập địa Thứ 2; Q.22, Thứ 13. Thanh văn địa, Phần đầu, Du-già xứ-xuất ly địa Thứ 3-1; Q.23, Thứ 13. Thanh văn địa, Phần đầu, Du-già xứ-xuất ly địa Thứ 3-2; Q.24, Thứ 13. Thanh văn địa, Phần đầu, Du-già xứ-xuất ly địa Thứ 3-3; Q.25, Thứ 13. Thanh văn địa, Phần đầu, Du-già xứ-xuất ly địa Thứ 3-4; Q.26, Thứ 13. Thanh văn địa, Phần 2, Du-già xứ Thứ 1; Q.27, Thứ 13. Thanh

văn địa, Phần 2, Du-già xứ Thứ 2; Q.28, Thứ 13. Thanh văn địa, Phần 2, Du-già xứ Thứ 3; Q.29, Thứ 13. Thanh văn địa, Phần 2, Du-già xứ Thứ 4; Q.30, Thứ 13. Thanh văn địa, Phần 3, Du-già xứ Thứ 1; Q.31, Thứ 13. Thanh văn địa, Phần 3, Du-già xứ Thứ 2; Q.32, Thứ 13. Thanh văn địa, Phần 3, Du-già xứ Thứ 3; Q.33, Thứ 13. Thanh văn địa, Phần 4, Du-già xứ Thứ 1; Q.34, Thứ 13. Thanh văn địa, Phần 4, Du-già xứ Thứ 2, Thứ 14. Độc Giác địa; Q.35, Thứ 15. Bò-tát địa, Phần đầu, Trì Du-già xứ: P.1 Chủng tánh, P.2, Phát tâm, P.3 Tự lợi-lợi tha Thứ 1; Q.36, Thứ 15. Bò-tát địa, Phần đầu, Trì Du-già xứ: P.3 Tự lợi-lợi tha Thứ 2, P.4 Chân thật nghĩa; Q.37, Thứ 15. Bò-tát địa, Phần đầu, Trì Du-già xứ: P.5 Uy lực, P.6 Thành thực; Q.38, Thứ 15. Bò-tát địa, Phần đầu, Trì Du-già xứ: P.7 Bò-đề, P.8 Lực chủng tánh; Q.39, Thứ 15. Bò-tát địa, Phần đầu, Trì Du-già xứ: P.9 Bồ thí; Q.40, Thứ 15. Bò-tát địa, Phần đầu, Trì Du-già xứ: P.10 Trì giới – 1.

Tập III, dày 812 trang, từ Q.41 đến Q.60. Nội dung gồm: Q.41, Thứ 15. Bò-tát địa, Phần đầu, Trì Du-già xứ: P.10 Trì giới – 2; Q.42, Thứ 15. Bò-tát địa, Phần đầu, Trì Du-già xứ: P.10 Trì giới – 3, P.11 An nhãn, P.12 Tinh tấn; Q.43, Thứ 15. Bò-tát địa, Phần đầu, Trì Du-già xứ: P.13 Tĩnh lự, P.14 Trí tuệ, P.15 Nhiếp sự; Q.44, Thứ 15. Bò-tát địa, Phần đầu, Trì Du-già xứ: P.16 Cúng dường-thân cận-vô lượng, P.17 Bò-đề Phần 1; Q.45, Thứ 15. Bò-tát địa, Phần đầu, Trì Du-già xứ: P.17 Bò-đề Phần 2; Q.46, Thứ 15. Bò-tát địa, Phần đầu, Trì Du-già xứ: P.17 Bò-đề Phần 3, P.18 Công đức Bò-tát; Q.47, Thứ 15. Bò-tát địa, Phần hai, Tùy pháp Trì Du-già xứ: P.1 Tướng Bò-tát, P.2 Phần, P.3 Ý lạc tăng thượng, P.4 Trụ - 1; Q.48, Thứ 15. Bò-tát địa, Phần hai, Tùy pháp Trì Du-già xứ: P.4 Trụ - 2, Phần ba, Trì Cứu cánh Du-già xứ: P.1

Sanh, P.2 Nhiếp thọ; Q.49, Thứ 15. Bò-tát địa, Phần ba, Trì Cứu cánh Du-già xứ: P.3 Địa, P.4 Hành, P.5 Kiến lập – 1; Q.50, Thứ 15. Bò-tát địa, Phần ba, Trì Cứu cánh Du-già xứ: P.5 Kiến lập – 2, Phần bốn, Thứ lớp trì Du-già xứ, Phẩm Phát tâm chánh đẳng Bò-đề, Thứ 16. Hữu dư y địa, Thứ 17. Vô dư y địa; II. Phần Nhiếp quyết trạch, Q.51, Thứ 1. Năm thức thân tương ung địa, Thứ 2. Ý địa, Phần 1; Q.52, Thứ 1. Năm thức thân tương ung địa, Thứ 2. Ý địa, Phần 2; Q.53, Thứ 1. Năm thức thân tương ung địa, Thứ 2. Ý địa, Phần 3; Q.54, Thứ 1. Năm thức thân tương ung địa, Thứ 2. Ý địa, Phần 4; Q.55, Thứ 1. Năm thức thân tương ung địa, Thứ 2. Ý địa, Phần 5; Q.56, Thứ 1. Năm thức thân tương ung địa, Thứ 2. Ý địa, Phần 6; Q.57, Thứ 1. Năm thức thân tương ung địa, Thứ 2. Ý địa, Phần 7; Q.58, Thứ 3. Có Tâm có Tứ địa, Thứ 4. Không Tâm chỉ có Tứ địa, Thứ 5. Không Tâm không Tứ địa, Phần 1; Q.59, Thứ 3. Có Tâm có Tứ địa, Thứ 4. Không Tâm chỉ có Tứ địa, Thứ 5. Không Tâm không Tứ địa, Phần 2; Q.60, Thứ 3. Có Tâm có Tứ địa, Thứ 4. Không Tâm chỉ có Tứ địa, Thứ 5. Không Tâm không Tứ địa, Phần 3.

Tập IV, dày 731 trang, từ Q.61 đến Q.80. Nội dung gồm: Thứ 3. Có Tâm có Tứ địa, Thứ 4. Không Tâm chỉ có Tứ địa, Thứ 5. Không Tâm không Tứ địa, Phần 4; Q.62, Thứ 6. Tam-ma-hí-đa địa Phần 1; Q.63, Thứ 6. Tam-ma-hí-đa địa Phần 2, Thứ 7. Phi Tam-ma-hí-đa địa, Thứ 8. Hữu tâm địa, Thứ 9. Vô tâm địa; Q.64, Thứ 10. Văn sở thành tuệ địa; Q.65, Thứ 11. Tư sở thành tuệ địa Phần 1; Q.66, Thứ 11. Tư sở thành tuệ địa Phần 2; Q.67, Thứ 12. Tu sở thành tuệ địa, Thứ 13. Thanh văn địa Phần 1; Q.68, Thứ 13. Thanh văn địa Phần 2; Q.69, Thứ 13. Thanh văn địa Phần 3; Q.70, Thứ 13. Thanh văn địa Phần 4;

Q.71, Thứ 13. Thanh văn địa Phần 5; Q.72, Thứ 15. Bò-tát địa Phần 1; Q.73, Thứ 15. Bò-tát địa Phần 2; Q.74, Thứ 15. Bò-tát địa Phần 3; Q.75, Thứ 15. Bò-tát địa Phần 4; Q.76, Thứ 15. Bò-tát địa Phần 5; Q.77, Thứ 15. Bò-tát địa Phần 6; Q.78, Thứ 15. Bò-tát địa Phần 7; Q.79, Thứ 15. Bò-tát địa Phần 8; Q.80, Thứ 15. Bò-tát địa Phần 9, Thứ 16. Hữu dư y địa, Thứ 17. Vô dư y địa.

Tập V, dày 846 trang, từ Q.81 đến Q.100. Nội dung gồm: III. Phần Nhiếp thích, Q.81, Phần Nhiếp thích, Phẩm Thượng; Q.82, Phần Nhiếp thích, Phẩm Hạ; IV. Phần Nhiếp dị môn, Q.83, Phần Nhiếp dị môn Phẩm Thượng; Q.84, Phần Nhiếp dị môn Phẩm Hạ; V. Phần Nhiếp sự, Q.85, Thứ 1. Nhiếp trách sự hành khế Kinh - Phần 1; Q.86, Thứ 1. Nhiếp trách sự hành khế Kinh - Phần 2; Q.87, Thứ 1. Nhiếp trách sự hành khế Kinh - Phần 3; Q.88, Thứ 1. Nhiếp trách sự hành khế Kinh - Phần 4; Q.89, Thứ 2. Nhiếp trách sự xứ khế Kinh - Phần 1; Q.90, Thứ 2. Nhiếp trách sự xứ khế Kinh - Phần 2; Q.91, Thứ 2. Nhiếp trách sự xứ khế Kinh - Phần 3; Q.92, Thứ 2. Nhiếp trách sự xứ khế Kinh - Phần 4; Q.93, Thứ 3. Nhiếp trách sự Duyên khởi-Thực đế-Giới khế Kinh - Phần 1; Q.94, Thứ 3. Nhiếp trách sự Duyên khởi-Thực đế-Giới khế Kinh - Phần 2; Q.95, Thứ 3. Nhiếp trách sự Duyên khởi-Thực đế-Giới khế Kinh - Phần 3; Q.96, Thứ 3. Nhiếp trách sự Duyên khởi-Thực đế-Giới khế Kinh - Phần 4; Q.97, Thứ 4. Nhiếp trách sự Pháp Bò-đề Phần khế Kinh - Phần 1; Q.98, Thứ 4. Nhiếp trách sự Pháp Bò-đề Phần khế Kinh - Phần 2; Q.99, Thứ 5. Nhiếp trách Chung sự Điều phục - Phần 1; Q.100, Thứ 5. Nhiếp trách Chung sự Điều phục - Phần 2; Biện Nhiếp thứ tự sự bản mẫu.

1.437. DU-GIÀ-SU-ĐỊA LUẬN (Yoga-Carya Bhumi-Castra) – Tập I & II

Hán dịch: *Tam tạng Pháp sư Huyền Trang (602-664)*

Việt dịch: *TT. Thích Giác Thiện và Cư sĩ Trương Văn Minh*

Nxb Tôn Giáo – 2009

Sách có khổ 14.5 x 20.5cm, bìa cứng, màu vàng chữ đỏ.

Tập I, dày hơn 731 trang, nội dung gồm có: Lời người dịch, Tiểu sử Pháp sư Huyền Trang, Lời tựa, từ Q.1 đến Q.20, Phần chú thích; *Tập II*, dày hơn 742 trang, gồm có Lời người dịch, Tiểu sử Pháp sư Huyền Trang, Lời tựa, nội dung từ Q.21 đến Q.39, Phần chú thích.

Tập I đã được xuất bản từ năm 2003; Tập II xuất bản năm 2006, Nxb Tôn Giáo.

1.438.

DU-GIÀ-SU-ĐỊA LUẬN THÍCH

Trước tác: *Bò-tát Tối Thắng Tử*

Hán dịch: *Tam tạng Pháp sư - Huyền Trang (602-664)*

Việt dịch: *Thích Tâm Châu (1921-2015)*

Ấn hành năm PL. 2543 – DL. 1999

Du-già-su-địa luận Thích là một quyển luận mang số 1580 trong Đại chính Tân tu Đại tạng Kinh Du-già (Yoga).

1.439. DUY TÂM LUẬN TRONG KINH ĐIỂN ĐẠI THỪA

Biên soạn: *Thích Nguyên Hiền*

Nxb Hồng Đức – 2014

Sách có khổ 16 x 24cm, dày hơn 271 trang, bìa mềm.

Nội dung gồm có 3 phần: Lời giới thiệu, Lời nói đầu; *Phần I. Vài khảo chứng về pháp môn Tịnh độ*, Dẫn nhập, Thiền Tịnh song hành – một thái độ dung hòa tuyệt vời của Thiền tông Pháp Nhãn, Lạm bàn về tông phái, Về Vĩnh Minh Diên Thọ, Về

Vĩnh Minh Tứ liệu giản, Khảo chứng thuyết Liên tông Thập tam đồ, Khảo cứu Tịnh độ luận của Thế Thân; *Phần II. Duy Tâm luận của Vĩnh Minh Diên Thọ*, Duy tâm luận, Duy tâm quyết; *Phần III. Duy tâm luận trong Kinh Điển Đại thừa*, Dẫn nhập, Tinh thần Bất nhị của Kinh Bát-nhã, Lý Nhất thừa trong Kinh Pháp Hoa, Lý Bình đẳng Như như trong Kinh Tư Ích, Pháp giới Thuần chân trong Kinh Hoa Nghiêm, Giác tánh Viên mãn hay nghĩa lý Nhất tâm trong Kinh Viên Giác, Mười phương ngồi hiện trong Kinh Thủ Lăng Nghiêm, Đại Tập bộ và tư tưởng nhiệm tịnh dung thông, Đại Bảo tích và sự tan hợp của căn trần, Sự ẩn mật của Niết-bàn, Duy-ma trực tâm thị đạo tràng; Phụ lục: Định huệ tương tư ca.

1.440. DUY THỨC

Việt dịch: *Bồ-tát giới Đệ tử Tuệ Nhuận*
Giấy phép số 31 KD/BV ngày 5-1-1952 của Nha Thông tin Việt Nam
Sách dày 192 trang, bìa mềm, có tay gấp.
Nội dung gồm có: Duy Thức Tam Thập Luận Tụng (Vijnana Matrasiddhi Trimsati Sastra Karika – Vijnana Matravadā), *Ba Mười bài Tụng luận Duy Thức*, Tọa luận: Bồ-tát Thế Thân, Hán dịch: Tam tạng Pháp sư Huyền Trang; Tiêu dẫn, Lời mở đầu của Dịch giả, Lập tông, Lợi ích, và 30 Bài tụng luận Duy Thức (ở mỗi bài có: Chính văn (chữ Hán), dịch âm, dịch nghĩa và giải nghĩa); Cải chính.
Tác phẩm này được Thư viện Huệ Quang ảnh ấn năm 2017.

1.441. DUY THỨC Cương Yếu

Diễn thuật: HT. Thích Thiên Tâm
PL. 2538 – DL. 1995
Sách dày 185 trang, nội dung gồm có 85 Mục (M): Vào đề, *Cương yếu về Tông Pháp Tướng Duy Thức*, M.1 Danh nghĩa

của Pháp Tướng Tông, M.2 Kinh luận y cứ, M.3 Ba thời Giáo tướng, M.4 Lược thuật về Trăm pháp, M.5 Ba tướng của Đệ Bát Thức, M.6 Ba vị của Đệ Bát Thức, M.7 Cảnh nhiệm tịnh của Đệ Thất Thức, M.8 Bốn thứ Ý thức, M.9 Sự Duyên cảnh của Tâm vương-Tâm sở, M.10 Sự Tương ưng của Tâm vương-Tâm sở, M.11 Sự Câu khởi của các Tâm sở, M.12 Năm vị Duy thức, M.13 Sự Duyên cảnh của Tám thức, M.14 Danh nghĩa của Tám thức, M.15 Tám thức với hai lối chấp, M.16 Ngã chấp và Pháp chấp, M.17 Phiền não và sở tri, M.18 Hai thứ ngã pháp, M.19 Nghĩa của Chướng và Chấp, M.20 Năng Biến kế chấp, M.21 Luận về Ba tánh, M.22 Tự tướng và Cộng tướng, M.23 Luận về Ba lượng, M.24 Ba thứ Phân biệt, M.25 Luận về Năm thọ, M.26 Luận về Bốn phần, M.27 Nghĩa tức ly của Tâm-Tâm sở, M.28 Nghĩa đồng-dị của tám thức, M.29 Sự sanh chuyển của tám thức, M.30 Giới địa của tám thức, M.31 Danh nghĩa của chủng tử, M.32 Năng-sở huân của tám thức, M.33 Tân huân và Bản hữu, M.34 Sự huân tập của chủng tử, M.35 Hai thứ chủng tử, M.36 Ba thứ tập khí, M.37 Luận về Bốn duyên, M.38 Sở y của Tám thức, M.39 Sở y của Tâm vương-Tâm sở, M.40 Nghĩa sai biệt của Nhân duyên và Câu hữu, M.41 Nghĩa sai biệt của khai đạo, M.42 Sanh duyên của các thức, M.43 Thể tướng của Năm quả, M.44 Ba Nghiệp trong ba lỗi, M.45 Hai Tư nghiệp, M.46 Định-Bất định nghiệp, M.47 Sự chiêu Nghiệp của tám Thức, M.48 Nghĩa của Tứ tướng, M.49 Tuần thứ của Ngũ tâm, M.50 Nhân quả của Năng biến, M.51 Nghĩa lượng của Duy thức, M.52 Sự ngộ nhập tri thức của bốn trí, M.53 Luận về Tứ biến, M.54 Biến tướng của Khí thể giới, M.55 Cộng và Bất cộng Nghiệp, M.56 Đại chủng Năng tạo, M.57 Danh nghĩa của Tứ

đại, M.58 Năm Nhân lục, M.59 Ba Nhân duyên biến đổi, M.60 Trăm pháp với Ba khoa, M.61 Luận về Ba cảnh, M.62 Ba thứ bất tùy, M.63 Ba thứ thông Tình-Bản, M.64 Tổng quát về Ba cảnh, M.65 Luận về Ba tánh, M.66 Ba vô tánh, M.67 Hai thứ Trung đạo, M.68 Năm chủng tánh, M.69 Mười pháp hạnh, M.70 Mười Ba-la-mật, M.71 Năm lớp Duy thức quán, M.72 Duy thức với Tịnh độ, M.73 Năm vị tu chứng, M.74 Hạnh vị của Bồ-tát, M.75 Ngôi thứ Gia hạnh, M.76 Chân và Tướng kiến đạo, M.77 Thứ lớp của sự phục đoạn, M.78 Công dụng và Vô công dụng, M.79 Đốn ngộ và Tiệm ngộ, M.80 Ba hạng Bồ-tát, M.81 Sự đoạn hoặc của mười Địa, M.82 Sự đoạn trừ của Kim Cang và cực Giải thoát đạo, M.83 Nhị chuyển y và Nhị chuyển xả, M.84 Quả viên mãn của Diệu giác, M.85 Sự sanh khởi của Bốn trí; Niên phổ.

1.442. DUY THỨC DỊ GIẢN

Việt dịch: *Thích Trí Hữu*

PL. 2501 – DL. 1957

Sách có 73 trang, bìa mềm. Nội dung gồm có: Lời nói đầu, Bài tựa của Duy Thức Dị Giản; *Duy Thức Dị Giản* (Tác giả: Thiên Thân Bồ-tát, Người giải: Cư sĩ Đường Đại Viên, Việt dịch: Thích Trí Hữu), Cảnh duyên của tám Thức, Đáp câu hỏi bài thứ nhất, Bốn quả Thánh, Thập bát giới, Ba Thức Năng biến, Bản đồ tám Thức Tâm vương, Bản đồ sáu Thức hiện khởi, Bản đồ bốn phần, Bản đồ Pháp dụ của 4 phần, Ba Năng biến Thức, Bản đồ A-lại-da, Bản đồ Y-tha-khởi, Bản đồ Ba tánh, Các pháp, Mật ý, Ba vô tánh, Duy thức tánh, Thông đạt vị, Bản đồ Ngôi tu tập, Bản đồ Ngôi Cứu cánh, Duy thức tánh năm ngôi.

(*Bản lưu tại Thư viện chùa Xá Lợi, Q.3, Tp. Hồ Chí Minh*)

1.443. DUY THỨC HỌC

Tác giả: *Giáo sư Thạc Đức*

Phật Học Đường Nam Việt xuất bản – 1953

Xem: Duy Thức Học thông luận của Giáo sư Thạc Đức

1.444. DUY THỨC HỌC

Dịch giả:

HT. Thích Thiện Hoa (1918-1973)

THPG Tp. Hồ Chí Minh ấn hành,

PL. 2536 – DL. 1992

Sách dày 420 trang, bìa mềm, chữ tựa màu nâu, có hình ngọn tháp.

Nội dung gồm có 3 tập, 2 quyển (Thượng-Hạ): - Lời nói đầu, và 10 Bài: B.1 & B.2 Luận Đại thừa trăm pháp, B.3 Tâm vương, B.4 Ý thức, B.5 Mạt-na thức, B.6 A-lại-da thức, B.7 Tâm sở, B.8 Tùy phiền não, B.9 Bất định tâm sở - Sắc pháp, B.10 Tâm bất tương ưng hành pháp – Vô vi pháp; *Tập I*, Lời của dịch giả, Lời nguyên tự, Lời tựa; *Duy Thức Phương tiện đàm*, Quyển thượng: B.1 & B.2 Thành lập tám thức, B.3 Nói lược các tâm sở, B.4 Kinh nghiệm Duy Thức, B.5 Đem việc chiêm bao để xét nghiệm lý Duy Thức, B.6 Lược giải lời vấn nạn của ngoại nhân, B.7 Kết luận; *Tập II*, Lời tựa và Bài kệ, *Duy Thức Phương tiện đàm*, Quyển hạ, B.1 Nói về Duy Thức và Thiên tôn, B.2 Nói về yếu chỉ của Duy Thức, B.3 Nói về chơn vọng và sanh diệt, B.4 Nói về tướng của Thức chia và hiệp, B.5 Tâm vương và Tâm sở tương ưng, B.6 Giải thích 4 phần, B.7 Nói về chủng tánh và huân tập; *Tập III*, *Duy Thức Phương tiện đàm*, Quyển hạ (tt), B.8 Nói về 10 duyên, 4 nhân và 5 quả, B.9 Nói về 3 lượng và 3 cảnh, B.10 Nói về tướng trạng của Thức biến, B.11 Nói về tướng “sở biến” của các Thức, B.12 Nói về 2 Đế và Tánh, B.13 Dẫn sách thế tục để so sánh; Luận A-đà-na Thức; Duy Thức Tam Thập

Tụng dị giải, Lời của dịch giả, Lời tựa, và 7 Bài; Duy Thức Tam Thập Tụng; Nhơn Minh Luận, Lời tựa, Nhơn Minh Luận, Nhơn Minh Luận cương yếu, A. Tôn, B. Nhơn, C. Dụ.

Tác phẩm này đã được in chung trong bộ Phật học Phổ thông quyển 3, khóa IX, Nxb Tôn Giáo-2005 (tái bản nhiều lần); các năm: 2003-2006-2010-2012-2016, Nxb Tôn Giáo.

1.445. DUY THỨC HỌC (Bát Thức Quy Củ Tụng – Tam Thập Tụng)

Tạo luận: *Bồ-tát Vasubandhu (Thế Thân)*

Hán dịch: *Tam tạng Pháp sư*

Huyền Trang (602-664)

Việt dịch và giải: *Tỳ-kheo Thiện Hạnh*

PL. 2556 – DL. 2012. Toàn bộ tác phẩm này gồm có 153 trang (PDF): I. Vài nét đại cương về Duy Thức học: 1. Khởi nguyên, 2. Duy Thức, 3. Tâm và Thức, 4. Kinh Luận Duy thức tôn căn cứ (a. Về kinh, b. Về luận), 5. Sự phát triển và truyền thừa (1. Ở Ấn Độ, 2. Ở Trung Hoa); II. Bát Thức Quy Củ tụng: A. Duy thức Cảnh, 1. Duy thức tướng (a. Tam Năng biến: (1) Alaya, (2) Mạt-na, (3) Sáu thức trước; b. Những tâm Sở tương ứng ba Năng biến, c. Phân vị hiện khởi của 6 thức trước, d. Lý do thành lập Duy thức); 2. Duy thức tánh, a. Ba tự tánh, b. Ba vô tánh; B. Duy thức Hạnh; C. Duy thức Quả, 1. Tư lương vị, 2. Gia hạnh vị, 3. Thông đạt vị, 4. Tu tập vị, 5. Cứu cánh vị; Lời tri ân. (<https://hoavouu.com>; *Sách Phật học-PDF*)

1.446. DUY THỨC HỌC Vijanavada-Trimsika Vijanapatikarika (Vasubandhu)

Trung tâm Nghiên cứu Văn hóa Triết học Đông Phương Quảng Đức

Biên soạn: *TT. Quảng Liên (1926-2009)*

Tu viện Quảng Đức xuất bản – 1972

Sách có khổ 13.3 x 18.9cm, dày 164 trang, bìa mềm, có tay gấp. Nội dung gồm có 4 chương: C.I Giới thiệu Tổng quát: Đời sống Đức Phật, Tứ diệu đế, Nhân quả-Nghiệp báo, Nhân duyên sinh, Luân hồi, Vô thường-vô ngã; C.II Duy Thức học, A. Nguồn gốc Duy thức học, B. Định nghĩa Duy thức học, C. Phương pháp nhận thức của Duy thức học; C.III Duy thức Tam thập tụng, - Duy thức cảnh, - Duy thức hạnh, - Duy thức quả; C.IV Nhận định, - Duy thức học, - Nhất thiết hữu, - Trung Quán-Không lý; Phụ bản Phạn ngữ *Duy Thức Tam thập tụng*, Tài liệu khảo cứu.

Tác phẩm này tái bản năm 2004, Nxb Tôn Giáo.

1.447. DUY THỨC HỌC

Tuệ Quang

Huyền Cơ Phật học viện – chùa Pháp Vương (Sài Gòn) xuất bản – 1967

Sách dày 272 trang, bìa mềm, có tay gấp. Nội dung gồm có 14 phần (P): Lời nói đầu; P.1 Tổng quát về Duy thức học; P.2 Lược sử Duy thức học; P.3 Thành lập Duy thức, 1. Mục đích, 2. Ai lập ra Duy thức, 3. Duy thức là gì? 4. Đồng nghiệp và Biệt nghiệp, 5. Nói riêng về Sa-bà thế giới, 6. Đứng về mặt chúng sanh; P.4 Tám thức: 1. Chia tám Thức, 2. Tu chứng, 3. Đồng nghiệp và Biệt nghiệp, 4. Kê tên tám Thức; P.5 Vào đề, 1. Tên bộ sách này, 2. Nguyên nhân tạo bộ luận này, 3. Phá chấp; P.6 Nói chung, 1. Giả thuyết: Năng biến-sở biến, 2. Giải thích Ngã và Pháp, 3. Các tướng đều nương nơi Thức, 4. Vì Phân biệt, 5. Giả và Thực; P.7 Chấp Ngã và Pháp, 1. Ngã chấp, 2. Pháp chấp; P.8 Năng-biến thức, 1. Nói chung ba loại, 2. Nhân quả năng biến Thức, 3. P.9 Thức thứ tám: 1. Tướng Năng biến thứ nhất, 2. A-

lại-da Thức, 3. Dị thực Thức, 4. Nhất thể chủng, 5. Chủng tử, 6. Sáu điều kiện của chủng tử, 7. Huân tập, 8. Sở duyên: Cảnh, 9. Tâm sở, 10. Vô phú-vô ký, 11. Hằng chuyển, 12. A-la-hán xả, 13. Sao biết thức này có? *P.10 Thức thứ bảy*: 1. Tướng Năng biến thứ hai, 2. Mạt-na: Tư lương, 3. Sở y, 4. Sở duyên, 5. Tư lương làm tính tướng, 6. Tương ứng với Tâm sở, 7. Nhiếp về Hữu phú-vô phú, 8. Buộc theo chỗ sở sinh, 9. Xả, 10. Sao biết thức này có, *P.11 Sáu thức trước*: 1. Tướng Năng biến thứ ba, 2. Sáu thức: Liễu cảnh, 3. Nhiếp về ba tánh, 4. Tâm sở, 5. Biệt cảnh Tâm sở, 6. Thiện Tâm sở, 7. Phiền não, 8. Tùy phiền não, 9. Bất định Tâm sở, 10. Hiện khởi; *P.12 Lý Duy thức*: 1. Duy thức, 2. Do đâu sinh phân biệt? 3. Bốn duyên, 4. Mười nhân, 5. Năm quả, 6. Sinh tử nối liền, 7. Tập khí, 8. Tịnh pháp nối liền, 9. Ba tính, 10. Biến kế sở chấp, 11. Y tha khởi tính, 12. Viên thành thật, 13. Kết luận về ba tính, 14. Ba Không tính, *P.13 Tu học*: 1. Tu chứng, 2. Hai chủng tính Đại thừa, 3. Ngộ nhập 5 vị Duy thức, 4. Lần nữa ngộ nhập, 5. Vị Tư lương, 6. Vị gia hành, 7. Vị thông đạt, 8. Vị tu tập, 9. Chuyển y, 10. Bốn trí, 11. Kết về vị tu tập, 12. Vị cứu cánh; *P.14 Tổng Kết luận*.

1.448. DUY THỨC HỌC

Biên soạn: Thích Thanh Châu

Nxb Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh – 2003

Sách có khổ 12 x 20cm, có hơn 79 trang, bìa mềm. Nội dung gồm có: C.I Giới thiệu; C.II Nội dung, A. Duy thức cảnh, B. Duy thức hành, C. Duy thức quả; C.III Kết luận; Chánh văn: Duy Thức Tam Thập Tụng.

1.449. DUY THỨC HỌC – 4 Tập

Soạn giả:

Tỳ-kheo Ni Như Thanh (1911-1999)

THPG Tp. Hồ Chí Minh ấn hành,

PL. 2535 – DL. 1991

Tập một, Thuyết minh, Vấn đề triển khai:

C.I, Nguồn gốc Duy Thức học, 1. Việc truyền thừa Duy thức học, 2. Những Kinh-Luận, Sở y của pháp học Duy thức; C.II, Nhận thức tư tưởng của Duy thức học, 1. Con đường đi vào pháp học Duy thức, 2. Phương pháp nhận thức và tư tưởng của Bát Thức; C.III, Việc giáo dục của Duy thức tông, 1. Đường lối giáo dục Triết học của Phật giáo trong Duy thức tông, 2. Giáo dục của Duy thức tông; C.IV, Giảng luận bổ túc, 1. Giảng luận phần Thể, Dụng của Duy thức, 2. Giảng luận Niết-bàn vô trụ, 3. Giảng luận Nhị Trí để nêu rõ Trí hậu đắc, 4. Quyết trạch Hai Đế luận đàm nghĩa chân tục, 5. Quyết trạch Ba Lượng luận nói Thánh ngôn, 6. Quyết trạch Ba Tánh luận đàm phân Y Tha; Kết luận; Chương Chú thích; Tài liệu tham khảo;

Tập hai, Duy Thức căn bản, C.I, Duyên khởi, 1. Giảng rõ nguyên nhân tạo bộ luận, 2. Hiện bày sự truyền dịch của Duy Thức; C.II, Đại thừa Bách pháp, 1. Giảng rõ danh từ Bách pháp, 2. Hiện bày lý nghĩa Bách pháp; C.III, Duy Thức Tam Thập Tụng; C.IV, Duy Thức biến, 1. Duy thức biến, 2. Chư pháp Duy thức hiện; C.V, Chư Nghiệp tập khí, 1. Giảng rõ chư Nghiệp tập khí, 2. Hiện bày Nhất thiết chủng thức; C.VI, Sở duyên duyên, Quán Sở duyên duyên; C.VII, Ba Chủng trọng yếu, 1. Mười thắng hạnh, 2. Mười trọng chướng, 3. Mười chơn như; C.VIII, Nhất thiết pháp, 1. Giảng rõ Nhất thiết pháp, 2. Hiện bày Nhất thiết trí; C.IX, Cảnh Hạnh Quả, 1. Giảng rõ phần Tổng thuyết, 2.

Hiện bày phân Biệt minh; C.X, Duy thức Hạnh, Duy thức Quả, 1. Giảng rõ Duy thức Hạnh, 2. Giảng rõ Duy thức Quả; *Tập ba, Duy Thức giảng yếu*, C.I, Tôn chỉ và Cảnh sở quy lý nghĩa Duy thức, 1. Giảng rõ tôn chỉ Duy thức và Cảnh sở quy của Duy thức, 2. Hiện bày lý nghĩa Duy thức; C.II, Tụng văn và Ngã-Pháp, 1. Giảng rõ Tụng văn, 2. Hiện bày Ngã-Pháp; C.III, Duy Tâm và Duy Thức, 1. Giảng rõ lý Duy Tâm, 2. Hiện bày nghĩa Duy Thức; C.IV, Tâm Vương và Tâm Sở, 1. Giảng rõ Tâm vương, 2. Hiện bày Tâm Sở; C.V, Tam Tánh-Tam Vô Tánh, 1. Giảng rõ Tam Tánh, 2. Hiện bày Tam Vô tánh; C.VI, Tam Lượng-Tam Cảnh, 1. Giảng rõ Tam Lượng, 2. Hiện bày Tam Cảnh; C.VII, Chân tướng Duy Thức, giả lập Duy Thức, 1. Giảng rõ chân tướng của Duy thức, 2. Hiện bày giả lập của Duy thức; C.VIII, Hữu phú Vô ký-Vô phú Vô ký, 1. Giảng rõ Hữu phú Vô ký, 2. Hiện bày Vô phú vô ký; C.IX, Chánh nhơn Hữu lậu phân, Cực vô lậu, 1. Giảng rõ Chánh nhơn Hữu lậu, 2. Hiện bày phân, Cực vô lậu; C.X, Bồ-tát Đại Huệ thỉnh vấn Phật, 1. Bồ-tát Đại Huệ thỉnh vấn Phật, 2. Hiện bày Thánh trí tự giác; *Tập bốn, Tu chứng* (Pháp tánh tôn), Quan niệm về vấn đề tu chứng, Tổng quát 14 đề mục tu chứng; 1. Hiện tượng quán, 2. Tứ Tâm Tư quán, 3. Tứ Như thật trí, 4. Ngũ vị Duy thức quán, 5. Ngũ trùng Duy thức quán, 6. Cảnh-Giáo-Lý-Hạnh-Quả, 7. Định nghĩa chữ “Tu” trong Duy thức-vị trí tu tập Duy thức, 8. Tâm năng quán và Cảnh sở quán, 9. Hiện bày sự Đốn ngộ Duy thức, 10. Phân biệt Thiền nào chướng, Câu-sanh thiền nào chướng, 11. Phân biệt Sở tri chướng, Câu-sanh Sở tri chướng, 12. Thập Địa, 13. Tu học Thiền pháp, 1. Giảng luận về Thiền học, 2. Pháp môn tịnh tọa, 3. Giảng luận về Thiền học và Bát-nhã

học, 4. Phụ ghi: - Như tướng và Như thực, - Đại Bồ-tát phát đại thệ nguyện, - Hoát nhiên đại ngộ; 14. Tứ Vô lượng tâm; Kết luận: Phật quả thậm thâm, - Tổng luận Duy thức học; Phần Phụ lục.

Bộ Duy Thức Học này được tái bản năm 2005, Nxb Tôn Giáo, 2 tập.

1.450. DUY THỨC HỌC Cương Yếu

Biên soạn:

Thích Nguyên Ngôn (1938-2005)

Nxb Tôn Giáo, PL. 2547 – DL. 2003

Sách có khổ 14.5 x 20.5cm, có 128 trang, bìa mềm. Toàn bộ tác phẩm gồm có 4 phần: Lời nói đầu, Phần I. Giới thiệu tổng quát truyền thừa Duy Thức Học, Phần II. Gợi ý khi học môn Duy Thức, Phần III. Giới thiệu Tâm vương-Tâm sở, có 15 bài: B.1, Tìm hiểu tám thức Tâm vương, B.2, Lớp thứ 2 nói về Ý thức, B.3, Lớp thứ 3 có 2 thức Tâm vương vi tế, quan trọng, B.4, Luận về ba Cảnh và Lượng của Thức, B.5, Bốn Duyên của Thức, B.6, Ba Tự tánh và Ba Vô tánh, B.7, Danh nghĩa của Chung tử, B.8, Luận về Ba loại Phân biệt, B.9, Luận về Sở y của Thức, B.10, Luận về Sanh duyên của Thức, B.11, Luận về Năm lớp quán Duy thức, B.12, Luận về Ngũ vị Tu chứng Duy thức, B.13, Luận về Chướng và Cháp, B.14, Luận về Hạnh vị của Bồ-tát đạo, B.15, Luận về Pháp hạnh và quả vị của Bồ-tát; Phần Kết.

1.451. DUY THỨC HỌC –

Tập IV và V

Phật Học Tùng Thư

Dịch giả:

HT. Thích Thiện Hoa (1918-1973)

Hương Đạo xuất bản – 1971 (tái bản); In tại Nhà in Sen Vàng (Sài Gòn),

Giấy phép số 2721/XB U.B.K.D.T.Ư. Saigon, ngày 10-11-1962.

Tập IV, có 45 trang, bìa mềm. *Luận A-đà-na Thức*, Pháp sư Thái Hư giảng (Hán ngữ). Nội dung gồm có 8 phần: 1. Nêu cái tên, 2. Định giới nghĩa, 3. Giải thích và chọn lựa, 4. Nêu cái thể, 5. Hội lại giải thích, 6. Chỉ những chỗ sai lầm, 7. Lập tôn chỉ, 8. Chỉ cái dụng.

Tác phẩm Duy Thức Học - tập IV được Hương Đạo xuất bản lần thứ nhất năm 1960, In tại Nhà in Sen Vàng (Sài Gòn), Giấy phép số 2288/XB. của H.Đ.K.D. cấp Saigon, ngày 3-11-1960.

Tập V, có 102 trang, bìa mềm. Nội dung gồm có: Lời của Dịch giả, Lời tựa, 1. *Duy Thức Tam thập tụng Dị giải*, 2. *Duy Thức Tam Thập Tụng chánh văn*, 3. Phụ lục: 2 cái biểu.

1.452. DUY THỨC HỌC Thông Luận **Một trong những Hệ thống Triết học của Đại thừa Phật giáo**

Tác giả: *Giáo sư Thạc Đức*

Phật Học Đường Nam Việt xuất bản – 1958

Tác phẩm này có 122 trang, bìa mềm; nội dung gồm: Lời giới thiệu; *Phần thứ nhất*, Đối tượng và phương pháp Duy thức học, I. Đối tượng của Duy thức học, Pháp, Tướng, Pháp tướng, Pháp tướng Duy thức; II. Phương pháp của Duy thức học, Căn bản tri thức luận, Duy thức học với vấn đề tri thức, Phương pháp Duy thức học; *Phần thứ hai*, Nhu yếu thành lập Duy thức học: Duyệt qua các lối giải thích vũ trụ vạn hữu, Thần thoại, Huyền đàm, Khoa học thực nghiệm, Tiểu thừa Phật giáo, Các thuyết Duy tâm: Chủ quan Duy tâm luận, Khách quan Duy tâm luận, Ý chí Duy tâm luận, Kinh nghiệm Duy tâm luận, Trực giác Duy tâm luận; *Phần thứ ba*, Những giải quyết của Duy thức học: Vấn đề hư thực, Vấn đề tự biên-cộng biên, Vấn đề tự-tha, Vấn đề tổng-biệt, Vấn đề tâm-cảnh,

Vấn đề nhân-quả, Vấn đề còn-mất, Vấn đề sinh-tử, Vấn đề nhân-duyên, Vấn đề luân hồi, Vấn đề có-không, Vấn đề vật chất, Vấn đề tu chứng; Phụ lục: Lợi ích của Duy thức học, I. Phá trừ mê chấp nghiệp báo, II. Thành lập sinh hoạt giác ngộ trí tuệ.

Tác phẩm này đã xuất bản năm 1953, với tựa “Duy Thức Học” do Phật Học Đường Nam Việt (Sài Gòn) ấn hành; tái bản năm 2003, Nxb Tôn Giáo.

1.453. DUY THỨC HỌC YẾU LUẬN

(Giáo án Cao đẳng Phật học-Trường Phật học Tp. Hồ Chí Minh)

Nguyên tác: *Thế Thân Bồ-tát*

Biên dịch: *Từ Thông Hòa thượng*

Nxb Tp. Hồ Chí Minh – 2000. Tác phẩm Luận này gồm có: Lời đầu sách và 14 bài yếu luận về Duy Thức (10 bài đầu, trong mỗi Bài có 4 phần: - Hỏi (về Duy thức), - Bài tụng Duy thức đáp, - Giải thích thuật ngữ, - Yếu luận), B.11 Bát Thức Quy Củ Tụng, B.12 Đệ Thất Thức Tụng (Mạt-na), B.13 Đệ Lục Thức Tụng, B.14 Tiền Ngũ Thức Tụng; sau cùng là Toàn văn Ba mươi bài Tụng (phiên âm và dịch nghĩa).

Luận này được Trường Cao cấp Phật học Việt Nam ấn hành năm 1987, với nhan đề “Duy Thức Luận”; tái bản nhiều lần: Năm PL. 2536 – DL. 1992, Huỳnh Mai Tịnh thát ấn hành; năm 2005, Nxb Tôn Giáo, khổ 14 x 20cm, có hơn 92 trang.

1.454. DUY THỨC NHẬP MÔN

Phật học Tùng thư – Luận

Dịch giả: *Thích Thiện Hoa (1918-1973)*

Hương Đạo xuất bản năm 1971. In tại Nhà in Sen Vàng (Sài Gòn), Giấy phép số 2634/XB. Bộ Thông Tin Saigon, ngày 31-10-1962.

Sách có 95 trang, bìa mềm. Nội dung gồm có: Lời nói đầu, và 10 Bài (B), B.1 & B.2 Luận Đại thừa trăm pháp, B.3 Tâm vương

(có 8 món), B.4 Ý thức (Thức thứ sáu), B.5 Mạt-na thức (Thức thứ bảy), B.6 A-lại-da thức (Thức thứ tám), B.7 Tâm sở (có 51 món), B.8 Tùy phiền não (có 20 món), B.9 Bất định tâm sở (có 4 món)-Sắc pháp (có 11 món), B.10 Tâm bất tương ưng hành pháp (có 24 món) – Vô vi pháp (có 6 món).

Tác phẩm này ấn hành lần đầu năm 1958; năm 1962, Hương Đạo tái bản.

1.455. DUY THỨC NHỊ THẬP LUẬN

Luận giả: *Bồ-tát Thế Thân*

Hán dịch: *Tam tạng Pháp sư -*

Huyền Trang (602-664)

Việt dịch và chú (2017): *Quảng Minh*

Tác phẩm này có 64 trang (Pdf), nội dung gồm: - Dẫn nhập; - Duy Thức Nhị thập luận, có 21 bài kệ tụng và luận giải; nguyên bản Hán ngữ và Phạn ngữ.

(<https://thuvienhoasen.org>, *Luận-Duy Thức học*; <https://quangduc.com>, *Luận*)

1.456.

DUY THỨC TAM THẬP TỤNG Trimsikà-Vijnaptimàtratàsiddhih The Thirty Verses on Consciousness- only

Tạo luận: *Bồ-tát Vasubandhu (Thế Thân)*

Hán dịch: *Tam tạng Pháp sư*

Huyền Trang (602-664)

Việt dịch: *HT. Thích Thuyền Ấn*

Tài liệu học tập Lớp Cao học Triết của Đại học Văn Khoa Viện Đại học Vạn Hạnh, niên khóa: 1972-1973. Tác phẩm này có 29 trang (PDF), nội dung có 30 bài tụng Duy Thức nguyên bản Sanskrit, Anh ngữ, bản Hán ngữ, phiên âm và dịch nghĩa. (<https://hoavouu.com>; *Sách Phật học-PDF*)

1.457. DUY THỨC - TAM THẬP TỤNG Dị Giải

Soạn dịch: *Giải Minh*

Nxb Phương Đông – 2008

Sách có khổ 14 x 20cm, có hơn 119 trang, bìa mềm.

Nội dung gồm có 3 phần: Lời tựa; Phần I. Duy Thức Tam thập tụng Dị giải, Chú thích phần I; Phần II. Đại thừa Bách pháp minh môn luận giản nghĩa, Chú thích phần II; Phần Phụ lục.

1.458. DUY THỨC - TAM THẬP TỤNG Lược Giải

Lược giải: *Thích Trí Châu*

Thanh Lương Thiên thất,

PL. 2549 – 2005

Toàn bộ tác phẩm này gồm có 14 chương: - Mở đầu, - Tiểu sử Bồ-tát Thế Thân, - Duy Thức Tam thập tụng (Ba mươi Bài tụng Duy Thức); C.1 Các Thức năng biến trong Duy Thức học, C.2 Đại cương về A-lại-da thức, C.3 Đặc tánh của A-lại-da thức, C.4 Mạt-na thức, C.5 Liễu biệt cảnh thức, C.6 Các Tâm sở thiện, Phiền não và Bất tịnh, C.7 Sắc pháp và Tiền lục thức, C.8 Duyên Cảnh và Lượng, C.9 Căn thân và thế giới, C.10 Bất Tương ưng hành pháp, C.11 Tam tánh, C.12 Tam vô tánh, C.13 Các địa vị tu tập, C.14 Tóm tắt; Tìm một hướng đi. (<https://thuvienhoasen.org>, *Luận-Duy Thức học*)

1.459. DUY THỨC - TAM THẬP TỤNG THÍCH LUẬN

Nguyên bản Phạn ngữ:

TRIMSIKÀVIJNAPTIBHÀSYAM

Luận giả: *A-xà-lê An Huệ*

Việt dịch và chú: *Phước Nguyên*

Tác phẩm này gồm có: - Tựa; C.I Ngã và Pháp, 1. Tổng thuyết Ngã Pháp, 2. Ý nghĩa giả thác, 3. Thức biến; C.II Thức A-

lại-da, 1. Định danh, 2. Hành tướng và Sở duyên, 3. Tâm sở tương ứng. (<https://thuvienhoasen.org>, *Luật-Duy Thức học*)

1.460. DUY THỨC THẬP NHỊ MÔN LUẬN – QUÁN SỞ DUYÊN DUYÊN – NHỊ THẬP TỤNG

Tạo luận: *Thế Thân Bồ-tát*

Viết dịch: *Giải Minh*

Lưu hành nội bộ, PL. 2552 – DL. 2013

Nội dung gồm có: *Thập Nhị Môn Luận* có 12 phẩm, P.1 Quán Nhân duyên môn, P.2 Quán Hữu quả-Vô quả môn, P.3 Quán Duyên môn, P.4 Quán Tướng môn, P.5 Quán Hữu tướng-Vô tướng môn, P.6 Quán Nhất-Dị môn, P.7 Quán Hữu-Vô môn, P.8 Quán Tánh môn, P.9 Quán Nhân Quả môn, P.10 Quán Tác môn, P.11 Quán Tam thời môn, P.12 Quán Sanh môn; *Quán Sở Duyên Duyên luận*, Trục giải, Bồ-tát Trần Na tạo, Tam tạng Pháp sư Huyền Trang dịch, Ngẫu Ích Đạo nhân Trí Húc giải; Việt dịch: Thiên Quả; *Duy Thức Nhị Thập Tụng*; Phần Phụ lục Nội dung, Tóm lược về 20 bài tụng; Phần Hán văn.

1.461. DUY THỨC TRIẾT HỌC

Viết dịch: *Phật tử Khánh Anh*

Nội dung gồm có: C.I, Lời đầu bài luận, T.1 Sao là Triết học? T.2 Thái độ và phương pháp của Triết học, T.3 Điều quan hệ giữa Triết học khoa học; C.II, T.1 Duy Tâm luận, Đoạn 1. Chỗ đản sanh và Tôn chỉ với người đại biểu Duy Tâm luận, Đoạn 2. Duy Tâm luận ở các nước bên Thái-Tây; T.2 Duy Tâm luận, Đoạn 1. Duy tâm luận của ông Mã Khắc Ty, Đoạn 2. thượng tầng kiến trúc của Bồ-cấp-lin, 1. Khoa học kiến trúc trên kinh tế, 2. Triết học kiến trúc trên kinh tế, 3. Tôn giáo kiến trúc trên kinh tế, Đoạn 3. Biện chứng pháp của Dịch Trì Căn, T.3 Chủ nghĩa thật

chứng, T.4 Chủ nghĩa thực dụng; C.III, Duy thức Triết học: T.1 Đản sanh, lịch trình của Duy thức, T.2 Điều phân tích Duy thức, Đoạn 1. Phân tích về năm thức trước, Đoạn 2. Ý thức thứ 6; Cái biểu của ý thức thứ sáu, Đoạn 3. Thức Mạt-na thứ bảy, Đoạn 4. A-lại-da thứ tám, 1. Thích nghĩa của danh A-lại-da thức, 2. Thích nghĩa huân tập, trì chủng A-lại-da thức, 3. Các tên riêng của A-lại-da thức, Đoạn 5. Chuyển thức thành Trí, và Tâm sở của 8 Thức, Cái biểu của 51 Tâm sở của Ý thức, T.3 Thật tại luận của Duy thức, T.4 Biện chứng pháp của Duy thức, T.5 Khoa học quan của Duy thức, T.6 Vũ trụ quan của Duy thức, T.7 Nhân sanh quan của Duy thức; Cái biểu 20 pháp của Tùy phiền não, Cái biểu 75 pháp của Tiểu thừa, Cái biểu 100 pháp của Đại thừa, Cái biểu 24 pháp chẳng tương ứng với tâm, T.8 Nhân quả ba đời của Duy thức; C.IV, Duy thức Triết học đương thách giá triết học hiện đại, 1. Nhà Duy vật luận chủ trương... 2. Nhà Duy vật luận chủ trương... 3. Chủ nghĩa Thật chứng chủ trương... 4. Chủ nghĩa Thật dụng chủ trương...; C.V, Lời kết luận.

(*Bản lưu tại Thư viện chùa Xá Lợi, Q.3, Tp. Hồ Chí Minh*)

1.462. DUY THỨC TRIẾT HỌC

Paramartha-Chân Đé

Soạn dịch: *Giải Minh*

Nxb Phương Đông – 2011

Sách có khổ 13 x 20.5cm, dày 348 trang, bìa mềm. Nội dung gồm có 5 phần: Tiểu sử Tác giả, Sơ lược Tiểu sử Hòa thượng Khánh Anh, Thay Lời tựa; *Phần I. Khái quát về môn Duy thức học*, I. Lịch sử truyền thừa, II. Diễn tiến y cứ của bộ môn Duy thức, III. Nội dung tư tưởng pháp tướng Duy thức học, IV. Pháp tướng Duy thức học còn gọi là Duy thức Triết học, V.

Chuyên Thức thành Trí, VI. Các Tâm sở của Tâm vương, VII. Thật tại luận của Duy thức Triết học; Phần II. Nhận xét giữa Duy thức Triết học và Triết học hiện thời (TK. XIX), Phần kết; Phần III (Phần phụ khảo), Duy thức Triết học quan; Phần IV (Phần khảo luận) Chân Đế, Các loại Triết học (Hệ phái Triết học), I. Định nghĩa, II. Thái độ và phương pháp của Triết học, III. Điều quan hệ giữa Khoa học với Triết học, IV. Bàn qua về các hệ phái Triết học hiện đại, V. Duy tâm luận ở các nước phương Tây, VI. Duy vật luận, VII. Bàn về thượng tầng kiến trúc của Bô-cáp-lin, VIII. Biện chứng pháp Duy vật luận của Địch-tri-căn, IX. Thực chứng chủ nghĩa, X. Thật dụng chủ nghĩa; Phần V. Nguyên tác Duy thức Nhị thập tụng: từ Bài tụng thứ I,... đến Bài tụng thứ XXI; Phụ khảo, Lời cuối sách.

Đ

1.463. Đại cương CÂU-XÁ LUẬN

Tác giả: *Luận sư Thế Thân (Vasubandhu)*
Soạn thuật: *HT. Thích Thiện Siêu (1921-2001)*

Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam ấn hành – 1992

Sách có khổ 13 x 19cm, có 284 trang, bìa mềm. Toàn bộ Luận bản này có 8 phẩm. 1. Phẩm phân biệt Giới, 2. Phẩm phân biệt Căn, 3. Phẩm phân biệt Thế gian, 4. Phẩm phân biệt Nghiệp, 5. Phẩm phân biệt Tùy miên, 6. Phẩm phân biệt Hiền Thánh, 7. Phẩm phân biệt Trí, 8. Phẩm phân biệt Định.

Tác phẩm Luận này được tái bản nhiều lần: Năm 1987; năm 2000, Nxb Tôn Giáo, khổ 13 x 19cm, dày 285 trang, bìa mềm,

với nhan đề “Đại cương Luận Câu-xá”; năm 2006, Nxb Tôn Giáo, khổ 13 x 20cm, dày hơn 673 trang.

1.464. Đại cương ĐẠI TRÍ ĐỘ LUẬN

Biên soạn: *Sa-môn Thích Huệ Đăng*

Nxb Tôn Giáo – 2011

Sách có khổ 14.5 x 20.5cm, dày 702 trang, bìa cứng, chữ tựa mạ vàng.

Nội dung gồm có 5 tập, 100 quyển: Lời nói đầu, Tóm lược triết lý Đại Trí Độ, A. Giải thích luận đề, B. Tóm lược triết lý Luận Đại Trí Độ, C. Lộ trình hành Thập độ của Bồ-tát; Tập I, từ Q.1 đến Q.8, Kết luận Tập I; Tập II, từ Q.9 đến Q.20, Kết luận Tập II; Tập III, từ Q.21 đến Q.39, Kết luận Tập III; Tập IV, từ Q.40 đến Q.55, Kết luận Tập IV; Tập V, từ Q.56 đến Q.100, Kết luận Tập V; Kết luận Đại cương Đại Trí Độ Luận, Mục lục.

1.465. Đại cương LUẬN PHẬT THỪA

Biên soạn: *Tuệ Giác – Lệ Thiên Lan*

Nxb Văn Hóa Văn Nghệ - 2015

Sách có khổ 14.5 x 20.5cm, dày 210 trang, bìa mềm, chữ tựa có màu trắng và đỏ, có hình ao sen. Nội dung gồm có: Lời Dẫn nhập, Phật pháp với Vấn đề Thế gian, Vấn đề Yêm thế-Xuất thế-Nhập thế, Phật pháp với vấn đề hữu-vô, Phật pháp với vấn đề Nghiệp, Phật pháp với vấn đề đương Niệm, Phật pháp với Tinh thần Vô trụ, Tam vô lậu học, Giáo lý Ngũ uẩn, Tam Pháp ấn, Giáo lý Duyên sinh-Vô ngã, Khái quát về giáo lý Duyên khởi, Giáo nghĩa Câu-xá Tông, Giáo nghĩa Thành Thật Tông, Giáo nghĩa Tam Luận Tông, Giáo nghĩa Hoa Nghiêm Tông, Giáo nghĩa Pháp Hoa Tông, Giáo nghĩa Thiên Tông, Giáo nghĩa Tịnh Độ Tông, Giáo nghĩa Chơn Ngôn Tông, Giáo nghĩa Giới Luật Tông, Giáo nghĩa Duy Thức Tông, Pháp Đại thừa (Pháp hạnh Bồ-tát), Khái quát Cương

yếu Trụ trì, Khái quát về Nghi lễ, Ý nghĩa Phú pháp Truyền thừa, Thư mục tham khảo.

1.466. Đại cương

LUẬN THÀNH DUY THỨC

Biên soạn: Thích Thiện Nhơn

Lưu hành nội bộ, PL. 2548 – DL. 2004

Sách có khổ 14.5 x 20.5cm, có 210 trang. Nội dung gồm có 4 mục chính: Phần đầu là Lời nói đầu, Phần Tổng quát, I. Quy kính Tam Bảo và lý do tạo luận, II. Trình bày về lý Duy thức: - Nêu lý do và trình bày về 3 thức năng biến, - Trình bày Thức Năng biến thứ I, II và III, - Giải thích các Tâm Sở tương ứng Thức năng biến thứ III, - Trình bày lý do tại sao có các thức phân biệt, có sinh tử luân hồi, - Trình bày về Ba tánh, - Trình bày về 3 Vô tánh, trình bày sự tu hành, tu chứng (a. Tư lương vị, b. Gia hạnh vị, c. Thông đạt vị, d. Tu tập vị, e. Cứu cánh vị); III. Kết luận; IV. Phụ lục: 1. Duy thức Tam thập tụng bản Phạn ngữ, 2. Duy thức Tam thập luận bản Hán ngữ.

1.467. ĐẠI LUẬN VỀ GIAI TRÌNH CỦA ĐẠO GIÁC NGỘ - 3 tập

Truyền thừa Nàlanda

Tác giả: Tsongkhapa

Nhóm dịch thuật: Lamrim Lotsawas

(Lê Xuân Dương, Đàm Quang Trung, Mai Tuyết Ánh, Nguyễn Thị Trúc Mai, Võ Quang Nhân, Tiểu Nhỏ, Trần Cường Việt...)

Nxb Hồng Đức – 2013

Sách có khổ 14.5 x 20.5cm, tổng cộng 3 tập dày 1.530 trang.

Tập I (quyển thượng), dày 551 trang, gồm có 24 chương: - Lời nói đầu của Bản dịch Việt ngữ, Kính lễ, Lời cảm tạ, Lời tựa từ Chủ biên của Bản dịch Anh ngữ, Lời nói đầu cho Bản dịch Anh ngữ, Lamrim Lotsawas, Bảng chữ viết tắt, Dàn ý, Khai

luận; C.1 Atisa, C.2 Giá trị cao quý của Phật pháp, C.3 Phương cách lắng nghe và lý giải về giáo pháp của Đức Phật, C.4 Nương tựa vào thầy, C.5 Thời Thiên, C.6 Bác bỏ quan niệm sai lầm về Thiên, C.7 Một kiếp người an lạc và thuận duyên, C.8 Ba loại người, C.9 Chánh niệm về cái chết, C.10 Quán tưởng về kiếp sống tương lai của quý vị, C.11 Quy y Tam bảo, C.12 Giới Quy y, C.13 Các tính chất tổng quát của Nghiệp, C.14 Các loại Nghiệp khác nhau, C.15 Trau dồi giới hạnh, C.16 Thái độ của người có khả năng nhỏ, C.17 Tám loại khổ, C.18 Sáu loại khổ, C.19 Thiên quán thêm về khổ, C.20 Nguồn gốc của sự khổ, C.21 Mười hai yếu tố Duyên khởi, C.22 Thái độ của một người có khả năng trung bình, C.23 Năm chắc bản chất của con đường dẫn tới giải thoát, C.24 Tính chất của Tam vô lậu học.

Tập II (quyển trung), dày 362 trang, gồm có 15 chương: Kính lễ, Lamrim Lotsawas, Lời tựa của Chủ biên cho bản dịch Anh ngữ, Bảng chữ viết tắt, - Dàn ý cho quyển 2; C.1 Giai trình dành cho những cá nhân có khả năng cao, C.2 Từ bi, cánh cửa bước vào Đại thừa, C.3 Bảy phép luyện tâm, C.4 Hoán chuyển ngã-tha, C.5 Lễ phát tâm Bồ-đề, C.6 Nuôi dưỡng Bồ-đề tâm, C.7 Dẫn nhập về Lục độ Ba-la-mật-đa, C.8 Tu tập Đại thừa: các giới luật và Ba-la-mật-đa, C.9 Bồ thí Ba-la-mật-đa, C.10 Cách thức bồ thí, C.11 Trì giới Ba-la-mật-đa, C.12 Nhẫn nhục Ba-la-mật-đa, C.13 Tinh tấn, C.14 Thiên định và Trí tuệ, C.15 Giúp người phát triển – Bốn phương tiện tu phục đệ tử.

Tập III (quyển hạ), dày 617 trang, gồm có 2 phần, 27 chương: - Lời nói đầu cho Tập III, - Lời tựa của Chủ biên bản Anh ngữ, Kính lễ, Lamrim Lotsawas, Bảng chữ viết tắt, Dàn ý Tập III; **Phần I. Định từ Thiên**, C.1 Định và Tuệ, C.2 Chuẩn bị cho Định

từ Thiên, C.3 Tập trung tinh thần, C.4 Đối phó với hôn trầm và trạo cử, C.5 Thành tựu Định, C.6 Định-một phần của Đạo pháp; *Phần II. Tuệ giác*, C.7 Tại sao trí tuệ là cần thiết, C.8 Nuơng dựa vào các nguồn liễu nghĩa, C.9 Giai trình bước vào thực tại, C.10 Nhận diện sai đối tượng bị phủ định, C.11 Duyên khởi và tánh không, C.12 Phân tích lập luận, C.13 Sự xác lập hiệu quả, C.14 Sự tồn tại ước lệ, C.15 Sự sinh khởi không bị bác bỏ, C.16 Phủ định không đủ, C.17 Đối tượng bị phủ định thật sự, C.18 Những diễn dịch sai lạc về sự khác nhau giữa phái Cự duyên và Y tự khởi, C.19 Bác bỏ các diễn dịch sai lạc (của phái khác) về Y tự khởi và Cự duyên, C.20 Diễn dịch của chúng tôi về sự khác nhau giữa Y tự khởi và Cự duyên, C.21 Phê phán của chúng tôi về Y tự khởi không ảnh hưởng đến các luận điểm của chúng tôi, C.22 Phân tích về một cỗ xe ngựa, C.23 Cá nhân thiếu bản chất cố hữu (nhân vô ngã), C.24 Các đối tượng thiếu vắng tự tính (pháp vô ngã), C.25 Trí tuệ đòi hỏi phân tích, C.26 Hợp nhất Định và Tuệ, C.27 Lược yếu và kết luận; Tài liệu tham khảo chung.

1.468. ĐẠI THỪA KHỞI TÍN LUẬN

Tác giả:

Bồ-tát Mã Minh (Asvaghosa, 100-160)

Dịch và giải: *Chân Hiền Tâm*

Nxb Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh – 2004

Sách có khổ 14.5 x 20.5cm, có 299 trang, bìa mềm. Tác phẩm Luận này chia làm 2 phần chính: *Phần I*, giải thích nghĩa Đại thừa Khởi tín luận, trình bày nhân duyên, lập nghĩa; hiển thị chánh nghĩa, về tâm chân như và tâm sanh diệt, nhân duyên sanh diệt, tướng sanh diệt. *Phần II*, nói về Vọng tâm huân tập và vô minh huân tập; cách đối trị tà chấp, phân biệt tướng đạo

phát tâm. Sau cùng là phân tu hành tín tâm và lợi ích và khuyến tu.

1.469. ĐẠI THỪA NGŨ UẨN LUẬN

Tác giả: *Vu Lãng Ba*

Việt dịch: *Lê Hồng Sơn*

Nxb Phương Đông – 2013

Tác phẩm Luận này có hơn 167 trang, bìa mềm. Nội dung gồm có 12 bài. Mở đầu là Lời giới thiệu; B.1 Nói về sự nhóm họp của Năm Uẩn, B.2 Ngũ uẩn luận với Quảng Ngũ uẩn luận, B.3 Sắc uẩn như thế nào, B.4 Tứ đại và Cực vi, B.5 Thọ uẩn và Tưởng uẩn, B.6 Pháp Tương ưng hành ở trong hành uẩn, B.7 Tâm sở thiện và phiền não trong tương ưng hành, B.8 Giảng Tâm sở tùy phiền não, Bất định, B.9 Hành uẩn trong Bất tương ưng hành, B.10 Thức uẩn, một trong sáu thức trước, B.11 Thức Mạt-na và thức A-lại-da, B.12 Tam khoa-Lục vô vi.

1.470. ĐẠI THỪA TẬP BỒ-TÁT HỌC LUẬN (SIKSASAMUCCAYA)

Đại Chánh Tân Tu Đại Tạng Kinh, Quyền 32, Luận tập Bộ toàn, Kinh số 1636

Tạo luận: *Bồ-tát Pháp Xứng*

(*Santideva-Tịch Thiên*)

Hán dịch: *Tam tạng Sa-môn Pháp Hộ*

Việt dịch (2004):

Sa-môn Thích Như Điển

Toàn bộ tác phẩm Luận này gồm có 25 quyển, 18 phẩm: Q.I, P.1 Tập Bồ thí học (Danaparita Prathamah Paricchadah) (phần 1); Q.II, P.1 Tập Bồ thí học (phần 2); Q.III, P.1 Tập Bồ thí học (phần 3); Q.IV, P.2 Hộ trì Chánh pháp giới (Silaparamitajam Saddharma-Parigraho Nama Dvitiyah Paricchadah) (phần 1 và 2), P.3 Tối thượng Lương Túc Tôn, P.4 Không (phần 1); Q.V, P.4 Không (phần 2); Q.VI, P.4 Không (phần 3); Q.VII, P.4

Không (phần 4), Tập Ly nan giới học (Silaparamitayam Anarthavarjanam Pamcamah Taricchedah); Q.VIII, P.5 Tập Ly nan giới học (Silaparamitayam Anarthavarjanam Pamcamah Taricchedah), P.6 Hộ thân (Atmabhavaraksa Sastah Paricchedah) (phần 1); Q.IX, P.6 Hộ thân (phần 2), P.7 Thọ dụng phước (Bhogapunyaaraksa Sap Tamah Paricchedah) (phần 1); Q.X, P.7 Hộ-Thọ dụng phước (Bhogapunyaaraksa Sap Tamah Paricchedah) (phần 2), P.8 Thanh tịnh (Parasodhanam Astamah Paricchedah) (phần 1); Q.XI, P.8 Thanh tịnh (phần 2); Q.XII, P.8 Thanh tịnh (phần 3), P.9 Nhẫn nhục (Ksantiparamita Navamah Paricchedah); Q.XIII, P.10 Tinh tấn Ba-la-mật-đa, P.11 Nói về A-lan-nhã (Aranyasamvarnanam Namamaikadasah Paricchedah) (phần 1); Q.XIV, P.11 Nói về A-lan-nhã (phần 2), P.12 Trì tâm (Citta Parikarma Devadesah Paricchedah), (Phụ vào phần Thiền định Ba-la-mật); Q.XV, P.12 Trì tâm (phần 2) (Lại cũng có tên là Phẩm Thiền định Ba-la-mật); Q.XVI, P.12 Trì tâm (phần 3), P.13 Niệm xứ (Smrtyupasthana Paricchedah Trayodasah) (phần 1); Q.XVII, P.13 Niệm xứ (phần 2), P.14 Tự tánh thanh tịnh (Atmabhavaparissuddhih Paricchedas Caturdasah) (phần 1); Q.XVIII, P.14 Tự tánh thanh tịnh (phần 2); Q.XIX, P. 14 Tự tánh thanh tịnh (phần 3), P.15 Chánh mệnh thọ dụng (Bhogapunyaaraksa Pancadasah Paricchedah) (phần 1); Q.XX, P.15 Chánh mệnh thọ dụng (phần 2), P.16 Tăng trưởng Thắng lực (Bhadracayaavidhih Sodasah Paricchedah) (phần 1); Q.XXI, P.16 Tăng trưởng Thắng lực (phần 2), P.17 Cung kính hành lễ (Vandananusamsah Saptadasah Paricchedah) (phần 1); Q.XXII, P.17 Cung kính hành lễ (phần 2), P.18 Niệm Tam bảo

(Ratnatrayanusmrtirnamastadasah) (phần 1); Q.XXIII, P.18 Niệm Tam bảo (phần 2); Q.XXIV, P.18 Niệm Tam bảo (phần 3); Q.XXV, P.18 Niệm Tam bảo (phần 4). (<https://quangduc.com>, Luận; <https://hoavouu.com>; Sách Phật học-PDF) Tác phẩm này được chùa Phật Bảo và Phật tử Việt Nam tại Hoa Kỳ ấn tống, PL. 2549 – DL. 2005

1.471. ĐẠI THỪA PHẬT GIÁO - TƯ TƯỞNG LUẬN

Tác giả: Kimura Taiken

Hán dịch: Thích Diễm Bồi

Việt dịch:

HT. Thích Quảng Độ (1928-2020)

Sách luận khổ 14 x 20cm, có 635 trang, bìa mềm. Toàn bộ tác phẩm luận này gồm có 3 thiên. *Thiên thứ nhất*, nói về Đại thừa Phật giáo tư tưởng sử (tổng luận, tư trào của các bộ phái trước ngày Đại thừa hưng khởi, Đại thừa Phật giáo đến thời đại Long Thọ, Đại thừa Phật giáo từ sau thời đại Long Thọ đến thời đại Vô Trước và Thế Thân, Phật giáo ở thời đại Vô Trước và Thế Thân (thế kỷ VI-VII); *Thiên thứ hai*, lý luận Đại thừa Phật giáo (luận về: bản chất của tôn giáo với Phật giáo, luận về giải thoát, đặc chất của Phật giáo tại ba quốc gia, tinh thần của Đại thừa, quan niệm chân như của Phật giáo, thiền và ý nghĩa triết học, sự khai triển của tư tưởng Phật giáo và sự khảo sát về thiền, tư tưởng Phật giáo với văn hóa sử, kinh Pháp Hoa); *Thiên thứ ba*, luận về Đại thừa Phật giáo thực tiễn (gồm: ý nghĩa đạo đức, quan niệm về nghiệp của Phật giáo với tự do ý chí, chủ nghĩa tự lực và chủ nghĩa tha lực, ý nghĩa cuộc đời, sự triển khai của tư tưởng bản nguyện và ý nghĩa đạo đức và văn hóa của nó, quan niệm về Tịnh độ, Tịnh độ thực tại và Tịnh độ sinh thành, hiện thực và Tịnh độ, ý nghĩa chính trị).

*Tác phẩm này được tái bản năm 2012,
Nxb Tôn Giáo.*

**1.472. ĐẠI THỪA -
QUẢNG NGŨ UẨN LUẬN**

(Luận giảng rộng Ý nghĩa Năm Uẩn theo
Giáo pháp Đại thừa)

(ĐCTTĐTK, No. 1613)

Luận chủ: *Bồ-tát An Huệ*

Hán dịch: *Tam tạng Địa-bà-ha-la*

Việt dịch: *Thích Nguyên Hùng*

(PL.2556 – DL. 2012)

Chú thích: *Tuệ Sỹ*

Tác phẩm này có 18 trang (Pdf).

(<https://thuvienhoasen.org>, *Luận-Phật học*)

**1.473. ĐẠI THỪA -
QUẢNG NGŨ UẨN LUẬN**

Giảng giải: *Vu Lãng Ba*

Việt dịch: *Lê Hồng Sơn*

Nxb Phương Đông – 2013

Nội dung tác phẩm gồm có 12 bài: Lời giới thiệu, B.1 Nói về sự nhóm họp của Năm uẩn; B.2 Ngũ uẩn luận với Quảng Ngũ uẩn luận; B.3 Sắc uẩn như thế nào? B.4 Tứ đại và cực vi; B.5 Thọ uẩn và Tưởng uẩn; B.6 Pháp tương ưng hành ở trong hành uẩn; B.7 Tâm sở thiện và phiền não trong Tương ưng hành; B.8 Giảng Tâm sở tùy phiền não, Bất định...; B.9 Hành uẩn trong Bất tương ưng hành; B.10 Thức uẩn, một trong sáu thức trước; B.11 Thức Mạt-na và thức A-lại-da; B.12 Tam khoa, Lục vô vi.

1.474.

ĐẠI THỪA TUYỆT ĐỐI LUẬN

Tác giả: *Nguyệt Khuê Thiên sư*

Việt dịch: *Thích Duy Lực (1923-2000)*

Chấp bút: *Chánh Đạo*

THPG Tp. Hồ Chí Minh ấn hành

PL. 2538 – DL. 1994

Sách có khổ 14 x 20cm, dày 379 trang, bìa mềm, nền trắng, chữ tựa màu đỏ. Nội dung gồm có: *I. Đại Thừa Tuyệt Đối Luận*, Biện chứng trong Phật pháp Tuyệt đối, Luận về Bốn tướng, Phật tánh siêu việt lý Logic; *II. Tín Tâm Minh Tịch Nghĩa Giải*, Lời dịch giả, Bài tựa, Chánh văn; *III. Tham Thiên Phổ Thuyết*, Lời dịch giả, Lời tựa của ngài Lai Quả, 1. Phát tâm học đạo, 2. Nguyện trụ tông lâm, 3. Lập hạnh quyết định, 4. Đánh hết khó chịu, 5. Quy cũ khó học, 6. Thân tâm bất an, 7. Thiệt thòi khó chịu, 8. Tập khí khó trừ, 9. Nhẫn khổ, 10. Lục căn khó nhiếp, 11. Thịnh cầu khai thị, 12. Chán trụ tông lâm, 13. Thích ở núi sâu, 14. Nhẫn nại phiền toái, 15. Chẳng trọng tu tuệ, 16. Chẳng muốn thường trụ, 17. Dễ phạm quy cũ, 18. Hỷ xả tất cả, 19. Phát tâm dũng mãnh, 20. Thân tâm quen thuộc, 21. Chẳng tin tham thiên, 22. Nghi pháp, 23. Nghi người, 24. Toán tính thối lui, 25. Biết sám hối, 26. Biết hổ thẹn, 27. Phát khởi lòng tin, 28. Nghe được lãnh hội, 29. Thấy có tương ưng, 30. Tự nguyện dụng công, 31. Quên mệt nhọc, 32. Nghi tình chẳng đắc lực, 33. Thân tâm bực bội, 34. Tâm thối lui bỗng nổi dậy, 35. Nhân sự khuyến thỉnh của đại chúng, 36. Vọng tâm tạm nghỉ, 37. Ngoài thân tạm quên, 38. Cảm thấy thân khinh an, 39. Trụ chỗ khô tịnh, 40. Bày đặt bày bạ, 41. Ham thích thơ kệ, 42. Chẳng nguyện tiến sâu, 43. Cái đúng để khởi, 44. Công năng trừ vọng, 45. Công năng trừ ngủ, 46. Lạc đường tự tại, 47. Vọng tự thừa đương, 48. Giới luật sai trái, 49. Tâm pháp đều tịch, 50. Được chút ít cho là đủ, 51. Sanh tâm dụng, 52. Hữu tâm dụng, 53. Tán tâm dụng, 54. Nắm giữ dụng, 55. Đắc lực dụng, 56. Phóng tâm dụng, 57. Thân thiết dụng, 58. Gián đoạn dụng, 59. Tho tâm dụng, 60. Miên mật dụng, 61. Chẳng gián đoạn dụng, 62. Té tâm dụng, 63. Lìa pháp dụng, 64. Vô tâm

dụng, 65. Chân tâm dụng, 66. Chuyển thân dụng, 67. Đồng thể đại bi, 68. Thay chúng chịu khổ, 69. Đại từ tạo vui, 70. Xót thương chúng khổ, 71. Học hạnh Bồ-tát, 72. Bồ thí, 73. Trì giới, 74. Nhẫn nhục, 75. Tinh tấn, 76. Thiên định, 77. Trí tuệ, 78. Hỷ xả, 79. Ái ngữ, 80. Lợi hành, 81. Đồng sự, 82. Lập chí hướng thượng, 83. Trừ biếng nhác, 84. Cung kính, 85. Cúng dường, 86. Tán thán, 87. Ẩn giấu điều ác, phô dương điều thiện, 88. Trừ phi báng, 89. Dứt tranh cãi, 90. Ba điều thường không đủ, 91. Khuyến trụ tông lâm, 92. Phát tâm làm việc, 93. Thích làm thanh chúng, 94. Tình nguyện nhận chức hành đơn, 95. Biết nhân biết quả, 96. Phát thế nguyện lớn, 97. Sự lý dung, 98. Hóa đạo dung, 99. Tha thọ dụng, 100. Tự thọ dụng, 101. Thiên pháp, 102. Tu tập hạnh, 103. Cầu thân thông, 104. Hiếu thắng, 105. Dụng công phu ngoại đạo, 106. Hiếu làm, 107. Công phu chẳng bị thế gian chuyển, 108. Công phu chẳng bị thân chuyển, 109. Công phu chẳng bị tâm chuyển, 110. Công phu chẳng bị hôn trầm chuyển, 111. Làm chủ sanh tử, 112. Đầu sào trăm thước, 113. Trên bờ vực thăm buông tay, 114. Tuyệt hậu tái tô, 115. Qua sơ quan, 116. Phá trùng quan, 117. Thấu lao quan, 118. Buông không xuống, 119. Khai tông lâm, 120. Chánh pháp trụ lâu.

Tác phẩm Luận này được tái bản nhiều lần: Từ Ấn Thiên đường (Santa Ana -Hoa Kỳ) ấn hành 2001; năm 2007, Nxb Tôn Giáo

1.475. ĐẠI THỪA - TUYỆT ĐỐI LUẬN – Tập 1

Tác giả: *Thiền sư Nguyệt Khê Tâm Viên*

Viết dịch: *Hậu học Đặng Hữu Trí*

Nxb Thời Đại – 2011

Sách có khổ 14.5 x 20.5cm, có 190 trang, bìa mềm. Nội dung gồm có: Lời giới thiệu,

Lời người dịch, Lời bạt, Văn bia Thành đạo của Pháp sư Nguyệt Khê, I. Lục Ba-la-mật – pháp môn tu hành của Đại thừa, II. Parmenides nói về “tồn tại”, III. Sự giới hạn về ba Thừa của Phật pháp, IV. Tám tông phái Đại thừa: 1. Thiên tông, 2. Duy thức tông, 3. Tịnh độ tông, 4. Tam luận tông, 5. Thiên Thai tông, 6. Hoa Nghiêm tông, 7. Luật tông, 8. Chân ngôn tông.

1.476. ĐẠI THỪA TƯ TƯỞNG LUẬN

Biên soạn: *Sa-môn Thích Huệ Đăng*

Nxb Tôn Giáo, PL. 2554 – DL. 2010

Sách có khổ 14.5 x 20.5cm, dày dày hơn 578 trang, bìa cứng.

Nội dung gồm có: Lời nói đầu, Dẫn nhập, Nội dung hệ thống Kinh Đại thừa, Triết lý của các bộ Kinh, Tư tưởng Đại thừa Khởi Tín Luận; Tư tưởng Kinh Duy-ma-cật; Tư tưởng Kinh Hoa Nghiêm; Tư tưởng Kinh Thủ Lăng Nghiêm; Tư tưởng Kinh Viên Giác; Tư tưởng Tâm Kinh Bát-nhã; Tư tưởng Kinh Kim Cang Bát-nhã; Thiền ứng dụng vào cuộc sống; Tư tưởng Kinh Pháp Bảo Đàn; Tư tưởng Chứng Đạo Ca; Tư tưởng Kinh Lăng-già; Tư tưởng Luận Đại Trí Độ; Tư tưởng Kinh Đại Bảo Tích (Pháp hội Tam tụ Luật nghi); Tư tưởng Kinh Đại Bảo Tích (Pháp hội Vô lượng thọ); Tư tưởng Kinh Đại Bảo Tích (Pháp hội Vô biên trang nghiêm); Tư tưởng Kinh Đại Nhật; Tư tưởng Kim Cang Thừa; Tư tưởng Kinh Đại Bảo Tích (Pháp hội Mật Tích Kim Cang Lục Sĩ); Hành trình về Tâm thức; Tư tưởng Kinh Diệu Pháp Liên Hoa; Tư tưởng Kinh Đại Bát Niết-bàn; Kết luận.

1.477. ĐẠO TRÀNG BÁT-NHÃ & KIM CANG Giảng Luận

Tỳ-kheo Ni Hải Triều Âm

Nxb Tôn Giáo, PL. 2559 – DL. 2016

Sách có khổ 14.5 x 20.5cm, có hơn 112 trang. Nội dung gồm có: Tiểu sử cố Đại lão Sư trưởng Hải Triều Âm, *Đạo tràng Bát-nhã*, I. Lựa chọn học viên, Học những gì? Học thế nào? Học với ai? Học với mục đích gì? II. Gương hạnh người xưa, Tịnh Yết Thiên sư, Tỳ-kheo Ni Ưu-ba-tiên-na; III. Yêu chỉ tu chứng, Phương tiện tu tập; Lược truyện ngài An Thế Cao; Văn kết; *Kim Cang giảng luận*, Lời mở đầu, Kim Cang Bát-nhã Ba-la-mật Kinh, có 32 đoạn; Văn kết; Kinh Tâm yếu Bát-nhã Ba-la-mật-đa.

Xem: (32 đoạn) *Kinh Kim Cang Bát-nhã Ba-la-mật*

1.478. ĐẠO VÔ NGẠI GIẢI (PATISAMBHIDAMAGGA)

Việt dịch: *Nguyễn Văn Ngân*

Nxb Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh – 2006

Sách có khổ 14.5 x 20.5cm, dày hơn 900 trang.

Nội dung gồm có 2 tập, 3 phần: *Tập một* (i), Lời tựa, Phần thứ nhất. I. Luận về trí, II. Luận về quan điểm, III. Luận về quán hơi thở; *Tập hai* (ii), Phần thứ nhất (tt), IV. Luận về các năng lực gây ảnh hưởng, V. Luận về giải thoát, VI. Luận về các cõi tái sanh tới, VII. Luận về hành vi, VIII. Luận về các điền đảo, IX. Luận về các đạo lộ, X. Luận về tinh hoa để uống; Phần thứ hai. Về sóng đôi... XI. Luận về sóng đôi, XII. Luận về các chân lý, XIII. Luận về các yếu tố tạo thành giác ngộ, XIV. Luận về tâm từ, XV. Luận về hết tham muốn, XVI. Luận về các Vô ngại giải, XVII. Luận về bánh xe giáo pháp, XVIII. Luận về siêu thế, XIX. Luận về các lực, XX. Luận về tính trống rỗng; Phần thứ ba. Về Đại tuệ..., XXI. Luận về đại Tuệ, XXII. Luận về Thần thông (năng lực siêu nhiên), XXIII. Luận về Chứng ngộ đồng thời, XXIV. Luận về Cách ly, XXV. Luận về

Hành xử, XXVI. Luận về các Kỳ diệu (biến hóa), XXVII. Luận về Cùng tột đỉnh, XXVIII. Luận về các nền tảng của Quán niệm, XXIX. Luận về quán Thực tánh, XXX. Luận về Đề mục; Bảng tra Việt-Anh, Bảng Trích dẫn, Chữ viết tắt Pàli, Tài liệu tham khảo.

1.479. ĐẠT-MA TỔ SƯ LUẬN (The Zen Teaching of Bodhidharma)

Tác giả: *Red Pine*

Việt dịch: *Thích nữ Thuần Bạch*

Nxb Hồng Đức – 2014. Tác phẩm Luận này có 255 trang, bìa mềm; nội dung gồm: - Lời đầu sách; Chánh văn, - Nhị chủng nhập, - Huyết mạch luận, - Ngộ tánh luận, - Phá tướng luận; Giảng giải: Nhị chủng nhập, Tự tánh, Tam giới, Tam độc, Sáu Ba-la-mật, Tam tụ tịnh giới tâm, Chánh kiến, Việc công đức, Niệm Phật, Tắm rửa, Tam thân, Hiện tượng lạ, Truyện.

1.480. ĐẠT-MA TỔ SƯ LUẬN Giảng Lục

Viện Nghiên cứu Phật học –

Tủ sách Thiền học

Giảng lục: *Thích Thông Phương*

Nxb Tôn Giáo, PL. 2549 – DL. 2005

Tác phẩm này có 337 trang, nội dung gồm: 1. Lời đầu, 2. Lời dẫn; 3. Huyết mạch luận, 4. Ngộ tánh luận, 5. Phá tướng luận.

1.481. ĐỊA TRÌ LUẬN BỒ-TÁT GIỚI YẾT-MA

Tạo luận: *Bồ-tát Di-lặc*

Hán dịch:

Tam tạng Pháp sư Đàm Vô Sâm

Việt dịch: *Tỳ-kheo Thích Pháp Chánh*

Nội dung tác phẩm này chia làm 4 phần: A.1 Chính thức từ người khác thọ giới; A.2 Chuyên tinh hộ trì; A.3 Sau khi phạm

có thể sám hối; A.4 Dùng tâm lành thanh tịnh thọ giới.
(<https://hoavouu.com>; Sách Phật học-PDF)

1.482. ĐÓN NGỘ NHẬP ĐẠO YẾU MÔN

Dịch giả: Thích Thanh Từ

Nội dung gồm có: Lời dịch giả (Tu viện Chân Không – 1971); Tiểu sử Thiền sư Tuệ Hải (Đại Châu), Đón ngộ Nhập đạo yếu môn, Ghi lời sư đáp các người đến hỏi và dạy chúng.

Tác phẩm này tái bản năm 1999, Nxb Tp. Hồ Chí Minh, in chung trong tác phẩm Thiền Đón Ngộ, khổ 14.5 x 20.5cm, dày 238 trang, bìa mềm, chữ tựa màu nâu đỏ, có hình tháp chuông (nhỏ) ở phần dưới, có tay gấp.

1.483. ĐÓN NGỘ - NHẬP ĐẠO YẾU MÔN LUẬN

Việt dịch: HT. Thích Minh Trực Thiền sư
Nxb Tôn Giáo, PL. 2546 – DL. 2002

Sách có khổ 14 x 20cm, dày 134 trang, bìa mềm, chữ tựa màu đỏ. Nội dung gồm có: Kính cáo, Định Tâm chân ngôn, Tham thiền kệ, Tựa, Đón ngộ Nhập đạo Yếu môn luận, Quyền thượng-Quyền hạ, Sơ Tổ Bồ-đề Đạt-ma Đại sư An tâm pháp môn; Lời phụ.

G

1.484. Giải thích BỘ SONG ĐỐI – CĂN SONG và UẨN SONG, 2 Quyển

Nguyên bản: *Saddhamma Jotika*

Việt dịch: *Tỳ-kheo Khải Minh*

Nxb Hồng Đức – 2019

Sách có khổ 14.5 x 20.5cm, bìa cứng.

Quyển I, dày hơn 813 trang, nội dung gồm có: Lời nói đầu, Lời lễ bái Tam bảo, Ý nghĩa khởi đầu trong Bộ Song Đối;

Căn Song, Câu Thiện: A. Phương pháp căn, 1. Căn song, 2. Nương đồng căn song, 3. Hỗ tương căn song, B. Phương pháp căn căn, 1. Căn song, 2. Nương đồng căn song, 3. Hỗ tương căn song, C. Phương pháp nương căn, 1. Căn song, 2. Nương đồng căn song, 3. Hỗ tương căn song, D. Phương pháp căn nương căn, 1. Căn song, 2. Nương đồng căn song, 3. Hỗ tương căn song; Câu Bất Thiện: A. Phương pháp căn, 1. Căn song, 2. Nương đồng căn song, 3. Hỗ tương căn song, B. Phương pháp căn căn, 1. Căn song, 2. Nương đồng căn song, 3. Hỗ tương căn song, C. Phương pháp nương căn, 1. Căn song, 2. Nương đồng căn song, 3. Hỗ tương căn song, D. Phương pháp căn nương căn, 1. Căn song, 2. Nương đồng căn song, 3. Hỗ tương căn song; Câu Vô Ký, A. Phương pháp căn, 1. Căn song, 2. Nương đồng căn song, 3. Hỗ tương căn song, B. Phương pháp căn căn, 1. Căn song, 2. Nương đồng căn song, 3. Hỗ tương căn song, C. Phương pháp nương căn, 1. Căn song, 2. Nương đồng căn song, 3. Hỗ tương căn song, D. Phương pháp căn nương căn, 1. Căn song, 2. Nương đồng căn song, 3. Hỗ tương căn song; Câu Danh, A. Phương pháp căn, 1. Căn song, 2. Nương đồng căn song, 3. Hỗ

tương căn song, B. Phương pháp căn căn, 1. Căn song, 2. Nương đồng căn song, 3. Hồ tương căn song, C. Phương pháp nương căn, 1. Căn song, 2. Nương đồng căn song, 3. Hồ tương căn song, D. Phương pháp căn nương căn, 1. Căn song, 2. Nương đồng căn song, 3. Hồ tương căn song;

Uẩn Song, Phần định Danh, A. *Phần xiển minh định Danh*, Phần câu lọc căn thuận từng, 1. Sắc uẩn song, 2. Thọ uẩn song, 3. Tưởng uẩn song, 4. Hành uẩn song, 5. Thức uẩn song, Phần câu lọc đối lập, 1. Sắc uẩn song, 2. Thọ uẩn song, 3. Tưởng uẩn song, 4. Hành uẩn song, 5. Thức uẩn song, Phần câu lọc căn luân thuận từng, 1. Sắc uẩn gốc, 2. Thọ uẩn gốc, 3. Tưởng uẩn gốc, 4. Hành uẩn gốc, 5. Thức uẩn gốc, Phần câu lọc căn luân đối lập, 1. Sắc uẩn gốc, 2. Thọ uẩn gốc, 3. Tưởng uẩn gốc, 4. Hành uẩn gốc, 5. Thức uẩn gốc, Phần thuận uẩn thuận từng, 1. Sắc uẩn song, 2. Thọ uẩn song, 3. Tưởng uẩn song, 4. Hành uẩn song, 5. Thức uẩn song, Phần thuận uẩn đối lập, 1. Sắc uẩn song, 2. Thọ uẩn song, 3. Tưởng uẩn song, 4. Hành uẩn song, 5. Thức uẩn song, Phần thuận uẩn căn luân thuận từng, 1. Sắc uẩn gốc, 2. Thọ uẩn gốc, 3. Tưởng uẩn gốc, 4. Hành uẩn gốc, 5. Thức uẩn gốc, Phần thuận uẩn căn luân đối lập, 1. Sắc uẩn gốc, 2. Thọ uẩn gốc, 3. Tưởng uẩn gốc, 4. Hành uẩn gốc, 5. Thức uẩn gốc, B. *Phần biến chuyển*, 1. Phần sanh trong phần biến chuyển, Phần hiện tại thuận từng, Phần người: Sắc uẩn gốc, Thọ uẩn gốc, Tưởng uẩn gốc, Hành uẩn gốc; Phần cõi: Sắc uẩn gốc, Thọ uẩn gốc, Tưởng uẩn gốc, Hành uẩn gốc; Phần người và cõi: Sắc uẩn gốc, Thọ uẩn gốc, Tưởng uẩn gốc, Hành uẩn gốc; Phần hiện tại đối lập, Phần người: Sắc uẩn gốc, Thọ uẩn gốc, Tưởng uẩn gốc, Hành uẩn gốc; Phần cõi: Sắc uẩn gốc, Thọ

uẩn gốc, Tưởng uẩn gốc, Hành uẩn gốc; Phần người và cõi: Sắc uẩn gốc, Thọ uẩn gốc, Tưởng uẩn gốc, Hành uẩn gốc; Phần quá khứ thuận từng, Phần người: Sắc uẩn gốc, Thọ uẩn gốc, Tưởng uẩn gốc, Hành uẩn gốc; Phần cõi: Sắc uẩn gốc, Thọ uẩn gốc, Tưởng uẩn gốc, Hành uẩn gốc; Phần người và cõi: Sắc uẩn gốc, Thọ uẩn gốc, Tưởng uẩn gốc, Hành uẩn gốc; Phần quá khứ đối lập, Phần người: Sắc uẩn gốc, Thọ uẩn gốc, Tưởng uẩn gốc, Hành uẩn gốc; Phần cõi: Sắc uẩn gốc, Thọ uẩn gốc, Tưởng uẩn gốc, Hành uẩn gốc; Phần người và cõi: Sắc uẩn gốc, Thọ uẩn gốc, Tưởng uẩn gốc, Hành uẩn gốc.

Quyển II, Giải thích Bộ Song Đối – Uẩn Song, dày hơn 678 trang. Nội dung gồm có: B. *Phần Biến chuyển* (Tiếp Quyển I), Phần Vị lai Thuận từng, Phần người, Sắc uẩn gốc, Thọ uẩn gốc, Tưởng uẩn gốc, Hành uẩn gốc; Phần cõi, Sắc uẩn gốc, Thọ uẩn gốc, Tưởng uẩn gốc, Hành uẩn gốc; Phần người và cõi: Sắc uẩn gốc, Thọ uẩn gốc, Tưởng uẩn gốc, Hành uẩn gốc; Phần Vị lai Đối lập, Phần người, Sắc uẩn gốc, Thọ uẩn gốc, Tưởng uẩn gốc, Hành uẩn gốc; Phần cõi, Sắc uẩn gốc, Thọ uẩn gốc, Tưởng uẩn gốc, Hành uẩn gốc; Phần người và cõi: Sắc uẩn gốc, Thọ uẩn gốc, Tưởng uẩn gốc, Hành uẩn gốc; Phần Hiện tại Quá khứ Thuận từng, Phần người: Sắc uẩn gốc, Thọ uẩn gốc, Tưởng uẩn gốc, Hành uẩn gốc; Phần cõi: Sắc uẩn gốc, Thọ uẩn gốc, Tưởng uẩn gốc, Hành uẩn gốc; Phần người và cõi: Sắc uẩn gốc, Thọ uẩn gốc, Tưởng uẩn gốc, Hành uẩn gốc; Phần Hiện tại Quá khứ Đối lập, Phần người, Sắc uẩn gốc, Thọ uẩn gốc, Tưởng uẩn gốc, Hành uẩn gốc; Phần cõi, Sắc uẩn gốc, Thọ uẩn gốc, Tưởng uẩn gốc, Hành uẩn gốc; Phần người và cõi: Sắc uẩn gốc, Thọ uẩn gốc, Tưởng uẩn gốc, Hành uẩn gốc; Phần Hiện tại Vị lai Thuận từng, Phần người:

Sắc uẩn gốc, Thọ uẩn gốc, Tưởng uẩn gốc, Hành uẩn gốc; Phần cội: Sắc uẩn gốc, Thọ uẩn gốc, Tưởng uẩn gốc, Hành uẩn gốc; Phần người và cội: Sắc uẩn gốc, Thọ uẩn gốc, Tưởng uẩn gốc, Hành uẩn gốc; Phần Hiện tại Vị lai Đối lập, Phần người: Sắc uẩn gốc, Thọ uẩn gốc, Tưởng uẩn gốc, Hành uẩn gốc; Phần cội: Sắc uẩn gốc, Thọ uẩn gốc, Tưởng uẩn gốc, Hành uẩn gốc; Phần người và cội: Sắc uẩn gốc, Thọ uẩn gốc, Tưởng uẩn gốc, Hành uẩn gốc.

1.485. GIẢI THOÁT ĐẠO LUẬN

Dịch và lược chú: *Tỳ-kheo Ni Mạn-đà-la*

Nxb Tôn Giáo – 2006

Sách có khổ 14.3 x 20.3cm, dày 561 trang, bìa cứng. Nội dung gồm có: I. Tri ân công đức, II. Lời nói đầu, III. Bảng chữ viết tắt, IV. Giới thiệu Giải thoát Đạo luận, V. Phân khoa Giải thoát Đạo luận; VI. Dịch chính văn; VII. Sách tham khảo; VIII. Bảng sách dẫn.

1.486. GIẢI THOÁT ĐẠO LUẬN – VIMUTTI MAGGA

Tạo luận:

A-la-hán Ưu-ba-đế-sa (Upatissa)

Hán dịch: *Tăng-già-ba-la (Sanghapàla)*

Việt dịch: *Thiện Như*

Montréal, Canada – 2003. Toàn bộ tác phẩm Luận này gồm có 2 phần, 12 phẩm. *Phần I: Bản dịch Việt văn*, P.1 Nhân duyên, P.2 Giới, P.3 Đầu-đà, P.4 Phân biệt về Định, P.5 Tìm gặp thiện tri thức, P.6 Phân biệt về tánh hạnh, P.7 Phân biệt về Hành xứ, P.8 Hành môn (Chi 1. Nhứt thiết nhập địa, các Thiên chi của Sơ Thiên, Chi 2. Nhứt thiên đến Phi tướng định, các Nhứt thiết nhập khác, Chi 3. Mười tướng bất tịnh, mười Niệm, Chi 4. Mười niệm (tt), Chi 5. Bốn tâm vô lượng, Tứ đại, Tướng chẳng khứng thức ăn), P.9 Năm thần thông, P.10 Phân biệt về Huệ, P.11 Năm

phương tiện (Chi 1. Âm, Nhập, Giới, Nhân duyên; Chi 2. Thánh đế Phương tiện), P.12 Phân biệt về Đệ; *Phần II: Tìm hiểu*, Phần tìm hiểu về các Phẩm: P.1 Nhân duyên, P.2 Giới, P.3 Đầu-đà, P.4 Phân biệt về Định, P.5 Tìm gặp thiện tri thức, P.6 Phân biệt về tánh hạnh, P.7 Phân biệt về Hành xứ, P.8 Hành môn P.9 Năm thần thông, P.10 Phân biệt Huệ, P.11 Năm phương tiện, P.12 Phân biệt Đệ, Phần Tổng kết. (<https://hoavouu.com>)

1.487. Giảng Giải

LUẬN ĐẠI THỪA KHỞI TÍN

Giảng giải: *HT. Ấn Thuận (1906-2005)*

Việt dịch: *Quán Như*

Nxb Phương Đông – 2012

Tác phẩm *Giảng giải luận* này có 460 trang, nội dung gồm 6 chương. Mở đầu là Tổng luận, I. Tác giả và dịch giả, II. Vị trí Luận Đại thừa Khởi tín trong Phật pháp; Phần giải thích: C.I Ý hướng của sự quy kính và mục đích tạo luận, I. Quy kính Tam Bảo, II. Mục đích của sự quy kính, III. Năm phần; C.II 1. Nhân duyên tạo luận, 2. Nguyên nhân tất yếu; C.III Ý nghĩa hình thành pháp Đại thừa, 1. Tổng quát, 2. Tâm chúng sanh, 3. Pháp Đại thừa; C.IV Giải thích ý nghĩa pháp Đại thừa, I. Trình bày ý nghĩa chân chính pháp Đại thừa, 1. Nhất tâm Nhị môn, 2. Tâm Chơn như môn, 3. Tâm sanh diệt môn, a. Tâm thủy giác tiệm ngộ, b. Tướng tùy nhiệm của bản giác, c. Tướng bất giác, d. Sự trạng giống và khác nhau giữa giác và bất giác, II. Nhân duyên sanh diệt của tâm, 1. Tạng tâm vì y vào các thức mà sanh khởi, 2. Vô minh do vì nhiễm tâm mà diệt, 3. Tướng sanh diệt của tâm: a. Hai loại sanh diệt, b. Thể của tâm bất diệt, c. Huân tập, d. Do huân tập sanh khởi pháp tạp nhiễm, e. Do huân tập sanh khởi pháp thanh tịnh, g. Huân tập tạp nhiễm thì hữu

hạn, huân tập thanh tịnh thì vô tận, 4. Từ sanh diệt đến chơn như, a. Phá chấp về pháp nhân, b. Phá chấp về pháp ngã, III. Phân biệt phát thú đạo tướng, 1. Thành tựu tín phát tâm, 2. Ba hình thức phát tâm, 3. Bốn loại phương tiện, 5. Phân biệt về thói chuyển và bất thói chuyển, IV. Giải hành phát tâm, V. Chứng phát tâm, C.V Phần tu tập tín tâm, I. Khái quát, II. Nội dung tu tập tín tâm, III. Phương pháp tu tập, 1. Năm pháp môn, 2. Tu chỉ, 3. Tu quán, 4. Phương tiện tu hành thù thắng, C.VI Lợi ích của việc siêng năng tu tập, I. Khuyến khích tu tập, 1. Công đức tu học, 2. Lỗi lầm của việc phi báng, 3. Tổng kết khuyến khích, II. Hồi hướng.

1.488. Giảng luận DUY BIỂU HỌC

Giảng luận: *Nhất Hạnh*

Lá Bối xuất bản – 1996

Sách có khổ 14 x 21cm, dày 340 trang, bìa mềm. Tác phẩm luận này gồm có: Phần dẫn nhập, Duy biểu Ngũ thập tụng; Phần giảng luận 50 bài kệ.

1.489. Giảng Luận và Giải Thích LUẬN NHIẾP ĐẠI THỪA

(Nhiếp Đại Thừa Luận Thích Luận)

Tạo luận: *Bồ-tát Thế Thân*

Dịch giả: *Cáp-đa* và *Cử-đăng*

Viết dịch: *Nguyên Hồng*

Nội dung tác phẩm này gồm có: - Phải biết y chỉ thắng tướng thắng ngữ 1, C.I Vô đẳng Thánh giáo, C.2 Thứ tự của 10 nghĩa, C.3 Các tên; - Phải biết y chỉ thắng tướng thắng ngữ 1-2, C.4 Tướng, C.5 Huân tập, C.6 Không một không khác, C.7 Làm nhân quả cho nhau, C.8 Nhân quả khác hay không khác, C.9 Duyên sinh, C.10 Bốn duyên, C.11 Phiền não nhiễm, C.12 Nghiệp nhiễm, C.13 Sinh nhiễm; - Phải biết y chỉ thắng tướng thắng ngữ 1-3, C.14 Thế gian tịnh, C.15 Xuất thế gian tịnh,

C.16 Thuận đạo lý, C.17 Sai biệt; - Phải biết thắng tướng thắng ngữ 2-1, C.1 Tướng, C.2 Sai biệt, C.3 Phân biệt; - Phải biết thắng tướng thắng ngữ 2-2, C.3 Phân biệt (tt), C.4 Bốn ý bốn hợp nghĩa; - Nhập sở tri thắng tướng thắng ngữ 3, - Nhập nhân quả thắng tướng thắng ngữ 4, C.1 Nhân quả vị, C.2 Thành lập 6 số, C.3 Tướng, C.4 Thứ tự, C.5 Đặt tên, C.6 Tu tập, C.7 Sai biệt, C.8 Gồm thâu, C.9 Đối trị, C.10 Công đức, C.11 Hiện thị lẫn nhau; - Tu sai biệt thắng tướng thắng ngữ 5, C.1 Đối trị, C.2 Đặt tên, C.3 Được tướng, C.4 Tu tướng, C.5 Thời gian tu tập; - Tăng thượng giới học thắng tướng thắng ngữ 6, - Tăng thượng tâm học thắng tướng thắng ngữ 7, - Tăng thượng tuệ học thắng tướng thắng ngữ 8, - Tịch diệt thắng tướng thắng ngữ 9, - Trí thắng tướng thắng ngữ 10 (có 2 phần). (<https://phatphapungdung.com>; *Pháp bảo-Luận tạng*)

H

1.490.

HOA NGHIÊM DIỆU TÁNH LUẬN

Giảng luận: *Thích Giác Thiện*

Nxb Tôn Giáo – 2007

Sách có khổ 14.5 x 20.5cm, dày 439 trang. Nội dung gồm có: Lời đầu sách, Hoa Nghiêm Diệu Tánh Luận, I. Cảnh giới chúng hội tại Rừng Thê-đa và những nét đặc thù của hàng Bồ-tát, II. Cuộc trải thân cầu đạo Bồ-tát của Thiện Tài đồng tử; Năm mươi ba lần Cầu đạo của Thiện Tài đồng tử: Cầu đạo lần thứ nhất,... đến Cầu đạo lần thứ năm mươi ba; I. Thiện Tài đồng tử cầu đạo, Xuất xứ, Ý nghĩa của việc tìm cầu 53 vị Thiện tri thức, II. Tinh thần học hỏi của Thiện Tài.

1.491. HỘ PHÁP LUẬN –

Biện minh Nho Giáo và Phật Giáo

Tác giả: *Tiến sĩ Trương Thương Anh*

Việt dịch: *Tu sĩ Thích Tuệ Hải*

Nxb Hương Quang xuất bản PL. 2506 – DL. 1962. Tác phẩm này có 79 trang, bìa mềm; nội dung gồm: - Lời đầu sách, - Lời nguyên tựa, Hộ Pháp luận.

K

1.492. Kệ Tụng

A-TỶ-ĐẠT-MA CÂU-XÁ-LUẬN

(A-tỳ-đạt-ma Câu-xá Luận bốn Tụng)

Tạo luận: *Bồ-tát Thế Thân*

Hán dịch: *Tam tạng Pháp sư*

Huyền Tráng (602-664)

Việt dịch: *Thích Tuệ Sỹ*

Dịch theo bản Sanskrit Phân Biệt Giới

– Prathamam kosas thanam (Dhatunir desah)

Tác phẩm này gồm có: I. Quy kinh, II. Định nghĩa Abhidharmakosa, a. Abhidharma, b. Kosa, III. Ý hướng Abhidharma, Chú thích (24 mục từ); Tiết 1, Tổng luận pháp, I. Bản thể củ pháp, A. Tụng văn, B. Luận thích, 1. Tổng thuyết, 2. Hữu lậu, 3. Vô vi, C. Phi trách diệt vô vi, II. Pháp thường nghiệm, A. Tụng văn, B. Luận thích (1. Hữu vi, 2. Hữu lậu), III. Phân tích Uẩn, A. Tụng văn, B. Luận thích, 1. Sắc uẩn (a. Tổng lược, b. Năm căn, c. Năm cảnh, d. Vô biểu, e. Đại chủng, g. Khái niệm sắc), 2. Các uẩn phi sắc, a. Tổng hợp uẩn-xứ-giới của sắc, b. Thọ uẩn, c. Tưởng uẩn, d. Hành uẩn, e. Thức uẩn; Chú thích (115 mục từ). (<https://phatphapungdung.com>, *Pháp bảo/Luận tạng*)

1.493. Khai thị luận

ĐẠI THỪA KHỞI TÍN

Tác giả: *Sa-môn Thích Huệ Đăng*

Nxb Tôn Giáo – 2014

Sách có khổ 13 x 20.5cm, dày 265 trang, bìa mềm, có tay gấp, chữ tựa màu vàng và xanh dương, có hình vẽ bàn tay chỉ. Toàn bộ tác phẩm này gồm có 2 phần: - Lời nói đầu, - Dẫn nhập, - Thông lệ; *Phần thứ*

nhất, Năm nghĩa lớp màu: 1. Giải thích tên bộ luận, 2. Nêu rõ phần thể, 3. Minh định tông chỉ, 4. Luận về đức dụng, 5. Phân định về giáo tướng; *Phần thứ hai, Giải thích về thể văn bộ luận:* 1. Phần nhân duyên, 2. Phần lập nghĩa, 3. Phần giải thích, 4. Phần tín tâm và tu hành, 5. Phần lợi ích khuyến tu; Kết luận.

1.494. Khai thị luận ĐẠI TRÍ ĐỘ

Tác giả: *Sa-môn Thích Huệ Đăng*

Nxb Tôn Giáo – 2014

Sách có khổ 13 x 20.5cm, dày 213 trang, bìa mềm, có tay gấp, chữ tựa màu vàng và xanh dương, có hình vẽ bàn tay chỉ. Toàn bộ tác phẩm Luận này gồm có: Lời nói đầu; Triết lý Đại Trí Độ; Nội dung từ quyển 1 đến quyển 100; Kết luận.

1.495. Khai thị luận KIM CANG THỪA

Tác giả: *Sa-môn Thích Huệ Đăng*

Nxb Tôn Giáo – 2014

Sách có khổ 13 x 20.5cm, dày 165 trang, bìa mềm, có tay gấp, nền màu hường, chữ tựa màu cam và đỏ, có hình vẽ bàn tay chỉ. Toàn bộ tác phẩm này gồm có 5 phần chính: - Lời nói đầu, - Dẫn nhập; I. Đôi nét về ý nghĩa và lịch sử của Kim Cang thừa; II. Giáo lý và các nghi quỹ thuộc Kim Cang thừa: 1. Các giáo lý bí mật và sự truyền thừa, 2. Các siêu hình, 3. Thánh điện, 4. Các bí ẩn trong Tam Mật, 5. Các biểu tượng trong sự thờ phụng, 6. Nghi thức Quán đảnh, 7. Nghi quỹ và năng lực huyền bí, 8. Tiến trình giải thoát; III. Đường lối tu tập của Kim Cang thừa: 1. Dòng pháp Đà-la-ni, 2. Trì chú, 3. Ứng dụng của Kim Cang thừa hay nguồn năng lực của tâm; IV. Những đặc điểm của Kim Cang thừa: - Đại toàn thiện, - Một vài quan niệm sai lầm về Kim Cang thừa; V. Những lời khai thị: 1. Lời khai thị chỉ

thắng cây gậy của ngài Liên Hoa Sanh (Padmasambhava), 2. Lời khai thị của Thiền sư Zom; Kết luận.

1.496. Khái Luận Lịch Sử - PHẬT GIÁO ÁN ĐỘ

Tác giả: *Sa Sa Ki Kyò Go, Taka Saki Jiki Ddu, I No Kuchi Tai Jun,*

Tsuka Moto Kei Shô

Hán dịch: *Thích Đạt Hòa*

Việt dịch: *Thích Hạnh Bình –*

Phương Anh

Nxb Phương Đông – 2012. Sách có khổ 14.5 x 20.5cm, dày 214 trang, bìa mềm, chữ tựa có 3 màu: Đen, đỏ và cam, có hình ngọn tháp tại Bồ-đề Đạo tràng (Ấn Độ). Kết cấu tác phẩm gồm có 15 chương, nội dung như sau: Lời giới thiệu, Lời tựa, Lời người dịch tiếng Hoa; *C.I, Dẫn luận* 1. Đặc tính địa lý, 2. Tính chất khí hậu, 3. Tính đa dạng của các giống dân Ấn Độ, 4. Tư tưởng tôn giáo Ấn Độ; *C.II, Xã hội và tôn giáo ở Ấn Độ vào thời cổ đại*, 1. Sự xâm nhập của người Aryan, 2. Văn học Phê-đà, 3. Tôn giáo Bà-la-môn và sự thành lập giai cấp, 4. Tính triết học trong “Áo nghĩa thư”, 5. Phát triển đô thị, 6. Sự biến hóa của tổ chức xã hội, 7. Sa-môn và Bà-la-môn, 8. Lục sư ngoại đạo; *C.III, Cù-đàm – Đức Phật*, 1. Văn học Phật truyện và giá trị tư liệu này, 2. Từ đản sinh đến xuất gia, 3. Tu tập thiền định và khổ hạnh, 4. Nội dung Thành đạo và Giác ngộ của Đức Phật, 5. Sơ chuyển pháp luân, 6. Giáo hóa đệ tử, 7. Niết-bàn, 8. Niên đại Phật nhập diệt; *C.IV, Giáo đoàn Phật giáo thời kỳ đầu*, 1. Sự hình thành giáo đoàn, 2. Sự thay đổi phương thức sinh hoạt của Tỳ-kheo, 3. Sự phát triển Tăng viện, 4. Sự hình thành hệ thống giới luật và tổ chức Tăng-già, 5. Đại cương về giáo nghĩa, 6. Cuộc kết tập Kinh điển lần thứ nhất, 7. Cuộc kết tập Kinh điển lần thứ hai, 8.

Truyền thuyết về sự phân chia căn bản, 9. Tình hình thật tế của sự phân chia căn bản; *C.V, Sự phát triển Phật giáo vào Vương triều Khổng Tước*, 1. Sự phát hiện của quốc gia thống nhất, 2. Các đạo luật do vua A-dục ban hành, 3. Công lao của vua A-dục, 4. Cuộc kết tập Thánh điển lần thứ 3, 5. Đề cử sứ giả đi truyền pháp; *C.VI, Sự liên hệ giữa Vương triều Ấn Độ-Hy Lạp và Phật giáo*, 1. Ấn Độ sau thời kỳ mai một của vương triều Khổng Tước, 2. Vua Pusyamitra phá hoại Phật giáo, 3. Người Hy Lạp ở Ấn Độ, 4. Vua Milinda và Phật giáo, 5. Câu hỏi của vua Milinda, 6. Người Hy Lạp và tín ngưỡng Phật giáo; *C.VII, Bộ phái Phật giáo vào thời đại Saka, An Túc* 1. Sự xâm nhập Ấn Độ của dân tộc Saka, An Túc, 2. Người Saka và Pahlava bị Hy Lạp hóa, 3. Người Saka và Parthia quy y Phật giáo, 4. Sự phát triển Phật giáo bộ phái, 5. Thành lập Tam tạng Kinh điển, 6. Sự xuất hiện của tự viện Phật giáo trong hang đá; *C.VIII, Vương triều Quý Sương và Phật giáo Hữu bộ* 1. Vương triều Quý Sương xâm chiếm Ấn Độ, 2. Vua Ca-ni-sắc-ca quy y Phật giáo, 3. Sự phát triển của Hữu bộ, 4. Mỹ thuật Gandhara; *C.IX, Sự hình thành Ấn Độ giáo và Phật giáo Đại thừa* 1. Sự phát triển thế lực của Bà-la-môn, 2. Sự hình thành Ấn Độ giáo, 3. Sự hưng thịnh của Phật giáo Đại thừa, 4. Kinh điển Đại thừa thời kỳ đầu; *C.X, Vương triều Sàtavàhana và Phật giáo* 1. Tình thế Nam Ấn Độ, 2. Long Thọ, 3. Phương pháp luận chứng về “Không” và “Trung đạo”, 4. Sự tổng hợp của Phật giáo Đại thừa, 5. Người kế thừa tư tưởng Long Thọ; *C.XI, Phật giáo vào thời đại của vương triều Cáp Đa*, 1. Tái thống nhất nước Ấn Độ, 2. Phạn ngữ hóa Kinh điển Phật giáo, 3. Hữu bộ và Kinh lượng bộ, 4. Khuynh hướng mới của Kinh điển Đại thừa, 5. Tư tưởng Như Lai tạng, 6. Du-già

sư và tư tưởng Duy Thức, 7. Hệ thống hóa học thuyết Duy thức; *C.XII Phật giáo sau thời kỳ rạn nứt thuộc vương triều Cáp Đa* 1. Sự xâm nhập của Bạch Hung Nô, 2. Vận mệnh tư tưởng Như Lai tạng, 3. Phái Du-già hành, 4. Phái Trung Quán, 5. Sự phát triển của Luận lý học, 6. Vận mệnh của hai học phái Đại thừa; *C.XIII, Vương triều Ba-la và Mật giáo* 1. Ấn Độ vào thời kỳ trước khi vương triều Ba-la ra đời, 2. Miền Đông Ấn Độ dưới thời Vương triều Ba-la, 3. Tính chất đặc thù của Mật giáo, 4. Chân ngôn thừa, 5. Các luận sư ở thời kỳ đầu của vương triều Ba-la, 6. Kim Cang thừa, 7. Thời Luân thừa; *C.XIV, Sự xâm lược của các tín đồ Hồi giáo và sự diệt vong của Phật giáo; C.XV, Cuộc vận động phục hưng Phật giáo của Ấn Độ cận đại* 1. Thời kỳ vắng mặt của Phật giáo, 2. Hiệp hội Mahabodhi Society của Dharmapala, 3. Phong trào Phật giáo mới của Vimrao Ramji Ambedkar, 4. Hoạt động của chư Tăng; Phụ lục: 1. Sự phát triển về mỹ thuật Phật giáo ở Ấn Độ, 2. Sự truyền bá Phật giáo tại các vùng lân cận Ấn Độ, a. Đông Nam Á, b. Tây vực-Trung Quốc, c. Tây Tạng; Niên biểu; Tài liệu tham khảo; Index.

1.497. Khái Luận TỊNH ĐỘ GIÁO

Tác giả: *Mochizuki Shinko*

Hán dịch: *Thích Ấn Hải*

Việt dịch: *Thích Nhuận Đạt*

Nxb Tôn Giáo – 2011. Sách có khổ 14.5 x 20.5cm, dày 476 trang, bìa cứng.

Tác phẩm khái luận này có 21 chương, nội dung gồm: Lời giới thiệu, Lời Người dịch, Sơ lược Tiểu sử tác giả Mochizuki Shinko, Sơ lược Tiểu sử Pháp sư Thích Ấn Hải, Tựa của Pháp sư Nhân Tuấn, Lời tựa tác giả Mochizuki Shinko; C.1 Lời tựa, C.2 Luận về khả năng tất cả chúng sanh thành Phật và thuyết chư Phật trong Mười

phương xuất hiện, C.3 Giáo nghĩa về sự làm thanh tịnh cõi Phật và sự phát nguyện của Bồ-tát, C.4 Tịnh độ của Đức Phật A-súc và bản nguyện của Ngài, C.5 Luận về Đức Phật A-di-đà, C.6 Bản nguyện ở nhân vị của Phật A-di-đà, C.7 Tịnh độ của đức Phật A-di-đà – Thế giới Tây phương Cực lạc, C.8 Đức Thích tôn xuất hiện ở Diêm-phù-đề và luận điểm về ta-bà tức là Tịnh độ, C.9 Thuyết về thế giới Liên Hoa tạng trong Kinh Hoa Nghiêm, C.10 Thuyết Báo thân-Báo độ trong Nhiếp Đại thừa luận và Tịnh độ quan về Phật A-di-đà của Thế Thân, C.11 Phân loại Tịnh độ và tính tương quan của Thân và Độ, C.12 Thuyết Tịnh độ Sanh nhân được trình bày trong Kinh A-di-đà, C.13 Thuyết Nhân sinh Tịnh độ của Ấn Độ, Trung Quốc, C.14 Thuyết nói về khả năng và an tâm khởi hạnh đầy đủ của hàng phàm phu Nhập báo độ, C.15 Thuyết tuyên trạch bản nguyện Niệm Phật, C.16 Các hạnh lành có thể Vãng sanh hay không và Thuyết các Hạnh bản nguyện, C.17 Luận về đa Niệm tương tục và Tự lực-Tha lực, C.18 Thuyết Nhất niệm Vãng sanh và Tư tưởng Bản giác của Thiên Thai, C.19 Tam tâm lãnh giải và thuyết Phật thể tức Hạnh, C.20 Thuyết Nguyên lực Hồi hướng và Tín tâm chánh nhân, C.21 Tổng kết.

1.498. KHÁI LUẬN VỀ PHÁP TƯỚNG DUY THỨC HỌC

Tác giả: Đại sư Thái Hư (1889-1947)

Dịch giả: Thích Thắng Hoan

Nxb Văn hóa Sài Gòn – 2009

Sách có khổ 14 x 20cm, có hơn 99 trang, bìa mềm. Nội dung gồm có 4 chương: Lời giới thiệu, Lời nói đầu; C.I, Giải thích tổng quát về Pháp tướng Duy thức học, A. Sao gọi là Pháp? B. Sao gọi là Tướng? C. Sao gọi là Pháp tướng? D. Sao gọi là Pháp tướng Duy thức? C.II, Lý do sanh khởi

Pháp tướng: A. Xuất phát nhu yếu Nghiên cứu chân thật, B. Xuất phát nhu yếu sự tồn tại của điều thiện; C.III, Sự thành lập của Pháp tướng: A. Các Duy tâm luận không thể thành lập, B. Lý do Pháp tướng Duy thức học thành lập, C. Độc ảnh cảnh có hai thứ, D. Còn vấn đề Đối chất cảnh cũng có hai thứ; IV. Sự lợi ích của pháp tướng: a. Pháp trừ sự chấp sai lầm của ngã pháp, b. Diệt tận hoặc chướng của sanh pháp, c. Giải thoát nghiệp báo biến hoại, d. Ý nguyện của tâm tánh đầy đủ, e. Thành tựu an lạc vĩnh cửu, f. Chứng đắc thanh tịnh vô ngại.

1.499. KHẢO NGHIỆM DUY THỨC HỌC – 2 Quyển Tâm Lý Học Thực Nghiệm

Tác giả: HT. Thích Thắng Hoan

PL. 2542 – DL. 1998

Quyển I, dày 392 trang, gồm có 7 chương: - Lời nói đầu, C.I Ý nghĩa và sự hình thành Duy Thức học, 1. Định nghĩa Duy thức học, 2. Mục đích của Duy thức học, 3. Lợi ích của Duy thức học, 4. Sự hình thành Duy thức học; C.II Khảo sát sự có mặt của con người, 1. Những yếu tố cấu tạo con người và vạn pháp, 2. Nhận định sự có mặt của con người và vụ trụ, 3. Thành phần xây dựng con người; C.III Khảo sát sự sinh hoạt của tám tâm thức, 1. Khảo sát năm tâm thức ở trước, 2. Khảo sát sự có mặt của Ý thức, 3. Khảo sát sự có mặt của Thức Mạt-na, 4. Khảo sát sự có mặt của thức Alaya; C.IV Khảo sát sự có mặt của các Tâm sở, 1. Định nghĩa Tâm sở, 2. Sự quan hệ giữa Tâm vương và Tâm sở, 3. Số lượng các Tâm sở: a. Biến hành tâm sở, b. Biệt cảnh Tâm sở, c. Thiện tâm sở, d. Căn bản phiền não tâm sở, e. Tùy phiền não Tâm sở, f. Bất định tâm sở; C.V Khảo sát tánh chất và giá trị những yếu tố tạo thành vạn pháp, 1. Thành phần của

Tâm thức, 2. Vấn đề ngã tướng và pháp tướng, 3. Vấn đề thức Dị thức, 4. Ba Tánh chất (Tam tánh), 5. Chung quanh vấn đề Nghiệp và Hành, 6. Nguyên lý Tứ đại; C.VI *Những nguyên lý quan hệ và sự hình thành vạn pháp*, 1. Minh định vấn đề Thức và Tâm, 2. Tánh chất chủng tử, 3. Vấn đề Tự biến và Cộng biến, 4. Vấn đề Lượng và Cảnh, 5. Ba loại không có thật tánh (Tam vô tánh), 6. Vấn đề Có và Không, Đầu tiên và Cuối cùng, 7. Quan niệm về thế giới của Phật giáo; C.VII *Kết luận*, - Những sách tham khảo.

Quyển II, dày 287 trang, gồm có 6 chương: Lời nói đầu, C.I, I. Giá trị sự quan hệ của Tâm vương và Tâm sở, A. Sự quan hệ của Tâm vương và Tâm sở, B. Giá trị sự quan hệ của Tâm vương và Tâm sở, 1. Giá trị sự quan hệ của năm Tâm thức và 51 Tâm sở, a. Tánh chất của năm Thức Tâm vương, b. Quan hệ với năm Tâm sở Biến hành, c. Quan hệ với năm Tâm sở Biệt cảnh, d. Quan hệ với các Tâm sở còn lại; 2. Giá trị sự quan hệ của Ý thức và 51 Tâm sở, 3. Giá trị sự quan hệ của Thức Mạt-na và 51 Tâm sở, 4. Giá trị sự quan hệ của Thức Alaya và 51 Tâm sở; C.II Minh định vấn đề Chủng tử, Nhân duyên và Nhân quả, A. Vấn đề Chủng tử, I. Định nghĩa, II. Phân loại nội Chủng tử, 1. Chủng tử của tám Tâm thức, 2. Chủng tử của đất-nước-gió-lửa, 3. Chủng tử của Nghiệp, B. Vấn đề Nhân duyên, C. Vấn đề Nhân quả, 1. Mười nhân, 2. Năm quả, 3. Tánh chất và giá trị Nhân quả; C.III Chung quanh vấn đề Sắc pháp-Tâm bất tương ưng hành pháp và Vô vi pháp, I. Sắc pháp, A. Hữu đối sắc, 1. Ngũ căn sắc, 2. Ngũ trần sắc, B. Vô đối sắc, II. Tâm bất tương ưng hành pháp, III. Vô vi pháp; C.IV Mười hai Nhân duyên qua sự quán chiếu của Duy thức, A. Định nghĩa, B. Ý nghĩa Mười hai Nhân duyên, C. Sự khai

triển Mười hai Nhân duyên của các Kinh luận: 1. Kinh Trường A-hàm, 2. Kinh Tạp A-hàm, 3. Luận Câu-xá, 4. Luận Đại Tỳ-bà-sa, 5. Luận A-tỳ-đạt-ma Tạp tập, 6. Ý nghĩa nguyên thủy Mười hai Nhân duyên, 7. Giá trị Mười hai Nhân duyên, 8. Sự sinh hoạt của Mười hai Nhân duyên; C.V Phương pháp tu tập của Duy thức, I. Nhìn lại phương pháp tu tập của đức Phật chỉ dạy, 1. Tứ niệm xứ, 2. Tứ chánh cần, 3. Tứ như ý túc, 4. Ngũ căn, 5. Ngũ lực, 6. Thất giác chi, 7. Bát chánh đạo; II. Phương pháp trị liệu tâm bệnh qua sự tu tập, A. Phát huy tâm sở thiện, B. Kỹ thuật hóa giải, 1. Hóa giải Tâm sở Đại tùy, 2. Hóa giải Tâm sở Trung tùy, 3. Hóa giải Tâm sở Tiểu tùy, 4. Hóa giải sáu Tâm sở Phiền não Căn bản; III. Pháp môn tu tập Duy thức quán: Ngũ vị Duy thức, 1. Phương pháp Tu tập và Quán chiếu nơi cấp bậc Tu lương, 2. Phương pháp Tu tập và Quán chiếu nơi cấp bậc Gia hạnh, 3. Phương pháp Tu tập và Quán chiếu nơi cấp bậc Thông đạt, 4. Phương pháp Tu tập và Quán chiếu nơi cấp bậc Tu tập, 5. Phương pháp Tu tập và Quán chiếu nơi cấp bậc Cứu cánh; C.VI *Kết luận*; Những Kinh Luận tham khảo.

1.500. KHỞI TÍN LUẬN

Dịch giải: *Trí Quang (1923-2019)*

Nxb Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh – 2011

Sách luận dày 381 trang, bìa cứng, có bìa bao, chữ tựa màu vàng. Nội dung gồm có: - Giản lược, - Phần dạo đầu; 1. Dịch giải Khởi Tín luận (Trong phần này đã ghi khoa mục rất rõ mà không loạn mắt); 2. Chính văn Khởi Tín luận; 3. Dịch dịch Khởi Tín luận.

Tác phẩm Luận này đã xuất bản năm 1994, Nxb Tp. Hồ Chí Minh, khổ 13 x 19cm, dày 343 trang, bìa mềm, chữ tựa

màu trắng, có hình Bô-tát Quán Thế Âm (bán thân).

L

1.501. LỐI VÀO NHÂN MINH HỌC (Luận lý học Phật giáo)

Soạn và dịch:

Thích Thiện Siêu (1921-2001)

Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam
ấn hành – 1994

Sách có khổ 13 x 19cm, dày 185 trang, bìa mềm. Nội dung gồm có: Lời nói đầu, Danh nghĩa Nhân minh, Chủ đích Nhân minh, Khởi nguyên Nhân minh, Các luận chứng Nhân minh (a. Túc mục, b. Di-lặc, c. Vô Trước và An Huệ, d. Thế Thân, đ. Trần-na, e. Thiên Chủ), Cổ Nhân minh – Tân Nhân minh (Tân Nhân minh có: 1. Tám môn Nhân minh, 2. Những pháp thức biện luận, 3. Luận về chơn năng lập, 4. Tổng kết về chơn năng lập, 5. Luận về tợ năng lập), Kết: - Nhân minh với luận lý học Aristote, - *Nhân minh nhập chánh lý luận* dịch nghĩa, - Từ ngữ Nhân minh; Phụ lục: Nhân minh Tổng luận của cư sĩ Tâm Minh.

Tác phẩm này được tái bản nhiều lần: Năm 1997, Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam ấn hành; năm 2001-2006, Nxb Tôn Giáo.

1.502. LUẬN A-TỶ-ĐẠT-MA ĐẠI TỶ-BÀ-SA (Trọn bộ 8 Tập) (Abhidharma Mahāvibhāṣā Śāstra) 500 Đại A-la-hán & Tôn giả Thế Hữu

Hán dịch: *Tam tạng Pháp sư*

Huyền Tráng (602-664)

Việt dịch: *Nguyễn Huệ*

Nxb Hồng Đức – 2014. Bộ luận có 8 tập, 200 quyển, tổng cộng dày 5.403 trang, khổ 14.5 x 20cm, bìa mềm, trọn bộ đóng thành hộp.

Tập I, dày 658 trang, từ Q.1 đến Q.23. Nội dung gồm: Giới thiệu, Luận A-tỳ-đạt-ma Đại Tỳ-bà-sa, từ Q.1 đến Q.23 như sau: Q.1, Phần tự; Q.2, C.1 Tập uẩn, P.1 Pháp Thế đệ nhất, phần 1; Q.3, C.1 Tập uẩn, P.1 Pháp Thế đệ nhất, phần 2; Q.4, C.1 Tập uẩn, P.1 Pháp Thế đệ nhất, phần 3; Q.5, C.1 Tập uẩn, P.1 Pháp Thế đệ nhất, phần 4; Q.6, C.1 Tập uẩn, P.1 Pháp Thế đệ nhất, phần 5; Q.7, C.1 Tập uẩn, P.1 Pháp Thế đệ nhất, phần 6; Q.8, C.1 Tập uẩn, P.1 Pháp Thế đệ nhất, phần 7; Q.9, C.1 Tập uẩn, P.1 Pháp Thế đệ nhất, phần 8, P.2 Bàn về Trí, phần 1; Q.10, C.1 Tập uẩn, P.2 Bàn về Trí, phần 2; Q.11, C.1 Tập uẩn, P.2 Bàn về Trí, phần 3; Q.12, C.1 Tập uẩn, P.2 Bàn về Trí, phần 4; Q.13, C.1 Tập uẩn, P.2 Bàn về Trí, phần 5; Q.14, C.1 Tập uẩn, P.2 Bàn về Trí, phần 6; Q.15, C.1 Tập uẩn, P.2 Bàn về Trí, phần 7; Q.16, C.1 Tập uẩn, P.2 Bàn về Trí, phần 8; Q.17, C.1 Tập uẩn, P.2 Bàn về Trí, phần 9; Q.18, C.1 Tập uẩn, P.2 Bàn về Trí, phần 10; Q.19, C.1 Tập uẩn, P.2 Bàn về Trí, phần 11; Q.20, C.1 Tập uẩn, P.2 Bàn về Trí, phần 12; Q.21, C.1 Tập uẩn, P.2 Bàn về Trí, phần 13; Q.22, C.1 Tập uẩn, P.2 Bàn về Trí, phần 14; Q.23, C.1 Tập uẩn, P.2 Bàn về Trí, phần 15, P.3 Nói về Bồ-đặc-già-la, phần 1.

Tập II, dày 690 trang, từ Q.24 đến Q.47. Nội dung: Q.24, C.1 Tập uẩn, P.3 Nói về Bồ-đặc-già-la, phần 2; Q.25, C.1 Tập uẩn, P.3 Nói về Bồ-đặc-già-la, phần 3; Q.26, C.1 Tập uẩn, P.3 Nói về Bồ-đặc-già-la, phần 4; Q.27, C.1 Tập uẩn, P.3 Nói về Bồ-đặc-già-la, phần 5; Q.28, C.1 Tập uẩn, P.3 Nói về Bồ-đặc-già-la, phần 6; Q.29, C.1 Tập uẩn, P.3 Nói về Bồ-đặc-già-la, phần 7, P.4 Nói về Ái kính, phần 1; Q.30, C.1 Tập

uẩn, P.4 Nói về Ái kính, phần 2; Q.31, C.1 Tạp uẩn, P.4 Nói về Ái kính, phần 3; Q.32, C.1 Tạp uẩn, P.4 Nói về Ái kính, phần 4; Q.33, C.1 Tạp uẩn, P.4 Nói về Ái kính, phần 5; Q.34, C.1 Tạp uẩn, P.4 Nói về Ái kính, phần 6, P.5 Bàn về không hồ thẹn, phần 1; Q.35, C.1 Tạp uẩn, P.5 Bàn về không hồ thẹn, phần 2; Q.36, C.1 Tạp uẩn, P.5 Bàn về không hồ thẹn, phần 3; Q.37, C.1 Tạp uẩn, P.5 Bàn về không hồ thẹn, phần 4; Q.38, C.1 Tạp uẩn, P.5 Bàn về không hồ thẹn, phần 5; P.6 Bàn về Tướng, phần 1; Q.38, C.1 Tạp uẩn, P.6 Bàn về Tướng, phần 2; P.7 Bàn về Vô nghĩa, phần 1; Q.40, C.1 Tạp uẩn, P.7 Bàn về Vô nghĩa, phần 2; Q.41, C.1 Tạp uẩn, P.7 Bàn về Vô nghĩa, phần 3; Q.42, C.1 Tạp uẩn, P.7 Bàn về Vô nghĩa, phần 4; P.8 Bàn về Tur, phần 1; Q.43, C.1 Tạp uẩn, P.8 Bàn về Tur, phần 2; Q.44, C.1 Tạp uẩn, P.8 Bàn về Tur, phần 3; Q.45, C.1 Tạp uẩn, P.8 Bàn về Tur, phần 4; Q.46, C.2 Kiết uẩn, P.1 Bàn về Bất thiện, phần 1; Q.47, C.2 Kiết uẩn, P.1 Bàn về Bất thiện, phần 2.

Tập III, dày 674 trang, từ Q.48 đến Q.72. Nội dung: Q.48, C.2 Kiết uẩn, P.1 Bàn về Bất thiện, phần 3; Q.49, C.2 Kiết uẩn, P.1 Bàn về Bất thiện, phần 4; Q.50, C.2 Kiết uẩn, P.1 Bàn về Bất thiện, phần 5; Q.51, C.2 Kiết uẩn, P.1 Bàn về Bất thiện, phần 6; Q.52, C.2 Kiết uẩn, P.1 Bàn về Bất thiện, phần 7; Q.53, C.2 Kiết uẩn, P.1 Bàn về Bất thiện, phần 8; Q.54, C.2 Kiết uẩn, P.1 Bàn về Bất thiện, phần 9; Q.55, C.2 Kiết uẩn, P.1 Bàn về Bất thiện, phần 10; Q.56, C.2 Kiết uẩn, P.2 Bàn về Nhất hành, phần 1; Q.57, C.2 Kiết uẩn, P.2 Bàn về Nhất hành, phần 2; Q.58, C.2 Kiết uẩn, P.2 Bàn về Nhất hành, phần 3; Q.59, C.2 Kiết uẩn, P.2 Bàn về Nhất hành, phần 4; Q.60, C.2 Kiết uẩn, P.2 Bàn về Nhất hành, phần 5; Q.61, C.2 Kiết uẩn, P.2 Bàn về Nhất hành, phần 6; Q.62, C.2 Kiết uẩn, P.2 Bàn

về Nhất hành, phần 7; Q.63, C.2 Kiết uẩn, P.2 Bàn về Nhất hành, phần 8; P.3 Bàn về Hữu tình, phần 1; Q.64, C.2 Kiết uẩn, P.3 Bàn về Hữu tình, phần 2; Q.65, C.2 Kiết uẩn, P.3 Bàn về Hữu tình, phần 3; Q.66, C.2 Kiết uẩn, P.3 Bàn về Hữu tình, phần 4; Q.67, C.2 Kiết uẩn, P.3 Bàn về Hữu tình, phần 5; Q.68, C.2 Kiết uẩn, P.3 Bàn về Hữu tình, phần 6; Q.69, C.2 Kiết uẩn, P.3 Bàn về Hữu tình, phần 7; Q.70, C.2 Kiết uẩn, P.3 Bàn về Hữu tình, phần 8; Q.71, C.2 Kiết uẩn, P.4 Bàn về Mười môn, phần 1; Q.72, C.2 Kiết uẩn, P.4 Bàn về Mười môn, phần 2.

Tập IV, dày 668 trang, từ Q.73 đến Q.96. Nội dung gồm: Q.73, C.2 Kiết uẩn, P.4 Bàn về Mười môn, phần 3; Q.74, C.2 Kiết uẩn, P.4 Bàn về Mười môn, phần 4; Q.75, C.2 Kiết uẩn, P.4 Bàn về Mười môn, phần 5; Q.76, C.2 Kiết uẩn, P.4 Bàn về Mười môn, phần 6; Q.77, C.2 Kiết uẩn, P.4 Bàn về Mười môn, phần 7; Q.78, C.2 Kiết uẩn, P.4 Bàn về Mười môn, phần 8; Q.79, C.2 Kiết uẩn, P.4 Bàn về Mười môn, phần 9; Q.80, C.2 Kiết uẩn, P.4 Bàn về Mười môn, phần 10; Q.81, C.2 Kiết uẩn, P.4 Bàn về Mười môn, phần 11; Q.82, C.2 Kiết uẩn, P.4 Bàn về Mười môn, phần 12; Q.83, C.2 Kiết uẩn, P.4 Bàn về Mười môn, phần 13; Q.84, C.2 Kiết uẩn, P.4 Bàn về Mười môn, phần 14; Q.85, C.2 Kiết uẩn, P.4 Bàn về Mười môn, phần 15; Q.86, C.2 Kiết uẩn, P.4 Bàn về Mười môn, phần 16; Q.87, C.2 Kiết uẩn, P.4 Bàn về Mười môn, phần 17; Q.88, C.2 Kiết uẩn, P.4 Bàn về Mười môn, phần 18; Q.89, C.2 Kiết uẩn, P.4 Bàn về Mười môn, phần 19; Q.90, C.2 Kiết uẩn, P.4 Bàn về Mười môn, phần 20; Q.91, C.2 Kiết uẩn, P.4 Bàn về Mười môn, phần 21; Q.92, C.2 Kiết uẩn, P.4 Bàn về Mười môn, phần 22; Q.93, C.3 Trí uẩn, P.1 Bàn về Học chi, phần 1; Q.94, C.3 Trí uẩn, P.1 Bàn về Học chi, phần 2; Q.95, C.3 Trí uẩn,

P.1 Bàn về Học chi, phần 3; Q.96, C.3 Trí uẩn, P.1 Bàn về Học chi, phần 4.

Tập V, dày 668 trang, từ Q.97 đến Q.119. Nội dung gồm: Q.97, C.3 Trí uẩn, P.1 Bàn về Học chi, phần 5; P.2 Bàn về Năm loại (ngũ chủng), phần 1; Q.98, C.3 Trí uẩn, P.2 Bàn về Năm loại, phần 2; Q.99, C.3 Trí uẩn, P.2 Bàn về Năm loại, phần 3; P.3 Bàn về Tha tâm trí, phần 1; Q.100, C.3 Trí uẩn, P.3 Bàn về Tha tâm trí, phần 2; Q.101, C.3 Trí uẩn, P.3 Bàn về Tha tâm trí, phần 3; Q.102, C.3 Trí uẩn, P.3 Bàn về Tha tâm trí, phần 4; Q.103, C.3 Trí uẩn, P.3 Bàn về Tha tâm trí, phần 5; Q.104, C.3 Trí uẩn, P.3 Bàn về Tha tâm trí, phần 6; Q.105, C.3 Trí uẩn, P.3 Bàn về Tha tâm trí, phần 7; P.4 Bàn về Tu trí, phần 1; Q.106, C.3 Trí uẩn, P.4 Bàn về Tu trí, phần 2; Q.107, C.3 Trí uẩn, P.4 Bàn về Tu trí, phần 3; Q.108, C.3 Trí uẩn, P.4 Bàn về Tu trí, phần 4; Q.109, C.3 Trí uẩn, P.5 Bàn về Bảy Thánh, phần 1; Q.110, C.3 Trí uẩn, P.5 Bàn về Bảy Thánh, phần 2; Q.111, C.3 Trí uẩn, P.5 Bàn về Bảy Thánh, phần 3; Q.112, C.4 Nghiệp uẩn, P.1 Bàn về Hành ác, phần 1; Q.113, C.4 Nghiệp uẩn, P.1 Bàn về Hành ác, phần 2; Q.114, C.4 Nghiệp uẩn, P.1 Bàn về Hành ác, phần 3; Q.115, C.4 Nghiệp uẩn, P.1 Bàn về Hành ác, phần 4; Q.116, C.4 Nghiệp uẩn, P.1 Bàn về Hành ác, phần 5; P.2 Bàn về Tà ngữ, phần 1; Q.117, C.4 Nghiệp uẩn, P.2 Bàn về Tà ngữ, phần 2; Q.118, C.4 Nghiệp uẩn, P.2 Bàn về Tà ngữ, phần 3; P.3 Bàn về Hại sinh, phần 1; Q.119, C.4 Nghiệp uẩn, P.3 Bàn về Hại sinh, phần 2.

Tập VI, có 685 trang, từ Q.120 đến Q.145. Nội dung gồm: Q.120, C.4 Nghiệp uẩn, P.3 Bàn về Hại sinh, phần 3; Q.121, C.4 Nghiệp uẩn, P.3 Bàn về Hại sinh, phần 4; Q.122, C.4 Nghiệp uẩn, P.4 Bàn về Biểu-Vô biểu, phần 1; Q.123, C.4 Nghiệp uẩn, P.4 Bàn về Biểu-Vô biểu, phần 2; Q.124,

C.4 Nghiệp uẩn, P.4 Bàn về Biểu-Vô biểu, phần 3; P.5 Bàn về Tự nghiệp, phần 1; Q.125, C.4 Nghiệp uẩn, P.5 Bàn về Tự nghiệp, phần 2; Q.126, C.4 Nghiệp uẩn, P.5 Bàn về Tự nghiệp, phần 3; Q.127, C.5 Đại chủng uẩn, P.1 Bàn về Đại tạo, phần 1; Q.128, C.5 Đại chủng uẩn, P.1 Bàn về Đại tạo, phần 2; Q.129, C.5 Đại chủng uẩn, P.1 Bàn về Đại tạo, phần 3; Q.130, C.5 Đại chủng uẩn, P.1 Bàn về Đại tạo, phần 4; Q.131, C.5 Đại chủng uẩn, P.1 Bàn về Đại tạo, phần 5; P.2 Bàn về Duyên, phần 1; Q.132, C.5 Đại chủng uẩn, P.2 Bàn về Duyên, phần 2; Q.133, C.5 Đại chủng uẩn, P.2 Bàn về Duyên, phần 3; Q.134, C.5 Đại chủng uẩn, P.2 Bàn về Duyên, phần 4; P.3 Bàn về Nhận thức đầy đủ, phần 1; Q.135, C.5 Đại chủng uẩn, P.3 Bàn về Nhận thức đầy đủ, phần 2; Q.136, C.5 Đại chủng uẩn, P.3 Bàn về Nhận thức đầy đủ, phần 3; Q.137, C.5 Đại chủng uẩn, P.3 Bàn về Nhận thức đầy đủ, phần 4; P.4 Bàn về Chấp thọ, phần 1; Q.138, C.5 Đại chủng uẩn, P.4 Bàn về Chấp thọ, phần 2; Q.139, C.5 Đại chủng uẩn, P.4 Bàn về Chấp thọ, phần 3; Q.140, C.5 Đại chủng uẩn, P.4 Bàn về Chấp thọ, phần 4; Q.141, C.5 Đại chủng uẩn, P.4 Bàn về Chấp thọ, phần 5; Q.142, C.6 Căn uẩn, P.1 Bàn về Căn, phần 1; Q.143, C.6 Căn uẩn, P.1 Bàn về Căn, phần 2; Q.144, C.6 Căn uẩn, P.1 Bàn về Căn, phần 3; Q.145, C.6 Căn uẩn, P.1 Bàn về Căn, phần 4.

Tập VII, dày 680 trang, từ Q.146 đến Q.173. Nội dung gồm: Q.146, C.6 Căn uẩn, P.1 Bàn về Căn, phần 5; Q.147, C.6 Căn uẩn, P.2 Bàn về Hữu, phần 1; Q.148, C.6 Căn uẩn, P.2 Bàn về Hữu, phần 2; Q.149, C.6 Căn uẩn, P.2 Bàn về Xúc, phần 1; Q.150, C.6 Căn uẩn, P.2 Bàn về Xúc, phần 2; Q.151, C.6 Căn uẩn, P.4 Bàn về Đăng tâm, phần 1; Q.152, C.6 Căn uẩn, P.4 Bàn về Đăng tâm, phần 2; Q.153, C.6

Căn uẩn, P.4 Bàn về Đẳng tâm, phần 3; Q.154, C.6 Căn uẩn, P.4 Bàn về Đẳng tâm, phần 4; Q.155, C.6 Căn uẩn, P.4 Bàn về Đẳng tâm, phần 5; P.5 Bàn về Nhất tâm, phần 1; Q.156, C.6 Căn uẩn, P.5 Bàn về Nhất tâm, phần 2; P.6 Bàn về Ngự, P.7 Nhân duyên; Q.157, C.7 Định uẩn, P.1 Bàn về Đắc, phần 1; Q.158, C.7 Định uẩn, P.1 Bàn về Đắc, phần 2; Q.159, C.7 Định uẩn, P.1 Bàn về Đắc, phần 3; Q.160, C.7 Định uẩn, P.1 Bàn về Đắc, phần 4; Q.161, C.7 Định uẩn, P.1 Bàn về Đắc, phần 5; Q.162, C.7 Định uẩn, P.1 Bàn về Đắc, phần 6; P.2 Bàn về Duyên, phần 1; Q.163, C.7 Định uẩn, P.2 Bàn về Duyên, phần 2; Q.164, C.7 Định uẩn, P.2 Bàn về Duyên, phần 3; Q.165, C.7 Định uẩn, P.2 Bàn về Duyên, phần 4; Q.166, C.7 Định uẩn, P.3 Bàn về Gồm thâu, phần 1; Q.167, C.7 Định uẩn, P.3 Bàn về Gồm thâu, phần 2; Q.167, C.7 Định uẩn, P.3 Bàn về Gồm thâu, phần 3; Q.169, C.7 Định uẩn, P.3 Bàn về Gồm thâu, phần 4; Q.170, C.7 Định uẩn, P.3 Bàn về Gồm thâu, phần 5; Q.171, C.7 Định uẩn, P.3 Bàn về Gồm thâu, phần 6; Q.172, C.7 Định uẩn, P.3 Bàn về Gồm thâu, phần 7; Q.173, C.7 Định uẩn, P.3 Bàn về Gồm thâu, phần 8.

Tập VIII, dày 680 trang, từ Q.174 đến Q.200. Nội dung gồm: Q.174, C.7 Định uẩn, P.4 Bàn về Bất hoàn, phần 1; Q.175, C.7 Định uẩn, P.4 Bàn về Bất hoàn, phần 2; Q.176, C.7 Định uẩn, P.4 Bàn về Bất hoàn, phần 3; Q.177, C.7 Định uẩn, P.4 Bàn về Bất hoàn, phần 4; Q.178, C.7 Định uẩn, P.4 Bàn về Bất hoàn, phần 5; Q.179, C.7 Định uẩn, P.4 Bàn về Bất hoàn, phần 6; Q.180, C.7 Định uẩn, P.4 Bàn về Bất hoàn, phần 7; Q.181, C.7 Định uẩn, P.4 Bàn về Bất hoàn, phần 8; Q.182, C.7 Định uẩn, P.4 Bàn về Bất hoàn, phần 9; Q.183, C.7 Định uẩn, P.4 Bàn về Bất hoàn, phần 10; P.5 Bàn về Nhất hành, phần 1; Q.184,

C.7 Định uẩn, P.5 Bàn về Nhất hành, phần 2; Q.185, C.7 Định uẩn, P.5 Bàn về Nhất hành, phần 3; Q.186, C.7 Định uẩn, P.5 Bàn về Nhất hành, phần 4; Q.187, C.8 Kiến uẩn, P.1 Bàn về Niệm trụ, phần 1; Q.188, C.8 Kiến uẩn, P.1 Bàn về Niệm trụ, phần 2; Q.189, C.8 Kiến uẩn, P.1 Bàn về Niệm trụ, phần 3; Q.190, C.8 Kiến uẩn, P.1 Bàn về Niệm trụ, phần 4; Q.191, C.8 Kiến uẩn, P.1 Bàn về Niệm trụ, phần 5; Q.192, C.8 Kiến uẩn, P.1 Bàn về Niệm trụ, phần 6; P.2 Bàn về Ba hữu, phần 1; Q.193, C.8 Kiến uẩn, P.2 Bàn về Ba hữu, phần 2; Q.194, C.8 Kiến uẩn, P.2 Bàn về Ba hữu, phần 3; Q.195, C.8 Kiến uẩn, P.2 Bàn về Ba hữu, phần 4; P.3 Bàn về Tướng, phần 1; Q.196, C.8 Kiến uẩn, P.3 Bàn về Tướng, phần 2; P.4 Bàn về Trí, phần 1; Q.197, C.8 Kiến uẩn, P.4 Bàn về Trí, phần 2; Q.198, C.8 Kiến uẩn, P.5 Bàn về Kiến, phần 1; Q.199, C.8 Kiến uẩn, P.5 Bàn về Kiến, phần 2; Q.200, C.8 Kiến uẩn, P.5 Bàn về Kiến, phần 3.

1.503. LUẬN A-TỶ-ĐẠT-MA PHÁP UẨN TỨC

Tác giả: *Tôn giả Đại Mục-kiền-liên*

Hán dịch: *Tam tạng Pháp sư*

Huyền Tráng (602-664)

Việt dịch: *Cư sĩ Nguyễn Huệ*

Nxb Hồng Đức – 2020

Tuệ Quang Foundation

Luận có khổ 14.5 x 20.5cm, dày hơn 297 trang, bìa mềm.

Nội dung gồm có 12 quyển, 21 phẩm: Lời giới thiệu, Tiểu sử tóm tắt; Q.I, P.1 Học xứ; Q.II, P.2 Chi Dự Lưu, P.3 Chứng tịnh, phần 1; Q.III, P.3 Chứng tịnh, phần 2, P.4 Quả Sa-môn, P.5 Thông hành, P.6 Thánh chủng, P.7 Chánh thắng, phần 1; Q.IV, P.7 Chánh thắng, phần 2, P.8 Thần túc, phần 1; Q.V, P.8 Thần túc, phần 2, P.9 Niệm trụ, phần 1; Q.VI, P.9 Niệm trụ, phần 2,

P.10 Thánh đế, P.11 Tĩnh lự, phần 1; Q.VII, P.11 Tĩnh lự, phần 2, P.12 Vô lượng; Q.VIII, P.13 Vô sắc, P.14 Tu định, P.15 Giác chi, phần 1; Q.IX, P.15 Giác chi, phần 2, P.16 Tập sự; Q.X, P.17 Căn, P.18 Xứ, P.19 Uẩn, P.20 Nhiều Giới, phần 1; Q.XI, P.20 Nhiều Giới, phần 2, P.21 Duyên khởi, phần 1; Q.XII, P.21 Duyên khởi, phần 2.

1.504. LUẬN A-TỖ-ĐẠT-MA TẬP DI MÔN TỨC

Tác giả: *Tôn giả Xá-lợi-phất*

Hán dịch: *Tam tạng Pháp sư*

Huyền Trang (602-664)

Việt dịch: *Cư sĩ Nguyên Huệ*

Nxb Hồng Đức – 2020

Tuệ Quang Foundation

Sách có khổ 14.5 x 20.5cm, dày hơn 455 trang, bìa mềm. Nội dung gồm có 20 quyển, 12 phẩm như sau: Lời giới thiệu, Tiểu sử Tóm tắt, Q.1, P.1 Duyên khởi, P.2 Một Pháp, P.3 Hai Pháp, phần 1; Q.2, P.3 Hai Pháp, phần 2; Q.3, P.3 Hai Pháp, phần 3, P.4 Ba Pháp, phần 1; Q.4, P.4 Ba Pháp, phần 2; Q.5, P.4 Ba Pháp, phần 3; Q.6, P.4 Ba Pháp, phần 4, P.5 Bốn Pháp, phần 1; Q.7, P.5 Bốn Pháp, phần 2; Q.8, P.5 Bốn Pháp, phần 3; Q.9, P.5 Bốn Pháp, phần 4; Q.10, P.5 Bốn Pháp, phần 5; Q.11, P.6 Năm Pháp, phần 1; Q.12, P.6 Năm Pháp, phần 2; Q.13, P.6 Năm Pháp, phần 3; Q.14, P.6 Năm Pháp, phần 4; Q.15, P.7 Sáu Pháp, phần 1; Q.16, P.7 Sáu Pháp, phần 2, P.8 Bảy Pháp, phần 1; Q.17, P.8 Bảy Pháp, phần 2; Q.18, P.9 Tám Pháp, phần 1; Q.19, P.9 Tám Pháp, phần 2, P.10 Chín Pháp, P.11 Mười Pháp, phần 1; Q.20, P.11 Mười Pháp, phần 2, P.12 Khen – Khuyến.

1.505. LUẬN BÁ PHÁP TƯỚNG TÔNG

Biên dịch: *Tỳ-kheo Thích Trí Hải*

Nxb Văn Hóa Văn Nghệ – 2015

Kinh có khổ 14.5 x 20.5cm, có 194 trang, bìa mềm. Nội dung gồm có: Lời nói đầu, Bách Pháp luận giải (Hán văn), Thiên Thân Bồ-tát lược truyện, Lược sử Bồ-tát Thế Thân, Thích nghĩa Danh đề luận, Luận Bá Pháp Tướng Tông, Lược giải Từ ngữ, Tây Du ký với Duy Thức học, Đại Đường Cao Tăng Đại sư Huyền Trang; Thư mục Tham khảo.

1.506. LUẬN BẢN NHIẾP ĐẠI THỪA (Nhiếp Đại Thừa Luận Bản)

Luận giả: *Bồ-tát Vô Trước*

Hán dịch: *Tam tạng Pháp sư*

Huyền Trang (602-664)

Việt dịch: *Nguyên Hồng*

Nội dung Luận này gồm có 3 quyển, 9 phần. *Quyển thượng*: Phần I. Cương yếu, Phần II. Sở tri y; *Quyển trung*: Phần III. Sở tri tướng, Phần IV. Ngộ nhập tướng sở tri, Phần V. Ngộ nhập nhân quả; *Quyển hạ*: Phần VI. Tu tập sai biệt, Phần VII. Tăng thượng giới học, Phần VIII. Tăng thượng tâm học, Phần IX. Tăng thượng tuệ học.

(<https://phatphapungdung.com>; *Pháp bảo-Luận tạng*)

1.507. LUẬN BẢO HÀNH VƯƠNG CHÁNH

Hán dịch: *Chơn Đế*

Việt dịch: *Thích Như Điển*

Tác phẩm Luận này gồm có 5 phẩm: P.1 An lạc giải thoát, P.2 Tập, P.3 Phẩm Bồ-đề tư lương, P.4 Giáo vương (dạy vua), P.5 Xuất gia chánh hạnh.

(<https://phatphapungdung.com>; *Pháp bảo-Luận tạng*)

1.508. LUẬN BẢO TẠNG

Trước tác: *Tăng Triệu*

Việt dịch: *Thích Duy Lực*

Xem: *Bửu Tạng Luận do Thích Duy Lực dịch*

(<https://phatphapungdung.com>; *Pháp bảo-Luận tạng*)

1.509. LUẬN BẢO VƯƠNG TAM-MUỘI NIỆM PHẬT TRỰC CHỈ

Biên soạn (Hán văn): *Sa-môn Diệu Hiệp*

Việt dịch (2001): *Minh Chánh*

Tác phẩm Kinh này có 127 trang (PDF), nội dung gồm: - Lời giới thiệu của Tỳ-kheo Thích Đức Niệm, - Lời giới thiệu của Đại sư Ngẫu Ích, - Lời tựa; 1. Y-Chánh cõi Cực lạc, 2. Phá vọng hiển chơn, 3. Trách cứ nhận thức sai lầm, 4. Phân tích tâm Phật quán tuệ, 5. Tôn tượng Phật tại đạo tràng, 6. Phá thuyết chấp không, 7. Khai thị Thiên Tịnh không hai, 8. Giải thích tâm chán Ta-bà vui về Cực lạc, 9. Khuyên tu, 10. Khuyên giữ giới sát, 11. Khuyên giữ các giới, 12. Khuyên nỗ lực tinh tấn, 13. Chánh hạnh, 14. Biện minh phương cách tu tam-muội, 15. Nghi thức tu Tam-muội, 16. Tán thán đức hóa độ của Phật, 17. Mười điều chướng ngại, 18. Nghĩa Nhất hạnh tam-muội, 19. Hiện thị một nguyện đủ bốn nghĩa, 20. Giải thích niệm Phật tiêu tội, 21. Lược thuật chư Tổ vãng sanh, 22. Hồi hướng khuyên cầu vãng sanh; Phụ lục: a. Niệm Phật phá vọng, b. Kệ Tứ liệu giản, c. Văn khuyến phát tâm Bồ-đề; Chú thích. (<https://hoavouu.com>, *Sách Phật học-PDF*)

1.510. LUẬN BIỆN TRUNG BIÊN Madhyàntavibhàgabhàgabhàsyā

Hán dịch: *Tam tạng Pháp sư -*

Huyền Trang (602-664)

Việt dịch và chú giải: *Quảng Minh*

Nxb Hồng Đức – 2014; Sách có khổ 13 x 20.5cm, có 221 trang, bìa mềm.

Nội dung tác phẩm gồm có 7 phẩm: Mở đầu là Dẫn nhập; *P.I Biện tướng*, I. Biện hư vọng phân biệt, 1. Dựa hư vọng phân biệt biện hữu tướng, 2. Dựa hư vọng phân biệt biện vô tướng, 3. Dựa hư vọng phân biệt biện sở hữu tự tướng, 4. Dựa hư vọng phân biệt nhiếp ba tự tướng, 5. Dựa hư vọng phân biệt nhập vô tướng, phương tiện tướng, 6. Dựa hư vọng phân biệt nói sắc thái sai biệt và dị môn, 7. Dựa hư vọng phân biệt nói sắc thái sanh khởi, 8. Dựa hư vọng phân biệt nói sắc thái tạp nhiễm; II. Biện sở tri không tánh, 1. Biện các tướng không, 2. Biện dị môn không, 3. Biện nghĩa dị môn, 4. Biện sai biệt không, 5. Biện thành lập không; *P.II Biện chướng*, I. Biện 5 chướng, II. Biện chánh gia hành chướng (9 kết), III. Biện nhân chướng (10 năng tác chướng), IV. Biện các chướng của giác phần, 6 độ, 10 địa, V. Biện 2 chướng phiền não và sở tri, *P.III Biện chân thật*, I. Biện chân thật căn bản, II. Biện chân thật tướng, III. Biện chân thật không điên đảo, IV. Biện chân thật nhân quả, V. Biện chân thật thô tế, VI. Biện chân thật cực thành, VII. Biện chân thật tịnh sở hành, VIII. Biện chân thật nhiếp thọ, IX. Biện chân thật sai biệt, X. Biện chân thật thiện xảo; *P.IV Biện đối trị*, I. Biện sự tu 37 phẩm, II. Biện tu giác phần sai biệt tướng, III. Kết tu đối trị; *P.V Biện tu phần vị*, I. Rộng biện phần vị, II. Lược biện phần vị, III. Tùy vị sai biệt thiết lập bổ-đặc-già-la, IV. Tổng kết các phần vị; *P.VI Biện đắc quả*, I. Biện giải 5 quả, II. Biện giải những quả khác, III. Kết tất cả quả; *P.VII Biện Vô thượng thừa*, I. Chung biện vô thượng, II. Riêng biện vô thượng (1. Biện vô thượng chánh hành, 2. Biện vô thượng sở duyên, 3. Biện vô thượng tu chứng, Tổng kết vô thượng); III. Kết thích

luận danh (1. Thích 3 nghĩa Trung biên, 2. Thích luận 5 nghĩa).

1.511. LUẬN BỒ-ĐỀ TƯ LƯƠNG

Nguyên bản: *Long Thọ*

Chú thích: *Tỳ-kheo Tự Tại*

Hán dịch: *Đạt-ma-cấp-đa*

Việt dịch: *Thích Như Điển*

Toàn bộ tác phẩm Luận này có 6 quyển.

(<https://phatphapungdung.com>; *Pháp bảo-Luận tạng*)

1.512. LUẬN CHỈ QUÁN

(Đại thừa Chỉ Quán pháp môn: Chỉ Quán của Đại thừa)

Dịch giải: *Thích Trí Quang*

Nxb Tp. Hồ Chí Minh – 1995

Tác phẩm Luận này gồm có: I. Lược truyện Tôn giả đại cương, II. Lời dẫn 1, III. Lời dẫn 2, IV. Luận Chỉ quán, A.1 Mở đầu, A.2 Giải thích; B.1 Nói căn cứ của Chỉ Quán, B.2 Nói đối tượng của Chỉ Quán, B.3 Nói thể trạng của Chỉ Quán, B.4 Nói hiệu năng của Chỉ Quán, B.5 Nói hiệu quả của Chỉ Quán; A.3 Chỉ việc; V. Pháp môn Chỉ Quán Đại thừa, A.1 Phụ lục Bản dịch, A.2 Lời giới thiệu, A.3 Pháp môn Chỉ quán Đại thừa.

1.513. LUẬN DU-GIÀ-SU-ĐỊA – Trọn bộ 4 Tập

Giảng thuật: *Bồ-tát Di-lặc*

Ghi chép: *Bồ-tát Vô Trước*

Hán dịch: *Tam tạng Pháp sư*

Huyền Trang (602-664)

Việt dịch: *Nguyễn Huệ*

Nxb Hồng Đức – 2013. Sách khổ 14.5 x 20.5cm, tổng cộng 4 tập dày 3.080 trang, bìa mềm, có hộp đựng cả bộ.

Tập I, dày 797 trang, nội dung gồm 27 quyển: *Phần Bản Địa*, Q.1, Địa thứ 1: Địa năm thức thân tương ưng, Địa thứ 2: Địa ý, Phần 1 (phần Bản địa); Q.2, Địa thứ 2:

Địa ý, Phần 2; Q.3, Địa thứ 2: Địa ý, Phần 3; Q.4, Địa 3, 4, 5: Địa có Tâm, có Tứ, Phần 1; Q.5, Địa 3, 4, 5: Địa có Tâm, có Tứ, Phần 2; Q.6, Địa 3, 4, 5: Địa có Tâm, có Tứ, Phần 3; Q.7, Địa 3, 4, 5: Địa có Tâm, có Tứ, Phần 4; Q.8, Địa 3, 4, 5: Địa có Tâm, có Tứ, Phần 5; Q.9, Địa 3, 4, 5: Địa có Tâm, có Tứ, Phần 6; Q.10, Địa 3, 4, 5: Địa có Tâm, có Tứ, Phần 7; Q.11, Địa thứ 6: Địa Tam-ma-hý-đa, Phần 1; Q.12, Địa Tam-ma-hý-đa, Phần 2; Q.13, Địa Tam-ma-hý-đa, Phần 3, Địa thứ 7: Địa Tam-ma-hý-đa (Phần Bản địa), Địa thứ 8, 9: Địa có Tâm-không Tâm, Địa thứ 10: Địa do Văn tạo thành, Phần 1; Q.14, Địa thứ 10: Địa do Văn tạo thành, Phần 2; Q.15, Địa thứ 10: Địa do Văn tạo thành, Phần 3; Q.16, Địa thứ 11: Địa do Tư tạo thành, Phần 1; Q.17, Địa thứ 11: Địa do Tư tạo thành, Phần 2; Q.18, Địa thứ 11: Địa do Tư tạo thành, Phần 3; Q.19, Địa thứ 11: Địa do Tư tạo thành, Phần 4; Q.20, Địa thứ 12: Địa do Tư tạo thành; Q.21, Địa thứ 13: Địa Thanh văn, Xứ Du-già thứ nhất, Phần 1: Địa chúng tánh; Xứ Du-già thứ nhất, Phần 2: Địa hướng nhập; Q.22, Địa thứ 13: Địa Thanh văn, Xứ Du-già thứ nhất, Phần 3: Địa Xuất ly (1); Q.23, Địa thứ 13: Địa Thanh văn, Xứ Du-già thứ nhất, Phần 3: Địa Xuất ly (2); Q.24, Địa thứ 13: Địa Thanh văn, Xứ Du-già thứ nhất, Phần 3: Địa Xuất ly (3); Q.25, Địa thứ 13: Địa Thanh văn, Xứ Du-già thứ nhất, Phần 3: Địa Xuất ly (4); Q.26, Địa thứ 13: Địa Thanh văn, Xứ Du-già thứ hai: Đoạn 1; Q.27, Địa thứ 13: Địa Thanh văn, Xứ Du-già thứ hai: Đoạn 2.

Tập II, dày 782 trang, từ Q.28 đến Q.53. Nội dung: *Phần Bản Địa* (tt), Q.28 Địa thứ 13: Địa Thanh văn, Xứ Du-già thứ hai: Đoạn 3; Q.29 Địa thứ 13: Địa Thanh văn, Xứ Du-già thứ hai: Đoạn 4; Q.30 Địa thứ 13: Địa Thanh văn, Xứ Du-già thứ ba:

Đoạn 1; Q.31 Địa thứ 13: Địa Thanh văn, Xứ Du-già thứ ba: Đoạn 2; Q.32 Địa thứ 13: Địa Thanh văn, Xứ Du-già thứ ba: Đoạn 3; Q.33 Địa thứ 13: Địa Thanh văn, Xứ Du-già thứ tư: Đoạn 1; Q.34 Địa thứ 13: Địa Thanh văn, Xứ Du-già thứ tư: Đoạn 2; Địa thứ 14: Địa Độc giác; Q.35 Địa thứ 15: Địa Bồ-tát, Đoạn 1: Trì xứ Du-già. P.1 Chủng tánh, P.2 Phát tâm, P.3 Phần 1: Tự tha lợi; Q.36 Địa thứ 15: Địa Bồ-tát, Đoạn 1: Trì xứ Du-già. P.3 Phần 2: Tự tha lợi, P.4 Nghĩa chân thật; Q.37 Địa thứ 15: Địa Bồ-tát, Đoạn 1: Trì xứ Du-già. P.5 Uy lực, P.6 Thành thực; Q.38 Địa thứ 15: Địa Bồ-tát, Đoạn 1: Trì xứ Du-già. P.7 Bồ-đề, P.8 Lực chủng tánh; Q.39 Địa thứ 15: Địa Bồ-tát, Đoạn 1: Trì xứ Du-già. P.9 Thí; Q.40 Địa thứ 15: Địa Bồ-tát, Đoạn 1: Trì xứ Du-già. P.10, Phần 1: Giới; Q.41 Địa thứ 15: Địa Bồ-tát, Đoạn 1: Trì xứ Du-già. P.10, Phần 2: Giới; Q.42 Địa thứ 15: Địa Bồ-tát, Đoạn 1: Trì xứ Du-già. P.10, Phần 3: Giới; P.11 Nhẫn, P.12 Tinh tấn; Q.43 Địa thứ 15: Địa Bồ-tát, Đoạn 1: Trì xứ Du-già. P.13 Tĩnh lự, P.14 Tuệ, P.15 Nhiếp sự; Q.44 Địa thứ 15: Địa Bồ-tát, Đoạn 1: Trì xứ Du-già. P.16 Cúng dường thân cận vô lượng, P.17, Phần 1: Bồ-đề phần; Q.45 Địa thứ 15: Địa Bồ-tát, Đoạn 1: Trì xứ Du-già. P.17, Phần 2: Bồ-đề phần; Q.46 Địa thứ 15: Địa Bồ-tát, Đoạn 1: Trì xứ Du-già. P.17, Phần 2: Bồ-đề phần, Phần 3: Bồ-đề phần, P.18 Công đức của Bồ-tát; Q.47 Địa thứ 15: Địa Bồ-tát, Đoạn 2: Trì xứ Du-già Tùy pháp. P.1 Tướng Bồ-tát, P.2 Phần, P.3 Ý lạc tăng thượng; P.4, Phần 1: Trụ; Q.48 Địa thứ 15: Địa Bồ-tát, Đoạn 2: Trì xứ Du-già Tùy pháp. P.4, Phần 2: Trụ; Đoạn 3: Trì xứ Du-già Cứu cánh, P.1 Sinh, P.2 Thân nhận; Q.49 Địa thứ 15: Địa Bồ-tát, Đoạn 3: Trì xứ Du-già Cứu cánh. P.3 Địa, P.4 Hành, P.5, Phần 1: Kiến lập; Q.50 Địa thứ

15: Địa Bồ-tát, Đoạn 3: Trì xứ Du-già Cứu cánh. P.5 Phần 2: Kiến lập; Đoạn 4: Trì xứ Du-già Thứ lớp phẩm Phát tâm Chánh đẳng Bồ-đề; Địa thứ 16: Địa Hữu dư; Địa thứ 17: Địa Vô dư y; *Phần Nhiếp Quyết Trạch*, Q.51 Địa Năm Thức thân tương ưng và Địa ý; Q.52 Địa Năm Thức thân tương ưng và Địa ý, Đoạn 2; Q.53 Địa Năm Thức thân tương ưng và Địa ý, Đoạn 3;

Tập III, dày 766 trang, từ Q.54 đến Q.78, nội dung gồm: Địa Năm Thức thân tương ưng và Địa ý, Đoạn 4; Q.55 Địa Năm Thức thân tương ưng và Địa ý, Đoạn 5; Q.56 Địa Năm Thức thân tương ưng và Địa ý, Đoạn 6; Q.57 Địa Năm Thức thân tương ưng và Địa ý, Đoạn 7; Q.58 Ba Địa có tâm có tứ, Đoạn 1; Q.59 Ba Địa có tâm có tứ, Đoạn 2; Q.60 Ba Địa có tâm có tứ, Đoạn 3; Q.61 Ba Địa có tâm có tứ, Đoạn 4; Q.62 Địa Tam-ma-hí-đa, Đoạn 1; Q.63 Địa Tam-ma-hí-đa, Đoạn 2; Địa Phi Tam-ma-hí-đa, Địa có tâm, Địa không tâm; Q.64 Địa Tuệ do Văn tạo thành; Q.65 Địa Tuệ do Tư tạo thành, Đoạn 1; Q.66 Địa Tuệ do Tư tạo thành, Đoạn 2; Q.67 Địa Tuệ do Tu tạo thành, Địa Thanh văn, Đoạn 1; Q.68 Địa Thanh văn, Đoạn 2; Q.69 Địa Thanh văn, Đoạn 3; Q.70 Địa Thanh văn, Đoạn 4; Q.71 Địa Thanh văn, Đoạn 5; Q.72 Địa Bồ-tát, Đoạn 1; Q.73 Địa Bồ-tát, Đoạn 2; Q.74 Địa Bồ-tát, Đoạn 3; Q.75 Địa Bồ-tát, Đoạn 4; Q.76 Địa Bồ-tát, Đoạn 5; Q.77 Địa Bồ-tát, Đoạn 6; Q.78 Địa Bồ-tát, Đoạn 7;

Tập IV, dày 735 trang, từ Q.79 đến Q.100, nội dung gồm: *Phần Nhiếp Quyết Trạch* (tt), Q.79 Địa Bồ-tát, Đoạn 8; Q.80 Địa Bồ-tát, Đoạn 9: Hai Địa Hữu dư và Vô Dư y; *Phần Nhiếp Thích*, Q.81 Phần Nhiếp thích 1; Q.82 Phần Nhiếp thích 2; Phần Nhiếp Dị môn, Q.83 Phần Nhiếp Dị môn 1; Q.84 Phần Nhiếp Dị môn 2; Phần Nhiếp

sự, Q.85 Đoạn thứ nhất: Sự Khế Kinh. Lựa chọn, gồm thâu về hành. Đoạn 1; Q.86 Đoạn thứ nhất: Sự Khế Kinh. Lựa chọn, gồm thâu về hành. Đoạn 2; Q.87 Đoạn thứ nhất: Sự Khế Kinh. Lựa chọn, gồm thâu về hành. Đoạn 3; Q.88 Đoạn thứ nhất: Sự Khế Kinh. Lựa chọn, gồm thâu về hành. Đoạn 4; Q.89 Đoạn thứ hai: Sự Khế Kinh. Lựa chọn, gồm thâu về xứ, Đoạn 1; Q.90 Đoạn thứ hai: Sự Khế Kinh. Lựa chọn, gồm thâu về xứ, Đoạn 2; Q.91 Đoạn thứ hai: Sự Khế Kinh. Lựa chọn, gồm thâu về xứ, Đoạn 3; Q.92 Đoạn thứ hai: Sự Khế Kinh. Lựa chọn, gồm thâu về xứ, Đoạn 4; Q.93 Đoạn thứ ba: Sự Khế Kinh. Lựa chọn, gồm thâu về duyên khởi, thực, đế, giới. Đoạn 1; Q.94 Đoạn thứ ba: Sự Khế Kinh. Lựa chọn, gồm thâu về duyên khởi, thực, đế, giới. Đoạn 2; Q.95 Đoạn thứ ba: Sự Khế Kinh. Lựa chọn, gồm thâu về duyên khởi, thực, đế, giới. Đoạn 3; Q.96 Đoạn thứ ba: Sự Khế Kinh. Lựa chọn, gồm thâu về duyên khởi, thực, đế, giới. Đoạn 4; Q.97 Đoạn thứ tư: Sự Khế Kinh. Lựa chọn, gồm thâu về pháp Bồ-đề phần. Đoạn 1; Q.98 Đoạn thứ tư: Sự Khế Kinh. Lựa chọn, gồm thâu về pháp Bồ-đề phần. Đoạn 2; Q.99 Đoạn thứ năm: Sự Điều phục. Lựa chọn, gồm thâu chung. Đoạn 1; Q.100 Đoạn thứ năm: Sự Điều phục. Lựa chọn, gồm thâu chung. Đoạn 2; Đoạn thứ sáu: Sự Bản mẫu: Nêu bày, biện giải, gồm thâu.

1.514. LUẬN DU-GIÀ BỒ-TÁT GIỚI

Dịch và Giải thích:

Tỳ-kheo Thích Thiện Nhơn

Nxb Tôn Giáo, PL. 2557 – DL. 2013

Sách có khổ 14.5 x 20.5cm, có hơn 111 trang, bìa mềm.

Nội dung gồm có: Lời nói đầu, Tiêu sử Bồ-tát Vô Trước, Tiêu sử Pháp sư Huyền Trang, Khái luận Lược sử Giới Bồ-tát,

Luận Bồ-tát Giới Du-già, Phần Chú thích 17 Địa, Phần Chú thích các thuật ngữ, Phần Chú thích về Thập Địa, Phần Chú thích về Tổng Giới, Phần Chú thích về Trì Giới Ba-la-mật.

1.515. LUẬN DUY THỨC - TAM THẬP TỤNG Thích Lược

Việt dịch:

Ni trưởng Huyền Huệ (1924-2015)

Nxb Tôn Giáo, PL. 2549 – DL. 2005

Sách có khổ 14 x 20cm, có 70 trang, bìa mềm. Nội dung gồm có: Lời nói đầu, I. Thức A-lại-da (Thức thứ tám), II. Thức Mạt-na (Thức bảy), III. Sáu thức trước, Năm vị là gì? Tam tánh, Có năm ngôi vị.

1.516. LUẬN DUYÊN SANH

Tạo luận: *Uất-lăng-ca*

Hán dịch: *Đạt-ma-cấp-đa*

Việt dịch: *Thích Như Điển*

Tác phẩm Luận này gồm có: - Lời tựa về Luận Duyên sanh; - Luận Duyên sanh. (<https://phatphapungdung.com>; *Pháp bảo-Luận tạng*)

1.517. LUẬN ĐƯỜNG VỀ TỊNH ĐỘ - 2 Tập

Biên soạn: *TK. Thích Trí Hải*

Nxb Tôn Giáo – 2015

Sách có khổ 14.5 x 20.5cm, 2 tập dày 565 trang, bìa mềm.

Tập I, dày 274 trang. Nội dung gồm có 16 bài (B): Lời dẫn nhập, Tổng luận, B.1 Khuyến Phát Bồ-đề Tâm, B.2 Khởi lập Tín-Hạnh-Nguyện, B.3 Cầu học Pháp Đại thừa, B.4 Thọ Ngũ uẩn Sanh Thân, B.5 Xuất gia Hành Phật Đạo, B.6 Điều phục Vọng Tâm thức, B.7 Nhiếp hóa các Căn-

Trần, B.8 Chế ngự tiên Ngũ Thức, B.9 Thọ Bát-nhã Tâm Kinh, B.10 Thễ nhập Như Lai tạng, B.11 Tứ Thánh thử lòng Thiên, B.12 Liễu ngộ Pháp sanh diệt, B.13 Thực hành Đại Từ Tâm, B.14 Minh tà-chánh chân-ngụy, B.15 Tu Trí tuệ thi Nghiệp, B.16 Bát Phong xuy bất động; Thư mục tham khảo;

Tập II, dày 291 trang. Nội dung gồm từ B.17 đến B.32 như sau: Tổng luận, B.17 Tri Nhân duyên Nghiệp quả, B.18 Quán Tận tế Vô minh, B.19 Hôn trầm cấp Giải đãi, B.20 Trạo cử tịnh Kiêu mạn, B.21 Chuyển Mê Tham dục ái, B.22 Độc giác ngưng Thi tôn, B.23 Tình tưởng lụy Kiếp sanh, B.24 Đảo mã độc Ý thức, B.25 Chân vọng đồng Nhứt thể, B.26 Thệ dứt trừ Tam chương, B.27 Tẩy Tâm tẩy bồn Tháp, B.28 Hạnh Tinh tấn Viên ly, B.29 Thoát Ngũ âm Phi hữu, B.30 Nhập Tối thắng Phật tử, B.31 Liễu Thất đại bồn Không, B.32 Vô khứ diệt Vô lai; Thư mục sách tham khảo.

1.518. LUẬN ĐẠI TỔNG - ĐỊA HUYỀN VĂN BỒN

Tạo luận: *Bồ-tát Mã Minh*

Hán dịch: *Chơn Đế*

Việt dịch: *Thích Như Điển*

Toàn bộ tác phẩm Luận này gồm có 20 quyển, 40 phần: Q.I, Phần 1. Quy y đức xứ Vô biên đại quyết trạch, Phần 2. Quy y đức xứ Vô biên Đại quyết trạch; Q.II, Phần 3. Nhứt chủng Kim Cang đạo lộ Đại quyết trạch, Phần 4. Kim Cang Bảo luận Sơn vương Đại quyết thích; Q.III, Phần 5. Kim Luân vương đạo lộ Đại quyết trạch, Phần 6. Độc nhứt sơn vương Ma-ha sơn vương quyết trạch; Q.IV, Phần 7. Đại hải bộ Tạng đạo lộ Đại quyết trạch, Phần 8. Thâm lý xuất hưng Đại Tạng đại long vương Đại quyết trạch; Q.V, Phần 9. Thâm lý xuất hưng Địa Tạng Đại long

wương đạo lộ Đại quyết trạch, Phần 10. Đại long vương Trùng trùng Quảng hải vô tận Đại tạng Đại quyết trạch; Q.VI, Phần 11. Vô tận vô cùng Trần trần số lượng đạo lộ Đại quyết trạch, Phần 12. Bất khả tư nghì Bất khả xung lượng Câu câu vi trần bồn Đại sơn vương Đại quyết trạch; Q.VII, Phần 13. Bất khả tư nghì Câu câu vi trần nhứt thiết Sơn vương đạo lộ Đại quyết trạch, Phần 14. Tất cả hư không, tất cả vi trần số lượng, Cao vương Đại quyết trạch; Q.VIII, Phần 15. Độc địa phi loạn Nhứt định nhứt định đạo lộ Đại quyết trạch, Phần 16. Độc địa độc thiên Nhứt chủng quang đại vô nhị Sơn vương Đại quyết trạch; Q.IX, Phần 17. Độc nhứt vô nhị Sơn vương tự tại đạo lộ Đại quyết trạch, Phần 18. Ma-ha vô nhị Sơn vương Tối thắng cao đánh nhứt địa Đại quyết trạch; Q.X, Phần 19. Giác hồi Đà-thi phạn chư đạo lộ Đại quyết trạch, Phần 20. Giác hồi Đà-thi phạn Ca-nặc Bồn vương bồn địa Đại quyết trạch; Q.XI, Phần 21. Giác Thi-phạn-nặc bồn vương đạo lộ Đại quyết trạch, Phần 22. Ma-ha Giác Thi-phạn-nặc mẫu nguyên chủ thiên vương Đại quyết trạch; Q.XII, Phần 23. Nhứt chủng công đức Đốn đốn vô tạp Đại viên mãn địa đạo lộ Đại quyết trạch, Phần 24. Nhứt chủng công đức Ma-ha bồn địa Minh bạch ly ác Phẩm tạng Đại quyết trạch; Q.XIII, Phần 25. Ma-ha Bồn địa cụ túc Phẩm tạng Phi xung đạo lộ Đại quyết trạch, Phần 26. Ma-ha Bảo luân vương Quảng đại viên mãn Vô thương địa địa Đại quyết trạch; Q.XIV, Phần 27. Phồn phược địa địa Phẩm loại bất kiết tường đạo lộ Đại quyết trạch, Phần 28. Phồn phược địa địa Tự nhiên bồn vương Ma-ha nguy phẩm Đại quyết trạch; Q.XV, Phần 29. Tự nhiên bồn vương Quảng đại chuyển địa vô chương, vô ngại cụ hành đạo lộ Đại quyết trạch, Phần 30. Tối cực quang đại cụ hành Sơn vương Vô

tận hải hải Đại quyết trạch; Q.XVI, Phần 31. Xuất ly phồn phục địa thanh bạch Giải thoát đạo lộ Đại quyết trạch, Phần 32. Giải thoát sơn vương Căn bản địa địa Vô ngại tự tại Đại quyết trạch; Q.XVII, Phần 33. Giải thoát sơn vương Đại đạo lộ Đại quyết trạch, Phần 34. Quảng đại vô tận Giải thoát hải hải Ma-ha sơn vương Đại quyết trạch; Q.XVIII, Phần 35. Ma-ha không trần Hải tạng sơn vương đạo lộ Đại quyết trạch, Phần 36. Đại bất khả tư nghĩ trọng trọng Bất khả xung lượng A thuyết bốn vương Đại quyết trạch; Q.XIX, Phần 37. Giáo lượng (so sánh) công đức tán thán tín hành hiện thị lợi ích Đại quyết trạch, Phần 38. Giáo lượng quá xung Kha tính phi báng hiện thị chúng nghiệp Đại quyết trạch; Q.XX, Phần 39. Hiện thị bốn nhơn quyết định chứng thành trừ nghi sanh tín Đại quyết trạch, Phần 40. Khuyến trì lưu thông Phát đại nguyện hải địa quyết trạch. (<https://phatphapungdung.com; Pháp bảo-Luận tạng>)

1.519. LUẬN ĐẠI THỪA - BÁCH PHÁP MINH MÔN

Giảng giải: HT. Tuyên Hóa (1918-1995)

Việt dịch: Ban Phiên dịch Việt ngữ -

Vạn Phật Thánh Thành

Buddhist Text Translation Society

xuất bản.

Tác phẩm giảng giải Luận này có 164 trang, nội dung gồm: - Lời đầu; Kinh Hoa văn, Kinh Hán văn; Đại thừa Bách Pháp Minh môn luận, Kinh Anh văn. (www.thuvienphatgiao.com, Giảng luận)

1.520. LUẬN ĐẠI THỪA BẢO YẾU

Việt dịch: Thích Bảo Lạc

Pháp Bảo-Sydney-ấn hành – 1988

Sách dày 117 trang, bìa mềm, nền trắng, chữ tựa màu xanh dương, có hình hoa sen trong vòng tròn. Nội dung gồm có 10 quyển: Nhân duyên chuyển ngữ, Đôi nét về các Nhà phiên dịch, Q.1, Luận về thân người khó được, Phật pháp khó nghe; Q.2, Phát tâm Bồ-đề rộng lớn; Q.3, So sánh phước đức cúng dường; Q.4, Tham đắm dục lạc bị đọa lạc; Q.5, Thân cận học hỏi bậc thiện tri thức; Q.6, Phước đức cúng dường-Phương tiện độ sanh; Q.7, Các pháp tự tánh đều không; Q.8, Pháp an ổn vô trụ; Q.9, Trí Bát-nhã siêu việt; Q.10, Hoa tạng thế giới hải; Chú thích. (*Bản lưu tại Thư viện Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam tại Tp. Hồ Chí Minh; Mã sách: Vie 1167*)

1.521. LUẬN ĐẠI THỪA 100 PHÁP

Biên soạn: *Bồ-tát Thiên Thân*

Hán dịch: *Tam tạng Pháp sư -*

Huyền Trang (602-664)

Soạn thuật: *Cư sĩ Giản Kim Võ*

Việt dịch: *Cư sĩ Lê Hồng Sơn*

Nxb Hồng Đức. Sách có khổ 13 x 20.5cm, dày 366 trang. Nội dung gồm có 22 chương: - Lời người dịch (2013), - Lời tựa; C.1 Mục đích nghiên cứu, C.2 Giới thiệu Luận chủ, C.3 Làm rõ ý tạo luận là vì lợi ích của loài hữu tình, C.4 Giải thích sơ lược ý của đề luận, C.5 Giới thiệu người dịch, C.6 Như lời Đức Thế Tôn nói: Tất cả pháp vô ngã, C.7 Những gì là tất cả pháp, Tại sao là vô ngã? C.8 Năm vị, 100 pháp, C.9 Tuần tự 100 pháp, C.10 Tâm pháp, Tám tâm vương, C.11 Tâm sở hữu pháp-Biến hành, C.12 Tâm sở hữu pháp-Biệt cảnh, C.13 Tâm sở hữu pháp-Thiện, C.14 Tâm sở hữu pháp-Căn bản phiền não, C.15 Tâm sở hữu pháp-Tiểu tùy phiền não, C.16 Tâm sở hữu pháp-Trung tùy phiền não, C.17 Tâm sở hữu pháp-Đại tùy phiền não, C.18 Tâm sở hữu pháp-Bát

định, C.19 Sắc pháp, C.20 Tâm bất tương ưng hành pháp, C.21 Vô vi pháp, C.22 Vô ngã.

1.522. LUẬN ĐẠI THỪA - KHAI TÂM HIỂN TÁNH ĐỐN NGỘ CHƠN TÔNG

Đường Huệ Quang thích

Việt dịch: *Thích Thanh Từ*

Luận này hành văn theo cách vấn đáp, có khoảng 146 câu hỏi (của cư sĩ) và trả lời (của Thiền sư Đại Chiếu) về sự khai tâm hiển tánh đốn ngộ theo chơn tông Đại thừa. (<https://phatphapungdung.com>; *Pháp bảo/Luận tạng*)

1.523. LUẬN ĐẠI THỪA KHỞI TÍN

Tạo luận:

Bồ-tát Mã Minh (Asvaghosa, 100-160)

Dịch từ chữ Phạn sang Hán: *Tam tạng Pháp sư Chơn Đế*

Việt dịch: *Thích Thiện Hoa (1918-1973)*

Hương Đạo xuất bản, lần thứ nhất – 1962

Sách có 201 trang, bìa mềm. Nội dung gồm có 5 chương chính: Lời dịch giả, C.1 Phần Nhơn duyên, C.2 Định danh nghĩa, C.3 Phần Giải thích, C.4 Tín tâm-tu hành, C.5 Lợi ích và khuyến tu.

Tác phẩm Luận này tái bản 1967, Nxb Hương Đạo (Sài Gòn).

1.524. LUẬN ĐẠI THỪA KHỞI TÍN

Trước tác:

Bồ-tát Mã Minh (Asvaghosa, 100-160)

Hán dịch: *Tam tạng Pháp sư Chơn Đế*

Diễn giảng: *Đại sư Bảo Tịnh*

Việt dịch: *Thích nữ Tịnh Điền*

Nxb Tôn Giáo, PL. 2547 – DL. 2003.

Toàn bộ tác phẩm Luận này có 386 trang, gồm: - Lời tựa, - Luận về Đại thừa để khởi lòng tin; I. Khoa thứ nhất, Năm lớp huyền nghĩa: 1. Giải thích tên bộ luận, 2. Hiển bày phần thể, 3. Minh định tông chỉ, 4.

Luận về Đức Dụng, 5. Phân định về Giáo tướng; II. Khoa thứ hai, Giải thích về văn bộ luận, 1. Phần Nhân duyên, 2. Phần lập nghĩa, 3. Phần giải thích, 4. Phần tín tâm tu hành, 5. Phần lợi ích và khuyến tu; Tiểu sử Bồ-tát Mã Minh.

1.525. LUẬN ĐẠI THỪA KHỞI TÍN

Tác giả: *Bồ-tát Mã Minh*

Hán dịch: *Chơn Đế*

Việt dịch và giải: *Cao Hữu Đỉnh*

Nxb Thuận Hóa-Huế - 1996. Sách có khổ 13 x 19cm. Nội dung gồm có 2 quyển (thượng và hạ), 8 chương (trong mỗi chương có: phần Chánh văn (âm Hán Việt), phần Dịch nghĩa và Giải thích): Lời nói đầu, Dẫn nhập, *Quyển thượng*: C.I Tông chỉ và Mục đích, C.II Tông bản, C.III Nhân duyên tạo luận, C.IV Lập nghĩa; *Quyển hạ*: C.V Đối trị Tà chấp, C.VI Phát thú Đạo tướng, C.VII Tu hành Tín tâm, Chương cuối cùng, Vì Lợi ích nên khuyến tu.

1.526. LUẬN ĐẠI THỪA KHỞI TÍN giảng giải

Tác giả:

Bồ-tát Mã Minh (Asvaghosa, 100-160)

Giảng giải: *HT. Thích Thanh Từ*

Nxb Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh – 2016

Sách có khổ 14.5 x 20.5cm, dày 274 trang, bìa mềm, chữ tựa màu đỏ, có hình tháp chuông (nhỏ) ở phần dưới, có tay gấp. Nội dung gồm có 5 phần chính: I. Phần Nhân duyên, II. Phần Lập nghĩa, III. Phần giải thích, có 4 mục: A. *Hiển bày chánh nghĩa* (1. Chân như môn, 2. Sanh diệt môn (nghĩa giác, nghĩa bất giác (có: tam tế, lục thô, tướng giác và bất giác, nhân duyên sanh diệt, nói về ý thức, nói về tàng thức, nói về tâm nhiễm, sắc thái sanh diệt, pháp tịnh nhiễm huân tập, nghĩa huân tập của pháp nhiễm và pháp tịnh, thể đại và tương

đại của chân như, dụng đại của chân như),
3. Hiện bày từ môn sanh diệt hội nhập môn Chân như. B. *Đối trị tà chấp*, giảng giải về: nhân ngã kiến, pháp ngã kiến, cứu cánh lìa tất cả vọng chấp. C. *Phân biệt phát tâm tiến đến Đạo quả* gồm có: - Tín thành tựu phát tâm, - Giải hạnh phát tâm, - Chứng phát tâm, - Sự hoàn tất của chứng phát tâm. IV. Tu hành tín tâm, giảng về năm cửa để thành tựu tín tâm (các cửa: bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, chỉ quán) và phương tiện cứu vớt. V. Khuyến tu lợi ích.

Tác phẩm Luận này đã xuất bản năm 2011, Nxb Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh.

1.527. LUẬN ĐẠI THỪA NGŨ UẨN

Luận giả: *Bồ-tát Thế Thân*

Hán dịch: *Tam tạng Pháp sư -*

Huyền Trang (602-664)

Các bản Việt dịch: 1. *Thích Nhất Chân*; 2.

Thích Như Điển

Nội dung của tác phẩm này luận về 5 uẩn:

1. Sắc uẩn, 2. Thọ uẩn, 3. Tưởng uẩn, 4.

Hành uẩn, 5. Thức uẩn; 6. Nghĩa của năm

uẩn, 7. Mười hai xứ, 8. Mười tám giới.

(<https://phatphapungdung.com>; *Pháp bảo-*

Luận tạng)

1.528. LUẬN ĐẠI THỪA - TẬP BỒ-TÁT HỌC

Tạo luận: *Pháp Xưng*

Hán dịch: *Pháp Hộ*

Việt dịch: *Thích Như Điển*

Toàn bộ tác phẩm Luận này gồm có 25

quyển, 18 phẩm: Phần một, Q.I, P.1 Tập

bồ thí học; Q.II, Phần hai, P.1 Tập bồ thí

học (tt); Q.III, Phần ba, P.1 Tập bồ thí học

(tt); Q.IV, Phần một, P.2 Hộ trì chánh

pháp giới; Phần hai, P.2 Hộ trì chánh pháp

giới (tt); P.3 Ủng hộ Pháp sư; P.4 Không;

Q.V, Phần 2, P.4 Không (tt); Q.VI, Phần

3, P.4 Không (tt); Q.VII, Phần 4, P.4

Không (tt); Q.VIII, P.5 Tập ly nan giới

học; P.6 Hộ thân; Q.IX, P.6 Hộ thân (tt);

P.7 Hộ thọ dụng phước; Q.X, Phần 2, P.7

Hộ thọ dụng phước (tt); P.8, 1. Thanh tịnh;

Q.XI, P.8, 2. Thanh tịnh (tt); Q.XII, P.8, 3.

Thanh tịnh (tt); P.9 Nhẫn nhục; Q.XIII,

P.10 Tinh tấn Ba-la-mật-đa; P.11 Nói về

Lan Nhã; Q.XIV, Phần 2, P.11 Thuyết A-

lan-nhã; P.12 Trị tâm; Q.XV, Phần 2, P.12

Trị tâm (tt); Q.XVI, Phần 3. P.12 Trị tâm

(tt); P.13, 1. Niệm xứ; Q.XVII, P.13, 2.

Niệm xứ (tt); P.14, 1. Tụ tánh thanh tịnh;

Q.XVIII, P.14, 2. Tụ tánh thanh tịnh (tt);

Q.XIX, P.14, 3. Tụ tánh thanh tịnh (tt);

P.15, 1. Chánh mệnh thọ dụng; Q.XX,

P.15, 2. Chánh mệnh thọ dụng (tt); P.16, 1.

Tăng trưởng thắng lực; Q.XXI, P.16, 2.

Tăng trưởng thắng lực (tt); P.17, 1. Cung

kính hành lễ; Q.XXII, P.17, 2. Cung kính

hành lễ (tt); P.18, 1. Niệm Tam bảo;

Q.XXIII, P.18, 2. Niệm Tam bảo (tt);

P.18, 3. Niệm Tam bảo (tt); Q.XXV, P.18,

4. Niệm Tam bảo (tt).

(<https://phatphapungdung.com>; *Pháp*

bảo-Luận tạng)

1.529. LUẬN ĐẠI THỪA TẬP BỒ-TÁT HỌC

Tạo luận: *Pháp Xưng*

Hán dịch: *Pháp Hộ*

Việt dịch: *Nguyễn Hồng*

Nxb Phương Đông – 2011. Sách có khổ 13

x 20.5cm, dày hơn 475 trang. Nội dung

gồm 25 quyển, 18 phẩm. Q.I, P.1 Tập hợp

học xứ về bồ thí 1; Q.II, P.1 Tập hợp học

xứ về bồ thí 2; Q.III, P.1 Tập hợp học xứ

về bồ thí 3, P.2 Về giới hộ trì chính pháp

1; Q.IV, P.2 Học xứ về giới hộ trì chính

pháp 2, P.3 Học xứ về hộ pháp sư, P.4

Học xứ về Không 1; Q.V, P.4 Học xứ về

Không 2; Q.VI, P.4 Học xứ về Không 3;

Q.VII, P.4 Học xứ về Không 4, P.5 Tập

hợp lìa các chương nạn về học giới 1;

Q.VIII, P.5 Tập hợp lia các chướng nạn về học giới 2, P.6 Học xứ về hộ thân; Q.IX, P.6 Học xứ về hộ thân 2, P.7 Học xứ về hộ thụ dụng phúc 1; Q.X, P.7 Học xứ về hộ thụ dụng phúc 2, P.8 Học xứ về thanh tịnh 1; Q.XI, P.8 Học xứ về thanh tịnh 2; Q.XII, P.8 Học xứ về thanh tịnh 3; P.9 Học xứ về nhẫn nhục; Q.XIII, P.10 Học xứ về tinh tiến Ba-la-mật, P.11 Học xứ về A-lan-nhã 1; Q.XIV, P.11 Học xứ về A-lan-nhã 2, P.12 Học xứ về trị tâm 1; Q.XV, P.12 Học xứ về trị tâm 2; Q.XVI, P.12 Học xứ về trị tâm 3, P.13 Học xứ về niệm xứ 1; Q.XVII, P.13 Học xứ về niệm xứ 2, P.14 Học xứ về tự tính thanh tịnh 1; Q.XVIII, P.14 Học xứ về tự tính thanh tịnh 2; Q.XIX, P.14 Học xứ về tự tính thanh tịnh 3, P.15 Học xứ về chính mạng thụ dụng 1; Q.XX, P.15 Học xứ về chính mạng thụ dụng 2, P.16 Học xứ về tăng trưởng thắng lực 1; Q.XXI, P.16 Học xứ về tăng trưởng thắng lực 2, P.17 Học xứ về cung kính tác lễ 1; Q.XXII, P.17 Học xứ về cung kính tác lễ 2, P.18 Học xứ về nghĩ nhớ Tam bảo 1; Q.XXIII, P.18 Học xứ về nghĩ nhớ Tam bảo 2; Q.XXIV, P.18 Học xứ về nghĩ nhớ Tam bảo 3; Q.XXV, P.18 Học xứ về nghĩ nhớ Tam bảo 4.

1.530. LUẬN ĐẠI THỪA - TRĂM PHÁP MINH MÔN (Đại thừa Bá pháp Minh môn luận)

Tạo luận: *Bồ-tát Thiên Thân*
 Hán dịch: *Tam tạng Pháp sư Huyền Trang (602-664)*
 Việt dịch: *Nguyễn Thuận*
 PL. 2548 – DL. 2004

Nội dung của tác phẩm này luận về 100 pháp, gồm có: *I. Tâm pháp*, có 8 loại: Nhãn thức, nhĩ thức, tỷ thức, thiệt thức, thân thức, ý thức, Mạt-na thức, A-lại-da thức; *II. Tâm sở hữu pháp*, có 51 loại và phân làm 6 nhóm: 1. Biến hành (có 5: khởi

ý, tiếp xúc, cảm thọ, nghĩ tưởng, suy tư); 2. Biệt cảnh (có 5: mong muốn, quyết định, ghi nhớ, tập trung, suy lường); 3. Thiện (có 11: lòng tin, tinh tấn, xấu hổ, hổ thẹn, không tham lam, không sân hận, không si mê, khinh an, không buông lung, xả bỏ, không tổn hại); 4. Căn bản phiền não (có 6: tham lam, sân hận, si mê, kiêu mạn, nghi ngờ, bất chánh kiến); 5. Tỳ phiền não (có 20: phần nộ, hận thù, phiền muộn, che giấu, dối trá, nịnh bợ, kiêu ngạo, tổn hại, tật đố, keo kiệt, không biết xấu hổ, không biết hổ thẹn, bất tín, lừa dối, biếng, buông lung, hôn trầm, bồn chồn, mất chánh niệm, tà tri, tán loạn); 6. Bất định (có 4: ngủ, hối tiếc, tìm tòi, dò xét); *III. Sắc pháp*, có 11 loại: mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp; *IV. Tâm bất tương ưng hành pháp*, có 24: Đạt được, mạng sống, điểm tương đồng, tánh dị biệt, vô tướng định, diệt tận định, vô tướng báo, danh từ, câu cáng, văn tự, sanh, trụ, lão, vô thường, lưu chuyển, đặc điểm, tương ứng, tốc độ, thứ tự, thời gian, phương hướng, số mục, tánh hòa hợp, tánh không hòa hợp; *V. Vô vi pháp*, có 6 loại: 1. Hư không vô vi, 2. Trạch diệt vô vi, 3. Phi trạch diệt vô vi, 4. Bất động diệt vô vi, 5. Tướng thọ diệt vô vi, 6. Chân như vô vi; Về vô ngã, có 2 loại: Sở thủ thú vô ngã, Pháp vô ngã.

(<https://phatphapungdung.com>, *Pháp bảo-Luận tạng*)

1.531. LUẬN ĐẠI THỪA - TRĂM PHÁP MINH MÔN

Lược giảng: *HT. Tuyên Hóa (1918-1995)*
 Ban Phiên dịch Việt ngữ (Vạn Phật Thánh Thành – Mỹ Quốc)
 Buddhist Text Translation Society,
 xuất bản – 2004
 (Trường Đại học Pháp Giới; Tổng Hội Phật giáo Pháp Giới)

Sách có khổ 14.5 x 20.5cm, dày 174 trang, bìa mềm, có tay gấp. Nội dung sơ lược gồm: Lời đầu, Kinh Hoa văn; Kinh Hán văn, *Đại thừa Bách Pháp Minh môn Luận*; Kinh Anh văn, Shastra on the Door to Understanding the Hundred Dharmas; Tựa; C.I Giải thích tổng quát về Danh đề, C.II Người tạo luận, Thiên Thân Bồ-tát, C.III Dịch giả, ngài Tam tạng Pháp sư Huyền Trang, C.IV Biệt giảng Văn nghĩa; Sơ lược về Hòa thượng Tuyên Hóa; Kệ Hồi hương.

1.532. LUẬN ĐẠI TRÍ ĐỘ (MAHÀPRAJNÀPÀRAMITÀ- SĀSTRA) – Trọn bộ 5 Tập

Tác giả: *Long Thọ (Nāgārjuna)*

Dịch từ Phạn sang Hán: *Cưu-ma-la-thập (Kumàrajiva, 344-413)*

Việt dịch: *Thích Thiện Siêu (1921-2001)*

Toàn bộ Đại luận này gồm có 100 cuốn, 90 phẩm.

Tập I, Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam ấn hành 1997. Tập này có: Mục lục, Lời nói đầu, Nội dung từ cuốn 1 – 20. Cuốn 1. Duyên khởi luận, Giải thích phẩm tựa đầu (gồm 46 chương (C), C.1. Giải thích Như thị, Ngã văn, Nhứt thời; C.2. Tổng thuyết Như thị, Ngã văn; Cuốn 2. C.3. Giải thích Bà-già-bà; Cuốn 3, C.4. Giải thích trú Vương xá Thành, C.5. Giải thích cọng Ma-ha Tỳ-kheo Tăng, C.6. Giải thích nghĩa ba chúng; Cuốn 4, C.7. Giải thích Bồ-tát; Cuốn 5, C.8. Giải thích Ma-ha Tát-đỏa, C.9. Giải thích Bồ-tát công đức; Cuốn 6, C.10. Giải thích mười dụ; Cuốn 7, C.11. Giải thích Phật thế giới nguyện, C.12. Giải thích Tam-muội, C.13. Giải thích phóng quang; Cuốn 8 – 9, C.14. Giải thích hiện Phổ thân, C.15. Giải thích 10 phương chư Bồ-tát đến; Cuốn 10 – 11, C.16. Giải thích Xá-lợi-phất nhân duyên, C.17. Giải thích Đàn Ba-la-mật, C.18. Giải

thích tán thán Đàn Ba-la-mật, C.19. Giải thích tướng của Đàn Ba-la-mật, C.20. Giải thích Đàn Ba-la-mật pháp thí; Cuốn 12 – 13, C.21. Giải thích Thi-la Ba-la-mật, C.22. Giải thích nghĩa của giới tướng, C.23. Giải thích tán thán nghĩa Thi-la Ba-la-mật; Cuốn 14, Giải thích Thi-la Ba-la-mật, C.24. Giải thích Sần-đề Ba-la-mật; Cuốn 15, Giải thích Sần-đề Ba-la-mật pháp nhẫn, C.25. Giải thích Tỳ-lê-gia Ba-la-mật; Cuốn 16, Giải thích tinh tấn Ba-la-mật; Cuốn 17, C.26. Giải thích thiền Ba-la-mật; Cuốn 18, C.27. Giải thích Bát-nhã Ba-la-mật, C.28. Giải thích tướng Bát-nhã; Cuốn 19, C.29. Giải thích 37 phẩm trợ đạo; Cuốn 20, C.30. Giải thích ba tam-muội, bốn thiền, bốn vô lượng tâm, bốn vô sắc định; Phụ lục: nội dung luận Đại trí độ, Khái quát sự truyền dịch kinh Bát-nhã.

Tập II, Nxb Tp. Hồ Chí Minh – 1998. Tập này từ cuốn 21 – 40. Có: Lời đầu quyển, Cuốn 21 - 40, các Giải thích: phẩm Tựa (tiếp), 8 thắng xứ, 10 nhất thiết xứ, 9 tướng, 8 niệm, 10 tướng, 11 trí, 10 lực, 4 việc không sợ, 4 trí vô ngại, 18 pháp không chung, Đại từ bi, hãy tập hành Bát-nhã Ba-la-mật, 6 thần thông, tùy hỷ, hồi hương, thiện căn cúng dường, 18 không, Nghĩa 4 duyên, Đến bờ kia, Trí tri, Phẩm Dâng bát thứ 2, Phẩm Tập tương ưng thứ 3; Phẩm vãng sanh thứ 4, Phẩm Thán độ thứ 5, Phẩm tướng lưới thứ 6; Phụ lục.

Tập II, Luận Đại Trí Độ được Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam ấn hành – 1998.

Tập III, Nxb Tp. Hồ Chí Minh – 1998. Tập này từ cuốn 41 – 60, các Giải thích: Phẩm Ba giả thứ 7, Phẩm khuyến học thứ 8, Phẩm Tập tán thứ 9, Phẩm Hành tướng thứ 10, Phẩm huyền học thứ 11, Phẩm Cú nghĩa thứ 12, Phẩm Ma-ha-tát thứ 13, Phẩm đoạn kiến thứ 14, Phẩm Phú-lâu-na thứ 15, Phẩm Thừa thừa thứ 16, Phẩm Trang nghiêm thứ 17, Phẩm Đại thừa thứ

18, Phẩm Bốn niệm xứ thứ 19, Phẩm Phát thú thứ 20, Phẩm xuất đạo thứ 21, Phẩm thắng xuất thứ 22, Phẩm Hàm thụ thứ 23, Phẩm Hội tông thứ 24, Phẩm 10 vô thứ 25; Cuốn 53, Phẩm Vô sanh tam quán thứ 26, Phẩm Thiên vương thứ 27, Phẩm Như huyễn thứ 28, Phẩm tán hoa thứ 29, Phẩm Tam tán thứ 30, Phẩm diệt tránh thứ 31, Phẩm Đại minh thứ 32, Phẩm thuật thành thứ 33, Phẩm khuyến trì thứ 34, Phẩm Phạm chí thứ 35, Phẩm tôn đạo thứ 36, Phẩm Xa-lợi thứ 37, 10 thiện thứ 38.

Tập III, Luận Đại Trí Độ được Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam ấn hành – 1999.

Tập IV, Nxb Tp. Hồ Chí Minh PL. 2544 – DL. 2000, khổ 14.5 x 20.5cm, có 781 trang. Toàn bộ Tập IV của *Luận Đại Trí Độ* gồm từ cuốn 61 đến cuốn 80, nội dung giải thích về các Phẩm: Tùy hỷ, Chiêu minh, Tín hỷ, Thán tịnh, Vô tác, Các Ba-la-mật, Văn trì, Ma sự, Hai bên không hòa hợp, Phật mẫu, Văn tướng, Thành biện, Thí dụ, Trí thức, Thú trí, Đại như, Chẳng thoái chuyển, Chuyển bánh xe, Thâm áo, Mộng hành, Hà thiên, Học không không, Mộng thế, Ma sàu, Đẳng học, Tịnh nguyện, Độ không, Chúc lụy, Vô tận, Sáu độ tương nhiếp (*các phẩm này từ trong Kinh Đại Bát Nhã, phần 2*)

Tập V, Nxb Tp. Hồ Chí Minh PL. 2545 – DL. 2001. Tập V, Luận này từ cuốn 81 – 100, các Giải thích về: Phẩm Sáu độ tương nhiếp, Phẩm Phương tiện, Phẩm Ba tuệ, Phẩm Ba Tuệ, Phẩm Đạo thọ, Phẩm Bồ-tát hạnh, Phẩm gieo trồng căn lành, Biện học, Phẩm ba thứ lớp học, Phẩm một niệm đủ muôn hạnh, Phẩm sáu dụ, Phẩm bốn nhiếp, Phẩm khéo thông suốt, Phẩm thật tế, Phẩm Cụ túc, Phẩm Tịnh Phật quốc độ, Phẩm chắc chắn, Phẩm bốn đế, Phẩm bảy dụ, Phẩm bình đẳng, Phẩm như hóa, Phẩm

Tát-bà-đa luân, Phẩm Đàm-vô-kiệt, Phẩm chúc lụy.

Luận Đại Trí Độ (Tập IV và V), được Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam ấn hành – 2001; tái bản năm 2016, Nxb Hồng Đức (Trọn bộ 5 tập)

1.533. LUẬN ĐẠI TRÍ ĐỘ - 5 Tập

Tác giả: *Bồ-tát Long Thọ (Nàgàrjuna)*

Hán dịch: *Tam tạng Cưu-ma-la-thập (Kumàrajiva, 344-413)*

Việt dịch:

NT. Thích nữ Diệu Không (1905-1997)

Nhuận văn: *HT. Thích Thiện Trí và Cư sĩ Tâm Viên-Lê Văn Lâm*

Nxb Thời Đại – 2011; Sách có khổ 14 x 20cm, tổng cộng 5 tập dày 3.360 trang, bìa cứng. Toàn bộ tác phẩm Luận này gồm có 5 tập, 100 quyển.

Tập I, dày 675 trang, từ Q.1 đến Q.20, gồm có: Lời tựa, Lời nói đầu; Q.1, P. Mở đầu-Duyên khởi, P.1 Tụ; Q.2, P.1 (tt) – Bà-già-bà; Q.3, P.1 (tt) – Trụ vương xá thành, Ma-ha Tỳ-kheo Tăng, Tam chúng (Tỳ-kheo Ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di); Q.4, P.1 (tt) – Bồ-tát; Q.5 P.1 (tt) – Công đức của Bồ-tát; Q.6, P.1 (tt) – Mười Thí dụ; Q.7, P.1 (tt) – Phật thế giới nguyện, Tam-muội, phóng quang; Q.8, P.1 (tt) – Phóng quang; Q.9, P.1 (tt) – Hiện phổ thân; Q.10, P.1 (tt) – Bồ-tát mười phương đến; Q.11, P.1 (tt) – Xá-lợi-phát, Đàn Ba-la-mật, a. Nghĩa của bố thí Ba-la-mật, b. Tán thán nghĩa bố thí Ba-la-mật, c. Tướng của bố thí Ba-la-mật, d. Pháp thí Ba-la-mật; Q.12, P.1 (tt) – Pháp thí Ba-la-mật (tt); Q.13, P.1 (tt) – Thi-la Ba-la-mật, a. Nghĩa của giới tướng, b. Tán thán nghĩa giới tướng, c. Trì giới; Q.14, P.1 (tt) – c. Trì giới (tt), Sằn-đề Ba-la-mật (nhẫn nhục Ba-la-mật); Q.15, P.1 (tt) – Sằn-đề Ba-la-mật (tt), Tỳ-lê-gia Ba-la-mật (tinh tấn); Q.16, P.1 (tt) – Tỳ-lê-gia Ba-la-mật (tt); Q.17, P.1 (tt) –

Thiên-na Ba-la-mật; Q.18, P.1 (tt) – Bát-nhã Ba-la-mật (trí tuệ); Q.19, P.1 (tt) – 37 phẩm trợ đạo; Q.20, P.1 (tt) – Tam-muội: Không, vô tướng, vô tác; Thiên, vô lượng tâm, vô sắc định.

Tập II, dày 614 trang, từ Q.21 đến Q.40: Q.21, P.1 (tt) – 8 Bối xả, 8 Thắng xứ, 10 Nhất thiết nhập, 9 Thứ đệ định, 9 Quán tưởng (về thân người chết), 8 niệm; Q.22, P.1 (tt) – 8 niệm (tt); Q.23, P.1 (tt) – Thập tướng (10 quán tướng thuộc nhóm vô thường), Mười một trí, Hữu giác hữu quán tam-muội, Vô giác hữu quán tam-muội, Vô giác vô quán tam-muội; Q.24, P.1 (tt) – Mười lục; Q.25, P.1 (tt) – 4 vô sở úy, 4 vô ngại trí; Q.26, P.1 (tt) – Mười tám pháp bất cộng; Q.27, P.1 (tt) – Đại từ, đại bi, đạo trí tuệ, đạo chủng huệ; Q.28, P.1 (tt) – Sáu thần thông; Q.29, P.1 (tt) – Tùy hỷ công đức; Q.30, P.1 (tt) – Thiện căn cúng dường; Q.31, P.1 (tt) – Mười tám không; Q.32, P.1 (tt) – Bốn duyên; Q.33, P.1 (tt) – Qua bờ bên kia; Q.34, P.1 (tt) – Tin và giữ; Q.35, P.2 Dâng bát; Q.36, P.3 Tu tập tương ưng; Q.37, P.3 Tu tập tương ưng (tt); Q.38, P.4 Vãng sanh; Q.40, P.4 Vãng sanh (tt), P.5 Tán thán Ba-la-mật, P.6 Tướng lười.

Tập III, dày 666 trang, từ Q.41 đến Q.60: Q.41, P.7 Ba thứ giả lập, P.8 Khuyến học; Q.42, P.9 Hợp và tan; Q.43, P.9 Hợp và tan (tt), P.10 Sự vận hành của tướng; Q.44, P.11 Người huyễn; Q.45, P.12 Cú nghĩa, P.13 Kim cang, P.14 Đoạn trừ các kiến, P.15 Phú-lâu-na; Q.46, P.16 Ngồi xe Đại thừa, P.17 Trang nghiêm, P.18 Hỏi về Đại thừa; Q.47, P.18 Hỏi về Đại thừa (tt); Q.48, P.19 Thừa rộng lớn; Q.49, P.20 Hướng đến 10 địa; Q.50, P.20 Hướng đến 10 địa (tt), P.21 Ra và đến; Q.51, P.22 Vượt lên trên hết thảy; P.23 Bằng với hư không; Q.52, P.24 Hội các tông chỉ, P.25 Mười điều không; Q.53, P.26 Ba pháp

quán vô sanh; Q.54, P.27 Vua trời; Q.55, P.28 Người huyễn nghe pháp, P.29 Rải hoa; Q.56, P.30 Ba phen tán thán, P.31 Diệt trừ cạnh tranh; Q.57, P.32 Tháp báu Đại Minh, P.33 Thuật lại sự thành tựu; Q.58, P.34 Khuyến trì, P.35 Phạm chí, P.36 A-nan xung tán; Q.59, P.37 Xá-lợi; Q.60, P.38 So sánh và lượng về pháp thí.

Tập IV, dày 734 trang, từ Q.61 đến Q.80: Q.61, P.39 Tùy hỷ; Q.62, P.40 Chiêu sáng; P.41 Tín kính và hủy báng; Q.63, P.41 Tín kính và hủy báng (tt), P.42 Tán thán thanh tịnh; Q.64, P.42 Tán thán thanh tịnh (tt), P.43 Vô tác; Q.65, P.43 Vô tác (tt), P.44 Trăm Ba-la-mật; Q.66 – Q.67, P.45 Nghe và thọ trì; Q.68, P.46 Ma sự, P.47 Hai bên chẳng hòa hợp; Q.69, P.47 Hai bên chẳng hòa hợp (tt), P.48 Mẹ của chư Phật; Q.70, P.48 Mẹ của chư Phật (tt), P.49 Hỏi về các tướng; Q.71, P.50 Nói về yếu tố thành tựu; P.51 Thí dụ, P.52 Thiện tri thức, P.53 Hướng về Nhất thiết trí; Q.72, P.54 Đại như; Q.73, P.55 A-bệ-bạt trí (bất thối chuyển), P.56 Chuyển-bất chuyển; Q.74, P.56 Chuyển-bất chuyển (tt), P.57 Thâm áo; Q.75, P.57 Thâm áo (tt), P.58 Hành trong mộng, P.59 Hằng-già-đề-bà; Q.76, P.60 Học không-bất chứng, P.61 Trong mộng chẳng chứng; Q.77, P.61 Trong mộng chẳng chứng (tt), P.62 Đồng học, P.63 Đẳng học; Q.78, P.64 Nguyên thanh tịnh, P.65 Độ hư không; Q.79, P.65 Độ hư không (tt), P.66 Chúc lụy; Q.80, P.67 Chẳng cùng tận, P.68 Sáu độ nhiếp lẫn nhau.

Tập V, dày 671 trang, từ Q.81 đến Q.100: Q.81, P.68 Sáu độ nhiếp lẫn nhau (tt); Q.82, P.69 Phương tiện lớn; Q.83, P.69 Phương tiện lớn (tt), P.70 Tam huệ; Q.84, P.70 Tam huệ (tt); Q.85, P.71 Cây đạo, P.72 Hạnh Bồ-tát, P.73 Gieo trồng căn lành; Q.86, P.74 Khấp học, P.75 Học theo ba thứ lớp; Q.87, P.75 Học theo ba thứ lớp

(tt), P.76 Một tâm đủ vạn hạnh; Q.88, P.77 Sáu thí dụ, P.78 Tứ nhiếp pháp; Q.89, P.78 Tứ nhiếp pháp (tt), P.79 Khéo thông đạt; Q.90, P.80 Thật tế; Q.91, P.81 Đầy đủ; Q.92, P.82 Thanh tịnh cõi Phật; Q.93, P.82 Thanh tịnh cõi Phật (tt), P.83 Tất định; Q.94 P.83 Tất định (tt), P.84 Tứ Thánh đế; Q.95 P.85 Bảy thí dụ, P.86 Bình đẳng; Q.96, P.87 Như hóa, P.88 Tát-bà-đa-luân; Q.97 – Q.98, P.88 Tát-bà-đa-luân (tt); Q.99, P.89 Đàm-vô-kiệt; Q.100, P.89 Đàm-vô-kiệt (tt), P.90 Phó chúc.

1.534. LUẬN ĐẠI TRÍ ĐỘ -

Trọn bộ 9 Tập

Tác giả: *Bồ-tát Long Thọ (Nàgàrjuna)*

Hán dịch: *Tam tạng Cưu-ma-la-thập (Kumàrajiva, 344-413)*

Việt dịch:

HT. Thích Trung Quán (1918-2003)

THPG Tp. Hồ Chí Minh ấn hành,

PL. 2540 – DL. 1996

Bộ Luận có khổ 14 x 20cm. Tập I, dày hơn 453 trang, Lời nói đầu, nội dung có 9 quyển, từ Q.1 đến Q.9; Tập II, dày hơn 623 trang, Thay lời tựa, từ Q.10 đến Q.20; Tập III, dày hơn 593 trang, Lời nói đầu, từ Q.21 đến Q.31; Tập IV, dày hơn 497 trang, Lời nói đầu, từ Q.31 (tt) đến Q.40; Tập V, dày hơn 587 trang, Lời nói đầu, từ Q.41 đến Q.52; Tập VI, dày hơn 565 trang, Lời nói đầu, từ Q.53 đến Q.64; Tập VII, dày hơn 617 trang, Lời nói đầu, từ Q.65 đến Q.76; Tập VIII, dày 595 trang, Lời nói đầu, từ Q.77 đến Q.88; Tập IX, dày hơn 531 trang, Lời nói đầu, từ Q.89 đến Q.100.

1.535. LUẬN ĐẠI TRƯỢNG PHU

Việt dịch: *Thích Trí Quang (1923-2019)*

Ấn tổng năm PL. 2546 – DL. 2002

In tại Đường Sáng ấn quán, 712 N. 9th Street, San Jose, CA 95112.

Sách có 71 trang, bìa mềm, chữ tựa màu đỏ, có hình hoa sen. Toàn bộ tác phẩm này gồm có 29 phẩm: Lời giới thiệu, Tựa, Lê ngôn; 1. Sự bố thí thù thắng, 2. Chất vị của sự bố thí, 3. Tư cách người bố thí, 4. Người xin giúp người cho, 5. Giải thoát thù thắng, 6. Người cho đặc biệt, 7. Kính trọng người xin, 8. Bố thí với tham lẫn, 9. Bố thí bằng tài sản, 10. Xả bỏ tất cả, 11. Bỏ thân thọ thân, 12. Xả bỏ thân mạng, 13. Đại bi biểu hiện, 14. Bố thí chánh pháp, 15. Phát Bồ-đề tâm, 16. Công đức thù thắng, 17. Giải thoát thù thắng, 18. Lợi tha, 19. Thay người chịu khổ, 20. Từ bi, 21. Ái và Bi, 22. Đại trượng phu, 23. Đại bi, 24. Bố thí của Đại bi, 25. Năng lực của Ái và Bi, 26. Trí tuệ, Từ bi và Giải thoát, 27. Lập chí nguyện, 28. Lập chí nguyện rộng và cao, 29. Lập chí nguyện thù thắng. *Tác phẩm này đã được xuất bản năm 1950; Phật học Tùng thư tái bản năm PL. 2513 – DL. 1969, được sự Chứng minh của HT. Thích Tịnh Khiết.*

1.536. LUẬN ĐẠI TRƯỢNG PHU

Việt dịch: *Đại đức Thích Chân Lạc*

Sách có 45 trang (bản đánh máy), bìa mềm. Nội dung gồm có: Tựa (Tiểu truyện Luận chủ Đề-bà), *Luận Đại Trượng Phu*, Tựa luận: Bồ-tát Đề-bà; Hán dịch: Sa-môn Đạo Thái; *Quyển thượng*, P.1 Thí thắng, P.2 Thí thắng vị, P.3 Thí chủ thế, P.4 Thí chủ-người xin tăng trưởng, P.5 Thắng Giải thoát, P.6 Thí chủ tăng trưởng, P.7 Cung kính người xin, P.8 Thí xan tham, P.9 Thí tài vật, P.10 Bỏ tất cả, P.11 Xả âm-Thọ ấm, P.12 Xả thân mạng, P.13 Hiền bi, P.14 Pháp thí; *Quyển hạ*, P.15 Phát Tâm Bồ-đề, P.16 Công đức thù thắng, P.17 Thắng Giải thoát, P.18 Lợi tha, P.19 Bố thí người khổ thù thắng, P.20 Bi ái, P.21 Giác ngộ kẻ trượng phu, P.22 Đại Trượng phu, P.23 Thuyết Từ bi, P.24 Thí Từ bi thanh tịnh,

P.25 Bi ái thù thắng, P.26 Bi-Trí Giải thoát, P.27 Phát nguyện, P.28 Đồng đẳng phát nguyện, P.29 Phát nguyện thù thắng.
(*Dịch xong năm PL. 2517 – DL. 1973; Bản lưu tại Thư viện Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam tại Tp. Hồ Chí Minh; Mã sách: Vie 2363*)

1.537. LUẬN ĐỀ-BÀ BỒ-TÁT GIẢI THÍCH VỚI NGOẠI ĐẠO TIỂU THỪA VỀ NIẾT-BÀN THEO KINH LĂNG-GIÀ

(**Đề-bà Bồ-tát Thích Lăng-già Kinh Trung ngoại đạo Tiểu thừa Niết-bàn Luận**)

ĐCTTĐTK, Q. 32, Luận Tập Bộ Toàn, Ks. 1640.

Tạo luận: *Bồ-tát Đề-bà*;

Hán dịch: *Bồ-đề-lưu-chi*

Việt dịch (2004):

Sa-môn Thích Như Điển

Tác phẩm Luận này có 4 trang (PDF).

(<https://hoavouu.com>, *Sách Phật học-PDF*)

1.538. Luận Giải CHÁNH TRI KIẾN

Phật giáo Nguyên Thủy

Biên soạn: *Tỳ-kheo Chánh Minh*

Nxb Tôn Giáo, PL. 2550 – DL. 2006

Sách có khổ 14 x 20cm, dày hơn 678 trang. Nội dung gồm có 3 phần chính: Lời nói đầu, Những chữ viết tắt; *Phần I. Duyên khởi*, A. Chánh tri kiến, B. Có tri kiến chánh trực; *Phần II. Mười sáu tiêu đề*, Tiêu đề 1. a. Trí biết rõ bất thiện và gốc rễ của bất thiện, b. Trí biết rõ thiện và gốc rễ của thiện, Tiêu đề 2. Trí hiểu rõ về bốn loại vật thực, Tiêu đề 3. Trí hiểu rõ Tứ đế, Tiêu đề 4. Trí hiểu rõ về Già và Chết, Tiêu đề 5. Trí hiểu rõ về Sanh, Tiêu đề 6. Trí hiểu rõ về Hữu, Tiêu đề 7. Trí hiểu rõ về Thủ, Tiêu đề 8. Trí hiểu rõ về Ái, Tiêu đề 9. Trí hiểu rõ về Thọ, Tiêu đề 10. Trí

hiểu rõ về Xúc, Tiêu đề 11. Trí hiểu rõ về Sáu xứ, Tiêu đề 12. Trí hiểu rõ về Danh sắc, Tiêu đề 13. Trí hiểu rõ về Thức, Tiêu đề 14. Trí hiểu rõ về Hành, Tiêu đề 15. Trí hiểu rõ về Vô minh; *Phần III. Bất tri Tứ đế*, I. Không biết về Khổ, II. Không biết về Tập khởi của Khổ, III. Không biết sự Diệt khổ, IV. Không biết Con đường đưa đến khổ diệt, Tiêu đề 16. Trí hiểu rõ về Pháp ngâm Tâm; Tài liệu tham khảo: Kinh tạng, Luật tạng và Luận tạng.

1.539. Luận Giải THI TỤNG MƯỜI BỨC TRANH CHẶN TRÂU

Tác giả: *Thiền sư Quảng Trí*

Giảng giải: *Thích Thanh Từ*

Nxb Tp. Hồ Chí Minh – 1999. Sách có khổ 14.5 x 20.5cm, dày 546 trang, bìa mềm, chữ tựa màu đỏ, có hình tháp chuông (nhỏ) ở phần dưới, có tay gấp.

Nội dung gồm có 2 phần chính: Lời dẫn, Biểu dâng vua Lê Dụ Tông, Lời tựa Tranh Chặn Trâu; *Phần I*. 1. Nói thẳng về chưa chặn, 2. Luận thẳng về chưa chặn (có 2 phần), 3. Nói thẳng về mới điều phục (có 2 phần), 4. Luận thẳng về mới điều phục (có 2 phần), *Phần II*. 1. Vấn đáp về các Tranh Chặn Trâu, 2. Luận giải các Bài tụng Tranh Chặn Trâu của Thiền sư Phổ Minh, B.1 Chưa chặn, B.2 Mới điều phục – Tĩnh lự - Mới chặn (Sơ điều), B.3 Chịu phục, B.4 Quày đầu, B.5 Thuần phục, B.6 Không ngại, B.7 Buông Mặc tình, B.8 Cùng quên, B.9 Soi một mình, B.10 Dứt bật cả hai, 3. Tổng luận về tướng viên giác Tịnh quang và thể Chân không diệu hữu, 4. Tổng kết; Phụ bản chữ Hán.

Tác phẩm Luận giải này được tái bản năm 2011, Nxb Tôn Giáo.

1.540. LUẬN GIẢI THOÁT ĐẠO (Luận về Con đường Giải thoát)

Tạo luận: *Ưu-ba-đề-sa*

Hán dịch: *Tăng-già-bà-la*
Việt dịch: *Thích Như Điển*

Tác phẩm Luận này gồm có 12 quyển, 12 phẩm: *Q.I*, P.1 Nhơn duyên, P.2 Phân biệt Giới; *Q.II*, P.3 Đầu-đà, P.4 Phân biệt Định, P.5 Mịch thiện tri thức; *Q.III*, P.6 Phân biệt Hành (việc làm), P.7 Phân biệt hành xứ; *Q.IV*, P.8, 1. Hành môn; *Q.V*, P.8, 2. Hành môn (tt); *Q.VI*, P.8, 3. Hành môn (tt); *Q.VII*, P.8, 4. Hành môn (tt); *Q.VIII*, P.8, 5. Hành môn (tt); *Q.IX*, P.9 Ngũ thông, P.10 Phân biệt Huệ, *Q.X*, P.11, 1. Ngũ phương tiện; *Q.XI*, P.11, 2. Ngũ phương tiện, P.12, 1. Phân biệt Chân lý; *Q.XII*, P.12, 2. Phân biệt Chân lý (tt). (<https://phatphapungdung.com>; *Pháp bảo-Luận tạng*)

1.541. LUẬN GIẢI TRUNG LUẬN – Tánh Khởi và Duyên Khởi

Luận giải: *Hồng Dương Nguyễn Văn Hai*
Nxb Tôn Giáo, PL. 2547 – DL. 2003
Sách có khổ 14.5 x 20.5cm, dày 644 trang.
Nội dung tác phẩm Luận giải này gồm có:
- Lời đầu sách; I. Nhân và Duyên, 1. Quán nhân duyên, 2. Bát bát và Duyên khởi, 3. Nhân duyên và Tứ cú; II. Pháp giới Duyên khởi, 4. Viên dung vô ngại, 5. Nhân duyên pháp giới, 6. Bốn pháp giới, 7. Tánh khởi và duyên khởi; III. Vô thường và Phật tánh, 8. Phật tánh và chuyển y, 9. Vô thường tức thị Phật tánh, 10. Phật tánh tức thị Vô thường; IV. Hữu tình, 11. Đi tìm Ngã, 12. Hữu tình, 13. Hữu tình (Trí, tình, ý), 14. Hữu tình (Tâm, Tâm sở), 15. Hữu tình (Xúc động và lý trí); V. Luận giải, 16. Nhân và duyên trong Phẩm I, 17. Vô thường và biến chuyển trong Phẩm II, 18. Điều kiện nhận thức trong Phẩm III, 19. Năng tạo và sở tạo trong Phẩm IV, 20. Năng tướng và sở tướng trong Phẩm V, 21. Hữu và sở hữu trong Phẩm VI, VI. Tâm thức, Toán học và Thế giới, 22. Tâm

thức, Toán học và Thế giới, A. Tâm thức và máy tính, B. Bài toán A-lại-da duyên khởi, C. Bài toán Tánh khởi, D. Tổng kết; Tài liệu tham khảo.

1.542.

LUẬN GIẢNG RỘNG TÂM BỒ-ĐỀ (Quảng Thích Bồ-đề Tâm Luận)

Tạo luận: *Bồ-tát Liên Hoa Giới*

Hán dịch: *Thí Hộ*

Việt dịch: *Thích Như Điển*

Toàn bộ tác phẩm Luận này gồm có 4 quyển.

(<https://phatphapungdung.com>; *Pháp bảo-Luận tạng*)

1.543.

LUẬN HIỂN DƯƠNG THÁNH GIÁO (Arya-sāsana-prakarana-sātra)

Tạo luận: *Đại sĩ Vô Trước*

Hán dịch: *Tam tạng Pháp sư -*

Huyền Trang (602-664)

Việt dịch và chú giải: *Quảng Minh*

Toàn bộ tác phẩm Luận này có 832 trang (PDF), nội dung gồm 20 quyển, 11 phẩm:
- Dẫn nhập (PL. 2560 – DL. 2016); từ Q.1 đến Q.4, P.1 Nhiếp sự (4 phần); từ Q.5 đến Q.13, P.2 Nhiếp Tịnh nghĩa (9 phần); Q.14, P.3 Thành thiện xảo, P.4 Thành vô thường; Q.15, P.5 Thành khổ, P.6 Thành không; Q.16, P.6 Thành không (tt), P.7 Thành vô tánh, P.8 Thành hiện quán (phần 1); Q.17, P.8 Thành hiện quán (phần 2), P.9 Thành Du-già, P.10 Thành Bát tu nghị, P.11 Nhiếp thắng Quyết trạch (phần 1); Q.18, P.11 Nhiếp thắng Quyết trạch (phần 2); Q.19, P.11 Nhiếp thắng Quyết trạch (phần 3); Q.20, P.11 Nhiếp thắng Quyết trạch (phần 4); Phụ lục: *Hiển Dương Thánh Giáo Luận Tụng* (A. Duyên khởi, B. Chánh minh Du-già, C. Quy kết năm địa Du-già; I. Phẩm Nhiếp sự, II. Phẩm Tịnh nghĩa, III. Thành thiện xảo, IV.

Thành vô thường, V. Phẩm thành khô, VI. Phẩm thành không, VII. Phẩm Thành vô tánh, VIII. Phẩm Thành hiện quán, IX. Phẩm Thành Du-già, X. Phẩm Thành bát tư nghị, XI. Phẩm Nhiếp thắng quyết trạch. (<https://quangduc.com>, Luận)

1.544. LUẬN HOA NGHIÊM - NIỆM PHẬT TAM-MUỘI

Thuật luận: *Bành Tế Thanh*

Việt dịch: *Định Huệ*

Nxb Phương Đông – 2006

Sách có 71 trang, bìa mềm. Nội dung gồm có 5 môn: 1. Môn niệm pháp thân Phật để chỉ thẳng vào tự tánh của chúng sinh; 2. Môn niệm công đức Phật sinh ra báo thân và hóa thân của các Đức Phật; 3. Môn niệm danh tự Phật để thành tựu phương tiện thanh tịnh hay nhất; 4. Môn niệm Phật Tỳ-lô-giá-na để chóng nhập pháp giới Hoa Nghiêm; 5. Môn niệm Phật A-di-đà Phật ở thế giới Cực lạc để viên mãn đại nguyện Phổ Hiền; Cuối cùng là giải đáp nghi vấn.

1.545. LUẬN HỘ PHÁP & PHẬT GIÁO VỚI KHOA HỌC

Tác giả: *Trương Thương Anh*

Việt dịch: *HT. Thích Đức Nghiệp*

Nxb Tôn Giáo – 2007

Sách có khổ 14 x 20cm. Nội dung gồm có: I. Lời mở đầu, II. Ba bài Tựa của Luận Hộ Pháp, III. Luận Hộ Pháp, IV. Phật giáo với khoa học.

1.546. LUẬN HỒI TRÁNH

Tạo luận: *Bồ-tát Long Thọ*

Hán dịch: *Tỳ-mục-trí-tiên và Cù-đàm-lưu-chi*

Việt dịch: *Thích Như Điển*

Tác phẩm Luận này gồm có: - Ghi lại bài tựa của Hồi Tránh Luận khi phiên dịch; Phần kệ đầu thứ nhất, Phần kệ đầu thứ hai, Giải thích phần kệ đầu thứ ba, Giải thích

phần kệ trên thứ tư.

(<https://phatphapungdung.com>; *Pháp bảo-Luận tạng*)

1.547. LUẬN KIM CƯƠNG - BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT

Tạo luận: *Bồ-tát Vô Trước*

Hán dịch: *Đạt-ma-cấp-đa*

Việt dịch: *Nguyên Huệ*

Toàn bộ tác phẩm Luận này gồm có 3 quyển.

(<https://phatphapungdung.com>; *Pháp bảo-Bộ Bát-nhã*)

1.548. LUẬN KIM CƯƠNG TIÊN

Luận giả: *Thế Thân Bồ-tát*

Hán dịch: *Bồ-đề-lưu-chi*

Việt dịch: *Nguyên Huệ*

(Trích dịch từ Tập 25, Thích Kinh Luận bộ, số 1512, 10 quyển)

Tác phẩm Kinh này gồm có 10 quyển, chia thành 2 phần: phần đầu, từ Q.1 đến Q.5; phần hai, từ Q.6 đến Q.10. (<https://thuvienhoasen.org>, *Kinh-Giảng giải Kinh*)

1.549. LUẬN KHỞI TÍN ĐẠI THỪA

Tạo luận:

Bồ-tát Mã Minh (Asvaghosa, 100-160)

Hán dịch: *Tam tạng Chân Đế*

Dịch giải: *Tỳ-kheo Thích Giác Quả*

Nxb Thuận Hóa, Huế - 2012

Tác phẩm Luận này có 272 trang (PDF), nội dung gồm 2 chương: - Lời tựa; C.I Nhận thức khái quát, 1. Bối cảnh thành lập, 2. Bản dịch, 3. Tiểu sử Luận chủ, 4. Sơ lược nội dung, 5. Giải thích đề luận; C.II Nội dung tư tưởng, 1. Dàn ý nội dung, A. Mở đề, B. Nội dung, 1. Lý do (- Nói lý do, - Giải thắc mắc); 2. Chủ thuyết (lập nghĩa), 3. Giải thích (- Chỉ thị nghĩa lý chính xác về tâm, Tâm có hai mặt, Nói mặt Chân như của tâm biểu thị thể vĩ đại

của Tâm: - Nói về Chân như, - Nói về hai mặt của Chân như, Nói mặt sanh diệt của tâm để biểu thị thể-tướng-dụng vĩ đại của tâm; Nói sinh diệt và sinh diệt liên tục để biểu thị thể-tướng-dụng vĩ đại của tâm trong 2 lĩnh vực mê và ngộ; Nói sinh diệt, Nói nội dung sinh diệt, Nói tổng quát, Nói về giác, Nói về giác và thị giác của giác, Nói về thể và dụng của Giác sau khi hoàn thiện thị giác, Nói rõ thêm về sự trong sáng của giác trước và sau khi hoàn thiện thị giác, Nói về bất giác, Đối quán giác với bất giác, Nói yếu tố sinh diệt, Nói yếu tố làm cho ô nhiễm (bất giác), Nói yếu tố làm cho trong sáng (giác), Nói sắc thái sinh diệt, Nói sự sinh diệt liên tục, Nói tổng quát, Nói pháp nhiệm liên tục như thế nào, Nói pháp tịnh liên tục như thế nào, Nói pháp nào bất diệt, Nói thể-tướng-dụng của chân như để biểu thị thể-tướng-dụng vĩ đại của tâm trong lĩnh vực ngộ, Nói thể và tướng vĩ đại của chân như, Nói dụng vĩ đại của chân như, Chỉ cách từ sinh diệt hội nhập chân như, Sửa chữa nhận thức sai lầm về tâm, Sửa chữa những ngộ nhận liên quan pháp ngã, Sửa chữa những ngộ nhận liên quan pháp ngã, Sửa chữa triết để mọi sự ngộ nhận, Phân tích sắc thái phát huy về tâm, Nói tổng quát về sự phát tâm, Nói phát tâm bằng sự tin, Nói tư cách và lý do phát tâm bằng sự tin, Nói tư cách và lý do phát tâm của người được đứng vào chánh định tụ, Nói tư cách và lý do phát tâm của người chưa đứng vào chánh định tụ, Nói ba tâm được phát và bốn phương tiện được tu, Nói thành quả của sự phát tâm ấy, Nói sự phát tâm bằng sự biết và làm, Nói sự phát tâm bằng sự chứng; Cách tu tập, - Nói tư cách người tu sự tin, - Nói tổng quát về sự tin và sự tu của sự tin mà người ấy phải tu, - Đặc biệt nói về sự tu; Nói về Thí, Nói về Giới, Nói về Nhân, Nói về Tấn, Nói về chỉ và quán (Nói lược về chỉ-

quán, Nói rộng về chỉ-quán), Nói rộng về chỉ (Nói chánh định chân như, Nói ma sự khác nhau giữa tà định và chánh định, Nói hiệu quả của chánh định chân như); Nói rộng về quán (Nói lý do sự quán, Nói bốn sự quán); Song tu chỉ quán, Chỉ quán đối trị, Chỉ cách đề phòng sự thoái chuyển, Khuyến tu; Kết luận (lưu thông); Ghi chú (Dàn ý nội dung). (<https://hoavouu.com>, *Sách Phật học-PDF*)

1.550. LUẬN LÝ HỌC PHẬT GIÁO

Tác giả: *Nguyễn Khuê*

Nxb Hồng Đức – 2013

Sách có khổ 14.5 x 20.5cm, dày 636 trang, bìa cứng trong, có bìa ngoài bao.

Nội dung gồm có 3 phần. Lời nói đầu, Những chữ viết tắt; *Phần I. Tam đoạn luận và Nhân minh học*, C.I Tam đoạn luận, C.II Từ Nhân minh cũ đến Nhân minh mới; *Phần II. Tám môn của Nhân minh mới*, C.I Khái luận về Tám môn Hai ích và phương pháp biện luận, C.II Chân năng lập và Tự năng lập, C.III Hiện lượng và Tỷ lượng, C.IV Chân năng phá và Tự năng phá; *Phần III. Dịch và chú giải: Nhân minh Nhập chính lý luận trực giải*, I. Giải đề, II. Giải văn: A. Bài tụng, B. Giải thích riêng tám môn chia thành bảy đoạn, 1. Môn chân năng lập, 2. Môn tự năng lập, 3. Hai môn chân hiện lượng và chân tỷ lượng; Tổng kết, Thuật ngữ Nhân minh và Tam đoạn luận (Việt-Anh đối chiếu), Tài liệu tham khảo, Sách dẫn.

1.551. LUẬN LÝ HỌC PHẬT GIÁO – BUDDHIST LOGIC, 2 Tập

F. Th. Stcherbatky

Việt dịch:

Tỳ-kheo Thiện Minh (1969-2018)

Nxb Hồng Đức – 2017

Sách có khổ 20.5 x 29cm, 2 tập dày hơn 943 trang.

Tập I, dày hơn 558 trang, nội dung gồm có 4 phần chính: Từ viết tắt, Lời tựa, Lời giới thiệu, Đoạn mở đầu; 1. Luận lý Phật giáo là gì? 2. Vị trí luận lý chiếm giữ trong lịch sử Phật giáo, 3. Giai đoạn triết học Phật giáo đầu tiên, 4. Giai đoạn triết học Phật giáo thứ hai, 5. Giai đoạn triết học Phật giáo thứ ba, 6. Vị thế luận lý Phật giáo trong lịch sử triết học Ấn Độ, 7. Luận lý Phật giáo trước thời Dignāga, 8. Tiểu sử của Dignāga, 9. Tiểu sử ngài Thiên sư Dharmakīti, 10. Các tác phẩm của ngài Dharmakīti, 11. Thứ tự các chương trong Kinh Pramāna-vātika, 12. Các vị chú giải theo trường phái Triết học, 13. Công dân Cashmere hay các vị chú giải theo trường phái Triết học, 14. Các vị chú giải theo trường phái thứ ba hay trường phái Tôn giáo, 15. Luận lý hậu học Phật giáo và cuộc chiến giữa thuyết Duy thực và thuyết Nhất nguyên tại Ấn Độ, 16. Luận lý học Phật giáo tại Trung Quốc và Nhật Bản, 17. Luận lý học Phật giáo tại Tây Tạng và Mông Cổ;

PHẦN I. THỰC TẠI VÀ TRÍ NĂNG, 1. Mục tiêu và mục đích Luận lý học Phật giáo, 2. Nguồn Trí năng là gì? 3. Tri thức và công nhận, 4. Thử nghiệm Chân đế, 5. Quan điểm Duy thực và Phật giáo về kinh nghiệm, 6. Hai thực tại, 7. Hai đặc tính thấy nơi nguồn trí năng, 8. Những giới hạn tri thức. Thuyết giáo điều và Phê bình luận;

PHẦN II. THẾ GIỚI GIÁC QUAN, *C.I Học thuyết sanh vật tồn tại tức thời*, 1. Khẳng định vấn đề, 2. Thực tại động lực, 3. Luận cứ năng lực tương tượng về Thời gian và Không gian, 4. Kỳ gian và tương độ không có thực, 5. Luận cứ từ nhận thức trực tiếp, 6. Nhận thức không thể chứng minh kỳ gian là gì, 7. Các luận cứ từ phân tích khái niệm hiện hữu, 8. Luận cứ từ phân tích khái niệm phi hiện hữu, 9. Công

thức Sāntiraskita, 10. Biến đổi và đoạn diệt, 11. Chuyển động không liên tục, 12. Đoạn diệt là một điều tiên nghiệm đích xác, 13. Tính nhất thời suy diễn ra từ Định luật Mâu thuẫn, 14. Liệu thực tại có phải là thời điểm chăng? Phép tính Vi phân, 15. Lịch sử học thuyết Tính nhất thời, 16. Một học thuyết Tây Âu tương đương; *C.II Nhân quả*, 1. Nhân quả là điều phụ thuộc Thực dụng, 2. Công thức nguyên nhân, 3. Nhân quả và thực tại đồng nhất, 4. Hai loại Duyên khởi, 5. Tính đa dạng nơi nguyên nhân, 6. Tính bất tận nơi nguyên nhân, 7. Nhân quả và tự do ý chí, 8. Bốn ý nghĩa của nguyên tắc Duyên khởi, 9. Một số học thuyết Phương Tây tương đương; *C.III Nhận thức Giác quan*, 1. Định nghĩa nhận thức Giác quan, 2. Thí nghiệm của ngài Dharmakīti, 3. Nhận thức và ảo tưởng, 4. Tính đa dạng của nội quan, 5. Lịch sử quan điểm Ấn Độ về nhận thức Giác quan, 6. Một số học thuyết Châu Âu tương đương; *C.IV Thực tại tuyệt đối*, 1. Thực tại tuyệt đối là gì? 2. Vật đặc thù là Thực tại tuyệt đối, 3. Thực tại là điều không thể diễn tả được bằng lời, 4. Thực tại tạo ra một hình ảnh sống động, 5. Thực tại tuyệt đối mang tính năng động, 6. Đơn tử và nguyên tử, 7. Thực tại chính là Khẳng định, 8. Những điều phản bác, 9. Sự phát triển các quan điểm về thực tại, 10. Một số học thuyết Châu Âu tương đương;

PHẦN III. THẾ GIỚI ĐƯỢC TÁC THÀNH, *C.I Phán đoán*, 1. Chuyển từ cảm giác thuần túy sang khái niệm, 2. Những bước trí tuệ đầu tiên, 3. Phán đoán là gì? 4. Phán đoán và tổng hợp trong các khái niệm, 5. Phán đoán và đặt tên, 6. Các phạm trù, 7. Phân tích Phán đoán, 8. Phán đoán có giá trị khách quan, 9. Lịch sử nói về học thuyết Phán đoán, Một số học thuyết Châu Âu tương đương; *C.II Hậu*

kết, 1. Phán đoán và Hậu kết, 2. Ba hạn từ, 3. Một số định nghĩa Hậu kết đa dạng, 4. Suy luận và Hậu kết, 5. Hậu kết trở thành chánh trí năng đến mức độ nào? 6. Ba khía cạnh lý luận, 7. Bài Tiểu luận về Tương quan của ngài Dharmakiti, 8. Hai đường nét phụ thuộc, 9. Những Phán đoán phân tích và tổng hợp, 10. Biểu mẫu chung cuộc các phạm trù, 11. Liệu các tiết mục trong biểu mẫu có loại trừ nhau không, 12. Liệu biểu mẫu Tương quan Phật giáo đã thấu đáo chưa? 13. Những Phán đoán phổ quát và thiết yếu, 14. Những giới hạn trong sử dụng tuệ tri thuần túy, 15. Phác họa lịch sử những quan điểm về Hậu kết, 16. Một số học thuyết Phương Tây tương đương; *C.III Tam đoạn luận*, 1. Định nghĩa Tam đoạn luận, 2. Các thành phần của Tam đoạn luận, 3. Tam đoạn luận và Qui nạp, 4. Những hình thái Tam đoạn luận, 5. Tam đoạn luận có giá trị gì, 6. Phác họa lịch sử Tam đoạn luận được quan niệm như là Hậu kết “dành cho người khác”, 7. Tam đoạn luận Tây Phương và Tam đoạn luận Phật giáo; *C.IV Những sai lầm luận lý*, 1. Phân loại, 2. Sai lầm ngược lại với thực tại (asiddha-hety-àbhàsa), 3. Sai lầm nơi nguyên nhân trái ngược, 4. Sai lầm thuộc nguyên nhân không chắc chắn, 5. Sai lầm tương phản, 6. Một số tình huống do ngài Dharmakiti thêm vào, 7. Lịch sử, 8. Một số học thuyết Tây Âu tương đương; **PHẦN IV. PHỦ ĐỊNH**, *C.I Phán đoán Phủ định*, 1. Yếu tính của Phủ định là gì? 2. Phủ định cũng chính là Hậu kết, 3. Những hình thái Tam đoạn luận Phủ định, Hình thái Phủ định đơn giản, 4. Mười hình thái còn lại, 5. Tính chất quan trọng của Phủ định, 6. Mâu thuẫn và Nhân quả chỉ tồn tại trong lãnh vực thường nghiệm, 7. Phủ định những đối tượng vô dụng, 8. Những diễn biến tại Ấn Độ, 9. Một số học thuyết Phương Tây tương đương; *C.II Qui*

luật Mâu thuẫn, 1. Nguồn gốc Mâu thuẫn là gì? 2. Mâu thuẫn mang tính chất luận lý, 3. Đối kháng năng động, 4. Luật Tha thể, 5. Những công thức luật Mâu thuẫn và luật Tha thể, 6. Những trường phái Ấn Độ bàn về luật Mâu thuẫn, 7. Một số học thuyết Phương Tây tương đương; *C.III Tính phổ quát*, 1. Phổ quát tính tĩn tại vạn vật thay thế tương đồng tính hành động, 2. Lịch sử liên quan đến vấn đề Phổ quát; Một số học thuyết Phương Tây tương đương; *C.IV Biện chứng tính*, 1. Chính danh Thuyết Dignàga, 2. Jinedraksita chú giải về Ý nghĩa Phủ định các tên gọi, 3. Santiraksita và Kamalasila bàn về ý nghĩa phủ định của những hạn từ, 4. Phác thảo lịch sử pháp triển phương pháp Biện luận Phật giáo, 5. Một số học thuyết Phương Tây tương đương; *C.V Tự tính ngoại cảnh*, 1. Tự tính là gì? 2. Thực tại ngoại vi là gì? 3. Tam giới, 4. Duy thực thuyết Phê phán, 5. Nhất nguyên thuyết Tuyệt đối, 6. Duy tâm thuyết, 7. Tiểu luận ngắn Dignàga viết về Phi thực tại ngoại cảnh, 8. Tập Tiểu luận Dharmakiti viết về Việc khước từ, 9. Lược sử vấn đề thực tại liên quan đến cõi ngoại cảnh (liên quan đến thế giới bên ngoài), 10. Một số học thuyết Phương Tây tương đương, 11. Tiểu luận Ấn Độ - Phương Tây về Thực tại Ngoại cảnh; **Kết luận**, Appendix;

Tập II, dày hơn 385 trang, nội dung gồm có: Lời tựa, *C.I Nhận thức*, 1. Chủ đề và mục đích tác phẩm này, 2. Định nghĩa Chánh trí, 3. Các loại Chánh trí, 4. Định nghĩa Nhận thức, 5. Các loại tri thức trực tiếp, 6. Đối tượng các tri thức trực tiếp, 7. Kết quả do hành vi nhận thức đem lại, 8. Nhận thức chính là phán đoán; *C.II Hậu kết một qui trình Tư duy*, 1. Định nghĩa và kết quả, 2. Phụ Tỳ bất biến hay Ba khía cạnh tiêu hiệu luận lý hợp lệ, 3. Tiêu tiền đề. Phép Qui nạp từ những tình huống, 4.

Ba loại Tiêu hiệu. Cách phân loại Hậu kết, 5. Bằng cách nào phán đoán tổng hợp và phân tích lại tồn tại được, 6. Nguyên lý Phán đoán phủ định, 7. Những dạng Phán đoán phủ định khác nhau, 8. Tính chất quan trọng của các công thức phủ định, 9. Phủ định dựa trên kinh nghiệm khả giác, 10. Giá trị phủ định nơi siêu hình học; *C.III Tam đoạn luận*, 1. Định nghĩa và các loại Tam đoạn luận, 2. Phương pháp Đồng thuận, 3. Phép Diễn dịch phân tích và Diễn dịch đồng hiện hữu, 4. Tam đoạn luận nhân quả với phương pháp Đồng thuận, 5. Phép Diễn dịch thông qua phương pháp khác biệt, 6. Tương đồng giữa phương pháp Đồng thuận và Khác biệt, 7. Kết luận Thành phần thiết yếu cho Tam đoạn luận, 8. Định nghĩa một Chánh đề, 9. Những sai lầm luận lý, 10. Những lý do phi thực tế, 11. Lý do không chắc chắn, 12. Quy luật Mâu thuẫn, 13. Lý do không chắc chắn (tt), 14. Lý do Mâu thuẫn, 15. Lý do đối nghịch với nguyên lý đã được chấp nhận, Một sai lầm khác nữa về lý do không chắc chắn, 16. Sai lầm nào sẽ xảy ra khi cả hai khía cạnh, 17. Lý do đối trọng, 18. Tầm quan trọng của những ví dụ, 19. Những ví dụ tích cực sai lầm, 20. Những ví dụ phủ định sai lầm, 21. Cách khước từ, 22. Kết luận;

Bản Phụ lục I: Học thuyết Nhận thức Phật giáo, Phần I. Người Phật giáo khẳng định quan điểm của mình vị Duy thực chèn thêm những gợi ý, 1. Lấy cảm giác và tưởng tượng, 2. Vị Duy thực cho rằng tên gọi Tương ứng với thực tại bị loại bỏ, 3. Vị Duy thực cho rằng điều Phổ quát có hữu nơi điều Đặc thù, Vị Phật giáo trả lời, 4. Điều vô lý nếu ta coi Phổ quát và Đặc thù như những thực tại ngang bằng với nhau, 5. Kết luận của các vị Phật giáo; Phần II. Vị Duy thực Cứu xét từng luận cứ Phật giáo rồi trả lời. Người Phật giáo đưa

ra nhận định, 1. Phản xạ đơn giản và phản xạ có điều kiện, 2. Thuộc tính của các đối tượng ngoại vi, chứ không phải tên gọi của các thuộc tính này mới là những thực tại ngoại vi, 3. Trả lời học thuyết Phật giáo cho rằng mỗi khoảnh khắc, 4. Nhận thức về tính ổn định không phải là ảo giác, 5. Trả lời luận cứ Phật giáo về đặc tính cảm giác không thể diễn đạt bằng lời, 6. Trả lời luận cứ phi thực tại nơi những điều Phổ quát, 6. Tương quan thực thể-thuộc tính cũng giống hết như tương quan chủ thể-đối tượng vậy, 7. Liệu ta có nên nhận thức hai thực tại riêng rẽ trong cùng một trình bày hay không? 8. Vị Duy thực kết luận; *Bản Phụ lục II, Học thuyết Phật giáo khác biệt cơ bản giữa cảm giác và khái niệm, 1. Dẫn nhập, 2. Một đoạn trong tác phẩm Nyāya-vārtika của ngài Uddyokāra, 3. Chú giải của ngài Vācastimsra, 4. Ngài Uddyokāra trả lời, 5. Chú giải trong tác phẩm Vācaspatimsra; Bản Phụ lục III, Học thuyết Cảm giác Tâm linh, 1. Định nghĩa, 2. Các loại Cảm giác Tâm linh, 3. Nét đặc trưng về nguồn gốc Cảm giác Tâm linh, 4. Khảo sát học thuyết gán cho ngài Prajnākaragupta, 5. Khảo sát học thuyết Sankarānanda, 6. Sự xác minh nơi học thuyết của ngài Dharmottara; *Bản Phụ lục IV, Bàn về hành vi và nội dung tri thức, về cách phối hợp (sārūpya) giữa tri giác với các đối tượng và về kiến tri của chúng ta liên quan đến thế giới bên ngoài, 1. Khước từ học thuyết Mīmāṃsaka về tâm thức thuần túy và phi hình tượng, 2. Tâm thức chứa đựng những hình ảnh phối kết hợp với các đối tượng bên ngoài, 3. Cuộc tranh luận với Duy tâm thuyết Cực đoan, Nhận thức giác quan không thể bảo đảm sự tồn tại thế giới bên ngoài, 4. Không thể lấy suy luận để chứng minh thực tại thế giới bên ngoài, 5. Ngài Dignāga và Jinendrabuddhi bàn về hành động và nội**

dung tri thức, dựa trên sự phối kết hợp những tư tưởng với những đối tượng của những ý tưởng và kiến tri của chúng ta về thế giới bên ngoài, 1. Tác phẩm Pramana-Samucca, I, 9 và lời giải thích của tác giả, 2. Ngài Jinendrabuddhi chú giải câu cách ngôn này, 3. Châm ngôn của ngài Dignaga, Pramana-Samucca, 5. Mười hai Lời phê bình của ngài Jinendrabuddhi, 6. Kết quả nhận thức theo quan điểm Duy tâm, 7. Mối tương quan chủ thể-đối tượng theo quan điểm Duy tâm, 8. Kết quả nhận thức theo quan điểm Duy thực, 9. Chẳng có kiến tri thật sự nào vượt quá cảm giác cả, 10. Thực tại tuyệt đối, 11. Cấu trúc kiến tri thực nghiệm, 12. Hiểu biết và sai lầm; *Bản Phụ lục V*. Vacaspatimisra bàn về Duy danh thuyết Phật giáo (apohavada): I. Phần một, 1. Phần mở đầu, 2. Tên gọi là nghĩa rộng cấu trúc tâm linh hay điều Phổ quát, 3. Tính chất phi lý của chủ thuyết Duy thực, 4. Chức năng tổng hợp của một phán đoán giác quan, 5. Bằng cách nào hành vi có mục đích, 6. Tất cả các tên gọi đều biểu thị các mối tương quan; II. Phần hai, Vị Duy thực đưa ra câu trả lời: 1. Cả hai điều Phổ quát và điều Đặc thù đều có thực như nhau, 2. Không có phối kết hợp giữa hình ảnh với điểm khoảnh khắc ngoại vi, nhưng những hình ảnh lại thích hợp với thực tại, 3. Lời phản luận học thuyết Phật giáo cho rằng toàn bộ những tên gọi có nghĩa rộng đều mang tính chất tương đối, bởi vì các tên gọi này đều là tiêu cực lẫn tích cực cùng một lúc, 4. Bình luận học thuyết bàn về điều Phổ quát tương đối và phủ định, 5. Điều Đặc thù thực nghiệm và siêu thế, 6. Hình ảnh được hình thành tùy thuộc vào kinh nghiệm của chúng ta, 7. Biến học thuyết Phật giáo thành phi lý, 8. Luận cứ chung cuộc đối nghịch lại học thuyết Phật giáo.

1.552. LUẬN LÝ HỌC PHẬT GIÁO TRONG KINH KIM CANG

Tác giả: *Shigenori Nagatomo*

Việt dịch: *Thích Nhuận Châu*

Nội dung tác phẩm gồm có: I. Dẫn nhập, II. Mục tiêu của Kinh Kim Cang, III. Tư tưởng xuyên suốt bộ Kinh: Bồ-tát đạo, IV. Khẳng định về A, V. A chẳng phải là A, VI. Khả năng chuyển hóa, VII. Do vậy A là A, VIII. Kết luận. (ProQuest Religion-pg.213 Edited 05/12/2006) (<https://thuvienhoasen.org>, *Luận-Phật học*)

1.553. LUẬN NHẬP ĐẠI THỪA

Tạo luận: *Bồ-tát Kiên Ý*

Hán dịch: *Đạo Thái Đăng*

Việt dịch: *Thích Như Điền*

Tác phẩm Luận này gồm có 3 phẩm: P.1 Nhập Đại thừa luận, P.2 Hỏi và luận về chỗ Không, P.3 Thuận tu các Hành. (<https://phatphapungdung.com>; *Pháp bảo-Luận tạng*)

1.554. LUẬN NHIẾP ĐẠI THỪA

Tạo luận: *A-tăng-già*

Hán dịch: *Phật-đà-phiến-đa*

Việt dịch: *Nguyên Hồng*

Tác phẩm Luận này gồm có 2 quyển: Quyển thượng và Quyển hạ. (<https://phatphapungdung.com>; *Pháp bảo-Luận tạng*)

1.555. LUẬN NHIẾP ĐẠI THỪA

Tác giả: *Bồ-tát Vô Trước*

Hán dịch: *Chơn Đế*

Việt dịch: *Nguyên Hồng*

Tác phẩm Luận này gồm có: P.1 Các tên trong Y chỉ thắng tướng, P.2 Nói về tướng, P.3 Dẫn chứng, P.4 Sai biệt, P.5 Phải biết thắng tướng 1, Phải biết thắng tướng 2, Phải biết nhập thắng tướng 3, Nhập nhân quả thắng tướng 4, Nhập nhân quả tu sai

biệt thắng tướng 5, Y giới học thắng tướng 6, Y tâm học thắng tướng 7, Học quả tịch diệt thắng tướng 9, Trí sai biệt thắng tướng 10. (<https://phatphapungdung.com>; *Pháp bảo-Luận tạng*)

1.556. LUẬN NHƯ THẬT

ĐCCTĐTK, Q. 32, Luận tập Bộ toàn, Ks. 1633

Tạo luận: *Bồ-tát Thiên Thân*

Hán dịch: *Tam tạng Pháp sư Chân Đế*

Việt dịch (2004):

Sa-môn Thích Như Điển

Tác phẩm Luận này gồm có 3 phẩm: P.1 Vấn nạn vô đạo lý, P.2 Vấn nạn đạo lý, P.3 Roi vào phụ xứ (trong phẩm Phản chất nạn). (<https://quangduc.com>, *Luận-Luận tạng Bắc truyền*;

<https://phatphapungdung.com>; *Pháp bảo-Luận tạng*)

1.557.

LUẬN PHÂN BIỆT CÔNG ĐỨC

Thất dịch, Hậu Hán lục

Việt dịch: *Nguyễn Huệ*

Tác phẩm Luận này gồm có 5 quyển.

(<https://phatphapungdung.com>; *Pháp bảo-Luận tạng*)

1.558. LUẬN PHẬT TÍNH

Nguyên tác Phạm văn:

Bồ-tát Thiên Thân soạn

Hán dịch: *Tam tạng Pháp sư Chân Đế*

Việt dịch: *Tỳ-kheo Thích Nguyên Chơn*

Nxb Hồng Đức – 2017. Sách có khổ 16 x 24cm, có hơn 166 trang, bìa mềm.

Nội dung gồm có 4 quyển: Lược truyện Bồ-tát Thiên Thân, *Luận Phật Tính*, Q.I, A. Phân Duyên khởi, B. Phân Pháp chấp, P.1 Pháp kiến chấp của Tiểu thừa, P.2 Pháp kiến chấp của ngoại đạo, P.3 Pháp thiên chấp của hàng Đại thừa hữu học; Q.II, C. Phân Hiện thể, P.1 Ba nhân, P.2 Ba tính,

P.3 Như Lai tạng; D. Phân Biện tướng, P.1 Tướng tự thể, P.2 Tướng nhân, P.3 Tướng quả, P.4 Năng sự; Q.III, D. Phân Biện tướng (tt), P.5 Tổng nhiếp, P.6 Phân biệt, P.7 Giai vị, P.8 Biến mãn; Q.IV, P.9 Vô biến dị, 1. Vô tiền-hậu tế biến dị, a. Trụ tự tính Phật tính, b. Dẫn xuất Phật tính, 2. Vô nhiễm tịnh biến dị, 3. Vô sinh biến dị, 4. Vô lão biến dị, 5. Vô y trụ biến dị, 6. Vô diệt biến dị, P.10 Vô sai biệt.

1.559. LUẬN PHẬT THỪA TÔN YẾU (Hiện đại Phật giáo Khái luận)

Tạo luận: *Đại sư Thái Hư*

Việt dịch: *Tỳ-kheo Thiện Hạnh*

PL. 2556 – DL. 2012. Toàn bộ tác phẩm Luận này có 210 trang (PDF), nội dung gồm 4 phần chính: - Lời giới thiệu; A. Phần tự luận (Tự), C.1 Hệ thống quan của Phật giáo, C.2 Quan niệm tự lợi-lợi tha, C.3 Phật giáo là nhu yếu của nhân tâm, C.4 Phật giáo với các vấn đề trọng đại tuyệt đối; B. Nội dung chính (Chánh tông), I. Phật giáo thuần chánh, C.1 Các phân phái trong Phật giáo thuần túy, C.2 Tiểu thừa Phật giáo, C.3 Đại thừa Phật giáo, C.4 Sự quan hệ giữa Tiểu thừa và Đại thừa; II. Phật giáo ứng dụng, C.1 Bình phẩm về các Tôn giáo, Học phái thế giới, C.2 Sự quan hệ giữa Phật giáo và người đời, C.3 Sự quan hệ giữa Phật giáo và nhân dân Trung Hoa, C.4 Sự lưu truyền Phật pháp ở thế gian hiện tại và tương lai; C. Kết luận, C.1 Quy y, C.2 Hồi hướng; D. Phụ lục: - Sơ lược hành trạng Đại sư Thái Hư (1889-1947), - Lời tri ân. (<https://hoavouu.com>, *Sách Phật học-PDF*)

1.560.

LUẬN PHẬT THỪA TÔNG YẾU

Nguyên tác: *Đại sư Thái Hư (1889-1947)*

Dịch giả: *HT. Thích Nhật Quang*

Nxb Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh
Toàn bộ tác phẩm luận này có 4 phần: -
Mở đầu, - Lời người dịch; *Phần I*, C.1 Hệ
thống quan Phật giáo, C.2 Quan niệm Tự
lợi và Lợi tha của Phật pháp, C.3 Nhu yếu
Phật pháp là Ứng hóa thân tâm hiện đại,
C.4 Phật pháp khả thuyết và Bất khả
thuyết; *Phần II*, - *Phật pháp thuần chính*:
C.1 Phân loại của Phật pháp thuần chính,
C.2 Tiểu thừa, C.3 Đại thừa, C.4 Quan hệ
giữa Tiểu thừa và Đại thừa; *Phần III*, *Phật
pháp ứng dụng*: C.1 Bình luận của các học
phái, các tôn giáo trong thế gian, C.2 Quan
hệ giữa Phật thừa cùng người đời, C.3
Dịch giả xin lượt bớt, C.4 Phật giáo lưu
truyền đối với người đời trong hiện tại và
tương lai; *Phần IV*, *Kết luận*: - Quy túc, -
Hồi thú; Phụ lục: Tiểu sử Đại sư Thái Hư.
*Tác phẩm Luận này được tái bản năm
2001, Nxb Tôn Giáo.*

1.561.

LUẬN PHẬT THỪA TÔNG YẾU

Biên soạn: *Tỳ-kheo Thích Trí Hải*

Nxb Tôn Giáo – 2011

Sách có khổ 14.5 x 20.5cm, dày hơn 205
trang, bìa mềm.

Nội dung gồm có 3 phần: Lời nói đầu;
Phần I. Hệ thống quan Phật giáo, Bài
(B).1 Thích nghĩa đề luận; B.2 Phật pháp
với vấn đề thế gian; B.3 Phật pháp với vấn
đề yếm thế-xuất thế-nhập thế; B.4 Phật
pháp với vấn đề tự lợi và lợi tha, Lược
giảng Tứ nhiếp pháp; B.5 Phật pháp với
pháp khả thuyết và pháp bất khả thuyết;
B.6 Pháp hạnh Thanh văn, Lược giảng
Pháp hạnh Duyên giác hay Thập nhị Nhân
duyên; Lược giảng Bát Chánh Đạo; Lược
giảng Tứ Thánh Đế; *Phần II. Thuần
Chánh Phật pháp*, Tổng luận, Giáo nghĩa
Câu-xá tông, Pháp Đại thừa, Giáo nghĩa
Tam luận, Giáo nghĩa Hoa Nghiêm, Giáo
nghĩa Pháp Hoa tông, Giáo nghĩa Thiên

tông, Giáo nghĩa Tịnh độ tông, Giáo nghĩa
Chơn Ngôn tông, Giáo nghĩa Luật tông,
Giáo nghĩa Duy Thức tông; *Phần III. Ứng
dụng Phật pháp trong đời sống*, B.1 Phật
pháp trong lòng người; B.2 Phật pháp ứng
dụng vào đời.

*Tác phẩm Luận này đã được Ban Giáo
dục Tăng Ni Tỉnh Hội (Phật giáo Đồng
Tháp) ấn hành năm 1999.*

1.562.

LUẬN QUÁN SỞ DUYÊN DUYÊN

Tao luận: *Bồ-tát Trần Na*

Hán dịch: *Tam tạng Pháp sư*

Huyền Trang (602-664)

Việt dịch: *Quảng Minh*

Tác phẩm Luận này gồm có 8 bài kệ luận
về Quán sở duyên duyên.
(<https://thuvienhoasen.org>, *Luận-Phật
học*)

1.563.

LUẬN RÕ RÀNG VỀ CHỖ BIẾT

Đại Chánh Tân Tu Đại tạng Kinh, Quyền
thứ 32 thuộc Luận tập Bộ toàn, Kinh văn
số 1645.

Tạo luận: *Đế sư Phát Hợp Tư Ba*

Hán dịch: *Đại sư Sa-la-ba*

Việt dịch (2005):

Sa-môn Thích Như Điển

Tác phẩm Luận này có 24 trang (PDF),
nội dung gồm 2 quyển, 5 phẩm: Quyền
thượng, P.1 Khí thể giới, P.2 Tình thể
giới; Quyền hạ, P.3 Đạo pháp, P.4 Quả
pháp, P.5 Vô vi pháp.

(<https://hoavouu.com>, *Sách Phật học-
PDF*)

1.564. LUẬN SỬ TÔNG TỊNH ĐỘ

Pháp Tạng Phật Giáo Việt Nam – Tập 85
Ban Bảo Trợ Phiên Dịch Pháp Tạng Việt
Nam ấn hành

Việt dịch: *Quảng Tân – Quảng Ân – Quảng Bình – Quảng Hiếu – Huệ Hải – Quảng Xả – Quảng Mẫn – Tâm Đức – Huệ Chí – Tâm Đại – Hạnh Minh – Nhuận Độ – Nguyên Thành – Tâm Hiếu – Như Giáo – Nguyên An*

Chứng nghĩa: *Thích Đồng Minh*

Phụ chú: *Thích Tâm Nhân*

Sách dày 762 trang, bìa mềm. Nội dung gồm có: Lời giới thiệu, Lời nói đầu; Nguồn gốc Tịnh độ, Sự biến đổi tư tưởng Tịnh độ, Lược sử Tịnh độ giáo Trung Quốc, Sơ lược lịch sử Tịnh độ tông Trung Quốc, Lịch sử Tịnh độ tông Trung Quốc, Diễn biến Tịnh độ tông Trung Quốc, Sự Phát triển Tịnh độ tông của Phật giáo Trung Quốc, Cuộc đời và tư tưởng niệm Phật của Đại sư Huệ Viễn, Phụ lục Niên phổ Đại sư Huệ Viễn, Đàm Loan và Đạo Xước, Sự tích và học thuyết của Đại sư Thiện Đạo, Phụ lục về Đại sư Thiện Đạo và nghệ thuật Tịnh độ, Luận Thiên-Tịnh song tu của ngài Vĩnh Minh Diên Thọ, Tư tưởng Tịnh độ của Đại sư Liên Trì, Tư tưởng Tịnh độ của Đại sư Ngẫu Ích, Tư tưởng Tịnh độ của Cư sĩ Dương Nhân Sơn, Những vị Tổ Tịnh độ tôi tôn kính, Ngôn hạnh cao đẹp của mười ba vị Tổ Liên tông, Giáo nghĩa Tịnh độ của Tam tạng Từ Mẫn.

1.565. LUẬN TAM PHÁP ĐỘ

Hán dịch: *Tăng-già-đề-bà*

Việt dịch: *Nguyên Huệ*

Tác phẩm Luận này gồm có 3 quyển, 3 phẩm: Quyển thượng, P.1 Đức; Quyển trung, P.1 Đức (tt), P.2 Ác; Quyển hạ, P.3 Nương dựa.

(<https://phatphapungdung.com>; *Pháp bảo-Luận tạng*)

1.566. LUẬN TÂM PHƯƠNG TIỆN

Hán dịch: *Kiết-ca-da*

Việt dịch: *Thích Như Điển*

Tác phẩm Luận này gồm có 4 phẩm: P.1 Nói về tạo Luận, P.2 Nói về phụ xứ, P.3 Bàn về chính luận, P.4 Tương ưng. (<https://phatphapungdung.com>; *Pháp bảo-Luận tạng*)

1.567. LUẬN TÂN DUY THỨC

Nguyên tác: *Thái Hư Đại sư (1889-1947)*

Việt dịch: *Thích Thiện Siêu (1921-2001)*

Nội dung Luận này gồm có: A. Phát đoạn, B. Duy thức luận với vấn đề vũ trụ nhân sinh, C. Sự phân tích kinh nghiệm – quan sát và hệ thống của Duy Thức Luận, D. Luận Duy thức với vấn đề chuyển hóa, biến hiện, duyên khởi và sinh hoạt, 1. Nhân duyên, 2. Đẳng vô gián duyên, 3. Sở duyên duyên, 4. Tăng thịnh duyên, E. Luận Duy thức và vấn đề chân lý thật tính, F. Luận Duy thức với vấn đề liễu ngộ, giải phóng, cải tạo, tiến hóa và lựa chọn quyết định, G. Luận Duy thức với sự thật chứng, biến hiện, siêu tuyệt, thắng diệu và thành công, H. Cứu cánh của luận Duy thức. (*trích từ Thức Biến, HT. Thích Thiện Siêu, Nxb Tp. Hồ Chí Minh – 2003*)

1.568. LUẬN TẠNG –

ĐẠI TẠNG KINH

(Tập 25 đến Tập 32)

Tuệ Quang Foundation

Nxb Hồng Đức, PL. 2561 – DL. 2017

Luận có khổ 19 x 27cm, bìa cứng, có hộp đựng mỗi tập.

TẬP 25, Luận Tạng, gồm 4 cuốn.

Cuốn 25/1, No. 1505 – 1509, dày hơn 754 trang. Nội dung gồm có: Tổng luận, Giới thiệu tóm lược về nội dung Tập 25; Số 1505/2, Tứ A-hàm Mộ Sao Giải, có 2 quyển; Số 1506/3, Luận Tam Pháp Độ, Quyển thượng, P.1 Đức; Quyển trung, P.1 Đức, phần 2, P.2 Ác; Quyển hạ, P.3 Nương dựa; Số 1507/5, Luận Phân biệt

Công đức, có 5 quyển; Số 1508/1, Kinh A-hàm Khẩu giải Thập nhị Nhân duyên; Số 1509/100, Luận Đại Trí Độ, Duyên Khởi luận, Phẩm Tựa đầu, C.1 Giải thích. Như thị-Ngã văn-Nhất thời; C.2 Giải thích. Tổng thuyết Như thị Ngã văn; C.3 Giải thích. Bà-già-bà; C.4 Giải thích. Trú Vương Xá thành; C.5 Giải thích. Cọng Ma-ha Tỳ-kheo Tăng; C.6 Giải thích. “Nghĩa Ba chủng”; C.7 Giải thích. Bồ-tát; C.8 Giải thích. Ma-ha Tát-đỏa; C.9 Giải thích. Bồ-tát Công đức; C.10 Giải thích. Mười Dụ; C.11 Giải thích. Phật Thế giới Nguyên; C.12 Giải thích. Tam-muội; C.13 Giải thích. Phóng quang; C.14 Giải thích. Hiện Phổ thân; C.15 Mười Phương chư Bồ-tát đến; C.16 Giải thích. Xá-lợi-phát Nhân duyên; C.17 Giải thích. Đàn Ba-la-mật; C.18 Giải thích. Tán thán Đàn Ba-la-mật; C.19 Giải thích. Tướng của Đàn Ba-la-mật; C.20 Giải thích. Đàn Ba-la-mật Pháp thí; C.21 Giải thích. Thi-la Ba-la-mật; C.22 Giải thích. Nghĩa của Giới tướng; C.23 Giải thích. Tán thán nghĩa Thi-la Ba-la-mật; Giải thích. Thi-la Ba-la-mật; C.24 Giải thích. Sằn-đề Ba-la-mật, Giải thích. Sằn-đề Ba-la-mật Pháp nhẫn; C.25 Giải thích. Tỳ-lê-gia Ba-la-mật, Giải nghĩa. Tinh tấn Ba-la-mật; C.26 Giải thích. Thiền Ba-la-mật; C.27 Giải thích. Bát-nhã Ba-la-mật; C.28 Giải thích. Tướng Bát-nhã; C.29 Giải thích. 37 Phẩm Trợ Đạo; C.30 Giải thích. Tam-muội, Bốn Thiền, Bốn Vô lượng Tâm, Bốn Vô Sắc Định; C.31 Giải thích. Tám Bội xả-Tám Thắng xứ-Chín thứ đệ Định-Mười Nhất thiết xứ; C.32 Giải thích. Chín Tướng; C.33 Giải thích. Tám Niệm;

Cuốn 25/2, No. 1509, dày hơn 738 trang. Nội dung gồm có: Số 1509/100, Luận Đại Trí Độ (tt), C.34 Giải thích. Mười Tướng; C.35 Giải thích. Mười một Trí; C.36 Giải thích. Mười Lực; C.37 Giải thích. Bốn

Việc không sợ-Bốn Trí vô ngại; C.38 Giải thích. Mười tám Pháp Không chung; C.39 Giải thích. Đại từ đại bi, hãy tập hành Bát-nhã Ba-la-mật; C.40 Giải thích. Sáu Thần thông; C.41 Giải thích. Tùy hỷ-Hồi hướng; C.42 Giải thích. Thiện căn Củng dường; C.43 Giải thích. Mười tám không; C.44 Giải thích. Nghĩa bốn Duyên; C.45 Giải thích. Đến Bờ kia; C.46 Giải thích. Tín Trí; Các Giải thích về: P. Dâng bát thứ 2, P. Tập Tương ưng thứ 3, P. Vãng sanh thứ 4, P. Thán độ thứ 5, P. Tướng lưỡi thứ 6, P. Ba Giả thứ 7, P. Khuyến học thứ 8, P. Tập Tán thứ 9, P. Hành tướng thứ 10, P. Huyền học thứ 11, P. Cú nghĩa thứ 12, P. Ma-ha-tát thứ 13, P. Đoạn kiến thứ 14, P. Phú-lâu-na thứ 15, P. Thừa thừa thứ 16, P. Trang nghiêm thứ 17, P. Đại thừa thứ 18, P. Bốn Niệm xứ thứ 19, P. Phát thú thứ 20, P. Xuất đạo thứ 21, P. Thắng xuất thứ 22, P. Hàm thụ thứ 23, P. Hội tông thứ 24, P. Mười Vô thứ 25, P. Vô sanh Tam quán thứ 26, P. Thiên vương thứ 27, P. Như huyền thứ 28, P. Tán hóa thứ 29, P. Tam thán thứ 30, P. Diệt tránh thứ 31;

Cuốn 25/3, No. 1509, dày hơn 711 trang. Nội dung gồm có: Số 1509/100, Luận Đại Trí Độ (tt), Các Giải thích: P. Đại minh thứ 32, P. Thuật thành thứ 33, P. Khuyến trì thứ 34, P. Phạm Chí thứ 35, P. Tôn Đạo thứ 36, P. Xá-lợi thứ 37, P. Mười Thiện thứ 38, P. Tùy hỷ thứ 39, P. Chiêu Minh thứ 40, P. Tín hủy thứ 41, P. Thán Tịnh thứ 42, P. Vô tác thứ 43, P. Các Ba-la-mật thứ 44, P. Văn Trì thứ 45, P. Ma Sự thứ 46, P. Hai bên không Hòa hợp thứ 47, P. Phật mẫu thứ 48, P. Vấn tướng thứ 49, P. Thành biện thứ 50, P. Thí dụ thứ 51, P. Tri thức thứ 52, Thú Trí thứ 53, P. Đại như thứ 54, P. Chặng Thoái chuyển thứ 55, P. Chuyển Bánh xe Bất thoái thứ 56, P. Thâm áo thứ 57, P. Mộng hành thứ 58, P. Hà thiên thứ 59, P. Học Không không Thủ

chứng thứ 60, P. Mộng thệ thứ 61, P. Ma sàu thứ 62, P. Đẳng học thứ 63, P. Tịnh nguyện thứ 64, P. Độ không thứ 65, P. Chúc lụy thứ 66, P. Vô tận 67, P. Sáu độ Tương nhiếp thứ 68, P. Sáu độ Tương nhiếp thứ 68 (tt), P. Phương tiện thứ 69, P. Ba Tuệ thứ 70, P. Đạo thọ thứ 71, P. Bồ-tát hạnh thứ 72, P. Gieo trồng Thiện căn thứ 73, P. Biến học thứ 74, P. Ba thứ Lốp học thứ 75, P. Một Niệm đủ muôn hạnh thứ 76, P. Sáu Dụ thứ 77, P. Bốn Nhiếp thứ 78, P. Khéo Thông suốt thứ 79, P. Thật tế thứ 80, P. Cụ túc thứ 81;

Cuốn 25/4, No. 1505 - 1518, dày hơn 738 trang. Nội dung gồm có: Số 1509/100, Luận Đại Trí Độ (tt), P. Tịnh Phật quốc độ thứ 82, P. Chắc chắn thứ 83, P. Bốn đế thứ 84, P. Bảy thí thứ 85, P. Bình đẳng thứ 86, P. Như hóa thứ 87, P. Tát-bà-đa-luân thứ 88, P. Đàm-vô-kiệt thứ 89, P. Chúc lụy thứ 90; Số 1510/2, Luận Kim Cương Bát-nhã, có 2 quyển; Số 1510/3 (biệt bản), Luận Kinh Kim Cương Bát-nhã Ba-la-mật, có 3 quyển; Số 1511/3, Luận Kinh Kim Cương Bát-nhã Ba-la-mật, có 3 quyển; Số 1512/10, Luận Kim Cương Tiên, có 10 quyển; Số 1513/3, Luận thích Kinh Năng đoạn Kim Cương Bát-nhã Ba-la-mật-đa, có 3 quyển; Số 1514/1, Luận tụng Kinh Năng đoạn Kim Cương Bát-nhã Ba-la-mật-đa; Số 1515/2, Luận Kinh Kim Cương Bát-nhã Ba-la-mật Phá Thủ trước Bất hoại giả danh, có 2 quyển; Số 1516/2, Luận Thánh Phật mẫu Bát-nhã Ba-la-mật-đa Cửu tụng Tinh nghĩa, có 2 quyển; Số 1517/4 Thích Luận Phật mẫu Bát-nhã Ba-la-mật-đa Viên tập Yếu nghĩa, có 4 quyển; Số 1518/1, Luận Phật mẫu Bát-nhã Ba-la-mật-đa Viên tập Yếu nghĩa.

TẬP 26, Luận Tạng, Nxb Hồng Đức, PL. 2561 – DL. 2017, gồm 5 cuốn.

Cuốn 26/1, No. 1519 – 1522, dày hơn 783 trang. Nội dung gồm có: Tổng luận, Giới thiệu tóm lược về nội dung Tập 26; Số 1519/2, Kinh Diệu Pháp Liên Hoa Ưu-ba-đề-xá, Quyền thượng, P.1 Mở đầu, P.2 Phương tiện, phần 1; Quyền hạ, P.2 Phương tiện, phần 2, P.3 Thí dụ; Số 1520/1, Kinh Diệu Pháp Liên Hoa Luận Ưu-ba-đề-xá, P.1 Mở đầu, P.2 Phương tiện, P.3 Thí dụ; Số 1521/17, Luận Thập Trụ Tỳ-bà-sa, Q.1, P.1 Mở đầu, P.2 Nhập Địa thứ nhất; Q.2, P.3 Tướng Địa, P.4 Tịnh Địa, P.5 Thích nguyện, phần 1; Q.3, P.5 Thích nguyện, phần 2, P.6 Phát Tâm Bồ-đề; Q.4, P.7 Điều phục Tâm, P.8 Tướng không Thoái chuyển; Q.5, P.9 Di Hành, P.10 Trừ Nghiệp; Q.6, P.11 Phân biệt Công đức, P.12 Phân biệt Bồ thí, phần 1-2; Q.7, P.13 Phân biệt Pháp thí, P.14 Tướng quy mạng, P.15 Năm Giới, P.16 Biết những Tai họa của Gia đình; Q.8, P.17 Vào chùa, P.18 Cùng hành; Q.9, P.19 Bốn pháp, P.20 Niệm Phật; Q.10, P.21 Bốn mươi Pháp Bất cộng, P.22 Vấn nạn về người Nhất thiết trí trong bốn mươi Pháp bất cộng, phần 1; Q.11, P.22 Vấn nạn về người Nhất thiết trí trong bốn mươi Pháp bất cộng, phần 2; P.23 Khéo nhận biết Bất định trong bốn mươi Pháp bất cộng; Q.12, P.24 Kế tán tán Phật, P.25 Tam-muội trợ niệm Phật, P.26 Thí dụ, phần 1; Q.13, P.26 Thí dụ, phần 2, P.27 Lược nói về Hạnh, P.28 Phân biệt Nghiệp Đạo của Địa thứ hai, phần 1; Q.14, P.28 Phân biệt Nghiệp Đạo của Địa thứ hai, phần 2; P.29 Phân biệt Thanh văn và Phật Bích chi, phần 1; Q.15, P.29 Phân biệt Thanh văn và Phật Bích chi, phần 2; P.30 Đại thừa; Q.16, P.31 Hộ Giới, P.32 Giải thích về Đầu-đà, phần 1; Q.17, P.32 Giải thích về Đầu-đà, phần 2, P.33 Hộ trợ quả Thi-la, P.34 Khen ngợi Giới, P.35 Quả báo của Giới; Số 1522/12, Luận Kinh Thập

Địa, từ Q.1 đến Q.3, Địa (Đ).1 Địa Hoan hỷ, phần 1-3; Q.4, Đ.2 Địa Ly cầu; Q.5, Đ.3 Địa Minh; Q.6, Đ.4 Địa Diệm; Q.7, Đ.5 Địa Nan thắng; Q.8, Đ.6 Địa Hiện tiền, Q.9, Đ.7 Địa Viễn hành; Q.10, Đ.8 Địa Bất động; Q.11, Đ.9 Địa Thiện Tuệ; Q.12, Đ.10 Địa Pháp vân;

Cuốn 26/2, No. 1523 – 1536, dày hơn 833 trang. Nội dung gồm có: Số 1523/4, Luận Kinh Đại Bảo Tích, có 4 quyển; Số 1524/1, Kinh Vô Lượng Thọ Ưu-ba-đề-xá; Số 1525/9, Luận Kinh Di-lặc Bồ-tát Sở vấn, Q.1, Phần Luận Kinh Di-lặc Bồ-tát Sở vấn, từ Q.2,... đến Q.9; Số 1526/1, Kinh Bảo kế Tứ pháp Ưu-ba-đề-xá; Số 1527/1, Luận Niết-bàn; Số 1528/1, Luận Kinh Niết-bàn Bản Hữu kim Vô kệ; Số 1529/1, Luận Kinh Di Giáo; Số 1530/7, Luận Kinh Phật Địa, có 7 quyển; Số 1531/2, Luận Kinh Văn-thù-sư-lợi Bồ-tát Sở vấn Bồ-đề, Quyền thượng và Quyền hạ; Số 1532/4, Luận Kinh Thắng Tư Duy Phạm Thiên Sở Vấn, có 4 quyển; Số 1533/1, Kinh Chuyển Pháp Luân Ưu-ba-đề-xá; Số 1534/1, Kinh Tam Cụ Túc Ưu-ba-đề-xá; Số 1535/1, Thích Kinh Đại Thừa Tứ Pháp; Số 1536/20, Luận A-tỳ-đạt-ma Tập Di Môn Túc, Q.1, P.1 Duyên khởi, P.2 Một Pháp, P.3 Hai Pháp, phần 1; Q.2, P.3 Hai Pháp, phần 2; Q.3, Hai Pháp, phần 3, P.4 Ba Pháp, phần 1; Q.4 và Q.5, P.4 Ba Pháp, phần 2-3; Q.6, P.4 Ba Pháp, phần 4, P.5 Bốn Pháp, phần 1; từ Q.7 đến Q.10, P.5 Bốn Pháp, phần 2-5; từ Q.11 đến Q.13, P.6 Năm Pháp, phần 1-3;

Cuốn 26/3, No. 1536 – 1541, dày hơn 819 trang. Nội dung gồm có: Số 1536/20, Luận A-tỳ-đạt-ma Tập Di Môn Túc (tt), Q.14, P.6 Năm Pháp, phần 4; Q.15, P.7 Sáu Pháp, phần 1; Q.16, P.7 Sáu Pháp, phần 2, P.8 Bảy Pháp, phần 1; Q.17, P.8 Bảy Pháp, phần 2; Q.18, P.9 Tám Pháp, phần 1; Q.19, P.9 Tám Pháp, phần 2, P.10 Chín

Pháp, P.11 Mười Pháp, phần 1; Q.20, P.11 Mười Pháp, phần 2, P.12 Khen-khuyên; Số 1537/12, Luận A-tỳ-đạt-ma Pháp Uẩn Túc, Q.1, P.1 Học xứ; Q.2, P.2 Chi Dự Lưu, P.3 Chứng tịnh, phần 1; Q.3, P.3 Chứng tịnh, phần 2, P.4 Quả Sa-môn, P.5 Thông hành, P.6 Thánh chủng, P.7 Chánh thắng, phần 1; Q.4, P.7 Chánh thắng, phần 2, P.8 Thần túc, phần 1; Q.5, P.8 Thần túc, phần 2, P.9 Niệm trụ, phần 1; Q.6, P.9 Niệm trụ, phần 2, P.10 Thánh đế, P.11 Tĩnh lự, phần 1; Q.7, P.11 Tĩnh lự, phần 2, P.12 Vô lượng; Q.8, P.13 Vô sắc, P.14 Tu định, P.15 Giác chi, phần 1; Q.9, P.15 Giác chi, phần 2, P.16 Tọa sự; Q.10, P.17 Căn, P.18 Xứ, P.19 Uẩn, P.20 Nhiều giới, phần 1; Q.11, P.20 Nhiều giới, phần 2, P.21 Duyên khởi, phần 1; Q.12, P.21 Duyên khởi, phần 2; Số 1538/7, Luận Thi Thiết, có 7 quyển; Số 1539/16, Luận A-tỳ-đạt-ma Thúc Thân Túc, Q.1, Uẩn thứ 1. Mục-kiền-liên, phần 1, 2, 3, 4; Q.2, Uẩn thứ 1. Mục-kiền-liên, phần 5, Uẩn thứ 2. Bồ-đặc-già-la, phần 1; Q.3, Uẩn thứ 2. Bồ-đặc-già-la, phần 2, 3, 4; Q.4, Uẩn thứ 3. Nhân duyên, phần 1; Q.5, Uẩn thứ 3. Nhân duyên, phần 2; từ Q.6 đến Q.10, Uẩn thứ 4. Sở Duyên duyên, phần 1-5; Q.11 và Q.12, Uẩn thứ 5. Tọa, phần 1-2; từ Q.13 đến Q.16, Uẩn thứ 6. Thành tựu, phần 1-4; Số 1540/3, Luận A-tỳ-đạt-ma Giới Thân Túc, Quyền thượng, P.1 Bản sự, P.2 Phân biệt; Quyền trung, P.2 Phân biệt; Quyền hạ, P.2 Phân biệt; Số 1541/12, Luận Chúng sự phân A-tỳ-đàm, Q.1, P.1 Năm Pháp, P.2 Phân biệt về Trí; Q.2, P.3 Phân biệt về các Nhập, P.4 Phân biệt về Bảy sự; Q.3, P.5 Phân biệt về các Sở; Q.4, P.6 Phân biệt về Thâu tóm, phần 1;

Cuốn 26/4, No. 1541 – 1543, dày hơn 833 trang. Nội dung gồm có: Số 1541/12, Luận Chúng sự phân A-tỳ-đàm (tt), từ Q.5 đến Q.7, P.6 Phân biệt về Thâu tóm, phần 2-4;

Q.8, P.7 Thiên Vấn luận (Biện luận về ngàn câu hỏi), phần 1; từ Q.9 đến Q.11, P.7 Thiên Vấn luận, phần 2-4; Q.12, P.7 Thiên Vấn luận, phần 5, P.8 Lựa chọn-Gồm thâu; Số 1542/18, Luận A-tỳ-đạt-ma Phẩm Loại Túc, Q.1, P.1 Biện về Năm sự, P.2 Biện về các Trí, phần 1; Q.2, P.2 Biện về các Trí, phần 2, P.3 Biện về các Xứ, P.4 Biện về Bảy sự, phần 1; Q.3, P.4 Biện về Bảy sự, phần 2, P.5 Biện về Tùy miên, phần 1; Q.4, P.5 Biện về Tùy miên, phần 2; Q.5, P.5 Biện về Tùy miên, phần 3, P.6 Biện về Thâu giữ, phần 1; từ Q.6 đến Q.9, P.6 Biện về Thâu giữ, phần 2-5; Q.10, P.6 Biện về Thâu giữ, phần 6, P.7 Biện về Ngàn câu hỏi, phần 1; từ Q.11 đến Q.17, P.7 Biện về Ngàn câu hỏi, phần 2-8; Q.18, P.8 Biện về Quyết trạch; Số 1543/30, Luận A-tỳ-đàm Bát Kiền-độ, Q.1, P.1 Pháp thứ nhất Thế gian, P.2 Bàn về Trí; Q.2, P.4 Bàn về Ái-Cung kính, P.5 Bàn về vô Tàm quý (không hổ thẹn); Q.3, P.6 Bàn về Sắc, P.7 Bàn về Vô nghĩa, P.8 Bàn về Tư; Q.4, P.1 Bàn về Thiện; Q.5 và Q.6, P.2 Bàn về Nhất hành, phần 1-2; Q.7, Bàn về Người; Q.8, P.4 Bàn về Mười Môn; Q.9, P.1 Bàn về Tám Đạo; Q.10, P.2 Bàn về Năm thứ, P.3 Biết Tâm người khác; Q.11 và Q.12, P.4 Bàn về Tu Trí, phần 1-2; Q.13 và Q.14, P.5 Bàn về Trí Tương ưng, phần 1-2; Q.15, P.1 Bàn về Hành ác, P.2 Bàn về Tà ngữ; Q.16, P.3 Bàn về Hại chúng sinh;

Cuốn 26/5, No. 1543 – 1544, dày hơn 820 trang. Nội dung gồm có: Số 1543/30, Luận A-tỳ-đàm Bát Kiền-độ (tt), Q.17, P.4 Bàn về hữu giáo-vô giáo, P.5 Bàn về Tự Hành; Q.18, P.1 Bàn về Tịnh Căn; Q.19, P.2 Bàn về Duyên; Q.20, P.3 Bàn về Kiến đế, P.4 Nội tạo; Q.21, P.1 Bàn về Căn, P.2 Bàn về Hữu, P.3 Bàn về Cánh lạc (Xúc trong 12 nhân duyên); Q.22, P.4 Bàn về Tâm Bất đầu, P.5 Bàn về Tâm vừa phát khởi, P.6

Bàn về Ngũ tử; Q.23 và Q.24, P.7 Bàn về Duyên, phần 1-2; Q.25, P.1 Bàn về Đắc quá khứ, phần 1; Q.26, P.1 Bàn về Đắc quá khứ, phần 2, P.2 Bàn về Duyên; Q.27, P.3 Bàn về Giải thoát, P.4 Bàn về A-na-hàm; Q.28, P.5 Bàn về Nhất Hành; Q.29, P.1 Bàn về Ý chỉ, P.2 Bàn về Dục; Q.30, P.3 Bàn về Tướng, P.4 Bàn về Trí thời, P.5 Bàn về Kiến, P.6 Bàn về Kệ; Số 1544/20, Luận A-tỳ-đạt-ma Phát Trí, Q.1, C.1 Tạng Uẩn, P.1 Pháp Thế Đệ nhất, P.2 Nói về Trí, P.3 Bồ-đặc-già-la; Q.2, C.1 Tạng Uẩn, P.4 Bàn về Ái kính, P.5 Bàn về Vô Tàm (không hổ), P.6 Bàn về Tướng, P.7 Bàn về Vô nghĩa, P.8 Bàn về Tư; Q.3, C.2 Kiết Uẩn, P.1 Bàn về Bất thiện, P.2 Bàn về Nhất hành, phần 1; Q.4, C.2 Kiết Uẩn, P.2 Bàn về Nhất hành, phần 2; Q.5, C.2 Kiết Uẩn, P.3 Bàn về Hữu tình, P.4 Bàn về Mười Môn, phần 1; Q.6, C.2 Kiết Uẩn, P.4 Bàn về Mười Môn, phần 2; Q.7, C.3 Trí Uẩn, P.1 Bàn về Chi Học, P.2 Bàn về Năm Thứ; Q.8, C.3 Trí Uẩn, P.3 Bàn về Tha Tâm Trí, P.4 Bàn về Tu Trí, phần 1; Q.9, C.3 Trí Uẩn, P.4 Bàn về Tu Trí, phần 2, P.5 Bàn về Bảy Thánh, phần 1; Q.10, C.3 Trí Uẩn, P.5 Bàn về Bảy Thánh, phần 2; Q.11, C.4 Nghiệp Uẩn, P.1 Bàn về Hành Lạc, P.2 Bàn về Tà Ngữ, P.3 Bàn về Hại Sinh; Q.12, C.4 Nghiệp Uẩn, P.4 Bàn về Biểu-Vô Biểu, P.5 Bàn về Tự Nghiệp; Q.13, C.5 Đại Chung Uẩn, P.1 Bàn về Đại Tạo, P.2 Bàn về Duyên, P.3 Bàn về Thấy đủ; Q.14, C.5 Đại Chung Uẩn, P.4 Bàn về Chấp thọ; C.6 Căn Uẩn, P.1 Bàn về Căn; Q.15, C.6 Căn Uẩn, P.2 Bàn về Hữu, P.3 Bàn về Xúc, P.4 Bàn về Đẳng Tâm, P.5 Bàn về Nhất Tâm; Q.16, C.6 Căn Uẩn, P.6 Bàn về Ngũ, P.7 Bàn về Nhân duyên; Q.17, C.7 Định Uẩn, P.1 Bàn về Đắc, P.2 Bàn về Duyên; Q.18, C.7 Định Uẩn, P.3 Bàn về sự Gồm thâu, P.4 Bất hoàn; Q.19, C.7 Định Uẩn, P.5 Bàn về Nhất hành; C.8

Kiến Uẩn, P.1 Bàn về Niệm trụ, P.2 Bàn về Ba hữu, P.3 Bàn về Tướng; Q.20, C.8 Kiến Uẩn, P.4 Bàn về Trí, P.5 Bàn về Kiến, P.6 Bàn về Già-tha.

TẬP 27, Luận Tạng, Nxb Hồng Đức, PL. 2561 – DL. 2017, gồm 5 cuốn.

Cuốn 27/1, No. 1545, dày hơn 718 trang. Nội dung gồm có: Giới thiệu; Số 1545/200, Luận A-tỳ-đạt-ma Đại Tỳ-bà-sa, Q.1, Phần Tự; từ Q.2 đến Q.8, C.1 Tạp Uẩn, P.1 Pháp Thế Đế nhất, phần 1-7; Q.9, C.1 Tạp Uẩn, P.1 Pháp Thế Đế nhất, phần 8, P.2 Bàn về Trí, phần 1; từ Q.10 đến Q.22, C.1 Tạp Uẩn, P.2 Bàn về Trí, phần 2-14; Q.23, C.1 Tạp Uẩn, P.2 Bàn về Trí, phần 15, P.3 Nói về Bồ-đặc-già-la, phần 1; từ Q.24 đến Q.28, C.1 Tạp Uẩn, P.3 Nói về Bồ-đặc-già-la, phần 2-6; Q.29, C.1 Tạp Uẩn, P.3 Nói về Bồ-đặc-già-la, phần 7, P.4 Nói về Ái kính, phần 1; từ Q.30 đến Q.33, C.1 Tạp Uẩn, P.4 Nói về Ái kính, phần 2-5; Q.34, C.1 Tạp Uẩn, P.4 Nói về Ái kính, phần 6, P.5 Bàn về không Hổ thẹn, phần 1; từ Q.35 đến Q.37, C.1 Tạp Uẩn, P.5 Bàn về không Hổ thẹn, phần 2-4;

Cuốn 27/2, No. 1545, dày hơn 722 trang. Nội dung gồm có: Số 1545/200, Luận A-tỳ-đạt-ma Đại Tỳ-bà-sa (tt), Q.38, C.1 Tạp Uẩn, P.5 Bàn về không Hổ thẹn, phần 5, P.6 Bàn về Tướng, phần 1; Q.39, C.1 Tạp Uẩn, P.6 Bàn về Tướng, phần 2, P.7 Bàn về Vô nghĩa, phần 1; Q.40 và Q.41, C.1 Tạp Uẩn, P.7 Bàn về Vô nghĩa, phần 2-3; Q.42, C.1 Tạp Uẩn, P.7 Bàn về Vô nghĩa, phần 4, P.8 Bàn về Tư, phần 1; từ Q.43 đến Q.45, C.1 Tạp Uẩn, P.8 Bàn về Tư, phần 2-4; từ Q.46 đến Q.55, C.2 Kiết Uẩn, P.1 Bàn về Bất thiện, phần 1-10; từ Q.56 đến Q.62, C.2 Kiết Uẩn, P.2 Bàn về Nhất hành, phần 1-7; Q.63, C.2 Kiết Uẩn, P.2 Bàn về Nhất hành, phần 8, P.3 Bàn về Hữu tình, phần 1; từ Q.64 đến Q.70, C.2

Kiết Uẩn, P.3 Bàn về Hữu tình, phần 2-8; từ Q.71 đến Q.76, C.2 Kiết Uẩn, P.4 Bàn về Mười Môn, phần 1-6;

Cuốn 27/3, No. 1545, dày hơn 738 trang. Nội dung gồm có: Số 1545/200, Luận A-tỳ-đạt-ma Đại Tỳ-bà-sa (tt), từ Q.77 đến Q.92, C.2 Kiết Uẩn, P.4 Bàn về Mười Môn, phần 7-22; từ Q.93 đến Q.96, C.3 Trí Uẩn, P.1 Bàn về Học chi, phần 1-4; Q.97, C.3 Trí Uẩn, P.1 Bàn về Học chi, phần 5, P.2 Bàn về Năm loại (Ngũ chủng), phần 1; Q.98, C.3 Trí Uẩn, P.2 Bàn về Năm loại, phần 2; Q.99, C.3 Trí Uẩn, P.2 Bàn về Năm loại, phần 3, P.3 Bàn về Tha tâm trí, phần 1; từ Q.100 đến Q.104, C.3 Trí Uẩn, P.3 Bàn về Tha tâm trí, phần 2-6; Q.105, C.3 Trí Uẩn, P.3 Bàn về Tha tâm trí, phần 7, P.4 Bàn về Tu trí, phần 1; từ Q.106 đến Q.108, C.3 Trí Uẩn, P.4 Bàn về Tu trí, phần 2-4; từ Q.109 đến Q.111, Bàn về Bảy Thánh, phần 1-3; từ Q.112 đến Q.114, C.4 Nghiệp Uẩn, P.1 Bàn về Hành ác, phần 1-3;

Cuốn 27/4, No. 1545, dày hơn 741 trang. Nội dung gồm có: Số 1545/200, Luận A-tỳ-đạt-ma Đại Tỳ-bà-sa (tt), Q.115, C.4 Nghiệp Uẩn, P.1 Bàn về Hành ác, phần 4; Q.116, C.4 Nghiệp Uẩn, P.1 Bàn về Hành ác, phần 5, P.2 Bàn về Tà ngữ, phần 1; Q.117, C.4 Nghiệp Uẩn, P.2 Bàn về Tà ngữ, phần 2; Q.118, C.4 Nghiệp Uẩn, P.2 Bàn về Tà ngữ, phần 3, P.3 Bàn về Hại sinh, phần 1; từ Q.119 đến Q.121, C.4 Nghiệp Uẩn, P.3 Bàn về Hại sinh, phần 2-4; Q.122 và Q.123, C.4 Nghiệp Uẩn, P.4 Bàn về Biểu-Vô Biểu, phần 1-2; Q.124, C.4 Nghiệp Uẩn, P.4 Bàn về Biểu-Vô Biểu, phần 3, P.5 Bàn về Tư Nghiệp, phần 1; Q.125 và Q.126, C.4 Nghiệp Uẩn, P.5 Bàn về Tư Nghiệp, phần 2-3; từ Q.127 đến Q.130, C.5 Đại Chủng Uẩn, P.1 Bàn về Đại tạo, phần 1-4; Q.131, C.5 Đại Chủng Uẩn, P.1 Bàn về Đại tạo, phần 5, P.2 Bàn

về Duyên, phần 1; Q.132 và Q.133, C.5 Đại Chung Uẩn, P.2 Bàn về Duyên, phần 2-3; Q.134, C.5 Đại Chung Uẩn, P.2 Bàn về Duyên, phần 4, P.3 Bàn về Nhận thức đầy đủ, phần 1; Q.135 và Q.136, C.5 Đại Chung Uẩn, P.3 Bàn về Nhận thức đầy đủ, phần 2-3; Q.137, C.5 Đại Chung Uẩn, P.3 Bàn về Nhận thức đầy đủ, phần 4, P.4 Bàn về Chấp Thọ, phần 1; từ Q.138 đến Q.141, C.5 Đại Chung Uẩn, P.4 Bàn về Chấp Thọ, phần 2-5; từ Q.142 đến Q.146, C.6 Căn Uẩn, P.1 Bàn về Căn, phần 1-5; Q.147 và Q.148, C.6 Căn Uẩn, P.2 Bàn về Hữu, phần 1-2; Q.149 và Q.150, C.6 Căn Uẩn, P.3 Bàn về Xúc, phần 1-2; từ Q.151 đến Q.154, C.6 Căn Uẩn, P.4 Bàn về Đăng Tâm, phần 1-4; Q.155, C.6 Căn Uẩn, P.4 Bàn về Đăng Tâm, phần 5, P.5 Bàn về Nhất Tâm, phần 1;

Cuốn 27/5, No. 1545, dày hơn 752 trang. Nội dung gồm có: Số 1545/200, Luận A-tỳ-đạt-ma Đại Tỳ-bà-sa (tt), Q.156, C.6 Căn Uẩn, P.5 Bàn về Nhất Tâm, phần 2, P.6 Bàn về Ngự, P.7 Nhân duyên; từ Q.157 đến Q.161, C.7 Định Uẩn, P.1 Bàn về Đắc, phần 1-5; Q.162, C.7 Định Uẩn, P.1 Bàn về Đắc, phần 6, P.2 Bàn về Duyên, phần 1; từ Q.163 đến Q.165, C.7 Định Uẩn, P.2 Bàn về Duyên, phần 2-4; từ Q.166 đến Q.173, C.7 Định Uẩn, P.3 Bàn về Gồm thâu, phần 1-8; từ Q.174 đến Q.182, C.7 Định Uẩn, P.4 Bàn về Bất Hoàn, phần 1-9; Q.183, C.7 Định Uẩn, P.4 Bàn về Bất Hoàn, phần 10, P.5 Bàn về Nhất hành, phần 1; từ Q.184 đến Q.186, C.7 Định Uẩn, P.5 Bàn về Nhất hành, phần 2-4; từ Q.187 đến Q.191, C.8 Kiến Uẩn, P.1 Bàn về Niệm Trụ, phần 1-5; Q.192, C.8 Kiến Uẩn, P.1 Bàn về Niệm Trụ, phần 6, P.2 Bàn về Ba hữu, phần 1; Q.193 và Q.194, C.8 Kiến Uẩn, P.2 Bàn về Ba hữu, phần 2-3; Q.195, C.8 Kiến Uẩn, P.2 Bàn về Ba hữu, phần 4, P.3 Bàn

về Tướng, phần 1; Q.196, C.8 Kiến Uẩn, P.3 Bàn về Tướng, phần 2, P.4 Bàn về Trí, phần 1; Q.197, C.8 Kiến Uẩn, P.4 Bàn về Trí, phần 2; từ Q.198 đến Q.200, C.8 Kiến Uẩn, P.5 Bàn về Kiến, phần 1-3.

TẬP 28, Luận Tạng, Nxb Hồng Đức, PL. 2561 – DL. 2018, gồm 5 cuốn.

Cuốn 28/1, No. 1546, dày hơn 767 trang. Nội dung gồm có: Giới thiệu tóm lược về nội dung tập 28; Số 1546/60, Luận A-tỳ-đàm Tỳ-bà-sa, từ Q.1 đến Q.4, C.1 Kiền-độ Táp, P.1 Pháp Thế Đệ nhất, phần 1-4; từ Q.5 đến Q.12, C.1 Kiền-độ Táp, P.2 Trí, phần 1-8; từ Q.13 đến Q.15, C.1 Kiền-độ Táp, P.3 Người, phần 1-3; từ Q.16 đến Q.18, C.1 Kiền-độ Táp, P.4 Ái kính, phần 1-3; Q.9 và Q.20, C.1 Kiền-độ Táp, P.5 Không Hồ thẹn, phần 1-2; Q.21 và Q.22, C.1 Kiền-độ Táp, P.7 Bàn về Vô nghĩa, phần 1-2; Q.23 và Q.24, C.1 Kiền-độ Táp, P.8 Bàn về Tư duy, phần 1-2; từ Q.25 đến Q.28, C.2 Kiền-độ Sử, P.1 Bất Thiện, phần 1-4;

Cuốn 28/2, No. 1546, dày hơn 768 trang. Nội dung gồm có: Số 1546/60, Luận A-tỳ-đàm Tỳ-bà-sa (tt), Q.29 và Q.30, C.2 Kiền-độ Sử, P.1 Bất Thiện, phần 5-6; từ Q.31 đến Q.33, C.2 Kiền-độ Sử, P.2 Một Hành, phần 1-3; từ Q.34 đến Q.36, C.2 Kiền-độ Sử, P.3 Người, phần 1-3; từ Q.37 đến Q.45, C.2 Kiền-độ Sử, P.4 Mười Môn, phần 1-9; Q.46, C.2 Kiền-độ Sử, P.4 Mười Môn, phần 10, C.3 Kiền-độ Trí; Q.47 và Q.49, C.3 Kiền-độ Trí, P.1 Tám Đạo, phần 2-4; từ Q.50 đến Q.54, C.3 Kiền-độ Trí, P.2 Tha Tâm Trí, phần 2-6; Q.55 và Q.56, C.3 Kiền-độ Trí, P.3 Tu Trí, phần 1-2; từ Q.57 đến Q.60, C.3 Kiền-độ Trí, P.4 Tương ưng, phần 1-4;

Cuốn 28/3, No. 1547 – 1548, dày hơn 797 trang. Nội dung gồm có: Số 1547/14, Luận Tỳ-bà-sa, Q.1, Phần (P).1 Xứ Ba Kiết;

Q.2, P.2 Xứ Ba Căn bất thiện, P.3 Xứ Ba Hữu lậu, P.4 Xứ Bốn Lưu, P.5 Xứ Bốn Thọ (Bốn Thủ), P.6 Xứ Bốn thứ Trói buộc thân; Q.3, P.7 Xứ Năm Cái (Năm thứ Phiền não che lấp), P.8 Xứ Năm Kiết, P.9 Xứ Năm Kiết phần dưới, P.10 Xứ Năm Kiết phần trên, P.11 Xứ Năm Kiến, P.12 Xứ Sáu Ái thân, P.13 Xứ Bảy Sử, P.14 Xứ Chín mươi tám sử; Q.4, Chương lớn. Giải thích về Mười Môn, P.16 Xứ 22 Căn; Q.5, P.17 Xứ 18 Giới; Q.6, P.18 Xứ 12 Nhập, P.19 Xứ Năm Âm, P.20 Xứ Năm Thịnh âm (Năm Thủ âm), P.21 Xứ Sáu Giới; Q.7, P.22 Xứ Pháp có sắc-Pháp không sắc, P.23 Xứ Pháp có thấy-Pháp không thấy, P.24 Xứ Pháp có đối-Pháp không đối, P.25 Xứ Pháp hữu lậu-Pháp vô lậu, P.26 Xứ Pháp Hữu vi-Pháp Vô vi, P.27 Xứ Ba đời, P.28 Xứ Thiện-Bất Thiện-Vô ký, P.29 Xứ Pháp thuộc cõi Dục-Cõi Sắc, cõi Vô sắc, P.30 Xứ Pháp học-Pháp Vô học-Pháp Phi học phi vô học, P.31 Xứ Pháp do Kiến đoạn-do Tư duy đoạn-Không đoạn; Q.8, P.32, Đoạn 1. Xứ Bốn Thánh đế, Đoạn 2. Xứ Bốn Thánh đế; Q.10, P.33 Xứ Bốn Thiên; Q.11, P.34 Xứ Bốn Đẳng; Q.12, P.35 Xứ Bốn Vô sắc, P.36 Xứ Tám Giải thoát, P.37 Xứ Tam Trừ nhập, P.38 Xứ Mười Nhất thiết nhập; Q.13, P.39 Xứ Tám Trí, P.40 Xứ Ba Tam-muội; Q.14, P.41 Xứ Trung âm, P.42 Xứ Bốn loài; Số 1548/30, Luận Xá-lợi-phát A-tỳ-đàm, Q.1, P.1 Phần hỏi về Nhập; Q.2, P.2 Phần hỏi về Giới; Q.3, P.3 Phần hỏi về Âm; Q.4, P.4 Phần hỏi về Bốn Thánh đế; Q.5, P.5 Phần hỏi về Căn; Q.6, P.6 Phần hỏi về Bảy giác, P.7 Phần hỏi về Căn Bất thiện, P.8 Phần hỏi về Căn Thiện, P.9 Phần hỏi về Ưu-bà-tắc; Q.7, P.1 Phần không phải hỏi về Giới, P.2 Phần không hỏi về Nghiệp; Q.8, P.3 Phần không hỏi về Người; Q.9 và Q.10, P.4 Phần không hỏi về Trí, phần 1-2;

Cuốn 28/4, No. 1548 – 1549, dày hơn 802 trang. Nội dung gồm có: Số 1548/30, Luận Xá-lợi-phát A-tỳ-đàm (tt), Q.11, P.4 Phần không hỏi về Trí, phần 3; Q.12, P.5 Phần không hỏi về Duyên; Q.13, Phần không hỏi về Niệm xứ, P.7 Phần không hỏi về Chánh căn, P.8 Phần không hỏi về Thần túc; Q.14, P.9 Phần không hỏi về Thiên định; từ Q.15 đến Q.17, P.10 Phần không hỏi về Đạo, phần 1-3; từ Q.18 đến Q.20, Phần không hỏi về Phiền não, phần 1-3; Q.21 và Q.22, P.1 Phần Gồm thâu thuộc về Tương ưng, phần 1-2; Q.23 và Q.24, P.2 Phần Gồm thâu Tương ưng theo Tương ưng, phần 1-2; Q.25, P.1 Phần Đầu mỗi hiện khắp, phần 1; Q.26, P.1 Phần Đầu mỗi hiện khắp, phần 2, P.2 Nhân của Phần đầu mỗi, P.3 Danh sắc của Phần đầu mỗi, P.4 Kiết giả của Phần đầu mỗi, phần 1; Q.27, P.4 Kiết giả của Phần đầu mỗi, phần 2, P.5 Hành của Phần đầu mỗi, P.6 Xúc của Phần đầu mỗi, P.7 Tâm giả lập của Phần đầu mỗi, P.8 Mười Đạo nghiệp bất thiện của Phần đầu mỗi, P.9 Mười Đạo nghiệp thiện của Phần đầu mỗi; từ Q.28 đến Q.30, P.10 Định của Phần đầu mỗi, phần 1-3; Số 1549/10, Luận Tôn-bà-tu-mật Bồ-tát Sở tập, Q.1, P.1 Kiên-độ Tự, phần 1-4; Q.2, P.1 Kiên-độ Tự, phần 5-7; Q.3, P.2 Kiên-độ Tâm; Q.4, P.3 Kiên-độ Tam-muội, P.4 Kiên-độ Thiên; Q.5, P.5 Kiên-độ Tứ đại, P.6 Kiên-độ Khế định; Q.6, P.7 Kiên-độ Cánh lạc (Xúc); Q.7, P.8 Kiên-độ Kiết Sử; Q.8, P.9 Kiên-độ Hành (nghiệp), P.10 Kiên-độ Trí;

Cuốn 28/5, No. 1549 – 1557, dày hơn 839 trang. Nội dung gồm có: Số 1549/10, Luận Tôn-bà-tu-mật Bồ-tát Sở tập (tt), Q.9, P.11 Kiên-độ Kiến, P.12 Kiên-độ Căn, P.13 Kiên-độ Nhất thiết hữu, P.14 Kiên-độ Kê, phần 1; Q.10, P.14 Kiên-độ Kê, phần 2, Phẩm Kê, phần đầu và phần hai; Số 1550/4, Luận A-tỳ-đàm Tâm, Q.1, P.1

Giới, P.2 Hành, P.3 Nghiệp; Q.2, P.4 Sử, P.5 Hiền Thánh; Q.3, P.6 Trí, P.7 Định; Q.4, P.8 Khế Định, P.9 Tập, P.10 Luận; Số 1551/6, Luận Kinh A-tỳ-đàm Tâm, Q.1, P.1 Giới, P.2 Hành; Q.2, P.3 Nghiệp, P.4 Sử, phần 1; Q.3, P.4 Sử, phần 2, P.5 Hiền Thánh; Q.4, P.6 Trí, P.7 Định, phần 1; Q.5, P.7 Định, phần 2, P.8 Tu-đa-la, phần 1; Q.6, P.8 Tu-đa-la, phần 2, P.9 Tập, P.10 Vấn luận; 1552/11 Luận Kinh A-tỳ-đàm Tâm, Q.1, P. Mở đầu, P.1 Giới; Q.2, P.2 Hành; Q.3, P.3 Nghiệp; Q.4, P.4 Sử; Q.5, P.5 Hiền Thánh; Q.6, P.6 Trí; Q.7, P.7 Định; Q.8, P.8 Tu-đa-la; Q.9, P.9 Tập; Q.10 và Q.11, P.10 Trạch, phần 1-2, P.11 Luận; Số 1553/2, Luận Kinh A-tỳ-đàm Cam-lồ vị, Quyền thượng, P.1 Bồ thí, Trì giới, P.2 Giới đạo, P.3 Trụ thực sinh, P.4 Nghiệp, P.5 Âm trì nhập, P.6 Hành, P.7 Chủng loại Nhân duyên, P.8 Căn tịnh, P.9 Kiết sử, Thiên trí, P.10 Ba mươi bảy Người vô lậu; Quyền hạ, P.11 Trí, P.12 Thiên định, P.13 Tập định, P.14 Ba mươi bảy Phẩm, P.15 Bôn đế, P.16 Tập; Số 1554/2, Luận Nhập Tỳ-tỳ-đạt-ma, Quyền thượng và Quyền hạ; Số 1555/2, Luận Ngũ sự Tỳ-bà-sa, Quyền thượng, P.1 Phân biệt Sắc, phần 1; Quyền hạ, P.1 Phân biệt Sắc, phần 2, P.2 Phân biệt Tâm, P.3 Phân biệt Tâm sở pháp; Số 1556/1, Luận Tát-bà-đa Tông Ngũ sự; Số 1557/1, Kinh A-tỳ-đàm Ngũ Pháp Hành.

TẬP 29, Luận Tạng, Nxb Hồng Đức, PL. 2561 – DL. 2018, gồm 5 cuốn.

Cuốn 29/1, No. 1558 – 1559, dày hơn 720 trang. Nội dung gồm có: Giới thiệu tóm lược về nội dung tập 29; Số 1558/30. Luận A-tỳ-đạt-ma Câu-xá, Q.1, P.1 Phân biệt Giới, phần 1; P.1 Phân biệt Giới, phần 2; từ Q.3 đến Q.6, P.2 Phân biệt Căn, phần 1-4; Q.7, P.2 Phân biệt Căn, phần 5; từ Q.8 đến Q.12, P.3 Phân biệt Thế giới, phần 1-

5; từ Q.13 đến Q.18, P.4 Phân biệt Nghiệp, phần 1-6; từ Q.19 đến Q.21, P.5 Phân biệt Tùy miên, phần 1-3; từ Q.22 đến Q.25, P.6 Phân biệt Hiền Thánh, phần 1-4; Q.26 và Q.27, P.7 Phân biệt Trí, phần 1-2; Q.28, P.8 Phân biệt Định, phần 1; Q.29, P.8 Phân biệt Định, phần 2, P.9 Phá chấp Ngã, phần 1; Q.30, P.9 Phá chấp Ngã, phần 2; Số 1559/22. A-tỳ-đạt-ma Câu-xá Thích luận, Q.1, P.1 Phân biệt Giới, phần 1; Q.2, P.1 Phân biệt Giới, phần 2, P.2 Phân biệt Căn, phần 1; từ Q.3 đến Q.5, P.2 Phân biệt Căn, phần 2-4; Q.6, P.3 Phân biệt Thế gian, phần 1;

Cuốn 29/2, No. 1559 – 1562, dày hơn 741 trang. Nội dung gồm có: Số 1559/22. A-tỳ-đạt-ma Câu-xá Thích luận (tt), từ Q.7 đến Q.9, P.3 Phân biệt Thế gian, phần 2-4; từ Q.10 đến Q.13, P.4 Phân biệt Nghiệp, phần 1-4; Q.14 và Q.15, P.5 Phân biệt Hoặc, phần 1 & 2; từ Q.16 đến Q.18, P.6 Phân biệt Thánh đạo Quả Nhân, phần 1-3; Q.19 và Q.20, P.7 Phân biệt Tuệ, phần 1-2; Q.21, P.8 Phân biệt Tam-ma-bạt-đề; Q.22, P.9 Phá trừ chấp Ngã; Số 1560/1. Luận A-tỳ-đạt-ma Câu-xá Bản tụng, P.1 Phân biệt Giới (gồm 44 tụng), P.2 Phân biệt Căn (gồm 74 tụng), P.5 Phân biệt Tùy miên (gồm 69 tụng), P.6 Phân biệt Hiền Thánh (gồm 83 tụng), P.7 Phân biệt Trí (gồm 61 tụng), P.8 Phân biệt Định (gồm 39 tụng); Số 1561/1. Luận A-tỳ-đạt-ma Câu-xá Thật nghĩa số, từ Q.1 đến Q.4, P.1 Phân biệt Giới; Q.5, P.2 Phân biệt Căn; Số 1562/80. Luận A-tỳ-đạt-ma Thuận Chánh lý, từ Q.1 đến Q.8, P.1 Biện về Bản sự, phần 1-8; Q.9, P.2 Biện về Sai biệt, phần 1;

Cuốn 29/3, No. 1562, dày hơn 723 trang. Nội dung gồm có: Số 1562/80. Luận A-tỳ-đạt-ma Thuận Chánh lý (tt), từ Q.10 đến Q.20, P.2 Biện về Sai biệt, phần 2-12; từ Q.21 đến Q.32, P.3 Biện về Duyên khởi,

phần 1-12; từ Q.33 đến Q.42, P.4 Biện về Nghiệp, phần 1-10;

Cuốn 29/4, No. 1562, dày hơn 714 trang. Nội dung gồm có: Số 1562/80. Luận A-tỳ-đạt-ma Thuận Chánh lý (tt), Q.43 đến Q.44, P.4 Biện về Nghiệp, phần 11-12; từ Q.45 đến Q.56, P.5 Biện về Tùy miên, phần 1-12; từ Q.57 đến Q.72, P.6 Biện về Hiền Thánh, phần 1-16; từ Q.73 đến Q.76, P.7 Biện về Trí, phần 1-4; từ Q.77 đến Q.80, P.8 Biện về Định, phần 1-4;

Cuốn 29/5, No. 1563, dày hơn 760 trang. Nội dung gồm có: Số 1563/40. Luận A-tỳ-đạt-ma Tạng Hiền tông, Q.1, P.1 Phần Mở đầu, P.2 Biện về Bản sự, phần 1; từ Q.2 đến Q.4, P.2 Biện về Bản sự, phần 2-4; từ Q.5 đến Q.11, P.3 Biện về Sai biệt, phần 1-7; từ Q.12 đến Q.17, P.4 Biện về Duyên khởi, phần 1-6; từ Q.18 đến Q.24, P.5 Biện về Nghiệp, phần 1-7; từ Q.25 đến Q.28, P.6 Biện về Tùy miên, phần 1-4; từ Q.29 đến Q.34, P.7 Biện về Hiền Thánh, phần 1-6; từ Q.35 đến Q.37, P.8 Biện về Trí, phần 1-3; từ Q.38 đến Q.40, P.9 Biện về Định, phần 1-3.

TẬP 30, Luận Tạng, Nxb Hồng Đức, PL. 2561 – DL. 2018, gồm 4 cuốn.

Cuốn 30/1, No. 1564 – 1574, dày hơn 909 trang. Nội dung gồm có: Giới thiệu tóm lược về nội dung tập 30; Số 1564. Trung Luận, Q.1, P.1 Quán về Nhân duyên, P.2 Quán về Đi-Đến, P.3 Quán về Sáu Tình (căn), P.4 Quán về Năm Âm, P.5 Quán về Sáu Chung, P.6 Quán về Nhiễm-người nhiễm; Q.2, P.7 Quán về Ba tướng, P.8 Quán về Tác-Tác giả, P.9 Quán về Bản trụ, P.10 Quán về Đốt cháy-Bị Đốt cháy, P.11 Quán về Bản tế, P.12 Quán về Khô, P.13 Quán về Hành (Gồm 9 kệ), P.14 Quán về Hợp; Q.3, P.15 Quán về Có-Không, P.16 Quán về Buộc-Mở, P.17 Quán về Nghiệp, P.18 Quán về Pháp, P.19

Quán về Thời, P.20 Quán về Nhân quả, P.21 Quán về Thành-Hoại; Q.4, P.22 Quán về Như Lai, P.23 Quán về Điên đảo, P.24 Quán về Bốn đế, P.25 Quán về Niết-bàn, P.26 Quán về Mười hai Nhân duyên, P.27 Quán về Tà kiến; Số 1565/2. Thuận Trung Luận nghĩa Nhập Đại Bát-nhã Ba-la-mật Kinh sơ phẩm Pháp môn, Quyển thượng-Quyển hạ; Số 1566/15. Bát-nhã Đăng luận thích, Q.1, P.1 Quán về Duyên, phần 1; Q.2, P.1 Quán về Duyên, phần 2; Q.3, Quán về Đi-Đến; Q.4, P.3 Quán về Sáu căn, P.4 Quán về Năm âm, P.5 Quán về Sáu giới; Q.5, P.6 Quán về Nhiễm-Người nhiễm, P.7 Quán về Tướng hữu vi; Q.6, P.8 Quán về Tác giả-Nghiệp, P.9 Quán về Giữ lấy; Q.7, P.10 Quán về Củi lửa, P.11 Quán về Sinh tử; Q.8, P.12 Quán về Khô, P.13 Quán về Hành, P.14 Quán về Hợp; Q.9, P.15 Quán về Có-Không, P.16 Quán về Buộc-Mở; Q.10, P.17 Quán về Nghiệp; Q.11, P.18 Quán về Pháp, P.19 Quán về Thời; Q.12, P.20 Quán về Nhân quả Hòa hợp, P.21 Quán về Thành-Hoại; Q.13, P.22 Quán về Như Lai; Q.14, P.23 Quán về Điên đảo, P.24 Quán về Thánh đế; Q.15, P.25 Quán về Niết-bàn, P.26 Quán về Duyên khởi của Thế đế, P.27 Quán về Tà kiến; Số 1567/1. Đại thừa Trung Quán thích luận, Q.1, P.1 Quán Duyên, phần 1; Q.2, P.1 Quán Duyên, phần 2, P.2 Quán Đi-Đến, phần 1; Q.3, P.2 Quán Đi-Đến, phần 2, P.3 Quán Sáu Căn; Q.4, P.4 Quán Năm Uẩn, P.5 Quán Sáu Giới; Q.5, P.6 Quán Pháp nhiễm-người nhiễm, P.7 Quán Hữu vi, phần 1; Q.6, P.7 Quán Hữu vi, phần 2; Q.7, P.7 Quán Hữu vi, phần 3, P.8 Quán Tác-Tác giả Nghiệp; Q.8, P.9 Quán Phần vị Đầu tiên, P.10 Quán Củi lửa, phần 1; Q.9, P.10 Quán Củi lửa, phần 2, P.11 Quán Sinh tử, P.12 Quán Khô, P.13 Quán Hành; Số 1568/1. Luận Thập Nhị Môn (M), M.1 Quán Nhân duyên, M.2 Quán Có

Quả-Không có Quả, M.3 Quán Duyên, M.4 Quán Tướng, M.5 Quán Có Tướng-Không Tướng, M.6 Quán Một-Khác, M.7 Quán Có-Không có, M.8 Quán Tánh, M.9 Quán Nhân quả, M.10 Quán Tác giả, M.11 Quán Ba thời, M.12 Quán Sinh; Số 1569/2. Bách Luận, Quyền thượng, P.1 Xả Tội-Phước, P.2 Phá Thần ngã, P.3 Phá Nhất; Quyền hạ, P.4 Phá Di, P.5 Phá Căn, P.6 Phá Trần, P.7 Phá trong Nhân có Quả, P.8 Phá trong Nhân không Quả, P.9 Phá chấp Thường, P.10 Phá chấp Không; Số 1570/1. Quảng Bách Luận Bản, P.1 Phá chấp Thường, P.2 Phá chấp Ngã, P.3 Phá chấp về Thời, P.4 Phá chấp Kiến, Phá Căn cảnh, P.6 Phá Biên chấp, P.7 Phá Tướng Hữu vi, P.8 Dạy khuyên Đệ tử; Số 1571/10. Đại thừa Quảng bách Luận thích luận, Q.1, P.1 Phá chấp Thường, phần 1; Q.2, P.1 Phá chấp Thường, phần 2, P.2 Phá Ngã, phần 1; Q.3, P.2 Phá Ngã, phần 2; Q.4, P.3 Phá Thời, phần 1; Q.5, P.3 Phá Thời, phần 2; Q.6, P.4 Phá Kiến; Q.7, P.5 Phá Căn-Cảnh; Q.8, P.6 Phá Biên chấp; Q.9, P.7 Phá Tướng Hữu vi; Q.10, P.8 Dạy khuyên Đệ tử; Số 1572/1. Bách Tự Luận; Số 1573/1. Luận Nhất Thâu-lô-ca; Số 1574/1. Luận Đại thừa Phá Hữu.

Cuốn 30/2, No. 1575 – 1579, dày hơn 892 trang. Nội dung gồm có: Số 1575/1. Luận Lục Thập tụng Như lý; Số 1576/1. Luận Đại thừa Nhị thập tụng; Số 1577/2. Luận Đại Trưng phu, Quyền thượng, P.1 Thí thắng, P.2 Thí thắng vị, P.3 Thể Thí chủ, P.4 Thí chủ-người xin tăng trưởng, P.5 Giải thoát thù thắng, P.6 Thí chủ tăng trưởng, P.7 Cung kính Người cầu xin, P.8 Thí cho kẻ bòn sẻn, P.9 Tài vật thí, P.10 Xả nhất thiết, P.11 Xả âm thọ âm, P.12 Xả thân mạng, P.13 Hiện bi, P.14 Pháp thí; Quyền hạ, P.15 Phát Tâm Bồ-đề, P.16 Công đức thù thắng, P.17 Giải thoát thù thắng, P.18 Tạo lợi ích cho người khác,

P.19 Thí thù thắng đối với khổ của kẻ khác, P.20 Ái bi, P.21 Hàng Trưng phu Giác ngộ, P.22 Đại Trưng phu, P.23 Nói về Bi, P.24 Thí Bi tịnh, P.25 Ái Bi thắng, P.26 Trí Bi giải thoát, P.27 Phát nguyện, P.28 Cùng đồng Phát nguyện, P.29 Phát nguyện thù thắng; Số 1578/2 Luận Đại thừa Chương trần, Quyền thượng-Quyền hạ; Số 1579/100. Luận Du-già-sur-địa, Phần Bản Địa Q.1, Địa (Địa) 1. Địa Năm Thức thân Tương ưng, Đ.2 Địa Ý, phần 1 (Phần Bản Địa); Q.2, Đ.2 Địa Ý, phần 2 (Phần Bản Địa); Q.3, Đ.2 Địa Ý, phần 3 (Phần Bản Địa); từ Q.4 đến Q.10, Đ.3, 4, 5 Địa có Tâm có Tứ, phần 1-7 (Phần Bản Địa); Q.11, Q.12, Đ.6 Địa Tam-ma-hý-đa, phần 1-2 (Phần Bản Địa); Q.13, Đ.6 Địa Tam-ma-hý-đa, phần 3 (Phần Bản Địa), Đ.7 Địa Phi Tam-ma-hý-đa (Phần Bản Địa), Đ.8, 9 Địa có Tâm – không Tâm (Phần Bản Địa), Đ.10 Địa do Văn tạo thành, phần 1 (Phần Bản Địa); Q.14, Q.15, Đ.10 Địa do Văn tạo thành, phần 2-3 (Phần Bản Địa); từ Q.16 đến Q.19, Đ.11 Địa do Tư tạo thành, phần 1-4 (Phần Bản Địa); Q.20, Đ.12 Địa do Tu tạo thành (Phần Bản Địa); Q.21, Đ.13 Địa Thanh văn (Phần Bản Địa), Xứ Du-già thứ 1, phần 1. Địa Chứng tánh, Xứ Du-già thứ 1, phần 2. Địa Hướng nhập; Q.22, Đ.13 Địa Thanh văn (Phần Bản Địa), Xứ Du-già thứ 1, phần 3. Địa Xuất ly (1); Q.23, Đ.13 Địa Thanh văn (Phần Bản Địa), Xứ Du-già thứ 1, phần 3. Địa Xuất ly (2); Q.24, Đ.13 Địa Thanh văn (Phần Bản Địa), Xứ Du-già thứ 1, phần 3. Địa Xuất ly (3); Q.25, Đ.13 Địa Thanh văn (Phần Bản Địa), Xứ Du-già thứ 1, phần 3. Địa Xuất ly (4); từ Q.26 đến Q.29, Đ.13 Địa Thanh văn (Phần Bản Địa), Xứ Du-già thứ 2, Đoạn 1-4; từ Q.30 đến Q.32, Đ.13 Địa Thanh văn (Phần Bản Địa), Xứ Du-già thứ 3, Đoạn 1-3; Q.33 Đ.13 Địa Thanh văn (Phần Bản Địa), Xứ

Du-già thứ 4, Đoạn 1; Q.34, Đ.13 Địa Thanh văn (Phần Bản Địa), Xứ Du-già thứ 4, Đoạn 2; Đ.14 Địa Độc giác (Phần Bản Địa); Q.35, Đ.15 Địa Bò-tát (Phần Bản Địa), Đoạn 1, Trì Xứ Du-già. P.1 Chủng tánh, P.2 Phát Tâm, P.3, Phần 1. Tự Tha lợi; Q.36, Đ.15 Địa Bò-tát (Phần Bản Địa), Đoạn 1, Trì Xứ Du-già. P.3, Phần 2. Tự Tha lợi, P.4 Nghĩa Chân thật; Q.37, Đ.15 Địa Bò-tát (Phần Bản Địa), Đoạn 1, Trì Xứ Du-già. P.5 Uy lực, P.6 Thành thực; Q.38, Đ.15 Địa Bò-tát (Phần Bản Địa), Đoạn 1, Trì Xứ Du-già. P.7 Bồ-đề, P.8 Lực chủng tánh; Q.39, Đ.15 Địa Bò-tát (Phần Bản Địa), Đoạn 1, Trì Xứ Du-già. P.9 Thí; Q.40, Đ.15 Địa Bò-tát (Phần Bản Địa), Đoạn 1, Trì Xứ Du-già. P.10, phần 1. Giới;

Cuốn 30/3, No. 1579, dày hơn 892 trang. Nội dung gồm có: Luận Du-già-sư-địa, Phần Bản Địa, Q.41 Đ.15 Địa Bò-tát (Phần Bản Địa), Đoạn 1, Trì Xứ Du-già. P.10, phần 2. Giới; Q.42, Đ.15 Địa Bò-tát (Phần Bản Địa), Đoạn 1, Trì Xứ Du-già. P.10, phần 3. Giới; P.11 Nhẫn, P.12 Tinh tấn; Q.43, Đ.15 Địa Bò-tát (Phần Bản Địa), Đoạn 1, Trì Xứ Du-già. P.13 Tĩnh lự, P.14 Tuệ, P.15 Nhiếp sự; Q.44, Đ.15 Địa Bò-tát (Phần Bản Địa), Đoạn 1, Trì Xứ Du-già. P.16 Cúng dường Thân căn Vô lượng, P.17, phần 1. Bồ-đề Phần; Q.45, Đ.15 Địa Bò-tát (Phần Bản Địa), Đoạn 1, Trì Xứ Du-già. P.17, phần 2. Bồ-đề Phần; Q.46, Đ.15 Địa Bò-tát (Phần Bản Địa), Đoạn 1, Trì Xứ Du-già. P.17, phần 3. Bồ-đề Phần; P.18 Công đức của Bò-tát; Q.48, Đ.15 Địa Bò-tát (Phần Bản Địa), Đoạn 2, Trì xứ Du-già Tùy pháp, P.1 Tướng Bò-tát, P.2 Phần, P.3 Ý lạc Tăng thượng, P.4, phần 1. Trụ; Q.48, Đ.15 Địa Bò-tát (Phần Bản Địa), Đoạn 2, Trì xứ Du-già Tùy pháp, P.4, phần 2. Trụ; Đ.15 Địa Bò-tát (Phần Bản Địa), Đoạn 3, Trì xứ Du-già

Cứu cánh, P.1 Sinh, P.2 Thâu nhận; Q.49, Đ.15 Địa Bò-tát (Phần Bản Địa), Đoạn 3, Trì xứ Du-già Cứu cánh, P.3 Địa, P.4 Hành, P.5, phần 1. Kiến lập; Q.50, Đ.15 Địa Bò-tát (Phần Bản Địa), Đoạn 3, Trì xứ Du-già Cứu cánh, P.5, phần 2. Kiến lập; Đoạn 4, Trì xứ Du-già Thứ lớp, Phẩm Phát tâm Chánh đẳng Bồ-đề; Đ.16 Địa Hữu dư y (Phần Bản Địa), Đ.17 Địa Vô dư y (Phần Bản Địa); từ Q.51 đến Q.57, Phần Nhiếp Quyết trạch: Địa năm Thức thân Tương ưng và Địa ý; từ Q.58 đến Q.61, Phần Nhiếp Quyết trạch: Ba Địa có Tâm có Tứ; Q.62, Phần Nhiếp Quyết trạch: Địa Tam-ma-hí-đa; Q.63, Phần Nhiếp Quyết trạch: Địa Tam-ma-hí-đa, Địa Phi Tam-ma-hí-đa, Địa có Tâm, Địa không Tâm; Q.64, Phần Nhiếp Quyết trạch: Địa do Văn tạo thành; Q.65 và Q.66, Phần Nhiếp Quyết trạch: Địa do Tư tạo thành; Q.67, Phần Nhiếp Quyết trạch: Địa do Tu tạo thành; Địa Thanh văn; từ Q.68 đến Q.71, Phần Nhiếp Quyết trạch: Địa Thanh văn; từ Q.72 đến Q.79, Phần Nhiếp Quyết trạch: Địa Bò-tát; Q.80, Phần Nhiếp Quyết trạch: Địa Bò-tát, Hai Địa Hữu dư y và Vô dư y; Q.81 và Q.82, Phần Nhiếp thích 1 & 2;

Cuốn 30/4, No. 1579 – 1584, dày hơn 866 trang. Nội dung gồm có: Số 1579/100. Luận Du-già-sư-địa, Phần Bản Địa, Q.83 và Q.84, Phần Nhiếp Dị môn 1 & 2; Q.85, Phần Nhiếp Sự, Đoạn 1: Sự khế Kinh, Lựa chọn, gồm thâu về Hành, Đoạn 1; Q.86, Phần Nhiếp Sự, Đoạn 1: Sự khế Kinh, Lựa chọn, gồm thâu về Hành, Đoạn 2; Q.87, Phần Nhiếp Sự, Đoạn 1: Sự khế Kinh, Lựa chọn, gồm thâu về Hành, Đoạn 3; Q.88, Phần Nhiếp Sự, Đoạn 1: Sự khế Kinh, Lựa chọn, gồm thâu về Hành, Đoạn 4; Q.89, Phần Nhiếp Sự, Đoạn 2: Sự khế Kinh, Lựa chọn, gồm thâu về Xứ, Đoạn 1; Q.90, Phần Nhiếp Sự, Đoạn 2: Sự khế Kinh, Lựa

chọn, gồm thâu về Xứ, Đoạn 2; Q.91, Phần Nhiếp Sự, Đoạn 2: Sự khế Kinh, Lựa chọn, gồm thâu về Xứ, Đoạn 3; Q.92, Phần Nhiếp Sự, Đoạn 2: Sự khế Kinh, Lựa chọn, gồm thâu về Xứ, Đoạn 4; Q.93, Phần Nhiếp Sự, Đoạn 3: Sự khế Kinh, Lựa chọn, gồm thâu về Duyên khởi-Thực-Đế-Giới, Đoạn 1; Q.94, Phần Nhiếp Sự, Đoạn 3: Sự khế Kinh, Lựa chọn, gồm thâu về Duyên khởi-Thực-Đế-Giới, Đoạn 2; Q.95, Phần Nhiếp Sự, Đoạn 3: Sự khế Kinh, Lựa chọn, gồm thâu về Duyên khởi-Thực-Đế-Giới, Đoạn 3; Q.96, Phần Nhiếp Sự, Đoạn 3: Sự khế Kinh, Lựa chọn, gồm thâu về Duyên khởi-Thực-Đế-Giới, Đoạn 4; Q.97, Phần Nhiếp Sự, Đoạn 4: Sự khế Kinh, Lựa chọn, gồm thâu về Pháp Bồ-đề phần, Đoạn 1; Q.98, Phần Nhiếp Sự, Đoạn 4: Sự khế Kinh, Lựa chọn, gồm thâu về Pháp Bồ-đề phần, Đoạn 2; Q.99, Phần Nhiếp Sự, Đoạn 5: Sự Điều phục, Lựa chọn, gồm thâu chung, Đoạn 1; Q.100, Phần Nhiếp Sự, Đoạn 5: Sự Điều phục, Lựa chọn, gồm thâu chung, Đoạn 2; Đoạn 6: Sự Bản mẫu, Nêu bày-Biện giải, Gồm thâu; Số 1580/1. Luận Thích Du-già-sư-địa, Phần Bản Địa, Đ.1 Năm Thức Tương ưng; Số 1581/10. Kinh Bồ-tát Địa trì, Q.1 Xứ Phương tiện Thứ nhất, P.1 Chủng tánh, P.2 Phát Tâm Bồ-đề, P.3 Tự lợi Lợi tha, P.4 Nghĩa Chân thật, phần 1; Q.2, Xứ Phương tiện Thứ nhất, P.4 Nghĩa Chân thật, phần 2; P.5 Lực; Q.3, Xứ Phương tiện Thứ nhất, P.6 Thành thực, P.7 Bồ-đề Vô thượng, P.8 Lực Chủng tánh; Q.4, Xứ Phương tiện Thứ nhất, P.9 Thí, P.10 Giới, phần 1; Q.5, Xứ Phương tiện Thứ nhất, P.10 Giới, phần 2; Q.6, Xứ Phương tiện Thứ nhất, P.11 Nhẫn, P.12 Tinh tấn, P.13 Thiên, P.14 Tuệ; Q.7, Xứ Phương tiện Thứ nhất, P.15 Bốn Nhiếp, P.16 Cúng dường Tập cận Vô lượng, P.17 Bồ-đề phần, phần 1; Q.8, Xứ Phương tiện Thứ nhất, P.17 Bồ-đề phần,

phần 2, P.18 Công đức của Bồ-tát; Xứ Phương tiện thứ Pháp, P.1 Tướng Bồ-tát (Đoạn 2, 4 phẩm), P.2 Hỗ trợ; Q.9, Xứ Phương tiện thứ Pháp, P.3 Tâm tịnh, P.4 Trụ; Q.10, Xứ Phương tiện Cứu cánh, P.1 Sinh (Đoạn 3, có 5 phẩm), P.2 Gồm thâu, P.3 Địa, P.4 Hành, P.5 Kiến lập; Số 1582/9. Kinh Bồ-tát Thiện Giới, Q.1 P.1 Mở đầu của Địa Bồ-tát, P.2 Tánh hành Thiện của Địa Bồ-tát, P.3 Phát Tâm Bồ-đề của Địa Bồ-tát, P.4 Lợi ích trong ngoài của Địa Bồ-tát; Q.2, P.5 Nghĩa Chân thật của Địa Bồ-tát, P.6 Bất khả Tư nghi của Địa Bồ-tát; Q.3, P.7 Điều phục của Địa Bồ-tát, P.8 Bồ-đề của Địa Bồ-tát, P.9 Tánh lực Bồ-đề của Địa Bồ-tát; Q.4, P.10 Bố thí của Địa Bồ-tát, P.11 Trì giới của Địa Bồ-tát; Q.5, P.12 Nhẫn nhục của Địa Bồ-tát, P.13 Tinh tấn của Địa Bồ-tát, P.14 Thiên định của Địa Bồ-tát, P.15 Trí tuệ của Địa Bồ-tát, P.16 Lời nhu hòa của Địa Bồ-tát; Q.6, P.17 Cúng dường Tam bảo của Địa Bồ-tát, P.18 Ba Mươi bảy Phẩm Trợ đạo của Địa Bồ-tát; Q.7, P.19 Pháp Số Trợ Bồ-đề của Địa Bồ-tát, P.20 Công đức của Địa Bồ-tát; P.1 Tướng của Bồ-tát Như pháp Trụ, P.2 Thiên của Như pháp Trụ; Q.8, P.3 Tâm Định của Như pháp Trụ, P.4 Sinh địa Bồ-đề của Như pháp Trụ, P.1 Sinh của Địa Cứu cánh; Q.9, P.2 Thâu giữ của Địa Cứu cánh, P.3 Rốt ráo của Địa Cứu cánh, P.4 Hành của Địa Cứu cánh, P.5 Ba mươi hai tướng tốt-Tám mươi vẻ đẹp của Địa Cứu cánh; Số 1583/1. Kinh Bồ-tát Thiện Giới (Ưu-ba-ly hỏi Pháp Thọ Giới Bồ-tát); Số 1584/3. Luận Quyết Định Tạng, Quyền thượng: Phẩm Tâm Địa, phần 1; Quyền trung: Phẩm Tâm Địa, phần 2; Quyền hạ: Phẩm Tâm Địa, phần 3.

TẬP 31, Luận Tạng, Nxb Hồng Đức, PL. 2561 – DL. 2018, gồm 4 cuốn.

Cuốn 31/1, No. 1585 – 1595, dày hơn 725 trang. Nội dung gồm có: Giới thiệu tóm lược về nội dung tập 31; Số 1585. Luận Thành Duy Thức, có 10 quyển; Số 1586. Duy Thức Tam thập Luận tụng; Số 1587. Chuyển Thức luận (Trích từ Vô Tướng luận); Số 1588. Duy Thức luận (còn tên là Phá Sắc Tâm luận); Số 1589. Đại thừa Duy Thức luận; Số 1590. Duy Thức Nhi thập luận; Số 1591. Luận Thành Duy Thức Bảo sanh, có 5 quyển; Số 1592. Luận Nhiếp Đại thừa, Quyển thượng-Quyển hạ; Số 1593. Luận Nhiếp Đại thừa: Quyển thượng, P.1 Các tên trong Y chỉ Thắng tướng, P.2 Nói về Tướng, P.3 Dẫn chứng, P.4 Sai biệt, P.5 Phải Biết Thắng tướng; Quyển trung, Phải biết Thắng tướng 2, Phải biết Nhập Thắng tướng 3, Nhập Nhân quả Thắng tướng 4; Quyển hạ, Nhập Nhân quả Tu sai biệt Thắng tướng 5, Y Giới học Thắng tướng 6, Y Tâm học Thắng tướng 7, Y Tuệ học Thắng tướng 8, Học quả Tịch diệt Thắng tướng 9, Trí sai biệt Thắng tướng 10; Số 1594. Nhiếp Đại thừa luận bản, Quyển thượng, Phần 1. Cương yếu, Phần 2. Sở Tri y; Quyển trung, Phần 3. Sở Tri tướng, Phần 4. Ngộ nhập Tướng sở tri, Phần 5. Ngộ nhập Nhân quả; Quyển hạ, Phần 6. Tu tập sai biệt, Phần 7. Tăng thượng Giới học, Phần 8. Tăng thượng Tâm học, Phần 9. Tăng thượng Tuệ học, Phần 10. Quả đoạn, Phần 11. Quả trí; Số 1595. Nhiếp Đại thừa Luận thích, Q.1, P.1 Giải thích các tên trong Y chỉ Thắng tướng, P.1 Các tên, C.I Vô đẳng Thánh giáo, C.II Thứ tự của 10 nghĩa, C.III Các tên gọi; Q.2, P.2 Giải thích các tên trong Y chỉ Thắng tướng 2, Chương Các tên khác, C.2 Huân tập, C.3 Không một không khác, C.4 Làm Nhân quả cho nhau, C.5 Nhân quả riêng hay không riêng, C.6 Duyên sinh, C.7 Bốn duyên; Q.3, P.3 Dẫn chứng, C.1 Phiền não bất tịnh, C.2 Nghiệp bất

tịnh, C.3 Sinh bất tịnh, C.4 Thế gian tịnh, C.5 Xuất thế gian tịnh; Q.4, Giải thích Các Dẫn chứng, C.6 Thuận Đạo lý, P.4 Giải thích Sai biệt, C.1 Ngôn thuyết, C.2 Ngã kiến, C.3 Hữu phân, C.4 Dẫn sinh, C.5 Quả báo, C.6 Duyên tướng, C.7 Tướng mao; Q.5, P.5 Phải biết Thắng tướng, C.1 Tướng, C.2 Sai biệt, C.3 Phân biệt; Q.6, P.5 Phải biết Thắng tướng 2, C.4 Làm rõ Ý y; Q.7, Phải biết Nhập Thắng tướng 3, C.1 Tướng chính nhập, C.2 Người năng nhập, C.3 Cảnh giới nhập, C.4 Vị nhập, C.5 Nhập Phương tiện đạo, C.6 Nhập Tu lương; Q.8, C.7 Nhập Tu lương quả, C.8 Hai Trí dụng, C.9 Hai Trí y chỉ, C.10 Hai Trí sai biệt;

Cuốn 31/2, No. 1595 – 1597, dày hơn 711 trang. Nội dung gồm có: Số 1595. Nhiếp Đại thừa Luận thích, Q.9, Nhập Nhân quả Thắng tướng 4, C.1 Nhân quả vị, C.2 Thành lập 6 số, C.3 Tướng, C.4 Thứ tự, C.5 Đặt tên, C.6 Tu tập, C.7 Sai biệt, C.8 Nhiếp, C.9 Đối trị, C.10 Công đức, C.11 Hiện thị lẫn nhau; Q.10, Giải thích Nhập Nhân quả Tu sai biệt Thắng tướng 5, C.1 Đối trị, C.2 Đặt tên, C.3 Tướng chứng đắc, C.4 Tu chứng; Q.11, Giải thích Nhập Nhân quả Tu sai biệt Thắng tướng 5-2, C.5 Tu thời, Giải thích y Giới học Thắng tướng 6, Giải thích y Tâm học Thắng tướng 7; Q.12, Y Giới học Thắng tướng 8; Q.13, Học quả Tịch diệt Thắng tướng 9, Trí sai biệt Thắng tướng 10; Q.14, Giải thích Trí sai biệt Thắng tướng 10-2; Q.15, Giải thích Trí sai biệt Thắng tướng 10-3; Số 1596. Nhiếp Đại thừa Luận thích, Q.1 Phải biết Y chỉ Thắng tướng Thắng ngữ 1, C.1 Vô đẳng Thánh giáo, C.2 Thứ tự của 10 nghĩa, C.3 Các tên; Q.2, Phải biết Y chỉ Thắng tướng Thắng ngữ 1-2, C.4 Tướng, C.5 Huân tập, C.6 Không một không khác, C.7 Làm Nhân quả cho nhau, C.8 Nhân quả khác hay không khác, C.9 Duyên sinh,

C.10 Bốn duyên, C.11 Phiền não nhiễm, C.12 Nghiệp nhiễm, C.13 Sinh nhiễm; Q.3, Phải biết Y chỉ Thắng tướng Thắng ngữ 1-3, C.14 Thế gian tịnh, C.15 Xuất thế gian tịnh, C.16 Thuận đạo lý, C.17 Sai biệt; Q.4, Phải biết Thắng tướng Thắng ngữ 2-1, C.1 Tướng, C.2 Sai biệt, C.3 Phân biệt; Q.5, Phải biết Thắng tướng Thắng ngữ 2-2, C.3 Phân biệt, C.4 Bốn ý bốn hợp nghĩa; Q.6, Nhập Sở tri Thắng tướng Thắng ngữ 3; Q.7, Nhập Nhân quả Thắng tướng Thắng ngữ 4, C.1 Nhân quả vị, C.2 Thành lập 6 số, C.3 Tướng, C.4 Thứ tự, C.5 Đặt tên, C.6 Tu tập, C.7 Sai biệt, C.8 Gồm thâu, C.9 Đối trị, C.10 Công đức, C.11 Hiện thị lẫn nhau; Tu sai biệt Thắng tướng Thắng ngữ 5, C.1 Đối trị, C.2 Đặt tên, C.3 Được tướng, C.4 Tu tướng, C.5 Thời gian Tu tập; Q.8, Tăng thượng Giới học Thắng tướng Thắng ngữ 6, Tăng thượng Tâm học Thắng tướng Thắng ngữ 7, Tăng thượng Tuệ học Thắng tướng Thắng ngữ 8; Q.9, Tăng thượng Tuệ học Thắng tướng Thắng ngữ 8-2, Tịch diệt Thắng tướng Thắng ngữ 9, Trí Thắng tướng Thắng ngữ 10-1; Q.10, Trí Thắng tướng Thắng ngữ 10-2; Số 1597. Nhiếp Đại thừa Luận thích luận, Q.1, Phải biết Y chỉ Thắng tướng Thắng ngữ 1, C.1 Vô đẳng Thánh giáo, C.2 Thứ tự của 10 nghĩa, C.3 Các tên; Q.2, Phải biết Y chỉ Thắng tướng Thắng ngữ 1-2, C.4 Tướng, C.5 Huân tập, C.6 Không một không khác, C.7 Làm Nhân quả cho nhau, C.8 Nhân quả khác hay không khác, C.9 Duyên sinh, C.10 Bốn duyên, C.11 Phiền não nhiễm, C.12 Nghiệp nhiễm, C.13 Sinh nhiễm; Q.3, Phải biết Y chỉ Thắng tướng Thắng ngữ 1-3, C.14 Thế gian tịnh, C.15 Xuất thế gian tịnh, C.16 Thuận đạo lý, C.17 Sai biệt; Q.4, Phải biết Thắng tướng Thắng ngữ 2-1, C.1 Tướng, C.2 Sai biệt, C.3 Phân biệt; Q.5, Phải biết Thắng tướng

Thắng ngữ 2-2, C.3 Phân biệt, C.4 Bốn ý bốn hợp nghĩa; Q.6, Nhập Sở tri Thắng tướng Thắng ngữ 3; Q.7, Nhập Nhân quả Thắng tướng Thắng ngữ 4, C.1 Nhân quả vị, C.2 Thành lập 6 số, C.3 Tướng, C.4 Thứ tự, C.5 Đặt tên, C.6 Tu tập, C.7 Sai biệt, C.8 Gồm thâu, C.9 Đối trị, C.10 Công đức, C.11 Hiện thị lẫn nhau; Tu sai biệt Thắng tướng Thắng ngữ 5, C.1 Đối trị, C.2 Đặt tên, C.3 Được tướng, C.4 Tu tướng, C.5 Thời gian Tu tập; Q.8, Tăng thượng Giới học Thắng tướng Thắng ngữ 6, Tăng thượng Tâm học Thắng tướng Thắng ngữ 7, Tăng thượng Tuệ học Thắng tướng Thắng ngữ 8; Q.9, Tăng thượng Tuệ học Thắng tướng Thắng ngữ 8-2, Tịch diệt Thắng tướng Thắng ngữ 9, Trí Thắng tướng Thắng ngữ 10-1; Q.10, Trí Thắng tướng Thắng ngữ 10-2; Số 1597. Nhiếp Đại thừa Luận thích, Q.1, 1. Cương yếu, 2-1. Sở tri y; Q.2, 2-2. Sở tri y; Q.3, 2-3. Sở tri y; Q.4, 3-1. Tướng sở tri; Q.5, 3-2. Tướng sở tri; Q.6, 4. Ngộ nhập Tướng sở tri; Q.7, 5. Ngộ nhập Nhân quả, 6. Tu tập sai biệt; Q.8, 7. Tăng thượng Giới học, 8. Tăng thượng Tâm học, 9. Tăng thượng Tuệ học; Q.9, 9. Tăng thượng Tuệ học, 10. Quả đoạn, 11. Quả trí; Q.10, 11. Quả trí (tt); Số 1598. Nhiếp Đại thừa Luận thích, Q.1, 1. Tổng nêu cương yếu, 2-1. Sở tri y; Q.2, 2-2. Sở tri y; Q.3, 2-3. Sở tri y; Q.4, 3-1. Sở tri tướng; Q.5, 3-2. Sở tri tướng; **Cuốn 31/3**, No. 1597 – 1604, dày hơn 755 trang. Nội dung gồm có: Số 1598. Nhiếp Đại thừa Luận thích, Q.6, 4. Ngộ nhập Tướng sở tri; Q.7, 5. Ngộ nhập Nhân quả, 6. Tu tập sai biệt, 7. Tăng thượng Giới học; Q.8, 8. Tăng thượng Tâm học, 9. Tăng thượng Tuệ học; Q.9, 10. Quả đoạn, 11. Quả trí; Q.10, 11. Quả trí; Số 1599. Luận Trung biên Phân biệt, Quyền thượng, P.1 Tướng, P.2 Chương, P.3 Chân thật; Quyền hạ, P.4 Đối trị Tu tập, P.5 Tu

trụ, P.6 Đắc quả, P.7 Vô thượng thừa; Số 1600. Luận Biện Trung biên, Quyền thượng, P.1 Biện tướng, P.2 Biện chương; Quyền trung, P.3 Biện Chân thật, P.4 Biện tu Đối trị, P.5 Biện tu Phần vị; Quyền hạ, P.6 Biện Đắc quả, P.7 Biện Vô thượng thừa; Số 1601. Biện Trung Biên luận tụng, P.1 Biện tướng, P.2 Biện chương, P.3 Biện Chân thật, P.4 Biện tu Đối trị, P.5 Biện tu Phần vị, P.6 Biện Đắc quả, P.7 Biện Vô thượng thừa; Số 1602. Luận Hiền dương Thánh giáo, Q.1, P.1 Nhiếp sự, Q.2, P.1-2 Nhiếp sự, Q.3, P.1-3 Nhiếp sự, Q.4, P.1-4 Nhiếp sự, từ Q.5 đến Q.13, P.2-(1-9) Nhiếp Tịnh nghĩa, Q.14, P.3 Thành Thiện xảo, P.4 Thành Vô thường, Q.15, P.5 Thành Khổ, P.6 Thành Không, Q.16, P.6 Thành Không (tt), P.7 Thành Vô tính, P.8-1 Thành Hiện quán, Q.17, P.8-1 Thành Hiện quán (tt), P.9 Thành Du-già, P.10 Thành Bất tư nghị, P.11-1 Nhiếp thắng Quyết trạch, từ Q.18 đến Q.20, P.11-(2-4) Nhiếp thắng Quyết trạch; Số 1603. Hiền dương Thánh giáo luận tụng, P.1 Nhiếp sự, P.2 Nhiếp Tịnh nghĩa, P.3 Thành Thiện xảo, P.4 Thành Vô thường, P.5 Thành Khổ, P.6 Thành Không, P.7 Thành Vô tính, P.8 Thành Hiện quán, P.9 Thành Du-già, P.10 Thành Bất tư nghị, P.11 Nhiếp thắng Quyết trạch; Số 1604. Luận Đại thừa Trang nghiêm Kinh, Q.1, P.1 Duyên khởi, P.2 Thành Tông, P.3 Quy y, P.4 Chung tính; Q.2, P.5 Phát Tâm, P.6 Hai lợi, P.7 Chân thật, P.8 Thần thông, P.9 Thành thực; Q.3, P.10 Bồ-đề; Q.4, P.11 Minh tín, P.12-1 Thuật cầu; Q.5, P.12-2 Thuật cầu; Q.6, P.13 Hoằng pháp, P.14 Tùy tu; Q.7, P.15 Giáo thụ, P.16 Nghiệp bạn, P.17 Độ nhiếp; Q.8, P.17-2 Độ nhiếp; Q.9, P.18 Cúng dường, P.19 Thân cận, P.20 Phạm trụ; Q.10, P.21-1 Giác phần; **Cuốn 31/4**, No. 15604 – 1627, dày hơn 759 trang. Nội dung gồm có: Luận Đại

thừa Trang nghiêm Kinh (tt), Q.11, P.21-2 Giác phần; Q.12, P.22 Công đức; Q.13, P.23 Hành trụ, P.24 Kính Phật; Số 1605. Đại thừa A-tỳ-đạt-ma tập luận, Q.1, P.1 Phẩm Ba pháp trong Bản sự phần; Q.2, P.1-2 Phẩm Ba pháp trong Bản sự phần; Q.3, P.1-3 Phẩm Ba pháp trong Bản sự phần; P.2 Phẩm Nhiếp trong Bản sự phần, P.3 Phẩm Tương ưng trong Bản sự phần, P.4 Phẩm Thành tựu trong Bản sự phần, P.1-1 Phẩm Đé trong Quyết trạch phần; Q.4, P.1-2 Phẩm Đé trong Quyết trạch phần; Q.5, P.1-3 Phẩm Đé trong Quyết trạch phần; Q.6, P.2 Phẩm Pháp trong Quyết trạch phần, P.3 Phẩm Đắc trong Quyết trạch phần; Q.7, P.3 Phẩm Đắc trong Quyết trạch phần, P.4 Phẩm Luận nghị trong Quyết trạch phần; Số 1606. Đại thừa A-tỳ-đạt-ma Tập tập luận, từ Q.1 đến Q.4, P.1 (1-4) Phẩm Ba pháp trong Bản sự phần; Q.5, P.1-5 Phẩm Ba pháp trong Bản sự phần, P.2 Phẩm Nhiếp trong Bản sự phần, P.3 Phẩm Tương ưng trong Bản sự phần, P.4 Phẩm Thành tựu trong Bản sự phần; từ Q.6 đến Q.10, P.1 (1-5) Phẩm Đé trong Quyết trạch phần; Q.11, P.2-1 Phẩm Pháp trong Quyết trạch phần; Q.12, P.2-2 Phẩm Pháp trong Quyết trạch phần; Q.13, P.3-1 Phẩm Đắc trong Quyết trạch phần; Q.14, P.3-2 Phẩm Đắc trong Quyết trạch phần; Q.15, P.4-1 Phẩm Luận trong Quyết trạch phần; Q.16, P.4-2 Phẩm Luận trong Quyết trạch phần; Số 1607. Luận Lục môn Giáo thụ Tập định; Số 1608. Luận Nghiệp Thành tựu; Số 1609. Luận Đại thừa Thành Nghiệp; Số 1610. Luận Phật tính, Q.1, Phần 1. Duyên khởi, Phần 2. Phá chấp; P.1 Phá chấp Tiểu thừa, P.2 Phá ngoại đạo, P.3 Phá kiến Đại thừa; Q.2, Phần 3. Hiền thể, P.1 Ba Nhân, P.2 Ba Tính, P.3 Như Lai tạng, Phần 4. Biện tướng, P.1 Tướng tự thể, P.2 Minh nhân, P.3 Hiền quả, P.4 Sự năng; Q.3, P.5 Tổng nhiếp, P.6 Phân

biệt, P.7 Giai vị, P.8 Biến mãn; Q.4, P.9 Vô biến dị, P.10 Vô sai biệt; Số 1611. Luận Cứu cánh Nhất thừa Bảo tính, Q.1, P.1 Giáo hóa, P.2 Phật bảo, P.3 Pháp bảo, P.4 Tăng bảo, P.5 Tất cả Chúng sanh có Như Lai tạng, P.6 Vô lượng Phiền não trói buộc, P.7 Vì nghĩa gì nói? P.8 Thân chuyển Thanh tịnh thành Bồ-đề, P.9 Như Lai công đức, P.10 Phật nghiệp tự nhiên không ngừng nghỉ, P.11 Hiệu lượng tín Công đức; Q.2, P.2 Phật bảo, P.3 Pháp bảo, P.4 Tăng bảo; Q.3, P.5 Tất cả chúng sanh có Như Lai tạng; Q.4, P.6 Vô lượng Phiền não trói buộc, P.7 Vì nghĩa gì nói? P.8 Thân chuyển Thanh tịnh thành Bồ-đề, P.9 Như Lai công đức, P.10 Phật nghiệp tự nhiên không ngừng nghỉ, P.11 Hiệu lượng tín Công đức; Số 1612. Luận Đại thừa Ngũ uẩn; Số 1613. Luận Đại thừa Quảng Ngũ uẩn; Số 1614. Luận Đại thừa Bách pháp Minh môn (Lược lục Danh số trong Bản sự phân); Số 1615. Luận Vương Pháp chính lý; Số 1616. Luận Thập bát Không (Hoặc 16, hoặc 18, hoặc 14, hoặc 17); Số 1617. Luận Tam Vô tính (Xuất từ Vô Tướng luận), Quyền thượng-Quyền hạ; Số 1618. Luận Hiện Thức (Xuất xứ từ Luận Vô Tướng); Số 1619. Luận Vô Tướng tư trần; Số 1620. Luận Giải Quyền; Số 1621. Luận Chương Trung; Số 1622. Luận Thủ nhân giả thiết; Số 1623. Quán Tổng tướng Luận tụng; Số 1624. Luận Quán Sở Duyên duyên; Số 1625. Quán Sở Duyên luận thích; Số 1626. Luận Đại thừa Pháp giới Vô sai biệt; Số 1627. Luận Đại thừa Pháp giới Vô sai biệt (Cũng có một tên là Luận Như Lai tạng).

TẬP 32, Luận Tạng, Nxb Hồng Đức, PL. 2561 – DL. 2018, gồm 4 cuốn.

Cuốn 32/1, No. 1628 – 1644, dày hơn 724 trang. Nội dung gồm có: Giới thiệu tóm lược về nội dung tập 32; Số 1628. Nhân

minh Chính lý môn luận bản; Số 1629. Nhân minh Chính lý môn luận; Số 1630. Luận Nhân minh Nhập chính lý; Số 1631. Luận Hồi tránh; Số 1632. Luận Phương tiện Tâm, P.1 Nói rõ việc tạo luận, P.2 Nói rõ phụ xứ, P.3 Biện chính, P.4 Tương ưng; Số 1633. Luận Như thật Phẩm Phản Chất vấn, P.1 Luận nạn về không đạo lý trong Phẩm Phản Chất vấn, P.2 Luận nạn về đạo lý trong Phẩm Phản Chất vấn, P.3 Roi vào chỗ thua bại trong Phẩm Phản Chất vấn; Số 1634. Luận Nhập Đại thừa, Quyền thượng, Quyền hạ, P.2 Bài bác về luận không, P.3 Thuận tu các hạnh; Số 1635. Luận Đại thừa Bảo yếu nghĩa, từ Q.1 đến Q.10; Số 1636. Luận Đại thừa Tập Bồ-tát học, Q.1, P.1 Tập hợp học xứ về Bồ thí 1, Q.2, P.1 Tập hợp học xứ về Bồ thí 2, Q.3, P.1 Tập hợp học xứ về Bồ thí 3, P.2 Về Giới hộ trì chính pháp 1, Q.4, P.2 Học xứ về Giới hộ trì Chính pháp 2, P.3 Học xứ về Hộ Pháp sư, P.4 Học xứ về Không 1, Q.5, P.4 Học xứ về Không 2, Q.6, P.4 Học xứ về Không 3, Q.7, P.4 Học xứ về Không 4, P.5 Tập hợp lia các chương nạn về Học giới 1, Q.8, P.5 Tập hợp lia các chương nạn về Học giới 2, P.6 Học xứ về Hộ thân 1, Q.9, P.6 Học xứ về Hộ thân 2, P.7 Học xứ về Hộ thụ dụng Phúc 1, Q.10, P.7 Học xứ về Hộ thụ dụng Phúc 2, P.8 Học xứ về Thanh tịnh 1, Q.11, P.8 Học xứ về Thanh tịnh 2, Q.12, P.8 Học xứ về Thanh tịnh 3, P.9 Học xứ về Nhẫn nhục, Q.13, P.10 Học xứ về Tinh tiến Ba-la-mật-đa, P.11 Học xứ về A-lan-nhã 1, Q.14, P.11 Học xứ về A-lan-nhã 2, P.12 Học xứ về Trị tâm 1 (Phụ thêm: Thiền định Ba-la-mật-đa), Q.15, P.12 Học xứ về Trị tâm 2 (còn tên là Phẩm Thiền định Ba-la-mật-đa), Q.16, P.12 Học xứ về Trị tâm 3, P.13 Học xứ về Niệm xứ 1, 17, P.13 Học xứ về Niệm xứ 2, P.14 Học xứ về Tự tính Thanh tịnh 1, Q.18, P.14 Học xứ về Tự tính Thanh tịnh 2,

Q.19, P.14 Học xứ về Tự tính Thanh tịnh 3, P.15 Học xứ về Chính mạng Thụ dụng 1, Q.20, P.15 Học xứ về Chính mạng Thụ dụng 2, P.16 Học xứ về Tăng trưởng Thắng lực 1, Q.21, P.16 Học xứ về Tăng trưởng Thắng lực 2, P.17 Học xứ về Cung kính Tác lễ 1, Q.22, P.17 Học xứ về Cung kính Tác lễ 2, P.18 Học xứ về Nghĩ nhớ Tam bảo 1, Q.23, P.18 Học xứ về Nghĩ nhớ Tam bảo 2, Q.24, P.18 Học xứ về Nghĩ nhớ Tam bảo 3, Q.25, P.18 Học xứ về Nghĩ nhớ Tam bảo 4; Số 1637. Luận Tập Đại thừa Tướng, Quyền thượng-Quyền hạ; Số 1639. Luận Đề-bà Bồ-tát Phá-lãng-già Kinh trung ngoại đạo Tiểu thừa Tứ tông; Số 1640. Luận Đề-bà Bồ-tát Phá-lãng-già Kinh trung ngoại đạo Tiểu thừa Niết-bàn; Số 1641. Luận Tùy Tướng; Số 1642. Luận Kim cương châm; Số 1643. Kinh Ni-càn tử hỏi nghĩa Vô ngã; Số 1644. Luận Lập thể A-tỳ-đàm, Q.I, P.1 Địa động, P.2 Nam Diêm-phù-đề, P.3 Sáu nước lớn, P.4 Thần Dạ-xoa; Q.II, P.5 Voi chú Lậu-xà-kì-lợi, P.6 Bốn Thiên hạ, P.7 Số lượng, P.8 Cõi trời; Q.III, P.9 Vườn Hoan hỷ, P.10 Vườn chúng xa, P.11 Vườn Ác khẩu, P.12 Vườn tạp, P.13 Vườn Ba-lợi-dạ-đa; Q.IV, P.14 Thành Đề-đầu-lại-tra, P.15 Thành Tỳ-lưu-lặc-xoa, P.16 Tỳ-lưu-bát-xoa, P.17 Thành Tỳ-sa-môn; Q.V, P.18 Chiến đấu giữa trời và phi thiên, P.19 Nhật nguyệt hành; Q.VI, P.20 Vì sao?

Cuốn 32/2, No. 1644 – 1648, dày hơn 713 trang. Nội dung gồm có: Số 1644. Luận Lập thể A-tỳ-đàm, Q.VII, P.21 Thụ sinh, P.22 Thọ lượng; Q.VIII, P.23 Địa ngục; Q.IX, P.24 Tiểu Tam tai; Q.X, P.1 Địa động, P.25 Đại Tam tai; Số 1645. Luận Chương sở tri, Quyền thượng, P.1 Khí thể giới, P.2 Tình thể giới; Quyền hạ, P.3 Đạo pháp, P.4 Quả pháp, P.5 Vô vi pháp; Số 1646. Thành Thật luận, Q.1, P.1 Nhóm mở đầu luận Phật bảo, Trước tiên là đức tính

đầy đủ, P.2 Mười năng lực, P.3 Bốn Vô úy, P.4 Mười Danh hiệu, P.5 Ba Không hộ, P.6 Luận Pháp bảo-trước tiên là 3 thiện, P.7 Các giáo pháp, P.8 Mười hai bộ Kinh, P.9 Luận Tăng bảo, Trước tiên là Thanh tịnh, P.10 Phân biệt Hiền-Thánh, P.11 Ruộng phúc, P.12 Cát tường; Q.2, P.13 Lập luận, P.14 Các môn luận, P.15 Khen ngợi, P.16 Bốn pháp, P.17 Bốn đế, P.18 Các nhóm pháp, P.19 Mười luận: Trước tiên là Tướng có, P.20 Tướng không, P.21 Có 2 đời, P.22 Không có 2 đời, P.23 Tất cả có-không, Q.3, P.24 Có Trung âm, P.25 Không có Trung âm, P.26 Thứ tự, P.27 Cùng một lúc, P.28 Thoái lui, P.29 Không thoái lui, P.30 Tâm tính, P.31 Tương ưng và không Tương ưng, P.32 Nghiệp quá khứ, P.33 Nói về 2 ngôi báu, P.34 Vô ngã, P.35 Có ngã-không có ngã, P.36 Sắc tướng trong luận về Sắc của nhóm Khổ đế, P.37 Sắc danh, P.38 Bốn Đại giả danh, P.39 Bốn Đại thật có, P.40 Không phải kia cứng, P.41 Làm Sáng tỏ Bản tông, P.42 Không có Tướng cứng, P.43 Có Tướng cứng, P.44 Tướng của 4 Đại; Q.4, P.45 Căn giả danh, P.46 Phân biệt căn, P.47 Căn và Đại đồng nhau, P.48 Căn vô tri, P.49 Căn-Trần hợp nhau lia nhau, P.50 Thanh văn, P.51 Nghe mùi, P.52 Biết xúc, P.53 Ý; Q.5, P.54 Căn không quyết định, P.55 Tướng của sắc nhập, P.56 Tướng của tiếng, P.58 Tướng của vị, P.59 Tướng của xúc, P.60 Trong Thức luận của nhóm Khổ đế-lập không số, P.61 Lập có số, P.62 Chẳng phải không số, P.63 Chẳng phải có số, P.64 Thuyết minh không số, P.65 Không tương ưng, P.66 Có tương ưng, P.67 Chẳng phải tương ưng, P.68 Nhiều tâm, P.69 Một tâm, P.70 Chẳng phải nhiều tâm, P.71 Chẳng phải một tâm, P.72 Thuyết minh nhiều tâm, P.73 Thức Tam trụ, P.74 Thức không trụ, P.75 Thức cùng sinh, P.76 Thức không

đồng thời cùng sinh; Q.6, P.77 Tướng âm trong nhóm Khổ đế, P.78 Tướng của Thụ trong luận về Thụ của nhóm Khô đế, P.79 Hành khổ, P.80 Hoại khổ, P.81 Luận về 3 Thụ, P.82 Hỏi về Thụ, P.83 Năm Thụ căn, P.84 Luận về Tư trong Hành âm của nhóm Khô đế, P.85 Xúc, P.86 Niệm, P.87 Dục, P.88 Hỷ, P.89 Tin, P.90 Cần, P.91 Hồi ức, P.92 Giác quán, P.93 Các Tâm số; Q.7, P.94 Bất Tương ưng hành, P.95 Tướng của Nghiệp trong luận về Nghiệp của nhóm Khô đế, P.96 Không tạo tác, P.97 Cố ý và không cố ý, P.98 Tội nhẹ nặng, P.99 Nghiệp lợi lớn nhỏ, P.100 Ba nghiệp, P.101 Tà hành, P.102 Chỉnh hành, P.103 Nghiệp buộc; Q.8, P.104 Ba Nghiệp báo, P.105 Ba thứ Nghiệp thụ báo, P.106 Ba Chương, P.107 Bốn Nghiệp, P.108 Ngũ Nghịch, P.109 Năm Giới, P.110 Sáu Nghiệp, P.111 Bảy Bất thiện Luật nghi, P.112 Bảy Thiện Luật nghi, P.113 Tám Giới trai, P.114 Tám thứ lời nói, P.115 Nghiệp, P.116 Mười con đường bất thiện; Q.10, P.117 Mười Thiện đạo, P.118 Tội lỗi, P.119 Ba Nghiệp nhẹ nặng, P.120 Nói rõ Nghiệp nhân, P.121 Tướng của Phiền não-trong luận về Phiền não của nhóm Tập đế, P.122 Tướng của Tham, P.123 Nhân của Tham, P.124 Lỗi của Tham, P.125 Dứt trừ Tham, P.126 Sân nhuế, P.127 Vô minh, P.128 Kiêu mạn, P.129 Nghi, P.130 Thân kiến, P.131 Kiến chấp một bên, P.132 Tà kiến, P.133 Hai Thủ, P.134 Tùy Phiền não, P.135 Bất Thiện căn, P.136 Tạp Phiền não, P.137 Chín thứ Kết; Q.11, P.138 Các Câu hỏi khác, P.139 Dứt lỗi, P.140 Thuyết minh về Nhân, P.141 Trong nhóm Diệt đế-trước tiên lập Giả danh, P.142 Tướng của Giả danh, P.143 Phá chấp cho là một, P.144 Phá chấp cho là khác, P.145 Phá chấp cho là bất khả thuyết, P.146 Phá chấp không, P.147 Thành lập không, P.148 Phá chấp về

âm thanh, P.149 Phá chấp về hương-vị-xúc, P.150 Phá chấp về Ý thức, P.151 Phá chấp về Nhân quả, P.152 Thế-đế; Q.12, P.153 Diệt pháp tâm, P.154 Diệt tận, P.155 Định nhân trong luận về Định của nhóm Đạo đế, P.156 Tướng của Định, P.157 Ba Tam-muội, P.158 Bốn Tu định, P.159 Bốn Vô lượng định, P.160 Năm nhánh Thánh Tam-muội, P.161 Sáu Tam-muội, P.162 Bảy Tam-muội, P.163 Tám Giải thoát, P.164 Tám Thắng xứ, P.165 Sơ thiên; Q.13, P.166 Nhị thiên, P.167 Tam thiên, P.168 Tứ thiên, P.169 Vô Biên hư không xứ, P.170 Ba Vô sắc định, P.171 Diệt tận định, P.172 Mười Nhất thiết xứ, P.173 Mười tướng-Vô thường tướng, P.174 Tướng của Khô, P.175 Tướng Vô ngã; Q.14, P.176 Tướng chán ăn, P.177 Tướng tất cả thế gian không gì có thể vui, P.178 Tướng bất tịnh, P.179 Tướng về sự chết, P.180 Ba Tướng sau, P.181 Năm Định cụ đầu trong các Định cụ, P.182 Bất Thiện giác, P.183 Thiện giác, P.184 Năm Định cụ sau, P.185 Hơi thở ra vào, P.186 Định nạn; Q.15, P.187 Chỉ quán, P.188 Tu Định, P.189 Tướng của Trí trong luận về Trí của nhóm Đạo đế, P.190 Thấy một Đế, P.191 Duyên tất cả; Q.16, P.192 Thánh hành, P.193 Kiến trí, P.194 Ba Tuệ, P.195 Bốn Trí vô ngại, P.196 Năm Trí, P.197 Trí sáu Thông, P.198 Trí Nhẫn, P.199 Chín Trí, P.200 Mười Trí, P.201 Bốn Mười bốn Trí, P.202 Bảy mươi bảy Trí; Số 1647. Tứ Đế luận, Q.1, P.1 Tư duy lựa chọn, P.2 Lược nói 4 Đế, P.3 Phân biệt Khô đế 1; Q.2, P.3 Phân biệt Khô đế 2; P.4 Tư duy về Tập đế; Q.3, P.5 Phân biệt Diệt đế; Q.4, P.6 Phân biệt Đạo đế; Số 1648. Luận Giải thoát đạo, Q.I, P.1 Nhân duyên, P.2 Phân biệt Giới; Q.II, P.3 Đầu-đà, P.4 Phân biệt về Định, P.5 Tim Thiện tri thức.

Cuốn 32/3, No. 1648 – 1667, dày hơn 752 trang. Nội dung gồm có: Số 1648. Luận

Giải thoát đạo (Con đường Giải thoát), Q.III, P.6 Phân biệt Hành, P.7 Phân biệt Hành xứ; Q.IV, P.8 Hành môn 1; Q.V, P.8 Hành môn 2; Q.VI, P.8 Hành môn 3; Q.VII, P.8 Hành môn 4; Q.VIII, P.8 Hành môn 5; Q.IX, P.9 Năm Thần thông, P.10 Phân biệt Tuệ; Q.X, P.11 Năm Phương tiện 1; Q.XI, P.11 Năm Phương tiện 2, P.12 Phân biệt Đé 1; Q.XII, Phân biệt Đé 2; Số 1649. Luận Tam-di-đề bộ, Quyền thượng-Quyền trung-Quyền hạ; Số 1650. Luận Bích-chi Phật Nhân duyên, Quyền thượng-Quyền hạ; Số 1651. Luận Thập nhị Nhân duyên; Số 1652 [1653]. Luận Duyên sinh; Số 1654. Luận Nhân duyên Tâm, Bài tụng Luận Nhân duyên Tâm, Giải thích Luận Nhân duyên Tâm; Số 1655. Luận Chỉ Quán môn tụng; Số 1656. Luận Bảo Hành vương chính, P.1 An lạc Giải thoát, P.2 Tập, P.3 Bồ-đề tư lương, P.4 Chính giáo vương, P.5 Chính hạnh xuất gia; Số 1657. Luận Thủ Trọng; Số 1658. Luận Chư giáo Quyết định Danh nghĩa; Số 1659. Luận Phát Bồ-đề Tâm Kinh, Quyền thượng, P.1 Khuyên Phát tâm, P.2 Phát tâm, P.3 Thệ nguyện, P.4 Đàn Ba-la-mật, P.5 Thi Ba-la-mật, P.6 Sẵn-đề Ba-la-mật; Quyền hạ, P.7 Tỳ-lê-da Ba-la-mật, P.8 Thiên Ba-la-mật, P.9 Bát-nhã Ba-la-mật, P.10 Pháp môn Như thật, P.11 Không-Vô tướng, P.12 Công đức trì; Số 1660. Luận Bồ-đề Tư lương, có 6 quyển; Số 1661. Luận Bồ-đề Tâm ly tướng; Số 1662. Kinh Bồ-đề hành, Q.I, P.1 Ca ngợi Tâm Bồ-đề, P.2 Tâm Bồ-đề thí cúng dường, P.3 Hộ Giới; Q.II, P.4 Tâm Bồ-đề Nhẫn nhục Ba-la-mật-đa, P.5 Tâm Bồ-đề Tinh tiến Ba-la-mật-đa; Q.III, P.6 Tâm Bồ-đề Tĩnh lự Ba-la-mật-đa; Q.IV, P.7 Tâm Bồ-đề Bát-nhã Ba-la-mật-đa, P.8 Tâm Bồ-đề Hồi hướng; Số 1663. Bồ-đề Tâm Quán thích; Số 1664. Luận Quảng thích Bồ-đề Tâm, có 4 quyển; Số 1665.

Luận Phát tâm Vô thượng Chính đẳng Chính giác trong Kim Cương đỉnh Du-già; Số 1666. Luận Đại thừa Khởi tín; Số 1667. Luận Đại thừa Khởi tín, Quyền thượng-Quyền hạ.

Cuốn 32/4, No. 1668 – 1692, dày hơn 648 trang. Nội dung gồm có: Số 1668. Luận Thích Ma-ha-diễn, có 10 quyển; Số 1669/20, Luận Đại Tông Địa huyền văn bản, có 20 quyển; Số 1670/2 (Bản A. 2 quyển). Kinh Na-tiên Tỳ-kheo, Quyền thượng; Số 1671/12. Kinh Phước cái Chánh hạnh Sở tập, có 12 quyển; Số 1672/1. Long Thọ Bồ-tát vị Thiên-đà-ca Vương Thuyết pháp yếu kệ; Số 1673/1. Khuyên Phát chư Vương yếu kệ; Số 1674/1. Long Thọ Bồ-tát Khuyên Giới Vương tụng; Số 1675/1. Tán Pháp Giới tụng; Số 1676/1. Quảng Đại Phát nguyện tụng; Số 1677/1. Tam Thân Phạn tán; Số 1678/1. Phật Tam thân tán; Số 1679/1. Phật Nhất bách bát Danh tán; Số 1680/1. Nhất Bách ngũ thập tán Phật tụng; Số 1681/3. Phật Cát tường đức tán, Quyền thượng-Quyền trung-Quyền hạ; Số 1682/1. Thất Phật tán Bồi-già-tha; Số 1683/1. Kiền Trùy Phạn tán; Số 1684/1. Bát Đại Linh Tháp Phạn tán; Số 1685/1. Kinh Phật thuyết Bát đại linh Tháp danh hiệu; Số 1686/1. Hiền Thánh tập-già-đà Nhất bách tụng; Số 1687/1. Sự sư Pháp ngũ thập tụng; Số 1688/1. Kinh Mật Tích Lực sĩ Đại quyền Thần vương kệ tụng; Số 1689/1. Kinh Thịnh Tân-đầu-lô; Số 1690/1. Kinh Tân-đầu-lô Đột-la-xà vị Ưu-đà-diễn vương Thuyết pháp; Số 1691/1. Kinh Ca-diếp Tiên nhân thuyết y nữ nhân; Số 1692/1. Kinh Thắng Quân hóa thế bách dụ Già-tha.

1.569. LUẬN TẬP CHƯ PHÁP BẢO TỐI THƯỢNG NGHĨA

Tạo luận: *Bồ-tát Thiện Tịch*

Hán dịch: *Thí Hộ*

Việt dịch: *Thích Như Điển*

Luận này được trích từ các Kinh điển: Kinh Pháp Tập, Kinh Bảo Tích, Kinh Lăng-già, Kinh Bảo Vân, Kinh Hiền Ái, Kinh Phong Bát Đa Thiết Đa, Kinh Hoa Nghiêm. (<https://phatphapungdung.com>; *Pháp bảo-Luận tạng*)

1.570. LUẬN TỊNH ĐỘ

Hán dịch: *Thích Ca Tài*

Việt dịch: *Giới Niệm-Diệu Thảo-Chúc Đức-Định Tuệ*

Nxb Tôn Giáo – 2009

Tác phẩm Luận này gồm có 3 quyển, 9 chương: *Quyển thứ nhất*, C.I Xác định thể tính của cõi nước, 1. Thể tính, 2. Thuộc hay không thuộc tam giới; C.II Xác định người vãng sanh; C.III Xác định nhân vãng sanh, 1. Dẫn Kinh Luận, 2. Văn tắt về nhân vãng sanh; *Quyển thứ hai*, C.IV Lý luận, 1. Lý lẽ của việc vãng sanh Tịnh độ, 2. Phân tích và giải thích những điểm khó hiểu; C.V Dẫn chứng Kinh luận, 1. Dẫn chứng Kinh, 2. Dẫn chứng Luận; *Quyển thứ ba*, C.VI Dẫn chứng người được vãng sanh, 1. Tỳ-kheo Tăng được vãng sanh, 2. Tỳ-kheo Ni được vãng sanh, 3. Cư sĩ nam được vãng sanh, 4. Cư sĩ nữ được vãng sanh; C.VII So sánh cõi Tây Phương và cung trời Đâu-suất, 1. Sự khác nhau giữa hai cõi tịnh và uế, 2. Sự cầu sinh dễ hay khó; C.VIII Thời điểm tuyên giảng giáo pháp; C.IX Dạy người chán cõi uế, ưa cõi tịnh, 1. Chán cõi uế, 2. Ưa cõi tịnh.

1.571. LUẬN TỌA THIÊN

Tác giả: *Thiền sư Đại Giác (1215-1270)*

Việt dịch: *Thích Nhật Quang*

Tu viện Chơn Không (Vũng Tàu) – 1972
Sách này có 19 trang, bìa mềm. Nội dung gồm có: Lời giới thiệu; *Luận Tọa Thiên*; Tiểu sử Tác giả; Tinh Hành văn; Văn Phát nguyện; Lời bạt.

1.572. LUẬN TỐI THƯỢNG THỪA

Thuật luận: *Hoằng Nhẫn (602-675)*

Dịch giả: *Thích Thanh Từ*

Thiền Học, PL. 2513 – DL. 1969; Luận này có 95 trang, nội dung gồm: Lời Dịch giả, Luận Tối Thượng thừa; Truyền Tâm pháp yếu-Tựa; *Pháp yếu Truyền tâm-Thiền sư Đoàn Tế núi Hoàng Bá*; *Hoàng Bá Đoàn tế Thiền sư Uyển Lăng lục*; Tiểu sử ngài Hoàng Bá.

1.573.

LUẬN TỤNG CHỈ QUÁN MÔN

Tạo luận: *Bồ-tát Thế Thân*

Hán dịch:

Cao Tăng Nghĩa Tịnh (635-713)

Việt dịch: *Thích Như Điển*

Nội dung Luận tụng này luận nói về môn Chỉ Quán. Văn luận tụng được trình bày theo thể ngũ ngôn, mỗi câu 5 chữ, toàn bộ có khoảng 306 câu.

(<https://phatphapungdung.com>; *Pháp bảo-Luận tạng*)

1.574. LUẬN TÙY TƯỚNG

Tạo luận: *Pháp sư Đức Huệ*

Hán dịch: *Chơn Đế*

Việt dịch: *Thích Như Điển*

Nội dung Luận này giải thích về 18 chân lý. (<https://phatphapungdung.com>; *Pháp bảo-Luận tạng*)

1.575. LUẬN TỨ ĐẾ

(Luận về Bốn Chân Lý)

Tạo luận: *Bà-tầu-bạt-ma*

Hán dịch: *Chơn Đế*

Các bản Việt dịch: *B.1 Nguyễn Hồng; B.2 Thích Như Điển*

Bản 1 gồm có 4 quyển, 6 phẩm: Q.I, P.1 Tư duy lựa chọn, P.2 Lược nói Bốn đế, P.3 Phân biệt Khổ đế 1; Q.II, P.3 Phân biệt Khổ đế 2, P.4 Tư duy về Tập đế; Q.III, P.5 Phân biệt Diệt đế; Q.IV, P.6 Phân biệt Đạo đế.

Bản 2, Q.I, 1.P Tư trạch, 2.P Lược nói, 3.P Phân biệt Khổ đế (1); Q.II, 3.P Phân biệt Khổ đế (2), 4.P Tư lương Tập đế; Q.III, 5.P Phân biệt Diệt đế; Q.IV, 6.P Phân biệt Đạo đế.

(<https://phatphapungdung.com>; *Pháp bảo/Luận tạng*)

1.576. LUẬN THÀNH DUY THỨC

Tác giả: *Bồ-tát Hộ Pháp*

Hán dịch: *Tam tạng Pháp sư - Huyền Trang (602-664)*

Dịch và chú:

Thích Thiện Siêu (1921-2001)

Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam ấn hành – 1996

Luận có khổ 13 x 19cm, dày 585 trang, bìa mềm. Tác phẩm luận này gồm có 5 phần chính: 1. Tựa, 2. Nghĩa chữ Thành Duy Thức, 3. Luận Thành Duy Thức (1. Lược nêu tướng Duy Thức, 2. Phá chấp ngã, 3. Hai thứ ngã chấp, 4. Giải thích văn nạn, 5. Phá chấp pháp, 6. Phá các thừa giáo chấp pháp, 7. Thức biến hiện thứ Nhất, 8. Giải rõ tướng Nhất thiết chủng, 9. Chứng minh có thức thứ Tám, 10. Thức biến hiện thứ Hai, 11. Thức biến hiện thứ Ba, 12. Dụ 15 xứ lập 10 nhân, 13. Bốn duyên nhiếp 10 và 2 nhân, 14. Năm quả, 15. Chánh luận về duyên sanh phân biệt, 16. Giải thích văn nạn, 17. Ba tự tánh, 18. Ba vô tánh, 19. Năm hạnh vị tu chứng, 20. Tư lương vị, 21. Gia hạnh vị, 22. Thông đạt vị, 23. Tu tập vị, 24. Cứu cánh vị); 4. Chú thích, 5. Phụ lục: a. Duy Thức Tam thập

tụng (Phạn ngữ); b. Tam Thập Duy thức luận tụng (Hán ngữ); c. Ba mươi bài tụng Duy Thức (Việt ngữ); d. Sáu bộ kinh, mười một bộ luận của Duy Thức tông.

Luận này được tái bản nhiều lần: Năm 1999, Nxb Tôn Giáo; năm 2006, Nxb Văn hóa Sài Gòn.

1.577. LUẬN THÀNH DUY THỨC

Hán dịch: *Tam tạng Pháp sư*

Huyền Trang (602-664)

Dịch và chú: *Tuệ Sỹ*

Nxb Phương Đông – 2009

Toàn bộ tác phẩm luận này gồm có 8 chương: Mục lục, Tựa quy kinh; Chương I. Biểu hiện của Thức (1. Ngã và pháp, 2. Tổng kết); Chương II. A-lại-da thức (1. Định danh, 2. Chủng tử, 3. Hành tướng và sở duyên, 4. Tâm sở tương ưng, 5. Bản chất và tồn tục, 6. Thức hằng chuyển, 7. Xả A-lại-da, 8. Chứng minh sự tồn tại của căn bản thức); Chương III. Thức Mạt-na (1. Định danh, 2. Sở y của Mạt-na, 3. Sở duyên của Mạt-na, 4. Tính tướng của Mạt-na, 5. Tâm sở tương ưng, 6. Phần vị khởi diệt, 7. Chứng lý tồn tại); Chương IV. Về sáu thức (1. Các đặt tính, 2. Tâm sở tương ưng, 3. Phần vị hiện khởi của sáu thức); Chương V. Sở biến của Thức (1. Biến thái của Thức, 2. Chứng minh giáo nghĩa Duy Thức, 3. Duy Thức duyên khởi, 4. Chủng tử và hiện hành); Chương VI. Tiến trình sinh tử (1. Giải thích văn nghĩa, 2. Mười hai hữu chi); Chương VII. Ba Tự tính (1. Định nghĩa, 2. Các văn đề, 3. Ba Vô tính); Chương VIII. Thử nghiệm của Thức (1. Tư lương vị, 2. Gia hạnh vị, 3. Thông đạt vị, 4. Tu tập vị, 5. Cứu cánh vị).

Tác phẩm Luận này được tái bản nhiều lần: Viện Cao đẳng Phật học Hải Đức Nha Trang, Ban Tu Thư Phật học ấn hành năm 2003 – 2005; năm 2014 - 2019, Nxb Hồng Đức.

1.578. LUẬN THÀNH THẬT

(*Satyasiddhi-sāstra*)

Tạo luận: *Ha-lê-bạt-ma (Harivarman)*

Hán dịch:

Cưu-ma-la-thập (Kumarajiva, 344-413)

Việt dịch: *Nguyễn Hồng*

Nxb Phương Đông,

PL. 2556 – DL. 2012.

Sách có khổ 13 x 20.5cm, dày 749 trang, bìa mềm, tựa chữ Việt màu trắng, tựa chữ Hán và chữ Phạn màu đen.

Nội dung gồm có 16 quyển, 202 phẩm: *Q.I*, P.1 Nhóm mở đầu Luận Phật bảo, trước tiên đức tính đầy đủ, P.2 Mười năng lực, P.3 Bốn vô úy, P.4 Mười danh hiệu, P.5 Ba không hộ, P.6 Luận Pháp bảo, trước tiên 3 thiện, P.7 Các giáo pháp, P.8 Mười hai bộ Kinh, P.9 Luận Tăng bảo, trước tiên thanh tịnh, P.10 Phân biệt Hiền Thánh, P.11 Ruộng phúc, P.12 Cát tường; *Q.II*, P.13 Lập luận, P.14 Các môn luận, P.15 Khen ngợi, P.16 Bốn pháp, P.17 Bốn đế, P.18 Các nhóm pháp, P.19 Mười luận-trước tiên Tướng có, P.20 Tướng không, P.21 Có 2 đời, P.22 Không có 2 đời, P.23 Tất cả có không; *Q.III*, P.24 Có Trung âm, P.25 Không có Trung âm, P.26 Thứ tự, P.27 Cùng một lúc, P.28 Thoái lui, P.29 Không thoái lui, P.30 Tâm tính, P.31 Tương ưng và không tương ưng, P.32 Nghiệp quá khứ, P.33 Hai ngôi báu, P.34 Vô ngã, P.35 Có ngã-không có ngã, P.36 Sắc tướng trong luận về Sắc của nhóm Khổ đế, P.37 Sắc danh, P.38 Bốn đại giả danh, P.39 Bốn đại thật có, P.40 Không phải kia cứng, P.41 Làm sáng tỏ bản tông, P.42 Không có tướng cứng, P.43 Có tướng cứng, P.44 Tướng của 4 đại; *Q.IV*, P.45 Căn giả danh, P.46 Phân biệt căn, P.47 Căn và Đại đồng nhau, P.48 Căn vô tri, P.49 Căn Trần hợp nhau lia nhau, P.50 Nghe tiếng, P.51 Nghe mùi, P.52 Biết cảm xúc, P.53 Ý; *Q.V*, P.54 Căn không quyết

định, P.55 Tướng của sắc nhập, P.56 Tướng của tiếng, P.57 Tướng của hương, P.58 Tướng của vị, P.59 Tướng của xúc, P.60 Lập không số trong Thức luận của nhóm Khổ đế, P.61 Lập có số, P.62 Chẳng phải không số, P.63 Chẳng phải có số, P.64 Thuyết minh không số, P.65 Không Tương ưng, P.66 Có Tương ưng, P.67 Chẳng phải tương ưng, P.68 Nhiều tâm, P.69 Một tâm, P.70 Chẳng phải nhiều tâm, P.71 Chẳng phải một tâm, P.72 Thuyết minh nhiều tâm, P.73 Thức tạm trụ, P.74 Thức không trụ, P.75 Thức cùng sinh, P.76 Thức không đồng thời cùng sinh; *Q.VI*, P.77 Tướng âm trong nhóm Khổ đế, P.78 Tướng của Thụ trong luận về Thụ của nhóm Khổ đế, P.79 Hành khổ, P.80 Hoại khổ, P.81 Luận về 3 Thụ, P.82 Hỏi về Thụ, P.83 Năm Thụ căn, P.84 Luận về Tư trong Hành âm, P.85 Xúc, P.86 Niệm, P.87 Dục, P.88 Hỷ, P.89 Tín, P.90 Cần, P.91 Hồi ức, P.92 Giác quán, P.93 Các tâm số; *Q.VII*, P.94 Bất tương ưng hành, P.95 Tướng của Nghiệp trong Luận về Nghiệp của nhóm Tập đế, P.96 Không tạo tác, P.97 Cố ý và không cố ý, P.98 Tội nhẹ nặng, P.99 Nghiệp lợi lớn nhỏ, P.100 Ba Nghiệp, P.101 Tà hành, P.102 Chính hành, P.103 Nghiệp buộc; *Q.VIII*, P.104 Ba Nghiệp báo, P.105 Ba thứ Nghiệp thụ báo, P.106 Ba Chương, P.107 Bốn Nghiệp, P.108 Năm Nghịch, P.109 Năm Giới, P.110 Sáu Nghiệp, P.111 Bảy Bất thiện luật nghi, P.112 Bảy Thiện luật nghi, P.113 Tám giới trai, P.114 Tám thứ lời nói, P.115 Nghiệp, P.116 Mười con đường bất thiện; *Q.IX*, P.117 Mười thiện đạo, P.118 Tội lỗi, P.119 Ba Nghiệp nhẹ nặng, P.120 Nói rõ Nghiệp nhân, P.121 Tướng của phiền não, trong luận về phiền não của nhóm Tập đế, P.122 Tướng của tham, P.123 Nhân của tham, P.124 Tội lỗi của tham, P.125 Dứt trừ tham, P.126 Sân

nhuế, P.127 Vô minh; *Q.X*, P.128 Kiêu mạn, P.129 Nghi, P.130 Thân kiến, P.131 Kiến chấp một bên, P.132 Tà kiến, P.133 Hai thủ, P.134 Tùy phiền não, P.135 Bất thiện căn, P.136 Tạp phiền não, P.137 Chín thứ kết; *Q.XI*, P.138 Các câu hỏi khác, P.139 Dứt lỗi, P.140 Thuyết minh về nhân, P.141 Trong nhóm Diệt đế, trước tiên lập giả danh, P.142 Tướng của giả danh, P.143 Phá chấp cho là một, P.144 Phá chấp cho là khác, P.145 Phá chấp cho là Bất khả thuyết, P.146 Phá chấp Không, P.147 Thành lập Không, P.148 Phá chấp về Âm thanh, P.149 Phá chấp về Hương-Vị-Xúc, P.150 Phá chấp về Ý thức, P.151 Phá chấp về Nhân quả, P.152 Thê-đế; *Q.XII*, P.153 Diệt pháp tâm, P.154 Diệt tận, P.155 Định Nhân trong Luận về định của nhóm Đạo đế, P.156 Tướng của Định, P.157 Ba Tam-muội, P.158 Bốn tu Định, P.159 Bốn Vô lượng định, P.160 Năm nhánh Thánh Tam-muội, P.161 Sáu Tam-muội, P.162 Bảy Tam-muội, P.163 Tám Giải thoát, P.164 Tám Thắng xứ, P.165 Sơ thiên; *Q.XIII*, P.166 Nhị thiên, P.167 Tam thiên, P.168 Tứ thiên, P.169 Vô biên Hư không xứ, P.170 Ba Vô sắc định, P.171 Diệt tận định, P.172 Mười Nhất thiết xứ, P.173 Mười Tướng vô thường tướng, P.174 Tướng của Khổ, P.175 Tướng Vô ngã; *Q.XIV*, P.176 Tướng chán ăn, P.177 Tướng tất cả thế gian không gì có thể vui, P.178 Tướng bất tịnh, P.179 Tướng về sự Chết, P.180 Ba Tướng sau, P.181 Năm Định cụ đầu trong các Định cụ, P.182 Bất thiện giác, P.183 Thiện giác, P.184 Năm Định cụ sau, P.185 Hơi thở ra vào, P.186 Định nạn; *Q.XV*, P.187 Chỉ Quán, P.188 Tu định, P.189 Tướng của Trí trong Luận về Trí của nhóm Đạo đế, P.190 Thấy một đế, P.191 Duyên tất cả; *Q.XVI*, P.192 Thánh hành, P.193 Kiến trí, P.194 Ba tuệ, P.195 Bốn Trí vô ngại, P.196 Năm trí,

P.197 Trí sáu thông, P.198 Trí nhãn, P.199 Chín Trí, P.200 Mười Trí, P.201 Bốn mươi bốn Trí, P.202 Bảy mươi bảy Trí.

1.579. LUẬN THÀNH DUY THỨC BẢO SANH

(Thành Duy Thức Bảo Sanh Luận)

Tạo luận: *Bồ-tát Hộ Pháp*

Hán dịch:

Cao Tăng Nghĩa Tịnh (635-713)

Việt dịch: *Nguyễn Hồng*

Tác phẩm Luận này gồm có 4 quyển.

(<https://phatphapungdung.com>; *Pháp bảo-Luận tạng*)

1.580. LUẬN THÍCH MA-HA-DIỄN (Thích Ma-ha-diễn Luận)

Tạo luận: *Bồ-tát Long Thọ*

Hán dịch: *Phật-đề-ma-đa*

Việt dịch: *Thích Như Điển*

Tác phẩm Luận này gồm có 10 quyển.

(<https://phatphapungdung.com>; *Pháp bảo-Luận tạng*)

1.581.

LUẬN THÍCH NHÂN DUYÊN TÂM LUẬN TỤNG NHƠN DUYÊN TÂM

Tạo luận: *Bồ-tát Mãn Long*

Việt dịch: *Thích Như Điển*

Giải thích về Nhân duyên tâm ngài Long Thọ Bồ-tát tạo.

(<https://phatphapungdung.com>; *Pháp bảo-Luận tạng*)

1.582. LUẬN THÍCH PHẬT MÃU BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA VIÊN TẬP YẾU NGHĨA

Tạo luận: *Bồ-tát Đại Vực Long*

Hán dịch: *Thi Hộ*

Việt dịch: *Nguyễn Huệ*

Toàn bộ tác phẩm Luận này gồm có 4 quyển. (<https://phatphapungdung.com>;

Pháp bảo-Luận tạng)

1.583. LUẬN THUYẾT MỚI VỀ TỊNH ĐỘ VÀ LỢI ÍCH CỦA VIỆC HÀNH THIỀN

Tác giả: *Đại sư Ấn Thuận*

Nxb Hà Nội – 1991

Tác phẩm này dày 283 trang, bìa mềm. Nội dung gồm có: - Lời giới thiệu, - Giới thiệu Tác giả; *Tịnh độ*: I. Luận thuyết mới về Tịnh độ, 1. Ý nghĩa của Tịnh độ trong Phật pháp, 2. Các loại Tịnh độ, 3. Tình hình chung về Tịnh độ, 4. Tịnh độ Di-lặc, 5. Quan điểm Tịnh độ lấy Di-đà làm trung tâm, 6. Cõi Phật và cõi chúng sinh, 7. Trang nghiêm Tịnh độ và vãng sinh Tịnh độ, 8. Xưng danh và niệm Phật, 9. Đạo dễ tu hành và đạo khó tu hành; II. Sơ lược về niệm Phật: 1. Phật thất, 2. Phật A-di-đà và thế giới Cực lạc, 3. Ba đặc trưng của pháp môn niệm Phật, 4. Ba điều quan trọng của niệm Phật, 5. Niệm Phật, 6. Nhất tâm bất loạn, 7. Vãng sinh và dứt đường sinh tử, 8. Kết luận: Thâu tóm ý nghĩa quan trọng; III. Cầu sinh cõi trời và vãng sinh Tịnh độ; IV. Khai thác những điều vi diệu của Tịnh độ Đông Phương; V. Kinh Lăng-già bản dịch đời Tống và Thiên Đạt-ma; *Thiền*: Cơ sở tư tưởng của Phật giáo; Công năng của tọa thiền; Từ cái tôi tiểu ngã đến cái vô ngã; Công án; Thiền bệnh; Bái sư; Giữa thầy và trò; Thiền- Như lai như khứ (như đến như đi).

1.584. LUẬN TRUNG QUÁN

Giảng giải:

Pháp sư Ấn Thuận (1906-2005)

Việt dịch: *Tỳ-kheo Thích Tâm Trí*

Nxb Hồng Đức – 2016

Sách có khổ 16 x 24cm, dày hơn 623 trang, bìa cứng. Nội dung gồm có: Lời người dịch, Huyền luận, Người Sơ Tâm học Phật, xin chớ đả phá quan hệ Thánh phàm; Giải thích chính, có 27 phẩm *Luận Trung Quán* giảng giải.

Xem: (27 phẩm) *Luận Trung Quán*

1.585. LUẬN VÀO ĐẠI THỪA

ĐCTTĐTK, Q. 32, Luận tập Bộ toàn, Ks. 1634

Tác giả: *Bồ-tát Kiên Ý*

Hán dịch: *Sa-môn Thích Đạo Thái*

Việt dịch (2003):

Sa-môn Thích Như Điển

Trợ dịch: *Tỳ-kheo Thích Đồng Văn* và *Tỳ-kheo Thích Hạnh Giới*

Toàn bộ tác phẩm Luận này gồm có 2 quyển, 2 phẩm: Quyển thượng, P.1 Nghĩa; Quyển hạ, P.2 Cơ luận không. (<https://quangduc.com>, *Luận*)

1.586. LUẬN VỀ BỐN CHÂN LÝ

Tạo luận: *Bà-tâu-bạt-ma*

Hán dịch: *Chơn Đế*

Việt dịch: *Thích Như Điển*

Tác phẩm Luận này gồm có 4 quyển, 6 phẩm: Q.I, P.1 Tư trạch, P.2 Lược nói, P.3 Phân biệt Khổ đế; Q.II, P.4 Phân biệt Khổ đế (tt), P.5 a. Tư lương Tập đế; Q.III, P.5 b. Phân biệt Diệt đế; Q.IV, P.6 Phân biệt Đạo đế.

(<https://phatphapungdung.com>; *Pháp bảo-Luận tạng*)

1.587. LUẬN VỀ

CON ĐƯỜNG GIẢI THOÁT

Đại Tạng Kinh Tiếng Việt

Tạo luận: *A-la-hán Uptissa (Đại Quang)*

Hán dịch: *Tam tạng Tăng-già-bà-la (Samghaphala)*

Việt dịch (2005):

Sa-môn Thích Như Điển

Chùa Viên Giác (Hanover – Đức Quốc) và quý Phật tử tại Hoa Kỳ ấn tống năm 2006.

Tác phẩm Luận này có 341 trang (PDF), nội dung gồm có 12 quyển, 12 phẩm: Q.I, P.1 Nhơn duyên, P.2 Phân biệt giới; Q.II, P.3 Đầu-đà, P.4 Phân biệt Định, P.5 Mịch

Thiện tri thức; Q.III, P.6 Phân biệt hạnh (việc làm), P.7 Phân biệt Hành xứ; Q.IV, P.8 Hành môn (phần 1); Q.V, P.8 Hành môn (phần 2); Q.VI, P.8 Hành môn (phần 3); Q.VII, P.8 Hành môn (phần 4); Q.VIII, P.8 Hành môn (phần 5), Thêm vào để làm rõ nghĩa Tứ vô lượng; Q.IX, P.9 Ngũ thông, P.10 Phân biệt Tuệ; Q.X, P.11 Ngũ Phương tiện (phần 1); Q.XI, P.11 Ngũ Phương tiện (phần 2), P.12 Phân biệt chân lý (phần 1); Q.XII, P.12 Phân biệt chân lý (phần 2), Giải thoát phân biệt chân lý.

1.588.

LUẬN VỀ HIỂU BIẾT RÕ RÀNG (Chứng Sở Tri Luận)

Tạo luận: *Phát Hiệp Tư Ba*

Hán dịch: *Sa-la-ba*

Việt dịch: *Thích Như Điển*

Tác phẩm Luận này gồm có 2 quyển, 5 phẩm: Quyển thượng, P.1 Khí thể giới, P.2 Tình thể giới; Quyển hạ, P.2 Tình thể giới (tt), P.3 Đạo pháp, P.4 Quả pháp, P.5 Vô vi pháp.

(<https://phatphapungdung.com>;

Pháp bảo-Luận tạng)

1.589. LUẬN VỀ HỒI HƯỚNG

Soạn dịch: *Thích Nhuận Đạt*

Nxb Tôn Giáo – 2012

Sách có khổ 14.5 x 20.5cm, có 174 trang, bìa mềm.

Nội dung gồm có: Lời người dịch, *Nghiên cứu sơ lược về Hồi hướng*, Tóm tắt; I. Lời nói đầu, II. Ngũ nghĩa Hồi hướng, III. Sự diễn biến hàm nghĩa Hồi hướng; A. Ý nghĩa Hồi hướng trong thời kỳ Phật giáo nguyên thủy: 1. Hồi hướng Niết-bàn, 2. Quyết định nghiệp báo và vãng sinh đường lành, 3. Bồ thí và Hồi hướng; B. Ý nghĩa Hồi hướng trong thời kỳ Phật giáo bộ phái: 1. Kế thừa quan điểm trong Kinh A-hàm, 2. Hồi hướng trong tư tưởng Bồ-

tát thuộc Hữu bộ, 3. Hồi hướng sự chuyển biến thọ và phước; C. Ý nghĩa Hồi hướng trong thời kỳ Đại thừa lúc đầu: 1. Tương ứng với Bồ-tát nguyện, tâm đại bi và vô sở đắc, 2. Hồi hướng được mô tả trong pháp môn Tịnh độ; D. Tiểu kết; IV. Tính khả hành của Hồi hướng: a. Quan điểm của Long Thọ, b. Nhân duyên của chúng sinh; V. Kết luận; Thư mục tham khảo; *Nghiên cứu Tín ngưỡng luận Tịnh độ tư tưởng Hồi hướng của Thế Thân, Đàm Loan và Thân Loan*, Tóm tắt, Tiết thứ nhất, Lý luận liên quan của Hồi hướng, chuyển biến và chuyển y, Hàm ý Thuyên thích học Phật giáo trong thuyết Hồi hướng, Hai tầng nghĩa của thuật ngữ Hồi hướng, Hàm ý Thuyên thích học Phật giáo của Hồi hướng, Chuyển biến, Chuyển y và Tín ngưỡng luận của nó, Phân tích Chuyển biến và Chuyển y; Tiết thứ hai, Đại tín tâm tức là Đại Phật tính, tức là Như Lai, Thuyên thích học Phật giáo của Tín ngưỡng Tịnh độ, - Đại tín tâm tức là Đại Phật tính, - Giải thích Hồi hướng và tín ngưỡng Tịnh độ, - Sự phát triển của Tịnh độ luận Phật giáo Đông Á có ba phân đoạn, - Tịnh độ luận của Đàm Loan liên quan đến việc xác lập bản nguyện tha lực, - Sự giải thích về Ngũ niệm môn của Đàm Loan và sự khác biệt giữa nó với Tịnh độ luận của Thế Thân, - Mối quan hệ giữa tư tưởng Tín tâm tha lực của Thân Loan và tư tưởng Bản giác của Thiên Thai: Chủ thể Hồi hướng tóm thâu bản nguyện tha lực của Như Lai Di-đà là trung tâm Hồi hướng; Kết luận, Hậu ký; Thư mục tham khảo.

**1.590. LUẬN VỀ
NHÂN DUYÊN BÍCH CHI PHẬT
(Bích Chi Phật Nhơn Duyên Luận)**

Việt dịch: *Thích Như Điển*

Tác phẩm Luận này gồm có 2 quyển,
Quyển thượng và Quyển hạ.

(<https://phatphapungdung.com>; *Pháp
bảo-Luận tạng*)

1.591. LUẬN VỀ NHÂN QUẢ

Luận giả: *Thích Chân Quang*

Nxb Tôn Giáo – 2005

Tác phẩm Luận này có 367 trang, nội
dung gồm có 3 phần chính: - Lời giới
thiệu, - Lời tựa; Luận về Nhân quả, Chứng
kiến và chứng minh, Môi trường và nhân
quả, Một số trường hợp điển hình về nhân
quả; *A. Nhân quả thế gian*, 1. Thiên nhân
của A-la-hán, 2. Đẹp và giàu, 3. Sống khắc
khổ hà tiện, 4. Bồ thí trân trọng, 5. Làm
tròn bổn phận, 6. Dụng tâm khi bồ thí, 7.
Bình đẳng, 8. Ảnh hưởng của văn hóa, 9.
Quả báo rất nhẹ, 10. Đối xử với Tăng, 11.
Giả dạng, 12. Phỉ báng bậc Thánh, 13. Tu
tập từ tâm, 14. Khinh bỉ, 15. Vũ kịch, 16.
Muối và nước, 17. Vua và đất nước; *B.
Nhân quả xuất thế gian*, 1. Nguyên nhân
của đau khổ, 2. Giới định huệ, 3. Cúng hoa
tháp Phật, 4. Thoái thất đạo quả, 5. Quả vị
Dự lưu, 6. Hai hạng người sai khác, 7.
Xuất gia, 8. Hòa hợp Tăng, 9. Dể ngộ, 10.
Sử dụng không đúng, 11. Đủ công đức
chứng ngộ, 12. Bảy năm trong bụng mẹ,
13. Khoe khoang, 14. Pháp môn thích hợp,
15. Trưởng lão Losaka; *C. Nhân quả Bồ-
tát đạo*, 1. Đồng sự nhiếp, 2. Tạo cơ hội
cho chúng sanh tác phước, 3. Nhẫn nhục,
4. Tự trang nghiêm bằng công đức, 5.
Nghịch hạnh, 6. Các vị Bồ-tát trong Kinh
Đại thừa, 7. Phật quả; Suy luận Nhân quả,
Kết luận.

*Tác phẩm Luận này được tái bản nhiều
lần: Năm 1998, 2000, 2004, 2008, Nxb
Tôn Giáo.*

**1.592. LUẬN VỀ
NHÂN QUẢ TRONG PHẬT PHÁP**

Các tác giả: *Diễn Bồi và các Pháp sư*

Việt dịch: *Hương Bối*

Nxb Phương Đông – 2007

Sách có khổ 14 x 20cm, dày hơn 225
trang, bìa mềm. Toàn bộ tác phẩm Luận
này gồm có: - Luận về Nhân quả trong
Phật pháp; - Nhân quả có phải là mê tín
không? – Khuyên chú trọng về Nhân quả
(Gia ngôn lục, Đại sư Ấn Quang); - Luận
về Nhân quả trong Phật pháp (Pháp sư
Diễn Bồi): I. Khẳng định phép tắc của
Nhân quả; II. Bàn về Nhân quả thông
thường của thế gian; III. Luận Nhân quả
chân chính của Phật pháp; IV. Kết luận; -
Lược thuyết về Nhân quả của Phật giáo
(Nhân Tuấn); - Nguyên lý Nhân quả của
Phật giáo (Thích Thánh Đức): 1. Chủng
loại của Nhân quả, 2. Tánh phổ biến của
Nhân quả, 3. Dẫn nghiệp và Mãn nghiệp,
4. Biệt nghiệp và Cộng nghiệp, 5. Sự tăng
cường của nghiệp báo, 6. Kết luận; - Quan
niệm Nhân quả của Phật giáo (Châu Trung
Nhất); - Tính chất đặc biệt của Nhân quả
Phật giáo (Pháp Tín); - Nghiệp và Luân
hồi (Lương Khải Siêu); - Nghiệp lực đáng
sợ đáng yêu (Phương Luân); - Bàn về
“Thần diệt luận” (Chiêm Lệ Ngộ); - Bàn
về Nhân quả (Trí Tuyên).

**1.593. LUẬN VỀ PHÁP HOA KINH An
Lạc Hạnh Nghĩa**

An Annotated Translation and Study of
The Meaning of the Lotus Sutra's Courses
of Ease and Bliss

Thiên Thai Tông –

Nam Nhạc Tuệ Tư Đại Thiên Sư

Phiên dịch-chú giải:

Daniel B. Stevenson & Hiroshi Kanno
Phiên dịch-thi hóa:
Từ Hoa Nhất Tuệ Tâm
Phiên âm-suru tập: *Phạm Doanh*
Nxb Phương Đông – 2012. Sách có khổ 14 x 20cm, dày hơn 954 trang.
Nội dung gồm có 5 phần: Tóm tắt Tiểu sử Nam Nhạc Tuệ Sư Đại Thiên sư (515-577); *Phần I.* Nam Nhạc Tuệ Sư – Mặc tướng, Tác phẩm và tư tưởng, Những chữ viết tắt và ký hiệu; C.I Nam Nhạc Tuệ Sư trong lịch sử Phật giáo, 1. Mặc tướng Nam Nhạc Tuệ Sư, 2. Nam Nhạc Tuệ Sư trong Thánh tích học Phật giáo Trung Quốc; C.II Tác phẩm của Nam Nhạc Tuệ Sư: Lịch sử văn bản, tương quan, và vấn đề diễn giải, 1. Tác phẩm lưu truyền của Nam Nhạc Tuệ Sư, 2. Bản tóm tắt về từng tác phẩm của Nam Nhạc Tuệ Sư: Chủ đề Liên tục, 3. Xuất xứ và thời điểm biên soạn của bốn tác phẩm còn lưu truyền của Nam Nhạc Tuệ Sư Đại Thiên sư; C.III Chi giữa Phật với Phật: Cái thấy của Nam Nhạc Tuệ Sư đối với chánh pháp, 1. Giai điệu tiếng đàn không người khảy của A-tu-la: Bát-nhã Ba-la-mật-đa, Tam-muội, và Thần thông, 2. Như Lai tạng, 3. Thực tướng của Pháp, Như thị, và những biến thể, 4. Kết luận đối chiếu: Kinh Pháp Hoa và thực pháp; *Phần II.* [A] Cái thấy chân thực đối với Kinh Pháp Hoa của Nam Nhạc Tuệ Sư Đại Thiên sư qua Pháp Hoa Kinh An lạc Hạnh nghĩa, [B] Vấn đề đưa ra, 1. Cái thấy đối với Kinh Pháp Hoa trong mở đầu Pháp Hoa Kinh An lạc Hạnh nghĩa, 2. Cái thấy đối với Kinh Pháp Hoa hiển lộ qua những bài kệ, 3. Bố cục mười câu hỏi và trả lời; *Phần III.* Daniel B. Stevenson & Hiroshi Kanno: Chú giải Pháp Hoa Kinh An lạc Hạnh nghĩa; *Phần IV.* Pháp Hoa Kinh An lạc Hạnh nghĩa thi hóa, *Từ Hoa Nhất Tuệ Tâm*; *Phần V.* Các bản văn liên hệ (Hán văn: Source: CBETA), Nam Nhạc Tuệ Sư

Đại Thiên sư Lập Thệ nguyện văn (1 quyển), Tác giả: Nam Nhạc Tuệ Sư Đại Thiên sư; Chư Pháp vô tránh Tam-muội Pháp môn (2 quyển), Tác giả: Nam Nhạc Tuệ Sư Đại Thiên sư; Tùy Tự Ý Tam-muội (1 quyển), Tác giả: Nam Nhạc Tuệ Sư Đại Thiên sư; Phụ lục: Nhánh tay Thiên thủ trên non Linh Thứu, Tác giả: Trần Thị Hoa Trắng.

1.594. LUẬN VỀ PHƯƠNG TIỆN CỦA TÂM
ĐCTTĐTK, Q. 32, Luận tập Bộ toàn, Ks. 1632

Tạo luận: *Bồ-tát Long Thọ*

Hán dịch: *Tam tạng Pháp sư Cát-già-dạ*

Việt dịch (2004):

Sa-môn Thích Như Điển

Trợ dịch: *Tỳ-kheo Thích Đồng Văn và Tỳ-kheo Thích Hạnh Giới*

Toàn bộ tác phẩm Luận này gồm có: P.1 Nói về Tạo luận, P.2 Nói về Phụ xứ, P.3 Bàn về Chính luận, P.4 Tương ưng.

(<https://quangduc.com>, *Luận*)

1.595. LUẬN VỀ TAM DI ĐỀ BỘ (Tam Di Đề Bộ Luận)

Việt dịch: *Thích Như Điển*

Tác phẩm Luận này gồm có 3 quyển: Quyển thượng, trung và hạ.

(<https://phatphapungdung.com>; *Pháp bảo-Luận tạng*)

1.596. LUẬN VỀ TỊNH ĐỘ SANH-VÔ SANH

Soạn giả: *Minh Truyện Đăng*

Việt dịch: *Thích Hồng Non*

Tác phẩm Luận này gồm có 10 môn: - Quy kinh Tam bảo, Luận chủ tạo Luận này lập thành 10 môn: 1. Nhất Chơn pháp giới, 2. Thân cõi duyên khởi, 3. Tâm cõi liên hệ nhau, 4. Chúng sanh và Phật không hai, 5. Pháp giới là một niệm, 6. Cảnh

quán hòa nhau, 7. Ba quán như vậy, 8. Cảm ứng tương quan, 9. Kia đây luôn là một, 10. Hiện tại và vị lai hòa hợp nhau. (<https://phatphapungdung.com>; *Pháp bảo-Luận tạng*)

1.597. LUẬN VỀ VẤN ĐỀ HỘ NIỆM LÚC LÂM CHUNG

Theo Kinh Tạng Nikaya

Chúc Phú

Nội dung gồm có: Hộ niệm lúc lâm chung nhìn từ lịch sử Kinh điển, Thời khắc vàng và nội dung giáo giới, Mẫu hình cư sĩ độ sanh, Chuẩn bị cho chuyến viễn hành. (<https://thuvienhoasen.org>, *Tịnh Độ*)

1.598. Lược Giảng LUẬN TRUNG QUÁN

Tác giả: *Bồ-tát Long Thọ (Nàgàrjuna)*

Biên soạn: *Thích Thiện Nhơn*

Ấn hành PL. 2548 – DL. 2004

Sách có khổ 14.5 x 20.5cm, có 324 trang, bìa mềm, (Lưu hành nội bộ). Nội dung của *Trung luận* gồm có 4 quyển, 27 phẩm. Tổng cộng có 446 kệ tụng, mỗi kệ tụng có 4 câu, 1784 câu, 8920 chữ. Toàn bộ cả 27 phẩm là phá chấp về: Nhân duyên, đi và đến, sáu hình thức (sáu thức), năm ấm, sáu đại chủng, sự ô nhiễm và người ô nhiễm, ba tướng, hành động tạo tác và tác giả, bản ngã (thần ngã), lửa và nhiên liệu (củi), biên giới, khổ, các hành, sự hòa hợp, có và không, trói buộc và giải thoát, nghiệp, ngã và pháp, thời gian, nhân quả, sự hình thành và hoại diệt, Như Lai, sự điên đảo, sự thật (Tứ đế), Niết-bàn, 12 nhân duyên, tà kiến.

1.599. Lược Giảng LUẬN TRUNG QUÁN

Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam – Trung tâm Phật học Hán truyền
Lược giảng (Hán ngữ):

HT. Ấn Thuận (1906-2005)

Việt dịch: *Hạnh Bình và Quán Như*

Nxb Phương Đông – 2010. Tác phẩm Lược giảng Luận này có 277 trang, bìa mềm; nội dung gồm: - Lời nói đầu, 1. Lược thuật nhân duyên ấn hành, 2. Các bài tụng tuyển chọn từ Trung Quán Luận; Quan điểm lập trường của Luận này, Tất cả pháp đều không; (1) Người ngoài chấp không lại trách không, (2) Luận chủ lấy khái niệm “Không” để lập “Không”; Thành lập Nhị đế, Hiện thị Chơn không, Hoàn thành Phật pháp, (1) Duyên khởi-Không-Trung đạo, - Duyên khởi vô tự tánh, - Duyên khởi lìa hữu biên-vô biên, (2) Vọng có tức không mà chẳng chấp trước, - Vọng có đồng nghĩa không, - Không chấp trước tánh không; (1). Quán sát phiền não, - Quán sát sự hiện khởi của phiền não, - Đối trị phiền não; (2). Quán sát nghiệp, (3). Quán sát về khổ, - Ba tế không thể có, - Tứ tác chẳng thành, Quán hành của Trung đạo: (1). Quán vô ngã, (2). Xả ly hý luận, (3). Phù hợp thật tướng; Kết quả tu chứng của hành giả Trung quán: Quả Niết-bàn, Như Lai; Tán thán quy tông; Lược giảng Luận Trung Quán, 1. Tổng luận, 2. Trung luận, Lấy quan điểm Trung làm Tông, (1). Từ phương diện sự lý, (2). Phương diện tu tập; Trung lấy Không làm tướng, Không lấy duyên khởi làm luận cứ, 3. Tác giả của Trung Luận, Lược sử Long Thọ, Nhận thức đặc thù của Long Thọ; (1). Không trở ngại giữa Đại thừa và Tiểu thừa, (2). Không trở ngại pháp thế gian và xuất thế gian, 4. Hoàng truyền Trung Luận (Ở Ấn Độ, Ở Trung Quốc), 5. Ứng dụng Trung Luận vào cuộc sống; Phân giải thích chính: 1. Yếu chỉ của Tông, 2. Tất cả pháp đều không, Người ngoài chấp không lại trách không, Thuyết minh về Không; (1). Thành lập Nhị đế, (2). Hiện thị Chơn không, (3).

Hoàn thành Phật pháp; 3. Duyên khởi-Không-Trung đạo, Duyên khởi vô tánh tức Trung Đạo; (1). Duyên khởi vô tự tánh, (2). Duyên khởi lia hữu biên-vô biên, Vọng có tức không, không chấp trước, (1). Vọng có tức không, (2). Không chấp trước tánh không; 4. Quán sát sự tạp nhiễm của thế gian, Quán sát phiền não; (1). Quán sát sự hiện khởi phiền não, (2). Quán sát đối trị diệt trừ phiền não; Quán sát nghiệp, Quán sát về khổ; (1). Không có điểm cuối, (2). Tứ tác chẳng thành; 5. Quán hành của Trung đạo, Quán vô ngã, Xả ly hý luận, Khế hợp thật tướng; 6. Quả chứng của hành giả Trung Quán, Quả Niết-bàn, Quả vị Như Lai; 7. Kết luận tán thán Quy tông; Giới thiệu về Pháp sư Huệ Oánh.

Tác phẩm Luận này được tái bản năm 2014, Nxb Phương Đông.

1.600. Lý Cư Minh LUẬN VỀ MẬT TÔNG

Tác giả: *Lý Cư Minh*

Biên dịch: *Việt Thu*

Nxb Từ Điển Bách Khoa – 2011

Sách có khổ 13.5 x 21cm, dày hơn 269 trang. Nội dung gồm có 8 chương: Lời Nhà xuất bản, Lời mở đầu, C.I Đòi người vì lẽ gì?, C.II Ngồi thiền vì mục đích gì? C.III Nguyệt luân là gì? C.IV Thế nào là A-di-đà Phật? C.V Thế nào là học Phật quy linh? C.VI Thế nào là bái thần và tu hành? C.VII Người tu hành là gì? C.VIII Thế nào là tu tập Mật tông?

Tác phẩm này được tái bản năm 2017, Nxb Hồng Đức.

N

1.601. NIỆM PHẬT LUẬN

Tác giả: *Đại sư Thái Hư (1889-1947)*

Việt dịch: *Giới Nghiêm*

Nxb Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh – 2013.

Sách có khổ 13 x 19cm, có 83 trang, bìa mềm. Tác phẩm Luận này gồm có 2 phần: Niệm Phật luận và Khai thị Phật thất (Pháp sư Tịnh Không).

Tác phẩm này đã xuất bản năm 2010, Nxb Phương Đông.

1.602.

NIỆM PHẬT QUANG MINH LUẬN

Cư sĩ Huệ Liên

Nxb Hồng Đức – 2015

Sách có khổ 14.5 x 20.5cm, có 61 trang, bìa mềm. Nội dung gồm có: Lời nói đầu, *Niệm Phật Quang minh luận*, 48 Đại nguyện của Đức Phật A-di-đà, Ba Phẩm thượng, Ba Phẩm trung và Ba Phẩm hạ; Trì danh niệm Phật: Đại Thế Chí Bồ-tát, Quán Thế Âm Bồ-tát, Phổ Hiền Bồ-tát, Văn-thù-sư-lợi Bồ-tát, Mã Minh Bồ-tát, Long Thọ Bồ-tát, Giác Minh Diệu hạnh Bồ-tát, Liên tông chư Tổ: Sơ Tổ Huệ Viễn Đại sư, Nhị Tổ Thiện Đạo Đại sư, Tam Tổ Thừa Viễn Đại sư, Tứ Tổ Pháp Chiếu Đại sư, Ngũ Tổ Thiếu Khương Đại sư, Lục Tổ Diên Thọ Đại sư, Thất Tổ Tịnh Thường Đại sư, Bát Tổ Châu Hoàng Đại sư, Cửu Tổ Trí Húc Đại sư, Thập Tổ Triệt Lưu Đại sư, Thập nhất Tổ Thiệt Hiền Đại sư, Thập nhị Tổ Tế Tĩnh Đại sư, Thập tam Tổ Ấn Quang Đại sư; Công đức niệm Phật, Hậu bạt.

1.603. NIỆM PHẬT TAM-MUỘI BẢO VƯƠNG LUẬN

Biên soạn: *Phi Tích*

Việt dịch: *Định Huệ*

Tác phẩm Luận này gồm có 3 quyển, 20 môn: *Q.I*, Môn thứ 1. Niệm Phật vị lai chóng thành Tam-muội, Môn thứ 2. Gái giang hồ và kẻ cướp không đáng khinh, Môn thứ 3. Trì giới, phá giới chỉ tướng là Phật, Môn thứ 4. Ngay trong địa ngục vẫn không ngại cho sự thọ ký, Môn thứ 5. Quán không, vô ngã chọn thiện làm theo, Môn thứ 6. Không điều thiện đáng chọn, không điều ác đáng bỏ, Môn thứ VII. Không được ăn thịt chúng sanh; *Q.II*, Môn thứ 8. Niệm Phật hiện tại chuyên chú một cảnh, Môn thứ 9. Đời này, đời khác và một niệm, mười niệm, Môn thứ 10. Tâm này là Phật, Tâm này làm Phật, Môn thứ 11. To tiếng niệm Phật và dây mắt về hướng Tây, Môn thứ 12. Lấy một tâm mộng và thực để thuyết minh Tam-muội, Môn thứ 13. Niệm ba thân Phật để phá ba chướng; *Q.III*, Môn thứ 14. Niệm Phật quá khứ nhân quả tương đồng, Môn thứ 15. Vô tâm niệm Phật, lý sự song tu, Môn thứ 16. Liễu đạt tâm và cảnh thì vọng tưởng không sanh, Môn thứ 17. Trong tâm hành cầu sự giải thoát của chư Phật, Môn thứ 18. Ba nghiệp cúng dường chân thật biểu kính, Môn thứ 19. Vô tướng hiển hoa, tin và hủy báng đều có quả báo, Môn thứ 20. Vạn thiện đồng quy đều thành Tam-muội. (<https://phatphapungdung.com>; *Pháp bảo-Luận tạng*)

1.604. NIỆM PHẬT TAM-MUỘI LUẬN BẢO VƯƠNG

Phi Tích Thiên sư

Dịch giả: *Tịnh Sĩ*

Nxb Phương Đông – 2008

Tác phẩm Luận về niệm Phật này có 91 trang, nội dung gồm: - Lời khái quát, - Lời

mở đầu; I. Niệm vị lai Phật chóng thành Tam-muội, II. Người nữ, kẻ trộm đều không nên khinh, III. Thấy người trì giới phá giới chỉ sanh ý tưởng Phật, IV. Hiện đang đọa ở địa ngục cũng vẫn được thọ ký, V. Quán không, vô ngã chọn thiện mà theo, VI. Không có thiện để chọn không có ác để bỏ, VII. Không nên ăn thịt chúng sanh, VIII. Niệm chuyên chú 1 cảnh Phật hiện tại, IX. Đời này đời sau tùy thuộc một niệm và mười niệm, X. Tâm này là Phật, tâm này làm Phật, XI. To tiếng niệm Phật mặt hướng về Tây, XII. Mộng tỉnh đều chỉ một tâm, XIII. Niệm ba thân Phật phá ba chướng, XIV. Niệm Phật quá khứ, nhân quả như nhau, XV. Song tu lý sự vô tâm niệm Phật, XVI. Liễu đạt tâm và cảnh thì vọng tưởng chẳng sanh, XVII. Nên ở trong tâm hành mà cầu giải thoát và chư Phật, XVIII. Ba nghiệp cúng dường chân thật biểu lộ sự cung kính, XIX. Vô tướng dâng hoa, tin hủy chiêu báo, XX. Muôn thiện chung qui đều thành Tam-muội.

1.605. NIỆM PHẬT TAM-MUỘI BỬU VƯƠNG LUẬN

Việt dịch: *Thích Đức Nghiêm*

THPG Tp. Hồ Chí Minh,

PL. 2540 – DL. 1996

Sách có khổ 14 x 20cm, có 95 trang, bìa mềm. Nội dung gồm có: Lời khái quát, *Niệm Phật Tam-muội Bửu Vương luận*, Phi Tích Thiên sư, Lời mở đầu, và 20 mục luận về niệm Phật Tam-muội.

Xem: *Niệm Phật Tam-muội Bảo Vương Luận*

NG

1.606. NGỘ TÁNH LUẬN (Bồ-đề Đạt-ma Ngộ Tánh luận)

Thuật luận: *Bồ-đề Đạt-ma*

Việt dịch: *Thích Trí Tịnh*

THPG Tp. Hồ Chí Minh – 1996

Nội dung của Luận này gồm có: I. Tông và thể Đại thừa, II. Tánh thể bất giảm bất tăng, III. Vô niệm thường định, IV. Tâm bất khả đắc, V. Loạn và định đều rời, VI. Bình đẳng vô sai biệt, VII. Chánh kiến vô trụ, VIII. Sắc tâm bất nhị, IX. Chơn kiến vô kiến, X. Tội tánh bản không, XI. Đắc vô sở đắc, XII. Thân diệt đạo thành, XIII. Thoát căn ly trần, XIV. Không tâm tức Thánh, XV. Pháp không, XVI. Tức tâm tức Phật, XVII. Giác tâm thanh tịnh, XVIII. Thuyết vô sở thuyết, XIX. Thời thuyết thời mặc, XX. Văn tự tức giải thoát, XXI. Thừa phi để hiển thị, XXII. Thiệt tướng vô tướng, XXIII. Nhứt thể bình đẳng, XXIV. Kiến tánh thành Phật, XXV. Nhứt thể đồng quan, XXVI. Độ vô sở độ, XXVII. Như Lai vô trụ, XXVIII. Tánh cụ tam thân, XXIX. Phật thân ly tướng, L. Vô tâm vô nghiệp, LI. Duy tâm, LII. Định ninh khai thị.

Tác phẩm này được chùa Vạn Đức (Thủ Đức) ấn hành năm 1973.

1.607. NGUYÊN THỦY PHẬT GIÁO TƯ TƯỞNG LUẬN

Tác giả: *Kimura Taiken*

Hán dịch: *Âu Dương Hãn Tôn*

Việt dịch:

HT. Thích Quảng Độ (1928-2020)

Khuông Việt ấn hành năm 1971. Sách có khổ 14 x 20cm, dày 470 trang, bìa mềm.

Tác phẩm Luận này gồm có 3 thiên. *Thiên*

thứ nhất, nêu lên phương pháp chỉnh lý nguyên thủy Phật giáo với phương châm của bộ sách này, Phật giáo với thời đại và giáo lý đại cương; *Thiên thứ hai*, trình bày về thế giới quan hiện thực (luận về Khổ, Tập đế): Nhân quả quan về nguyên lý thế giới, Hữu tình luận đại cương, Tâm lý luận, Nghiệp và luân hồi, Luận về mười hai duyên khởi, Luận về bản chất tồn tại, căn cứ và sự phán đoán giá trị của sự tồn tại; *Thiên thứ ba*, nói về Lý tưởng và sự thực hiện (luận về Diệt và Đạo đế): Tổng quát về tu đạo luận, Khái luận về đạo đức, Sự tu đạo của tín đồ, Phương pháp tu dưỡng của người xuất gia, Tiến trình tu đạo với La-hán, Niết-bàn luận.

Tác phẩm này được tái bản năm 2012, Nxb Tôn Giáo.

NGH

1.608. NGHĨA KHÔNG CỦA TRUNG LUẬN (Trung Quán Kim Luận)

Nguyên tác: *Đại sư Ấn Thuận*

Việt dịch: *Nguyễn Chơn*

Nxb Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh – 2005

Sách có khổ 14.5 x 20.5cm, có 346 trang. Toàn bộ tác phẩm luận này gồm có 12 chương: C.1. Nội dung và ý nghĩa của Trung Đạo, C.2. Long Thọ và những bộ kinh của ngài, C.3. Duyên khởi sanh diệt và bất sanh bất diệt, C.4. Phương pháp luận về Trung Đạo, C.5. Luận đề căn bản của Trung Quán, C.6. Bát bất, C.7. Hữu – Thời – Không – Động, C.8. Luận về thật tướng các pháp, C.9. Trung Đạo hiện tượng và thật tánh, C.10. Luận về Nhị đế, C.11. Thực hiện Trung Đạo, C.12. Không tông và Hữu tông.

1.609. Nghiên Cứu Nguồn Gốc

DUY THỨC HỌC

Tác giả: *Đại sư Ấn Thuận (1906-2005)*

Việt dịch: *Nhật Chiêu*

Nxb Tôn Giáo – 2006. Sách dày 334 trang.

Xem: *Tìm hiểu Nguồn gốc Duy Thức Học*

NH

1.610.

NHÂN MINH HỌC PHẬT GIÁO

Tác giả: *Minh Chi*

Nxb Tôn Giáo – 2005

Tác phẩm này có 261 trang, bìa mềm; nội dung gồm 3 phần: *Phần I. Khái quát về Nhân minh học*, C.1 Logic học phương Đông cũng gọi là Nhân minh học, C.2 Nhân minh học Phật giáo, C.3 Vài nét về lịch sử Nhân minh học Phật giáo, C.4 Vài nét về Nhân minh học Phật giáo; *Phần II. Nhận thức luận Phật giáo*, C.1 Nhận thức trực tiếp hay hiện lượng, C.2 Phán xét tỷ lượng theo quan điểm Phật giáo; *Phần III. Tam đoạn luận*, C.1 Tám mục chính của Nhân minh học Phật giáo, C.2 Lập Tôn hay Thuyết mà không dùng gọi là Tợ năng lập, Giới thiệu khái quát về môn Nhân minh học Phật giáo; Phần Phụ lục chữ Hán.

1.611. NHÂN MINH LUẬN

Biên soạn:

HT. Thích Đồng Quán (1926-2009)

Nxb Tôn Giáo, PL. 2547 – DL. 2003

Sách có khổ 14 x 20cm, có 196 trang, bìa mềm.

Nội dung gồm có 4 phần chính: Lời tựa, Lời giới thiệu, Nhân minh Nhập chánh lý luận, Sách dùng tham khảo; B.1 Giải thích đề sách; *Phần I. Tôn chỉ và mục đích của*

Nhân minh, B.2 Tôn chỉ và mục đích của Nhân minh, B.3 Mục đích của Nhân minh, B.4 Mục đích của Nhân minh (tt), Tổng kết phần I. Tôn chỉ và mục đích của Nhân minh; *Phần II. Tam chi tác pháp của Tân Nhân minh*, B.5 Tam chi tác pháp của Tân Nhân minh, A. Tôn, B.6 Tôn chơn năng lập, B.7 Tam chi tác pháp của Tân Nhân minh, B. Nhân, B.8 Tam chi tác pháp của Tân Nhân minh, C. Dụ, Tổng kết phần Tam chi tác pháp; *Phần III. Tợ năng lập*, A. Chín lỗi của Tợ năng lập (từ B.9 đến B.36 và Bài đọc thêm); *Phần IV. Phụ đính nguyên bản chữ Hán.*

Tác phẩm này được THPG Tp. Hồ Chí Minh ấn hành từ năm 1997.

1.612. NHÂN MINH

NHẬP CHÁNH LÝ LUẬN

Dịch & Sưu soạn: *Giải Minh*

PL. 2553 – DL. 2010

Sách có hơn 134 trang, bìa mềm; nội dung gồm có 4 phần: Tựa, Phần I. Nhân Minh Luận cương yếu, - Nội dung chủ yếu và Nhân minh; Phần II. - Nói về các lỗi về Tôn, - Nói về các lỗi về Nhân, - Nói về các lỗi về Dụ; Phần III. Phần Tổng kết, Biểu đồ Tóm lược, Lời kết; Phần Nguyên tác Hán văn.

1.613. NHÂN MINH

NHẬP CHÁNH LÝ LUẬN

Soạn dịch:

TT. Thích Thiện Hoa (1918-1973)

Nhà in Sen Vàng (Sài Gòn) xuất bản - 1969

Sách có 67 trang, bìa mềm. Nội dung gồm có: Lời tựa, Nhân Minh Nhập Chánh lý luận, I. Nguyên nhân, a. Xuất xứ, b. Lịch sử Nhân minh học, c. Cải cách Nhân minh học, d. So sánh Nhân minh với Luận lý học; II. Định nghĩa đề mục (Ngũ minh: Thanh minh, Công xảo minh, Y phương

minh, Nội minh, Nhân minh); Nhập Chánh lý luận, III. Phần chủ yếu, Ý niệm tổng quát về các bộ Luận và Nhân minh, Định nghĩa về Tám môn, Ý nghĩa Tôn-Nhân-Dụ, I. Tôn chơn năng lập, II. Nhân chơn năng lập, III. Dụ chơn năng lập, Tợ năng lập, I. Tôn tợ năng lập, II. Nhân tợ năng lập, III. Tợ Dụ có hai loại, a. Tợ dụ đồng pháp, b. Tợ dụ dị pháp.

1.614. NHÂN MINH TỔNG LUẬN

Tác giả:

Tâm Minh-Lê Đình Thám (1897-1969)

Nội dung Luận này gồm có 3 đề mục chính: *I. Tôn*: 1. Bên địch phải công nhận các sự vật sở biệt là tồn tại, 2. Bên địch phải hiểu cái tánh cách năng biệt như mình và phải công nhận có vật giữa đời có tánh cách ấy, 3. Cái “Tôn” không được trái với sự hiện thực, 4. Cái tôn cần phải không trái với sự so sánh hiển nhiên, 5. Cái tôn cần phải không trái với giáo pháp của bên lập, 6. Cái tôn cần phải không trái với những điều mà học thức thế gian đồng công nhận, 7. Lời nói trước và lời nói sau của tôn không được trái nhau, 8. Cái tôn cần phải trái với ý kiến hiển thời bên địch; *II. Nhân*: 1. Bên địch cần phải công nhận cái sở biệt thật có cái tánh cách đã dùng làm cái nhân ấy, 2. Cái nhân cần phải đích xác rõ ràng không được mơ hồ do dự, 3. Nếu dùng Kinh điển thì cái nhân cần phải căn cứ nơi các kinh điển mà bên địch đã công nhận là đúng, 4. Cái nhân không thể là một tánh cách chung của sự vật, 5. Cái nhân không thể là một tánh cách đặc biệt của sở biệt mà phải là một cái tánh cách chung cùng với một vài cái nữa, 6. Nhân không thể là một tánh cách chung cho những sự vật dị phẩm, nghĩa là những sự vật có tánh cách trái với năng biệt của tôn, 7. Cái nhân, dù lập đúng cách, nhưng nếu bên lập chưa có phá được một cái thuyết

trái ngược của bên địch thì cả bên lập là bên địch đều phạm cái lỗi gọi là “trương vi quyết định”, 8. Cái nhân không thể trái với tự tướng của tánh cách năng biệt nơi cái tôn, 9. Cái nhân không thể trái với ý nghĩa của bên lập đối với cái năng biệt, 10. Cái nhân không thể trái với tự tướng của sự vật sở biệt nơi tôn, 11. Cái nhân không thể trái với cái ý nghĩ bên lập đối với cái sở biệt; *III. Dụ*; (Kết luận). (theo Tác phẩm của Bác sĩ Tâm Minh Lê Đình Thám, tập 1, từ tr 170 - 189, Thích Trung Hậu-Thích Hải Ấn sưu tập và giới thiệu, Nxb Văn hóa Sài Gòn - 2007)

1.615. NHẬP TRUNG QUÁN LUẬN (Giảng nghĩa Căn bản Trung Quán Luận của Bồ-tát Long Thọ)

Giảng nghĩa: *Tổ Nguyệt Xứng*

Việt dịch:

Thích Hạnh Tấn và Sư cô Hạnh Nhật

Ananda KL Boston November 15, 2015 - Prajna Upadesa Foundation

Tác phẩm Luận này có 144 trang (PDF), với nội dung: - Tiêu sử dịch giả, Phần I, Bước vào Trung Đạo, Phát Tâm thứ nhất, Tâm Bồ-đề thứ nhất Hoan hỷ địa - Bồ thí (nguyên Bản Tạng ngữ dịch sang Việt ngữ); Phần II, Bước vào Trung Đạo, Phát Tâm thứ hai, Tâm Bồ-đề thứ hai Ly cấu địa - Giữ giới; Phần III, Bước vào Trung Đạo, Phát Tâm thứ ba, Tâm Bồ-đề thứ ba Phát quang địa - Nhãn nhĩ; Phần IV, Bước vào Trung Đạo, Phát Tâm thứ tư, Tâm Bồ-đề thứ tư Diễm huệ địa - Tinh tấn; Phần V, Bước vào Trung Đạo, Phát Tâm thứ năm, Tâm Bồ-đề thứ năm Nan thắng địa; Phần VI, Bước vào Trung Đạo, Phát Tâm thứ sáu, Tâm Bồ-đề thứ sáu - Hiện tiền địa; Phát Tâm thứ sáu (tt), Phủ định sinh từ cả hai (tha sinh, tự sinh); Thành lập không có Nhân Ngã (nhân vô ngã); Liệt kê Tánh không (Tánh không);

Phát Tâm thứ bảy, Viên hành địa; Phát Tâm thứ tám, Bất động địa; Phát Tâm thứ chín, Thiện huệ địa; Phát Tâm thứ mười, Pháp vân địa. (<https://quangduc.com>, *Luận-Luận tạng Bắc truyền*)

1.616. NHẤT NGUYÊN LUẬN (Thể Cách Tri Nhận Tánh Không)

Tác giả: *Phổ Nguyệt*

Tác phẩm Luận này gồm có 6 phần: *I. Dẫn nhập*, *II. Tánh không*, A. Tánh không và duyên khởi hay thực tại giả lập, 1. Duyên khởi từ vật chất, 2. Duyên khởi từ vật chất đến phi vật chất: a. Cảm giác, b. Ý thức, c. Cảm xúc, d. Hành động, e. Tưởng, f. Thức; B. Tánh không và giả danh hay thực tại tùy thuộc; *III. Chuyên thức thành trí*, A. Tâm thức không có thật, B. Nhị nguyên tính, C. Chuyên thức thành trí, 1. Nhất nguyên tương đối, 2. Năng sở song vong; *IV. Từ Nhất nguyên luận tới Thực tại tuyệt đối*, A. Nhất nguyên tuyệt đối, B. Thực tại tuyệt đối hay chân lý tối hậu: vô thời không, 1. Không gian, 2. Thời gian, C. Ví dụ, 1. Trung đạo hay Tánh giác, 2. Pháp môn bất khả tư nghì, D. Các loại trí, 1. Trí phân tích, 2. Trí phân biệt, 3. Trí vô phân biệt, E. Truyện nàng Bhadda; *V. Phương cách thể hiện thực tại*, A. Rèn luyện thân xác, 1. Ăn uống, 2. Hoạt động, B. Bồi dưỡng tình cảm, C. Trau dồi trí tuệ, 1. Đối với thế tục, 2. Đối với tu sĩ, a. Tri nhận thực tại, b. Thể hiện thực tại, b.1 Pháp niệm Phật, b.2 Pháp niệm Phật bằng ba tự tánh, b.3 Pháp niệm chú, b.4 Pháp thiền; *VI. Kết luận*.

(www.tuvienquangduc.com.au/ *Luận*)

1.617. NHIẾP LUẬN

Dịch và giải:

HT. Thích Trí Quang (1923-2019)

Nxb Tp. Hồ Chí Minh – 1994

Luận có khổ 13 x 19cm, dày 359 trang, bìa mềm, chữ tựa màu trắng, có hình Bò-tát Quán Thế Âm (bán thân).

Nội dung gồm có: Phần đầu, Cương yếu, có 4 chương. C.1: Nói cương yếu của Đại thừa, C.2 Nói Đại thừa là thù thắng, C.3 Nói Đại thừa là Phật thuyết, C.4 Nói tổng quát cả Đại thừa;

Tiết mục 1: Căn cứ của các Pháp Sở tri, C.1 Xác lập A-lại-da bằng giáo lý, có 2 tiết: Tiết 1: Giải thích danh xưng để chứng minh về A-lại-da, có 3 mục: Mục 1: Danh xưng A-lại-da; Mục 2: Danh xưng A-đà-na; Mục 3: Danh xưng tâm, có 2 đoạn: Đoạn 1: Giải thích trước về Ý, Đoạn 2: Giải thích về Tâm; Mục 4: Các danh xưng khác trong Tiểu thừa; Mục 5: Lời kết; Tiết 2: Ngăn chặn sự giải thích khác đi; C.2 Xác lập A-lại-da bằng lý luận, có 4 tiết: Tiết 1: Xác lập đặc tính của A-lại-da, có 6 mục: Mục 1: Nói về 3 đặc tính, Mục 2: Nói về sự huân tập, Mục 3: Nói A-lại-da với chủng tử là đồng nhất hay biệt lập, Mục 4: Nói A-lại-da với các pháp làm nhân duyên cho nhau, Mục 5: Nói A-lại-da là nhân của các pháp đa dạng, Mục 6: Nói đạo lý Duyên khởi sâu xa của Đại thừa, có 3 đoạn: Đoạn 1: Nói về 2 loại Duyên khởi, Đoạn 2: Nói về Chủng tử, Đoạn 3: Qui nạp theo 2 Thức và 4 Duyên; Tiết 2: Xác lập A-lại-da là căn cứ của nhiễm tịnh, Mục 1: Nói tổng quát, Mục 2: Nói phiền não tạp nhiễm phi A-lại-da thì bất thành, có 3 đoạn: Đoạn 1: Nói chuyên thức huân tập phiền não bất thành, Đoạn 2: Nói ly dục thoái xuống phiền não bất thành, Đoạn 3: Nói thức đối trị sinh phiền não bất thành, Mục 3: Nói Nghiệp tạp nhiễm phi A-lại-da thì bất thành, Mục 4: Nói Sinh tạp nhiễm phi A-lại-da thì bất thành, có 2 đoạn: Đoạn 1: Nói khi sinh, có 4 thứ: Thứ 1. Nói dục giới, có 4 số: Số 1. Nói kiết sinh liên tục bất thành, Số 2. Nói chấp thọ Căn thân bất

thành, Số 3. Nói Thức với Danh sắc dựa nhau bất thành, Số 4. Nói Thức thực bất thành; Thứ 2: Nói Sắc giới và Vô sắc giới, có 3 số: Số 1. Nói chủng tử của Tâm diệt sinh bất thành, Số 2. Nói chủng tử của thiện tâm ô nhiễm bất thành, Số 3. Nói Di thực của Tâm xuất thế bất thành, Đoạn 2: Nói khi chết, Mục 5: Nói thanh tịnh của thể gian phi A-lại-da thì bất thành, Mục 6: Nói thanh tịnh của xuất thế phi A-lại-da thì bất thành, có 2 đoạn: Đoạn 1: Nói cái Tâm xuất thế, có 2 thứ: Thứ 1. Nói sự văn huân tập phi A-lại-da thì bất thành, Thứ 2. Nói sự văn huân tập, có 4 số: Số 1. Nói về nhân, Số 2. Nói về sở y, Số 3. Nói về phẩm loại, Số 4. Nói về Thể tánh và Tác dụng; Đoạn 2: Nói cái Thức diệt định, có 2 thứ: Thứ 1. Nói cái Thức diệt định phi A-lại-da thì bất thành, Thứ 2. Nói Sắc với Tâm vô gián phát sinh làm chủng tử cũng bất thành, Mục 7: Kết luận xác lập A-lại-da, Mục 8: Nói riêng chuyển y phi A-lại-da thì bất thành, Tiết 3: Xác lập các dạng của A-lại-da, có 3 mục: Mục 1: Tổng quát nêu lên, Mục 2: Nói 3 sự sai biệt, Mục 3: Nói 4 sự sai biệt, có 3 đoạn: Đoạn 1: Tổng quát nêu lên, Đoạn 2: Nói dẫn phát sai biệt, Di thực sai biệt và Duyên tướng sai biệt, Đoạn 3: Nói tướng mạo sai biệt, có 6 thứ: Thứ 1. Tổng quát nêu lên, Thứ 2. Nói các dạng chung với riêng và không cảm giác với có cảm giác, Thứ 3. Nói các dạng nặng với nhẹ, Thứ 4. Nói các dạng hết với còn, Thứ 5. Nói các dạng ví dụ, Thứ 6. Nói các dạng còn đủ với không đủ, Tiết 4: Nói tính chất vô phú-vô ký của A-lại-da;

Tiết mục 2: Sắc thái của các pháp Sở tri,
C.1 Nói về thể tướng của 3 tướng, có 2 tiết: Tiết 1: Lược giải 3 tướng, có 4 mục: Mục 1: Tổng quát nêu lên, Mục 2: Lược giải Y-tha, Mục 3: Lược giải Biên kế, Mục 4: Lược giải Viên thành; Tiết 2: Xác lập

rộng rãi về nghĩa Duy thức, có 3 mục: Mục 1: Nói các pháp không thật mà xác lập Duy thức, có 2 đoạn: Đoạn 1: Lặp lại 11 thức để thống nhiếp các pháp, Đoạn 2: Biện minh Duy thức không thật, có 3 thứ: Thứ 1. Biểu thị bằng ví dụ, Thứ 2. Tỷ tri bằng giáo lý, Thứ 3. Giải thích gạn hỏi, có 4 số: Số 1. Nghi về Sắc thì không phải Duy thức, Số 2. Nghi về sắc kiên trú liên tục, Số 3. Nghi về sự hóa hợp của các Thức, Số 4. Nghi về sự biểu hiện sai biệt; Mục 2: Nói 3 tướng mà xác lập Duy thức, có 2 đoạn: Đoạn 1: Căn cứ Năng Sở của chuyển Thức mà xác lập Duy thức, có 2 thứ: Thứ 1. Đa Thức luận, Thứ 2. Ý Thức luận, có 2 số: Số 1. Lấy 1 ý thức mà xác lập Duy thức, Số 2. Dẫn Kinh làm chứng cho sự xác lập ấy, Đoạn 2: Căn cứ tương kiến của Bản thức mà xác lập Duy thức, Mục 3: Nói 4 Trí mà xác lập Duy thức, C.2 Giải thích danh nghĩa của 3 tướng, có 2 tiết: Tiết 1: Giải thích 3 tướng, Tiết 2: Giải thích riêng Biên kế, C.3 Nói về sự đồng dị của 3 tướng, C.4 Nói về phẩm loại của 3 tướng, Tiết 1: Nói chung phẩm loại của 3 tướng, Tiết 2: Nói riêng phẩm loại của Biên kế, Tiết 3: Lược nói 10 thứ phân biệt, C.5 Giải thích sự gạn hỏi về 3 tướng, Tiết 1: Mặt khác không khác, Tiết 2: Tên không xứng thể, Tiết 3: Y-tha toàn không, C.6 Thông thích Khế Kinh về 3 tướng, Tiết 1: Căn cứ 3 tướng mà thông thích Khế Kinh Đại thừa, Mục 1: Thông thích Phương quảng Đại thừa, Đoạn 1: Giải thích 3 tướng, Đoạn 2: Nói 8 dụ Y-tha, Mục 2: Thông thích Kinh Phạm vấn, Mục 3: Thông thích Kinh Đại thừa A-tì-đạt-ma, Mục 4: Thông thích các Kinh khác, Đoạn 1: Trường hàng, Đoạn 2: Chính cú, Tiết 2: Căn cứ 4 ý thú và 4 bí mật mà lý giải mọi Phật ngôn, Tiết 3: Do 3 tướng mà giải thích Đại thừa: Mục 1: Do nói về Duyên

khởi, Mục 2: Do nói về Duyên sinh, Mục 3: Do nói về ngữ nghĩa;

Tiết mục 3: Ngộ nhập các pháp Sở tri, C.1 Nói bằng tản văn, Tiết 1: chủ yếu ngộ nhập, Tiết 2: Tư cách ngộ nhập, Tiết 3: Địa vị ngộ nhập, Tiết 4: Yếu tố ngộ nhập, Mục 1: Nói 3 sự luyện mài, Mục 2: Nói 4 sự phải bỏ, Tiết 5: Quán trí ngộ nhập, Tiết 6: Chủ đề ngộ nhập, Tiết 7: Ngộ nhập Sở tri, Tiết 8: Ích lợi ngộ nhập, Tiết 9: Lịch trình ngộ nhập, Tiết 10: Địa vị tu đạo, Tiết 11: Hiện quán khác nhau, C.2 Nói bằng chính tu, Tiết 1: Chính cú tự làm, Tiết 2: Chính cú dẫn luận phân biệt Du-già, Tiết 3: Chính cú dẫn luận Đại thừa Trang nghiêm Kinh;

Tiết mục 4: Nhân quả của sự ngộ nhập ấy, C.1 Tổng minh nhân quả, C.2 Phân tích 10 mục, Tiết 1: Nói bằng tản văn, Mục 1: Nói về số mục, Mục 2: Nói về sắc thái, Đoạn 1: Nói 6 thứ tối thắng, Đoạn 2: Nói 4 câu phân biệt, Mục 3: Nói về thứ tự, Mục 4: Nói về Danh từ, Mục 5: Nói về tu tập, Đoạn 1: Nói chung 5 sự tu tập, Đoạn 2: Nói riêng sự tu tập tác ý, Mục 6: Nói về chi tiết, Mục 7: Nói về thông nhiếp, Mục 8: Nói về sở tri, Mục 9: Nói về lợi ích, Mục 10: Nói về quyết trạch, Tiết 2: Kết bằng chính cú;

Tiết mục 5: Sự tu tập về nhân quả ấy, C.1 Thiết lập 10 địa, C.2 Danh nghĩa 10 địa, C.3 Nói về thủ đắc, C.4 Nói về tu tập, Tiết 1: Tu chỉ quán, Tiết 2: Tu 10 độ, C.5 Nói về thì gian, Tiết 1: Nói bằng tản văn, Tiết 2: Nói bằng chính cú;

Tiết mục 6: Giới tăng thượng của sự tu tập, C.1 Nói về xuất xứ, C.2 Nói về 4 thù thắng, Tiết 1: Chi tiết thù thắng, Tiết 2: Chung với không chung thù thắng, Tiết 3: Rộng lớn thù thắng, Tiết 4: Sâu xa thù thắng, C.3 Kết chỉ Kinh khác;

Tiết mục 7: Định tăng thượng của sự tu tập, C.1 Nêu lên chi tiết, C.2 Biện giải chi

tiết, Tiết 1: Đôi tượng, Tiết 2: Chung loại, Tiết 3: Đối trị, Tiết 4: Năng lực, Tiết 5: Dẫn ra, Tiết 6: Việc làm, Mục 1: Làm thần thông, Mục 2: Làm việc khó, Đoạn 1: Nói 10 việc khó, Đoạn 2: Nói riêng việc khó thứ 8 là hiểu-khó hiểu, Thứ 1. Nói qua sự giải thích 6 độ, Thứ 2. Nói qua sự giải thích 10 ác, Thứ 3. Nói qua sự giải thích pháp Phật sâu xa, Mục 3: Làm 4 việc;

Tiết mục 8: Tuệ tăng thượng của sự tu tập, C.1 Nói về Tuệ tăng thượng, Tiết 1: Nói sắc thái, Mục 1: Nêu lên, Mục 2: Giải thích, Đoạn 1: Giải thích tự tánh, Đoạn 2: Giải thích 16 chi tiết, Thứ 1. Tự tánh, Thứ 2. Sở y, Thứ 3. Nhân duyên, Thứ 4. Sở duyên, Thứ 5. Hành tướng, Thứ 6. Nhiệm trì, Thứ 7. Trợ bạn, Thứ 8. Dị thực, Thứ 9. Đăng lưu, Thứ 10. Xuất ly, Thứ 11. Cứu cánh, Thứ 12. Thắng lợi, Thứ 13. Sai biệt, Thứ 14. Thí dụ, Thứ 15. Tác sự, Thứ 16. Thâm thâm; Tiết 2: Nói chi tiết, Tiết 3: Dẫn kệ Kinh, Mục 1: Dẫn Kinh Đại thừa A-tỳ-đạt-ma nói về không phải thật, Mục 2: Dẫn Kinh Bát-nhã Ba-la-mật-đa nói về không phải chỗ, Tiết 4: Nói thù thắng, C.2 Giải nghi về 3 tăng thượng;

Tiết mục 9: Đoạn đức của sự tu tập, C.1 Nói bằng tản văn, Tiết 1: Nói thể tướng, Tiết 2: Nói chi tiết, Mục 1: Nói chi tiết, Mục 2: Nói mất được, C.2 Nói bằng chính cú, Tiết 1: Nói về chuyển y giải thoát, Tiết 2: Nói về Niết-bàn vô trú;

Tiết mục 10: Trí đức của sự tu tập, C.1 Nói thể tánh, C.2 Phân tích 10 chi tiết, Tiết 1: Tổng tiêu, Tiết 2: Giải thích, Mục 1: Tướng, Đoạn 1: Chuyển y, Đoạn 2: Bạch pháp thành tựu, Đoạn 3: Vô nhị, Đoạn 4: Thường trú, Đoạn 5: Bất khả tư nghị, Mục 2: Chứng đắc, Mục 3: Tự tại, Mục 4: Y chỉ, Mục 5: Nhiếp trì, Mục 6: Sai biệt, Mục 7: Đức, Đoạn 1. Nói các đức, Đoạn 2. Nói 6 đức, Mục 8: Sâu xa, Mục 9: Niệm, Đoạn 1: Nói về niệm Phật, Đoạn 2: Nói về

Tịnh độ, Mục 10: Nghiệp, C.3 Giải thích gạn hỏi, Tiết 1: Về Nhất thừa, Tiết 2: Về đồng thời có nhiều Phật, Tiết 3: Về Niết-bàn không Niết-bàn, Tiết 4: Về Thọ dụng thân không phải Tự tánh thân, Tiết 5: Về Biến hóa thân không phải Tự tánh thân, Tiết 6: Về 2 thân là thường, Tiết 7: Về Biến hóa thân không phải thường trú, Tiết 8: Về thành Phật là phải có dụng công.

1.618. NHON MINH LUẬN

Tác giả: *Trần Na Bồ-tát*

Viết dịch: *Thích Thiện Hoa (1918-1973)*

Hương Đạo xuất bản (in lần thứ hai) – 1962

Sách có 47 trang, bìa mềm, nền trắng, chữ tựa màu đỏ. Nội dung gồm có: Lời tựa, *Nhon Minh Luận* có 3 phần Tôn-Nhon-Dụ; *Tợ Tôn* có 9 lỗi, 1. Hiện lượng tương vi, 2. Tỷ lượng tương vi, 3. Tự giáo tương vi, 4. Thế gian tương vi, 5. Tự ngữ tương vi, 6. Năng biệt bất cực thành, 7. Sở biệt bất cực thành, 8. Câu bất cực thành, 9. Tương phù cực thành; *Tợ Nhon* có 14 lỗi, *phân làm 3 phần*, I. Bất thành có 4 lỗi, 1. Lưỡng câu bất thành, 2. Tùy nhứt bất thành, 3. Dụ dự bất thành, 4. Sở y bất thành, II. Bất định có 6 lỗi, 1. Cộng bất định, 2. Bất cộng bất định, 3. Đồng phẩm nhứt phần chuyên, Dị phẩm chuyên biến bất định, 4. Dị phẩm nhứt phần chuyên, Đồng phẩm biến chuyên bất định, 5. Câu phẩm nhứt phần chuyên bất định, 6. Tương vi quyết định bất định; III. Tương vi có 4 lỗi, 1. Pháp tự tương tương vi, 2. Pháp sai biệt tương vi, 3. Hữu pháp tự tương tương vi, 4. Hữu pháp sai biệt tương vi; *Tợ Dụ* có 10 lỗi, *phân làm 2 phần*: I. Tợ đồng Dụ có 5 lỗi, 1. Năng lập pháp bất thành, 2. Sở lập pháp bất thành, 3. Câu bất thành, 4. Vô hiệp, 5. Đảo hiệp; II. Tợ dị Dụ có 5 lỗi, 1. Sở lập pháp bất khiên, 2. Năng lập pháp bất khiên, 3. Câu bất khiên,

4. Bất ly, 5. Đảo ly; *Nhon Minh luận* Cương yếu.

P

1.619.

PHÁP HOA YẾU NGHĨA LUẬN

Luận giải: *Son Nhân*

Nxb Hồng Đức – 2019

Sách có khổ 14.5 x 20.5cm, có 370 trang, bìa mềm. Toàn bộ tác phẩm luận yếu nghĩa về 28 phẩm kinh Diệu Pháp Liên Hoa: 1. Phẩm tựa yếu nghĩa, 2. Phẩm Phương tiện yếu nghĩa, 3. Phẩm Thí dụ yếu nghĩa, 4. Phẩm Tín giải yếu nghĩa, 5. Phẩm Dược thảo dụ yếu nghĩa, 6. Phẩm Thọ ký yếu nghĩa, 7. Phẩm Hóa thành dụ yếu nghĩa, 8. Phẩm Ngũ bá đệ tử thọ ký yếu nghĩa, 9. Phẩm Thọ học vô học nhơn ký yếu nghĩa, 10. Phẩm Pháp sư yếu nghĩa, 11. Phẩm Hiện bửu tháp yếu nghĩa, 12. Phẩm Đè-bà-đạt-đa yếu nghĩa, 13. Phẩm Trì yếu nghĩa, 14. Phẩm An lạc hạnh yếu nghĩa, 15. Phẩm Tùng địa dũng xuất yếu nghĩa, 16. Phẩm Như Lai thọ lượng yếu nghĩa, 17. Phẩm Phân biệt công đức yếu nghĩa, 18. Phẩm Tùy hỷ công đức yếu nghĩa, 19. Phẩm Pháp sư pháp sư công đức yếu nghĩa, 20. Phẩm Thường bất khinh yếu nghĩa, 21. Phẩm Như Lai thần lực yếu nghĩa, 22. Phẩm Chúc lụy yếu nghĩa, 23. Phẩm Dược vương Bồ-tát bốn sự yếu nghĩa, 24. Phẩm Diệu Âm Bồ-tát yếu nghĩa, 25. Phẩm Quán Thế Âm Bồ-tát yếu nghĩa, 26. Phẩm Đà-la-ni yếu nghĩa, 27. Phẩm Diệu Trang Nghiêm vương bốn sự yếu nghĩa, 28. Phẩm Phổ Hiền khuyến phát yếu nghĩa.

1.620. Pháp Tướng Tông – DUY THỨC TAM THẬP TỤNG

Nguyên tác:

Bô-tát Thế Thân (Vasubandhu)

Giảng giải: *Cư sĩ Vu-lăng-ba*

Việt dịch: *Cư sĩ Lê Hồng Sơn*

Nxb Hồng Đức – 2013. Sách có khổ 13 x 20.5cm, dày 237 trang, bìa mềm.

Toàn bộ tác phẩm này gồm có 12 chương: *Chương 1*, Tổng quan Duy Thức Tông; *Chương 2*, Phân đoạn đại cương Tam Thập Tụng; *Chương 3*, Khái niệm Cơ bản của Duy Thức Học; *Chương 4*, Thức biến: Tám thức, Tam năng biến; *Chương 5*, Thức thứ Tám: Di Thức năng biến; *Chương 6*, Tư lương năng biến – Thức thứ Bảy; *Chương 7*, Năng biến Liễu cảnh – Thức thứ Sáu; *Chương 8*, Tâm vương – Tâm Sở Tương ưng với sáu thức trước; *Chương 9*, Giải thích chính xác về Duy thức và giải đáp những vấn nạn; *Chương 10*, Giải đáp những vấn nạn trái với giáo lý: Ba Tự tánh và Ba Vô tánh; *Chương 11*, Minh Duy Thức tánh: Chân Như; *Chương 12*, Nói rõ về Duy thức vị và Tu tập Duy thức vị.

1.621. PHÁT BỒ-ĐỀ TÂM LUẬN

Dịch giả:

Thích Nguyên Ngôn (1938-2005)

Nxb Tôn Giáo – 2005

Toàn bộ tác phẩm Luận này gồm có 12 phẩm: - Lời giới thiệu; P.1 Khuyến phát tâm, P.2 Phát Bồ-đề tâm luận, P.3 Thệ nguyện, P.4 Đàn-na Ba-la-mật, P.5 Giới Ba-la-mật, P.6 Nhẫn nhục Ba-la-mật, P.7 Tinh tấn Ba-la-mật, P.8 Thiền định Ba-la-mật, P.9 Bát-nhã Ba-la-mật, P.10 Như thật pháp môn, P.11 Không-vô tướng, P.12 Công đức trì; - Lời bạt.

1.622. PHẬT GIÁO KHÁI LUẬN

Tác giả: *Mật Thế*

Nxb Minh Đức – 1971

Sách có khổ 12.5 x 18.5cm, dày 220 trang, bìa mềm, có tay gấp. Tác phẩm này gồm có: Lời giới thiệu, Lời tựa, Vài nét về Thiền sư Thích Mật Thế (1913-1961); 1. Tổng thuyết, 2. Câu-xá tôn, 3. Thành Thật tôn, 4. Luật tôn, 5. Pháp Tướng tôn, 6. Tam Luận tôn, 7. Thiên Thai tôn, 8. Mật tôn, 9. Hoa Nghiêm tôn, 10. Thiên tôn, 11. Tịnh độ tôn, 12. Lời sau cùng.

Tác phẩm này được tái bản năm 2004, Nxb Tôn Giáo.

1.623. PHẬT HỌC KHÁI LUẬN

Tác giả: *Thích Chơn Thiện (1942-2016)*

Nxb Tp. Hồ Chí Minh – 1999

Sách có khổ 14.5 x 20.5cm, dày 521 trang, bìa mềm, chữ tựa màu cam vàng, có hình đầu Đức Phật và hoa sen.

Toàn bộ tác phẩm này gồm có 3 chương: - Lời giới thiệu; *C. I Phật bảo*: 1. Lược sử Đức Phật, 2. Đức Phật trong Nam tạng và Bắc tạng, 3. Đức tướng và đức tánh của Thế Tôn, 4. Tuệ giác của Thế Tôn, 5. Phật-Niết-bàn-Thành đạo, 6. Các tinh thần giáo dục của Thế Tôn và sự liên hệ giữa Ngài với các hàng đệ tử, chư Thiên, Ác ma và ngoại đạo; *C.II Pháp bảo*: 1. Duyên khởi và vô ngã, 2. Ngũ uẩn và vô ngã, 3. Tứ Thánh đế, 4. Nhân quả, 5. Nghiệp và nghiệp báo, 6. Luân hồi, 7. Sáu giới-Mười hai xứ-Mười tám giới, 8. Giới học, 9. Bát Thánh đạo, 10. Thất giác chi, 11. Ngũ căn và ngũ lực, 12. Tứ như ý túc, 13. Tứ chánh cần, 14. Tứ niệm xứ, 15. Chánh và tà pháp-Thiện và bất thiện-Thuyết pháp-Nghe pháp-Sống theo pháp và hành theo pháp; *C.III Tăng bảo*: 1. Đời sống của chư Tăng, 2. Liên hệ giữa chư Tăng và cư sĩ, 3. Quả vị Sa-môn, 4. Ngũ minh.

Tác phẩm này được tái bản nhiều lần: Năm 1993, Ban Giáo dục Tăng Ni TU. GHPGVN ấn hành; năm 1997, Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam ấn hành; năm 1999, Nxb Tp. Hồ Chí Minh; Nxb Phương Đông; năm 2006, Nxb Văn hóa – Sài Gòn; năm 2009, Nxb Phương Đông; năm 2016, Nxb Hồng Đức; năm 2018, Nxb Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh.

1.624. PHẬT NÓI LUẬN A-TỀ-ĐÀM VỀ VIỆC THÀNH LẬP THẾ GIỚI

ĐCTTĐTK, Q. 32, thuộc Luận tập Bộ toàn, Ks. 1644.

Hán dịch: *Tam tạng Chơn Đế*

Việt dịch (2005):

Sa-môn Thích Như Điển

Hội Giáo dục Từ thiện Sariputra ấn tống PL. 2549 – DL. 2006

(Sariputra Educational Charity Foundation)

Sách dày có 286 trang, kết cấu gồm có 10 quyển, 25 phẩm. Nội dung như sau: Q.I, P.1 Địa động, P.2 Nam Diêm-phù-đề, P.3 Sáu nước lớn, P.4 Thần Dạ-xoa; Q.II, P.5 Lậu-xà-kỳ-lợi tượng vương, P.6 Tứ thiên hạ, P.7 Số lượng, P.8 Thiên trụ xứ; Q.III, P.9 Vườn hoa hỷ, P.10 Xe trong vườn, P.11 Vườn ác khẩu, P.12 Vườn lẫn lộn, P.13 Vườn Ba-lợi-dạ-đa; Q.IV, P.14 Thành Đề-đâu-lại-tra, P.15 Thành Tỳ-lưu-lặc-xa, P.16 Thành Tỳ-lưu-bát-xoa, P.17 Thành Tỳ-sa-môn; Q.V, P.18 Thiên và phi thiên chiến đấu với nhau, P.19 Nhứt nguyệt hành; Q.VI, P.20 Vì sao; Q.VII, P.21 Thọ sanh, P.22 Thọ lượng; Q.VIII, P.23 Địa ngục, P. Tiệt sanh địa ngục (1)- Cứu cánh địa ngục Hắc thằng (2), Hắc thằng địa ngục phạm cứu cánh, P. Tụ khái địa ngục (3), P. Địa ngục khiếu hoán (4), P. Địa ngục đại khiếu hoán (5), P. Địa ngục thiêu chín (6), P. Địa ngục đại thiêu chín (7), P. A-tỳ-chỉ địa ngục (8), P.

Vườn ngoài ngăn cách địa ngục (9), P. Địa ngục Diêm-la (10); Q.IX, P.24 Tiểu tam tai và bệnh tật (1), P. Tiểu tam tai về đao binh (2), P. Tiểu tam tai về đói khát; Q.X, Đại tam tai-P.25 Hỏa tai.

1.625. PHẬT PHÁP KHÁI LUẬN

Tác giả: *Án Thuận*

Biên dịch:

Thích Phúc Tuệ - Thích Thanh Ninh

Nxb Văn hóa-Thông tin – 2011

Sách có khổ 14.5 x 20.5cm, dày hơn 286 trang, bìa mềm. Nội dung gồm có 20 chương chính: Đề tựa, Lời giới thiệu, Bài Bạt bản tiếng Việt của cuốn “Phật Pháp Khái Luận”, Mục lục, Lời tựa, Chương mở đầu; C.1 Pháp với người giác ngộ đầu tiên và người phụng hành, C.2 Giáo pháp, C.3 Hữu tình-Phật pháp lấy loài người làm gốc, C.4 Hữu tình và thân tâm hữu tình, C.5 Sự tiếp nối và sinh mới của hữu tình, C.6 Cái căn bản về luân hồi sinh tử của hữu tình, C.7 Về nghiệp lực luân hồi của hữu tình, C.8 Tâm lý quán của Phật pháp, C.9 Thế gian của chúng ta, C.10 Ngã luận Nhân thuyết Nhân, C.11 Duyên khởi pháp, C.12 Sự thống nhất Ba lý tính lớn, C.13 Bàn chung về Trung đạo, C.14 Yếu tố tâm trong đức hạnh và nguyên tắc thực thi, C.15 Tín đồ trong Phật pháp, C.16 Đức hạnh của hàng tín đồ tại gia, C.17 Đức hạnh của hàng tín đồ xuất gia, C.18 Khảo sát Giới-Định-Tuệ, C.19 Đức hạnh của bậc Bồ-tát, C.20 Chính giác và Giải thoát.

1.626. PHẬT TÂM LUẬN

Tác giả:

Một Thiền sư Việt Nam (khuyết danh)

Dịch giả: *Thích Phước Hảo (1930-2014)*

Tu viện Chơn Không ấn hành năm 1974

Sách có khổ 14 x 19cm, có 156 trang, bìa mềm. Nội dung quyển luận này, nhằm muốn cho chúng ta nhận ra Đức Phật sẵn

có ở tự tâm của mỗi người, hướng về Đức Phật ấy mà tu tập để thấy Phật tánh.

Bản Luận này được tái bản nhiều lần: Năm 1991, Thiền viện Thường Chiếu ấn hành; năm 2006, Nxb Tôn Giáo; năm 2014, Nxb Phương Đông.

1.627. PHẬT THỪA TÔNG YẾU LUẬN (Hiện đại Phật giáo Khái luận)

Tác giả: *Đại sư Thái Hư (1889-1947)*

Việt dịch: *Thích Thiện Hạnh*

PL. 2556 – DL. 2012. Tác phẩm Luận này dày 210 trang (Pdf), gồm có: - Lời giới thiệu; *A. Tựa* (1. Hệ thống quan của Phật giáo, 2. Quan niệm tự lợi, lợi tha, 3. Phật giáo là nhu yếu của nhân tâm, 4. Phật giáo với các vấn đề trọng đại tuyệt đối); *B. Nội dung chính* (Chánh tông), *I. Phật giáo thuần chánh*: C.1 Các phân phái trong Phật giáo thuần túy, C.2 Tiểu thừa Phật giáo, C.3 Đại thừa Phật giáo, C.4 Sự quan hệ giữa Tiểu thừa và Đại thừa; *II. Phật giáo ứng dụng*: C.1 Bình phẩm về các tôn giáo, Học phái thế giới, C.2 Sự quan hệ giữa Phật giáo và người đời, C.3 Sự quan hệ giữa Phật giáo và nhân dân Trung Hoa, C.4 Sự lưu truyền Phật pháp ở thế gian hiện tại và tương lai; *C. Kết luận* (Lưu thông). 1. Quy y, 2. Hồi hướng; *D. Phụ lục*: - Sơ lược hành trạng Đại sư Thái Hư (1889-1947); - Lời tri ân. (<https://thuvienhoasen.org>, *Luận*)

Q

1.628.

QUÁN THẾ ÂM BỒ-TÁT TÍN LUẬN

Sanskrit: *Avalokiteshvara*; Tìbetain:

Spyan-ras-gzigs

Tác giả: *Hải Tín cư sĩ*

Phật học (Sài Gòn) – 1965

Sách dày hơn 308 trang, bìa mềm. Nội dung gồm có 3 phần: Lời giới thiệu, Tựa, Duyên khởi, *Phần I. Kiến Đạo phận*, C.I Tìm nguồn gốc khổ, C.II Thấy biết chơn chánh, 1. Sự thật về cái chết thân thể, 2. Nguồn gốc của thân thể, 3. Đời sống của “cái ta” là bất diệt, 4. Thời gian sống của một thân thể, 5. Quan niệm về thế giới, 6. Nguyên nhân của tư tưởng, 7. Sự chuyển tiếp giữa mầm tưởng và tư tưởng, 8. Nhiều mầm tưởng mà sanh một lần một thân, 9. Người lành còn sanh ác và người ác còn sanh lành, 10. Bản chất của cái Ta với cái tư tưởng đầu tiên, 11. Cái Ta, 12. Quan niệm về nghĩa linh hồn, 13. Quan niệm về cái Tâm, 14. Trọng tâm của Đạo Phật, 15. Tu Phật, 16. Minh chứng luật Nhân quả, 17. Tu để biết đời sau của mình; *Phần II. Pháp Đạo phận*, C.I Thông thường luận giải, 1. Nguồn gốc của Pháp, 2. Danh từ Quán Thế Âm Bồ-tát, 3. Mục đích tổng quát của pháp, 4. Sự tạo hình tượng và thờ lạy, 5. Công phu, 6. Đắc an lạc, 7. Phân biệt thiện ác, 8. Tánh bình đẳng, 9. Chương ngại ngăn cản thật hành điều lành, 10. Sức mạnh của pháp, 11. Hạnh phúc ở nơi đâu? 12. Tu vì chúng sanh, 13. Kiểm soát tư tưởng, 14. Trọng tâm của pháp, 15. Lực âm thanh Quán Thế Âm Bồ-tát, 16. Không phải là pháp ý lại bên ngoài, 17. Nghi lễ Quán Thế Âm Bồ-tát là một đáng thần linh cũng vô hại, 18. Yếu tố của

đức tin, 19. Làm nghề ác cũng có thể tu pháp Quán Thế Âm Bồ-tát, 20. Không bỏ các dục lạc ở đời, 21. Sống lâu vô lượng, 22. Sự trai lạt, 23. Giải thoát sân hận, 24. Hết các sự lo sợ, 25. Phật trí, 26. Tài biện luận, 27. Nhẫn nhục, 28. Lòng nhân từ, 29. Ổn định tinh thần, 30. Tiền của, 31. So sánh pháp thiền với pháp Quán Thế Âm Bồ-tát, 32. Đường lối tu hành, 33. Sự sanh hóa biến diệt của tư tưởng, 34. Tánh tướng của quả Phật, 35. Đắc pháp, 36. Niết-bàn;

C.II Kinh văn luận giải, 1. Quán Thế Âm Bồ-tát giải thoát các tánh đa sân hận, đa dâm dục và mê muội, 2. Tà quỷ không hại được người niệm Quán Thế Âm Bồ-tát và trở lại hại người sai chúng, 3. Niệm Quán Thế Âm Bồ-tát, gông xiềng gươm đao không làm hại đặng, 4. Niệm danh hiệu Quán Thế Âm Bồ-tát, vào lửa, lửa chẳng đốt cháy đặng, 5. Bị nước làm trôi, niệm Quán Thế Âm Bồ-tát, liền đặng chỗ cạn, 6. Niệm Quán Thế Âm Bồ-tát, quỷ không nhìn được, 7. Quán Thế Âm Bồ-tát, một thời nghe hết các tiếng để phân biệt cứu khổ, 8. Một người niệm Quán Thế Âm Bồ-tát, nhiều người được giải thoát, 9. Niệm Quán Thế Âm Bồ-tát giải thoát được các nạn oán tặc, 10. Lễ lạy cúng dường Quán Thế Âm Bồ-tát, sẽ sanh được con trai trí tuệ và con gái đoan chánh, 11. Lễ lạy Quán Thế Âm Bồ-tát, phước đức chẳng lường mất, 12. Thọ trì danh hiệu Quán Thế Âm Bồ-tát, phước đức bằng thọ trì danh hiệu của 62 ức hàng sa Bồ-tát, 13. Quán Thế Âm Bồ-tát dạo khắp cõi ta-bà, 14. Quán Thế Âm Bồ-tát diễn thuyết các pháp, 15. Quán Thế Âm Bồ-tát dùng phương tiện lực, 16. Quán Thế Âm Bồ-tát không hiện thân Bồ-tát, 17. Quán Thế Âm Bồ-tát hiện các thân thuyết pháp, 18. Vô Tận Ý Bồ-tát, 19. Vô Tận Ý Bồ-tát có râu chuỗi đá quý, 20. Vô Tận Ý Bồ-tát cúng dường râu chuỗi cho Quán Thế Âm Bồ-

tát, 21. Quán Thế Âm Bồ-tát không nhận râu chuỗi của Vô Tận Ý Bồ-tát, khi chưa có lời của Phật dạy, 22. Quán Thế Âm Bồ-tát chia râu chuỗi làm 2 phần: Một phần dùng cho đức Thích-ca Mâu-ni Phật, và một phần dùng cho đức Đa Bảo Phật tháp, 23. Quán Thế Âm Bồ-tát hầu nghìn đức Phật, 24. Quán Thế Âm Bồ-tát phát nguyện đại thanh tịnh, 25. Lực tác dụng của niệm tướng Quán Thế Âm Bồ-tát, 26. Hạnh nghiệp của pháp Quán Thế Âm Bồ-tát, 27. Quán Thế Âm Bồ-tát là đạo nghiệp tự tại, 28. Trì Địa Bồ-tát; C.III Tổng luận giải, 1. Làm thế nào mà biết được là pháp hay? 2. Là một pháp thờ lạy, nhưng tại sao quá chú trọng đến tâm tánh? 3. Quán Thế Âm Bồ-tát pháp độ sanh hay độ tử? 4. Lễ lạy là tăng cường lực của pháp, 5. Dùng tâm “không ta” hay “có ta” mà niệm danh hiệu Quán Thế Âm Bồ-tát? 6. Đã nhìn nhận có vô lượng chư Phật và Bồ-tát ở 10 phương, nhưng sao lại không cầu khẩn? 7. Quán Thế Âm Bồ-tát không phải là cái niệm tướng cầu may, 8. Lý do cầu nguyện hay là nghĩa “tha lực”, 9. Quán Thế Âm Bồ-tát chánh niệm, 10. Quán Thế Âm Bồ-tát là pháp cao trỗi như, 11. Quán Thế Âm Bồ-tát là một niệm cụ túc đức lành, 12. Tu tập pháp Quán Thế Âm Bồ-tát sẽ mau được thành Phật, 13. Thờ phượng, 14. Chơn-như duyên khởi, 15. Tạng tâm duyên khởi, 16. Phật lực duyên khởi; *Phần III. Cứu cánh Pháp phần*, 1. Trong lúc lâm chung, cần phải cầu sanh về Tây phương Cực Lạc Thế giới, 2. Pháp lực, 3. Cảnh Thế giới Tây phương Cực lạc là giả hay thật? Kết luận, Giải thích danh từ, Công đức pháp thí. (*Bản lưu tại Thư viện Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam tại Tp. Hồ Chí Minh; Mã sách: Vie 2503*)

S

1.629. SIÊU LÝ HỌC

Dịch giả:

Đại Trưởng lão Tịnh Sự (1913-1984)

Nxb Tổng Hợp Tp. Hồ Chí Minh – 2014.

Tác phẩm này có 212 trang, nội dung gồm: Vô tỷ pháp, Sở hữu pháp; Bài (B) 1. Sở hữu tợ tha phối hợp, B.2 Sở hữu bất thiện phối hợp, B.3 Sở hữu Tịnh hảo phối hợp; Tâm nhiếp, B.4 Tâm bất thiện nhiếp, B.5 Tâm vô nhân nhiếp, B.6 Tâm dục giới Tịnh hảo nhiếp, B.7 Tâm đạo đại nhiếp, B.8 Tâm siêu thế nhiếp; Sắc pháp (Rupa), B.9 Sắc pháp, B.10 Chia 2 sắc pháp, B.11 Nhân sanh sắc pháp, B.12 Phân bộn sắc pháp, B.13 Sắc pháp theo cõi tái tục, B.14 Niết-bàn & Đoàn tâm, B.15 Tên Tâm gồm đủ 121 thứ tâm, B.16 Chia tâm; Nhiếp (Sangaha), B.17 Thọ và Sự nhiếp (- Thọ nhiếp (Vedanasangaha), - Sự nhiếp (Kiccasangaha), B.18 Môn & Vật nhiếp, B.19 Nhân, Sở nhân và Cảnh nhiếp; Tương tập nhiếp, B.20 Bất thiện tương tập nhiếp (Tứ lậu, Tứ bạo (tứ bộc), Tứ phối, Tứ nhược, Tứ thủ, Lục cái, Thất tùy miên (theo Vô tỷ pháp), Thập triền (theo Kinh), Thập phiền não (theo Kinh); B.21 Hỗn tạp tương tập nhiếp (Lục nhân tương ưng, Thất chi thiên, Thập nhị đạo, Nhị thập nhị quyền, Cửu lục, Tứ trưởng, Tứ thực); B.22 Đăng giác tương tập nhiếp (Tứ niệm xứ, Tứ chánh cần, Tứ như ý túc (thần túc), Ngũ quyền, Ngũ lực, Thất giác chi, Bát chánh đạo); B.23 Hàm tận tương tập nhiếp (Chia uẩn, Chia thủ uẩn, Chia thập nhị xứ, Chia thập bát giới, Chia Tứ đế); Người và cõi, B.24 Ba mươi một cõi, B.25 Người có dạng mấy tâm-tâm sanh dạng mấy người, B.26 Cõi dạng mấy tâm-tâm dạng mấy

cõi; Lộ tâm, B.27 Lộ ngũ môn, B.28 Lộ ý môn, B.29 Lộ đặc thiên-đặc đạo (lộ kiên cố), B.30 Lộ nhập thiên hiệp thế và thiên cơ, B.31 Lộ viên tịch liên thiên-liên thông, B.32 Lộ phản kháng chi thiên, B.33 Sở hẹp và rộng; Lộ sắc, B.34 Lộ sắc (bảng 1, 2, 3, 4), B.35 Lộ sắc (bảng 5, 6, 7, 8, 9); Tâm dạng mấy cách-cách dạng mấy tâm, Đầu đề tam, B.36 Tam đề thiện, B.37 Tam đề thành do thủ, B.38 Tam đề pháp hỷ, B.39 Tam đề nhân sanh tử, B.40 Tam đề cảnh hy thiếu, B.41 Tam đề có đạo thành cảnh, B.42 Tam đề cảnh quá khứ; Đầu đề nhị, B.43 Phần tụ nhân, B.44 Nhị đề đỉnh, B.45 Phần chùm lậu, B.46 Phần tụ triền, B.47 Phần tụ (chùm) phược, B.48 Phần tụ (chùm) bộc, B.49 Phần tụ (chùm) phối, B.50 Phần tụ (chùm) cái, B.51 Phần tụ (chùm) khinh thị, B.52 Phần nhị đề đại, B.53 Phần tụ thù, B.54 Phần tụ (chùm) phiền não, B.55 Phần yêu bối; Nhị đề kinh, Duyên: Nhân duyên, Cảnh duyên, Cảnh trưởng duyên hay Cảnh tăng thượng duyên, Câu sanh trưởng duyên, Vật cảnh tiền sanh trưởng duyên, Vô gián duyên, Câu sanh duyên, Hồ tương duyên, Vật tiền sanh y duyên, Vật cảnh tiền sanh y duyên, Thường cận y duyên, Cảnh tiền sanh duyên, Hậu sanh duyên, Trùng dụng duyên, Câu sanh nghiệp duyên, Dị thời nghiệp duyên, Vô gián nghiệp duyên, Dị thực quả duyên, Sắc vật thực duyên, Cầu sanh quyền duyên, Tiền sanh quyền duyên, Sắc mạng quyền duyên, Thiên-na duyên, Đồ đạo duyên, Tương ưng duyên, Câu sanh bất tương duyên; Phần Duyên chia theo danh sắc, Phần Duyên theo thời, Chia Duyên theo mãnh lực, Chia Duyên theo cõi; Chi chám & cách đọc bảng nêu: Tâm, Sở hữu, Sắc pháp, Pháp, Chế định, Sở hữu phối hợp, Tâm nhiếp, Sự nhiếp, Môn nhiếp, Vật nhiếp, Thọ nhiếp, Sắc pháp, Sắc pháp chia 2, Nhơn sanh sắc

pháp, Phân bộn sắc pháp, Sắc pháp phản theo cội tái tục, Cách đặng mấy tâm-tâm đặng mấy cách, Nhân-sở hữu và cảnh nhiếp; Người và cội, Người xài đặng mấy tâm, Tâm sanh đặng mấy người, Cội đặng mấy tâm, Tâm đặng mấy cội; Lộ trình tâm, Tương tập nhiếp, Bất thiện tương tập nhiếp, Hồn tạp tương tập nhiếp, Đẳng giác tương tập nhiếp, Hàm tận tương tập nhiếp, Pháp tụ Đầu đề tam.

Tác phẩm này đã in Lưu hành nội bộ năm 1974; tái bản: Năm 2014, Nxb Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh, bộ sách giải về Siêu Lý Học này có 3 quyển, do Đại Trưởng lão Tịnh Sự soạn giải: 1. Bản giải Siêu Lý Tiểu Học, dày 355 trang; 2. Bản giải Siêu Lý Trung Học, dày 375 trang; 3. Bản giải Siêu Lý Cao Học, dày 248 trang, bìa mềm.

1.630. SIÊU LÝ HỌC

Biên soạn: Tỳ-kheo Giác Chánh
(*Bodhissammabhikkhu*)

Nxb Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh – 2006
Sách có khổ 14.5 x 20.5cm, dày 597 trang.
Nội dung gồm có: Lời nói đầu; Siêu Lý cương yếu (133 mục đề), Đầu đề nhị, Phần đề nhơn, Phần đề tiểu đỉnh, Phần đề lậu, Phần đề triền, Phần đề phược, Phần tụ bộc, Phần tụ phối, Phần tụ cái, Phần tụ khinh thị, Phần nhị đề đại đỉnh, Phần tụ thủ, Phần tụ phiền não, Nhị đề yêu bối, Nhị đề kinh, Duyên sinh, Duyên hệ, Tứ niệm xứ.

T

1.631. TAM LUẬN LƯỢC CHƯƠNG

Biên soạn: *Cát Tạng*

Viết dịch: *Đức Thuận-Đức Nghiêm*

Nội dung Luận này gồm có: - Nghĩa Nhị đế, - Nghĩa Nhị trí-nghĩa Bát-nhã, 1. Nhị trí, 2. Nghĩa Bát-nhã; Chân-ứng và Niết-bàn, 1. Nghĩa chân thân-ứng thân, 2. Nghĩa Niết-bàn; Chính pháp và Tượng pháp; Kim cang Tam-muội; Nghĩa Sinh không và Pháp không; Nghĩa hai chim Thường và Vô thường; Nghĩa Bán tự và Mãn tự; Nghĩa Phật tính.

(<https://phatphapungdung.com>; *Pháp bảo-Luận tạng*)

1.632. TAM LUẬN TOÀN TẬP

Tác giả: *Tổ Long Thọ (Nàgàrjuna)* và *Ngài Thánh Thiên (Arya Deva)*

Dịch từ Phạn sang Hán: *Curu-ma-la-thập (Kumàrajiva, 344-413)*

Viết dịch: *Sa-môn Thích Đức Nghiệp*

Nxb Tôn Giáo – 2002. Luận có khổ 14.5 x 20.5cm, có 427 trang. Tác phẩm Tam luận toàn tập gồm có ba bộ luận: *Trung luận*, *Thập nhị môn luận* của Bồ-tát Long Thọ và *Bách luận* của ngài Thánh Thiên. Tác phẩm *Trung luận* được phân thành 4 quyển, 27 phẩm. *Quyển thứ nhất*, nói về Nhân duyên, nhận xét (phá chấp) về: đi và đến, sáu giác quan, năm ấm, sáu đại, sự nhiễm dục và người nhiễm dục; *Quyển thứ hai*, nhận xét (phá chấp) về: ba tướng, người làm và việc làm, bản ngã, lửa cháy và nhiên liệu, bản thể đầu tiên, khổ, hành nghiệp, thành hợp; *Quyển thứ ba*, nhận xét (phá chấp) về: có và không, trói buộc và cởi mở, nghiệp quả, ngã, thời gian, nhân quả, thành và hoại; *Quyển thứ tư*, nhận xét

(phá chấp) về: Như Lai, điên đảo, sự thật (Tứ đế), Niết-bàn, 12 nhân duyên, tà kiến. Còn *Thập nhị môn luận* gồm có 12 phần. Nội dung nhận xét về 12 môn: nhân duyên, có quả - không quả, duyên, tướng trạng, có tướng và không có tướng, một và khác, có và không, tính, nhân quả, người làm (tác giả), ba thời nhân quả, sinh ra. Sau cùng là *Bách luận* gồm có 2 quyển, 10 phẩm. *Quyển thượng* (3 phẩm), nói về xả bỏ tội phúc, phá chấp thân ngã, phá chấp “một”; *Quyển hạ* (7 phẩm), phá chấp về: “khác”, căn (giác quan), đối tượng (trần cảnh), trong nhân có quả, trong nhân không có quả, thường, “không”.

1.633. TAM PHÁP ĐỘ LUẬN – TRIDHARMAKASÀSTRA

Nghiên cứu Ngữ học và Giáo thuyết

(Luận án Tiến sĩ Đệ Tam cấp)

Tác giả:

HT. Thích Thiện Châu (1931-1998)

Nxb Tôn Giáo – 2004

Tác phẩm Luận này có 269 trang, nội dung gồm 5 phần: Phần một: Tổng quan, A. Tên sách và cách Dẫn ý, B. Tác giả, Luận giả và Dịch giả: I. Tác giả, II. Luận giả, III. Các dịch giả, C. Niên đại, D. Ngôn ngữ, E. Công việc phiên dịch, F. Chủ thuyết đặc thù, G. Học phái gốc của Tam Pháp Độ Luận; Phần hai: Phân tích chi tiết Tam pháp độ luận, A. C.1 Thiện pháp (Kusala), B. C.2 Bất thiện pháp (Akusala), C. C.3 Căn đế (Nisraya); Phần ba: Các luận đề của Độc Tử Bộ; Phần bốn: Các điểm giáo pháp quan trọng của Tam pháp độ luận; Phần năm: Các bản văn tương tự với Tam pháp độ luận, A. Tập A-hàm chú giải, B. Chính lượng bộ Tập luận; Kết luận, Thư mục.

1.634. Tạng Diệu Pháp - BỘ PHÁP TỤ (ABHIDHAMMAPITAKA DHAMMASANGANI)

Dịch giả: *Đại Trưởng lão Tịnh Sự (Màhatherasantakicco, 1913-1984)*

THPG Tp. Hồ Chí Minh ấn hành, PL. 2534 – DL. 1990

Sách có khổ 14 x 20cm, có 458 trang. *Bộ pháp tụ* này gồm có 4 chương. *Chương Tâm sanh*, nói về: Thiện dục giới, Thiện sắc giới, Thiện vô sắc giới, Thiện siêu thế, Pháp bất thiện, Pháp vô ký; *Chương Sắc*, nói về yếu hiệp trong các pháp vô ký, mẫu đề (phần chia sắc, xiển minh nhất đề, xiển minh nhị đề, xiển minh tam đề, xiển minh tứ đề, xiển minh ngũ đề); *Chương Toát yếu*, về các pháp: trích yếu tam đề, trích yếu phần tụ nhân, nhị đề tiểu đỉnh, phần tu lậu, phần tu triền, phần tu phược, phần tu bộc, phần tu phối, phần tu cái, phần tu khinh thị, phần nhị đề đại đỉnh, phần tu thủ, phần tu phiên não, phần nhị đề yêu bôi, phần nhị đề kinh; *Chương Trích yếu* (trích yếu tam đề, trích yếu nhị đề, phần tu nhân, nhị đề tiểu đỉnh, phần tu lậu, phần tu triền, phần tu phược, phần tu bộc, phần tu phối, phần tu cái, phần tu khinh thị, phần tu thủ, phần tu phiên não, phần nhị đề yêu bôi, và các lược đề: đầu đề tam, đầu đề nhị, yếu hiệp).

Tác phẩm này được tái bản nhiều lần: Năm 2012, Nxb Tôn Giáo; năm 2020, Thư viện Phật giáo Nguyên Thủy ấn tống.

1.635. Tạng Diệu Pháp – BỘ PHÂN TÍCH

Dịch giả:

Đại Trưởng lão Tịnh Sự (1913-1984)

THPG Tp. Hồ Chí Minh ấn hành, PL. 2536 – DL. 1992

Tác phẩm này có 385 trang, nội dung gồm: - Lời tựa, - Lời giới thiệu; Uẩn phân

tích theo Kinh, Uẩn phân tích theo Vi diệu pháp, Phần Uẩn vấn đáp, Xứ phân tích theo Kinh, Phần xứ vấn đáp, Giới phân tích theo Vi diệu pháp, Phần giới vấn đáp, Đế phân tích theo Kinh, Đế phân tích theo Vi diệu pháp, Phần quyền vấn đáp, Duyên khởi phân tích theo Kinh, Mẫu đề Vi diệu pháp, Duyên khởi phân tích theo Vi diệu pháp, Niệm xứ phân tích theo Kinh, Niệm xứ phân tích theo Vi diệu pháp, Phần Niệm xứ vấn đáp, Tứ Chánh cần phân tích theo Kinh, Phần Tứ chánh cần vấn đáp, Phần Giác chi vấn đáp, Đạo phân tích theo Kinh, Đạo phân tích theo Vi diệu pháp, Phần Đạo vấn đáp.

Tác phẩm này tái bản năm 2012, Nxb Tôn Giáo.

1.636. Tạng Diệu Pháp – BỘ SONG ĐỐI

ABHIDHAMMAPITAKA – YAMAKA

Dịch giả:

Đại Trưởng lão Tịnh Sự (1913-1984)

THPG Tp. Hồ Chí Minh, ấn hành năm 1998.

Tác phẩm này có 573 trang, nội dung gồm: *Tâm Song*: Xiển thuật phần Người, Xiển thuật phần Pháp, Xiển thuật phần Người và Pháp, Xiển thuật phần Hỗn hợp, Xiển minh phần Người, Xiển minh phần Pháp, Xiển minh phần Người và Pháp, Xiển minh phần Hỗn hợp; *Pháp song*: Phần định danh, Xiển thuật, Xiển minh, Phần câu lạc, Phần câu lạc căn luân, Phần thuần pháp, Phần thuần pháp căn luân, Phần chuyển biến, Phần sanh, Phần diệt, Phần sanh diệt, Phần tiến tu; *Quyền Song*: Phần định danh, Xiển thuật, Xiển minh, Phần câu lạc, Phần câu lạc căn luân, Phần thuần quyền, Phần thuần quyền căn luân, Phần chuyển biến, Phần biến tri.

Tác phẩm này được tái bản nhiều lần: Năm 1995 đã được THPG Tp. Hồ Chí Minh ấn hành; năm 2012, Nxb Tôn Giáo.

1.637. TẬP TẠNG

Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh,
tập 163

Hội Văn hóa Giáo dục Linh Sơn Đài Bắc
xuất bản

Tập 163, Số 1852, - Tam luận Huyền nghĩa; số 1853, - Đại thừa Huyền luận, có 5 quyển; số 1854, - Nhị đế Nghĩa, có 3 quyển; số 1855, - Tam luận Du ý nghĩa; số 1856, Curu-ma-la-thập Pháp sư Đại nghĩa, có 3 quyển Thượng, Trung và Hạ; số 1857, - Luận Bảo Tạng, có 3 phẩm; số 1858, - Triệu Luận; số 1859, - Triệu Luận số, có 2 quyển Thượng-Hạ; số 1860, - Triệu Luận Tân số, có 3 quyển Thượng, Trung và Hạ.

<https://daitangkinh.org>

1.638. TĂNG TRIỆU

và Tánh Không Học Đông Phương

Việt dịch: *Tuệ Hạnh*

Nxb Nguồn Sống – 1990

(Quảng Hương Tùng Thư)

(Pháp Duyên Tịnh xá, 3720 Klein Road.
San Jose, CA 95148)

Nội dung gồm có: Lời người dịch, Dẫn nhập; I. Sử lược, II. Tác phẩm của Triệu, III. Các bài Sớ và Tựa, IV. Chú giải và bình luận về triết lý Tăng Triệu, a. Ý nghĩa “khuôn thức”, b. Lịch sử về sự thuyên giải thuộc Phật đạo, c. Chú giải về Bát-nhã, d. Vật chất chân không luận, e. Thời gian-vật bất thiên, f. Niết-bàn vô danh, g. Thiên định của Triệu, h. Trao đổi văn thư với Lưu Di Dân, Vật Bất Thiên luận, Lưu Di Dân thư vấn, Đáp Lưu Di Dân thư, Niết-bàn vô danh luận, Niết-bàn vô danh luận (chánh văn); Chú thích.

1.639. TÂN DUY THỨC LUẬN

Tác giả: *Đại sư Thái Hư (1889-1947)*

Soạn dịch: *Giải Minh*

Nxb Phương Đông – 2010

Tác phẩm Luận này có 171 trang, bìa mềm; nội dung gồm: Tựa, Duyên khởi, Nguyên văn Tam Thập tụng; Phụ bản Hán văn, Tài liệu tham khảo.

1.640. TÂY PHƯƠNG HIỆP LUẬN

Tác giả: *Tiến sĩ Viên Hoành Đạo*

Việt dịch: *Thích Trí Thông*

Nxb Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh – 2003.

Luận có khổ 14.5 x 20.5cm, có 236 trang, bìa mềm. Sách Luận này gồm có 10 chương. Nội dung luận về: 1. Cõi nước, 2. Duyên khởi, 3. Bộ loại, 4. Giáo tướng, 5. Lý đế, 6. Xứng tánh, 7. Vãng sinh, 8. Kiến võng, 9. Tu trì và 10. Thích dị.

1.641. TIỂU LUẬN VỀ

BỒ-ĐỀ-ĐẠT-MA (Bodhi Dharma)

Tác giả: *Phạm Công Thiện*

Nxb Tân Ý Thức – 1964

Sách có khổ 12.2 x 19.5cm, có 92 trang, bìa mềm. Nội dung gồm có: I. Về Bodhidharma, II. Những vị Tổ sư Phật giáo, III. Ai là Tổ sư thứ nhất của Thiền tông? IV. Bồ-đề-đạt-ma có thực hay không? V. Đôi nét về cuộc đời của Bồ-đề-đạt-ma, VI. Những bài thuyết pháp của Bồ-đề-đạt-ma, VII. Những người mở đường cho tư tưởng của Bồ-đề-đạt-ma, VIII. Tư tưởng của Bồ-đề-đạt-ma.

1.642. TIỂU TẠNG LUẬN

A-tỳ-đạt-ma Câu-xá,

Abhidharmakosabhasya, 5 Tập, Tuệ Sỹ dịch và chú: Tập I, Phẩm 1. Phân biệt Giới, Phẩm 2. Phân biệt Căn, Hương Tích ấn hành lần đầu – 2012, tái bản 2013; Nxb Hồng Đức – 2017; Tập II, Phẩm 3. Phân biệt Thế Gian, Nxb Hồng Đức, Hương

Tích ấn hành lần đầu – 2013, tái bản 2017; Tập III, Phẩm 4. Phân biệt Nghiệp, Hương Tích ấn hành lần đầu – 2015, tái bản 2019; Tập IV. Phẩm 5 & 6, Hương Tích ấn hành – 2016; Tập V. Thiên 7. Phân biệt Trí, Thiên 8. Phân biệt Định, Hương Tích ấn hành – 2018;

A-tỳ-đạt-ma Tập Dị Môn Túc Luận, Abhidharma-sangitiparyaya, dịch Việt: Tuệ Sỹ & Nguyên An, Nxb Hồng Đức, Hương Tích ấn hành lần đầu 2020.

A-tỳ-đạt-ma Pháp Uẩn Túc Luận, Abhidharma-Dharmaskandhasastra, dịch Việt: Tuệ Sỹ & Nguyên An, Nxb Hồng Đức – 2018...

1.643. TIỂU THỪA PHẬT GIÁO TƯ TƯỞNG LUẬN

Tác giả: *Kimura Taiken*

Việt dịch:

HT. Thích Quảng Độ (1928-2020)

Sách luận này khổ 14.5 x 20.5cm, dày 784 trang, bìa mềm. Toàn bộ *Tiểu thừa Phật giáo Tư tưởng luận* được phân thành 6 thiên. *Thiên thứ nhất*, luận về Phật-đà (Tổng luận, tài liệu liên quan đến Phật truyện, A-tỳ-đạt-ma dự tưởng Phật truyện, sự khảo sát về Phật và Bồ-tát của A-tỳ-đạt-ma, luận về Bồ-tát và Phật thân quan); *Thiên thứ hai*, nói về yếu tố thành lập vũ trụ (bản chất tồn tại, vũ trụ quan của nguyên thủy Phật giáo và của A-tỳ-đạt-ma Phật giáo, khuynh hướng thực tại luận (đặc biệt lấy Hữu bộ làm trung tâm), khuynh hướng duy tượng luận, khuynh hướng thực tại luận hình nhi thượng (đặc biệt về tư tưởng vô vi và chân như), các yếu tố và sự phân loại các pháp, vật chất luận, tâm lý luận, khái niệm giữa vật và tâm (tâm bất tương ưng hành luận), nhân duyên luận, chư môn phân biệt); *Thiên thứ ba*, nói về Thế giới quan của Phật giáo nguyên thủy, thế giới quan của A-tỳ-đạt-

ma, tài liệu về thế giới quan và phân loại thế giới quan; thế giới quan của Ba-la-môn giáo; thế giới quan của Phật giáo (khí thế gian, địa ngục, hữu tình thế gian, sự Sinh, Trụ, Di, Diệt của thế giới); *Thiên thứ tư*, luận về Tâm (tâm thể luận, các vấn đề tướng trạng của tâm, luận tâm lý tác dụng); *Thiên thứ năm*, luận về Luân lý (tổng luận, nói về ba tính thiện, ác và vô ký, những tác dụng của ba tính, những tướng của hành vi đạo đức, thiện, ác nghiệp với quả báo, tướng trạng luân hồi, hình thức luân hồi và luận Duyên khởi, mười hai nhân duyên và hình thức luân hồi); *Thiên thứ sáu*, luận về Tu đạo (động cơ tu đạo với tu đạo pháp nhất ban, nguyên tắc tu đạo với Giới, Định và Tuệ, luận về thiền định).

Tác phẩm này ấn hành lần đầu năm 1957, [Knxb]; tái bản: Năm 1969, Tu thư Đại Học Vạn Hạnh xuất bản, Giấy phép số 5525/ BTT/ PHNT ngày 23-12-1969; năm 1971, Khuông Việt (Sài Gòn) xuất bản; năm 2012, Nxb Tôn Giáo.

1.644. Tìm Hiểu DUY THỨC HỌC

– 2 Tập

Thích Tâm Giác (1917-1973)

Nha Tuyên Ủy Phật giáo ấn hành.

Tập I, có hơn 123 trang, nội dung gồm có: *Duy thức Sơ học*, T.1 Giảng nghĩa Duy thức, T.2 Tâm vương, T.3 Tâm sở “hữu pháp”, T.4 Bốn phần của Thức, 5. Sự biến của Thức, T.6 Tứ duyên, T.7 Tam lượng (năng duyên), T.8 Tam cảnh (sở duyên), T.9 Tam tự tính, T.10 Tam vô tính, T.11 Kinh Luận sở y (chuyên khoa), T.12 Lược sử sáng lập Duy thức ở Ấn Độ, T.13 Lịch sử các Tổ nổi pháp bên Tàu; *Duy thức Phương tiện Đàm (quyển trên)*, C.I Tự luận, T.1 Chí nguyện làm luận, T.2 Thế nào là Duy thức, T.3 Thành lập môn Duy thức; C.II Thành lập tám Thức, T.1 Thành

lập 5 Thức trước, T.2 Thành lập Ý thức, T.3 Thành lập Mạt-na Thức, T.4 Thành lập A-lại-da thức; C.III Nói qua về Tâm sở, T.1 Danh nghĩa Tâm sở, T.2 Mối quan hệ của Tâm vương-Tâm sở, T.3 Ngôi số Tâm sở, T.4 Hình tướng của 5 món trong ngôi Biến hành, T.5 Hình tướng của 5 món Biệt cảnh Tâm sở; C.IV Kinh nghiệm rõ lẽ Duy thức, T.1 Ngâm thơ hiểu lẽ Duy thức, T.2 Chứng rõ Ngũ câu Ý thức, T.3 Suy xét lại biết có thức thứ 7 và thứ 8, T.4 Dùng thí dụ tỏ được Thức thứ 7 và thứ 8, T.5 Bối đâu có ngã tướng? C.V Nghiệm giác một rõ lẽ Duy thức, T.1 Cái nghĩa phóng tâm cũng nghĩa Duy thức, T.2 Mộng-tỉnh, có-không, T.3 Chứng rõ có Tam tính thực; C.VI Giải thích qua cái lẽ người căn dặn, T.1 Cõi núi thấy lẽ Thức biến, T.2 Thức trong chiêm bao như trong lúc tỉnh, T.3 Thức biến được và chẳng biến được, T.4 Các cái thức đã biến ra có thêm có bớt, T.5 Cùng biến thấy riêng, T.6 Thức biến phải mượn bản chất; C.VII Kết luận; *Duy thức Phương tiện Đàm (tập dưới)*, C.I Duy thức với Thiền tông, T.1 Tâm-thức-thể-dụng, T.2 Truyền pháp khác nhau; C.II Ý nghĩa Duy thức, T.1 Năng sở cũng chỉ là Thức, T.2 Chỉ là cái bóng của Thức ra, T.3 Rõ lẽ Duy thức thì hết thấy là giả, T.4 Cái nghĩa chữ Pháp; C.III Thân vọng nổi ngừng, T.1 Chủng tử của đời người, T.2 Trước-sau, có-không, T.3 A-lại-da không có trước-sau, T.4 Chân như với vô minh cùng có, T.5 Vô minh có sau chót, T.6 Chúng sinh không có trước mà có sau chót; C.IV Thức tướng khai hợp, T.1 Sinh chủng tử thức, T.2 Căn là chỗ cho Thức nương, T.3 Thức là chân, tướng là tục, T.4 Tâm với thức chẳng phải là hai; C.V Tâm vương-Tâm sở-Tương ứng, T.1 Vì đâu có Tâm sở, T.2 Chủng tử thức cũng như hạt giống cây, T.3 Chủng tử thức nào hiện hành thứ ấy, T.4 Bảng kê Tâm sở, T.5

Số Tương ứng nhiều ít, T.6 Cái nghĩa Tương ứng; C.VI Thích thêm bốn phận, T.1 Kiến phận-Tướng phận, T.2 Tự chứng phận, T.3 Chứng tự chứng phận, T.4 Lý do thành lập 4 phận; C.VII Bản tính và huân tập chủng tử, T.1 Hai thứ chủng tử sẵn có và mới nảy, T.2 Năm thứ chủng tử tính khác nhau, T.3 Chủng tử hữu lậu và vô lậu, T.4 Tính người chẳng phải nguyên là thiện cả, T.5 Tập quen tức là cái nghĩa huân tập, T.6 Huân tập tính tướng, T.7 Hiện hành chậm chóng, T.8 Niệm Phật tức là phép huân tập chủng tử, T.9 Cùng làm nhân quả cho nhau, T.10 Nhân quả có khi cùng-khi khác; C.VIII Nhân Duyên và Quả, T.1 Mười nhân-Những gì là 10 nhân? T.2 Tứ duyên, T.3 Ngũ quả; C.IX Lượng và Cảnh, T.1 Tam lượng, T.2 Tam cảnh, T.3 Thí dụ cho rõ cảnh; C.X Thức hay biến tướng, T.1 Tự tướng của Tạng thức, T.2 Quả tướng của Tạng thức, T.3 Nhân tướng của Tạng thức, T.4 Ngã tướng của Mạt-na, T.5 Hình tướng của sáu thức trước; C.XI Hình tướng của Thức đã biến ra, T.1 Chủng tử biến duyên, T.2 Căn khí biến duyên, T.3 Thức cảnh duyên tướng phận; C.XII Nhị đế và Tam tính, T.1 Tứ trùng và Nhị đế, T.2 Ba món tự tính, T.3 Ba món vô tính;

Tập II, sách dày 338 trang, nội dung gồm có: Thử mở một con đường tắt để nghiên cứu Tông Pháp Tướng (Duy Thức), Nhất môn phán giáo, Nhị môn phán giáo, Tam môn phán giáo, Tứ môn phán giáo, Ngũ môn phán giáo, Thập môn phán giáo, Đa môn phán giáo, Thời kỳ xuất hiện của các Tông bên Ấn Độ, Thời kỳ xuất hiện của các Tông ở Trung Quốc, Loại 1. Tám món Tâm pháp, Loại 2. Năm mươi một món Tâm sở hữu pháp, Loại 3. Mười một món Sắc pháp, Loại 4. Hai mươi bốn món Tâm bất tương ưng hành pháp, Loại 5. Sáu món Vô vi pháp, Ai chính là chúa Tạo vật?

Vạch toang cái trò quỷ thuật huyền bí, Chủng tử hiện hành chủng tử, Đất vụn làm sao nằm lại được, Quan sát cảnh giới về không gian, Bàn sinh đạo (Tiyaggoni), Ngã quỷ đạo (Preta), Nhân đạo (Manusya), Thiên đạo (Reva), Hoại kiếp (Samvarta Kalpa), Không kiếp (Samvarta Siddlakalpa), Thành kiếp (Vivarta Kalpa), Trụ kiếp (Virvar Siddha Kalpa); Sự phát động của Nghiệp lực, Đức tính của Nghiệp lực, Quả báo của Nghiệp lực, Phân lượng của Nghiệp lực, Tác dụng của Nghiệp lực; Tứ phận-Tam loại- một nửa đường trường học Duy Thức, Phần 1. Tướng phận, Phần 2. Kiến phận, Phần 3. Tự chứng phận, Phần 4. Chứng tự chứng phận, Loại 1. Tính cảnh, Loại 2. Độc ảnh cảnh, Loại 3. Đới chất cảnh; Một loại của tính cảnh: Vô chất tính cảnh, Hữu chất tính cảnh; Hai loại của độc ảnh cảnh: Vô chất độc ảnh cảnh, Hữu chất độc ảnh cảnh; Hai loại của đới chất cảnh: Chân đài chất cảnh, Tự đài chất cảnh; Phương pháp tu hành của Tông Pháp tướng như thế nào? Giới học của Tông Pháp tướng, Định học của Tông Pháp tướng, Tuệ học của Tông Pháp tướng; 10 cuộc tính toán song tất mọi pháp của Tông Pháp tướng, Ngũ Pháp, Tam Tính: Biên kế sở chấp tính, Y tha khởi tính, Viên thành thực tính; Nhị vô ngã: Nhân vô ngã, Pháp vô ngã; Tứ trùng xuất thế: Thể dụng biệt luận, Nhiếp giả tùy thực, Nhiếp cảnh tông lâm, Nhiếp tướng quy tính; Tứ trùng nhị đế: Thế gian nhị đế, Đạo lý nhị đế, chứng đắc nhị đế, Thắng nghĩa nhị đế; Hai trùng trung đạo: Ngôn thuyên trung đạo, Lý ngôn trung đạo; Chủng ấy đoạn đường phải qua để chuyên Thức thành Trí, Tư lương vị, Thập trụ, Thập hành, Thập Hồi hướng, Gia hành vị: Noãn vị, Đỉnh vị, Nhân vị, Thế đệ nhất pháp vị; Ngôi thông đạt, Hai thứ vô lậu trí, Hai thứ kiến đạo, Chân kiến đạo, Tướng

kiến đạo, Ngôi tu tập: Bảy thứ Tội thặng, Mười phép Ba-la-mật; Ngôi cứu kính: Kim cương vô gián đạo, Kim cương giải thoát đạo, Một cuộc kết thúc lớn sau chót, Cái năm pháp tướng.

1.645. Tìm Hiểu Nguồn Gốc DUY THỨC HỌC

Tác giả: *Đại sư Ấn Thuận (1906-2005)*

Viết dịch: *Thích Quảng Đại*

Nxb Tôn Giáo – 2006

Tác phẩm này có 271 trang, bìa mềm. Nội dung gồm có 2 phần.: Lời giới thiệu, Lời tựa; *Phần một, Tư tưởng Duy thức trong Phật giáo Nguyên thủy*, C.I Sơ lược về tư tưởng Phật giáo Nguyên thủy, 1. Phật giáo Nguyên thủy, 2. Tư tưởng căn bản của Phật giáo Nguyên thủy, 3. Pháp Duyên khởi (a. Khảo sát các chi duyên khởi, b. Thuyết Năm chi, c. Thuyết Mười chi, d. Thuyết Mười hai chi, e. Tổng hợp các thuyết); C.II Tư tưởng Duy thức trong Phật giáo Nguyên thủy, 1. Vài quan niệm về tư tưởng Duy thức học, 2. Phật giáo Nguyên thủy và tư tưởng Duy thức học; *Phần hai, Tư tưởng Duy thức học trong Phật giáo Bộ phái*, C.I Sơ lược về Phật giáo Bộ phái, 1. Vài nét về tình hình phân chia Bộ phái, 2. Sự phân hóa và xu thế của Thượng tọa bộ; C.II Nguồn gốc Bản thức luận, 1. Khái quát quát, 2. Độc tử bộ và tư tưởng Bản thức, 3. Thuyết Nhất thiết Hữu bộ cùng tư tưởng Bản thức, 3.1 Thắng nghĩa Bồ-đặc-già-la của Thuyết chuyển bộ, 3.2 Giả danh ngã của Hữu bộ và Bất khả thuyết ngã của Độc tử bộ, 3.3 Thuyết Tế tâm của Kinh bộ Thí dụ sư, 3.3.1 Tế tâm tương tục (a. Nguồn gốc sâu xa và dòng phái của Kinh bộ, b. Thuyết Tế tâm của Thí dụ sư, c. Thuyết Tế tâm của ngài Thế Hữu, d. Thuyết Tế tâm của thầy trò phái Thượng tọa, e. Thuyết Tế tâm của phái Nhất loại Kinh lượng), 3.3.2 Hai tâm

vương và sở đồng nhất thể; 4. Phân biệt thuyết bộ với tư tưởng Bản thức, a. Sơ lược về Tâm thức luận của Phân biệt Thuyết bộ, b. Nhất tâm tương tục, c. Tâm tánh bản tịnh (Sơ lược về tính chất trọng yếu của vấn đề, Thuyết tâm tánh bản tịnh); d. Năm pháp Biên hành và Nhiễm câu ý, e. Hữu phân thức, f. Tế ý thức; 5. Đại chúng bộ và tư tưởng Bản thức, a. Sự đặc sắc của Đại chúng bộ, b. Tế ý thức biến y căn thân, c. Căn bản thức sanh khởi lục thức; C.III Nguồn gốc Chủng tập luận, 1. Sơ lược tư tưởng Chủng tập, 2. Phiền não tiềm ẩn vi tế, a. Tùy miên (Khái niệm, Thuyết Tâm tương ưng hành của Hữu bộ, Tâm bất tương ưng của Đại chúng Phân biệt thuyết, Thuyết vừa Tâm bất tương ưng hành vừa Tâm bất tương ưng hành của Độc tử bộ); b. Tập khí, c. A-lại-da; 3. Sự tồn tại của nghiệp lực, A. Khái lược, B. Các quan điểm về sự tồn tại của nghiệp lực, a. Thuyết Vô biểu sắc của Tát-bà-đa bộ, b. Tư chủng tử của Kinh bộ, c. Nghiệp vô tác của Thành thật luận, d. Thành tựu của Đại chúng và phân biệt Thuyết hệ, e. Pháp bất thất của Chánh lượng bộ, C. Kết luận; C.IV Chủng tử hữu lậu, 1. Thuyết Nhân vị uẩn của Thuyết chuyển bộ, 2. Thuyết Cùng sanh tử uẩn của Hóa địa bộ, 3. Thuyết Nhiếp thức của Đại chúng bộ, 4. Thuyết chủng tử của Kinh lượng bộ, a. Sự thành lập thuyết chủng tử, b. Tên khác của chủng tử, c. Thể tướng của chủng tử, d. Thọ huân và sở y, e. Tân huân và Bản hữu, f. Chủng tử diệt và khởi, g. Sự vi diệu của chủng tử; 5. Chủng tử vô lậu, A. Theo Hữu bộ, B. Theo Kinh bộ, a. Thánh pháp của Thuyết Chuyển bộ, b. Tịnh giới và vô lậu chủng tử của Kinh bộ, c. Bạch tập khí của Đại đức, C. Theo Đại chúng Phân biệt thuyết; C.V Nguồn gốc của Vô cảnh luận.

1.646. Tìm Hiểu TRUNG LUẬN

NHẬN THỨC VÀ KHÔNG TÁNH

Tác giả: *Hồng Dương Nguyễn Văn Hai*
Nguyệt san Phật học xuất bản PL. 2545 – DL. 2001. Nội dung tác phẩm này gồm có 3 phần: - Lời giới thiệu, - Tựa, - Vài lời bày tỏ; Phần I. Nhận thức luận Phật giáo, 1. Ngôn ngữ và biện chứng, 2. Thấy vậy mà không phải vậy, 3. Hễ đến mà thấy! 4. Lý duyên khởi, 5. Nhận thức luận Phật giáo, 6. Nhân Minh luận, 7. Biện chứng pháp Apoha; Phần II. Không tánh Trung Quán Luận, 1. Trung Quán luận (Phá tà hiển chánh), 2. Nhị đế (Triết học về Không thuyết và Ngôn thuyết), 3. Biện chứng pháp Trung Quán, 4. Toán ngữ và Tứ cú, 5. Mười ba bài tụng chủ yếu của Trung Luận, 6. Tánh Không phủ định cái gì? 7. Cái còn lại trong tánh Không, 8. Tự tính Không và Tha tính Không, 9. Hý luận về không, 10. Sinh mệnh tức Không; Phần III. Nhận thức và không tánh; Tài liệu tham khảo.

Tác phẩm này tái bản năm 2001, Nxb Tôn Giáo.

1.647. TỊNH ĐỘ ĐẠI THỪA TU TƯỚNG LUẬN

Nguyên tác: *Đại sư Ấn Thuận*
Dịch giả: *HT. Thích Đức Niệm*
Nxb Tôn Giáo, PL. 2550 – DL. 2006
Luận có khổ 14 x 20cm, dày 260 trang.
Nội dung gồm có 5 chương. Phần đầu là Thay lời tựa; C.I, *Luận về Tịnh độ*: - Ý nghĩa về Tịnh độ, - Các loại Tịnh độ, - Cảnh trí Tịnh độ, - Di-lặc Tịnh độ, - Di-đà Tịnh độ, - Phật độ và chúng sanh độ, - Trang nghiêm Tịnh độ và vãng sanh Tịnh độ, - Xưng danh và niệm Phật, - Dễ hành đạo và khó hành đạo; C.II, *Lược nói về niệm Phật*: 1. Phật thất, 2. Phật A-di-đà và thế giới Cực lạc, 3. Đặc điểm của pháp môn niệm Phật, 4. Niệm Phật tam yếu, 5. Niệm Phật, 6. Nhứt tâm bất loạn, 7. Vãng sanh và liễu sanh tử, 8. Tổng quát yếu

nghĩa; C.III, *Câu sanh cõi trời và vãng sanh Tịnh độ*; C.IV, *Đông phương Tịnh độ*: - Duyên khởi về các cảnh giới, - Đông phương Tịnh độ là: cõi trời thanh tịnh hóa, tuyệt đỉnh của nhân gian, cõi nước quang minh, biểu trưng tự tâm; C.V, *Tịnh độ*: a. Phân loại Tịnh độ, b. Luận về cõi Tịnh độ Phật A-di-đà, c. Nhơn duyên sanh về Tịnh độ và thứ bậc chín phẩm sen vàng; Phần chú thích.

1.648. TỊNH ĐỘ GIÁO KHÁI LUẬN

Nguyên tác Nhật ngữ:

Vọng Nguyệt Tín Hạnh

Hán dịch: *Pháp sư Ấn Hải*

Việt dịch: *Thích nữ Viên Thắng*;

Hiệu đính: *Định Huệ*

Nxb Phương Đông – 2011. Sách có khổ 14 x 20cm, dày 355 trang.

Nội dung gồm có 21 chương: Lời giới thiệu; C.I Tự luận, C.II Luận về khả năng thành Phật của chúng sanh và thuyết Mười phương chư Phật xuất hiện, C.III Giáo lý cõi Thanh tịnh và Bồ-tát phát nguyện, C.IV Tịnh độ của Phật A-súc và bản nguyện của Ngài, C.V Luận về Phật A-di-đà, C.VI Bản nguyện tại nhân vị của Phật A-di-đà, C.VII Tịnh độ của Phật A-di-đà – Thế giới Tây phương Cực lạc, C.VIII Thích tôn xuất hiện tại Diêm-phù-đề và luận về ta-bà tức Tịnh độ, C.IX Thuyết thế giới Liên Hoa tạng của Kinh Hoa Nghiêm, C.X Thuyết báo thân, báo độ của luận Nhiếp Đại thừa và quan điểm Tịnh độ Phật A-di-đà của Thế Thân, C.XI Phân loại Tịnh độ và tính tương quan của “Thân và Độ”, C.XII Thuyết Sanh nhân Tịnh độ được hiển thị trong Kinh A-di-đà..., C.XIII Thuyết Sanh nhân Tịnh độ của các nhà Ấn Độ, Trung Quốc..., C.XIV Thuyết Phạm phu có thể nhập Báo độ và an tâm khởi hạnh đầy đủ, C.XV Thuyết Tuyên trách bản nguyện Niệm Phật, C.XVI

Thuyết Các Thiện hạnh có thể Vãng sanh hay không và các Hạnh bản nguyện, C.XVII Luận về nhiều Niệm tương tục và Tự lực-Tha lực, C.XVIII Thuyết Một niệm Vãng sanh và Tư tưởng bản giác của tông Thiên Thai, C.XIX Thuyết Lãnh giải Ba tâm và Phật thể tức là Hành, C.XX Thuyết Nguyên lực hồi hướng và Tín tâm chánh nhân, C.XXI Tổng kết.

1.649. TỊNH ĐỘ LUẬN

Minh Đức-Thanh Lương

Nxb Tôn Giáo – 2001

Sách có khổ 14 x 20cm, dày 386 trang, bìa mềm, chữ tựa màu đỏ, có hình Đức Phật A-di-đà đứng trên thuyền giữa biển, tay cầm hoa sen. Toàn bộ tác phẩm này gồm có: *Phần một*, C.I Chân giá trị của pháp môn Tịnh độ; C.II Vài dòng sử liệu về pháp môn Tịnh độ; *Phần hai*, C.III Những nghi vấn chung quanh vấn đề niệm Phật A-di-đà cầu vãng sanh Tịnh độ, A. Phái niệm Phật theo sự tướng, B. Phái niệm Phật theo lý tính; *Phần ba*, C.IV Nhận định về nghi vấn: Có hay không có đức Phật A-di-đà và cõi Tây Phương Cực Lạc? C.V Nhận định về vấn đề đời nghiệp vãng sanh; C.VI Nhận định về một số quan niệm sai lầm thông thường của người thời đại; Mục 1. Thuyết nhị nguyên, Mục 2. Hư vô chủ nghĩa, Mục 3. Tri phải hành; C.VII Nhận định về nghi vấn: Lời Phật và lời Tổ dạy có mâu thuẫn nhau không? Mục 4. Chân đế và tục đế, Mục 5. Lý Chân không diệu hữu và lý Trung đạo; C.VIII Nhận định về sự lý niệm Phật; C.IX Nhận định về mục tiêu tối thượng của hai bộ Kinh A-di-đà và Địa Tạng; C.X Nhận định về mối liên hệ giữa Tịnh độ tông, Thiên tông và Duy Thức tông; C.XI Nhận định về tha lực và tự lực; C.XII Phương pháp tu để được vãng sanh Cực lạc quốc hay trở về với chân tâm bản tính

của mình; Mục 7. Phương pháp tu của phái Tịnh độ thuần túy; Mục 8. Phương pháp niệm Phật của phái Thiên Tịnh song tu; Mục 9. Kết quả công phu niệm Phật A-di-đà; C.XIII Đào sâu vào lý bất nhị, Mục 10. Nhận định về vấn đề sống và chết; Mục 11. Nhận định về vấn đề vui buồn, sướng khổ và thiện ác ở đời; Mục 12. Nhận định về vấn đề xa và gần; C.XIV Nhận định về không gian và thời gian; Mục 14. Lý tương đối của các pháp trong vũ trụ; Mục 15. Vũ trụ và con người; Mục 16. Đạo và đời; C.XV Nhận định về các cõi Tịnh độ; *Phần bốn*, Kết luận.

1.650. TỊNH ĐỘ NHẬP MÔN LUẬN

Luận giảng: *Thích Giác Thiện*

Nxb Tôn Giáo – 2007

Sách có khổ 14.5 x 20.5cm, dày hơn 225 trang, bìa mềm, nền màu vàng cam, chữ tựa màu đỏ, có hình hoa sen.

Nội dung gồm có: Các bài giảng về Tịnh độ Nhập môn luận: Phụ truyện, Bốn loại Tịnh độ, Ba yếu tố để cầu sanh Tịnh độ, Phương pháp tu về Tịnh độ, Lợi ích của phép niệm Phật, Những giáo điển của Tịnh độ giáo hệ lấy Kinh Đại thừa Vô Lượng Thọ làm trung tâm; Tiết (T) 10. Sự cải tạo tâm với sự bạt khổ dữ lạc; T.11 Sự ức chế những cảm giác tham cầu với sự diệt khổ; T.12 Đạo Bồ-tát, Phương pháp diệt khổ; T.13 Tinh thần căn bản của Đạo Bồ-tát; T.14 Bồ-tát đạo với Tịnh độ; T.15 Thế giới lý tưởng và Tịnh độ; T.16 Sự kiến thiết Tịnh độ với luân hồi; T.17 Kết luận; *Chương thứ năm*, Sự triển khai của tư tưởng bản nguyện và ý nghĩa đạo đức văn hóa và tôn giáo của nó: T.1 Lời mở đầu, T.2 Sự khai triển của tư tưởng bản nguyện, T.3 Ý nghĩa đạo đức, văn hóa và tôn giáo trong tư tưởng bản nguyện; *Chương thứ sáu*, T.1 Tịnh độ quan niệm, Tịnh độ thực tại và sinh thành Thiên định và Tịnh độ,

T.2 Điểm lợi-hại của thuyết quan niệm và thuyết thực tại, T.3 Thuyết sinh thành thống hợp hai thuyết trên; *Chương thứ bảy*, Hiện thực và Tịnh độ, T.1 Hai sứ mệnh lớn của Phật giáo, T.2 Lý tưởng Tịnh độ kết hợp hai sứ mệnh lớn, T.3 Quán chiếu Tịnh độ, T.4 Tha phương Tịnh độ, T.5 Tịnh độ tương lai trên cõi này, - Nghi thức cho khóa tu Tịnh độ, Nghi thức hành lễ, - Sám phát nguyện niệm Phật, Bài Phát nguyện: Lễ Phật A-di-đà, Văn phát nguyện; Phần kết.

1.651.

TỊNH ĐỘ QUYẾT NGHỊ LUẬN

Dịch giả:

HT. Thích Thiên Tâm (1925-1992)

Nxb Tôn Giáo – 2013

Sách có khổ 14 x 20cm, có 118 trang, bìa mềm.

Nội dung gồm có: Lời đầu sách, *Tịnh Độ Thập Nghi Luận* do Thiên Thai Trí Giả Đại sư soạn và *Tịnh Độ Hoặc Vấn* do Thiên Như Duy Tắc Thiên sư thuật.

Tác phẩm này đã xuất bản năm 2011, Nxb Tôn Giáo.

1.652. TỊNH ĐỘ TÔNG KHÁI LUẬN

Chủ biên: *HT. Thích Đồng Minh*

Viết dịch: *Thích Quảng Hạnh*

Hiệu chính và phụ chú: *Thích Tâm Nhân*

Nxb Văn hóa Văn nghệ - 2013. Sách có khổ 14.5 x 20.5cm, dày 568 trang.

Tác phẩm luận này dày trên 567 trang, nội dung gồm: Dẫn từ, Phi lộ (PL. 2546 – DL. 2002); Giải thích chữ A, Lời tựa, Khái luận Tịnh độ tông Phật giáo: I. Cương yếu Phật pháp, II. Mở bày giáo lý Tịnh độ, III. Hạnh môn về tông chỉ Tịnh độ, IV. Hạnh môn của tổ sư Đông độ; Luận về pháp môn Tịnh độ; *Khái thuật về pháp Tịnh độ*: Lời nói đầu, 1. Ý nghĩa Tịnh độ, 2. Phác thảo về nước Cực Lạc, 3. Con đường tác

tu hành Tịnh độ, 4. Trì danh niệm Phật, 5. Phát nguyện vãng sanh Cực lạc, 6. Dùng quán tưởng hỗ trợ trì danh, 7. Bàn luận các nghĩa khác, 8. Lược chuyện các bậc tiền nhân vãng sanh; *Khái lược tông Tịnh độ*: 1. Sự truyền thừa và trước thuật của các Tông sư, 2. Lai lịch Thánh hiệu đức Phật A-di-đà, 3. Lý do xưng danh niệm Phật, 4. Hiện thực và phân loại Tịnh độ, 5. Việc cần thiết đầu tiên của Tịnh độ là Tín-Hạnh-Nguyện; *Đại ý tông Tịnh độ*: 1. Tây phương Tịnh độ, 2. Quá trình phát triển và biến đổi của tông Tịnh độ; *Nghĩa yếu Tịnh độ tông*: 1. Tổng luận, 2. Triết học quán niệm, 3. Triết học xưng danh, 4. Triết học của Tín tâm, 5. Triết học Tịnh độ; *Luận yếu về tông Tịnh độ Lô Sơn*: 1. Lời nói đầu, 2. Thần thức bất diệt, sanh tử lưu chuyển, 3. Tư tưởng Tịnh độ của ngài Tuệ Viễn, 4. Kết luận; *Tông chỉ-cương yếu pháp môn Tịnh độ*; *Luận biện về Tịnh độ*, Luận biện về Tịnh độ; *Giảng giải Luận Vãng sanh Tịnh độ*: 1. Giải thích đề, 2. Giải thích văn; *Luận về Tịnh độ giáo của cư sĩ*: 1. Tịnh độ giáo của Vương Long Thư, 2. Tịnh độ giáo của Viên Trung Lang, 3. Tịnh độ giáo của Châu An Sĩ, 4. Tịnh độ giáo của Trương Sư Thành, 5. Tịnh độ giáo của Bành Nhị Lâm; *Tịnh độ và hiện thực*: 1. Hai sứ mệnh to lớn của Phật giáo, 2. Tư tưởng Tịnh độ kết hợp với hai sứ mệnh lớn, 3. Quán chiếu Tịnh độ, 4. Tha phương Tịnh độ, 5. Tương lai cõi này là Tịnh độ, 6. Lời kết; *Nói về Tịnh độ*: 1. Lời nói đầu, 2. Giải thích nghĩa Tịnh độ, 3. Nguyên lý niệm Phật, 4. Sự quan hệ giữa Thiên và Tịnh độ, 5. Các phương pháp trì danh, 6. Phát nguyện vãng sanh, 7. Lâm chung chánh niệm, 8. Thiên tùy bút sau cùng; *Pháp dễ hành trong môn dễ hành*: 1. Hai môn dễ hành và khó hành, 2. Cái khó của sự khó hành, 3. Định đoạt việc khó dễ trong môn dễ hành, 4. Sự chọn lựa của 5

pháp, 5. Kết luận; Sách dẫn, Bảng viết tắt, Tài liệu tham khảo Hiệu chính và Phụ chính.

1.653. TỊNH ĐỘ TÔNG KHÁI LUẬN

Trung tâm Dịch thuật Hán Nôm

Huệ Quang

Nguyên tác: *Pháp sư Tịnh Tông*

Người dịch: *Hữu Chơn*;

Hiệu đính: *Định Huệ*

Nxb Hồng Đức – 2019. Sách có khổ 14.5 x 20.5cm, dày 269 trang, bìa cứng, chữ tựa màu đỏ, có hình ao sen trong khung tròn.

Toàn bộ tác phẩm *Khái luận Tịnh độ tông* này gồm có 10 chương. Nội dung: Lời giới thiệu, Lời nói đầu; C.I, Khái thuyết nghĩa của tông Tịnh độ, T.1 Định nghĩa và đặc sắc về tông, T.2 Đại sư Thiện Đạo khai tông, T.3 Thuật yếu tông Tịnh độ; C.II, Phán thích giáo tướng của tông Tịnh độ, T.1 Ý nghĩa việc phán thích giáo tướng, T.2 Ba vị Đại sư phán giáo; C.III, T.1 Ý nghĩa Kinh điển y cứ chính, T.2 Ba Kinh Tịnh độ, T.3 Mối quan hệ của 3 Kinh, T.4 Thứ tự trước sau của 3 Kinh; C.IV, Luận thích tương thừa của Tông Tịnh độ, T.1 Ý nghĩa luận thích tương thừa, T.2 Luận tạng tương thừa, T.3 Thích văn tương thừa; C.V, An tâm, T.1 Ý nghĩa của An tâm, T.2 Tổng An tâm, T.3 Biệt An tâm; C.VI, Khởi hạnh, T.1 Ý nghĩa của khởi hạnh, T.2 Hai Hạnh chánh-tạp, T.3 Năm loại Chánh hạnh, T.4 Hai Nghiệp chánh-trợ, T.5 Sự được mất giữa hai hạnh-hai tu, T.6 Ngũ Niệm môn; C.VII, Tác Nghiệp hành nghi, T.1 Ý nghĩa của tác nghiệp, T.2 Tứ tu, T.3 Ba loại hành nghi; C.VIII, Bản nguyện xung danh, T.1 Ý nghĩa của bản nguyện, T.2 Nhân bản nguyện-Bốn mươi tám nguyện (Phân loại 48 nguyện), T.3 Nguyện căn bản-Nguyện thứ mười tám, T.4 Bản nguyện xung danh, T.5 Tuyển chọn bản nguyện, T.6 Bản nguyện nhân

hạnh vãng sanh, T.7 Mối quan hệ ba nguyện nhiếp thủ chúng sanh, T.8 Lợi ích của việc niệm Phật; C.IX, Phàm phu nhập báo, T.1 Thân-Độ-Báo-Hóa, T.2 Phàm phu nhập báo, T.3 Mau chóng thành Phật, T.4 Thai sanh-hóa sanh, T.5 Bối phẩm-giai vị, T.6 Bình sanh nghiệp thành, T.7 Hiện sanh bất thoái; C.X, Tông chỉ và đặc sắc của Tông Tịnh độ, T.1 Ý nghĩa về tông chỉ và đặc sắc, T.2 Bốn câu kệ tông chỉ, T.3 Bốn câu kệ đặc sắc; Phụ lục: Giáo chương của Tông Tịnh độ.

1.654. TỊNH ĐỘ TƯ TƯỞNG LUẬN

Việt dịch: *Pháp Hiền*

Thiền Tri Thức

Sách dày 452 trang. Nội dung gồm có: Tri ân, Bốn mươi sáu nguyện của Phật A-di-đà, A-di-đà là ai? Tịnh độ là gì? Niệm Phật là gì? Ngợi ca Tịnh độ siêu thắng, Tông Tịnh độ, Hiện thực của Nhân quả, Tư tưởng niệm Phật và thuở sinh thời của Đại sư Huệ Viễn, Tư tưởng Tịnh độ của Đại sư Ngẫu Ích, Đàm Loan và Đạo Xước, Tư tưởng Tịnh độ của Đại sư Liên Trì, Pháp môn Niệm Phật, Pháp môn niệm Phật và Tịnh độ, Sự khai triển của tư tưởng Tịnh độ, Hiện thực và Tịnh độ, Khai triển tư tưởng bốn nguyện và ý nghĩa tôn giáo văn hóa đạo đức của tư tưởng ấy, Phật A-di-đà tu BỒ-tát thừa, phát 48 Nguyện và Tín-Hạnh của Người, Tư tưởng Tịnh độ của Cư sĩ Dương Nhân Sơn, Tịnh độ Hoàng Cương luận, Luận Thiền-Tịnh song tu của Vĩnh Minh Diên Thọ, Học thuyết và sự tích của Đại sư Thiện Đạo, Sự Xây dựng mới của tông Tịnh độ, Vãng Sinh Tịnh Độ Luận giảng yếu.

1.655. TỊNH ĐỘ THẬP NGHI LUẬN

Nguyên tác:

Thiền Thai Trí Giả Đại sư (538-597)

Việt dịch: *Thích Thiền Tâm (1925-1992)*

THPG Tp. Hồ Chí Minh ấn hành,
PL. 2537 – DL. 1993
Sách có khổ 14 x 20cm, có 127 trang. Nội
dung luận này gồm có: Lời đầu và 26 câu
hỏi và trả lời những nghi vấn về tông Tịnh
độ. Cuối sách là Đề bạt (thơ – Tây Trai lão
nhơn).
*Tác phẩm này đã được Nxb Huệ Nghiêm
xuất bản năm 1965, Kiểm duyệt số 251/XB
ngày 18-1-1965.*

1.656. TỌA THIÊN TAM-MUỘI

Trứ thuật: *Samgharakasa*
Hán dịch: *Tam tạng Pháp sư -
Curu-ma-la-thập (Kumarajiva, 344-413)*
Việt dịch: *Thích Thanh Từ*
Tác phẩm này có 50 trang (PDF), nội dung
gồm: - Lời dịch giả (Phuong Bối am –
1961); Phần Duyên khởi, C.I Tổng khởi,
C.II Khảo sát tâm bệnh, C.III Tùy bệnh
đối trị (1. Pháp môn trị đa dục, 2. Pháp
môn trị nóng giận, 3. Pháp môn trị ngu si,
4. Pháp môn trị lo nghĩ, 5. Pháp môn trị
đăng phần); C.IV Tướng tu chứng (1. Tứ
thiền, 2. Tứ không, 3. Tứ vô lượng tâm, 4.
Ngũ thông, 5. Tứ niệm chỉ, 6. Tứ đế, 7. Tứ
gia hạnh, 8. Tứ quả Thanh văn, 9. Quả
Bích-chi Phật); C.V Bô-tát tu Ngũ pháp: 1.
Bô-tát niệm Phật Tam-muội, 2. Bô-tát
quán bất tịnh Tam-muội, 3. Bô-tát quán từ
Tam-muội, 4. Bô-tát quán nhân duyên
Tam-muội, 5. Bô-tát quán A-na-ban-na;
C.VI Tổng kết.
(www.thientongvietnam.net)

1.657. TOÁT YẾU VÔ TỬ PHÁP CỦA ĐỨC PHẬT THE ESSENCE OF BUDDHA ABHIDHAMMA

Biên soạn: *Dr. Mehm Tin Mon*
Việt dịch:
Tỳ-kheo Siêu Thiện (Bhikkhu Abhikusala)

Hướng dẫn phiên dịch và hiệu đính: *thầy
Ngộ Đạo – Acàriya Maggabujjhano*
Nxb Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh,
PL. 2560 – DL. 2016. Sách có khổ sách
20.5 x 29cm, dày có 243 trang, gồm 9
chương. Nội dung như sau: - Lời giới
thiệu, Lời nói đầu, Lời tựa; C.I, Tâm
(Citta): 1. Tâm dục giới, 2. Tâm sắc giới,
3. Tâm vô sắc giới, 4. Tâm siêu thế; C.II,
Sở hữu tâm (Cetasika): 1. Sở hữu tợ tha, 2.
Sở hữu bất thiện, 3. Sở hữu tịnh hảo, 4. Sự
phối hợp của mỗi sở hữu với những tâm
khác nhau, 5. Sự phối hợp của những sở
hữu khác nhau với những tâm khác nhau,
6. Sở hữu nhất định và Sở hữu bất định;
C.III, Linh tinh (hỗn hợp) – Pakinnaka:
Thọ nhiếp, Nhân nhiếp, Sự nhiếp, Môn
nhiếp, Cảnh nhiếp, Vật nhiếp; C.IV, Lộ
trình – Vithi: Lộ trình tâm, Lộ nhân môn,
Lộ ý môn, Cõi và tâm; C.V, Ngoại lộ/ cõi
– Vithimut/ Bhùmi: 1. Bốn cõi (hay bốn
sanh thú), 2. Bốn dạng tái tục, 3. Bốn loại
nghiệp, 4. Bốn nhân đưa đến tử; C.VI, Sắc
pháp – Rùpa: Bảng liệt kê sắc pháp...,
Tiền trình của sắc pháp sinh khởi trong
mỗi chúng sanh, Tiền trình của sắc pháp
khi tử, Tiền trình của sắc pháp sanh ở cõi
sắc giới, Niết-bàn; C.VII, Tương tập –
Samuccaya: 1. Bất thiện tương tập nhiếp,
2. Hỗn tạp tương tập nhiếp, 3. Đăng giác
tương tập nhiếp, 4. Hàm tận tương tập
nhiếp; C.VIII, Duyên – Paccaya: (1). Định
luật liên quan tương sinh, (2). Định luật vị
trí – Tương quan nhân quả; C.IX, Nghiệp
xứ – Kammatthàna: Tu tiên, Nghiệp xứ (a.
Chỉ nghiệp xứ, b. Minh sát hay Tuệ quán
nghiệp xứ).

(phatgiaonguyenthuy.com, *Tác Phẩm*)

1.658. TÔNG TAM LUẬN

**Trung Luận – Thập Nhị Môn Luận –
Bách Luận**

Tác giả: *Bồ-tát Long Thọ - Bồ-tát Đề-bà*

Hán dịch:

Tam tạng Pháp sư Cưu-ma-la-thập

Việt dịch: *Cư sĩ Nguyễn Huệ*

Nxb Hồng Đức – 2020

Tuệ Quang Foundation

Sách có khổ 14.5 x 20.5cm, dày hơn 308 trang, bìa mềm. Nội dung gồm có: Lời giới thiệu, Tiểu sử tóm tắt, Số 1564/4/4 – TRUNG LUẬN, có 4 quyển, 27 phẩm: Q.1, P.1 Quán về nhân duyên, P.2 Quán về đi đến, P.3 Quán về sáu tình (căn), P.4 Quán về năm âm, P.5 Quán về sáu chủng, P.6 Quán về nhiễm-người nhiễm; Q.2, P.7 Quán về ba tướng, P.8 Quán về tác-tác giả, P.9 Quán về bản trụ, P.10 Quán về đốt cháy-bị đốt cháy, P.11 Quán về bản tế, P.12 Quán về khổ, P.13 Quán về hành, P.14 Quán về hợp; Q.3, P.15 Quán về có-không, P.16 Quán về buộc-mở, P.17 Quán về nghiệp, P.18 Quán về pháp, P.19 Quán về thời, P.20 Quán về nhân quả, P.21 Quán về thành hoại; Q.4, P.22 Quán về Như Lai, P.23 Quán về điên đảo, P.24 Quán về Bốn đế, P.25 Quán về Niết-bàn, P.26 Quán về 12 nhân duyên, P.27 Quán về tà kiến; Số 1568/1 – THẬP NHỊ MÔN LUẬN, gồm có 12 môn, Môn (M) 1. Quán nhân duyên, M.2 Quán có quả-không có quả, M.3 Quán duyên, M.4 Quán tướng, M.5 Quán có tướng-không tướng, M.6 Quán một-khác, M.7 Quán có-không có, M.8 Quán tánh, M.9 Quán nhân quả, M.10 Quán tác giả, M.11 Quán ba thời, M.12 Quán sinh; Số 1569/2 – BÁCH LUẬN, có 2 quyển, 10 phẩm: Quyển thượng, P.1 Xả tội phước, P.2 Phá thân ngã, P.3 Phá nhất; Quyển hạ, P.4 Phá dị, P.5 Phá căn, P.6 Phá trần, P.7 Phá trong nhân có quả, P.8 Phá trong nhân không quả, P.9 Phá chấp thường, P.10 Phá chấp không.

1.659. TÔNG THỂ LUẬN

Đại sư Thái Hu

Biên dịch: *Minh Chánh*

Nxb Phương Đông – 2008

Sách có khổ 14 x 20cm, dày hơn 306 trang. Nội dung gồm có 5 chương: Duyên khởi, Lý Hiện thực; *C.I Sự thực Hiện biến*, 1. Sự việc như thực của hiện khởi biến động, 2. Thế giới của Biện chứng pháp, 3. Vũ trụ của Dịch học, 4. Nhân quả của hai loại sanh tử, 5. Sự khởi diệt trong từng sát-na của Sắc tâm, 6. Sự luân tri của chủng tử hiện hành, 7. Sự hằng chuyển của phi đoạn phi thường, 8. Sự hoại diệt tự nhiên của pháp hữu vi, 9. Nghĩa vô thường của Ba tánh, 10. Nghĩa Nhân duyên của “bát bát”; *C.II Hiện sự thực Tánh*, 1. Tánh chân thực của sự thực hiện biến, 2. Không có tánh chủ thể sáng tạo, 3. Không có tánh bản nhân đặc biệt, 4. Thế gian không có Tánh tiến hóa, 5. Các duyên sanh và duy thức hiện, 6. Chủng sanh vô ngã, 7. Các pháp vô ngã, 8. Tánh không của Ba tự tánh, 9. Tánh thường lạc của Niết-bàn, 10. Trùng trùng nhị đế; *C.III Hiện tánh Thực giác*, 1. Thực chứng giác của Tánh hiện sự, 2. Bản thể có thể biết và không thể biết, 3. Hiện lượng-tỷ lượng và Thánh giáo lượng, 4. Sự thành tựu Trí tuệ của văn-tư-tu, 5. Sáu Hiện quán và Mười sáu quán hạnh, 6. Chín Trí-Mười Trí-Mười một Trí, 7. Sự dẫn sanh bốn Trí như thật của Tư-Tâm, 8. Hai Trí- Ba Trí-Bốn Trí và Năm trí, 9. Tự giác Thánh trí, 10. Vô thượng Biến chánh giác; *C.IV Hiện giác Thực biến*, 1. Sự chọn lựa phân biệt của hiện giác thực biến, 2. Sự lưu chuyển-hoàn diệt của Mười hai duyên, 3. Vì “không” cho nên tất cả pháp thành, 4. Năng biến và sở biến nhiễm tịnh của Duy thức, 5. Như Lai tạng là nhân của thiện và bất thiện, 6. Lý và sự tạo thành ba ngàn tánh tướng, 7. Sự sự vô ngại của Sáu tướng-Mười huyền, 8. Sáu đại-Bốn mạn-Ba Mật song vận, 9. Diên đảo tạp nhiễm tức bí tạng Niết-bàn, 10. Pháp thân Như

Lai biên chuyên; *C.V Bốn Hiện thực luận*,
1. Mối quan hệ của Bốn trùng hiện thực, 2.
Hiện biến thực sự và Hiện sự thực tánh, 3.
Hiện sự thực tánh và Hiện tánh thực giác,
4. Hiện tánh thực giác và Hiện giác thực
biến, 5. Hiện giác thực biến và Hiện biến
thực sự, 6. Hiện thực là Tổng trì rộng lớn
duy nhất, 7. Chân hiện thực vô biên trung
thủy chung, 8. Chân tiến hóa của Chân
hiện thực, 9. Phát đạt nhơn sanh tức chứng
Phật quả, 10. Thanh tịnh nhân gian tức
trang nghiêm cõi...

1.660. TUYỆT QUÁN LUẬN

Tác giả: *Bồ-đề Đạt-ma*

Việt dịch: *Vũ Thế Ngọc*

Nxb Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh – 2006

Tác phẩm này có 116 trang, bìa mềm; nội
dung gồm: Tựa, Phần dẫn nhập, Tuyệt
Quán Luận; Phụ lục: Bồ-đề Đạt-ma hành
trạng, Lược biên Đại thừa Nhập đạo Tứ
hạnh, Tâm Kinh Bát-nhã, Đạo Đức Kinh,
Kinh Lăng-già.

TH

1.661. THANH TỊNH ĐẠO – 2 Tập (The Path of Purification – Visuddhimagga)

Tác giả: *Luận sư Bhadantacariya
Buddhaghosa*

Anh ngữ: *Nanamoli Bhikkhu*

Việt dịch: *Thích nữ Trí Hải (1938-2003)*

Nxb Hồng Đức – 2016. Sách có khổ 14.5
x 20.5cm, 2 tập dày 1.442 trang.

Tập I, dày 685 trang, nội dung gồm có 2
phần: - Lời giới thiệu (1991), - Lời dẫn, -
Tiểu sử Ngài Phật Âm (Buddhaghosa), -
Tiểu sử ngài Nanamoli, - Tổng luận, -
Bảng tra chữ tắt; Phần I. Giới Thanh tịnh,
1. Mô tả về Giới, 2. Hạnh Đầu-đà; Phần II.
Tâm Thanh tịnh, 3. Mô tả Định, Nhận một
đề mục, 4. Định – Kasina (đất), 5. Định –
Những Kasina khác, 6. Định – bất tịnh
quán, 7. Định – Sáu tùy niệm, 8. Định –
Đề mục quán bằng tùy niệm, 9. Mô tả
Định – các phạm trú, 10. Định – các vô
sắc xứ, 11. Mô tả Định – kết luận;

Tập II, dày 757 trang, nội dung gồm có 1
phần: 12. Mô tả Giới, 13. Thắng trí – kết
luận; Phần III. Tuệ Thanh tịnh, 14. Mô tả
về các Uẩn, 15. Mô tả về xứ và giới, 16.
Căn và Đế, 17. Định nghĩa Duyên sanh,
18. Kiến thanh tịnh, 19. Đoạn nghi thanh
tịnh, 20. Đạo phi đạo tri kiến thanh tịnh,
21. Đạo tri kiến thanh tịnh, 22. Tri kiến
thanh tịnh, 23. Lợi ích trong sự tu Tuệ;
Kết.

*Tác phẩm này đã in xuất bản năm 2001,
Nxb Tôn Giáo (in chung 1 quyển).*

1.662. THANH TỊNH ĐẠO Giảng Giải – Giới và Định

Giảng giải:

Venerable Sayadaw U Silànanda

Biên dịch: *Pháp Triều*

Nxb Tôn Giáo, PL. 2564 – DL. 2020

Sách có khổ 14 x 20cm, dày 1.029 trang, bìa cứng nền vàng, chữ màu đỏ.

Nội dung tác phẩm gồm có 2 phần, 13 chương: Lời nói đầu, Ký hiệu viết tắt, Mục lục; *Phần I. GIỚI*, C.I Miêu tả về Giới, 1. Giới thiệu, 2. Giới, 2.1 Giới là gì? 2.2 Ý nghĩa của Giới, 2.3 Đặc tính, chức năng, sự biểu hiện và nguyên nhân gần của Giới, 2.4 Lợi ích của Giới, 2.5 Các loại Giới, 2.6 Ô nhiễm và thanh lọc Giới; C.II Các hạnh Đầu-đà: 1. Giới thiệu, 2. Hạnh y phân tảo, 3. Hạnh tam y, 4. Hạnh đi khát thực, 5. Hạnh khát thực từng nhà, 6. Hạnh nhất tọa thực, 7. Hạnh ăn một bát, 8. Hạnh không nhận tàn thực, 9. Hạnh ở rừng, 10. Hạnh ở gốc cây, 11. Hạnh sống ngoài trời, 12. Hạnh ở nghĩa trang, 13. Hạnh ở chỗ nào cũng được, 14. Hạnh ngồi, 15. Phần linh tinh; *Phần II. ĐỊNH*, C.III Bất đề mục thiên: 1. Định và ý nghĩa của Định, 2. Đặc tính, chức năng, sự biểu hiện và nguyên nhân gần của Định, 3. Các loại Định, 4. Cách tu tập, 4.1 Các chương ngại, 4.2 Thiện hữu, 4.3 Các cơ tánh, 4.4 Các đề mục, 4.5 Sự dâng hiến, 4.6 Các cách thuyết giảng; C.IV Kasina – Đất, 1. Mười tám khuyết điểm của một tự viện, 2. Năm yếu tố (thích hợp) của một tự viện, 3. Kasina – Đất, 4. Hai loại Định, 5. Hộ trì ấn tướng, 6. Mười kỹ năng do sự an trú, 7. Quân bình Tấn và Định, 8. Lộ tâm Thiền, 9. Sơ Thiền, 10. Nói rộng Quang tướng, 11. Nhị Thiền, 12. Tam Thiền, 13. Tứ Thiền, 14. Phương pháp chia năm; C.V Những đề mục Kasina còn lại: 1. Kasina nước, 2. Kasina lửa, 3. Kasina Gió, 4. Kasina xanh dương, 5. Kasina vàng, 6.

Kasina đỏ, 7. Kasina trắng, 8. Kasina ánh sáng, 9. Kasina không gian, 10. Diễn giải chung; C.VI Thiên bất mỹ, 1. Những định nghĩa, 2. Diễn giải chung; C.VII Sáu Tùy niệm, 1. Giới thiệu chung, 2. Niệm Phật, 3. Niệm Pháp, 4. Niệm Giới, 5. Niệm Thí, 6. Niệm Thiên; C.VIII Những đề mục Tùy niệm còn lại: 1. Niệm chết, 2. Pháp chế định, 3. Thân hành niệm, 4. Niệm hơi thở, 5. Niệm sự an lạc; C.IX Các Phạm trú: 1. Từ, 2. Bi, 3. Hỷ, 4. Xả, 5. Diễn giải chung; C.X Thiên Vô sắc giới: 1. Không vô biên xứ, 2. Thức vô biên xứ, 3. Vô sở hữu xứ, 4. Phi tướng phi phi tướng xứ, 5. Diễn giải chung; C.XI Tính bất tịnh của vật thực và phân tích tứ đại: 1. Tính bất tịnh của vật thực, 2. Phân tích tứ đại, 3. Lợi ích của Thiên định; C.XII Thần thông, 1. Giới thiệu, 2. Thần túc thông; C.XIII Những loại thần thông khác: 1. Thiên nhĩ thông, 2. Tha tâm thông, 3. Túc mạng minh, 4. Thiên nhãn thông, 5. Diễn giải chung; Phụ lục: Bảng nêu chi pháp, Tài liệu tham khảo.

1.663. THANH TỊNH ĐẠO LUẬN toàn yếu

Biên soạn:

HT. Thích Phước Sơn (1938-2020)

Nxb Hồng Đức – 2018

Sách có khổ 14 x 20cm, có 247 trang, bìa mềm, có tay gấp, nền màu cam, chữ tựa màu xanh dương, có hình tượng Đức Phật tọa thiền. Nội dung gồm có 3 phần, 23 chương: Lời nói đầu, Tiểu sử soạn và dịch giả, Dẫn nhập; *Phần thứ nhất*, Giới (2 chương), C.1 Giảng nghĩa về giới, C.2 Hạnh Đầu-đà và khổ hạnh; *Phần thứ hai*, Định (11 chương): C.3 Mô tả về định – chọn đề mục thiên quán, C.4 Định-Phân tích đề mục đất, C.5 Định-các đề mục khác, C.6 Định-Quán bất tịnh, C.7 Định-Sáu tùy niệm, C.8 Định-Những tùy niệm

khác, C.9 Định-các phạm trú, C.10 Định-các vô sắc xứ, mô tả, C.11 Định-mô tả, C.12 Định-các thân thông, C.13 Định-các thân thông; *Phần thứ ba*, Tuệ (10 chương): Mô tả về đất cho Tuệ sinh trưởng, C.14 Mô tả về các uẩn, C.15 Mô tả về xứ và giới, C.16 Căn, đế - mảnh đất cho Tuệ tăng trưởng, C.17 Đạo lý duyên khởi, C.18 Kiến thanh tịnh, C.19 Đoạn nghi thanh tịnh, C.20 Đạo phi đạo tri kiến thanh tịnh, C.21 Đạo tri kiến thanh tịnh, C.22 Tri kiến thanh tịnh, C.23 Những lợi ích của sự tu Tuệ; Tổng luận.

Bản Luận này tái bản nhiều lần: Trường Cao cấp Phật học Việt Nam tại Tp. Hồ Chí Minh ấn hành, PL. 2540 – DL. 1996, khổ 14.5 x 20.5cm, có 292 trang, bìa mềm; năm 2004, Nxb Tôn Giáo; năm 2010, Nxb Phương Đông.

1.664. THANH TỊNH ĐẠO (VISUDDHIMAGGO) – Phần Giới

Tác giả: *Buddhaghosa*

Việt dịch (1985): *Tỳ-kheo Ngô Đạo*

Nxb Tổng Hợp Tp. Hồ Chí Minh – 2012

Tác phẩm này có 205 trang, bìa mềm; nội dung gồm: - Lời tựa, - Lời phi lộ, Buddhaghosanidana-Lịch sử ngài Giác Âm, Chương thứ nhất đến Chương thứ tám, Thanh Tịnh Đạo, Phần Giới, *C.I Giới xiển minh*, 1. Câu hỏi Giới là gì? 2. Câu hỏi: Gọi là Giới do ý nghĩa thế nào? III. Bây giờ sẽ giải thích tiếp theo câu hỏi: Trạng thái, phạm sự, thành tựu và nhân cận của Giới là gì? IV. Câu hỏi: Giới có quả báo thế nào? V. Bây giờ Tôi sẽ giải thích câu hỏi: Giới có bao nhiêu loại? (a. Giới một loại, b. Giới hai loại, c. Giới ba loại, d. Giới bốn loại, e. Giới năm loại) *C.II Trừ xiển minh*: I. Phân tích về ý nghĩa, II. Phân tích về trạng thái, III. Phương pháp thọ trì: 1. Phương pháp thọ trì chi của người mặc y phẩn tảo, 2. Phương pháp thọ trì chi của

người mặc tam y, 3. Phương pháp thọ trì chi của người thọ dụng đồ ăn khát thực, 4. Phương pháp thọ trì chi của người đi tuần tự khát thực, 5. Phương pháp thọ trì chi của người chỉ thọ thực một chỗ ngồi, 6. Phương pháp thọ trì chi của người chỉ thọ thực trong bát, 7. Phương pháp thọ trì chi của người không nhận vật thực cúng dường sau bữa ăn, 8. Phương pháp thọ trì chi của người sống trong rừng, 9. Phương pháp thọ trì chi của người sống dưới gốc cây, 10. Phương pháp thọ trì chi của người sống ngoài trời, 11. Phương pháp thọ trì chi của người sống nơi nghĩa địa, 12. Phương pháp thọ trì chi của người bằng lòng bất cứ sàng tọa nào được cúng dường, 13. Phương pháp thọ trì chi của người chỉ có oai nghi ngồi, 1. Phân tích bằng cách Tam đề thiện; V. Giải thích về phân loại: 1. Diệt trừ, 2. Diệt trừ luận, 3. Pháp diệt trừ, 4. Các trừ chi, 5. Người nào thực hành trừ chi thích hợp; VI. Giải thích tóm tắt về trừ chi; VII. Giải thích chi tiết về trừ chi.

(<https://phatgiaonguyenthuy.com>, Tác phẩm)

1.665. THANH TỊNH ĐẠO (VISUDDHIMAGGO) – Phần Tuệ

Tác giả: *Buddhaghosa*

Việt dịch: *Tỳ-kheo Ngô Đạo*

Nxb Tổng Hợp Tp. Hồ Chí Minh – 2012.

Tác phẩm này có 506 trang, gồm 10 chương như sau: C.XIV, Uẩn xiển minh, C.XV, Xứ-Giới xiển minh, C.XVI, Quyền-Đế xiển minh, C.XVII, Tuệ, nền tảng xiển minh, C.XVIII, Kiến Thanh tịnh xiển minh, C.XIX, Đoạn nghi Thanh tịnh xiển minh, C.XX, Đạo phi đạo Tri kiến Thanh tịnh xiển minh, C.XXI, Hành Tri kiến Thanh tịnh xiển minh, C.XXII, Tri kiến Thanh tịnh xiển minh, C.XXIII, Quả báo tu tiến Tuệ xiển minh.

1.666. THÀNH THẬT LUẬN

Tạo luận: *Ha-lê-bạt-ma*

Hán dịch: *Tam tạng Pháp sư*

Ciuru-ma-la-thập (Kumarajiva, 344-413)

Việt dịch:

Tỳ-kheo Thích Trí Nghiêm (1911-2003)

Chùa Hải Tuệ (Sài Gòn) ấn hành – 1967

Nội dung gồm có 20 quyển, chia thành 202 phần: *Q.I*, P.1 Phần Duyên khởi trong nhóm Phát tụ trước phẩm luận Phật bảo, P.2 Thập lực, P.3 Tứ Vô úy, P.4 Thập hiệu, P.5 Tam bất hộ; P.6 Luận pháp bảo – Trước P. Tam thiện, P.7 Chứng pháp, P.8 Thập nhị bộ Kinh; P.9 Luận Tăng bảo – Trước P. Thanh tịnh, P.10 Phân biệt Hiền Thánh, P.11 Phước điền; *Q.II*, P.12 Cát tường, P.13 Lập luận, P.14 Luận môn, P.15 Tán luận, P.16 Tứ pháp, P.17 Tứ đế, P.18 Pháp tụ, P.19 Thập luận trước hữu tướng, P.20 Vô tướng; *Q.III*, P.21 Nhị thể hữu, P.22 Nhị thể vô, P.23 Nhất thiết hữu vô, P.24 Có Trung âm, P.25 Không Trung âm, P.26 Thứ đệ, P.27 Nhất thời, P.28 Thối, P.29 Bất thối, P.30 Tâm tính, P.31 Tương ưng- bất tương ưng, P.32 Quá khứ nghiệp, P.33 Biện nhị bảo, P.34 Vô ngã, P.35 Hữu ngã-vô ngã, P.36 Sắc tướng trong Sắc luận nhóm Khổ đế, P.37 Danh sắc, P.38 Tứ đại giả danh, P.39 Tứ đại thật hữu; *Q.IV*, P.40 Phi bỉ chứng, P.41 Minh bản tông, P.42 Không tướng cứng, P.43 Có tướng cứng, P.44 Tướng Tứ đại, P.45 Căn giả danh, P.46 Phân biệt Căn, P.47 Căn Tứ đại đồng nhau, P.48 Căn vô tri, P.49 Căn trần hiệp ly; *Q.V*, P.50 Thanh văn, P.51 Văn hương, P.52 Giác xúc, P.53 Ý, P.54 Căn bất định, P.55 Sắc nhập tướng, P.56 Thanh tướng, P.57 Hương tướng, P.58 Vị tướng, P.59 Xúc tướng, P.60 Lập vô số trong nhận thức luận nhóm Khổ đế, P.61 Lập hữu số, P.62 Phi vô số, P.63 Phi hữu số, P.64 Minh vô số, P.65 Vô tương ưng, P.66 Hữu tương ưng, P.67 Phi

tương ưng, P.68 Đa tâm, P.69 Nhất tâm, P.70 Phi đa tâm; *Q.VI*, P.71 Phi nhất tâm, P.72 Minh đa tâm, P.73 Thức tam trụ, P.74 Thức vô trụ, P.75 Thức câu sinh, P.76 Bất câu sinh, P.77 Tướng Âm trong nhóm Khổ đế, P.78 Thọ tướng trong Thọ luận nhóm Khổ đế, P.79 Hành khổ, P.80 Hoại khổ, P.81 Diệt tam thọ, P.82 Văn thọ, P.83 Ngũ thọ căn; *Q.VII*, P.84 Tư trong luận Hành âm nhóm Khổ đế, P.85 Xúc, P.86 Niệm, P.87 Dục, P.88 Hỷ, P.89 Tín, P.90 Cần, P.91 Úc, P.92 Giác quán, P.93 Du tâm số, P.94 Bất Tương ưng hành, P.95 Nghiệp tướng trong Nghiệp luận nhóm Tập đế, P.96 Vô tác, P.97 Cố-bất cố, P.98 Kinh trong tội, P.99 Đại tiêu lợi nghiệp;

Q.VIII, P.100 Tam nghiệp, P.101 Tà hạnh, P.102 Chính hành, P.103 Kế nghiệp, P.104 Tam báo nghiệp, P.105 Tam thọ báo nghiệp, P.106 Tam chương, P.107 Tứ nghiệp, P.108 Ngũ nghịch; *Q.IX*, P.109 Ngũ giới, P.110 Lục nghiệp, P.111 Bảy bất thiện luật nghi, P.112 Bảy thiện luật nghi, P.113 Tám giới trai, P.114 Tám chủng ngữ, P.115 Chín nghiệp, P.116 Mười bất thiện đạo, P.118 Quá hoạn; *Q.X*, P.119 Tam nghiệp khinh trọng, P.120 Minh nghiệp nhân, P.121 Tướng phiền não trong Phiền não luận nhóm Tứ đế, P.122 Tham tướng, P.123 Tham nhân, P.124 Tham quá, P.125 Đoạn tham, P.126 Sân nhuế, P.127 Vô minh, P.128 Kiêu mạn, P.129 Nghi; *Q.XI*, P.130 Thân kiến, P.131 Biên kiến, P.132 Tà kiến, P.133 Nhị thủ, P.134 Tùy phiền não, P.135 Bất thiện căn; *Q.XII*, P.136 Tạp nhiễm phiền não, P.137 Cữu kiết, P.138 Tạp văn, P.139 Đoạn quá khứ, P.140 Minh nhân; *Q.XIII*, P.141 Trước phẩm lập giả danh trong nhóm Tập đế, P.142 Tướng giả danh, P.143 Phá nhật, P.144 Phá dị, P.145 Phá bất khả thuyết, P.146 Phá vô, P.147 Lập

võ, P.148 Phá thanh, P.149 Phá hương-vị-xúc; *Q.XIV*, P.150 Phá ý thức, P.151 Phá nhân quả, P.152 Thế đệ, P.153 Diệu pháp tâm, P.154 Diệt tận, P.155 Định nhân trong Định luận nhóm Đạo đế, P.156 Định tướng, P.157 Ba Tam-muội, P.158 Tứ tu định; *Q.XV*, P.159 Tứ Vô lượng định, P.160 Năm nhánh Thánh tam-muội, P.161 Sáu tam-muội, P.162 Bảy tam-muội, P.163 Tám giải thoát, P.164 Tam thắng xứ, P.165 Chín thứ lớp Sơ thiên, P.166 Nhị thiên; *Q.XVI*, P.167 Tam thiên, P.168 Tứ thiên, P.169 Vô biên hư không xứ, P.170 Ba Vô sắc định, P.171 Diệt tận định, P.172 Mười nhất thiết xứ, P.173 Mười tướng-vô thường tướng; *Q.XVII*, P.174 Khổ tướng, P.175 Vô ngã tướng, P.176 Thực yểm tướng, P.177 Nhất thiết thế gian bất khả lạc tướng, P.178 Bất tịnh tướng, P.179 Tử tướng, P.180 Hậu tam tướng, P.181 Trong Định cụ trước năm Định cụ, P.182 Bất thiện giác; *Q.XVIII*, P.183 Thiện giác, P.184 Sau năm Định cụ, P.185 Xuất nhập tức, P.186 Định nạn, P.187 Chỉ quán, P.188 Tu định; *Q.XIX*, P.189 Trí tướng trong Trí luận nhóm Đạo đế, P.190 Kiến nhất đế, P.191 Nhất thiết duyên, P.192 Thánh hành; *Q. XX*, P.194 Tam Tuệ, P.195 Bốn vô ngại trí, P.196 Năm trí, P.197 Lục thông trí, P.198 Nhẫn trí, P.199 Chín trí, P.200 Mười trí, P.201 Bốn mươi bốn trí, P.202 Bảy mươi bảy trí.

Tác phẩm này được Tỳ-kheo Thích Đăng Quang (Trụ trì chùa Hải Tuệ-Sài Gòn), tái bản năm 1970, 1979.

1.667.

THẮNG PHÁP LÝ NHIỆP LUẬN (ABHIDHAMMATTHASANGAHA)

Việt dịch:

TT. Pháp Chất – Luận sư A-tỳ-đàm

Nxb Tôn Giáo, PL. 2555 – DL. 2011

Sách có khổ 14 x 20cm, dày hơn 190 trang, bìa mềm.

Nội dung gồm có 9 chương: 1. Lời nói đầu, 2. C.I, Biệt Phân tâm nhiếp: Tâm Dục giới (54 tâm), Tâm Sắc giới (15 tâm), Tâm Vô sắc giới (12 tâm), Tâm siêu thế (8 hoặc 40 tâm); 3. C.II, Biệt Phân tâm sở nhiếp: Lược thuyết 52 tâm sở, Tâm sở phối hợp, Tâm sở phối hợp Bất định – Nhất định, Tâm nhiếp; 4. C.III, Biệt Phân linh tinh nhiếp: Thọ nhiếp (5 thọ) – Nhân nhiếp (6 nhân), Sự nhiếp (14 sự), Phân loại 10 Sở, Tâm có mấy Sự, Sự có mấy Tâm, Môn nhiếp (6 môn), Cảnh nhiếp (6 cảnh), Vật nhiếp (6 vật); 5. C.IV, Biệt Phân lộ nhiếp: Lộ ngũ môn, Lộ ý môn, Lộ kiên cố (đắc Đạo – đắc Thiên), Sự xác định đồng tốc, Tâm nào sanh cho cá nhân (người) nào, Tâm nào sanh cho địa giới (cõi) nào; 6. C.V, Biệt Phân siêu lộ nhiếp: Tứ pháp địa (4 cõi nương sanh), Tứ pháp tái tục (sanh vào 4 cõi), Tứ pháp Nghiệp (4 phân loại Nghiệp), Tái tục tam nhân – Nhị nhân, Tứ pháp tử (4 cách chết); 7. C.VI, Biệt Phân sắc nhiếp: Lý lược kê sắc (28 sắc pháp), Lý phân loại sắc, Lý khởi xứ Sắc (Nhân sanh Sắc), Lý Khôi tụ Sắc (các Khôi sắc), Lý biến chuyển Sắc (tái tục, tử...), Niết-bàn (2 hoặc 3 loại); 8. C.VII, Biệt Phân tương tập nhiếp: Bất thiện nhiếp, Hôn tạp nhiếp, Giác phần nhiếp, Nhất thiết nhiếp; 9. C.VIII, Biệt Phân duyên nhiếp: Lý Y tương sinh (12 duyên sinh), Lý Biến xứ (24 duyên hệ), 6 Nhóm duyên, Danh pháp duyên Danh pháp (có 6 Duyên), Danh pháp duyên Danh + Sắc (có 5 Duyên), Danh pháp duyên Sắc pháp (có 1 duyên), Sắc pháp duyên Danh pháp (có 1 duyên), Chế định + Danh + Sắc duyên Danh pháp (có 2 Duyên), Danh Sắc duyên Danh Sắc (có 6 duyên), 2 loại Chế định (Thê và Danh chế định); 10. C.IX, Biệt Phân nghiệp xứ nhiếp: Chỉ nhiếp (40 đề mục

Thiền chỉ), 10 Biến xứ, 10 Bất mỹ (tử thi) + 10 Tùy miên, 4 Vô lượng (Phạm trú), Vật thực Uế trước tướng + Xác định giới + 4 Vô sắc, 5 loại Thắng trí (Thần thông), Minh quán nhiếp (Thiền quán), 10 Minh quán trí, 7 Biệt tịnh, 10 Tùy phiền não Minh quán, 3 Giải thoát môn (đạo), Phân loại giải thoát (quả), Phân loại Cá nhân (Thánh nhân), Phân loại Định nhập (Thánh định), Kệ ngôn Duyên khởi và kết thúc.

1.668. THẮNG PHÁP TẬP YẾU - LUẬN - Tập I và II

ABHIDHAMMATTHASANGAHA hay Môn Tâm lý học của Đạo Phật

Dịch và giải:

Tỳ-kheo Thích Minh Châu (1918-2012)

Ban Tu thư viện Đại học Vạn Hạnh

xuất bản

Sách có khổ 15 x 23cm, tổng cộng 2 tập dày 315 trang, bìa mềm, nội dung gồm có 10 chương.

Tập I, xuất bản năm 1966, có 166 trang, gồm 5 chương: Lời nói đầu, *Chương I*, Tâm vương (Bất thiện tâm, Vô nhân tâm, Tịnh quang tâm, Sắc giới tâm, Vô sắc giới tâm, Siêu thế tâm); *Chương II*, 1. Các loại tâm sở: Biến hành, Biệt cảnh, Bất thiện, Tịnh quang, 2. Những tâm sở nào hiện hành trong những tâm sở nào (biến hành, biệt cảnh, bất thiện và tịnh quang), 3. Loại tâm nào có những loại tâm sở nào và bao nhiêu tâm sở (với: siêu thế tâm, đại hành tâm, dục giới tịnh quang tâm, bất thiện tâm, vô nhân tâm); *Chương III*, Pakinnaka (linh tinh): Phân loại theo: thọ, nhân, công tác, căn môn, đối tượng, trú căn; *Chương IV*, Lộ trình của tâm (Citavithi): - Lộ trình của tâm qua 5 căn, - Lộ trình qua ý môn, - Lộ trình của An chỉ tốc hành tâm, - Đồng sở duyên tâm, - Tốc hành tâm, - Các loại chúng sanh, - Các địa giới; *Chương V*, Ra

ngoài loại trình (Vithimutta): Bốn địa, Các loại kiết sanh thức, Thọ mạng trên sắc giới thiên, Thọ mạng trên vô sắc giới thiên, Bốn loại nghiệp, Nguyên nhân của chết, Nghiệp, nghiệp tướng và thú tướng, Lộ trình tâm của một người sắp chết, Giòng tâm thức; Phụ lục: 1. Pali – Việt, 2. Việt – Pali.

Tập II, xuất bản năm 1973, có 149 trang, gồm 4 chương (VI, VII, VIII và IX) tiếp theo tập I. *Chương VI*, Sắc (Rùpa), có 6 phần: Tóm lược, Phân loại các Sắc pháp, Sắc sinh khởi, Tổng hợp các Sắc, Diễn biến Sắc pháp, Niết-bàn. *Chương VII*, Tập yếu những danh từ Abhidhamma (Samuccaya-Sangaha-Vibhàgo), gồm: Tập loại tập yếu và Tổng quát tập yếu. *Chương VIII*, Duyên khởi và duyên hệ, có 2: Trợ duyên tập yếu và Duyên hệ duyên. *Chương IX*, Nghiệp xứ và đối tượng tu hành. Sau cùng là phần Phụ lục I. Pali – Việt, Phụ lục II. Việt – Pali.

Bộ Luận này được tái bản năm 2005, Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam, Nxb Tôn Giáo.

1.669.

THẮNG PHÁP TẬP YẾU LUẬN ABHIDHAMMATTHASANGAHA

Nguyên tác:

Trưởng lão Saddhamma Jotika

Việt dịch: *Sư Thiện Duy*

Lưu hành nội bộ, PL. 2560 – DL. 2016

Sách dày hơn 329 trang. Nội dung gồm có: Lời nói đầu, Tiểu sử ngài Saddhamma Jotika Dhammacariya (2492-2509), Lời dẫn nhập, Nội quy trong việc dạy và học; Pháp tục đế: Danh chệ định-Namapannatti: gồm có 6 là, Nghĩa chệ định-Atthapannatti: gồm có 7 là; Pháp chân đế: *C.I, Tâm chân đế-Citta Sangaha*, Phân tích tâm theo cõi, Tổng quát cách chia tâm: 12 Tâm bất thiện (Akusalacitta),

2 Tâm vô nhân (Ahetukacitta), 30 Tâm bất tịnh hảo (Asobhanacitta) và 59 hoặc 91 Tâm tịnh hảo (Sobhanacitta), 24 Tâm tịnh hảo dục giới (Kàmàvacarasobhnacitta), 54 Tâm dục giới (Kàmàvacaracitta), 15 Tâm sắc giới-Rùpàvacaracitta, 12 Tâm vô sắc giới-Arùpàvacaracitta, 27 Tâm đạo đại (Mahaggatacitta), 81 Tâm hiệp thể (Louttaracitta), 89 Tâm theo 4 Sanjati tái tục, 89 Tâm chia theo cõi (Bhùmibhedana), Không có lãnh vực khác nhau, Tâm siêu thế-Lokutaracitta, 67 Tâm thiền (Jhana), 89/121 Tâm chia theo 9 cách (Naya), Những câu hỏi về Tâm chân đế; *C.II, Sở hữu*: 1. Sở hữu tợ tha (Annasamànetasika), 2. Sở hữu bất thiện (Akusalacetasika), 3. 25 Sở hữu tịnh hảo (Sobhanacetasika), 4. Cách phối hợp của 25 Sở hữu Tịnh hảo, Giải thích chi tiết 2 Sở hữu Vô lượng phần, Sở hữu bất định phần-Cố định phần; *Tâm nhiếp (Sangaha)*, Sở hữu phối hợp tối đa trong 67 Tâm thiền (Jhànacitta), Phân tích 27 Sở hữu theo 12 Tâm bất thiện (Sattavisatti Punnamhi), 7 Cách nhiếp (Sangaha) trong 12 Tâm bất thiện, 14 Sở hữu bất thiện Biến hành, Phân tích 12 Sở hữu với 18 Tâm vô nhân, 4 Cách nhiếp trong 18 Tâm vô nhân, Phân tích 38 Sở hữu theo 24 Tâm tịnh hảo dục giới, 12 Cách nhiếp trong 24 Tâm tịnh hảo dục giới, 35 Sở hữu theo 27 Tâm đạo đại, Kế trình bày 5 cách phối hợp của 27 Tâm đạo đại, Phân tích 36 Sở hữu theo 40 Tâm siêu thế, Kế ngôn trình bày 5 cách phối hợp của 40 Tâm siêu thế, Ý nghĩa khác nhau của Sở hữu Thọ phối hợp cùng với 5 Tâm thiền (Jhàna), Vài phần Sở hữu tịnh hảo không phối hợp, Nguyên nhân 3 Sở hữu ngăn trừ phần không Phối hợp với Tâm đại quả và Tâm đại tố, Nguyên nhân 3 Sở hữu ngăn trừ phần không Phối hợp với Tâm đạo đại, Nguyên nhân 2 Sở hữu Vô lượng phần không Phối hợp với Tâm

đại quả và Tâm siêu thế, Trình bày Sở hữu làm cho Tâm có sự phân biệt, Trình bày chi tiết Sở hữu có 3.426 Sở hữu; *Tadubhayanissakanaya*: 1. 13 Sở hữu tợ tha (Annasamànetasika), 2. 14 Sở hữu bất thiện (Akusalacetasika), 3. 25 Sở hữu tịnh hảo (Sobhanacetasika), Câu hỏi trong Cetasika Paramattha, *C.VI, Sắc pháp – Niết-bàn*, Phần 1. Sắc pháp – Rùpaparamattha, Phân tích 28 Sắc sanh trong 11 cõi dục, Phân tích 23 Sắc sanh khởi trong 15 cõi sắc (trừ chúng sanh cõi vô tưởng), theo 4 nhân sanh (Samutthàna), Phân tích 17 Sắc sanh khởi trong cõi Vô tưởng (Asannasattabhùmi), theo 4 nhân sanh (Samutthàna), Sắc sanh không được trong thời tái tục (Patisandhikala), Sanh loại (Yoni), Trình bày sự sanh khởi của cả 5 nhóm Sắc do Nghiệp sanh, Sự tồn tại của 4 Sắc trong cõi dục như đóm lửa hoặc dòng nước, Trình bày sự diệt của tất cả 4 Sắc, Kế ngôn trình bày sự luân chuyển trong vòng sanh tử của Sắc; Những câu hỏi về Sắc pháp Chân đế, Phần 2. Niết-bàn – Nibbana, Niết-bàn có 1, Niết-bàn có 2, Niết-bàn có 3, Câu hỏi trong Niết-bàn.

1.670. THẮNG PHÁP TẬP YẾU - LUẬN hậu số giải

Dịch giả: *Tỳ-khuru Khải Minh*

Nxb Tôn Giáo – 2008

Sách có khổ 14.5 x 20.5cm, dày có 584 trang, nội dung gồm: - Lời tựa; - Trình bày 16 Nghiệp phân thành 4 nhóm, - Thích giải rộng nhóm 4 Nghiệp; 1. Nhóm 4 Nghiệp theo phạm sự (Kammacatukka); 2. Nhóm 4 Nghiệp cho quả theo tuần tự (Pakadan Apariyayacatuka); 3. Nhóm 4 Nghiệp theo thời gian (Pakakalacatukka); Bốn nguyên nhân tử (Maranuppatticatukka).

**1.671. THẮNG PHÁP TẬP YẾU
LUẬN và Lời Giải Thích – Tập 1**

Nguyên bản: *Nhóm Dunadhammanidhi*

Người dịch: *Tỳ-khuru Khải Minh*

(*Bhikkhu Jotivàdi*)

Nxb Hồng Đức – 2017

Sách có khổ 14.5 x 20.5cm, dày hơn 454 trang, bìa cứng.

Nội dung gồm có 3 chương: Lời tựa, Kế ngôn khởi đầu, - Ý nghĩa của Từ tâm, - Ý nghĩa của Từ “Tâm sở”, Ý nghĩa của Từ “Sắc pháp”, Ý nghĩa của Từ “Niết-bàn”; *C.I Tâm tập yếu*, Tâm dục giới, Mười hai Tâm bất thiện: Giải thích về tám Tâm đồng sanh tham, Giải thích về hai Tâm sân, Giải thích về hai Tâm si; Mười tám Tâm vô nhân: Bảy Tâm quả bất thiện, Tám tâm quả thiện vô nhân, Ba Tâm tố vô nhân; Hai mươi bốn Tâm dục giới Tịnh hảo: Tám tâm thiện dục giới, Tám Tâm tố dục giới hữu nhân; Tâm Sắc giới: Tâm thiện sắc giới, Tâm quả sắc giới, Tâm tố sắc giới; Tâm Vô sắc giới: Tâm thiện Vô sắc giới, Tâm quả Vô sắc giới, Tâm tố Vô sắc giới; Tâm Siêu thế: Giải thích về Tâm quả siêu thế, Giải thích về Tâm quả siêu thế; *C.II Tâm Sở tập yếu*, Mười ba Tâm sở tợ tha: 1. Xúc, 2. Thọ, 3. Tưởng, 4. Tư, 5. Nhất hành, 6. Mạng quyền, 7. Tác ý, 8. Tầm, 9. Tứ, 10. Thắng giải, 11. Cần, 12. Hỷ, 13. Dục; Mười bốn Tâm sở bất thiện, 1. Si, 2. Vô tầm, 3. Vô úy, 4. Phóng dật, 5. Tham, 6. Tà kiến, 7. Ngã mạn, 8. Sân, 9. Tật, 10. Lận, 11. Hối, 12. Hôn trầm, 13. Thụy miên, 14. Hoài nghi; Hai mươi lăm Tâm sở Tịnh hảo: 1. Tín, 2. Niệm, 3. Tàm, 4. Úy, 5. Vô tham, 6. Vô sân, 7. Hành xả, 10. Khinh thân, 11. Khinh tâm, 12. Nhu thân, 13. Nhu tâm, 14. Thích thân, 15. Thích tâm, 16. Thuần thân, 17. Thuần tâm, 18. Chánh thân, 19. Chánh tâm, 20. Chánh ngữ, 21. Chánh nghiệp, 22. Chánh mạng, 23. Bi, 24. Tùy hỷ, 25. Tuệ quyền; Phương

cách phối hợp: - Phương cách phối hợp của 13 Tâm sở Tợ tha, - Phương cách phối hợp của 14 Tâm sở bất thiện, - Phương cách phối hợp của 25 Tâm sở Tịnh hảo; Phương cách Yếu hiệp: - Phương cách Yếu hiệp trong Tâm siêu thế, - Phương cách Yếu hiệp trong Tâm Đáo đại, - Phương cách Yếu hiệp trong Tâm dục giới Tịnh hảo, - Phương cách Yếu hiệp trong Tâm bất thiện; *C.III Linh tinh Tập yếu*: Thọ tập yếu, Phân tích Tâm đồng sanh với thọ, Kế ngôn Thọ tập yếu; Nhân tập yếu, Phân tích Tâm tương ưng với nhân, Kế ngôn trong Nhân tập yếu, Xác định Tâm có bao nhiêu Sự, Kế ngôn về Sự tập yếu; Môn tập yếu, Phân tích Tâm diễn tiến theo Môn, Kế ngôn trong Môn tập yếu; Cảnh tập yếu, Phân tích Tâm biết cảnh theo đường Môn, Giải thích Phân tích về Phân loại và Số lượng Cảnh tâm biết; Vật tập yếu, Phân tích về Vật, Quy định về Tâm sinh diễn nương vào Vật, Giải thích về kế ngôn Vật tập yếu.

1.672. THẬP NHỊ MÔN LUẬN

Giảng giải: *HT. Thích Thanh Từ*
Thiền viện Thường Chiếu – 1987

Sách dày có 59 trang, bìa mềm, nền vàng, chữ tựa màu đen. Kết cấu gồm 12 chương: C.1 Quán Nhân duyên môn, C.2 Quán hữu quả vô quả môn, C.3 Quán Duyên môn, C.4 Quán Tướng môn, C.5 Quán Hữu tướng vô tướng môn, C.6 Quán nhất dị môn, C.7 Quán hữu vô môn, C.8 Quán tánh môn, C.9 Quán nhân quả môn, C.10 Quán tác giả môn, C.11 Quán tam thời môn, C.12 Quán sanh môn; Vô sanh pháp nhãn thông nhiếp nghĩa Thập nhị môn.

(*Bản lưu tại Thư viện Huệ Quang-Trung Tâm Dịch Thuật Hán-Nôm Huệ Quang, Tp. Hồ Chí Minh; Mã sách: Vluan 0147*)

1.673. THẬP NHỊ MÔN LUẬN

(Luận về Mười hai Cửa)

Tạo luận: *Long Thọ (Nàgàrjuna)*

Hán dịch: *Tam tạng Pháp sư -*

Cưu-ma-la-thập (Kumàrajiva, 344-413)

Việt dịch (1996): *Thích Viên Lý*

Viện Triết lý Việt Nam và Thế giới xuất

bản 2000. Toàn bộ tác phẩm này gồm có: -

Lời mở đầu của Dịch giả bản dịch Anh

ngữ; Cửa 1. Quán nhân duyên, Cửa 2.

Quán hữu quả và vô quả, Cửa 3. Quán

duyên, Cửa 4. Quán tướng, Cửa 5. Quán

hữu tướng hay vô tướng, Cửa 6. Quán

đồng nhất hay dị biệt, Cửa 7. Quán hữu và

vô, Cửa 8. Quán tánh, Cửa 9. Quán nhân

quả, Cửa 10. Quán tác giả (quán tạo hóa),

Cửa 11. Quán tam thời, Cửa 12. Quán

sanh. (<https://thuvienhoasen.org>, *Luật-*

Tánh không)

1.674. THẬP NHỊ MÔN LUẬN

(Luận về Mười hai Cửa)

Tạo luận: *Long Thọ (Nàgàrjuna)*

Hán dịch: *Tam tạng Pháp sư Cưu-ma-la-*

thập (Kumàrajiva, 344-413)

Việt dịch: *Thích Nhất Chân*

Tác phẩm Luận này gồm có 12 môn (M):

M.1 Quán Nhân duyên, M.2 Quán có quả-

không có quả, M.3 Quán Duyên, M.4

Quán Tướng, M.5 Quán Hữu tướng-vô

tướng, M.6 Quán Nhất dị, M.7 Quán Hữu

vô, M.8 Quán Tính, M.9 Quán Nhân quả,

M.10 Quán Tác giả, M.11 Quán Ba thời,

M.12 Quán Sinh.

(<https://phatphapungdung.com>; *Pháp*

bảo-Luận tạng)

1.675.

THẤT THẬP KHÔNG TÁNH LUẬN

Tác giả: *Bồ-tát Long Thọ*

Hán dịch:

Pháp sư Pháp Tôn (1902-1980)

Việt dịch (2017): *Quảng Minh*

Nội dung tác phẩm này gồm có: - Dẫn nhập; và 73 bài kệ luận về Tánh không của Bồ-tát Long Thọ, nguyên bản kệ chữ Hán (mỗi câu 5 chữ, một bài có 4 câu), phiên âm và dịch nghĩa.

(<https://thuvienhoasen.org>, *Luận-Tánh không*)

1.676. Thích Nghĩa LUẬN NHIẾP ĐẠI THỪA (Nhiếp Đại Thừa Luận Thích)

Thích nghĩa: *Bồ-tát Thế Thân*

Hán dịch: *Chơn Đế*

Việt dịch: *Nguyễn Hồng*

Tác phẩm Luận này gồm có: P.1 Giải

thích các tên trong Y chỉ thắng tướng 1,

C.1 Vô đẳng Thánh giáo, C.2 Thứ tự của

10 nghĩa, C.3 Các tên gọi; P.2 Giải thích

các tên trong Y chỉ thắng tướng 2, C.1

Tướng, C.2 Huân tập, C.3 Không một

không khác, C.4 Làm nhân quả cho nhau,

C.5 Nhân quả riêng hay không riêng, C.6

Duyên sanh; P.3 Dẫn chứng, C.1 Phiền

não bất tịnh, C.2 Nghiệp bất tịnh, C.3 Sinh

bất tịnh, C.4 Thế gian tịnh, C.5 Xuất thế

gian tịnh, P.3 Giải thích các dẫn chứng,

C.6 Thuận đạo lý; P.4 Giải thích Sai biệt,

C.1 Ngôn thuyết, C.2 Ngã kiến, C.3 Hữu

phân, C.4 Dẫn sinh, C.5 Quả báo, C.6

Duyên tướng, C.7 Tướng mạo; P.5 Phải

biết thắng tướng 1, C.1 Tướng, C.2 Sai

biệt, C.3 Phân biệt; P.5 Phải biết thắng

tướng 2, C.4 Làm rõ ý y; Phải biết nhập

thắng tướng 3, C.1 Tướng chính nhập, C.2

Người năng nhập, C.3 Cảnh giới nhập, C.4

Vị nhập, C.5 Nhập phương tiện đạo, C.6

Nhập tư lương, C.7 Nhập tư lương quả,

C.8 Hai trí dụng, C.9 Hai trí y chỉ, C.10

Hai trí sai biệt; Nhập nhân quả thắng

tướng 4, C.1 Nhân quả vị, C.2 Thành lập 6

số, C.3 Tướng, C.4 Thứ tự, C.5 Đặt tên,

C.6 Tu tập, C.7 Sai biệt, C.8 Nhiếp, C.9

Đối trị, C.10 Công đức, C.11 Hiện thị lẫn

nhau; Giải thích nhập Nhân quả Tu sai biệt

thắng tướng 5 (1), C.1 Đối trị, C.2 Đặt tên, C.3 Tướng chứng đắc, C.4 Tu chứng; Giải thích nhập Nhân quả Tu sai biệt thắng tướng 5 (2), C.5 Tu thời; Giải thích Y giới học thắng tướng 6; Giải thích Y tâm học thắng tướng 7; Y tuệ học thắng tướng 8; Học quả tịch diệt thắng tướng 9; Trí sai biệt thắng tướng 10 (1); Giải thích Trí sai biệt thắng tướng 10 (2); Giải thích Trí sai biệt thắng tướng 10 (3).

(<https://phatphapungdung.com>, *Pháp bảo/Luận tạng*)

1.677. THÍCH TỊNH ĐỘ - QUẢN NGHI LUẬN

Biên soạn: *Hoài Cẩm*

Viết dịch: *Thích Pháp Chánh*

Nội dung Luận này gồm có 7 quyển, 12 phần: *Quyển một*, Phần I. Thân và cõi của phàm phu vãng sanh, 1. Nói tổng quát về thân và cõi, 2. Nói về thân và cõi Cực Lạc, 3. Cõi hữu lậu và cõi vô lậu, 4. Tam giới nhiếp hay không nhiếp, 5. Hữu lậu cũng thanh tịnh, 6. Cõi tịnh có cõi uế, 7. Ba nghĩa của Pháp sư Đạo An; Phần II. Phàm phu có thể vãng sanh, 1. Truy cầu hữu tướng, 2. Sự lý của sự cầu sanh; *Quyển hai*, 3. Thế để vãng sanh, 4. Quán sắc không tà, 5. Phật đến không đến, 6. Phật danh hữu thuyên; Phần III. Hội thông sự mâu thuẫn của Luận Nhiếp Đại thừa, 1. Hội thông ba địa, 2. Hội thông biệt thời; Phần IV. Đối với phàm phu vãng sanh nêu rõ bốn xứ, 1. Năm nẻo vãng sanh, 2. Trung âm cõi Cực lạc; Phần V. Đối với phàm phu vãng sanh nêu rõ sự tăng trưởng lòng tin, 1. Chư Phật chứng thành, 2. Phật đầy đủ các nguyện, 3. Biết chắc vãng sanh, 4. Không nguyện vãng sanh về cõi sắc, 5. Trì giới được trường thọ, 6. Hối tiếc được vãng sanh, 7. Không khuyên vãng sanh Tịnh độ của cõi Ta-bà; *Quyển ba*, Phần VI. Hội thông Kinh điển để đả

phá những giải thích sai lầm, 1. Ngũ nghịch báng pháp được tiếp dẫn hay không, 2. Niệm Phật trong thời tượng pháp, mật pháp, 3. Cật vấn học giả Tam giai giáo, 4. Sự bất đồng giữa khai và ngãn, 5. Lưu lại trăm năm, 6. Sự diệt tội trong Kinh Thập Luân, 7. Năm lợi ích thù thắng của sự niệm Phật; *Quyển bốn*, 8. Báng pháp và vãng sanh, 9. Phật pháp đúng căn cơ, 10. Chuyên tu và tạp tu, 11. Thắng trăm của sự niệm Phật, 12. Niệm Phật trừ ma; Phần VII. So sánh sự hơn kém giữa cõi Đâu-suất và cõi Cực Lạc, 1. So sánh giữa hai cõi, 2. Sự dị đồng giữa hai cõi; Phần VIII. Sự khởi nghiệp của hành giả vãng sanh, 1. Tịnh độ nhuận sanh, 2. Duyên sanh có không, 3. Phiền não không khởi, 4. Phiền não câu-sanh sinh khởi, 5. Vãng sanh bất thoái, 6. Sự vui khác biệt giữa cõi tịnh và cõi uế, 7. Siêu Thánh không khổ; *Quyển năm*, Phần IX. Hành nghiệp của sự vãng sanh, 1. Không hữu tùy căn cơ, 2. Chỉ khuyên vãng sanh Tây Phương, 3. Mạng chung hỷ xả, 4. Niệm Phật dài ngắn, 5. Thoái vị hân tịnh, 6. Có hay không có hóa nữ, 7. Bất tạp kiết sử, 8. Đối trị lúc lâm chung, 9. Tịnh độ mau chứng, 10. Thường khuyên niệm Phật, 11. Chư ác không khởi, 12. Ngũ nghịch không định, 13. Bốn nghiệp có nhiếp hay không, 14. Ba mươi lợi ích thù thắng, 16. Hành môn không phải chỉ có một, 17. Thiển vị cầu tịnh, 18. Nhị thừa không sanh, 19. Vĩnh tuyệt ác thú; *Quyển sáu*, 20. Tất cả đều được vãng sanh hay không, 21. Cõi nước Thanh Thái, 22. Ngũ thông siêu thắng, 23. Phần đoạn biến dịch, 24. Cực Lạc không có sự khổ, 25. Cực Lạc độ khổ, 26. Tám thức ba thọ, 27. Thân không có trùng, 28. Cách đây không xa, 29. Tâm đó làm Phật, 30. Có thể thấy Phật đánh hay không, 31. Được thấy chư Phật, 32.

Sanh trước chư Phật, 33. Tức thấy Phật tâm; Phần X. Biện biệt chín phẩm, 1. Chín phẩm vãng sanh, 2. Lục tín không thoái chuyển, 3. Phật có đến rước người vãng sanh Trung phẩm Hạ sanh hay không, 4. Diệt tội nhiều ít, 5. Nghe Kinh niệm danh hiệu Phật, 6. Đầy đủ mười niệm, 7. Bảy sự thù thắng của niệm Phật, 8. Vô thượng công đức, 9. Một niệm được sanh; *Quyển bảy*, 10. Riêng khuyên vãng sanh cõi Phật A-di-đà, 11. Niệm Phật nhiều thiện, 12. Sự lý của niệm Phật, 13. Nghiệp thành được sanh hay không, 14. Lâm chung niệm Phật, 15. Lửa và hoa sen khác biệt, 16. Hạ hạ sen vàng, 17. Thời kiếp của cõi Cực Lạc, 18. Nhân duyên hoa khế, 19. Tịnh độ diệt tội, 20. Một niệm mười niệm, 21. Tồn lực ích năng, 22. Nghiệp cũ được sanh, 23. Thiện ác diệt nhau; Phần XI. Biện biệt hành tướng niệm Phật Tam-muội, 1. Chứng cứ của pháp Niệm Phật Tam-muội, 2. Thứ lớp tu đạo, 3. Phạm Thánh đều học, 4. Thông niệm ba thân, 5. Trong định thấy sự khác biệt, 6. Hạ căn đắc định, 7. Trong định thấy cảnh giới có lường, 8. Định cảnh chân thật, 9. Biết thật Tam-muội, 10. Tu tam-muội được lợi ích, 11. Định học sâu cạn, 12. Tồn hoại của sự phỉ báng và lợi ích của lòng tin, 13. Niệm Phật trong phòng tội; Phần XII. Biện biệt pháp Sám hối bằng cách gặp đầu đấm ngực, 1. Biện biệt pháp Sám hối bằng cách gặp đầu đấm ngực. (<https://phatphapungdung.com>, *Pháp bảo-Luận tạng*)

1.678.

THIÊN THÂN TỊNH ĐỘ LUẬN

Nguyên tác: *Vasubandhu's Discourse On The Pure Land*

Tác giả: *Thiên Thân Tôn giả*

Dịch từ Hoa ngữ: *Hisao Inagaki*

Chuyển ngữ: *Tuệ Uyển (04/12/2010)*

Tác phẩm Luận này gồm có: - Thi kệ ngưỡng vọng vãng sinh: Luận theo Kinh Vô Lượng Thọ; Luận giải: I. Ba thực tập chánh niệm đầu tiên, II. Quán chiếu về cõi Tịnh độ, III. Tự lợi và lợi tha toàn hảo, IV. Cõi Tịnh độ hướng đến thực tại tối hậu, V. Quán tưởng Đức Phật Di-đà, VI. Quán chiếu về những Bồ-tát, VII. Tất cả những sự biểu hiện kỳ diệu thâm nhập vào trong tâm-nguyện, VIII. Thâm nhập vào trong giáo pháp một nguyên lý, IX. Hai loại thanh tịnh, X. Chuyển hóa chúng sinh với phương tiện thiện xảo, XI. Tiêu trừ những chướng ngại đến giác ngộ, XII. Thành tựu phù hợp với giác ngộ, XIII. Tóm tắt một số thuật ngữ chìa khóa, XIV. Hoàn thành những thệ nguyện và hành động, XV. Hoàn thành những hành động lợi ích. (<https://phatphapungdung.com>; *Pháp bảo-Luận tạng*)

1.679. THIÊN LUẬN – 2 quyển

ESSAYS IN ZEN BUDDHISM

Tác giả: *Daisetz Teitaro Suzuki*

Dịch giả: *Trúc Thiên (1920-1972)*

và *Tuệ Sỹ*

An Tiêm xuất bản – 1971

Thiên Luận, Quyển thượng gồm có 8 luận, dày 658 trang. Luận I, Thiên: Thuật trừng tâm và khai phóng nhân sinh (tổng luận); Luận II, Thiên: Đạo giác ngộ qua kiến giải Trung Hoa; Luận III, Giác ngộ và vô minh; Luận IV, Lịch sử Thiên tông từ Đạt-ma đến Huệ Năng; Luận V, Ngộ hay là sự phát hiện một chân lý mới trong đạo Thiên; Luận VI, Thiên pháp thực tập; Luận VII, Thiên đường và Thanh qui; Luận VIII, Mười bức tranh chăn trâu; Phụ trương Hán tự; Biểu tra cứu; Đồ biểu pháp hệ Thiên; Phụ bản: 1 (Đạt-ma, Huệ Năng, Đức Sơn, Lâm Tế); 2. Mười tranh chăn trâu; Đính chính.

Thiền Luận, Quyển hạ gồm có 8 luận, dày 629 trang: - Tựa; Luận I, Từ Thiền đến Hoa Nghiêm; Luận II, Gandavyùha, lý tưởng Bồ-tát và Phật; Luận III, Trụ xứ của Bồ-tát; Luận IV, Gandavyùha nói về mong cầu giác ngộ; Luận V, Ý nghĩa của Tâm Kinh Bát-nhã trong Phật giáo Thiền tông; Luận VI, Triết học và tôn giáo trong Bát-nhã Ba-la-mật-đa; Luận VII, Văn hóa Nhật Bản và những cống hiến của Phật giáo, đặc biệt Thiền tông; Luận VIII, Sinh hoạt Thiền trong các họa phẩm; Đính chính; Mục lục các họa phẩm.

Tác phẩm này tái bản nhiều lần: Năm 1973, Nxb An Tiêm; năm 1992, Nxb Tp. Hồ Chí Minh.

1.680. THIÊN TÔNG KHẢO LUẬN

Tác giả: *Huỳnh Trung Chánh*

Nxb Hồng Đức – 2014

Toàn bộ tác phẩm này gồm có 5 phần: Phần I. Đại cương, 1. Định nghĩa (Thiền-định), 2. Phân loại Thiền: 1. Ngoại đạo thiên, 2. Phạm phu thiên, 3. Nhị thừa thiên, 4. Đại thừa thiên; Phần II. Lịch sử Thiền tông: 1. Tổ Thiền tông Ấn Độ, 2. Tổ Thiền tông Trung Hoa, 3. Nhận định giá trị sử liệu Thiền tông, 4. Kết luận; Phần III. Chủ yếu tư tưởng Thiền tông, 1. Vị trí Thiền trong tư tưởng Đại thừa, 2. Đặc tính Thiền tông (Tinh thần phá chấp, Ngộ và kiến tánh...); Phần IV. Thực hành Thiền, 1. Thiền và giới, 2. Hình thức tu tập, 3. Thiền và Tranh chấn trâu; Phần V. Tổng kết, 1. Thực chất Thiền tông, 2. Ưu điểm Thiền tông, 3. Vai trò ngại thiên tập.

1.681. THỨC THỨ TÁM

Lâm Như Tạng

Nxb Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh – 2006

Sách có khổ 14.5 x 20.5cm, dày hơn 499 trang. Nội dung gồm có 10 chương: Lời giới thiệu nhân lần tái bản tại Việt Nam,

Lời giới thiệu; C.1 Thức thứ Tám là gì? C.2 Những tên gọi của Thức thứ Tám, C.3 Khảo sát sự hiện diện của Thức thứ Tám, C.4 Chức năng của Thức thứ Tám thể hiện qua nhân duyên và Nghiệp dẫn tái sinh, C.5 Những điều kiện trợ duyên cho Thức thứ Tám, C.6 Sự phân loại các pháp, đối tượng biểu biệt của Thức thứ Tám, C.7 Những thuộc tính của Thức thứ Tám, C.8 Ba tự Tánh và Ba vô Tánh, C.9 Hành trình chuyển Thức thành Trí, C.10 Thay lời kết luận; Phụ trang – Tiểu sử Tác giả.

TR

1.682. Triết học A-TỖ-ĐÀM của Phật Giáo Truyền Thống (Buddha Abhidhamma-Ultimate Sciene)

Nguyên tác: *Dr.Mehm Tin Mon*

Việt dịch: *Tỳ-kheo Giác Nguyên*

Nxb Hồng Đức – 2013. Sách có khổ 14.5 x 20.5cm, dày 517 trang, bìa cứng. Nội dung gồm có 9 chương: Phần đầu là Hồi hướng, Lời người dịch, Tiểu sử tác giả, Mục lục, Danh mục bảng, Danh mục hình; C.1, Tâm pháp; C.2, Tâm sở; C.3, Tạp phân tập yếu; C.4, Tâm lộ; C.5, Sinh loại-cảnh giới-tái sanh; C.6, Sắc pháp và Níp-bàn; C.7, A-tỳ-đàm tập yếu; C.8, Duyên sinh; C.9, Thiền chỉ tịnh. Sau cùng là Sách tham khảo.

1.683. TRIẾT LÝ CHƠN KHÔNG – TRUNG QUÁN LUẬN

Tác giả: *Bồ-tát Long Thọ (Nàgàrjuna)*

Biên dịch và giải thích:

Pháp sư Quảng Liên (1926-2009)

Tu viện Quảng Đức (Thủ Đức) xuất bản – 1994

Sách có khổ 14 x 20cm, dày 230 trang, bìa mềm.

Xem: *Trung Quán Luận-Triết lý Chơn không*

1.684. TRIỆU LUẬN Lược giải

Tác giả: *Tăng Triệu Đại sư (384-414)*

Lược giải: *Hám Sơn Đại sư (1546-1623)*

Việt dịch:

Tỳ-kheo Thích Duy Lực (1923-2000)

Nxb Tôn Giáo – 2005. Toàn bộ tác phẩm Luận này gồm có: - Lời Dịch giả - Tựa; 1. Giải đề, 2. Tông bản nghĩa, 3. Vật bất thiên, 4. Bất chân không, 5. Bất-nhã vô tri, 6. Niết-bàn vô danh.

1.685. TRUNG LUẬN

Tác giả: *Bồ-tát Long Thọ*

Việt dịch: *Thích Tâm Thiện*

Toàn bộ tác phẩm này gồm có 4 quyển, 27 phẩm, 446 bài tụng (mỗi bài 4 câu, mỗi câu 5 chữ), được dịch Việt ngữ (văn xuôi); Nội dung có: - Ghi chú về bản dịch lời Việt Trung Luận; *Quyển I*, C.1 Quán sát về nhân duyên, C.2 Quán sát về sự vận hành, C.3 Quán sát về sáu tình thức, C.4 Quán sát về năm uẩn, C.5 Quán sát về sáu đại, C.6 Quán sát về ô nhiễm và người ô nhiễm; *Quyển II*, C.7 Quán sát về ba tướng, C.8 Quán sát về tác nghiệp và tác giả, C.9 Quán sát về cội nguồn, C.10 Quán sát về lửa và củi, C.11 Quán sát về biên tế, C.12 Quán sát về khổ đau, C.13 Quán sát về hành, C.14 Quán sát về sự hòa hợp; *Quyển III*, C.15 Quán sát về hư vô, C.16 Quán sát về sự trói buộc và giải thoát, C.17 Quán sát về nghiệp, C.18 Quán sát về ngã và pháp, C.19 Quán sát về thời gian, C.20 Quán sát về nhân quả, C.21 Quán sát về sự sinh thành và hoại diệt; *Quyển IV*, C.22 Quán sát về Như Lai, C.23 Quán sát về sự điên đảo, C.24 Quán sát về Tứ đế, C.25 Quán sát về Niết-bàn, C.26

Quán sát về 12 nhân duyên, C.27 Quán sát về tà kiến. (*Trích từ Lịch sử Tư tưởng và Triết học Tánh không của Thích Tâm Thiện, Nxb Tp. Hồ Chí Minh 1999*)

1.686. TRUNG LUẬN

Tác giả: *Bồ-tát Long Thọ (Nàgàrjuna)*

Hán dịch: *Tam tạng Pháp sư -*

Cưu-ma-la-thập (Kumàrajiva, 344-413)

Việt dịch và chú giải:

Thích nữ Chân Hiền

Nxb Tôn Giáo, PL. 2546 – DL. 2003

Toàn bộ tác phẩm này gồm có: Lời của Dịch giả và 27 chương *Trung Luận* (với hơn 430 bài kệ).

Tác phẩm này đã được Thiền thất Diệu Tràm (Sài Gòn) in Lưu hành nội bộ năm 1994.

1.687. TRUNG LUẬN Giảng Giải

Viện Nghiên Cứu Phật Học –

Ban Thiền Học

Tạo luận: *Bồ-tát Long Thọ*

Dịch và giảng giải: *Thích Thanh Từ*

Nxb Tôn Giáo, PL. 2552 – DL. 2008

Luận có khổ 14.5 x 20.5cm, dày 1.032 trang, bìa mềm, bìa cứng, nền vàng, chữ tựa màu đỏ. Kết cấu Luận gồm có 5 quyển, 27 phẩm. Nội dung như sau: - Lời nói đầu; Q.I, P.1 Phá Nhân duyên, P.2 Phá đi và đến, P.3 Phá Lục tình, P.4 Phá Ngũ âm; Q.II, P.5 Phá Lục chủng, P.6 Phá pháp nhiễm và người nhiễm, P.7 Quán Tam tướng, P.8 Quán pháp tác và tác giả; Q.III, P.9 Phá Bồn trụ, P.10 Phá đốt và bị đốt, P.11 Phá Bản tế, P.12 Phá Khổ, P.13 Phá Hành; Q.IV, P.14 Phá Hợp, P.15 Quán Hữu Vô, P.16 Quán phược giải, P.17 Quán Nghiệp, P.18 Quán Pháp, P.19 Quán Thời; Q.V, P.20 Quán Nhân quả, P.21 Quán Thành hoại, P.22 Quán Như Lai, P.23 Quán Diên đảo, P.24 Quán Tứ đế, P.25

Quán Niết-bàn, P.26 Quán Mười hai Nhân duyên, .27 Quán Tà kiến; Phần Hán văn.

**1.688. TRUNG LUẬN
(MADHYAMAKA SASTRA)**

Tác giả: *Nagaruna (Bồ-tát Long Thọ)*

Việt dịch và tóm tắt:

Thích Thiện Siêu (1921-2001)

Nxb Tp. Hồ Chí Minh – 2001

Luận có khổ 14.5 x 20.5cm, dày 386 trang, bìa mềm, chữ tựa màu nâu.

Toàn bộ tác phẩm Luận này gồm có 27 phẩm: - Lời giới thiệu; P.1 Quán về Nhân duyên, P.2 Quán về đi lại, P.3 Quán về sáu tình, P.4 Quán về Năm âm, P.5 Quán về sáu chủng, P.6 Quán về ô nhiễm, người ô nhiễm, P.7 Quán về ba tướng, P.8 Quán về tác-tác giả, P.9 Quán về bốn trụ, P.10 Quán về đốt cháy-bị đốt cháy, P.11 Quán về bốn tế, P.12 Quán về khổ, P.13 Quán về Hành, P.14 Quán về hiệp, P.15 Quán về có-không, P.16 Quán về trói-mở, P.17 Quán về nghiệp, P.18 Quán về pháp, P.19 Quán về thời, P.20 Quán về nhân quả, P.21 Quán về thành-hoại, P.22 Quán về Như Lai, P.23 Quán về điên đảo, P.24 Quán về Tứ đế, P.25 Quán về Niết-bàn, P.26 Quán về Mười hai nhân duyên, P.27 Quán về tà kiến; Phụ lục (chữ Hán).

**1.689. TRUNG LUẬN
(MŪLAMADHYAMAKA-KĀRIKA)**

Tạo luận: *Long Thọ (Nagarjuna)*

Thích luận: *Thanh Mục (Pingalanetra)*

Hán dịch: *Tam tạng Pháp sư*

Curu-ma-la-thập (Kumàrajiva, 344-413)

Việt dịch: *Thích Thiện Hạnh*

PL. 2556 – DL. 2012. Toàn bộ tác phẩm Luận này gồm có 4 cuốn, 27 phẩm với 446 bài kệ. *Cuốn I.* (6 phẩm): - Lời người dịch, - Tựa (Thiền sư Tăng Triệu), P.1 Quán về nhân duyên (16 bài kệ), P.2 Quán về đi lại (25 bài kệ), P.3 Quán về sáu tình (8 bài

kệ), P.4 Quán về năm uẩn (9 bài kệ), P.5 Quán về sáu chủng (8 bài kệ), P.6 Quán về ô nhiễm và người ô nhiễm (10 bài kệ); *Cuốn II.* (8 phẩm): P.7 Quán về ba tướng (35 bài kệ), P.8 Quán về tác-tác giả (12 bài kệ), P.9 Quán về bốn trụ (12 bài kệ), P.10 Quán về sự đốt cháy-người bị đốt cháy (16 bài kệ), P.11 Quán về bốn tế (8 bài kệ), P.12 Quán về khổ (10 bài kệ), P.13 Quán về hành (9 bài kệ), P.14 Quán về hiệp (8 bài kệ); *Cuốn III.* (7 phẩm): P.15 Quán về có-không (11 bài kệ), P.16 Quán về trói và mở (10 bài kệ), P. 17 Quán về nghiệp (33 bài kệ), P.18 Quán về pháp (12 bài kệ), P.19 Quán về thời (6 bài kệ), P.20 Quán về nhân quả (24 bài kệ), P.21 Quán về thành hoại (20 bài kệ); *Cuốn IV.* (6 phẩm): P.22 Quán về Như Lai (16 bài kệ), P.23 Quán về điên đảo (24 bài kệ), P.24 Quán về Tứ đế (40 bài kệ), P.25 Quán về Niết-bàn (24 bài kệ), P.26 Quán về 12 nhân duyên (9 bài kệ), P.27 Quán về tà kiến (31 bài kệ).

**1.690. TRUNG LUẬN
(MADHYAMAKAKĀRIKĀ)**

Tác giả: *Bồ-tát Long Thọ (Nàgàrjuna)*

Hán dịch: *Tam tạng Pháp sư Cưu-ma-la-thập (Kumàrajiva, 344-413)*

Việt dịch: *Thích Viên Lý*

Toàn bộ tác phẩm này gồm có 4 quyển, 27 phẩm của *Trung Luận.*

(<https://thuvienhoasen.org>, *Luận-Tánh không*)

**1.691. TRUNG LUẬN
(MADHYAMAKAKĀRIKĀ)
VÀ HỒI TRANH LUẬN
(VIGRAHAVYĀVARTANĪ)**

Tạo luận: *Bồ-tát Long Thọ (Nàgàrjuna)*

Bình phẩm: *Luật sư Thanh Mục*

Hán dịch: *Tam tạng Pháp sư*

Cưu-ma-la-thập (Kumarajiva, 344-413)

Anh dịch: *Brian Bocking*

Việt dịch: *Đỗ Đình Đồng*

PL. 2555 – DL. 2012. Tác phẩm này có 247 trang, nội dung gồm: - Một số Tác phẩm của Long Thọ, - Lời người dịch; Trung Luận, có 27 chương: - Lời tựa của Tăng Duệ; C.1 Quán Nhân duyên, C.2 Đi và đến, C.3 Quán Sáu tình, C.4 Quán Năm uẩn, C.5 Quán Sáu đại, C.6 Quán Nhiễm và người nhiễm, C.7 Quán Ba tướng, C.8 Quán Nghiệp và tác nhân, C.9 Quán Bản trụ, C.10 Quán Lửa và nhiên liệu, C.11 Quán Bản tế, C.12 Quán Khổ, C.13 Quán Hành, C.14 Quán Hòa hợp, C.15 Quán Có và không, C.16 Quán Ràng buộc và giải thoát, C.17 Quán Nghiệp, C.18 Quán Pháp, C.19 Quán Thời, C.20 Quán Nhân và quả, C.21 Quán Thành và hoại, C.22 Quán Như Lai, C.23 Quán Thấy điên đảo, C.24 Quán Bốn Thánh đế, C.25 Quán Niết-bàn, C.26 Quán Mười hai nhân duyên, C.27 Quán Tà kiến; Hồi Tranh Luận, Tụng (1-241); Thư mục.

(<https://hoavouu.com>, *Sách Phật học-PDF*)

1.692. TRUNG LUẬN Yếu Giải

Nguyên tác: *Long Thọ Bồ-tát*

Hán dịch: *Thích Trí Dụ*

Việt dịch: *Giải Minh*

Nxb Tôn Giáo, PL. 2547 – DL. 2003

Sách có khổ 14 x 20cm, dày 387 trang, bìa mềm. Nội dung gồm có: Tựa, Trung luận cùng Bát-nhã, Tóm lược, và 27 phẩm, 446 bài tụng.

Xem: (27 phẩm) *Trung Luận*

1.693. TRUNG QUÁN LUẬN

Giảng giải:

Đại sư Ấn Thuận (1906-2005)

Việt dịch: *TT. Thích Nguyên Chơn*

Nxb Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh – 2008.

Toàn bộ tác phẩm này gồm có 10 đề mục:

- Lời giới thiệu, - Lời người dịch, - Tựa; 1. Nghĩa không của Trung Luận, 2. Long Thọ và những bộ luận của Ngài, 3. Duyên khởi sanh diệt và bất sanh bất diệt, 4. Phương pháp luận về Trung đạo, 5. Luận đề căn bản của Trung Quán Luận, 6. Bát bất, 7. Hữu thời-Không-Động, 8. Luận về thật tướng của các pháp theo Trung Quán, 9. Trung đạo hiện tượng và Thật tánh, 10. Luận về Nhị đế.

1.694. TRUNG QUÁN LUẬN – Triết Lý Chơn Không

Biên dịch và giải thích:

Pháp sư Quảng Liên (1926-2009)

Nxb Tôn Giáo – 2007

Tác phẩm Luận này gồm có 6 chương: - Lời nói đầu; C.I, A. Khái quát nguồn gốc và Tư tưởng văn hóa truyền thống sự phát triển Văn hóa triết học Ấn Độ, B. Văn hóa tư tưởng phi truyền thống; C.II, Nguồn gốc tư tưởng văn hóa Phật giáo, A. Địa vị và đặc tính Phật giáo, B. Tư tưởng nguyên thủy Phật giáo, C. Tư tưởng Phật giáo sau khi Phật nhập Niết-bàn, D. Tư tưởng Đại thừa xuất hiện; C.III, Sự bành trướng Đại thừa và Tiểu thừa, A. Nam tông Phật giáo (Hinayana), B. Cương lĩnh, C. Bắc tông Phật giáo, D. Trường phái Đại thừa Phật giáo Trung Hoa; C.IV, Tư tưởng Trung Quán Luận, a. Nguồn gốc, b. Tiểu sử ngài Long Thọ (Nagarjuna), c. Định nghĩa và tư tưởng Sunya, d. Nagarjuna và vấn đề nhân duyên sinh, e. Nagarjuna và Lục chủng, g. Nagarjuna và vấn đề sanh-trụ-diệt, h. Nagarjuna và vấn đề tác nghiệp, i. Nagarjuna và vấn đề linh hồn, k. Nagarjuna và vấn đề bản thể, Luân hồi, Nhân quả, l. Nagarjuna và vấn đề Hữu-Vô, m. Nagarjuna và vấn đề Nghiệp báo, o. Nagarjuna và vấn đề Niết-bàn; C.V, Nhận định; C.VI, Dịch và lược thích Trung Quán Luận (nguyên văn).

Tác phẩm Luận này đã được ấn hành từ năm 1974, hiện còn bản Roneo, Mã số: VRONEO 0011, lưu tại Thư viện Huệ Quang, Tp. Hồ Chí Minh; tái bản năm 1994 do Tu viện Quảng Đức (Thủ Đức, Tp. HCM) ấn hành.

1.695. TRUNG QUÁN LUẬN

Tác giả: *Bồ-tát Long Thọ*

Dịch & giải: *CHT Chánh Tấn Tuệ*

Nxb Tôn Giáo, PL. 2545 – DL. 2001

Sách có khổ 14 x 20cm, dày hơn 317 trang. Nội dung gồm có: Lời cảm ơn, Lời giới thiệu, Lời nói đầu; 1. Phá Nhân duyên – luận giải, 2. Phá Đi và Đến – luận giải, 3. Phá Lục tình – luận giải, 4. Phá Ngũ ấm – luận giải, 5. Phá Lục chủng – luận giải, 6. Phá Nhiễm – người nhiễm, 7. Phá Tam tướng – luận giải, 8. Phá Tác – Tác giả, 9. Phá Bốn trụ, 10. Phá Đốt – Bị đốt, 11. Phá Bốn tế - luận giải, 12. Phá Khổ, 13. Phá Hành – luận giải, 14. Phá Hiệp – luận giải, 15. Phá Có – Không – luận giải, 16. Phá Trói – Buộc, 17. Quán Nghiệp, 18. Quán Pháp – luận giải, 19. Phá Thời gian – luận giải, 20. Phá Nhân và Quả, 21. Phá Thành – Hoại, 22. Phá Như Lai, 23. Phá Điền đảo – luận giải, 24. Phá Tứ đế - luận giải, 25. Quán Niết-bàn – luận giải, 26. Phá Thập nhị Nhân duyên, 27. Phá Tà kiến; Tổng luận, Lời bạt, Sách Tham khảo, Mục lục, Lời Cảm ơn.

1.696. TRUNG QUÁN LUẬN 13 Phẩm

Tác giả: *Bồ-tát Long Thọ*

Hán dịch: *Tam tạng Pháp sư Cưu-ma-la-thập (Kumàrajiva, 344-413)*

Việt dịch và giải thích: *Chân Hiền Tâm*

Nxb Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh – 2007.

Nội dung tác phẩm này gồm có 13 phẩm: - Lời đầu sách, - Tìm hiểu Trung Luận; P.1 Phá Nhân duyên, P.2 Phá đi và đế, P.3 Phá Lục tình, P.4 Phá Ngũ ấm, P.5 Phá lục

chủng, P.6 Phá Nhiễm-người nhiễm, P.7 Phá Tam tướng, P.8 Phá Tác-tác giả, P.9 Phá Bốn tế, P.10 Phá Hành, P.11 Phá Buộc-mở, P.12 Quán Pháp, P.13 Phá Thời gian.

1.697. TRUNG QUÁN LUẬN Kệ Tụng

Tác giả: *Long Thọ Bồ-tát*

Hán dịch: *Tam tạng Pháp sư*

Cưu-ma-la-thập (Kumàrajiva, 344-413)

Việt dịch: *Thích Tịnh Nghiêm*

Tường Quang Tùng thư, PL. 2546 – DL. 2003. Toàn bộ tác phẩm Luận kệ tụng này gồm có 19 phẩm: - Lời giới thiệu, - Tựa Trung Luận, - Phần giới thiệu, - Sách tham khảo, - Kệ tán Phật; P.1 Quán nhân duyên, P.2 Quán sự chuyển động, P.3 Quán sáu tình, P.4 Quán năm ấm, P.5 Quán sáu chủng, P.6 Quán sự ô nhiễm và kẻ ô nhiễm, P.7 Quán ba tướng, P.8 Quán sự tạo nghiệp và kẻ tạo nghiệp, P.9 Quán bản trụ, P.10 Quán lửa và nhiên liệu, P.11 Quán sự khổ, P.12 Quán bản tế, P.13 Quán các hành, P.14 Quán sự hòa hợp, P.15 Quán hữu-vô, P.16 Quán sự trói buộc và giải thoát, P.17 Quán nghiệp báo, P.18 Quán pháp, P.19 Quán thời gian.

1.698. TRUNG QUÁN LUẬN – MADHYAMAKAKÀRIKÀ

Tác giả: *Nàgàrjuna (Long Thọ)*

Hán dịch: *Tam tạng Pháp sư*

Cưu-ma-la-thập (Kumàrajiva, 344-413)

Việt dịch: *Cao Dao*

Toàn bộ tác phẩm Luận này gồm có 4 quyển, 27 phẩm: *Quyển I*, P.1 Quán nhân duyên tạo tác, P.2 Quán sát chuyển động (khứ lai), P.3 Quán sát sáu cách cảm thụ (lục tình), P.4 Quán sát năm điều kiện của nhận thức (ngũ ấm), P.5 Quán sát sáu thực thể: đất, nước, lửa, gió, hư không và ý thức, P.6 Quán sát kẻ tạp nhiễm và cái gây tạp nhiễm; *Quyển II*, P.7 Quán sát ba trạng

thái sinh khởi, tồn sinh và hoại diệt (tam tướng), P.8 Quán sát chủ thể tạo tác và hành vi tạo tác, P.9 Quán sát Bản trụ, chủ thể tự ngã, P.10 Quán sát cái đốt cháy và cái bị đốt cháy, P.11 Quán sát giới hạn của nhân sinh và vũ trụ (bản tế), P.12 Quán sát về đau khổ, P.13 Quán sát các tác vi (hành), P.14 Quán sát chủ thể, đối tượng và tác vi; *Quyển III*, P.15 Quán sát tồn tại và không tồn tại (hữu-vô), P.16 Quán sát về sự trói buộc và giải thoát, P.17 Quán sát về tích lũy tạo tác (nghiệp) và kết quả tương ứng (báo), P.18 Quán sát cái tôi (ngã) và cái thuộc về tôi (ngã sở), P.19 Quán sát thời gian, P.20 Quán sát nhân và quả, P.21 Quán sát về sinh thành và hoại diệt; *Quyển IV*, P.22 Quán sát Như Lai tính, P.23 Quán sát điên đảo, P.24 Quán sát Bốn ý nghĩa căn đề của thế gian (Tứ đế), P.25 Quán sát Niết-bàn, P.26 Quán sát 12 điều kiện tạo tác và nhân tạo tác (Thập nhị nhân duyên), P.27 Quán sát những cái nhìn sai lệch (tà kiến).
(<https://thuvienhoasen.org>, *Luận-Tánh không*)

1.699. TRUNG QUÁN VÀ DU-GIÀ HÀNH TÔNG (Nghiên cứu về Triết học Trung Quán)

Tác giả: *Gadjin M. Nagao*
Viết dịch (2007): *Thích Nhuận Châu*
Tác phẩm này gồm có: 1. Bản thể luận trong Phật giáo Đại thừa, 2. Luận lý về chuyển y, 3. Một cách hiểu thuật ngữ trong Phật học, 4. Phật thân, 5. Tánh không, 6. Cái an lập trong tánh không, 7. Thế giới quan Phật giáo giải thích qua thuyết Tam tánh và những ẩn dụ, 8. Từ Trung Quán đến Du-già hành tông.
(<https://thuvienhoasen.org>, *Luận-Tánh không*)

V

1.700. VÃNG SINH TỊNH ĐỘ LUẬN Giảng Ký - Ấn Thuận

VÔ LƯỢNG THỌ KINH ƯU-BA-ĐỀ-XÁ NGUYỆN SINH KỆ CHÚ, LƯỢC LUẬN TỊNH ĐỘ - Đàm Loan

Việt dịch: *Nhất Chân*

Duc Vien Buddhist Community Pagoda
2420 – 2440 Mc Laughlin Ave.

San Jose, CA 95121 – 2745 USA (ấn hành)

Sách dày 243 trang, bìa cứng, chữ tựa mạ vàng.

Nội dung gồm có: Lời tựa, Giới thiệu sơ lược về Ấn Thuận và Đàm Loan, Tịnh Độ luận: 1. Vãng Sinh Tịnh Độ Luận Giảng ký, 2. Vô Lượng Thọ Kinh Ưu-bà-đề-xá Nguyên sinh Kệ chú, Quyển thượng và Quyển hạ, 3. Lược luận An lạc Tịnh Độ nghĩa.

1.701. VÃNG SINH THẬP NGHI – QUẢNG NGŨ UẨN CHÚ LUẬN Giảng Ký

Tác giả: *Trưởng lão Đạo Nguyên – Pháp sư Trí Viên,*

Pháp sư Thích Tịnh Chiếu

Chuyển ngữ:

Bửu Quang tự Đệ tử Như Hòa

Giáo chánh: *Đức Phong và Huệ Trang*

Nxb Hồng Đức – 2019. Sách có khổ 18.8 x 26cm, dày hơn 383 trang, bìa cứng. Nội dung gồm có: I. Vô Lượng Thọ Kinh Ưu-bà-đề-xá Nguyên sanh kệ giảng ký, II. Tịnh độ Thập nghi luận giảng ký, III. Đại thừa Quảng Ngũ Uẩn luận Thích yếu.

1.702. VI DIỆU PHÁP

(ABHIDHAMMA) Giảng Giải

Phật Giáo Nguyên Thủy Theravàda

Giảng giải: *Tỳ-kheo Giác Chánh*

Ban Hoàng pháp Pháp quốc tái bản. Toàn bộ tác phẩm này gồm có 20 đề mục: - Dẫn nhập; 1. Pháp, 2. Pháp tục đế, 3. Pháp chơn đế, 4. Tâm, 5. Tâm bất thiện, 6. Tâm vô nhân, 7. Tâm dục giới tịnh hảo, 8. Tâm sắc giới, 9. Tâm vô sắc giới, 10. Tâm siêu thế, 11. Tổng kết các loại tâm, 12. Sở hữu tâm, 13. Sở hữu tợ tha, 14. Sở hữu bất thiện, 15. Sở hữu tịnh hảo, 16. Tổng kết các hữu tâm, 17. Sự phối hợp giữa tâm và các sở hữu tâm, 18. Lộ trình tâm, 19. Phi lộ, 20. Sắc pháp. (<https://thuvienhoasen.org>, *Thiền-Thiền Nguyên thủy*)

1.703. VI DIỆU PHÁP –

Bộ Vị Trí (6 Tập)

Dịch giả: *Tỳ-kheo Tịnh Sư*

(*Santakicco Bhikkhu; 1913-1984*)

Nội dung gồm có: - Tựa, - Lời nói đầu; “Nội dung *Bộ Vị Trí* này được trình bày theo 4 luận cứ: 1. Pháp thuận, 2. Pháp nghịch, 3. Pháp thuận nghịch, 4. Pháp nghịch thuận. Bốn luận cứ ấy, mỗi luận cứ được phân tích theo 6 phạm trù (1. Tam đề vị trí, 2. Nhị đề vị trí, 3. Nhị đề tam đề vị trí, 4. Tam đề nhị đề vị trí, 5. Tam đề tam đề vị trí, 6. Nhị đề nhị đề vị trí). Như vậy, ở mỗi luận cứ có 6 phạm trù và 32.308 vị trí. Tổng cộng 4 luận cứ sẽ có 24 phạm trù và 129.232 vị trí. Mỗi vị trí phân tích theo 24 duyên...;

Tập I, Sơ lược nội dung gồm có luận 24 duyên theo năm Tam đề như sau: Phần thứ nhất, Phần Yếu lược Đầu đề, Phần Phân giải Duyên, 1. *Tam đề Thiện*, Phần Liên quan, Phần Đồng sanh, Phần Duyên, Phần Y chỉ, Phần Hòa hợp, Phần Tương ưng, Cách đếm Thuận từng trong phần yếu tri,

Cách đếm Thuận từng Đối lập trong Phần yếu tri Căn nhân, Đếm đối lập Thuận từng trong Phần Yếu tri; 2. *Tam đề Thọ*, Phần Liên quan, Phần Tương ưng, Phần Yếu tri; 3. *Tam đề Quả*, Phần liên quan, Phần Câu sanh, Phần Duyên trợ, Phần Y chỉ, Phần Hòa hợp, Phần Tương ưng, Phần Yếu tri; 4. *Tam đề Bị thủ*, Phần Liên quan, Phần Câu sanh, Phần Duyên, Phần Y chỉ, Phần Tương hợp, Phần Tương ưng, Phần Yếu tri, 5. *Tam đề Phiền toái*, Phần Liên quan, Phần Yếu tri; Trích cú Từ điển.

Tập II, “Nội dung Bộ Vị trí này trình bày cũng còn trong Vị trí Tam đề Thuận từng, phân tích 17 đầu đề Tam (tikamàtikà) còn lại, từ Tam đề Tầm (vitakkattika) đến hết, là Tam đề Hữu kiến hữu đối (Sanidassana-sappatighattika). Hai tập I và II của Bộ Vị trí đã trình bày trọn vẹn 22 Đầu đề tam (Bàvisatitikamàtikà)”. Sơ lược như sau: Lời giới thiệu, Lời nói đầu, 6. Tam đề Tầm, 7. Tam đề Hỷ, 8. Tam đề Kiến đạo, 9. Tam đề Hữu nhân Kiến đạo Ứng trừ, 10. Tam đề Nhân tích tập, 11. Tam đề Hữu học, 12. Tam đề Hy thiểu, 13. Tam đề Cảnh Hy thiểu, 14. Tam đề Ti hạ, 15. Tam đề Tà tánh, 16. Tam đề Đạo thành cảnh, 17. Tam đề Dĩ sanh, 18. Tam đề Quá khứ, 19. Tam đề Cảnh Quá khứ, 20. Tam đề Nội phần, 21. Tam đề Hữu cảnh Nội phần, 22. Tam đề Hữu kiến Hữu đối (trong mỗi Tam đề đa số có các phần: Phần Liên quan, Phần Câu sanh, Phần Duyên sở, Phần Y chỉ, Phần Hòa hợp, Phần Tương ưng, Phần Yếu tri); Trích cú Từ điển;

Tập III, Lời nói đầu, “Nội dung *Bộ Vị trí* này đã trình bày duyên hệ luận giải theo pháp Đầu đề nhị (Dukamàtikà), bắt đầu từ Nhị đề phân (Hetuduka) cho đến Nhị đề Bất tương ưng Kiến chấp cảnh kiến chấp (Paràmàsavippayutta-paramatthaduka), cả thảy gồm 43 Nhị đề (từ Phần 1 đến Phần 7). Cách lập luận ở đây cũng dựa theo khía

cạnh: Thuận tùng, Đối lập, Thuận tùng đối lập, Đối lập thuận tùng”. Sau cùng là Trích cú Từ điển;

Tập IV, Lời nói đầu, “Nội dung Bộ Vị trí này cũng trình bày tiếp theo các Pháp nhị đề (Dukamàtikà) từ Nhị đề hữu cảnh (Sàrammanaduka) cho đến Nhị đề hữu y (Saranaduka). Cả thấy là 46 Đầu đề (được trình bày trong 15 phần), và đó là hoàn tất pháp Đầu đề nhị (Dukamàtikà)”. Cuối sách là Trích cú Từ điển;

Tập V, Lời nói đầu, “Nội dung Bộ Vị trí này trình bày bốn phần vị trí (Patthàna): 1. Vị trí Nhị đề tam đề; 2. Vị trí Tam đề nhị đề; 3. Vị trí Tam đề tam đề; 4. Vị trí Nhị đề nhị đề”. Cuối sách là Trích cú Từ điển;

Tập VI, “Nội dung Bộ Vị trí này trình bày 3 phần: A. Phần Đối lập (Paccanīya), B. Phần Thuận tùng đối lập (Anulomapaccanīya), C. Phần Đối lập thuận tùng (Paccanīyanuloma)”. Sơ lược như sau: Lời nói đầu; *Phần I*, Vị trí Tam đề đối lập: Vị trí Nhị đề Đối lập; Vị trí Nhị đề Tam đề Đối lập; Vị trí Tam đề Nhị đề Đối lập; Vị trí Tam đề Tam đề Đối lập; Vị trí Nhị đề Nhị đề Đối lập; *Phần II*, Vị trí Tam đề Thuận tùng Đối lập: Vị trí Nhị đề Thuận tùng Đối lập; Vị trí Nhị đề Tam đề Thuận tùng Đối lập; Vị trí Tam đề Nhị đề Thuận tùng Đối lập; Vị trí Tam đề Tam đề Thuận tùng Đối lập; Vị trí Nhị đề Nhị đề Thuận tùng Đối lập; *Phần III*, Vị trí Tam đề Đối lập Thuận tùng: Vị trí Nhị đề Đối lập Thuận tùng; Vị trí Nhị đề Tam đề Đối lập Thuận tùng; Vị trí Tam đề Nhị đề Đối lập Thuận tùng; Vị trí Tam đề Tam đề Đối lập Thuận tùng; Vị trí Nhị đề Nhị đề Đối lập Thuận tùng.

<https://phatphapungdung.com>

-Pháp bảo/Luận tạng;

phatgiaonguyenthuy.com

Tác phẩm này được tái bản năm 2000, Nxb Tp. Hồ Chí Minh, với tên sách: Tạng Diệu Pháp – Bộ Vị Trí, dày 609 trang.

1.704. VI DIỆU PHÁP Nhựt Dụng

Phiên dịch: *Thiện Nhựt*

Sách dày 209 trang. Nội dung gồm có 11 chương: I. Vài lời xin thưa trước, II. Tiểu sử của ngài Ashin Janakabhivamsa, III. Lời tựa của U Ko Lay, IV. Lời tựa của Tác giả; C.1 Về Chơn đế và Tâm thức, C.2 Tâm sở và các Tâm sở Bất thiện, C.3 Các Tâm sở thiện, C.4 Về các Tâm sở phụ hợp với Tâm thức thiện và bất thiện, C.5 Tập khí, C.6 Mười Căn bản của Thiện pháp, C.7 Nghiệp, C.8 Các Tâm trạng ngay trước khi chết, C.9 Bản thể của tái sanh, C.10 Sắc pháp, C.11 Các Cảnh giới của hiện hữu; Lời bạt, Mục lục.

1.705. VI DIỆU PHÁP Sơ Cấp

Biên soạn: *Giáo thọ sư Giác Giới*

Lưu hành nội bộ. Sách dày 367 trang, bìa mềm, nền vàng, chữ tựa màu đen (bản photo). Nội dung gồm có: Lời giới thiệu, Hai sự thật (Sacca), Pháp chân đế (Paramatthasacca), 80 pháp thực tính (Sabhàvadhamma), Bốn loại tâm (Cittacatudhà), Sự phân loại tâm (Cittabheda), Các loại tâm sở (Cetasika), Sự tương quan giữa tâm và tâm sở, Tâm nhiếp tâm sở (Sangaha), Tâm sở phối hợp tâm, Sắc pháp (Rùpa), Sự phân loại sắc pháp, Bốn nhân sanh sắc pháp, Các bợn sắc pháp (Kalàpa), Linh tinh yếu hiệp (Vedanà), Nhân (Hetu), Sự (Kicca), Môn (Dvāra), Vật (Vatthu), Cảnh (Àrammana), Tương tập yếu hiệp (Samuccayasangaha), Bất thiện yếu hiệp (Akusala), Tạp loại yếu hiệp (Missaka), Đẳng giác yếu hiệp (Bodhipakkhiya), Hàm tận yếu hiệp (Sabba), Ngoại lộ (Vithivimutta), Người (Puggala), Cõi (Bhūmi), Lộ trình tâm

(Cittavithi), Lộ tâm ngũ môn, Lộ tâm ý môn, Lộ sắc (Rupapavattikkama), Sắc pháp diễn tiến trong cõi dục, Sắc pháp diễn tiến trong cõi sắc hữu tướng, Sắc pháp diễn tiến trong cõi sắc vô tướng, Duyên sinh, Đầu đề tam, Đầu đề nhị.

(Bản lưu tại Thư viện Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam tại Tp. Hồ Chí Minh; Mã sách: Vie 12119)

1.706. VI DIỆU PHÁP Toát Yếu

A Manual of Abhidhamma

(Nguyên tác: *Abhidhammattha*

Sanghaha;

Tác giả: *Bhadanta Anuruddhacariya*)

Chuyển dịch từ Pali sang Anh ngữ và chú giải: *Nārada Mahā Thera*

Dịch từ Anh ngữ Việt ngữ: *Phạm Kim Khánh*

Sách dày hơn 451 trang, nội dung gồm có 9 chương: Lời mở đầu, *C.I Tâm vương*, Câu kệ mở đầu; Đề tài: 14. Bốn loại Tâm vương, 19. Tâm bất Thiện thuộc Dục giới, 21. Tâm vô nhân, 38. Đồ biểu 1-2-3, 46. Tâm “đẹp”, 49. Tâm thuộc Sắc giới, Thiền (Jhāna), 57. Tâm thuộc Vô sắc giới, 72. Tâm Siêu thế, 77. 121 Loại Tâm, 79. Sự chứng ngộ Niết-bàn, 82. Đồ biểu 4-5-6-7-8-9, 89; *C.II Tâm sở*, Lời mở đầu, Định nghĩa, 96. 52 loại Tâm sở, 98. Những sự phối hợp khác nhau của các Tâm sở, 146. Tâm sở Bất thiện, 149. Tâm sở “đẹp”, 152. Tâm Siêu thế, 154. Tâm cao thượng, 159. Tâm “đẹp” thuộc Dục giới, 160. Tâm bất thiện, 164. Tâm vô nhân, 167; *C.III Phần Linh tinh*, Thọ, 172. Nhân, 184. Tác dụng, 190. Tốc hành tâm (Javana), 199. Tử tâm, 203. Môn, 208. Đối tượng, 216. Thời gian, 224. Siêu Trí, 230. Căn, 233; *C.IV Phân tách Tiến trình Tâm*, Tiến trình Tâm xuyên qua Năm Căn môn, 241. Những Tiến trình Tâm, 245. Tiến trình Tâm xuyên qua Ý môn, 252. Tiến trình Tâm Appanā, 253.

Phương thức Diễn tiến của chấp đăng ký Tâm, 260. Phương thức diễn tiến của Tốc hành Tâm (Javana), 265. Diệt Thọ tướng định, 269. Phân hạng Chúng sanh, 270. Những Cảnh giới, 272. Đồ biểu 9, 275; *C.V Phần Không có Tiến trình*, Bốn Cảnh giới sinh tồn, 277. Cảnh trời, 283. Bốn Phương cách Tái sanh, 286. Bốn loại Nghiệp, 294. Nghiệp bất Thiện, 298. Nghiệp Thiện, 299. Nghiệp, 302. Những loại Nghiệp khác nhau, 304. Hiện tượng Chết và Tái sanh, 314. Chết, 319. Biểu tượng Lâm chung, 322. Dòng Diễn tiến của Tâm, 324. Đồ biểu 10, 327. Đồ biểu 11, 328-329. Đồ biểu 12, 330; *C.VI Phân tách Sắc pháp*, Lời Mở đầu, Câu Kệ nhập đề; 339. Phân loại các Sắc pháp, 350. Sự khởi sanh của các Sắc pháp, 357. Các nhóm Sắc pháp, 365. Phương thức khởi sanh của các Sắc pháp, 368. Niết-bàn, 370. Đồ biểu 13, 379; *C.VII Toát yếu những Phân loại*, Câu kệ Nhập đề, 380. Những loại Bất Thiện pháp, 382. Đồ biểu 14, 391. Những loại pháp linh tinh, 392. Những yếu tố của sự Giác ngộ, 400. Đồ biểu 15, 409. Tổ hợp Tổng quát, 410. Tóm lược, 413; *C.VIII Toát yếu về những Duyên hệ*, Câu kệ Nhập đề, 417. Định luật Tùy thuộc Phát sanh, 420. Định lý Tương quan Duyên hệ, 429. Những Duyên hệ của Danh và Sắc, 434. Khái niệm, 445; *C.IX Đề mục hành Thiền*, Câu kệ Nhập đề, 451. Khái lược về Thiền vắng lặng, 451. Những Giai đoạn luyện Tâm, 458. Những Ấn chứng của công trình Luyện Tâm, 459. Thiền Sắc giới, 460. Thiền Vô sắc, 460. Siêu Trí, 461. Những Bẩm tánh, 462. Những Pháp thanh tịnh khác nhau, 477. Sự Chứng ngộ, 483. Giải thoát, 494. Những bậc Thánh nhân, 496. Thanh tịnh đạo, 500. Những Sự chứng đắc, 507. Ước nguyện, 510.

1.707. VI DIỆU PHÁP Vấn Đáp (Prasnà Abhidhamma)

Dịch giả: *Trưởng lão HT. Hộ Tông
(Vansarakkhita MahàThera)*

Nội dung tác phẩm này gồm có: Tiểu tựa, Prasnà Abhidhamma; Tâm vấp đáp, Tâm sở vấp đáp (Cetaskapanhà), Vấn đáp về sắc (Rùpapanhà), Niết-bàn vấp đáp; Pháp trích lục; 1. Giải về các pháp nên ghi nhớ, 2. Tam tướng (trilakkhana), 3. Phương pháp quán tưởng sắc theo chi tiết. (*phatgiaonguyenthuy.com, Tác phẩm*)

1.708. VI DIỆU PHÁP Vấn Đáp

Biên soạn: *Giác Chánh*

Sách dày 200 trang, bìa mềm. Nội dung gồm có: Lời nói đầu (Vĩnh Long - 1971), và 620 mục từ *Vi diệu pháp vấn đáp* (từ 1. Pháp,... đến 620. Đạo diệu đế); Lời chung kết. (*Bản lưu tại Thư viện Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam tại Tp. Hồ Chí Minh; Mã sách: Vie 3873*)

1.709. VIỆT NAM PHẬT GIÁO SỬ LUẬN (I – II – III)

Tác giả: *Nguyễn Lang*

Nxb Văn Học (Hà Nội) – 2000

Sách có khổ 14.5 x 20.5cm, dày 1.162 trang, bìa cứng, nền đỏ, chữ tựa màu trắng, có hình chùa Một Cột.

Toàn bộ tác phẩm gồm có 3 tập, 40 chương.

Tập I, nội dung gồm có 16 chương: C.1 Trung tâm Phật giáo Luy Lâu, C.2 Hai thế kỷ đầu, C.3 Khởi nguyên của Thiền học Việt Nam, C.4 Sách Thiền Uyển Tập Anh và các tài liệu khác về đạo Phật Việt Nam đời Đường, C.5 Thiền phái Tỳ-ni-đa-lưu-chi, C.6 Thiền phái Vô Ngôn Thông, C.7 Thiền phái Thảo Đường, C.8 Tổng quan về Phật giáo đời Lý (1010-1225), C.9 Nền tảng của Phật giáo đời Trần-Thiền phái

Yên Tử, C.10 Trần Thái Tông (1218-1277), C.11 Tuệ Trung Thượng Sĩ, C.12 Trần Nhân Tông và Thiền phái Trúc Lâm, C.13 Thiền sư Pháp Loa (1284-1330), C.14 Thiền sư Huyền Quang (1254-1334), C.15 Những khuôn mặt Phật tử khác trong đời Trần, C.16 Tổng quan về Phật giáo đời Trần; Các Phụ bản, Tài liệu Tham khảo;

Tập II, từ C.17 đến C.25; C.17 Sinh hoạt của Tăng đồ và cư sĩ, C.18 Đạo Phật trong thời Nho học độc tôn, C.19 Sức sáng tạo của giới Phật tử đại chúng, C.20 Sự phục hưng của môn phái Trúc Lâm, C.21 Thiền sư Hương Hải, C.22 Thiền phái Lâm Tế và Phật giáo ở Đàng Trong, C.23 Thiền phái Tào Động tới nước Việt, C.24 Lý học và Phật giáo, C.25 Các danh Tăng đời Nguyễn; Các Phụ bản, Tài liệu tham khảo, Bảng tên;

Tập III, từ C.26 đến C.40; nội dung gồm: Lời Nhà xuất bản, C.26 Khái quát về công cuộc chấn hưng Phật giáo từ 1930 đến 1945, C.27 Thiền sư Khánh Hòa và công cuộc vận động ở Nam Kỳ, C.28 Hội An Nam Phật học ở Trung Kỳ, C.29 Công cuộc chấn hưng ở Bắc Kỳ, C.30 Sau Cách mạng Tháng tám, C.31 Xây dựng lại các cơ sở hành đạo, C.32 Chùa Ấn Quang và chùa Xá Lợi, C.33 Chùa Linh Quang và chùa Từ Đàm ở Trung Việt, C.34 Chùa Quán Sứ ở Bắc Kỳ, C.35 Con đường thống nhất, C.36 Thể đứng của Phật giáo Việt Nam, C.37 Những nguyên do đưa tới cuộc vận động chống chế độ Ngô Đình Diệm, C.38 Cuộc vận động chống đối chế độ Ngô Đình Diệm, C.39 Phật tử đòi thực thi thông cáo chung, C.40 Chính quyền Ngô Đình Diệm sụp đổ; Các Phụ bản, Tài liệu tham khảo, Bảng tra cứu.

Tác phẩm này được tái bản nhiều lần: Năm 1973-1974-1978-1985-1993, Nxb Lá Bối; năm 1992-1994-2008, Nxb Văn Học. (Theo các bản lưu tại Thư viện Viện

Nghiên cứu Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam và Thư viện Huệ Quang-Trung Tâm Dịch Thuật Hán Nôm tại Tp. Hồ Chí Minh)

1.710. VÔ TỶ PHÁP Tập Yếu – ABHIDHAMMATTHASANGAHA

Biên soạn (1973): *Trưởng lão Tịnh Sự (Thera Santakicco, 1913-1984)*

Nxb Hồng Đức, PL. 2561 – DL. 2017 (tái bản lần 2)

Bhikkhu Abhikusala – Siêu Thiện dịch và bổ sung từ:

Abhidhammatthasangaha – Thera Narada Abhidhamma (Higher level) – Mehm Tin Mon

Chỉ đạo phiên dịch và hiệu đính phần bổ sung:

À cariya Maggabujjhano – thầy Ngô Đạo
Sách có khổ 20.5 x 29cm, dày 782 trang, bìa mềm. Nội dung gồm có 9 chương như sau: Thutivacana (Lời tán dương); *C.I, Tâm nhiếp - Citta Sangaha*, Phân chia “Citta” Tâm theo cõi: 1. Tâm dục giới, 2. Tâm sắc giới, 3. Tâm vô sắc giới, 4. Tâm siêu thế, Phân chia Tâm theo chín cách; *C.II, Sở hữu tâm – Cetasika*: 1. Sở hữu tợ tha, 2. Sở hữu bất thiện, 3. Sở hữu tịnh hảo, 4. Sở hữu tâm, 5. Tâm (citta) Nhiếp (sangaha) Sở hữu tâm (Cetasika), 6. Sở hữu nhất định và Sở hữu bất định; *C.III, Linh tinh (hỗn hợp) nhiếp – Pakinnaka sangaha*: 1. Thọ nhiếp, 2. Nhân nhiếp, 3. Sự nhiếp, 4. Môn nhiếp, 5. Cảnh nhiếp, 6. Vật nhiếp; *C.IV, Lộ trình tâm nhiếp – Citta Vithi Sangaha*: 1. Lộ ngũ môn, 2. Lộ ý môn (a. Lộ ý môn đồng lực dục giới, b. Lộ ý môn đồng lực kiên cố); *C.V, Ngoại lộ nhiếp – Vithimutta Sangaha*: 1. Nhóm bốn cõi hiện hữu hay bốn sanh thú, 2. Nhóm bốn dạng tái tục, 3. Nhóm bốn loại nghiệp, 4. Nhóm bốn nhân đưa đến tử; *C.VI, Sắc pháp nhiếp – Rupa Sangaha*: Bảng liệt kê

sắc pháp, Tiến trình của sắc pháp sinh khởi trong mỗi chúng sanh, Tiến trình của sắc pháp khi tử, Tiến trình của sắc pháp sanh ở cõi sắc giới, Lộ sắc, Định nghĩa về Niết-bàn; *C.VII, Tương tập nhiếp – Samuccaya Sangaha*: 1. Bất thiện nhiếp, 2. Hỗn tạp nhiếp, 3. Đẳng giác nhiếp, 4. Hàm tận nhiếp; *C.VIII, Duyên nhiếp – Paccaya Sangaha*: (1). Cách liên quan tương sinh, (2). Định luật vị trí – Duyên trợ hay duyên tương quan, Phân duyên theo giống; *C.IX, Nghiệp xứ nhiếp – Kammatthana Sangaha*: 1. Tu tiến, 2. Nghiệp xứ (a. Chỉ nghiệp xứ, b. Minh sát hay Tuệ quán nghiệp xứ; Đầu đề (Màtikà), Pháp tụ Đầu đề tam – Tikamàtikà (có 22 đề); Pháp tụ Đầu đề nhị - Dukamàtikà (có 100 đề): 1. Phần nhỏ thứ nhất là phần tu Nhân, 2. Phần nhỏ thứ hai là phần Duyên, 3. Phần nhỏ thứ ba là phần tu Lộ, 4. Phần nhỏ thứ tư là phần tu Triền, 5. Phần nhỏ thứ năm là phần tu Phước, 6. Phần nhỏ thứ sáu là phần tu Bộc, 7. Phần nhỏ thứ bảy là phần tu Phối, 8. Phần nhỏ thứ tám là phần tu Cái, 9. Phần nhỏ thứ chín là phần tu Khinh thị, 10. Phần nhỏ thứ mười là phần Đề đại, 11. Phần nhỏ thứ mười một là phần tu Thủ, 12. Phần nhỏ thứ mười hai là phần tu Phiền não, 13. Phần nhỏ thứ mười ba là phần Yêu bối; Nhị đề Kinh – Suttantamàtikà (có 42 đề); Chỉ chám 270 bảng nêu (Từ C.I – C.VII); Chỉ chám bảng nêu các Chương: I, II, III, IV, V, VI, VII; Ghi chú.

Tác phẩm này đã xuất bản năm 2011, Nxb Tôn Giáo, với nhan đề “Vô Tỷ Pháp-Abhidhamma”.

1.711. VŨ TRỤ QUAN THẾ KỶ 21 – YẾU CHỈ PHẬT PHÁP

– YẾU CHỈ TRUNG QUÁN LUẬN

Tác giả: *Thích Duy Lực (1923-2000)*

Nxb Tôn Giáo – 1999. Sách có khổ 14.5 x 20.5cm, có hơn 151 trang, bìa mềm. Kết cấu tác phẩm gồm 3 phần. Lời nói đầu; *Phần I. Vũ trụ quan Thế kỷ 21*: Về năng lượng do vật chất phát ra phải bắt đầu từ Newton, I. Ngũ pháp, II. Tam tự tính, III. Bát thức; *Phần II. Yếu chỉ Trung Quán Luận* (gồm có 27 phẩm, x. Trung Quán Luận); *Phần III. Yếu chỉ Phật pháp*: 1. Thế lưu bố tượng và trước tượng, 2. Hai thứ chiêm bao do thức biến hiện, Biểu đồ của Bốn thừa, 3. So sánh sự sai biệt giữa Đại thừa và Tiểu thừa, 4. Tứ tướng, 5. Ba mươi sáu pháp đối trong Kinh Pháp Bảo Đàn, 6. Lược trích “Trang Phật học”, 7. Ba lần cảnh cáo khi sắp nhập Niết-bàn của Đức Phật Thích-ca, 8. “Pháp môn an tâm” của Tổ Đạt-ma, 9. Lăng Nghiêm tông thông, 10. Trích từ Đại Trí Độ Luận của ngài Long Thọ Bồ-tát, Tâm như hư không vô sở hữu, 11. Nguồn gốc của Phật pháp, 12. Trích lục từ Lăng Nghiêm tông thông.

Y

1.712. Yếu Chỉ TRUNG QUÁN LUẬN

Dịch và giải thích:

Thích Duy Lực (1923-2000)

Nội dung gồm có 27 phẩm: Lời nói đầu; P.1 Phá nhân duyên, P.2 Phá khứ lai, P.3 Phá lục tình, P.4 Phá ngũ ấm (ngũ uẩn), P.5 Phá lục chủng, P.6 Phá nhiễm và kẻ nhiễm, P.7 Quán tam tướng, P.8 Quán phá “Pháp tác và kẻ tác” (pháp làm và kẻ làm), P.9 Phá bản trụ (bản lai vốn đã có), P.10 Phá “đốt” và “sở đốt”, P.11 Phá bản tế (thực tế bản lai vốn sẵn), P.12 Phá khổ, P.13 Phá hành, P.14 Phá hợp, P.15 Phá hữu-vô, P.16 Quán trói-mở, P.17 Quán nghiệp, P.18 Quán pháp, P.19 Quán thời, P.20 Quán nhân quả, P.21 Quán thành-hoại, P.22 Quán Như Lai, P.23 Quán điên đảo, P.24 Quán Tứ đế, P.25 Quán Niết-bàn, P.26 Thập nhị nhân duyên, P.27 Quán tà kiến.

(<https://thuvienhoasen.org>, Luận-Tánh không)

PHỤ LỤC

I. NHỮNG TÁC PHẨM KINH - LUẬT - LUẬT TRÊN CÁC TRANG WEBSITE PHẬT GIÁO

1. TÁC PHẨM KINH ĐIỂN

A-NAN VẤN PHẬT SỰ CÁT HUNG (A-nan hỏi Phật chuyện tốt xấu)

Giảng giải: HT. Tịnh Không

Việt dịch: Thích Nhuận Nghi

Sách dày 242 trang, bìa mềm, chữ tựa màu trắng. Nội dung gồm có: A-nan vấn Phật sự cát hung, giải thích tên Kinh, Kinh văn và Giảng.

A-XÀ-THẾ VƯƠNG VẤN NGŨ
NGHỊCH KINH

ĐCTTĐTK, Bộ Kinh Tập, Ks. 0508

Hán dịch: Sa-môn Pháp Cự

Việt dịch (2014):

Tỳ-kheo Thích Hạnh Tuệ

Hiệu đính: HT. Thích Như Điển

(<https://thuvienhoasen.org>, Kinh Sanskrit/Hán tạng)

BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA TÂM
KINH

Giảng giải: Lão Pháp sư Tịnh Không

Việt dịch: Cư sĩ Vọng Tây,

Cư sĩ Viên Đạt

Biên tập: Phật tử Diệu Hiền

Toàn bộ tác phẩm Kinh này có 7 phần.

(<https://thuvienhoasen.org>, Tịnh Độ)

BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA TÂM
KINH QUẢNG BẢN VÀ LƯỢC BẢN
(Bản ngắn và bản dài, dịch từ nguyên bản Sanskrit)

Mahà-sutra-samgraha, ed. By Vaidya,
The Mithila Institute, 1961, p.97

Bản Devanàgari (Mahàyanasùtra-samgraha I 98)

Việt dịch: Thích Quảng Giác

(<https://thuvienhoasen.org>, Kinh Sanskrit/Hán tạng)

BÁT-NHÃ Cương Yêu – 2 tập

Tác giả: Tỳ-kheo Ni Như Thanh

THPG Tp. Hồ Chí Minh ấn hành – 1989

BÁT-NHÃ TÂM KINH

Giảng giải (1993): Thiền sư Viên Minh

(<https://thuvienhoasen.org>, Luận)

BÁT-NHÃ TÂM KINH

Dịch-giảng: Thích Trúc Thông Quang

Thiền viện Trúc Lâm Tuệ Quang ấn hành – 2007

BÁT-NHÃ TÂM KINH giảng giải

Giảng giải: HT. Tịnh Không

Việt dịch: Các Cư sĩ Vọng Tây –
Viên Đạt

Biên tập: PT. Diệu Hiền

Tác phẩm Kinh này có 93 trang.

BÁT TỰ THỦ Ý KINH

(1 quyển, T. 02, Ks. 107)

Hán dịch: Chi Khiêm

Các bản Việt dịch: 1. B.S. Trần Văn
Nghĩa; 2. TN. Tịnh Quang

(<https://hoavouu.com>, Sách Phật học-PDF)

**BỒN MÔN PHÁP HOA KINH VÀ
CHƯ KINH NHẬT TỤNG**

Biên soạn: *HT. Thích Trí Quảng*
Chùa Phổ Hiền ấn hành – 2015

**Chú Giải KINH CỰC LẠC
(SUKHAVATI – SUTRA)**

Chú giải: *Pram Nguyễn – Thiện Thọ*
Kinh có 17 trang.
(Viết và hoàn tất tại Tiểu bang Ohio, Hoa Kỳ - 2007)

Chú Giải
KINH NHÂN QUẢ PHƯỚC ĐỨC
Thích Đạt-ma Phổ Giác
Nxb Phương Đông. Sách có 56 trang.

CHUYỆN NGẠ QUỶ - PETAKKATHÀ
Tam Tạng quyển I, trang 360 và quyển
Petakkathà

Soạn dịch và giảng: *Tỳ-kheo Bửu Chơn*
(*Bhikkhu Nàga Mahà Thera*)
PL. 2506 – DL. 1962. Tác phẩm này có 27
trang (PDF), nội dung gồm: Lời phi lộ;
Ngạ quỉ (Petakkathà).
(phatgiaonguyenthuy.com)

DI-ĐÀ YẾU GIẢNG

Yếu giải: *Thích Phước Nhơn*
Phổ Quang (Taiwan) ấn hành, PL. 2542 –
DL. 1998, có 220 trang.
(www.thuvienphatgiao.com, *Giảng luận*)

DI-LẶC TAM KINH –

Khóa Lễ Đầu Năm
Việt dịch: *Tỳ-kheo Thích Giác Nghiê*
Nxb Tôn Giáo, PL. 2556 – DL. 2012. Sách
có khổ 16 x 24cm.

**DIỆU PHÁP LIÊN HOA KINH
VĂN CÚ**

Giảng giải (Hán ngữ):
Thiền Thai Trí Giả Đại sư
Việt dịch: *HT. Thích Như Điển*
Chùa Viên Giác ấn tống
PL. 2557 – DL. 2013
(www.quangduc.com, *Kinh*)

ĐẠI BI KINH

Chứng minh: *HT. Như Đắc-Từ Nhân* (*Trụ
trì Linh Nguyên Tự*)
Việt dịch: *Yết-ma Thiện Quảng* (*Từ Quang
Tự*)
Nhà In Nguyễn Văn Huân (Sài Gòn). Kinh
có 28 trang, khổ nhỏ.

Đại cương KINH HOA NGHIÊM, Tập 1

Dịch và lược giải: CE
Hoa Nghiêm xuất bản
Printed in the Republic of Taiwan.
Second edition, 2000

Đại cương KINH LĂNG-NGHIÊM

Việt dịch: *Thích Thiện Hoa* (1918-1973)
Nxb Hương Đạo – 1962
(*Bản lưu tại Thư viện Học viện PGVN tại
Tp. Hồ Chí Minh, Ký hiệu: KSTV003492*)

**ĐẠI LUÂN KIM CANG TỔNG TRÌ ĐÀ-
RA-NI KINH**

(1 quyển, T. 21, Ks. 1230)
Việt dịch: *Thích Viên Đức*
(<https://phatphapungdung.com>, *Pháp
bảo-Bộ Mật giáo*)

**ĐẠI PHƯƠNG QUẢNG PHẬT HOA
NGHIÊM KINH:**

PHẨM TỊNH HẠNH

Giảng giải: *Lão Pháp sư Tịnh Không*
Chuyên ngữ: *Như Hòa, Đức Phong, Huệ
Trang, Minh Tiến*
Nxb Hồng Đức – 2017

ĐỨC PHẬT NÓI KINH HU' KHÔNG TẠNG BỒ-TÁT THẦN CHÚ

Việt dịch: *Cư sĩ Tuệ Khai*

Chứng nghĩa: *Tỳ-kheo Thích Đồng Minh*
(www.tuvienguangduc.com/ Kinh điển)

ĐỨC PHẬT THUYẾT - KINH PHÁP DIỆT TẬN

Đại Chánh tạng, Quyển 13, Hiệt 1118 số 396, Niết-bàn bộ

Anh dịch: *Tỳ-kheo Thích Hằng Thật*

Việt dịch: *Thích Nhuận Châu*

Ban Việt dịch Vạn Phật Thánh Thành đối chiếu Hán văn và Hiệu đính.

(www.quangduc.com, Kinh)

Giảng Luận KINH TỬ NIỆM XỨ

Giảng luận: *Satya Naraya*

Nxb Lao Động – 2014

Sách có khổ 13.5 x 21cm, có 168 trang.

GIẢI NGHĨA KINH KIM CANG

Giải nghĩa: *Lục Tổ Huệ Năng (638-713)*

Việt dịch: *Nguyễn Hiến*

(<https://phatphapungdung.com>, Pháp bảo-Bộ Tục tạng Kinh)

KIM CANG QUYẾT NGHỊ

(1 quyển, X. 25, Ks. 474)

Hán dịch: *Tam tạng Pháp sư*

Curu-ma-la-thập (Kumàrajiva, 344-413)

Biên soạn: *Sa-môn Hám Sơn –*

Đức Thanh

Việt dịch: *Hạnh Huệ*

THPG Tp. Hồ Chí Minh ấn hành

PL. 2539 – DL. 1995.

KIM CANG TÔNG THÔNG

Kinh văn (Hán): *Tam tạng Pháp sư Curu-ma-la-thập (Kumarajiva, 344-413)*

Tông thông: *Cư sĩ Tăng Phụng Nghi*

Việt dịch (2006): *Thích Nhuận Châu*

Tác phẩm này có 580 trang.

(<https://hoavouu.com>, Sách Phật học-PDF)

KIM CƯƠNG KINH

Hán dịch: *Tam tạng Pháp sư*

Curu-ma-la-thập (Kumarajiva, 344-413)

Việt dịch: *Chu Tác Nhi*

Nxb Hồng Đức – 2013

Kinh có khổ 19 x 27cm, dày 248 trang.

KINH A-DI-ĐÀ – AMITABHA SUTRA (SUTRA D'AMITABHA)

Taisho Tripitaka Vol. 12, No. 366

Hán dịch: *Tam tạng Pháp sư Curu-ma-la-thập (Kumàrajiva, 344-413)*

Việt dịch (2006): *Nguyễn Tánh*

Tuệ Quang Wisdom Light Foundation

(PO Box 91748, Henderson, NV 89009,

USA). Tác phẩm Kinh này có 35 trang

(PDF). (<https://hoavouu.com>, Sách Phật học-PDF)

KINH A-DI-ĐÀ - BỐN MƯƠI TÁM NGUYỆN – KỆ NGUYỆN SINH

Nghi Thức Tụng Niệm

Biên dịch: *Thích Nguyễn Chơn*

Nxb Hồng Đức – 2019, khổ 16 x 24cm, có 80 trang, bìa cứng.

KINH A-DI-ĐÀ CỔ ÂM THANH VƯƠNG ĐÀ-LA-NI

(1 quyển, T. 12, Ks. 370)

Việt dịch: *Thích nữ Chơn Tịnh*

(<https://phatphapungdung.com>, Pháp bảo-Bộ Kinh số-Tịnh Độ tông)

KINH A-DI-ĐÀ Lược Giải

(Kinh Phật thuyết A-di-đà)

Hán văn: *Tam tạng Pháp sư*

Curu-ma-la-thập (Kumarajiva, 344-413)

Giảng giải: *Tuyên Hóa Thượng nhân (1918-1995)*

Nội dung gồm có các phần: I. Thích danh, II. Hiện thế, III. Minh tông, IV. Luận dụng, V. Phán giáo, VI, VII, VIII và IX.
(<https://thuvienhoasen.org>, *Tịnh Độ*)

KINH A-DI-ĐÀ (văn vần)
Hán dịch: *Tam tạng Pháp sư Cưu-ma-la-thập* (Kumarajiva, 344-413)
Việt dịch (văn vần, thể Lục bát):
HT. Thích Khánh Anh (1895-1961)
(<https://phatphapungdung.com>, *Pháp bảo-Bộ Kinh sơ-Tịnh Độ tông*)

KINH A-DI-ĐÀ TAM-DA TAM PHẬT TÁT-LÂU PHẬT ĐÀN QUÁ ĐỘ NHƠN ĐẠO (2 quyển, T. 12, Ks. 362)
Hán dịch: *Ngô Chi Khiêm*
Việt dịch: *Ban Phiên dịch Pháp Tạng*
Tác phẩm Kinh này gồm có 2 quyển: Quyển thượng và Quyển hạ.
(<https://phatphapungdung.com>, *Pháp bảo-Bộ Kinh sơ-Tịnh Độ tông*)

KINH A-DI-ĐÀ và PHỔ MÔN (diễn nghĩa)
Diễn giải: *Phật tử Khánh Anh*
PL. 2501 - DL. 1957

KINH A-HÀM KHẨU GIẢI - MƯỜI HAI NHÂN DUYÊN (1 quyển, T.25, Ks. 1508)
Hán dịch:
An Huyền và Nghiêm Phật Điều
Việt dịch: *Nguyễn Huệ*
(<https://phatphapungdung.com>, *Pháp bảo-Bộ A-hàm*)

KINH AKKOSA – SỰ NHỤC MA (Akkosa Sutta: Insult)
Translated from the Pali by Acharya Buddharakkhita
Chuyển ngữ: *Nguyễn Văn Tiến*
Source-Nguồn: accesstoinight.org

(<https://thuvienhoasen.org>, *Kinh/Pali*)

KINH A-NA-LUẬT BÁT NIỆM (1 quyển, T.01, Ks. 46)
Hán dịch: *Chi Diệu*
Việt dịch: *Thích Chánh Lạc*
(<https://phatphapungdung.com>, *Pháp bảo-Bộ A-hàm*)

KINH A-NAN PHÂN BIỆT (1 quyển, T.14, Ks. 495)
Hán dịch: *Thích Pháp Kiên*
Việt dịch: *Chúc Đức*
(<https://phatphapungdung.com>, *Pháp bảo-Bộ Kinh tập*)

KINH A-NAN TỨ SỰ (1 quyển, T.14, Ks. 493)
Hán dịch: *Ngô Chi Khiêm*
Việt dịch: *Thích Bửu Hà*
(<https://phatphapungdung.com>, *Pháp bảo-Bộ Kinh tập*)

KINH A-NAN VẤN PHẬT SỰ CÁT - HUNG (1 quyển, T.14, Ks. 492b) (A-nan Vấn sự Phật cát hung Kinh)
Hán dịch: *An Thế Cao*
Việt dịch: *Thích Đức Niệm*
(<https://phatphapungdung.com>, *Pháp bảo-Bộ Kinh tập*)

KINH A-NAN VẤN PHẬT SỰ CÁT - HUNG (1 quyển, T.14, Ks. 492a) (Phật thuyết A-nan Vấn sự Phật cát hung Kinh)
Hán dịch: *An Thế Cao*
Việt dịch: *Thích nữ Tuệ Thành*
(<https://phatphapungdung.com>, *Pháp bảo-Bộ Kinh tập*)

KINH A-NẬU-LA-ĐỘ

Dịch giả: *Thích Nhất Hạnh*
(Trích dịch từ Tương Ưng Bộ của tạng Pali (Samyutta Nikàya IV, 380; Kinh tương đương trong tạng Hán là Kinh số 106 của bộ Tạp A-hàm (99, tạng Kinh Đại Chính). (<https://thuvienhoasen.org>, *Kinh-Giảng giải Kinh*)

KINH A-NẬU PHÁT
(1 quyển, T. 01, Ks. 58)
Hán dịch: *Trúc Đàm Vô Lan*
Việt dịch: *Thích Chánh Lạc*
(<https://phatphapungdung.com>, *Pháp bảo-Bộ A-hàm*)

KINH A-SOA-MẠT BỒ-TÁT
(7 quyển, T. 13, Ks. 403)
Hán dịch:
Tam tạng Pháp sư Trúc Pháp Hộ
Việt dịch: *Tuệ Khai Cư sĩ*
Chứng nghĩa: *Tỳ-kheo Thích Đồng Minh*
Tác phẩm Kinh này gồm có 7 quyển, (Q.7 đang cập nhật).
(<https://phatphapungdung.com>, *Pháp bảo-Bộ Đại tập*;
www.tuvienquangduc.com/ *Kinh điển*)

KINH ANH VÕ (1 quyển, T. 01, Ks. 79)
Hán dịch: *Câu-na-bạt-đà-la*
Việt dịch: *T. Chánh Lạc*
(<https://phatphapungdung.com>, *Pháp bảo-Bộ A-hàm*)

KINH ÂN CHA MẸ KHÓ ĐÈN ĐÁP
(1 quyển, T. 16, Ks. 684)
Hán dịch: *An Thế Cao*
Các bản Việt dịch: 1. *TN. Tịnh Quang*;
2. *Nguyễn Thuân*; 3. *Huyền Thanh*;
4. *TN. Tịnh Hiền*
(<https://phatphapungdung.com>, *Pháp bảo-Bộ Kinh tập*)

KINH ÁT-BA-LA-DIÊN VẤN CHỨNG TÔN (1 quyển, T. 01, Ks. 71)
Hán dịch: *Trúc Đàm Vô Lan*
Việt dịch: *T. Chánh Lạc*
(<https://phatphapungdung.com>, *Pháp bảo-Bộ A-hàm*)

KINH BA LẦN CHUYỂN BÁNH XE PHÁP (1 quyển, T. 02, Ks. 110)
(Phật thuyết Tam chuyển Pháp luân Kinh)
Hán dịch: *Nghĩa Tịnh*
Việt dịch: *Huyền Thanh*
(<https://phatphapungdung.com>, *Pháp bảo-Bộ A-hàm*)

KINH BA MƯƠI BẢY PHẨM HẠNH THIỀN (1 quyển, T. 15, Ks. 604)
Hán dịch: *An Thế Cao*
Việt dịch: 1. *Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh*; 2. *Tuệ Khai*
(<https://phatphapungdung.com>, *Pháp bảo-Bộ Kinh tập*)

KINH BÀ-LA-MÔN TRÓN TRÁNH TỬ VONG (1 quyển, T. 02, Ks. 131)
Hán dịch: *An Thế Cao*
Các bản Việt dịch: 1. *Thân An – Minh Quý*; 2. *Thích Thanh Từ*
(<https://phatphapungdung.com>, *Pháp bảo-Bộ A-hàm*)

KINH BÀ LÃO
(Phật thuyết Lão mẫu Kinh)
Việt dịch: *Thích Tâm Nhân*
(<https://phatphapungdung.com>, *Pháp bảo-Bộ Kinh tập*)

KINH BÀ LÃO LỤC ANH
(1 quyển, T. 14, Ks. 560)
(Phật thuyết Lão Mẫu Lục anh Kinh)
Hán dịch: *Câu-na Bạt-đà-la*
Việt dịch: *Thích Tâm Nhân*

(<https://phatphapungdung.com>, Pháp
bảo-Bộ Kinh tập)

KINH BÁCH DANH QUÁN THỂ ÂM

Việt dịch: Thích Đồng Bổn

Nxb Hồng Đức – 2013

KINH BÁCH DỤ

(4 quyển, T. 04, Ks. 209)

Biên soạn: Tăng-già-tư-na

Hán dịch: Cầu-na-tỳ-địa

Việt dịch: Thích nữ Viên Thắng

Nội dung tác phẩm Kinh này gồm có 100
chuyện ví dụ.

(<https://phatphapungdung.com>, Pháp
bảo-Bộ Bốn duyên)

KINH BÁCH DỤ

Việt dịch và bình: HT. Thích Thiện Huệ

Tác phẩm Kinh này có 320 trang (PDF).

(<https://hoavouu.com>, Sách Phật học-
PDF)

KINH BÁCH THIÊN AN THẦN CHÚ

(1 quyển, T. 21, Ks. 1369a)

Hán dịch: Thật-xoa-nan-đà

Việt dịch: Nguyễn Thuận

(<https://phatphapungdung.com>, Pháp
bảo-Bộ Mật giáo)

KINH BAHUYA SUTTA – Version 2

(Trích từ Kinh Tiểu Bộ)

Việt dịch (2016): Lê Huy Trí

(<https://thuvienhoasen.org>, Kinh/Pali)

KINH BÁO AN PHỤ MẪU – VU LAN

Đại đức Thích Năng Khương (Trụ trì Tịnh
xá Di Lạc, Gia Định)

PL. 2518 – DL. 1974

KINH BÁO AN PHỤNG BỒN

(1 quyển, T. 16, Ks. 686)

Việt dịch: Huyền Thanh

(<https://phatphapungdung.com>, Pháp bảo-
Bộ Kinh tập)

KINH BẢO THỤ BỒ-TÁT BỒ-ĐỀ

HÀNH (1 quyển, T. 14, Ks. 488)

Hán dịch: Pháp Hiền

Việt dịch: TN. Thành Thông-

TN. Tịnh Hiền

(<https://phatphapungdung.com>, Pháp
bảo-Bộ Kinh tập)

KINH BÁT DƯƠNG THẦN CHÚ

(1 quyển, T. 14, Ks. 428)

Hán dịch: Trúc Pháp Hộ

Các bản Việt dịch: 1. Nguyễn Thuận;

2. Huyền Thanh

(<https://phatphapungdung.com>, Pháp
bảo-Bộ Kinh tập)

KINH BÁT ĐẠI BỒ-TÁT

(1 quyển, T. 14, Ks. 490)

Hán dịch: Pháp Hiền

Các bản Việt dịch: 1. Thân An-

Minh Quý; 2. TN. Hạnh Diệu

(<https://phatphapungdung.com>, Pháp
bảo-Bộ Kinh tập)

KINH BÁT ĐẠI NHÂN GIÁC

(Phật nói Kinh Tám điều Giác ngộ của bậc
Đại nhân)

Việt dịch: HT. Thích Huyền Tôn

(<https://quangduc.com>, Kinh)

KINH BÁT NÊ-HOÀN

(2 quyển, T. 01, Ks. 6)

Việt dịch: HT. Thích Chánh Lạc

(www.quangduc.com; Chuyển sang
ebook 11/8/2009).

Tác phẩm Kinh này có 2 quyển: Quyển
thượng và Quyển hạ.

(<https://hoavouu.com>, Sách Phật học-
PDF)

KINH BÁT-NHÃ LÝ THỨ PHÂN
THUẬT TÁN

Biên soạn: *Khuy Cơ*

Việt dịch: *Thích Bảo Lạc*

Toàn bộ tác phẩm Kinh này gồm có 3 quyển.

(<https://phatphapungdung.com>, *Pháp bảo-Bộ Bát-nhã*)

KINH BÁT-NHÃ NHÂN VƯƠNG HỘ
QUỐC THẦN BẢO KÝ

Việt dịch: *Thích Bảo Lạc*

Tác phẩm Kinh này gồm có 4 quyển.

(<https://quangduc.com>, *Kinh*)

KINH BÁT PHẬT DANH HIỆU
(ĐCCTĐTK, Bộ Kinh tập, số 0431)

Hán dịch: *Tam tạng Xà-na-quật-đa*

Việt dịch (2013): *Thích Hạnh Tuệ*

Hiệu đính: *HT. Thích Như Điển*

(<https://quangduc.com>, *Kinh*)

KINH BÁT QUAN TRAI

(1 quyển, T. 01, Ks. 89)

Hán dịch: *Cư sĩ Trở Cừ Kinh Thanh*

Các bản Việt dịch: 1. *Thích Chánh Lạc*; 2.

Thích Thiện Long; 3. *Huyền Thanh*

Tác phẩm Kinh này có 3 trang (PDF).

(<https://hoavouu.com>, *Sách Phật học-PDF*)

KINH BẢY GIÁC MỘNG CỦA A-NAN
(1 quyển, T. 14, Ks. 494)

Hán dịch: *Trúc Đàm Vô Lan*

Các bản Việt dịch: 1. *TN. Tuệ Thành*;

2. *Huyền Thanh*

(<https://phatphapungdung.com>, *Pháp bảo-Bộ Kinh tập*)

KINH BẢY NGƯỜI NỮ

(1 quyển, T. 14, Ks. 556)

Hán dịch: *Ngô Chi Khiêm*

Việt dịch: *Thích Tâm Nhân*

(<https://phatphapungdung.com>, *Pháp bảo-Bộ Kinh tập*)

KINH BÁT TÁT ĐỊNH NHẬP ĐỊNH
NHẬP ÁN (1 quyển, T. 15, Ks. 645)

Hán dịch: *Cù-đàm Bát-nhã-lưu-chi*

Việt dịch: *Tuệ Khai*

(<https://phatphapungdung.com>, *Pháp bảo-Bộ Kinh tập*)

KINH BÁT TỰ THỦ Ý

(1 quyển, T.02, Ks. 107)

Hán dịch: *Chi Khiêm*

Các bản Việt dịch: 1. *Trần Văn Nghĩa*;

2. *TN. Tịnh Quang*

(<https://phatphapungdung.com>, *Pháp bảo-Bộ A-hàm*)

KINH BÉ GÁI TRONG BỤNG NGHE
KINH (1 quyển, T. 14, Ks. 563)

(Phật thuyết Phúc Trung Nữ thánh Kinh)

Hán dịch: *Đàm Vô Sấm*

Việt dịch: *Thích Tâm Nhân*

(<https://phatphapungdung.com>, *Pháp bảo-Bộ Kinh tập*)

KINH BỆ-MA-TÚC

(1 quyển, T. 01, Ks. 90)

Hán dịch: *Tam tạng Câu-na Bạt-đà-la*

Việt dịch: *HT. Chánh Lạc*

Tác phẩm Kinh này có 6 trang (PDF).

(<https://hoavouu.com>, *Sách Phật học-PDF*)

KINH BỒ-TÁT DI-LẶC HỎI ĐỨC
PHẬT VỀ BỒN NGUYỆN

(1 quyển, T. 12, Ks. 349)

Hán dịch: *Tam tạng Trúc Pháp Hộ*

Các bản Việt dịch: 1. *Thích Chánh Lạc*; 2.

Huyền Thanh

(<https://phatphapungdung.com>, *Pháp bảo-Kinh tạng*)

KINH BỒ-TÁT HƯ KHÔNG DỤNG
(2 quyển, T. 13, Ks. 408)
Hán dịch: *Xà-na-quật-đa*
Việt dịch: *Tuệ Khai*
(<https://phatphapungdung.com>, *Pháp bảo-Bộ Đại tập*)

KINH BỒ-TÁT QUỶ TRÁCH SẮC DỤC
(1 quyển, T. 15, Ks. 615)
Hán dịch: *Tam tạng Pháp sư*
Huyền Trang (602-664)
Các bản Việt dịch: 1. *Thích Nguyên Xuân*; 2. *Thích Thiện Giới*
(<https://phatphapungdung.com>, *Pháp bảo-Bộ Kinh tập*)

KINH BỒ-TÁT SANH ĐỊA
(1 quyển, T. 14, Ks. 533)
Hán dịch: *Ngô Chi Khiêm*
Việt dịch: *Thích nữ Tâm Chánh*
(<https://phatphapungdung.com>, *Pháp bảo-Bộ Kinh tập*)

KINH BỒ-TÁT SƯ TỬ TRANG
NGHIÊM VƯƠNG THỪA HỎI
(1 quyển, T. 14, Ks. 486)
Hán dịch: *Na-đề*
Việt dịch: *Thích Thọ Phước*
(<https://phatphapungdung.com>, *Pháp bảo-Bộ Kinh tập*)

KINH BỒ-TÁT TU HÀNH BỐN PHÁP
(1 quyển, T. 17, Ks. 773)
Hán dịch: *Địa-bà-ha-la*
Việt dịch: *Huyền Thanh*
(<https://phatphapungdung.com>, *Pháp bảo-Bộ Kinh tập*)

KINH BỒ-TÁT TỪ THỊ SỞ THUYẾT
ĐẠI THỪA DUYÊN SINH THÍ DỤ CÂY
LÚA (1 quyển, T. 16, Ks. 710)
Hán dịch: *Bát Không*
Việt dịch: *Quảng Minh*

(<https://phatphapungdung.com>, *Pháp bảo-Bộ Kinh tập*)

KINH BỒ-TÁT THIÊN THỦ THIÊN
NHÃN QUÁN THỂ ÂM LAO ĐÀ-LA-NI
THÂN (1 quyển, T. 20, Ks. 1058)
Hán dịch: *Bồ-đề-lưu-chi*
Việt dịch: *Huyền Thanh*
(<https://phatphapungdung.com>, *Pháp bảo-Bộ Mật giáo*)

KINH BỒ-THÍ THỨC ĂN ĐƯỢC NĂM
PHƯỚC BÁO
(1 quyển, T.02, Ks. 132a)
Việt dịch: *Quảng Lượng – Lý Hồng Nhựt*
(<https://phatphapungdung.com>, *Pháp bảo-Bộ A-hàm*)

KINH BỐN PHẨM PHÁP MÔN
(1 quyển, T.17, Ks. 776)
Hán dịch: *Pháp Hiền*
Việt dịch: *Huyền Thanh*
(<https://phatphapungdung.com>, *Pháp bảo-Bộ Kinh tập*)

KINH BỐN PHÁP CỦA ĐẠI THỪA
(1 quyển, T. 17, Ks. 772)
Hán dịch: *Thật-xoa-nan-đà*
Các bản Việt dịch: 1. *Huyền Thanh*;
2. *Bùi Đức Huệ*
(<https://phatphapungdung.com>, *Pháp bảo-Bộ Kinh tập*)

KINH BỐN VỊ THIÊN VƯƠNG
(1 quyển, T. 15, Ks. 590)
Hán dịch: *Trí Nghiêm và Bảo Vân*
Các bản Việt dịch: 1. *Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh*; 2. *Huyền Thanh*
(<https://phatphapungdung.com>, *Pháp bảo-Bộ Kinh tập*)

KINH BỐN VÔ SỞ ÚY

(1 quyển, T. 17, Ks. 775)

Hán dịch: *Thi Hộ*

Việt dịch: *Huyền Thanh*

(<https://phatphapungdung.com>, Pháp bảo-Bộ Kinh tập)

KINH BỐN NGUYÊN CÔNG ĐỨC CỦA BẢY ĐỨC PHẬT ĐƯỢC SỬ LƯU LY QUANG NHƯ LAI

(2 quyển, T.14, Ks. 451)

Hán dịch: *Nghĩa Tịnh*

Các bản Việt dịch: *Thích Nguyên Chơn; 2. TN. Tâm Thường*

(<https://phatphapungdung.com>, Pháp bảo-Bộ Kinh tập)

KINH BỐN TƯƠNG Ỡ TRÍ

(1 quyển, T.01, Ks. 36)

Hán dịch: *An Thế Cao*

Việt dịch: *Thích Chánh Lạc*

(<https://phatphapungdung.com>, Pháp bảo-Bộ A-hàm)

KINH CA-DIỆP PHÓ PHẬT BÁT NIẾT-BÀN (1 quyển, T. 12, Ks. 393)

Hán dịch: *Trúc Đàm Vô Lan*

Các bản Việt dịch: *Huyền Thanh;*

2. Thích nữ Đức Nghiêm

(<https://phatphapungdung.com>, Pháp bảo-Bộ Niết-bàn)

KINH CẦU DỤC

Hán dịch: *Pháp Cự*

Việt dịch: *Thích Chánh Lạc*

(<https://phatphapungdung.com>, Pháp bảo-Bộ A-hàm)

KINH CON NGƯỜI DO DỤC SANH

(1 quyển, T.01, Ks. 14)

Hán dịch: *An Thế Cao*

Việt dịch: *Thích Chánh Lạc –*

Thích Tâm Hạnh

(<https://phatphapungdung.com>, Pháp bảo-Bộ A-hàm)

KINH CỔ LAI THẾ THỜI

(1 quyển, T.01, Ks. 44)

Việt dịch: *Thích Chánh Lạc*

(<https://phatphapungdung.com>, Pháp bảo-Bộ A-hàm)

KINH CÔNG ĐỨC CỦA BA QUY Y – TỪ TÂM VÀ NHÀM CHÁN

(1 quyển, T.01, Ks. 72)

Các bản Việt dịch: *1. Nguyên Thuận;*

2. Thích Chánh Lạc; 3. Huyền Thanh

(<https://phatphapungdung.com>, Pháp bảo-Bộ A-hàm)

KINH CÔNG ĐỨC CHƯ PHẬT HỘ NIỆM KHÔNG THỀ NGHĨ BÀN

(Phật thuyết Bát tư nghị Công đức Chư Phật Sở hộ niệm Kinh)

(2 quyển, T. 14, Ks. 445)

Việt dịch: *Nguyên Thuận*

Tác phẩm Kinh này gồm có 2 quyển: Quyển thượng và Quyển hạ.

(<https://phatphapungdung.com>, Pháp bảo-Bộ Kinh tập)

KINH CÔNG ĐỨC NHIỀU QUANH THÁP PHẬT VÒNG THEO BÊN PHẢI

(1 quyển, T. 16, Ks. 700)

Hán dịch: *Thật-xoa-nan-đà*

Các bản Việt dịch: *1. Huyền Thanh;*

2. Thích Thọ Phước

(<https://phatphapungdung.com>, Pháp bảo-Bộ Kinh tập)

KINH CÔNG ĐỨC TẠO THÁP

(1 quyển, T. 16, Ks. 699)

Hán dịch: *Địa-bà-ha-la*

Các bản Việt dịch: *1. Quảng Minh;*

2. Trần Văn Nghĩa

(<https://phatphapungdung.com>, Pháp

bảo-Bộ Kinh tập)

KINH CÔNG ĐỨC TÂM PHẬT –

Khóa Lễ Phật Đản

Thành Hội Phật Giáo Hải Phòng

Việt dịch: *Sa-môn Thích Thanh Giác*

Nxb Tôn Giáo – 2008

KINH CÔNG ĐỨC TÂM PHẬT

(1 quyển, T. 16, Ks. 697-698)

Hán dịch:

Tam tạng Pháp sư Nghĩa Tịnh (635-713)

Các bản Việt dịch: 1. *TN. Trung Thế*;

2. *Nguyễn Thuận*; 3. *Quảng Minh*

(<https://phatphapungdung.com>, *Pháp bảo-Bộ Kinh tập*)

KINH CÔNG ĐỨC TIN PHẬT

(1 quyển, T. 01, Ks. 18)

Hán dịch: *Đại sư Pháp Hiền*

Việt dịch: *HT. Thích Chánh Lạc*

(<https://hoavouu.com>, *Sách Phật học-PDF*)

KINH CÔNG ĐỨC XUẤT GIA

Việt dịch: *Thích Thiện Phước*

Nxb Tôn Giáo

KINH CÔNG ĐỨC XUNG TÁN ĐẠI

THỪA (1 quyển, T. 17, Ks. 840)

Hán dịch: *Tam tạng Pháp sư*

Huyền Trang (602-664)

Việt dịch: *Tỳ-kheo Thích Hạnh Tuệ*

Hiệu đính: *HT. Thích Như Điển*

(<https://thuvienhoasen.org>, *Kinh Sanskrit/Hán tạng*)

KINH CÙ-ĐÀM-DI KÝ QUẢ

(1 quyển, T.01, Ks. 60)

Hán dịch: *Huệ Giản*

Việt dịch: *Thích Chánh Lạc*

(<https://phatphapungdung.com>, *Pháp bảo-Bộ A-hàm*)

KINH CƯ SĨ TỊNH Ý THỪA HỎI

(1 quyển, T. 17, Ks. 755)

(Phật thuyết Tịnh Ý Ưu-bà-tắc Sở vấn Kinh)

Hán dịch: *Thi Hộ*

Việt dịch: *Thích Hằng Đạt*

(<https://phatphapungdung.com>, *Pháp bảo-Bộ Kinh tập*)

KINH CỨU BẠT DIỆM KHẨU NGẠ

QUỶ ĐÀ-LA-NI

(1 quyển, T. 21, Ks. 1313)

Hán dịch: *Bất Không*

Việt dịch: *Thích Thọ Phước*

(<https://phatphapungdung.com>, *Pháp bảo-Bộ Mật giáo*)

KINH CỨU SẮC LỘC

(1 quyển, T. 03, Ks. 181a)

Hán dịch: *Ngô Chi Khiêm*

Các bản Việt dịch: 1. *Linh Sơn Pháp Bảo*

Đại Tạng Kinh; 2. *Nguyễn Thuận*

(<https://phatphapungdung.com>, *Pháp bảo-Bộ Bốn duyên*)

KINH CHA MẸ ÂN TRỌNG

(Phụ mẫu Ân trọng Kinh)

(1 quyển, T.85, Ks. 2887)

Việt dịch: *Nguyễn Thuận*

(<https://phatphapungdung.com>, *Pháp bảo-Bộ Đôn Hoàng*)

KINH CHANDA (Chiên-đà)

(Trích từ Tập A-hàm, Kinh 262)

Việt dịch: *Thích Nhất Hạnh*

(<https://thuvienhoasen.org>, *Kinh/Pali*)

KINH CHÁNH PHÁP ĐẠI TẬP HỘI

(5 quyển, T. 13, Ks. 424)

Hán dịch: *Thi Hộ*

Việt dịch: *Thích Chánh Lạc*

Tác phẩm Kinh này có 119 trang (PDF), gồm 5 quyển.

(<https://phatphapungdung.com>, Pháp
bảo-Bộ Đại tập)

KINH CHÁNH PHÁP HOA – Quyển 7
Hán dịch: *Tam tạng Pháp Hộ*
Việt dịch: *Cư sĩ Nguyễn Sanh – Từ Vũ*
Chứng nghĩa: *Tỳ-kheo Thích Đồng Minh*
Kinh Chánh Pháp Hoa, (Bộ Thượng) -
Quyển 7 gồm có 3 phẩm: P.13 An Lạc
Hạnh; P.14 Bồ-tát từ đất vọt lên; P.15 Như
Lai Hiện thọ. (phaptangpgvn.net, Pháp
tạng)

KINH CHÂN HẠNH PHÚC
(Maha Mangala Sutta)
Dịch giả:
HT. Thích Thiện Châu (1931-1998)
(www.tuvienguangduc.com.au/ Kinh
điển)

KINH CHÚ ĐÀ-LA-NI MA-LỢI CHI
THIÊN (1 quyển, T. 21, Ks. 1256)
Việt dịch: *Huyền Thanh*
(<https://phatphapungdung.com>, Pháp
bảo-Bộ Mật giáo)

KINH CHÚ TỐI THẮNG PHẬT ĐỈNH
ĐÀ-LA-NI TỊNH TRỪ NGHIỆP
CHUỐNG (1 quyển, T. 19, Ks. 970)
Hán dịch: *Địa-bà-ha-la*
Các bản Việt dịch: 1. *Thích Quảng Trí* và
2. *Nguyễn Thuận*
(<https://phatphapungdung.com>, Pháp
bảo-Bộ Mật giáo)

KINH CHUYỆN VỀ NHỮNG CON CÁ
LỚN (Đại ngư sự Kinh)
(1 quyển, T. 04, Ks. 216)
Hán dịch: *Trúc Đàm Vô Lan*
Các bản Việt dịch: 1. *Thanh Mai-Thanh*
Nhiên; 2. *Trần Văn Nghĩa*
(<https://phatphapungdung.com>, Pháp
bảo-Bộ Bốn duyên)

KINH CHƯ PHÁP BỒN
(1 quyển, T.01, Ks. 49)
Hán dịch: *Chi Khiêm*
Việt dịch: *Thích Chánh Lạc*
Tác phẩm Kinh này có 9 trang (PDF).
(<https://phatphapungdung.com>, Pháp
bảo-Bộ A-hàm)

KINH CHƯ PHẬT
(1 quyển, T. 14, Ks. 439)
Hán dịch: *Thi Hộ*
Các bản Việt dịch: 1. *Nguyễn Thuận*;
2. *TN. Đức Thuận*
(<https://phatphapungdung.com>, Pháp
bảo-Bộ Kinh tập)

KINH CHỮA BỆNH TRĨ
(1 quyển, T. 21, Ks. 1325)
Hán dịch: *Nghĩa Tịnh*
Các bản Việt dịch: 1. *Nguyễn Thuận*;
2. *Thích Nguyễn Chơn*
(<https://phatphapungdung.com>, Pháp
bảo-Bộ Mật giáo)

KINH DANH HIỆU BÁT ĐẠI LINH
THÁP (1 quyển, T. 32, Ks. 1685)
Hán dịch: *Pháp Hiền*
Các bản Việt dịch: 1. *Thích Như Điển*;
2. *Huyền Thanh*
(<https://phatphapungdung.com>, Pháp
bảo-Bộ Luận tập)

KINH DI GIÁO
Việt dịch: *Trí Nguyệt*
(<https://quangduc.com>, Kinh-Hán tạng)

KINH DI-LẶC HẠ SANH
(1 quyển, T. 14, Ks. 454)
Hán dịch: *Tam tạng Pháp sư Cưu-ma-la-*
thập (Kumarajiva, 344-413)
Việt dịch: *Thích nữ Như Phúc*

<http://www.quangduc.com>; chuyển sang ebook 18/8/2009;

Người thực hiện: Nam Thiên.

(<https://hoavouu.com>, Sách Phật học-PDF)

KINH DIỆU PHÁP LIÊN HOA

Giảng Giải – 3 Quyển

Giảng giải: *Thích Tuệ Hải*

Nxb Tôn Giáo – 2018

KINH DIỆT TRỪ TỐI TÂM TRONG MUỖI PHƯƠNG

(1 quyển, T. 14, Ks. 435)

Hán dịch: *Trúc Pháp Hộ*

Các bản Việt dịch: 1. *TN. Tâm Thường*; 2. *Nguyên Thuận*

(<https://phatphapungdung.com>, Pháp bảo-Bộ Kinh tập)

KINH DIỆU CÁT TƯỜNG BỒ-TÁT NHẬP NIẾT-BÀN

(1 quyển, T. 14, Ks. 463)

Hán dịch: *Nhiếp Đạo Chơn*

Việt dịch: *Nguyên Thuận*

(<https://phatphapungdung.com>, Pháp bảo-Bộ Kinh tập)

KINH DIỆU HUỆ ĐỒNG NỮ

Hán dịch: *Tam tạng Bồ-đề Lưu-chi*

Việt dịch: *HT. Thích Chơn Minh*

Lưu hành nội bộ, PL. 2538 – DL. 1994.

(bản lưu tại Thư viện Huệ Quang, số 116, đường Hòa Bình, P. Phú Trung, Q. Tân Phú, Tp. Hồ Chí Minh)

KINH DIỆU PHÁP LIÊN HOA TAM-MUỘI BÍ MẬT TAM-MA-GIA

Vạn Tân Toàn Tục Tạng Kinh, Tập 2, No. 204

Hán dịch: *Tam tạng Đại Quảng Trí Bất Không (Amogha-vajra)*

Việt dịch: *Huyền Thanh*

(<https://hoavouu.com>, Sách Phật học-PDF)

KINH DIỆU PHÁP LIÊN HOA

Thông Nghĩa

Nguyên tác: *Hám Sơn – Đức Thanh*

Việt dịch: *Thích Viên Giác*

Nxb Tôn Giáo – 2002

KINH DỰ NƯỚC BIỂN

(1 quyển, T.01, Ks. 29)

Việt dịch: *Thích Chánh Lạc*

(<https://phatphapungdung.com>, Pháp bảo-Bộ A-hàm)

KINH DỰ MẶT TRĂNG

(1 quyển, T.02, Ks. 121)

Hán dịch: *Thi Hộ*

Các bản Việt dịch: 1. *Thích Đức Thắng*; 2. *TN. Tịnh Quang*

(<https://phatphapungdung.com>, Pháp bảo-Bộ A-hàm)

KINH DUYÊN BỒN TRÍ

(1 quyển, T.01, Ks. 37)

Việt dịch: *Thích Chánh Lạc*

(<https://phatphapungdung.com>, Pháp bảo-Bộ A-hàm)

KINH DUYÊN KHỞI

(1 quyển, T.02, Ks. 124)

Hán dịch: *Huyền Trang*

Việt dịch: *Huyền Thanh*

(<https://phatphapungdung.com>, Pháp bảo-Bộ A-hàm)

KINH DUYÊN SINH

(1 quyển, T. 16, Ks. 709)

Việt dịch: *Thích Tâm Châu (1921-2015)*

(<https://phatphapungdung.com>, Pháp bảo-Bộ Kinh tập)

KINH DƯỢC SƯ LƯU LY QUANG
NHƯ LAI BỒN NGUYỄN CÔNG ĐỨC
(1 quyển, T. 14, Ks. 450)

Hán dịch: *Tam tạng Pháp sư
Huyền Trang (602-664)*

Việt dịch: *Nguyễn Thuận*
(<https://phatphapungdung.com>, *Pháp
bảo-Bộ Kinh tập*)

KINH DƯỢC SƯ Nghĩa

Hán dịch: *Tam tạng Pháp sư
Huyền Trang (602-664)*

Việt dịch:
Pháp sư Thích Quảng Liên (1926-2009)
Tu viện Quảng Đức ấn hành năm
PL. 2532 – DL. 1988

KINH ĐÀ-LA-NI DIÊN THỌ DIỆU
MÔN (1 quyển, T.20, Ks. 1140)

Hán dịch: *Pháp Hiền*

Việt dịch: *Huyền Thanh*
(<https://phatphapungdung.com>, *Pháp
bảo-Bộ Mật giáo*)

KINH ĐÀ-LA-NI XUẤT TƯỢNG

Dịch giả: *Dà-phạm Đạt-ma*

Bản Roneo, có 162 trang.

PL. 2548 – DL. 2004

(www.thuvienphatgiao.com)

KINH ĐÀ-LA-NI TẤT CẢ DANH
HIỆU NHƯ LAI

(1 quyển, T.21, Ks. 1350)

Hán dịch: *Pháp Hiền*

Việt dịch: *Huyền Thanh*
(<https://phatphapungdung.com>, *Pháp
bảo-Bộ Mật giáo*)

KINH ĐÀ-LA-NI TẬP CỬU PHẨM
VĨNG SANH A-DI-ĐÀ

TAM-MA-ĐỊA (1 quyển, T. 19, Ks. 933)

Hán dịch: *Bất Không*

Việt dịch: *Huyền Thanh*

(<https://phatphapungdung.com>, *Pháp
bảo-Kinh tạng*)

KINH ĐÀ-LA-NI TỐI THẮNG PHẬT
ĐỈNH (1 quyển, T.19, Ks. 974a)

Hán dịch: *Pháp Thiên*

Việt dịch: *Huyền Thanh*
(<https://phatphapungdung.com>, *Pháp
bảo-Bộ Mật giáo*)

KINH ĐÀ-LA-NI THẮNG PHAN ANH
LẠC (1 quyển, T.21, Ks. 1410)

Hán dịch: *Thi Hộ*

Việt dịch: *Huyền Thanh*
(<https://phatphapungdung.com>, *Pháp
bảo-Bộ Mật giáo*)

KINH ĐÀ-LÂN-NI BÁT
(1 quyển, T.21, Ks. 1352)

Hán dịch: *Pháp Hiền*

Việt dịch: *Huyền Thanh*
(<https://phatphapungdung.com>, *Pháp
bảo-Bộ Mật giáo*)

KINH ĐẠI ÁI ĐẠO BÁT NIẾT-BÀN
(1 quyển, T.02, Ks. 144)

Hán dịch: *Bạch Pháp Tổ*

Việt dịch: *Thích Thanh Từ*
(<https://phatphapungdung.com>, *Pháp
bảo-Bộ A-hàm*)

KINH ĐẠI AN BAN THỦ Ý
(2 quyển, T. 15, Ks. 602)

(Phật thuyết Đại An Ban Thủ Ý Kinh)

Hán dịch: *An Thế Cao*

Việt dịch: *Tuệ Khai*

Tác phẩm Kinh này gồm có 2 quyển:
Quyển thượng, Quyển hạ.

(<https://phatphapungdung.com>, *Pháp
bảo-Bộ Kinh tập*)

KINH ĐẠI BÁT NIẾT-BÀN
Đại Chánh (Taisho) vol. 12, no. 375
Hán dịch: *Sa-môn Tuệ Nghiêm*
Phiên âm và lược dịch điện tử: *Nguyên Tánh & Nguyên Hiên*
Việt dịch (2008): *Thích nữ Tuệ Quảng*
Biên tập: *Thích Phước Nghiêm*
Tuệ Quang Foundation. Tác phẩm Kinh này 36 quyển, với 1.732 trang (PDF).
(<https://hoavouu.com>, *Sách Phật học-PDF*)

KINH ĐẠI BI TÂM ĐÀ-RA-NI
(1 quyển, T. 20, Ks. 1060)
Hán dịch: *Sa-môn Già-phạm-đạt-ma*
Các bản Việt dịch: 1. *Thích Thiện Tâm (1925-1992)*; 2. *Nguyên Thuận*
(<https://phatphapungdung.com>, *Pháp bảo-Bộ Mật giáo*)

KINH ĐẠI BI TÂM ĐÀ-LA-NI
XUẤT TƯỢNG
Biên tập: *Nguyễn Tường Long*
Nxb Tôn Giáo – 2006
Kinh có khổ 10 x 15cm.

KINH ĐẠI DIỆU KIM CANG ĐẠI CAM
LỘ QUÂN-NÃ-LỢI DIỆM-MAN-SÍ
THẠNH PHẬT
(1 quyển, T.19, Ks. 965)
Hán dịch: *Đạt-ma Tây-na*
Việt dịch: *Thích Quảng Trí*
(<https://phatphapungdung.com>, *Pháp bảo-Bộ Mật giáo*)

KINH ĐẠI ĐÀ-LA-NI MẬT PHÁP
TRUNG NHẤT TỰ TÂM CHỦ
Mật Tạng bộ 2 – No. 956
Hán dịch: *Tam tạng Bảo Tư Duy*
Việt dịch: *Sa-môn Thích Quảng Trí*
(<https://quangduc.com>, *Kinh-Hán tạng*)

KINH ĐẠI HỒI HƯỚNG HẾT SỨC
THÂM SÂU (Phật thuyết Thâm thâm Đại
Hồi hướng Kinh)
(1 quyển, T.17, Ks. 825)
Các bản Việt dịch: 1. *TN. Thuận Hạnh*; 2.
Thích Thiện Trí
(<https://phatphapungdung.com>, *Pháp bảo-Bộ Kinh tập*)

KINH ĐẠI PHƯƠNG ĐĂNG ĐẠI TẬP
HIỀN HỘ BỒ-TÁT
Hán dịch: *Xà-na-quật-đa*
Việt dịch: *Thích Hằng Đạt*
Tác phẩm Kinh này gồm có 17 phẩm.
(<https://phatphapungdung.com>, *Pháp bảo-Bộ Đại tập*)

KINH ĐẠI PHƯƠNG ĐĂNG NHƯ LAI
BÁT TƯ NGHÌ CẢNH GIỚI
Hán dịch:
Tam tạng Pháp sư Thật-xoa-nan-đa
Các bản Việt dịch: 1. *HT. Thích Minh Lễ*;
2. *Nguyên Thuận*;
3. *Thích nữ Như Phúc*
(<https://phatphapungdung.com>, *Pháp bảo-Bộ Hoa Nghiêm*)

KINH ĐẠI PHƯƠNG ĐĂNG NHƯ LAI
TẠNG (1 quyển, T. 16, Ks. 666)
Hán dịch: *Phật-đà Bạt-đà-la*
Việt dịch: *Thích Trí Thủ*
(<https://phatphapungdung.com>, *Pháp bảo-Bộ Kinh tập*)

KINH ĐẠI PHƯƠNG ĐĂNG TU-ĐA-LA
VƯƠNG (1 quyển, T. 14, Ks. 575)
Hán dịch: *Bồ-đề-lưu-chi*
Việt dịch: *Thích Tâm Nhân*
(<https://phatphapungdung.com>, *Pháp bảo-Bộ Kinh tập*)

KINH ĐẠI PHƯƠNG QUẢNG BỒ-TÁT
TẠNG KINH TRUNG
VĂN-THÙ-SƯ-LỢI CĂN BỒN NHỨT
TỰ ĐÀ-LA-NI

(1 quyển, T. 20, Ks. 1181)

Hán dịch: *Bảo Tư Duy*

Việt dịch: *Huyền Thanh*

(<https://phatphapungdung.com>, *Pháp
bảo-Bộ Mật giáo*)

KINH ĐẠI PHƯƠNG QUẢNG NHẬP
NHƯ LAI TRÍ ĐỨC BÁT TƯ NGHÌ

(1 quyển, T. 10, Ks. 304)

Hán dịch: *Thật-xoa-nan-đà*;

Việt dịch: *TN. Như Phúc*

(<https://phatphapungdung.com>, *Pháp
bảo-Bộ Hoa Nghiêm*)

KINH ĐẠI PHƯƠNG QUẢNG NHƯ
LAI BÍ MẬT TẠNG

(2 quyển, T. 17, Ks. 821)

Việt dịch: *TN. Thuần Hạnh*

(<https://phatphapungdung.com>, *Pháp
bảo-Bộ Kinh tập*)

KINH ĐẠI PHƯƠNG QUẢNG PHỔ
HIỀN SỞ THUYẾT

(1 quyển, T. 10, Ks. 298)

Hán dịch: *Thật-xoa-nan-đà*

Các bản Việt dịch: 1. *Thích Nguyên Lộc*;
2. *Huyền Thanh*

(<https://phatphapungdung.com>, *Pháp
bảo-Bộ Hoa Nghiêm*)

KINH ĐẠI PHƯƠNG QUẢNG TỔNG
TRÌ BẢO QUANG MINH

Đại Chánh Tân Tu Đại Tạng Kinh, Quyển
10, Hoa Nghiêm bộ

Hán dịch: *Sa-môn Thân Pháp Thiên*

Việt dịch (2001):

Tỳ-kheo Thích Như Điển

Tác phẩm Kinh này gồm 5 quyển, 102
trang (PDF).

(<https://hoavouu.com>, *Sách Phật học-
PDF*)

KINH ĐẠI SỰ NHÂN DUYÊN LỢI ÍCH
CỦA DANH HIỆU PHẬT VÔ LƯỢNG

THỌ (1 quyển, X. 01, Ks. 11)

Hán dịch: *Khương Tăng Khải*

Việt dịch: *Huyền Thanh*

(<https://phatphapungdung.com>, *Pháp
bảo-Bộ Tục tạng Kinh*)

KINH ĐẠI TAM-MA-NHẠ

(1 quyển, T.01, Ks. 19)

Hán dịch: *Pháp Thiên*

Việt dịch: *Thích Chánh Lạc*

(<https://phatphapungdung.com>, *Pháp
bảo-Bộ A-hàm*)

KINH ĐẠI TẬP ĐẠI HƯ KHÔNG
TẠNG BỒ-TÁT SỞ VẤN

Hán dịch: *Bát Không*

Việt dịch: *Tuệ Khai*

Tác phẩm Kinh này gồm có 8 quyển.
(<https://phatphapungdung.com>, *Pháp
bảo-Bộ Đại tập*)

KINH ĐẠI THỪA BIÊN CHIẾU
QUANG MINH TẠNG VÔ TỰ PHÁP
MÔN (1 quyển, T. 17, Ks. 830)

Hán dịch: *Địa-bà-ha-la*

Việt dịch: *Nguyên Thuận*

(<https://phatphapungdung.com>, *Pháp
bảo-Bộ Kinh tập*)

KINH ĐẠI THỪA DUYÊN SINH
(Phật thuyết Đại thừa Đạo can Kinh)

(1 quyển, T.16, Ks. 712)

Việt dịch: *Thích Tâm Châu*

(<https://phatphapungdung.com>, *Pháp
bảo-Bộ Kinh tập*)

KINH ĐẠI THỪA ĐỒNG TỬ BẢO
NGUYỆT VẤN PHÁP
(1 quyển, T. 14, Ks. 437)
Hán dịch: *Thi Hộ*
Các bản Việt dịch: 1. TN. Tâm Thường; 2.
Nguyên Thuận; 3. TN. Đức Nhuận.
(<https://phatphapungdung.com>, Pháp
bảo-Bộ Kinh tập)

KINH ĐẠI THỪA GIÀ-DA SON ĐỈNH
(1 quyển, T. 14, Ks. 467)
Hán dịch: *Bồ-đề-lưu-chi*
Việt dịch: *Thích Tâm Châu*
(<https://phatphapungdung.com>, Pháp
bảo-Bộ Kinh tập)

KINH ĐẠI THỪA HIỀN THỨC
Việt dịch: *Thích Đồng Thái*
Nxb Tôn Giáo – 2001
Kinh có khổ 15.5 x 23cm, bìa mềm, có tay
gấp.

KINH ĐẠI THỪA LÝ THỨ LỤC
BA-LA-MẬT-ĐA
(10 quyển, T. 08, Ks. 261)
Hán dịch: *Sa-môn Bát-Nhã*
Việt dịch: *Thích Tâm Châu*
(<https://quangduc.com>, Kinh-Hán tạng)

KINH ĐẠI THỪA LÝ THỨ LỤC
BA-LA-MẬT QUY Y TAM BẢO
Hán dịch: *Sa-môn Bát-Nhã*
Việt dịch: *Thích Tâm Châu*
(<https://quangduc.com>, Kinh-Hán tạng)

KINH ĐẠI THỪA LƯU CHUYỂN HỮU
(1 quyển, T. 14, Ks. 577)
Hán dịch:
Cao Tăng Nghĩa Tịnh (635-713)
Việt dịch: *Thích Tâm Nhãn*
(<https://phatphapungdung.com>, Pháp
bảo-Bộ Kinh tập)

KINH ĐẠI THỪA PHƯƠNG QUẢNG
TÔNG TRÌ (1 quyển, T. 09, Ks. 275)
Hán dịch: *Tỳ-ni-đa-lưu-chi*
Các bản Việt dịch: 1. *Huyền Thanh*;
2. *Nguyên Thuận*
(<https://phatphapungdung.com>, Pháp
bảo-Bộ Pháp Hoa)

KINH ĐẠI THỪA THẬP PHÁP
(1 quyển, T. 11, Ks. 314)
Hán dịch: *Tăng-già-bà-la*
Việt dịch: *Thích nữ Tâm Thường*
(<https://phatphapungdung.com>, Pháp
bảo-Kinh tạng)

KINH ĐẠI THỪA TRANG NGHIÊM
BẢO VƯƠNG
Hán dịch: *Thiên Túc Tai*
Việt dịch: *Nguyên Thuận*
Toàn bộ tác phẩm Kinh này gồm có 4
quyển. (<https://phatphapungdung.com>,
Pháp bảo-Bộ Mật giáo)

KINH ĐẠI THỪA VÔ LƯỢNG NGHĨA
và KINH DIỆU PHÁP LIÊN HOA
Việt dịch: *Thích Tuệ Hải*
Nxb Hồng Đức – 2016

KINH ĐẠI VÂN LUÂN CẦU MƯA
Hán dịch: *Bát Không*
Việt dịch: *Huyền Thanh*
Tác phẩm Kinh này gồm có 2 quyển.
(<https://phatphapungdung.com>, Pháp
bảo-Bộ Mật giáo)

KINH ĐĂNG CHỈ NHÂN DUYÊN
(1 quyển, T. 16, Ks. 703)
Hán dịch: *Tam tạng Pháp sư Cưu-ma-la-
thập (Kumarajiva, 344-413)*
Các bản Việt dịch: 1. TN. Tuệ Thành;
2. *Thích Tâm Nhãn*
(<https://phatphapungdung.com>, Pháp
bảo-Bộ Kinh tập)

KINH ĐỀ THÍCH SỞ VẤN
(1 quyển, T. 01, Ks. 15)
Hán dịch: *Đại sư Pháp Hiền*
Việt dịch: *HT. Thích Chánh Lạc*
Nguồn www.quangduc.com; Chuyển
sang ebook 11/8/2009;
Người thực hiện: *Nam Thiên*.
Tác phẩm Kinh này có 19 trang (PDF).
(<https://hoavouu.com>, *Sách Phật học-
PDF*)

KINH ĐỀ TỬ CHẾT RỒI SỐNG LẠI
(Đệ tử Tử phục sanh Kinh)
Hán dịch: *Trở Cừ Kinh Thinh*
Việt dịch: *Thích nữ Thuần Hạnh*
(<https://phatphapungdung.com>, *Pháp
bảo-Bộ Kinh tập*)

KINH ĐỘ CHƯ PHẬT CẢNH GIỚI
QUANG NGHIÊM
(1 quyển, T. 10, Ks. 302)
Việt dịch: *Thích nữ Như Phúc*
(<https://phatphapungdung.com>, *Pháp
bảo-Bộ Hoa Nghiêm*)

KINH ĐỘ NGƯỜI HẤP HỐI
Đại Chánh tạng Kinh, Tăng Nhất A-hàm,
Kinh số 125
Hán dịch: *Tăng-già-đê-bà*
Việt dịch: *Thiên sư Thích Nhất Hạnh*
(<https://quangduc.com>, *Kinh-Hán tạng*)

KINH ĐỒNG TỬ VÔ NGÔN
Hán dịch: *Trúc Pháp Hộ*
Việt dịch: *Tuệ Khai*
Tác phẩm Kinh này gồm có 2 quyển:
Quyển thượng và Quyển hạ.
(<https://phatphapungdung.com>, *Pháp
bảo-Bộ Đại tập*)

KINH ĐỨC PHẬT NÓI VỀ HƯƠNG
GIỚI ĐỨC (1 quyển, T.02, Ks. 116)
Hán dịch: *Trúc Đàm Vô Lan*

Các bản Việt dịch: 1. *TN. Như Tuyết*;
2. *Huyền Thanh*
(<https://phatphapungdung.com>, *Pháp
bảo-Bộ A-hàm*)

KINH ĐỨC TỬ THỊ HẠ SANH THÀNH
PHẬT (1 quyển, T. 14, Ks. 455)
Hán dịch:
Cao Tăng Nghĩa Tịnh (635-713)
Việt dịch: *Nguyễn Thuận*
(<https://phatphapungdung.com>, *Pháp
bảo-Bộ Kinh tập*)

KINH GIẢI HẠ (1 quyển, T. 01, Ks. 63)
Hán dịch: *Tam tạng Đại sư Pháp Hiền*
Các bản Việt dịch: 1. *Thích Chánh Lạc*; 2.
Thích Tâm Châu
(www.tuvienquangduc.com.au/ *Kinh
điển*)

KINH GIẢI ƯU
(1 quyển, T. 17, Ks. 804)
(Phật thuyết Giải Ưu Kinh)
Hán dịch: *Pháp Thiên*
Việt dịch: *Chơn Tỳn Tạng*
(<https://phatphapungdung.com>, *Pháp
bảo-Bộ Kinh tập*)

KINH GIÁO HÓA BỊNH
Dịch và chú: *Thích Tuệ Sỹ*
(<https://thuvienhoasen.org>, *Kinh
Sanskrit/Hán tạng*)

KINH GIỚI TIÊU TAI
(Phật thuyết Giới Tiêu tai Kinh)
(1 quyển, T.24, Ks. 1477)
Hán dịch: *Chi Khiêm*
Các bản Việt dịch: 1. *Thích Khánh Anh*; 2.
Thích Nguyễn Chơn
(<https://phatphapungdung.com>, *Pháp
bảo-Bộ luật*)

KINH HẢI ĐẢO TỰ THÂN
(99, Tạng Kinh Đại Chính, Kinh số 639,
bộ Tập A-hàm)
Việt dịch: *Thích Nhất Hạnh*
(<https://thuvienhoasen.org>, *Kinh*
Sanskrit/Hán tạng)

KINH HẠNH NGUYỄN PHỔ HIỀN
(Trích từ Kinh Hoa Nghiêm)
Hán dịch: *Tam tạng Pháp sư Bát-nhã*
Việt dịch: *Cư sĩ Hạnh Cơ*
PL. 2549 – DL. 2005
(<https://thuvienhoasen.org>, *Kinh*
Sanskrit/Hán tạng)

KINH HIỀN THỦ
(1 quyển, T. 14, Ks. 570)
Hán dịch: *Thánh Kiên*
Việt dịch: *Thích Tâm Nhân*
(<https://phatphapungdung.com>, *Pháp*
bảo-Bộ Kinh tập)

KINH HIỀN VÔ BIÊN PHẬT ĐỘ
CÔNG ĐỨC (1 quyển, T. 10, Ks. 289)
Hán dịch: *Tam tạng Pháp sư*
Huyền Trang (602-664)
Việt dịch: *Thích Bửu Hà*
(<https://phatphapungdung.com>, *Pháp*
bảo-Bộ Hoa Nghiêm)

KINH HIỀN TẠI HIỀN KIẾP THIÊN
PHẬT DANH (1 quyển, T. 14, Ks. 447a)
Việt dịch: *Nguyễn Thuận*
(<https://phatphapungdung.com>, *Pháp*
bảo-Bộ Kinh tập)

KINH HIẾU TỬ
(1 quyển, T. 16, Ks. 687)
(Phật thuyết Hiếu tử Kinh)
Các bản Việt dịch: 1. *TN. Tịnh Hiền*;
2. *Huyền Thanh*
(<https://phatphapungdung.com>, *Pháp*
bảo-Bộ luật)

KINH HIỆU LƯỢNG SỔ CHÂU CÔNG
ĐỨC (1 quyển, T. 17, Ks. 788)
Hán dịch: *Bảo Tư Duy*
Việt dịch: *Thích Tâm Châu (1921-2015)*
(<https://phatphapungdung.com>, *Pháp*
bảo-Bộ Kinh tập)

KINH HOA NGHIÊM BỒ-TÁT GIỚI
Dịch và lược giải: *Thích Hằng Trường*
Nxb Tôn Giáo – 2007

KINH HOA NGHIÊM –
PHẨM NHƯ LAI HIỆN TƯỚNG
Dịch và lược giải: *Thích Hằng Trường*
Nxb Tôn Giáo – 2003

KINH HÓA CHÂU BẢO MẠNG
(1 quyển, X. 01, Ks. 25)
Việt dịch: *Thích nữ Lệ Nhã*
(<https://phatphapungdung.com>, *Pháp*
bảo-Bộ Tục tạng Kinh)

KINH HỘ QUỐC
(1 quyển, T.01, Ks. 69)
Hán dịch: *Pháp Hiền*
Việt dịch: *T. Chánh Lạc*
(<https://phatphapungdung.com>, *Pháp*
bảo-Bộ A-hàm)

KINH HỒNG DANH LỄ SÁM
(Phật thuyết Phật danh Kinh)
Việt dịch và chú thích: *Thích Huyền Vi*
Toàn bộ tác phẩm Kinh này gồm có 30
quyển.
(<https://phatphapungdung.com>, *Pháp*
bảo-Bộ Kinh tập)

KINH HỒNG DANH SÁM HỒI
Biên tập: *Đỗ Thị Quỳnh*
Nxb Tôn Giáo – 2010. Kinh có khổ 14.5 x
20.5cm.

KINH HU' KHÔNG TẶNG BỒ-TÁT
THẦN CHÚ (1 quyển, T.13, Ks. 406)
Hán dịch: *Đàm-ma Mật-đa*
Việt dịch: *Tuệ Khai*
(<https://phatphapungdung.com>; *Pháp
bảo-Bộ Đại tập*)

KINH HU' KHÔNG TẶNG BỒ-TÁT
THẦN CHÚ (1 quyển, T. 13, Ks. 407)
Hán dịch: *Đàm-ma-mật-đa*
Việt dịch: *Tuệ Khai*
(<https://phatphapungdung.com>, *Pháp
bảo-Bộ Đại tập*)

KINH HUNG KHỞI HẠNH
(2 quyển, T. 04, Ks. 197)
Hán dịch: *Khương Mạnh Tường*
Việt dịch: *Thích Chánh Lạc*
(<https://phatphapungdung.com>, *Pháp
bảo-Bộ Bốn duyên*)

KINH KIÊN Ý (1 quyển, T. 17, Ks. 733)
Hán dịch: *An Thế Cao*
Việt dịch: *Thích nữ Tịnh Quang*
(<https://phatphapungdung.com>, *Pháp
bảo-Bộ Kinh tập*)

KINH KIẾN CHÁNH
(1 quyển, T. 17, Ks. 796)
(Phật nói Kinh Kiến Chánh)
Hán dịch: *Trúc Đàm Vô Lan*
Các bản Việt dịch: 1. *Thích Giác Quả*;
2. *Thích Trí Đức*; 3. *Thích Nguyễn Lộc*;
4. *Thích Trí Hải*
(<https://phatphapungdung.com>, *Pháp
bảo-Bộ Kinh tập*)

KINH KIÊN-ĐÀ QUỐC VƯƠNG
(1 quyển, T. 14, Ks. 506)
Hán dịch: *An Thế Cao*
Việt dịch: *Thích Hạnh Tuệ*
(<https://phatphapungdung.com>, *Pháp
bảo-Bộ Kinh tập*)

KINH KIM CANG CHƯ' GIA – Dịch
nghĩa
Dịch giả: *Thích Huệ Tông (chùa Phổ
Nguyễn)*
Chư Sơn và Thiện tín in ấn tổng – 1963

KINH KIM CANG ĐỈNH DU-GIÀ NIỆM
CHÂU (1 quyển, T. 17, Ks. 789)
Hán dịch: *Bát Không*
Các bản Việt dịch: 1. *Thích Tâm Châu*; 2.
Thích nữ Đức Nghiêm
(<https://phatphapungdung.com>, *Pháp
bảo-Bộ Kinh tập*)

KINH KIM CANG Lược Giải
Lược giải (2004): *Đồng Mai*
Nội dung tác phẩm này gồm có 32 đoạn
Kinh Kim Cang lược giải.
(<https://thuvienhoasen.org>, *Kinh-Giảng
giải Kinh*)

KINH KIM CANG QUYẾT NGHỊ
(1 quyển, X. 25, Ks. 474)
Biên soạn: *Đức Thanh*
Các bản Việt dịch: 1. *Hạnh Huệ*;
2. *Vương Gia Hón*
(<https://phatphapungdung.com>, *Pháp
bảo-Bộ Tục tạng Kinh*)

KINH KIM CƯƠNG
Dịch giả: *Thích Nhất Hạnh*
(<https://thuvienhoasen.org>, *Kinh-
Sanskrit/Hán tạng*)

KINH KIM CƯƠNG (The Diamond
Sutra) - Phan Bản Tân Dịch
(Kinh Trí Tuệ Siêu Việt Toàn Hào Có khả
Năng Phá Hủy Như Sấm Sét)
Vajracchedikàprajñāpāramitā
Vajracchedikā nāma trisatikā
prajñāpāramitā
Dịch giả: *Phước Nguyên dịch từ nguyên
bản Sanskrit*

Ấn bản điện tử: 22/11/2018
(<https://hoavouu.com>, *Sách Phật học-PDF*)

KINH KIM CƯƠNG TAM-MUỘI BẢN
TÍNH THANH TỊNH BẤT HOẠI BẤT
DIỆT (1 quyển, T. 15, Ks. 644)
Việt dịch: *Tuệ Khai*
(<https://phatphapungdung.com>, *Pháp
bảo-Bộ Kinh tập*)

KINH KỶ-LỢI-MA-NAN
(GIRIMĀNANDASUTTA)
(Trích từ Tăng Chi Bộ Kinh)
Việt dịch: *Toại Khanh*
(<https://thuvienhoasen.org>, *Kinh/Pali*)

KINH KHỔ ẤM (1 quyển, T.01, Ks. 53)
Việt dịch: *TN. Tịnh Quang*
(<https://phatphapungdung.com>, *Pháp
bảo-Bộ A-hàm*)

KINH KHỔ ẤM NHÂN SỰ
(1 quyển, T.01, Ks. 55)
Hán dịch: *Pháp Cự*
Việt dịch: *Thích Chánh Lạc*
(<https://phatphapungdung.com>, *Pháp
bảo-Bộ A-hàm*)

KINH LẠC TƯỚNG
(1 quyển, T.01, Ks. 56)
Hán dịch: *Trúc Pháp Hộ*
Việt dịch: *Thích Chánh Lạc*
(<https://phatphapungdung.com>, *Pháp
bảo-Bộ A-hàm*)

KINH LẠI-TRA-HÒA-LA
(1 quyển, T.01, Ks. 68)
Hán dịch: *Chi Khiêm*
Việt dịch: *T. Chánh Lạc*
(<https://phatphapungdung.com>, *Pháp
bảo-Bộ A-hàm*)

KINH LÀM CON NĂM NGƯỜI MẸ
(1 quyển, T. 14, Ks. 555a)
(Ngũ Mẫu tử Kinh)
Hán dịch: *Ngô Chi Khiêm*
Việt dịch: *Thích Tâm Nhân*
(<https://phatphapungdung.com>, *Pháp
bảo-Bộ Kinh tập*)

KINH LÃO MẪU
Việt dịch: *Nguyễn Thuận*
(<https://phatphapungdung.com>, *Pháp
bảo-Bộ Kinh tập*)

KINH LÃO NỮ NHÂN
(1 quyển, T. 14, Ks. 559)
(Phật thuyết Lão nữ nhơn Kinh)
Hán dịch: *Chi Khiêm*
Các bản Việt dịch: 1. *Nguyễn Thuận*;
2. *Thích Tâm Nhân*
(<https://phatphapungdung.com>, *Pháp
bảo-Bộ Kinh tập*)

KINH LÃO ÔNG BÀN CÙNG
(1 quyển, T.17, Ks. 797a)
Hán dịch: *Huệ Giả*
Các bản Việt dịch: 1. *Thích Thiện Trí*;
2. *Thích Bửu Hà*
(<https://phatphapungdung.com>, *Pháp
bảo-Bộ Kinh tập*)

KINH LẬU CÁC CHÁNH PHÁP CAM-
LỒ CỔ (1 quyển, T. 16, Ks. 704)
Hán dịch: *Thiên Túc Tai*
Việt dịch: *Thích Tâm Nhân*
(<https://phatphapungdung.com>, *Pháp
bảo-Bộ Kinh tập*)

KINH LẬU PHÂN BỐ
(1 quyển, T.01, Ks. 57)
Hán dịch: *An Thế Cao*
Việt dịch: *Thích Chánh Lạc*
(<https://phatphapungdung.com>, *Pháp
bảo-Bộ A-hàm*)

KINH LIỄU NGHĨA BÁT-NHÃ
BA-LA-MẬT-ĐA
(1 quyển, T. 08, Ks. 247)
Hán dịch: *Thi Hộ*
Các bản Việt dịch: 1. *TN. Tịnh Hiền*;
2. *TN. Tịnh Nguyên*
(<https://phatphapungdung.com>, *Pháp
bảo-Bộ Bát-nhã*)

KINH LONG THÍ BỒ-TÁT BỒN KHỞI
(1 quyển, T. 14, Ks. 558)
Hán dịch: *Trúc Pháp Hộ*
Việt dịch: *Thích Tâm Nhân*
(<https://phatphapungdung.com>, *Pháp
bảo-Bộ Kinh tập*)

KINH LÒNG HAM MUỐN DẪN ĐẾN
ĐAU KHỔ
(Sở Dục Chí Hoạn Kinh)
Hán dịch: *Tam tạng Trúc Pháp Hộ*
Việt dịch: *Thích nữ Tịnh Quang*
(<https://thuvienhoasen.org>, *Kinh
Sanskrit/Hán tạng*)

KINH LỘC MẪU
(1 quyển, T. 03, Ks. 182b)
(Phật thuyết Lộc Mẫu Kinh)
Hán dịch: *Trúc Pháp Hộ*
Các bản Việt dịch: 1. *Tuệ Uyển*; 2. *Linh
Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh*
(<https://phatphapungdung.com>, *Pháp
bảo-Bộ Kinh tập*)

KINH LỜI DẠY CUỐI CÙNG CỦA
PHẬT
Dịch giả: *HT. Thích Đức Nhuận*
(<https://quangduc.com>, *Kinh-Hán tạng*)

KINH LUÂN VƯƠNG THẤT BẢO
(1 quyển, T. 01, Ks. 38)
(Phật nói Kinh Luân Vương Thất Bảo)
Hán dịch: *Thi Hộ*
Việt dịch: *Thích Chánh Lạc*

(<https://phatphapungdung.com>, *Pháp
bảo-Bộ A-hàm*)

KINH LỰC TRẠNG NGHIÊM
TAM-MUỘI (3 quyển, T. 15, Ks. 647)
Hán dịch: *Na-liên-đề-da-xá*
Việt dịch: *Tuệ Khai*
(<https://phatphapungdung.com>, *Pháp
bảo-Bộ Kinh tập*)

KINH LY CẦU TUỆ BỒ-TÁT SỞ VẤN
LỄ PHẬT PHÁP
Hán dịch: *Na-đề*
Việt dịch: *Thích nữ Nguyên Nhã*
(<https://phatphapungdung.com>, *Pháp
bảo-Bộ Kinh tập*)

KINH LY THÙY (1 quyển, T.01, Ks. 47)
Hán dịch: *Trúc Pháp Hộ*
Việt dịch: *Thích Chánh Lạc*
(<https://phatphapungdung.com>, *Pháp
bảo-Bộ A-hàm*)

KINH MA NHIỀU LOẠN
(1 quyển, T.01, Ks. 66)
Việt dịch: *T. Chánh Lạc*
(<https://phatphapungdung.com>, *Pháp
bảo-Bộ A-hàm*)

KINH MẠN PHÁP
(1 quyển, T. 17, Ks. 739)
Hán dịch: *Pháp Cự*
Việt dịch: *Thích Thiện Trí*
(<https://phatphapungdung.com>, *Pháp
bảo-Bộ Kinh tập*)

KINH MẠN-THÙ-THẤT-LỢI SO
SÁNH CÔNG ĐỨC TRÀNG HẠT
(1 quyển, T. 17, Ks. 787)
Hán dịch:
Cao Tăng Nghĩa Tịnh (635-713)
Các bản Việt dịch: 1. *Huyền Thanh*; 2. *TN.
Tịnh Hiền*

(<https://phatphapungdung.com>, Pháp
bảo-Bộ Kinh tập)

KINH MỘC HOẠN TỬ

(1 quyển, T. 17, Ks. 786)

Việt dịch: *Thích Tâm Châu (1921-2015)*

(<https://phatphapungdung.com>, Pháp
bảo-Bộ Kinh tập)

KINH MỘT TRĂM DANH HIỆU

PHẬT (1 quyển, T. 14, Ks. 444)

Hán dịch: *Na-liên-đề-da-xá*

Các bản Việt dịch: 1. *Nguyễn Thuận*;
2. *Huyền Thanh*

(<https://phatphapungdung.com>, Pháp
bảo-Bộ Kinh tập)

KINH MỤC-LIÊN SỞ VẤN

(1 quyển, T.24, Ks. 1468)

Hán dịch: *Pháp Thiên*

Việt dịch: *Thích Nguyễn Chơn*

(<https://phatphapungdung.com>, Pháp
bảo-Bộ Luật)

KINH MƯỜI DANH HIỆU CÁT

TƯỜNG CỦA CHƯ PHẬT

(1 quyển, T. 14, Ks. 432)

Các bản Việt dịch: 1. *Nguyễn Thuận*;
2. *Huyền Thanh*

(<https://phatphapungdung.com>, Pháp
bảo)

KINH MƯỜI DANH HIỆU CỦA PHẬT

(1 quyển, T. 17, Ks. 782)

Hán dịch: *Thiên Túc Tai*

Các bản Việt dịch: 1. *Nguyễn Thuận*;
2. *Thân An-Minh Quy*

(<https://phatphapungdung.com>, Pháp
bảo-Bộ Kinh tập)

KINH MƯỜI LỰC CỦA PHẬT

(1 quyển, T. 17, Ks. 781)

Hán dịch: *Thí Hộ*

Việt dịch: *Bùi Đức Huệ*

(<https://phatphapungdung.com>, Pháp
bảo-Bộ Kinh tập)

KINH MƯỜI PHÁP TU VẮNG SANH

CỰC LẠC (1 quyển, X. 01, Ks. 14)

Việt dịch: *Như Hòa*

(<https://phatphapungdung.com>, Pháp
bảo-Bộ Tục tạng Kinh)

KINH NẠI-NỮ VÀ KỶ-BÀ

(1 quyển, T. 14, Ks. 554)

Hán dịch: *An Thế Cao*

Việt dịch: *Thích Tâm Nhãn*

(<https://phatphapungdung.com>, Pháp
bảo-Bộ Kinh tập)

KINH NĂM THIÊN SỨ CỦA VUA

DIÊM-LA (1 quyển, T.01, Ks. 43)

Hán dịch: *Huệ Giản*

Việt dịch: *Thích Chánh Lạc*

(<https://phatphapungdung.com>, Pháp
bảo-Bộ A-hàm)

KINH NIỆM XỨ (Song ngữ Anh-Việt)

(Trích từ Đại Tạng Kinh Việt Nam, Kinh
Trung Bộ)

Việt dịch:

HT. Thích Minh Châu (1918-2012)

10. Kinh Niệm Xứ (Satipatthana sutta) –
Satipatthana Sutta 10; Frames of
Reference Translated by Bhikkhu
Thanissaro; For free distribution only, as a
gift of Dhamma.

(<https://thuvienhoasen.org>, *Kinh Pali*)

KINH NI-KIỀM-TỬ HỎI VỀ VÔ NGÃ

ĐC TTĐTK, Luận tập Bộ toàn thứ 32,
Kinh số 1643

Mã Minh Bò-tát tập

Hán dịch: *Tam tạng Sa-môn Nhật Xứng*

Việt dịch (2004): *Sa-môn Thích Như Điển*

(<https://quangduc.com>, *Kinh-Hán tạng*)

KINH NÓI VỀ BA TƯỞNG CỦA
NGỰA (1 quyển, T.02, Ks. 114)
Hán dịch: *Chi Diệu*
Việt dịch: *Trần Văn Nghĩa*
(<https://phatphapungdung.com>, Pháp
bảo-Bộ A-hàm)

KINH NÓI VỀ LỄ TẮM PHẬT SAU
KHI ĐỨC PHẬT ĐÃ NHẬP DIỆT
(1 quyển, T. 12, Ks. 391)
Việt dịch: *Thích nữ Đức Thuận*
(<https://phatphapungdung.com>, Pháp
bảo-Bộ Niết-bàn)

KINH NÓI VỀ MƯỜI HAI PHẨM
SANH TỬ (1 quyển, T. 17, Ks. 753)
(Thập nhị Phẩm Sanh tử Kinh)
Hán dịch: *Câu-na-bạt-đà-la*
Việt dịch: *Thích Nguyên Hưng*
(<https://phatphapungdung.com>, Pháp
bảo-Bộ Kinh tập)

KINH NÓI VỀ NGHI THỨC TÂN
LIÊM AN TẮNG KHI NHƯ LAI DIỆT
ĐỘ (1 quyển, T. 12, Ks. 392)
Các bản Việt dịch: 1. *Thích Nguyên Lộc*;
2. *Nguyên Tánh-Nguyên Hiện*
(<https://phatphapungdung.com>, Pháp
bảo-Bộ Niết-bàn)

KINH NÓI VỀ TÁM THÓI XẤU CỦA
NGỰA (1 quyển, T. 02, Ks. 115)
Hán dịch: *Chi Diệu*
Các bản Việt dịch: 1. *TN. Tịnh Quang*;
2. *Trần Văn Nghĩa*
(<https://phatphapungdung.com>, Pháp
bảo-Bộ A-hàm)

KINH NỮ LONG THÍ

(1 quyển, T. 14, Ks. 557)
Hán dịch: *Ngô Chi Khiêm*;
Việt dịch: *Thích Tâm Nhân*
(<https://phatphapungdung.com>, Pháp
bảo-Bộ Kinh tập)

KINH NỮ MA-ĐẶNG
(1 quyển, T. 14, Ks. 551)
(Phật thuyết Ma-đặng nữ Kinh)
Hán dịch: *An Thế Cao*
Việt dịch: *Thích Tâm Nhân*
(<https://phatphapungdung.com>, Pháp
bảo-Bộ Kinh tập)

KINH NƯỚC SÔNG HẰNG
(1 quyển, T.01, Ks. 33)
Hán dịch: *Pháp Cự*
Việt dịch: *Thích Chánh Lạc*
(<https://phatphapungdung.com>, Pháp
bảo-Bộ A-hàm)

KINH NGÀI MA-HA CA-DIỆP ĐỘ BÀ
LÃO NGHÈO (1 quyển, T. 14, Ks. 497)
Hán dịch: *Câu-na Bạt-đà-la*
Việt dịch: *Huệ Đắc-Tâm Nhân*
(<https://phatphapungdung.com>, Pháp
bảo-Bộ Kinh tập)

KINH NGŨ BÁCH DANH
Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam
Trung tâm Dịch thuật Hán Nôm
Huệ Quang
Nxb Phương Đông – 2016
Kinh có khổ 16 x 24cm, bìa mềm, có tay
gấp.

KINH NGOẠI ĐẠO HỎI THÁNH VỀ
NGHĨA VÔ NGÃ CỦA PHÁP ĐẠI
THỪA (1 quyển, T. 17, Ks. 846)
Hán dịch: *Pháp Thiên*
Việt dịch: *Huyền Thanh*
(<https://phatphapungdung.com>, Pháp
bảo-Bộ Kinh tập)

KINH NGŨ MÔN THIÊN PHÁP YẾU
DỤNG (1 quyển, T. 15, Ks. 619)

Hán dịch: *Đàm-ma-mật-đa*

Việt dịch: *Thích Nguyên Xuân*

(www.tuvienquangduc.com.au/ Kinh
điển)

KINH NGŨ THẬP TỤNG

(1 quyển, T. 08, Ks. 248)

Hán dịch: *Thi Hộ*

Các bản Việt dịch: 1. TN. Nguyên Nhã; 2.

TN. Tịnh Nguyên

(<https://phatphapungdung.com>, Pháp
bảo-Bộ Bát-nhã)

KINH NGŨ THIÊN NGŨ BÁCH PHẬT
DANH THẦN CHÚ TRỪ CHUỐNG
DIỆT TỘI

Hán dịch: *Xà-na-quật-đa*

Việt dịch: *Nguyên Thuận*

Toàn bộ tác phẩm Kinh này gồm có 8
quyển. (<https://phatphapungdung.com>,
Pháp bảo-Bộ Kinh tập)

KINH NGUYỆT ĐĂNG TAM-MUỘI

(1 quyển, T. 15, Ks. 640)

Hán dịch: *Tiên Công*

Các bản Việt dịch: 1. Tuệ Khai;

2. Thích Chánh Lạc

Toàn bộ tác phẩm Kinh này có 10 quyển.

(<https://phatphapungdung.com>, Pháp
bảo-Bộ Kinh tập)

KINH NGƯỜI ÁO TRẮNG

Biên soạn: *Thích Đạt-ma Phổ Giác*

Tác phẩm Kinh này có: Lời giới thiệu;
Phật dạy Kinh Người Áo Trắng.

(<https://thuvienhoasen.org>, Kinh/Giảng
giải Kinh)

KINH NGƯỜI CÀY RUỘNG LÀM
BIẾNG (1 quyển, T. 17, Ks. 827)

Hán dịch: *Huệ Giản*

Việt dịch: *Thích nữ Thuần Hạnh*

(<https://phatphapungdung.com>, Pháp
bảo-Bộ Kinh tập)

KINH NGƯỜI PHỤ NỮ GẶP ĐIỀU BẤT
HẠNH (1 quyển, T. 14, Ks. 571)

Hán dịch: *Thánh Kiên*

Việt dịch: *Thích Tâm Nhân*

(<https://phatphapungdung.com>, Pháp
bảo-Bộ Kinh tập)

KINH NGHI QUỶ KIM CANG ĐỈNH
DU-GIÀ BỒ-TÁT THIÊN THỦ THIÊN
NHÃN QUÁN TỰ TẠI TU HẠNH
(2 quyển, T. 20, Ks. 1056)

Hán dịch: *Bất Không*

Việt dịch: *Huyền Thanh*

(<https://phatphapungdung.com>, Pháp
bảo-Bộ Mật giáo)

KINH NHÂN DUYÊN

Giảng giải: *Tỳ-kheo Ni Bảo Giác*

Tranh vẽ: *Hoàng Trung Châu*

Nxb Tôn Giáo, PL. 2556 – DL. 2012.

KINH NHÂN DUYÊN

Tỳ-kheo Ni Hải Triều Âm

Nxb Tôn Giáo, PL. 2563 – DL. 2019

(tái bản lần thứ 4)

KINH NHÂN DUYÊN CỦA VUA
ĐÁNH SINH (6 quyển, T. 03, Ks. 165)

Hán dịch: *Thi Hộ*

Các bản Việt dịch: 1. *Linh Sơn Pháp Bảo*
Đại Tạng Kinh; 2. *Chúc Đức*

(<https://phatphapungdung.com>, Pháp
bảo-Bộ Bốn duyên)

KINH NHÂN DUYÊN ĐỒNG TỬ
QUANG MINH

(4 quyển, T. 14, Ks. 549)
Hán dịch: *Thi Hộ*
Việt dịch: *Thích nữ Diệu Thiện*
Tác phẩm Kinh này gồm có 4 quyển.
(<https://phatphapungdung.com>, *Pháp bảo-Bộ Kinh tập*)

KINH NHÂN DUYÊN XUẤT GIA
(1 quyển, T. 17, Ks. 791)
Hán dịch: *An Thế Cao*
Việt dịch: *Thích nữ Nguyên Nhã*
(<https://phatphapungdung.com>, *Pháp bảo-Bộ Kinh tập*)

KINH NHÂN VƯƠNG HỘ QUỐC
Việt dịch:
Thích Trung Quán (1918-2003)
Ban Hoằng Pháp Miền Vĩnh Nghiêm –
1964

KINH NHẬP ĐỊNH BẤT ĐỊNH ÁN
(1 quyển, T. 15, Ks. 646)
Hán dịch:
Cao Tăng Nghĩa Tịnh (635-713)
Việt dịch: *Tuệ Khai*
(<https://phatphapungdung.com>, *Pháp bảo-Bộ Kinh tập*)

KINH NHẤT THIẾT CAO VƯƠNG
(1 quyển, T. 17, Ks. 823)
Hán dịch: *Cù-đàm Bát-nhã-lưu-chi*
Việt dịch: *Thích nữ Thuần Hạnh*
(<https://phatphapungdung.com>, *Pháp bảo-Bộ Kinh tập*)

KINH NHẤT THIẾT LƯU NHIẾP THỦ
NHÂN (1 quyển, T.01, Ks. 31)
Hán dịch: *An Thế Cao*
Việt dịch: *Thích Chánh Lạc*
(<https://phatphapungdung.com>, *Pháp bảo-Bộ A-hàm*)

KINH NHẤT THIẾT NHƯ-LAI DANH
HIỆU ĐÀ-RA-NI

Hán dịch: *Đại sư Pháp Hiền*
Việt dịch (1975):
Sa-môn Thích Viên Đức
Kinh này gồm có 26 danh hiệu Như Lai.
(<https://thuvienhoasen.org>, *Kim Cang thừa*)

KINH NHƯ LAI ĐỘC CHỨNG TỰ
THỆ TAM-MUỘI
(1 quyển, T. 15, Ks. 623)
Hán dịch: *Trúc Pháp Hộ*
Việt dịch: *Thích nữ Tịnh Nguyên*
(<https://phatphapungdung.com>, *Pháp bảo-Bộ Kinh tập*)

KINH NHỨT THIẾT NHƯ LAI DANH
HIỆU ĐÀ-RA-NI
Hán dịch: *Đại sư Pháp Hiền*
Việt dịch (1975):
Sa-môn Thích Viên Đức
(www.quangduc.com, *Kinh*)

KINH PHẠM VŨNG BỒ-TÁT GIỚI
Giảng giải (Hoa ngữ): *Pháp sư Diễn Bồi*
Việt dịch: *Tỳ-kheo Thích Minh Trí*
Toát yếu:
Tỳ-kheo Ni Hải Triều Âm (1920-2013)
Nxb Tôn Giáo, PL. 2551 – DL. 2007. Sách
có khổ 14.5 x 20.5cm.

KINH PHẠM VŨNG BỒ-TÁT GIỚI
Toát yếu: *Tỳ-kheo Ni Hải Triều Âm*
Nxb Tôn Giáo, PL. 2551 – DL. 2007.
Kinh có khổ 14.5 x 20.5cm.

KINH PHẠM VŨNG Giảng Lược
Giảng lược:
Thiền sư Duy Lực (1923-2000)
Soạn lược (2005): *Thích Đồng Thường*
Từ Ân Thiền đường, Santa Ana-Hoa Kỳ
(<https://thuvienhoasen.org>, *Luật*)

KINH PHẠM VŨNG 62 TÀ KIẾN
(1 quyển, T.01, Ks. 21)

Hán dịch: *Chi Khiêm*
Việt dịch: *Thích Chánh Lạc*
(<https://phatphapungdung.com>, *Pháp bảo-Bộ A-hàm*)

KINH PHÁP ÁN
(1 quyển, T. 02, Ks. 104)
Hán dịch: *Đại sư Thi Hộ*
Các bản Việt dịch: 1. *Thích Nguyên Chơn*; 2. *Thích Thiện Trí*; 3. *Huyền Thanh* (<https://thuvienhoasen.org>, *Kinh Sanskrit/Hán tạng*)

KINH PHÁP BẢO ĐÀN
Tác giả: *Lục Tổ Huệ Năng (638-713)*
Dịch giả: *Tuyên Hóa (1918-1995)*
Nxb Tôn Giáo – 2012

KINH PHÁP CÚ BẮC TRUYỀN
Biên soạn: *Tôn giả Pháp Cứu*
Hán dịch: *Sa-môn Duy-kỳ-nan*
Việt dịch: *Cư sĩ Nguyên Huệ*
Nxb Hồng Đức – 2020

KINH PHÁP DIỆT TẬN
(1 quyển, T. 12, Ks. 396)
Các bản Việt dịch: 1. *Thích Nhuận Châu*;
2. *Quảng Minh*; 3. *Thích nữ Thành Thông*; 4. *Nguyên Thuận*
(<https://phatphapungdung.com>, *Pháp bảo-Bộ Niết-bàn*)

KINH PHÁP ĐÚNG-PHÁP SAI
(1 quyển, T.01, Ks. 48)
Hán dịch: *An Thế Cao*
Việt dịch: *Thích Chánh Lạc*
(<https://phatphapungdung.com>, *Pháp bảo-Bộ A-hàm*)

KINH PHÁP HẢI
(1 quyển, T.01, Ks. 34)

Hán dịch: *Pháp Cự*
Việt dịch: *Thích Chánh Lạc*
(<https://phatphapungdung.com>, *Pháp bảo-Bộ A-hàm*)

KINH PHÁP TỐI THƯỢNG VƯƠNG (1 quyển, T. 17, Ks. 824)
Hán dịch: *Xà-na-quật-đa*
Việt dịch: *Thích nữ Thuần Hạnh*
(<https://phatphapungdung.com>, *Pháp bảo-Bộ Kinh tập*)

KINH PHÁP THƯỜNG TRỤ
(1 quyển, T. 17, Ks. 891)
Việt dịch: *Thích nữ Thuần Hạnh*
(<https://phatphapungdung.com>, *Pháp bảo-Bộ Kinh tập*)

KINH PHÂN BIỆT
(Phật nói Kinh Phân Biệt)
Đại Tạng Kinh, Q. 14, Kinh Tập bộ 1
Hán dịch:
Tam tạng Pháp sư Trúc Pháp Hộ
Các bản Việt dịch: 1. *Thích Thiện Trí*;
2. *Thích nữ Thành Thông*
(<https://quangduc.com>, *Kinh-Hán tạng*;
<https://phatphapungdung.com>, *Pháp bảo-Bộ Kinh tập*)

KINH PHÂN BIỆT BỐ THÍ
(1 quyển, T. 01, Ks. 84)
Hán dịch: *Thi Hộ*
Việt dịch: *Thích Thiện Trí*
(<https://quangduc.com>, *Kinh-Hán tạng*)

KINH PHÂN BIỆT DUYÊN SANH
(1 quyển, T. 16, Ks. 718)
Hán dịch: *Trúc Pháp Hộ*
Việt dịch: *Thích Thiện Trí*
(<https://phatphapungdung.com>, *Pháp bảo-Bộ Kinh tập*)

KINH PHẬT ÁN TAM-MUỘI
(1 quyển, T. 15, Ks. 621)

Hán dịch: *An Thế Cao*
Việt dịch: *Huệ Đắc*
(<https://phatphapungdung.com>, *Pháp bảo-Bộ Kinh tập*)

KINH PHẬT DẠY NĂM PHÁP BỐ THÍ LỚN (1 quyển, T. 16, Ks. 706)

Hán dịch: *Thi Hộ*
Các bản Việt dịch: 1. *Thích Thiên Ân*;
2. *Thích Tâm Nhân*
(<https://phatphapungdung.com>, *Pháp bảo-Bộ Kinh tập*)

KINH PHẬT DẠY TU TẬP MƯỜI NGHIỆP LÀNH

(1 quyển, T. 15, Ks. 600)
Hán dịch: *Thật-xoa-nan-đa*
Các bản Việt dịch: 1. *Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh*; 2. *Nguyên Thuận*;
3. *Thích Tâm Châu*; 4. *Thích Trí Thủ*
(<https://phatphapungdung.com>, *Pháp bảo-Bộ Kinh tập*)

KINH PHẬT DẠY NĂM PHÁP BỐ THÍ LỚN (1 quyển, T.16, No. 706)

Hán dịch: *Thí Hộ*
Các bản Việt dịch: 1. *Thích Thiên Ân*;
2. *Thích Tâm Nhân*
(<https://phatphapungdung.com>, *Pháp bảo-Bộ Kinh tập*)

KINH PHẬT DẠY TU TẬP MƯỜI NGHIỆP LÀNH

(1 quyển, T.15, No. 600)
Hán dịch: *Thí Hộ*
Các bản Việt dịch: 1. *Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh*; 2. *Nguyên Thuận*;
3. *Thích Tâm Châu*; 4. *Thích Trí Thủ*
(<https://phatphapungdung.com>, *Pháp bảo-Bộ Kinh tập*)

KINH PHẬT DẠY VỀ ĐỐI TRỊ BỆNH TẬT (1 quyển, T. 17, Ks. 793)

(Phật thuyết Phật Y Kinh)
Hán dịch: *Trúc Luật Diễm và Chi Việt*
Các bản Việt dịch: 1. *Thích Đồng Tiến*; 2. *Thích Nguyên Hùng*
(<https://phatphapungdung.com>, *Pháp bảo-Bộ Kinh tập*)

KINH PHẬT DẠY KHÔNG TĂNG KHÔNG GIẢM (1 quyển, T.16, Ks. 668)

Hán dịch: *Bồ-đề-lưu-chi*
Việt dịch: *Nguyên Thuận*
(<https://phatphapungdung.com>, *Pháp bảo-Bộ Kinh tập*)

KINH PHẬT DẠY VỀ TÔN THẮNG ĐẠI MINH VƯƠNG

(1 quyển, T. 21, Ks. 1413)
Hán dịch: *Thi Hộ*
Việt dịch: *Thích Viên Đức*
(<https://phatphapungdung.com>, *Pháp bảo-Bộ Mật giáo*)

KINH PHẬT DẠY VUA UÙ-ĐIÊN DÙNG CHÁNH PHÁP TRỊ NƯỚC

Hán dịch: *Bất Không*
Việt dịch: *Thích Tâm Nhân*
(<https://phatphapungdung.com>, *Pháp bảo-Bộ Kinh tập*)

KINH PHẬT ĐỊA

(1 quyển, T. 16, Ks. 780)
Hán dịch: *Tam tạng Pháp sư Huyền Trang (602-664)*
Việt dịch: *Thích nữ Tịnh Quang*
(<https://thuvienhoasen.org>, *Kinh Sanskrit/Hán tạng*)

KINH PHẬT GIÁO HÓA PHẠM-CHÍ A-BẠT (1 quyển, T. 01, Ks. 20)

Việt dịch: *Thích Chánh Lạc*
(<https://quangduc.com>, *Kinh-Hán tạng*)

KINH PHẬT LÂM NIẾT-BÀN KÝ

PHÁP TRỤ

Hán dịch: *Tam tạng Pháp sư
Huyền Trang (602-664)*

Các bản Việt dịch: 1. *Thích nữ Như Tuyết;*
2. *Thích nữ Tịnh Hiền;* 3. *Huyền Thanh*

Chứng nghĩa:

*Thích Đồng Minh và Thích Tâm Hạnh
(<https://phatphapungdung.com>, Pháp
bảo-Bộ Niết-bàn; <https://quangduc.com>,
Kinh-Hán tạng)*

KINH PHẬT NÓI GIỚI ĐẠI THỪA

(1 quyển, T.24, Ks. 1497)

Hán dịch: *Thi Hộ*

Việt dịch: *Thích Thiện Giới
(phatphapungdung.com; Pháp bảo-Bộ
luật)*

KINH PHẬT NÓI GIỚI HƯƠNG

(1 quyển, T.02, Ks. 117)

Hán dịch: *Pháp Hiền*

Việt dịch: *Thích Quảng Năng
(<https://phatphapungdung.com>, Pháp
bảo-Bộ A-hàm)*

KINH PHẬT NÓI VỀ CÂY CHIÊN- ĐÀN (1 quyển, T.17, Ks. 805)

Việt dịch: *Thích Thọ Phước
(<https://phatphapungdung.com>, Pháp
bảo-Bộ Kinh tập)*

KINH PHẬT NGŨ

(1 quyển, T.17, Ks. 832)

Hán dịch: *Tam tạng Bồ-đề-lưu-chi*

Việt dịch: *TN. Tịnh Quang
(<https://thuvienhoasen.org>, Kinh
Sanskrit/Hán tạng)*

KINH PHẬT NHẬP NIẾT-BÀN MẬT TÍCH KIM CƯƠNG LỰC SĨ AI LUYẾN (1 quyển, T.12, Ks. 394)

Việt dịch: *Thích nữ Lệ Nhã*

(<https://phatphapungdung.com>, Pháp
bảo-Bộ Niết-bàn)

KINH PHẬT NÓI NĂM ĐIỀU ĐÁNG SỢ HÃI Ở ĐỜI

(1 quyển, T.24, Ks. 1481)

Hán dịch: *Trở Cừ Kinh Thịnh*

Việt dịch: *Thích Nguyên Hải
(<https://phatphapungdung.com>, Pháp
bảo-Bộ luật)*

KINH PHẬT NÓI VỀ CÂY CHIÊN- ĐÀN (1 quyển, T. 17, Ks. 805)

Việt dịch: *Thích Thọ Phước
(<https://phatphapungdung.com>, Pháp
bảo-Bộ Kinh tập)*

KINH PHẬT NÓI VỀ CÔNG ĐỨC XUẤT GIA (1 quyển, T. 16, Ks. 707)

Các bản Việt dịch: 1. *Thích Nguyên Lộc;*
2. *Thích Tâm Nhãn
(<https://phatphapungdung.com>, Pháp
bảo-Bộ Kinh tập)*

KINH PHẬT NÓI VỀ ĐẠI CA-DIỆP (1 quyển, T. 14, Ks. 496)

Hán dịch: *Trúc Pháp Hộ*

Việt dịch: *Huệ Đắc-Tâm Nhãn
(<https://phatphapungdung.com>, Pháp
bảo-Bộ Kinh tập)*

KINH PHẬT NÓI VỀ PHÚC BÁO TẠO HÌNH TƯỢNG PHẬT

(1 quyển, T. 16, Ks. 693)

Việt dịch: *Thích nữ Đức Thuận
(<https://phatphapungdung.com>, Pháp
bảo-Bộ Kinh tập)*

KINH PHẬT NÓI VỀ PHÁP BỒ THÍ (1 quyển, T. 16, Ks. 705)

Hán dịch: *Pháp Hiền*

Các bản Việt dịch: 1. Thích Nguyên Lộc;
2. Thích Tâm Nhân
(<https://phatphapungdung.com>, Pháp
bảo-Bộ Kinh tập)

KINH PHẬT NÓI VỀ SỰ TU HÀNH
CỦA BỒ-TÁT (1 quyển, T. 12, Ks. 330)
Hán dịch: *Bách Pháp Tổ*
Việt dịch:
TN. Huệ Thanh & TN. Tâm Chánh
(<https://phatphapungdung.com>, Pháp
bảo-Kinh tạng)

KINH PHẬT NÓI VỀ TÂM TƯỢNG
PHẬT (1 quyển, T.16, Ks. 695)
Hán dịch: *Pháp Cự*
Việt dịch: *Thích Lệ Nhã – Thích Nguyên
Nhã* (<https://phatphapungdung.com>,
Pháp bảo-Bộ Kinh tập)

KINH PHẬT NÓI VỀ THỜI VÀ PHI
THỜI (1 quyển, T. 17, Ks. 794a)
Hán dịch: *Nhược La Nghiêm*
Việt dịch: *Thích Nguyên Hưng*
(<https://phatphapungdung.com>, Pháp
bảo-Bộ Kinh tập)

KINH PHẬT NÓI VỀ TU LẠI
(1 quyển, T. 12, Ks. 329)
Hán dịch: *Chi Thí Lôn*
Việt dịch: *Ban Phiên dịch Pháp tạng*
(<https://phatphapungdung.com>, Pháp
bảo-Kinh tạng)

KINH PHẬT NÓI VỀ TU LẠI
Việt dịch: *Thích nữ Huệ Thanh và Thích
nữ Tâm Chánh*
(<https://quangduc.com>, Kinh-Hán tạng)

KINH PHẬT NÓI VỀ XÁ-LỢI-PHẬT
SÁM HỎI TỘI LỖI
(1 quyển, T.24, Ks. 1492)
Hán dịch: *An Thế Cao*

Việt dịch: *Thích nữ Đức Thuận*
(<https://phatphapungdung.com>, Pháp
bảo-Bộ luật)

KINH PHẬT RĂN DẠY VĂN TẮT
(1 quyển, T. 17, Ks. 799)
(Phật thuyết Lược Giáo Giới Kinh)
Hán dịch:
Cao Tăng Nghĩa Tịnh (635-713)
Các bản Việt dịch: 1. *Thích Quảng An*; 2.
Thích Nguyên Lộc
(<https://phatphapungdung.com>, Pháp
bảo-Bộ Kinh tập)

KINH PHẬT TỶ-BÀ-THI
(2 quyển, T. 01, Ks. 3)
Việt dịch: *Thích Tâm Hạnh*
Hiệu chú: *Tuệ Sỹ - Đức Thắng*
(<https://quangduc.com>, Kinh-Hán tạng)

KINH PHẬT THUYẾT A-DI-ĐÀ
Diễn Giải
Dịch giả: *HT. Thích Minh Cảnh*
(<https://quangduc.com>, Kinh-Hán tạng)

KINH PHẬT THUYẾT A-DI-ĐÀ
THẦN CHÚ CỨU NGẠ QUỶ
DIỆN NHIÊN
Hán dịch: *Thật-xoa-nan-đa*
Việt dịch: *Quảng Minh*
(<https://phatphapungdung.com>, Pháp
bảo-Bộ Mật giáo)

KINH PHẬT THUYẾT DI-LẶC HẠ
SANH THÀNH PHẬT
(1 quyển, T.14, Ks. 455)
Hán dịch: *Cao Tăng Nghĩa Tịnh (635-713)*
Các bản Việt dịch: 1. *Thích Đồng Tiến*; 2.
TN. Như Phúc
(<https://phatphapungdung.com>, Pháp
bảo-Bộ Kinh tập)

KINH PHẬT THUYẾT DIỆU CÁT

TƯỜNG BỒ-TÁT SỞ VẤN
ĐẠI THỪA PHÁP LOA
(1 quyển, T. 14, Ks. 473)
Hán dịch: *Pháp Hiền*
Việt dịch: *Thích nữ Tâm Thường*
(<https://phatphapungdung.com>, *Pháp
bảo-Bộ Kinh tập*)

KINH PHẬT THUYẾT DƯỢC SU
NHƯ LAI BỒN NGUYỆN
(1 quyển, T. 14, Ks. 449)
Hán dịch: *Đạt-ma-cấp-đa*
Việt dịch: *Thích nữ Tâm Thường*
(<https://phatphapungdung.com>, *Pháp
bảo-Bộ Kinh tập*)

KINH PHẬT THUYẾT ĐÀ-LA-NI CỨU
BẠT NGẠ QUỶ DIỆM KHẨU
(1 quyển, T.21, Ks. 1313)
Hán dịch: *Bất Không*
Các bản Việt dịch: 1. *Quảng Minh*;
2. *Thích Thọ Phước*
(<https://phatphapungdung.com>, *Pháp
bảo-Bộ Mật giáo*)

KINH PHẬT THUYẾT ĐÀ-LA-NI
THẦN CHÚ CỨU NGẠ QUỶ
DIỆM NHIÊN (1 quyển, T.21, Ks. 1314)
Hán dịch: *Thật-xoa-nan-đà*
Việt dịch: *Quảng Minh*
(<https://phatphapungdung.com>, *Pháp
bảo-Bộ Mật giáo*)

KINH PHẬT THUYẾT ĐẠI CA-DIỆP
VẤN ĐẠI BẢO TÍCH
CHÁNH PHÁP (5 quyển, T. 12, Ks. 352)
Hán dịch: *Thi Hộ*
Việt dịch: *Khuyết danh*
Tác phẩm Kinh này gồm có 5 quyển.
(<https://phatphapungdung.com>, *Pháp
bảo-Kinh tạng*)

KINH PHẬT THUYẾT ĐẠI THỪA

NHẬT TỬ VƯƠNG SỞ VẤN
(1 quyển, T. 12, Ks. 333)
Hán dịch: *Pháp Thiên*
Việt dịch: *Thích nữ Huệ Thánh & Thích
nữ Tâm Chánh*
(<https://phatphapungdung.com>, *Pháp
bảo-Kinh tạng*)

KINH PHẬT THUYẾT ĐẠI THỪA
THIỆN KIẾN BIẾN HÓA
VĂN-THÙ-SU-LỢI VẤN PHÁP
Việt dịch: *Thích nữ Tâm Thường*
(<https://quangduc.com>, *Kinh-Hán tạng*)

KINH PHẬT THUYẾT HA-ĐIÊU A-NA-
HÀM (1 quyển, T. 14, Ks. 538)
Hán dịch: *Trúc Đàm Vô Lan*
Việt dịch: *Thích nữ Huệ Thanh*
(<https://phatphapungdung.com>, *Pháp
bảo-Bộ Kinh tập*)

KINH PHẬT THUYẾT HIỀN GIẢ NGŨ
PHƯỚC ĐỨC (1 quyển, T. 17, Ks. 777)
Hán dịch: *Bạch Pháp Tổ*
Việt dịch: *Thích Hạnh Tuệ*
(<https://phatphapungdung.com>, *Pháp
bảo-Bộ Kinh tập*)

KINH PHẬT THUYẾT LÔ-CHÍ
TRƯỜNG GIẢ NHÂN DUYÊN
(1 quyển, T. 14, Ks. 539)
Việt dịch: *Thích nữ Huệ thanh*
(<https://phatphapungdung.com>, *Pháp
bảo-Bộ Kinh tập*)

KINH PHẬT THUYẾT NĂM UẨN
ĐÈU KHÔNG
Hán dịch:
Tam tạng Pháp sư Nghĩa Tịnh (635-713)
Việt dịch: *Quảng Minh*
(<https://quangduc.com>, *Kinh-Hán tạng*)

KINH PHẬT THUYẾT NGUYỆT
QUANG ĐỒNG TỬ

(1 quyển, T. 14, Ks. 534)

Hán dịch: *Trúc Pháp Hộ*;

Việt dịch: *Thích nữ Tâm Chánh*

(<https://phatphapungdung.com>, *Pháp
bảo-Bộ Kinh tập*)

KINH PHẬT THUYẾT PHỔ MÔN
PHẨM (1 quyển, T. 11, Ks. 315a)

Hán dịch: *Trúc Pháp Hộ*

Việt dịch: *Thích nữ Tâm Thường*

(<https://phatphapungdung.com>, *Pháp
bảo-Kinh tạng*)

KINH PHẬT THUYẾT QUÁN DI-LẶC
BỒ-TÁT HẠ SANH

(1 quyển, T. 14, Ks. 453)

Hán dịch: *Trúc Pháp Hộ*

Các bản Việt dịch: 1. *Huyền Thanh*;

2. *TN. Như Phúc*

(<https://phatphapungdung.com>, *Pháp
bảo-Bộ Kinh tập*)

KINH PHẬT THUYẾT QUÝ HỎI MỤC-
LIÊN (1 quyển, T. 17, Ks. 734)

Hán dịch: *An Thế Cao*

Việt dịch: *Chơn Tình Tạng*

(<https://phatphapungdung.com>, *Pháp
bảo-Bộ Kinh tập*)

KINH PHẬT THUYẾT TỘI NGHIỆP
BÁO ỨNG GIÁO HÓA ĐỊA NGỤC

(1 quyển, T. 17, Ks. 724)

Hán dịch: *An Thế Cao*

Việt dịch: *Thích nữ Đức Nghiêm*

(<https://phatphapungdung.com>, *Pháp
bảo-Bộ Kinh tập*)

KINH PHẬT THUYẾT THÂN NHẬT (1
quyển, T. 14, Ks. 535)

Hán dịch: *Trúc Pháp Hộ*

Việt dịch: *Thích nữ Tâm Chánh*

(<https://phatphapungdung.com>, *Pháp
bảo-Bộ Kinh tập*)

KINH PHẬT THUYẾT THÍ NGẠ QUỶ
CAM LỘ VỊ ĐẠI ĐÀ-LA-NI

(1 quyển, T. 21, Ks. 1321)

Hán dịch: *Bạt-đà-mộc-a*

Việt dịch: *Quảng Minh*

(<https://phatphapungdung.com>, *Pháp
bảo-Bộ Mật giáo*)

KINH PHẬT THUYẾT THỌ-ĐỀ-GIÀ (1
quyển, T. 14, Ks. 540a)

Hán dịch: *Câu-na Bạt-đà-la*

Việt dịch: *Thích nữ Huệ Thanh*

(<https://phatphapungdung.com>, *Pháp
bảo-Bộ Kinh tập*)

KINH PHẬT THUYẾT TRƯỜNG GIẢ
NỮ YÊM-ĐỀ-GIÁ SƯ TỬ HỒNG LIỄU
NGHĨA (1 quyển, T. 14, Ks. 580)

Việt dịch: *Thích nữ Diệu Châu*

(<https://phatphapungdung.com>, *Pháp
bảo-Bộ Kinh tập*)

KINH PHẬT THUYẾT VỀ TÁM ĐIỀU
NUÔI LỚN CÔNG ĐỨC

(1 quyển, T.24, Ks. 1498)

Hán dịch: *Pháp Hộ*

Việt dịch: *Thích Quảng An*

(<https://phatphapungdung.com>, *Pháp
bảo-Bộ luật*)

KINH PHẬT THUYẾT VỊ TĂNG HỮU
(Phật thuyết Vị tăng hữu Kinh)

(1 quyển, T. 16, Ks. 688)

Việt dịch: *Thích Bửu Hà*

(<https://phatphapungdung.com>, *Pháp
bảo-Bộ Kinh tập*)

KINH PHẬT VỊ HẢI LONG VƯƠNG
DẠY PHÁP ÁN

(1 quyển, T. 15, Ks. 599)

Hán dịch:

Cao Tăng Nghĩa Tịnh (635-713)

Các bản Việt dịch: 1. *Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh*; 2. *Nguyên Thuận*; 3. *Tuệ Khai* (<https://phatphapungdung.com>, *Pháp bảo-Bộ Kinh tập*)

KINH PHẬT VÌ TA-GIÀ-LA LONG
VƯƠNG SỞ THUYẾT ĐẠI THỪA

(1 quyển, T. 15, Ks. 601)

Hán dịch: *Thi Hộ*

Các bản Việt dịch: 1. *Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh*; 2. *Huyền Thanh*;

3. *Tuệ Khai*

(<https://phatphapungdung.com>; *Pháp bảo-Bộ Kinh tập*)

KINH PHẬT VÌ TỶ-KHEO TRẺ TUỔI
NÓI VIỆC LÀM CHÂN CHÁNH

(Phật vi Niên thiếu Tỳ-kheo thuyết Chánh sự Kinh)

ĐCTTĐTK, Bộ Kinh tập, Kinh số 0502

Hán dịch: *Sa-môn Pháp Cự*

Việt dịch và chú: *Thích Hạnh Tuệ*

Hiệu đính: *HT. Thích Như Điển*

(<https://phatphapungdung.com>, *Pháp bảo-Bộ Kinh tập*)

KINH PHẬT VỊ A-CHI-LA CA-DIỆP TỰ
THA TÁC KHỔ

(1 quyển, T. 14, Ks. 499)

Việt dịch: *Chơn Tĩnh Tạng*

(<https://phatphapungdung.com>, *Pháp bảo-Bộ Kinh tập*)

KINH PHỒ MÔN

Phân Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam

Hán dịch: *Tam tạng Pháp sư Cưu-ma-la-thập (Kumarajiva, 344-413)*

Việt dịch: *Thích Tuệ Nhuận*

Nxb Hồng Đức

KINH PHỤC DÂM

(1 quyển, T.01, Ks. 65)

Hán dịch: *Pháp Cự*

Việt dịch: *T. Chánh Lạc*

(<https://phatphapungdung.com>, *Pháp bảo-Bộ A-hàm*)

KINH QUÁ KHỨ TRANG NGHIÊM
KIẾP THIÊN PHẬT DANH

(1 quyển, T. 14, Ks. 446a)

Việt dịch: *Nguyên Thuận*

(<https://phatphapungdung.com>, *Pháp bảo-Bộ Kinh tập*)

KINH QUẢ BÁO TRƯỜNG GIẢ BỒ
THÍ (1 quyển, T.01, Ks. 74)

Hán dịch: *Pháp Thiên*

Việt dịch: *T. Chánh Lạc*

(<https://phatphapungdung.com>, *Pháp bảo-Bộ A-hàm*)

KINH QUÁN DI-LẶC BỒ-TÁT
THƯỢNG SANH ĐÂU-SUẤT THIÊN

(Phật thuyết Quán Di-lặc Bồ-tát Thượng sanh Đâu-suất Thiên Kinh)

(1 quyển, T. 14, Ks. 452)

Hán dịch: *Trở Cừ Kinh Thịnh*;

Các bản Việt dịch: 1. *Thích Tâm Châu*; 2. *TN. Như Phúc*

(<https://phatphapungdung.com>, *Pháp bảo-Bộ Kinh tập*)

KINH QUÁN HƯ KHÔNG TẶNG BỒ-
TÁT (1 quyển, T. 13, Ks. 409)

Hán dịch: *Đàm-ma-mật-đa*

Các bản Việt dịch: 1. *Tuệ Khai*; 2. *Thích Vạn Thiện*

(<https://phatphapungdung.com>, *Pháp bảo-Bộ Đại tập*)

KINH QUÁN TỪ THỊ BỒ-TÁT SANH
LÊN TRỜI HỖ TỨC

(Phật thuyết Quán Di-lặc Bồ-tát Thượng
sanh Đâu-suất Thiên Kinh)

(1 quyển, T. 14, Ks. 452)

Hán dịch: *Trở Cừ Kinh Thịnh*

Việt dịch: *Nguyễn Thuận*

(<https://phatphapungdung.com>, *Pháp
bảo-Bộ Kinh tập*)

KINH QUÁN TƯỚNG PHẬT MÃU
BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA BỒ-TÁT (1
quyển, T. 08, Ks. 259)

Hán dịch: *Thiên Túc Tai*

Các bản Việt dịch: 1. *Thích Vạn Thiện*; 2.

Thích nữ Tịnh Nguyễn

(<https://phatphapungdung.com>, *Pháp
bảo-Bộ Bát-nhã*)

KINH QUÁN THÂN

(1 quyển, T.15, Ks. 612)

Hán dịch: *Trúc Pháp Hộ*

Việt dịch: *TN. Tịnh Quang*

(<https://phatphapungdung.com>, *Pháp
bảo-Bộ Kinh tập*)

KINH QUÁN THỂ ÂM BỒ-TÁT THỌ
KÝ (1 quyển, T. 12, Ks. 371)

Hán dịch: *Đàm Vô Kiệt*

Các bản Việt dịch: 1. *Nguyễn Thuận*;

2. *Thích Tâm Châu*

(<https://phatphapungdung.com>, *Pháp
bảo-Bộ Kinh sớ-Tịnh Độ tông*)

KINH QUÁN THỂ ÂM VÃNG SANH
TỊNH ĐỘ BẢN DUYÊN

(1 quyển, X. 01, Ks. 12)

Việt dịch: *Thích Nguyễn Chơn*

(<https://phatphapungdung.com>, *Pháp
bảo-Bộ Tục tạng Kinh*)

KINH QUYẾT ĐỊNH NGHĨA

(1 quyển, T.17, Ks. 762)

Hán dịch: *Pháp Hiền*

Việt dịch: *Thích Hạnh Tuệ*

(<https://phatphapungdung.com>, *Pháp
bảo-Bộ Kinh tập*)

KINH SA-DI-LA

(1 quyển, T.17, Ks. 750)

Việt dịch: *Thích Nguyễn Chơn*

(<https://phatphapungdung.com>, *Pháp
bảo-Bộ Kinh tập*)

KINH SÁU SÁU

(Trong Trung Bộ Kinh – Phẩm 148)

Giải thích: *HT. Thích Giác Khang*

Nxb Hồng Đức – 2018

KINH SÁM HỎI LỖI LÀM QUA LỜI
DẠY CHO TÔN GIẢ XÁ-LỢI-PHẬT

(1 quyển, T.24, Ks. 1492)

Hán dịch: *An Thế Cao*

Việt dịch: *Nguyễn Thuận*

(<https://phatphapungdung.com>, *Pháp
bảo-Bộ luật*)

KINH SÁU ĐIỀU THIẾT YẾU CHO BÀ
LÃO (1 quyển, T. 14, Ks. 560)

Hán dịch: *Câu-na Bạt-đà-la*

Việt dịch: *Nguyễn Thuận*

(<https://phatphapungdung.com>, *Pháp
bảo-Bộ Kinh tập*)

KINH SINH RA TÂM BỒ-ĐỀ

(1 quyển, T. 17, Ks. 837)

Hán dịch: *Xà-na-quật-đa*

Việt dịch: *Huyền Thanh*

(<https://phatphapungdung.com>, *Pháp
bảo-Bộ Kinh tập*)

KINH SỐ (1 quyển, T.01, Ks. 70)

Hán dịch: *Pháp Cự*

Việt dịch: *T. Chánh Lạc*

(<https://phatphapungdung.com>, *Pháp
bảo-Bộ A-hàm*)

KINH TAM-MUỘI NGỒI THIỀN

(2 quyển, T. 15, Ks. 614)
Hán dịch: *Tam tạng Pháp sư*
Curu-ma-la-thập (Kumarajiva, 344-413)
Việt dịch: *Thích Nguyên Xuân*
(<https://phatphapungdung.com>; *Pháp bảo-Bộ Kinh tập*)

KINH TẠC HÌNH TƯỢNG PHẬT
(1 quyển, T. 16, Ks. 692)
Việt dịch: *Nguyên Thuận*
(<https://phatphapungdung.com>; *Pháp bảo-Bộ Kinh tập*)

KINH TÁM BỘ DANH HIỆU CỦA CHƯ PHẬT (1 quyển, T. 14, Ks. 429)
Hán dịch: *Cù-đàm Bát-nhã-lưu-chi*
Các bản Việt dịch: 1. *Nguyên Thuận*; 2. *Huyền Thanh*; 3. *TN. Hạnh Diệu*
(<https://phatphapungdung.com>; *Pháp bảo-Bộ Kinh tập*)

KINH TÁM CÁT TƯỜNG THẦN CHÚ
(1 quyển, T. 14, Ks. 427)
Hán dịch: *Ngô Chi Khiêm*
Các bản Việt dịch: 1. *Nguyên Thuận*;
2. *Huyền Thanh*; 3. *Thích Nguyên Lộc*
(<https://phatphapungdung.com>; *Pháp bảo-Bộ Kinh tập*)

KINH TÁM BỘ DANH HIỆU CỦA CHƯ PHẬT (1 quyển, T.14, Ks. 429)
Hán dịch: *Cù-đàm Bát-nhã-lưu-chi*
Các bản Việt dịch: 1. *Nguyên Thuận*;
2. *TN. Hạnh Diệu*; 3. *Huyền Thanh*
(<https://phatphapungdung.com>; *Pháp bảo-Bộ Kinh tập*)

KINH TÁM CON ĐƯỜNG CHÍNH ĐÚNG (1 quyển, T. 02, Ks. 112)
(Phật thuyết Bát Chánh đạo Kinh)
Hán dịch: *An Thế Cao*
Việt dịch: *Huyền Thanh*
(<https://phatphapungdung.com>, *Pháp bảo-Bộ A-hàm*)

KINH TÁM DANH HIỆU CÁT TƯỜNG CỦA CHƯ PHẬT
(1 quyển, T. 14, Ks. 430)
Hán dịch: *Tăng-già-bà-la*
Các bản Việt dịch: 1. *Nguyên Thuận*;
2. *Thích nữ Đức Thuận*; 3. *Huyền Thanh*
(<https://phatphapungdung.com>; *Pháp bảo-Bộ Kinh tập*)

KINH TÁM ĐIỀU GIÁC NGỘ CỦA BẬC ĐẠI NHÂN
(Phật thuyết Bát Đại Nhơn giác Kinh)
(1 quyển, T. 17, Ks. 779)
Hán dịch: *An Thế Cao*
Các bản Việt dịch: 1. *Nguyên Thuận*;
2. *Thích Minh Quang*;
3. *Thích Huyền Tôn*; 4. *Thích Nhất Hạnh*
(<https://phatphapungdung.com>; *Pháp bảo-Bộ Kinh tập*)

KINH TÁM ĐỨC CỦA BIÊN
(1 quyển, T. 01, Ks. 35)
Hán dịch: *Curu-ma-la-thập*
Việt dịch: *Thích Chánh Lạc*
(<https://phatphapungdung.com>, *Pháp bảo-Bộ A-hàm*)

KINH TÁT-BÁT-ĐA TÔ-LÝ-DU-NAI-DÃ (1 quyển, T. 01, Ks. 30)
Hán dịch: *Pháp Hiền*
Việt dịch: *Thích Chánh Lạc*
(<https://phatphapungdung.com>, *Pháp bảo-Bộ A-hàm*)

KINH TÂM THANH TỊNH
(1 quyển, T. 17, Ks. 803)
Hán dịch: *Thi Hộ*
Các bản Việt dịch: 1. *Thích Thiện Trí*;
2. *Như Hòa*; 3. *Thích Chúc Tịnh*
(<https://phatphapungdung.com>; *Pháp bảo-Bộ Kinh tập*)

KINH TÂN TUẾ

(1 quyển, T. 01, Ks. 62)

Việt dịch: *TT. Thích Chánh Lạc*

(<https://quangduc.com>, *Kinh-Hán tạng*)

KINH TĂNG CHI BỘ

Song Ngữ Anh Việt

(Trích từ các chương Một pháp, Hai pháp, Ba pháp và Bốn pháp)

Dịch từ Pali sang Anh ngữ bởi

Nyanaponika Thera và Bhikkhu Bodhi

Việt dịch và ghi chú: *Nguyễn Giác*

(thuvienhoasen.org, *Kinh Pali*)

KINH TÂM MINH

(1 quyển, T. 14, Ks. 569)

Hán dịch: *Trúc Pháp Hộ*

Việt dịch: *Thích Tâm Nhân*

(<https://phatphapungdung.com>; *Pháp bảo-Bộ Kinh tập*)

KINH TÂM PHẬT

(2 quyển, T. 19, Ks. 920)

Hán dịch: *Bồ-đề-lưu-chí*

Việt dịch: *Thích Quảng Trí*

(<https://phatphapungdung.com>; *Pháp bảo-Kinh tạng*)

KINH “TẤT CẢ ĐỀU BỐC CHÁY” –

ADITTAPARIYAYA-SUTTA

(Trích từ Tương Ưng Bộ Kinh – Samyutta-Nikkaya IV, 19-20)

Việt dịch: *Hoang Phong*

(<https://thuvienhoasen.org>, *Kinh/Pali*)

KINH TÊ-MA-THỦ TÔN GIẢ MỤC-

LIÊN (1 quyển, T. 01, Ks. 67)

Hán dịch: *Chi Khiêm*

Việt dịch: *T. Chánh Lạc*

(<https://phatphapungdung.com>, *Pháp bảo-Bộ A-hàm*)

KINH TỊCH CHÍ QUẢ

(1 quyển, T. 01, Ks. 22)

Hán dịch: *Trúc Đàm Vô Lan*

Việt dịch: *Thích Chánh Lạc*

(<https://quangduc.com>, *Kinh-Hán tạng*)

KINH TỊCH CHIẾU THẦN BIẾN TAM-

MA-ĐỊA (1 quyển, T. 15, Ks. 648)

Hán dịch: *Tam tạng Pháp sư*

Huyền Trang (602-664)

Việt dịch: *Tuệ Khai*

(<https://phatphapungdung.com>; *Pháp bảo-Bộ Kinh tập*)

KINH TINH YẾU ĐỂ THÍCH BÁT-NHÃ

(1 quyển, T.08, Ks. 249)

Hán dịch: *Thi Hộ*

Các bản Việt dịch: 1. *TN. Đức Nghiêm*; 2.

Huyền Thanh; 3. *TN. Tịnh Nguyên*

(<https://phatphapungdung.com>; *Pháp bảo-Bộ Bát-nhã*)

KINH TINH XÁ ĐÀU VOI

(1 quyển, T. 14, Ks. 466)

Hán dịch: *Tỳ-ni-đa-lưu-chi*

Các bản Việt dịch: 1. *TN. Tuệ Thành*;

2. *Huyền Thanh*

(<https://phatphapungdung.com>; *Pháp bảo-Bộ Kinh tập*)

KINH TÍN LỰC NHẬP ÁN PHÁP

MÔN (5 quyển, T. 10, Ks. 305)

Hán dịch: *Đàm-ma-lưu-chi*

Việt dịch: *Thích nữ Như Phúc*

(<https://phatphapungdung.com>; *Pháp bảo-Bộ Hoa Nghiêm*)

KINH TÔN THƯỢNG

(1 quyển, T. 01, Ks. 77)

Hán dịch: *Trúc Pháp Hộ*

Việt dịch: *T. Chánh Lạc*

(<https://phatphapungdung.com>, *Pháp bảo-Bộ A-hàm*)

KINH TU ĐẠT (1 quyển, T. 01, Ks. 73)
Hán dịch: *Câu-na-tỳ-địa*
Các bản Việt dịch: 1. *T. Chánh Lạc*;
2. *Huyền Thanh*
(<https://phatphapungdung.com>, *Pháp
bảo-Bộ A-hàm*)

KINH TƯ-HA-MUỘI
(1 quyển, T. 14, Ks. 532)
Hán dịch: *Ngô Chi Khiêm*
Việt dịch: *Thích nữ Tâm Chánh*
(<https://phatphapungdung.com>; *Pháp
bảo-Bộ Kinh tập*)

KINH TỨ ĐẾ (1 quyển, T. 01, Ks. 32)
Hán dịch: *An Thế Cao*
Việt dịch: *Thích Chánh Lạc*
(<https://phatphapungdung.com>, *Pháp
bảo-Bộ A-hàm*)

KINH TỪ THỊ BỒ-TÁT HẠ SANH
THÀNH PHẬT (1 quyển, T. 14, Ks. 454)
Hán dịch: *Tam tạng Pháp sư Cưu-ma-la-
thập (Kumarajiva, 344-413)*
Việt dịch: *Nguyễn Thuận*
(<https://phatphapungdung.com>; *Pháp
bảo-Bộ Kinh tập*)

KINH TƯ THỆ TAM-MUỘI
(1 quyển, T. 15, Ks. 622)
Hán dịch: *An Thế Cao*
Việt dịch: *Thích nữ Tịnh Nguyên*
(<https://phatphapungdung.com>; *Pháp
bảo-Bộ Kinh tập*)

KINH TƯƠNG LAI BIẾN ĐỔI
(1 quyển, T. 12, Ks. 395)
Hán dịch: *Trúc Pháp Hộ*
Các bản Việt dịch: 1. *Nguyễn Thuận*;
2. *Như Hòa*; 3. *Thích nữ Lệ Nhã*;
4. *Huyền thanh*
(<https://phatphapungdung.com>; *Pháp*

bảo-Bộ Niết-bàn)

KINH TƯƠNG ỨNG TƯƠNG KHẢ
(1 quyển, T. 02, Ks. 111)
Hán dịch: *HT. Pháp Cự*
Việt dịch (2011): *B.S. Trần Văn Nghĩa*
Tác phẩm Kinh này có 9 trang (PDF).
(<https://hoavouu.com>, *Sách Phật học-
PDF*)

KINH TƯỚNG PHÁP HẠNH THIÊN
(1 quyển, T. 15, Ks. 605)
Hán dịch: *An Thế Cao*
Các bản Việt dịch: 1. *Linh Sơn Pháp Bảo
Đại Tạng Kinh*; 2. *Tuệ Khai*
(<https://phatphapungdung.com>; *Pháp
bảo-Bộ Kinh tập*)

KINH TƯỚNG PHÁP QUYẾT NGHI
(1 quyển, T. 85, Ks. 2870)
Việt dịch (2009): *Thích Chúc Hiền*
(<https://phatphapungdung.com>; *Pháp
bảo-Bộ Đôn Hoàng*;
<https://hoavouu.com>, *Sách Phật học-
PDF*)

KINH TỪ BI (METTA SUTTA)
Việt dịch: *Sa-môn Thích Viên Đức*
(www.quangduc.com, *Kinh*)

KINH TỪ BI (METTA SUTTA) –
Song Ngữ Anh Việt
Dịch giả: *Thích Thiện Châu (1931-1998)*
(Kinh này được trích dịch từ Kinh Tập
(Sutta Nipata) 143-152, của Tiểu Bộ kinh)
(thuvienhoasen.org, *Kinh Pali*)

KINH TỪ THỊ BỒ-TÁT ĐẠI THÀNH
PHẬT (1 quyển, T. 14, Ks. 456)
Hán dịch: *Tam tạng Pháp sư
Cưu-ma-la-thập (Kumarajiva, 344-413)*
Việt dịch: *Nguyễn Thuận*
(<https://phatphapungdung.com>; *Pháp
bảo-Bộ Kinh tập*)

KINH TỖ-KHEO CHIÊM-BÀ
(1 quyển, T. 01, Ks. 64)
Việt dịch: *Thích Chánh Lạc*
(<https://quangduc.com>, *Kinh-Hán tạng*)

KINH TỖ-KHUU TRÁNH TIẾNG
XẤU VỀ NGƯỜI NỮ, MUỐN TỰ SÁT
(1 quyển, T. 14, Ks. 503)
(Tỳ-kheo Tỳ Nữ Ác Danh Dục Tự Sát
Kinh)
Hán dịch: *Pháp Cự*
Việt dịch: *Huyền Thanh*
(<https://phatphapungdung.com>; *Pháp
bảo-Bộ Kinh tập*)

KINH THÁI TỬ TU-ĐẠI-NÃ
(1 quyển, T. 03, Ks. 171)
Hán dịch: *Sa-môn Thánh Kiên*
Việt dịch (2011): *B.S. Trần Văn Nghĩa*
Tác phẩm Kinh này có 15 trang (PDF).
(<https://hoavouu.com>, *Sách Phật học-
PDF*)

KINH THÁNH BÁT THIÊN TỤNG
BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA
(1 quyển, T. 08, Ks. 230)
Hán dịch: *Thi Hộ*
Việt dịch: *Thích Bửu Hà*
(<https://phatphapungdung.com>; *Pháp
bảo-Bộ Bát-nhã*)

KINH THÁNH PHÁP ÁN
(1 quyển, T. 02, Ks. 103)
Hán dịch: *Pháp Hộ*
Việt dịch: *Huyền Thanh*
(<https://phatphapungdung.com>, *Pháp
bảo-Bộ A-hàm*)

KINH THÁNH PHẬT MÃU TIỂU TỰ
BÁT-NHÃ (1 quyển, T. 08, Ks. 258)
Hán dịch: *Thiên Trúc Tai*

Các bản Việt dịch: 1. *Thích Thọ Phước*; 2.
Thích nữ Tịnh Nguyên
(<https://phatphapungdung.com>; *Pháp
bảo-Bộ Bát-nhã*)

KINH THĂNG QUÂN HÓA THỂ
BÁCH LUẬN GIÀ-THA
(1 quyển, T. 32, Ks. 1692)
Hán dịch: *Thiên Trúc Tai*
Việt dịch: *Thích Như Điển*
(<https://phatphapungdung.com>; *Pháp
bảo-Bộ Luận tập/Kinh điển Đại thừa*)

KINH THÂN NHẬT NHI BỒN
(1 quyển, T. 14, Ks. 536)
Hán dịch: *Câu-na Bạt-đà-la*
Việt dịch: *Thích nữ Huệ Thanh*
(<https://phatphapungdung.com>; *Pháp
bảo-Bộ Kinh tập*)

KINH THÂN PHÁP
(1 quyển, T. 17, Ks. 766)
Hán dịch: *Pháp Hiền*
Việt dịch: *Bùi Đức Huệ*
(<https://phatphapungdung.com>; *Pháp
bảo-Bộ Kinh tập*)

KINH THẬP NHỊ DU
(1 quyển, T. 04, Ks. 195)
Hán dịch: *Ca-lưu-đà-già*
Việt dịch: *Thích Chánh Lạc*
(<https://phatphapungdung.com>; *Pháp
bảo-Bộ Bốn duyên*)

KINH THẬP PHƯƠNG THIÊN NGŨ
BÁCH PHẬT DANH
(1 quyển, T. 14, Ks. 442)
Việt dịch (2013): *Nguyên Thuận*
Hiệu đính: *Nhóm Phiên dịch Tam tạng
Kinh điển Phật giáo*
(<https://phatphapungdung.com>; *Pháp*)

bảo-Bộ Kinh tập)

KINH THẮT PHẬT PHỤ MÃU TÁN H
TỰ (1 quyển, T. 01, Ks. 4)

Việt dịch: *TT. Thích Chánh Lạc*

Hiệu chú: *Tuệ Sỹ - Đức Thắng*

(<https://quangduc.com>, *Kinh-Hán tạng*)

KINH THẮT TRI

(1 quyển, T. 01, Ks. 27)

Hán dịch: *Chi Khiêm*

Các bản Việt dịch: 1. *Thích Chánh Lạc*; 2. *Thích Tuệ Sỹ*

(<https://phatphapungdung.com>, *Pháp bảo-Bộ A-hàm*)

KINH THẾ GIAN XUẤT HIỆN BỐN
LOẠI NGƯỜI (1 quyển, T. 02, Ks. 127)

Hán dịch: *Câu-na-bạt-đà-la*

Việt dịch: *Thân An – Minh Quý*

(<https://phatphapungdung.com>, *Pháp bảo-Bộ A-hàm*)

KINH THẾ TÔN DI GIÁO

Hán dịch: *Tam tạng Pháp sư Cưu-ma-la-thập (Kumarajiva, 344-413)*

Việt dịch: *Thích Thuyền Ấn*

(<https://quangduc.com>, *Kinh-Hán tạng*)

KINH THI-CA-LA-VIỆT LẠY SÁU
PHƯƠNG (1 quyển, T. 01, Ks. 16)

Hán dịch: *An Thế Cao*

Các bản Việt dịch: 1. *Thích Chánh Lạc*; 2. *Huyền Thanh*

(<https://quangduc.com>, *Kinh-Hán tạng*)

KINH THÍ DỤ (1 quyển, T. 04, Ks. 217)

Hán dịch: *Cao Tăng Nghĩa Tịnh (635-713)*

Việt dịch: *Nguyễn Thuận*

(<https://phatphapungdung.com>; *Pháp bảo-Bộ Bốn duyên*)

KINH THÍ DỤ ĐÀN BÒ

(1 quyển, T. 04, Ks. 215)

Hán dịch: *Pháp Cự*

Việt dịch: *Thích Bảo An*

(<https://phatphapungdung.com>; *Pháp bảo-Bộ Bốn duyên*)

KINH THÍ DỤ NGŨ UẨN

(1 quyển, T. 02, Ks. 105)

Hán dịch: *An Thế Cao*

Các bản Việt dịch: 1. *Trần Văn Nghĩa*;
2. *TN. Tịnh Quang*

(<https://phatphapungdung.com>, *Pháp bảo-Bộ A-hàm*)

KINH THÍCH-MA-NAM BỒN

(1 quyển, T. 01, Ks. 54)

Hán dịch: *Chi Khiêm*

Việt dịch: *Thích Chánh Lạc*

(<https://phatphapungdung.com>, *Pháp bảo-Bộ A-hàm*)

KINH THIÊN THỈNH VẤN

(1 quyển, T. 15, Ks. 592)

Hán dịch: *Tam tạng Pháp sư Huyền Trang (602-664)*

Các bản Việt dịch: 1. *Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh*; 2. *Thích Tâm Châu*;

3. *Huyền Thanh*

(<https://phatphapungdung.com>; *Pháp bảo-Bộ Kinh tập*)

KINH THIÊN ÁC NHƠN QUẢ

(1 quyển, T. 85, Ks. 2881)

Việt dịch: *Thích Giác Quả*

(<https://phatphapungdung.com>; *Pháp bảo-Bộ Đôn Hoàng*)

KINH THIÊN SANH TỬ

(1 quyển, T. 01, Ks. 17)

Hán dịch: *Pháp Độ*

Việt dịch: *TT. Thích Chánh Lạc*

(<https://quangduc.com>, *Kinh-Hán tạng*)

KINH THIẾT THÀNH NÊ-LÊ
(1 quyển, T. 01, Ks. 42)
Hán dịch: *Trúc Đàm Vô Lan*
Việt dịch: *Thích Chánh Lạc*
(<https://phatphapungdung.com>, *Pháp bảo-Bộ A-hàm*)

KINH THỌ KÝ SAI-MA-BÀ-ĐẾ
(1 quyển, T. 14, Ks. 573)
(Sai-ma-bà-đế Thọ ký Kinh)
Hán dịch: *Bồ-đề-lưu-chi*
Việt dịch: *Thích Tâm Nhân*
(<https://phatphapungdung.com>; *Pháp bảo-Bộ Kinh tập*)

KINH THỌ TÂN TUẾ
(1 quyển, T. 01, Ks. 61)
Hán dịch: *Trúc Pháp Hộ*
Các bản Việt dịch: 1. *Thích Chánh Lạc*; 2. *Thích Tâm Châu*
(<https://phatphapungdung.com>, *Pháp bảo-Bộ A-hàm*)

KINH THỌ TUẾ
(1 quyển, T. 01, Ks. 50)
Hán dịch: *Trúc Pháp Hộ*
Các bản Việt dịch: 1. *Thích Chánh Lạc*; 2. *Thích Tâm Châu*
(<https://phatphapungdung.com>, *Pháp bảo-Bộ A-hàm*)

KINH THỌ TRÌ DANH HIỆU BẢY ĐỨC
PHẬT SANH RA CÔNG ĐỨC
(1 quyển, T. 14, Ks. 436)
Hán dịch: *Tam tạng Pháp sư Huyền Trang*
(602-664)
Các bản Việt dịch: 1. *TN. Tâm Thường*; 2. *Nguyên Thuận*; 3. *Chơn Tĩnh Tạng*
(<https://phatphapungdung.com>; *Pháp bảo-Bộ Kinh tập*)

KINH THỜI GIAN XUẤT THẾ CỦA TỪ
THỊ BỒ-TÁT

(Phật thuyết Di-lặc lai thời Kinh; 1 quyển,
T. 14, Ks. 457)
Việt dịch: *Nguyên Thuận*
(<https://phatphapungdung.com>; *Pháp bảo-Bộ Kinh tập*)

KINH THỦY MẠT SỞ PHIÊU
(1 quyển, T. 02, Ks. 106)
(Phật thuyết Thủy mạt Sở phiêu Kinh)
Hán dịch: *Trúc Đàm Vô Lan*
Việt dịch: *Trần Văn Nghĩa*
(<https://phatphapungdung.com>, *Pháp bảo-Bộ A-hàm*)

KINH THỦY SÁM
Ban Hoằng Pháp-Hội Việt Nam Phật Giáo
(chùa Phước Hòa), PL. 2505 – DL. 1961

KINH THỦY SÁM: SÁM THI NƯỚC
TỪ BI
Biên soạn: *Thích Linh Như*
Nxb Tôn Giáo – 2008
Taiwan: The Corporate Body of the Buddha Educational Foundation – 2015

KINH TRANG NGHIÊM TÂM BỒ-ĐỀ
(1 quyển, T. 10, Ks. 307)
Hán dịch: *Tam tạng Pháp sư Cưu-ma-la-thập*
(*Kumarajiva, 344-413*)
Việt dịch: *Huyền Thanh*
(<https://phatphapungdung.com>; *Pháp bảo-Bộ Hoa Nghiêm*)

KINH TRÌ CÚ THẦN CHÚ
(1 quyển, T. 21, Ks. 1351)
Hán dịch: *Chi Khiêm*
Việt dịch: *Huyền Thanh*
(<https://phatphapungdung.com>, *Pháp bảo-Bộ Mật giáo*)

KINH TRƯỜNG THỌ DIỆT TỘI HỘ
CHƯ ĐỒNG TỬ ĐÀ-LA-NI

Hán dịch: *Tam tạng Sa-môn Phật-đà-ba-lợi*

Việt dịch: *Mạt Nhân Đạo Quang*

Nxb Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh – 2012

KINH TRƯỜNG THỌ DIỆT TỘI VÀ THẦN CHÚ BẢO HỘ CÁC EM BÉ

(1 quyển, X. 01, Ks. 17)

Hán dịch:

Tam tạng Sa-môn Phật-đà-ba-lợi

Việt dịch: *Nguyễn Thuận*

(www.buddhamountain.ca)

KINH ƯU-BÀ-DI VÔ CẦU

(1 quyển, T. 14, Ks. 578)

Hán dịch: *Cù-đàm Bát-nhã-lưu-chi*

Việt dịch: *Thích Tâm Nhân*

(<https://phatphapungdung.com>; *Pháp bảo-Bộ Kinh tập*)

KINH VĂN-THÙ-SU-LỢI BÁT NIẾT-BÀN (1 quyển, T. 14, Ks. 463)

Hán dịch: *Nhiếp Đạo Chơn*

Các bản Việt dịch: 1. *Huyền Thanh*;

2. *TN. Thành Thông*

(<https://phatphapungdung.com>; *Pháp bảo-Bộ Kinh tập*)

KINH VĂN-THÙ SỞ THUYẾT MA-HA BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT

(2 quyển, T. 08, Ks. 232)

Hán dịch: *Mạn-đà-la-tiên*

Việt dịch: *Thích Minh Lễ*

(<https://phatphapungdung.com>; *Pháp bảo-Bộ Bát-nhã*)

KINH VĂN-THÙ SỞ THUYẾT TỐI THẮNG DANH NGHĨA

(2 quyển, T. 20, Ks. 1188)

Hán dịch: *Tống Kim Tống Trì Đăng*

Việt dịch: *Huyền Thanh*

(<https://phatphapungdung.com>, *Pháp bảo-Bộ Mật giáo*)

KINH VĂN-THÙ BỒ-TÁT LỤC TỰ CHÚ CÔNG NĂNG PHÁP

(2 quyển, T. 20, Ks. 1179)

Việt dịch: *Huyền Thanh*

(<https://phatphapungdung.com>, *Pháp bảo-Bộ Mật giáo*)

KINH VĂN-THÙ-SU-LỢI PHÁT

NGUYÊN (1 quyển, T. 10, Ks. 296)

Hán dịch: *Phật-đà Bạt-đà-la*

Các bản Việt dịch: 1. *Thích Thọ Phước*; 2.

Huyền Thanh

(<https://phatphapungdung.com>; *Pháp bảo-Bộ Hoa Nghiêm*)

KINH VĂN-THÙ-SU-LỢI THỈNH

VẤN BỒ-ĐỀ (1 quyển, T. 14, Ks. 464)

Hán dịch: *Tam tạng Pháp sư Cưu-ma-la-thập (Kumàrajiva, 344-413)*

Việt dịch (1996):

Thích Tâm Châu (1921-2015)

(<https://thuvienhoasen.org>, *Kinh Sanskrit/Hán tạng*)

KINH VĂN-THÙ-SU-LỢI VĂN BỒ-ĐỀ

Lược Giảng

Thiền viện Trúc Lâm Trí Đức

Lược giảng: *Hạnh Chiếu*

Nxb Phương Đông – 2010. Kinh có khổ 14.5 x 20.5cm.

KINH VỀ NGƯỜI CHẶN BÒ

(1 quyển, T. 02, Ks. 123)

Hán dịch: *Cưu-ma-la-thập*

Các bản Việt dịch: 1. *Thích Đức Thắng*; 2.

TN. Tịnh Quang

(<https://phatphapungdung.com>, *Pháp bảo-Bộ A-hàm*)

KINH VỊ LAI TINH TÚ KIẾP THIÊN

PHẬT DANH (1 quyển, T. 14, Ks. 448a)
Việt dịch: *Nguyên Thuận*
(<https://phatphapungdung.com>; *Pháp bảo-Bộ Kinh tập*)

KINH VỊ TÀNG HỮU THUYẾT NHÂN DUYÊN
(Nhân duyên chưa từng có nói) – Adbhutadharma
Hán dịch: *Thích Đàm Cảnh*
Việt dịch: *Bồ-tát Giới đệ tử Tuệ Nhuận*
Ấn tống năm 1962.

KINH VIÊN GIÁC
Dịch và lược giải:
Tỳ-kheo Thích Hằng Đạt
(<https://thuvienhoasen.org>, *Kinh Sanskrit-Hán tạng*)

KINH VIÊN SANH THỌ
(1 quyển, T. 01, Ks. 28)
Hán dịch: *Thi Hộ*
Việt dịch: *Thích Chánh Lạc*
(<https://phatphapungdung.com>, *Pháp bảo-Bộ A-hàm*)

KINH VÔ LƯỢNG THỌ PHẬT
Hán dịch: *Pháp sư Khương Tăng Khải*
Việt dịch: *Tỳ-kheo Thích Trí Tịnh (1917-2014)*
(Pháp hội Vô lượng thọ Như Lai Thứ năm, Kinh Đại Bảo Tích, Hán bộ từ quyển 17 đến hết quyển 18).
(<https://thuvienhoasen.org>, *Kinh Sanskrit/Hán tạng*)

KINH VÔ NĂNG THẮNG PHAN VƯƠNG NHƯ LAI TRANG NGHIÊM ĐÀ-LA-NI (1 quyển, T. 19, Ks. 943)
Hán dịch: *Thi Hộ*
Việt dịch: *Huyền Thanh*
(<https://phatphapungdung.com>, *Pháp bảo-Bộ Mật giáo*)

KINH VÔ TỰ BẢO KHIẾP
(1 quyển, T. 17, Ks. 828)
Hán dịch:
Tam tạng Pháp sư Bồ-đề-lưu-chi
Việt dịch: *Thích nữ Thuần Hạnh*
Chứng nghĩa:
Tỳ-kheo Thích Đồng Minh (1927-2005)
và *Tỳ-kheo Thích Tâm Hạnh*
(<https://thuvienhoasen.org>, *Kinh Sanskrit/Hán tạng*)

KINH VÔ THƯỜNG
(1 quyển, T. 17, Ks. 801)
Hán dịch:
Cao Tăng Nghĩa Tịnh (635-713)
Việt dịch: 1. *Thích Hằng Đạt*; 2. *Nguyên Thuận*; 3. *Thích Trí Thủ*
(<https://phatphapungdung.com>; *Pháp bảo-Bộ Kinh tập*)

KINH VỢ TRƯỞNG GIẢ PHÁP CHÍ
(1 quyển, T. 14, Ks. 572)
Việt dịch: *Thích Tâm Nhân*
(<https://phatphapungdung.com>; *Pháp bảo-Bộ Kinh tập*)

KINH VU LAN BỒN Luận Địa Ngục
Việt dịch: *Bồ-tát giới Đệ tử Tuệ Nhuận*
In tại Nhà in Tân Việt (Hà Nội) – 1949.
Kinh có 19 trang.
(*Bản lưu tại Thư viện chùa Xá Lợi, Tp. Hồ Chí Minh; Mã sách: KG. 074*)

KINH VUA A-XÀ-THẾ HỎI VỀ NĂM TỘI NGHỊCH (1 quyển, T. 14, Ks. 508)
Hán dịch: *Pháp Cự*;
Việt dịch: *Thích Hạnh Tuệ*
(<https://phatphapungdung.com>; *Pháp bảo-Bộ Kinh tập*)

KINH VUA CHIÊN-ĐÀ-VIỆT
(1 quyển, T. 14, Ks. 518)

Hán dịch: *Trở Cừ Kinh Thịnh*
Việt dịch: *Thân An-Minh Quý*
(<https://phatphapungdung.com>; *Pháp bảo-Bộ Kinh tập*)

KINH VUA ĐẠI CHÁNH CỨ
(1 quyển, T. 01, Ks. 45)
Hán dịch: *Pháp Hiền*
Việt dịch: *Thích Chánh Lạc*
(<https://phatphapungdung.com>, *Pháp bảo-Bộ A-hàm*)

KINH VUA MẠT-LA
(1 quyển, T. 14, Ks. 517)
Hán dịch: *Trở Cừ Kinh Thịnh*
Việt dịch: *Thân An-Minh Quý*
(phatphapungdung.com; *Pháp bảo-Bộ Kinh tập*)

KINH VUA TÀN-BÀ-SA-LA
(1 quyển, T. 01, Ks. 41)
Hán dịch: *Pháp Hiền*
Việt dịch: *Thích Chánh Lạc*
(<https://phatphapungdung.com>, *Pháp bảo-Bộ A-hàm*)

KINH VUA THẮNG QUÂN THỪA HỎI
(1 quyển, T. 14, Ks. 516)
Hán dịch: *Thi Hộ*
Việt dịch: *Thích Hạnh Tuệ*
(<https://phatphapungdung.com>; *Pháp bảo-Bộ Kinh tập*)

KINH VUA ƯU-ĐIÊN
(1 quyển, T. 12, Ks. 332)
Hán dịch: *Pháp Cự*
Việt dịch: *Ban Phiên dịch Pháp tạng*
(<https://phatphapungdung.com>; *Pháp bảo-Kinh tạng*)

KINH VUA VĂN-ĐÀ-KIỆT
(1 quyển, T. 01, Ks. 40)

Hán dịch: *Đàm Vô Sâm*
Việt dịch: *Thích Chánh Lạc*
(<https://phatphapungdung.com>, *Pháp bảo-Bộ A-hàm*)

KINH XUNG TÁN TỊNH ĐỘ PHẬT NHIẾP THỌ
(1 quyển, T. 12, Ks. 367)
Hán dịch: *Tam tạng Pháp sư Huyền Trang (602-664)*
Các bản Việt dịch: 1. *Như Hòa*; 2. *Quảng Minh*; 3. *Nguyễn Thuận*
(<https://phatphapungdung.com>; *Pháp bảo-Bộ Kinh số-Tịnh Độ tông*)

KINH Ý (1 quyển, T. 01, Ks. 82)
Hán dịch: *Trúc Pháp Hộ*
Việt dịch: *T. Chánh Lạc*
(<https://phatphapungdung.com>, *Pháp bảo-Bộ A-hàm*)

LUẬN KINH VÔ LƯỢNG THỌ
(1 quyển, T. 26, S. 1524)
Tạo luận: *Bồ-tát Bà-tâu-bàn-đậu*
Hán dịch: *Bồ-đề-lưu-chi*
Việt dịch: *Huyền Thanh*
(<https://phatphapungdung.com>; *Pháp bảo-Luận tạng*)

Lược giải KINH VU LAN BỒN
Lược giảng (Hán ngữ):
Giảng sư Thanh Nguyên
Việt dịch: *Thích nữ Liên Nghiêm*
Phật học viện Mân Nam – Hạ Môn – Trung Quốc, ngày 15/7/2002
(<https://quangduc.com>, *Kinh-Hán tạng*)

Lược giải TÂM KINH BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT
Đường Pháp Tạng thuật
Việt dịch: *Thích Bảo Tạng*
(<https://phatphapungdung.com>; *Pháp bảo-Bộ Bát-nhã*)

MA-HA BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA
ĐẠI MINH CHÚ KINH

(1 quyển, T. 08, Ks. 250)

Hán dịch: *Tam tạng Pháp sư*

Ciru-ma-la-thập (Kumarajiva, 344-413)

Các bản Việt dịch: 1. *Nguyên Thuận;*

2. *Quảng Minh;*

3. *Thích nữ Tịnh Nguyên*

(<https://phatphapungdung.com>; *Pháp bảo-Bộ Bát-nhã*)

MÃ HỮU BÁT THÁI THÍ NHÂN
KINH (Số 115)

Hán dịch: *Tỳ-kheo Chi Diệu*

Việt dịch (2011): *B.S. Trần Văn Nghĩa*

Tác phẩm Kinh này có 8 trang (PDF).

(<https://hoavouu.com>; *Sách Phật học-PDF*)

MÃ HỮU TAM TƯỚNG KINH
(Số 114)

Hán dịch: *Tỳ-kheo Chi Diệu*

Việt dịch (2011): *B.S. Trần Văn Nghĩa*

Tác phẩm Kinh này có 7 trang (PDF).

(<https://hoavouu.com>; *Sách Phật học-PDF*)

MỘT TRĂM NGÀN BÀI TỤNG CỦA
KINH ĐẠI TẬP BỒ-TÁT ĐỊA TẠNG
HỒI ĐỨC PHẬT VỀ PHÁP THÂN

Hán dịch: *Tam tạng Sa-môn Bất Không*

Việt dịch: *Thích Chánh Lạc*

Tác phẩm Kinh tụng này dịch theo thể ngũ tự (mỗi câu năm chữ).

(<https://quangduc.com>, *Kinh-Hán tạng*)

NGŨ BÁCH DANH QUÁN THỂ ÂM
KINH

Nhà in Liên Hoa – Huế,

PL. 2509 – DL. 1965.

(<https://phatphapungdung.com>; *Pháp bảo-Bộ Kinh tập*)

NGHI QUỸ ĐẠI TỶ-LÔ-GIÁ-NA
THÀNH PHẬT THÂN BIÊN GIA TRÌ
KINH LIÊN HOA THAI TẠNG BI
SANH MẠN-ĐỒ-LA QUẢNG ĐẠI
THÀNH TỰU (2 quyển, T.18, Ks. 852b)

Việt dịch: *Huyền Thanh*

(<https://phatphapungdung.com>; *Pháp bảo-Bộ Mật giáo*)

NHỮNG KINH DO TĂNG-GIÀ-LA-
SÁT TẬP THÀNH

(3 quyển, T. 04, Ks. 194)

Hán dịch:

Phù Tàn Tăng-gia-bạt-trùng Đăng

Việt dịch: *Thích Chánh Lạc*

(<https://phatphapungdung.com>; *Pháp bảo-Bộ Bốn duyên*)

PHẠM NGŨ BÁT-NHÃ
BA-LA-MẬT-ĐA TÂM KINH

(1 quyển, T. 08, Ks. 256)

Các bản Việt dịch: 1. *Huyền Thanh;*

2. *TN. Tịnh Nguyên*

(<https://phatphapungdung.com>; *Pháp bảo-Bộ Bát-nhã*)

PHẨM ĐẠI OAI ĐỨC TỐI THẮNG KIM
LUÂN TAM-MUỘI CHÚ KINH ĐÀ-LA-
NI ĐẠI PHẬT ĐỈNH NHƯ LAI PHÓNG
QUANG TẮT-ĐÁT-ĐA BÁT-ĐÁT-LA
ĐẠI THẦN LỰC ĐỒ NHIẾP NHỨT
THIỆT CHÚ VƯƠNG (1 quyển, gồm có 6
phẩm, T. 19, Ks. 947)

Việt dịch: *Thích Quảng Trí*

(<https://phatphapungdung.com>; *Pháp bảo-Bộ Mật giáo*)

PHẨM THÍCH TỰ MÃU KINH DU-
GIÀ KIM CANG ĐỈNH

(1 quyển, T. 18, Ks. 880)

Hán dịch: *Bất Không*

Việt dịch: *Huyền Thanh*

(<https://phatphapungdung.com>; *Pháp
bảo-Bộ Mật giáo*)

PHÁP BẢO ĐÀN KINH – LỤC TỒ
HUỆ NĂNG giảng

Biên tập: *Thiền sư Pháp Hải*

Việt dịch: *Như Phẩm*

Nxb Hồng Đức – 2019. Sách có khổ 13 x
29cm, có 149 trang.

PHẬT ĐÁNH TÔN THẮNG ĐÀ-LA-NI
KINH PHÁP NGHI QUỶ

NIỆM TỤNG (1 quyển, T. 19, Ks. 972)

Hán dịch: *Bất Không*

Việt dịch: *Thích Quảng Trí*

(<https://phatphapungdung.com>; *Pháp
bảo-Bộ Mật giáo*)

PHẬT NÓI ĐẠI OAI ĐỨC KIM LUÂN
PHẬT ĐÁNH XÍ THẠNH QUANG NHƯ
LAI TIÊU TRỪ NHẤT THIẾT TAI NẠN
ĐÀ-LA-NI KINH

(1 quyển, T. 19, Ks. 964)

Việt dịch (1979): *Thích Giác Viên*

(<https://thuvienhoasen.org>, *Kim Cang
Thừa*)

PHẬT NÓI KINH CON CỦA BÀ-LA-
MÔN MẠNG CHUNG

THƯƠNG NHỚ KHÔNG NGUÔI (1
quyển, T. 01, Ks. 91)

Hán dịch: *An Thế Cao*

Việt dịch: *HT. Chánh Lạc*

Tác phẩm Kinh này có 5 trang (PDF).
(<https://hoavouu.com>, *Sách Phật học-
PDF*)

PHẬT NÓI KINH DA-KỶ

(1 quyển, T. 14, Ks. 542)

Hán dịch: *Trở Cừ Kinh Thịnh*

Việt dịch: *Thích Tâm Nhân*

(<https://phatphapungdung.com>; *Pháp
bảo-Bộ Kinh tập*)

PHẬT NÓI KINH DỰ CON KIẾN

(1 quyển, T. 01, Ks. 95)

Hán dịch: *Tam tạng Đại sư Thi Hộ*

Việt dịch: *Thích Chánh Lạc*

(<https://quangduc.com>, *Kinh-Hán tạng*)

PHẬT NÓI KINH DỰ MŨI TÊN

(1 quyển, T. 01, Ks. 94)

Việt dịch: *Thích Chánh Lạc*

(<https://quangduc.com>, *Kinh-Hán tạng*)

PHẬT NÓI KINH ĐẠI SANH NGHĨA

Việt dịch: *HT. Chánh Lạc*

Tác phẩm Kinh này có 8 trang (PDF).

(<https://hoavouu.com>, *Sách Phật học-
PDF*)

PHẬT NÓI KINH ĐẠI TAM-MA-NHÃ

(1 quyển, T. 01, Ks. 19)

Hán dịch: *Đại sư Pháp Thiên*

Việt dịch: *HT. Chánh Lạc*

Tác phẩm Kinh này có 6 trang (PDF).
(<https://hoavouu.com>, *Sách Phật học-
PDF*)

PHẬT NÓI KINH ĐẠI THỪA THIÊN
KIẾN BIẾN HÓA VĂN-THÙ-SƯ-LỢI

HỎI PHÁP (1 quyển, T. 14, Ks. 472)

Hán dịch: *Thiên Tức Tai*

Việt dịch: *Huyền Thanh*

(<https://phatphapungdung.com>; *Pháp
bảo-Bộ Kinh tập*)

PHẬT NÓI KINH ĐÁNH SANH
VƯƠNG CỔ SỰ

Hán dịch: *Sa-môn Thích Pháp Cự*

Việt dịch: *HT. Chánh Lạc*
Tác phẩm Kinh này có 8 trang (PDF).
(hoavouu.com, *Sách Phật học-PDF*)

PHẬT NÓI KINH “ĐÂU ĐIỀU”

Việt dịch: *HT. Chánh Lạc*
Tác phẩm Kinh này có 7 trang (PDF).
(<https://hoavouu.com>, *Sách Phật học-PDF*)

PHẬT NÓI KINH HỘ QUỐC

Hán dịch: *Tam tạng Đại sư Pháp Hiền*
Việt dịch: *Thích Chánh Lạc*
(<https://quangduc.com>, *Kinh-Hán tạng*)

PHẬT NÓI KINH MA-ĐĂNG-GIÀ NỮ

Hán dịch: *Tam tạng An Thế Cao*
Việt dịch: (*khuyết danh*)
(<https://quangduc.com>, *Kinh-Hán tạng*)

PHẬT NÓI KINH MƯỜI CƯ SĨ NGƯỜI BÁT-THÀNH

Hán dịch: *Tam tạng An Thế Cao*
Việt dịch: *Thích Chánh Lạc*
(<https://quangduc.com>, *Kinh-Hán tạng*)

PHẬT NÓI KINH NĂM THIÊN SỨ CỦA VUA DIÊM-LA

(1 quyển, T. 01, Ks. 43)
Hán dịch: *Tam tạng Pháp sư Huệ Giản*
Việt dịch: *Thích Chánh Lạc*
(<https://quangduc.com>, *Kinh-Hán tạng*)

PHẬT NÓI KINH NÊ-LÊ

(1 quyển, T. 01, Ks. 86)
Hán dịch: *Tam tạng Trúc Đàm Vô Sám*
Việt dịch: *Thích Chánh Lạc*
(<https://quangduc.com>, *Kinh-Hán tạng*)

PHẬT NÓI KINH NGHIỆP BÁO SAI BIỆT CHO TRƯỞNG GIẢ THỦ-CA

(1 quyển, T. 01, Ks. 80)
Hán dịch: *Cù-đàm Pháp Trí*
Việt dịch: *Thích Chánh Lạc*

(<https://quangduc.com>, *Kinh-Hán tạng*)

PHẬT NÓI KINH NHÂN DUYÊN CHẤM DỨT ĐẤU TRANH

(1 quyển, T. 01, Ks. 85)
Việt dịch: *Thích Chánh Lạc*
(<https://quangduc.com>, *Kinh-Hán tạng*)

PHẬT NÓI KINH PHẠM CHÍ KẾ THỦY TỊNH

(1 quyển, T. 01, Ks. 51)
Hán dịch: (*Phụ lục vào đời Đông Tấn*)
Việt dịch: *Thích Chánh Lạc*
(<https://quangduc.com>, *Kinh-Hán tạng*)

PHẬT NÓI KINH PHẠM-MA-DU

(1 quyển, T. 01, Ks. 76)
Hán dịch: *Ưu-bà-tắc Chi Khiêm*
Việt dịch: *Thích Chánh Lạc*
(<https://quangduc.com>, *Kinh-Hán tạng*)

PHẬT NÓI KINH PHÂN BIỆT THIÊN ÁC BÁO ỨNG

(2 quyển, T. 01, Ks. 81)
Hán dịch: *Sa-môn Thiên Tức Tai*
Việt dịch: *Thích Chánh Lạc*
Toàn bộ tác phẩm Kinh này gồm có 2 quyển Thượng và Hạ.
(<https://thuvienhoasen.org>, *Kinh Sanskrit/Hán tạng*)

PHẬT NÓI KINH PHỔ PHÁP NGHĨA (1 quyển, T. 01, Ks. 98)

Việt dịch: *Thích Chánh Lạc*
(<https://quangduc.com>, *Kinh-Hán tạng*)

PHẬT NÓI KINH TÀ KIẾN

(1 quyển, T. 01, Ks. 93)
Hán dịch: (*Phụ lục đời Đông Tấn*)
Việt dịch: *Thích Chánh Lạc*
(<https://quangduc.com>, *Kinh-Hán tạng*)

PHẬT NÓI KINH TÁT-BÁT-ĐA TÔ-
LÝ-DU-NAI-DÃ
(1 quyển, T. 01, Ks. 30)
Hán dịch: *Tam tạng Đại sư Pháp Hiền*
Việt dịch: *Thích Chánh Lạc*
(<https://quangduc.com>, *Kinh-Hán tạng*)

PHẬT NÓI KINH TỘI PHÚC
BÁO ỨNG
Hán dịch: *Ngài Cầu-na Bạt-đà-la*
Việt dịch: *Thích Chánh Lạc*
(<https://quangduc.com>, *Kinh-Hán tạng*)

PHẬT NÓI KINH THẬP THIÊN
NGHIỆP ĐẠO
Hán dịch: *Thật-xoa-nan-đà*
Việt dịch: *Thích Tâm Châu (1921-2015)*
(Trích dịch từ *Chánh Tân Tu Đại Tạng*,
Tập 15, Kinh Tập bộ, số hiệu 0600)
(<https://thuvienhoasen.org>, *Kinh*
Sanskrit/Hán tạng)

PHẬT NÓI KINH TRỊ Ý
(1 quyển, T. 01, Ks. 96)
Hán dịch: *(Phụ lục đời Tây Tấn)*
Việt dịch: *Thích Chánh Lạc*
(<https://quangduc.com>, *Kinh-Hán tạng*)

PHẬT NÓI KINH ƯU-BÀ-DI ĐẠO-XÁ-
CA (1 quyển, T. 01, Ks. 88)
Hán dịch: *(Mất tên người dịch, nay phụ*
bản đời Tống)
Việt dịch: *Thích Chánh Lạc*
(<https://quangduc.com>, *Kinh-Hán tạng*)

PHẬT TỔ TAM KINH
Việt dịch: *Thích Phổ Tuệ*
Nxb Tôn Giáo – 2010

PHẬT THUYẾT ĐẠI TAM-MA-NHA
KINH (1 quyển, T. 01, Ks. 19)
(Phật nói Kinh Đại Tam-Ma-Nhã)

Hán dịch: *Đại sư Pháp Thiên*; Việt dịch:
Thích Chánh Lạc
(<https://quangduc.com>, *Kinh-Hán tạng*)

PHẬT THUYẾT HỌC KINH CHO LÃO
BÀ-LA-MÔN Ở VƯỜN HOÀNG TRÚC
Hán dịch: *(Mất tên người dịch, nay phụ*
vào Tống Lục)
Việt dịch: *HT. Chánh Lạc*
Tác phẩm Kinh này có 5 trang (PDF).
(<https://hoavouu.com>, *Sách Phật học-*
PDF; <https://quangduc.com>, *Kinh-Hán*
tạng)

PHẬT THUYẾT KINH CHUYỂN HỮU
(1 quyển, T. 14, Ks. 576)
Hán dịch: *Phật-đà-phiến-đa*
Việt dịch: *Thích Tâm Nhân*
(<https://phatphapungdung.com>; *Pháp*
bảo-Bộ Kinh tập)

PHẬT THUYẾT KINH CHUYỂN
THÂN NỮ (1 quyển, T. 14, Ks. 564)
Hán dịch: *Đàm-ma-mật-đa*
Việt dịch: *Thích Tâm Nhân*
(<https://phatphapungdung.com>; *Pháp*
bảo-Bộ Kinh tập)

PHẬT THUYẾT KINH DIỄN ĐẠO
TỤC NGHIỆP (1 quyển, T. 17, Ks. 820)
Hán dịch: *Sa-môn Thích Thánh Kiên*
Việt dịch: *Ni sư Thuần Hạnh*
Chứng nghĩa: *Tỳ-kheo Thích Đồng Minh*
và *Tỳ-kheo Thích Tâm Hạnh*
Tác phẩm Kinh này có 22 trang (PDF).
(<https://hoavouu.com>, *Sách Phật học-*
PDF; <https://quangduc.com>, *Kinh-Hán*
tạng)

PHẬT THUYẾT KINH ĐẠI THỪA
ĐẠI PHƯƠNG QUẢNG PHẬT
QUANG
Numéro: 438

Hán dịch: *Tam tạng Pháp Hộ*
Việt dịch: *Ni sư Tâm Thường*
Tác phẩm Kinh này có 11 trang (PDF),
gồm 2 quyển: Quyển thượng và Quyển hạ.
(<https://hoavouu.com>, *Sách Phật học-PDF*; <https://quangduc.com>, *Kinh-Hán tạng*)

**PHẬT THUYẾT KINH ĐẠI THỪA
TRANG NGHIÊM BẢO VƯƠNG**
(4 quyển, T. 20, Ks. 1050)
Hán dịch: *Sa-môn Thiên Túc Tại*
Việt dịch: *Tại gia Bồ-tát giới Ưu-bà-tắc*
Nguyên Thuận
(<https://thuvienhoasen.org>, *Kinh Sanskrit/Hán tạng*)

**PHẬT THUYẾT KINH ĐỆ TỬ CHẾT
RỒI SỐNG LẠI**
Hán dịch: *Cư sĩ tự Cừ Kinh Thanh*
Việt dịch: *Thích nữ Thuận Hạnh*
Chứng nghĩa: *Tỳ-kheo Thích Đồng Minh*
và *Tỳ-kheo Thích Tâm Hạnh*
(<https://quangduc.com>, *Kinh-Hán tạng*)

**PHẬT THUYẾT KINH PHÁP TỐI
THƯỢNG VƯƠNG**
(1 quyển, T. 17, Ks. 824)
Hán dịch: *Tam tạng Xà-na-quật-đa*
Việt dịch: *Thích nữ Thuận Hạnh*
Chứng nghĩa: *Tỳ-kheo Thích Đồng Minh*
và *Tỳ-kheo Thích Tâm Hạnh*
(<https://quangduc.com>, *Kinh-Hán tạng*)

**PHẬT THUYẾT KINH PHÁP
THƯỜNG TRỤ**
(1 quyển, T. 17, Ks. 819)
Việt dịch: *Thích nữ Thuận Hạnh*
Chứng nghĩa: *Tỳ-kheo Thích Đồng Minh*
và *Tỳ-kheo Thích Tâm Hạnh*
(<https://quangduc.com>, *Kinh-Hán tạng*)

PHẬT THUYẾT

KINH QUYẾT ĐỊNH NGHĨA
Hán dịch: *Đại sư Pháp Hiền*
Việt dịch: *Tỳ-kheo Thích Hạnh Tuệ*
Hiệu đính: *HT. Thích Như Điển*
(Trích dịch từ Đại Chánh Tân Tu, Bộ Kinh tập, Kinh số 0762)
(<https://thuvienhoasen.org>, *Kinh Sanskrit/Hán tạng*)

PHẬT THUYẾT KINH NỮ KIÊN CỐ
(1 quyển, T. 14, Ks. 574)
Hán dịch: *Na-liên-đề-da-xá*
Việt dịch: *Thích Tâm Nhân*
(<https://phatphapungdung.com>; *Pháp bảo-Bộ Kinh tập*)

**PHẬT THUYẾT KINH NGƯỜI CÀY
RUỘNG LÀM BIẾNG**
Hán dịch: *Sa-môn Huệ Giản*
Việt dịch: *Thích Chánh Lạc*
Việt dịch: *Thích nữ Thuận Hạnh*
Chứng nghĩa: *Tỳ-kheo Thích Đồng Minh*
và *Tỳ-kheo Thích Tâm Hạnh*
(<https://quangduc.com>, *Kinh-Hán tạng*)

PHẬT THUYẾT KINH PHÓNG BÁT
(1 quyển, T. 15, Ks. 629)
Việt dịch: *Thích nữ Tịnh Nguyên*
(<https://phatphapungdung.com>; *Pháp bảo-Bộ Kinh tập*)

**PHẬT THUYẾT KINH SO SÁNH CÔNG
ĐỨC VỀ THẦN CHÚ DIỆT TRỪ TỘI
CHƯỚNG CỦA 12 DANH HIỆU CHƯ
PHẬT**
(1 quyển, T. 21, Ks. 1348)
Hán dịch: *Xà-na-quật-đa*
Việt dịch: *Nguyên Thuận*
(<https://phatphapungdung.com>; *Pháp bảo-Bộ Mật giáo*)

**PHẬT THUYẾT KINH THẬM THÂM
ĐẠI HỒI HƯỚNG**

Việt dịch: *Thích nữ Thuần Hạnh*
Chứng nghĩa: *Tỳ-kheo Thích Đồng Minh*
và *Tỳ-kheo Thích Tâm Hạnh*
(<https://quangduc.com>, *Kinh-Hán tạng*)

PHẬT THUYẾT QUÁN VÔ LƯỢNG
THỌ PHẬT KINH
Đại Chánh Tân Tu Đại tạng Kinh , Quyển
thứ 12, No. 365
Hán dịch: *Cuong-luong-da-xá*
Việt dịch: *Huyền Thanh*
Tác phẩm Kinh này có 28 trang (PDF).
(<https://hoavouu.com>, *Sách Phật học-
PDF*)

PHẬT THUYẾT THẮNG QUÂN
VƯƠNG SỞ VẤN KINH
Hán dịch: *Đại sư Thích Hộ*
Việt dịch: *Tỳ-kheo Thích Hạnh Tuệ*
Hiệu đính: *HT. Thích Như Điển*
(Trích dịch từ Đại Chánh Tân Tu, Bộ Kinh
tập, Kinh số 0516)
(<https://thuvienhoasen.org>, *Kinh
Sanskrit/Hán tạng*)

PHẬT THUYẾT THẬP VÃNG SANH A-
DI-ĐÀ PHẬT QUỐC KINH
(Vạn Tự Tục Tạng Kinh, quyển 87, Kinh
số 738)
Chuyên ngữ (2004): *Đệ tử Như Hòa*
(<https://thuvienhoasen.org>, *Tịnh Độ*)

PHẬT THUYẾT XUẤT GIA DUYÊN
KINH
Hán dịch: *Tam tạng An Thế Cao*
Việt dịch: *Hoàng Phước Đại*
(Trích dịch từ Càn Long Đại Tạng Kinh,
quyển 58)
Tác phẩm Kinh này có Kinh văn: Phật
thuyết Xuất gia duyên Kinh, dịch nghĩa và
phiên âm Hán-Việt.
(<https://thuvienhoasen.org>, *Kinh
Sanskrit/Hán tạng*)

PHƯỚC CÁI CHÁNH HẠNH SỞ TẬP
KINH
ĐCTTĐTK, Quyển thứ 32 thuộc Luận tập
Bộ toàn, Kinh văn số 1671.
Biên tập: *Bồ-tát Long Thọ*
Hán dịch: *Sa-môn Nhứt Xứng*
Việt dịch (2009):
Sa-môn Thích Như Điển
Toàn bộ tác phẩm Kinh có 142 trang
(PDF), gồm 12 quyển.
(<https://hoavouu.com>, *Sách Phật học-
PDF*)

QUÁN THỂ ÂM THẬP NHỨT DIỆN
THẦN CHÚ TÂM KINH
Hán dịch: *Tam tạng Pháp sư Huyền Trang*
(602-664)
Việt dịch: *Sa-môn Thích Viên Đức*
(<https://quangduc.com>, *Kinh-Hán tạng*)

QUÁN VÔ LƯỢNG THỌ PHẬT KINH
Sớ Sao Diễn Nghĩa
Chủ giảng:
Lão Pháp sư Thích Tịnh Không
Chuyển ngữ: *Như Hòa*
Giáo chính: *Minh Tiến, Đức Phong và
Huệ Trang*
Nxb Hồng Đức – 2017
Tác phẩm Kinh sớ sao diễn nghĩa này gồm
có 28 tập. (vnbet.vn)

TÂM KINH BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-
ĐÀ (1 quyển, T. 08, Ks. 253)
Hán dịch: *Bát-nhã và Lợi Ngôn*
Các bản Việt dịch: 1. *Nguyễn Thuận*;
2. *Quảng Minh*; 3. *Thích nữ Tịnh Nguyên*
(<https://phatphapungdung.com>; *Pháp
bảo-Bộ Bát-nhã*)

TÂM KINH Giảng Nghĩa
Giảng nghĩa: *Tâm Minh-Lê Đình Thám*
(1897-1969)

(theo Tác phẩm của Bác sĩ Tâm Minh Lê Đình Thám, tập 1, từ tr 218 – 252, Thích Trung Hậu-Thích Hải Ấn sưu tập và giới thiệu, Nxb Văn hóa Sài Gòn – 2007)

**TÂM KINH PHỔ BIẾN TRÍ TẠNG
BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA**

(1 quyển, T. 08, Ks. 252)

Đường Pháp Nguyệt Trong dịch

Các bản Việt dịch: 1. Nguyên Thuận;

2. Quảng Minh;

3. Thích nữ Tịnh Nguyên

(<https://phatphapungdung.com>; Pháp bảo-Bộ Bát-nhã)

**TÂM KINH THÁNH PHẬT MÃU
BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA**

(1 quyển, T. 08, No. 257)

Hán dịch: *Thi Hộ*

Các bản Việt dịch: 1. Huyền Thanh;

2. Quảng Minh; 3. Thích nữ Tịnh Nguyên

(<https://phatphapungdung.com>; Pháp bảo-Bộ Bát-nhã)

**Tiểu luận về PHƯƠNG PHÁP KIẾN
TÁNH**

Thích Minh Chánh

Tỉnh Hội Phật giáo Đồng Nai, PL. 2541 –
DL. 1998

TỊNH ĐỘ NGŨ KINH

Dịch giả: *Thích Hành Trụ (1904-1984)*

Giác Nguyên Phật Học Đường ấn hành

Kinh này gồm có 3 quyển: Quyển thượng,
Quyển trung và Quyển hạ.

TỊNH ĐỘ THẬP NGHI LUẬN –

TỊNH ĐỘ HOẶC VẤN

– THIÊN TỊNH QUYẾT NGHI

Việt dịch: *HT. Thích Thiên Tâm và HT.
Thích Trí Tịnh*

TÔI THƯỢNG Ý ĐÀ-LA-NI KINH

Hán dịch: *Đại sư Thi Hộ*

Việt dịch: *Sa-môn T. Viên Đức*

*(<https://thuvienhoasen.org>, Kim Cang
Thừa)*

TỔNG QUAN BỐN BỘ A-HÀM

Biên soạn: *Thích Nguyên Hùng*

Nxb Hồng Đức – 2012

Tác phẩm này được tái bản năm 2014,

Nxb Hồng Đức.

423 BÀI KỆ KINH PHÁP CÚ

với hình vẽ minh họa

Việt dịch:

HT. Thích Minh Châu (1918-2012)

Ảnh: *Họa sĩ Mr. P. Wickramanayaka*

(Dieuphapam.net)

**NHỮNG TÁC PHẨM KINH DIỄN
VĂN VẦN - THI HÓA**

KINH A-DI-ĐÀ

Phổ thơ:

Ni trưởng Huỳnh Liên (1923-1987)

(<https://nigioikhatsi.net>, Kinh)

KINH VU-LAN-BỒN

Phổ thơ:

Ni trưởng Huỳnh Liên (1923-1987)

Kinh này được Ni trưởng phổ thơ theo thể Lục bát.

(<https://nigioikhatsi.net>, Kinh)

THI HÓA KINH LĂNG NGHIÊM

Thi hóa: *Phạm Thiên Thư*

Nxb Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh – 2015

Sách có khổ 13 x 20cm, dày 239 trang.

Hán dịch: *Phật-đà-da-xá*

Việt dịch: *Đoàn Trung Còn và Nguyễn Minh Tiến*

(<https://phatphapungdung.com>; Pháp bảo-Bộ Luật)

KHUYÊN DẠY CÁC VỊ TỀ-KHEO MỚI PHẢI NGHIÊM TRÌ GIỚI LUẬT

(Giáo Giới Tân học Tỳ-kheo Hạnh hộ Luật nghi) (1 quyển, T. 45, S. 1897)

Giảng thuật: *Đạo Tuyên Luật sư*

Việt dịch: *Thích Nguyên Chơn*

(<https://phatphapungdung.com>; Pháp bảo-Bộ Luật)

LUẬT HỌC

Tác giả:

Tôn sư Hải Triều Âm (1920-2013)

Nxb Tôn Giáo, PL. 2554 – DL. 2010. Sách có khổ 14.5 x 20.5cm.

LUẬT TÔN-TRÌ LUẬT, TỀ-KHEO TRÌ LUẬT

Tác giả:

Thích Hành Trụ (Lê Phước Bình)

Viện Hóa Đạo ấn hành năm 1965 (bản Roneo, Mã số: VRONEO 0023, lưu tại Thư viện Huệ Quang – Tp. Hồ Chí Minh)

2. TÁC PHẨM LUẬT

Dẫn Giải TÁM ĐIỀU GIỚI và TRAI PHÁP của PHÁP TU BÁT QUAN TRAI

Soạn thuật: *Thích Hoàng Năng*

Nxb Phương Đông, PL. 2555 – DL. 2011.

Sách có khổ 14 x 20cm.

GIỚI TỀ-KHEO TRONG LUẬT TỨ PHẦN (Tứ Phần Luật Tỳ-kheo Giới Bôn; 1 quyển, T. 22, S. 1429)

LUẬT TỨ PHẦN TỀ-KHEO NI SAO,

Tập 2 (Quyển thượng và Quyển trung)

Dịch giả:

HT. Thích Đôn Hậu (1905-1992)

(Bản Roneo, Mã số: VRONEO 0138 và VRONEO 0139, lưu tại Thư viện Huệ Quang, Tp. Hồ Chí Minh)

Nghi Thức Tụng

BỒ-TÁT GIỚI &

TỀ-KHEO NI GIỚI BÔN

Biên soạn: *Ni trưởng Hải Triều Âm*

Chùa Dược Sư - Lâm Đồng,

Lưu hành nội bộ - 2009

NGHI THỨC TỤNG

GIỚI THỨC-XOÀ và SA-DI NI

Biên dịch: *Tỳ-kheo Thích Tiến Đạt*

Nxb Tôn Giáo, PL. 2558 – DL. 2014

**PHÁP THỨC CĂN BẢN CỦA
THUYẾT NHẤT THIẾT HỮU BỘ
TÌ-NẠI-DA VỀ VIỆC AN CƯ**

(1 quyển, T. 23, S. 1445)

Hán dịch:

Cao Tăng Nghĩa Tịnh (635-713)

Việt dịch: *Thích Tâm Hạnh*

(<https://phatphapungdung.com>; *Pháp bảo-Luật tạng*)

**PHÁP THỨC CĂN BẢN CỦA
THUYẾT NHẤT THIẾT HỮU BỘ TÌ-
NẠI-DA VỀ VIỆC TỰ TỬ**

(1 quyển, T. 23, S. 1446)

Hán dịch:

Cao Tăng Nghĩa Tịnh (635-713)

Việt dịch: *Thích Tâm Hạnh*

(<https://phatphapungdung.com>; *Pháp bảo-Luật tạng*)

**PHÁP THỨC CĂN BẢN CỦA
THUYẾT NHẤT THIẾT HỮU BỘ
TÌ-NẠI-DA VỀ VIỆC XUẤT GIA**

(4 quyển, T. 23, S. 1444)

Hán dịch: *Cao Tăng Nghĩa Tịnh*

Việt dịch: *Thích Tâm Hạnh*

(<https://phatphapungdung.com>; *Pháp bảo-Bộ Luật*)

**PHÁP THỨC CĂN BẢN CỦA
THUYẾT NHẤT THIẾT HỮU BỘ
TÌ-NẠI-DA VỀ YẾT-SỈ-NA-Y**

(1 quyển, T. 24, S. 1449)

Hán dịch: *Cao Tăng Nghĩa Tịnh*;

Việt dịch: *Thích Tâm Hạnh*

(<https://phatphapungdung.com>; *Pháp bảo-Bộ Luật*)

**PHƯƠNG THỨC THẨM XÉT GIỚI VÀ
SÁM HỐI**

Giới Đài Viện Chùa Huệ Nghiêm

Biên soạn: *Tỳ-kheo Thích Minh Thông*

Nxb Hồng Đức – 2018

SA-DI LUẬT NGHI Toát Yếu

Biên soạn:

Tỳ-kheo Ni Hải Triều Âm (1920-2013)

Nxb Tôn Giáo, PL. 2551 – DL. 2008 Sách có khổ 14.5 x 20.5cm.

TAM QUY và NGŨ GIỚI

Giải thích:

Tôn sư Hải Triều Âm (1920-2013)

Nxb Tôn Giáo, PL. 2556 – DL. 2012

Sách có khổ 14.5 x 20.5cm.

TẶNG ĐỒ NHÀ PHẬT VÀ GIỚI

LUẬT TỠ-KHEO – Quyển nhì

Việt dịch: *Đoàn Trung Còn*

Phật học Tông thư – 1934

TỠ-NẠI-DA (10 quyển, T. 24, Ks. 1464)

Hán dịch: *Trúc Phật Niệm*

Việt dịch: *Thích Tâm Tịnh*

(<https://phatphapungdung.com>; *Pháp bảo-Bộ Luật*)

TỠ-NI NHỰT DỤNG

Sa-môn Thích Đăng Quang – Trụ trì chùa Hải Tuệ (Sài Gòn), Trưởng Ban Tổ chức ấn tống.

**THẬP TỤNG LUẬT VÀ SỰ CẦU
TRÚC LẠI BỘ LUẬT NGUYÊN TÁC**

CỦA NHẤT THIẾT HỮU BỘ

Nguyên tác: “Shih-sung-lu and the Reconstruction of the Original Sarvāstivāda Vinaya”

B. Mukherjee

Biên tập: *Giáo sư Sanghasen Singh*

Chuyển ngữ: *Sư cô Hiếu Liên*

(<https://daophatkhat.si.vn>, *Phật học-Nghiên cứu Tam tạng*)

Thiền Môn Trường Hàng Luật TỖ-NI –

SA-DI – OAI NGHI – CẢNH SÁCH

Sao lục: *Tỳ-kheo Huệ Lưu*

(*Hoa Nghiêm Thiền viện*)

Soạn thành Việt ngữ: *Thích Giác Quang*

Chùa Thiên Phước (Cầu Kho - Sài Gòn),

PL. 2511 – DL. 1967

THUẬT NGỮ LUẬT TẠNG PÀLI

Biên dịch: *Giác Nguyên*

Nxb Tôn Giáo – 2006.

THỨC-XOA-MA-NA

Biên soạn:

Tỳ-kheo Ni Hải Triều Âm (1920-2013)

Nxb Tôn Giáo, PL. 2551 – DL. 2008 Sách có khổ 14.5 x 20.5cm.

3. TÁC PHẨM LUẬN

A-DI-ĐÀ Giảng Luận

Giảng luận: *Giới Nghiêm*

Nxb Phương Đông – 2008

Sách có khổ 13 x 19cm.

A-TỖ-ĐẠT-MA GIỚI THÂN TỨC LUẬN

Tác giả: *Tôn giả Thế Hữu*

Hán dịch: *Tam tạng Pháp sư*

Huyền Trang (602-664)

Việt dịch và chú: *Phước Nguyên*

(*Ấn bản Điện tử 17/11/2018*)

Nội dung tác phẩm này gồm có: - Phẩm Bản sự, - Phẩm Phân biệt.

(<https://thuvienhoasen.org>, *Luận*)

A-TỖ-ĐẠT-MA PHÁP UÂN TỨC

LUẬN – Bộ 2 Quyển

Nhiều tác giả

Nxb Hồng Đức – 2017. Sách khổ 14.5 x 20.5cm, dày 1.102 trang, bìa cứng.

A-TỖ-ĐẠT-MA TẬP DI MÔN TỨC

LUẬN – ABHIDHARMA

SANGITIPARYĀYA PĀDASĀSTRA

Hán dịch: *Tam tạng Pháp sư Huyền Trang*

(602-664)

Dịch và chú: *Phước Nguyên*

Ấn bản điện tử: 17/11/2018

Nxb Ananda Viet Foundation. Luận này có 20 quyển.

BA MƯƠI BÀI TỤNG DUY THỨC Dịch

Nghĩa

Dịch giả:

HT. Thích Khánh Anh (1895-1961)

(<https://thuvienhoasen.org>, *Luận-Duy thức học*)

CHỈ QUÁN MÔN LUẬN TỤNG

ĐCTTĐTK, Luận tập Bộ toàn, Quyển thứ 32

Tạo luận: *Bồ-tát Thế Thân*

Hán dịch:

Tam tạng Pháp sư Nghĩa Tịnh (635-713)

Việt dịch (2006):

Sa-môn Thích Như Điển

Phụ Hiệu đính (2016):

Tỳ-kheo Thích Hạnh Nhân

(<https://quangduc.com>, *Luận*)

DUY THỨC TAM THẬP TỤNG

Giảng Yếu

Dịch giảng: *Giáo sư Thích Hoàn Quan*
Chùa Khánh Vân – Hoa Đạo xuất bản
năm 1969.

Đại Cương Giáo Trình
LUẬN PHẬT THỪA TÔNG YẾU
Trường Cơ bản Phật học Tp. Hồ Chí Minh
Biên soạn: *Thích Thiện Nhơn*
Lưu hành nội bộ - 1991

ĐẠI THỪA NGŨ UẨN LUẬN
Đại Tạng Kinh, quyển 31.
Tạo luận: *Bồ-tát Thế Thân*
Hán dịch: *Tam tạng Pháp sư*
Huyền Trang (602-664)
Việt dịch: *Thích Như Điển*
PL. 2529 – DL. 1985. Tác phẩm Luận này
có 33 trang (PDF).
(<https://hoavouu.com>; *Sách Phật học-
PDF*)

HUYẾT MẠCH LUẬN
(Đạt-ma Đại sư Huyết Mạch luận)
Thuật luận: *Bồ-đề Đạt-ma*
Việt dịch: *Nguyễn Minh Tiến*
(<https://phatphapungdung.com>; *Pháp
bảo-Luận tạng*)

KIM CƯƠNG BÁT-NHÃ LUẬN
Nguyên tác: *Bồ-tát Vô Trước*
Hán dịch: *Đạt-ma-cấp-đa*
Việt dịch: *Nguyễn Huệ*
(Trích dịch từ Thích Kinh Luận bộ, Tập
25, số 1510a, 2 quyển)
(<https://thuvienhoasen.org>, *Kinh-Giảng
giải Kinh*)

KHỞI TÍN LUẬN
(Luận Đại Thừa Khởi Tín)
Dịch giả:
Tâm Minh-Lê Đình Thám (1897-1969)
(theo Tác phẩm của *Bác sĩ Tâm Minh Lê
Đình Thám, tập 1, từ tr 13 – 64, Thích*

*Trung Hậu-Thích Hải Ấn sưu tập và giới
thiệu, Nxb Văn hóa Sài Gòn – 2007*)

LUẬN BẢN NHÂN MINH CHÁNH LÝ
MÔN (1 quyển, T. 32, S. 1628)
Tạo luận: *Bồ-tát Đại Vực Long*
Hán dịch: *Tam tạng Pháp sư*
Huyền Trang (602-664)
Việt dịch: *Thích Như Điển*
(<https://phatphapungdung.com>; *Pháp
bảo-Luận tạng*)

LUẬN CHUYỀN THỨC
(1 quyển, T. 31, S. 1587)
Hán dịch: *Chơn Đế*
Việt dịch: *Nguyễn Hồng*
(<https://phatphapungdung.com>; *Pháp
bảo/Luận tạng*)

LUẬN CHƯ GIÁC QUYẾT ĐỊNH
DANH NGHĨA (1 quyển, T. 32, S. 1658)
Tạo luận: *Bồ-tát Từ Thị*
Hán dịch: *Thí Hộ*
Việt dịch: *Thích Như Điển*
(<https://phatphapungdung.com>; *Pháp
bảo-Bộ Luận tập*)

LUẬN DUY THỨC
Tạo luận: *Bồ-tát Thiên Thân*
Hán dịch: *Cù-đàm Bát-nhã-lưu-chi*
Việt dịch: *Nguyễn Hồng*
(<https://phatphapungdung.com>; *Pháp
bảo-Luận tạng*)

LUẬN DUY THỨC TAM THẬP TỤNG
Lược Giảng
Biên soạn: *Thích Thiện Nhơn*
Lưu hành nội bộ - 2000
(*Bản lưu tại Thư viện Học viện PGVN-Tp.
Hồ Chí Minh, Ký hiệu: KSTV019225*)

LUẬN ĐẠI THỪA BẢO YẾU NGHĨA

(10 quyển, T. 32, S. 1635)
Hán dịch: *Pháp Hộ*
Việt dịch: *Thích Như Điển*
Tác phẩm Luận này gồm có 10 quyển.
(<https://phatphapungdung.com>; *Pháp bảo-Bộ Luận tập*)

LUẬN ĐẠI THỪA DUY THỨC
(1 quyển, T.31, S. 1589)
Tạo luận: *Bồ-tát Thiên Thân*
Hán dịch: *Chơn Đế*
Việt dịch: *Nguyễn Hồng*
(<https://phatphapungdung.com>; *Pháp bảo/Luận tạng*)

LUẬN GIẢNG RỘNG Ý NGHĨA NĂM
UẨN THEO GIÁO PHÁP ĐẠI THỪA
(Đại thừa Quảng Ngũ uẩn luận)
(1 quyển, T.31, S. 1613)
Tạo luận: *An Huệ Bồ-tát*
Hán dịch: *Địa-bà-ha-la*
Các bản Việt dịch: 1. *Thích Nguyên Hùng*; 2. *Thích Như Điển*
(<https://phatphapungdung.com>; *Pháp bảo/Bộ Du-già*)

LUẬN HAI MƯƠI BÀI KỆ TỤNG DUY
THỨC (1 quyển, T.31, S. 1590)
Tạo luận: *Bồ-tát Thế Thân*
Hán dịch: *Tam tạng Pháp sư*
Huyền Trang (602-664)
Việt dịch: *Nguyễn Hồng*
(<https://phatphapungdung.com>; *Pháp bảo-Luận tạng*)

LUẬN KIM CANG CHÂM
(1 quyển, T.32, S. 1642)
Tạo luận: *Bồ-tát Pháp Xưng*
Hán dịch: *Pháp Thiên*
Việt dịch: *Thích Như Điển*
(<https://phatphapungdung.com>; *Pháp bảo-Bộ Luận tập*)

LUẬN KIM CANG ĐỈNH DU-GIÀ
TRUNG PHÁT TÂM A-NẬU-ĐA-LA
TAM-MIỆU TAM BỒ-ĐỀ
(1 quyển, T.32, S. 1665)
Hán dịch: *Bất Không*
Các bản Việt dịch: 1. *Thích Như Điển*;
2. *Huyền Thanh*; 3. *Nguyễn Hồng*
(<https://phatphapungdung.com>; *Pháp bảo-Bộ Luận tập*)

LUẬN KIM CƯƠNG BÁT-NHÃ
(2 quyển, T. 25, S. 1510a)
Tạo luận: *Bồ-tát Vô Trước*
Hán dịch: *Đạt-ma-cấp-đa*
Việt dịch: *Nguyễn Huệ*
(<https://phatphapungdung.com>; *Pháp bảo-Bộ Bát-nhã*)

LUẬN KIM CƯƠNG TIÊN
(10 quyển, T. 25, S. 1512)
Tạo luận: *Bồ-tát Thế Thân*
Hán dịch: *Bồ-đề-lưu-chi*
Việt dịch: *Nguyễn Huệ*
(<https://phatphapungdung.com>; *Pháp bảo-Bộ Bát-nhã*)

LUẬN KINH KIM CƯƠNG BÁT-NHÃ
BA-LA-MẬT PHÁ THỦ TRƯỚC BÁT
HOẠI GIẢ DANH
Luận giả: *Công Đức Thí Bồ-tát*
Hán dịch: *Địa-bà-ha-la*
Việt dịch: *Nguyễn Huệ*
(Trích dịch từ Tập 25, Thích Kinh Luận
bộ, số 1515, 2 quyển)
(<https://thuvienhoasen.org>, *Kinh-Giảng
giải Kinh*)

LUẬN NHÂN MINH CHÁNH LÝ
MÔN (1 quyển, T. 32, S. 1629)
Tạo luận: *Bồ-tát Đại Vực Long*
Hán dịch:
Cao Tăng Nghĩa Tịnh (635-713)

Việt dịch: *Thích Như Điển*
(<https://phatphapungdung.com>; *Pháp bảo-Luận tạng*)

LUẬN NHÂN MINH NHẬP CHÁNH LÝ (1 quyển, T. 32, S. 1630)
Tạo luận: *Bồ-tát Ma-yết-la chủ*
Hán dịch: *Tam tạng Pháp sư Huyền Trang (602-664)*
Việt dịch: *Thích Như Điển*
(<https://phatphapungdung.com>; *Pháp bảo-Luận tạng*)

LUẬN NHỊ THỪA DUY THỨC
Lược Giảng
Biên soạn: *Thích Thiện Nhơn*
Lưu hành nội bộ - 1996
(*Bản lưu tại Thư viện Học viện PGVN-Tp. Hồ Chí Minh, Ký hiệu: KSTV019209*)

LUẬN PHÁ BỐN TÔNG TIÊU THỪA CỦA NGOẠI ĐẠO DỰA THEO KINH LĂNG-GIÀ (1 quyển, T. 32, S. 1639)
Tạo luận: *Bồ-tát Đề-ba*
Hán dịch: *Bồ-đề-lưu-chi*
Việt dịch: *Thích Như Điển*
(<https://phatphapungdung.com>; *Pháp bảo-Bộ Luận tập*)

LUẬN PHẬT MÃU BÁT-NHÃ BA-LA VIÊN TẬP YẾU NGHĨA (1 quyển, T. 32, S. 1518)
Tạo luận: *Bồ-tát Đại Vực Long*
Hán dịch: *Thi Hộ*
Việt dịch: *Nguyễn Huệ*
(<https://phatphapungdung.com>; *Pháp bảo-Luận tạng*)

LUẬN TÂM BỒ-ĐỀ LÌA HÌNH TƯỚNG (Bồ-đề Tâm Ly Tướng Luận) (1 quyển, T. 32, S. 1661)
Tạo luận: *Bồ-tát Long Thọ*
Hán dịch: *Thi Hộ*

Các bản Việt dịch: 1. *Thích Tâm Châu*; 2. *Thích Như Điển*
(<https://phatphapungdung.com>, *Pháp bảo-Bộ Luận tập*)

LUẬN TẬP ĐẠI THỪA TƯỚNG (1 quyển, T. 32, S. 1637)
Tạo luận: *Bồ-tát Giác Kiết Tường Trí*
Hán dịch: *Thi Hộ*; Việt dịch: *Thích Như Điển* (<https://phatphapungdung.com>; *Pháp bảo-Luận tạng*)

LUẬN TỤNG KINH NĂNG ĐOẠN KIM CƯƠNG BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA (1 quyển, T. 25, S. 1514)
Luận giả: *Vô Trước Bồ-tát*
Hán dịch: *Cao Tăng Nghĩa Tịnh (635-713)*
Việt dịch: *Nguyễn Huệ*
(Trích dịch từ Tập 25, Thích Kinh Luận bộ, số 1514, 1 quyển)
(<https://thuvienhoasen.org>, *Kinh-Giảng giải Kinh*)

LUẬN THÁNH PHẬT MÃU BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA CỬU TỤNG TINH NGHĨA (2 quyển, T.25, S. 1516)
Tạo luận: *Bồ-tát Thắng Đức Xích Y*
Hán dịch: *Pháp Hộ*
Việt dịch: *Nguyễn Huệ*
(<https://phatphapungdung.com>; *Pháp bảo-Bộ Bát-nhã*)

LUẬN THÍCH DU-GIÀ SƯ-ĐỊA
Tạo luận: *Tối Thắng Tử*
Hán dịch: *Tam tạng Pháp sư Huyền Trang (602-664)*
Việt dịch: *Thích Tâm Châu*
(<https://phatphapungdung.com>; *Pháp bảo-Bộ Du-già*)

LUẬN THÍCH PHẬT MÃU BÁT-NHÃ
BA-LA-MẬT-ĐA VIÊN TẬP

YẾU NGHĨA (4 quyển, T.25, S. 1517)
*Tam Bảo Tôn Bồ-tát tạo; Đại Vực Long
Bồ-tát tạo Bản luận*

Hán dịch: *Thi Hộ*

Việt dịch: *Nguyễn Huệ*

(<https://phatphapungdung.com>; *Pháp
bảo-Bộ Bát-nhã*)

LUẬN THỦ TRƯỞNG

Tạo luận: *Thích-ca Xung*

Hán dịch: *Cao Tăng Nghĩa Tịnh (635-713)*

Việt dịch: *Thích Như Điển*

(<https://phatphapungdung.com>; *Pháp bảo-
Luận tạng*)

LUẬN VỀ ĐẠI THỪA DUYÊN SANH

Tạo luận: *Uất-lãng-ca*

Hán dịch: *Bát Không*

Việt dịch: *Thích Như Điển*

(<https://phatphapungdung.com>; *Pháp
bảo-Luận tạng*)

LUẬN VỀ MƯỜI HAI NHÂN DUYÊN
(1 quyển, T. 32, S. 1651)

Tạo luận: *Bồ-tát Tịnh Ý*; Hán dịch: *Bồ-đề-
lưu-chi*

Việt dịch: *Thích Như Điển*

(<https://phatphapungdung.com>; *Pháp bảo-
Bộ Luận tập*)

LUẬN VÔ TÂM (1 quyển, T.85, S. 2831)

Việt dịch: *Thích Đắc Pháp (1938-2012)*

(<https://phatphapungdung.com>; *Pháp bảo-
Bộ Đôn Hoàng*)

Lược Giải NHÂN MINH NHẬP CHÁNH
LÝ LUẬN

Tạo luận: *Thương Yết-la chủ*

Hán dịch: *Tam tạng Pháp sư Huyền Trang
(602-664)*

Việt dịch và lược giải: *Tâm Minh-Lê Đình
Thám*

(*theo Tác phẩm của Bác sĩ Tâm Minh Lê
Đình Thám, tập 1, từ tr 65 - 169, Thích
Trung Hậu-Thích Hải Ấn sưu tập và giới
thiệu, Nxb Văn hóa Sài Gòn - 2007*)

LƯỢC LUẬN VỀ NGHĨA AN LẠC
TỊNH ĐỘ (1 quyển, T. 47, S. 1957)

Hán dịch: *Đàm Loan*

Các bản Việt dịch: 1. *Thích Bửu Hà*;

2. *Thích Nhất Chân*; 3. *Thích Hồng Nhon*

(<https://phatphapungdung.com>; *Pháp
bảo-Bộ Kinh sớ-Tịnh Độ tông*)

NIỆM PHẬT TAM-MUỘI BẢO
VƯƠNG LUẬN

(3 quyển, T. 47, S. 1967)

Biên soạn: *Phi Tích*

Việt dịch: *Thích Hồng Nhon*

Tác phẩm Luận này gồm có 3 quyển, 20
mục. (<https://phatphapungdung.com>;
Pháp bảo-Luận tạng)

NGỘ TÁNH LUẬN

(1 quyển, X. 63, S. 1219)

Thuật luận: *Bồ-đề Đạt-ma*

Việt dịch: *Nguyễn Minh Tiến*

(<https://phatphapungdung.com>; *Pháp
bảo-Luận tạng*)

NGHIÊN CỨU VỀ DUY THỨC HỌC

Thích Thiện Toàn

Nxb Hồng Đức - 2018

Sách dày 310 trang.

NHƠN MINH LUẬN LÝ HỌC

Dịch-giải: *Thích Thiện Hoa*

Lưu hành nội bộ - 1957 (*bản Roneo, Mã
số: VRONEO 0024, lưu tại Thư viện Huệ
Quang, P. Phú Trung, Q. Tân Phú, Tp. Hồ
Chí Minh*)

PHÁT BỒ-ĐỀ TÂM LUẬN

Tạo luận: *Bồ-tát Thiên Thân*

Hán dịch: *Tam tạng Pháp sư*

Ciuru-ma-la-thập (Kumarajiva, 344-413)

Việt dịch: *Quảng Minh*

Toàn bộ tác phẩm Luận này có 47 trang (PDF), gồm 2 quyển (thượng và hạ), 12 phẩm. (<https://hoavouu.com>, *Sách Phật học-PDF*)

TẬP CHƯ PHÁP BẢO TỐI THƯỢNG NGHĨA LUẬN

ĐCTTĐTK, Q. 32 thuộc Luận tập Bộ toàn, Ks. 1638

Tạo luận: *Bồ-tát Thiện Tịch*

Hán dịch: *Tam tạng Pháp sư Thí Hộ*

Việt dịch (2004):

Sa-môn Thích Như Điển...

Tác phẩm Luận này có 11 trang (PDF), gồm 2 quyển: Quyển thượng và Quyển hạ. (<https://hoavouu.com>, *Sách Phật học-PDF*)

TẬP ĐẠI THỪA TƯỚNG LUẬN

ĐCTTĐTK, Q. 32 thuộc Luận tập Bộ toàn, Ks. 1637

Tác giả: *Bồ-tát Giác Cát Tường Trí*

Hán dịch (2003): *Thí Hộ*

Việt dịch: *Sa-môn Thích Như Điển*

Phụ Hiệu đính (2016):

Tỳ-kheo Thích Hạnh Nhân

Lưu hành nội bộ 2016. Luận này có 2 quyển (Thượng – Hạ).

(<https://quangduc.com>, *Luận-Luận tạng Bắc truyền*; <https://hoavouu.com>)

Tìm Hiểu Nguồn Gốc

TÁNH KHÔNG HỌC

Tác giả: *Đại sư Ấn Thuận*

Việt dịch: *Thích Tâm Trí*

Nxb Hồng Đức – 2013

TÙY TƯỚNG LUẬN

(1 quyển, T. 32, S. 1641)

Tạo luận: *Pháp sư Đức Tuệ*

Hán dịch: *Tam tạng Chân Đế*

Việt dịch (2004):

Sa-môn Thích Như Điển

Phụ Hiệu đính (2016):

Tỳ-kheo Thích Hạnh Nhân

(<https://quangduc.com>. *Luận*)

TUYỆT QUÁN LUẬN

Nguyên tác: *Bồ-đề Đạt-ma*

Chánh văn & Bình giải:

Thiền sư Soko Morinaga

Chánh văn Việt ngữ:

Thích Thông Phương

Lời bình và dịch:

Thuần Bạch và Ngọc Bảo

Nxb Hồng Đức – 2015. Sách có khổ 13.7 x 21cm.

THANH TỊNH ĐẠO LUẬN Toát Yếu

Việt dịch: *Thích nữ Trí Hải (1938-2003)*

Nxb Tp. Hồ Chí Minh – 2001

THÀNH DUY THỨC Thuật Kỳ

Viện Cao Đẳng Phật Học Huệ Nghiêm

Tác giả: *Sa-môn Khuy Cơ*

Giảng giải: *HT. Thích Trí Tịnh*

Sách dày 209 trang, khổ A.4 (Roneo)

TRUNG QUÁN TÂM NGỘ LUẬN

Tác giả: *Bồ-tát Long Thọ - Nagarjuna;*

Việt dịch: *Cư sĩ Huyền Tạng*

THPG Tp. Hồ Chí Minh,

PL. 2539 – DL. 1996

Sách có khổ 14 x 20cm.

YAMAKA KHANDHAYAMAKA

CĂN – SONG

Tác giả: *Santakicco Bhikkhu (Tỳ-kheo*

Tịnh Sư, 1913-1984)

Soạn dịch: *Ns. Tịnh Sư & Thích Huệ Lực*

Bản In Vi tính, có 213 trang, năm 1999.

(www.thuvienphatgiao.com)

YAMAKA KHANDHAYAMAKA
UÂN – SONG

Tác giả: *Santakicco Bhikkhu (Tỳ-kheo
Tịnh Sư, 1913-1984)*

Soạn dịch: *Ns. Tịnh Sư & Thích Huệ Lực*

Bản In Vi tính, có 254 trang, năm 1973.

(www.thuvienphatgiao.com)

II. NGŨ LỤC

ẤN QUANG ĐẠI SƯ Gia Ngôn Lục

Tác giả: *Đại sư Ấn Quang*

Việt dịch: *Như Hòa*

Nxb Hồng Đức – 2016. Sách có khổ 14 x 20cm, dày hơn 489 trang, bìa mềm, có tay gấp, nền đỏ vân gỗ, chữ tựa có các màu: đỏ, vàng, cam và trắng; bìa sau . Nội dung gồm 6 phần: Lời tựa, Duyên khởi; Phần I. 1. Tịnh độ thù thắng, 2. Khuyên Tín Hạnh nguyện nên chân thành tha thiết; Phần II. 3. Chỉ dạy phương pháp tu trì; Phần III. 4. Luận về việc lớn sanh tử; Phần IV. 5. Khuyên chú trọng nhân quả; Phần V. 6. Phân định giới hạn giữa Thiền và Tịnh, 7. Giải quyết những điều nghi hoặc thường gặp; Phần VI. 8. Khuyên nhủ các thiện tín tại gia, Phần tặng bổ, Máy lời tâm huyết.

BÁ TRƯỢNG NGŨ LỤC

Tác giả: *Thiền sư Hoài Hải –*

Bá Trượng (720-814)

Việt dịch và lược giải:

Tỳ-kheo Thích Duy Lực (1923-2000)

Từ Ân Thiền Đường (Hoa Kỳ) xuất bản –

1992 (<https://thuvienhoasen.org>,

Thiền/Ngũ lục)

BÁ TRƯỢNG NGŨ LỤC

Việt dịch: *Thích Thông Huệ*

Thiền viện Thường Chiếu,

PL. 2534 – DL. 1990

Tác phẩm Ngũ lục này có 93 trang, nội dung gồm: Giải đề Ngũ lục và Quảng lục Bá Trượng Đại Trí Thiền sư; Bá Trượng ngũ lục; Bá Trượng quảng lục.

(www.thuvienphatgiao.com)

BẠCH ẨM NGŨ LỤC

Biên dịch: *Hạnh Huệ và Thuần Bạch*

Nxb Hồng Đức

Tác phẩm Ngũ lục này có hơn 229 trang, bìa mềm, phân làm 2 tập, nội dung gồm: *Tập I.* (Huệ Hạnh và Thuần Bạch dịch), Tọa thiền hòa tán (Amakuki Sessan), có 12 chương; *Tập II.* (Thuần Bạch dịch), Dẫn nhập, 1. Liếm nuốt đàm dãi Hồ Ly của Hư Đường, 2. Độc dược để lại của bậc tiên đức, 3. Công khó đền ơn chư Phật tổ, 4. Chánh pháp không thể truyền.

BÀNG UẨN NGŨ LỤC

Dịch giả: *Dương Đình Hỷ*

Tác phẩm Lục này có 200 trang (PDF), nội dung gồm: Các Đối thoại với: Thạch Đầu, Mã Tổ, Dược Sơn, Tế Phong, Đơn Hà, Bách Linh, Tùng Sơn, Bản Khê, Đại Mai, Đại Dục, Tắc Xuyên, Thạch Lâm, Đạo Giả, Đại Đồng Phổ Tế; Bàn cư sĩ đọc Kinh, Gặp một ông Tăng hóa duyên, Gặp mục đồng, Cư sĩ và giảng sư, Bà Bàn ở chùa, Bàn cư sĩ và con gái, Cư sĩ mất; Lịch đại tản văn, Những bài kệ của Bàn Uẩn (gồm có 172 bài). (<https://thuvienhoasen.org>, *Thiền/ Ngũ lục*)

BÍCH NHAM LỤC

Trước tác: *Thiền sư Viên Ngộ*

Viết dịch: *Thích Thanh Từ*

THPG Tp. Hồ Chí Minh ấn hành,

PL. 2539 – DL. 1995

Tác phẩm Lục này có khổ 14 x 20cm, dày 1.004 trang, bìa mềm, có tay gấp, chữ tựa màu đỏ, có hình vẽ cảnh thiên nhiên núi cao. Nội dung có: Bích Nham Lục giải đề, các Tựa: I, II, III, IV; và 100 Tắc (T) công án (trong mỗi Tắc gồm có các phần: Lời dẫn, Công án, Giải thích, Tụng và Giải tụng). Một trăm Tắc như sau: T.1 Thánh đế đệ nhất nghĩa, T.2 Triệu Châu chỉ đạo

vô nan, T.3 Mã Tổ mặt trời Phật-mặt trăng Phật, T.4 Đức Sơn mặc áo vấn đáp, T.5 Tuyết Phong lúa gạo, T.6 Vân Môn mỗi ngày đều là ngày tốt, T.7 Huệ Siêu hỏi Phật, T.8 Thúy Nham lông mày, T.9 Triệu Châu bốn cửa, T.10 Mục Châu kẻ cướp rỗng, T.11 Hoàng Bá bợn ăn hèm, T.12 Động Sơn ba cân gai, T.13 Ba Lăng một chén bặt đựng tuyết, T.14 Vân Môn giáo lý một đời, T.15 Vân Môn đảo một nói, T.16 Cảnh Thanh thốt trác cơ, T.17 Hương Lâm ngồi lâu sinh nhọc, T.18 Trung Quốc sư tháp Vô Phùng, T.19 Câu Chi đưa một ngón tay, T.20 Thúy Vi thiền bản, T.21 Trí Môn hoa sen lá cọng, T.22 Tuyết Phong con rắn to, T.23 Bảo Phước-Trường Khánh dạo núi, T.24 Lưu-thiết-ma trâu cái già, T.25 Liên Hoa Phong cầm cây gậy, T.26 Bá Trượng ngồi riêng ngọn Đại Hùng, T.27 Vân Môn thân bày gió thu, T.28 Nam Tuyền pháp chẳng nói, T.29 Đại Tỳ theo kìa đi, T.30 Triệu Châu củ cải to, T.31 Ma Cốc cầm gậy nhiều giường, T.32 Thượng tọa Định đứng sững, T.33 Trần Tháo đủ một con mắt, T.34 Ngưỡng Sơn chẳng từng dạo núi, T.35 Văn-thù trước sau ba ba, T.36 Trường Sa cỏ thơm hoa rụng, T.37 Bàn Sơn tam giới không pháp, T.38 Phong Huyết Tổ sư tâm ấn, T.39 Vân Môn hoa thực lan, T.40 Lục Hoàn trời đất đồng gốc, T.41 Triệu Châu người đại tử, T.42 Bàn cư sĩ tuyết đẹp mảnh mảnh, T.43 Động Sơn không lạnh nóng, T.44 Hòa Sơn biết đánh trống, T.45 Triệu Châu bảy cân vải bố, T.46 Cảnh Thanh tiếng mưa rơi, T.47 Vân Môn sáu chẳng thấu, T.48 Chiêu Khánh lật ngược âm trà, T.49 Tam Thánh cá vàng phụng lưới, T.50 Vân Môn trần trần tam-muội, T.51 Tuyết Phong là cái gì, T.52 Triệu Châu độ lừa độ ngựa, T.53 Bá Trượng con ngỗng, T.54 Vân Môn lại xòe ngựa tay, T.55 Đạo Ngô đến nhà cúng

điều, T.56 Khâm Sơn một mũi phá công, T.57 Triệu Châu kẻ tới nhà ruộng, T.58 Triệu Châu bôi rôi, T.59 Triệu Châu sao chẳng dẫn hết, T.60 Vân Môn cây gậy hóa rồng, T.61 Phong Huyệt nhà nước hưng thịnh, T.62 Vân Môn trong có một hòn ngọc, T.63 Nam Tuyền chặt con mèo, T.64 Triệu Châu đầu đội giày cỏ, T.65 Ngoại đạo ngựa hay bóng roi, T.66 Nham Đầu thâu kiếm Hoàng Sào, T.67 Phó Đại Sĩ giảng Kinh xong, T.68 Ngưỡng Sơn ông tên gì? T.69 Nam Tuyền vẽ vòng tròn, T.70 Qui Sơn thỉnh Hòa thượng nói, T.71 Ngũ Phong Hòa thượng đẹp hết, T.72 Vân Nham Hòa thượng có, T.73 Mã Tổ “tứ cú bách phi”, T.74 Kim Ngưu thùng com, T.75 Ô Cự gây cong gây cong, T.76 Đơn Hà ăn cơm rồi chưa? T.77 Vân Môn bánh hồ, T.78 Khai Sĩ vào tắm, T.79 Đầu Tử tất cả tiếng Phật, T.80 Triệu Châu hài tử mới sanh, T.81 Dược Sơn hươu trong hươu, T.82 Đại Long pháp thân kiên cố, T.83 Vân Môn cỏ Phật cột cái, T.84 Kinh Duy-ma “pháp môn bất nhị”, T.85 Am chủ Đồng Phong làm tiếng cọp, T.86 Vân Môn kho trù ba cửa, T.87 Vân Môn thuốc bệnh trị nhau, T.88 Huyền Sa người ba thứ bệnh, T.89 Vân Nham đại bi ngàn mắt, T.90 Trí Môn Bát-nhã thể, T.91 Diêm Quan cây quạt tê ngưu, T.92 Thế Tôn đấng tòa, T.93 Đại Quang đây là dã hồ tinh, T.94 Lăng Nghiêm chẳng thấy, T.95 Trường Khánh A-la-hán ba độc, T.96 Triệu Châu ba chuyển ngữ, T.97 Kinh Kim Cang tội nghiệp tiêu diệt, T.98 Thiên Bình hành cước, T.99 Trung Quốc sư mười thân Điều ngự, T.100 Ba Lăng kiếm thổi lông; Phần Phụ lục: Lời người ghi, *Bích Nham Lục giảng giải*, Giải đề, Tựa I, II, III và IV; giải 20 Tắc đầu (từ Tắc 1, “Thánh đế đệ nhất nghĩa” đến Tắc 20, “Thúy Vi ba cân gai”, (trong mỗi Tắc gồm

có 3 phần: 1. Lời dẫn, 2. Công án, 3. Giải thích).

Tác phẩm Lục này được tái bản nhiều lần: Tu viện Chân Không ấn hành năm 1980; năm 1995, THPG Tp. Hồ Chí Minh ấn hành; năm 2004, Nxb Văn hóa Văn nghệ; năm 2001-2010, Nxb Tôn Giáo; năm 2014, Nxb Văn hóa Văn nghệ (gồm 2 tập).

BÍCH NHAM LỤC

Việt dịch:

Thiền sư Thích Mãn Giác (1929-2006)

Nxb Phương Đông – 2007

Sách có khổ 16 x 24cm, dày 706 trang, bìa cứng, chữ tựa mạ vàng. Tác phẩm gồm có: Vài nét về Dịch giả, Lời giới thiệu; nội dung gồm 100 Tắc (công án), chia làm 10 phần, mỗi phần có 10 Tắc; Phụ lục Hán văn.

Tác phẩm Lục này được Chùa Việt Nam Trung tâm Văn hóa Phật giáo Việt Nam tại Hoa Kỳ ấn hành – 1988.

BÍCH NHAM LỤC

ĐCTTĐTK, tập 48, No. 2003

Biên soạn: *Thiền sư Viên Ngộ -*

Khắc Cần (1063-1135)

Bản Đức ngữ: *Giáo sư Wilhelm Gundert*

Dịch từ Đức ngữ sang Việt ngữ: *Chân Nguyên*

Tác phẩm Lục này có 153 trang (PDF), nội dung gồm: Thay lời tựa, Dẫn nhập của Giáo sư Wilhelm Gundert, Dạng xuất hiện đầu tiên của Bích Nham Lục, Tuyết Đậu-Trọng Hiền, người sưu tập các bản công án và tác giả của những bài kệ tụng, Tuyết Đậu Bách tắc tụng cổ, Viên Ngộ-Khắc Cần, người thuyết trình các công án và tụng cổ của Tuyết Đậu, Bích Nham Lục, Nhật Bản với tư cách gìn giữ và truyền bá Phật pháp, Phần đóng góp của các nhà nghiên cứu Đức, Về vấn đề dịch thuật từ Hán ngữ, Các bản chú giải Hoa-Nhật,

Những bổ sung thêm trong bản dịch Đức ngữ, Thứ tự trong những chương, Tên gọi, danh hiệu;

Tắc 1. Ý nghĩa đệ nhất của Thánh đế, có: Thùy thị, Bản tắc, Trước ngữ, Bình xướng về bản tắc, Kệ tụng, Trước ngữ về kệ tụng, Bình xướng về kệ tụng, Bình giảng (Về lời Thùy thị, Về những nhân vật trong công án, Về bản công án, Về trước ngữ của bản công án, Về lời bình xướng của Viên Ngộ, Về bài tụng của Tuyết Đậu và lời bình của Viên Ngộ);

Tắc 2. Lời bình của Triệu Châu về câu “Chí đạo không khó”, có: có: Thùy thị, Bản tắc, Trước ngữ, Bình xướng về bản tắc, Kệ tụng, Trước ngữ về kệ tụng, Bình xướng về kệ tụng, Bình giảng (Về lời Thùy thị, Triệu Châu môn đệ của Nam Tuyên, Về bản công án, Về kệ tụng, Về câu của Viên Ngộ “Lô hành giả là bạn đồng hành của ông ta”;

Tắc 3. Mã Tổ nhật diện Phật, nguyệt diện Phật, có: Thùy thị, Bản tắc, Trước ngữ, Bình xướng về bản tắc, Kệ tụng, Trước ngữ về kệ tụng, Bình xướng về kệ tụng, Bình giảng (Về lời Thùy thị, Mã Tổ và sư phụ Nam Nhạc, Về bản công án, Về kệ tụng);

Tắc 4. Đức Sơn cặp áo dọ hỏi, có: Thùy thị, Bản tắc, Trước ngữ, Bình xướng về bản tắc, Kệ tụng, Trước ngữ về kệ tụng, Bình xướng về kệ tụng, Bình giảng (Về lời Thùy thị, Qui Sơn môn đệ của Bách Trượng, Về bản công án, Về kệ tụng);

Tắc 5. Cọng lúa của Tuyết Phong, có: Thùy thị, Bản tắc, Trước ngữ, Bình xướng về bản tắc, Kệ tụng, Trước ngữ về kệ tụng, Bình xướng về kệ tụng, Bình giảng (Về lời Thùy thị, Tuyết Phong môn đệ của Đức Sơn và thầy của Vân Môn, Về bản công án, Về kệ tụng);

Tắc 6. Mười lăm ngày của Vân Môn, có: Bản tắc, Trước ngữ, Bình xướng về bản

tắc, Kệ tụng, Trước ngữ về kệ tụng, Bình xướng về kệ tụng, Bình giảng (Vân Môn đại đệ tử của Tuyết Phong, Về bản công án, Về kệ tụng);

Tắc 7. Pháp Nhãn đáp Huệ Siêu câu hỏi Phật, có: Thùy thị, Bản tắc, Trước ngữ, Bình xướng về bản tắc, Kệ tụng, Trước ngữ về kệ tụng, Bình xướng về kệ tụng, Bình giảng (Về năm đoạn của lời Thùy thị, Pháp Nhãn Văn Ích, Khai Tổ tông Pháp Nhãn, Về bản công án, Về kệ tụng);

Tắc 8. Long mày của Thúy Nham, có: Thùy thị, Bản tắc, Trước ngữ, Bình xướng về bản tắc, Kệ tụng, Trước ngữ về kệ tụng, Bình xướng về kệ tụng, Bình giảng (Lời dẫn, Về lời Thùy thị, Các nhân vật của cuộc đàm thoại: bốn đệ tử của Tuyết Phong, Về bản công án, Về kệ tụng);

Tắc 9. Bốn cửa thành của Triệu Châu, có: Thùy thị, Bản tắc, Trước ngữ, Bình xướng về bản tắc, Kệ tụng, Trước ngữ về kệ tụng, Bình xướng về kệ tụng, Bình giảng (Về lời Thùy thị, Về bản công án);

Tắc 10. Kẻ cướp rỗng của Mục Châu, có: Thùy thị, Bản tắc, Trước ngữ, Bình xướng về bản tắc, Kệ tụng, Trước ngữ về kệ tụng, Bình xướng về kệ tụng, Bình giảng (Về lời Thùy thị, Mục Châu-đệ tử của Hoàng Bá, Về bản công án, Về kệ tụng);

Tắc 11. Bọn ăn hèm của Hoàng Bá, có: Thùy thị, Bản tắc, Trước ngữ, Bình xướng về bản tắc, Kệ tụng, Trước ngữ về kệ tụng, Bình xướng về kệ tụng, Bình giảng (Hoàng Bá, đệ tử của Bách Trượng và thầy Lâm Tế, Về bản công án và trước ngữ của Viên Ngộ, Những chi tiết trong lời bình xướng của Viên Ngộ về bản tắc);

Tắc 12. Ba cân gai của Động Sơn, có: Thùy thị, Bản tắc, Trước ngữ, Bình xướng về bản tắc, Kệ tụng, Trước ngữ về kệ tụng, Bình xướng về kệ tụng, Bình giảng (Động Sơn Thủ Sơ, đệ tử của Vân Môn, Về lời Thùy thị, Về bản công án);

Niên biểu lịch sử Thiên tông Trung Hoa (giản lược), Bối cảnh lịch sử Thiên tông, Đồ biểu truyền thừa của các vị Thiên sư xuất hiện trong Bích Nham Lục: I. 28 vị Tổ Ấn Độ, II. Sáu vị Tổ và các nhánh Thiên tại Trung Hoa, Nam Thiên sơ đại, III A. Lược hệ từ Thanh Nguyên đến Tuyết Đậu, III B. Lược hệ từ Nam Nhạc đến Viên Ngộ.

(<https://thuvienhoasen.org>, *Thiên/ Ngữ lục*)

CẢNH ĐỨC TRUYỀN ĐĂNG LỤC

(Trọn bộ 3 cuốn)

(7 vị Phật – 27 Tổ Tây Thiên – 6 Tổ Đông Độ - 1.661 Thiên sư)

Biên soạn: *Đạo Nguyên Tổ sư*

Viết dịch: *Lý Việt Dũng*

Nxb Hồng Đức – 2015. Tác phẩm *Cảnh Đức Truyền Đăng Lục* này gồm 30 quyển (vốn có tựa là Phật Tổ Đồng Tham tập) được xếp vào Đại Chính Tân Tu Đại Tạng Kinh, tập 51, số 2076.

Nội dung toàn Lục như sau: Q.1-Q.2, Bày đời đức Phật quá khứ và Tổ Ma-ha Ca-diếp truyền xuống đến Tổ thứ 27 là Bát-nhã-đa-la; Q.3, Năm vị Tổ Trung Quốc: Bồ-đề-đạt-ma, Huệ Khả, Tăng Xán, Đạo Tín, Hoằng Nhẫn; Q.4, Pháp hệ chi nhánh của Tứ Tổ Đạo Tín và Ngũ Tổ Hoằng Nhẫn như: Ngưu Đầu Thiên, Bắc Tông Thiên, Tịnh Chúng Tông, v.v... và truyện ký của các vị: Ngưu Đầu Pháp Dung, Thần Tú; Q.5, Lục Tổ Huệ Năng và pháp hệ của sư; Q.6, Mã Tổ Đạo Nhất và Bách Trượng Hoài Hải; Q.7, Nga Hồ Đại Nghĩa và Ma Cốc Bảo Triệt; Q.8, Gồm 54 vị như: Nam Tuyên Phổ Nguyên; Q.9, Gồm 30 vị nổi pháp Thiên sư Bách Trượng Hoài Hải; Q.10, Gồm các vị nổi pháp Thiên sư Nam Tuyên như: Triệu Châu Tông Thâm; Q.11, Các đệ tử nổi pháp của Thiên sư Qui Sơn Linh Hựu Tổ của Quy

Ngưỡng tông; Q.12, Lâm Tế Nghĩa Huyền, vị Tổ của Lâm Tế tông; Q.13, Pháp hệ của Hà Trạch tông, Truyện ký về 2 vị Trùng Quán và Tông Mật thuộc Hoa Nghiêm tông; Q.14, Thạch Đầu Hy Thiên và pháp hệ; Q.15, Động Sơn Lương Giới; Q.16, Các đệ tử nổi pháp của Thiên sư Đức Sơn Tuyên Giám; Q.17, Pháp hệ của Tào Động tông; Q.18-19, Pháp hệ của Thiên sư Tuyết Phong Nghĩa Tôn; Q.20, Pháp hệ của Thiên sư Tào Sơn Bản Tịch; Q.21, Pháp hệ của Thiên sư Huyền Sa Sư Bị; Q.22 – 23, Pháp hệ của Vân Môn tông; Q.24-25-26, Pháp hệ của Pháp Nhãn tông; Q.27, Các Thiên sư nổi tiếng không thuộc bất cứ tông phái nào; Q.28, Các ngữ lục đặc biệt của 11 Thiên sư như: Nam Dương Huệ Trung, Hà Trạch Thần Hội, v.v...; Q.29, Tựa đề là tán tụng kệ thi gồm tất cả kệ tụng của 17 vị như: Bạch Cư Dị; Q.30, Tựa đề là Minh ký châm ca gồm tất cả 13 loại: Tọa thiền châm, Chứng đạo ca...

Tác phẩm Lục này đã được xuất bản từ năm 2013, Nxb Hồng Đức.

CỘI NGUỒN TRUYỀN THỪA – THIÊN THẤT KHAI THỊ LỤC

Tác giả: *Nguyệt Khuê – Lai Quả Thiên sư*
Viết dịch:

HT. Thích Duy Lực (1923-2000)

Nxb Tôn Giáo, PL. 2558 – DL. 2014

Sách có khổ 14.5 x 20.5cm, dày hơn 175 trang, bìa mềm. Nội dung gồm 3 chương: Lời dịch giả, Lời luận tổng quát, *Cội nguồn truyền thừa*, C.I Cội nguồn truyền thừa, C.II Yếu chỉ Thiên tông, C.III Thịnh ích (hỏi đạo); Phụ lục: 1. Nguyệt Khuê Pháp sư Cao ngọa xứ bi văn, 2. Tiểu truyện của Nguyệt Khuê Pháp sư; *Thiên thất Khai thị lục*, Tiểu sử Thiên sư Lai Quả.

DUY LỰC NGŨ LỤC –

Trọn bộ 2 Quyển

Tác giả: *HT. Thích Duy Lực (1923-2000)*

Nxb Tôn Giáo, PL. 2556 – DL. 2012

Ngũ lục có khổ 14.5 x 20.5cm, tổng cộng 2 quyển dày 1.234 trang, bìa mềm, nền trắng, chữ tựa màu đỏ, có hình vẽ mỹ thuật Tổ Bồ-đề Đạt-ma (nhỏ) đứng trên cành lau, có hộp đựng cả bộ. *Quyển thượng*, dày 622 trang, nội dung: - Lời nói đầu; Duy Lực ngũ lục (Phần I: Những thời thăng tòa khai thị của Thiền sư Duy Lực từ năm 1983 – 03/5/1993, gồm có 682 câu hỏi của hành giả và 682 lời khai thị, giải đáp từ Thiền sư); *Quyển hạ*, dày 612 trang, nội dung: Duy Lực ngũ lục (Phần II: Những thời thăng tòa khai thị của Thiền sư từ 20/10/1993 – 1999, gồm có 811 câu hỏi của hành giả và 811 lời khai thị, giải đáp từ Thiền sư).

Tác phẩm này đã xuất bản vào năm 2001, Nxb Tôn Giáo.

ĐẠI HUỆ NGŨ LỤC

Tác giả: *Thiền sư Tông Cảo (1089-1163)*

Việt dịch và lược giải:

Thích Duy Lực (1923-2000)

Từ Ân Thiền Đường (Hoa Kỳ) ấn hành, PL. 2535 – DL. 1992

Tác phẩm Ngũ lục này có 154 trang, bìa mềm; nội dung gồm: Lời Dịch giả, Tiểu sử (Thiền sư Tông Cảo); Phổ thuyết, Khám xét, Cơ duyên, Phụ lục lời khai thị của Khiêm Thiền sư, Thư đáp về Pháp yếu (Thư đáp Lý Hiến Thần (1), (2) và (3); Khai thị Lý Hiến Thần (4), (5) và (6); Thư đáp Huỳnh Bá Thành, Khai thị Huỳnh Bá Thành; các Thư đáp: La Mạnh Bách, Từ Đôn Lập, Đặng Tử Lập, Lữ Thuần Nguyên; Ngụy Công thỉnh thăng tòa, các thư đáp: Tăng Thiên Du (1), (2), (3), (4), (5), (6); Thư đáp Lô Khu Mật; Khai thị Không Huệ; Khai thị Nghiêm Tử Kham;

Khai thị Chân Như; Thư đáp Từ Đôn Tề; Khai thị Tăng Thúc Trì; Thư đáp Hứa Thọ Nguyên; Khai thị Trần Minh Trọng; Khai thị Trịnh Thành Trung; các Thư đáp: Vương Đại Thụ, Lý Tự Biểu, Trương Dương Thúc, thư đáp Lý Bình (tự Hán Lão) có (1), (2), (3); Giang Thiếu Minh, thư đáp Phú Quý Thân có (1), (2), (3); thư đáp Trần Quý Nhậm có (1), (2); thư đáp Triệu Đạo Phu; các thư gửi: Trương Ích Chi, Triệu Sư Trọng, Lý Bá Hòa.

HẢI HỘI THÁNH HIỀN LỤC

Kết tập: *HT. Hải Hiền*

Việt dịch: *Diệu Âm*

Nxb Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh – 2016

Sách có khổ 14.5 x 20.5cm, dày 286 trang. Nội dung gồm có 48 mục: 1. Trước khi xuất gia, 2. Xuất gia, 3. Hiếu thân, 4. Phụng thị sư trưởng, 5. Những năm đầu trên núi Đòng Bách, 6. Kết lô cộng tu, 7. Mẫu thân vãng sanh, 8. Làm đội trưởng đội sản xuất, 9. Giảng phục đại ngữ, 10. Lão Hòa thượng và một con măng xà, 11. Câu chuyện giữa lão Hòa thượng và sói, 12. Lai Phật cổ tự, 13. Một ngày không làm, một ngày không ăn, 14. Cái gì cũng bảo người hầu hạ, thế thì thụt lùi rồi, 15. Có thể chịu khổ mới có thể hết khổ, 16. Thích làm việc thiện, 17. Nhật rau không vút phần còn non, hơn hẳn tụng Kinh tạng, 18. Cúng dường A-la-hán, 19. Trí tuệ của lão Hòa thượng, 20. Đường Thái Tông tích phước, 21. Trì giới tinh nghiêm, 22. Nhẫn giả tự an, 23. Ôn hòa hậu đạo, 24. Khiêm tốn cung kính, 25. Tôi không học qua bất cứ thứ gì, chỉ niệm A-di-đà Phật, 26. Câu chuyện của lão đức Hòa thượng, 27. Khi làm việc không làm lỡ niệm Phật, 28. Trong tâm có Phật, làm gì cũng không mệt, 29. Pháp môn niệm Phật, 30. Phương pháp tu học của Tịnh tông học hội, 31. Cảnh giới niệm Phật của lão Hòa thượng,

32. Lạy Phật chỉ lạy ra tự tánh, 33. Chăm chỉ niệm, 34. Lão Hòa thượng và đệ tử của ngài, 35. Đề huề giáo giới đối với hậu bối, 36. Túi phân bón che mưa, 37. Trong thanh tao có vi diệu, 38. Cuộc sống của giới-định-tuệ, 39. Lão Phật gia để tôi ở thế gian biểu pháp, 40. Trợ niệm không đáng tin cậy, 41. Dự tri, 42. Lời dặn dò cuối cùng, 43. 92 năm thiện thủy thiện chung, 44. Thoại tướng vãng sanh, 45. An táng tại chùa Lai Phật, 46. Biểu pháp của Hòa thượng Hải Hiền, 47. Biểu pháp cuối cùng, 48. Nếu muốn Phật pháp hưng, duy chỉ có Tăng khen Tăng; Phụ lục: Nhục thân Bồ-tát Pháp sư Hải Khánh, Mười công đức ấn tống Kinh tượng Phật.

HỘ NIỆM YẾU LỤC

Tác giả: *Diệu Âm (Minh Tri)*

Nxb Hồng Đức – 2013

Tác phẩm Lục này có 177 trang, nội dung gồm: 1. Nhân duyên, 2. Những điều cần thực hiện trước khi nhận ca hộ niệm, 3. Nội dung cần thiết nhất khi hộ niệm, 4. Những điều thành viên hộ niệm cần lưu ý, 5. Nội quy cho thành viên Ban hộ niệm, 6. Những quy định cho gia đình người bệnh, 7. Những điều lưu ý đối với gia đình khi người bệnh lâm chung, 8. Những thông báo khi hộ niệm, 9. Lời căn dặn dự bị lúc lâm chung, 10. Ba bài khai thị cho oan gia trái chủ của HT. Tịnh Không, 11. Trích đoạn 48 tọa đàm hướng dẫn – khai thị của cư sĩ Diệu Âm Minh Tri: - Lời khai thị cho oan gia trái chủ, - Lời khai thị cho người bệnh khi còn tỉnh táo, - Lời khai thị cho người bệnh và chư vị oan gia trong cơn hấp hối, - Lời khai thị cho người bệnh khi vừa lâm chung, - Lời khai thị cho người bệnh sau khi lâm chung được 30 phút, - Lời khai thị cho oan gia trái chủ và người bệnh sau khi lâm chung một giờ đồng hồ, - Lời khai thị cho người bệnh sau

khí lâm chung hai giờ đồng hồ, - Hướng dẫn thăm nhục thân sau khi người bệnh lâm chung, 12. Cùng cố phương pháp hộ niệm, 13. Cần tránh sơ suất khi hộ niệm lời nhắc nhở của cư sĩ Diệu Âm Minh Tri, 14. Niệm Phật thế nào để vãng sanh bất thối thành Phật, trợ niệm như thế nào mới như lý như pháp giúp người vãng sanh được đắc lực.

HƯ HƯ LỤC - Chiếc Gương Soi Mặt

(Tập truyện đạo và lời bình)

Tác giả: *Như Thủy*

Nxb Phương Đông – 2014

Sách có khổ 14 x 20cm, dày 203 trang, bìa mềm. Nội dung gồm có: Chiếc gương soi mặt, Thuốc thành bệnh, Bất chước thầy, Một bông hồng cho em, Ba bà hoàng hậu, Làm sao đây, Ba cái bánh ít, Kỹ thuật nhà nghề, Đông Thi nhãn mặt, Ăn trộm dạy con, Quyền Kinh đi lạc, Người hướng đạo, Khi người về, Chỉ một giới thôi, Dasaka, Bảng chỉ đường, Bát cháo lú, Hai thăng đệ tử, Ô Sào thiên sư, Cuộc chiến hai bàn tay, Chiếc lu vô tận, Chú chuột vô hình, Bàn tay đã mất, Mỗi tình có duyên, Tươi đưa cho người, Câu hỏi khó trả lời, Phá Táo đọa, Tử Uyên thê, Khi quạ trở tài, Ngựa nhà, Cụ già tu mướn, Ương-quật-ma-la, Vakkali, Khi công tử chê tiền, Ni-đề, Pháp sư Đâu hủ, Xa-đầu tụ lạc, Tôn giả Thất Lai, Châu-lợi-bàn-đặc, Einstein Giải thích thuyết Tương đối, A-xà-thế, Ca-lưu-đà-di, Hai bà hàng xóm, Hòa thượng Cua, Chúa và quỷ, Bốn viên ngọc, Bảy mươi năm cuộc đời, Ma-đăng-già Mục-đế-lệ, Quả bí đầu mùa, Dây vạn niên thanh, Chiếc giày chờ đợi, Giá trị lời nói, Chùm nho mơ ước, Ván cờ định mệnh, Ba tội đáng chết, Hoa vương, Người đánh xe, Công chúa xử kiện, Những con ngựa dữ.

HƯƠNG HẢI THIÊN SƯ NGŨ LỤC Giảng Giải

Giảng giải: *Thích Thanh Từ*
Nxb Tp. Hồ Chí Minh – 1999

Tác phẩm Ngũ lục này có khổ 14.5 x 20.5cm, dày 391 trang, bìa mềm, chữ tựa màu đỏ, có hình tháp chuông (nhỏ) ở phần dưới, có tay gấp. Nội dung như sau: A. Chánh văn, I. Bài tựa, II. Tiểu sử Thiên sư Hương Hải, III. Sư bị chúa nghe lời dèm pha truyền cho về quê cũ, IV. Sư ra vùng bên ngoài gần trấn lập Thiện Tịnh viện, V. Sư ra trụ trì dựng lập chùa Nguyệt Đường, VI. Khai Thị Ngộ Nhập được duyên tốt truyền trao ấn chứng, VII. Sư năm 88 tuổi dẫn dò Niết-bàn; B. *Giảng giải* (toàn bộ phần A. Chánh văn); Phụ lục bản chữ Hán.

KHÓA HƯ LỤC

Trần Thái Tôn

Phiên dịch và chú giải: *Đào Duy Anh*

Nxb Khoa học Xã hội-Hà Nội – 1974

Sách có khổ 13 x 19cm, dày hơn 228 trang, bìa mềm. Nội dung gồm có: Lời đầu sách, Nói tóm tắt về Thiên tôn, *Khóa Hư Lục* (Phần giải âm của Phúc Điền Hòa thượng), I. Tựa mới sách *Khóa Hư Lục*, II. Quyển thượng, III. Quyển trung, IV. Quyển hạ; *Khóa Hư Lục* (dịch lại), I. Tựa mới sách *Khóa Hư Lục*, II. Quyển thượng, III. Quyển trung, IV. Quyển hạ; V. Phần dịch thêm: Những bài luận và tự; *Khóa Hư Lục* (Nguyên văn chữ Hán); Phụ lục: Trích dịch thơ của Tuệ Trung Thượng sĩ, 1. Tựa, 2. Quyển thượng 3. Quyển trung, 4. Quyển hạ, 5. Những bài luận và tự, 6. Thơ Tuệ Trung Thượng Sĩ.

Tác phẩm này được Thư viện Huệ Quang ảnh ấn năm 2019

KHÓA HƯ LỤC

Trần Thái Tôn

Dịch và chú giải: *Nguyễn Đăng Thục*

Khuông Việt ấn hành, In tại Nhà in Thăng Long (Sài Gòn),

Giấy phép số 3253 BTT/PHNT, ngày 19-9-1972

Sách dày hơn 189 trang, bìa mềm. Nội dung gồm có: Tựa, Tựa sách Thiên tông Chỉ nam, *Văn Khóa hư của vua Trần Thái Tông*,

Quyển I, Kệ Bốn núi, Núi thứ nhất: Tướng sinh, Núi thứ hai: Tướng lão, Núi thứ ba: Tướng bệnh, Núi thứ tư: Tướng chết, Thuyết phổ thông về Sắc tướng của thân, Văn Khuyến phát tâm, Văn Giới sát sanh, Văn Giới sắc, Văn Giới trộm cướp, Văn Giới vọng ngữ, Văn Giới rượu, Luận thuyết về Giới-Định-Tuệ, Luận về Thụ giới, Luận về Niệm Phật, Luận về Ngồi thiền, Luận về tắm gương Tuệ, Luận Kinh Kim Cương phép Tam-muội, Thuyết phổ thông về một đường đi lên, Vấn đáp giữa thầy trò;

Khóa Hư Lục Quyển dưới II, Tựa khóa nghi cho sáu buổi Sám hối, Tựa văn lễ Sám hối bình đẳng, Dâng hương buổi sáng, Sám hối nghiệp căn Mắt, Chúc hương buổi trưa, Sám hối nghiệp căn Tai, Dâng hương lúc trời lặn, Sám hối nghiệp căn Mũi, Kệ khuyên người đời buổi hoàng hôn, Kệ tám mối khổ, Dâng hương buổi sẩm tối, Sám hối nghiệp căn Lưỡi, Dâng hương nửa đêm, Sám hối nghiệp căn của Thân, Dâng hương buổi hết đêm, Sám hối nghiệp căn của Ý, Kệ khuyên quân chúng; Lời bạt cuối cùng.

Tác phẩm này được Thư viện Huệ Quang ảnh ấn năm 2018

KHÓA HƯ LỤC

Chê tác: *Trần Thái Tôn Hoàng Đế*

Dịch giả: *Sa-môn Thích Thanh Kiểm*

Nxb Tôn Giáo, PL. 2547 – DL. 2003

Sách có khổ 14 x 20cm, có 181 trang, bìa mềm. Nội dung gồm 2 quyển: Tựa “Khóa

Hư lục”, Tựa dẫn nhập; *Quyển thượng*, Nói về Bốn núi, Nói về Sắc thân, Văn khuyên phát tâm Bồ-đề, Văn răn sát sinh, Văn răn trộm cắp, Văn giới sắc, Văn răn vọng ngữ, Văn răn giới rượu, Bàn về Giới Định Tuệ, Bàn về Thọ giới, Bàn về Niệm Phật, Bàn về tọa Thiền, Bàn về Gương tuệ giác, Bài tựa sách Thiền tông Chỉ nam, Bài tựa Kinh Kim Cương Tam-muội, Tựa khoa nghi sáu thời sám hối, Tựa văn lễ sám bình đẳng, Nói rộng một đường hướng thượng, Ngữ lục vấn đáp môn hạ, Lời vấn đáp trong môn nhân, Niệm tụng kệ (âm-nghĩa); *Quyển hạ*, Kệ cảnh sách chúng giở Dàn, Lễ dâng hương thời sáng sớm, Lễ dâng hương buổi trưa, Lễ dâng hương buổi mặt trời lặn, Kệ khuyên chúng chúng buổi hoàng hôn, Kệ tám khổ, Lễ dâng hương buổi chập tối, Lễ dâng hương nửa đêm, Lễ dâng hương cuối đêm; Chú thích “Khóa Hư lục”.

Tác phẩm này đã được THPG Tp. Hồ Chí Minh ấn hành – 1992.

KHÓA HƯ LỤC Giảng Giải

Giảng giải: *Thích Thanh Từ*

Nxb Văn hóa-Văn nghệ - 2015

Lục này có khổ 14.5 x 20.5cm, dày hơn 700 trang, bìa mềm. Nội dung gồm: 1. Lời đầu sách, 2. Tiểu sử vua Trần Thái Tông, 3. Tựa Thiền Tông Chỉ Nam; 4. Năm giới, 5. Bốn núi, 6. Nói rộng Sắc thân, 7. Rộng khuyên Phát tâm Bồ-đề, 8. Luận về Thọ giới, 9. Luận Tọa thiền, 10. Luận về Giới-Định-Tuệ, 11. Luận Gương tuệ giáo, 12. Luận về Niệm Phật, 13. Tựa Khoa nghi Sáu thời Sám hối, 14. Khóa lễ sáu thời Sám hối: Dịch giảng: a. Dâng hương buổi sáng (sám hối tội căn mắt), b. Dâng hương buổi trưa (sám hối tội căn tai), c. Dâng hương buổi mặt trời lặn (sám hối tội căn mũi), d. Dâng hương buổi đầu hôm (sám hối tội căn lưỡi), e. Dâng hương nửa đêm

(sám hối tội căn thân), g. Dâng hương cuối đêm (sám hối tội căn ý); 15. Tựa Bình đẳng Sám hối, 16. Tựa Kinh Kim Cang Tam-muội, 17. Nói rộng một đường hướng thượng, 18. Ngữ lục vấn đáp, 19. Niệm tụng kệ, 20. Lời bạt của người sau, 21. Khóa Hư Lục bản chữ Hán.

Tác phẩm Ngữ lục này đã được tái bản nhiều lần: Năm PL. 2540 – DL. 1996, GHPGVN-Ban Văn hóa Trung ương, Nxb Tp. Hồ Chí Minh, Thiền viện Thường Chiếu ấn hành, khổ 14 x 20cm, dày 874 trang, bìa mềm, chữ tựa màu đỏ; năm 2008, Nxb Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh.

LÂM GIAN LỤC – Tập 1

Tác giả: *Hồng Giác Phạm*

Việt dịch: *Thích Đạt-ma Viên Diệu*

Nxb Phương Đông – 2011. Sách có khổ 14 x 20cm, dày 218 trang, bìa mềm. Nội dung sơ lược gồm có: Lời đầu sách, Tiểu sử Thiền sư Hồng Giác Phạm, Bài tựa Lâm Gian Lục, và 40 câu chuyện hành đạo và ngộ đạo của các Thiền sư, sau mỗi chuyện có Lời bàn.

LÂM TẾ NGŨ LỤC

Dịch giả: *HT. Thích Thanh Từ*

Tác phẩm Lục này có 23 trang (PDF).

(www.thientongvietnam.net)

LÂM TẾ NGŨ LỤC

Tác giả: *Thiền sư Lâm Tế -*

Nghĩa Huyền (787-867)

Việt dịch: *Thích Duy Lực (1923-2000)*

Từ Ân Thiền Đường (Hoa Kỳ) xuất bản PL. 2536 – DL. 1993

Tác phẩm Lục này có: Lời Dịch giả, nội dung có 4 phần.

LÂM TẾ NGŨ LỤC

The Sayings of Zen Master Ling Yixuan

Tác giả: *Eido T. Shimano*

Việt dịch: *Thích nữ Thuần Bạch*

Nxb Hồng Đức – 2014. Tác phẩm Lục này có 287 trang, nội dung gồm: Lời đầu sách; Chánh văn: Tựa, Thượng đường, Khám biện, Hành lục; Giảng giải: 1. Vô vị chân nhân, 2. Tổ sư Tây lai ý, 3. Đại ý Phật pháp, 4. Tứ liệu giản.

LÂM TẾ NGŨ LỤC

Dịch và chú thích: *Trần Tuấn Mẫn*

Nxb Tp. Hồ Chí Minh,
PL. 2547 – DL. 2004

Sách có khổ 14 x 20cm, dày 204 trang, bìa mềm. Nội dung sơ lược gồm có: Lời giới thiệu, Tựa, Trần châu Lâm Tế-Tuệ Chiếu Thiền sư Ngũ lục, Thị chúng, Khám biện, Hành lục, Phụ lục; Bài Bia minh nói về đạo hạnh của ngài Chơn Định Thập phương Lâm Tế-Tuệ Chiếu huyền công Đại tôn sư; Lâm Tế Chánh Tông bia, Chú thích, Nguyên bản chữ Hán.

LÂM TẾ NGŨ LỤC

Thiền sư Nhất Hạnh

Lá Bối xuất bản

Ngũ lục này có hơn 125 trang, nội dung gồm có: Dạy chúng, Đối trị căn cơ, Tinh yếu Lâm Tế ngũ lục.

LÂM TẾ NGŨ LỤC

(song ngữ Anh-Việt)

The Sayings of Zen Master Ling Yixuan

Compiled by Thích nữ Thuận Bạch

Vietnamese version: Zen Master Thích Thanh Từ

English version: Eido T. Shimano

Tác phẩm Lục này có 196 trang (PDF), nội dung gồm: Lời đầu sách – Introduction (Spring – 2011); A. Vô vị chân nhân – True man without rank; B. Tổ sư Tây lai ý – The Intention of the patriarch; C. Đại ý Phật pháp – The Essence of the Buddhadharma; D. Tứ liệu giản – The four

classifications. (<https://thuvienhoasen.org>, *Thiền/ Ngũ lục*)

LÂM TẾ NGŨ LỤC ĐẠI TOÀN – NGƯỜI VÔ SỰ

Bình giảng: *Nhất Hạnh*

Lá Bối xuất bản.

Tác phẩm Ngũ lục này dày 737 trang, bìa mềm, nền màu nâu, chữ tựa màu trắng do chính Thiền sư Nhất Hạnh viết bằng thư pháp và hình vòng tròn. Nội dung gồm có: I. Lời nói đầu; II. Phần nguyên lục: a. Dạy chúng, b. Đối trị căn cơ, c. Du hành, d. Tinh yếu Lâm Tế lục; III. Phần bình giảng: A. Lâm Tế ngũ lục: 1. Dạy chúng, 2. Đối trị căn cơ, 3. Bốn phép độ người, 4. Bốn trường hợp khách và chủ; B. Tinh yếu Lâm Tế lục; IV. Lời cuối.

Tác phẩm Ngũ lục này tái bản năm 2016, Nxb Tri Thức, khổ 15.5 x 24cm, dày 568 trang.

Lược Giảng

TÍN TÂM MINH TỊCH NGHĨA GIẢI Thiên Mục Trung Phong Hòa Thượng Quảng Lục

Việt dịch:

HT. Thích Duy Lực (1923-2000)

Nxb Tôn Giáo, PL. 2559 – DL. 2015

Sách có khổ 14.5 x 20.5cm, dày 715 trang. Nội dung gồm có: Lời nói đầu, Lời dịch giả, Bài tựa, Lược giảng Bài tựa; Tín Tâm Minh Tịch Nghĩa giải, 1. Chí đạo vô nan, duy hiem giảng trạch, 2. Đản mạc tắng ái, đồng nhiên minh bạch, 3. Hào ly hữu sai, thiên địa huyền cách, 4. Dục đắc hiện tiền, mạc tồn thuận nghịch, 5. Vi thuận tương tranh, thị vi tâm bịnh, 6. Bất thức huyền chỉ, đồ lao niệm tịnh, 7. Viên đồng thái hư, vô khiếm vô dư, 8. Lương do thủ xả, sở dĩ bất như, 9. Mạc trực hữu duyên, vật trụ không nhãn, 10. Nhất chủng bình hoài, dẫn nhiên tự tận, 11. Chỉ động quy chỉ, chí

cánh di động, 12. Duy trệ lưỡng biên, ninh tri nhất chủng, 13. Nhất chủng bất thông, lưỡng xứ thất công, 14. Khiên hữu một hữu, tòng không bội không, 15. Đa ngôn đa lự, chuyển bất tương ưng, 16. Tuyệt ngôn tuyệt lự, vô xứ bất thông, 17. Quy căn đắc chỉ, tùy chiếu thất tông, 18. Tu du phản chiếu, thắng khước tiền không, 19. Tiền không chuyển biến, giai do vọng kiến, 20. Bất dụng cầu chơn, duy tu tức kiến, 21. Nhị kiến bất trụ, thân vật truy tầm, 22. Tài hữu thị phi, phần nhiên thất tâm, 23. Nhị do nhất hữu, nhất diệt mạc thủ, 24. Nhất tâm bất sanh, vạn pháp vô cử, 25. Vô cử vô pháp, bất sanh bất tâm, 26. Năng tùy cảnh diệt, cảnh trực năng trảm, 27. Cảnh do năng cảnh, năng do cảnh năng, 28. Dục tri lưỡng đoạn, nguyên thị nhất không, 29. Nhất không đồng lưỡng, tề hàm vạn tượng, 30. Bất kiến tinh thô, ninh hữu thiên đẳng, 31. Đại đạo thể khoan, vô dị vô nan, 32. Tiểu kiến hồ nghi, chuyển cấp chuyển trì, 33. Chấp chi thất độ, tất nhập tà lộ, 34. Phóng chi tự nhiên, thể vô khứ trụ, 35. Nhậm tánh hợp đạo, tiêu dao tuyệt nã, 36. Hệ niệm quai chơn, hôn trầm bất hảo, 37. Bất hảo lao trần, hà dụng sơ thân, 38. Dục thủ nhất thừa, vật ố lục trần, 39. Lục trần bất ố, hoàn đồng chánh giác, 40. Trí giả vô vi, ngu nhơn tự phục, 41. Pháp vô dị pháp, vọng tự ái trước, 42. Tương tâm dụng tâm, khởi phi đại thố, 43. Mê sanh tịch loạn, ngộ vô hảo ố, 44. Nhất thiết nhị biên, lượng do châm chước, 45. Mộng huyền không hoa, hà lao bã tróc, 46. Đắc thất thị phi, nhất thời phóng khước, 47. Nhãn nhược bất thù, chư mộng tự trừ, 48. Tâm nhược bất dị, vạn pháp nhất như, 49. Nhất như thể huyền, ngọt nhĩ vong duyên, 50. Vạn pháp tề quán, quy phục tự nhiên, 51. Dẫn kỳ sở dĩ, bất khả phương tỷ, 52. Chi động vô động, động chỉ vô chỉ, 53. Lưỡng

ký bất thành, nhất hà hữu nhĩ, 54. Cứu cánh cùng cực, bất tồn quy tắc, 55. Khé tâm bình đẳng, sở tác câu tức, 56. Hồ nghi tịnh tận, chánh tín điều trực, 57. Nhất thiết bất lưu, vô khả ký ức, 58. Hư minh tự chiếu, bất lao tâm lực, 59. Phi tư lương xứ, thức tình nan trắc, 60. Chơn như pháp giới, vô tha vô tự, 61. Yếu cấp tương ưng, duy ngôn bất nhị, 62. Bất nhị giai đồng, vô bất bao dung, 63. Thập phương trí giả, giai nhập thủ tông, 64. Tông phi xúc diên, nhất niệm vạn niên, 65. Vô tại bất tại, thập phương mục tiền, 66. Cực tiểu đồng đại, vong tuyệt cảnh giới, 67. Cực đại đồng tiểu, bất kiến biên biểu, 68. Hữu tức thị vô, vô tức thị hữu, 69. Nhược bất như thử, tất bất tu thử, 70. Nhất tức nhất thiết, nhất thiết tức nhất, 71. Đản năng như thị, hà lự bất tất, 72. Tín tâm bất nhị, bất nhị tín tâm, 73. Ngôn ngữ đạo đoạn, phi khứ phi kim.

MÃ TỔ - BÁCH TRƯỢNG Ngũ Lục

Dịch và chú: *Trần Tuấn Mẫn*

An Tiêm xuất bản lần thứ nhất năm 1974 – Sài Gòn.

Tác phẩm Lục này có 120 trang, bìa mềm; nội dung gồm: - Lời nói đầu; I. Giang Tây - Mã Tổ Đạo Nhất Thiên sư Ngũ lục; II. Hồng Châu – Bách Trượng Đại Trí Thiên sư Ngũ lục; Chú thích; Phụ lục: Nguyên bản Hán văn.

NAM TUYỀN NGŨ LỤC VÀ BỬU TẠNG LUẬN

Việt dịch:

HT. Thích Duy Lực (1923-2000)

Nxb Tôn Giáo, PL. 2556 – DL. 2012

Tác phẩm Lục này có khổ 14.5 x 20.5cm, có 88 trang, bìa mềm. Nội dung gồm: Nam Tuyền ngũ lục (trích dịch trong Chi Nguyệt lục); Bửu Tạng Luận của ngài Tăng Triệu.

NGŨ LỤC

Tác giả: *HT. Tuyên Hóa (1918-1995)*
Biên soạn: *Ban Việt ngữ - Viện Phiên dịch Kinh Điển Vạn Phật Thánh Thành*
Nxb Lao Động – 2008

Sách có khổ 14 x 20cm, có 159 trang, bìa mềm. Nội dung gồm có: Tám Quy luật của Viện Phiên dịch Kinh điển, Lời tựa, và những lời thuyết giảng trong suốt quá trình hành đạo, hoằng pháp của Hòa thượng Tuyên Hóa, được sắp thành từng đoạn văn hay từng câu; Sau cùng là Sơ lược về Hòa thượng Tuyên Hóa; Mười tám Đại nguyện của Hòa thượng Tuyên Hóa; Kế Hồi hương.

NGŨ LỤC – BỒ-ĐỀ ĐẠT-MA

Việt dịch: *Nguyen Hào*
Nxb Phương Đông – 2013
Sách có khổ 13 x 20.5cm, có hơn 79 trang, bìa mềm.
Nội dung gồm có: Lời mở đầu, Ngài Bồ-đề Đạt-ma, Ngũ lục Bồ-đề Đạt-ma, Bốn Quán hạnh vào đạo của Đại thừa, Huyết Mạch luận, Ngô Tánh luận, Phá Tướng luận, Hán văn và Phiên âm.

NGŨ LỤC CỦA ĐẠO SƯ ÁN THUẬN

Dịch giả: *Nhứt Chiếu*
Nxb Phương Đông – 2009
Sách có khổ 14 x 20cm, dày 366 trang, bìa mềm. Nội dung Ngũ lục này gồm có 9 chương: C.1 Lời nói đầu, C.2 Tư tưởng của Phật giáo Nguyên Thủy, C.3 Nhận định mới về Tịnh Độ, C.4 Sự hưng thịnh của Mật giáo và sự hủy diệt của Phật giáo, C.5 Tư tưởng Trung Quán, C.6 Phật giáo ở nhân gian khế lý khế cơ, C.7 Bàn việc vụn vặt của Phật giáo Trung Quốc, C.8 Quan niệm về Tôn giáo, C.9 Một đời bình thường.
Tác phẩm này đã được xuất bản năm 2005, Nxb Tôn Giáo.

NGŨ LỤC

CỦA THIÊN SƯ PHẬT NHÃN
Việt dịch: *Thích Trúc Thông Quảng*
Nxb Thời Đại – 2014

Sách có khổ 14.5 x 20.5cm, dày hơn 103 trang, bìa mềm.
Nội dung gồm có: Lời tựa, Bài tựa Ngũ lục của Thiên sư Phật Nhãn 1; Bài tựa Ngũ lục của Thiên sư Phật Nhãn 2; Bài tựa Ngũ lục của Thiên sư Phật Nhãn 3; Phần 1: Tiểu sử, Phần 2: Ngũ lục của Thiên sư Thanh Viễn hiệu Phật Nhãn ở Long Môn – Thư Châu; - Cổ Tôn túc Ngũ lục quyển 27; - Cổ Tôn túc Ngũ lục quyển 28; - Cổ Tôn túc Ngũ lục quyển 29.

NGŨ LỤC

THIÊN SƯ TÀO SƠN BẢN TỊCH
(Phủ Châu Tào Sơn Bốn Tịch Thiên Sư Ngũ Lục)

Biên soạn: *Nhật Bốn Huyền Khiết*
Việt dịch: *Thích Nguyên Chơn*
Tác phẩm Ngũ lục này gồm có: Trùng biên, Ngôn hạnh của Thiên sư Tào Sơn Nguyên Chứng, Tự tựa; Quyển thượng và Quyển hạ; Giải thích Động Sơn ngũ vị hiển quyết, Chú thích Động Sơn ngũ vị tụng, Ba loại đọa, Bốn Dị loại.
(<https://phatphapungdung.com>, Pháp bảo)

NGŨ LỤC THIÊN SƯ TUỆ CHIẾU – Tôn Lâm Tế

Biên tập: *Thiên sư Tuệ Nhiên*
Việt dịch: *Tỳ-kheo Thiện Hạnh*
Tác phẩm Ngũ lục này có 189 trang (PDF), nội dung gồm: Lời dẫn đầu sách (2012); I. Tựa, II. Ngũ lục (Đối trị căn cơ), III. Khám biện (Kiểm định khả năng liễu ngộ), IV. Du hành, V. Chú thích, VI. Phụ lục: 1. Hành trạng Thiên sư Lâm Tế - Nghĩa Huyền; 2. Chánh văn bản Hoa ngữ, từ Đại Chánh Tân Tu Đại Tạng Kinh, tập

47, Kinh thứ 1985; Sách tham khảo. (<https://thuvienhoasen.org>, *Thiền/ Ngữ lục*)

NGŨ LỤC – Thượng Sĩ Huệ Trung (Trần Quốc Tăng)

Việt dịch: *Trúc Thiên (1920-1972)*

Tu Thư Đại Học Vạn Hạnh ấn hành – 1968

Sách dày 197 trang, bìa mềm, nền trắng, tựa chữ Việt Ngữ lục màu đen, tựa chữ Hán Ngữ lục viền đỏ, ruột màu trắng.

Nội dung gồm có 3 phần: Tựa khắc Kinh, Lược dẫn; *Phần một*: Đối ứng với cơ duyên; *Phần hai*: Cử Công án, 1. Pháp sanh diệt, 2. Niết-bàn vui, 3. Quán thân – quán Phật, 4. Chẳng sanh chẳng diệt, 5. Thứ nhất – thứ nhì, 6. Tánh Phật ở khúc nào? 7. Triệu Châu đốt tượng, 8. Ngưỡng Sơn đập gương, 9. Vinh nhục đầu đáng sợ như nhau, 10. Không lay Phật – Không lay Tô, 11. Lừa trước ngựa sau, 12. Thầy lay trò, 13. Sư đánh Ni; *Phần ba*: Thơ tụng, 1. Khúc ca Phật tâm, 2. Khúc hát ngao, 3. Sống chết nhàn thôi vậy, 4. Phàm Thánh chẳng hai, 5. Mê ngộ chẳng hai, 6. Trừu thần ngâm, 7. Bài văn trữ từ tự văn, 8. Thời tiết tự nhiên, 9. Nuôi chân tánh, 10. Vào vòng cát bụi, 11. Muôn vật trở về như, 12. Thói đời hư dối, 13. Họa thơ quan huyện, 14. Cảnh vật Tịnh Bang, 15. Họa thơ Hưng Trí Thượng Vị Hầu, 16. Ca tụng Đạo học của Trần Thánh Tông, 17. Chấn trâu đất, 18. Vui thích giang hồ, 19. Vật tùy người, 20. Viếng Đại sư Tăng Điền, 21. Hỏi thăm bệnh của Đại sư Phước Đường, 22. Lễ Thiền sư Tiêu Dao, 23. Cảnh vật Phước Đường, 24. Tặng Pháp sư Thuần Nhất, 25. Đùa thầy Trí Viễn đọc giải Kinh, 26. Điếu Tiên sư, 27. Khuyên đời vào đạo, 28. Bảo chúng, 29. Bảo chúng, 30. Bảo cho hàng học giả, 31. Chợt hứng, 32. Cội tùng đáy khe, 33. Ra khỏi

bụi hồng, 34. Đạo lớn không khó, 35. Tâm vương, 36. Thả trâu, 37. Đề tinh xa, 38. Chợt hứng, 39. Bốn núi nên phá, 40. Cây gậy thiền, 41. Soi mình, 42. Tự đề, 43. Chợt tỉnh, 44. Tự tại, 45. Lui về, 46. Bảo học trò, 47. Bảo cho biết nghiệp tu Tây phương Tịnh độ, 48. Thoát đời, 49. Vui thú sông hồ; Phần bốn: Con người và đạo nghiệp của Thượng Sĩ; Bạt, Lược dẫn; Phần Hán văn.

NHÂN GIAN PHẬT GIÁO NGŨ LỤC – 3 Quyển

Tác giả: *Đại sư Tịnh Vân*

Việt dịch: *Giới Niệm – Huệ Trang – Khánh Hiếu*

Nxb Hồng Đức-Công ty Sách Thời Đại – 2017

Sách có khổ 13.5 x 20.5cm, 3 quyển dày hơn 768 trang, bìa mềm.

Quyển thượng, dày hơn 264 trang, nội dung gồm có 12 chương: C.1 Thiền là gì? C.2 Mục đích học Thiền, C.3 Tham Thiền như thế nào? C.4 Thiền định và Bát-nhã, C.5 Cuộc sống tu trì của Thiền giả, C.6 Quang cảnh trí tuệ Thiền, C.7 Thế nào gọi là Tịnh độ? C.8 Tu pháp môn Tịnh độ như thế nào? C.9 Pháp yếu niệm Phật, C.10 kiến lập Tịnh độ duy tâm, C.11 Ý nghĩa của Tịnh độ nhân gian, C.12 Bản đồ của Phật giáo nhân gian;

Quyển trung, dày hơn 250 trang, nội dung gồm có 12 chương: C.1 Quan niệm về Cuộc sống, C.2 Quan niệm về Luân lý, C.3 Quan niệm về Tu trì, C.4 Quan niệm về Xử thế, C.5 Quan niệm về Nghi lễ, C.6 Quan niệm về Giáo dục, C.7 Quan niệm về Kinh tế, C.8 Quan niệm về Chính trị, C.9 Quan niệm về Quản lý, C.10 Quan niệm về Thế giới, C.11 Quan niệm về Sinh mạng, C.12 Quan niệm về Tôn giáo; Phụ lục.

Quyển hạ, dày hơn 254 trang, nội dung gồm có 6 chương: C.1 Hệ thống tư tưởng, C.2 Hoàng pháp lợi sanh, C.3 Pháp môn Tu trì, C.4 Tông phong của Phật Quang, C.5 Tân hòa Truyền đăng, C.6 Tịnh độ thực tiễn.

PHÁP NGŨ - HÒA THUƠNG TUYẾN HÓA

Nxb Lao Động

Tác phẩm Pháp ngữ này có 237 trang, bìa mềm; nội dung gồm: Pháp ngữ, Tu hành, Trì giới-nhẫn nhục, Tham thiền-niệm Phật, Hạnh của người xuất gia, Nhân quả-sám hối và chuyển hóa, Giáo dục, Đạo Phật và Phật pháp, Trí tuệ.

PHÁP NGŨ CỦA ĐẠI SƯ NGÃU ÍCH

Tác giả: *Đại sư Ngẫu Ích*

Việt dịch: *Như Hòa*

Nxb Phương Đông

Tác phẩm Pháp ngữ này có 91 trang, bìa mềm; nội dung gồm: 1. Dạy Pháp Nguyên, 2. Dạy Vương Tâm Quý, 3. Dạy Tĩnh Văn, 4. Dạy Quách Thiện Hữu, 5. Dạy Tống Dưỡng Liên, 6. Dạy Lục Dụ Liên, 7. Dạy Ưu-bà-di Tịnh Kiên, 8. Dạy Phương Nhĩ Giai, 9. Dạy Lưu Kim Độ, 10. Dạy Huyền Trứ, 11. Dạy Tự Thiên, 12. Dạy Thạch Hữu, 13. Dạy Lương Nhiên, 14. Dạy Minh Tây, 15. Dạy Tạ Tại Chi, 16. Dạy Thái Nhị Bạch, 17. Dạy Chứng Tâm, 18. Dạy Niệm Phật Xã, 19. Dạy Mân Châu Đĩnh, 20. Giảng về Pháp môn Niệm Phật, 21. Giảng về Niệm Phật Tam-muội, 22. Bàn về Niệm Phật Tam-muội, 23. Nói với Dựng Liên, 24. Luận về Trì danh Niệm Phật Cửu phẩm Vãng sanh, 25. Lời phổ thuyết của Nhân Nghĩa Viện thuộc Phong Nam, Hấp Tây, 26. Lời phổ thuyết ở Thiên Mã Viện, Hấp Phổ, 27. Phạm thất ngẫu đàm, 28. Thư trả lời Tịnh Thiên sư, 29. Thư trả lời ông Đặng Tĩnh Khởi, 30. Thư

gửi Châu Tây Tâm, 31. Thư gửi Đinh Liên Lữ, 32. Trả lời thư ông Hàn Triều Tập, 33. Thư trả lời Đường Nghi Chi; Mấy lời Tâm huyết.

PHẬT LỤC

Tủ sách Phật học Tân Việt

Biên soạn: *Trần Trọng Kim (1882-1953)*

Nhà Tân Việt xuất bản – 1964

Tác phẩm lục này có 96 trang, bìa mềm; nội dung gồm: Mấy lời ngỏ cùng độc giả, Lời mở đầu; I. Thích-ca Mâu-ni Phật, Thập đại đệ tử...; II. Chư Phật: A-di-đà Phật, Dược Sư Lưu Ly Quang Phật; III. Chư Bồ-tát: Di Lặc Bồ-tát, Quán Thế Âm Bồ-tát, Đại Thế Chí Bồ-tát, Văn Thù Bồ-tát, Phổ Hiền Bồ-tát, Địa Tạng Bồ-tát; IV. Thế gian và thế giới; V. Sự thờ phụng và cách bài trí các tượng ở trong chùa; Hình: 1. Tượng đức Phật Thích-ca Mâu-ni lúc mới mới thành Phật chỉ xuống đất mà bảo ma vương, 2. Tượng đức Phật Thích-ca Mâu-ni thuyết pháp, 3. Tượng đức A-di-đà Phật, 4. Tượng đức Quan Âm có 32 tay, 5. Tượng đức Văn Thù Bồ-tát ngồi trên con Thanh sư, 6. Tượng đức Phổ Hiền Bồ-tát ngồi trên con Bạch tượng, 7. Tượng Tam thế (quá khứ, hiện tại, tương lai Phật), 8. Tượng Hộ pháp (1), Tượng Hộ pháp (2).

Tác phẩm này được tái bản năm 2013, Nxb Tôn Giáo.

TAM TỔ THỰC LỤC

Dịch và chú:

Thích Phước Sơn (1938-2020)

Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam ấn hành - 1995

Tác phẩm Lục này có khổ 13 x 19cm, dày 243 trang, bìa mềm. Nội dung có: 1. Lời giới thiệu, 2. Lời nói đầu, 3. Lý do hiệu đính, 4. Phần I: Sơ Tổ Trúc Lâm (1258-1308); 5. Phần II: Nhị Tổ Pháp Loa (1284-1330); 6. Phần III: Tam Tổ Huyền Quang

(1254-1334); Chú thích, Tài liệu tham khảo; Phần Phụ lục bản chữ Hán “Tam Tổ Thực Lục”.

TAM TỔ TRÚC LÂM giảng giải

Giảng giải: HT. Thích Thanh Từ

Nxb Tp. Hồ Chí Minh

Thiền viện Thường Chiếu ấn hành,

PL. 2541 – DL. 1997

Nội dung tác phẩm này gồm có: 1. Lời đầu sách, 2. Lời dẫn, 3. Sơ Tổ phái Trúc Lâm: Trần Nhân Tông, Tham vấn, Thi phú Hán Nôm, Phần phụ giảng, Đặc thú Lâm tuyền thành đạo ca; 4. Tổ thứ hai phái Trúc Lâm: Thiền sư Pháp Loa, Tham vấn, Lời khuyên Xuất gia tiến đạo, Khuyên chúng Thượng thừa Tam học, Cách học cần biết rõ; 5. Tổ thứ ba phái Trúc Lâm: Thiền sư Huyền Quang, Thơ phú còn sót lại, Vịnh Vân Yên tự phú.

TỊNH ĐỘ THÁNH HIỀN LỤC

Việt dịch:

HT. Thích Thiền Tâm (1925-1992)

Kết tập: Cư sĩ Diệu Âm – Hạnh Siêu

Nxb Hồng Đức – 2014

Sách có khổ 14.5 x 20.5cm, dày 457 trang.

Nội dung gồm có: Duyên khởi kết tập, *Tịnh độ Thánh hiền lục*, *Trung Hoa*: Huệ Viễn Đại sư-Liên tông Sơ Tổ, Thiền Đạo Đại sư-Liên tông Nhị Tổ, Thừa Viễn Đại sư-Liên tông Tam Tổ, Pháp Chiếu Đại sư-Liên tông Tứ Tổ, Thiếu Khang Đại sư-Liên tông Ngũ Tổ, Vĩnh Minh Diên Thọ Đại sư-Liên tông Lục Tổ, Tinh Thường Đại sư-Liên tông Thất Tổ, Liên Trì Đại sư-Liên tông Bát Tổ, Ngẫu Ích Đại sư-Liên tông Cửu Tổ, Hành Sách Đại sư-Liên tông Thập Tổ, Thật Hiền Đại sư-Liên tông Thập nhất Tổ, Triệt Ngộ Đại sư-Liên tông Thập nhị Tổ, Ân Quang Đại sư-Liên tông Thập tam Tổ, *Tịnh độ Thánh hiền lục (Trung Hoa)*: Phần 2. Lời đầu, Trí Giả Đại

sư (Thiên Thai Trí Giả), Hoằng Tế Đại sư, Đức Thanh-Hám Sơn Đại sư, Đế Nhàn Pháp sư, Thọ Tâm Đại sư, Tư Ngạn Đại sư, Chí Thiện Thiền sư, Mặc Am Đại sư, Dương Kiệt, Vương Cổ, Ngũ Thuần Hy, Viên Hoằng Đạo, Vương Điền, Vương Nhựt Hưu (Vương Long Thọ), Viên Liệt Tinh, Việt Quốc Phu Nhơn, Mã Vinh Tổ, Ngô Doãn Thăng, Phạm Ngươn Lễ, Châu Phu Nhơn, Hạ Quốc Xương, Phương Hải Sanh, Dương Liên Hàng, Bản Phụ, Tiểu Vương, Tào Vân Tôn, Diệp Cửu Thành, Trần Tánh Lương, Nhaa6m Cung Nhơn, Châu Thị, Cư sĩ Hạ Liên Cư (1884-1965), Cư sĩ Lý Bình Nam (1889-186), Cư sĩ Hoàng Niệm Tổ (1913-1992), HT. Tịnh Không giảng năm 1998; *Tịnh độ Thánh hiền lục (Việt Nam)*: Việt Nam Liên Tông Sơ Tổ, Vô Nhất Đại Ninh Bồ-tát, HT. Thích Thiền Tâm, Tiểu sử-Thân thế và Thời kỳ hành đạo, Bồ-tát Thích Quảng Đức-Ngọn lửa Từ bi và Trái tim bất diệt, HT. Thích Minh Đức, HT. Thích Hải Quang, Phần phụ thêm những đoạn khai thị từ tuyển tập Lá thư Tịnh độ của Tổ Ân Quang, Đại lão HT. Thích Trí Tịnh, Đại lão HT. Thích Trí Tịnh, Đại lão HT. Thích Trí Tịnh dạy về cách Nhất tâm, Tinh tấn và Chuyển hóa vọng niệm, Đại lão HT. Thích Trí Tịnh, TT. Thích Thanh Chân, Thời kỳ hành đạo, TT. Thích Phước Minh, Xá-lợi của Sa-di Thích Minh Đạt, Nhâm Ngọc Hựu, Sư bà Đàm Lưu, Sư bà Thích nữ Như Phụng, Bà Nguyễn Thị Danh-Nán lại một ngày, Bà Trần Thị Lai, Ông Hồ Văn Định, Bà Lý Thị Cúc, Bà Huỳnh Ngọc Tuyết, Bà Thái Xương, Thân phụ Sư cô Huệ Tâm ở Biên Hòa, Bà Nguyễn Thị Trị, 80 tuổi, Thời kỳ lâm bệnh và giây phút lâm chung, Đôi lời chia sẻ, Chị Bùi Thị Gái, Đôi lời chia sẻ, Nguyễn Xuân Phương, Ông Diệc Trung Hòa, Chuột Văng Sanh, Cụ Đào Thị Hòa, Cư sĩ

Trương Biệt, Cụ Nguyễn Văn Trọ, Phật tử Trần Nguyên Hạnh, Cô Phan Thị Diệu Anh, Cụ Nguyễn Thị Tiêu, Phật tử Nguyễn Văn Bê, Đồi lời chia sẻ, Anh Thạch Sơn Vương, Phật tử Trần Thị Kim Tuyền, Chị Nguyễn Thị Kim Thảo; *Tịnh độ Thánh hiền lục*, Danh sách Ban Hộ niệm toàn quốc, Danh sách Ban Hộ niệm ở nước ngoài, Mười điều tâm niệm.

TỊNH KHÔNG PHÁP SƯ

Gia Ngôn Lục – Tập 1

Tác giả: HT. Tịnh Không

Viết dịch: Thích Nhuận Nghi

Nxb Phương Đông – 2013

Sách có khổ 14 x 20cm, có 118 trang.

TÔNG CẢNH LỤC – Trọn bộ 5 Tập

Tác giả: *Thiền sư Diên Thọ (904-975)*

Viết dịch: *Tuệ Đăng – Hân Mẫn*

Nxb Phương Đông: 2009-2010-2011. Sách có khổ 14.5 x 20.5cm, tổng cộng 5 tập dày hơn 2.980 trang, gồm 100 quyển. *Tập I*, dày 654 trang, nội dung gồm: Lời giới thiệu, Về Tác giả, Về tác phẩm, Bài tựa; Chương I. Q.1 Lập chính tông, tiếp theo Q.2 đến Q.20; *Tập II*, dày hơn 678 trang, từ Q.21 đến Q.40; *Tập III*, dày hơn 587 trang, từ Q.41 đến Q.60; *Tập IV*, dày hơn 549 trang, từ Q.61 đến Q.80; *Tập V*, dày hơn 512 trang, từ Q.81 đến Q.100.

TUỆ TRUNG THƯỢNG SĨ - NGŨ LỤC Dịch Giải

Dịch giải: *Lý Việt Dũng*

Nxb Mũi Cà Mau – 2003

Tác phẩm Ngũ lục dịch giải này có 842 trang (PDF), nội dung gồm: Lời Nhà xuất bản, Lời bạt, Lời tựa, Vài nhận xét nhân dịch Trần triều Tuệ Trung Thượng Sĩ ngữ lục, Phần dịch giải “Tuệ Trung Thượng Sĩ ngữ lục”, Bài tựa của Huệ Nguyên, Lược dẫn Thiền phái đồ (Tính Tự Dẫn), Bảng

Lược dẫn Thiền phái đồ; I. Đồi cơ, II. Tụng cổ, III. Thi tụng (1), IV. Thượng Sĩ hành trạng; V. Tuệ Trung Thượng Sĩ ngữ lục Hậu bạt (Lời bạt của Trần Khắc Chung); VI. Lời dẫn của người khắc in lại sách; Việt Nam Thiền tông Thành ngữ Điển cố Tối lược giải; Trung Quốc Thiền tông Thành ngữ Điển cố Tối lược giải; Tóm tắt Hai mươi bộ Kinh lục danh tiếng Trung Quốc; Phụ lục: “Tuệ Trung Thượng Sĩ ngữ lục” bản chữ Hán. (<https://thuvienhoasen.org>, *Thiền/ Ngữ lục*)

TUỆ TRUNG THƯỢNG SĨ - NGŨ LỤC Giảng Giải

Ban Văn Hóa Trung ương GHPGVN

Giảng giải: *Thích Thanh Từ*

Nxb Tp. Hồ Chí Minh,

Thiền viện Thường Chiếu ấn hành,

PL. 2540 – DL. 1996

Sách có khổ 14.5 x 20.5cm, dày 657 trang, bìa mềm, có tay gấp, chữ tựa màu đỏ, có hình chùa Một Cột (nhỏ) ở phần dưới. Nội dung gồm có: I. Lời đầu sách; II. Trúc Lâm Tổ sư Tuệ Trung Thượng Sĩ ngữ lục, III. Trần triều Tuệ Trung Thượng Sĩ ngữ lục (Lược dẫn bản đồ Thiền phái), IV. Hành trạng Thượng Sĩ Trần Tung: 1230 – 1291, V. Đồi cơ (trả lời người hỏi), VI. Tụng cổ, VII. Thi ca: Bài ca Tâm Phật, Bài Ngâm phóng cuồng, Sống chết nhàn mà thôi, Phàm Thánh không hai, Mê ngộ không khác, Ngâm bữu môi, Bài văn Trừ tử tự răn, Thời tiết an định, Dưỡng chân, Vào cát bụi, Muôn việc về ‘như’, Thối đời hư dối, Họa thơ Quan Huyện, Cảnh vật Tịnh Bang, Họa thơ Hưng Trí thượng Vị hầu, Tụng đạo học Trần Thánh Tông, Chấn trâu đất, Vui thích giang hồ, Vật không tùy người, Viếng Đại sư Tăng Điền, Thăm bệnh Đại sư Phước Đường, Lễ Thiền sư Tiêu Dao ở Phước Đường, Cảnh

vật Phước Đường, Tặng Pháp sư Thuần Nhất, Đùa Thiền sư Trí Viễn xem Kinh giải nghĩa, Điều Tiên sư, Khuyên đời vào đạo, Bảo chúng, Bảo học giả, Chợt hứng (1), Cội tùng đáy khe, Xuất trần, Đạo lớn không khó, Tâm vương, Thả trâu, Đề tinh xá, Chợt hứng (2), Cây gậy, Chiều thân, Tự đề, Chợt tỉnh, Tự tại, Bảo học trò, Bảo tu nghiệp Tây Phương, Thoát đời, Vui thú giang hồ; VIII. Lời bạt; IX. Phụ lục chữ Hán.

Tác phẩm Ngữ lục này tái bản nhiều lần: Năm 1997-2008, Nxb Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh.

TỨ ĐẠI THIỀN GIA NGŨ LỤC

Việt dịch: *Trần Tuấn Mãn*

Nxb Phương Đông – 2008

Sách có khổ 14 x 20cm, dày hơn 405 trang.

Nội dung gồm có: *I. Mã Tổ Bách Trượng ngữ lục*, Lời giới thiệu, Lời nói đầu, Giang Tây Mã Tổ - Đạo Nhất Thiền sư ngữ lục, Hồng Châu Bách Trượng Đại Trí Thiền sư ngữ lục, Chú thích; *Phụ lục nguyên bản Hán văn*; *II. Hoàng Bá truyền tâm pháp yếu*, Lời giới thiệu, Lời nói đầu, Chung Lăng lục, Uyển Lăng lục; *Phụ lục*, Chú thích; *Phụ lục nguyên bản Hán văn*; *III. Lâm Tế ngữ lục*, Lời giới thiệu, Tựa, Trần Châu Lâm Tế Tuệ Chiếu Thiền sư ngữ lục; *Phụ lục*, Chú thích; *Phụ lục nguyên bản Hán văn*.

THÁNH ĐĂNG LỤC Giảng Giải

Giảng giải: *Thích Thanh Từ*

Nxb Tp. Hồ Chí Minh – 1999

Tác phẩm Lục này có khổ 14.5 x 20.5cm, dày 249 trang, bìa mềm, có tay gấp, nền màu cam, chữ tựa màu đỏ, có hình chùa Một Cột (nhỏ) ở phần dưới. Nội dung gồm: Thay lời tựa, Tựa Trùng khắc Thánh Đăng Lục, Giải chữ Thánh Đăng Lục; Vua

Trần Thái Tông, Vua Trần Thanh Tông, Vua Trần Nhân Tông, Vua Trần Anh Tông, Vua Trần Minh Tông; Kết luận.

Thiền ngữ HOÀNG BÁ

TRUYỀN TÂM PHÁP YẾU

(Chung Lăng lục và Uyển Lăng lục)

Dịch và chú thích: *Trần Tuấn Mãn*

Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam ấn hành – 1992

Tác phẩm Thiền ngữ này có khổ 13 x 19cm, dày 119 trang, bìa mềm. Nội dung gồm: - Lời giới thiệu, - Lời nói đầu; Chung Lăng lục; Uyển Lăng lục; Phụ lục: (Trích Ngũ gia Chính tông tán của Hòa thượng Hy Tâu đời Tống); Chú thích.

THIỀN SƯ THẦN HỘI Giảng Giải

Giảng giải: *Thích Thanh Từ*

Nxb Tôn Giáo, PL. 2546 – DL. 2002

Sách có khổ 14.5 x 20.5cm, dày 424 trang, bìa mềm, chữ tựa màu đỏ, có hình tháp chuông (nhỏ) ở phần dưới, có tay gấp. Kết cấu tác phẩm này gồm có 3 phần: Lời đầu sách, I. Tiểu sử Thiền sư Thần Hội, II. Thần Hội Ngữ lục: Giới thiệu sơ lược, Phần Ngữ lục, III. Hiền tông ký.

THIỀN TÔNG KHÓA HƯ NGŨ LỤC

Trần Thái Tông

Tuệ Tĩnh dịch Nôm; Khảo cứu-phiên chú:

Trần Trọng Dương

Hiệu đính: *GS. TS. Nguyễn Ngọc San*

Nxb Văn Học – 2009. Sách dày hơn 200 trang, bìa cứng. Nội dung gồm có 3 phần: Ảnh Trần Thái Tông, Mục lục, Lời cảm ơn, Bảng kí hiệu chữ viết tắt; *Phần I. Khảo cứu*, Thời điểm giải nghĩa *Thiền tông Khóa Hư Ngữ Lục* qua khảo sát một số chứng tích ngôn ngữ-văn tự, 1. Lai lịch và hiện trạng văn bản, 2. Vấn đề dịch giả và niên đại của bản dịch, 2.1 Vấn đề dịch giả, 2.2 Vấn đề niên đại của bản dịch, 3.

Tình hình chữ Nôm trong văn bản, 4. Ngữ âm tiếng Việt cổ, 4.1 Loại chữ Nôm dùng hai mã chữ để ghi những từ song âm tiết, 4.2 Loại chữ Nôm dùng một mã chữ để ghi tổ hợp phụ âm đầu, 5. Từ vựng tiếng Việt cổ, 5.1 Thực từ, 5.2 Hư từ tiếng Việt cổ, Phụ lục: 1. Bảng Thống kê các đoạn bỏ dịch trong AB. 268; 2. Bảng Đính chính các chữ Nôm viết sai trong văn bản AB. 268; 3. Bảng Từ cổ trong Thiên tông Khóa Hư Ngữ Lục AB. 268; *Phần II. Phiên chú, Thiên tông Khóa Hư Ngữ Lục*, Tựa, Trần triều Thánh tổ tự soạn Khóa hư tam quyển mục lục, Thái tông Hoàng đế ngự chế Khóa hư lục quyển thượng: Phổ thuyết Tứ sơn (Nói rộng về bốn núi), Nhất sơn, Nhị sơn, Tam sơn, Tứ sơn; Phổ khuyến sắc thân, Phổ khuyến Bồ-đề tâm, Thái tông Hoàng đế Ngự chế Khóa hư lục quyển trung: Dẫn thì cảnh sách chúng kệ, Sơ nhật chúc hương, Hiến hương kệ, Hiến hoa kệ, Này lời sám hối tội căn con mắt, Sơ nhật vô thường kệ, Nhật trung chúc hương, Sám hối nhĩ căn tội, Thử nhật vô thường kệ, Nhật một phần hương, Lễ sám hối tứ căn tội; Thái tông Hoàng đế Ngự chế Khóa hư lục quyển hạ: Hoàng hôn khuyến chúng kệ, Nay kệ bát khổ nói rằng, Sơ dạ chúc hương, Khải bạch văn, Sám hối thiệt căn tội, Chí tâm phát nguyện, Thử thì vô thường kệ, Hậu dạ chúc hương, Khải bạch văn, Sám hối ý căn tội, Chí tâm khuyến tỉnh, Chí tâm tùy hỷ, Chí tâm hồi hướng, Chí tâm phát nguyện, Thử thì vô thường kệ; Bạt hậu văn; *Phần III. Nguyên văn chữ Hán*.

THIÊN THẮT KHAI THỊ LỤC

Tác giả: *Thiên sư Lai Quả (1881-1953)*

Việt dịch: *Thích Duy Lực (1923-2000)*

Từ Ân Thiên Đường xuất bản năm 1991.

Tác phẩm Lục này gồm có: Tiểu sử Thiên sư Lai Quả; Thiên Thắt Khai Thị Lục:

Pháp ngữ khởi thất, Khởi thất, Khai thị từ ngày 16/10 đến ngày 27/11 (từ Thất đầu đến thất sáu, mỗi ngày đều khai thị); tiếp tục Khai thị ngày 01/12 đến ngày 27/12 (từ Thất bảy đến thất mười, hầu hết mỗi ngày đều có khai thị, chỉ ngưng vài ngày); Khảo công phu và giải thất.

TRÍ ĐỨC VĂN LỤC

Tác giả:

HT. Thích Thiện Siêu (1921-2001)

Sưu tập: *Thích Trung Hậu*

PL. 2527 – DL. 1983, Lưu hành nội bộ.

Tác phẩm Lục này gồm có: Lời thưa đầu quyển, Tiểu sử, Kinh Dược Sư (Toát yếu), Từ bi, Luân hồi, Đại ý Kinh Vu Lan, Bất diệt trong sanh diệt, Chữ “Tu” trong đạo Phật, Thường Bất Khinh Bồ-tát, Giải thoát một mục đích, Đại ý Kinh Lăng Nghiêm, Tâm Từ bi, Cầu thấy Phật, Bồ-tát danh và thiệt, Muốn được yên vui sanh tồn, Vài chủ điểm trong lối giáo dục, Tám trai giới và phụ lục, Giới thiệu Phát Bồ-đề tâm, Nhận xét nghi lễ Phật giáo, Lịch sử Phật giáo, Giới thiệu Quyển Di-đà số sao, Giới thiệu Phật pháp thường thức, Giới thiệu tập Hương Đạo, Pháp thoại nói với người xuất gia, Lý Luân hồi hay Thập Nhị nhân duyên, Tứ Thánh đế, Bài giảng trong dịp Lễ Vu Lan, Để phân biệt Phật pháp với ngoại đạo, Nhất thừa đạo, Nhà Như Lai-tòa Như Lai-áo Như Lai, Giới thiệu Phật pháp thường thức 2, Khai đạo giới tử (Thập thiện), Đại cương Kinh Kim Cang, Giới thiệu Câu chuyện Số mệnh, Giới thiệu Đại cương Kinh Pháp Hoa, Nhứt thiết duy tâm tạo, Lược ghi thứ tự 23 phẩm Kinh Pháp Hoa.

(www.thuvienphatgiao.com)

TRIỆU CHÂU NGŨ LỤC

Tác giả: *Thiên sư Triệu Châu –*

Tông Thâm (778-897)

Việt dịch: *Dương Đình Hy*

(dịch theo tài liệu của Lu Sơn Thê Hiền Bảo Giác Thiền viện Trụ trì truyền pháp Tứ tử; Sa-môn Trừng Quế Trọng Tường Định; Bản khắc của Minh Thanh và bản của James Green).

Tác phẩm Lục này có 522 đoạn.

(<https://thuvienhoasen.org>, *Thiền/ Ngữ lục*)

TRIỆU CHÂU NGŨ LỤC

Tác giả: *Thiền sư Triệu Châu – Tùng Thâm (778-897)*

Việt dịch: *Thích Thông Phương*

Nxb Tôn Giáo, PL. 2555 – DL. 2011

Tác phẩm Ngũ lục này gồm có: 1. Lời dẫn, 2. Hành trạng, 3. Ngũ lục, 4. Đối cơ khám biện, 5. Khúc ca 12 giờ, 6. Thập nhị thời ca.

TRUNG PHONG PHÁP NGŨ - LÂM TẾ NGŨ LỤC

Việt dịch:

HT. Thích Duy Lực (1923-2000)

Nxb Tôn Giáo, PL. 2554 – DL. 2010

Sách có khổ 14.5 x 20.5cm, có hơn 105 trang, bìa mềm. Tác phẩm này có 2 phần. *Phần I. Trung Phong Pháp ngữ*, Lời đầu sách, Khai thị đồ chúng, Khai thị thị chúng, Kiết hạ khai thị chúng ở Thuận Tâm am, Khai thị chúng Phát Bồ-đề tâm, Khai thị thị chúng, Khai thị thiền nhân Chánh Văn, Khai thị thiền nhân Khả Ông Nhiên ở Hải Đông, Khai thị Thủ tọa Linh Tẩu Cổ, Khai thị Thủ tọa Uyên ở Hải Đông, Khai thị thiền nhân Vô Địa Lập, Khai thị Thượng chủ Phù, Khai thị thiền nhân Nhật Bản Nguyên, Khai thị Thị giả tự Hải Văn, Khai thị thiền nhân Ý, Khai thị thiền nhân Nhân, Khai thị thiền nhân Diệu Nhiên, Khai thị thiền nhân Huyền, Khai thị thiền nhân Mục, Khai thị thượng nhân Dật, Khai thị thiền nhân Anh, Khai

thị thượng nhân Không ở Hải Đông, Khai thị thiền nhân Viên, Khai thị thiền nhân Vân, Khai thị Đầu-đà Đạo giả Chí Thành, Khai thị Thủ tọa Dưỡng Trục Mông, Khai thị thiền nhân ở Nam Từ, Khai thị thiền nhân Vô Ân Hối, Khai thị thiền nhân Bách Tây Đinh, Pháp ngữ trích từ Bộ Quảng lục, Túc Hưu ca, Bài ca Liên thôi; *Phần II. Lâm Tế Ngũ lục*, Lời dịch giả, Lâm Tế Ngũ lục.

TRUYỀN TÂM PHÁP YẾU

Giảng Giải

Giảng giải: *HT. Thích Thanh Từ*

Nxb Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh – 2007

Sách có khổ 14.5 x 20.5cm, dày 209 trang, bìa mềm. Nội dung sơ lược gồm có: Lời đầu sách, Tựa, Pháp Yếu Truyền Tâm-Thiền sư Đoạn Tế ở núi Hoàng Bá (nội dung văn bản phân ra từng đoạn: Chánh văn và Giảng).

UYỄN LĂNG LỤC Giảng Giải

Giảng giải: *HT. Thích Thanh Từ*

Nxb Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh – 2007

Sách có khổ 14.5 x 20.5cm, có 166 trang, bìa mềm, chữ tựa màu nâu đỏ. Nội dung gồm có: Lời đầu sách, *Uyển Lăng Lục* (được phân thành từng đoạn giảng giải, gồm: Chánh văn và Giảng); Tiểu sử Thiền sư Hoàng Bá.

Tác phẩm Lục này đã được in lưu hành nội bộ năm PL. 2547 – DL. 2003, có 201 trang.

UYỄN LĂNG LỤC Giảng Giải

Giảng giải: *Trúc Thông Quang*

Nxb Tôn Giáo – 2010

Sách có khổ 14.5 x 20.5cm, dày hơn 324 trang. Nội dung gồm có: Duyên khởi, Mở đầu, Phần Hỏi-Đáp và lời giảng (gồm có 15 câu hỏi-đáp và giảng), Tổng kết, Kết.

300 TẮC THIÊN NGŨ

Tác giả: *Chung Học Tử*

Việt dịch: *Thông Thiên*

Nxb Thời Đại – 2014

Sách có khổ 13 x 21cm, dày 360 trang.

Nội dung gồm có 300 tắc Thiền ngữ trong

14 đề mục: Lời đầu sách, Tựa của Tác giả;

1. Tự cụ Phật tánh, 2. Đốn ngộ thành Phật,

3. Nhận thức tự ngã, 4. Bình thường tự

nhiên, 5. Nhất ty bất quấy, 6. Nhất thiết

bất vi, 7. Bất lập văn tự, 8. Thạch hỏa điện

quang, 9. Ha Phật mạ Tổ, 10. Siêu thường

xuất cách, 11. Vạn pháp như nhất, 12. Thị

tử như quy, 13. Xứ xứ hữu thiên, 14.

Thiền thiền Thiền đăng.

Phụ lục:

CẢNH ĐỨC TRUYỀN ĐĂNG

(30 quyển, T. 51, S. 2076)

Tác giả: *Đạo Nguyên Toản*

Việt dịch: *Minh Tuệ-Dương Thanh Khải*

ĐỘNG SƠN NGŨ LỤC

(1 quyển, T. 47, S. 1986b)

Tác giả: *Thiền sư Động Sơn –*

Lương Giới (807-869)

Việt dịch: *Đạo Tâm*

Tác phẩm Lục này có 41 trang (PDF).

(www.thientongvietnam.net)

NGŨ LỤC CỦA THIÊN SƯ QUÂN CHÂU ĐỘNG SƠN NGỘ BỒN

(Quân Châu Động Sơn Ngộ Bồn Thiền sư
Ngũ lục) (1 quyển, T. 47, S. 1986a)

Huệ Ấn

Việt dịch: *Thích Đạo Tâm*

NGŨ LỤC CỦA THIÊN SƯ VIÊN CHÂU NGƯỠNG SƠN HUỆ TỊCH

(Viên Châu Ngưỡng Sơn Huệ Tịch Thiền
sư Ngũ lục) (1 quyển, T. 47, S. 1990)

Biên tập: *Ngữ Phong Viên Tín, Quách
Ngưng Chi*

Việt dịch: *Thích Đạo Tâm*

QUI SƠN NGŨ LỤC (Đàm Châu Quy Sơn Linh Hựu Thiền sư Ngũ lục)

(1 quyển, T. 47, No. 1989)

Tác giả: *Thiền sư Qui Sơn –*

Linh Hựu (771-853)

Biên tập:

Ngữ Phong Viên Tín, Quách Ngưng Chi

Việt dịch: *Đạo Tâm*

Tác phẩm Lục này có 33 trang (PDF).

(www.thientongvietnam.net)

Thiền Tông KHÓA HƯ NGŨ LỤC

Tác giả: *Trần Thái Tông*

Việt dịch: *Tuệ Tĩnh*

Nxb Văn Học – 2009

THIÊN UYÊN KẾ ĐĂNG LỤC

Nguyên tác: *Sa-môn Như Sơn*

Việt dịch: *Thích Thiện Phước*

Nxb Hồng Đức – 2015

VẠN PHÁP QUI TÂM LỤC

(1 quyển, X. 65, S. 1288)

Siêu Minh Trước

Việt dịch: *Thích Đắc Pháp (1938-2012)*

III. TỪ ĐIỂN

PHẬT HỌC TỪ ĐIỂN

Biên soạn: Đoàn Trung Còn (1908-1988)
Nxb Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh – 2009
Từ điển có khổ 16 x 24cm, dày 1.558 trang, bìa cứng, màu đỏ, chữ vàng. “Cách trình bày *Phật học Từ điển* này, *Phần thứ nhất*, tra cứu theo chữ Pháp, chữ Phạn, chữ Hán, chữ Tây Tạng, bốn thứ danh từ này âm theo chữ La-mã (Âu Mỹ), để dễ dàng cho những bạn đọc kinh Phật bằng chữ Âu châu, khi gặp danh từ Phật giáo mà muốn tra cứu...; *Phần thứ hai* (nội dung: Từ chữ A tới chữ Y) đây là phần quan trọng, phần này sắp xếp theo vần Việt ngữ A-B-C, có chua chữ Hán và chữ Pháp, cũng có chua những chữ âm theo Hán, Nhật, Tây Tạng, Phạn bằng chữ La mã... Cuối cùng là *Phần Phụ lục* ghi chép một số danh từ triết học, ngoại giáo”.

Tác phẩm Từ điển này đã được Phật học Tông thư xuất bản năm 1966 Tập nhứt (Từ A đến H) -in kỳ đầu, Giấy phép số 1.266 B.T.T BC3/XB ngày 29-4-1966, Tập này dày 616 trang, bìa mềm, nền trắng, chữ tựa màu đen; năm 1967, Phật học Tông thư tiếp tục xuất bản Tập nhì (tt. H đến T), Giấy phép số 3292 B.T.T BC3/XB ngày 26-10-1967, dày 800 trang, bìa mềm; năm 1968, xuất bản Tập ba (tt. T đến X), Giấy phép số 276 B.T.T BC3/ XB ngày 18-1-1968, từ tr.801 đến tr. 1530, bìa mềm.

PHẬT HỌC TỪ ĐIỂN – BUDDHIST DICTIONNARY VIETNAMESE-ENGLISH VIET-ANH

Soạn giả: *Thiện Phúc*
Tổ đình Minh Đăng Quang, 3010W.
Harvad Street Santa Ana, CA 92704 USA
Tel & Pax (714) 437-9511

Vietnamese – English Việt – Anh I (A to Đ, E to H); Vietnamese – English Việt – Anh II (I to M, M to N, N to NH); Vietnamese – English Việt – Anh III (O to S, TA to TO); Vietnamese – English Việt – Anh IV (TH to Y, TU to TY); Vietnamese – English Việt – Anh V (A to Z, A to Y).

English – Vietnamese Anh – Việt I (A – B); English – Vietnamese Anh – Việt II (C – D); English – Vietnamese Anh – Việt III (E – F); English – Vietnamese Anh – Việt IV (G – K); English – Vietnamese Anh – Việt V (L – N); English – Vietnamese Anh – Việt VI (O – R); English – Vietnamese Anh – Việt VII (S); English – Vietnamese Anh – Việt VIII (TA – TE); English – Vietnamese Anh – Việt IX (TH – TZ); English – Vietnamese Anh – Việt X (U – Z). (<https://thuvienhoasen.org>)

PHẬT QUANG ĐẠI TỪ ĐIỂN – Trọn bộ 8 Tập

Dịch giả:

Sa-môn Thích Quảng Độ (1928-2020)

Nxb Phương Đông – 2014

Từ điển có khổ 16 x 24cm, dày 8.146 trang, bìa cứng, nền đỏ, chữ tựa mạ vàng. *Phật Quang Đại Từ Điển* được biên tập bởi 50 học giả Phật giáo thuộc Phật Quang Đại Tạng Kinh Biên Tu Ủy viên hội ở Đài Loan biên soạn bằng Hoa ngữ trong 10 năm (1978-1988) và do Phật Quang Xuất Bản xã ấn hành gồm 7 tập, dày 6.984 trang, khổ 15 x 22cm, chứa đựng 22.608 từ độc lập và bảy triệu chữ giải thích các từ, và có riêng 1 tập Sách dẫn. Riêng tại Việt Nam, HT. Quảng Độ phải mất 7 năm mới dịch xong (1990-1997).

Tập 1, dày 1533 trang, gồm có: Giấy Ủy quyền, Thay Lời tựa, Phạm lệ I, Phạm lệ II, Mục lục Tập 1, nội dung từ vần: A, B, C, D;

Tập 2, từ tr. 1.543 đến tr. 2.988, gồm có: Phàm lệ, Mục lục Tập 2, nội dung gồm vần: Đ, E, G, H, I, K;

Tập 3, từ tr. 2.999 đến tr. 4.460, gồm có: Phàm lệ, Mục lục Tập 3, nội dung gồm vần: L, M, N;

Tập 4, từ tr. 4.471 đến tr. 5.731, gồm có: Phàm lệ, Mục lục Tập 4, nội dung từ vần: O, Ô, P, Q, S, T;

Tập 5, từ tr. 5.743 đến tr. 6.964, gồm có: Phàm lệ, Mục lục Tập 5, nội dung vần: T;

Tập 6, từ tr. 6.975 đến tr. 8.146 (hết), gồm có: Mục lục Tập 6, nội dung từ vần: T, U, V, X, Y.

Sách dẫn Phật Quang Đại Từ Điển, 2 Tập Tập I, dày 805 trang, nội dung gồm: Phàm lệ Sách dẫn Việt văn và Ngoại văn, Mục lục (Sách dẫn Phật Quang Đại Từ Điển): A, B, C, D, Đ, Ê, G, H, I, K, L, M, N, O;

Tập II, dày 781 trang, nội dung gồm: Mục lục (Sách dẫn Phật Quang Đại Từ Điển): P, Q, R, S, T, U, V, X, Y.

Bộ Đại Từ điển này được tái bản nhiều lần: Năm 2000, HT. Tịnh Hạnh thuộc Hội Văn hóa Giáo dục Linh Sơn Đài Bắc cho xuất bản lần đầu tiên tại Đài Loan (gồm 6 tập nội dung, từ vần A-Y và 2 tập Phụ lục); năm 2012 tái bản, Nxb Quê Mẹ tại Paris và phát hành ở Hoa Kỳ với 6 tập, dày 7.374 trang, in trên bìa da mạ vàng, toàn bộ đóng thành hộp và ấn loát.

TỰ ĐIỂN PÀLI – VIỆT NAM (Thu ngắn) A.P. BY BUDDHADATTA – MAHATHERA

Soạn giả: *Nàga Mahà Thera:*

Bửu Chơn (1911-1979)

Ấn hành PL. 2521 – DL. 1976, khổ 15 x 21cm, có 340 trang.

Toàn bộ Tự điển này gồm có: Bài tựa, Lời nói đầu, Những chữ viết tắt (Abbreviations), Những chú ý; Nội dung, cách trình bày các mục từ được xếp theo

thứ tự mẫu tự Pàli như sau: A, À, I, Ì, U, Û, E, O, K, KH, G, GH, N, C, CH, J, JH, N, T, TH, D, DH, N, T, TH, D, DH, N, P, PH, B, BH, M, Y, R, L, V, S, H.

TỰ ĐIỂN BÁCH KHOA PHẬT GIÁO VIỆT NAM – 2 Tập

Chủ trương: *Thích Trí Thủ (1909-1984)*

Chủ biên: *Lê Mạnh Thát*

Tu Thư Vạn Hạnh xuất bản (Tp. Hồ Chí Minh)

Từ điển Bách khoa này đã xuất bản được 2 tập. Tập 1 (ấn hành 1980), vần A, từ A đến chữ A-di-đà; Tập 2 (ấn hành 1981), vần A, từ chữ A-di-đà (Tịnh độ giáo) đến A-di-đà tự.

Từ điển Bách Khoa PGVN này được tái bản năm 2005 tại Hoa Kỳ, 2 tập, khổ 15 x 20.7cm, bìa cứng.

TỰ ĐIỂN DANH TỪ RIÊNG PÀLI Dictionary of Pàli Proper Names – Quyển 1

Biên soạn: *G.P. Malalasekera*

Việt dịch: *Cư sĩ Chơn Quán – Trần Ngọc Lợi*

Nxb Tôn Giáo, PL. 2557 – DL. 2013

Từ điển có khổ 14 x 20cm, dày 767 trang, bìa mềm, nền màu xanh, chữ tựa màu vàng và trắng. Nội dung gồm có: Lời người dịch, Bảng Mẫu tự Pàli, Bảng Chữ tắt, Lời nói đầu, Cách sử dụng Tự điển, và các Danh từ riêng Pàli.

TỰ ĐIỂN PHÁP SỐ TAM TẠNG

Chủ biên (Hán ngữ):

Pháp sư Thích Nhất Như

Hiệu đính: *Đình Phúc Bảo*

Việt dịch: *Cư sĩ Lê Hồng Sơn*

Nxb Phương Đông – 2011. Từ điển có khổ 16 x 24cm, dày 985 trang, bìa cứng. Từ điển này nguyên là sách *Tam Tạng Pháp Số* ra đời vào triều đại nhà Minh (Trung

Quốc), niên hiệu Vĩnh Lạc (1424), do Pháp sư Thích Nhất Như vâng chiếu vua biên soạn, có 55 quyển, 1555 điều, mỗi danh từ đều có số đi kèm, nên gọi là Pháp số. Đặc biệt, mỗi danh từ đều có nêu xuất xứ từ Kinh, Luật, Luận và chú số nào. *Từ điển Pháp số Tam tạng* gồm có: Lời tựa, Nội dung Từ điển các mục từ được xếp theo thứ tự pháp số (âm Hán) Nhất, Nhị, Tam, Tứ, Ngũ, Lục, Thất, Bát, Cửu, Thập, Thập nhất, Thập nhị, Thập tam, Thập tứ, Thập ngũ, Thập lục, Thập thất, Thập bát, Nhị thập, ... Bát vạn tứ thiên.

TỪ ĐIỂN PHÁP TƯỚNG TÔNG

Duy Thức Danh Từ Bạch Thoại tân giải

Biên soạn: *Vu Lăng Ba*

Viết dịch: *Tỳ-kheo Thích Giác Trí –*

Cư sĩ Lê Hồng Sơn

Nxb Hồng Đức – 2016

Từ điển có khổ 15 x 24cm, dày hơn 706 trang, bìa cứng. Nội dung sơ lược gồm có: Lời giới thiệu, Tựa; và hơn 1500 danh từ Duy Thức học tân giải.

TỪ ĐIỂN PHẬT HỌC

Ban Biên Dịch Đạo Uyển

*Chân Nguyên-Nguyễn Tường Bách-
Thích Nhuận Châu*

Nxb Thời Đại – 2011

Từ điển có khổ 16 x 24cm, dày hơn 991 trang, bìa cứng.

Nội dung sơ lược gồm có: Vài nét về lần tái bản thứ nhất 2005, Lời nói đầu (lần xuất bản 1999), Cách sử dụng sách, Phạn, Pàli và Tạng ngữ, Hoa ngữ, Nhật ngữ, Viết tắt, Vài nét về kỹ thuật thực hiện, Cảm tạ, Ban Biên dịch Đạo Uyển; Vần A, A-chin-ta... đến vần Y, Z; Tông Tào Động, Lâm Tế Tông, Vân Môn Tông, Pháp Nhãn Tông, Cội nguồn của phong trào Ngũ Sơn, Bước du nhập của Tông Lâm Tế tại Nhật Bản, Nhật bản Đạt-ma

tông, Dòng Minh Am Vinh Tây, Pháp Đăng phái, Thánh Nhất phái, Huyền Trụ phái, Hoàng Bá tông, Mộng Song phái, Nguyệt Am phái, Tuyết Giang phái, Thiên phái Trúc Lâm Yên Tử, Thiên phái Thảo Đường, Tông Tào Động truyền sang miền Trung, Tông Tào Động truyền sang miền Bắc, Tông Lâm Tế truyền sang miền Nam, Tông Lâm Tế truyền sang miền Bắc; Thư mục tham khảo, Mục lục tra cứu.

Từ điển này đã xuất bản năm 1999, Nxb Thuận Hóa – Huế; tái bản năm 2006, Nxb Tôn Giáo.

TỪ ĐIỂN PHẬT HỌC

(Anh – Hán – Việt)

Nguyên Bản CJKV DICTIONARY

Biên soạn: *Charlers Muller*

Viết dịch: *Thích Nhuận Châu*

Nxb Hồng Đức – 2018. Từ điển có khổ 16 x 24cm, dày 691 trang, bìa cứng.

Nội dung gồm có: Lời thưa, Phạm lệ, mục từ sắp theo mẫu tự tiếng Việt: A, B, C, D, Đ,.... đến X, Y.

TỪ ĐIỂN PHẬT HỌC HÁN VIỆT,

I – II

Giáo hội Phật giáo Việt Nam

Phân Viện Nghiên cứu Phật học

Chủ biên: *Kim Cương Tử (1914-2001)*

Các soạn giả: *Thích Quảng Độ, Trương Đình Nguyên, Vũ Tá Nhí, Mai Xuân Hải, Đỗ Văn Hy, Ngô Đức Thọ, Nguyễn Văn Phát, Nguyễn Tương Lai, Lương Gia Tĩnh, Nguyễn Thị Quế, Thích Thanh Ninh*

Hiệu duyệt: *Kim Cương Tử, Thích Phổ Tuệ, Thích Quảng Độ, Thích Thanh Kiểm, Thích Thanh Tú, Hà Văn Tấn, Trương Đình Nguyên*

Quyển I, Phân Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam (Hà Nội), xuất bản năm 1992, khổ 17 x 24cm, dày 1098 trang, bìa cứng. *Quyển I*, gồm có: Mấy dòng nói đầu, Vài

lời của nhóm biên soạn, Phạm lệ, Lời cảm ơn, Từ điển: từ vần A đến N.

Quyển II, Phân Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam (Hà Nội), xuất bản năm 1994, khổ 17 x 24cm, dày 1029 trang, bìa cứng, từ vần O đến Y; cuối sách là Mục lục Tra cứu: A, B, C,... Toàn bộ 2 quyển *Từ điển Phật học* này có khoảng 20.000 từ điều (mục từ). Mỗi mục từ được miêu tả theo qui thức: a. Tên mục từ ghi bằng âm Hán Việt phổ thông, b. Viết nguyên văn chữ Hán dạng phồn thể ở các mục từ chính, c. Viết chữ Phạn đã được La-tinh hóa ở một số mục từ chính, d. Chuyển dịch một số từ sang tiếng Việt, đ. Phân môn loại để trong ngoặc đơn, e. Giải thích nội dung và dẫn dụ để minh họa (dẫn giải).

TỪ ĐIỂN PHẬT HỌC HUỆ QUANG (Trọn bộ 8 tập)

Chủ biên: *Thích Minh Cảnh (1937-2018)*

Ban Biên soạn: *Thích Phước Cẩn, Thích Thông Thiên, Thích Nhật Trí, Thích Nguyên Hiền, Thích Nguyên Chơn, Thích Viên Khai, Thích nữ Nhật Đạo, Thích nữ Như Hiếu, Thích nữ Từ Huyền, Thích nữ Đạt Hạnh, Cư sĩ Định Huệ, Cư sĩ Nguyễn Hiền Đức.*

Ban Phiên dịch: *HT. Thích Hân Hiền, TT. Thích Nhật Quang, TT. Thích Minh Nghĩa, TT. Thích Tịnh Thuận, TT. Thích Hoàng Từ, ĐĐ. Thích Thông Phương, ĐĐ. Thích Nhật Từ, ĐĐ. Thích Thông Hội, ĐĐ. Thích Thông Huệ, ĐĐ. Thích Kiến Châu, ĐĐ. Thích Tịnh Thường, ĐĐ. Thích Hoàng Tấn, ĐĐ. Minh Thanh, ĐĐ. Nguyên Viên, ĐĐ. Chiếu Sáng, ĐĐ. Vạn Hạnh, SC. Tuệ Đăng, Chư Ni Tu viện Viên Chiếu, SC. Như Giác, SC. Viên Nhã, SC. Từ Nguyên, SC. Như Huệ, SC. Như Khương, SC. Hạnh Huệ, SC. Như Thủy, SC. Diệu Phúc, SC. Diệu Đức, SC. Nhật Nhẫn, SC. Như Lộc, SC. Chơn Minh, SC.*

Tịnh Cảnh; các Cư sĩ: Võ Văn Quời, Trí Không, Nguyễn Văn Mãi, Thiện Tịnh; Lớp luyện dịch Hán Nôm Huệ Quang khóa 1; Tập thể thành viên Trung tâm Phiên dịch Huệ Quang; Giảng viên, Chư Tăng Ni lớp Cao cấp, Trường Doanh Thương Trí Dũng.

Nxb Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh (2003 – 2007). Từ điển có khổ 21 x 29.7cm, bìa cứng, cả bộ dày hơn 7.246 trang. Toàn bộ Từ điển gồm có: 1. Hội đồng Chứng minh, 2. Hội đồng Thẩm định, 3. Lời giới thiệu, 4. Lời nói đầu, 5. Ban Biên soạn và Ban Phiên dịch, 6. Thư của Hội Phật Quang Sơn, 7. Hướng dẫn sử dụng Từ điển (Phạm lệ), 8. Nội dung, Bộ Từ điển này gồm hơn 23.000 mục từ chính và hơn 3.000 hình ảnh minh họa, được tổ chức thành 08 tập Nội dung và 01 tập *Mục lục tra cứu* (trong đó gồm 100.000 mục từ có nghĩa tương đương với 23.000 mục từ chính). Nó chứa đựng các thuật ngữ, pháp số, tên người, tên đất (xứ), tên tác phẩm, tông phái, tự viện, văn học, nghệ thuật, công án, nghi thức, pháp khí cũng như các vấn đề lịch sử liên quan đến các nước có Phật giáo như Ấn Độ, Tích Lan, Miến Điện, Thái Lan, Campuchia, Trung Quốc, Nhật Bản, Triều Tiên, Tây Tạng, Mông Cổ và Việt Nam. Thứ tự các mục từ được sắp xếp theo bảng mẫu tự tiếng Việt: A, (Á, A); B, C, CH, D (Đ), E, (Ê), G, H, I, K, KH, L, M, N, NG, NGH, NH, O (Ô), P, Q, S, T, TH, TR, U (U), V, X, Y. Cách trình bày các mục từ: - Số tự mục từ, - Nguyên ngữ của mục từ, - Tên bộ phận hạng mục, - Các tên gọi khác...

Tập I, xb năm 2003, dày 1023 trang, gồm có: Hội đồng Chứng minh, Hội đồng Thẩm định, Lời giới thiệu, Lời nói đầu, Ban Biên soạn và Ban Phiên dịch, Thư của Hội Phật Quang Sơn, Hướng dẫn sử dụng

Từ điển (Phạm lệ), Nội dung: các vần A, B, C, CH; Tán thán công đức.

Tập II, xb năm 2003, từ trang 1025 – 2091, các vần D, Đ, E, G, H.

Tập III, xb năm 2004, từ trang 2093 – 3121, các vần I, K, KH, L, M, N, NG, NGH.

Tập IV, xb năm 2004, từ trang 3123 – 4019, các vần NH, O, PH, QU, S.

Tập V, xb năm 2005, từ trang 4021 – 4990, vần T.

Tập VI, xb năm 2005, từ trang 4991 – 5732, vần TH.

Tập VII, xb năm 2005, từ trang 5733 – 6244, các vần U, Ư, X, Y.

Tập VIII, xb năm 2007, dày 1012 trang. Mục lục tra cứu (theo mẫu tự tiếng Việt) và các Thuật ngữ Phật học tiếng nước ngoài.

Bộ Từ điển này tái bản năm 2016, Trọn bộ 8 tập, khổ 21 x 29.7cm, bìa cứng, cả bộ dày hơn 7.246 trang.

TỪ ĐIỂN PHẬT HỌC Tinh Tuyển

Biên soạn: *Thích Nguyên Tâm*

Nxb Phương Đông – 2012

Từ điển có khổ 16 x 24cm, dày hơn 1560 trang, bìa cứng.

“Tác phẩm này là tập thành của những chú thích do tác giả biên soạn trong quá trình phiên dịch, chú giải, soạn tập các tác phẩm như *Mỗi Ngày Một Câu Chuyện Thiền*, *Lịch Sử Thiền Học tập I*, *Tinh Hoa Phật Giáo Nhật Bản tập I & II*, *Sớ Điệp Công Văn tập I*, *Bản Công Văn Thủ Bút Của Hòa Thượng Giác Tiên...*” “có nhiều mục từ được tinh tuyển và biên soạn từ những thư tịch văn học Phật giáo Nhật Bản của những nhà Phật học Nhật Bản nổi tiếng như Mochizuki, Naoshiro Tsuji, Daisetsu Teitaro Suzuki, từ những bài nghiên cứu Phật học trong bộ *Journal of Indian and Buddhist studies* do Hội Phật Học và Ấn

Độ Học Nhật Bản của Đại học Tokyo chủ biên hay những chú thích được lấy ra từ trong những tác phẩm mà tác giả đã tuyển chọn để phiên dịch, chú thích...”. Nội dung sơ lược gồm: Lời Phi lộ, Lời Giới thiệu, Các chữ viết tắt, Thư mục tham khảo và các mục từ Phật học tinh tuyển.

TỪ ĐIỂN PHẬT HỌC TUỆ QUANG – 2 Tập

TUỆ QUANG DICTIONARY OF BUDDHIST TERMS

Vietnamese-Chinese-Sanskrit-English

(Việt-Hán-Phạn-Anh)

Chủ biên: *Nguyễn Hiến*

Nguyễn Hồng – Nguyễn Tánh

Nxb Phương Đông – 2015

Từ điển có khổ 16 x 24cm, 2 tập dày 2909 trang, bìa cứng.

Tập I, dày 1245 trang, nội dung gồm: Tựa Từ điển Phật học Tuệ Quang, Việt – Hán – Phạn – Anh (Dictionary of Buddhist Terms), Phạm lệ, từ vần A... đến N; *Tập II*, từ tr. 1545 đến tr. 2909, từ vần O... đến Y; Phụ lục 1, Phụ lục 2, Phụ lục 3, Phụ lục 4.

TỪ ĐIỂN PHẬT HỌC ONLINE

Từ điển này gồm nhiều nguồn từ điển kết hợp, hiện có 93.344 mục từ và sẽ được cập nhật thường xuyên.

TỪ ĐIỂN THIÊN & THUẬT NGỮ PHẬT GIÁO DICTIONARY OF ZEN & BUDDHIST TERMS, VIỆT – ANH VIETNAMESE – ENGLISH

Biên soạn: *Thiền Phúc*

Bộ Từ điển này ấn hành năm 2015, gồm có 12 quyển, gần 7.000 trang khổ lớn.

Volume One: Việt – Anh từ A đến B – Vietnamese – English From A to B

Volume Two: Việt – Anh Mẫu tự C – Vietnamese – English Letter C
 Volume Three: Việt – Anh từ D đến G – Vietnamese – English From D to G
 Volume Four: Việt – Anh từ H đến K – Vietnamese – English From H to K
 Volume Five: Việt – Anh từ L đến M – Vietnamese – English From L to M
 Volume Six: Việt – Anh từ N đến P – Vietnamese – English From N to P
 Volume Seven: Việt – Anh từ Q đến T – Vietnamese – English From Q to T
 Volume Eight: Việt – Anh từ TH đến TO – Vietnamese – English From TH to TO
 Volume Nine: Việt – Anh từ TR đến Y – Vietnamese – English From TR to Y
 Volume Ten: Việt – Anh từ A đến I – Vietnamese – English From A to I
 Volume Eleven: Việt – Anh từ J đến R – Vietnamese – English From J to R
 Volume Twelve: Việt – Anh từ S đến Z – Vietnamese – English From S to Z.
 (<https://thuvienhoasen.org>)

TỪ ĐIỂN THIÊN TÔNG HÁN - VIỆT

Biên dịch: *Hân Mẫn – Thông Thiên*
 Nxb Tp. Hồ Chí Minh – 2002
 Từ điển có khổ 14.5 x 20.5cm, dày 1078 trang, bìa cứng.
 Toàn bộ Từ điển này có trên 5.000 mục từ, gồm có: Lời nói đầu, Thê lệ chung, Nội dung, Từ điển có 5 phần: 1. *Thuật ngữ* (có trên 3.200 mục từ, gồm các loại: Thiên lâm phương ngữ, điển cố ngữ, khẩu ngữ của Thiền sư, thành ngữ dân gian Trung Quốc, hành nghiệp ngữ...), 2. *Nhân danh*, 3. *Địa danh*, 4. *Tác phẩm* và 5. *Phụ lục*: - Biểu đồ truyền thừa (15 biểu đồ về pháp hệ Thiên tông Trung Quốc, Ấn Độ, Nhật Bản trong đó có 4 biểu đồ liên hệ đến Thiên tông Việt Nam), - Bảng tra thuật ngữ Thiên tông, - Thư mục tham khảo, - Lược đồ sử Thiên tông Trung Quốc, -

Lược đồ sử Thiên tông Việt Nam. Cách trình bày các mục từ được xếp theo thứ tự mẫu tự tiếng Việt.

TỪ ĐIỂN THIÊN TÔNG

Tân Biên (2 tập)

Thiền Phái Trúc Lâm Việt Nam

Biên soạn: *Hân Mẫn – Thông Thiên*

Nxb Hồng Đức, PL. 2563 – DL. 2019

Từ điển có khổ 14.5 x 20.5cm, bìa cứng.

Tập I, từ A – O, dày 959 trang; *Tập II*, từ P – Y. Toàn bộ Từ điển này có 8.565 mục từ, gồm có 5 phần, với các mục: Lời nói đầu, Thê lệ chung, Chánh văn, Phần phụ lục: Các dòng kệ, Biểu đồ truyền thừa. Năm phần có: 1. *Thuật ngữ Thiên tông*: khoảng 5.500 mục từ (bao gồm các loại: Phật giáo ngữ, Thiên lâm dụng ngữ, Điển cố ngữ, Tục ngữ, Khẩu ngữ, Thành ngữ, Hành nghiệp ngữ, Tạp ngữ, Công án); 2. *Nhân danh* (Thiền sư Ấn Độ, Thiền sư Việt Nam, Thiền sư Nhật Bản, Thiền sư Cao Ly, Thiền sư đời Nam Bắc triều, Thiền sư đời Ngũ đại, Thiền sư đời Tống, Thiền sư đời Kim Nguyên, Thiền sư đời Minh, Thiền sư đời Thanh, Thiền sư Cận đại – Hiện đại, Đương đại, Đại sư Trung Hoa, Ni sư, Cư sĩ, Học giả); 3. *Địa danh* (Chùa, Thiền viện, Tháp, Núi); 4. *Tác phẩm* (Đăng lục, Ngữ lục, Truyện, Chí, Tác phẩm khác: Biên niên sử, Bút ký, Luận, Luận nghị, Lục, Niêm tụng bình xướng, Tụng, Tụng cô, Thanh quy, Thi ca biệt tập, Thi ca hợp tập); 5. *Phụ lục*: - 11 Biểu đồ về Pháp hệ Thiên tông Ấn Độ, Trung Quốc, Nhật Bản và 5 biểu đồ về pháp hệ Thiên tông Việt Nam, - 1 Bản đồ Thiên Đông độ, - 3 Bản đồ Thiên tông Việt Nam. Các mục từ được xếp theo thứ tự mẫu tự tiếng Việt.

TỪ ĐIỂN THUẬT NGỮ THIÊN TÔNG

Biên dịch: *Thông Thiên*

Nxb Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh – 2008

Từ điển có khổ 16 x 24cm, bìa cứng, dày 1059 trang. Nội dung sơ lược gồm có: Lời nói đầu, Thê lệ chung, Chính văn; Phần Phụ lục: Các dòng kệ, Bảng tra Thuật ngữ Thiên tông, Biểu đồ truyền thừa, Tham khảo, Lược đồ sử Thiên tông Trung Quốc, Lược đồ sử Thiên tông Việt Nam, Vị trí các chùa có Thiên sư Trụ trì.

Phụ lục:

DANH TỪ PHẬT HỌC Thực Dụng

Biên soạn: *Tâm Tuệ Hỷ*

Nxb Tôn Giáo – 2004

Sách có khổ 14 x 20cm, dày 602 trang, bìa cứng, chữ tựa có 2 màu: trắng và vàng, có hình hoa sen trong vòng tròn. Nội dung gồm có: Lời nói đầu, và các *Danh từ Phật học thực dụng* được sắp theo mẫu tự tiếng Việt: A, B, C,... Y.

DANH TỪ THIÊN HỌC chú giải

Biên soạn: *Thích Duy Lực (1923-2000)*

THPG Tp. Hồ Chí Minh ấn hành PL. 2539 – DL. 1995

Sách có khổ 14 x 20cm, có 69 trang. Toàn bộ tác phẩm có 302 mục từ thuật ngữ Thiên tông. Cách trình bày các mục từ được xếp theo thứ tự mẫu tự tiếng Việt.

TRÍCH LỤC TỪ NGỮ PHẬT HỌC (Quyển Thượng và Quyển Hạ)

Biên soạn: *Cư sĩ Hạnh Cơ*

Ban Bảo Trợ Phiên dịch Pháp tạng Việt Nam in lần thứ nhất,
California – USA, 2009

TỪ VỰNG PHẬT HỌC Thường Dùng

Biên soạn: *Trần Nghĩa Hiếu*

Giám định: *Pháp sư Trúc Ma*

Soạn dịch: *Giải Minh*

Nxb Phương Đông – 2007. Sách có khổ 14 x 20cm, dày 1095 trang, bìa cứng, chữ tựa màu trắng và màu xanh dương, có hình hoa sen. Nội dung gồm có: Lời giới thiệu, Tựa, và các Từ vựng Phật học thường dùng được sắp theo mẫu tự tiếng Việt: A, B, C, D, ... Y; sau cùng là Tài liệu tham khảo.

THUẬT NGỮ DUY THỨC HỌC

Soạn dịch: *Giải Minh*

Nxb Phương Đông – 2011

Sách có khổ 14.5 x 20.5cm, dày 454 trang, bìa mềm. Sách *Thuật ngữ Duy Thức Học* này do ngài Giải Minh dịch từ nguyên bản chữ Hán (chép tay) của Đại đức Thích Chơn Giác trao cho từ trước năm 1963, bên cạnh đó, dịch giả còn dựa vào các bản Duy Thức: Du-già-su-địa luận, Thành Duy Thức luận, Duy Thức Tam thập tụng, Duy Thức Phương tiện đàm,... rút ra những thuật ngữ để bổ sung vào tác phẩm. Nội dung sách gồm có: Lời ngỏ, và các thuật ngữ Duy Thức được trình bày theo mẫu tự tiếng Việt từ A (A-lại-da thức), B, C,... đến Y (Yêu tướng).

THUẬT NGỮ PHẬT HỌC Đối Chiếu

Thích Nhuận Châu

Nxb Hồng Đức, PL. 2563 – DL. 2019

Sách dày 330 trang, bìa cứng, chữ tựa mạ vàng. Nội dung gồm có: Lời nói đầu, và các *Thuật ngữ Phật học đối chiếu* được sắp theo mẫu tự: A, B, C, D, E, F, G, H, I, J, K, L, M, N, O, P, Q, R, S, T, U, V, W, X, Y, Z.

IV. MỤC LỤC DỊCH GIẢ-SOẠN GIẢ CỦA TÁC PHẨM

A

Chân An: 320

Cư sĩ Minh An: 246

Nguyên An: 1.163, 1.386, 1.391, 1.564, 1.642

Tâm An: 1.411

Vân Hà-Trần Thị Hồng Anh: 1.105

(Phật tử Khánh Anh) Thích Khánh Anh: 306, 924, 1.320, 1.461

Phương Anh: 1.496

Thích Tâm Anh: 1.310

Minh Đức-Triều Tâm Ảnh: 708, 1.106

Nhóm Diệu Âm: 145

Ban Dịch thuật Hán tạng Pháp Âm: 168

TK. Ni Hải Triều Âm: 166, 219, 273, 543, 743, 748, 755, 815, 950, 1.059, 1.145, 1.218, 1.231, 1.333, 1.477

Quảng Ân: 1564

Chùa Từ Ân (Huế): 678

TK. Thiên Ân: 235

TK. Ni Như Ân: 489

Thích Thuyền Ân: 1.456

B

Thích Minh Bá: 749, 759, 1.370

Thích Từ Bạch: 1.009

TN. Thuần Bạch: 180, 1.479

Ban Phiên dịch Chùa Pháp Bảo: 1.262

Thích Hạnh Bình: 153, 154, 1.429, 1.434, 1.496, 1.599

Quảng Bình: 1.564

Hương Bôi: 620, 995, 1.592

Đồng Bồn: 1.228

Thích Hạnh Bồn: 525

Ngộ Bồn: 590

Thích Quảng Bửu: 1.178, 1.277

Thích Thông Bửu: 398, 611

C

Thích Thanh Cát: 234, 265, 563

Thích Minh Cảnh: 414, 845

Thích Phước Căn: 228, 1.357

Đoàn Trung Còn: 33, 83, 87, 90, 93, 98, 109, 146, 188, 212, 326, 337, 347, 365, 409, 457, 472, 585, 653, 715, 720, 728, 804, 901, 905, 936, 1.002, 1.082, 1.343

Cư sĩ Hạnh Cơ: 370, 381, 509, 804, 820

Huyền Cơ: 128

TK. Giác Chánh: 1.630, 1.702, 1.708

Minh Chánh: 982, 1.509, 1.659

Thích Minh Chánh: 103, 274, 345, 1.235, 1.290, 1.331

Thích Pháp Chánh: 1.146, 1.176, 1.281, 1.283, 1.318, 1.319, 1.481, 1.677

Huỳnh Trung Chánh: 1.680

Thích Nhất Chân: 303, 661, 1.527, 1.674, 1.700

Thích Pháp Chất: 1.667

TN. Diệu Châu: 262

Thích Minh Châu: 85, 130, 269, 593, 596, 681, 694, 710, 767, 769, 775, 847, 1.014, 1.021, 1.022, 1.041, 1.045, 1.057, 1.076, 1.079, 1.668

Thích Nhuận Châu: 478, 750, 1.435, 1.552, 1.699

Thích Tâm Châu: 200, 218, 264, 297, 305, 367, 396, 439, 503, 524, 658, 662, 687, 701, 763, 1.394, 1.438

Thích Thanh Châu: 1.448

Thích Thiện Châu: 227, 231, 1.633

Thích Trí Châu: 1.458

Minh Chi: 1.610

Vọng Chí: 898

Nhật Chiêu: 141, 1.204, 1.208, 1.220, 1.228, 1.609

Thích Nhật Chiêu: 156, 471, 557, 1.206, 1.221, 1.233, 1.354

Thích Từ Chiêu: 645

Nhóm Thiền sinh Thiền viện Thường Chiêu: 27

Viên Chiêu: 1.023

Thích Giác Chính: 809

TK. Bửu Chơn: 1.348

Hạnh Chơn: 280, 1.036

Hữu Chơn: 1.653

Nguyên Chơn: 1.608

Thích Nguyên Chơn: 150, 349, 355, 490, 878, 1.067, 1.085, 1.180, 1.181, 1.191, 1.192, 1.194, 1.268, 1.312, 1.327, 1.558, 1.693

Thích Thiện Chơn: 644, 784, 1.153, 1.244, 1.256, 1.282, 1.353

Thích Nguyên Chứng: 845, 1.292, 1.381

Thiền Chủ: 165, 839, 869

D

Cao Dao: 1.399, 1.698
TK. Ni Hạnh Diệu: 1.267
Thích Huyền Diệu: 382
Viên Diệu: 641
Thích Đạt-ma Viên Diệu: 110
Liên Du: 663, 1.001
Thích Huyền Dung: 344, 1.099
Thích Tâm Dung: 76
TN. Thê Dung: 758, 1.248
(Indacanda) Trương Đình Dũng: 51, 53, 75, 120, 688, 899, 958, 976, 1.024, 1.026, 1.063, 1.080, 1.179, 1.217, 1.300, 1.301
Như Ninh-Nguyễn Hồng Dũng: 1.113, 1.114
Lý Việt Dũng: 845, 1.043, 1.316
Sur Thiện Duy: 1.669
Trần Văn Duy: 615
Thích Đạt Dương: 1.364

Đ

Đồng An-Hoàng Phước Đại: 290
Quảng Đại: 1.645
Tâm Đại: 1.564
Thích Đạt Đạo: 222
Đương Đạo: 25, 535, 802
Hạnh Đạo: 1.107
Hồng Đạo: 332
Thích Hồng Đạo: 226, 1.089
Thích Khế Đạo: 112
TK. Ngô Đạo: 1.664, 1.665
Thích Hằng Đạt: 13
TK. Minh Đạt: 63, 143
Thích Nhuận Đạt: 1.497, 1.589
Thích Tiến Đạt: 1.288, 1.309
Cư sĩ Viên Đạt: 239, 638, 993
Thích Huệ Đăng: 378, 379, 817, 825, 826, 827, 828, 829, 830, 831, 832, 833, 834, 835, 836, 837, 855, 856, 857, 858, 859, 860, 1.040, 1.464, 1.476, 1.493, 1.494, 1.495
Thích Huệ Đăng (Tổ đình Thiên Thai): 1.092, 1.097, 1.116, 1.118
Thích Tuệ Đăng: 669, 807, 1.037, 1.115
TN. Tuệ Đăng: 475, 959, 1.203

Thích Minh Điền: 686, 873, 879, 882, 884

Phúc Điền: 1.016

TN. Tỉnh Điền: 1.524

Thích Như Điền: 52, 255, 261, 271, 371, 949, 956, 966, 1.087, 1.287, 1.409, 1.470, 1.507, 1.511, 1.516, 1.518, 1.527, 1.528, 1.537, 1.540, 1.542, 1.546, 1.553, 1.556, 1.563, 1.566, 1.569, 1.573, 1.574, 1.575, 1.580, 1.581, 1.585, 1.586, 1.587, 1.588, 1.590, 1.594, 1.595, 1.624

Cao Hữu Định: 516, 1.525

Thích Hạnh Định: 525

Thích Đạt-ma Khế Định: 887, 1.289

Thích Minh Định: 201, 311, 314, 442, 727

Nguyễn Pram-Pháp Định: 1.425

TK. Tăng Định: 550

Nguyễn Văn Động: 962, 1.030, 1.032

Nhuận Độ: 1.564

Thích Quảng Độ: 387, 513, 1.471, 1.607, 1.643

Thích Trí Độ: 19

Trí Độ: 499

Đỗ Đình Đồng: 148, 1.691

Trường Phật học Lâm Đồng: 599

Chúc Đức: 1.570

Như Đức: 842

TK. Ni Như Đức: 1.249, 1.351

Tâm Đức: 1.564

Thạc Đức: 1.443, 1.452

Thạch Đức: 172

Thích Thông Đức: 741

Chùa Vạn Đức: 547

Thích Viên Đức: 286, 287, 406, 510, 651, 699, 898

G

Tâm Minh-Ngô Tăng Giao: 1.031, 1.093

Thích Mãn Giác: 581, 582

Nguyên Giác: 553, 600

Thích Đạt-ma Phổ Giác: 60, 706

Thích Tâm Giác: 1.644

Thích Viên Giác: 135, 323, 399, 613

Thích Viên Giác (chùa Từ Tân): 237, 241, 300, 301, 712, 713, 1.271

Thích Chơn Giác: 1.068

Như Giáo: 1564

TK. Giác Giới: 1.165, 1.195, 1.239, 1.705

H

Thích Bửu Hà: 1.267

Nhuận Hà: 139

Hồng Dương-Nguyễn Văn Hai: 1.541, 1.646

Giác Hải: 373, 739

Huệ Hải: 1.564

TN. Như Hải: 267, 660, 1.253

Nguyễn Khánh Phước Hải: 1.127

TN. Trí Hải: 405, 605, 769, 931, 970, 1.029, 1.041, 1.223, 1.317, 1.344, 1.371, 1.561, 1.661

Thích Tuệ Hải: 318, 408, 482, 656

Thích Tuệ Hải (chùa Long Hương): 152, 461, 733, 875, 883, 897

Tu sĩ Thích Tuệ Hải: 1.491

Trí Hải: 577

Thích Trí Hải: 895, 1.184, 1.227, 1.257, 1.260, 1.505, 1.517

(Nguyễn Lang) Thích Nhất Hạnh: 11, 31, 34, 142, 205, 240, 486, 528, 576, 597, 659, 664, 923, 1.003, 1.004, 1.188, 1.488, 1.709

Thích Quảng Hạnh: 1.652

Thích Tâm Hạnh: 169, 170, 737, 845, 1.161, 1.162, 1.164, 1.170, 1.199, 1.236, 1.246, 1.264, 1.291, 1.294, 1.296

Thích Tịnh Hạnh: 845

Tuệ Hạnh: 1.638

Thích Thiện Hạnh: 570, 1.445, 1.559, 1.627, 1.689

Thích Phước Hảo: 757, 1.626

Thích Đôn Hậu: 1.159, 1.252

Hiền Hậu: 425

TN. Chân Hiền: 1.686

TK. Đức Hiền: 448, 594, 709, 1.050

Thích Giải Hiền: 735

Mai Hạnh Hiền: 500, 1.423

Thích Nguyên Hiền: 1.439

TN. Như Hiền: 1.340, 1.345

Pháp Hiền: 1.654

TN. Tịnh Hiền: 1.267

Nguyên Hiền: 392, 466, 484, 614, 870

Thích Như Hiền: 1.295

Cư sĩ Diệu Hiệp: 1.222

Quảng Hiếu: 1.564

Tâm Hiếu: 1.564

Lý Kim Hoa: 845

Từ Hoa: 943
Thích Thiện Hoa: 21, 195, 249, 459, 561, 800, 1.141, 1.279, 1.303, 1.444, 1.451, 1.454, 1.523, 1.613, 1.618
Thích Thắng Hoan: 1.086, 1.401, 1.498, 1.499
TN. Phước Hoàn (Nhu Thanh): 1.359
Thích Vĩnh Hóa: 144, 199, 295, 341, 714, 1.060
TN. Chúc Hòa: 1.273
Bửu Hòa: 1.036
Thích Thái Hòa: 20, 181, 193, 456, 474, 655, 948, 1.272
Thích Thiện Hòa: 1.061, 1.198
Nhu Hòa: 64, 86, 123, 216, 480, 957, 979, 985, 1.083, 1.307, 1.701
Hội Nam kỳ Nghiên cứu Phật học: 207
Hội Linh Sơn Nghiên cứu Phật học: 579
Darian Đấng Học: 1.108
Tặng Thư Phật Học: 541
Giới Lạc-Mai Lạc Hồng: 1.129
Nguyễn Hồng: 215, 309, 586, 696, 725, 1.393, 1.489, 1.506, 1.529, 1.554, 1.555, 1.575, 1.578, 1.579, 1.676
Tịnh Liên-Nghiêm Xuân Hồng: 844
Bùi Đức Huệ: 299, 634
Định Huệ: 281, 415, 754, 1.544, 1.570, 1.603
Thích Định Huệ: 992, 994, 1.152
TK. Giác Huệ: 1.166
TK. Ni Huyền Huệ: 1.250, 1.315, 1.349, 1.352, 1.404, 1.431, 1.515
Minh Huệ: 1.411
Thích Minh Huệ: 451
TK. Minh Huệ: 66, 1.384
Cư sĩ Như Huệ: 845
Cư sĩ Nguyễn Huệ: 177, 845, 861, 862, 864, 920, 1.502, 1.503, 1.504, 1.513, 1.547, 1.548, 1.557, 1.565, 1.582, 1.658
Thích Thiện Huệ: 108, 244, 1.142
TK. Liên Hạnh – Thích Thiện Huệ: 88
Thích Thông Huệ: 801
Thích Nguyên Hùng: 363, 591, 1.047, 1.472
Thích Thanh Hùng: 336, 1.121
Thích Đồng Huy: 1.254
Trần Huỳnh: 184
Tuệ Chiêu-Phạm Công Huyền: 1.100
TN. Như Huyền: 229
Đàm Hưng: 426
Thích Huệ Hưng: 100, 329, 469, 1.196
Thích Giới Hương: 190
TN. Giới Hương: 4

Thích Quảng Hương: 1.377
Cực Lạc Liên Hữu: 338
Thích Trí Hữu: 791, 1.442
Lê Tự Hỷ: 213, 487

K

Lê Thần-Trần Trọng Kim: 841
Thích Thanh Kiểm: 94, 138, 539, 795, 1.232
Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh: 36, 37, 38, 39, 41, 43, 44, 45, 46, 430, 780, 1.150, 1.151, 1.410, 1.412, 1.413, 1.414, 1.420, 1.637
Sa-môn Trùng Ngộ - Minh Kính: 96
Hân Kính: 965
Thích Viên Thành-Nguyễn Hữu Kha: 573
Lê Kim Kha: 40
Cư sĩ Tuệ Khai: 178, 225, 232, 368, 492, 534, 665, 666, 754
Á Nam-Trần Tuấn Khải: 937
Thích Tâm Khanh: 700
Phạm Kim Khánh: 164, 435, 588, 813, 847, 1.202, 1.325, 1.706
Thích Chơn Không: 675
TN. Diệu Không: 302, 335, 496, 1.533
Thích Đạo Không: 402
Cư sĩ Huyền Không: 1.098, 1.110, 1.124
Cư sĩ Trí Không: 845
Nguyễn Khuê: 1.550

L

Thiện Anh Lạc: 449
Thích Bảo Lạc: 250, 446, 463, 1.005, 1.006, 1.010, 1.139, 1.520
Thích Chánh Lạc: 391, 447, 519, 621, 624, 770, 787, 969, 972, 973, 974, 975
Thích Chân Lạc: 1.536
Thích Thông Lạc: 1.366
Cư sĩ Thanh Lam: 1.115
Tâm Nguyên-Trần Phương Lan: 694
Tuệ Giác-Lê Thiên Lan: 1.465
Chùa Châu Lâm (Huế): 464, 695
Chùa Huệ Lâm (Tp. HCM): 1.350
Nhóm Phiên dịch Đại tạng Chùa Châu Lâm: 646
Thích Minh Lễ: 233, 383, 521, 783, 907, 1.084
THPG Tp. HCM – Ban Nghi Lễ: 542
Cư sĩ Huệ Liên: 1.602

TN. Huỳnh Liên: 674, 1.094
Thích Quảng Liên: 6, 407, 544, 1.446, 1.683, 1.694
Thích Nhựt Long: 932
Nguyễn Tường Long: 372
Nhóm Dịch thuật Lamrim Lotsawas: 1.467
TK. Giác Lộc: 58, 61
Thích Nguyên Lộc: 512, 527, 918
TN. Như Lộc: 845, 1.382
Đạo Luận: 1.311
Minh Đức-Thanh Lương: 1.649
Đồng Lưu: 693, 1.285
Thích Duy Lực: 12, 82, 101, 458, 495, 498, 578, 744, 793, 889, 891, 892, 1.422, 1.474, 1.508, 1.684, 1.711, 1.712
Thích Chân Lý: 522
Diệu Lý: 898
Thích Huyền Lý: 241
Thích Viên Lý: 1.673, 1.690

M

Thích Thiện Mãn: 1.273
TK. Ni Mạn-đà-la: 1.485
Quảng Mãn: 1.564
Trần Tuấn Mãn: 843, 649, 914
Thích Từ Mãn: 635, 694
Thích Bình Minh: 272, 1.297
TK. Chánh Minh: 850, 852, 854, 1.143, 1.538
Thích Đồng Minh: 845, 1.137, 1.161, 1.174, 1.225, 1.226, 1.236, 1.238, 1.242, 1.243, 1.255, 1.276, 1.286, 1.334, 1.374, 1.381
Giải Minh: 1.405, 1.406, 1.457, 1.460, 1.462, 1.612, 1.639, 1.692
Hạnh Minh: 1.311, 1.564
TK. Khải Minh: 1.484, 1.670, 1.671
Quảng Minh: 15, 16, 17, 523, 574, 667, 781, 782, 849, 896, 978, 1.400, 1.403, 1.455, 1.510, 1.543, 1.562, 1.675
Thích Như Minh: 460, 483
Nhựt Minh: 1.293
Thiền sư Pháp Minh: 62
TK. Siêu Minh: 65, 67, 68, 70, 71, 1.169, 1.426, 1.427
Thích Tâm Minh: 768
Lê Đình Thám – Tâm Minh: 753, 1.020, 1.402, 1.614
Tịnh Minh: 1.130
Thích Thanh Minh: 1.306

Vương Gia Hón - Thiên Minh: 191
TK. Thiện Minh: 1.551
Thích Trí Minh: 204, 566, 930, 1.358
Cư sĩ Trương Văn Minh: 1.437
Cư sĩ Viên Minh: 1.028
TK. Quê Mùa: 48

N

TK. Bửu Nam: 163, 575
Lão nhân Đồ Nam: 196
Ban Phiên dịch Pháp Tạng PGVN: 3, 7, 8, 131, 176, 689, 690, 691, 692
Phân Viện Nghiên cứu PHVN: 284
Thích Giải Năng: 126
Thích Đức Niệm: 373, 724, 982, 1.647
Giới Niệm: 1.570
Huỳnh Văn Niệm: 74
Thích Thanh Ninh: 1.625

NG

Thích Giải Ngạn: 1.081
Nguyễn Văn Ngân: 1.478
Trần Anh Ngọc: 378
TN. Huệ Ngọc: 587
Cư sĩ Minh Ngọc: 851
Vũ Thế Ngọc: 915, 1.660
Nguyễn Văn Ngoạn: 981
Thích Đồng Ngộ: 591
Thích Nguyên Ngôn: 245, 1.450, 1.621
(Toại Khanh) Giác Nguyên: 711, 922
Thích Giác Nguyên: 257, 926, 1.383, 1.682
Thích Liễu Nguyên: 941
Nguyên Nguyên: 185
Thích Phước Nguyên: 351, 986, 1.387, 1.388, 1.389, 1.390, 1.459
Tâm Nguyên: 750
Thanh Nguyên: 845
TN. Tịnh Nguyên: 493, 555, 640, 788, 803
TK. Ni Như Nguyệt: 1.193
Phổ Nguyệt: 1.616

NGH

Thích Nhuận Nghi: 221
Thích Phước Nghĩa: 59, 514, 1.171, 1.183, 1.328, 1.360
Trần Văn Nghĩa: 1.013
Thích Đức Nghiệp: 1.038, 1.545, 1.632
Thích Ấn Nghiêm: 980
TK. Ni Đức Nghiêm: 1.267, 1.337
Thích Đức Nghiêm: 1.605, 1.631
Giới Nghiêm: 1.601
TK. Giới Nghiêm: 174, 434, 900
TK. Ni Hoa Nghiêm: 623
Giới Đàn viện chùa Huệ Nghiêm: 1.378
Viện Cao đẳng Phật học Huệ Nghiêm: 129, 223, 772
Thích Minh Nghiêm: 868
Nhất Nghiêm: 918
Thích Tịnh Nghiêm: 1.007, 1.407, 1.697
Thích Trí Nghiêm: 316, 322, 369, 506, 685, 1.666
Tổ đình Vĩnh Nghiêm: 79

NH

TK. Ni Lệ Nhã: 1.267
TK. Ni Nguyên Nhã: 1.267
Cư sĩ Trần Phá Nhạc: 1.436
Thích Tâm Nhân: 779
Sơn Nhân: 1.619
Tâm Nhân: 1.163
TN. Hạnh Nhật: 1.615
Đạo Nhơn: 320
Huyền Mặc Đạo Nhơn: 146, 936
Thích Hồng Nhơn: 906, 1.596
Thích Phước Nhơn: 951
Thích Thiện Nhơn: 114, 115, 116, 117, 118, 119, 256, 258, 431, 511, 721, 890, 1.466, 1.514, 1.598
Thích Đức Nhuận: 838
Tuệ Nhuận: 160, 217, 339, 637, 789, 840, 912, 1.440
Tu Viện Chơn Như: 1.270
Hồng Như: 279, 1.035
Thích Linh Như: 1.101
TK. Minh Như: 357
Cư sĩ Nhứt Như: 134

Quán Như: 153, 154, 1.487, 1.599
TN. Tuệ Như: 568, 928, 1.158, 1.346, 1.367
Thiền Nhựt: 1.034, 1.486, 1.704

P

Học Tăng lớp Chuyên khoa Phật học Phật học viện Trung Phần: 1.424
Thích Chơn Pháp: 187
TK. Hộ Pháp: 289, 1.274
Chùa Hoàng Pháp (Tp. HCM): 546
Cư sĩ Như Pháp: 183
TN. Như Pháp: 1.338, 1.347
Thích Minh Phát: 1.197
Thích Thiện Phát: 602
Hoang Phong: 282, 283
Đào Ngọc Phong: 1.131, 1.132, 1.133
Thích Giác Phổ: 395, 580, 1.436
Thích Chúc Phú: 717, 1.597
Thích Hạnh Phú: 81
Tắc Phú: 404
TN. Như Phúc: 494, 647, 1.040
Thích Thông Phương: 127, 470, 584, 608, 752, 1.088, 1.48
Thích Minh Phước: 1.336
Thích Nhuận Phước: 1.186
Thích Như Phước: 1.068
Tâm Phước: 157
Thích Thiện Phước: 427, 501, 517, 874, 964, 1.018, 1.149, 1.154, 1.322, 1.326
Thích Thọ Phước: 2, 760, 997, 1.267, 1.341, 1.375
Nguyễn Pram: 376

Q

Thích Giác Quả: 1.172, 1.549
Thích Hoàn Quan: 296, 628, 718, 730, 977
Thích Chánh Quang: 410
Thích Chân Quang: 853, 927, 938, 1.591
Đạo Quang: 616
Mạt Nhân Đạo Quang: 777
Thích Đăng Quang: 538
Thích Hằng Quang: 348
Ban Dịch thuật Hán Nôm Huệ Quang: 823

Thích Minh Quang: 236, 601, 904
Thích Nguyệt Quang: 105
Thích Nhật Quang: 92, 798, 940, 1.560, 1.571
Ban Biên tập Thiên Tôn Phật Quang: 1.095
TN. Tịnh Quang: 766
Tuệ Quang: 499, 1.447
Từ Quang: 9933
Thích Từ Quang: 745, 960, 1.068
Thích Trúc Thông Quang: 243, 468
Thích Trí Quang: 104, 173, 224, 263, 298, 325, 340, 416, 429, 454, 481, 515, 567, 606, 609, 610, 631, 723, 785, 794, 816, 817, 818, 824, 845, 888, 939, 947, 1.048, 1.049, 1.072, 1.073, 1.144, 1.147, 1.210, 1.211, 1.212, 1.213, 1.214, 1.216, 1.240, 1.241, 1.304, 1.332, 1.368, 1.433, 1.500, 1.512, 1.535, 1.617
Thích Đồng Quán: 167, 1.611
TN. Thê Quán: 569
Thích Trung Quán: 175, 350, 393, 437, 533, 622, 623, 740, 792, 919, 1.534
Thích Trí Quảng: 49, 50, 54, 342, 814, 872, 876, 877, 880, 886
Thích Pháp Quân: 380
Diệu Quý: 404

S

Nguyễn Văn Sáu: 1.430
(Trí Đức) Thích Thiện Siêu: 129, 171, 592, 596, 679, 774, 845, 847, 885, 1.173, 1.463, 1.501, 1.532, 1.567, 1.576, 1.688
TN. Diệu Sơn: 1.207, 1.209, 1.251
Cư sĩ Lê Hồng Sơn: 526, 845, 1.469, 1.473, 1.521, 1.620
Thích Phước Sơn: 697, 845, 1.156, 1.185, 1.234, 1.237, 1.269, 1.316, 1.663
Thích Thanh Sơn: 1.335, 1.361, 1.363
TK. Supanno: 560
Vũ Anh Sương: 1.091, 1.122
Tịnh Sĩ: 1.604
TK. Tịnh Sự: 1.395, 1.396, 1.397, 1.411, 1.415, 1.416, 1.417, 1.418, 1.419, 1.421, 1.428, 1.629, 1.634, 1.635, 1.636, 1.703, 1.710
Tuệ Sỹ: 35, 99, 179, 765, 773, 1.012, 1.025, 1.042, 1.064, 1.075, 1.078, 1.140, 1.163, 1.175, 1.385, 1.386, 1.391, 1.492, 1.577, 1.642

T

Lâm Như Tạng: 913, 916, 917, 1.681
Ban Phiên dịch Pháp Tạng: 413, 648
Sa-môn Trí Tạng: 562

Thích Trí Tạng: 505
Quảng Tánh: 848
Vũ Xuân Tăng: 89
Chân Tâm: 1.074, 1.135, 1.136
Thích Hạnh Tâm: 525
Minh Tâm: 334, 1.037
Chân Hiền Tâm: 726, 732, 1.468, 1.696
Minh Chánh-Đỗ Phước Tâm: 1.112
Từ Hoa-Nhất Tuệ Tâm: 1.103, 1.128, 1.593
Thanh Tâm: 320
Thích Thiên Tâm: 373, 394, 520, 531, 629, 668, 739, 898, 988, 1.037, 1.441, 1.651, 1.655
Thích Thiện Tâm: 558, 1.046, 1.116
Thuần Tâm: 192, 324
Thích Hạnh Tấn: 1.615
Quảng Tấn: 1.564
Cư sĩ Vọng Tây: 239, 412, 638, 984, 993
Thích Chơn Tế: 362
Thích Nhẫn Tế: 756
Chánh Tiên: 845
Thích Chính Tiên: 387
Thích Đồng Tiên: 248
Thích Giác Tiên: 285
Nguyễn Minh Tiên: 87, 212, 253, 337, 347, 365, 409, 457, 472, 585, 653, 715, 720, 804, 902, 1.200, 1.201, 1.205, 1.343
Thích Phước Tiên: 24, 909
Nguyễn Văn Tiên: 452
Cư sĩ Hải Tín: 1.628
Thích Chân Tính: 1.323, 1.376
Minh Trung chez M. Ngô Trung Tính: 871
TK. Hải Tịnh: 806
Thích Phước Tịnh: 266
Tâm Tịnh: 411, 983
Thích Trí Tịnh: 208, 210, 220, 276, 308, 319, 361, 364, 375, 385, 419, 440, 462, 508, 559, 565, 568, 572, 604, 652, 657, 672, 811, 845, 908, 944, 946, 952, 953, 954, 1.008, 1.037, 1.040, 1.101, 1.102, 1.110, 1.352, 1.606
Thích Giác Toàn: 29, 847, 1.119, 1.134
Thích Huyền Tôn: 359, 436, 819
TK. Hộ Tông: 55, 703, 704, 1.058, 1.062, 1.265, 1.266, 1.707
Thích Hiền Tu: 539
Thích Nguyên Tuấn: 1.432
Pháp Tuệ: 328
Thích Phúc Tuệ: 1.625

Chánh Tấn Tuệ: 1.695
TN. Lệ Tuyên: 390
Lê Sỹ Minh Tùng: 155, 330, 607, 751
Bạc-sô Thanh Tùng: 107
Thích Hưng Từ: 670
Thích Nhật Từ: 202, 343, 417, 504, 625, 626, 627, 649, 650, 654, 705, 719, 1.027, 1.138, 1.167, 1.356
Thích Tịnh Từ: 346
Thích Thanh Từ: 22, 23, 129, 186, 242, 312, 333, 467, 497, 502, 583, 595, 679, 682, 722, 730, 797, 1.324, 1.482, 1.522, 1.526, 1.539, 1.572, 1.656, 1.672, 1.687
Truyền Từ: 388
Ngộ Chân Tử: 304
Kim Cương Tử: 1.302
An Sỹ - Chu Tước: 140

TH

Thích Đồng Thái: 401
Thích Phước Thái: 598, 1.148
Huyền Thanh: 1, 73, 77, 106, 121, 122, 197, 198, 254, 259, 275, 291, 354, 360, 377, 413, 465, 473, 485, 491, 507, 529, 651, 676, 742, 754, 819, 846, 898, 961, 1.000, 1.065, 1.071, 1.355
TK. Ni Như Thanh: 881, 1.398, 1.449
TK. Ni Thê Thanh: 1.247
Thích Thiện Thanh: 384
TN. Huệ Thanh: 400
Thích Hạnh Thành: 1.099, 1.102, 1.109, 1.111
Thích Minh Thành (chùa Ấn Quang): 1.187, 1.230
Thích Minh Thành: 1.379
Nguyễn Xuân Hy-Minh Thành: 934
Nguyên Thành: 1.564
Tuệ Thành: 693, 1.267, 1.285, 1.373
Ban Phiên dịch Việt ngữ-Vạn Phật Thánh Thành: 95, 420, 455, 612, 630, 819, 867, 1.519, 1.531
Thích Trí Thành: 125, 313, 747
Thích Viên Thành: 573, 1.124
Diệu Thảo: 1570
Lê Mạnh Thát: 278, 866, 1.123
Thích Đức Thắng: 680, 683, 845, 1.011, 1.015, 1.025, 1.243
Phật tử Phước Thắng: 822, 989
TN. Viên Thắng: 1.648
TK. Ni Đàm Thính: 1.342

Nguyễn Thịnh: 1.163
Thích Mật Thể: 805, 1.622
Khải Thiên: 762
Trúc Thiên: 1.679
Thông Thiên: 963
Phạm Công Thiện: 1.641
Thích Chơn Thiện: 843, 914, 1.033, 1.051, 1.052, 1.053, 1.054, 1.055, 1.623
Thích Giác Thiện: 532, 684, 729, 1.275, 1.437, 1.490, 1.650
Thích Lệ Thiện: 423, 1077
TK. Siêu Thiện: 1.657, 1.710
Thích Tâm Thiện: 1.685
Thích Vạn Thiện: 1.267
TK. Brahmopalita (Thạch Long Thịnh): 958, 976
Pram Nguyễn – Thiện Thọ: 132
Thích Minh Thời: 540
Hội đồng Giáo thọ Đạo tràng Mai Thôn: 911, 1.155, 1.189, 1.190
Thích Minh Thông: 571, 1.177, 1.219, 1.280, 1.298, 1.299, 1.339, 1.362, 1.369
TK. Pháp Thông: 158, 159, 161, 162, 1.044
Thành Thông: 693, 1.267, 1.285
Thiện Thông: 1228
Thích Thiện Thông: 5, 260, 280, 397, 632, 776, 778, 786, 810, 995
Thích Tuệ Thông: 530, 968
Thích Từ Thông: 18, 102, 111, 182, 310, 925, 945, 1.069, 1.070
Thích Trí Thông: 1.640
Thích Trí Thủ: 9, 251, 736, 1.017, 1.096, 1.182, 1.215, 1.258, 1.259, 1.278, 1.284, 1.381
Đức Thuần: 1.267, 1.337
Đức Thuận: 1.267, 1.337, 1.631
Nguyên Thuận: 230, 421, 589, 617, 643, 778, 804, 819, 863, 1.530
Thiện Thuận: 603, 639
Trần Quang Thuận: 331
Phạm Thiên Thư: 1.090, 1.104, 1.125, 1.126
Việt Thư: 1.600
Thích Chân Thường: 317, 366, 808, 1.308
TN. Tâm Thường: 30, 247, 268, 642, 998
Thích Trí Thường: 1.101
Nguyễn Vĩnh Thượng: 288

TR

Huệ Trang: 388
Nguyên Trang: 603, 639
Viện Cao đẳng Phật học Hải Đức Nha Trang: 129, 764, 845

Định Sỹ Trang: 194, 203, 327, 962, 1.030, 1.032, 1.056
Tuệ Nhuận-Thích Mật Trí: 352
Thánh Trí: 238, 716
Hoằng Trí: 1.163
TN. Hương Trí: 1.040
Hậu học Đặng Hữu Trí: 189, 1.019, 1.475
Minh Đức-Nguyệt Trí: 252
Thích Quảng Trí: 1, 28, 32, 77, 106, 121, 122, 353, 428, 518, 536, 537, 556, 846, 898, 961, 1.000
Thích Tâm Trí: 69, 1.584
Thích Thiện Trí: 990
Pháp sư Thiện Trí: 124, 315
Thiện Trí: 441
Thích Viên Trí: 1.167, 1.380, 1.392
Thích Thiện Trì: 488
Nhóm Phiên dịch Đại tạng Kinh Phật giáo Quảng Trị: 865
TN. Minh Triều: 206, 821
Pháp Triều: 1.662
Thích Hoằng Triệu: 1.263, 1.313, 1.314, 1.321
Thiền sư Kim Triệu: 432
Không Trú: 778
(Lê Phước Bình) Thích Hành Trụ: 214, 294, 438, 564, 738, 771, 790, 1.245, 1.305, 1.308
Chánh Trí-Mai Thọ Truyền: 10, 26, 147, 746, 942, 996
Cư sĩ Nguyễn Trùng: 136
Thích Hằng Trường: 113, 443, 444, 445
Thích Minh Trục: 97, 137, 935, 1.066, 1.483
TN. Trí Hải:

U

TK. Ni Đàm Uyển: 1.153
Tuệ Uyển: 1.157, 1.160, 1.678

V

Thích Đồng Văn: 910
Chính Trang-Giác Vân: 151
Thích Hương Vân: 300, 590
Ngoại Thiên Tường Vân: 582
Thích Huyền Vi: 47, 72, 91, 149, 386, 479, 796, 955, 967
Thích Định Viên: 433
Ban Dịch thuật Luật tạng Giới Đài Viện: 1.339

Pa-Auk Thiên Lâm Viện: 551

Thi Vũ: 671

Trụ Vũ: 1.120

X

Quảng Xá: 1.564

Tổ đình Linh Quang Tịnh Xá: 211, 450

Thích Nguyên Xuân: 618, 698, 702, 971

Y

TN. Tịnh Ý: 734

V. BẢNG TRA CỨU PHÂN LOẠI TÁC PHẨM

I. TÁC PHẨM KINH ĐIỂN

I.1 Kinh dịch (chánh văn): 1, 3, 5, 6, 7, 8, 28, 30, 32, 33, 35, 36, 37, 38, 39, 40, 43, 44, 45, 51, 52, 73, 75, 77, 83, 89, 90, 93, 96, 97, 100, 101, 105, 106, 107, 109, 121, 122, 127, 128, 129, 130, 131, 143, 146, 168 (Tập I & II), 174, 175, 176, 178, 187, 188, 192, 193, 197, 200, 201, 207, 210, 211, 212, 213, 218, 223, 224, 225, 227, 228, 229, 230, 231, 232, 233, 234, 247, 248, 251, 252, 254, 255, 257, 259, 260, 261, 262, 264, 267, 268, 269, 271, 272, 275, 276, 278, 279, 280, 281, 285, 286, 290, 291, 292, 296, 297, 298, 299, 302, 303, 305, 308, 309, 310, 311, 318, 319, 320, 322, 326, 328, 329, 337, 338, 339, 340, 349, 350, 353, 354, 355, 357, 358, 359, 360, 361, 362, 363, 364, 365, 366, 367, 368, 369, 370, 371, 373, 375, 376, 377, 381, 383, 385, 386, 387, 388, 389, 390, 391, 392, 393, 394, 395, 396, 397, 399, 400, 401, 402, 403, 404, 405, 406, 407, 408, 409, 410, 411, 413, 414, 415, 417, 418, 419, 420, 421, 428, 430, 433, 434, 435, 436, 437, 438, 439, 440, 441, 442, 446, 447, 448, 451, 452, 453, 456, 457, 458, 460, 462, 464, 465, 466, 473, 475, 482, 483, 485, 488, 489, 490, 491, 492, 493, 494, 495, 496, 500, 503, 504, 506, 507, 508, 510, 512, 513, 518, 519, 520, 521, 522, 523, 525, 527, 529, 530, 531, 532, 533, 534, 535, 536, 537, 555, 556, 557, 562, 564, 565, 566, 568, 571, 573, 574, 577, 580, 581, 585, 586, 588, 589, 591, 592, 593, 594, 596, 598, 599, 600, 601, 602, 603, 604, 605, 609, 614, 617, 618, 620, 621, 622, 624, 625, 626, 627, 629, 630, 631, 634, 635, 639, 642, 643, 644, 645, 646, 647, 648, 649, 650, 651, 652, 653, 657, 658, 660, 661, 662, 663, 665, 666, 667, 668, 669, 672, 676, 677, 678, 679, 680, 681, 682, 683, 685, 687, 688, 689, 690, 691, 692, 693, 694, 695, 696, 697, 698, 699, 700, 701, 702, 710, 715, 716, 723, 725, 727, 728, 737, 740, 741, 742, 745, 753, 754, 756, 758, 759, 760, 763, 764, 765, 766, 767, 770, 771, 772, 773, 774, 775, 776, 778, 779, 780, 782, 784, 785, 786, 787, 788, 790, 791, 793, 794, 796, 803, 804, 805, 806, 807, 808, 809, 810, 811, 816, 819, 822, 823, 842, 843, 845, 846, 869, 896, 898, 899, 900, 905, 907, 908, 918, 933, 935, 936, 937, 952, 953, 954, 958, 959, 960, 961, 963, 964, 965, 966, 967, 968, 969, 971, 972, 974, 975, 976, 977, 978, 980, 982, 983, 987, 988, 989, 990, 997, 998, 1.000, 1.001, 1.002, 1.007, 1.008, 1.010, 1.011, 1.014, 1.015, 1.016, 1.021, 1.022, 1.023, 1.024, 1.025, 1.026, 1.037, 1.038, 1.057, 1.061, 1.062, 1.063, 1.065, 1.067, 1.068, 1.071, 1.075, 1.076, 1.078, 1.079, 1.080, 1.081, 1.082, 1.084

I.2 Kinh dịch và giảng giải: 9, 10, 11, 12, 14, 19, 22, 23, 25, 26, 29, 31, 47, 74, 82, 86, 104, 108, 120, 123, 125, 137, 141, 142, 144, 145, 152, 153, 154, 155, 156, 157, 158, 159, 160, 161, 162, 163, 164, 165, 166, 167, 171, 190, 196, 203, 205, 220, 221, 236, 237, 239, 242, 243, 266, 289, 295, 312, 313, 314, 315, 316, 323, 330, 333, 341, 345, 348, 412, 422, 424, 432, 461, 467, 468, 469, 470, 471, 477, 479, 484, 497, 502, 563, 583, 584, 595, 607, 608, 619, 638, 641, 659, 731, 747, 748, 750, 751, 752, 792, 797, 798, 813, 870, 904, 919, 920, 926, 930, 938, 939, 946, 957, 979, 984, 985, 993, 1.003, 1.004, 1.018, 1.019, 1.020, 1.036, 1.060, 1.083

I.3 Giới Kinh: 33, 169, 170, 514, 517, 564, 656, 566, 567, 568, 569, 570, 571, 572, 573, 575, 760, 780, 781, 782, 783, 789, 928, 929, 930, 953, 970, 974, 997, 1.007, 1.061

I.4 Kinh Luận giảng: 34, 46, 133, 134, 135, 148, 168 (Tập III & VII), 186, 334, 398, 463, 499, 507, 611, 729, 801, 825, 826, 827, 828, 829, 830, 831, 832, 833, 834, 835, 836, 837, 838, 849, 850, 851, 852, 853, 854, 855, 856, 857, 858, 859, 860, 861, 862, 863, 864, 865, 956, 981, 1.040, 1.064, 1.619

I.5 Kinh dịch-Chú giải: 20, 41, 42, 55, 56, 57, 58, 59, 60, 61, 62, 63, 64, 65, 66, 67, 68, 69, 70, 71, 87, 88, 98, 99, 103, 132, 136, 149, 150, 151, 181, 183, 184, 194, 204, 208, 214, 215, 216, 240, 246, 253, 258, 265, 282, 283, 288, 294, 325, 327, 332, 351, 380, 384, 416, 429, 454, 472, 474, 478, 486, 487, 501, 505, 509, 511, 515, 528, 567, 570, 575, 576, 606, 615, 664, 671, 718, 720, 721, 724, 726, 730, 734, 735, 757, 762, 773, 789, 795, 818, 824, 839, 932, 934, 962, 986, 1.013, 1.017, 1.056, 1.075, 1.076, 1.078

I.6 Kinh dịch-Lược giải-Lược giảng: 13, 21, 24, 48, 95, 124, 126, 172, 173, 180, 185, 189, 195, 198, 199, 217, 222, 235, 238, 244, 245, 256, 274, 277, 301, 306, 335, 336, 379, 431, 443, 444, 445, 455, 459, 498, 569, 578, 579, 610, 612, 628, 636, 655, 686, 711, 712, 713, 714, 732, 733, 736, 743, 744, 800, 802, 867, 872, 873, 874, 875, 876, 977, 878, 879, 880, 881, 882, 883, 884, 885, 886, 887, 888, 889, 890, 891, 892, 893, 894, 895, 897, 931, 947, 970, 991, 994

I.7 Nghiên cứu-Tìm hiểu Kinh: 91, 92, 140, 179, 241, 250, 263, 331, 378, 481, 717, 913, 914, 915, 916, 917, 992, 1.012, 1.027, 1.028, 1.029, 1.030, 1.031, 1.032, 1.033, 1.034

I.8 Đại cương-Huyền nghĩa-Yếu chỉ Kinh: 15, 16, 18, 27, 53, 54, 72, 85, 102, 110, 111, 112, 113, 114, 115, 116, 117, 118, 119, 138, 139, 147, 177, 182, 187, 219, 249, 317, 324, 346, 480, 623, 637, 749, 769, 812, 925, 940, 942, 943, 944, 945, 948, 949, 950, 951, 1.035, 1.041, 1.042, 1.043, 1.044, 1.045, 1.046, 1.070, 1.085, 1.086, 1.087, 1.088

I.9 Kinh tụng-Nghi thức Tụng niệm: 5, 6, 49, 50, 76, 78, 79, 80, 81, 84, 94, 96, 149, 165, 200, 202, 209, 210, 211, 212, 257, 273, 276, 284, 293, 307, 308, 310, 318, 319, 321, 338, 339, 342, 343, 344, 347, 349, 350, 352, 355, 358, 359, 373, 382, 393, 399, 401, 408, 410, 414, 417, 418, 419, 436, 450, 451, 460, 476, 482, 488, 489, 490, 505, 522, 523, 524, 525, 526, 532, 533, 538, 539, 540, 541, 542, 543, 544, 545, 546, 547, 548, 549, 550, 551, 552, 553, 554, 558, 559, 560, 561, 562, 613, 625, 626, 627, 631, 632, 649, 650, 653, 654, 656, 657, 658, 669, 672, 673, 674, 675, 677, 678, 703, 704, 705, 706, 707, 708, 709, 719, 740, 776, 778, 784, 786, 799, 807, 808, 814, 815, 817, 840, 909, 910, 911, 912, 921, 922, 923, 924, 927, 941, 953, 954, 978, 988, 1.008, 1.009, 1.039, 1.050, 1.066

I.10 Kinh Diễn văn vận-Thi hóa-Minh họa tranh-Thư pháp: 206, 356, 374, 423, 425, 427, 530, 531, 597, 616, 670, 739, 777, 820, 821, 868, 874, 995, 1.077, 1.089, 1.090,

1.091, 1.092, 1.093, 1.094, 1.095, 1.096, 1.097, 1.098, 1.099, 1.100, 1.101, 1.102, 1.103, 1.104, 1.105, 1.106, 1.107, 1.108, 1.109, 1.110, 1.111, 1.112, 1.113, 1.114, 1.115, 1.116, 1.117, 1.118, 1.119, 1.120, 1.121, 1.122, 1.123, 1.124, 1.125, 1.126, 1.127, 1.128, 1.129, 1.130, 1.131, 1.132, 1.133, 1.134, 1.135, 1.136, 1.137, 1.138

II. TÁC PHẨM GIỚI LUẬT

II.1 Giới luật dịch (chánh văn): 1.139, 1.146, 1.149, 1.150, 1.154, 1.161, 1.162, 1.164, 1.174, 1.175, 1.176, 1.179, 1.180, 1.181, 1.182, 1.191, 1.192, 1.194, 1.199, 1.202, 1.203, 1.209, 1.215, 1.216, 1.220, 1.223, 1.225, 1.226, 1.236, 1.237, 1.238, 1.242, 1.243, 1.245, 1.246, 1.247, 1.251, 1.252, 1.255, 1.256, 1.262, 1.263, 1.264, 1.291, 1.294, 1.297, 1.305, 1.310, 1.312, 1.313, 1.315, 1.316, 1.326, 1.327, 1.329, 1.330, 1.334, 1.336, 1.337, 1.338, 1.339, 1.340, 1.341, 1.355, 1.357, 1.373, 1.374

II.2 Giới luật dịch-Chú giải-Biên soạn: 1.143, 1.147, 1.148, 1.151, 1.156, 1.158, 1.159, 1.163, 1.168, 1.169, 1.170, 1.171, 1.172, 1.173, 1.185, 1.187, 1.218, 1.219, 1.221, 1.234, 1.235, 1.258, 1.259, 1.260, 1.278, 1.280, 1.292, 1.298, 1.299, 1.311, 1.332, 1.333, 1.344, 1.345, 1.370

II.3 Giới luật Giảng giải-Lược giải-Lược ký: 1.153, 1.183, 1.244, 1.247, 1.248, 1.249, 1.250, 1.267, 1.342, 1.360, 1.369, 1.381

II.4 Luật học: Cơ bản-Đại cương-Thiết yếu: 1.154, 1.177, 1.187, 1.203, 1.204 (Tập 7 & 8), 1.228, 1.230, 1.231, 1.232, 1.233, 1.234, 1.235, 1.265, 1.266, 1.269, 1.288, 1.293, 1.302, 1.354, 1.372

II.5 Luật Sa-di – Sa-di Ni: 1.152, 1.155, 1.167, 1.184, 1.186, 1.204 (Tập 1 & 3), 1.205, 1.207, 1.213, 1.229, 1.230 (Tập 1 & 2), 1.240, 1.241, 1.260, 1.270, 1.289, 1.293, 1.304, 1.305, 1.306, 1.307, 1.308, 1.309, 1.310, 1.311, 1.312, 1.313, 1.314, 1.331, 1.353, 1.354, 1.355, 1.356, 1.357, 1.358, 1.359, 1.360, 1.361, 1.363, 1.364, 1.365

II.6 Giới pháp Thức-xoa-ma-na-ni: 1.193, 1.204 (Tập 2), 1.208, 1.209, 1.212, 1.367, 1.368

II.7 Luật Tỳ-kheo và Tỳ-kheo Ni: 1.149, 1.153, 1.177, 1.181, 1.182, 1.189, 1.190, 1.191, 1.192, 1.195, 1.196, 1.199, 1.200, 1.201, 1.210, 1.211, 1.215, 1.216, 1.225, 1.226, 1.230 (Tập 4), 1.242 (Tập I & II), 1.243 (Phần I & II), 1.244, 1.245, 1.246, 1.248, 1.249, 1.250, 1.251, 1.252, 1.253, 1.254, 1.255, 1.256, 1.257, 1.258, 1.259, 1.261, 1.282, 1.292, 1.294, 1.298, 1.299, 1.300, 1.301, 1.327, 1.328, 1.334, 1.335, 1.336, 1.337, 1.340, 1.341, 1.342, 1.343, 1.344, 1.345, 1.346, 1.347, 1.349, 1.350, 1.351, 1.352, 1.371, 1.382

II.8 Giới pháp Cư sĩ và Giới Bồ-tát: 1.140, 1.141, 1.142, 1.144, 1.145, 1.146, 1.147, 1.148, 1.157, 1.160, 1.165, 1.166, 1.175, 1.176, 1.180, 1.188, 1.194, 1.204 (Tập 4, 5 & 6),

1.206, 1.214, 1.220, 1.222, 1.224, 1.227, 1.230 (Tập 3 & 5), 1.273, 1.274, 1.279, 1.290, 1.295, 1.303, 1.318, 1.319, 1.320, 1.321, 1.323, 1.324, 1.325, 1.326, 1.352, 1.366, 1.373, 1.377, 1.382

II.9 Giới đàn-Nghi thức: 1.178, 1.197, 1.198, 1.275, 1.276, 1.277, 1.278, 1.279, 1.280, 1.281, 1.282, 1.283, 1.284, 1.285, 1.286, 1.315, 1.322, 1.375, 1.376, 1.378

III. TÁC PHẨM LUẬN

III.1 Luận dịch (chánh văn): 1.383, 1.384, 1.385, 1.386, 1.390, 1.393, 1.399, 1.404, 1.405, 1.406, 1.407, 1.409, 1.410, 1.411, 1.412, 1.413, 1.414, 1.415, 1.416, 1.417, 1.418, 1.419, 1.420, 1.421, 1.422, 1.423, 1.424, 1.429, 1.430, 1.431, 1.432, 1.435, 1.436, 1.437, 1.438, 1.442, 1.456, 1.462, 1.467, 1.469, 1.470, 1.471, 1.472, 1.473, 1.474, 1.475, 1.478, 1.479, 1.481, 1.482, 1.483, 1.484, 1.486, 1.489, 1.491, 1.492, 1.497, 1.498, 1.500, 1.502, 1.503, 1.504, 1.506, 1.507, 1.509, 1.511, 1.513, 1.516, 1.518, 1.521, 1.522, 1.523, 1.524, 1.527, 1.528, 1.529, 1.530, 1.532, 1.533, 1.534, 1.535, 1.536, 1.540, 1.542, 1.543, 1.544, 1.545, 1.546, 1.547, 1.548, 1.551, 1.552, 1.553, 1.554, 1.555, 1.556, 1.558, 1.559, 1.560, 1.562, 1.563, 1.565, 1.566, 1.567, 1.568, 1.569, 1.570, 1.571, 1.572, 1.573, 1.574, 1.575, 1.578, 1.579, 1.580, 1.581, 1.582, 1.584, 1.585, 1.586, 1.587, 1.588, 1.592, 1.594, 1.595, 1.596, 1.600, 1.601, 1.603, 1.604, 1.605, 1.606, 1.607, 1.608, 1.609, 1.615, 1.618, 1.624, 1.627, 1.631, 1.632, 1.637, 1.639, 1.640, 1.642, 1.645, 1.647, 1.651, 1.655, 1.656, 1.658, 1.666, 1.667, 1.669, 1.673, 1.674, 1.675, 1.676, 1.678, 1.679, 1.685, 1.686, 1.689, 1.690, 1.691, 1.692, 1.693, 1.697, 1.698, 1.699, 1.700, 1.701, 1.703, 1.706

III.2 Luận dịch-Giảng giải-Giảng luận: 1.402, 1.408, 1.480, 1.487, 1.488, 1.489, 1.490, 1.526, 1.531, 1.539, 1.598, 1.599, 1.650, 1.672, 1.687, 1.702

III.3 Luận dịch-Chú giải-Biên soạn: 1.387, 1.388, 1.389, 1.390, 1.394, 1.398, 1.400, 1.403, 1.424, 1.425, 1.426, 1.427, 1.428, 1.429, 1.432, 1.433, 1.434, 1.439, 1.445, 1.446, 1.448, 1.450, 1.455, 1.459, 1.463, 1.468, 1.485, 1.501, 1.510, 1.514, 1.517, 1.525, 1.538, 1.549, 1.576, 1.577, 1.589, 1.602, 1.610, 1.611, 1.612, 1.613, 1.617, 1.668, 1.670, 1.671, 1.677, 1.683, 1.684, 1.694, 1.695, 1.696

III.4 Luận-Phật giáo Nam truyền: 1.395, 1.396, 1.397, 1.411, 1.415, 1.416, 1.417, 1.418, 1.419, 1.421, 1.426, 1.427, 1.428, 1.430, 1.484, 1.607, 1.629, 1.630, 1.634, 1.635, 1.636, 1.643, 1.657, 1.661, 1.662, 1.663, 1.664, 1.665, 1.702, 1.703, 1.704, 1.705, 1.706, 1.707, 1.708, 1.710

III.5 Luận-Đại thừa: 1.393, 1.398, 1.399, 1.400, 1.401, 1.402, 1.403, 1.404, 1.405, 1.406, 1.420, 1.431, 1.439, 1.440, 1.441, 1.442, 1.443, 1.444, 1.445, 1.446, 1.447, 1.448, 1.449, 1.450, 1.451, 1.452, 1.453, 1.454, 1.455, 1.456, 1.457, 1.458, 1.459, 1.460, 1.461, 1.462, 1.466, 1.468, 1.469, 1.470, 1.471, 1.472, 1.473, 1.474, 1.475, 1.476, 1.477, 1.479, 1.481, 1.482, 1.483, 1.487, 1.488, 1.489, 1.490, 1.493, 1.494, 1.495, 1.498, 1.499, 1.500, 1.505, 1.506, 1.512, 1.515, 1.519, 1.520, 1.521, 1.522, 1.523, 1.524, 1.525, 1.526, 1.527, 1.528, 1.529, 1.530, 1.531, 1.532, 1.533, 1.534, 1.541, 1.544, 1.547, 1.549, 1.553, 1.554,

1.555, 1.558, 1.567, 1.569, 1.572, 1.576, 1.577, 1.579, 1.582, 1.584, 1.585, 1.598, 1.599, 1.608, 1.615, 1.616, 1.620, 1.626, 1.628, 1.631, 1.632, 1.639, 1.644, 1.645, 1.646, 1.647, 1.658, 1.659, 1.660, 1.672, 1.673, 1.674, 1.675, 1.676, 1.681, 1.683, 1.685, 1.686, 1.688, 1.689, 1.690, 1.691, 1.692, 1.693, 1.694, 1.695, 1.696, 1.697, 1.698, 1.699, 1.711, 1.712

III.6 Luận sử: 1.392, 1.496, 1.564, 1.709

III.7 Đại cương-Tông yếu-Khái quát luận: 1.453, 1.464, 1.465, 1.466, 1.497, 1.498, 1.559, 1.560, 1.561, 1.622, 1.623, 1.625, 1.627, 1.648, 1.652, 1.653, 1.688, 1.711, 1.712

VI. MỤC LỤC NHÀ IN - NHÀ XUẤT BẢN TIÊU BIỂU

1. Nhà in

1.1 Trước năm 1975

Ấn quán Cô Nhi (Long Thành-Đồng Nai)
Ấn quán Phú San, Sài Gòn
Ấn quán Sen Vàng, Chợ Lớn-Sài Gòn
Ấn quán Thạnh Mậu, Gia Định
Ấn quán Vạn Hạnh, Sài Gòn
Nhà in Đức Lưu Phương, Sài Gòn
Nhà in Hạnh Phúc, Gia Định
Nhà in Hiệp Hưng, Sài Gòn
Nhà in Hoa Sen, Nha Trang
Nhà in Hòa Chánh, Sài Gòn
Nhà in Hòa Ký, Hà Nội
Nhà in Hữu Luyện, Chợ Lớn
Nhà in Khảo Chánh, Sài Gòn
Nhà in Lê Thị Đằm, Sài Gòn
Nhà in Liên Hoa, Huế
Nhà in Minsang, Hà Nội
Nhà in Nam Quan, Sài Gòn
Nhà in Nguyễn Văn Công, Sài Gòn
Nhà in Nguyễn Văn Hòa, Sài Gòn
Nhà in Nguyễn Văn Huấn, Sài Gòn
Nhà in riêng của Phật Học Tông Thợ, Sài Gòn
Nhà in Phan Thanh Giản, Sài Gòn
Nhà in Trần Minh Châu, Sài Gòn
Nhà in Trường Sơn, Sài Gòn
Nhà in Việt Liên, Sài Gòn

1.2 Sau năm 1975

Công ty Cổ phần In Khuyến Học Phía Nam, Tp. HCM
Công ty Cổ Phần In Khánh Hội, Q.4, Tp. HCM
Công ty CP In Người Lao Động, Q.6, Tp. HCM
Công ty In chuyên ngành Lao Động-Xã Hội, Q.5, Tp. HCM
Công ty In chuyên ngành LD-XH -Xưởng in 14, Q. Gò Vấp, Tp. HCM
Công ty In Trần Phú, Q.1, Tp. HCM
Công ty In Văn Hóa Sài Gòn
Công ty In & Văn Hóa Phẩm
Công ty Nhật Nam, Tp. HCM
Công ty TNHH Cẩm Chí, Q. Bình Tân, Tp. HCM
Công ty TNHH VH In SX-TM-DV Liên Tường, Q.6, Tp. HCM

Công ty TNHH 1 thành viên In Người Lao Động
Công ty TNHH In ấn Trường Sơn, Q.3, Tp. HCM
Công ty TNHH In Ngọc Hoan
Công ty TNHH Cơ Khí In ấn Tuệ Mẫn, Q. Bình Tân, Tp. HCM
Công ty Xuất nhập khẩu Ngành In, Q.1, Tp. HCM
Nhà in Báo Sài Gòn Giải Phóng
Nhà in Itaxa, Q.3, Tp. HCM
Phân xưởng in Nxb Giao Thông Vận Tải, Tp. HCM
Xí Nghiệp In Gia Định (Công ty Cổ phần In Gia Định), Tp. HCM
Xí Nghiệp In số 2, số 3, Q.1, Tp. HCM
Xí Nghiệp In Fahasa, Q. Tân Bình, Tp. HCM
Xí Nghiệp In Đường Sắt Sài Gòn
Xí Nghiệp In Nguyễn Minh Hoàng, (Q.11 và Q. Tân Bình), Tp. HCM
Xưởng in kẻ tập Fahasa, Tp. HCM
Xưởng in Phú Nhuận, Tp. HCM

2. Nhà xuất bản

2.1 Trước năm 1975

Nhà xuất bản An Tiêm
Nhà xuất bản Hoa Đạo
Nhà xuất bản Hương Đạo, Sài Gòn
Nhà xuất bản Hưng Long
Nhà xuất bản Lá Bối
Nhà xuất bản Minh Đức
Nhà xuất bản Tân Ý Thức
Nhà xuất bản Quang Minh
Nhà xuất bản Hương Quang, Sài Gòn
Nhà xuất bản Thu Tử
Hương Nghiêm
Phật Học Tông Thơ, Sài Gòn
Phật Học Thơ Xã, Sài Gòn
Tu Thư Đại Học Vạn Hạnh, Sài Gòn

2.2 Sau năm 1975

Nhà xuất bản Đà Nẵng
Nhà xuất bản Hồng Đức, Hà Nội
Nhà xuất bản Phương Đông
Nhà xuất bản Tp. Hồ Chí Minh
Nhà xuất bản Tổng Hợp Tp. Hồ Chí Minh
Nhà xuất bản Tôn Giáo, Hà Nội
Nhà xuất bản Thanh Niên
Nhà xuất bản Thời Đại
Nhà xuất bản Thuận Hóa, Huế

Nhà xuất bản Văn Hóa-Sài Gòn
Nhà xuất bản Văn hóa-Văn nghệ
Nhà xuất bản Văn Học, Hà Nội
Nhà xuất bản Văn nghệ
Tu Thư Phật Học Vạn Hạnh, Sài Gòn
Tuệ Quang Foundation
Thành Hội Phật Giáo - Tp. HCM
Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam
Phân Viện Nghiên cứu PHVN, Hà Nội

3. Phụ lục (Giáo hội, Tổ chức Phật giáo và Chùa ấn tống-ấn hành)

3.1 Trong nước

Ban Giáo dục Tăng Ni TỰ.GHPGVN
Ban Liên Hoa-Miền Vĩnh Nghiêm
Ban Hội Trì Tam Bảo-Việt Nam Quốc Tự
Ban Tu Thư Viện Đại Học Vạn Hạnh, Sài Gòn
Bộ Quốc Gia Giáo Dục
Chùa An Phước
Chùa Ấn Quang, Chợ Lớn-Sài Gòn
Chùa Bồ-đề, Gia Định
Chùa Bửu Quang, Thủ Đức-Sài Gòn
Chùa Châu Lâm, Huế
Chùa Chơn Minh, tỉnh Định Tường
Chùa Dược Sư, Gia Định
Chùa Đại Giác, Sài Gòn
Chùa Đông Hưng, Thủ Thiêm-Sài Gòn
Chùa Giác Hải, Sài Gòn
Chùa Hải Đức, Nha Trang
Chùa Hải Tuệ, Sài Gòn
Chùa Hiện Quang
Chùa Hoàng Pháp, Hóc Môn-Gia Định
Chùa Huệ Nghiêm, Tp. HCM
Chùa Kim Huê (Sa-đéc, Đồng Tháp)
Chùa Khánh Vân, Sài Gòn
Chùa Linh Xứng
Chùa Long Hoa, Sài Gòn
Chùa Long Vân, Sài Gòn
Chùa Long Vĩnh, Sài Gòn
Chùa Phật Quang, Sài Gòn
Chùa Phước Duyên, Huế
Chùa Qui Sơn, Vũng Tàu
Chùa Từ Ân, Huế
Chùa Từ Quang, Sài Gòn

Chùa Tường Vân, Huế
 Chùa Thiên Phước, Sài Gòn
 Chùa Vạn Đức, Thủ Đức-Gia Định
 Chơn Đức Thiền Viện, Sài Gòn
 Cực Lạc Liên Hữu, Sài Gòn
 Đạo Phật Ngày Nay (chùa Giác Ngộ), Tp. HCM
 Giáo hội Phật giáo Việt Nam Thống Nhất
 Giáo hội Tăng-già Khất sĩ Việt Nam
 Giáo hội Tăng-già Nam Việt
 Giáo hội Tăng-già Thừa Thiên
 Giới đài viện Huệ Nghiêm, Tp. HCM
 Học viện Phật giáo Việt Nam tại Tp. HCM
 Hội Phật học Nam Việt (chùa Xá Lợi), Sài Gòn
 Hội quán chùa Linh Sơn, Sài Gòn
 Hội Phật tử Việt Nam, miền Bắc
 Huyền Cơ Phật Học Viện (chùa Pháp Vương), Sài Gòn
 Huỳnh Mai Tịnh thất, Sài Gòn
 Hương Tích, Sài Gòn
 Lăng Nghiêm Thiền viện
 Liên Hoa Tịnh thất, Mỹ Tho
 Liên Hải Phật Học Trường, Sài Gòn
 Linh Quang Tịnh xá, Sài Gòn
 Linh Sơn Phật Học Tùng Thư, Sài Gòn
 Miền Vĩnh Nghiêm
 Ni viện Hương Sen, Lâm Đồng
 Pa-Auk Thiền Lâm Viện
 Phật Giáo Nguyên Thủy-Theravada
 Phật Học Đường Giác Nguyên, Sài Gòn
 Phật Học Đường Nam Việt, Chợ Lớn-Sài Gòn
 Phật Học Viện Trung Phần, Nha Trang
 Phương Liên Tịnh Xứ, Lâm Đồng
 Quảng Hương – Già-lam, Gia Định
 Rừng Thiền Huyền Không Sơn Thượng, Huế
 Tăng-già Tự, Khánh Hội-Sài Gòn
 Tịnh hội Thừa Thiên-Huế
 Tịnh xá Trung Tâm, Gia Định
 Tịnh xá Ngọc Phương, Gia Định
 Tổ đình Huệ Lâm, Q.Bình Tân, Tp. HCM
 Tổ đình Vạn Thọ, Q.1, Tp. HCM
 Tổ đình Vĩnh Nghiêm, Tp. HCM
 Tổng Trì sự Hội Việt Nam Phật Học
 Tu viện Chơn Không, Vũng Tàu
 Tu viện Huệ Quang, Tp. HCM

Tu viện Quảng Đức, Thủ Đức-Sài Gòn
Tu viện Kim Sơn, Thừa Thiên-Huế
Tường Quang Tùng Thư
Tuệ Quang-Phật học viện Huyền Cơ, Sài Gòn
Thiền Tri Thức
Thiền Tịnh Đạo Tràng-Phật Bửu Tự, Sài Gòn
Thiền viện Thường Chiếu, Đồng Nai
Trường Cao cấp Phật học Việt Nam cơ sở II tại Tp. HCM
Trường Cơ bản Phật học Tp. HCM
Việt Nam Quốc Tự, Sài Gòn
Viện Cao đẳng Phật học Huệ Nghiêm, Sài Gòn
Viện Cao đẳng Phật học Hải Đức
Việt Nam Phật Học Hội
Viện Phật học Phổ Hiền

3.2 Nước ngoài (Nxb, Tổ chức Phật giáo và Chùa ấn tống)

Chùa Báo Ân, Hoa Kỳ
Chùa Đức Viên, San Jose-Hoa Kỳ
Chùa Phật Tổ, Long Beach
Chùa Phổ Quang, Đài Loan
Chùa Viên Giác, Đức Quốc
Giáo hội Vạn Hạnh-chùa Liên Hoa, Cali (Hoa Kỳ)
Hội Văn hóa Giáo dục Linh Sơn Đài Bắc (Đài Loan)
Liên Xã Đại Giác-Cự Kim Sơn, Hoa Kỳ
Nhà xuất bản Nguồn Sống
Phật học viện Quốc Tế
Tu viện Quảng Đức, Australia
Tứ Ân Thiền đường, Santa Ana, Hoa Kỳ
Tự viện Linh Sơn, Pháp Quốc
Viện Triết lý Việt Nam & Triết học Thế Giới, California-Hoa Kỳ

*Thư Viện Hoa Sen
chuyển qua định dạng ebook PDF
ngày 4 tháng 7 năm 2021*

